

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Giảng Kinh Vô Lượng Luân Thứ XI

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

Tập 361

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 05.04.2011

Địa điểm: Tịnh Tông Học Viện _Úc Châu

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 426, bắt đầu xem từ hàng thứ năm, đếm từ dưới lên.

“Hạ vân kiến thọ thành nhân, tiền biến cử lục căn. Thử độc vân kiến giả, cái tiêu nhân căn dĩ liệt dư căn dã”.

Về sự tuy nói lục căn nhưng trên thực tế là vận dụng qua lại, nên chỉ đưa ra một căn còn năm căn khác tự nhiên bao hàm trong đó. Ở đây lục căn chỉ nói đến kiến là nhãn căn. “Kiến thọ thành nhân”, thành tựu nhãn nhục ba la mật và viên mãn nhãn nhục ba la mật_vô sanh pháp nhãn. Thật như nguyện thứ 41 trong 48 nguyện của Phật A Di Đà. “Tứ thập nhất thọ kiến Phật sát nguyện”. Ở trong bồ đề thọ có thể nhìn thấy quốc độ của mười phương chư Phật, đương nhiên bao gồm cả địa cầu chúng ta vào trong đó và cũng thấy rất rõ ràng, rất tường tận.

“Dữ đệ tứ thập thất nguyện, tứ thập thất văn danh đắc nhãn nguyện”. Nhãn này là vô sanh pháp nhãn. Nên đoạn kinh văn này giới thiệu thành tựu của nguyện thứ 41 và nguyện thứ 47. Từ đó cho thấy, thế giới Cực Lạc đích thực là do công đức viên mãn của 48 nguyện hiện ra. *“Hội Sở thích vân”* đây là chú giải của các bậc cổ đức người Nhật Bản. *“Ngưỡng duy đạo tràng thọ giả chánh thị chánh giác*

quả mãn chi mãn xí dã”. Giống như dựng lên một ngọn cờ, ngọn cờ này đại tượng trưng cho điều gì? Tượng trưng Phật A Di Đà nhân viên quả mãn, cứu cánh thành Phật. “*Danh hiệu giả, tức thị bốn nguyện thành tựu chi thật thể. Cố nguyện dĩ văn danh vi đặc nhãn nhân. Thành tựu dĩ kiến thọ minh kỳ tướng*”. Bên dưới là chú giải nhỏ. “*Vi Di Đà đại nguyện ký dĩ thành tựu. Tác dĩ kiến thọ chứng minh đặc nhãn chi sự tướng*”. Thành tựu đại nguyện của Phật A Di Đà. Bồ đề thọ giống như viên triển lãm vậy. Ở cây này hoàn toàn nhìn thấy nên cây này thật không thể nghĩ bàn.

“*Bỉ danh văn, tức đạo tràng thọ chi diệu thanh. Như Tiểu Bốn viết, văn thị âm giả, tự nhiên giai sanh niệm Phật niệm pháp niệm tăng chi tâm*”. Nhìn thấy Bồ đề thọ, nghe đến sáu chữ hồng danh tự nhiên đều sanh. Không phải mấy người, không phải số ít người. Phạm là người vãng sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc đều là như vậy. Thấy cây nghe tên đều có thể sanh khởi tâm nghĩ nhớ tam bảo. Phật là giác, giác trên đề kinh. Pháp là bình đẳng, tăng là thanh tịnh. Cũng chính là nói, tự nhiên sanh tâm thanh tịnh bình đẳng giác. Đây là công đức chân thật. Thanh tịnh bình đẳng giác chính là bốn thể của Tam bảo, là tam học là tam tuệ. Tất cả pháp đều không rời thanh tịnh bình đẳng giác. Tám vạn bốn ngàn pháp pháp môn, vô lượng pháp môn đều hàm nhiếp trong đó.

Ở thế giới Cực Lạc, chúng ta đã thấy cây, cũng đã nghe danh hiệu. Hay nói cách khác, những thứ lục căn tiếp xúc được không có gì là không thanh tịnh bình đẳng giác. Đây là công đức thông suốt cứu cánh viên mãn của tự tánh. Nếu nói lớn thì biến pháp giới hư không giới, nói đến nhỏ thì vi tế của thứ cực kỳ vi tế. Điều không thể nghĩ bàn là lớn nhỏ không hai. Trong nhỏ thấy được lớn, lớn thì không có thu nhỏ, nhỏ cũng không có phóng to, trùng trùng vô tận.

Bên dưới nói: “*Thử kiến thọ tức A Di Đà chi quả đức dã. Dĩ thử hướng bỉ danh văn đặc nhãn ích di trước minh dã*”. Mấy câu này nói ra tổng kết ở bên dưới. Đại ý nói rằng thấy cây chính là thấy quả đức của Phật A Di Đà. Tu nhân chứng quả, hiển hiện sự viên mãn ở nơi cây đại thọ này. Đại thọ này được ví như phòng triển lãm. Đức Di Đà từ sơ phát tâm, phát nguyện như thế nào, tu hành ra sao và thành tựu như thế nào, ở trong phòng triển lãm này không thiếu thứ gì, đều

nhìn thấy hết. “Ích di trước mình” là cực kỳ rõ ràng, vô cùng rõ rệt. Thấy rõ ràng, nghe rõ ràng. Trong tâm minh bạch cũng chính là đã giác ngộ.

Tóm lại “*danh hiệu dữ thọ giai thị quả địa đại giác diệu đức chi sở hiện. Giai thị viên viên quả hải viên dung cụ đức*”. Không những là cây, cây là đưa ra một ví dụ. Một cọng cây ngọn cỏ, một sợi lông hạt bụi. Trong kinh nói một sợi lông là vật nhỏ nhất trong chánh báo. Sợi lông trên thân chúng ta là vật nhỏ nhất của chánh báo. Một hạt bụi là vật nhỏ nhất trong y báo, vật nhỏ nhất trong hoàn cảnh vật chất đều là diệu đức của Phật A Di Đà hiện ra. Đều là quả hải viên dung cụ đức của Phật A Di Đà. Hoàng Niệm Tổ tiếp tục nói với chúng ta : “*giai thị thanh tịnh cú*”. “Thanh tịnh cú” chính là “*Chân thật trí tuệ vô vi pháp thân*”. Đây là nói tự tánh, nói về thường tịch quang. Tánh đức dùng trí huệ để tượng trưng. Nghĩa là tất cả chúng sanh vốn tự đầy đủ trí huệ đức tướng của Như Lai, câu này bao gồm hết tất cả.

Vô vi pháp thân chính là bản thể của vạn hữu mà hiện nay trong triết học nói. Đều là chân thật rốt ráo. Rốt ráo chân thật chính là tự tánh, chỉ có nó là chân thật. Vì sao vậy? Vì nó vĩnh hằng bất biến, không sanh không diệt, không đến không đi, không cấu không tịnh và không phải một cũng không phải khác. Đây là chân thật rốt ráo. “*Diệc tức thị đương nhân tự tánh*”. Câu này vô cùng quan trọng. Nói nhiều như vậy nhưng có liên quan gì đến chúng ta chăng? Câu này đã nói minh bạch, đương nhân tức là chính mình, không phải người khác. Chính là tự tánh của chính mình.

Từ đó cho thấy, thế giới Cực Lạc có sự liên quan mật thiết với chúng ta biết bao, tất cả đều do tự tánh biến hiện ra. Phật A Di Đà từ đâu mà có? Phật A Di Đà cũng là trong tự tánh mình biến hiện ra. Rời tự tánh thì không có pháp nào được thành lập, đến hư không cũng không có. Vì sao vậy? Vì hư không cũng là tự tánh biến hiện ra. Đây là chân tướng sự thật. Chúng ta với Chư Phật Bồ Tát có quan hệ gì? Chúng ta với vũ trụ này là quan hệ gì? Chúng ta với tất cả chúng sanh có quan hệ ra sao? Đây là luân lý của Phật pháp đại thừa. Luân lý là nói đến mối quan hệ, mối quan hệ này nói cho rốt ráo đó là nhất thể, không thể phân khai.

Đại vũ trụ giống như thân thể này của chúng ta. Thân thể hiện nay của chúng ta là một tế bào trong thân thể. Nói tế bào là nói rất lớn, nó là một phần tử, một

tiểu thể, một hạt nguyên tử. Hiện nay các nhà lượng tử học nói là một tiểu quang tử. Đại khái Đức Phật thường dùng câu nói là “cực vi chi vi”. Nếu không có thứ cực vi chi vi này thì thân thể này không thể tồn tại, nó sẽ không có thân thể này. Nếu hiện tượng vật chất không tồn tại, thì giữa vũ trụ này không có vật gì gọi là thật thể cả, phàm phu gọi là thật thể. Phật pháp đại thừa vô cùng thù thắng chính là thuật rõ chân tướng.

Suốt cuộc đời tôi luôn giữ tấm lòng biết ơn. Không gặp được chân thiện tri thức, tôi làm sao biết được những điều này. Ba người thầy của tôi, thiếu một người cũng không được, tôi không thể thành tựu. Thầy Phương Đông Mỹ giúp tôi nhận thức Phật giáo, nhận thức đại thừa. Chương Gia đại sư giúp tôi đặt nền tảng để tu học đại thừa. Cư sĩ Lý Bính Nam suốt mười năm dẫn dắt tôi nhập môn. Nếu nhập môn mà không có thành tựu thì đó chỉ là nhập môn, hoang cách đạt đến tiêu chuẩn còn rất xa. Bước vào cửa lớn là vườn, chưa đi vào được trong nhà. Điều này cần phải cảm ân 30 năm hộ trì của bà Phật tử họ Hàn, khiến tôi đối với Phật pháp kiên nhẫn không từ nan. Biết được sự tuyệt vời của cung điện, biết được nơi ra vào. Còn phải cảm ơn chư Phật Bồ Tát và ơn trên kéo dài thọ mạng, nếu thọ mạng không dài thì nhận thức không đủ thấu triệt.

Chúng ta không phải hàng thượng thượng căn. Hàng thượng căn cũng không sao, vừa nghe đã ngộ. Hàng trung và hạ căn phải cần thời gian dài huân tu nên thọ mạng là mấu chốt, thọ mạng ngắn sẽ không kịp. Nghĩa là bài tập chúng ta chưa học xong thì thọ mạng đã đến. Đây là gặp nạn. Bài tập học xong thì được. Sáng học đạo tôi chết cũng vui. Vì sao vậy? Vì đã được nâng cao, đã thăng cấp. Chưa nghe đạo, nghe tức là khai ngộ. Ngày ngày nghe nhưng không khai ngộ thì thôi. Nghe mà khai ngộ mới gọi là đã giác ngộ. Cũng chính là đã đạt được thanh tịnh bình đẳng giác, như vậy mới được. Còn chưa đạt được thì không thể tính. Đó chỉ là trông chừng tử trong A lại da để làm nhân duyên tạo ngộ trong kiếp sau. Gặp được duyên chúng ta lại tiếp tục tu hành chứ không thể thành tựu ngay trong đời này. Quý vị nghĩ xem sự liên quan này to lớn biết bao.

Quần Thư Trị Yếu đã in ra. Truyền thống văn hoá, Phật pháp đại thừa có thể hưng thịnh trở lại chăng? Khó, rất khó. Khó không phải chúng ta không có tư liệu để học tập, có tư liệu học tập. Những thứ tìm không có giờ cũng đã tìm được,

nhưng ai có thể đọc? Ai có thể lý giải? Ai có thể đạt được lợi ích? Đây là việc đại khó! Nếu chúng ta không thể đọc. Đọc rồi không thể lý giải, lý giải rồi không thể dùng, không cách nào thực hành trong cuộc sống thực tế. Nó không khởi tác dụng trong công việc hay đời nhân tiếp vật. Khó ở chỗ này.

Làm sao để đột phá cửa ải khó khăn này? Căn bản của nó là ở chỗ hiếu kính. Hai chữ này có thể đột phá. Hiếu kính từ đâu mà có? Có được từ nơi cha mẹ sư trưởng. Thầy dạy chúng ta hiếu thảo cha mẹ, cha mẹ dạy chúng ta tôn sư trọng đạo. Cha mẹ ngại nói với con cái, ta là cha mẹ của các con, ta nuôi các con rất cực khổ nên con phải hiếu thảo ta. Không thể nói ra điều này. Như vậy phải làm thế nào? Phải cần thầy dạy, như vậy học trò mới sáng tỏ vấn đề. Thầy cũng không thể nói tôi là thầy của các trò nên các trò phải tôn trọng tôi, cần phải tôn sư trọng đạo mới có thể học được. Điều này thầy giáo cũng không tiện nói. Ai nói điều này? Cha mẹ nói. Nên cha mẹ dạy con cái tôn sư trọng đạo, còn thầy dạy học trò hiếu thảo cha mẹ. Như vậy mới có thể dạy được người này.

Chúng ta xem xã hội ngày nay, có người nào dạy chẳng? Không có người dạy. Người Trung quốc nói một giáp trước, nghĩa là sáu mươi năm về trước, năm đó tôi bắt đầu học Phật. Xã hội Đài Loan lúc đó cha mẹ còn dạy. Dạy con cái nên nghe lời thầy giáo, phải tôn kính sư trưởng. Thầy cũng dạy học trò nên nghe lời cha mẹ, nên hiếu thảo cha mẹ. 60 năm trước còn có người nói như vậy. 10 năm sau hình như không nghe những lời này, đều học người phương tây. Người phương tây không có ngũ luân, chỉ có một luân là bằng hữu. Cha mẹ cũng là bạn bè, thầy giáo cũng là bạn bè. Thật sự có thể làm bằng hữu cũng là khá lắm rồi.

Người ngoại quốc chỉ có một luân, Trung quốc có ngũ luân. Điều này khiến chúng ta nghĩ đến, vì sao Trung quốc chính là học thuật đông phương vượt qua học thuật phương tây nhiều như vậy. Vì người Trung quốc học ngũ luân, nguyên nhân là ở đây. Nói tóm lại các pháp của thế xuất thế gian đều là vấn đề của giáo dục.

Bản tánh con người vốn là thiện, con người là có lương tâm, chỉ xem quý vị dạy như thế nào. Người hiện này đều bị dạy hư hỏng, quan niệm hoàn toàn sai lầm. Chỉ là tự tư tự lợi, chỉ biết mình là hơn hết.

Phật pháp đại thừa sở dĩ nó thù thắng, thù thắng ở đâu? Thù thắng ở chỗ vô ngã. Quý vị xem trong kinh Kim Cang nói: “vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng”. Nó thù thắng là như vậy. Vô ngã là không có tranh giành, không có xung đột. Có ngã đương nhiên có xung đột. Phật pháp hay ở chỗ trực tiếp thông đến chỗ chân thật rốt ráo, chính là tự tánh, thông trực tiếp, trong đó không có chướng ngại. Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, nên ở đây nói “tức thị đương nhân tự tánh”. Câu này nói quá hay.

Mục tiêu dạy học của Phật pháp đại thừa là giúp chúng ta nhận biết tự tánh, giúp chúng ta trở về với tự tánh, ngoài ra không có gì khác. Tự tánh là đại viên mãn, vô lượng trí huệ, vô lượng công đức, vô lượng tướng hảo. Tất cả đều đầy đủ, không có khiếm khuyết đều gì. Thế giới Cực Lạc là tự tánh biến hiện ra, thế giới Hoa Tạng cũng là tự tánh biến hiện ra, là tánh đức viên mãn. Ở đây nói “viên dung cụ đức, viên viên quả hải”. Hải là ví cho tự tánh rộng lớn, tự tánh ôm trọn và bao dung tất cả, dùng ví dụ này, thật sự là chính mình.

Trong nhà Phật thường nói không bỏ pháp nào. Đây là nói đến sự bao dung của nó. Tâm lượng ôm trọn cả hư không pháp giới, lại nói không lập một pháp nào. Bất lập ở đây là gì? Trong tất cả pháp không thể chấp trước, không thể phân biệt. Nói đến chỗ cứu cánh thì không thể khởi tâm, không thể động niệm. Thế tánh không chướng ngại hiện tượng, hiện tượng không làm chướng ngại thế tánh. Nó là viên dung. Tánh ở đâu? Tánh ở trong tướng. Tướng ở đâu? Tướng ở trong tánh. Tánh tướng là một, vĩnh viễn không bao giờ tách rời. Tánh đức đại từ bi tự nhiên hiển lộ ra. Đối với tất cả chúng sanh hữu tình hay vô tình, cây cỏ hoa lá, sơn hà đại địa đều là tâm từ bi, là từ bi bình đẳng. Chúc mừng, quý vị đã thành Phật. Cảnh giới này gọi là viên mãn thành Phật. Phật A Di Đà đã đạt được cảnh giới này.

Mỗi người niệm Phật phát nguyện vãng sanh thế giới Cực Lạc. Đến đó sẽ không còn thoái chuyển, đến đó sẽ không còn mê hoặc. Tu học ở đó thành tựu rốt ráo như Phật A Di Đà vậy, đã thành Phật. Thành Phật như vậy là sao? Phật A Di Đà chính là như vậy. Đây thật là không thể nghĩ bàn.

“*Có năng hữu như thị bất khả tư nghì chân thật chi lợi dã*”. Đến thế giới Cực Lạc sẽ đạt được lợi ích chân thật rốt ráo. Lợi ích như thế nào? Lục căn lợi ích. Ở

đó có lục căn, lục trần nhưng không có lục thức. Vì sao vậy? Vì đã chuyển thức thành trí. Ở thế giới Cực Lạc không có lục thức mà có lục trí. Cái thấy của mắt không phải là nhãn thức thấy, hiện tại chúng ta là nhãn thức. Thức là gì? Là phân biệt chấp trước. Pháp thân Bồ Tát không dùng thức, thức không có. Dùng cái gì để thấy? Dùng tánh thấy để thấy. Tánh thấy thấy được sắc tánh, tánh nghe nghe được âm thanh của tánh. Tướng có kiến văn giác tri, tánh chỉ có một. Lục căn hoàn toàn đã kiến tánh. Đây gọi là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật.

Trí Giả đại sư của Tông Thiên Thai nói, quả vị này gọi là phân chứng tức Phật. Họ là Phật thật chứ không phải Phật giả. Gọi là chứng phân chính là vì họ chưa viên mãn. Vì sao chưa viên mãn? Họ chưa đoạn tận tập khí vô minh. Nếu đoạn tận tập khí vô minh, đó gọi là diệu giác chứ không gọi là Bồ Tát. Thật là Phật là quả Phật cứu cánh viên mãn. Kinh Hoa Nghiêm gọi là diệu giác vị. Đẳng giác vẫn là chứng phần.

Diệu giác đã viên mãn. Diệu giác không ở cõi thật báo. Họ đã thăng cấp lên trú ở cõi trường tịch quang. Cõi yhường tịch quang đều là diệu giác còn cõi thật báo là từ viên giáo sơ trú đến đẳng giác, tất cả là 41 địa vị này, họ đều ở trong cõi thật báo. Cõi thật báo thuần là pháp thân Bồ Tát. Nếu chúng ta đã hiểu rõ ràng minh bạch sự thật này thì nên siêng năng nỗ lực tranh thủ. Tranh thủ điều gì? Tranh thủ để vãng sanh vào cõi thật báo trang nghiêm. Đây chính là hàng thượng thượng căn. Có thể tranh thủ và đạt được chăng? Cũng như Thiên Đạo đại sư nói, vạn người tu thì vạn người đi. Chỉ cần bằng lòng tranh thủ thì nhất định có thể đạt được.

Nên tranh thủ như thế nào? Không có gì ngoài buông bỏ. Buông bỏ chấp trước. Không còn chấp trước đối với tất cả pháp trong thế xuất thế gian. Như vậy là tranh thủ đến A la hán, vãng sanh thế giới Cực lạc là sanh vào cõi phương tiện hữu dư, không phải cõi đồng cư. Thật sự không còn chấp trước. Lên cao hơn nữa thì không những không chấp trước, mà đến tâm phân biệt cũng đều không khởi. Tâm phân biệt không còn, vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc là thượng bối vãng sanh trong cõi phương tiện. Thượng thượng phẩm, thượng trung phẩm, thượng hạ phẩm. Là thượng phẩm vãng sanh.

Lên cao thêm nữa thì không những không phân biệt, đến khởi tâm động niệm cũng không còn. Chúc mừng quý vị vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc được sanh vào cõi thật báo trang nghiêm. Không cần bồn nguyện oai thần của Phật A Di Đà gia trì, quý vị cũng là A Duy Việt Trí Bồ Tát, là chính quý vị tự chứng được. Nếu không có năng lực chứng được cảnh giới này thì chúng ta cũng chế phục, không chế được phiền não, không cho nó khởi tác dụng. Như vậy là sanh vào cõi phàm thánh đồng cư. Người này được oai thần bồn nguyện của Phật A Di Đà gia trì cũng là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Nếu nhìn bên ngoài thì trí huệ, thần thông, đạo lực của họ không khác với pháp thân Bồ Tát. Đây là nguyên nhân gì? Là được Phật A Di Đà gia trì, không gia trì thì chúng ta không có.

Nếu tự mình có năng lực sanh vào cõi thật báo như vậy Đức Phật không gia trì chúng ta cũng có, Đức Phật gia trì lại càng thù thắng hơn. Nếu quý vị muốn hỏi, Phật pháp có nhiều pháp môn như vậy, tại sao lại tu pháp môn Tịnh độ? Pháp môn Tịnh độ vô cùng thù thắng lợi ích chính là ở chỗ được oai thần của Phật A Di Đà gia trì. Điều này các pháp môn khác không có. Vấn đề này không thể không biết. Ngày nay chúng ta gặp được nhân duyên này là quá thù thắng, nhất định không thể để nói qua đi vô ích, chúng ta phải nắm bắt từng phút từng giây để học tập. Phải nắm chắc không thể để nó qua đi vô ích. Nắm bắt từng phút từng giây như thế nào? Niệm câu Phật hiệu này liên tục không gián đoạn chính là đã nắm bắt. Gián đoạn tức là ngày hôm qua giảng về thất niệm trong phiền não thì giờ đây chúng ta đã làm mất chánh niệm. Chánh niệm chính là A Di Đà Phật. Niệm niệm là A Di Đà Phật, niệm niệm là chánh niệm.

Chỉ cần mất đi chánh niệm thì tà niệm liền xuất hiện. Còn không có tà niệm thì sao? Không có tà niệm thì vô minh xuất hiện, không khai trí huệ. Nên khi không niệm Phật, không phải vô minh khởi lên thì vọng niệm khởi dậy, đây là điều tất nhiên không có ngoại lệ. Như vậy không niệm được sao? Không niệm Phật toàn là vọng niệm, tất cả đều là vô minh. Vọng niệm là tạo nghiệp! Tạo nghiệp luân hồi. Vô minh là hồ đồ! Không khai ngộ, chướng ngại chúng ta niệm Phật. Đây là việc lớn nhất trong đời người chúng ta. Người khác làm như thế nào chúng ta không biết. Còn chúng ta tự mình y theo đạo lý, phương pháp, và cảnh giới trong kinh điển nói để siêng năng học tập là đúng. Kinh điển là Đức Phật nói,

được tương truyền từ đời này sang đời khác. Truyền đến Trung quốc cũng đã 2000 năm. Điều này không phải giả.

Bên dưới nói “*Đản danh hiệu tắc thanh văn thập phương phổ bị tam căn*”. Đây là nói về nghe danh, công đức nghe danh. Vì sao danh hiệu Phật A Di Đà khắp mười phương đều nghe được, mười phương thế giới đều biết? Là tất cả chư Phật Như Lai đều đang tuyên dương. Tất cả Chư Phật Như Lai trong biến pháp giới hư không giới đều đang giảng kinh thuyết pháp, không có ai không giảng Tịnh Độ Tam Kinh. Đây chính là thay Phật A Di Đà tuyên truyền, quảng cáo, thay Phật A Di Đà chiêu sinh. Có thể tin, có thể lý giải, có thể phát nguyện cầu sanh Tịnh độ, đó là người có nhân duyên với Phật A Di Đà. Không tin, không lý giải, không nghĩ đến thế giới Cực Lạc là người không có duyên với Phật A Di Đà. Nhưng chúng ta biết những người vô duyên đó bất luận sanh đến quốc độ của vị Phật nào, chắc chắn đến cuối cùng thì Văn Thù và Phổ Hiền cũng dẫn họ trở về Cực lạc. Chỉ là đi một đường vòng lớn, cuối cùng vẫn phải trở về Tịnh độ. Thật không thể nghĩ bàn!

Mấy câu bên dưới nói rất hay. “*Hiển thọ tắc duy hữu thân du Tịnh độ, mục thêm bảo thọ, phương năng hoạch ích. Lương giả tương tỷ, tắc văn danh đắc nhãn chi ích cánh vi hiển trước*”. Lợi ích nghe danh còn thù thắng hơn lợi ích nhìn thấy cây báu. Nhìn thấy cây báu cũng giống như ngày nay triển lãm khoa học kỹ thuật cao. Thế giới Cực Lạc không cần viện triển lãm, chỉ dùng cây báu, tức là ở trên bảo thọ triển lãm xuất hiện y chánh trang nghiêm của quốc độ mười phương Chư Phật, chúng ta đều thấy rõ ràng. Nhưng nghe danh thì sao? Nghe danh có thể được vô sanh pháp nhãn. Ở đây không nói thấy cây báu được vô sanh pháp nhãn mà nghe danh được vô sanh pháp nhãn. Nên nghe danh thù thắng hơn thấy cây báu.

“*Cổ Hội Sớ viết, dĩ thử huông bỉ, văn danh đắc nhãn ích di trước minh dã*”. Di là hiện rõ một cách khác thường, rất rõ ràng. “Thử” là thấy cây báu, “bỉ” là nghe danh. Danh văn thật sự giúp chúng ta nâng cao cảnh giới nhanh. Đây là đại sự nhân duyên mà người tu hành chân chánh muốn cầu cũng không được, nâng cao cảnh giới. Nên người tu hành không coi trọng pháp thế xuất thế gian, họ coi trọng chính là điều giúp họ nâng cao cảnh giới, được lợi ích chân thật.

“ Đắc nhãn” ở đoạn dưới này. “*Tin nan tin chi lý nhi bất hoặc*”. “Bất hoặc” nghĩa là không mê hoặc. “Vi nhãn”, nhãn có nghĩa là như vậy là đạo lý khó tin. Vì sao khó? Vì nó quá thâm áo, nó quá thần bí. Hàng sơ học còn nông cạn không dễ sanh khởi tín tâm. Có thể tin nghĩa là có thể nhãn. Nhãn ở đây chính là chấp thuận, đồng ý và nhận biết, bao hàm những ý nghĩa này trong đó. Không hiểu lý nhưng họ thật sự đã tin. Hiểu không thấu triệt, họ không cần lý giải. Họ chỉ phát nguyện cầu vãng sanh và thật đã vãng sanh. Như vậy là thế nào? Đây là được lợi ích của nhãn. Họ có lòng tin chắc chắn rằng, nhất định Phật Bồ tát không gạt họ, tuy tôi không hiểu nhưng Phật Bồ Tát dạy tôi nhất định là tốt. Có lòng tin này, họ liền có thể vãng sanh, sanh vào cõi phàm thánh đồng cư.

Nếu họ rõ ràng minh bạch những đạo lý này. Như cảnh giới hiện nay của chúng ta. Cảnh giới này là gì? Là giải ngộ. Không uổng 60 năm học tập, tôi đã hiểu đã thấu triệt. Chưa buông bỏ phiền não tập khí, chúng ta vãng sanh về đâu? Về cõi phương tiện hữu dư. Vì sao vậy? Vì hiểu được đạo lý. Điều này đã nâng cao chúng ta. Nếu thật sự có thể làm được, thật sự có thể buông bỏ khởi tâm động niệm thì có thể trực tiếp sanh vào cõi thật báo.

Không hiểu, không biết nhưng tôi thực hành, tôi tin tưởng Phật A Di Đà. Tin Phật A Di Đà không gạt người. Tin từng câu từng chữ của Phật A Di Đà đều là chân thật nên toàn tâm toàn ý phụng hành. Khi đến thế giới Cực Lạc, rất nhanh sẽ đến cõi thật báo. Vì sao vậy? Vì không có chút chướng ngại nào. Ở cõi phàm thánh đồng cư nghe Phật A Di Đà giảng kinh thuyết pháp. Nghe khoảng năm ngày, ba ngày, bảy ngày liền được đến cõi thật báo. Vì sao vậy? Chúng ta được mười phần thành kính nên được mười phần lợi ích. Ngày nay có được mấy người có tâm thành kính đối với Phật A Di Đà, chí thành cung kính? Thực tế mà nói thì không có. Thân tâm mang vô lượng vô biên tập khí phiền não nên không có năng lực đột phá, dù ngày ngày nghe nhưng vẫn không hiểu. Người xưa dùng một phương pháp là huân tu lâu dài. Nhân duyên này hy hữu khó gặp.

Quý vị đi đến đạo tràng có thể ngày ngày được nghe giảng kinh pháp? Thời xưa có. Ở Trung quốc khi Phật giáo mới truyền vào. Đạo tràng ngày ngày giảng kinh, ngày ngày dạy học giống như nhà trường vậy. Đến thời nhà Đường, nhà Tống vẫn duy trì như thế. Đến Nguyên Minh từ từ suy yếu. Vì sao suy yếu? Bởi

con người cần tánh phiền não nhiều. Phiền não nhiều thì chánh niệm ít. Phóng dật nhiều thì cung kính giảm ít. Bên ngoài khi gặp mặt rất khách khí, khiêm hoà lễ độ nhưng không có tâm chân thành cung kính. Bây giờ đến một chút khách sáo bề ngoài đều không có. Đây là điểm khó khăn khi muốn hưng khởi Phật pháp và truyền thống văn hoá.

Ai có thể phục hưng? Chỉ có dựa vào người tái sanh. Chúng sanh còn có một chút phúc khí, muốn học, muốn cầu điều tốt nhưng không có người dạy. Có ý niệm này là tốt, đây chính là cảm, Chư Phật Bồ Tát sẽ có ứng. Chư Phật Bồ Tát đến nhân gian dạy chúng ta. Nếu chúng ta không có ý niệm này, không có mong cầu này chính là không có cảm, như vậy thì Phật Bồ Tát không có ứng. Đạo lý cảm ứng là thật, việc cảm ứng không phải là hư vọng. Chúng sanh có cảm, chư Phật Bồ Tát lập tức có ứng.

Chúng ta sanh trong thời đại này, có lời dự báo là thế giới thiên tai. Tuy thiên tai chưa giáng xuống nhưng khi thiên tai giáng xuống sẽ không kịp. Lúc đó lúng túng như vậy thì chỉ có đi vào trong tam đồ. Đúng là thật đáng thương. Nếu chúng ta chuẩn bị đầy đủ để đối phó thiên tai này, khi thiên tai đến chúng ta không kinh không sợ, chúng ta có thể ổn định. Lúc này cần nhất là tâm an lý đắc, hiểu được thiên tai. Nhân ra sao, quả báo như thế nào đều rõ ràng. Chính mình có trí huệ để đối phó. Khi thiên tai đến không những không bị hại còn có thể được lợi ích chân thật. Như vậy tu hành thật có công đức.

Hiện nay chúng ta ở nhân đạo, sau khi thiên tai đến, chúng ta về thế giới Cực Lạc. Đó là con đường nào? Đó là Phật đạo! Thiên tai nhất định đưa chúng ta thành Phật. Thiên tai giúp chúng ta thành Phật. Đây không phải lợi ích chân thật sao? Người không có chuẩn bị, người lơ là, khi thiên tai đến, tâm hoảng ý loạn như vậy là hỏng hết. Họ đi về đâu? Họ đi vào trong ba đường ác. Cùng là thiên tai nhưng nơi đến không giống nhau. Đối với người tu hành mà nói thì thuận cảnh hay nghịch cảnh, thuận duyên hay ác duyên tất cả đều là tăng thượng duyên. Người tu hành chân chánh, đệ tử Phật chân chánh thì đều là chân thật công đức, chân thật thiện duyên. Thuận nghịch cảnh không có gì là không tốt. Thành tựu chính mình là một tấm lòng biết ơn, khơi dậy lòng báo ân của chính mình, tri ân báo ân.

Vì sao họ không báo ân? Vì họ không biết ơn thì làm sao họ có ý niệm báo ân? Tri ân này là gì? Cha mẹ dạy họ điều hay, thầy tổ cho họ lẽ phải, xã hội cho họ điều tốt, quốc gia cho họ lợi ích, chúng sanh cho họ điều lành nhưng họ đều không biết. Trên đền bốn ơn nặng nhưng họ không hề biết gì đến bốn ơn nặng này mà chỉ là nói cho có lệ thôi. Không biết ân của họ đối với mình là gì? Không biết. Trong tam độc phiền não này đã bị ngu si che đậy. Tuy họ không tham không sân nhưng họ si! Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác đều trái với tự tánh. Chính mình đã sai lầm, còn dẫn đến xã hội ngộ nhận về Phật pháp, ngộ nhận đối với truyền thống văn hoá. Cũng chính là ngộ nhận đối với thánh hiền, ngộ nhận đối với tổ tông. Tội nghiệt này quá nặng nề. Đọc giới kinh tỷ mỹ chúng ta sẽ hiểu.

Trong Giới Luật Toàn Thư, Hoàng Tán đại sư chú giải giới kinh. Giới sa di, giới tỳ kheo, giới Bồ Tát. Ngài chú giải rất tường tận. Quý vị xem kỹ sẽ hiểu. Bây giờ chỉ sợ là thời gian quá bức bách, học tập chỉ có nắm bắt cương lĩnh. Tôi nghĩ nghiên cứu tường tận thời gian không đủ, không kịp. Nếu thật như lời dự đoán tháng 12 năm 2012 thiên tai bộc phát, chúng ta còn đâu thời gian để học tập? Có một phương pháp duy nhất là thật thà niệm Phật, buông bỏ vạn duyên, cầu sanh Tịnh độ và học tập chân thành, cung kính học tập. Như vậy mới được cứu. Học khiêm tốn, chúng ta đề xướng bốn chữ “cung kính khiêm hoà”. Có thể thực hành được bốn chữ này, niệm Phật được vãng sanh thế giới Cực Lạc. Chân thành, cung kính, khiêm tốn sống hoà đồng với tất cả chúng sanh. Chỉ nói bốn chữ, nói nhiều làm không được.

Như thế nào gọi là chân thành? Điều này rất quan trọng. Trong đọc sách và ghi chép của Tăng Quốc Phiên đã định nghĩa chữ “thành”. Như thế nào gọi là thành? Ông cũng là đệ tử Phật. Ông nói “nhất niệm bất sanh thị vị thành”. Thành là gì? Một niệm không sanh là thành. Nhất niệm không sanh là gì? Tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh là thành tâm là chân thành. Từ trong tâm thanh tịnh sanh khởi từ bi, sanh khởi ý thành kính. Dùng chân thành cung kính này để học pháp thế xuất thế gian thì đều có thành tựu lớn. Chân thành đến tột cùng, đó là lời trong kinh Phật. Thành tựu không thể nghĩ bàn. Lời này đều là thật.

Từ xưa đến nay thế hay xuất thế gian, khi thầy dạy học trò. Lòng yêu thương của thầy đối với học trò là bình đẳng nhưng thầy dạy học đối với học sinh thì không bình đẳng. Yêu thương bình đẳng, vì sao dạy học không bình đẳng? Căn tánh của học sinh không đồng. Căn tánh sâu dày thì năng lực tiếp thu mạnh nên dạy họ nhiều. Căn tánh hạ liệt, năng lực tiếp thu kém nên dạy họ ít lại, dạy nhiều họ tiếp thu không kịp. Thầy dạy học trò không giống nhau nguyên nhân là như vậy. Thầy không có tâm phân biệt, không có thương học sinh nào hơn, không có, hoàn toàn bình đẳng. Trong các học sinh, người nào có thành tựu, người nào không thể thành tựu, trong lòng thầy đều biết hết. Tâm bình đẳng là gì? “Phàm thị nhân, giai tu ái”. Lòng yêu thương không thể có sai biệt.

Ngày nay không những giáo lý Phật pháp thâm áo, mà pháp thế gian cũng không dễ hiểu. Đạo lý của pháp thế gian cũng rất thâm sâu. Trung quốc 2000 năm nay, từ thời nhà Hán đến nay ai cũng tôn kính Khổng Mạnh, gọi Khổng Mạnh là thánh nhân. Khổng tử là đại thánh, Mạnh Tử là á thánh. Ví như Khổng Tử là quán quân, Mạnh tử là á quân. Đây là đứng thứ nhất và đứng thứ nhì. Trong xã hội này, nam nữ già trẻ, các ngành các nghề không có ai không tôn trọng, không ai không học tập theo.

Xã hội Trung quốc 2000 năm nay trị an được lâu dài đều nhờ điều này. Ngày nay không học nữa, không học nên xã hội động loạn. Có phương pháp nào tốt hơn cách trị lý ngày xưa? Có phương pháp nào tốt hơn Khổng Mạnh? Không tìm thấy. Động loạn này không sao bình được, không an định được không phải là xong chuyện. Không an định được xã hội thì kế đến là đại thiên tai. Đây là Phật pháp nói, Phật pháp nói cảnh tùy tâm chuyển, nhân tâm hư hỏng, làm trái với luân lý 180 độ, trái với đạo đức, trái với nhân quả. Cảnh giới này là bị tâm chuyển. Tâm hư hỏng, xã hội xấu xa, địa cầu tồi tệ.

Tâm là năng chuyển, cảnh là sở chuyển. Cách nói này trong xã hội không ai tin. Vì sao vậy? Vì không phù hợp khoa học, đây là mê tín. Một câu nói đã phủ định tất cả. Như vậy phải làm sao? Chỉ có cách là tùy họ. Người tin có phước, lời của Tôn giáo này, quý vị tin thì có phước. Lúc này nói khi đại thiên tai đến, mỗi người đi đến nơi không giống nhau. Người có phước thì đi đến chỗ có phước,

người không có phước thì đi đến chỗ không có phước. Điều này chúng ta không thể không biết.

Xem tiếp bên dưới. “*Tịnh ảnh vân, huệ tâm an pháp, danh chi vi nhân*”. Huệ tâm không phải là tâm phiền não. Tâm có trí huệ an trú ở trong pháp. Pháp là gì? Là nguyên tắc đại tự nhiên, trật tự đại tự nhiên. Phật giáo và Nho giáo gọi nó là tánh đức, người hiện nay gọi là trật tự của đại tự nhiên, nguyên tắc của đại tự nhiên. Thực tế mà nói nhân tâm loạn thì trật tự đại tự nhiên cũng loạn. Quý vị xem bốn mùa xuân hạ thu đông không bình thường, điều này chứng minh trật tự của đại tự nhiên đã loạn.

Mấy ngàn năm trước chư vị cổ đức nói với chúng ta về phép tắc của đại tự nhiên. Họ nói về luân lý đạo đức, tứ duy bát đức từ đâu mà ? Ngộ ra từ trong trật tự đại tự nhiên. Họ có thể lãnh hội được vì tâm họ thanh tịnh, trong tâm không có tạp niệm, không có vọng niệm, không có oán hận. Trong tâm vĩnh viễn là ôn hoà nên họ có thể cảm nhận được phép tắc của tự nhiên. Tâm có thể chuyển cảnh giới là người giác ngộ là người thấu suốt. Tâm bị cảnh giới bên ngoài chuyển là phàm phu là người mê hoặc. Nhưng thực tế hai phương diện này là hỗ tương qua lại. Hai bên đều có cảm ứng nhưng mấu chốt là ở chỗ trí huệ.

Nên Ngài Huệ Viễn nói huệ tâm an pháp. Pháp này là phép tắc đại tự nhiên. Nghĩa hẹp là Phật pháp đại thừa, nếu thu nhỏ lại nữa là kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ. Tâm trí huệ chúng ta an trú trong bộ kinh này. Kinh điển dạy chúng ta như thế nào đều nên y giáo phụng hành. Kinh điển dạy chúng ta không được làm thì nhất định phải tuân thủ. Đây chính là huệ tâm an pháp, cũng gọi là nhân. Nhân chính là định, tôi định tâm ở bộ kinh này, suốt đời này khởi tâm động niệm, hành vi sinh hoạt của tôi đều lấy bộ kinh này làm tiêu chuẩn. Tiêu chuẩn này là tiêu chuẩn của Phật A Di Đà, tiêu chuẩn của vô thượng đại pháp.

“*Hội Sớ viết, trí hành tăng tiến danh pháp nhân*”. Hành vi của trí huệ ngày ngày tăng trưởng, mỗi ngày đều có tiến bộ, đây gọi là pháp nhân. “*Hoạch tam chủng nhân giả*”. Đây là trong kinh nói. “*Tịnh Ảnh Sớ viết, tâm thanh ngộ giải, tri thanh như hưởng, danh âm hưởng nhân, tam địa dĩ hoàn*”. Đây là một trong ba loại nhân do Tịnh Ảnh đại sư nói_Tuỳ Đường Huệ Viễn đại sư. “Tâm thanh” nghĩa là nghe âm thanh mà khai ngộ. Khai ngộ ra sao? Nhân duyên mỗi người

không giống nhau. Có người thấy sắc khai ngộ_nhìn thấy sắc tướng. Có người nghe âm thanh, nghe dạy, nghe pháp, nghe giáo hoá mà khai ngộ. Có người đích thực nghe tiếng gió thổi cây lá và tiếng mưa rơi bên ngoài, họ đã khai ngộ từ những âm hưởng này. Đây là hạng người nào? Đa phần là người tham thiền. Tâm địa tịch tịnh. Khi nào? Khi sắp ngộ mà chưa ngộ được. Gặp được nhân duyên nghe âm thanh này, vừa xúc chạm âm thanh liền hoát nhiên đại ngộ, chính là như vậy.

Họ đã khai ngộ “tri thanh tri hưởng”. Hưởng là âm thanh phản hồi. Chúng ta ở trên vách núi kêu tiếng thật dài sẽ nghe được âm thanh phản hồi. Điều này chứng minh rằng nó không phải thật. Giống như hình bóng hiện ra dưới ánh mặt trời. Hình thì hiện ảnh, âm thanh thì hiện ra âm thanh phản hồi. Điều không phải thật, không phải thật thì không nên chấp trước không nên phân biệt. Đã hiểu rõ một pháp thì tất cả pháp, pháp nào không như vậy? Đối với tất cả pháp trong thế xuất thế gian không còn chấp trước, không còn phân biệt. Đây gọi là âm hưởng nhân.

“*Tam địa dĩ hoàn*”, người nào chứng được? Ở đây nói đa phần là biệt giáo. Biệt giáo sơ địa, nhị địa, tam địa. Ba địa vị này chứng được âm hưởng nhân.

Thứ hai “*Xả toàn thú thật, danh nhu thuận nhân, tứ ngữ lục địa*”. “Toàn” ở đây là công cụ. Thật là lý thể thực tế nghĩa là chân thật rốt ráo. Đó là gì? Đó là tự tánh. Khi tu học bất luận tu theo pháp môn nào thì pháp môn chính là “toàn”. Nếu không xả bỏ pháp môn này thì không cách nào đạt được chân thật. Nên Phật pháp đại thừa là toàn. Có cần học chăng? Cần học. Khi qua sông cần nó nhưng khi đến bờ nên vứt nó đi. Kinh Kim Cang nói, ví như chiếc thuyền, nương chiếc thuyền để qua sông, khi đến bờ phải vứt bỏ thuyền đi thì mới có thể lên bờ. Nếu không chịu rời thuyền thì vĩnh viễn không đến được bờ. Nên Đức Phật dạy, “pháp còn phải xả huông là phi pháp”. Phật pháp là giả không phải thật, nó do nhân duyên mà sanh ra.

Trong Trung Quán Luận nói rất hay: “Nhân duyên sinh ra các pháp, tôi nói tức là không”. Đây gọi là nhu thuận nhân. Hay hơn ở trước. Họ chứng được tứ địa, ngũ địa, lục địa Bồ Tát, họ là nhu thuận nhân. Nên biết thế xuất thế gian pháp đều là giả nhưng có thể học tập, có thể hưởng lợi ích, chỉ là không thể chấp trước,

không thể phân biệt, không thể khởi tâm động niệm. Khi học tập không chấp trước vào lời nói, trong kinh thì không chấp trước văn tự, không chấp trước danh tự, danh từ thuật ngữ trong danh tự. Không chấp trước tướng tâm duyên. Nhất định không nên khởi tâm động niệm để nghĩ đến nó. Đây là ý gì? Đoạn này nói về điều gì? Đức Phật điều gì cũng có thể nói nhưng không có ý gì cả. Những gì ta nghĩ là ý của ta, không phải là ý của Phật. Nếu ta không nghĩ điều gì, nhìn thấy kinh văn này, mỗi chữ mỗi câu đều vô lượng nghĩa. Đó chính là chân thật nghĩa của Như Lai, là nghĩa chân thật trong tự tánh. Chúng ta dùng thức thứ sáu để tư duy về nó, để quán tưởng nó, như vậy là trở thành ý của chính mình.

Nhu hoà, tùy thuận giáo huấn của Chư Phật Bồ Tát. Thật sự thực hành, đây gọi là nhu thuận nhân.

“Chứng thực ly tướng, danh vô sanh nhân, thất địa dĩ thượng”. Thất địa, bát địa, cửu địa, thập địa. Vô sanh nhân chính là vô sanh pháp nhân. Họ đã minh tâm kiến tánh. Chứng thực nghĩa là minh tâm kiến tánh là ly tướng đối với tất cả hiện tượng. Chúng ta bình thường nói ba loại là hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần và hiện tượng tự nhiên, đều không chấp trước, đều buông bỏ, cũng không phân biệt. Trong tất cả hiện tượng không khởi tâm, không động niệm là đã thật chứng.

Thật chứng là gì? Tất cả pháp không sanh không diệt. Tức ba loại hiện tượng này. Điều này thực sự rất sâu sắc, rất khó lý giải. Chúng ta cũng là mấy năm gần đây, khoảng trên dưới mười năm. Trước đây giảng kinh chia sẻ chưa nói đến. Trước đây đa phần dựa theo Nhân Vương Kinh. Những năm gần đây chúng ta thấy Pháp Uyển Châu Lâm. Tôi từ Pháp Uyển Châu Lâm và Bồ Tát Xứ Thai Kinh nhìn thấy đối thoại của Thế Tôn và Di Lặc Bồ Tát, mà biết được vô sanh pháp nhân rốt cuộc là thế nào. Phật hỏi Bồ Tát Di Lặc, tâm có sở niệm. Phàm phu chúng ta động một ý niệm, trong ý niệm này có mấy niệm? Có bao nhiêu ý niệm vi tế? Có mấy tướng? Tướng chính là hiện tượng. Có mấy thức? Tướng chính là hiện tượng vật chất. Thức chính là hiện tượng tinh thần. Chúng ta mới biết được, phàm phu khởi một niệm, thì niệm vi tế đó thật không thể nghĩ bàn. Bồ Tát nói ra rất cụ thể một khoảnh khắc tay, khoảng một ý niệm của chúng ta. Một sanh diệt,

cũng chính là một khay móng tay. Chúng ta có thể cảm nhận được nhưng không ngờ trong một niệm có 32 ức một trăm ngàn niệm. Đơn vị là trăm ngàn. 32 ức nhân trăm ngàn. Người Trung quốc nói là 320 triệu. Một khay móng tay có 320 triệu ý niệm chính là sanh diệt. Hiện tượng sanh diệt. Hiện tượng tinh thần, hiện tượng vật chất sanh diệt. Như vậy một giây thì sao? Hiện nay đều dùng giây làm đơn vị thời gian, một giây ít nhất có thể khay bốn lần đến năm lần. Tôi khay bốn lần, tôi tin rằng có người khay còn nhanh hơn tôi. Người trẻ thể lực tốt. Như vậy nếu một phút khay năm lần tức 1600 triệu. Quý vị thử nghĩ xem, một giây 1600 triệu. Trong một giây có 1600 triệu lần sanh diệt chính là ý niệm sanh diệt vi tế. Chúng ta mới biết rằng trong kinh Phật nói không sanh không diệt. Cách nói này được các nhà lượng tử lực học hiện đại chứng minh. 3000 năm trước Đức Phật đã nói hiện tượng rốt cuộc là gì. Ngài giảng rất rõ ràng, minh bạch. Hiện tượng là giả. Phật đối với hiện tượng này đã dùng năm chữ để đại diện nó là sắc thọ tưởng hành thức. Năm chữ này gọi là ngũ uẩn.

Ngũ uẩn là chỉ điều gì? Là một niệm vi tế nhất. Trong một niệm chính là ngũ uẩn. Trong niệm này có hiện tượng vật chất là sắc. Có thọ tưởng hành thức là hiện tượng tinh thần. Hay nói cách khác, trong tất cả hiện tượng vật chất đều có hiện tượng tinh thần. Vật chất và tinh thần vĩnh viễn không phân khai mà vật chất là tinh thần biến hiện ra. Bản chất của vật chất là tinh thần chính là ý niệm, tâm niệm. Nên Đức Phật nói tất cả pháp từ tâm tưởng sanh. Lời này rất nhiều người đều nói, nhưng không biết ý nghĩa chân thật của nó.

Như thế nào gọi là tâm tưởng? Không phải chúng ta lơ là mà chúng ta không cách nào tưởng tượng được. Một giây có 1600 triệu. Một khay móng tay có 360 triệu. Một giây là 1600 triệu lần sanh diệt, chúng ta không có cách nào cảm nhận được. Làm sao Đức Phật biết được? Đức Phật từ trong thiền định mà biết được. Không phải một mình ngài biết. Phật nói định công của Bồ Tát trên bát địa sẽ nhìn thấy. Như vậy chúng ta sẽ hiểu bát địa, cửu địa, thập địa, đẳng giác, diệu giác, năm địa vị này họ đều nhìn thấy. Là thật không phải giả. Thật chứng ly tướng, tướng căn bản không có. Ba loại hiện tượng này hình như là có nhưng trên thực tế thì không có. Chính là tướng có tánh không, sự có lý không. Không thể

nói nó có cũng không thể nói nó không có. Sau khi hiểu rõ chân tướng thì phải triệt để buông bỏ.

Nên dùng thái độ gì để đối với nó? Không khởi tâm, không động niệm. Vọng không chướng ngại chân, chân cũng không chướng ngại vọng, có thể đồng thời tồn tại. Tồn tại này thật ra chính là không tồn tại. Nên tồn tại và không tồn tại, đều không chấp trước cả hai điều này đây gọi là trung đạo.

Bên dưới chúng ta xem chú giải của Hoàng Niệm Tổ “kỳ ý vị”. Đây là trong Tịnh Ảnh Sớ. Ý nghĩa của đoạn này là văn pháp ngộ đạo. “*Tri nhất thiết pháp, như thanh chi hồi hưởng, hồi âm. Như mộng huyễn bào ảnh, danh âm hưởng nhĩ*”. Ví dụ như âm hưởng nhĩ. “Thị biệt giáo” điều này đã nói rõ. Biệt giáo Bồ Tát dưới tam địa đạt được. Đây không phải là viên giáo. Biệt giáo sơ địa ngang bằng với viên giáo sơ trú. Nên ở nơi viên giáo mà nói thì là sơ trú, nhị trú, tam trú họ đều đạt được âm hưởng nhĩ. Thật sự hiểu được tất cả pháp trong vũ trụ không phải thật. Trong kinh Kim Cang nói: “như mộng huyễn bào ảnh, như lộ diệc như điện, ung tác như thị quán”. Đừng cho là thật, cho là thật là sai. Tất cả đều là giả, không có thứ nào là thật.

“*Xã ly ngôn toàn, thú nhập thật tướng, danh nhu thuận nhĩ*”. Là Bồ Tát tứ địa, ngũ địa, lục địa đạt được. “*Nhược chứng nhập thật tướng, ly nhất thiết tướng*”. Điều này trong kinh Hoa Nghiêm nói, “ly tất cả tướng, tức tất cả pháp”, nên gọi là đắc vô sanh pháp nhĩ. Lúc này thật sự đã hiểu, đã thừa nhận, khẳng định, không còn nghi hoặc. Tất cả pháp không sanh không diệt, tìm sanh diệt liễu bất khả đắc. Bồ Tát trên thất địa là thất địa, bát địa, cửu địa, đẳng giác, họ chứng được.

“*Hựu Di Đà Sớ Sao viết, vô sanh nhĩ, lược hữu nhị chủng*”. Một loại là “*ước pháp*”, một loại là “*ước hành*”. “*Ước pháp, tắc chư vô khởi tác chi lý, giai viết vô sanh, huệ tâm an thử, cố danh vi nhĩ*”, tâm đã định. “Chư” nghĩa là tất cả, tất cả pháp không khởi tác chi lý. Câu này nói như thế nào? Đúng về lý mà nói thì tất cả pháp không khởi tác dụng. “Khởi” là hưng khởi, “tác” là tác dụng. Ý này bây giờ chúng ta mới hiểu. Quý vị thử nghĩ xem trong kinh Đức Phật nói nhất niệm chúng ta đối với nhất niệm này trước sau đều không hiểu. Giải thích

một cách đơn sơ, nhất niệm này chính là nhất niệm mà Bồ Tát Di Lặc nói, một phút có một phần trên 1600 triệu, trong một phút có 1600 triệu lần sanh diệt.

Tôi nói nó khởi thì nó đã diệt từ lâu. Mỗi ý niệm đều là độc lập không có tương đồng. Nên hiện tượng hiện tiền này rốt cuộc là như thế nào? Nghĩa là vọng niệm này là tướng liên tục, nó không phải tương tục. Khi tương tục thì mỗi niệm đều tương đồng, nhưng ở đây mỗi niệm đều không tương đồng. Nên chúng ta nhìn thấy cảnh giới này, đích thực như trong Hoàn Nguyên Quán nói là “xuất sanh vô tận” chính là hiện tượng này, biến hoá vô cùng. Quý vị tìm không thấy một tướng, nó tồn tại nhưng ở đó không tìm thấy. Nên nói “giai viết vô sanh”_đều gọi là vô sanh. Không sanh không diệt, không có sanh làm gì có diệt? Nếu thật sự không có sanh diệt, nói nó không sanh không diệt, thì lời này không phải là nói suông sao? Nói một cách không có ý nghĩa nào, nó có sanh diệt. Có sanh diệt và vô sanh diệt đồng nghĩa với không sanh diệt. Quý vị không cách nào nhìn thấy nó sanh diệt.

Bát địa Bồ Tát tuy nhìn thấy nhưng cũng không nắm chắc được. Nhìn thấy hiện tượng này nhưng không cách nào khống chế nó được. Biết được đây là một hiện tượng, hiện tượng này là hiện tượng tự nhiên. Trong tâm thanh tịnh của tự tánh không có hiện tượng này. Nên nhớ không có hiện tượng vật chất, không có hiện tượng tinh thần cũng không có hiện tượng tự nhiên. Đây là nghiệp tướng của A lại da. Hiện nay các nhà khoa học gọi là năng lượng là chỉ cho những điều này.

Khoa học thời cận đại giúp rất lớn cho Phật học đại thừa. Những thứ thâm sâu không thể lý giải được nhưng hiện nay dần dần đã hiểu được nó. Giúp rất lớn đối với chúng ta.

Chúng ta biết cần phải buông bỏ, không buông bỏ là sai lầm. Nên sau khi nhìn thấu suốt mới có thể buông bỏ. Điều này trước đây Chương Gia đại sư đã dạy cho tôi. Chưa buông bỏ thì cần phải học, khi hiểu được chân tướng sự thật thì tự nhiên buông bỏ. Nên chúng ta sống trên thế gian này tất cả đều tùy duyên. Mọi thứ đều tốt không nên tính toán so đo. So đo tính toán chính là tâm luân hồi, là tạo nghiệp luân hồi. Như vậy chúng ta không thể thoát khỏi luân hồi lục đạo. Tất cả tùy duyên, mọi thứ đều không lo lắng, tất cả đều không quan tâm. Tuyệt đối

không nên chấp trước không nên phân biệt. Khởi tâm động niệm chúng ta không làm được rất khó lý giải, nhưng không phân biệt, không chấp trước là tuyệt đối chính xác. Có thể làm được không phân biệt, không chấp trước. Vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc là cõi phương tiện hữu dư. Trên phạm vi thì được nâng cao rất nhiều.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 362

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 05.04.2011

Địa điểm: Tịnh Tông Học Viện _Úc Châu

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 427 hàng thứ hai từ dưới đếm lên.

Từ câu “*hựu Di Đà Sơ Sao*”. Bắt đầu xem từ đây. “*Di Đà Sơ Sao viết, vô sanh nhãn lược hữu nhị chủng. Nhất ước pháp, nhị ước hành. Ước pháp tắc chư vô khởi tác chi lý, giai viết vô sanh, huệ tâm an thủ, cố danh vi nhãn*”.

Ở đây “chư” nghĩa là tất cả, tất cả các pháp của thế xuất thế gian. Dùng chân để để nói thì đích thực không có sanh diệt. Điều này ở trước kinh Hoa Nghiêm chúng ta đều đã học qua rồi. Tất cả pháp ngay tại đây ở trong một niệm, một niệm này không sanh không diệt. Ý này rất khó hiểu. Nó vốn không sanh làm gì có diệt! Đây là thật tướng các pháp. Những thứ phàm phu chúng ta thấy là hiện tượng tương tượng tự liên tục, không có thật. Vì mỗi niệm đều không giống nhau.

Tiến sĩ Giang Bồn Thắng người Nhật làm thí nghiệm nước. Chúng tôi đến tham quan phòng thực nghiệm của ông hình như hai ba lần. Ông ta nói_Lần đầu tôi đến xem hình như là năm 2004, đến Đông Kinh để phỏng vấn. Ông ta đã làm bảy năm, đã làm thí nghiệm mười mấy vạn lần, nhưng ông nói với tôi nó không

có mô hình tương đồng. Tôi nói: lời ông nói giống như trong kinh đức Phật nói. Ông ta rất kinh ngạc, ông chưa từng tiếp xúc với Phật giáo, cũng rất sợ tiếp xúc tôn giáo, sợ người ta nói ông mê tín. Vì sao không thể có hai cái tương đồng? Vì mỗi ý niệm đều độc lập riêng biệt. Như chúng ta dùng máy chụp ảnh_máy chụp ảnh chụp bằng phim cũ, giống như quay phim vậy, chiếu cuộn băng mà chúng ta chụp ra, nhất định không có hai tấm giống nhau, có thể nói là giống nhiều hơn, tuyệt đối tìm không ra hai tấm như nhau.

Chúng ta khởi ý niệm giống nhau nhưng niệm trước không như niệm sau. Lấy thí nghiệm nước mà nói, nếu dùng lòng yêu thương đối với ly nước này, nhưng lòng yêu thương của niệm trước và niệm sau không tương đồng nên kết tinh thứ nhất và kết tinh lần thứ hai không giống nhau. Đây chính là “xuất sanh vô tận” trong Hoàn Nguyên Quán Hiền Thủ đại sư đã nói, chính là ý này. Trong Lục Tổ Đàn Kinh ngài Huệ Năng nói: “năng sanh vạn pháp”. Pháp không có định pháp, nó tùy theo ý niệm mà biến hoá. Ý niệm này chính là A lại da. Chỉ đến khi đã chuyển thức thành trí thì ý niệm đó giống nhau. Niệm trước và niệm sau giống nhau. Vì sao vậy? Vì nó là vô niệm. Vô niệm thì giống nhau, có niệm thì không giống. Chỉ có cõi thật báo trang nghiêm, có thể nói là tướng tương tục, không phải tướng tương tự tương tục. Mọi hiện tượng trong mười pháp giới, lục đạo đều là tướng tương tự tương tục, tuyệt đối không có tương đồng. Đây chính là “vô khởi tác chi lý”. Đây gọi là vô sanh, vô khởi tác. Có khởi tác hay không? Có tướng khởi tác, không có lý khởi tác, tức là tướng có lý không.

Về mặt lý mà nói là vô sanh, tất cả pháp không sanh, tất cả pháp là giả. Mọi người thường đọc kinh Bát Nhã, kinh Kim Cang. Người không học Phật cũng đọc kinh Kim Cang. Thời xưa người đọc sách nhất định đọc bộ kinh này. Trong kinh nói” phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”. Đã là hư vọng thì không nên ở tướng hư vọng này khởi phân biệt chấp trước, khởi tâm động niệm muốn khống chế nó, muốn chiếm hữu nó. Như vậy là hoàn toàn sai lầm. Thể của nó đều là không, đều bất khả đắc. Từ trong đối thoại của đức Thế Tôn và Bồ Tát Di Lặc, chúng ta sẽ hiểu được chân tướng sự thật. Nên Chư Phật Bồ Tát ứng hoá ở thế gian, thái độ của các ngài là chính xác. Thái độ gì? Du hý nhân gian. Giống như chúng ta đi tham quan du lịch, được. Dùng thái độ này để đến thế giới tham quan du lịch,

nhất định không có không chế, không có chiếm hữu. Tôi đến thế giới này chơi mấy ngày rồi đi. Ở nhà nghỉ, nhà nghỉ không phải là của tôi, nhưng tôi ở mấy ngày, tôi có quyền sử dụng nhưng không có quyền sở hữu.

Vũ trụ này, chúng ta ở đây tất cả đều phải nên quán như vậy. Chúng ta có quyền sử dụng, nhất định không có quyền sở hữu. Quý vị cho rằng là sở hữu của mình là sai, đó là vọng tưởng. Nên Đức Phật dạy chúng ta tùy duyên nhưng không phan duyên, như vậy là đúng. Hiểu rõ chân tướng sự thật rồi thì tất cả đều tùy duyên. Tứ đức trong Hoàn Nguyên Quán, đức thứ nhất “tùy duyên diệu dụng”. Diệu dụng chính là đối với nó không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước. Tuyệt diệu! Trong tùy duyên không mất tâm thanh tịnh.

Trong kinh Vô Lượng Thọ nói “thanh tịnh bình đẳng giác”. Tùy duyên không trở ngại thanh tịnh bình đẳng giác, không mất đi thanh tịnh bình đẳng giác. Đây là chư Phật Bồ Tát ứng hoá ở thế gian. Thanh tịnh là không có chút nhiễm trước nào, bình đẳng là không có cao thấp, giác là không có mê hoặc gọi là diệu. Diệu dụng là chỉ điều này. Đây là “huệ tâm an thứ” an trong cảnh giới này. Cảnh giới này chúng ta gọi nó là tự nhiên, hiện tượng tự nhiên. Hiện tượng tự nhiên nó có thể sinh ra hiện tượng tinh thần. Hiện tượng tinh thần liền có chấp trước. Khởi tâm động niệm có phân biệt, có chấp trước. Tuy rất vi tế nhưng nó đã biến chất, biến chất thì cảnh giới bên ngoài cũng thay đổi.

Nhất chân pháp giới là cõi thật báo, nó biến thành mười pháp giới. Nếu phân biệt chấp trước nặng nề hơn thì biến thành lục đạo, cực kỳ nghiêm trọng thì trở thành tam đồ, tất cả đều không có thật. Tự mình thay đổi tự mình chịu nên gọi là tự làm tự chịu. Chư Phật Bồ Tát đem chân tướng sự thật này nói với chúng ta, để chúng ta từ đây mà giác ngộ. Sau khi giác ngộ nhất định phải buông bỏ, không buông bỏ lại bị mê muội. Nên khi nhìn thấu suốt lập tức buông bỏ. Buông bỏ giúp chúng ta tiến thêm một bước nhìn thấu triệt hơn. Như vậy cảnh giới chúng ta không ngừng nâng cao. Nâng cao đến cứu cánh viên mãn đó là quả vị diệu giác. Trở về tự tánh, trở về thường tịch quang. Nên ở đây là “huệ tâm an thứ”, trong cảnh giới này tuyệt đối không phải là phiền não, tâm, tâm sở trong tám thức đều

không thể. Đây là đại định, vô sanh pháp nhẫn là đại định, đây gọi là nhẫn. Đây là đứng về pháp mà nói.

Thứ hai là trên hành mà nói. “Hành” là tu hành. Đứng về mặt công phu tu hành của chúng ta để nói. “*Tắc báo hành thuần thực*”. “Báo” là cõi báo, báo thân của Như Lai. Như Lai có ba thân là pháp thân, báo thân, ứng hoá thân. Ở đây nói về báo thân. Cõi báo là cõi thật báo trang nghiêm. Công phu tu hành chúng ta đã thuần thực. Lúc này là cảnh giới gì? Bên dưới nói “*tri minh ư lý*”. Năng chứng là trí, sở chứng là lý. Lý là tự tánh. Trong tự tánh vốn đầy đủ trí huệ đức tướng. Khi ngài Huệ Năng khai ngộ nói: “đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”. Đầy đủ điều gì? Trong Kinh Hoa Nghiêm Đức Phật nói rất hay, tất cả chúng sanh đều có trí huệ đức tướng của Như Lai. Mỗi chúng sanh đều có. Nên trong kinh điển đại thừa thường nói, tất cả chúng sanh vốn là Phật. Đây là thật, vốn đều là Phật. Hiện nay vì sao lại như vậy? Một câu nói của Thế Tôn đã vạch trần tất cả: “vì vọng tưởng chấp trước mà không thể chứng được”. Chính là nguyên nhân này đã làm cho chúng ta trở nên như vậy.

Chúng ta có vọng tưởng, có phân biệt, có chấp trước. Trong vọng tưởng chấp trước, có phân biệt nhưng đã lược bỏ. Chúng ta lãnh hội, chúng ta học tập nhất định phải thêm vào, vọng tưởng phân biệt chấp trước nên đã trở nên như vậy, đã biến chất. Đây chính là “xuất sanh vô tận”, “năng sanh vạn pháp” chính là ý này. Bây giờ chúng ta hiểu chỉ cần buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì thành Phật, trở về với tự tánh, chứng đắc cứu cánh viên mãn. Trong kinh Hoa Nghiêm gọi là diệu giác vị, ở trên đẳng giác. Vậy ở đây “báo hành thuần thực”. Chỉ cần hàng sơ trú Bồ Tát của viên giáo là chứng được. Tuy chứng được nhưng tập khí vô minh vô minh họ chưa đoạn được. Nên chúng ta biết, 41 vị Bồ Tát trong cõi thật báo. 41 vị Bồ Tát này ở trong cõi báo, chúng ta gọi họ là Ma Ha Tát, đại Bồ Tát, pháp thân đại sĩ. 41 vị pháp thân đại sĩ, trong kinh thường dùng cách xưng hô này chính là chỉ quả vị này. Họ báo hành thuần thực. Bên dưới hoàn toàn hình dung cảnh giới của họ.

Thứ nhất là lý trí nhất như. Năng chứng là trí huệ, tự tánh vốn đầy đủ trí huệ bát nhã. Sở chứng là tự tánh. Trong kinh này nói chân thật rất ráo trong ba loại chân thật. Chân thật rất ráo chính là lý. “Vô tướng vô công” không còn chấp

trước tướng. Chẳng nhưng không chấp trước mà không phân biệt, cũng không khởi tâm động niệm. Công là công dụng lúc này vô công dụng đạo. Trong cảnh giới này họ còn tập khí vô minh chưa đoạn. Có biện pháp nào đoạn nó chẳng? Không có. Vì không thể khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm là có công dụng nghĩa là có tướng có công. Nên cổ nhân nói: “thử xứ dụng bất đắc lực”, nghĩa là vô tướng vô công. Dùng không đắc lực phải làm sao? Tập khí vô thi vô minh này nên đoạn như thế nào? Nó tự nhiên không còn, thời gian lâu sẽ không còn.

Người xưa dùng một ví dụ để chúng ta lãnh hội được điều này, rất khó nói, không nói ra được. Người xưa dùng một bình rượu, dùng bình rượu đầy để làm ví dụ. Rượu trong bình đã đổ sạch, thực sự không còn, đã lau chùi sạch sẽ nhưng người vẫn có mùi, đó gọi là tập khí. Tập khí này có thể đoạn trừ chẳng? Không đoạn tận được, không cách nào đoạn trừ. Phương pháp duy nhất là mở nắp bình và để vậy. Để như vậy một hai năm, sau đó người lại sẽ không còn nghe mùi nữa. Nên 41 vị pháp thân đại sĩ, tập khí của họ nhiều hay ít không giống nhau. Người mới đi, thập trú Bồ Tát rất nhiều. Thập tín vị Bồ Tát thì ít hơn một chút. Thập hồi hướng càng ít hơn. Đến thập địa thì còn rất mỏng manh. Đến đẳng giác còn có nhất phẩm. Trên đẳng giác thì không còn nữa. Diệu giác vị không còn nữa. Không còn thì họ không ở trong cõi thật báo. Cõi thật báo có tướng nên không ở trong đó. Họ đi về đâu? Đến thường tịch quang. Do đó chúng ta biết rằng cõi thật báo trang nghiêm từ đâu mà có? Từ tập khí vô thi vô minh mà có. Có tập khí thì có cõi thật báo trang nghiêm, không có tập khí thì cõi thật báo cũng không còn. Thường tịch quang mới là thật. Vì sao vậy? Vì là vĩnh hằng bất biến. Nó không có tướng, ba loại hiện tượng đều không có. Chẳng những không có hiện tượng vật chất, không có hiện tượng tinh thần, đến hiện tượng tự nhiên cũng không có. Hiện tượng tự nhiên này chính là Bồ Tát Di Lặc nói. Chúng ta đổi thành khoa học ngày nay nói, tần suất một phút có 1600 triệu lần chấn động. Hiện tượng tự nhiên cũng không còn, đây là vô tướng vô công.

“*Khoáng nhược hư không*”. Khoáng là không khoáng_không tịch, giống như hư không vậy. Đây là nói chân tâm, nói tự tánh. “*Trạm nhược đình hải*”. Trạm là trạm nhiên nói thanh tịnh của nó giống như đại hải vậy, đại hải này rất yên tĩnh,

không có sông gió, không có ô nhiễm. Đây là đình hải. “*Tâm thức vọng hoặc*”. Tâm thức chính là bát thức, vọng hoặc là vô minh_vô trí vô minh. “*Tịch nhiên bất khởi*”. Tám thức không khởi, đương nhiên tâm sở đi theo bát thức cũng không khởi, nghĩa là bát thức không còn, chuyển bát thức thành tứ trí, họ không còn mê hoặc. A lại da chuyển thành đại viên cảnh trí, Mạt na chuyển thành bình đẳng tánh trí, đệ lục ý thức chuyển thành diệu quan sát trí, tiền ngũ thức chuyển thành thành sở tác trí. Hoàn toàn là trí huệ, không còn khởi phân biệt chấp trước, tịch nhiên bất động. Đây gọi là vô sanh. Ai chứng được? Trong hội Hoa Nghiêm thì trên sơ trú Bồ Tát. Phật giáo Trung quốc, Thiên tông gọi là đã chứng được đại triệt đại ngộ minh tâm kiến tánh. Hạng người này vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc là ở cõi thật báo trang nghiêm. Trong giáo môn gọi là đại khai viên giải. Trong Tịnh độ gọi là lý nhất tâm bất loạn. Danh xưng không giống nhau nhưng tất cả đều là cảnh giới này. Thật sự họ đã chứng được vô sanh pháp nhẫn. Đây gọi là vô sanh.

“*Tiền thuyết*” những gì ở trước nói. “*Do thông chư địa*” không phải từ sơ địa bắt đầu nói sao? “*Hậu thuyết*”, hậu thuyết chính là ở đây nói. Trên ước hành mà nói ước pháp. Cũng chính là trong Di Đà Kinh Sớ Sao Liên Trì đại sư nói: “*duy bát địa sở chuyển*” trên bát địa mới chứng được_Bát địa. “*Cổ Tri Tịnh Ảnh Sớ trung chi vô sanh pháp nhẫn*”. Nói về vô sanh pháp nhẫn. “*Tức Di Đà Sớ Sao trung, Liên Trì đại sư ước hành chi vô sanh pháp nhẫn*”. Tịnh Ảnh đại sư nói trên thất địa, Liên Trì sư nói là bát địa. Trên thất địa không phải chính là bát địa! Nên hai thuyết không trái nhau.

Trong Nhân Vương Kinh cũng nói vô sanh pháp nhẫn là thất địa, bát địa, cửu địa, vô sanh pháp nhẫn. Vì Kinh Nhân Vương nói ngũ nhẫn, vô sanh pháp nhẫn này là thứ tư, cao nhất gọi là tịch diệt nhẫn đây là pháp thân Bồ Tát chứng được. Ở thất địa, bát địa, cửu địa, phân ra ba phẩm. Thất địa Bồ Tát chứng là hạ phẩm vô sanh pháp nhẫn. Bát địa là trung phẩm, cửu địa là thượng phẩm. Thập địa chứng được không gọi là vô sanh mà gọi là tịch diệt. Thập địa Bồ Tát là hạ phẩm tịch diệt pháp. Đẳng giác Bồ Tát là trung phẩm tịch diệt pháp. Diệu giác quả vị là thượng phẩm tịch diệt pháp. Đây là trong Kinh Nhân Vương nói, chúng ta đều có

thể tham khảo. “*Chí u dư sự dị thuyết*”, còn có rất nhiều cách nói không giống nhau nhưng không ghi vào đây.

Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ khẳng định tư tưởng của Liên Trì đại sư. Tư tưởng trong Tịnh Ảnh Sớ của tiểu Huệ Viễn tương đồng với ý của Liên Trì đại sư. Đoạn cuối cùng là: “*bốn kinh tam nhãn*”, đây là ba loại nhãn. “*Dĩ âm hưởng nhãn vi thủ, nhu thuận nhãn thứ chi. Dị u Hiền Kiếp Kinh nhi đồng u Hoa Nghiêm Thập Nhãn Phẩm, cập Như Lai Hưng Hiển Kinh, Cựu Hoa Nghiêm Kinh thập nhãn*”. Cựu Hoa Nghiêm phiên dịch thời Đông Tấn chúng ta gọi là Tấn Kinh. Có 60 quyển gọi là Lục Thập Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm ở Trung quốc phiên dịch ba lần. Lần thứ hai là thời nhà Đường khi Võ Tắc Thiên chấp chánh. Võ Tắc Thiên làm hoàng đế đã đổi quốc hiệu không gọi là Đường mà gọi là Chu. Kinh Hoa Nghiêm phiên dịch hoàn thành vào thời của Võ Tắc Thiên nên Kinh Hoa Nghiêm cũng gọi là Đại Chu Kinh. Khai kinh kệ là Võ Tắc Thiên viết. “*Vô thượng thâm thâm vi diệu pháp, bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ, ngã kim kiến văn đắc thọ trì, nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa*”. Viết quá hay. Về sau đời này qua đời khác chư vị tổ sư muốn viết thêm một bài kệ khai kinh khác, nhưng viết không hay bằng, cho nên đến nay vẫn dùng bài của Võ Tắc Thiên. Sau khi bà chết cũng bị người lật đổ, khôi phục nhà Đường. Con trai là Trung Tông hoàng đế nối ngôi là cháu của Đường Thái Tông.

Thập nhãn của Lục Thập Hoa Nghiêm, thứ nhất là âm thanh nhãn, thứ hai là thuận nhãn, thứ ba là vô sanh pháp nhãn, thứ tư tương đồng với ở đây, thứ tư là như huyễn nhãn. Ở sau nó có một giải thích đơn giản. Tất cả những điều này đều dạy chúng ta, đối với các pháp thế xuất thế gian nên có cái nhìn chính xác. Thật như thường nói tướng có tánh không, tánh là thể. Huyễn tướng giống như chúng ta hiện nay xem trên màn hình ti vi. Tướng có hay không? Có. Không thể nói nó không có. Nó có thật chẳng? Không có thật. Nó không có thể, thể là không tịch. Trong kinh Kim Cang ví như mộng huyễn bào ảnh. Đức Phật nói cần phải quán như vậy. Đây là chánh tri chánh kiến. Nên chúng tôi nói quý vị có thể thường thức nhưng không thể không chế vì sẽ không đạt được. Người thế gian coi nó là thật, không biết nó là giả, nên muốn không chế, muốn chấp trước, ở đây tranh giành, tạo vô lượng vô biên tội nghiệp.

Thực tế mà nói thì tạo nghiệp cũng không có thật, cũng là giả nhưng tạo những nghiệp này nó có quả báo. Quả báo của luân hồi lục đạo, quả báo của địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Quả báo cũng không có thật. Quý vị không biết nó là giả nên mới chịu khổ thật. Giống như nằm mộng vậy, khi nằm mộng không biết mộng là giả. Một con hổ muốn ăn chúng ta, sợ đến nổi toát mồ hôi lạnh cả người, từ trong mộng tỉnh lại thì ra chỉ là một giấc mộng. Nếu biết đây là mộng thì như các vị Bồ Tát vậy xả thân cho hổ ăn, không phải đã tu đại công đức rồi sao? Đích thực là như vậy. Đây mới là chân tướng sự thật. Nên dạy chúng ta phải thấy tất cả pháp như huyền, Phật pháp cũng như huyền, đừng coi Phật pháp là thật. Vì sao vậy? Phật pháp và thế gian pháp là pháp đối lập.

Thế gian pháp được ví như bị bệnh, Phật pháp là thuốc. Nếu bệnh không có thì thuốc cũng không có. Thuốc là vì bệnh mới có. Phật pháp là vì thế gian pháp mà có, làm gì có Phật pháp? Trong tự tánh thanh tịnh không lập một pháp nào cũng không xả pháp nào. Đây mới là viên dung. Ba loại hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần và hiện tượng tự nhiên, nó khởi lên cứ để nó khởi, diệt thì tùy nó diệt. Chỉ cần ta đối với nó không khởi tâm, không động niệm thì tất cả đều bình thường. Đối với nó khởi tâm động niệm là sai, vì nó là giả không có thật. Khởi tâm động niệm là mê, phân biệt thì càng mê hơn, nếu chấp trước nữa thì quá thâm sâu, như vậy là sai.

Khi khởi tâm động niệm thì cõi thật báo xuất hiện. Cõi thật báo của Chư Phật Như Lai hiện ra, đó gọi là nhất chân pháp giới. Nếu khởi phân biệt thì xuất hiện tứ thánh pháp giới, tứ thánh pháp giới trong mười pháp giới, lại khởi chấp trước thì lục đạo xuất hiện. Điều này chúng ta phải lý giải, chúng ta đoạn tận chấp trước thì lục đạo không còn. Từ trong lục đạo tỉnh lại, giấc mộng này đã tỉnh. Nếu đối với tất cả pháp không phân biệt là tỉnh dậy từ mười pháp giới, đây là thế gian pháp. Mười pháp giới và lục đạo đều gọi là pháp thế gian. Xuất thế gian pháp đó là cõi thật báo, cõi thật báo là tập khí vô thi vô minh, chính là khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm và tập khí của khởi tâm động niệm đều đoạn tận. Phật pháp cũng là giả, cũng không phải thật. Sau cùng như như bất động, bất sanh bất diệt là cõi thường tịch quang. Ở thường tịch quang cái gì cũng không có. Nó chẳng có gì nhưng không thể nói là không, vì sao vậy? Vì nó có thể hiện tướng

nên gọi là chân như tự tánh. Tự tánh là tự thể của tất cả pháp. Chư vị nên biết, tất cả pháp vô lượng vô biên nhưng tự thể chỉ có một. Tự thể chính là chân tâm mà chân tâm chỉ có một cũng gọi là bản tánh. Phật giáo cũng gọi là pháp tánh_chỉ có một. Cần phải thật chứng và thật minh bạch thì sẽ biết biến pháp giới hư không giới với mình có sự liên quan như thế nào? Một cái là tự tánh, một cái là pháp tánh. Không phải một nhà nhưng là một thể. Người trong một nhà còn có thể phân còn có anh có tôi. Pháp tánh không có, nó là chính mình, tất cả vạn pháp là chính mình. Nên lúc này tánh đức hiện tiền là từ bi. Từ bi chính là tình thương vô điều kiện. Gọi là đồng thể đại bi.

Vì sao có tâm từ bi này? Vì đồng thể. Vô duyên đại bi. Duyên là điều kiện, không có điều kiện. Đem đến an vui cho chúng sanh vô điều kiện. Giúp chúng sanh xa rời đau khổ cũng không có điều kiện vì là đồng thể. Giúp người khác chính là giúp mình, hại người khác cũng là hại mình. Vì sao hại người khác lại là hại chính mình? Vì mình và người là một không phải hai. Chúng ta hại họ, nếu họ cũng như mình chưa giác ngộ, thì sẽ như thế nào? Sẽ đòi đòi kiếp kiếp oan oan tương báo không bao giờ dứt. Mình và người vĩnh viễn mê hoặc, mình và người vĩnh viễn tạo nghiệp, mình và người vĩnh viễn chịu khổ, hai bên đều chịu khổ. Mà còn như thế nào? Mà có khi còn liên lụy đến người khác, như vậy nghiệp ta tạo còn nặng nề hơn. Điều này trong lịch sử ghi chép rất nhiều.

Chư vị nên xem An Sĩ Toàn Thư, Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn. Quý vị xem đăng trước họ nói họ 117 đời làm sĩ đại phu_phần tử tri thức có địa vị. Quý vị xem nghiệp mà họ tạo, quả báo của 117 đời. Sau đó gặp được Phật pháp mới giác ngộ mới hiểu. Hồi đầu thì oán hận mới hoá giải hết. Không học Phật pháp vĩnh viễn không biết, học Phật pháp mới thật sự có thể hoá giải. Nên nhất định phải biết, tất cả pháp như huyễn như diệm. Diệm là ngọn lửa. Chúng ta đốt một cây sáo, thấy ngọn lửa của cây sáo_như diệm. Đều là ví dụ, hoả diệm là vô thường. Nó không phải thật, nó là một loại tương tự tương tục.

Chúng ta dùng máy chụp ảnh. Máy chụp ảnh của ti vi, quý vị đi chụp sẽ phát hiện, “Như mộng”. Chữ mộng này trong kinh Đức Phật dùng nhiều nhất. Mỗi người đều có kinh nghiệm nằm mộng. Chư Phật Như Lai xuất hiện ở thế gian, đức Thế Tôn ứng hoá ở Ấn Độ, ngài trụ thế 80 năm. Ngày ngày giảng kinh giáo

hoá gọi là “đại tác mộng trung Phật sự”, Ngài không coi thế giới này là thật nên tất cả cảnh giới trong mắt ngài, bất luận là thuận cảnh hay nghịch cảnh ngài đều trải qua, thiện duyên hay ác duyên đều đã gặp nhưng vẫn như như bất động. Ngài biết cảnh giới như mộng huyễn bào ảnh, ngài làm tấm gương cho chúng ta noi theo.

“*Như hưởng*, hưởng là âm thanh phản hồi ở trước đã nói qua. Chúng ta ở bên vách núi hét to một tiếng, lập tức nghe được âm thanh phản hồi. “*Như ảnh*” chúng ta đứng dưới ánh sáng, trên thân có hình bóng. Bóng là giả không phải thật. “*Như hoá*” hoá là huyễn hoá. Thứ mười là “*như không*” đích thực trong kinh Đức Phật nói, tất cả pháp “đương thể tức không, liễu bất khả đắc”.

600 quyển Kinh Đại Bát Nhã sau khi tôi xem qua một lần đã đề ra 12 chữ là tâm đắc của tôi: “nhất thiết pháp, tất cánh không, bất khả đắc”. Bộ kinh này Đức Thế Tôn giảng suốt 22 năm. Bây giờ chúng ta nghĩ lại vì sao bộ kinh này phải giảng đến 22 năm? Quý vị nghe một hai lần không hiểu, nghe một trăm lần, hai trăm lần vẫn không nhập vào được cảnh giới, vẫn là chưa thể nào không được. Phải như cổ nhân thường nói là huân tu lâu ngày, “thâm nhập một môn, huân tu lâu ngày”.

Đức Phật giảng 22 năm, lặp lại vô số lần. Giúp thượng trung hạ căn ngộ nhập cảnh giới. Đây là thật tướng. Kinh Bát Nhã nói thật, không nói giả. Quý vị xem, trước khi học đại thừa học Bát nhã, nền tảng trước là 12 năm A hàm, 8 năm Phương Đẳng. Có nền tảng 12 năm rồi mới nói thật, nói vạn pháp đều là không, khiến chúng ta triệt để buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước, ngộ nhập cảnh giới đại thừa. Chính là minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Cuối cùng Pháp Hoa, Pháp Hoa là thành Phật. Pháp Hoa là nhất thừa pháp. Kinh Pháp Hoa đến cuối cùng tổng kết rằng: “Chư Phật Như Lai xuất hiện ở thế gian chỉ nói nhất thừa pháp, không hai cũng không ba, trừ Phật phương tiện nói.” Nói cho chúng ta pháp đại thừa, tiểu thừa, nói cho chúng ta tam thừa Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát là đức Phật phương tiện nói, không phải thật sự nói. Chân thật chỉ có Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Vô Lượng Thọ. Ở đây nói với chúng ta là chân thật, và Vô Lượng Thọ là chân thật trong các chân thật. Kinh này còn thâm sâu hơn Bát Nhã

và còn thâm sâu hơn cả Pháp Hoa, Hoa Nghiêm. Nên kinh này là pháp khó tin, thật không giả chút nào.

Chúng ta có nền tảng của Kinh Pháp Hoa, Hoa Nghiêm nên nhập vào cảnh giới Vô Lượng Thọ rất dễ. Vì sao vậy? Vì nó là tổng kết của Kinh Hoa Nghiêm cũng là nơi trở về của kinh Pháp Hoa. Chư vị cổ đức thời Tuỳ Đường nói rất hay: Hoa Nghiêm, Pháp Hoa đều là dẫn đường của Vô Lượng Thọ. Dẫn chúng ta đi vào kinh Vô Lượng Thọ, cách nói này rất hay.

Khi tôi mới học Phật là đi vào từ con đường học triết học. Nên hoài nghi đối với pháp môn niệm Phật của Tịnh độ, cho rằng đây là pháp phương tiện của Phật, độ những người già không có tri thức. Dùng con mắt này để xem nó, coi thường nó, không muốn học. Theo thầy Lý mười năm, thầy hết lòng khuyên tôi, tôi đều không tiếp thu. Thầy bảo tôi xem Ấn Quang Đại Sư Văn Sao. Xem rất hay, tôi rất tán than, tôi không còn coi nhẹ Tịnh độ, nhưng vẫn không chịu học. Thật tâm quyết định học Tịnh độ, là khi tôi giảng một nửa Kinh Pháp Hoa, là giảng Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm. Hoa Nghiêm giảng mới một nửa, đột nhiên trong lòng khởi lên một ý niệm, nhớ đến không biết Văn Thù, Phổ Hiền tu pháp môn nào? Thiện Tài Đồng Tử học pháp môn gì? Đoạn sau của kinh chưa nói đến, lật phía sau mới thoát nhiên đại ngộ. Văn Thù, Phổ Hiền đều phát nguyện cầu sanh Tịnh độ. Còn dẫn 41 vị pháp thân đại sĩ trong hội Hoa Tạng, đến thế giới Cực Lạc học với Phật A Di Đà. Từ đó tâm cung kính đối với Tịnh độ mới sanh khởi, mới lãnh ngộ được pháp môn này thật không thể nghĩ bàn. Hèn gì Chư Phật Bồ Tát đều nói là pháp khó tin, thật khó tin! Khó tin nhưng quý vị có thể tin. Chỉ có một câu có thể giải thích, trong quá khứ chúng ta từng tu pháp môn này, nên đối với Tịnh độ có thiện căn sâu dày. Chỉ có thể nói như vậy, tuyệt đối không phải ngẫu nhiên. Nếu trong quá khứ chưa từng học, ngày nay vừa tiếp cận đã tin tưởng, làm gì có đạo lý này?

Vô lượng kiếp trong quá khứ có thể chúng ta đã học kinh này rất nhiều lần, nhưng tự bản thân hiện tại không biết. Trong A lại da thức, trong kho tư liệu của A lại da thức có tài liệu, lần này đụng đến tài liệu cũ lại lật ra và nó lại kết nối. Đây gọi là thiện căn. Nếu không có thiện căn thì tuyệt đối không thể. Nên chúng ta đối với người sơ học không được coi thường, biết đâu trong quá khứ người ta

tu còn tinh tấn hơn mình, thiện căn sâu dày hơn mình. Chúng ta tu một đời chưa chắc có thể vãng sanh, họ tu mấy năm thật sự được vãng sanh. Thiện căn phước đức sâu dày gặp duyên tự nhiên thuận thực. Chúng ta đời này cũng được coi là rất may mắn. Nếu không có sự giúp đỡ của kinh luận, chúng ta rất khó chấp nhận nhưng tiếp thu rồi phải thâm sâu hơn người khác một chút. Lý chúng ta đã rõ nên tiếp xúc rồi không có chút hoài nghi. Phương pháp tu hành chúng ta đã thấu hiểu, rõ ràng phương pháp. Thấu triệt y cứ lý luận của phương pháp này, lãnh hội một cách sâu sắc. Pháp môn này đặc biệt là công đức của danh hiệu không thể nghĩ bàn, vượt qua tất cả kinh mà chư Phật Như Lai nói. Công đức tất cả kinh tích lũy lại đều không bằng danh hiệu Phật.

Đại thiên tai ngày nay có thể giải quyết chăng? Một câu Nam Mô A Di Đà Phật có thể giải quyết nhưng người ta không tin, thật sự không tin vì đạo lý quá thâm sâu. Nếu nói rõ ràng minh bạch đạo lý này thật không dễ. Chúng tôi cũng là vì thiên tai này, thời gian quá cấp bách nên dừng lại không giảng kinh Hoa Nghiêm, khai giảng bộ kinh này. Hôm nay vừa đúng một năm. Tết thanh minh năm ngoái bắt đầu giảng, hôm nay vừa tròn một năm. Đã giảng được một nửa, hơn 700 tiếng đồng hồ. Còn một nửa sau thì sao? Tôi xem ít nhất bộ kinh này phải 1200 tiếng. Có thể đến 1400 hoặc 1500 tiếng. Lần này giảng rất rõ ràng, rất minh bạch. Thường xuyên nghe, tôi tin rằng ít nhất cũng làm tăng trưởng lòng tin, người không tin, nghe rồi sẽ tin, đã tin rồi thì niềm tin đó càng vững chắc hơn, không còn bị dao động.

“*Hựu Thập Nhãn Phẩm viết*”. Đây là trong Lục Thập Hoa Nghiêm. “*Nhược văn chân thật pháp*”. Kinh Vô Lượng Thọ niệm Phật A Di Đà là chân thật trong các chân thật. “*Bất kinh bất bố bất úy, tín giải thọ trì. Ái dục thuận nhập, tu tập an trú. Thị vi đệ nhất tùy thuận âm thanh nhãn*”. Tôi không làm được. Tôi theo thầy Lý mười năm, thầy không lúc nào không khuyên tôi, dùng nhiều loại phương tiện thiện xảo khuyên tôi. Thầy biết rõ tôi thích Hoa Nghiêm, thích đại kinh luận, không thích niệm Phật. Thật không dễ chút nào! Có rất nhiều người vừa nghe thầy nói liền tin, tôi rất khâm phục. Đúng là đại thiện căn, đại phước đức. Vừa nghe liền tin, thâm nhập một pháp môn, mười năm không thay đổi nên đã thành công, đã thành tựu. Một bộ kinh Vô Lượng Thọ, một câu A Di Đà Phật,

cur sĩ Hoàng Trung Xương bẻ quan ở Thâm Quyển hai năm mười tháng thì vãng sanh. Còn thiếu hai tháng là đủ ba năm. Đây thật sự là thiện căn sâu dày. Ông ta đã làm thí nghiệm. Nghe tôi giảng kinh nói rất nhiều người đều là ba năm thành tựu. Ông ta làm thí nghiệm xem ba năm có thể thành tựu chăng? Quả nhiên thành tựu. Như vậy có thể người ta nói sau khi thành tựu hoàng pháp lợi sanh tốt biết bao? Là tốt. Nhưng hoàng pháp lợi sanh cần phải có pháp duyên, họ thành tựu thì họ biết, ngày nay độ người khó, rất khó! Ngày nay độ quý dễ, quý dễ độ hơn người, họ nghe lời, họ biết khổ. Chúng ta nói độ khác loài chúng sanh dễ, độ súc sanh dễ, độ cây cỏ hoa lá, những sinh linh này dễ. Thần cây, thần núi, thần đất đều dễ độ. Độ người vô cùng khó khăn. Những sự thật này chúng ta đều biết.

Trong hoàn cảnh này, đến thế giới Cực Lạc để thành Phật trước là tuyệt đối chính xác. Sau khi thành Phật người thế gian này thật sự hồi đầu muốn tu hành, muốn hồi đầu. Họ có thể ở thế giới Cực Lạc và trở lại, lên thuyền từ trở lại độ chúng sanh. Họ ở thế gian này đã đến thế giới Cực Lạc, và có duyên với thế gian này_Phật không độ người vô duyên_nên nhất định trở lại đây là thành tựu. Thật sự thành tựu nhất định tùy duyên. Có duyên ở thêm vài ngày là chuyện tốt, không có duyên thì về thế giới Cực Lạc thân cận Phật A Di Đà là việc tốt rất tốt.

Bên dưới lại nói: *“Thử Bồ Tát tùy thuận tịch tịnh, quán nhất thiết pháp bình đẳng chánh niệm. Bất vi chư pháp, tùy thuận thâm nhập, nhất thiết chư pháp thâm nhập. Trực tâm phân biệt chư pháp, tu bình đẳng quán. Thâm nhập cụ túc, thị vi đệ nhị thuận nhân”*.

Thuận nhân chính là nhu thuận nhân mà chúng ta đã nói trong đoạn kinh trước. Bồ Tát này tùy thuận tịch tịnh, tâm thường an trú trong tịch tịnh. Nói cạn một chút thì nhất định không có trôi nổi, tâm của họ là định. Trong thuận cảnh không sanh tham luyến, trong nghịch cảnh không sanh sân nhuế. Họ có thể duy trì thanh tịnh bình đẳng, không bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển. Ngoại cảnh không thể làm ảnh hưởng đến họ.

Đây là công phu, nhân là công phu thiên định, tương đương với công phu thiên định. Vì sao họ có định công như vậy? Ở dưới đã nói ra: *“quán nhất thiết pháp bình đẳng chánh niệm”*. “Quán” là nhìn thấu suốt. Họ đối với tất cả pháp đều nhìn thấu suốt. Tất cả pháp là pháp bình đẳng. Tất cả pháp không sanh là

pháp bình đẳng, không sanh thanh tịnh nhiễm ô, không sanh thiện ác, không sanh chánh tà. Quý vị từ nhất niệm để xem thì tất cả pháp không sanh, nghĩa là ngay tại đây, không có quá khứ vị lai, không có tha phương hay thử giới. Dùng cách nói hiện nay thì không có thời gian và không gian. Thời gian và không gian là giả, không phải thật.

Thời gian và không gian từ đâu mà có? Từ phân biệt mà có. Rời phân biệt thì thời gian và không gian sẽ không còn, các nhà khoa học nói là không gian duy thứ. Không gian duy thứ từ đâu mà có? Vì sao trong thiên định có thể đột phá không gian duy thứ, không còn nữa? Từ đó chúng ta sẽ biết rằng, không gian duy thứ là từ phân biệt chấp trước sanh ra, buông bỏ phân biệt chấp trước thì không gian duy thứ cũng không còn. Các nhà khoa học đã chứng minh không gian duy thứ là tồn tại và rất phức tạp. Số lượng không có biên giới.

Ngày nay con người chúng ta sống trong không gian duy tâm. Không gian duy thứ càng cao, năng lượng càng lớn hơn chúng ta. Như loại kiến và những loại côn trùng bò bay cựa động, những loại côn trùng cựa động này chung sống là không gian duy nhị. Nó chỉ có dài rộng mà không có cảm xúc độ cao. Điều là từ phân biệt chấp trước mà sanh khởi. Đức Phật có thể biết rất nhiều việc. Ngài học từ đâu? Trong kinh nói, ngài đích thực có 12 năm tham học. 19 tuổi xuất gia, rời xa cuộc sống vinh hoa phú quý để ra đi tham học. Sống cuộc đời khổ hạnh tăng 12 năm. Thời Ấn Độ cổ, nghĩa là Ấn Độ đương thời tôn giáo vô cùng phát triển. Triết học Ấn Độ đứng đầu thế giới, ngài sanh ra trong hoàn cảnh này. Những bậc cao nhân này đều tu thiên định. Tứ thiên bát định, không phải phương pháp tu học Đức Thế Tôn sáng tạo mà là Bà la môn thời xưa truyền lại. Cổ Bà la môn so với Đức Thế Tôn sớm hơn ít nhất một vạn năm. Nên tôn giáo Ấn Độ đều tu tứ thiên bát định, các học phái của Ấn Độ cũng tu tứ thiên bát định. Những người này đối với tình hình trong lục đạo họ rất rõ ràng. Trên từ cõi trời phi tướng phi phi tướng xứ, dưới đến địa ngục A tỳ không có gì họ không biết. Nên họ biết là cảnh giới hiện lượng, chứ không phải đứng về lý mà suy đoán, không phải. Là tận mắt nhìn thấy là tự mình tiếp xúc được, như vậy có thể giả được chăng?

Không phải chỉ một người có bản lĩnh này, mà người có bản lĩnh này rất nhiều. Tuy như vậy nhưng vấn đề không thể giải quyết. Lục đạo đã rõ, đã nhìn

thấy, nhưng lục đạo từ đâu mà có? Vì sao có lục đạo? Ngoài lục đạo còn có thế giới chãng? Không ai có thể trả lời. Nên Đức Thế Tôn đem sở học 12 năm buông bỏ hết, nhập định dưới cây Tất Bát La, nhập sâu vào thiền định. A la hán định thứ chín, định thứ mười, mười một và cứ như vậy đi lên, chúng ta nghĩ đến cuối cùng là tự tánh bản định. Diệu giác quả vị chúng được tự tánh bản định, đại triệt đại ngộ, kiến tánh thành Phật. Tất cả pháp hoàn toàn thông suốt. Sau khi xuất định, vì Đức Phật thành đạo dưới cây Tất Bát La nên về sau cây này gọi là cây Bồ đề, để tưởng nhớ đến ngài, hiện nay cây bồ đề này vẫn còn.

Ngài biểu diễn cho chúng ta thấy buông bỏ 12 năm học chính là buông bỏ sở tri chướng. Đức Phật nói chướng ngại có hai loại lớn, một là phiền não chướng, hai là sở tri chướng. 19 tuổi xuất gia, ngài thị hiện là vứt bỏ phiền não chướng_đã buông bỏ. Buông bỏ sở học 12 năm, sở tri chướng xả bỏ tức là hai chướng đều đã buông. Minh tâm kiến tánh, chướng ngại không còn. Học quá nhiều cũng không tốt, học nhiều thì sở tri chướng càng sâu dày, nó chướng ngại sự khai ngộ, chướng ngại ta chứng quả. Vì thế chư vị cổ đức truyền lại là “thâm nhập một môn, huân tu lâu dài”. Trong này có đạo lý rất to lớn!

Học tập là việc tốt nhưng đừng rơi vào sở tri chướng. Học là gì? Là tri thức, nó làm chướng ngại trí huệ, chướng ngại kiến tánh. Tri thức không thể giải quyết vấn đề, trí huệ mới có thể giải quyết vấn đề. Trí huệ từ đâu mà có? Từ giới định huệ. Chúng ta học một bộ kinh chính là trì giới, không học bộ thứ hai, đây gọi là trì giới. Một bộ kinh học ba đến năm năm sẽ được định, tâm không tán loạn. Khi đã ngộ thì những điều chưa học cũng thông suốt. Một kinh thông thì tất cả các kinh đều thông. Một pháp môn thông thì tất cả pháp môn đều thông, bình đẳng chánh niệm. Phương pháp này trong nhà Phật đã dùng 3000 năm, hiện nay con người không dùng nữa, không dùng nên rất loạn. Học phương pháp của khoa học phương tây. Phương pháp khoa học là tri thức không phải trí huệ. Phương pháp khoa học như các nhà lượng tử lực học hiện nay không tậ, hiểm có, họ cũng một lòng nghiên cứu mới có thành tựu như thế.

Ngày nay giới khoa học đều hướng đến hai cực đoan để phát triển, một là hồng quan vũ trụ, hai là lượng tử lực học, phát triển hai cực đoan này. Hồng quan vũ trụ là quan sát thái không. Các nhà vật lý học, báo cáo của họ về hư không viết

rất hay, họ nói rằng hiện nay máy móc khoa học thiên văn có thể quan sát được vũ trụ là đại vũ trụ. Trên thực tế chỉ là một phần mười của vũ trụ, còn lại chín phần không thấy. Quan sát vũ trụ không ngừng mở rộng, mở rộng đến biên giới nhưng không thấy, không nhìn thấy nữa. Họ nói là 90 phần trăm, có thể quan sát được mười phần trăm, còn 90 phần đó không thấy. Họ không biết nhưng chúng ta biết. Đây chính là Phật pháp cao hơn họ. 90 phần đó đi về đâu? Trở về với tự tánh. Trở về tự tánh thì tất cả hiện tượng đều không còn. Quý vị quan sát nhất định phải có hiện tượng, nhưng nó không có hiện tượng, nó không phải hiện tượng vật chất, không phải hiện tượng tinh thần, cũng không phải hiện tượng tự nhiên, như vậy quý vị quan sát điều gì? Nên chúng ta biết, các nhà lượng tử lực học quan sát được là nguồn gốc của hiện tượng vật chất, là ý niệm biến hiện ra, ý niệm là hiện tượng tinh thần. Nguồn gốc của hiện tượng tinh thần nên giải thích như thế nào? Là bịa đặt. Cũng rất khó được, thật không dễ.

Phật pháp nói hiện tượng tinh thần này từ đâu mà có? Từ tự tánh thanh tịnh viên minh thể. Nhưng tự tánh thanh tịnh viên minh thể chính là thường tịch quang nên nó không duyên đến được. Khi nào mới biết được nó? Buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước thì sẽ thấy được. Chưa buông bỏ nó chướng ngại khiến chúng ta không nhìn thấy. Buông bỏ là nhìn thấy, các nhà khoa học chưa buông bỏ chỉ là dùng toán học và lý luận để phát hiện. Sau đó lại dùng máy móc tinh vi quan sát và chứng thực. Trong kinh Đức Phật nói rất hay, dùng phương pháp này để nghiên cứu vũ trụ. Lớn có thể quan sát đến biên tế của vũ trụ, nhỏ có thể thấy được A lại da nhưng A lại da từ đâu mà có họ lại không biết. Đây chính là dùng tâm ý thức. Tức là thức thứ sáu, cảnh giới nó duyên tới rất giới hạn, không duyên được tự tánh. Minh tâm kiến tánh nhất định không thể dùng ý thức.

“Quán nhất thiết pháp bình đẳng chánh niệm”, đây chính là chánh tri chánh kiến mà trong kinh Hoa Nghiêm nói. “Bất vi chư pháp”. Vì sao vậy? Vì tất cả pháp ở trước đã nói nó thể của nó, tức là không. Tướng có tánh vô, sự có lý vô. Nó không chướng ngại sự. Chỉ cần không phân biệt, không chấp trước thì không có chút chướng ngại nào nên có thể tùy thuận. Trong hoàn Nguyên Quán nói tùy duyên. Tùy thuận chính là tùy duyên, tùy duyên thâm nhập. Có thể thấy được tất cả pháp nhưng vẫn thanh tịnh. Làm sao thấy được? Vì tâm thanh tịnh. Cảnh tùy

tâm chuyển, tâm thanh tịnh thấy tất cả pháp đều thanh tịnh, tâm bình đẳng thấy mọi pháp đều bình đẳng, cảnh tùy tâm chuyển. Vì cảnh giới này đích thực là tâm sở hiện, tất cả pháp đều do tâm hiện. Tâm là năng hiện, tất cả pháp là sở hiện. Nên tất cả pháp đang chuyển theo tâm. Nếu tâm chúng ta thiện thì cảnh giới thiện, nếu tâm ác thì cảnh giới ác.

Ngày nay địa cầu phát sinh vấn đề, khắp nơi đều là thiên tai. Đây là do nguyên nhân gì? Do tâm bất thiện. Có thể cứu địa cầu chăng? Có thể. Tiến sĩ Bồ Lai Đãng người Mỹ cũng nói là được. Cứu bằng cách nào? Ông ta đưa ra ba câu nói thật sự có thể cứu địa cầu. Thứ nhất là con người trên toàn thế giới bỏ ác làm thiện, chính là Phật pháp nói đoạn ác tu thiện. Câu thứ hai là cải tà quy chánh. Thứ ba là đoạn chánh tâm niệm. Ba câu 12 chữ này làm được thì xã hội được an định, thiên tai trên địa cầu không còn. Con người trên địa cầu này đông, nhưng tài nguyên lương thực không đủ dùng. Chúng ta biến chuyển tâm niệm, mong sao tài nguyên trên địa cầu không ngừng phong phú lên_cảnh tùy tâm chuyển. Tất cả pháp từ tâm tướng sanh. Đây là nguyên tắc nguyên lý chỉ đạo cao nhất mà Đức Phật dạy. Nếu chúng ta có thể hiểu được, thật có thể ngộ nhập, có thể y giáo phụng hành thì làm gì có chuyện không hạnh phúc! Làm gì có chuyện không viên mãn! Thật có thể giải quyết vấn đề.

Tất cả chúng sanh trên thế giới đều giống như anh em chị em một nhà vậy. Sống hoà đồng, tương thân tương ái, hai bên cùng hợp tác. Như vậy thì thế giới Cực Lạc liền hiện tiền. Thế giới Cực Lạc thành tựu ra sao? Ở trước chúng ta đã học rất nhiều, là nơi các vị thượng thiện như câu hội, nó là thượng thiện thành tựu. Như vậy thế giới hiện tại của chúng ta có thể nói là cực ác tạo thành là phản diện của thập thiện. Sát sanh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, hai lưỡi, ác khẩu, tham sân si tạo quá nhiều. Nên thế giới này mới biến thành như vậy. Nếu chúng ta hồi đầu, thật sự thực hành không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không lưỡng thiệt, không ác khẩu, không ỷ ngữ, không tham sân si thì thế giới này lập tức được thay đổi_cảnh tùy tâm chuyển.

Phật pháp có thể cứu thế giới. Cứu thế giới thì trước phải cứu được nhân tâm. Không bắt đầu cứu từ nhân tâm thì không còn cách nào khác, vì cảnh tùy tâm chuyển. Cảnh là tâm biến hiện. Tâm chúng ta hiện tại là bất thiện nên biến hiện ra

cũng bất thiện. Tâm thiện thì lập tức biến hiện ra điều là thiện. Thân thể nhiều bệnh là tâm bất thiện, nên tế bào biến thành độc bệnh. Nếu đã sửa đổi thành tâm thiện, những tế bào mang độc bệnh lập tức khôi phục bình thường, phục hồi bình thường tức là mạnh khoẻ. Chưa từng nghe nói có vị Phật Bồ Tát nào bị bệnh. Vì sao vậy? Vì các ngài tâm niệm đoan chánh, không có tà niệm, không có ác niệm nên không bị bệnh.

Tham sân si, Đức Phật gọi nó là tam độc. Độc gì? Độc bệnh. Tất cả căn nguyên của độc bệnh là tham sân si. Thay đổi được những điều này, không tham, không sân, không si, như vậy là đã nhổ sạch tận gốc của mầm bệnh. Bệnh tật hay bệnh truyền nhiễm như thế nào cũng không thể nhiễm đến được. Vì sao vậy? Vì thân thể chúng ta không mang độc bệnh. Nếu mang độc bệnh sẽ dễ nhiễm, người không mang độc bệnh không nhiễm được. Hiện nay nói là miễn dịch, là miễn dịch viên mãn. Đây chính là đối với thân thể mình, thân thể cũng là cảnh giới, cảnh tùy tâm chuyển. Hoàn cảnh cư trú của địa cầu vẫn là cảnh tùy tâm chuyển, cho đến thái không, hệ tinh tú, hệ thái dương, hệ ngân hà đều đang tùy tâm chúng ta mà chuyển, đều tùy ý niệm chúng ta mà chuyển. Ý niệm thanh tịnh, ý niệm thiện thì tất cả đều chuyển thành tốt đẹp. Tâm hành bất thiện ta liền thấy thiên tai. Đây là thật không phải giả.

Đức Phật thường nói, chúng ta cũng đọc rất nhiều là “trú tâm nhất xứ vô sự bất biến”. Chúng ta đem tâm để một chỗ Phật A Di Đà. Thân thể tôi không tốt, tinh thần không tốt, niệm Phật A Di Đà sẽ tốt hơn.

Hoàn cảnh cư trú của chúng ta ngày nay quá nhiều thiên tai, chúng ta chế tâm vào nơi Phật A Di Đà, nhất tâm niệm Phật A Di Đà thì nơi này không gặp thiên tai. Nên không tin là loại thứ nhất trong đại tùy phiền não. Không tin thì không còn cách nào khác. Thật tin, thật y giáo phụng hành thì nó thật khởi tác dụng, thật sự giúp ta giải quyết vấn đề.

“*Trực tâm phân biệt chư pháp*”. Phân biệt tức là không phân biệt. Phân biệt là gì? Mọi thứ đều rõ ràng, đây gọi là phân biệt. Như thế nào gọi là không phân biệt? Không có tâm phân biệt, đối diện các pháp nhưng không có tâm phân biệt, mọi thứ đều rất minh bạch, không có tâm phân biệt, không có chấp trước, không có chiếm hữu, không có khống chế. “*Tu bình đẳng quán*”. Tu bình đẳng quán

nếu không có cảnh giới thì bình đẳng này nên tu từ đâu? Trước nên tu bình đẳng quán trên người và việc, sau đó tu bình đẳng quán trên tất cả vạn pháp. Chính là thanh tịnh bình đẳng giác của đề kinh. Thanh tịnh là cảnh giới của A la hán. Bình đẳng là cảnh giới của Bồ Tát. Giác là cảnh giới của Đức Phật. Thanh tịnh bình đẳng giác là chân tâm của chúng ta, chính là Phật A Di Đà. Để Phật A Di Đà trong tâm. Về sự mà nói là Nam Mô A Di Đà Phật, về lý mà nói chính là thanh tịnh bình đẳng giác. Lý sự là một không phải hai. Thanh tịnh bình đẳng giác nghĩa là có thể chuyển cảnh giới. Thanh tịnh bình đẳng giác có thể giúp xã hội và thật sự có thể giải quyết vấn đề.

Hôm trước tôi thấy một bạn đồng học tải một đoạn tin trên mạng. Chủ tịch Hồ Cẩm Đào tiếp kiến tổng thống nước Pháp tại Trung quốc. Hồ Cẩm Đào nói với ông ta: “chiến tranh không thể giải quyết vấn đề.” Đây là thật không phải giả. Lịch sử có thể làm chứng. Giải quyết vấn đề là gì? Thanh tịnh bình đẳng giác có thể giải quyết vấn đề, không có di chứng về sau.

Chúng ta cần phải tiếp thu, cần nên tin tưởng. Giáo dục văn hoá có thể giải quyết vấn đề. Trung quốc mấy ngàn năm đều dùng phương pháp này. Người ngoại quốc học lịch sử Trung quốc không có ai không khâm phục. Đất nước lớn như vậy, nhiều dân tộc như vậy, nhân khẩu đông như vậy mà mấy ngàn năm nay nền trị an rất lâu dài. Dựa vào điều gì? Dựa vào dạy học. Vì thế dạy học có thể giải quyết vấn đề.

Một đất nước, thật sự muôn trị vì quốc gia tốt, giải quyết vấn đề xã hội, giải quyết vấn đề thiên tai nên thực hành phương pháp giáo dục. Có thể bồi dưỡng năm sáu mươi vị thầy giáo giỏi, chuyên môn dạy truyền thống văn hoá. Quốc gia bồi dưỡng năm sáu chục vị nhân tài không khó. Dùng một kênh truyền hình để dạy học cho toàn quốc. Suốt ngày 24 tiếng không gián đoạn. Thầy giáo thay phiên dạy bất cứ lúc nào mở kênh này đều có thể học được giáo dục. Tôi tin rằng một năm là xã hội an định. Khi xã hội an định thì nơi này thiên tai sẽ giảm ít, nhất định mưa thuận gió hoà, ngũ cốc phong phú, quốc thái dân an. Thật có thể làm được!

Ba năm 2006, 2007, 2008. Chúng tôi làm thí nghiệm ở thị trấn Thang Trì Lô Giang An Huy. Ở đó trong vòng ba năm không có thiên tai, trong khi các vùng

lân cận có thiên tai nhưng chỗ này không có. Thị trấn này có bốn vạn tám ngàn người, nhân tâm thật thà lương thiện, hiểu được hiểu thân tôn sư. Mọi người đều học Đệ Tử Quy, nam nữ già trẻ các ngành các nghề cùng nhau học. Thầy giáo dùng thân giáo dẫn đầu làm gương cho chúng ta thấy, đã dạy thành công. Không làm thí nghiệm mọi người không tin. Chúng tôi tham gia hội nghị hoà bình của Liên Hiệp Quốc đã viết nhiều bản báo cáo, báo cáo nhiều lần, mọi người nghe rất hoan hỷ nhưng không có lòng tin. Sau đó chúng tôi cùng ăn cơm nói chuyện, trong đó có vài người hỏi tôi, Pháp sư nói rất hay nhưng đây là lý tưởng không làm được. Như vậy là sao? Là bất tín trong đại tuỳ phiền não, như vậy thì không còn cách nào khác. Ép chúng tôi như thế nào? Không thể không làm thí nghiệm, tìm một nơi làm thí nghiệm làm ra mọi người mới tin được. Chúng ta có thể nói đây là đức của tổ tông.

Người Trung quốc dạy truyền thống văn hoá tuy đã lãng quên hơn 100 năm. Nhưng nền tảng sâu dày, vượt ra ngoài dự định của chúng tôi. Chúng tôi vốn nghĩ ở đây dạy học làm thí nghiệm cũng chưa nắm chắc. Các thầy giáo cùng nhau nghiên cứu, chắc cũng mất từ hai đến ba năm, khoảng thời gian đó mới có thể thấy chút hiệu quả. Không ngờ ba tháng hiệu quả vượt trội, chẳng ai không kinh ngạc. Sao lại như vậy! Các thầy giáo trình bày tình hình với tôi, tôi cũng giật mình. Con người sao lại dễ dạy như thế! Đáng tiếc chính là không ai dạy. Chứng minh lời các bậc cổ đức nói là tánh con người vô thiện. Câu đầu tiên trong Tam Tự Kinh là “nhân chi sơ tánh bản thiện”, đã chứng minh được điều này.

Bản tánh của người ác là thiện, không phải ác. Ác chỉ là mê hoặc nhất thời nên khi dạy họ lập tức hồi đầu, lương tâm đã thức dậy. Nên giáo dục rất hữu ích, có thể trị quốc bình thiên hạ. Vì thế người xưa thường nói thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Ở trước nó còn có hai nền tảng. Thứ nhất là cách vật_chấn chỉnh, dùng cách nói như hiện nay là buông bỏ dục vọng thì tâm mới được thanh tịnh. Cách là cách đấu_vật lộn. Đấu với ai? Đấu với dục vọng của chúng ta. Lương tâm và dục vọng đấu với nhau. Chiến thắng dục vọng, tôn sùng đạo đức. Mục đích trước sau là cầu học. Không có chân thực học vấn thì không làm được gì cả.

Người có dục vọng nhiều thì rất khó thành tựu đức hạnh và học vấn đó là chướng ngại, nên việc đầu tiên là buông bỏ dục vọng, tiết dục tâm thanh tịnh, như vậy thì học nghiệp và đạo nghiệp rất dễ thành tựu. Vì thế dạy học không khó. Chúng tôi tìm không ra chỗ thí nghiệm. Tôi rất muốn tìm một quốc gia để làm thí nghiệm. Người lãnh đạo quốc gia cần phải đồng ý tư tưởng này của chúng tôi, mời năm sáu mươi vị giáo sư chuyên môn học tập truyền thống văn hoá. Học tập luân lý, đạo đức, nhân quả, tôn giáo. Dùng cách dạy từ xa, mỗi ngày dùng ti vi, dùng mạng internet để phát chương trình. Là bài học giáo dục của Thánh hiền. Trên kênh truyền hình có thể dùng tựa đề là bài học giáo dục của thánh hiền.

Trước đó, khi tôi phỏng vấn ở Trung quốc. Ông Trần Đại Hội tìm tôi đến phỏng vấn, làm một bài phỏng vấn, đề mục là “Đồng lòng cứu vãn nguy cơ”. Sau đó ở HongKong cũng làm một lần tập hai. Năm ngoái, hình như ở Malaysia chúng tôi cũng làm một lần tại Kiệt Long Ba. Đại khái là ghi âm được bảy tiếng. Đặt đề mục cho nó là “Đồng lòng cứu vãn nguy cơ tập ba”. Việc này Mã Cáp Dịch biết, ông là cựu thủ tướng trước đây. Ông giúp chúng tôi đổi tên thành “Giáo dục cứu vãn nguy cơ”. Đổi rất hay “Giáo dục cứu vãn nguy cơ” lại càng rõ ràng hơn. Tôi hợp tác với ông ta. Tôi nói giáo dục hiện nay giáo dục nhà trường quá nhiều. Giáo dục gì? Ở trước cần phải thêm hai chữ Thánh hiền giáo dục, “giáo dục Thánh hiền cứu vãn nguy cơ”. Lúc đó ông ta mới đi phỏng vấn nước ngoài về nên hơi mệt nếu không thì ông ta đã tham gia. Tôi nói lần sau, lần sau có cơ hội chúng ta cùng nhau bàn luận về vấn đề này.

Đích thực nếu chúng ta quay lại giáo dục thánh hiền thì xã hội được cứu, thế giới được cứu. Người phương tây nghĩ phương pháp này là lợi dụng chiến tranh, vũ lực, không giải quyết được vấn đề. Tư duy đó là sai lầm. Tiến sĩ Thang Ân Tử nói học thuyết Khổng Mạnh, không có ai phản đối. Các dân tộc khác, tôn giáo khác nhau tôi đều tiếp xúc và đưa ra vấn đề này không ai phản đối. Học thuyết Khổng Mạnh là gì? Tôi đưa ra bốn chữ “nhân nghĩa trung thứ”. “Nhân” là thương người. Tôi thương mình cũng thương người khác, suy bụng ta ra bụng người nên không ai phản đối. “Nghĩa” là gì? Nghĩa là hợp lý, tư tưởng, hành vi hợp tình, hợp lý, hợp pháp thì mọi người đều tán thán. “Trung” là gì? Trung là ở giữa, không thiên lệch, không tà nguy gọi là trung. Chúng ta dùng tâm không thiên lệch không

tà nguy để xử sự đối nhân tiếp vật. “Thứ” là gì? Hiện nay con người lãng quên giáo dục truyền thống và giáo dục thánh hiền hơn 100 năm nay. Tâm không có nơi trở về, không nơi nương tựa nên làm rất nhiều điều sai trái. Đối với những người tạo những tội nghiệt này ta nên dùng tâm như thế nào? Tha thứ cho họ. Như Phu Tử nói “thành sự bất thuyết”. Họ đã làm rồi không nên nhắc lại. “Toại sự bất gián”, không phải việc tốt, họ nhất định sẽ làm thành công, không nên khuyên họ. “Ký vãng bất cứu”, việc đã qua thì nên bỏ qua. Như vậy tâm mọi người đều an định lại. Vì sao vậy? Chưa tiếp thu giáo dục luân lý đạo đức nên họ không biết, không hiểu. Bây giờ chúng ta bắt đầu cùng nhau học tập, dù có làm việc sai lầm đến đâu cũng nên bỏ qua hết, không nên truy cứu. Đây là đạo thứ tha, như vậy tốt chăng? Nhiều người nghe đều khen là tốt, phương pháp này rất tốt. Trong an định khôi phục sự êm ấm, hồi phục luân lý. Khôi phục giáo dục đạo đức phải từ trong sự an ổn. Nếu nói truy cứu thì dùng trừng phạt, như vậy xã hội sẽ loạn. Không phải là phương pháp tốt, nhất định phải dùng tha thứ.

Chúng ta làm sai, hy vọng người khác tha thứ. Thì chúng ta cũng nên nghĩ rằng người khác làm sai, chúng ta cũng nên tha thứ cho họ. “Chân thành từ bi” của đại thừa Phật pháp với “nhân nghĩa trung thứ” ý nghĩa giống nhau. Tiến sĩ Thang Ân Tử đã nói, giải quyết vấn đề xã hội hiện tại, ông ta đề xuất học thuyết Khổng Mạnh và Phật pháp đại thừa. Trong học thuyết Khổng Mạnh và Phật pháp đại thừa chúng ta tìm ra bốn chữ. Tám chữ là có thể giải quyết vấn đề, bất luận là vấn đề cá nhân, vấn đề gia đình, vấn đề công ty hay vấn đề của toàn xã hội. Tám chữ này có thể giải quyết tất cả.

Không thể dùng trừng phạt, không thể dùng luật pháp, không thể dùng quân đội. Những thứ đó càng làm càng tội tệ. Nó như bác sĩ trị bệnh. Cần phải biết nguyên nhân của bệnh. Biết được nguồn gốc của bệnh thì tùy bệnh mà cho thuốc.

“Nhân nghĩa trung thứ, chân thành từ bi”, liều thuốc này rất có hiệu quả. Tinh tấn tu tập, vấn đề mới thật sự được giải quyết. Chúng tôi cũng muốn ở đây tìm một mảnh đất để xây dựng một thôn nhỏ, thị trấn nhỏ, chúng ta đến làm thí nghiệm, nghĩa là dùng tám chữ này. Trong thị trấn nhỏ này mọi người cùng nhau sinh hoạt, mỗi người đều thực hiện tám chữ này. Siêng năng hành trì Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp, nghĩa là dùng ba loại này để thể hiện “nhân

nghĩa trung thứ”, thể hiện “chân thành từ bi”. Làm tấm gương tốt cho thế nhân noi theo. Điều này không khó.

Đầu tiên chúng ta cần phải mời chư vị đồng học của Tịnh độ. Mọi người cùng nhau học Phật, nghe kinh, niệm Phật cũng mấy năm nay, khi tuổi lớn về hưu, mọi người sống cùng nhau. Trước là thành lập một thôn nhỏ, về sau người nhiều từ từ trở thành một thị trấn nhỏ, người nhiều hơn nữa thì trở thành thành thị, người sống trong này sẽ thực hành tám chữ này.

“Tu bình đẳng quán, thâm nhập cụ túc, thị vi đệ nhị thuận nhân. Thử tức nhu thuận nhân dã”. Trong kinh này nói là “nhu thuận nhân”. Bên dưới là nói vô sanh pháp nhân.

Hết giờ rồi, đoạn này chúng ta để lại ngày mai tiếp tục học. Hôm nay chúng ta chỉ học đến đây.

Tập 363

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 06.04.2011

Địa điểm: Tịnh Tông Học Viện _Úc Châu

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 428, bắt đầu xem câu cuối cùng hàng thứ tư từ dưới đếm lên.

“Hựu viết, thử Bồ Tát bất kiến hữu pháp sanh, bất kiến hữu pháp diệt. Hà dĩ cố? Nhược bất sanh tắc bất diệt, nhược bất diệt tắc vô tận. Nhược vô tận tắc ly cấu, nhược vô cấu tắc vô hoại. Nhược vô hoại tắc bất động, nhược bất động tắc tịch diệt địa. Thị vi đệ tam vô sanh pháp nhân”.

Đây là kinh văn trong Lục Thập Hoa Nghiêm, Phẩm Thập Nhãn. Đây là bất động địa, trên bát địa. Bồ Tát này không thấy có pháp sanh. Pháp là tất cả pháp, bao gồm thế gian pháp và xuất thế gian pháp. Nói cách khác họ không thấy tất cả pháp sanh. Không thấy sanh đương nhiên cũng không thấy diệt, tất cả pháp không sanh không diệt, không có sanh diệt.

Đạo lý này trong kinh Hoa Nghiêm và trong Hoàn Nguyên Quán chúng ta đã học qua rất nhiều. Đúng là chân tướng sự thật. Trong đại thừa bát nhã nói thật tướng các pháp, thực sự là như vậy. Đặc biệt rõ ràng chính là báo cáo của Bồ Tát Di Lặc với Đức Thế Tôn, một khảy móng tay có 32 ức một trăm ngàn niệm, niệm niệm thành hình, hình đều có thức. Ở đây nói lên điều gì? Là nói tất cả pháp không sanh không diệt. Từ mấy câu kinh văn này, nghĩa là trong đối thoại của Bồ Tát Di Lặc thì ta hoàn toàn hiểu rõ.

Nếu thật sự không sanh không diệt, không có sanh diệt. Chúng ta nói không sanh không diệt sẽ không có chút ý nghĩa nào. Không sanh không diệt là ý gì? Có thể nhìn thấy sanh diệt chính là không sanh diệt. Sanh nghĩa là bất sanh, diệt nghĩa là bất diệt. Như vậy là đã thấy chân tướng sự thật. Khi thấy được chân tướng sự thật này thì tâm liền định, tâm được an, không có chút trôi nổi nào, chúng ta sẽ thấy được tự tánh, thấy được tướng tịch diệt của nhất chân pháp giới, nó vốn thanh tịnh tịch diệt. Hiện tại thì sao? Hiện tại vẫn là thanh tịnh tịch diệt. Ngày nay xã hội động loạn, địa cầu thiên tai, nhưng hàng Bát địa Bồ Tát vẫn xem như là tướng tịch diệt, chúng ta thấy như long trời lở đất, còn các ngài thấy là tướng tịch diệt. Đạo lý này không dễ hiểu.

Chúng ta quan sát từ tốc độ năng động của tất cả pháp thì có thể lãnh hội được một chút. Ta có hai chiếc xe, hai chiếc xe này chạy trên đường tốc độ bằng nhau, thấy mọi người đều như bất động. Nếu tốc độ có nhanh chậm khác nhau thì tốc độ này vô cùng rõ ràng, chiếc này chạy nhanh còn chiếc kia chạy chậm. Cùng một đạo lý, hai chiếc máy bay sắp ngang hàng và bay tốc độ giống nhau. Quý vị không thấy tôi động, tôi cũng không thấy quý vị động. Nói cách khác nếu có người có thể đem tần suất tốc độ, nâng cao lên như Bồ Tát Di Lặc nói, một khảy móng tay có 32 ức một trăm ngàn niệm. Họ liền thấy được mỗi ý niệm đều bất

động. Vì sao vậy? Vì tốc độ bình đẳng nên họ thấy bất động. Đạo lý này không khó hiểu!

Tất cả hiện tượng như hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần cho đến hiện tượng tự nhiên, toàn bộ đều là dao động. Tốc độ nhanh chúng ta không sao tưởng tượng được, trong kinh nói thật không thể nghĩ bàn. Trong tần suất chấn động cao này quý vị nhìn thấy tất cả pháp là đứng yên, bất động, tất cả pháp không sanh, nó sanh thì lập tức nó diệt, hầu như là sanh diệt đồng thời. Có hiện tượng sanh diệt chẳng? Có! Sao nói nó đồng thời? Sanh diệt bất nhị, sanh diệt nhất như. Chân tướng sự thật này chính là thật tướng các pháp, chân thật tướng mà trong kinh đại thừa nói.

Công phu thiền định của bát địa, cũng có nghĩa là tần suất giao động của họ và tần suất của tất cả pháp đều ngang nhau là đã nhìn thấy. Hương tiếp lên trên đến cửu địa, thập địa, thập nhất địa, diệu giác thì càng nhìn càng thấu triệt. Biết được nó vốn như thế nào. Thì ra là vọng động. Dao động này và tự tánh không có liên quan. Tự tánh vĩnh viễn bất động. Khi ngài Huệ Năng kiến tánh nói: “đâu ngờ tự tánh vốn không dao động”. Chứng minh trong kinh đại thừa thường nói “tự tánh bản định”, đây là cứu cánh quả Phật chứng được. Vì sao vậy? Vì không động không hiện tướng, động mới hiện tướng. Tự tánh không động nên không hiện tướng. A lại da động nên A lại da hiện tướng. Nghiệp tướng của A lại da là hiện tượng tự nhiên. Chuyển tướng của A lại da, các nhà khoa học gọi nó là tin tức, gọi là tâm niệm, ý niệm trong tâm, nghĩa là hiện tượng tinh thần. Tất cả vật chất mà tiền ngũ thức tiếp xúc, nhãn nhĩ tỷ thiệt thân tiếp xúc với sắc thanh hương vị xúc, và pháp. Pháp một nửa là tinh thần một nửa là vật chất, đây đều là hiện tượng vật chất nên lục căn và lục trần toàn là hiện tượng vật chất. Tự tánh không có, không có gì cả nhưng nó có thể hiện. Nên không thể nói tự tánh là không. Đại sư Huệ Năng nói rất hay: “đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”. Đây chính là nói khi nó không khởi tác dụng, trong tự tánh đầy đủ mọi thứ, tuy nó không hiện tướng nhưng nó không thiếu gì cả. Khi nó khởi tác dụng thì “năng sanh vạn pháp”. Cũng chính là như chúng ta nói cả ba loại hiện tượng này đều xuất hiện. Bản thể của ba loại hiện tượng này là tự tánh. Không thể nói nó có cũng không thể nói nó không. Nói có hay nói không đều sai cả.

Bên dưới giả thiết một vấn đề. “*Hà dĩ cố*”, là vì sao. Vì sao Bồ Tát này không thấy có pháp sanh, không thấy có pháp diệt? Bên dưới giải thích: “*nhược bất sanh tắc bất diệt*”. Không sanh làm gì có diệt? “*Nhược bất diệt tắc vô tận*”, vô tận là pháp tánh, chỉ có pháp tánh là vô tận. Nó không cùng tận cũng không có cạn sâu, đây gọi là vô tận. Vũ trụ không có biên giới. Người xưa nói: “Kỳ đại vô ngoại, kỳ tiểu vô nội”, ý của nó đều là vô tận. “Kỳ đại vô ngoại”, nghĩa là vũ trụ không tận cùng, không có biên tế. Vũ trụ có thể nhìn thấy hiện tượng, chỉ có hiện tượng mới có thể nhìn thấy.

Chúng ta nói hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần. Có hiện tượng mới có thể nhìn thấy. Đặc biệt là khoa học ngày nay. Khoa học nếu không có hiện tượng thì họ không nhìn thấy, trong lục đạo họ có thể thấy được sắc giới, nhưng họ không thấy được vô sắc giới. Vô sắc giới không có hiện tượng vật chất nhưng nó có hiện tượng tinh thần nên không có biên giới_Kỳ tiểu vô nội. Điều này không dễ hiểu, nhỏ làm sao đến vô nội? Điều này trong kinh Phật có nói. Như thế nào gọi là vô nội? Vi trần rất nhỏ, trong Phật pháp nói là cực vi chi vi, ngày nay gọi là tiểu quang tử. Tiểu quang tử lớn cỡ nào? Là một tiểu thể. Tiểu thể rất nhỏ còn nhỏ hơn nguyên tử, là một phần một trăm ức của một tiểu thể. Đây là các nhà khoa học hiện đại đo lường ra. Vật nhỏ như vậy, một phần một trăm ức của một tiểu thể, đức Phật nói trong đó có thế giới. Thế giới bao lớn? Lớn như vũ trụ ở bên ngoài. Thật không thể nghĩ bàn!

Thế giới trong hạt vi trần này nó lại có vi trần. Trong vi trần lại có thế giới, trùng trùng vô tận. Đây có nghĩa là vô tận gọi là kỳ tiểu vô nội. Khoa học hiện tại phát hiện ra vật nhỏ nhất chính là tiểu quang tử nhỏ một phần trên một trăm ức của tiểu thể. Đại khái chính là cực vi chi vi mà trong kinh Đức Phật đã nói. Không còn có thể phân, phân ra nữa là không còn. Trong đó có thế giới, có tin tức viên mãn của biến pháp giới hư không giới.

Quý vị xem hiện nay một cái thẻ nhớ nó chỉ lớn bằng móng tay, trong đó dung nạp rất nhiều tài liệu, như một bộ Đại Tạng Kinh, một bộ Tứ Khố Toàn Thư đều dung nạp vào trong đó, như vậy vẫn chưa hy hữu. Đức Phật nói trong vật vi tế của vi tế, nó dung nạp thông tin của toàn thế giới, không phải toàn thế giới, mà biến pháp giới hư không giới, không sót một thông tin nào, tất cả đều ở trong đó.

Chúng ta cần phải biết mỗi tế bào của thân thể này, tế bào rất lớn, tế bào chính là những lượng tử, nhiều lượng tử tích tụ thành. Trong mỗi lượng tử đều bao hàm biến pháp giới hư không giới. Nếu nói một người như chúng ta nếu không biết biến pháp giới hư không giới quá khứ vị lai, làm gì có đạo lý này? Chúng ta biết hết. Tại sao hiện nay không biết? Vì hồ đồ mê muội. Vì sao đức Phật có bản lĩnh lớn như vậy? Vô bất tri, vô bất năng? Vô bất tri thì mỗi người chúng ta vốn có. Vô bất năng thì tự tánh vốn có. Chúng ta vốn là vô bất tri vô bất năng, giống như Chư Phật Như Lai vậy. Hiện nay ra nông nổi này là do mê thất tự tánh, chứ chẳng phải máy móc không linh thông, máy móc rất linh thông. Ý muốn nói là thân thể này của chúng ta, trong mỗi tế bào, mỗi phân tử, thậm chí mỗi tiểu thể, nói đến cuối cùng là mỗi quang tử, một tiểu thể có 100 ức quang tử, 100 ức quang tử tổ hợp thành một tiểu thể, mỗi quang tử đều đầy đủ tất cả thông tin trong biến pháp giới hư không giới. Từ đây chúng ta sẽ hiểu vì sao Bồ Tát phải nỗ lực tu học để nâng cao vị trí của mình. Đạo lý chính là ở chỗ này. Cảnh giới càng nâng cao thì trí huệ đức năng trong tự tánh càng hiển lộ. Đến cứu cánh quả vị là diệu giác vị, cũng hiển lộ ra hết. Không phải học được, những điều này không học được, nó là bản năng của chính mình, chúng ta vốn có. Phật pháp đại thừa, không có thứ nào ta học từ bên ngoài cả. Học bên ngoài gọi là ngoại tâm cầu pháp đó là ngoại đạo. Đức Phật không dạy người cầu bên ngoài, ngài chỉ dạy hướng nội để cầu. Nên Phật pháp gọi là nội học, kinh Phật gọi là nội điển. Tất cả đều hướng nội không hướng ngoại. Chứng tỏ tất cả vốn đầy đủ trong tự tánh. Chúng ta với Chư Phật Như Lai không có gì khác. Điều này tất cả Chư Phật đều thừa nhận. Tất cả chúng sanh đều có đức tướng của Như Lai các ngài thừa nhận.

Thực tế chúng ta quá mê muội, mê quá lâu. Không sợ mê, quá mê muội hay mê lâu dài cũng không sợ. Trong kinh Đức Phật đưa ra một ví dụ, mê muội này ví như căn nhà tối một ngàn năm, phòng này rất kín, ánh sáng mặt trời mặt trăng đều không chiếu vào được, cũng không có đèn, hoàn toàn một mảng tối đen. Thời gian bao lâu? 1000 năm. 1000 năm tối tăm nhưng chỉ cần thắp một ngọn đèn liền chiếu sáng, bóng tối sẽ không còn. Điều này nói rõ, chỉ cần ta giác ngộ thì mê sẽ không còn. Dùng mê ví như bóng tối, ví giác ngộ như ánh sáng ngọn đèn. Vậy tại sao chúng ta không giác. Chứng ngại tánh đức của chúng ta, tánh đức là trí huệ,

đức năng tướng hảo là tánh đức. Chương ngại của ta đã trở ngại nó nên trí huệ đức tướng không thể hiện tiền.

Nhìn thấy thế giới tây phương Cực Lạc tốt đẹp như vậy là tự tánh hiện ra, đó là đức năng của tự tánh không có gì gọi là hy hữu. Chúng ta đến thế giới Cực Lạc, nói thế giới Cực Lạc này là của Phật A Di Đà. Được, nói như vậy cũng không sao, nhưng nói thế giới đó là của chúng ta cũng được. Vì sao vậy? Vì chúng ta và Phật A Di Đà thực sự là một không phải hai. Đây là chân tướng sự thật, là cảnh giới không thể nghĩ bàn. Tu học đại thừa đối với những gì trong kinh Phật nói cần phải năng tín, năng giải. Điều này chính là có nhân duyên với Phật rất sâu, đã đầy đủ điều kiện học Phật. Nâng cao cảnh giới của mình và nhập vào cảnh giới chư Phật, bí quyết chính là buông bỏ. Căn bệnh lớn của chúng ta chính là không buông bỏ được.

Nguyên nhân đầu tiên không buông được chính là coi thân này là của mình. Mọi lúc mọi nơi, khởi tâm động niệm đều nghĩ cho thân này, đều vì bản ngã này mà nghĩ, tự tư tự lợi, như vậy là mê quá nặng nề. Nghĩ mình cũng nghĩ đến người khác, không tề, tâm lượng đã lớn hơn một chút rồi đó. Họ có thể thay cho người khác nghĩ, đã nâng cao hơn một bậc nhưng vẫn mê hoặc điên đảo! Thật sự có thể khởi tâm động niệm nghĩ cho biến pháp giới hư không giới đó chính là tâm đại thừa, là tâm của Bồ Tát. Không vì phiến diện mà vì biến pháp giới hư không giới. Vì sao vậy? Vì tâm lượng của chúng ta nó vốn lớn như vậy. Tâm lượng của chúng ta có thể bao trùm cả hư không pháp giới, đó là tâm lượng vốn có của mỗi người chúng ta.

Loại thứ ba của ba loại chu biến trong Hoàn Nguyên Quán bao hàm không và có đó tức là nói tâm lượng. Lượng nhỏ không được, lượng nhỏ là mê quá sâu. Lượng lớn thì phước lớn. Trong thế xuất thế gian phước báo của Phật là lớn nhất. Chúng ta xưng ngài là Nhị Túc Tôn. Túc là viên mãn, hai loại viên mãn, trí tuệ viên mãn và phước báo viên mãn. Từ đâu mà có? Từ tâm lượng mà có. Tâm lượng của Phật lớn, không có gì không bao dung, nên trí huệ lớn, phước báo lớn. Tâm lượng của chúng ta vốn cũng lớn như vậy, nhưng hiện nay thì sao? Hiện nay mê muội. Sau khi mê tâm lượng ngày càng nhỏ, càng nhỏ càng đáng thương.

Tâm lượng nhỏ nhất là địa ngục, tâm lượng nhỏ nhất, không thể bao dung người khác.

Trong mười pháp giới càng lên cao thì tâm lượng càng lớn. Ngày nay tuy chúng ta chưa chứng được, tiếp xúc với kinh giáo và huân tu lâu ngày, nên chúng ta đối với sự và lý đều hiểu rõ. Minh bạch chính là nói nhìn thấu suốt. Công phu hiện nay chính là buông bỏ. Nhìn thấu mà không buông bỏ cũng không được, không giải quyết được vấn đề. Buông bỏ thì vấn đề liền được giải quyết, liền được viên mãn. Điều đầu tiên là buông bỏ tự ngã. Chư vị nên biết, buông bỏ tự ngã thiên tai sẽ không còn. Chúng ta nói nghiệp chướng rất nặng. Nếu không có bản ngã thì ai chịu nghiệp chướng này? Không ai chịu. Vậy thì nghiệp chướng cũng không có chỗ đứng. Có bản ngã, bản ngã tạo nghiệp, bản ngã mới chịu quả báo này. Không có ta thì vấn đề đã được giải quyết, giải quyết triệt để.

Tại sao phải chấp trước cái ta này. Quý vị thấy trong Phật pháp đại thừa nói, không thấy có pháp sanh. Pháp có nhiễm có tịnh, có thiện có ác, tất cả đều không có, cũng không có thiện pháp sanh, cũng không có ác pháp sanh, cũng không có thiện quả sanh, cũng không có ác báo sanh, tất cả đều không có. Đây là thấy được chân tướng. Người chưa nhìn thấu suốt, người chưa buông bỏ thì họ ở đó diễn kịch. Nó giống như cái bóng dưới ánh mặt trời vậy, không phải thật. Kinh Kim Cang nói “mộng huyễn bào ảnh”, quý vị có thể nhìn thấy chăng? Có thể nhìn thấy. Nhìn thấy những “mộng huyễn bào ảnh” rồi. Đây là ý nghĩa của vô tận.

Vô tận không chướng ngại sự. “*Nhược vô tận tắc ly cấu*”. Ở đây cấu là từ tượng trưng. Chúng ta không chịu ảnh hưởng của nó, không chịu sự khuấy rối của nó. Vì sao vậy? Vì nó là giả không phải thật. Bát tướng thành đạo của Đức Thế Tôn, trong đó có hàng ma. Đức Thế Tôn dùng phương pháp gì để hàng ma? Ma quá nhiều, vô lượng vô biên! Họ đối với chúng ta đều là uy hiếp dụ dỗ. Ở trong cảnh giới của họ mà động tâm là chịu thiệt ngay. Phương pháp hàng ma của Thế Tôn là như như bất động. Uy hiếp không được tôi, là giả không phải thật. Dùng lợi để mê hoặc tôi cũng không mắc bẫy. Vì sao vậy? Đó là giả không phải thật. Hay quá! Họ dụ dỗ rằng thế gian này là để cho hoàng đế, để cho quý vị làm hoàng đế, quý vị có động tâm chăng? Của cải quý vị có động tâm chăng? Ưc vạn trân bảo có động tâm chăng? Bồ Tát đích thực coi “phàm sở hữu tướng giai thị hư

vọng”, nên ngài như như bất động. Ma nhìn thấy chúng ta không động tâm họ liền bỏ đi, không còn làm phiền nữa. Chúng ta sẽ không chịu thiệt.

Tài sắc danh thực thùy, chỉ cần ta động tâm là vào bẫy ngay, sẽ rơi vào ma chướng, bị họ khống chế, mất đi tự do. Muốn tiến về phía trước là điều khó khăn, ngược lại còn bị thụt lùi. Như vậy ly cấu sẽ không bao giờ có, đã bị cảnh giới bên ngoài ảnh hưởng. “*Nhược ly cấu tắc vô hoại*”. Hoại là biến dị, có biến hoá, có thay đổi. Chỉ có tánh đức không biến dịch. Tánh đức người xưa nói là “Chỉ u chí thiện”. Chí thiện là bất biến. Người xưa nói bản tánh vốn thiện. Thiện này không phải là thiện đối với ác. Là từ tán thán, quá tốt. Lành thay lành thay, quá tốt. Không có chút khiếm khuyết nào.

“*Vô hoại tắc bất động*”. Điều này tương ứng với tịch diệt nhãn nên “*bất động tắc tịch diệt địa*”. Đây là vô sanh pháp nhãn của đại thừa. Chúng ta phải học, đặc biệt là trong thời đại hiện nay. Thời đại hiện nay sức cám dỗ quá lớn, phải biết rằng không nên để ý đến uy hiếp và cám dỗ bên ngoài. Vệ tinh và mạng internet là ma ba tuần khống chế là đạo tràng của họ. Khi tôi ở HongKong họ từng đến tìm tôi, chất vấn tôi. Hỏi tôi vì sao không thông báo với họ mà xâm phạm đạo tràng của họ. Lúc đó tôi nói không có, từ trước giờ chưa từng xâm phạm đạo tràng của ai cả. Lợi hay hại của bất cứ người nào xưa nay tôi không nghe cũng không hỏi. Họ liền chỉ ra, sau đó tôi đột nhiên nhớ lại, vệ tinh truyền hình là đạo tràng của họ, họ đang giáo hoá chúng sanh. Dạy điều gì? Dạy sát đạo tâm vọng, dạy bạo lực sắc tình. Là ma đang dạy.

Chúng ta cũng dùng vệ tinh, dùng mạng internet để truyền bá kinh điển, như thế là xâm phạm đạo tràng của họ, thực sự là không báo cáo với họ. Chúng ta thờ bài vị của họ, tôi ở đây thờ bài vị họ, bài vị của Ma Ba tuần. Tôi xin họ tha thứ, nhờ họ hộ trì Phật pháp. Tôi nói ông cũng có từ bi như chư Bồ Tát vậy, cũng may thế gian này còn có một vài người tốt muốn học Phật, ông cũng phải hộ trì họ. Người thích tạo nghiệp thì ông tận lực giúp họ tạo nghiệp. Người thích tu thiện thì ông cũng nên giúp họ tu thiện. Công bình một chút không nên thiên vị. Ông ta cũng rất hiểu lý lẽ nên chúng tôi cũng mời ông đến đây nghe kinh, chúng ta cùng nhau tu học.

Ở đây nhắc nhở chúng ta nếu thật sự muốn thành tựu nhất định không bị bên ngoài cám dỗ. Điều này rất khó, vô cùng khó khăn. Trong cuộc sống hằng ngày chúng ta quan sát tỉ mỉ xem người nào không bị cám dỗ? Món ăn này ngon ăn nhiều thêm chút, như thế là đã bị cám dỗ rồi. Món này không hợp khẩu vị nên không gắp miếng nào, không phải đã chịu cám dỗ rồi sao? Người khác khen ngợi vài câu, trong lòng vui sướng, mắng vài câu lại cảm thấy rất khó chịu. Như vậy tức là chịu sự chi phối của nó! Đây chính là đang khảo nghiệm.

Tôi học Phật bao nhiêu năm nay đều đem cảnh giới để khảo nghiệm mình. Từng giờ từng phút đều phải vượt qua bài thi này. Bài thi này là gì? Làm thế nào để có thể ở trong cảnh giới mà không động tâm. Người xưa nói và trong kinh điển cũng nói là lấy tâm bình thường để đối đãi. Bình là bình đẳng, thường là vĩnh viễn như vậy. Trong đó cần thiết là phải nhìn thấu suốt, nhìn thấu chúng ta nên ghi nhớ câu, “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”. Nếu thường xuyên nghĩ đến những lời Bồ Tát Di Lặc nói, một khủy móng tay có 32 ức một trăm ngàn niệm, niệm niệm thành hình, hình đều có thức thì sẽ hiểu. Như trong Bát Nhã Tâm Kinh nói: Bồ Tát Quán Tự Tại nhìn thấy năm uẩn đều là không. Năm uẩn là gì? Chính là tiểu quang tử. Chính là một niệm mà Bồ Tát Di Lặc nói.

Quý vị thấy, một niệm nó có hình, hình là sắc, nó có thức, thức là thọ tướng hành thức, nó có những thứ này, nghĩa là có tinh thần, đây chính là ngũ uẩn. Đó là gì? Là nền tảng cơ bản của tất cả vật chất và tinh thần, là nền tảng là nhỏ nhất. Ở đây Bồ Tát Quan Âm đều thấy là không. Tất cả hiện tượng tinh thần, hiện tượng vật chất đều là một hợp tướng. Kinh Kim Cang nói như vậy đều là chúng tổ hợp thành. Nền tảng là không, dù tổ hợp có tốt thì tất cả cũng đều là không, không có thứ gì chẳng phải là không. Nên trong kinh Bát Nhã nói đều là thật: “nhất thiết pháp, vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc.” Trong cảnh giới này tự tại biết bao !

Chúng sanh có khổ có nạn chúng ta đều nhìn thấy. Chúng ta biết khổ nạn từ đâu mà có, chúng ta cũng biết làm thế nào để tránh khỏi những khổ nạn này. Họ không chịu nhận, biết! Chính mình có bị phiền nhiễu chẳng? Không bị. Dù làm nhiều việc tốt đi chăng nữa thì cũng chỉ là Phật sự trong mộng, đạo tràng như trăng dưới nước, không có thật nên vĩnh viễn là như như bất động. Điều đầu tiên

của tứ đức trong Hoàn Nguyên Quan là tùy duyên diệu dụng. Tùy duyên chính là gặp được, gặp được tức có duyên, cần làm thì làm, không cần làm thì thôi. Bất luận là làm hay không làm, tuyệt đối không bị nhiễu loạn, trong kinh nói nhất định không bị nhiễm ô. Đây gọi là thật công phu gọi là định huệ. Trong định huệ đầy đủ giới đức viên mãn. Định cộng giới, đạo cộng giới, trong định có giới, trong đạo có giới, trong đạo có giới có định. Đây đều là tự tánh bản định. Tự tánh vốn đầy đủ trí huệ, nó vốn có.

Bên dưới là lời của Hoàng Niệm Tổ, “*giản ngôn chi*”. Dem những lời trong kinh hợp lại làm tổng kết. “*An trú u bất sanh bất diệt, chân như thật tướng chi lý thể*”. Đây là Bồ Tát trên bát địa. Họ trú ở đâu? Ở trong thật tướng chân như bất sanh bất diệt, ở trong tự tánh. Ở thế giới tây phương Cực Lạc thì đây là cõi thường tịch quang. Chân thật vô sanh pháp nhẫn. “*Kiến bồ đề thọ, năng hoạch như thị công đức. Thâm hiển Di Đà nguyện lực bất khả tư nghì*”. Tất cả hiện tượng ở thế giới Cực Lạc, tự tánh là thể, bản nguyện Di Đà là duyên, nhân thêm vào thượng duyên thì hiện tượng liền xuất hiện. Hiện tượng là quả báo, cõi thật báo trang nghiêm. Nhân duyên quả của cõi thật báo trang nghiêm đều rõ ràng minh bạch. Sau khi hiểu rõ vấn đề này, người học chân chánh sẽ hiểu được. Học điều gì? Nếu vận dụng phương pháp và lý luận này trong sinh hoạt hằng ngày thì cuộc sống của tôi được tự tại!

Nhân, có nhân. Vì sao vậy? Thật tướng lý thể. Mười pháp giới đều đầy đủ không thiếu. Thật tướng lý thể nói đơn giản là chân tâm. Chúng ta dùng kinh điển đại thừa nói, nói rất rõ ràng rất cụ thể là tâm bồ đề. Tâm bồ đề là chân tâm. Tâm bồ đề rốt cuộc là gì? Tôi đã nói mười chữ. Chân thành là thể của tâm bồ đề. Người khác dùng vọng tâm đối với tôi, tôi dùng chân tâm đối đãi họ, người khác đối với tôi hư ngụy, tôi đối với họ thành thật. Vì sao vậy? Vì tôi dùng chân tâm, chân tâm là giác, vọng tâm là mê. Trước mặt chân tâm là ánh quang minh, trước mặt vọng tâm là một màn đen tối. Không dùng vọng tâm sẽ không thiệt thòi, không sợ chịu thiệt, không sợ bị gạt, bị thiệt hay bị gạt cũng nên cười cho qua.

Chân thành tự thọ dụng chính là đề kinh nói thanh tịnh bình đẳng giác_tự thọ dụng. Niệm niệm đều là thanh tịnh bình đẳng giác. Dùng từ bi đối đãi người khác, đại từ đại bi. “Vô duyên đại bi, đồng thể đại từ”, chúng ta dùng tâm này, tốt biết

bao, tự tại biết bao và an vui biết bao! Pháp hỷ sung mãn. Không có lo lắng, không có vương mắc, không có sợ hãi, tâm vĩnh viễn là an định. Sinh hoạt xử sự, đối nhân tiếp vật đều giữ nguyên tắc là nhìn thấu, buông bỏ. Đức Phật, và thầy giáo đều dạy chúng ta nguyên tắc chung. Thật có thể nhìn thấu buông bỏ, bên dưới nhất định là tự tại tùy duyên, sau cùng là niệm Phật. Niệm Phật rất quan trọng, công đức của danh hiệu Phật không thể nghĩ bàn. Điều này ở trước chúng ta cũng nói rõ ràng minh bạch rồi.

Rất nhiều báo cáo, dự ngôn của các nhà khoa học thảo luận về vấn đề thiên tai. Kết luận sau cùng hầu như đều khuyên chúng ta niệm Phật. Đoạn ác tu thiện, cải tà quy chánh, thật tâm niệm Phật. Thái độ đoạn chánh chính là thật thà niệm Phật. Vấn đề liền có thể hoá giải! Tâm vĩnh viễn là định, vĩnh viễn không bị thiên tai nhiễu loạn. Thiên tai không làm động được tâm tôi. Tâm định, tâm an sanh trí huệ, trí huệ có thể giải quyết vấn đề, tượng trưng cho trí tuệ chính là Phật A Di Đà.

Người niệm Phật thật ra không nhiều, không phải thật sự niệm Phật. Người chân thật niệm Phật không có tán tâm nói chuyện này chuyện nọ. Người này nhất định là trầm mặc ít nói. Vì sao vậy? Vì từ sáng đến tối họ không ngừng niệm danh hiệu Phật. Nếu họ nói chuyện thì niệm Phật liền bị gián đoạn, khi có việc cần nói chuyện với họ, họ đều A Di Đà Phật, nghe rõ A Di Đà Phật, nghe không rõ cũng A Di Đà Phật, rõ hay không rõ đều không liên quan đến họ. Họ nắm chắc Phật A Di Đà, liền có thể vãng sanh Tịnh độ, họ vãng sanh Tịnh độ và trong đời này sẽ thành Phật, họ đang tìm về đại viên mãn. Họ làm thật không phải làm giả nên phải buông bỏ vạn duyên, thì danh hiệu Phật này mới niệm tốt được. Nếu không buông bỏ thì câu Phật hiệu này niệm không tốt, công phu không đắc lực.

Chúng ta xem tiếp đoạn kinh văn bên dưới. *“Phật cáo A Nan, như thị Phật sát, hoa quả thọ mộc, dĩ chư chúng sanh, nhi tác Phật sự. Thử giai Vô Lượng Thọ Phật, oai thần lực cố, bốn nguyện lực cố, mãn túc lực cố. Minh liễu kiên cố, cứu cánh nguyện”*. Trong này có lược bớt một chữ, chính là minh liễu nguyện, kiên cố nguyện. Đây là tổng kết chúng chúng công đức đã nói ở trước, toàn là Phật A Di Đà. Ngài tu học công đức thành tựu. Chúng ta xem chú giải của Hoàng Niệm Tổ.

“Phật cáo A Nan, Cực Lạc thế giới, như thị hy hữu, bất khả tư nghị, hoa quả thọ mộc giai tác Phật sự”. Không những là tượng trưng mà nó thật đang nói pháp. Nếu nói tượng trưng thì mười phương thế giới không có hai. Hoa quả cây lá đều biết nói pháp, đây thật là không thể nghĩ bàn, là oai thần bốn nguyện của Phật A Di Đà gia trì. Phật A Di Đà dùng phương pháp này để giáo hoá, khiến mọi người ở mọi nơi mọi chỗ đều được nghe pháp không gián đoạn. Như cổ đức thường nói: “thâm nhập một môn và huân tu lâu ngày” mới có thể đào thải hết tập khí vô minh phiền não của chúng ta. Những thứ đó đều là chướng ngại. Sau khi đoạn tận chướng ngại thì tự tánh liền hiện tiền.

Tu hành ở thế gian này chướng duyên quá nhiều. Những thứ lục căn tiếp xúc toàn là chướng duyên, nó chướng ngại tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng và giác ngộ của chúng ta. Cho nên tu hành ở thế gian này vô cùng khó khăn. Dem so với thế giới Cực Lạc thì lập tức hiểu ngay, thế giới Cực Lạc không có chướng ngại, tiếp xúc với bất cứ ai họ cũng thảo luận Phật pháp, tiếp xúc với cảnh giới nào cũng phát khởi pháp hỷ sung mãn, chúng ta sẽ được giác ngộ. Thấy sắc có chỗ ngộ, nghe âm thanh cũng có chỗ ngộ, hoàn toàn trên con đường bồ đề. Chuyện tốt này tìm ở đâu có? Thế giới chư Phật Bồ Tát tuy có nhưng không sánh bằng thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc thật gọi là đệ nhất phương pháp giáo hoá đệ nhất, khéo léo cụ kỳ. Nơi nơi chỗ chỗ đều khiến chúng ta không rời Phật pháp, tuyệt diệu chính là ở chỗ này.

Chúng ta đang kinh hành, gió thổi cây lá tự nhiên nói pháp, âm thanh tuyệt diệu nghe không biết chán, càng nghe càng hoan hỷ. “Tăng trưởng hữu tình thù thắng thiện căn”. Đây là lợi ích còn có lợi ích thù thắng hơn. “Linh nhân đắc nhãn, chứng nhập vô sanh”, chứng nhập vô sanh pháp nhãn, là lợi ích lớn, lợi ích viên mãn. Tôi tu học suốt 60 năm, có được sự cảm nhận sâu sắc này nên rất hoan hỷ khi thấy thế giới Cực Lạc vô cùng trang nghiêm. 60 năm này làm thế nào để thành tựu? Ngày ngày huân tập, mỗi ngày không gián đoạn nhưng so ra còn thua xa thế giới Cực Lạc. Chúng ta mỗi ngày huân tập còn gián đoạn, thế giới tây phương Cực Lạc huân tập không gián đoạn. Chúng ta ở đây không xứng tâm, chuyện không như ý quá nhiều. Cổ nhân nói đều không sai, đời người sống ở thế gian việc không như ý thường đến tám chín phần. Tám đến chín phần không như

ý còn thật khiến chúng ta như ý chỉ có một hai phần. Quý vị nghĩ xem con người thế gian này đáng thương biết bao!

Chúng ta tu học trong quá trình dài như vậy, thực tế mà nói thì từ một đến hai phần tâm hoan hỷ đó dần dần nâng cao lên, nâng cao cho đến hiện tại có khoảng bảy tám phần xứng tâm như ý, còn một hai phần khiến chúng ta sanh phiền não. Chẳng qua phiền não nghiêm trọng không còn, phiền não nhẹ nên giác ngộ cũng nhanh. Vừa giác ngộ thì phiền não cũng mất. Phương pháp nhanh nhất là đọc kinh rồi chia sẻ với mọi người, như vậy thì âu lo phiền não gì cũng quét sạch hết. Nên người xưa có cách nói này, phương pháp học tập tốt nhất chính là giảng kinh. Tôi đối với việc này có sự cảm nhận sâu sắc. Câu này tôi khẳng định, đồng ý. Là thật không phải giả.

Con đường này của tôi do Chương Gia đại sư dạy, thầy Lý Bính Nam thúc đẩy. Đi con đường này là đúng. Đích thực như thầy Phương Đông Mỹ nói là hưởng thụ cao nhất của đời người. Ân đức của thầy đối với tôi nhớ mãi vĩnh viễn không bao giờ quên.

“*Kỳ nhân*”, đây là nguyên nhân gì? Thế giới Cực Lạc tốt đẹp như vậy là do nguyên nhân gì? “*Doan tại bỉ Phật*” bỉ Phật là Phật A Di Đà. “*Quả đức oai thần chi lực*”. Phật A Di Đà chứng được cứu cánh quả vị_diệu giác vị nên đây là quả đức, công đức trên quả vị của Phật Di Đà. Oai thần, bốn nguyện, mãn túc, minh liễu, cứu cánh toàn là quả đức gia trì. Thế giới Cực Lạc không phải là ngẫu nhiên. Thế giới Cực Lạc đáng để vãng sanh, đáng để đến đó an định tu hành thành Phật. Điều này rất có lý. Phật A Di Đà khi còn ở nhân địa đã phát nguyện, tu hành trong năm kiếp, mỗi nguyện trong 48 nguyện đều thực hành, mỗi nguyện đều viên mãn. Điều này quá hy hữu, thật khó được. Gia trì cho tất cả người học Phật muốn thành vô thượng đạo. Chúng ta có nguyện vọng này thì Phật A Di Đà nhất định giúp, thật có thể làm cho chúng ta mãn nguyện, thành tựu trong đời này.

“*Tịnh Ảnh Sớ viết, giai vô lượng thọ Phật oai thần lực giả. Do bỉ Như Lai hiện tại oai lực, cố hoạch tam nhân*”. Đây là Huệ Viễn đại sư nói trong chú giải kinh Vô Lượng Thọ. Tại sao ở thế giới Cực Lạc đạt được ba loại nhân dễ dàng như vậy. Ba loại nhân này nếu như ở đây, thập địa Bồ Tát của Biệt giáo mới có thể chứng được. Thực tế mà nói thì ba loại nhân này là trình độ thấp nhất, nhưng

chúng ta tu hành ở thế gian này cả trăm năm cũng không đạt được. Đây là thật không phải giả. Trong xã hội cổ đại, tiếp nhận giáo huấn của thánh hiền, sĩ nông công thương, bất luận ở giai cấp nào đều dạy con người tôn kính nhân nghĩa đạo đức, tôn sùng lễ nghĩa liêm sỉ, dạy người ít tham muốn tiết kiệm, khiêm hoà cung kính, họ dạy những điều này. Nói cách khác, đối với chúng ta đều là nền tảng tăng thượng duyên. Xã hội hiện nay không phải như vậy, xã hội bây giờ chỉ sợ chúng ta không hư hỏng, càng xấu xa càng tốt, được người tán thán. Nếu học nhân nghĩa đạo đức, đại chúng trong xã hội cho rằng mình lạc hậu, nói chúng ta mê muội, tại sao không cần tiền, tại sao không cần hưởng thụ mà còn đi tu khổ hạnh? Thấy người ăn chay cho là không giống ai, là người ngu ngốc không biết hưởng thụ, có phước không biết hưởng phước mà tự chuốc khổ vào thân, tự tìm cái khổ cho mình, thật là người ngu nhất thế gian.

Xã hội hiện nay là ác tăng thượng duyên, không phải thiện tăng thượng duyên. Chúng ta đều biết, quả báo của thiện nhân ở trong ba đường lành, quả báo bất thiện ở trong ba đường ác, rất rõ ràng. Nếu người muốn tạo ác nghiệp, ác nghiệp là gì? Là tham sân si. Trong kinh điển đại thừa Đức Phật thường nói, tham tâm là nghiệp nhân của đường ngạ quỷ là nhân tố đầu tiên. Sân nhuế là đường địa ngục, ngu si thì đường súc sanh. Tham sân si là nghiệp nhân đầu tiên của ba đường ác, đức Phật gọi nó là tam độc.

Xã hội ngày nay là giúp người tăng thêm tham sân si, tăng trưởng tham sân si. Duy chỉ sợ quý vị không tham, không sân, không si. Đây là nguyên nhân vì sao xã hội ngày nay hỗn loạn. Vì sao ngày nay nhân tâm băng hoại. Vì sao ngày nay địa cầu có nhiều thiên tai. Không những địa cầu mà hệ mặt trời, hệ ngân hà đều xuất hiện hiện tượng thiên tai. Trong kinh đại thừa giải thích chúng ta cần phải tin. Như trong tôn giáo nói, người tin giáo chủ có phước. Người tin kinh giáo đại thừa rất có phước báu. Chúng ta cần bình tĩnh, dùng tâm chân thành cung kính để học tập, học bao nhiêu thì hành trì bấy nhiêu, như vậy sẽ đạt được lợi ích. Nếu học mà không hành trì thì không thể đạt được lợi ích chân thật.

Sau khi hiểu cần phải thực hành. Hiểu rồi mà không hành thì không được lợi ích. Chỉ có y giáo phụng hành mới đạt được lợi ích thật sự. Quý vị xem Đức Thế Tôn sau khi giảng xong một bộ kinh, tôn giả A Nan kết tập câu cuối cùng luôn là

“giai đại hoan hỷ, tín thọ phụng hành”. “Giai đại hoan hỷ” là đã minh bạch, đã nghe hiểu. “Tín thọ phụng hành” là nguyện làm theo lời Phật dạy. Phật nói kinh này không uổng phí, rất nhiều người được lợi ích. Ngài đã ban cho lợi ích chân thật.

Câu cuối cùng trong Tịnh Ảnh Sớ nói “*cố hoạch tam nhân*”, được Phật lực gia trì, nên Bồ Tát ở thế giới Cực Lạc đều đạt được ba loại nhân. Điều này là đúng, là người ở cõi phàm thánh đồng cư. “*Bốn nguyện lực giả, do kỳ quá khứ bốn nguyện chi lực, cố hoạch tam nhân*” ở đây nói rõ, bốn nguyện lực là nhiều đời trước nghe pháp tu hành tích lũy được công đức. Bốn nguyện là tổng là dư tứ, mãn túc, minh liễu, kiên cố, cứu cánh, thị biệt. “*Mãn túc nguyện giả*”, như thế nào gọi là mãn túc nguyện? “*Nguyện tâm viên bị*” cũng chính là nguyện tâm viên mãn. “*Minh liễu nguyện giả*” chú trọng ở chỗ thấu triệt. “*Cầu tâm hiển trước*” tâm này là chân tâm không phải vọng tâm, chân tâm chính là tự tánh, minh tâm kiến tánh. Chân tâm chính là thanh tịnh bình đẳng giác trên đề kinh này. Điều này đã biểu lộ, tôi cầu điều gì? Cầu thanh tịnh, cầu bình đẳng, cầu giác mà không mê.

“*Kiên cố nguyện giả, duyên bất năng hoại*”. Duyên này chúng ta thường nói thuận cảnh nghịch cảnh, thuận duyên ác duyên. Thiệt duyên ác duyên là hoàn cảnh thuận hay nghịch của người và việc. Hoàn cảnh không thể nhiều loạn chúng ta, người và việc cũng không thể làm ta dao động. Đây gọi là kiên cố. Nói cụ thể thì trong hoàn cảnh không tham, không sân, không si. Trong người và việc cũng là không tham, không sân, không si. Không vì cảnh giới mà giao động. Người niệm Phật trong tâm chỉ có một câu Phật hiệu, một lòng muốn hướng về thế giới tây phương Cực Lạc, ngoài ra không để bất cứ điều gì trong tâm. Tất cả tùy duyên, A Di Đà Phật, không có gì chẳng tốt. Người khác hỏi tôi trả lời một câu A Di Đà Phật. Hỏi điều gì tôi đều trả lời một câu A Di Đà Phật. Quý vị nghe hiểu thì thật hay. Nghe không hiểu thì cũng đã trồng chủng tử câu A Di Đà Phật vào trong A lại da thức, cũng là việc tốt. Từ sáng đến tối trong suốt hai mươi bốn giờ, ngoài câu A Di Đà Phật ra không còn điều gì nữa. Người này tức thân thành Phật. Trong bất cứ hoàn cảnh nào đều là một câu A Di Đà Phật, đối với họ hoàn cảnh không chướng ngại được.

Có một tấm gương tốt, Đàm Hư pháp sư nói, đầu năm dân quốc Tu Vô pháp sư Chùa Cực Lạc ở Hắc Long Giang thành phố Cáp Nhĩ Tân. Nhiều người rất coi thường vị pháp sư này. Thầy không biết chữ, khi chưa xuất gia làm thợ hồ. Sau khi xuất gia, ở trong tự viện làm khổ công, khổ hạnh. Việc người khác không làm thầy làm hết. Từ sáng đến tối đều một câu A Di Đà Phật. Khi vãng sanh rất tự tại, rất tiêu sái, thầy đã thành công. Đế Nhân pháp sư khen ngợi thầy là tấm gương tu hành tốt nhất danh bất hư truyền. Thầy có bản lĩnh gì? Bản lĩnh của ngài rất lớn. Trong tâm ngoài Phật A Di Đà ra thì không có gì nữa. Đây chính là bản lĩnh của thầy. Bất cứ hoàn cảnh nào cũng không chướng ngại được. Niệm rôt ráo một câu Phật hiệu, đây gọi là người niệm Phật chân chánh.

Xã hội ngày nay quá loạn, loạn chẳng thành ra sao cả. Đặc biệt là internet, tin tức trên mạng quá chấn động, quá nhiều. Có tốt, có không tốt. Đại khái không tốt nhiều còn tốt thì ít. Nên cần phải có trí huệ để phân biệt. Không có trí huệ tốt nhất đừng đụng đến nó, chỉ có thật thà niệm Phật mới là hay. Mặc dù là tốt, đưa tin rất chính xác nhưng biết càng nhiều, đối với chúng ta chướng ngại càng lớn, chẳng như không biết thiên hạ thì vô sự. Nhiều năm nay tôi nói với mọi người tôi không xem ti vi, tôi cũng không biết dùng vi tính. Tôi không có tin tức, chỉ là những người bạn đồng học bên cạnh, lên mạng tải những tin tức quan trọng cho tôi xem. Biết chuyện ít thì phiền não ít, quen biết rộng thì thị phi nhiều. Các bậc tổ đức nói rõ ràng như vậy, chúng ta phải hiểu để tránh. Đặc biệt là lúc mới học, định lực và trí huệ chưa có. Biết càng nhiều, trong tâm hoảng hốt không an định, đặc biệt biểu lộ tính nông nổi. Ngày nay thiên tai nhiều như vậy, làm thế nào để đối phó? Thật ra tôi cũng tiếp nhận không ít thông tin như vậy. Mỗi thông tin sau cùng đều khuyên thật tâm niệm Phật, không phải như vậy là được rồi sao? Tôi chỉ cần câu Phật hiệu này là được. Cho dù là đại thiên tai, niệm Phật cũng có thể hoá giải nên tôi không cần biết gì thêm nữa, niệm Phật là được rồi. Tôi niệm Phật là giải quyết tất cả. Thời gian biết càng nhiều thì luôn muốn tìm một phương pháp để đối phó. Phương pháp đó đã có, dù phương pháp có nhiều đều có thể không cần quan tâm đến. Tại sao? Sợ làm phiền nhiều câu niệm Phật này, chi bằng chân thật niệm Phật.

Thiên tai đến đây, đến trước mặt tôi liền bị hoá giải. Nếu có công nghiệp này thì không thể hoá giải, như vậy thì đến thế giới Cực Lạc. Thiên tai hiện tiền, nhất định thấy Phật A Di Đà đến tiếp dẫn. Đối với thế giới này không có gì hoài niệm, triệt để buông bỏ. Tôi thường nói nên quán xét như vậy. Ngày nay là ngày cuối cùng tôi ở trên địa cầu này, ngày cuối cùng tôi nên làm gì? Điều này phải rõ ràng. Thế giới này thuộc về tôi sao? Thân thể này cũng không phải, thân thể cũng phải vứt bỏ huống gì là vật ngoài thân. Buông bỏ triệt để, thân tâm thế giới không nhiễm một chút trần, chỉ một câu A Di Đà Phật. Thật sự làm được tâm tôi chính là Phật A Di Đà, Phật A Di Đà chính là tâm tôi.

Tâm là gì? Thanh tịnh bình đẳng giác. Như thế mới là người niệm Phật chân chánh. Nên nhớ khai thị của Bồ Tát Đại Thế Chí “đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục”. Mắt không thấy sắc tướng bên ngoài, tai không nghe âm thanh bên ngoài, thiệt, thân mỗi thứ đều đem nó thu trở về, không rong ruổi bên ngoài. Duyên hướng nội, duyên tự tánh. Tự tánh chính là thanh tịnh bình đẳng giác. Nhãn thanh tịnh, nhĩ thanh tịnh, tỷ thiệt thân đều thanh tịnh, ý thanh tịnh. Không cần biết, không cần nghe ngóng. Cần biết chính là một câu A Di Đà Phật, đến Phật pháp cũng đều xả bỏ. Chỉ một bộ kinh Vô Lượng Thọ hoặc là bộ Kinh A Di Đà là đủ, không cần nhiều hơn, nhiều thêm sẽ không kịp. Điều này nhất định phải biết, quyết một lòng thâm nhập một môn, niệm rớt ráo một câu Phật hiệu. Đây chính là kiên cố nguyện, cứu cánh nguyện. Cảnh duyên như thế nào cũng không thể thay đổi tín nguyện hạnh của chúng ta. Không thể chướng ngại tín hạnh nguyện của chúng ta. Chúng ta “chung thành bất thoái”.

“Bỉ thử nguyện cố, sanh bỉ quốc giả tất đắc tam nhẫn”. Sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc, cõi phàm thánh đồng cư. Tôi đặc biệt nói rõ cõi phàm thánh đồng cư, quý vị đã đạt được. Quý vị đạt được rồi, ở nơi Biệt giáo của kinh này, đều là dùng cảnh giới Biệt giáo của Thiên Thai đại sư để nói, thập địa Bồ Tát. Viên giáo trong kinh Hoa Nghiêm là thập trú Bồ Tát. Như vậy mà không đáng nể sao? Ở đâu nơi thế giới Cực Lạc? ở cõi thật báo trang nghiêm.

Bên dưới nói: *“Hựu mãn túc nguyện giả, nghĩa tịch, kinh hưng”*. Hai vị cổ đức này đều nói *“Tứ thập bát nguyện vô khuyết diệt cố”*. Điều này nói rất cụ thể. 48 nguyện, mỗi nguyện đều thành tựu, không có nguyện nào khiếm khuyết. Đây

gọi là mãn túc. “*Minh liễu nguyện giả, nghĩa tịch, vọng tây*”. Hai vị cô đức này nói: “*Minh huệ cộng tương ưng cố*”. Minh là thấu triệt, huệ là trí huệ. Thấu triệt và trí huệ tương ưng đây gọi là minh liễu nguyện. “*Thử thắng tịnh ảnh, kinh hưng vị cầu chi bất hư cố, thử đồng tịnh ảnh. Kiên cố nguyện giả, nghĩa tịch vân, vô thoái tinh tấn sở thành tựu giả. Cứu cánh nguyện giả, nghĩa tịch, vọng tây cụ vị. Kỳ tận hữu tình pháp giới tế cố*”. Trong ngoặc đơn ở dưới nói. “Kỳ” là hy vọng là kỳ vọng độ tận tất cả hữu tình trong pháp giới. Đây là tâm nguyện của Phật Bồ Tát. Nguyện thứ nhất trogn tứ hoằng thệ nguyện, “chúng sanh vô biên thê nguyện độ”. Bồ Tát luôn giữ tâm này, niệm niệm không quên, gặp duyên không bỏ.

Như Bồ Tát Quan Thế Âm ngàn tay ngàn mắt. Mắt thấy thì tay cũng đến, tùy duyên. Gặp rồi sao có thể không giúp được? Làm gì có đạo lý này! Giúp mà không chấp tướng gọi là diệu dụng. Đây gọi là Diệu Âm Quán Thế Âm. “*Chư thuyết nghi hợp tham*”. Giải thích của chư vị tổ sư chúng ta đều có thể nghe, có thể để mình tham khảo tu học, đều nói rất hay.

Chúng ta xem đoạn cuối cùng : “*Hựu bốn nguyện lực giả*”. Bốn nguyện lực là nói chung. “*Vãng Sanh Luận viết, quán Phật bốn nguyện lực, ngộ vô không quá giả, năng linh tốc mãn túc, công đức đại bảo hải*”. Bốn câu kệ này có chú giải, chú giải của Đàm Loan đại sư. “*Luận Chú viết, y bốn Pháp Tạng Bồ Tát tứ thập bát nguyện, kim viết A Di Đà Như Lai tự tại thần lực. Nguyện dĩ thành lực, nguyện dĩ tựu lực. Nguyện bất đồ nhiên, lực bất hư thuyết. Lực nguyện tương phù, tất cánh bất sai*”. Trong Luận Chú nói đây là y theo 48 nguyện căn bản của Pháp Tạng Bồ Tát. Phật A Di Đà ở nơi nhân địa tu thành 48 nguyện. Bây giờ nói tự tại thần lực của Phật A Di Đà Như Lai. Thần lực tự tại này chính là 48 nguyện. 48 nguyện là nhân, bây giờ tu thành là quả đức. Có sức mạnh như thế, có thể gia trì tất cả chúng sanh đau khổ nên nguyện đã thành lực gọi là nguyện lực. Nếu nguyện không thành tựu thì làm gì có năng lực này? Khoa học gọi là năng lượng. Nếu không có công phu thì làm gì có năng lượng, dùng cái gì để gia trì?

Niệm mấy câu Phật hiệu, tụng một bộ kinh hồi hướng, có thể gia trì được sao? Không được! Vì sao vậy? Vì kinh là kinh của Phật A Di Đà. Phật hiệu là danh hiệu của Phật, nó không liên quan đến chúng ta. Khi chúng ta niệm nó làm sao có

thể gia trì người khác? Từ đó cho thấy, cần phải nhiếp công đức của Phật A Di Đà thành công đức chính mình. Như vậy mới có sức mạnh, mới có thể gia trì. Ý này nói rõ hơn một chút, người niệm Phật chúng ta, tâm là tâm của Phật A Di Đà, cùng một tâm với Phật A Di Đà. Tâm của Phật A Di Đà là gì? Ở trước đã đọc qua. Tất cả đều thành Phật đây là tâm của Phật A Di Đà. Cũng chính là nói muốn giúp tất cả chúng sanh mau chóng thành Phật. Vì sao vậy? Vì họ vốn là Phật, nên họ có thể thành Phật được. Nếu họ vốn không phải là Phật họ sẽ không thành được. Ở đây họ vốn là Phật nên có thể giúp được.

Không những hữu tình chúng sanh vốn là Phật. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói “tình dữ vô tình, đồng viên chủng trí”. Chúng ta biết đến cả cây cỏ hoa lá, sơn hà đại địa. Kinh văn ở trước chúng ta đã đọc, một điểm vi tế của một sợi lông mày trần, đây chính là lượng tử lực học nói, cũng chính là điều Bồ Tát Di Lặc nói: một cái khủy móng tay có 32 ức một trăm ngàn niệm. Đầy đủ hiện tượng của năm uẩn sắc thọ tưởng hành thức. Nó vốn là Phật, nó cũng muốn thành Phật. Đây chính là “tình dữ vô tình đồng viên chủng trí”. Nên điều này đến thế giới tây phương Cực Lạc, thành tựu được đại viên mãn.

“*Nguyện dĩ thành lực, lực dĩ tựu nguyện*”. Nguyện và lực bên dưới nói “*nguyện lực tương phù, tất cánh bất sai*”. Nguyện chính là lực, lực tức là nguyện. “*Nguyện bất đồ nhiên, lực bất hư thiết*”. Họp thành một chỗ nên gọi là nguyện lực không thể nghĩ bàn. “*Y Pháp Tạng Tỳ Kheo chi bốn nguyện, nãi hữu kim nhật Di Đà Như Lai chi thân lực*”. Thân lực từ đâu mà có? Thông thường chúng ta nói năng lực lớn lao của Phật A Di Đà từ đâu mà có? Từ nguyện lực mà có. “*Dĩ Di Đà nhân trung phát văn danh đắc nhãn chi nguyện*”. Trong 48 nguyện có nguyện này. “*Dĩ nguyện lực cố, thành tựu Cực Lạc kiến thọ đắc nhãn chi thù thắng công đức thành tựu*”. Đây đã nói rõ, nói minh bạch. 48 nguyện của Phật A Di Đà mỗi nguyện đều là thật, mỗi nguyện đều thành tựu nguyện lực cứu cánh viên mãn.

Nên cây đạo tràng ở thế giới Cực Lạc chính là cây bồ đề. Mỗi người vãng sanh về thế giới Cực Lạc, ngày ngày đều thấy. Sanh đến thế giới Cực Lạc sẽ không rời Phật A Di Đà, từng giờ từng phút đều ở bên Phật học tập, nghe ngài giảng kinh giáo hoá. Thấy oai nghi của Phật thân hành ngôn giáo, thì sự tiến bộ, chúng ta có thể nghĩ mà biết. Còn có các bạn đồng học, trong các bạn đồng học

đẳng giác Bồ Tát rất nhiều, hàng thập địa thì không cần phải nói. Các vị đồng học này giúp chúng ta, cảnh tỉnh chúng ta, cho dù nghiệp chướng có nặng, tập khí có thâm sâu, đến đó không bao lâu nó cũng tiêu trừ hết. Đây là thật không phải giả.

Ngày nay trong hoàn cảnh hiện tại, thực sự là hai con đường. Vì sao vậy? Chúng ta thử nghĩ trong đời này ta tạo nghiệp, giống như Lý Thế Dân nói, tạo nghiệp địa ngục làm sao có thể không đoạ địa ngục? Tạo nghiệp như thế nào thì chịu quả báo như thế đó. Giết người nhất định phải đền mạng, thiếu nợ nhất định phải trả tiền. Người thế gian, muốn chiếm chút tiện nghi của người nhưng không chiếm được. Quý vị nói người nào đó thiệt thòi, không thể, không có chiếm phương tiện, cũng không có chịu thiệt. Đời đời kiếp kiếp báo đáp qua lại. Phải trả nợ! Càng nợ nhiều thì phải trả nhiều, rất khổ! Nên vì sao Đức Thế Tôn dạy người lấy khổ làm thầy? Ít thiếu nợ thì trả nợ ít, nhẹ nhàng. Nếu muốn hưởng thụ nhiều, thì nợ càng nhiều, tương lai phải trả càng nhiều. Khi trả nợ rất khổ.

Hiện nay hưởng thụ, không phải thật hưởng thụ. Nếu bình tĩnh quan sát thì lấy khổ làm vui. Nếu nhìn thấu nhân quả thì quý vị thật đã hiểu, sẽ không còn làm những điều ngu ngốc này nữa.

“Cực Lạc thế giới kiến bồ đề thọ đắc tam chủng nhân”. Công đức thù thắng này thật không thể nghĩ bàn. *“Do nguyện sanh lực, nhân lực nguyện thành”*. Nguyện đã viên mãn. Nguyện là sức mạnh thúc đẩy chúng ta. Vì sao vậy? Vì phải dũng mãnh tinh tấn thực hiện nguyện lực này. Vì sức mạnh này mà nguyện được thành tựu. *“Cố viết, thử giai vô lượng thọ Phật, oai thần lực cố, bổn nguyện lực cố, linh kiến thọ giả, tất đắc vô sanh pháp nhân, đốn chứng nhập địa Bồ Tát”*. Bát trí trong kinh Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm là Viên giáo. Biệt giáo là bát địa. Công phu đoạn chướng tuy ngang nhau nhưng thần thông, trí huệ, đạo lực không giống nhau. Viên giáo cao hơn Biệt giáo rất nhiều. Đức Thế tôn giới thiệu rất tường tận, khi chúng ta học có thể minh bạch, hiện tại chưa đến thế giới Cực Lạc đều có thể dùng được. Khuyến khích chúng ta, học Phật phải biết nên tu như thế nào, nên học như thế nào. Chúng ta ngay trong hiện tại làm thế nào để thành tựu bất thoái, không bị hoàn cảnh bên ngoài làm nhiều loạn, đời này nhất định vãng sanh.

Thế gian pháp tùy duyên diệu dụng, nhất định không chấp trước, không phân biệt càng không thể chiếm hữu. Phải thường nghĩ đến chúng ta tùy thời có thể

vãng sanh, tùy thời có thể vãng sanh là đã buông bỏ hết tất cả, tùy thời có thể vãng sanh. Nếu còn chưa buông bỏ, còn lưu luyến thì không thể vãng sanh. Phải buông bỏ tất cả vì nó đều là giả, không có gì là thật đâu.

“Bồ đề đạo tràng đệ thập ngũ”, chúng ta học đến đây.

Tập 364

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 06.04.2011

Địa điểm: Tịnh Tông Học Viện _Úc Châu

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 430, hàng thứ ba đếm từ dưới lên.

“Đường xá lâu quán đệ thập lục”. Hoàng Niệm Tổ giới thiệu rất đơn giản nội dung phẩm này. “Bốn phẩm hữu nhị”, nghĩa là có hai đoạn lớn. Đoạn lớn thứ nhất “Phật cập chư Bồ Tát cư xứ”. Đoạn thứ hai là “Bồ Tát tùy ý tu học, tùy nhân đắc quả, tự do hành đạo, giai đại hoan hỷ”. Ở trước giới thiệu môi trường để học tập, môi trường của đạo tràng này. Phẩm này là giới thiệu về giảng đường, nhà ở. Thầy là Phật A Di Đà_chỗ ở của ngài, ngoài ra là phòng ốc của học trò_chỗ ở của Bồ Tát. Chúng ta xem đoạn thứ nhất trước.

“Hựu Vô Lượng Thọ Phật giảng đường tinh xá, lâu quán lan thuận, diệc giai thất bảo, tự nhiên hoá thành. Phục hữu bạch châu ma ni, dĩ vi giao lạc, minh diệu vô tỷ” đây là chỗ ở của giáo chủ. Bên dưới “chư Bồ Tát chúng, sở cư cung điện, diệc phục như thị”. Đây là chỗ ở của học trò. Thế giới Cực Lạc đích thực là thế giới bình đẳng, chánh báo bình đẳng, nghĩa là vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, cho dù là người ở cõi phàm thánh đồng cư hạ hạ phẩm vãng sanh, thì thể chất cũng là kim thân, thân sắc vàng tía giống như Phật vậy, vô lượng tướng hảo. Phật có vô lượng tướng, tướng có vô lượng đẹp.

Ở trước chúng ta đã từng xem qua, trong kinh nói 32 tướng tốt 80 vẻ đẹp. Đây là Đức Thế Tôn phương tiện nói. Vì người Ấn độ đương thời cho rằng người đại phú đại quý đầy đủ 32 tướng tốt 80 vẻ đẹp, nên đức Phật đã thị hiện thân tướng này. Trên thực tế chúng ta biết ở thế giới Cực Lạc Chư Phật là vô lượng tướng, thật là tướng có vô lượng đẹp. Nơi ở, quý vị xem cảnh tùy tâm chuyển, tâm tốt thì tướng sẽ tốt, nơi ở đương nhiên cũng không ngoại lệ. Đây là trí huệ phước đức sở hiện. Không như chúng sanh ở cõi Diêm Phù Đề này, chúng ta có thể suy nghĩ mà biết được, vì chúng sanh ở cõi Diêm Phù Đề tâm hành bất thiện nên hoàn cảnh cư trú cho đến phòng ốc cũng không lý tưởng. Đây là điều chúng ta có thể thấy được.

Bây giờ chúng ta xem chú giải của Hoàng Niệm Tổ. “*Giảng đường giả, thuyết pháp giảng kinh chi đường xá. Tịnh xá, tự viện chi dị danh. Tân Dịch Hoa Nghiêm Kinh Âm Nghĩa viết, tịnh xá giả, phi dĩ xá chi tinh diệu, danh vi tinh xá*”. Nó không phải là ý này. “*Do kỳ tinh luyện hành giả chi sở cư, vị chi tinh xá dã*”. Nơi ở của người tinh tấn tu hành được gọi là tinh xá. Có thể là một mái nhà tranh vô cùng đơn giản nên Tinh xá là nơi cư trú của những người tu hành tinh tấn.

Giảng đường là nơi giảng kinh thuyết pháp. Đức Thế Tôn khi còn tại thế không có tự viện cũng không có giảng đường. Ngài giảng kinh ở đâu? Đều ở phạm vi bên ngoài như trong rừng cây hoặc bên dòng suối, nơi có phong cảnh đẹp. Vì suốt cuộc đời của Đức Thế Tôn là sống cuộc sống du mục, không có chỗ ở cố định, thật là tự do tự tại. Hôm nay ở đây, ngày mai ở nơi khác. Ban đêm ngủ không có phòng xá, ngủ dưới gốc cây, ngày ăn một bữa. Đây là Đức Thế Tôn thị hiện suốt 49 năm khi ngài còn tại thế. Khi Phật nhập niết bàn trong rừng Sa La song thọ, chứ không phải ở trong phòng. Thị hiện này dụng ý rất sâu sắc.

Chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề, chướng ngại nghiêm trọng nhất chính là thân, đây là chướng ngại thứ nhất. Chướng ngại thứ hai là phòng xá, nơi họ cư trú. Người Trung quốc đặc biệt chú trọng, họ muốn kiến trúc chỗ ở. Ngày xưa tứ hợp viện rất nhiều mà còn là đại gia đình. Chọn nơi ở nhất định phong thủy phải tốt, đặc biệt chú trọng kiến trúc, dùng nguyên liệu đều rất tốt. Cổ nhân kiến thiết một ngôi nhà, ngôi nhà này ít nhất có thể dùng 300 năm. Họ nghĩ rất chu đáo, cho tử tôn đời sau truyền thừa đời này sang đời khác nên đại gia đình có gia đạo, có

gia quy, có gia học, có gia nghiệp. Đứa trẻ từ nhỏ sống trong gia đình đã tiếp thu giáo dục tốt, đều dạy rất tốt. Gia học chính là tư thực.

Thường một thôn trang là người một nhà. Đây là Vương trang đó là người nhà họ Vương. Thông thường gia đình khoảng trên dưới 300 người là gia đình bình thường. Gia đình nào hưng thịnh có đến sáu bảy trăm người, nên gia đình của Trung quốc là một tổ chức xã hội. Vì thế có thể trị gia là có thể trị quốc. “Tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”. Cho nên giáo dục gia đình vô cùng quan trọng. Có từ đường kỷ niệm tổ tiên, có từ đường đại gia đình, có trường học, có tư thực. Trẻ em sáu bảy tuổi có thể đi học, trước khi chưa đi học_ trước đây chúng tôi đều đã nói qua. Trẻ em từ khi sinh ra cho đến lúc đi học, thời gian này do cha mẹ dạy nên cha mẹ là thầy giáo nhiệm kỳ đầu của chúng. Dạy luân lý, dạy đạo đức, dạy nhân quả. Từ nhỏ đã tiếp thu học hỏi từ gương của cha mẹ nên thân giáo quan trọng hơn ngôn giáo.

Đệ Tử Quy dạy con cái như thế nào? Tự mình làm để con cáo noi theo. Từ khi chúng mới sinh đã để cho chúng thấy. Thấy đến ba tuổi 1000 ngày đã thâm căn cố đế. Ngạn ngữ xưa thường nói “tam tuế khán bát thập”, cảm rễ khi ba tuổi đến 80 tuổi cũng không thay đổi, nền tảng vững chắc không thể lung lay. Trung quốc đời này qua đời khác có đại thánh đại hiền quân tử xuất hiện ở thế gian, đều là do giáo dục mà ra, cha mẹ dạy rất tốt, rễ cắm chặt.

Mẹ của Văn Vũ, Chu Công rất nổi tiếng trong lịch sử. Mẹ của Khổng Tử, Mạnh Tử sau một đời cũng đào tạo rất tốt nên chỉ cần là chỗ dạy học thì đều gọi là giảng đường. Đức Thế Tôn giảng ở trong rừng, bên dòng sông tập hợp đại chúng giảng kinh giáo hoá thì đó chính là giảng đường, giảng đường lộ thiên.

Tinh xá là tên gọi khác của tự viện, tự viện cũng gọi là tinh xá. Vì sao vậy? Vì đều là nơi cư trú của người tinh tấn tu hành. Tự là thời nhà Hán, chư vị nên biết Phật giáo chính thức truyền đến Trung quốc là năm Vĩnh Bình thứ mười thời Hán Minh Đế, đây là năm 68 công nguyên, gần 2000 năm. Chế độ thời nhà Hán, tự là cơ cấu trực thuộc hoàng đế làm việc tên gọi là tự. Nhất định phải hiểu điều này. Chủ quản của tự gọi là khanh_công khanh. Họ trực thuộc hoàng đế quản lý. Dưới Hoàng đế có chín tự. Từ thời nhà Hán kiến lập cho đến Mãn Thanh đều là dùng

như vậy, nếu quý vị đến viện bảo tàng cổ cung Bắc Kinh tham quan ở trên có treo một tấm bia có chín tự.

Trong kinh thường nói đến Hồng Lô Tự, Hồng Lô Tự là quản ngoại giao nên từ trước ngoại giao là do hoàng đế trực tiếp quản lý. Khanh ở Hồng Lô Tự tương đương với bộ trưởng ngoại giao. Tể tướng không quản lý ngoại giao, hoàng thượng quản lý ngoại giao. Vì những người xuất gia này nhà nước thỉnh từ nước ngoài về. Ai tiếp đãi? Hồng Lô Tự tiếp đãi. Về sau nhà nước hy vọng họ sống lâu dài ở Trung quốc. Sống lâu dài thì không thể để họ tạm trú nơi bộ ngoại giao nên kiến thiết thêm một cơ cấu nữa cũng gọi là tự. Quý vị nên biết giáo dục Phật giáo do hoàng đế quản lý. Do đó Trung quốc có hai thể hệ giáo dục. Thông thường chính là dùng học thuyết Khổng Mạnh. Đây là Hán Vũ Đế tiếp nhận tiến cử của Đổng Trọng Thư nên thành lập cơ cấu này chuyên quản lý giáo dục quốc dân toàn quốc. Cơ cấu này gọi là bộ lễ.

Đơn vị dưới tể tướng một cấp gọi là bộ. Bộ trưởng gọi là thượng thư. Thượng thư hiện nay gọi là bộ trưởng, thị lang hiện nay chính là phó bộ trưởng hoặc là thứ trưởng thường vụ, thứ trưởng chánh vụ. Lúc đó thị lang cũng có hai là tả hữu thị lang một là thứ trưởng chánh vụ còn một là thứ trưởng thường vụ. Hoàng thượng có tam công cửu khanh. Tam công là cố vấn của hoàng thượng. Cửu khanh là trực tiếp thay hoàng thượng làm việc là trưởng quan trực thuộc, địa vị giống như bộ trưởng. Ngày nay nói chánh bộ cho đến địa vị đều giống nhau nhưng thuộc hoàng đế chuyên quản lý. Địa vị cũng đặc biệt khiến người tôn kính.

Nên Phật giáo đến Trung quốc là kiến lập Tự thứ mười. Nó là cơ cấu làm việc của chính phủ, quản lý giáo dục Phật giáo. Nó không phải là miếu! Miếu là tế thần là tôn giáo, còn Tự là giáo dục. Hiện nay đem Tự và miếu hoà thành một, Phật giáo biến thành tôn giáo. Điều này chúng ta không biết từ khi nào có sự thay đổi này. Ngày xưa Tự quản điều gì? Việc đầu tiên khi Phật giáo đến Trung quốc là phiên dịch kinh điển từ tiếng phạn sang chữ Hán, giống như trung tâm biên dịch của quốc gia ngày nay vậy. Công việc này còn chỉ đạo việc học tập, nên nó trở thành nhà trường. Tự viện dạy học phiên dịch kinh. Công việc này làm rất dài, suốt 800 năm từ thời nhà Hán đến nhà Tống. Tuyệt đại bộ phận kinh điển hình như là 80 phần trăm hoàn thành vào thời nhà Đường. Thời nhà Tống dịch

kinh không nhiều, một phần lớn là trước thời nhà Đường nên dịch kinh là là một việc đại sự vào thời đại đế vương của Trung quốc. Đế vương cũng thường đến viện dịch kinh để xem xét, đối với việc này vô cùng chú trọng. Lịch đại đế vương rất nhiều đều là Phật tử, họ cũng rất siêng năng học tập.

Hoàng thượng dẫn đầu do đó giáo dục Phật giáo thành tựu phổ cập vượt qua Nho giáo và Đạo giáo. Hoàng thượng dẫn đầu học, bao triều đại có rất nhiều các bậc cao tăng, cư sĩ tại gia và ân sĩ. Trong Đại Tạng Kinh có Cao Tăng Truyện, Cư Sĩ Truyện, Thiên Nữ Nhân Truyện. Người thành tựu rất nhiều. Hiện nay Phật giáo trở thành tôn giáo, biến thành mê tín, nếu cổ nhân biết họ đau lòng biết bao, sao lại ra nông nổi này!

Ngày nay chúng ta đã hiểu. Hiểu được Phật pháp thì chúng ta có sứ mạng, có trách nhiệm khôi phục diện mạo vốn có của Phật giáo. Đó chính là nhất định phải làm cho tự viện hiện nay biến thành trường học. Tự viện dạy học giảng kinh.

Lúc thầy Lý ở Đài Trung kiến lập Phật Giáo Liên Xã Đài Trung. Thầy rất chú trọng việc dạy học. Trong Liên Xã ngoài hoạt động niệm Phật, bình thường mỗi tuần đều cố định giảng một lần kinh. Thầy ở Đài Trung 38 năm, 38 năm không gián đoạn. Mỗi tối thứ sáu hàng tuần, thời gian địa điểm cố định không cần tuyên truyền, muốn nghe kinh thì mỗi tối thứ sáu hàng tuần đến Liên Xã nghe thầy Lý giảng kinh. Về sau thành lập một thư viện, thư viện Từ Quang. Thư viện cũng giảng kinh vào thứ ba hằng tuần, nên ở Đài Trung mỗi tuần có giảng kinh hai buổi tối, thời gian cố định, gió mưa cũng không gián đoạn, đến đó nhất định được nghe kinh. 38 năm không gián đoạn, thật không dễ.

Lúc đó chúng tôi mới học, hiểu không nhiều cũng chưa đủ sâu sắc. Nếu lúc đó có được nhận thức như ngày nay tôi sẽ xin với thầy, mỗi tuần một ngày không đủ phải ngày ngày giảng, nếu mỗi ngày giảng Phật giáo Đài Loan sẽ hưng thịnh trở lại, chỉ cần có một người dẫn đầu thật có thể hưng thịnh trở lại. Một người giảng kinh không đủ sức bồi dưỡng thêm học trò. Thầy giảng mỗi tuần một ngày, các học trò khác mỗi người chịu trách nhiệm một lần. Như vậy có thể dẫn đầu năm người học trò như vậy là thật sự đã huấn luyện được họ. Giảng kinh không có gì khác chính là lên bục giảng để luyện tập. Tôi mới học Phật cảm thấy mỗi tuần lên bục giảng một lần không được, một ngày nóng mười ngày lạnh, tuy thầy

không phải mười ngày, một ngày nóng mười ngày lạnh. Thật không dễ gì nâng cao lên được. Thật sự muốn nâng cao thì phải ngày ngày giảng. Ngày ngày giảng, chúng ta phải ngày ngày nỗ lực học tập, nếu không nỗ lực thì không thể giảng được. Điều này ép học sinh cũng rất tốt. Học sinh tự nhiên ngoan ngoãn ngày ngày tham khảo tư liệu, nghiên cứu điều này nên giảng như thế nào? Đặc biệt thầy Lý rất tốt, bắt mọi người phải soạn bài sẵn. Một tuần giảng một lần, không khó lắm. Thời gian năm ngày có thể chuẩn bị bài giảng, như vậy sẽ ép học sinh toàn tâm toàn lực học tập.

Lớp học kinh chúng tôi hơn 20 người, không ai có thể giống như thầy. Nguyên nhân là chúng ta học tập không tập trung, mỗi tuần một lần thật sự không đủ. Tôi có thể học tập được chính là cảm thấy một tuần một lần không được. Lần đầu đến Đài Bắc một tuần tôi giảng ba lần. Sau đó khoảng một hai năm tôi bắt đầu giảng một tuần lên đến sáu lần, một tuần nghỉ một ngày. Ba năm sau, một tuần tôi giảng mười mấy lần. Mỗi ngày sáng chiều tôi đều giảng, lúc đó một lần giảng một tiếng rưỡi đồng hồ. Sáng sớm một tiết, tối đến một tiết. Sáng sớm đối nội, buổi tối đối ngoại. Các vị cư sĩ buổi tối rảnh rỗi đều có thể đến nghe kinh. Ngày ngày giảng, nếu không ngày ngày giảng thì không thể học được.

Tôi nói với thính chúng, quý vị đều là thầy của tôi, đều là giám học của tôi, tôi là người học giảng, ngày ngày giảng cho thầy nghe. Hoan nghênh mọi người phê bình chỉ giáo, không nên xem tôi như pháp sư, tôi chỉ là người mới học giảng kinh. Như vậy mới có thể luyện tập được, mới có thể khiến mình không giải đãi, không tán loạn. Nếu không siêng năng chuẩn bị, khi lên bục giảng không tốt. Khi mới đến Mỹ. Năm 1983 ở Mỹ tôi bắt đầu chính thức giảng kinh.

Năm 1982 đến Mỹ hiểu được hoàn cảnh nơi đó, năm 1983 chính thức chấp nhận lời mời. Cuộc sống của người Mỹ rất bận rộn, mỗi ngày làm việc tám tiếng rất vất vả. Họ chỉ nghỉ hai ngày thứ sáu và chủ nhật, như vậy chúng tôi giảng kinh vào tối thứ năm hàng tuần, suốt ngày thứ sáu và sáng chủ nhật. Những ngày còn lại họ không có thời gian để nghe kinh nên chúng tôi rất tập trung. Đặc biệt suốt ngày thứ sáu. Bài giảng mỗi tối thứ năm hai tiếng, thứ sáu phải giảng ba lần, sáng, chiều, tối sáu tiếng. Có khi phải thêm một tiếng thành 9 tiếng, sáng ba tiếng, chiều ba tiếng, tối ba tiếng, họ thích nghe. Sáng chủ nhật giảng ba tiếng, chiều

không giảng kinh, họ trở về chuẩn bị thứ hai đi làm. Nên giảng đường có khi là phòng khách gia đình người ta. Nhà ở của họ rất lớn. Có khi là chỗ thuê mượn, mượn phòng hội nghị của quán bar, mượn giảng đường của nhà trường.

Giảng kinh rất vất vả, cần phải chú ý nhưng có lợi ích rất lớn đối với mình. Nếu tâm không định, không cách nào học giảng kinh được nên kinh nghiệm một đời của tôi, phương pháp này người tính cách như tôi rất ít. Học vấn thật sự là phải buông bỏ hết. Trong đời tôi đích thực Phật tử họ Hàn giúp đỡ rất nhiều, tuy có thư viện nhưng cô ấy làm chủ quản. Tôi không quản người, không quản việc cũng không quản tiền, tôi chỉ quản lên lớp. Chúng tôi có thư viện nên môn học không gián đoạn. Buổi tối thì thính chúng, ban ngày thì công việc. Buổi tối họ có thời gian đến nghe, lúc đó tôi cũng giảng một tiếng 30 phút. Thường niên như vậy không gián đoạn.

Ở Đài Bắc có khi học sinh muốn nghe Phật pháp, chúng tôi lại tổ chức một buổi giảng chuyên về Phật học. Mỗi tuần một lần vào ngày chủ nhật. Sáng chiều tôi đều lên lớp cũng làm được thời gian rất dài. Vì thế kết pháp duyên rất thù thắng với lớp trẻ. Sau đó ở hải ngoại, sinh viên ở hải ngoại đều là lưu học sinh, sau khi tốt nghiệp rất nhiều người ở lại đó làm việc. Chúng tôi đã liên lạc nên mỗi lần ra nước ngoài đến các nơi hoằng pháp, đều kết duyên như vậy. Thầy lý ở Đài Trung tổ chức giảng ở thư viện Từ Quang, chuyên giảng về các bộ kinh. Đạo An pháp sư ở Đài Bắc, chuyên giảng các bộ kinh lớn ở đại giảng đường của hội Phật giáo. Thư viện chúng tôi cũng từng tổ chức nhưng nơi này tôi đều tham gia, nên kết duyên rất sâu với các bạn đồng học.

Tôi đến Mỹ có hơn 300 bạn đồng học liên hệ với tôi, ở các thành phố khác nhau. Mỗi lần đến một nơi đều có người tiếp đãi. Đây là khi chúng tôi học Phật, thầy rất coi trọng việc dạy chúng tôi nên kết pháp duyên rộng rãi. Vì thế lúc đó tình hình này rất thịnh. Từ sau khi chúng tôi lưu thông mạng internet và vệ tinh thì duyên này ngày càng thù thắng. Hoàn cảnh tu học của mình, đích thực vì ngày ngày giảng mà cảnh giới không ngừng nâng cao, mỗi năm đều không giống nhau. Sau 30 năm có thể nói là mỗi tháng không giống nhau, ngày càng hoan hỷ, thật là pháp hỷ sung mãn.

Tôi cảm ân Chương Gia đại sư, nghề này của tôi là Chương Gia đại sư thay tôi chọn. Ngài khuyên tôi xuất gia, dạy tôi học Đức Thế Tôn. Tôi nghe lời và y giáo phụng hành. Thực hiện câu nói của thầy Phương học Phật là hưởng thụ cao nhất của đời người, lời thầy nói không sai chút nào. Hưởng thụ cao nhất không phải là địa vị, chúng ta không có địa vị, trong nhà Phật cũng không có địa vị, ở xã hội cũng không cũng không có tài phú. Những thứ chúng ta có là gì? Hoan hỷ. Học mà được thực hành như vậy mà không vui sao? Trong đại thừa Phật giáo Đức Phật thường nói pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ. Đây mới thật sự là hưởng thụ! Ít phiền ít não. Phiền não chưa hoàn toàn đoạn nhưng so ra thì giảm nhẹ rất nhiều, đây là thật. Mặc dù không có nơi ở cố định, đều là sống dựa vào người khác, tự mình không có đạo tràng vì thế không có chỗ ở nhất định.

Hiện nay mọi người mời tôi chỉ cần họ có thiết bị internet. Internet có thể phát xạ mọi nơi đều có thể thu nhận được, tôi đều đồng ý đi. Không có thiết bị này không được. Rất nhiều nơi cùng tu vì trên mạng hầu như không ngừng phát các bài giảng nên mời tôi giảng kinh, yêu cầu duy nhất của tôi chính là có thiết bị này. Chúng ta có thể giảng bộ kinh Hoa Nghiêm này bảy chín lần. Có thể vắng mặt, giảng một nơi, tiếp tục giảng. Bộ kinh này chúng ta đã giảng một năm. Hôm qua tiết thanh minh, tiết thanh minh năm ngoái bắt đầu giảng, vừa đúng một năm. Bộ kinh này đã giảng ở HongKong, Malaysia, ở Đài Loan và ở đây. Đã giảng bốn nơi. Hiện nay kinh này giảng được một nửa.

Nên bồi dưỡng nhân tài hoằng pháp thì giảng đường rất quan trọng, không nên để họ ngày ngày lên bục giảng mà học không được gì. Để cho họ có hoàn cảnh an định, điều cơ bản nhất như ăn mặc ở không cần phải lo, có chỗ để quý vị ở, có thể mặc ấm, ăn no là đủ, quý vị cứ toàn tâm toàn lực mà học kinh giáo. Mười năm chẳng ai không thành tựu. Sau khi thành tựu còn tự cho mình là học sinh, không giám xưng là thầy giáo, siêng năng nỗ lực để nâng cao cảnh giới của mình. Hai mươi năm, ba mươi năm thật gọi là thâm căn cố đế. Thật sự phát tâm giảng kinh, kiến nghị của tôi là không làm tri sự không nên làm trú trì. Vì sao vậy? Vì quản lý công việc thì rất phức tạp, tâm không thể thanh tịnh.

Thầy của tôi là thầy Phương Đông Mỹ suốt đời làm công việc giáo dục, rất tự tại! Tôi có một vị đồng học là Phó Lạc Thành, bạn trung học thời kỳ kháng chiến.

Ông ta là giáo thọ khoá tiến sĩ trường đại học Đài Loan cũng là một đời dạy học, chúng tôi là bạn tốt. Trường đại học Thành Công từng mời ông làm viện trưởng viện văn học. Ông làm được một học kỳ thì xin từ chức. Ông gặp tôi ở Đài Bắc, ông nói rõ ràng không phải việc của con người làm! Suốt đời dạy học, mời ông ta làm viện trưởng xã giao nhiều như vậy, ông ta không chịu nổi nên làm được một học kỳ thì không làm nữa. Tôi nói với ông ta điều đó không sai chút nào! Người bạn học này đáng tiếc đã qua đời mấy năm rồi. Ông cũng là học giả nổi tiếng ở Đài Loan.

Nên giảng đường, tinh xá là để học sinh an cư lạc nghiệp. Sự nghiệp giáo dục văn hoá là vì bồi dưỡng nhân tài cho đời sau. Thần thánh biết bao, cao cả biết bao, tự tại biết bao. Trong này có niềm vui, niềm vui của nó thật vô cùng. Cổ nhân thường nói, giáo dục là để được anh tài của thiên hạ. Đây là sự hưởng thụ lớn lao của đời người.

Bên dưới nói “*lâu quán*” lâu quán là lâu đài. “*Quán giả, lâu dã, đài tạ dã*” đài tạ cũng có thể xem nó như vũ đài, nơi biểu diễn, nơi hội nghị. “*Lan thuấn, tức lan hạm, tục xưng san lam*”. Đọc gọi là lan, ngang gọi là thuấn. Lan thuấn thông thường chúng ta gọi là lan can.

“*Cực Lạc điện các giai tòng Di Đà tịnh tâm lưu hiện. Chúng bảo sở thành, phi tòng mộc thạch, bất giả cận phủ, tùy cơ ứng hiện. Cố viết diệc giai thất bảo tự nhiên hoá thành*”.

Đây là nói giảng đường, tinh xá, lâu đài ở thế giới Cực Lạc từ đâu mà có? Là từ trong tâm thanh tịnh và công đức vô lượng của Phật A Di Đà hiển lộ, tự nhiên hiển lộ.

Thế giới Cực Lạc vô lượng trân bảo, cho nên những kiến trúc này là các loại châu báu hợp thành. Không phải kết cấu của gỗ, không phải kết cấu của đá, cũng không cần nhân công, không có người vẽ, không có ai thiết kế, không cần thợ thủ công. Tùy cơ ứng hiện, hoàn toàn tự nhiên. Tùy cơ, cơ là cơ cảm. Chúng sanh có cảm tự nhiên có ứng. Điều này thật không thể nghĩ bàn nên trong kinh vẫn nói: “*diệc giai thất bảo tự nhiên hoá thành*”. Hoá là biến hoá, thành tự. Chẳng khác nào như người thế gian thường nói tùy tâm muốn gì được nấy, tâm

tưởng sự thành. Hai câu này dùng ở thế giới Cực Lạc thì là hoàn toàn chính xác. Không phải tán thán, không phải khuếch trương.

Bên dưới nói “*bạch châu*” nghĩa là trân châu, trân châu màu trắng nó sinh ra trong vỏ con trai. “*Bạch khiết giả quý. Bạch chu giả, chu trung chi thượng phẩm*”, nghĩa là trân châu tốt nhất. “*Ma ni*” là như ý bảo châu. “*Giao lạc, vị giao hồ vông lạc*” dùng những thứ này làm vật trang sức ở lầu các lan can. “*Như Hán Dịch viết, phục dĩ bạch châu, minh nguyệt châu. Ma ni châu vi giao lạc, phú cai kỳ thượng*”, dùng những châu bảo này để dệt thành màn báu, rồi lại dùng những màn báu này để che trên cung điện và lầu các. “*Như thị diệu châu ma ni sở thành chi vông lạc, phú ư thất bảo lầu quán lan thuấn chi thượng, cực vi minh diệu*”. Những tòa nhà cao tầng ở các đô thị hiện nay, chúng ta có thể nhìn thấy trang sức của chúng, ban đêm thì dùng đèn để trang sức, dùng đèn năm sắc biến thành màn để phủ lên trên nóc nhà và trên lan can, bao quanh các cây. Ban đêm quý vị thấy rất đẹp mắt, nhưng so với thế giới Cực Lạc thì còn kém xa. Chúng ta ở đây là nhân công còn ở đó là tự nhiên. Đó chính là điều không thể so sánh được.

“*Hựu Vãng Sanh Luận viết, cung điện chư lầu các, quán thập phương vô ngại, tạp thọ dị sắc quang, bảo lan biến vi nhiên*”.

Trong Vãng Sanh Luận tán thán cung điện lầu các, nơi cư trú của thế giới Cực Lạc. “*Quán thập phương vô ngại*”. Câu này quá tuyệt! Giống như ở trước chúng ta đọc đến đạo tràng dưới cây đại thọ, đạo tràng Phật A Di Đà giảng kinh thuyết pháp. Bên ngoài đạo tràng cây cỏ hoa lá rất nhiều, tác dụng của những cây này rất lớn, trong cây có thể hiện tất cả quốc độ mười phương chư Phật, có thể nhìn thấy mười phương thế giới, trong cung điện lầu các cũng vậy, cũng có thể hiện. Như ti vi ngày nay có thể hiện mười phương thế giới, quý vị thấy được rất rõ ràng. Thiên thượng nhân gian, lục đạo luân hồi đều có thể nhìn thấy hết. Muốn xem nơi nào thì nơi đó liền hiện tiền.

Như vậy chúng ta liền nghĩ đến, nhất định là chỗ có duyên với mình, nhiều đời kiếp trong quá khứ đã từng ở đây. Chỗ chưa ở qua sẽ không có ấn tượng, nơi từng ở qua rồi mới có ấn tượng, tất cả đều hiện tiền nên chúng ta nghĩ đến cha mẹ anh chị em, đồng học bằng hữu trong nhiều đời kiếp, ở thế giới Cực Lạc mới thật sự đoàn tụ. Ngoài thế giới Cực Lạc ra thì đoàn tụ rất khó. Ngày nay chúng ta xem

ti vi thấy được phương xa. Nhìn thấy người, âm thanh họ nói cũng nghe được nhưng tôi không thể nói chuyện với họ, họ cũng không cách nào trả lời tôi. Thế giới Cực Lạc không như vậy, nhìn thấy là có thể nói chuyện, họ gặp khó khăn có thể giúp họ, họ có phước báo có thể tùy hỷ, hư đang ở trước mặt vậy. Đây là oai thần bốn nguyện công đức của Phật A Di Đà thành tựu.

“*Hựu đệ tứ thập nhị*”. Đây là nguyện thứ 42 trong 48 nguyện. “*Triệt chiếu thập phương nguyện*”. Nguyện văn có ba câu ở dưới “*Sở cư Phật sát*”, là Phật A Di Đà nói quốc độ ngài ở khi ngài thành Phật. “*Quảng bác nghiêm tịnh*”, quảng đại, bác đại, trang nghiêm thanh tịnh. “*Quang doanh như kính*”, thanh tịnh không nhiễm chút trần. “*Triệt chiếu thập phương*” nhìn thấy tất cả mười phương thế giới. Chúng ta ở trong đó đều có thể thấy được. “*Quân biểu Cực Lạc chi cung điện lâu quán giai như minh kính, chiếu nạp thập phương. Có Đàm sư viết*”. Đàm Loan pháp sư nói “*cung điện lâu các, kính nạp thập phương*”. Giống như tấm kính vậy, nó chiếu kiến mười phương thế giới. “*Bảo thọ bảo lan hồ vi anh sức*” Bên ngoài có bảo thọ, cung điện lâu quán đều có lan can, đẹp không sao tả được.

“*Khả kiến Cực Lạc chi minh diệu, vô năng tỷ giả. Cố vân minh diệu vô tỷ*”. Mười phương thế giới cũng có nhưng ánh sáng vi diệu không bằng thế giới Cực Lạc. Vì sao vậy? Vì đây là nguyện lực công đức tu hành của Phật A Di Đà thành tựu. Chư Phật trong mười phương thế giới không phát đại nguyện như Phật A Di Đà, thành tựu vô lượng vô biên chúng sanh là thành tựu từ nguyện lực. “*Chí ư Bồ Tát sở cư chi cung điện*”, nghĩa là chúng ta nói chỗ ở của học sinh, cung điện của họ. “*Diệc phục như thị minh diệu, thâm hiển chân thật bình đẳng, như như nhất vị*”. Hai câu này rất quan trọng, thế giới Cực Lạc là thế giới bình đẳng, ở đó không phải hưởng thụ, không phải tận lực, ở đó không phải nhân công tương tượng thiết kế, không phải. Tất cả đều là tự nhiên, do nguyện hành công đức của chúng ta thành tựu. Chúng ta không có nguyện hạnh lớn lao như vậy chỉ là hưởng ánh sáng của Phật A Di Đà, đại nguyện đại hạnh và thần lực của Phật A Di Đà thành tựu.

Chúng ta đến thế giới Cực Lạc, được ánh sáng của Phật gia trì, nguyện lực của Phật gia trì, khiến chúng ta bất luận là ở thân hình_tình huống thân thể, trí huệ, thần thông, đạo lực đều tương trợ Phật A Di Đà. Điều này thật không thể nghĩ

bàn. Cũng chính vì như vậy nên tất cả chư Phật mười phương đều tán thán Phật A Di Đà là “quang trung cực tôn, Phật trung chi vương”. Trong tất cả các quốc độ, Phật A Di Đà là số một. Ngày nay chúng ta may mắn gặp được có thể nói là vô ý gặp được, muốn tìm cũng không tìm được nhưng vô ý gặp được.

Vô ý cũng chẳng phải không có nguyên nhân. Trong quá khứ có thiện căn phước đức nhân duyên, ngày nay chúng ta mới gặp được. Không có thiện căn phước đức nhân duyên trong quá khứ thì làm sao có thể gặp được? Khi gặp được cần phải nắm bắt cơ hội này, không thể bỏ qua, nhất định phải cầu sanh Tịnh độ. Chúng ta là phàm phu nhất định phải tu học, môi trường tu học này quá tốt, không tìm nơi nào được. Chúng ta ở trên địa cầu này, hiện nay tìm một môi trường tu học thật không dễ, không biết tìm đâu. Suốt đời tôi học Phật 60 năm, sống cuộc đời lưu lạc 60 năm, đến nay vẫn chưa có nơi chốn.

Gần đây ở HongKong có một cư sĩ cúng dường tôi_cũng coi như là tinh xá, để chúng ta tu hành_là một ngôi nhà nhỏ để tinh tấn tu hành. Lớn chừng nào? Lớn khoảng bằng phòng nhiếp ảnh này thôi. Ngôi nhà ở trên núi, giống như mảnh đất nhỏ của ngôi miếu vậy. Nhà này được xây dựng đã 90 năm. Nó có ba mẫu đất, vùng núi có ba mẫu đất, bên ngoài có vườn rau. Tôi định muốn dỡ bỏ làm lại, nhưng người cúng dường cho tôi nói_ông nói: không nên, tốt nhất pháp sư nên bảo tồn nó. Nhà này làm cách đây 90 năm về trước, vật liệu hiện nay không tìm thấy. Tuy nhìn không đẹp nhưng mùa đông thì ấm mùa hè thì mát. Nay làm lại sợ rằng không được tốt như vậy, cho nên tôi chỉ tu sửa nó. Ở đó rất thoải mái, ngôi nhà rất nhỏ, ở trên núi. Tuy rất nhỏ nhưng rất yên tĩnh cũng rất gần cư dân nhưng vì nó rất nhiều cây cối nên không nhìn thấy. Ở trên một sườn núi nhỏ! Tôi cũng rất thích nơi này cũng đã xem qua hai ba lần.

Con người không có phước báo thì phải lưu lạc khắp nơi. Tôi cũng rất thích. Vì sao vậy? Thầy đã làm gương cho tôi. Đức Thế Tôn khi còn tại thế, suốt 49 năm cũng lưu lạc khắp nơi, lưu lạc sống ở bên ngoài. Tôi lưu lạc khắp nơi còn có nhà để ở, còn được tiếp đãi rất tốt, nghĩ đến thầy tôi cảm thấy rất an ủi, không có chút tâm oán hận nào. Cuộc sống của tôi so với thầy thì thoải mái hơn nhiều. Thầy từng đi khát thực, còn tôi chưa từng đi khát thực nên tôi có tấm gương tốt, chúng ta không thể quên. Sinh hoạt cần phải đơn giản, phải tiết kiệm, đơn giản,

tài vật chúng ta cần càng ít thì càng tự tại, không có gì phải lo lắng. Ở tuổi này mỗi ngày vẫn có bốn tiếng đọc sách, có bốn tiếng chia sẻ với những người bạn tâm đầu ý hợp, hạnh phúc biết bao! Đây chính là cuộc sống thần tiên mà nhân gian thường nói, tâm định hoàn toàn. Tất cả hoạt động tôi đều từ chối không còn tham gia. Nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, như vậy thì ngay trong đời này đã viên mãn rồi.

Chúng ta xem tiếp đoạn thứ hai bên dưới. Đoạn thứ hai là thắng cảnh tu học_hoàn cảnh thù thắng. *“Trung hữu tại địa giảng kinh, tụng kinh giả”*. Trung ở đây chính là trong giảng đường, tinh xá. Có Bồ Tát ở trong đó giảng kinh, tụng kinh. *“Hữu tại địa thọ kinh, thính kinh giả”*. Thọ là tiếp thu là có thể tin, có thể lý giải, có thể phụng hành. Còn phải thêm vào có thể chứng. Tín giải hành chứng, đây là thọ, đây là nghe kinh ở trên mặt đất.

“Hữu tại địa kinh hành giả, tư đạo cập tọa thiền giả. Hữu tại hư không giảng tụng thọ thính giả. Kinh hành, tư đạo cập tọa thiền giả”.

Quý vị xem tự tại biết bao. Muốn ở trên mặt đất thì ở trên mặt đất, muốn ở không trung thì lầu các, giảng đường, túc xá đều nổi lên không trung. Thật là cảnh tùy tâm chuyển, được đại tự tại. Chúng ta xem chú giải.

“Thượng nhất biểu kính”, là cảnh giới, hoàn cảnh. *“Thử hạ”*, nghĩa là bây giờ chúng ta đọc đoạn thứ hai, ở sau còn có một đoạn nhỏ. *“Biểu kính trung nhân”*, nghĩa là môi trường của những người ở trong đó. *“Chư vãng sanh giả”*, người trong mười phương thế giới vãng sanh đến thế giới Cực Lạc. *“Các y kỳ phẩm vị. Tùy kỳ ý lạc, tự tại tu tập, hoặc tại hư không, hoặc tại bình địa. Các các tùy ý giảng tụng thính thọ, tọa thiền, hành đạo”*. Đây là sinh hoạt hằng ngày của đại chúng ở thế giới tây phương Cực Lạc. Vì thế chúng ta biết, thế giới Cực Lạc “kỳ đại vô ngoại, kỳ tiểu vô nội”, đây là thế giới như thế nào? Đây là nơi dạy học thuần túy của Phật A Di Đà, là một ngôi trường!

Quý vị xem, phương thức sinh hoạt của cư dân ở đây không có sĩ nông công thương cũng không thấy tổ chức chính phủ. Không thấy quốc gia này có quốc vương, có đại thần, không nhìn thấy, chỉ có thầy và trò. Như vậy chúng ta biết, đây đích thực là tất cả mười phương chư Phật Như Lai kiến lập một trường đại học Phật giáo, gọi thế giới Cực Lạc là đại học Phật giáo. Tỉnh Phật A Di Đà làm

hiệu trưởng, mười phương chư Phật thường đến tha phương đảm nhiệm giáo thọ. Đức Phật thường đến đó dạy học nên Bồ Tát ở thế giới Cực Lạc có nhân duyên rất sâu với Phật. Tự do tự tại, muốn đến tham học ở thế giới Chư Phật rất dễ, ý niệm vừa khởi thì người đã đến nơi. Muốn mời chư Phật đến thế giới Cực Lạc dạy học, ý niệm vừa khởi thì Phật cũng liền đến. Đạo tràng lớn, giảng đường lớn, trường học lớn!

Chúng ta đến thế giới tây phương Cực Lạc để làm gì? Để làm Phật. Điều này cần phải biết không làm gì khác mà đi làm Phật. Sau khi thành Phật thì làm gì? Sau khi thành Phật liền đến mười phương thế giới phổ độ chúng sanh. Chúng sanh vô biên thê nguyện độ, giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, rời xa đau khổ được niết bàn an vui, làm công việc này.

Chúng ta xem tiếp chú giải bên dưới. *“Kinh hành. Cựu vân hành đạo. Nãi u nhất định chi địa khu, toàn chuyển hoặc trực vãng trực lai, dụng dĩ phòng thủy”*. Đây gọi là kinh hành, ngày nay chúng ta gọi là tản bộ. Khi tản bộ tụng kinh, kinh điển thuộc lâu. Thuộc bộ kinh giống như kinh Vô Lượng Thọ, không nên nôn nóng, không nên đọc quá nhanh, đọc từng chữ từng câu. Một bộ kinh đọc hai tiếng, hai tiếng đi cũng được hai ba cây số, hai ba cây số đi rất chậm, thích hợp với sáng sớm và hoàng hôn. Thông thường trong nhà Phật không ăn cơm chiều, kinh hành như vậy rất tốt! Hoặc là niệm Phật hoặc là trì chú để nhiếp tâm. Đây là công phu sáng và tối. Mức độ thể dục cũng đủ. Đi đứng ngồi nằm đều đang tu hành. Hành là hành vi, khởi tâm động niệm, hành vi tư tưởng. Trong Phật pháp gọi là ý.

Ngôn ngữ là hành vi của lời nói, thân thể động tác là hành vi của thân. Ba nghiệp thân khẩu ý có sai lầm, có tạo nghiệp, khiến nó tu tập sửa đổi gọi là tu hành. Niệm Phật rất tốt, tụng kinh rất tốt, trì chú cũng rất tốt. Chuyên tu chuyên hoằng, chuyên tu thì dễ được định, được tam muội. Chúng ta tu niệm Phật, khi kinh hành niệm Phật được niệm Phật tam muội. Khi kinh hành tụng kinh Vô Lượng Thọ hoặc tụng kinh Di Đà cũng gọi là niệm Phật tam muội. Sau khi được tam muội, tu hành không gián đoạn, ngày ngày đều làm như vậy, đến khi nhân duyên thuận thực thì tự nhiên đại ngộ tức là đã khai ngộ. Được tam muội, vãng sanh sẽ nắm chắc được, có thể không cần vãng sanh sớm hơn dự định.

Vì sao vậy? Trong kinh Đức Phật dạy, tu hành một ngày ở thế giới Ta Bà bằng tu hành ở thế giới Cực Lạc 100 năm. Vì sao? Ở thế giới tây phương Cực Lạc bình an nên tiến bộ rất chậm, thế giới này biến hoá quá kịch liệt nếu chịu đựng được thì tiến bộ rất nhanh, không chịu đựng được thì đọa lạc cũng rất nhanh, thế giới Cực Lạc tuyệt đối không bị đọa lạc chỉ có tiến không có thoái. Còn thế giới Ta bà thay đổi nhanh chóng, nếu chịu được thì tăng tiến rất nhanh mà không đọa lạc. Cho nên ở thế gian này tu hành như thế nào cũng có thể chấp nhận được, thuận cảnh nghịch cảnh, thuận duyên ác duyên đều có thể như như bất động ở đây rèn luyện, đến thế giới Cực Lạc sanh vào cõi thật báo trang nghiêm, điều này không phải không được, vì sao vậy? Vì đã thật sự buông bỏ. Nếu không buông bỏ thì không vượt qua được, sẽ bị cảnh giới bên ngoài cám dỗ, đã thật sự buông bỏ thì không sao, thay đổi biến hoá ra sao cũng như như bất động.

Thế gian này người khổ nạn quá nhiều, ngày ngày tiếp xúc những người này tâm từ bi được tăng trưởng, tu đại từ đại bi. Nên nhớ trong cuộc sống tu hành, lý luận trong kinh giáo biến thành tư tưởng kiến giải của chính mình. Tất cả giáo huấn trong kinh điển đều trở thành hành vi sinh hoạt của chúng ta. Xử sự đối nhân tiếp vật nơi nơi đều hành đạo Bồ Tát. Bồ Tát đạo là ngay trong sinh hoạt hằng ngày. Ở nhà học Phật thì gia đình là đạo tràng, người nhà chính là đối tượng đầu tiên để độ. Nếu thật sự tu hành tốt, người nhà sao lại không hoan hỷ? Sao lại không khâm phục? Nhưng phải thật thật sự tu hành! Thực hành tất cả những gì trong kinh dạy, tự nhiên cảm động được người trong gia đình. Cảm động được gia đình nhất định cảm động được hàng xóm và những vùng lân cận đây mới thật gọi là hành Bồ Tát đạo.

Kinh hành để đề phòng ngũ gục, đối trị mệt mỏi còn có thể dưỡng thân trị bệnh. Thân thể con người là một bộ máy nhất định phải hoạt động, hai chữ hoạt động này hay. Quý vị xem “hoạt động” muốn sống thì phải vận động, không vận động sẽ không sống được. Quý vị thấy ý nghĩa trong văn tự xưa rất có trí huệ. Ngày ngày ngồi bất động sẽ không sống nổi, ngồi khiến nó tiêu mất, nhất định phải hoạt động. Kinh hành là hoạt động, lay Phật là hoạt động. Hai phương thức này bất luận là pháp môn nào cũng đều dùng nhiều nhất.

“*Huyền Tán Nhị vân, u trung vãng lai, tiêu thực tụng kinh. Như kinh bố tiêu chi lai khứ, cố ngôn kinh hành*”. Bồ tiêu này ngày nay không còn nhìn thấy, đây là cách dệt vải ngày xưa. Không biết quý vị đã từng thấy phụ nữ trong gia đình ngày xưa dệt vải hay không. Đó là phương pháp mấy nghìn năm trước dùng con thoi để dệt thành vải. Trên đồ hoạ còn có thể nhìn thấy, đây là ví như kinh hành, kinh hành này không phải đi vòng quanh mà là đi thẳng, một con đường thẳng nên gọi là kinh hành. Kinh nghĩa là máy kinh vĩ.

“*Hựu Pháp Hoa Kinh Tự Phẩm*”. Ở trước Huyền Tán là Pháp Hoa Huyền Tán, “*vân, vị thường thủy miên, kinh hành lâm trung*”. Đức Phật khi còn tại thế buổi tối hành đạo, đi nhiều vòng quanh trong rừng cây_kinh hành. “*Vị thường thủy miên*” khi mệt thì ngồi nghỉ dưới góc cây, tâm địa thanh tịnh, không nhiễm chút bụi trần, vạn duyên buông bỏ, tâm định, thân cũng tịnh. “*Hựu tư đạo, tư duy u đạo dã. Tư lương u sở đối chi cảnh, nhi liễu biệt chi, viết tư duy*”. Đạo ở đâu? Chẳng nơi nào không phải là đạo. Những thứ lục căn tiếp xúc đến đều là đạo. Đạo là nói về pháp tánh, những thứ lục căn tiếp xúc đều là pháp tướng. Tánh tướng nhất như, tánh tướng không hai, từ trong tướng thấy tánh. Mắt từ sắc tướng mà thấy tánh, tai từ nghe âm thanh mà thấy tánh, lưỡi từ nếm vị mà thấy tánh. Đó chính là điều trong Lăng Nghiêm Kinh Chánh Mạch, Giao Quang pháp sư nói bỏ thức dùng căn.

Bồ Tát Quán Thế Âm “*phản văn văn tự tánh, tánh thành vô thượng đạo*”, tánh thành vô thượng đạo nghĩa là minh tâm kiến tánh. Kiến tánh không phải thấy ở trong kinh điển mà ở ngay trong đời sống hằng ngày. Trong lục căn đối với cảnh giới lục trần mà kiến tánh, xem có thấy được không, từ trong động thấy được tịnh, từ trong tạp loạn thấy được bình an. Tất cả pháp đều là tự tánh. Các pháp đều như thế, các pháp đều như vậy nên gọi là tư đạo, không nên nghĩ ngợi này nọ, nghĩ đến những điều khác là hoàn toàn sai. Người thế gian nghĩ là tài sắc danh thực thùy, thất tình ngũ dục, họ nghĩ đến những thứ này nên hoàn toàn sai. Trong Phật pháp nên nghĩ làm thế nào để làm được nhiều điều tốt đẹp, độ nhiều chúng sanh, tích lũy nhiều công đức. Tốt hơn người thế gian nghĩ một chút nhưng cũng là sai. Vì sao vậy? Vì phan duyên ở bên ngoài thì lục căn không thanh tịnh.

Trong giáo lý đại thừa dạy chúng ta tùy duyên diệu dụng. Chúng ta tùy tùy duyên nhưng không phải diệu dụng, không phải diệu dụng nên nhớ rằng đó là tạo nghiệp, tùy duyên tạo nghiệp. Thực tế mà nói thì ý niệm chúng ta vừa khởi, trong Hoàn Nguyên Quán nói ý niệm mới động đã chu biến pháp giới, biến pháp giới hư không giới tất cả đều tiếp nhận được. Thân này của chúng ta giống như đài phát thanh vậy, ý niệm vừa động liền phát xạ ra, biến pháp giới hư không giới đều nhận được, không ai không biết. Tiếp thu được nhưng không biết. Như vậy là sao? Đó là máy móc có sự cố. Hiện tại máy móc chúng ta có sự cố. Tin tức trong mười phương thế giới xưa nay chưa từng gián đoạn, chúng ta đang nhận được nhưng không biết vì không cảm nhận được. Do máy móc có vấn đề nên nó không hoạt động, đã bị tê liệt, không phải không nhận được.

Phàm phu trong lục đạo mê thất tự tánh, nguyên nhân chính là đây. Nếu chúng ta tu hành tâm thanh tịnh liền có thể nhận được một vài tin tức. Càng thanh tịnh càng linh mãnh, những thứ ta nhận được, cảm nhận được càng nhiều. Nếu tâm tư không tập trung thì năm lực này lập tức mất đi, nhưng chúng ta phát đi mỗi niệm đều không gián đoạn. Chúng ta phát ra, tư tưởng tinh thần chúng ta dao động, tạo tác của chúng ta là vật chất, sự dao động của thân thể này biến khắp pháp giới. Chư Phật Bồ Tát nhận được vì các ngài rất rõ ràng, không bị mê hoặc. Thiên địa quỷ thần cũng có thể nhận được. Có một số thiên địa quỷ thần còn hay hơn chúng ta nhiều. Vì sao vậy? Vì họ có tu, chỉ cần có tu thì đều nhận được. Người có tu tâm họ thanh tịnh, tâm thanh tịnh đặc biệt mãnh cảm, linh mãnh nên khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác không thể không thận trọng.

Trong kinh Đức Phật nói tất cả nghiệp chướng chúng ta tạo không những phát xạ mà chúng ta còn lưu trữ tài liệu. Có kho tài liệu. Kho tài liệu này là gì? Là A lại da. Trong A lại da thu thập những chủng tử tài liệu này, vĩnh viễn không bao giờ mất đi. Kho tư liệu này rất kiên cố, trong vô lượng kiếp, thế giới có thành trụ hoại không thì kho tư liệu này cũng không bị hoại. Vì sao vậy? Vì kho tư liệu này không phải vật chất, nó là hiện tượng tinh thần, không phải hiện tượng vật chất nên nó mãi mãi không hư hoại. Khi đại triệt đại ngộ thì những tài liệu này được chinh đốn lại và chuyển thức thành trí. Đem tất cả những tư liệu của mình đều chuyển thành trí huệ. Trí huệ này gọi là hậu đắc trí, “vô sở bất tri”. “Bát nhã vô

tri” là căn bản trí. Từ căn bản trí phát sinh hậu đắc trí, “vô sở bất tri” nên phiền não vô tận cũng không sợ. Sau khi chuyển biến đều là trí huệ vô tận. Phiền não không có thì trí huệ cũng không có, chuyển phiền não thành bồ đề. Quý là ở chỗ chuyển biến.

Đặc biệt là chúng ta đang sống trong bối cảnh thời hiện đại này, thiên tai quá nhiều, quan trọng nhất là chuyển tâm lại. Chúng ta học Phật nhiều năm như vậy, thường nói thuần tịnh, thuần thiện. Điều này rất quan trọng! Tâm chúng ta là thuần tịnh, thuần thiện thì không có thiên tai. Đây là thật không phải giả. Một trận động đất, một trận sóng thần chúng ta cũng tiêu, thân thể không còn. Thân thể là giả, thân thể không phải của ta. Ý niệm thuần tịnh thuần thiện là thật. Nó đi về đâu? Nó đến thế Giới Cực Lạc.

Chúng ta biết những người chết trong thiên tai, Phật A Di Đà cũng hiển diện. Người có duyên với Phật thấy được ngài, người không có duyên thì không nhìn thấy. Đức Phật đều tiếp dẫn hết, điều này không hề hư vọng. Đây là thật nhưng chúng ta phải tu hành chân chánh mới có thể thành tựu, nên từ sáng đến tối ngày ngày tháng tháng niệm Phật không gián đoạn. Phải buông bỏ duyên thế gian, toàn là giả không nên để trong lòng. Gặp được duyên thì vận dụng nó, vận dụng thật siêng năng, làm tấm gương tốt để thế nhân noi không nên làm gương xấu, cần phải làm gương tốt để báo ơn chư Phật, đại chúng trong xã hội thấy đó là người học Phật, học Phật rất tốt, đây là báo ơn chư Phật. Nếu khiến người ta huỷ báng Phật như vậy là chúng ta sai. Chúng ta phải biểu hiện để người ta tán thán không nên để người huỷ báng.

“Hựu Quán Kinh Vi Đề Hy phu nhân thỉnh viết, ngã kim lạc sanh Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật sở. Duy nguyện Thế Tôn giáo ngã tư duy, giáo ngã chánh thọ”. Đây là một đoạn trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật. Phu nhân Vi Đề Hy gặp biến cố gia đình. Chồng của bà là quốc vương. Biến cố từ đâu mà có? Con trai nghe lời ly gián của Đề Bà Đạt Đa, nên đoạt vương vị của cha, hại cha, hại mẹ gây nên một biến cố lớn. Gia đình biến cố nên cảm thấy nhân sinh không có chút ý nghĩa, cầu Phật cứu bà. Đức Phật liền đến gặp và an ủi bà. Bà ta khóc lóc bạch Phật rằng: Con không muốn ở trên thế gian này nữa, thế gian này quá nhiều đau khổ. Nếu có cõi nước an ổn thì con nguyện được vãng sanh? Đức Phật dùng thần

lực hiện ra cõi nước của Chư Phật trước mặt bà, để chính mắt bà thấy. Bà xem xong, thấy thế giới Cực Lạc của Phật Di Đà là tốt nhất nên muốn đi về đó. Cầu Phật dạy bà tư duy, dạy bà chánh thọ, cũng chính là nói con cảm thấy thế giới Cực Lạc tốt. Bà Vi Đề Hy đã chọn đúng.

Đến đó bằng cách nào? Cầu Thế Tôn chỉ dạy cho bà. Phật dạy cho bà ta 16 loại quán tưởng. Kinh Thập Lục Quán chính là phu nhân Vi Đề Hy khởi thỉnh. Mười sáu phương pháp này, bất cứ phương pháp nào quán thành đều có thể vãng sanh. Trí Giả đại sư tông Thiên Thai đời nhà Đường đã tu 16 quán này mà vãng sanh. Một bậc tổ sư đã tu thành công pháp môn này nhưng 16 pháp quán này không dễ. Quán cuối cùng trong 16 quán là trì danh niệm Phật nên trì danh niệm Phật cũng ở trong mười sáu phép quán này chứ không phải bên ngoài. Pháp quán sau cùng là trì danh.

Vì sao khó tu? Quán quá vi tế. Phàm phu chúng ta tâm không được tỳ mỷ, thiếu thận trọng quán sẽ không thành. Ví dụ như phép quán thứ nhất “lạc nhật huyền cổ”, quán phương tây, khi hoàng hôn mặt trời hạ núi, quý vị nhìn mặt trời. Như thế nào gọi là quán thành? Sau khi quán thành nghĩa là bất luận ở đâu, mở mắt ra đều thấy mặt trời ở trước mặt, nhắm mắt cũng thấy mặt trời hiện ra trước mặt như vậy là quán thành. Thử xem chúng ta có làm được hay chẳng? Không được, mở mắt ra mặt trời cũng không có trước mắt mà nhắm mắt lại cũng không có như vậy là quán không thành. Quán thành là có thể vãng sanh. Phàm là người không tỳ mỷ đều tu quán không thành công, cho nên pháp quán sau cùng là dạy chúng ta niệm Phật_Trì danh niệm Phật. Dùng phương pháp niệm Phật cũng có thể vãng sanh.

Nói tóm lại quán và niệm đều là biện pháp hàng phục phiền não. Tập khí phiền não của chúng ta có thể buông bỏ thì quán hay niệm đều dễ dàng hơn. Ngày nay chúng ta quán hay niệm đều không thành tựu, vì không buông bỏ được. Điều trước tiên chính là thân chưa buông. Thiên kinh vạn luận Đức Phật đều nói đến vấn đề này, nói về việc này, toàn tâm toàn ý không biết nói bao nhiêu lần. Thân không phải là ta. Đức Phật định nghĩa cái ta rất rõ ràng minh bạch. Ta là gì? Cái gì là ta? Đức Phật nói ra tám nghĩa. Trong tám nghĩa đó có hai nghĩa quan trọng nhất cần phải ghi nhớ. Ý thứ nhất là chủ thể, thứ hai là tự tại. Thân thể của

chúng ta có chủ tể chẳng? Có thể tự tại chẳng? Nếu tôi có thể làm chủ được thì tôi mỗi năm đều là 18, tôi không muốn già cũng không muốn bệnh. Làm được như thế chẳng? Không làm được, năm này già hơn năm trước, ngày này già hơn ngày kia. Không còn cách nào, chúng ta không làm chủ được.

Chúng ta muốn tự tại. Mùa hè nóng, mùa đông lạnh. Mùa hè tôi không muốn nóng, mùa đông tôi cũng không muốn nó lạnh như vậy. Có thể làm được chẳng? Không được. Chúng ta không có cách nào để thoát khỏi người và việc, cùng sự phiền nhiễu của hoàn cảnh tự nhiên nên không thể tự tại. Nghĩ đến Đức Thế Tôn nói về định nghĩa này, tư duy tận tường thì không có, đây gọi là vô ngã. Vì ngộ nhận nên xem thân này là ta vì thân thể này mà tạo nghiệp_Tạo vô lượng vô biên tội nghiệp để chiêu cảm lấy báo khổ của tam ác đạo, quá sai lầm!

“Thiện Đạo đại sư chú viết”. Chú giải kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật là của Thiện Đạo đại sư. *“Ngôn giáo ngã tư duy giả, tức thị định tiên phương tiện. Tư tưởng ức niệm bỉ Phật, y chánh nhị báo tứ chủng trang nghiêm dã”*. Đây là dạy chúng ta tư duy, dạy chúng ta quán như thế nào? Nghĩ như thế nào? Xem như thế nào? Y báo, chánh báo bốn loại trang nghiêm của thế giới Cực Lạc ở trước chúng ta đọc qua. Trong Vãng Sanh Luận nói ba loại, mở và khép không giống nhau. Đó là quốc độ trang nghiêm, Phật trang nghiêm, Bồ Tát trang nghiêm. Chúng ta thường nghĩ đến điều này, như vậy càng tường tận, Kinh Thập Lục Quán nói với quý vị 16 loại rất tường tận. Kinh Vô Lượng Thọ rất tường tận. Kinh này từ đầu đến cuối có 48 phẩm, 48 phẩm quá nhiều. Quý vị quán tưởng 48 nguyện của Phật A Di Đà, điều này rất tốt!

Đem 48 nguyện của Phật A Di Đà Phật biến thành bốn nguyện của mình. Điều trước tiên là phải thuần thực, phải thuộc lòng 48 nguyện. Sau khi đọc thuộc, trong cuộc sống hằng ngày khởi tâm động niệm đều có thể tương ứng với 48 nguyện. Như vậy trong niệm Phật thêm hai chữ quán tưởng, rất có hiệu quả. Tập khí phiền não nặng, dùng phương pháp này rất hay! Thật sự có thể nhiếp tâm, luyện tâm trong mọi lúc, mọi cảnh duyên đều không tán loạn. Đây là định tiên phương tiện trong Quán Kinh, dạy chúng ta quán tưởng như thế nào.

Bồ Tát Đại Thế Chí nói nhớ Phật niệm Phật thì hiện tại tương lai nhất định thấy Phật. Quý vị thấy thù thắng biết bao! Thường nghĩ đến Phật, thường nghĩ

đến thế giới Cực Lạc, thường có tâm cầu vãng sanh thế giới Cực Lạc tất cả pháp từ tâm tưởng sanh. Làm gì có đạo lý không vãng sanh đến thế giới Cực Lạc!

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 365

Chuyên ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 07.04.2011

Địa điểm: Tịnh Tông Học Viện _ Úc Châu

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 432, hàng thứ hai từ dưới đếm lên. Bắt đầu xem từ câu Quán Kinh.

“Hựu Quán Kinh Vi Đề Hy phu nhân viết, ngã kim lạc sanh Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật sở. Duy nguyện Thế Tôn, giáo ngã tư duy, giáo ngã chánh thọ. Thiên Đạo đại sư chú viết, ngôn giáo ngã tư duy giả, tức thị định tiền phương tiện. Tư tưởng ức niệm bỉ Phật, y chánh nhị báo tứ chủng trang nghiêm dã”.

Hôm qua chúng ta đã học đến đây. Đoạn kinh văn này và chú giải của Thiên Đạo đại sư rất quan trọng. Tu Tịnh độ hy vọng đời này được vãng sanh thế giới Cực Lạc, thân cận Phật A Di Đà, thì đây là khai thị vô cùng quan trọng, không thể không biết. Thiên Đạo đại sư chú giải đoạn này. Ngài nói: *“giáo ngã tư duy giả, tức thị định tiền phương tiện”*. Định chính là niệm Phật tam muội. Chúng ta hiện nay chưa đạt được niệm Phật tam muội, người đạt được rất ít, đại đa số là chưa đạt được.

Tu bằng cách nào? Dạy chúng ta *“tư tưởng ức niệm bỉ Phật y chánh nhị báo tứ chủng trang nghiêm”*. Điều này cũng như trong Viên Thông Chương Bồ Tát Đại Thế Chí nói nhớ Phật niệm Phật hiện tại tương lai nhất định thấy Phật. Nhớ Phật niệm Phật, ý giống như điều chúng ta đang nói, đích thực chúng ta cần phải

dừng lại và buông bỏ tất cả ý niệm, chỉ niệm Phật A Di Đà và thế giới Cực Lạc. Bỉ Phật là Phật A Di Đà. Y báo là quốc độ trang nghiêm của thế giới Cực Lạc. Chánh báo là trang nghiêm của Phật A Di Đà và tất cả Bồ Tát.

Tứ chủng trang nghiêm, là chánh báo có hai loại, y báo có hai loại. Hai loại chánh báo mọi người đều biết là Phật và Bồ Tát. Hai loại y báo, một là hoàn cảnh lớn_hoàn cảnh của thế giới tây phương Cực Lạc, hai là giảng đường, đạo tràng của Phật A Di Đà. Quý vị xem, đạo tràng thọ trang nghiêm_đưa ra một ví dụ, bao gồm đạo tràng ở trước chúng ta nói là ao thất bảo và nước tám công đức. Giảng đường của Phật A Di Đà ở đâu? Không phải một nơi, mà khắp nơi đều là đạo tràng của Phật A Di Đà. Phật A Di Đà ở thế giới này phân thân nói pháp. Không như thế giới này của chúng ta, chúng sanh mê hoặc, tập khí phiền não sâu nặng. Đức Phật có thể phân nhiều thân ở thế giới này chăng? Đương nhiên có thể. Vậy vì sao ngài không làm? Làm nhưng không ai tin. Vì sao vậy? Vì họ cho Phật là thần. Ngài có thể phân thân, còn chúng ta không thể. Ngài có thể thành tựu, chúng ta làm sao có thể so sánh được? Chẳng những không thể tăng trưởng lòng tin cho mọi người, mà trái lại tăng trưởng nghi hoặc của mọi người. Nguyên tắc trong kinh luận nói là: “tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng”, đây là phương tiện thiện xảo của Đức Phật. Đức Thế Tôn lúc còn tại thế dùng phương pháp nào để phân thân? Dùng đệ tử. Đệ tử tùy tùng của ngài có 1255 vị, họ không ngừng nhận lời mời của đại chúng đi khắp mọi nơi để hoằng pháp giáo hoá, chính là dùng phương pháp này. Thế giới tây phương Cực Lạc không cần, Phật A Di Đà có thể phân thân. Vì sao vậy? Vì đến thế giới tây phương Cực Lạc thì mỗi người đều có thể phân thân. Như vậy thì quá dễ. Không như ở đây chỉ có Phật và Bồ Tát mới phân thân được, phàm phu không thể phân thân. Nên ngài không thể dùng phương pháp này. Chúng ta cần phải lãnh hội điều này. Đây là từ bi vô tận của Như Lai.

Ở thế giới Cực Lạc, mỗi người đều có thể phân thân, thì Phật A Di Đà sao lại không thể phân thân được! Do đó chúng ta có thể nghĩ đến, thế giới tây phương khắp nơi đều là đạo tràng của Phật A Di Đà, khắp nơi đều thấy Phật A Di Đà. Đây là bốn loại y chánh trang nghiêm, chúng ta thường phải nghĩ đến điều này.

Phàm phu mặc dù là vãng sanh vào cõi phàm thánh đồng cư hạ hạ phẩm vãng sanh, họ cũng có năng lực mỗi ngày đi cúng dường mười vạn ức Phật. Đi bằng cách nào? Phân thân đi. Còn bản thân mình vẫn bất động trong giảng đường của Phật A Di Đà. Tức là có năng lực phân mười vạn ức thân đi tham bái mười vạn ức vị Phật, cúng Phật nghe pháp. Bản thân không hề rời thế giới Cực Lạc, không rời Phật A Di Đà. Chúng ta thường quán tưởng những cảnh giới này, như vậy là rất tốt, nó sẽ làm tăng trưởng chánh tín, chánh niệm chúng ta. Tăng trưởng tâm nguyện cầu sanh thế giới tây phương Cực Lạc, cũng có thể tiêu trừ vọng niệm, tập khí của chúng ta. Không nghĩ gì khác, chỉ chuyên nghĩ đến những điều trong kinh nói.

“*Toạ thiền, toạ nhi tu thiền dã, thiền giả phạm ngữ*”. Chữ thiền này là dịch âm từ tiếng phạn. “*Dịch vi tịnh lự, tư duy tu đấng*”. Tịnh lự nghĩa là tư duy tu. Tịnh là tâm thanh tịnh, nó thuộc về “chỉ”, lự thuộc về “quán”. Người xưa thường nói “chỉ quán”. Thiền và chỉ quán cùng một nghĩa. “Chỉ” nghĩa là buông bỏ, “quán” nghĩa là thấu suốt. Đích thực tu hành bước thứ nhất là phải buông bỏ, mới có thể thấy rõ chân tướng sự thật. Buông càng nhiều thì thấy càng thấu triệt, thấy càng rộng càng sâu sắc. Dùng cách nhìn thấu triệt để buông bỏ, danh từ này thì chúng ta càng dễ hiểu, chứ dùng chỉ quán không dễ hiểu.

Khi tôi mới học Phật, vừa nhập Phật môn. Chương Gia đại sư không nói với tôi “chỉ quán”, không nói “thiền na”. Ngài chỉ nói là buông bỏ và nhìn thấu suốt. Đại sư vừa nói là tôi hiểu, có thể lãnh hội được. Buông bỏ giúp chúng ta nhìn thấu suốt. Buông bỏ tham sân si mạn, buông bỏ tập khí phiền não, khi đọc kinh nghe giảng rất dễ nắm bắt vấn đề. Nên dễ lãnh hội, dễ ngộ nhập. Lãnh hội cạn thì ngộ nhập sâu. Nếu không thể buông bỏ. Con người thời nay điều đầu tiên cần phải buông bỏ chính là tâm nông nổi, ngã mạn vô lễ. Nếu không buông được hai điều này thì cho dù ngày ngày đến nghe giảng dạy, có thể nói rằng họ càng nghe càng mê hoặc, nghe không hiểu.

Giáo huấn của thánh hiền phải học từ sự cung kính, vì sao vậy? Sở tu, sở học, sở dạy của chư vị thánh hiền đều là tánh đức. Tánh đức là chân tâm, pháp tánh. Đối với chân tâm, pháp tánh không tôn trọng thì làm sao có thể lãnh hội được? Phải tôn trọng thánh hiền, tôn trọng giáo huấn của thánh hiền, trên thực tế là tôn

trọng pháp tánh. Là tôn trọng chân tâm của chính mình chứ không phải gì khác. Chân tâm hiển lộ chính là chân thành cung kính. Ấn Quang đại sư nói thành kính, đó là chân tâm của quý vị. Chân tâm với chân tâm tương ưng. Vọng tâm với chân tâm không tương ưng, nên quý vị nghe không hiểu.

Kinh điển văn tự mà các bậc thánh hiền lưu lại, toàn là tự tánh hiển lộ ra. Hay nói cách khác, nếu muốn tương ưng thì cần phải dùng chân tâm, dùng vọng tâm thì nhất định không tương ưng được. Dùng vọng tâm chính là dùng A lại da, dùng ý thức. Dùng chân tâm, chứ không dùng A lại da.

Trong Khởi Tín Luận Mã Minh Bồ Tát nói, nghe giáo chính là nghe giảng kinh, nghe dạy học. Cần dùng thái độ như thế nào? Bồ Tát dùng ba loại thái độ không giống với chúng ta là, không chấp tướng ngôn thuyết, không chấp tướng danh tự, không chấp tướng tâm duyên. Quý vị xem đây chính là chân thành cung kính, nên họ nghe sẽ khai ngộ, nghe rồi sẽ chứng quả. Chúng ta không biết nghe, không biết nghe nhưng Phật Bồ Tát vẫn từ bi, vẫn cứ nói. Bất luận là nghe hiểu hay không, chư Phật Bồ Tát vẫn giảng như vậy. Nghe không hiểu cũng tốt, vì sao vậy? Vì đã trồng hạt giống bồ đề vào trong A lại da, trồng một thiện căn, đời đời kiếp kiếp gặp được duyên thì chúng ta sẽ nghe, sẽ đọc tụng, lâu ngày nuôi dưỡng thành thiện căn. Sau đó gặp được Phật pháp thiện căn tự nhiên hiện tiền, cung kính tự nhiên sanh khởi. Điều này có nghĩa là như vậy.

Thành kính, thiện căn đều nhờ vào sự bồi dưỡng lâu dài, không phải trời sanh. Đặc biệt là chúng ta mê lầm trong lục đạo thời gian quá lâu, tập khí ô nhiễm nặng nề. Cho dù gặp được Chư Phật Bồ Tát hay thiện tri thức giáo huấn, cũng rất khó khăn, nhất là ở trong thời đại này, tâm cung kính đã mất. Khoảng tuổi như tôi, có thể nói là trước bốn năm mươi tuổi. Con người trong xã hội đối với người đều có tôn kính, tâm tôn trọng. Viết cái tên cũng rất cung kính quy cũ, không qua loa. Quý vị thấy tuổi trẻ hiện nay, viết gì cũng chỉ qua quýt cho xong. Chữ viết lấu nếu không quan sát tỷ mỉ sẽ không đọc. Điều này ngày xưa nhất định không được, ngày xưa như vậy là đại bất kính.

Thầy giáo ngày xưa chấm bài, chữ không chỉnh tề là không xem, điểm số cũng không có. Chữ viết không đẹp không sao, chỉ cần viết ngay thẳng chỉnh tề, yêu cầu của thời xưa là cẩn thận nắn nót. Từng nét từng chữ cẩn thận ngay ngắn,

ngay hàng thẳng lối, chứ đâu giống bây giờ! Thái độ của lớp trẻ như thời nay, cổ nhân sẽ không dạy. Những huấn luyện cơ bản này, ngày xưa đều là trách nhiệm của gia đình, gọi là gia giáo. Trong thời đại này gia giáo không còn, nên quý vị không thể trách cứ lớp trẻ. Nền văn minh văn hoá của toàn xã hội đã suy sụp, xã hội đại loạn. Nhân tâm không có chỗ quay về, không có nơi nương tựa thích hợp, không có cảm giác an toàn, người như vậy sống ở thế gian đau khổ biết bao, trên thực tế đôi khi không bằng cả súc sanh.

Thời đại này chúng ta đã gặp, rất may mắn, chúng ta đã gặp được giáo huấn của thánh hiền, chúng ta gặp được kinh điển đại thừa, đây là điều vô cùng may mắn. Vì sao vậy? Vì có thể y theo những giáo huấn điển tịch này để ra khỏi cảnh khó khăn hiện tại. Gặp được tịnh tông là điều hiếm có, khiến chúng ta có cơ hội ngay trong đời này, có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc là nơi có không biết bao nhiêu người trong biến pháp giới hư không giới muốn đến, mà không gặp được nhân duyên này. Trong một đời viên thành Phật đạo, đến đâu để tìm cơ hội này? Thật không tìm được.

Pháp môn này phàm phu một đời thành tựu không khó, điều kiện rất đơn giản: thật tin, thật muốn đi và đồng ý niệm Phật liền có thể vãng sanh. Then chốt ở đây chính là một chữ “chân”. Quý vị phải dùng chân tâm. Vọng tâm là không cung kính, không tôn trọng, giống như trò đùa vậy. Như vậy thì không thể vãng sanh, chỉ là trông chút thiện căn, chứ đời này thì không thể thành tựu. Đời này có thể thành tựu là phải tính tấn tu hành. Tôi thật tin, thật muốn đi và thật tâm niệm Phật.

Nên toạ trong chữ toạ thiền không nhất định là chỉ cho việc ngồi thiền, mà là lấy ý của chữ này. Toạ nghĩa là gì? Toạ là bất động. Toạ ở đây chính là bất động. Không phải thân bất động. Thân không phải ta, nó động hay không động thì có liên quan gì? Quan trọng là tâm bất động. Trong kinh đại thừa thường nói, đi đứng ngồi nằm đều là thiền. Chúng ta đi, đứng, ngồi hay nằm ngủ trên giường hết thấy đều là thiền, tâm bất động. Trú tâm ở một cảnh giới. Ngày nay chúng ta toạ thiền chính là trú tâm trên Phật A Di Đà. Đi đứng nằm ngồi trong tâm chỉ có Phật A Di Đà, ngoài Phật A Di Đà ra thì không có gì cả, như vậy là đang ở trong thiền định. Thiền này trong Đại Tập Kinh Đức Thế Tôn tán thán. Ngài nói trì danh

niệm Phật là thiên vô thượng thậm thâm vi diệu. Điều này được nói ra từ kim khẩu của Đức Thế Tôn. Thiên trong đại thừa thường nói nó cao hơn pháp môn khác một bậc, nhưng niệm Phật là thiên vô thượng thậm thâm vi diệu, so với thiên lại cao hơn một bậc.

“*Cụ viết thiên na*”. Người xưa thích đơn giản, nên đã lược bớt âm đuôi chỉ dùng một chữ thiên, ý là tịnh lự. Tịnh là tâm thanh tịnh. Chế tâm một chỗ là tịnh, cho nên nó là “chỉ”. Lự là “quán”. Tâm của họ không phải chết, cũng không phải không, nó có cảnh giới, nên giữ ở cảnh giới này. Cảnh giới của người niệm Phật chính là một câu danh hiệu Phật A Di Đà, hoặc là Nam Mô A Di Đà Phật cũng được. Mọi lúc mọi nơi, mỗi niệm đều giữ chặt câu danh hiệu này, không cho phép bất cứ tạp niệm nào xen vào, như vậy công phu niệm Phật chúng ta sẽ thành tựu, chắc chắn chúng ta được vãng sanh tây phương Cực Lạc, nhất định được vãng sanh. Lúc này niệm Phật, một niệm tương ưng một niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm Phật, đây gọi là biết niệm. Đại đa số người không biết niệm, miệng thì niệm Phật nhưng vẫn còn rất nhiều tạp niệm trong đó, nghĩ điều này, nghĩ cái kia, làm phá hoại toàn bộ công phu niệm Phật mà tự mình không hề hay biết, cứ cho rằng mình là người niệm Phật. Tôi ngày ngày niệm Phật, mỗi ngày niệm biết bao nhiêu vạn danh hiệu Phật. Nhưng không biết trong bao nhiêu vạn thanh Phật hiệu đó có hoài nghi, có tạp niệm nên đã bị phá hoại mất hết rồi. Niệm Phật như vậy không phải là thiên.

Nếu niệm Phật chuyên chú vào một niệm, không có hoài nghi, không có tạp niệm thì đó là thiên. Niệm Phật như vậy chính là điều Đức Thế Tôn nói thiên vô thượng thậm thâm vi diệu. Nên cần phải hiểu ý nghĩa của thiên.

Phật pháp đại thừa có tám vạn bốn ngàn pháp môn, tất cả đều là tu thiên, nghĩa là dùng tám vạn bốn ngàn phương pháp tu thiên khác nhau. Tu tịnh lự, tu tư duy tu, cho nên pháp môn là bình đẳng không có cao thấp, vì sao vậy? Vì đều có thể được thiên định, đều có thể khai ngộ, đều có thể minh tâm kiến tánh. Vì chúng sanh căn tánh không đồng, nên tu học có khó dễ khác nhau, khác biệt rất nhiều. Phật A Di Đà vì phổ độ chúng sanh mà đề xuất một phương pháp gọi là trì danh niệm Phật. Phương pháp này dễ dàng, đơn giản, ai cũng tu được, và nó rất thù thắng. Chỉ cần như lý như pháp thì đây chính là thiên vô thượng thậm thâm vi

diệu. Nếu niệm Phật có tạp niệm thì không phải là thiên, trong thiên không cho phép có tạp niệm và hoài nghi. Không hoài nghi, không tạp niệm chính là nhất tâm bất loạn, nhất tâm bất loạn chính là thiên vô thượng thâm diệu, nhất tâm trú trên danh hiệu Phật.

Trong thời đại này. Tôi không biết dùng vi tính, tôi nghe các vị đồng học nói, trên internet có rất nhiều tin tức. Đặc biệt là nhiều loại dự ngôn khác nhau nói về thiên tai. Chúng tôi được một vài thông tin, kết luận của nó rất đơn giản, con người nếu vì tự tư tự lợi thì thiên tai này không sao tránh khỏi, còn nếu không có tự tư tự lợi, người thiện tâm, người niệm Phật thì dù ở trong thiên tai cũng có thể bảo toàn. Chư Phật Bồ Tát, thiên thần, quỷ thần đều sẽ gia hộ. Hầu như đều là cách nói này. Chúng ta hiểu được đạo lý này thì những thông tin này có thể không cần đến, không cần xem nó. Xem nó có giải quyết được vấn đề chẳng? Trái lại còn khiến cho công phu niệm Phật của chúng ta lại bị tạp niệm, lại bị phá hoại. Chúng tôi từ đây về sau không xem nữa mà nhất tâm niệm Phật.

Siêng năng thực hành Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên và Thập Thiện Nghiệp, thì quý vị là người trong kinh Phật nói “thiện nam tử thiện nữ nơn”, như vậy là được. Thiên tai như thế nào cũng không sợ không hãi, hoàn toàn dùng tâm bình thường để xem nó. Thiên tai là cộng nghiệp chiêu cảm ra. Chúng ta không tránh khỏi cũng không để ý, thân này không phải ta. Chúng ta tâm thiện hành vi thiện, niệm Phật cầu sanh thế giới tây phương Cực Lạc. Như vậy khi thiên tai đến, Đức Phật A Di Đà ở trên không trung đến nghinh tiếp chúng ta. Là việc tốt, không phải việc xấu. Điều này mới quan trọng. Nhất tâm nhất ý đọc tụng kinh Vô Lượng Thọ và niệm Phật A Di Đà. Ngoài ra hoàn toàn buông bỏ, không còn nghĩ đến nữa. Như vậy chúng ta sẽ bình an, bình tĩnh vượt qua đại thiên tai này. Không thể có ý niệm tự tư tự lợi, không thể có hành vi tự tư tự lợi. Gặp chúng sanh đau khổ, tùy nhân duyên tùy sức lực mà giúp là được. Toàn tâm toàn lực để giúp, nhưng không được làm ảnh hưởng đến việc niệm Phật của mình. Đây là nguyên tắc.

Nếu chướng ngại chúng ta niệm Phật, khiến khi niệm Phật chúng ta không thể chuyên nhất, có tạp niệm. Như vậy thì không thể được. Nhất định phải biết, trước khi chưa niệm Phật thì điều trước tiên là tự độ, tự độ là ưu tiên. Đến thế giới Cực

Lạc có thể toàn tâm toàn lực để giúp chúng sanh khổ nạn, nên không cần để ý. Khi có được năng lực này, mặc dù ở trong thiên tai cùng gặp nạn với mọi người, nhưng mỗi người có chỗ đi riêng, nghiệp lực đang làm chủ tể, tự mình không làm chủ được, nghiệp lực làm chủ, Phật Bồ Tát cũng không thể làm chủ. Nhìn thấy chúng ta tùy nghiệp lưu chuyển. Nếu lòng tin chúng ta kiên định, lúc này sẽ khởi tác dụng rất lớn, tin thật và nguyện thật sẽ chiêu cảm được đức Phật đến tiếp dẫn.

Vãng sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc, chính là công đức viên mãn. Nên tư duy, ở đây nói là “tư tưởng ức niệm bỉ Phật y chánh nhị báo tứ chủng trang nghiêm”, nghĩa là nương vào kinh Vô Lượng Thọ là được.

Thời đại Đông Tấn, Huệ Viễn đại sư là người đầu tiên khai sơn tịnh độ tông Trung Quốc, ngài đã nương theo kinh Vô Lượng Thọ. Ngài ở Lô Sơn kiến lập Đông Lâm Niệm Phật Đường. Khi đó kinh Di Đà và kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật vẫn chưa phiên dịch. Nên đề xưng niệm Phật đều y theo kinh Vô Lượng Thọ.

Chúng ta hiện nay đề xuất kiến lập thôn Di Đà, ý nghĩa hoàn toàn tương đồng với đương thời Huệ Viễn đại sư ở Lô Sơn thành lập niệm Phật đường. Tập hợp những người thật sự cùng chí hướng, mọi người cùng nhau niệm Phật cầu vãng sanh. Niệm Phật Đường Đông Lâm quy củ rất nghiêm khắc. Quanh niệm Phật đường có một dòng suối nhỏ, dòng suối nhỏ này làm ranh giới, người không cho phép các bạn đồng tu rời khỏi ranh giới này, nên tâm rất định. Vào niệm Phật Đường chỉ có một mục tiêu, tôi muốn vãng sanh thế giới Cực Lạc. Ngoại duyên đều buông bỏ hết. 123 người đều thành tựu, thật gọi là công đức viên mãn.

Chúng ta y theo giáo huấn của Ấn Quang đại sư, trong hoàn cảnh hiện tại, không cần quá lớn, 20 người trong một đạo tràng nhỏ, 20 người tu hành chơn chánh, người phát tâm hộ trì cũng không cần quá 20 người, tất cả 40 người ở trong đạo tràng nhỏ này, 20 người là hộ trì. Tuy không phải là bế quan, là ở nhà tranh như cổ nhân thường nói. Phạm vi lớn hơn bế quan một chút, phạm vi nhỏ này là phạm vi hoạt động của chúng ta. Rất tốt, nhất định có thể thành tựu. Buông bỏ tất cả, không có chút vướng bận nào. Nghĩ đến điều gì? Nghĩ đến tôi sắp chết, chết rồi còn nghĩ được điều gì? Không mang theo được gì. Nên không cần hỏi han, cứ tùy thuận hết thầy. Đây là đại sự nhân duyên, thật sự hành trì!

Bên dưới vẫn tiếp tục giải thích nghĩa của thiền. Thiền na phiên dịch thành chữ Hán là tịnh lự, tư duy tu... *“Tĩnh lự giả, thiền na chi thể vi tịch tịnh”*. Điều này nhất định phải biết, thể của thiền là tịch tịnh. Cũng chính là nguyên tắc chung: không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước. Đây là thể của thiền, là tịch tịnh. *“Nhi diệc cụ phan lự chi dụng”*. Nó khởi tác dụng là quán chiếu, chứ không phải không khởi tác dụng. Quán chiếu là gì? Quán chiếu là thấu triệt, trong thấu triệt không có tác ý, họ không dùng ý thức mà dùng tự tánh, dùng kiến tánh để thấy sắc bên ngoài, như vậy liền thấy được sắc tánh, dùng văn tánh liền có thể nghe được thanh tánh. Đây chính là minh tâm kiến tánh. Nếu dùng nhãn thức để nhìn bên ngoài thì đó là phân biệt, dùng nhĩ thức nghe thanh trần, đây cũng là phân biệt chấp trước. Chấp trước tức nhiễm ô.

Như vậy chúng ta biết, thông thường nói thiền định là có một trình độ chỉ quán nhất định. Chỉ quán chính là tu thiền định, cần buông bỏ thì phải buông bỏ, cần nắm giữ thì phải nắm giữ. Quý vị xem, người niệm Phật buông bỏ vạn duyên là tịch tịnh, nắm giữ Phật hiệu là quán tưởng, chúng ta có thể tư duy y chánh trang nghiêm của thế giới tây phương, có thể nhớ đến tướng hảo quang minh Phật A Di Đà, đây gọi là tư duy tu.

“Cụ thẩm lự chi dụng, cố viết tịnh lự. Tịnh tức định, lự tức huệ. Định huệ quân đẳng chi diệu thể viết thiền na”.

Định huệ nhất định là bình đẳng, đây là cảnh giới thiền định. Nếu định nhiều lự ít thì hiện tượng hôn trầm liền khơi lên, như vậy là định nhiều huệ ít. Còn nếu huệ nhiều định ít chính là trôi nổi gọi là trạo cử, nghĩa là vọng niệm quá nhiều, đó đều là chướng ngại cho việc tu thiền.

Ngày nay chúng ta dùng phương pháp chấp trì danh hiệu để tu thiền, là thiền vô thượng thậm thâm vi diệu trong nhà thiền, Điều này không thể không biết. Thiền rất được nhiều người hâm mộ, nhiều người hướng về, nhưng nhiều người không biết rằng trì danh niệm Phật là thiền định, là tu thiền, rất ít người biết. Người tu học tịnh độ cũng rất ít nắm giữ. Thật hiểu rõ ràng minh bạch thì đối với thiền sẽ không ngưỡng mộ. Vì sao vậy? Vì chúng ta tu cũng như họ, cũng được định giống như họ.

“Như Câu Xá Luận Nhị Thập Bát viết, y hà nghĩa cố lập tịnh lự danh? Do thử tịch tịnh năng thâm lự cố. Thâm lự tức thị thật liễu tri nghĩa. Như thuyết tâm tại định, năng như thật liễu tri”.

Mấy câu này trong Câu Xá Luận giải thích rất hay. Dựa vào nghĩa gì để thành lập tên gọi là tịnh lự, mà chúng ta đặt cho nó cái tên này? Bên dưới giải thích rằng: *“Do thử tịch tịnh năng thâm lự cố”*. Thâm lự này không phải phân biệt, không phải chấp trước, là tự nhiên thấu triệt. Đây là trí huệ. Trong bài kệ hồi hướng của kinh điển đại thừa nói “Nguyện đắc trí huệ chơn minh liễu”. Đây là tịnh lự.

Từ đó cho thấy, dạy học trong thời xưa, chúng ta không bàn Phật pháp, chỉ bàn pháp thế gian, dạy học của pháp thế gian coi trọng ngộ tánh của học trò, nhớ giỏi đứng thứ hai, ngộ tánh mới là điều quan trọng nhất. Ngộ tánh là huệ, nhớ nhiều là tri thức, ngộ tánh là trí huệ, không giống nhau! Đứa trẻ có trí huệ, thầy giáo đặc biệt quý trọng, dạy tốt nó sẽ có thành tựu lớn. Có tri thức, nghe rộng nhớ nhiều, chúng ta nói sức lý giải kém một chút, người này nếu huấn luyện tốt, tương lai sẽ là quân tử thánh hiền. Người có trí huệ có thể đến thánh hiền. Như vậy là sao? Bởi tâm họ thanh tịnh, thiện lương, thật thà trung hậu. Tâm thanh tịnh liền sanh trí huệ. Lục căn vừa tiếp xúc liền thông đạt thấu suốt, không cần suy nghĩ. Danh từ ngày nay gọi là trực giác, không cần suy nghĩ cũng có thể thấu triệt.

Mọi người cùng xem một sự việc như nhau, nhưng họ thấy rất sâu sắc, rất thấu đáo hơn, người thường không làm được, vì họ có chướng ngại. Chướng ngại chính là tâm trôi nổi, vọng niệm quá nhiều, ọ dùng tâm phân biệt chấp trước, đây là tri kiến của phàm phu. Còn người kia không dùng tâm ý thức, đó là tri kiến của tự tánh. Thông thường chúng ta gọi là tri kiến của thánh hiền, không dùng tâm ý thức, không dùng A lại da, điều này thật đáng nể. A lại da là gì? Ghi lại dấu vết rất khó phai mờ. Không dùng A lại da là gì? Không ghi lại dấu vết, cho nên không có nhiễm ô, ghi lại dấu vết là có nhiễm ô. Họ không tiếp thu nhiễm ô, không phân biệt không chấp trước. Vừa tiếp xúc liền thông triệt thấu đáo, đây chính là thiên. Nên tịch tịnh có thể thâm lự. Thâm lự là chân thật liễu tri.

Bên dưới đưa ra một ví dụ. *“Tâm tại định, năng như thật liễu tri”*. Họ nghe được câu này rất rõ ràng thấu triệt. Ngày nay chúng ta trong tâm có Phật A Di Đà,

tâm tôi tức là Phật A Di Đà, Phật A di Đà tức là tâm tôi. Trong Tam Thời Hệ Niệm thiền sư Trung Phong khai thị rằng: “đây tức là tịnh độ, tịnh độ tức là ở đây”. Y chánh trang nghiêm ở ngay trước mắt. “*Hưu tư duy tu giả*”. Như thế nào gọi là tư duy tu? Chỉ nhân mà nói, thì nhất tâm tư duy nghiên cứu tu học là vì nhất tâm, ở đây điểm quan trọng cuối cùng chính là nhất tâm. Cổ nhân thường nói: “đạo dạy học, quý là ở chuyên”. Nhất tâm chính là chuyên, không thể nghĩ quá nhiều, không thể học quá nhiều. Học quá nhiều nó sẽ tạp nham, không phải nhất tâm, chần chừ do dự, nên rất loạn. Tinh thần ý chí của mình không thể tập trung, chỉ có thể nhận thức một vài tri thức sơ sài, không thể thâm nhập.

Nên xã hội hiện nay các trường học, chúng tôi cũng đã tham quan, trên thế giới có không ít trường nổi tiếng. Sau khi tham quan chúng tôi cảm nhận sâu sắc rằng, những thứ họ học được toàn là tri thức, không có trí huệ cho nên tâm học sinh trôi nổi. Quan sát tường tận thì tư tưởng, hành vi lời nói của họ là tri thức chứ không phải trí huệ. Chúng tôi thấy vậy cảm xúc rất sâu sắc. Trung quốc từ xưa đến nay đời đời tương truyền, Hán học là trí huệ không phải tri thức. Ngày nay chúng ta thấy người ngoại quốc nghiên cứu Hán học, họ đã đi sai phương hướng, họ đang học tri thức của Hán học, chứ chưa hiểu được trí huệ của Hán học. Trí huệ của Hán học học như thế nào? Học từ tịnh lự, học từ tư duy tu.

Nhà Phật học tập theo những nguyên lý nguyên tắc này và truyền đến Trung Quốc. Nho giáo của Trung Quốc đã áp dụng giới định huệ, Đạo giáo cũng đã áp dụng. Giới là gì? Là quy củ. Nếu không tuân thủ quy củ thì chúng ta không học được điều gì. Quy củ là gì? Quy củ là giúp chúng ta tu định, dạy ta buông bỏ. Hướng dẫn tập trung ý chí và tinh thần. Thâm nhập một môn, huân tu lâu dài. Đây chính là trì giới.

Thực hành thì sao? Hành trì chính là tu định. Định đến trình độ nhất định, tự nhiên sẽ khai huệ, hoát nhiên đại ngộ. Trong Phật pháp có khai ngộ, Nho giáo cũng có khai ngộ, Đạo giáo cũng có khai ngộ. Được định thì đột phá không gian duy thứ. Thông thường có một số người nói đạt được thần thông, đạt được thần thông không có gì lạ, vì thần thông là bản năng của mỗi người. Chỉ cần tâm thanh tịnh tự nhiên nó sẽ hiện tiền. Thần thông của một số người vì sao mất đi? Vì tâm họ loạn, vọng tưởng tạp niệm quá nhiều, nên nó không thể hiện tiền. Nếu tâm đạt

được thuần tịnh thuần thiện. Vọng niệm ít hoặc không có vọng niệm, thì thiên nhân, thiên nhĩ, tha tâm thông, túc mạng thông hết thảy đều hiện tiền. Cho nên trong Phật pháp đối với việc thần thông hoàn toàn không có gì là hy hữu. Đức Phật nói sáu loại thần thông là bản năng của tất cả chúng sanh, chúng ta vốn là như vậy. Vẫn là một câu vì vọng tưởng phân biệt chấp trước mà không thể chứng ngộ.

“*Nhất tâm tư duy nghiên tu*”. Chính là trong kinh giáo Đức Phật nói “chỉ tâm nhất xứ”. Dem tâm dừng lại một nơi, hoặc là nói chế tâm một chỗ cũng được. Đây là nhân. Chúng ta ngày nay đề tâm trên câu A Di Đà Phật. Các thứ khác thì sao? Đều buông bỏ, đây là nhân. “*Tùng thử nãi đắc định*”, tức là được tam muội. Đề tâm dừng lại nơi Phật A Di Đà, đây gọi là niệm Phật tam muội, trong tâm thật có Phật, ngoài Đức Phật ra tất cả đều buông bỏ, dùng lý đến nói. Nhớ Phật niệm Phật, quả báo là hiện tiền hay tương lai nhất định thấy Phật. “*Cố danh tư duy tu*”, tư duy tu chính là nhất tâm bất loạn. Tôi chỉ nghĩ đến Phật A Di Đà, tôi chỉ niệm Phật A Di Đà, tôi chỉ nhớ đến Phật A Di Đà, tôi chỉ nguyện thân cận Phật A Di Đà. Đây gọi là chơn chánh niệm Phật, gọi là biết niệm.

“*Thượng ngôn thiên giả*”. Ở trước nói về ý nghĩa của thiên, tất cả đều là thiên định ba la mật trong lục độ. Tất cả Bồ Tát đều đang học. Chúng ta xem tiếp kinh văn ở dưới.

“*Hoặc đắc Tu đà hoàn, hoặc đắc Tư đà hàm, hoặc đắc A na hàm, A la hán. Vị đắc A Duy Việt Trí giả. Tắc đắc A Duy Việt Trí, các tự niệm đạo, thuyết đạo, hành đạo, mặc bất hoan hỷ*”.

Đây là nói học trò ở thế giới tây phương Cực Lạc, Bồ Tát là học sinh, được quả tự tại, họ ở đó tu học thành tích đều hiển thị ra. Chưa chứng được Tu đà hoàn, thì chứng được quả Tu đà hoàn, chưa chứng được A Duy Việt Trí thì chứng được A Duy Việt Trí. Đó là oai thần bản nguyện của Phật A Di Đà gia trì, đều được A Duy Việt Trí. “*Các tự niệm đạo, thuyết đạo, hành đạo, pháp hỷ sung mãn*”. Nói ra sự thành tựu của người vãng sanh. Chúng ta xem chú giải của Hoàng Niệm Tổ. “*Hựu minh bỉ độ nhân dân*”. Người trong mười phương đi vãng sanh, “*tuỳ sở tu tập các đắc kỳ quả*”. Người vãng sanh đến thế giới Cực Lạc căn tánh không giống nhau. Căn tánh tiểu thừa được quả tiểu thừa. Căn tánh đại thừa được quả

đại thừa. Ở trước nói tứ quả, đến A la hán là căn tánh tiểu thừa. A Duy Việt Trí là căn tánh đại thừa. Đắc quả sớm hay muộn đều là thiện căn phước đức nhân duyên tu hành của mỗi người trong nhiều kiếp không giống nhau. Nhất định thành tựu vô thượng bồ đề, chứng được đại bát niết bàn, nhưng mỗi người thời gian sớm muộn không giống nhau. Hay nói cách khác, họ đích thực là một phương hướng, cùng đi trên một con đường thành Phật.

“Tu đà hoàn nãi chí A la hán, nãi Thánh văn thừa thánh quả chi sai biệt”. Đầu tiên là giới thiệu kinh văn này. *“Nhất, Tu đà hoàn quả”*. Tu đà hoàn là tiếng phạn, dịch thành chữ Hán có nghĩa là nhập lưu, dự lưu hay nghịch lưu đều là tên gọi của sơ quả. Trong tiểu thừa giống như lớp một tiểu học. Nhập lưu ví như đã nhập học, nhập tiểu thừa sơ quả, họ đã chính thức đi học, là học sinh của ngôi trường này. Hiện nay chúng ta tuy nói là học đại thừa, nhưng đại thừa chúng ta cũng chưa nhập lưu.

Trong đại thừa Kinh Hoa Nghiêm nói là Bồ Tát, đại thừa là Bồ Tát đạo. Thứ tự của Bồ Tát có 50 cấp, thập tín ví như tiểu học của đại thừa, thập trụ ví như trung học, thập hành, thập hồi hướng ví như đại học, thập địa ví như thạc sĩ, đẳng giác ví như lớp tiến sĩ. Tôi ví dụ như vậy mọi người sẽ dễ hiểu.

Tiểu học của tiểu thừa là Tu đà hoàn. Đại thừa là lớp một tiểu học. Trong kinh Hoa Nghiêm gọi họ là Bồ Tát sơ tín vị. Đại thừa thật sự là lớp một tiểu học Bồ Tát sơ tín vị. Công phu đoạn phiền não với Tu đà hoàn là bình đẳng. Tu đà hoàn đoạn 88 phẩm kiến hoặc. Bồ Tát sơ tín vị của đại thừa cũng đoạn 88 phẩm kiến hoặc như vậy, nhưng trí huệ không giống nhau. Ý muốn nói là Bồ Tát sơ tín vị, trí huệ đức năng cao hơn nhiều so với Tu đà hoàn. Điều này hiển thị sự thù thắng của đại thừa. Vì sao có sự sai biệt lớn như vậy? Vì bài học của họ không giống nhau.

Đoạn phiền não là nói về đức hạnh, đức hạnh không giống nhau. Công phu tu hành không giống nhau. Tâm lượng của đại thừa lớn, tâm lượng tiểu thừa nhỏ. Tuy tâm lượng nhỏ, nhưng họ buông bỏ tự tư tự lợi, đã phá trừ thân kiến, không còn chấp trước thân này là ta. Bồ Tát sơ tín vị của đại thừa trí huệ cao hơn, chẳng những biết được thân này không phải ta, mà còn dần dần lãnh hội được biến pháp giới hư không giới và chính mình là một thể, nhưng họ chưa thể chứng được. Khi

nào mới có thể chứng được? Tốt nghiệp tiểu học lên trung học là chứng được. Từ quả của tiểu thừa A la hán đã hoàn toàn đoạn tận kiến tư phiền não, chỉ ngang bằng với Bồ Tát thất tín vị trong thập tín. Bồ Tát thất tín vị đã đoạn kiến tư phiền não, ngang bằng với A la hán.

Bồ Tát Bát tín ngang bằng với Bích chi Phật. Bồ Tát cửu tín vị ngang bằng với Bồ Tát trong mười pháp giới. Bồ Tát thập tín vị chính là Phật trong mười pháp giới. Pháp giới của Phật cao nhất trong mười pháp giới. Nên thập tín Phật chưa vượt qua mười pháp giới. Thập tín Phật nếu đoạn tận vô minh, nghĩa là không khởi tâm, không động niệm, thì sẽ ra khỏi mười pháp giới nhập vào sơ trú. Sơ trú là chân Phật. Giới hạn chính là ở chỗ này.

Phật Bồ Tát trong mười pháp giới vẫn là dùng bát thức. Trên sơ trú không còn dùng bát thức, đã chuyển tám thức thành tứ trí. Họ dùng chân tâm chứ không dùng vọng tâm. Dùng chân tâm là chân Phật. Trong mười pháp giới vẫn dùng bát thức nên không gọi là chân Phật. Thiên Thai tông gọi họ là tương tợ tức Phật, tương tợ tức Phật trong lục tức Phật, rất giống nhưng không phải thật. Thật hay giả ở chỗ dụng tâm, dùng chân tâm là thật, dùng vọng tâm là giả. Chân tâm là gì? Không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, h là chân tâm. Chúng ta cần phải từng giờ từng phút nghĩ đến, nếu còn khởi tâm động niệm phân biệt chấp trước là dùng vọng tâm.

Người tu hành chơn chánh thì ngay trong cuộc sống hằng ngày, sinh hoạt, công tác, đối nhân, tiếp vật đều đang rèn luyện. Luyện gì? Khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước phải giảm nhẹ, ngày càng ít đi, như vậy công phu tu tập mới tăng tiến. Đến lúc nào không còn nữa thì biết rằng, chúng ta đã nhập vào sơ trú.

Bồ Tát sơ trú sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc, sanh vào cõi nào? Sanh vào cõi thật báo trang nghiêm. Dùng phương pháp niệm Phật gọi là lý nhất tâm bất loạn. Quý vị xem là niệm câu A Di Đà Phật này, niệm đến khi nào công phu thuần thực. Như có câu niệm mà không niệm, không niệm mà niệm. Niệm đến khi đoạn trừ tâm ý thức, nó đoạn tận lúc nào không hay, vì tâm chúng ta chỉ chuyên chú vào Phật A Di Đà. Phương pháp này vô cùng xảo diệu. Cổ nhân thường nói: “an hợp đạo diệu, thủy đáo cừ thành”. Công đức niệm Phật thật

không thể nghĩ bàn. Chúng ta là phàm phu, tập khí phiền não rất nặng, không thể đốn ngộ giống như Đức Thế Tôn hay ngài Huệ Năng.

Khi tôi mới học Phật, ba vị thầy đều nhắc nhở tôi không nên tự cho mình thông minh. Người xưa nói: “thông minh trái lại bị thông minh hại”. Chính mình phải thừa nhận, chắc chắn mình không phải là hàng thượng thượng căn. Điều này rất quan trọng. Đốn ngộ, đốn tu, đốn chứng đó là hàng thượng thượng căn, là người thông minh tuyệt đỉnh, chứ chúng ta không làm được. Làm không được thì sao? Làm không được thì tiệm tu, tiệm ngộ. Giống như lên cầu thang vậy, chúng ta phải bước lên từng bậc từng bậc. Chương Gia đại sư, thầy Phương Đông Mỹ và thầy Lý đều dạy tôi đi con đường này. Con đường này rất ổn định, thời gian tuy dài nhưng rất ổn định, từng bước từng bước đi lên, chứ không thể nào đốn ngộ được. Ngộ không được sẽ bị rơi xuống. Giống như một bước lên trời, không lên được thì thịt nát xương tan, huỷ luôn cả chính mình. Nên con người sợ nhất chính là đeo đuổi mục tiêu quá xa vời không thiết thực.

Chúng ta buông bỏ điều gì? Tập khí phiền não trên ba nguyên tắc đều buông hết, nhất định phải biết điều này. Điểm then chốt là đầu tiên chúng ta phải buông bỏ chấp trước, đối với thế xuất thế gian pháp đều không chấp trước, học tùy duyên, không chấp trước chính là diệu dụng, tùy duyên là không chấp trước. Không chấp trước chính là Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm, A la hán. Họ không còn chấp trước, nhưng có phân biệt. Buông bỏ chấp trước, sau đó buông bỏ phân biệt, phân biệt buông bỏ, sau đó buông bỏ khởi tâm động niệm. Chúng ta đi từng bước từng bước một. Cũng rất mệt, đi từ từ cũng đủ mệt.

Phật A Di Đà có diệu pháp, tức là dạy chúng ta chuyên tâm niệm câu A Di Đà Phật. Trên thực tế cả ba đều buông bỏ. Quý vị xem có tuyệt hay không? Dùng phương pháp gì? Chấp trước Phật A Di Đà, phân biệt Phật A Di Đà, khởi tâm động niệm toàn là Phật A Di Đà. Như vậy chúng ta sẽ đến thế giới Cực Lạc, đây gọi là đời nghiệp vãng sanh. Công phu giỏi thì đi về đâu? Sanh vào cõi phương tiện hữu dư, vì chưa thật sự buông bỏ. Nên địa vị cao nhất là cõi phương tiện hữu dư thượng bói vãng sanh. Đến thế giới Cực Lạc, hào quang của Phật A Di Đà vừa chiếu đến, liền được nâng lên gấp bội. Còn thêm oai thần bốn nguyện gia trì, lập tức được lên đến cõi thật báo. Rất nhanh! Là quả dự lưu.

Nhập lưu và dự lưu ý nghĩa hoàn toàn tương đồng. Dự là tham dự, chúng ta đã bước vào cửa Phật, đã nhập môn. Chúng ta hiện tại chưa đoạn 88 phẩm kiến hoặc, chưa nhập môn. Trước đây tôi giảng kinh cũng thường nhắc nhở các bạn đồng học, tôi khuyên mọi người phải nỗ lực, nhất định phải buông bỏ tự tư tự lợi, buông bỏ danh văn lợi dưỡng, buông bỏ ngũ dục lục trần và buông bỏ tham sân si. Thật sự buông bỏ, như vậy đã nhập môn chăng? Chưa nhập môn. Chúng ta mới đến trước cửa. Tôi nói với mọi người, tiêu chuẩn là đến trước cửa. Còn vào cửa thì sao? Nhập môn nhất định dùng tiêu chuẩn của Phật, tiêu chuẩn của chúng ta không được.

Nhập môn của Phật chính là đoạn tận kiến hoặc, tức là nhập môn. Trong kinh luận đại thừa tiểu thừa đều nói, tam giới 88 phẩm kiến hoặc, đoạn hết thấy 88 phẩm kiến hoặc chứng được tiểu thừa Tu đà hoàn và đại thừa Bồ Tát sơ tín vị. Đây là Viên giáo chứ không phải Biệt giáo. Tu đà hoàn và Bồ Tát sơ tín vị, nói cho chư vị biết, trong kinh Kim Cang nói đã phá được bốn tướng. Họ thật sự làm được “vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng.” Vừa mới phá, phá được tứ tướng, là vô ngã. Phá tứ tướng từ sơ quả đến tứ quả đến A la hán đều phá tứ tướng. Công phu có sâu cạn không tương đồng, công phu của A la hán sâu, công phu của Tu đà hoàn cạn. Cũng chính là nói đối với “ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng” không còn chấp trước. Dùng cách thông thường để nói, thì đoạn được tình chấp mới có thể chứng quả.

Chúng ta xem tiếp phần giảng nghĩa. “*Vị tòng phạm phu sơ nhập thánh đạo chi pháp lưu*”. Sơ nhập thánh đạo. “*Nghịch lưu giả, vị nhập thánh vị, nghịch sanh tử chi bộc lưu*”. Họ chưa ra khỏi luân hồi lục đạo, nhưng đã nhập vào con đường lớn liễu sanh tử xuất tam giới. Họ đang đi trên con đường này. Khi nào có thể ra khỏi lục đạo? Chúng A la hán ra khỏi lục đạo. Sau khi chứng được sơ quả, trong lục đạo họ chỉ sanh vào cõi trời hoặc cõi người, không còn bị đọa vào trong ba đường ác, cũng sẽ không biến thành A tu la, chỉ vào hai đường trời và người, bảy lần đi và trở lại liền chứng được A la hán. Nên họ chứng được là vị bất thoái. Không còn thoái chuyển đến quả vị phạm phu, họ là thánh nhân, chứ không phải là phạm phu. Tiểu thánh hoặc gọi là tiểu tiểu thánh, nhất định không đọa lạc trong phạm phu. Nói cách khác, họ liễu sanh tử xuất tam giới có kỳ hạn.

Chúng ta xem tiếp. “*Dữ thượng văn tự duy di, thật nghĩa tương đồng. Đoạn tam giới chi kiến hoặc*”. Chính là 88 phẩm kiến hoặc của tam giới. Kiến là gì? Là kiến giải sai lầm, hoặc là mê hoặc_Kiến giải lầm lạc. “*Tức đắc thử giới*”, chúng ta liền chứng được quả Tu đà hoàn. 88 phẩm kiến hoặc. Trong lúc Phật thuyết kinh giáo hoá phương tiện khởi kiến quy nạp thành năm loại lớn, chính là năm loại kiến hoặc.

Thứ nhất là thân kiến, thân nhất định không phải là ta. Chấp trước thân này là ta, như vậy là sai lầm. Tất cả đều vì thân này mà tạo ra vô lượng vô biên tội nghiệp, đoạ ba đường ác chịu khổ báo cũng vì thân này. Chúng ta đều hy vọng thân thể mạnh khoẻ không có bệnh tật, thì công phu tu hành mới có thể đắc lực. Thân thể đó có thể quan tâm chăng? Nếu chỉ quan tâm trên thân mình, tâm trú trên thân là sai lầm. Tâm trú trên Phật A Di Đà mới đúng. Tâm trú trên Phật A Di Đà thì thân này như thế nào? Thân này nhất định mạnh khoẻ trường thọ. Vì sao vậy? Chúng ta không có bệnh. Vì chúng ta trú tâm trên thân nên bệnh không thể khởi được. Đó là vọng niệm, vọng niệm sai lầm. Nên biết, thân là cảnh giới tùy tâm chuyển. Tâm chúng ta là Phật A Di Đà, thì thân chuyển thành Phật A Di Đà, là thân kim cang bất hoại, là thân mạnh khoẻ nhất. Nhưng đạo lý này chúng ta đã nghe mà không tin tưởng, vẫn nghĩ cách để quan tâm đến thân thể này. Đây chính là nói chúng ta có nghi hoặc nên không tin!

Chư Phật Bồ Tát từ bi hằng thuận chúng sanh. Nói với quý vị, quý vị không tin, không tin thì tùy quý vị. Quý vị còn làm nào là bảo hiểm y tế, bảo hiểm sức khoẻ, thôi thì tùy quý vị. Người thật sự tin tưởng, thì thật quá dễ dàng, họ không tìm những phiền phức này, như vậy tâm mới có thể chuyên nhất.

Trong kinh điển đại tiểu thừa Đức Phật nói với chúng ta một bí quyết. Chúng ta cũng biết nhưng dùng không được. Dùng nó thì tự tại biết bao! Câu này là gì? “*Chế tâm nhất xứ, vô sự bất biện*”. Không việc gì không làm được khi ta chế tâm ở một nơi. Như vậy thành Phật được chăng? Được. Làm Phật còn làm được huống gì các việc khác!

Hôm nay ở đây báo cáo với chư vị. Chế tâm một chỗ, chỗ này là đâu? A Di Đà Phật. Đức Phật không có nói nơi nào, Phật nói nguyên tắc, bất cứ nơi nào cũng được. Vì sao vậy? Vì chúng ta đã được định. Tâm chúng ta chỉ cần chuyên nhất là

được định, định khai trí huệ. Nếu chế tâm ở chỗ Phật A Di Đà là vô cùng thù thắng, lập tức được oai thần Phật A Di Đà gia trì và liền thông với Phật Di Đà. Vì sao không thông được? Vì tâm không chuyên nhất. Tâm chúng ta như ánh sáng vậy, nó chiếu ra bốn phương tám hướng, biến chiếu khắp mọi nơi. Nếu tập trung ánh sáng này ở một chỗ, ngày nay chúng ta nói là tia tử ngoại, tia laser. Ánh sáng đó rất khủng khiếp. Quý vị xem hiện nay, ánh sáng tản mát này_ánh sáng tản mát của điện, cách một trang giấy cũng không thể thấu qua, không có sức mạnh này. Nếu đem nó tập trung biến thành laser, biến thành tia tử ngoại, thì tấm gang cũng có thể xuyên suốt.

Hiện y học trị liệu vận dụng laser rất tiện lợi, đem tia sáng tập trung một điểm, nó chỉ lớn như một mũi kim, rất tiện lợi. Nên chế tâm một chỗ, vấn đề liền được giải quyết. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, mỗi pháp môn đều là chế tâm một chỗ. Tôi nói cho chư vị biết, tôi đã nhiều năm làm như vậy, chư vị thật sự có thể đem tâm để nơi Phật A Di Đà, tâm ta chính là Phật A Di Đà, Phật A Di Đà chính là tâm ta. Nói với chư vị, nếu như vậy thì thiên tai gì cũng không có. Thiên tai là chúng sanh, thiên tai đối với tôi không có phần. Chúng ta ở trong thiên tai được đại tự tại, điều này không hề hư vọng. Như vậy tại sao không làm? Vì sao còn phải chần chừ, còn phải suy nghĩ lung tung? Cổ nhân nói tự làm tự chịu, không thể trách ai.

Chúng ta thật sự hiểu, thật quay đầu thì để tâm nơi Phật A Di Đà, mới thật sự cảm được ân của Phật, mới thật sự hiểu được lợi ích thù thắng này thật không thể nghĩ bàn.

“*Nhị, Tư đà hàm quả*”. Tư đà hàm dịch thành chữ hán là nhất lai, lại gọi là nhị quả. “*Nhất lai giả, đoạn dục giới, cứu phẩm tư hoặc trung chi tiền lục phẩm*”. Cứu địa tổng cộng có 81 phẩm tư hoặc, họ đoạn sáu phẩm trước. “*Nhân thượng dư hậu tam phẩm*”. Đây là cứu địa cứu phẩm, mỗi địa đều có chín phẩm, chín nhân chín bằng 81. Còn ba phẩm tư hoặc cuối cùng của dục giới. “*Cố nãi tu tại nhân gian dữ dục thiên thọ sanh nhất độ, cố viết nhất lai*”. Nhị quả vẫn phải đến nhân gian một lần nữa, nên gọi là nhất lai. “*Tức nhất độ vãng lai chi nghĩa*”. Nhị quả còn đến nhân gian lại một lần.

Tam quả A na hàm. “*Tam, A na hàm quả, cự dịch bất lai, tân vân bất hoàn*”. Tân cự này là lấy Huyền Trang đại sư làm cột mốc. Kinh điển phiên dịch trước Huyền Trang đại sư gọi là cự dịch, kinh điển được dịch sau khi ngài từ Ấn Độ trở về gọi là tân dịch. Sau này quý vị nhìn thấy cự dịch và tân dịch thì chính là vấn đề này. Tam quả A na hàm ngài Huyền Trang dịch là bất hoàn. Trên thực tế bất lai và bất hoàn ý nghĩa tương đồng. “*Nãi đoạn tận dục giới tư hoặc tàn dư chi hậu tam phẩm, bất tái hoàn dục giới chi vị*”. Không còn trở lại dục giới. “*Nhĩ hậu thọ sanh tắc vi sắc giới hoặc vô sắc giới*”. Họ chưa ra khỏi lục đạo, nhưng đây chính là quả vị thứ ba. Quả thứ ba đa phần đều ở cõi trời tứ thiên. Tứ thiên có chín cõi trời, trong đó có năm cõi trời bất hoàn. Ngũ bất hoàn thiên đa phần là những người này ở đó tu hành. Cũng có các tôn giáo khác, họ cũng có năng lực tu đến đẳng cấp này, đều ở đây tu hành, họ không đến cõi trời dục giới, họ chỉ có sắc giới, vô sắc giới, không còn đến dục giới. Nên gọi là bất lai, bất hoàn_Không còn trở lại nữa.

“*Tứ, A la hán*”. A la hán dịch thành sát tặc, ứng cúng, bất sanh. “*Nãi đoạn tận thượng chí phi tướng xứ, nhất thiết tư hoặc chi thanh văn thừa cực quả*”. Đây là đoạn tận kiến tư phiền não. A la hán là quả vị cao nhất của tiểu thừa. “*Dĩ đoạn tận nhất thiết kiến tư hoặc cố danh sát tặc*”. Tặc ở đây ví cho kiến tư phiền não. 88 phẩm kiến hoặc, 81 phẩm tư hoặc. Ở trước nói là cửu địa, mỗi địa có chín phẩm, chín chín 81 phẩm, đều đoạn tận. Vì kiến tư phiền não chướng ngại chúng ta kiến tánh, nên ví nó như giặc cướp khiến chúng ta bị hại, khiến tự tánh chúng ta, còn gọi là công đức pháp tài đều bị nó đào bới và lấy đi hết, hoặc là bị chúng đoạt mất, chính là ý này. Đây hoàn toàn là ví dụ. Gọi là sát tặc, tuyệt đối không nên ngộ nhận A la hán còn phạm giới sát, còn đi giết giặc cướp. Như vậy là giải thích sai hoàn toàn.

Thứ hai là ứng cúng. Ý nghĩa thứ ba là bất sanh. Ở sau có giải thích. “*Ký đắc tiểu thừa cực quả, ứng thọ nhân thiên cúng dường, cố viết ứng cúng*”. Đây là Đức Phật nói, họ là phước điền, có phước. Chúng ta cúng dường họ được phước báo lớn. Nên họ nhận sự cúng dường của người và trời. Vì sao vậy? Vì để tạo phước điền cho chúng trời và người, ý muốn nói cúng dường họ chúng ta được phước báo lớn. Đức Phật cũng hy vọng, mỗi mỗi chúng sanh đều có phước báo.

Phước Đức Phật không thể cho, mà phải tự mình trồng. Đức Phật cũng không thể làm trái định luật nhân quả, nên ngài dạy chúng ta phương pháp phát tài. Đức Phật không có cách nào ban cho chúng ta của cải. Ngài dạy chúng ta làm thế nào để phát tài? Bồ thí_ cúng dường bồ thí. Bồ thí và cúng dường cùng một nghĩa, dụng tâm khác nhau. Dùng tâm cung kính chính là cúng dường, tâm chân thành cung kính bồ thí thì gọi là cúng dường, không có chân thành cung kính đó gọi là bồ thí. Nên bồ thí được phước ít, còn cúng dường được nhiều phước. Dụng tâm không giống nhau!

Pháp cúng dường được thông minh trí huệ, vô úy cúng dường được mạnh khỏe trường thọ. Phải làm thật, không nên keo kiệt, không nên sợ hãi. Không cần tô cho hết, nhưng cho hết sau đó phải làm thế nào? Người ta sợ nên không dám cúng dường. Không nên sợ, cứ thử xem, càng thí càng nhiều. Lời Phật dạy không sai chút nào!

Tôi học Phật năm 26 tuổi, Chương Gia đại sư dạy tôi. Đại sư rất giỏi, biết xem tướng. Đại sư thấy tôi còn trẻ mà không có phước báo, số mạng rất khổ. Ngài coi tướng nói tôi hoàn toàn không có của cải, cũng không có chức vị, nghĩa là nói làm quan, tôi không có số làm quan, cũng không có số phát tài. Vậy thì số gì? Bần tiện, bần tiện đến cùng tột, phải đi ăn xin. Mạng như vậy là do trong quá khứ không tu tài bồ thí, không tu vô úy bồ thí, cũng may là trong quá khứ có một chút pháp bồ thí, nên còn một chút thông minh trí huệ. Thầy dạy tôi phải nhanh bổ sung những thứ thiếu sót đó. Vì sao vậy? Hoàng pháp lợi sanh cũng không thiếu được tài, không có tài lực ủng hộ, thì không làm được việc hoàng pháp lợi sanh. Nên dạy tôi nỗ lực thực hành phương pháp này.

Lúc đó tôi nói với Thầy, tôi không có tiền tài, đến tiền ăn còn thành vấn đề thì làm gì có của cải mà bồ thí? Chương Gia đại sư rất nghiêm khắc nói với tôi. Thầy nói, một cắc có hay không? Tôi nói một cắc thì được. Một hào có hay không? Được. Một đồng thì sao? Cũng miễn cưỡng. Nên bắt đầu từ một cắc, một hào, một đồng đó. Cứ như vậy mà làm. Như vậy tôi mới hiểu! Một hào một đồng đi đâu để bồ thí? Có. Vì tiếp xúc Phật giáo, trước đây không hề vào chùa, hiện nay thường đi đến chùa. Đến chùa làm gì? Mượn Đại Tạng Kinh xem, tôi ở trong chùa xem kinh, chép kinh. Có người in kinh, in sách từ thiện. Cầm một tờ giấy

đến kêu mọi người ủng hộ, tôi cũng đăng ký một đồng, năm hào. Như vậy chính là bố thí. Còn có phóng sanh, phóng sanh cũng lấy một tờ giấy, tập trung tiền lại mua cá phóng sanh. Điều này tôi cũng thích làm, đó là vô úy bố thí. Nên bắt đầu làm như thế. Chỉ cần thật có tâm bố thí là tốt rồi, càng thí càng nhiều.

Lúc trẻ không giám mơ mình làm được như vậy. Những năm gần đây, mỗi năm bố thí bao nhiêu tiền? Trên một vạn tiền Mỹ, tiền từ đâu mà có? Không biết. Họ đến cúng dường trên nhiều phương diện, tôi đều bố thí hết, càng thí càng nhiều. Mới biết đức Phật không nói vọng ngữ. Quý vị xem những gì tôi đạt được, của cải dùng không thiếu, như vậy là đã đủ. Tiền đem đi làm việc có ích hết.

Pháp bố thí thì tăng trưởng thông minh trí huệ. Chính tôi cảm nhận được điều này. Mỗi năm trí huệ không giống nhau, đích thực đang tăng trưởng. Vô úy bố thí mạnh khoẻ trường thọ. Tôi đã làm 60 năm, chứng minh lời Đức Thế Tôn nói đều là thật không phải giả. Chúng ta chịu làm, lập tức được lợi ích, không có gì phải lo lắng. Tiền tài thì lo lắng gì? Muốn làm gì cần bao nhiêu tiền nó sẽ đến, không có chướng ngại. Nó không đến, cũng có nghĩa là việc này không nên làm. Việc nên làm thì tiền tự nhiên có. Chư Phật Bồ tát đang quan tâm, Chư Phật Bồ Tát đang thúc đẩy. Quý vị nói tự tại biết bao, an vui biết bao.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 366

Chuyên ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 07.04.2011

Địa điểm: Tịnh Tông Học Viện _Úc Châu

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 434, đoạn cuối của hàng thứ ba. Bắt đầu xem từ *đệ tứ A la hán quả*.

“Tứ, A la hán, dịch vi sát tặc, ứng cúng, bất sanh”. Có ba ý này. *“Nãi đoạn tận thượng chí phi tướng xứ nhất thiết tư hoặc chi Thanh văn thừa cực quả”*. Phi tướng xứ chính là trời phi tướng phi phi tướng xứ. Đây là tầng cao nhất trong tứ không thiên. *“Dĩ đoạn tận nhất thiết kiến tư hoặc, cố danh sát tặc”*. Sát tặc là ví dụ. *“Tức đắc tiểu thừa cực quả, ứng thọ nhân thiên cúng dường, cố viết ứng cúng”*.

Đây là phước báo lớn nhất trong tiểu thừa. Đức Phật từ bi thường nhớ tưởng đến chúng sanh, đều hy vọng chúng sanh tu phước. Phước báo thù thắng nhất của tu phước là cúng dường thánh hiền. A la hán là thánh nhân trong hàng tiểu thừa, nên cúng dường họ có thể được đại phước báu.

“U nhất sanh trung tận chư quả báo, nhập vô dư niết bàn, bất tái lai tam giới, cố viết bất sanh”.

Họ vĩnh viễn thoát ly lục đạo luân hồi, không còn trở lại nữa, trở lại là để giúp đỡ chúng sanh, thông thường chúng ta gọi là người tái sanh, chúng sanh có cảm ngại liền có ứng, nên gọi tái sanh, đây là ứng hoá thân không phải nghiệp báo thân, nghiệp báo trong lục đạo họ đã đoạn tận.

“Thượng vân đắc tứ chủng thanh văn quả giả”. Từ sơ quả đến đến tứ quả. *“Giai chỉ đoạn hoặc nhi ngôn”*. Họ ở thế giới tây phương Cực Lạc còn phải đoạn hoặc, không đoạn hoặc thì không thể tiến bộ, không thể nâng cao cảnh giới. Từ đó cho thấy, oai thần bốn nguyện của Phật Di Đà gia trì. Về mặt hiện tượng, về mặt hình tướng thì trí huệ, thần thông, đạo lực giống như pháp thân đại sĩ, trên thực tế thì phiền não chưa đoạn tận, vẫn phải ở bên đó đoạn phiền não. Như vậy

mới hợp tình hợp lý. Phật A Di Đà chỉ là giúp chúng ta môi trường, còn công phu thì vẫn tự mình tu, vẫn phải tự mình buông bỏ.

Thực tế mà nói thì những người vãng sanh này, đều phát tâm bồ đề và đều là nhất Phật thừa. Dùng tiểu thừa để làm ví dụ đoạn phiền não. Trên thực tế, điều kiện sanh đến thế giới Cực Lạc, tam cõi vãng sanh nói rất rõ ràng, phát tâm bồ đề, nhất hướng chuyên niệm. Nếu không phát tâm bồ đề thì không thể vãng sanh. Chúng ta biết tứ quả A la hán chưa phát tâm bồ đề. Nếu họ phát bồ đề tâm vãng sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc, sanh vào cõi phương tiện hữu dư. Vì sao vậy? Vì họ đoạn hoặc, kiến tư phiền não đã đoạn. Không như phàm phu chúng ta, tuy phát tâm bồ đề nhưng phiền não chưa đoạn. Đến thế giới Cực Lạc còn phải đoạn phiền não, còn phải buông bỏ, chẳng qua là đến thế giới Cực Lạc để buông bỏ thôi. Đối với đạo lý tại sao phải buông bỏ này rất rõ ràng, và thấu triệt. Ngày ngày nghe Phật A Di Đà thuyết pháp giáo hoá, những tập khí này đều có thể đoạn tận.

“*Sở vị Thanh văn giả*”. Đây là chỉ trình độ đoạn hoặc của nó, là thuận theo thế tục để nói mà thôi. Ở đây nói rất rõ ràng, minh bạch. Bên dưới nói A Duy Việt Trí và giải thích về từ A Duy Việt Trí. “*Hựu tác A bệ bạt trí*”. Tiểu bản kinh Di Đà gọi là A Bệ Bạt Trí, cùng một ý nghĩa. “*Nãi bất thoái chuyển ư thành Phật đạo lộ chi nghĩa*”. Giải thích này cũng rất hay. Ư thành Phật, con đường này không thoái chuyển. Tiểu bản Từ Ân Số Khuy Cơ đại sư chú giải. Trong chú giải kinh A Di Đà có nói. “*A Bệ Bạt Trí giả, a chi ngôn vô*”. Dịch thành chữ hán a có nghĩa là vô. “*Bệ Bạt Trí ngôn thoái chuyển*”, nên từ tiếng phạn dịch thành chữ hán có nghĩa là vô thoái chuyển. “*Cổ đại phẩm kinh*”, đây là kinh Bát Nhã. Kinh Đại Phẩm Bát Nhã nói bất thoái chuyển, còn gọi là A Tỳ Bạt Trí. “*Kinh nhất đại a tăng kỳ kiếp tu hành chi Bồ Tát phương chí thử vị*”. Thông thường trong kinh có ví dụ nói rằng, tu hành phải trải qua ba đại a tăng kỳ kiếp mới có thể thành Phật. Vị Bồ Tát này đã tu hành một a tăng kỳ kiếp, trên con đường thành Phật nhất định không thoái chuyển. Nên gọi là A Duy Việt Trí, điều này trong kinh luận nói như thế.

“*Đản tịnh độ pháp môn đại dị ư thị*”. Pháp môn tịnh độ nói A Bệ Bạt Trí không giống với ý này. Tiểu bản Di Đà nói “*Cực Lạc quốc độ, chúng sanh sanh giả,*

giai thị A Bệ Bạt Trí”. Phàm là người vãng sanh, chỉ cần đến thế giới Cực Lạc, đều là A Bệ Bạt Trí. “*Kim viết, vị đắc A Duy Việt Trí giả, tắc đắc A Duy Việt Trí, lưỡng bốn chánh đồng*”. Kinh Vô Lượng Thọ và trong tiểu bản Kinh Di Đà nói giống nhau. “*Hựu Di Đà Yếu Giải viết, A Bệ Bạt Trí, thứ vân bất thoái*”. Bất thoái có ba loại.

Thứ nhất là: “*vị bất thoái, nhập thánh lưu, bất đoạ phàm địa*”. Vị bất thoái, người như thế nào chúng được? Tu đà hoàn chúng được. Tiểu thừa sơ quả, đừng cho rằng quả vị của họ rất thấp, tuy thấp nhưng họ là thánh nhân, họ sẽ không thoái chuyển để làm phàm phu. Tuy chưa ra khỏi luân hồi lục đạo, ở trong lục đạo vãng sanh chỉ có hai cõi là cõi trời và cõi người. Ở trước chúng ta đã học qua, cõi trời và cõi người còn bảy lần sanh tử_bảy lần đi về thì chắc chắn họ thành A la hán. Hay nói cách khác, họ vượt ra khỏi luân hồi lục đạo chúng A la hán, vĩnh viễn không còn trở lại trong lục đạo. Họ đến là để hoá độ chúng sanh, là nương thuyền từ trở lại độ chúng sanh. Đây là vị bất thoái thứ nhất.

Thứ hai “*hành bất thoái. Hằng độ sanh, bất đoạ nhị thừa địa*”. Điều này A la hán không có. Bốn loại quả vị của A la hán đều không có hành bất thoái. Độ chúng sanh rất khó! Chúng sanh không dễ độ, nó không nghe lời, làm trái với chúng ta, thậm chí còn làm tổn thương chúng ta, A la hán nổi giận, thôi không độ ông nữa, như vậy là họ bị thoái chuyển. Bồ Tát không như vậy, Bồ Tát rất từ bi, họ có thể nhẫn chịu sự phản nghịch của chúng sanh, mà không trách cứ họ, vẫn chờ đợi cơ duyên. Nên Bồ Tát có hành bất thoái, hằng độ sanh. Họ sẽ không trở thành nhị thừa, nhị thừa là Thanh văn và duyên giác, cũng là những người giúp đỡ chúng sanh, nhưng họ cứu giúp những chúng sanh có duyên, không có duyên thì không giúp. Chúng ta tìm họ, thì họ giúp chúng ta. Không tìm họ, họ sẽ không chủ động tìm chúng ta. Không giống Bồ Tát, họ chủ động đi tìm chúng sanh đau khổ, chủ động giúp đỡ. Nên làm bạn không mời mà đến của chúng sanh. Chúng sanh không mời nhưng Bồ Tát lại đến. A la hán không như vậy, nhất định phải tìm họ. Họ hoan hỷ thì dạy, họ không hoan hỷ sẽ không để ý đến nữa. Đây là A la hán, Bích chi Phật.

Thứ ba “*Niệm bất thoái*”. A Duy Việt Trí thực tế mà nói là niệm bất thoái. “*Niệm niệm lưu nhập tát bà khổ hải*”. Như thế nào gọi là tát bà khổ hải? Tát bà

khô hải là tiếng phạn. “*Thử vân nhất thiết chủng trí hải*”. Nhất thiết chủng trí quảng đại vô lượng vô biên vô tận. Nên dùng nước biển để làm ví dụ. “*Tức Như Lai quả hải*”. Nói thực tế chính là tự tánh, cũng gọi là tánh hải, hàng Biệt giáo sơ địa Bồ Tát chứng được, theo Kinh Hoa Nghiêm thì Viên giáo sơ trú Bồ Tát chứng được. Điều kiện chứng đắc của họ là phá một phần vô minh, chứng một phần pháp thân, mới có thể xả bỏ nhị biên, toàn quy về trung đạo, họ thật sự buông bỏ. Buông bỏ này là gì? Không khởi tâm, không động niệm. Đây gọi là trung đạo.

Nhị biên là không hữu nhị biên, nghĩa là đối lập nhị biên, họ hoàn toàn không có, không lập nhị biên, trung đạo không tồn tại. Nếu còn ý niệm trung đạo thì họ chưa rời được, chưa chứng được cảnh giới này. Trung đạo là chỉ cho chúng ta nói mà thôi, chứ họ tuyệt đối không được có ý niệm này. Nếu thấy có trung đạo thì nó lại đối lập với hai đầu có và không. Nên trung đạo cũng không có, chỉ là bất đắc dĩ dùng trung đạo, gọi là toàn quy trung đạo. Thực tế mà nói chính là hoàn toàn quy tự tánh, hoàn toàn quy thường tịch quang.

“*Niệm niệm lưu nhập tát bà khô hải, tức kiến niệm bất thoái chi na chứng*”. Chúng ta hiện nay là người niệm Phật, nếu quý vị thật sự có thể phát tâm, nhất tâm xưng niệm Phật A Di Đà, ngoài Phật A Di Đà ra, tất cả tạp niệm đều buông bỏ hết. Tôi nói với các vị rằng, điều này đồng nghĩa với niệm niệm bất thoái tát bà khô hải. Nên tịnh độ tông rất thù thắng, tịnh tông thật là đại viên mãn. Tát bà khô hải phải là Viên giáo sơ trú và Biệt giáo sơ địa mới chứng được. Ngày nay chúng ta niệm Phật, nhất tâm niệm Phật A Di Đà, đồng nghĩa với niệm niệm nhập lưu tát bà khô hải. Đây là sự thật. Vì nhất tâm xưng niệm nhất định được vãng sanh. Sanh đến thế giới Cực Lạc, được sức bốn nguyện công đức của Phật A Di Đà gia trì, quý vị ngang bằng với A Bộ Bạt Trí Bồ Tát. Nguyện thứ 20 trong 48 nguyện, phàm là người vãng sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc, đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát. Đây là oai thần bốn nguyện của Phật A Di Đà thành tựu. Nói cách khác, tu các pháp môn khác, nghĩa là chúng ta thường nói đường lớn, tám vạn bốn ngàn pháp môn, chứng được quả vị này vô cùng khó khăn, nhất định phải cần rất nhiều thời gian, trong một đời chắc chắn làm không được. Nhưng tu tịnh độ thì điều đó rất dễ dàng, sanh đến thế giới Cực Lạc là đồng nghĩa với chứng được A Duy Việt Trí. Vậy tập khí phiền não thì sao? Từ từ mới đoạn.

Giống như ở trước nói kiến tư phiền não, trần sa phiền não và vô minh phiền não đoạn từ từ. Trí huệ, thần thông, đạo lực của chúng ta tương đương với pháp thân Bồ Tát. Đây là Phật lực gia trì, không phải tự mình chứng được. Phật lực gia trì có tác dụng không phải không có tác dụng, nên có năng lực giống như pháp thân Bồ Tát. Cảm ứng đạo giao với tất cả chúng sanh có duyên khắp biến pháp giới hư không giới. Nghĩa là chúng sanh có duyên với chúng ta từ vô lượng kiếp trong pháp giới hư không giới, họ khởi tâm động niệm chúng ta đều biết hết. Họ có khổ nạn cần giúp đỡ, chúng ta tự nhiên mà ứng, để đến giúp họ. Công đức lợi ích thù thắng này, các kinh luận khác không có, các pháp môn khác không có, trong cõi báo của tất cả Chư Phật Như Lai không có, chỉ có thể giới Cực Lạc, thật là quá thù thắng, chúng ta cần phải biết.

“Đản tịnh độ diệu pháp”. Diêu ở chỗ “ngũ nghịch thập ác”. Tạo tội địa ngục, là vô gián địa ngục, cũng gọi là A tỳ địa ngục. A tỳ là tiếng phạn, trong địa ngục này chịu khổ không gián đoạn, từ ngày vào địa ngục cho đến khi ra khỏi, chịu khổ trong đó, thật là từng phút từng giây đều không gián đoạn, khổ không sao nói hết, không thể nào hình dung được. “Thập niệm thành tựu, đời nghiệp vãng sanh. Cư hạ hạ phẩm giả, giai đắc tam bất thoái”. Điều này thật không thể nghĩ bàn. Chúng sanh tạo ngũ nghịch thập ác, mà họ có thể tin, họ có thể phát nguyện, đây là nói lâm mạng chung thời, gặp thiện hữu đến khuyên bảo họ, họ thật sự có thể sám hối. Điều này rất quan trọng, thật sự có thể quay đầu, có thể tin, có thể nguyện, tiếp đến là niệm Phật, một câu hay mười câu đều có thể vãng sanh. Đây là điều không thể!

Chúng ta đều biết, người ác như vậy khi lâm mạng chung có người khuyên bảo họ niệm Phật, họ có thể tiếp nhận. Tôi tin rằng người này, trong nhiều đời trước thiện căn rất sâu dày. Đời này mê hoặc vì không có người dạy họ, họ không có nhân duyên để gặp được thiện tri thức. Nếu có người khuyên họ, hay gặp được thiện tri thức nhất định có thể tiếp thu. Vì sao vậy? Vì đời trước của họ thiện căn sâu dày. Đây là nói trong đời này không gặp được thiện duyên, khi lâm mạng chung gặp được thiện duyên, họ vẫn có thể tin, vẫn có thể tiếp thu.

Trước đây chúng tôi ở Mỹ, Ông Chu Quảng Đại ở Mã Lợi Lan Châu. Suốt đời ông không có tôn giáo tín ngưỡng, con người của ông rất tốt, tuyệt đối không

phải ngũ nghịch thập ác. Ông ta là một người thiện, là người tốt, chỉ là không có tín ngưỡng tôn giáo. Ở Mỹ ông mở một tiệm bánh bao, ông mắc bệnh ung thư, bệnh viện đã từ bỏ trị liệu cho ông về nhà, nói rằng thọ mạng ông chỉ còn mấy ngày nữa. Lúc này người nhà đi khắp nơi cầu thần bái Phật, hy vọng có được dịp may. Lúc đó các bạn đồng học tịnh độ chúng tôi, thành lập ở bên đó hội Phật giáo Hoa Phủ, không bao lâu, mời tôi làm hội trưởng. Mới thành lập chưa được bao lâu, chưa đến một năm, thì gặp chuyện của Chu Quảng Đại, người nhà đã tìm đến. Chúng tôi có mấy vị đồng học rất nhiệt tâm đến giúp ông trợ niệm.

Sau khi thấy ông và bệnh tình của ông, đích thực không có cách nào hồi phục được, nên khuyên ông ta cầu vãng sanh, nói với ông ưu điểm của thế giới Cực lạc. Ông ta nghe rồi rất hoan hỷ và thật sự đã tiếp nhận. Ông ấy nói với người nhà, không nên trị liệu cho ông nữa, không nên tìm bác sĩ tìm thuốc, không cần. Tất cả mọi người hãy niệm Phật, tất cả đều niệm Phật để giúp ông vãng sanh. Nên người nhà rất hợp tác, cả gia đình họ cùng với những bạn đồng học chúng tôi, niệm Phật suốt ba ngày. Niệm Phật suốt ba ngày ba đêm, ông ấy thật sự vãng sanh. Chứng minh trong kinh Di Đà nói là từ một ngày, hai ngày, ba ngày. Đó là thật không phải giả.

Quý vị xem suốt một đời không hề tiếp xúc Phật pháp, cũng chưa từng nghe qua. Chỉ có niệm Phật ba ngày khi lâm mạng chung, cũng không đọc kinh, chỉ niệm duy nhất câu Phật hiệu này, niệm theo như vậy, và ông ta thật sự đã vãng sanh. Đói nghiệp vãng sanh, thì vãng sanh thế giới Cực Lạc là hạ hạ phẩm, đều được tam bất thoái. Chúng tôi cũng rất may mắn, có cơ duyên tốt như vậy, tự thân thấy được một điển hình thực tế. Tin rằng những gì trong kinh nói không hề sai.

“*Thị dĩ Linh Phong Đại Sư Tán viết*”. Linh Phong là Ngẫu Ích đại sư. Ngài ở Tây Thiên Mục Sơn, nơi ngài giảng kinh là giảng đường Linh Phong. Ngài tán thán rằng: “*Thập phương Phật độ, vô thứ danh tướng*”. Không có danh xưng này, cũng không có hiện tượng này. “*Vô thứ giai vị*”. Vị thứ của Bồ Tát, không có địa vị này. “*Vô thứ pháp môn*”, trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, không có pháp môn này, chỉ có thế giới Cực lạc có, quốc độ của mười phương chư Phật đều không có.

“Phi tâm tánh chi cực chí”. Đây là nói về Phật A Di Đà, thế giới tây phương Cực Lạc là tâm tánh tốt cùng của Phật A Di Đà thành tựu. “Trì danh chi kỳ huân”. Trì danh chi kỳ huân là nói người vãng sanh, thật là một niệm tương ưng một niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật. “Di Đà chi đại nguyện, hà dĩ hữu thử!” Làm gì có thành tựu trang nghiêm thù thắng như vậy? Ngẫu Ích đại sư tán thán rất hay. Chúng sanh có thể gặp được, nhân duyên này sâu dày biết bao, phước báo biết bao. Bài kệ khai kinh nói, “trăm ngàn vạn kiếp khó gặp được.” Cư sĩ Bành Tế Thanh nói cũng là tán thán điều này, nói rằng: “đây là ngày hy hữu khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay”, mà chúng ta đã gặp được. Ngày nay chúng ta đã gặp được nhất định không thể để nó qua đi một cách vô ích. Bỏ qua thì thật đáng tiếc! Như vậy thì tội nghiệp này thật là vô lượng vô biên.

Nhân duyên thù thắng như vậy, sao có thể bỏ lỡ được? Ít nhất thì cũng phải tranh thủ một địa vị của cõi đồng cư hạ hạ phẩm, mới không có lỗi với Phật A Di Đà, mới thật sự báo ân Phật. Ít nhất chúng ta cũng là cõi đồng cư thượng bồi vãng sanh. Điều này chúng ta có thể nỗ lực đạt được. Chúng ta đối với kinh sách tu học của Tịnh độ tông, có mười mấy năm, hai ba mươi năm, có thời gian dài như vậy, nhưng chương ngại của chúng ta chính là chưa buông bỏ. Năng tín, năng giải, nhưng lại thiếu hành. Ngay bây giờ, nếu chúng ta gặp đại thiên tai, không buông cũng không được.

Tôi thường nói hiện tại chỉ có hai con đường, nếu không buông bỏ chính là địa ngục A tỳ, còn buông bỏ thì đến thế giới Cực Lạc. Trước mặt chúng ta là hai con đường, không còn cách nào để lựa chọn. Quý vị có thể nói tội ngũ nghịch thập ác mình chưa tạo chẳng? Quý vị đã hiếu thảo cha mẹ chưa? Đã tôn kính sư trưởng chưa? Thật sự tin Phật chưa? Đã thật tâm học Phật chưa? Sánh với các bậc cổ đức thì còn kém xa. Niệm Phật, tụng kinh, bái sám mà không đầy đủ tâm chân thành cung kính, thì làm sao có cảm ứng được? Trong nhà Phật, bất luận làm điều gì, nhưng nếu chưa buông bỏ lợi ích của mình, tự tư tự lợi. Vì sao chúng ta lạy Phật? Vì sao học Phật? Vì thăng quan phát tài, cầu Phật Bồ Tát bảo bình an. Lạy Phật, học Phật để cầu xin những điều này. Đức Phật rất từ bi nên không trách chúng ta. Cầu Phật gia hộ cho phát tài, có thể phát tài chẳng? Không thể. Đức Phật không có năng lực này. Cầu Phật gia hộ được bình an. Đức Phật có năng lực

này không? Cũng không thể. Nói cách khác, chúng ta ở trước Đức Phật cầu nguyện, sẽ không đạt được bất cứ điều gì. Điều này trong kinh nói rất rõ. Nếu muốn cầu điều gì, thì cần phải thay đổi tâm mình trước. Tâm mình không chánh thì Phật Bồ Tát muốn giúp cũng không giúp được, tâm chánh mới giúp được. Nên khi Đức Phật giúp được, vẫn là tâm hành phải chánh. Mình tu hành có công đức thì Đức Phật có thể giúp được.

Thế giới ngày nay quá loạn, chưa từng thấy trong lịch sử. Giai đoạn cuối của nhà Thanh tuy rất loạn, người là gọi là “nguy quân tử”, nhưng vẫn còn chút lương tâm. Làm việc xấu vẫn còn sợ người phê bình, vẫn nghĩ nhiều cách để che đậy, miệng còn nói nhân nghĩa đạo đức. Còn con người bây giờ làm việc xấu không sợ người phê bình. Xã hội ngày nay rất kỳ quái, làm việc xấu mọi người còn khen ngợi là có bản lĩnh. Làm việc tốt trái lại bị cười nhạo, người này thật thà, lạc hậu. Hiện nay trở thành như thế, nên mới phát sanh đại kiếp nạn. Chúng ta gặp được, người học Phật gặp được, thì đây là việc tốt. Vì sao vậy? Để chúng ta có cảnh giác cao độ, tỉnh ngộ ra thấy rằng không tu không được, nhất định phải siêng năng, hoàn cảnh ép chúng ta không thể không tu. Tin thật, nguyện thiết, một lòng chuyên niệm. Tin thật, nguyện thiết nghĩa là phát tâm bồ đề, một phương hướng, một mục tiêu, ngoài ra đều buông bỏ, như vậy nhất định sẽ thành công.

Sau cùng “*chư vãng sanh giả, nhân tùy ý tu hành. Thọ dụng chủng chủng đại thừa pháp lạc, tịnh tự tại đắc quả, cố mạc bất hoan hỷ*”. Pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ. Đây là hoàn cảnh tu học ở thế giới tây phương Cực Lạc. Chứng quả chỉ là đưa ra ví dụ, đưa tiêu thừa tứ quả. Tình trạng chứng quả thật sự trong kinh Hoa Nghiêm nói rất rõ, có 51 địa vị. Sơ tín của thập tín ngang bằng với Tu đà hoàn. Tam tín bằng nhị quả, ngũ tín bằng tam quả. Thất tín bằng với tứ quả A la hán. Bát tín chính là Bích Chi Phật. Cửu tín là Bồ Tát trong mười pháp giới. Thập tín là Phật trong mười pháp giới. Đây đều chưa kiến tánh, đều là vị bất thoái.

Lên cao thêm nữa chính là sơ trú, sơ trú mới thật sự chứng được hành bất thoái và niệm bất thoái. Ở đó tu hành, quả vị cũng chính là thành tích học tập, không ngừng nâng cao lên, pháp hỷ sung mãn, mỗi ngày đều có chỗ ngộ, đây là

nguồn gốc của pháp hỷ. Vì sao nói như vậy? Ngày ngày đều có điều ngộ, ngày ngày đều có tâm đắc mới.

Chúng ta xem tiếp phẩm thứ 17. “*Tuyên trì công đức đệ thập thất*”. Tuyên trì là ao thất bảo, công đức là nước tám công đức. Đây cũng là hoàn cảnh lớn, hoàn cảnh tu học lớn. Chúng ta xem giới thiệu của Hoàng Niệm Tổ. “*Bốn phẩm minh Cực Lạc tuyên trì, bất khả tư nghị công đức*”. Đưa ra ba điểm.

Thứ nhất “*Thủ minh trì đức chi tổng tướng, tịnh liệt tiêu trì lượng*”. Đây là giới thiệu sự lớn nhỏ của ao thất bảo_nước trong ao thất bảo, cây xung quanh ao, và hoa sen trong ao.

Thứ hai “*Trì dương diệu pháp, thành thực thiện căn*”. Ao thất bảo và nước công đức cũng là pháp.

Thứ ba “*Thập phương sanh giả, liên trì hoá sanh*”. Sanh ra từ hoa sen. Người sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc, tất cả đều là liên hoa hoá sanh. Mời quý vị xem kinh văn.

“*Hựu kỳ giảng đường tả hữu, tuyên trì giao lưu. Tung hoành thâm thiên, giai các nhất đẳng*”. Trong ao lớn nhỏ không giống nhau. “*Hoặc thập do tuần, nhị thập do tuần. Nãi chí bách thiên do tuần, trạm nhiên hương khiết, cụ bát công đức*”. Ao báu này ở thế giới Cực Lạc rất nhiều. Ao nhỏ thì mười do tuần, 20 do tuần. Ao lớn thì trăm ngàn do tuần, giống như đại hải vậy. Ở nơi thế giới này của chúng ta, ao nhỏ thì như ao hồ, ao lớn như đại hải. Bất luận là ao nhỏ hay ao lớn, “*Trạm nhiên hương khiết*”, nước đều đầy đủ tám công đức. Chúng ta xem chú giải của Hoàng Niệm Tổ.

“*Giảng đường tả hữu, tuyên trì giao lưu thị tổng tướng. Biểu bảo thọ liên trì, chu biến kỳ quốc*”. Ở thế giới Cực Lạc quý vị có thể nhìn thấy. “*Quán Kinh viết, nhất nhất trì thủy, thất bảo sở thành, kỳ na ni thủy, lưu chú hoa gian*”. Hoa gian là hoa sen trong ao, hai bên ao là cây báu. Cây báu cần nước công đức nuôi dưỡng. Nước tự nhiên chảy đến tưới vào cây, tự tìm cây mà đến. Nước này thật vi diệu. Nước trong ao chúng ta chỉ có thể chảy xuống, không thể chảy ngược dòng. Nước ở thế giới Cực Lạc có thể chảy ngược dòng. Có thể thấy thế giới Cực Lạc rất trang nghiêm vi diệu, vượt trên tất cả. Tất cả các thế giới khác không có, đến thế giới Cực Lạc thấy được hết.

“Biệt tướng trung, thủ vi tuyên trì chi hình lượng. Tung giả trường độ, quảng giả khoan độ. Trì chi trường khoan thâm thiền, ứng cơ hoá hiện, kỳ lượng phi nhất”.
Ao lớn hay nhỏ, nước sâu hay cạn không giống nhau, nó tùy theo ý của con người. Chúng ta thích sâu thì nó liền sâu, thích cạn thì nó liền cạn. Nó tùy ý người. Trong kinh điển đại thừa Đức Phật thường nói, tất cả pháp từ tâm tướng sanh. Đến thế giới Cực Lạc hoàn toàn thành hiện thực. Tất cả pháp tùy tâm niệm mà sanh, nên ao lớn hay nhỏ, sâu hay cạn cũng như thế.

“Xưng kỳ hình thể, các vi nhất đẳng. Tùng thập do tuần, nãi chí bách thiên do tuần, giai tùy ứng nhi hiện”.

Trong này đặc biệt không thể nghĩ bàn được. Nó có thể ứng theo tâm niệm của mỗi người. Tôi muốn ao này nhỏ một chút, quý vị muốn ao kia lớn một chút. Chúng ta cùng ở trong ao này, nhưng cảm xúc của tôi thì nhỏ, còn cảm thọ của quý vị lại lớn. Tôi muốn cạn, cảm thọ của tôi rất cạn, quý vị muốn sâu một chút, thì cảm nhận liền thấy rất sâu. Cùng trong một ao, thật không thể nghĩ bàn. Ở thế giới Cực Lạc không có gì không như ý.

“Thứ biểu thủy đức, thị chư tuyên trì, tức nhập công đức trì. Trì thủy trạm khiết, thanh phân phương phúc, cố viết trạm nhiên hương khiết”.

Đây là công đức của nước, ưu điểm của nước, thế giới chúng ta không có. Nó có tám loại công đức, ở dưới đều nói đến. Nên nước trong ao rất sạch, không nhiễm chút trần, thanh khiết thấu suốt. Trên mặt nước nhìn thấy tận đáy ao, dưới đáy ao trải toàn cát vàng. “Thanh hương, thanh phân phương phúc”. Ngửi mùi hương của nước trong ao này, hương thơm thanh khiết nhẹ nhàng. Thân tâm chúng ta ở trong hương thơm này, như chúng ta nói là đạt được dưỡng chất sung mãn, đạt được năng lượng đầy đủ. Nên trong kinh văn dùng từ “trạm nhiên hương khiết” để tán thán nó.

“Thủy cụ bát đức, cố xưng bát công đức thủy. Xưng Tán Tịnh Độ Kinh viết, hà đẳng danh vi bát công đức thủy. Nhất giả tròng tịnh”.

Tròng là bất động, nước không có gợn sóng. Tịnh là sạch sẽ, không có chút nhiễm ô nào. Nước bình lặng như tấm gương vậy. “Nhị giả thanh lãnh”, thông thường chúng ta gọi là thanh lương. Thanh lãnh có nghĩa là thanh lương, khi chạm vào nó cảm giác rất dễ chịu. “Tròng tịnh thanh lãnh” này, thế giới

chúng ta có. Trong hồ nước có thể nhìn thấy. Hiện nay ít thấy, hiện nay vì không khí ô nhiễm, nguồn nước nhiễm ô, nên không có nhiều nguồn nước trong lành này. Những nhiễm ô này đều do con người tạo nên.

“*Tam giả cam mỹ*”. Nước ở thế gian chúng ta không có như vậy. Còn nước ở thế giới Cực Lạc là ngọt. Đây là nói mùi vị của nước, nó rất ngọt.

“*Tứ giả khinh nhuyển*”, điều này thế gian chúng ta cũng không thấy được. Nước thế gian này rất nặng. Còn nước ở đó nhẹ nhàng mềm mại.

“*Ngũ giả nhuận trạch*”. Nhuận trạch thì nước ở thế gian chúng ta có. Tư nhuận, là da dẻ chúng ta không khô khan. Đối với cây cỏ hoa lá được thấm nhuần.

“*Lục giả an hoà*”. Điều này thì chúng ta không có. Nước ở thế giới tây phương Cực Lạc bình an êm ấm. Không biết bơi bị rớt xuống ao cũng không chết đuối. Vì sao vậy? Nước tùy theo ý mình. Tôi muốn cạn một chút thì nó liền cạn, muốn nước cạn dưới chân đi đến bờ thì liền được như vậy. Nó có thể tùy theo ý người.

“*Thất giả ẩm thời trừ cơ khát*”. Uống nước này có thể đạt được dưỡng chất sung mãn, nuôi dưỡng thân tâm chúng ta, nước này giống như cam lộ vậy. Có thể trị trăm bệnh “*Trừ chi khát đẳng vô lượng quá hoạn*”.

“*Bát giả ẩm dĩ định năng trưởng dưỡng chư căn tứ đại*”. Khi uống nước này nó có thể trưởng dưỡng lục căn nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý. Tứ đại chính là thân thể chúng ta. “*Tăng ích*”, điều này thật quá tuyệt! “*Chủng chủng thù thắng thiện căn*”. Nó có thể giúp chúng ta tăng trưởng thiện căn. Điều này thế gian chúng ta không có. “*Đa phước chúng sanh thường lạc thọ dụng*”. Vãng sanh đến thế giới Cực Lạc là chúng sanh có phước báu. Nên thế giới Cực Lạc không cần các loại ẩm thực khác. Trong ao thất bảo cung cấp nước tám công đức, nó giải quyết mọi vấn đề. Nước tám công đức đều là từ trong tự tánh chảy ra.

“*Đức thủy, Cực Lạc chi thủy, năng linh ẩm giả tăng trưởng chủng chủng thù thắng thiện căn. Khả kiến Cực Lạc bất khả tư nghị*”.

Đây là đem nước công đức trong ao báu, công đức thù thắng không thể nghĩ bàn giới thiệu cho chúng ta. Thế giới Cực Lạc ao báu vô lượng vô biên, nước công đức lấy không hết dùng không cùng tận, giống như nước suối vậy. Không như thế gian chúng ta, thế giới này các nhà khoa học đã đưa ra lời cảnh báo, tương lai chúng ta sẽ có nguy cơ về lương thực, nguy cơ về nguồn nước, nguy cơ về nguồn

năng lượng. Nguy cơ quá nhiều. Thế giới Cực Lạc không nghe có những nguy cơ này. Nơi tốt đẹp này chúng ta nhất định có thể đến đó được, không phải không thể đi, thật sự có thể đi được. Phật A Di Đà, đại chúng ở thế giới tây phương Cực Lạc chẳng ai không hoan nghênh chúng ta đến. Vậy tại sao không đi?

Đến thế giới Cực Lạc, thì những vật phẩm cần thiết đối với thân thể và sinh hoạt, không có điều gì phải lo lắng. Nơi ở cung điện lầu quán ở trước chúng ta đã nói qua, toàn là do biến hóa ra. Muốn cung điện như thế nào, thì nó liền hiện cung điện như thế đó. Muốn lớn có lớn, muốn nhỏ có nhỏ. Muốn ở trên không trung cũng được, muốn ở trên mặt đất cũng không sao. Quý vị xem tự tại biết bao. Khi đi du lịch cung điện mang theo, người ở thế gian này không làm được. Thế giới tây phương Cực Lạc mỗi thứ đều hiện hành. Xem tiếp cây ở hai bên bờ.

“Ngạn thọ hương quang. Ngạn biên vô số chiên đàn hương thọ, kiết tường quả thọ, hoa quả hằng phương, quang minh chiếu diệu, tu điều mật điệp. Giao phú u trì, xuất chủng chủng hương, thế vô năng dụ, tùy phong tán phức, duyên thủy lưu phân”.

Đây là phong cảnh hai bên ao sen bảy báu, ấy cỏ hoa lá, vô số cây hương chiên đàn. Đây là đưa ra ví dụ. Chiên đàn là bảo hương. *“Kiết tường quả thọ”*, có hoa có trái. Hoa quả thường thoảng ra hương thơm không bao giờ tàn. Nên mới gọi nó là nhất chân pháp giới.

Trong mười pháp giới có cây cỏ hoa lá, nhưng nó là vô thường. Chúng sanh trong mười pháp giới, con người có sanh lão bệnh tử, thực vật có sanh trụ dị diệt, sơn hà đại địa, khoáng vật có thành trụ hoại không. Không có gì là vĩnh hằng bất biến, không có, tìm không thấy. Thế giới Cực Lạc mọi thứ đều là vĩnh hằng bất biến. Điều này quá vi diệu! Nên gọi là nhất chân pháp giới.

Vì sao nó không có biến hoá? Trong đại thừa kinh điển Đức Phật dạy chúng ta, vũ trụ vạn vật từ đâu mà có. *“Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”*. Chúng sanh trong mười pháp giới có tình thức, đó chính là nói họ có biến hoá. Người ở thế giới tây phương Cực Lạc, sanh đến thế giới Cực Lạc, mỗi người đều chuyển thức thành trí. Trong cõi phàm thánh đồng cư tuy có tình thức, đây gọi là đời nghiệp, đem nghiệp đến đó nhưng không khởi tác dụng. Chúng ta có lý do để tin, chúng ta đến thế giới Cực Lạc, quanh mình đều là đại Bồ Tát, đều là đẳng giác Bồ Tát.

Nên phân biệt chấp trước, khởi tâm động niệm không thể sanh khởi. Chúng ta học theo những tấm gương xung quanh, ai khởi tâm động niệm? Ai có phân biệt, ai có chấp trước? Không có những thứ này là không có biến hoá, nên thân thể con người cũng không có biến hoá.

Vãng sanh thế giới Cực Lạc, không phải vãng sanh, giống như trẻ em từ từ lớn lên, không phải như vậy mà do hoá sanh. Đến thế giới tây phương Cực Lạc, hiện thân ở trong ao sen bảy báu, thân đó hoàn toàn giống với thân của Phật A Di Đà. Thể của thân là thân tử ma châu kim sắc. Tướng của thân trong kinh Vô Lượng Thọ đức Thế Tôn giới thiệu, là lấy quan niệm của người Ấn độ đương thời có 32 tướng 80 vẻ đẹp. Cho rằng đây là tướng tốt, là quý tướng. Nhưng trên thực tế trong Quán Kinh nói, thân Phật A Di Đà có tám vạn bốn ngàn tướng, mỗi một tướng đều có tám vạn bốn ngàn vẻ đẹp. Tức là không phải chỉ có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp.

Các bậc cổ đức xưa nay thường tán thán báo thân của Như Lai. Thân có vô lượng tướng, tướng có vô lượng vẻ đẹp. Đó là thật. Ít nhất chúng ta phải tin lời trong kinh Quán Vô Lượng Thọ nói *Thập Lục Quán Kinh* báo thân của Như Lai có tám vạn bốn ngàn tướng, mỗi một tướng đều có tám vạn bốn ngàn vẻ đẹp tùy hình. Nó bất biến. Vì sao bất biến? Vì họ không có 8 thức và 51 tâm sở, đó là năng biến, họ không có những thứ đó. Đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát, vượt ra khỏi mười pháp giới. Nên thế giới Cực Lạc, đến những thứ trong cõi phàm thánh đồng cư đều bất biến. Khi đã hình thành thì không bao giờ thay đổi. Điều này quá hy hữu.

Trong chú giải nói: *“Hựu hiển trì ngạn diệu thọ trang nghiêm chi tướng”*. “Chiên đàn” ở trước có nói qua. Người Trung quốc gọi là đàn hương. Hiện nay chiên đàn thật không còn nữa. Thời Đức Phật còn tại thế có, ngày xưa có. Chúng ta nhớ hình như trong kinh có ghi chép. Có một vị pháp sư Ấn độ mang đến loại hương này, không nhiều, số lượng rất ít. Sau khi đến Trung Quốc, ông làm lễ vật dâng cho hoàng đế, lễ vật dâng hoàng thượng, dù vật quý giá đến đâu, giống như hương chiên đàn này thì ít nhất phải một ký, chưa được một cân không thể dâng hoàng đế, nó không đủ. Số lượng không lớn như vậy, nên đã bị cự tuyệt. Vị pháp sư này nhặt một viên chiên đàn hương, đốt một viên hương chiên đàn này

lên. Không ngờ hương thơm này có thể bay xa đến 40 dặm, trong vòng 40 dặm đều có thể ngửi được mùi hương này. Hoàng đế thật sự biết được sự hiếm quý này, nên bắt luận nhiều hay ít đều chấp nhận. Khi ngửi được hương thơm chiến đàn này cũng có thể trị bệnh. Trị rất nhiều bệnh, đây là bảo hương.

“*Kiết tường quả*”, cũng là vật của Ấn Độ, Trung Quốc không có. “*Trạng tợ qua lâu, hoàng xích sắc. Kim dĩ thử phương chi thạch lựu nghĩ sung chi*”. Đại khái gần giống như trái lựu vậy, hình dáng gần giống như vậy, đây là quả kiết tường.

“*Thạch lựu nhất hoa đa quả, cố dĩ thạch lựu nghĩ kiết tường quả. Kim kinh vân, trì lựu hoa thọ, giai dĩ vô lượng bảo hương hợp thành. Thị cố hoa quả hằng phương, hằng phương thị thường hương*”.

Mùi hương của nó không bao giờ dứt, màu sắc của hoa không thay đổi, trái cây lại chín muồi. Không phải từ nhỏ lớn dần lên, nó là do biến hoá ra, chúng ta có thể tưởng tượng được. Trái này chúng ta hái xuống, quý vị xem trên cây lại mọc ra trái khác. Như vậy mới tuyệt diệu! Thiên biến vạn hoá. Hương thơm của hoa quả vô cùng tận, đẹp không sao nói được.

“*Quang minh chiếu diệu giả*”, ở trước chúng ta nói qua. “*Vô lượng quang viên, chiếu diệu vô cực. Khả kiến thử chư hoa thọ*”. Tức là cây cối và hoa lá xung quanh ao báu này. “*Ký thổ phân hương, phục phóng diệu quang dã*”. Những điều này thế giới chúng ta không có. Cây cối ở thế gian này đều là thân cỏ thân cây, còn cây cối ở đó là thân bảo. Ở trước có nói với chư vị, đều là bảy báu. Thất là trượng trưng cho sự viên mãn, tượng trưng cho vô lượng. Có thứ do một loại báu hợp thành, có thứ do hai loại báu hợp thành, cũng có chúng bảo hợp thành. Bảo có ánh sáng, nó tự nhiên phóng ra ánh sáng. Đặc biệt là thế giới Cực Lạc không có biến hoá, nên gọi là nhất chân pháp giới, nó là thật. Có biến hoá là giả.

Mười pháp giới không phải thật, vì nó có biến hoá, chẳng có điều gì không biến hoá. Thế giới tây phương Cực Lạc hoàn toàn là tự tánh sở hiện. Trong đó không có thức, nên nó không có biến hoá. Trong mười pháp giới có tâm, có thức, chân và vọng hoà hợp. Thế là tự tánh, là chân, tướng tùy theo tâm niệm người mà khởi biến hoá.

Người ở thế giới tây phương, tâm đều như trên đề kinh nói là thanh tịnh bình đẳng giác. Họ không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Không có vọng tưởng,

nên họ tỉnh giác, giác mà không mê. Không có phân biệt nên họ bình đẳng. Không có chấp trước vì thế họ được thanh tịnh. Thanh tịnh bình đẳng giác đều tương ưng. Ba loại phiền não lớn của chúng ta, kiến tư phiền não là nhiễm ô. Trần sa phiền não là phân biệt. Vô minh phiền não là không giác. Cho nên đoạn tận được vô minh phiền não là giác mà không mê. Đoạn tận trần sa phiền não thì tâm bình đẳng hiện tiền. Đoạn trừ kiến tư phiền não thì tâm thanh tịnh hiển lộ. Đây là chân tâm, là thanh tịnh bình đẳng giác. Đạo lý của nó là như vậy.

Bốn nguyện của Phật Di Đà và công đức năm kiếp tu hành đã thành tựu nên như thế. Chúng ta vãng sanh được Phật lực gia trì, nên tự tánh chúng ta với tự tánh Phật A Di Đà là một không phải hai. Cho nên có thể đem công đức bốn nguyện của Phật Di Đà, biến thành bốn nguyện công đức của mình, nhiếp thọ của người khác thành của mình. Chúng ta thật sự đạt được lợi ích.

Không những ở thế giới Cực Lạc, mà ở đây cũng được. Không thể đạt được viên mãn, thì cũng đạt được ít phần. Chỉ cần chúng ta thực hành thì đều có thể làm được. Tin thật, nguyện thiết, một lòng chuyên niệm thì có thể hưởng được lợi ích. Ở sau giải thích về “*tu điều*”. Tu có nghĩa là dài, cành của cây này dài. “*Giao giả, tương tiếp, phú giả, thủy cái*”. Giống như cây dương liễu. Cành của cây dương liễu rất dài. Cành dương liễu cũng thường mọc ở bên ao, che phủ xuống mặt ao. “*Ngạn trắc bảo lâm, chi trường điệp mậu*”. Cây này rất đẹp. “*Lãng không tương tiếp*”, cây rất to lớn. Vô cùng tươi tốt, phủ xuống che lấy mặt ao. “*Như thị lâm thọ xuất chủng chủng diệu hương. Kỳ hương thù thắng, phi thế gian sở hữu. Cố vân thế vô năng dụ*”. Không cách nào có thể ví dụ, vì nó quá tốt. Mùi hương này cũng giống như nước tám công đức vậy, có thể trường dưỡng thiện căn, cũng có thể hoá giải trăm bệnh. Người ở thế giới này mạnh khoẻ trường thọ, xưa nay chưa từng nghe nói bị bệnh, không có đoản mệnh, không có. Mỗi người đều là vô lượng thọ.

Chúng ta chỉ thấy vãng sanh, chứ không nghe nói thế giới Cực Lạc có tử vong, không có. Chẳng những con người không có, mà cây cỏ hoa lá cũng không có. Nên gọi là nhất chân pháp giới. Đến khi nào không có? Đến khi đoạn tận hết tập khí vô trí vô minh, liền chứng được quả vị diệu giác. Cảnh giới chúng ta được nâng cao, cao đến thường tịch quang, như vậy thì cõi thật báo cũng không còn.

Cho nên cõi thật báo phù hợp với những điều trong Kinh Kim Cang Bát Nhã nói: “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng,” cõi thật báo cũng không phải là thật. Trở về cõi thường tịch quang, như vậy chúng ta sẽ biết được cõi thật báo từ đâu mà có? Từ tập khí vô trí vô minh mà có. Vô minh đã đoạn, nhưng tập khí vẫn còn, tập khí không còn, thì hiện tượng này cũng biến mất. Nhưng tập khí và khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước không giống nhau. Khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước đều là tình chấp, là vô thường, là thức biến. Nó có thể biến. Tuy tập khí vô trí vô minh vẫn còn, nhưng nó sẽ không biến. Nên chúng ta thấy cõi thật báo ở thế giới Cực Lạc là vĩnh hằng, thường trú, bất diệt, ở đây gọi là bất sanh bất diệt. Điểm thù thắng nhất của nó không phải là cõi thật báo, mà là cõi phàm thánh đồng cư. Cõi phàm thánh đồng cư cũng là bất biến. Đây là điều thật hiếm có. Chư vị cổ đức giải thích vì sao cõi phàm thánh đồng cư cũng không thay đổi? Đó là oai thần bản nguyện của Phật A Di Đà thành tựu nên, chứ không phải do nghiệp lực chúng sanh thành tựu được. Nên nghiệp lực chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay ở trong mười phương thế giới, tuyệt đối không phải chỉ có ở cõi Ta Bà.

Kiếp trước của mỗi chúng ta, có khi ở trên địa cầu này, có khi ở các tinh cầu khác. Các tinh cầu khác đến đâu thai ở địa cầu này. Rồi thân thể này, thì không gian hoạt động của linh hồn rất rộng lớn, nó không bị câu thúc, nó không có hiện tượng vật chất nên không bị câu thúc. Tốc độ nhanh đến nỗi chúng ta không sao tưởng tượng được. Nên chúng ta có duyên, có duyên với mười phương thế giới, mười phương thế giới đều là không gian hoạt động thác sanh của chúng ta. Sau khi lạc mất tự tánh, không có gì là không tạo nghiệp. Nên chúng sanh trong mười pháp giới, trong mười phương thế giới vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, toàn là đời nghiệp vãng sanh. Nhưng những tập khí nghiệp này ở thế giới Cực Lạc không khởi tác dụng, tham sân si cũng không sanh khởi được.

Tham sân si từ đâu mà có? Từ vật chất, thường gọi là trần bảo, nó rất hiếm nên biến thành vô cùng quý báu. Nếu nó có quá nhiều, quá nhiều thì mọi người sẽ không cần nữa. Thế gian chúng ta mọi người đều thích vàng ròng, nghĩ mọi cách để cất giữ. Còn ở thế giới Cực Lạc lấy vàng ròng để lót đường. Như vậy còn cần nó chăng? Không cần. Tự nhiên không cần chúng. Còn chúng ta đây một hạt trần

bảo, một viên bảo thạch, đem nó luyện thành nhẫn, làm thành những đồ trang sức, cảm thấy rất quý giá. Còn ở đó dùng để làm gì? Làm vật liệu xây dựng, giống như gạch ngói vậy. Nên khi đến đó tự nhiên tâm tham này được đoạn tận.

Chúng ta ngày ngày đều lo miếng ăn chỗ ở, nhưng đến đó không cần phải lo gì hết, khi ta cần nó liền biến hiện ra, không cần thì nó liền mất đi, không cần thu dọn. Muốn mang y phục, áo quần đã mặc trên thân, không muốn nó liền biến mất, cũng không cần cất dọn. Trong mỗi gia đình đều rất sạch sẽ, không có bất cứ thứ gì, nhưng khi có khách đến, mỗi người đều có bảo tọa. Đó đều là do biến hoá làm ra. Khi khách đi, những thứ đó tự nhiên không còn. Thật là không nhiễm chút bụi trần. Đúng là lý tưởng của chúng ta. So với lý tưởng, chúng ta còn chưa nghĩ đến, những thứ chúng ta không thể tưởng tượng, ở thế giới Cực Lạc đều thấy được, đều hưởng thụ được. Như vậy chúng ta mới nghĩ, cuộc sống ở thế gian này quá đau khổ. Nên ở đó mới gọi là thế giới Cực Lạc!

Chúng ta muốn giúp chúng sanh lìa khổ được vui, trước nhất chính bản thân mình phải được lìa khổ được vui. Muốn làm được điều đó thì chỉ có vãng sanh đến thế giới Cực Lạc. Ở đây chỉ là lý tưởng, không thể hiện thực được. Đến thế giới Cực Lạc mới thật là là khổ đạt được vui. Nếu thấu suốt minh bạch, chỉ hận mình không thể đi ngay bây giờ! Sống ở thế gian này thêm một ngày thì chịu tội thêm một ngày. Sớm một ngày đến thế giới Cực Lạc thì sớm một ngày hưởng phước. Đây là chân tướng sự thật. Như vậy còn lưu luyến thế giới này chăng? Không lưu luyến. Thế gian này còn rất nhiều thân bằng quyến thuộc, tôi muốn giúp họ, được! Đến thế giới Cực Lạc sau đó trở lại giúp họ. Đây là thật, có thể trở lại.

Người thế gian này, bất luận đầu thai đến thế giới nào, con đường nào. Chúng ta ở thế giới Cực Lạc đều thấy hết, đều quen biết. Lúc này mới có năng lực giúp họ. Nên thật sự thấu hiểu bộ kinh này, thì đúng là không thể không đến đó.

Ở dưới nói “*Tùy phong tán phức, tùy đức phong nhi tán bá kỳ hương phức. Duyên thủy lưu phân, thuận kỳ thủy nhi lưu tổng kỳ phân phương. Thử nãi đệ tứ thập tam bảo hương phổ huân nguyện chi sở nhiếp*”.

Cũng là bảo hương phổ huân nguyện thành tựu. Nên 48 nguyện trên thực tế chính là miêu tả y chánh trang nghiêm của thế giới tây phương Cực Lạc. Đức Thế

tôn giảng bộ kinh này là để giới thiệu cho chúng ta, trên thực tế chính là giải thích 48 nguyện. 48 nguyện là tự thân Phật A Di Đà nói. Chúng ta xem tiếp đoạn kinh văn bên dưới.

“Hựu phục trì sức thất bảo địa bố kim sa”. Địa ở đây là nói đến đáy ao. *“Uu bát la hoa, bát đàm ma hoa, câu mâu đầu hoa, phân đà lợi hoa, tạp sắc quang mậu, di phú thủy thượng”*. Đây là tả sự trang nghiêm trong ao bảy báu. Trong ao toàn là hoa sen. Trong kinh chỉ đưa ra bốn ví dụ, tức trong Kinh Di Đà nói *“thanh sắc thanh quang”*. Hoa sen màu xanh, hoa sen màu vàng, hoa sen màu đỏ, hoa sen màu trắng. Đức Phật đưa ra bốn loại này, trên thực tế thì vô lượng tạp sắc_Vô lượng màu sắc. Bốn loại này là bốn màu gốc, khi trộn lẫn hoà hợp lại biến thành vô lượng màu sắc.

Điều này khoa học chỉ biết được ba loại màu sắc gốc, là đỏ, xanh và vàng, màu trắng là do ba loại này trộn lẫn phối hợp mà ra. Ba màu gốc. Đây là trong kinh nói về khoa học. Nó tượng trưng cho vô lượng màu sắc khác. Ngũ vị chua, ngọt, đắng, cay, mặn tượng trưng cho vô lượng mùi vị. Nó đều là hỗn hợp.

“Hựu hiển trì trung trang nghiêm chi tướng. Trì sức thất bảo giả, Ngô Dịch viết, giai phục hữu tự nhiên lưu tuyến dục trì, giai dĩ tự nhiên thất bảo câu sanh”. Ý của kinh văn rất rõ ràng. Nước chảy trong ao. Trong Ngô Dịch đặc biệt là có ao tắm, giống như ngày nay chúng ta gọi là hồ bơi vậy. Là để chúng ta dùng. *“Giai dĩ tự nhiên thất bảo câu sanh”*. Ở đây nói rõ rằng, những thứ này không cần thiết kế, không cần kiến tạo, cũng không cần vật tư để kiến trúc. Chúng ta cần là nó hiện tiền, ao tắm này sẽ hiện tiền, toàn là đồ trân bảo.

Thất tượng trưng cho sự viên mãn. Chúng ta muốn điều gì, nó liền hiện thứ đó. Tất cả đều tùy theo tâm nguyện của mình. Như Đức Phật thường nói, tất cả pháp từ tâm tướng sanh. Đến thế giới Cực Lạc, những thứ này điều thành hiện thực. Tùy theo tâm tướng của mình, không phải tùy người khác, chúng ta muốn, thì tất cả pháp đều tùy theo tâm mình muốn mà sanh ra. Như vậy thì còn tham muốn gì? Tâm tham không có, sân nhuế không có. Tham mà không được mới nổi nóng, mới sân nhuế. Còn ở đây nghĩ đến là có, làm gì có cơ hội để sân giận.

Ở thế giới đó bất luận là thấy sắc hay thấy ánh sáng, hoặc là ngửi mùi hương. Tất cả đều trường dưỡng thiện căn, khai mở trí huệ, không còn ngu si. Nên đến

thế giới Cực Lạc, Phật Di Đà không quan tâm đến tham sân si, tự quý vị sẽ đoạn tận, tự nhiên đoạn tận. Giới định huệ tự nhiên cũng hiện tiền. Nên đạo tràng tu hành không nơi nào có thể sánh được sự viên mãn của thế giới Cực Lạc. Tâm người tu hành chúng ta rất tốt, nhưng tìm không ra được đạo tràng lý tưởng, nên tham sân si cũng không đoạn được, tập khí phiền não không thay đổi được. Nhưng khi đến thế giới Cực Lạc, không ai quan tâm đến điều đó, mà tự nhiên cũng không còn. Tất cả tập khí phiền não đều đoạn tận, giới định huệ cũng tự nhiên tăng trưởng. Lục căn tiếp xúc với cảnh giới bên ngoài đều làm tăng trưởng trí huệ, sanh khởi thiện căn.

“*Trì bố kim sa*”. Địa là chỉ cho đáy ao. “*Hán Dịch viết, hữu thuần bạch kim trì giả, kỳ để sa giai hoàng kim dã. Trung hữu thuần hoàng kim trì giả, kỳ thủy để sa giai bạch ngân dã. Trung phục hữu nhị bảo cộng tác nhất trì giả, kỳ thủy để sa giai kim ngân dã. Nãi chí trung phục hữu thất bảo cộng tác nhất trì giả, kỳ trì để sa giai kim, ngân, thủy tinh, lưu ly, san hô, hổ phách, xa cừ, mã não dã*”.

Ở đây đưa ra ví dụ, trên thực tế thì thế giới Cực Lạc trên bảo này rất nhiều. Thế gian chúng ta không có, nên Đức Phật không đưa ra. Đưa ra, nói ra chúng ta cũng không hiểu, vì không có ấn tượng. Những ví dụ đưa ra đều là thế giới chúng ta có, khiến chúng ta có thể lãnh hội được một ít. Những thứ không có sẽ không nói. Đợi khi đến thế giới Cực Lạc, chúng ta sẽ hoàn toàn thấu triệt.

Tình trạng chân thật ở thế giới tây phương Cực Lạc, thù thắng hơn rất nhiều so với nhưng gì Đức Thế Tôn giới thiệu ở đây. Chư Phật Như Lai tán thán thế giới Cực Lạc chưa đến một phần vạn. Điều này chúng ta nhất định phải hiểu. Nên đến thế giới Cực Lạc mới biết cảm ân Phật, mới thật sự nghĩ đến báo ân Phật. Con người bây giờ thì sao? Họ không biết ân đức, không có ý niệm báo ân, không có khai niệm này. Vừa đến thế giới Cực Lạc mới hiểu ra điều này, không phải ân đức của Phật, thì làm gì có môi trường tu học tốt như vậy? Trong môi trường này, bảo đảm trong một đời nhất định thành vô thượng đạo. Chứng được quả Phật cứu cánh viên mãn.

“*Hạ minh*”, đoạn kinh văn bên dưới nói. “*Trì hoa hữu tứ chủng diệu liên. Hội Sớ viết, ưu bát la*”. Ưu bát la là tiếng phạn, dịch thành chữ Hán là liên hoa xanh. Bát đàm hoa, ở đây gọi hoa sen đỏ. Hoa này thế gian chúng ta có. Câu mâu đầu gọi là

hoa sen vàng, phân đà lợi là hoa sen trắng. “*Tiểu bốn sở vị tứ sắc hoa dã*”. Tiểu bốn Kinh A Di Đà do ngài Cưu Ma La Thập dịch nói thanh sắc thanh quang, xích sắc xích quang, hoàng sắc hoàng quang, bạch sắc bạch quang. Bốn màu này hỗn hợp, hoa sen trong ao này đẹp biết bao, vô lượng sắc hoa. Những hoa này đại khái ở thế giới Cực Lạc, chỉ có hoa trong ao báu này có biến hoá, còn ngoài ra đều không thấy.

Hoa này không phải người ở thế giới Cực Lạc trồng, không phải. Vậy nó từ đâu mà có? Người niệm Phật trong mười phương thế giới, có người niệm Phật muốn cầu sanh thế giới Cực Lạc, thì trong ao bảy báu mọc lên một đoá hoa. Trên hoa này có tên của người đó, tương lai vãng sanh đức Phật liền cầm hoa này đến tiếp dẫn. Màu sắc, ánh sáng của hoa, lớn hay nhỏ đều tùy theo công phu niệm Phật của người này. Nên hoa này có lớn có nhỏ không giống nhau. Có hoa rất đẹp, có hoa mọc lên rồi dần dần khô héo. Đó là vì sao? Vì người đó đã thoái tâm.

Niệm Phật mấy năm nay không niệm nữa, nay muốn tu pháp môn khác. Nên hoa này khô héo đi. Họ không muốn đến thế giới Cực Lạc, nên hoa này cũng không còn. Chỉ có điều này có biến hoá, ngoài ra đều không thấy có sự biến hoá.

Chúng ta phát tâm niệm Phật cầu sanh tịnh độ, trong ao báu liền có hoa mọc lên. Khi nào hoa nở? Ngày chúng ta vãng sanh thì hoa nở. Đức Phật cầm đoá hoa này đến tiếp dẫn. Nên hoa này là công đức niệm Phật chúng ta thành tựu được. Tâm chúng ta phải thanh tịnh, phải thiện lương, thì ánh sáng và sắc hoa mới đẹp. Không nên hoài nghi, không thể tạp niệm, hoài nghi tạp niệm thì hoa này liền bị phá hoại. Do đó chúng ta thật sự lãnh hội được những gì trong kinh điển dạy, phát bồ đề tâm một lòng niệm Phật. Tâm bồ đề là chân tâm.

Mười mấy năm nay, cũng khoảng hơn hai mươi năm, khi tôi ở Mỹ đã đề xuất ra, nói với mọi người về tâm bồ đề, tôi dùng đề kinh Vô Lượng Thọ. Thể của tâm bồ đề là chân thành, tâm chân thành là thể của bồ đề tâm. Chúng ta cần phải dùng chân tâm, dùng thành ý để xử sự đối nhân tiếp vật. Không nên sợ người khác lừa gạt mình, người khác giả dối với mình, cứ dùng thành tâm đối với họ. Vì sao vậy? Tôi muốn đến thế giới Cực Lạc. Người khác giả dối với tôi, tôi cũng giả dối để đối phó họ, như vậy thì không thể đến thế giới Cực Lạc được. Nếu giả dối thì sao? Thì lẩn lộn trong luân hồi lục đạo. Đừng làm, không nên làm những điều

này! Đừng sợ người khác lừa gạt, đừng sợ thiệt thòi, cũng đừng sợ mắc mưu người khác, không sợ gì cả, chỉ nên dùng chân tâm đối đãi với người, dùng tâm chân thành đối đãi với người. Tâm chân thành đối với chính mình, đây là tự thọ dụng, đối với người khác là tha thọ dụng. Tâm bồ đề có thể có dụng. Đối với mình, thanh tịnh bình đẳng giác đối với mình. Điều này trong kinh điển gọi là thâm tâm. Thâm tâm là thanh tịnh bình đẳng giác của chính mình. Đối với người thì đại từ đại bi. Nên tôi dùng chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi. Đây chính là tâm bồ đề.

Trong cuộc sống hằng ngày, khởi tâm động niệm phải dùng tâm này chăng? Nếu là tâm này, thì thật sự ta đang trú trên tâm bồ đề, đúng là đang phát tâm bồ đề. Niệm trong thời khoá không tính. Tụng xong thời kinh là quên ngay, đây là tâm hư nguy đối với người, như vậy là sai! Trong khoá tụng không có hiệu quả, chẳng những không hiệu quả, quý vị thử suy nghĩ kỹ xem đây có phải là đối Phật chăng? Tụng kinh sáng gạt ngài một lần, tụng kinh tối lại gạt ngài lần nữa. Quý vị thử nghĩ, tội mình nặng bao nhiêu! Sao lại có thể gạt Phật? Phật không ở trước mặt, chúng ta cúng chỉ là bài vị, cúng chỉ là tượng Phật, nên chúng ta lừa gạt ngài. Tâm như vật thật quá bất thiện. Nên nhất định phải đem tâm bồ đề thực hiện trong cuộc sống hằng ngày.

Bây giờ tôi khuyên chư vị đồng học, đem tâm đối thành Phật A Di Đà, Phật A Di Đà chính là thanh tịnh bình đẳng giác. Khi tôi dùng thanh tịnh bình đẳng giác để đối nhân tiếp vật, đây chính là tâm Phật A Di Đà, không khác gì Phật A Di Đà. Phật A Di Đà đích thực là chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi. Tôi cũng dùng tâm này, bao gồm người ác ý huỷ báng tôi, sỉ nhục tôi, hãm hại tôi, tôi đều dùng tâm này đối với họ. Như vậy là đúng, chúng ta không có chút sai lầm nào. Chúng ta đều biết dùng tâm luân hồi thì tạo nghiệp luân hồi, như vậy cần phải chịu khổ. Chúng ta đến thế giới Cực Lạc, mỗi niệm ta không quên người có duyên. Thiện duyên là có duyên, ác duyên cũng là có duyên, bất luận thiện hay ác đều là người có duyên. Người có duyên sẽ có cảm ứng đạo giao với chúng ta. Họ gặp khó khăn và có nhu cầu giúp đỡ, ta đều biết hết. Họ có cảm ta liền có ứng, như vậy là đúng!

“*Hựu Tiên Chú viết*”. Tiên Chú về kinh Vô Lượng Thọ của cư sĩ Đinh Phước Bảo. “*Tây phương chi liên, hữu thanh hoàng xích bạch tứ chủng. Hựu tùy vị phu, khai, lạc chi tam thời nhi dị danh*”.

Thứ nhất là hoa chưa khai, người niệm Phật chưa vãng sanh. Nụ hoa sen chưa nở. Thứ hai là hoa nở. Hoa nở chính là người vãng sanh, hoa nở thấy Phật. Thứ ba là hoa tàn. Hình như không có khi nào rụng, hoa không có khi nào rụng. Quý vị ở trong hoa sen, cũng trú trong hoa sen, cung điện lầu quán của chúng ta cũng trong hoa sen. Như vậy hoa sen làm sao tàn được? Không phải tàn, mà nó bay theo gió vào không trung. Chúng ta muốn đến đâu, thì hoa sen liền bay đến đó. Muốn ở trên mặt đất thì hoa sen liền đậu xuống mặt đất. Muốn ở trong ao bầy bấu thì hoa sen ở trong hồ. Muốn ở không trung, thì hoa sen ở trên không trung. Đồng nghĩa với hoa sen là chỗ ở phòng nhà của chúng ta, nó tượng trưng cho sự không nhiễm chút bụi trần nào. Hoa sen mọc lên từ bùn mà không nhiễm mùi bùn. Bùn tượng trưng cho lục đạo. Trên mặt bùn là dòng nước trong xanh. Nước trong xanh này tượng trưng tứ thánh pháp giới Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, Phật. Hoa nở trên mặt nước là nhất chân pháp giới. Nên bùn và nước là tượng trưng cho việc đã vượt trên mười pháp giới. Chúng ta thường nghĩ đến hoa sen, chẳng những lục đạo không nhiễm ô, không tiêm nhiễm, mà tứ thánh pháp giới cũng không ô nhiễm. Tứ thánh là tịnh độ, lục đạo là uế độ. Tịnh hay uế đều không nhiễm, chính là vào nhất chân pháp giới. Tứ thánh pháp giới trong mười pháp giới là tịnh độ, lục đạo phàm phu là uế độ. Tứ thánh hay phàm phu lục đạo đều bất nhiễm. Đây là thật sự vượt ra ngoài mười pháp giới.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 367

Chuyên ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 08.04.2011

Địa điểm: Tịnh Tông Học Viện _Úc Châu

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 438, hàng thứ sáu, câu cuối cùng. Bắt đầu xem từ câu *Hựu Tiên Chú viết*.

“Tây phương chi liên, hữu thanh hoàng xích bạch tứ chủng. Hựu tùy vị phu khai, lạc chi tam thời nhi dị danh. Phân đà lợi vi bạch liên hoa chi chánh khai phu giả”. Hoa phân đà lợi này đã nở, không phải chưa nở. *“Hựu thử hoa tối đại, hoa biện số bách, nhất danh bách điệp hoa. Diệu Pháp Liên Hoa Kinh chi liên hoa, tức thử bạch liên hoa, bách điệp chi phân đà lợi hoa dã”*.

Đoạn này ở trước chúng ta đã nói qua. Đức Phật dùng hoa sen để biểu tượng, hy vọng tâm người như hoa sen vậy. Nói về nhân quả đồng thời trong thực vật, thì hoa sen hiển thị điều này rõ ràng nhất. Khi chưa nở, trong nụ hoa đã có hạt, khi hoa nở thì hạt đã chín muồi, hoa là nhân, hạt là quả, nhân quả đồng thời. Nó không như các loại thực vật khác, nó nở hoa trước rồi sau đó mới kết quả, nhân quả không đồng thời. Hoa sen khiến chúng ta lãnh hội được điều này rất rõ ràng, trong nhân có quả, trong quả có nhân, nhân quả đồng thời, nhân quả không hai. Đây là chân tướng sự thật. Chúng sanh khởi tâm động niệm, khởi một thiện niệm là nhân, thì thiện quả thực sự sẽ hiển lộ, mà chúng ta không biết.

Trong điển tịch của cổ nhân có ghi chép, người thiện này mới động niệm, hành vi thiện còn chưa thành tựu, thì quả báo đã là cõi trời. Cung điện trên trời hầu như đã làm xong để chờ họ. Nhưng nhân gian không biết, chính họ cũng không biết.

Cùng một đạo lý này, quý vị động một ác niệm, thì địa ngục đã hình thành sẵn chờ quý vị, nhưng quý vị không hề biết. Đợi sau khi mạng chung liền đến thẳng địa ngục, đích thực là nhân quả đồng thời. Đức Phật dùng hoa sen để tượng trưng, ý nghĩa vô cùng sâu xa. Cũng là để cảnh tỉnh chúng ta, từng giờ từng phút phải biết khởi tâm động niệm chính là nhân, huống gì là ngôn ngữ tạo tác, thì nhân đó liền viên mãn.

Chúng ta đạt được rất nhiều thông tin về địa ngục. Địa ngục vô lượng vô biên không sao đếm hết. Làm gì có nhiều đến thế? Có. Một ý niệm ác chính là một địa ngục. Một niệm thiện chính là một thiên đường. Đối với đạo lý này hiện nay chúng ta đã có thể chấp nhận.

Trong Hoàn Nguyên Quán nói rất rõ ràng là “xuất sanh vô tận”. Từng niệm sanh ra thì từng niệm diệt tận. Trong hội Lăng Nghiêm Đức Phật nói: “đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận.” Thực sự là ngay tại đây, nhân quả ngay tại đây, báo ứng ngay tại đây. Chúng ta thấy thế giới này muôn hình muôn vẻ, đó chính là tướng tượng tực của mỗi niệm. Ý niệm chám dứt thì quả liền diệt. Niệm là nhân đã chám dứt thì quả cũng không còn. Nên các bậc cổ nhân thường nói: “không sợ niệm khởi chỉ sợ giác chậm.” Con người nhất định không thể mê hoặc. Mê hoặc, mỗi niệm là ác, đang tạo nghiệp địa ngục. Nếu niệm niệm là giác mà không mê, nhất định nghiệp mình tạo là thiện, quả báo chính là thiên đường. Người học Phật mỗi niệm đều tạo quả báo thế giới Cực Lạc. Hoa sen tượng trưng cho ý nghĩa thậm thâm này.

Chúng ta tiếp tục xem tiếp đoạn dưới. *“Hựu thử hoa đa xuất ư A nậu đạt trì, nhân gian vô hữu. Cố xưng vi nhân trung hảo hoa, hy hữu hoa đặng”*.

Đây là xưng tán nó. Ao A nậu đạt ở đâu? Tại trên đỉnh Hy Mã Lạp Sơn. Chúng ta gọi nó là thiên trì. Nơi cao như vậy có ao, bên cạnh ao có loại hoa này, rất hy hữu. Các nơi khác không cách nào trồng được. Chỉ có nơi cao nguyên như vậy, trong hoàn cảnh khí hậu đó nó mới có thể sanh trưởng. Hoa sen chỉ giới thiệu đơn giản đến đây thôi.

“Hựu tạp sắc quang mậu, tạp giả, hoà dã, hợp dã, chúng dã, tạp dã”. Có rất nhiều ý nghĩa. *“Cố viết tạp sắc”*. Tạp sắc tượng trưng cho điều gì? Tượng trưng cho điều hoà, tượng trưng cho hợp tác. Nên Đức Phật áp dụng. Tiếng phạn gọi là cà sa. Trên thân chúng tôi đang mang đây là cà sa. Cà sa có nghĩa là gì? Là tạp sắc. Nó không phải một loại màu sắc. Năm sắc đỏ, vàng, lam, trắng, đen hỗn hợp nhuộm thành màu sắc này nên gọi là tạp sắc.

Trong nhà Phật ngày xưa là khát thực. Bát cơm này không phải một nhà cúng dường, mỗi nhà cúng dường một ít, bảy nhà hợp thành một bát cơm cũng gọi là cà sa, vì nó là hỗn tạp. Cơm không giống nhau, thức ăn cũng không giống nhau,

tất cả đều trộn chung một chỗ. Nên ý nghĩa cả sa chính là rất nhiều loại tập hợp lại một chỗ. Vì thế nó có nghĩa là chúng tập hoà hợp. Đức Phật áp dụng điều này để tượng trưng cho sự bình đẳng, không có tâm thiên vị, không có tà niệm. Bình hoà trung chánh, ngài áp dụng ý nghĩa này. Bát cơm này chúng ta cần phải hiểu ý nghĩa của nó. Chúng ta mang lên mình tấm y này cũng phải hiểu ý nghĩa của nó. Từng ô từng ô trên y tượng trưng cho điều gì? Khác chủng tộc, khác bộ lạc, khác văn hoá nhưng tất cả đều hợp lại một chỗ, bao vây trên thân của ta.

Mở ra xem kỹ từng ô này, dài ngắn như nhau, nhưng sắp xếp thứ tự là xen nhau. Xen nhau có nghĩa là gì? Trùng trùng vô tận. Quý vị muốn tìm không ra cái nào tề chỉnh. Nó cứ từng ô từng ô kéo dài xuống dưới, nó tượng trưng cho ý nghĩa vô cùng vô tận. Cho nên trong Phật pháp, mặc áo ăn cơm, tất cả dụng cụ đều là tượng trưng, là tượng trưng cho tự tánh viên minh cụ đức, trong kinh thường dùng bốn chữ này. Viên là viên mãn, minh là quang minh. Quang minh tượng trưng giác ngộ, giác ngộ, thấu triệt. Trùng trùng vô tận. Tánh không cùng tận, tướng cũng không cùng tận, dụng cũng như vậy.

Thông đạt thấu triệt chính là Phật, là Bồ Tát. Mê hoặc là không sáng suốt, đó gọi là phàm phu. Phật Bồ Tát và phàm phu không có sai biệt, bình đẳng nhất như. Chỉ có giác và mê là không tương đồng, ngoài giác và mê ra, không có điều gì là không bình đẳng.

“Cố tạp sắc, chỉ chúng sắc hoà hợp dã”. Hiểu được ý của nó là tốt. *“Quang mậu giả”*. Quang là quang minh, mậu là tươi tốt. *“Minh thanh dã. Tiểu bản viết, trì trung liên hoa, đại như xa luân. Thanh sắc thanh quang, huỳnh sắc huỳnh quang, xích sắc xích quang, bạch sắc bạch quang. Diệc hiển tạp sắc quang mậu dã”*.

Ở đây đại bản, tiểu bản đều nói đến. Điều này rất quan trọng. Quan trọng nhất là có thể lãnh hội được sự tượng trưng thù thắng của nó. Thông đạt thấu triệt tượng trưng cho nghĩa thú, mới thật sự gọi là viên minh cụ đức. Quý vị đã thật sự lãnh hội được.

“Di giả, mãn dã. Liên hoa biến mãn bảo trì, phú ẩm thủy diện, cố viết di phú thủy thượng”. Hiện thị người niệm Phật trong mười phương thế giới rất nhiều, vì hoa sen không phải do con người trồng. Vậy hoa sen từ đâu mà có? Mười phương thế giới có một người, nghe được danh hiệu Phật Di Đà, nghe được kinh Vô Lượng

Thọ, hoặc là kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, tiêu bản kinh Di Đà. “*Tâm hưởng vãng chi*”. Trong tâm muốn vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc, muốn thân cận Phật A Di Đà, thì trong ao báu liền mọc một đoá hoa sen. Đoá hoa này chưa nở. Tâm cầu vãng sanh của họ càng khẩn thiết_tin thật nguyện thiết, niệm Phật niệm thành khẩn tinh cần, thì hoa này sẽ lớn dần lên từng ngày. Cho nên hoa sen này lớn nhỏ không giống nhau, màu sắc cũng không giống nhau. Nếu người niệm Phật này thoái tâm, muốn học pháp môn khác, thì hoa này liền bị khô héo, nên hoa này có tàn. Sao lại bị tàn? Vì người này thoái tâm, không muốn đến đó nữa, vì thế nên hoa tàn. Đây là ở thế giới Cực Lạc, chỉ có hoa sen trong ao bảy báu là thấy có sanh có diệt, ngoài ra tất cả vạn vật không thấy sự sanh diệt, không có tướng sanh diệt.

Vì hoa sen là tâm niệm của chúng sanh trong mười phương thế giới, không phải tâm niệm của Phật A Di Đà. Phật A Di Đà chỉ cung cấp ao bảy báu. Hoa sen là ý niệm của mỗi chúng sanh, ý niệm thành tựu. Trong kinh nói rất rõ ràng: Trên hoa sen còn có tên của mình, tuyệt đối không nhầm lẫn, dù cùng tên cùng họ cũng sẽ không nhầm lẫn. Nhất định phù hợp, sẽ không nhầm lẫn. Người trong mười phương thế giới vãng sanh tây phương tịnh độ nhiều vô số, từng giây từng phút đều không gián đoạn. Mời xem đoạn kinh văn tiếp theo.

“*Nhược bỉ chúng sanh*”. Bỉ là thế giới Cực Lạc. “*Quá dục thử thủy*”. Ao bảy báu có thể bơi lội, có thể ở trong đó tắm rửa. “*Dục chí túc giả*”, đây là nói nước tám công đức. Tôi chỉ muốn nước ở ngang chân tôi, thì nước chỉ lên đến đó. “*Dục chí tất giả*”, muốn nước đến đầu gối, nó liền đến đầu gối. “*Dục chí yêu dịch*”, muốn đến ngang hông thì nó đến ngang hông. “*Dục chí cảnh giả*”, muốn đến ngang cổ thì nó đến ngang cổ. Nước này rất nghe lời. “*Hoặc dục quán thân*”, nước từ trên không trung xối xuống, hiện nay chúng ta gọi là tắm mưa, nước đích thực từ trên cao rưới xuống thân. Đây là hoàn toàn nói về hình dáng.

Bên dưới nói về nhiệt độ. “*Hoặc dục lãnh giả, ôn giả, cấp lưu giả, hoãn lưu giả. Kỳ thủy nhất nhất, tùy chúng sanh ý, khai thân duyệt thể, tịnh nhược vô hình*”.

Đây chính là công đức chân thật. Tắm rửa ngay trong ao nước này. “Khai thần” là tinh thần sáng khoái. “Duyệt thể” là thân thể nhẹ nhàng, chúng ta nói là an vui không gì sánh được.

“*Bảo sa ánh triệt, vô thâm bất chiếu*”. Đáy hồ là cát vàng. Dù ao rất sâu vẫn thấy đáy một cách rõ ràng, chứng tỏ nước rất sạch, rất thanh khiết, không hề có chút ô nhiễm. Dù cho có nhiều chúng sanh tắm rửa trong ao, nước vẫn không dơ bẩn, không có chút ô uế nào, chứng tỏ thân thể mỗi người ở thế giới tây phương Cực Lạc đều gọi là thân kim cang bất hoại. Thân thể thanh khiết, không hề bị cấu nhiễm, tắm trong ao thất bảo, ao thất bảo cũng không bị ô uế. Chúng ta xem chú giải của Hoàng Niệm Tổ.

“*Hựu hiển thủy cụ diệu dụng, thiện như nhân ý*”. Ở đây quan trọng nhất là chữ “thiện”. Như ý người là rất khó được. Thiện như nhân ý, là như ý muốn của mỗi người. Điều này thật không thể nghĩ bàn. Chúng ta ở trong ao nước này, hy vọng nước mát một chút thì nó liền mát, quý vị ở cùng với tôi, nhưng quý vị hy vọng nước nóng hơn một chút, thì liền cảm thấy nước nóng, còn tôi thì cảm thấy mát. Cùng trong một ao nước, nhưng có thể tùy ý tất cả chúng sanh. Như vậy mới tuyệt diệu! Đây là diệu dụng, hiểu được ý người khác.

“*Quá dục thử thủy giả. Hội Sớ viết, bỉ độ nhân thiên phi thủy xác thân*”. Như thế nào gọi là “thủy xác thân”? Con người ở thế gian của chúng ta, thân gọi là thủy xác thân. Mọi người đều biết, cơ thể của con người 70 phần trăm là nước. Nuôi thân thể này, dùng gạo, lương thực để nuôi thân thể này, nếu thiếu gạo, thiếu nước thì thọ mạng này không thể duy trì. Thế giới Cực Lạc không cần, con người ở đó hoàn toàn không giống với thể chất của chúng ta. Họ là thân kim cang bất hoại, không cần ẩm thực. Trong kinh nói đến ẩm thực nghĩa là sao? Là tập khí. Người mới đến thế giới Cực Lạc chưa bao lâu, thường nghĩ sao lâu như vậy mà chưa ăn cơm? Ý niệm vừa khởi thì cơm và thức ăn hiện ra trước mắt. Có ăn chẳng? Không ăn. Ngay khi đó nghĩ tôi bây giờ không cần nữa, vật của thế giới Ta Bà này tôi không cần, lập tức liền không có. Không thấy nữa, tất cả đều do biến hoá làm ra. Nên người ở thế giới Cực Lạc thanh tịnh thành tựu.

Có cần tắm rửa chẳng? Không cần. Vì sao vẫn phải xuống nước? Trong nước đó, hai câu sau đã nói ra điều này. “*Tùy ý thọ lạc, đặng trừ tâm cấu*”. Nó có ưu

điểm như vậy. Tắm trong nước này đó là hưởng thụ. Nó có thể rửa sạch tập khí phiền não thù vô thi kiếp của chúng ta, vì thể thân tâm nhẹ nhàng thoải mái. Hay nói cách khác, người ở thế giới Cực Lạc ngâm mình trong ao bảy báu để làm gì? Để đoạn phiền não, khai trí huệ. Nó có công đức thù thắng như vậy. Hoàng Niệm Tổ giải thích ý của đoạn Hội Sớ này. Ý nói rằng, nhân và thiên ở quốc độ này đều do hoa sen hoá sanh, không cần ăn uống để duy trì thân mạng, họ không cần, hoàn toàn không như chúng ta. “*Bôn lai thanh tịnh, hà tu tẩy dục?*” Họ không cần tắm rửa. “*Cái tùy ý lạc nhi dục, vi trừ tâm cấu nhĩ*”. Vì đoạn tập khí phiền não. “*Tâm cấu tiêu trừ*”, tập khí phiền não đã đoạn. “*Tự nhiên thân khai thể thích*”. Tinh thần rất tốt, thân thể nhẹ nhàng thoải mái.

Nên đoạn kinh văn sau tiếp tục “*khai thân duyệt thể. Thử công đức thủy chi diệu dụng, thật bất khả tư nghì*”. Diệu dụng chân thật của nước tắm công đức này thật không thể nghĩ bàn. Vị trí trên dưới, nhiệt độ cao hay thấp, nước chảy nhanh hay chậm, tất cả đều tùy theo ý của chúng sanh. Điều này khoa học hiện đại không làm được, nhưng thế giới tây phương Cực Lạc hoàn toàn hiện thực. Nếu như có người muốn nước này đến ngang chân, hoặc đến ngang eo, đến cổ hay tắm toàn thân. Cùng trong một ao nước nhưng tùy theo ý niệm của mỗi người mà nước lên xuống tự tại. Thậm chí nước từ trên hư không xối xuống, nước dâng lên hư không rồi từ trên đó xối xuống, xối xuống để tắm, đây là thế giới Cực Lạc. Bên dưới nói “*Nhân gian chi thủy, kỳ tánh hướng hạ*”. Ở nhân gian chúng ta nước chỉ chảy xuôi dòng, còn nước ở thế giới Cực Lạc, lên xuống vô ngại, có thể chảy xuống, cũng có thể chảy lên.

“*Cánh hữu tiến giả*”, càng tiến thêm một bước, có nhiều người cùng tắm trong một ao nước, nhưng tùy theo ý thích mỗi người mà nước có sự khác biệt. Như nước cao hay thấp, ấm hay mát, chảy nhanh hay chậm. Nước này có thể hiểu được ý của chúng sanh nên tất cả đều tùy theo ý của họ. Điều này ở trước chúng ta đã nói đến. Đức Phật nói tất cả pháp đều tùy tâm tâm tướng của chúng sanh mà sanh ra, không sai. Ở thế giới Cực Lạc, đối với câu nói này của Phật không làm cho chúng ta sanh tâm nghi hoặc, nó hoàn toàn ứng nghiệm. Cùng ở một lúc một

nơi, nhưng tùy theo sở nguyện của mỗi người mà hiện ra như thế. Đúng là “chế tâm nhất xứ, vô sự bất biện.” Đây là ở thế giới Cực Lạc.

“*Đương tư thử thủy, thị hà đẳng chi thủy. Như tư cảnh giới, thị hà đẳng cảnh giới*”. Hoàng Niệm Tổ đưa ra hai câu này là để chúng ta suy nghĩ tận tường. Đây là cảnh giới gì? Và đây là nước gì? Ở thế giới Cực Lạc có thể làm được, vì sao ở thế gian chúng ta không thể được? Về lý mà nói, thế giới Cực Lạc có thể làm được, thì mọi lúc mọi nơi trong biến pháp giới hư không giới đều phải làm được. Vì sao vậy? Vì pháp tánh bình đẳng, pháp tướng bình đẳng và tác dụng cũng bình đẳng. Như vậy thì sao có chuyện không làm được? Nhưng vì sao làm không được? Chính là do chúng ta đã mê thất tự tánh. Vấn đề chính là ở đây. Chúng ta đích thực là mê mà không giác, cho nên tất cả các khổ nạn đều từ đây mà sanh ra.

Mê thất tự tánh nên tư tưởng sai lầm, kiến giải sai lầm, và ngôn ngữ tạo tác lại càng sai hơn. Mê nên gọi là tạo nghiệp. Nghiệp có tịnh có nhiễm. Tịnh nghiệp thì sanh tịnh độ, tịnh độ của Chư Phật Như Lai, là tứ thánh pháp giới trong mười pháp giới, đây gọi là tịnh độ. Nhiễm độ _ nhiễm ô, là luân hồi lục đạo. Lục đạo thêm tứ thánh gọi là mười pháp giới. Trong lục đạo, thiện tâm thì sanh vào ba đường lành, ác niệm liền sanh vào ba đường ác. Đích thực ý niệm vừa khởi thì quả báo đã hình thành. Đức Phật nói không sai chút nào!

Quý vị muốn hỏi, sao đức Phật biết? Đức Phật tận mắt thấy được, chứ không phải suy đoán, cũng không phải tưởng tượng. Ngài thấy được khi ở trong thiên định. Thiên định không có không gian duy thứ. Quá khứ, hiện tại, vị lai đều thấy rõ. Do đó chúng ta biết tu hành là tu điều gì? Tu tâm! Hàng thượng thượng căn họ tu khi đang khởi tâm động niệm. Làm sao có thể khiến tâm mình khôi phục về chân thường_ thường trú chân tâm. Chân thường là gì? Chân thường là khi lục căn tiếp xúc với cảnh giới lục trần mà không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước. Đây chính là tâm Phật, tâm của quả vị diệu giác. Nếu chúng ta hiểu được để tu ngay ở đây, niệm Phật cầu sanh tịnh độ được sanh vào cõi thật báo trang nghiêm, chứ không phải cõi đồng cư, cũng không phải cõi phương tiện, thành Phật cũng rất nhanh! Đây là hàng thượng thượng căn. Thượng trung căn không làm được như vậy. Khi lục căn tiếp xúc với cảnh giới lục trần, họ tu không phân biệt, không chấp trước, tu hai lĩnh vực này. Đức Phật

thường dùng bốn chữ để tượng trưng là y chánh trang nghiêm. Nghịch cảnh thuận cảnh, thiện duyên ác duyên. Duyên là người, việc và hoàn cảnh. Người thiện hay ác đều dùng tâm thanh tịnh để nhìn họ, dùng tâm bình đẳng để đối đãi họ. Đây là Bồ Tát, mới thật là thiện nhân. Biết được giữa vũ trụ không có nhiễm tịnh, không có thiện ác, chúng ta liền trở về với thanh bình. Thanh là thanh tịnh, bình là bình đẳng. Tâm niệm Phật như thế được vãng sanh về cõi phương tiện hữu dư của thế giới Cực Lạc. Trong cuộc sống hằng ngày nên nuôi dưỡng thói quen tốt này, đây gọi là tu định. Tâm tuyệt đối không dao động theo cảnh giới bên ngoài, luôn giữ tâm thanh tịnh bình đẳng cho chính mình. Như vậy tánh đức tuy chưa hoàn toàn hiển lộ, những cũng có thể hiện ra một nửa, nên nhất định không đoạ vào trong lục đạo, không vào ba đường ác, sẽ không bị đoạ vào trong lục đạo. Nghĩa là không còn trở lại trong ác đạo. Niệm Phật sanh vào cõi phương tiện hữu dư ở thế giới tây phương Cực Lạc. Nên cần phải biết tu. Tu hành chơn chánh thì ở thế gian này, chỉ cần ta chế tâm một chỗ thì mọi việc sau đó không có gì không làm được. Liễu sanh tử, ra khỏi tam giới cũng không có gì là hy hữu, là chuyện thường gặp. Đây là thật không phải giả.

Thời nay chúng sanh khó độ. Độ có nghĩa là gì? Chúng ta dùng cách nói hiện nay chính là giúp đỡ, hiệp trợ. Chúng sanh hiện nay rất khó giúp họ, vì sao vậy? Vì họ không chấp nhận, không tin tưởng. Như vậy thì không còn cách nào khác. Họ tiếp nhận hoặc là tin tưởng mới có thể giúp được. Nên nói độ được người nào hay người đó. Không nên nghĩ rằng tôi đi giúp người khác, vì sao vậy? Vì chính mình chưa thành tựu, tự mình chưa thành tựu làm sao thành tựu người khác được!

Trong kinh Đức Phật nói rất hay. Tự mình chưa thành tựu mà muốn giúp người khác thành tựu, không có điều này, không có lý đó. Nhất định phải tự độ, sau đó mới thật có thể độ người.

Như vậy đứng trước thiên tai. Mạng internet, truyền thông, lời dự báo, các nhà khoa học đều cho chúng ta biết rất nhiều thông tin, chúng ta đôi phó không xuê. Đừng coi trọng những lời dự báo, mà hãy coi trọng điều gì? Coi trọng phương pháp đối phó của họ, nghĩa là họ dùng phương pháp gì để đối phó những thiên tai này. Chúng ta thấy rất nhiều, đại đa số đều chủ trương giống như Bồ Lai Đẳng người Mỹ nói đoạn ác tu thiện, cải tà quy chánh, đoạn chánh tâm niệm.

Trong Phật pháp đều dạy chúng ta niệm Phật, niệm Phật A Di Đà cầu sanh tịnh độ. Nếu tin thật nguyện thiết, nhất tâm nhất ý niệm Phật cầu sanh tịnh độ, thì tất cả thiên tai đều hoá giải hết.

Nếu chúng ta có cộng nghiệp với thiên tai này. Thiên tai giáng xuống thân mình, sẽ nhìn thấy Phật A Di Đà ở trên không trung tiếp dẫn mình đến thế giới Cực Lạc. Nguyện vọng bức thiết hằng ngày nay thật sự đã ứng nghiệm. Không vui sao? Tâm sanh đại hoan hỷ. Cuối cùng cũng thoát ly được luân hồi sanh tử. Từ vô lượng kiếp đến nay không có cách nào thoát ly, lúc này được thoát ly thật là chuyện vui lớn! Nếu như thọ mạng vẫn còn thì tự nhiên được bình an vượt qua thiên tai. Sống trên thế gian này, nhất định có sứ mạng và nhiệm vụ cho chúng ta. Chúng ta cần phải giúp chúng sanh quay đầu là bờ. Sau khi thiên tai đi qua, chúng sanh đều là thiện nhân, họ đều tin, đều có thể tin, có thể hiểu và có thể hành trì, tất cả đều là người tốt. Cho nên khi thiên tai đến chúng ta lưu lại là việc tốt, vãng sanh lại là việc tốt hơn. Như vậy chúng ta có cần biết về thiên tai chăng? Không cần thiết. Có người nói thì gật gật đầu, tôi biết rồi. Thật tâm niệm Phật cầu sanh tịnh độ, thì vấn đề này đã được giải quyết.

Tâm phải định, không cần biết quá nhiều. Biết nhiều chính là chướng ngại. Biết ít chuyện thì phiền não cũng ít, quen nhiều người thì thị phi cũng nhiều. Không nên quen quá nhiều người, cũng không nên biết quá nhiều chuyện, không cần thiết. Thật tâm niệm Phật, mỗi ngày nghe kinh niệm Phật an lạc biết bao. Như vậy là đúng.

Hoàng Niệm Tổ đưa ra hai vấn đề. Nước ở đây là gì? Cảnh giới này là gì? Bên dưới dẫn hai câu kệ trong kinh Pháp Hoa. Trong kinh Pháp Hoa nói: “thôi thôi chẳng nên nói, pháp của ta vi diệu thật khó nghĩ bàn.” Hoàng Niệm Tổ đưa ra đáp án cho hai nghi vấn này. Rất tuyệt diệu! Hai câu này trong kinh Pháp Hoa. “*Thử chánh thị nan tư chi diệu pháp*”, giống như những gì trong kinh Pháp Hoa nói. “Nan tư” nghĩa là không thể nghĩ bàn.

Bên dưới “tư ư”. Tư nghĩa là hiện nay không cần phải miễn cưỡng nói ý của nó. Đức Phật Di Đà khi còn ở nơi nhân địa, ngài trú trong huệ chân thật, Ngài khai hoá hiển thị chân thật rất ráo cõi tịnh độ trang nghiêm. Đây là ý nghĩa tinh tuý của kinh Vô Lượng Thọ. Miễn cưỡng nói về chân thật rất ráo này, tức thực tế

lý thể. Vẫn là không dễ hiểu, câu sau dễ hiểu hơn. “*Đương nhơn tự tâm*”. Thực tế lý thể là gì? Chính là chân tâm của mỗi chúng ta, không phải vọng tâm, mà là chân tâm, mỗi chúng ta ai ai cũng có! Chỉ là hiện tại chúng ta đang mê. Khi mê dùng tâm gì? Dùng vọng tâm. Phiền phức của chúng ta là ở chỗ này.

Biết dùng chân tâm, trong Phật pháp đại thừa gọi họ là pháp thân Bồ Tát. Dùng vọng tâm thì là phàm phu. Chư vị nên biết, lục đạo là phàm phu, trong cõi tứ thánh pháp giới - Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, Phật cũng gọi là phàm phu. Trong kinh đại thừa đều phân biệt rất rõ ràng. Lục đạo gọi là nội phàm, phàm phu trong lục đạo. Tứ thánh pháp giới là ngoại phàm, phàm phu bên ngoài lục đạo. Vì sao vậy? Vì họ dùng là vọng tâm, chứ không phải dùng chân tâm. Vọng tâm chính là A lại da, mười pháp giới đều dùng A lại da. Nếu không dùng A lại da là vượt ra khỏi mười pháp giới, đó chính là pháp thân Bồ Tát. Họ không dùng A lại da, họ dùng chân tâm.

Chân tâm nghĩa là chân thật rốt ráo, là lý và thể thực tế. Thế nào gọi là chân? Không mang theo vọng chính là chân. Cái gì là vọng? Khởi tâm động niệm là vọng, phân biệt chấp trước là vọng. Nói thô hơn một chút thì tự tư tự lợi là vọng, thị phi nhân ngã là vọng, danh văn lợi dưỡng là vọng, thất tình ngũ dục là vọng, ngũ dục lục trần là vọng. Chúng ta suốt tháng suốt năm đều dùng vọng tâm, chứ không biết chân tâm.

Chân tâm là gì? Chính là tâm bồ đề. Chúng tôi quy nạp nó thành mười chữ, rất dễ nhớ. Chân thành là chân tâm, thanh tịnh là chân tâm, bình đẳng là chân tâm, chánh giác là chân tâm, từ bi là chân tâm. Chúng ta khởi tâm động niệm, nếu có thể tương ứng với mười chữ này, đó là đang dùng chân tâm, đang hành Bồ Tát đạo. Chúng ta đi con đường này là con đường thành Phật, là con đường chính đáng! Nếu chúng ta còn phân biệt chấp trước, còn tự tư tự lợi, còn tật đố phiền não. Như vậy là sai, không phải hành Bồ Tát đạo, mà chúng ta đi con đường nào? Đi vào ba đường ác. Chúng ta nghĩ đến chính mình, đồng thời cũng nghĩ đến người khác. Nghĩ đến người khác nhưng vẫn không quên chính mình, đây là đường nhân thiên. Không quên “ta”, đương nhơn là chính mình. Tất cả pháp là tự tâm của chính mình. Rời tự tâm của chính mình thì không có tất cả pháp.

“*Diệt tức thị nhất pháp cú, nhất thanh tịnh cú*”. Vãng Sanh Luận nói “*chân thật trí tuệ vô vi pháp thân*”. Đây chính là tự tâm của chính mình. “*Thử thủy tức thị chân thật chi tế, cố năng phổ môn thị hiện. Quảng mãn chúng nguyện, nhất nhất huệ dĩ chân thật chi lợi dã*”. Phải là người giác ngộ mới được lợi ích này. Thế gian này của chúng ta nước bị nhiễm ô, làn động đất này của Nhật Bản, không những nước biển bị nhiễm ô, mà không khí cũng bị nhiễm ô. Tuy không nghiêm trọng, nhưng đây chính là ông trời cảnh cáo loài người, có thể sau này còn có thiên tai nghiêm trọng hơn phát sanh, chúng ta cần phải chuẩn bị tâm lý. Chuẩn bị như thế nào? Nỗ lực niệm Phật để hoá giải thiên tai. Làm như thế có được chăng? Được. Đạo lý là gì? Cảnh tùy tâm chuyển. Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh ra. Tâm niệm chúng ta chuyển đổi, buông bỏ tự tư tự lợi. Mỗi niệm thường nghĩ đến hết thảy chúng sanh khổ nạn trên địa cầu. Ý niệm đã chuyển đổi cho nên chí công vô tư.

Người học đại thừa đều biết, biến pháp giới hư không giới với ta là một thể. Những điều phát ra là vô duyên đại từ, đồng thể đại bi. Như vậy thì quá tốt, đây chính là chân thật rốt ráo. Nó tương ứng với tự tánh, chân thật tương ứng với tự tánh, như vậy năng lượng sẽ rất lớn.

Những vật chất nhiễm độc nghiêm trọng, vừa tiếp xúc với chúng ta, thì trí huệ, thần thông, đạo lực của chúng ta sẽ làm cho nó được hồi phục trở lại bình thường, trở thành không mang độc bệnh. Bệnh độc này đến bên chúng ta liền bị hoá giải. Vì sao vậy? Độc bệnh từ đâu mà có? Độc bệnh từ tham sân si biến hiện ra. Chúng ta không có tham sân si, nên chúng ta có thể hóa giải, khiến cho nó được trở lại bình thường. Đạo lý chính là như vậy, chúng ta cần phải tin tưởng đạo lý này. Không tin nó không khởi tác dụng, tin mới thật sự khởi tác dụng. Nên nước ở đây chính là rốt ráo chân thật. Chúng ta biết được câu này sẽ có năng lực, dùng năng lượng của chính mình để hoá giải nó. Cho nên thế giới Cực Lạc nó có thể phổ môn thị hiện. “Môn” là con đường vào cửa, nghĩa là phương pháp. “Phổ” là phổ biến, không có chướng ngại. Có thể hiện ra bất cứ điều gì, có thể là vừa lòng tất cả chúng sanh. Tất cả đều có thể ban cho lợi ích chân thật.

“*Hạ viết, thủy diễn diệu pháp, di hiển thử ý*”, ý này ngày càng rõ ràng hơn, chúng ta xem tiếp đoạn giảng giải ở sau. “*Khai thần, thần giả, minh dã. Hựu hữu*

tình chi tâm thức linh diệu bất khả tư nghị, cố viết thần thức, tục xưng vi linh hồn”. “Thần” nghĩa là thần thức, khai thân. Vãng sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc, Bồ Tát của cõi đồng cư, Bồ Tát của cõi phương tiện vẫn dùng thần thức. Thần thức là vọng tâm, vẫn dùng nó, chưa chuyển đổi. Sau khi chuyển đổi họ không còn ở cõi phương tiện hay đồng cư, họ không ở đây mà đến cõi thật báo. Cho nên thế giới Cực Lạc có cõi phàm thánh đồng cư, có cõi phương tiện hữu dư. Giống như thế giới chúng ta có mười pháp giới vậy.

Nhưng ưu điểm của họ là cho dù người ở cõi đồng cư hạ hạ phẩm vãng sanh, đều đạt được nguyện thứ 20 trong 48 nguyện gia trì. Nguyện thứ 20 nói đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát. Điều này thật không thể nghĩ bàn. Tuy là A Duy Việt Trí Bồ Tát, nhưng bản chất của họ chưa rời thần thức, vẫn chưa chuyển đổi, thực tế mà nói thì thật không thể nghĩ bàn. Nó là hiện tượng tự nhiên, cũng là hiện tượng tinh thần, nhưng không có hiện tượng vật chất. Hoàn toàn đột phá được chương ngại về vật chất.

Giống như thiên nhân sanh vào cõi tứ không thiên vậy, nhưng người ở trời tứ không mê mà không giác, còn các vị Bồ Tát này ở trong hai cõi phương tiện và đồng cư của thế giới Cực Lạc, họ là những chúng sanh giác mà không mê, hoàn toàn không giống với mười pháp giới trong mười phương thế giới. Họ không mê, vì sao không mê? Vì Phật A Di Đà ngày ngày dạy họ. Tuy chưa khai ngộ, phiền não chưa đoạn, nhưng người này ngày ngày ở cùng với Chư Phật Bồ Tát, chưa khai ngộ cũng như đã khai ngộ. Chúng ta đối với họ nhất định có cảm xúc này, hình như là đã khai ngộ. Thật ra họ chưa khai ngộ. Vì sao hình như khai ngộ? Họ nghe Phật giảng kinh nhiều, nên đã đem thân tâm mình tắm trong ánh hào quang của Phật, đều tắm trong trí huệ của Phật, nên xem ra họ phảng phất giống Phật. Huống gì ở thế giới Cực Lạc đều đạt được oai thần bốn nguyện của Phật A Di Đà gia trì, như vậy thì càng không cần phải nói. Không những mọi thứ giống, mà trí huệ cũng giống, thậm chí thần thông, đạo lực cũng giống, chẳng có gì là không giống. Mỗi ngày đều ngâm mình trong ao hoa sen, công lực nâng lên, ngày ngày đều được nâng lên.

“Hựu như Triệu Chú Duy Ma Kinh Tự viết, phu đạo chi cực giả. Khải khã dĩ hình ngôn quyền trí, nhi ngữ kỳ thần vức tai!” Câu này Hoàng Niệm Tổ có giải thích.

“Thị tắc dĩ chân chứng chi bất khả tư nghì cảnh giới, vị chi thần vức”. Quý vị thật sự chứng được cảnh giới không thể nghĩ bàn. Tìm không ra danh từ để hình dung nó, nên bắt đặc dĩ gọi là thần vức. “Thần” là không thể nghĩ bàn, “vức” chính là cảnh giới. Đây là nghĩa của chữ “thần” ở chỗ này.

“Hựu tự tại triệt kiến sự lý chi trí tuệ”. Gọi là thần trí, là trí huệ. Chúng ta không hề tác ý, mà tự nhiên nhìn thấy, chẳng những nhìn thấy, mà còn nhìn thấy một cách triệt để. Trí huệ của tất cả sự lý trong vũ trụ, tự tánh vốn đầy đủ. Trí huệ bất nhã hiện tiền, mới thấy được chân tướng của tất cả sự và lý! Trong kinh đại thừa nói thật tướng các pháp. Chúng ta đã hiểu đã minh bạch tướng chân thật của tất cả pháp, đây gọi là thần trí. “Cố tri khai thân”. Khai thân có nghĩa là gì? “Năng sử dục giả”, nghĩa là những người tắm rửa trong ao bảy báu. “Khai hiển thức tánh trung bốn hữu chi thần trí dã”. Nước tám công đức thật không thể nghĩ bàn! Thường ở trong đó tắm rửa có thể minh tâm kiến tánh, đạt triệt đại ngộ. Nó có ưu điểm như vậy, đó thật gọi là vô lượng công đức.

Nước có thể rửa sạch tập khí của kiến tư phiền não, trần sa phiền não, vô minh phiền não từ trong vô lượng kiếp. Tắm mình trong dòng nước này, dòng nước này có công năng như vậy, khiến chúng ta đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Đây gọi là khai thân.

“Hựu thủy cụ bát đức”, ở trước đã đọc qua. “Điều hoà thích ý, cố duyệt thể”. Có tám ưu điểm khi tắm trong ao nước này. Thân thể cảm thấy rất thoải mái. Duyệt là hoan hỷ. “Tịnh giả, thanh trừng vô cấu”, nước này rất thanh khiết. Trừng là bất động, thanh là bất nhiễm. Nước không có ô nhiễm, không có gợn sóng nên gọi là trừng thủy. Không có gợn sóng, có nghĩa là tịnh.

“Vô hình giả, biểu chi thanh dã. Dĩ thủy chí thanh, năng sử trì để bảo sa thanh triệt ánh hiện”. Nước trong sạch không có chút vẩn đục, giống như mặt gương, giống như lưu ly vậy. Trong xanh đến mức độ nào? Trong xanh đến nỗi không thấy được hình trạng của nước. Nhìn giống như không có gì cả, nước hoàn toàn trong suốt. Từ trên mặt nước nhìn xuống đáy ao, đáy ao là cát báu, cát báu phóng ánh sáng, nước trong ao cũng phóng ánh sáng, nên mới có ảnh hiện trong veo. Trong kinh nói là “bảo sa ánh triệt. Triệt chiếu chí để, cố viết vô thâm bất chiếu.

Tịnh nhược vô hình, thủy chi tướng dã”. Hoàn toàn xuyên suốt, giống như không có hình tướng của nước tồn tại.

“*Khai thân duyệt thể*” là đức dụng của nước. “*Tướng dụng câu diệu, thật nhân thủy chi bản thể diệu dã*”. Ý câu này rất thâm sâu. Bản thể là gì? Là chân như, là tự tánh. Bản thể của muôn sự muôn vật trong biến pháp giới hư không giới là một thể. Không có thể thì hiện tượng từ đâu mà có? Ngài Huệ Năng nói rất hay: “đâu ngờ tự tánh năng sanh vạn pháp”. Pháp giới hư không đều là tự tánh sanh, đều là tự tánh hiện. Tự tánh năng sanh năng hiện. Vì sao chỉ có thể giới Cực Lạc mới cảm nhận được? Vì sao thế gian chúng ta không thể cảm nhận được? Ở trước nói rất rõ, đại chúng ở thế giới Cực Lạc dùng chân tâm, thấy được chân tánh. Điều này trong kinh điển đại thừa Đức Phật nói rất rõ. Vọng tâm chỉ có thể duyên đến cảnh giới hư vọng, không duyên được chân thật. Chân thật là gì? Thể của tất cả hiện tượng là chân thật.

Tướng là huyền tướng, thể như như bất động. Tướng là một tần suất, xưa nay chưa hề dừng nghỉ. Bồ Tát Di Lạc nói, một khoảnh móng tay là 32 ức một trăm ngàn niêm. Niêm này chính là tần suất. Một giây nó chấn động bao nhiêu lần? 1600 triệu lần. Đây là cách nói thông thường. Bất luận là hiện tượng tinh thần hay hiện tượng vật chất, cho đến hiện tượng tự nhiên, tần suất một giây chấn động bao nhiêu lần? 1600 triệu lần. Nhưng thể của nó là bất động, thể vốn không dao động, xưa nay đều là bất động.

Chúng ta không dùng A lại da thì lập tức nhìn thấy thể. Thể -tướng -dụng đều thấy một cách rõ ràng minh bạch. Chúng ta không dùng chân tâm, dùng ý thức của A lại da, như vậy chỉ có thể thấy được A lại da, không thấy được tự tánh. Có thể thấy được tướng của A lại da, tác dụng của A lại da, còn thể của A lại da thì không thấy được. Những điều ở trước nói đều là tướng và dụng của A lại da. Vì sao có tác dụng thù thắng không thể nghĩ bàn như thế? Vì họ đã kiến tánh. Nên bản thể của nước chính là tự tánh. Chúng ta ở thế gian này minh tâm kiến tánh, thực tế mà nói thì hiện tượng này ở thế giới Cực Lạc, ở trên địa cầu cũng có thể nhìn thấy. Nghĩa là chúng ta cần phải buông bỏ tất cả vọng tưởng phân biệt chấp trước. Như vậy là có thể thấy.

Trong kinh Hoa Nghiêm nói, chúng được sơ trú Bồ Tát là phá một phẩm vô minh, thấy một phần pháp thân. Nên Phật pháp thật sự là khoa học, dạy chúng ta tự thân chứng. Chỉ nghe Phật nói không chưa đủ, phải tự mình chứng được. Chứng được mới hưởng được lợi ích, nếu không chứng được thì không hưởng được lợi ích. Chúng ta xem tiếp đoạn sau. Nước này càng diệu dụng, nó biết thuyết pháp.

“Thủy diễn pháp âm. Vi lan từ hồi, chuyển tướng quán chú, ba dương vô lượng, vi diệu âm thanh. Hoặc văn Phật pháp tăng thanh, ba la mật thanh, chỉ tức tịch tịnh thanh, vô sanh vô diệt thanh, thập lực vô úy thanh. Hoặc văn vô tánh vô tác vô ngã thanh, đại từ đại bi hỷ xả thanh, cam lộ quán đảnh thọ vị thanh”. Nước có thể diễn thuyết vô lượng diệu pháp. Ở đây Đức Phật giản lược đưa ra mấy ví dụ.

Chúng ta xem chú giải. *“Hữu đoạn”*, đoạn kinh văn bên trái. *“Minh bốn phẩm chi nhị”*, đoạn lớn thứ hai. *“Thủy diễn diệu pháp. Quảng diễn vô tình thuyết pháp chi diệu đế”*. Nước là khoáng vật, trong kinh luận gọi động vật là hữu tình. Hữu tình nghĩa là có tình cảm. Hữu tình có yêu có ghét, thuận theo ý của chính mình thì tham luyến, trái với ý mình thì oán hận. Đây gọi là tình chấp. Vô tình không có hiện tượng này, cây cỏ hoa lá không có hiện tượng này, sơn hà đại địa, khoáng vật cũng không có hiện tượng này. Cuối cùng chúng ta cũng hiểu được, thực vật, khoáng vật đều là vô tình, không phải không có hiện tượng này, hiện tượng này của nó biểu hiện chậm chạp hơn, trì trệ hơn. Không như biểu hiện kích động, kịch liệt như loài hữu tình. Trên thực tế nó cũng có cảm tình.

Tiến sĩ Giang Bồn người Nhật làm thí nghiệm nước, chính là chứng cứ khoa học rất rõ ràng. Nước là khoáng vật, nó thật sự hiểu được ý người, chúng ta đối mặt với một ly nước, nói tôi rất thích bạn, tôi yêu bạn. Nước này biến thành kết tinh để đáp lại, là một đồ án rất đẹp, nó cảm nhận được nên nó phản ứng lại. Chúng ta nói, tôi ghét bạn, tôi không thích bạn. Nó kết tinh đồ án để đáp lại rất khó coi, thật đã khởi tác dụng.

Trong đối thoại của đức Thế Tôn và Bồ Tát Di Lặc chúng ta đã thấu hiểu. Gọi là hữu tình và vô tình nhất định là một không phải hai, nó không thể nào phân khai. Bồ Tát Di Lặc nói, một khảy móng tay có 32 ức một trăm ngàn niêm, mỗi

niệm đều thành hình, hình là hiện tượng vật chất, hình đều có thức. Chỉ cần là hiện tượng vật chất, nó sẽ có thọ tướng hành thức. Nên trong Bát Nhã Tâm Kinh nói: “Bồ Tát Quán Tự Tại nhìn thấy ngũ uẩn đều là không”. Ngũ uẩn là gì? Ở trước chúng ta đã nói qua.

Điểm vi tế của một sợi lông mảy trần. Các nhà lượng tử lực học nói, hiện tượng vật chất nhỏ nhất là gì? Tiểu thể thì mắt thịt chúng ta không nhìn thấy được, nguyên tử chúng ta cũng không nhìn thấy, tiểu thể còn nhỏ hơn cả nguyên tử. Ngày nay các nhà khoa học có thể nhìn thấy một phần trên một trăm ức tiểu thể, gọi là lượng tử, cũng gọi là tiểu quang tử. Một trăm ức tiểu quang tử tổ hợp thành một tiểu thể. Một vật nhỏ như vậy, nó là hiện tượng vật chất. Trong kinh Phật nói, một hiện tượng vật chất nhỏ như vậy, nó cũng có thọ tướng hành thức. Vật chất là sắc, nghĩa là nó có đầy đủ sắc thọ tướng hành thức, đầy đủ ngũ uẩn. Pháp nhãn của Bồ Tát Quán Thế Âm có thể nhìn thấy hiện tượng nhỏ này. Đương thể giai không gọi là ngũ uẩn giai không, không phải thật. Nên nói “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng.” Tin tức trong này, quan trọng nhất chính là trong tinh thần có vật chất, trong vật chất có tinh thần, tinh thần và vật chất không thể độc lập, không thể phân khai, nó là một thể. Vật chất là do tinh thần biến hiện ra, không có thọ tướng hành thức, sẽ không có hiện tượng vật chất.

Điều này nhà khoa học Phổ Lãng Khắc người Đức phát hiện. Phổ Lãng Khắc là thầy của Ái Nhân Tư Thản. Ông nói giữa vũ trụ vốn không có thứ gọi là vật chất. Bản chất của vật chất là ý niệm. Học thuyết này các nhà khoa học hiện đại đều thừa nhận, họ đều đã thật sự nhìn thấy. Nên nước diễn nói pháp âm vi diệu là thật không phải giả. Phật A Di Đà có thể khiến nước tám công đức trong ao bảy báu, giúp ngài thuyết pháp lợi sanh, giúp ngài dạy học. Những thứ này đều trở thành công cụ dạy học của Phật A Di Đà. Mục đích dạy học là thuần thực thiện của chúng sanh ở thế giới Cực Lạc. Đây là trí huệ chân thật diệu dụng của Phật A Di Đà. Là do đại nguyện của Phật A Di Đà thành tựu nên.

“Vi lan, thủy sanh tế văn viết ba, đại ba viết lan. Kim viết vi lan, nãi chỉ tế ba”. Chư vị nên biết, khi tĩnh lặng, là bất động. Bất động không có âm thanh, nhưng khi nước chảy liền có âm thanh. Như âm thanh của gợn sóng chúng ta không nghe được, tâm ý chúng ta thô thiển. Chúng ta có thể nghe được âm thanh gì?

Tiếng thác đổ, tiếng thác đổ rất rõ. Nước từ trên cao chảy xuống, âm thanh đó rất lớn. Tiếng nước chảy của sóng nhỏ chúng ta có thể nghe được, sóng biển âm thanh này chúng ta nghe được. Chỉ có gợn sóng li ti chúng ta không nghe được. Từ điểm này chúng ta có thể lãnh hội được, tâm chúng sanh ở thế giới Cực Lạc tĩnh lặng biết bao. Vì họ đang ở trong định, đang ở trong tịch tịnh, nên gợn sóng cực kỳ vi tế họ cũng nghe được. Chúng ta đọc kinh văn này, nên đối chiếu tỷ mỉ tường tận sẽ hiểu được điều vi diệu trong đó.

“*Từ hồi*”. Từ là chậm chạp, hồi là chảy ngược. Nước chảy ngược. Nếu lớn thì toàn bộ địa cầu, nước biển là chảy ngược. Trên mặt biển không nhìn thấy, nhưng dưới đáy biển thì nước chảy ngược. Người lặn sâu xuống đáy biển đều biết. Tốc độ và phương hướng nó chảy có quỹ đạo nhất định, có trật tự nhất định. Hiện nay trật tự đã loạn, trật tự chảy ngược của nước biển đã loạn. Nước chảy theo gió trên mặt biển cũng có phương hướng, có quỹ đạo, hiện nay cũng loạn. Điều này rất phiền phức. Đối với hàng hải tạo nên phán đoán sai lầm, dễ làm mất phương hướng, cũng dễ tạo thành tai nạn trên biển. Đây là nguyên nhân gì? Phật pháp nói tất cả pháp từ tâm tướng sanh. Tâm con người có quy luật, có nguyên tắc, thì sơn hà đại địa cũng rất tuân thủ quy cũ, nó cũng có phương hướng, có nguyên tắc. Tâm con người nếu không có quy luật, thì hoàn cảnh lớn bên ngoài cũng mất theo.

Xuân hạ thu đông là vận hành trật tự của địa cầu trong vũ trụ. Hiện nay trật tự này rõ ràng rất điên đảo, không bình thường. Hai mùa xuân thu ngày càng ngắn. Các nhà khoa học nói, có thể mùa xuân và mùa thu chỉ có một tháng. Mùa hạ trở nên dài. Mùa hạ năm tháng, mùa đông năm tháng. Mùa hạ càng nóng, mùa đông càng lạnh. Khác thường, không bình thường. Những hiện tượng này là sở biến, năng biến là tâm niệm của chúng ta. Ý niệm chúng ta không bình thường, nên chiêu cảm y báo của sơn hà đại địa bên ngoài cũng không bình thường. Vấn đề này nên làm thế nào? Khôi phục bình thường phải dựa vào trật tự. Trật tự gì? Luân lý là trật tự, đạo đức là trật tự, nhân quả là trật tự, giáo huấn của thánh hiền là trật tự. Nếu vứt hết những thứ này thì xã hội đại loạn, địa cầu cũng đại loạn. Như vậy chúng sanh trên địa cầu sẽ rất khổ!

Đạo lý này chỉ có trong đại thừa kinh điển mới nói rõ ràng minh bạch. Nhưng hiện nay không ai tin vào đại thừa, nói đây là mê tín, không hợp với khoa học. Như vậy chỉ có đợi thiên tai nghiêm trọng phát sanh, đến khi nhân loại đi vào ngõ cụt cũng có thể sẽ quay đầu. Ngạn ngữ thường nói: “không nghe lời người đi trước thì thiệt thòi ngay trước mắt.” Trước mắt nhất định chịu thiệt, phải chịu đại khổ nạn, như vậy mới có thể hồi đầu. Cũng chính là nói, chúng ta phải trả một giá rất thảm khốc mới đi tìm người có kinh nghiệm, tìm tổ tông. Không chịu tìm tổ tông, không chịu tìm người đi trước thì không có phương pháp giải quyết. Đây là sự thật.

“Thủy ba từ hoãn vãng phục, hổ tương kích dăng, triển chuyển sanh ba, cố vân chuyển tướng quán chú. Thủy ba tương kích, phát vi diệu duyệt nhĩ chi thanh”.

Hiện tượng này người ở gần biển hằng ngày đều có thể thấy. Quý vị nhìn thấy trên bãi biển, sóng biển vỗ vào bờ, sau đó lại trở ra, rồi lại tiếp tục con sóng khác, đây chính là từ hồi. Âm thanh nó phát ra cũng có tiết tấu. Nếu chúng ta quan sát tường tận, yên tĩnh để lắng nghe, thì ở trên bờ biển quan sát biển cũng có thể khai ngộ.

“Kỳ thanh chi chủng loại vô lượng, vi diệu diệc vô lượng. Cố viết ba dương vô lượng vi diệu âm thanh. Sở ngôn vô lượng vi diệu giả, dĩ năng quảng thuyết vô lượng diệu pháp cố”.

Điều này thật không thể nghĩ bàn, tất cả đều là bốn nguyện oai thần của Phật Di Đà. Oai thần năm kiếp tu hành và mỗi nguyện đều thực hiện, tự nhiên thành tựu đức tướng thù thắng. Đức Phật lấy điều này để tiếp dẫn đại chúng trong mười phương thế giới, giúp họ đoạn phiền não, khai trí huệ, giúp họ chuyển mê khai ngộ, chuyển phàm thành thánh. Không những như vậy, mà ngài còn làm một cách triệt để rốt ráo. Giúp những chúng sanh có duyên, phàm là người cầu sanh thế giới Cực Lạc đều có duyên với Phật A Di Đà, càng tinh tấn càng dụng công thì duyên càng sâu. Ngài Di Đà giúp chúng ta thành vô thượng đạo, Ngài Di Đà giúp chúng ta trở về tự tánh, giúp chúng ta trở về thường tịch quang.

Chúng ta mới biết, thế giới Cực Lạc đích thực là một đạo tràng lớn_Đạo tràng lớn để thành Phật. Người muốn thành Phật đến nơi này, chẳng ai không thành

tự. Muốn thành Phật nhất định phải biết ưu điểm của việc thành Phật. Thành Phật vĩnh viễn không còn chịu khổ, thật đúng như thực tế của nó là lìa khổ được vui. Trong kinh Đức Phật thường nói, rời đau khổ cùng cực để đạt cứu cánh an lạc. Cứu cánh là viên mãn, cứu cánh viên mãn. Thế giới Cực Lạc, nếu chúng ta muốn học Phật, thì nghe pháp là điều quan trọng nhất. Chỉ có nghe pháp mới có thể nhanh chóng giúp chúng ta giác ngộ.

Quý vị xem thế giới Cực Lạc có Phật A Di Đà thuyết pháp, Bồ Tát thuyết pháp, chư Phật trong mười phương thế giới đến thế giới Cực Lạc để thuyết pháp. Thế giới Cực Lạc lục trần thuyết pháp, cây thuyết pháp, nước thuyết pháp, mắt nhìn thấy sắc tướng thuyết pháp, tai nghe được âm thanh thuyết pháp, lục trần đều thuyết pháp. Ở thế giới tây phương Cực Lạc nghe pháp nhất định không gián đoạn. Thể chất con người với mười phương thế giới không giống nhau, không phải thân huyết nhục nên không cần ăn uống, không cần ngủ nghỉ.

Tôi nói cho chư vị biết, ngũ dục tài sắc danh thực thùy trên thế giới này của chúng ta, ở thế giới này hoàn toàn không có. Thế giới Cực Lạc là thế giới quang minh, đức Phật phóng ánh sáng, Bồ Tát phóng ánh sáng, mỗi người đều có thân ánh sáng, vạn vật đều phóng quang minh, nên gọi nó là quang minh thế giới. Không cần dùng ánh sáng nhật nguyệt, mà chính bản thân mình phóng quang. Ánh sáng cũng rất nhu hoà, ánh sáng chiếu trên thân, chẳng khác nào tắm mình trong dòng nước vậy, ánh sáng có thể tiêu trừ nghiệp chướng, có thể giúp hoá giải tập khí phiền não, có thể giúp tăng trưởng trí huệ.

Lục căn tiếp xúc với cảnh giới lục trần, đều là công đức không thể nghĩ bàn thành tựu. Nên ở thế giới tây phương Cực Lạc chỉ có tiến bộ không có thoái bộ. Trong một đời nhất định thành Phật, điều này không thể không biết. Không thể không hướng đến và không thể không đi!

“Sở ngôn vô lượng vi diệu giả, dĩ năng quảng thuyết vô lượng diệu pháp cố”.

Bên dưới cũng lược đưa ra vài ví dụ. Hết giờ rồi, đoạn văn bên dưới ngày mai chúng ta tiếp tục học.

Tập 368

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 09.04.2011

Địa điểm: Tịnh Tông Học Viện _ Úc Châu

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 441, hàng thứ sáu từ dưới đếm lên. Bắt đầu xem từ “Phật Pháp Tăng thanh”.

“Phật Pháp Tăng thanh. Phật Pháp Tăng giả, tam bảo dã. Tiểu bản viết, văn thi âm giả, tự nhiên giai sanh niệm Phật niệm Pháp niệm Tăng chi tâm”.

Ở đây Hoàng Niệm Tổ không có chú giải nhưng vẫn phải nói sơ qua Phật Pháp Tăng ba danh tướng này, vì người học Phật đối với nó ngộ nhận quá nhiều. Như thế nào gọi là Phật? Như thế nào gọi là Pháp? Như thế nào gọi là Tăng? Vì sao gọi nó là Tam Bảo? Bảo có thể giúp chúng ta giải quyết rất nhiều vấn đề. Chúng ta có bảo tức là có tài bảo, của cải có thể giải quyết tất cả vấn đề sinh hoạt vật chất của chúng ta, cho nên gọi nó là bảo. Còn Phật pháp có thể giúp chúng ta giải quyết vấn đề luân hồi lục đạo, giúp chúng ta giải quyết vấn đề đoạn phiền não, giúp chúng ta giải quyết luân hồi lục đạo, thậm chí vấn đề của mười pháp giới. Bảo này không phải châu báu thế gian có thể sánh được, cho nên Chư Phật Bồ Tát đối với Tam bảo tán thán không ngớt.

Đầu tiên là Phật, chữ Phật này tiếng phạn gọi là Phật đà da. Người Trung Quốc xưa nay chỉ thích đơn giản vẫn tắt nên thường tỉnh lược bớt âm đuôi. Phật đà da chúng ta chỉ gọi là Phật chỉ dùng một chữ này, ý của nó là giác ngộ. Hay nói cách khác, Phật đà da chính là nói đến giác tánh của chúng ta, người xưa thường gọi là ngộ tánh. Người Ấn độ nói giác tánh, nói rất nhiều, người Trung quốc gọi là ngộ tánh.

Lúc nhỏ đi học ở trường, trong lúc các thầy giáo nói chuyện, chúng ta ở bên cạnh nghe được họ nói với nhau, học sinh đó ngộ tánh rất cao, ý muốn nói rằng họ nghe hiểu bài thầy giảng, thậm chí người này đôi khi còn lãnh hội sâu sắc hơn người kia, đây gọi là ngộ tánh. Trên thực tế ngộ tánh này từ đâu mà có? Trong tự tánh của chúng ta vốn đầy đủ trí huệ bát nhã, trong Phật pháp gọi là Phật tánh. Tự

tánh vốn đầy đủ trí huệ bát nhã, chỉ đơn giản gọi phần này là Phật tánh. Nếu nói chung về tự tánh thì thường dùng từ pháp tánh. Nói chung tự tánh là lý thể của tất cả vạn pháp trong biến pháp giới hư không giới. Vạn pháp này từ đâu mà có? Hoàn toàn do tự tánh biến hiện ra nên tự tánh là năng sanh năng hiện.

Khi ngài Huệ Năng khai ngộ nói rằng: “đâu ngờ tự tánh năng sanh vạn pháp.” Chữ “năng” trong câu “năng sanh vạn pháp” này, ngày nay các nhà khoa học gọi là năng lượng, trong đại thừa Phật pháp thường gọi là pháp tánh. Chư vị nên biết pháp tánh và Phật tánh là cùng một tánh. Pháp tánh là đứng trên toàn diện mà nói, còn Phật tánh chỉ đơn thuần là từ trong pháp tánh, trong bát nhã trí huệ mà nói, thì đều có thể gọi là Phật. Pháp tánh là Phật, giác tánh cũng là Phật, nó là một không phải hai. Tất cả chúng sanh đều có tự tánh, chẳng những có tự tánh mà tất cả chúng sanh đều có giác tánh. Cho nên trong kinh điển đại thừa Đức Phật thường nói: “tất cả chúng sanh vốn là Phật”, tất cả chúng sanh vốn là Phật, lời này nói không hề sai. Tại sao hiện nay chúng ta lại ra nông nổi này? Trong kinh Hoa Nghiêm Đức Phật dạy: “vì vọng tưởng phân biệt chấp trước mà không thể chứng được.” Chúng ta ngày nay biến thành phàm phu, trở thành ngu muội, tạo nghiệp thọ những khổ báo này, điều này rốt cuộc là thế nào? Đều là do ta có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, cho nên tuy có Phật tánh nhưng cũng không thể chứng đắc. Phật tánh của chúng ta có mất đi chăng? Không mất! Chẳng những không mất đi mà nó còn khởi tác dụng, nhưng tác dụng này đã bị méo mó, bị lệch lạc, dùng tà nguy, dùng thiên lệch, chứ không khởi tác dụng chơn chánh. Tác dụng chơn chánh là giác ngộ được các pháp, nghĩa là thông đạt thấu triệt tất cả pháp trong thế xuất thế gian, tác dụng như vậy là đúng. Vì có vọng tưởng phân biệt chấp trước khiến cho tác dụng chơn chánh trở thành méo mó. Méo mó nên Phật dùng danh từ khác để gọi nó, gọi là phiền não, gọi là tập khí. Rất nhiều các bạn đồng học cũng thường thấy trong kinh, trong kinh Đức Phật nói phiền não tức bồ đề, bồ đề chính là giác tánh. Bồ đề và phiền não là một, dùng chánh thì gọi là bồ đề, dùng sai thì gọi là phiền não. Hay nói cách khác quý vị dùng tâm, trong tâm này xen tạp tập khí phiền não, đây gọi là phàm phu.

Phiền não có ba loại lớn là: kiến tư phiền não, trần sa phiền não, vô minh phiền não. Những phiền não này chúng ta đều đã học qua. Trong cuộc sống hằng

ngày của chúng ta, thực tế mà nói thì không phải bồ đề làm chủ. Nếu bồ đề làm chủ thì không gọi là phàm phu mà gọi quý vị là Phật Bồ Tát_dùng chân tâm. Chúng ta hiện nay là vọng tưởng phân biệt chấp trước làm chủ, đây gọi là phàm phu, cho nên cách xưng hô giữa thánh và phàm do đây mà có. Phật Bồ Tát giác mà không mê, phàm phu chúng ta mê mà không giác. Mê ngộ không phải là hai, nó một thể nhưng khởi hai tác dụng, tác dụng của giác và tác dụng của mê. Phật là đại giác viên mãn, Bồ Tát tuy giác ngộ nhưng chưa viên mãn cho nên gọi là Phật bảo. Ý nghĩa thật sự của Phật bảo chúng ta cần nên biết đó là giác tánh của chính mình. Phật bảo gọi là tự tánh Phật cũng chính là tự tánh giác. Vào cửa Phật điều đầu tiên là thầy đem điều này truyền cho chúng ta. Đây là cương lĩnh chung, mục tiêu chung và phương hướng chung của việc tu học Phật pháp. Vì sao học Phật? Học Phật chính là phục hồi tự tánh. Tự tánh giác là Phật bảo. Tự tánh chánh là Pháp bảo. Tự tánh tịnh là Tăng bảo. Không phải ở bên ngoài, bên ngoài là giả không phải thật. Nhân thật sự là tự tánh Tam bảo.

Pháp là đại danh từ chung. Tự tánh sở hiện như ngài Huệ Năng đại sư nói là năng sanh vạn pháp, “đâu ngờ tự tánh năng sanh vạn pháp.”

Muôn sự muôn vật trong vũ trụ, trong kinh điển đại thừa thường dùng sáu chữ nhưng nó đã bao hàm hết thảy. Thứ nhất là tánh, nghĩa là tự tánh. Thứ hai là tướng, tướng có thể sanh ra vạn pháp. Trong vạn pháp có sự lý nhân quả, cho nên tánh tướng sự lý nhân quả, nó bao hàm hết biến pháp giới hư không giới. Dùng một danh từ để tượng trưng đó chính là “Pháp”. Cho nên “Pháp” là đại danh từ chung.

Trong Tam bảo đều nói tự tánh. Pháp là tự tánh chánh_chánh tri chánh kiến. Đối với tất cả pháp hoàn toàn có thể lý giải rõ ràng thấu triệt, không có sai lầm, không thiên lệch tà ngụy, gọi là chánh tri chánh kiến, đây gọi là Pháp bảo. Nếu nói đã mê, mê thì tri kiến chúng ta không chánh, biến thành tà tri tà kiến, như vậy là sai.

Thứ ba là Tăng. Tăng có nghĩa là hoà hợp, là hài hoà, là hoà đồng, nó có nghĩa là như vậy. Thanh tịnh tức là hoà hợp, như vậy thì tự nhiên hoà hợp. Phiền não tập khí đều không có, tâm thanh tịnh liền hiện tiền. Trên đề của kinh này, thanh tịnh là Tăng, bình đẳng là Pháp, giác tức là Phật. Cho nên trên đề kinh có đầy đủ Tam bảo. Thanh tịnh bình đẳng giác chính là Tam bảo Phật Pháp Tăng. Trong tự tánh mỗi chúng ta vốn đầy đủ tam bảo, nhưng hiện nay bị mê, hoàn toàn mê. Học Phật không có gì khác ngoài mục đích giúp chúng ta phá mê khai ngộ, tìm lại tam bảo. Công đức của Tam bảo vô lượng vô biên. Sau khi tìm được rồi thật sự hạnh phúc viên mãn, được đại tự tại.

Tăng là thanh tịnh, tịnh mà không nhiễm. Nhiễm ô chính là phiền não. Nhiễm ô từ đâu sanh khởi? Quan niệm sai lầm đầu tiên chính là chấp trước cái gọi là ta, là ngã kiến trong Mạt na thức. Kiến chính là khái niệm sai lầm_hữu ngã, vấn đề này về sau có đề cập đến. Hữu ngã nên nó cùng khởi lên với ngã_ngã tham. Trong Mạt na thức của tướng tông gọi là ngã ái, ngã ái chính là tham_ngã tham, ngã mạn chính là sân nhuế, ngạo mạn, ngã si, quý vị xem tham sân si, tam độc phiền não này do ngã mà sanh khởi, tam độc phiền não này là nguồn gốc tất bệnh sanh tử của tất cả chúng sanh. Nếu đoạn tận được tam độc này thì chẳng những không có bệnh mà sanh tử cũng không còn. Nhưng điều kiện tiên quyết là nếu muốn không có tham sân si, thì phải vô ngã mới có thể đạt được. Chỉ cần hữu ngã nhất định có tham sân si, phiền phức là đây vì nó sanh ra từ bản ngã.

Mở đầu của Kinh Kim Cang đức Phật đã nói lời thật: “vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng”. Nếu muốn tìm bản ngã sẽ không thể tìm được. Ta ở đâu? Tìm không ra ta nên thật sự cần phải tu quán. Trên thân này của chúng ta quý vị nói cái đầu là tôi, như vậy tay chân không phải là tôi, tôi chỉ có một, không thể có nhiều. Tương lai thành Phật cũng chỉ có thể thành một vị Phật, không thể thành nhiều Phật, đầu thành một vị Phật, chân cũng thành một vị Phật, tay cũng thành một vị Phật. Quý vị thành nhiều Phật như vậy chăng? Không có điều đó. Chúng ta chỉ có thể thành một vị Phật nên ở trên thân thể này, đầu, mắt, não, tuỷ, lục phủ ngũ tạng đều không tìm thấy, như vậy thì làm gì có cái ta? Ta ở đâu?

Tiểu thừa dùng phương pháp này, tìm tới tìm lui mới biết thật sự không có ngã nên họ đã chấp nhận, nên họ liền có thể phá trừ được thân kiến, nghĩa là không còn chấp trước thân này là ta. Thân này tìm không thấy ta, phá được thân kiến thì chứng quả Tu đà hoàn, nhập vào dòng thánh. Tuy chưa ra khỏi luân hồi lục đạo nhưng vĩnh viễn không đoạ vào ba đường ác. Cõi trời hay cõi người họ còn phải bảy lần đi về nữa mới chứng quả A la hán, vượt ra khỏi luân hồi lục đạo. Cho nên cửa ải tu hành đầu tiên này khó phá nhất, phá được cửa này thì về sau sẽ dễ dàng hơn rất nhiều. Cửa ải đầu tiên là phá ngã kiến, đoạn tận được ngã kiến. Phá ngã kiến tiếp đến tham sân si đều đoạn tận, đó chính là chuyển Mạt na thức thành bình đẳng tánh trí đến khi đó sẽ phát hiện có chân ngã.

Chân ngã là gì? Chân ngã nghĩa là muôn sự muôn vật trong biến pháp giới hư không giới đều là ta. Vũ trụ vạn hữu với ta hợp thành một thể. Danh từ trong kinh điển đại thừa gọi là pháp thân, đã chứng được pháp thân. Chứng được pháp thân chính là pháp thân Bồ Tát. Pháp thân Bồ Tát đã tìm được ta. Pháp tánh là ta là thể của ta. Pháp tướng là ta là hình tướng của ta. Đã chứng được tam đức, nghĩa là đã tìm thấy Pháp thân- Bát nhã- giải thoát. Bát nhã là giải thoát, tự tánh vốn là giác, giải thoát ở đây là khởi tác dụng, được đại tự tại. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói bốn loại vô ngại là: lý vô ngại, sự vô ngại, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại, thật sự giải thoát. Quý vị xem thể của ta, tướng của ta, tác dụng của ta. Đã tìm được chân ngã. Tự tánh là thể, bát nhã là tướng, giải thoát là dụng. Có chân ngã, quý vị nên biết về chân ngã, chứ không nên biết về giả ngã. Thiên tông nói về chân ngã “bản lai diện mục khi cha mẹ chưa sanh”, đó chính là chân ngã. Bản lai diện mục trước khi cha mẹ sanh là pháp tánh là pháp thân.

Học Phật bài học đầu tiên thầy truyền cho chúng ta là quy y Tam bảo. Chính là đem mục tiêu sau cùng của Phật pháp truyền trao cho chúng ta. Học Phật là học điều gì? Là học Phật Pháp Tăng. Phật Pháp Tăng là tiếng Ấn Độ, dịch thành chữ Hán có nghĩa là Giác Chánh Tịnh, nghĩa là học thanh tịnh bình đẳng giác trên đề kinh này. Thanh tịnh là Tăng, bình đẳng là Pháp, giác là Phật, không phải tu gì khác. Như vậy quý vị đã chứng được thanh tịnh bình đẳng giác viên mãn rồi. Chúc mừng quý vị, quý vị đã thành Phật. Siêng năng tu học, đích thực đã ngộ nhập cảnh giới nhưng chưa viên mãn, đây gọi là Bồ Tát.

Nên biết rằng Phật Pháp Tăng không phải là mê tín, đây là đại học vấn. Tam bảo hoàn toàn nói về tự tánh. Tự tánh giác, tự tánh chánh, tự tánh thanh tịnh. Đến thế giới tây phương Cực Lạc nghe những âm thanh này. Âm ở đây có nghĩa gì? Âm thanh thuyết pháp của Phật ở thế giới tây phương Cực Lạc, âm thanh phát ra khi gió thổi động vào cây cỏ hoa lá, âm thanh nước chảy. Nhĩ căn nghe được tất cả âm thanh đều sanh tâm niệm Phật niệm pháp niệm tăng. Câu này quý vị nên hiểu niệm Phật là tâm đã giác ngộ, niệm pháp là tâm chánh, niệm tăng là tâm thanh tịnh. Ở thế giới tây phương Cực Lạc nhĩ căn tiếp xúc với tất cả âm thanh đều có thể giúp chúng ta trở về với chánh giác tịnh. Nghĩa của Phật Pháp Tăng là như thế.

Chúng ta ở thế gian này cũng rất muốn thanh tịnh, muốn bình đẳng, muốn giác ngộ nhưng vẫn cứ là mê hoặc điên đảo. Mê mà không giác, tà mà không chánh, nhiễm mà không tịnh. Chúng ta ngày nay đối với Tam bảo hoàn toàn thay đổi 180 độ. Chúng ta là mê, là tà, là nhiễm. Mê tà nhiễm mới tạo nghiệp, tạo vô lượng vô biên tội nghiệp nên chiêu cảm lấy khổ báo. Ngày nay xã hội đại loạn, địa cầu thiên tai dị thường. Nhân tâm hoảng hốt không biết bắt đầu từ đâu, đây là do mê tà nhiễm gây nên. Con người nếu có thể thay đổi thái độ, từ mê tà nhiễm trở về với chánh giác tịnh, như vậy thì trật tự xã hội được khôi phục, thiên tai của địa cầu cũng tự nhiên được hoá giải, đây là thật không phải giả.

Đức Thế Tôn thường nói tất cả pháp từ tâm tướng sanh. Tất cả hiện tượng trong biến pháp giới hư không giới đều do tâm hiện thức biến. Trong kinh điển đại thừa nói một cách rõ ràng minh bạch rằng: mỗi người đều là Phật, đều là Bồ Tát, nghĩa là hồi đầu!

Kê đến là “Ba la mật”. Trong kinh văn nói: “*hoặc văn Phật pháp tăng thanh, ba la mật thanh*”. Ba la mật là tiếng phạn dịch là đáu bỉ ngạn, cũng dịch là độ vô cực. Đơn giản là dùng một chữ độ, hoặc là sự cứu cánh. Sự cứu cánh viên mãn nên gọi là đáu bỉ ngạn. Đáu bỉ ngạn là tiếng Ấn độ, người Trung quốc không gọi là đáu bỉ ngạn. Người Trung quốc gọi là đến nơi đến chốn, là công phu rất rốt ráo, nghĩa là viên mãn. Bất luận làm điều gì cũng làm một cách viên mãn. Ví dụ như nấu cơm nấu đến mức tốt nhất, như vậy là bản lĩnh nấu cơm của chúng ta đã

đến nơi đến chốn. Bất luận làm việc gì, việc làm đó làm rất tốt, rất viên mãn, thì người Ấn độ đều gọi là ba la mật.

Văn chương viết rất hay, công phu văn chương của quý vị rất tuyệt nên đây là một thuật ngữ rất bình thường. Trong Phật pháp gọi là đao bĩ ngạn. Bĩ ngạn là đại niết bàn. Ngạn là sanh tử trong luân hồi lục đạo. Làm thế nào có thể từ nơi sanh tử của bờ này, độ đến bất sanh bất tử của bờ kia. Bĩ ngạn bất sanh bất tử, thủ ngạn là sanh tử. Điều này không giống với ý nghĩa thông thường.

Độ vô cực, vô cực nghĩa là bĩ ngạn. Độ có nghĩa là đến, cho nên độ vô cực và đao bĩ ngạn có nghĩa tương thông. Vô cực có nghĩa là cứu cánh, cũng có nghĩa là viên mãn, nói đơn giản là độ. Ý nghĩa của sự cứu cánh mọi người đều đã hiểu, bất luận là việc gì đều làm đến cứu cánh viên mãn, gọi là ba la mật.

“Dĩ Bồ Tát chi đại hạnh, năng cứu cánh nhất thiết tự hành dĩ hoá tha chi sự, cố danh sự cứu cánh”

Trong kinh điển đại thừa, sự cứu cánh là chỉ cho Bồ Tát. Sự của Bồ Tát là tự độ và hoá độ chúng sanh, cả hai điều này đều làm đến viên mãn, nên gọi là ba la mật. Có tiêu chuẩn chăng? Có. Trong đại thừa giáo, thật sự có thể triệt để buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là tự độ viên mãn. Khi tự độ viên mãn rồi, thì độ tha cũng đồng thời viên mãn. Cho nên trong kinh Phật nói, tự mình chưa độ, mà muốn độ chúng sanh, Đức Phật nói “vô hữu thị xứ”, nghĩa là không có đạo lý này. Nhất định phải tự độ viên mãn, sau đó mới có thể độ chúng sanh. Mức độ thấp nhất là có thể chứng được pháp thân, mới có thể độ chúng sanh. Nếu không thể chứng pháp thân, cũng không thể độ chúng sanh. Nếu nói độ chúng sanh là giả không phải thật, không có đạo lý này.

Pháp thân Bồ Tát trong kinh Hoa Nghiêm là viên giáo sơ trú Bồ Tát mới tự độ. Vì sao vậy? Vì đã phá vô minh, vô minh chính là vọng tưởng. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói là vọng tưởng phân biệt chấp trước. Trong tất cả kinh giáo đại thừa đều nói như thế, vô minh phiền não là vọng tưởng, trần sa phiền não là phân biệt, kiến tư phiền não là chấp trước. Đại thừa nói đoạn tận ba loại phiền não này, trong Kinh Hoa Nghiêm nói buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước sẽ vượt ra khỏi mười pháp giới. Quý vị nên biết mười pháp giới là giả, không phải thật. “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng: là nói về mười pháp giới. Đoạn tận ba loại

phiền não là thoát ly mười pháp giới, sanh đến cõi thật báo trang nghiêm. Cõi thật báo là thật, gọi là nhất chân pháp giới. Hạng người nào ở nhất chân pháp giới? 41 vị pháp thân đại sĩ gồm có: thập trú Bồ Tát, thập hạnh Bồ Tát, thập hồi hướng Bồ Tát, thập địa Bồ Tát, đây là 40 vị, ở trên một vị nữa là đẳng giác. 41 vị Bồ Tát này ở cõi thật báo, thân của họ được gọi là báo thân, nơi họ ở gọi là cõi báo. Chỉ có tâm hiện không có thức biến nên thế giới đó không có biến hoá, con người không có biến hoá. Thọ mạng con người được bao nhiêu? Trong kinh Đức Phật nói họ đã đoạn vô minh nhưng tập khí vô thỉ vô minh chưa đoạn nên thế giới đó là do tập khí vô thỉ vô minh thành tựu, sự thật chính là như vậy. Đoạn tận tập khí vô thỉ vô minh thì thế giới này không còn nữa. Trong kinh Bát Nhã nói rất hay: “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng.” Tướng của nhất chân pháp giới cũng là hư vọng, có tập khí vô thỉ vô minh tồn tại thì thấy có, tập khí vô thỉ vô minh không tồn tại thì không có nó, không có là vô thỉ vô minh đã đoạn tận, tập khí đã đoạn tận, chính là diệu giác Như Lai. Diệu giác trú ở đâu? Diệu giác trú ở thường tịch quang, từ cõi thật báo trang nghiêm chuyển đến thường tịch quang, nó chính là ý này. Thường tịch quang là thuần chân không vọng, đại giác viên mãn, thuần tịnh thuần thiện.

Cõi báo là vì nhất chân, không có phân biệt, không có chấp trước, không có hai thứ này là không có biến hoá. 41 vị Bồ Tát này từ sơ trú đến đẳng giác cần bao nhiêu thời gian để đoạn tận tập khí vô thỉ vô minh? Ba đại a tăng kỳ kiếp, đây là thọ mạng của Bồ Tát ở cõi thật báo, vô lượng thọ. Chúng ta gọi là vô lượng thọ. Vô lượng này là vô lượng đối với hữu lượng, không phải vô lượng thật, nhưng có thể gọi nó là vô lượng thật, Vì sao vậy? Tiếp sau nó là diệu giác, là thường tịch quang, thường tịch quang thật sự là vô lượng, nó không phải là vô lượng đối với hữu lượng. Cõi thật báo ba đại a tăng kỳ kiếp, thời gian dài như vậy nhưng con người trẻ mãi, không có thay đổi, không có suy yếu, không có già nên gọi là nhất chân.

Trong mười pháp giới có sanh lão bệnh tử nhưng ở đó không có. Thế giới Cực Lạc của Phật Di Đà rất vi diệu. Vi diệu chỗ nào? Vi diệu không phải ở cõi báo, vì cõi báo và cõi báo của mười phương chư Phật Như Lai không phải hai, nó là tương đồng. Vi diệu ở chỗ cõi phàm thánh đồng cư và cõi phương tiện hữu dư,

nghĩa là mười pháp giới, vi diệu ở chỗ này. Vãng sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc, ở cõi phàm thánh đồng cư hạ hạ phẩm vãng sanh, nhưng ở thế giới Cực Lạc được sự đãi ngộ ngang bằng như pháp thân Bồ Tát ở cõi thật báo. Điều này quá vi diệu, ở mười phương thế giới không có. Cũng có nghĩa là Bồ Tát cõi phàm thánh đồng cư hạ hạ phẩm vãng sanh, thần thông đạo lực trí huệ đức năng của họ giống như pháp thân Bồ Tát. Không phải họ tu được, không phải họ chứng được, mà là nguyện lực không thể nghĩ bàn và oai thần bốn nguyện của Phật A Di Đà gia trì cho họ. Tuyệt diệu ở chỗ này, thù thắng ở chỗ này. Cho nên thế giới Cực Lạc là thế giới bình đẳng, cõi thật báo, cõi phương tiện và cõi đồng cư là bình đẳng. Điều này trong quốc độ của mười phương Chư Phật không tìm thấy. Chư Phật Như Lai tán than đối với thế giới Cực Lạc, tán thán đối với Phật A Di Đà chính là việc này. Bình đẳng thành Phật.

Ở dưới Hoàng Niệm Tổ giải thích. *“Thừa thừa đại hạnh, năng do sanh tử chi thừa ngạn, đáo niết bàn chi bỉ ngạn, cố danh đáo bỉ ngạn. Nhân thừa đại hạnh năng độ chư pháp chi quảng viễn, cố danh độ vô cực”*. Đây hoàn toàn là chư vị cô đức giải thích cho chúng ta. *“Chỉ tức, chỉ giả, đình chỉ chi nghĩa, trú chỉ ư đế lý bất động”*. Ngày nay chúng ta thường gọi đế lý là chân lý, nghĩa của nó tương đồng với chân lý, thật không phải giả. Trong Tứ Thư Đại Học nói “chỉ ư chí thiện”, “chỉ ư đế lý” và “chỉ ư chí thiện” ý nghĩa tương đồng. Cho nên khi Phật pháp truyền vào Trung quốc nó đã dung hợp thành một thể với văn hoá Trung quốc. Dích thực Phật pháp đã làm đậm đà thêm giá trị nền văn hoá truyền thống bản địa. Như câu “chỉ ư chí thiện”, “chí thiện” ví như “đế lý”, như thế là được nâng cao lên rất nhiều. Đế lý là thiện đến tột cùng, thật sự là chí thiện viên mãn. Ai chứng được? Quả vị Diệu giác chứng được, như như bất động. Câu này có rất nhiều nghĩa, như chúng đi học vậy, tiểu học tốt nghiệp là tiểu học đã đạt được chí thiện. Tốt nghiệp trung học là trung học đã chí thiện. Tốt nghiệp đại học là đại học đã đạt được chí thiện đều là “chỉ ư chí thiện”. Cảnh giới cạn sâu rộng hẹp không giống nhau.

Tiểu thừa tứ quả A la hán đã đạt được chỉ ư chí thiện. Đại thừa Bồ Tát đến đẳng giác là chỉ ư chí thiện. Nếu phân ra mà nói thì đệ thập trú trong thập trú Bồ Tát là chỉ ư chí thiện, đệ thập hạnh là chỉ ư chí thiện, đệ thập hồi hướng cũng là

chỉ u chí thiện, đệ thập địa cũng là chí u chí thiện. Một giai đoạn đạt đến chỗ cao nhất, viên mãn nhất gọi là chỉ u chí thiện.

Đứng về pháp môn niệm Phật mà nói, nếu công phu niệm Phật niệm đến chỗ công phu thành phiên thì đây là chỉ u chí thiện. Cao hơn nữa là niệm đến sự nhất tâm bất loạn_chỉ u chí thiện. Niệm đến lý nhất tâm bất loạn cũng là chỉ u chí thiện. Phẩm vị vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc không giống nhau. Chúng ta cần phải nỗ lực không nên giải đãi, phải làm cho cảnh giới tu tập của ta ngày càng lên cao. Muốn nâng cao cảnh giới không có gì khác, chỉ cần buông bỏ vạn duyên. Ngày nay chúng ta sinh tồn trong xã hội này, trên địa cầu này gặp một cuộc cách mạng lớn của thời đại. Thời này đối với người tu hành mà nói, nghĩa là xem chúng ta vận dụng như thế nào? Nếu vận dụng chánh đáng là việc tốt, dùng bất chánh là việc xấu. Phải dùng như thế nào? Tâm phải chánh, như vậy chúng ta sẽ làm đúng là việc tốt. Ở trong đại thiên tai này có thể vãng sanh thế giới Cực lạc, sao không phải là việc tốt? Dùng bất chánh, trong lòng sẽ sợ hãi bất an, phiền phức này nhất định đưa chúng ta vào ba đường ác, đó chính là việc xấu. Là việc tốt hay việc xấu đều không phải ở bên ngoài, mà do việc dụng tâm của chính mình.

Rất nhiều tin tức về thiên tai trên nhiều phương diện. Có bạn đồng học nói với tôi tin tức này trên mạng rất nhiều, chúng ta có cần xem nó chẳng? Không cần thiết. Vì sao vậy? Xem nó cũng vô dụng, không có lợi ích gì. Biết được nhiều như vậy thì phiền não càng nhiều, tâm không thể định được. Tất cả đều không xem không nghe không hiểu. Làm sao để hoá giải và đối phó những thiên tai này? Chính là một câu tổng nguyên tắc chung, dạy chúng ta đoạn ác tu thiện, cải tà quy chánh. Giữ tâm tốt, nói lời hay, hành việc thiện và làm người tốt là được. Chúng ta còn có thọ mạng, chắc là chưa ra đi lúc này. Sau khi thiên tai qua đi, chúng ta vẫn còn lưu lại. Nếu số mệnh là như thế thì có công nghiệp sẽ ra đi trong thiên tai cùng với một số người khác. Tuy đi cùng một lần nhưng mỗi người đến một nơi khác nhau, tôi đến thế giới Cực Lạc, là việc rất tốt. Cho nên bất cứ thiên tai nào cũng không kinh không sợ, tâm luôn an định, lấy bất biến ứng vạn biến. Đầu óc bình tĩnh, niệm rớt ráo một câu Phật hiệu, để Phật A Di Đà trong tâm. Thường nghĩ rằng tâm ta tức Phật A Di Đà, Phật A Di Đà tức là tâm ta, như vậy mỗi câu

Phật hiệu đều có cảm ứng đạo giao với Phật A Di Đà. “Nhất niệm tương ưng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật”, như vậy làm gì có lý không vắng sanh!

Sanh đến thế giới Cực Lạc thì tất cả đều viên mãn, cho nên đây là việc tốt. Nhắc nhở chúng ta, khuyến khích chúng ta, đốc thúc chúng ta buông bỏ vạn duyên, nhất tâm hướng đạo. Nhất tâm hướng đạo chính là nhất tâm niệm Phật. Tuân thủ phương pháp niệm Phật mà Bồ Tát Đại Thế Chí dạy cho chúng ta, “đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục”. đô nhiếp lục căn là thu lục căn từ cảnh giới bên ngoài trở về, thu hồi nhãn căn từ sắc, nhĩ căn từ âm thanh, lục căn duyên với sáu trần bên ngoài. Phải duyên bên trong, bên trong là gì? Bên trong là tự tánh. Ở mắt là tánh thấy, ở tai là tánh nghe. Bồ Tát Quán Thế Âm dùng phương pháp này, “phản văn văn tự tánh, tánh thành vô thượng đạo”. Bồ Tát Quán Thế Âm thành Phật như thế nào? Là ngài tu phương pháp này mà thành Phật. “Đô nhiếp lục căn” chính là “phản văn văn tự tánh”. Nhãn phản quán, quán tự tánh tức là minh tâm kiến tánh. Tịnh niệm tương tục là dùng tâm thanh tịnh niệm Phật, không hoài nghi, không xen tạp. Hai câu này nói thì dễ nhưng làm rất rất khó. Niệm Phật chưa đến một cây hương mà trong đó có rất nhiều vọng niệm xen tạp, khiến công phu niệm Phật bị phá hoại. Điều này không nên nôn nóng, càng nôn nói càng hỏng việc. Đó là gì? Từ đây quý vị có thể nhận ra rằng, tâm của mình tán loạn biết bao.

Bình thường ta không phát giác được, đến khi niệm Phật liền phát hiện ra điều này, tại sao tâm lại loạn như vậy, sao vọng tưởng lại nhiều như vậy? Bây giờ mới phát hiện. Lúc này nên làm thế nào? Dùng lý tới nói, mặc kệ nó. Tâm chú ý vào danh hiệu Phật, không quan tâm đến tạp niệm. Lâu ngày vọng niệm sẽ ít đi, ngày càng ít, như vậy sẽ chứng minh công phu của quý vị ngày càng tiến bộ. Nỗ lực niệm hy vọng có thể trong một năm tạp niệm giảm ít đến mức độ thấp nhất. Niệm Phật một tiếng có khoảng một hai tạp niệm, được, không thể có quá nhiều. Hai tiếng đồng hồ có năm ba tạp niệm cũng được, như vậy công phu cũng không tệ. Tạp niệm từ đâu mà có? Đều từ tự tư tự lợi mà có, cho nên bình thường dùng tâm, tâm lượng phải mở rộng, không nên chỉ nghĩ đến mình, nghĩ nhiều đến

thế giới Cực Lạc, “nhớ Phật niệm Phật hiện tiền tương lai nhất định thấy Phật”, đây là việc tốt.

Nên nghĩ nhiều đến thế giới Cực Lạc, nghĩ nhiều đến Phật A Di Đà, cũng có thể nghĩ nhiều đến những chúng sanh khổ nạn. Thấy chúng sanh chịu khổ chịu nạn như vậy tâm từ bi liền sanh khởi. Tự mình nhất định nên biết, hiện nay chúng ta không có năng lực giúp họ, chỉ còn cách mau về thế giới tây phương Cực Lạc. Ở thế giới Cực Lạc đã thành tựu, tự mình có hri tuệ, có năng lực, có thần thông rồi, thì lên thuyền từ trở lại độ những chúng sanh đau khổ này vẫn còn kịp, điều này không thể không biết, cho nên tâm phải dừng lại ở chân lý, cũng có thể nói tâm trú nơi chân lý bất động.

“*Tức giả*” là nghĩ. “*Chỉ Quán Tam viết*”, tam là quyển thứ ba. “*Tức nghĩa giả, chư ác giác quán, vọng niệm tư tưởng, tịch nhiên hư tức*”. Thực tế nói chính là buông bỏ, buông bỏ hết tất cả những ý niệm bất thiện. Buông bỏ vọng niệm, buông bỏ tư tưởng tâm sẽ định gọi là tịch nhiên hư tức. Bình thường thật sự cần phải nỗ lực, vọng niệm ít thì thân tâm mạnh khoẻ. Thân tâm chúng ta không tốt chính là vọng niệm quá nhiều. Vọng niệm ít thì ăn uống cũng giảm ít. Lúc Đức Thế Tôn còn tại thế ngài biểu diễn cho chúng ta thấy trong suốt 49 năm thị hiện ngày ăn một bữa. Ấm thực là bổ sung năng lượng, ngày ăn một bữa có đủ chăng? Đủ. Ngày ăn một bữa ăn nhưng cũng ăn không nhiều. Vì sao đủ? Vì ngài ít tiêu hao năng lượng.

Năng lượng chúng ta hầu như là 90 phần trăm tiêu hao vào vọng niệm. Vọng niệm càng ít thì tiêu hao năng lượng càng ít. A la hán tâm thanh tịnh, một tuần đi khát thực một lần, cũng có nghĩa là một tuần ăn một bữa cơm. Công phu của Bích Chi Phật cao hơn A la hán. A la hán đã đoạn tận kiến tư phiền não nhưng tập khí chưa đoạn. Bích Chi Phật đã đoạn hết tập khí kiến tư phiền não. Bích Chi Phật nửa tháng đi khát thực một lần_nửa tháng ăn một bữa cơm, bổ sung một lần họ có thể dùng nửa tháng. Điều này nói lên rằng, tâm càng thanh tịnh thì vọng niệm càng ít, năng lượng bổ sung càng ít. Ngày ngày ăn cơm không phải là việc tốt, mỗi ngày ba bữa, còn muốn ăn khuya, ăn điếm tâm. Một ngày từ sáng đến tối đều bận rộn cho việc ăn uống, quý vị nghĩ xem như vậy thì vất vả biết bao, ăn đến nỗi thân mang một thân bệnh. Ấm thực giảm ít không phải vì điều gì khác, có thể

khiến năng lượng tiêu hao đến mức độ thấp nhất nên thân tâm mạnh khoẻ, tinh thần sung mãn. Điều này không phải nói tùy tiện đâu.

Ngày xưa khi tôi còn trẻ, theo học kinh giáo với thầy Lý. Tôi theo thầy mười năm từ năm 33 đến 43 tuổi, mười năm. Thầy Lý tuy là cư sĩ tại gia nhưng ngày ăn một và ăn rất ít, tôi đã từng nói với chư vị lượng công việc của thầy bằng lượng công việc của năm người bình thường, cho nên tôi mới biết điều này với lao tâm lao lực hoàn toàn không liên quan. Lao tâm lao lực tiêu hao năng lượng rất nhiều, tiêu hao năng lượng nhiều nhất là suy nghĩ lung tung. Suy nghĩ lung tung bị tiêu hao nhiều nhất. Cho nên âm thực có thể giảm ít cũng chứng minh rằng tâm chúng ta thanh tịnh. Năng lượng chúng ta duy trì rất tốt, không lãng phí.

Bên dưới nói, “*cố tức giả, tức chư vọng niệm dã*”, buông bỏ vọng niệm là tức. “*Thử tự sở quán nhi đắc danh, cố chỉ tức tức chỉ quán. Hựu Chỉ Quán Tam viết, pháp tánh tịch nhiên viết chỉ, tịch nhi thường chiếu viết quán*”. Đây thuộc về tự tánh, là bản năng của tự tánh. Pháp tánh chính là tự tánh cũng chính là bản tánh. Bản tánh vốn tịch nhiên_tự tánh chỉ. Quý vị xem khi ngài Huệ Năng khai ngộ đã nói: “đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh, vốn không sanh diệt.” Tất cả đều thuộc về tịch nhiên, đều thuộc về “chỉ”. “Vốn tự đầy đủ”, đầy đủ là chiếu theo bản năng. “Vốn không dao động” là thuộc về chỉ, “năng sanh vạn pháp” thuộc về quán. Trong năm câu ngài nói hai câu thuộc về “quán”, ba câu thuộc về “chỉ”, đây là tự tánh. Chúng ta nói nhìn thấu, buông bỏ. Buông bỏ chính là “chỉ”, nhìn thấu suốt là “quán”.

“*Hựu vô minh tức minh, bất phục lưu động, cố danh vi chỉ*”. Thế nào gọi là “vô minh tức minh”? Vô minh chỉ cần bất động thì đó chính là minh, động thì gọi là vô minh. Trong kinh Phật thường dùng nước để làm ví dụ. Nước nếu nhiễm ô thì nước này không sạch sẽ, nó bị nhiễm ô. Có gió thổi liền dậy sóng, đây gọi là động. Nếu nước sạch, không có ô nhiễm, cũng không có gió, mặt nước bình lặng như gương, thì nước ở đây chính là “chỉ” gọi là “chỉ thủy”. Nó giống như mặt gương vậy. Cảnh giới bên ngoài đều chiếu vào đó một cách rõ ràng, đây gọi là “quán”.

“*Lãng nhiên đại giác*”, gọi là đại tịnh cũng được, “*hồ chi vi quán*”, nó có thể khởi tác dụng quán chiếu. “*Hựu Chỉ Quán Bồ Hành viết*”, đây là thời khóa tu học

quan trọng của Tông Thiên Thai. “*Trung đạo tức pháp giới, pháp giới tức chỉ quán, chỉ quán bất nhị, cảnh trí minh nhất*”. Ý nghĩa này rất sâu sắc. Trung đạo, trung đạo là gì? Trung quán chính là pháp giới, đúng vậy. Pháp giới chính là tất cả pháp. Trong tất cả pháp chúng ta dùng chân tâm để đối đãi, trong chân tâm không có vọng tưởng, không có phân biệt, không có chấp trước, nhất niệm bất sanh, đây là chân tâm. Nhất niệm bất sanh, thì chỉ và quán đều đầy đủ. Nhất niệm bất sanh là “chỉ”, tác dụng của “chỉ” là chiếu, chính là quán_quán chiếu.

Trong Bát Nhã Tâm Kinh nói: “Bồ Tát Quán Tự Tại hành thâm bát nhã ba la mật đa ngài nhìn thấy năm uẩn đều là không.” Thâm bát nhã ba la mật đa nghĩa là gì? Chính là “chỉ”. Trong kinh điển Đức Thế Tôn thường nói chúng ta phải thường xuyên ôn tập câu này, đừng quên: Chế tâm một chỗ chính là chỉ, nó khởi tác dụng chính là quán. Quán ở đây là gì? Không có gì không làm được. Chúng ta thể hội được sâu sắc về tầm quan trọng trong câu nói này của Đức Thế Tôn, chúng ta làm thế nào để thực hiện? Chúng ta đem tâm dừng ở Phật A Di Đà, được vậy thì thật quá tuyệt vời. Vì sao vậy? Vì dừng tâm ở trên Phật A Di Đà, chẳng những tự tánh chúng ta dùng chánh đáng mà còn được oai thần bốn nguyện của Phật A Di Đà gia trì_được hai loại lợi ích. Dừng ở một nơi là một loại lợi ích, dừng ở Phật A Di Đà thì được Phật A Di Đà gia trì. Đem vô lượng công đức của Phật A Di Đà chuyển thành công đức của chính mình. Điều này ở trước đã nói rất rõ ràng tường tận rồi.

Dừng ở Phật A Di Đà công đức thật không thể nghĩ bàn, chưa đến thế giới tây phương Cực Lạc đã được lợi ích. Tâm con người thế gian vì sao lại rất loạn? Họ cũng chế tâm một chỗ, nhưng họ chế tâm ở chỗ nào? Ở danh lợi, danh lợi là hai nơi. Trong danh lợi có rất nhiều chỗ, trong lợi cũng có rất nhiều chỗ nên tâm họ là tán loạn, họ không phải thật sự chế tâm một chỗ. Tuyệt đại đa số người ở trong thời đại hiện nay đều để tâm vào việc kiếm tiền. Phương pháp kiếm tiền rất nhiều, họ đều nghĩ đến nên tâm rất loạn. Tiền có thể tìm được hay chẳng? Đó là do số của họ, phước báo của họ. Nếu số có thì nhất định có thể kiếm được. Số không có thì cho dù có suy nghĩ bao nhiêu cách cũng không kiếm được, quý vị nghĩ xem có oan uổng chẳng?

Số mạng có, hà tất phải nghĩ đến nó? Đến thời thì tự nhiên nó đến! Đây là thật không phải giả. Số mạng không có thì dù có nghĩ hết biện pháp cũng không kiếm được, đạo lý này không thể không hiểu. Dù sở hữu của cải nhiều cách mấy, địa vị cao cỡ nào, cũng chỉ có thể làm sung túc ngay trong đời này của chúng ta. Quý vị nghĩ mình có thể hưởng thụ được bao nhiêu năm? Sau khi mạng chung cũng không mang theo được điều gì, tất cả đều là giả, để tâm ở chỗ Phật A Di Đà đó mới là thật. Tương lai đến thế giới Cực Lạc trong kinh này nói đều là giới thiệu thế giới tây phương Cực Lạc. Quý vị xem ở đó thù thắng biết bao, viên biết bao mãn, tất cả đều đạt được. Những gì có thể nghĩ ra đều đạt được, những thứ ta không thể ngờ cũng rất nhiều, đến đó mới hiểu được, chưa đến đó thì không biết được. Đức Phật cũng không nói, vì nói ra chúng ta cũng không hiểu được, cho nên vãng sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc liền được đại tự tại, được đại viên mãn.

Trong Chỉ Quán nói rất hay, pháp giới chính là chỉ quán, chỉ quán bất nhị là một không phải hai. Thấu triệt gọi là quán, bất động nên gọi là chỉ, nó là một không phải hai. Tâm thanh tịnh là chỉ, tâm thanh tịnh sanh trí huệ đó là quán. Tâm bình đẳng là chỉ, tâm bình đẳng khởi tác dụng là quán. Vô duyên đại từ đồng thể đại bi thì tâm bình đẳng liền sanh khởi.

“Giác, chỉ quán quân đẳng, chỉ quán bất nhị, cảnh trí nhất minh”. Đó là giác mà không mê. “Lãng nhiên đại giác”, tông môn thường nói là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh đó là chỉ và quán không phải hai. *“Tịch tịnh, kiến tiền chư căn tịch tịnh chú”* điều này không còn lặp lại, nghĩa là thanh tịnh tịch diệt.

“Vô sanh vô diệt giả, niết bàn chi chân lý”. Chân là không phải giả, lý là lý thể. Chân lý liên kết lại ý nghĩa cũng rất rõ ràng. Chân lý không phải giả, vốn không sanh diệt. Ngài Huệ Năng nói: “đâu ngờ tự tánh vốn không sanh diệt”, đây là đại bát niết bàn. Tánh tướng nhất như, lý sự bất nhị. Cảnh giới này ở đâu? Ngay tại đây, xưa nay chưa từng rời xa chúng ta, nhưng chúng ta mê mà không giác, không biết nó. Biết thì quá tốt, biết thì liền thành Phật, thì gọi là chứng quả. Thông tin này Chư Phật Bồ Tát đã nói ra cho chúng ta biết.

Bồ Tát Di Lặc nói một khảy móng tay có 32 ức một trăm ngàn niệm. Ở đây muốn nói lên điều gì? Chính là nói chân lý của niết bàn vốn không sanh diệt. Một khảy móng tay có 32 ức một trăm ngàn niệm là bao nhiêu? Trăm ngàn là mười vạn, 32 ức nhân cho 10 vạn, có phải là 320 triệu. Một khảy móng tay có 320 triệu ý niệm. Một phần 320 triệu là một khảy móng tay. Dùng suy nghĩ cũng không cách nào tưởng tượng được, cho nên Đức Phật nói vốn không sanh diệt. Sanh diệt này là một trên 320 triệu phần là huyễn tướng của cõi thật báo trang nghiêm. Trong tự tánh không có sanh diệt, mà do một niệm bất giác khởi hiện tượng dao động này. Chính là những điều Bồ Tát Di Lặc nói, một khảy móng tay có 320 triệu ý niệm vi tế. Đó là chân động, là dao động vi tế.

Bồ Tát lại tiếp tục nói “niệm niệm thành hình, hình giai hữu thức”. Mỗi niệm vi tế đều có hình, hình là hiện tượng vật chất. Thức là thọ tướng hành thức, mỗi hiện tượng vật chất đều có thọ tướng hành thức, đây là hiện tượng tinh thần. Tinh thần và vật chất là một thể, tinh thần có trước sau mới có vật chất, nhưng tốc độ của nó rất nhanh, chúng ta không cách nào có thể thấy được, cũng không cách nào có thể nghĩ được, thật là không thể nghĩ bàn, nghĩ cũng không được, nhưng cho chúng ta một khái niệm tinh thần và vật chất là một không hai.

Bồ Tát Quán Thế Âm nhìn thấy ngũ uẩn đều là không. Quý vị xem trong dao động vi tế đó có sắc thọ tướng hành thức_có hiện tượng này, bất khả đắc nên gọi là “ngũ uẩn giai không”. Đây là đơn vị vật chất nhỏ nhất, đơn vị nhỏ nhất không tồn tại, tích lũy thành những hiện tượng này, nó có thể tồn tại chăng? Hình như là tồn tại nhưng trên thực tế không tồn tại. Hình như tồn tại là chúng ta thấy sai, chúng ta mê nên thấy sai. Nếu khi ta thật sự giác ngộ thì sẽ biết được, tồn tại tức là không tồn tại. Thật giống như chúng ta xem hình ảnh các tiết mục trên ti vi. Màn hình của ti vi là tự tánh vốn không sanh diệt. Chúng ta xem những tiết mục này là cảnh tượng ở trong đó, những cảnh tượng này cho chúng ta biết một sự thật, nghĩa là vốn không sanh diệt, quý vị có thể lãnh hội được chăng? Màn hình không sanh không diệt quý vị có thể lãnh hội được, nhưng hình ảnh trên màn hình cũng là không sanh không diệt, quý vị thể hội được chăng? Nó có hiện tượng, thật sự thấy được, không sai. Hiện tượng trên màn hình là sinh diệt đồng thời nên cũng là không sanh không diệt_sanh diệt đồng thời.

Quý vị nói đã sanh đã diệt, rồi lại nói đã diệt nhưng lại sanh, mỗi hiện tượng đều độc lập, không phải tương tục. Tương tục là cùng một tướng không có thay đổi, đó gọi là tương tục. Nó không phải tương tục nên chúng ta gọi nó là tướng tương tợ tương tục, không phải thật. Tuyệt đối tìm không thấy hai hiện tượng tương đồng. Vì sao vậy? Vì năng sanh không giống nhau. Năng sanh là ý niệm, mỗi niệm đều không tương đồng. Năng sanh là ý niệm, sở sanh là hiện tượng. Niệm không giống nhau thì hiện tượng làm sao giống nhau được?

Tướng người chúng ta tức là lấy thân thể này để làm ví dụ. Tôi của ngày hôm qua và tôi của ngày hôm nay nhất định không giống nhau, không phải một cái tôi. Tôi của một giờ trước với tôi hiện tại, không phải một cái tôi. Cùng một đạo lý này, tôi của một phút trước và tôi của một phút sau, không phải một cái tôi. Nói thêm với quý vị đến chỗ cứu cánh thì tôi của niệm trước và tôi của niệm sau, không phải một cái tôi. Quý vị đi đến đâu để tìm cái tôi? Sau đó mới có thể lãnh hội được ý của Bồ Tát Di Lặc, một khảy móng tay có 320 triệu, một trên 320 triệu phần cái tôi và hai trên 320 triệu phần cái tôi, không phải một cái tôi. Như vậy chúng ta mới hoát nhiên đại ngộ, lời Đức Phật nói là vô ngã tướng. Chẳng những không có ngã tướng, mà ngã kiến cũng không có.

Nửa phần trước của bộ Kinh Kim Cang nói phá bốn tướng, nửa phần sau là phá bốn kiến nên bốn kiến cũng không có, như vậy dần dần mới có thể ngộ nhập. “*Chỉ quán bất nhị, cảnh trí minh nhất*”. Cảnh là cảnh giới, là sở giác. Trí là trí huệ, là năng giác. Chưa có thể chuyển thức thành trí. Giác tánh này là từ trong A lại da sanh ra, đã chuyển thức thành trí, tự tánh như trong kinh đại thừa nói trí tuệ bát nhã. Cảnh giới này vô cùng vi tế, quý vị quán bằng cách nào? Hiện nay chúng ta đối với chân tướng sự thật này có nhận thức sơ bộ, nhưng chúng ta chưa làm được, vì sao vậy? Vì tâm niệm của chúng ta không tinh tế, gọi là thiếu thận trọng. Không có năng lực để giác sát. Ai có năng lực thấy được? Pháp thân Bồ Tát, Viên giáo sơ trú cấp bậc thấp nhất của pháp thân Bồ Tát, cũng có nghĩa là viên giáo sơ trú đã nhìn thấy.

Chư Phật Bồ Tát trong mười pháp giới giống như chúng ta, chỉ nghe Phật nói nhưng chưa thấy được. Địa vị của họ cao hơn chúng ta, thần thông trí huệ cũng lớn hơn. Nói cách khác họ biết rõ hơn chúng ta, những vẫn chưa chứng quả, nhất

định phải buông bỏ khỏi tâm động niệm họ mới chứng được. Vừa chứng được họ liền vượt ra mười pháp giới, đã thăng cấp sanh đến cõi thật báo trang nghiêm. Chúng ta gọi họ là pháp thân Bồ Tát, pháp thân đại sĩ.

“Nhân Vương Kinh viết, nhất thiết pháp tánh chân thật không, bất lai bất khứ, vô sanh vô diệt”.

Câu này nói rất thật, Đức Thế Tôn tùy theo chân đế mà nói. Chúng ta biết Thế Tôn thuyết pháp y theo nhị đế, đây là nguyên tắc giảng kinh thuyết pháp của ngài, là nhị đế. Chân đế là cảnh giới tự thân ngài chứng được, phàm phu không hiểu. Y tục đế hoặc y thế đế, đó là thường thức mà người thế gian có thể hiểu được, cho nên đức Phật vừa nói là chúng ta hiểu ngay. Đức Phật nói nhân nghĩa đạo đức, điều này chúng ta nghe hiểu được, tùy thuận tục đế. Tùy thuận chân đế chúng ta sẽ không hiểu, đây là thuộc về chân đế của tất cả pháp. Nói tất cả pháp là đứng về tướng mà nói, tất cả pháp tánh là đứng về thể mà nói, tất cả pháp là sở sanh sở hiện, tất cả pháp tánh là năng sanh năng hiện. Năng sanh sở sanh là một không phải hai. Pháp tánh pháp tướng vĩnh viễn không rời nhau, nhưng chúng ta không ở chỗ pháp tướng nhìn thấy pháp tánh, khó là khó ở chỗ này. Vì sao không thấy được pháp tánh? Vì mê! Mê nên có chướng ngại, chướng ngại này gọi là phiền não. Vô minh phiền não là chướng ngại nặng nề nhất. Trần sa phiền não là chướng ngại nặng thứ hai. Kiến tư phiền não là chướng ngại nặng thứ ba. Chúng ta ở chỗ tướng không nhìn thấy tánh, chân tướng của tướng chúng ta cũng không hiểu. Chúng ta nhìn thấy là huyễn tướng, vọng tướng. “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng.” Chúng ta chỉ thấy được tướng này, chứ không thấy được chân tướng.

Trong kinh Nhân Vương nói: “nhất thiết pháp tánh chân thật không”, năng sanh là chân thật không, sở sanh không thể biến thành chân thật hữu. Năng sanh sở sanh là một không phải hai. Tánh đã là không thì tướng làm gì có? Nên kinh điển đại thừa thường gọi tánh là chân không, gọi tướng là diệu hữu. Chư vị tổ sư nói rằng: “chân không bất không, diệu hữu phi hữu.” Các ngài giải thích rất hay. Chân không bất không nghĩa là gì? Là nó có thể sanh ra vạn pháp nên không không phải là vô. Nó thật sự là chân không, nó có thể sanh vạn pháp. Tuy có vạn pháp nhưng vạn pháp này đương thể tức không, liễu bất khả đắc nên vạn pháp

này có thể thương thức nó nhưng không thể khống chế nó, bao gồm cả thân tướng chúng ta, thân tướng thân thiết nhất của chính mình. Thân này chúng ta có thể khống chế nó chăng? Không thể. Có thể chiếm hữu nó chăng? Không thể. Nếu có thể khống chế nó, tôi sẽ khiến cho thân thể này không bị già yếu bệnh tật. Không làm được, không thể khống chế được. Ăn cơm phiền phức biết bao, nếu có thể khống chế nó, tôi khiến nó không cần ăn được chăng? Không được, không làm được như thế. Như vậy chiếm hữu càng không cần nói. Không chế cũng làm không được thì làm sao có thể chiếm hữu? Nên nói khống chế, chiếm hữu là vọng tưởng, không phải thật. Vọng tưởng thật sự quá nhiều. Có thể nói chúng sanh trong lục đạo hoàn toàn sống trong cảnh giới vọng tưởng, không có điều gì là chân thật. Biết được tất cả pháp tánh thật sự là không, thì chúng ta sẽ biết được tất cả pháp tướng vô sở hữu, tất cả pháp tướng bất khả đắc, không đến không đi. Đó chính là điều trong kinh Lăng Nghiêm Đức Thế Tôn nói. Điều này rốt cuộc là như thế nào? “Đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận”. Quý vị thử nghĩ xem niệm mà Bồ Tát Di Lặc nói có phải là đương xứ xuất sanh tùy xứ diệt tận chăng? Mỗi niệm đều là đương xứ xuất sanh tùy xứ diệt tận, bất khả đắc.

Chúng tôi xem qua một lượt kinh Đại Bát Nhã và tổng kết thành 20 chữ, “Nhất thiết pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc”. Tất cả pháp là bao gồm cả thế pháp và Phật pháp. Phật pháp cũng là vô sở hữu, tất cánh không bất khả đắc. Cho nên Đức Thế Tôn nói “pháp còn phải xả, huống là phi pháp”, đến Phật pháp còn phải xả, không chấp trước huống là tất cả pháp của thế gian. Buông bỏ tất cả liền trở về tự tánh và chứng được quả Phật cứu cánh viên mãn. Vô lượng công đức, vô lượng trí huệ và vô lượng tướng hảo trong tự tánh, chúng ta hoàn toàn hưởng được lợi ích. Đây là cảnh giới gì? Đây là cảnh giới của cõi thật báo. Cõi thường tịch quang không có hiện tướng, hiện cõi thật báo trang nghiêm, trở về tự tánh, trở về thường tịch quang còn có thể hiện chăng? Có thể hiện. Vì sao vậy? Vì pháp thân Bồ Tát trong cõi thật báo có cảm, chư Phật trong cõi thường tịch quang tự nhiên có ứng_ hồi ứng. Vừa hồi ứng chính là hiện tướng, không hồi ứng là không hiện tướng, nhất định hồi ứng. Hồi ứng này là hiện tượng tự nhiên. Giống như chúng ta đánh trống vậy, chúng ta vừa đánh, nó nhất định phát ra

tiếng. Đánh mạnh thì kêu lớn, đánh nhẹ thì kêu nhỏ, không đánh thì không kêu, nhất định có hồi ứng.

Không sanh không diệt, không thể nói nó sanh cũng không thể nói nó diệt. Nếu nói nó sanh thì nó đã diệt, nếu nói nó diệt thì nó lại sanh. Sanh diệt không trú! Đây là chân tướng sự thật.

“Hựu Viên Giác Kinh viết, nhất thiết chúng sanh u vô sanh trung, vọng kiến sanh diệt, thị cố thuyết danh luân chuyển sanh tử”.

Đây là lời chân thật. Nhất thiết chúng sanh là nói chúng sanh trong lục đạo, thực sự là vô sanh. Trong vô sanh họ đã nhìn sai, cho rằng có sanh diệt, họ đã nhìn thấy sanh diệt. Nhìn thấy hoa nở, qua mấy ngày đã thấy hoa tàn, hoa này có sanh diệt. Thấy người này ra đời, sau mấy mươi năm nhìn thấy người này già chết, có sanh có diệt. Động vật thì sanh lão bệnh tử, thực vật thì sanh trụ dị diệt, khoáng vật như sơn hà đại địa có thành trụ hoại không. Những hiện tượng này người thế gian đều nhìn thấy, đều cho rằng là thật. Nếu thật sự có thể lãnh hội được nhất niệm mà Bồ Tát Di Lặc nói, khi nghe thêm những lời Phật dạy “đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận”, chúng ta mới hiểu được thật sự không có sanh diệt.

Chúng ta nhìn thấy sanh diệt là vọng kiến, không phải chân kiến. Chỉ có đại Bồ Tát mới có chân kiến, còn phàm phu toàn là vọng kiến.

“Cố thuyết danh luân chuyển sanh tử”. Cố thuyết danh, đây không phải lời thật. Có sanh tử luân hồi chẳng? Không có, giống như nằm mộng vậy. Trong kinh Bát Nhã Đức Phật đưa ra ví dụ, như mộng huyễn bào ảnh, đây là chân tướng. Chân tướng không ai biết, hiện nay chúng ta đọc những kinh văn này, thấy báo cáo của các nhà lượng tử học. Họ đều đã chứng minh những lời Phật nói trong kinh, khiến chúng ta càng rõ ràng hơn, đối với vấn đề này không còn hoài nghi nữa. Khiến chúng ta tin rằng những gì trong kinh Phật nói là khoa học tối cao.

“Hựu thanh lương vân, nhược văn vô sanh giả, tiện tri nhất thiết chư pháp giai tất không tịch vô sanh vô diệt”.

Nghe Phật nói vô sanh, ngài nói câu này, họ liền biết tất cả các pháp đều là không tịch, không sanh không diệt. Đây là ai? Là người như thế nào? Là pháp thân Bồ Tát. Chư Phật Bồ Tát trong mười pháp giới không được, nhưng Chư Phật Bồ Tát trong mười pháp giới nghe Phật nói lời này không hoài nghi, có thể tiếp nhận, có

thể tin tưởng tuy công phu chính mình chưa đủ. Cũng có nghĩa là tâm thanh tịnh của chính mình chưa đạt đến trình độ này, cần phải thanh tịnh hơn.

Thật sự đạt được thanh tịnh tịch diệt Bồ Tát có thể thấy được, pháp thân Bồ Tát đều đã nhìn thấy. Trong Kinh Hoa Nghiêm có thể nói là trên sơ trú đã nhập vào cảnh giới này, đây là thật hoàn toàn không phải giả. Chúng ta ngày nay có thể tin rằng, có thể nói câu này, không phải chúng ta chứng được. Chúng ta thấy báo cáo của các giới khoa học hiện đại, các nhà khoa học chứng minh, họ đã nhìn thấy, nhìn thấy vật chất rốt cuộc là gì? Họ nói bản chất của vật chất là ý niệm, chính là ý niệm của chúng ta, là ý niệm tích lũy sinh ra huyền tượng. Điều này với những gì Bồ Tát Di Lặc nói cùng một đạo lý. Nhưng huyền tượng này, ý thức huyền tượng này rốt cuộc là từ đâu mà có? Thì họ lại nói là bịa đặt.

Phật pháp nói đó là từ trong tự tánh sanh ra. Giới khoa học không nhìn thấy tự tánh, tự tánh vĩnh viễn không nhìn thấy được, vì sao vậy? Tự tánh không thể dụng sáu thức để nhìn vì nó không phải là hiện tượng. Nó không phải hiện tượng vật chất cũng không phải hiện tượng tinh thần cũng không phải hiện tượng tự nhiên nên không thấy được, khoa học cũng không thể đo lường được. Như thế nào mới thấy được? Buông bỏ vọng niệm phân biệt chấp trước là thấy được, chân tướng được phơi bày. Phật pháp là khoa học tối cao, là cảnh giới và thành tựu cao nhất của khoa học. Chúng ta nên đem những thông tin này nói với các nhà khoa học. Chỉ cần họ buông bỏ thì sẽ hiểu được ngay.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 369

Chuyên ngữ: Hạnh Chơn

Biên Tập: Bình Minh

Thời gian: 10.04.2011

Địa điểm: Tịnh Tông Học Viện _Úc Châu

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 442, hàng thứ bảy, bắt đầu xem từ câu *thập lực*.

“Thập lực giả, Như Lai chứng đắc thật tướng chi trí, liễu đạt nhất thiết, vô năng hoại, vô năng thắng, cố danh vi lực. Tường kiến đệ tứ thập lực phẩm thập lực chú”.

Phẩm 46 vẫn còn ở sau. Ở đây chúng ta đơn giản giới thiệu qua về Như Lai quả địa. Có mười loại năng lực thù thắng mà người thường chúng ta không có. Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát cũng không có, đều chưa đạt đến cảnh giới của Như Lai. Bồ Tát cũng có thập lực nhưng so với thập lực của Phật thì còn kém xa, đây là chúng được trí huệ nhận biết về chân tướng của các pháp một cách viên mãn. Thật tướng là chân tướng của tất cả pháp. Nó khởi tác dụng là liễu đạt tất cả, tất cả pháp trong biến pháp giới hư không giới “vô năng hoại. Chúng ta cần phải lãnh hội được tất cả pháp tánh không tướng có. Tánh thị chân không, tướng thị huyễn có, có mà không có, chân không bất không cho nên “vô năng hoại.” Ý muốn nói rằng không có năng lực nào có thể phá hoại nó.

Thứ hai là “vô năng thắng”, thắng là siêu thắng. Ý muốn nói tất cả pháp là bình đẳng, tất cả pháp là nhất như. Chúng ta cần phải lý giải cách đối thoại của đức Thế Tôn và Bồ Tát Di Lặc trong Bồ Tát Xứ Thai Kinh, thì chúng ta mới có thể lãnh hội được hai câu này.

Bên dưới liệt kê ra danh tướng của Thập lực. Thứ nhất *“như thị xứ phi xứ trí lực”*. Thế nào là thị xứ? Thế nào là phi xứ? “Xứ” là xứ sở. Nhất là trong thời đại hiện nay của chúng ta, xã hội động loạn, trên địa cầu thiên tai địch thực chưa từng có trong lịch sử, mấy ngàn năm trước không có hiện tượng này, hiện nay chúng ta đã gặp, cho nên biết bao người đều muốn tìm một môi trường cư trú an toàn. Đến đâu để tìm? Có thể tìm thấy chăng? Nếu quý vị có phước báo thì bất luận ở

đâu cũng an toàn, nếu không có phước báo thì đến đâu cũng không an toàn. Từ đó cho thấy, “thị xứ” thật sự là thiện tâm. Còn phi xứ thì sao? Chính là tâm bất thiện. Có tâm nhất định có hành, ba nghiệp thân khẩu ý nó dính liền nhau không thể tách rời. Có tâm đương nhiên có hành động, cho nên tâm hành thiện là thiện xứ. Trong thiện xứ lại có thiện xứ thật và thiện xứ giả. Trong thiện xứ lại có thiện xứ vĩnh hằng, có thiện xứ nhất thời, nó không giống nhau, nhưng Như Lai biết hết. Thiện xứ cứu cánh viên mãn là thường tịch quang. Trong thường tịch quang thân và cõi là nhất như, thân pháp tánh và cõi pháp tánh là một không phải hai, đó thật là cứu cánh kiên cố, đích thực là “vô năng hoại, vô năng thắng”, không có thể thắng được.

Thứ hai vẫn là “thị xứ”, chứ không phải “phi xứ”, đó chính là cõi thật báo trang nghiêm của chư Phật Như Lai, chỉ kém là chưa đoạn tận tập khí vô trí vô minh. Ngoài điều này ra thì cũng có thể nói là cứu cánh viên mãn, đây là “thị xứ” chân thật, đã chứng được pháp thân. Pháp vô minh chứng pháp thân đây là “thị xứ”, còn mười pháp giới đều là “phi xứ”.

Chúng ta tu đạo nếu có thể đem mục tiêu định ở A la hán, Bích chi Phật, Bồ Tát, Phật trong mười pháp giới đều coi là “phi xứ”, như vậy là sai. Tiểu thừa cho là “thị xứ” nhưng đại thừa biết đó không phải là “thị xứ”. Phạm phu tham lam đối với lục đạo, mỗi niệm đều hy vọng hưởng thụ phước báo nhân thiên. Mục tiêu họ tu thiện tích đức là sanh thiên, họ không biết rằng cõi trời vẫn chưa ra khỏi luân hồi lục đạo, sau khi thọ mạng kết thúc vẫn bị đọa lạc. Cho nên ở trong lục đạo, ba đường ác là “phi xứ”, ba đường thiện là “thị xứ”. Trong ba đường thiện sắc giới, vô sắc giới là “thị xứ”, cõi nhân thiên là “phi xứ”. Mỗi cấp bậc đều có “thị xứ” và “phi xứ”. Đức Phật đối với những điều tánh tướng, sự lý, nhân quả, thông đạt thấu triệt viên mãn, đây gọi là “tri thị xứ phi xứ trí lục”

Người ta thường nói, tạo ác nhất định chịu ác báo. Bình thường chúng ta nói thiện có thiện báo ác có ác báo, nhân quả báo ứng không sai chút nào, đây đều là “thị xứ phi xứ trí lục”. Chúng ta nghe Đức Phật giảng kinh thuyết pháp thật sự nghe hiểu được rõ ràng, “thị xứ” nên cố gắng nỗ lực thêm để học tập, “phi xứ” nên xả bỏ nó một cách sạch sẽ, đây là đệ tử chân chánh của đức Phật. Như vậy chúng ta sẽ hiểu thập thiện là “thị”, thập ác là “phi”. Lục độ là “thị”, lục tệ là “phi”. Điều

gì cần đoạn thì phải đoạn, điều gì cần buông bỏ thì phải buông bỏ. Nói đến chỗ cứu cánh, nói cho chư vị biết, phát tâm bồ đề nhất hướng chuyên niệm, cầu sanh Tịnh độ tuyệt đối là “thị xứ”, không muốn vãng sanh thế giới Cực Lạc, chúng ta thật sự là “phi xứ”, như vậy là sai.

Pháp môn khác chẳng phải là không tốt, mà cần phải trường thời huân tu, hiện nay thời gian quá gấp, không còn kịp nữa, chẳng thể không buông bỏ. Tất cả pháp trong thế xuất thế gian đều không thể phan duyên đến, phải buông bỏ. Nhất tâm nhất ý trở về với câu A Di Đà Phật như vậy là đúng. Ngay trong đời này tuy thời có thể ra đi, Phật Di Đà cũng tùy thời đến tiếp dẫn, như vậy là đúng, hoàn toàn đúng.

Thứ hai “*tri tam thế nghiệp báo trí lực*”. Tam thế là quá khứ hiện tại vị lai. Quý vị tạo nghiệp như thế nào thì có quả báo như thế đó, nghiệp duyên quả báo không sai tí nào. Tất cả chúng sanh tâm có sở niệm, tất cả chúng sanh trong biến pháp giới hư không giới, hướng gì là Chư Phật Bồ Tát, chẳng ai không biết. Vì sao vậy? Vì tự tánh khởi tác dụng. Lý thể trong pháp giới hư không giới là một. Chân như tự tánh, tự tánh “năng sanh vạn pháp”, liên quan mật thiết với vạn pháp. Chúng ta nói từng giờ từng phút, thời gian này vẫn quá dài. Tình hình thực thể thật là không thể nghĩ bàn. Ý niệm cực kỳ vi tế vừa động thì mười phương thế giới đều nhận được tin tức này. Quả báo không phải người khác sắp đặt, thực tế mà nói thì không liên quan gì đến Chư Phật Bồ Tát, không liên quan đến thiên thần, không liên quan đến quỷ thần. Quả báo từ đâu mà có? Quả báo là do nghiệp lực của chính mình thành tựu, như ở trước chúng ta đã học qua.

Trong Vãng Sanh luận nói y chánh trang nghiêm của thế giới Cực Lạc có 29 loại trang nghiêm, 29 loại thành tựu, là tự nhiên. Chúng ta khởi tâm động niệm là nhân, quả báo tự nhiên hiện tiền, cho nên nói tự làm tự chịu.

Có người hoài nghi vì nghe nói địa ngục nhiều vô lượng vô biên, sao lại nhiều như vậy? Tâm khởi một niệm địa ngục thì liền hiện một địa ngục. Chúng ta có bao nhiêu tâm địa ngục thì hiện ra bấy nhiêu địa ngục. Ý niệm đó không có cảnh dừng nên địa ngục cũng không có cảnh dừng. Vì tất cả pháp từ tâm tướng sanh, tâm bất động thì mười pháp giới y chánh trang nghiêm cũng không có. Tâm động nó liền xuất hiện, quý vị có thể thấy được nó tồn tại. Tâm bất động thì hoàn toàn

không có, đích thực giống như màn hình ti vi vậy. Quý vị bấm nút mở nó liền hiện ra. Nó không có không phải thật không có, nó có cũng không phải thật có, đây là chân tướng sự thật. Nhất định phải hiểu cho rõ ràng minh bạch thì đường đạo bồ đề không có chướng ngại, không có hoài nghi, rất thuận lợi không có chút chướng ngại nào.

Nên nghiệp là hoạt động, hoạt động của thân khẩu ý chẳng thể không cẩn thận, nhất định không thể tạo ác nghiệp, tự làm tự chịu. Đặc biệt là không thể làm gương xấu cho đại chúng trong xã hội, tội đó rất nặng. Người học mình càng nhiều thì tội mình càng thêm nặng. Nếu đọa vào địa ngục vô gián thì biết khi nào mới ra được? Nghiệp nhân thứ nhất để ra khỏi luân hồi là chúng ta đã có hồi tâm chuyển ý, có một chút giác ngộ, biết mình đã làm sai, như vậy sẽ có cơ hội ra khỏi địa ngục. Tuy tự mình biết sai, nhưng người bị hại vẫn tiếp tục bị hại, trong tình huống này không thể ra khỏi được. Nhất định phải đợi đến những người bị chúng ta làm hại dần dần hồi phục, sức khỏe của họ dần dần trở lại bình thường, đây là điều kiện bên ngoài. Sám hối trong tâm và điều kiện bên ngoài nhất định phải phối hợp thì chúng ta mới có thể ra khỏi được. Ý nghĩa trong này rộng sâu vô cùng tận, cho nên mỗi loại lực của mười điều này đều gọi là trí lực, nó là trí huệ chân thật.

Trong kinh điển Đức Thế Tôn hiển thị sức mạnh thành tựu mười loại trí huệ của Như Lai, hiện nay gọi là năng lượng. Năng lượng này có thể giúp tất cả chúng sanh giải quyết vấn đề. Ba đời, nghiệp nhân tạo trong quá khứ thì đời này thọ báo, đời này tạo nghiệp nhân thì đời sau thọ quả báo hoặc là nói đời sau nữa thọ báo, khi nào thọ quả báo? Ở chỗ gặp duyên không giống nhau. Chúng ta tạo có nhân, nhân gặp duyên liền khởi hiện hành, đó gọi là thọ báo, gọi là nhân duyên quả báo. Chẳng thể không cẩn thận, bất luận là ai cũng không tránh được. Giết người phải đền mạng, thiếu nợ thì phải trả nợ. Sát hại những chúng sanh có linh tánh lớn, thường bị báo ứng ở hiện đời rất nhanh. Trong sách sử có ghi chép, chỉ cần chúng ta lưu ý một chút liền có thể thấy rất nhiều ví dụ, điều này không hề giả.

Thứ ba “*Tri chur thiên giải thoát trí lực.*” Có trí huệ này. Thiên rất phức tạp. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, nghĩa là tám vạn bốn ngàn phương pháp tu hành

đều có thể đạt được thiên định, đều có thể đạt được lợi ích trong thiên định, gọi là giải thoát. Phật pháp coi trọng thiên định, thế gian cũng có không ít giáo phái trong Tôn giáo, đối với thiên định rất coi trọng và rất nỗ lực học tập. Cảnh giới trong thiên định, trí huệ đức tướng trong thiên định, đức Như Lai rất rõ ràng.

Giải thoát cũng phân ra nhiều thứ lớp, giải trừ lớp này thì còn lớp khác. Ngạn ngữ thường nói “trong tâm có muôn ngàn khúc mắc”, khúc mắc này chính là phiền não trói buộc, mở từng cái từng cái, thoát ly từng việc từng việc. Đến khi nào giải thoát hết tất cả kiến tư phiền não, trần sa phiền não và vô minh phiền não? Mở được kiến tư phiền não liền thoát lý luân hồi lục đạo. Chúng ta có thể giải trừ ý niệm ác, ngôn ngữ ác và hành vi ác. Thật sự buông bỏ thì vĩnh viễn không đoạ vào ba đường ác, thật sự giải trừ nó.

Có thể đoạn trừ được tư hoặc phiền não thì vượt lên trên luân hồi lục đạo, không còn chịu khổ báo luân hồi nữa. Luân hồi không còn, không thấy. Có thể đoạn tận trần sa phiền não thì thoát ly hai vị thứ cuối cùng của tứ thánh pháp giới, là A la hán và Bích chi Phật, từ đây ta được giải thoát. Nếu tiếp tục cố gắng giải trừ luân trần sa phiền não và vô minh phiền não, chúc mừng quý vị, quý vị đã vĩnh viễn thoát ly mười pháp giới, đây là thiên định giải thoát. Đức Phật hiểu được nên gọi ngài là đại y vương. Bất luận ta bị bệnh tật gì đến gặp Phật, ngài đều có phương pháp giúp chúng ta, thật là thuốc đến bệnh lành. Giúp chúng ta giải thoát khổ đau sanh tử, sanh tử là nguồn gốc của tất cả khổ.

Thứ tư “*Tri chư căn thắng liệt trí lực*”. Chư căn là nói đến lục căn: nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý_lục căn này, căn nào lanh lợi, căn nào chậm chạp, đức Phật biết. Biết điều này có lợi ích gì? Biết được điều này mới có thể giáo hoá chúng sanh, đây là khế cơ dạy học. Biết được đạo lý có thể khế lý, biết căn tánh của chúng sanh là khế cơ, như vậy thì dạy học có thể đạt được thành tựu thù thắng. Cho nên tìm một vị thầy tốt không phải dễ! Không biết căn tánh của chúng sanh làm sao dạy được? Dạy học như vậy là thất bại.

Hiện nay người ta dùng phương pháp trắc nghiệm để kiểm tra, chuẩn xác chẳng? Chẳng thể nói không chuẩn, cũng không thể nói rất chuẩn, đạo lý này chúng ta cần phải hiểu. Dùng phương pháp khoa học ngày nay để trắc nghiệm, trắc nghiệm được điều gì? Được tri thức, nhưng không trắc nghiệm được trí huệ.

Trí huệ và tri thức là hai việc khác nhau. Ngày nay xã hội xảy ra vấn đề, nguyên nhân thật sự ở đâu? Là lạc mất trí huệ, con người không có trí huệ, hoàn toàn dựa vào vọng tưởng vọng tác của mình, cổ nhân gọi là làm xằng nghĩ bậy, làm sai việc mang đến quả báo. Nên biết rằng sáu căn của chúng sanh không tốt, điều này vô cùng quan trọng. Ai biết được? Phàm phu rất khó nhận ra. Cổ nhân thường nói: “tri nhân tri diện bất tri tâm”. Trong lòng họ đang nghĩ gì, ta không biết được, nhưng Phật Bồ Tát biết, biết được căn cơ của chúng sanh thì sẽ dễ dạy hơn.

Thứ năm “*tri chủng chủng giải trí lực.*” Đây cũng là nói về căn tánh của chúng sanh. “Giải” nghĩa là họ có thể lý giải, có thể tiếp thu vài phần, đây là phương tiện thiện xảo. Thế gian này đích thực có hàng thượng thượng căn, nên một lần nghe ngàn lần ngộ. Nghe được một câu một chữ trong kinh Phật, họ có thể thông đạt toàn bộ ý nghĩa của kinh. Ngộ tánh cao, một điều ngộ thì tất cả đều ngộ, chưa học đã biết, nhưng hạng người này rất ít, không thấy nhiều. Thời xưa hạng người này có. Cách truyền đạt cũng không giống nhau, có người một ngày học được rất nhiều, có người một hai tháng không có tiến bộ, nguyên nhân ở chỗ gặp duyên không giống nhau. Cho nên Phật pháp là nhân duyên sanh pháp, duyên liên quan đến sự thành công hay thất bại của một con người.

Hiện tại duyên của chúng ta vô cùng thù thắng, gặp được đại thừa, gặp được pháp môn trong đời này thành tựu đời nghiệp vãng sanh, thật sự có thể gọi là vô thượng đại pháp, một đời thành tựu viên mãn. Thế chột vẫn ở chỗ thiện căn, phước đức, người có thiện căn và chịu tu phước nhất định được độ. Không có thiện căn, không có phước đức bây giờ siêng năng nỗ lực tu học vẫn còn kịp. Nên biết cửa Phật không từ bỏ một ai, đây là lời chân thật không phải giả. Đức Phật xưa nay chưa từng nói vọng ngữ.

Trong Kinh Kim Cang nói Như Lai có ngũ ngữ, những điều ngài nói đều y theo năm nguyên tắc này. Thứ nhất là “chân ngữ”, nhất định không có hư vọng. “Chân ngữ” là những lời nói ra nhất định tương ứng với chân tướng sự thật, đây đều là cảnh giới không thể nghĩ bàn. Hàng thượng thượng căn thì Đức Phật giảng cho họ pháp thượng thượng thừa, đó chính là hoa khai kiến Phật. Đối với hạng hạ hạ căn ngài giảng pháp thượng thừa họ sẽ không hiểu được, không thể lý giải được

cho nên không được lợi ích. Phải tùy theo căn cơ của họ, hàng hạ hạ căn thì giảng hạ hạ pháp họ mới được lợi ích.

Hạ hạ pháp là gì? Thiện nhân thiện quả, ác nhân ác báo. Tu tập thiện thì được phước, tạo tập ác liền bị tai họa. Nói như vậy hàng hạ hạ căn sẽ dễ hiểu, dễ tiếp thu nên Phật không có nói pháp nào nhất định mà tùy cơ để nói.

Thứ năm “*trí chủng chủng giải*”. Giải ở đây ngày nay chúng ta gọi là lý giải, khác với giải thoát ở trước. Giải thoát là đứng về mặt quả mà nói. Giải ở đây như ngày nay chúng ta nói, xem sách đã hiểu được, nghe giảng đã minh bạch. Năng lực này mỗi chúng sanh trong mười pháp giới không giống nhau.

Rõ ràng nhất là thấy từ việc phiên dịch, rất ít người có thể y theo ý nghĩa vốn có của nó để dịch, hoàn toàn phiên dịch ra, điều này hầu như vô cùng khó khăn. Phiên dịch có thể duy trì một nửa ý nghĩa vốn có của nó, đó là cũng rất khó rồi. Dịch đến sáu phần bảy phần là vô cùng hy hữu. Đây là hiện tượng phổ biến, là sự thật trước mắt. Nói như vậy thì kinh điển phiên dịch ở Trung quốc có đáng tin chăng? Chúng ta lấy một bài trong Cổ Văn Quán Chỉ ra để những người thông đạt tác phẩm văn cổ phiên dịch thành văn bạch thoại. Một trăm người dịch thì có một trăm cách khác nhau, tuyệt đối không thể có hai người dịch hoàn toàn tương đồng. Điều này khiến chúng ta thấu triệt rằng, giải có vô lượng cách giải, mỗi người có cách lý giải khác nhau. Tự mỗi người hàng ngày lý giải khác nhau. Lý giải ngày hôm qua và lý giải của ngày hôm nay không giống nhau, ngày mai đọc lại có lý giải mới nên giải có rất nhiều. Trí huệ của Như Lai là hoàn toàn thấu triệt, chẳng có gì không thông suốt.

Loại thứ sáu “*tri chủng chủng giới trí lực*”. Giới ngày nay chúng ta gọi là “loại biệt”. Trong Kinh Dịch nói “vật dĩ loại tự, nhân dĩ quần phân”, đây là hiện tượng tự nhiên. Người có sở thích hợp với nhau, họ luôn tập trung lại một nơi, người sở thích không giống nhau thì họ không hợp lại được, vạn vật cũng như vậy. Quý vị xem cây cỏ hoa lá không nên xem công nhân vun xới đó là nhân lực đang chi phối nó. Quý vị thấy cỏ dại nó cũng mọc theo từng loại từng loại. Vạt này là cây Sam, chúng ta xem cả một vạt lớn toàn là cây Sam. Sườn núi đó là cây Tùng thì tất cả đều là Tùng. Đó là tự nhiên, không phải do nhân công trồng trọt, có thể nói đây là tánh đức hiển lộ. Đức Phật biết chủng loại khác nhau của mỗi

chúng sanh. Họ là thuộc hàng Thanh văn hay thuộc hàng Bồ Tát, là quyền giáo Bồ Tát hay là thật giáo Bồ Tát, điều này Đức Phật đều biết. Cho nên gặp Phật, được ngài dạy mới thật là khế lý khế cơ cứu cánh viên mãn. Học với Phật chắc chắn không khô khan vô vị, nhất định được pháp hỷ sung mãn. Đức Phật rất khế cơ nên những gì ngài dạy, chẳng những chúng ta có thể lý giải, mà còn có thể lý giải một cách sâu sắc. Chúng ta được lợi ích gọi là pháp hỷ sung mãn. Vì sao vậy? Vì nó có liên quan mật thiết với đời trước của mình. Trong quá khứ đã từng học pháp môn này, trong đời này gặp được cảm thấy rất quen thuộc, cảm thấy không khó khăn. Trong quá khứ chưa từng học, lần đầu tiên gặp được sẽ rất khó khăn, đây là thiện giáo trong mười lực. Đây đủ mười lực này là phổ độ chúng sanh.

Thứ bảy “*tri nhất thiết chí xứ đạo trí lực*”. Những thứ tất cả chúng sanh học, và tạo chủng chủng nghiệp khác nhau. “Chí xứ” chính là nơi họ đạt được, chúng ta có thể nói là họ nhất định chiêu cảm lấy quả báo. Tu nhân nhất định chiêu cảm được quả, Đức Phật biết được. Chúng ta tu học đời đời kiếp kiếp trong quá khứ được quả báo là duyên. Trong A lại da thức của mỗi người nghiệp thức chủng tử vô lượng vô biên vô cùng vô tận. Trong kinh Đức Phật nói rất hay, nếu những nghiệp tập chủng tử này có thể tích, thì thể tích này dù nhỏ, nhỏ như hạt nguyên tử ngày nay vậy. Đức Phật nói biến pháp giới hư không giới cũng không dung nạp được. Có thật như vậy không? Là thật.

Nên biết chúng ta mỗi phút khởi bao nhiêu ý niệm? Bồ Tát Di Lặc nói, 1600 triệu trong một giây. Như vậy một ngày ta khởi bao nhiêu ý niệm? Một năm khởi bao nhiêu ý niệm? Suốt đời khởi bao nhiêu ý niệm? Còn có đời trước, từ vô thi kiếp trong quá khứ, Đức Phật nói lời này không hề hư vọng. Nhiều nghiệp tập chủng tử như vậy, mỗi nghiệp tập chủng tử khi gặp duyên đều có quả báo. Khi thọ quả báo lại tạo nghiệp, nghiệp tập chủng tử chỉ có gia tăng không có giảm ít, quý vị nghĩ xem đáng sợ biết bao, không dừng được!

Người tu hành chơn chánh đều y theo giáo huấn của Phật để tu hành. Họ biết dừng lại, họ hiểu được đạo lý này, nên biết tâm chúng ta cần phải như nước không gợn sóng vậy, phải thanh tịnh, bất động. Đây chính là nói công phu tu hành, đây là tam muội, là công phu thiền định. Định ở một nơi không để họ tạo

nghiệp. Nguyên tắc chung, cương lĩnh chung chính là trên đề Kinh Vô Lượng Thọ, định ở nơi thanh tịnh, định ở nơi bình đẳng, định ở giác, giác mà không mê, đây là nguyên tắc chung, cương lĩnh chung, là chánh giác tịnh. Chánh giác tịnh tuy là ba điều nhưng sự liên quan của nó rất mật thiết. Một cái đạt được thì cả ba đều đạt được. Người giác ngộ làm gì có không chánh, làm gì có không định. Không chánh không định làm sao giác được? Người tâm địa thanh tịnh nhất định có định, định khởi tác dụng nhất định là huệ, nhất định là giác nên đây là một mà ba, ba mà một. Tu một cái nhưng cả ba cái đều đạt được.

Chư Phật Như Lai và chư vị tổ sư dạy chúng ta dừng lại một nơi, chế tâm một chỗ là vô cùng chính xác, đây là lời chân thật không hề giả dối.

Ngày nay chúng ta nên để ý niệm trên Phật A Di Đà, mục tiêu chắc chắn ở thế giới Cực Lạc, nhất tâm nhất ý cầu sanh Tịnh độ. Cuốn Kinh Vô Lượng Thọ này giới thiệu thế giới tây phương Cực Lạc, là cuốn sách nói rõ về lý sự nhân quả. Sau khi chúng ta đọc rồi, đối với thế giới tây phương Cực Lạc rõ như trong lòng bàn tay. Biết được thế giới Cực Lạc là tất cả chư Phật giới thiệu pháp môn thành đạo cứu cánh cho pháp giới chúng sanh. Pháp môn này đơn giản, dễ, ôn hoà và nhanh, thành tựu lại rất thù thắng. Mỗi người đều có thể tu, người người đều có thể thành tựu, vậy tại sao không học?

Thứ tám “*tri thiên nhĩ vô ngại trí lực*”. Năng lực lớn nhỏ của thiên nhĩ cũng là mỗi người không giống nhau. Đức Phật đều biết, ngài đều có thể thấy được.

Thứ chín “*tri tức mạng vô lậu trí lực*”. Tức mạng là chúng sanh trong lục đạo đời đời kiếp kiếp ở trong lục đạo xả thân hay thọ thân, chủng chủng tạo tác, chủng chủng quả báo, Đức Phật đều thấy nghe và đều hiểu được. Lậu tận là phiền não đã đoạn tận, đoạn tận kiến tư phiền não. Kiến hoặc đã đoạn tận chúng được sơ quả tiểu thừa. Đoạn tận tư hoặc chúng được tứ quả A la hán. Đoạn tận trần sa phiền não, quý vị chúng được quả vị Bồ Tát. Vô minh đã buông bỏ, biết rằng quý vị chúng đến quả vị của Như Lai nhưng tập khí vô thỉ vô minh chưa đoạn được, vì thế ở trong cõi thật báo. Chúng ta đạt được thân pháp tánh, cõi pháp tánh nên gọi nó là nhất chân pháp giới. Pháp giới này là bình đẳng, mỗi người đều không

khởi tâm không động niệm, không phân biệt không chấp trước nên nó tự nhiên bình đẳng.

Cho nên mỗi người đoạn tập khí nhiều ít không giống nhau. Tập khí nhiều hơn một chút thì thập trú, thập hạnh. Nhạt hơn một chút thì thập địa. Địa vị của Bồ Tát ở trong này quá vi tế người thường chắc chắn không nhìn thấy được, nhưng Như Lai biết rất rõ quý vị còn mấy phần tập khí chưa đoạn, Đức Phật đều biết hết, đây là tri túc mạng vô lậu trí lực.

Điều cuối cùng “*tri vĩnh đoạn tập khí trí lực*”. Thấy đẳng giác Bồ Tát đoạn tận phẩm cuối cùng của tập khí vô thi vô minh, họ chứng được diệu giác quả vị. Từ đẳng giác nâng lên đến diệu giác quả vị. Ai biết được điều này? Phật biết được, tự ngài biết được, người chứng được diệu giác quả vị biết, người có địa vị tương đồng với họ biết. Dưới thập địa đều không biết. Mười loại này gọi là thập lực “*thị vi thập lực*”.

Bên dưới nói có bốn loại vô sở úy. Trong kinh điển đại thừa thường nói là tứ vô úy.

“*Vô úy giả, hựu vân vô sở úy*” không có sợ hãi. “*Phật u đại chúng trung thuyết pháp, thái nhiên vô úy chi đức giả*”, chư Phật Bồ Tát ở trong đại chúng giảng kinh thuyết pháp giáo hoá, thái độ tự nhiên không hề sợ hãi, không sợ người đặt vấn đề. Đặt vấn đề không đáp được thì thật khó coi, do đây mà sinh ra sợ hãi. Đưa ra bất cứ vấn đề nào ngài cũng đối đáp được như nước chảy, không có vấn đề nào làm khó được ngài, điều này thật không dễ. Đức Thế Tôn khi còn tại thế có ai cố ý làm khó ngài chẳng? Có rất nhiều. Trong kinh điển tiểu thừa quý vị có thể thấy được. Trong Kinh Chấn Trâu, Đức Thế Tôn không có chấn trâu, đột nhiên đưa ra vấn đề này. Tôi chấn trâu thì trâu nên chăm sóc như thế nào? Làm sao có thể chăm sóc tốt nó? Ngài sẽ nói cho quý vị mỗi thứ đều biết. Đây là gì? Đây là một vài người không tin rằng, đức Như Lai có nhất thiết trí và hiểu hết mọi điều, họ không tin nên cố ý tìm phiền phức để thăm vấn ngài, để khảo nghiệm ngài, Đức Phật đều đối đáp rất có đạo lý và rõ ràng, khiến người ta tâm phục khẩu phục, điều này có bốn loại gọi là tứ vô úy.

Thứ nhất “nhất thiết trí vô sở úy. Phật u đại chúng trung minh ngôn ngữ vi nhất thiết tri nhân nhi vô úy tâm”. Đây là điều người thông không dám nói, đến Khổng Lão Phu Tử cũng không dám nói. Khổng Lão Phu Tử trả lời người khác rằng: “tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri dã”. Quý vị đến hỏi tôi, những gì tôi biết đều nói với quý vị. Tôi không biết thì nói với quý vị điều này tôi chưa từng học. Ai dám nói mình là người nhất thiết trí? Chỉ có Đức Phật dám nói. Phật ở đây, quý vị nói viên giáo sơ trú Bồ Tát chính là Phật thật. Thập lực, tứ vô úy ngài có chứng được chăng? Chứng được, sơ trú Bồ Tát đã chứng được nên trong mười pháp giới hoá độ chúng sanh, ngài thật không có gì sợ hãi. Ngài không học nhưng những điều này ngài đều biết. Vì sao vậy? Vì đã minh tâm kiến tánh, tất cả pháp không rời tự tánh. Chỉ cần kiến tánh thì tất cả pháp tự nhiên thông suốt hoàn toàn. Bất luận quý vị hỏi điều gì, không có gì ngài không biết.

Lúc Đức Thế Tôn tại thế, chúng ta biết năm 19 tuổi ngài xuất gia đi cầu học, thân cận các bậc cổ đức đương đại. Các bậc đại sư của Tôn giáo và giới học thuật ngài đều thân cận, suốt 12 năm. 12 năm có thể học hết các điều chăng? Không thể, học suốt một đời cũng không thể, giống như đại học hiện nay vậy, mỗi khoá phải học bốn năm, mười khoá mất hết 40 năm, có thể có 100 khoá chăng? Quý vị làm sao có thọ mạng dài đến thế. Quý vị không học thì không biết được nhưng học rồi chưa chắc hoàn toàn biết được, như vậy mới biết được điều này rất khó. Chư Phật Bồ Tát đều không cần học, các ngài cần là kiến tánh, là khai phát trí huệ vốn có trong tự tánh. Huệ Năng đại sư nói: “đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”, đây là điều các ngài cần. Đã kiến tánh đó chính là hàng nhất thiết trí. Không kiến tánh thì đến thánh nhân của thế gian cũng không làm được, nên trong nhà Phật gọi thánh nhân là gì? Là minh tâm kiến tánh, mới gọi là đại thánh.

Tứ quả La hán là tiểu thánh chỉ thoát ly luân hồi lục đạo nhưng chưa kiến tánh. Minh tâm kiến tánh mới thật sự là đại thánh, gọi họ là Bồ Tát Ma Ha Tát. Ở Trung quốc ngài Huệ Năng kiến tánh, điều này trong Lục Tổ Đàn Kinh đã chứng minh cho chúng ta thấy. Ngài Huệ Năng không biết chữ, chưa từng học qua kinh giáo. Sau khi kiến tánh ngài lại có năng lực giải thích tất cả các kinh điển. Quý vị đọc cho ngài nghe, nơi nào không hiểu có hoài nghi, ngài đều giảng giải tường tận cho quý vị hiểu. Ví dụ này xuất hiện ở Trung quốc, người như vậy rất nhiều,

đây là dùng ngài để làm đại biểu. Trong Ngũ Đẳng Hội Nguyên có 1700 người, trí huệ năng lực của họ bằng với ngài Huệ Năng. Còn trong Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, giáo môn đại khai viên giải niệm Phật nhất tâm bất loạn đều là cảnh giới này, cùng một cấp bậc, họ đều có năng lực này.

Người xưa đọc sách không như người hiện nay. Người bây giờ cầu tri thức, cổ nhân cầu trí huệ. Trí huệ có thể thành tựu nhất thiết trí, còn tri thức thì không thể. Tri thức nếu quý vị không học_ thường nói không trong nghề không biết tình hình nghề đó_ thì không thể thông suốt nhưng trí huệ thì thông suốt, nên nói một kinh thông suốt thì tất cả kinh đều thông. Một pháp môn thông thì tất cả pháp môn đều thông. Đây là phương pháp học tập của Đông và Tây phương, là ở chỗ không tương đồng của lý niệm mục tiêu và hiệu quả.

Thứ hai “*lậu tận vô sở úy. Phật u đại chúng trung minh ngôn ngã đoạn tận nhất thiết phiền não, nhi vô úy tâm*”. Đây là thật, ở đây nói về Phật, chúng ta có thể coi ngài là phần chứng tức Phật trên sơ trú, ngài đích thực có năng lực này. Vì sao vậy? Vì ba phiền não lớn, vô minh phiền não là khởi tâm động niệm, trần sa phiền não là phân biệt, kiến tư phiền não là chấp trước. Chúng ta đem những điều đại thừa và Kinh Hoa Nghiêm nói hợp lại sẽ rất dễ hiểu. Bồ Tát này đã hoàn toàn buông bỏ ba loại phiền não này, cũng chính là nói lực căn ở trong cảnh giới lục trần không khởi tâm không động niệm, không phân biệt không chấp trước. Phiền não này đã đoạn tận, tập khí vô thỉ vô minh không làm chướng ngại sự việc. Trong nhất chân pháp giới không chướng ngại sự việc, thật đã đoạn tận.

Nhân đây tôi nói với mọi người, vì ở trong thời thế loạn lạc này tôi tin rất nhiều người thường nghe được ai đó là Bồ Tát gì đó tái sanh, là Phật gì đó tái sanh, tất cả đều không phải thật. Ngày xưa thường nói chân nhân bất lộ tướng, lộ tướng không phải chân nhân. Nói họ là Bồ Tát gì đó tái sanh, họ vẫn ở nhân gian chưa

nhập niết bàn. Nếu là thật khi thân phận bị bại lộ thì sao? Thị họ viên tịch ngay, ra đi liền. Đó là thật không phải giả.

Lịch sử Trung quốc ghi chép khi thân phận Vĩnh Minh Diên Thọ bại lộ ngài liền ra đi. Bồ Đại hoà thượng tự mình tuyên bố, ngài là Bồ Tát Di Lạc tái sanh, sau khi tuyên bố rồi ngài liền nhập niết bàn, ngài liền ra đi, đây là thật. Hiện nay chúng ta nghe được rất nhiều lời đồn họ là Bồ Tát gì đó tái sanh, họ vì sao không đi? Chúng ta nên biết chúng ta nói Bồ Tát Quán Âm, Bồ Tát Quán Thế Âm có bao nhiêu? Vô lượng vô biên! Họ là Bồ Tát Quán Âm nào? Không phải một người. Nếu nói vị Quán Thế Âm Bồ Tát nào đó, như vậy thì được đó là chỉ chính ngài. Nếu chỉ đơn thuần nói Bồ Tát Quán Âm thì nhân số rất nhiều. Phạm là người tu học pháp môn này đều gọi Quán Âm Bồ Tát. Tu học Pháp môn Địa Tạng đều gọi Địa Tạng Bồ Tát. Tu học pháp môn Phổ Hiền đều gọi là Phổ Hiền Bồ Tát. Bồ Tát có bao nhiêu địa vị? 51 địa vị, họ là Bồ Tát Phổ Hiền của năm thứ mấy? Có Phổ Hiền Bồ Tát sơ tín vị, có Phổ Hiền Bồ Tát thập tín vị, có Phổ Hiền Bồ Tát sơ trú có Phổ Hiền Bồ Tát sơ hạnh, có Phổ Hiền Bồ Tát thập hồi hướng, thập địa. Ngài là địa vị nào? Chúng ta đã thấu triệt sẽ không cảm thấy kỳ lạ.

Ngày nay chúng ta học là pháp môn gì? Chúng ta học vô lượng thọ, chúng ta học Phật A Di Đà. Phạm là người học Phật A Di Đà thì tất cả đều là Phật A Di Đà, quý vị phải học thật giống. Hiện tại chúng ta học vẫn chưa giống. Lớp học của chúng ta hiện nay là lớp học nào? Chúng ta đang học lớp dự bị, năm thứ nhất còn chưa đạt được. Chúng ta học Phật A Di Đà, lớp dự bị của Phật A Di Đà_khoa dự bị. Vì sao vậy? Chúng ta phải đoạn 88 phẩm kiến hoặc mới học được năm thứ nhất lớp của Phật A Di Đà. Kinh Hoa Nghiêm có 51 địa vị. Thập tín chúng ta ví nó như tiểu học_thập tín là tiểu học. Thập trú là trung học, sơ trung. Thập hạnh là cao trung. Thập hồi hướng là đại học. Thập địa là thạc sĩ. Đẳng giác là tiến sĩ. Chúng ta dùng cách này để ví dụ sẽ dễ hiểu hơn.

Chương trình chúng ta học là gì? Là Phật A Di Đà. Quý vị là địa vị nào? Phật A Di Đà của lớp nào? Tôi giải thích như vậy quý vị chắc đều đã hiểu. Tâm Phật A Di Đà là tâm gì? Chúng tôi thường khuyến khích và hướng dẫn chư vị đồng học, để Phật A Di Đà trong tâm, tâm tôi tức là Phật A Di Đà, Phật A Di Đà tức là tâm tôi. Lời này không phải tôi nói, mà là Trung Phong thiền sư đã nói trong Hệ

Niệm Pháp Sự, đây là nói thật không phải giả. Ở đây tức là Tịnh độ, Tịnh độ chính là ở đây, đều là nói rất thật. Đây là Chư Phật Bồ Tát thuận theo chân đế mà nói pháp, không phải tục đế là tùy thuận chân đế. Chúng ta dùng lý niệm này để giải thích sẽ rất thông suốt, không có gì gọi là hy hữu. Họ không phải, họ là học vị Bồ Tát này, họ không phải đẳng giác Bồ Tát. Rất nhiều học sinh đều giống như chúng ta đang học lớp dự bị. Đây là lớp mẫu giáo, chưa lên được lớp một. Mẫu giáo cũng có lớp lớn, lớp nhỏ, lớp trung, quý vị là Bồ Tát của lớp nào? Điều này không thể không hiểu.

Người học Phật A Di Đà nhiều, cần phải thực hiện bộ kinh này và bốn mươi tám nguyện. Phẩm 32 chúng ta chưa học đến, từ phẩm 32 đến phẩm 37 là giới luật trong kinh Vô Lượng Thọ. Hoàn toàn giảng nhân quả, trong đó nói về ngũ giới thập thiện nói rất tường tận. Chúng ta phải thực hành nó, phải làm được. Đó là hạnh của Phật A Di Đà, giới là hạnh, 48 nguyện là nguyện. Tâm của Phật A Di Đà thật là từ bi đến tột cùng, chỉ có một lý niệm mà ở trước chúng ta đã học, là tất cả đều thành Phật. Đây là tâm của Phật A Di Đà, cũng chính là tâm này thành tựu thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc là giúp tất cả chúng sanh chúng được quả Phật viên mãn ngay trong đời này, cảnh giới không thể nghĩ bàn.

Chúng ta còn nghe người ta nói đây là Phật hay Bồ Tát gì đó tái sanh, chúng ta sẽ dùng tâm bình thường để đối đãi, như vậy là chính xác. Biết được điều gì? Họ là Phật Bồ Tát, tôi cũng là Phật Bồ Tát và quý vị cũng như thế. Không có ai không phải, mỗi người đều là Phật Bồ Tát. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói: tất cả chúng sanh vốn là Phật, Đức Thế Tôn đã nói như thế. Vậy quý vị là Phật gì? Là vị Phật nào? Quý vị học vị Phật nào thì quý vị chính là vị Phật đó. Quý vị học Đức Thế Tôn thì quý vị chính là Đức Thế Tôn, học Phật A Di Đà thì quý vị chính là Phật A Di Đà, học Dược Sư Như Lai thì quý vị chính là Phật Dược Sư. Vì Phật A Di Đà là mười phương chư Phật đều tán thán, mười phương chư Phật đều giới thiệu nên người học Phật A Di Đà rất đông. Phật A Di Đà chu biến thế giới. Tánh Phật biến khắp mọi nơi, nguyện của Phật cũng biến khắp mọi nơi, thần thông đạo lực của Phật cũng biến khắp mọi nơi.

Chư vị tổ sư dạy nếu chúng ta phát lòng tin chân thật và nguyện thiết tha một lòng xưng niệm, sẽ có năng lực nhiếp lấy vô lượng công đức của Phật A Di Đà

trở thành công đức chính mình, như vậy vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc không khó. Chẳng những nhất định vãng sanh, mà vãng sanh thế giới Cực Lạc có phẩm vị rất cao, cần nên học, đây là nói đoạn phiền não. Tập khí phiền não nhất định phải buông bỏ, buông bỏ mới có thể thâm nhập kinh tạng. Kinh tạng chính là cuốn Kinh Vô Lượng Thọ này và chú giải của cư sĩ Hoàng Niệm Tổ chính là cuốn này.

Thứ ba “*thuyết chương đạo vô sở úy. Phật u đại chúng trung, thuyết cảm nghiệp đẳng chư chương pháp nhi vô úy tâm*”. Chương đạo, chương là chương ngại. Những gì là chương ngại? Mê hoặc là chương ngại, tạo nghiệp là chương ngại, hoặc chính là vô minh. Nghiệp thì phân biệt chấp trước đều là nghiệp. Nghiệp là tạo ra, khi đang tạo ra là sự, chúng ta gọi nó là sự, sau khi tạo xong thì gọi nó là nghiệp. Nghiệp là nguyên nhân thứ nhất của quả báo. Đức Phật có thể nói rõ ràng điều này, vô minh chương đạo, chương điều gì? Chương ngại sự khai ngộ, chương ngại sự tu hành. Vô minh là không có trí huệ nên chương ngại chúng ta tu hành, chương ngại ta đạt định, nghĩa là chương ngại ta được tâm thanh tịnh, và chương ngại ta chứng quả. Trong pháp môn niệm Phật thì chương ngại ta vãng sanh, điều này phiền phức chẳng? Nên người niệm Phật nhất định phải cầu trí huệ. Tu hành phải phối hợp mật thiết với kinh giáo, những gì trong kinh giáo nói chúng ta đều phải thực hiện nó mới được.

Chúng ta nghe hiểu, nghe hiểu nhưng không thể thực hành nó thì không có lợi ích. Nghe hiểu rồi có thể thực hành mới thật sự được lợi ích. Lợi ích này chính là oai thần bốn nguyện của Phật A Di Đà gia trì, chúng ta đã tiếp nhận và có cảm ứng. Nếu nghe hiểu nhưng không làm được vẫn là một loại chương ngại, như vậy chúng ta hiểu được tín nguyện hạnh thì hạnh quan trọng biết bao. Hạnh nghĩa là đem những lý luận trong kinh điển nói, biến thành tư tưởng kiến giải của mình. Tư tưởng kiến giải của chúng ta là chánh tri chánh kiến. Cách nhìn cách nghĩ không giống với kinh điển là tà tri tà kiến. Chuyển tà thành chánh cần phải dựa vào kinh giáo, lấy kinh giáo làm tiêu chuẩn. Không có tiêu chuẩn thì chuyển bằng cách nào? Dựa vào đâu để chuyển? Dựa vào tiêu chuẩn này để chuyển.

Nghe kinh phải nghe như thế nào mới thật sự hiểu được? Các bậc cổ đức dạy tâm chân thành, tâm cung kính. Ấn Quang đại sư dạy mọi người, một phần thành

kính được một phần lợi ích, hai phần thành kính được hai phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích. Hay nói cách khác, không có tâm thành kính thì dù ngày ngày nghe kinh, nghe đến cả trăm năm cũng không được lợi ích. Vì sao vậy? Vì quý vị coi nó như trò đùa, không siêng năng, như vậy làm sao được lợi ích? Tâm chân thành từ đâu mà có? Từ việc hiếu thảo với cha mẹ. Người bây giờ rất khó, vì sao vậy? Vì không còn ai dạy về hiếu thảo, từ nhỏ chưa học, cha mẹ chúng ta cũng không dạy, không ai làm tấm gương hiếu thảo để chúng ta noi theo, cũng không ai dùng lời nói để dạy. Vì thế quý vị không hiểu hiếu đạo cũng không thể trách quý vị, như trong kinh này Đức Phật nói: “tiên nhân bất thiện”, tiên nhân là cha mẹ, tổ phụ mẫu, tăng tổ phụ mẫu thậm chí là cao tổ phụ mẫu họ đều đã lãng quên và không nỗ lực dạy quý vị. Họ không phải không biết điều này mà là họ lơ là. Ngày nay quý vị phạm những lỗi lầm này đều nên tha thứ không nên trách cứ quý vị. Chư Phật Bồ Tát có lòng thương xót.

Nhưng khi chúng ta đến ba bốn mươi tuổi, đến tuổi già mới nghe được giáo huấn của Phật, mới biết thì ra có điều này. Thật hiếm có, thật không dễ! Sau khi nghe xong có thể ngộ nhập bao nhiêu, đó là tâm biết xấu hổ và tâm biết sám hối của chúng ta, từ đây chúng ta có thể đạt được vì chúng ta thật tâm sám hối, thật biết xấu hổ nên đã bù đắp cho tâm cung kính. Có được một chút như vậy thì quý vị thật sự nghe hiểu được một chút. Từ đây dần dần trưởng dưỡng, kiên trì không bỏ tìm tâm thành kính của chúng ta trở về. Đây là gì? Đây là chân tâm của mình. Tất cả pháp mà Đức Phật dạy đều từ chân tâm hiển lộ ra. Chỉ có dùng chân tâm mới có thể tiếp nhận họ còn dụng vọng tâm không tương ứng với họ được. Dù Họ giảng có nhiều bao nhiêu cũng chỉ hoài công, một câu cũng không nghe lọt vào tai. Chân tâm đối với chân tâm thì pháp này sẽ truyền cho quý vị và thật đã đạt được.

Bộ Kinh Vô Lượng Thọ này là Phật A Di Đà trực tiếp truyền cho chúng ta. Quý vị có 12 phần chân thành, quý vị có 12 phần chân thành nên Phật A Di Đà truyền bộ kinh này cho quý vị. Họ cũng có tâm chân thành như vậy, Phật A Di Đà cũng đem bộ kinh này truyền cho họ, như vậy không phải hiện tại có ba vị Phật A Di Đà rồi sao? Đây là nói thật với quý vị, không phải dùng lời hư vọng, quý vị có đồng ý tiếp nhận chăng?

Bồ Tát Quan Âm có ba bộ kinh. Trước đây chúng ta có đề cập đến, cả ba bộ kinh đều được ấn chứng. Nó không phải độc lập mà ở trong Đại Tạng Kinh. Mọi người đều biết Kinh Phổ Môn là một phẩm trong kinh Pháp Hoa. Quan Âm còn có trong Kinh Hoa Nghiêm 53 lần tham bái cầu học của Thiện Tài Đồng Tử, “Đệ thất hồi hướng” là Quán Thế Âm Bồ Tát. “Đệ thất hồi hướng chương” này là Quán Thế Âm Bồ Tát nói trong Kinh Hoa Nghiêm. Trong Kinh Lăng Nghiêm có Quán Thế Âm Bồ Tát Nhĩ Căn Viên Thông Chương. Y theo pháp môn này tu là tu pháp môn Quán Âm.

Trong Kinh Lăng Nghiêm nói Bồ Tát làm thế nào để thành tựu? Ngài dùng nhĩ căn, dùng tánh nghe nghe âm thanh của tánh, “phản văn văn tự tánh, tánh thành vô thượng đạo”. Đây là Bồ Tát Quán Âm nói ra, ngài đã tu hành như thế nào để thành Phật. Dùng pháp môn này là tu pháp môn Quán Âm. Đại từ đại bi, nhìn thấy chúng sanh khổ nạn lập tức đưa tay giúp đỡ, thiên thủ thiên nhãn là tượng trưng cho ý này, nên hoặc nghiệp chướng đạo, nói về nó một cách rõ ràng là khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói khởi tâm động niệm là hoặc, phân biệt chấp trước là nghiệp. Chúng ta chỉ cần có ba thứ này thì việc tu học Phật pháp sẽ rất khó, vì sao vậy? Vì có ba thứ này thì tâm quý vị không thành, không kính_ không có chân thành cung kính. Đức Phật có thể đem điều này nói một cách rõ ràng minh bạch, không sợ hãi điều gì, vì sao vậy? Vì ngài hoàn toàn không có những chướng ngại này, ngài đã đoạn tận tất cả.

Điều thứ tư sau cùng là *“thuyết tận khổ đạo vô sở úy. Phật u đại chúng trung, thuyết giới định tuệ đẳng chư tận khổ chi chánh đạo, nhi vô úy tâm, thị danh tứ vô úy”*. Đây là gì? Ở trước là biết khổ, phương pháp nào có thể đoạn tận khổ, đây chính là tận khổ đạo. Phương pháp này chính là tam học giới định tuệ. Tam học, lục độ, thập nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát. Tam học là tổng cương lĩnh, tất cả Phật pháp không rời tam học nên quý vị thấy Đại Tạng Kinh, phương pháp biên tập của nó là kinh luật luận. Luật là giới học, kinh là định học, luận là huệ học, không rời được ba cương lĩnh lớn này. Nếu chúng bỏ giới, không trì giới, điều này không thể được? Không trì giới làm sao có thể được định? Tâm thanh tịnh là định, tâm bình đẳng là định. Không trì giới thì không thể phục hồi thanh tịnh bình đẳng. Không có thanh tịnh bình đẳng thì trí huệ không khai mở. Giác ở đằng sau

là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Là chữ giác trong thanh tịnh bình đẳng giác.

Thanh tịnh bình đẳng giác hiện tiền, quả báo chính là Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm ở trên đề kinh. Đại thừa là tự tánh vốn đầy đủ trí huệ bát nhã, vô lượng thọ là đức, trang nghiêm là tướng hảo. Quý vị xem trong Kinh Hoa Nghiêm Đức Phật nói tất cả chúng sanh đều có trí huệ đức tướng của Như Lai. Trí huệ của Như Lai là đại thừa, đức là vô lượng thọ, tướng là trang nghiêm, tất cả đều ở trên đề kinh.

Cư sĩ Bành Tế Thanh nói Kinh Vô Lượng Thọ tức là trung bản Hoa Nghiêm, không sai, là thật không phải giả. Cho nên đặc biệt trong hoàn cảnh hiện tại này chúng tôi dừng lại không giảng Kinh Hoa Nghiêm, gấp rút giảng bộ kinh này một lượt tường tận tởm mỹ, chúng ta ở đây cùng nhau chia sẻ. Trong kiếp nạn này, dùng bộ kinh này, dùng phương pháp này nhất tâm trì danh hiệu Phật. Văn tự trong kinh là “phát tâm bồ đề một lòng chuyên niệm”, như vậy chúng ta có thể giải quyết thiên tai, giải quyết vấn đề chính mình. Cũng giúp xã hội, giúp địa cầu này hoá giải thiên tai. Làm như vậy được vô lượng công đức, chúng ta nên biết và cố gắng nỗ lực.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 370

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 10.04.2011

Địa điểm: Tịnh Tông Học Viện _Úc Châu

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 443, bắt đầu xem từ hàng thứ nhất.

“Vô tánh giả, Pháp Hoa Kinh viết, tri pháp thường vô tánh. Tánh giả thể dã, nhất thiết chư pháp giai vô thật thể, cố viết vô tánh”.

Hoàng Niệm Tổ dẫn chứng một câu trong Kinh Pháp Hoa là: “tri pháp thường vô tánh”, đây là chân trí, Phật trí Phật kiến. Tánh là gì? Tánh là thể. Chúng ta thường gọi là tánh chất, tánh thể. Cái gì thành tựu pháp tánh này? Ví dụ chúng ta xem một cuốn sách thì sách này là nhất pháp. Thể của sách là gì? Là trang giấy. Khi những trang giấy này tập trung lại đóng thành một cuốn sách nhưng xé nó ra thì không gọi là sách nữa mà gọi là giấy, từng trang từng trang giấy.

Thể của sách là giấy, giấy thật sự có thể chăng? Giấy không có thể, giấy do xơ chế tạo thành. Không có xơ thì giấy cũng không có nên sách không có tự thể, giấy nó cũng không có tự thể. Phân tích tử mỷ thì tất cả pháp trong thế gian này đều không có tự thể. Những người thông minh, người có trí huệ biết, cho nên biết tất cả pháp thường vô tánh. Tất cả pháp đều không có thật thể, cho nên gọi là vô tánh. Trong kinh Đức Phật thường nói duyên tụ thì hiện, duyên tán thì mất. Như cuốn sách chúng ta lấy giấy đóng lại thì nó hình thành cuốn sách, nhưng sau khi tách rời ra thì sách cũng không còn. Một ngôi nhà cũng cùng một đạo lý như vậy, trong đó có sắt thép, có nước xi măng, có rất nhiều chất liệu kiến trúc, sau đó chiếu theo đồ họa kết hợp xây dựng nên, phòng nhà liền hiển thị ra nhưng khi phá bỏ thì nó lại trở về thành từng đồng vật tư xây dựng ban đầu, phòng ốc cũng không còn nên tất cả pháp đều là khi duyên tụ thì có, duyên tán không, do đó chúng ta hiểu được chân tướng sự thật.

Đức Phật nói con người chúng ta là duyên tụ bốn đại năm uẩn. Tứ đại là nói đất nước gió lửa, hiện tượng vật chất. Ngoài hiện tượng vật chất ra có thọ tướng hành thức là hiện tượng tinh thần, nên nó là duyên tụ. Năm uẩn tụ tập hiện ra

tướng người này, khi năm uẩn tán thì tướng người này cũng không tồn tại, duyên tụ duyên tán. Khi duyên tụ có nhưng không có thật. Khi duyên tán mất cũng không phải là thật mất. Nếu chúng ta thấu triệt được điều này, mới lãnh ngộ được tất cả pháp vốn không sanh không diệt, tất cả đều là duyên tụ duyên tán mà thôi. Duyên tụ duyên tán thì sức mạnh nào tạo thành hiện tượng này? Hiện nay các nhà khoa học không ngừng nghiên cứu nhưng Phật pháp đã có đáp án từ sớm.

Quý vị xem trong Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của Hiền Thủ quốc sư nói “hiển nhất thể”, nhất thể này là tự tánh là chân như, là chân tâm, lại gọi là bản tánh, danh từ rất nhiều. Nó tồn tại, nó là bản thể của tất cả pháp, nhưng lục căn của chúng ta nhãn nhĩ tỷ thiệt thân đều duyên không được nó, cũng không cách nào tiếp xúc được nó. Lục căn có thể tiếp xúc được hiện tượng, vì sao không tiếp xúc được tự tánh? Tự tánh nó không phải hiện tượng, không có hiện tượng, nó không có vật chất, không có hiện tượng vật chất, nó cũng không phải tinh thần, nó cũng không phải hiện tượng tự nhiên. Trong vũ trụ có rất nhiều hiện tượng nhưng quy nạp lại thì không ra ngoài ba loại lớn này.

Nếu là hiện tượng vật chất thì năm căn trước có thể duyên tới. Chúng ta có thể thấy được, có thể nghe được. Nhãn nhĩ tỷ thiệt thân có thể duyên được hiện tượng vật chất. Nếu hiện tượng tinh thần thì đệ lục ý thức duyên được, đệ lục ý thức là tư tưởng, có thể tư có thể tưởng, có thể tư duy tưởng tượng nhưng nó không phải hiện tượng tinh thần, nó cũng không phải hiện tượng tự nhiên. Nó không phải là gì cả nhưng nó tồn tại, nó hiển diện mọi lúc mọi nơi, tuy nó tồn tại mọi lúc mọi nơi nhưng lục căn không tiếp xúc được, nên trong Phật pháp đại thừa thường gọi là không, gọi là vô. Vô chẳng phải là không có, không ý của nó cũng không phải là vô nhưng nó có thể hiện. Cái gì nó cũng không phải, nhưng nó có thể hiện hiện tượng, đến hiện tượng tự nhiên cũng là nó hiện, nó không phải hiện tượng tự nhiên.

Khi một niệm bất giác liền hiện ra A lại da. Điều thứ nhất trong ba tế tướng của A lại da là nghiệp tướng. Nghiệp tướng chính là hiện tượng dao động. Bồ Tát Di Lặc nói một khảy móng tay có 32 ức một trăm ngàn niệm, hiện tượng dao động này là nghiệp tướng, thuộc về hiện tượng tự nhiên. Từ nghiệp tướng biến hiện ra chuyển tướng, chuyển tướng chính là thức thứ bảy tức là Mạt na. Mạt na

là bốn đại phiền não thường tương tùy, đây chính là hiện tượng tinh thần. Thứ nhất là ngã kiến, thứ hai là ngã ái, thứ ba là ngã mạn, thứ tư là ngã si. Quý vị xem cái đầu tiên là cái “ngã” đã xuất hiện. Không có ngã nhưng ngộ nhận cho rằng có ngã, theo ngã xuất hiện chính là tham sân si.

Quý vị xem ái chính là tham, mạn tức là sân nhuế còn ngã si là tham sân si. Tam độc phiền não liền theo đến, đây là hiện tượng tinh thần. Hiện tượng tinh thần, họ lại yêu cầu, họ có ý niệm này. Từ trong ý niệm liền xuất hiện ngã kiến ngã ái ngã mạn ngã si, nên xuất hiện hiện tượng vật chất, xuất hiện cảnh giới tướng. Tứ phần của bát thức thì kiến phần và tướng phần xuất hiện. Tướng phần là hiện tượng vật chất. Vật chất từ đâu mà? Các nhà khoa học nói vật chất xuất hiện từ ý niệm, không có ý niệm thì không có vật chất, cho nên ý niệm có trước vật chất có sau, cũng có nghĩa là hiện tượng vật chất có trước, hiện tượng vật chất có sau. Hiện tượng tinh thần đến từ hiện tượng tự nhiên, hiện tượng tự nhiên là hiện tượng dao động. Trong tự tánh cả ba loại hiện tượng đều không có, nên ba loại hiện tượng này đều là vô tánh, tất cả là không tự tánh. Quý vị chẳng thể nói nó có, cũng không thể nói nó không có. Nói nó không có nhưng hiện tượng đích thực tồn tại, nói nó có nhưng hiện tượng này đương thể tức không, liễu bất khả đắc, như vậy mới thật sự hiểu rõ chân tướng sự thật.

Như vậy làm sao biết được có tự tánh? Đối với nó thì khoa học không có biện pháp, triết học cũng không có cách nào. Vì sao vậy? Vì khoa học, triết học không rời ý thức. Chúng ta muốn nghiên cứu thì phải dùng đệ lục ý thức, đệ lục ý thức là hư vọng. Hư vọng chỉ có thể duyên được hư vọng, không duyên được chân thật. Đức Phật làm sao biết có chân tướng? Đức Phật từng nói buông bỏ tất cả khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước liền thấy được. Vì sao vậy? Vì khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước là vọng tâm. Vọng tâm buông bỏ thì chân tâm liền hiện tiền, đó gọi là minh tâm kiến tánh. Minh tâm kiến tánh mới có tác dụng, mới có thể giải quyết vấn đề. Thực tế mà nói thì triết học và khoa học không giải quyết được vấn đề, mà càng làm cho vấn đề phức tạp hơn, như vậy rất phiền phức.

Thế giới ngày nay khoa học kỹ thuật văn minh đã đem địa cầu đến ranh giới của sự huỷ diệt, đây là tác dụng phụ của nó. Cho nên học thuật đông phương tôn

sùng trí huệ, chứ không phải tri thức. Khoa học và triết học đều là tri thức. Đặc biệt là Phật pháp đại thừa, là cầu trí huệ chân thật, không phải tri thức. Trí huệ và tri thức là hai lãnh vực khác nhau. Tri thức xuất hiện từ trong vọng tâm, lấy A lại da làm nền tảng. Trí huệ lấy chân tâm, lấy tự tánh làm nền tảng, trong tự tánh vốn có. Ngài Huệ Năng khi kiến tánh ngài dùng năm câu để miêu tả tự tánh. Câu thứ nhất ngài nói tự tánh là thanh tịnh, “đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh”. Đâu ở ở đây nếu dùng cách nói hiện nay nghĩa là thật không ngờ, thật không ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh, xưa nay chưa từng nhiễm ô. Hiện nay chúng ta mê như vậy, tự tánh có nhiễm ô chăng? Không có, nó nhất định không bị nhiễm ô.

Hiện tượng thứ hai nó không sanh không diệt. Hiện tượng thứ ba nó vốn tự đầy đủ. Nó tuy không có gì cả nhưng nó lại có thể hiện tất cả, đây gọi là tánh đức. Câu này trong Kinh Hoa Nghiêm Đức Phật nói rất rõ ràng, ngài nói tất cả chúng sanh đều có trí huệ đức tướng của Như Lai, đây chính là câu ngài Huệ Năng nói “vốn tự đầy đủ”. Đầy đủ điều gì? Đầy đủ trí huệ, đầy đủ đức năng, đầy đủ tướng hảo. Hiện tượng thứ tư nó vốn bất động, xưa nay chưa hề động, “vốn không dao động”. Huyền tướng đang động nhưng nó bất động. Câu cuối cùng nói “đâu ngờ tự tánh năng sanh ra vạn pháp”, tất cả các pháp trong biến pháp giới hư không giới đều là nó sở sanh, nó sở hiện. Nó là năng sanh năng hiện, vạn pháp là sở sanh sở hiện. Nó không có hiện tượng nào, không phải vật chất, không phải tinh thần, cũng không phải hiện tượng tự nhiên, nên nó hiện ra những hiện tượng này, đương thể tức không liễu bất khả đắc. Vậy nó hiện như thế nào? Bồ Tát Di Lặc nói đó chính là phương pháp hiện. Điều này các nhà khoa học cũng đã nhìn thấy. Chúng ta đối với các nhà khoa học này không thể không khâm phục. Cảnh giới vi tế như vậy họ có thể thấy được.

Phổ Lãng Khắc nhà khoa học người Đức, thầy của Ái Nhân Tư Thản, suốt đời chuyên môn nghiên cứu về nguyên tử, nghiên cứu về lượng tử. Ông ta nói trên thế giới này không có thứ gì gọi là vật chất. Bản chất của vật chất là gì? Là ý niệm, điều này hoàn toàn tương đồng với Phật pháp nói. Cảnh giới tương từ đâu đến? Từ chuyển tướng biến hiện ra. Chuyển tướng chính là ngã kiến, ngã ái, ngã mạn, ngã si. Từ những thứ này biến hiện ra, những thứ này từ đâu mà có? Trong tự tánh nó vốn đầy đủ trí huệ đức tướng. Trong tự tánh có những thứ này nhưng

nó không hiện tướng, gặp duyên nó liền hiện tướng. Tự tánh có trí huệ, trong tự tánh có kiến văn giác tri. Khi kiến văn giác tri mê liền biến thành thọ tướng hành thức, nơi tự tánh gọi là kiến văn giác tri. Trong A lại da thì biến thành A lại da, nó chính là thọ tướng hành thức trong A lại da. Phật pháp nói rõ ráo viên mãn hơn khoa học.

Các nhà khoa học nói đến tin tức, họ nói trong vũ trụ ba loại là năng lượng, tin tức, vật chất, chính là tam tế tướng. Họ nói năng lượng chính là nghiệp tướng của A lại da, tin tức chính là chuyên tướng của A lại da, vật chất chính là cảnh giới tướng của A lại da. Thật đáng nể.

Điều này trong kinh Đức Phật nói rất rõ, năng lực phan duyên của thức thứ sáu rất lớn. Đối với bên ngoài nó có thể duyên đến hư không pháp giới. Đối nội nó có thể duyên đến A lại da, nhưng không duyên được tự tánh, vì nó là vọng tâm, nó không thấy được chân tâm. Buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước chân tâm tự nhiên hiện tiền. Minh tâm kiến tánh chính là như vậy!

Thành Phật không phải là học rộng nghe nhiều, học rộng nghe nhiều có thể trở thành một vị tiến sĩ, một vị chuyên gia nhưng không thành Phật được. Vì sao vậy? Trong Phật pháp nói học rộng nghe nhiều là sở tri chướng.

Đức Thế Tôn khi còn tại thế đã biểu diễn cho chúng ta, thị hiện cho chúng ta thấy. Ngài biểu diễn là một người thanh niên tri thức hiếu học, 19 tuổi ra đi tham học, học suốt 12 năm. Tất cả học thuật, học phái và Tôn giáo của Ấn Độ ngài đều thân cận và học hỏi, 19 tuổi rời gia đình, xả bỏ dục vọng, nghĩa là buông bỏ phiền não chướng. Ngài sống cuộc đời khổ hạnh tăng, buông bỏ phiền não chướng. Học suốt 12 năm, đến năm 30 tuổi dưới gốc cây bồ đề ngài đã buông bỏ hết sở học trong 12 năm, như vậy mới khai ngộ. Buông bỏ hai chướng nên thành Phật. Sau khi thành Phật mới thật sự là “vô sở bất tri, vô sở bất năng”. Ở nơi Đức Thế Tôn chúng ta thấy rất rõ ràng, ngài buông bỏ phiền não chướng, buông bỏ sở tri chướng.

Ở Trung quốc thông qua ngài Huệ Năng, quý vị có thể thấy được, thấy được điều gì? Không cần học gì cả, nhưng ngài “vô sở bất tri, vô sở bất năng”. Ngài Huệ Năng không biết chữ, ở nơi đạo tràng của Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn tám tháng, ngài chưa từng đến giảng đường. Hay nói cách khác chưa từng nghe qua bài

giảng nào, ngài cũng chưa từng vào thiền đường, đến một cây hương cũng chưa từng ngồi. Ngũ tổ sai ngài đến giã gạo chặt củi trong nhà bếp, làm nghề tiểu phu cũ của mình. Ngài là tiểu phu chặt củi lượm củi, ngài chưa học qua gì cả. Trong Lục Tổ Đàn Kinh chúng ta nhìn thấy và lãnh hội được. Tâm địa ngài thanh tịnh, thiện lương, thật thà, từ bi, khiêm tốn, cung kính. Chúng ta thấy ngài có những đức hạnh này, ngài chính là người như vậy.

Sau khi khai ngộ Ngũ tổ dạy ngài mau chóng ra đi. Vì sao vậy? Vì sợ sự đổ ky làm chướng ngại. Vì những người đó theo Ngũ tổ đã nhiều năm, nhưng pháp của Ngũ tổ lại không truyền cho họ, mà truyền cho một người từ ngoài đến, lại không biết gì hết, cho nên họ sẽ không phục. Vì thế Ngũ Tổ dạy ngài đi trốn, ẩn mình đi. Ngài đi lánh nạn suốt 15 năm. 15 năm mọi người cũng đã quên dần sự việc này, ngài mới xuất hiện. Trong thời gian lánh nạn, trên đường lánh nạn ở thôn Tào Hầu, người đầu tiên ngài gặp là Tỳ Kheo Ni Vô Tận Tạng, vị Tỳ Kheo này thọ trì Kinh Niết Bàn, Kinh Niết Bàn phân lượng rất lớn. Mỗi ngày cô ấy đọc tụng ngài đều ngồi bên cạnh nghe, nghe vị Tỳ Kheo này đọc kinh. Sau khi vị Tỳ Kheo này đọc xong Huệ Năng đại sư liền giảng giải cho cô ấy nghe. Ý nghĩa trong kinh như thế nào, ngài liền giảng giải cho cô ta nghe. Vị Tỳ Kheo này giật mình, khâm phục đến ngũ thể đầu địa, cho nên đem kinh đến thỉnh giáo với ngài.

Ngài nói tôi không biết chữ cô không nên đưa kinh cho tôi. Không biết chữ thì ngài làm sao biết được? Ý nghĩa trong này ngài giảng rất rõ ràng. Ngài nói điều này không liên quan đến việc biết chữ hay không, cũng liên quan đến việc biết đọc kinh hay không. Ngài thị hiện như vậy là nói với chúng ta nếu thật có trí huệ thì thật có thể giải quyết vấn đề. Tất cả các kinh mà Đức Thế Tôn thuyết trong suốt 49 năm, chỉ cần đọc cho ngài nghe, thì ngài đều có thể giảng giải. Ngài hoàn toàn thông đạt, hoàn toàn thấu triệt. Như vậy mới có thể hoằng pháp lợi sanh, như vậy mới có thể cứu độ chúng sanh. Cứu độ chúng sanh cần có trí huệ, tri thức thì không thể làm được.

Quý vị thử nghĩ xem bắt đầu từ niên đại 1970, liên hiệp quốc khởi xướng thế giới hoà bình, hoá giải xung đột, xúc tiến xã hội an định thế giới hoà bình. Mỗi năm đều mở hội nghị này, tham dự hội nghị này đều là học giả chuyên gia là tiến sĩ, là những vị giáo thọ nổi danh. Làm việc này đã hơn 30 năm đến nay cũng được

khoảng 40 năm. Mười năm lại đây tôi cũng tham gia hơn mười lần hội nghị. Tôi hiểu điều này không thể giải quyết được vấn đề.

Quý vị xem hội nghị một năm không biết mở bao nhiêu lần, nhưng thế giới này tần suất xung đột mỗi năm càng tăng, phạm vi xung đột mỗi năm càng rộng hơn, dẫn đến rất nhiều thiên tai. Như vậy không phải rất rõ ràng rồi sao? Tri thức không thể giải quyết vấn đề. Ngày nay thiên tai đã xuất hiện, mọi người đều hoảng hốt, không biết dùng phương pháp gì để đối phó. Thật ra mầm mống của bệnh có thể là do hiện nay con người chưa giác ngộ, chúng ta tin rằng có một số người đã giác ngộ. Mầm mống của bệnh là gì? Là lòng người đã băng hoại, tự tư tự lợi đạt đến đỉnh cao nhất. Khởi tâm động niệm là tôn người lợi mình. Tôn người là đưa người khác đến con đường chết, không lưu lại chút tình, như vậy là sai. Ông trời có báo ứng, thời hiện đại này các nhà khoa học đặc biệt là giới lượng tử học cũng nói đến điều này.

Năm ngoái Bồ Lai Đãng người Mỹ, mở hội nghị ở Tuyết Lê, thảo luận về vấn đề lời dự báo sang năm có thiên tai của Mã Nhã. Ông ta nói rất hay, ông nói năm 2012 nếu con người trên toàn thế giới có thể bỏ ác dương thiện, cải tà quy chánh, đoạn chánh tâm niệm, thì chẳng những có thể hoá giải thiên tai mà còn đem đến cho địa cầu một tương lai tốt đẹp hơn. Lời của ông cùng một đạo lý với trong kinh Phật và truyền thống văn hoá nói. Ngày xưa khi gặp thiên tai đế vương tắm rửa trai giới. Thật sự sám hối, đoạn ác tu thiện, đại xá thiên hạ làm việc tốt, như vậy có thể làm giảm nhẹ thiên tai.

Trong kinh Đức Phật nói rất hay, vì sao có thể giảm nhẹ? Vì thiên tai là do ý niệm bất thiện tạo thành, ý niệm bất thiện, ý niệm vừa chuyển thành thiện thì thiên tai liền được hoá giải. Mặc dù không thể hoàn toàn hoá giải nhưng cũng giảm nhẹ rất nhiều. Trong kinh Phật nói rằng: tất cả pháp từ tâm tưởng sanh. Câu này được các nhà lượng tử học hiện đại chứng minh. Ba ngàn năm trước Đức Phật nói tất cả pháp từ tâm tưởng sanh, Kinh Hoa Nghiêm nói toàn thể vũ trụ là “duy tâm sở hiện duy thức sở biến”, mười pháp giới y chánh trang nghiêm là thức biến. Thức là gì? Là phân biệt chấp trước. Trong phân biệt chấp trước có nhiễm có tịnh, có thiện có ác. Tâm tịnh sở hiện sơn hà đại địa là thanh tịnh, tâm nhiễm

chính là ô uế. Tâm thiện thì hiện ba đường ác, tâm ác liền biến ra ba đường ác, tất cả đều do tự tâm mình biến hiện ra. Trong tự tánh không có những thứ này.

Hay nói cách khác tốt cũng được, không tốt cũng không được, tất cả đều là tự làm tự chịu, đều không liên quan đến bất cứ ai. Chính ý niệm của mình biến hiện ra cảnh giới, chỉ có Phật pháp nói rõ ràng minh bạch. Nhưng thế nào? Mọi người đều cho rằng Phật giáo là mê tín nên không tin, như vậy chỉ có thể để họ tự nhận chịu. Khi nào quay đầu _ như một số tôn giáo nói là khi đó họ được cứu.

Bên dưới dẫn chứng, *“Hựu Lăng Nghiêm Kinh, Duy Thức Luận đẳng minh tam chủng vô tánh”*. “Tam vô tánh” này trong Phật pháp đại thừa thường nói, đây là Phật học thường thức. *“Nhất, tướng vô tánh”*. Tướng là hiện tượng, tánh là tự thể. Không có tự thể, tất cả đều là duyên tụ duyên tán. *“Nhất thiết chúng sanh dĩ vọng tâm hướng nhân duyên sanh chi sự vật”*. Muôn sự muôn vật không rời được nhân duyên. *“Kế độ vi ngã, vi pháp”*, “kế” nghĩa là tư tưởng đang phân biệt, đang chấp trước. Chúng ta nói trong tâm đang lên kế hoạch tính toán. “Độ” là đo lường, “độ” là chấp trước, “kế” là phân biệt. Cho rằng hữu ngã nên ngã kiến cũng từ đây mà hiện ra, từ kế độ phân biệt mà có. Tất cả pháp bên ngoài cũng từ kế độ mà sanh ra, đều là từ phân biệt chấp trước sanh ra. Tính toán đo lường có ngã, đây gọi là ngã chấp, nghĩa là chấp trước có cái ta. Chấp trước tất cả pháp gọi là chấp pháp nên chấp trước phân thành hai loại lớn. Ngã chấp và pháp chấp, hai loại lớn này.

“Tịnh mê chấp vi thật ngã dữ thật pháp”. Chấp trước đến mức nghiêm trọng, mê quá sâu cho rằng đây là thật, cho rằng thật có ngã, thật có pháp điều này rất phiền phức. *“Thị danh biến kế sở chấp tánh”*. Nó không có tánh, nó phổ biến đang phân biệt chấp trước cho rằng, là thật có, là thực tại. Ở sau đưa ra một ví dụ, ví dụ này trong kinh Đức Phật thường nói, *“như kiến thừng”*, một sợi dây, sợi dây này rất thô. Ngày xưa dây đa phần dùng sợi đay hay dùng cỏ. Dây cỏ thì càng to, dây sợi đay thì nhỏ hơn một chút. Sợi dây cỏ đích thực buổi tối sẽ ngộ nhận nó là rắn. Bây giờ dây làm bằng ni lông, làm bằng tơ nên rất nhỏ. Điều này lúc Đức Phật còn tại thế, tôi tin rằng ở Trung quốc và Ấn độ dùng dây cỏ là nhiều nhất, dùng dây cỏ. Nhìn thấy sợi dây mà ngộ nhận cho rằng đó là rắn. *“Xà phi thật hữu”*, vốn không có rắn nhưng như thế nào? Chúng ta đã ngộ nhận. Buổi tối khi ở trong

bóng đêm, thấy không rõ nên cho rằng nó là rắn. Trong tâm chỉ có tướng của con rắn nên sinh sợ hãi, rất ít người không sợ rắn vì thế rất sợ hãi. “*Thử tướng phi thật hữu, dẫn nhân vọng tình nhi hiện, cố viết tướng vô tánh*”. Tướng của rắn không có thật. Vì sao có hiện tượng này? Là do vọng tưởng phân biệt chấp trước mà hiện ra, nên nói tướng vô tánh. Biến pháp giới hư không giới sum la vạn tượng, nó giống như ví dụ này vậy. Hiện tượng, tướng rất ngắn ngủi, quý vị hoàn toàn không hiểu được chân tướng. Quý vị nhìn thấy là vọng tưởng.

Ngày xưa không có điện ảnh, nếu có điện ảnh tôi tin rằng Đức Thế Tôn nhất định dùng ví dụ này. Trên màn hình chúng ta thấy được hiện tượng này, ngộ nhận rằng nó là thật. Thật ra điều này là sao? Thật ra nó là từng cuộn băng đang mở ra trên màn hình này mà thôi. Mỗi cuộn đều là bất động, nó di chuyển quá nhanh khiến mắt chúng ta sanh cảm giác sai lầm, cho rằng nó có thật, nhưng thật ra nó không hề có. Tướng có động tác chăng? Không có, nó như như bất động. Tướng phải chăng là giống nhau? Không giống nhau, mỗi tấm đều không như nhau, mỗi ý niệm sanh một tướng phần. Quý vị thấy một khảy móng tay, thời gian một khảy móng tay có 320 triệu ý niệm, nghĩa là một khảy móng tay có 320 đoạn băng, không có cái nào tương đồng.

Tiền sĩ Giang Bồn người Nhật làm thí nghiệm nước. Hình như năm 2004 tôi đi tham vấn, tham quan phòng thí nghiệm của ông ta. Ông ta nói với tôi_ông đã làm mười năm_có mấy mươi vạn cảnh tượng nhưng không có hai cảnh nào giống nhau. Ông ta nói với tôi, tôi trả lời_Tôi nói không thể có hai loại tương đồng, dù có làm một vạn lần, mười vạn lần, trăm vạn lần, ngàn vạn lần, ức vạn lần cũng không tìm được một cái tương đồng. Ông ta rất kinh ngạc liền hỏi tôi vì sao? Tôi nói vì ý niệm không tương đồng. Ý niệm của ai? Ý niệm của chính chúng ta. Nếu mỗi ý niệm của chính chúng ta đều tương đồng như vậy thì tốt, vì sao vậy? Vì quý vị sẽ không già. Vì sao quý vị già? Niệm niệm không tương đồng mới bị già yếu. Nếu là hoàn toàn tương đồng con người làm sao già được! Làm gì có đạo lý này? Tại sao bị già? Vì quý vị nghĩ đến già. Trong ý thức nghĩ đến già, nên năm này già hơn năm kia, tháng này già hơn tháng trước, ngày này già hơn ngày kia. Chính là loại ý thức này, đây là phân biệt chấp trước. Phân biệt chấp trước khiến

thân thể chúng ta trở thành như vậy. Thật sự hiểu được và minh bạch, buông bỏ tất cả phân biệt chấp trước, nó liền dừng lại, lão hoá của quý vị sẽ dừng lại.

Chúng ta đọc trong bộ kinh này, vì sao người trong cõi thật báo trang nghiêm không già? Họ không có tâm phân biệt, không có tâm chấp trước nên họ không già, đạo lý chính là như vậy. Cũng chính là nói ý niệm của họ giống như cuộn băng này vậy. Mỗi đoạn đều giống nhau, không có biến hoá, chúng ta thì mỗi đoạn đều không giống nhau, đều có biến hoá, công phu chính là đây. Họ thật sự có thể triệt để buông bỏ khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước. Sanh đến cõi thật báo trang nghiêm, cõi thật báo là thân pháp tánh, cõi pháp tánh. Thọ mạng dài bao nhiêu? Ba đại a tăng kỳ kiếp, không già không yếu không thay đổi. Thời gian dài như vậy họ không có biến hoá. Về lý nói thông suốt chúng ta mới tin tưởng. Không hiểu được đạo lý này thì cho rằng đây là thần thoại, chỉ nghe thôi chứ không tin. Khi chúng ta thật sự minh bạch thì ra mọi việc chính là như vậy, rất có thể.

Nếu cuộn băng này từng đoạn từng đoạn đều giống nhau, thì chúng ta sẽ thấy hình ảnh trên màn hình là bất động, sẽ không di động. Đức Phật nói với chúng ta rất nhiều lần rồi, chúng ta cũng biết nói “tâm hiện thức biến”. Tâm có thể hiện nhưng không biến được. Thức sẽ biến, thức không thể hiện. Nó làm cho sở hiện bị thay đổi. Thức là gì? Thức chính là phân biệt chấp trước, đạo lý này không thể không hiểu. Tất cả đều là vọng tình hiện ra, duy thức sở biến nên tướng vô tánh. Tất cả hiện tượng không có thực thể.

Khi đức Thế Tôn còn tại thế, ngài nói suốt 20 năm, cho chúng ta biết về chân tướng của vũ trụ vạn hữu gọi là bát nhã. Bộ kinh lớn nhất trong các kinh điển là 600 quyển Kinh Đại Bát Nhã, nhiều hơn Kinh Hoa Nghiêm rất nhiều. 600 quyển kinh này nói đều gì? Thật sự chỉ có một câu tổng kết “nhất thiết tướng, vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc”, đây là chân tướng. Cho nên Bồ Tát ứng hoá ở thế gian đều tùy duyên diệu dụng. Hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, trong đó như như bất động. Vì sao vậy? Như như bất động là không khởi tâm không động niệm, có thể tùy duyên, có thể tùy hỷ công đức. Bồ Tát còn kém một bậc vẫn chưa làm được. Bồ Tát có khởi tâm động niệm nhưng Bồ Tát không có

phân biệt chấp trước. A la hán còn phân biệt nhưng không chấp trước. Vọng tưởng phân biệt chấp trước đều có đủ là phạm phu trong lục đạo.

Hiện tại lục đạo phạm phu dùng vọng tưởng phân biệt chấp trước đến cực điểm, cho nên đại thiên tai xuất hiện. Cực điểm này là dùng theo chiều hướng tiêu cực, không phải tích cực, tích cực thì rất tốt. Chánh diện là gì? Chánh diện là luân lý đạo đức nhân quả. Cũng có thể nói giáo dục tôn giáo đều là chánh diện, đáng tiếc phương hướng họ dùng đều là ngược lại tạo thành thiên tai nghiêm trọng. Hiểu rõ được chân tướng thì con người rất dễ hồi đầu, không thấu triệt chân tướng rất khó quay đầu, họ có chấp trước rất sâu sắc.

“Nhị, sanh vô tánh. Do nhân duyên nhi sanh chi nhất thiết vạn pháp, vị chi y tha khởi tánh”. Biến chấp ở trước hoàn toàn là do quan niệm sai lầm tạo thành, không có sự thật. Đây là nói tất cả pháp được sanh ra như thế nào. Tất cả pháp đều là chúng duyên hoà hợp mà sanh ra. Chúng duyên hoà hợp chính là y tha khởi, y tha sanh khởi gọi là y tha khởi tánh. Các nhà duy thức học nói tam tánh, tam vô tánh. *“Tha tức chỉ nhân duyên”*, vẫn lấy ví dụ ở trước để nói, *“liệt như thừng tòng ma chi nhân”*, sợi gai bện thành dây, thể của dây là sợi gai, nhờ nhân công trợ duyên mà thành. Nếu con người không bện nó thì sợi gai không bện thành dây, con người đem nó bện thành dây nên con người là trợ duyên của nó.

“Ly vọng tình nhi tự tồn”, con người đem nó bện thành dây, nó có tướng của dây. *“Đẫn thừng vô thật tánh, duyên tán thừng không”*, nếu mở mấy múi đan ra, sợi gai mở bung ra thì dây không còn. *“Cố viết sanh vô tánh”*, y tha khởi tánh và sanh vô tánh đồng thời tồn tại, tướng vô tánh và biến kế sở chấp tánh cũng là đồng thời tồn tại. Cũng có nghĩa là về mặt tướng mà nói thì là biến kế sở chấp tánh, về mặt tánh mà nói thì là tướng vô tánh. Đứng về mặt hiện tướng sanh khởi mà nói thì là y tha khởi tánh, từ tự tánh của tướng mà nói là sanh vô tánh.

“Tam, thắng nghĩa vô tánh”. Thế nào gọi là thắng nghĩa? Thắng nghĩa là thật, hai cái ở trước là giả, hoàn toàn do ta thấy sai. *“Thắng nghĩa giả, vị viên thành thật tánh, chỉ viên mãn thành tựu chi chân thật tánh, diệt danh pháp tánh, diệt viết chân như”*, cũng gọi là tự tánh, cũng gọi là chân như, đây là thật. *“Thị nhất thiết hữu vi pháp chi thể tánh”*. Hữu vi pháp chính là hữu sanh hữu diệt chính là

nhân duyên sanh pháp, bao gồm các pháp biến kế sở chấp. Thông thường nói biến kế sở chấp là khái niệm trừu tượng, không phải thật. Là hiện tượng sanh ra trong thấy biết sai lầm, điều này trong Bách Pháp Minh Môn có 24 loại. Bao gồm cả thời gian và không gian mà hiện nay chúng ta nói, đều thuộc về biến kế sở chấp tánh. Từ trong ngộ nhận sanh ra nên nó không có thực thể. Pháp tánh, chân như đây là tánh thể của tất cả pháp.

“Liệt như thừng chi bảo tánh vi ma, viên thành thật tánh vi tuyệt đãi chi pháp, ly nhất thiết tướng. Nhược kiến như thi ma, tắc ly xà thừng chi tướng, cố viết thắng nghĩa vô tánh”.

Hiểu rõ chân tướng sự thật thì không còn chấp trước nhị biên. Đầu tiên coi sợi dây thành con rắn, như vậy là sai, hiện nay biết được thì ra là sợi dây. Hai bên sợi dây và rắn đều buông bỏ, đây gọi là viên thành thật tánh. Viên mãn thành tựu nên chân tướng rõ như ban ngày. Chúng ta hiểu rõ một cách thấu triệt. Tánh của dây là sợi gai, tánh của sợi gai là thớ, là thớ của thực vật. Nếu từng bước từng bước truy cứu, như hiện nay khoa học nói, quý vị phát hiện vật chất này là tế bào hợp thành_tế bào của thực vật tổ hợp thành. Tế bào tiếp tục phân tích là nguyên tử, phân tích nữa là điện tử. Từng tầng từng tầng phân tích, hiện nay các nhà khoa học phân tích nhỏ nhất là lượng tử, thật không dễ. Lượng tử cũng gọi là tiểu quang tử, lớn chừng nào? Điện tử rất nhỏ, điện tử chạy quanh hạt nguyên tử. Một điện tử là 100 ức tiểu quang tử tổ hợp thành. Một điện tử nếu đem nó phân tích ra là 100 ức tiểu quang tử, trong kinh Phật nói là vật cực kỳ vi tế. Không còn cách nào phân tích tiếp, phân tích tiếp thì không còn nữa, thành lân hư trần. Loại tiểu quang tử nhỏ như vậy nhưng nó đầy đủ năm uẩn sắc thọ tướng hành thức vì nó có hiện tượng vật chất. Chính là cảnh giới tướng mà trong A lại da nói, nó có thọ tướng hành thức. Trong một điện tử có 100 ức tiểu quang tử, vi tế như vậy nhưng trong Phật pháp nói càng vi diệu hơn, vượt lên trên khoa học. Đức Phật nói trong tiểu vật chất nhỏ như vậy có vũ trụ lớn cỡ nào? Lớn như biến pháp giới hư không giới vậy. Tự tánh không có lớn nhỏ, tự tánh không có tương đối. Trong đó có vũ trụ, có đại thiên thế giới.

Ai có thể vào đó? Ở trước chúng ta đã học qua, Bồ Tát Phổ Hiền có thể vào, vào trong thế giới vi trần để thấy Phật nghe pháp. Trong thế giới vi trần đó lại có

vi trần, trong vi trần lại có thể giới trùng trùng vô tận, đây là chân tướng trong kinh Phật nói. Những điều này khoa học hoàn toàn không nói đến. Khoa học ngày nay chỉ phát hiện tiểu quang tử đây là nhỏ nhất không thể nhỏ hơn. Nguồn gốc của tiểu quang tử là ý niệm, điều này họ đã phát hiện. Chúng ta cũng rất khâm phục đối với sự phát hiện của khoa học, thật đáng nể vì hiện tượng này chúng ta lâu nay đều hoài nghi, đều không cách nào nói rõ được, xem cổ nhân chú giải cũng không hiểu rõ. Báo cáo này của khoa học xem như là vạch trần được chân tướng, khiến chúng ta hoàn toàn thông suốt.

Trong kinh điển nói ý nghĩa càng thâm sâu hơn, chúng ta cũng có thể khẳng định rằng không có cùng tận. Cho nên cổ nhân có hai câu nói về tánh là: “*kỳ đại vô ngoại, kỳ tiểu vô nội*”. Trong kinh Phật nói là “vô nội”, là không có nội, trong nội vẫn còn nội, chúng ta tìm không ra được vật sau cùng, tìm không ra. Đây là những điều khoa học trong kinh Phật nói.

“*Viên thành thật thị tuyệt đãi chi pháp*”, nó không phải tương đối, không có đối lập. Tiểu thừa Tu đà hoàn bắt đầu phá ngã kiến, phá biên kiến. Biên kiến chính là đối lập nhị biên, họ không có. Trong tự tánh không có biên kiến, không có hiện tượng này. Không có cự ly nghĩa là không có không gian, không có trước sau nghĩa là không có thời gian. Cho nên thời gian và không gian trong Bách Pháp Minh Môn đều thuộc về bất tương ưng hành pháp. Nó hoàn toàn là khái niệm trừu tượng không có sự thật làm y cứ, nên thế giới tây phương Cực Lạc ở đâu? Chính là ở tại đây. Thiền sư Trung Phong nói rất hay: “ở đây tức là Tịnh độ, Tịnh độ tức là ở đây”. “Tâm ta tức Phật A Di Đà, Phật A Di Đà tức là tâm ta”. Đây là nói đến viên thành thật, chân thật tánh viên mãn thành tựu, đây gọi là thắng nghĩa vô tánh.

“*Vô tác giả, vô nhân duyên tạo tác nghĩa đồng vô vi*”. Vô tác và vô vi cùng một ý nghĩa, vi có nghĩa là làm. Tất cả pháp không có nhân duyên tạo tác, điều này vô cùng khó hiểu. “*Hoa Nghiêm Đại Sớ viết*”, Thanh Lương đại sư nói, “*dĩ hữu sở tác vi, cố danh hữu vi, hữu vi thị vô thường. Vô sở tác vi, cố danh vô vi, vô vi tức thị thường dã*”. Thường là vĩnh hằng bất biến vô sở tác vi, vô vi là tự tánh. Trong bốn cõi Tịnh độ là thường tịch quang và cõi thật báo. Thường tịch quang thật sự là vô tác vô vi, thật như vậy. Cõi thật báo trang nghiêm vì họ đã đoạn khởi tâm

động niệm, phân biệt chấp trước. Có thể nói họ cũng là vô tác vô vi, chẳng qua tập khí vô trí vô minh của họ chưa đoạn. Tập khí của họ còn chút tác dụng, tác dụng gì? Tác dụng của cảm. Vì họ có cảm nên diệu giác quả vị trong thường tịch quang tự nhiên liền có ứng, gọi là phản ứng. Ý niệm chúng ta truyền đến họ tự nhiên họ có phản ứng, phản ứng tức là hiện tướng. Trong thường tịch quang không có bất cứ hiện tướng nào, phản ứng tức là hiện tướng. Họ có thể hiện thân trong cõi thật báo, hiện thân gì? Hiện pháp thân Như Lai, Tỳ Lô Giá Na Như Lai. Giúp những pháp thân Bồ Tát, giúp đỡ đó cũng là vô tác vô vi. Nếu hữu tác hữu vi họ liền đoạ vào trong mười pháp giới, như vậy lại khởi phân biệt khởi chấp trước. Họ không có khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước. Đến khởi tâm động niệm cũng không có thì tại sao hiện thân? Làm sao hản ứng? Như chúng ta đánh trống vậy, chúng ta đánh một tiếng thì âm thanh nó lập tức phản ứng. Nó không có khởi tâm động niệm, nó cũng không có phân biệt chấp trước nên diệu giác quả vị trong thường tịch quang tự nhiên phản ứng, họ ứng cõi thật báo.

Nếu muốn hỏi chúng sanh trong mười pháp giới và lục đạo cho đến chúng sanh trong ba đường ác khởi tâm động niệm, tự tánh có phản ứng chăng? Chư vị nên biết tự tánh chính là thường tịch quang, trong Hoàn Nguyên Quán nói “tự tánh thanh tịnh viên minh thể” cũng gọi là pháp tánh, gọi là chân như, nhất định có phản ứng.

Ngày xưa khi Đức Thế Tôn thị hiện tại Ấn Độ, phải chăng trên địa cầu có một số người lấy tâm chân thành cung kính, cầu Phật xuất hiện ở thế gian để hoá độ chúng sanh? Chỉ cần có người này, có ý niệm này thì tự nhiên ngài đến đến. Đến để thị hiện cho chúng ta, đích thực ngài không hề khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm còn không có thì làm gì có phân biệt chấp trước! Điều này chúng ta không dễ gì hiểu được, không cách nào tưởng tượng, gọi là không thể nghĩ bàn. Chúng ta không thể tưởng tượng được, nó hoàn toàn là phản ứng của tự tánh. Đích thực biến pháp giới hư không giới ngài hoàn toàn là “vô sở bất tri, vô sở bất năng”. Ngài dùng là tự tánh thanh tịnh tâm, họ không phải dùng vọng tưởng. Hiện nay chúng ta dùng là vọng tâm, phân biệt chấp trước dùng nhiều nhất. Vọng tưởng nhưng tự mình không biết, lại tưởng xưa nay chưa hề dùng. Dùng vọng tưởng phân biệt chấp trước, quý vị thuần tuý là phạm phu lục đạo. Dùng tâm này

có thể hiểu nghĩa chân thật của Như Lai chăng? Trong bài kệ khai kinh nói “nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa”, quý vị có thể hiểu được chăng? Không hiểu được, nghe mấy mươi năm cũng không hiểu, nên điều này khó, rất khó! Như thế nào mới có thể hiểu? Ấn Quang đại sư đã hé ra thông tin, trên thực tế là ngài dạy chúng ta: một phần thành kính thì nghe hiểu được một phần, hai phần thành kính nghe hiểu được hai phần, mười phần thành kính nghe hiểu được mười phần, một trăm phần thành kính nghe hiểu được một trăm phần, vạn phần thành kính nghe hiểu được vạn phần. Đối với điều này chắc chắn thành ví dụ chính đáng.

Kinh mở ra trước mắt nhưng mỗi người xem lãnh hội không giống nhau, ý nghĩa sâu cạn rộng hẹp không tương đồng, tự mình xem cũng không giống nhau. Nếu chúng ta dùng tâm thành kính của chính mình có được hai phần ba phần, thì xem hiểu được hai ba phần ý nghĩa. Kiên trì không bỏ thì càng xem càng hoan hỷ, càng xem càng cung kính thì càng xem càng hiểu, chính là như vậy.

Trước đây tôi ở Đài Trung học kinh giáo với thầy Lý. Chúng tôi được thầy chọn chỗ ngồi ở hàng thứ nhất, đối diện với thầy. Ngồi cùng bàn với tôi là cư sĩ Chu Gia Lân. Hai người chúng tôi ngồi chung một bàn, đối diện với thầy. Chu Gia Lân viết bài, ghi chép rất tường tận, anh ta viết cũng rất nhanh. Có khi tôi cũng viết một vài điều nhưng bị thầy nhìn thấy, tan học thầy kêu tôi đến phòng hỏi, khi nghe kinh anh viết gì? Tôi nói: dạ! Viết điều gì? Viết bài. Anh viết để làm gì? Tôi nói sợ quên. Thầy nói vô ích, nên chuyên tâm nghe, cảnh giới sang năm đã được nâng cao thì cái này hoàn toàn không dùng đến. Tôi nghĩ rất có lý nên tôi theo thầy mười năm không hề viết bài. Vỡ viết bài của tôi chỉ mỏng như thế này, nhưng phía sau vẫn còn hơn một nửa, mới viết mấy trang trước, thầy không cho tôi viết.

Vì sao thầy không cấm Chu Gia Lân viết? Vì căn tánh của chúng tôi không giống nhau, năng lực lãnh ngộ của tôi cao hơn Chu Gia Lân, năng lực ký ức của Chu Gia Lân mạnh hơn tôi nên anh ta viết bài thầy không hề hỏi đến. Anh ta giảng kinh hoàn toàn giảng theo trong bài viết. Khi tôi giảng kinh hoàn toàn dựa theo những điều tôi hiểu. Tôi có thể dùng nội dung sâu sắc, văn tự ngôn ngữ dễ hiểu, nói năng rất lưu loát, nên nghe tôi giảng rất hoạt bát. Mỗi năm không giống nhau không nên bỏ lỡ thời gian đó. Tâm chân thành cung kính này mỗi năm một

nhiều, mỗi năm một tăng trưởng. Không có gì khác, thầy cho tôi bốn chữ: “chí thành cảm thông”, thầy nói chúng ta cầu điều gì? Nếu muốn đọc sách cho tốt, đó là điều không thể làm được.

Chúng ta có thể đọc thuộc lòng Kinh Đại Tạng từ đầu đến cuối chẳng? Thế gian pháp, thông hiểu xuất thế gian pháp mà không thông pháp thế gian cũng không thể giảng kinh. Vì sao vậy? Thông xuất thế gian pháp là khế lý, không thông pháp thế gian là không khế cơ. Thông thế gian pháp không thông Phật pháp là khế cơ không khế lý. Thế xuất thế gian đều phải thông, đó mới là điều rất phiền phức.

Thầy đưa ra một ví dụ rất đơn giản, thế gian pháp là Tứ Khô Toàn Thư, xuất thế gian pháp là Đại Tạng Kinh, quý vị có năng lực chẳng? Như vậy phải làm sao? Thầy dạy chúng tôi bốn chữ: “chí thành cảm thông”, cầu cảm ứng thông thường người ta nói cầu Phật gia hộ. Dùng điều gì để cầu Phật? Dùng cảm, chân thành tâm để chiêu cảm, chân thành cung kính đến cực điểm. Như vậy là sao? Đó là chân tâm của chúng ta đã hiện tiền, nghĩa là Bồ đề tâm hiện tiền. Bồ đề tâm hiện tiền là cùng với tâm Phật, tự nhiên liền cảm ứng, vừa xem liền hiểu, vừa nghe liền minh bạch. Không cần nhớ dai cũng không cần nghe nhiều. Nghe nhiều nhớ dai có khi thật sự tạo thành sở tri chướng, tạo thành thành kiến của chính mình, cho rằng tôi thấy như vậy, tôi nghĩ như vậy, không có. Đức Phật không có quan điểm, không có quan điểm của ngài, Phật không có nhận xét của ngài. Tất cả các kinh Đức Phật nói là tự nhiên hiện lộ ra, ý muốn nói rằng ngài không có thông qua tâm ý thức. Tâm là ký ức, chúng ta có thể ghi nhớ là tác dụng của tâm, tác dụng của A lại da. Phân biệt là thức thứ sáu, chấp trước là thức thứ bảy. Chúng ta đang dùng loại tâm này. Dùng tâm này cầu chánh pháp chân thật trong tự tánh là không cầu được, mà chỉ có thể cầu được pháp thế gian. Vì sao vậy? Vì người thế gian dùng tâm này, những thứ họ có chúng ta có thể lý giải. Người xuất thế gian không dùng tâm này, họ đã lìa tâm ý thức. Lìa A lại da nghĩa là không lưu lại ấn tượng, vĩnh viễn tâm ta được thanh tịnh bình đẳng, như vậy giác tự nhiên hiện tiền. Không dùng phân biệt nghĩa là không dùng thức thứ sáu, không dùng chấp trước tức là không dùng thức thứ bảy. A lại da, Mạt na, Ý thức gọi là tam tâm. Ý thức và Mạt na gọi là nhị ý. Thức thứ bảy gọi là ý căn, thức sáu gọi là

ý thức, đây gọi là nhị ý. Tam tâm nhị ý, chúng sanh trong lục đạo đều dùng tam tâm nhị ý. Chẳng những lục đạo dùng nó mà mười pháp giới vẫn dùng nó. Quý vị thấy A la hán, Bích chi Phật, Bồ Tát, Phật trong mười pháp giới đều dùng tam tâm nhị ý. Trong đại thừa phân loại rất nghiêm khắc, chỉ cần dùng tâm ý thức đều gọi là phàm phu nên lục đạo gọi là nội phàm là phàm phu trong lục đạo. Tứ thánh pháp giới gọi là ngoại phàm nghĩa là bên ngoài lục đạo, họ vẫn là phàm phu. Vì sao vậy? Vì họ dùng tâm ý thức, nhưng tâm ý thức của họ dùng ngay thẳng, vì sao? Vì họ hoàn toàn nghe theo giáo huấn của chư Phật Bồ Tát, họ thật sự y giáo phụng hành, chỉ là chưa đoạn tận được tâm ý thức nhưng dùng chơn chánh, cho nên tứ thánh pháp giới là cõi tịnh, lục đạo là cõi uế.

Trong tứ thánh pháp giới có nhiễm tịnh, không có thiện ác. Trong lục đạo có thiện ác, thiện ác đều là nhiễm, đều không phải thanh tịnh. Trong thanh tịnh không có thiện ác. Cao hơn nữa đến cõi thật báo, đến nhiễm tịnh cũng không có, càng lên cao hơn càng vi diệu. Đến thế giới Cực Lạc quý vị hoàn toàn thấy được thế giới Cực Lạc rất tốt. Người vãng sanh ở cõi đồng cư, mặc dù là cõi đồng cư hạ phẩm hạ vãng sanh, cũng được oai thần bốn nguyện của Phật A Di Đà gia trì, nguyện 20 nói đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát như vậy không quá tuyệt sao!

A Duy Việt Trí Bồ Tát là ai? Là Bồ Tát ở cõi thật báo, pháp thân Bồ Tát. Không phải chúng ta thật sự tu thành mà là nhờ Phật A Di Đà gia trì. Ý muốn nói rằng tuy chúng ta không phải, nhưng trí huệ thần thông đạo lực không khác gì pháp thân Bồ Tát, Phật A Di Đà thật sự đã gia trì, sự gia trì của ngài nên quý vị đã đạt được. Chư vị tổ sư dạy chúng ta, nhiếp bốn nguyện công đức của Phật A Di Đà thành công đức của chính mình. Câu này đối với cõi phàm thánh đồng cư của thế giới Cực Lạc mà nói thì quý vị rất rõ ràng minh bạch. Vì sao vậy? Vì mỗi người đều như vậy, họ thật sự đem công đức của Phật A Di Đà biến thành công đức chính mình, lấy trí huệ của Phật A Di Đà trở thành trí huệ mình, thần thông của Phật A Di Đà thành thần thông của mình, họ thật làm được như thế.

Chúng ta ở đây ngày ngày đều giảng, Phật A Di Đà có gia trì, nhưng chúng ta không tiếp nhận được. Vì sao không tiếp nhận được? Chúng ta có chướng ngại. Ánh sáng Đức Phật chiếu đến chúng ta, nhưng ta có vọng tưởng phân biệt chấp trước đã làm chướng ngại không để nó chiếu đến. Cho nên tuy Phật quang phổ

chiếu nhưng chúng ta không có chút cảm giác nào. Phiền não chướng, sở tri chướng hai chướng ngại nặng nề này, trong phiền não có vô minh, có vọng tưởng, có chấp trước. Quang minh của Chư Phật Bồ Tát tuy phổ chiếu nhưng chúng ta không hề cảm nhận được, thật là đáng thương. Khởi tâm động niệm còn cho là đúng, như vậy là sai, hoàn toàn sai!

Trong hoàn cảnh trước mắt, mọi người đều biết thiên tai là thật không phải giả. Chúng ta nhìn từ đâu? Nhìn từ tâm con người. Tâm người lương thiện sẽ không có thiên tai, tâm người bất thiện nhất định có thiên tai. Lòng người phổ biến quý vị xem nam nữ già trẻ các ngành các nghề, quý vị khách quan quan sát họ xem họ đang nghĩ gì? Họ đang nói gì? Và họ đang làm gì? Thì quý vị sẽ hoàn toàn minh bạch. Nếu những gì họ nghĩ, họ làm trái với luân lý, trái với đạo đức, trái với nhân quả, trái với giáo huấn của thánh hiền, như vậy thì phiền phức rất lớn, quả báo nhất định hiện tiền. Con người trên toàn thế giới tất cả đều làm trái đó chính là cộng nghiệp lớn nhất. Cộng nghiệp lớn nhất thì thiên tai sẽ có tính toàn cầu, không phải cục bộ. Bất cứ thiên tai cục bộ ở đâu nó cũng lan tràn trên toàn thế giới.

Ngày nay chúng ta đặc biệt chọn bộ kinh này, chọn chú giải của Hoàng Niệm Tổ, chúng ta cùng nhau học tập, hy vọng có thể đối phó với lần thiên tai này. Trong thiên tai nếu chúng ta tạo tội nghiệp mà nhất tâm sám hối cầu sanh thế giới Cực Lạc, lâm chung một niệm hay mười niệm Phật đều tiếp dẫn. Điều này trong kinh nói rất rõ, chỉ cần chịu quay đầu, thật sự quay đầu khi thiên tai qua đi chúng ta vẫn tồn tại ở thế gian này, như vậy tức là có nhiệm vụ phải làm. Thiên tai qua đi mà còn lưu lại thế gian đều là người tốt, đều là thiện nhân, rất dễ giáo hoá. Quý vị phải ở thế gian này chủ trì chánh pháp, giáo hoá chúng sanh nên có trách nhiệm, có sứ mạng. Quả báo thật là nhân quả báo ứng không sai chút nào. Thiện có thiện quả, ác có ác báo, giới hạn rất rõ ràng. Không thể không giác ngộ, không thể không tinh tấn tu hành.

Hữu vi là có tạo tác, tức có sanh có diệt. Vô vi là không sanh không diệt. “Thám Huyền Ký viết”, đây là tác phẩm của Hiền Thủ quốc sư, chú giải về Lục Thập Hoa Nghiêm. Đại sư nói “*Duyên sở khởi pháp, danh viết hữu vi*”, nghĩa là pháp nhân duyên sở sanh khởi, tất cả pháp gọi là hữu vi pháp. “*Vô tánh chân lý,*

đanh viết vô vi, cố tri vô tác vô vi, giai chân lý chi dị đanh”, bốn câu kệ trong Kinh Kim Cang nói rất rõ ràng, “Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh”. Cái gì là pháp hữu vi? Trong Bách Pháp Minh Môn nói trừ sáu pháp vô vi ở sau còn 94 pháp trước toàn là pháp hữu vi, có sanh có diệt. Quý vị chỉ nghĩ đến trong tất cả pháp có sanh có diệt, động vật có sanh lão bệnh tử, thực vật có sanh trụ dị diệt, khoáng vật có thành trụ hoại không, đây đều gọi là pháp hữu vi. Chỉ có hư không không thấy nó có hữu vi, không nhìn thấy hiện tượng sinh diệt, đây là pháp vô vi. Tương tự vô vi không phải thật sự vô vi. Thật vô vi chỉ có một là tự tánh, chân như tự tánh là thật vô vi. Minh tâm kiến tánh nghĩa là thấy được điều này, đó là bản thể của muôn sự muôn vật trong vũ trụ. Thông thường người ta cũng gọi nó là chân lý, chân lý đích thực chỉ có một, không có hai.

“Hữu Pháp Sự Tác viết, Cực Lạc vô vi niết bàn giới”. Đây là lời tán thán thế giới Cực Lạc, Cực Lạc vô vi là niết bàn giới. Niết bàn là không sanh không diệt.

“Niết bàn vi bất sanh bất diệt, tuyệt nhất thiết hữu vi chi tướng, thị đanh vô vi. Ly nhất thiết hữu vi tạo tác, thị đanh vô tác. Cực Lạc quốc độ cử thể thị nhất thanh tịnh cú. Chân thật trí tuệ vô vi pháp thân, cố viết vô vi niết bàn giới”.

Đoạn kinh văn này đích thực có mức độ thâm sâu nhất định. Chúng tôi những năm lại đây, có nền tảng của kinh Pháp Hoa, kinh Hoa Nghiêm, kinh Lăng Nghiêm, có những cơ nền tảng này. Trước đây Kinh Vô Lượng Thọ cũng đã giảng mười lần, đây là lần thứ 11, nên đối với những kinh giáo này ít nhiều cũng có thể lãnh hội được, đặc biệt là nhìn thấy báo cáo của các nhà khoa học cận đại dần dần tương ứng với kinh điển đại thừa.

Trước đây thầy Phương Đông Mỹ đem Phật pháp giới thiệu cho tôi là triết học. Thầy nói Phật pháp là triết học tối cao, kinh Phật là đỉnh điểm của triết học thế gian. Thông qua 60 năm học tập đến hôm nay, chúng tôi khẳng định Phật pháp không những là triết học tối cao, mà đồng thời cũng là khoa học tối cao. Những vấn đề khoa học và triết học không thể giải quyết được, nó đều nằm trong Phật pháp. Bản thể trong triết học đến nay vẫn chưa giải quyết được, rốt cuộc bản thể của vũ trụ vạn hữu là gì? Hoàn Nguyên Quán nói là tự tánh thanh tịnh viên minh thể. Chỉ có chứng được mới biết, chứ không thể tưởng tượng, chúng ta không thể nghĩ đến được, gọi là không thể nghĩ bàn.

Ở trước có nói qua với chư vị, vì nó không có hiện tượng, có thể tưởng tượng là nhất định phải có hiện tượng, có thể quan sát cũng nhất định phải có hiện tượng. Ba loại hiện tượng nó đều không phải nên không có cách nào phát hiện ra nó. Nó không phải hiện tượng vật chất, không phải hiện tượng tinh thần cũng không phải hiện tượng tự nhiên, nhưng ba loại hiện tượng này đều do nó biến hiện ra, tuyệt diệu chính là chỗ này. Đức Phật nói với chúng ta làm thế nào để chứng được? Buông bỏ khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước liền chứng được, nó ở mọi lúc mọi nơi. Nó là lý thể của tất cả pháp, chân lý của tất cả pháp, bản thể của tất cả pháp.

“*Cực Lạc quốc độ cử thế thị nhất thanh tịnh cú*”. Nhất thanh tịnh cú này ở trước chúng ta đã học rất nhiều, đây đều là lời trong Vãng Sanh Luận do Thiên Thân Bồ Tát nói. Chú giải này là của Đàm Loan pháp sư. Thế giới Cực Lạc “chân thật trí tuệ vô vi pháp thân”, là 48 nguyện năm kiếp tu hành của Phật A Di Đà, một thời gian rất dài. Thành tựu công đức, thành tựu tự nhiên. Tự nhiên chính là vô vi. Phật A Di Đà không hề nghĩ thế giới này của tôi phải như thế nào? Không hề nghĩ đến. Trong nguyện có, sau khi phát nguyện liền thực hành. Thực hành bằng cách nào? Chính là buông bỏ. Chương Gia đại sư dạy chúng ta nhìn thấu buông bỏ. Buông bỏ là “chỉ”, nhìn thấu là “quán”. Nhìn thấu cũng chính là thấu triệt chân tướng sự thật. Buông bỏ tất cả mới tương ứng với tự tánh, không buông bỏ không thể tương ứng với tự tánh vì trong tự tánh không có gì cả.

Vì thế niệm Phật yêu cầu chúng ta, niệm Phật phải dùng tâm thanh tịnh niệm, không được có tạp niệm. Khi niệm Phật có tạp niệm xen vào sẽ làm phá hoại công phu niệm Phật của chúng ta. Không được hoài nghi, không thể tạp niệm, đây gọi là tịnh niệm. Như thế nào mới có thể làm được? Ở trước đã học qua, Bồ Tát Đại Thế Chí nói “đô nhiếp lục căn”. Đô nhiếp lục căn chính là buông bỏ vạn duyên, thế xuất thế gian pháp tất cả đều phải buông bỏ. Trong Kinh Kim Cang nói rất hay: “pháp còn phải bỏ huống là phi pháp”. Pháp đây là Phật pháp, Phật pháp vì sao phải bỏ? Phật pháp là nhân duyên sanh pháp, không phải thật. Đừng nên coi là thật, nếu xem nó là thật thì hoàn toàn sai.

Phật pháp từ nhân duyên nào mà có? Vì có pháp thế gian nên mới có Phật pháp. Cũng giống như con người vì bị bệnh mới có thuốc, con người không bị

bệnh thì làm gì có thuốc? Tức là không có thuốc nên Phật pháp được sanh ra từ pháp tương đối của thế gian, là nhân duyên sanh pháp. Hiểu được tánh chất của nó, nó có thể giúp chúng ta trị bệnh. Làm thế nào để trị lành bệnh? Xả bỏ nhị biên bệnh liền tiêu trừ. Bệnh trừ thì thuốc cũng không cần, bỏ nó bệnh mới hoàn toàn khỏe mạnh. Bệnh lành mà ngày ngày còn uống thuốc, không phải uống đến phát bệnh là gì, Phật pháp là thuốc. Chúng sanh có tam vạn bốn ngàn phiền não, Phật có tám vạn bốn ngàn pháp môn để đối trị. Phiền não không có, nếu còn dùng thuốc liền phát sanh vấn đề, bệnh càng thêm nặng, còn khó trị hơn cả bệnh phiền não, nên Đức Phật nói rất rõ ràng minh bạch “chân thật trí tuệ vô vi pháp thân”. Kinh Vô Lượng Thọ nói ba loại chân thật, thật ra ba loại chân thật này là thể tướng dụng. Chân thật rốt ráo là thể, trí tuệ chân thật là tướng, lợi ích chân thật là tác dụng, nói ba loại chân thật này.

Vô vi pháp thân_vô vi pháp thân là thể. *“Cố xưng chi vi vô vi niết bàn giới. Vô ngã, ngã giả, cụ thường nhất chi thể, hữu chủ tể chi dụng giả dã. Ư nhân thân thể chấp hữu thủ, vị chi nhân ngã. Ư pháp chấp hữu thủ, vị chi pháp ngã”*. Chúng tôi giới thiệu sơ qua mấy câu này trước. *“Ngã giả, cụ túc”* cụ là đầy đủ. *“Thường nhất chi thể”*, nếu thường chấp trước thân này là của mình. Ý của “ngã”, thể nào gọi là “ngã”? Phật pháp định nghĩa, nghĩa thứ nhất là chủ tể, nghĩa thứ hai là tự tại. Nếu nhìn từ nghĩa này thì cả hai nghĩa đều không tìm thấy trên thân của chúng ta, nhưng thường người ta đều chấp trước, cho rằng thân thể này là ta. Trong Phật pháp gọi điều này là nhân ngã chấp, chấp trước. Nó từ đâu mà có? Là nói khái niệm này, khái niệm này của tôi là biến kế sở chấp tánh, thân thể chúng ta là y tha khởi sanh. Một khái niệm của tôi là biến kế sở chấp tánh, không phải thật mà là giả. Nếu có pháp, quý vị đối với tất cả pháp này chấp trước nó là thật, thật có điều này đây gọi là pháp chấp.

Bên dưới nói: *“nhiên nhân thân giả, ngũ uẩn chi giả hoà hợp, vô thường chi nhất ngã thể”*. Quý vị tìm thường nhưng tìm cũng không tìm thấy. Thân này của chúng ta là một bộ phận của vật chất. Nhục thể này bên ngoài có ngũ quan nhãn nhĩ tỷ thiệt thân, trong đó có những khí quản như lục phủ ngũ tạng. Khí quản là gì? Phân tích khí quản thì toàn bộ là tế bào, phân tích tiếp tế bào thành phân tử, thành nguyên tử, thành điện tử. Càng phân tích càng nhỏ, phân tích đến sau cùng

thành tiểu quang tử. Là những thứ này tụ tập lại một nơi biến thành tướng của thân thể này.

“*Ngũ uẩn chi giả hoà hợp*”. Vì sao là giả? Vì nó bị phân tán nên không thể vĩnh hằng. Giả hoà hợp này đều là ý niệm chủ thể chúng ta, ý niệm. Đức Phật nói tất cả pháp từ tâm tướng sanh, tâm tướng chính là ý niệm. Con người theo tuổi tác thời gian mà dần bị già yếu, vì sao bị già? Đến năm sáu mươi tuổi thì đã già, trong tiềm ý thức có ý niệm già, nghĩa là ngày càng bị lão hoá. Đến bảy tám mươi tuổi thì già sắp chết, ý thức ý niệm của họ là họ sẽ chết, cho nên họ sẽ có diệt. Nếu căn bản họ không có ý niệm về chết thì thọ mạng của họ rất dài. Họ có ý niệm chết, tôi nghĩ làm sao có thể sống thêm vài năm nhưng vẫn là chết, vẫn là ý niệm này. Khi tuổi đã già họ liền nghĩ đến bệnh, muốn thân thể mạnh khỏe vẫn là vì bệnh, không thoát khỏi sự liên quan với bệnh. Không có ý niệm bình thường, bình thường thì không có ý niệm này.

Chỉ có người tu hành chân chánh mới hiểu được đạo lý này, không có ý niệm này. Hoàn toàn không có ý niệm sanh lão bệnh tử nên rất mạnh khỏe, thị phi nhân đều không có ngã, vì sao vậy? Vì là giả. Những ý niệm này đối với quý vị nhất định có hại, nó là một sức mạnh thúc đẩy quý vị luân hồi sanh tử, quý vị ở trong lục đạo không ngừng lặn ngụp trong luân hồi sanh tử. Cho nên quý vị phải biết đây là giả hoà hợp, không phải thật. Nhất định phải nhìn thấu suốt nó, nhất định phải buông bỏ nó. Buông bỏ quý vị liền được đại tự tại, thân tâm mạnh khỏe. Buông bỏ thân này thì tự tại biết bao! Trong Phật pháp gọi quý vị là thánh nhân. Trong tiểu thừa chúng được Tu đà hoàn quả. Trong đại thừa, như trong Kinh Hoa Nghiêm nói thì quý vị là sơ tín vị Bồ Tát trong thập tín.

Tuy địa vị rất thấp là tiểu tiểu thánh nhưng đã đạt được vị bất thoái thứ nhất trong tam bất thoái. Quý vị tuyệt đối sẽ không thoái đoạ xuống phàm phu. Tuy chưa ra khỏi lục đạo nhưng quyết định không đoạ vào ba đường ác. Chỉ cần quý vị có thể nhìn thấu bản ngã của mình và buông bỏ. Nhìn thấu suốt, thật sự hiểu rõ như thế nào gọi là ngã, thân thể tôi rốt cuộc là gì, ý niệm rốt cuộc là gì đều hiểu hết thấu đáo hết. Không còn chấp trước ý niệm, không còn chấp trước thân thể, quý vị rất tự tại. Thân thể ở thế gian này tùy duyên độ nhật.

Trong Hoàn Nguyên Quán nói rất hay, tùy duyên diệu dụng. Diệu dụng là gì? Không còn chấp trước đó chính là diệu. Dụng như thế nào? Dùng nó để nâng cao linh tính của chính mình, dùng nó để giúp chúng sanh đoạn ác tu thiện, phá mê khai ngộ, chuyển phàm thành thánh, dùng nó để giúp chúng sanh, giúp chúng sanh có duyên, có duyên nghĩa là gì? Là họ có thể tin là có duyên, họ tin thật là có duyên. Họ không tin là không có duyên, không có duyên không cần miễn cưỡng. Bất luận là có duyên hay không có duyên, chỉ cần mọi người cùng sống đoàn kết vui vẻ là được. Có duyên thì họ được nâng cao cảnh giới, vượt ra khỏi luân hồi lục đạo. Không có duyên khiến họ tiếp tục luân hồi. Tự mình thật sự muốn thành tựu thì bất luận họ sanh vào đường nào quý vị đều biết. Khi nào có thể tiếp nhận quý vị cũng biết được, đến khi duyên của họ thuận thực thì quý vị tự nhiên đến giúp họ. Tất cả đều là tự nhiên, không có khởi tâm động niệm, không có phân biệt chấp trước. Tuyệt diệu, vô cùng tuyệt diệu!

“*Như Chỉ Quán Thất vân*”, quyển thứ bảy Chỉ Quán. “*Dĩ vô trí huệ cố*”, đây là thật. Vô trí huệ tức là có vô minh, nói khó nghe một chút thì gọi là mê hoặc. Quý vị đã mê thất tự tánh nên vô minh gọi là hoặc, vì thế mới phân biệt chấp trước có ngã có pháp, tất cả đều tạo nên như vậy. Trên thực tế nó vốn không có. Như hiện nay người nào không cho rằng vật chất là thật? Vì cuộc sống mà tranh đoạt tài nguyên, tài nguyên chính là vật chất. Pháp thân Bồ Tát thấy được người này thật tội nghiệp, vật chất là giả không phải thật. Cơ sở vật chất là ý niệm, ý niệm tốt thì vật chất phong phú, ý niệm xấu vật chất liền bị phá hoại. Vì sao vậy? Vì cảnh tùy tâm chuyển. Điều đầu tiên là thân thể chúng ta, nếu thân thể chúng ta cứ nghĩ về phương diện không lành mạnh, thì thân thể này ngày càng suy yếu đi. Nếu có thể nghĩ đến phương diện mạnh khỏe thì thân thể sẽ ngày một tốt hơn. Chúng ta cần phải có lòng tin đối với chính mình, không có lòng tin thì bệnh tật dễ bị nặng hơn, có lòng tin liền có thể trị lành. Điều gì trị lành bệnh? Là lòng tin của quý vị trị lành.

Trước đây khi tôi ở Mỹ có một lần bị cảm. Bác sĩ bệnh viện là người Trung quốc, tôi thảo luận với ông ta về đạo lý trị bệnh này. Tôi nói bác sĩ trị lành cho người bệnh, điều kiện đầu tiên và quan trọng nhất là gì? Người bệnh có niềm tin vào bác sĩ, bác sĩ cũng có niềm tin với bệnh nhân, đây là điều kiện thứ nhất.

Nguyên nhân thứ hai thật sự trị lành bệnh hình như đến bảy tám mươi phần trăm là tâm lý. Bệnh nhân có tâm lý mạnh khoẻ thì bệnh nhất định lành, không hoài nghi. Nếu bệnh nhân hoài nghi bệnh của mình, không có lòng tin, như vậy thì không cách nào trị được. Ông ta đồng ý với nhận xét của tôi, ông ta nói điều này rất có lý. Đây chính là điều trong Phật pháp nói: tất cả pháp từ tâm tướng sanh. Đạo lý trong kinh giáo nhiều điều hay mà pháp thế gian không tìm thấy, ở cõi trời hay cõi người cũng tìm không thấy. Trong mười pháp giới không có nên các bậc cổ đức xưng kinh điển của Phật là bảo.

Bảo có nghĩa là gì? Có bảo liền có thể giải quyết vấn đề. Có thể giải quyết được vấn đề sức khoẻ của chúng ta, có thể giải quyết vấn đề cuộc sống của chúng ta, có thể giải quyết vấn đề sanh tử của chúng ta, có thể giải quyết vấn đề kiếp nạn của chúng ta.

Ngày nay thế giới biến loạn như vậy, nếu y theo lời Phật nói trong kinh thì rất dễ giải quyết, vậy mà không ai tin. Bồ Lai Đãng người Mỹ nói ba câu thật hiếm thấy, hoàn toàn giống như trong kinh Phật nói. Ông nói “khí ác dương thiện”, chính là đoạn ác tu thiện trong Phật pháp nói, “cải tà quy chánh, đoạn chánh tâm niệm”, đoạn chánh tâm niệm chính là chánh tri chánh kiến trong Phật pháp, như vậy vấn đề lập tức được giải quyết. Nhưng lời ông nói ra ai chịu làm theo. Ai là người nào chịu bỏ ác hướng thiện? Ai đồng ý cải tà quy chánh? Nếu mọi người không chịu quay đầu, không tin tưởng thì thiên tai này không thể tránh được.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 371

Chuyển ngữ: Nguyễn Thanh

Biên tập: Bình Minh

Giảng ngày: 11.4.2011

Địa Điểm: Tịnh Tông Học viện - Úc Châu

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải trang 444, hàng thứ hai. Bắt đầu xem từ Chỉ Quán Thất.

“*Như ‘Chỉ Quán Thất’ vân, dĩ vô trí huệ cố, kế ngôn hữu ngã, dĩ huệ quán chi, thật vô hữu ngã*”. Dưới đây còn có 4 câu, “*ngã tại hà xứ, đầu túc chi tiết, nhất nhất để quán, liễu bất kiến ngã*”. Cho nên thân thể này, có thể tư duy tưởng tượng, chấp là ta. Thân thể của ta, tư tưởng của ta, kiến giải của ta, đây đều là nhận thức sai lầm. Cho nên trong kinh nói không có trí huệ. ‘Kế’ là phân biệt. ‘Độ’ là chấp trước. Từ trong phân biệt vọng tưởng, sanh ra một khái niệm trừu tượng. Trên thực tế, bất luận từ vật chất, hay từ tinh thần đều tìm không ra cái ta. Cho nên dùng trí huệ quán nó, đây là người có trí huệ. Ở trước là nói người không có trí huệ, cho rằng có cái ta. Người có trí huệ, họ hiểu được quả thực không có cái ta.

Dưới đây là một ví dụ về ‘cái ta ở đâu’? Nếu nói cái đầu là ta, thì tay chân phải làm sao? Đầu, tay, chân toàn là ta, vậy thì tương lai thành Phật, quý vị muốn thành bao nhiêu vị Phật? Cái này trên logic nói không thông, nếu giống như các nhà khoa học bây giờ chia nhỏ hơn nữa, mỗi đốt xương, mỗi khí quản của thân thể phân tích thành tế bào. Tế bào phân tích thành nguyên tử, tiếp tục phân tích như thế. Hiện nay các nhà khoa học đã nhìn thấy lượng tử, chấm nhỏ của một sợi lông, một hạt bụi, ở trước chúng ta đã học rồi, chấm nhỏ này là 1/100 ức của một điện tử, cũng chính là 100 ức chấm nhỏ, tập hợp lại một chỗ thành một điện tử. Vật nhỏ như vậy nó cũng có đủ ngũ uẩn- sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Đây có phải là ta không? không thể nói là ta được. Nếu nói là ta thì thân thể này có bao nhiêu cái ta? Quả thật là vô số vô tận.

“*Hựu Nguyên Nhân Luận viết, hình hài chi sắc*”. Đây là sắc thân-hiện tượng vật chất. “*Tư lự chi tâm*”, đây là đệ lục ý thức- hiện tượng tâm lý. “*Tùng vô thí lai, nhân duyên lực cố*”. Hai chữ nhân duyên này rất quan trọng. “*Nhân duyên lực cố, niệm niệm sanh diệt, tương tục vô cùng*”. Những câu này chúng ta nên hiểu rõ. Chúng ta biết rằng, tất cả hiện tượng, đều là tướng tượng tự tương tục, không có cái nào là thật.

“*Như thủy quyên quyên, tiền lãng khứ nhi hậu lãng lai. Như đặng diệm diệm- đèn phóng quang, tân diệm sanh nhi cựu diệm diệt*”.

Hiện nay đèn điện cũng không ngoại lệ, ánh sáng trước diệt đi, ánh sáng sau lại sanh khởi. Đều là tướng tượng tự. Cho nên nó không phải là thật, nó là giả.

“*Thân tâm giả hợp*”, gọi là giả hòa hợp, “*tợ nhất*” gần giống như một, một thân thể, “*tợ thường*” gần giống như nó luôn luôn tồn tại.

“*Thật tắc sát na chi tế sanh diệt vô cùng*”. Đây chính là chân tướng mà Bồ Tát Di Lặc đã nói. Trong một giây có 1.600 triệu lần sanh diệt, đơn vị là triệu.

“*Phàm ngu chi giác*”, Phàm ngu là phàm phu lục đạo, họ không biết, không hiểu được chân tướng sự thật.

“*Chấp chi vi ngã, bảo thủ ngã cố*”, đối với thân tâm của mình, dùng hết tâm tư bảo hộ nó, không để nó bị tổn hại, không để nó mất đi.

“*Tức khởi tham, sân, si tam độc, tam độc kích ý*”, kích nghĩa là đánh, đánh động ý căn.

“*Phát động thân khẩu, tạo nhất thiết nghiệp*”. Hiện tượng tạo nghiệp này từ đâu ra? Mấy câu này nói rất rõ ràng, nguồn gốc của tất cả nghiệp là tham, sân, si-tam độc! Bên trong có tam độc đang phát động, thì thân khẩu ý tạo nghiệp rồi. Ý là ý niệm, ý niệm bất thiện sanh khởi. Ý niệm bất thiện là gì? Là ý niệm tham, sân, si. Quý vị nên biết rằng, tham, sân, si ở trong Mạt na thức không tạo nghiệp, nó có độc tính tồn tại, nó không có duyên, phải thông qua ý thức, thì duyên mới thành thực. Ý là thức thứ sáu. Năm thức trước- mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý tạo nghiệp, cũng là nói tam độc tiềm ẩn trong Mạt na thức, chúng ta gọi là ý thức tiềm ẩn, đến thức thứ sáu thì phát tác, nó mới thật sự khởi tác dụng. Cho nên, câu trong này nói rất hay, “*Tam độc kích ý, phát động thân khẩu, tạo nhất thiết nghiệp*”. Nghiệp thì có nghiệp nhiễm, nghiệp tịnh, nghiệp thiện, nghiệp ác, rất nhiều chủng

loại, không thể đếm được. Đúng là vô lượng, vô biên, vô số, vô tận. Vì sao vậy? Bởi nó là ý niệm sanh. Bây giờ chúng ta biết rất rõ, một khay móng tay là ba mươi hai ức trăm ngàn ý niệm, niệm niệm tương tục, vĩnh viễn không dừng nghỉ.

Người nào không tạo nghiệp? Người thật sự không tạo nghiệp, chỉ có Phật Như Lai. Pháp thân Bồ Tát trong cõi Thật Báo Trang nghiêm, quý Ngài không còn tạo nghiệp. Vì sao vậy? Vì các vị đó đã buông bỏ hết khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước. Cho nên gọi là thành Phật, gọi là Niết bàn. Chúng sanh trong mười pháp giới, kể cả Phật, Bồ Tát đều đang tạo nghiệp. Nghiệp mà Phật và Bồ Tát tạo là nghiệp tịnh, tịnh mà không nhiễm. Nghiệp mà Thanh Văn, Duyên Giác tạo là còn có nhiễm ô. Vì sao vậy? Vì họ có phân biệt, không có chấp trước, nhưng họ còn có phân biệt. Nhưng mức độ nhiễm ô nhẹ, không nghiêm trọng như lục đạo chúng sanh. Lục đạo chúng sanh chấp tình cảm, cho nên họ bị nhiễm ô nghiêm trọng. Chúng ta cần phải biết những điều này.

Phật trong mười pháp giới, đã buông bỏ khởi tâm động niệm rồi, tức là đã đoạn hết vô minh phiền não. Khởi tâm động niệm gọi là vô minh. Hiện tượng tự nhiên, trong tự tánh không có. Tự tánh bản định. Đại sư Huệ Năng bảo chúng ta: “Đâu ngờ tự tánh, vốn không dao động”. Đây là tự tánh bản định. Cho nên những vị trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm không tạo nghiệp. Họ đạt được là định tánh, chính là tự tánh vốn không dao động, ở trong cảnh giới này, đây là cảnh giới tuyệt vời!

Chúng ta học Phật, mục tiêu cuối cùng là trở về tự tánh. Trong Tịnh tông là trở về Thường Tịch Quang Độ. Đây mới gọi là rốt ráo viên mãn. Quả báo trong lục đạo rất phức tạp, khác nhau rất nhiều. Lục đạo là ô nhiễm, trong đó có thiện có ác. Thiện nghiệp hoặc tam thiện đạo, ác nghiệp hoặc tam ác đạo. Thiện ác khác loại, mức độ vô cùng phức tạp. Cho nên quả báo sai biệt cũng hiện rõ, vô lượng, vô biên, vô số, vô tận, nó chuyển theo ý niệm. Chính là lời Phật dạy, tất cả pháp từ tâm tưởng sanh, “chỉ tâm nhất xứ, vô sự bất biện”. Đoạn này là nói về nhân ngã. Ngã là chánh báo, pháp là y báo. Ngoài sáu căn và sáu thức của chúng ta ra, đều gọi là y báo, là hoàn cảnh sinh tồn của chúng ta. Y báo gọi là pháp, danh từ chung gọi là pháp.

Cho nên dưới đây nói “*Tái ngôn pháp giả, tông vi nhân duyên sở sanh, diệc vô thường nhất chi ngã thể*”, đây gọi là pháp vô ngã. Thân thể của chúng ta, ý thức thứ sáu có thể tư duy tưởng tượng. Chúng ta xem nó là tâm, tâm của ta, thân ta đều là nhân duyên sanh. Tất cả pháp bên ngoài cũng như thế, cũng là nhân duyên sanh. Cho nên nó cũng là một ngã thể bình thường. Chính là tự thể.

Đại Thừa Nghĩa Chương quyển thứ hai nói: “Pháp vô tánh thật”. Thật là chân thật. Ý nói là pháp không có tự tánh chân thật. Ở dưới trong phần ngoặc kép nói rất rõ: “*Nhất thiết pháp giai vô thật tánh, cố vân vô ngã*”. ‘Vô ngã’ này là pháp vô ngã, ở trước là nhân vô ngã. Nói cách khác, ngã và tất cả pháp đều là giả, đều không phải thật. “*CóThập Địa Kinh Luận viết, vô ngã trí hữu nhị chúng, nhất thị ngã không, nhị thị pháp không ngã pháp câu không, liễu bất khả đắc*”.

Khi Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, 22 năm giảng kinh Bát Nhã. Đây là chủ đề nghiên cứu kinh Bát Nhã, chủ đề này giúp chúng ta biết được, chân tướng của vũ trụ nhân sanh, đều là giả, không thật. Không có trí huệ, cho đó là thật, thân thể là thật, những vật ngoài thân cũng là thật. Quý vị xem, quý vị chấp trước, cho rằng của cải của quý vị là thật. Cho rằng đất đai của quý vị là thật. Cho rằng nhà cửa của quý vị là thật. Cho rằng bạn bè của quý vị là thật. Cho rằng sự nghiệp của quý vị là thật. Hoàn toàn sai rồi! Đến lúc nào thì quý vị mới giác ngộ được đó hoàn toàn là giả. Phật dạy, “phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng”. Quý vị chấp trước các thứ này là thật, đem cái giả nhận lầm là thật, thì tự tánh chân thật của quý vị bị mê thất rồi, không phải mất mà là mê mờ, quý vị không thấy được. Quý vị cho rằng những cái mê đó là thật. Trong kinh nói đây là người đáng thương xót, quả thực đáng thương!

Trong tự tánh của quý vị có trí huệ vô tận. Có đức năng tướng hảo vô lượng. Tất cả đều không hiển lộ được. Nói không hiển lộ được, câu này hàm nghĩa rất thâm sâu, không dễ gì hiểu được. Chúng ta nói cách khác, trí huệ đức tướng trong tự tánh, hiển lộ ra đều đã biến chất rồi. Nó vốn không phải như vậy, vốn là như vậy, là Báo độ của Phật, Bồ Tát. Cõi Thật Báo Trang Nghiêm, phải như vậy mới đúng. Tại sao hiện ra mười pháp giới, tại sao hiện ra 3 đường ác? Cong đến không hợp lý, cong quá mức rồi, cong đến pháp giới tứ Thánh còn được, còn tạm được, cong đến lục đạo, cong đến tam đồ đó là sai hoàn toàn. Thế giới chúng ta hôm nay, là

cong đến địa ngục trong tam đồ. Quý vị nghĩ xem, khổ biết bao, tội nghiệp biết bao! Là ai cong? là chính mình. Không có bất kỳ lực bên ngoài nào thêm cho quý vị. Trong định luật nhân quả nói, tất cả đều là tự làm tự chịu, trách mình mê thất tự tánh, thời gian mê thất quá dài, mê thất quá sâu. Phật, Bồ Tát, đạiThánh đại Hiền hồi thúc nhiều lần, quý vị chẳng chịu quay đầu, quý vị không quay đầu được, tự cho mình là đúng. Trong phiền não, nghiêm trọng nhất là nghi hoặc, nghi hoặc lời giáo huấn của Thánh Hiền. Nghi hoặc đối với tất cả người và vật. Quả thật rất khó quay đầu! Nhất là thời đại hiện nay, chúng ta bỏ mất lời giáo huấn của Thánh Hiền, khoảng 200 năm rồi. Trong 200 năm đó, những người này càng mê càng sâu. Cách tánh đức càng lúc càng xa, tạo thành xã hội loạn động, địa cầu thiên tai như ngày nay. Không những địa cầu thiên tai, mà cả hệ thái dương cũng có biến hóa. Hệ ngân hà có bộ phận sản sinh biến hóa. Đây chẳng phải là chuyện nhỏ, mà là chuyện lớn đấy.

Lời giáo huấn của chư Phật Bồ Tát, của Thánh Hiền, còn lưu lại trên thế gian, rất tiếc là không có người học. Có những người học, nhưng không hiểu được nghĩa của nó, ý muốn nói là không giải được nghĩa của nó, không biết được đạo của nó! nhưng có học hơn không, rót vào trong A lại da ít nhiều hạt giống, kiếp sau có duyên gặp lại thì tiếp tục học. Cho nên, vì sao Phật nói thành Phật phải vô lượng kiếp, nguyên nhân là ở chỗ này. Không phải chúng ta mất đi thân người, kiếp sau lại được làm người, không phải, chẳng dễ như vậy. Tất cả chúng sanh trong lục đạo, theo nghiệp lưu chuyển, mình không làm chủ được, theo nghiệp lưu chuyển. Nghiệp là gì? Nghiệp là ý niệm của quý vị. Bản thân quý vị không làm chủ được, ý niệm bất định, lúc nghĩ chuyện này, lúc nghĩ chuyện khác, thiện ác hỗn tạp. Quý vị suy nghĩ lại xem, nhất định là thiện ít ác nhiều.

Phiền não tâm sở có 20, thiện tâm sở chỉ có 11. Trong Bách Pháp Minh Môn sắp xếp, Tâm sở ác nhiều hơn tâm sở thiện, còn nhiều hơn gấp hai lần. Cho nên học cái xấu rất dễ, học điều tốt vô cùng khó khăn, nguyên nhân chính là đây. Tâm sở thiện của chúng ta ít, tâm sở ác nhiều. Khởi tâm động niệm, khẳng định là niệm ác nhiều, niệm thiện ít. Đối với chính mình còn mê hoặc điên đảo, huống gì đối với cảnh giới bên ngoài? Những đạo lý này, chân tướng sự thật, thật sự nói không khó hiểu, đặt ở trước mặt chúng ta.

Nếu tâm thanh tịnh, thì sự cầu học này, bất luận là pháp thế gian hay Phật pháp, nguyên lý là thông nhau. Phải dùng chân tâm học, dùng tâm thanh tịnh học, dùng trí huệ học, quý vị mới có thể học được. Những câu này nói thì dễ, làm rất khó. Vì sao vậy? Bởi không có tâm thanh tịnh. Một số người tâm luôn luôn có nghi ngờ, có nghi ngờ, có lo ngại, có tham, có si. Những thứ này đối với sự học tập của chúng ta tạo thành sự tổn thương nghiêm trọng. Vì sao vậy? Bởi nó làm chướng ngại chân tánh của chúng ta, khiến chúng ta đối với những điều đã học sanh lòng nghi ngờ. Khiến chúng ta đối với Phật Bồ Tát khởi nghi hoặc. Đối với các bậc thánh hiền khởi nghi hoặc. Nghi là chướng ngại Bồ Tát lớn nhất. Vì sao đem nghi viết ở trong căn bản phiền não? Trong 6 căn bản phiền não, nghi là phiền não thứ 5, sau tham sân si mạn là nghi. Không phải nghi những chuyện bình thường, mà nghi tự tánh, nghi pháp tánh, nghi Phật Bồ Tát, nghi Thánh Hiền. Mặc dù chúng ta có tâm học Phật cầu đạo, nhưng không thể thành tựu. Nhất định phải phá mê khai ngộ, quý vị mới có thể thành tựu. Bởi vì lời giáo huấn của Thánh Hiền, kinh giáo của Phật Bồ Tát, là từ chân tâm bộc lộ ra. Tâm của chúng ta không chân, nên hoàn toàn xa lạ với nó.

Mở quyển kinh ra, mỗi chữ mỗi câu, chúng ta đều thiết lập chướng ngại vật. Ngày ngày đọc tụng, ngày ngày hy vọng, cuối cùng là tan vỡ. Vì sao vậy? Bởi chướng ngại không trừ được. Cho nên, trong kinh Phật dạy chữ tín này rất hay: ‘Tín vi đạo nguyên công đức mẫu’. Lòng tin là nguồn gốc của Phật đạo, là mẹ của tất cả công đức, nghĩa là lòng tin có thể sanh tất cả công đức. Nghi tâm học Phật, có thể cho người phước đức, không thể cho người công đức. Phước đức và công đức không giống nhau. Quả báo của phước đức là quý vị ở trong lục đạo, hưởng thụ ngũ dục lục trần. Ngũ dục là tài, sắc, danh, thực, thùy. Quý vị có thể hưởng thụ sung mãn, nhưng không thể thoát vòng sanh tử, không thể ra khỏi tam giới.

Công đức không như vậy, công đức có thể giúp quý vị thành tựu giới định huệ. Có thể giúp quý vị thoát ly luân hồi lục đạo, thoát ly mười pháp giới. Có thể giúp quý vị đến thế giới Cực Lạc thành Phật. Đó là công đức. Người học Phật, như thế nào là công đức, như thế nào là phước đức, phải phân biệt rõ ràng. Như thế nào để duy trì công đức? Đó là nhẫn nhục, nhẫn nhục có thể duy trì công đức. Bồ thí

có thể tạo ra công đức, nó cần nhẫn nhục để duy trì, công đức mới có thể khởi tác dụng. Tác dụng này là gì? là khai trí huệ, chứng diệu quả, chứng quả vị diệu giác. Chúng đặc vạn pháp đều không.

Trong Đại Bát Nhã nói: “Nhất thiết pháp, vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc”, chính là ở đây 4 chữ “ngã không pháp không”. Thật sự đối với ngã, đối với pháp không chấp trước, buông bỏ hoàn toàn. Buông bỏ ngã chấp, hết phiền não rồi, thì là “ngã không”. Buông bỏ pháp chấp, không còn tri kiến, quý vị mới có thể thấy Như Lai. Thấy Như Lai là thấy tánh, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, quý vị mới đạt được công đức trang nghiêm thù thắng không gì sánh bằng của thể xuất thế gian. Quý vị đạt được.

“*Hựu Kim Cang kinh viết, thông đạt vô ngã pháp giả, Như Lai thuyết danh chân thị Bồ Tát*”. Đây không phải giả, là thật, pháp thân đại sĩ! “Thông đạt vô ngã” tức là chúng đặc vô ngã. Trong kinh giáo nói: “triệt kiến chư pháp thật tướng”. Nhân tướng, pháp tướng đều bao gồm trong đó, thấy triệt để tướng chân thật của tất cả pháp. Như lai nói người này thật sự là Bồ Tát. Bồ tát là người giác ngộ, họ thật sự đã giác ngộ. Ở trong tâm, mọi lúc, mọi nơi không chấp trước ngã, chí công vô tư. Không chấp trước ngã chính là chí công vô tư. Không chấp trước pháp, bình đẳng nhất như, vạn pháp bình đẳng nhất như. Cảnh giới này trong cõi Thường Tịch Quang có. Trong thập pháp giới có tương tự thôi không phải thật, nhưng tương tự cũng là tốt rồi.

Tiếp tục xem đoạn dưới, nói về bốn vô lượng tâm. “*Đại từ đại bi hỷ xả thanh*”. Chữ đại này nối liền với đại hỷ, đại xả. “*Từ bi hỷ xả, danh tứ vô lượng tâm. Từ vô lượng, bi vô lượng, hỷ xả đã giai vô lượng. Năng dữ lạc chi tâm dã*”. Hy vọng hết thảy chúng sanh được an vui. Đây là tâm Phật, đây là chân tâm!

Một số người thấy người khác được an vui, họ không hoan hỷ, họ có tâm đố kỵ. Nhìn thấy những người ở đó chịu khổ, họ rất vui. Họ có tâm kiêu hãnh, có tâm háo thắng. Những tâm này đều là phiền não, vả lại là phiền não rất nghiêm trọng. Chướng ngại chúng ta tu học giới định huệ. Các thứ này nếu không loại bỏ, công phu tu học của chúng ta làm sao có hiệu quả? Có các thứ này xen lẫn bên trong, khi chúng ta tụng kinh, những tạp niệm này xen lẫn bên trong. Khi niệm Phật

cũng xen lẫn bên trong. Dem công phu mỗi ngày phá hoại hết, công đức không còn, còn lại là phước đức. Điều này chẳng thể không biết được.

Trên thế gian hiện nay, có được mấy người dùng chân tâm? Bao gồm cả chính mình ở trong đó. Mình phải yên tĩnh, phải siêng năng quan sát, ta có dùng chân tâm đối với Phật Bồ Tát, đối với kinh giáo, đối với đồng học, đối với thầy giáo, có dùng chân tâm không? Nếu không dùng chân tâm, thì quả báo rất khổ, rất thâm! Ở đâu vậy? Ở trong 3 đường ác. Tuy ta không tạo nghiệp ba đường ác, bậc trưởng bối của ta, lớn hơn một bậc, lớn hơn hai bậc, lớn hơn ba bậc, họ đã tạo ác nghiệp. Ác nghiệp của họ sẽ ảnh hưởng đến chúng ta. Bởi chúng ta với họ có mối quan hệ rất mật thiết, chắc chắn bị ảnh hưởng. Đã bị ảnh hưởng rồi, thì quý vị không cách nào thoát khỏi quả báo. Thiện nhân ứng với thiện quả. Ác nhân ứng với ác quả.

Cho nên, trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta, nhất là ở trong thời đại hiện nay, dám không cẩn thận sao? Còn dám tạo nghiệp ác sao? Chúng ta biết rằng, cũng cần phải biết rằng, biện pháp giới hết thầy chúng sanh khởi tâm động niệm, mọi người đều biết được. Trong tâm họ nghĩ những chuyện xấu, tôi biết được không? Biết được. Quý vị biết được không? Cũng biết được. Không có người nào chẳng biết. Vì sao vậy? Vì tự tánh là thông, giống như mạng lưới liên lạc nhau không khác. A lại da cũng là thông, bất luận người nào tạo nghiệp ra sao, tin tức này chúng ta lập tức nhận được, tốc độ rất nhanh.

Trong Hoàn Nguyên Quán bảo chúng ta rằng, “xuất sanh vô tận”. Bất luận là thiện, hay là ác, đều là xuất sanh vô tận. Nếu chúng ta vâng lời, vâng lời Phật, nghe kinh điển, y giáo phụng hành, thì ma không thể đến quấy nhiễu. Tập khí phiền não là ma, phiền não ma. Tâm chúng ta mới có thể định được. Tâm thật sự định rồi, Tam Muội liền hiện tiền. Thông thường cũng không cần thời gian dài, khoảng 2, 3 năm là quý vị đạt được Tam Muội.

Tam Muội nếu có thể tích lũy được, nhất định sẽ khai mở trí huệ. Niệm thứ nhất của tôi là tâm định. Niệm thứ hai tâm cũng là định. Niệm thứ ba tâm cũng là định. Niệm niệm đem tâm dừng lại một chỗ, thì sanh trí huệ. Phật tổ thiên kinh vạn luận xú xú chỉ quy.

Không phải họ có sai lầm gì, chúng ta nhìn không thấy. Vì sao nhìn không thấy? Bởi mơ hồ, không có trí huệ, không có định công. Thậm chí mở kinh ra không kiên nhẫn. Loại người này phải làm sao? Khó độ! Khuyên họ buông bỏ, họ không buông bỏ được. Học khởi dực vọng rất mạnh, làm sao họ chịu buông bỏ? Bậc thánh hiền dạy họ nhất môn thâm nhập, họ hoài nghi, không có một ví dụ nào hay. Kết quả nhất môn thâm nhập trường thời huân tu, họ nhìn thấy rồi, nếu họ không nhìn thấy, thật khó tin được! những câu này làm cho tiền đồ của họ bị mất rồi, họ không tin tưởng.

Cho nên học hành chẳng ai tự học mà biết được. Đều là nhờ thầy giáo chỉ bảo, đặt nền tảng học tập, sau này nếu thật sự tinh tấn, bền lòng vững chí, có thể vượt trội hơn thầy giáo. Ngạn ngữ có câu: “Màu xanh có từ màu, lại đẹp hơn màu lam”, càng đẹp hơn màu lam. Đều là từ trong tâm chân thành cung kính mà có. Chẳng thể không biết điều này.

Hôm nay chúng ta học các thứ, không vào được chủ yếu là đối với nó không có lòng tin, hoài nghi nó, không có chút lòng cung kính, đứng đưng trong học tập, cho rằng là học tập, thật sự không có. Không biết được ý nghĩa chính xác trong kinh điển, đều hiểu được là ý của mình, không phải nghĩa chân thật trong kinh điển, bệnh của người mới học là ở chỗ này.

Cho nên mới học Phật, mới học Đạo, mới học Nho, thầy giáo đầu tiên là then chốt. Thầy giáo vỡ lòng, liên quan đến cuộc đời của quý vị! Cho nên trước đây, gia đình lớn đệ tử nhiều, mở trường học, chính là trường tư. Một gia đình trên dưới nhân khẩu mấy trăm người. Một số gia đình bình thường khoảng 300 người, nhân khẩu thịnh vượng sáu bảy trăm người. Quý vị nói xem, con cái nhà họ nhiều hay ít! Chúng ta dùng tiêu chuẩn phổ thông nhất để nói, 300 người, 300 người thì con cái của họ nhiều ít? Con cái không phải mỗi cặp vợ chồng nuôi một đứa, không phải vậy. Quan niệm của người trước đây là nhiều phước, nhiều thọ, nhiều con cái. Con cháu càng nhiều càng tốt, con cháu đầy đàn. Cho nên đại gia đình 300 người, mở một trường học rất thịnh vượng, học trò ít nhất cũng năm sáu chục người, mở một lớp học.

Mời thầy giáo dạy, ai mời? là gia trưởng mời, gia trưởng đại khái là bậc ông nội, năm sáu mươi tuổi. Lớn tuổi, họ đã nghĩ hưu rồi, họ giao việc nhà lại cho con

trai. 70 tuổi trở lên là dưỡng lão rồi, không quản việc nhà nữa. Thật sự làm chủ trong nhà là năm sáu mươi tuổi. Cho nên họ cũng có con, họ cũng có cháu. Mời thầy giáo là người rất có tâm, phải mời những người có học, người có đức hạnh, có học vấn, có lòng thương. Gia trưởng đối với thầy giáo phải hành lễ 3 quỳ 9 lạy, cung kính mời họ, để cho con cháu trong nhà, những đứa trẻ này nhìn thấy cha ông của nó, đối với thầy giáo cúng kính như vậy, thì nó không còn gì để nói nữa. Nó chẳng dám không tin tưởng, chẳng dám không vâng lời. Cho nên việc tôn sư trọng đạo là cha mẹ, người nhà làm cho quý vị xem.

Nhà chúng tôi thì thật tội nghiệp, hình như khi tôi ra đời thì nhà đã suy rồi. Cho nên phụ thân phải ra ngoài mưu sinh, mang theo mẫu thân, và anh em chúng tôi, đây là tiểu gia đình hiện tại, chúng tôi thoát khỏi cảnh đại gia đình, nhưng vẫn ở tại nông thôn. Thoát ly đại gia đình, dựa vào thân thích, nương vào người cô, chị của phụ thân tôi, họ là đại gia đình. Đại gia đình có trường tư, chính là một lớp học tại nhà. Gia tộc mở trường học. Tôi đi học, là học ở trường tư của đại gia đình họ. Ngày nhập học phụ thân tôi mang theo lễ vật, trả tiền công cho thầy giáo.

Học đường ở trong từ đường. Từ đường làm chỗ học rất lý tưởng, truyền từ đời này sang đời khác. Từ đường chỉ có tế tự xuân thu, hoạt động cũng không quá hai ba ngày. Bình thường bỏ không, cho nên dùng nó làm lớp học. Một nơi vô cùng lý tưởng. Ở trên điện thờ thần vị tiên sư Đại Thành Chí Thánh Khổng Tử, thờ 1 bài vị. Lên lớp, thầy giáo dẫn học trò, học trò làm lễ. Trước hết hướng về Khổng Tử làm lễ cung kính nhất, 3 quỳ 9 lạy. Lạy Khổng Tử xong, mời thầy giáo lên chỗ ngồi, thầy giáo ngồi dưới bài vị của Khổng Tử, phụ thân tôi dẫn tôi đến lễ làm thầy giáo 3 quỳ 9 lạy. Đứng hai bên là học trò dự lễ. Đây là giáo dục. Dạy điều gì? Là dạy tôn sư trọng đạo. Chúng tôi đã được ảnh hưởng giáo dục này, suốt đời không dám xem thường thầy giáo. Cho nên có chút cội rễ như vậy.

Đến Đài Loan, tôi gặp được thầy Phương Đông Mỹ, gặp được đại sư Chương Gia, thầy Lý Bình Nam. Dựa vào chút tôn sư trọng đạo này, thầy giáo khẳng định tôi, có thể nói là đặc biệt quan tâm tôi. Nguyên nhân là gì? Nguyên nhân là ở chỗ tôn trọng thầy giáo, tôn trọng bạn bè. Đại sư Ân Quang nói: quý vị có một phần thành kính, thì quý vị có được một phần lợi ích, quý vị có mười phần thành kính,

thì quý vị có được mười phần lợi ích, quý vị có trăm phần thành kính, thì quý vị có được trăm phần lợi ích. Chúng ta không có trăm phần, khoảng 20-30 phần thì có thể, thầy giáo cũng đã rất coi trọng rồi. Vì sao vậy? Bởi các bạn đồng học khác không có, không có tâm cung kính nhiều như tôi.

Thầy giáo biết quý vị có thể học nhiều ít, không phải thầy có thần thông, không phải cảm ứng, mà hoàn toàn xem quý vị đối với việc học hành, đối với Thánh Hiền, đối với thầy giáo có tâm cung kính được mấy phần, thì biết được quý vị học được mấy phần.

Tôi cảm ơn thầy Phương Đông Mỹ, tôi tôn kính thầy, tôi viết thư thăm thầy, và tự giới thiệu về mình, hy vọng được ở trường nghe môn học của thầy. Không ngờ rằng thầy mở một lớp đặc biệt cho tôi, mỗi tuần hai tiếng đồng hồ ở nhà thầy, giảng cho tôi nghe khái luận triết học. Mỗi tuần hai tiếng đồng hồ, 8 giờ vào lớp, 10 giờ nghỉ, thật không dễ! Vì sao vậy? Vì chính là chút lòng thành kính đó. Tôi với thầy không thân không thích, chỉ là nghe danh ngưỡng mộ, viết một bức thư xem sao mà thôi. Tiếp nhận bộ triết học khái luận này của thầy, đã đưa tôi đến cửa Phật. Tiết học cuối cùng của chúng tôi là “Phật kinh triết học”, khiến cho tôi trước đây đối với Phật giáo, có rất nhiều sự hiểu lầm, hoàn toàn quét sạch, nhận biết Phật giáo lại từ đầu, chăm chỉ học tập.

Nếu không phải là thầy, là thầy giáo vỡ lòng, chúng tôi căn bản không thể đến với Phật giáo được. Bởi vì ở niên đại đó, bản thân chúng tôi có quan niệm sai lầm nghiêm trọng, cho rằng Phật giáo là tôn giáo, là mê tín. Cho nên không có ý muốn tiếp xúc với Phật giáo. Sự việc của 60 năm về trước! Học tập 60 năm, thầy Phương bảo tôi, học Phật là hưởng thụ cao nhất của đời người, tôi đã đạt được rồi. Hưởng thụ cao nhất không phải của cải, không hải địa vị. Vậy là gì? Là hỷ lạc, là hoan hỷ vui vẻ! Người sống một cuộc sống vui vẻ, không phải là chuyện dễ. Chứng minh lời nói của Khổng Tử “học nhi thời tập chi, bất diệc thuyết hồ”. Người xưa nói: “Khổng Nhan chi lạc”, nghĩa là niềm vui của Khổng Tử và Nhan Hôi. Họ lấy đâu ra niềm vui? Bởi học là khi thực hành nó. Tôi 60 năm này, học là lúc thực hành nó. Pháp hỷ sung mãn, thường sanh lòng hoan hỷ. Đối nhân xử thế, tiếp người đãi vật không mê, có chút trí huệ rồi. Đây là học vấn chân chánh, thật sự là những điều tốt, ở thế gian không có.

Sách luận của Phật, Bồ Tát, Thánh Hiền lưu hành trong thế gian, đáng tiếc là mọi người không học. Như tôi 60 năm về trước không khác, không tin tưởng, không học nó. Bỏ qua cơ duyên. Chúng tôi thật sự nhận biết Phật pháp, hiểu rõ Phật pháp, siêng năng học tập, cho nên vui vẻ vô cùng. Thế gian này, lời bàn luận của học giả triết học, chúng tôi hiểu được. Báo cáo của giới khoa học, chúng tôi cũng hiểu được. Chúng tôi nghe rồi đem so sánh với kinh giáo đại thừa, hoàn toàn có thể hiểu được.

Bất luận ở trong nghịch cảnh hay thuận cảnh, thiện duyên hay ác duyên cũng đều tự tại. Đây là học vấn chân chánh. Người xưa gọi là thật học, học vấn chân thật.

Trong giáo lý đại thừa để quý vị thật sự hiểu được ngã không pháp không. Khi Phật còn tại thế, đề bài này Ngài dạy 22 năm. Cho nên chúng ta phải hỏi, cuộc đời đức Phật Thích Ca, cuối cùng là nói những gì? A Hàm 12 năm, Phương Đẳng 8 năm, Bát Nhã 22 năm, Pháp Hoa 8 năm. Thì quý vị nghĩ, thời gian mà Ngài dùng dài nhất, đó là Ngài cần dạy kinh giáo quan trọng nhất.

Trí huệ bát nhã, trí huệ cao nhất của đại thừa. Giới, định là phương tiện, bởi vì tâm định thì sanh trí huệ. Làm sao để tâm định được? Là phải trì giới. Cho nên định là điểm mấu chốt học tập của đại thừa. Giới là phương tiện tu học của đại thừa. Huệ là mục tiêu tu học của đại thừa. Huệ nhất định là từ tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng sanh ra. Làm sao trong đời này, tâm của quý vị vĩnh viễn duy trì được thanh tịnh bình đẳng. Đây là công phu. Đây chính là điều đại sư Chương Gia nói: nhìn thấu, buông bỏ. Nhìn thấu là gì? Là hiểu rõ chân tướng sự thật, hiểu rõ ta và các pháp đều bất khả đắc. Vì sao vậy? Vì pháp do nhân duyên sanh, trong đó không có thường, không có một. Thường và một ở đâu? Thường và một ở trong tự tánh. Tự tánh là chân thường, tự tánh là một. Một này là nhất thể của biến pháp giới hư không giới.

Cho nên bất luận là hiện tượng tâm lý, chúng ta khởi tâm động niệm, hiện tượng vật lý, quý vị phải hiểu, sự tồn tại của hiện tượng vật chất hoàn toàn là không ổn định. Nếu mỗi khi nó động, hiện tượng vật chất liền không có. Hiện tượng vật

chất là hiện tượng không ổn định. Vật chất không ổn định với ý niệm không ổn định của chúng ta. Mỗi khi nó động, đều biến pháp giới hư không giới.

Trong Hoàn Nguyên Quán nói là “chu biến pháp giới”, vừa động là biến khắp pháp giới. Thân thể của chúng ta là máy phát. Tế bào thân thể của chúng ta không ổn định. Ý niệm tư tưởng của chúng ta không ổn định, biến pháp giới, hư không giới tất cả đều nhận được. Ý niệm của quý vị có thể dấu được mọi người sao? Không được, không thể. Tịnh niệm, nhiễm niệm, thiện niệm, ác niệm đều biết hết. Thân thể này của chúng ta đồng thời cũng là máy tiếp nhận, biến pháp giới hư không giới, tất cả hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần, họ khởi tâm động niệm, mình cũng nhận được hết thảy. Nhưng vấn đề là tuy ta tiếp nhận được, nhưng ta không có cảm xúc. Đây là gì? Chính là máy móc bị trục trặc. Không phải quý vị không tiếp nhận được, mà là có trở ngại. Chúng ta không có phản ứng.

Ai không có trở ngại? là pháp thân Bồ Tát không có trở ngại, chư Phật Như Lai không có trở ngại, các Ngài đều hiểu rõ. Chúng ta làm rất nhiều chuyện sai, các Ngài có trách ta chăng? Không trách. Vì sao không trách? Vì là nhất thể. Giống như chúng ta không cẩn thận, bị răng cắn vào lưỡi, làm cho lưỡi bị rách, lưỡi có trách răng không? Có báo thù không? Không báo thù, vì sao vậy? Vì là nhất thể. Trong một thể sanh lòng thương, gọi là đại từ đại bi, đồng thể đại bi, vô duyên đại bi, vô duyên là không có điều kiện. Chư Phật Như Lai, pháp thân Bồ Tát, đối với tất cả chúng sanh trong biến pháp giới hư không giới, tình và vô tình, thương bình đẳng, thương không có điều kiện. Phạm phu không biết được tình thương đồng thể. Cho nên dù chúng ta có làm những chuyện sai đi nữa, chỉ cần quay đầu là Phật Bồ Tát lập tức xuất hiện, đến giúp đỡ quý vị, thân thiết như vậy, như cha mẹ đối với con cái không khác.

Chưa bao giờ nghe nói Phật Bồ Tát phạt trừng phạt người, không có. Con người làm chuyện sai, đọa vào ba đường ác, ba đường ác đó là chính mình biến hiện ra, tự làm tự chịu, không phải Bồ Tát biến, không phải thượng đế biến, cũng không phải quỷ thần biến, không liên can đến bất cứ ai, là tự mình biến ra. Giống như quý vị nằm mộng không khác, ác mộng không khác. Quý vị mộng thấy điều ác, ai bắt quý vị chịu? Không phải sức bên ngoài, là tự mình biến ra. Cho nên tam đồ

lục đạo tất cả đều tự mình biến hiện ra. Thiên đường là thiện niệm biến hiện. Địa ngục là ác niệm biến hiện. Khi rời khỏi ý niệm thiện ác, thì thiên đường địa ngục đều không còn nữa.

Trong đại thừa kinh điển nói cho chúng ta thật tướng của các pháp. Hiểu rõ rồi, thì chúng ta biết được chính mình nên đối với bản thân như thế nào, thuần tịnh thuần thiện là tương ứng với Phật đạo. Nếu như thuần tà thuần ác, thì tương ứng với địa ngục. Hoàn toàn ở chính mình, không phải ở người khác, không ai quản được. Đức Phật không phải dùng điều này để khuyên chúng ta, không phải. Nếu quý vị nghĩ như vậy là quý vị hoàn toàn không hiểu, đức Phật chưa bao giờ khởi tâm động niệm qua, cho nên vốn không có phân biệt chấp trước. Phật giúp đỡ chúng sanh, chỉ là nói cho chúng ta biết chân tướng sự thật, chúng ta tin được, hiểu được là khai ngộ, là giác ngộ rồi.

Học vị trong Phật giáo là có thật, nhưng nó không phải là hình tượng. Nếu chúng ta có thể đối với tất cả pháp thế xuất thế gian, bao gồm Phật pháp, không chấp trước, thì quý vị đạt được học vị thứ nhất, quý vị chứng được A La Hán. Nếu cao thêm nữa, chẳng những không chấp trước, mà tâm phân biệt cũng đoạn hết, quý vị đạt được học vị thứ hai-Bồ Tát. Hướng lên cao hơn nữa, ngay cả khởi tâm động niệm cũng không có, đều buông bỏ rồi, vậy là chúc mừng quý vị, quý vị đạt được học vị cao nhất - Phật Đà. Đây là ba học vị trong Phật giáo, học vị này thật có lợi ích. Đạt được học vị thứ nhất, quý vị thoát ly lục đạo. Đạt được học vị thứ hai, quý vị thoát ly mười pháp giới. Đạt được học vị thứ ba, quý vị thoát ly cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Quý vị trở về Thường Tịch Quang. Thường Tịch Quang là một, Thường Tịch Quang là thường, thường là vĩnh hằng không thay đổi.

Câu cuối cùng nói rằng: “*Hựu Kim Cang kinh viết, thông đạt vô ngã pháp, Như Lai thuyết danh chân thị Bồ Tát*”. Học vị thứ hai này, A La Hán biết được vô ngã, nhưng họ còn chấp có pháp. Họ cho rằng pháp có, ngã không, pháp có. Bồ Tát biết được pháp cũng không có, đây là chân Bồ Tát.

Chúng ta xem tiếp đoạn dưới đây.

“*Đại từ đại bi hỷ xả thanh, từ bi hỷ xả, danh tứ vô lượng tâm*”. Người ở trời sắc giới thì có vô lượng. Từ vô lượng, bi vô lượng, hỷ vô lượng, xả vô lượng, Phước báo cõi trời lớn hơn chúng ta. Ngạn ngữ xưa gọi là “lượng lớn phước lớn”. Phước

báo cõi trời lớn, Vì sao vậy? vì tâm lượng họ lớn, cho nên phước báo của họ lớn. Họ tu thập thiện thượng phẩm, tu tứ vô lượng tâm, cho nên sanh về cõi trời. Cõi trời này không phải ở trên mặt đất, là Không Cư thiên. Địa Cư thiên chúng ta biết rằng, Tứ Vương thiên là Địa Cư thiên, Đao Lợi thiên là Địa Cư thiên. Đao Lợi thiên ở trên đỉnh Tu Di sơn. Tỳ Dạ Ma trở lên là Không Cư thiên, nó không ở trên mặt đất, là ở trên không trung. Đâu Suất thiên, Hóa Lạc thiên, Tha Hóa Tự Tại thiên. Tầng trời này thù thắng hơn tầng trời trước. Tầng trời này tâm lượng lớn hơn tầng trời trước.

Chúng ta sống trên đời này, nếu thật sự nghĩ đến niềm vui vô tận suốt cuộc đời. Đây là lời thầy Phương nói: “hưởng thụ lớn nhất của đời người”. Tứ vô lượng tâm, môn học bắt buộc, quý vị mới có thể hưởng thụ niềm vui.

Dưới đây nói sơ lược “*từ vô lượng tâm, năng dĩ lạc chi tâm dã*”. Đối với tất cả chúng sanh, giúp họ được vui, giúp họ được hạnh phúc. Hạnh phúc chân thật không phải là hưởng thụ vật chất, cũng không phải hưởng thụ cuộc sống tinh thần. Đó là cái vui của thế gian, đó là vô thường. Cái vui đó không thể vĩnh viễn giữ được, vui hết khổ lại đến. Cho nên Phật nói “lạc vi hoại khổ”. Phật Bồ tát cho chúng ta niềm vui là gì? Là giúp chúng ta khai ngộ, giác ngộ. Giác ngộ là niềm vui chân thật, đối với chân tướng nhân sanh vũ trụ, thật sự hiểu rõ, thật sự hiểu thấu, đó là niềm vui chân thật!

Niềm vui của Không Tử là bất luận ở đâu, quý vị thấy ông, ông đều rất vui, không lo sầu, không phiền não, không bận tâm. Ông vui điều gì? Vui với đạo, ngày ngày đọc sách Thánh hiền, ngày ngày tiếp cận Thánh hiền.

Nhan Hồi là đệ tử của Không Tử, cuộc sống vật chất của ông gian khổ nhất, dùng lời bây giờ mà nói, ngay cả ba bữa ăn của ông cũng thành vấn đề, nhưng trong nhóm đệ tử của Không tử, chỉ có ông là vui vẻ nhất, những người khác không bằng ông. Ông vui điều gì? Là những điều Không Tử nói, ông thật sự hiểu được, hoàn toàn hiểu được, hoàn toàn rõ ràng. Ông là đệ tử thứ nhất được Không Tử khen ngợi. Đáng tiếc là chết sớm, 30 tuổi đã chết rồi. Bây giờ chúng ta đã biết, đã rõ ràng, vì sao ông có thể tiếp nhận, ông có thể khế nhập cảnh giới? Chúng tôi tin rằng, ông làm được hai chữ “thành kính” này, tất cả các bạn đồng học đều không bằng ông ta. Thành kính đối với Thánh hiền, thành kính đối với lời dạy của

Thánh hiền, thành kính đối với thầy giáo, ông làm được. Nhan Hồi chân thành cung kính đối với tất cả mọi người, tất cả việc, có trách nhiệm, khiêm tốn hạ mình. Dùng Phật pháp mà nói, ông đã đoạn hết tham sân si mạn nghi. Đối với lời giáo huấn của Thánh Hiền, lẽ nào ông không khế nhập? Cho nên niềm vui của ông là niềm vui của Thánh Hiền, không liên can với vật chất, tinh thần. Niềm vui vật chất tinh thần đều là niềm vui thế tục, ông đạt được niềm vui của Thánh hiền. Trong Phật pháp đại thừa, niềm vui của Phật Bồ Tát, cao hơn niềm vui của Khổng Tử và Nhan Hồi rất nhiều, không thể so sánh. Có người nói, không chỉ một người nói, tôi nghe rất nhiều người nói, Khổng Tử ở Đạo Lợi thiên. Lão Tử cao hơn Khổng Tử. Lão Tử từng nói: ‘Ngô hữu đại hoạn, vị ngô hữu thân’. Ông ta nói, hoạn nạn lớn nhất của ta, là ta có thân thể, nếu không có thân thể thì hay biết mấy. Nếu từ trên cảnh giới này mà xem, Lão Tử là sanh vào trời vô sắc giới, không có thân thể. Tầng trời thứ tư vô sắc giới, là trời Tứ không, không biết ở tầng trời nào. Cho nên Lão Tử có ý này.

Luân hồi lục đạo, là do tâm mình biến hiện ra. Không muốn thân thể này là đúng, đúng tuyệt đối. Thân thể này là thứ không tốt, hết sức phiền toái. Có thân thể này không biết tạo bao nhiêu nghiệp, thật là oan uổng! Không có thân thể này tự tại biết bao. Không có thân thể này, tự nhiên có ngũ thông. Cho nên người trời có ngũ thông, quỷ thần có ngũ thông. Vì sao vậy? Vì họ không có nhục thể này, có nhục thể là làm chướng ngại ngũ thông. Vì sao vậy? Vì quý vị sanh phiền não, quý vị sanh tham sân si mạn, nên mất đi năng lực này, không phải mất đi, mà là bị chướng ngại. Chỉ cần quý vị đem chướng ngại bỏ đi, năng lực này trở lại như xưa, thì có thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm, túc mệnh và thần túc thông. Thần túc là đi đến tự tại trong hư không pháp giới.

Có thiên nhãn, cao quá hoặc thấp quá vẫn không nhìn thấy. Tứ thiên bát định mới có thể nhìn thấy toàn bộ lục đạo. Nếu chỉ có tứ thiên, ở trên, quý vị chỉ đạt được cảnh giới trời Tứ thiên, chẳng thấy được trời Tứ không. Ở dưới có thể thấy được địa ngục Vô Gián. Nếu quý vị chỉ có công phu sơ thiên, quý vị chỉ thấy được trời Đại Phạm, trên trời Đại Phạm quý vị không thấy được. Cho nên những điều này, bây giờ chúng ta ít nhiều cũng hiểu được đôi chút. Đối với tất cả chúng sanh, phải giúp họ khai ngộ. Nếu chính mình không khai ngộ, thì quý vị không có

năng lực giúp đỡ họ, bởi vì đây không phải là bổ thí tài lực, vật lực, không phải cái này.

“*Bi vô lượng tâm, năng bạt khổ chi tâm dã*”. Nhìn thấy chúng sanh khổ, giúp họ thoát khổ, đây là tâm từ bi. Từ và bi luôn luôn gắn liền nhau, giúp chúng sanh thoát khổ được vui. Giúp chúng sanh thoát khổ là tâm từ. Giúp chúng sanh được vui là tâm bi. Giúp thoát khổ, nếu cuộc sống vật chất của họ quá khổ, cần giúp đỡ họ, giúp đỡ nhưng đừng để họ khởi lòng tham, giúp họ có chùng mực, họ không khởi lòng tham. Quyết phải giúp họ giác ngộ, chủ yếu là giúp họ giác ngộ. Giúp họ trên phương diện đời sống, đó là phụ giúp mà thôi, không phải là quan trọng. Cho nên thoát khổ được vui, nhất định phải hiểu nghĩa chân thật của nó. Biết mình phải làm như thế nào, nhất định không được hiểu lầm, hiểu lầm, quý vị làm không đúng pháp, quý vị làm sẽ có tác dụng phụ, vậy là sai rồi. Đây là trí huệ chân thật, lợi ích chân thật.

“*Hỷ vô lượng tâm*”, hỷ là hoan hỷ, “*kiến nhân ly khổ đắc lạc sanh khánh duyệt chi tâm dã*”. Nhìn thấy người khác thoát khổ, nhìn thấy người khác được vui, lòng hoan hỷ, không đố kỵ, không chướng ngại. Người khác làm những việc này, chúng ta có năng lực thì cố gắng trợ giúp, giúp đỡ họ, thành tựu họ, không được cản trở họ.

Chân thật giúp chúng sanh thoát khổ được vui, nhất định phải biết là dạy học. Khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, sau khi thị hiện khai ngộ, 30 tuổi bắt đầu dạy học, 79 tuổi viên tịch. Giảng kinh hơn 300 hội, thuyết pháp 49 năm. Hành động này là hành động từ bi cứu tế chân chánh. Những chúng sanh khổ nạn trong thế giới Ta Bà này, nếu như đời này sang đời khác, chúng ta có thể tuân theo lời dạy của đức Phật, đều có thể đem lời dạy của Đức Phật thực hiện trong cuộc sống, thực hiện trong công việc, thực hiện trong đối nhân xử thế, đây là hành động của Bồ Tát. Xã hội nhất định được an định, nhân dân nhất định được hạnh phúc, sẽ không có thiên tai. Cho nên trước đây là do các bậc đế vương không hộ pháp.

Biết được giáo dục của đức Phật là quý báu! Thật sự có thể giúp chúng ta giải quyết vấn đề, giúp xã hội hòa bình, giúp không xảy ra mọi thiên tai, chẳng những là hóa giải, mà còn không xảy ra thiên tai. Giúp tất cả mọi người hóa giải nghiệp

chương. Giác ngộ, thì thoát khỏi nghiệp chương rồi. Nghiệp chương tồn tại là nguyên nhân không giác ngộ được.

Tiếp tục xem điều thứ tư, xả vô lượng tâm.

“*Như thượng tam tâm xả chi, từ bi hỷ xả*”. Xả là gì? Là không chấp tướng, không nên chấp tướng, đó là niềm vui chân thật của quý vị, “*Nhi tâm bất tồn trước dã. Hựu oán thân bình đẳng*”. Ở đây nêu ra một ví dụ rất rõ ràng. Quý vị phải đem cái oán này, phải đem cái thân tình này, phải buông bỏ oán hận, thân tình. Buông bỏ cái này, tâm thanh tịnh của quý vị hiện tiền. Tâm bình đẳng của quý vị hiện tiền. Thanh tịnh là A La Hán, bình đẳng là Bồ Tát, quý vị sẽ vào cảnh giới Bồ Tát, vào cảnh giới A La Hán. Niềm vui trong đó gọi là niềm vui chân thật! Đây là nói, tu từ, bi, hỷ mà không chấp trước, nên gọi là xả.

Có cần tu ba điều này không? Rất cần. Mọi lúc mọi nơi quyết không rời bỏ, nhưng không được chấp tướng. Trong kinh điển đại thừa nói rất rõ ràng, chấp tướng, quý vị tu là phước báo trời người. Không chấp tướng, quý vị tu là công đức vô lượng. Công đức có thể giúp nâng cao cảnh giới của quý vị. Phước đức có thể giúp tăng thêm phước đức của quý vị. Quý vị hưởng phước báo lớn, nhưng quý vị không thoát khỏi vòng luân hồi lục đạo. Công đức có thể giúp quý vị thoát khỏi luân hồi lục đạo, không giống nhau. Công đức có thể giúp quý vị vượt thoát mười pháp giới, giúp quý vị thành Phật. Phước đức thì không được. Chúng ta phải hiểu rằng, tu phước không chấp vào tướng của tu phước, làm thiện không chấp vào tướng của làm thiện, vậy là đúng rồi.

“*Thử tứ tâm, phổ duyên nhất thiết chúng sanh*”. Phổ là phổ biến, không có điều kiện, không có giới hạn, không phân biệt, không chấp trước đối với tất cả chúng sanh. Bình đẳng đối với tất cả chúng sanh, sinh hoạt hàng bằng tâm này, xử sự đối nhân xử thế. “*Dẫn vô lượng chi phước, đắc vô lượng chi quả*”, cho nên gọi là Tứ vô lượng tâm. Cảnh giới sở duyên của quý vị càng lớn, thì phước đức càng lớn, quả cũng càng lớn. Gọi là lượng lớn phước lớn, chính là đạo lý này. Bốn loại này đều gọi là vô lượng.

Người chấp tướng tu tứ vô lượng tâm, họ tu từ, bi, hỷ, xả nhưng họ lại chấp vào tướng. Chấp tướng gì? Là chấp ngã, chấp pháp, có ngã có pháp. Điều họ đạt được là phước báo trong lục đạo, đạt được thiện quả trong lục đạo. Tâm hành của họ

bất thiện, nhưng họ tu từ, bi, hỷ, xả có được phước báo không? Được, đạt được phước báo rất lớn. Họ đọa vào ba đường ác, tâm hành bất thiện đọa vào ba đường ác, thì cũng làm quỷ vương trong ba đường ác, đây là phước lớn, làm Thành Hoàng, làm Tiên thân, làm Địa quỷ, đó là địa vị rất cao. Làm Diêm La vương, ở trên trời làm thần, phước báo lớn, đều là kiếp trước họ có tu, kiếp trước họ không tu thì lấy đâu ra phước? Nếu họ rời tướng, họ biết được ngã pháp đều bất khả đắc, nhưng họ không ngừng làm những việc tốt khác, họ rất siêng năng, thấy chúng sanh khổ nạn chẳng thể không chìa tay cứu giúp, họ có thể làm tốt cho người khác, có thể hóa giải tai nạn cho người khác mà không chấp tướng, cảnh giới của họ nâng cao. họ sẽ trở thành A La Hán, trở thành Bồ Tát. Họ vãng sanh thế giới Cực Lạc, thành Phật. Thành Phật, đó là quả báo chân thật, đó là phước đức rất ráo, phước huệ vẹn toàn. Cho nên tứ vô lượng tâm rất tuyệt vời! Cần phải học tập.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 372

Chuyển ngữ: Nguyễn Thanh

Biên tập: Bình Minh

Giảng ngày: 12.4.2011

Địa Điểm: Tịnh Tông Học viện -Úc Châu

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 444, hàng cuối cùng, Cam lồ quán đánh thọ vị.

“*Cam lồ giả, thiên nhân sở thực chi mỹ lộ, vị cam như mật.*” Đây là nước tám công đức diễn tấu chúng chúng diệu pháp. Đức Thế Tôn nêu cho chúng ta mấy ví dụ, đây là ví dụ cuối cùng. Cam lồ là thức uống ngon nhất của chư thiên, nó ngon đến mức nào, chúng ta không thể tưởng tượng được. Cái này ở nhân gian không có. Phật giới thiệu cho chúng ta rằng ‘vị cam như mật’, người đời chúng ta cho

rằng mật ông là thức uống rất ngon. Dùng cái này làm ví dụ, đương nhiên ví dụ như thế nào đi nữa, cũng không thể ví dụ cho giống được.

“*Quang Minh Văn Cú Ngữ đệ ngũ quyển: Cam lồ thị chư thiên bất tử chi thân dược, thực giả mạng trường thân an, lực đại thể quang*”. Ở trước giới thiệu qua, cam lồ là thức uống ngon nhất của chư thiên. Đoạn này là giới thiệu công đức của cam lồ, nó có những lợi ích gì, quả thực là thân dược của chư thiên. “Thực giả mạng trường”, đây là trường thọ, “thân an” là thân thể an ổn, khỏe mạnh, “lực đại thể quang” là thân thể phóng quang. Cho thấy được cam lồ quả thực rất tốt, thảo nào chư thiên coi trọng nó như vậy, yêu thích nó như vậy.

“*Quán đánh thọ vị giả, Hiền giáo, vị đẳng giác Bồ Tát tương nhập diệu cảnh chi vị*”, sắp vào chữ chưa vào được. “*Nhất thiết thập phương Phật dĩ trí thủy quán Bồ Tát đánh*”. “Thủy” là ví dụ. Quán đánh này là quán đánh trong Mật tông, thủy là pháp tượng trưng, thực chất là truyền pháp cao nhất cho quý vị, đây gọi là quán đánh. “Đánh” là cao nhất, cao tột đỉnh, pháp tượng trưng, đánh pháp. “Quán” là truyền cho quý vị. Vậy chúng ta biết rằng, bộ Đại Thừa Vô Lượng Thọ kinh này, là đánh pháp trong đại thừa, cao tột đỉnh, ngay cả Hoa Nghiêm, Pháp Hoa cuối cùng cũng quay về Vô Lượng Thọ. Thập Đại Nguyên Vương Đạo Quy Cực Lạc, trong kinh Pháp Hoa cuối cùng cũng là đến thế giới Tây phương Cực Lạc, thân cận Phật A Di Đà.

Chúng ta biết rằng cam lồ pháp quán, chính là ví dụ cho bộ kinh Vô Lượng Thọ này. Kinh Vô Lượng Thọ chúng ta dùng tâm chân thành, tâm cung kính, niệm một biến từ đầu đến cuối, Đó chính là Phật A Di Đà, thập phương nhất thiết chư Phật Như Lai, lấy nước trí huệ quán đánh một lần. Mỗi ngày quý vị niệm một biến, là tiếp nhận quán đánh một lần. Mỗi sớm tối niệm một lần, là quý vị sớm tối đều tiếp nhận quán đánh của chư Phật Như Lai. Đây không phải là hình thức, mà là thực chất, chúng ta chẳng thể không biết được. Không phải chúng ta tiếp nhận quán đánh của thượng sư, quán đánh của Phật sống, mà là chúng ta là tiếp nhận quán đánh của Phật A Di Đà, mười phương Như Lai, nhất định phải trân quý nhân duyên này, chớ bỏ qua.

Nếu thể lực của mình yếu đi, hoặc là tuổi lớn rồi, kinh Vô Lượng Thọ quá dài, không thể đọc hết được, vậy thì dùng phương pháp công phu sáng tối của Tịnh

tông chúng ta, sáng sớm quý vị niệm phẩm thứ 6 trong 48 nguyện. Buổi tối niệm từ phẩm 32 đến phẩm 37, cũng là Phật Di Đà, chư Phật quán đánh cho quý vị. Cũng có thể dùng tiểu bản kinh A Di Đà để thay thế. Buổi sáng niệm một biến, buổi tối niệm một biến, đều là Như Lai quán đánh giúp quý vị, bản thân quý vị không biết. Khi mạng chung Phật đến tiếp dẫn quý vị vãng sanh, bản thân quý vị cũng không biết, phước báo đó của quý vị từ đâu mà có. Mỗi ngày tiếp nhận sự quán đánh của chư Phật, Phật biết, nhưng quý vị không biết. Hôm nay quý vị thấu hiểu quý vị biết được, nhất định phải trân quý, nhất định không để trôi qua. Tụng kinh, niệm Phật, lạy Phật, là bài tập hàng ngày của chúng ta. Nhất định mỗi ngày phải kiên trì không được gián đoạn.

“Quán đánh thọ vị”, đây là Bồ Tát Đẳng Giác của Hiền giáo. Phẩm cuối cùng đoạn hết sanh tướng tập khí vô minh. Tập khí vô minh đoạn sạch rồi, họ sẽ thăng cấp, thăng đến quả vị Diệu Giác, chính là quả vị rốt ráo, là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vào địa vị này. Cho nên lúc này, mười phương chư Phật đều đến gia trì họ. Sự gia trì này, chính là dùng nước trí huệ quán đánh Bồ Tát.

“Thí dụ chuyển luân thánh vương, thủ tứ đại hải thủy quán thái tử đánh, xưng ngôn, thái tử dĩ thọ vị cánh, thị danh quán đánh thọ vị”. Dùng cái này để làm ví dụ, người Ấn Độ xưa khi quốc vương lên ngôi, chúng ta nói nhậm chức, khi nhậm chức này, quốc vương quán đánh cho thái tử. Nếu quốc vương qua đời, thái tử tiếp tục nối ngôi, lúc này là do vị đạo cao đức trọng trong nước, trong tôn giáo đến quán đánh cho thái tử, chứng minh rằng thái tử đã tiếp nhận vương vị. Đây gọi là quán đánh thọ vị.

“Hựu Mật điển ‘Bí Tạng Ký Sao’, đây là Mật tông, *“dĩ thủy quán đánh, danh cam lồ quán đánh”*, thế gian này không có cam lồ, dùng nước suối, nước trong sạch rảy trên đầu quốc vương, khi quốc vương lên ngôi. Đây gọi là cam lồ quán đánh.

“Đại Nhật Kinh Sớ viết, kim như Lai pháp vương diệc phục như thị, Bồ Tát, Đẳng Giác Bồ Tát thọ Diệu Giác đích quả vị”. Diệu Giác là quả Phật rốt ráo. Cũng có loại lễ tiết này, *“Như Lai Pháp vương diệc phục như thị. Vị linh Phật chủng bất đoạn cố, dĩ cam lồ pháp thủy nhi quán Phật tử chi đánh, linh Phật*

chúng vĩnh bất đoạn cố”. Đệ tử Phật, bất luận là tại gia hay xuất gia, nhất định phải luôn luôn nghĩ một việc, đó chính là tiếp nối huệ mạng của Phật, khiến chánh pháp trụ ở đời lâu dài. Dựa vào ai? dựa vào chính mình, tuyệt đối không được đem việc này đẩy cho người khác, đẩy cho người khác, quý vị sẽ thất vọng. Sự thật mà nói, bởi vì những việc này chính mình khách khí, không dám đảm nhận, nên đẩy cho người khác, khiến cho Phật pháp ở thế gian này bị diệt vong. Mọi người đều khiêm tốn, nhưng ta không được, ta không có trí huệ, không có đức hạnh, làm sao ta dám đảm đương trách nhiệm lớn lao này? Ai ai cũng đẩy, thì cuối cùng Phật pháp diệt vong.

Vì sao phải chính mình đảm nhiệm, không được đẩy cho người khác? Trong kinh bao nhiêu lần Phật dạy rằng: “hết thầy chúng sanh vốn là Phật”. Nói cách khác, quý vị vốn là Phật, tại sao quý vị không dám đảm nhiệm? Quý vị vốn đã là Phật, chỉ là bây giờ quý vị nhất thời mê mờ, khởi lên vô minh phiền não, làm mê mờ tự tánh, nhưng không phải thật sự mất đi. Phật Bồ Tát thấy rất rõ ràng, quý vị thật sự là một vị Phật. Cho nên Phật Bồ Tát hy vọng chúng ta, mỗi người đều có thể đảm nhiệm, đảm nhiệm rồi thì phải siêng năng tu học, mỗi ngày siêng năng học tập kinh giáo. Ở đây tôi nói, không phải nói quý vị đọc tụng, mà tôi bảo quý vị học tập. Đọc tụng là gì? là học tập đã thành tựu, đọc tụng là ngày ngày ôn tập, không để quên đi. Đối với kinh giáo nhất định phải hiểu rõ.

Chúng ta không phải là hàng thượng thượng căn. Hàng trung hạ căn phải dùng biện pháp ngốc nghếch này, biện pháp ngốc nghếch tức là không sợ khổ. Học kinh này lần đầu, trong đó có rất nhiều từ mới, phải ghi chú, rất nhiều câu, từ không hiểu phải chú giải, chú giải rõ ràng. Chú giải của chư vị cổ đức ngày xưa đều rất nhiều. Chú giải của cư sĩ Hoàng Niệm Lão, trích dẫn kinh luận hơn 190 loại. Trong đó có những điều trích dẫn vô cùng sâu sắc. Hay ở chỗ là trích dẫn những kinh luận này, đều có chú thích của chư vị tổ sư. Những cái này đa số là thu thập ở trong Tịnh Độ Tông Thư, tìm trong Đại Tạng kinh rất nhiều.

Tịnh Độ Tông Thư, người xưa đã trải đường cho chúng ta rồi, chúng ta tiết kiệm được rất nhiều việc. Tra lại những từ này, để chúng ta có thể hiểu được ý nghĩa được thông suốt. Lần thứ nhất là vất vả hơn, sau khi làm được lần thứ nhất, sau này mỗi ngày đọc tụng chính là ôn tập, thọ trì đọc tụng, thọ trì là học tập. Chữ tu

hành đó quan trọng nhất chính là học. Tập là gì? là luyện tập, luyện tập trong cuộc sống, luyện tập trong công việc, luyện tập trong cách đối nhân xử thế. Đạo lý mà trong kinh nói, biến thành kiến giải tư tưởng của chính mình. Hết thấy lời giáo huấn trong kinh, biến thành hành động trong đời sống hàng ngày của chính chúng ta, tất cả đều dùng được. Tự nhiên khế nhập được cảnh giới của Phật mà mình không hay không biết. Dem bốn nguyện công đức của Phật A Di Đà, tự mình thọ dụng hết, biến thành của mình.

Tâm là tâm Phật, Phật là tâm gì? Trong Tịnh nghiệp tam phước, hai câu trước là gốc: “Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng dưỡng sư trưởng”, đây chính là tâm Phật. Cha mẹ mở rộng rồi, ý nghĩa của sư trưởng cũng mở rộng. Trong Bồ Tát Giới kinh nói: “tất cả người nam là cha ta, tất cả người nữ là mẹ ta”. Hiếu này là biến pháp giới hư không giới, hiếu với cha mẹ như vậy, tôn sư cũng như vậy, tất cả chúng sanh đều là Như Lai, tất cả chúng sanh vốn là Phật, vậy chúng ta có phải tôn kính không, có cần hiếu kính không? Trong giới kinh Phật nói, tất cả chúng sanh đều là cha mẹ quá khứ, là chư Phật vị lai, tất cả chúng sanh và chúng ta có mối quan hệ như vậy. Có thể không hiếu, có thể không cung kính được chăng? Thật sự có hiếu kính, thì tất cả công đức viên mãn. Vô lượng vô biên đức hạnh, đều từ trong hiếu kính mà ra, hiếu kính lớn thì cội lớn gốc lớn. Chẳng thể không biết được.

Tất cả sai lầm mà chúng ta phạm hôm nay, thực sự là đã bỏ hiếu đi, kính cũng không còn nữa. Thông thường nói đây là gì? Là tâm xấu rồi, không phải tâm hiếu, không phải tâm kính, không phải tâm chân thành. Cho nên học đạo của Thánh Hiền, học Phật Bồ Tát hoàn toàn xa lạ. Đọc kinh nhiều năm mà không hiểu nghĩa của nó, nghe giáo nhiều năm mà không được khai ngộ, nguyên nhân đều ở chỗ này, đem hiếu kính bỏ đi.

Pháp thế xuất thế gian, chư vị tổ sư, đều dạy chúng ta tu từ căn bản. Căn bản là Tịnh nghiệp tam phước, ba điều mười một câu. Không những là Tịnh tông, mà toàn bộ Phật pháp, đều kiến lập trên nền tảng này. Chúng ta không có nền tảng này, dĩ nhiên quý vị học không hiểu. Chúng ta đối với mọi người không có lòng từ bi, không hiểu thập thiện nghiệp, điều đầu tiên trong Tịnh nghiệp tam phước, một câu chúng ta cũng không làm được. Cho nên nhiều người nói, chúng ta học Phật là giả, không phải thật, chẳng phải không có lý, quý vị không có cội rễ.

Phước thứ nhất là cội rễ của trời người, quý vị nghĩ xem, điều này quan trọng biết bao. Không có cội gốc này thì không thể làm người, cuộc đời này may mắn được thân người, khiếp sau chắc chắn không được, không đủ điều kiện để làm người. Điều kiện được làm người chính là phước thứ nhất: “hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp”. Đây là căn bản làm người. Thực hành được bốn câu này, quý vị sẽ không mất thân người.

Điều thứ hai là hàng nhị thừa, Thanh văn, Duyên giác nếu không làm được, thì sẽ không chứng được Thanh văn, Duyên giác. Điều thứ ba là đại thừa. Điều thứ hai phải có điều thứ nhất. Điều thứ ba phải có hai điều trước, họ mới chứng được, không có hai điều trước thì không thể chứng được. Đức Phật dạy rất rõ ràng, ba điều này Ngài dạy: “Tam thế chư Phật tịnh nghiệp chánh nhân”. Tam thế là quá khứ, hiện tại và vị lai. Tam thế chư Phật tịnh nghiệp chánh nhân. Nói cách khác, quá khứ tu hành thành Phật, hiện tại tu hành thành Phật, vị lai tu hành thành Phật, đều không thể trái với ba điều này. Trái với ba điều này là quý vị không có cội gốc rồi, làm sao quý vị thành tựu được?

Cho nên chúng ta không để mất hạt giống Phật. Hạt giống Phật ở đâu? Hạt giống Phật ở trong tâm của chúng ta. Hạt giống Phật chính là ta, chỉ cần quý vị có duyên gặp được Phật pháp, thì quý vị là hạt giống Phật. Quý vị có thể bồi dưỡng tốt hạt giống Phật này, thì chánh pháp trụ thế lâu dài, Phật pháp không bị mất đi. Nếu mình không siêng năng học tập, Phật pháp sẽ diệt vong, hạt giống Phật sẽ tiêu mất. Điều này chúng ta chẳng thể không biết.

Tu hành quan trọng nhất là tâm, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm giác ngộ. Thanh tịnh là không mây may nhiễm trước. Nhất định phải hiểu “thiên hạ vốn vô sự, kẻ tầm thường tự khuấy rối mình”. Kẻ tầm thường là gì? là kẻ mê mờ, điên đảo, tự mình tìm đến phiền não, tự sanh phiền não. Không có phiền não, phiền não ở đâu? Quý vị cố gắng đi tìm, khẳng định rốt cuộc cũng không tìm thấy phiền não. Cho nên phiền não là giả, không phải thật. Thật thì quý vị đã tìm thấy nó rồi, vì giả nên không tìm thấy, là do nhất thời mê mờ mà tạo thành. Giác ngộ rồi thì không còn nữa. Giữ tâm thanh tịnh. Giữ tâm vô sự, trong tâm của quý vị vốn không việc gì. Không được phan duyên, không được gây sự.

Dùng tâm thanh tịnh niệm Phật, nhất niệm tương ưng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật, đây là việc lớn, đây là việc quan trọng nhất, các việc khác đều buông bỏ. Người xưa bảo chúng ta: “biết nhiều chuyện thì nhiều phiền não”. Bảo chúng ta đừng nên nhiều chuyện, nhiều chuyện thì tâm quý vị không thanh tịnh, làm mất đi tâm thanh tịnh của quý vị. Tâm thanh tịnh là tâm Phật, tâm nhiệm ô là tâm luân hồi. Cũng không nên quen biết quá nhiều người, dùng tâm bình thường đối đãi với hết thảy mọi người và mọi việc. Tâm bình đẳng là chân tâm. Bình là bình đẳng, thường là mãi mãi không thay đổi.

Giữ gìn giới luật, giữ gìn luân thường đạo đức. Truyền thống luân thường đạo đức của Trung Quốc, đều ở trong giới luật Phật pháp. Phải tu nhẫn nhục, điều gì cũng phải nhẫn. Trong giáo lý đại thừa, Phật dạy chúng ta bố thí. Ba loại bố thí này là tu phước, tu đức. Nhẫn nhục có thể giữ cho phước đức không bị mất đi. Mọi người cũng nghe trong Phật pháp thường nói: “Lửa đốt rừng công đức”. Lửa là gì? Là phiền não, oán hận, sân nhuế. Ý niệm này khi sanh khởi, thì mất hết công đức. Công đức là gì? Là giới, định, huệ, không còn nữa. Công đức không gì có được, phải hất tâm thường trú trong giới, định, huệ, công đức mới có thể tăng trưởng. Mất đi giới, định, huệ, thì công đức rất khó thành tựu. Việc này chẳng thể không biết được. Nhẫn nhục khó thật, nhưng quý vị cần biết vạn pháp đều là không, vậy thì dễ rồi.

Trong Kinh Bát Nhã nói: “nhất thiết pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc”. Quý vị nhẫn nhục là thành tựu rồi. Ở trước chúng ta mới học, ngã không, pháp không. Ngã là chánh báo, pháp là y báo. Chỉ có tự tánh là thường là nhất. Mười pháp giới y chánh trang nghiêm, không phải thường cũng không phải nhất, nó là giả, không có thật. Nếu quý vị cho là thật thì sanh phiền não. Quý vị biết được là giả, cứ mặc kệ nó, coi như không có gì thì quý vị được tự tại. Mặc kệ nó là tùy duyên, hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức.

Chúng sanh này là tất cả hiện tượng, các duyên hòa hợp mà sanh khởi. Hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần, hiện tượng tự nhiên, đều là các duyên hòa hợp mà sanh, tùy thuận tất cả, không suy tính, chính là không phân biệt, không chấp trước. Suy tính là phân biệt chấp trước. Chúng ta nói không suy tính, chính là trong kinh Phật nói không phân biệt chấp trước, thì quý vị sẽ được tự tại. Cho

nên tâm ý sáng suốt, pháp hỷ sung mãn, thì quý vị đạt được. Tuy ở thế gian nhưng quý vị hưởng thụ cuộc sống của Phật Bồ Tát. Cuộc sống sinh hoạt hàng ngày càng đơn giản thì càng tự tại, không nên thêm phiền toái cho mình.

Tôi học Phật, thật hiếm có, thầy giáo làm mẫu cho tôi, những điều thầy dạy là chính thầy đã làm được, hàng ngày chúng ta đều thấy. Thầy giáo giống như Phật vậy, đức Phật luôn luôn làm cho chúng ta xem. Quý vị nghĩ xem, cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của ngài đơn giản biết bao, mỗi ngày đi khát thực, người khác cúng dường, Ngài đều hoan hỷ thọ nhận, không lựa chọn, “nhất bát thiên gia phạn”, thật sự không phải giả, bởi vì khi khát thực về, không phải khát thực về là ăn, không phải. Khát thực xong, phải về chỗ đại chúng, mọi người tập hợp dưới rừng cây, sau đó đem những thức ăn khát thực được, bỏ lại một chỗ, rồi đến đó lấy ăn. Quý vị nghĩ xem, 1.255 người, mỗi người chẳng phải là cơm của ngàn nhà sao? Lời này không phải nói tùy tiện, tất cả bỏ lại một chỗ, mọi người đều bình đẳng.

“Cô thân vạn lý du, quá đặc hành vân lưu thủy”. Ở Trung Quốc, người Trung Quốc không thực hành chế độ khát thực, bởi người Trung Quốc tôn sư trọng đạo, làm gì có học trò để thầy đi khát thực, làm gì có đạo lý này! Cho nên nhất định cố gắng ở nhà cúng dường. Tuy cố gắng ở nhà cúng dường, nhưng điều kiện cơ bản của Phật không đổi. Tông lâm tự viện mỗi ngày ăn một món, một món rau một món canh, nấu chung một nồi. Quý vị thấy khi truyền giới, quá đường vẫn còn chút hình thức như vậy. Trước đây, cuộc sống sinh hoạt mỗi ngày chính là hình thức như vậy, không chút phiền toái. Có bao nhiêu thức ăn đem nấu chung một nồi. Đây là cuộc sống của Phật Bồ Tát, làm gì có chuyện quá nhiều phiền toái!

Thầy giáo của tôi- cư sĩ Lý Bình Nam làm mẫu cho tôi, tôi theo thầy 10 năm, tôi thấy thầy không phải giả, thầy đúng là thật, mỗi ngày ăn một bữa, một nồi cơm canh rau của thầy, một nồi nhỏ, tự nấu ăn. Thời đó chúng tôi dùng bếp dầu, đó là quá hiện đại hóa rồi, rất dễ đốt lửa. Tôi thấy thầy ăn cơm, từ khi nấu cho đến khi ăn xong, rửa nồi sạch sẽ, thu dọn gọn gàng là nửa tiếng đồng hồ, không lãng phí thời gian. Thật tự tại! không phiền đến ai. 95 tuổi vẫn tự làm, tự giặt áo quần, tự nấu cơm. Tuy là cư sĩ tại gia, nhưng sống như người xuất gia vậy.

Tôi sống với thầy, không phải nghe thầy nói mà cảm động, mà thầy có thể đem kinh giáo, thực hiện ngay trong cuộc sống hàng ngày. Điều này khiến cho người ta cảm động. Thầy nói được là làm được hết, chỉ là những học trò như chúng ta không học được, đây là sự thật. Thầy không cần biết chúng ta học được hay không, cuộc sống của thầy là như vậy, sống như vậy cho đến cuối đời. Mỗi ngày thầy ăn một bữa, sáng tối không ăn, thân thể khỏe mạnh sống lâu. Những học trò chúng tôi đoán thầy tối thiểu cũng sống đến 120 tuổi trở lên, nhưng 97 tuổi thì thầy đã mất rồi, là hai lần bị ngộ độc thức ăn nên thầy mất.

Ngộ độc thứ ăn này thầy biết rất rõ ràng, minh bạch. Có lẽ bản thân mình là thầy thuốc, thầy là đông y, dùng thuốc giải để giải độc, ngộ độc lần thứ nhất hóa giải được, không sao cả. Nửa năm sau lại bị ngộ độc lần nữa, khi về dùng thuốc giải độc, độc đã lan ra, không kịp nữa. Khi về dùng thuốc giải, đã quá thời gian hiệu lực, không kịp nữa, thật là oan uổng.

Chúng tôi không phải thầy thuốc, không biết thuốc giải, thì chúng tôi làm sao? chúng tôi không dám ăn, thầy thì dám. Chúng tôi ăn thức ăn, ngửi thấy mùi thiu ròi thì không dám ăn nữa, nhưng thầy vẫn ăn, đó là từ bi! Người khác cúng dường thầy, thầy biết thức ăn này có vấn đề, đổi mùi đổi sắc ròi. Cho nên chúng tôi thấy chúng tôi không dám ăn, nhưng thầy dám. Thời gian bị bệnh đó, tôi đến thăm thầy mấy lần, lần nào thầy cũng căn dặn tôi, dặn dò tôi không nên ra quán ăn, vì thức ăn ở đó không sạch sẽ. Tôi nhớ rất rõ, thầy nói rất nhiều lần. Cho nên vệ sinh là điều cần thiết, ít bệnh ít khổ.

Dĩ nhiên tâm là quan trọng nhất, tôi thường khuyên đồng học, việc này chúng ta phải thật sự làm, phải xem việc này như việc lớn nhất trong đời chúng ta để làm, đó chính là đem tâm an trú ở trong danh hiệu Phật A Di Đà. Tâm ta chính là Phật A Di Đà, Phật A Di Đà chính là tâm ta, phải thật sự làm được. Đó là tâm tốt của quý vị. Trong những tâm tốt, quý vị là tâm tốt bậc nhất. Vì sao vậy? Bởi trong hết thầy Phật, quý vị xem, chư Phật tán thán Phật A Di Đà là “Quang trung cực tôn, Phật trung chi vương”. Tâm của quý vị là Phật A Di Đà. Đây là tâm tốt bậc nhất của người thế và xuất thế gian, chúng ta có thể làm được, ai ai cũng có thể làm được. Kinh Vô Lượng Thọ là kinh số một. Trong hoàn cảnh hiện nay, đặc biệt chọn ra bộ kinh này, để cho các vị đồng học có duyên như chúng ta cùng nhau

chia sẻ. Để chúng ta quen thuộc, hiểu rõ, thông đạt, vô ngại với bộ kinh này. Kinh chính là mình, mình chính là kinh Vô Lượng Thọ. Quả báo thì quý vị tự nhiên rõ ràng rồi. Quả báo của quý vị ở đâu? Quả báo của quý vị ở thế giới Cực Lạc, không ở chỗ khác. Công phu dùng thuần thực, dùng hiệu quả, một năm, hai năm nhất định sẽ thành công.

Thiên tai trên thế gian này không liên can đến chúng ta, chúng ta vô sự. Thiên tai đến có thể đã đi trước rồi. Ý niệm chúng ta vừa khởi lên muốn đến thế giới Cực Lạc, thì Phật A Di Đà lập tức đến tiếp dẫn. Vì sao vậy? Bởi tâm hạnh nguyện của chúng ta với Phật A Di Đà hoàn toàn giống nhau. “Nhất niệm tương ưng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật”, đây là thật không giả chút nào. Thiên kinh vạn luận, xứ xứ chỉ quy. Phật Bồ Tát làm sao dối người được? Làm gì có đạo lý đó! Việc của thế gian nên biết ít một chút, càng ít càng tốt, ít phiền não. Người đời nên quen biết ít lại, không cần thiết. Gặp ai cũng khuyên họ niệm Phật, cũng khuyên họ cầu sanh thế giới Cực Lạc, cũng khuyên họ học tập kinh Vô Lượng Thọ, vậy là tốt rồi.

Người xưa dạy chúng ta “nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu”. Nhất môn này của chúng ta, chính là bộ kinh Vô Lượng Thọ, chính là một câu A Di Đà Phật, đơn giản! Càng đơn giản, càng không thể nghĩ bàn. Quý vị xem, y chánh trang nghiêm của thế giới Cực Lạc, chúng ta học tập rồi, tự nhiên có tâm cầu sanh Tịnh Độ. Nếu tâm của quý vị không khởi, là không hiểu, không nhận biết được Tịnh Độ. Thật sự hiểu, thật sự nhận biết, thì đâu có chuyện không muốn đến thế giới Cực Lạc! Cho nên chỗ này “Phật chủng bất đoạn, chánh pháp cứu trú”. Mỗi người chúng ta đều có sứ mệnh này, đều có trách nhiệm này, nhất định từ làm chính mình, đây mới là thật. Dem việc này phó thác cho người khác là giả, khẳng định quý vị sẽ thất vọng.

Dưới đây nói “*Vị thuận thế pháp cố*”, tùy thuận pháp thế gian. “*Hữu thử phương tiện ấn trì chi pháp*”, cho nên dùng nước quán đảnh, hình thức này đều thuộc pháp biểu trưng. Dùng hình thức này để làm tượng trưng. Nói cách khác, đây là phương tiện dạy học, chúng ta phải hiểu nghĩa chân thật trong đó.

“*Tùng thử dĩ hậu, nhất thiết thánh chúng hàm sở kính ngưỡng, diệt tri thử nhân, tất cánh bất thoái ư vô thượng bồ đề, định thiệu pháp vương chi vị*”.

Ở đây là giải thích vì sao trong Phật giáo dùng loại nghi thức này, nghi thức là làm cho người khác xem, cũng chính là nói làm tấm gương tốt cho tất cả chúng sanh, đây là nghi thức. Không thể cho chúng sanh làm hình thức xấu, làm hình thức xấu tức là tạo nghiệp rồi. Dem hình thức tốt trong kinh giáo, tự mình dốc sức thực hiện nó, người không tin Phật nhìn thấy sẽ cảm động, cảm động là đã trồng thiện căn.

“*Hựu Bí Tạng Ký viết, Bồ Tát sơ địa nữ chí đặng giác, cứu cánh thiên Phật quả thời*”. Sơ địa đến Đẳng giác đã rất gần rồi. 51 địa vị, 40 địa vị trước đã hoàn thành. Sơ địa là địa vị thứ 41. Đẳng giác là địa vị sau cùng. Thập địa thêm đặng giác là 11 địa vị, 11 địa vị sau cùng, dần dần gần với Phật quả. Lúc này chư Phật dùng nước đại bi quán đánh, “Tức tự hành viên mãn, đắc chứng Phật quả”. Chư Phật thật sự dùng nước đại bi để quán đánh sao? Đúng như vậy. Quý vị không nhìn thấy, quý vị không phát giác được. Đó là do tâm quý vị quá lơ là, chúng ta thường nói lơ là sơ suất, quý vị không nhìn thấy. Nếu quý vị quan sát tỉ mỉ thì quý vị sẽ phát hiện. Điều mà mỗi ngày Bồ Tát nghĩ nhớ chính là chư Phật quán đánh cho họ. Bồ tát không giống phàm phu, nhất là Bồ Tát Địa thượng, niệm niệm chảy vào Tát Bà Nhược Hải. Bất luận họ tu pháp môn nào, tám vạn bốn ngàn pháp môn, các pháp môn đều bình đẳng, thành vô thượng giác.

Mỗi vị đại Bồ Tát, bất luận pháp môn nào đến cuối cùng đại đa số là về đến thế giới Hoa Tạng. Thế giới Hoa Tạng ví như biển lớn, tám vạn bốn ngàn pháp môn ví như sông ngòi, tất cả đều chảy về biển. Tại thế giới Hoa Tạng, Văn Thù, Phổ Hiền chắc chắn trở về Cực Lạc. Về Cực Lạc mới viên mãn rốt ráo, đó chính là quả vị Diệu Giác. Chứng quả vị Diệu Giác, thì hợp nhất với Thường Tịch Quang, dung nhập tự tánh, trở về tự tánh, viên mãn cứu cánh Phật. Cho nên là “tự hành viên mãn, đắc chứng Phật quả”, Phật quả này là Diệu Giác. Đây là đem ví dụ đã nêu nói hết ở đây.

Dưới đây tổng kết rằng “*Như thượng chủng chủng vi diệu pháp âm, giai thị thủy ba tự nhiên chi thanh*”. Nước này biết thuyết pháp, thuyết pháp gì? Quý vị xem, nêu ra nhiều ví dụ như vậy để nói, nó thật sự biết thuyết pháp.

“*Vô tình thuyết pháp*”, thủy là khoáng vật. “*Biển mãn quốc độ, trì thủy thọ lâm, tất diễn diệu pháp*”, cho nên thế giới Cực Lạc là lục trần thuyết pháp, quá nhiệm

màu. Lục căn của chúng ta tiếp xúc với cảnh giới, toàn là Phật pháp, vì vậy quý vị sẽ không thoái chuyển. Quý vị tiến bộ rất nhanh, thành tựu vững vàng.

Chúng ta xem tiếp đoạn văn dưới đây, “*Văn thanh đắc ích*”, người trời, các vị Bồ Tát ở thế giới Cực Lạc nghe được lục trần thuyết pháp. Họ được lợi ích gì? “*Đắc văn như thị, chủng chủng thanh dĩ, kỳ tâm thanh tịnh, vô chư phân biệt, chân chánh bình đẳng, thành thực thiện căn, tùy kỳ sở văn, dĩ pháp tương ưng, kỳ nguyện văn giả, triếp độc văn chi, sở bất dục văn, liễu vô sở văn, vĩnh bất thoái u, a nậu đa là, tam miệu tam bồ đề tâm*”.

Câu này là nói những lợi ích họ đạt được. Đoạn văn này chúng ta xem chú giải của cư sĩ Niệm Lão, đoạn này là bên phải của đoạn kinh văn. “*Minh văn giả đắc ích*”, nghe pháp âm là được lợi ích.

Điều khó khăn nhất của chúng ta ngày nay, là nghe pháp âm mà không được lợi ích. Nếu được lợi ích, quyết định được niệm Phật Tam Muội. Thông thường mà nói, trong đại thừa thường nói “biết không? Biết không?” Thật sự biết nghe, họ khế nhập cảnh giới, không những lý giải, mà cảnh giới của họ cũng biến theo. Nghe đến dứt ác, ác đã đoạn rồi. Nghe tu thiện, thì niệm thiện tâm thiện của họ sanh khởi, chuyển cảnh giới theo âm thanh này. Chưa nói hết một bộ kinh, họ đã chứng quả rồi. Chúng ta thấy trong kinh Phật, kinh giảng được một nữa, người nghe kinh đã chứng quả rồi, họ chuyển rất nhanh.

Chúng ta đều biết bộ Lục Tổ Đàn Pháp Bảo Kinh. Đại sư Huệ Năng nghe ngũ tổ Hoàng Nhãn giảng pháp, đó chẳng phải là nghe một câu chuyển một cảnh giới, nghe hai câu lại chuyển cảnh giới đó sao? Kinh nghe chưa hết, Ngũ tổ chỉ giảng đến câu “*ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*”, thì Ngài đại triệt đại ngộ, chứng quả. Ngài chứng quả gì? Chứng Sơ Trụ của đại thừa Viên giáo trở lên. Thông thường chúng ta nói Phật quả, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Ngài là Phật thật, không phải tương tự Phật trong mười pháp giới, càng không phải Quán Hành Phật trong lục đạo, không phải, ngài thật sự đã thành Phật. Quý vị hỏi tại sao nhanh như vậy? Không gì khác ngoài sự buông bỏ. Ngài đem chấp trước, phân biệt, vọng tưởng, tức là khởi tâm động niệm buông bỏ hết trong phút chốc. Gọi là đốn xả, xả hết rồi, đốn ngộ, đốn chứng. Không quá, chỉ trong vòng hai tiếng đồng hồ mà thôi, phàm phu thành Phật rồi.

Vì sao chúng ta không làm được? Vì không buông bỏ được. Nghe là nghe, đây là Phật nói cho người khác, không phải giảng cho mình, không liên can đến mình, nghe một đời cũng là nghe Phật nói cho người khác, không liên can đến mình. Cho nên mình vẫn như xưa, vẫn là phàm phu, vẫn luân hồi như cũ, ngày ngày tạo nghiệp luân hồi, không thoát khỏi luân hồi lục đạo.

Nghĩ rằng đại sư Huệ Năng, trong hai tiếng đồng hồ, ngài từ thân phàm phu trong lục đạo, trong phút chốc lên đến cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. Thật không thể nghĩ bàn! Ngài làm được, tại sao chúng ta không làm được? Chúng ta phải rút kinh nghiệm xương máu. Trong kinh Hoa Nghiêm đức Phật nói rất hay: “Tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí huệ của Như Lai, nhưng vì vọng tưởng chấp trước mà không chứng đắc.” Câu này nói thấu triệt rồi. Đại sư Huệ Năng không gì khác, chính là có thể đem vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nhất thời buông bỏ, thì Ngài thành Phật. Quả thực thành Phật không khó, chỉ trong một niệm. Khó ở chỗ nào? khó ở chỗ hiểu được chân tướng sự thật.

Khi tôi mới học Phật, đại sư Chương Gia bảo tôi rằng, Phật pháp đại thừa biết thì khó làm thì dễ. Vì sao làm khó, là vì quý vị không biết, nghe kinh hằng ngày mà không biết, nghe không vô. Đây là thật, không phải giả. Thầy Lý bảo tôi, có người đọc kinh, nghe kinh nghe một đời, đến 80 tuổi, 90 tuổi, khi mạng chung vẫn là mơ hồ, một đời không hiểu được. Loại người này rất nhiều. Vì sao niệm suốt đời, nói suốt đời, nghe suốt đời cũng không thể khế nhập cảnh giới, nguyên nhân là gì? Nguyên nhân là không buông được “cái ta”, không buông được “cái của ta”. “Cái ta” là tập khí phiền não. “Cái của ta” là ngũ dục lục trần, cả hai đều không buông được. Cho nên suốt đời làm không rồi. Chỉ là rót lại hạt giống Phật trong A Lại Da. Thật sự mà nói, đây cũng là điều rất quý rồi, thành tựu của quý vị là ở kiếp sau, kiếp này không thể thành tựu được.

Ngày nay chúng ta rất may mắn gặp được Tịnh Độ tông. Tịnh Độ tông nếu quý vị thật sự tin tưởng, thật sự muốn đến, thì kiếp này bảo đảm quý vị được thành công. Cho nên lần này chúng tôi giảng kỹ kinh Vô Lượng Thọ, giảng rõ ràng, minh bạch. Mục đích ở đâu? Mục đích là để mọi người có ấn tượng sâu sắc về thế giới Cực Lạc. Thật sự hiểu rõ ràng, minh bạch rồi, quý vị mới thật sự phát tâm. Chỉ cần phát tâm, thì tập khí phiền não trong vô lượng kiếp đều có thể tiêu trừ.

Không thể đoạn thì cũng đẽ xuống được. Đẽ xuống quan trọng nhất là buông bỏ, là nhẫn nại, nếu buông bỏ mà không nhẫn nại thì nó lại hiện tiền. Nhẫn nại là bảo quý vị vĩnh viễn đẽ xuống.

Trong cuộc sống sinh hoạt của mình, mỗi phút mỗi giây đều có tâm cảnh giác cao độ, nghĩa là thế nào? Khi tập khí phiền não hiện tiền, niệm Nam Mô A Di Đà Phật, cấp tốc trở về niệm danh hiệu Phật, bên ngoài buông bỏ hết, không cần, trong tâm chỉ có Phật A Di Đà, trong ý niệm chỉ có Phật A Di Đà, một câu A Di Đà Phật có thể quét sạch hết, hoàn toàn đẽ xuống quý vị mới được vãng sanh. Không dễ đoạn được, chúng ta không có năng lực như đại sư Huệ Năng, Ngài là đoạn. Phật Thích Ca Mâu Ni ở dưới cội Bồ Đề, thị hiện cho chúng ta là đoạn, đều là đốn xả, trong Phật pháp gọi là hàng thượng thượng căn. Chúng ta ở trong thời đại này, một câu danh hiệu Phật có thể đẽ được, không chế được tập khí phiền não, cũng xem như là hàng thượng thượng căn trong thời đại này rồi.

Trong tâm chúng ta không có chuyện gì, không có bất kỳ vương bận. Đạt được mức độ nào? Không chấp thân này là của ta nữa, đây là căn bản. Không chấp tất cả cái ta có là của ta nữa, hoàn toàn buông bỏ. Ta có tài sản, ta có đất đai, ta có nhà cửa, ta có quyền lực, ta có quyền thuộc, buông bỏ hết. Trở lại thanh tịnh vô vi trước đây của quý vị. Những cái có bên ngoài thân, đều là do quý vị có thân, sau đó quý vị mới kinh doanh, lại không biết kinh doanh này là mang đến chướng ngại cho quý vị, tăng trưởng tập khí phiền não của quý vị. Tập khí phiền não này là phân biệt chấp trước. Nếu quý vị không có, thì quý vị không phân biệt, không chấp trước. Có thì phân biệt chấp trước. Cho nên phải kiến giải như thế nào? Có thì theo nó đi, không có cũng theo nó đi. Tất cả đều tùy duyên, không chút bận tâm. Đây gọi là tùy duyên diệu dụng. Chư Phật Bồ Tát thị hiện ở thế gian, các ngài đã dùng tâm như vậy, cho nên các ngài vĩnh viễn thanh tịnh, vĩnh viễn bình đẳng, không sanh phiền não. Các ngài hiểu rõ pháp thế xuất thế gian, không chút rối loạn. Mọi lúc mọi nơi đều làm việc bằng trí huệ. Hoặc ở trong thế gian này, hoặc ở thế giới Cực Lạc, tất cả đều tùy ý.

Khi tôi mới học Phật, đại sư Chương Gia dạy tôi. Đại sư nói, những việc này của tôi, việc đời này của tôi giao hết cho Phật Bồ Tát, Phật Bồ Tát sắp đặt, bản thân mình không cần bận tâm gì cả. Tôi tin lời thầy nói, y giáo phụng hành. Cho nên

trong đời này ít phiền ít nã. Đây là sự thật. Đây là sự “hưởng thọ lớn nhất của đời người” mà thầy Phương nói. Tuổi cao rồi cũng một lòng với đại thừa, một lòng với Vô Lượng Thọ. Bộ kinh này, tôi nghĩ trước tháng 10 năm nay, có thể giảng xong. Sau khi giảng xong, tôi vẫn còn ở thế gian này, tôi vẫn giảng kinh cho mọi người, chính là bộ kinh tuyệt vời này, chia sẻ với mọi người, bởi vì nó thật sự lợi ích, lợi ích ngay trước mắt. Đây là nhân duyên hết sức thù thắng. Tuổi trẻ, thật sự phát tâm dạy học, phát tâm nguyện lớn, kế thừa huệ mạng của Phật, hoằng pháp lợi sanh, chánh pháp trụ đời lâu dài. Tôi còn có chút sức lực, nếu thân thể còn chút sức khỏe, tôi sẽ tận tâm tận lực giúp mọi người.

Học Phật, thứ nhất là học thanh tịnh, không phan duyên, không nhiều chuyện. Xã hội bây giờ, phim ảnh, internet quá nhiều lòng người, họ có quyền mỗi ngày đưa tin, tôi cũng có quyền không tiếp nhận, tôi có thể không xem, mười mấy năm không xem phim, chưa bao giờ tiếp xúc internet, ngay cả điện thoại tôi cũng buông bỏ. Cho nên tôi rất ít có điện thoại, người ta tìm không thấy tôi, tôi cũng không cho người khác gọi điện cho tôi. Vì sao vậy? Niệm Phật là tốt nhất, ít nói lời vô ích. Niệm Phật là thật, làm bất cứ chuyện gì cũng là giả.

Quý vị xem “*Văn giả đắc ích, để văn diệu pháp*”. “Đế” là dùng tâm trí huệ, dùng tâm chân thành nghe Phật Bồ Tát thuyết pháp. “*Tâm vô vọng niệm, ly chư cấu nhiễm*”, nghe pháp, tụng kinh, trong tâm có vọng niệm. Nhiễm ô là gì? là tự tư tự lợi, danh văn lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, tham, sân, si, mạn, đây là nhiễm ô. Tâm như vậy lẫn lộn trong khi nghe pháp, quý vị sẽ không nghe được điều gì hết, quý vị không đạt được lợi ích. Phải buông bỏ hết những cái này. “*Cố viết kỳ tâm thanh tịnh*”, tâm thanh tịnh, nghe pháp thanh tịnh thì quý vị được lợi ích.

“*Phân biệt giả, tư lương thức biệt chư sự lý, dĩ vọng phân biệt vi thể, nãi vọng u vô ngã vô pháp chi thượng nhi phân biệt ngã dữ pháp dã*”.

Đoạn này nói lên bệnh căn của phân biệt. Ngã chấp pháp chấp từ đâu mà có? Là từ phân biệt mà có. Không phân biệt thì làm sao có được! Thật ra thì phân biệt cũng không có, oan uổng cho phân biệt rồi. “Tư lương” là thức thứ 7. “Thức biệt” là thức thứ 6. Ý thức là thức thứ 6, mặt na là thức thứ 7. Đối với tất cả nhân, sự, vật chính là đối với sự lý. “Dĩ vọng phân biệt vi thể”, vọng phân biệt này chính là vô minh, vô trí vô minh, vô trí vô minh là A lại da. Vốn là vô ngã vô pháp. Từ

Mạt na hư vọng phân biệt thành ngã, ngã kiến, có ý niệm như vậy, ý niệm có một cái ngã gọi là ngã kiến. Bởi vì có ngã kiến, nên tiếp theo là xuất hiện ngã ái, ngã mạn và ngã si. Những thứ này là gì? Là tham, sân, si. Ngã ái là tham, ngã mạn là sân, ngã si, tham, sân, si. Tham sân si cùng ngã kiến đồng thời sanh khởi. Xác thực có trước có sau, nhưng tốc độ của nó quá nhanh, hầu như không phân biệt được trước sau. Vì vậy chúng ta có thể nói nó đồng thời sanh khởi. Sau đó là phân biệt. Ý thức thứ sáu là phân biệt. Phân biệt ngã, phân biệt ngã sở, phân biệt pháp. “Vọng u vô ngã vô pháp chi thượng”, là phân biệt ngã, phân biệt pháp. Đây là ngã chấp và pháp chấp.

“*Nhược vô ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả chi tướng*”. Đây là bốn tướng trong kinh Kim Cang - ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng. Bốn tướng này đều không có. “Bình đẳng vô sai, nhất vị vô biệt, cố viết vô chư phân biệt”. Đây là định công, là công phu. Đây là Bồ Tát, phá được bốn tướng rồi. Trong pháp đại thừa nói, phá bốn tướng rồi là địa vị nào? Là địa vị Thất tín trở lên. Thất tín, Bát tín, Cửu tín, Thập tín. Bồ Tát Thập tín phá bốn kiến: ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến và thọ giả kiến. Phá bốn kiến này rồi là pháp thân Bồ Tát. Thiền tông nói là minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Phá bốn kiến thì kiến tánh thành Phật. Phá bốn tướng thì không. Phá bốn tướng ở mười pháp giới. Mười pháp giới là ai? Là Phật Bồ Tát. Phá bốn tướng rồi thì “*kỳ tâm thanh tịnh, vô chư phân biệt*”, thật sự là Bồ Tát, đây không phải giả. “Kỳ tâm thanh tịnh” là không nhiễm ô, hết chấp trước rồi, chấp trước là nhiễm ô. “Vô chư phân biệt” là không còn tâm phân biệt. Trong kinh Vô Lượng Thọ nói rằng, thanh tịnh bình đẳng, đạt được hai điều này. Phá bốn kiến rồi là pháp thân Bồ Tát.

“*Chánh trực giả, phương chánh chất trực, vô tà vô khúc*”. Đức thứ ba trong tứ đức trong Hoàn Nguyên Quán là: “Nhu hòa chất trực”. Chất trực là gì? Chất trực là chân tâm, là ý thành, tâm chánh. Chỗ này gọi là “phương chánh chất trực”, nhà Nho gọi ý thành tâm chánh. “Vô tà vô khúc”, thông thường chúng ta nói là không thiên không tà. Vô khúc tức là không thiên, khúc là quanh co. Không có tướng quanh co, bảo chúng ta dùng chân tâm, không nên dùng vọng tâm. Tà là gian ác. Tâm bất thiện trong lục đạo, quanh co cũng là tâm bất thiện. Trong lục đạo xem

như là thiện tâm, tất cả là tâm luân hồi! Chúng ta muốn thoát vòng luân hồi lục đạo, thì phải buông bỏ tất cả thiện cũng như bất thiện.

“Vãng Sanh Luận Chú viết, chánh trực viết phương, y chánh trực cố, sanh luân mãi nhất thiết chúng sanh tâm”.

Trong giáo lý đại thừa nói: “trực tâm thị đạo tràng”. Trực tâm chính là chân tâm. “Y chánh trực cố”, dùng tâm này thương xót tất cả chúng sanh, đây là tâm đại bi. *“Hựu Pháp Hoa kinh viết, chánh trực xả phương tiện, đản thuyết vô thượng đạo”.* Ở trong dưới chú giải rằng: *“Thử trung sở vị chánh trực, chỉ duy thuyết Viên giáo chi nhất thừa diệu pháp chi bốn hoài dã”.* Mọi người đều hiểu kinh Pháp Hoa, chư vị tổ sư dạy chúng ta rằng, đây là Phật khai quyền hiển thật. Trong quá khứ Phật giảng A Hàm, giảng Phương Đẳng cho chúng ta, đều là pháp phương tiện, đều là quyền thuyết. Đến Bát Nhã mới nói rõ thật tướng cho chúng ta. Nói thật tướng này nghĩa là gì? Là tất cả hiện tượng không có thật. Gọi là “nhất thiết tướng, vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc”. Pháp Hoa hội thượng, Pháp Hoa tám năm, mới thật sự gọi là Vô Thượng đạo. “Duy thuyết viên giáo nhất thừa diệu pháp”, đây là Phật xuất hiện ở thế gian, bốn nguyện của Ngài, bốn hoài của ngài, chính là muốn nói thật với quý vị, nhưng nói trước với quý vị, quý vị lại không tin, tùy thuận quý vị, nói lời giả nhiều, để quý vị tin tưởng, nói lời thật ít. Sau đó dần dần nói lời giả ít lại, nói thật nhiều hơn. Đến Hội Pháp Hoa thì hoàn toàn nói thật, đây gọi là chân trực.

“Bình đẳng, vô sai biệt viết bình đẳng”, có sai biệt là không bình đẳng rồi. *“Vãng sanh luận viết, bình đẳng thị chư pháp thể tướng”.* Thể là gì? Thể là pháp tánh, thể là chân như, thể là một, không phải hai, cho nên là bình đẳng. Tướng không bình đẳng, ngàn sai muôn khác. Thể bình đẳng, tức là pháp tánh bình đẳng. Tánh có sai biệt, tánh là bình đẳng. Cho nên đối với tất cả pháp, quý vị có thể từ tướng thấy được tánh, tâm bình đẳng hiện tiền. Tâm bình đẳng là gì? Là quý vị đã kiến tánh, tông môn nói là minh tâm kiến tánh, quý vị kiến tánh. Từ đâu thấy được? Từ tướng thấy được. Một số người, phàm phu, họ chấp tướng nên họ không thể kiến tánh. “Ly nhất thiết tướng, tức nhất thiết pháp”, lìa tướng thì kiến tánh. Đối với tướng không phân biệt, không chấp trước thì quý vị thấy tánh. Nếu quý vị còn

phân biệt chấp trước, thì quý vị không bao giờ thấy tánh được, điều này quý vị cần phải biết.

Tâm phân biệt, tâm chấp trước gọi là tâm luân hồi. Quý vị dùng hai tâm này, làm việc, đối nhân xử thế, thì quý vị tạo nghiệp luân hồi. Quý vị dùng thiện tâm, hoàn toàn dùng nhân quả luân lý đạo đức, thì quả báo của quý vị là ba đường lành. Quý vị dùng tự tư tự lợi, lợi mình hại người, quý vị dùng tâm này là quý vị tạo nghiệp ác. Quả báo là ba đường ác, đó là khổ. Đều là tự làm tự chịu! Thanh tịnh bình đẳng là chân tâm. Nhiêm ô, thiện và bất thiện đều là tâm luân hồi, điều này chẳng thể không biết.

Dưới đây có một câu giải thích rằng: *“Nhân chân như châu biến u nhất thiết chư pháp, vạn pháp nhất như, cố viết bình đẳng”*. Từ tánh mà thấy là bình đẳng. Trong kinh Phật nói là “sanh Phật bình đẳng”. Sanh là chúng sanh, Phật là chư Phật. Vì sao vậy? bởi đồng một pháp tánh. Từ pháp tánh mà thấy, thì không sai biệt chút nào. Từ tướng- hiện tướng, tác dụng mà nhìn thì sai biệt rất lớn. Từ thể nhìn thì không có sai biệt. Tánh tướng nhất như, tánh tướng không hai, Đây đều là trong kinh đại thừa nói.

“Hựu Luận Chú viết, văn A Di Đà Phật Như Lai chí đức danh hiệu, nam mô A Di Đà Phật, thuyết pháp âm thanh, như thượng chủng chủng khẩu nghiệp hệ phược giai đắc giải thoát, nhập Như Lai gia, tất cánh đắc bình đẳng khẩu nghiệp”.

Ở trước chúng ta đã học qua, 29 loại công đức trang nghiêm. Bình đẳng tam nghiệp cũng đã học qua. Cho nên chúng ta thật sự có thể đem tâm an trú trên đức hiệu Di Đà. Tâm chính là Phật A Di Đà, Phật A Di Đà chính là tâm. Cái mà quý vị đạt được là thân khẩu ý hoàn toàn bình đẳng. Không nên nghĩ đến cái khác, nghĩ cái khác chỉ là sanh tử luân hồi. Nghĩ đến Phật A Di Đà, nhất định được vắng sanh về thế giới Cực Lạc. Thân cận Phật A Di Đà nhất định được thành Phật. Thành Phật như thế nào? là giống Phật A Di Đà không khác.

Như A Xà vương tử trước đây, nghe Thế Tôn giới thiệu về thế giới Cực Lạc, trong tâm vô cùng kính ngưỡng, rất ngưỡng mộ. Một lòng muốn đến thế giới Cực Lạc làm Phật, muốn giống như Phật A Di Đà. Đây là đúng rồi, thật sự nghe hiểu rồi, thật sự đã thực hiện, cuối cùng quả thật đã thành tựu.

Chúng ta khởi tâm động niệm, Phật đều biết được. Khởi tâm động niệm, động niệm này, ao sen bảy báu bên ngoài giảng đường của Phật A Di Đà, liền nở một đóa hoa sen. Trên hoa sen này có tên của quý vị. Tâm nguyện của quý vị, tâm niệm bất thoái, đồng mãnh tinh tấn, cảnh giới không ngừng hướng lên cao, ao sen bảy báu ngày ngày lớn lên, bèn biến thành to lớn. Sắc quang càng lúc càng hiện rõ, tương lai vãng sanh, thì Phật cầm đóa hoa sen này tiếp dẫn quý vị.

“Thị cố Cực Lạc quốc nhân, đắc văn chúng chúng pháp âm, kỳ tâm thanh tịnh, viễn ly phân biệt, chánh trực vô tà, tất cánh đắc Như Lai bình đẳng khẩu nghiệp”. Hôm nay chúng ta nghe kinh, chẳng thể không đạt được lợi ích này? Ở đây nói rất rõ ràng, ba câu mười hai chữ, ngày ngày chúng ta nghe, tâm có đạt được thanh tịnh chẳng? Trong cuộc sống hàng ngày có bớt ý niệm phân biệt, chẳng còn phân biệt hay không? Biểu hiện bên ngoài có phải là chánh trực vô tà hay không? Chúng ta dùng tâm, đối với nhân đối với sự đối với vật, có phải là chẳng thiên chẳng tà hay không? Chẳng có thiên tâm, chẳng có tà niệm hay không? Như Lai bình đẳng khẩu nghiệp liền hiện tiền.

“Hựu Pháp Hoa Khoa Chú Tứ viết, bình đẳng hữu nhị. Nhất giả pháp đẳng, nhất thiết pháp bình đẳng tức trung đạo lý”.

Tất cả pháp sai biệt rất lớn, tám vạn bốn ngàn pháp môn, lý là một. Trung đạo là gì? Là buông bỏ tất cả. “Nhị biên bất lập, trung đạo bất tồn”, đây là lý của tất cả pháp. Nói cách khác, trung đạo chính là buông bỏ phân biệt chấp trước. Đây là từ trên lý mà nói.

“Nhị, tòng sự thượng giảng chúng sanh đẳng, nhất thiết chúng sanh đồng đắc Phật huệ dã”.

Trên thực tế, trong kinh điển đại thừa Phật thường nói: “Tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí huệ của Như Lai”. Đây không phải bình đẳng rồi sao? Nói rõ ràng hơn là tất cả chúng sanh vốn là Phật, chúng sanh bình đẳng, không có cao thấp.

Dưới đây là lời của cư sĩ Niệm Lão: *“Cáivi, nhất giả bình đẳng thị trung đạo chi lý thể, nhất mao nhất trần vô phi trung đạo, cố viết bình đẳng”*, Trong trung đạo thể là vạn pháp bình đẳng. Vì sao vậy? Bởi vạn pháp giai không. Nếu chúng ta từ cuộc đối thoại của Bồ Tát Di Lạc với Thế Tôn, sẽ thể hội được rõ ràng, tất cả pháp bình đẳng. Các vị nên biết, Bồ Tát Di Lạc nói là nhất niệm. Nhất niệm này

hình tướng như thế nào? Chính là hình tướng biến pháp giới hư không giới hiện tại của chúng ta. Chính là một tấm phim, toàn bộ sắc tướng trên màn hình, biến pháp giới hư không giới. Đây là chỉ có tâm biến hiện, không có thức, chỉ có tâm biến hiện. Nó vừa hiện lập tức diệt đi, tốc độ rất nhanh, chúng ta không thể cảm nhận được, tấm thứ hai lại hiện ra. Tấm thứ hai diệt đi, tấm thứ ba lại hiện ra. Quý vị nên nhớ, một giây là 1.600 triệu. Cho nên tất cả hiện tượng đều là huyền tướng. Phật nói thật là: “vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc”. Quý vị thật sự hiểu được chân tướng sự thật rồi, trong hiện tượng quý vị còn khởi tâm động niệm được sao? không thể như vậy! Không khởi tâm động niệm, thì quý vị là Phật. Khởi tâm động niệm, không phân biệt, không chấp trước là Bồ Tát. Khởi tâm động niệm, có phân biệt, không chấp trước, thì quý vị là A La Hán, là Bích Chi Phật. Không hiểu rõ chân tướng sự thật, chắc chắn sẽ khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, hiểu rõ thì buông bỏ, buông bỏ thì vào cảnh giới Phật Bồ Tát.

Thứ hai là “*Chúng sanh bốn cụ Như Lai trí huệ đức tướng, đồng đắc Phật huệ, có viết bình đẳng*”. Mỗi câu mỗi lời đều là chân thật. Cho nên biết rằng bình đẳng là sự thật, không bình đẳng là huyền tướng, là giả, không phải thật. Việc này Phật Bồ Tát biết được, phàm phu không thể biết.

Tiếp theo nói “*Thiện căn giả, tiểu bốn vân, bất khả dĩ thiếu thiện căn phước đức nhân duyên đắc sanh bỉ quốc*”. Câu này rất quan trọng, bảo chúng ta rằng muốn vãng sanh thế giới Cực Lạc, phải đủ điều kiện, đó là nhiều thiện căn, nhiều phước đức, nhiều nhân duyên, thì bảo đảm quý vị được vãng sanh.

Thiện căn là gì? Giảng bộ kinh điển này, tôi dùng lời rõ ràng nhất, lời dễ nhất để nói với mọi người. Thiện căn là tin hiểu. Quý vị tin được, hiểu được đó là thiện căn. Phước đức là gì? Là quý vị là được, quý vị thực hành được, quý vị có thể vãng sanh, đây là phước đức. Vãng sanh tức là chứng quả. Tôi dùng bốn chữ ‘Tín giải hành chứng’ để giải thích thiện căn phước đức. Duyên là nhân duyên. Được thân người là nhân duyên, nghe Phật pháp là nhân duyên, nghe đại thừa là nhân duyên, nghe Tịnh Độ cũng là nhân duyên. Hôm nay chúng ta đầy đủ nhân duyên, không thiếu hụt, thiếu hụt chính là thiếu thiện căn phước đức. Chúng ta thật sự lý giải sao? Thật sự lý giải, thì quý vị thật sự tin, thật sự nguyện. Tin thật, nguyện

thật từ phương diện nào để nhận ra? Quý vị buông bỏ vạn duyên rồi, quý vị là thật tin thật nguyện. Quý vị không buông bỏ được, còn luyến tiếc, thì tin nguyện của quý vị không thật. Phải làm sao? Phải tin hiểu thêm, thâm nhập kinh tạng, hiểu thật rõ ràng, hiểu thật tường tận, thì quý vị buông bỏ thôi. Không hiểu rõ ràng, không hiểu tường tận quý vị sẽ không buông bỏ được. Không buông bỏ là sai rồi.

Chúng ta tiếp tục xem, chư vị tổ sư nói cho chúng ta. “*Di Đà Yếu Giải vân, bỏ để chánh đạo danh thiện căn. Viên Trung Sao sơ viết, chấp trì danh hiệu, phát nguyện vãng sanh, phương danh đa thiện căn dã*”. Câu này với những điều chúng tôi vừa nói, có ý nghĩa tương đồng.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 373

Chuyển ngữ: Nguyễn Thanh

Biên tập: Bình Minh

Giảng ngày: 12.4.2011

Địa Điểm: Tịnh Tông Học viện - Úc Châu

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 446, hàng thứ hai đếm từ dưới lên, bắt đầu xem từ chữ “Tiểu bốn” vân.

Tiểu bốn vân, bất khả dĩ thiếu thiện căn phước đức nhân duyên đã sanh bỉ quốc. Đây là điều kiện quan trọng để được vãng sanh thế giới Cực Lạc. “Bất khả dĩ thiếu thiện căn” tức là không thể có ít thiện căn, ít phước đức, ít nhân duyên, ba việc này. Thiện căn là gì? Phước đức là gì? Nhân duyên là gì? Chúng ta cần phải biết, nhân duyên là được thân người, được nghe Phật pháp, còn được nghe cả đại thừa, trong đại thừa lại được nghe Tịnh Độ. Quý vị xem, nhân duyên nhiều quá. Trong Tịnh Độ, ngày nay chúng ta còn được nghe bộ Kinh Vô Lượng Thọ Hội

Tập Bốn này, là vô cùng hiếm có. Vì sao vậy? Bởi Hội Tập Bốn là ở dân quốc năm đầu tiên, mới biên tập thành công. Dân quốc năm đầu tiên, trước dân quốc 20 năm không có bộ sách này. Thời đó muốn học kinh Vô Lượng Thọ, chỉ có năm bản dịch gốc, và hai bản hội tập. Năm bản dịch gốc, bản của Vương Long Thư đời Tống, của Ngụy Mặc Thâm đời Thanh, đây là hội tập lần thứ ba, hội tập lần này vô cùng hoàn hảo, như trong lời tựa của lão cư sĩ Mai Quang Hy đã nói, quả thực là nhân duyên hy hữu khó gặp, vấn đề ở chỗ thiện căn phước đức, chúng ta có thiện căn không? Có phước đức không?

Thiện căn là gì? Là nghe pháp môn này tin được, hiểu được, đây thuộc về thiện căn. Phước đức là chúng ta có thể nguyện, phát nguyện vãng sanh thế giới Cực Lạc. Thực hành, hành tức là niệm Phật. Như kinh Vô Lượng Thọ nói: “phát bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm”, đây chính là hành. Có đủ những điều kiện này là “đắc sanh bỉ quốc”. Thiếu một trong những điều kiện này thì không thể vãng sanh được. Vậy chúng ta biết rằng, con người ở đời, có đủ những điều kiện này không phải dễ!

Bây giờ nhân khẩu trên thế giới gần đến 70 ức, quý vị nghĩ xem, trong 70 ức người, có bao nhiêu người được nghe Phật pháp? Trong những người được nghe Phật pháp đó, có bao nhiêu người biết được đại thừa? Quý vị loại bỏ từng bậc từng bậc, loại bỏ đến cuối cùng còn được mấy người, có đủ thiện căn phước đức nhân duyên, hi hữu khó gặp. Nếu thật sự có đủ rồi, chẳng ai không được vãng sanh.

Học được Tịnh Tông, trên thế giới có khoảng chừng hơn 200 người, tôi nghĩ chưa tới 300 người. Có những nơi rất nhỏ, nhân số chỉ có mấy chục người, rải rác các khu vực ở Âu Mỹ, ở Trung Quốc cũng không nhiều, Đông Nam Á nhiều hơn một chút. Cho nên số người tín ngưỡng Tịnh Độ tông có hạn. Vì thế số người vãng sanh không nhiều. Điều này chúng ta chẳng thể không biết, chẳng thể không trân quý. Như trong bài kệ khai kinh nói: “bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ”. Bành Tế Thanh lại nói: “từ vô lượng kiếp đến nay khó gặp được ngày này”, nay chúng ta gặp được rồi, đáng quý biết bao.

“*Di Đà Yếu Giải vân, bồ đề chánh đạo danh thiện căn*”. Chú giải của đại sư Ngẫu Ích, bồ đề chánh đạo, trên thực tế chính là chỉ cho trì danh niệm Phật cầu

sanh Tịnh Độ. Bồ đề là giác ngộ. Ở thời kỳ mạt pháp, chỉ có pháp môn này nhất định thành tựu được. Có nhiều pháp môn khác, nếu phiền não còn thì quý vị không thể thành tựu, pháp môn này không cần đoạn phiền não, chỉ cần đè nén phiền não là có thể thành công, là có thể vãng sanh. Sanh về thế giới Cực Lạc, làm Bồ Tát A Duy Việt Trí. Đó là bồ đề chánh đạo. Điều này chúng ta cũng là phải hiểu rõ ràng, minh bạch.

“Viên Trung Sao só viết, *chấp trì danh hiệu, phát nguyện vãng sanh, phương danh đa thiện căn dã.*” Đại sư U Khê nói. Yếu Giải, Viên Trung Sao và Di Đà Sớ Sao, là kinh Di Đà chú giải, đây là ba bộ lớn thù thắng nhất. Học kinh Di Đà, ba quyển chú giải cần phải học tập, đó là của đại sư Liên Trì, đại sư Ngẫu Ích và đại sư U Khê. Đại sư U Khê chỉ ra “chấp trì danh hiệu, phát nguyện vãng sanh”. Quý vị xem, đơn giản biết bao, súc tích biết bao, giải thích đây chính là nhiều thiện căn.

Trong Sớ Sao của đại sư Liên Trì nói rõ ràng hơn: *“chấp trì danh hiệu, nguyện kiến Di Đà, chí thành khẩn thiết, cầu sanh Tịnh Độ, thành đa thiện căn,* xác thực đây là nhiều thiện căn, *đại thiện căn, tối thắng thiện căn, bất khả tư nghì thiện căn dã.* Đây là “chấp trì danh hiệu, nguyện kiến Di Đà”. Tôi thêm vào đó một câu là “chí thành khẩn thiết cầu sanh Tịnh Độ”. Đây là nhiều thiện căn.

Bỉ độ chúng sanh nhân văn tuyên lưu thuyết pháp. Tuyên trì tức là ao bầy báu, nước tám công đức.

Như thượng chi bất khả tư nghì thiện căn, tất giai thành thực. Ở trên nói về thiện căn, sanh về thế giới Cực Lạc, viên mãn thành thực rồi. Chúng ta nương vào thiện căn, phước đức, nhân duyên được sanh về Cực Lạc. Thiện căn, phước đức, nhân duyên, trên thực tế mà nói, đạt đến thế giới Cực Lạc mới thành thực, thật sự thành thực.

Tùy kỳ sở văn, dữ pháp tương ưng. Cư sĩ Niệm Lão giải thích cho chúng ta. *“Đường dịch viết, đặc văn như thị chủng chủng thanh dĩ, hoạch đặc quảng đại ái nhạo hoan duyệt, nhi dữ quán sát tương ưng, yém ly tương ưng,* trong này đã lược bớt, *nãi chí Niết bàn tương ưng.* Đoạn này là nguyên văn của Đường dịch, *Tương ưng giả, tức khế hợp chi nghĩa. Vãng Sanh Chú Luận viết, tương ưng giả, thí như hàm cái tương xưng dã.*” Trong kinh văn hai có câu nói: “tùy kỳ sở văn, dữ pháp

tương ưng”. Chữ pháp này hàm nghĩa rất sâu, rất rộng. Như bản dịch của đời Đường, bản dịch của đời Đường là kinh Đại Bảo Tích, kinh Vô Lượng Thọ Hội, trong đó nói: “đắc văn như thị chủng chủng thanh dĩ”, âm thanh của dòng suối, âm thanh của gió thổi, của cây lá, đều có thể phát ra âm thanh vi diệu, tuyên dương vô lượng diệu pháp.

Ở trước chúng ta đã đọc qua, đây là đức Thế Tôn lược cử vài loại, vậy là chúng ta hiểu rõ, thế giới Tây phương Cực Lạc những gì mắt quý vị thấy, tai nghe, mũi ngửi, chúng ta bên này là nói mắt, tai, mũi, lưỡi, thân đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc, phần nhiều dẫn phát phiền não, ở thế giới Tây phương không như vậy, điều mà quý vị tiếp xúc được toàn là Phật pháp, vô lượng diệu pháp. Hoàn toàn sống trong diệu pháp, loại huân tập này, bất tri bất giác, tự nhiên chúng ta vào trong cảnh giới Phật. Ở đây nói là “dữ pháp tương ưng”, với pháp đại thừa, với pháp Di Đà, gọi là “nhất niệm tương ưng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật”, thành tựu thế giới Cực Lạc. Ở thế giới Cực Lạc, phiền não, mang theo phiền não đi, đến bên đó, phiền não tự nhiên hết. Chúng ta biết nguyên nhân vì sao, ở bên đó phiền não được đoạn sạch, ngay cả tập khí cũng đoạn hết. Cho nên nghe những âm thanh này, đạt được niềm ái nạo rất lớn. Ái nạo là hoan hỷ hoan duyệt, ái nạo hoan duyệt.

“*Nhi dữ quan sát tương ưng*”. Điều quý vị thấy là cảnh giới tương ưng vi diệu không thể nghĩ bàn. “*Yếm ly tương ưng*”, cõi Đồng Cư này, mang nghiệp vĩnh sanh. Yếm ly là chỉ cho phiền não, mang theo nghiệp. “*Nãi chí Niết bàn tương ưng*”, chán ghét tập khí phiền não rồi, quý vị sanh tâm hoan hỷ, đối với tự tư tự lợi, tham sân si mạn, ngũ dục lục trần, những thứ này tự nhiên quý vị chán ghét nó.

“*Nãi chí ư Như Lai sở chứng đích Đại Bát Niết Bàn*”. Có nhiều công đức đến thế. Tương ưng nghĩa là khế hợp.

“*Vãng Sanh Luận Chú như hàm như cái.*” Hàm là cái hộp, trên hộp có nắp. Như ly trà này của chúng tôi, trên ly này có nắp, ly tương ưng với nắp. Đây là tương ưng với pháp.

Hựu Khởi Tín luận viết, dĩ ly niệm cảnh giới, duy chứng tương ưng cố.” Câu này chú giải là, *duy hữu thực chứng, phương năng khế nhập ly niệm cảnh giới.*” “Ly

niệm” là gì? Là không có ý niệm, không khởi tâm, không động niệm. Đây là cảnh giới nào? Khởi tâm động niệm là vô minh phiền não. Không khởi tâm không động niệm, cũng có nghĩa là đã đoạn hết vô thi vô minh. Đây là cảnh giới quả địa của chư Phật Như Lai. Trong mười pháp giới, không có ly niệm. Từ A La Hán trở lên chỉ chứng được ly kiến tư phiền não mà thôi, họ còn có phân biệt, còn có vô minh, cũng còn có vọng tưởng, đó là cảnh giới của Nhị thừa- Thanh Văn, Duyên Giác. Ly niệm là cảnh giới của đại thừa, là cảnh giới của Phật, theo nghĩa rộng mà nói, là pháp thân đại sĩ. Phá một phẩm vô minh, chứng một phần pháp thân. Đây chính là cảnh giới ở cõi Thật Báo Trang Nghiêm của Như Lai. Nghiêm túc mà nói, chỉ có Diệu Giác, đoạn hết tập khí vô minh, đó thật sự gọi là ly niệm. Quả vị Diệu Giác “duy chứng tương ưng”. Nếu quý vị không chứng được cảnh giới này, cảnh giới này là vô trụ, quý vị cũng không tưởng tượng được. Vì sao vậy? Vì ngôn ngữ và tư tưởng đã buông bỏ rồi. Có ngôn luận, có tư duy thì không tương ưng được. Sự việc này, pháp thân Bồ Tát chứng đắc, cứu cánh quả giác chứng đắc, những người như chúng ta, thành thật mà nói, chỉ cần chịu buông bỏ cũng đều chứng đắc.

Khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, ngài thị hiện cho chúng ta, nhập định dưới cây bồ đề, khi sao mai mọc, hốt nhiên đại ngộ, đó là buông bỏ! Đây là minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật.

Phật giáo đại thừa truyền đến Trung Quốc gần hai ngàn năm. Công nguyên năm 67, Hán Minh Đế phái sứ giả đến Tây Vực- là Tân Cương ngày nay, cung thỉnh Ma Đằng và Trúc Pháp Lan, hai vị cao tăng Ấn Độ đến Trung Quốc. Phật giáo bấy giờ chính thức được đế vương lễ thỉnh nhập cảnh. Sau khi pháp sư đến Trung Quốc, trở thành quốc sư của Trung Quốc. Các ngài mang theo tượng Phật, kinh sách, có đủ Tam bảo. Đến bây giờ đã gần 2 ngàn năm, 2 ngàn năm này ở Trung Quốc, bất luận là tông môn giáo môn nào, không ít người thành tựu, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Chúng ta ước tính sơ lược, khoảng chừng ba ngàn người trở lên, ba ngàn vị Phật thành tựu ở Trung Quốc. Trung Quốc đại địa chính là một khối đất báu, rất nhiều Thánh hiền tu hành chứng quả ở đây. Đây là gì? Là đất phước! Thiên tai lớn giáng xuống thế gian, đất phước không thể tránh

khởi thiên tai, nhưng so với các chỗ khác, chắc chắn ít hơn rất nhiều. Điều này chúng ta biết rằng, thứ nhất là nhờ đức của tổ tông, thứ hai là Tam Bảo thành tựu. Bây giờ chúng ta ở tại Úc châu, khu vực Úc châu này, chịu thiên tai cũng ít hơn đôi chút. Vì sao vậy? Vì đất rộng người ít, lịch sử rất ngắn, tạo nghiệp không nhiều. Thiên tai từ đâu mà có? Do nghiệp bất thiện chiêu cảm ra, điều này chúng ta cần phải biết. Đất nước Trung Quốc này, tuy có người tạo nghiệp bất thiện, nhưng nhờ đức dày của tổ tông.

Chúng tôi đã từng làm thí nghiệm qua. Ở thị trấn Thang Trì, chúng tôi đã làm 3 năm, thúc đẩy Đệ Tử Quy, chứng minh rằng tánh của con người vốn thiện, chứng minh rằng con người rất dễ dạy, nghe dạy là biết quay đầu. Đây là gì? đây là cội rễ sâu dày. Trong Phật pháp nói là thiện căn sâu dày, chỉ là không ai nhắc nhở, nhắc nhở thì họ giác ngộ, họ quay đầu. Ở đâu người học Phật nhiều, ở đâu người niệm Phật nhiều, thì nơi đó ít bị thiên tai. Cho nên chúng ta không cần hỏi, nơi nào có thiên tai, nơi nào không có thiên tai, không cần bận tâm, đây là điều sai lầm.

Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, nên tìm lại lời giáo huấn của tổ tông, y giáo phụng hành. Lời giáo huấn của tổ tông rất tinh yếu, không phức tạp. Lưu hành ở Trung Quốc, tôi tin rằng không chỉ một vạn năm, chỉ là ngày xưa không có văn tự, đời này qua đời khác đều dựa vào khẩu truyền, không truyền sai. Bốn khoa tinh túy của tổ tông, khoa mục bốn khoa. Thứ nhất là luân lý, mười hai chữ, làm sao truyền sai được? mười vạn năm cũng không truyền sai: “Phụ tử hữu thân, phu phụ hữu biệt, quân thần hữu nghĩa, trưởng ấu hựu tự”. Quý vị nghĩ xem, truyền sai được sao? Đời này đến đời khác không thể truyền sai. Đây là khoa mục dài nhất. Thứ hai là ngũ thường, có năm chữ là: “nhân, nghĩa, lễ, trí, tín”. Quý vị nghĩ xem, truyền sai được sao? không thể có! Thứ ba là tứ duy, chỉ có bốn chữ là: “lễ, nghĩa, liêm, sĩ”. Thứ tư là bát đức có tám chữ: “hiếu đễ, trung tín, nhân ái, hòa bình”. Thời đại Nghiêu Thuấn dạy dân, chính là dạy những cái này, dạy dân rất tốt. Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, giữ được tiêu chuẩn này, quyết không làm trái thì xã hội sẽ an định, mọi người sẽ sống cuộc sống hạnh phúc mỹ mãn.

Ngày nay thế giới loạn động, địa cầu thiên tai, chính vì bỏ đi những đạo lý này. Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, trái ngược với điều này 180 độ. Động

loạn, thiên tai là do tâm hành bất thiện chiêu cảm ra. Lời giáo huấn luân lý đạo đức của chư Phật Bồ Tát, nâng cao truyền thống của chúng ta, mở rộng cảnh giới của chúng ta, mở rộng đến tất cả chúng sanh trong hư không pháp giới. Đây là phước báo không thể nghĩ bàn! “Phụ tử hữu thân” của chúng ta chỉ giới hạn trong gia đình. “Phụ tử hữu thân” trong Phật pháp rất lớn.

Trong Bồ Tát Giới kinh dạy chúng ta rằng: “tất cả người nam là cha ta, tất cả người nữ là mẹ ta”. “Phụ tử hữu thân” này mở rộng đến biến pháp giới hư không giới, còn rộng hơn địa cầu. Tâm lượng của chư Phật Bồ Tát, trong kinh giáo thường nói “tâm bao thái hư, lượng châu sa giới”, dùng cái này để hình dung, trên thực tế còn lớn hơn cả hư không châu sa giới. Ngạn ngữ Trung Quốc có câu “lượng lớn phước lớn”, vậy quý vị mới biết người Trung Quốc có phước báo lớn chừng nào. Cho nên phải tìm lại lời giáo huấn của tổ tông. Tìm lại lời giáo huấn của đức Phật, thì toàn bộ vấn đề sẽ được giải quyết.

“Hựu Hoa Nghiêm luận viết, nhất niệm tương ưng nhất niệm Phật, nhất nhật tương ưng nhất nhật Phật”. Hai câu này chư vị tôn sư của Tịnh Độ tông thường nói. Tương ưng với điều gì? Vừa rồi đã nói là nhất niệm tương ưng. Trong kinh vẫn nói “dữ pháp tương ưng”. Chữ “pháp” chỉ cho điều gì? Chỉ cho kinh Vô Lượng Thọ, kinh A Di Đà. Nhất niệm này của ta tương ưng với kinh A Di Đà, tương ưng với kinh Vô Lượng Thọ. Tương ưng với 48 nguyện của Phật A Di Đà. Đây chính là nhất niệm Phật, Phật ở đây là chỉ cho Phật A Di Đà, tương ưng với Phật A Di Đà. Một ngày của ta là tương ưng với một ngày Phật. Niệm niệm là tương ưng với niệm niệm Phật. Ngày ngày thì tương ưng với ngày ngày Phật. Trong này có mật nghĩa, nếu quý vị tương ưng với một ngày, quý vị nhất niệm, thì quý vị kết duyên lành với Phật A Di Đà, Phật có duyên với quý vị. Thế giới Cực Lạc có duyên với quý vị, tương ưng với nhất niệm ở giờ phút lâm chung, chúc mừng quý vị, quý vị đã được vãng sanh rồi, quý vị đến thế giới Cực Lạc làm Phật.

Tương ưng với phút lâm chung đó, chúng tôi đã thấy qua rồi. Hồi trẻ tôi ở Mỹ, thấy được Chu Quảng Đại vãng sanh, người này suốt đời không có tín ngưỡng tôn giáo. Khi lâm chung gặp được thiện hữu, họ nói với ông ta về sự trang nghiêm thù thắng của thế giới Cực Lạc, khuyên ông ta vãng sanh. Ông ta nghe rồi

vô cùng hoan hỷ, tiếp nhận ngay, liền bảo với người nhà, không cần tìm thuốc chữa bệnh cho ông ta nữa, nên cùng với các bạn đồng tu niệm Phật tiễn ông vãng sanh. Niệm Phật ba ngày, ba ngày tương ứng với ba ngày Phật. Ông ta thật sự đã vãng sanh. Bí quyết ở đây, chính là người được vãng sanh - Chu Quảng Đại, ông chí thành khẩn thiết cầu sanh Tịnh Độ, buông bỏ hết vạn duyên. Ở đây khó nhất là tình cảm đối với người thân, ông buông bỏ hết, làm tấm gương tốt cho chúng ta, làm biểu tượng tốt nhất cho chúng ta.

“Kim kinh vân, tùy kỳ sở vãn, dữ pháp tương ứng, thâm hiển Di Đà bốn nguyện công đức bất khả tư nghì. Chư vãng sanh giả, thiện căn thành thực, sở vãn diệu pháp tất giai khế hội.” Ý nói là họ nghe được diệu pháp, diệu pháp này là tuyên dương thế giới Cực Lạc. Khuyến bảo mọi người buông bỏ vạn duyên, cầu sanh Tịnh Độ. Diệu pháp là chỉ cho điều này. Thành tựu diệu pháp này, là thành tựu công đức bốn nguyện của Phật A Di Đà. Tất cả chúng sanh trong mười phương thế giới, chỉ cần nghe đến, là đã thấy, chân thật phát tâm y giáo phụng hành, thì chẳng ai không được vãng sanh, chẳng ai không thành tựu.

Hai câu cuối cùng dưới đây, cũng là của chư vị tổ sư thường dạy: *“Nhiếp giải khởi hành, hành khởi giải tuyệt, vong chiếu đồng thời, năng sở bất nhị.”* Cảnh giới này cao thật! Tùy theo sự hiểu biết của chúng ta, chúng ta làm, mình biết được bao nhiêu thì làm bấy nhiêu, nhưng nhất định phải làm. Quý vị làm được rồi, thì định, huệ của quý vị sẽ hiện tiền, tâm thanh tịnh hiện tiền, trí huệ hiện tiền. Trí huệ hiện tiền thì hiểu càng sâu sắc hơn, hiểu càng rộng hơn, hành của quý vị cũng sâu rộng. Hiểu giúp cho hành, hành giúp cho hiểu, hiểu và hành tương ứng. Có thể đạt đến “vong chiếu đồng thời”. “Vong” là tập khí phiền não, “chiếu” là thật tướng của các pháp. Cũng là nói, đoạn phiền não và thấy bồ đề cùng một lúc, mà không phải nói trước đoạn phiền não, sau đó mới chứng bồ đề. Không phải như vậy, là cùng một lúc. Năng đoạn và sở đoạn, năng chứng và sở chứng là một, không phải hai.

Trí giữ lý minh. “Trí” là trí huệ năng chiếu. “Lý” là tự tánh sở chiếu. Minh tâm kiến tánh, lý là tự tánh. Năng chiếu và sở chiếu hợp nhất rồi, thì trí tức là lý, lý tức là trí. Lý và trí không hai, lý và trí nhất như.

“*Nãi chí chủng chủng sở văn, tất năng đón khế, giữ pháp tương ưng. Kỳ nguyện văn giả, triếp độc văn chi, sở bất dục văn, liễu vô sở văn.*” Đây là nói về thế giới Tây phương Cực Lạc, điều mà quý vị nghe, quý vị nghĩ, như tôi muốn nghe kinh Vô Lượng Thọ, nhưng quý vị lại muốn nghe kinh Pháp Hoa. Chúng ta cùng ở một nơi, cùng tại một lúc, chúng ta nghe tiếng chim hót, nghe tiếng nước chảy, tiếng gió thổi cây bấu. Tôi nghe ở đó giảng kinh Vô Lượng Thọ. Khi quý vị nghe ở đó giảng kinh Pháp Hoa, không có gì trở ngại, nhưng tôi lại không nghe gì hết, không nghe âm thanh gì hết.

“*Phục biểu thử thủy viên minh cụ đức, tự tại vô ngại, diệu ứng vô cùng, nhất nhất tùy chúng sanh ý dã*”. Quý vị xem, nước, chim, gió, cây đều viên mãn quang minh đầy đủ công đức, đầy đủ vô lượng công đức. Hoặc chúng ta có đủ vô lượng công đức, tự tại vô ngại, diệu ứng vô cùng. Diệu ứng là gì? là có thể tùy theo ý của chúng sanh, tùy theo tâm tưởng của chúng sanh, muốn thấy cái gì thì thấy được cái đó. Chúng ta từ trái đất này vãng sanh, đến thế giới Cực Lạc, muốn xem lại trái đất có hình dáng như thế nào, thì quý vị sẽ nhìn thấy, quý vị ở dưới cây bấu nhìn thấy. Quý vị muốn nghe tiếng nói chuyện của người trên trái đất, quý vị ở dưới nước cũng có thể nghe được điều đó, từ gió thổi cây bấu có thể nghe được âm thanh. Cùng một lúc, cùng một nơi có thể tùy theo ý nghĩ bất đồng, tâm nguyện bất đồng của mỗi người, đây là diệu ứng vô cùng.

“*Cực Lạc quốc độ, thủy điều thọ lâm, tất diễn diệu pháp, quang sắc thanh hương giai tác Phật sự.*” Tất cả đều ở nơi đó giảng kinh thuyết pháp.

Nhĩ mục sở đối toàn hiển bốn tâm. Bốn tâm chính là chơn tâm, là tự tánh.

“*Cử túc hạ túc hàm tác Phật sự, cố u vô thượng bồ đề chi tâm vĩnh bất thoái chuyển, tuyệt thị tăng thượng nhân duyên.*” Thế giới Cực Lạc là như thế. Thật ra thế giới này của chúng ta cũng không ngoài lệ. Vấn đề ở chỗ nào? vấn đề là ở chỗ chúng ta không biết dùng, chúng ta không có trí huệ, nên chúng ta nhìn thấy thử giới tha phương. Thử giới là nơi chúng ta đang sống, tha phương chính là thế giới Cực Lạc, không hai không khác. Vì sao chúng ta không nhìn thấy? Bởi tâm chúng ta quá tạp loạn, nên không nhìn thấy được. Nếu tâm của quý vị tĩnh lặng, thì tâm thanh tịnh hiện tiền. Tâm thanh tịnh không sanh phiền não, quý vị không thấy phiền não. Tâm thanh tịnh sanh trí huệ, quý vị nhìn thấy đều là trí huệ. Quý

vị thật sự nhìn thấy rồi. Như thiền sư Trung Phong, trong buổi giảng tại Tam thời hệ niệm Phật sự nói rằng: “Đây chính là Tịnh Độ, Tịnh Độ chính là đây”. Chim chóc, cây cối, nước chảy trong cõi Tịnh Độ đều nói diệu pháp. Chúng ta ở đây có như vậy không? Có. Trong tâm có Phật A Di Đà, thật sự có Phật A Di Đà, không có tạp niệm, nghe tiếng chim hót cũng thấy chim niệm Phật A Di Đà. Quý vị nghe không sai chút nào.

Công phu càng cao, định lực càng cao, trí huệ thanh tịnh, quý vị sẽ nghe được tiếng chim thuyết pháp, Phật A Di Đà đang thuyết pháp. Đây là thật không phải giả. Thậm chí các loại tạp âm trên thế gian, đều nghe bằng tâm thanh tịnh, đều biến thành pháp âm. Đây là gì? Trong đại kinh chư Phật Bồ Tát dạy chúng ta rằng, cảnh tùy tâm chuyển. Nếu sự việc này không phải là thật, thì cảnh không tùy tâm chúng ta chuyển. Do đó, chúng ta hiểu được, người trong thế giới Cực Lạc, bất luận đến nơi nào, dù đến địa ngục A Tỳ, thì cảnh giới của địa ngục A Tỳ cũng biến thành thế giới Cực Lạc. Vì sao vậy? Bởi tâm họ là thế giới Cực Lạc, cảnh giới mà họ đang sống chính là thế giới Cực Lạc. Tâm cảnh nhất như, tâm cảnh không hai. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, không hoài nghi đạo lý này, chúng ta chấp nhận nó.

Thế giới Cực Lạc giống như trong kinh Hoa nghiêm nói : “Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”. Cõi Đồng Cư và cõi Phương Tiện vẫn là dùng A Lại Da, chưa chuyển thức thành trí, đó là được oai lực bản nguyện của Phật A Di Đà gia trì. “Đẳng đồng”, đẳng là bình đẳng. Đẳng đồng pháp thân Bồ Tát trong cõi Thật Báo. Đây là được Phật lực gia trì, sự gia trì đó không thể nghĩ bàn. Quý vị đến bất kỳ quốc độ của chư Phật nào, hay đến thế giới này của chúng ta, cũng giống như ở nơi thế giới Cực Lạc, không phải quý vị có năng lực chuyển thế giới này, mà là nhờ thần lực của Phật gia trì, nên cảnh giới này được chuyển. Những đạo lý này càng học càng thấu triệt, càng học càng hiểu rõ, và càng học càng hoan hỷ, tăng trưởng lòng tin, tăng trưởng nguyện lực cầu sanh Tịnh Độ của chúng ta. Cũng giúp chúng ta buông bỏ thế giới Ta Bà này, phải hiểu cho rõ ràng, hiểu rõ rồi chúng ta buông bỏ hết. Đến thế giới Tây phương Cực Lạc, thành tựu Phật quả rốt ráo viên mãn, rồi lên thuyền từ trở lại độ chúng sanh. Không chỉ cứu độ một thế giới, mà cứu độ hết cả quốc độ chư Phật trong biến pháp giới hư không giới,

trong đó lục đạo chúng sanh, lục đạo chúng sanh mê hoặc. Khi có năng lực, khi có trí huệ, khi có phương tiện thần thông rồi, cần phải quảng độ chúng sanh. Chúng ta tiếp tục xem kinh văn dưới đây. Đoạn này nói về niềm vui thù thắng của những người được vãng sanh. “*Thập phương thế giới, chư vãng sanh giả, giai u thất bảo trì liên trung tự nhiên hóa sanh, tất thọ thanh hư chi thân, vô cực chi thể.*” Đoạn này là nói vãng sanh về thế giới Cực Lạc, thể chất với Phật A Di Đà không khác.

“Hữu đoạn” đây là đoạn lớn thứ ba của phẩm này. “*Thập phương vãng sanh giả, giai u bảo trì liên hoa hóa sanh, thử vi đệ nhị thập tứ*”, chính là nguyện thứ 24 trong 48 nguyện: “*liên hoa hóa sanh nguyện chi thành tựu*”. Thế giới Cực Lạc không phải là thai sanh, không phải noãn sanh, không phải thấp sanh, mà là hóa sanh, biến hóa hóa sanh. Vì thế họ không có sanh khổ. “Tự nhiên hóa sanh” nên họ không có già khổ, không có bệnh khổ, không có chết khổ. Họ hoàn toàn giải quyết xong vấn đề sanh, già, bệnh, chết. Ý nghĩa của hai chữ “tự nhiên” này, đại sư Nghĩa Tịch nói: “*phi thai tạng sở sanh dục, cố tự nhiên*”. Đây là chỉ cho không phải thai sanh.

“*Hội Sơ viết: phi vọng nghiệp sở cảm, Phật nguyện linh nhiên, cố vị tự nhiên*”. Ý này hay hơn ý trước. Phải biết rằng, chúng sanh trong thế giới của chúng ta, là do nghiệp cảm mà luân hồi trong lục đạo. Kiếp trước tạo nghiệp quý vị là người tốt, ở kiếp này quý vị gặp được thiện báo, quý vị gặp được thiện quả. Nếu kiếp trước quý vị tạo nghiệp ác, thì quý vị sẽ gặp ác báo ác quả. Thiện quả chiêu cảm ba đường lành, ác quả chiêu cảm ra ba đường ác- địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Ba đường lành là trời, người và A tu la. Quả thực là như vậy đấy!

Những năm gần đây, chúng tôi gặp rất nhiều chuyện kỳ lạ, đặc biệt là chuyện dựa xác. Chuyện xảy ra ở Cam Túc. Hai ngàn năm trước quân đoàn La Mã, Đại đế Khải Tát phái hơn 10 vạn người sang xâm lược Trung Quốc, không thành công, toàn quân bị tiêu diệt ở Trung Quốc, nhưng những linh hồn này, 2. 100 năm vẫn không đi nơi khác, vẫn ở cùng nhau- ma binh. Họ nhập vào thân người khác nói ra chuyện này, khổ không tả xiết. Gặp được một vị Bồ Tát cứu họ, vị Bồ Tát này là Lợi Tân, rất nhiều người nói rằng, đây là hóa thân của Bồ Tát Quán Thế Âm, Bồ Tát cứu họ. Bồ Tát hỏi một câu rất hay, câu hỏi này hàm nghĩa rất sâu sắc. Bồ

Tát hỏi rằng: “Trung Quốc không phải của các ngươi, các ngươi đến đây làm gì?” Câu này quý vị có hiểu được không? Nếu như Trung Quốc là của họ, thì họ có thể chinh phục, họ muốn đến Trung Quốc làm hoàng đế, nhưng Trung Quốc không phải của họ, đến nơi này, rõ ràng là đem mạng đi bỏ, không phải của họ.

Ngạn ngữ Trung Quốc có câu: “sống chết có số, giàu sang do trời định”. Đây là nói về nhân quả báo ứng, là thật không phải giả. Hiểu được điều này, thì chúng ta biết rằng, điều ác chẳng thể không đoạn, điều thiện chẳng thể không tu. Cuộc đời rất ngắn ngủi, ngắn ngủi chỉ vài chục năm, vậy tại sao phải tạo nghiệp ác? Tạo nghiệp ác rất dễ, nhưng hậu quả khó lường, ghê gớm lắm! Hiểu được chân tướng sự thật này, chúng ta tỉnh lại rồi, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, tự nhiên sẽ cẩn trọng dè dặt.

Phật dạy chúng ta rằng: “không làm các điều ác, thực hành các điều thiện, tự thanh tịnh ý mình, là lời chư Phật dạy”. Không phải chỉ một đức Phật dạy, mà chư Phật mười phương đều dạy chúng ta như vậy. Bốn câu này có thể nói là, cương lĩnh chung, nguyên tắc chung, phương hướng chung, là mục tiêu, là tông chỉ của Phật giáo. Nếu người khác hỏi chúng ta Phật giáo là gì? thì chúng ta lấy bốn câu này trả lời họ, không sai chút nào: “không làm các điều ác, thực hành các điều thiện, tự thanh tịnh ý mình, là lời chư Phật dạy”. Không phải chỉ một mình đức Phật Thích Ca Mâu Ni, mà hết thầy chư Phật đều dạy như thế. Hai câu trước rất rõ ràng, đoạn ác tu thiện, đây là đối với người sơ cơ học đạo.

Ngày nay chúng ta nói về nền giáo dục phổ biến, giáo dục cho tất cả mọi người, biết đoạn ác tu thiện. Tự thanh tịnh ý mình nghĩa là thế nào? Là chuyển mê thành ngộ, chuyển phàm thành thánh, đó là vươn lên đỉnh cao, vươn lên đến cảnh giới như cảnh giới của chư Phật. Phật là gì? Phật là giác ngộ. Giác mà không mê, đó là Phật. Đối với tất cả pháp trong thế và xuất thế gian, tôi dùng sáu chữ bao hàm tất cả. Thế của tất cả pháp là tánh, tự tánh năng sanh vạn pháp. Vạn pháp là hiện tượng. Dùng một tướng để làm tượng trưng, tánh tướng. Trong tướng có lý có sự có nhân có quả. Sáu chữ bao hàm tất cả: tánh tướng, lý, sự, nhân, quả. Giác mà không mê, chính là Phật. Phật là rốt ráo viên mãn giác mà không mê, rốt ráo viên mãn, gọi là Phật. Giác mà không mê, nhưng chưa viên mãn thì gọi là Bồ Tát. Phật, Bồ Tát không phải là thần minh, không phải là thần tiên. Phải hiểu điều này.

Chư Phật Bồ Tát là con người, quý vị hiểu rõ ràng minh bạch thì quý vị biết, Phật giáo là nền giáo dục Phật Đà chứ không phải là tôn giáo.

Khi tôi tiếp xúc với Phật Giáo, thầy Phương Đông Mỹ bảo tôi rằng: “học Phật là hưởng thụ cao nhất của đời người. Triết học kinh Phật, là đỉnh cao của triết học trên thế giới. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là nhà triết học vĩ đại trên thế giới”. Tôi bước vào cửa Phật từ chỗ này. Triết học là cầu được trí huệ. Kinh này Phật dạy rất rõ ràng, trí huệ chân thật. Trí huệ chân thật từ đâu mà có? Bản tế chân thật, bản tế là tự tánh. Nói ba điều chân thật là phạm vi chân thật, trí huệ chân thật và lợi ích chân thật. Lợi ích chân thật tức là thọ dụng chân thật, hưởng thụ cao nhất của đời người. Cho nên, thế giới Tây phương không phải do vọng nghiệp chiêu cảm ra, hoàn toàn khác nơi này của chúng ta. Nơi này của chúng ta, thiện nghiệp xem như cũng khá tốt, cũng có được ngôi nhà nho nhỏ. Nghiệp ác thì rất rắc rối, nên chúng ta không được tạo nghiệp ác, nhất định phải giữ đúng tiêu chuẩn Tứ duy, Bát đức. Tứ duy và bát đức gộp lại thành 12 chữ, đó là: “hiếu để trung tín, lễ nghĩa liêm sĩ, nhân ái hòa bình”. Mọi người đều có thể tuân thủ, thì thế giới này quá tốt đẹp.

Ngày xưa là gia đình dạy, dạy dỗ từ nhỏ, xã hội dạy, quốc gia dạy. Cho nên mảnh đất báu này của Trung Hoa, tiếp nhận nguồn giáo dục của Thánh hiền. Dòng lịch sử trị an lâu bền này, từ đâu có được? chính là từ 12 chữ này. Ngày nay chúng khơi dậy 12 chữ này, là xã hội được cứu, thế giới được cứu rồi! Quý vị đi hỏi người ta 12 chữ này xem người nào không cần? Mọi người đều mong muốn, không ai phản đối, chỉ là không có ai dạy mà thôi. Đệ Tử Quy là mở đầu cho 12 chữ này, khi tiếp xúc rồi, theo đó học tập thì chẳng có ai không hoan hỷ. Từ chỗ này chúng ta quan sát “thuận nhân tánh giả xương”, đây là nhân tánh, tùy thuận nhân tánh, nhất định là xương long. Làm trái với nhân tánh là diệt vong. Ngày nay chúng ta hy vọng thế giới này được xương long, hay hy vọng thế giới này diệt vong? Tất cả đều nằm trong tay chúng ta. Ai cũng muốn tốt, vấn đề hiện tại là gì? Là không có người dạy. Hiện tại ai đang dạy? Phim ảnh đang dạy, internet đang dạy. Dạy điều gì? Quý vị đi mà xem, nó dạy bạo lực sắc tình, sát đạo dâm vọng, hoàn toàn trái ngược với 12 chữ này, làm con người hư mất rồi! Không thể

không chịu trách nhiệm nhân quả. Nếu thật sự nghĩ sâu về nhân quả một chút, sẽ thấy thật là đáng sợ.

Ở thế giới Tây Phương Cực Lạc không phải là thân nghiệp báo, vậy là gì? Là “*thanh hư chi thân, vô cực chi thể, hóa sanh. Thanh hư, kiến Hán Ngô dịch Ngụy dịch vi hư vô, ý tư tương đồng. Nghĩa Tịch viết, phi ẩm thực sở trường dưỡng, cố hư vô. Phi lão tử sở vấn một, cố vô cực*”. Đây đã giải thích rõ chữ “hư vô” và “vô cực” rồi. Thế giới Tây phương Cực Lạc không cần ăn uống. Thể chất của họ và chúng ta không giống nhau. Họ là liên hoa hóa sanh. Trong kinh văn dạy rằng, không phải như nhục thể này của chúng ta, thân thể của họ là thân sắc ánh vàng. Cho nên họ không cần ăn uống, không cần những thứ này. Vậy chúng ta có biết họ sống bằng dinh dưỡng gì không? Trong kinh nói rằng họ nương vào “thanh tịnh bình đẳng giác” thành tựu được thân kim cang bất hoại, bảo tướng trang nghiêm. Thân có vô lượng tướng, tướng có vô lượng đẹp. Đó là thành tựu thanh tịnh bình đẳng giác. Cho nên trong kinh hình dung họ là hư vô, vô cực. Họ không có biến hóa của già bệnh chết, nên gọi là vô cực.

“*Gia Tường Sơ viết, dĩ thần thông vô sở bất chí, cố vô cực chi thể. Sắc như quang ảnh, cố vân hư vô chi thân. Vô cực chi thể, thần thông.*” “Thần thông vô sở bất chí”, trong kinh Phật thường nói về sáu loại thần thông, tác dụng của thần thông đạt đến rất ráo viên mãn. Thiên nhãn có thể nhìn biến pháp giới hư không giới, chẳng có nơi nào quý vị không nhìn thấy, có thể nhìn thấy được những cái rất nhỏ. Đây là nói cái nhỏ nhất, cũng chính là lời Bồ Tát Di Lạc đã nói: “một khảy móng tay có ba mươi hai ức bá thiên niệm”. Một niệm đó Ngài thấy rất rõ ràng, nhưng chắc chắn chúng ta không làm được, nhục nhãn của chúng ta không thấy được. Chúng ta dùng các loại cơ khí, cơ khí cực kỳ tinh xảo, cũng không thể quan sát được, chỉ quan sát được một hiện tượng, vì tốc độ của nó quá nhanh. Khi mỗi niệm mỗi niệm, mắt quan sát không thấy được. Thần thông này thì chẳng nơi nào không đến được, năng lực của sáu căn. Đây là “vô cực chi thể”.

“Sắc như quang ảnh”, quang ảnh là gì? là phi hữu phi vô. Quý vị không thể nói là nó không có, cũng không thể nói là nó có, thật kỳ diệu. Đây là “hư vô chi thân”, thân này hiện ra tướng lớn giống như hư không không khác. Quý vị thấy được thân Phật, giống như thấy được hư không, nửa bầu trời vậy. Khi hiện ra tướng

nhỏ, nó tiềm ẩn trong những cái nhỏ nhất, quý vị không thể nào nhìn thấy, cũng không thể tưởng tượng được. Trong vi trần có thể giới. Quý vị nghĩ xem, trong thể giới vi trần còn có vi trần, trong cái vi trần đó còn có thể giới, trùng trùng vô tận. Giống như hai tấm gương chiếu nhau, hình ảnh của nó là vô tận, trùng trùng vô tận.

Hữu Hội Sớ viết, hữu nhi nhược vô. Nó có, nhưng lại giống như không, *tung nhậm vô ngại, cố danh hư vô chi thân.* Thân này lúc lớn, lúc nhỏ, lúc ẩn lúc hiện. Ẩn là gì? Là quý vị nhìn không thấy. Khi nó hiện quý vị mới thấy được, nó có thể ẩn, có thể hiện, có thể lớn, có thể nhỏ. Và lại “tùy chúng sanh tâm ứng sở tri lượng”, không phải tùy vào mình. Bản thân nó không có ý niệm, không khởi tâm, không động niệm. Khởi tâm động niệm, là Bồ Tát, chứ không phải Phật. Thật sự khởi tâm động niệm, rơi vào trong mười pháp giới, không ở trong nhất chân pháp giới. Nếu có phân biệt chấp trước, thì họ sẽ rơi vào trong lục đạo, đó là phàm phu, đó không phải là Phật. Cho nên nhất định phải hiểu, người ở thế giới Cực Lạc.

Hiện nay chúng ta biết rằng, mặc dù ở cõi Phạm Thánh Đồng Cư, cũng không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước. Đây là bốn nguyện oai lực gia trì của Phật A Di Đà, nên Bồ Tát ở cõi Đồng Cư thật sự chứng đắc rất ráo viên mãn. Hạ hạ phẩm vãng sanh, ở thế giới của chúng ta, không ra khỏi luân hồi lục đạo. Trong kinh Hoa Nghiêm gọi là Thập tín vị. Từ Sơ tín đến Lục tín không ra khỏi lục đạo. Từ Thất tín đến Thập tín đã vượt thoát lục đạo, nhưng chưa ra khỏi mười pháp giới. Không giống thế giới Tây phương Cực Lạc, đứng trên danh nghĩa thế giới Tây phương mà nói, thì cõi Phương Tiện, cõi Đồng Cư, chính là Tứ Thánh pháp giới và lục đạo chúng sanh. Cõi Đồng cư là lục đạo, cõi Phương Tiện là Tứ thánh pháp giới, đều là phàm phu chưa minh tâm kiến tánh, nhưng bốn nguyện oai thần gia trì của Phật A Di Đà, đạo lực, thần thông, trí huệ của họ và pháp thân Bồ Tát hoàn toàn tương đồng. Sự thù thắng của thế giới Cực Lạc là thù thắng ở chỗ này. Trong quốc độ của mười phương chư Phật không có, chỉ có thế giới Cực Lạc mới có. Quý vị đến thế giới Cực Lạc hoàn toàn chứng đắc, cho nên ở đây nói “tung nhậm vô ngại”.

Trong kinh Hoa Nghiêm nói họ đã chứng đắc bốn loại vô ngại, đó là lý vô ngại, sự vô ngại, lý sự vô ngại và sự sự vô ngại. Đây là cảnh giới không thể nghĩ bàn, cho nên có tên là than hư vô.

“*Nhất đắc thọ sanh, vô hữu chung kỳ, cố danh vô cực chi thể*”. Khi vãng sanh thì quý vị đạt được, đạt được rồi sẽ không còn biến hóa. Không có “chung kỳ” nghĩa là không chết nữa, cũng có nghĩa là có sanh mà không diệt, có sanh mà không chết, Thế giới Cực Lạc thật sự là trường thọ thiên, không phải giả, cho nên gọi là “vô cực chi thể”.

“*Cảnh Hưng vân, hư vô, vô cực giả, vô chướng ngại cố, hy hữu cố, như kỳ thứ đệ*. Ý nói là *vô chướng cố viết hư vô, hy hữu cô xưng vô cực. Chư gia chi dịch, khả hợp tham*”. Chư vị cổ đức ngày xưa, những giải thích của quý ngài chúng ta đều có thể tham khảo. Tuy lời nói không giống nhau, nhưng ý nghĩa đều tương đồng. Chúng ta đối với cảnh giới này, càng ngày càng rõ ràng, càng lúc càng minh bạch.

Câu cuối cùng “*duy chứng phương tri*”. Quý vị sanh đến thế giới Cực Lạc sẽ hiểu được hết. Chỗ này khó nói cho rõ ràng được, nếu quý vị thật sự muốn hiểu rõ cũng khó, chỉ có thể nói là “tương tợ” mà thôi, từ trong cái “tương tợ” đó, quý vị có thể tin được, thật sự tin, thật sự phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, thì mục đích này đạt được rồi. Chân tướng sự thật nhất định phải đợi đến khi quý vị vãng sanh, quý vị mới biết được, dù giới thiệu như thế nào thì cũng là nghe nói mà thôi.

Đoạn sau đây là Hưởng thọ Cực Lạc. Mời quý vị xem kinh văn:

“*Bát văn tam đồ ác nã, khổ nạn chi danh, thượng vô giả thiết, hà hưởng thật khổ*. Đây là đã lìa khổ rồi. *Đản hữu tự nhiên, khoái lạc chi âm, thị cố bỉ quốc, danh vi Cực Lạc*”. Quý vị xem đoạn kinh văn ngắn nói về “ly khổ được vui” này, đây là chú giải của Niệm Lão cư sĩ. “*Hữu văn*”, vừa rồi đọc đoạn văn “vi đệ nhất”- nguyện thứ nhất trong 48 nguyện. “*Quốc vô ác đạo nguyện, dữ nhị thập bát quốc vô bất thiện nguyện*”. Thành tựu hai nguyện này, nguyện thứ nhất “quốc độ vô ác đạo” là ly khổ. “Nguyện thứ 18 quốc độ vô bất thiện” là hưởng lạc.

Ở Cực Lạc cái gì là lạc? Vì sao gọi là Cực Lạc? Chỗ này đã nói rõ cho chúng ta rồi. “*Tiểu bốn vân, kỳ Phật quốc độ, thượng vô ác đạo chi danh, hà hưởng hữu*

thật”. Ở thế giới Cực Lạc, chưa bao giờ nghe nói địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, tu la, la sát, những danh từ này vĩnh viễn không nghe đến. Chỗ này chúng ta phải chú ý, ác đạo là nói về quả, có quả ắt phải có nhân. Nói cách khác, ở thế giới Tây phương Cực Lạc, tất cả nhân bất thiện, quý vị không hề nghe đến. Sao gọi là bất hiếu, bất kính, bất nhân, bất nghĩa, sát đạo dâm vọng, tham sân si mạn, hoàn toàn không nghe đến, không có. Không có những chuyện này, thì làm sao có những danh từ này được chứ? Thế giới Cực Lạc tìm đâu ra nhân bất thiện. Cho nên thế giới Cực Lạc không có quả bất thiện. Những thế giới khác có, có nhiễm có tịnh, có thiện có ác. Thế giới Tây phương Cực Lạc không có.

“Tịnh Độ”, chữ tịnh này không phải tịnh trong chữ nhiễm, nhiễm tịnh đều không còn nữa gọi là tịnh. Có tịnh có nhiễm, tịnh nhiễm là tương đối. Trong thế giới của chúng ta, tứ Thánh và lục đạo, là tương đối. Lục đạo là nhiễm, tứ Thánh là tịnh. Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát và Phật, các vị này tịnh như thế nào? Các ngài đã phá được ngã chấp, nhưng pháp chấp chưa phá được. Ở trước chúng ta đã học qua nhân không, pháp không rồi, họ đã đạt được nhân không trong pháp giới tứ Thánh. Pháp giới tứ Thánh tuyệt đối không xem thân này là ta, nhưng họ chấp có pháp. Con người là gì? là ngũ uẩn hòa hợp mà hiện ra giả tướng này, lại cho rằng có ngũ uẩn, ngũ uẩn là bản chất của thân thể chúng ta. Thân là gì? Là ngũ uẩn- sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Mỗi tế bào đều có đủ sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Tế bào vẫn quá lớn rồi.

Ở trước chúng ta đã học qua một hạt bụi, một sợi lông, nó là chấm nhỏ. Một sợi lông, mũi nhọn sợi lông măng của chúng ta, là chánh báo nhỏ nhất. Mọi hạt bụi là nhỏ nhất trong y báo. Phật pháp nói vi trần, nhỏ nhất trong cái cực nhỏ. Như hiện nay các nhà khoa học phát hiện ra tiểu quang tử. Tiểu quang tử này lớn chừng nào? là bằng 1/ 100 ức điện tử, không phải 100 vạn, mà là 1/ 100 ức, tức là 100 ức cái tiểu quang tử này, tổ hợp thành một điện tử. Điện tử nhục nhãn không nhìn thấy được. Tiểu quang tử nhỏ như vậy, cũng có đủ ngũ uẩn- sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Bồ Tát Di Lặc nói với chúng ta, chúng ta mới biết được chân tướng sự thật này. Bồ tát Quan Thế Âm rất hay, ngài “chiếu kiến ngũ uẩn giai không”, biết được tiểu quang tử này là gì? Là “vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc”. Cho nên loại tiểu quang tử này, quý vị không thể nói nó không có, cũng không thể nói

nó có. Quý vị nói nó có, không đúng, nói nó không cũng không đúng. Vì sao vậy? bởi quý vị không hiểu chân tướng sự thật của nó, nếu thật sự hiểu rõ ràng chân tướng sự thật rồi, quý vị nói nó có là đúng, quý vị nói nó không cũng đúng. Thật sự hiểu rõ rồi, nói như thế nào cũng đúng. Không hiểu rõ ràng thì nói như thế nào cũng sai. Đây là trong kinh Phật nói một cách khoa học, thật sự đã đến đỉnh cao của khoa học rồi.

Xem tiếp đoạn dưới đây: “*Hựu viết, kỳ quốc chúng sanh, vô hữu chúng khổ, đản thọ chư lạc, cố danh Cực Lạc*”. Trong Kinh A Di Đà nói, chúng sanh trong thế giới Cực Lạc, là chúng Bồ Tát, đặc biệt là chỉ cho cõi Phạm Thánh Đồng Cư, không có khổ, không có ba đường ác. Thế giới Cực Lạc không có la sát, không có tu la, không có độc xà mãng thú, độc xà mãng thú là súc sanh đạo, không có. Không có nạ quỷ cũng không có địa ngục. Trong cõi Đồng Cư chỉ có hai đường trời và người, hai đường trời người này, đều được bốn nguyện oai thần gia trì của Phật A Di Đà. Nguyện thứ 20 trong 48 nguyện nói: “giai tác A Duy Việt Trí Bồ Tát”, đây không quá tốt sao? A Duy Việt Trí là Bồ Tát ở địa vị nào? Là Biệt giáo thất địa trở lên. Viên giáo là thất trụ trở lên, đây là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Cõi Phạm Thánh Đồng Cư hạ hạ phẩm vãng sanh, đạt được A Duy Việt Trí Bồ Tát, được thọ dụng như vậy, cũng có nghĩa là thần thông, trí huệ, đạo lực ngang bằng với A Duy Việt Trí Bồ Tát. Điều này ở quốc độ chư Phật trong mười phương không có, chỉ duy nhất thế giới Tây phương Cực Lạc có mà thôi. Hơn nữa chúng đắc quả vị như vậy là vô cùng khó khăn. Tự bản thân mỗi chúng ta định tĩnh tâm tư suy nghĩ, thì sẽ rõ.

Đứng về mặt lý luận mà nói thì rất dễ, sáu căn chúng ta đối sáu trần, mắt đối với sắc, tai đối với âm thanh, mũi đối với mùi thơm, lưỡi đối với vị, ý đối với pháp. Sáu căn đối với sáu cảnh giới này, không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, thì quý vị là pháp thân Bồ Tát rồi. Nói thì rất dễ, nhưng quý vị thử làm xem, quý vị có thật sự buông bỏ được không, buông bỏ khởi tâm động niệm, buông bỏ phân biệt, buông bỏ chấp trước, được không? Nếu được sẽ chứng nhập, sẽ tương ưng. Đối với tất cả pháp thế xuất thế gian đều không chấp trước, thì quý vị tương ưng với A La Hán, quý vị sẽ chứng đắc A La Hán. Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, quý vị thành chánh giác. Nếu buông

bỏ phân biệt, thì quý vị là Bồ Tát, quý vị là Chánh Đẳng Chánh Giác. Nếu buông bỏ khởi tâm động niệm, thì quý vị chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, quý vị thành Phật.

Phàm phu thành Phật trong một niệm, một niệm này buông bỏ được không? Nếu không buông bỏ được, thì tiếp tục trôi lăn trong luân hồi sanh tử. Không buông bỏ được, thì tiếp tục tạo nghiệp. Chỉ cần quý vị có phân biệt chấp trước, là quý vị đang tạo nghiệp. Mọi lúc mọi nơi đều đang tạo nghiệp. Việc này thật phiền phức! Phật A Di Đà có phương pháp, dạy chúng ta không nên tạo nghiệp khác. Vậy thì nên tạo nghiệp gì? Nên tạo tịnh nghiệp. Thế nào gọi là tịnh nghiệp? Niệm A Di Đà Phật gọi là tịnh nghiệp. Phương pháp này rất hay, quý vị không thể không tạo nghiệp, quý vị không thể không suy nghĩ, không thể không nói, không thể không làm việc.

Phật dạy chúng ta rằng, trong mỗi ý niệm đều là Phật A Di Đà- ý nghiệp tạo tịnh nghiệp. Trong miệng mỗi tiếng là A Di Đà Phật - khẩu nghiệp. Dạy chúng ta lạy Phật lễ Phật trong hoàn cảnh thích ứng - Thân nghiệp. Trong cuộc sống hàng ngày, đối nhân xử thế, chúng ta đem sự cung kính Phật đó- lễ Phật là tôn kính, tôn kính tất cả chúng sanh. Tiến lên bậc nữa là xem tất cả chúng sanh như Phật A Di Đà, giúp quý vị, làm trợ duyên cho quý vị, thì quý vị rất dễ thành tựu tịnh nghiệp, thành tựu tịnh nghiệp chính là thành tựu vãng sanh. Phật A Di Đà ở đâu? Mỗi người chúng ta đều là Phật A Di Đà, hoa lá cỏ cây cũng là Phật A Di Đà, sơn hà đại địa cũng là Phật A Di Đà. Quý vị với thế giới Cực Lạc là một. Phương pháp này quả thực rất kỳ diệu, kỳ diệu không nói được. Phương pháp này thật sự có thể giúp chúng ta chuyển cảnh giới, chuyển Ta Bà thành Cực Lạc, hóa tai nạn thành an lành. Tuyệt vời quá. Nhất định phải tin tưởng, cảnh tùy tâm chuyển. Nếu tâm tùy cảnh chuyển, thì khổ không kể xiết.

Vì sao người ta sợ thiên tai? Bởi tâm tùy cảnh chuyển, nghe đến thiên tai thì lòng hoảng hốt bất an, họ sai rồi đó. Phật Bồ Tát không sợ, không quan tâm. Vì sao vậy? Bởi Phật Bồ Tát là tâm chuyển cảnh. “Tâm tịnh tắc quốc tịnh, tâm an tắc quốc độ an, tâm thiện tắc quốc độ thiện”, “vạn pháp duy tâm”, “ché tâm nhất xứ, vô sự bất biện”, đây là lời dạy quan trọng nhất trong suốt cuộc đời của Đức Phật.

Chúng ta nên nhớ, chúng ta nắm chắc những điều này, thì vấn đề hoàn toàn được giải quyết rồi.

Như trong truyền thống văn hóa xưa, chúng ta chỉ cần nắm vững được 12 chữ, cũng bằng nắm vững toàn bộ vậy. 12 chữ này là Tứ duy và Bát đức, ngũ luân và ngũ thường cũng nằm trong đó. Nắm vững 12 chữ: “hiếu để trung tín, lễ nghĩa liêm sĩ, nhân ái hòa bình”. Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, tất cả đều hướng về 12 chữ này, trong Phật pháp hoàn toàn tương ứng với nó. Một ngày sinh hoạt của chúng ta, 12 chữ. Một năm sinh hoạt của chúng ta, không rời 12 chữ. Một đời sinh hoạt của chúng ta cũng không rời 12 chữ này, như người xưa nói quý vị chính là Thánh nhân, là đại Thánh đại Hiền. Vậy tại sao chúng ta không đi theo con đường này? Trong Phật pháp có thập thiện, tứ vô lượng tâm, nắm vững những điều này là được rồi. Tứ vô lượng tâm- từ, bi, hỷ, xả ở trước chúng ta đã học qua.

Không sát sanh, là không thiếu nợ mạng người. Sát sanh chẳng những thiếu nợ mạng sống mà còn đọa vào địa ngục. Không trộm cắp, không thiếu nợ tài sản của người khác, không cần trả nợ. Không tà hạnh. Đó là ba điều thiện của thân. Không nói dối, không nói hai lưỡi, hai lưỡi là gây chia rẽ, là sai, nói dối là lừa dối người khác. Không nói thêu dệt, thêu dệt là lời ngon tiếng ngọt, lấy lòng người khác. Không nói lời ác, là không nói lời thô lỗ. Không tham, không sân, không si, đó là thập thiện. Thập thiện, tứ vô lượng tâm, có nền tảng này rồi, tu Bồ Tát lục ba la mật, thập đại nguyện vương của Bồ Tát Phổ Hiền, là viên mãn rồi. Đem công đức này hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ, thì chẳng ai không được vãng sanh. Thật sự có thể lìa tất cả tướng, tu tất cả pháp, vãng sanh thế giới Cực Lạc, trực tiếp sanh về cõi Thật Báo Trang Nghiêm, thù thắng vô cùng. Cho nên đến thế giới Cực Lạc “đản thọ chư lạc”. Cực Lạc có là như vậy.

Hựu Luận Chú viết- Vãng Sanh Luận Chú là của pháp sư Đàm Loan, “*vĩnh ly thân tâm nã, thọ lạc thường vô gián*”. Chữ “vô gián” này với chữ địa ngục “Vô gián” hoàn toàn tương phản. Vô Gián địa ngục là gì? là “*vĩnh ly thân tâm lạc, thọ khổ thường vô gián*”, địa ngục Vô Gián hoàn toàn tương phản. “*Cổ kinh vân, đản hữu tự nhiên khoái lạc chi âm, thị cố bỉ quốc, danh vi Cực Lạc*” . Đây là

đem cư dân ở thế giới Cực Lạc, đem cuộc sống hưởng thụ của họ, giới thiệu cho chúng ta biết.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 374

Chuyển ngữ: Nguyễn Thanh

Biên tập: Bình Minh

Giảng ngày: 13.4.2011

Địa Điểm: Tịnh Tông Học viện - Úc Châu

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 449, “Siêu thế hi hữu đệ thập bát”.

Đoạn kinh văn thứ nhất: *“Bỉ Cực Lạc quốc, sở hữu chúng sanh, dung sắc vi diệu, siêu thế hi hữu, hàm đồng nhất loại, vô sai biệt tướng. Dẫn nhân thuận dư phương tục, cố hữu thiên nhơn chi danh.”*

Chú giải của Hoàng Niệm Tổ lại nói: *“Bốn phẩm hiển thị thế giới Tây phương Cực Lạc, chánh báo y báo, tất giai siêu việt thế gian, thậm vi hi hữu”*. Những lời này, chúng ta nghe rất quen tai, ở trước nhiều lần tán thán qua. “Bỉ độ” là chỉ cho thế giới Cực Lạc. “Chánh báo” là chỉ cho bản thân mình. Đứng trên phương diện thế giới Cực Lạc mà nói, thì chánh báo là Phật A Di Đà, ngoài ra đều là y báo. Đứng trên cương vị mỗi người chúng ta mà nói, con người của ta là chánh báo, thế giới Cực Lạc bao gồm cả Phật A Di Đà cũng là y báo của ta. Y báo có y báo nhân sự, y báo hoàn cảnh. Hoa lá cỏ cây, sơn hà đại địa là y báo vật chất- y báo hoàn cảnh. Cho nên chúng ta nhất định phải hiểu rõ ràng, minh bạch về y báo và chánh báo.

Quan trọng nhất là bản thân mình. Trong Hoa Nghiêm Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán có nói, nói rất rõ ràng minh bạch, nói rõ chân tướng sự thật của biến pháp giới hư không giới, là tự tánh của chính mình biến hiện ra, mỗi người đều là tự

tánh của chính họ, trong tự tánh không có phân biệt, không có giới hạn, tự tánh chỉ là một. Cho nên ta với muôn sự muôn pháp trong biến pháp giới hư không giới là nhất thể, chắc chắn không thể phân khai được. Một tự tánh thể chân thật, là thật tướng của các pháp, tức là chân tướng. Phân biệt mình người đều là vọng tướng hư vọng, không phải chân thật. Lý không phải là chân thật, sự cũng không phải là chân thật, chỉ vì chúng sanh mê hoặc, nên sanh ra biên kiến và tà kiến, tạo thành cảnh giới mộng, cảnh hư huyền. Y chánh trang nghiêm trong mười pháp giới, đều là huyền tướng trong mộng không có thật.

Trong Phật pháp đại thừa, lòng từ bi vô tận của chư Phật Bồ Tát, chỉ là giúp chúng ta quay đầu. Nhà Phật thường nói “quay đầu là bờ”. Quay về đâu? Quay về với tự tánh. Tây phương Cực Lạc, chính là điều kiện tốt nhất để ta quay về tự tánh. Được sanh về thế giới Tây phương Cực Lạc, mặc dù chỉ vãng sanh đến cõi Phạm Thánh Đồng Cư hạ hạ phẩm, nhưng họ quyết định quay về tự tánh. Thời gian dài hay ngắn không nhất định. Cái gì quyết định được? Chính ý niệm của quý vị quyết định mọi việc. Nếu buông bỏ được khởi tâm động niệm, thì quý tức khắc vị quay đầu ngay thôi. Thực ra thì tình cảm của con người quá sâu nặng, khó mà buông bỏ được, nên cần phải buông bỏ từ từ. Ở thế giới Tây phương Cực Lạc, chắc chắn là mỗi ngày buông bỏ được một chút, đến lúc thật sự buông bỏ được viên mãn, thì thành Phật. Cho nên trong giáo lý đại thừa, đức Phật thường tán thán người ở thế giới Cực Lạc rằng “tâm tâm lưu nhập Ta Bà nhược hải”, đó là niệm niệm, niệm niệm đều hướng đến con đường trở về với tự tánh, không mảy may sai khác.

Điều này bắt buộc chúng ta phải biết. Ngày nay chúng ta rất gần với chánh đạo, thế nào mới không rời bỏ chánh đạo? Là phải theo Phật, theo sát Phật A Di Đà, thì quý vị sẽ không rời khỏi chánh đạo. Nếu bỏ đi Phật A Di Đà, rồi tu theo pháp môn khác, thì quý vị đã đi sai đường, thậm chí đi theo tà đạo, càng đi càng xa, thật sự không thể biết được đời kiếp nào mới quay được đầu lại. Quay đầu nghĩa là thế nào? Là quay về con đường chánh đạo. Khoảng cách giữa chánh đạo và mục tiêu còn rất xa. Thế hội được chỗ này, mới biết được sự thù thắng của pháp môn Tịnh Độ. Bản thân chúng ta quá may mắn, gặp được pháp môn này, là gặp được con đường thành Phật.

Phẩm kinh văn này, nói rõ cho chúng ta về thế giới Tây Phương Cực Lạc. Bản thân cho đến môi trường học tập của chúng ta, siêu việt thế gian, siêu việt quốc độ của hết thầy chư Phật. Đây là chính điều đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy chúng ta. Phật Thích Ca Mâu Ni đại diện cho hết thầy chư Phật trong mười phương, giới thiệu đại sự nhân duyên này cho chúng ta.

Dưới đây là “Tiên minh chánh báo”.

“*Sở hữu chúng sanh, dung sắc vi diệu.*” “Dung” là tướng hảo. Trong nguyện văn nói: “*tam thập nhị tướng bát chủng tướng hảo*”. Ở đây cư sĩ Hoàng Niệm Tổ giải thích: Dung là, hình dung, là dung mạo. Thân có vô lượng tướng, tướng có vô lượng đẹp. “Sắc” là sắc tướng. “Vi diệu” là cực kỳ tinh diệu, dung sắc vi diệu. Một người tu hành, còn chú trọng đến những thứ đẹp này sao? Những thứ này, người tu hành chân chánh đã buông bỏ từ lâu rồi, tại sao ở đây vẫn còn? Buông bỏ điều gì? Buông bỏ dục niệm của quý vị. Quý vị tu hành, thì tánh đức tự nhiên thành tựu, đây không phải do con người làm nên, không phải ta muốn tướng đẹp, không phải vậy, không có ý niệm này.

Do đó chúng ta mới thể hội được, lời dạy trong kinh Phật: “nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh” là thật không phải giả. Tất cả pháp thế xuất thế gian, không một pháp nào chẳng phải từ tâm tướng sanh. Ý chánh trang nghiêm trong mười pháp giới, chư Phật Như Lai, pháp thân Bồ Tát đều đã đoạn hết tâm tướng, đã hết tâm tướng. Quý vị xem sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần, không khởi tâm, không động niệm. Khởi tâm động niệm đã không có, đương nhiên là không có phân biệt chấp trước rồi. Do đây biết được, không phải từ tâm tướng sanh, mà là tánh đức tự nhiên hiển lộ, tánh đức tự nhiên hiển lộ tinh diệu đến tột đỉnh. Chúng sanh trong mười pháp giới, bất luận là Thánh Hiền, hay là đại chúng, nếu đem so sánh với tánh đức thì thua xa. Tự tánh là tự nhiên, đẹp tự nhiên. Trong mười pháp giới giống như là hóa trang, đều là từ vọng niệm của mình sanh ra, không phải “tinh diệu chi cực”, không đạt được điều này, là do con người tạo nên.

“*Siêu thế hi hữu giả Luận Sớ viết, phi hữu lậu sanh diệt thân, cô vân siêu thế*”. Trong lục đạo là thân hữu lậu sanh diệt, tức là thân của họ có sanh có tử. Lục đạo luân hồi có hai loại sanh tử, một là “phân đoạn sanh tử”, nghĩa là từng đoạn từng đoạn, từng giai đoạn, từng giai đoạn của thân. Loại thứ hai “biến dịch sanh tử” là

biến đổi trong từng sát na không dừng nghỉ. Biến dịch sanh tử là tướng tế, phân đoạn sanh tử là tướng thô. Như con người sanh ra rồi chết đi là tướng thô. Sanh lão bệnh tử là tướng thô. Tướng tế thì sao? tướng tế là niệm niệm không dừng nghỉ.

Thân này là “phi thường”, thường là vĩnh hằng bất biến, thân này không phải vĩnh hằng bất biến. Là “Phi nhất”, nhất nghĩa là thuần nhất, không giữ được thân này. Trong một giây, biến số của nó đã đạt đến 1.600 triệu, niệm niệm không dừng nghỉ, niệm niệm không giống nhau. Cho nên nó là “phi nhất, phi thường”, là giả. Trong nhất chân pháp giới, thế giới Tây phương Cực Lạc, hoàn toàn là tự tánh tánh đức hiển lộ, nó là “nhất”, là “thường”, nó không có biến hóa, không có hai hiện tượng này. Không có hiện tượng phân đoạn sanh tử, nên nó là “thường”. Không có hiện tượng biến dịch sanh tử, nên nó là “nhất”. Cho nên gọi là nhất chân pháp giới.

Trong kinh luận của Pháp Tướng tông nói rằng, cảnh giới này là “duy tâm sở hiện”, nó không có thức. Nói cách khác, nó không có tám thức và 51 tâm sở, nên nó là “thường”, là “nhất”. Mười pháp giới có tám thức, có 51 tâm sở, nên nó là “phi thường”, “phi nhất”. Đây là siêu việt thân hữu lậu sanh tử, không giống thân trong mười pháp giới. Thân này của chúng ta hết sức phiền toái, phiền toái nghiêm trọng. Nếu quý vị hiểu và buông bỏ được thân này thì rất tự tại!

Phàm phu trong lục đạo, có người thông minh giác ngộ, họ biết rằng thân này là phiền toái, nên không cần thân thể. Người này ở đâu? Ở cõi trời Vô Sắc giới, người ở trời Vô Sắc giới không có nhục thân, họ không cần thân thể này, thông thường chúng ta gọi họ là linh giới. Một số người người gọi họ là linh hồn, họ chỉ có linh hồn, không cần nhục thể. Họ ở trời Vô Sắc giới, là tầng trời rất cao, thọ mạng rất dài, dài đến quý vị không tưởng tượng nổi. Trời Phi Tướng Phi Phi Tướng xứ, là tầng trời cao nhất của trời Vô Sắc giới, thọ mạng tám vạn đại kiếp. Một đại kiếp, bây giờ chúng ta nói là một đại nạn, đại nạn này là quả đất, là thái dương hệ, cũng có thể là Ngân hà hệ, một lần thành, trụ, hoại, không, gọi là một đại kiếp. Nói cách khác, thọ mạng của họ như hệ ngân hà của chúng ta, cũng có thể nói là tinh hệ, có tám vạn lần thành, trụ, hoại, không, thì quý vị biết thọ mạng này dài chừng nào rồi, không thể tính được.

Nhưng hết thời gian tám vạn đại kiếp, họ sẽ mất đi định công, Mất định công rồi thì sao? Lại phải tùy nghiệp lưu chuyển, họ lại đi đầu thai. Trong kinh Phật dạy chúng ta, đại đa số đều ở trong ba đường ác, đều ở địa ngục. Đây gọi là gì? Là trèo cao té nặng. Từ chỗ cao nhất rơi xuống thung lũng. Vì sao rơi xuống thung lũng? Bởi họ có kiến giải sai lầm -tà kiến, tà tri tà kiến, họ tự cho rằng cảnh giới của họ là Đại Bát Niết Bàn, là đạt được sự sống vĩnh viễn, không sanh không diệt. Đến lúc này, hiện tượng suy biến của họ hiện ra, không làm chủ được, do đó họ hủy báng Phật pháp, nói rằng: Phật pháp là giả! Các người xem, tôi chứng được Đại Bát Niết Bàn rồi mà vẫn còn sanh diệt. Đây là hủy báng Phật, hủy báng pháp và hủy báng tăng. Tội này là địa ngục A Tỳ, là bất chánh tri, không biết được chân tướng sự thật, lầm tưởng rằng đó là chỗ cứu cánh, là chứng đắc Đại Niết Bàn cứu cánh viên mãn, nên tạo thành quả báo như thế. Ra khỏi địa ngục, lại tu hành, quá trình như vậy không biết phải lập lại bao nhiêu lần, vì sao vậy? Vì làm xong họ lại quên mất, nếu nhớ được thì họ sẽ không làm lần thứ hai rồi, khi bị luân hồi thì họ quên hết sạch. Do đó chúng ta lãnh hội được là chúng ta đang luân hồi, sự việc ngu ngốc như vậy không biết làm bao nhiêu lần. Làm một lần là tám vạn đại kiếp. Chúng ta đang luân hồi trong lục đạo vô số lần tám vạn đại kiếp. Đức Phật thấy chúng ta, thật quá tội nghiệp!

Tu hành đời đời kiếp kiếp không dễ, được sanh lên cõi trời Dục giới đã khó rồi, huống gì là Sắc giới, Vô Sắc giới. Rơi vào cảnh bi thảm như vậy, là do không gặp được chánh pháp, hoặc là bản thân tu hành thành tựu được chút định công, gặp được đại thừa lại không tin tưởng, họ không thấy được quả báo thù thắng của đại thừa, cho rằng tự mình tu còn thù thắng hơn thế giới Cực Lạc, đây là sai lầm. Cho nên nếu Phật không ra đời, thì có mấy người được thoát ly luân hồi lục đạo? Ân đức lớn nhất của Phật ra đời, là vạch trần cho chúng ta thấy chân tướng của nhân sanh vũ trụ, để chúng ta biết được rốt cuộc là gì. Chúng ta nương vào lời giáo huấn của Phật, nương vào phương pháp và lý luận của Phật, thì có thể thoát khỏi, có thể vượt qua, siêu thế tức là vượt qua. Thế gian là lục đạo, là mười pháp giới. Thành tựu nhỏ thì vượt thoát luân hồi lục đạo, thành tựu lớn thì vượt qua mười pháp giới. Đâu biết vãng sanh thế giới Cực Lạc là vượt qua mười pháp giới. Chúng ta biết rằng trong đời này, được vãng sanh về thế giới Cực Lạc, mới là

việc lớn nhất, không có việc gì lớn hơn việc này. Đòi này đã gặp được cơ duyên này rồi, thì quyết không để vuột mất.

Sanh về thế giới Cực Lạc, trước nói rõ về thân thể ở đó, thân thể của quý vị là thân tướng như thế nào. “*Pháp tánh thanh tịnh thân thể, cố vân hi hữu*”. Ai đạt được thân thể pháp tánh thanh tịnh này? Là chư Phật Như Lai, là pháp thân Bồ Tát. Trong kinh điển đại thừa thường nói, thân thể của 41 vị pháp thân đại sĩ là thân pháp tánh thanh tịnh, chúng ta vô cùng ngưỡng mộ. Thân thể ấy là chân thân, là kim cang bất hoại thân, không cần ăn uống, không cần ngủ nghỉ, vĩnh viễn không già yếu, vĩnh viễn không thay đổi, tướng hảo quang minh không gì sánh bằng, giống Phật A Di Đà không khác, cho nên nói là hi hữu.

Hựu Vãng Sanh luận kệ viết, *thiên nhơn bất động chúng, thanh tịnh trí hải sanh*. Chỗ này giải thích rằng cõi Phạm Thánh Đồng Cư không phải ở trên, Tứ Độ là tầng thấp nhất. Cõi Phạm Thánh Đồng Cư có chúng trời, chúng người, trời người là cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Thiện căn, phước đức và nhân duyên trong đại chúng này không giống nhau, thù thắng nhất là thiên đạo, bình thường là nhơn đạo. “Thiên nhơn bất động”, cần chú ý hai chữ “bất động” này, bất động là không khởi tâm, không động niệm, chứ không phải gì khác. Không khởi tâm không động niệm là gì? Là tự tánh bản định. Cảnh giới mà pháp thân Bồ Tát chứng đắc, là thế giới Tây phương Cực Lạc, người trời trong cõi Phạm thánh Đồng Cư đều đã đạt được.

“Thanh tịnh trí hải sanh” nói lên điều gì? Họ không phải là thân nghiệp báo. Nói cách khác, một câu A Di Đà Phật, thật sự giúp chúng ta chuyển phàm thành thánh, đây là sự chuyển biến cao tột. Đức Thế Tôn dạy học, chuyển biến có ba bậc, một là giúp quý vị chuyển ác thành thiện, trong lục đạo luân hồi, để quý vị thọ sanh vào đường lành của cõi trời, người, quý vị không sanh vào đường ác, chuyển ác thành thiện. Trong ba đường lành có A tu la nhưng A tu la không phải là thuần thiện, ta cũng không cần, chỉ cần cõi trời và người. Hướng lên trên nâng cao cảnh giới, chuyển mê thành ngộ, quý vị là Bồ Tát. Sau cùng là giúp quý vị chuyển phàm thành Thánh. Tiêu chuẩn của Thánh ở đây, là minh tâm kiến tánh, là đã siêu việt mười pháp giới rồi. Ở thế giới Tây phương Cực Lạc siêu việt mười pháp giới, thì siêu việt hai quốc độ dưới- cõi Đồng Cư và cõi Phương Tiện. Trong

cõi Thật Báo, 41 vị pháp thân đại sĩ gọi là Thánh nhân, ở cõi Phương Tiện gọi là Hiền nhân, ở cõi đồng Cư là phàm phu. “Thanh tịnh trí hải sanh”, trí này là tự tánh vốn đầy đủ trí huệ Bát Nhã, vốn có trong tự tánh. Thân này do tự tánh biến hiện ra, thể là tự tánh.

“Do thượng khả kiến, sở hữu chúng sanh, giai thị nhất thanh tịnh câu chi lưu hiện”. Phải nhờ kỹ “thanh tịnh câu”. Trong chú giải Lão Niệm phổ biến trích dẫn, trong Vãng Sanh luận nói: “chân thật trí huệ vô vi pháp thân”, đây gọi là “thanh tịnh câu”. Vô vi pháp thân từ trong trí huệ thanh tịnh biến hiện ra, tự nhiên siêu việt thế gian. Thân thế gian là nghiệp báo của chúng ta hiện ra. Nghiệp của chúng ta có tịnh nghiệp, nhiễm nghiệp, thiện nghiệp, ác nghiệp. Thuận tịnh hay nhiễm tịnh, thiện hay ác đều tại tâm, tâm là chủ tử, ngôn ngữ hành động đều nghe theo mệnh lệnh của tâm, cho nên tâm thanh tịnh thì thân khẩu thanh tịnh, tâm bất tịnh thì thân khẩu bất tịnh, trong bất tịnh có thiện ác, thiện ác đều là nhiễm. Thiện nghiệp thì chiêu cảm phước báo trời người, ác nghiệp thì chiêu cảm khổ báo trong tam đồ. Tam đồ khổ, khổ lắm!

Tôi từng thấy người ta nhập hồn, nhìn cách biểu đạt của họ vô cùng thâm thúy. Đó là ai? là chúng sanh ở địa ngục lên nhập hồn, quý vị thấy cách họ chịu khổ, cảm thấy rất đau lòng. Điều này trên sân khấu tuyệt đối không thể biểu diễn được, đó là chúng sanh trong địa ngục, khi rời khỏi địa ngục họ dựa vào thân người, sự thống khổ đó thật sự mà nói là đã giảm nhẹ rất nhiều rồi, rời khỏi địa ngục vẫn còn một chút đau khổ, chúng tôi thấy họ rất thâm thúy. Cái khổ của địa ngục thì không cần nói cũng biết, tội báo! Tạo tác tội nghiệt nên họ thọ loại quả báo đó.

Thế giới Cực Lạc không có nhiễm tịnh, khổ vui, tất cả đều buông bỏ. Cho nên nghiệp của họ gọi là tịnh nghiệp, thuận tịnh thuận thiện. Chiếu theo “kinh A Di Đà” tu hành, thì có thể tu đến thuận tịnh thuận thiện. Thuận tịnh thuận thiện chiêu cảm quả báo là thế giới Tây Phương Cực Lạc. Quý vị có tịnh nghiệp thuận tịnh thuận thiện, thì Phật A Di Đà giúp quý vị, hoàn toàn tương ứng với tâm nguyện của quý vị, hiện thân thanh tịnh, quốc độ thanh tịnh, giúp quý vị ở đây tu hành, thành tựu tánh đức viên mãn, chứng đắc quả vị Diệu Giác. Bản thân chúng ta không đủ điều kiện này, thì Phật A Di Đà không giúp gì được. Phật có thể gia trì cho quý vị, là khi bản thân của quý vị tu đức được tăng lên một bậc. Bản thân của

quý vị không có một tí tu đức nào, thì Ngài không cách gì giúp quý vị được, không giúp được gì. Quý vị có một phần tu đức, thì được một phần gia trì. Quý vị có 10 phần tu đức, thì được ngài gia trì quý vị 10 phần. Phật A Di Đà chắc chắn không có phân biệt, không chấp trước, không thương ghét. Ngài không phải như chúng ta thích người này, không thích người kia, không có như vậy, Phật không có tâm này. Tâm Phật là thanh tịnh bình đẳng giác, điều này chúng ta cần nên học, bắt buộc phải học.

Trong cuộc sống thường ngày của chúng ta, việc đối nhân xử thế, phải quy về thanh tịnh bình đẳng giác. Thanh tịnh là gì? Nghĩa là thiên hạ vốn vô sự, việc gì cũng không chấp thì tâm thanh tịnh. Còn có cái này, có cái kia, làm sao tâm quý vị thanh tịnh được chứ? Cho nên buông bỏ hết những cái này, những cái kia, quyết không để lại trong tâm. Người chân thật niệm Phật, trong tâm chỉ có một câu A Di Đà Phật, ngoài Phật A Di Đà ra không có bất kỳ thứ gì, thì tâm thanh tịnh hiện tiền. Nhìn tất cả mọi người, tất cả mọi việc và tất cả vật, đều là Phật A Di Đà, bình đẳng, thanh tịnh bình đẳng hiện tiền. Thanh tịnh bình đẳng sao có chuyện bắt giác được!

Thanh tịnh bình đẳng là tự tánh bản định, tự tánh vốn có sẵn trí huệ Bát Nhã, trí huệ hiện tiền gọi là giác. Chúng ta tu đạt đến cảnh giới này rồi, không vãng sanh được sao? Chắc chắn được vãng sanh, sanh về thế giới Tây phương Cực Lạc, là sanh về cõi Thật Báo Trang Nghiêm, chứ không phải cõi Đồng Cư hay cõi Phương Tiện, không phải. Quý vị suy nghĩ xem, chúng ta làm được không? Làm được hay không hoàn toàn tại bản thân quý vị, nếu quý vị muốn thì làm được, không muốn thì việc đó rất khó. Quyền này không phải ở người khác, không liên can đến bất kỳ người nào, cũng không liên can đến Phật A Di Đà, hoàn toàn ở chính mình. Đó chính là trong tâm chỉ có Phật A Di Đà, ngoài Phật A Di Đà ra, tất cả đều bỏ hết. Như thế là quý vị quyết vãng sanh, lại quyết vãng sanh về cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Sau khi hạ quyết tâm, ngay cả sự việc này cũng không nghĩ đến, chỉ nghĩ đến Phật A Di Đà, chỉ niệm Phật A Di Đà. Quý vị đến thế giới Cực Lạc, quả báo tự nhiên hiện tiền, lúc này quý vị mới thật sự hiểu rõ “giai thị nhất thanh tịnh câu chi lưu hiện”. Vì sao vậy? Bởi quý vị tận mắt thấy được “siêu việt thế gian”. Trong kinh văn nói là “siêu thế hi hữu”.

“Tái giả, tất giai liên hoa hóa sanh chân kim sắc thân, tam thập nhị tướng, cố vân siêu thế hi hữu”. Thế giới Cực Lạc không phải do thai sanh, không phải do noãn sanh, mà là hóa sanh. Thai sanh và noãn sanh đều có khổ, hóa sanh không có khổ. Hoa sen hóa sanh, hoa sen tượng trưng cho sự thanh tịnh. Rễ sen ở trong bùn, tượng trưng cho lục đạo, lục đạo nhiễm ô. Thân hoa sen ở dưới nước, nước tượng trưng cho Tịnh độ, nước tượng trưng cho thanh tịnh. Bùn tượng trưng cho sự nhiễm ô, lục đạo. Thanh tịnh là pháp giới tứ Thánh- Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát và Phật. Thân ở dưới nước, hoa ở trên mặt nước. Điều này muốn nói rằng, mặc dù ở trong tứ thánh, lục đạo, nhưng không bị nhiễm lục đạo tứ Thánh. Đối với hai thứ nhiễm và tịnh này không chấp trước, không phân biệt, buông bỏ triệt để. Hoa nở trên mặt nước là tượng trưng cho nhất chân pháp giới, là cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Phật giáo dùng hoa sen làm pháp tượng trưng, đặt biệt là Tịnh Độ tông.

Tịnh Độ tông cũng gọi là Liên tông, từ hoa sen quý vị mới có thể thấy được sự thanh tịnh. Cho nên thân là pháp tánh thân, sống trong quốc độ là cõi pháp tánh. Sáu căn tiếp xúc với cảnh giới, đều là tánh đức tự nhiên thành tựu.

“Chân kim sắc thân, tam thập nhị tướng, cố vân siêu thế hi hữu”. Tam thập nhị tướng ở trước chúng ta đã học qua, do đương thời đức Thế Tôn tùy thuận một số đại chúng trong xã hội mà nói. Trên thực tế không chỉ trong Quán Vô Lượng Thọ kinh, đức Phật giới thiệu cho chúng ta về Phật A Di Đà, nói thân Phật A Di Đà có tám vạn bốn ngàn tướng, mỗi một tướng có tám vạn bốn ngàn tùy hình hảo. Chúng ta thấy trong kinh Vô Lượng Thọ nói về 32 tướng, là thuận theo thế tục mà nói. Trong Quán kinh, là thuận theo chân đế mà nói về chân tướng sự thật.

Câu “sắc tướng giai như” dưới đây vô cùng quan trọng. “Như” nghĩa là gì? là giống như Phật A Di Đà. Quý vị muốn hỏi đến Tây phương quý vị có hình dáng như thế nào? Đệ tử của Phật A Di Đà đương nhiên là giống Ngài rồi. Con giống cha, trò giống thầy, giống thầy như in. Nếu muốn hỏi tại sao như vậy? Đạo lý này rất đơn giản, rất dễ hiểu, là tướng tùy tâm biến. Tâm của quý vị giống Phật A Di Đà. Nguyện của quý vị giống Phật A Di Đà. Hạnh của quý vị cũng giống Phật A Di Đà, thì thân thể, tướng mạo của quý vị sao không giống Phật A Di Đà được?

Làm gì có đạo lý này! Chánh báo giống nhau, thì môi trường sống của quý vị, khác Phật A Di Đà được sao? Đương nhiên là không khác, đạo lý là ở chỗ này.

Chúng ta sống trên thế gian này, chưa đến thế giới Cực Lạc, tướng mạo, thể chất của chúng ta hầu như không thay đổi, hoàn cảnh sống cũng không thay đổi, nhưng ít thiên tai ít bệnh nã, chắc chắn quý vị đã phát hiện rồi, đó là điều lợi ích cho việc học Phật của mình. Quý vị phải biết, quỷ thần nhìn quý vị, thiên thần nhìn quý vị lại khác nhau. Thiên thần nhìn quý vị, tướng của quý vị là giống Phật A Di Đà, bản thân của quý vị không biết, nhưng người có thần thông sẽ thấy rất rõ ràng, rất minh bạch. Thấy điều gì? Thấy tướng của quý vị, thấy hình sắc của quý vị, sẽ biết được công phu tu hành của quý vị đến mức độ nào, rất rõ ràng. Tự nhiên quý vị được chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần bảo hộ quý vị, ủng hộ quý vị. “*Có viết hàm đồng nhất loại*”, hoàn toàn tương đồng với Phật A Di Đà, không có tướng sai biệt. Sự việc này là trong 48 nguyện của Phật A Di Đà, thành tựu được 3 nguyện.

“*Thử tức thân tất kim sắc nguyện, tam thập nhị tướng nguyện, dữ thân vô sai biệt nguyện chi thành tựu*”. Thành tựu 3 nguyện. 48 nguyện của Phật A Di Đà, mỗi nguyện đều thực hiện. Đây gọi là bốn nguyện oai thần gia trì.

“*Hựu bỉ độ chúng sanh, giai đắc thần thông tự tại, giai tất trú u chánh định chi tụ, đắc bất thoái chuyển, thật giai viễn siêu thiên nhơn, duy dĩ tha phương đa hữu thiên nhơn, cố tùy phương tục, nhi diệc hữu thiên nhơn chi danh*”. Quả thực mà nói, chúng ta đều gọi là Bồ Tát. Chúng Bồ Tát ở thế giới Cực Lạc, đức Thế Tôn giới thiệu cho mọi người rằng có người, có trời, là vì trong thế gian chúng ta, mọi người có tập quán biết có trời có người, Phật tùy thuận chúng ta nói có người, có trời ở thế giới Cực Lạc. Trên thực tế trời, người ở bên đó, không thể so sánh với người, trời ở cõi của chúng ta. Phật trong mười pháp giới của chúng ta, cũng không thể so sánh với trời người ở cực lạc, thua quá xa. Ba câu sau, nói cụ thể về chân tướng sự thật.

Thứ nhất là “*thần thông tự tại*”, chư thiên ở cõi của chúng ta có thần thông, nhưng không được tự tại. Chư thiên có thể tùy ý đến thế giới Cực Lạc để thấy Phật A Di Đà hay không? Họ không làm được. Nhưng thiên nhân ở thế giới Cực Lạc, thần

thông của họ, đối với chư Phật Như Lai trong mười phương, họ muốn thấy vị nào thì thấy được vị đó, không có gì chướng ngại.

Kinh Di Đà giới thiệu cho chúng ta phương tiện nói, mỗi ngày quý vị đều có thể đi lễ bái mười vạn ức Phật, đây là phương tiện nói. Vì sao nói mười vạn ức? Vì thế giới Tây phương Cực Lạc cách chúng ta mười vạn ức quốc độ Phật. Ý nói là quý vị đến thế giới Cực Lạc, bất cứ lúc nào cũng có thể trở về trái đất, thăm những bạn bè thân thích mà quý vị nhớ, ý là như vậy. Bất cứ lúc nào quý vị cũng có thể trở về. Trên thực tế, thần thông của họ tự tại đến mức độ nào? Họ có thể đồng thời đi tham vấn hết thấy chư Phật Như Lai trong biên pháp giới hư không giới, nhưng bản thân của họ không rời Phật A Di Đà, đó là phân thân đi. Chỉ cần nơi nào có Phật, thì chẳng nơi nào không phân thân được. Cúng Phật tu phước, nghe pháp khai mở trí huệ, phước huệ song tu. Thế giới của chúng ta, chư thiên ở tầng trời thứ 28 cũng không làm được điều đó, nhưng họ làm được.

Thứ hai là “giai tất trú ư chánh định chi tự”. Chánh định này tức là tự tánh bản định, đi đứng nằm ngồi đều ở trong định. Ý nói là sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần bên ngoài, không khởi tâm, không động niệm, khởi tâm động niệm đã không có, đương nhiên không thể có phân biệt chấp trước. Đây là cảnh giới gì? Cảnh giới của pháp thân Bồ Tát. Chẳng phải chúng ta không làm được pháp thân Bồ Tát. Bây giờ chúng ta học được không? Học được. Học được thì quý vị thành Phật. Mắt thấy sắc tướng bên ngoài, thấy rất rõ ràng, minh bạch, đó là trí huệ. Không khởi tâm không động niệm là tự tánh bản định. Chẳng phải nói rằng không khởi tâm, không động niệm là không thấy bên ngoài, đó gọi là vô minh, không phải ý này. Thấy bên ngoài rõ ràng nhưng không khởi tâm, không động niệm. Thấy bên ngoài rõ ràng mà không phân biệt, không chấp trước cũng gọi là định. Không chấp trước là định của nhị thừa- Thanh Văn, Duyên Giác. Không phân biệt là định của Bồ Tát. Nhưng chỉ có không khởi tâm không động niệm mới là tự tánh bản định. Đạt được ba loại định này thì trí huệ khai mở.

Tiểu thừa không chấp trước, tuy trí huệ của họ không bằng Bồ Tát, nhưng cõi nhân thiên lại không bằng họ. Trong pháp thế gian họ là thù thắng bậc nhất. Đến lúc không khởi tâm, không động niệm là viên mãn đại định, tự tánh trí huệ viên mãn hiện tiền. Đây là loại đức tướng thứ hai.

Tiếp theo là “đắc bất thoái chuyển”, cõi trời người ở thế giới chúng ta, bất luận là tu thế gian pháp hay là xuất thế gian pháp, đều tiến ít thoái nhiều, cho nên rất khó thành tựu. Đến thế giới Tây phương Cực Lạc học tập, chỉ có tiến bộ không có thoái lui. Lợi ích này tìm đâu ra! Trong kinh dạy chúng ta rằng: “đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát”. A Duy Việt Trí là tiếng Phạn, nghĩa là không thoái chuyển. Có đủ ba loại không thoái chuyển mới gọi là A Duy Việt Trí.

Thứ nhất là vị bất thoái, nếu họ là Thánh nhân, chắc chắn không thoái chuyển đến địa vị phàm phu. Thứ hai, nếu họ là Bồ Tát, tuyệt đối không thoái chuyển đến nhị thừa. Thứ ba, nếu họ là pháp thân Bồ Tát, niệm niệm lưu nhập biển nhất thiết trí, cũng tức là nói phương hướng, mục tiêu của họ tiến bộ từng ngày, hướng đến quả vị vô thượng bồ đề, cứu cánh diệu giác. Điều này không phải là người ở mười pháp giới, mười phương thế giới so sánh được với họ? Nên nhớ rằng, đây là nói về chúng sanh ở thế giới Cực Lạc. Những người ở cõi Phàm Thánh Đồng cư vãng sanh, đều đạt được. Cho nên dưới đây nói “thật” là trung thực mà nói, “giai viễn siêu thiên nhơn”, họ vượt trội rất nhiều rất nhiều so với chư thiên nhân trong mười phương thế giới. Điều này cho chúng ta hiểu rằng, chúng ta đều là đời nghiệp vãng sanh, sanh về thế giới Cực Lạc, trong này nói “bỉ độ chúng sanh” có sự thành tựu thù thắng như vậy, sự thành tựu này thông thường mà nói, pháp thân đại sĩ mới có đủ.

Vì sao ở thế giới Tây phương, người bình thường cũng có đủ? “Duy dĩ tha phương đa hữ nhơn thiên”, tha phương là ngoài thế giới Cực Lạc, gọi là tha phương, tha phương thế giới quốc độ chư Phật, có mười pháp giới, có lục đạo, nên có tên gọi là nhơn thiên. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giới thiệu cho chúng ta, có khi cũng tùy thuận vào phong tục tập quán mỗi địa phương của chúng ta, “cổ tùy phương tục, nhi diệc hữ thiên nhơn chi danh”, gọi những người ở cõi Phàm Thánh Đồng Cư vãng sanh, là bao gồm cả trời người ở trong đó.

“*Bổn kinh Lễ Phật Hiện Quang Phẩm, vị bỉ độ duy thị chúng thật trang nghiêm Thánh Hiền cộng trú*”. “Bỉ độ” là chỉ cho thế giới Cực Lạc. Trong tứ độ cũng đã nói đến, thế giới Cực Lạc là thế giới bình đẳng. Tuy có tứ độ, tứ độ bất phân, “nhất tức thị tứ, tứ tức thị nhất”, điều này thế giới khác không có. Thế giới này duy nhất là “chúng thật trang nghiêm”, chẳng có thứ gì không phải là trân bảo.

“Thánh Hiền cộng trú”, Thánh là Phật, diệu giác gọi là Thánh. Hiền là Bồ Tát. Trong giáo lý đại thừa thường nói là thập Thánh tam Hiền, đấng địa gọi là Thánh. Thập trú, thập hạnh, thập hồi hướng gọi là Hiền. Tam Hiền thập thánh. Cõi Phàm Thánh Đồng Cư không phải Hiền Thánh, nhưng chúng ta thấy nguyện thứ hai trong 48 nguyện, đây là chính Phật A Di Đà nói: “phàm sanh về thế giới Tây phương Cực Lạc, bao gồm cả cõi Đồng Cư hạ hạ phẩm vãng sanh, cũng làm Bồ Tát bất thoái chuyển”, đó là Thánh Hiền. Bồ Tát bất thoái chuyển chính là tam Hiền thập Thánh, “Thánh Hiền cộng trú”.

“Tức giai thị Thánh Hiền, cố tri thật phi thế gian chi thiên nhơn dã”. Từ điểm này chúng ta lãnh hội được, thực sự không phải quốc độ của mười phương chư Phật, hay thiên nhơn trong mười pháp giới. Hoàn toàn không giống nhau.

“Chí ư bỉ độ trung sở vị vi nhơn dữ thiên giả, y Nghĩa Tịch ý”. Đại sư Nghĩa Tịch có kiến giải như vậy.

“Hữu niệm Phật kiêm trì ngũ giới vãng sanh giả”. Đây là nghiệp của con người, ngũ giới là Phật dạy cho người.

“Tịnh thử dĩ thứ, giai sở vị nhơn dã”. Là khi Phật còn tại thế, đem giáo pháp phổ thế cho người hạ căn. Phổ là phổ biến, dạy luân lý, đạo đức, nhân quả cho mọi người. Những điều này là gì? Là nền tảng làm người, cũng là nền móng của sự tu hành. Xã hội an định, nhân dân sống ấm no hạnh phúc, dạy những pháp nhỏ này, là dạy cho con người. Đây nói là vì con người.

“Hoặc niệm Phật kiêm thập thiện”, thập thiện này là thượng phẩm thập thiện. Tu thượng phẩm thập thiện, quý vị chiêu cảm được thiên đạo, thiên nghiệp. *“Vãng sanh giả, thị danh thiên. Hựu địa cư giả, nhơn dã, hoặc trú hư không giả, thiên dã”*. Ở đây đều là lấy thế giới của chúng ta làm ví dụ. “Cổ hữu thiên nhơn chi danh”. Trên thực tế, hoàn cảnh ở thế giới Cực Lạc, quả thực chúng ta không tưởng tượng được. Đợi chúng ta sanh về thế giới Cực Lạc thì sẽ rõ hết. So với sự tưởng tượng của chúng ta, không biết hơn bao nhiêu lần. Đi rồi chắc chắn sẽ hối hận mình đã đến chậm, vì sao không đến sớm hơn? Nhưng cũng coi là tốt rồi. Phật A Di Đà kiến lập thế giới này đến bây giờ mới 10 vạn kiếp, thời gian không dài lắm, bây giờ chúng ta đi, thế giới Cực Lạc sau này đều thuộc nguyên lão, thế giới Cực Lạc rất mới mẻ

Chúng ta xem tiếp đoạn dưới đây, dùng ví dụ để làm rõ. “*Phật cáo A Nan, thí như thế gian, bản khổ khát nhân, (ăn xin, người ăn xin) tại đế vương biên, diện mạo hình trạng, ninh khả loại hồ*”. So với đế vương thì như thế nào? Khác biệt rất lớn, làm sao sánh được. “*Đế vương nhược bỉ, chuyển luân thánh vương, tắc vi bỉ lậu, do bỉ khát nhân, tại đế vương biên dã*”. Đế vương ở nhân gian đứng với chuyển luân thánh vương, thì đế vương ở nhân gian không khác gì kẻ ăn xin. Chuyển luân thánh vương giống bậc đế vương, khác biệt quá nhiều. “*Chuyển luân thánh vương, oai tướng đệ nhất*”. Trong kinh Phật đã nói cho chúng ta biết, chuyển luân thánh vương có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, nhưng so với Phật thì sao? 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp của Phật vô cùng rõ ràng, còn tướng của chuyển luân thánh vương mờ hơn, nhìn kĩ thì có nhưng không rõ ràng như Phật, không trang nghiêm như Phật. Đây là đệ nhất uy tướng, đệ nhất nhân gian.

“*Bỉ chi Dao Lợi thiên vương, hựu phục xú liệt*”. Nếu chuyển luân thánh vương với tầng trời thứ hai- Dao Lợi thiên vương, người Trung Quốc chúng ta gọi là ngọc hoàng đại đế, chuyển luân thánh vương đứng với ngọc hoàng đại đế, thì cũng giống như kẻ ăn xin đứng bên bậc đế vương vậy.

“*Giả linh Đế Thích, tỷ đệ lục thiên*”, Đế Thích tức là Dao Lợi thiên vương, Dao Lợi thiên vương là tầng trời thứ hai, trên nữa là tầng trời thứ sáu. Nếu đứng với Tha Hóa Tự Tại thiên vương thì “*tuy bách thiên bội, bất tương loại dã*”. Tha Hóa Tự Tại thiên vương so với Dao Lợi thiên vương, vượt hơn trăm lần, nghìn lần, không thể sánh được.

“*Đệ lục thiên vương, nhược tử Cực Lạc quốc trung, Bồ Tát Thanh Văn, quang nhan dung sắc, tuy vạn ức bội, bất tương cập dã*”. Đây không là người thường, Tha Hóa Tự Tại thiên vương so với Bồ Tát của thế giới Cực Lạc. Bồ Tát này là ai? là Bồ Tát ở cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Thanh Văn thì sao? là Bồ Tát ở cõi Phương Tiện Hữu Dư, so với những vị Bồ Tát này, thì vạn ức lần, vạn lần ức lần cũng không bằng, ví dụ này rất hay. Quý vị sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc, báo thân tướng đẹp của quý vị dục giới thiên vương cũng không sánh bằng, dục giới thiên không thể so sánh. Ngày nay chúng ta hóa trang như thế nào, trang điểm như thế nào cũng không đẹp, cũng không thể sánh bằng.

Chúng ta xem chú giải của Niệm lão. “*Hữu cử*”, bên phải đoạn kinh văn đưa ra ví dụ: “*dĩ hiển bỉ độ chúng sanh dung sắc chi siêu thắng*”. Dung mạo, sắc tướng của họ siêu việt thù thắng, “*Cộng tác ngũ phiên thí dụ giáo lượng*”, đem so sánh, đem đo lường.

Một là đem hành khát so sánh với đế vương. “*Khất giả, khát cái, thảo phạm cầu sanh chi nhân, hình dung khô cảo*”. Quý vị thấy người muốn xin ăn, thông thường gọi là ăn xin, nghĩa là con người trong lúc bần tiện đến tột cùng lấy việc xin ăn làm sự sống. Bần là không có của cải, tiện là không có địa vị. Trong xã hội không có địa vị, không có của cải, đến bước đường cùng, chính là người ăn xin, bần tiện đến tột cùng.

“*Nhân gian đế vương, dưỡng tôn xư ưu, hình mạo phong nhuận, dung nhan quang trạch*”. Đại phú đại quý. Các đế vương ngày xưa thường nói: “Phú hữu tứ hải, quý vi thiên tử”. Bậc đế vương giàu sang ở nhân gian và một người ăn xin bần tiện tột cùng, hai người này không thể so sánh với nhau được, chúng tôi nói là họ khác nhau một trời một vực.

Hai là lấy đế vương của nhân gian so sánh với chuyển luân thánh vương, thì đế vương của nhân gian giống như kẻ ăn xin, chuyển luân thánh vương là thiên tử, khác biệt rất lớn “*hưu bất như viễn thậm*”, sai khác rất lớn.

Ba là lấy chuyển luân thánh vương so sánh với Đế Thích. Đế Thích tức là Đạo Lợi thiên vương, người Trung Quốc gọi là ngọc hoàng đại đế.

Bốn là lấy đế thích thiên so sánh với tầng trời thứ sáu - Tha Hóa Tự Tại thiên. Dục giới có 6 tầng trời, tầng cao nhất là thiên đỉnh- Tha Hóa Tự Tại thiên vương. Trên tầng trời thứ 6 là Sắc giới thiên, Sắc giới thiên đã đoạn hết tình dục. Nếu con người không rời bỏ được tài sắc danh thực thùy, đây gọi là ngũ dục. Người nhiều ngũ dục thì không ra khỏi được dục giới. Năm thứ này có thể xả bỏ được. Một số người nói rằng, chúng tôi học Phật rồi, tài có thể xả, sắc cũng có thể xả được, sắc của nam nữ cũng xả được, danh cũng vậy, nhưng hai cái sau khó quá, ăn và ngủ cũng xả được sao? Xả được. Người ở Sắc giới thiên không ăn uống, không cần ăn uống, không cần ngủ nghỉ. Chư thiên ở dục giới hướng lên trên, càng lên cao càng đạ bạc, đến lúc xuất thiên thì không còn nữa, ngũ dục thật sự đã buông bỏ. Vậy họ lấy gì để nuôi thân thể? Phật dạy chúng ta “*thiền duyệt vi thực*”, ý này quý

vị có hiểu được không? Thiên là gì? Là tâm thanh tịnh, tâm địa thật sự thanh tịnh không nhiễm bụi trần. Duyệt là hoan hỷ. Trong kinh giáo đại thừa thường nói “thường sanh hoan hỷ tâm, pháp hỷ sung mãn”, đây là thượng đẳng trong thiên duyệt. Ngạn ngữ dân gian có câu: “nhân phùng hỷ sự tinh thần sáng”, người gặp được chuyện vui thì vui vẻ, quên ăn quên ngủ, chuyện này thật sự có đấy. Dùng chân tướng sự thật này để giải thích câu thiên duyệt vi thực.

Quý vị nên biết, Sắc giới, Vô Sắc giới là người tu hành, không phải một người bình thường, họ tu hành có định công. Nói cách khác, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng của họ hiện tiền, nhưng khác với tu thiên định trong Phật pháp, khác ở chỗ nào? Trong Phật pháp tu thiên định là vô ngã, tứ thiên bát định là hữu ngã, nên gọi là thiên định thế gian. Hữu ngã, họ còn có lạc thọ, nghĩa là niềm vui thiên định.

Ở Sắc giới thiên vẫn còn tam tai. Đức Phật dạy rằng, hỏa tai có thể cháy đến trời Đao Lợi. Thủy tai có thể ngập đến trời Nhị Thiên. Phong tai có thể thổi đến trời Tam Thiên. Trời Tứ Thiên gọi là cõi phước, không có tam tai, thủy hỏa phong đều không có. Từ hiện tượng này chúng ta lãnh hội được, tam tai là quả báo, gọi là đại tam tai. Đây là thiên tai của vũ trụ, không phải của trái đất, trái đất là tiểu tam tai, những tinh hệ rơi rớt. Sở dĩ đức Phật gọi là đại tam tai, vì thủy tai là do tham lam chiêu cảm ra, hỏa tai là do sân nhuế chiêu cảm ra, phong tai là do ngu si chiêu cảm ra. Nói cách khác, đạt đến định công của đệ tứ thiên, mới có thể thật sự đè nén được tham sân si, không phải đoạn, mà là đè nén. Đè nén tham sân si không cho nó khởi tác dụng, có tham sân si nhưng không khởi tác dụng. Cho nên chỗ của họ không có đại tam tai.

Tứ thiên gọi là trời phước. “Người phước ở đất phước, đất phước người phước ở”. Do đó chúng ta hiểu được, vì sao thế giới Cực Lạc không có thiên tai. Cõi Phạm Thánh Đồng Cư của họ, ở nhân gian, ta không nói trên trời, chỉ nói ở nhân gian, không có đại tam tai, cũng không có tiểu tam tai, còn thù thắng hơn cõi trời Tứ Thiên. Người ở cõi trời Tứ Thiên không đạt được thần thông tự tại, không trụ trong chánh định tự, họ không có tự tánh bản định. Họ tu thiên định, không được bất thoái chuyển, nhưng đạt được hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Đồng Cư.

Bổn nguyện oai thần gia trì của Phật A Di Đà, những người có đầy đủ ba điều kiện, Phật A Di Đà mới gia trì được. Ba điều kiện đó là, thứ nhất là trung thực, hai là nghe lời, ba là thực hành. Ba câu này cũng là Tam Bảo. Nếu quý vị đầy đủ ba điều kiện này, thì quý vị là đệ tử quý của chư Phật Như Lai. Vì sao vậy? Vì nhất định quý vị sẽ thành tựu. Không đầy đủ ba điều kiện này, thì Phật A Di Đà có đến dạy quý vị cũng không ích gì, cũng không thể dạy quý vị tốt được, cho nên Ngài không đến.

Như thế nào mới cảm được Phật A Di Đà đến giúp quý vị? Là quý vị phải có ba điều kiện này, thì Phật A Di Đà mới đến. Phật A Di Đà đến gia trì quý vị, thì làm gì có chuyện thiên long thiện thần không ủng hộ quý vị. Người đời nói rằng, không có chuyện không báo hộ quý vị! Nếu chúng ta hiểu được sự thật này rõ ràng, tường tận rồi, sẽ biết được vì sao phải buông bỏ hết vạ duyên, vì sao phải nhất tâm chuyên niệm. Buông bỏ tất cả thì tâm thanh tịnh hiện tiền. Nhất tâm chuyên chú thì tâm bình đẳng hiện tiền, người này chắc chắn được sanh Tịnh độ. Chúng ta khởi tâm động niệm, Phật A Di Đà đều biết hết. Quý vị có thể dối mình, có thể dối người, nhưng không dối được chư Phật Bồ Tát, cũng không dối được trời, thậm chí không cũng dối được quỷ thần, đây là sự thật.

Cho nên trong này Niệm Lão nói, thứ ba là chuyển luân thánh vương so với đế Thích. Thứ tư là đế Thích so với tầng trời thứ sáu. Thứ 5 là tầng trời thứ sáu so với chư Bồ Tát Thanh Văn ở thế giới Cực Lạc, không sánh kịp, không sánh bằng, còn hơn gấp vạn lần, ức lần.

“*Cực hiển bỉ quốc hội chúng, quang nhan dung sắc siêu thế hi hữu*”. Không ai có thể sánh bằng, đây hoàn toàn là sự thật, chúng ta phải tin tưởng lời Phật dạy. Trong kinh Kim Cang nói rất rõ: “Như Lai thị chân thật ngữ. Thật ngữ giả, như ngữ giả”. Như ngữ tức là Ngài nói đúng với chân tướng sự thật, không thêm không bớt, chẳng chút khoa trương nào, đặt niềm tin cho mọi người. Vì thế lời Phật dạy chúng ta không thể không nghe.

Những lời trong kinh, mỗi chữ mỗi câu, đều là đương thời đức Thế Tôn tuyên thuyết, các vị đệ tử ghi chép, truyền lại cho đời sau. Hai ngàn năm trước truyền đến Trung Quốc, người Trung Quốc phiên dịch khẳng định đáng tin cậy, điều này rất khó bảo người ta tin tưởng được. Khi tôi mới học Phật, có nhiều điều nghi

hoặc, tôi bàn luận với thầy Phương, thỉnh giáo thầy Lý. Thầy Phương bảo tôi, bởi tôi thỉnh giáo thầy về vấn đề này. Lúc đó hàng loạt kinh điển tiếng Phạn truyền đến Trung Quốc, sau khi dịch ra chữ Hán, vì sao kinh điển tiếng Phạn, không bảo tồn lại? Trong sự tưởng tượng của chúng ta, lẽ ra phải thu thập những kinh điển này và bảo tồn lại. Thầy Phương bảo tôi, người Trung Quốc xưa không giống như bây giờ. Không giống ở điểm nào? Người bây giờ đối với bản thân không có tín tâm, không tự tin. Người xưa có lòng tự tin mạnh mẽ. Chúng ta dịch kinh điển tiếng Phạn, chắc chắn không dịch sai ý, văn tự còn hoa mỹ hơn tiếng Phạn. Nói cách khác, kinh điển bằng chữ Hán có thể thay cho kinh điển tiếng Phạn, không cần dùng tiếng Phạn nữa, đây là khí khái! Cho nên không còn coi trọng kinh điển tiếng Phạn nữa. Đó là lý do tại sao không thể truyền lại nguyên văn tiếng Phạn, thầy Phương nói với tôi như vậy. Hai nữa là nói về phiên dịch, chúng ta dùng một quyển cổ văn, cổ văn dịch thành văn mới, cạn hơn kinh Phật nhiều. Ba người phiên dịch ba kiểu, có thể dịch được nguyên vị của nó sao? khó lắm. Chúng ta trở lại kinh văn, thì biết được kinh Phật dịch không dễ. Thầy giáo nói với tôi như thế nào? Phiên dịch kinh điển không phải là người thường, vậy phải là người như thế nào? Là người tái sanh. Trong số cao tăng phiên dịch kinh điển, phần nhiều là Bồ Tát tái sanh, A La Hán tái sanh, quả vị thấp nhất cũng là A Na Hàm, có tu có chứng, làm sao họ dịch sai được? Ý nói là ở thời đại đó người Trung Quốc có phước báo lớn. Nếu phước báo không lớn, không có đức hạnh, thì làm sao cảm được Phật Bồ Tát đến giúp quý vị dịch kinh? Bây giờ đạo đức, phước báo của người thế gian so với người xưa thì thua quá xa, thật giống như ở đây nói kẻ ăn xin đứng bên vị đế vương vậy. Phước báo của người bây giờ là giả, không phải thật. Vì sao nói như vậy? Vì họ không truyền đến ba đời, tức là giả rồi.

Ngày xưa nhà bình dân truyền mấy trăm đời. Gia đạo, gia quy, gia học, gia nghiệp của người xưa truyền từ đời này đến đời khác, đến thời kỳ Dân Quốc mới suy. Dân Quốc 20 năm đầu vẫn còn thấy kiểu đại gia đình này. Chiến tranh Trung-Nhật, sau chiến tranh thì không còn nữa. Cho nên 8 năm kháng chiến, tổn thất lớn nhất của Trung Quốc không phải sinh mạng và tài sản, mà là nền truyền thống văn hóa của Trung Quốc bị tiêu diệt, e rằng không thể phục hưng được nữa. Đây là điều bi thảm nhất. Xã hội Trung Quốc gặp phải đại nạn như vậy,

nguyên do là ở chỗ này. Nếu như gốc rễ này không bị mất đi, thì xã hội ngày nay chắc chắn trị an lâu bền giống như ngày xưa vậy, sẽ mang đến sự an định hòa bình cho toàn thế giới. Chúng ta lắng đọng tâm tư mà tư duy quan sát, thì tự nhiên sẽ hiểu rõ đạo lý này.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 375

Chuyển ngữ: Nguyễn Thanh

Biên tập: Bình Minh

Giảng ngày: 14.4.2011

Địa Điểm: Tịnh Tông Học viện -Úc Châu

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 451, hàng thứ hai từ dưới đếm lên.

Mời quý vị xem kinh văn: “*Sở xứ cung điện, y phục ẩm thực, do như Tha Hóa Tự Tại thiên vương*”. Đoạn này trong chú giải Hoàng Niệm Tổ nói rằng: “*Hữu hiển bị quốc độ chúng sanh y báo siêu thắng, y thực trú tam giả, giai như dục giới chi đẳng đệ lục thiên chi thiên vương*”. “Đệ lục thiên” là cõi trời Tha Hóa Tự Tại. Trong dục giới, đây là tầng cao nhất. Chúng ta biết đệ ngũ thiên thấp hơn đệ lục thiên một tầng, gọi là cõi trời Hóa Lạc, là đã rất tự tại rồi.

Như trong kinh văn nói, ở trong cung điện, y phục ẩm thực, tất cả những phẩm vật cần thiết là tùy theo ý muốn mà biến hóa ra, khi không cần nữa thì nó tự nhiên biến mất, khi cần dùng nó lại hiện ra- Hóa Lạc thiên. Tha Hóa Tự Tại thiên thì bản thân họ không cần biến hóa, những thứ mà họ cần, đã có đệ ngũ thiên biến hóa ra cúng dường cho họ, ngay cả biến hóa họ cũng không cần. Đó là trạng thái trong lục đạo của một số quốc độ chư Phật. Đây cũng là nói thọ dụng của mỗi người ở thế giới Cực Lạc, bây giờ chúng ta biết là không phải tự họ biến hóa. Cõi Phạm thánh Đồng Cư hạ bồi vãng sanh, hạ thượng phẩm, hạ trung phẩm và hạ hạ

phẩm, chưa đoạn tập khí phiền não. Nói cách khác, nếu ở thế giới này, chưa được vãng sanh, thì so với tứ thiên vương cũng không bằng, làm sao so sánh được với cõi trời Tha Hóa Tự Tại? Thiên vương ở cõi Tha Hóa Tự Tại có phước báo lớn, nên Hóa Lạc thiên vương cúng dường họ, họ cần gì Hóa Lạc thiên cũng biết. Khởi tâm động niệm Hóa Lạc thiên nhân biết, tự nhiên biến hóa ra đi cúng dường cho họ.

Ở thế giới Cực Lạc, chúng ta nghĩ ai là người cúng dường hàng hạ bối vãng sanh? Phật A Di Đà biến hóa ra những thứ họ cần, cúng dường cho họ, không phải đệ ngũ thiên, không phải Hóa Lạc thiên, mà là Phật A Di Đà, bốn nguyện oai thần gia trì của Phật A Di Đà, để cho y báo của họ tự tại thù thắng hơn hết.

Chúng ta xem đoạn tiếp theo. *“Chí ư oai đức, giai vị, thần thông biến hóa, nhất thiết thiên nhân, bất khả vi tỉ, bách thiên vạn ức, bất khả kể bội”*. Mấy câu ở sau rất quan trọng.

Phật nói tiếp: *“A Nan ưng tri”*. Nói với A Nan tức là nói với chúng ta. A Nan là tượng trưng cho chúng ta. *“Vô lượng thọ Phật, Cực Lạc quốc độ, như thị công đức trang nghiêm, bất khả tư nghì”*.

Bên phải đoạn kinh văn của Hoàng Niệm Tổ nói: *“Hiển chánh báo chi oai đức phẩm vị siêu thế hi hữu. Oai đức giả, oai thần công đức dã”*. Oai thần là gì? công đức là gì? Ở dưới có giải thích: *“Thần trí động đạt, oai lực tự tại”*. Đây là giải thích chữ oai đức, tất cả pháp công đức không rời khỏi trí huệ, có trí huệ thì có oai đức lớn, việc người khác không thể giải quyết được, nhưng quý vị có thể giải quyết. Việc người khác không làm được, nhưng quý vị làm được, tự nhiên mọi người sẽ tôn trọng quý vị, kính ngưỡng quý vị, dựa vào quý vị. Oai đức từ đây mà có.

Công đức, công là công phu. Đức, chữ đức này cùng một ý nghĩa với chữ đắc trong chữ “đắc thất”. Có công tu đạo, tự nhiên có đức. Chữ đức này giống Phật A Di Đà năm kiếp tu trì 48 nguyện, đây là công không thể nghĩ bàn. Đức là gì? Đức chính là y chánh trang nghiêm của thế giới Cực Lạc, tự nhiên chiêu cảm được, không phải do yêu cầu, không có ý niệm yêu cầu, là tự nhiên chiêu cảm được. Những chúng sanh sanh về thế giới Cực Lạc, mặc dầu là hạ hạ phẩm vãng sanh của cõi Phàm Thánh Đồng Cư, cũng có thể hưởng thụ được một phần công đức

của Phật A Di Đà. Ăn, mặc, và ở của họ, là công đức chân thật. Vì sao vậy? Vì họ tương đồng với Phật A Di Đà. Không phải nói rằng, Phật A Di Đà ở nhà đẹp, nhà lớn, còn người mới đến thì thua một chút. Ở thế giới Cực Lạc là hoàn toàn bình đẳng, chánh báo, thể chất, dung mạo không khác Phật A Di Đà, đều là thân vô lượng tướng, tướng vô lượng đẹp. Ở cung điện giống nhau, y phục ẩm thực giống nhau, không khác gì.

Trong thế giới của chúng ta, người ở cõi trời Sắc giới không cần ăn uống, huống là ở thế giới Cực Lạc còn cần ăn uống sao? Nếu còn cần ăn uống thì sao có thể nói “siêu thế hi hữu” được? Chúng ta biết, đến thế giới Cực Lạc chắc chắn là không cần rồi, bởi thể chất của họ và chúng ta không giống nhau, chúng ta là thân thể huyết nhục, cần phải ăn uống để nuôi sống thân. Thế giới tây phương Cực Lạc, là thân pháp tánh, cõi pháp tánh, đã vĩnh viễn rời khỏi thất tình, ngũ dục rồi, không dùng những thứ này nữa. Vì sao trong kinh còn nói việc này? Chúng ta khẳng định rằng, những người đời nghiệp vãng sanh, khi ở thế giới Ta Bà, trên trái đất của chúng ta, tập khí thói quen cuộc sống của họ rất sâu dày, nên họ nghĩ rằng mình đã đến thế giới Cực Lạc lâu lắm rồi, mà sao không thấy ăn cơm? Vừa khởi ý niệm này thì cơm nước thức ăn đồ uống đều hiện ra. Giống như cõi trời Hóa Lạc, muốn cúng dường Tha Hóa Tự Tại thiên vương là hiện ra ngay. Lại nghĩ rằng, tôi ở thế giới Cực Lạc, không cần các thứ này nữa, thì nó liền biến mất. Nó có hiện tượng như vậy. Phạm phu lục đạo đời nghiệp vãng sanh, rất có thể xuất hiện ý niệm này. “Nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh”, ý niệm vừa khởi, thì cảnh giới hiện tiền, hiện ra rồi. Ý niệm diệt đi, thì cảnh giới cũng không còn. Đây là ẩm thực, phương diện ẩm thực đời sống.

“Thậm chí oai đức phẩm vị dã thị siêu thế hi hữu”. Thần trí động đạt, tự tánh trí huệ hiện tiền, đây cũng là được oai thần gia trì của Phật A Di Đà.

Oai lực tự tại, trú chánh định tự. Câu này rất quan trọng, “chánh định tự” là tự tánh bản định. Đại sư Huệ Năng khi khai ngộ nói rằng: “đâu ngờ tự tánh vốn không dao động”, vốn không dao động là chánh định tự.

“Quyết chứng cực quả”, tuy hiện tại chưa chứng đắc quả vị Diệu Giác, nhưng họ quyết sẽ chứng đắc. Vì sao vậy? Vì ở thế giới Cực Lạc tu hành không còn thoái

chuyên, chỉ có tiến bộ, không có thoái lui. Nói cách khác, thời gian chứng quả ở cõi Cực Lạc của mỗi người sớm muộn không giống nhau, nhưng chắc chắn sẽ chứng đắc.

“Cố vân oai đức vô bỉ, giai vị giả, giai địa phẩm vị, đắc tam bất thoái. Tam bất thoái là vị bất thoái, hành bất thoái và niệm bất thoái.

“Vị tề bổ xứ”, bổ xứ là Đẳng Giác Bồ Tát. Lúc này chưa chứng đắc quả bị bổ xứ. Lúc này là gì? là ở cõi Đồng Cư. Theo kiến giải của đại sư Thiên Thai, thì chứng đắc cao nhất là Quán Hạnh vị. Quán Hạnh vị là gì? là hiệu quả của công phu tu hành. Ngay cả sơ quả chúng ta cũng không chứng được. Trong đại thừa, cũng không chứng được Sơ Tín vị, tức là trình độ bây giờ của chúng ta, dù vãng sanh về thế giới Cực Lạc vẫn là trình độ này, làm sao có thể nói là “vị tề bổ xứ” được. Xem ra thì gần bằng Đẳng Giác Bồ Tát. Chỗ này chúng ta đã rõ ràng rồi, nguyện thứ hai trong 48 nguyện của Di Đà Thế Tôn: “phàm là sanh về thế giới Tây phương Cực Lạc, đều làm Bồ Tát bất thoái chuyển”. Bồ Tát bất thoái chuyển là Bồ Tát Đẳng Giác, Bồ Tát Đẳng Giác đã chứng đắc viên mãn Bồ Tát bất thoái chuyển. Ba loại bất thoái là vị bất thoái, hành bất thoái và niệm bất thoái, đều đạt đến rốt ráo viên mãn, thật là điều không thể nghĩ bàn!

“Thần thông biến hóa giả, kinh vân bỉ độ Thanh Văn”. Thanh Văn là ở cõi Phương Tiện Hữu Dư. Trong tam bối cửu phẩm của cõi Phương Tiện Hữu Dư, thì Thanh Văn ở hạ tam phẩm. Cõi Phương Tiện Hữu Dư hạ thượng phẩm, hạ trung phẩm, hạ hạ phẩm đều thuộc về Thanh Văn.

“Năng ư chưởng trung trì nhất thiết thế giới”. Đây không phải là thần thông của A La Hán, A La Hán không có thần thông lớn như vậy. “Năng ư chưởng trung trì nhất thiết thế giới”, tối thiểu là Bồ Tát Địa Thượng, Bồ Tát Đẳng Địa mới có thần thông lớn như vậy. Chúng ta biết rằng, đây đều là bốn nguyện oai thần gia trì của Phật A Di Đà, địa vị của họ không thể nghĩ bàn.

“Hựu nhất thiết sanh giả”, ứ độ tam bối cửu phẩm gọi là “nhất thiết sanh giả”, *“giai cụ túc mệnh, thiên nhĩ, thiên nhĩ, tha tâm, thần túc, lậu tận đẳng thù thắng thần thông”*. Chỗ này phải đặc biệt chú ý hai chữ “thù thắng”. Thanh Văn, Duyên Giác và Quyền giáo Bồ Tát có thần thông nhưng không thù thắng. Hai chữ “thù

thắng” không dễ. Thù thắng như thế nào? Là giống y Phật A Di Đà, giống Phật A Di Đà không hơn không kém.

“*Như Thập Nguyên vân*”, đây là nguyên thứ 10 trong 48 nguyên, “*u nhất niệm đảnh*”, nhất niệm này Bồ Tát Di Lặc nói, trong nhất khảy móng tay có 32 ức trăm ngàn niệm, đây gọi là khoảnh nhất niệm, thời gian này rất ngắn ngủi, nó đã vượt quá bách thiên ức na do tha Phật quốc độ, không phải mười vạn ức quốc độ.

Trong tiêu bản kinh Di Đà nói mười vạn ức Phật quốc độ, nó còn hơn như vậy. Trong khoảng thời gian một niệm của con người, vượt quá bách thiên ức na do tha Phật quốc độ, “*chu biến tuần lịch, cúng dường chư Phật*”. Từ đó cho thấy, cúng dường tha phương thập vạn ức Phật, là đức Thế Tôn phương tiện nói mà thôi. Đức Thế Tôn nói lời này là có dụng ý, dụng ý chỗ nào? Chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề, thế giới Ta Bà, con người nơi đây tình chấp rất nặng, luôn luôn nhớ ở đây có cha mẹ anh chị em, gia thân quyến thuộc, quý vị chỉ cần nhớ, trong một niệm thì quý vị trở về rồi, quý vị trở về trái đất gặp gỡ mọi người, dụng ý là ở chỗ này. Thực tế không phải như vậy, một niệm của quý vị có thể cúng dường nhất thiết thế giới, có thể cúng dường thiên bá ức na do tha quốc độ chư Phật. Trong một niệm, đi khắp mọi nơi, khắp mọi nơi không chút chướng ngại. Cúng Phật là tu phước, nghe pháp là mở trí huệ, phước huệ song tu, thật không thể nghĩ bàn.

“*Thật*” là thực tế, thực tế mà nói thì “*dĩ siêu quá nhị thừa thần thông, hà huống thiên nhơn*”. Nhị thừa là Thanh Văn, Duyên Giác, vượt quá họ rất nhiều.

“*Cố vân oai đức, giai vị dữ thần biến tam giả, nhất thiết thiên nhơn bất năng vi tỉ, nãi chí bách thiên ức bội, thậm chí bất khả kể bội*”. Không thể tính đếm được, chênh lệch quá nhiều.

Thị cố mạt hậu tổng tán. Bốn câu sau cùng, *A Nan đương tri*, đây là tổng tán, vô lượng thọ Phật Cực Lạc quốc độ, như thị công đức trang nghiêm, bất khả tư nghì.

“*Như thị*” ý nói là trong kinh đã nêu ra những ví dụ, vô lượng công đức, vô lượng trang nghiêm, không thể tưởng tượng, cũng không cách nào nói cho tường tận, nói cho hết được! Hy vọng mọi người thật sự phát tâm vãng sanh, sanh về thế

giới Cực Lạc, tức là khi chúng mới biết được, tự thân quý vị thấy được, tự thân quý vị nghe được, tự thân quý vị tiếp xúc được, quý vị mới thật sự hiểu rõ.

Chúng ta tiếp tục xem đệ thập cửu Thọ Dụng Cụ Túc.

Phẩm này trong kinh nói về sự thọ dụng đầy đủ, chúng ta gọi là cuộc sống vật chất, cuộc sống tinh thần, hoàn cảnh học tập mọi thứ đều đầy đủ, không thiếu thốn.

Chúng ta sống trong thế giới này, lấy việc cầu học mà nói, thường ngày muốn có một số tài liệu tham khảo, nhưng lúc nào cũng thấy không đủ. Cho nên vì sao muốn vào đại học? Vì đại học có thư viện, những tài liệu này được thu thập rất phong phú, quý vị muốn tìm tổng thể cũng có thể tìm được. Đạo tràng nhỏ thì thấy không đủ, có rất nhiều đạo tràng ngay cả một bộ “Đại Tạng kinh” cũng không có. Bây giờ kỹ thuật in ấn phát đạt, giá thành rất thấp, nên lượng lưu thông những pháp bảo này lớn rồi.

Trước triều nhà Tống, thư tịch đều viết bằng tay, như vậy chúng ta mới biết nó đáng quý biết bao, vật hiếm thì mới quý. Sách được viết bằng tay số lượng rất ít. Sau khi kỹ thuật in ấn phát đạt, tuy có bản khắc rất vụng về, số lượng in ấn cũng không nhiều, khoảng mấy chục bộ, mấy trăm bộ đã là nhiều lắm rồi. Kỹ thuật in ấn bây giờ người xưa không thể tưởng tượng được, trong mắt họ đây là việc không thể nghĩ bàn. Trái đất lớn như vậy, nhiều người cần như vậy, vẫn là không đủ dùng. Chúng ta in 10 vạn quyển, 100 vạn quyển, trên trái đất có gần 70 ức nhân khẩu, vẫn là quá ít ỏi. Đến thế giới Tây phương Cực Lạc thì lại khác, mọi thứ đều đầy đủ. Quý vị muốn thứ gì, không cần tìm, chỉ cần khởi ý, thì kệ sách trong phòng sách của quý vị đã đặt đủ rồi. Khi quý vị không cần nó nữa, thì cả kệ sách cũng không thấy nữa, hết sạch không còn một thứ, quý vị nghĩ xem tự tại biết bao!

Chúng ta xem Hoàng Niệm Tổ giới thiệu cho chúng tiêu đề của phẩm này. “*Bốn phẩm danh thọ dụng cụ túc, cố sở hữu quốc nhân*”. Phẩm là người sanh về thế giới Tây phương Cực Lạc đều giống nhau, “*giai hình mạo đoan nghiêm*”. “Hình” là thân thể, “mạo” là dung mạo, thân thể của quý vị, dung mạo của quý vị đoan chánh trang nghiêm.

“Phước đức vô lượng”, phước đức này từ đâu mà có? Do Phật A Di Đà gia trì. Vì sao Phật A Di Đà gia trì quý vị? Vì quý vị nhất tâm xưng niệm Di Đà. Chú ý nhất tâm xưng niệm, quý vị cảm ứng đạo giao với Phật A Di Đà. Ở trước nói qua, lấy trí tuệ công đức của Phật A Di Đà, làm trí tuệ công đức cho chính mình, điều này cần nắm lấy. Từ bi của Phật A Di Đà, phát nguyện của Phật A Di Đà, sẵn lòng đem công đức thần thông trí huệ của chính mình, cho hết thảy chúng sanh trong biến pháp giới hư không giới, cùng hưởng chung, đáng trân trọng thay! Khiến chúng ta nghĩ đến hết thảy chư Phật trong 10 phương, tán thán Phật A Di Đà là “Quang trung cực tôn, Phật trung chi vương”, Ngài hoàn toàn xứng đáng. Quý vị nghĩ xem, tâm lượng ấy lớn biết bao!

“Trí huệ minh liễu, thần thông tự tại”. Chỉ cần quý vị sanh về Tây phương, thì bốn câu này quý vị đều đạt được. “Hình mạo đoan nghiêm”, vĩnh viễn không đau bệnh, vĩnh viễn không cần ăn uống, vĩnh viễn tinh thần sung mãn. “Phước đức vô lượng”, ngoài tự tánh vốn đầy đủ ra, quý vị niệm niệm cúng dường hết thảy chư Phật Như Lai trong mười phương. Cúng dường được phước, nghe pháp được trí huệ, “phước đức vô lượng, trí huệ minh liễu”, điều này ở thế giới của chúng ta không học được. Đức Thế Tôn dạy chúng ta, trong mười phương quốc độ của chư Phật cũng không học được, cũng không có điều này, duy nhất thế giới Cực Lạc có mà thôi, hưởng gì được thần thông tự tại, giống chư Phật Như Lai không khác.

“Như thượng chủng chủng thù thắng thọ dụng, tất giai cụ túc dã”. Trong này chúng ta phải thể hội được, những điều này đều là lấy sự thọ trì danh hiệu Di Đà, làm chân nhân của “tất giai cụ túc”. Tịnh tông đề cao tín nguyện trì danh, câu này đúng là chân thật không thể nghĩ bàn.

“Thị nãi tổng hiển chánh báo chi thân tâm, y báo chi thắng phước, tất giai siêu thế hi hữu. Đản bốn phẩm trung liệt hiển phước đức vô lượng, y thực cung điện tất giai ứng niệm hiện tiền, vô bất ụ túc”. Trong đại kinh đức Thế Tôn thường nói: “nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh”, chúng ta ở đây tâm tướng không sanh, vì sao vậy? Vì tâm chúng ta không thanh tịnh, tâm chúng ta không thuần, tâm tạp loạn, tâm nhiễm ô, cho nên chúng ta muốn thì nó không hiện tiền. Người ở thế giới Cực Lạc tâm thanh tịnh, tâm thuần, không chút tạp nhiễm, cho nên nó ứng niệm hiện tiền.

Chúng ta xem tiếp đoạn kinh văn dưới, thọ dụng cụ túc.

“*Phục thứ Cực Lạc thế giới, sở hữu chúng sanh, hoặc dĩ sanh*” là đã ở thế giới Cực Lạc rồi, “*hoặc hiện sanh*” là bây giờ mới đến, “*hoặc đương sanh*” hoặc là tương lai sẽ vãng sanh về thế giới Cực Lạc, “*giai đắc như thị chư diệu sắc thân, hình mạo đoan nghiêm, phước đức vô lượng, trí huệ minh liễu, thần thông tự tại*”, tất cả đều đạt được. “*Thọ dụng chủng chủng, nhất thiết phong túc*”, quý vị sẽ không bị thiếu thốn. “*Cung điện, phục sức, hương hoa, phan cái trang nghiêm chi cụ, tùy ý sở tu, tất giai như ý*”, quý vị nghĩ đến cái gì thì hiện ra cái đó. Chúng ta thấy rồi không hâm mộ được sao? Không hướng đến được sao? Như thế nào mới đến được? Trong kinh dạy rằng “*phát bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*” thì quý vị đến được. Bồ đề tâm là gì? Bồ đề là tiếng Phạn, Trung Quốc dịch là giác ngộ, giác mà không mê là bồ đề tâm. Bồ đề tâm là chân tâm, chánh tri chánh kiến. Chúng ta sanh vào môi trường ngày nay, làm sao kiến lập bồ đề tâm chân chánh, làm sao làm được tiêu chuẩn mà kinh Vô Lượng Thọ yêu cầu?

Trong các buổi giảng, chúng tôi cũng nhiều lần nhắc đến buông bỏ, nhìn thấu, buông bỏ triệt để, thật sự nhìn thấu. Trong kinh giáo thường nói, hết thấy pháp thế xuất thế gian, nhà khoa học đem nó phân thành ba loại lớn đó là hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần và hiện tượng tự nhiên, đều là giả cả. “Phi nhất phi thường” không phải là thật. Làm sao để buông bỏ triệt để? Là tìm lại tâm thanh tịnh của chính mình. Tâm thanh tịnh là bồ đề tâm. Tâm bình đẳng là bồ đề tâm. Tâm chân thành là bồ đề tâm. Tâm từ bi là bồ đề tâm. Phàm phu khó phân khó bỏ chẳng qua là hữu tình chấp, những thứ này phiền phức nhất, nhưng không buông bỏ được, luân hồi quá khổ rồi, luân hồi không bờ bến, vô lượng kiếp làm chuyện ngu ngốc này, sai rồi, thật sự cần phải học buông bỏ.

Những năm gần đây ta thường quán như vậy, nhưng thân vẫn không bỏ được, cho nên vãng sanh vẫn là cõi Đồng Cư. Thân không bỏ được, vật ngoài thân buông bỏ rồi thì nhẹ nhàng hơn một nửa. Tôi đã nói với quý vị rất nhiều lần, y phục mặc trên người tôi là của tôi, không mặc trên người tôi là không phải của tôi. Tiền tài bỏ trong túi tôi là của tôi, không bỏ trong túi tôi là không phải của tôi. Nhà tôi ở, tại chỗ này thì đây là của tôi, tôi ra khỏi nhà thì không phải của tôi, không liên quan gì đến tôi. Quý vị có thể thử xem, tôi muốn giúp quý vị từ từ nhìn thấu, dần

dần buông bỏ. Một phương hướng, là thế giới Tây phương Cực Lạc. Một mục tiêu là thân cận Phật A Di Đà. Ai thương ta nhất? Phật A Di Đà thương ta nhất, đây là thật không phải giả. Ngoài Phật A Di Đà ra nếu có người nói thương quý vị, thì quý vị nên đề cao cảnh giác, vì đó là giả. Vì sao đó là giả? Vì họ dùng một dạ hai lòng, thì làm sao thật được? Chỉ có Phật A Di Đà và pháp thân Bồ Tát dùng chân tâm, chân tâm phát ra từ bi là tình thương chân thật. Chư Phật Bồ Tát trong mười pháp giới đều không được như vậy hướng gì lục đạo, lục đạo toàn là hư tình giả ý, chớ mắc lừa. Tình chấp trong lục đạo, quý vị bị mắc lừa lớn, bị thiệt hại lớn rồi. Những thứ này nếu không có trí huệ thì quý vị không nhìn thấu được, không có tín nguyện thì quý vị không buông bỏ được. Quý vị có trí huệ, có lòng tin chân thật nguyện thiết tha, quý vị mới thật sự buông bỏ được, thật sự nhìn thấu được.

Sanh về thế giới Tây phương Cực Lạc, quý vị nghĩ thử xem, quý vị đạt được thân kim sắc, thân pháp tánh giống như Phật A Di Đà, tướng đẹp giống nhau, thân có vô lượng tướng, tướng có vô lượng đẹp. Phước đức giống nhau, trí huệ giống nhau, thần thông tự tại giống nhau. Vãng sanh về thế giới Cực Lạc không khó, còn dễ hơn chúng quả Tu Đà Hoàn, chúng Thập Tín Bồ Tát, Sơ Tín Bồ Tát nhiều. Vì họ phải đoạn phiền não mới chứng được, vãng sanh thế giới Cực Lạc, chỉ cần buông bỏ, đoạn trừ vạn duyên, đè nén phiền não là thành công rồi. Cho nên gọi là đối nghiệp vãng sanh.

“Giai đặc như thị chư diệu sắc thân”, cụm từ “như thị” này có trong chú giải. “*Tức chỉ thượng phẩm viễn thắng đệ lục thiên vương thiên vạn ức bội dã*”. “Như thị” là chỉ cho sự việc này. Tha Hóa Tự Tại thiên vương không thể sánh bằng được.

Hạ hiển thọ dụng cụ túc. Đoạn kinh văn dưới đây hiển thị cho chúng ta “*Phước đức vô lượng*”:

“*Xưng Tán Tịnh Độ kinh viết, do bỉ giới trung*”, “bỉ giới” ở đây là thế giới Cực Lạc, “*chư hữu tình loại*” là chỉ những người vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, “*vô hữu nhất thiết thân tâm ưu khổ, duy hữu vô lượng thanh tịnh hỷ lạc*”. Đối với việc này chúng ta có muốn hướng đến không? Có ham mộ không? có muốn đạt được không? Có muốn đạt được ngay bây giờ không? Càng sớm càng tốt, càng

nhanh càng tốt. Đó chính là người giác ngộ, không chấp nhận chịu sự hành hạ, chịu sự giày vò trong thế giới này nữa, không chịu nữa.

“*Hựu bốn kinh quyết chứng cực quả phẩm viết*”. Đây là phẩm 32 trong bốn kinh, trong kinh văn nói: “*Duy thọ thanh tịnh tối thượng khoái lạc, thị hiển phước đức vô lượng dã*”, là vô lượng phước đức hiển hiện ở an vui tối thượng. “*Trí huệ minh liễu, thử nãi quang minh huệ biện nguyện*” nguyện thứ 33, nguyện thứ 33 trong 48 nguyện, “*chi sở nhiếp*”. Trong nguyện văn nói: “*Thành tựu nhất thiết trí huệ*”.

“*Hựu bốn kinh Bồ Tát Tu Trì phẩm- phẩm thứ 30, vị bí quốc nhất thiết Bồ Tát, chư Phật mật tạng, cứu cánh minh liễu, giai trí huệ minh liễu chi ý*”. Chúng ta nên biết, chư Phật chắc chắn không có mật ý. Mật tạng nghĩa là gì? Trí huệ của Phật quá cao, chẳng những chúng sanh không thể hiểu được, ngay cả Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát cũng không cách nào hiểu được.

Như ở trước chúng ta đã học qua, chấm nhỏ của sợi lông, hạt bụi, đây là mật tạng của chư Phật. Điểm nhỏ này là giống như khoa học hiện đại- khoảng 20-30 năm trở lại, phát hiện ra lượng tử, cũng gọi là tiểu quang tử. Lớn chừng nào? nhà khoa học nói rằng, nó bằng 1/100 ức của một điện tử, cũng tức là nói 100 ức tiểu quang tử, hợp thành một điện tử. Nhục nhãn của chúng ta nhìn không thấy, kính hiển vi thông thường cũng nhìn không thấy. Trong tiểu quang tử này có thế giới, đây là mật tạng của Như Lai. Một chấm nhỏ như vậy mà trong đó có thế giới, thì thế giới lớn bao nhiêu? Lớn bằng hư không pháp giới hiện thực của chúng ta, trong đó có chư Phật Bồ Tát, trong đó cũng có hết thấy chúng sanh. Đây chưa phải là thâm mật, thâm mật là chấm nhỏ trong thế giới còn có chấm nhỏ, trong chấm nhỏ ấy còn có thế giới, trùng trùng vô tận, đây là mật tạng của chư Phật, rõ ràng rớt ráo.

Ai là người thật sự hiểu rõ ràng minh bạch rồi? là Phổ Hiền Đẳng Giác. Tu pháp môn Bồ Tát Phổ Hiền, chứng được Đẳng Giác vị, thì có năng lực đi vào chấm nhỏ sợi lông hạt bụi của thế giới. Chúng ta nghĩ xem, thân thể của chúng ta, thân thể vật chất này, có bao nhiêu chấm nhỏ, một điện tử một trăm ức chấm nhỏ, quý vị biết trên thân thể của chúng ta có bao nhiêu, không thể đếm được! Trên thân thể chúng ta có bao nhiêu tế bào. Dem tế bào phân tích, có bao nhiêu nguyên tử.

Đem nguyên tử phân tích, có bao nhiêu điện tử. Giống như mật tạng của chư Phật, Bồ Tát ở thế giới Cực Lạc cũng có năng lực, bởi trong kinh nói rất hay: “Bỉ quốc nhất thiết Bồ Tát” chỉ cần là sanh về thế giới Cực Lạc, hạ hạ phẩm Bồ Tát ở cõi Phạm Thánh Đồng Cư, cũng bao gồm trong đó, chứ không nói ở ngoài cõi Phạm Thánh Đồng Cư, họ không nói hạ hạ phẩm Bồ Tát ở cõi Phạm Thánh Đồng Cư không có trong này, không nói, cho nên tất cả là như vậy.

Kệ hồi hướng chúng ta cũng thường đọc: “nguyện đắc trí huệ chơn minh liễu”, chúng ta mập mờ không biết rõ “chơn minh liễu” nghĩa là gì, người khác đọc ta cũng đọc theo, người xưa viết ra thì ta cứ theo đó mà đọc, không hiểu rõ. Dần dần thể hội được một chút, thì quý vị thật sự hiểu rõ, thật không thể nghĩ bàn.

“Hựu minh giả, minh minh bạch bạch. Liễu giả, liễu liễu phân minh, thị vi minh liễu”. Đây là ý nghĩa của minh liễu.

“Mật giáo trung, như thật tri tự tâm giả, trí huệ minh liễu dã”. “Tri tự tâm” nghĩa là gì? “Tri tự tâm” là minh tâm kiên tánh. Minh tâm kiên tánh là pháp thân Bồ Tát, chứ không phải Bồ Tát thường, siêu việt mười pháp giới, họ như thật tri tự tâm, trí huệ minh liễu.

“Hựu chiếu kiến ngũ uẩn giai không, diệt thị trí huệ minh liễu”. Ngũ uẩn là gì? Bây giờ chúng ta hiểu rõ rồi, trước đây còn mơ mơ hồ hồ, bây giờ biết rồi, ngũ uẩn là gì? Ngũ uẩn là giống như nhà khoa học nói ba loại hiện tượng, hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần và hiện tượng tự nhiên. Sắc trong ngũ uẩn là hiện tượng vật chất. Thọ, tưởng, hành, thức là hiện tượng tinh thần. Hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần phát sanh là hiện tượng tự nhiên. Ba loại hiện tượng đều bất khả đắc, đều không phải thật.

“Chiếu kiến ngũ uẩn giai không”. Dùng cái gì để quán chiếu? là dùng trí huệ quán chiếu. Bồ Tát Quán Tự Tại đã chiếu kiến rồi, Quán Tự Tại chiếu kiến ngũ uẩn giai không là Bồ Tát Đẳng Giác, trên Thập địa, thật sự chiếu kiến triệt để. Trí huệ minh liễu chúng ta hôm nay không phải của chính mình, trong đại thừa kinh giáo nói, nhờ trường thời huân tu mà có được. Ngộ này là giải ngộ, không phải chứng ngộ, chúng ta có thể giải ngộ đến việc này, vẫn cần sự trợ giúp đặc lực của giới khoa học hiện đại, không có họ trợ giúp trong đó, thì đối với việc này chúng ta vẫn mơ hồ như xưa.

Chúng ta tin Phật, tin tưởng Phật không nói dối, tin tưởng lời Phật nói là thật, nhưng trí huệ của chúng ta hạn hẹp, nghe Phật nói chúng ta tin, đây là miễn cưỡng tin, không tin chắc chắn. Nhìn thấy rất nhiều báo cáo của giới khoa học lượng tử thời cận đại, chúng ta tin chắc rồi, không nghi ngờ nữa. Nhà khoa học đã chứng minh được điều này, nhưng lên cao nữa thì họ không biết. Nếu chúng ta hỏi họ, hiện tượng vật chất là từ tinh thần biến ra, vậy thì hiện tượng tinh thần từ đâu biến ra? Họ nói từ trong không sanh ra có, nói thông suốt được, là hiện tượng tự nhiên biến hiện ra. Hiện tượng tự nhiên từ đâu có? Thì nói không được. Chúng ta tìm đã thấy trong kinh Phật, hiện tượng tự nhiên là nương theo tự tánh mà biến hiện ra, tự tánh là vốn có, là bất sanh bất diệt, nó không thuộc về ba loại hiện tượng. Cho nên dùng phương pháp của giới khoa học, dùng thức thứ sáu để tư duy, thì vĩnh viễn không đạt được.

Vậy thì làm sao biết được tự tánh? Tự tánh rốt cuộc là gì? Hình dáng của nó như thế nào? Trong giáo lý đại thừa có câu: “duy chứng phương tri”, bản thân của quý vị chứng đắc thì sẽ hiểu rõ, quý vị không chứng, không chứng đắc, thì nói cho quý vị cũng không ích gì. Nói không ra, nghĩ không ra, không nói được, không nghĩ được. Không nghĩ được tức là không thể nghĩ, không nói được là không thể bàn, gọi là bất khả tư nghì.

Làm sao để chứng được pháp? Đức Phật dạy rất hay, buông bỏ khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước thì quý vị chứng đắc, đơn giản như vậy, dễ dàng như vậy, quý vị thử làm xem, quý vị có buông bỏ được không? Vọng tưởng tức là khởi tâm động niệm, buông bỏ khởi tâm động niệm, buông bỏ phân biệt chấp trước, thì quý vị thành tựu, quý vị chứng đắc, hoàn toàn thấy được ngũ uẩn giai không. Mật tạng của chư Phật, ta từ đâu đến? Vũ trụ từ đâu đến? Vì sao có những hiện tượng này? quý vị đã hiểu triệt để rồi, không cần học, học cũng không được, không học cũng biết rồi.

Trong kinh dạy rằng, công phu học tập Phật pháp toàn ở chỗ buông bỏ, nếu quý vị không buông bỏ được, trên con đường đạo gọi là không tiến được một bước. Đây là thật không phải giả. Chúng ta học, học sự buông bỏ, không được chấp trước. Bồ Tát Mã Minh trong Khởi Tín Luận nói rất rõ ràng, chúng ta đọc kinh phải đọc cách nào? thứ nhất là không chấp vào tướng văn tự, đọc kinh phải buông

bỏ văn tự. Không chấp vào tướng danh tự, không chấp vào danh từ thuật ngữ, buông bỏ nó. Không chấp vào tướng tâm duyên, ta đọc, ý nghĩa của nó như thế nào cũng buông bỏ, không có ý nghĩa, không có ý nghĩa thì tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng chiếu kiến, đó là thật. Chúng ta có ý trong đó gọi là tình kiến, cái thấy của quý vị là thấy bằng tình. Cái thấy của Bồ Tát, pháp thân Bồ Tát, cái thấy của chư Phật Như Lai là chiếu kiến, không có tình trong đó.

Nghe pháp, tức là nghe giảng kinh cũng như vậy. Nghe kinh, điều thứ nhất là không chấp vào tướng ngôn thuyết, phải buông bỏ ngôn ngữ của người giảng, không chấp vào điều này. Tướng danh tự, tướng tâm duyên đều không được chấp trước.

Hôm nay chúng ta đọc kinh không thể khai ngộ, nghe kinh không thể khai ngộ, chẳng những không thể khai ngộ, mà càng nghe càng phiền phức, càng nghe càng mơ hồ. Nguyên nhân vì sao? Bởi chúng ta chấp vào tướng văn tự, chấp vào tướng ngôn thuyết, chấp vào tướng danh tự, chấp vào tướng tâm duyên, không biết nghe! Nếu lià được ba tướng này, thì tụng kinh, đọc kinh sẽ được khai ngộ, sẽ đạt định, sẽ khai ngộ. Chư vị cổ đức trong tông môn thường nói quý vị “biết không”? Quý vị đọc kinh, biết đọc kinh không? Quý vị nghe kinh, biết nghe không? Ý nghĩa của hai chữ này hay lắm! Người biết đọc, biết nghe, thông thường năm ba năm chắc chắn đạt được Tam Muội. Sau khi đạt được Tam Muội, nhiều nhất là hai ba năm thì khai mở trí huệ. Không thể khai mở trí huệ lớn, thì nhất định chạm được bên lề của trí huệ, chạm được chút bên lề của trí huệ, thì quý vị đọc kinh là hiểu ngay, quý vị nghe kinh là hiểu liền. Đây không phải là đại ngộ, mà là tiểu ngộ. Tích góp tiểu ngộ thành được đại ngộ, tích góp đại ngộ thành được triệt ngộ. Chỉ cần quý vị bền lòng, kiên trì, dũng mãnh, tinh tấn, cho quý vị thời gian năm ba năm, thời gian tám mười năm, thì chẳng có chuyện không thành công!

Lý luận, phương pháp chúng ta đã biết rồi, bây giờ chỉ thiếu thực hành nữa thôi. Không thực hành, người thực hành có phước, chúng ta không đủ phước đức, chỉ có chút thiện căn, không đủ phước đức. Thiện căn là đã thật sự tin tưởng, đã thật sự hiểu rõ rồi, mà vẫn không chịu làm, không phải mình không muốn làm. Vậy là gì? Là tập khí, nghiệp chướng không cho quý vị làm. Trong tập khí, nghiệp chướng, có hơn một nửa thành phần là oan gia trái chủ của quý vị, họ đang quấy

rồi quý vị. Sự việc này giải quyết như thế nào? Phải dùng tâm chí thành câu thông với oan thân trái chủ. Oan thân trái chủ rất phiền toái, quý vị không nhìn thấy họ, không nghe thấy họ, không đụng chạm được họ, nhưng họ lại theo sát bên quý vị, khiến cho tâm quý vị không thể yên tĩnh. Chúng ta phải siêng năng câu thông với họ, gọi họ là Bồ Tát, hy vọng họ không còn quấy nhiễu ta nữa, hy vọng họ giúp đỡ ta, để ta cố gắng siêng năng, công phu của ta thành tựu, thì họ cũng thành tựu, ta không thành tựu, họ cũng không thành tựu. Ta không thành tựu, tương lai là luân hồi trong lục đạo, oan oan tương báo, cả hai bên đều đau khổ.

Phải nói cho rõ ràng, nếu tôi đến thế giới Cực Lạc, nhất định tôi sẽ độ cho ông trước, vấn đề hai bên chúng ta đều được giải quyết rồi, cùng sanh về nước Cực Lạc, chúng ta làm đồng tham tốt, đồng học tốt. Tương lai tôi làm Phật, ông giúp đỡ tôi, ông làm Phật, thì tôi giúp đỡ ông, “hà lạc nhi bất vi chi?”. Dem lời này nói rõ ràng, minh bạch rồi, tôi tin rằng họ có thể tiếp nhận, họ sẽ không quấy nhiễu quý vị nữa, phát tâm đến bảo hộ quý vị, trở thành thân hộ pháp của quý vị.

Đối với người đối sự đối vật trong xã hội cũng hiện thực như vậy. Đặc biệt là đối với con người, giữa con người với con người, có kết tình ở kiếp trước, việc này cũng cần hóa giải, không hóa giải sẽ trở thành chướng ngại. Người có trí huệ, thì bất luận thuận cảnh hay nghịch cảnh, thiện duyên hay ác duyên, đều giúp quý vị thành tựu. Không có trí huệ, thì thuận cảnh hay nghịch cảnh, thiện duyên hay ác duyên đều là chướng ngại. Cho nên học Phật không thể thiếu trí huệ, không có trí huệ thì tập khí phiền não của quý vị, chẳng những không giảm bớt mà còn tăng lên mỗi ngày, sai rồi! Nếu cuộc sống của quý vị có trí huệ, có trí huệ thì làm bất cứ việc gì, trong cách đối nhân xử thế, quý vị vĩnh viễn là mang tâm cảm ơn, vĩnh viễn là tâm yêu thương chân thành, không ngừng nâng cao cảnh giới của chính mình.

Nếu muốn có trí huệ, trước hết hãy coi nhẹ bản ngã, quý vị bắt đầu làm từ đây. Biết tôn trọng người khác, thương yêu người khác. Học tập Tứ Đức trong Hoàn Nguyên Quán, tùy duyên diệu dụng. Thật sự học được tùy duyên diệu dụng, ba khoa trước trong Hoàn Nguyên Quán, không thể không biết. Phải lấy tiêu chuẩn này để nhìn vũ trụ, nhìn vạn pháp, nhìn chúng sanh, từ một thể hiện ra hai tướng,

đó là y báo và chánh báo. Y báo cũng tốt, chánh báo cũng tốt, đều có ba loại đặc thù. Một là chu biến pháp giới, bởi vì ba loại hiện tượng đều không rời khỏi định luật dao động này, tất cả là dao động sanh ra hiện tượng. Dao động này chu biến pháp giới, hết thấy chúng sanh trong pháp giới, tất cả đều nhận được tin tức này. Thân thể của chúng ta, tư tưởng của chúng ta là trạm phát dao động, đồng thời cũng là trạm thu nạp. Hết thấy chúng sanh trong mười phương, dao động của họ, mỗi tế bào trong thân thể chúng ta, chấm nhỏ của sợi lông, hạt bụi đều nhận được mà không chút tạp loạn, máy vi tính so với nó cũng thua xa.

Vì sao chúng ta không cảm nhận được? Không cảm nhận được là cơ quan của chúng ta đang bị trục trặc, chúng ta phát ra không có trục trặc, bộ phận thu tin của chúng ta có trục trặc. Chúng ta có khởi tâm động niệm, có phân biệt, có chấp trước. Cho nên chúng ta nhận được tin tức trong mười phương, không có phản ứng. Nếu chúng ta buông bỏ hết phiền não tập khí, hồi phục thanh tịnh bình đẳng giác, những tin tức nhận được mọi lúc mọi nơi, hoàn toàn hiểu rõ, trí huệ minh liễu, thấy được vạn pháp đều không, quý vị chắc chắn biết được nó là “vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc”. Cho nên tuy đối diện với tất cả pháp, nhưng ở trong tất cả pháp là như như bất động, đây gọi là diệu dụng. Rõ ràng, minh liễu, như như bất động, đây gọi là diệu dụng.

Sống trên thế gian này, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác của chúng ta, đều làm gương tốt cho mọi người trong xã hội. Tuy mỗi ngày làm gương tốt cho họ, trên thực tế chưa bao giờ khởi tâm động niệm, không có phân biệt chấp trước, rất tốt! Giống như thế giới Cực Lạc, không phải có ý làm như thế, tự nhiên như vậy, đây là sự biểu lộ của tánh đức, tự nhiên hiển lộ ra. Ở cõi Thường Tịch Quang như thế, ở cõi Thật Báo như thế, thì ở đây cũng y như vậy, không hai không khác. Khi quý vị thật sự khế nhập rồi, quý vị sẽ cười. Phật Thích Ca Mâu Ni nói những danh tướng này nhiều lần như vậy, nói nghe rất hay. Có phải là chân tướng sự thật hay không? Nói phải cũng được, nói không phải cũng được. Nói phải, thế nào là phải? Nghĩa là hằng thuận chúng sanh. Nói không phải thì sao? Là cảnh giới thân chứng, quá vi diệu!

Người thật sự khế nhập cảnh giới, Phật Thích Ca Mâu Ni đang biểu diễn, trong lòng quý vị sẽ cười Ngài, nụ cười này giống như lúc Thế Tôn còn tại thế “niêm

hoa vi tiểu”, chỉ có tôn giả Ca Diếp hiểu được, người khác không hiểu, quá vi diệu! Nếu chúng ta muốn vào cảnh giới này, thì không thể không đọc, không thể không nghe. Vì sao vậy? Vì phần lớn là từ pháp môn này ngộ nhập. Cho nên khi Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, 49 năm giảng kinh thuyết pháp, đạo lý là ở chỗ này. Biện pháp khác chỉ là thiếu số, biện pháp này chắc chắn là đa số.

Dạy học, không chỉ có đức Phật Thích Ca Mâu Ni, quý vị thấy tất cả tôn giáo trên thế giới, người sáng lập tôn giáo đều là dạy học, nếu họ không dạy học, thì lấy đâu ra kinh điển? Kinh điển chính là lời dạy của họ được ghi lại, không rời việc dạy học. Nhưng thời gian dạy học của đức Phật Thích Ca Mâu Ni là dài nhất, 30 tuổi giác ngộ, 79 tuổi viên tịch, suốt 49 năm không một ngày rảnh rỗi, ngày ngày dạy, ngày ngày giảng, làm không biết mệt. Gesu dạy học được 3 năm thì bị người hại chết, Mục Hãn Mặc Đức dạy học 27 năm, Ma Tây dạy học cũng được 20-30 năm.

Quý vị quán sát kỹ xem, hình thức sớm nhất của tôn giáo, đều là giáo dục xã hội, giáo dục phổ thế, đây là đối với một số đại chúng, đều khuyên bảo mọi người bỏ ác tu thiện, cải tà quy chánh, đoạn chánh tâm niệm, dạy điều này. Đây là giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả.

Số ít người căn tánh lanh lợi, hàng thượng căn, thượng thượng căn, đức Phật giúp họ thăng tiến, giúp họ thăng tiến đến A La Hán, thăng tiến đến cõi Thật Báo, thăng tiến đến cõi Thường Tịch Quang. Đây là số ít người. Sự học không bờ bến. Vào được cõi Thường Tịch Quang là đặc đại viên mãn. Trí huệ viên mãn, đức năng viên mãn, tướng hảo viên mãn, lúc này cùng với hết thầy chúng sanh trong biến pháp giới hư không giới, tự nhiên khởi tác dụng cảm ứng đạo giao. Chúng sanh có cảm, cầu Phật Bồ Tát giúp đỡ, Phật Bồ Tát có ứng. Cảm của chúng sanh là có tâm, nhưng ứng của Phật Bồ tát là không có ý. Vì sao vậy? Bởi pháp thân Bồ Tát đều đã chuyển thức thành trí rồi, ý ở trong thức, cho nên không có ý, không có dụng ý, ý muốn nói là không có khởi tâm động niệm, không có phân biệt chấp trước, dùng chân tâm.

Chúng sanh trong mười pháp giới còn dùng vọng tâm, điều này quý vị cần phải biết. Lục đạo là vọng tâm, pháp giới Tứ Thánh là vọng tâm, vì sao vậy? Vì chưa thể chuyển tám thức thành bốn trí, nếu đã chuyển thức thành trí, thì họ không còn

ở trong mười pháp giới, họ đã lên cao rồi, họ đã lên đến cõi Thật Báo rồi. Cõi Thật Báo, trong bộ kinh này nói là thân pháp tánh, cõi pháp tánh. Đây là thật, không phải giả. Mười pháp giới trở xuống toàn là giả, không phải thật. Điều này không thể không hiểu rõ.

“Thị tất trí huệ minh liễu, đạt thần thông chi bốn, nhi biến hóa thần thông, tự tại vô ngại”, câu dưới vô cùng quan trọng.

“Cổ viết, dẫn đắc bốn, mạc sâu mật, căn bốn trí giả, bốn dã. Chúng chúng thần thông, giai thánh mật biên sự”, tất cả cái khác đều là từ căn bản trí sanh. Căn bản trí là gì? Trong kinh Bát Nhã đức Thế Tôn bảo chúng ta rằng: “Bát nhã vô tri, vô sở bất tri”. Căn bản trí là vô tri, nó không khởi tác dụng là vô tri, khởi tác dụng là vô sở bất tri. Khi không khởi tác dụng thì nhất niệm bất sanh, đây là bốn. Nhất niệm bất sanh là cảnh giới nào? Là tương ưng với tự tánh, tương ưng với Đại Bát Niết Bàn. Khi đại sư Huệ Năng khai ngộ, Ngài nói câu thứ ba là: “đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”. Đây là căn bản trí- tự tánh, cũng chính là điều đức Phật dạy trong Hoa Nghiêm, đức Phật dạy rất hay: “tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí huệ của Như Lai”. Cho nên nói tất cả chúng sanh vốn là Phật, tất cả chúng sanh vốn đã thành Phật. Đây là lời chân thật, không sai chút nào. Bây giờ chúng ta tại sao biến thành như thế này? Chúng ta với Phật không hai không khác, trí huệ giống nhau, đức năng giống nhau, thần thông giống nhau, tướng hảo giống nhau, vì sao hôm nay biến thành như thế này.

Ở dưới đức Phật nói: “Vì vọng tưởng phân biệt chấp trước mà không chúng đắc”. Một lời thông suốt. Bởi vì chúng ta có khởi tâm động niệm, có phân biệt chấp trước, cho nên từ trên quả vị Phật rơi xuống biến thành phàm phu. Giáo lý đại thừa thường khuyên chúng ta “quay đầu là bờ”, mau mau quay đầu, quay đầu là kiến tánh, quay đầu là trí huệ đức tướng trong tự tánh sẽ hiện tiền. Tại sao không quay đầu? Buông bỏ hết khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, là quay đầu rồi, quay đầu là vậy!

Những lời này trong kinh giáo đại thừa đức Phật nói không biết bao nhiêu lần, tận tình khuyên nhủ chúng ta. Chúng ta không thể nhất thời đón xả như Ngài, Ngài làm cho chúng ta thấy, năm Ngài 30 tuổi, dưới cội bồ đề buông bỏ được tất cả

phiền não chướng, sở tri chướng, gọi là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, Ngài đã thành Phật. Thành Phật chính là thành tựu nhất thiết chủng trí, căn bản trí và hậu đắc trí hoàn toàn hiện tiền, liền bắt đầu dạy học, 79 tuổi viên tịch, 49 năm dạy học không một ngày gián đoạn. Nếu quý vị hỏi Phật giáo là gì? Phật giáo là dạy học. Dạy điều gì? Dạy thật tướng của các pháp. Nói một cách đơn giản là chân tướng của vũ trụ nhân sanh. Nếu nói với giới khoa học, là chân tướng của vật chất, tinh thần, và đại tự nhiên. Danh từ trong kinh Phật gọi là thật tướng của các pháp. Đức Phật nói là nói về điều này, dạy là dạy điều này, chứng cũng là chứng điều này, gọi là chứng quả. “*Có viết, dẫn dắt bốn, mạc sâu mật*”. Câu này quan trọng! Chúng ta học Phật là học điều gì? Chúng ta phải đạt được “bốn” này, “bốn” là căn bản trí, trí huệ ứng dụng là hậu đắc trí, các loại thần thông cũng là hậu đắc trí, quý vị hoàn toàn phục hồi rồi, các loại thần thông là bản năng của chính mình.

Những điều dưới đây nói như: “*cung điện, phục sức, hương hoa, phan cái, trang nghiêm chi cụ, tùy ý sở tu, tất giai như niệm*”, đây là thành tựu của hậu đắc trí. Từ tự phần mà nói, phải từ trên Di Đà nhân địa mà nói, là bốn nguyện oai thần của Phật A Di Đà. Oai thần là chỉ cho 5 kiếp tu hành, thành tựu bốn nguyện công đức. “Tùy ý sở tu, tất giai như niệm”, chúng ta hiểu nguyên lý này, có thể y theo phương pháp này tu hành, tuy không thể làm được viên mãn, nhưng cũng có thể thực hiện được chút ít.

Dĩ hạ, từng ẩm thực. đây là đoạn dưới: *y phục, trú sở tam phương diện, minh kỳ thọ dụng cụ túc.* Đây là giới thiệu tỉ mỉ cho chúng ta, hoàn cảnh sinh hoạt ở thế giới Tây phương Cực Lạc.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 376

Chuyển ngữ: Nguyễn Thanh

Biên tập: Bình Minh

Giảng ngày: 14.4.2011

Địa Điểm: Tịnh Tông Học viện -Úc Châu

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 454 hàng thứ 3 đếm từ dưới lên, bắt đầu xem “kinh văn”.

Nhược dục thực thời, thất bảo bát khí, tự nhiên tại tiền, bách vị ẩm thực, tự nhiên doanh mẫn, tuy hữu thử thực, bảo vô thực giả, dẫn kiến sắc thanh hương, dĩ ý vi thực, sắc lực tăng trưởng, nhi vô tiện ứ, thân tâm nhu nhuyễn, vô sở vị trước, sự dĩ hóa khứ, thời chí phục hiện.

Đoạn kinh văn trên là nói về “ẩm thực tự tại”. Chúng ta xem chú giải. Chúng ta phải chú ý câu thứ nhất trong kinh văn: “nhược dục thực thời”, Chữ “nhược” này là giả định, giả thiết. Giả sử quý vị muốn ăn, thì cảnh giới thức ăn hiện tiền. Nếu quý vị không muốn ăn, thì nó không còn nữa. Từ đó cho thấy, ở thế giới Tây phương Cực Lạc, đại đa số người đều không muốn ăn, ăn là một việc rất phiền phức.

Ở trên thế gian này, người tu hành chân chánh, ngày chỉ ăn một bữa. Khi đức Phật còn tại thế, ở trong tăng đoàn, chỉ ăn vào giờ trưa, gọi là quá Ngọ không ăn. Buổi sáng có công phu của buổi sáng, công phu xong thì ra ngoài khát thực, khát thực cũng là một thời công phu, ăn cơm cũng là công phu. Cho nên gọi là ngũ thời công phu. Bữa ăn của họ rất đơn giản. Trong kinh điển dạy rằng, A La Hán mỗi tuần đi khát thực một lần. Nói cách khác, là mỗi tuần chỉ ăn một bữa. Định công của Bích Chi Phật sâu hơn, nửa tháng chỉ đi khát thực một lần, tức là hai tuần ăn một bữa.

Chúng ta biết người ở cõi trời Sắc giới, đã đoạn hết ăn uống, không ăn uống, cũng không cần ngủ nghỉ. Lúc bảy giờ đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện ở thế gian của chúng ta, là hoàn toàn tùy tâm của chúng sanh mà ứng hiện. Tùy thế giới của chúng ta, tùy tập tánh của người trên trái đất này mà làm gương sáng cho chúng ta. Ngài thị hiện ăn uống đơn giản, khỏe mạnh sống lâu.

Bảo dưỡng thân thể, không nhất định phải ăn thật nhiều, nhưng trong đó ăn phải có khoa học. Thân thể con người, quả thực giống như một bộ cơ khí, cơ khí này nếu quý vị biết cách dùng, biết cách bảo dưỡng, thì tuổi thọ của nó rất dài. Hồi xưa thầy Lý nói với tôi, thầy rất giỏi về đông y, thầy nói với tôi, thầy một đời khám bệnh cho mọi người, chưa một lần dùng thuốc bị sai. Thầy dám nói lời này, ý là rất cẩn thận, rất dè dặt. Thầy đã từng làm quan tư pháp. Thầy nói làm quan tư pháp phá án, chắc cũng có người bị xử oan, thầy dám bảo chúng rằng trong cuộc đời, thầy không dám nói là không xử oan một người nào. Nhưng dùng thuốc đông y, thì thầy dám nói. Thầy bảo tôi rằng, mục tiêu của y học Trung Quốc, không phải chủ yếu để trị bệnh, vậy chủ yếu để làm gì? Để trường sanh. Theo lý luận của đông y, tuổi thọ của con người, là phải bảo dưỡng bộ cơ khí này, tối thiểu có thể dùng được 200 năm, 200 năm là tuổi thọ bình thường của quý vị, đây là mục đích, mục đích hàng đầu của đông y. Mục đích thứ hai là phòng ngừa bệnh tật, làm sao có thể để con người không bệnh tật, đây là mục đích thứ hai của đông y. Mục đích thứ ba mới là trị bệnh, cho nên trị bệnh là mục đích thứ ba.

Trị bệnh lại có ba hạng, hạng thứ nhất là không cần nói, chỉ nhìn âm thanh, khí sắc của người bệnh, nghe tiếng nói của họ, nhìn động tác của họ, nhìn khí sắc của họ, thì biết được người đó bị bệnh gì. Đây là bác sĩ rất giỏi, xem qua là biết liền. Hạng thứ hai, xem còn chưa chắc chắn, họ phải hỏi, hỏi tình trạng thân thể của quý vị như thế nào, phải hỏi qua một chút, đây là hạng thứ hai. Hạng thứ ba là phải bắt mạch, hỏi rồi họ cũng chưa chắc chắn, nhất định phải bắt mạch, cho nên khi bắt mạch, chúng ta nghe bác sĩ nói những bệnh tình của mình. Gọi bác sĩ bắt mạch là bác sĩ hạng thứ ba. Trị bệnh là hạng thứ ba, trị bệnh đông y hạng thứ ba. Đông y hạng nhất là sống lâu, điều này Tây y không bì kịp. Nhưng đông y dần dần bị thất truyền, rất đáng tiếc.

Đông y là một ngành vô cùng quan trọng trong truyền thống văn hóa Trung Quốc, nhưng đông y không dễ học, bây giờ một số người muốn học đông y rất khó khăn. Điều này quý vị không thể không biết, tất cả pháp thế xuất thế gian muốn học cho thông suốt, muốn học cho viên mãn, thì nhất định là tâm thành kính. Người thời nay không biết cung kính, khó khăn là ở chỗ này. Tuy gặp được thầy giáo giỏi, nhưng quý vị không học được những thứ ở họ.

Chúng ta phải ghi nhớ lời dạy của Ân Quang đại sư: “một phần cung kính”, Ngài nói là thành kính, “một phần thành kính được một phần lợi ích, hai phần thành kính được hai phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích, trăm phần thành kính được trăm phần lợi ích, vạn phần thành kính được vạn phần lợi ích”, không có thành kính, thì quý vị không được lợi ích gì cả. Trong xã hội ngày nay, đến đâu tìm ra được người thành kính? Không tìm ra. Mỗi người đều rất muốn “mình biết thành kính”. Nhưng thành là gì, kính là gì? họ không làm được. Vì sao không làm được? Vì thời gian học thành kính đã qua mất rồi. Thành kính phải học từ khi nào? Phải bắt đầu học khi mới chào đời, bậc cha mẹ phải dạy quý vị.

Cho nên quý vị nhất định phải biết Đệ Tử Quy. Đệ tử Quy không phải dạy cho những đứa trẻ, không phải dạy nó đọc. Đệ Tử Quy là lúc trẻ mới chào đời, đứa trẻ chào đời, mắt mở ra nó đã biết nhìn, biết nghe, làm cha mẹ phải thực hiện hóa Đệ Tử Quy, làm thành hình thức để hàng ngày nó thấy, nó thấy ba năm như vậy là học được nền tảng vững chắc. Cho nên, trông coi rể giáo dục cho trẻ là quan trọng hơn hết.

Con người bây giờ không ai biết, mọi người đều chưa học qua. Tuổi của tôi bây giờ cũng kể là rất may mắn, lớn lên ở nông thôn, nếu lớn lên ở thành phố thì tiêu rồi, không học được rồi. Ở nông thôn tuổi như tôi bây giờ cũng còn học. Trên ba tuổi học là đã chậm rồi, đến lúc thiếu niên mới học thì không còn kịp nữa, học thế nào cũng không hiểu được. Người xưa quả thực rất hay, dạy trẻ, khi người mẹ mang thai là đã dạy. Đạo lý truyền thống của Trung Quốc, đạo lý truyền thống của thai phụ, một người mẹ mang thai nhất định phải hiểu. Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác của người mẹ, đều ảnh hưởng đến thai nhi. Cho nên trong điển tịch nhà Chu ghi lại rằng, khi mẹ của Chu Văn Vương mang thai, trong mười tháng này, mắt bà không nhìn sắc khiếm nhã, tai không nghe tiếng khiếm nhã, miệng không nói lời ác, tức là trong Phật pháp nói về khẩu nghiệp, nhất định không được nói dối, nói hai lưỡi, nói thêu dệt và nói lời ác, ảnh hưởng đến thai nhi. Đi đứng nằm ngồi đều có oai nghi, tâm chánh, cho đứa trẻ chào đời thân thể được đoan trang.

Sau khi đứa trẻ chào đời, cha mẹ phải thực hiện hóa Đệ Tử Quy cho nó xem, cha mẹ phải hiếu thảo với cha mẹ mình, để đứa bé thấy. Đứa bé thấy rồi trong lòng nó sẽ có ấn tượng. Ngạn ngữ có câu “ba tuổi học tám mươi, bảy mươi học chung thân”. Trông cội rễ giáo dục, tốt nhất là trông vào lúc lên ba, đến 80 tuổi cũng không thay đổi, họ có thể giữ được. Đây là điều mà người xưa rất coi trọng.

Gia đình tôi không có đời sau, không có xuất hiện nhân tài kiệt xuất. Nhân tài là phải được dạy tốt, tổ tiên có đức, bậc cha mẹ biết dạy, thì đời sau chẳng có chuyện không xuất hiện nhân tài.

Mẹ của Vương Lý có ba người con trai, Vương Lý là con thứ ba, ba người đều là thánh nhân. Phi tần Thái Tự của Văn Vương cũng biết cách dạy. Con trai là Võ Vương và Chu Công, đặc biệt là Chu Công, trong mắt của Khổng Tử Chu Công là người ông cung kính nhất, là người ông khâm phục nhất. Cuộc đời của Khổng Tử học ở Chu Công, học cũng rất giống, lấy Chu Công gương mẫu, làm mô phạm, hướng về Chu Công học tập. Cho nên Khổng Tử cũng thành Thánh Nhân. Chu Công tại vị, có địa vị chính trị. Khổng Tử không có, Khổng Tử suốt đời là dân thường, nhưng học vấn và đức hạnh của ông, với người có địa vị như Chu Công không khác.

Nếu quốc gia xã hội, đời này đến đời khác có Thánh Hiền xuất thế, thì có trị an lâu bền, thế giới hài hòa, nhân dân hạnh phúc. Không có Thánh nhân quân tử, thì xã hội này không tránh khỏi loạn động. Điều này chúng ta không thể không biết. Trên thế giới, chỉ có dân tộc nước ta có trí huệ, hiểu được giáo dục, coi trọng giáo dục, nhiệt tâm giáo dục, đem lý niệm giáo dục viết vào kinh sách “kiến quốc quân dân, giáo dục vi tiên”. Kiến lập một quốc gia, kiến lập một chính quyền, lãnh đạo nhân dân, điều gì quan trọng nhất? Giáo dục! Chỉ cần giáo dục con người tốt rồi, thì bất cứ phương diện nào trong xã hội cũng tốt cả, chẳng có không tốt.

Con người là cội gốc, chế độ là thứ yếu. Câu này được viết ở trong Lễ Ký, mãi đến cuối triều nhà Thanh, quốc gia vẫn còn tuân thủ, không dám nói hủy bỏ. Cuối triều Mãn Thanh, thái hậu Từ Hi nhiếp chính, không còn tôn trọng lời giáo huấn của cổ Thánh tiên Hiền. Khi không còn tôn trọng, thì trên làm dưới theo. Hoàng thượng không tôn trọng, thì ở dưới đại thần, văn võ bá quan tùy tiện. Diễn biến đến ngày nay đã hai trăm năm, gần như mất rồi. Ở Trung Quốc không có, ở Nhật

Bản cũng không có. Ở Nhật Bản 30-40 năm trước, chúng tôi đến tham quan vẫn có người nói về vấn đề này, bây giờ không có ai nhắc đến nữa. Chúng ta biết xã hội đã loạn, lòng người thay đổi, thay đổi thành xấu rồi.

Trong Phật pháp thường nói “cảnh tùy tâm chuyển”, tâm người bất thiện, thì trái đất chúng ta sống thành vấn đề, cho nên thiên tai khác thường. Có quá nhiều thiên tai như vậy, chúng ta phải biết cứu vãn xã hội, phải cứu vãn trái đất, không gì khác ngoài việc này. Ngay cả Bồ Lai Đãng người Mỹ cũng biết được. Năm ngoái ông dự đại hội ở Xít-ni, họ bàn đến năm 2012, dự báo thiên tai của Mã Nhã, ông nói: chỉ cần cư dân của chúng ta trên trái đất này, đều có thể bỏ ác làm lành, cải tà quý chánh, đoạn chánh tâm niệm, thì chẳng những không có thiên tai, mà trái đất này sẽ hướng đến tương lai tốt đẹp hơn, đây là thật không phải giả. Những lời ông ta nói, trên thực tế, không khác gì lời giáo huấn truyền thống của tổ tiên, lời giáo huấn của Phật Bồ Tát. Phật dạy chúng ta bỏ ác làm lành, chuyển mê thành ngộ, chuyển phàm thành thánh. Đó là lời Phật dạy. Nếu cư dân trên trái đất, xuất hiện một bộ phận Thánh Hiền quân tử, thì xã hội trên thế giới này có thể phục hồi, thiên tai trên trái đất cũng có thể hóa giải.

Trong tiết kinh văn này, chúng ta thấy được tình hình sinh hoạt ở thế giới Tây phương Cực Lạc. Trong kinh văn nói, đều là những vị Bồ Tát vừa mới vãng sanh về cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Vì sao vậy? Bởi tập khí thói quen ăn uống của họ còn chưa đoạn hết, mới có tình hình này. Trong kinh nói “nhược dụng thực thời” câu này hàm ý rất sâu, họ không muốn ăn thì không còn nữa, làm gì có chuyện này! Còn nghĩ đến ăn uống. Vì sao vậy? Vì mới vãng sanh thì tập khí ăn uống chưa đoạn, họ sẽ nghĩ đến, nghĩ đến việc này thì nó hiện tiền.

Quý vị xem, dụng cụ ăn uống là “thất bảo bát khí”. Chúng ta xem chú giải “bát khí”, gọi tắt là bát, tiếng Phạn là Bát Đa La. Người Trung Quốc thích đơn giản, nên tỉnh lược hết âm đuôi, gọi là “bát”, dịch thành “ứng lượng khí”, đây cũng là tỉnh lược. Nếu nói rõ một chút thì “ứng lượng khí” là đồ dùng đựng thức ăn của người xuất gia, tức ngày nay chúng ta gọi là bát, bát cơm. Vì sao gọi là ứng lượng? Bởi sức ăn của mỗi người không giống nhau, người ăn nhiều thì bát của họ có thể lớn một chút, người ăn ít hơn thì bát của họ có thể nhỏ lại một chút. Cho nên bát lớn hay nhỏ là lượng cơm của người đó, nên gọi là ứng lượng khí.

Chất liệu của bát có hai loại, một là bát sành sứ, hai là bát nhôm. Bát nhôm là chế tạo bằng kim loại, giống như bây giờ trong chùa dùng thép không rỉ, cũng có cái làm bằng nhôm, nhôm nhẹ hơn, dùng nhôm để làm bát, nhưng bây giờ ít người dùng bát ăn cơm, chỉ khi truyền giới, quá đường vẫn còn dùng bát để làm tượng trưng, thông thường thì hầu như không dùng nữa, chỉ dùng một số dụng cụ ăn uống của chúng ta bây giờ. Có thể dùng dụng cụ ăn uống để giải thích ý nghĩa của “Bát khí”.

“Tự nhiên tại tiền”, khi chúng ta có ý niệm này, thì những dụng cụ ăn uống tự nhiên có trước mặt.

“*Hán dịch viết, mãn kỳ trung bách vị ẩm thực tự tứ*”. “Mãn” là chỉ trong bát, thức ăn trong bát đã có, đã đầy là tự nhiên mà có.

“*Nhược tùy ý tắc chí, diệc vô sở tùng lai*”. Nó là do biến hóa ra, trong tâm quý vị vừa nghĩ, là nó hiện ở trước mặt quý vị, đang đặt trên bàn của quý vị. “Vô sở tùng lai”, nghĩa là quý vị không biết từ đâu mà có, tự nhiên hiện tiền.

“*Diệc vô hữu cúng dường giả*”, không có người cúng dường, cũng không có người chế tác. “*Tự nhiên hóa sanh nhĩ. Thị tri bát khí ẩm thực đẳng đẳng, giai Di Đà bốn nguyện sở cảm*”. Cũng chính là thành tựu bốn nguyện của Phật A Di Đà, “*có bất tu tạo tác, tự nhiên xuất hiện dã. Bách vị ẩm thực*”, bách vị là chỉ cho trăm loại vị ngon.

“*Hựu Đại Luận viết, hữu nhân ngôn, năng dĩ bách chủng hiến cúng dường, thị danh bách vị, bính chủng số ngũ bách, kỳ vị hữu bách, thị danh bách vị*”. Ở Trung Quốc thời cổ đại, khi vua ăn cơm, vua ăn cơm không có người hầu bên. Chỉ một mình vua ăn, có bao nhiêu món ăn? Là 100 món, mỗi bữa ăn là 100 món. Không dùng bát cơm lớn, chỉ dùng đĩa nhỏ. Trong cung đình, đúng là có trăm vị ẩm thực. Cơm trong nhà Phật, khẳng định cũng có đủ trăm vị. Vì sao vậy? Khi đức Thế Tôn còn tại thế là đi khát thực. Người xưa nói “một bát cơm ngàn nhà”, vậy là đã có đủ vị rồi. “Ngàn” là viên mãn, tượng trưng cho sự viên mãn. Khát thực không phải chúng ta khát xong rồi ăn liền, không phải như vậy.

Bây giờ chúng ta thấy Phật giáo Nam truyền, ở Thái Lan, Miến Điện quý vị thấy người xuất gia, mỗi ngày đi khát thực, dùng bát rất lớn, bên trên có nắp đậy, đó là bát bằng nhôm. Hồi trước ở Đài Loan, có một bạn đồng tu mang một cái bát từ

Thái Lan đến tặng tôi, cái bát đó đựng cơm đủ cho 4-5 người ăn, bát rất lớn, giống như cái nồi nhỏ vậy. Sau khi khát thực về, họ đem tất cả thức ăn trộn chung với nhau, sau đó chia ra rồi ăn, đúng là “một bát cơm ngàn nhà”. 1255 vị đệ tử của đức Phật, mỗi người đi khát thực về, đều tập tung lại một chỗ. Đúng là “một bát cơm ngàn nhà”. Những thức ăn còn lại đem bỏ thí cho chim chóc, tuyệt đối không được giữ đến ngày mai, giữ đến ngày mai, sợ thức ăn hư rồi, ăn vào sẽ bị bệnh. Mỗi ngày khát thực, sau khi ăn xong, còn lại thì bỏ thí cho chim chóc.

“Hữu nhân ngôn, bách chủng dược thảo dược quả, tác hoan hỷ hoàn, nhân ẩm thực, cố bách vị”. Cũng có cách nhận định này. Chữ “bách” này không phải cứng nhắc chỉ định cho 100, cũng có thể quá, cũng có thể chưa đến, nó là hình dung từ, hình dung nhiều thứ. “Dược thảo dược quả”, những thứ này làm thức ăn cũng gọi là trăm vị.

“Án Bồ Tát chi quả báo thực, dĩ thân thông biến hóa thực, hữu vô lượng vị, bỉ độ cam lồ vị thực, yên khả tư nghi”. Đây là nói về Bồ Tát. Bồ Tát có “quả báo thực” và có “thân thông biến hóa thực”. Quả báo thực là gì? Bồ tát ứng thân ở nhân gian, như đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni sớm đã thành Phật rồi. Trong Kinh Phạm Võng dạy rằng, Ngài thị hiện thành Phật lần này là lần thứ 8 ngàn. Thị hiện ở nhân gian, cần hiện thân gì để độ thì Ngài hiện ra thân đó, không phải ý của ngài. Cần dùng thân Phật để độ thì hiện ra thân Phật. Như lục tổ Huệ Năng là cần hiện thân tỳ kheo để độ, liền hiện thân tỳ kheo để thuyết pháp. Sự chứng đắc của lục tổ Huệ năng, với đức Phật Thích Ca Mâu Ni đại triệt đại ngộ dưới cội bồ đề là đồng một cảnh giới. Sau khi đức Thế Tôn chứng ngộ, Ngài nói ra cảnh giới chứng ngộ của ngài, ở trong định hai tuần lễ- 14 ngày nói, chính là kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, là Như Lai ở trong định nói, là cảnh giới của Ngài chứng đắc.

Lục tổ Huệ Năng ở trong phương trượng của Ngũ tổ khai ngộ, sau khi khai ngộ, Ngài chỉ nói năm câu: “Đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh”, không ngờ rằng tự tánh, đã kiến tánh, không ngờ rằng tự tánh vốn tự thanh tịnh, chưa bao giờ nhiễm ô. Mặc dù quý vị đọa vào 3 đường ác, đọa vào địa ngục cũng không nhiễm ô. “Vốn vô sanh diệt”, đúng là không sanh không diệt. “Vốn tự đầy đủ”. “Vốn không dao động”. “Năng sanh vạn pháp”. Ngũ tổ nghe qua nói: “được”! Rồi liền

truyền y bát cho Ngài, Ngài trở thành Lục tổ từ đó. Vậy chúng ta biết rằng, đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng bộ kinh lớn như vậy, nội dung kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm nói điều gì? Xin nói với quý vị, chính là năm câu này: “Vốn tự thanh tịnh. Vốn không sanh diệt. Vốn tự đầy đủ. Vốn không dao động. Năng sanh vạn pháp”. Năm câu này triển khai ra, tức là kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm cô đọng lại là năm câu này, cùng cảnh giới.

Ở Trung Quốc trong 2000 năm gần đây, Chư Phật Bồ Tát và A La Hán ứng hóa rất nhiều. Trong Đại Tạng kinh có một bộ Thần Tăng truyện, đó là thị hiện làm người xuất gia, là Phật Bồ Tát tái sanh. Họ thị hiện thân này, phải ăn uống giống như người thường vậy. Có vị mỗi ngày ăn một bữa, có vị ăn hai bữa, cũng có vị ăn cả ba bữa. Đó gọi là “Bồ Tát chi quả báo thực”. Ngoài ra có một loại “thần thông biến hóa thực”, thỉnh thoảng cũng thị hiện cho chúng ta. Như Kim Sơn hoạt Phật Diệu Thiện pháp sư, đây là cách thời đại chúng ta gần nhất. Ngài viên tịch ở Miền Điện trong thời kỳ kháng chiến. Lạc Quán pháp sư Đài Loan biết Ngài, sống chung với Ngài 4 tháng nữa, rất hiểu rõ Ngài.

Pháp sư nhớ rất rõ, Pháp sư ở chung với Hoạt Phật, có một lần tiếp nhận cúng dường của Phật tử tại gia, giờ Ngọ ăn cơm, rất nhiều người bung thức ăn đến cúng dường Ngài, Ngài vô cùng hoan hỉ, ăn hết ngay trước mặt người cúng. Bữa ăn này ăn nhiều ít? Ăn hết hơn 20 chén. Pháp sư Lạc Quán ngăn những người này: quý vị không nên hại Hoạt Phật, quý vị làm như vậy là không được, không nên hỉ hả nghĩ rằng, Hoạt Phật tiếp nhận sự cúng dường của quý vị, là quý vị có phước, quý vị không thể để Ngài ăn như vậy. Sốt ruột Hoạt Phật bảo pháp sư Lạc Quán rằng “bất tăng bất giảm”, pháp sư Lạc Quán nghe vậy thì ngăn người ra, “bất tăng bất giảm”, đúng là như không có chuyện gì. Hai ngày ba ngày không ăn cơm cũng không sao, một bữa mấy chục bát cũng không sao. Đó là “Thần thông biến hóa thực”. Những vị này đều là dạy học, đều là dẫn dắt tín tâm cho người mới học. Biết rằng Phật pháp không thể nghĩ bàn, làm cho quý vị thấy. Cho nên đây gọi là vô lượng vị.

“Bỉ độ” là thế giới Tây phương Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc là “cam lồ vị thực”, cam lồ là hình dung từ, thức uống ngon nhất của chư thiên là cam lồ. Ở trước

chúng ta đã học qua. Nói cách khác, thế giới Cực Lạc là mỹ vị ngon nhất, không thể nghĩ bàn, chúng ta không tưởng tượng được.

“*Sở vị bách vị giả, chỉ thị thuận thủ phương tục nhĩ*”. Chỉ Đế vương ở thế gian này ăn cơm mới có 100 món, đây gọi là bách vị ẩm thực.

“*Thật vô thực giả, nhân bỉ độ chúng sanh liên hoa hóa sanh, thanh hư chi thân, vô cực chi thể, bản vô cơ khát chi khổ, cố vô thực giả, đãn vị ý lạc chi thực dã*”. Đây là nói đúng chân tướng sự thật. Thế giới Tây phương Cực Lạc là hoa sen hóa sanh, họ không phải là thân huyết nhục. Thế giới của chúng ta, cần phải ăn uống để nuôi dưỡng thân thể. Thân này là bộ cơ khí, nó cần có năng lượng. Năng lượng từ đâu mà có? Là hấp thu từ thức ăn để nuôi dưỡng thân thể. Thế giới Cực Lạc không phải là thân huyết nhục, mà từ hoa sen hóa sanh. “*Thanh hư chi thân, vô cực chi thể*”, ở trước chúng ta đều đã học qua. Thân tướng đẹp trang nghiêm, hoàn toàn giống thân Phật A Di Đà, họ không cần ăn uống hấp thu dinh dưỡng, không cần. Ở thế giới của chúng ta, từ Sơ thiên trở lên không cần ăn uống. Tuổi thọ của họ dài, rất dài. Họ dùng gì để nuôi thân? Trong kinh Phật dạy rằng, họ là dùng niềm vui trong thiên làm thức ăn.

Tôi nhớ ngạn ngữ có câu: “*nhân phùng hỷ sự tinh thần sáng*”, hoan hỷ. Năng lượng của họ từ đâu có? Năng lượng là từ trong tự tánh, tự tánh vốn có đủ đức năng, tự tánh có thể sanh vạn pháp, năng lượng tất cả các pháp đều là từ tự tánh mà có. Chúng ta cũng không ngoại lệ, nhưng chúng ta đều là người gián tiếp, không phải trực tiếp, người trực tiếp không nhiều, người có công phu tu hành là người trực tiếp, người thường là người gián tiếp. Gián tiếp từ đâu? Từ mặt trời. Quý vị xem trên trái đất này, hoa lá cỏ cây, ngũ cốc tạp lương, đều là tiếp thu từ năng lượng mặt trời, con người chúng ta cũng không ngoại lệ. Mặt trời nạp điện cho chúng ta. Năng lượng mặt trời từ đâu mà có? Là từ trong tự tánh mà có, người tu hành công phu có hiệu quả, là trực tiếp hấp thu năng lượng tự tánh. A La Hán, Bích Chi Phật và Bồ Tát đều có khả năng này, không cần nấu nướng như người thế gian, họ không cần thức ăn này, hưởng gì thân thể của họ là “*thanh hư chi thân, vô cực chi thể*”.

“*Bản vô cơ khát*”, không có hiện tượng đói khát. Họ không có phiền não, không có ưu tư, không có bận tâm, thì cần gì những thứ này! Cho nên những thức ăn

này hiện tiền, hoàn toàn là tập khí. Vãng sanh về thế giới Cực Lạc được một thời gian ngắn, có khi họ nhớ lại mình chưa ăn cơm, chưa ăn gì cả, thỉnh thoảng nhớ lại. Chỉ cần quý vị khởi tâm, thì thức ăn đã đặt ngay trước mặt quý vị. Không cần nữa thì sao? Không cần nữa thì nó biến mất.

Chúng ta xem chú giải dưới đây: “*Đản vị ý lạc nhi thực dã, cố kiến sắc văn hương dĩ ý vi thực*”. Không phải ăn thật, họ thấy sắc ngửi hương đầy đủ rồi, không cần ăn.

“*Hựu thử diệu thực cụ tăng thượng dụng, năng tăng sắc lực, nhi vô tiện ược*”. Những thứ này hiện tiền, thì họ cũng hấp thu năng lượng, cũng khởi một chút tác dụng.

“*Phục hiển bỉ độ*” tức là thế giới Tây phương Cực Lạc, “*nhất thiết tất giai siêu thế hi hữu*”. Thực sự mà nói câu này rất quan trọng, hiển thị ra muôn sự muôn vật trong thế giới Tây phương Cực Lạc, ở trong mười pháp giới của chúng ta, cõi trời cõi người đều không có. Quý vị đến thế giới Cực Lạc thì có thể thấy được.

“*Hựu thực giả thân tâm nhu nhuyễn, ư thử diệu vị diệc vô tham trước*”. Không để cho quý vị khởi lòng tham. Thế gian của chúng ta, sự ăn uống sẽ khiến cho con người khởi lòng tham, đây chính là lòng tham dẫn đến phiền não. Thế giới Cực Lạc tuyệt đối không có chuyện này. Tất cả pháp cũng không dẫn đến quý vị tham, sân, si, chỉ giúp quý vị nâng cao giới, định, huệ, tuyệt đối không có tác dụng phụ.

“*Bốn kinh Bồ Tát Tu Trì Phạm vân, ư sở thọ dụng giai vô nhiếp thủ*”. Nhất thiết thọ dụng vô hữu nhiếp thủ nghĩa là gì? Là không có ý niệm không chế, không có ý niệm chiếm hữu. Vì sao vậy? Vì không nên có tâm niệm hành vi chiếm hữu, nếu quý vị có ý niệm này, thì nó liền hiện tiền, không có ý niệm này, thì nó tan biến. Như vậy nên tự tại biết bao! Không như thế gian của chúng ta, lúc gặp được thì trong tâm hoan hỷ, mất đi rồi thì tìm không thấy nữa. Thế giới Cực Lạc không như thế, quý vị muốn thì nó hiện tiền, không muốn nữa thì nó mất đi.

“*Hựu vân, xã ly nhất thiết chấp trước, cố vô sở vị trước*”. Đối với việc ẩm thực nhất định không chấp trước, nhất định không tham luyến. “*Dĩ thực*” là ăn xong, “*tiện tự nhiên hóa khứ*” là không còn nữa, không cần dọn dẹp, cũng không cần rửa bát đĩa. “*Dục thực thời tùy ý phục hiện*”, “*dục thực*” là tập khí, khi nào quý vị

ngữ đến thì nó lại hiện tiền. Khi không muốn thì nó không còn nữa. “*Nhất thiết tự tại vô ngại*”.

Hựu thử kinh văn, Chánh Hiển Vãng Sanh luận trung, trang nghiêm thọ dụng công đức thành tựu. 29 loại thành tựu này, công đức thành tựu, ở trước chúng ta đều đã học qua.

“*Kệ vân, ái nhạo Phật Pháp vị, thiên tam muội vi thực*”. Nói câu này là thật, người ở thế giới Cực Lạc vì sao không ăn cơm, vì sao không uống nước? Vì sao họ không đói, không khát? Là bởi họ nghe pháp, Phật A Di Đà ở thế giới Cực Lạc, ở giảng đường giảng kinh thuyết pháp không gián đoạn, bởi vì thế giới Cực Lạc không có ban ngày, không có ban đêm, là một vùng ánh sáng, nó không cần mặt trời mặt trăng. Thân Phật phóng quang, thân của mỗi người đều phóng quang, hoa lá cỏ cây phóng quang, cung điện phóng quang, đại địa phóng quang, chẳng nơi nào không phóng quang, quang minh thế giới, vô lượng trang nghiêm. Quý vị xem, chư Phật xưng tán Phật A Di Đà là “quang trung cực tôn, Phật trung chi vương”. Ngài giảng kinh, thuyết pháp, dạy học không gián đoạn, quý vị nghe kinh pháp cũng không gián đoạn, thì quý vị nhanh chóng thành tựu! Cho nên quý vị không được giải đãi, không được gián đoạn.

Ở thế giới chúng ta, người có công phu, mỗi buổi tối ngủ hai tiếng đồng hồ, bốn tiếng đồng hồ. Nếu ngủ hai tiếng, thì gián đoạn hai tiếng, ngủ bốn tiếng, thì gián đoạn bốn tiếng. Thế giới Tây Phương Cực Lạc, khi quý vị đạt đến, đến lúc quý vị thành Phật rốt ráo viên mãn, sự học tập của quý vị không gián đoạn, là phước huệ song tu, thân cận chư Phật Như Lai, thân cận chư đại Bồ Tát, phước báo. Nghe giảng kinh thuyết pháp, tăng trưởng trí huệ. Cho nên đến thế giới Cực Lạc phước huệ song tu.

Chúng ta xem Luận chú dưới đây- chú giải Vãng Sanh luận của pháp sư Đàm Loan:

Thị cố hưng đại từ nguyện, hưng thị hưng khởi. Đây là nói về “hưng đại bi nguyện” của Phật A Di Đà. *Nguyện ngã quốc độ*, chữ “ngã” này là Phật A Di Đà tự xưng, *dĩ Phật pháp, dĩ thiên định, dĩ tam muội vi thực.* Cho nên họ không cần âm thực của thế gian. *Vĩnh tuyệt tha thực chi lao*, các nơi khác âm thực phải có

nhân công, phải có người làm, ở thế giới Cực Lạc thì không, họ lấy sự nghe pháp, pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ, lấy niềm vui trong thiền, niềm vui trong thiền là tượng trưng cho tam muội và thiền định. Cho nên thế giới Tây phương Cực Lạc, không có người chế biến, không có người nấu nướng, không có việc này.

Ái nhạo Phật pháp vị là, như đức Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật thuyết kinh Pháp Hoa sáu mươi tiểu kiếp, thỉnh chúng nghe pháp khi đó cũng ngồi một chỗ sáu mươi tiểu kiếp, không có người nào hoặc thân hoặc tâm sanh mỗi mảy.

Thời gian không phải là thật, nó là giả. Thời gian dài hay ngắn là do quý vị phân biệt chấp trước mà ra, nếu quý vị buông bỏ phân biệt chấp trước, thì không có thời gian nữa. Hiện tượng này, các nhà khoa học hiện đại biết được, họ cũng nói với chúng ta thời gian là giả. Chẳng những thời gian là giả, mà không gian cũng giả.

Những người học đại thừa, hầu hết đã học Bách Pháp Minh Môn Luận của Bồ Tát Thiên Thân. Bồ Tát Di Lặc đem tất cả pháp thế xuất thế gian, quy nạp thành 660 loại. Trong Du Già Sư Địa Luận, Bồ Tát Thiên Thân cho rằng 660 pháp quá nhiều, không tiện cho người mới học, nên rút gọn lại còn 100 pháp, gọi là bách pháp. 100 pháp rất dễ nhớ, dễ học. Trong 100 pháp này lại chia thành 5 nhóm lớn gồm: tâm pháp, sắc pháp, tâm sở hữu pháp, bất tương ưng hành pháp và vô vi pháp, phân thành 5 nhóm như vậy. Thời gian và không gian được xếp vào trong mục bất tương ưng hành pháp. Bất tương ưng hành pháp, tức bây giờ chúng ta nói là khái niệm trừu tượng, không có thật. Cho nên nó không phải là thật, nó chỉ là khái niệm trừu tượng mà thôi.

Đức Nhật Nguyệt Đăng Phật thuyết kinh Pháp Hoa bao nhiêu thời gian? Là 60 tiểu kiếp. Thời gian của một tiểu kiếp là bao lâu? Trong kinh Phật có rất nhiều loại kiến giải, kiến giải bình thường nhất là tăng giảm. đức Phật dạy, lúc tuổi thọ của con người còn ngắn nhất là 10 năm, đây là nói tuổi bình quân, 10 năm là ngắn nhất. Mỗi một trăm năm tăng lên một tuổi, tăng đến 8 vạn 4 ngàn tuổi. 8 vạn 4 ngàn tuổi là tuổi thọ dài nhất của con người, đây là tuổi thọ bình quân. Từ 8 vạn 4 ngàn tuổi mỗi năm giảm đi một tuổi, giảm đến còn 10 tuổi. Một lần tăng một lần giảm như vậy gọi là một tiểu kiếp. 60 tiểu kiếp, như vậy là 60 lần tăng 60 lần

giảm. Đức Phật dạy rằng, 20 tiểu kiếp là một trung kiếp, 4 trung kiếp là một đại kiếp. Một đại kiếp là thành, trụ, hoại, không của tinh hệ. Thời gian dài như vậy, lúc bấy giờ mọi người ngồi người nghe kinh với nhau, 60 tiểu kiếp thì giống như gì? Giống như thực khoảnh, tức là giống như thời gian của một bữa ăn. Cảm thọ của họ sao mà nhanh vậy, ăn cơm chưa xong, mà đã qua 60 tiểu kiếp rồi sao? “Ái nhạo pháp vị”, khi người ta đang vui, thì cảm thấy thời gian rất ngắn. Khi người ta đang đau khổ, thì thấy rằng thời gian sao mà quá dài, khi đau khổ thì sống một ngày bằng một năm. Cho thấy rằng thời gian dài hay ngắn không phải là cố định. “Không có người nào hoặc thân hoặc tâm cảm thấy mệt mỏi”. Quý vị biết rằng những người nghe pháp này rất hoan hỷ, không người nào cảm thấy thân mệt mỏi, tâm giải đãi, không có. Đây là pháp hỷ, pháp hỷ là năng lượng. Năng lượng của pháp hỷ, là trực tiếp từ trong tự tánh, hấp thu năng lượng của tự tánh. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, nghe kinh, pháp hỷ sung mãn. Đọc tụng, pháp hỷ sung mãn, đặc biệt là bộ kinh này. Quý vị đọc bộ kinh này, nghe bộ kinh này. Nói cách khác, cũng như nói là quý vị đang hấp thu năng lượng của thế giới Cực Lạc, để nuôi dưỡng thân tâm của mình, không cần dùng những thứ ăn uống bên ngoài, không cần thiết. Có hạng người này không? Có nhưng rất ít. Có người rất nhiều năm không cần ăn, chỉ uống nước, hấp thu được năng lượng từ trong nước, lẽ đương nhiên cũng hấp thu từ các nơi khác, bằng không thì thân thể con người mệt mỏi, không thể chống đỡ lâu như vậy. Chắc chắn họ có phương pháp hấp thu năng lượng, để nuôi dưỡng thân tâm của mình.

“Dĩ thiên định vi thực giả, vị chư đại Bồ Tát thường tại tam muội, vô tha thực dã”. Đây là từ cõi trời Tứ thiên trở lên, họ đã đoạn được ngũ dục- tài, sắc, danh, thực, thùy đều đã đoạn hết, thường ở trong định, cảnh giới trong định rất hạnh phúc, nên gọi là thiên duyệt vi thực, pháp hỷ sung mãn.

“Tam muội giả, đây nói về tam muội, bỉ chư thiên nhân nhược tu thực thời, bách vị gia hào la liệt tại tiền, nhĩ kiến sắc, tử văn hương, thân thọ thích duyệt, tự nhiên bảo túc”. Họ có ăn hay không? Không ăn, họ chỉ nhìn thấy, ngửi được là vô cùng hoan hỷ, họ hấp thu năng lượng đó là đủ rồi, không cần ăn nữa, tự nhiên

no đủ. Những sự việc này, trong tập tục của chúng ta, cúng quỷ thần, thể nghiệm được rất rõ ràng. Cúng quỷ thần, cúng nhiều thức ăn, cúng cơm là được rồi. Cơm nấu cùng một nồi, quý vị bới một bát, bát cơm này đem cúng quỷ thần, bới thêm một bát khác, cùng một lúc bới hai bát, một bát cơm chưa cúng quỷ thần. Hai bát cơm kia quý vị để một ngày, để đến hai ngày, thì bát cơm đã cúng quỷ thần, mùi vị rất khó chịu, thiu rồi, hư rồi. Bát cơm chưa cúng quỷ thần, vẫn còn mới, ăn vẫn rất ngon. Nguyên nhân vì sao? Vì quỷ thần thấy được, ngửi được mùi vị đó, họ đã hấp thụ qua rồi. Hiện tượng này, rất nhiều người đã kinh nghiệm qua. Cúng Phật Bồ Tát cũng có hiện tượng này, nhưng tốt hơn cúng quỷ thần. Trên thực tế Phật Bồ Tát có ăn không? Không ăn. Vậy thì ai hưởng thụ? Là các vị thần hộ pháp, Phật Bồ Tát không cần, nhưng thần hộ pháp thì cần.

Thực ngật dĩ hóa khí, ăn xong rồi thì không còn nữa. *Nhược tu phục hiện*, nếu khi quý vị cần thì nó lại hiện ra. *Kỳ sự tại kinh*, sự việc này ghi lại trong kinh điển. *Thị cố ngôn ái nhạo Phật pháp vị thiên tam muội vi thực*. Đây là nói về “thực tự tại”. Chúng ta đọc được bốn kinh này, biết được sự việc này, ngoảnh đầu nghĩ lại việc ăn uống của chúng ta quá phiền phức. Vậy tại sao không đến thế giới Cực Lạc? không phải chúng ta không đến được, thế giới Cực Lạc rất dễ đến, chỉ cần quý vị tu học theo phương pháp mà trong kinh điển nói, xưa nay rất nhiều người làm gương cho chúng ta, thông thường không quá ba năm, quý vị sẽ đạt được thế giới Cực Lạc.

Một số người tu học pháp môn Tịnh Độ không thể thành tựu, kiếp sau tiếp tục trôi lăn trong luân hồi lục đạo, là nguyên nhân gì? Bởi không buông bỏ được lục đạo, cho rằng lục đạo cũng tốt, tham luyện lục đạo, vậy thì không còn cách nào rồi, quý vị không thể thoát khỏi. Nếu quý vị thật sự cho rằng sự việc trong kinh nói, hoàn toàn là thật, mỗi câu mỗi chữ đều là thật, Phật không nói dối, quý vị khẳng định, quý vị tin tưởng, thật sự muốn đi, thì quý vị nhất định sẽ thành công. Tuổi thọ của ta vẫn còn, những có thể không cần nữa, tôi muốn sớm vãng sanh, rất nhiều người như vậy, chứ không phải chỉ có chúng ta. Có ví dụ làm dẫn chứng, họ không cần thọ mạng nữa, hoan hỉ đến thế giới Cực Lạc. Nếu ý niệm của chúng ta thật sự quyết tâm, xả bỏ hết thế giới này, thì Phật A Di Đà hiện tiền, Ngài sẽ đến tiếp dẫn quý vị.

Đoạn dưới đây là nói về “y tự tại”: *Phục hữu chúng sanh, quan đới anh lạc, vô lượng quang minh, bách thiên diệu sắc, tất giai cụ túc, tự nhiên tại thân*. Con người thường lo lắng về việc ăn, mặc và chỗ ở, người sống trên đời chẳng ai không nghĩ đến ba chuyện này, so sánh như thế nào cũng không bằng thế giới Cực Lạc. Ở thế giới Cực Lạc tất cả đều sẵn có, là quê nhà của chúng ta, Phật Di Đà là từ phụ của chúng ta, ngày ngày vẫy gọi, hy vọng chúng ta về nhà, chúng ta lưu lạc trong lục đạo vô cùng vất vả.

Chúng ta xem chú giải, chỗ này dễ hiểu. *Hữu minh y sức thọ dụng tự tại*. “Y” là y phục, “sức” là trang sức, là chỉ cho các thứ anh lạc. v. v. “Quan” là mũ, “đới” là y đới. Anh lạc là, hàng quý nhân nam nữ ở Ấn Độ, dùng ngọc quý làm trang sức nơi thân, cho nên có tên là anh lạc. Những thứ này chúng ta thường thấy, không khó hiểu.

“Nhu thị y sức giai dĩ chúng bảo hợp thành, cố vân chúng bảo diệu y đẳng đẳng”. Châu báu ở thế giới Tây phương Cực Lạc và châu báu ở thế gian chúng ta không giống nhau. Châu báu ở thế gian chúng ta, thông thường thì chất liệu rất cứng, như kim ngân, lưu ly, mã não đều rất cứng. Châu báu ở thế giới Cực Lạc rất mềm mại, có thể làm vải, làm vật liệu may mặc. Vàng có thể làm vật liệu may mặc, rất mềm mại, giống như hàng dệt tơ. Bạc, thủy tinh đều rất mềm mại, không giống ở thế gian chúng ta. Cho nên nói y phục của họ là các thứ châu báu hợp thành. *“Xưng chi chúng bảo diệu y. Tức thị chúng bảo sở thành, quang sắc vi diệu. Như “Quán kinh” vân, nhất nhất bảo trung hữu ngũ bách sắc quang, thị cố vô lượng quang minh”*. Thân phát ra ánh sáng, trên thân mang y mào, mang những thứ trang sức này đều phát ra ánh sáng, “thị cố quang minh vô lượng”.

“Hựu vân nhất nhất quang minh nhập bát vạn thiên sắc, thị cố bách thiên diệu sắc. Sở vân bách thiên giả, cái cực ngôn kỳ đa dã”. Bảo quang diệu sắc thật sự là vô cùng vô tận.

“Hựu sắc trung phục phóng quang minh, như Quán kinh vân, lưu ly sắc trung xuất kim sắc quang, pha lê sắc trung xuất hồng sắc quang”. Pha lê, trong kinh Phật nói là pha lê, ngày nay chúng ta gọi là thủy tinh, ngày xưa không có pha lê, pha lê là do nhân công tạo ra. Lưu ly, người Trung Quốc gọi là ngọc bích, ngọc màu xanh lá cây, thể trong suốt. Đất ở thế giới Tây phương, đất của chúng ta là

bùn cát, đất ở đó là lưu ly. Cho nên đất cũng là màu xanh ngọc rất đẹp, thể trong suốt, từ bên trên có thể nhìn thấy bên dưới.

“*Bảo trung xuất quang, cố tri quang sắc trùng trùng vô tận, như thị y sức, cụ túc trang nghiêm, tự nhiên tại thân*”. Người Trung Quốc nói rằng : “tâm linh phước chí”. “*Phật bảo như thị, phi nhân tạo tác*”, không có tạo tác, không có người thiết kế, cũng không có người chế tạo. Quý vị muốn, thì tự nhiên trên thân có, tùy theo ý muốn. Nhưng câu này chúng ta phải nghe cho rõ ràng, người ở thế giới Tây phương Cực Lạc, trong cõi Đồng Cư có tập khí, cõi Đồng Cư có cử phẩm, tập khí nặng nhất là hạ bối, hạ bối thượng sanh, hạ bối trung sanh, hạ bối hạ sanh, là tập khí nặng. Trung bối có thể đã hết tập khí rồi. Thượng bối thì không cần nói, không còn tập khí nữa. Huống gì đạt được bốn nguyện gia trì của Phật A Di Đà.

“*Đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát*”, đây là câu vô cùng quan trọng, bảo chúng ta rằng, sau khi vãng sanh về thế giới Cực Lạc, thì quý vị không khởi tâm không động niệm, không phân biệt, không chấp trước nữa, các thứ y đó là tự nhiên, không cần thiết duy nghĩ, cũng không thiết suy nghĩ màu sắc của nó là gì, cũng không thiết suy nghĩ đến chất liệu của nó gì, tự nhiên có trên thân. Nguyên nhân gì mà được như vậy? Ngạn ngữ có câu : “Tâm linh phước báu”, phước báu này tự nhiên hiện tiền, không làm bất cứ việc gì, trong này đồng thời còn có nhân thành tựu bốn nguyện oai thần của Phật A Di Đà, cộng thêm phước huệ của chính mình, hoàn toàn là hiển hiện tự nhiên, không nghĩ đến, cũng không cần nghĩ, đó là “y tự tại”.

Chúng ta tiếp tục xem đoạn sau cùng là Cư trú tự tại:

“*Sở cư xá trạch, xưng kỳ hình sắc, bảo tạng di phục, huyền chư bảo linh, kỳ diệu trân dị, châu biến hiệu sức, quang sắc hoảng diệu, tận cực nghiêm lệ, lầu quán lan thuấn, đường vũ phòng các, quảng hiệp phương viên. Hoặc đại hoặc tiểu, hoặc tại hư không, hoặc tại bình địa. Thanh tịnh an ổn, vi diệu khoái lạc, ứng niệm hiện tiền, vô bất cụ túc*”. Đoạn này nói rõ nơi cư trú thọ dụng đầy đủ. “Xá trạch” là nhà ở, “tục vân túc xá chủ trạch”.

“Xung kỳ hình sắc giả Hội Sớ vân, đây là trong Hội Sớ nói. Hình kỳ thân đại tiểu. Sắc, thanh, hoàng đẳng sắc. Cái chỉ phòng ốc chi hình thể, dữ sắc thái tương điều hòa, hoặc xá trạch chi kết cấu đại tiểu, nhan sắc đẳng đẳng, giai dữ trú cư giả chi hình sắc tương xứng, cố hình trạng xung thân như ý, sắc thái duyệt mục thưởng tâm, cực kỳ hình dung kỳ mỹ hảo”. Thế giới Cực Lạc không đơn điệu, thật đúng như người thế gian chúng ta gọi là nguy nga tráng lệ. Đẹp đến cỡ nào? Không thể hình dung được, lại không có người thiết kế, không có người chế tạo. Tại sao nó đẹp như vậy? Nếu chúng ta tư duy về nguồn gốc của nó, thực sự mà nói thì trong tâm của chúng ta đều hiểu rõ, sự thành tựu oai thần bốn nguyện của Phật A Di Đà, tương xứng với chỗ tu phước đức của mình, mình ở trong đó xác thực không khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm còn không có, đương nhiên là không có phân biệt chấp trước rồi. Tất cả thọ dụng, chánh báo y báo đều là tự nhiên, là tự nhiên thành tựu. Chắc chắn mình cảm thấy dễ chịu vui vẻ vô cùng. Xác thực nó tương xứng với chỗ tu học của mình. Ví dụ quý vị tu đến địa vị Bồ Tát nào đó, cảnh giới hiện ra, nhất định phải tương đồng với quý vị.

51 địa vị Bồ Tát trong kinh Hoa Nghiêm, ở thế giới Cực Lạc đều có thể chứng đắc, nhất định thành tựu viên mãn. Viên mãn là Diệu Giác. Cõi Phạm Thánh Đồng Cư, cõi Phương Tiện Hữu Dư, tương đương với thập pháp giới của chúng ta. Cõi Đồng Cư là người, trời và lục đạo. Ở đây chúng ta có lục đạo, họ chỉ có hai đạo là trời và người, không có địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, không có A Tu la la sát, chỉ có hai đạo trời và người. Trong cõi Phương Tiện có Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát và Phật, là pháp giới tư Thánh của chúng ta, đều đạt được oai thần bốn nguyện gia trì của Phật A Di Đà, cho nên gọi đó là Bồ Tát bất thoái chuyển. Bồ Tát thật sự bất thoái chuyển là ở cõi Thật Báo Trang Nghiêm, đó là thật, đó không phải do Phật gia trì.

41 địa vị của pháp thân đại sĩ trong kinh Hoa Nghiêm là Thập trú, Thập hạnh, Thập hồi hướng và Đẳng giác, họ tu hành ở đó. Bây giờ chúng ta biết rồi, thì công phu tu hành của chúng ta không gián đoạn, vô lượng pháp hỷ, sẽ nhanh chóng thành tựu viên mãn.

Bây giờ chúng ta xem chú giải Hữu minh trú sở. Ở trước kinh văn, là giải thích chỗ ở thọ dụng đầy đủ của các vị Bồ Tát:

Xá trạch, sở cư trú chi ốc, túc xá trú trạch, xưng kỳ hình sắc giả. Trong Hội Sớ nói “đại tiêu, thanh hoàng đẳng sắc”. Ở đây có hàm nghĩa rất sâu, tất cả thọ dụng ở thế giới Tây phương, đều là tự tại, đều là tánh đức hiển lộ. Nguyên lực của Phật Di Đà, nguyên lực dẫn phát tánh đức của tự tánh, giúp họ đạt được thọ dụng thù thắng như vậy.

Dạng dạng xưng tánh. Bảo võng giả, do thật châu liên xuyên nhi thành chi la võng. “La võng” phần nhiều là để phủ trên cung điện, phủ trên cây báu, dùng làm trang sức.

Di phục giả, biến cái dã. “Huyền” là treo. *Bảo linh giả, trân bảo sở thành chi phong linh, tùy phong năng phát vi diệu âm thanh.* Ở trước chúng ta đã học qua “âm thanh thuyết pháp, diễn thuyết diệu pháp”.

Kỳ diệu trân dị giả, kỳ đặc, mỹ diệu, trân quý, hy dị tức là hiếm lạ. *Thử tán võng linh trung chư bảo chi thù thắng dã.* *Châu biến giả, biến cập vô dư dã,* ở thế giới Cực Lạc đâu đâu quý vị cũng thấy được.

Hiệu sức giả, Hội Sớ viết, tương giao trang sức, là đan xen lẫn nhau. Trang sức này cũng là ý nghĩa tương đồng với trang sức bây giờ. *Hoang diệu, hoang giả, quang dã, huy dã.* Diệu là chiếu diệu.

Như thượng vân quang trung hữu sắc, sắc trung hữu quang, hổ tương ánh sức, cố vân quang sắc hoang diệu dã. *Nghiêm lệ “lệ”* là trang nghiêm, là tốt đẹp, đều là tán thán hoàn cảnh cư trú tốt đẹp. *Đường vũ “đường”* là điện. *Cổ vân đường, Hán đại dĩ hậu xưng điện.* Cho nên hai chữ “điện đường” luôn luôn đi đôi với nhau. “Vũ” là mái hiên, nằm bên cạnh nhà, người Trung Quốc gọi là mái hiên.

Phòng thị trú trạch, hựu đường chi trung giả vi chánh thất, tả hữu vi phòng. Đây là kiến trúc của Trung Quốc cổ xưa.

Các thị lâu các, “các” tức là lầu. *Quảng hiệp giả, khoan trách dã.* *Phương viên, phương hình dữ viên hình.* Rộng hẹp và vuông tròn tức là hình vuông và hình tròn.

Hựu phàm trực tuyến liên xuyên giả, giai nhiếp ư phương. *Hồ tuyến hình thành giả, đô xưng chi vi viên.* *Liệt như phiến hình “phiến hình”* là có cả vuông lẫn tròn. Quạt vòng cung là hình tròn, nhưng quạt có góc vuông, gọi là vuông “nhiếp ư phương”.

Kỳ đại tiểu cao hạ, hoặc tại hư không, hoặc tại bình địa, nhất nhất tùy nhân tâm ý, tùy niệm hiển hiện. Như Ngô dịch viết, sở cư thất bảo xá trạch, trung hữu tại hư không trung giả, hữu tại địa giả. Trung hữu dục linh xá trạch tối cao giả, xá trạch tức cao. Trung hữu dục linh xá trạch tối đại giả, xá trạch tức đại. Trung hữu dục linh xá trạch tại hư không giả, xá trạch tức tại hư không, gia tự nhiên tùy ý, tại sở tác vi. Cổ tri bỉ độ xá trạch chi hình trạng, nhan sắc đại tiểu dĩ cập thăng không tại địa, giai nhất nhất như nhân chi ý, ứng niệm nhi hiện.

Đoạn kinh văn trên, là Phật Thích Ca Mâu Ni giới thiệu cho chúng ta về thế giới Tây phương Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc không có một pháp nào không phải là tánh đức thành tựu. Cho nên trong kinh có rất nhiều chữ “dục linh”. Họ muốn như thế nào, người ở thế giới Tây phương Cực Lạc vẫn còn dục, vẫn còn muốn, tôi muốn như thế này, muốn như thế kia, vậy thì biến thành phàm phu rồi. Con người ở thế giới đó từ cõi Phạm Thánh Đồng Cư, đã viễn ly phân biệt chấp trước, phải là không còn muốn nữa. Không muốn, vậy thì tại sao có người còn thích ở nhà lớn, có người thích ở nhà nhỏ, là vì sao? bởi tập khí ở thế giới đó vẫn, nên có người thích ở nhà lớn, có người thích ở nhà tranh. Nhất là tập quán trường kỳ, tập khí chủng tử trong thức A lại da rất sâu.

Giới thiệu những điều này đa phần là nói về cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Trong cõi Phương Tiện Hữu Dư, chắc chắn không phải như vậy. Nếu quý vị đến xem cõi Phương Tiện của họ, xem cõi Thật Báo Trang Nghiêm thì không thể hình dung được, đúng như trong Đại kinh thường nói “chỉ có chúng mới biết được”. Đến thế giới Cực Lạc, thì quý vị sẽ thấy được. Ai thấy được? Người ở cõi Phạm Thánh Đồng Cư, họ thấy được cõi Phương Tiện, họ thấy được cõi Thật Báo. Tuy bốn độ ở cùng nhau, nhưng cõi Thường Tịch Quang là lý thể, biết, nhưng không phân biệt, không chấp trước. cõi Đồng Cư, cõi Phương Tiện và cõi Thật Báo, tuy cùng một chỗ, nhưng không giống nhau.

Chúng ta biết rằng, thế giới Cực Lạc gọi là thế giới bình đẳng, thân của mỗi người đều giống nhau. Còn có điểm nào không giống nhau? Khó nhất là thân, tướng mạo tương đồng, giống như Phật. Hoàn cảnh sinh hoạt vì sao không giống nhau. Ở cõi Thật Báo chưa đoạn tập khí, giống như âm thực ở trước vậy, bỗng nhiên nghĩ đến, thì nó hiện tiền. Hoàn cảnh cư trú cũng không ngoại lệ, do tập khí

mà có. Giải thích thần thông tự tại ở thế giới Cực Lạc, thần biến không thể nghĩ bàn ở thế giới Cực Lạc, chúng ta phải từ trên giải thích.

Ở thế giới Cực Lạc người thật sự chăm chỉ, người thật sự muốn thành Phật sớm một ngày, chúng ta có lý do để tin tưởng, người này ở thế giới Cực Lạc, không rời khỏi giảng đường. Giảng đường của Phật A Di Đà chưa bao giờ dừng nghỉ thuyết pháp, không phải như chúng ta học trong mỗi tiết, mỗi tiết đều nghỉ, họ không có. Họ không cần ăn uống, họ cũng không cần nghỉ ngơi, họ không có mệt mỏi, không có mệt nhọc, cũng không mệt, vĩnh viễn tinh thần sung mãn. Hơn nữa đồng thời ở giảng đường, nghe thầy giáo Phật A Di Đà giảng kinh dạy học, vẫn có thể phân thân đến thập phương thế giới, tham vấn chư Phật Như Lai. Phân thân đi cúng Phật nghe pháp. Bản thân vẫn ở trước Phật A Di Đà, không rời khỏi.

Phân thân có thể khởi tác dụng, không phải nói phân thân không khởi tác dụng. Phân thân và bản thân khởi tác dụng giống nhau. Tu vô lượng phước, vô lượng huệ. Cho nên họ thành tựu rất nhanh, còn những thứ ăn mặc ở đời này là gì? Là biểu diễn cho chúng sanh trong mười pháp giới xem. Cho họ xem những thứ này để làm gì? Để cho họ sanh lòng ngưỡng mộ, để cho họ khởi tín tâm đối với Phật A Di Đà, chánh tín, phát nguyện niệm Phật cầu sanh về thế giới Cực Lạc. Những màn biểu diễn này đều là như vậy.

Chư Phật Như Lai chiêu sanh giúp Phật A Di Đà. Một mục trong quảng cáo chiêu sanh này, giống như trong kinh Pháp Hoa ví dụ ba xe vậy, người thích xe nhỏ- xe Dê, con dê khéo xe nhỏ. Người thích xe Hươu, thì thị hiện cho họ xe Hươu. Sau khi ra khỏi nhà lửa, ai biết được toàn là xe Trâu trắng lớn. Chúng ta biết rằng, xe Hươu, xe Dê là Phật dùng phương tiện để dụ dỗ quý vị. Điều mà quý vị đạt được là ngoài sức tưởng tượng của quý vị. Tình hình thực tế ở thế giới Tây phương Cực Lạc nói ra được không? không nói ra được, thật sự là không thể nghĩ bàn.

Chúng ta đọc đoạn văn này: *Hựu Đường dịch viết, ư chúng sanh tiền tự nhiên xuất hiện, nhân gia tự vị xử kỳ cung. Như thị vô lượng chúng sanh, tất vô lượng cung điện, hõ nhập hõ dung, bỉ thử vô ngại, chánh hiển sự sự vô ngại pháp giới.* Điều này vi diệu không thể nói! Đoạn này không thể không giải thích, không giải thích thì chúng ta xem sẽ mơ hồ.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 377

Chuyển ngữ: Nguyễn Thanh

Biên tập: Bình Minh

Giảng ngày: 15.4.2011

Địa Điểm: Tịnh Tông Học viện - Úc Châu

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 458, hàng thứ 5, bắt đầu xem từ câu “Ngô dịch viết”. *Như Ngô dịch viết, sở cư thất bảo xá trạch, trung hữu tại hư không trung giả, hữu tại địa giả. Trung hữu dục linh xá trạch tối cao giả, xá trạch tức cao. Trung hữu dục linh xá trạch tối đại giả, xá trạch tức đại. Trung hữu dục linh xá trạch tại hư không giả, xá trạch tức tại hư không trung. Giai tự tùy ý, tại sở tác vi.*

Trong chú giải của Hoàng Niệm Tổ nói: *cố tri bỉ độ xá trạch chi hình trạng, nhan sắc đại tiểu dĩ cập thăng không tại địa, giai nhất nhật như nhân chi ý, ứng niệm nhi hiện.* Đoạn kinh văn này là nguyên văn của bản dịch gốc. Chúng ta phải dùng tâm để quan sát, dùng tâm để thể hội. Vì sao vậy? Vì những cư dân ở thế giới Cực Lạc, vãng sanh về thế giới Cực Lạc đều làm Bồ Tát A Duy Việt Trí. A Duy Việt Trí tức là chứng đắc ba loại bất thoái chuyển: Vị bất thoái, chúng ta biết là A La Hán thì chứng được. Hành bất thoái là Bồ Tát chứng được. Niệm bất thoái là pháp thân Bồ Tát, tức như thiên tông nói: minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Họ thực sự đã hoàn toàn buông bỏ khởi tâm động niệm và phân biệt chấp trước. Một người có thể không khởi tâm, không động niệm thì chắc chắn họ không có phân biệt. Vậy tại sao còn có ý muốn rằng, ngôi nhà của tôi cao một chút, rộng một chút? Bởi đây là phàm phu, phàm phu lục đạo mới có vọng niệm như vậy. Vì sao họ có ý niệm, ngôi nhà này của tôi là ở trên mặt đất hay trên không trung? Đây đều là khởi tâm động niệm. Kinh văn này chúng ta nên hiểu như thế nào? Thật tế mà nói thì những người nào có ý niệm này? Là người từ thế

giới của chúng ta niệm Phật vãng sanh đến, đã mang nghiệp vãng sanh, lại còn mang theo tập khí rất nặng, cho nên đến giờ ăn vẫn còn muốn ăn uống, vẫn còn muốn thay áo quần. Không thể chuyển được tập khí sinh hoạt ở đây, đều là hạ phẩm của cảnh giới Phạm Thánh Đồng Cư độ- hạ phẩm thượng sanh, hạ phẩm trung sanh, hạ phẩm hạ sanh. Nếu như trung bối và thượng bối vãng sanh, tôi nghĩ sẽ không thể có sự tồn tại của những tập khí này.

Những chuyện này giống như một vở kịch, tùy theo ý muốn của mình, có được hay không? được. Vì sao vậy? Trong kinh điểm đại thừa đức Phật dạy rằng: “nhất thiết pháp tùy tâm tướng sanh”, chỉ cần quý vị có tướng thì nó có biến, quý vị không tướng thì nó không biến. Cho nên y chánh trang nghiêm trong cõi Thật Báo của chư Phật Như Lai vĩnh viễn không biến đổi. Vì sao vậy? Vì quý Ngài không có ý niệm. Mười pháp giới, trong Hoàn Nguyên Quán nói là “xuất sanh vô tận”. Trong “Pháp Bảo Đàn kinh”, đại sư Huệ Năng lại nói “năng sanh vạn pháp”, sự biến hóa của nó chưa bao giờ gián đoạn.

Hoàn cảnh mà bây giờ chúng ta thấy, chánh báo là thân thể của chúng ta, y báo là tất cả hoàn cảnh bên ngoài, đều đang biến hóa trong từng sát na. Hiện tượng này chúng ta có thể khẳng định được, không còn nghi ngờ nữa. Lời của học gia lượng tử lực học và lời của Phật là hoàn toàn tương đồng. Phật pháp nói ra được số lượng, nhưng họ thì không nói được, họ chỉ nói là tốc độ rất nhanh mà thôi. Trong kinh Phật nói tốc độ này, một khảy móng tay là 32 ức trăm ngàn niệm. Khoa học bây giờ dùng giây để làm đơn vị. Một giây chúng ta khảy móng tay được bao nhiêu lần? Trong một giây tôi có thể khảy được bốn lần, tôi tin là có người khảy nhanh hơn tôi. Nếu một giây khảy được năm lần, vậy là được 1.600 triệu. Một giây là 1/ 1.600 triệu, gọi là một niệm, rất nhanh! Một giây là 1.600 triệu niệm. Nhà khoa học không nói được số lượng, chỉ nói là tốc độ rất nhanh rất nhanh mà thôi.

Hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần. Hiện tượng tinh thần, là tư duy của chúng ta, ý niệm của chúng ta. Hiện tượng tự nhiên, là hoàn toàn từ trong dao động mà sanh ra, nếu như bất động thì hiện tượng này hoàn toàn không có. Cho nên trong Tứ độ, Thường Tịch Quang độ là bản thể. Vì sao vậy? Vì trong

Thường Tịch Quang độ không có ba loại hiện tượng này. Khoa học gọi hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần là tin tức, không có hiện tượng tự nhiên. Nhà khoa học nói ba loại hiện tượng này và trong kinh Phật nói là phù hợp, phù hợp trên danh hiệu. Vật chất, Phật pháp nói vật chất là “cảnh giới tướng”. Tin tức, kinh Phật nói là “chuyển tướng”, nó có thể chuyển biến, nó cũng là hiện tượng tinh thần. Ở trong tự tánh, khi không khởi tác dụng gọi là “kiến, văn, giác, tri”. Khi nó khởi tác dụng gọi là “thọ, tưởng, hành, thức”, đó là hiện tượng tinh thần. Ngoài hai hiện tượng này ra là năng lượng- hiện tượng tự nhiên, tức nghiệp tướng của A lại da. Công năng của thức thứ sáu, đã phát huy đến chỗ cuối cùng, đức Phật nói năng lực của thức thứ sáu, sở duyên của nó vô cùng vô cùng rộng lớn, bên ngoài, nó có thể duyên đến hư không pháp giới, bên trong nó có thể duyên đến A lại da.

Chúng ta thấy nhà vật lý học cận đại, thế giới vĩ mô, họ thật sự thấy được toàn bộ vũ trụ. Họ nói rằng vũ trụ mà họ nhìn thấy, chỉ là 10% của toàn vũ trụ mà thôi, còn 90% không nhìn thấy, không biết nó đi đâu, tiêu mất rồi. Chúng ta biết 90% kia đi đâu rồi không? Nó trở về với tự tánh, tức là nó về Thường Tịch Quang rồi. Trong Thường Tịch Quang không có ba loại hiện tượng này, nên quý vị không thể thấy nó. Thế giới vi mô, lượng tử học thấy được A lại da. Cho nên trong kinh Phật nói những điều này, chúng ta có thể lý giải, chúng ta có thể tiếp nhận.

Chúng ta biết là người của tầng lớp nào, cảnh giới của họ, trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư ở thế giới Cực Lạc, cảnh giới hạ tam phẩm, đã là thù thắng như vậy rồi, cảnh giới cao hơn thì không sao nói hết được. Cho nên trong kinh Phật dạy là “duy chứng phương tri”. Làm sao chúng đắc? buông bỏ là chúng đắc, phải buông bỏ khởi tâm động niệm, cũng tức là buông bỏ tần suất của A lại da. Vì sao phải buông bỏ? Vì nó không có tự tánh. Vậy hình dáng của tự tánh như thế nào? Đại sư Huệ Năng nói rằng: “đâu ngờ tự tánh vốn không dao động”, nó bất động, bất động này là tự tánh bản định. Ai chứng đắc cảnh giới này? Quả vị Diệu Giác chứng đắc, Đẳng Giác Bồ Tát chưa chứng được, đến quả vị Diệu Giác mới chứng được. Đây mới gọi là cứu cánh viên mãn. Nhưng pháp thân Bồ Tát biết được cảnh giới này, các Ngài chưa đến đó, họ còn phải hướng thượng thăng tiến, tức là họ phải đoạn hết tập khí vô thi vô minh.

Bây giờ chúng ta biết rằng, trong Báo độ- Thật Báo Trang Nghiêm độ, 41 vị pháp thân đại sĩ, tức là có 41 địa vị, địa vị này thực sự mà nói thì chẳng thể nói có cũng chẳng thể nói không. Nếu quý vị nói có, thì không tìm ra vết tích, nhưng nếu quý vị nói không, thì những tập khí vô thi vô minh của những người đó sâu, cạn không giống nhau. Có người tập khí sâu, có người tập cạn, người thì tập khí nặng, người thì tập khí nhẹ. Nhưng tập khí này không chướng ngại gì cả, cũng không thể nào đoạn tập khí này, mặc kệ nó thì tự nhiên nó không còn nữa.

Người xưa giải thích về tập khí, tập khí thật sự rất khó hiểu, thế nào gọi là tập khí? Người xưa lấy bình rượu làm ví dụ. Thời Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế thì đã có rượu rồi, cho nên lấy cái này làm ví dụ. Ta đem bình rượu rót hết, rồi lau sạch bên trong bình rượu, không còn giọt rượu nào, nhưng ngửi thì có mùi, mùi vị đó gọi là tập khí, mùi vị đó không lau sạch được. Vậy phải làm sao? Phải mở nắp bình ra, để như vậy nửa năm hoặc một năm, rồi ngửi lại thì không còn mùi rượu nữa. Lấy bình rượu để làm ví dụ. Không như phiền não, phiền não có thể dùng phương pháp để đoạn hết, nhưng tập khí thì không thể. Cho nên muốn đoạn tập khí vô thi vô minh, thì phải đoạn hết khởi tâm động niệm. Chứng được địa vị gì? Địa vị Bồ Tát sơ Trụ của Viên giáo, đó gọi là thành Phật, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Tuy đã thành Phật, nhưng họ còn mang theo tập khí sâu dày này, điều này không phải trong kinh này nói, mà là trong các kinh điển nói. Trong kinh này là nói tập khí phân biệt chấp trước, bởi vì có tập khí phân biệt chấp trước, nên chúng ta khẳng định rằng họ là hạ bồi vãng sanh của cõi Đồng Cư. Cõi Đồng Cư hạ bồi vãng sanh, quý vị thấy âm thực, y phục, chỗ ở đã tự tại như vậy, thì bậc trên nữa có thể suy đoán mà biết được.

Cho nên Đức Phật giới thiệu cho chúng ta, là muốn chúng ta nghe được hiểu được. Nếu chúng ta không hiểu thì Ngài cũng không nói, nói ra sợ chúng ta cảm thấy quá huyền hoặc. Trên thực tế thì thế giới Cực Lạc hoàn toàn không phải do con người thiết kế, không có người thiết kế, cũng không có người tạo dựng. Hoàn toàn là do biến hóa mà có, tự nhiên xuất hiện. Trong này có hai nguyên nhân, một là sự thành tựu bốn nguyện oai thần của Phật A Di Đà, đây là điều chắc chắn. Ngài phát đại nguyện, tu hành thời gian dài, mỗi nguyện đều được hoàn thành, đây gọi là thành tựu nguyện lực. Thành tựu nguyện lực là duyên. Vậy nhân là gì?

Nhân là tánh đức, như lời đại sư Huệ Năng nói “đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”, trong tự tánh vốn có, nhưng không có duyên này, nó không hiện tiền. Phật A Di Đà làm tăng thượng duyên này cho chúng ta, để cho cái nhân trong tánh đức hiện tiền.

Xứng tâm như ý, là còn có tâm hay không, còn có ý hay không? Hết rồi, khởi tâm động niệm đã không còn, thì lấy đâu ra xứng tâm như ý nữa. Tâm và ý đều là giả. Tâm, A lại da gọi là đệ bát tâm vương, Ý là đệ lục thức, đệ thất mật na thức, hai thức này gọi là ý. Trong mười pháp giới mới có “xứng tâm như ý”. Cõi Thật Báo nhất chân pháp giới thì không thể nói như vậy. Cảnh giới trong cõi Thật Báo là cảnh giới bình đẳng. Chúng ta được thân tướng hoàn toàn giống với Phật A Di Đà, tìm không ra một chỗ không giống, tìm không ra. Chánh báo như ý, y báo cũng như vậy, hoàn cảnh cư trú hoàn toàn bình đẳng. Trên thực tế sự thù thắng nhất của thế giới Cực Lạc, không phải là cõi Thật Báo. Vì sao vậy? Vì chư Phật Như Lai ở Thật Báo độ hoàn toàn tương đồng với thế giới Cực Lạc. Điểm thù thắng không gì sánh bằng của thế giới Cực Lạc, thực sự là cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Vì cõi Phạm Thánh Đồng Cư rất giống cõi Thật Báo. Điều này trong quốc độ của mười phương chư Phật Như Lai không có. Trong thế giới chư Phật, chỉ có duy nhất quốc độ của đức Phật A Di Đà, chỉ Ngài có mà thôi. Cho nên chư Phật tán thán Phật A Di Đà là “quang trung cực tôn, Phật trung chi vương”, rất có lý! Chúng ta nhận thức được điều này rõ ràng, thì đối với kinh văn này sẽ không hoài nghi, không hoài nghi thì không khởi tâm động niệm. Bồ Tát bất thoái chuyển không nên phát sanh loại tình huống này, không được. Cho nên là người vừa mới vãng sanh, vẫn còn tập khí rất sâu nặng, tập khí hiện ra những trạng thái này.

Chúng ta xem tiếp chú giải dưới đây:

Hựu Đường dịch viết, ư chúng sanh tiền tự nhiên xuất hiện, nhân giai tự vị các xứ kỳ cung. Tập khí thật giống một giấc mộng, tự mình cho rằng ở chỗ của mình, có cảm giác như cung điện trong lý tưởng vậy.

Như thị vô lượng chúng sanh, tất hữu vô lượng cung điện, hõ nhập hõ dung, chánh hiển sự sự vô ngại pháp giới. Cung điện tôi ở và cung điện của anh có thể ở một nơi, có thể chồng lên nhau, nhưng cảm giác chồng lên nhau của mỗi người

không giống nhau, tôi có cảm thọ là của tôi, anh có cảm thọ là của anh, không chút trở ngại nhau. Sự việc này rất giống như nhà khoa học nói chúng ta biết, bất đồng không gian duy thứ. Do đâu mà có sự bất đồng này? Nhà khoa học không biết được, Phật pháp thì sớm đã rõ rồi, là từ phân biệt chấp trước mà có. Người có vô lượng vô biên phân biệt, cho nên bất đồng không gian duy thứ là vô lượng vô biên vô số vô tận. Nếu như buông bỏ tất cả phân biệt chấp trước, thì những không gian duy thứ này hoàn toàn không còn nữa. Huyền tướng bất đồng không gian duy thứ, cũng liễu bất khả đắc. Cho nên đối với sự huyền bí của vũ trụ, Phật Bồ Tát làm sao hiểu được một cách rõ ràng như vậy, nhà khoa học còn chưa hiểu rõ, sao các Ngài hiểu rõ như vậy? Không gì khác ngoài việc các Ngài đã đột phá không gian duy thứ rồi. Dùng phương pháp gì để đột phá? Dùng thiên định, thiên định là buông bỏ vạn duyên, trở lại tâm thanh tịnh, trở lại tâm bình đẳng. Trong thanh tịnh bình đẳng không còn không gian duy thứ, cũng không còn thời gian và không gian. Không có thời gian là không có trước sau. Cổ đại ngàn vạn năm quý vị nhìn thấy rồi, ở ngay đây. Sự việc sau ngàn vạn năm cũng ở ngay đây, không có thời gian nữa. Không có không gian là không có cự ly. Thế giới Cực Lạc ở đâu? Ở tại chỗ này, không có cự ly. Hơn nữa biến pháp giới hư không giới là nhất thể, không có đối lập, không có chân vọng, không có lớn nhỏ. Cảnh giới này là cảnh giới trong kinh Hoa Nghiêm, cảnh giới không thể nghĩ bàn. Kinh Hoa Nghiêm phẩm cuối cùng - Nhập Bất Tư Nghì Giải Thoát Cảnh Giới, là cảnh giới giải thoát là tự tại lớn! Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm, tu hạnh nguyện Phổ Hiền thì có thể vào cảnh giới đại tự tại này. Không cần dựa vào máy móc tinh vi của khoa học, không cần. Những thứ máy móc tinh vi đó, tác dụng của nó còn có hạn, không thể kiến tánh, nó chỉ có thể kiến tướng, không thể kiến tánh. Kiến tánh bắt buộc phải buông bỏ, trong kinh điển đại thừa thường nói: buông bỏ khởi tâm động niệm, buông bỏ phân biệt chấp trước, thì quý vị đã kiến tánh rồi. Người nào có thể buông bỏ thì người đó thấy được, nhưng mọi người không ai làm được.

Cho nên Phật dạy rất hay: “hết thấy chúng sanh vốn là Phật”, “hết thấy chúng sanh vốn đã thành Phật”. Chúng ta bây giờ biến thành như thế này, Phật cũng đã nói ra rồi: “vì phân biệt chấp trước mà không chứng đắc”. Sở dĩ chúng ta biến thành như ngày hôm nay, là bởi vì có vọng tưởng, vọng tưởng tức là khởi tâm

động niệm. Có phân biệt, có chấp trước mới biến thành như thế này. Nói cách khác, chúng ta buông bỏ tất cả phân biệt, vọng tưởng, chấp trước, thì chúng ta giống như Phật, là đúng, không sai chút nào. Buông bỏ chính là Phật, là trở về bản lai diện mục của quý vị.

Phật giáo, nhất là là Phật giáo đại thừa, dùng sự việc này làm tông chỉ tu học, mục đích tu học. Vì sao chúng ta học những thứ này? Không gì khác ngoài việc trở về với tự tánh, tìm lại Phật tự tánh- Phật vốn có, là công đức viên mãn, là quý vị đã tốt nghiệp rồi. Cho nên trong kinh giáo thường nói, không được hoài nghi, hoài nghi là quý vị bậy rồi. Quý vị biết, những lời dạy nào của Phật là đối với người ở tầng lớp nào mà nói. Trong kinh này trên từ chư Phật Như Lai, dưới đến chúng sanh trong ba đường ác, đây là khế cơ rộng rãi, đây là giảng đường lớn, trình độ nào cũng có. Từ người ngu si nhất đến người thông minh nhất, đều ở trong giảng đường này. Phật giảng pháp cho họ, muốn mọi người nghe được đều vừa ý, mọi người đều hoan hỷ, điều này không dễ! Khác với lớp học ở trường, trình độ của mọi người xấp xỉ nhau, ở đây không như vậy, mà lộn xộn không đều nhau.

Tiếp tục xem : *Thanh tịnh an ổn, vi diệu khoái lạc. Hội Sơ viết, vô ngữ trước, cố vân thanh tịnh.* Mạng trước, phiền não trước ... không có những thứ này. Trước là nhiễm ô, không nhiễm ô cho nên nó “thanh tịnh”. “Không biến dịch” cho nên nó “an ổn”. Đây cũng là nói, người ở thế giới Cực Lạc, mọi người đều đã chuyển thức thành trí. Trong cuộc sống hàng ngày của họ, không có phân biệt chấp trước, cũng không khởi tâm động niệm, họ hoàn toàn dùng trí huệ. Pháp Tướng tông nói, chuyển thức A lại da thành đại viên cảnh trí, chuyển thức Mạt na thành bình đẳng tánh trí, chuyển thức thứ sáu thành diệu quan sát trí, chuyển năm thức trước thành thành sở tác trí. Chuyển là siêu việt mười pháp giới, không chuyển thì ở trong mười pháp giới. Chuyển là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai, không có biến dịch.

Trần trần bất tư nghi, cố vân vi diệu. Ý nghĩa này bây giờ chúng ta đã hiểu, giới khoa học nói rằng, chám nhỏ trên đầu sợi lông hạt bụi, giới khoa học hiện nay gọi nó là lượng tử. “Vi diệu” là hết sức kỳ diệu. Kỳ diệu là gì? là nó có đủ năm uẩn-sắc, thọ, tưởng, hành và thức.

Như thượng chủng chủng bất tư nghì thọ dụng chi vật, tất giai ứng kỳ tâm niệm lập tức hiển hiện, cố viết ứng niệm hiện tiền. Ý niệm vừa động là nó hiện tiền.

Chư thọ dụng vật, viên cụ vạn đức, vô khiếm vô dư, cố viết vô bất cụ túc. Bất kỳ vật nào cũng viên mãn đầy đủ tất cả tin tức đều nằm trong đó. Cho nên nó mới sanh ra thiên biến vạn hóa. Thiên biến vạn hóa không thể hình dung nó được. Trong Hoàn Nguyên Quán nói rất hay: “xuất sanh vô tận”. Đại sư Huệ Năng lại nói: “năng sanh vạn pháp”. Một chấm nhỏ có thể sanh vạn pháp. Phẩm kinh này chúng ta học đến đây thôi.

Chúng ta xem tiếp: Đức Phong Hoa Vũ thứ 20. Đây là giới thiệu về mưa gió ở thế giới Cực Lạc. Đương nhiên chúng ta cũng rất quan tâm, mưa gió ở đó không làm hại người.

Viên minh cụ đức chi phong, điều này thật khó có, nên gọi là “đức phong”. Diệu hoa phiêu tụ như vũ, cố viết hoa vũ - đức phong hoa vũ.

Bỉ Phật quốc độ phong hoa hương quang hàm tác Phật sự. Chủ ý của hai chữ “Phật sự” này chúng ta cần phải hiểu rõ, không phải như xã hội bây giờ gọi tụng kinh bái sám là Phật sự. Ý của chữ Phật sự ở đây hoàn toàn không liên can với điều này. Phật là bậc giác ngộ, giúp tất cả chúng sanh được giác ngộ, việc đó gọi là Phật sự. Cho nên Phật sự là gì? Phật sự là dạy học. Khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, giảng kinh hơn 300 hội, thuyết pháp 49 năm, đó gọi là làm Phật sự. Điều này chúng ta nhất định phải biết, không được hiểu lầm. Cho nên Phật sự là dạy học, nhưng là dạy học đặc biệt. Phật là bậc giác ngộ, nên sự dạy học này chắc chắn là giúp quý vị giác ngộ, giúp quý vị phá mê khai ngộ, dạy học như vậy đều gọi là Phật sự, trong này không có mê tín.

Tự nhiên tăng thượng, bất khả tư nghì, giúp quý vị phá mê, giúp quý vị khai ngộ. Kỳ Phật quốc độ, mỗi u thực thời, tự nhiên đức phong từ khởi, xuy chư la vãng, cập chúng bảo thọ, xuất vi diệu âm, diễn thuyết khổ không, vô thường, vô ngã, chư ba la mật, lưu bố vạn chủng, ôn nhã đức hương, kỳ hữu văn giả, trần lao cấu tập, tự nhiên bất khởi. Phong xúc kỳ thân, an hòa điều thích, do như tỳ kheo, đắc diệt tận định.

Trong đoạn kinh này nói về ba việc. Đoạn thứ nhất là nghe diệu pháp âm. Đoạn thứ hai là mũi ngửi diệu âm. Đoạn thứ ba là thân thể. “Phong xúc kỳ thân, an hòa

điều thích”, là thân được điều xúc. Nói cách khác, đoạn thứ nhất là tai được điều vui. Đoạn thứ hai là mũi được điều vui- hưởng thụ. Đoạn thứ ba là thân được điều vui. Cho nên gọi là thế giới Cực Lạc.

Chúng ta xem chú giải của Hoàng Niệm Tổ: *Bốn phẩm hiển Cực Lạc thế giới đức, phong hoa vũ chi công đức trang nghiêm. Hữu đoạn*, trong đoạn này có ba đoạn nhỏ. *Hữu đoạn minh phong, thứ đoạn hiển vũ. Đức phong, kiến Ngụy dịch chi Cao Ly tạng bốn, thường kiến chi Long tạng bốn*. Cư sĩ Niệm dùng chữ đặc trong từ “đặc thất” làm “đặc phong”, hai ý nghĩa này ở thời xưa hoàn toàn tương đồng. Chữ đức trong “đạo đức”, chữ đặc trong “đặc thất” là có thể thông dụng.

“Ngô dịch” viết, *diệc phi thế gian chi phong*, gió ở thế giới Cực Lạc không phải là gió ở nhân gian, cũng không phải gió ở trên trời.

Đô bát phương thượng hạ, chúng phong trung tinh, tự nhiên hợp hội hóa sanh nhĩ. Trong kinh văn những cảnh giới này rất thực. Ở nhân gian chúng ta, hay trên trời đều không thể nào lý giải được. Giới khoa học làm sao chứng minh là đúng được? Gió ở Thế giới Cực Lạc là tinh túy của tất cả ngọn gió ở mười phương- “phong trung chi tinh”, chúng ta tìm không ra, cũng không thể tưởng tượng. Tự nhiên hợp hội hóa sanh, *bát hàn bát nhiệt*, ngọn gió này thổi ở trên thân, quý vị không cảm thấy lạnh, cũng không cảm thấy nóng. *Thường hòa điều trung thích*. “Thường” là vĩnh viễn, là hình dáng như vậy không thay đổi, ôn hòa, điều thuận rất thích hợp.

Thậm thanh lương hảo. “Thậm thanh” là vô cùng mát mẽ. “Hảo” là rất tốt, không gì sánh bằng! Chỉ thế giới Cực Lạc mới có, các thế giới khác không tìm thấy. Trong này giải thích “Phong trung chi tinh”, thậm chí “chúng phong trung tinh” như trong kinh Thủ Lăng Nghiêm, có một đoạn kinh văn như thế này : *Như Lai tạng trung, tánh phong chân không, tánh không chân phong, thanh tịnh bốn nhiên, chu biến pháp giới*. Đây là lời trong kinh Lăng Nghiêm.

Dưới đây giải thích sơ lược: *Cái văn tánh đức chi chân phong, cố xưng vi phong trung chi tinh dã*. Cho nên gió này không có ở nhân gian, cũng không có ở thiên thượng. Chẳng những trong lục đạo không có, mà trong mười pháp giới cũng không có. Vậy thì ở đâu có? Ở nhất chân pháp giới, cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai, là nhất chân pháp giới.

Trong Đại kinh thường nói “viên minh cụ đức”. Mỗi mỗi pháp ở cõi Thật Báo, bất luận là chánh báo hay y báo, đều là viên minh cụ đức. Viên là viên mãn, minh là ánh sáng, cụ là đầy đủ, đức chúng ta thường nói vạn đức trang nghiêm. Đức là lợi ích, tốt đẹp, không phải một thứ tốt đẹp, mà nhiều thứ tốt đẹp, nó là viên mãn. Vì sao vậy? Vì nó là tánh. Bốn chữ “viên minh cụ đức” này, chỉ có tán thán tánh đức mới thích hợp. Mỗi mỗi pháp là tự tánh biến, tánh tướng không hai, tánh tướng nhất như. “Tánh” trong triết học gọi là bản thể, trong Phật pháp gọi là tự tánh, gọi là chân tánh, cũng gọi là pháp tánh.

Danh từ trong kinh điển đại thừa, một sự việc có mười mấy danh từ. Đây là thiện xảo trong việc dạy học của đức Phật. Vì sao nói nhiều danh từ như vậy? Là bảo quý vị không nên chấp trước vào tướng danh tự, phá chấp trước của quý vị, phá phân biệt của quý vị, quý vị hiểu ý nghĩa của nó là được rồi, nhất định không được đắm trước vào tướng. Phật giảng kinh, không cho phép chúng ta chấp vào tướng ngôn thuyết, ngôn ngữ không phải là thật. Không được chấp vào tướng danh tự, danh tự thuật ngữ là giả thiết. Không được chấp vào tướng tâm duyên, không được nghe rồi tự mình cho là có ý nghĩa gì. Vì sao vậy? Vì trong tự tánh không có ý nghĩa, làm sao quý vị nghe ra ý nghĩa được? Nghe ra ý nghĩa, thì trí huệ không còn. Quý vị chỉ nghe, không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, thì nghe xong sẽ khai ngộ, nghe xong sẽ thành Phật. Nghe rồi cảm thấy nhận định như thế nào, đó là ý của quý vị. Cho nên chúng ta cần phải hiểu, chư Phật Bồ Tát bao gồm cả A La hán, những lời dạy của quý Ngài đều không có ý.

Lời của Thánh nhân ở thế gian thì có ý, bởi họ chưa chuyển thức thành trí. Cho nên Phật pháp khó hiểu là khó ở chỗ này. Mỗi chữ mỗi câu của nó không có ý, nhưng nếu khi quý vị muốn giảng giải, thì có thể nói vô lượng nghĩa. Đúng là đi với người thì nói tiếng người, đi với quỷ thì nói tiếng quỷ, nói đến thì mọi người đều hoan hỷ, bởi vì không có ý, mà nó là vô lượng nghĩa. Có ý thì đã có hạn chế. Đây gọi là gì? là tự tánh lưu xuất ra, mỗi chữ mỗi câu viên minh cụ đức. Cho nên kinh điển đọc không chán, càng đọc càng thấy hoan hỷ.

Không có ý, mà có lượng nghĩa, nhưng trong tâm quý vị hiểu rõ. Vì sao vậy? Vì cảnh giới của mỗi năm không giống nhau, cảnh giới của mỗi tháng không giống

nhau. Nhân gian có cảnh giới của mỗi ngày không giống nhau, đó là đã khế nhập cảnh giới. Chúng ta nói người tu hành chứng quả, cảnh giới của mỗi ngày không giống nhau, niệm niệm không giống nhau. Cho nên kinh này làm sao nói được? Không nói được! Hôm nay nói là ý nghĩa của hôm nay. Hôm qua nói là ý nghĩa của hôm qua. Hôm qua không phải là hôm nay. Năm ngoái không phải là năm nay.

kinh Vô Lượng Thọ trước đây đã giảng qua 10 lần, mỗi lần giảng không giống nhau. Lần này chúng ta dùng chú giải của cư sĩ Hoàng Niệm, ông viết chú giải này tôi rất cảm động. Đúng là nhất tâm nhất ý cầu được Tam Bảo gia trì, trong hoàn cảnh khó khăn như vậy, mà ông ta có thể tìm được hơn 130 loại sách tham khảo, tôi rất kinh ngạc. Người không khỏe, bệnh rất nặng, trong tình huống như vậy ông vẫn không nghỉ ngơi, viết xong chú giải bộ kinh này. Chúng ta chẳng thể không khâm phục, không thể không cảm ơn. Chúng tôi quen biết nhau, tôi biết ông đã vãng sanh, thật sự đã vãng sanh. Ông hiện tướng vãng sanh cho chúng ta xem. Ông vãng sanh nửa năm trước, hồi tháng 6. Ông đã buông bỏ vạn duyên, nhất tâm niệm Phật, một ngày 14 vạn tiếng danh hiệu Phật. Chúng ta thử xem, 14 vạn tiếng danh hiệu Phật, phải niệm thời gian bao lâu? Niệm 6 tháng như vậy, ông đã vãng sanh Tịnh Độ rồi. Đây là ông làm gương cho chúng ta xem.

Ngày nay nếu chúng ta muốn vãng sanh thế giới Cực Lạc, thì dùng phương pháp của ông ta là đáng tin cậy nhất! Đây là ông ta hiện thân thuyết pháp, nhất định chúng ta không được lơ là. Ở trong thời đại hiện nay, loạn thế, thiên tai dòn dập, dùng phương pháp của ông nhất định được vãng sanh. Điều kiện tiên quyết là phải buông bỏ được. Trong tâm chỉ có một phương hướng, một mục tiêu là cầu sanh Tịnh Độ, mỗi niệm đều hướng đến cầu sanh Tịnh Độ, là thật sự được vãng sanh. Nếu còn có ý niệm khác là bậy rồi. Còn muốn bảo dưỡng thân thể này là sai rồi, không cần thân thể nữa, bảo dưỡng nó để làm gì? Vãng sanh về thế giới Cực Lạc, mà còn có ý niệm bảo dưỡng thân thể là chưa muốn đi. Nếu thật sự muốn đi, thì không cần thân thể này nữa, mặc kệ nó! Đây mới gọi là thật sự niệm Phật. Thân thể đã không cần, huống là những vật ngoài thân, quý vị cần nó để làm gì? Nhất định được vãng sanh. Kết nối được tin tức với Phật A Di Đà rồi, thì vui biết

chùng nào, đó gọi là pháp hỷ sung mãn! Bất cứ lúc nào cũng có thể vãng sanh. Cho nên tâm của quý vị rất hoan hỷ.

Dưới đây nói : *Hựu Quán kinh viết* là trong Quán kinh nói: *Bát chủng thanh phong, từng quang minh xuất*. “Quang minh” là tự tánh, tự tánh là Thường Tịch Quang, từ trong tự tánh lưu xuất ra.

Ngô dịch bản, bát phương thậm thanh chi phong, dĩ Quán kinh trung bát chủng thanh phong, sở chỉ ưng đồng, là cùng một sự việc.

Tổng chi, bỉ quốc thanh phong, nãi chúng phong trung tinh, từng quang minh xuất, cố viết đức phong dã. Gió này không những quý vị tiếp xúc được rồi thì thân tâm an lạc, đồng thời nó có thể giúp quý vị, tiêu trừ tập khí vô minh, giống như tập khí trong bình rượu, nếu có gió thổi nó, thì nó tan rất nhanh. Từ việc nhỏ này, chúng ta lãnh hội được rằng, nếu luôn luôn tắm gội trong ngọn gió này, thì thân tâm an lạc, tập khí dần dần được tiêu trừ, trí huệ dần dần được viên mãn. Đây là tánh đức, nên gọi là “đức phong”. “Tự nhiên” là không khởi tâm động niệm, đến lúc cần thì nó đến, tự nó đến. “Tự khởi” là gió nhẹ, không phải gió mạnh. Gió mạnh thổi trên thân, chúng ta cảm thấy rất khó chịu, là gió nhẹ thổi đến.

Hội Sớ vân, từ khởi, bát trì bát sứ, thích đặc kỳ trung, là tốc độ của gió không nhanh không chậm, “thích đặc kỳ trung”.

Nguyện lực linh lại, tánh bất tạo tác, cố vân tự nhiên. Nguyện lực của Phật A Di Đà, tự tánh linh lại. Tự tánh là nhân, nguyện lực của Di Đà là duyên, hai loại thành tựu này không thể nghĩ bàn, trong tánh không có tạo tác, không có khởi tâm động niệm, nên nói tự nhiên.

Dưới đây nói : *lại giả, chỉ nhất thiết không khiêu cơ quát chi loại*. Trong này lại đưa ra ví dụ, trong Trung Hoa đại từ điển nói: “*Trang Tử tề vật luận*” nhân lại tặc tử trúc, địa lại tặc chúng khiêu, thiên lại tặc nhân tâm tự động, thị dĩ. “Nguyện lực linh lại” trong này chú giải rằng: *chánh biểu Di Đà bốn nguyện tâm lực chi tự nhiên công dụng*. “tự nhiên công dụng” thật ra chính là tự tánh, tự tánh là tánh đức, là chúng ta vốn có, nguyện lực gia trì của Phật A Di Đà. Đại sư Huệ Năng nói là “đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”. Nói cách khác, trong tánh đức của chúng ta, vốn tự đầy đủ “chúng phong trung tinh”, nhân nguyện lực của Di Đà,

dẫn phát tánh đức của tự tánh chúng ta, có nhân có duyên, thì hiện tượng hiện tiền.

Dĩ hạ phân hiển phong đức. Tức là nói tỉ mỉ, nói từng cái từng cái một: *Thủ minh phong cổ diệu thanh, đức phong từ động, bảo thọ bảo võng*. Gió thổi cây bấu, lá cây toàn là trên bảo. Khi gió thổi thì cành là cọ xát vào nhau, phát ra âm thanh rất hay, giống như chuông gió vậy. Thế gian của chúng ta có, chuông gió mọi người đều rất thích nghe. Ở Trung Quốc từ xưa đến nay có rồi, ở ngoại quốc cũng có. Chúng ta đi tham quan du lịch, đến chỗ mua sắm xem, đều có bán chuông gió, nó đủ kiểu đủ loại, không giống nhau. Mọi người đều thích nghe, nhưng không gọi nó là đức âm, vì sao vậy? Vì nó không thể thuyết pháp. Gió thổi bảo võng ở thế giới Cực Lạc, quý vị nghe được âm thanh của nó đang thuyết pháp. Thuyết pháp gì? Thuyết tất cả pháp, muốn nghe pháp gì thì nó đang thuyết pháp đó.

Khổ, không, vô thường, vô ngã thị Tứ Đế pháp. Tứ đế pháp trung, khổ đế chi tứ tướng. Tân dịch vi phi thường, khổ, không, phi ngã. Ngày xưa dịch là khổ, không, vô thường, vô ngã. Đây là nói cho chúng ta về chân tướng của mười pháp giới. Hết thấy pháp không thể vĩnh hằng thường tại, nó sanh diệt trong từng sát na. Cảm thọ của chúng ta là khổ, là không. Không bất khả đắc, là không đạt được. “Vô ngã”: “ngã” là khái niệm trừu tượng, tìm không ra, trong nhục thể này tìm không thấy. Trong tư duy tưởng tượng của quý vị cũng tìm không thấy. Cho nên “ngã” không phải là thật, nhưng nếu quý vị có thể buông bỏ khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, thì quý vị phát hiện ra được “chân ngã”. “Chân ngã” là gì? là tự tánh, trong triết học nói bản thể của vũ trụ vạn vật. Bản thể đó là “chân ngã”, bởi nó là chân đế, nó là bất biến, nó là không sanh diệt, nó là tồn tại vĩnh hằng, là chủ tử của hết thảy vạn vật, muôn sự muôn pháp đều do nó biến hiện ra.

Câu Xá Luận Nhị Thập Lục vân. Trong Câu Xá Luận có giải thích, vì sao gọi là vô thường? là “đãi duyên”, nghĩa là phải có duyên nó mới hiện tướng, không có duyên thì nó không hiện tướng. Duyên là gì? duyên là dao động. Có động nó mới sanh ra hiện tượng, nếu không động thì nó không sanh ra hiện tượng. Cho nên Phật dạy chúng ta, nguồn gốc của vũ trụ từ đâu mà có? Là từ một niệm bất giác mà có vô minh. Một niệm bất giác đó là duyên. Vì sao nó bất giác? Niệm bất giác

đầu tiên không có nguyên nhân, cho nên vô minh này gọi là vô thủ vô minh. Vô thủ là không có điểm bắt đầu. Chúng ta tưởng tượng, 1/1.600 triệu niệm trong một giây, nó có điểm bắt đầu sao? Quý vị nói bắt đầu thì nó không còn nữa. Có thể nói là sanh diệt đồng thời, sanh diệt đồng thời tức là không sanh không diệt. Nếu không có sanh diệt, thật sự không có sanh diệt, nếu nói không sanh không diệt thì đó chẳng phải là lời thừa sao? Đó là lời giễu cợt, lời bông đùa. Quả thực có sanh diệt, nhưng sanh diệt quá nhanh, khiến quý vị nhìn không thấy, quý vị không cảm xúc được có sanh diệt. Cho nên sanh diệt tức là không sanh diệt. Không sanh diệt tức là sanh diệt. Sanh diệt không hai, sanh diệt nhất như. Phật nói những lời này để quý vị lãnh hội. Tại sao ta không lãnh hội được? Vì ta dùng tư duy, nghĩa là quý vị dùng phân biệt, dùng chấp trước. Dùng tâm này thì vĩnh viễn quý vị không thể thấy được chân tướng. Không dùng những tâm này, định tâm lại, nghe lời Phật dạy, không lâu là khai ngộ rồi, hốt nhiên đại ngộ, là thấy được rồi.

Cho nên có niệm là sai, khởi tâm là quấy, nếu không khởi tâm động niệm, thì quý vị thấy được chân tướng.

Đây là điều khó khăn nhất trong giáo pháp đại thừa. Khó không phải ở bên ngoài, mà ở tại bản thân. Bản thân như thế nào? Là không biết cách dùng tâm. Chư vị tổ sư thường trắc nghiệm học trò: “ngươi biết không?”. Câu này ý nghĩa rất sâu. “Biết” là gì? là không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước là biết. Khởi tâm động niệm là không biết. Đây là Thánh giáo, chỗ khó truyền của đại thừa là ở đây. Một vị thầy, có rất nhiều học trò, ai được truyền? Ai có khả năng lãnh hội điều này? Đây là điều không thể dạy được. Nếu quý vị thật sự không khởi tâm, không động niệm, quý vị mới khế nhập được. Khởi tâm động niệm, sẽ phá hoại tất cả cơ duyên khế nhập của quý vị. Nhưng thông thường nghe cũng không dễ. Vì sao vậy? Vì chúng ta có thành kiến, đó là một sự chướng ngại. Phật Bồ Tát không có, tâm của Phật Bồ Tát vĩnh viễn thanh tịnh, không nhiễm bụi trần.

Cái khó của học Phật, là khó ở chỗ chúng ta đối với Phật pháp không có tâm chân thành cung kính. Phật là gì? Phật không phải ở bên ngoài, không liên quan đến Phật Thích Ca, Phật Di Đà. Vậy Phật ở đâu? Phật là tự tánh của chính quý vị,

không phải ở bên ngoài! Chân thành đến cùng thì quý vị thấy được. Cho nên người xưa nói “thành tắc linh”, không có thành ý, toàn là vọng tưởng, nếu quý vị có đủ thành kính, thì thấy được tánh trong tất cả pháp, thấy được Phật trong tất cả pháp. Tự tánh Di Đà, tự tánh Thích Ca, tự tánh Tỳ Lô Giá Na, quý vị đã thấy Phật rồi. Tướng tức là tánh, tánh tức là tướng. Tánh tướng chưa bao giờ tách rời.

Người xưa từ nhỏ đã học thành kính rồi, nên rất dễ dạy. Bây giờ từ nhỏ không học, ba tuổi học là đã không kịp rồi, là đã trễ rồi. Vì sao vậy? Vì nó đã bị ô nhiễm. Người Trung Quốc dạy học, bắt đầu dạy từ trong bào thai. Khi người mẹ mang thai, thì khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, đều phải đoan trang, không được tùy tiện. Vì sao vậy? Vì sẽ ảnh hưởng đến thai nhi. Cho nên tâm của người mẹ phải thanh tịnh, phải lương thiện. Như vậy là trẻ được dạy tốt ở trong bào thai rồi. Đối nhân xử thế phải hòa nhã vui vẻ, không có một chút nóng nảy, thì đứa trẻ này ngoan. Sau khi đứa trẻ ra đời, người mẹ phải chăm sóc nó ba năm. Mẹ là người thầy đầu tiên của nó. Ở trước mặt đứa trẻ, lời nói, cử chỉ đều phải đoan trang, không được tùy tiện. Vì sao vậy? Vì nó đang học, nó biết nhìn, nó biết nghe và biết bắt chước. Cho nên người xưa nói “ba tuổi nhìn 80”. Ba tuổi-1000 ngày huân tập. Sau khi trông cội rễ này cho nó, đến 80 tuổi nó cũng không thay đổi. Điều này là thật, không phải giả. Tuyệt đối không thay đổi. Uy hiếp dụ dỗ, nó cũng có thể chống cự. Uy hiếp nó không sợ quý vị, dụ dỗ nó sẽ không mắc lừa, sẽ không bị quý vị dụ hoặc. Nó có chánh tri chánh kiến, nó có năng lực phân biệt chánh tà phải trái. Trẻ ba tuổi có năng lực phân biệt, cái nào đúng, cái nào sai. Đến 6-7 tuổi đi học, thầy giáo dạy nó, thầy giáo thay cha mẹ, cũng là thân giáo, phải làm gương tốt cho nó thấy. Làm thầy giáo không dễ. Quý vị thấy ngày xưa có sư đạo, bây giờ không còn nữa. Cha mẹ lạy thầy giáo, cảm ơn đại ân đại đức của thầy giáo, đã đào tạo con của họ thành Thánh Hiền. 6-7 tuổi bắt đầu học kinh, chỉ dạy nó ngắt câu chứ không giảng giải, tức là dạy nó đọc.

Người xưa nói: “đọc sách ngàn lần, tự thấy nghĩa của nó”, không cần giảng giải, đọc thuộc. Cho nên khi học trường thái học- Trung Quốc ngày xưa không có trung học, chỉ có tiểu học và thái học. 13 tuổi học thái học, trong thái học thầy giáo giảng giải cho quý vị, cùng nghiên cứu thảo luận với quý vị. Những điển tịch quan trọng đều thuộc cả. Ngày xưa sách rất ít, lên lớp không dùng sách, thầy giáo

thuộc bài, học trò cũng thuộc, giảng đến trang thứ mấy, hàng thứ mấy, chữ thứ mấy mọi người đều biết, tuyệt vời! Vì sao vậy? Vì người xưa khắc sách, khắc trên gỗ, mỗi hàng 20 chữ, mỗi trang 10 hàng, không có dấu chấm câu, cho nên bất luận là nhà khắc chữ nào, trang thư mấy, hàng thứ mấy, chữ thứ mấy tất cả đều giống nhau, toàn quốc thông dụng, chuẩn xác. Sao chép cũng như vậy, một trang 10 hàng, một hàng 20 chữ. Cho nên nói trang thứ mấy, hàng thứ mấy tra đều giống nhau.

Không như bây giờ, bây giờ mỗi phiên bản đều không giống nhau. Cho nên hiểu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng là căn, là căn lớn bản lớn của pháp thể xuất thế gian. Người không hiểu cha mẹ, không kính sư trưởng, là hết cách rồi. Có thể học những khoa học kỹ thuật của người phương Tây, gọi là khoa học kỹ thuật cao. Làm người mà không có đức hạnh, điều mà người xưa coi trọng nhất. Không có hiếu, đễ, trung, tín. Không có lễ, nghĩa, liêm, sỉ. Không có nhân ái, hòa bình, thì thiên hạ làm sao không loạn được? Chẳng thể không loạn.

Xã hội loạn, hoàn cảnh sống của chúng ta, trái đất nhiều thiên tai. Vì sao vậy? Bởi y báo chuyển theo chánh báo. Lòng người bất thiện, thân thể nhiều bệnh, hoàn cảnh cư trú nhiều thiên tai, là do cảm ứng mà ra. Loại cảm ứng này, ngày xưa cho rằng là thần thoại, người xưa tin tưởng như vậy. Bây giờ nhà khoa học chứng minh rồi, nhà lượng tử học chứng minh rồi. Chúng ta khởi tâm động niệm thực sự có ảnh hưởng đến sơn hà đại địa, có ảnh hưởng đến hoa lá cỏ cây. Cho nên con người không được có niệm ác.

Tiến sĩ Giang Bồn Thắng người Nhật làm cuộc thí nghiệm nước, làm trong mười mấy năm. Khoảng năm 2004 tôi đến Nhật Bản dự đại hội, đến tham quan phòng thí nghiệm của ông, ông nói với tôi rất tường tận, lúc đó ông đã thí nghiệm mười mấy vạn lần rồi, ông nói với tôi rằng, nước thực sự hiểu được ý của con người, nó biết nhìn, biết nghe, hiểu được ý của con người, khoáng vật mà cũng vậy! Ý niệm của chúng ta tốt, thì phản ứng của nó sẽ kết tinh giống như hoa tuyết, rất đẹp. Nếu ý niệm của chúng ta bất thiện, ý niệm xấu, thì phản ứng của nó rất xấu, rất khó coi. Thí nghiệm này được nhà khoa học chấp nhận, được phát biểu nhiều lần ở Liên Hiệp Quốc.

Khoáng vật, tôi nói với ông, trong kinh điển đại thừa nói, không những là nước, mà hoa lá cỏ cây, sơn hà đại địa, cát, đất, đá đều có thể nhìn, đều có thể nghe, đều hiểu được ý của con người. Nhà khoa học này nói cho chúng tôi, chúng tôi đối chiếu với kinh Phật, một chấm cực nhỏ, bây giờ gọi là lượng tử, lớn bao nhiêu? 100 ức lượng tử tổ hợp thành một điện tử, tức là 1/ 100 ức của một điện tử, rất nhỏ. Nó có hiện tượng vật chất, nó có hiện tượng tinh thần. Hiện tượng tinh thần là thọ, tưởng, hành, thức. Thứ nhỏ như vậy mà có thọ, tưởng, hành, thức, khiến cho chúng ta ngoảnh đầu lại xem Tâm kinh: “Quán Tự Tại Bồ Tát, chiếu kiến ngũ uẩn giai không”, là nói lên điều đó, không phải gì khác. Đây nói là vật chất và tinh thần không phân khai, tinh thần ảnh hưởng vật chất, đây là sự thật. Tinh thần là gì? Là ý niệm của chúng ta ảnh hưởng đến sơn hà đại địa, ảnh hưởng đến tất cả các loài trên trái đất. Nếu ý niệm của chúng ta không tốt, thì các loài trên trái đất đều biến thành xấu, sự việc đó rất phiền phức, thiên tai đến rồi đó. Ý niệm chúng ta tốt, thì tất cả loài vật đều hồi phục bình thường, đều tốt.

Cho nên Bồ Lai Đãng người Mỹ nói: năm 2012, ông ta hy vọng nhân dân trên toàn thế giới, đều giác ngộ được “khí ác dương thiện”, cái gì không tốt thì chúng ta bỏ đi, cái gì tốt thì phải phát huy nó. “bỏ ác làm lành, cải tà quy chánh, đoạn chánh tâm niệm”, như vậy chẳng những trên trái đất không có thiên tai, mà trái đất có hướng đi tốt hơn. Nói như vậy là đúng, không sai chút nào, hoàn toàn giống với kinh Phật. Phật pháp dạy chúng ta ứng đối thiên tai, đó là bỏ ác làm lành, cải tà quy chánh, nhất tâm niệm Phật. Nhất tâm niệm Phật tức là đoạn chánh tâm niệm, thiên tai này được hóa giải. Vấn đề là những con người trên trái đất này có chịu làm hay không? Đa số con người không tin tưởng, vấn đề phát sanh là ở chỗ này, vậy phải làm sao? Giới khoa học cũng cho chúng ta một số liệu, chúng ta thấy có thể sanh tâm hoan hỷ, không cần toàn bộ người trên thế giới quay đầu. Cần bao nhiêu người? chỉ cần 1% căn bình phương nhân khẩu trên toàn thế giới, nhân khẩu trên toàn thế giới khoảng chừng 70 ức, 1% căn bình phương là chưa được 1 vạn người, chúng ta có thể tìm ra 1 vạn người trên thế giới vứt bỏ tự ngã, thành tâm thành ý, chân chánh đoạn ác tu thiện, cải tà quy chánh, nhất tâm niệm Phật hay không? Thế giới này được cứu, một vạn người là tốt rồi. Vẫn rất khó!

Tôi học Phật 60 năm, cũng tìm 60 năm, hy vọng tìm được 4 người, để chúng tôi đồng tâm đồng đức, thành lập một tăng đoàn hòa hợp. 60 năm tìm không ra. Hai người ở một chỗ cũng bất đồng ý kiến, huống gì 1 vạn người thì tìm đâu cho có? 1 vạn người thật sự có thể cứu được thế giới, công đức này lớn lắm! Quý vị có thể cứu 70 ức người trên trái đất, thật không dễ. Thực sự không có, vậy phải làm sao? Thực sự không có thì tự mình, tự mình cứu chính mình, điều này là chắc chắn, chắc chắn không có vấn đề.

Chúng ta làm theo lời này: đoạn tất cả điều ác, tu tất cả điều thiện, cải tà quy chánh là buông bỏ vạn duyên, buông bỏ hết pháp thế và xuất thế gian. Tôi nương theo bộ kinh Vô Lượng Thọ này, một câu A Di Đà Phật, phải mất bao nhiêu thời gian để thành tựu? Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ chỉ phương pháp cho chúng ta, chắc chắn 6 tháng là được sanh Tịnh Độ. Vấn đề của bản thân chúng ta vậy là được giải quyết rồi. Thời gian 6 tháng không phải là dài cũng không phải là ngắn, quan trọng là quý vị có thật sự buông bỏ hay không, nếu thật sự buông bỏ thì thật sự thành tựu. Trong kinh Di Đà nói rất đơn giản: một ngày, hai ngày, cho đến bảy ngày, thì thành công. 6 tháng là đối với hàng trung hạ căn, hàng trung thượng căn thì không cần, chỉ 7 ngày, một tháng là chắc chắn thành công. Chúng ta thuộc trung hạ căn, Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ tượng trưng cho chúng ta, chúng ta dùng thời gian 6 tháng, không cần nghĩ gì cả, chỉ nhớ đến kinh Vô Lượng Thọ, nhớ đến kinh Vô Lượng Thọ là nhớ đến Phật, nhớ Phật A Di Đà là niệm Phật, nhớ Phật niệm Phật thì hiện hay tại tương lai chắc chắn thấy được Phật, chẳng có chuyện không thành tựu! Thế gian này quá khổ, quá loạn rồi. Chúng ta gặp được pháp môn này, thật đáng quý, thật là hy hữu khó gặp. Trăm ngàn vạn kiếp khó gặp chúng ta đã gặp được rồi, gặp được tức là gặp được cơ hội thành Phật, quý vị có thể trân quý, quý vị có thể hiểu rõ, nếu thật sự làm thì trong đời này sẽ thành tựu. Chúng ta xem kinh văn dưới đây. Tất cả pháp đều là duyên sanh, duyên là điều kiện, điều kiện không đủ thì hiện tượng không hiện tiền. Cho nên nó “phi thường”.

“*Bức bách tánh cố khổ*”. Ngày nay chúng ta gọi là áp lực, áp lực cuộc sống, áp lực hoàn cảnh, áp lực tinh thần, khổ!

“Vi ngã sở kiến cố không”, đều là trái ngược với sự hy vọng của ta , đều tan vỡ rồi.

“Vi ngã kiến cố phi ngã”. “Vi ngã sở kiến” là nghĩa không. “Vi ngã kiến” là không phải ngã, cùng với ở trước nói vô thường, vô ngã, khổ, không là một ý nghĩa.

Hựu bức não danh khổ, khổ pháp thiên lưu, danh vi vô thường. Hựu nam nữ nhất dị đẳng tướng, giai thị hư vọng bất thật, cố viết không. Tông thượng chư giải là giống như những giải thích ở trên, tắc bức não thị khổ. Khổ pháp biến thiên, đãi duyên nhi hiện. Đây là “vô thường”, vô thường.

Kiến hữu nam nữ nhất dị chư tướng nhi thật vô hữu, vi ngã sở kiến, cố viết không. Ý này sâu hơn một chút, nhưng không khó hiểu lắm. Chúng ta thấy thuật thôi miên hiện đại của phương Tây, các nơi ở phương Đông đều có hiện tượng nhập hồn. Từ chỗ này xem, con người quả thực không chết, linh hồn không mất. Chết là thân thể chết, sau khi chết không đầu thai vào một đường nào đó nhất định. Có người vào đường súc sanh, có người vào đường ngựa quý, có người sanh lên cõi trời, lại đổi một thân thể khác, gia thân quyến thuộc cũng hoàn toàn thay đổi. Vô thường mà! Là giả không phải thật. Quý vị hoàn toàn thấy được vô thường, khổ, không.

Ký nhiên vi ngã sở kiến, đương nhiên phi ngã sở chủ tế, cố viết vô ngã. Quý vị không làm chủ mình được, gia thân quyến thuộc đều ly tán rồi, đều trở thành quyến thuộc của người khác rồi. Đâu là của quý vị? bản thân họ cũng không biết. “Ba la mật” là tiếng Phạn, chữ Hán dịch là đáo bỉ ngạn, chúng ta thường nói là “đến nhà, viên mãn”, nó có ý nghĩa như vậy.

Cực Lạc quốc độ, thủy thanh phong thanh, giai diễn diệu pháp. Vãng Sanh Luận kệ vân, Phạm thanh ngộ thâm viển, vi diệu văn thập phương.

“Luận chú”, chú giải của pháp sư Đàm Loan, thích vi diệu viết, xuất hữu nhi hữu viết vi. Xuất hữu giả, xuất tam hữu. “Tam hữu” là gì? là dục giới, sắc giới và vô sắc giới. “Tam hữu” tức là lục đạo, “xuất tam hữu” tức là ra khỏi lục đạo.

Cho nên “Luận chú” hựu viết, vô dục cố, phi dục giới. Đây là nói về cõi Phạm Thánh Đồng Cư ở thế giới Cực Lạc.

Địa cư cố, phi sắc giới, hữu sắc cố, phi vô sắc giới. Tịnh độ phi tam giới sở nhiếp, xuất u tam giới, cố viết xuất hữu, nhi hữu giả, vị Tịnh độ chi hữu, y nhất thừa nguyện hã nhi hữu, ly nhi biên, siêu tứ cú, xuất hữu nhi hữu, cô viết vi.

Đây là nói về sự vi diệu của thế giới này, hoàn toàn khác với thế giới của chúng ta. Tam hữu tức là luân hồi lục đạo. Chúng ta đời đời kiếp kiếp, vô lượng kiếp đến nay, không rời khỏi lục đạo, mà còn ở trong lục đạo hầu như là từ đục giới thiên đến địa ngục A tỳ, luân hồi trong phạm vi này, thật sự là khổ không kể xiết. Tình chấp sâu nặng, biết đâu cha mẹ hoặc ông bà của chúng ta, cố tổ lại đầu thai vào nhà chúng ta. Vì sao vậy? Vì họ lại đến biến thành cháu của ta, chắt của ta, họ nuôi tiếc rời không khỏi gia đình. Nếu không có thiện căn, phước đức, nhân duyên, họ tiếc nuôi ngôi nhà này, thì biến thành động vật trong nhà như chuột, gián. Sự biến thành động vật này là thật không phải giả.

Nông dân ở nông thôn nuôi súc vật trong nhà, như nuôi chó, nuôi gà, nuôi trâu, nuôi ngựa, rất có thể là tổ tiên lại đến, ta không biết, lại còn dùng roi đánh nó. Trong kinh Phật nói về sự việc này rất nhiều. Trong Đạo giáo cũng nói rất nhiều. Người xưa ghi lại rất nhiều ví dụ, tôi cảm thấy đó không phải dùng để khuyên người làm thiện, mà là nói chân tướng sự thật. Nếu quý vị đọc nhiều, hiểu nhiều, dần dần quý vị sẽ rõ. Hiểu rõ rồi, chúng ta mới thật sự bỏ ác làm lành, cải tà quy chánh, đoạn chánh tâm niệm. Gặp được Phật pháp, đó là vô lượng thiện căn, phước đức, nhân duyên. Chúng ta nhất định phải nắm chắc. Thế giới Cực Lạc có thật, không phải giả. Không chỉ một mình Phật Thích Ca Mâu Ni giới thiệu, mà mười phương chư Phật đều giới thiệu, đều tán thán. Chúng ta không đi được sao? *Hựu vân danh năng khai ngộ viết diệu. Danh giả, ngũ pháp chi nhất, nhất thiết sự vật hữu danh hữu tướng. Nhĩ khả văn vị chi danh, nhĩ khả kiến vị chi tướng. Văn vật thể chi danh, tiện tâm phù hiện kỳ tướng, bảo thọ thuyết pháp, bất ly danh cú, dĩ danh năng linh nhân khai ngộ, cố xưng vi diệu. Như thị vi diệu pháp âm, cố sử văn giả năng ngộ thâm viển.*

“Ngũ pháp chi nhất” là Pháp Tướng tông nói. Ngũ pháp là: danh, tướng, vọng tướng, chánh trí, như như. Năm pháp này đều có thể giúp chúng ta khai ngộ. Ngũ pháp, tam tự tánh, bát thức, nhị vô ngã, là cương lĩnh quan trọng của Pháp Tướng tông.

“Danh” là danh từ thuật ngữ, tất cả sự vật đều có danh có tướng. Người là danh, người có tướng của người. Nghe đến danh, quý vị có thể nghĩ đến tướng của người. Cây có tên, quý vị sẽ nghĩ đến hình tướng của cây. Hoa có tên, quý vị sẽ nghĩ đến hình tướng của hoa. Cho nên tai nghe là danh, mắt thấy là tướng. Nghe danh của vật thể, tâm chúng ta liền nghĩ đến hình tướng này. Chúng ta nhắc đến Phật A Di Đà, tự nhiên nghĩ đến hình ảnh của Phật A Di Đà. Nhắc đến Phật Bồ tát Quán Thế Âm, quý vị sẽ nghĩ đến hình ảnh của Bồ Tát Quán Thế Âm.

“Bảo thọ thuyết pháp”, cây báu không có miệng, nó thuyết pháp là gió nhẹ thổi đến lay động cành lá. Cành lá đều là báu, đều là trần bảo, nó cọ xát vào nhau, giống như chuông gió phát ra âm thanh tuyệt vời, nhờ bốn nguyện oai thần gia trì của Phật A Di Đà, nó có thể tuyên thuyết hết thảy Phật pháp, muốn nghe pháp gì thì quý vị liền nghe được pháp đó. Muốn nghe danh hiệu Phật Bồ Tát, thì nó niệm Phật, niệm Bồ Tát. Đây gọi là vi diệu!

“Vi diệu pháp âm” là nói chúng ta nghe được, thấy được sẽ khai ngộ. Đây là nói cây báu có thể làm Phật sự, có thể giúp chúng ta phá mê khai ngộ, thoát khổ được vui.

Hựu hạ hiển phong tống diệu âm, ôn nhã đức hương. Ôn thị ôn hòa, hòa giả thiện dã, lương dã, lương thiện đều hàm ở trong ôn hòa này, gọi là ôn lương, ôn hòa, ôn thiện. Nhã giả, chánh dã, chánh không tà gọi là nhã âm, nhã nhạc. Đức hương, hương cụ vạn đức. Hãy nhớ, Phật giới thiệu thế giới Cực Lạc cho chúng ta, muôn sự muôn vật, mỗi thứ đều là viên minh cụ đức. Chúng ta đọc kinh này, dần dần thể hội được nghĩa lý trong đó.

Hội Sớ viết, ôn vị ôn hòa, nhã vị nhã chánh, hương khí thích nhân vi ôn, giản ái nhiên hương vi nhã. Đây là nói quý vị rất thích hương khí này, nhưng quý vị sẽ không sanh tâm tham đắm. Nếu sanh khởi tâm tham đắm thì đó là không nhã.

Câu trong dấu ngoặc này nói rất hay “*sử nhân ly ái nhiễm chi hương*”, hương này rất thơm.

Hựu dĩ hương cụ vạn đức, cố năng sử văn giả, trần lao cấu tập tự nhiên bất khởi. Đây gọi là hương báu! “Trần lao” là phiền não, “cấu” là nhiễm ô, “tập” là tập khí, những thứ này đều không sanh khởi. Đây là nó có thể giúp chúng ta đoạn phiền não, nó có thể giúp chúng ta khai ngộ.

Cho nên ở sau có chú giải: *Trần lao, phiền não chi dị danh. Cấu tập, phiền não chi tập khí.* Cấu là phiền não nhiễm ô, nhiễm uế. Khí là tập tánh.

Trần lao cấu tập, nhiễm ô tâm tánh, khu bỉ chúng sanh. Khu bỉ là gì? là tạo nghiệp, tạo tác các loại nghiệp bất thiện.

Kim vi đức hương sở huân, u thị tự nhiên bất khởi. Thử hựu thị dĩ hương vi Phật sự dã. Mũi ngửi mùi hương, hương cũng giúp chúng ta phá mê khai ngộ, cũng có thể giúp chúng ta lìa khổ được vui, đúng là hương báu! Cho nên thế giới Cực Lạc đáng quý, quý ở toàn thể y báo chánh báo. Lục căn chúng ta tiếp xúc, quý vị thấy được, nghe được, tiếp xúc được, nếm được, không có thứ nào là không đang giúp quý vị đoạn phiền não, chứng bồ đề, việc đức Phật A Di Đà thuyết pháp không cần phải nói nữa, mười phương chư Phật gia trì cũng không cần nói nữa, chỉ nói những việc trong cuộc sống hàng ngày. Thấy sắc, nghe thanh, ngửi hương đều giúp quý vị chuyển phiền não thành bồ đề. Hoàn cảnh tu học như vậy tìm đâu ra? Mười phương thế giới không có, chỉ riêng thế giới Cực Lạc có mà thôi, làm sao không đi được chứ? Phật Thích Ca Mâu Ni khuyên chúng ta đi, mười phương chư Phật Như Lai cũng khuyên chúng ta đi. Chúng ta nghe hiểu, hiểu rõ rồi, thật sự phát tâm đi, chư Phật hoan hỷ, chư Phật hộ trì, nhất định bảo hộ quý vị được bình an, sanh về thế giới Cực Lạc, đi để thấy Phật A Di Đà.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 378

Chuyển ngữ: Trung Tấn

Biên tập: Minh Tâm

Thời gian: 16.04.2011

Địa Điểm: Tịnh Tông Học viện -Úc Châu

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 462 hàng hàng thứ hai. *Từ tam minh phong chi diệu xúc*, xem từ đây.

Đức phong xúc thể tự nhiên an lạc nhẹ nhàng, đều tâm vừa ý, nên nói an hòa đều thích. Lạc đó ví như tỳ kheo đắc diệt tận định, diệt tận định còn gọi là diệt tận tam muội, là thiên định diệt tận lục thức tâm tâm sở, bậc thánh bất hoàn quả trở lên vào được định này. Đây là lời nguyện thứ ba mươi, lạc như lậu tận nguyện sở nhiếp.

Đoạn kinh trên đây, đức Thế Tôn vì chúng ta giới thiệu, môi trường y báo tuyệt đẹp của thế giới Cực Lạc. Trước tiên nói minh nhĩ đặc diệu âm, tiếp theo lại nói cho chúng ta tử đặc diệu hương, thân đặc diệu xúc, đoạn này nói thân đặc diệu xúc.

Lạc căn ở trong thế giới lục trần không phải ô nhiễm lục trần, mà là đặc cái diệu tự tánh, nên không gọi là lục trần nữa, minh tâm kiến tánh, diệu đức của tự tánh. Đây là đoạn thứ ba phong đặc diệu xúc, đây là những tiếp xúc đức phong xúc thể của thân. Trước phong thêm chữ đức chính là viên minh cụ đức, mỗi một pháp đều là công đức đầy đủ của tánh. Đây là cảnh giới không thể nghĩ bàn, tự nhiên an lạc hài hòa, không phải Phật A Di Đà thiết kế nên, cũng không có công nhân phục vụ ở nơi đó, hoàn toàn là tự nhiên. Phía trước chúng ta có thể lãnh hội được, loại tánh đức này hiện ra tự nhiên. Nhân của nó vốn đầy đủ, tự tánh vốn đã có vậy, không có hiện tượng sanh diệt, chỉ có ẩn hiện bất đồng, có duyên thì nó hiện, không có duyên thì nó ẩn. Duyên thế giới Cực Lạc này từ đâu mà có? Là oai thần bốn nguyện của Phật A Di Đà. Phật Di Đà khi còn ở trong nhân, thành tựu của công đức hạnh nguyện đây là duyên, hiện ra đức tướng đầy đủ của tự tánh. Trong kinh Hoa Nghiêm đức Phật dạy: “tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí tuệ của Như Lai”. Cho thấy được mỗi người chúng ta đều có, vắng sanh về thế giới Cực

Lạc, thế giới đó, là những thành tựu công đức hạnh nguyện của Di Đà. Phía trước chúng ta đã học. 29 loại thành tựu mà trong Vãng Sanh Luận đã nói, trong đó có 17 loại thành tựu y báo, 8 loại thành tựu chánh báo.

“*Điều tâm vừa ý*”, tóm lược mà nói, thế giới Cực Lạc, diệu đức của tự tánh, có thể giúp chúng ta tiêu trừ nghiệp chướng. Ở trong cõi thật báo trang nghiêm, có thể giúp pháp thân Bồ Tát, trừ bỏ tập khí vô thi vô minh. Ở trên thân phàm phu của chúng ta, có thể giúp chúng ta tiêu trừ nghiệp chướng, giúp chúng ta tiêu trừ tập khí phiền não, khơi dậy đức tướng trí huệ trong tự tánh. Loại công năng này là tự nhiên, chỉ cần quý vị khế nhập cảnh giới này nó tự nhiên hiện ra. Cho nên tu hành thật sự là rất quan trọng, khái niệm về hai chữ tu hành này nhất định cần rõ ràng. Hành là hành vi khởi tâm động niệm là hành vi của ý, ngôn ngữ là hành vi của khẩu, động tác là hành vi của thân, gọi là ba nghiệp thân khẩu ý. Hành vi có sai lầm, có sơ xuất, đem nó sửa thành đúng đây gọi là tu hành. Danh từ này không thể suy nghĩ sai lầm được. Nếu như chúng ta cho rằng tụng kinh là tu hành, lạy Phật là tu hành, ngồi thiền là tu hành, lời nói này có đúng thật hay không? Không thể nói là đúng, cũng không thể nói là sai. Vì sao vậy? Nếu quý vị làm những động tác này, tâm hành không chuyển đổi thì là sai, tâm hành có thể chuyển đổi thì thực sự đúng. Tiêu chuẩn là những gì Phật nói ở trong kinh điển, những đạo lí, phương pháp này, và cảnh giới. Nếu như tương ứng với lí luận trong kinh điển nói, phương pháp tương ứng, cảnh giới tương ứng là người thật tu. Nếu như hoàn toàn không tương ứng, hình dáng bày ra bên ngoài là rất đẹp, là kẻ giả tu, họ không phải thật. Cổ Đức gọi là: “miệng niệm Di Đà tâm tán loạn”. Tịnh tông, công đức của câu Phật hiệu này không thể nghĩ bàn, nếu như một ngày niệm mười vạn tiếng Phật hiệu rất tinh tấn, nhưng nếu vẫn còn nghĩ ngợi lung tung, vẫn còn tham sân si mạn, đó là sai không phải đúng, một tư hào công đức cũng không có. Chẳng những công đức không có phước đức cũng không có, đây gọi là làm uổng phí. Cho nên học Phật không thể không rõ ràng, nếu không rõ lí quý vị làm sao sửa đổi? Quý vị không học thuộc kinh điển, quý vị không hiểu rõ lí, quý vị không biết tiêu chuẩn ở nơi nào, mãi mãi tự cho là đúng, tự cho là tu hành, tự cho là công phu quá tốt, cuối cùng vẫn không thể vãng sanh, vẫn còn bị luân hồi. Lúc đấy thì trách Phật Bồ Tát, tôi nương theo ngài làm như vậy rồi tại

sao lại không linh? Nếu nói Phật Bồ Tát không linh, báng Phật báng Pháp báng Tăng, đây là tội chồng lên tội, quý vị đọa vô gián địa ngục. Quả báo hủy báng tam bảo là vô gián địa ngục.

“Kỳ lạc” là nói tánh đức ở trong lục căn, thật sự giúp quý vị phá mê khai ngộ, phá mê khai ngộ là lìa khổ được vui. *Cái vui này giống như tỳ kheo đắc diệt tận định vậy.* Diệt tận định là cái gì? “*còn gọi diệt tận tam muội*”, chính là kiến tư phiền não, kiến tư phiền não đều diệt tận, đều đoạn hết rồi. Tam giới 88 phẩm kiến hoặc, 81 phẩm tư hoặc, tất cả đoạn trừ sạch rồi thì đây gọi là A La Hán. Ở tiểu thừa quý vị chứng tứ quả La Hán. Ở đây nói: *bậc thánh từ bất hoàn quả trở lên.* Bất hoàn quả là quả thứ ba A Na Hàm, phía trên A Na Hàm một tầng. “*Nhập vào định này*”, họ đắc được định này là diệt tận định. Họ đem tham sân si mạn nghi diệt sạch không có nữa, đây là tư hoặc. Ác kiến chính là kiến hoặc. Ác kiến mở rộng ra là: thân kiến, biên kiến, kiến thủ kiến, giới thủ kiến, tà kiến. Ở trong kinh luận thông thường gọi là thập sử, đây là Thế Tôn vì phương tiện dạy học mà chế ra, 81, 88, 81 phẩm tư hoặc, 88 phẩm kiến hoặc. Kiến hoặc đoạn tận thì chứng quả Tu Đà Hoàn, cũng là chứng được vị bất thoái. Tham sân si mạn nghi chia ra ở tam giới cửu địa. Mỗi địa có chín phẩm, chín nhân chín bằng tám mươi một phẩm, tất cả đều đoạn tận, duyên của lục đạo không còn nữa, thì quý vị vượt qua lục đạo. Lục đạo từ đâu mà có? Kiến tư phiền não biến hiện ra vậy. Cho nên đoạn hết kiến tư hoặc thì lục đạo không có nữa. Lục đạo không còn bây giờ trước mắt quý vị là tứ thánh quả giới: Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật. Tứ pháp giới này là cõi tịnh của Phật Thích Ca Mâu Ni, lục đạo là cõi dơ, cõi uế, ô nhiễm, tứ thánh là tịnh thổ. Ở trong tứ thánh pháp giới thiện ác đều không có, ở đây thanh tịnh. Trên đề kinh của kinh Vô Lượng Thọ thanh tịnh bình đẳng giác, chính là cái thanh tịnh này, họ thật đã chứng được. A La Hán chứng được là thanh tịnh. Ở trong vô thượng chánh đẳng chánh giác thì họ thành chánh giác, thanh tịnh thì thành chánh giác. Hướng lên trên là chánh đẳng chánh giác đó là Bồ Tát, thanh tịnh hướng lên trên là bình đẳng, bình đẳng là Bồ Tát. Thanh tịnh là A La Hán, Bích Chi Phật, giác là Phật, pháp thân đại sĩ đây gọi là giác, vô thi vô minh đoạn rồi.

Phía sau câu này là vì chúng ta mà nói ra lí do thù thắng trang nghiêm của thế giới Cực Lạc, là lời nguyện thứ 30 của 48 lời nguyện Di Đà, lời nguyện lạc như lậu tận, lời nguyện này thành tựu. Có thể thấy được 48 lời nguyện, nguyện nguyện đều tròn đầy, nguyện nguyện đều làm được. Đoạn văn dưới đây là giảng cho đoạn cuối.

Đoạn văn dưới: *gió thổi hoa tự hiện ra diệu sắc, đây là nhĩ đặc diệu sắc*. Quý vị xem phía trước chúng ta nên nhớ, đoạn thứ nhất nói về nhĩ, nhĩ đặc diệu âm. Đoạn thứ hai nói về tỷ, tỷ đặc diệu hương. Đoạn thứ ba nói về phong, gió thổi qua thân thể đặc diệu xúc. Tiếp theo bên dưới, nhãn đặc diệu sắc. Lục căn tiếp xúc cảnh giới bên ngoài không điều gì không diệu, không như chúng ta bây giờ lục căn tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, đều ô nhiễm, đều khởi phiền não, đều khởi thất tình ngũ dục. Thất tình ngũ dục là ô nhiễm, là mê mà không giác. Thế giới Cực Lạc lục căn tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, đều có thể giúp quý vị giác mà không mê, cho nên quý vị lìa khổ được vui.

Gió thổi hoa tự mà hiện diệu sắc, hoa bay như mưa nên gọi mưa hoa. Mưa là từ phía trên rơi xuống. Đoạn dưới này “*minh hoa vũ công đức*”, mời xem lời kinh: “*Phục xuy thất bảo lâm thọ phiêu hoa thành tự, chủng chủng sắc quang biến mãn phật độ*”, cõi Phật này chính là thế giới Cực Lạc. “*tùy sắc thứ đệ ni bất tạp loạn, nhu nhuễn quang khiết như Đâu La gấm*”. Hoa rơi trên mặt đất giống như tấm thảm vậy, giống như tấm thảm đan dệt nên vậy, hoa của nó không tán loạn, màu sắc hoa tự xếp thành đồ án, rất chỉnh tề, đây là công đức. Nếu như hoa này lúc từ không trung rơi xuống rất lẽ tẻ, như vậy thì không đẹp. xếp thành đồ án vô cùng đẹp để không tạp loạn, *mềm mại sáng trong như gấm Đâu La*, gấm Đâu La phía sau có giải thích. “*túc phục kỳ thượng*” như gấm Đâu La. “*một thâm tứ chỉ*” nó có tính đàn hồi, giã lên phía trên nó không lún bốn ngón. “*tùy túc cử dĩ, hoàn phục như sơ*” tính đàn hồi rất tốt, chúng ta nhắc chân lên thì nó trở lại bình thường.

“*Quá thực thời hậu, kỳ hoa tự một, đại địa thanh tịnh, canh vũ tân hoa, tùy kỳ thời tiết, hoàn phục chu biến, dĩ tiền vô dị như thị lục phản*”.

Thế giới Cực Lạc không có hôn ám một vùng ánh sáng, thực tế mà nói họ không có khái niệm về thời gian, đây đều là tùy thuận tập khí của chúng sanh thế giới Ta

Bà đề nói. Con người ở thế gian này có khái niệm thời gian, bây giờ thực sự là buổi sáng hay chiều, là mấy giờ? Thế giới Cực Lạc họ lại không cần ăn cơm, họ lại không cần ngủ nghỉ, cho nên thực tế mà nói họ không có khái niệm về thời gian. Những cách nói này của Phật Thích Ca Mâu Ni, tất cả đều là hằng thuận chúng sanh tùy hỷ công đức. Thế giới Ta Bà nếu hỏi: ba bữa cơm ở thế giới Cực Lạc ăn thế nào? Buổi tối ngủ nghỉ thế nào? Nhà ở những thứ này đều rất quan tâm, tất cả đều giới thiệu cho quý vị, có hay không? Không thể nói không có, “tất cả pháp đều từ tâm sinh”. Quý vị có ý nghĩ này thì nó có hiện tượng này, những hiện tượng này khẳng định giống với những điều trong kinh đã nói, Phật không nói sai. Nếu như quý vị ở thế giới Cực Lạc được tâm thanh tịnh, tâm địa thanh tịnh bình đẳng không có một ý niệm sanh khởi, thì những hiện tượng này đều không có. Do đó chúng ta có thể lãnh hội được, hạ bối vãng sanh của cõi phàm thánh đồng cư, họ có hiện tượng này, chắc chắn có.

Mời xem chú giải: “*Bỉ quốc đức phong hữu chư diệu dụng*”. Chư ở đây là nhiều, rất nhiều loại diệu dụng. “*thủ viết*”, mở đầu nói cho chúng ta, “*thổi vật ra tiếng, diễn nói diệu pháp*”, đây phía trước đã nói: gió thổi hoa cỏ cây cối. Hoa cỏ cây cối đều làm từ châu báu, gió thổi lúc lá cây va chạm với lá cây, thì giống như chuông gió vậy, cỏ cũng là như vậy. Gió thổi cỏ lay, âm thanh va chạm thật là tuyệt diệu, giống như nhạc giao hưởng, không những có âm thanh âm nhạc nó còn nói pháp, nói Tứ Đế, nói 12 Nhân Duyên, nói Lục Độ, nói Tam Học, pháp gì cũng nói. Quý vị muốn nghe cái gì thì quý vị có thể nghe được cái đó, thế giới tây phương muốn thấy cái gì quý vị đều có thể thấy được, mười phương thế giới, giống như đài truyền hình của chúng ta bây giờ, thật còn hơn truyền hình, truyền hình của chúng ta là mặt phẳng, nó là hình khối. Hình vẽ hiện ra người thế giới tây phương Cực Lạc có thể đi vào trong đó, truyền hình ngày nay của chúng ta không làm được, màn hình mở ra chúng ta không thể đi vào được. Do đó có thể biết khoa học kỹ thuật của họ cao hơn so với chúng ta, so sánh với nó còn kém rất xa.

Thứ hai tùy gió tán hương, người nghe thanh tịnh. Đây đều nương vào gió. Thứ ba đức phong xúc thân, lạc cùng diệt tận. thứ tư tùy gió đưa hoa, biến khắp đất nước. Quý vị thấy diệu của gió này, hay không thể diễn tả. *Gió thổi cây báu, ánh*

sáng cùng hoa tự nhiên hội tụ. Xanh vàng đỏ trắng biến khắp nước đó. Năm câu này chúng ta dùng một câu để nói, gió thổi hoa, hoa rơi trên mặt đất, tự nhiên biến thành tâm phẩm, phẩm hoa tuyệt đẹp, biến khắp nước đó. Mặt đất trang nghiêm của thế giới tây phương Cực Lạc. Nên kinh nói: “hoa trôi thành tụ, đủ loại sắc màu, biến khắp cõi Phật, tùy theo thứ tự, mà không tạp loạn”

Trong đoạn kinh này nói, quý vị thấy thế giới này thật đẹp! *Lại Ngô dịch nói: thổi cây bảy báu làm năm âm thanh.* Năm âm thanh là của Trung Quốc. Cổ âm của Trung Quốc lấy năm âm là chủ: cung thương giác chính vũ. Âm nhạc bây giờ có bảy âm cơ bản, Trung Quốc cũng có, có biến cung biến thương kết hợp lại, kết hợp năm âm cũng là bảy âm. Câu nói này ngày nay gọi là nhạc giao hưởng, những nhạc khí này không giống nhau cùng nhau diễn tấu.

Lấy cây hoa bảy báu phủ khắp trong nước đó đều rải trên Phật và chư Bồ Tát, A La Hán. Đây là tự nhiên không có sự thao tác của con người. Gió thổi cây hoa, hoa này sẽ bay đến đỉnh đầu của Phật, đỉnh đầu của Bồ Tát, đỉnh đầu của A La Hán, nhưng sau khi rơi xuống thì không thấy nữa. Không ô nhiễm thân thể của quý vị, ô nhiễm áo quần của quý vị, không nhiễm, rơi xuống thì biến mất.

Cây hoa vì gió từ trong không tán dương cúng dường thánh chúng như trời mưa hoa khắp cõi Phật. Luận vãng sanh gọi hoa báu khắp nơi có hai thù thắng. Một là diệu sắc thù thắng, hoa trôi có thứ tự. Nó có trật tự nó không loạn. Theo màu sắc thành tụ, xanh vàng đỏ trắng đều tùy loại của nó. Màu trắng cùng với mây trắng tụ ở cùng nhau, màu vàng cúng với màu vàng tụ cùng nhau nó không loạn, tự nhiên xếp thành đồ án. “Nên nói tùy sắc thứ tự mà không tán loạn, hoa báu khắp nơi, như tranh như gấm” giống như đồ án, giống như gấm dệt. Trung Quốc cổ đại công nghiệp tơ lụa rất phát triển, đối ngoại thương mại đó là lượng xuất khẩu lớn, người tây phương vô cùng thích thú, thích tơ tằm của Trung Quốc. Tơ tằm do công nhân thiết kế, công nhân thao tác dệt thành, mưa hoa của thế giới Cực Lạc, không người thao tác không người thiết kế, tự nhiên thành tựu, so với công nhân thiết kế còn đẹp hơn. Những nơi này chúng ta đều muốn đến, công đức tự tánh không thể nghĩ bàn, là tánh đức của tự tánh, là nguyện lực của Di Đà thành tựu. Nguyện lực Di Đà là duyên, công đức tự tánh là nhân. Nhân duyên

tương ứng thì quả báo hiện ra, những cảnh giới này đều là quả. Là quả báo cảm ứng ở thế giới Cực Lạc. *đủ loại màu sắc biến khắp cõi Phật, là diệu sắc vậy.* Xem cái thứ hai “*hai là diệu xúc thù thắng*”. Kinh nói mềm mại sáng trong. Quang chỉ sắc quang vô lượng đã nói ở trước. Khiết chỉ chất hoa trong sạch. Mềm mại chỉ diệu xúc, quý vị chạm vào nó, nó mềm mại. “Gám Đâu La”, cái này giống với bông của hoa bông, cùng là gám, tiếng Phạn.

Đạo Tuyên luật sư nói: cỏ cây hoa sợi vậy. Ở đây lấy một ví dụ: *hoa Bồ Đề, hoa Liễu, sợi liễu, hoa Bạch Dương, hoa Bạch Diệp ... sợi là vậy.* Ấn Độ có một loại thực vật, giống như hoa bông của Trung Quốc rất sạch, mềm mại. “*Lấy nghĩa nhỏ mềm, phúc là giã vậy*”. Chân của chúng ra giã xuống dưới, nó mềm nó lún xuống, chìm là lún xuống. *Chân giã trên hoa, nó xúc mềm mại, giống như giã gám Đâu La. Chân đạp vào hoa, sâu xuống bốn ngón.* Quý vị thấy mềm như vậy, giã xuống nó rõ bốn ngón chân, cất bước chân lên, hoa tức bằng phẳng như ban đầu, tính đàn hồi của nó rất tốt. *Nên nói: cất bước chân lên, trở lại như cũ.*

Dưới đây nói *mưa hoa lục phân, cũng tức nghĩa đêm ngày sáu thời mưa hoa Mạn Đà La trong kinh A Di Đà.* Trong kinh A Di Đà cũng có ý nghĩa này. Ở đây cũng có “sáu thời” đây là Ấn Độ cổ. Cổ Ấn Độ đem một ngày đêm phân làm sáu thời, ngày ba thời đêm ba thời. Trung quốc chúng ta thời xưa, đem đêm ngày phân làm 12 thời khắc, dùng tỷ sừ dân mao thìn ty ngọ mùi thân dậu tuất hợi, dùng cái này để biểu thị mười hai thời khắc. Còn bây giờ? Trên thế giới ngày nay thông hành, là đem ngày đêm chia làm 24 giờ, chúng ta gọi nó là tiểu thời, nhỏ hơn so với thời khắc của Trung Quốc. Trung Quốc một thời khắc là hai giờ hiện nay, đây gọi nó là tiểu thời. Thời khắc của Ấn Độ lớn hơn chúng ta, hai thời khắc của Trung Quốc chúng ta là một giờ của Ấn Độ, Ấn Độ ngày đêm chỉ có sáu thời. Trên trái đất này của chúng ta, cách chia thời gian không giống nhau. Ngày nay giao thông tiện lợi, biết được lệch giờ. Thời xưa không có nghe đến danh từ lệch giờ này. Chỉ có ở trong thiên văn học có nhắc đến, trong cuộc sống bình thường không cảm giác được lệch giờ, bây giờ có lệch giờ. “*Sáu thời là thần triêu*” đây là sáng sớm giữa ngày, cuối ngày. Trong giới kinh gọi sáng sớm là sơ nhật thời. Sáng sớm, giữa ngày, cuối ngày ba thời. Ban đêm là đầu đêm giữa đêm cuối đêm. Ban

ngày cũng gọi là sơ nhật phần, trung nhật phần, hậu nhật phần, có cách nói này. Buổi tối là sơ dạ phần, trung dạ phần, hậu dạ phần. Khi đức Thế Tôn còn tại thế, ban đêm chỉ nghỉ ngơi vào lúc trung dạ. Trung dạ là lúc nào? Nếu dùng bây giờ để nói, một giờ đồng hồ của Ấn Độ là bốn giờ, thời gian nghỉ ngơi một ngày nghỉ một thời, tức là 4 giờ đồng hồ bây giờ, ban đêm 10 giờ đi nghỉ, 2 giờ thì dậy. Trung dạ là thời gian nghỉ ngơi. Trung nhật, ban ngày là thời gian ăn uống, trung nhật phần. Ăn cơm vào trung nhật, ngày ăn một bữa.

Sáng sớm mưa hoa, sau khi qua giờ ăn hoa đó tự mất, đại địa thanh tịnh, thêm mưa hoa mới. Hoa này nó có thời gian, mỗi giờ hoa rơi một lần, bước sang giờ thứ hai, hoa rơi hoàn toàn mất hết, đại địa vô cùng sạch sẽ, lại rơi hoa mới. Nói cách khác, thế giới tây phương hoa rơi xuống sáu lần, thì giống như chúng ta ở đây một ngày sáu thời khác, ngày ba thời đêm ba thời. Chỉ xem số lần mưa hoa, trên thực tế, ngoài cái này ra không thấy có thời khác, nó không cần nhật nguyệt. Y báo chánh báo đều phóng ánh sáng, thế giới tây phương không có u ám, thế giới ánh sáng. Con người bên ấy không cần ăn uống cũng không cần ngủ nghỉ, nghe pháp tức là hấp thụ năng lượng, không cần hấp thụ trong việc ăn uống mà. Từ âm thanh Phật thuyết pháp, thấy được ánh sáng của Phật, thì họ hấp thụ năng lượng, cho nên pháp hỉ sung mãn. Từ trong thiên định hấp thụ năng lượng, phương pháp của nó rất nhiều, không cần ăn uống, hấp thụ năng lượng không phí công, đi đứng nằm ngồi đều đang hấp thụ. Năng lượng đến từ tự tánh là tánh đức, thật sự là lấy không hết dùng không tận, không sanh không diệt. Đây mới thực sự gọi là đắc đại tự tại.

Giờ ăn là, giờ ăn chính, tức là giờ Ngọ giữa ngày. Người Trung Quốc chúng ta nói giờ Ngọ, 11 giờ trưa đến 1 giờ chiều, hai giờ đồng hồ này, giờ ăn là lúc nào? Giữa ngày, giữa ngày buổi trưa. Sau buổi trưa thì không ăn nữa, cho nên tỳ kheo dùng bữa là ở lúc nào? 11 giờ, đại khái đến 11 giờ rưỡi, không được vượt qua giữa ngày. Giữa ngày chắc chắn không còn ăn uống nữa, Trong Giới Kinh có quy định. Dụng ý ở đâu? Giúp đỡ những phạm phu này, buông xả tâm tham, buông xả dục vọng, nhiếp thụ ăn uống, phải cho hợp thời, không khởi tham niệm, đây là đối với hàng sơ học. Đối với người đã tu lâu, không khởi phân biệt, không khởi chấp trước, tất cả đều tùy ý.

Ở đây trích dẫn *kinh Sa Di thập giới nghi tắc*” nói: *thọ trai giờ ăn không được qua buổi trưa.*

“Trai”, người bây giờ đều dùng sai chữ này, cho rằng ăn chay là trai, không phải vậy. Trai là quá ngộ không ăn, không liên quan với chuyện ăn mặn ăn chay, không liên quan với cái này. Quá ngộ không ăn gọi là trai, cho nên ăn chay không thể gọi là Trai. Người bây giờ gọi trai thái quán là quán cơm chay, dùng chữ trai ở đây không thỏa đáng.

Biểu thị sáng sớm hoa rơi, qua giữa ngày thì trên mặt đất tự nhiên mất đi, tự nhiên không còn nữa. “*đại địa thanh tinh như cũ*”, mặt đất cái gì cũng không có, vô cùng sạch sẽ. Ngay sau đó không trung lại mưa hoa mới. *Nên theo sáu thời ở đây hoa rơi hoa mất, tuần hoàn lặp lại. Nên nói theo thời tiết của nó trở lại biến khắp.* Hoàn phục là tuần hoàn và phản phục. Chu biến là biến khắp nước đó vậy. Với trước không khác, lục phản như vậy. Lục phản ở đây là lục độ vậy. Trong kinh Di Đà nói sáu thời mưa hoa, chính là ý nghĩa này.

Ở thế gian này chúng ta cần phải ăn uống, ăn uống duy trì mạng sống của chúng ta. Nhưng ăn uống cũng sẽ tổn hại nghiêm trọng sinh mạng của chúng ta, đạo lý này không thể không hiểu. Phật pháp nói chúng sanh trong lục đạo chỉ có khổ không có vui. khổ là thật, vui là giả vậy. Trong Phật pháp nói thật giả là có tiêu chuẩn, có thay đổi là giả, không thay đổi là thật. Ví như thức ăn hợp khẩu vị của quý vị, quý vị rất thích, quý vị ăn rất ngon miệng, đây là vui. Ăn một chén rất ngon miệng, ăn hai chén cũng rất ngon miệng, quý vị ăn liên tục hai mươi chén, ba mươi chén, thì quý vị phải cầu cứu mạng. Vì sao vậy? Vì nó thành khổ rồi. Vui có thể biến thành khổ, là giả không phải thật vậy. Khổ không thể biến thành vui, ví như nói đói, đói một bữa rất khổ, đói hai bữa càng khổ, đói ba bữa thì khổ không nói nên lời, không thể biến thành vui. Đánh quý vị một roi đây là rất khổ, rất đau, đánh hai roi càng đau, đánh đến một trăm roi không thể đánh thành vui được. Quý vị nói cái vui này, quý vị thấy người ca hát khiêu vũ, quý vị bảo họ hát một ngày liên tục, họ nhất định quỳ xuống đất cầu xin quý vị tha mạng. Quý vị bảo họ khiêu vũ, quý vị bảo họ nhảy bảy ngày bảy đêm, thì xong rồi, vui sẽ biến thành khổ, khổ không thể biến thành vui. Đức Phật dạy chúng ta phàm phu trong lục đạo, khổ tạm dừng, họ cho rằng là vui. Ví như thức ăn: quý vị mỗi ngày ăn ba

bữa, thiếu một bữa đã cảm thấy khổ rồi. Nói cách khác, giống như sáu thời mưa hoa đến giờ thì quý vị phải uống thuốc thôi.

Âm thực là cái gì? Là thuốc trị đói khổ của quý vị, bệnh đói. Quý vị thấy từ khi sinh ra đã có căn bệnh này. Đến chết cũng không cách gì trị được. Sự tĩ mĩ của Phật thấy được rất rõ ràng, chúng ta tâm thô không có cảm nhận được. Phật đã nói rõ cho chúng ta, chúng ta suy nghĩ thấy chính xác hợp lí, đây là thật không phải giả. Đức Phật nói cho chúng ta biết khổ của chúng sanh trong lục đạo có ba loại: có khổ khổ, hoại khổ, hành khổ.

Ba loại khổ, từ phía dưới là danh từ, từ phía trên là động từ. Khổ khổ, những khổ nào? Sanh lão bệnh tử khổ, cầu bất đắc khổ, ái biệt li khổ, oán tắng hội khổ, ngũ ấm xí thành khổ. Ngũ ấm thành khổ thông thường mọi người không biết, nhưng quý vị vừa nói thì họ lập tức biết, họ có. Là thứ gì? Vọng niệm là rõ ràng nhất, muốn dừng nhưng dừng không được. Tôi rất muốn niệm Phật, tại sao miệng mấy câu thì tạp niệm nổi lên. Làm cách nào cũng không hết được, đây là ngũ ấm xí thành khổ. Ngũ ấm là thọ tướng hành thức, sắc thọ tướng hành thức, khổ của vật chất và tinh thần không nói nên lời! Tại vì sao khổ như thế này? Vì quý vị không biết nó là giả, quý vị cho rằng nó là thật. Nếu quý vị có bản lĩnh của Quán Thế Âm Bồ Tát, thấy được ngũ uẩn đều không, thì ngũ ấm xí thành không có nữa. Ngũ ấm xí thành đã không có, nói cho các vị biết khổ khổ không còn nữa. Vì nó là gốc của khổ khổ, gốc của sanh lão bệnh tử, gốc của ái biệt li, cầu bất đắc, oán tắng hội. Quý vị đem cái gốc chặt gãy đi thì khổ khổ không còn nữa. Làm cách nào để chặt? Diệu pháp thứ nhất đó chính là niệm Phật, trong lòng chỉ có đức Phật A Di Đà, ngoài đức Phật A Di Đà ra thì cái gì cũng không có, lạc dấy. Người thời nay nói áp lực tinh thần, áp lực vật chất tất cả không có rồi. Nhưng rắc rối trước mắt là cái gì? Là nó không để quý vị niệm Phật. Quý vị muốn niệm Phật nó xen ngang vào, nó đến quấy nhiễu, quý vị càng khổ não, càng khổ não thì quý vị càng không thể thành tựu. Làm thế nào đây? Sự việc này không phải một mình quý vị có, từ xưa đến nay người tu hành nào mà không có? Vậy chúng ta xem người xưa dùng phương pháp gì để đối trị, đây chính là kinh nghiệm. Cổ Đức dạy cho chúng ta, quý vị phải cố gắng niệm Phật, tạp niệm khởi lên cũng không cần lý tới nó, để nó đi. Tạp niệm có thể cùng một lúc với niệm Phật khởi

lên, sức chú ý của chúng ta chú ý Phật hiệu, đừng chú ý nó, thì tự nhiên không có nữa, đừng để ý nó. Nó tự cảm thấy không có hứng thú thì chạy mất, nếu quý vị thường quan tâm nó, để ý nó, nó khởi tác dụng, nó mãi mãi không rời bỏ quý vị, đây là kinh nghiệm của người xưa. Không để ý nó, không sao! Cho nên niệm Phật đường, thiền đường, đường chủ thường nhắc nhở mọi người “chiếu cố thoát đầu”, chúng ta niệm một câu A Di Đà Phật này gọi là thoát đầu, quý vị chú ý nó đừng chú ý đến vọng niệm. Đại khái cần bao lâu? Phải cần hai năm đến ba năm, quý vị hoàn toàn chú ý được Phật hiệu của quý vị, vọng niệm tự nhiên giảm bớt. Ân Quang đại sư ở trong Văn Sao nói cho chúng ta: một cây hương. Thời xưa ở trong chùa chiền không có đồng hồ, đồng hồ rất là quý hiếm, không phải người thường có thể mua được. Trong chùa chiền tính thời gian bằng cái gì? Là thắp hương, hương dài thì một tiếng rưỡi, hương thường hương phổ thông thì một tiếng. Niệm Phật đường phần nhiều đều thắp hương dài, một cây hương một tiếng rưỡi đồng hồ, trong một cây hương còn có năm ba cái vọng niệm, Ân Quang đại sư nói như vậy là công phu khá rồi đấy, đây là thật. Cho nên chúng ta niệm Phật có vọng niệm cũng không sợ. Phương pháp của tôi đối phó vọng niệm, tôi không phải dùng niệm Phật, niệm Phật vọng niệm rất nhiều, tôi dùng đọc kinh. Đọc kinh không thể có vọng niệm, có vọng niệm thì đọc sai, với lại tôi đọc rất tỉ mỉ, tôi đọc tốc độ rất chậm, đọc từng chữ từng câu. Phương pháp này đối với tôi rất có hiệu quả, cho nên trong mấy mươi năm vọng niệm rất ít, tôi nương vào cái này. Bỏ quyền kinh xuống, thì không còn cách nào nữa. Giảng kinh không thể có vọng niệm xen vào, không thể được. Đọc kinh để chuẩn bị cho bài giảng rất ít vọng niệm xen vào, dùng cách này đến khi vọng niệm ít đi rồi niệm Phật thì không sao nữa, niệm Phật vọng niệm cũng rất ít. Căn tánh của mỗi người không giống nhau, vì vậy phương pháp của mỗi người cũng không giống nhau. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, tám vạn bốn ngàn phương pháp không giống nhau. Tự quý vị cảm thấy phương pháp nào thích hợp với quý vị, thì quý vị dùng nó. Không thể nói người khác dùng phương pháp này, tôi dùng như họ, không cần phải vậy. Nhất định phải dùng cái mình cảm thấy dễ chịu, cảm thấy dùng phương pháp này thích hợp, không có rắc rối mà lại có hiệu quả cao. Học tập thích thú thì quý vị dùng

phương pháp đó, phương pháp càng lâu càng tốt gọi là huân tu lâu dài. Hiệu quả xuất hiện rồi.

Hiệu quả gì? Tam muội xuất hiện. Chúng ta không dùng danh từ Phật học, chúng ta dùng đơn giản là tâm thanh tịnh hiện ra. Trên đề kinh thanh tịnh bình đẳng giác này hay, thanh tịnh tâm hiện ra chứng minh công phu của quý vị đặc lực, nâng cao lên nữa thì bình đẳng tâm hiện ra, đó là cao thêm một tầng công phu. Nếu như nói thanh tịnh tâm là tiểu ngộ, bình đẳng tâm chính là đại ngộ, giác phía sau là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Nhưng quý vị chỉ được dùng một pháp môn, quý vị thường thay đổi pháp môn thì không làm được. Con người thời nay, thật lòng mà nói thông minh trí huệ tuyệt đối không thua người xưa, nhưng công phu tu hành của chúng ta vĩnh viễn không bằng người xưa. Sai ở chỗ nào? Sai ở chỗ phương pháp, họ có thể tuân thủ phương pháp, chúng ta lại thường thay đổi. Điều này chịu ảnh hưởng của thế gian pháp, dạy học của thế gian ngày nay, đều là học một lúc rất nhiều môn, không phải học một loại giống nhau. Ở Ấn Độ và Trung Quốc cổ đại, phương pháp tu học không phải như thế này, từng môn từng môn. Chắc chắn không cho phép học một lúc hai thứ. Vì sao vậy? Vì tâm của quý vị tạp loạn, tâm tạp loạn không đạt được hiệu quả. Lời này tôi nói đã mấy mươi năm rồi, không có người tin tưởng.

Năm 26 tuổi tôi tiếp xúc với Phật pháp, cũng là học rộng nghe nhiều, gặp được Chương Gia đại sư, Ngài dạy cho tôi nhìn thấu, buông xả. Dạy tôi chuyên sâu một môn, học Phật Thích Ca Mâu Ni, trước là nhận thức Phật Thích Ca Mâu Ni, hiểu rõ Phật Thích Ca Mâu Ni, sau đó mới hướng đến giáo lý của Phật Thích Ca Mâu Ni. Lúc còn trẻ thích đại kinh đại luận, gặp được thầy Lý mới biết đường đi, chính là chuyên sâu một môn. Chắc chắn không thể một lúc học hai thứ. Ở trong lớp học của thầy Lý, quý vị muốn học một lúc hai môn ông không dạy quý vị. Ông dứt khoát bảo với quý vị rằng, quý vị không phải người có thượng căn, quý vị không có năng lực này. Chúng tôi ngoan ngoãn nghe lời. Nhưng ông cũng rất tốt, cũng hằng thuận chúng sanh, môn học này quý vị học được rồi, có thể học môn thứ hai, môn thứ hai học được rồi có thể học môn thứ ba, cùng lúc chắc chắn không thể học hai môn. Ví như học một bộ kinh một bộ luận, tiêu chuẩn gì gọi là đã học được? Quý vị có thể lên bục để giảng, ông ở dưới nghe, nghe giảng được

ông gật đầu vừa lòng, nói được rồi, thì quý vị mới có thể chọn môn thứ hai. Phương pháp như vậy, đây là gì? Dạy sơ học. Dạy tiểu học có thể, dạy đại học thì không được. Tiểu học là cấm rễ, học thêm mấy loại, đa phần đều là kinh tiểu thừa. Trong kinh tiểu thừa phần nhiều là giảng luân lý đạo đức, giảng giới luật thì nhiều, mà giảng định huệ rất ít. Sau khi nền móng ổn định, quý vị thận trọng chọn một môn. Bộ kinh này cần phải huân tu lâu dài. Thời gian bao lâu? Cổ nhân của Trung Quốc, các vị xem Lễ Ký, Học Ký. Trong Học Ký nói: “bảy năm tiểu thành, chín năm đại thành”, cũng chính là nói quý vị học một thứ, ít nhất là bảy năm, tốt nhất là chín năm. Cổ nhân thường nói: “mười năm song cửa bỗng chốc thành danh”, có đạo lý. Vì sao vậy? Thời gian dài như thế ở trong một bộ kinh, họ được định, họ khai trí huệ. Cho nên người Trung Quốc học không phải tri thức, mà là cầu trí huệ, trí huệ nhất định từ trong giới định mới cầu được. Quan trọng nhất trong giới là thành kính, chân thành cung kính. Ấn Quang lão pháp sư nói: “một phần thành kính được một phần lợi ích”, không có thành kính làm sao tu được, Phật Bồ Tát đến dạy quý vị cũng không học được. Vì sao vậy? Vì trí huệ là từ chân tâm lưu xuất, thành kính là chân tâm. Chân với chân cảm ứng, chân với vọng không cảm ứng. Quý vị không có chân thành, không có cung kính, phàm là những gì tâm chân thành lưu xuất ra, quý vị đều không đạt được. Những thứ quý vị học, quý vị đạt được đều là tri thức, không phải trí huệ, tri thức và trí huệ là hai việc, cho nên thế giới này bây giờ, mọi người học đều là tri thức. Tri thức đối với vấn đề xã hội ngày nay không thể giải quyết, đối với sự biến đổi của trái đất càng là việc mù mờ không biết. Nếu quý vị có trí huệ thì quý vị biết được phương pháp giải quyết, quý vị có năng lực giải quyết, quý vị có phương pháp giải quyết, vì quý vị biết nó từ đâu mà có, quý vị mới có năng lực mở gút này ra. Tri thức không làm được, khoa học thuộc về tri thức, họ rất chuyên tâm, quý vị xem các nhà khoa học dụng tâm rất chuyên, rất kỹ càng, tỉ mỉ chuyên tâm họ mới có thể phát hiện. Họ không phải tam muội, họ chỉ tiếp cận tam muội. Dùng Phật pháp để nói: cái mà khoa học làm được, nhà Phật gọi là “quán hành tức”, tịnh độ tông chúng ta gọi là công phu thành phẩm, khoa học gia có thể làm được đến đây, tập trung ý chí tinh thần, họ nghiên cứu một vật gì đó, họ có thể phát hiện được. Họ không đặc định, không đặc tam muội. Tam muội là gì? Tam muội là đã đoạn

được phiên nào. Tiểu thừa Tu Đà Hoàn họ có năng lực đoạn trừ 88 phẩm kiến hoặc của tam giới cửu địa, họ chứng vị bất thoái. Giới khoa học không có đạt được vị bất thoái, giới khoa học vẫn còn luân hồi trong lục đạo, Tu Đà Hoàn tuy ở trong lục đạo, họ chỉ có hai đường nhân đạo thiên đạo, chắc chắn không đọa vào ba đường ác. Họ cũng sẽ không biến thành A Tu La, La Sát, không có. An trú tu hành ở trong hai đường, không giống nhau.

Người tu hành chân chính nếu lơ là giới định huệ, thì quý vị đi sai đường rồi. Giới bắt đầu làm từ đâu? Những năm gần đây bài phát biểu của tôi với mọi người, giới bắt đầu làm từ Đệ Tử Quy, từ Cảm ứng Thiên. Vì sao vậy? Nếu như không bắt đầu làm từ đó, thì quý vị phải hạ thủ công cung từ kinh tiểu thừa. Kinh tiểu thừa quá nhiều quá tạp, không dễ dàng gì. Tôi học tiểu thừa với thầy Lý, đại khái học được hơn hai mươi bộ, có lẽ có 20, 30 bộ. Quý vị đem những điều trong kinh tiểu thừa quy nạp lại, thực sự chính là Đệ Tử Quy và Cảm ứng Thiên. Phân lượng của nó ít, đơn giản, là tinh hoa, tinh yếu của trong kinh tiểu thừa. Cho nên Phật pháp đại thừa ở Trung Quốc, từ giữa đời Đường về sau đều bỏ tiểu thừa, dùng Nho Đạo để thay thế. 1500 năm này, các vị cao tăng trong đạo Phật, bao gồm cả cư sĩ, chẳng ai không thông Nho thông Đạo, đều tinh thông hết, cho nên mới có thể thành tựu. Dùng Nho và Đạo để ổn định nền móng của mình, rất quan trọng! chúng ta lơ là điểm này, Nho giáo và Đạo giáo lơ là rồi.

Nho giáo là gì? Nho giáo là học Đệ Tử Quy, thực hành Đệ Tử Quy. Đạo giáo thì thực hành Cảm ứng Thiên, như thế thì mười thiện nghiệp của quý vị thực hành rất dễ dàng. Có nền móng này rồi, thì Lục Hòa Kính, Tam Học, Lục Độ mười nguyện của Phổ Hiền quý vị đều có thể làm được. Có nền móng vững chắc như thế, bất luận là tu học pháp môn nào, chẳng ai không thành tựu. Không có nền móng chắc chắn này thì không được, quý vị vẫn là dùng tâm luân hồi, học Phật pháp cũng là tạo nghiệp luân hồi, thiện nghiệp ở trong luân hồi, thiện nghiệp đến đâu để thọ nghiệp? Đến cõi người, cõi trời. Thông thường cõi trời cũng là ở trong dục giới thiên, vì sao vậy? Vì dục vọng của quý vị chưa buông xả, quý vị vẫn còn thất tình ngũ dục, nên cõi trời sắc giới không có phần. Nếu như thất tình ngũ dục vẫn còn nhiều, thì có lẽ Dạ Ma Thiên trở lên đều không có phần, cùng

lắm quý vị có thể sanh ở Tứ Thiên Vương, Đao Lợi thiên, việc này không thể không rõ ràng.

Gặp được pháp môn tịnh tông, gặp được Kinh Vô Lượng Thọ đặc biệt là quyền hội tập này, thật sự hiểu rõ ràng mình bạch, không còn hoài nghi, không còn thay đổi. Thật sự buông xả nhất tâm niệm Phật, thì chúc mừng Quý vị, chắc chắn quý vị được vãng sanh, chắc chắn đời này quý vị thành Phật, nhân duyên này hy hữu khó gặp.

Thế gian này có thiên tai, có thiên tai hay không cũng không cần lý đến nó, không liên quan với tôi. Tôi chỉ nhất tâm niệm Phật cầu sanh tịnh độ, gặp được người có duyên thì dùng phương pháp này khuyên họ, tự chuyển hóa họ, công đức vô lượng. Tôi biết thứ này hay quý vị chưa biết, tôi giới thiệu với quý vị, đem cái tốt nhất mà tôi biết giới thiệu cho quý vị, tôi không hưởng thụ một mình tôi, tôi đem một phần này để giới thiệu cho người khác. Họ tin hay không cũng chẳng sao, nên nhớ rằng một khi đã lọt vào tai thì trở thành hạt giống, quý vị đã trồng thiện căn ở trong A Lại Da của họ, đã trồng thiện căn A Di Đà Phật, như thế thì không có lỗi với họ. Họ có thể thành tựu hay không? Thì phải xem họ có thật sự tin tưởng hay không? Họ có thể lí giải không? Chú giải họ hiểu được rồi, thì diễn nghĩa này của chúng ta họ nghe hiểu hết, người này thật không thể nghĩ bàn, khẳng định họ là chân tín, họ phát nguyện, thì họ được sanh.

Con người ở thế gian phải giống như một con người, câu nói này rất quan trọng. Con người thì có nhân cách, cách là cái gì? Là tư cách làm người, là tiêu chuẩn để làm người. Trong văn hóa truyền thống của Trung Quốc, tôi đem nó quy nạp giản lược thành mười hai chữ, tiêu chuẩn làm người, mười hai chữ này nhất định phải học, nhất định phải học, thì chúng ta giống như một con người. Giống một con người thì quý vị làm sao đọa tam đồ được? Làm sao quý vị có tai nạn? Không thể có. Mười hai chữ này chính là tứ duy và bát đức. Tứ duy là bốn chữ bát đức là tám chữ, mười hai chữ này đã đầy đủ.

Thứ nhất là “hiếu”, chúng ta có làm được không? Chữ “hiếu” này là hội ý. Trong lục thư nguyên lí này, nguyên lí tạo chữ của Trung Quốc có sáu loại, đây một loại thuộc hội ý, khiến quý vị thấy được hình tượng này thì quý vị hiểu rõ ý nghĩa của nó. Quý vị thấy phía trên chữ hiếu là chữ lão bên dưới là chữ tử. Có nghĩa là gì?

Trước một đời với đời này là một thể, trước một đời vẫn có trước đời nữa, sau một đời vẫn còn sau đời nữa. Phật giáo nói: “thụ cùng tam tế hoành biên thập phương” cùng với mình là một thể. Phật pháp chúng ta nói muôn sự muôn vật trong biến pháp giới hư không giới là một thể. Chúng ta học qua hai lần Vong Tân Hoàn Nguyên Quán của quốc sư Hiền Thủ, nói rất rõ ràng. Đây là quan hệ lí luận, hết thấy chúng sanh trong biến pháp giới hư không giới, chẳng những là người một nhà mà là một thể, rất thân thiết! đây là lí luận của chữ hiếu này. Hình tướng của hiếu là cái gì? Là thân yêu, “phu tử hữu thân” là thân yêu, phải phát dương rộng lớn tình thân yêu này, nhất thành bất biến thương yêu tất cả chúng sanh. Tâm chúng ta đối đãi với tất cả chúng sanh, giống như đối đãi với cha mẹ vậy, đây gọi là hiếu. Biểu hiện trên sự tương, quý vị đã biết rồi, là quan tâm chăm sóc, hết lòng hết dạ giúp đỡ họ, cha mẹ có việc mình lúc nào cũng nghĩ phải làm thay họ, tất cả chúng sanh trong biến pháp giới hư không giới đều là cha mẹ, đều là Phật Bồ Tát. Trong kinh đức Phật dạy rằng: “Hết thấy chúng sanh đều là cha mẹ quá khứ, là chư Phật tương lai”

Luân lí của Phật pháp chính là cách nói này, thực sự nói đến cứu cánh viên mãn. Quý vị không hiểu, quý vị chưa làm được, việc này là có nguyên nhân, không trách quý vị, vì không ai dạy cho quý vị. Quý vị thật sự đã hiểu đã rõ ràng rồi, mà quý vị làm không được là sai lầm. Cần phải quan tâm, cần phải chăm sóc, họ có khó khăn phải nghĩ đến. Khó khăn lớn nhất của hết thấy chúng sanh bây giờ là gì? Chính là không biết chân tướng sự thật, chân tướng sự thật đều ở trong Phật pháp đại thừa. Phật pháp đại thừa nói với chúng ta chân tướng sự thật của vũ trụ nhân sinh, danh từ trong kinh Phật gọi là chân tướng của các pháp, là nói cái này. Chân tướng hiểu rõ rồi thì sẽ biết, biết rất tự nhiên, mình nên làm thế nào đối với người, nên làm thế nào đối với tất cả vạn vật. Tôi biết tôi phải làm trong nhiệm vụ như thế nào. Người thực sự giác rồi, chắc chắn giống như chư Phật Bồ Tát: “dạy không mệt, học không chán”. Cả đời Không Tử, cả đời Mạnh Tử cũng như vậy, trong bộ thí đây là bộ thí lớn nhất, bộ thí viên mãn nhất, giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, phá mê khai ngộ chính là giúp họ lìa khổ được vui. Khổ từ đâu mà có? Khổ từ mê hoặc mà có. Lạc từ đâu mà có? Lạc từ giác ngộ mà có. Quý vị giúp họ phá mê chính là giúp họ lìa khổ, quý vị giúp họ giác ngộ chính là giúp họ

được vui. Dùng thân thể của chúng ta, dùng trí huệ của chúng ta, dùng tinh thần của chúng ta, dùng thời gian của chúng ta, vì hết thầy chúng sanh làm công việc này. Dùng phương pháp gì, dùng phương tiện gì? Đức Phật Thích Ca Mâu Ni 49 năm giảng kinh dạy học, là dùng phương pháp này, là dùng phương tiện này. Có kỹ thuật tiên tiến ngày nay giúp đỡ, chúng ta dùng internet, chúng ta dùng vệ tinh. Mỗi góc cạnh trên trái đất này đều có thể nhìn thấy được, dùng phương pháp này nhất tâm nhất ý mà làm. Buông xả vạn duyên khác. Vì sao vậy? Vì không chuyên tâm quý vị sẽ làm không tốt, quý vị làm không viên mãn. Nếu thực sự làm viên mãn thì vạn duyên phải buông xả, trong tâm chỉ có một bộ kinh, chỉ có một câu A Di Đà Phật, ngoài cái này ra cái gì cũng không có, rất sạch sẽ. Ngoài ra là gì? Là tùy duyên. Bất luận ở nơi nào đều là thế giới Cực Lạc, bất luận ở lúc nào cũng không rời A Di Đà Phật. Có một đạo tràng nhỏ thế này, không cần lớn. Ấn Quang đại sư nói: đạo tràng có hai mươi người là đủ rồi. Đạo tràng nhỏ này của chúng ta có lẽ còn không được hai mươi người, người xuất gia chúng ta không đến hai mươi người, thực sự ngày ngày học tập Đại Kinh Giải, ngày ngày niệm A Di Đà Phật, không những tự độ mà còn độ tha. Đạo tràng này, nơi này gọi là phước địa. Người tu hành thực sự là người có phước, người phước ở đất phước, đất phước người phước ở. Xã hội hài hòa trật tự, thiên tai đều hóa giải, đã giảm ít rồi. Chúng ta xem phía dưới, phía dưới cần nói chậm chậm giảng tình hình chân thật của thế giới Cực Lạc. Trang 464, hàng thứ hai, câu cuối cùng: *Cõi Cực Lạc nói ngày đêm chỉ là thuận theo tập tục ở nơi này.* Điều này nhất định cần phải hiểu, thế giới Cực Lạc đâu có đêm ngày? Không có. *Như trong Yếu Giải nói: y chánh cõi đó đều có ánh sáng không cần nhật nguyệt, không cần nhật nguyệt. An phần ngày đêm? Thuận theo nơi này, mà phân ra thôi.* Sở dĩ đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói với chúng ta ở đó có sáu thời, một ngày sáu thời, là Thế Tôn lúc còn tại thế, người Ấn Độ chia một ngày làm sáu thời. Cho nên cũng nói thế giới Cực Lạc một ngày có sáu thời. Nếu Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện ở Trung Quốc, thì một ngày có 12 thời khác. Nếu như thị hiện ở thời nay nhất định nói 24 tiếng. Thời gian không phải chính xác, nó bất định. Không những thời gian không nhất định, mà không gian cũng không nhất định. Không gian của chúng ta từng giây từng phút đều thay đổi, ta có biết được hay không? Không biết. Làm sao biết từng phút

từng giây đang thay đổi? Quý vị thấy Thái Dương hệ đang vận hành trong vũ trụ, nó chuyển động, không phải nó đang dừng ở đó, mà tốc độ rất nhanh. Giới khoa học hiểu rất rõ, không gian của chúng ta không xác định. Thái dương hệ, thái dương mang theo nhiều tinh cầu như vậy, vòng quanh Ngân Hà một vòng, hệ Ngân Hà lại đang vòng quanh một tinh hệ lớn hơn. Quý vị tìm một không gian xác định tìm không ra. Giả mà. Đức Phật biết, 3000 năm trước ngài đã biết, cho nên Phật đem không gian và thời gian, liệt vào trong hai loại bất tương ưng hành pháp. Bất tương ưng hành pháp người bây giờ nói là khái niệm trừu tượng, không có sự thật chỉ có khái niệm trừu tượng. Cho nên bây giờ học Phật khoa học đã giúp chúng ta rất nhiều. Nhiều đạo lý rất sâu không dễ lĩnh hội được, khoa học vừa chứng minh thì rất dễ dàng hiểu được.

Lại như trong Sớ Sao nói: cõi này không có Tu Di, không có núi Tu Di, lại không có nhật nguyệt, mãi sáng không tối, không phân ngày đêm. Lúc nào là ngày, lúc nào là đêm không thể phân biệt được, họ không có lúc tối tăm, mãi sáng không tối. *Duy chỉ hoa nở chim hót mà làm ngày hoa khép chim nghỉ mà làm đêm vậy.* Dùng phương pháp này để nói. Hoa nở hoa khép là ở trong ao sen bảy báu, chim hót chim nghỉ cũng không nhất định. Vì sao vậy? Vì chim ở nơi ấy đều do đức Phật A Di Đà biến hóa ra, hóa thân của đức Phật A Di Đà làm gì có đêm ngày! Đều là cảm ứng, chúng sanh thích nghe chim nói pháp, thích nghe gió thổi cây nói pháp, thích nghe nước chảy nói pháp, không có loại nào không vừa ý. Vì sao không đến giảng đường để nghe? Ở giảng đường quá nghiêm túc, nhất định phải chấp hành quy củ, ngồi ngay ở đó. Nghe chim nói pháp, nghe gió thổi cây nói pháp, nghe nước nói pháp, có thể nhàn nhã tự do tự tại, là tập khí của chúng sanh. Thực sự như sở nguyện của hết thảy chúng sanh, khiến quý vị mỗi lúc mỗi nơi, trong tất cả cảnh duyên đều không rời Phật pháp, phương pháp này quá hay. Ở thế giới Cực Lạc cho dù quý vị đi đến nơi nào, quý vị không có rời bỏ tu hành, sự tu hành của quý vị chắc chắn không bị gián đoạn, cho nên thành tựu mới nhanh như vậy. Không giống mười phương thế giới, mười phương thế giới không có nhân duyên tốt như vậy. Chúng ta ở đây đến lớp giảng kinh thì có thời gian cố định, truyền hình phát lại 24 tiếng không gián đoạn, quý vị cũng không có cách nào 24 tiếng ngồi trước màn hình, quý vị còn có công việc của quý vị phải làm.

Không giống thế giới Cực Lạc, ngoài học tập ra, học tập chính là nhìn thấu và buông bỏ, giáo lý giúp quý vị nhìn thấu, sau khi nhìn thấu những tập khí phiền não đó, tập khí vô thi vô minh tự nhiên buông bỏ, không có khởi tâm động niệm, không có phân biệt chấp trước, tự nhiên buông bỏ.

Lại từ ân, Khuy Cơ đại sư, Di Đà thông tán nói: hoa nở đằm vàng hóa sanh, chỉ người hóa sanh ở ao sen, là ban mai, chim trú quỳnh lâm, Bồ Tát tướng là ban đêm. Người vãng sanh về thế giới Cực Lạc, từng phú từng giây không gián đoạn, đến từ biến pháp giới hư không giới. Vì hết thầy chư Phật đều nói kinh Vô Lượng Thọ, đều nói kinh A Di Đà, đều khuyên người đến thế giới tây phương Cực Lạc. Cho nên thế giới tây phương rất náo nhiệt, quý vị thấy hoa ở trong ao hoa sen này, cái này nở rồi, cái kia lại nở, nở rồi thì có người đến. Hoa chưa nở chưa có người đến, người vừa đến hoa liền nở, giống như sáng sớm, trời sáng thì hoa nở. Chim trú quỳnh lâm, thì Bồ Tát nghỉ ngơi một lát, những vị Bồ Tát này đều là ở cõi đồng cư, Bồ Tát hạ bối vãng sanh. Vì sao vậy? Họ còn có tập khí này, nghe lâu rồi nghỉ ngơi một lát, nghỉ ngơi một lát, chim không hót nữa, âm thanh của cây cũng không còn nữa, khiến họ nghỉ ngơi một lát, tưởng là trời chiều. Người sống lâu ở thế giới Cực Lạc không có tập khí này, họ không còn hiện tượng này. Hết thầy pháp từ tâm mà sanh.

“*Chư thuyết đồng chỉ*”, cùng một tông chỉ của các chư vị đã nói. *Lại “viên trung sao” giải thích thêm rằng, U Khê đại sư giải thích hay hơn: lấy hoa nở chim hót làm sáng, sen khép chim nghỉ làm đêm. Lo sợ bầu không khí của cõi phàm thánh đồng cư tịnh độ với cõi uest, giữa vọng hay không vọng, lấy chúng sanh vãng sanh, mang nhiều nghiệp mà vãng sanh, nếu ba cõi trên, thì không có tướng này vậy.* Chúng ta nghĩ cũng như vậy. Ba cõi trên mà ngài nói ở đây, ba cõi trên chỉ cho cõi nào? Cõi Phương Tiện Hữu Dư, Cõi Thật Báo Trang Nghiêm, Cõi Thường Tịch Quang, đương nhiên không có hiện tượng này. Những điều tôi nói là gì? Những điều tôi nói đều là cõi phàm thánh đồng cư.

Cõi đồng cư là gì? Cõi đồng cư có tam bối, thượng bối, trung bối và hạ bối. Ở trong cõi đồng cư, thượng thượng phẩm vãng sanh, thượng trung phẩm, thượng hạ phẩm, đây là thượng tam phẩm. Tuy chưa chứng được nhất tâm bất loạn, họ là cao nhất công phu thành phiền. Ba hạng người này có thể tự tại vãng sanh, muốn

đi thi đi được, chỉ cần muốn cầu vãng sanh thì A Di Đà Phật đến đón họ. Có sự công phu này. Trung bồi vãng sanh thì kém một chút, trung thượng phẩm, trung trung phẩm, trung hạ phẩm, đây là trung bồi. Đến thế giới Cực Lạc cũng không cần có những hiện tượng này, nếu có những hiện tượng này, là ngẫu nhiên thôi. Vì đời nghiệp vãng sanh nên tập khí phiền não vẫn hiện hành, chỉ cần có một niệm thì cảnh giới này thấy được, không có ý nghĩ này thì cảnh giới không có nữa. Ở hạ bồi, hạ bồi thượng sanh, hạ bồi trung sanh, hạ bồi hạ sanh, hiện tượng này rất có thể. Vì sao vậy? Vì công phu chế phục phiền não của họ cạn, không sâu. Vì sao có thể vãng sanh? Lúc sắp mạng chung, một niệm sau cùng là A Di Đà Phật, đa phần là trợ niệm giúp đỡ họ. Tự mình lúc sắp mạng chung có người nhắc nhở, thiện căn hiện tiền, trong khoảng một niệm họ liền vãng sanh. Nhưng họ có tập khí của thế giới Ta Bà rất sâu dày, những tập khí này chúng ta tin rằng có lúc sẽ hiện hành. Tuy họ được oai thần bốn nguyện của A Di Đà Phật gia trì, đều làm A Duy Việt Chí Bồ Tát. Họ thật sự đạt được ba loại bất thoái chuyển, thỉnh thoảng tập khí khởi lên những hiện tượng này. Đức Phật tùy thuận chúng sanh thế giới Ta Bà, nên ngài nói rõ những sự việc này. Cho thấy những sự việc này ở thế giới Cực Lạc chẳng phải không có. Nếu không có, đức Phật sẽ không nói, có. Có chướng ngại không? Không chướng ngại, giác ngộ rồi thì không có nữa.

Lý đã rõ ràng rồi, chúng ta đối với kinh này không còn hoài nghi nữa, chúng ta đến thế giới tây phương Cực Lạc, thỉnh thoảng tập khí hiện hành, hiện tượng này đều thấy được. Nếu như giác ngộ tôi đang ở thế giới Cực Lạc, không phải ở thế giới Ta Bà thì hiện tượng này không có nữa. Hay không diễn tả được! Phải thường xuyên nghĩ đến nỗi khổ của Ta Bà.

Ngẫu Ích đại sư lúc còn tại thế viết một bộ sách mang tên là Tịnh Độ Thập Yếu, bộ sách này có thể đọc. Bộ thứ nhất là Di Đà Kinh Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư, đủ để phát khởi đạo tâm. Chúng ta đối với thế giới Cực Lạc, hiểu rõ được càng nhiều, hiểu rõ được càng tường tận, chúng ta nguyện cầu sanh càng khẩn thiết, chí thành khẩn thiết cầu sanh, chẳng ai không vãng sanh. Trong kinh nói rất hay, quý vị ở trong đời này tạo ngũ nghịch thập ác, tội này đều có thể vãng sanh. Đây là ở trong 48 lời nguyện của Phật A Di Đà nói, nhưng trong đó có một điều, trừ

hủy báng Phật pháp. Người hủy báng Phật pháp đương nhiên không thể vãng sanh. Vì sao vậy? Vì họ không tin tưởng, nếu họ tin tưởng thì họ sẽ không hủy báng. Người hủy báng Phật pháp, người làm chướng ngại Phật pháp. Họ chướng ngại là tự tư tự lợi của họ không buông bỏ, đối với thế giới này có tham luyến, một chút tham luyến cũng chướng ngại quý vị vãng sanh, cho nên phải triệt để buông bỏ. Có sao không? Không sao. Chỉ một việc là niệm A Di Đà Phật. Ngoài niệm A Di Đà Phật ra không còn việc gì nữa, người này chắc chắn vãng sanh.

Tôi vô cùng biết ơn Chương Gia đại sư, ngày đầu tiên gặp đã dạy tôi buông bỏ, tôi đã học 60 năm, càng học càng thấy câu nói này thật quan trọng. Cái gì là nói thật? Câu này là thật, câu này quan trọng nhất.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 379

Chuyển ngữ: Trung Tấn

Biên tập: Bình Minh

Giảng ngày: 20.4.2011

Địa Điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 464, hàng thứ hai đếm từ dưới lên. “Bảo liên Phật Quang thứ 21”. Niệm Lão giới thiệu sơ lược cho chúng ta, phẩm này nói về sen báu ở trong cõi nước của đức Phật A Di Đà, mỗi hoa đều có diệu sắc nhẹ nhàng, trong mỗi tia sáng lại hiện ra nghìn ức Phật, mỗi vị Phật nói diệu pháp an lập vô lượng chúng sanh. Đó là công đức trùng trùng vô tận không thể nghĩ bàn. Đây vẫn là giới thiệu về môi trường y báo của thế giới cực lạc.

Từ những phẩm kinh ở trước, điều là giới thiệu y chánh trang nghiêm của thế giới Cực Lạc. Như vậy từ đức Phật mà nói, chánh báo chính là đức Phật A Di Đà, những thứ khác điều là do đức Phật A Di Đà từ tự tánh hiện ra môi trường y báo.

Nếu như từ chúng sanh vãng sanh mà nói, thì chánh báo là nói chính chúng ta, đức Phật A Di Đà cũng là y báo của ta, vậy y báo chính là môi trường. Trong môi trường thì có môi trường nhân sự và môi trường vật chất. Cho nên đức Phật A Di Đà cùng với chư đại Bồ Tát là môi trường nhân sự của chúng ta. Cây cối hoa cỏ, ao sen thất bảo, pháp giới hư không, đều là môi trường y báo của chúng ta. Ở thế giới tây phương cực lạc, nếu như quý vị cẩn thận lưu ý thì sẽ phát hiện ra thế giới này thật lạ lùng, bởi vì, thế giới này rất đơn thuần, sống ở đây chỉ có hai hạng người: một là Phật, đức Phật A Di Đà, còn lại đều là Bồ Tát. Từ cõi thật báo cho đến hạ phẩm vãng sanh ở cõi phàm thánh đồng cư đều là Bồ Tát, hơn nữa không phải bồ tát thường. Phía trước chúng ta đã học 48 lời nguyện, lời nguyện thứ 20 đức Phật nói hết sức rõ ràng: “Phàm đã là người sanh đến thế giới tây phương cực lạc điều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát”. Câu này rất quan trọng. Nếu hiểu được câu này, quý vị mới thật sự nhận thức được tịnh độ. Đối với thế giới Cực Lạc trong tâm đã rõ ràng rồi, đây là pháp giới bình đẳng, mà mười phương thế giới không có.

A Duy Việt Trí là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Trung có nghĩa là bất thoái chuyển. Bên trong nó chứa đựng ba loại bất thoái chuyển. Ba loại bất thoái chuyển đã đạt được rồi thì đây không phải là bồ tát thường nữa. Trong kinh Hoa Nghiêm có nói đến pháp thân Đại Sĩ. Thiên Thai Trí Giả đại sư nói về Lục Tức Phật, pháp thân đại sĩ gọi là Phần Chứng Tức Phật. Ngài là thật, không phải giả - là Phật thật. Phật ở trong mười pháp giới, Thiên Thai Đại Sư nói là Tương Tợ Tức Phật, là giống như Phật, chứ không phải chân Phật. Rất giống Phật, nhưng không phải thật. Pháp thân đại sĩ là thật, Phật thật thì ở cõi Phật. Nơi nào là cõi Phật? Thế giới cực lạc là cõi Phật, là nơi chân Phật ở. Có cõi phàm thánh đồng cư, trong cõi phàm thánh đồng cư đó không phải là lục đạo. Nó chỉ có hai đường, chỉ có hai đường người và trời, không có tu la, không có súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục. Hơn nữa người ở hai đường này vãng sanh, cho dù là ngũ nghịch thập ác, đây là người ác không phải người thiện. Sanh về thế giới cực lạc không phải người thiện thì làm sao có thể vãng sanh? Làm sao có thể sanh về thế giới cực lạc. Đức Phật A Di Đà dùng bốn nguyện oai thân gia trì, thì người đó trở thành A Duy Việt Trí Bồ Tát. Thật không thể nghĩ bàn, quá thù thắng vậy. Mười phương thế giới chư

Phật thật khó mà có được, chỉ có ở cõi nước của đức Phật A Di Đà. Chúng ta nên nhận thức rõ ràng, cơ hội này đừng nên đánh mất. Làm người cực ác muốn vãng sanh thì cần điều kiện gì? Sám hối nghiệp chướng, phát bồ đề tâm, một lòng chuyên niệm. Cái gì gọi là bồ đề tâm? Trong cuốn Yếu Giải Ngẫu Ích đại sư đã dạy rất rõ: một lòng một dạ cầu sanh tịnh độ, thân cận Di Đà. Đây chính là tâm vô thượng bồ đề. Dạy hay quá! Ân Quang lão pháp sư đối với Yếu Giải vô cùng tán thán, đúng là tán thán đến đỉnh điểm. Ngài nói: dù cho cổ Phật có đến soạn một bộ chú giải cho kinh A Di Đà, cũng không thể so sánh được. Đây là ngài tán thán Ngẫu Ích đại sư, chứ Phật đến chú giải Kinh A Di Đà cũng không sao bằng được. Có người hoài nghi, không phải là người thường mà là lão pháp sư.

Tôi ở Singapore, Diễn Bối pháp sư có một lần mời tôi ăn cơm, đã nói về vấn đề này. Ngài nói: Ân Quang đại sư tán thán như thế có hơi quá chăng? Tôi nói với Diễn Bối pháp sư: Ân Quang đại sư tán thán không hề quá, tán thán đúng nơi đúng chỗ. Đây là thật không phải giả. Lão hòa thượng một đời giảng kinh dạy học, tại sao còn có nghi vấn này? Điều này chúng ta cần phải biết, quý vị quan sát tỉ mỉ xem, người này có phát bồ đề tâm hay không? Đây là cái tiêu chuẩn. Thế của bồ đề tâm là gì? Chân thành vậy. Trong tâm có nghi, thì chân thành không có nữa. Chư vị cổ đức này, gốc của họ chúng ta không biết, chúng ta chỉ nhìn thấy dấu vết, chúng ta dùng tâm chân thành để nhìn những sự việc này thì pháp sư Diễn Bối là Bồ Tát, ngài thị hiện như thế nhằm đánh thức chúng ta. Nếu không thì làm sao chúng ta biết được? Ngài là Bồ Tát thật hay Bồ tát giả? quý vị không cần phải để ý, không có thật giả. Vì sao vậy? Tướng tùy tâm chuyên mà. Nếu tôi dùng chân tâm thì ngài chính là Bồ tát, nếu tôi dùng vọng tâm thì ngài không phải là Bồ tát. Như vậy lấy đâu ra thật giả? Điều ở nơi một niệm của quý vị. Người niệm Phật, niệm niệm điều là A Di Đà Phật, sẽ thấy tất cả chúng sanh đều là đức Phật A Di Đà, thật vậy, chắc chắn không phải là giả. Chẳng những tất cả con người là thật, mà cả hoa cỏ cây cối ở thế giới tây phương cực lạc đều là thật, nước, chim muôn đều là thật. Tất cả đều là do đức Phật A Di Đà biến hóa ra. Trên thế giới chúng ta ngày nay cây cỏ hoa lá, chim muôn có phải là do Đức Phật A Di Đà biến hóa ra chăng? Còn phải xem tâm của quý vị, tâm quý vị cho là đúng thì nó là đúng, nó không phải giả, quý vị sẽ thật sự nghe được tiếng chim tiếng gió đang ở đó nói

pháp, quý vị thật sự nghe được. Sau đó quý vị mới ngộ ra rằng thế giới cực lạc ở khắp mọi nơi. Hiểu rõ được đạo lý này là chân thật, chắc chắn không phải giả. Điều mà các nhà khoa học ngày nay có thể ấn chứng được chỉ là bề ngoài, như vậy đã giới lắm rồi. Chúng ta sống ở đâu? Cho dù là sống ở nơi nào đều không rời khỏi thế giới cực lạc, không rời khỏi Đức Phật A Di Đà. Then chốt là chúng ta có thật sự tin tưởng, chân thật phát nguyện, chân tâm tức là bồ đề tâm. Chân thành là thể, là lí thể của tâm bồ đề. Thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác là tự thọ dụng của tâm bồ đề. Quý vị tự hưởng thụ cái này chính là cực lạc, tâm thanh tịnh là cực lạc, tâm bình đẳng là cực lạc, giác mà không mê là cực lạc, là trong tâm của quý vị tự nó vốn đã có vậy. Không phải từ bên ngoài đến, bên ngoài tìm không có. Bây giờ thanh tịnh bình đẳng giác của chúng ta đi đâu rồi? Mê rồi! Mê rồi! Các vị nên ghi nhớ: không phải là mất mà chỉ là mê thôi. Chỉ cần khi quý vị giác ngộ thì sẽ phát hiện ra, nó vẫn còn đó, quý vị sẽ cảm nhận được. Cái thất này của chúng ta gọi là mê thất chứ không phải thật sự mất đi. Lúc giác ngộ thì nó sẽ hiện ra, sau khi hiện ra nó liền khởi tác dụng đó là nhìn thấu và buông bỏ. Nhìn thấu là hiểu rõ tất cả các pháp trong vũ trụ, thể tánh, hiện tượng, lí sự, nhân quả quý vị đều thông đạt hiểu rõ, đó gọi là Phật tri Phật kiến, à Phật tri Phật kiến mà trong kinh Pháp Hoa nói vậy. Học Phật, đức Phật có dạy chúng ta cái gì không? Đức Phật không dạy gì hết, đức Phật không có cái gì để dạy. Đức Phật chỉ là đem những thứ mà ngài giác ngộ được, nói ra để cùng chúng ta chia sẻ, nói cho chúng ta biết quý vị cũng có, họ cũng có, tất cả mọi người đều có. Chỉ cần từ nơi chỗ mê hoặc điên đảo đó quay đầu nhìn lại quý vị sẽ thấy được, sự việc chính là như vậy. Mỗi câu đều là chân, đều là thật cả. Thật sự hiểu rõ trên thế giới này không có thiên tai, thiên tai là sự kiện bất ngờ của tâm hành bất thiện, sự việc này là giả không phải thật. Trong kinh đức Phật ví nó là “mộng huyễn bào ảnh”. Rất có lý. Nó là như vậy.

Chúng ta xem kinh văn: *“lại hoa sen báu, đầy khắp thế giới, mỗi một hoa báu, có trăm nghìn cánh, ánh sáng chiếu rọi, vô lượng sắc màu, màu xanh ánh sáng xanh, màu trắng ánh sáng trắng, đen vàng đỏ tím, ánh sáng cũng như vậy, lại có vô lượng diệu bảo, trăm nghìn ma ni, ánh sáng châu báu, như ánh sáng nhật*

nguyệt, nhiều như hoa sen, hoặc nữa do tuần, hoặc một hai ba bốn, cho đến trăm nghìn do tuần, trong mỗi đóa hoa phóng ra ba mươi sáu trăm nghìn ức tia sáng”. Đoạn văn này tôi viết bài soạn rất cẩn thận, đọc kỹ ở đây là một đoạn lớn, tôi chia nó thành rất nhiều đoạn nhỏ, ở trong bài soạn các vị có thể thấy được. Bây giờ chúng ta vẫn nương theo Chú Giải của Niệm Lão để học. Trong bài văn trước nói về ánh sáng của sen báu, thứ đến nói về Phật ở trong ánh sáng sen báu ấy. Phật ở trong hoa sen này thì ở đoạn sau, đây là đoạn trước. *“Ở trong sen báu đó gồm có sáu nghĩa”*.

Thứ nhất: “hoa sen biến khắp trong thế giới”, đây chính là câu thứ nhất “chúng bảo liên hoa chu mãn thế giới” chính là ý nghĩa đó- thế giới cực lạc. Ở đây chúng ta cần hiểu rằng, ý nghĩa biểu pháp trong kinh, trong Đại thừa điều dung hoa sen để biểu pháp. Hoa sen tượng trưng cho cái gì? Là tượng trưng cho sự thanh tịnh. Gốc của hoa sen mọc từ dưới bùn, ở trong bùn lầy, bùn lầy tượng trưng cho Lục Phàm, lục Đạo lầy lội. Thân hoa sen thì nằm trong nước, quý vị xem trong đầm sen phía dưới là đất bùn, phía trên là nước. Nước tượng trưng cho Tứ Thánh Pháp Giới: Thanh Tịnh. Cho nên pháp giới Tứ Thánh là cõi tịnh của chư Phật Như Lai. Lục Đạo là cõi tạp ô nhiễm của chư Phật Như Lai, hoa sen nở ở trên mặt nước, ý nghĩa này là tượng trưng cho sự siêu việt Lục Đạo, siêu việt mười pháp giới. Nó ở đâu? Nó ở tại nhất chân pháp giới, chính là cõi y báo trang nghiêm của chư Phật Như Lai. Hoa sen tượng trưng cho ý nghĩa này.

“Chu mãn thế giới”, chú giải của Niệm Lão nói là “chu biến quốc trung”, là cùng một ý nghĩa. Thế giới Cực Lạc rộng lớn thế nào? Thế giới Cực Lạc không nơi nào không có, thế giới cực lạc không lúc nào không có, đúng vậy.

Những năm trở lại đây, chúng tôi đề xướng, mở rộng Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự của Thiền Sư Trung Phong đời triều Nguyên. Trung Phong Thiền Sư, Pháp Sự này vốn là do Ngài soạn, lời khai thị trong điều do Ngài giảng, trong khai thị Ngài cho chúng ta biết: “Tâm ta tức là Phật A Di Đà, Phật A Di Đà tức là Tâm ta. Nơi đây tức là tịnh độ, tịnh độ tức là nơi đây”. Lời nói này mọi người có thể hiểu được không? Nếu quý vị đã hiểu rồi thì thật là lợi ích, nếu như vẫn chưa hiểu thì hi vọng nên chuyên tâm học Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán. Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán nếu quý vị đã hiểu rõ rồi, thì hai câu nói này quý vị đã hiểu. Hiền

Thủ Quốc Sư ở trong Hoàn Nguyên Quán dạy cho chúng ta nhất thể, hiển nhất thể, đây là đại thừa giáo. Một thể tự tánh thanh tịnh viên minh, trong triết học nói là bản thể, bản thể của vũ trụ vạn hữu. Vũ trụ vạn hữu từ đâu mà có? Đều dựa vào lý thể này mà hiện ra. Thể năng sanh năng hiện, vũ trụ vạn pháp là sở sanh sở hiện. Chỉ một thể không có thể thứ hai. Thể này biến nhất thiết xứ, biến nhất thiết thời. Xứ là không gian, thời là thời gian, kỳ thực không gian và thời gian đều là giả không phải thật, chỉ có thể là thật. Thể ở đây khoa học, triết học đều đang theo đuổi, đang nghiên cứu, nhưng vĩnh viễn sẽ không tìm ra được. Vì sao vậy? Vì khoa học kỹ thuật đều cần phải có đối tượng để nghiên cứu, tức là nó phải có hiện tượng quý vị mới có thể phát hiện được, nếu không có hiện tượng thì quý vị vĩnh viễn không thể phát hiện ra nó.

Trong lúc giảng kinh chúng tôi thường nhắc nhở các bạn, tự tánh không phải vật chất, không phải vật chất thì tiền ngũ căn của chúng ta không có cách nào tiếp xúc được, chúng ta không nhìn thấy được, không nghe được, không sờ được, cũng không ngửi được. Nó không phải hiện tượng vật chất, nó không phải là hiện tượng tinh thần, thức thứ sáu “ý thức” của chúng ta kết nối không được, thức thứ sáu, thức bảy kết nối với hiện tượng tinh thần. Nó không phải là hiện tượng tinh thần. A Lại Da thậm chí là có thể dựa vào hiện tượng tự nhiên, nhưng nó cũng không phải hiện tượng tự nhiên. Cho nên, khoa học triết học đối với nó không có cách nào khác. Nó có tồn tại hay không? Nó tồn tại. Nó thật sự tồn tại, tất cả điều là giả, chỉ nó là thật, vĩnh hằng bất diệt. Quý vị xem trong Hoàn Nguyên Quán có dạy. nó có thể khởi nhị dụng, hai tác dụng: cái thứ nhất nó có thể hiện vũ trụ, cái thứ hai nó có thể hiện chánh báo. Chánh báo là gì? Chánh báo là chính mình, y báo, chánh báo nó đều có thể hiện ra. Kỳ thực cách nói này đã nói rõ chân tướng sự thật rồi, thể biến khắp mọi nơi, chẳng phải ý chánh cũng biến khắp mọi nơi đó sao? Cõi nước của đức Phật A Di Đà sao lại không biến hiện khắp mọi nơi được? Đức Phật A Di Đà sao lại không biến khắp mọi nơi chứ? Bốn chữ A Di Đà Phật này có nghĩa là gì? Là tiếng Phạn. A dịch là Vô, Di Đà dịch là Lượng, Phật dịch là Giác. A Di Đà Phật nghĩa là gì? Nghĩa là Vô Lượng Giác. Không có điều gì bất giác, giác chính là A Di Đà Phật, mê gọi là phàm phu, một mê thì tất cả đều mê, một giác tất cả đều giác. Sao lại không phải? Trung Phong Thiền sư nói quả

không sai. Ngài có thể nói ra hai câu nói này, thì Ngài không phải người tầm thường rồi. Cho nên thật sự đã rõ ràng, quay đầu nhìn lại chư vị Tổ Sư trong các tông phái ở Trung Quốc, đâu phải là người tầm thường? Ít nhất họ cũng là Pháp thân Bồ Tát, cũng có thể là Cổ Phật tái lai. Chúng sanh có cảm thì các ngài có ứng thôi.

Cõi Di Đà Tịnh độ cao nhất là Thường Tịch Quang, Thường Tịch Quang chính là Tự Tánh, Thường Tịch Quang không có ba loại hiện tượng: hiện tượng tự nhiên, hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần đều không có. Làm sao biết được những thứ này? Người xưa dạy rằng: “chỉ có chứng mới biết được”. Các nhà khoa học chưa chứng được. Làm thế nào mới có thể chứng được? Buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là chứng được, không cần phải dùng máy móc, dùng máy móc tinh vi cũng không đo lường được. Điều này trong kinh đức Phật đã dạy rất rõ. Ngày nay khoa học đã đạt đến cực điểm, không có cách nào để đột phá. Tuy họ có thể phát hiện ra vật chất là gì, như thế cũng giỏi lắm rồi. Nhà khoa học Phổ Lãng Khắc người Đức nói: trên thế giới này vốn không có cái gọi là vật chất. Những năm cuối Ông chuyên nghiên cứu lượng tử lực học. Thầy giáo của Ái Nhân Tư Thản. Có một người đệ tử như vậy, chế tạo ra bom nguyên tử hại chết người. Vậy vật chất là cái gì? Ông bảo rằng nền tảng của vật chất là tâm niệm, nghĩa là ý nghĩ, đây là nền tảng của vật chất. Nói cách khác, lúc không có ý nghĩ thì hiện tượng vật chất cũng không tồn tại. Hiện tượng tinh thần từ đâu mà có? Hiện tượng tinh thần là nền tảng của hiện tượng vật chất. Hiện tượng tinh thần từ đâu mà có? Ông nói trong “không” sanh “có”. Ông không biết có tự tánh, tự tánh biến hiện ra. Vì sao tự tánh có thể biến hiện? Trong đây cần phải có duyên, đó chính là một niệm bất giác mà Đại thừa giáo thường nói. Một niệm bất giác này chúng ta không thể lãnh hội được, ý niệm của chúng ta quá thô. Một niệm là gì? Không phải quá khứ, không phải tương lai mà chính là hiện tại. Nói cho ta biết, không có quá khứ cũng không có tương lai, Đại thừa giáo thường dạy sống trong hiện tại, chính là niệm hiện tại này, niệm hiện tại này nếu như đoạn được tức đã thành Phật, đã chứng được quả vị Diệu Giác, tức quý vị cùng với Thường Tịch Quang trở thành một thể rồi. Niệm hiện tại này chưa đoạn được, phân biệt, chấp trước đoạn được rồi, thì quý vị là Bồ Tát. Nếu như niệm hiện tại chưa đoạn được,

phân biệt cũng chưa đoạn, nhưng đoạn được chấp trước rồi thì quý vị là A La Hán. Công phu trong Phật pháp không gì khác ngoài việc buông bỏ. Vì sao chịu buông bỏ? Vì đã hiểu rõ chân tướng sự thật. Phật Thích Ca Mâu Ni mang đến cho chúng ta lợi ích lớn nhất, ân đức lớn nhất, chính là ngài đã nói rõ ràng tường tận chân tướng sự thật cho chúng ta biết. Chúng ta thật sự hiểu được rõ ràng, tường tận thì tự nhiên sẽ buông bỏ, không còn chấp trước không còn phân biệt nữa, thậm chí không khởi tâm không động niệm. Như vậy mà thôi!

Thành Phật, quý vị vốn là Phật, tự quý vị chứng, Phật Bồ Tát không kể công, không nói rằng: ta độ người, ta giúp đỡ người. Đó chỉ là lời sàm vậy. Đó là Phật dùng phương tiện ngôn ngữ để tùy thuận chúng sanh, không phải là lời nói thật. Vì sao vậy? Vì quý vị vốn đã là Phật. Quay đầu, chịu buông bỏ những thứ này thì quý vị đã thành Phật, tự mình chứng. Nếu như Phật có thể giúp cho chúng ta thành Phật, thì chúng ta còn phải tu làm gì nữa? Không cần tu rồi. Cũng không cần học những kinh giáo này, không cần đến. Nếu như ngài không giúp chúng ta thành Phật thì ngài không từ bi rồi. Ngài không làm được! Mê là tự mình mê, ngộ cũng phải cần tự mình ngộ, đây mới là chân lý. Cho nên, trong Kinh Hoa Nghiêm Phật dạy rằng: “tất cả chúng sanh đều có đức tướng và trí huệ của Như Lai, nhưng do vọng tưởng chấp trước mà không thể chứng đắc”. Quý vị thấy lời dạy này thật rõ ràng, như vậy chúng ta chỉ cần đem vọng tưởng, phân biệt, chấp trước buông bỏ thì thành Phật thôi. Đúng vậy, thật đơn giản, dễ dàng như thế đó. Nhưng việc buông bỏ này thật là khó, không hề dễ dàng. Từ vô thủy đến nay ở trong Lục đạo, chịu sự luân tập của những thứ ô nhiễm này, nuôi dưỡng thành thói quen kiên cố không gột rửa được. Tất cả đều do những thứ này làm chủ. Những thứ này chủ tể lục đạo luân hồi, quý vị phải thuận theo những quy định của nó, lăn lộn trong vòng lục đạo, đúng là “khổ không thể nói hết”. Chúng ta không nhận thức được sen báu biến khắp pháp giới, không biết mình chính là một đóa hoa sen báu. “Một là tất cả, tất cả là một”, đây là cảnh giới Hoa Nghiêm, là cảnh giới không thể nghĩ bàn. Cảnh giới này trong Hoàn Nguyên Quán đều có nói rõ, đó chính là ba loại chu biến.

Thứ nhất là chu biến pháp giới. Trong tự tánh không có lớn nhỏ, không có chân vọng, không có trước sau. Không có trước sau tức là không có thời gian, không

có lớn nhỏ tức là không có không gian. Cho nên thời gian và không gian đều là giả, một hạt vi trần trong kinh Phật dạy là cực vi chi vi. Cực vi chi vi có thể bây giờ các nhà khoa học đã phát hiện được rồi. Từ chỗ các nhà khoa học cho chúng ta biết lượng tử, tiểu quang tử. Trong quyển chú giải của Hoàng Niệm Lão ở trước đã có chú thích rồi. Ở đầu quyển thứ hai, quyển trước chúng ta đã học qua. Vi trần đó thể tích của nó lớn bao nhiêu? Một trăm ức vi trần tạo thành một điện tử, chúng ta biết điện tử rất nhỏ, mắt thường không thấy được. Nó nhỏ hơn điện tử một trăm ức lần, vật nhỏ như vậy. Nghe đến báo cáo này tôi bỗng nhiên giác ngộ, trong Tâm Kinh nói: “Quán Tự Tại Bồ tát hành thâm bát nhã ba la mật đa thời chiếu kiến ngũ uẩn giai không”. Vậy ngũ uẩn là gì? Chính là cái vi trần đó, điểm nhỏ như vậy nhưng trong đó có đầy đủ sắc thọ tướng hành thức- ngũ uẩn. Thông tin này rất quan trọng, thông tin này nói cho chúng ta biết tần suất dao động của nó biến khắp pháp giới, nó không có xa gần, nó không có trước sau. Không có trước sau tức là quá khứ và vị lai đều biết được - không có thời gian. Không có không gian nên biến pháp giới hư không giới điều biết hết. Sự khởi tâm động niệm của chúng ta chẳng thể không cẩn thận. Khởi một niệm ác chu biến pháp giới, khởi một niệm thiện cũng biến khắp pháp giới. Vậy chúng ta niệm một tiếng A Di Đà Phật, cái này chu biến pháp giới thì quá tốt, quá thù thắng. Đó chính là thế giới Cực Lạc, thế giới Cực Lạc do ai tạo nên? Đức Phật A Di Đà dẫn đầu, chúng ta theo sau, mọi người cùng tạo nên, ai ai cũng có phần. Ai ai cũng có phần thì quý vị cũng có phần sao lại không thể vãng sanh? Sao có đạo lý này! Quý vị muốn sanh về thế giới Cực Lạc thì không ai có thể ngăn cản quý vị. Vấn đề ở chỗ quý vị phải giác ngộ, phải rõ ràng, phải hiểu rõ chân tướng sự thật.

Thứ hai: số lượng cánh sen mỗi một hoa có trăm nghìn ức cánh. Chúng ta thấy được hoa sen này có một điểm giống như hoa cúc mà chúng ta thường thấy đó là có cánh hoa nhiều, cánh hoa của nó nhiều, trăm nghìn ức này chính là nói đến số lượng cánh hoa.

Thứ 3: quang sắc vô lượng, bản thể của hoa sen tức là ánh sáng. Trí huệ bát nhã trong tự tánh, là thể của hoa sen này, cho nên nói rằng ánh sáng của hoa đó. Lại nữa màu sắc hoa sen lại nhiều vô lượng: xanh, trắng, huyền, huyền là màu đen vậy, vàng, đỏ, tím đây chỉ nói sáu màu. Chỉ là lấy ví dụ như vậy thôi, chứ thực tế

nhiều vô lượng vô biên. Tiểu phẩm kinh A Di Đà cũng là ý nghĩa như vậy. Lấy bốn ví dụ: màu xanh ánh sáng xanh, màu vàng ánh sáng vàng, màu đỏ ánh sáng đỏ, màu trắng ánh sáng trắng, lấy bốn ví dụ như vậy. Khoa học hiện đại nói ba màu cơ bản. Kỳ thực, tất cả các màu sắc đều ba màu cơ bản này phối hợp mà nên. Chỗ này nói cũng là ý nghĩa như vậy, ánh sắc nhiều vô lượng vô biên. Hoa sen màu xanh thì phóng ánh sáng xanh, hoa sen màu trắng thì phóng ánh sáng trắng, các hoa sen màu huyền, vàng cũng phóng ánh sáng như màu của nó, cho nên nói màu sắc cũng vậy. Đây là thế giới ánh sáng, thể của hoa sen là ánh sáng. Trong kinh Hoa Nghiêm đức Thế Tôn dạy rằng: “tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí huệ của Như Lai”. Như Lai tức là tự tánh. Ngài nói ra ba điều, đưa ra ba ví dụ: Trí Tuệ, Đức, Tướng. Chúng ta dùng cách nói của giới khoa học ngày nay, có thể phối hợp được ba thứ này: Ánh sáng trong tự tánh các nhà khoa học gọi là năng lượng. Đức ở trong tự tánh gọi là đức năng, chính là chuyển tướng của A Lại Da, các nhà khoa học gọi là tin tức. Loại thứ ba chính là hiện tượng vật chất, bất thức gọi là tướng phần, tin tức là kiến phần. Quang-trí huệ là tự chứng phần. Khoa học ngày nay có thể phát hiện được cái này thật không dễ dàng. Họ không phải dùng công phu buông xả, mà họ dùng tri thức, dùng số lí, dùng máy móc khoa học kỹ thuật tối tân để quan sát. Phạm là cái gì có hiện tượng thì họ đều có thể thấy được. Biết được tại sao như vậy, nhưng vật này từ đâu mà có, thì vẫn còn là một câu đố, không cách gì chứng minh được.

Trong Đại Thừa đức Thế Tôn có dạy rằng: người chứng mới biết được. Chỉ có thân chứng thì quý vị mới hiểu rõ được. Trong đại thừa giáo những vị nào đã chứng được? Điều này chúng ta không thể không biết, trong đại thừa thường nói rằng Bát Địa trở lên, Bát Địa là Bất Động Địa. Thất Địa là Viễn Hành Địa, Bát Địa bất động. Đây là hình dung cho công phu thiền định của họ. Trên Bát Địa gồm có Bát Bịa, Cửu Địa, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác, năm địa vị. Bồ Tát có 52 cấp bậc, đó là năm cấp bậc cao nhất mà họ chứng được. Không phải một người chứng được, công phu thiền định của quý vị nếu đạt được đến địa vị này thì quý vị đều thấy hết, đều hiểu rõ hết. Như vậy làm sao mà giả được! Cảnh giới chứng đắc là gì? Biến pháp giới hư không pháp giới với mình là một Thể. Người xưa nói về luân lý, Phật pháp nói về muốn tương quan của luân lý, biến pháp giới

hư không pháp giới là ta. Sau đó chúng ta mới hiểu rõ được, trong Phật pháp nói về Phật, danh hiệu của Phật rất nhiều, quý vị xem Kinh Vạn Phật Danh, hơn một vạn hai nghìn danh hiệu. Tượng trưng cho cái gì? Tượng trưng cho tánh đức của chúng ta. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói: tất cả chúng sanh - bao gồm cả chúng ta đều ở trong đó - đều có đức tướng trí huệ của Như Lai. Đức năng đây là vạn đức vạn năng, chúng ta đều đầy đủ. Tướng là tướng tốt. Phật thị hiện cho chúng ta thấy, thân có vô lượng tướng, tướng có vô lượng đẹp. Người xưa gọi là phước báu, tự mình đều có đủ. Đức là năng lực, quang minh là trí huệ. Phật Bồ Tát đều tôn trọng chúng sanh dám khinh mạn. Vì sao vậy? Vì tất cả chúng sanh vốn là Phật, tất cả chúng sanh với ta cùng một pháp thân, cùng một thể, xem thường chúng sanh tức là xem thường chính mình. Có người nói rằng: tôi thích cái đầu của tôi, thích cái tay của tôi, ghét cái chân của tôi, như vậy chẳng phải là chuyện đáng cười rồi sao? Sau khi hiểu được đầu và chân cùng bình đẳng, không hề sai khác. Ý nghĩa trong đây đều ở trong kinh giáo đại thừa, càng học quý vị càng thấy thú vị, càng học thật sự có được pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ. Hết thấy vấn đề trong thế và xuất thế gian, nếu gặp phải không có gì không thể giải quyết được, mà còn rất nhẹ nhàng dễ dàng. Đây là thứ ba ánh sắc vô lượng.

Thứ tư: Diệu bảo Hoa Nghiêm. Có vô lượng Diệu Bảo trăm nghìn ma ni. Ma ni là tiếng Ấn Độ dịch sang chữ Hán có nghĩa là Như Ý Bảo, tùy vào ý nghĩ của chúng ta mà biến hóa ra hoa sen trang nghiêm. Các báu đều khác lạ hay, cho nên gọi là quý hiếm. Khác lạ là thế gian không có, mười pháp giới trong hết thấy thế giới chư Phật đều không có. Chỉ có trong cõi thật báo trang nghiêm của Như Lai. Vì sao vậy? Vì hết thấy vạn vật trong cõi Thật báo trang nghiêm điều do tự tánh biến hiện ra. Muôn sự muôn vật trong cõi tứ thánh và lục đạo, đâu không phải là do tự tánh biến hiện? Đúng vậy! Tuy thế là do tự tánh biến hiện ra, nhưng trong pha trộn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, khiến cho những thứ do tự tánh biến hiện ra bị biến chất. Đạo lý là chỗ này. Không phải hình dáng vốn có, nó bị biến cong, gập gãy rồi, quý vị không thấy được chân tướng của nó. Vì sao bị ý nghĩ của chúng ta làm cho thay đổi? Vì hết thấy các pháp điều không phải thật. Trong kinh Hoa Nghiêm đức Phật đã nói rất rõ ràng: muôn sự muôn vật trong biến pháp giới hư không giới đều là duy tâm sở hiện, duy thức sở biến. Trong nhất chân pháp

giới chỉ có duy tâm sở hiện, chứ không có duy thức sở biến. Vì sao vậy? Họ không dùng thức. Thức tức là khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước. Bồ tát ở trong cõi Thật báo, Phật giáo Trung Quốc thường xưng họ là: đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Người xưa dùng hai câu này xưng tán họ. Triệt ngộ, kiến tánh dựa vào đâu? Dựa vào thiên định, đó cũng là trong đề kinh này có nói, nói thật rất rõ ràng -Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác. Thanh Tịnh công phu thiên định của A La Hán thì sẽ thấy được, trong kinh Lăng Nghiêm gọi là cửu thứ đệ định. Tứ thiên bát định là thế gian thiên định không thấy được, không thấy được tâm thanh tịnh. Tâm bình đẳng là thiên định của Bồ Tát cao hơn A La Hán. Trong Bình Đẳng thì không có phân biệt, còn phân biệt tức là không bình đẳng rồi. Còn đối lập tức là không bình đẳng, không có phân biệt không có đối lập mới là Bồ Tát. Đại triệt đại ngộ đó chính là Giác, đại giáclà tâm của Phật. Thế giới tây phương Cực Lạc ai ai cũng đều là thanh tịnh bình đẳng giác.Nếu công phu mình chưa đủ, chưa đạt đến cảnh giới này,bổn nguyện oai thần của đức Phật A Di Đà gia trì, giúp đỡ quý vị. Khiến cho quý vị đạt được cảnh giới tương tự, tương tự có lợi ích, chứ không phải không lợi ích.Hình như quý vị cũng có, giống như Pháp thân Bồ Tát, nhưng không phải do quý vị chứng đắc được, mà là đức Phật A Di Đà giúp quý vị. Ở thế giới Cực Lạc thời gian lâu, thì tự mình chứng được. Vì sao vậy? Vì nghiệp chướng tiêu trừ rồi.Đời nghiệp vãng sanh, sanh về cõi phàm thánh đồng cư, cõi phương tiện hữu dư đều đời nghiệp cả. Cõi phàm thánh đồng cư mang theo tạp nghiệp thiện ác điều có. Cõi phương tiện hữu dư chỉ mang tịnh nghiệp không mang nhiễm nghiệp. Thiện ác đều là nhiễm, nó còn có tịnh, tịnh đó cũng là vọng niệm, tịnh cần phải gọi bỏ, nhiễm tịnh đều không có.Chúc mừng quý vị, quý vị đã đại triệt đại ngộ, đã rời khỏi cõi phương tiện rồi. Về lý là như vậy, nhưng về thì vô cùng thù thắng, tứ độ cùng ở một chỗ không phân khai.Không giống như thế giới này của chúng ta, thế giới này của chúng ta mười pháp giới không ở cùng nhau, chúng ta không thể gặp được chư thiên, không gặp được A La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát chúng ta đều không gặp được.Họ ở cảnh giới cao hơn, họ có thể thấy được chúng ta nhưng chúng ta không thấy được họ.Nếu đứng về lý mà nói, hết thấy thế giới chư Phật với thế giới Cực Lạc chắc chắn không khác. Chư Phật thành tựu,ai ai cũng như vậy, cũng buông bỏ hết khởi tâm động

niệm, phân biệt chấp trước, tất cả điều buông bỏ thì cảnh giới này là bình đẳng. Đây là đúng về lý mà nói, nhưng về sự thì không giống nhau. Về sự là gì? Phải xem lúc quý vị ở nhân địa, hạnh của quý vị, nguyện của quý vị, hoàn toàn không giống nhau. Sau khi thành Phật chiêu cảm được quả báo sẽ không giống nhau. Như vậy chúng ta đã hiểu rõ tâm nguyện của đức Phật A Di Đà lớn. Đúng như người xưa thường nói: “lượng lớn phước lớn”. Ngài phát nguyện phổ độ hết thảy pháp giới chúng sanh. Người thường chúng ta phát nguyện thì không thể phát nguyện lớn như vậy được, đại đa số điều không thể rời bỏ tự ngã. Tôi học Phật, cầu Phật Bồ Tát bảo hộ cho thân thể tôi mạnh khỏe, giàu có sống lâu, đều cầu những thứ này. Nếu lớn thêm một chút, vì người nhà của ta với gia tộc của ta, những người bạn của ta, những người có liên quan đến ta. Lớn thêm một chút nữa là vì dân tộc này của ta, vì đất nước của ta. Lớn thêm tí nữa là vì trái đất của chúng ta, cũng khá lắm rồi! Hu không pháp giới quá mù mịt, tâm nguyện này không phát được. Đức Phật A Di Đà ngài chẳng những có thể phát nguyện mà ngài đã thực hiện được. Điều này cũng đã không dễ dàng gì, Ngài làm được rồi, nói được làm được. Cần bao nhiêu thời gian? Trước đây đã học qua thời gian là 5 kiếp. Năm kiếp tu những gì? Đó là tu 48 lời nguyện, lời nguyện nào cũng làm được. Cho nên hiện tượng từ tự tánh lưu xuất ra, vì ý nghĩ tốt, chúng ta chỉ có thể dùng thuần tịnh thuần thiện để hình dung, thuần tịnh thuần thiện hiện ra đó chính là Diệu Bảo, tự nhiên trang nghiêm. Chúng ta ngày nay những Diệu Bảo này bị che phủ một lớp vọng tưởng phân biệt chấp trước, nên nó bị biến chất rồi. Bây giờ chúng ta hiểu được, hiểu được đạo lý này là cảnh tùy tâm chuyển. Chúng ta thay đổi tâm mình, giống như Bồ Lai Đấng người Mỹ cho chúng ta biết, ông nói năm 2012 không phải là một việc xấu. Nếu như con người trên toàn cầu điều có thể nhân cơ hội này, sửa đổi tâm mình, bỏ ác làm lành, cải tà quy chánh. Vứt bỏ tâm bất thiện đi, tìm lại đạo đức luân lý, chẳng những thiên tai trên trái đất này có thể hóa giải, mà còn khiến cho địa cầu này đi đến một phương hướng tốt đẹp hơn. Cách nói này của ông chúng ta thừa nhận, chúng ta khẳng định. Vì sao vậy? Vì chúng ta hiểu được đạo lý cảnh tùy tâm chuyển. Cho nên vấn đề then chốt là con người bây giờ vì sao không chuyển lại được? Vì họ không hiểu được chân tướng sự thật, cho nên họ không chịu chuyển. Họ cho rằng những điều họ nghĩ là thật,

hiện thực chân thật. Còn những lời chúng ta nói đây là hư vô bập bênh. Đâu biết rằng những thứ người đời đang truy tìm như: giàu có, thông minh trí tuệ, sức khỏe sống lâu, hạnh phúc mỹ mãn, không sai. Những thứ này thực chất là đúng đắn, đều ở trong Phật pháp đại thừa. Tu học đại thừa, quý vị không cần cầu mong mà tự nhiên đều đạt được. Không học Đại thừa quý vị không thể đạt được, dù có đạt được cũng không hạnh phúc, cũng được không viên mãn. Vì sao vậy? Vì quý vị có rất nhiều phiền não, rất nhiều lo nghĩ, đủ các loại áp lực. Tinh thần, thể lực của quý vị không hề an vui. Nguyên nhân gì vậy? Vì quý vị chưa có được trí tuệ chân thật, chưa có đức năng chân thật. Những thứ mà quý vị đạt được này, là do đời quá khứ tu mà có. Nhân tu chiêu cảm ra quả báo của đời này. Số quý vị không có thì dùng cách gì cũng không đạt được, nếu số quý vị có thì cho dù dùng cách nào nó cũng đến, cũng hiện ra. Lời dạy của người xưa là không sai: “nhất sanh giai thị mạng, bán điểm bất do nhân”. Quý vị muốn thay đổi vận mệnh, muốn vượt qua vận mệnh, có được chăng? Được! Quý vị siêng năng tu thì có thể vượt qua. Đến đâu để tu học? Tu học trong đại thừa, không lường gạt quý vị đâu. Đại thừa cho quý vị cái gì? Không phải Đại thừa cho quý vị, mà Đại thừa đem chân tướng sự thật này nói rõ ràng, nói thấu đáo. Trí tuệ của quý vị, đức năng của quý vị, tướng hảo của quý vị, sức khỏe trường thọ của quý vị, trong tự tánh vốn sẵn có. Đại thừa không cho quý vị điều gì, Đại thừa chỉ nói để tự quý vị phát giác chính mình, tất cả tự quý vị đều có, không khiếm khuyết điều gì, không khác đức Phật A Di Đà. Nói cách khác, tìm lại tự tánh A Di Đà Phật của chính mình. Quý vị chính là A Di Đà Phật, thế giới này chính là thế giới Cực Lạc của quý vị. Đây đều là sự thật. Cho nên ý nghĩa của hoa sen, ý nghĩa của biểu pháp nhất định cần phải hiểu, mỗi một người đều là một đóa sen. Vậy bây giờ, bây giờ chúng ta chịu sự ô nhiễm, chúng ta không chịu gột rửa sự ô nhiễm đó, vấn đề nằm nơi chỗ này. Khi nào thì giác ngộ thấy ô nhiễm là giả, không phải thật, thì quý vị sẽ nhẹ nhàng gột bỏ đi. Quay trở lại thuần tịnh thuần thiện của chính mình.

Bên dưới nói: các diệu bảo này phóng vô lượng ánh sáng, ánh sáng đầy đủ màu sắc, sắc lại sanh ánh sáng, ánh sáng hỗ dung cho nhau, còn gọi là ánh sức, đẹp không gì sánh bằng. Ánh sáng vượt nhật nguyệt, vượt qua ánh sáng của mặt trời mặt trăng, cho nên nói minh diệu nhật nguyệt. Như Quán Kinh nói: “giữa mỗi

một cánh- lá cây - có trăm nghìn ức ma ni châu vương”. Đây là thế giới tây phương Cực Lạc, cây cối hoa cỏ điều có trang sức, thế giới này của chúng ta cũng không ngoại lệ. Những loại cây trồng trên đường phố, gặp khi lễ tiết cũng có trang sức, ban đêm chúng ta thấy ánh đèn trang sức này rất đẹp, đây là do con người làm nên. Nhưng hoa cỏ cây cối này của thế giới Cực Lạc, trang sức la võng này điều là tự nhiên, không có người thiết kế, cũng không cần người làm, không cần nhân công. Nó từ đâu mà có? Từ tự tánh thuần tịnh thuần thiện mà thành tự, quý vị cảm nhận được cái đẹp tự nhiên. Trong mỗi cánh có trăm ức ma ni châu vương làm ánh sáng. Mỗi mỗi ma ni châu phóng nghìn tia sáng, đây là Diệu Bảo trang nghiêm. Ở thế giới Cực Lạc mới thấy được bản lai diện mục của chúng ta. Trong mười pháp giới bị biến chất rồi, chịu quá nhiều ô nhiễm nên hoàn toàn biến chất. Biến thành đáng sợ nhất đó chính là đọa trong địa ngục, chúng ta thấy rồi cũng không nhẫn tâm đi gặp họ, quá đau khổ, quá đáng thương. Tại sao lại biến thành hình dáng như thế? Biến thành ngọc quý, biến thành súc sanh. Đều sai hết.

Con người bây giờ mất đi luân lý đạo đức, người không giống người. Trong Tả Truyện có câu: “nhân khí thường tắc yêu hun”, con người bỏ đi luân thường, không giữ gìn luân thường, đó gọi là gì? Gọi là yêu ma quỷ quái, yêu ma quỷ quái là phản thường, phản thường tức là hoàn toàn khác với luân thường, làm trái. Ngũ luân là: phu tử hữu thân, phu phụ hữu biệt, quân thần hữu nghĩa, trưởng ấu hữu tự, bằng hữu hữu tín. Ngũ thường là: nhân nghĩa lễ trí tín. Bất nhân, bất nghĩa, vô lễ, mất tín, đây thật không khác gì yêu ma quỷ quái. *Cắt bỏ* 1:19:50 đến 1:20:02 Người xưa dạy rằng: Tả Khuru Minh với Khổng Tử cùng một thời đại.

Thứ năm: “lượng của sen báu”. Ở đây gọi là lượng của sen báu, hoa sen này là người niệm Phật, một lòng mong cầu sanh cõi tịnh, trong áo thất bảo sẽ mọc lên một đóa sen. Màu sắc, lớn nhỏ của hoa sen đều không giống nhau, cần xem công phu của người niệm Phật, tâm của họ chân thật, cần mẫn, thì hoa của họ càng ngày càng lớn, màu sắc cũng càng ngày càng đẹp. Cho nên, từ nơi màu sắc lớn nhỏ của hoa sen thấy được sự siêng năng dụng công của người niệm Phật. Những cái khác ở thế giới cực lạc đều bình đẳng, chỉ có điều này là không bình đẳng, cần xem công phu của mỗi người. Nhưng cũng không dễ dàng gì, ngày quý vị thật sự

vĩnh sanh đó, đượccoai thân bốn nguyện Di Đà gia trì, màu sắc đó vô cùng tươi mới. Vì sao vậy? Vì được hào quang Phật chiếu soi. Cho nên sanh về thế giới Cực Lạc, thân giống như đức Phật A Di Đà, thân sắc tử ma chân kim. Thân có vô lượng tướng, tướng có vô lượng đẹp. Người sanh về thế giới Cực Lạc tướng mạo điều giống nhau. Vì sao đức Phật lại hiện tướng này? Trong 48 lời nguyện trước chúng ta có học qua, vì đức Phật thấy được chúng sanh ở thế giới phương khác, tướng mạo không giống nhau, rất dễ khởi tâm phân biệt. Người Tướng mạo tốt thì sinh tâm kiêu ngạo, tướng mạo xấu một tí thì cảm thấy tự ti. Đức Phật A Di Đà mong muốn con người ở thế giới tây phương Cực Lạc không có phân biệt chấp trước này, cho nên ngài đã phát nguyện, phàm sanh về thế giới Cực Lạc thì tướng mạo đều giống nhau, mọi người sẽ không còn khởi ý nghĩ này nữa. Tướng mạo chuẩn là đức Phật A Di Đà, tướng mạo của mỗi người đều giống với đức Phật A Di Đà, không hề sai khác. Lúc vãng sanh đức Phật A Di Đà đến tiếp rước quý vị là hóa thân của Phật, không phải chân thân của Phật, hóa thân đến tiếp rước quý vị. Thân đi tiếp rước quý vị đây, chắc chắn giống trong kinh Lăng Nghiêm có nói: “tùy chúng sanh tâm mừng sở tri lượng”. Bình thường quý vị thích đức Phật với hình dáng thế nào, tức là vị Phật mà quý vị thường cúng dường, thường lễ lạy mỗi ngày, thì ngài sẽ hiện ra hình dáng đó để tiếp rước quý vị, quý vị thấy được rất vui mừng, rất quen thuộc, mỗi ngày lễ ngài cuối cùng cũng gặp được rồi. Tiếp rước đến thế giới tây phương Cực Lạc, quý vị sẽ gặp được đức Bổn Tôn, thân tướng của quý vị, không hay không biết thân tướng của mình giống với đức Bổn Tôn. Đó chính là quý vị đã được sự gia trì. Thật là cảnh giới không nghĩ bàn.

Lượng của sen báu nhỏ thì bằng nửa do tuần, do tuần là đơn vị đo lường độ dài của Ấn Độ cổ. Có rất nhiều cách nói, có người nói 1 do tuần bằng với 48 dặm Trung Quốc, cũng có người nói là 60 dặm, 40 dặm. Cho nên người xưa chia ra đại do tuần, trung do tuần, tiểu do tuần. Tiểu do tuần là 40 dặm, nhưng đo chiều rộng của người xưa không giống hiện nay. Trong kinh chúng ta thấy thân tướng mà đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện khi còn tại thế, thân rất cao lớn, một trượng tám thước, hình dáng cao lớn, thì ra thước ở thời đấy với thước bây giờ không giống nhau. Hoằng Nhất Đại Sư cuốn có “Chu Thước Khảo”, khảo chứng

tìm Chu Thước. Thước đo triều nhà Chu, một thước là bây giờ 6 tấc, như vậy chúng ta hiểu rồi, hình dáng của đức Phật cao to, đại khái là như bây giờ 180, 190cm, vậy là bình thường rồi, không có gì kỳ lạ cả, cho nên trước đây thước nhỏ bây giờ thước lớn. Tướng mạo trang nghiêm. Vậy còn hoa sen nữa do tuần, chúng ta dùng cách nói bây giờ, là hoa sen rất nhỏ, theo thời bây giờ của chúng ta, chắc cũng có, bây giờ dùng km rồi. Khoảng 4-5km, một phạm vi lớn như vậy. Lớn nhỏ không giống nhau, nhỏ nhất cũng là một phạm vi lớn như vậy. Đây là môi trường sống khi quý vị sinh ra - hoa sen hóa sinh cùng. Điện chính là ở trên đài hoa Sen.

Thư sáu: “sen phóng diệu quang”. Trong mỗi một hoa phóng ra 36 trăm ngàn ức tia sáng. Dưới đây Niệm Lão chú giải: trăm nghìn ức chỉ là lấy số lượng để biểu thị vô lượng thôi, chính xác như vậy, trong mỗi đóa hoa phóng vô lượng tia sáng. Chúng ta tôn xưng đức Phật A Di Đà là Vô Lượng Quang Phật, Vô Lượng Thọ Phật, cho nên 36 trăm nghìn ức là dùng số lượng để biểu thị cho ý nghĩa vô lượng vậy.

Bên dưới nói: số 36 đó chưa thấy người xưa chú thích, vậy con số 36 từ đâu mà có? Cổ đức không có chú giải. Ý của Hoàng Niệm Lão, cho rằng tứ độ của cực lạc đều có cửu phẩm. $4 \times 9 = 36$, có thể con số 36 này từ đây mà có. Chỉ cho số phẩm trong quốc độ. Bốn cõi mỗi cõi có chín phẩm, $4 \times 9 = 36$, ông nói có thể từ đây mà có. Mỗi một phẩm có trăm nghìn ức hoa, lấy trăm nghìn ức để biểu thị cho một con số cực lớn. Tất cả điều là biểu pháp.

Mỗi tia sáng của hoa sen như màu sắc của nó, đúng là màu xanh ánh sáng xanh, màu đỏ ánh sáng đỏ. Cho nên nói ba mươi sáu trăm nghìn ức tia sáng, 36 là $4 \times 9 = 36$, lấy ý nghĩa như vậy. “Một hoa nhiếp hết thủy hoa khác”. Câu này rất quan trọng, đây là cảnh giới hoa nghiêm: một là tất cả, tất cả là một, một hay nhiều không phải hai, đây mới chính là cảnh giới viên mãn. Cho nên nói trong mỗi một hoa phóng ra 36 trăm ngàn ức tia sáng, nhưng 36 phẩm chỉ là một con số đại khái, là ý nghĩa biểu pháp. Thực tế mà nói là vô lượng, nó thật sự là tượng trưng cho ý nghĩa vô lượng, có vô lượng phẩm, cho nên nói mỗi đóa sen phóng ra vô lượng tia sáng. Vô lượng thọ vô lượng quang là tượng trưng cho đức Phật A Di Đà. 12

tia sáng điều là lấy vô lượng thọ vô lượng quang làm nhân. Cho nên mỗi đóa sen phóng ra vô lượng tia sáng.

Chúng ta xem đoạn thứ hai. Trong đoạn thứ hai này nói về “quang trung hóa Phật”. Mời xem kinh văn: “trong mỗi tia sáng phóng ra 36 trăm nghìn ức Phật, thân sắc tử kim tướng tốt lạ kỳ, mỗi một vị Phật lại phóng trăm nghìn tia sáng, chiếu khắp mười phương, nói pháp vi diệu. Chư Phật như vậy, mỗi mỗi an lập vô lượng chúng sanh, thành Phật chánh đạo.

Chúng ta xem chú giải của Niệm Lão, bên phải đoạn kinh này nói về “liên quang trung Phật”. Trong tia sang sen báu có hóa Phật, ở đây cũng có 4 đoạn.

Đoạn thứ nhất số Phật trong tia sáng, có bao nhiêu vị Phật, trong mỗi tia sáng có 36 trăm nghìn ức vị Phật. Đây là số lượng. Số lượng này không thể đem nó làm số cố định, làm số cố định là sai rồi, nó là biểu pháp. Trên thực tế chúng ta đều có thể xem nó là vô lượng, trong mỗi tia sáng có vô lượng đức Phật.

Ý nghĩa thứ hai là “tướng Phật” “thân sắc tử kim, tướng tốt đặc thù”. Trong kinh thường nói “thân tử ma chân kim sắc”. Kỳ thực trong đây còn hiển thị ý nghĩa biểu pháp. Vì trong hiện tượng vật chất, nhất là kim loại này, bây giờ mọi người đều biết kim loại để lâu điều dễ bị oxi hóa, chỉ duy nhất vàng nó không bị oxi hóa, mãi giữ được màu sắc vốn có, như vàng bạc đồng sắc thiếc, đây là ngũ kim. Vàng mãi mãi giữ được màu sắc của nó, cho nên đặt biệt được trân quý.

Hết thấy ánh sáng của thế giới tây phương, không có cách gì hình dung được. Đức Thế Tôn vì chúng ta mà giới thiệu, phần nhiều ngài dùng những thứ trên thế giới này của chúng ta có, như ngũ kim, châu báu, dùng những thứ này để ví dụ. Trên thực tế nó hoàn toàn không với kim ngân châu báu của thế giới chúng ta. Chúng ta cần hiểu rõ một điều là, chúng ta bên này bị ô nhiễm rồi. Bị cái gì nhiễm ô? Bị ý niệm nhiễm ô. Thế giới tây phương Cực Lạc chỉ có tâm hiện không có thức biến, thế giới này của chúng ta tâm hiện còn thêm thức biến nữa, sự sai khác này thật quá lớn! Cho nên niệm Phật, nghe đức Phật giới thiệu như thế, chúng ta đối với thế giới cực lạc sanh tâm ngưỡng mộ. Người chân tín thiết nguyện, là người có phước. Đối với những lời dạy của đức Phật không mảy may nghi hoặc. Như trước đây con cái không hoài nghi đối với lời dạy của cha mẹ. Bây giờ thì không được rồi, bây giờ ngay trẻ nhỏ cũng không tin lời cha mẹ. Chúng ta thường

nghe trẻ con nói với mẹ nó: “Thiệt không?” Trước đây làm sao có thể nghe được những lời này? Nghe thấy sẽ kỳ lạ. Lời người khác không tin được, nhưng lời của cha mẹ nói thì như đinh đóng cột, thầy giáo nói cũng như vậy, không bao giờ nghi ngờ. Ngày nay cái nghi này trở thành vấn đề lớn, cái gì cũng hoài nghi, tinh thần khoa học hại chết người đấy, hủy hoại hết truyền thống, con người không có thành tín nữa. Cho nên chúng ta cần học Phật Bồ Tát, đối với điều gì chứ Phật Bồ Tát cũng không hoài nghi, đối gạt các ngài, các ngài cũng không hoài nghi. Quý vị gạt các ngài các ngài có biết không? Biết. Biết rồi tại sao còn để bị lừa? sao còn để bị gạt? Giả thôi, không phải thật mà. Chiêu này rất lợi hại, giả chứ không phải thật. Quý vị thích ta bị mắc lừa, ta sẽ làm theo nguyện vọng của quý vị, làm theo tâm của quý vị. Quý vị xem Bồ Tát thật từ bi! Tuyệt đối không phải thật sự bị mắc lừa, không có đâu. Ngài đang đùa chơi với quý vị đấy. Kỳ thực, mắc lừa là chính mình chứ không phải chư Phật Bồ Tát. Quý vị đang tạo nghiệp, sẽ phải trả quả báo. Nghiệp báo nhân quả thật không lường tí nào, điều này chúng ta chẳng thể không hiểu.

“Tử kim giả”, ở đây Niệm Lão có giải thích: “tử ma chân kim giả”, đây là thứ thuần túy nhất, tốt nhất ở trong kim loại.

“Tướng hảo giả”. Quán Kinh nói: vô lượng thọ Phật có tám vạn bốn ngàn tướng, mỗi tướng có tám vạn bốn ngàn tùy hình hảo, gọi là thù đặc. Thời xưa, người Ấn Độ cổ xưa, từ xưa đến nay trên thế giới có rất nhiều quần tộc không giống nhau, đều có những đồng cốt bói quẻ xem tướng. Thời cổ đại, thời cổ đại có. Người Ấn Độ xưa cho rằng quý tộc, người giàu có thì tướng mạo của họ đẹp gọi là quý tướng, có 32 loại gọi là đại nhân tướng, tức là tướng của người giàu có. Mỗi tướng có 80 loại hảo tùy hình, 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp. Cái này trong pháp số Phật học từ điển điển có, quý vị có thể tham khảo thêm. Đây là nói về thế gian, tướng tốt của chư Phật Bồ Tát chúng ta không thể nghĩ ra được. Trong kinh điển đại thừa tán thán báo thân Phật: thân có vô lượng tướng, tướng có vô lượng đẹp. Trong Quán kinh tán thán đức Phật A Di Đà, dùng tám vạn bốn ngàn, tám vạn bốn ngàn cũng là biểu pháp. Phật pháp có tám vạn bốn ngàn pháp môn, tám vạn bốn ngàn pháp môn từ đâu mà có? Đức Phật nói chúng sanh có tám vạn bốn ngàn phiền não, pháp môn là đối trị phiền não vậy. Giống như nói chúng sanh có tám vạn bốn

ngàn loại bệnh, Phật có tám vạn bốn ngàn cách để trị bệnh. Từ đó cho thấy, tám vạn bốn ngàn trên thực tế là tượng trưng cho sự viên mãn, con số hoàn chỉnh, con số viên mãn, cũng là vô lượng. Vô lượng là tượng trưng cho sự viên mãn, là ý này đây.

Tám vạn bốn ngàn phiền não, Thiên Thân bồ tát đem nó quy nạp lại, Thiên Thân quy nạp điều Bồ Tát Di Lạc nói. Di lạc Bồ Tát đem vô lượng pháp số phiền não này, tám vạn bốn ngàn quy nạp còn 660 pháp. Thiên Thân bồ tát vì phương tiện dạy kẻ sơ học, lại đem nó quy nạp lại, quy nạp còn 100 pháp. 660 pháp quy nạp còn 100 pháp, gọi là Bách Pháp, Bách Pháp Minh Môn Luân của Tướng Tông. Trong Bách Pháp nói về phiền não, vô lượng vô biên phiền não quy nạp còn 26 loại, 26 đại phiền não. Thiện pháp quy nạp thành 11 loại. Phiền não là 26. 6 căn bản phiền não, 20 tùy phiền não, tùy phiền não lại chia làm đại tùy, trung tùy, tiểu tùy. Ngài quy nạp đơn giản, chúng ta khi học, kẻ sơ học sẽ dễ dàng. Chúng ta biết đó là một loại, một loại triển khai, mỗi loại triển khai ra điều là vô lượng, bình thường dùng là dùng con số tượng trưng là tám vạn bốn ngàn. Đây là thuộc về biểu pháp trong danh số Phật học.

Thứ ba: tia sáng hiện Phật cũng lại phóng quang, lại phóng trăm ngàn tia sáng. Trong tia sáng có hóa Phật, hóa Phật lại phóng quang, chẳng những phóng quang, phóng quang là biểu pháp, nếu là hàng thượng căn lợi trí, thấy được những ánh sáng này họ liền khai ngộ. Hàng trung hạ căn thì không được, vẫn không thể giác ngộ, thì nhất định cần phải nghe diễn thuyết, cần xem họ biểu diễn, nghe họ nói pháp. “Chiếu khắp mười phương nói pháp vi diệu”.

Thứ tư: Phật nói diệu pháp. Chiếu khắp mười phương nói pháp vi diệu. “Pháp ích thù thắng”, nói pháp lợi ích thù thắng. Mỗi mỗi an lạc vô lượng chúng sanh thành Phật chánh đạo. Người nghe pháp, thấy ánh sáng thấy sắc nghe pháp, đều đã khai ngộ. Ở đây tượng trưng cho căn tánh không giống nhau, có người thấy được ánh sáng thì khai ngộ, có người gặp được sắc thì khai ngộ, có người nghe nói pháp thì đã khai ngộ, đây chính là căn tánh không đồng, nhưng sau khi khai ngộ thì điều giống nhau. Có bao nhiêu chúng sanh? Vô lượng chúng sanh, đây là cư dân của thế giới Cực Lạc, vô lượng vô biên, vô số vô tận.

Quý vị xem các nước của mười phương chư Phật, chẳng có vị Phật nào không tán thán đức Phật A Di Đà, chẳng có vị Phật nào không tuyên dương tịnh độ. Vì sao đức Phật A Di Đà có được pháp duyên thù thắng như thế? Đây cũng chính là bản nguyện của ngài. Khi ngài thành Phật, danh hiệu của ngài mười phương chư Phật đều nghe được, mười phương chư Phật tán thán. Mười phương chư Phật đem chúng sanh trong cõi của mình, những chúng sanh đó căn tánh đần độn, thiện căn phước đức kém, đều gửi đến thế giới tây phương cực lạc, nhờ Phật A Di Đà độ họ. Thế giới này của chúng ta, đức Phật Thích Ca Mâu Ni cũng không ngoại lệ, quý vị xem khi ngài còn tại thế, 49 năm dạy học, sau khi ngài niết bàn, chánh pháp, tượng pháp các pháp môn không giống nhau. Các vị nên biết, thời đại Tùy Đường là thời đại hoàng kim của Phật giáo, ở Trung Quốc có 10 tông phái, đại thừa có 8 tông, tiểu thừa có 2 tông. Nhưng đến bây giờ có thể nói hoàn toàn hết rồi, ngày nay chùa chiền thì có, người chân chánh học Phật không có, người thật sự hiểu được không có.

Tôi lúc trẻ học với thầy Lý, thầy thường nói rằng: “có chùa mà không có đạo, thì chẳng thể hưng thịnh”. Chúng ta nghe cổ đức thường nói: “nhân năng hoằng đạo, phi đạo hoằng nhân”. Sự thịnh suy của Phật giáo, sự thịnh suy truyền thống văn hóa đều do con người. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni năm đó ở vườn Lộc Uyển, năm người như một nhà, một người thầy, năm học trò, năm vị tỷ kheo. Câu chuyện này chúng ta cần phải hiểu, ngày nay Thích Đạo Nho điều thiếu hụt nhân tài. Cho nên chúng ta kỳ vọng, người trẻ tuổi cần phát tâm, vì vãng thánh kế tuyệt học, vì vạn thế khai thái bình, đây là truyền thống văn hóa này. vì đại thừa “tục phật tuệ mạng, hoằng pháp lợi sanh”, phải thật làm, phải thật học. Học tập rất vất vả, thật khó, chứ không phải giả. Chương ngại nhiều, học thành được rồi cũng không phải chuyện dễ dàng, quý giống như hoằng pháp, hoằng pháp cũng có rất nhiều gian nan khó khăn, mà chính bản thân mình không thể tưởng tượng ra được, nhưng điều phải khắc phục. Sau khi học thành rồi quý vị có trí huệ, có trí huệ quý vị sẽ biết làm thế nào để hoằng pháp. Hoàn toàn học Phật, phải hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Không có trí huệ thì quý vị khó làm được, nhất định phải nhân giới đặc định, nhân định khai huệ, khẳng định là nương vào tam học - giới định tuệ, nguyên tắc chỉ đạo này, chúng ta mới có thể thành tựu.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 380

Chuyên ngữ: Trung Tấn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 20.04.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 467, hàng thứ hai. Ở trên đã hiển bày sự sự vô ngại thâm sâu, trùng trùng vô tận, pháp giới không thể nghĩ bàn.

Phẩm “Bảo Liên Phật Quang” này, hiển bày hoa sen biến khắp pháp giới. Chúng ta cần hiểu được ý nghĩa biểu pháp sâu xa của nó. Hoa sen phóng ánh sáng, trong ánh sáng có hóa Phật, Phật lại vì đại chúng nói pháp, cho dù là thấy ánh sáng, nghe tiếng, nghe pháp điều được lợi ích công đức thù thắng. Người vãng sanh về thế giới Cực Lạc đặc biệt là đời nghiệp, nghiệp chướng làm cách nào để tiêu trừ được thì chúng ta đã rõ rồi.

Thế giới này, phía trước chúng tôi đã nhiều lần đề cập chỉ có hai hạng người, một là thầy giáo, hai là học sinh. Phật là thầy giáo, Bồ Tát là học sinh, không thấy có hạng người thứ ba. Phạm là người đời nghiệp vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, được bốn nguyện oai thần của đức Phật A Di Đà gia trì, liền làm A Duy Việt Trí Bồ Tát. Nói cách khác, tất cả Bồ Tát ở thế giới Cực Lạc đều đã chứng tam bất thoái: Thứ nhất là vị bất thoái, thứ hai là hành bất thoái, chắc chắn là Đại Thừa chứ không phải Tiểu Thừa, thứ ba là niệm bất thoái, niệm niệm đều hướng đến vô thượng bồ đề. Chúng ta xem xét tỉ mỉ sẽ thấy đó là trường học, đó là đạo tràng lớn của đức Phật A Di Đà, đón nhận hết thầy chúng sanh mười phương đến nơi đây, cam đoan quý vị thành Phật, một đời thành tựu viên mãn. Sự việc này không tìm thấy ở trong quốc độ của mười phương chư Phật. Ở thế giới Cực Lạc chúng ta không thấy có tổ chức quốc gia, không thấy có quốc vương, thiên vương, đại thần, không thấy có những thứ này, cũng không có sĩ nông công thương, chỉ thấy trong kinh điển nói cho chúng ta biết là dạy học không gián đoạn. Đúng là “nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu”, cho nên mỗi người đều thành tựu rất nhanh. Ở mười phương thế giới tu hành tính bằng kiếp số, vô lượng kiếp. Đến thế giới Cực Lạc thì thành tựu rất nhanh.

Cuối cùng Niệm Lão kết luận, hiển bày sự sự vô ngại, trùng trùng vô tận, pháp giới không thể nghĩ bàn. Những câu này chỉ có trong kinh Hoa Nghiêm, cho nên tây phương tịnh độ là nòng cốt của Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm một mắc xích thù thắng nhất, mắc xích này chính là thế giới Cực Lạc. Ánh sáng của thế giới Cực Lạc, ảnh hưởng của thế giới Cực Lạc, thành tựu của thế giới Cực Lạc với Hoa Nghiêm không hai không khác. Thậm chí 41 vị Bồ Tát ở Hoa Nghiêm Hải Hội, trong cõi thật báo của đức Phật Tỳ Lô Giá Na, đều theo ngài Văn Thù, Phổ Hiền vãng sanh về thế giới Cực Lạc. Điều này thật là hy hữu! Đức Phật Tỳ Lô Giá Na thấy tình hình như thế, chẳng có điều gì là không vui. Tại sao Văn Thù Phổ Hiền, hai vị đại đệ tử này dẫn theo tất cả mọi người về thế giới Cực Lạc? Chẳng những không chướng ngại mà còn vui mừng tán thán. Điều này chúng ta phải thể hội sâu sắc, phải siêng năng mà học tập. Do nguyên nhân gì? Đến thế giới Cực Lạc tu hành nhanh thành Phật, rút ngắn được nhiều thời gian. Tu học ở thế giới Hoa Tạng còn cần phải ba đại a tăng kỳ kiếp. Ba đại a tăng kỳ kiếp này từ Sơ Trụ đến Đẳng Giác. Cũng có nghĩa là tập khí vô trí vô minh, phải cần thời gian dài như vậy mới có thể sàng lọc sạch sẽ được. Nhưng ở thế giới Cực Lạc thì lại khác, nguyên nhân của việc không giống nhau này chúng ta có thể hiểu được - giảng kinh dạy học nghe pháp không bị gián đoạn. Chúng ta thường nói “nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu”, thì tự nhiên tập khí vô trí vô minh hết khi nào không hay. Điều này trong tất cả kinh khác đức Phật Thích Ca Mâu Ni chưa từng nói, mà chỉ nói trong kinh Hoa Nghiêm và kinh Vô Lượng Thọ. Cho nên chư Phật Như Lai giúp đỡ hết thấy chúng sanh, từ bi đến cùng cực, chúng ta chẳng thể không biết ơn, chẳng thể không siêng năng học tập, vãng sanh chính là báo Phật ân. Không thể vãng sanh là không xứng với Phật ân. Đó là giả không phải thật. Những câu nói bên dưới rất quan trọng, “sen trong cảnh Phật”, đây là nói về hoa sen ở thế giới Cực Lạc. “Từ tâm Phật sanh”. Đức Phật có lời nguyện lớn như vậy: Trong mười phương thế giới có một người niệm Phật cầu sanh về thế giới Cực Lạc, ao sen bầy báu mọc lên một đóa hoa sen. Hoa sen từ đâu mà có? Nhân chính của hoa sen là chính ta, là tâm của ta, tánh của ta, cùng một tánh với đức Phật. Trong Hoàn Nguyên Quán nói: “tự tánh thanh tịnh viên minh thể”, là từ tâm Phật mà sanh. Nhân phải có duyên mới có thể hiện hành được. Duyên có

thân nhân duyên, thân nhân duyên là Giác Ngộ của chính mình, phát tâm niệm Phật. Tăng thượng duyên, tăng thượng duyên là đức Phật A Di Đà, dùng vai thân bốn nguyên của ngài gia trì cho chúng ta, như vậy hoa sen đã thành tựu.

“Hoa sen phóng ánh sáng, ánh sáng hiện chư Phật”, nhiều chư Phật ở đây, vì đều là tự tánh. Trong tự tánh vô lượng vô biên chư Phật nhiều hơn cả hết thảy chúng sanh. Lúc không có duyên thì không hiện ra. Huệ Năng đại sư lúc kiến tánh có nói ra năm câu, câu thứ ba nói: “đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”, hoa sen vốn tự đầy đủ, phóng quang vốn tự đầy đủ, trong tia sáng hiện Phật tất cả đều tự đầy đủ, gặp được duyên thì sẽ hiện ra, duyên này chỉ có thể giới Cực Lạc, đức Phật A Di Đà làm duyên. “Phật lại phóng quang” trong tia sáng hiện Phật, Phật lại phóng quang, thuyết pháp độ sanh, trùng trùng vô tận. Người xưa có câu rất hay: “kỳ đại vô ngoại, kỳ tiểu vô nội”, đây là nói về tự tánh. Về sự mà nói thì chính là pháp giới, tánh của pháp là một bộ phận của tánh, một bộ phận của thể, chân nhân. Pháp giới là một bộ phận của tướng, pháp tướng, hiện tướng. Vũ Trụ vạn hữu cũng chính là những điều mà Huệ Năng đại sư nói: “năng sanh vạn pháp”. Trong Hoàn Nguyên Quán nói: “xuất sanh vô tận”, đúng là vô tận. Tùy theo tâm niệm của chúng sanh mà hiện ra, biến hóa ra. Sanh ra là tự tánh, biến hóa là tám thức và 51 tâm sở, tâm hiện thức biến.

Lại tương ứng với mắt, cảnh giới như vậy, chỉ là hiện bày diệu tướng mà thôi, thực tế có đầy đủ vô biên diệu dụng. Đúng là không thể nghĩ bàn, đây mới chính là quê hương của chúng ta, chúng ta trở về quê nhà nghĩa là về đâu? Trở về tự tánh. Hiện tượng của tự tánh nằm ở đâu? Ở thế giới tây phương Cực Lạc. Thế giới tây phương Cực lạc ở đâu? Ở khắp hư không khắp pháp giới. Khi nào mới có thể thấy được? Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói rất rõ cho chúng ta: “Tâm tịnh tức cõi Phật tịnh”. Tâm của quý vị thanh tịnh thì lập tức thấy được. Cho nên điều kiện vắng sanh thứ nhất là tâm thanh tịnh, không liên quan với việc niệm Phật nhiều ít, một niệm tâm thanh tịnh quý vị đã thấy được. Cho nên “một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật”. Niệm Phật là để hiển lộ tâm thanh tịnh của chính mình, đó là tương ứng. Niệm nhiều mà tâm không thanh tịnh, giống như cổ đức nói: “miệng niệm Di Đà tâm tán loạn, hét nát cổ họng chỉ uống công”, tâm quý vị không thanh tịnh. Tâm thanh tịnh thì tương ứng

với Phật, tâm Ngài thanh tịnh, tâm Ngài bình đẳng, tâm Ngài chánh giác, tâm đại giác. Đại giác là chân tâm của chính chúng ta, chân tâm của ta vốn là đại giác. Vì sao bây giờ lại bất giác? Nguyên nhân của sự bất giác này chính là do chúng ta mê. Tại sao mê? Tâm động là mê vậy, bất động là giác. Cho nên kinh Phật thường dùng nước để ví dụ, ví dụ cho tâm. Nước thanh tịnh không bị ô nhiễm, nước yên lặng không có hiện tượng gợn sóng, nước này giống như mặt gương, cảnh giới bên ngoài chiếu vào, nhìn thấy rõ ràng. Nếu như nước đục, nước có gợn sóng, thì công năng soi rọi của nó sẽ mất đi. Cho nên tâm của chúng ta không thể động, động thì hỏng rồi. Vì sao chư vị cổ thánh tiên hiền dạy chúng ta, phải “nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu?” Vì sao không dạy chúng ta đồng thời phải học rộng nghe nhiều, mà muốn chúng ta phải nhất môn thâm nhập? Nhất môn thâm nhập là tu định, chứ không phải tu cái khác, nghĩa là tìm lại chân tâm của chúng ta, sau khi tìm được chân tâm rồi, quý vị mới học rộng nghe nhiều, thì thật là dễ dàng. Long Thọ Bồ Tát tìm lại được chân tâm, Ngài chúng được Sơ Địa, Sơ Địa của Biệt giáo chính là Sơ Trụ của Viên giáo. Ngài có năng lực dùng thời gian ba tháng, thông suốt toàn bộ kinh của đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói trong suốt 49 năm, đó chính là học rộng nghe nhiều. Được không? Đúng vậy không? Đời nhà Đường ở Trung Quốc, Lục Tổ Huệ Năng đại sư đã chứng minh cho chúng ta, Huệ Năng đại sư không biết chữ, chưa từng đi học, thường ngày Ngài giảng kinh thuyết Pháp, người đời sau đem nó ghi lại, làm thành một quyển sách mang tên là Lục Tổ Đàn Kinh. Trong đó có hành trạng của Ngài, cũng chính là một đoạn lịch sử của Ngài. Sau khi chúng ta xem rồi thấy được, từ khi ngài học Phật cho đến khi thành tựu, hoằng pháp lợi sanh, không thấy Ngài đi nghe giảng kinh ở một giảng đường nào, không có, không thấy ghi lại điều này. Cũng không ghi lại Ngài ở thiền đường nào đó ngồi một cây hương, không thấy ghi lại điều này, vậy những thứ khác thì không cần thiết nói nữa. Duy nhất chỉ ghi lại việc ngài nghe kinh nghe pháp, đó là lần Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn gọi Ngài vào phương trượng lúc canh ba. Ở phòng Phương Trượng, Ngũ Tổ giảng đại ý Kinh Kim Cang cho một mình ngài nghe, chắc cũng phải giảng được một phần tư, giảng đến câu: “ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” Ngài hoát nhiên khai ngộ. Sau khi khai ngộ rồi thì không cần giảng nữa, Ngài đã hoàn toàn hiểu rõ.

Pháp Đạt tụng kinh Pháp Hoa mười năm liền, tụng kinh Pháp Hoa hơn ba ngàn biến. Phân lượng của kinh Pháp Hoa rất lớn, mỗi ngày chỉ có thể tụng một bộ, hơn ba ngàn bộ là mười năm. Không biết nghĩa lí của kinh Pháp Hoa, đến chùa Nam Hoa diện kiến Lục Tổ, trong lúc lễ bái đầu không chạm đất, Lục Tổ nhìn thấy rất rõ, đợi ông ta đứng dậy liền hỏi: “ông có chỗ nào đáng để kiêu ngạo, mà lúc lễ lạy đầu ông không chạm đất, tâm ông ngạo mạn, có cái gì đáng để kiêu ngạo?” Pháp Đạt liền nói, đã đọc hơn ba ngàn bộ kinh Pháp Hoa. Lục Tổ hỏi đại ý của kinh Pháp Hoa, thì ông ta không trả lời được, ông ta quay lại thỉnh giáo với Lục Tổ. Lục Tổ nói kinh này ta chưa nghe qua, người tụng hơn ba ngàn lần chắc phải thuộc lòng rồi, người tụng một đoạn ta nghe xem. Kinh Pháp Hoa có 28 phẩm, ông ta đọc đến phẩm thứ hai, Lục Tổ nói: được rồi, đừng đọc nữa, ta hiểu rồi. Lục Tổ bèn giảng đại ý kinh Pháp Hoa cho ông ta, ông ta liền khai ngộ, lúc này lạy thì đầu sát đất rồi. Trong Lục Tổ Đàn Kinh đã ghi lại như vậy. Vì vậy chúng ta đã rõ, Long Thọ Bồ Tát làm thế nào với thời gian ba tháng, mà thông hiểu toàn bộ những gì đức Phật Thích Ca Mâu Ni thuyết trong 49 năm, chẳng phải là ý này hay sao? Một bộ kinh cần phải xem bao nhiêu? Xem hai, ba trang là được rồi, không cần xem từ đầu đến cuối, đâu cần phiền phức như vậy. Bộ kinh này nói gì người đọc cho ta nghe, đọc vài câu thì toàn bộ đã rõ ràng rồi không cần phải đọc nữa. Đại Tạng Kinh ba tháng có thể hiểu hết không. Được, không vấn đề gì. Đây là gì? Là học rộng nghe nhiều. Tổ sư dạy chúng ta, ân đức đó không biết lớn dường nào, không phải hạn chế quý vị, mà khiến quý vị có đầy đủ năng lực để giác ngộ, sau đó quý vị mới xem, vừa xem là hiểu rõ. Không có năng lực này thì không thể học rộng nghe nhiều được. Vì sao vậy? Vì những thứ học rộng nghe nhiều của quý vị là tri thức, chứ không phải trí huệ. Người thời nay nói tri thức, tri thức không có tác dụng, tri thức là rất hạn hẹp, mà còn để lại di chứng về sau. Trí huệ không như vậy, trí huệ có thể giải quyết tất cả vấn đề, mà không để lại di chứng về sau. Trí huệ từ đâu mà có? Từ giới định mà có. Dạy quý vị nhất môn thâm nhập, đó là giới luật, quý vị cần phải tôn trọng, quý vị chỉ đọc bộ kinh này, không được đọc bộ khác, đọc đi đọc lại. Mục đích để làm gì? Mục đích là được định, khiến tâm của quý vị định, không rong ruổi chạy ra bên ngoài. Đây là phương pháp, là phương pháp tu định. Người thường, người thuộc hàng trung

căn, khoảng ba, bốn năm tâm thật đã lắng xuống, được Tam Muội, lại thêm ba bốn năm nữa thì khai ngộ. Sau khi Ngộ rồi, thầy giáo mở môn học rộng nghe nhiều ra, cái gì quý vị cũng có thể học, cái gì cũng có thể xem, cái gì cũng có thể tiếp xúc, quý vị thành tựu được điều gì? Quý vị thành tựu hậu đắc trí. Hậu đắc trí là gì? Là “vô sở bất tri”. Quý vị không có căn bản trí, căn bản trí là “bát nhã vô tri”, đây là căn bản trí. Khi khởi tác dụng thì “vô sở bất tri”. Chư Phật Bồ Tát dạy người với lòng từ bi vô tận, trong đây thật sự yêu thương, giúp đỡ quý vị, thành tựu quý vị, quý vị còn không tin thì thật hết cách. Điều kiêng kỵ nhất chính là trước khi chưa được Tam Muội mà học rộng nghe nhiều, toàn bộ là tri thức, chứ không phải trí huệ. Cho nên tiêu chuẩn của người xưa, sau khi khai ngộ mới có thể hiểu biết sâu xa, học rộng nghe nhiều, thành tựu hậu đắc trí. Phương pháp này chỉ có trong Phật giáo đại thừa. Phật giáo truyền vào Trung Quốc, đem phương pháp này đến cho Trung Quốc, Nho giáo cũng học được, Đạo giáo cũng học được, biết được phương pháp này rất hay, cho nên Nho giáo Đạo giáo cũng đi theo con đường Giới Định Tuệ. Tiếc rằng người thời nay không hiểu, nên cứ đi theo người phương tây. Vấn đề xã hội ngày nay, vấn đề biến đổi địa cầu, tri thức không thể giải quyết được. Giải quyết không được thì nhanh trở về tìm lại tổ tông để học trí huệ, vấn đề liền được giải quyết thôi. Chiêu này của tổ tông lợi hại hơn người thời nay, người thời nay không thể so sánh được với họ, là tuyệt chiêu của tổ tông. Họ có tài gì? Minh tâm kiến tánh. Ở thế giới Ta Bà như vậy, ở thế giới phương khác cũng như vậy. Mười phương ba đời tất cả chư Phật đều đi theo con đường này, nhân giới được định, nhân định khai huệ. Chúng ta niệm Phật cũng đi con đường này, bảo quý vị lão thật niệm Phật chính là trì giới, một câu danh hiệu Phật niệm cho đến cùng. Học kinh hay không cũng chẳng sao, đợi khi quý vị khai ngộ thì tự nhiên quý vị sẽ thông hiểu hết. Chúng ta ngày nay không phải dùng niệm Phật để tu định huệ, mà chúng ta dùng đọc tụng để tu định huệ. Cũng được, cùng một đạo lý. Quý vị đem ý niệm tập trung ở điểm này, đức Phật dạy, trong Kinh Di Giáo nói: “chế tâm nhất xứ, vô sự bất biến”, quý vị phải tập trung tâm ở một điểm. Tâm là trí huệ, tâm là ánh sáng. Ánh sáng không có thể chiếu khắp mười phương, chiếu mười phương đó là khởi tác dụng. Như ánh mặt trời chiếu khắp mười phương, cách một tờ giấy nó không xuyên qua được. Nếu như ánh

sáng này tập trung lại một điểm, biến thành tia laze thì bảng thép cũng xuyên qua được, rất lợi hại. Nó tập trung lại một điểm đấy, cho nên nói “chế tâm nhất xứ, vô sự bất biện” là vậy. Phật Bồ Tát chư vị tổ sư dạy cho chúng ta, đem năng lượng của tâm tập trung ở một điểm, tập trung ở một điểm quý vị được định, quý vị khai trí tuệ. Sau khi khai trí huệ, thì vừa tiếp xúc liền thông đạt, liền hiểu rõ. Thật là tiết kiệm! Lúc tâm tập trung ở một chỗ, thế giới Cực Lạc là quê nhà, lúc nào trở về cũng được. Đó là thật không phải giả vậy. Nếu có người hỏi rằng tập trung tâm vào một chỗ, có thể trị được bệnh của chướng? Đương nhiên là được. Chúng tôi đọc nhiều kinh như vậy, chưa nghe ở thế giới Cực Lạc có một vị Bồ Tát nào bị bệnh, không có, không nghe nói. Nếu có đức Phật Thích Ca Mâu Ni nhất định sẽ nói ra Chẳng những không có, mà họ không cần ăn uống, không cần ngủ nghỉ, không có ngũ dục, tài sắc danh thực thùy đều không cần. Chúng ta cần phải xem xét một chút, người ở thế giới Cực Lạc không cần những thứ này, nếu chúng ta cần, cần tức là sai. Cần tức là không thể đến thế giới Cực Lạc, người ở thế giới Cực Lạc cần thì chúng ta cần, người ở thế giới Cực Lạc không cần thì chúng ta cũng không cần. Cùng một chí hướng, quý vị cần đến mọi người bên đó hoan nghênh chào đón quý vị. Thứ họ cần là giới định huệ, họ không cần tham sân si, thứ họ cần là vô ngã, không có thể có “ngã”, có “ngã” là sai rồi. Thật sự đạt được vô ngã, thì mới tìm được chân ngã. Chấp thân này là ngã, thì không thể tìm được chân ngã. Đây là giả, lấy giả làm chân, sai rồi. Có chân ngã, chân ngã là tự tánh, tự tánh thanh tịnh viên minh thể là chân ngã.

Cho nên câu nói này của Niệm Lão bảo chúng ta phải để ý. mấy câu này nói rất hay. Đức Phật nói cho chúng ta về cảnh giới của Thế giới Cực lạc, chẳng những giảng diệu tướng, mà còn nói diệu dụng. Nói pháp vi diệu an lập chúng sanh thành Phật chánh đạo, đây là lợi ích chân thật vậy. Cho nên biết ở đây là khai mở trí tuệ chân thật, đều là cảnh giới chân thật, vô vi pháp thân. Ba loại chân thật trong bộ kinh này đều nói đến. Lợi ích chân thật, trí huệ chân thật, cảnh giới chân thật. Cảnh giới chân thật là lí thể của tự tánh. Tướng của nó là trí huệ, là trí huệ chân thật, tác dụng của nó là lợi ích, lợi ích chân thật. Ba loại chân thật tổng kết lại là vô vi pháp thân, đây là chân ngã. Thật sự có thể làm được chủ tử, thật sự đạt được đại tự tại.

Hội Sớ nói rằng: phàm là cõi tịnh tây phương, lấy hoa sen làm Phật sự, cho nên cũng có tên là thế giới Liên Hoa Tạng. “Tiểu Bản” chính là kinh A Di Đà và ở Quán Kinh đã nói nhiều rồi. Đối với việc này đã nói nhiều. Bộ kinh này, Hội Sớ đều nương vào quyển Kinh Vô Lượng Thọ, dịch thời Ngụy chính là quyển của Khương Tăng Khải phiên dịch. “Hòikết cũng là y chánh trang nghiêm”, lấy cái này làm tổng kết. Y báo, chánh báo của thế giới Cực Lạc, vô lượng trang nghiêm, dùng hoa sen vậy. Chúng ta đừng bao giờ thấy hoa sen mà chấp tướng, vậy quý vị đã sai rồi. Quý vị cần phải hiểu ý nghĩa của hoa sen, hoa sen gọi là nhất trần bất nhiễm, từ bùn mà không nhiễm bùn. Thân ở trong nước mà nó cũng không nhiễm nước. Bùn lầy tượng trưng cho lục đạo, nước tượng trưng cho pháp giới tứ thánh, mười pháp giới đều không nhiễm, hoa sen nở ở trên mặt nước là tượng trưng cho ý nghĩa này. Chúng ta thường dùng Thuần tịnh thuần thiện để hình dung nó. Đó là cảnh giới của Phật, đây là chân thật, tuyệt đối là không phải giả. Chúng ta ở trên thế giới này, có cái thân này, không sao cả, đừng lo. Như hoa sen mọc lên từ bùn, quý vị chỉ cần không nhiễm là được rồi. Thực sự có thể bỏ bỏ, thì quý vị được đại tự tại. Sau khi buông bỏ tâm của quý vị thanh tịnh, thanh tịnh tức là thiên định, tâm thanh tịnh khởi tác dụng trí huệ. Trí huệ có thể giải quyết tất cả vấn đề, cái thân này của chúng ta, sống trên thế gian này nó cần ăn cơm, có thể giải quyết không? Đương nhiên có thể giải quyết. Người có công phu sâu, thì trí huệ, phước đức ở trong tự tánh hiện tiền. Người có nghiệp chướng nặng cũng không sợ, vì sao vậy? Vì đã hiểu rõ đạo lý rồi. Ba thứ người thế gian mong cần, từ đâu mà có? Người thế gian cầu tiền tài, ai cũng muốn phát tài, cầu thông minh trí tuệ, cầu sức khỏe trường thọ, đi khắp toàn thế giới tôi có hỏi người ta, người không cùng đất nước, người không cùng bộ tộc, người không cùng tôn giáo tín ngưỡng, tôi hỏi họ có cần ba thứ này hay không? Chẳng thấy ai nói là không cần, mọi người đều thích. Cầu ở đâu? Đức Phật nói cho chúng ta biết, bố thí tài được tiền tài, bố thí pháp được thông minh trí huệ, bố thí vô úy được mạnh khỏe sống lâu, quý vị có tin hay không? Quý vị tin thì làm đi chắc chắn đạt được, mà còn càng thí càng nhiều, cả ba đều tăng trưởng, thực sự được đại tự tại. Thật sự là dùng không hết, lấy không tận. Đây là gì? Khi chưa kiến tánh đức Phật dạy cho chúng ta, sau khi thấy kiến tánh thì không cần cái này nữa. Giống như thế giới tây phương Cực Lạc

hoàn toàn là tự tánh, tự tánh thành tự, chắc chắn không khởi tâm động niệm. Người ở thế giới cực lạc, phàm là vãng sanh được Phật lực gia trì, ở thế giới cực lạc không cần thời gian quá dài, tất cả đều giác ngộ, tất cả đều kiến tánh. Nói cách khác, nghiệp chướng đều được tiêu trừ. Trong các phẩm cũng hiển bày nhiều, nhưng nên hiểu rõ: Thế của Cực Lạc là pháp giới sự sự vô ngại không thể nghĩ bàn, hoàn toàn tương đồng với kinh Hoa Nghiêm. Lý sự vô ngại có trong kinh Đại Thừa, nhưng sự sự vô ngại thì chỉ có ở Hoa Nghiêm, chỉ có thế giới Cực Lạc. Cõi Thật Báo Trang Nghiêm của Như Lai, thêm bốn nguyện công đức của đức Phật A Di Đà thành tự, như 29 loại thành tự trong Luận Vãng Sanh nói, ở trước chúng ta đã học qua, cảnh giới không thể nghĩ bàn, sanh về thế giới Cực Lạc thì quý vị hoàn toàn hiểu rõ.

Chúng ta xem tiếp phẩm sau: **Quyết Chứng Cực Quả Đệ Nhị Thập Nhị**. Phẩm này đức kết trang nghiêm thanh tịnh, cảnh trí minh hợp của thế giới Cực Lạc. Cảnh là cảnh giới của thế giới Cực Lạc. Môi trường: môi trường nhân sự, môi trường vật chất. Trí là trí huệ bát nhã đầy đủ của tự tánh. Trí là năng chứng, cảnh là sở chứng. Minh hợp có nghĩa là chứng. Trí huệ và cảnh giới dung hòa thành một thể, “nhân quả như như”. Nhân quả là một không phải hai, nhân nào quả đấy, quả nào nhân đấy. Các vị vãng sanh bên trong không thủ xả, phân biệt. Đây đều mà hiện nay chúng ta cần học tập. Khó khăn lớn nhất của chúng ta chính là còn thủ xả còn phân biệt. Thủ xả là chấp trước, đây là việc hết sức rắc rối, cửa thứ nhất không dễ dàng đột phá. Sau khi đột phá rồi thì trên con đường Bồ Đề thực sự là thuận buồm xuôi gió. Vì sao có chấp trước? Vì chấp trước có cái ta. Học tập Phật pháp trước tiên là phá ngã chấp. Chẳng những Đại Thừa, mà Tiểu Thừa Tu Đà Hoàn đã phá Ngã chấp. Cho nên quý vị muốn xem người tu hành, xem công phu của họ, đừng nhìn cái khác, cái khác không tin được, một ngày tụng bao nhiêu bộ kinh, lạy được bao nhiêu lạy, tụng bao nhiêu danh hiệu Phật, hoặc là ngồi bao nhiêu cây hương đều như nhau. Hỏi họ điều gì? Hỏi xem họ còn chấp trước hay không thân này là của ta chẳng. Còn có ý niệm tự tư tự lợi hay không. Chỉ cần có ý niệm tự tư tự lợi, còn chấp trước thân này là ta, thì họ là phàm phu, là một phàm phu chính cống. Họ dụng công tu hành như thế nào, cũng không có thể vượt qua luân hồi lục đạo, nhưng họ tu phước. Tu hành để được phước báo trời

người, không ra khỏi tam giới. Ra khỏi Tam Giới nhất định cần phải buông bỏ chấp Ngã. Thật sự không còn ý niệm tự tư tự lợi. Quý vị thấy điều kiện của Tu Đà Hoàn, và trong Đại Thừa Hoa Nghiêm kinh nói về Thập Tín Bồ Tát, điều kiện quả vị sơ tín và điều kiện của Tu đà hoàn là tương đồng. Đoạn năm loại kiến hoặc. Thứ nhất là Thân Kiến, họ không còn cho rằng thân là của ta. Vậy Thân là gì? Thân là thuộc về cái ta có, chứ nó không phải ta, là cái ta có, giống áo quần vậy, áo quần không phải là ta, nó là cái ta có. Thân này không phải ta, nó là cái ta có. Vậy cái gì là ta? Trong luân hồi lục đạo thông thường chúng sanh nói linh hồn. Linh hồn bất diệt, thân có sanh tử, linh hồn không có sanh tử. Trong quyển sách này có viết, rất nhiều người đã xem qua: “Khải Tát Quân Đoàn Đông Chính Trung Quốc Chi Mê”. Hai ngàn một trăm năm trước, Khải Tát đại đế phái quân đoàn này xâm lược Trung Quốc. Ông ta không có phước báo, toàn bộ quân đoàn chết ở Trung Quốc. Nhưng những linh hồn này, đây là quân binh linh hồn chứ không phải người sống, đến bây giờ vẫn rất sinh động, hai ngàn một trăm năm rồi. Tướng quân này là con trai thứ ba của Khải Tát, tam vương tử. Linh hồn này dựa thể, nói ra câu chuyện này. Quý vị xem Cao Tiên sinh viết thành một quyển sách, đây là thật không phải giả. Cao tiên sinh này là trưởng khoa Thống Chiến bộ, huyện Vĩnh Xương. Ông ta vốn không tin câu chuyện này, tò mò đi điều tra, càng điều tra càng cảm thấy không thể nghĩ bàn, không phải giả, con người không thể bịa ra câu chuyện này, cũng không thể diễn kịch được. Cho nên về sau ông quyết định đem nó viết ra.

Ở nước ngoài có chuyện dựa thể hay không? Tôi hỏi người ngoại quốc họ nói có, Trung Quốc có, nước ngoài cũng có. Phổ biến nhất của nước ngoài là thuật thôi miên. Thôi miên nghĩa là có thể khiến một con người, lúc đang bị thôi miên nói ra đời quá khứ của họ, đời quá khứ trước nữa, đời đời kiếp kiếp họ đều có thể nói ra hết. Vậy nên thân này không phải của ta rồi, không nên chấp trước thân là của ta, thì quý vị sẽ không tạo nghiệp, tạo nghiệp đều là vì cái ta giả này. Sai lầm, sai lầm lớn đấy. Cho nên nói linh hồn là ta, đây là người thể tục nói, Phật pháp cũng chẳng thể nói không thừa nhận, cũng không thể cho là đúng. Vì sao vậy? Vì linh hồn không ra khỏi luân hồi lục đạo. Thực tế mà nói, nó không linh, nó mê. Trong Di Kinh Hệ Từ Truyện Khổng Tử nói rất hay, Khổng Tử không gọi là linh hồn,

gọi là du hồn. Ông nói: “du hồn vi biến, tinh khí vi vật”. Gọi là du hồn rất thích hợp, vì sao vậy? Vì sức hoạt động của nó rất lớn, nó không phải yên lặng, mà nó là động, tốc độ chuyển động rất nhanh. Du hồn, phạm vi của nó là cả lục đạo, phạm vi này quá lớn. Trong Phật pháp nói cái gì là ta? Linh tánh là ta, chứ không phải linh hồn, là linh tánh. Tự tánh là chính mình, minh tâm kiến tánh, tìm lại chân ngã. Kiến tánh nghĩa là thật sự tìm được lại chân ngã. Ngã này có thể làm chủ tể, ngã này được đại tự tại. Cho nên chân ngã, chứ chẳng phải không có ngã. Chúng ta bây giờ sai lầm, xem cái thân giả này là ta. Tất cả vì thân này mà tạo vô lượng vô biên nghiệp. Sai rồi! Cho nên đầu tiên phải nhìn thấu điều này.

Thứ hai là biên kiến. Biên kiến ngày nay gọi là tương đối, đối lập. Không đối lập với hết thảy chúng sanh, không đối lập với hết thảy sự, không đối lập với hết thảy vạn vật. Vì sao vậy? Vì là một Thể. Biết được biến pháp giới hư không giới cùng với mình là một thể, một thể thì không tìm ra đối lập.

Thứ ba giới thủ kiến. Thứ tư là kiến thủ kiến, hợp lại, người Trung Quốc gọi là thành kiến. Người nào đó thành kiến rất sâu. Đây là sai lầm. Chư Phật Bồ Tát không có thành kiến, cho nên hết thảy những kinh điển của Chư Phật thuyết, nói cho các vị biết, các ngài không có ý. Nếu quý vị hỏi Phật có ý gì, phàm phu có ý, Phật không có. Những điều Phật nói ra không có ý, cho nên trong nó chứa vô lượng nghĩa. Chúng ta có ý, chính là một ý, không thể biến thành hai ý. Không có ý thì nó có vô lượng nghĩa. Kinh điển thực sự là như vậy, nó có thể sâu có thể cạn, có thể lớn có thể nhỏ. Một bộ kinh giảng một năm cũng không hết. Trong Phật pháp nói vô lượng kiếp cũng không nói hết. Đây đều là lời chân thật, đức Phật không lừa người. Chẳng những một bộ kinh, một câu, một chữ, giảng vô lượng kiếp cũng không giảng hết. Vì sao vậy? Vì nó từ tự tánh lưu xuất ra. Tự Tánh “kỳ đại vô ngoại, kỳ tiểu vô nội”. Thật sự chúng ta từ chỗ nhỏ nhất để nói, chứa đựng bên trong nó là cả vũ trụ. Trong kinh Phật có hai câu nói, mọi người đều rất quen thuộc là: “hạt cải chứa núi Tu Di”. Hạt rau cải, hạt rau cải rất nhỏ giống như hạt mè thôi, có thể đem núi Tu Di để vào bên trong, hạt rau cải không có phóng lớn, núi Tu Di không có thu nhỏ, nó có thể để vào được. Điều này thật không thể nghĩ bàn, đây gọi là lớn nhỏ không hai, không hai cho nên nó có thể để vào bên trong.

Ở trước chúng ta đã học qua, đức Phật dạy, một chấm nhỏ trên sợi lông. Mao là lông tơ, đầu sợi lông tơ. Trần là cực vi chi vi, vi điểm thì càng nhỏ. Có lẽ giống như nhà lượng tử học ngày nay học phát hiện ra gọi là tiểu quang tử. Một vật nhỏ như vậy, bên trong nó có tin tức của biến pháp giới hư không giới, đầy đủ không hề khiếm khuyết. Quý vị nói về cái đó nói vô lượng kiếp cũng không hết, chính là một điểm như vậy, mắt thịt không thể nhìn thấy. Chúng ta nói “kỳ tiểu vô nội”, nó có phải là vật nhỏ nhất hay không? Không phải. Phổ Hiền Bồ Tát có thể vào cảnh giới này, trong cảnh giới này còn có vi điểm, trong vi điểm nhỏ còn có thể giới, trong thế giới còn có vi điểm, trong vi điểm còn có thể giới, trùng trùng vô tận, các nhà khoa học chưa phát hiện. Các nhà khoa học hiện nay chỉ phát hiện được vi điểm này, chưa phát hiện trong vi điểm có thông tin biến pháp giới hư không pháp giới, chưa phát hiện. Phổ Hiền Bồ Tát ngài có thể đi vào, trong đó có thể giới có mười phương chư Phật Như Lai, Ngài đi lễ Phật, đi nghe pháp, đi tham học. Đây là vi diệu của tự tánh, không thể nghĩ bàn của tự tánh. Sau đó chúng ta sẽ hiểu rõ, vì sao những chư Phật Bồ Tát này phải Minh Tâm Kiến Tánh. Những thứ Minh Tâm Kiến Tánh đạt được quý vị không cách gì tưởng tượng nổi. Chúng ta có thể dùng một câu nói để hình dung nó, những thứ quý vị đạt được là đại viên mãn, cứu cánh viên mãn, viên mãn triệt để. Quý vị không cứu cánh, quý vị chưa có kiến tánh, thứ mà quý vị đạt được là có hạn, rất là có hạn, chỉ giới hạn trên một điểm. Hiểu rõ chân tướng sự thật này, chúng ta mới giác ngộ được, con người không thể không kiến tánh. Nếu quý vị không kiến tánh thì quá sai, thật sự sai lầm. Kiến tánh thì không thể lưu luyến cái thân thể này, không thể lưu luyến hạn hẹp trong một chỗ này. Đây là nhà của tôi, sai rồi. Cái gì là nhà của quý vị? Biến pháp giới hư không giới là nhà của quý vị. Chúng ta xem mấy gian phòng này là nhà của chính mình, quý vị nghĩ xem có đáng thương không! Biến pháp giới hư không giới là chính mình, là thân của ta, là nhà của ta, là tất cả những gì ta có. Khi đó lòng từ bi trong tự tánh mới hiển lộ. Vì sao vậy? Vì quý vị sẽ thương hết thấy chúng sanh. Tự nhiên giúp đỡ hết thấy chúng sanh quay về tự tánh. Trở về tự tánh nghĩa là gì? Là phục hồi sức khỏe của họ. Giống như thân của chúng ta, tế bào này có vi trùng, chúng ta nhất định phải suy nghĩ phương pháp chữa lành nó, phục hồi sức khỏe. Chúng sanh luân hồi trong lục

đạo, chính là một bộ phận trong cơ thể của chúng ta không mạnh khỏe. Vì sao nhiệt tâm đi giúp đỡ họ phục hồi sức khỏe như vậy? Vì chính mình, chứ không phải vì người khác. Nếu là người khác có thể bỏ mặc họ, nhưng không phải là người khác, mà là chính mình. Chúng tôi thường nói, lời nói này vẫn chưa thể xác đáng: “một sinh mạng thể cộng đồng”, vẫn có một cộng đồng. Nếu nói cho thật xác đáng thì là một thể của hết thảy sanh mạng. Đó là thật chứ không phải giả. Y báo chánh báo là một không phải hai, vĩnh viễn không thể phân khai. Cho nên không phân biệt rất quan trọng, cần phải luyện tập trong sinh hoạt hàng ngày, không nên có tâm phân biệt, không nên có tâm chấp trước, thanh tịnh bình đẳng của quý vị sẽ hiện tiền. Trong thanh tịnh bình đẳng có vui, “cố duy thọ tối thượng khoái lạc”, không nhập vào cảnh giới này thì quý vị không biết. Trong kinh Phật thường hình dung thiền duyệt. Duyệt là thích thú, là vui, niềm vui ở trong thiền định đó là hỷ duyệt. Cái vui của cõi trời cõi người đều không thể sánh bằng. Trong kinh Phật nói pháp như vậy, người thường không tin tưởng, vì sao vậy? Vì họ chưa từng thấy, họ chưa nếm được, cho nên họ không tin tưởng.

Hôm qua thầy Hồ Tiểu Lâm báo cáo với quý vị, về mười cách niệm của Ấn Quang đại sư, đọc rất rõ ràng, nghe rất rõ ràng, ghi rất rõ ràng. Quý vị thực sự làm được rồi thì ở đây có pháp hỷ. Niềm vui đó, sự hỷ duyệt đó, cũng không phải người thường có thể tưởng tượng được, tưởng tượng không ra. Chỉ có chính quý vị tự làm mới biết được. Đó cũng là thuộc về thiền duyệt, công phu cạn. Sâu thêm thì vào nhất tâm bất loạn rồi, đây là gần kề nhất tâm bất loạn, gần kề mà quý vị cũng nếm được, niềm vui sâu bên trong thì quý vị tin tưởng thôi. Cho nên pháp hỷ sung mãn, thường sinh hoan hỷ tâm, đó là thật chứ không phải hình dung từ, đó chính là thiền duyệt. Thiền duyệt là tên gọi tổng quát. Người học Phật ai là người không có thiền duyệt? Mỗi người đều có, tám vạn bốn ngàn pháp môn, tám vạn bốn ngàn phương pháp không giống nhau, con đường không giống nhau. Tu cái gì? Tất cả là tu thiền. Cho nên trong kinh Đại Tập đức Thế Tôn dạy chúng ta, niệm Phật là gì? Là vô thượng thâm diệu thiên. Chúng ta bình tâm suy nghĩ về câu nói này của đức Thế Tôn, nói đúng hay không? Pháp môn piem Phật là vô thượng thâm diệu thiên, nó là thật. Đáng tiếc rằng, tiếc rằng người thời nay không biết niệm, nghĩa là niệm Phật mà không thể nhiếp tâm. Thiền là nhiếp tâm, bất luận

pháp môn gì chỉ cần nhiếp tâm thì đó chính là thiền. Niệm Phật nếu nhiếp được tâm, sao nó không phải là thiền? Đọc kinh nếu nhiếp được tâm, thì đọc kinh là thiền, số tức nhiếp được tâm, số tức là Thiền. Thiền nghĩa là nhiếp được tâm. Quý Vị thấy Đại Thế Chí Bồ Tát nói rất hay: “đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục”, có thể nói nó không phải là Thiền chăng? Vô thượng thâm diệu thiền, không phải đức Phật tùy tiện nói ra, là thật không phải giả. Thiền duyệt có thể trị tất cả bệnh, bệnh là do tế bào của chúng ta nhiễm vi trùng. Thiền định có thể khiến những vi trùng này phục hồi trở lại trạng thái khỏe mạnh. Thiền có thể trị bệnh, đây là từ trên cơ bản mà nói, dùng tâm niệm để điều chỉnh, gọi là chế tâm nhất xứ, dùng tâm niệm để điều chỉnh. Chẳng những điều chỉnh thân tâm của quý vị mà có thể điều chỉnh vũ trụ, thậm chí cả tinh cầu đang vận hành trong hư không, tinh hệ đang vận hành ở trong hư không, quý vị đều có thể khống chế nó, đều có thể điều chỉnh nó. Có năng lực lớn như vậy, “chế tâm nhất xứ, vô sự bất biện”, đây là lời Phật nói không phải giả dối.

Duy hưởng thọ niềm vui tối thượng, trụ chánh định tụ, quyết chứng cực quả. Câu này nói rất khẳng định. Quý Vị quyết định chứng được cực quả, chính là quả vị cứu cánh diệu giác, đích thì là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, không còn hơn nữa. Trong kinh Hoa Nghiêm nói quả vị Diệu Giác.

“Di Đà bốn nguyện cứu cánh viên mãn”. Tâm nguyện của đức Phật A Di Đà, là hi vọng biến pháp giới hư không giới, hết thảy chúng sanh đều chứng đắc Phật quả diệu giác. 48 lời nguyện của Ngài là trợ duyên cho hết thảy chúng sanh, giúp đỡ quý vị. Chỉ cần quý vị chân chánh phát tâm, một phương hướng, một mục tiêu, chắc chắn quý vị thành tựu. Đây là đại ý của phẩm này.

Chúng ta xem kinh văn: “Lại nữa A Nan, cõi Phật này, không có tối tăm ánh lửa, hiện tượng nhật nguyệt chiếu đêm ngày, cũng không cái gọi tháng ngày kiếp số, lại không ở trong nhà mà ở mọi nơi, cũng không có tên gọi cũng không thủ xả phân biệt, chỉ thọ thanh tịnh niềm vui tối thượng”

Thế giới Cực Lạc cái gì cũng không có, niềm vui tối thượng. Nói cho các vị được rõ, cái gì cũng không có tức là cái gì cũng không thiếu. Cái gì quý vị cũng có, nhưng vẫn còn khiếm khuyết, cái gì cũng không có thì quý vị được đại viên mãn, không thiếu gì cả. Tùy tâm mong muốn, tâm đó không phải tâm này của chúng ta,

tâm của chúng ta còn ý niệm, họ là chân tâm không có ý niệm. Không có ý niệm tự nhiên thành tựu, có ý niệm thành tựu là từ ý niệm của mình sanh ra. Ý niệm sanh ta là có thức, chính là thức biến, không thuần khiết, mùi vị đã thay đổi. Không có vọng tưởng phân biệt chấp trước, những thứ quý vị nhận được là thuần khiết, tự tánh hiện ra. Tự tánh làm sao hiện ra? Tánh đức hiện ra. Giống như thế giới Cực Lạc, chúng ta đã rõ, là đức Di Đà khi còn ở nhân địa phát lời thệ nguyện, năm kiếp tu hành, là hạnh nguyện tự nhiên hiện ra, thực sự không có khởi tâm động niệm, khởi tâm động niệm đã là không có đương nhiên không có phân biệt chấp trước, cho nên đây là tự nhiên vậy. Cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai, hiện tượng đó là hiện tượng tự nhiên. Trong mười pháp giới mới có ba loại hiện tượng: hiện tượng tự nhiên, hiện tượng tinh thần, hiện tượng vật chất. Trong nhất chân pháp giới, nghĩa là trong cõi thật báo trang nghiêm của chư Phật, hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần đều là tự nhiên, vì họ không có khởi tâm động niệm, không có khởi tâm động niệm, những thứ hưởng thụ được đó chính là thanh tịnh chính là niềm vui tối thượng, không thiếu điều gì.

Chúng ta xem chú giải của Niệm Lão, bên phải phía trước của đoạn kinh này: “đầu tiên rõ cảnh tướng không phân biệt”. Cảnh là cảnh giới, tướng là hiện tượng, cảnh giới hiện tượng không phân biệt. “Thứ đến rõ tâm niệm không phân biệt”. Hoàn toàn thuộc về hiện tượng tự nhiên, vậy loại hiện tượng tự nhiên này, khoa học có thể đạt đến được hay không? Nói cho các vị biết, không đạt được. Vì sao vậy? Vì trong khoa học có tâm niệm, không lìa tâm niệm. Đây là cảnh giới lìa tâm niệm, nên khoa học không đạt được. Cho nên thức thứ sáu là tâm niệm, thức thứ bảy là chấp trước, thức thứ sáu là phân biệt. Chúng ta dùng tâm phân biệt chấp trước thì không đạt đến cảnh giới này. Buông bỏ phân biệt chấp trước, có thể đạt đến pháp giới Phật trong mười pháp giới, vẫn chưa đạt đến cảnh giới này. Cảnh giới này cần phải lên thêm một bậc nữa, không khởi tâm không động niệm thì đạt được. Quý vị thấy được cảnh giới này, ngay trước mắt. trong Đại Thừa kinh Phật chỉ cho chúng ta, khởi tâm động niệm đoạn trừ rồi, đây là vô minh, vô minh phá được rồi, nhưng quý vị còn tập khí vô minh, tập khí vô minh hiện bày cõi thật báo trang nghiêm của chư Phật Bồ Tát. Đây là tập khí hiện bày, không

phải vô minh hiển bày, điều này vô cùng tinh tế. Nếu tập khí vô minh đoạn trừ rồi thì sao? Đoạn trừ rồi thì cõi thật báo không còn nữa. Cho nên nói: “phàm sở hữu tướng giai hữu hư vọng”, cõi thật báo trang nghiêm cũng không ngoại lệ. Đó chính là nói Đẳng Giác Bồ Tát hướng đến quả vị Diệu Giác, cõi thật báo của thế giới Cực Lạc không còn nữa. Họ đi đâu? Họ đi về Thường Tịch Quang. Thường Tịch Quang không có tướng, chính là trở về cái thể của tự tánh thanh tịnh viên minh. Họ trở về nơi đó rồi, nơi đó cái gì cũng không có, tuy cái gì cũng không có, nhưng chính là năm câu nói của Huệ Năng đại sư nói, ở trong cảnh giới đó, vốn tự thanh tịnh, vốn không sanh diệt, vốn tự đầy đủ, vốn không dao động. Miêu tả hiện tượng đó, hiện tượng Thường Tịch Quang. Đây là cõi Thường Tịch Quang, chính là thể của tự tánh thanh tịnh viên minh, trở về nơi đó rồi. Gặp được duyên, thì năng sanh vạn pháp. Duyên là gì? Là một niệm bất giác, đó là duyên. Một niệm bất giác rất khó hiểu, một niệm bất giác không có nguyên nhân, một niệm bất giác không có bắt đầu, cho nên gọi là vô thủ vô minh. Vô thủ tức là không có nơi bắt đầu, điều này thật khó hiểu! Chúng ta nói về nhân quả, nó không có nhân. Cho nên một niệm gọi là vọng động, không phải là thật, nó là vọng động. Có một niệm bất giác này, nên từ trong tự tánh biến ra a lại da. Một niệm bất giác mà có vô minh, vô minh thì chính là A Lại Da. Trong A Lại Da có ba tướng, ba cái tướng này các nhà khoa học phát hiện rồi. Thật là quá giỏi. Nghiệp tướng của A Lại Da chính là năng lượng của các nhà khoa học nói, tin tức của các nhà khoa học nói chính là chuyên tướng, kiến phần. Thứ ba chính là vật chất, vật chất là cảnh giới tướng của A Lại Da – tướng phần. Quý vị xem, năng lượng chính là tự chứng phần. Kiến phần là tin tức, ba tướng nhỏ A Lại Da, các nhà khoa học hiện nay đã đạt đến cảnh giới này. Trong kinh Phật Ngài đã nói rồi. Dùng thức thứ sáu, thức thứ sáu có năng lực phan duyên rất lớn, đối nội có thể duyên đến A Lại Da, đối ngoại có thể duyên đến hư không pháp giới. Ngày nay các nhà khoa học vật lý vĩ mô, cho chúng ta biết, dùng máy móc tinh vi quan sát vũ trụ, tìm biên giới của vũ trụ. Kết luận họ phát hiện vũ trụ, là thấy được 10% của vũ trụ, còn có 90% không thấy được. Hiện tượng vũ trụ ngày nay đang giãn ra, giãn đến bên đó không thấy được, không còn nữa. Chúng ta nghe họ nói vậy thì chúng ta hiểu được rồi, nó đi đâu vậy? Trở về Thường Tịch Quang rồi, trở về Thường Tịch

Quang thì các nhà khoa học chẳng có cách nào khác, vì trong Thường Tịch Quang không phải là ba loại hiện tượng này, nên quý vị không duyên đến nó. Trong Thường Tịch quang không có hiện tượng vật chất, không có hiện tượng tinh thần, nghĩa là hiện tượng tin tức không có, không có hiện tượng tự nhiên, đều không có, cho nên quý vị không duyên đến nó. Nhưng nó khởi tác dụng, nó năng sanh vạn pháp, nó có thể khởi tác dụng. Năng sanh vạn pháp, pháp này từ đâu đến? Các nhà khoa học nói rất hay “trong không sanh có”. Hiện tượng tinh thần là trong không sanh có, hiện tượng vật chất là tinh thần sanh ra. Trong kinh Phật đã dạy, giới khoa học đạt đến chỗ này thôi, không tiến thêm được nữa. Số học đối với nó mất đi hiệu dụng, những máy móc hiện đại này đối với nó cũng không có tác dụng. Sau cùng đức Phật đã dạy “chỉ có chúng mới biết được”. Quý vị buông bỏ khởi tâm động niệm, thì quý vị sẽ hiểu rõ, sẽ thấy được. Cái này không cần số lí, không cần máy móc khoa học, buông bỏ thì thấy được. Người buông bỏ được rất nhiều, so với người trên trái đất của chúng ta không biết nhiều gấp bao nhiêu lần. Đây là gì? Đây là chứng minh cho chúng ta, đây không phải giả. Phàm là Đẳng Giác hướng lên chứng được quả vị Diệu Giác, họ buông bỏ triệt để, thì họ thấy được Thường Tịch Quang, thấy tự tánh. Cho nên chúng ta khởi tâm động niệm, cầu Phật Bồ Tát gia trì, cầu Phật Bồ Tát giúp đỡ, chúng ta có ý niệm này. Phật ở trong Thường Tịch Quang không có hiện tượng gì hết. Ngài khởi cảm ứng hay không? Khởi. Tin tức của chúng ta ngài có thể nhận được, tuy ngài không có gì hết, đó chính là linh tánh, linh tánh cái gì cũng cũng không phải, ngay hiện tượng tự nhiên cũng cũng không phải, nhưng nó khởi tác dụng. Nếu nó nhận được ý niệm của chúng ta, nó liền phản xạ. Giống như chúng ta đánh chuông đánh trống, đánh mạnh thì tiếng lớn, đánh nhẹ thì tiếng nhỏ, nó thực sự không khởi tâm động niệm, phản ứng tự nhiên. Cho nên chư Phật Như Lai trong Thường Tịch Quang có duyên với chúng ta, thì tự nhiên phản ứng. Khoa học và triết học đều không đạt đến trình độ này, thấp hơn trình độ này một bậc các nhà khoa học đã phát hiện.

Hai đoạn lớn trong phẩm kinh này, trước là nói về cảnh tượng không phân biệt, đoạn sau nói về tâm niệm không phân biệt. Chúng ta xem chú giải: “vô hữu hôn ám”. Bầu trời hiện nay của chúng ta thường có tối tăm, có mây rất dày che kín

mặt trời, trời râm không thấy được ánh mặt trời. Thế giới Cực Lạc tuyệt đối không có hiện tượng này. Thế giới cực lạc không có ánh lửa, thế giới cực lạc không có nhật nguyệt, cũng không có vì sao, không có hiện tượng ngày đêm, nó là thế giới ánh sáng, chúng ta đã thấy được, phía trước học đến đoạn trên thân mỗi người đều phóng quang. Cho nên Phật quang càng không thể nghĩ bàn, bên trong Phật quang có Phật, hóa Phật, hóa Phật lại phóng quang, trùng trùng vô tận. Điều này tượng trưng cho Phật phổ độ chúng sanh có duyên ở mười pháp giới. Cho nên hết thảy vạn vật đều là từ châu báu hợp thành, châu báu phát quang. Ánh sáng này từ đâu mà có? Ánh sáng trí tuệ bát nhã vốn có ở trong tự tánh, cho nên thể của thế giới Cực Lạc chính là trí tuệ, chính là ánh sáng, thế giới ánh sáng.

“Dựa vào năm bản dịch gốc”, chỉ cho đoạn kinh trên. *Hai đời Hán Ngô dịch là cực lạc nhật nguyệt xứ không*. Nói đến nhật nguyệt ở trong không trung, không trung có nhật nguyệt. Bản dịch của Khương Tăng Khải, chính là quyển “Ngụy dịch”, *“không có nói”* ông không nói. Còn *“Đường dịch và Tống Dịch”*, hai quyển này, *“đều trực ngôn không có nhật nguyệt”*. Trong năm quyển sách này, thì ba quyển không nói nhật nguyệt, cho nên ở đây khi tập hợp lại cũng là không có nhật nguyệt, năm quyển sách, lấy số nhiều.

Di Đà Sớ Sao nói rằng: nếu gộp lại một, đem năm quyển sách này hợp lại mà xem, phải là “nhật nguyệt tuy tồn”, trong không trung có tinh cầu hay không? Có. Mặt trời là hỏa cầu, mặt trăng là hành tinh, tự mình không phát quang, là phản xạ quang. Thế giới cực lạc, trong không trung chắc là có những tinh cầu này. *“Lấy ánh sáng thấp thoáng của Phật và Thánh chúng”*. Phật có ánh sáng, Bồ Tát có ánh sáng, cây báu ở thế giới cực lạc có ánh sáng, đại địa ở thế giới cực lạc phóng quang, những ánh sáng này có thể làm lu mờ ánh sáng của nhật nguyệt. Giống chúng ta ở dưới mặt trời thấp một ngọn nến, không thấy được ánh sáng của ngọn nến. Cũng như vậy, ánh sáng của thế giới cực lạc vốn có, che lấp ánh sáng mặt trời. “Dữ vô đồng”, có nhật nguyệt cũng như không có nhật nguyệt, đây là Liên Trì đại sư nói vậy.

“Nhi dĩ lí quy chi”, chúng ta dùng đạo lí này để nói, để đo lường nó. Quy là có nghĩa là đo lường, cái không làm có. *“Vì sao vậy? Đạo Lợi trở lên không dùng nhật nguyệt làm sánh sáng, hướng hồ cực lạc”*. Đây là lí luận có căn cứ, vẫn lấy

không có nhật nguyệt làm chánh thuyết. Vì thế giới của chúng ta, trời Tứ Thiên Vương có nhật nguyệt, trời Đao Lợi Thiên có nhật nguyệt, lên cao nữa, trời Dạ Ma thì không cần nữa, trên trời Đao Lợi, đến trời Dạ Ma thì không cần nữa. Cõi dục giới này, trên dục giới còn có, tầng lớp lớn, bốn tầng. Đâu Suất thiên, Hóa Lạc thiên, Tha Hóa Tự Tại thiên, Con người ở cõi dục giới tu đại phước báo, sanh lên những nơi này. Những nơi này đều không cần nhật nguyệt, hưởng hồ là cực lạc.

Căn cứ vào ý của Liên Trì đại sư, trên lý mà nói, thì lấy không có nhật nguyệt làm chánh tông. Đến nay văn kinh lấy bản dịch Đường Tông, nói thẳng là không có nhật nguyệt, với Liên Trì đại sư cùng một tông chỉ. Vì Đao Lợi Thiên trở lên các Trời đều không dựa vào nhật nguyệt, hưởng hồ là thế giới cực lạc vậy? Đây là rất có chứng cứ.

Lại Hán Dịch nói rằng: vô lượng thanh tịnh Phật. Chính là đức Phật A Di Đà, A Di Đà Phật cũng gọi là vô lượng thanh tịnh Phật. Trong kinh này cũng có gọi là thanh tịnh bình đẳng Giác. Thanh tịnh bình đẳng giác chính là A Di Đà Phật. Ánh sáng trên đỉnh đầu Phật A Di Đà rất sáng, khiến cho mặt trời, mặt trăng và sao trong hư không đứng im, không còn vận hành trở lại, không có ánh sáng nữa, ánh sáng của nó đều bị che mát không hiện được. Đây là một đoạn kinh trong quyển Hán dịch, cũng có thể dùng nó để làm minh chứng. Minh chứng những lời của Liên Trì đại sư nói là chính xác. Phật đỉnh phóng quang, ánh sáng này chiếu khắp pháp giới, đương nhiên thế giới Cực Lạc cũng là một tinh cầu, xung quanh nó chắc là có rất nhiều tinh cầu, nhưng đều không hiện ra ánh sáng. Như ban ngày và ban đêm chúng ta nhìn vào không trung không thấy khác nhau. Vì sao vậy? Vì ở dưới ánh mặt trời, ánh sáng mặt trời quá mạnh, cho nên các vì sao đều không thấy được. Ở thế giới Cực Lạc trên đỉnh đầu Phật A Di Đà, ánh sáng của Phật đỉnh, đủ để che lấp hết thấy ánh sáng của tinh cầu, ánh sáng này rất sáng. Cho nên nhật nguyệt tinh của thế giới đó nằm ở trong hư không, quý vị thấy giống nó như đang đứng yên ở trong hư không vậy. Trên thực tế chúng ta biết nó đang xoay chuyển, nhưng quý vị không thấy được nó đang xoay chuyển, “cũng không còn vận hành”, giống như bất động ở trong hư không vậy, “cũng không có ánh sáng”. Hiện tượng này, giống như chúng ta ban ngày thấy những vì sao này trong

bầu trời. Nếu không dùng máy móc tinh vi để thăm dò, thì mắt thường của chúng ta không thấy được. “*Thử chánh phù Liên Sư sở hòa hội chi thuyết*”, tương ứng với những điều Liên Trì đại sư nói trong Hội Sớ. “*Ánh sáng nhật nguyệt cõi này ở trong ánh sáng thánh chúng, nhật nguyệt bị che lấp không hiện*”. Như kinh nói, bốn kinh này phía trước kinh này chúng ta học rồi. “*Nhật nguyệt hỏa cầu đều che lấp, lại như kinh này trong phẩm lễ Phật Hiện Quang nói: tất cả ánh sáng của Thanh Văn Bồ Tát đều lu mờ, duy chỉ thấy ánh sáng của Phật chiếu rọi*”. Bồ Tát có ánh sáng, A La Hán, Bích Chi Phật đều có ánh sáng, chư Thiên có ánh sáng, ánh sáng của Tứ Vương Thiên, Đạo Lợi Thiên tương đối yếu. Cao hơn nữa ánh sáng của họ có thể không cần nhật nguyệt. “*Ánh sáng của Bồ Tát đều bị che khuất, hướng hồ là nhật nguyệt tinh...*”. Bồ Tát nhất là đại Bồ Tát, thế giới cực lạc thì khỏi cần nói, đều làm A Duy Việt Chí Bồ tát, nói cách khác đều là đại Bồ Tát không có tiểu Bồ Tát. Hết thầy đều là pháp thân Bồ Tát minh tâm kiến tánh. Ánh sáng của họ, chúng ta trên thế giới này, đừng nói là trời Dục giới, trời Sắc giới cũng không thể so sánh được. “*Vậy nên cõi này, không có tối tăm, ánh lửa, nhật nguyệt, ánh sao hay đêm ngày, chỉ có thường minh không tối, không có ngày đêm*”. Ở thế giới cực lạc không có hiện tượng đêm tối, hiện tượng này không có. “*Cũng không có tên năm tháng kiếp số*”, đây nói về thời gian. Tuế là năm, năm tháng ngày thời khắc này ở thế giới cực lạc không có, hiện tượng này không có. Nương vào cõi này mà nói, y vào thế giới này của chúng ta mà nói, cho nên nó có đêm ngày năm tháng với kiếp số, vì trái đất, nguyệt nhật tinh vân... đều đang vận hành, tự chuyển và công chuyển. Như vậy sản sinh, đêm ngày một tháng một năm một kiếp..., năm tháng thì trôi qua. Hiện tượng này được sinh ra như vậy, nó không có thật, cho nên Thiên Thân bồ tát đem thời gian không gian, ở trong “*Bách Pháp Minh Môn*”, hai loại này đều liệt ở trong bất tương ưng hành pháp. Bất tương ưng hành pháp có 24 loại, thời gian không gian là hai loại ở trong này, bất tương ưng hành pháp, dùng cách nói ngày này thì chính là khái niệm trừu tượng không có sự thật, chỉ là cái khái niệm trừu tượng mà thôi nó không có thật. Thời gian không có thật, không gian cũng không có thật. Nếu quý vị tu định, quý vị đạt được thiền định, thông thường nói quý vị đạt được Tam Muội, thì thời gian và không gian đều không có. Không có thời gian thì không có trước sau, sự việc

của mấy ngàn năm về trước, mấy vạn năm về trước, quý vị đều thấy được, ở ngay trước mắt. Sự việc mấy ngàn năm sau, mấy vạn năm sau, cũng ở trước mắt, quý vị đều thấy được. Nhưng quý vị nên nhớ rằng, quý vị thấy được là sự việc trước mắt, mấy vạn năm trước là sự việc trước mắt, mấy vạn năm sau cũng là sự việc trước mắt, thời gian là giả, không gian cũng là giả, không có không gian thì không còn cụ li. Thế giới cực lạc ở đâu? Chính là ở đây. Trung Phong thiền sư nói: “nơi này tức là tịnh độ, tịnh độ tức là nơi đây”, cụ li không còn nữa. Đây đều là cảnh giới không thể nghĩ bàn, chúng ta không thể tưởng tượng được.

Y cứ vào bản Hán dịch, nhật nguyệt tinh sao của cõi này đều dừng trong không trung, không còn vận hành nữa. Bỉ độ chính là thế giới cực lạc. Tuy có nhật nguyệt tinh sao...nhưng không có tướng vận hành. Cũng có nghĩa là không có sự khác biệt của đêm ngày, không có sự biến chuyển của thời gian, nên không có cái gọi là năm tháng kiếp số. Nhưng lấy thuận theo nơi đây, nên nói năm tháng. Bên dưới này Niệm Lão có chú thích. Nên biết thời gian là động, gốc của động niệm, vọng niệm tương tục, nên có thời gian. Nhà khoa học thời cận đại Ái Nhân Tu Thản nói: “thời gian chỉ là do ảo của con người”, tương đồng với điểm này. Thiên Thân Bồ Tát đem thời gian liệt vào bất tương ưng hành pháp, chính là cái ý nghĩa này. Thời gian không gian đều không có thật.

Xem tiếp câu dưới “phục vô trú trước gia thất”, bên dưới chú giải rất hay, cũng không nói chắc là không có nhà vậy. Như Phẩm Thọ Dụng Cụ Túc ở trước nói: Ngôi nhà ở đó vô cùng đẹp đẽ, hoặc ở hư không, hoặc ở bình địa, chứng minh rằng không định không có nhà cửa vậy. Nay nói “không” nghĩa là chỉ cho tướng không chấp trước nhà. Ý nghĩa này rất là hay, hiển bày ra chân tướng sự thật của thế giới cực lạc. Có những tướng này không? Không chấp tướng. Những người đó với người chúng ta bên này không giống nhau, người trên thế giới này của chúng ta, trong thói quen đều khởi tâm động niệm phân biệt chấp trước, cho nên sinh ra rất nhiều sai lầm, hiểu cong chân tướng của vũ trụ nhân sanh. Những thứ chúng ta thấy được, nhưng không thấy được chân tướng. Làm thế nào để thấy được chân tướng? Phải buông bỏ khởi tâm động niệm phân biệt chấp trước, thì chân tướng sẽ rõ ràng, thấy được chân tướng. Người vãng sanh về thế giới tây phương cực lạc đều có cái bản lĩnh này, họ đều buông bỏ hết. Huống hồ khi đến

thế giới cực lạc, thì được oai thần bốn nguyệ của Phật A Di Đà gia trì, nghiệp chướng tiêu trừ, nghiệp chướng tiêu trừ rồi, cũng chính là buông bỏ khởi tâm động niệm phân biệt chấp trước, đây là đức Phật A Di Đà giúp đỡ. Buông bỏ được rồi thì tri kiến của họ cùng với Như Lai tương đồng, trong kinh Pháp Hoa nói “Phật tri Phật kiến”. Ở đây Đức Thế Tôn vì chúng ta giới thiệu thế giới cực lạc. Chân tục nhị đế đều phải quan tâm đến. Chân đế là chân tướng sự thật, tục đế là khái niệm của chúng ta. Chúng ta có rất nhiều khái niệm hoàn toàn phủ định, chúng ta cảm thấy kỳ lạ, sinh ra nghi hoặc. Cho nên có lúc tùy thuận chúng ta, đây là phương tiện thiện xảo, tùy thuận, nhưng không sai. Cách li chân tướng sự thật không sai lệch quá lớn, khiến người có lợi căn lĩnh hội được chân tướng. Cho nên, thế giới cực lạc thực sự cần có bèn có, người ở nơi này không hề có chấp trước. Không như người bên này chúng ta đến thế giới cực lạc, phải đi thương thức khắp nơi, đó là sai rồi. Thương thức cái gì? Khởi tâm động niệm rồi. Ở đó có tốt hơn nữa cũng chưa từng bao giờ khởi ý niệm đi thương thức, không có. Nhưng họ thấy sắc nghe tiếng cũng có sở ngộ. Những thứ này giúp đỡ quý vị, đoạn tập khí từ vô thủy vô minh, nó có những tác dụng này. Giúp đỡ quý vị khai trí huệ, khiến trí huệ càng ngày càng rộng, càng ngày càng sáng lạng. Bồ tát tuy khai trí huệ, trí huệ mở ra rồi, nhưng chưa thấy được chân thật giống như Phật, thiết thực như Phật, họ chưa đạt được, còn kém một bước nữa. Ở thế giới cực lạc thấy sắc nghe tiếng, lục căn tiếp xúc với cảnh giới bên ngoài, tất cả là tiêu trừ tập khí từ vô thủy vô minh. Thành tựu công đức cứu cánh viên mãn, giúp đỡ quý vị hướng đến quả vị Diệu giác. Cho nên ở đây nói rất hay, không chấp trước tướng nhà cửa. “Cực lạc hội chúng”, hội chúng này chính là cư dân ở thế giới cực lạc, đại chúng ở thế giới cực lạc, những tiếng nghe được đều là vô ngã. Nghe rồi là tương ưng, họ nghe được rồi, thì họ được vô ngã. Ngã chấp đều đoạn được, không còn nữa, đây gọi là tương ưng. Chẳng những vô ngã mà pháp cũng không, hai cái không, hai loại vô ngã: nhân vô ngã, pháp vô ngã, pháp cũng không phải là thật, trong thường tịch quang không có pháp, ngay hiện tượng tự nhiên cũng không có, đó là thật vậy, thuần chân không vọng, cho nên đối với pháp không chấp trước, đối với thân không chấp trước, đối với tất cả vạn pháp đều không chấp trước. Lúc này tâm thanh tịnh, không có phân biệt, đã không có ngã thì làm gì có nhà của ta,

nhà này là ngã sở, ngã không có rồi, thì lấy đâu ra ngã sở? Cho nên tất cả đều không chấp trước, cảnh giới này mới gọi là được đại tự tại.

Hôm nay hết giờ rồi, đoạn này học chưa xong, ngày mai chúng ta bắt đầu học từ đoạn này.

Tập 381

Chuyên ngữ: Lý Hương

Biên tập: Minh Tâm

Thời gian: 21.04.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 469, hàng thứ hai đếm từ dưới lên.

“Phục vô trụ trú gia that, diệc phi định ngôn vô hữu xá trạch dã. Như Phẩm thọ dụng cụ túc trước kia nói: “sở cư xá trạch cực tận nghiêm lệ hoặc tại hư không hoặc tại bình địa túc đẳng phi định vô xá trạch dã”.

Chữ nghĩa ở đây, chúng ta phải đọc cẩn trọng. Đoạn kinh văn này nói về sự thanh tịnh bình đẳng của thế giới Cực Lạc. Đoạn thứ nhất nói về bình đẳng của cảnh giới, cảnh bình đẳng.

“Phục vô” ở trước nói về hoàn cảnh lớn của thế giới Cực Lạc. Đây là thế giới quang minh sáng sủa. Thế giới này vĩnh viễn không có hiện tượng tối tăm hôn ám. Nó không cần mặt trời, mặt trăng, cũng không cần ánh lửa, cũng không có ngày đêm, chẳng có năm tháng ngày. Ở thế giới Cực Lạc không hề có tất cả những hiện tượng này. Trước đây chúng ta đọc chú giải của Hoàng Niệm lão, trong đó đã giảng rất rõ. Thế gian của chúng ta, do nguyên nhân nào mà có những hiện tượng này? Do vì trái đất, mặt trời, mặt trăng chính là thái dương hệ, hệ ngân hà. Những vận động khác biệt của chúng khiến ta sinh ngộ nhận. Thế giới Tây Phương không có những hiện tượng này. Chỉ có Tinh Cầu. Vì luồng ánh sáng Phật quá lớn, nhất là đỉnh đầu Phật phóng quang. Thực tế thì đức Phật

phóng quang khắp toàn thân không chỉ ở đỉnh đầu. Đỉnh đầu chỉ là ví dụ. Luồng ánh sáng Phật chiếu rọi khắp pháp giới. Quý vị sẽ biết luồng sáng của Phật lớn cỡ nào. Ánh sáng của mặt trăng, mặt trời có phạm vi chiếu rọi chẳng lớn, những ngôi sao ta nhìn thấy ban đêm, sao trên trời đều là mặt trời, tự nó phát sáng. Nếu không tự phát sáng, quý vị sẽ chẳng thấy nó. Chúng đều tự phát sáng, và rất nhiều ngôi sao lớn hơn mặt trời cả ngàn lần, thậm chí hơn mười ngàn lần. Vì chúng ở xa ta quá nên ta chỉ thấy chút ánh sáng le lói, không thể so với luồng Phật quang. Ánh sáng Phật chiếu rọi khắp, nhưng hiện giờ nhãn căn của ta bị chướng ngại, không trông thấy thôi. Thật đấy, ta biết giữa các vũ trụ có rất nhiều ánh sáng, mắt ta chỉ thấy một phần trong số đó. Nếu sóng quang dài hơn nơi đây ta sẽ không trông thấy. Sóng quang ngắn hơn ta cũng không thấy. Sóng Phật quang không có dài ngắn, không xa gần hay bị giới hạn, nên ánh sáng mặt trăng mặt trời ở thế giới Cực Lạc y như ta nhìn ánh sáng của sao. Đây là khung cảnh lớn. Thu nhỏ lại nói cũng không có “trụ trước”, hai từ này phải đọc liền. Trụ là trụ tướng, trước là trước tướng. Trụ trước đều dĩ nghĩa là trước tướng. Người ở đó không trước tướng vào nhà cửa. Điều này thì đúng rồi, không phải không có nhà cửa, không thể nói “phục vô trụ trước gia thất”. Trụ trước đọc liền, họ không trụ trước vào gia thất. Chỗ này Niệm lão giải thích rất hay. Không phải nhất định nói người đó không có nhà cửa, người đó không có cung điện, không có lầu đài. Đoạn trước đã bảo rồi. Có, không phải chẳng có. Thế sao chỗ này lại nói là không? Không trụ trước, không có hai từ này. Nhà cửa thì có, nhưng người đó không chấp trước, cho nên người đó mới thanh tịnh, chấp trước thì sẽ không thể thanh tịnh. Quan trọng nhất ở đoạn này là nói về thanh tịnh.

Trong phẩm “thọ dụng cụ túc” phía trước nói rất rõ. Chúng sanh ở thế giới Cực Lạc sống trong nhà cửa phòng ốc cực kỳ trang nghiêm tráng lệ. Nơi họ cư ngụ hết sức đẹp, cực kỳ đẹp, đẹp đến mức ta không thể nào tưởng tượng nổi. Kẻ có phước báo lớn nhất ở thế gian là vua chúa. Cung điện của đế vương, khi đến Bắc Kinh tham quan Cố cung ta sẽ được thấy. Vẻ huy hoàng của Cố cung giờ không còn. Vì sao thế? Giờ không còn hoàng đế. Vua chẳng còn ngự ở đó nên giữ gìn thế nào cũng khác xa trước kia. Hiện cung điện cũ đi nhiều. Nhiều chỗ không được tu bổ, những vẻ huy hoàng rực rỡ nay không còn được thấy.

Ở cõi Cực Lạc nhà có khi trên không, có cái trên đất bằng, không phải do ý người đó muốn thế. Nếu bảo tôi muốn sống trên không, tôi muốn sống trên mặt đất thì quý vị còn có ý, phiền não của quý vị vẫn chưa dứt bật. Neen nhớ người vãng sanh

đến thế giới Cực Lạc còn tập khí phiền não nhưng không hề phiền não. Có nghĩa có tập khí phân biệt chấp trước, còn một chút, không nghiêm trọng. Trên thực tế được oai thần của bản nguyện Phật A Di Đà gia trì, đều là Bồ Tát A Duy Việt Trí. Bồ Tát A Duy Việt Trí đâu còn phân biệt chấp trước? Chỉ có tập khí vô thủy vô minh chưa dứt đoạn. Thực tế mà nói tập khí phân biệt chấp trước đã đoạn rồi, không thể nào có ý. Vậy thì sống trên không trung hay dưới mặt đất? Đây là một tập quán, một thói quen. Thói quen là sao? Tỉ như ta sống trên mặt đất thì khi vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, nhà cửa của ta nhất định nằm trên đất. Tứ thiên vương, Đạo Lợi thiên niệm Phật vãng sanh cũng có nhà trên mặt đất. Đó là thói quen ngụ trên mặt đất. Còn ở cõi Dạ ma thiên trở lên khi vãng sanh, thì do đã quen sống trên không, họ không ngụ dưới đất, cho nên lúc đó, cung điện của họ vẫn ở giữa hư không, thói quen này hết sức tự nhiên, không có ai sắp xếp, chẳng có ai tưởng tượng ra. Hoàn toàn là hiện tượng tự nhiên. Việc này ta không thể không biết. Ở đây nói rõ họ có hoàn cảnh cư ngụ và nơi đó hết sức tráng lệ, cực kỳ đẹp đẽ.

“*Kim ngôn vô giả*”. Đoạn kinh văn này nói không. Tôi cũng vừa nói rất rõ ý này “Vô” nghĩa là không chấp trước. Không trước tướng “bất trước gia thất chi tướng” “*Cực lạc hội chúng*”. Hội chúng chính là cư dân. Thế giới Cực Lạc là một đại hội, một pháp hội. Phật A Di Đà cùng 10 pháp giới, vô lượng vô biên vô tận chúng sanh hữu duyên trong quốc độ của chư Phật. Thế nào là chúng sanh hữu duyên? Tất cả chư Phật không ai không giảng kinh Vô Lượng Thọ, không ai chẳng khuyên mọi người niệm Phật cầu sanh về thế giới Cực Lạc. Nếu nghe mà tin, nguyện vãng sanh về thế giới tây phương nghĩa là có duyên với đức Phật A Di Đà. Đây gọi là chúng sanh hữu duyên. Kẻ thì sư phụ ngày ngày khuyên nủ, đệ tử vẫn chấp tình rất nặng, không chịu vãng sanh. Tôi đã gặp pháp sư học Thiên Thai. Thầy mời tôi giảng kinh A Di Đà. Rốt cuộc thầy thế nào? Thầy ấy không chịu đến thế giới Cực Lạc. Thầy niệm Phật mỗi ngày, niệm Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Chẳng niệm A Di Đà Phật. Không muốn đến thế giới Cực Lạc. Vậy nghĩa là sao? Nghĩa là không có duyên với Phật. Nghe thì có nghe, nhưng không muốn đến. Cũng chẳng phải không tin, chỉ là không muốn vãng sanh. Đức Thích Ca Mâu Ni là ân sư của chúng ta. Thầy nguyện vĩnh viễn theo Phật Thích Ca. Quả có người như thế, tu hành lâu năm đấy, chúng ta hiểu rồi sẽ không thấy lạ nữa.

Đại chúng ở thế giới Cực Lạc, “sở văn giai thị vô ngã chi thanh”. Chúng ta đã đọc qua ở đoạn kinh trên. Nghe Đức Phật thuyết pháp, chim nói pháp, nghe nước chảy nói pháp, nghe gió thổi lá rì rào nói pháp, toàn là tiếng vô thường, vô ngã, khổ không. Đây là giảng pháp tứ đế, luôn nhắc nhở mọi người thâm nhập khổ tập diệt đạo, rõ chân tướng của tất cả pháp thế xuất thế gian.

“Văn tức tương ưng, kỳ tâm thanh tịnh, vô chư phân biệt”, 12 chữ này rất quan trọng. Chúng ta nghe Phật thuyết pháp. Nghe rồi thì sao? Không tương ưng. Tâm chẳng thanh tịnh, vẫn còn phân biệt, còn chấp trước. Cũng có nghĩa là nghe mà không hiểu. Rất khó để nghe hiểu Phật pháp. Hiểu rồi quý vị sẽ chứng quả, quý vị được khai ngộ. Vì sao không hiểu? Việc này chúng tôi cũng bàn luận rất nhiều. Nghĩ đến chuyện đó chắc chắn ta sẽ nhớ lời giáo huấn của đại sư Ấn Quang, ngài dạy rằng: “một phần thành kính được một phần lợi ích, 10 phần thành kính sẽ được 10 phần lợi ích, 1000 phần thành kính sẽ được 1000 phần lợi ích, vạn phần thành kính, được vạn phần lợi ích.” Giờ chúng ta không có tâm thành kính nên chẳng được một phần lợi ích nào. Thành kính là chân tâm, là tự tánh. Chúng ta làm cách nào để nuôi dưỡng tâm thành kính của ta? Trong xã hội hiện nay thì việc đó quá khó. Vì sao vậy? Vì không ai dạy. Chẳng những quý vị chưa từng thấy, cũng chẳng được nghe qua. Từ điểm này tự nhiên chúng ta sẽ nhớ đến lời dạy năm xưa của Đức Thế Tôn. Sau khi Phật diệt độ, những đệ tử của ngài đi khắp nơi hoằng dương Phật pháp, giáo hóa chúng sanh. Có những nơi sau một hai trăm năm là không còn Phật pháp. Có những nơi sau ba, bốn, sáu bảy trăm năm Phật pháp cũng chẳng còn. Chỉ ở Trung Quốc, nhánh Phật giáo truyền đến Trung Quốc đã gần 2000 năm vẫn tồn tại. Nguyên nhân vì sao? Vì người Trung Quốc có tâm thành kính. Người Trung Quốc lơ là với tâm thành kính, cũng khoảng hơn 100 năm nay, cho nên Phật pháp biến mất.

Trung Quốc xa xưa, ngàn vạn năm rồi trẻ con chưa ra đời, thì đã được mẹ dạy từ trong bào thai, gọi là thai giáo. Bà mẹ dạy gì? Dạy con thành kính. Tâm của mẹ chân thành, cung kính với tất cả người và vật, thì sự thành kính đó tác động đến thai nhi. Đến khi đưa bé ra đời, mắt hé mở nhìn thấy, tai dỏng lên nghe thấy, cha mẹ trước mặt bé bày tỏ lòng thành kính của mình. Bày tỏ những gì? Đệ tử quy, là một tập đại thành dạy đạo nhà. Từ đầu đến cuối, 1080 chữ trong Đệ tử quy toàn là dạy thành kính, chân thành cung kính. Ngạn ngữ có câu: “ba tuổi biết 80, 7 tuổi định chung thân”. Ba tuổi nghĩa là bé đã học thành kính được 1000 ngày. Từ lúc sinh ra đến 3 tuổi là một 1000 ngày, cha mẹ ngày nào cũng thể hiện cho bé xem.

Bé đã nắm được thì đến năm 80 cũng sẽ không thay đổi. Luôn cung kính với cha mẹ, luôn cung kính với người trên, luôn cung kính với anh chị em, luôn cung kính với tất cả mọi người. Thậm chí cung kính e dè cả với cỏ cây hoa lá, với tự nhiên. Mẹ đã dạy bé như thế. Quý vị không dạy con từ bé, đến khi bé 4, 5, 6, 7 tuổi quý vị mới dạy thì không còn kịp nữa, trễ rồi. Đã quá kì hạn để cho cách giáo dục này mọc rễ trong lòng bé. Người Trung Quốc xưa hiểu nguyên lý này. Cho nên mấy ngàn năm qua xã hội Trung Quốc ổn định lâu dài, khác với thế giới phương tây. Phương tây luôn động loạn. Cục diện xã hội Trung Quốc thì ổn định. Mỗi khi triều đại thay nhau, ít nhất cũng được ổn định từ 100 đến 150 năm. Điều này khiến cho những người nước ngoài khi học lịch sử Trung Quốc đều hết sức kinh ngạc, hết sức khâm phục. Cho nên tôi thường nói người Trung Quốc biết giáo dục con nhất. Họ có lý thuyết giáo dục, có phương pháp giáo dục, có kinh nghiệm, có hiệu quả giáo dục. Chúng ta đã lơ là truyền thống này rồi, thường thì cũng không quá 200 năm. Chính Từ Hi Thái Hậu đã lơ là, bà ấy rõ ràng đã quên mất hai chữ thành kính. Bao đời đế vương trước mặt Tam Bảo đều xưng là đệ tử. Chỉ mỗi mình Thái Hậu xưng là Lão Phật Gia. Nói cách khác bà ta ở trên cả Phật và Bồ Tát. Việc này hiện nay xem như đại bất kính. Sao bà ta có thể làm thế? Trên làm dưới noi theo. Dần dần tâm cung kính đối với Phật, với pháp suy đi. Khi nhà Thanh chấm dứt đến thời kì Dân Quốc lên, thì không chỉ chẳng thấy thái độ cung kính này, cả danh từ cũng không còn được nghe. Hiện nay chẳng còn nghe được từ thành kính. Có ai nói đến? Cho nên xã hội loạn lạc, trái đất đầy thiên tai, vấn đề nảy sinh liên tục. Chính Từ Hi Thái Hậu đã gây ra mối họa này, chẳng còn chối vào đâu được. Nhưng chúng ta phải hiểu nếu không thể khôi phục cách thai giáo của thánh hiền ở Trung Quốc xưa, thì xã hội này liệu có còn sinh ra những bậc thánh hiền quân tử chẳng? Phục hồi thai giáo được không? Được, chẳng phải không được. Những bà mẹ trẻ ai chẳng yêu con? Yêu con nhưng không biết cách dạy con. Nếu nhà nước có chính sách giáo dục người phụ nữ mang thai, dạy bà mẹ cách thai giáo, cách dạy trẻ sơ sinh, cách tạo gốc rễ thánh hiền sâu dày nơi trẻ suốt ba năm đầu tiên, thì bà mẹ có thích không? Nhất định là phải thích. Chỉ cần dạy bà mẹ như thế này 3 tháng là đủ. Chỉ cần học 3 tháng bà mẹ sẽ nắm hoàn toàn. Khởi tâm động niệm của bà mẹ sẽ thuần khiết chân chánh. Trong 10 tháng mang thai, bà mẹ không hề có ý nghĩa xấu. Ngôn ngữ hành động cử chỉ luôn đôn trang, sẽ tác động đến thai nhi. Người đời xưa hiểu điều này, dù là kẻ ở quê không biết chữ cũng hiểu. Vì tổ tiên đời đời truyền dạy như thế nên họ hiểu.

Cho nên quý vị xem trong điển tịch của Trung Quốc, bao triều đại trong Tứ Khố Toàn Thư, tuy thời thế loạn lạc nhưng luôn có thánh hiền, chánh nhân quân tử. Những vị này do được giáo dục mà ra. Phật Bồ Tát cũng do được chỉ dạy mà thành.

“Văn Túc Tương Ứng” câu này hết sức quan trọng. Tương ứng là tâm thanh tịnh thì không còn phân biệt. *Đã không còn ta thì đâu có nhà cửa của ta? Có ta hay không? Sao ta lại không có, đương nhiên là có. Có, sao lại bảo là không ta? Do không còn chấp trước.* Tôi vẫn còn thân này, đâu phải không có thân, nhưng tôi không chấp trước thân này là tôi, cũng có nghĩa là tôi không còn suy nghĩ ích kỷ, tự tư tự lợi, ddây chính là vô ngã. Khởi tâm động niệm đều nghĩ cho người khác, nghĩ cho xã hội, nghĩ cho đất nước, nghĩ cho toàn thế giới, chứ không nghĩ cho chính mình, như thế gọi là vô ngã. Không chấp trước vào thân thì sao còn có thể chấp trước vào nhà cửa nơi tá túc thân này cư ngụ? Đương nhiên là sẽ không chấp trước nữa. Và không chấp trước thì những nhà cửa này từ đâu ra? Ở đây chúng ta phải thiết kế, phải thi công mới có nhà. Ở thế giới tây phương Cực Lạc thì không cần. Nếu ta như người ở tây phương, thì thật không còn chấp trước, chẳng còn phân biệt, những nhà cửa chúng ta trú ngụ sẽ cực kì xa hoa tráng lệ như trong kinh nói. Chẳng cần phải thiết kế, thi công gì cả. Cứ tự nhiên mà hiện ra. Đây là sao? Là do tánh đức. Tánh đức từ trong tự tánh lưu xuất ra. Có thật không hề giả tạo. Phải biết thế giới Cực Lạc chẳng khác biệt với thế giới chúng ta mình và người chẳng phải hai. Nếu chúng ta có thể buông bỏ vọng tưởng, phân biệt chấp trước thì chúng ta chẳng khác gì với Đức Phật A Di Đà. Vậy thì nơi ở của chúng ta đương nhiên chẳng khác gì thế giới Cực Lạc. Đây là đạo lý nhất định rồi! Sao lại có thể sai biệt được? Người ở thế giới Cực Lạc nếu có phân biệt, chấp trước vậy thì sẽ y như ta. Chúng ta mà không còn phân biệt chấp trước thì sẽ giống y họ. Cho nên quý vị nghĩ xem, chấp trước tốt hay không chấp trước tốt? Phân biệt hơn hay chẳng phân biệt hơn? Quý vị để tâm tư duy quan sát, thì quý vị sẽ hiểu.

Những câu dưới này nói rất rõ. “Cố ư sở cư xá trạch”, nhà cửa cư ngụ, “*vô hữu chấp trước, cố vân phục vô chấp trước gia thất dã. Phục nhân nhân giai vô ngã*”, người đó không chấp vào tướng ngã, nên tất cả đều không cần tên gọi. Chúng ta thì phải có tên. Quý vị ở đâu phải có tên đường, phải có số nhà bao nhiêu, số mấy l nh của quý vị. Vậy tất cả khoong chấp trước, ngay cả ta cũng không còn, cho nên tất cả danh hiệu đều không còn. Tất cả danh hiệu không cịn nữa, vậy thì làmf sao nhận ra được ông Trương, ông Lý? Có nhầm lẫn không? Không hề. Chắc

chấn không nhầm lẫn. Ví dụ như các cơ quan bộ phận trên thân ta. Mắt chẳng phải tai, tai đâu phải mũi. Không chấp trước tất cả rồi thì mắt vẫn là mắt, mắt chẳng biến thành tai, tai cũng chẳng là mũi. Nên tuyệt đối không làm được. Người ở thế giới Cực Lạc có thân và mặt mũi giống nhau hoàn toàn. Thể chất tương đồng, tướng mạo hoàn toàn tương đồng. Đều là thân có vô lượng tướng, tướng có vô lượng vẻ đẹp. Đến nơi đó, đông như thế, ai là Phật A Di Đà, ai là Quan Âm Bồ Tát. Quý vị có thể nhận ra không? Gioongs nhau cả. Nhận ra được chứ, chẳng hề có chút khác biệt nào. Não người tài giỏi hơn máy tính nhiều. Máy tính có lúc còn hư hỏng, ddeens khi ddos công năng của óc quý vị thì sẽ được phát triển hoàn toàn. Giới khoa học thường nói hiện chúng ta chỉ sử dụng 1,2% công năng của bộ óc. 90 máy % không dùng đến. Khi quý vị đến Cực Lạc thì công năng của bộ óc sẽ được khai thác hết. Vô lượng trí huệ, vô lượng thần thông thì sao mà nhầm lẫn được!

“Thượng”, ở trên thể hiện hoàn cảnh cư ngụ không hề phân biệt, và *cảnh quan kỳ diệu này từ trí tâm li thủ xả phân biệt mà ra*. Câu nói này rất hay. Tâm tịnh tắc quốc độ tịnh. Nhất là với những người tu pháp môn Tịnh đđđđ. Nhất định quý vị phải biết mình đang tu gì. Quý vị đang tu tâm thanh tịnh chứ không phải thứ khác. Vậy ta dùng cách gì để tu? Hiện đại đa số dùng cách trì danh niệm Phật. Có thật trì danh niệm Phật sẽ được tâm thanh tịnh chẳng? Nếu niệm nhiều năm mà tâm thanh tịnh vẫn chưa thấy, thì chúng ta phải suy nghĩ. Nếu niệm Phật mà không thấy hiệu quả, thì chắc chắn đã có vấn đề. Chẳng phải vấn đề của kinh điển, tuyệt đối không phải do cách chú giải của các bậc cao tăng. Vấn đề ở ngay chính chúng ta. Chúng ta đã làm méo mó nghĩa của kinh văn vaf chú giải của chư vị tổ sư, cho nên mới không hiệu quả. Nếu thật chánh tri chánh kiến, sao có thể không có tâm thanh tịnh? Quý vị có được tâm thanh tịnh thật sự, thì chắc chắn trí huệ của quý vị tăng trưởng, phiền não sẽ nhẹ đi, pháp hỉ sẽ sung mãn, quý vị sanh tâm hoan hỉ. Lúc đó mới biết Phật pháp rất chân thật, không hề giả tạo. Nhưng phần lớn đều không có hiệu quả rõ rệt.

Mấy bữa nay, thầy gio Hồ Tiểu Lâm ở Bắc Kinh đến đây thăm tôi. Thầy nois với tôi 4 tháng nay thầy niệm Phật. Do trước kia công phu niệm Phật của thầy không đắc lực, nên niệm hết sức vất vả. Thầy xem Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao xong, thì cảm nhận thật sự về 10 cách niệm mà Ấn Quang đại sư hướng dẫn. Thầy học hỏi và thực tập nghiêm túc 4 tháng, và hiệu quả rất tuyệt vời. Tôi mời thầy báo cáo trong học hội của chúng ta, để chia sẻ với mọi người, vì chuyện đó vô cùng quan

trọng. Lời của Ân Quang đại sư chắc chúng ta đều biết, nhưng không chịu thực hiện. Phải dùng tâm tính đếm. Câu niệm Phật phải từ trong tâm sinh ra, từ miệng niệm ra, để tai nghe được, tất cả phải hết sức rõ ràng. Tâm sinh ra rõ ràng, miệng niệm rõ ràng, tai nghe rõ. Lại cộng thêm tính số từ 1 đến 10. Lúc mới bắt đầu tốt nhất niệm chậm, chớ có nhanh, vì nhanh sẽ không nhớ kịp. Dùng chuỗi niệm thì sẽ phân tâm, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật. Cứ từng câu từng câu như thế. Câu nào cũng rõ ràng, và nhắm số trong đầu, câu này là câu Phật hiệu thứ mấy. Từ 1 đếm đến 10, nhưng từ 1 đến 10 không dễ, quý vị sẽ quên, mà quên thì tính lại từ đầu. Thật chẳng có cách nào, thì đại sư dạy ta chia làm hai đoạn: từ 1 đến 5 nhớ thật kỹ, kể đó nhớ thật kỹ từ 6 đến 10. Dùng cách này không phải 1, 2, 3, 4, 5 rồi 1, 2, 3, 4, 5, vẫn đủ 10 câu. Trước 5 câu 1, 2, 3, 4, 5 sau 5 câu 6, 7, 8, 9, 10. Quý vị phải tính như vậy đó. Niệm xong 10 câu lại đến câu thứ 1, câu thứ 2, câu thứ 3 như thế. Rất nhiếp tâm. Vì khi niệm Phật tạp niệm quá nhiều, vọng niệm lung tung. Dùng cách này thì có thể nhiếp vọng niệm lại. Chính là “Đô nhiếp lục căn” mà Đại Thế Chí Bồ Tát nói. Phương pháp này có 3 cái rõ rệt. “A Di Đà Phật” từ này rõ. Nghe rõ thì niệm rõ. Nghe rõ thì đếm rõ. Hễ có khó khăn thì quý vị cứ dùng cách tính 3, 3, 4. Đoạn thứ nhất 3 câu 1, 2, 3. Đoạn thứ nhì 3 câu 4, 5, 6. Đoạn thứ ba 4 câu 7, 8, 9, 10. Quý vị dùng phương pháp này gọi là “đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục”, do Đại Thế Chí Bồ Tát dạy. Quý vị cứ thử xem.

Khi Hồ Tiểu Lâm báo cáo thì Hồ Cư Sĩ đứng ở bên nắm bắt được. Cô đã thử trong mấy ngày và báo với tôi là rất hiệu quả. Quả thực không như nhau, tâm hoan hỉ sinh ra rồi. Đương nhiên nhân tố quan trọng nhất, phương pháp chỉ là trợ duyên, nhân tố quan trọng nhất là quý vị buông xả được, buông bỏ thật sự. Đó mới là nhân chân thật, khi buông xả sẽ được tự tại, được vui vẻ y như người ở thế giới Cực Lạc vậy! Người ở đó có gì khác với chúng ta? Chính là họ đã buông xả được. Chúng ta thì chẳng chịu buông bỏ gì cả. Quả thật hễ buông xả hết thì chẳng khác biệt gì so với người ở Cực Lạc. Họ cực vui chúng ta cũng cực vui. Quan trọng là buông bỏ. Buông bỏ nhất định phải nhìn thấu, biết thế giới này đều là giả tạm, chẳng có gì là thật, thì quý vị mới buông hết được. Không buông xả được chính là do quý vị thấy là thật, đã sai lầm.

Cho nên giới khoa học hiện nay rõ là thông minh hơn chúng ta, họ biết chân tướng của vạn pháp trong vũ trụ. Tuy cái biết không thuần chánh, không đến được cảnh giới của Phật và Bồ Tát, nhưng họ đã tiếp cận được. Nhất là khoảng 30

năm gần đây, các nhà vật lý học dù là vật lý không gian, hay lượng tử lực học, thế giới vi mô đều có những thành tựu hết sức khả quan. Họ đã có những báo cáo cho ta biết, trong vũ trụ căn bản chẳng tồn tại cái gọi là vật chất. Đây là lời của Phổ Lng Khắc, nhà vật lý người Đức. Ông vốn là thầy của Einstein. Cả đời nghiên cứu về phân tử, về hạt cơ bản, cuối cùng phát hiện ra lượng tử. Ông bảo trong vũ trụ chỉ có ba thứ mà tất cả đều phải công nhận. 1 là hiện tượng vật chất, hai là hiện tượng tinh thần, ba là hiện tượng tự nhiên. Vì sao ông lại cho hiện tượng vật chất là giả? Nền tảng của vật chất là ý niệm, vì có ý nghĩ mới sinh ra hiện tượng vật chất. Nếu không có ý nghĩ thì hiện tượng vật chất cũng không còn. Vậy thì vật chất tồn tại nói cách khác là do suy nghĩ của quý vị không hề dứt đoạn. Điều này hoàn toàn tương đồng với lời Phật giảng trong kinh điển Đại Thừa. Ta đã học 2 lần Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán do Hiền Thủ quốc sư trước tác. Nếu theo văn phong hiện nay thì laf luận văn, baif luận văn này không dài, đã nêu được chân tướng của vũ trụ. Từ nhất thể khởi nhị dụng. Nhất thể là tự tánh. Hiện nay khoa học và triết học chưa phát hiện ra tự tánh. Nếu phát hiện được tự tánh thì sẽ hoàn toàn tương đồng với Phật pháp. Từ nhất thể khởi nhị dụng. Nhị dụng là gì? Chính là “năng sinh vạn pháp” mà Huệ Năng đại sư nói đến. Nhị dụng, thứ nhất là vũ trụ, thứ 2 là chính mình. Chính là xuất hiện chánh báo cùng y báo. Dù là chánh báo hay y báo thì đều động cả. Cho nên hiện khoa học cũng nói vũ trụ là hiện tượng dao động. Định luật dây cung là hiện tượng dao động. Nó bất động thì vũ trụ không còn, cho nên nó là tướng động. Chấn động vi tế hơn thì tốc độ của nó không thể tính được, không gì có thể so sánh với nó.

Ba hiện tượng của nó, thứ nhất là “chu biến pháp giới”, dù vật chất, dù tinh thần thì mỗi dao động cũng đều chu biến pháp giới. Hiện tượng thứ 2 “xuất sanh vô tận”. Xuất sinh là nói biến hóa. Thứ 3 “hàm dung không hữu” chính là “tâm bao thái hư, lượng chầu sa giới” mà chúng ta hay nói -hàm dung không hữu. Đây là lời kinh theo ngôn ngữ hiện đại, trong kinh giảng về vật lý học, giảng về khoa học. Đây là gì? Đây là nhận thức, nhận biết. Thực sự hiểu chân tướng sự thật, thì quý vị sẽ không khởi tâm động niệm dù với hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần hay hiện tượng tự nhiên. Đương nhiên quý vị không hề phân biệt chấp trước, tiến vào cảnh giới của Phật rồi. Cảnh giới của chư Phật là như thế thôi. Khi nhận thức rõ thì sẽ buông xả được. Nhận thức rõ thì sẽ nhìn thấu suốt như lời Chương Gia đại sư nói. Nhìn thấu rồi quý vị mới có thể buông bỏ. Buông bỏ sẽ giúp quý vị nhìn thấu suốt sâu hơn 1 bậc, và quý vị lại có thể buông bỏ thêm 1 bậc. Năm xưa Chương Gia đại sư bảo tôi: Phật pháp từ sơ phát tâm đến Như Lai Địa chính là

phương pháp này. Hai phương pháp này hỗ trợ nhau để thành tựu. Nhìn thấu giúp dễ buông bỏ, buông bỏ giúp nhìn thấu suốt. Từ mới phát tâm đến Như Lai địa, Phật pháp đơn giản và dễ dàng như thế. Nhưng cửa ải đầu tiên là phải nhìn thấu suốt được thân này không phải là ta. Đây là chặng khó khăn nhất. Vì không nhìn thấu suốt, quý vị chấp trước vào thân này, thì tự tư tự lợi, danh văn lợi dưỡng, tham, sân, si, mạn đều sẽ từ đó mà ra. Quý vị có thấy uổng cho mình chưa? Chỉ vì nhìn lệch lạc tạo thành sai lầm lớn, gây ra vô lượng vô biên tội nghiệp, biến hiện ra 6 nẻo luân hồi. Luân hồi là giả tạm. Luân hồi do nguyên nhân nào sinh ra? Chính do nguyên nhân này. Nếu quý vị thật sự nhìn thấu buông bỏ thì luân hồi không còn nữa. Chẳng những không còn luân hồi mà cả mười pháp giới cũng chẳng còn. Học hỏi kinh điển đại thừa bao năm qua ta biết, chẳng những không có mười pháp giới, mà cõi thật báo trang nghiêm của chư Phật cũng là giả tạm, không có thật. Nó từ đâu mà có? Từ tập khí vô thi vô minh mà có. Tập khí vô thi vô minh dứt đoạn rồi, thì cõi thật báo cũng không còn. Chỉ có một thứ là thật, cõi thường tịch quang là có thật. Cõi thường tịch quang là gì? Chính là tự tánh thanh tịnh viên minh thể, thứ này có thật, không sinh chẳng diệt, vĩnh hằng bất biến. Nó không có hiện tượng, nó chẳng phải là hiện tượng vật chất, cũng chẳng phải hiện tượng tinh thần, chẳng phải hiện tượng tự nhiên. Cho nên khoa học và triết học không thể nào biết được. Chỉ có 1 phương pháp như Phật nói là: duy chứng phương tri. Quý vị chứng đắc rồi thì sẽ rõ, sẽ hiểu. Chứng đắc cách nào? Khoong khởi tâm, không động niệm thì sẽ chứng được. Đây là cảnh giới cao nhất, cứu cánh viên mãn mà người Ấn gọi là Đại Bát Niết Bàn. Đến cảnh giới đó thì không phân biệt tâm này hay cảnh này nữa. *“Cảnh trí nhất như, tuyệt chư trần cấu”*. Trần cấu là từ chỉ phiền não. Tất cả phiền não đều chấm dứt, không khởi tâm không động niệm, *“cố vân: duy thọ thanh tịnh tối thượng khoái lạc”*. Cảm thọ này ta không tài nào tưởng tượng ra được. Vì hễ chúng ta nghĩ thì sẽ rơi vào ý thức thứ 6, rơi vào phân biệt chấp trước. Quý vị phải không phân biệt, không chấp trước quý vị mới có thể cảm nhận niềm vui này. Cho nên đọc trong kinh Phật về niềm vui nhưng chúng ta chẳng thể lý giải nổi. Vui như thế nào, không hiểu được. *“Như Xưng Tán tịnh độ Kinh viết: duy hữu vô lượng thanh tịnh hỷ lạc”*. Ý câu đó hoàn toàn tương đồng ở đây.

Ta xem đoạn thứ 2 “sinh chứng Cực Lạc”. Sinh này tức là vãng sanh. Hễ vãng sinh thì quý vị chứng được “duy thọ thanh tịnh tối thượng hỷ lạc”. Vãng sanh thì quý vị chứng được. Chúng ta xem kinh văn.

Nhược hữu thiện nam tử, Thiện nữ nhân, Nhược dĩ sanh, nhược đương sanh, giai tất trụ u, chánh định chi tu, quyết định chứng u A nậu đa la Tam miệu tam bồ đề. Hà dĩ cố? Nhược tà định tu, cập bất định tu, bất năng liễu tri, kiến lập bỉ nhân cố.

Niệm Lão chú giải: “Hữu văn”. Hơn hai dòng kinh văn bên phải này. “*Nãi Di Đà đệ nhị thập cửu*”. Nguyên thứ 29 trong 48 nguyện, *trụ chánh định tu nguyện, cùng nguyện thứ 12 thành tựu định thành chánh giác nguyện*. Hoàng Niệm Lão gợi ý với ta câu kinh này vì hết sức quan trọng. Cũng có thể nói đoạn kinh văn ở trên, nói rất rõ “Nhược hữu”, chữ “nhược” là giả thiết. Giả thiết có “thiện nam tử, thiện nữ nhân”. Đây là điều kiện căn bản. Nói cách khác thì Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng bộ kinh này, giới thiệu thế giới Cực Lạc tây phương. Ngài nói với ai? Với hàng thiện nam tử, thiện nữ nhân. Vì sao vậy? Vì họ nghe xong sẽ tương ưng ngay. Tâm sẽ được thanh tịnh, sẽ được hỷ lạc. Thiện ở đây là có thiện căn, có phước đức. Đủ nhân duyên thiện căn phước đức thì là thiện nam tử, thiện nữ nhân. Cách giảng thông thường là gồm đủ 10 thiện nghiệp. Nhưng ở đây khác, lời giảng ở đây là thiện căn, phước đức, nhân duyên, 3 điều kiện đều gồm đủ. Vì sao vậy? Vì quyết định người ấy được vãng sanh. “Nhược dĩ sanh” đã vãng sanh về thế giới Cực Lạc rồi. “Nhược đương sanh”, đương sanh chính là vẫn chưa về Cực Lạc, nhưng đã được quyết định sanh về đó. Tại sao biết người đó được quyết định vãng sanh? Vì họ đã đủ điều kiện để vãng sanh. Cho nên đây là 2 nguyện của Đức Phật A Di Đà đặc biệt gia trì cho người đó. Người ấy trụ chánh định tu, định thành chánh giác.

Ở đoạn sau có nói về chánh định tu này, chẳng phải tà định tu, không phải bất định tu. “Chánh định tu” là gì? Tâm dừng ở câu danh hiệu Phật. Người đó định vào trong danh hiệu Phật A Di Đà. Tôi thường nêu ví dụ về thiền sư Trung Phong. Trong “Tam Thời Hệ Niệm” thiền sư Trung Phong nói: “tâm ta tức là Phật A Di Đà, Phật A Di Đà chính là tâm ta”. Tâm quý vị định vào Phật A Di Đà, ngoài Phật A Di Đà ra thì chẳng còn ý nghĩ nào khác. Đây gọi là trụ chánh định tu. Công đức này chẳng thể nghĩ bàn. Chúng ta nói câu không thể nghĩ bàn, người thật sự hiểu được chẳng nhiều. Vì sao không thể hiểu được? Vì quý vị không hiểu về cảnh giới này. Một người phàm phu tiếp nhận lời giáo huấn của Đức Phật xong, y theo giáo pháp mà tu hành, quyết định sẽ thành Phật trong đời này, có phi thường không? Thành tựu của lời nguyện thứ 29 và 12 của Phật A Di Đà, đã thể

hiện ở thế giới Cực Lạc. Không phải nguyện suông mà thành tựu thật. Thật là cái bia cho tất cả bồn hoại của Phật A Di Đà. Bia là vòng tròn màu đỏ dùng để tập bắn tên, bắn trúng rồi, điểm hồng tâm đó chính là toàn bộ bồn hoại của Phật A Di Đà. Hoại là gì? Là nguyện vọng của Ngài. Phật A Di Đà mong tất cả chúng sanh đến được thế giới Cực Lạc, viên mãn thành Phật. Ngài chẳng có nguyện vọng nào khác, chỉ có ước nguyện này thôi. 48 nguyện chính là ước nguyện này. “*Vô lượng diệu hạnh chi thánh quả*”. Nguyện ở trước dẫn dắt chúng ta, nguyện phải hành mới có thể làm tròn được ước nguyện. Quý vị có nguyện mà không hành, thì nguyện đó là giả, không phải thật. Ở trên chúng ta đã học: Vô lượng diệu hạnh. Phật A Di Đà ở nhân địa dùng thời gian 5 kiếp, khá là lâu. 1 kiếp là 1 lần thế giới thành trụ hoại không, đây là một đại kiếp, 5 đại kiếp. Ngài tu gì? Ngài tu 48 đại nguyện. Nguyện nguyện đều tu thành công, nguyện nguyện đều viên mãn. Cho nên thế giới Cực Lạc hiện nay là hiện tượng tự nhiên sinh ra. Quyết định không có khởi tâm động niệm. Dù là y báo trang nghiêm hay chánh báo trang nghiêm cũng không có khởi tâm động niệm, rất tự nhiên. Tự nhiên vì sao không giống nhau? Cung điện cư ngụ có lớn, có nhỏ, có ở trên đất, có ở giữa trời. Theo tôi thì hình dạng cũng chẳng tương đồng. Vì sao vậy? Vì tập khí trong đời quá khứ của mỗi người, họ đã nuôi dưỡng thói quen này. Trước kia có yêu thích, giờ yêu thích chẳng còn, vì khởi tâm động niệm phân biệt chấp trước đã đoạn rồi. Không còn là yêu thích nhưng là thói quen. Có người thích tu hành trong hang núi. Đến thế giới Cực Lạc thì nhất định là hang núi, núi báu. Người đó sẽ tu trong sơn động. Kẻ thích ở lầu tranh đến thế giới Cực Lạc sẽ thấy lầu tranh, nhưng chỗ tranh nơi ấy đều là châu báu thất bảo. Tập quán thôi! Có kẻ thích ngụ trong nhà to, người thích ở căn phòng nhỏ. Nơi cư ngụ hoàn toàn tùy theo thói quen, chẳng phải do tưởng tượng. Nếu quý vị bảo người đó tưởng tượng ra thì quý vị lầm rồi. Vậy thì người đó là phạm phu rồi, không phải tưởng tượng đâu. Tự nhiên mà thành đó.

“*Trí bi phương tiện chi cực tể*”. Trí huệ, bi tâm. Bi tâm là thương xót tất cả chúng sanh vẫn chưa giác ngộ, vẫn còn tạo nghiệp nơi đó, tạo nghiệp thì sẽ có quả báo. Cho nên Phật A Di Đà xây dựng thế giới tây phương Cực Lạc là phương tiện, dùng phương tiện để phổ độ chúng sanh. Phương tiện này đến cực tể, đến cực xứ, viên mãn đến cực xứ, đẹp tốt đến cực xứ, hiệu quả càng không thể nghĩ bàn.

“*Độ sanh đại nguyện chi cứu cánh*”. Thật sự đã giúp quý vị được viên mãn thành tựu chỉ trong một đời, giúp quý vị quay về với tự tánh. Quý vị thấy có phi thường

không? Không quay về với tự tánh có nghĩa quý vị đang lang thang ở bên ngoài, vẫn chưa về nhà. Quê nhà của quý vị ở đâu? Cõi thường tịch quang chính là chốn quê nhà. Các vị phải nhớ thường tịch quang chính là tự tánh thanh tịnh viên minh thể. Quay về với tự tánh viên minh thể chính là quay về nhà. Đây mới gọi là công đức viên mãn.

Trong kinh văn có chánh định, tà định cùng bất định - ba tụ. Ba dạng lớn này. Tụ là loại tụ. Nói về 3 tụ, 3 tụ này thường gặp trong Tiểu Thừa cùng kinh luận đại thừa. Đây là điều Phật thường giảng. Cho nên người học Phật pháp quen thuộc với 3 tụ này. “*Dẫn nội dung sai dị thậm đại*”. Điều này là thật không phải giả. Phật thường dùng danh từ này, giảng với từng hạng người ý tứ sẽ cạn sâu, rộng hẹp khác nhau. Tiểu Thừa như “*Câu Xá Luận*” nói: “*các bậc thánh từ sơ quả và trên nữa đều là chánh định tu*”. Sơ quả trở lên là từ sơ quả đến A La Hán. Sơ quả Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, bốn quả vị. Bốn quả đó đều là chánh định.

Đối với Tiểu Thừa, thì phạm phu “*tạo ngũ vô gián nghiệp giả*”, đây là tà định. Ngoài ra thì giữa chánh định và tà định gọi là bất định. Bất định, hoàn toàn trông vào nhân duyên của người đó. Người đó gần gũi thiện duyên, sẽ được chánh định. Nếu gần gũi ác duyên sẽ biến thành tà định.

Trong xã hội hiện nay thì duyên là gì? Duyên là giáo dục của xã hội. Ta có thể nói giáo dục gia đình, giáo dục trường lớp, giáo dục xã hội, giáo dục tôn giáo đều là duyên. Quý vị nhận được loại giáo dục nào, thì quý vị sẽ thành như thế. Hiện nay giáo dục bị mọi người lơ là xem nhẹ hết sức phổ biến, trong lòng mọi người chỉ có tiền, chẳng còn gì khác. Quý vị xem có quá tệ hại không? Chỉ mong phát tài, phát nổi không? Nếu chỉ mong phát tài mà phát được, thì toại nỗi với các vị, Phật và Bồ Tát đều phải theo quý vị học đấy. Vì ngài cũng muốn phát tài, và thánh hiền, chánh nhân quân tử đều theo quý vị hết. Vì sao ngài không theo quý vị học? Vì ngài đã hiểu được chân tướng sự thật, thứ này không cầu mong được. Trong 8 cái khổ thì có khổ vì mong cầu mà không được. Chẳng phải hễ quý vị mong thì sẽ có đâu, cầu bất đắc mà! Vậy bạn sẽ được gì? Số phận quý vị có thì tự nhiên sẽ có, số không có cầu mấy cũng không đến. Việc này không hề giả dối. Xưa kia người đọc sách thánh hiền đều biết đạo lý này, cho nên họ chẳng mong cầu. Khổng Tử rõ đạo lý này, đời ông khá vất vả vì không hề giàu có. Thậm chí ông cũng không thuộc hạng dư ăn dư mặc. Ông sống cuộc sống của dân thường. Trong số học sinh của ông thì Nhan Hồi khó khăn nhất, thiếu đến cả cái bát để ăn,

phải lấy tre bện giỏ đựng com, dùng quả bầu hồ lô làm ly đựng nước uống. Sống như vậy nhưng Nhan Hồi rất vui, lúc nào cũng tươi cười, chưa bao giờ tỏ thái độ buồn rầu, bực bội. Vì sao thế? Vì ông biết về luật nhân quả. Ông biết nguyên lý bên trong nên ông thuộc dạng chánh định tụ, chẳng phải tà định. Người thường thì khi khổ sở vậy sẽ không chịu nổi, sẽ nghĩ ngợi lung tung, mưu việc hại người để kiếm lợi cho mình, tìm mọi cách trộm cướp của người khác để thỏa mãn dục vọng, vậy là tạo tội nghiệp, thuộc dạng tà định tụ. Khi tạo tội nghiệp thì những gì quý vị kiếm được cũng chỉ là trong số phận đã giành cho quý vị, nếu số không có thì tạo tội cỡ nào cũng chẳng có được. Quý vị có thấy uổng cho mình không? Thế nên quý vị thấy giáo dục về nhân quả hết sức quan trọng!

Phật pháp quả là thù thắng. Phần lớn xã hội đều biết “Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng”. Quý vị mong phát tài, có ứng nghiệm không? Ứng. Số quý vị không giàu, quý vị cầu Phật, Phật sẽ dạy quý vị cách phát tài. Việc đó có thật, không phải giả. Số quý vị chẳng có trí huệ, không được khôn ngoan. Phật sẽ mở trí giúp quý vị. Số quý vị không thọ, Phật có thể giúp cho quý vị được trường thọ. Có cầu tức sẽ ứng. Cứ đứng trước Phật mà kêu cầu thì vô ích, sẽ không linh. Quý vị phải học kinh điển. Trong kinh có dạy quý vị cách làm ra tiền. Phương pháp như thế nào? Chính là bố thí tiền. Người kia giàu nứt đố đổ vách, do đời đời kiếp kiếp hay bố thí tiền tài, mới có của cải nhiều như thế. Chẳng cần phải lừa đảo dối gạt ai, chỉ cần vui vẻ bố thí thì sẽ được như thế. Còn nhân của việc thông minh trí huệ là bố thí pháp. Khỏe mạnh sống lâu do nhân bố thí vô úy.

Lúc tôi còn trẻ thì gia cảnh đã khó khăn từ bé. Thuở nhỏ tôi không biết và cũng chẳng ai nói. Thực ra những năm gần đây đọc gia phả mới hay gia đạo nhà tôi đã suy lúc cha tôi chào đời. Vốn là một gia tộc lớn mà suy sụp phải bán hết tài sản. Cha tôi cũng không sở hữu được gì. Những kẻ có quyền có thế đã lấy hết. Nên cuộc sống của gia đình hết sức khó khăn, cha tôi phải làm thuê kiếm sống. Chúng tôi không có đất, chẳng có nhà, cả đời đi ở trọ. Khi Đảng Cộng Sản lên cầm quyền giải phóng đất nước, thì tôi ở nước ngoài, không ngờ chúng tôi phù hợp điều lệ của Đảng là giai cấp vô sản. Được đãi ngộ đặc biệt. Chúng tôi không có đất đã được chia đất cho. Không có nhà thì đã được phân nhà. Và cậu em trai còn được nuôi ăn học, cho đến khi tốt nghiệp đại học, đại học Phúc Đán. Sau khi tốt nghiệp cậu ấy đã ở lại giảng dạy. Đảng có ơn với tôi. Ở nước ngoài quả thật tôi nghèo rỗng túi. Tôi gặp mấy vị thầy giỏi, họ đều là những người xuất sắc. Chính là nhờ tác dụng của một ít thành kính mà mẹ dạy chúng tôi khi bé. Vì tôi chẳng

hề quen biết thầy, chỉ viết một lá thư tự giới thiệu, mong thầy cho phép được ngồi dự thính, chứ không tham vọng xa xôi, do tôi chẳng có tiền đóng học phí. Chỉ muốn được nghe thầy giảng. Người đầu tiên là thầy Phương Đông Mỹ đã đưa tôi đến với đạo Phật, giúp tôi hiểu trong Phật pháp có vô vàn tri thức, không hề mê tín dị đoan. Tôi như người sực tỉnh giấc mơ, sau đó thân cận đại sư Chương Gia - một vị cao nhân có đạo hạnh. Khi biết đại sư tôi 26 tuổi, còn ông đã 65. Thuộc hàng ông. Chắc đại sư nhìn ra số tôi nghèo khổ bần tiện. Bần là không có tài sản, tiện là không có địa vị. Hết mức của bần tiện sẽ là số ăn mày. Vì nguyên nhân gì? Vì quá khư không tu bố thí tiền bạc, không tu bố thí vô úy. Nói cách khác không những số bần tiện mà còn chết yểu. Nên đại sư đã dạy tôi dù không nói rõ ra. Mãi sau này tôi mới hiểu hết. Đại sư dạy tôi tu bố thí. Tôi thưa với ngài: con không có tiền. Tiền công mỗi tháng rất ít, chỉ đủ cho sinh hoạt, còn đâu mà bố thí? Đại sư hỏi lại: thế một xu con có không? Một xu thì có. Thế còn một đồng? Một đồng thì rảng cũng được. Vậy con chỉ cần bố thí từ 1 xu 1 đồng, để nuôi thành thói quen bố thí, để cho đầu con luôn nghĩ về bố thí. Đại sư đã dạy tôi làm như thế. Và tôi đã ngoan ngoãn nghe theo. Quả nhiên sau 3 năm, cuộc đời tôi đã thay đổi, càng lúc càng tốt hơn, tôi càng bố thí nhiều hơn. Bố thí pháp thì thầy Lý đã dạy tôi. Thầy bảo tôi phát tâm đi giảng kinh, dạy giáo lý Phật. Đây là bố thí pháp. Sau này tôi đã hiểu. Tôi đã bố thí thuốc men trong bệnh viện không hề gián đoạn suốt 60 năm qua. Đây là gì? Đây thuộc về bố thí vô úy. Quả báo của hành động này là khỏe mạnh sống lâu. Còn thập phương cúng dường thì tôi hoàn toàn học theo đại sư Ấn Quang, đem bố thí hết. Cả cuộc đời, tôi chẳng hề xây đạo tràng, đại sư Ấn Quang dạy chúng ta: dốc tâm dốc sức tu bố thí pháp, ấn tống kinh sách.

Lần đầu tôi giảng kinh ở Hồng Kông là vào năm 1977. Giảng kinh Lăng Nghiêm. Hồng Kông lúc đó chưa có đường hầm, chẳng có đường cao tốc. Phải đi phà từ Hồng Kông sang Cửu Long. Lúc đó ở Hồng Kông tòa nhà cao nhất có 50 tầng. Cửa sổ hình tròn, thiết kế rất phong cách, thú vị. Nhà cửa khác thì thường xây mười mấy tầng. Hơn 30 năm sau không còn như vậy nữa, Hồng Kông đã hoàn toàn thay đổi. Trong ký ức của tôi vẫn còn ấn tượng rất sâu sắc.

Tôi học Phật và đã nhận được hiệu quả, nên hết sức biết ơn thầy. Vật chất sinh hoạt không thiếu. Thông minh trí huệ thì quả mỗi năm mỗi khác. Mọi người nghe tôi giảng kinh đều rõ, những lời tôi giảng mỗi năm đều khác, cảnh giới luôn được nâng cao. Năm 45 tuổi, tôi bị ốm, hơn tháng sau thì khỏi. Khỏe rồi tôi lại tiếp tục giảng kinh. Cả đời chưa từng ốm nặng, chưa từng phải nằm bệnh viện. Bệnh viện

chẳng hề có hồ sơ bệnh án của tôi. Chính Chương Gia đại sư đã dạy tôi đó. “Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng”. Tôi chẳng cầu kéo dài thọ mạng, cũng chẳng xin được khỏe mạnh sống lâu. Tôi chỉ cầu ít phiền não, trí huệ tăng trưởng. Chỉ cầu vậy thôi, những thứ khác chẳng cần. Rõ ràng trong cửa Phật cầu thành Phật cũng thực hiện được. Thì chuyện dư ăn dư mặc ở thế gian chỉ là chuyện vật, làm gì có chuyện không làm được, quá dễ dàng. Chỉ cần quý vị chịu y theo Phật pháp, chắc chắn sẽ có hiệu quả. Và nhiều nhất là 3 năm, số phận của quý vị sẽ thay đổi. Đây là phương pháp cải tạo vận mệnh.

Sau này tôi đọc được quyển Liễu Phàm Tứ Huân, trong đó Viên Liễu Phàm tiên sinh càng là một tấm gương, một điển hình tiêu biểu. Quý vị xem ông ấy đã làm cách nào thay đổi số phận của mình. Thiền sư Vân Cốc đã dạy ông ấy, cũng ba cách bố thí này. Tuổi thọ ông ấy chỉ đến 53 tuổi, mà ông ấy sống đến 74, kéo dài tuổi thọ 21 năm. Công danh chỉ đến đậu tú tài, trong số mạng đâu có cử nhân, chẳng hề là tiến sĩ. Ông dứt ác tu thiện, sửa lỗi, tự làm mới mình. Sau đó ông đi thi thì đậu cử nhân, rồi đậu luôn tiến sĩ. Số ông chẳng có con, ông thật lòng mong con trai. Ông đã sinh được một đứa con rất tuyệt vời. Kế thừa gia đạo, học vấn, gia nghiệp của ông. Thế nên số phận là do chính mình tạo ra, mình có thể thay đổi số phận của mình. Việc ai khác cải số của quý vị là giả dối, không có thật đâu. Phải do chính quý vị chịu dứt ác tu thiện, cải tà quy chánh, thì quý vị mới được mọi điều như ý. Không những ta có thể thay đổi số phận chính ta, mà còn có thể sửa đổi vận hạn của gia đình, vận hạn của đất nước, thay đổi được số phận của cả thế giới. Trong kinh điển Đại Thừa Phật pháp có nói rất rõ.

Ý nghĩa của tam tụ trong Tiểu Thừa chúng ta đã hiểu. Còn nghĩa của tam tụ trong Đại Thừa phức tạp đa dạng. Niệm Lão đưa kinh luận ra cho ta biết:

Thứ nhất “Trí Độ Luận Tứ Thập Ngũ”, quyển thứ 45. Đại Trí Độ Luận 100 quyển. *Nhất giả chánh định tụ tất nhập niết bàn.* Đây gọi là chánh định tụ. “*Nhi giả tà định tất nhập ác đạo*”. Ác đạo đây là chỉ địa ngục “*Tam giả bất định*”. Ý tứ hoàn toàn khác với Tiểu Thừa. Niệm Phật cầu sanh về tịnh độ là chánh định tụ. Vì sao vậy? Vì tất nhập niết bàn. Tạo tác ác nghiệp, phỉ báng thánh hiền là tà định tụ, tất vào ác đạo. Ba loại bất định, đây chính là từ cõi người đến Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, đều là bất định tụ. Rộng hơn phạm vi của Tiểu Thừa nhiều.

Đệ nhị, Thích Ma Ha Diễn Luận vân: hữu kỳ tam chủng. Nhất giả, thập tín tiên, danh tà định tụ, bất tín nghiệp quả báo cố. “Thích Ma Ha Diễn Luận” là đại thừa.

Trong luận nói về Biệt giáo của đại thừa, không phải Viên giáo, không giống lời giảng trong kinh Hoa Nghiêm. Đây là Bồ Tát của Biệt giáo. Cho nên trước thập tín là tà định tụ, người này chẳng tin có nghiệp quả báo. Nhân thiện quả thiện, nhân ác ác báo.

Tam hiền, tứ trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, thập thánh, thập địa, gọi là chánh định tụ. Bất thối vị cố.

Tam hiền vị ở Biệt giáo đều là thập tín trong Viên giáo. Trong thập tín tên bất định tụ, hoặc tiến hoặc thoái, tiến tiến lùi lùi, cho nên “vị quyết định cố”. Trong Đại Thừa Khởi Tín Luận có giảng cảnh giới y như cảnh giới này.

“*Nhị giả*” là dạng thứ 2. *Thập tín tiền tịnh thập tín, danh tà định. Đại giác quả, danh chánh định. Tam hiền thập thánh, danh bất định.* Đại giác quả là quả vị Phật. Vậy trước thập tín, thập tín vị đều gọi là tà định. Tất cả đều giảng về Biệt giáo, chẳng phải Viên giáo. Đại giác là thành Phật, đây mới gọi là chánh định. Tam hiền thập thánh đều là bất định. Đây là cách giảng thứ hai.

Tam giả, thập tín tiền, danh tà định. Thập thánh, danh chánh định. Thập tín tam hiền, danh bất định. Chư thuyết bất đồng. Đây đều là chư vị tổ sư đại với tam tụ trong kinh Phật đã có những giải thích khác nhau.

Tiểu Thừa cho sơ quả và những quả vị trên nữa là chánh định. Đại thừa hoặc đã tất nhập niết bàn, hoặc đã trên tam hiền, hoặc đã trên thập địa, hoặc duy đã đại giác Phật quả là chánh định.

Trong câu này ý tứ sâu cạn khác nhau. Có chỗ giảng sâu, chỗ giảng cạn. Ta xem bản kinh “*chí u kim kinh sở vân*”. Hiện giờ ta xem trong kinh nói đến “*bỉ độ chúng sinh giai trụ chánh định tụ*”. Bỉ độ là thế giới Cực Lạc. Phạm những ai vãng sanh đến thế giới Cực Lạc đều là chánh định tụ. “*Tịnh Ảnh vân*” - Tịnh Ảnh đại sư là người thời Tùy. Hiệu của pháp sư cũng là Huệ Viễn, đồng danh với sơ tổ, tên hoàn toàn giống nhau. Nên trong lịch sử gọi thầy là Tiểu Huệ Viễn, thầy là người đời nhà Tùy. Còn sơ tổ Huệ Viễn đại sư của chúng ta là người đời Tấn. Nhà Đông Tấn. Còn đây đời Tùy nên gọi là Tiểu Huệ Viễn. Ngôi chùa ngài ngụ tên Tịnh Ảnh Tự. Cho nên dùng tên chùa tôn xưng ngài, không gọi thẳng pháp hiệu. Đây là cách xưng hô trân trọng nhất.

Vị phân bất thối, danh vi chánh định. Mạc vấn đại thừa Tiểu Thừa chúng sanh, sanh bỉ quốc giả giai trụ chánh định. Cách nói này rất hay. Quý vị đừng hỏi thầy

đại thừa Tiểu Thừa vẫn là chúng sinh, ddừng hỏi như thế. Đã sanh đến thế giới Cực Lạc tây phương thì đều là chánh định. Vì sao vậy? Vì không thối chuyển nữa. Quý vị xem nguyện thứ 20 trong 48 đại nguyện. Những người vãng sinh đến thế giới Cực Lạc “để làm Bồ Tát A Duy Việt Trí” A Duy Việt Trí là tiếng Phạn, dịch sang chữ hn là Bất thối chuyển. Vĩnh viễn không thối chuyển nữa, và là ba thứ bất thối chuyển: Vị bất thối, hạnh bất thối, niệm bất thối. Điều này không dễ đâu, quá hiếm có. Cho nên đều trụ chánh định. “*Vọng tây đồng chi*”. Vọng Tây pháp sư giải thích tương đồng với đây. *Tịnh vân: nhất thiết thiện ác phàm phu, thừa Phật nguyện lực, sanh bỉ quốc giả, xứ bất thối cố, thị danh chánh định.* Chỗ này chúng ta phải lưu ý đặc biệt. Tất cả phàm phu dù thiện hay ác là nói người trong xã hội chúng ta hiện nay, dù tâm thiện, hành thiện hoặc là tâm ác, hành ác. Kẻ ác chỉ cần biết sám hối, biết sửa lỗi, chỉ cần thật lòng tin tưởng đều được vãng sanh. Pháp môn tịnh tông quá rộng lớn. Phạm tội ngũ nghịch thập ác lúc lâm chung sám hối, từ 1 niệm đến 10 niệm sẽ được vãng sanh. Đây là nguyện thứ 18 trong bản nguyện của Phật A Di Đà. Điều này có lý không? Hợp lý. Người dù ác mấy nhưng hễ biết quay đầu lại thì trở thành người thiện. Ngạn ngữ xưa thường nói: “Lãng tử hồi đầu kim bất hoán”. Kẻ ác khi biết quay lại thì trở thành người tốt thật sự. Chỉ cần anh ta thật lòng quay lại, sửa lỗi thì anh ta có tư cách trở thành 1 vị Phật. Cho nên chúng ta không được coi thường kẻ ác, vì không chừng anh ta thành Phật trước cả chúng ta. Vì chuyện này có thể xảy ra. Ta mà khinh mạn thì có tội, thì là sai lầm. Phải nên giúp những người này quay lại, giúp họ sức tỉnh mới phải.

Hựu cảnh hưng vân, nhược sinh tịnh thổ, bất vấn phàm thánh, định hướng niết bàn, định thú thiện hạnh, định sanh thiện đạo, định hành lục độ, định đắc giải thoát, cố duy hữu chánh định tu, nhi vô dư nhị dã.

Bất định này và tà định chắc chắn không có. Lời giảng khẳng định như thế. “Bất vấn phàm thánh”. Phàm phu niệm Phật vãng sanh về tịnh ddooj, chỉ 1 đời quyết định sẽ thành Phật. Chỉ cần sanh về tịnh độ thì chẳng ai không thành Phật cả. Đó đương nhiên là chánh định tụ. Cho nên định hướng Niết Bàn, Niết Bàn chính là thành Phật. “Định thú thiện hạnh”. Khi vãng sanh về thế giới Cực Lạc ngày ngày được thân cận Phật A Di Đà, ngày nào cũng được nghe Phật giảng kinh không dứt. Sanh về thế giới tây phương, cách dạy ở thế giới Cực Lạc dùng phép nghe làm đệ nhất pháp môn. Phật A Di Đà ngày nào cũng không ngớt giảng kinh. Ta phải biết người ở Cực Lạc không có thân máu thịt. Thân máu thịt mới cần ngũ

cốc, các loại lương thực nuôi dưỡng nó. Người ở Cực Lạc có pháp tánh thân, mặt đất nơi họ cư ngụ là cõi pháp tánh, nên họ chẳng cần ăn uống, ngủ nghỉ, tinh thần họ luôn sung mãn, nghe pháp không gián đoạn. Cổ nhân nói “nhất môn thâm nhập trường thời huân tu”. Tu không ngừng nghỉ thì người đó sẽ tiến bộ nhanh cỡ nào. Chuyên tu ở chỗ Phật A Di Đà, tham vấn học hỏi nơi 10 phương chư Phật, học rộng nghe nhiều, thâm nhập 1 pháp môn, cùng lúc tiến hành 2 việc đó. Nhất môn thâm nhập chỗ Phật A Di Đà, ngày nào cũng đi lạy Phật, thăm viếng 10 phương Phật, cúng dường 10 phương Phật là tu phước, nghe 10 phương chư Phật thuyết pháp là mở trí huệ, là hậu đắc trí, là quảng học đa văn. Người đó cùng lúc tiến hành 2 việc này. Đây là chuyện ta hết sức mong mỏi mà không được, nhưng ở thế giới Cực Lạc điều không thể đã biến hết thành có thể. Ta có thể không mơ đến nơi này sao? Quý vị hãy cố hiểu cho rõ. Không thể không đến đó! Tôi có thể buông bỏ mọi thứ vì tôi quyết đến Cực Lạc. Đến đó làm gì? Đến đó để thành Phật. Thành Phật để làm gì? Thành Phật mới có thể phổ độ chúng sanh. Chưa là Phật sao quý vị có thể độ được người khác? Cho nên “định thú thiện hạnh, định sanh thiện đạo”. Bất luận người ấy thị hiện ở đâu thì đều là thiện đạo. Định hành lục độ. Dùng cách gì giáo hóa chúng sanh? Dùng Ba La Mật. Lục Ba La Mật phải từ nơi mình. Bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, bát nhã được, thì mọi người mới tin, mới chịu nghe quý vị. “Định đắc giải thoát”. Giải thoát là tự tại lớn. Giải khi là động từ có nghĩa là cởi ra. Cởi bỏ gì? Phiền não tập khí. Thoát là gì? Thoát ly sinh tử luân hồi, không chỉ thoát ly lục đạo mà còn thoát ly cả 10 pháp giới. “Cố duy hữu chánh định tự”. Họ đều không có tà định tự cùng bất định tự. Tất cả những người vãng sanh về Cực Lạc đều là chánh định tự. Trong Hội Sơ nói cũng tương đồng ở đây.

Lại trong Chân Giải thì ý tôn của Thiện Đạo đại sư. Tôn là căn cứ, y cứ lời giải thích của Thiện Đạo đại sư. Thích Ma Ha Diễn Luận gọi chánh định tự là quả vị Phật cho đến thập địa tam hiền đều là chánh định tự. tịnh độ chánh định tự diệt nhiên. Chánh định tự trong pháp môn tịnh độ nói tương đồng với ý ở đây. Hoặc hiện thập địa tam hiền đẳng kỳ thể tất chí diệt độ, đản thị nhất niết bàn chi thị hiện sai biệt nhĩ. Chư Phật Bồ Tát ứng hóa rất nhiều ở thế gian, chuyện này là thật, không hề giả dối. Trong Đại Tạng Kinh có Thần Tăng Truyện, có Cư Sĩ Truyện. Những người xuất gia hay cư sĩ tại gia có thần thông này, đều là cổ Phật tái sanh, Bồ Tát, A La Hán tái sanh. Các ngài đến thế gian này, khi cần hiện thân gì để độ thì sẽ hiện thân ấy. Như những gì Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện ở thế gian này là một vai trò, không phải thật. Ngài diễn rất thật. Trong Kinh Phạn

Võng chính Ngài đã nói, lần này cũng là 3000 năm trước thị hiện ở Ấn với thân phận Phật. Ngài nói đây là lần thứ 8000 Ngài thị hiện đến thế gian. Thường đến thế gian thì y như lên sân khấu biểu diễn. Lần thứ 8000. Từ kiếp lâu xa Ngài đã là Phật rồi. Chúng sanh nơi này có cảm thì Ngài đến. Cần hiện thân Phật để độ thì Ngài hiện thân Phật.

Chúng ta lại xem Huệ Năng đại sư thời Đường, ở Tân Hưng Quảng Đông rất gần nơi này. Thị hiện của Huệ Năng đại sư chẳng khác với Phật Thích Ca Mâu Ni. Phật Thích Ca ngồi dưới gốc cây bồ đề đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, Huệ Năng đại sư thì được nghe giảng Kinh Kim Cang trong phòng phượng trượng mà khai ngộ, cũng là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Ngộ này cũng bình đẳng với Phật Thích Ca, không hề sai biệt. Ở Trung Quốc thì Lục Tổ thấy cần hiện thân Tỳ kheo độ, ngài liền hiện thân Tỳ kheo mà thuyết pháp.

Bồ Tát Quán Thế Âm có 32 ứng. Không phải theo ý Ngài để ứng thân mà theo ý chúng sanh. Dùng thân thế nào hợp với ý chúng sanh thì Ngài sẽ thị hiện thân đó. Bản địa cao sâu khó lường, ta không biết được, chúng ta chỉ nhìn thấy dấu vết của Ngài để lại.

Cho nên Bồ Tát hoặc hiện thập địa, hoặc hiện tam hiền, “kỳ thể tất chí diệt độ”. Thân của Phật Thích Ca Mâu Ni nhất định phải diệt độ. Thân của Huệ Năng đại sư cũng diệt độ rồi, Ngài còn lưu lại 1 nhục thân. Phật Thích Ca Mâu Ni thì lưu xá lợi. Lục Tổ Huệ Năng đại sư lưu nhục thân. “Đản thị nhất niết bàn giới”. Tóm lại 1 câu đều là “thị hiện sai biệt nhĩ” của Niết Bàn giới. Niết Bàn giới là minh tâm kiến tánh, bất sanh bất diệt. “Ước nhất pháp cú”. Nếu phải nói bằng 1 câu pháp, thì 1 câu trong Vãng Sanh Luận, “tác thập địa” thập địa Bồ Tát, “tam hiền bồ tát đương tương tức thị”. Tức là gì? “Chân thực trí huệ vô vi pháp thân dã”. Pháp thân Bồ Tát đến thị hiện, thì sao không phải pháp thân? Nhục thân thị hiện của Ngài chính là pháp thân. Chúng ta không biết nhưng Ngài biết. Đây có 1 ví dụ: tỷ như người này đã có học vị tiến sĩ, là giáo sư dạy ở đại học, ông ta cũng có thể đến trường cấp 3 cấp 2 làm giáo viên đứng lớp, thậm chí có thể làm giáo viên tiểu học. Bất luận ông ta dạy ở trường nào, làm thầy ở cấp bậc nào thì học vị tiến sĩ kia cùng chức danh giáo sư đại học cũng không hề thay đổi. Đây là chân thật trí huệ vô biên pháp thân. Nhưng Ngài hiện tướng khác nhau, hiện tướng có địa vị rất thấp, thật ra Ngài ở trên cao vòi vọi. Đây là sai biệt của thị hiện.

“*Chân giải*” thể hiện ý kinh sâu sắc, nói rất hay! Vì đã hiển thị được nghĩa kinh thậm thâm. “*Cái vị tịnh độ chi chủ bạn giai thị đại thừa*”. Chủ là Phật A Di Đà, bạn là tất cả những người vãng sanh về Cực Lạc. Từ phạm thánh đồng cư sĩ hạ hạ phẩm đến thượng thượng phẩm của cõi thật báo trang nghiêm đều là đại thừa. “*Cố giai trụ u chánh định tụ*”. Nhất là nguyện thứ 20 nói rất rõ: mỗi kẻ vãng sanh về Cực Lạc đều làm Bồ Tát A Duy Việt Trí. A Duy Việt Trí là chánh định tụ, là đại thừa. Phạm phu mà được vãng sanh cũng sẽ nhập vào địa vị, cấp bậc này.

Về thị hiện thập địa tam hiền. Kỳ thể tất nhập Niết Bàn, đương tương tức thị pháp thân, cố u giai tất trụ u chánh định chi tụ cú hạ, kiên tiếp quyết định chứng u A Nậu đa la tam miệu tam bồ đề.

Câu nói theo này là tiếng Phạn dịch sang chữ Hán nghĩa là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Ai chứng đắc? Diệu giác Bồ Tát chứng đắc. Diệu giác là quả vị Phật, đây là quả vị cứu cánh tốt cùng. Nói cách khác dưới này tổng kết rất hay: người vãng sanh về đều nhập vào chánh định tụ, đều được quyết định thành Phật, cực hiển đại nguyện không thể nghĩ bàn của Phật A Di Đà. Tổng thể câu này nói là chỉ cần quý vị vãng sanh về Cực Lạc, nhất định quý vị sẽ thành Phật. Thành Phật như thế nào? Thành Phật hoàn toàn cùng 1 đẳng cấp với Phật A Di Đà, không hề dưới Phật A Di Đà. Mà cấp bậc của Phật A Di Đà rất cao. Phật Thích Ca Mâu Ni tiêu biểu cho tất cả chư Phật trong 10 phương đã tán thán Phật A Di Đà là: “quang trung cực tôn, Phật trung chi vương”. Quý vị thành Phật thì sẽ như Phật A Di Đà, có nghĩa cũng là Phật trung chi vương. Đến đâu mà tìm những lợi lạc này? Chỉ trong kinh Vô Lượng Thọ có thôi, chỉ có ở nơi thế giới Cực Lạc, câu nào cũng là lời chân thật không hề nói láo. Đạo Phật thường nói: “thân người khó được, Pháp Phật khó được nghe”. Dù có nghe pháp Phật, cũng không dễ được nghe giảng về đại thừa. Được nghe giảng về đại thừa cũng không dễ được nghe Kinh Vô Lượng Thọ, đây là pháp môn của tịnh tông. Quý vị thật sự gặp được pháp môn này, đời quý vị sẽ được độ, không phải độ thường, mà là được độ viên mãn, quý vị sẽ thành Phật như Vương Tử A Xà vậy. Vương Tử A Xà nghe Phật Thích Ca Mâu Ni giảng bộ kinh này xong thì hoan hỉ, phát nguyện sẽ thành Phật như Phật A Di Đà. Hy vọng các quý vị nghe xong cũng sẽ y như Vương Tử A Xà, quyết định 1 đời vãng sanh, 1 đời thành Phật y như Phật A Di Đà.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 382

Chuyên ngữ: Lý Hương

Biên tập: Minh Tâm

Thời gian: 22/04/2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 472, hàng thứ sáu. Phẩm này hội tập ba bản dịch Ngụy Đường Tống. “*Văn viết nhược dĩ sanh nhược đương sanh. Nhược đương sanh xem 2 bản dịch Đường Tống. Giai tất trụ u chánh định chi tụ. Dĩ sanh là đã vãng sanh. Đương sanh chỉ hiện giờ, bao gồm những kẻ về sau, tu học pháp môn này cũng sẽ được vãng sanh. Đấy đều là Tụ chánh định trong tam tụ, đều thuộc về chánh định. Thể hiện trọn vẹn sự sâu rộng của đại nguyện Di Đà, chẳng những kẻ đã vãng sanh Cực Lạc, trụ chánh định tụ, chắc chắn sẽ chứng đắc Bồ Đề, thậm chí tất cả chúng sanh hiện giờ và tương lai sanh về Cực Lạc, nhưng có thể phát tâm Bồ Đề, nhất hướng chuyên niệm, có thể tương ứng với bốn thể của Đức Di Đà. Tuy ở uế độ, vẫn là phàm phu bị trói buộc, nhưng cũng đã trụ ở chỗ tụ chánh định, tất nhiên chứng đắc Bồ Đề.*”

Đoạn này rất quan trọng, bảo chúng ta hiện vẫn ở thế giới Ta Bà, vẫn trong cõi ngũ trược ác thế. Hiện nay mức độ trược ác hết sức nghiêm trọng. Chư Phật và Bồ Tát không đành đứng nhìn, trời đất quỷ thần cũng chẳng nở thấy thế. Trong hoàn cảnh này mà tu học theo Tịnh độ tông liệu có thành tựu không? Đoạn khai thị này quan trọng. Không chỉ kẻ đã sanh vào thế giới Cực lạc, trụ vào chánh định tụ, chắc chắn chứng đắc Bồ Đề. Việc này chẳng còn phải nói. Ta đều tin, đều khẳng định. Còn hạng giờ đang tu học tịnh độ, vẫn chưa vãng sanh, bao gồm tương lai những người này. Hai câu sau cực kỳ quan trọng: “phát tâm Bồ Đề, nhất hướng chuyên niệm”. Đây là điều kiện mà ba hạng vãng sanh cần phải đầy đủ.

Tâm Bồ Đề là gì? Hơn 20 năm trước chúng tôi đã nêu ra. Để mọi người hiểu rõ, không phải nghi hoặc. Chúng tôi dùng ngay chính đề của bốn kinh, “Thanh tịnh bình đẳng giác”. Đấy chính là tâm Bồ Đề. Thể của tâm Bồ Đề là chân thành. Nhất định ta phải học tập cách sống chân thành. Mặt trái của chân thành là hư vọng.

Xử sự đối nhân tiếp vật, ta quyết không sống giả dối. Điều này chúng ta chẳng thể không biết. Liệu ta có thể không giả dối sao? Rất khó. Vì sao vậy? Vọng tâm chính là giả dối. Thế nào gọi là vọng tâm? Tâm phân biệt là vọng tâm, tâm chấp trước là vọng tâm. Nó chẳng phải chân tâm. Mình không kiểm soát nổi chính mình. Cho nên nhất định phải học sống chân thành, chính là sống thật thà. Vậy bắt đầu từ đâu? Bắt đầu với chính mình. Ta mong người khác đối xử với ta ra sao, thì ta phải đối xử với họ như thế trước, phải bắt đầu từ đây. Những gì ta không thích, tin chắc là kẻ khác cũng không muốn. Cổ nhân có dạy: “Làm mà không được, phải tự trách mình”. Ngày nào cũng phải tự kiểm điểm, ngày nào cũng phải phát hiện lỗi lầm của chính mình. Việc này rất quan trọng. Những lời tán thán, khen ngợi của kẻ khác với ta chưa chắc đã thật. Những chỉ trích, phê phán của họ về ta thì lại không hề dối trá. Ta phải tự kiểm điểm nghiêm túc. Vậy cung kính, khen ngợi nhiều khả năng do khách sáo giả dối. Chỉ trích thì là vì họ không hài lòng về ta. Ta phải nghiêm túc kiểm điểm xem có chỗ nào gây méch lòng, có chỗ nào sai sót phải biết sửa lỗi, phải biết tự kiểm điểm, tự đối mới chính mình. Điều đó sẽ giúp ta rất nhiều. Vì thế ta phải biết ơn, nhất là những kẻ chỉ trích ta, dù cố tình hay vô ý, thiện ý hay ác ý, ta đều phải biết ơn hết. Những người này sẽ giúp ích nhiều cho việc tu học của ta. Chư Phật Bồ Tát sở dĩ thành Vô thượng chánh đẳng chánh giác, không gì khác hơn do biết chân tướng của sự thật. Loại thứ ba trong ba loại chu biến của Hoàn Nguyên Quán là “Hàm dung không hữu”, biết sự thật này. Câu này nói gì? Câu này nói tâm lượng vốn có của chúng ta lớn biết bao. “Hàm” là bao hàm, bao hàm vũ trụ, bao hàm không gian. “Dung” là dung nạp, dung nạp vạn vật. Nhà Phật thường nói: “tâm bao thái hư lượng chu sa giới”. Đây là tâm lượng vốn có của chúng ta. Vì sao giờ ta chẳng thể bao dung chút nào? Khổ sở của ta chính là ở đây. Mê cũng chính ở chỗ này. Tạo nghiệp cũng chính chỗ này. Chịu quả báo cũng do nó. Thế tại sao không mở lòng ra? Như Chư Phật Như Lai, pháp thân đại sĩ đều có tâm lượng bao trùm hư không, chứa đựng pháp giới. Phải học trong sinh hoạt thường ngày, học trong công việc, học trong đối nhân xử thế. Đây là tu hành thực sự, là thực sự học theo Phật. Người như thế đương nhiên trụ vào chánh định tự, nên chân thành phát Bồ Đề tâm và cũng là cái thành kính mà Ấn Quang đại sư hay nói. Đây là thể của tâm Bồ Đề, quan trọng hơn tất cả.

Giờ thì khó ở đâu? Khó ở không có tấm gương, khó nhất vì không có mẫu mực. Thời xưa có. Xưa kia chẳng ai không hiểu thảo. Có thể chẳng thành kính với người khác nhưng với cha mẹ thì luôn thành kính. Cha mẹ chính là tấm gương

tốt. Dùng tấm lòng chân thành đối với cha mẹ ra đối đãi với tất cả chúng sanh. Tâm Bồ Đề sẽ rất dễ phát khởi. Giờ thì con cái bất hiếu với cha mẹ. Còn cha mẹ cũng chẳng xem con cái như con cái, mà xem như ai? Xem như bạn. Điều này rất thòi thượng, nhưng lại là sai lầm lớn lao, vì đã nhỏ bật gốc rễ luân thường, nhỏ bật gốc rễ luân thường rồi, coi như nhỏ luôn sự hài hòa của xã hội, nhỏ luôn sự hài hòa của vũ trụ. Ai biết tội này nghiêm trọng nhường nào? Ai có thể nói được? Chẳng một ai! Thời xưa thì ai cũng biết cha mẹ có ơn đức lớn nhất với ta. Ngang hàng với cha mẹ là thầy giáo.

Khi học Phật, quý vị xem điều thứ nhất trong Tịnh Nghiệp Tam Phước là: “Hiếu dưỡng phụ mẫu”, câu thứ hai “phụng sự sư trưởng”. Cho nên tôi hay nói Phật pháp lan truyền khắp thế giới, nhưng chỉ ở Trung Quốc mới mọc rễ, tăng trưởng, nở hoa, kết trái. Bất kỳ nơi đâu cũng không bằng được Trung Quốc. Vì sao vậy? Vì người Trung Quốc có nền tảng chữ hiếu, Phật pháp là sư đạo. Sư đạo được xây dựng trên cơ sở của hiếu đạo. Không có hiếu thì đâu ra tôn sư trọng đạo? Do đó Phật pháp, nhất là Đại thừa hai ngàn năm ở Trung Quốc, có thành tựu vượt xa Ấn Độ. Đó là nói trước kia, không phải hiện giờ. Giờ thì ở Ấn không còn đạo Phật. Phật pháp đã hòa làm một với văn hóa truyền thống của Trung Quốc. Đức Phật có độ lượng này. Các bậc thánh hiền xưa kia cũng có độ lượng này. Độ lượng đó từ đâu? Từ trong đạo hiếu. Đạo hiếu của người xưa rất sâu rễ bền gốc. Phật pháp mở rộng đạo hiếu đến biên pháp giới hư không giới, đạo hiếu mới cứu cánh viên mãn.

Chân thành với chính mình. Giờ ta không biết phải đối đãi với chính mình như thế nào? Đề của Kinh Vô Lượng Thọ là “Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác”. Năm chữ này với chính mình. Chân thành với chính mình là thanh tịnh, chân thành với chính mình là bình đẳng, là giác mà không mê. Thế còn với người? Với người thì từ bi. Đại từ đại bi. Từ bi rộng lớn này bao gồm những gì? Từ là vui với chúng sanh. Bi là giúp chúng sanh lìa khổ. Từ bi là giúp chúng sanh lìa khổ được vui. Từ bi này là từ bi chân thành, từ bi thanh tịnh, từ bi bình đẳng, từ bi của chánh giác. Đây gọi là tâm Bồ Đề. Trong yêu đương thì không có chân thành, không có thanh tịnh, không có bình đẳng, chẳng có chánh giác. Đây chẳng phải tâm Bồ Đề. Ta nói cách này để mọi người dễ hiểu.

Chân tâm, thâm tâm, tâm đại bi mà cổ nhân đề cập rất khó giải thích. Thế nào là thâm tâm? Các bậc thánh hiền xưa thường chú giải là hiếu thiện hiếu đức. Hiện nay chúng ta dùng “thanh tịnh bình đẳng giác” dễ hiểu hơn, rất cụ thể. Trong từ

bi có chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, giác. Phải luyện nó trong đời sống thường nhật, hy vọng mỗi năm mỗi tiến bộ hơn, mỗi tháng mỗi tiến hơn. Đây là tu hành thực sự. Có tâm Bồ Đề rồi, về phương pháp là nhất hướng chuyên niệm. Tâm Bồ Đề là chân tâm, phải đem chân tâm ra niệm Phật. Vọng tâm niệm Phật không được, không tương ứng. Dùng chân tâm, luôn luôn, một phương hướng, một mục tiêu. Điều này vô cùng cần kíp. Chuyện đại sự hàng đầu trong cả đời ta, không gì khác ngoài cầu sanh về thế giới Cực Lạc phương tây, được thân cận Phật A Di Đà. Vì sao chúng ta phải làm như vậy? Đức Phật A Di Đà mong ta làm như vậy. Đức Phật Thích Ca cũng mong ta nghe theo lời dạy của Phật A Di Đà. Không chỉ Phật Thích Ca mong thế, tất cả chư Phật Như Lai trong 10 phương thế giới đều tương đồng, chẳng có vị Phật nào không khuyên đệ tử phát tâm Bồ Đề, nhất hướng chuyên niệm A Di Đà Phật. Vì sao vậy? Tình yêu thương che chở của thầy với đệ tử, thầy mong đệ tử được thành tựu, yêu thương đệ tử, thật lòng mong đệ tử thành tựu, thì gửi đệ tử đến học ở thế giới Cực Lạc. Phật A Di Đà là vị thầy giỏi. Học với ngài chắc chắn sẽ không còn sai sót, chắc chắn sẽ thành công. Quý vị thành Phật thì nguyện vọng giáo hóa chúng sanh của Phật Thích Ca Mâu Ni sẽ đạt, sẽ viên mãn. Quý vị không thành công thì Đức Phật thất vọng lắm. Sẽ thấy quý vị đã để lỡ cơ hội tốt thế, quý vị phải chờ tiếp, chờ lần sau, lần sau đó rất lâu xa. Quý vị phải trải qua nhiều kiếp luân hồi mới lại được gặp. Cơ hội này chẳng luôn có, nên gặp rồi thì đừng buông, phải nắm giữ chặt, phát tâm Bồ Đề, nhất hướng chuyên niệm. Chúng ta chỉ có một phương hướng, chỉ có một mục tiêu. Tất cả những việc khác buông bỏ hết.

Liên Trì đại sư dạy rằng: Tam Tạng 12 bộ kinh để người khác ngộ. Buông hết. 84000 hạnh nhường người khác hành. Cả 8 muôn 4 ngàn pháp môn cũng buông, chỉ chuyên tu một môn Tịnh độ, chỉ chuyên niệm một vị Phật A Di Đà, thì chắc chắn sẽ thành tựu! Huống chi trong kinh điển nói rất rõ ràng, sanh vào thế giới Cực Lạc, mỗi ngày đều được thăm viếng chư Phật Như Lai vô lượng vô biên vô số vô tận trong 10 phương thế giới. Vì khi tới thế giới Cực Lạc, năng lực của quý vị hầu như khôi phục toàn bộ. Đây là nhờ oai thần của bản nguyện đức Phật A Di Đà gia trì. Bản thân quý vị trong giảng đường Phật A Di Đà, nghe Phật giảng dạy. Cùng lúc quý vị có thể phân làm vô lượng vô biên thân, đến quốc độ Phật ở 10 phương để lễ bái Phật, cúng dường là tu phước, nghe kinh, nghe pháp là tu trí huệ, phước huệ song tu. Không thể không biết ích lợi này.

Ba loại ích lợi, bốn kinh này nói đến phạm vi chân thực, trí huệ chân thực, lợi ích chân thực. Ta rất khó hiểu được phạm vi chân thực, nhưng trí huệ và lợi ích chân thực thì không khó. Vãng sanh tây phương cực lạc, chúng ta một lòng nhất tâm chuyên cầu vãng sanh chính là trí huệ chân thực. Đây là sự chọn lựa rất trí huệ khôn ngoan. Ta có nhân duyên thù thắng đến thế giới Tây phương Cực Lạc. Mỗi ngày đều được thân cận tất cả chư Phật Như Lai trong 10 phương thế giới. Ngày nào cũng được tiếp cận với vô lượng vô biên pháp môn, được học rộng nghe nhiều. Trong giảng đường của đức Phật A Di Đà, chuyên tâm nghe mình ngài thuyết pháp giảng kinh là nhất môn thâm nhập. Nhất môn thâm nhập và học rộng nghe nhiều đồng thời học tập, ở nơi khác là không thể, nhưng chỉ ở chỗ Phật A Di Đà lại được. Oai thần của Phật Di Đà thị hiện thân thông của ngài ở đây. Không có thần lực ngài gia trì sao ta có được năng lực đó? Sao có thể thân cận tất cả chư Phật?

Sanh vào thế giới Cực Lạc thì thậm chí hiện chưa vãng sanh, tôi đã quyết tâm, tôi thật sự thực hành. Ngoài pháp môn này tôi chẳng cần các pháp môn khác. Đây là tương ứng với bốn thế của Di Đà. "Tuy cư uế độ" Tuy hiện ta đang sống ở trong thế giới này. Lúc này nơi đây ta vẫn là thân phàm phu. "Cụ phước", nghĩa là chưa buông bỏ phiền não. Tắm thân vác theo phiền não nặng nề này, nhưng xem như quý vị đã trụ chánh định tụ. Vì sao vậy? Vì quý vị quyết định vãng sanh. Chỉ cần sanh về nơi đó thì chắc chắn 1 đời sẽ thành Phật "quyết chứng Bồ Đề". Ta không thể không hiểu ý nghĩa việc này. Trong đại thừa có nói "chánh định tụ" chỉ pháp thân Bồ Tát mới có. Thập địa trong Biệt giáo chính là pháp thân Bồ Tát. Tam Hiền còn ở pháp giới tứ Thánh, không tính là chánh định Tụ. gười niệm Phật đã hạ quyết tâm buông bỏ hết, chẳng cần gì nữa. Chỉ cần được vãng sanh về thế giới Tây phương Cực lạc, ý niệm này chính là chánh định tụ, quyết không thay đổi.

Phải biết rằng, đức Phật nói 8 vạn 4 ngàn pháp môn, để tiếp dẫn 8 vạn 4 ngàn căn tính khác nhau. Ngài luôn hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Ta phải rõ ý này, Phật độ chúng ainh chỉ với một mục tiêu duy nhất, chính là mong bạn sớm trở thành Phật. Pháp môn Tịnh Tông là pháp môn đệ nhất giúp ta sớm thành Phật. Khi quý vị không chịu tiếp nhận pháp môn này mới nói đến pháp môn khác. Pháp môn này thành tựu trong 1 đời. Pháp môn khác thì phải nhiều đời nhiều kiếp. Vì sao vậy? Ai cũng biết phiền não cả đời không dứt được. Điểm thù thắng của Tịnh

Tông là không dứt được phiền não vẫn có thể vãng sanh, gọi là đời nghiệp vãng sanh. Thù thắng ở chỗ này.

Đoạn dưới Niệm Lão nói: “*Sự thành siêu tình ly kiến, bất khả tư nghị, tuyệt đãi viên dung, cứu cánh phương tiện dã*”. Những lời này đều rất chân thật. “Thành” là chân thật. Chân thật siêu vượt thường tình. Viễn ly kiến giải sai lầm của chúng ta. Không thể nghĩ bàn về cái chân thực trong chân thực. “Tuyệt đãi viên dung” chính là tuyệt đối, chẳng phải tương đối. 8 vạn 4 ngàn pháp môn đều là pháp phương tiện. Pháp phương tiện trong các pháp phương tiện, phương tiện cứu cánh, rất khó gặp, mà ta đã được gặp rồi, thì quan trọng nhất là phải nắm bắt. Đời này chắc chắn sẽ thành tựu.

Lại Đường dịch nói: trong kinh Kinh Đại Bảo Tích. nhược đương sanh giả, giai tất cứu cánh vô thượng Bồ Đề, đáo Niết Bàn xứ, hà dĩ cố? Nhược tà định tụ cập Bất định tụ bất năng liễu tri kiến lập bỉ nhân cố.

Đây là kinh văn trong Vô Lượng Thọ Hội trong Kinh Đại Bảo Tích. “Nhược đương sanh”, đương sanh là hiện vẫn chưa sanh về đó, nhưng chắc chắn sẽ sanh về đó. Điều kiện quyết định để được sanh về nơi đó ta không thể không biết. Đó là đồng tâm, đồng nguyện, đồng đức, đồng hạnh với đức Phật A Di Đà, thì sẽ được sinh về. Vậy tâm của đức A Di Đà như thế nào? Giúp tất cả chúng sanh đều thành Phật đạo trong một đời, “nhất thiết giai thành Phật”, là tâm của Phật A Di Đà. Còn nguyện của Phật A Di Đà, thì ai cũng biết là tứ thập bát nguyện. Lời nguyện nào cũng hiển thị chân tâm giúp đỡ chúng sanh của Phật A Di Đà. Chân tâm, chân nguyện không vì mình, chỉ mong chúng sanh vui, chỉ mong chúng sanh giác ngộ, đức Phật luôn tùy thuận. Ta có thể phát nguyện, phát 48 nguyện của Phật A Di Đà. Ngài phát nguyện gì thì chúng ta phát nguyện theo như thế, chân thật, không dối trá. Kế phải tu hành 5 kiếp như ngài, nguyện nào cũng phải thực hiện. Nhất định phải vận dụng trong sinh hoạt thường ngày, nhất là khi đối nhân xử thế tiếp vật. Với con người, với cỏ cây hoa lá, ruồi muỗi kiến sâu, với trời đất, quỷ thần. Vì sao vậy? Vì họ đều chưa thành Phật, đang lưu chuyển trong lục đạo. Ta đem tâm chân thành cung kính ra đối đãi, tự tu và khuyến dụ người cùng sanh về cực lạc quốc. Để ai cũng chứng đắc cứu cánh viên mãn, thì tâm nguyện này tương ứng hoàn toàn với tâm nguyện của Phật A Di Đà. Chính là cứu cánh vô thượng Bồ Đề, đáo Niết Bàn xứ. Đáo Niết Bàn xứ là phạm vi chân thật, là trở về với tự tánh, cứu cánh viên mãn mà ta hay nói. Nếu tà định hay bất định thì không đến được cảnh giới này.

Chúng ta xem chú giải sau đây: *Cái vị đương sinh cực lạc giả, giai tất kiến lập vãng sanh chi chánh nhân*. Kiến lập bỉ nhân chính là nhân duyên chính vãng sanh. Nhớ nhân duyên chính để vãng sanh là phát tâm Bồ ĐỀ, nhất hướng chuyên niệm. Theo chánh nhân này, tất có quả vãng sanh, đương nhiên một đời sẽ thành Bồ Phật Bồ là hậu bồ. Bồ Phật là địa vị gì? Là Đẳng giác Bồ Tát. Bồ Tát có địa vị cao nhất, trong 51 địa vị, người này là địa vị cao nhất- đẳng giác. Lên nữa thành quả vị Phật, cứu cánh viên mãn.

Cổ viết quyết định chứng u A Nậu Đa La Tam miệu Tam Bồ Đề - vô thượng chánh đẳng chánh giác. “*Bỉ tà định tụ cập bất định tụ chi nhân*”. Tà định tụ là gì? Là kẻ tâm không định vãng sanh về thế giới Cực Lạc.

Xã hội bây giờ thường lòng người đặt vào đâu? Vào kiếm sống, cứ như sanh ra trong thế giới này chỉ để kiếm tiền, ngoài việc kiếm tiền ra thì không còn biết đến gì khác. Kẻ này có vui không? Cả đời buồn chán, khổ sở. Chưa kiếm ăn được thì vắt óc tìm cách, kiếm được lại sợ mất. Suốt ngày căng thẳng, tâm trí rối bời, phiền não, lo âu, băn khoăn khổ sở quá nhiều. Vì tà định này, dùng thủ đoạn bất chánh sẽ tạo ra vô số ác nghiệp. Không thể tưởng tượng quả báo trong lục đạo.

Trong số phận có, như vua chúa do số phận định sẵn, dùng thủ đoạn sai lầm, dùng quyền lực cướp chính quyền, cướp được thì số làm vua. Số không có cướp cũng chẳng được, còn báo hại chính mình phải đọa địa ngục Vô Gian, nghĩa là địa ngục A Tì. Quý vị thấy oan uổng không? Nếu chẳng hay mình sai trái, không biết sám hối, quay đầu thì chẳng thể nào thoát khỏi đó. Những việc này Phật Thích Ca Mâu Ni giảng nhiều trong kinh điển. Chúng tôi chép lại lời đức Thế Tôn từ kinh luận ra, hội tập thành quyển Chư Kinh Phật Thuyết Địa Ngục Tập Yếu. Ta đọc quyển này là xem hết tất cả địa ngục Phật nhắc đến trong tất cả kinh luận trong bộ Đại Tạng Kinh. Giảng hay hơn bên Đạo giáo. Đạo giáo nghiêng về quả báo, nhưng lại ít nói nguyên nhân tạo ra quả đó. Phật giảng rất rõ, mỗi dạng quả đều có nhân riêng. Ta hiểu hôm nay ta không tạo nhân thì tương lai sẽ chẳng phải gặp quả này. Người tu Tịnh Tông biết những điều này hay không cũng chẳng hề gì. Chỉ cần định tâm vào đức A Di Đà thì chẳng sao, chẳng cần phải biết gì khác, chẳng phải bận tâm. Để tâm thanh tịnh bình đẳng của chúng ta mau hiện ra, không cần phải biết gì khác.

Như trong xã hội hiện nay, quá nhiều thông tin về thiên tai. Ta có cần biết đến không? Không cần. Chỉ cần nắm chắc một việc: tai họa kiểu này phải dùng cách

gì giải quyết. Những thứ khác không cần phải biết. Phương diện nào cũng nêu cách giải quyết giống nhau là niệm Phật. Vậy thì được rồi. Ta một lòng chuyên tâm niệm A Di Đà Phật là được. Những thông tin về mặt này không cần hỏi đến, còn bận tâm làm gì? Ấn Quang đại sư giảng rất hay: “Niệm Phật có thể tiêu túc nghiệp”. Chỉ cần niệm Phật, niệm cho hết sạch phiền não tập khí của chính mình, gọi là chân niệm Phật.

Niệm Phật được gì? Niệm Phật được tâm thanh tịnh. Có phải ta có được tâm thanh tịnh? Đây chính là hiệu quả. Tôi niệm Phật bao năm, giờ tâm tôi có thanh tịnh chẳng? Có buông bỏ chẳng? Thế duyên có buông bỏ chẳng? Tâm thanh tịnh có hiện tiền không? Pháp hỷ có hiện tiền chẳng? Được thọ dụng thật thì rất vui mừng. Kinh luận thường nói: “Phiền não nhẹ thì trí huệ tăng trưởng”, đây chính là hiệu quả việc quý vị niệm Phật. Nếu phiền não vẫn còn nặng nề thì trí huệ không sinh. Vậy ta phải suy ngẫm nghiêm túc. Tuyệt đối không phải do lý luận sai hay sai phương pháp tu, mà do chính cách ta tu có vấn đề. Phải tìm ra và loại bỏ thì công phu của ta sẽ đắc lực. Những lý luận, phương pháp, kinh nghiệm này có hết trong kinh điển. Ta không đọc nổi kinh điển thì xem chú giải của cổ nhân. Không hiểu chú giải thì đọc đi đọc lại nhiều lần. Người xưa dạy rằng: “Đọc ngàn lần sẽ tự thấy nghĩa của nó”. Theo tôi chúng ta chưa đọc đến ngàn lần. Ngàn lần vẫn không hiểu thì 2000, 3000, 4000, cứ tiếp tục đọc như thế, buông hết mọi việc, nhất tâm chuyên niệm, chắc chắn sẽ có ngày hoát nhiên đại ngộ. Vấn đề của quý vị đã được giải quyết, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Đến thế giới Cực Lạc chắc chắn không phải cõi phàm thánh đồng cư. Người khai ngộ thực sự sanh về thế giới Cực lạc sẽ đến thẳng cõi thật báo. Cho nên tà định thì không được.

Nói cách khác mục tiêu không định vào thế giới Cực Lạc, không định gặp Phật A Di Đà, đều xem là tà định. Vì sao vậy? Vì đời này không thể thành tựu. Bất định cũng không được vì cứ nghiêng ngả, lúc đòi học thứ này, lúc học thứ kia, không tự chủ sẽ rất khó thành tựu, tâm không chuyên nhất, tham vọng quá nhiều, phương hướng quá nhiều, mục tiêu quá nhiều. Rồi cuộc chẳng việc nào thành.

Chỗ này Niệm Lão nói rất hay: Người tà định, bất định, không thể thật lòng muốn thoát khỏi sanh tử. Còn muốn luân hồi trong sáu nẻo, sanh tử chính là lục đạo luân hồi, không thể phát tâm Bồ Đề, không thể có tín nguyện sâu, không thể tin sâu nguyện thiết, không thể niệm danh hiệu, trì danh hiệu Phật. Bốn việc trên kể đó đều không làm được. Chẳng nói đâu xa, những bạn đồng tu tịnh độ. Lúc còn trẻ, tôi thân cận thầy Lý, thầy sáng lập Đài Trung Phật giáo Liên Xã ở Đài Trung,

giảng dạy kinh, dẫn dắt mọi người cùng niệm Phật, đồng tu rất đông. Thầy thường bảo các bạn trong liên xã: 10.000 người chỉ có khoảng 3 đến 5 người có thể vãng sanh thật sự, trong mười ngàn người chỉ có ba đến năm người. Không nói đến nơi khác, chỉ nói đến người trong liên xã. Thiện Đại đại sư dạy rằng: pháp môn này “vạn người tu, vạn người đến nơi”, nhưng giờ trong 10.000 chỉ 3, 5 người đến được đó. Vì sao vậy? Tuy niệm Phật, tuy nghe kinh, nhưng không thật lòng vì sanh tử, là chưa định thoát khỏi 6 nẻo luân hồi, chưa có ý niệm đó. Sáu nẻo cũng hay hay rất vui, còn tiếc không nỡ rời. Điều này khá rắc rối. Không thể phát tâm Bồ Đề, không chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi. Khởi tâm động niệm vẫn ích kỷ tự tư tự lợi, vẫn ham danh lợi, tham luyện ngũ dục lục trần. Điều này thật là tệ hại. Quý vị nghĩ tin tịnh độ không? Tin. Có tin niệm Phật được vãng sanh không? Tin, nhưng không thực làm. Không thực tin, nguyện không tha thiết, công phu trì danh không hết sức. “Nên nói không thể liễu tri”. “Liễu” là hiểu rõ, “tri” là tri giác. “Kiến lập bỉ nhân cố” “Bỉ” nhân là nhân duyên chánh vãng sanh về thế giới cực lạc Tây Phương, người ấy không hề biết.

Lại Thiện Đạo đại sư đời Đường thâm nhập kinh tạng, biết rõ chánh định tụ càng thông bờ này và bờ kia. Ở đây Niệm Lão mở ngoặc đơn. Vị Di Đà nhập chánh định tụ đại nguyện chi ích. Lợi ích này thông hiển ở Cực Lạc cõi kia và Ta Bà đất này. Đây là Phật A Di Đà, lợi ích chân thực của nguyện nhập chánh định tụ. Ích lợi này thì Ta Bà và Cực Lạc đều đồng đẳng. Nhập chánh định tụ ở thế giới Cực Lạc, chắc chắn rốt ráo sẽ chứng đắc vô thượng bồ đề. Trong hoàn cảnh hiện tại của chúng ta, nếu quý vị đắc chánh định tụ, chắc chắn quý vị sẽ được sinh vào tịnh độ, quý vị chẳng hề có chút hoài nghi nào, quý vị tin chắc thật, chẳng hề nghi hoặc. Tin lời đức Phật Thích Ca, tin lời Phật A Di Đà, tin lời của chư Phật, tin lời chư vị tổ sư. Lời của họ chắc chắn chân thật. Vì sao vậy? Vì giữa chúng ta không có quan hệ lợi và hại. Có lợi và hại mới đi làm những việc lợi mình hại người. Không có quyền lợi thì lừa gạt để làm gì? Những điều này ta không thể không hay biết. Phật và Bồ Tát chắc chắn không dối gạt. Chánh định tụ không hề chẳng thành tựu. Chánh định tụ thật ra là nói: “ché tâm nhất xứ vô sự bất biện”.

Chân giải viết: Chánh định tụ cõi này là mật ích, chánh định tụ cõi kia là hiển ích. Cõi này chính là chỗ chúng ta. Giờ ta học Phật, chánh định tụ lợi ích quá nhiều, nhưng ta chưa vãng sanh, lợi ích này chưa hiện tiền, nên gọi là mật, không hiển lộ ra. Nhưng ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, không những chư Bồ Tát này khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước đã buông bỏ hết, mà tập khí phiền não

vô thi vô minh cũng đã dứt bật khá nhiều, cho nên lợi ích chánh định tụ của các vị ấy rất rõ rệt. Mỗi vị đều có thể cảm nhận rõ ràng, nhìn thấy được.

Lại nói: nhược vi hiện sanh mật ích giả, Kim gia bất cộng nghĩa dã. “Kim gia” là đại sư Thiện Đạo. Từ đó cho thấy, thời Đường các vị cao tăng người Nhật, cao tăng của Nhật Bản là đệ tử của Thiện Đạo đại sư, thường dẫn lời thầy. *Cho thấy Chân Giải tán thán lời của đại sư Thiện Đạo, người đương sanh tuy thân ở Ta Bà, đã có được mật ích của việc nhập chánh định tụ, là diệu nghĩa thù thắng không cùng.* Tu học các pháp môn khác đều không có, chỉ có Tịnh Tông đời nghiệp vãng sanh. *Sở vi mật ích, cái chỉ mình đắc thử ích.* Nghĩa là chính quý vị cũng không biết mình được lợi ích này, chính quý vị cũng chưa cảm nhận. Vì sao vậy? Vì quý vị vẫn còn nghiệp chướng. Nếu nghiệp chướng của quý vị được hóa giải, chính quý vị sẽ cảm nhận được lợi ích đó. Người nghiệp chướng nhẹ cảm nhận được, kẻ nghiệp chướng nặng không cảm nhận được. Tuy không cảm nhận được nhưng lợi ích thì có thật, chỉ cần người đó một lòng một dạ không đổi phương hướng, không đổi mục tiêu, nhất định sẽ có được lợi ích đó.

Lại Tiểu Bồn cũng có kinh văn tương ứng như thế. Tiểu Bồn là Phật thuyết A Di Đà kinh, mọi người thường đọc. Trong Kinh Di Đà có một đoạn kinh văn thế này: *Kinh viết nhược hữu nhân dĩ phát nguyện, kim phát nguyện, đương phát nguyện, dục sanh A Di Đà Phật quốc giả, thị chư nhân đẳng, giai đắc bất thoái chuyển u A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.* Chớ nên xem thường câu kinh này, nó truyền cho ta thông tin quan trọng, giúp ta có niềm tin sâu sắc vào việc tu học của mình. Đã phát nguyện, đã vãng sanh. “Kim” là hiện giờ, hiện đang phát nguyện. Đời này nhất định vãng sanh. Kẻ hậu sanh phát nguyện trong tương lai, chỉ cần có phát nguyện rồi nhất hướng chuyên niệm, chắc chắn sẽ được sanh vào thế giới Tây Phương Cực Lạc. Đấy chính là Bồ Tát A Duy Việt Trí. Vì sao vậy? Vì Bồ Tát A Duy Việt Trí mới không thoái chuyển vô thượng Bồ Đề. Trong ba dạng bất thoái thì đây là dạng cuối cùng. Dạng thứ nhất là vị bất thoái, thánh nhân không thoái trở lại phàm phu. Hạng người nào? Tiểu thừa Tu Đà Hoàn. Đại Thừa Kinh Hoa Nghiêm nói Bồ Tát Sơ tín vị được như thế, không thoái chuyển lại phàm phu. Tuy chưa ra khỏi sáu nẻo, vẫn còn tu hành trong lục đạo nhưng quyết không sa vào đường ác, cũng không đọa làm A Tu La, La Sát, chỉ dứt ác tu thiện trong hai cõi nhân thiên. Đấy gọi là vị bất thoái. Dạng thứ hai là Bồ Tát Đại Thừa, phát tứ hoằng thệ nguyện, quyết không thoái trở lại tiểu thừa. Tiểu thừa tự lợi, đại thừa lợi tha nên rất vất vả. Cho nên A La Hán có thể thoái tâm. Chúng

sanh khó độ quá. Thôi, mặc kệ họ cho tự sanh tự diệt. Bồ Tát không vậy, khó khăn mấy, gian khổ mấy cũng nhẫn nhục chịu đựng không thoái chuyển. Dạng thứ ba là Bồ Tát A Duy Việt Trí, niệm nào cũng hướng về một mục tiêu: thành đạo vô thượng. Ché tâm nhất xứ thật sự. Người ở thế giới Tây phương Cực Lạc ai cũng một lòng một dạ quyết chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề, nhất định phải chứng. Đây là tam bất thoái viên mãn, không thoái chuyển với Vô Thượng Bồ Đề. A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề chính là Vô Thượng Bồ Đề. *Là biểu hiện tất cả những người tương lai phát nguyện cầu sanh về Tây Phương tịnh độ, đều không thoái chuyển Vô thượng Bồ Đề.* Lời này nói rất rõ ràng minh bạch. “*Khả kiến bất thoái chuyển chi thắng ích*”. Lợi ích thù thắng, lợi ích viên mãn, lợi ích không gì có thể sánh bằng. “*Diệc phục thông u bỏ thử nhị độ*”. Trong thế gian của chúng ta, lợi ích của quý vị không có gì thù thắng. Đến thế giới Cực Lạc, lợi ích quý vị có được chẳng những thù thắng mà còn rốt ráo viên mãn. Đoạn kinh văn khác này trong kinh tiêu bản “đồng nhất huyền chỉ” với đoạn kinh văn ta đang đọc. “Huyền” là sâu xa, “chỉ” là mục đích. Đại nguyện đại lực của Phật A Di Đà không thể nghĩ bàn. Câu cuối cùng này là tán thán. Kinh văn chuyên luận y chánh trang nghiêm Cực Lạc đến phẩm 22 thì hết.

Dưới là lời tán thán của thập phương chư Phật. Phẩm 23 là Tán Thán Thập Phương Phật. “*Tam bồi vãng sanh đẳng*” *Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận, Kinh nghĩa trước khi hội kết, đều quy tự tâm.* Đây là lời Bành Tế Thanh, người thời Càn Long đời nhà Thanh. Đây là vị cư sĩ nổi tiếng của nhà Phật, Bồ Tát cư sĩ tại gia, thông tông thông giáo, cũng vãng sanh tịnh độ. Ông ấy viết Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận. Sau kinh chuyên luận y chánh trang nghiêm, ông đã tổng kết. Ta có thể đọc sơ qua. “*Tổng kết tiêu quy tự tâm*”. Câu này quan trọng. *Luận viết: như thượng chủng chủng trang nghiêm.* Chúng ta đọc được y báo trang nghiêm, chánh báo trang nghiêm của thế giới Cực Lạc. “*Chủng chủng Phật sự*”. Danh từ “Phật sự” ta cần có lý giải chính xác. Việc Phật hóa độ chúng sanh gọi là “Phật sự”. Đức Phật dùng gì để hóa độ chúng sanh? Đức Phật dạy học. Ta không thể không biết việc này. Năm xưa đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện cho ta thấy, 30 tuổi khai ngộ, là đại triệt ngộ, minh tâm kiến tánh. Sau khi khai ngộ, ngài bèn dạy học trò, 79 tuổi ngài viên tịch. Trong kinh luận hay nói, ngài giảng kinh hơn 300 hội, thuyết pháp 49 năm. Dạy 49 năm. Giảng kinh, dạy học là “Phật sự”, chính là việc giúp chúng sanh giác ngộ. Chúng ta giải thích như vậy mọi người dễ hiểu.

Ân đức vô lượng của Phật đối với tất cả chúng sanh là gì? Là giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, ly khổ đắc lạc. Điều này không hề giả dối. Cái khổ của chúng sanh trong lục đạo từ đâu mà có? Từ mê mà ra. Do mê nên chúng ta đã đánh giá lầm, nghĩ sai rất nhiều việc, rồi là làm bậy. Khổ báo cảm vời đến. Nếu người này giác, không mê sẽ không nghĩ sai, nói sai, làm bậy, thì sao khổ được? Tất nhiên sẽ lìa khổ được vui. Trong Phật pháp không có mê tín. Những gì nói đến toàn là chân tướng của vũ trụ. Giảng lục đạo, mười pháp cho ta, giảng thế giới Hoa Tạng, thế giới Cực Lạc, giảng biến pháp giới hư không giới, quốc độ của mười phương chư Phật, mỗi mỗi đều chân thực. Chúng ta giác ngộ, chúng ta hiểu rõ, mới biết mình nên sống ra sao, làm việc ra sao, đối nhân xử thế ra sao. Trong đây có niềm vui chân chánh. Nhà Phật nói lìa khổ được vui là sự thực, không phải nói suông. Giúp quý vị lìa khổ, giúp quý vị an vui thực sự. Nói cho hiện thực một chút, trong thế gian này quý vị có nỗi khổ sanh lão bệnh tử. Ngoài ra quý vị còn khổ vì cầu mà không được, còn khổ vì yêu thương mà phải chia lìa, còn khổ vì oán ghét mà gặp gỡ. Những nỗi khổ này, bất luận kẻ giàu sang, nghèo hèn đều gặp phải. Họ có thích không? Không thích. Không thích nhưng không lìa khổ được. Đức Phật đã phân tích tường tận những lý sự nhân quả này với chúng ta. Ngài nói hết sức rõ ràng, rành mạch. Ta mà giác ngộ thật sự thì quay đầu là bờ, sẽ biết phải làm gì, sẽ xác định được phương hướng, mục tiêu của đời mình. Cả đời ta đã có phương hướng và mục tiêu chính xác. Bất luận thuận cảnh, nghịch cảnh, thiện duyên hay ác duyên, chúng ta đều vượt qua hết sức dễ dàng, nâng cảnh giới của chính mình lên. Trong việc này có niềm vui khôn cùng. Vì sao vậy? Vì cứ dần dà học được bản lĩnh không bị hoàn cảnh bên ngoài quấy nhiễu. Đây là trí huệ chân thật, phạm vi chân thực, lợi ích chân thực mà trong kinh nói đến. Đây gọi là “Phật sự”. Do đó Phật sự không phải tụng kinh bái sám như hiện nay. Không phải thế. Nên chúng ta phải nắm rõ từ “Phật sự” này.

“Vô sở tùng lai diệc vô sở khứ”. Câu này nói gì? Các dạng trang nghiêm, các dạng Phật sự, bao gồm Phật xuất thế, Phật tu hành, Phật độ chúng sanh, bao gồm hết trong đó. “Vô sở tùng lai diệc vô sở khứ” Hay! Câu này ý rất sâu. Nói thật với quý vị từ điểm này ta thấy Phật pháp bình đẳng chân chánh. Thực sự không đến, không đi. Hiện giờ có rất ít, chắc số người không nhiều, vài nhà khoa học lớn biết rõ. Như Phổ Lãng Khắc, nhà vật lý người Đức, những nhà khoa học đẳng cấp cỡ này họ biết, hiểu được chân tướng muôn pháp trong vũ trụ, hiểu không thấu triệt. Trong kinh đại thừa thì Phật- pháp thân Bồ Tát thấu triệt, các nhà khoa học không thấu triệt, nhưng cũng rất giỏi, vì họ tiếp cận được ranh giới của Đại thừa. Họ đã

có thể phát hiện ba hiện tượng trong vũ trụ: hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần, hiện tượng tự nhiên. Không dễ đâu. Vật chất là gì? Thông tin mà chúng ta gọi là tâm niệm là gì? Hiện tượng tinh thần này được họ nghiên cứu, quan sát, thâm nhập sâu sắc, đạt đến cảnh giới trong kinh Đại Thừa nói. Cuối cùng là hiện tượng tự nhiên chưa hiểu được trọn vẹn, nhưng trong kinh Đại Thừa nói rất rõ ràng. Chính là mấy câu nói ở đây: “Vô sở tùng lai diệc vô sở khứ, như thủy trung nguyệt, như huyễn sở hóa nhân”, ba câu này, ta nghe mà không nghi ngờ. Vì sao vậy? Vì nghe nhiều rồi.

Trong Kinh Hoa Nghiêm nói cực rõ ràng. Đây là chân tướng sự thực. Hiểu được chân tướng này rồi mới biết tại sao Phật bảo chúng ta buông bỏ. Buông bỏ là đúng, không buông bỏ là sai. Khi Đức Thích Ca giảng dạy cũng dùng những điều này như trò chơi. Phật cũng biết biến hóa trò chơi.

“*Giai dĩ Phật thân lực cố tùy chúng sinh tâm nhi xuất hiện cố*”. Trong đây phải nói rõ. “*Giai dĩ Phật thân lực cố*”. Phật có khởi tâm động niệm không? Không. Khi Đức Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, ngài giảng kinh thuyết pháp 49 năm, nhưng thực không từng khởi tâm động niệm. Nhận biết của ta về Phật pháp phải bắt đầu từ chỗ này. Đức Phật không hề phân biệt, không chấp trước, không có ý niệm. Vì sao vậy? Có niệm đều là vọng hết. Khi ta niệm A Di Đà Phật thì ý nghĩ này là chánh niệm hay vọng niệm? Nói cho các vị biết, đây vẫn là vọng niệm. Vậy tại sao vẫn niệm Phật? Đây là cứu cánh phương tiện mà đoạn trên nhắc đến. Khi quý vị niệm A Di Đà Phật thì trong lòng quý vị không có niệm nào khác, chỉ có niệm đó thôi, quý vị đến được thế giới Cực Lạc. Khi đến đó rồi thì niệm này không còn. Đây gọi là phương tiện cứu cánh ta không thể không biết. Khi ý nghĩ dứt bật, quý vị sẽ minh tâm kiến tánh, sẽ thành Phật. Quý vị còn ý nghĩ thì không thành Phật được.

Nhà Phật nói đến chánh niệm. Chánh niệm là gì? Chánh niệm chính là vô niệm. Không có tất cả vọng niệm chính là chánh niệm. Mắt nhìn ngoại vật rõ ràng, không khởi tâm động niệm, không phân biệt chấp trước. Có thể nhìn rõ không? Được chứ. Lý nào không rõ được. Nhãn chiếu kiến. Tai nghe tiếng cũng gọi là chiếu kiến. Quý vị mới có thể nhìn ra chân tướng sự thật. Chân tướng là tự tánh biến hiện. Đây là Phật lực, “*Phật thân lực cố*” trên thực tế là tự tánh biến hiện ra. Tự tánh là Như Lai. Tất cả hiện tượng đều do tâm chúng sanh mới xuất hiện. Cho nên Phật nói: “Nhất thiết pháp tùng tâm tướng sinh”. Thế giới Cực Lạc do tâm ta tưởng, Chúng ta tưởng đến Đức Phật A Di Đà, thế giới Cực lạc xuất hiện. Chúng

ta nghĩ đến tự tư tự lợi, danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, thì thế giới hiện nay của ta xuất hiện. Nếu ta có đoạn tất cả ác, tướng tất cả thiện, thì thiên đường sẽ xuất hiện. Toàn từ trong tâm tưởng này sanh ra. Nếu như trong suy nghĩ của ta toàn việc bất thiện, bất trung, bất hiếu, bất nhân, bất nghĩa, trong Phật pháp gọi là tham sân si mạn, vọng ngữ, nói hai lưỡi, hàng ngày ta nghĩ đến những thứ này. Vậy nghĩa là sao? Quý vị đã tạo địa ngục.

Nói cách khác, không có cảnh giới nào cả. Toàn trong ý nghĩ của quý vị ra thôi. Các nhà khoa học thời cận đại đã phát hiện, báo cáo của họ hoàn toàn tương đồng với những gì nói trong kinh Phật. Từ 3000 năm trước, Phật đã nói rõ thế. Giờ các nhà khoa học chứng minh. Đây là một việc rất hay. Tin rằng nhà khoa học đều sẽ tin Phật pháp đại thừa.

“Nên biết thân lực tất cả chúng sanh có vốn không khác với Như Lai”. Lời này rất chân thật. Tất cả chúng sanh bao gồm cả tôi và quý vị trong đó, có trí huệ của Như Lai, có thần thông của Như Lai, có đạo lực của Như Lai, rõ ràng chẳng hề khác biệt gì so với Như Lai. Trong kinh Hoa Nghiêm nói rất rõ: “Tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí huệ của Như Lai”. Đức năng của Phật A Di Đà kiến tạo được thế giới Cực Lạc lý tưởng như thế. Đây là do thần lực của Phật A Di Đà. Chúng ta vãng sanh về thế giới Cực Lạc, cũng nương theo lực của Phật A Di Đà, đem thần lực trong tự tánh của ta ra phát huy. Đây là vãng sanh chân chánh. Nhân thật ở mình, Phật A Di Đà làm tăng thượng duyên. Không có duyên này của Phật, ta không biết, không phát huy được năng lực. Thế nên thế giới Cực Lạc thành tựu ra sao? Do hai lực tự và tha cùng thành tựu. Nhưng không có nguyện lực này của Phật A Di Đà, tự chúng ta không thể, không có khả năng tưởng tượng viên mãn như thế. Điều này ta không thể không cảm ân Phật A Di Đà. Ngài đã tưởng tượng quá viên mãn, quá chu đáo, ta không nghĩ ra được. Ngài làm tăng thượng duyên cho chúng ta.

Dưới đây nói Ngài không khác biệt gì chúng ta. *“Đặc vô đại nguyện đại hạnh”*. Chúng ta thiếu chỗ này. 48 đại nguyện của Phật A Di Đà là tiêu biểu. Ta không có. 48 nguyện, nguyện nào cũng vì chúng sanh khổ nạn. Chúng ta ngày nay thì điều nguyện nào cũng cho mình, không hề nghĩ đến ai. Tâm lượng của Ngài đối với chúng sanh quá lớn. Vì tất cả chúng sanh khổ nạn trong biến pháp giới hư không giới, không vì một đất nước, một dân tộc, một thế giới riêng nào. Ngài vì tất cả chúng sanh trong vô lượng vô biên thế giới. Chúng ta không nghĩ đến thế.

Có đại nguyện còn cần đại hạnh, làm thật sự, dốc tâm dốc sức thực hiện, “phát khởi thắng nhân”.

“*Bất giác bất tri trầm luân vĩnh kiếp*”. Đối với đức tướng trí huệ trong tự tánh hoàn toàn không nhận ra, không biết đến, luân lạc trong sáu nẻo luân hồi khổ biết bao. Quá đáng thương!

Nếu có thể một niệm hồi quang, mới biết gia nghiệp vẫn còn. Liệu có thể quay đầu lại không? Trong Đại thừa Phật thường bảo: “Quay đầu là bờ”. Hôm nay quý vị đi trên con đường luân hồi. Quay đầu lại chính là con đường Phật đạo vô thượng. Quý vị không chịu quay lại, vẫn đi trên nẻo luân hồi thì còn cách nào. Việc này gọi là gì? Gọi là vô duyên với Phật. Nếu quay lại được thì có duyên với Phật, Bồ Tát. Tôi đi trên đường Phật đạo. Đi trên Phật đạo thật sự được lìa khổ được vui. Thân tâm quý vị không hề bị cảnh giới bên ngoài quấy nhiễu. Việc của người không thể quấy nhiễu quý vị. Hoàn cảnh vật chất càng không thể rầy rà. Bất kỳ hoàn cảnh nào quý vị cũng được đại tự tại, quý vị không ngừng nâng cao linh tính của mình. Quý vị rất rõ vũ trụ và pháp giới. Nói cách khác, sanh từ đâu đến, chết đi về đâu, tất cả rõ ràng minh bạch. Hiểu rõ rồi mới biết căn bản không hề có chết, quăng bỏ thân này là giải thoát, có thân mới không tự tại. Thân này là gánh nặng, buông bỏ rồi được đại tự tại. Gia sản này là tự tánh vốn có. Nhớ đại sư Huệ Năng nói: “đâu ngờ tự tánh vốn tự cụ túc”. Lúc thức tỉnh có, khi mê cũng có. Nếu bảo lúc mê không có tự tánh, gọi là mê thất, tự tánh không tác dụng. Lúc giác ngộ nó mới khởi tác dụng, quý vị sẽ tận hưởng được những gì lúc mê không được thụ hưởng. Khác biệt ở chỗ này. Chứ không phải thật đánh mất tự tánh.

Tâm thanh tịnh sẽ sanh trí tuệ. Tâm không thanh tịnh thì sinh phiền não, tâm thanh tịnh sanh. Nếu quý vị buông bỏ được phiền não, tâm thanh tịnh tâm khởi tác dụng toàn là trí huệ. Trí huệ có thể giải quyết vấn đề, có thể làm chủ vạn vật. Tại sao không mong trí huệ mà thích phiền não? Đây gọi là mê hoặc điên đảo.

Ví dụ dưới đây: “*Như nhập bảo Sơn, thủ chi vô tận, như du hương quốc, xúc xứ mônng huân*”. Ví dụ rất hay, quý vị đi vào núi báu, trên núi toàn báu vật, quý vị lấy sao cho hết. Như quý vị đến xứ hương, khắp nơi ngào ngạt hương quý. Những gì quý vị tiếp xúc đều thơm tho.

Nói thật thế giới Cực Lạc chính là núi báu, thế giới cực lạc chính là xứ hương. Quang minh, trân bảo, hương quý của thế giới Cực Lạc tràn ngập khắp thế giới,

không nơi nào trong biến pháp giới hư không giới không có. Vì sao ta chẳng thấy, không ngửi được?

Hai câu dưới đây: “*Yếu tu thân đạo phương hư, thân vật bán đồ nhi phế*”. Hai câu này khích lệ chúng ta. Hiện nay chúng ta không thấy ánh sáng Phật, không thấy châu báu, không ngửi được diệu hương, vì hiện giờ cỗ máy của chúng ta đã hỏng hóc. Ánh sáng của Phật, ánh sáng của đất đai sông núi thế giới Cực Lạc, bao loại hương tuyệt diệu không thể diễn tả, ta có nhận được không? Tiếp thọ rồi, chúng ta tiếp thọ rồi nhưng không hề nhận ra. Chính vì sáu căn của ta: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý là sáu căn bị che lấp, nhận được mà không có phản ứng. Vì sao thân tâm địa thanh tịnh, như A La Hán, Bích chi Phật lại có phản ứng? Chư Phật Bồ Tát tâm địa thanh tịnh bình đẳng nên có phản ứng. Chúng ta ở cùng ngài, vì sao ngài có phản ứng mà ta lại không phản ứng? Điều này chứng tỏ không phải ánh sáng Phật chỉ chiếu rọi ngài, không chiếu rọi ta. Không phải hương báu chỉ ngào ngạt với ngài, không tỏa thơm cho ta. Nếu vậy ngài sẽ có phân biệt chấp trước. Ngài không hề thế, chính ta mới như vậy. Chứng minh trong kinh nói không sai: thế giới Cực Lạc đích thực quang minh sáng rõ, hương quý ngào ngào. Do thân tâm ta không sạch, ô nhiễm. Tuy đã tiếp xúc với ơn huệ của Phật A Di Đà ở thế giới Cực Lạc, mà vẫn hoang mang vô tri, chẳng hề ý thức. Vấn đề ở chỗ này. Cho nên trong giáo lý Đại thừa các bậc cao tăng thường nói: “duy chứng phương tri”. Quý vị mới biết điều đó không hề giả dối. Muốn chứng đắc thì phải buông bỏ. Chính là buông hết chấp trước mà trong kinh nói đến. Thật sự không chấp trước vào nhất thiết pháp thế gian và xuất thế gian, thì tâm thanh tịnh của quý vị mới hiện tiền. Thông tin của mười phương thế giới đến, quý vị sẽ phản ứng, quý vị đều cảm nhận được. Vì sao vậy? Vì hiện giờ chúng ta cũng tiếp nhận được, nhưng không cảm nhận, cũng không phản ứng, do tâm không thanh tịnh. Tâm thanh tịnh mà hiện tiền thì có cảm nhận, có phản ứng.

Công phu được nâng cao hơn, tâm thanh tịnh hiện tiền, vậy quý vị chính là Bồ Tát. Không những quý vị có phản ứng, mà quý vị còn có thể giao du với chư Phật và Bồ Tát, trao đổi thông tin qua lại.

Nâng cao hơn nữa thì khởi tâm động niệm đều không còn. Quý vị hòa làm một với mười phương chư Phật Như Lai. Tác dụng khởi lên sẽ lớn. Nói cách khác hôm nay chúng ta toàn đưa thể năng của ta, năng lực của tâm ta phát huy đến cực độ. Đây là mục tiêu cuối của Phật pháp Đại thừa, cũng là bản nguyện, tâm nguyện của Phật A Di Đà. “Quyết Chứng Cực Quả” chúng ta học đến chỗ này.

Hồi 23 dưới đây Thập Phương Phật Tán. Đây cũng là bốn nguyện của Phật A Di Đà. Phẩm này có 3 đoạn lớn.

Đoạn thứ nhất: *Sơ minh thập phương Phật tán, thứ minh Phật tán thân ý, mặt minh nhất niệm tịnh tín, bất khả tư nghị công đức.* Dưới có 3 đoạn này, chúng ta xem kinh văn.

Phục thứ A Nan, đông phương hằng hà sa số thế giới, nhất nhất giới trung như hằng sa Phật, các xuất trường thiết tướng, phóng vô lượng quang, thuyết thành thực ngôn, xưng tán vô lượng thọ Phật bất khả tư nghị công đức.

Đây là thuyết minh tường tận về đông phương. Dưới này giản lược đi.

Nam tây bắc phương, hàng sa thế giới, chư Phật xưng tán, diệc phục như thị, tứ duy thượng hạ, hằng sa thế giới, chư Phật xưng tán, diệc phục như thị.

Vậy là đã nói rõ mười phương tam thế nhất thiết chư Phật Như Lai không ai chẳng tán thán Phật A Di Đà.

Ta xem chú giải của Niệm Lão: “*Thủ tiêu Đông phương, thuận thế tục cổ*”. Đông nam tây bắc xếp phương đông lên đầu. Đây là thế gian của ta có tập tục, tập quán này. Trong cảnh giới chư Phật và Bồ Tát, mười phương đều bình đẳng, không có trước sau, lớn nhỏ, hoàn toàn bình đẳng. Đây là thuận theo thế tục, mặt trời mọc ở phương đông. “*Thế giới phương đông nhiều như số cát sông Hằng*”. Kinh Phật dù Đại Thừa hay Tiểu Thừa, khi hình dung số lượng nhiều thường dùng cát sông Hằng để so sánh. Năm xưa Đức Thế Tôn còn tại thế, giảng dạy kinh pháp lâu nhất ở hai bờ sông Hằng. Nên khi nhắc đến sông Hằng ai cũng tận mắt nhìn thấy, cát sông Hằng rất mịn như bột mì. Quả thực khác với các loại cát khác.

Tôi chưa đến Ấn Độ. Có những vị hòa thượng đi Ấn hành hương. Khi về tặng tôi cát sông Hằng đựng trong lọ nhỏ. Tôi thấy quả rất mịn. Lời kinh nói có thật, không hề giả dối. Số lượng cát sông Hằng là bao nhiêu? Không sao đếm xuể! Vậy thế giới phương đông có bao nhiêu? Một thế giới là giáo khu của một vị Phật. Phạm vị giáo hóa của một vị Phật là một thế giới, cũng gọi là một đại thiên thế giới. Đại thiên thế giới bao lớn? Dùng cách tính hiện này thì một tỉ dải ngân hà là một đại thiên thế giới, là thế giới của một vị Phật. Vậy ta phải biết đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện thành Phật trên trái đất chúng ta. Trụ thế 80 năm. Đức Phật niết bàn năm 80 tuổi, rời khỏi thế giới chúng ta, rời khỏi trái đất. Không nên

nói rời thế giới, vì thế giới quá lớn, đến một tỉ dải ngân hà. Ngài đến tinh cầu khác. Rời nơi đây sang chỗ khác, ngài vẫn đang dạy đệ tử, chưa hề dứt đoạn. Pháp vận của đức Thích Ca Mâu Ni là 12.000 năm với người trái đất chúng ta. Có chánh pháp, có tượng pháp, có mật pháp. Đây đều là thuận theo thế tục mà nói.

Ta lại xem: “Nhất nhất giới trung, các hữu hằng hà sa số chi Phật”. Thế giới nhiều như số cát sông Hằng. Hiện giờ mỗi thế giới, mỗi thế giới lại có Phật nhiều như số cát sông Hằng. Vậy có bao nhiêu vị Phật? Không thể nói được, chẳng các nào tính ra. Những vị Phật này, mỗi vị đều “xuất quảng trường thiết tướng, phóng vô lượng quang, thuyết thành thực ngôn”. Quảng trường thiết tướng là một trong 32 tướng. Phật có tướng lưỡi rộng dài trong 32 tướng. Lưỡi chúng ta mà thè ra không liếm được mũi. Lưỡi Phật đưa ra có thể che kín mặt. Năm xưa khi còn tại thế ngài vẫn luôn biểu diễn cho mọi người xem, không hề giả dối. Tướng đó từ đâu mà có? Do đời đời kiếp kiếp không nói láo, không dối gạt người. Do miệng xa lìa bốn lỗi: Không nói láo, không nói hai lưỡi. Nói hai lưỡi là đâm thọc thị phi, không nói ác, không nói thô tục, không thêu dệt. Thêu dệt là dùng lời ngon ngọt lừa dối kẻ khác. Không có bốn lỗi này, nên tướng lưỡi rộng dài. Nếu có kẻ thè lưỡi ra liếm được mũi thì kẻ đó phải ba kiếp không nói dối, mới có tướng đó. Lưỡi Phật thè ra che kín mặt, chúng tỏ đức Thích Ca Mâu Ni đời đời đều không dối trá, mới hiện tướng đó. Để làm gì? Để mọi người tin lời Phật. Lời Phật chân thật, không có câu nào giả dối.

“Phóng vô lượng quang Thuyết thành thực ngôn xung tán vô lượng thọ Phật bất khả tư nghị công đức”.

Hết giờ rồi, bài giảng sau, chúng ta sẽ bắt đầu giảng từ chỗ này.

Tập 383

Chuyên ngữ: Lý Hương

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 22/04/2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 474, hàng thứ hai đếm từ dưới lên, bắt đầu xem từ câu cuối cùng.

Quảng Trường Thiệt Tướng là một trong 32 tướng, lưỡi rộng và dài, mềm mại, đỏ mỏng, thè ra khỏi miệng, có thể che kín mặt đến chân tóc.

Đây là giải thích trong kinh văn, chư Phật nhiều như số cát sông Hằng đều có tướng lưỡi rộng dài. Giải thích câu này. Quảng Trường Thiệt Tướng là một trong 32 tướng, chú thích rất rõ, lưỡi rộng và dài. Trong kinh điển đại thừa ta thường đọc. Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa của Giảng Vị Nông cư sĩ. Trong nói rất rõ về 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp. Mỗi tướng tốt đều do thiện đức tích lũy tạo thành. Lưỡi rộng dài là do không nói láo. Dưới đây có đoạn nói đến việc đó. Trong kinh Phật thường bảo ta nếu như có kẻ 3 đời không nói láo, liên tục 3 đời như thế, đương nhiên người này tu rất khá và không tạo ác nghiệp, ba đời đều được thân người, ba đời đều được học giáo pháp của Phật. Không hề phạm bốn lỗi của miệng: không nói láo; không nói hai lưỡi; không nói lời thêu dệt, bay bướm; không nói lời ác ý. Thì người như thế lưỡi sẽ liếm được chóp mũi. Thè ra là có thể chạm được đầu mũi. Lưỡi của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni phủ che được gương mặt đến tận chân mép tóc của ngài. Điều đó chứng tỏ với chúng sanh Đức Phật trong vô lượng kiếp đời đời kiếp kiếp chưa từng nói láo, nên mới có tướng lành như vậy. Chứng minh lời Phật dạy đáng tin, ta tiếp nhận được. Không phải hiện giờ mọi người tán thán mà là mười phương thế giới, mỗi phương thế giới đều dùng số cát sông Hằng để tỉ dụ, thật ra thì số cát sông Hằng cũng không thể nào so sánh xác thực được. Mỗi vị Phật trong từng thế giới cũng y như số cát sông Hằng, cát sông Hằng lại nhân với cát sông Hằng, biết bao nhiêu chư Phật!

Vì sao nhiều Phật đến thế? Thật ra chúng ta có thể cảm nhận trên lý thuyết, trong Kinh hoa nghiêm Phật dạy rằng: “tất cả chúng sanh vốn là Phật”. Câu này hết sức quan trọng. Cho nên tâm bình đẳng của Phật, tâm của Bồ Tát luôn chứa chất cảm

on, thành kính. Bởi vì ngài biết tất cả chúng sanh vốn là Phật. Tất cả chúng sanh tương lai đều sẽ thành Phật. Chỉ khác nhau ở sớm hay muộn thôi. Kinh cũng nói rất rõ về nguyên nhân của việc sớm và muộn đó. Luôn do gặp duyên khác nhau. Trong đời ta gặp nhân duyên này, nếu thật muốn thành Phật thì chẳng hề khó. Đây là con đường dễ đi duy nhất trong 84000 pháp môn. “Vạn người tu, vạn người đến được”. Trong bốn nguyện của Phật A Di Đà có nói rất rõ: tạo tội nghiệp nặng nề ngũ nghịch thập ác. Tội ngũ nghịch chắc chắn phải đọa xuống địa ngục A Tì. Nếu được nghe pháp môn này mà hồi tâm chuyển ý, chân thành sám hối, phát bồ đề tâm, một lòng chuyên niệm, thì đều có thể vãng sanh, chẳng sót ai cả. Quý vị muốn hỏi vì sao? Vì kẻ ác khi biết quay đầu lại, biết sám hối thì đã là người thiện. Họ vốn là người thiện. Ngay cả ở Trung Quốc, khi Phật giáo chưa truyền đến mà tổ tiên của người của chúng ta cũng bảo con cháu rằng: nhân tánh bản thiện – “nhân chi sơ, tánh bản thiện”. Bản thiện chính là Phật tánh. Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, sao có thể không thành Phật được!

Cho nên việc trở thành Phật là trong phận sự của chúng ta. Phải nên làm như thế. Vì sao chứ? Vì chúng ta đã mê thất tự tánh, luân hồi trong sáu nẻo quá khổ sở! Nếu chúng ta may mắn sống vào đời thanh bình thịnh vượng, thì kiếp người cũng tạm được. Nếu không có phước báo gặp thời loạn lạc, nhất là như hiện nay trái đất quá nhiều thiên tai, biến loạn. Xưa nay lịch sử chưa từng ghi chép nhiều thế bao giờ, quá khổ sở. Không có thiên tai chiến nạn thì cũng sống rất khổ.

Đức Thế Tôn giới thiệu với chúng ta thế giới Cực Lạc Tây phương, ta đọc xong vô cùng ngưỡng mộ. Đây là nơi ta nên đến. Và Phật nhắc đi nhắc lại với ta rằng: nếu con thật lòng muốn đến đó thì ngay trong đời này sẽ đến được đó, không sót kẻ nào cả. Kẻ phạm tội ngũ nghịch thập ác còn đến Cực Lạc được mà. Chỉ có một hạng người không đến cõi cực lạc được, đó là hạng không tin. Đã không tin thì bó tay. Không tin nghĩa là chẳng chịu vãng sanh. Qua đó có thể biết vãng sanh được hay không, có thể thành Phật trong kiếp này được hay không, tất cả đều nằm trong tay của chính ta. Chẳng liên quan gì đến bất kỳ ai. Tại sao chúng ta không chịu đi?

Những năm qua tôi đã giảng rất nhiều, trong kinh nói về Lục đạo luân hồi, thực ra cũng có sáu con đường. Hiện nay chính chúng ta tạo ra, dù cố ý hay vô tình, bày ra trước mặt chúng ta, rõ ràng chỉ có 2 con đường có thể thực hiện được: một là

cầu sanh tịnh độ, hai là đọa vô gián địa ngục. Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác của ta, mở quyển kinh ra đối chiếu xem, có phải chúng ta tạo tội nghiệp địa ngục rồi chẳng? Tạo tội nghiệp địa ngục sao có thể không đọa?

Năm trước chúng tôi thấy quyển sách này . Đây là quyển Bí Ẩn Đoàn Quân Của Đại Đế Khải Tát Đông Chinh Trung Quốc. 2100 năm trước, đoàn quân này đều chết hết ở Trung Quốc, bị tiêu diệt hết. Thân chết nhưng linh hồn không chết. Chuyện này khiến chúng ta phải ý thức đến việc, thân xác có sống có chết, nhưng ta thì không sống không chết. Thân của ta có sanh có tử, nhưng ta không sanh không tử. Ta vẫn còn luân hồi xoay vần trong sáu nẻo. Linh hồn có phải là ta không? Không thể bảo linh hồn là ta, cũng không thể bảo linh hồn chẳng phải là ta. Vì sao thế? Vì nó là ta đã biến chất đi. Biến chất thế nào? Mê muội, mất tự tánh của ta. Nếu thứ đó thức tỉnh. Thì không gọi là linh hồn mà gọi là linh tánh. Vẫn là nó, mê thì gọi là linh hồn, giác ngộ thì gọi là linh tánh. Linh tánh thì bất diệt, linh tánh là chân ngã, cái ta thật sự. Người đi tu tu gì? Chẳng phải là họ không ngừng đưa linh tánh lên cao, cho đến cảnh giới cứu cánh viên mãn chính là quả vị diệu giác đại thừa.

Trong kinh Hoa Nghiêm chúng ta đọc thấy Bồ Tát có 51 cấp. Cứ từng bậc, từng bậc nâng lên. Đến bậc diệu giác thì viên mãn, trở về với tự tánh vốn có. Minh tâm kiến tánh rất hay, kiến tánh là thành Phật. Nhưng sau khi kiến tánh rồi còn phải tu. Kiến tánh chưa trở về tự tánh. Nhưng người đã kiến tánh chắc chắn sẽ quay lại tự tánh vốn có, đây chỉ là vấn đề sớm muộn thôi. Trong kinh Hoa Nghiêm nói, minh tâm kiến tánh là Bồ Tát Sơ trụ. Cứ lên từng bậc cho đến đẳng giác có 41 địa vị. 41 địa vị đó đều là minh tâm kiến tánh. Thế tại sao lại còn 41 địa vị? Thật có 41 địa vị nhưng quý vị không thể bảo là có, bởi vì những người minh tâm kiến tánh này đã cắt đứt vô thi vô minh rồi. Vô thi vô minh là gì? Là khởi tâm động niệm, lục căn trong cảnh giới không khởi tâm không động niệm. Đây là tự tánh bản định. Lúc Lục tổ Huệ Năng khai ngộ đã nói: “đâu ngờ tự tánh vốn không dao động”, đây chính là tự tánh bản định. Cho nên định mới là chân tâm thật sự, chân tâm hiện tiền. Khởi niệm đã sai rồi. Vì ý niệm chính là do quý vị bất định, quý vị đã dao động, đã mê. Họ đều buông bỏ hết tất cả phân biệt chấp trước khởi tâm động niệm. Cảnh giới đó là cảnh giới bình đẳng. Trên đề kinh này là Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác. Họ đều đạt được cảnh giới này. Thế tại sao vẫn còn cấp bậc? Cấp bậc là do tập khí chưa dứt. Tập khí vô thi vô minh. Tập khí không trở ngại, nhưng chỉ ngăn cản một việc là ngăn cản quý vị quay về tự tánh. Có nghĩa là quý

vị trụ ở cõi thật báo trang nghiêm, không thể tiến vào cõi thường tịch quang. Thường tịch quang chính là tự tánh. Thường tịch quang cũng chính là Đại Bát Niết Bàn trong kinh điển đại thừa nhắc đến. Tập khí vô thi vô minh có cách gì để dứt đoạn? Chẳng có cách nào. Không khởi tâm không động niệm thì còn cách nào? Chỉ là để cho thời gian trôi qua tự nhiên sẽ mất đi thôi. Cho nên không trở ngại gì cả là vậy. Bồ Tát ở cõi thật báo trang nghiêm có trí huệ, thần thông, đức tướng, không khác biệt so với diệu giác vị Phật quả. Khởi tác dụng cũng vậy, chúng sanh hữu duyên trong biến pháp giới hư không giới đều có cảm ứng đạo giao với ngài. Bồ Tát có năng lực hóa thân, không chỉ ngàn trăm ức hóa thân, mà còn đồng thời có thể ứng với tất cả cảm của chúng sanh hữu duyên. Chúng sanh có cảm, Phật sẽ có ứng, cảm ứng đạo giao nhau.

Trước đây chúng ta nói rất nhiều về cảm ứng, có thể chia làm 4 loại lớn: hiển cảm hiển ứng, minh cảm hiển ứng, hiển cảm minh ứng, minh cảm minh ứng, 4 dạng. Cách ứng như thế nào? Chư Phật Bồ Tát không khởi tâm không động niệm. Quý vị muốn hỏi ngài có cách gì thì ngài đâu có cách. Từ đó cho thấy, cái ứng mà chúng ta nhìn thấy là do ý niệm của chúng ta biến hiện ra. Ý niệm của chúng ta là duyên, ứng của ngài là nhân. Khi nhân duyên hòa hợp thì cảnh giới sẽ hiện tiền. Chính là lời trong kinh Lăng Nghiêm nói: tùy theo ý niệm của chúng sanh mà thị hiện, chứ không phải theo ý niệm của Phật. Phật không có ý niệm. Pháp thân Bồ Tát chính là Phật. Thật sự hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Trong kinh Lăng Nghiêm nói: “tùy chúng sanh tâm ứng sở tri lượng”. Như chúng ta gõ trống, trống đâu có ý niệm. Gõ lớn, vang lớn, gõ khẽ, vang khẽ, không gõ thì không vang. Cho nên ta khởi tâm động niệm cầu Phật Bồ Tát, Phật Bồ Tát phản ứng lại chứ ngài không hề khởi tâm động niệm. Cần dùng thân gì để độ thì ngài sẽ hiện ra thân đó, cần nói pháp gì để độ thì ngài sẽ nói pháp đó. Vì sao vậy? Vì chúng ta muốn nhìn thấy tướng gì, muốn nghe pháp gì thì ngài sẽ có phản ứng đó cho.

Thế giới tây phương Cực Lạc, chánh báo, Phật A Di Đà thuyết pháp, y báo, quý vị nhìn xem cỏ cây hoa lá, tất cả đều tuyên dương diệu pháp. Đây cũng là ý niệm của chúng ta cảm, đương nhiên sẽ hồi ứng lại. Do đó chúng ta rõ năm xưa Phật Thích Ca Mâu Ni tại thế, Phật có nói câu pháp nào không? Không. Chúng sanh chúng ta thỉnh giáo Phật Thích Ca Mâu Ni, nêu ra vấn đề, đương nhiên có hồi ứng. Không hề thông qua suy ngẫm, không có khởi tâm động niệm. Qua đó chúng ta có thể hiểu được đây là hồi ứng của tánh đức. Phật đã thị hiện như thế

đó là duyên, chớ nên hiểu lầm Phật vẫn còn phân biệt, vẫn còn chấp trước, vẫn còn khởi tâm động niệm. Hiểu như vậy là sai hoàn toàn!

Cho nên thuyết pháp, pháp gọi là diệu, diệu ở đây đúng là kỳ diệu không thể nói hết được. Quảng trường thiết tướng cũng là duyên. 32 tướng này, “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, đều là hằng thuận chúng sanh. Ấn Độ xưa có tập tục cho rằng có 32 tướng là tướng người vĩ đại, tướng thánh nhân, cho nên đương nhiên ngài hiện tướng này, đó là tùy tâm chúng sanh mà hiện.

Trong Kinh A Di Đà Lược Giải, Cừ Am sư nói rằng: “*xuất quảng trường thiết, biểu vô hư vọng*”. Quan trọng là điều này. Hiện thị, thể hiện chân thực, không dối trá. “*Vô lượng kiếp lai, khẩu ly tứ quá*”. Bốn loại lỗi của miệng, như trong thập thiện nghiệp có nói: không nói láo, không nói hai lưỡi, không nói lời thêu dệt màu mè, thêu dệt màu mè chính là dùng lời ngon tiếng ngọt lừa dối kẻ khác, không nói lời ác khẩu, ác khẩu là ngôn ngữ thô bạo làm cho người ta khó chịu khi nghe. Bốn lỗi này đều không hề phạm gọi là không vọng ngữ, “*cố cảm thử tướng*”. Cho nên đây là tự nhiên. Quý vị thật sự tu như thế thì sẽ cảm được quả báo như vậy.

Lại trong Viên Trung Sao có nói: “*Duy thế tôn đa kiếp thực ngữ, cố thiết tướng quảng trường, siêu dị thường nhân*”. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở đoạn trên nói là vô lượng kiếp, trong Viên Trung Sao cũng bảo là nhiều kiếp, chiêu cảm được quả báo thù thắng thế này. *Có thường tướng khác với hiện tướng, nếu thường tướng khi co lại tuy thường ở miệng, thè ra thì che được mặt đến tận chân tóc.* Ngài không thè ra thì quý vị không thấy được, vì lưỡi nằm trong miệng. Khi ngài đưa lưỡi ra thì lưỡi che được mặt. *Thị hiện như thế để khiến cho ngoại đạo sanh lòng tin.* Nếu quý vị không tin Phật nói chân thành, thì Phật sẽ biểu diễn cho quý vị xem tướng lưỡi đó.

Thừa xưa phong trào học đạo của người Ấn rất thịnh. Việc tu hành, tu đạo trong thời của Đức Thế Tôn gần như là một trào lưu thời thượng của người Ấn, mọi người đều thích. Những người tu theo các đạo khác, khi gặp Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, nghi ngờ những lời Phật nói, Phật bèn dùng phương pháp này để thị hiện, cho họ biết, lời của Như Lai là lời chân thật.

Còn nói về hiện tướng thì lại có lớn nhỏ khác nhau, như trong Kinh A Di Đà, trong kinh A Di Đà có những câu sau đây: “*như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật, các kỳ quốc xuất quảng trường thiết tướng, biến phủ tam thiên đại thiên thế*

giới, thuyết thành thực ngôn, nhữ đẳng chúng sanh, đương tín thị xưng tán, bất khả tư nghị công đức, nhất thiết chư Phật sở hộ niệm kinh”.

Tướng lưới rộng dài này lớn lắm, không chỉ che hết mặt, mà còn che trùm cả tam thiên đại thiên thế giới. Việc này có thật không? Lời này của Phật có hơi quá không? Nếu nói quá thì cũng là vọng ngữ. Vậy chúng ta nên giải thích như thế nào? Các nhà vật lý hiện nay cho ta biết, ở đoạn trước chúng ta từng đọc về một sợi lông, một hạt bụi. Lông là lông tơ, đầu sợi lông tơ có chảnh báo nhỏ nhất. Bụi là vi trần, là y báo nhỏ nhất. Những cái nhỏ nhất này vẫn chưa là nhỏ. Ngài bảo trên đầu của một sợi lông tơ, một hạt bụi, thì chúng ta không thể nào tưởng tượng được. Điểm nhỏ nhất đó, Hoàng Niệm lão là người học khoa học, đã nói với ta trong chú giải của ông: những nhà khoa học gần đây nhất, ở thập niên 80, cũng có nghĩa là khoảng 30 năm gần đây, những nhà vật lý đã phát hiện, lượng tử nhỏ nhất và cũng gọi là tiểu quang tử, rất nhiều khả năng chính là cực vi chi vi mà trong kinh Phật nói. Không thể còn gì nhỏ hơn nữa. Nhỏ đến mức độ nào? Chúng ta nói về nguyên tử, điện tử, hạt điện tử xoay xung quanh hạt nguyên tử rất giống như một hành tinh, như thái dương hệ vậy. Mắt thường không thấy được. Hạt nguyên tử tựa mặt trời, ở trung tâm, xoay quanh nó là các hạt điện tử, như các hành tinh. So sánh chỗ nhỏ nhất đó với hạt điện tử, thì bao nhiêu chỗ nhỏ nhất đó mới bằng được một hạt điện tử? Câu trả lời là 10 tỷ. Cũng có nghĩa là 1 phần 10 tỷ của hạt điện tử là vi điểm - điểm nhỏ nhất. Thứ nhỏ đến thế về hiện tượng vật chất.

Chúng ta đọc được trong Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán: hiện tượng vật chất không tách khỏi hiện tượng tinh thần, hiện tượng vật chất nhỏ đến đâu, như tiểu quang tử mà các nhà vật lý hiện nay nói cũng có đủ hiện tượng ngũ uẩn: sắc thọ tưởng hành thức. “Quán Tự Tại Bồ Tát chiếu kiến ngũ uẩn giai không”. Ngũ uẩn nói đó chính là tiểu quang tử. Trong Phật pháp nói là cực vi chi vi, nó là hiện tượng vật chất. Trong hiện tượng vật chất này có thọ tưởng hành thức, có tất cả những thứ đó. Không những thế, trong tiểu quang tử này còn có thế giới. Biến pháp giới hư không giới ở trong tiểu quang tử này. Trong kinh nói rằng: Phổ Hiền Bồ Tát, Đẳng Giác Phổ Hiền có năng lực vào thế giới bên trong hạt bụi vi trần. Vào trong thế giới vi trần để tham bái, viếng thăm chư Phật Như Lai. Vào trong đó cúng dường Phật, nghe kinh, nghe pháp. Vì bên trong đó rất lớn. Thế giới không hề thu nhỏ, vi điểm này cũng không hề phóng lớn. Thế mà trong vi điểm này lại có cả một thế giới. Chúng ta phải hiểu được lý này.

Cái lười bình thường của chúng ta che đậy bao nhiêu vi điểm. Mỗi một vi điểm đều là biến pháp giới hư không giới. Trong đoạn này viết: “Biến phú tam thiên đại thiên thế giới”. Thì khả năng này là có thật, không hề giả dối. Đây là chân tướng của sự thật. Ai nắm rõ? Phổ Hiền Vương Bồ Tát hiểu rõ. Quý vị hỏi ngài thì chắc chắn ngài sẽ nói cho quý vị biết. Thật đấy, chẳng hề giả dối chút nào. Sau đó ngài sẽ quay lại bảo quý vị: con cũng thế, chỉ tự con không biết mà thôi. Nếu chúng ta hiểu được một ít kiến thức thông thường trong tự tánh thì vấn đề đã được giải quyết hoàn toàn rồi. Tự tánh chỉ cần xứng tánh thì không có lớn nhỏ. Chỉ cần xứng tánh thì không có không gian và thời gian. Không có thời gian, không có quá khứ, tương lai. Không có không gian thì không có cự li, cũng có nghĩa không hề có lớn hay nhỏ. Nếu quý vị bảo lớn thì lớn vô cùng. Nếu quý vị bảo nhỏ thì nhỏ đến cực vi. Đây là một chẳng phải hai. Thực tế chỉ là một niệm ngay đây. Một ngay đây này rất khó hiểu. Một niệm này chính là nhất niệm mà Di Lặc Bồ Tát và Phật Thích Ca Mâu Ni đối thoại. Một cái khảy móng tay có 32 ức trăm ngàn niệm. Chính là một niệm như thế. Một niệm này nếu như đứt đoạn thì hư không pháp giới đều không còn nữa. Đứt đoạn là sao? Đứt đoạn là trở về lại tự tánh. Một niệm này mà không đứt, Bồ Tát ở cõi thật báo, 41 vị pháp thân đại sĩ đã cắt đứt rồi, nhưng vẫn còn dây tơ vương vít, các ngài đã cắt đứt được khởi tâm động niệm, nhưng tập khí thì chưa đoạn, nên vẫn còn vương vít, vẫn còn hiện tượng phát sinh ra. Ngày nào mà tập khí này đứt tận, thì cảnh giới này không còn. Cõi thật báo cũng không còn. Cho nên tất cả tướng đều là hư vọng, bao gồm luôn cả cõi thật báo trang nghiêm. Cõi thật báo trang nghiêm cũng không ngoại lệ. Chỉ có một thứ thật sự không sanh không diệt, đó là thường tịch quang. Thường tịch quang chính là thể thanh tịnh viên minh của tự tánh. Nó không sanh diệt, không có hiện tượng vật chất, không có hiện tượng tinh thần, cũng không có hiện tượng tự nhiên. Nó chẳng có gì cả. Cho nên khoa học bó tay với nó, vĩnh viễn không bao giờ thăm dò được. Trong kinh Phật nói rất rõ về sự việc này. Vì sao lại không thăm dò được? Vì quý vị dùng vọng tâm, dùng tâm phân biệt, tâm chấp trước. Phân biệt là thức thứ sáu, chấp trước là mặt na- thức thứ bảy. Công năng của thức thứ sáu lớn nhất, Phật bảo thế. Quý vị xem nó tương ứng với 51 tâm sở. Không có tâm sở nào mà nó không tương ứng. Đối ra bên ngoài thì nó có thể duyên đến cả vũ trụ. Còn đối nội thì nó có thể duyên đến A lại da. Các nhà lượng tử lực học hiện đại đã nhìn thấy được thứ này, chính là hiện tượng A lại da. A lại da có 3 tướng vi tế. Nghiệp tướng của a lại da, nhà khoa học gọi nó là năng lượng. Chuyển tướng của A lại da chính là kiến phần. Nghiệp

tướng là tự chứng phần. Chuyên tướng là kiến phần, khoa học gọi là thông tin. Cảnh giới tướng là tướng phần, khoa học gọi nó là vật chất. Cũng có nghĩa là dùng ý thức, những gì quý vị duyên tới được là cực hạn. Quý vị đã đạt đến cực hạn rồi thì không có cách gì đột phá nữa. Hiện giờ khoa học biết hiện tượng vật chất từ đâu mà có, biết được ý niệm là nền tảng của hiện tượng vật chất. Cho nên hiện tượng vật chất từ ý niệm mà phát sanh ra. Nhưng ý niệm từ đâu mà có, phát sanh như thế nào thì khoa học không tìm ra. Họ chỉ nói một câu, cũng chính xác là: từ không sanh ra có.

Tâm thanh tịnh tự tánh. Ai biết được thường tịch quang? Trong kinh nói rất hay: sự việc này thì “chỉ có chứng mới biết được”. Quý vị chứng đắc thì quý vị biết. Dùng cách gì để chứng? Dùng thiên định, chính là buông xả. Nếu quý vị thật sự có thể buông bỏ hết khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước thì quý vị sẽ biết. Bởi vì khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước là vọng tâm. Vọng tâm thì chỉ có thể duyên với vọng cảnh. A lại da là vọng, hư vọng. Pháp giới hư không giới cũng là hư vọng. Quý vị có thể duyên tới được hư vọng. Nhưng cái chân thì không duyên tới được. Quý vị buông bỏ vọng thì chân sẽ ở ngay hiện tiền. Sự việc là như thế đó. Nếu giới khoa học có thể buông bỏ phân biệt chấp trước khởi tâm động niệm thì họ sẽ thành Phật, họ sẽ được biết.

Trong kinh đức Phật dạy chúng ta: trong giáo pháp đại thừa, Bát Địa Bồ Tát được gọi là Bất động Địa, đã nhìn thấy được. Trên bát địa có Cửu Địa, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu giác, năm địa vị. Năm địa vị cao nhất này đều rõ, đều nhìn thấy. Thực ra thì Bồ Tát sơ trụ cũng thấy, nhưng mơ hồ không rõ thôi. Bởi vì Bồ Tát sơ trụ còn tập khí dày đặc. Về sau khi tập khí dần mỏng đi, dần nhạt đi thì sẽ dần nhìn rõ hơn. Đến Bát Địa thì trong suốt, hoàn toàn rõ ràng. Nói đến cứu cánh chân chánh, đây là quả vị diệu giác. Diệu giác quay về thường tịch quang. Tất cả những hiện tượng này đều không còn nữa. Những việc này khó, quá khó hiểu! Thời xưa không có các ngành khoa học. Phật nói những điều này thì ai tin? Hiện nay nếu không có các báo cáo khoa học thì chúng ta vẫn còn hoài nghi vấn đề này. Chẳng thể không nghi. Nhờ có ánh sáng khoa học hiện đại giúp chúng ta dứt nghi ngờ, sanh tín tâm. Chẳng còn hoài nghi mà tin chắc về điều Phật nói trong kinh. Tin chắc thì chúng ta thực sự chịu đến thế giới Cực Lạc. Ta biết được thế giới Cực Lạc không giả, Phật A Di Đà có thật. Chúng ta mới phát tâm, chuyên tâm hướng về đó. Trong kinh bảo ta: “Phát bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm”. Câu này quá sức quan trọng. Dựa vào câu này sẽ quyết định chúng ta được sanh

về tịnh độ, được gặp Phật A Di Đà, được một đời thành Phật. Cho nên tất cả chư Phật Như Lai trong 10 phương thế giới chẳng người nào là không tán thán bộ kinh này.

Tên kinh này chính là tên gốc của Kinh A Di Đà. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói: “Xung tán bất khả tư nghị công đức nhất thiết chư Phật sở hộ niệm kinh”. Chính là tên gốc của Kinh A Di Đà. Đại sư Cưu Ma La Thập khi dịch đã đổi tên thành Kinh A Di Đà. Trực tiếp dạy ta niệm Phật, dụng ý này cực kỳ tốt.

Công đức bất khả tư nghị là sao? Chính là niệm Phật A Di Đà. Niệm Phật A Di Đà là công đức bất khả tư nghị, tất cả chư Phật đều hộ niệm, đều tán thán, đều khuyên mọi người học theo danh hiệu công đức bất khả tư nghị! Kinh nói: “biến phú tam thiên đại thiên thế giới” tức là hiện tướng thù thắng.

“*Kinh này*” chính là Kinh Vô Lượng Thọ, “*Đại tiểu nhị bản tương hiệu*”. Kinh vô lượng thọ được gọi là đại bản. Kinh A Di Đà được gọi là tiểu bản. So sánh hai bộ kinh này thì đại bản không nói “biến phú”, nhưng kinh đại bản nói “phóng vô lượng quang”. “*Có tri thiết tướng tức thị thử quang*”. Luồng ánh sáng này phát ra từ lưỡi. *Luồng ánh sáng này chính là tướng lưỡi, chẳng phải hai chẳng phải khác*. Cho nên trong lời kinh nói: “*xuất quang trường thiết tướng phóng vô lượng quang thuyết thành thực ngôn*”. Như thế thì xem ra đại bản và tiểu bản vốn như nhau. Do đó mới biết phát âm không chỉ tam thiên đại thiên thế giới, mà biến pháp giới hư không giới, quyết không chỉ giới hạn trong tam thiên đại thiên thế giới mà thôi.

Lại trong Viên Trung Sao tiếp tục nói: *Pháp Hoa nói cao nhưng không nói rộng. nên bảo trên đến Phạm Thế*. Phạm là Đại Phạm Thiên, nói rằng trên thì đến Đại Phạm Thiên Vương. *Kinh này nói rộng nhưng không nói cao nên nói: “biến phú tam thiên đại thiên thế giới”*. Ý cũng tương đồng như vậy. Vì đỉnh của tam thiên đại thiên thế giới chính là Ma Hê Thủ La Thiên Vương, Đại Phạm Thiên Vương chỉ cho vị này, đỉnh của cõi trời sắc giới. *Nên biết hai bộ kinh lớn nhỏ ngang nhau, nhưng lời văn đều có lược, nên mỗi một kinh nói một bên, đều là biểu vô hư vọng*. *Hiện cái này, là hiện quang trường thiết tướng, “dĩ đôn văn giả chi tín nhĩ”, giúp người nghe gây dựng lòng tin. “Đôn” là đôn ngộ. “Văn” nghĩa là nghe rồi mà không tin, thì xem như chưa nghe, không được lợi ích gì. Nghe xong phải tin. Quý vị xem hiện giờ người niệm Phật rất đông nhưng rất ít người tin Phật. Đấy*

chính là điều mà cô nhân hay nói: “Miệng niệm Di Đà mà tâm tán loạn, niệm bề cô hợng vẫn uổng công”.

Phật pháp là tâm pháp, hình thức tuy quan trọng, nhưng hình thức là để lợi cho người khác, không phải để lợi cho mình. Tự lợi là dụng tâm. Phải chuyển biến tâm thái. Tâm ta có giống Phật A Di Đà không, đầy mới là điều quan trọng nhất. Tâm phải giống Phật A Di Đà, nguyện phải giống Phật A Di Đà, đức phải giống Phật A Di Đà, hạnh phải giống Phật A Di Đà. Quý vị học rất giống. Phải như vương tử A Xà mà chúng ta từng đọc trước kia. Nhóm người của vương tử A Xà khi nghe Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng về y chánh trang nghiêm của thế giới Cực Lạc, thì họ đều phát tâm, cầu về thế giới cực lạc, đều muốn thành Phật ở đó, và thành Phật giống y Phật A Di Đà. Họ vừa khởi tâm động niệm, Phật đã biết ngay, không cần phải nói ra. Chúng ta hễ khởi tâm động niệm, Phật cũng biết. Không chỉ Phật Thích Ca Mâu Ni biết, mà Phật A Di Đà cũng biết, tất cả chư Phật Như Lai trong biến pháp giới hư không giới đều biết. Vì sao vậy? Vì ý niệm vừa khởi lên thì đã chu biến pháp giới. Chúng ta khởi một ý nghĩ xấu, thì biến pháp giới hư không giới đều biết cả. Không cách nào che giấu ai, chỉ có dối gạt chính mình thôi. Dối mình lừa người. Tại sao? Phạm phu không biết, người ở thế giới Cực Lạc chẳng ai không biết. Vì sao vậy? Vì họ đều là Bồ Tát A Duy Việt Trí. Năng lượng sáu căn của họ đều biến pháp giới hư không giới, lẽ nào lại không hay biết! Chúng ta phát tâm chân chánh cầu sanh về thế giới tây phương Cực Lạc, thật sự muốn thành Phật, thật muốn bình đẳng với Phật A Di Đà, thì người ở thế giới Cực Lạc ai cũng vui mừng, ai cũng tán thán khen ngợi: lại có một đức Phật A Di Đà đến nữa rồi! Chẳng có ai mà không hoan hỉ. Việc này chúng ta làm được mà. Sao chúng ta lại không làm? Duyên này không dễ gặp. Trong khai kinh kệ có nói: “Bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ”. Bành Tế Thanh cư sĩ cũng đã nói: “Vô lượng kiếp lai hi hữu nan phùng”. Chúng ta đã gặp được rồi, gặp rồi mà không biết, để lỡ mất thì tiếc biết bao. Đó gọi là gì? Sai lầm thực sự!

Hiện nay những thông tin về thiên tai lan đi rất nhiều, rất phức tạp. Thực hay giả thì ta không cần hỏi, chẳng cần quan tâm đâu. Mấu chốt hoàn toàn ở chính mình. Khi nghe những thông tin này, tôi không nghe gì khác, tôi chỉ nghe xem biện pháp gì có thể đối phó với tai họa này. Tôi chỉ cần biết điều đó thôi. Kết cục là thông tin từ 4 phương 8 hướng đều bảo niệm Phật, niệm Phật là bản hạnh của chúng ta mà. Hiện nay chúng ta đang niệm Phật. Niệm Phật có thể hóa giải. quý vị tin nổi không? Chính xác thực tế có thể tin được điều này. Trong “Di giáo kinh”

đức Phật dạy rằng: “Chế tâm nhất xứ vô sự bất biện”. Trong bộ kinh này trước đây chúng ta có học: “chỉ tâm nhất xứ” cũng là “vô sự bất biện”. Ta chỉ cần đem tâm an trụ vào Phật A Di Đà, thì vấn đề được giải quyết xong. Tuy tai họa này ta phải đi nhưng ta đi đến đâu? Đến thế giới Cực Lạc, không đến nơi nào khác. Nếu không phải đi, như vậy là ta có sứ mạng phải đưa một tập người đến thế giới Cực Lạc. Cho nên ứng phó với thiên tai, thì quyền chủ động nằm ở chính mình, không ở người khác. Ta không thể không biết lý lẽ này. Điều đấy có thật, không hề giả dối. Thiên tai chẳng hề đáng sợ. Khi quý vị đã hiểu nó thật sự rồi, thì nó lại là một việc hay. Tại sao chứ? Bởi vì quý vị sẽ sớm được thành Phật. Đấy là việc cầu còn không được. Tôi còn phải tìm nơi an toàn chỗ này chỗ kia để ẩn náu không? Không cần. Nơi nơi đều là thế giới Cực Lạc. Như ngài Trung Phong từng nói trong hệ niệm pháp sự, Trung Phong thiền sư có nói: “Tâm ta chính là Phật A Di Đà, Phật A Di Đà chính là tâm ta. Nơi này chính là tịnh độ, tịnh độ tức thị nơi này”. Có cần tìm đâu nữa không? Không cần. Nếu chúng ta tu hành thật sự thì nơi chúng ta ở sẽ không có tai ương hoạn nạn. Chúng ta đừng uổng công khi học Phật pháp. Khi quý vị đã thấu triệt thật sự những đạo lý, tánh tướng, lý sự, nhân quả này rồi, quý vị sẽ như như bất động, nơi nào có duyên thì đến nơi đó ngụ. Chúng ta ở trên thế gian này không có chuyện gì cả. Ngoài việc đọc kinh, niệm Phật ra thì không có việc gì khác nữa. Chúng ta đọc kinh, chia sẻ, niệm Phật nơi đây không hề bị chướng ngại. Đấy là hữu duyên, đấy cũng là thế giới Cực Lạc, đấy chính là bảo độ.

Cũng nhiều nơi ở nước ngoài muốn mời tôi sang, tôi chẳng nêu điều kiện gì, chỉ cần ngày nào cũng có thể giảng kinh, ngày nào cũng được chia sẻ với mọi người. Bạn cùng học, đạo hữu rất nhiều, ngày nào cũng lên mạng, cũng lên truyền hình vệ tinh. Chỉ cần ngày nào cũng cùng được chia sẻ, cùng học tập với các bạn đồng tu ở khắp nơi trên thế giới, thì duyên này chính là duyên thù thắng. Đến đâu thì cũng thế thôi. Cho nên “đôn văn giả chi tín” hết sức quan trọng! Chúng ta phải thể hiện như như bất động, mọi người mới càng tin. Nếu chúng ta mà tìm chỗ nào để lánh nạn thì sẽ chẳng ai tin ta nữa. Người học Phật đâu như thế. Chút xíu định công mà cũng không có được sao? Đó là sai lầm. Cho nên tin, kế sau tin phải có nguyện, nguyện tiếp theo phải có hành thì chúng ta sẽ thành công.

“Pháp Hoa minh thụ xuất tam giới, cố đản ngôn cao”. Đấy đều là có ý tứ biểu pháp. Trong kinh Pháp Hoa, thành Phật phải lên từng tầng bậc một. 51 bậc lên từng bậc một, thời gian dài lắm. *Thử kinh minh hoành xuất tam giới, cố đản ngôn*

quảng. Hàm nghĩa này rất sâu. Kinh này không nói dọc mà ngang, siêu ngang. Từ cái thân hiện nay của chúng ta mà thẳng ngay đến thế giới Cực Lạc. Có thể nói tất cả kinh, 84000 pháp môn đều theo chiều dọc. Chỉ có tịnh độ đời nghiệp vãng sanh là theo chiều ngang thôi. Nói thật thì cũng chỉ có con đường này chúng ta mới đi thông suốt được. Theo chiều dọc thì nhất định phải đoạn phiền não, đó là điều cực kỳ không dễ dàng, phải tu hành đời đời kiếp kiếp vô lượng kiếp.

Nhược tức thụ nhi hoành, tức hoành nhi thụ. Văn tuy hồ lược, nghĩa tất tương tề. Ngang dọc đều giảng thông được. Ngang bao hàm dọc, trong dọc cũng có chứa ngang. “*Sao nghĩa tinh diệu khai nhân thâm tín*”. Câu này U Khê đại sư nói trong Viên Trung Sao. Kinh A Di Đà chú giải 3 dạng quan trọng nhất. Sớ Sao của Liên Trì đại sư, Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư, Viên Trung Sao của U Khê. Đây dẫn trong Viên Trung Sao. Viên Trung Sao dẫn Kinh Pháp Hoa. Đoạn kinh văn này giải thích cho chúng ta.

Chúng ta hãy xem đoạn dưới đây: *Hựu Từ Ân sư vân*. Khuy Cơ đại sư, học trò của Huyền Trang đại sư. Nơi ngụ của ngài là một ngôi chùa có tên Từ Ân Tự. Cho nên người đời sau để tỏ lòng tôn kính nên không gọi danh hiệu của ngài mà gọi là Từ Ân đại sư. Ngài nói: *Tướng lữ của Phật chứng nhỏ thì che được mặt đến tận mép tóc*. Ngài nói đây là việc nhỏ. Dùng điều đó để chứng minh. “*Kim phú đại thiên chứng đại sự dã*”. Hiện giờ xuất tướng lữ rộng dài là trùm khắp tam thiên đại thiên thế giới, chứng minh việc lớn. Đây là việc lớn gì? Pháp môn niệm Phật phổ độ tất cả chúng sanh trong pháp giới. Đây là đại sự. Pháp môn niệm Phật phổ độ chúng sanh của 84000 pháp môn. Bất kể họ ở địa vị nào, nghe đến pháp môn niệm Phật đều vọt ngang ra, không cần phải khổ sở vất vả nữa. 84000 pháp môn, pháp môn nào cũng được độ. Trong dọc có ngang, trong ngang có dọc. Kỳ diệu không thể diễn tả được.

Tôi còn nghe nói có người phê bình pháp môn niệm Phật. Đối tượng đó nhắm vào tôi, bảo pháp sư Tịnh Không chỉ giảng pháp môn tịnh độ, không nói pháp môn nào khác. Giờ thì trong pháp môn tịnh độ nó bao gồm hết tất cả pháp môn. Khi giảng về pháp môn này là đã giảng hết tất cả pháp môn khác. Điều này có thể chứng minh vì những lời này không phải tôi nói ra mà từ miệng tổ sư. Lời nào cũng đều chân thật. Mấy câu này của sư Từ Ân càng nói viên mãn hơn: *Kim phú đại thiên chứng đại sự dã. Hựu vân Bồ Tát đặc phúc diện thiết tướng. Cố kỳ ngôn vô nhị tất chân thực cố*. Đây cũng là lời của Từ Ân đại sư giảng giải. “*Tắc phú diện chi thiết dĩ vô vọng ngữ*”. Khẳng định đây không phải là lời nói dối. “*Huống*

phủ đại thiên hồ”. Huống chi trong hội Di Đà, trong pháp hội Vô Lượng Thọ, xuất tướng lưới rộng dài trùm khắp tam thiên đại thiên thế giới. “*Ư Phật chi sở tán ưng sanh thực tín*”. Hôm nay chúng ta nghe được lời tán thán của chư Phật Như Lai, nên tin thật, quý vị sẽ tương ưng với pháp. Nghe xong rồi còn hoài nghi thì đó là nghiệp chướng nặng nề! Chẳng sợ nghiệp chướng nặng nề, cứ nghe nhiều đi. Các bậc hiền thánh cao tăng xưa kia có cách dẫn dắt chúng ta rất kì diệu tuyệt vời. Chúng ta chẳng thể không tin. Cổ nhân nói: “độc thư thiên biến, kỳ nghĩa tự kiến”. Tại sao thế? Tâm chúng ta là tâm vọng, cho nên nghe xong thì nửa tin nửa ngờ. Sau khi đã niệm 1000 lần rồi, vọng tâm chúng ta chẳng còn, chân tâm hiện tiền trước mắt. Vậy là định rồi, định là chân tâm. Vọng niệm, tạp loạn là vọng tâm. Niệm 1000 biến xong thì tâm định, chân tâm ở hiện tiền, chân tâm tin ngay. Chân tương ưng với chân, vọng tương ưng với vọng. Bên trong đều có lý lẽ cả. Niệm xong 1000 biến mà tâm vẫn chưa định được thì quý vị hãy niệm 2000 biến. Nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu, chắc chắn quý vị sẽ đắc tam muội. Khi tam muội hiện tiền thì tin thật rồi, không còn nghi ngờ nữa. Đây là tâm thanh tịnh hiện tiền. Tâm thanh tịnh sinh ra trí huệ, không sinh ra vọng niệm. Còn tâm không thanh tịnh của chúng ta sinh vọng niệm, chẳng sinh ra trí huệ. Đạo lý như thế đó. Cho nên nhất môn thâm nhập trường thời huân tu, là tu gì? Tu định, trì danh niệm Phật. Đức Thế Tôn đã nói rất rõ trong Kinh Đại Tập. Ngài bảo: “niệm Phật là cách thiên vô thượng thâm diệu”. Câu này của Phật nói. Niệm một câu A Di Đà Phật là phương pháp thiên vô thượng thâm diệu. Vì có thể niệm cho mất hết tất cả tập khí phiền não của quý vị. Cho nên quý vị phải biết niệm, vừa có chấp trước là A Di Đà Phật, tất cả đều là A Di Đà Phật. Chấp trước không còn nữa. Vừa có phân biệt A Di Đà Phật. Vừa có khởi tâm động niệm A Di Đà Phật. Tất cả đều quay về A Di Đà Phật. Đến cuối cùng không còn gì nữa, khởi tâm động niệm phân biệt chấp trước tất cả đều không còn, chỉ còn lại một câu A Di Đà Phật, thì quý vị thành công rồi. Đây chính là thiên, đây chính là định. Hiệu quả là gì? Chính là niệm ra được thanh tịnh bình đẳng giác như ở đề kinh. Thanh tịnh bình đẳng giác là tự tánh. Khi niệm nó ra được thì chính là minh tâm kiến tánh. Nó có sâu cạn thứ lớp. Trước tiên là tâm thanh tịnh hiện tiền, nhưng quý vị không được thay đổi công phu, vẫn cứ phải niệm suốt. Khi sâu vào đến tầng bậc thứ hai thì tâm bình đẳng hiện tiền, quý vị cũng không được khác đi. Cứ tiếp tục niệm. Cuối cùng thì đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Giác chính là đại triệt đại ngộ, chính là minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Tham thiên sẽ đại triệt đại ngộ. Niệm Phật cũng là một cách tham thiên khác. Mục đích vẫn là đại triệt

đại ngộ. Niệm một câu danh hiệu Phật rõ ràng đã không chế được phiền não. Không chế lâu thì phiền não không còn, dứt đoạn. Phiền não đoạn thì tâm thanh tịnh hiện tiền, quả vị A La Hán, Cửu Thứ Đệ Định. Tâm bình đẳng là định của Bồ Tát. Giác là định của Như Lai. Tự tánh bản định nên phải tin.

Đoạn ở dưới nói “thành thực ngôn” là lời nói chí thành, không dối trá, hư vọng, lời nói chân thật bất hư. Chúng ta thực sự học Phật, thực sự cầu vãng sanh thì hai câu này phải học ngay trong sinh hoạt hàng ngày. Bất luận với ai cũng dùng tâm thành thật ra đối đãi. Bất luận với ai cũng nói lời thành thật. Tôi không dối người thì chẳng sợ người dối lừa tôi. Điều này nhất định phải biết. Tại sao tôi không dối người? Vì tôi muốn đến thế giới tây phương Cực Lạc để thành Phật, thì tôi cần phải đầy đủ điều kiện đến nơi đó. Người khác dối gạt tôi thì tôi sẽ không để bụng bận tâm. Vì sao vậy? Vì người ấy không đến được tây phương, phải tiếp tục luân hồi. Mỗi người đều có chí hướng riêng mà! Phật luôn hằng thuận chúng sanh. Muốn đến thế giới Cực Lạc thì đến đó đi. Muốn trôi lăn trong luân hồi thì cứ việc trôi lăn. Không cần can thiệp vào chuyện của người khác. Và cũng không cần phải đi phê phán ai khác. Hễ còn thích phê phán, thích can thiệp thì tâm ta đã loạn rồi. Chúng ta đâu có thời gian để can thiệp, phê bình. Chúng ta phải tranh thủ mau chóng niệm Phật, nhất tâm niệm Phật. Không được để cho trong tâm còn tạp niệm mới phải.

Di Đà Sơ Sao nói rằng: “*thành thực, minh tất khả tín*”. Tất định này là từ khẳng định. Chẳng hề có chút xíu e ngại gì. Chắc chắn đáng tin. Lời thành thật là gì? Niệm Phật chắc chắn được vãng sanh về tịnh độ. Vãng sanh thì quyết định sẽ thành Phật. Đó là lời thành thực. “*Di thành tắc chân khẩn vô nguy*”. Chân thật, khẩn thiết, không phải giả dối. “*Thật tắc thâm đế bất hư*”. Không phải tâm phù phiếm nông nổi, mà biết được chân tướng, phải trải qua quan sát tinh tế, mới biết nó không phải hư dối, nó là chân thật. Chân thành là chân tâm của chúng ta, là thể của tâm bồ đề. Trong kinh luôn khuyên dạy ta phát bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm. Thể của tâm bồ đề chính là chân thành. Tâm bồ đề khởi tác dụng, có hai loại tác dụng: một là tự thọ dụng, hai là tha thọ dụng. Cũng có nghĩa là tâm chân thành đối với chính mình, đối với người khác thế nào. Điều này chúng ta phải làm thật trên nhân địa. Phải thực hiện ngay bây giờ. Tâm chân thành đối với chính mình chính là thanh tịnh bình đẳng giác. Đây là thâm tâm mà chư vị cổ đức xưa kia nói đến. Thâm tâm mà Quán Kinh nhắc đến, Khởi Tín Luận cũng nói về thâm tâm, chư vị cổ đức chú giải gọi là hiếu thiện hiếu đức. Đối với chính mình, hiếu

thiện hiếu đức không gì qua thanh tịnh bình đẳng giác, nói rất là cụ thể. Tâm thanh tịnh là thiện, tâm thanh tịnh là đức. Bình đẳng cũng thế, chánh giác càng như vậy. Chí thiện chí đức là đại giác. Đối với người đối với sự việc, nghĩa là đối với người khác, tâm từ bi. Tâm từ bi này từ đâu ra? Từ chân thành, thanh tịnh, bình đẳng chánh giác mà ra. Cho nên từ bi này thật, không hề giả. Từ dữ lạc, bi bạt khổ. Giúp tất cả chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui. Chính là tâm từ bi. Nhưng tâm này nhất định từ trong chân thành, thanh tịnh, bình đẳng giác thì mới thật. Nếu là tình cảm của mình, bên trong còn pha tạp tình thức, tôi thích người này, tôi sẽ từ bi với anh ta. Người kia đáng ghét, thôi mặc kệ thì sẽ không có. Đây là giả, tâm như thế thì không thể vắng sanh. Nên chúng ta nhất định nhớ trong Bồ Tát Giới Kinh đức Phật dạy rằng: “Tất cả người nam là cha ta, tất cả người nữ là mẹ ta”. Phải đem tấm lòng hiếu thảo cha mẹ ra hiếu thảo với tất cả chúng sanh. Đây là tâm bồ đề, cung kính với tất cả. Đây là điều kiện tiên quyết để vắng sanh về tịnh độ. Nếu quý vị có đủ tất cả điều này thì không thể nào chẳng vắng sanh. Đừng cho rằng cung kính với người khác là mình thiệt vì cho rằng người ta chẳng cung kính mình. Anh ta không muốn đến thế giới Cực Lạc, mình muốn đến thế giới Cực Lạc. Người ở thế giới Cực Lạc ai cũng cung kính như thế. Tôi không theo nổi thì làm sao tới đó! Phải hiểu đạo lý này, sau đó dần dần quý vị mới biết phải nên cung kính với tất cả chúng sanh. Hấn phỉ báng tôi, tôi cung kính hấn. Hấn hãm hại tôi, tôi tôn kính hấn. Vì sao thế? Vì tôi biết hấn vốn là Phật, chẳng qua bây giờ nhất thời lú lẫn thôi. Sao tôi dám xem thường hấn! Phật dạy: “tất cả chúng sanh là cha mẹ trước kia của ta, là chư Phật tương lai”. Lời giảng này thật tuyệt vời. Chúng ta có thể tin không? Tin rồi thì làm đi. Chớ có sợ thiệt thòi, người xưa đều nói thiệt thòi đều là phước. Quý vị muốn có phước không? Muốn có phước thì phải chịu thiệt. Người chịu thiệt có phước, người hưởng lợi thì không có phước. Trên thực tế nền tảng của đạo lý lớn, đây là cả vũ trụ với chính mình là một thể. Quý vị xem trong Hoàn Nguyên Quán: Tự tánh thanh tịnh viên minh thể nhất thể! Biến pháp giới hư không giới, đại thiên thể giới trong Phật pháp nói từ đâu mà ra. Đều từ một thể này biến hiện ra. Hữu tình thì gọi là Phật tánh, vô tình thì gọi là pháp tánh. Thật ra pháp tánh và Phật tánh cùng là một tánh. Hữu tình, ngày nay chúng ta nói về động vật. Vô tình là thực vật cùng khoáng vật là một tánh. Nếu đã có Phật tánh, giờ chúng ta biết khoáng vật cũng có kiến văn giác tri. Điều này trước kia không ai biết, cứ cho đó là vật chất thuần túy, không có tác dụng tinh thần. Giờ chúng ta biết rồi. Mấy năm trước tiền sĩ Giang Bôn đã chứng minh bằng thí nghiệm nước, chứng minh rất rõ rệt

nước là khoáng vật. Không những biết nhìn, biết nghe, biết ý tứ của người. Hiện giờ ở Đài Loan có một số bạn cũng đang làm thí nghiệm này và rất thành công. Họ báo cho tôi hay, bảo tôi đi xem. Không chỉ có nước, tất cả những vật chất khác, hiện tượng vật chất đều biết nhìn, đều biết nghe, đều biết được khởi tâm động niệm của chúng ta. Quý vị đừng xem thường cái bàn, khúc gỗ. Chúng biết nhìn, biết nghe hết đấy. Chúng ta khởi tâm động niệm là chúng biết cả. Đọc Hoàn Nguyên Quán xong thì ta hiểu lý này. Xem những thí nghiệm khoa học, đọc những báo cáo của các nhà khoa học đều hoàn toàn khẳng định, không nghi ngờ, tin chắc đấy là thật, không giả dối.

Cho nên chúng ta phải bắt đầu học hỏi trong sinh hoạt ngày thường, phải sám hối tất cả những việc làm sai trong quá khứ. Sám hối thật sự chứ không phải chỉ nói để người khác nghe. Chúng ta nói phát lồ sám hối, không phải thế. Chiêu này tôi được Chương Gia đại sư truyền cho. Sám hối là gì? Từ nay không bao giờ làm điều đó nữa là sám hối chân thật. Quý vị chỉ nói cho người khác nghe, phát lồ sám hối rồi ngày mai lại làm như thế. Vậy thì vô ích, đấy là giả tạo, không phải sám hối thật sự. Quan trọng nhất là từ nay không bao giờ làm điều đó nữa, quay đầu thật sự. Biết quay đầu sẽ là người tốt trong người tốt, là kẻ thiện nhân trong người thiện. Cho nên Phật pháp thường bảo quay đầu là bờ. Câu này nói với những ai? Câu này nói với những người đã từng phạm sai lầm. Sai lầm là đánh mất bản tánh. Tùy thuận theo tham sân si mạn, tùy thuận theo phiền não. Trong tam tụ đoạn trên có nói tà định tụ. Học Phật lâu năm không phải không biết, nhưng biết mà cố tình phạm. Vì sao thế? Đây là điều cổ nhân có nói. Nhìn thấu nhưng không nhin được nên vẫn phạm. Tật xấu này đối trị cách nào? Tiếp tục nỗ lực. Công phu học tập của quý vị chưa đủ, không địch lại phiền não. Nếu đủ công phu có thể như như bất động ngay trước phiền não thì quý vị qua được rồi? Người công phu cao hơn thì còn được lợi ích lớn ngay trong phiền não, họ nâng cao cảnh giới của chính mình lên.

Quý vị đều biết, trong Kinh Kim Cang cũng có nhắc đến việc, Nhẫn nhục tiên nhân gặp nạn khi gặp Ca lợi vương. Nhẫn nhục tiên nhân đã thông qua được. Đối với tiên nhân thì là được nâng đến cảnh giới thật cao. Viên mãn nhẫn nhục ba la mật. Xem như Ca lợi vương đến khảo và tiên nhân đã qua được. Có thể nhẫn được không? Nhẫn được. Có oán hận không? Chẳng hề có chút oán hận nào. Chẳng những không oán hận mà còn cảm ơn. Phát nguyện tương lai ta thành Phật sẽ độ ông đầu tiên. Vì sao có thể nhẫn được. Vì “phạm sở hữu tướng giai thị hư

vọng”. Cần gì phải xem là thật. Không phải thật đâu. Khi ta thay đổi suy nghĩ thì vấn đề đã được hóa giải xong. Một niệm giác thì không còn vấn đề, một niệm mê thì phiền não cực kỳ. Một niệm giác, niệm niệm giác, một niệm mê, niệm niệm mê. Thật đáng sợ! Cho nên căn tánh của chúng ta như vậy, chúng ta chẳng phải hàng thượng thượng căn, trung hạ căn.

Làm cách nào có thể giữ được chính mình? Chỉ có một phương pháp là chẳng ngày nào rời kinh điển. Nơi có kinh điển là nơi có Phật cùng Bồ Tát. Chúng ta đọc thông kinh điển là thân cận Phật cùng Bồ Tát, thế mới có thể giữ được chính mình. Không thân cận, gần gũi Phật và Bồ Tát không xong! Ngày nào cũng đọc, hễ được thì ngày nào cũng nghe kinh, đừng bỏ qua ngày nào cả. Ở đây tôi đọc kinh Vô Lượng Thọ còn xem chú giải của Hoàng Niệm lão, mỗi ngày chắc tôi cũng đọc khoảng bốn giờ, cùng chia sẻ với mọi người bốn giờ đó, vui sướng vô kể, pháp hỷ sung mãn. Nếu quý vị hỏi tôi, tôi đã buông bỏ hết rồi, một lòng một dạ chỉ cầu vãng sanh về tịnh độ. Chỉ mong được thân cận đức Phật A Di Đà chứ không cầu gì khác nữa. Quý vị nói về tai họa này, hoạn nạn kia đều chẳng liên can gì tôi. Tôi tuyệt đối sẽ không nghĩ xem nơi nào chẳng có tai nạn, nơi nào tốt hơn. Tôi không bận tâm những điều này. Thậm chí tôi thường nghĩ và cũng thường nói nơi nào có thiên tai tôi sẽ đến nơi đó. Vì sao thế? Vì sẽ được vãng sanh sớm hơn. Duyên chín mùi thì tốt, không hề tệ hại! Cho nên tâm định không bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển. Nói vậy thì tôi sẽ không bỏ đi khi thấy thiên tai hoạn nạn. Và nơi tôi ở cũng không phát sanh thiên tai. Tâm vĩnh viễn định. Niềm tin không đảo ngược. Cho nên dùng chân tâm thì tự tại hơn nhiều so với dùng vọng tâm. Vọng tâm cứ do dự bất định. Chân tâm thì định, như như bất động.

Đoạn dưới: “*Sở vị sư tử hống, vô úy thuyết, thiên thánh phục khởi bất năng dị. Vạn thế thủ chi tắc vi giai giả dã*”. Đây là nói về thành thực ngôn. Sư tử hống là một ví dụ. Như Lai thuyết pháp dùng lời chân thật, không có vọng ngữ. Uy mãnh như sư tử gầm to. Hễ sư tử rống lên, quý vị sẽ thấy những con thú nhỏ không chạy nổi, sợ hãi đứng đờ ra. Vô úy thuyết, được đại vô úy. Phật là bậc đại vô úy. Pháp thân bồ tát là bậc đại vô úy. Vì sao thế? Vì ngài không hề có hư vọng nên ngài không sợ hãi. Kẻ giả dối, lấp liếm sợ bị vạch mặt, lộ tẩy. Một người mà trong và ngoài đều rất chân thành thì sợ gì nữa? Đương nhiên là không sợ hãi. Tất cả nằm trong nhận biết của chúng ta về Phật pháp. Quý vị càng nhận thức rõ, càng thấu suốt thì tâm quý vị càng định, càng có trí huệ, quý vị mới có thể đối phó vấn đề, mới có thể giải quyết vấn đề. Thiên thánh phục khởi, là nói về chư Phật Như Lai.

Đại kiếp này của chúng ta gọi là hiền kiếp. Trong kinh Phật có nói. Trong đại kiếp này có một ngàn vị Phật ra đời. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là vị thứ 4. Vị thứ 5 sau ngài là Bồ Tát Di Lặc. Di Lặc Bồ Tát đến thế gian này để thành Phật. Sau đó vẫn còn 995 vị nữa. 1000 vị Phật ra đời. Ngàn thánh phục khởi không thay đổi. Tất cả đều nói lời thành thật.

“*Vạn thế thủ chi tắc vi giai*”. “Giai” là giai mô, mô phạm. Chân thành là khuôn phép mô phạm của tất cả chúng sanh trong biến pháp giới hư không giới. Vì sao chúng ta không học theo, tại sao chúng ta không thật tâm thực hiện? Đi đâu tìm những lời dạy chân thực này? Không tìm thấy ở đâu khác ngoài kinh điển Đại Thừa. Toàn bộ nội dung của bộ kinh Vô Lượng Thọ này không ngoài ba loại chân thật. “Chân thật chi tế” là giảng về tự tánh, nói về thể. Điều này thì khỏi phải hoài nghi vì tất cả chúng sanh đều có, chỉ tại quý vị đã mê mờ thôi. Chân thực chi tế chính là cái mà Nho giáo gọi là minh minh đức, mọi người đều có. “Chân thật trí huệ” là nói về tướng, chúng ta đem thể tướng dụng ra nói. “Chân thật lợi ích” là dùng thể tướng tác dụng. Chúng ta cầu được trí huệ, trí huệ chân thật, trí huệ được bắt nguồn từ trong tự tánh. Tri thức đương nhiên là quan trọng nhưng không thể đặt ở vị trí số một, chỉ có thể ở vị trí số hai. Nếu đặt tri thức ở vị trí số một là chúng ta sai lầm rồi. Phải cầu trí huệ từ trong định. Còn tri thức có được từ việc học rộng nghe nhiều. Học rộng nghe nhiều sẽ chướng ngại tâm thanh tịnh của chúng ta, nên ta thà đặt nó qua một bên. Tạm thời đừng tìm nó. Vậy khi nào mới học? Chờ khi ta đã định được rồi hãy học. Khi đã định được rồi thì việc học rộng nghe nhiều sẽ chẳng quấy rầy ta. Có năng lực này là được. Như Thiện Tài Đồng Tử 53 lần tham vấn học hỏi, học rộng nghe nhiều. Ngài đã đắc định rồi. Ngài đắc định gì? Minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ. Ngộ rồi mới tu, ngộ xong mới học rộng nghe nhiều. Làm như thế là chính xác, không sai lầm. Quý vị nhìn xem Thiện Tài đã làm gương cho ta đó. Đắc căn bản trí trong Hội Văn Thù Bồ Tát, chính là minh tâm kiến tánh. Buông bỏ hết khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước. Chúng đắc viên giáo sơ trụ, siêu việt ra mười pháp giới rồi. Văn Thù Bồ Tát để cho Thiện Tài đi tham vấn học hỏi 53 lần. 53 lần đó là tri thức, là hậu đắc trí. Nhưng Thiện Tài đã mở được căn bản trí nên tri thức của ngài toàn biến hết thành trí huệ. Nếu ngài không có căn bản trí thì tri thức chỉ là tri thức, tri thức không thể biến thành trí huệ được. Vì ngài có căn bản trí, nên 53 lần tham vấn học hỏi, toàn bộ trở thành trí huệ hết. Do đó chúng ta biết được chân thành quan trọng biết bao. Ấn quang đại sư thường nói: “một phần thành kính sẽ được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần công đức”. Tôi bổ sung thêm

vài câu vào sau. Trăm phần thành kính được trăm phần lợi ích, ngàn phần thành kính được ngàn phần lợi ích, vạn phần thành kính được vạn phần lợi ích, tại sao quý vị không dùng tâm thành kính? Tại sao quý vị vẫn còn giả dối? Đâu phải ai khác thiệt thòi mà chính là quý vị đó! Chẳng ai bị thiệt cả, chỉ có chính quý vị lỗ lớn thôi. Hi vọng chúng ta có thể thể nghiệm sâu sắc ý nghĩa thâm sâu này. Ta phải ứng dụng nó vào trong sinh hoạt ngày thường, vào công việc, vào trong các xử sự đối đãi. Không hoài nghi câu nào trong lời Phật dạy.

Hiện này học Phật, khó khăn lớn nhất chính là một số người chẳng có tâm thành kính đối với Phật. Điều đó cực kỳ khó khăn. Chư Phật Như Lai dạy họ, nhưng họ không chịu nghe. Cho nên việc hoằng pháp lợi sanh khó ở chỗ này. Chúng ta làm cách nào để khắc phục? Việc khắc phục ở ngay chính mình. Ta phải nghiêm túc thực hiện được tất cả những gì ta học, nghĩa là ta tự độ mình trước. Tự độ xong thì những chúng sanh hữu duyên sẽ được ta độ theo, còn những chúng sanh vô duyên với ta thì để họ tùy ý. Thế nào gọi là hữu duyên? Họ nhìn thấy, họ nghe, họ tin, họ hiểu được, họ phát nguyện. Đây là người hữu duyên. Cho nên ở đây “thủ” là một chữ máu chốt. Chúng ta phải thủ chắc, phải giữ vững, không được dao động Thủ chắc tâm bồ đề là chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi. Phải thật sự giữ chắc tâm này.

“*Hựu vân thuần chân tuyệt vọng*”. “Thuần” là chẳng có chút pha tạp nào hết, vạn kiếp cũng y vậy. “*Ngôn thành thật giả thực quá ư thị*”. Nói đến thành thật thì có gì qua được đây nữa không? Không còn. Đây là thái độ của chúng ta trong đời nhân xử thế, trong công tác, trong sinh hoạt. Chư Phật Như Lai như thế, Pháp Thân Bồ Tát như thế, chư vị tổ sư, cao tăng đại đức của chúng ta cũng như thế, chúng ta không noi theo sao? Ngay cả Không Tử cũng biết đạo lý này, ông đã nói trong Luận Ngữ: “Thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ”. Ông đã giữ chắc được, không sáng tạo, không phát minh. Vì sao thế? Bất luận quý vị sáng tạo thế nào, phát minh ra sao cũng đều nằm trong cái vòng tròn của tự tánh thanh tịnh viên minh thể. Quý vị không cách nào siêu vượt ra. Vậy những ai đã minh tâm kiến tánh đều chứng đắc đại viên mãn rồi. Quý vị không thể nào vượt qua người ấy. Quý vị y như người ấy, được. Bởi vì người ấy đã cứu cánh viên mãn, không tăng không giảm nữa. Cho nên chúng ta chỉ có thể nói hi vọng tương lai sẽ giống như Phật A Di Đà, nếu quý vị bảo tương lai tôi sẽ vượt qua Phật A Di Đà thì không thể được. Không có việc này đâu. Phật A Di Đà tiêu biểu cho tự tánh thanh tịnh viên

minh thể. Phật A Di Đà tiêu biểu cho cứu cánh viên mãn. Cứ y một vòng tròn vậy, không hề có chút khiếm khuyết. Quý vị thêm chút gì vào là sai rồi, bạn không thêm được gì cả. Mà quý vị để khuyết một chút cũng không được. Viên mãn vẹn tròn như thế đó. Thuần chân tuyệt vọng, vạn kiếp như nhiên.

Người thời nay có suy nghĩ hư vọng, muốn làm siêu nhân, lĩnh vực nào cũng muốn siêu vượt người khác, sai lầm rồi. Giải thích sai cả lời của người xưa. “Nhân định thắng thiên”. Câu này cổ nhân có nói nhưng họ giải thích sai. Người nhất định sẽ thắng được trời, hiểu sai rồi. Người ta mà định được thì sẽ thắng trời. Thiên đó chính là tự nhiên. Câu này phải hiểu là người ta phải định thì mới có thể hiểu được thiên nhiên xung quanh. Ba hiện tượng này quý vị hiểu: Hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần, hiện tượng tự nhiên cũng hiểu rồi. Quý vị định được thì mới hiểu được. Tâm quý vị mà động sẽ vĩnh viễn không bao giờ hiểu được. Y như mặt nước, mặt nước phải lặng, như tấm gương thì mới chiếu rọi được cảnh vật, nếu nước mà gợn sóng lăn tăn sẽ không chiếu rọi được gì. Cho nên tâm không được động, tâm phải tĩnh, tâm động là hỏng rồi! Chúng ta nghe người xưa nói: Nhân tâm hỏng rồi. Hỏng như thế nào? Đó là do tâm đã động. Tâm vốn bất động nhưng giờ họ lại động tâm. Động chính là mê, chính là hoặc, gọi chung là mê hoặc, mê mờ. Bất động là chân tâm, bất động chính là thuần chân tuyệt vọng. Động là vọng. Vạn kiếp như nhiên là vĩnh viễn luôn như thế. Tự tánh bản định. Đây là thể của thành chân, thành thật. Thành thật ngôn, lời thành thật từ đâu ra? Từ đây ra thôi. Cho nên không thể nào vượt qua được. *Có tri chư Phật sở tán, vô lượng Phật bất khả tư nghị công đức nãi cực chân cực thực chi ngôn.* Phật nói lời chân thật, chẳng phải ai khác nói. Tất cả chư Phật Như Lai trong 10 phương đồng thanh xưng tán công đức không thể nghĩ bàn của Phật A Di Đà. Thế nào là công đức không thể nghĩ bàn? Chính là vì một câu danh hiệu này có thể phổ độ tất cả chúng sanh, giúp tất cả chúng sanh vãng sanh về thế giới Cực Lạc, chỉ một đời viên mãn thành Phật, không thể nghĩ bàn! Mười phương chư Phật dạy ta, thật sự mà nói cũng có pháp môn ngang, có pháp môn dọc. Đối với những kẻ nghiệp chướng sâu nặng, không tin tưởng pháp môn này, Phật rất từ bi vì Phật luôn hằng thuận chúng sanh. Quý vị thích học pháp môn nào thì Phật sẽ chỉ quý vị pháp môn đó. Phật cũng có điều kiện. Nếu pháp môn này quá sâu, quý vị không đủ năng lực học theo thì Phật sẽ khuyên quý vị nên chọn pháp môn khác. Nếu có thể thực sự tin tưởng, nếu có thể hiểu được pháp môn này thì ngài sẽ không bao giờ khuyên quý vị chọn pháp môn thứ hai. Vì sao vậy? Vì pháp môn này sẽ giúp bạn bảo đảm một đời thành tựu, vả lại là một thành tựu đầy viên mãn, thành tựu không thể nghĩ

bàn. Quý vị đã chọn lựa chính xác, hoàn toàn như phu nhân Vi Đề Hy đã chọn trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật. Cho nên chúng ta phải học nói lời thành thật. Nếu ta mong sanh về thế giới Cực Lạc, thì phải nghiêm túc với câu này. Nếu không làm được thì ta sẽ lỡ chuyến đi về Cực Lạc, hết sức đáng tiếc!

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây thôi.

Tập 384

Chuyển ngữ: Lý Hương

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 23 tháng 4 năm 2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 476, chúng ta xem từ hàng thứ hai.

Đây là một đoạn. *“Thuyết thành thực ngôn”*. Nói lời chí thành, không dối trá, chân thực chẳng hư. *Di Đà Sơ Sao viết: thành thực, minh tất khả tín. Dĩ thành tắc chân khẩn vô ngụy, thực tắc thâm đế bất hư. Sở vị sư tử hống, vô úy thuyết. Thiên thánh phục khởi bất năng dị. Vạn thế thủ chi tắc vi giai giả dã. Hựu vân thuận chân tuyệt vọng, vạn kiếp như nhiên ngôn thành thực giả, đôn cố ư thị*. Lần trước chúng ta đã học đến chỗ này.

Hôm nay ta tiếp tục đọc xuống dưới. *Có tri chư Phật sở tán vô lượng thọ Phật bất khả tư nghị công đức nãi cực chân cực thực chi ngôn*. Chỗ này nói rất rõ rệt, tất cả chư Phật ở mười phương đều tán thán Phật A Di Đà. Điều này chúng ta phải học hỏi. Hiện người trong xã hội ta hiếu thắng, thích tranh đua. Chẳng chịu nhường ai. Ta nhìn chư Phật Như Lai, khiêm tốn đến thế, nhân nhượng đến thế, nhường tất cả công đức cho Phật A Di Đà, khen ngợi Đức Phật A Di Đà là vua của chư Phật- *“Quang trung cực tôn, Phật trung chi vương”*. Thật ra chúng ta học

hỏi kinh điển và giảng dạy đã lâu, chân tướng sự thật của điều này đương nhiên đều rõ. Phật và Phật bình đẳng, không hề có cao thấp. Vì sao vậy? Vì đức Phật chứng đắc bình đẳng pháp. Chúng ta nhớ đến, Phật đã buông bỏ hết khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước. Đây là bình đẳng. Tất cả bất bình đẳng từ đâu mà ra? Từ tâm phân biệt sinh ra. Có phân biệt thì không còn bình đẳng. Có chấp trước thì càng không bình đẳng. Bậc A La Hán đã buông bỏ chấp trước, thanh tịnh, trong đề kinh nói ngài đã chứng đắc, chẳng chấp trước thì tâm thanh tịnh hiện tiền. Còn không phân biệt? Không phân biệt là tâm bình đẳng, không chấp trước là tâm thanh tịnh. Đề kinh là “thanh tịnh bình đẳng giác” chúng ta đều có thể chứng đắc. Nếu chúng ta chẳng còn chấp trước với tất cả pháp thế xuất thế gian, thì ta sẽ chứng bậc A La Hán. Tâm thanh tịnh sẽ hiện tiền. Phải biết tâm thanh tịnh là chân tâm của ta. Thanh tịnh bình đẳng giác là chân tâm. Bỏ được phân biệt với tất cả pháp thế xuất thế gian, không những không chấp trước, phân biệt cũng chẳng còn, tâm bình đẳng sẽ hiện ra. Tâm bình đẳng là Bồ Tát, cao hơn A La Hán một bậc. A La Hán thanh tịnh nhưng không bình đẳng. Bồ Tát thì bình đẳng. Nâng cao lên nữa thì lục căn tiếp xúc với cảnh giới lục trần, thực hiện được không khởi tâm, không động niệm, thì sẽ thành Phật, gọi là Phật Đà. Đây là cảnh giới tối cao, chẳng khởi tâm, không động niệm, thanh tịnh bình đẳng đến cực điểm, chẳng còn phân biệt. Tại sao còn tôn xưng Phật A Di Đà là vua của Chư Phật? Phật A Di Đà là quang trung cực tôn, Phật trung chi vương. Mỗi vị Phật là đều là quang trung cực tôn, Phật trung chi vương. Đây là lời nói thật, tất cả đều khiêm tốn. Dụng ý ở chỗ nào? Để dạy chúng ta. Vì chúng ta không biết khiêm tốn, thích ganh đua. Chư Phật Bồ Tát dùng khiêm nhường, khiêm hạ nhường nhịn như thế thì xã hội hài hòa, vũ trụ mới hài hòa. Nếu như có tranh đua, không chịu nhường nhịn, vũ trụ sẽ sanh động loạn.

Cắt [Khi người nước ngoài xem lịch sử 5000 năm qua của Trung Quốc, chẳng ai không khâm phục, khen ngợi. Một đất nước lớn như thế, nhiều dân tộc như thế, đông dân như thế, tại sao mấy ngàn năm mà xã hội vẫn ổn định? Quý vị đọc lịch sử sẽ thấy, khi triều đại thay đổi gọi là động loạn, nhưng thời gian động loạn đó rất ngắn. Sau khi thống nhất thì thường chỉ cần 5 năm là trật tự xã hội được ổn định, kéo dài từ 100-150 năm. Một xã hội ổn định lâu như thế thật hiếm có trên thế giới! Ta không thể không phục nhà Thanh, Khang Hy ở ngôi 61 năm, Ung Chính 13 năm là 74 năm, Càn Long sau này 60 năm, đến Gia Khánh chắc khoảng gần 200 năm! Một xã hội ổn định lâu dài như thế rất hiếm thấy trong lịch sử. Do đâu mà được như vậy? Nhờ học được nhường nhịn. Ai cũng khiêm tốn, ai cũng

chịu nhường kẻ khác, không tranh đua. Xã hội hiện nay, ta đã bỏ quên truyền thống cha ông để học theo nước ngoài. Người nước ngoài từ bé đã cạnh tranh, ganh đua. Ganh đua đâu hay. Nâng cấp ganh đua lên sẽ thành tranh chấp. Tranh chấp tăng nữa thì sẽ là chiến tranh. Các vị đều biết chiến tranh hiện nay là chiến tranh với vũ khí hạt nhân, chiến tranh sinh hóa. Kết cuộc sẽ ra sao? Kết cục là trái đất bị hủy diệt, tất cả đều chết hết. Đây là con đường chết, không phải nẻo sống. Tổ tiên chúng ta nói rất hay. Nếu ta có thể tuân thủ làm theo thì ngàn năm, vạn năm thái bình vĩnh viễn, có gì không tốt chứ?] **cắt**

Bậc thánh hiền đều có trí huệ, đức hạnh, có phương pháp, có kinh nghiệm. Không được lơ là, bỏ qua ta sẽ bị thiệt.

Xã hội động loạn, trái đất gặp nhiều nạn tai như thế có liên quan mật thiết với khởi tâm động niệm của ta. Trong kinh điển Đại Thừa đã nói rất nhiều. Thật hy hữu là các nhà khoa học hiện nay cũng chứng minh được. Nếu ta không nương khoa học hiện đại, thì ta sẽ hoài nghi với rất nhiều điểm trong kinh Phật. Phật giảng, ta không dám phản đối. Lời Phật và Bồ Tát sao còn có thể sai được? Nhưng ta không sao nghĩ cho thông được. Thật ra Phật định nói gì? Không biết. 30 năm gần đây, nhà vật lý lừng danh của thế giới báo cáo những điều y như trong kinh Phật về chân tướng của nhân sinh, vũ trụ. Ta không thể không nể phục. Nhưng những điều Phật giảng còn cao và sâu hơn, còn tỉ mỉ và rõ ràng hơn. Vì sao vậy? Vì Phật đã chứng đắc, còn khoa học ta chưa chứng. Họ chỉ dùng số học để suy luận và biết một phần, dùng những thiết bị tinh tế, quan sát và thấy được một phần nên khoa học vẫn còn nhiều vấn đề không thể giải quyết. Thế nhưng trong kinh điển Đại Thừa thì chẳng có vấn đề nào không giải quyết được, thật là kỳ diệu! Nhất là việc Phật A Di Đà xây dựng thế giới Cực Lạc. Quả là không thể tưởng tượng nổi! Có thể nói Cực Lạc là do trí huệ, thần thông, đạo lực của chư Phật Như Lai hiển hiện ra cảnh giới thù thắng viên mãn như thế! Lý rất sâu sắc, nhưng giờ chúng ta có thể hiểu được một phần rồi. Ta khẳng định, ta tin và ta chẳng còn nghi ngờ nữa. Sau khi rõ được chân tướng thì ta mới chịu buông bỏ. Ta mới biết cả vũ trụ là như thế nào. Nói thật, đây là điều Phật nói, “thuyết thành thực ngôn”. Biến pháp giới hư không giới, muôn sự muôn vật trong vũ trụ có liên quan gì với ta? Là một thể! Quá mật thiết rồi. Không thể nói là một nhà.

một nhà còn xa cách, chính là một thể. Chúng ta đọc được trong Kinh Hoa Nghiêm, đọc được bài luận Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của Hiền Thủ Quốc sư. Cả vũ trụ là một hiện tượng dao động. Đây là điều các nhà khoa học đều nói. Họ nói về hiện tượng dao động chắc đã hơn 50 năm. Có nghĩa cả hiện tượng vũ trụ là động. Nếu bất động thì hiện tượng không còn. Bao gồm cả hiện tượng vật chất cũng thế. Thế nhưng chân tâm, cái ta thật sự thì bất động. Cho nên đức Phật dạy rằng: tổng thể của hiện tượng là hư vọng, chính là “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”. Vì sao vậy? Vì toàn sinh ra từ hiện tượng dao động. Các nhà khoa học đã quy nạp nó vào ba loại: Hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần, hiện tượng tự nhiên. Tất cả đều là dao động.

Khu vực Quảng Đông nơi chúng ta đang cư ngụ này, là quê nhà của Huệ Năng đại sư thời Đường. Chúng ta có duyên sâu đậm với Huệ Năng đại sư. Đại sư đã khai ngộ, đã chứng đắc. Chúng được gì? Ngài đã thành Phật rồi. Phật thật chứ không phải Phật giả. Cảnh giới chứng đắc của ngài hoàn toàn tương đồng với Phật Thích Ca Mâu Ni. Phật Thích Ca cũng 32 ứng như Quan Âm Bồ Tát. Nếu có kẻ phải ứng thân Phật mới được độ, thì ngài liền hiện thân Phật. Huệ Năng đại sư ở Trung Quốc, người Trung Quốc chẳng biết Phật là gì, ấn tượng rất xa lạ, cho nên ngài vì có kẻ phải ứng thân tỳ kheo mới được độ mà hiện ngay thân tỳ kheo để thuyết pháp cho nghe. Người Trung Quốc kính trọng tổ sư, ngài liền hiện ra thân tổ sư. Ngài bảo tự tánh bất động, minh tâm kiến tánh. Tánh là cái gì? Tánh như thế nào? Ngài bảo thứ nhất là thanh tịnh, tánh thanh tịnh. Xưa nay chưa từng bị ô nhiễm. Bây giờ có ô nhiễm không? Bây giờ vẫn chưa ô nhiễm. Ô nhiễm là ý, ý thức có ô nhiễm chứ tự tánh thì không ô nhiễm. Tự tánh là thật, ý thức thì không phải thật. Tự tánh không sanh chẳng diệt, vốn tự đầy đủ, chẳng thiếu thứ nào. “Vốn không động dao”, đây chính là tự tánh bản định, chứ không phải hiện tượng dao động. Cho nên tự tánh chẳng phải là hiện tượng tự nhiên, không phải hiện tượng tinh thần, cũng chẳng phải hiện tượng vật chất. Nói cách khác, giới khoa học, giới triết học chẳng làm gì được tự tánh. Chắc chắn là không thấy được nó. Vậy nó ở đâu? Ở đâu cũng có tự tánh, lúc nào cũng có tự tánh, nơi nào cũng có. Chỉ là quý vị không duyên được với nó. Nó chẳng phải vật chất. Năm căn đầu của chúng ta không duyên tới được: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Nó không phải vật chất, nên mắt ta không nhìn thấy nó, tai chẳng nghe được nó, tay cũng chẳng sờ chạm được. Nó không là vật chất. Nó không là hiện tượng tinh thần, quý vị có nghĩ cũng không nghĩ ra nó. Quý vị dùng thức thứ sáu-tư tưởng, tư tưởng không duyên được tới nó. Nó chẳng phải hiện tượng tinh thần, cũng không là hiện tượng

tự nhiên. Nhưng nó là thật. Nó có thể biến hiện ra hiện tượng tự nhiên, hiện tượng tinh thần, hiện tượng vật chất. Nó có thể biến hiện được như thế. Nhưng những gì nó biến hiện ra đều là huyền tượng. Trong Kinh Kim Cang ví nó là “mộng huyền bào ảnh”. Nó đâu là thật. Làm thế nào mới thấy được tánh? Buông bỏ hết tất cả vọng tưởng, phân biệt chấp trước thì sẽ thấy được tự tánh. Bản lĩnh của Huệ Năng đại sư là ở điểm này. Ngài nghe Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn giảng kinh. Hiểu được rồi, ngài buông xả liền. Y bát của Ngũ Tổ được truyền ngay cho ngài.

Cảnh giới năm xưa khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni chứng đắc dưới gốc cây bồ đề tương đồng với Lục Tổ. Nói cách khác thì cả vị đều diễn cho chúng ta xem. Phật Thích Ca Mâu Ni đóng vai tri thức phân tử, hiểu học. Một chàng trai trẻ mới 19 tuổi đã rời nhà, đi tham vấn học hỏi, học rộng nghe nhiều! 30 tuổi thì ngài khai ngộ. Từ 19 đến 30 tuổi là 12 năm. Đức Phật Thích Ca đã khổ công học hỏi suốt 12 năm. Tất cả tôn giáo ở Ấn ngài đều đã từng theo học. Tất cả triết học, học phái ngài đều đã từng tiếp cận và học tập. Một thanh niên trí thức. Từ chỗ này, chúng ta có thể tưởng tượng được, lúc Phật ra đời, nước Ấn học thuật rất thịnh hành, thanh niên đều hiểu học. Còn Lục Tổ Huệ Năng xuất hiện ở Trung Quốc, dùng một tư thế khác để gặp chúng ta: không biết chữ, chưa từng được đến trường ngày nào. Ngài chỉ biết chẻ củi vì ngài là tiểu phu. Mỗi ngày đều lên núi đốn củi, gánh vào thành đem bán. Một gánh củi có giá rất rẻ.

Thời kỳ kháng chiến, tôi đã trải qua. Lúc Trung Quốc chiến tranh tám năm với Nhật, nhiều thành phố không có nước, điện, phải đốt đèn dầu, nước phải thuê người gánh. Có người chuyên bán nước, gánh nước. Cứ ra sông gánh nước đem vào thành bán. Nấu nướng thì dùng than củi, đốt lò. Có người đốn củi, đem vào thành bán. Bán nước hay củi đều hết sức vất vả.

Huệ Năng đại sư bán củi. Ngày nào bán hết thì có số tiền ít ỏi đem mua gạo, rau về sống qua ngày. Hôm nào không lên núi đốn củi thì ngày đó không có tiền sinh sống. Ngài nuôi bà mẹ già, là người con có hiếu. Chưa từng được đi học, không biết chữ, quý vị hãy xem trong Pháp Bảo Đàn kinh có ghi chép cả. Ngài chưa từng đi nghe giảng kinh lần nào, cũng chưa từng vào thiền đường để tham thiền lần nào. Khi thân cận Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn, hòa thượng sai ngài xuống nhà bếp giã gạo, chẻ củi. Nói theo cách bây giờ thì là làm công quả trong chùa. Thân phận như thế, chưa hề xuống tóc đi tu. Như vậy được 8 tháng. Ngũ Tổ định truyền

pháp, chẳng ai ngờ lại truyền cho Huệ Năng. Nhưng trong bụng ngài đã biết sẽ được truyền trao. Cách truyền pháp chân chánh thì khi tâm tương ứng với nhau, tâm của Lục Tổ tương đồng với tâm Ngũ Tổ. Chẳng ai hay biết điều này. Cho nên Ngũ Tổ mới triệu ngài vào gặp lúc nửa đêm, sợ bị người khác nhìn thấy. Canh ba gọi ngài vào phòng phương trượng, giảng cho ngài đại ý của Kinh Kim Cang. Lục Tổ không biết chữ, nên chắc chắn sẽ không dùng kinh sách. Khi giảng tới câu: “ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, thì Lục Tổ đại triệt đại ngộ. Thế nào là đại triệt đại ngộ? Chính là buông xuống hết thấy vọng tưởng, phân biệt chấp trước. Trong nhà Phật gọi là đốn xả. Đốn xả, là đốn tu, đốn chứng. Khai ngộ thật sự rồi. Ngũ Tổ bèn truyền y bát và bảo ngài hãy đi ngay trong đêm, đừng để ai trông thấy. Tìm nơi nào nấu thân. Vì sao vậy? Vì ghen ghét chướng ngại. Bao nhiêu người theo Ngũ Tổ lâu năm mà không đắc pháp. Sao lại truyền cho một kẻ không biết chữ? Nên họ không phục. Quý vị xem Lục Tổ phải trà trộn vào trong tốp thợ săn suốt 15 năm, chờ cho việc này được lãng quên rồi, Lục Tổ mới ra mặt. Tất cả đều để dạy cho ta. Thời đại nhà Đường lúc đó là thời kỳ thịnh trị nổi tiếng trong lịch sử, quốc thái dân an. Lục Tổ đã gặp chuyện gì? Đồng nghiệp ghen ghét nhau. Ngài đã diễn cho chúng ta thấy điều đó. 15 năm lánh nạn trong đoàn thợ săn là một cách tu hành. 15 năm tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, bát nhã, ngài đã khai ngộ, đã hiểu được lý, sự thì phải tu thật, phải rèn luyện trong sinh hoạt, đời thường. Luyện cho được tâm đại từ bi, rèn cho ra thanh tịnh bình đẳng giác. Ngài đã thành công. Trong kinh điển Đại Thừa thường nói: “ngộ rồi mới khởi tu”. Ngộ là rõ được lý, nhưng sự thì làm sao dẹp yên? Phải luyện trong sinh hoạt, trong công việc, trong đối nhân xử thế tiếp vật, thì mới thật sự thành tựu được công đức không thể nghĩ bàn. Phật, chư vị tổ sư, đều dạy chúng ta, ngôn hành cử chỉ đều là mẫu mực tốt nhất cho ta.

Ngày nay chúng ta gặp chút sóng gió nhỏ nhoi, đã không nhịn được thì làm sao có thành tựu? Phật Thích Ca Mâu Ni hành Bồ Tát đạo, tu Bồ Tát hạnh ở nhân địa, làm Nhẫn nhục tiên nhân. Chuyện này đã được ghi chép tường tận trong Đại Niết Bàn Kinh. Trong Kinh Kim Cang có nhắc đến một ít nhưng không nói tường tận. Nhẫn nhục ba la mật đã viên mãn. Không duyên có mà chịu bức hại như thế. Bị xử tử lăng trì mà chẳng hề có chút oán hận. Chẳng những không oán hận mà còn biết ơn vua Ca Lợi. Vì sao vậy? Vì trải qua khảo hạch này của vua Ca Lợi, ngài đã thành tựu viên mãn, thành Phật sớm hơn dự định. Ngàn vị Phật trong hiện kiếp thì Đức Phật Thích Ca vốn đứng thứ 5, Bồ Tát Di Lặc đứng thứ 4. Do công đức nhẫn nhục này viên mãn mà Đức Phật Thích Ca đã vượt lên trên, Bồ Tát Di Lặc

lùi lại sau. Việc này trong kinh điển có ghi ghép. Cho nên các ngài chỉ làm mẫu cho ta xem thôi. Chúng ta xem mà hiểu được, xem mà rõ được thì sẽ y giáo phụng hành, sẽ biết phải làm gì trong sinh hoạt đời thường. Quý vị có được công đức viên mãn.

Cho nên chư Phật tán thán, Phật Thích Ca Mâu Ni là tiêu biểu của 10 phương chư Phật, Tán thán Vô Lượng Thọ Phật, chính là Phật A Di Đà. A Di Đà là tiếng Phạn, tiếng Ấn Độ cổ, dịch sang chữ Hán nghĩa là Vô Lượng Thọ. Lời khen ngợi này là lời cực kỳ chân thật, không phải những lời khen ngợi thông thường. Lời rất thật đó. Chư Phật Như Lai đều thừa nhận.

“*Thiên Phật xuất thế bất năng cải dị*”. Thiên Phật là nói về đại kiếp được gọi là hiện kiếp này. Hiện là thánh hiện. Vì sao lại gọi là hiện kiếp? Vì trong kiếp này có 1000 vị Phật ra đời. Phật Thích Ca là vị thứ 4, dưới Ngài là Phật Di Lặc. Di Lặc hiện giờ vẫn là Bồ Tát, tương lai Ngài sẽ đến thế giới này để thành Phật, là vị Phật thứ 5. Trong đại kiếp này có những 1000 vị Phật ra đời. Trong Đại Tạng Kinh có Thiên Phật Danh Kinh, là nói về 1000 vị Phật trong hiện kiếp này. Điều đó không thể thay đổi. Nói cách khác thì 1000 vị Phật đều thừa nhận, tán thành lời Phật Thích Ca Mâu Ni nói chính xác, không hề sai lầm.

“*Vạn đại tuân thủ bất khả vi thất*”. Câu này nói đến thân phận của chúng ta rồi. Chư Phật đã khẳng định, thừa nhận thì chúng ta làm sao để học hỏi theo? Chính là phải tuân thủ muôn đời. Nhất định phải tuân thủ, không được vi phạm, không được sơ sót. Nhất định phải biết cách y giáo phụng hành. Vì sao vậy? Vì “thuận thị chân thực, vô hữu hư vọng”. Điều này trong kinh đã nói, thánh hiền xưa đã nói. Trong kinh nói thế gian pháp, Phật pháp đều có, viên mãn. Thế gian thì nói viên mãn của pháp thế gian, pháp xuất thế gian không nhắc đến. Như Khổng Tử, Mạnh Tử, Lão Tử bên Trung Quốc là thánh nhân của thế gian. Những lời họ nói, khi giảng đến chỗ cao nhất, có thể cho là hết sức gần với cách nhìn nhận về vũ trụ của các nhà vật lý học hiện đại. Nhưng so với giáo pháp Đại Thừa thì vẫn còn kém một bậc. Cho nên trong Phật pháp có pháp thế gian nhưng trong pháp thế gian lại không có Phật pháp. Ta không thể không biết điều này. Khi Phật pháp truyền đến Trung Quốc được người xưa đón nhận. Tiến sĩ Thang Ân Tử, nhà triết học lịch sử người Anh nói rất hay: “Người Trung Quốc xưa rộng lượng tiếp nhận văn hóa của dị tộc” – chỉ cho Phật giáo. Phật giáo từ Ấn Độ truyền qua, không phải văn hóa bản địa của Trung Quốc, mà là văn hóa dị tộc. Họ đã nghiêm túc học hỏi. Ông lại nói: “Phật pháp đã làm giàu có nền văn hóa bản địa của Trung

Quốc”, hỗ trợ nhau thành tựu. Quả thật đem Phật pháp ra giảng Tứ Thư Ngũ Kinh, xem Khổng Tử, Mạnh Tử như Phật, Bồ Tát. Việc này có thật, không hề dối trá. Quả thật đã giúp quý vị nâng cao.

“*Thị cố ngã đẳng hàm đương*”. “Hàm đương” nghĩa là cùng. Chúng ta cùng nhau, nên “đề tín”. Đề tín là chân tin. Chính là sau khi đã nghiên cứu kỹ, hiểu biết rõ mới tin. Đây gọi là đề tín. Đề tín không phải mê tín. Chính là phải làm rõ, hiểu thấu rồi mới tin. “*Thận mạc hoài nghi*”. Câu này hết sức quan trọng. Vì sao vậy? Nếu nghi ngờ thì quý vị sẽ chẳng chịu nghiên cứu, học hỏi, quý vị sẽ vĩnh viễn chẳng bao giờ hiểu được. Cho nên chữ “nghi” này trong Bồ Tát pháp là chương ngại lớn nhất trong giáo pháp Đại Thừa. Chương ngại lớn nhất của Bồ Tát là “nghi”. “Nghi” chính là tham sân si mạn nghi trong phiền não căn bản. Phiền não căn bản có sáu thứ. Phía sau có ác kiến, chính là kiến giải sai lầm. Tham sân si, mạn, nghi, ác kiến. Nghi này chẳng phải nghi ngờ bình thường, mà là nghi hoặc đối với lời dạy của thánh hiền. Ở trường lớp hiện nay thầy dạy học sinh luôn phải biết nghi ngờ, phải đặt dấu hỏi. Đặt dấu hỏi với cả thánh hiền xưa, thì chuyện này khá rắc rối đấy. Khi đặt dấu hỏi lên thánh hiền thì tôn trọng chẳng còn, tâm thành kính chẳng còn. Ở Trung Quốc ngàn vạn năm qua không có cách dạy này. Chỉ luôn dạy tin tưởng, không dạy nghi ngờ. Nhưng ở nước ngoài thì từ bé đã dạy quý vị phải hoài nghi, chẳng hề dạy quý vị tin, chỉ dạy quý vị nghi ngờ. Đây là điểm bất đồng lớn nhất trong hai nền văn hóa. Ta phải biết nền giáo dục Trung Quốc từ bé, từ mới sinh ra trẻ con đã được dạy phải tin, phải kính, phải tôn trọng cha mẹ, người trên. Nên người xưa biết hiếu với cha mẹ, tôn kính thầy. Người nước ngoài thì không. Chẳng biết hiếu thảo cha mẹ, chẳng biết tôn kính thầy. Hoài nghi cha mẹ, nghi ngờ cả thầy. Đây là điều đã tạo nên động loạn của cả thế giới hiện nay, đã khiến trái đất gặp nhiều thiên tai biến loạn. Nguyên nhân chính ở chỗ này. Có thật không? Chẳng phải tôi nói mà lời Phật dạy trong kinh, thánh hiền xưa nói trong điển tịch và các nhà khoa học hiện nay báo cáo, chứng minh. Thật trăm phần trăm đó. Vì sao lại thật? Chúng ta cùng nhau học hỏi, lâu ngày các bạn cũng biết trong kinh điển Đại Thừa Phật đã nói: “nhất thiết pháp tùng tâm tướng sinh”. Nếu như tâm quý vị kiên định, tâm quý vị thành thực, tâm quý vị cung kính, thì sông núi đất đai sẽ tốt lành vô tận. Sao lại có thiên tai được? Đâu ra đạo lý này! Chưa từng nghe qua ở Cực Lạc có núi lửa phun trào, chưa nghe nói nơi ấy bị động đất. Chỉ nghe bảo ở Cực Lạc rất vui, rất mát mẻ, thanh tịnh, rất tự tại. Chẳng hề nghe nơi ấy có thiên tai. Tất cả đều do tâm tạo ra. Nhất tâm ở đó là tâm chân thành, tâm thuần tịnh thuần thiện tạo ra thế giới Cực Lạc. Vậy còn thế giới

hiện tại của chúng ta hiện đầy nghi ngờ. Ngờ vực khiến mặt đất trở nên xốp, lơi ra, vốn đất rất cứng chắc. Do quý vị nghi nhiều, gì cũng nghi nên đất đã lơi, và núi mới lở sụp. Hễ hoài nghi là lơi ra, chính là theo lý thế này. Rắc rối lớn lắm đấy! Năm kỹ, hiểu rõ rồi thì quý vị sẽ khẳng định nghiệp nhân quả báo tư hào chẳng hề sai. Thiện nhân thiện quả, thế giới Cực Lạc thuần thiện. Thuần tịnh thuần thiện sẽ cảm được tịnh độ, lạc độ.

Ở thế giới của chúng ta xưa nay phương đông thì có thánh hiền giáo huấn nên duy trì được hiện trạng này. Phương tây thì có tôn giáo dạy dỗ, cũng duy trì được hiện trạng. Người thời nay chẳng cần thánh hiền, người phương đông chẳng cần thánh hiền nữa. Đặt ra rất nhiều dấu hỏi. Phương tây chẳng tin tôn giáo, không tin thượng đế, họ tuyên bố thượng đế đã chết. Thế giới hiện nay ra nông nổi này, ta đọc sách thánh hiền thì hiểu. Họ bảo chúng ta là dị loại, bảo chúng ta mê tín, ngu si. Quý vị nghĩ xem còn có cách nào? Chúng ta tu chân chánh, dùng thiện tâm thuần thiện, chân chánh. Những người cùng tu học với chúng ta càng đông càng tốt. Nơi này chúng ta cư ngụ thì nơi này chẳng có thiên tai. Những kẻ đa nghi thì chỗ họ sẽ có tai họa. Đã nhìn thấy quả báo này mà họ vẫn không tin, chỉ có một số ít nhà khoa học tin thôi. Vì sao vậy? Vì nhà khoa học hiểu đạo lý đó. Hiểu núi sông đất đai có liên quan với khởi tâm động niệm của ta. Phát hiện này mới tìm ra 30 năm gần đây. Là một thành tựu vĩ đại tuyệt vời của khoa học. Ngày nay chúng ta có lòng tin kiên định với thánh hiền, với Phật pháp Đại Thừa, có thể nói một nửa là nhờ báo cáo của các nhà khoa học khiến chúng ta hiểu thật sự. Nếu không tiếp xúc được với những báo cáo này, sẽ vẫn còn một ít nghi vấn, tuy không lớn nhưng vẫn còn có nghi ngờ. Vì sao vậy? Vì phiền não tập khí của chúng ta chưa buông bỏ được. Hễ buông xuống được là chúng đắc. Thường thì tâm của chúng ta thanh tịnh hơn người bình thường. Nhưng mức độ thanh tịnh đó so với Phật cùng Bồ Tát thì còn kém xa quá. Nếu so với những người nông nổi sân si hiện giờ thì đương nhiên chúng ta rất thanh tịnh. Nhưng đem so với Phật cùng Bồ Tát không ổn. Giờ ta đã xem báo cáo của các nhà khoa học rồi, ta đã có lòng tin, đã nâng cao tín tâm nơi mình, nâng lên thật cao. “Thận mạt hoài nghi”, chúng ta hoàn toàn khẳng định rồi. Nếu thánh hiền không có thật thì tại sao những lời dạy của họ còn truyền được đến ngày nay? Giáo lý Không Mạnh lưu truyền được 2500 rồi. Trong 2500 đó chẳng có con người vĩ đại nào sao? Không ai nhìn ra sai sót của các vị thánh hiền sao? Vì sao bao đời nay đều đọc sách thánh hiền, học tập theo thánh hiền, 2500 năm qua, chẳng có một ai hiểu tường tận sao? Nhưng thật ra chẳng có ai hiểu tường tận để nói toạc ra. Chúng ta gọi là bật mí. Góc nghi ngờ

của chúng ta không thể nhỏ bặt. Phật bảo nghi này là căn bản của phiền não, không hề giả tạo. Đọc báo cáo khoa học, mới biết những gì họ nói về chân tướng vũ trụ hoàn toàn tương đồng với trong Kinh đại thừa. Chúng ta chẳng còn hoài nghi nữa. 3000 năm trước đức Phật đã nói, 3000 năm sau được khoa học chứng minh nó là chân thật, không giả dối. Ví dụ như Phật nói về hiện tượng vật chất: “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”. Quý vị học Phật liệu không hoài nghi lời này? Hiện tượng ở ngay trước mặt ta sao lại bảo là hư vọng? Lời Phật nói thì chẳng dám nghi ngoài mặt nhưng trong lòng có nghi. Chẳng dám bảo Phật lầm, ta cũng chẳng dám khẳng định hoàn toàn. Cứ ở mãi trong tình huống này rất khổ tâm. Đạo Phật đã cho chúng ta phương pháp chứng đắc, chúng ta biết nhưng không làm được. Chẳng biết thực hiện như thế nào. Cho nên chúng ta đã bị kẹt ở cổ chai, không cách nào đột phá ra. Cơ duyên ngẫu nhiên đọc được những báo cáo khoa học này, ta hiểu vấn đề ngay.

Ví dụ như hiện giờ nhà vật lý nghiên cứu về vũ trụ vĩ mô. Họ bảo toàn thể không gian vũ trụ ở trong trạng thái dẫn nổ. Thế nên họ nghĩ dẫn nổ là bùng nổ. Vì bùng nổ nên mới dẫn nổ. Hiện giờ rất nhiều người nêu nghi vấn về vụ nổ lớn. Kết quả nghiên cứu cho thấy, chỉ quan sát được 10% vũ trụ. Không nhìn thấy 90% còn lại. Càng lâu càng xa thì không thấy, không theo dấu được, không có. Khi nghe những lời này, ta gật gù. Nhà khoa học không biết nhưng ta biết 90% kia ở đâu. Vì sao vậy? Nhất định phải có hiện tượng họ mới quan sát được. Chính là hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần, hiện tượng tự nhiên. Có hiện tượng thì họ quan sát được. Không có hiện tượng thì họ chẳng tìm ra. Vậy 90% kia ở đâu? Về lại thường tịch quang, về lại tự tánh, thì quý vị sẽ không thấy. Vì trong tự tánh chẳng có ba hiện tượng kia. Tự tánh chẳng là hiện tượng vật chất, chẳng phải hiện tượng tinh thần cũng chẳng phải hiện tượng tự nhiên. Đương nhiên quý vị không tìm ra nó. Lượng tử lực học quan sát nghiên cứu thế giới vi mô, họ có thể phát hiện vật chất là giả tạm. Họ thật xuất sắc! Nhà vật lý quá cố người Đức Phổ Lăng Khắc vốn là thầy của Ái Nhân Tư Thản, Ái Nhân Tư Thản cũng đã qua đời rồi. Suốt đời ông nghiên cứu thế giới vi mô. Thấy thế giới phát triển về hai hướng: một là vô cùng lớn, hai là ngược lại. Người Trung Quốc nói: “đại nhi vô đại, tiểu nhi vô nội”. Nghiên cứu nguyên tử, điện tử, lạp tử, cuối cùng phát hiện ra lượng tử. Lượng tử có thể là cái nhỏ nhất của cực vi trong kinh Phật, không thể chia nó ra nữa. Đây chỉ nói về vật chất cơ bản. Tất cả vật chất đều là nó. Kinh Kim Cang nói “nhất hợp tướng” tổ hợp nên. Đây là vật chất nhỏ nhất. Nhỏ đến mức độ nào? Nhà khoa học cũng phải lúng túng, quan sát và tính toán ra điện tử đã rất nhỏ.

Nguyên tử thì những nhà khoa học đều biết. Điện tử xoay quanh hạt nhân nguyên tử. Hạt nhân nguyên tử như mặt trời, điện tử là các hành tinh xoay chung quanh nó. Lượng tử bao lớn? 10 tỷ lượng tử mới làm thành một điện tử. Cũng có thể nói lượng tử là một phần 10 tỷ của điện tử.

Trong bộ kinh này, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đã dẫn đoạn đó ra. Chúng ta đã xem thấy thế giới vi mô. Rốt cuộc vật chất là gì? Vật chất từ ý niệm biến hiện ra. Cơ sở của vật chất là ý niệm. Nếu chúng ta không có ý nghĩ thì sẽ không còn vật chất. Không có suy nghĩ sẽ không có vật chất, nên suy nghĩ là cơ sở của vật chất. Chuyện này không hề dễ dàng! Nhưng câu này ở trong giáo pháp Đại Thừa 3000 năm trước các nhà duy thức học đã nói rồi. Học phái này này 3000 năm trước chỉ thừa nhận trong vũ trụ có ý niệm, không có vật chất. Gọi là duy thức, duy chỉ có thức, những thứ khác đều không có. Những thứ khác đều từ ý thức biến hiện ra. Hiện tượng vật chất là do ý thức biến ra. Giống hoàn toàn với phát hiện trong nghiên cứu của Phổ Lăng Khắc. Cho nên tinh thần và vật chất vĩnh viễn kết hợp với nhau không thể tách rời. Hiện tượng vật chất cực nhỏ, như quang tử nhỏ cũng có hiện tượng vật chất mắt quý vị có thể thấy được, đồng thời nó cũng có thọ, tướng, hành thức. Nên giờ ta mới hiểu được Tâm kinh. “Quán tự tại Bồ Tát chiếu kiến ngũ uẩn giai không”. Ngũ uẩn là gì? Ngũ uẩn chính là quang tử nhỏ. Hiện tượng vật chất nhỏ nhất vẫn gồm đủ sắc thọ tướng hành thức. Tôi tin trước kia những người chưa đọc bản báo cáo khoa học này, họ không ngờ ngũ uẩn giai không là nói về các quang tử nhỏ, nói về lượng tử. Đều cho là thân của chúng ta, thân này là ngũ uẩn, thân là nhục thân, là sắc pháp, trong có thọ tướng hành thức. Khi nói đến cực vi chi vi thì không nói rõ. Bây giờ giảng Tâm Kinh sẽ không theo cách giảng trước kia.

Trong kinh Phật nói năng lực của nhà khoa học rất lớn. Phật không nói nhà khoa học. Phật bảo gì? Phật bảo thức thứ sáu, chính là tư tưởng. Năng lực tư duy tưởng tượng của con người rất lớn. Đối ngoại nó có thể duyên đến hư không pháp giới. Đối nội, nó có thể duyên đến a lại da thức. Lượng tử chính là a lại da thức. Được khoa học phát hiện ra rồi. Bên trong a lại da có bathứ. Khoa học cũng nói về ba thứ. Danh từ không giống nhau, nhưng ý thì hoàn toàn tương đồng. Nghiệp tướng của a lại da, khoa học gọi nó là năng lượng. Chuyển tướng của a lại da, khoa học gọi là thông tin. Cảnh giới tướng của a lại da, khoa học gọi là vật chất. Giống nhau cả! Phật bảo dùng thức thứ sáu đến cực hạn, thì đối nội có thể duyên đến a lại da, đối ngoại có thể duyên đến vũ trụ, nhưng không duyên được tự tánh. Đây

là chỗ Phật pháp cao siêu hơn khoa học. Chắc chắn khoa học không thể tìm ra tự tánh, vì tự tánh chẳng phải là hiện tượng. Cả ba hiện tượng đều chẳng phải thì làm sao tìm ra? Chẳng phải hiện tượng vật chất nên quý vị không nhìn thấy, không phải hiện tượng tinh thần nên quý vị không nghĩ đến được, chẳng phải hiện tượng tự nhiên nên quý vị phải bó tay với nó. Làm sao quý vị mới có thể biết được về nó? Đức Phật dạy rồi: “duy chứng phương tri”. Khi quý vị thật sự có thể buông hết khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước thì sẽ biết, sẽ thấy. Vì sao vậy? Vì khi buông phân biệt chấp trước, khởi tâm động niệm, chân tâm của quý vị sẽ hiện ra. Chính là thành thực, tâm chân thành hiện tiền. Tự tánh là thật, là chân nên chân với chân tương ứng. Chân chẳng tương ứng với vọng. Cho nên ý thức thứ là vọng tâm, vọng tâm thì chỉ có thể duyên với vọng cảnh. Cực hạn của vọng cảnh là a lại da. Phật đã nói hết sức rõ trong kinh. Quý vị đã đến đỉnh rồi, quý vị muốn lên cao hơn nữa thì quý vị phải học theo Phật, buông xả. Không buông xả được thì đến đây là ngừng. Quý vị chỉ nhìn thấy 10% vũ trụ, 90% kia không nhìn thấy.

Cho nên Phật pháp rất có tương lai, sau này người ta không tin vào tôn giáo nữa. Tôn giáo sẽ biến mất nhưng Phật pháp sẽ lưu lại thế gian. Phật pháp sẽ vụt trở thành khoa học đẳng cấp, triết học cấp cao, sẽ không gọi Phật giáo là tôn giáo nữa. Nên những báo cáo khoa học kia đã giúp chúng ta rất nhiều, vì chắc chắn không còn hoài nghi gì nữa.

“*Bất khả tư nghị công đức*”. Câu này trước kia đã giảng rồi, chúng ta xem thêm đoạn dưới đây. “*Hạ*”. Đây là đoạn dưới. “*Phục cử thập phương hằng sa chư Phật, diệc phục như thị xưng tán Di Đà*”. Phía trước là nói phương Đông. Phương này giảng rất tường tận. “*Nam tây bắc phương. Tứ duy thượng hạ diệc phục như thị xưng tán Di Đà*”. Y như đông phương hằng sa chư Phật. Không có vị Phật nào chẳng tán thán Phật A Di Đà, niệm Phật A Di Đà cầu sanh tịnh độ. Không có vị Phật nào không hoan hỉ, chẳng tán thán. Người đời chúng ta quả là luân hồi trong sáu đường quá lâu, có chấp tình rất sâu, được Phật Thích Ca Mâu Ni chỉ dạy, xem Phật Thích Ca Mâu Ni như từ phụ cha hiền. Phật Thích Ca khuyên chúng ta nên đến thế giới Cực Lạc, ta chẳng chịu đi: “Con không đi, con yêu cha, chứ con không yêu thầy”. Rốt cuộc người cha lắc đầu thở dài: “Nghệp chướng của con quá nặng, đáng thương. Chẳng chịu nghe lời”. Nếu quý vị nghe theo, phát bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm, cầu sanh về thế giới tây phương cực lạc, thân cận Phật A Di Đà thì cha quý vị mới vui mừng, thì cha quý vị mới khen ngợi. Vì sao vậy? Vì đến thế giới Cực Lạc là sẽ thành Phật, quý vị sẽ chứng

đại viên mãn. Chư Phật Bồ Tát thật lòng mong quý vị sớm thành tựu, sớm vượt qua ngài.

Hiền thánh của phương Đông có tâm lượng như thế. Không hề ganh ghét, không hề chướng ngại. Mong lớp sau vượt qua lớp trước. Xã hội càng biến đổi càng tốt hơn, đời sống càng lúc càng hạnh phúc. Tâm niệm này rất bình thường. Tôi phải khổ sở thì các anh cũng phải khổ sở, thậm chí còn phải khổ hơn tôi. Tâm niệm này không bình thường, mà là phản thường, đây là suy nghĩ của hạng người nào? Ma vương sẽ có ý nghĩ đó: Tôi khổ thì anh cũng phải khổ, tôi chịu khổ thì anh cũng phải chịu khổ hơn tôi. Ma vương ngoại đạo, đây không phải Phật Bồ Tát. Phật Bồ Tát vốn từ bi, tôi chịu khổ nạn nhưng chắc chắn không mong anh cũng phải chịu khổ nạn, còn dốc sức giúp anh thoát xa khổ nạn.

Hiện nay người có tâm lượng của Phật, Bồ Tát không nhiều, người có suy nghĩ của ma vương thì rất đông cho nên thế giới mới loạn, lòng người hư hoại, trái đất biến đổi, tai nạn thật nhiều. Tôi không xem tin tức, chẳng đọc báo. Có những bạn tốt bụng đã tải thông tin thiên tai khắp nơi trên thế giới đưa tôi xem, còn nhiều tin rất khủng khiếp. Khi xem những thông tin này, tôi chỉ chú tâm vào một điểm: Dùng phương pháp nào để hóa giải những tai nạn này? Dùng tâm thái nào để ứng phó? Hầu như 90% tương đồng, đều khuyên người niệm Phật. Chúng tôi hai câu của Ân Quang lão pháp sư: “kiệt thành cung kính niệm Phật”, quý vị có thể tự độ cho mình, có thể làm lợi cho tha nhân. Tự độ là tiêu nghiệp chướng. Độ tha là giúp người khác phá mê khai ngộ. Việc này nói thì dễ nhưng làm rất khó. Ở thế gian hiện nay, giúp chúng sanh khó hơn giúp chính mình. Khó ở chỗ nào? Vì chúng sanh đa nghi, chẳng chịu tin. Người thời nay thích nghe lừa gạt, không thích nghe khuyên dạy. Quý vị lừa họ, họ sẽ vui vẻ đi theo quý vị. Quý vị thành tâm đối đãi, họ sẽ nghi ngờ: tên này tốt với mình như thế là có ý đồ gì? Mục đích gì? Bắt đầu lo lắng, đề cao cảnh giác. Kẻ lười đến hầm lửa thì họ lại vui vẻ đi theo. Thật hết sức khó khăn! Nguyên nhân vì sao? Vì không được ai dạy. Đây gọi là mê hoặc điên đảo, không hiểu biết, không có năng lực phân biệt được chánh tà thị phi. Cả thiện ác lợi hại cũng không phân biệt được. Quý vị thấy có nguy không? Đây mới là vấn đề lớn thật sự. Vấn đề này rất khó giải quyết.

Ta xem trong sách cổ Trung Quốc. Đất nước này giỏi giáo dục nhất thế giới. Không tìm đâu ra được nước thứ hai. Trung Quốc có cách giáo dục trí huệ, có phương pháp, có kinh nghiệm và thành tựu giáo dục. Ở Trung Quốc đời đời đều có thánh hiền, quân tử xuất hiện. Họ đều được dạy. Người tốt được giáo dục mà

ra. Phật Bồ Tát cũng nhờ được giáo dục. Sau đó chúng ta quay lại xem Phật Thích Ca giới thiệu với chúng ta thế giới tây phương Cực Lạc kia. Đặc thù ở Cực Lạc chính là giáo dục, không phải gì khác. Thế giới Cực Lạc rất đơn thuần vì chỉ có hai hạng người. một là thầy giáo, hai là học trò. Thầy giáo là Phật A Di Đà, học trò là chư đại Bồ Tát. Bồ Tát theo Kinh Hoa Nghiêm có thể nói là từ Bồ Tát sơ tín vị đến Bồ Tát đẳng giác, quá sức nhiều! Mỗi ngày ở thế giới Cực Lạc đều làm gì? Mỗi ngày đều giảng kinh, dạy học. Hiện giờ mỗi ngày tôi giảng bốn tiếng, kém xa thế giới Cực Lạc. Ở nơi đó tiếng giảng kinh không hề ngớt dù một phút một giây. Thế giới đó rất kỳ lạ, đặc biệt là Thế giới ánh sáng quang minh, không hề tối tăm, nên chẳng có ngày đêm, mãi mãi sáng lạn. Đức Phật phóng quang, mỗi thân Bồ Tát đều có ánh sáng, tất cả vật chất đều phát ra ánh sáng. Cỏ cây hoa lá cũng phát sáng. Thế giới quang minh chẳng cần đèn. Cũng chẳng cần mặt trăng, mặt trời, cho nên cũng chẳng có ngày đêm. Thân không là nhục thân, nhục thân rất phiền toái, cần ăn uống để nuôi thân. Ăn uống lại sinh tác dụng phụ. Tác dụng phụ là đem bệnh đau đến. Ở thế giới Cực Lạc, thân là thân kim cang bất hoại, là thân pháp tánh, cõi pháp tánh. Cho nên người ở đó chẳng cần ăn uống, không có nhu cầu vệ sinh nên rất sạch. Sinh hoạt rất tiện và rất tự tại. Từ sáng đến tối chỉ nghe kinh, học tập không ngớt. Cho nên đến thế giới Cực Lạc rất dễ thành Phật. Một hoàn cảnh tu học như thế không tìm ra ở mười phương thế giới. Phật A Di Đà đã xây dựng Cực Lạc nên mười phương chư Phật đều hoan hỉ và rất cảm kích. Chúng sanh khó độ, nghiệp chướng sâu nặng ở chỗ chư Phật Như Lai, đều được giới thiệu đến Cực Lạc để Phật A Di Đà dạy dỗ. Cho nên số người mỗi ngày vãng sanh về thế giới Cực Lạc không thể tính đếm được, không cách nào tính xuể, quá quá nhiều. Liệu Cực Lạc có chứa hết được? Đây là cõi pháp tánh. Cõi pháp tánh thì không có lớn nhỏ. Không giống như cõi vật chất chỗ chúng ta hiện nay. Cõi vật chất có lớn nhỏ, có hạn lượng. Pháp tánh thì không hạn lượng. Chỗ chúng ta có đủ ngành nghề: Sĩ nông công thương. Đến thế giới Cực Lạc thì không có, Cực Lạc không có tổ chức chính trị, không có chính phủ, không nghe nói ở đó có vua, có tổng thống, không có tỉnh trưởng, thị trưởng, không có gì cả, chỉ có thầy giáo và học sinh. Cho nên thật ra mà nói, Phật A Di Đà đã xây dựng một ngôi trường lớn ở đó, chuyên bồi dưỡng giáo huấn Phật pháp. Đến trường đó để làm gì? Đến đó để thành Phật. Ai muốn thành Phật thì đến đó. Bảo đảm một đời sẽ có thành tựu. Cho nên 10 phương chư Phật đều tôn vinh ngài, thêm cho ngài một tôn hiệu: “Quang trung cực tôn, Phật trung chi vương”. Phật A Di Đà hết sức xứng danh vì đã làm được điều đó.

“*Hội sơ viết: tuy chư Phật sở chứng, bình đẳng thị nhất*”. Từ lý mà giảng, theo sự giảng cũng thật như thế. Chư Phật Như Lai chứng đắc Phật quả cứu cánh này. Vô thượng bồ đề là bình đẳng. Khẳng định không hề sai biệt.

“*Niệm Phật vãng sanh lợi ích, Di Đà bất cộng diêu pháp. Cổ chư Phật nhượng đức*”. Hai chữ này rất hay. “*Nhi lệnh quy nhất Phật thị đệ thập thất nguyện thành tựu dã*”. Mấy câu này cực hay! Lợi ích của việc niệm Phật vãng sanh không tìm thấy trong thế giới của 10 phương chư Phật. Chúng ta đến thế giới của 10 phương chư Phật đều là để thọ nghiệp báo. Chúng ta ở nơi này, vọng tưởng phân biệt chấp trước, toàn bộ chưa dứt được. Đến các quốc độ Phật khác cũng vẫn là vào lục đạo luân hồi. Vẫn là thọ quả báo trong lục đạo. Nhưng thế giới Cực Lạc là cõi phàm thánh đồng cư thì khác biệt rất lớn. Trong quốc độ của chư Phật mười phương thế giới thì cõi phàm thánh đồng cư là lục đạo luân hồi, chẳng khác gì với Phật Thích Ca. Thế giới Cực Lạc cõi phàm thánh đồng cư chỉ có hai đường trời và người. Cực Lạc chẳng có ba đường ác, không có địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Cũng không có la sát, a tu la. Tất cả những thứ bất thiện đều không có. Và sanh về thế giới Cực Lạc thì oai thần của bốn nguyện Phật A Di Đà sẽ gia trì cho quý vị, thật sự gia trì được, nâng quý vị lên thành Bồ Tát A Duy Việt Trí. Điều này chúng ta có thể cảm nhận được, không phải quý vị có thần thông trí huệ lớn thế, có phước báu lớn thế. Mà là hưởng thọ phước báu của Phật A Di Đà đó. Phật A Di Đà xây dựng thế giới Cực Lạc này, quý vị có thể tới đó hưởng thụ. Thế giới này chúng ta không có đủ năng lực xây dựng. Phật đã xây xong rồi. Mời ta đến đó cư ngụ. Quý vị xem thiết kế Cực Lạc vi diệu biết bao. Khoa học hiện nay tiến bộ thế nào cũng không bì được. Gió thổi lá cây, cây là cây báu. Không phải thân gỗ, thân lá mà là châu báu. Khi gió thổi thì tiếng kêu như tiếng phong linh, âm thanh hết sức vui tai, Nhưng âm thanh đó không chỉ nghe vui tai mà còn là tiếng thuyết pháp, giảng kinh. Dùng âm nhạc, lời ca để giảng kinh cho quý vị nghe mà sinh tâm hoan hỉ, vui thích. Hễ nghe là khai ngộ. Cách dạy này, ngôi trường này quý vị đi đâu mà tìm? Tìm sao ra? Âm thanh của nước chảy trong ao hồ cũng đang thuyết pháp. Tiếng chim chóc hót cũng thuyết pháp. Những con chim đó chẳng phải súc sanh mà do Phật A Di Đà biến hóa ra. Phật A Di Đà là một nhà khoa học vĩ đại, chế tạo ra nhiều con chim biết nói pháp. Quý vị muốn nghe gì, nó sẽ nói nấy. Hai người ở bên nhau, tôi thích nghe Kinh Vô Lượng Thọ. Bạn thích nghe Kinh Hoa Nghiêm. Tôi nghe được chính Kinh Vô Lượng Thọ, bạn nghe đúng là Kinh Hoa Nghiêm. Chẳng hề xen tạp. Kỳ diệu đến mức độ thế đó! Cho nên âm thanh ở Cực Lạc được gọi là diêu âm. Mắt quý vị nhìn thấy diêu sắc, thật

quá kỳ diệu. Lưỡi quý vị nếm được diệu vị. Cho nên lợi ích vãng sanh không thể nghĩ bàn! Đây là bất cộng diệu pháp của Phật A Di Đà với tất cả chư Phật Như Lai, khác nhau. Cho nên chư Phật “nhượng đức”. Tôn vinh, tôn sùng Phật A Di Đà. Vốn tất cả Phật đều bình đẳng, sao lại gọi là Phật trung chi vương? Danh hiệu Phật trung chi vương do chư Phật 10 phong tặng, đặc biệt tôn sùng Phật A Di Đà, lệnh quy nhất Phật. Người thật sự có duyên chính là có thể tin theo pháp môn này. Quý vị có thể hiểu, có thể niệm Phật, có thể cầu vãng sanh. Không có vị Phật nào không giúp quý vị vãng sanh về thế giới Cực Lạc.

Ở đây chúng ta biết, cả đời Phật Thích Ca 49 năm giảng kinh thuyết pháp. Mỗi kinh điển chỉ giảng một lần, không giảng lại lần thứ hai. Nhưng chỉ riêng Vô Lượng Thọ Kinh là Phật giảng rất nhiều lần. Chứng cứ có thể chứng minh ít nhất là trên ba lần. Bởi vì Kinh Vô Lượng Thọ nguyên văn được truyền đến Trung Quốc rất sớm, từ nhà Hán đến nhà Tống là 800 năm, được dịch 12 lần ở Trung Quốc, cho nên có 12 bản dịch khác nhau. Hết sức đáng tiếc là bảy bản dịch đã bị thất truyền. Hiện giờ trong Đại Tạng Kinh chỉ có năm bản, đối chiếu xem thì nội dung sai biệt quá lớn. Đây là nguyên nhân gì? Đây là do Phật không giảng một lần. Mỗi lần giảng thế nào cũng có khác biệt nhỏ, đại đồng tiểu dị. Sai biệt đùng nhiều quá. Trong năm bản dịch này rõ rệt nhất, thì mọi người đều biết lời phát nguyện của Phật A Di Đà. Năm bản dịch hiện còn có hai bản là 48 nguyện. Có hai bản là 24 nguyện. Trong bản dịch đời Tống có 36 nguyện. Không nên có khác biệt lớn như thế. Cho nên từ hiện tượng này ta biết ít nhất Phật đã giảng hơn ba lần. một lần Phật giảng 48 nguyện, một lần Phật giảng 24 nguyện, một lần Phật giảng 36 nguyện. Còn bảy bản dịch thất truyền kia, nếu tìm được thì chắc cũng còn khác biệt nữa. Điều này cho thấy gì? Nhiều lần giảng, chứ không phải giảng một lần! Nhiều lần giảng, chính là lời tán thán đặc biệt đối với Phật A Di Đà. Chỉ cần thấy chúng sanh hữu duyên, Phật đều khuyên nên niệm Phật cầu sanh tịnh độ. Niệm Phật cầu sanh tịnh độ, đó là hàng thượng thượng thượng căn. Vì sao vậy? Vì một đời quý vị sẽ thành Phật. Có pháp môn nào giúp quý vị một đời thành Phật được đâu? Sao thực hiện nổi! Chỉ có pháp môn này thì một đời thành Phật. Cho nên nó là thượng thượng thượng căn. Người thời nay không hiểu cho nên xem thường kẻ niệm Phật, cho đó là cách tu học của ông bà già không có tri thức. Nhưng người không có tri thức lại là hàng thượng thượng thượng thượng căn! Kẻ có tri thức lại là hàng hạ hạ hạ hạ căn! Quý vị thấy làm lần này lớn biết bao! Chúng ta không hiểu được điều này có phải là đã phụ lòng Phật Thích Ca? Phật Thích Ca đã tốt với ta biết bao, mà ta hoàn toàn không biết lòng Phật, ngu si đến

cực điểm. Vì không phải thượng thượng thượng căn nên Phật mới phải giảng 84000 pháp môn. Những pháp môn này là để độ họ. “Tùy chúng sanh tâm ưng sở chi lượng”. Hàng hượng thượng thượng thượng căn quyết định theo pháp môn này. Nếu Phật không truyền pháp môn này cho quý vị là Phật có lỗi. Chúng ta phải nhận thức được.

Nguyện thứ 17 “Chư Phật xung tán nguyện”. Đây là Phật A Di Đà khi còn ở nhân địa phát nguyện, thành tựu trong tương lai của ngài chắc chắn sẽ được nhất thiết chư Phật xung tán. Ngài thành Phật rồi, thế giới Cực Lạc thành tựu rồi. Quả nhiên là như thế, thật có chư Phật xung tán. Đây là nguyên văn trong Hội Sớ.

Phía dưới “ Ý vị”. Đây là giải thích của Hoàng Niệm lão: “*Phật Phật đạo đồng, sở chứng bình đẳng, không có cao thấp*”. Tất cả kinh văn Đại Thừa đều nói thế, điều này thật không hề giả. “*Nhưng pháp môn niệm Phật vãng sanh là diệu pháp bất cộng của Phật Di Đà*”. Quả thật pháp môn này chư Phật không có. “*Cho nên lợi ích của nó cũng là bất cộng*”. Cho nên lợi ích của pháp môn này khác với chư Phật Như Lai. “*Thị cố chư Phật thôi nhượng kỳ đức, dục hiển nhất thiết chư Phật vô biên công đức tất quy Di Đà nhất Phật*”. Phía trước đoạn này đã giảng. Chư Phật làm gương cho chúng ta xem, chúng ta đều rất nhỏ nhen, ích kỷ, không thích ai hay hơn mình. Ta có đồ kỵ, có ngạo mạn, có chướng ngại. Chư Phật không có. Anh nghĩ ra phương pháp tốt để độ chúng sanh, tốt, rất tốt. Tất cả đều tán thán anh. Tôi gửi toàn bộ chúng sanh căn đã chín muồi, có thể tin tưởng, tiếp nhận được, chịu niệm Phật, chịu vãng sanh đến chỗ anh. Toàn bộ đến thế giới cực lạc để thành Phật. Cả kinh Hoa Nghiêm cũng không ngoại lệ.

Nói các quý vị biết thời trẻ tôi hết sức kiêu ngạo, rất tự phụ. Người có thể thuyết phục tôi chẳng nhiều. Tôi có lý luận ngang bướng, hay cường biện, không thể đón nhận pháp môn này. Nên thầy Phương Đông Mỹ không dạy niệm Phật, mà giới thiệu triết học kinh Phật, giới thiệu hai pháp môn: Pháp Tướng Duy Thức Tông và Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, thầy giới thiệu cho tôi hai môn này. Tôi học kinh giáo, học giảng kinh với thầy Lý. Thầy Lý khuyên tôi tu Tịnh Tông. Tôi theo thầy 10 năm. Kết quả thế nào? Chẳng phản đối Tịnh Tông, nhưng tôi không học, không nhận thức, hoài nghi Tịnh Tông, thích Kinh luận Đại Thừa hơn. Thậm chí thầy dùng rất nhiều phương pháp để dẫn dắt tôi. Thầy bảo: “Con xem pháp môn này, xưa nay bao nhiêu thánh hiền hào kiệt đều theo. Nếu sợ mắc lừa thì ta cứ thử để bị lừa một lần cũng đâu sao”. Tôi vẫn không chịu bị lừa. Thầy dạy tôi đọc Văn Sao của Ấn Quang đại sư. Lúc đó thầy tặng tôi bộ này gồm

4 quyển. Chánh biên thượng hạ hai tập. Tục biên cũng thượng hạ hai tập. Đài Loan lúc đó chỉ có mỗi một bộ. Thầy Lý là học trò của Ấn Quang đại sư. Sau khi xem tôi rất cảm phục tinh độ, không phản đối, không dám phê phán, nhưng vẫn không muốn học. Chỉ đặc biệt thích những kinh luận lớn như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm. Nên tôi đã giảng Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, bên Thiền Tông đã giảng Lục Tổ Đàn Kinh, Kinh Kim Cang, đã giảng Chứng Đạo Ca, Thiền tông tập của đại sư Vĩnh Gia. Đây là thời gian đầu. Tâm quay về tịnh độ là do nhân duyên khi giảng Kinh Hoa Nghiêm. Giảng được nửa bộ Kinh Hoa Nghiêm. Lúc đó một tuần tôi giảng ba lần, mỗi lần một giờ rưỡi, giảng cùng lúc tứ thập và bát thập Hoa Nghiêm. Trong một tuần thì hai ngày giảng Bát thập Hoa Nghiêm, một ngày giảng Tứ thập hoa nghiêm. Cùng lúc giảng như thế đến một nửa thì tình cờ tôi nảy ra ý nghĩ: Đức Văn Thù, Phổ Hiền tu pháp môn gì thành Phật? Thiện Tài đồng tử tu pháp môn gì mà thành tựu? Chỗ này tôi chưa giảng đến, còn ở phía sau. Tôi bèn gỡ ra sau. Lật đến quyển 39 của Tứ thập Hoa Nghiêm thì gặp. Văn Thù, Phổ Hiền không chỉ tự mình niệm Phật cầu sinh tịnh độ, mà còn dẫn 41 vị pháp thân đại sĩ trong Hoa Tạng Hải Hội cùng về Cực Lạc. Sự việc này khiến tôi vô cùng kinh ngạc! Trong Hoa Tạng Hội thì ngài Văn Thù, Phổ Hiền là bậc Đẳng Giác Bồ Tát, là tay trái, tay mặt của đức Phật Tỳ Lô Giá Na. Người tu hành được minh tâm kiến tánh ở 10 phương thế giới đều sanh về thế giới Hoa Tạng. Bồ Tát Phổ Hiền lại đem hết đại chúng đến thế giới tây phương Cực Lạc. Quý vị thử nghĩ xem Đức Phật Tỳ Lô Giá Na có nổi giận không? Sao lại đưa hết người của ta đi thế? Đức Phật Tỳ Lô Giá Na chẳng những chẳng giận, còn vỗ tay: Hay! Hay lắm! Còn tán thán ngợi khen. Quý vị thấy đó, tâm lượng của chư Phật khác với chúng ta. Vì sao vậy? Vì ở thế giới Hoa Tạng thời gian để thành Phật rất dài. Đến thế giới Cực Lạc thì thời gian đó rút ngắn đi nhiều. Thành tựu sẽ cực nhanh. Khi đọc lời kinh này tôi mới cảm tạ thầy, trước kia tôi đã thờ ơ. Thầy dụng tâm khuyên dạy mà không chịu tiếp thu. Đọc xong kinh văn này thì không còn nói gì được, mới thực sự quay lại học tịnh độ. Rất khó! Thật là pháp môn khó tin, nan tín chi pháp! Cho nên khi tôi giảng, thấy quý vị nghe rồi đều hoan hỉ, đều niệm Phật thì tôi nể phục quý vị lắm. Vì sao vậy? Vì quý vị giỏi hơn tôi nhiều! Thầy Lý độ tôi hết sức gian nan, không dễ chút nào! Thế nhưng khi đã tin thì tôi tin sâu hơn kẻ khác, lòng tin siêu vượt người khác. Thật đấy. Hiểu rõ ràng cận kề rồi tôi mới tin. Nhất quyết không tin khi chưa hiểu, chưa nắm rõ. Quả thực là nan tín chi pháp. Quý vị xem thế nên chư Phật Như Lai thấy người thực sự có thể tin theo pháp môn này, thì khuyên đừng học gì khác, chỉ đi sâu vào một pháp môn

thôi. Nói thật, một bộ Kinh A Di Đà hoặc một bộ Kinh Vô Lượng Thọ, một câu A Di Đà Phật là đủ để quý vị thành công rồi, quý vị học những thứ khác nữa để làm gì? Lãng phí thời gian, lãng phí tinh lực thế! Đến Cực Lạc rồi tất cả kinh giáo quý vị đều thông suốt. Hãy xem hoàn cảnh tu học ở Cực Lạc. Chính bản thân quý vị ngồi trong giảng đường của Phật A Di Đà, không hề rời đi. Tự quý vị có thể phân thân, hóa thân. Phân thân ra thành vô lượng vô biên thân đến 10 phương thế giới lễ lạy, thăm viếng, cúng dường tất cả chư Phật Như Lai. Cúng dường Phật là tu phước, nghe Phật giảng kinh là tu huệ. Phước huệ song tu thì một ngày tu hơn vô lượng kiếp tu ở thế giới chúng ta. Nơi tốt như vậy mà không đến được sao? Nếu quý vị thật sự hiểu rõ ràng mình bạch rồi, thì không thể không đi. Lực nào ghì lại, không cho quý vị đi, quý vị cũng phải vùng thoát ra, phải đến đó mới được! Nơi đó quá tốt! Ở 10 phương thế giới không có, cho nên chư Phật Như Lai đều tán thán khen ngợi. Nhất là lớp người chúng ta thật hết sức may mắn. Vì sao vậy? Vì quý vị gặp được quyền hội tập này. Quá sức hay! Thường ít ai biết. Khi ở Đài Trung, thầy Lý đưa quyền này cho tôi. Đọc xong tôi rất vui mừng. Thầy đã từng giảng nên dùng bút lông chú giải bên lề. Đánh dấu câu từng đoạn. Đọc xong tôi rất thích, muốn học, muốn giảng ngay. Thầy bảo chưa phải lúc, duyên của anh chưa chín muồi. Có kẻ phản đối sách này, người thì tranh luận. Tuổi tôi còn trẻ, theo học Phật pháp chưa lâu, mọi người sẽ không phục. Tôi bèn đợi đến khi thầy vắng sanh. Sách của thầy trong tay tôi, không ai thấy nó. Để kỷ niệm thầy, tôi cho in 10 000 quyền có chú giải bên lề của thầy, cho lưu hành ở nước ngoài. Khi đó tôi đang ở Mỹ. Mọi người đọc xong sách này đều hoan hỉ, yêu cầu tôi giảng. Cho nên lần giảng Vô Lượng Thọ Kinh đầu tiên của tôi, là quyền hội tập này ở San Francisco bên Mỹ. Hoàng dương quyền hội tập này ở nước ngoài là tôi, còn trong nước có lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, mỗi mình cụ. Cả hai cùng liên kết nhau bên Mỹ. Cụ nhận lời mời của một số đồng tu ở Mỹ sang Maryland truyền pháp trong chỉ một tháng. Vậy là cụ mới biết chúng tôi đang giảng quyền hội tập này. Cụ hết sức vui mừng. Quyền chú giải đem theo sang Mỹ lúc đó in Rô nê ô, cụ đem tặng tôi, đọc xong tôi hết rất vui mừng. Hỏi cụ có bản quyền của sách không? Có bản quyền thì thôi. Không có bản quyền thì tôi đưa về Đài Loan in. Cụ bảo không có bản quyền và còn bảo tôi viết cho lời tựa. Chúng tôi đã biết nhau như thế. Cụ về Bắc Kinh rồi thì cùng năm đó, khoảng 2, 3 tháng sau, tôi cũng đến Bắc Kinh thăm cụ. Cụ mới kể lại quá trình viết chú giải. Thật không hề dễ dàng! Sức khỏe yếu, đau ốm, ngày đêm không nghỉ hoàn thành bộ chú giải. Càng không thể tưởng tượng là tư liệu cụ sưu tập được quá phong phú. Dẫn chứng tổng cộng hơn

190 kinh luận. Nhờ Tam Bảo gia trì thôi. Sách quý thế tìm ở đâu ra? Sao tìm được! Hễ nghĩ đến là tự nhiên có người đem tặng. Tôi đã thấy số tư liệu đó chất trong phòng cụ. Ngày nay thật hy hữu ta được gặp quyển hội tập, được đọc bộ chú giải này. Hy hữu trong hy hữu! Đây là phước báo, nhân duyên lớn biết bao! Nên tôi mới cho người chịu tin, chịu hiểu, chịu niệm Phật là thượng thượng căn! Quyết định sẽ thành tựu trong kiếp này.

Đoạn này Niệm Lão chú giải rất hay. *Dục hiển nhất thiết chư Phật vô biên công đức tất quy Di Đà nhất Phật. Dục lệnh thập phương chúng sanh, tất nhập Di Đà nguyện hải vãng sanh Cực Lạc thế giới.* Sanh về thế giới Cực Lạc vậy là viên mãn, đại viên mãn rồi! Nhất là gặp được quyển này, còn thông qua việc ta cùng nhau học tập nên tôi gọi đó là Diển Nghĩa Định danh là Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diển Nghĩa. Duyên này quá sức thù thắng vượt trội! Đúng là thể hiện bốn nguyện của Phật A Di Đà.

Nguyện thứ 17: *chư Phật xưng tán nguyện chi thành tựu.* Thành tựu này là tự nhiên, là phản ứng tự nhiên từ trong tánh đức, quyết không phải cố ý mong cầu, quyết không do tìm cách nào tạo ra. Không hề có. Hoàn toàn không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước. Trước đó ta đã từng học 29 loại thành tựu trang nghiêm trong Vãng Sanh Luận. Toàn là tánh đức, bốn nguyện của Di Đà thành tựu. Chẳng hề có chút ý nghĩ nào bên trong. Điều này ta không thể không biết. Vì người đời chúng ta đã quen dùng ý nghĩ. Cứ luôn nghĩ phải làm thế nào. Thế giới Cực Lạc thì không cần tư tưởng. Tư tưởng là phiền não, tư tưởng là tập khí. Thế họ dùng gì? Họ dùng trí huệ chân thực. Trí huệ chân thực được gọi là chiếu kiến. Hiện nay có một từ là trực giác. Trực giác mắt thấy, trực giác tai nghe. Trực giác của sáu căn khi tiếp xúc cảnh giới sáu trần. Trực giác là kiến tánh, trực giác chẳng dụng tâm ý thức. Ta biết chúng sinh trong 10 pháp giới đều dùng tâm ý thức, tức là dùng A lại da. A lại da là tâm, Mạt na là ý, thức thứ sáu gọi là thức. Hoặc nói tổng quát thì sáu thức trước đều gọi là thức. Tâm ý thức là bao gồm tám tâm vương, chính là dùng thức đó. Lục đạo đã dùng lệch, dùng bất chính. Dùng lệch là sao? Là nhân thiên. Dùng bất chính là sao? Là ba đường ác: ngã Quỷ, địa ngục, súc sinh, là do dùng tâm bất chính. Tâm dùng lệch đi thì là cõi nhân thiên. Nếu tâm ý thức dùng ngay thì là pháp giới tứ thánh: Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật. Nên Phật trong 10 pháp giới chẳng phải Phật thật. Thiên Thai đại sư Lục Tức Phật giảng rất hay. Đây thuộc về tương tợ tức Phật. Rất giống nhưng không phải thật. Vì dùng vọng tâm, không phải chân

tâm. Phải nhớ A lại da là vọng tâm. Nếu dùng chân tâm thì gọi là chuyển thức thành trí. Chuyển bát thức thành tứ trí. Tịnh Tông nói thế. Chuyển A lại da thành Đại viên kính trí, chuyển Mạt na thành Diệu quan sát trí, chuyển tiền ngũ thức thành thành sở tác trí. Chuyển thức thành trí thế này thì là 10 pháp giới, đến chỗ cõi thật báo trang nghiêm. Tu theo những tông phái khác toàn về thế giới Hoa Tạng. Người niệm Phật nếu chuyển thức thành trí sẽ vãng sanh Tây Phương Cực Lạc. Chẳng phải ở cõi đồng cư, không phải ở cõi phương tiện, mà sanh thẳng đến cõi thật báo. Cõi thật báo trang nghiêm của Phật A Di Đà. Đó gọi là lý nhất tâm bất loạn. Chuyển thức thành trí là lý nhất tâm bất loạn. Đặc định chân chánh là có thể buông bỏ phiền não, kiến hoặc, nghĩa là không còn chấp trước với nhất thiết pháp. Hạng người này sinh về cõi phương tiện hữu dư. Phiền não tập khí nhất phẩm cũng không đoạn được thì sinh về cõi phàm thánh đồng cư. Quý vị phải biết cõi phàm thánh đồng cư, cõi phàm thánh đồng cư ở thế giới Cực Lạc, chẳng có ba ác đạo, không có A Tu La, chẳng có La Sát, chỉ có hai cõi người trời. Lục đạo biến thành hai đạo. Đây là chỗ thù thắng trang nghiêm không thể so sánh được của thế giới Cực Lạc.

Cho nên *thập phương Phật tán thử năng danh văn thập phương*. Ngài rộng độ chúng sanh! Nếu chư Phật không tuyên dương Ngài, không chiêu sinh giúp ngài, thì ngài độ chúng sanh sẽ chẳng được nhiều. Nếu tất cả chư Phật đều chiêu sinh giúp Phật A Di Đà, đều giới thiệu, gửi gắm quý vị mới biết được trang nghiêm vượt trội của Tịnh Tông, quý vị mới thật sự hiểu Tịnh Tông không thể nghĩ bàn. *Phổ nhiếp vô biên chúng sanh, hội quy Cực Lạc dã*. Tất cả cùng sanh về Cực Lạc quốc thật sự.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 385

Chuyển ngữ: Lý Hương

Biên tập: Minh Tâm

Thời gian: 28 tháng 4 năm 2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 477, bắt đầu xem từ hàng thứ nhất.

“Hà dĩ cố, dục lệnh tha phương, sở hữu chúng sanh, văn bỉ Phật danh, phát thanh tịnh tâm, ức niệm thọ trì, quy y cúng dường, nãi chí năng phát, nhất niệm tịnh tín, sở hữu thiện căn, chí tâm hồi hướng, nguyện sanh bỉ quốc, tùy nguyện giai sanh, đắc bất thoái chuyển, nãi chí vô thượng, chánh đẳng bồ đề”.

Đoạn này Hoàng Niệm Lão giải thích là “hữu”. Hai dòng rườì kinh văn bên phải. “Biểu chư Phật tán thán chi bốn nhân”. Có nghĩa đầu là ý nghĩa việc chư Phật Như Lai tán thán Phật A Di Đà. Trong đây, thứ nhất: giúp chúng sanh khởi tín nguyện. Đoạn nhỏ thứ hai: giúp đại chúng chứng đắc chánh quả. Ý kinh văn rất rõ. Chú giải của Niệm Lão rất đặc sắc. “Cái dục chúng sanh văn danh sinh tín phát nguyện cầu sinh, tất chúng vô thượng Bồ Đề”. Đây là những gì trong đoạn này nói. Tịnh độ rõ ràng là pháp khó tin. Người nghe thì nhiều, người tin thì ít. Nhất là trong thời buổi hiện nay. Thưở xưa đỡ hơn vì mỗi người đều được gia đình giáo dục tốt. Ta biết trong các dân tộc trên thế giới, thì người xưa biết cách giáo dục nhất. Ngàn vạn năm trước cổ nhân của chúng ta đã biết điều này. Ta có thể tin như thế vì lúc đó không có chữ viết. Văn tự chỉ được phát minh vào thời Hoàng Đế, đến giờ chỉ mới 4500 năm. Nền văn hóa 5000 năm phải nhờ khảo cổ mới phát hiện.

Bà La Môn ở Ấn Độ xưa có truyền thuyết ít nhất là một 3000 năm. Ta có lý do để tin truyền thống văn hóa xưa bắt nguồn chắc chắn không trễ hơn Ấn Độ. Chỉ tại lúc đó không có chữ viết ghi chép lại. Khổng Tử sinh vào thời Xuân Thu, Mạnh Tử thì trễ hơn một 00 năm, vào thời Chiến Quốc. Khổng Tử nói rất hay. Cả đời ông “Thuật nhi bất tác, tín nhi háo cổ”. Thuật là tường thuật lại lời người khác, không phải của chính mình. Theo cách nói hiện nay thì Khổng Tử cả đời không sáng tạo phát minh gì. Nói cách khác, suốt đời sở học, sở tu, sở giáo, sở truyền của ông, đều là những thứ của cổ nhân, chẳng có gì của riêng ông. Ông đã nói rất

thành thực. Tín nhi hiếu cổ. Điều này rất đáng nể: lòng tin. Tin sâu sắc không hoài nghi và tiếp nhận toàn bộ giáo huấn của thánh hiền xưa. Thái độ học hỏi tu luyện này hết sức hiếm có. Muốn đạt được thể xuất thế pháp cũng phải nhờ thái độ này, mới thật sự đạt được. Đạt được gì? Có được truyền thống của cổ nhân. Truyền thống của cổ nhân là gì? Là tự tánh. Nhà Phật nói tự tánh, truyền thống xưa cũng nói về tự tánh. Nhân tánh bản thiện. “Nhân chi sơ tính bản thiện” trong Tam tự kinh. Còn câu đầu tiên trong Đại Học là : “minh minh đức, thân dân, chỉ ư chí thiện”. Đây là nói về tự tánh, nói về tánh đức. Tánh đức là cứu cánh viên mãn, tròn vẹn tốt cùng không thể thêm vào chút gì, cũng không thể để khuyết tí nào. Viên mãn vẹn tròn như thế.

Thứ Phật chứng đắc gọi là Đại Bát Niết Bàn, được gọi là Đại Viên Mãn. Thời xưa tuy không có những từ rõ rệt như trong kinh Phật. Chúng ta cần trọng quan sát, cảm nhận thì ý tứ là một, chẳng phải hai. Tự tánh là một, không có anh, tôi, hắn. Nên trong Kinh giáo Đại Thừa nói lý thể chỉ có một, hiện tượng thì khác biệt vô vàn. Vô lượng vô biên hiện tượng sai biệt cùng chung một lý thể. Còn cho ta biết tánh tướng là một, tánh tướng chẳng phải hai. Người Ấn độ, người Trung Quốc đều xem ngộ nhập vào tự tánh là mục tiêu tối thượng khi học hỏi. Khác với ở nước ngoài. Quả là người trung Quốc trong đồng có dị biệt. Mười pháp giới lại khác, trong dị biệt có đồng. Tuy có một 0 pháp giới, y chánh trang nghiêm chẳng giống nhau nhưng là một tự tánh. Cho nên tôn trọng thánh hiền chính là tôn trọng tự tánh, phàm những thứ từ tự tánh lưu xuất ra chính là thật tướng. Kinh Đại Thừa nói thật tướng chư pháp chính là chân như, chính là tự tánh. Nên người xưa khi dạy trẻ con đều luôn nhớ dạy ngộ tánh. Trong Phật pháp ngộ tánh là giác tánh. Người có ngộ tánh cao, ta biết phiền não của họ sẽ ít, tạp niệm cũng ít, tâm thanh tịnh. Khi tâm thanh tịnh khởi tác dụng chính là ngộ tánh, là giác tánh. Vọng niệm nhiều, nhiều dục vọng, nhiều phiền não thì ngộ tánh ắt sẽ kém hơn, vì bị những thứ này chướng ngại, nhiễu loạn. Tuy bị chướng ngại, nhiễu loạn nhưng không hề mất đi. Như một chậu nước, bị vẩn đục, bị khuấy đảo nhưng vẫn là chậu nước đó. Chờ một thời gian nó sẽ tự ổn định. Những thứ dơ bẩn sẽ lắng chìm xuống, động tướng sẽ dần ngừng.

Qua đó có thể thấy người Ấn xưa hết sức xem trọng việc thiền định. Tuy Trung Quốc không nói thiền định nhưng cũng nói về định, cũng nói về tĩnh, họ nói về những điều này. “Tri chỉ nhi hậu hữu định, định nhi hậu năng tĩnh”. Hoàn toàn tương đồng với Phật pháp và triết học cổ Ấn Độ.

Trí huệ không có được từ bên ngoài, mà vốn đã trong tự tánh. Trí thức thì học được ở bên ngoài, nhưng trí huệ không như thế. Trí huệ và trí thức là hai thứ khác nhau. Trí huệ có thể minh tâm kiến tánh. Còn trí thức? Trí thức là một loại chướng ngại, Phật pháp gọi nó là sở tri chướng. Chẳng phải cho là không cần trí thức, trí thức không tốt. Phật pháp cũng cần và có lúc dùng đến trí thức. Nhưng lúc nào? Sau khi khai ngộ. Khai ngộ gọi là căn bản trí. Ngộ xong khởi tu. Có được căn bản trí rồi thì quý vị xem Thiện Tài Đồng Tử trong Kinh Hoa Nghiêm đã khai ngộ ở pháp hội của Bồ Tát Văn Thù. Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, căn bản trí hiện tiền. Căn bản trí là gì? Là trí huệ Bát Nhã mà tự tánh vốn có. Trong kinh Bát Nhã nói rất hay. “Bát Nhã vô tri”. Vô tri chính là căn bản trí. Khi bất động thì nó chẳng có gì. Chính là điều mà Huệ Năng đại sư nói khi khai ngộ “đâu ngờ từ tánh vốn tự đầy đủ”. Vốn tự đầy đủ là căn bản trí, lúc không khởi tác dụng thì bên trong nó chẳng có một pháp nào. Khi nó khởi tác dụng thì chẳng bỏ một pháp nào. Trí huệ viên mãn hiện tiền, cho nên khi Thiện Tài khai ngộ, Văn Thù Bồ Tát liền bảo ông đi thăm viếng học hỏi 53 lần. 53 lần thăm viếng học hỏi là hậu đắc trí, trí thức mà hôm nay chúng ta nói đến. Quý vị không tiếp xúc thì không biết, hễ tiếp xúc liền rõ ngay. 53 lần thăm viếng học hỏi tiêu biểu cho gì? Tiêu biểu cho trí thức của cả vũ trụ. Quý vị thấy trong đó trai gái trẻ già, mọi ngành mọi nghề, xuất gia tại gia, trong 53 lần thăm viếng học hỏi chỉ có 6 người đã xuất gia, phần lớn là tại gia. Hễ bạn tiếp xúc là rõ cả, chẳng có gì không biết. Nhưng trước tiên phải cầu vô tri, sau đó mới có thể vô sở bất tri. Nếu như có tri, đây là chướng ngại. Sẽ trở ngại cho việc minh tâm kiến tánh, vậy thì quý vị sẽ vô sở bất tri, cái quý vị biết chỉ giới hạn, cái quý vị không biết quá nhiều. Khác với cách cầu học của người xưa. Điều này chúng ta phải cẩn trọng cảm nhận.

Cho nên pháp môn Tịnh độ trước sau vẫn là pháp môn không thể nghĩ bàn. Muốn chúng sanh nghe danh hiệu, sinh lòng tin rồi phát nguyện cầu vãng sanh, tất chứng Vô Thượng Bồ Đề, tức là thành Phật. Pháp môn này chính là con đường trở thành Phật. Chỉ một đời là thành tựu. Kẻ có thể tin, có thể phát nguyện dốc sức tu hành thật sự là người có đại phước đức. Thế xuất thế gian chẳng ai có phước báo lớn hơn phước báo này, không tìm ra đâu. Chúng ta gặp là có duyên. Còn tin hay không tin, hiểu hay không hiểu lại thuộc về thiện căn. Người có thiện căn hễ tiếp xúc thì liền tin, liền hiểu. Người có phước đức thì có thể hành, có thể chứng. Cho nên trong tiểu bản Kinh Di Đà nói: “Không thể thiếu thiện căn phước đức nhân duyên mà được sinh về nước đó”. Thiện căn phước đức của chúng ta có

vấn đề. Nhân duyên thì hội đủ rồi, gặp được rồi, được thân người, được nghe Đại Thừa, được nghe Hoa Nghiêm, được nghe Tịnh độ, nhất là gặp được quyển hội tập này, hội đủ tất cả. Nhưng chúng ta liệu có thật lòng tin tưởng? Không. Có thật sự hiểu? Không. Thực sự hiểu sẽ quyết định niềm tin thật sự. Không có chân tín chứng tỏ ta không hiểu đủ về vấn đề đó. Lời này năm xưa Chương Gia đại sư dạy tôi. Ông bảo Phật pháp biết thì khó nhưng hành dễ. Thế nên Phật Thích Ca phải giảng 49 năm. Rất khó để biết! Hành thì chỉ trong một niệm. Nghĩ khác đi là khai ngộ, hành như thế đơn giản biết mấy. Buông bỏ chấp trước. Không còn chấp trước với pháp thế xuất thế gian là thành A La Hán, là chẳng còn lục đạo. Nếu lại buông luôn được phân biệt thì thành Bồ Tát. Thực sự giữ được lục căn không khởi tâm, không động niệm trong cảnh giới của 6 trần thì xin chúc mừng, quý vị thành Phật rồi. Quý vị xem, đơn giản biết bao.

Năm xưa khi còn tại thế, Phật Thích Ca diễn cho ta xem, ngài diễn cho chúng ta xem vai trò của người trí thức, hiểu học, học rộng biết nhiều. một 9 tuổi đã rời nhà đi tìm học, sống cuộc đời khổ hạnh để làm gì? Không sống như thế thì không học được. Học hỏi rồi cần thực hành, là phải chịu khổ, vui vẻ chịu khổ. Buông bỏ thực sự là tu luyện nghiêm túc. Hiểu học mà không chịu tu nghiêm túc thì không phải thực học, không phải học vấn thực sự. Những gì học được rất mong manh. Vì sao vậy? Vì không đối phó nổi quyền rũ, mê hoặc. Gặp danh lợi nhiều sẽ không giữ được mình, đó không phải là thực học. Thực học là gì? Là phải vất vả thực sự, buông bỏ thực sự thì học vấn đó có thực, cảnh giới nào bày ra trước mắt cũng không động tâm. Vì sao vậy? Vì đã nhìn thấu suốt. “Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng”. Quý vị mời ngài làm Đại phạm thiên vương tốt cùng danh lợi, ngài không thêm vì đó là giả, lục đạo là giả tạm. Mời làm Ma Hê Thủ La Thiên Vương, là chủ nhân của đại thiên thế giới, ngài cũng không màng, vì đều không thật. Đấy gọi là biết khó làm dễ. Nếu hiểu thật sự thì đâu lẽ nào không buông bỏ được, hiểu thật thì sao còn khởi tâm tham luyện. Chẳng còn đâu. Nên tâm này vĩnh viễn thanh tịnh bình đẳng giác. Thanh tịnh bình đẳng giác chính là tự tánh, là thể tánh, là tánh đức. Chỉ có thứ này thật thôi, ngoài ra giả tạm hết. Trong thanh tịnh bình đẳng giác không có hiện tượng, chẳng có cả 3 loại hiện tượng. Không có hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần, cũng không có hiện tượng tự nhiên. Nhưng nó có thể sanh ra muôn pháp, nó có thể hiện ra 3 hiện tượng này, tuy hiện 3 hiện tượng nhưng lại không bám vào 3 hiện tượng. Không bám chút gì. Vì sao? Vì trong tất cả hiện tượng, ngài không khởi tâm, không động niệm. Đấy là sạch thực sự. Là cảnh giới của pháp thân Bồ Tát. Tứ thánh pháp giới trong một

0 pháp giới còn khởi tâm động niệm. Lục căn tiếp xúc với cảnh giới lục trần sẽ khởi tâm động niệm, nhưng không phân biệt, không chấp trước. Phạm phu trong lục đạo thì không được. Khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước sẽ cùng lúc ùa đến. Học như vậy thì vĩnh viễn không vượt được luân hồi. Ta không thể không biết điều này.

84000 pháp môn pháp môn nào cũng có thể giúp ta ra khỏi lục đạo, tịnh độ cũng vậy. Nhưng tịnh độ vượt trội hơn, tịnh độ đặc biệt hơn. Tịnh độ bảo đời nghiệp vãng sanh nhưng có điều kiện. Một niệm cuối cùng phải thanh tịnh. Bình thường không thanh tịnh chẳng sao. Một niệm vãng sanh cuối cùng phải thanh tịnh, chính là không còn khởi tâm động niệm mới có thể vãng sanh. Điều này khó quá, không đơn giản. Cho nên một niệm thanh tịnh là một niệm Phật, tâm tịnh thì quốc độ tịnh. Vậy dùng phương pháp nào? Dùng A Di Đà Phật. Phương pháp quá khôn ngoan, quá thù thắng. Niệm cuối cùng chắc chắn là có niệm, không thể không niệm. Có khởi tâm động niệm mà khởi tâm gì? A Di Đà Phật. Động niệm gì? A Di Đà Phật. Chiêu này thật hay. Đây là chỗ khác giữa Phật A Di Đà và tất cả chư Phật. Ngài dùng danh hiệu để tiếp dẫn. Danh hiệu này rất phi thường. Danh hiệu là tánh đức của mình. Nghĩa danh hiệu này dịch sang chữ Hán thì A là Vô, Di Đà là Lượng, Phật là Giác. Nghĩa là sao? Là Vô Lượng Giác. Vô lượng giác là chân tánh của chúng ta! Vô lượng giác là tự thể, tự tánh của chúng ta. Nó tương ứng với cái này. Có phải chính Phật A Di Đà đến tiếp dẫn ta, không phải mà là tự tánh của chúng ta. Ngài dùng tự tánh tánh đức làm danh hiệu để tiếp dẫn. Chỉ cần một niệm cuối cùng. Một niệm đó rất ngắn ngủi. Bồ Tát Di Lặc đã giảng rõ. Một khảy móng tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm. Một niệm trong số đó thôi. Niệm cuối cùng này rõ ràng là Phật. Bình thường niệm được thuần thực như thế, lúc lâm chung quý vị sẽ thấy Phật A Di Đà đến tiếp dẫn. Đường hoàng từ biệt mọi người: tôi về thế giới Cực Lạc đây. Điều này có thật, không hề giả dối. Hiện tiền chúng ta, chỉ cần quý vị gặp được là quý vị có nhân duyên đó, chỉ cần chịu tin, hiểu được, thật sự phát tâm. Đoạn sau sẽ giảng rất rõ về Bồ Đề tâm. Đơn giản thì như lời Ngẫu Ích đại sư. Tôi thực sự muốn sanh về Cực Lạc, thực lòng muốn được thân cận Phật A Di Đà. Ngoài niệm này ra không còn ý niệm nào khác. Đây là Tâm Bồ Đề vô thượng.

Ba câu phía trước của ngài nói hết ý nghĩa đoạn kinh văn này. “Cái dục chúng sanh vãng danh sinh tín, phát nguyện căn sinh, tất chúng vô thượng Bồ Đề”. Đây là tông yếu của Tịnh Tông.

“Hội Sơ viết: thị tắc đệ thập bát nguyện, thành tựu, nhất bộ tông quy, duy tại u tu”. Đoạn kinh văn này tôn chỉ của Tịnh Tông, là nơi quy tụ của Tịnh Tông, là thành tựu viên mãn của Tịnh Tông.

“Sở dĩ giả hà”? Vì sao vậy? Đây là nêu ra một câu hỏi. “Tuy tứ thập bát nguyện giai thù thắng, dĩ niệm Phật vãng sanh vi tín yếu”. 47 nguyện là trợ duyên. Nguyện thứ một 8 là chánh thuyết. Không có 47 nguyện kia thì nguyện này cũng không thể thành lập. 47 nguyện để giúp nguyện thứ một 8 kiến lập niệm Phật vãng sanh tịnh độ. “Tuy nhất nhất thành tựu giai nan tu”. Nhất nhất này là chỉ 47 nguyện kia. Thành tựu của mỗi một nguyện đều không thể nghĩ bàn. “Nhi thử thành tựu vi bất công. Đệ thập bát nguyện thập niệm tất sanh. Cố chư Phật tán thán”. Phương pháp này dẫn dắt chúng sanh đến thế giới Cực Lạc. Phật A Di Đà cung cấp cho một đạo tràng tu học tốt nhất. Điều này quả hiếm có. Phàm phu như ta khó thành tựu là do không có một nơi tu học tử tế. Với hàng thượng thượng căn thì chuyện đó chẳng sao. Họ có trí huệ, định lực, chịu đựng được. Cảnh giới nào với họ cũng là cảnh giới tốt. Nhưng người căn tánh thế này quá ít. Hàng trung hạ căn nếu không có một hoàn cảnh tốt để tu học là không ổn, sẽ thoái chuyển, sẽ đọa lạc, thậm chí có thể tạo tội nghiệp, vì không giữ được mình. Nên Phật A Di Đà lập đạo tràng không thể nghĩ bàn, cung cấp hoàn cảnh thế này quá hiếm có, phương pháp lại quá khéo léo. Kẻ thực sự có thiện căn phước đức nhân duyên gặp rồi khẳng định sẽ thành tựu, một đời viên mãn thành Phật. Cho nên khác với chư Phật. Bất cộng nghĩa là không giống. “Cảm đắc chư Phật tán thán”, là chẳng có vị Phật nào không tán thán. Phật tâm bình đẳng, Phật tâm thuần tịnh thuần thiện.

Văn bĩ Phật danh giả. Giáo hành tín chứng viết- đây là chư tổ người Nhật nêu ra- Ngôn văn giả, chúng sanh văn Phật nguyện sinh khởi bốn mặt, vô hữu nghi tâm, thị viết văn dã”. Những câu này, bên dưới là chú giải. “Chúng sanh”, đặc biệt chỉ lục đạo chúng sanh. “Văn Phật nguyện”, nguyện là 48 nguyện, là phẩm thứ 6 trong kinh này. Ta cũng học phẩm này rất kỹ. “Sanh khởi bốn mặt”. Bốn mặt là nói gì? Bốn là gốc, là phát tâm, phát đại nguyện. Nếu nói theo sự thì nguyện thứ một 8 là gốc. 47 nguyện khác là ngọn. Ta cũng có thể nói thế này, Phật A Di Đà phát 48 nguyện là một gốc, dẫn dụ 48 nguyện của chính chúng ta ra là ngọn. Ta phải học Phật A Di Đà, phải phát 48 nguyện, đọc một nguyện ta liền phát nguyện này. Ngài là gốc, ta là ngọn. Tâm chúng ta là một với tâm Phật. Tâm của Phật thì trước ta đã học rồi, tôi cũng từng nhận mệnh “nhất thiết giai thành Phật”, đây là

tâm của Phật A Di Đà. Là thật chứ không hề giả. Thực sự mong tất cả chúng sanh đều thành Phật, y như Phật A Di Đà, chẳng khác. Có thể không? Có thể, chắc chắn là có thể. Vì sao thế? Vì Phật A Di Đà cùng một Phật tánh với ta. Một tự tánh thanh tịnh viên minh thể. Ngài có thể thành tựu, sao ta lại không thành tựu được? Đâu vô lý như vậy! Nên tín tâm kiên định quyết định sẽ thành, khẳng định sẽ được y như Phật A Di Đà. Từ phương pháp này ta có được bảo đảm, đảm bảo của lòng tin, bảo đảm tín tâm của chúng ta vãng sanh về thế giới Cực Lạc. Quý vị không sanh về nơi đó, không có hoàn cảnh tốt thế thì rất khó. Tuy có lòng tin cũng không được. Phải đến Cực Lạc thôi. Không thể chờ nữa. Càng sớm càng hay. Đến Cực Lạc thì mới chúng được cứu cánh viên mãn. Sau đó bất luận trụ thường tịch quang hay trụ cõi thật báo, đều có năng lực ứng phó với tất cả chúng sanh hữu duyên trong biến pháp giới hư không giới. Thế nào là hữu duyên? Có thể tin, hiểu, hành, chứng pháp môn này là hữu duyên. Tín giải hành chứng gồm đủ là kẻ quyết đoán thượng thừa của Tịnh Tông. Tin được, hiểu được, hành được sẽ quyết định được sanh về. Tin, hiểu được nhưng không hành được vậy phải nhờ gì? Thường ta cho rằng nhờ vận may của người đó, lúc lâm chung nếu gặp trợ duyên, nhắc nhở, trợ niệm giúp cũng sẽ được vãng sanh. Nếu tin, hiểu được, không hành được, khi lâm chung không gặp được trợ duyên thì không xong, vẫn phải tiếp tục luân hồi trong 6 nẻo. Chúng ta dùng thứ này để xem gốc ngọn.

Thế nên bộ kinh này quan trọng. Phật nói tất cả kinh độ tất cả chúng sinh không cùng căn tánh. Còn bộ kinh này thì phổ độ, căn tính nào cũng độ được. Hàng thượng thượng thừa như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa. Những người đó thật tuyệt, họ có năng lực đoạn phiền não, phá vô minh, sanh về thế giới Hoa Tạng, bản lĩnh như thế nhưng đến thế giới Hoa Tạng không viên mãn. Tập khí vô thủy vô minh chưa dứt, gặp Văn Thù, Phổ Hiền dẫn dắt về Cực Lạc. Vì sao vậy? Đến thế giới Cực Lạc thì tập khí kia nhanh mất đi, ở các quốc độ chư Phật, cõi thật báo khác phải chờ rất lâu, nên ngài Văn Thù, Phổ Hiền đưa hết những người ở Hoa Tạng Hải hội này về thế giới Cực Lạc. Phật Tì Lô Giá Na chẳng hề giận. Ngài rộng lượng chẳng trách sao đưa hết người của tôi đi? Vậy là sao? Phật Tì Lô Giá Na còn hoan hỉ, vỗ tay: Tốt lắm, đi đi thôi! Đây chính là Phật Phật đạo đồng. Tất cả chư Phật đều mong chúng sanh sớm thành Phật. Muốn sớm thành Phật thì chỉ có thế giới Cực Lạc, chỉ có theo Phật A Di Đà. Chúng ta học Phật bấy lâu mới khẳng định chắc chắn việc này, khẳng định hoàn toàn, chẳng có chút xíu hoài nghi. Vô hữu nghi tâm, đây gọi là Văn. Văn là huệ thứ ba của Bồ Tát-văn huệ. Trong văn chắc chắn phải có tư, phải có tu. Tư là gì? Là hiểu. Tu là gì? Không còn nghi ngờ,

đoạn nghi rồi. Từ đoạn nghi mà nói gọi là tu, từ hiểu mà xét gọi là tư, từ vừa nghe qua đã tin, không nghi ngờ là văn. Văn tư tu nhất niệm viên mãn thành tựu.

“Văn danh đặc phúc cố năng sinh tịnh tín chi tâm”. Nghe được câu danh hiệu Phật này, quý vị đã được phước báo rồi. Không niệm, không nghe danh hiệu Phật là quý vị không có phước. Tất cả đều thật. Phước này lớn quá. Phước này lớn bằng hư không pháp giới. Vì sao vậy? Phước báo có thể sanh tịnh tín. Quý vị thấy có phi thường không? Còn gì lớn hơn việc thành Phật? Đâu hề có. Thành Phật là gì? Thành Phật là thành tựu đại viên mãn. Thường ta nói đơn giản là trí huệ viên mãn. Tất cả pháp thế xuất thế gian không có gì quý vị không biết. Thành tựu đức năng của quý vị, tịnh đức của tự tánh vốn có. Chúng ta không gọi là thiện đức, mà gọi tịnh đức, đức thanh tịnh. Tại sao? Vì đức này không trước tướng. Cũng có nghĩa năng lực, không gì quý vị không làm được. Thành tựu tướng tốt của quý vị. Tướng tốt chính là phước báo ở đây nói đến. Thứ nào cũng viên mãn. Không phải tu được mà là tánh đức trong tự tánh vốn có. Cho nên có thể sanh tâm tịnh tín.

“Thanh tịnh tâm giả, vô nghi chi tín tâm dã, hựu vô cấu chi tịnh tâm dã”. Đây là tâm thanh tịnh. Trong không xen tạp nghi hoặc. Mảy may nghi hoặc cũng không. Thanh tịnh là không bị nhiễm bản. Nhiễm bản là sao? Tự tư tự lợi là nhiễm bản, danh văn lợi dưỡng là nhiễm bản, ngũ dục lục trần là nhiễm bản, tham sân si mạn là nhiễm bản. Hết sạch không còn chút nào. Kiến tư phiền não, trần sa phiền não là nhiễm bản cũng hoàn toàn chẳng còn. Nên đây gọi là tâm thanh tịnh. “Ức niệm thọ trì”. Giảng từ chữ thọ. “Thọ giả, tín thọ”. Thọ là tiếp thu. Những gì Phật nói, tôi hiểu và hoàn toàn tiếp nhận. Tiếp nhận thì làm theo, tiếp nhận thì biến thành của mình. “Trì giả, kiên trì”. Duy trì, không để mất nữa. Gọi là thọ trì. Hiện nay rất nhiều người theo đạo Phật. Có tin Phật nhưng không thọ trì. Không nghiêm túc theo. Nếu tu nghiêm túc, thật sự họ có thể buông hết chuyện đời. Có cần bồi dưỡng thân? Không cần. Quý vị hỏi vì sao không bồi dưỡng. Tâm tịnh tắc quốc độ tịnh. Vì tất cả pháp từ tâm tướng sinh ra. Thân do tâm tướng ra. Lẽ nào có thể không khỏe mạnh! Bất kỳ bệnh tật gì. Khi tín tâm khởi lên thì bệnh sẽ không còn. Nội tạng trong người, mỗi tế bào đều hồi phục bình thường. Bình thường là khỏe mạnh. Thế bệnh từ đâu ra? Từ tham sân si mạn nghi. Từ đó mà ra. Trong Phật pháp hay nói tứ đại không điều hòa thì bệnh kéo đến. Tâm tham nặng nề, thủy đại sẽ nhiều quá, tâm sân nặng nề, nhiệt độ sẽ quá. Không được thiếu, cũng không để quá. Vừa vận thích hợp thì thân tâm sẽ khỏe mạnh. Nên người thực sự tin Phật thân tâm khỏe mạnh. Tôi đã thấy điều đó. Theo thầy Lý một 0 năm, tôi thấy

thầy niệm Phật thân tâm khỏe mạnh, sinh hoạt rất đơn giản, không cần ai phục vụ, tự ăn uống, giặt giũ. Nhà thầy rất nhỏ, chỉ có một 5 tấm, người Đài Loan gọi là tấm, một tấm bằng 2 chiếc chiếu. Một chiếc chiếu khoảng 2 mét vuông. một 5 tấm bằng 30 m² nhỏ hơn gian phòng này. Sống một mình, dễ sắp xếp dọn dẹp, một gian thờ Phật nhỏ, một nhà kho, một phòng ngủ, một phòng khách nhỏ. Phòng khách nhỏ chắc bằng nửa trường quay nơi đây. Cả đời thầy sống trong gian phòng nhỏ thế, không đổi nhà nào khác và tự chăm sóc. Đến năm 95 tuổi mới chịu cho hai chị em học trò phục vụ, đó là Trịnh Thắng Dương và chị cậu ta. Rõ ràng người niệm Phật thân tâm khỏe mạnh. Chẳng cần tin gì cả, tin vào Phật A Di Đà. Điều này thật khó tin! Tin Phật A Di Đà còn phải đến phòng mạch bác sĩ, tìm thuốc tốt để tắm bổ sức khỏe. Đây là hoài nghi giáo lý. Không phải tin thực sự. Lòng tin chân chính thì chẳng cần gì cả. Cơm canh đạm bạc có cũng được, không có cũng xong. Đây mới là chân tín.

Quý vị xem đức Phật Thích Ca Mâu Ni từ lúc một 9 tuổi đã phải tự chăm sóc, sống cuộc đời tăng khổ hạnh cho đến tận khi ngài niết bàn vào năm 79 tuổi. Phật, Bồ Tát và chư vị tổ sư đều nêu gương tốt nhất cho chúng ta, thị hiện nhiều dạng, thị hiện đủ kiểu. Khi nghe và thấy những ghi chép này quý vị có thể để tâm cảm nhận thấy đây là tấm gương tốt cho chúng ta noi theo. Cảm nhận được thân giáo, ngôn giáo, ý giáo.

Trong “Thắng man bảo quật thượng”. Thượng chính là quyền thượng, vì quyền kinh này có thượng hạ 2 quyền. Kinh viết: “Thanh tịnh tâm, tịnh giả tín dã”. Quý vị xem, khi tin Phật thì sẽ tịnh. Chúng ta dùng tiêu chuẩn này để cân nhắc lại chính mình. Chúng ta có tin không? Không. Tin được mấy phần. Cái tịnh này phải có phần trăm. Chúng ta có một hoặc 2 % lòng tin thì không thể thanh tịnh được. Tâm thanh tịnh hiện tiền, đây chính là tín tâm viên mãn. Điều này là thật, không giả chút nào.

Hai hôm trước tôi sang Đài Loan đi thăm 2 đạo tràng. Đến thăm rồi tôi rất vui. Cả 2 nơi đều là đạo tràng niệm Phật và họ đang thực hiện Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự. Có một đạo tràng mượn sân thể thao để tổ chức hoạt động này. Tôi thấy số người ít ra cũng đến một 0.000-20.000 người, quy mô rất lớn, ngồi đông nghìn nghịt. Rất tốt! Tất cả đều niệm A Di Đà Phật, cực kỳ hiếm có. Rồi tôi tham quan cuộc triển lãm Long Tạng ở viện bảo tàng Cố Cung. Vua Khang Hi đã dùng tiền của trong kho để thực hiện bộ Đại tạng kinh. Chỉ có mỗi một bộ thôi. Chữ viết tay được viết hết sức công phu, ngay ngắn, rồi nạm vàng thếp lên. Nghe nói bộ

kinh này đã sử dụng mấy trăm lượng vàng vẽ minh họa bên cạnh kinh văn, hết sức trang trọng. Cả đất nước chỉ có một bộ, xem như báu vật quốc gia. Qua đó cho ta thấy xưa kia bậc đế vương trân trọng pháp bảo biết bao. Chúng ta hết sức ngưỡng mộ. Nhưng bộ Tạng kinh này viết bằng chữ Tạng. Tạng kinh bằng chữ Hán thì do hoàng đế Càn Long biên soạn. Hoàn thành cùng lúc với Tứ Khố Toàn Thư. Hoàng đế đặc biệt trân trọng Phật giáo nên đã biên soạn riêng Đại tạng kinh -Long Tạng này. Nho giáo và đạo giáo thì hợp soạn trong Tứ khố. Chỉ có Phật giáo không hội tập trong Tứ khố mà để riêng ra, hết sức trân trọng. Thấy vậy ta vô cùng cảm động. Rồi lại được chứng kiến bác sĩ Lưu cùng một số bạn đang làm thí nghiệm nước, chính là thí nghiệm mà tiến sĩ Giang Bồn người Nhật đã làm. Họ đã dựng một phòng thí nghiệm tốt hơn phòng thí nghiệm ở Tokyo. Các thiết bị máy móc đều hết sức tiên tiến. Tôi đã từng đi thăm phòng thí nghiệm ở Tokyo 2 lần, máy móc ở đó khá cũ, kính hiển vi nơi đó chỉ phóng lớn 200 lần. Hôm trước tôi tham quan thì kính hiển vi của nhóm bác sĩ Lưu phóng lớn được 500 lần, tối tân nhất hiện nay. Quy mô của phòng thí nghiệm cũng lớn hơn bên Tokyo, thiết bị cũng tiên tiến hơn của họ. Không ít người đang ngồi đó cẩn trọng nghiên cứu.

Thí nghiệm nước của tiến sĩ Giang Bồn cho thấy nước có thể nhìn, nghe, hiểu được ý người. Cho đến việc nước có thể phân biệt được mùi vị không? Thử nghiệm về sắc thanh hương vị xúc. Mong có thể trải nghiệm được sắc thanh hương vị xúc. Thấy rõ rệt những khoáng vật và thực vật này có đầy đủ kiến văn giác tri, đây là hiện tượng tinh thần. Chứng minh vật chất và tinh thần không tách rời được. Muốn thí nghiệm để chứng minh điều Maxs Planck đã nói: cơ sở của vật chất là tâm niệm. Nếu không có tâm niệm thì vật chất không tồn tại. Cho nên Planck bảo: trên thế giới căn bản không hề có thứ gọi là vật chất. Vậy vật chất từ đâu ra? Do tâm niệm tạo thành. Tâm niệm tạo thành cách nào? Planck cũng đã nói tương đồng với những gì trong kinh Phật nói, Phật giảng trong kinh 3000 năm trước, giờ các nhà khoa học mới phát hiện. Quả thật là tinh thần có trước rồi vật chất mới có sau. Nhưng trước vật chất còn có năng lượng. Ta xem báo cáo của Planck thì hiểu ngay. Vì sao vậy? Vì nó tương đồng với A Lại Da mà đạo Phật giảng. Năng lượng chính là nghiệp tướng của A Lại Da. Thọ tướng hành thức là hiện tượng tâm lý. Khoa học gọi đó là thông tin, là chuyển tướng của A Lại Da. Kiến phần, kiến phần của A Lại Da. Vật chất là tướng phần của A Lại Da. Năng lượng là tự chứng phần của A Lại Da. Chúng ta dùng cách giải thích này thì người từng học Phật pháp rất dễ hiểu. Tam tế tướng của A Lại Da cũng là tam

phần của A Lại Da: tự chứng phần, kiến phần, tướng phần. Trong tam tế tướng có nghiệp tướng, chuyển tướng, cảnh giới tướng của A Lại Da, không thể tướng tượng nổi! Những gì Phật phát hiện, giờ khoa học mới tìm ra và chứng minh. Họ dùng nước và có thể cũng dùng một số chất khác để quan sát qua kính hiển vi. Cho những ý niệm khác nhau để nước tiếp xúc, nhìn thấy, nghe được. Đưa ý niệm của tâm cho nước, xem nước sản sinh những biến hóa nào. Thí nghiệm này rất giá trị vì đã giúp ích cho tín tâm của chúng ta. Ta sẽ không hoài nghi gì về kinh điển sau thí nghiệm khoa học. Kinh Phật đã qua được thử thách.

Tâm thanh tịnh vô nghi, tâm thanh tịnh vô cầu. Tâm thanh tịnh là tín. Khởi tâm tịnh tín, không xen tâm phiền não thì gọi là tịnh tâm.

“Ức niệm thọ trì. Thọ giả, tín thọ. Trì giả, kiên trì. Ức giả, ức Phật công đức. Niệm giả, niệm Phật danh hiệu”. Ức niệm thọ trì. Ức là tướng, nhớ đến 48 bổn nguyện của Phật. Nghĩ đến công phu tu hành 5 kiếp của Phật A Di Đà khi còn là Pháp Tạng tỳ kheo ở nhân địa. Ngài tu gì? 48 nguyện. Nguyện nguyện đều thành hiện thực, nguyện nguyện ngài đều hoàn thành. Nguyện thứ nhất “Quốc vô ác đạo”. Phật làm cách nào? Tam ác đạo là quả. Có quả tất phải có nhân. Đức Phật A Di Đà phải dùng thời gian 5 kiếp để làm đoạn mất nhân này, đoạn dứt duyên này. Nhân: ngã quý là tâm tham, địa ngục là sân, súc sinh do ngu si. Nói cách khác nhờ bỏ hết tham sân si mà thường ta gọi là buông xả, chẳng những hoàn toàn dứt đoạn, mà cả tập khí cũng không còn, tập khí tham sân si không còn. Coix phamf thanhs ddoongf cư ở thế giới tây phương Cực Lạc không hề có tam ác đạo. Không những nhờ bỏ gốc tham sân si mà loại bỏ luôn cả kiêu mạn, nghi hoặc. Tham sân si mạn nghi đều không còn nữa, cũng có nghĩa là kiến tu phiền não đoạn tận như trong kinh thường giảng. Ngài phải mất bao nhiêu thời gian? 5 kiếp để đoạn sạch sẽ triệt để. Ngài thành Phật và chieeu cảm được thế giới này, có coix phàm thánh đồng cư, chỉ nhân thiên 2 đường. Hoàn toàn chẳng có ngã quý, địa ngục, súc sinh, la sát, tu la. Chúng ta nghĩ đến công đức này, nghĩ gì? Học tập, làm theo. Phật có thể đoạn được, sao ta không đoạn được? Trước kia không có duyên, không được nghe Phật pháp nên không biết. Giờ đã biết rồi, đọc kinh điển Đại Thừa đã hiểu rồi. Phật có thể làm thế thì chúng ta phải học theo Phật, phải nghiêm túc dốc sức thực hiện. Phật làm gương trước, chúng ta bước theo sau. Phật có thể thành tựu thì ta cũng có thể thành tựu. Huống chi ngài đã xây dựng xong thế giới Cực Lạc. Ở thế giới Ta Bà này việc tu hành khó khăn, chướng duyên quá nhiều. Phật mong ta đến thế giới Cực Lạc. Chúng ta nghe lời, y giáo

phụng hành, đến thế giới Cực Lạc. Mỗi ngày đều dự pháp hội của ngài. Ngài làm tăng thượng duyên cho ta thì việc thành tựu đạo quả của ta đã được bảo đảm. Cho nên nhất định phải tin, phải tiếp thọ, phải kiên trì, luôn nhớ đến Phật, niệm danh hiệu Phật.

Đại Thế Chí Bồ Tát trong “Viên thông chương” bảo ta: nhớ Phật, niệm Phật thì hiện tiền đương lai chắc chắn sẽ gặp Phật. Hiện tiền gặp Phật là Phật gia trì cho chúng ta, là niềm an ủi Phật cho ta, con đường ta đi chẳng hề sai lầm. Đương lai kiến Phật là được vãng sanh về thế giới tây phương Cực Lạc, lúc lâm chung được Phật đến tiếp dẫn là hiện tiền. Sau khi vãng sanh là đương lai.

Niệm danh hiệu Phật. Phương pháp niệm Phật cả đời của Ấn Quang đại sư là đếm số, ngài không dùng chuỗi hạt. Ngài bảo chúng ta nếu lần tràng hạt niệm Phật thì dễ phân tâm. Một mặt niệm, mặt khác động tay, phân tâm. Ngài dùng tâm để thầm nhẩm đếm. Chỉ tính đến một 0, niệm rất chậm. Chúng tôi đã nghe tiếng niệm Phật của ngài qua băng ghi âm: Nam Mô A Di Đà Phật, Nam Mô A Di Đà Phật. Niệm 6 tiếng hay 4 tiếng cũng được. 4 tiếng thì: A Di Đà Phật, A Di Đà Phật. Niệm hết sức rõ. Ba cái rõ cực kỳ quan trọng. Tai nghe rõ thì phải để ý nghe, tập trung sức chú ý vào đó, tạp niệm bên ngoài sẽ không vào được. Số nhớ thật rõ: niệm danh hiệu Phật này là tiếng thứ mấy trong một 0 câu niệm? Đếm hết sức rõ ràng, rành mạch. Đếm xong một 0 thì lại bắt đầu từ một . một đến một 0, cứ thế mà niệm. Đùng niệm một một , một 2... Đếm nhiều hơn lại chẳng thể nhiếp tâm. Cách đếm một 0 danh hiệu Phật này nhiếp tâm cực kỳ. Nếu mới tập niệm một 0 niệm có khó khăn, phía sau dễ quên mất số, tạp niệm xen vào. Có tạp niệm thì không tính, phải niệm lại từ đầu. Dùng phương pháp này: chia làm 2 phần. 5 câu: một , 2, 3, 4, 5, phía sau thì 6, 7, 8, 9, một 0, cứ thế mà nhớ. Mà nếu còn khó thì chia làm 3 phần: 3, 3, 4. Niệm một , 2, 3 rồi 4, 5, 6, rồi 7, 8, 9, một 0. Đếm như vậy thì hết sức rõ và tạp niệm không xen vào được. Hồ Tiểu Lâm dùng cách này niệm suốt 4 tháng, hết sức hiệu quả. Trước kia ông niệm luôn bị tạp niệm, giờ tạp niệm chẳng còn. Nhiếp tâm được thật rồi, mừng quá! Hồ Cư Sĩ học theo. Niệm được 2, 3 ngày bèn bảo tôi: có hiệu quả thật. Trước kia cô ấy cũng bị đau đầu do suy nghĩ vọng niệm quá nhiều nên không bao giờ niệm tốt được. Giờ dùng phương pháp này thì ổn rồi. Đây là cách của Ấn Quang Đại Sư và ngài cũng đã thi hiện cho ta thấy. Hiện nay ta nghiệp chướng nặng nề, vọng niệm nhiều, sức dự hoặc của hoàn cảnh xung quanh quá lớn. Chắc chỉ còn phương pháp này hữu hiệu, những cách khác đều khó. Mọi người cứ thử xem sao. CD của

Hồ Tiểu Lâm được Giáo Dục Phật Đà Hiệp Hội Hồng Kông phát hành. Đây là ức Phật, niệm Phật.

Bên dưới: “quy y giả, vị thân tâm quy hướng, y chỉ bất xả”. Quy là quay đầu lại, y là nương tựa. Những người trên tuổi trung niên đều cảm nhận sâu sắc. Đòi người ngấn ngủ, biết nương tựa vào ai? Dựa vào ai cũng không ổn, dựa vào chính mình lại càng không được. Chính mình chẳng có lòng tin. Đức Thế Tôn bảo ta chỉ có cách duy nhất là nương tựa Phật. Đức Thế Tôn bảo ta nương tựa Phật là nương tựa vào tự tánh Phật. Điều này nói ra rất trừu tượng. Tự tánh Phật ở đâu? Phàm dưới đây có giải thích tường tận. Chúng ta không đạt được cảnh giới này thì ta nương tựa Phật A Di Đà. Đây cũng là điều Phật Thích Ca Mâu Ni dạy ta. Niệm niệm quy hướng A Di Đà Phật.

Cả đời tôi chỉ có một phương hướng, một mục tiêu. Một phương hướng là thế giới tây phương Cực Lạc, một mục tiêu là thân cận Phật A Di Đà. Trước khi đến được đó thì Kinh Vô Lượng Thọ chính là Phật A Di Đà. Đọc tụng Kinh Vô Lượng Thọ chính là thân cận Phật A Di Đà. Niệm Phật phải nhiếp tâm, đọc kinh cũng phải nhiếp tâm. Nếu quý vị không chuyên tâm thì khi đọc kinh cũng sẽ có tạp niệm. Căn tánh chúng sanh chẳng giống nhau, chúng ta nhiếp tâm khi đọc kinh dễ hơn khi niệm Phật. Niệm Phật thì chỉ một câu danh hiệu Phật nên tạp niệm dễ xen vào quá nhiều. Nhưng khi đọc kinh dễ tạp niệm thì sẽ đọc sai nên nhất định phải chuyên tâm. Dùng cách đọc kinh theo tôi rất tiện dụng, nhất là với những người tri thức.

Năm xưa Đức Thế Tôn khi còn tại thế rõ ràng độ chúng sinh là thành phần trí thức. 49 năm giảng kinh nói pháp, ngài không xây một niệm Phật đường để mọi người cùng tu một chỗ, cũng chẳng tạo một thiền đường để tất cả cùng ngồi tham thiền. Chỉ có giảng đường. Cho nên thân tâm quy hướng, nương vào đó không buông. Chúng ta nương tựa Phật A Di Đà thì rất ổn.

“Cung dưỡng giả Huyền tán viết: tiến tài hành dĩ vi cung, hữu sở nhiếp tư vi dưỡng”. Ở đây tách 2 chữ cung dưỡng ra giải thích. Hành vi tiến tài là cung, cung cấp. “Hữu sở nhiếp tư”. Tư này là tư dưỡng, nhiếp thọ, tư dưỡng là ý nuôi dưỡng. “Sở ngôn tài hành, chỉ nhị chủng cung dưỡng”. Tài là: “tài cung dưỡng”, ý chỉ hương hoa, đồ ăn thức uống, thuốc men, tài vật, đầu mắt não tủy, đất đai, sông núi các loại v...v... Chúng ta nói về cúng dường vật chất. Cúng dường tinh thần được bao gồm trong tài cung dưỡng. Thứ hai là “pháp cung dưỡng”. Pháp

là tu hành. “Nhu thuyết tu hành, dĩ vi cung đường”. Tu hành cung đường rất quan trọng. Phật mong ta thành Phật. Mà không tu thì sao thành Phật được? Nhất định phải hiểu rõ ý nghĩa của hai chữ tu hành. Hiện giờ rất nhiều người ngộ nhận nghĩa của từ tu hành. Tu là tu chính, hành là hành vi. Hành vi có sai sót sửa lại cho đúng thì gọi là tu hành. Có rất nhiều hành vi. Trong kinh Phật chia ra làm 3 loại lớn. một là động tác của thân, tạo tác của thân. Đây gọi là hành vi của thân nghiệp. 2 là ngôn ngữ, hành vi của khẩu nghiệp. 3 là khởi tâm động niệm, hành vi được gọi là ý nghiệp, bao gồm phân biệt chấp trước. Lỡ phạm sai lầm, vội sửa lỗi thì gọi là tu hành. Cho nên tu hành là tu chỉnh hành vi hoặc là sửa chữa sai lầm. Có phải là đi đọc kinh, bái sám? Không phải thế. Đây là hình thức. Nhưng đạo Phật trọng thực chất, không trọng hình thức. Những lời khai thị quan trọng này cần phải được nhớ kỹ. Trong ba loại hành vi thì quan trọng nhất là ý nghiệp, chính là khởi tâm động niệm. Tư tưởng thuần chánh. Ngôn ngữ hành vi của quý vị lẽ nào bất chánh? Cho nên tu hành thật sự thì tư tưởng được xếp hàng đầu. Khiến chúng ta nhớ đến Phật Thích Ca Mâu Ni vì sao giảng kinh nói pháp suốt 49 năm? Để giúp chúng ta có tư tưởng chính xác, có quan điểm đúng đắn. Điều này vô cùng quan trọng. Kinh luận 1 tiêu chuẩn, tinh luật luận 3 tạng là để tu sửa thân khẩu ý. Giới cấm là tiêu chuẩn để tu sửa thân. Kinh điển là tiêu chuẩn để tu sửa tâm. Kinh luận chính là tiêu chuẩn sửa ý nghiệp. Giới luật là thân khẩu, kinh luận là ý nghiệp, khởi tâm động niệm phân biệt chấp trước lấy đó làm tiêu chuẩn. Thường đọc thông tam tạng kinh điển thì ta có thể nắm bắt được tiêu chuẩn chính xác, sau đó giữ kỹ và nhất quyết không vi phạm. Giờ học Phật rất khó. Vì sao lại thế? Do không chú trọng tiêu chuẩn này. Cho rằng tiêu chuẩn này của thời xưa đã lỗi thời, không phù hợp với thời buổi khoa học hiện đại. Người thời nay đem khoa học ra làm tiêu chuẩn, không dùng đến kinh luận. Tiêu chuẩn khoa học thì rất hiện thực: làm những gì có lợi cho mình, điều gì không lợi cho tôi thì tôi chẳng làm, chỉ biết chính mình, không bận tâm người khác. Tiêu chuẩn đó sai rồi vì khi làm sai tự mình không hay biết. Mình không hay biết chẳng sao nhưng nhân quả biết. Nhân quả không tha ai bao giờ. Nếu chúng ta không cẩn trọng xem xét kỹ, quán chiếu tỉ mỉ. Ác nhân do quý vị tạo tác ra dù cố ý hay vô ý đều phải thọ quả báo! Quả báo đã hiện tiền thì làm sao? Cho nên người ta ở đời, được thân người rồi, đại sự lớn lao nhất, nói thật chính là tu sửa tư tưởng hành vi của chính mình. Trong đời phải tu sửa sám hối sai lầm của quá khứ, vô lượng đời đời kiếp kiếp đã qua. Phải sám hối tu sửa hết tất cả những lỗi lầm đó. Đây đúng là công việc vĩ đại nhất của đời người, bằng không thì kiếp này uổng phí.

Chúng ta thử nghĩ xem thế giới hiện giờ có khoảng 6 tỷ rưỡi đến 7 tỷ người, liệu được mấy ai nghĩ đến việc này? Liệu mấy người gặp được duyên tốt thế trong đời? Nếu quý vị cẩn trọng quan sát điểm này, sẽ thấy là mình may mắn biết bao. Mới biết đời này hiếm có chùng nào. Trong Khai Kinh Kệ có nói “bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ” là thật đó, không hề giả ddaau. Bành Tế Thanh cư sĩ thì bảo đây là ngày hy hữu khó gặp trong vô lượng kiếp đã qua. Chúng ta đã gặp được rồi sao có thể không trân trọng? Sao còn không nghiêm túc tu hành. Điều chúng ta đã gặp quá khó xảy ra. Viên mãn thành tựu chỉ trong một đời thì còn gì quan trọng hơn việc này nữa chứ? Không hề có. Sự việc trong thế xuất thế gian khi so với niệm Phật vãng sanh thì chỉ là mấy lông hạt bụi, đều nên buông bỏ hết. Những lời Phật giảng trong kinh chúng ta tin sâu sắc không nghi ngờ.

Kinh Lăng Nghiêm bảo ta tham lam chiêu cảm thủy tai, tâm tham là nước, sân hận là lửa, núi lửa phun trào, nhiệt độ trái đất nóng lên. Vì sao thế? Do tính khí nóng nảy. Ngu si là phong tai, bão, songs thần, gió lốc hết sức đáng sợ. Ngạo mạn là động đất. Ngu si càng đáng sợ hơn, ngu si chiêu cảm đất đai lơi ra, không còn dính chắc nữa. Cho nên núi mới lở, đất chuồi xuống biển. Vì nguyên nhân gì? Do nghi hoặc. Tín tâm kiên định chẳng hề có chút nghi hoặc thì mặt đất kiên cố vững vàng. Hiện nay xảy ra rất nhiều thiên tai xưa nay chưa từng có. Cho nên chúng ta thử nhớ đến lời Phật luôn nói trong kinh: tham sân si mạn nghi đem đến những tai họa trước mắt ta. Huống chi mỗi ngày chúng ta lại càng tạo thêm nghiệp: sát, đạo, dâm, vọng. Vậy thì làm sao ổn? Ngũ nghịch thập ác đủ hết. Những lời giáo huấn của Phật Bồ Tát, của Thánh Hiền thì không biết đến, lại còn nghi ngờ. Hiện giờ quá quá khó.

Liệu có thể tránh được thiên tai? Theo kinh Phật giảng thì có thể. Vấn đề là quý vị chịu tin hay không? Quý vị có chịu từ bỏ giết chóc, trộm cắp, dâm dục, dối trá? Buông bỏ tham sân si mạn nghi? Chính mình được độ rồi thì thế giới sẽ thoát nạn. Nếu không tin thì đâu còn cách nào, không tìm ra cách nào khác cả.

Chúng tôi học kinh giáo Đại Thừa 60 năm, càng học niềm tin càng vững, càng học càng hoan hỉ, càng hiểu rõ đạo lý, càng hiểu biết, càng tin sâu sắc không nghi ngờ. Hơn nữa khoa học hiện nay đã chứng minh giúp ta. Chứng minh những gì Phật nói đều chính xác. Tương ứng với những gì khoa học phát hiện. Tăng trưởng tín tâm của chúng ta và cũng mạnh mẽ thêm phát nguyện cầu sanh về tịnh đdooj của ta. Chẳng còn nghi ngờ gì nữa, đã buông bỏ hoàn toàn, chẳng còn lưu luyến thế gian này.

Chúng ta xem pháp cung đường dưới đây. “Di Đà Sơ Sao viết”- Thanh Lương đại sư thời cao tề nam bắc triều- “Đại Hành hòa thượng, tôn sùng niệm Phật, dĩ tứ tự giáo chiêu, vị tín ức nhị tư, bất li u tâm, xưng kính nhị tư, bất li u khẩu”. Bốn chữ này quan trọng, phải tin, phải tưởng, luôn luôn tưởng đến Phật. Tưởng nhớ lời nguyện của Phật, nghĩ đến hạnh của Phật, nghĩ đến lòng từ bi của Phật, nghĩ đến ơn đức của Phật đã xây dựng một đạo tràng tốt đẹp như thế, giúp chúng ta ở nơi đó chỉ một đời là được thành tựu. Ôn đức này quá lớn lao! Làm cách nào báo đáp? Chúng ta ở nơi đó thành Phật chính là đền đáp, chính là đã trả được ơn Phật, đã làm tròn nguyện vọng của ngài. Xưng, xưng là niệm, xưng niệm. Kính là cung kính, bất li u khẩu. Bốn chữ này chính là “ức niệm thọ trì, quy y cúng dường chi chỉ” trong bốn kinh. Giờ học Phật khó nhất do không làm được bốn chữ này. Tin thì vẫn tin danh văn lợi dưỡng. Tin những lợi lạc có được trước mắt, người ta tin vào điều này mà không nhìn thấy thế giới Cực Lạc, không thấy những cái tốt đẹp trong kinh nói về thế giới Cực Lạc. Cứ như đây là những chuyện quá khứ đã qua, không hiện thực. Quý vị bảo là chuyện tương lai, tương lai ai nhìn thấy? Ưc Phật niệm Phật, nhưng không phải là chân tâm. Người ta nghĩ đến chỉ là danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần trước mắt. Điều này chẳng rời xa tâm. Tự tư tự lợi chẳng lìa khỏi miệng. Thật đó, khởi tâm động niệm, mở miệng là nghĩ ngay có lợi gì cho tôi? Lợi lộc của tôi ở đâu? Thậm chí còn khởi tâm động niệm hại người lợi mình. Đây là đặc trưng của văn hóa xã hội ngày nay.

Cổ nhân xưa dạy quên mình vì người, xã hội hiện nay dạy trẻ con từ bé đã biết lợi mình hại người. Cho nên xã hội hiện nay rất khó quay đầu lại. Nếu con người không sự tỉnh ý thức, không biết quay lại thì chẳng có phương pháp nào cứu được xã hội, thoát được tai họa này.

“Sơ sao viết: Vãng sinh tịnh đạo, yếu tu hữu tín, thiên tín tức thiên sinh, vạn tín tức vạn sinh. Tín Phật danh tư, Chư Phật tức cứu, Chư Phật tức hộ”. Nhưng mà tin thế này rất khó. Người niệm Phật rất đông, người tin Phật không nhiều, tin tưởng rồi thì sẽ dốc sức tu hành. Nếu không dốc sức tu hành là chẳng hề tin. Người xưa bảo: miệng niệm Di Đà tâm tán loạn, đọc vỡ cuống họng chỉ uổng công. Người ta không tin, lòng tin thật chẳng dễ có. Vì sao lại không tin? Vì không hiểu chân tướng của sự thật. Khi đã rõ chân tướng sự thật thì niềm tin mới sinh khởi. Điều này cho thấy Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh, nói pháp cho chúng ta suốt 49 năm với mục đích gì? Mục đích thứ nhất là giúp chúng ta dứt hết nghi ngờ, sinh lòng tin. Chỉ có giúp người ta hiểu được chân tướng sự thật

thì lòng tin mới có thể phát sinh. Có niềm tin thì quý vị mới phát nguyện, mới thật lòng muốn học hỏi giáo lý Phật, mới mong trở thành Bồ Tát, thành Phật, mới chịu buông bỏ duyên trần. Bằng không thì tham luyến duyên đời, đuối bắt duyên trần, chẳng thể nào buông bỏ được. Vậy là sai lầm.

Thiện Đạo đại sư đã nói “vạn người tu vạn người về”. Thiện Đạo đại sư là Phật A Di Đà tái sinh nên lời này không thể sai được. 50 năm trước, thầy Lý thường bảo với chúng tôi, ông đưa liên xã Đài Trung ra làm ví dụ. Liên Hữu ở Đài Trung mười ngàn người niệm Phật, thật được vãng sanh chỉ 3 đến 5 người thôi. Đây là lời ông hay nói. Vì nguyên nhân gì? Quý vị có thể cho rằng họ không tin chăng? Họ cũng nhiều năm nghe kinh, cũng giỏi nói đạo nhưng không buông bỏ được duyên trần. Cho nên không thể vãng sanh.

Tin ở chỗ này là tín giải hành chứng. Ở đây nhắc đến một chữ: một tức là nhiều, nhiều tức là một. Trong niềm tin có giải, có hành, có chứng thì đương nhiên người này được vãng sanh. Nếu quý vị chẳng tin, giải hành chứng cũng không có thì chẳng thể vãng sanh. Thật có niềm tin, có hiểu biết thật sự về kinh Vô Lượng Thọ, Phật A Di Đà hoặc là Kinh A Di Đà cũng được. Thật sự buông bỏ, thật tâm phát nguyện cầu vãng sanh. “Chư Phật tức cứu, chư Phật tức hộ”. Chư Phật này là ai? Chính là Phật A Di Đà. Trong kinh điển đại thừa thường dùng chư Phật để biểu thị cho Phật A Di Đà. Phật A Di Đà được chư Phật cùng tán thán, cùng khen ngợi: quang trung cực tôn, Phật trung chi vương. “Tâm thường ức Phật”. Thường thường nghĩ đến Phật. “Khẩu thường xưng Phật”. Thường thường niệm Phật, tốt nhất là chớ gián đoạn. Những việc không cần suy nghĩ thì miệng luôn có thể niệm Phật, nếu như dính dáng đến suy nghĩ thì quý vị bỏ danh hiệu Phật ra, tập trung đi xử lý việc của mình. Xử lý xong thì lại đem danh hiệu Phật trở lại. Đây đều gọi là tịnh niệm tương tục. “Thân thường kính Phật” là thâm tín. Chỗ này chúng ta phải nhìn vào sâu hơn. Phật bảo chúng ta tất cả chúng sinh vốn là Phật. Ta là Phật gì? Cho quý vị biết ta đều là Phật A Di Đà. Ta nhìn thấy bất kỳ ai thì đều chấp tay cung kính “A Di Đà Phật”. A Di Phật này là nói người đó, anh ta là Phật A Di Đà, không phải giả đâu, bạn cũng là Phật A Di Đà, tôi cũng là Phật A Di Đà. Tất cả đều là hóa thân của Phật A Di Đà. Biến pháp giới hư không giới, hoa cỏ cây cối, sơn hà đại địa, chẳng có thứ gì không là Phật A Di Đà. Mỗi một hạt cát bụi cũng là Phật A Di Đà, thì tấm lòng cung kính của ta mới viên mãn, mới xứng tánh. Sao quý vị lại không thành Phật được? Sao quý vị lại chẳng thể vãng sanh?

Đâu có lý này được! Nhận định đây là Phật A Di Đà, kia không phải Phật là vẫn còn phân biệt, vẫn còn chấp trước. Ai cũng thế cả!

Đoạn trước chúng ta đã học vương tử A ĐỒ nghe lời giới thiệu của Thế Tôn, giới thiệu Phật A Di Đà ở thế giới Cực Lạc. Khi nghe họ hết sức cảm động, trong lòng đều phát nguyện tuy miệng không nói ra, đều muốn niệm Phật cầu sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc, được thân cận đức Phật A Di Đà, được thành Phật như Phật A Di Đà ở thế giới tây phương. Trong taam họ vừa khởi niệm thì Phật Thích Ca Mâu Ni liền biết, và đã thọ kí, ấn chứng cho họ. Tâm nguyện này tốt, nhất định sẽ đạt được. Phật tâm thanh tịnh. Phật tâm bình đẳng. Phật tâm giác chứ không mê. Nhớ lời Pháp Tạng tỳ kheo nói ở nhân địa: “Nhất thiết giai thành Phật”. Đây là Phật tâm. Cho nên chúng ta cung kính với tất cả chúng sanh cũng y như cung kính với Phật A Di Đà vậy, chẳng được có sai biệt, với kẻ ác cũng phải cung kính như thế. Kẻ ác tuy làm ác, tương lai phải chịu quả báo, tuy bị đọa vào địa ngục A Tỳ, tương lai sau khi rời khỏi địa ngục mà biết tu hành, vẫn sẽ thành Phật. Kẻ có tội nghiệp nặng đến đâu cũng chớ xem thường, vì chúng ta biết chỉ do họ mê mờ nhất thời. Vốn người đó là Phật, tạm thời đang mê mờ nên mới ra nông nổi đó. Chúng ta muốn cứu xã hội, cứu trái đất này, nhất định phải chuyển biến từ từ trong ổn định. Không thể để động loạn, không thể làm tổn hại chúng sinh. Quá độ trong bình ổn là đúng đắn, là tốt nhất. Đây là gì? Dạy. Dùng giáo dục để giải quyết vấn đề. Trước kia chúng tôi đã làm thử nghiệm ba năm ở Thang Tri và đã thành công. Con người cũ thể dạy được. Phật cũng được nhờ giáo dục, Bồ Tát cũng do được dạy mà thành. Thánh hiền cũng được dạy mà trở thành thánh hiền. Kẻ tội ác đầy đầy cũng do bị dạy làm ác. Tất cả ở cách dạy.

Tất cả đều rõ vấn đề xã hội hiện nay, xã hội ngày nay dạy những gì? Giáo dục lớn nhất của xã hội hiện nay là gì? Ảnh hưởng sâu rộng nhất của giáo dục hiện nay là gì? Ti vi, mạng. Chẳng có nền giáo dục của một quốc gia nào bằng được nó. Nó dạy gì? Nó dạy sát đạo dâm vọng. Những câu chuyện bạo lực và tình dục nhan nhản. Cho nên bây giờ cả thế giới đều biết. Tình thế trở nên nghiêm trọng. Nói đến đây lại nhớ lời Phương Đông Mỹ tiên sinh từng nói với những quan chức ở bộ giáo dục khi họ đến phỏng vấn ông. Ở Đại Lục khi đó đang có cuộc đại cách mạng văn hóa, phá tứ cựu. Chính phủ Đài Loan thì đang hành động phục hưng văn hóa. Đưa ra khẩu hiệu này, không làm. Hôm ba quan chức ở bộ giáo dục phỏng vấn thầy Phương tôi cũng có mặt. Họ hỏi thầy dùng cách gì? Thầy Phương bảo ngừng xuất bản sách báo tạp chí ở Đài Loan, ngừng phát hết các kênh truyền

hình. Các quan chức đều sững sờ kêu lên: không được, không làm thế được! Thầy nói những thứ này đang hàng ngày phá hoại truyền thống văn hóa. Hễ còn nó thì không thể nào phục hưng được. Đây là sự thật, không hề giả trá. Sức tổn hại này quá lớn, nên động loạn của xã hội hiện nay, tai họa của trái đất hiện nay có nguyên nhân thật sự ở đây.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 386

Chuyển ngữ: Minh Tuệ

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 28 tháng 4 năm 2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giảng, trang 478, hàng thứ hai, bắt đầu từ câu cuối cùng, xem từ hai chữ sau cùng.

Sớ sao nói rằng: “Vãng sanh tịnh độ, cần có lòng tin, nghìn người tin có nghìn người vãng sanh, vạn người tin có vạn người vãng sanh, tin danh hiệu Phật, chư Phật đến cứu, chư Phật hộ trì, tâm luôn nhớ Phật, miệng thường niệm Phật, thân thường kính Phật, mới gọi tin sâu, tùy ý sớm hôm, cuối cùng không còn ở cõi Diêm phù đề, chỉ có phát lòng tin là thiết yếu nhất.”

Trong Di Đà Kinh Sớ Sao, những lời này của đại sư Liên trì rất quan trọng, có thể nói hoàn toàn tương đồng với bản kinh Vô Lượng Thọ đang nói đây. Niệm Phật, thật sự cầu sanh Tịnh độ, dứt khoát phải có niềm tin vững chắc, có niềm tin như vậy rất khó, thực tế không dễ dàng chút nào. Muốn có lòng tin này, phải là một người có phước báo lớn nhất thế gian, vì sao vậy? Vì trong đời này quý vị đã làm Phật. Nói chuyện làm Phật, pháp thế gian hay xuất thế gian đâu có bảo dễ? Đến đỉnh điểm đây. Phật là bậc đầy đủ phước huệ, khi ta tụng bài Tam qui: “Qui y

Phật, nhị túc tôn”, thứ nhất là trí tuệ đầy đủ, thứ hai là phước báo đầy đủ, bậc đầy đủ phước và huệ, túc ở đây là đầy đủ, có nghĩa tròn đầy. Nếu không phải là bậc đại trí tuệ, đại phước đức, họ sẽ không tin. Thực sự tin tưởng, quý vị thử xem những người nông dân vất vả ở nông thôn, có khi mù chữ, nhưng họ có niềm tin vững chắc, quý vị nói là họ tin, họ thành thật niệm, cuối cùng khi quý vị thấy họ vãng sanh được tự tại, được thông dong, đi làm Phật, chúng ta không thể coi thường họ. Đó là những người có phước báo, có trí tuệ lớn nhất thế gian, nên pháp này gọi là pháp khó tin.

Ai là những người khó tin, là phần tử trí thức. Hàng thượng trí hạ ngu đều dễ dàng, hàng thượng trí chỉ nghe là họ hiểu và tin ngay. Hàng hạ ngu như bà lão chẳng hạn, bà không hiểu một thứ gì nhưng trong quá khứ bà đã có thiện căn phước đức, khi gặp nhân duyên, quý vị nói với họ, họ tin ngay. Người thợ hàn mù chữ, nhưng anh ta tin, anh ta kiên trì niệm trong ba năm liền được vãng sanh, đứng vãng sanh. Khi vãng sanh còn đứng ba ngày chờ hòa thượng đến lo hậu sự cho.

Việc vãng sanh của Pháp sư Tu Vô ở chùa Cực lạc, ngài xuất thân từ một người thợ hồ mù chữ, khi vãng sanh rất thông dong. Chùa Cực lạc vừa mới làm xong, pháp sư Đàm Hư là người có nhân duyên rất sâu sắc với Hongkong, những năm cuối đời ngài thường đến Hongkong. Như pháp sư Sướng Hoài, Đại Quang, đều là học trò của ngài, khi chùa vừa xây xong, ngài làm trụ trì, pháp sư Định Tây làm tri sự. Khi đạo tràng đã lập xong, việc đầu tiên ngài muốn thực hiện là mở giới đàn, thỉnh Lão hoà thượng Đế Nhân làm hoà thượng đắc giới, tất nhiên việc mở giới đàn cần rất nhiều người góp sức, sư Tu Vô là người ngoài đến, thầy phát tâm làm công quả tại đạo tràng, thầy được cắt cử làm người coi sóc bệnh nhân. Lúc đó giới đàn kéo dài ba tháng, trong ba tháng đó, một số người khó tránh khỏi ốm đau lặt vặt, cần có người săn sóc, thầy bèn phát nguyện đảm đương công việc đó, làm rất chăm chỉ. Song không bao lâu, thầy thưa với hoà thượng xin nghỉ, thầy muốn ra đi. Pháp sư Đàm Hư là một người rất đức độ, việc đi hay ở của người xuất gia là tự do, không có ý kiến gì. Nhưng pháp sư Tây Định không có định tâm như lão hoà thượng, bèn trách cứ thầy: Thầy là người xuất gia mà không kiên nhẫn, giới đàn chỉ chín mươi ngày, sao thầy lại bỏ đi? Thầy Vô Tu trả lời: Tôi không phải đến nơi khác, mà tôi đến thế giới Cực lạc. Hai vị hoà thượng vừa nghe, hoảng hốt: Đến thế giới Cực lạc, lúc nào đi? Không quá mười ngày. Nói rồi thỉnh những vị thường trú tăng chuẩn bị cho thầy hai trăm cân củi để làm lễ trà tì.

Đến hôm sau thầy lại đến tìm hoà thượng, bạch hoà thượng: Ngày mai con sẽ đi. Mọi người lại gấp rút giúp sư lo hậu sự. Quả thực đến hôm đó sư đi thật, mấy người niệm Phật giúp sư vãng sanh, những người niệm Phật thấy sư rất tự tại, vẫn cứ ngồi trên giường, họ thưa: Bạch thầy, thầy đến thế giới Cực lạc, xin để lại cho chúng con bài thơ hay vài câu kệ làm kỉ niệm. Sư nói với mọi người: Cả đời tôi vất vả, xuất gia cực khổ lắm, toàn làm việc nặng nhọc mà lại mù chữ, không biết làm thơ, không biết viết kệ, sau cùng tôi chỉ nói một câu rất chân thành với tất cả mọi người để quý vị làm kỉ niệm. Thầy đã nói gì? “Nói được mà không làm, đó không phải là chân trí huệ”. Chỉ để lại một câu như thế để mọi người làm kỉ niệm. Ngày giới đàn khai giới, pháp sư Đế Nhân cũng có mặt, thấy thầy như thế, ngài hoan hỉ lắm, khen: Đây mới là tấm gương sáng nhất của người xuất gia, trong sáng như thế, tự tại như thế, cả đời không biết một thứ gì ngoài một câu A Di Đà Phật, kinh cũng không tụng, chỉ một câu A Di Đà Phật. Sau khi xuất gia, ở trong chùa, việc người khác không chịu làm sư vẫn làm, đó là tu khổ hạnh.

Chúng ta thấy, giống như những người này, bình thường cho đó là người hạ hạ căn, nhưng họ có niềm tin, rất muốn đi, cuối cùng việc đi của họ thành công. “Ngàn người tin ngàn người vãng sanh, vạn người tin vạn người vãng sanh”, những người không tin thì không còn cách nào. Không tin là gì? Không muốn đi.

Quý vị xem thử từ giai đoạn Dân quốc đến nay, biết bao người làm tấm gương tốt như thế để chúng ta soi, từ trong nước ra nước ngoài đều thấy, không phải giả, việc này là có thật.

Bộ sách này, đặc biệt là hội tập của Hạ Liên Lão, Hoàng Niệm Lão chú giải, chú thích rất rõ ràng. Chúng ta nên biết ơn hai vị ấy, đặc biệt là lần học chú giải này, chia sẻ với tất cả mọi người, trong đây nói một cách rất ráo thế giới Cực lạc. Trong quốc độ của chư Phật mười phương, không có một cõi nước nào như thế giới Cực lạc, đây là một môi trường học tập tốt nhất, đạo tràng này do Phật A di đà kiến lập, rất khó khăn. Phật A di đà khi còn ở nhân địa, xuất gia tu hành là từ kheo Pháp Tạng, đã phát bốn mươi tám lời nguyện, tu hành năm kiếp, một thời gian dài như thế, mỗi lời nguyện đều được thực hiện. Cho nên thế giới Cực lạc được thành tựu, tất nhiên nhân là tự tánh vốn đã đầy đủ, đức hạnh, đức năng, nhưng duyên, duyên là bốn nguyện Phật A di đà cùng với công đức tu hành của ngài. Vì vậy tất cả mọi thứ ở thế giới Cực lạc, đều không phải do con người xây dựng nên, nơi đó không phải do con người thiết kế, không có người kiến tạo mà tự nhiên thành tựu. Những việc như thế, bây giờ chúng ta có thể hiểu được. Trong

kinh đức Phật thường nói: “Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh”. Những thứ đó do tâm tạo nên, tâm tưởng có sức đến như thế không? Có. Chúng ta cũng có tâm tưởng nhưng chúng ta không biến ra được. Vì sao vậy? Vì tâm chúng ta tán loạn, năng lực tưởng của chúng ta không tập trung, nhưng năng lực của ngài lại tập trung.

Giống như ánh sáng, quý vị thấy sức mạnh của ánh sáng rất lớn. Ngày nay khi chúng ta bật đèn, ánh sáng chiếu khắp nơi, nhưng cách một tờ giấy thì ánh sáng đó không thể xuyên thấu, nhưng nếu dồn ánh sáng lại thành luồng sáng thì nó có thể đâm xuyên một tấm thép, quý vị nghĩ ánh sáng đó mạnh đến nhường nào, đó gọi là tia laser. Không để nó phát tán xung quanh, dồn nó lại một nơi, một hướng thì sức mạnh của nó rất lớn! Vì thế đức Phật dạy: “ché tâm nhất xứ, vô sự bất biện”. Nếu chúng ta có thể giữ tâm lại một chỗ thì ta có thể cắt đứt phiền não, không chỉ cắt đứt kiến tư phiền não, trần sa phiền não, mà vô minh phiền não cũng cắt đứt được. Thiền định dựa trên nguyên lý nào? Đưa tâm về một chỗ, giữ nó lại một chỗ. Việc này nói thì dễ nhưng rất khó khi thực hiện.

Ngày nay chúng ta niệm Phật nhưng không thể nhiếp tâm, phương pháp niệm Phật, trong cuốn Viên Thông Chương, Bồ tát Đại Thế Chí đã nói rất rõ: “đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục”, ngày nay chúng ta niệm Phật vẫn còn rất nhiều tạp niệm, nhiều vọng tưởng, đây là do tâm tán loạn, niềm tin của ta chưa vững chắc, nên sức niệm của ta chưa đủ lực. Nếu nhiếp tâm được, tức là tâm không chạy theo ngoại cảnh, chỉ tập trung vào một câu danh hiệu A Di Đà Phật, ngoài câu A Di Đà Phật không còn nhớ nghĩ gì khác. Được thế thì sức mạnh của nó rất lớn, sức mạnh này có thể diệt phiền não ngay bây giờ, thậm chí cắt đứt mọi tập khí.

Thiền sư Trung Phong, đời nhà Nguyên, tác giả cuốn Tam thời hệ niệm Pháp sự, đã có hai câu khai thị rất hay: “Tâm ta là Phật A di đà, Phật A di đà là tâm ta. Đây là Tịnh độ, Tịnh độ là đây”. Khi chuyên chánh báo thì y báo cũng chuyên theo, y chánh không hai. Điều hiếm thấy, thù thắng trong tông Tịnh độ. Tịnh tông được sự khen ngợi của tất cả chư Phật là bởi phương pháp quá tuyệt vời, chỉ cần ta nhiếp tâm là có thể thu nhiếp được sáu căn. Nhiếp tâm là nhất niệm, chỉ một phương hướng, một mục tiêu thì có thể thành Phật. Đến thế giới Cực lạc là đi làm Phật, vì vậy ngàn người tin tưởng thì có ngàn người vãng sanh, vạn người tin tưởng thì có vạn người vãng sanh. Tin danh hiệu Phật tức là tin Phật A di đà, điều này cực kỳ quan trọng. Vậy tại sao mọi người không tin? Không biết thế giới Cực lạc ở đâu, hoặc biết thế giới Cực lạc nhưng nhận thức không đầy đủ. Vẫn còn tham luyến cõi đời này, vẫn chưa buông bỏ được.

Chư Phật Bồ tát ứng hoá tại thế gian để làm gương cho chúng ta, đó là một công việc cần làm, cần giúp đỡ tất cả chúng sanh. Nhưng các ngài tùy duyên diệu dụng, tùy duyên đó là hằng thuận chúng sanh, tùy hỉ công đức, diệu dụng là không chấp trước hình tướng, không có sự nhiễm ô, tâm địa thanh tịnh, không hề bị sự quấy nhiễu, đây gọi là diệu dụng. Hiểu rõ nhân quả, tánh tướng, lí sự vạn pháp của vũ trụ. Độ chúng sanh có ý niệm độ chúng sanh hay không? Không, thực sự là không. Phật Thích Ca Mâu Ni xuất hiện ở thế gian này, ngài có khởi tâm động niệm không? Không. Bốn mươi chín năm thuyết pháp giảng kinh có động niệm không? Không, hoàn toàn không khởi tâm, không động niệm, đó gọi là diệu. Vì sao ngài có thể hiện thân? Sao có thể thuyết pháp? Tự nhiên. Chúng sanh có cảm, chúng sanh động tâm là có cảm, chư Phật Bồ tát ứng, nhưng khi ứng lại không khởi tâm, không động niệm. Ứng là thế nào? Ứng là đáp ứng, giống như khi ta đánh trống, vừa đánh là có tiếng vang, cái trống không có sự tính toán, tôi làm sao ứng với các bạn? Không có sự suy nghĩ. Đánh mạnh thì nó kêu to, đánh yếu thì nó kêu nhỏ, không đánh thì không kêu. Chúng ta nhớ đến Phật, mong ngài gia hộ, ngài liền đến ngay. Chúng ta khởi tâm động niệm nhưng Phật không khởi tâm động niệm. Không khởi tâm động niệm gọi là diệu giác, khởi tâm động niệm là không diệu, là phàm phu. Vì sao lại có phản ứng? Đây là bản năng tự nhiên, vì vậy khi về cõi Thường tịch quang mà vẫn phản ứng, không phải nói về cõi Thường tịch quang rồi thì không có phản ứng, không phải như thế. Cõi thật báo vẫn còn hình tướng, sắc tướng nhưng không khởi tâm động niệm. Vì sao có hình tướng, không khởi tâm động niệm liệu có sắc tướng không? Vì họ chưa cắt đứt tập khí vô thi vô minh, tập khí biến thành cõi thật báo, hay còn gọi là cõi pháp tánh, thân pháp tánh. Những người sống trong cõi đó chắc chắn không còn phân biệt, chấp trước, không những không còn phân biệt chấp trước mà khởi tâm động niệm cũng không còn. Nếu tập khí vô thi vô minh đã được cắt hết thì cảnh giới đó cũng không còn, đúng như câu “phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng”, trong bao gồm cả cõi thật báo trang nghiêm. Cuối cùng chỉ còn lại Thường tịch quang độ không sanh không diệt. Cõi Thường tịch quang không có hiện tượng nhưng ở đó cái gì cũng đầy đủ, đầy đủ tất cả.

Như trong kinh Hoa nghiêm, Phật đã dạy chúng ta: Tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí tuệ của Như lai, bao gồm tất cả. Như lai ở đây là tự tánh, trong tự tánh đã đầy đủ trí tuệ, đức năng. Đức năng là năng lực, nói theo cách nói ngày nay. Chuyện gì quý vị cũng hiểu, đó là vạn đức vạn năng, tướng ở đây là tướng hảo. Y, chánh trang nghiêm đầy đủ tất cả, không khiếm khuyết thứ gì. Phật thường dạy:

“Ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm”, tất cả vạn pháp đều do tâm hiện, tất cả những sự biến hoá đều do thức vẽ ra, đó là phân biệt chấp trước. Khởi tâm động niệm phân biệt chấp trước thì biến hoá. Không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, không còn biến hoá. Vì vậy cõi Thật báo không thay đổi.

Trong Phật pháp thường nói là chân và vọng, biến hoá là vọng, không thay đổi là chân, vì thế cõi Thật báo trang nghiêm không thay đổi, chúng ta gọi đó là nhất chân pháp giới, mười pháp giới là thiên biến vạn hoá, con người sống trong mười pháp giới có phân biệt chấp trước. Người trong cõi Thật báo trang nghiêm không phân biệt, không chấp trước, không khởi tâm động niệm. Vấn đề này ta cần hiểu rõ, cần học tập. Học tập ở đâu? Trong cuộc sống sinh hoạt thường ngày, công việc, trong cách đối nhân xử thế. Học gì? Học không khởi tâm, không động niệm. Việc học Phật, rất khó, không làm nổi. Không làm nổi thì học theo Bồ tát, vì Bồ tát không phân biệt, không chấp trước, có thể học. Nếu vẫn không được, học A la hán, A la hán chỉ có một hình thức đó là không chấp trước, nhưng họ vẫn khởi tâm động niệm, vẫn phân biệt, nhưng không chấp trước. Khi học được hạnh không chấp trước thì không còn luân hồi lục đạo nữa. Quý vị có biết luân hồi sáu đường từ đâu mà có không? Do chấp trước, có chấp trước là có sáu đường. Chúng ta thường nói chấp trước tình cảm, khi hết chấp trước về tình cảm thì sáu đường không còn. Phân biệt, chấp trước không còn thì pháp giới Tứ thánh cũng hết. Tứ thánh là Tịnh độ, sáu đường là uế độ. Tứ thánh là Tịnh độ, cõi phương tiện hữu dư ở thế giới tây phương Cực lạc, tương đương với pháp giới Tứ thánh. Cõi phàm thánh đồng cư tương đương với sáu đường. Song thế giới Cực lạc chỉ có hai đường, không có sáu đường, ở đó chỉ có cõi trời và cõi người, không có ba đường ác, không có La sát, không có A tu la. Ở đó chỉ có người hiền, nhân lành, quả tốt, không có nhân ác, không có ác báo. Chúng ta hiểu rõ những vấn đề này, không những bỏ ác làm lành, tiến thêm một bước nữa là xa rời cả nhiễm và tịnh, lúc đó mới có thể đặt chân đến cõi Thật báo. Cõi Thật báo không có nhiễm tịnh, hoàn toàn không có những sự đối lập, khái niệm ta và người khác cũng không có, không có khái niệm Phật và chúng sinh, tất cả đều bình đẳng, đúng là không thể nghĩ bàn.

Niệm lão chú giải bộ kinh này, đã dẫn chứng hơn một trăm chín mươi bộ kinh, luận, nói rất sâu sắc, công đức danh hiệu không thể nghĩ bàn, phần trước đã nói nhiều, phần tiếp theo lại nói, không ngại sự trùng lặp, càng trùng lặp càng thấm

thía, đúng như người xưa thường nói: “đọc sách ngàn lần, mới thấy được nghĩa lí”. Nghĩa là thế nào? một ngàn lần thì tâm ta tự nhiên định tĩnh, khi tâm định thì chứng đắc tam muội. Đọc sách một ngàn lần quý vị sẽ giác ngộ, sẽ hiểu ra, không cần ghi nhớ nhưng ấn tượng của nó rất sâu sắc, lúc đó lên khai ngộ, chứng định khai ngộ. Một lần, hai lần, mười lần, hai mươi lần không được, không định được, không khai ngộ được. Sau khi khai ngộ rồi, tất cả đều thông đạt, những vấn đề chưa học cũng biết, vấn đề này chúng ta phải tin tưởng. Người học Phật mà không tin những vấn đề như thế này thì thật đáng tiếc.

Đức Thích Ca Mâu Ni Phật đã làm một tấm gương cho chúng ta, ngài thị hiện làm một phần tử trí thức. Ngày nay chúng ta gọi là phần tử trí thức, học giỏi, học rộng nghe nhiều, vấn đề gì cũng muốn tìm hiểu. Mười chín tuổi đã rời gia đình đi cầu học, lúc bấy giờ trình độ văn hoá đất nước Ấn độ đứng đầu thế giới, vượt qua cả Trung quốc, là một quốc gia đa tôn giáo và cũng là một quốc gia có nền triết học phát triển. Người Ấn độ, bất luận pháp thế gian hay pháp xuất thế, đều rất coi trọng thiên định, vì thế số người tu thiền rất phổ biến, số người đắc định cũng rất đông, không thể thống kê hết được. Tứ thiên bát định là của Bà la môn giáo, không có trong kinh điển Phật giáo, nhưng Phật Thích Ca Mâu Ni đã ứng dụng thành công và chứng tứ thiên bát định. Quý vị biết rõ tất cả những chuyện trong sáu đường, là vì quý vị thấy rõ, thâm nhập cảnh giới đó, bên trên là cõi trời Phi tướng phi phi tướng, bên dưới là địa ngục Vô gián, biết rõ nghiệp nhân quả báo. Cảnh giới Hiện lượng không phải lí tưởng, không phải suy đoán, mà tự mình thấy được, sờ mó được.

Song muốn hỏi tại sao lại có lục đạo? Sáu đường từ đâu mà có? Ngoài sáu cõi còn có thế giới khác nữa không? Những vấn đề như thế không ai đủ sức trả lời. Vì thế đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã vì chúng ta mà thị hiện, bỏ sự cầu học, nhập định dưới cây Tất bát la bên bờ sông Hằng, càng thâm nhập vào thiên định, những gì học được sau mười hai năm ngài liền buông bỏ, đây gọi là buông bỏ cái gì? Nói theo ngôn ngữ bây giờ là buông bỏ sở tri chướng. Mười chín tuổi xuất gia là buông bỏ phiền não chướng, hai giai đoạn. Lại thêm mười hai năm học hỏi, buông bỏ luôn sở tri chướng mới đại triệt đại ngộ. Vì sao vậy? Vì trong tự tánh không có những thứ đó, không có phiền não, không có sở tri. Bát nhã vô tri nhưng vô sở bất tri. Quý vị muốn đạt đến vô sở bất tri, thì trước phải đạt được vô tri. Vô tri rồi sau đó mới vô sở bất tri. Vô sở bất tri từ đâu mà có? Tự tánh. Quý vị thấy tánh rồi, trong tánh đức đại sư Huệ Năng đã nói: “đâu ngờ tự tánh, vốn tự

đầy đủ”, đầy đủ vô lượng trí tuệ, vô lượng đức năng, vô lượng tướng hảo, tất cả mọi thứ đều vô lượng, quý vị đều hiểu rõ.

Vì vậy người phương Đông học những thứ này, nó có hiệu quả, có thể giải quyết mọi vấn đề. Trong sáu đường, đường nào cũ vấn đề cũng có thể được giải quyết, đó là thầy của trời người, không cần học một thứ gì cả, học nhiều để làm gì? Nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu, đặc định là khai tuệ.

Người Ấn độ làm theo phương pháp đó, người Trung quốc cũng đi theo con đường này. Khi Phật giáo truyền đến Trung quốc, họ đã dùng phương pháp của người Ấn độ, nhà Nho cũng tiếp nhận, Đạo giáo cũng tiếp nhận. Vì thế, Nho, Thích, Đạo đều có những bậc đại Thánh đại Hiền xuất hiện ở thế gian, nước ngoài không có. Nước ngoài chỉ có những nhà khoa học, những nhà triết học, họ không tu định, họ không khai ngộ, những vấn đề như thế chúng ta không thể không biết. Việc tu học của chúng ta, có mục tiêu, định hướng, công đức danh hiệu đức Phật A Di Đà thực sự là không thể nghĩ bàn. Phần trước chúng ta đã nói rất nhiều, phần sau vẫn tiếp tục nói, khi rõ ràng đã thấy công đức đó là không thể nghĩ bàn, thì quý vị mới cố gắng đề niệm, mới vui vẻ niệm. Niệm một câu A Di Đà Phật thì đã nghĩ đến cả hư không biến pháp giới. “Tin danh hiệu Phật” tức là Nam mô A Di Đà Phật, hoặc chỉ A Di Đà Phật.

Khi còn tại thế, đại sư Liên Trì niệm Phật, ngài chỉ niệm bốn chữ A Di Đà Phật, có người hỏi ngài: Ngài có dạy cho người khác không? Có, dạy cho mọi người niệm Nam mô A Di Đà Phật nhưng bản thân tôi chỉ niệm A Di Đà Phật. Mọi người lại hỏi: Vì sao vậy? Ngài nói với mọi người: Tôi quyết kiếp này sẽ sanh về cõi Tịnh độ, nên tôi niệm bốn chữ, bởi vì trong kinh nói chấp trì danh hiệu, danh hiệu chỉ có bốn chữ. Hai chữ nam mô có nghĩa là qui y, cung kính, là lời khách sáo nên tôi không cần niệm hai chữ đó, tôi niệm trực tiếp luôn, trì danh, chấp trì danh hiệu. Những người không muốn sanh về cõi Tịnh độ mới niệm đủ sáu chữ. Cung kính, lễ bái Phật A Di Đà, như thế cũng tốt, quý vị sẽ có phước, vì thế thêm vào hai chữ nam mô, đó mới chỉ là chuyện được phước. Không niệm hai chữ nam mô, đúng là người muốn được vãng sanh, hoàn toàn nghe theo lời dạy của đức Phật A Di Đà. Phật A Di Đà bảo chúng ta chấp trì danh hiệu, chúng ta niệm bốn chữ đó, không sai khác. Đại đạo, càng là đại đạo, là con đường chân chính lại giản đơn, giản dị, bình thường, tuyệt không rườm rà, mới có thể thành tựu. Quý vị xem một số người chỉ niệm một câu A Di Đà Phật mà khai ngộ.

Đầu năm Dân quốc, có một vị pháp sư tôi không nhớ tên, trong một cuốn phim vẫn còn, có thể xem, hoà thượng mang nến phoi, câu chuyện này rất nhiều người biết. Vị này rất thật thà, không thông minh lắm. Mùa hè mọi người mang quần áo ra phoi, quý sư mang kinh sách ra phoi, có người nói với sư- vì thầy là người làm công việc hương đăng- thầy hương đăng, thầy quản lý việc nhang đèn, nên mang đèn cây ra phoi đi. Rốt cuộc mang ra phoi đèn cây đã cháy hết. Chiều tối, khi công phu tối thì không có nến để thắp, sư bèn đem những cây nến đã cháy đó đốt lên, thầy Duy na thấy thế vội cười chê, báo lên lão hoà thượng, lão hoà thượng bảo, được rồi cho thay người khác, không cho sư làm hương đăng nữa. Con người sư thật thà, người thật thà có phước, họ sẽ thành công. Phương trượng hiểu rất rõ sư, bèn gọi sư về chùa A Dục Vương, nơi đang tôn thờ xá lợi đức Phật Thích Ca Mâu Ni, lễ bái xá lợi, một ngày ba ngàn lạy, sau ba năm thì sư khai ngộ. Sư có thể làm thơ, sáng tác kệ, sư là người không biết chữ như đại sư Huệ Năng, nên phải nhờ người khác viết giúp, rồi mang đến hoà thượng xem, hoà thượng xem thầy sư thực sự khai ngộ. Sau khi đã khai ngộ, hoà thượng mời sư giảng kinh, mỗi lời của sư đều là đạo, vì vậy, ai là người có phước? Người thật thà, người thật thà mới dễ thành công.

“Chúng ta tin Phật A Di Đà thì chư Phật liền đến cứu”. “Chư Phật” ở đây có hai ý: Một là chư Phật là Phật A Di Đà, chư Phật được kinh Di Đà nói đến đều là Phật A di đà, trong chú giải của đại sư Ngẫu Ích nói rất rõ. Một ý khác là chư Phật trong mười phương, mười phương chư Phật không ai là không khen ngợi đức Phật A Di Đà. Phật A Di Đà là “quang trung cực tôn, Phật trung chi vương”. Đệ tử Di đà, có vị nào không được tôn trọng! Tôn trọng Phật A Di Đà, ngay đệ tử của Ngài còn được tôn trọng, vì lí do đó mà chắc chắn được chư Phật gia hộ.

“Tâm thường nhớ Phật”, luôn luôn nhớ Phật, nhớ đến bốn mươi tám lời nguyện, năm kiếp tu hành, ân đức vô lượng vô biên vô tận của Phật, kiến lập đạo tràng ở thế giới Cực lạc, giúp đỡ chúng sanh khổ nạn trong thế giới mười phương, đặc biệt là chúng sanh trong sáu đường, khiến cho chúng sanh trong sáu đường, có thể ngang bằng với Bồ tát, rốt ráo viên mãn trong đời này. Kinh Di đà nói, “chư thượng thiện nhân”. Ở thế giới Cực lạc, chư thượng thiện nhân là ai? Là Bồ tát Đẳng giác. Nói theo kiểu này, thì thế giới Cực lạc hạng người nào là nhiều nhất? Bồ tát Đẳng giác, vì “chư thượng thiện nhân ở cùng một chỗ”. Bồ tát Đẳng giác từ chỗ nào đến? Là Bồ tát đẳng giác ở thế giới mười phương, đều đến thế giới cực lạc. Bồ tát Đẳng giác là hàng thượng thượng căn, họ biết rằng họ cần gần gũi đức

Phật A Di Đà để thành Diệu giác nơi thế giới Cực lạc. Ở thế giới Cực lạc, những vị này cùng lúc có tác dụng làm gương cho những chúng sanh ở cõi dưới như Phương tiện độ, Đồng cư độ. Giống như nói làm trợ giáo cho Phật A Di Đà ở thế giới Cực lạc, khiến cho tín tâm của họ đạt đến viên mãn, đức tin viên mãn là thành Phật. Điều này quý vị không thấy ở bất kì một cõi nào khác.

“Tâm thường nhớ Phật, miệng thường niệm Phật- xưng Phật tức là niệm Phật, thân thường kính Phật”. Phần trước tôi đã nói với quý vị, chúng ta nên mở rộng lòng mình ra, vạn sự vạn vật trong tất cả thế giới hư không đều từ tự tánh biến hiện ra. Chúng ta đã học trong Hoàn Nguyên Quán, đó là chân chứ không phải giả, hiển nhất thể, đó là tự tánh thanh tịnh viên minh thể. Vấn đề này triết học gọi là bản thể, triết học chưa phát hiện, tất cả bản thể luận đều rất mơ hồ, không rõ ràng. Bản thể luận là nguồn gốc của vũ trụ vạn hữu, nó từ đâu mà có? Ít nhất phải có một nơi sinh ra nó. Kinh điển Đại thừa nói rất rõ, thể của nó là tự tánh thanh tịnh viên minh, khởi lên hai tác dụng, hai dụng liền hiện y, chánh. Y báo là vạn sự vạn vật trong thế giới hư không, chánh báo là thân thể chúng ta đây, chánh báo không chỉ người khác, mà chỉ bản thân mình. Khi chúng ta ở thế giới Cực lạc phương Tây, bản thân mình là chánh báo, Phật A di đà và tất cả các vị Bồ tát là Y báo, đó chính là môi trường sống của ta, trong môi trường sống có môi trường nhân sự, có hoàn cảnh vật chất, có môi trường tự nhiên, vì thế chánh báo chính là chúng ta. Nếu lấy thế giới tây phương Cực lạc làm chủ, thì chánh báo của thế giới Cực lạc là Phật A di đà, tất cả những người vãng sanh đến đó là Y báo của ngài. Y, chánh trang nghiêm.

Y báo và Chánh báo đều có ba loại chu biến, chúng ta không thể không biết, ba loại chu biến này ngày nay nói về khoa học, thứ nhất là chu biến pháp giới. Cảnh giới có mặt như thế nào? Các nhà khoa học ngày nay cho ta biết hiện tượng ba động, thật đúng như vậy, một niệm bất giác, đó là ba động. Vì sao ba động lại sinh ra vạn sự vạn vật? Các nhà khoa học cho rằng đó là sự khác nhau giữa tần số, tần số chậm sẽ sinh ra những vật cứng, nhanh sẽ sinh ra những thứ lỏng, nhanh hơn nữa sẽ sinh ra những chuyển động như dòng điện, ánh sáng, họ cho rằng tần số không giống nhau, toàn là do ba động. Vật chất là hiện tượng ba động, ý niệm, cũng là hiện tượng ba động, chỉ cần nó chuyển động lập tức biến khắp pháp giới, tốc độ này không cách nào so sánh được. Vì vậy tốc độ vật chất rất chậm, trong lúc đó tốc độ ánh sáng, một giây đi được ba mươi vạn Km, ánh sáng mặt trời chiếu đến quả đất cần hơn tám phút, ý niệm của ta vừa động liền chu

biến pháp giới, đây chính là tự tánh, tự tánh không có cự li, không có thời gian, không có không gian, vì vậy vừa động là chu biến pháp giới.

Vật chất, như bàn ghế đây, tất cả đều là hiện tượng ba động, ba động của nó cũng chu biến pháp giới. Vì sao vậy? Nó không phải là vật lí mà là tánh lí. Tánh là tự tánh, là tánh lí, tánh lí của tự tánh chu biến pháp giới, nó không có kích thước, không có không gian, không có thời gian, vì thế cả vũ trụ là nhất thể, chúng ta gọi là thể cộng đồng. Trên thực tế, nó không cần cộng đồng vì nó là nhất thể, cả vũ trụ là nhất thể. Khi chúng ta khởi tâm động niệm ai không biết? Chỉ bản thân mình không biết, vì tập khí phiền não ngăn che tự tánh. Phàm người nào có tâm thanh tịnh đều có thể biết, người không có tâm thanh tịnh thì không thể nhận ra. Tâm vốn là thanh tịnh bình đẳng giác, nó không thể không biết, tin tức này quan trọng hơn so với bất cứ thứ gì.

Nhận thức rõ vấn đề này rồi chúng ta mới có thể hiểu được, quả đất ngày nay đã có vấn đề, xã hội đã có vấn đề, địa cầu đã có vấn đề, chúng ta đã biết nguyên nhân tại sao. Liệu có phương pháp gì để hoá giải tai nạn này, khiến xã hội, khiến địa cầu trở lại nguyên trạng không? Có, mà lại rất dễ. Nhưng vấn đề bây giờ là ở đâu? Vấn đề ở chỗ không có niềm tin nên không có hướng giải quyết. Họ không tin cái gì? Không tin tự tánh của mình, tức là mê lầm, quên mất tự tánh. Chu Phật, Bồ tát, Đại Thánh, Đại Hiền là gì? Tức là tự tánh của quý vị, chứ không gì khác. Không có thứ gì không từ đức năng của tự tánh hiển lộ ra, từ trí tuệ của tự tánh hiển lộ ra, không gì khác. Vì thế không tin là gì? Không tin Phật đó là không tin chính bản thân mình, không tin tính giác ngộ trong con người mình, không tin Bồ tát là không tin tính bình đẳng của Bồ tát, không tin A la hán là không tin tính thanh tịnh của A la hán, tanh tịnh bình đẳng giác đều là tự tánh.

Tin Phật là gì? Phải hiểu được rằng, đầu tiên là tin chính mình. Những bậc cổ đức thường nói: “con người cần có sự sáng suốt tự biết về mình”, con người có thể tự hiểu mới là không phải người phàm. Về phương diện thế pháp anh ta mới là người quân tử, Thánh hiền. Phương diện Phật pháp, anh ta là Phật, Bồ tát, A la hán. Anh ta tự hiểu mình, tự hiểu là tự giác, vì vậy “thân thường kính Phật”, kính Phật tức là kính trọng tất cả mọi người, kính trọng trời đất vạn vật.

Sách Lễ Kí của thường nói, trong “Khúc Lễ” câu đầu tiên nói: “vô bất kính”, cung kính tất cả, vì sao vậy? Tánh đức, kính trọng bản thân mình.

Muốn thực hiện theo tất cả những câu nói này, thì phải “tùy ý sớm tối, cuối cùng không còn ở nơi cõi Diêm phù đề”. Diêm phù đề là địa cầu nơi chúng ta đang sống. Nói cách khác, quý vị có thể làm được, tùy ý, bất cứ lúc nào, quý vị sẽ không còn ở lại nơi địa cầu này, luân hồi trong sáu đường, quý vị siêu việt rồi. Bất cứ lúc nào quý vị cũng có thể đến thế giới Cực lạc, muốn đi lúc nào cũng được, đến thế giới Cực lạc là thành Phật. “Thử”, là như thế, phát lòng tin như thế, là cần thiết nhất. Những lời khai thị này giúp chúng ta, khuyến khích chúng ta nên phát lòng tin, nhất là tin bản thân mình, Phật chính là ta, tất cả chúng sinh đều là ta, cây cỏ hoa lá đều là ta, sơn hà đại địa đều là ta, nên lắng lòng để suy nghĩ.

Đoạn kế tiếp “đặc tiêu”, đặc biệt chỉ ra: “Một niệm tin thuần khiết, chí tâm muốn sanh, liền theo nguyện được sanh, công đức không kể hết được”. “Nhất niệm”, kinh Đại thừa nói: Nhất niệm tương ưng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật. Nhất niệm ở đây là nhất niệm mà Bồ tát Di lạc đã đề cập đến, nhất niệm đã giác ngộ thì mọi niệm khác đều giác ngộ.

Hội sơ viết: “biết rõ nguyên nhân vãng sanh chỉ ở chỗ tin nhất niệm, không cứ niệm nhiều ít”. Đó là nhất niệm, nhất niệm ở đây là nhất niệm hiện tiền, không phải niệm đã qua, không phải niệm chưa đến.

Hành Giáo Tín Chứng viết: “sở dĩ gọi là nhất niệm là bởi tín tâm không có niệm khác nên gọi là nhất niệm, nên có tên nhất niệm. Nhất tâm là nguyên nhân chính để đến báo độ thanh tịnh. Người chứng được chân tâm kim cang thì vượt được năm thú tám nạn, chắc chắn đời này sẽ được mười điều lợi”.

Nhất tâm nhất niệm, thế gian hay xuất thế đều coi trọng. Điều đáng sợ nhất là gì? Là những tạp lẫn trong ý niệm, tâm không định tĩnh là hồng, tất cả mọi thứ đều hư hại. Với bản thân mình, thứ nhất là sức khỏe không có, yếu đuối, người nhất tâm nhất niệm đòi hỏi một thể lực mạnh mẽ, anh ta là người không bệnh tật, vì sao vậy? Nếu bệnh tật thì những cơ quan, tế bào trên cơ thể chúng ta đã bị ô nhiễm, ô nhiễm tức có độc tố, ngày nay gọi là mầm bệnh. Khi tâm thanh tịnh thì mầm bệnh liền biến mất, tự nhiên phục hồi như cũ, đó là sức khỏe, là người có phước. Vì thế nhất tâm nhất niệm là người có phước, nơi anh ta ở được gọi là người có phước ở đất phước, nơi đó sẽ không còn những tai nạn. Vì sao vậy? y báo tùy chánh báo để thay đổi, đây gọi là người tu hành chân chánh đang cư trú tại nơi đó, làm sao thiên tai có được! Thiên tai là do tâm ác kéo đến, sát đạo dâm vọng sẽ kéo đến thiên tai, tự tư tự lợi sẽ kéo thiên tai đến, tham sân si mạn sẽ kéo

thiên tai đến, nếu không có những thứ này thì làm sao có thiên tai? Phải biết thế giới Cực lạc khác biệt với nơi chúng ta đang sống ở đây như thế nào? Quý vị thấy những người đang sống bên cõi đó toàn là những người tốt. Nơi địa cầu chúng ta đang sống ở đây trái ngược hoàn toàn mười điều thiện, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác đều tạo ra mười điều ác, người làm mười điều ác, thứ nhất là thân thể nhiều bệnh, nhiều tai nạn, nhiều phiền não, nhiều bệnh khổ, nơi cư trú xảy ra nhiều biến cố. Chúng ta đã đọc kinh Đại thừa nhiều năm, dần dà sẽ hiểu ra được. Thế giới tây phương là tịnh độ, nguyên nhân để có tịnh độ đó là tâm thanh tịnh, tâm tịnh thì Phật độ tịnh. Nhất tâm là tâm thanh tịnh, nhất niệm là niệm thanh tịnh, đây là nhân chân chính của thế giới Cực lạc.

“Người có được chân tâm kim cang”. kim cang được ví là sự rắn chắc, chân tâm mãi mãi không bị biến mất, vì thế nó vượt lên năm thú, tám nạn. Năm thú là luân hồi sáu đường, quý vị đã vượt lên luân hồi sáu đường. Trong tám nạn bao gồm tam tai, hoá giải được tam tai tám nạn. Địa cầu chúng ta đang sống đây là ba tai tám nạn. Chắc chắn đời sống này sẽ được mười điều lợi ích, mười điều lợi ích trong đời này.

Điều thứ nhất: “Được người không thấy mặt giúp đỡ”, trong nguyên văn lược bớt, chúng ta bổ sung vào, “người không thấy mặt” là ai? Người trong thế giới quỷ thần, họ tôn trọng, giúp đỡ quý vị. Những việc như thế này trong sơ chú của chú vị cổ đức nhà Phật nói rất nhiều, nếu chúng ta lưu tâm, trước mắt quý vị cũng có thể thấy.

Thứ hai: “Đầy đủ chí đức”, đầy đủ chí đức ở đây có nghĩa tánh đức trong tự tánh, chỉ tánh đức mới biến thành chí đức, đầy đủ là không thiếu điều gì. Trong văn hoá truyền thống xưa cũng nói đến chí đức, đó là: Ngũ luân, Ngũ thường, Tứ duy, Bát đức, đều là chí đức, đã đầy đủ trong tự tánh. Trong Đại thừa thì có giới luật Thập thiện, Tam qui. Chúng ta đang cùng tu học với những người học Tịnh độ tông, gồm năm mục, chúng ta cũng không cần làm phức tạp thêm vấn đề, mọi người chỉ cần ghi nhớ: Tịnh nghiệp tam phước, lục hoà, tam học, lục độ, mười nguyện Phổ hiền, đó là chí đức, trong mỗi đức mục đã đầy đủ vạn đức vạn hạnh. Kinh Hoa Nghiêm nói: “một tức là nhiều, nhiều tức là một”, một không khác nhiều, bản thân chúng ta có không, không phải không có, nhưng tại sao không biến nó thành cuộc sống hàng ngày của chúng ta?

Thứ ba: “Chuyển ác thành thiện”, có người hỏi dự báo về thiên tai năm 2012 của người Maya có thật không? Trên thế giới này, nếu tin thì sẽ có, dân số chiếm 50%, năm mươi năm mươi, nhưng còn một nửa không tin, người không tin nhưng quỷ thần tin. Trong xã hội ngày nay, Trung quốc cũng vậy, ngoại quốc cũng vậy, việc ma quỷ áp vào người, tôi đã từng hỏi một người bạn học từ Mỹ trở về: Ở Mỹ có chuyện ma nhập không? Có đấy. Nhật bản có hiện tượng ma nhập không? Có, anh ta nói với tôi. Ma nhập là hiện tượng ma nhập vào thân mình để nghe ngóng một số tin tức.

Một số quốc gia rất thịnh hành phép thôi miên, trong quá trình thôi miên người ta cũng moi được rất nhiều tin tức, thôi miên làm cho một người nào đó quay trở lại cuộc sống đã trải qua, một đời, hai đời, ba đời, đôi lúc còn có thể quay lại mấy mươi đời. Điều này nói lên cái gì? Chứng minh có luân hồi. Lúc tôi đang ở Mỹ, có một bạn học mang cho tôi một báo cáo, hoàn toàn của người nước ngoài, có người đã từng là súc vật, có người từ cõi trời xuống, có người từ hành tinh khác đến địa cầu này để đầu thai. Những điều Phật dạy trong kinh không phải đối trá, chúng ta làm sao đương đầu với thiên tai? Ngay cả Bồ Lai Đấng người Mỹ cũng nói, ông chỉ nói đơn giản ba câu, hoàn toàn tương ứng với Phật pháp, ông ta hi vọng mọi người trên toàn thế giới, năm 2012, mọi người nên nhìn lại mình, nên tỉnh ngộ, bỏ ác làm lành, giống như ở đây chúng ta đang nói “chuyển ác thành thiện”, giống nhau về ý nghĩa. Bỏ ác làm lành, cải tà qui chánh, đoạn chính tâm niệm. Khởi tâm động niệm tương ứng với tánh đức, đâu cần gì nhiều quá, phiền phức quá, chỉ cần dùng mười hai chữ của người xưa là được, khởi tâm động niệm không xa rời mười hai chữ này, đó là: Hiếu để trung tín, lễ nghĩa liêm sỉ, nhân ái hoà bình. Nếu giữ được như thế thì thiên tai năm 2012 có thể thoát được. Không những hoá giải được mà còn đưa địa cầu sang một hướng tốt hơn, những lời này là thật chứ không phải đùa. Nhưng vấn đề lúc này là được bao nhiêu người dám quay đầu? Bao nhiêu người tin tưởng? Mấu chốt là vấn đề niềm tin. Chúng ta hi vọng vào những người có niềm tin chúng ta mới dám làm, chúng ta mới có thể đưa lí luận của các bậc tiên Thánh ngày xưa, biến thành tư tưởng của chúng ta, những lời giáo huấn của các bậc tiên Thánh trở thành những hành động hàng ngày của chúng ta. Lúc đó chúng ta tự cứu mình, cứu được xã hội, cứu được thế giới, công đức vô lượng.

Trong tất cả các phương pháp vừa nói trên, phương pháp hoàn thiện hoàn Mỹ nhất, được trời đất quỷ thần khen ngợi nhất không gì bằng niệm A Di Đà Phật.

Niệm A di đà Phật được chư Phật khen ngợi, tất cả quỷ thần tán than. Vì thế pháp môn niệm Phật của chúng ta lấy niệm Phật làm chánh tông, không xem nhẹ, nhất định chuyển ác thành thiện. Ngày trước, không ai giáo huấn nên không biết, tạo nhiều nghiệp ác. Bây giờ đã rõ, sám trừ nghiệp chướng, sám trừ như thế nào? Lúc mới học Phật, đại sư Chương Gia dạy tôi: “Phật pháp trọng thực chất, không nặng hình thức”, đó là câu ngài đã dạy tôi, chúng ta tin tưởng tất cả những câu này là của những bậc tổ đức truyền lại.

Khi tôi ở Singapore, một hôm cùng dùng bữa với tổng thống Natan, lúc bấy giờ ông chưa làm tổng thống, ông đang làm đại sứ của Singapore tại Mỹ, vừa mới mãn nhiệm trở lại Singapore, nên chúng tôi có thời gian dùng cơm, sau khi làm tổng thống tôi vẫn thường gặp ông, ông ấy bảo tôi: Tôi là người Ấn độ, theo Ấn độ giáo nhưng ông rất khâm phục Phật giáo, ông bảo Phật giáo rất chuộng thực chất, xem nhẹ hình thức. Vừa nghe, tôi kinh ngạc, ông ta là người cùng tôn giáo chứ không phải ngoại đạo. Tôi chưa nghe ai nhắc đến sau khi nghe đại sư Chương Gia nói với tôi câu này, chỉ nghe ông ta nói một câu giống hệt đại sư Chương Gia: Trọng thực chất, không để ý đến hình thức.

Sám hối như thế nào? Sám hối là nguyện sau này không lập lại lỗi cũ. Quý vị nhận ra mình làm sai thì sau này không tái phạm nữa, đó là cách sám hối đúng đắn nhất. Sám hối đúng theo thể thức rồi, ngày mai lại tiếp tục tái phạm thì đó không phải sám hối, đó là giả, không phải chân thật. Vấn đề này chúng ta phải biết rõ, phải tỉnh giác. Thật sự giác ngộ rồi, làm gì có lý không cãi tà qui chánh! Vì thế máu chột là ở chỗ phải tỉnh giác, đó là điều tại sao khi còn tại thế, đức Phật trải bốn mươi chín năm giảng kinh thuyết pháp. Chúng ta thử xem lại trong kinh điển, đức Phật Thích Ca Mâu Ni không cùng ngồi niệm Phật với đại chúng được một ngày. Nếu có sự kiện này, thì những cuốn sách lớn đã ghi chép lại, nhưng không thấy. Phật Thích Ca Mâu Ni không cùng ngồi thiền với tất cả mọi người hết một cây hương, sự kiện này cũng không thấy sử sách chép lại, vì sao vậy? Là bởi như câu ngôn ngữ nhà Phật nói: “Thầy hướng dẫn bước đầu, nhiệm vụ tu hành là của cá nhân”. Thầy giáo chỉ bày chân tướng của sự thật, đã dạy cho chúng ta bài học rất rõ ràng về thực tướng các pháp, còn tu tập như thế nào đó là việc của mỗi người, thầy giáo không hỏi, không quản lý những công việc của ta đâu. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, quý vị xem làm được mục nào thì làm. Vì thế Phật pháp là người dẫn đường, sau khi đã rõ ràng thì tự mình phải sửa đổi, lỗi nghĩ sai lầm thì sửa đổi cách nghĩ, lời nói việc làm không đúng thì sửa đổi lời nói

việc làm, đây gọi là tu hành đúng pháp. Tu hành tức là sửa đổi những hành vi sai trái. Cách nghĩ là hành vi của tâm, của ý.

Vấn đề phiền phức nhất hiện nay là tâm đã hỏng, họ toàn nghĩ đến những việc tiêu cực, không nghĩ những chuyện tốt đẹp, toàn mê lầm, không giác ngộ. Đọc kinh không hiểu, nghe pháp không thông, điếm sai lầm là ở chỗ này. Sao chúng ta không hiểu? Vì hoài nghi, những đứa trẻ ngày nay, từ nhỏ nó đã được dạy biết nghi ngờ, cho rằng không hoài nghi thì không có trí tuệ. Nhưng từ xưa đến nay, người xưa đã dạy con người đừng hoài nghi, dạy cho chúng nó thật thà. Khoa học được phát hiện nhờ sự nghi ngờ, nhưng đạo đức luân lí mà nghi ngờ thì hỏng, hoài nghi trong môn tâm tánh thì không thể kế nhập được, vì thế đại sư Ấn Quang nói: “Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích, trăm phần thành kính thì được trăm phần ích lợi, ngàn lần thành kính thì được ngàn phần lợi ích, vạn phần thành kính thì được vạn phần lợi ích”, một chút hoài nghi là hỏng toàn bộ, môn học tâm tánh đòi hỏi từ trong định quý vị mới thể hội được, tâm ý bùng bột thì chỉ đứng ngoài cửa. Pháp thế gian và xuất thế không giống nhau, cầu chân lí, cầu trí tuệ, nên dùng phương pháp truyền thống của người xưa, và phương pháp Phật giáo Đại thừa. Nếu so với phương pháp khoa học hiện nay thì Phật pháp thông dụng hơn. Quý vị xem họ phải vất óc để suy nghĩ như thế, phải dùng toán học để tính, dùng những máy móc tinh vi để soi chiếu mới phát hiện ra, nhưng từ ba ngàn năm trước, không máy móc, không có dụng cụ hỗ trợ, nhưng trong thiền định đức Phật đã phát hiện, trong thiền định đã thấy được khởi nguyên của vũ trụ, phát hiện ra vật chất, tinh thần, tự nhiên, rốt cuộc từ đâu mà có. Những gì khoa học ngày nay phát biểu không thể rõ ràng, thấu đáo như những gì Phật giáo đã nói. Chúng ta có thể tin tưởng những gì đức Phật nói không? Không chỉ một mình đức Phật Thích Ca Mâu Ni thấy được, mà Phật còn nói cho chúng ta, nếu ai chứng được Bát địa trở lên đều có thể thấy. Trong năm mươi hai cấp bậc của Đại thừa, bắt đầu từ thập tín, thập tín, thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, thập địa, Đăng giác, Diệu giác, tổng cộng năm mươi hai cấp. Năm cấp cao nhất là Bát địa, Cửu địa, Thập địa, Đăng giác, Diệu giác, tất cả những vị chứng quả này đều có thể thấy, điều đó không phải đùa. Những người chứng năm quả vị đó có bao nhiêu? Không thể tính hết. Trong thiền định họ có thể quán sát hiện tượng khởi nguyên của vũ trụ, từ đâu mà có vô thị vô minh, A lại da thức từ đâu mà có, những hiện tượng này được phát triển ra sao, cuối cùng vẫn quay lại tự tánh, đó là một vòng tuần hoàn

lớn, rất thú vị. Từ một niệm bất giác mà A lại da xuất hiện, cuối vòng tuần hoàn là thành Phật, không thấy nó nữa.

Trong báo cáo của những nhà khoa học vật lí nghiên cứu sâu rộng về vũ trụ, họ bảo những vụ trụ được tìm thấy chỉ thấy được 10% cả hành tinh đó, còn lại 90% không thể thấy được, nghe những thông tin này, chúng ta sẽ phì cười. Nó đi đâu rồi, họ không biết, nhưng chúng ta biết, nó đã quay về tự tánh, cũng có thể nói, họ chỉ thấy được vũ trụ của cõi Thật báo nhưng không thể thấy được cõi Thường tịch quang, bởi cõi Thường tịch quang không có hiện tượng. Giới khoa học chỉ có thể tiếp xúc với những thứ có thể sờ mó được, như hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần, hiện tượng tự nhiên. Nhưng cả ba yếu tố này không có trong tự tánh. Tự tánh là một thực thể thanh tịnh tròn đầy, không có ba yếu tố nói trên, vì thế nhà khoa học không có cách gì để đo lường nó được. Hiện tượng tinh thần từ đâu mà có? Những nhà khoa học lượng tử bảo là trong cái không mà sinh ra, Phật bảo nó được sinh ra từ thể tự tánh thanh tịnh viên minh. So với khoa học, đức Phật nói rất cụ thể, là bởi trong thể tự tánh thanh tịnh viên mãn không có ba yếu tố, nên thường dùng không để thí dụ, không ở đây không phải là không có gì cả, nó tồn tại, và không lúc nào không có, không nơi nào không có. Nếu nó không tồn tại thì không thể thấy hình tướng, hình tướng đều nhờ nó mà có mặt, ngay cả trong hư không nó cũng hiện ra. Thời phân là thời gian, phương phân là không gian. Những điều này được nói trong Bách pháp minh môn, hai hình thức này được liệt vào ‘bất tương ưng hành pháp’, bất tương ưng hành pháp có hai mươi bốn thứ. Nói theo cách nói bây giờ, bất tương ưng hành pháp là khái niệm trừu tượng, không phải sự thật, hoàn toàn là khái niệm trừu tượng. Quý vị xem, đức Phật nói rất rõ ràng! Vì thế nếu nhà khoa học học thêm giáo pháp Đại thừa thì họ thành công nhanh hơn nữa, vì tâm của họ đã gần với sự thanh tịnh, họ chưa có tâm thanh tịnh nên họ không thể nhận ra.

Hôm qua tôi đi tham quan Cao Hùng, thấy họ thí nghiệm nước, những người làm thử nghiệm nước đòi hỏi phải có tâm an tịnh mới thấy được sự kết tinh của nước, nếu tâm họ không thanh tịnh, dao động thì không thể phát hiện ra. Quý vị xem, ngay chuyện này thôi mà còn cần công phu định tĩnh mới có thể thấy được những bọt tuyết trong nước kết tinh lại.

Thứ tư: “Chư Phật giúp đỡ”, khẳng định quý vị là người tốt, thiện tương ứng với thiện, nếu thanh tịnh thì sẽ ứng với Phật, nếu thanh tịnh bình đẳng giác thì chắc chắn được Phật giúp đỡ, Phật giúp đỡ, gia hộ quý vị. Khi quý vị lạc mất phương

hướng, ngài sẽ giúp quý vị quay về đường chánh, ngài sẽ dùng tất cả những phương pháp hay nhất có thể để gia hộ quý vị, tâm từ bi đạt đến cùng cực. Vì sao ngài dùng phương pháp này? Vì ngài biết rằng ta với ngài là một, chúng ta không biết nhưng ngài biết, nên nhất định ngài sẽ đến cứu giúp. Giống như chúng ta có một tế bào bị nhiễm bệnh, ta muốn chữa trị cho nó khỏi, vì sao vậy? Vì ta biết rằng nó với ta cùng một cơ thể, có thể nó không biết tế bào khác. Phật, Bồ tát hiểu rõ vô duyên tâm đại từ, đồng thể đại bi, không cần điều kiện.

Ngày nay chúng ta gặp người có tâm tốt, tâm thiện đối xử tử tế với mình, đa số mọi người sẽ phản ứng thế nào? Cần trọng, để xem cuối cùng họ có dụng ý gì với mình không? Họ muốn gì? Quý vị sẽ nghi ngờ họ ngay, không vội tin, không tin trên đời này có người tốt như vậy, xã hội bây giờ là như thế. Song ngày trước mọi người đối xử với nhau bằng niềm tin. Từ bé chúng tôi ở nông thôn, thôn xóm cũng có tiệm buôn, muốn mua hàng hoá thường mua chịu, chỉ khát một câu là mọi người đã đồng ý, giữ lời, thậm chí khi nói quên ghi nợ thì đến hẹn người mua vẫn đến trả đủ số tiền, người kia bảo đã quên rồi, ngày đó đã quên ghi nợ, anh không ghi nợ. Ngày đó mọi người sống với nhau bằng niềm tin, bây giờ người với người không còn tin nhau. Người khác không giữ niềm tin nhưng ta phải giữ.

Những ngày đầu mới học Phật, cuộc sống tôi cực kì gian khổ, chùa Thiện Đạo có một gian phát hành kinh sách, gian này được giao cho một cư sĩ quản lí, đôi lúc chúng tôi thấy một cuốn nào hay bèn mang đi, nhưng bảo với ông: Lúc nào có tiền tôi sẽ đến trả ông, đôi lúc ông ấy nhớ, nhưng có lúc ông không nhớ, mấy tháng sau đó tôi mang tiền đến trả, ông đã quên mất, hỏi tôi: Có vụ này nữa a? Tôi thưa: Có ạ, sách đang ở chỗ tôi. Nghe thế, ông ấy vui lắm. Bây giờ những người như thế này không còn bao nhiêu. Nếu thực sự hiểu rõ nhân quả, sát sinh phải đền mạng, mắc nợ phải bồi thường, thì liệu dám làm tổn thương người khác không? Không bao giờ. Có dám mắc nợ rồi lại lường đảo người ta không? Không dám. Vì sao vậy? Vì người thiệt thòi là ta, chứ không phải người khác. Người xưa có câu: Thiệt thòi là phước, hiếm có hồ đồ. Hồ đồ là gì? Không kì kèo với người khác, người ta tranh mất món lợi của mình, coi thường mình, mình đừng tranh hơn thiệt, đó là điều tốt. Mạng đã có thì chắc chắn có, đuổi nó cũng không đi, mạng đã không có thì muốn cũng không được, tìm hết cách để mong cầu cũng không được, thực sự muốn mong cho được thì tốt hơn hết là số của quý vị đã có, cần gì phải vất vả như thế? Vì thế con người cần phải hiểu sâu sắc về đạo lí nhân quả, lúc đó tâm ta mới định được, tuyệt đối không được làm càn. Phải hiểu làm

việc tốt thì có kết quả tốt, làm ác thì nhận quả ác. Vấn đề nhân duyên quả báo, đã có rất nhiều sách vở ghi chép, không phải chuyện đùa.

Trong tác phẩm Liêu Trai Chí Dị của Bồ Tùng Linh toàn những chuyện quỷ thần. Hồi nhỏ đã đọc một lần, tôi cho rằng những chuyện đó là có thật, vì sao vậy? Tôi đã tận mắt chứng kiến, không phải giả, tôi thấy được hồ ly tinh. Thời kỳ chiến tranh, lúc bấy giờ có lẽ tôi mười lăm mười sáu tuổi gì đó, ở trọ nhà một người nông dân, nhà này rất nghèo khổ, ngày trước là một gia tộc lớn, nhà họ có nhiều phòng, những phòng trên lầu đã mười mấy năm không ai đặt chân đến, một con hồ ly đã ở trên đó, vẫn thường chạy xuống bên dưới, lúc này nó đã biến thành hình người. Một con hồ ly bình thường phải năm trăm năm tu hành mới có thể làm người, đại khái là nó sắp thành hình người, nhưng mặt mũi hơi mờ nhạt, chưa lộ rõ mặt người, rất nhiều người trông thấy, tôi cũng thấy một lần. Chưa ai thấy rõ mặt mũi nó thế nào, đa phần chỉ thấy một cách mờ nhạt. Người ta thấy nó khoác một chiếc áo dài, hình dáng người đàn ông. Họ lại tiếp tục dò la, thấy thế nó quay ngoắt, từ đó không ai nhìn thấy nữa, ai cũng biết nó đang ở trên lầu. Đó là một câu chuyện thật, không phải chỉ một người nhìn thấy hay do hoa mắt mà có rất nhiều người tận mắt nhìn thấy, và biết nhà kia có con hồ ly đang ở trên lầu. Nhưng rất may là không có chuyện gì xảy ra, nó cũng không làm hại ai bao giờ, nên cũng không ai lên trên lầu để tìm nó làm gì, đó là một câu chuyện.

Sau này khi cuộc kháng chiến thành công, tôi lại gặp một chuyện kì lạ khác, đó là ông chú họ của tôi, ông ấy là một nông dân, từ làng ông đưa một thuyến thóc đến Nam kinh bán. Lúc bấy giờ mọi người vẫn quen dùng thuyến buồm, nếu dùng thuyến buồm đi từ quê tôi đến Nam kinh phải mất ba hôm, cả đi lẫn về mất một tuần. Từ nhà đến Nam kinh là thuận buồm, xuôi nước, nên thuyến đi khá nhanh. Khi chất thóc lên thuyến, có người thấy một con vật như chuột lông vàng nhảy từ dưới tấm ván lên thuyến, mọi người lấy làm lạ, cùng nhau tìm, chuyển hết thóc xuống vẫn không thấy, họ cho rằng chắc nhìn nhầm. Lúc thuyến đến Nam kinh thì phát hiện trên thuyến không còn một hạt thóc, những bao gai vẫn y nguyên nhưng ruột đã rỗng, lúc đó mọi người mới nghĩ những gì họ nhìn thấy là không nhầm, nói chung là thóc đã bị con chuột kia mang đi đâu hết. Không còn cách nào khác đành ở lại Nam kinh mấy hôm rồi dong buồm về quê, về quê, thấy thóc đã nằm hết trong kho, không biết con chuột kia làm sao có thể đưa hết số thóc kia về kho, không ai hiểu được. Đây là một câu chuyện tôi tận mắt nhìn thấy, đây không phải là chuyện đùa, nó đem cả một thuyến thóc đó về, không để lại một

hạt. Người ở quê nói, có thể các vị đã đắc tội với nó nên nó đùa chút thôi, nó không có ý làm hại các vị đâu. Những chuyện như thế quý vị phải tận mắt chứng kiến mới có thể tin được.

Lão cư sĩ Chu Kính Trụ có lần nói với tôi rằng ông ấy đã từng thấy quỷ, ông ta tin chuyện đó rồi sau mới học Phật, bố vợ ông ấy là Chương Thái Viêm là một Phật tử nên không tin chuyện đó. Những năm đang chiến tranh ông ta ở Trùng Khánh, ông ấy học Kinh tế, ông ta nói với tôi, lúc bây giờ ông ta đang làm Cục trưởng thuế vụ hai tỉnh Tứ xuyên và Tây khương, khi kháng chiến thành công, ông ta là người Triết giang, về Triết giang ông làm Trưởng phòng tài chính. Lúc ở Trùng Khánh, một hôm, trời đã về chiều, mấy anh bạn đánh bài, đến hơn hai giờ khuya mới nghỉ, khi trở về, thấy có đèn đường, xa xa mới thấy một ngọn, công suất độ 20w, chỉ thấy ánh sáng của nó, không thấy đường đi, họ đành vạch ra một hướng đi. Giữa đường trong đêm tối trở về, họ thấy trước mặt một người phụ nữ đang đi, cô ấy đi một mình nên không ai có cảm giác gì. Đi được độ nửa giờ, bỗng nhiên họ nghĩ, khuya khoắt thế này làm sao có người phụ nữ đi một mình giữa đường? Khi trong đầu nghĩ đến chuyện đó, họ bắt đầu nổi da gà, nhìn kĩ, người kia chỉ có phần trên không có phần dưới, hét lên một tiếng, không thấy gì nữa. Trở về, suốt đêm không ai chợp mắt được, họ tận mắt nhìn thấy, họ tin, tuyệt nhiên không phải hoa mắt. Đi cùng cô gái hơn nửa giờ mới tin được. Những người này tôi rất thân, lúc bấy giờ tôi độ hai sáu tuổi, vừa mới theo học thầy Đông Phương Mỹ và cũng bắt đầu làm quen với giáo lí Phật giáo. Lúc này thầy đã sáu mươi chín tuổi, kém một tuổi là bảy mươi, thầy cùng tuổi và cũng là bạn thầy Lí, thầy đã chứng kiến và trải qua rất nhiều chuyện li kì cổ quái như thế và đều kể cho tôi nghe hết, thật, không chút giả dối. Vì vậy chư Phật gia hộ.

Thứ năm: “Chư Phật khen ngợi”, chư Phật khen ngợi người niệm Phật, khen ngợi đệ tử Phật Di đà, thực sự học Phật A di đà, nương vào kinh Vô lượng thọ để tu tập, siêng năng đọc kinh, nếu đọc nhiều thì chắc chắn biết được đạo lí. Đạo lí này không quá khó hiểu, nếu chuyên tâm đọc một bộ kinh thì tâm được định tĩnh. Đọc kinh là tu định, cùng lúc tu tuệ, định tuệ ngang bằng nhau. Ngoài ra những người này được Phật gia hộ.

Hoàng Niệm Lão cũng học Mật tông. Mật tông bàn về quán đánh, ông đã giải thích quán đánh không giống như những người khác. Đánh, là đánh pháp cao nhất trong Phật pháp, quán là gì? Có nghĩa trao truyền. Trao truyền đại pháp cao nhất của nhà Phật cho một người nào đó, gọi là quán đánh, ý nghĩa của nó là như

vậy. Kinh Vô lượng thọ là đánh pháp, cung kính đọc từ đầu đến cuối một lần là một lần các vị được chư Phật Như Lai quán đánh, quý vị có thực hiện được không? Nếu tâm tán loạn sẽ không có công đức, quý vị phải thực sự cung kính đọc kinh này, chư Phật mới gia hộ, mới quán đánh cho. Mỗi ngày sớm tối đọc một lần thì buổi sớm quý vị được quán đánh một lần, ban tối được quán đánh một lần. Năm, ba năm như thế, quý vị sẽ chứng được niêm Phật tam muội.

Cư sĩ Lưu Tố Vân là người học theo pháp này và bà đã gặt hái được những thành công nhất định. Ngoài việc đọc kinh, bà còn nghe đĩa giảng kinh. Có lần, đang cầm trên tay đĩa giảng kinh, bà nói với tôi: Đây là đĩa thầy giảng ở thư viện Hoa tạng Đài loan, rất sớm, lần thứ hai hay lần thứ ba. Bộ kinh này đã được giảng mười lần, lúc bảy giờ vẫn chưa có bản chú giải của Hoàng Niệm Lão mà vẫn căn cứ theo những lời ghi bên lề sách của thầy Lí, theo bản đó để giảng. Một bộ kinh như thế giảng độ chín mười lần, một lần lúc đó độ nửa giờ, mất một trăm giờ mới giảng hết. Bà nói với tôi: Mỗi ngày bà nghe một đĩa mất một giờ, sau này người ta tập hợp lại thành đĩa thì tôi không biết độ dài bao nhiêu, nhưng trước đó sử dụng băng ghi âm, chỉ có tiếng, không có hình ảnh. Mỗi ngày bà nghe một giờ, nhưng mỗi một giờ như thế nghe đi nghe lại đến mười lần, và bà đã rút ra được một câu nói: “nhất môn thâm nhập trường thời huân tu”. Mỗi ngày đều như thế, nghe xong một bộ lại nghe lại từ đầu, mười năm như thế không gián đoạn, cuối cùng bà được tam muội. Tâm bà thanh tịnh, tâm đã định, bà đã đưa phụ thân của cư sĩ Hồ Tiểu Lâm đến thế giới Cực lạc, người khác không làm được. Trong kinh đức Phật dạy chúng ta: Một người khi lâm chung, các con phải thực sự thương quý họ, giúp đỡ họ, các con làm cho họ nhẹ nhàng rời bỏ thế giới này, đừng động chạm đến họ. Vì nỗi đau khổ khi linh hồn xa lìa thể xác, được kinh điển ví như một con rùa sống bị lột mai, khi một con rùa đang sống mà ta cố gắng lột cái mai nó ra, linh hồn lìa khỏi thể xác cũng đau đớn như thế, rất khó khăn. Vì thế chúng ta phải niệm Phật để giúp đỡ họ, phải trợ niệm, đừng đụng đến thân thể họ, trong tám giờ, ngay cả giường nằm của họ cũng không nên đụng đến, vì sợ họ bực bội, khi đã bực bội, sân hận, họ dễ đoạ lạc. Vì thế chúng ta chỉ đứng cạnh niệm Phật giúp họ. Công tác cấp cứu trong những bệnh viện hiện nay không được tốt, cấp cứu là một dạng hình phạt của địa ngục, rất đau khổ, như thế làm sao bệnh nhân không oán hận? Khi sống mang lòng oán hận thì lúc mất sẽ rơi thẳng vào địa ngục.

Thứ sáu: “Tâm quang thường hộ”. Tâm quang ở đây là gì? Tâm thanh tịnh, vì tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng mới phát ra ánh sáng, nếu khai ngộ thì ánh sáng của tâm ấy càng tỏ hơn. Tâm quang thường hộ có một điểm đặc biệt nữa là những người oán ghét, nợ nần không thể đến gần mình, rời xa mình, yêu ma quỷ quái cũng không thể đến gần mình được. Chư Phật, Bồ tát thấy cũng vui vẻ, chư Phật Bồ tát gia hộ, ánh sáng của quý vị càng lớn hơn.

Thứ bảy: “Tâm được vui vẻ”, kinh Đại thừa nói: Thường sanh hoan hỷ tâm, pháp hỷ sung mãn. Người có tâm vui vẻ dứt khoát sẽ sống khoẻ và trường thọ. Khi học Phật chúng ta mới hiểu rõ được, nguồn gốc của sức khoẻ đó là sự lạc quan. Chư vị cổ đức có câu: Người có niềm vui thì tinh thần sáng khoái. Có đủ dưỡng chất thể nào đi nữa cũng cần tầm bỏ lòng hoan hỷ, tâm hoan hỷ trong Phật pháp đó là thanh tịnh, không ô nhiễm. Không phải bắt được vàng hay đạt được danh vọng mới hoan hỷ, tâm hoan hỷ này không có thứ gì có thể sánh được.

Thứ tám: “Tri ân báo đức”. Với ta, tất cả cả chúng sanh đều có ân đức, nơi chúng ta đang sống, cây cỏ hoa lá, sơn hà đại địa, đều là ân nhân của ta. Không hiểu rõ nên họ không biết, nếu hiểu rõ, cần báo ân tất cả. Báo ân như thế nào? Dùng tâm hành của ta. Nói một cách cụ thể, dùng một tiếng A Di Đà Phật. Trong lòng chúng ta nghĩ đến Phật A di đà, miệng niệm Phật A di đà, đưa nguyện Phật A di đà, đưa lòng từ bi của Phật A Di Đà áp dụng vào đời sống, áp dụng vào công việc, áp dụng vào việc đối nhân xử thế, đó là cách báo ân đức Phật.

Thứ chín: “Thường thực tập lòng đại bi”, mỗi tâm niệm của Phật đều không rời bỏ chúng sanh, chúng sanh ở đây được hiểu theo nghĩa rộng là tất cả các hiện tượng do các duyên hợp mà sanh khởi thì gọi là chúng sanh. Tất cả vạn sự vạn pháp cả hư không pháp giới, có vật gì là không nhờ chúng duyên hoà hợp đâu? Vì thế, nói theo cách nói hiện nay, chúng duyên hoà hợp bao gồm thực vật, động vật, khoáng vật, tất cả đều là chúng duyên hoà hợp. Chúng ta nên khởi lòng từ bi với tất cả những hiện tượng. Bi là giúp họ lià khổ, đi ngược lại với tự tánh là khổ, bất hiểu bất trung là khổ, không nhân không nghĩa là khổ. Chịu khổ trong kiếp này họ còn có sự cảm nhận chứ đến lúc mất đi mà đoạ vào ba đường ác lại đáng thương hơn. Làm thế nào để giúp đỡ họ? Giúp họ giác ngộ, giúp họ nhận rõ chân tướng sự thật. Vì vậy việc làm cụ thể đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã dạy chúng ta, bốn mươi chín năm dạy học, dạy học là việc làm cứu khổ cứu nạn thiết thực nhất. Khổ là do mê lầm, vui là nhờ giác ngộ, muốn giúp chúng sanh lià khổ được vui thì không gì hơn chuyển mê khai ngộ. Hết mê lầm thì khổ không còn, giác ngộ

đích thực thì vui tìm đến, pháp hỷ sung mãn, trước đây đã nói “tâm vui vẻ, phấn khởi”. Đây là phương pháp thiết thực nhất, chúng ta nên thực hiện theo phương pháp này. Vì sao chư Phật không ngại gian khổ để giáo hoá chúng sanh? Đó là do ngài có lòng thương. Giáo hoá là lòng thương, từ và bi là hai mặt của một vấn đề, là một không phải hai. Khổng tử nói trung thứ, Phật pháp giảng từ bi.

Lần này tôi đến Austraylia, một người trong chính phủ của Austraylia muốn gặp tôi, chúng tôi là bạn bè. Ông ta nêu vấn đề: Trước một xã hội hỗn loạn, có hai vấn đề, một là thể chế. Ông ta nói với tôi, tôi chưa từng nghe ai đề cập, người phương Tây đã bắt đầu có sự nghi ngờ chế độ dân chủ, liệu dân chủ có phải là chế độ tối ưu? Họ đặt vấn đề như thế. Thứ hai, những biến động của xã hội ngày nay, liệu có phương pháp nào để cứu vãn để nó trở lại như lúc đầu? Vấn đề thứ nhất tôi nói với ông: Ngày nay vấn đề này không phải là vấn đề chế độ, mà là lòng người, nhân tâm ngày nay đã bị băng hoại, chế độ nào cũng không vực dậy được. Cho dù có một chế độ tốt hơn nhưng lòng không nghĩ thiện, không làm việc thiện thì không làm gì được. Nếu mỗi người đều là người tốt, là những người quân tử, Thánh hiền, cho dù một chế độ không tốt thì những con người trong đó vẫn làm nên chuyện tốt. Người tốt, tâm tốt, vấn đề này cần nhận thức thật rõ ràng. Cuối cùng ông ta đồng ý với cách nghĩ của tôi. Vấn đề là làm thế nào để làm tốt công tác giáo dục, chỉ có giáo dục mới làm thay đổi nhận thức. Ngày trước chúng tôi đã làm thí nghiệm ở Thang Trì, ông ta có nghe và đã đến ở lại đó bốn hôm, ông ta rất rõ, chỉ cần làm tốt công tác giáo dục thì những vấn đề khác đều được giải quyết. Vì thế ngày nay không phải vấn đề chế độ. Giúp xã hội trở lại ổn định, chúng tôi đã đề xuất, đây là những lời của Thang Ân Tử người Anh: Muốn giải quyết vấn đề của xã hội thế kỉ 21, chỉ có học thuyết Khổng Mạnh và Phật giáo Đại thừa. Học thuyết Khổng Mạnh là gì? Đó là nhân, nghĩa trung thứ. Phật giáo Đại thừa đó là: Chân thành từ bi. Hai yếu tố này đủ để giải quyết vấn đề. Vì con người ngày nay không nhận được sự giáo dục của Thánh hiền, không ai giáo dục họ, chuyện học đã băng hoại, toàn học những thứ vô bổ, mọi người ai cũng thích tạo tội. Phải như thế nào? Phải tha thứ cho họ, Khổng tử đã nói: Việc xong không nói đến nữa, việc xong không đề cập nữa, việc đã qua không nhắc lại, không truy cứu nữa. Mong mọi người siêng năng học tập văn hoá truyền thống, học đạo lí làm người, lúc đó vấn đề mới được giải quyết, cần một xã hội ổn định để xoay chuyển. Nếu quý vị trách cứ họ, trừng phạt họ, thì mọi người đều tạo nghiệp, không ai nể phục ai. Việc này có lợi cho một nhóm người, nên số còn lại sẽ cùng hợp sức chống đối quý vị, lúc đó xã hội lập tức loạn lạc, càng loạn lạc càng khổ,

mà vấn đề vẫn không giải quyết được. Vậy nên giải quyết vấn đề khi đã ổn định được xã hội. Những quan chức tham ô, họ đã tham những bao nhiêu tiền của, kê họ, không cần truy cứu. Thế nên tâm họ đã định rồi, không cần truy cứu. Cần phải dùng đạo lí trung thứ, trung là tâm không thiên vị, thứ là thứ tha cho người khác, giáo dục họ, khi họ hiểu rõ rồi, giác ngộ rồi thì họ sẽ hồi tâm. Khi tôi đề xuất phương pháp đó, ông khẳng định: Thật chí lí, cần phải dùng phương pháp này để cứu vãn, không để cho xã hội hỗn loạn, chỉ cần lương tâm họ hiển hiện, họ lấy ích lợi trong việc làm phi pháp của mình đem làm những việc tốt, cũng được; Nếu không đưa vào cũng được, không cần truy cứu, vì không chạy đâu khỏi nhân quả.

Cuối cùng, thứ mười: “Được vào chánh định”, điều này đã nói ở phần trước, chúng ta nhất định phải định tâm trở lại, chỉ khi có định mới có tuệ, lúc đó mới rõ ràng, thấu hiểu được chân tướng của sự thật, không thể hiểu sai, một khi đã sai thì mọi việc sẽ hỏng. Xã hội ngày nay đã đánh mất nền giáo dục dựa trên cơ sở luân lí đạo đức nhân quả nên mới hỗn loạn, Thang Ân Tử đã nói không sai, chúng ta cần giải đáp một cách thiết thực. Lựa chọn tất cả những gì tốt đẹp tinh hoa nhất của Không mạnh, mới có thể giúp đỡ xã hội ngày nay, dán chặt bốn chữ: Người nhân thương người. Nghĩa là gì, nghĩa là thuận theo lí, tức là cách suy nghĩ, nói năng của chúng ta phải hợp tình, hợp lí, hợp pháp, mới có thể làm tốt việc này. Trung là không thiên vị, thứ là tha lỗi cho tất cả những ai đã phạm sai lầm, tha thứ tất cả, không để trong lòng. Tất cả mọi người cùng nhau học tập những lời giáo huấn của Tiên thánh, học tập kinh luận của Phật, Bồ tát thì vấn đề được giải quyết ngay tức khắc. Mọi người đều phấn khởi để biến đổi xã hội, vãn hồi trật tự, như thế mới có kết quả như ý.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 387

Chuyên ngữ: Minh Tuệ

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 30 tháng 4 năm 2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong

Chư vị Pháp sư, quý vị đồng học, mời ngồi. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 478, hàng thứ năm từ dưới đếm lên, bắt đầu từ xem từ câu thứ hai: “Phần trên nói rõ nhất niệm”, chúng ta đã học rồi. “Dưới đây sẽ nói về tịnh tín”, đây là câu đầu tiên giải thích kinh văn, từ “nhất niệm tịnh tín” đến “chí tâm nguyện sanh”. Chú giải của Hoàng Niệm Lão, chúng ta tiếp tục đọc đoạn dưới.

Di đà số sao viết: Tín tức tâm tịnh. Luận Thành Duy Thức viết: Tín, là nói đức năng chân thật, từ bỏ lạc dục, lấy tâm tịnh làm tánh.

Ý của đoạn này rất sâu sắc, những cuốn kinh luận lớn của Phật giáo thường nói: “Tín là mẹ của các thứ công đức, có thể nuôi lớn gốc thiện”. Vì vậy lòng tin rất quan trọng, nó là cội nguồn của đạo lớn, mẹ của các công đức. “Mẹ”, mang ý nghĩa có thể sinh sản, cả câu muốn nói: Lòng tin có thể sản sinh ra vô lượng vô biên công đức, nếu đánh mất niềm tin thì không còn gì để nói. Xã hội ngày nay, chúng ta thường nghe câu nói: Nguy cơ đổ vỡ niềm tin, con người đã đánh mất niềm tin của mình. Nói cách khác, con người đã đánh mất niềm tin. Nếu nói theo ngôn ngữ Phật pháp thì một khi con người đã đánh mất niềm tin của mình, thì địa cầu cũng tận diệt theo, vấn đề này đức Phật đã nói rất cụ thể. Ngày nay chỉ có một số người hiểu được đó là những nhà khoa học lượng tử. Nếu chúng ta đem kinh Phật ra để trình bày thì họ sẽ hiểu được, điều đó tôi khẳng định. Nếu lòng tin đã không còn thì địa cầu sẽ bị huỷ diệt.

Đức Phật đã nói với chúng ta về năm thứ độc, không những làm hại thân thể mà còn huỷ diệt quả địa cầu nữa. Năm thứ độc đó là: Tham, sân, si, mạn, nghi. Nghi tức là không tin, không có niềm tin. Những gì lòng tham mang lại đó là những thiên tai về nước, ngày nay ở đâu cũng có thiên tai về nước, nguyên nhân của vấn đề này là ở đâu? Nguồn gốc của nó chính là lòng tham, nó kéo theo những thiên tai về nước, nước biển dâng, sông hồ lũ lụt. Tính giận dữ mang lại những thiên tai

về lửa, núi lửa tuôn trào, nhiệt độ địa cầu tăng lên, vấn đề này ngày nay được giới nghiên cứu cho là hiện tượng vật lí, nhưng Phật giáo lại cho đó là hiện tượng tâm lí. Rồi cuộc hai hiện tượng này thì hiện tượng nào quan trọng? Quan trọng là tâm lí, vì sao vậy? Vì có tâm lí rồi mới có vật chất. Vấn đề này, nhà triết học người Đức, Max Planck đã đề cập đến, bây giờ đã bước sang thế kỉ khác, Max Planck là thầy của Einstein. Trong số môn đệ của ông có một học trò kiệt xuất, suốt đời ông này nghiên cứu nguyên tử, lượng tử, ông ta có một phát biểu rất quan trọng và hoàn toàn tương đồng với kinh Phật, ông ta cho rằng căn cứ vào nghiên cứu nguyên tử trong suốt cuộc đời rằng: Về cơ bản, không có cái gọi là vật chất trên đời này. Vật chất từ đâu mà có? Suy cho cùng, vật chất từ đâu mà có? Nó được sinh ra bởi ý niệm, nền tảng của vật chất là ý niệm. Khái niệm này hoàn toàn tương đồng với Pháp tướng tông của Đại thừa.

Pháp tướng tông, pháp tướng là một môn tâm lí học, giống đại học.

Tôi học Phật, thầy Đông Phương Mỹ đã giảng cho tôi về Pháp tướng tông, ông bảo Pháp tướng thuần túy là một môn triết học. Pháp tướng tông đề cập đến sự khởi nguyên của vũ trụ và khởi nguyên của bản ngã. Phật pháp nói y báo và chánh báo. Chánh báo không phải nói về động vật, chánh báo là gì? Chánh báo là ta, ta từ đâu mà có. Ngoài chánh báo là ta, tất cả những thứ xung quanh đều là y báo của ta, những thứ cần nương tựa khi ta sống, những thứ ta cần nương vào khi sống là thân thể, con người, môi trường. Giống như Phật, Bồ tát là y báo của ta, ta là chánh báo, Phật Bồ tát là một loại trong y báo của ta, tất cả các động vật, tất cả chúng sanh hữu tình là một bộ phận trong y báo của ta. Ngoài những thành phần đó ra còn một bộ phận vật chất, vật chất bao gồm cỏ cây hoa lá, sơn hà đại địa, một bộ phận hiện tượng tự nhiên nữa, chia môi trường sống chúng ta thành ba loại, ba bộ phận lớn. Quý vị nghe Hoàn Nguyên Quán nói: Hiện nhất thể, sinh mạng là một thể cộng đồng. Phật pháp cho rằng đó là tự tánh, chân như, bản tánh. Tổ tiên của chúng ta cũng nói là bản tánh. Quý vị xem câu đầu tiên của Tam tự kinh: “Nhân chi sơ, tánh bản thiện”. Tánh vốn thiện, tánh mới là cội nguồn của vạn sự vạn vật trong vũ trụ. Phật pháp nói rất cụ thể về tánh, ngày nay các nhà khoa học đã chứng minh điều này. Song nhà khoa học nói không cụ thể bằng Phật pháp, vì sao vậy? Vì họ chưa kiến tánh. Sở dĩ ngày nay họ phát hiện ra tánh, tức là khởi nguồn của thể tánh, giống như bản thể của nhà triết học nói, đã tìm ra

được bản thể của vật chất. Vật chất từ đâu mà có? Từ ý niệm. Max Planck cho rằng ý niệm là cơ sở của vật chất.

Chúng ta đọc kinh Bồ tát Xứ Thai, trong đó có một đoạn hội thoại giữa Phật Thích Ca Mâu Ni với Bồ tát Di lặc, thì chúng ta sẽ thấy rõ. Thế tôn hỏi Bồ tát Di lặc một vấn đề, phàm phu bình thường chúng ta khởi lên một ý niệm, trong tâm chúng ta khởi lên một ý niệm, Phật hỏi Bồ tát Di lặc: Trong một niệm khởi lên có bao nhiêu niệm? Tức bao nhiêu niệm nhỏ để kết thành một niệm lớn? Giống như chúng ta phân tích vật chất, chúng ta chia vật chất thành phân tử, phân tử lại được chia thành hạt nguyên tử, điện tử, lap tử, cứ chia mãi như vậy, đến nay đã chia thành lượng tử. Lượng tử lớn cỡ nào? Các nhà khoa học đã cho chúng ta biết, dùng điện tử để làm ví dụ, mắt thường chúng ta không thể thấy điện tử, điện quay xung quanh hạt nguyên tử, nhỏ bằng một phần một trăm ức nguyên tử. Nói cách khác, một trăm ức hạt lượng tử mới hợp thành một hạt điện tử, quá sức nhỏ! Tốc độ của nó thì chúng ta không thể tưởng tượng được. Nhưng trong kinh Phật đã qui nó thành số, nhà khoa học không làm được. Bồ tát Di lặc nói: Một tiểu quang tử, khoa học gọi là tiểu quang tử, thời gian tồn tại của nó bằng, ba trăm mười hai ức một trăm ngàn niệm trong một cái khảy móng tay, một niệm bằng một lần khảy móng tay, một phần của ba mươi hai ức trăm nghìn niệm. Hiện tại chúng ta dùng đơn vị giây để tính, một giây, khảy móng tay nhanh, tôi tin chắc chắn sẽ có đơn vị đo được tốc độ của việc khảy móng tay, tôi khảy được bốn lần, tôi tin có người sẽ khảy được năm lần. Gấp năm lần trong một giây, trong một giây có bao nhiêu lần sinh diệt, tức ý niệm? Một ngàn sáu trăm triệu. Tốc độ như thế đức Phật nói được nhưng nhà khoa học không thể nói được, nhà khoa học chỉ nói tốc độ nó cực nhanh thôi. Rất nhanh nhưng Phật vẫn thấy được, một giây có một ngàn sáu trăm triệu niệm.

Tất cả hiện tượng vật chất đều là ba động. Định luật ba động này, các nhà khoa học đã phát hiện ba mươi năm trước, rằng sự chuyển động của vũ trụ là hiện tượng ba động. Hình dáng của sự vật khác nhau là do tần suất của nó không giống nhau, tần suất chậm thì biến thành vật chất dạng cứng, tần suất nhanh thì biến thành vật chất dạng lỏng, mềm giống như da chúng ta đây, là tốc độ đã nhanh hơn một tí, nhanh hơn nữa sẽ biến thành sóng điện, sóng ánh sáng, sóng điện từ. Tất cả hiện đều được sinh ra do tần suất không giống nhau.

Phát hiện này, thấy những báo cáo này chúng ta vui mừng, chúng ta hoàn toàn hiểu được, vốn chúng ta học Phật là học được những vấn đề như thế này, là những vấn đề rất khó lí giải. Vì quý vị không tưởng tượng được nên khó hiểu, nhưng những gì Phật nói thì không thể phản bác. Với Phật, người Phật tử lúc nào cũng tôn trọng, cần phải có niềm tin, hoài nghi là hỏng. Nhà khoa học cho phép hoài nghi nhưng Phật pháp thì không chấp nhận. Quý vị nhất định phải tin, nhất định phải chứng đắc. Chứng đắc trong Phật pháp là phải tu thiền định, tâm càng lắng đọng thì quý vị càng hiểu rõ. Hiện tượng này là của các nhà khoa học ngày nay đang nghiên cứu, nó thuộc A lại da, tam tế tướng của A lại da. Vì thế nhà khoa học thật là phi thường, đáng để chúng ta khen ngợi, khâm phục.

Giới khoa học nói rằng: Cả vũ trụ chỉ tồn tại dưới ba dạng, thứ nhất là năng lượng, thứ hai là tin tức, và thứ ba là vật chất. Vũ trụ được cấu thành bởi ba yếu tố này, ba yếu tố này chính là tam tế tướng của A lại da. Tự chứng phần của A lại da là năng lượng, kiến phần là tin tức, tướng phần là vật chất. Hoặc dùng danh từ của A lại da để nói, tam tế tướng của A lại da: Thứ nhất là nghiệp tướng, nghiệp tướng là năng lượng. Thứ hai là chuyển tướng, chuyển tướng tức tin tức, là hiện tượng tinh thần. Thứ ba là cảnh giới tướng, tức là vật chất. Đầu tiên là năng lượng, từ năng lượng biến thành chuyển tướng, tức biến thành tin tức, từ tin tức lại biến thành vật chất, thực sự là nó có trước có sau. Nhưng việc trước sau đó chỉ chuyển biến trong một giây, một phần một ngàn sáu trăm triệu, quý vị làm sao kịp chia nó thành trước sau? Ở đây chúng ta đang nói đến chân tướng của thế giới vật chất.

Câu hỏi ta từ đâu đến? Vũ trụ từ đâu mà có? Trong cuốn Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán nói rất cụ thể, quốc sư Hiền Thủ, người sống đầu đời Đường, vị này quen biết với Đường Thái Tông, ở thời đại của ngài, Hiền Thủ là tổ sư đời thứ ba của tông Hoa nghiêm, tổ sư đời thứ tư là ngài Thanh Lương. Các vị này đã đưa ra nhận định về chân tướng sự thật, đây là vấn đề rất quan trọng, hiểu được nó chúng ta mới biết Phật đã dạy tác dụng của năm loại phiền não căn bản là như thế nào. Vừa rồi tôi đã nói, không có lòng tin tức hoài nghi, với bản thân mình, nếu không có lòng tin thì sức miễn dịch của quý vị cũng không có, quý vị rất dễ nhiễm bệnh, nếu niềm tin của mình lớn mạnh thì quý vị có một sức khoẻ dẻo dai. Nếu đánh mất lòng tin thì sơn hà đại địa cũng không bền vững. Quý vị đã đọc kinh Địa Tạng, “Kiên lao địa thần”, đất rất vững chắc, nếu đức tin đầy đủ thì địa cầu này sẽ bền vững, không xảy ra sự cố. Nếu niềm tin bị lay chuyển, thì địa cầu

không thể vững bền, núi sông sẽ sụp đổ, địa cầu sẽ chìm trong biển cả, điều này có nghĩa là gì? Niềm tin đã không còn. Vì thế niềm tin là thứ rất quan trọng! Hôm nay Phật pháp nói về vấn đề này, chỉ có nhà khoa học lượng tử mới có thể biết được, nhưng họ không hiểu được ảnh hưởng bên ngoài của nó lớn như thế. Vì thế chúng ta muốn hoá giải thiên tai trên quả địa cầu này này, liệu có phương pháp không? Có! Nếu mọi người ai cũng có niềm tin kiên cố thì sẽ không có chuyện gì xảy ra.

Điều đầu tiên trong đức tin đó là tin rằng mình là một vị Phật, vấn đề này rất quan trọng. Người xưa tin mình là Thánh nhân, vì thế câu đầu tiên trong Tam tự kinh đã xây dựng một niềm tin. Liệu có thể thực hiện được niềm tin này hay không? “Nhân chi sơ, tánh bản thiện”, thiện ở đây không phải thiện ác, nếu giải thích nó là đối lập với ác là sai, thiện ở đây là ca ngợi, đó là năm câu nói của đại sư Huệ Năng, người xưa dùng chữ này để thay. Đại sư Huệ Năng khi minh tâm kiến tánh, tánh có hình dạng như thế nào? Thứ nhất là thanh tịnh, “đâu chờ tự tánh, vốn tự thanh tịnh”. Thứ hai là không sinh không diệt, đó là chân ngã, là bản thể của vạn sự vạn vật trong vũ trụ mà nhà triết học đã nói đến. Ngã là cái tự tánh biến hiện ra, sơn hà đại địa đều do tự tánh biến ra, vì vậy nó là sanh mạng thể cộng đồng. Vì nó là sanh mạng thể cộng đồng, nên khi ta khởi tâm động niệm sơn hà đại địa đều biết. Nếu ta không có niềm tin thì sơn hà đại địa đều rời ra, và sụp xuống, điều đó rất đáng sợ! Khi chúng ta giận dữ bực tức nổi lên, chiêu cảm ra núi lửa phun trào. Khi ngu si nổi lên sẽ kéo theo tai nạn về gió, quý vị xem những cơn gió ngày nay, sao lại xuất hiện nhiều lốc xoáy như vậy? Ngu si đấy. Đây không phải là mê tín. Vấn đề này những nhà khoa học lượng tử hiểu rất rõ, nhưng nói với người khác thì họ không hiểu. Ngạo mạn sẽ kéo theo động đất, ngạo mạn bất bình, hoài nghi, sẽ kéo theo tất cả vỡ tan. Sức miễn dịch của cơ thể cũng không còn, sức miễn dịch của địa cầu cũng cạn kiệt, vì thế núi sẽ đổ, địa cầu sẽ chìm trong đại dương. Tham, sân, si, mạn, nghi, đức Phật nói tuyệt quá, chỉ gói gọn trong mấy chữ này. Nếu chúng ta cắt đứt năm trạng thái này thì thân tâm chúng ta được mạnh mẽ, thân kim cang bất hoại. Nơi chúng ta cư trú, hoàn toàn giống với thế giới Cực lạc, bảo địa, không hề xảy ra bất cứ một thiên tai nào. Một bài học quý giá như thế, nhưng thời đại này không có ai học tập, quý vị thấy có đáng tiếc không. Chúng ta gặp những tình trạng như vậy cũng là chuyện ngẫu nhiên, không ngờ tới.

Vì lúc tuổi trẻ, khi đang ngồi trên ghế nhà trường, tiếp thu lời dạy của thầy cô giáo, cho rằng Phật giáo là mê tín, là tôn giáo, bởi thế chúng tôi chưa bao giờ có một ý niệm muốn tiếp xúc với nó. Nói thật, đã tiếp xúc cũng không có khả năng, cho dù có đọc kinh cũng chưa chắc đã hiểu và cũng không ai dạy. Đó là một sự thật phũ phàng, ai có thể giảng nói kinh điển đến nơi đến chốn?

Khi tôi học triết học với thầy Phương Đông Mĩ, không ngờ ông cũng là một nhà Phật học. Tôi thỉnh giáo với ông, hỏi ông đã học Phật học ở đâu? Ông bảo trong thời kháng chiến, ông đang là giáo sư ở đại học Trung ương, có một thời gian ông lâm bệnh, và đến dưỡng bệnh tại núi Nga mi. Lúc bấy giờ trên núi Nga mi không có một loại sách vở hay tạp chí gì, ngoại trừ kinh Phật. Rồi quá ông đành đọc kinh Phật, càng đọc càng thấy thú vị, rồi ông đam mê nghiên cứu từ đó, suốt cuộc đời mình, ông chưa bao giờ rời khỏi cuốn kinh Phật. Câu chuyện khơi cho tôi một nguồn cảm hứng, vì thế khi giảng khái luận triết học cho tôi, tiết cuối cùng là triết học kinh Phật, và cũng phá đi những hiểu nhầm trước đây của chúng tôi. Chúng tôi hiểu được rằng Phật pháp là một nền học vấn lớn như thế, ông đã giới thiệu rất nhiều vấn đề cho tôi, bắt đầu từ ba câu: Câu thứ nhất, Phật Thích Ca Mâu Ni là một nhà triết học vĩ đại nhất trên thế giới. Câu thứ hai, triết học kinh Phật là đỉnh cao nhất của triết học trên thế giới. Thứ ba, khuyên tôi: “Học Phật là sự hưởng thụ cao nhất trong cuộc đời”. Tôi bắt đầu học như vậy đó. Lúc mới bắt đầu học, ông có một câu hướng dẫn quan trọng, bây giờ chúng ta thử suy nghĩ, ông ta là một người thực sự có trí tuệ, có từ bi. Ông nói: Anh muốn học Phật, bây giờ Phật học không còn trong chùa chiền nữa, mà ở đâu? Trong kinh điển. Ông bảo ngày trước cao tăng đại đức trong chùa chiền là những vị có học vấn vì vậy họ được tôn là quốc sư. Những vấn đề vua chúa không giải quyết được, họ phải lên núi thỉnh giáo, các vị sẽ giúp họ giải quyết. Những vị bây giờ, họ không nghiên cứu, không chịu học hỏi. Họ chỉ tụng kinh bái sám, trở thành biến chất rồi, anh sẽ không hiểu được. Trong kinh điển phương hướng chỉ đạo rất tốt, nếu không tôi đã đánh mất niềm tin với ông rồi. Tôi đến chùa chiền để học hỏi, không phải như thế, thì những lời nói của thầy Phương không tin tưởng được. Những lời dạy đầu tiên cho tôi ông đã nói: Trong kinh điển, không phải nơi chùa chiền.

Tôi là người gặp may, khi tiếp xúc với Phật pháp không lâu thì gặp đại sư Chương Gia, bậc thiện tri thức. Gặp được ngài và ngài đã hướng dẫn cho tôi: Ông muốn học Phật, người đầu tiên phải làm quen là Phật Thích Ca Mâu Ni, nếu không quen biết, không hiểu rõ Phật Thích Ca Mâu Ni thì ông sẽ đi dai đường.

Những người bây giờ hay nói cần phải đi đường tắt, đại sư đã bảo tôi, bước đầu tiên là đọc sách, những cuốn như Thích Ca Phổ, Thích Ca Phương Chí, đó là những câu chuyện chép về cuộc đời Phật Thích ca do tác giả đời nhà Đường biên soạn, trong Đại tạng kinh. Phải làm cho sáng tỏ, minh bạch mới có thể hiểu được, Phật giáo không phải là một tôn giáo, không liên quan đến tôn giáo. Phật Thích Ca Mâu Ni là một thầy giáo, cuộc đời ngài gần giống Khổng tử, suốt đời dạy học, dạy đến bốn mươi chín năm. Khổng tử là một người bất đắc dĩ phải chu du qua các nước để cầu làm một chức quan, nhưng không được trọng dụng, đến lúc lớn tuổi, không thể không trở về, năm sáu mươi tám tuổi quay trở về, mất năm bảy mươi ba tuổi, về dạy học chỉ được năm năm. Phật Thích Ca Mâu Ni vốn xuất thân là thái tử, sau khi chứng ngộ, ba mươi tuổi chứng ngộ, không lên ngôi vua, không cần quốc gia, xuất gia dạy học, suốt đời dạy học. Không chùa chiền, cư trú ở đâu? Sống rày đây mai đó, ngủ lại dưới những gốc cây, trong rừng, dưới cây, suốt đời sống như vậy. Một ngày ăn một bữa, đêm ngủ dưới cây, nhưng niềm vui thì không bờ bến. Nhập Niết bàn năm bảy mươi chín tuổi. Vì vậy sau khi đã hiểu được, ngài đúng là một học giả, chuyên gia, là người mẫu mực đạo đức của nhân loại, là nhân vật điển hình của học vấn, quý vị không học với ngài thì học với ai?

Vì thế tôi cảm ơn thầy Phương, không có thầy Phương tôi không thể biết Phật pháp, tôn giáo. Không có đại sư Chương Gia, chúng tôi không biết bắt đầu tu học Phật pháp từ đâu. Tôi biết thầy Phương, năm đó thầy đã hơn bốn mươi tuổi, chưa đến năm mươi tuổi, ông mất năm bảy mươi chín tuổi. Từ rất trẻ, ông bắt đầu thâm nhập bằng con đường học thuật, đúng ra là thâm nhập bằng con đường triết học, vì thế ông mang đậm chất tư tưởng triết học. Nhưng sau khi chúng tôi đi sâu nghiên cứu kinh tạng thì phát hiện kinh Phật còn siêu việt hơn triết học, những vấn đề ngày nay triết học không giải quyết được, những vấn đề khoa học không giải quyết được thì Phật pháp đều làm được. Không những đứng trên tầm cao triết học mà còn là đỉnh cao của khoa học. Ngày nay chúng ta xem những báo cáo khoa học, bất luận là về hồng quan vũ trụ, hay vi quan thế giới thế giới, những báo cáo như thế chúng ta đều có thể hiểu được. Nhưng nếu so với Phật pháp thì họ vẫn chưa giải quyết được vấn đề. Ví dụ như báo cáo về vũ trụ, các nhà khoa học phát hiện, nếu dùng những máy móc tinh xảo để quan sát chỉ có thể thấy được 10% vũ trụ, còn lại 90% không thấy, nghe chúng ta hiểu ngay. Không thấy được phần còn lại của vũ trụ, chúng ta biết họ không thể biết được, 90% vũ trụ sẽ đi đâu, chúng ta thấy rất rõ. Về vi quan thế giới, họ thấy rất rõ hiện tượng vật chất là do tinh thần biến đổi nên. Vậy hiện tượng tinh thần từ đâu mà có? Năng lượng.

Vậy năng lượng từ đâu mà có? Họ không thể biết. Họ nói từ không sanh ra có, cũng nói rất hay, từ không sanh ra có. Vì thật sự tự tánh, tự tánh không phải là hiện tượng tinh thần, không phải hiện tượng vật chất, cũng không phải là hiện tượng tự nhiên, nên quý vị không thể tìm thấy nó. Mặc dù nó có mặt khắp nơi, không hạn chế về thời gian, nhưng quý vị không cách nào thấy nó. Hiện tượng vật chất, tiền ngũ thức của chúng ta, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân có thể tiếp xúc được. Hiện tượng tinh thần, tư tưởng chúng ta có thể tiếp xúc được, tức là thức thứ sáu có thể duyên đến được. Còn nó thì không phải, ngay cả hiện tượng tự nhiên cũng không phải, nên quý vị không có cách nào. Phật dạy chúng ta, quý vị làm sao tìm được nó? Buông bỏ. Buông bỏ khởi tâm động niệm, buông bỏ phân biệt chấp trước thì sẽ tìm thấy nó, nó sẽ nằm ngay trước mắt. Giới khoa học không buông bỏ nên họ không bao giờ tìm thấy nó. Nếu họ buông bỏ, nói như Phật pháp là họ đã thành Phật, họ đã tìm thấy, kiến tánh thành Phật. Thành Phật là minh tâm kiến tánh, kiến tánh là thành Phật, tức là đã thấy được căn nguyên của vũ trụ, đây gọi là thành Phật. Vì nhà khoa học cách xa một đoạn, đoạn đó là không có cách phá vỡ, vì sao vậy? Vì họ dùng suy nghĩ. Không thể dùng suy nghĩ, suy nghĩ là vọng niệm, vọng chỉ duyên đến vọng, vọng không thể duyên đến chân. Nếu là chân, bắt buộc phải buông bỏ khởi tâm động niệm, lúc đó chân tâm mới hiển lộ, quý vị sẽ thấy nó ngay. Đây là đạo lý căn bản trong Phật pháp, quý vị phải hiểu rõ, hiểu đúng, thì không vấn đề nào của vũ trụ không thể giải quyết, không có nguyên nhân của việc nào mà quý vị không hiểu rõ, nhân trước quả sau bạn đều nắm vững. Vì vậy gọi là tin tức là nói sự thật.

“Thật” là tự tánh, chân tánh, nó là chân thật, tất cả những hiện tượng khác đều biến đổi, hiện tượng vật chất biến đổi, hiện tượng tinh thần cũng biến đổi, hiện tượng tự nhiên cũng đang biến đổi, tất cả những gì biến động đều không phải là chân, chân phải là không biến đổi. Đại sư Huệ Năng đã nói rất cụ thể: “đâu ngờ tự tánh, vốn tự thanh tịnh”, thanh tịnh bất động, nó vốn không sinh diệt, vốn đã đầy đủ, vốn không dao động, cuối cùng là năng sanh vạn pháp, cả vũ trụ này đều do nó biến hiện ra. Biến hiện như thế nào? Phật pháp nói là do một niệm bất giác. Ý nghĩa của một niệm bất giác rất sâu sắc. Sao lại có một niệm này? Không có nguyên nhân, sau một niệm này mới có nguyên nhân, niệm thứ nhất là không có nguyên nhân. Niệm thứ nhất có từ khi nào? Không có thời gian, nó không có thời gian, không có không gian, rất khó hiểu. Cho nên đức Phật dạy chúng ta rằng: Ngay đây. Nghĩa là một giây có một phần một ngàn sáu trăm triệu, một niệm là như vậy. Vì thế không thể nói một niệm là có ý niệm nhưng cũng không thể nói

nó không phải là niệm. Quý vị nói nó không phải niệm, nó có đây. Nếu quý vị nói nó có niệm thì đã không thấy nó rồi. Vì vậy có niệm và không niệm là một, muốn đi vào cảnh giới này, quý vị phải chứng quả vị Bồ tát.

Ở quả vị của Bồ tát, quả vị nào mới có thể nhìn thấy? Nghĩa là tâm thanh tịnh, thì có thể cảm nhận được, đây là điều có thực, không phải giả dối. Phật nói Bồ tát bát địa, bát địa tức bất động địa. Bồ tát có năm mươi hai cấp bậc, đây là năm cấp cao nhất, quý vị xem, bát địa, cửu địa, thập địa, đẳng giác, diệu giác, năm địa vị này có thể nhìn thấy. Những địa vị dưới đó thì không thể thấy được. Những địa vị dưới đó chỉ nghe Phật nói mà thôi, giống như chúng đang nghe đây, cũng nghe Phật nói. Sở dĩ như thế này là vì chúng ta chưa chứng đắc. Vì thế Phật pháp là khoa học, chưa chứng được thì không tính đến, cần phải tự mình chứng đắc, những gì Phật nói với quý vị, quý vị phải chứng minh điều đó là chân thật lúc đó mới ứng dụng nó. Nếu chưa chứng đắc, chỉ nghe thôi là không được. Nghe nói gọi là giải ngộ, giải ngộ thì không thể giải quyết vấn đề, phải chứng ngộ thì vấn đề mới được giải quyết.

Giống như những vấn đề phát sinh trên địa cầu chúng ta đang sống ngày nay, những vấn đề phát sinh trong thân thể, trong cuộc sống của chúng ta là chuyện nhỏ, những vấn đề này giải ngộ có thể giải quyết được. Nhưng chuyện của cả vũ trụ là chuyện lớn thì cần phải chứng ngộ mới giải quyết được.

“Thật”, đó là tự tánh, cần phải tin tưởng, vì vậy câu đầu tiên trong sách giáo khoa của người xưa là “nhân chi sơ, tánh bản thiện”, câu nói này rất sâu sắc!

Quý vị xem Đại học, cuốn sách đầu tiên trong bộ tứ thư, câu đầu tiên là “đại học chi đạo, tại minh minh đức”, minh đức đó là thật đức ở đây nói. Ở đây gọi là thực đức.

Tiếp theo là “thân dân”, “dùng nơi chỗ chí thiện”, đó là “năng”, thực đức năng. Phải tin tưởng vào những vấn đề như vậy, tin bằng cách nào? “Thâm nhận”, nhận ở đây là gánh vác, quý vị thừa nhận nó, tin tưởng nó, mà lại thừa nhận một cách sâu sắc, tin tưởng nó một cách sâu sắc. Vấn đề này ngày nay chúng ta đã hiểu, phản ứng của nó làm sức khoẻ thêm dẻo dai, những mầm bệnh không thể nào xâm nhập được, vì quý vị có năng lực. Ngôn ngữ bây giờ gọi là sức miễn dịch, sức miễn dịch là lòng tin. Nếu một người đã đánh mất niềm tin, dù một bác sĩ giỏi cỡ nào cũng không thể chữa khỏi bệnh cho anh ta được. Vì thế chúng ta phải thật tinh tường.

Hơn hai mươi mấy năm trước, ở Mỹ, có lần tôi bị cảm cúm bèn tìm đến một bác sĩ, tôi với ông nói chuyện rất ăn ý, tôi nói: Thực sự bác sĩ không thể trị bệnh. Nghe thế ông kinh ngạc, tôi tiếp: Làm sao để trị lành bệnh được? Lòng tin. Nếu người bệnh có niềm tin với thầy thuốc, thầy thuốc có lòng tin với bệnh nhân thì nhất định bệnh sẽ được chữa lành. Nếu bệnh nhân không tin tưởng thầy thuốc thì thầy thuốc không thể chữa lành cho bệnh nhân được. Khi tôi nói với ông ta điều đó ông cảm thấy có lí, ông ta đồng ý với cách nghĩ của tôi. Lòng tin, lòng tin mạnh mẽ nhất đó là tin bản thân mình, mầm bệnh là giả, không phải thật, nó từ đâu mà có? Từ tham, sân, si, mạn, nghi. Nếu trừ được tham, sân, si, mạn, nghi thì quý vị sẽ mạnh khoẻ, không bệnh tật. Nếu con người ta không tự tư tự lợi, mỗi ý nghĩ đều từ bi, giúp đỡ mọi người, thì quý vị là Bồ tát tái thế, quý vị với Bồ tát là một, đó là không tự tư tự lợi.

“Lạc”, lạc ở đây là yêu quý, “dục” là hi vọng, trong đó phải có nhiều điều kiện, chữ “thâm” bao gồm “thâm nhân”, “thâm lạc”, “thâm dục”. Lòng ham muốn ở đây là gì? Ham muốn kiến tánh, không phải là những ham muốn khác, tôi muốn được minh tâm kiến tánh, tôi muốn thấy rõ chân tướng các pháp, tức là chân tướng của vũ trụ nhân sinh, tôi muốn hiểu tường tận tất cả những vấn đề đó. Sau khi đã hiểu tường tận, quý vị sẽ phát hiện một vấn đề lớn, đó là vũ trụ này với ta cùng một thể, không phải một nhà mà là một cơ thể! Bởi thế vì sao Phật lại yêu quý chúng sanh như vậy, là vì lí do này. Phật với chúng sanh phải nói là vô duyên đại từ, cách yêu thương này “vô duyên”, có nghĩa là không kèm theo điều kiện. Đồng thể đại bi. Vì sao phải thương yêu chúng sanh, giúp đỡ chúng sanh, khi chúng sanh hoạn nạn liền đến cứu, vì sao? Vì chúng sanh cùng một thể với các ngài. Sau đó quý vị mới hiểu được, tâm chúng ta là đồng nhất, vì thế khi chúng ta khởi tâm động niệm thì chư Phật Bồ tát biết ngay, không những chư Phật Bồ tát biết mà, cây cỏ hoa lá, sơn hà đại địa cũng biết, điều này là có thật. Động vật chưa chắc đã biết, vì sao vậy? Vì động vật cũng phiền não, tâm nó không thanh tịnh.

Cây cỏ hoa lá, sơn hà đại địa làm sao biết được? Tiên sĩ Giang Bồn đã làm thí nghiệm về nước, tâm của nó vốn định, không có phiền não, không có tham, sân, si, mạn, nghi, vì thế nó hiểu, nước cũng hiểu. Tôi nói với tiên sĩ Giang Bồn, khi ông đang ở phòng thí nghiệm tôi có ghé hai lần, tôi nói: Không những nước hiểu được mà tất cả những hiện tượng vật chất đều có thể hiểu được. Việc này, lần này tôi đến Đài loan để khám răng, một số bạn học đang làm thí nghiệm, họ cũng

dùng mô hình của tiến sĩ Giang Bồn. Họ thí nghiệm với một số vật khác như cát, hạt cát, một số kim loại, đất, để làm thí nghiệm. Kết quả cho thấy những vật đó có thể thấy, nghe được, hiểu được ý người. Họ còn thí nghiệm mùi vị, họ lấy ớt, giấm, để thử vị giác, để xem nước có thể biết được vị cay, vị chua hay không và phản ứng của nó ra sao. Lần thử nghiệm này tôi cho là đúng, có thể thí nghiệm cho thấy sắc thanh hương vị xúc. Như thế so với tiến sĩ Giang Bồn sẽ cao kiến hơn. Tôi đến thăm phòng thí nghiệm của họ, thấy họ tiến bộ hơn tiến sĩ Giang Bồn rất nhiều, phương pháp của tiến sĩ Giang Bồn hơi cũ kĩ, một số máy móc cũ, kính hiển vi chỉ phóng to gấp 200 lần, còn kính hiển vi kia phóng to gấp 500 lần, qui mô phòng thí nghiệm cũng bề thế hơn, đến năm sáu người làm công tác chuyên môn, làm thí nghiệm. Nhưng quan trọng nhất là dùng khoa học để chứng minh, việc chúng ta khởi tâm động niệm thì sơn hà địa địa đều biết. Vì vậy khi lòng tin của chúng ta bị đánh mất thì sơn hà đại địa sẽ lỏng ra. Vấn đề này rất quan trọng, nơi địa cầu chúng ta đang sống đây, muốn nó vững bền, muốn nó bình thường, nhưng quý vị không có lòng tin vững chắc là không được. Nếu quý vị thực sự “thâm nhân lạc dục, thì vẻ đẹp của địa cầu không thua kém gì thế giới Cực lạc. Thế giới Cực lạc hoàn toàn giống với chúng ta, tại sao nó tốt đẹp đến thế còn chúng ta xấu xí thế này? Con người ở đó toàn là người thiện, không có kẻ xấu, “đều là những người thiện cùng ở một chỗ”, những cư dân của chúng ta ở đây toàn tự tư tự lợi, chạy theo danh vọng lợi dưỡng, tham sân si mạn, những thứ mà những người bên kia không có. Những cư dân trên địa cầu của ta, nếu cố gắng tiếp thu lời dạy của Phật, gạt bỏ những tâm lí xấu xa, thì địa cầu của chúng ta không khác gì thế giới Cực lạc, dứt khoát là không khác. Lúc ấy cơ thể của chúng ta sẽ không còn thể xác máu thịt này nữa mà hoàn toàn giống với thế giới Cực lạc thân kim cương bất hoại, thân có vô lượng tướng, tướng có vô lượng vẻ đẹp, tuy lớn tuổi nhưng hình dáng không thay đổi, mãi trẻ đẹp, không có biến đổi. Việc này ta có thể làm được, đạo lý là ở điểm này, nếu quý vị hiểu rõ được điều đó, thì quý vị mới có thể tin tưởng, quý vị biết chuyện này là thật, vì có sự chứng minh của các nhà khoa học. Vì vậy những khởi tâm động niệm của chúng ta, có liên quan rất mật thiết với cả địa cầu.

Quý vị xem thế giới ngày nay, dân số đông như thế, nếu người phương đông không tin vào đạo đức luân lí, người phương tây không tin vào tôn giáo, thánh thần. Địa cầu có tình trạng như ngày nay, nguyên nhân xảy ra nhiều tai nạn, chúng ta đã quá rõ. Nên ứng dụng phương pháp nào để hoá giải, để đối trị, chúng ta cũng đã biết, vấn đề là quý vị tin hay không. Nếu quý vị cho tôn giáo của chúng

tôi là mê tín thì không nói gì, nhưng nếu quý vị tin tưởng, thực tâm muốn nghiên cứu thì đạo lý đã có ngay trong đó. Vì vậy nói không thể giúp đỡ người khác, thì người học Phật trước hết phải giúp đỡ chính mình, thân tâm của mình mạnh khỏe, phải làm cho thiên tai nơi mình đang sinh sống giảm bớt, điều này ai cũng có thể làm được! Đây là đại học vấn đấy. Chúng ta đã học tập môn này đến sáu mươi năm. Giảng kinh dạy học đã năm mươi ba năm rồi, càng nghiên cứu càng hiểu sâu thì càng an lạc, tất cả các môn học của thế gian không thể bì kịp, trong này đã nói hết rồi. Với vấn đề này, quý vị phải hiểu, bất luận là nước trong hay nước ngoài, ngày xưa hay hiện tại, một khi tiếp cận không có gì là quý vị không hiểu, vì thế chúng ta nói đến “tịnh tín”.

“Tâm tịnh vi tánh”, thể tánh của nó là tâm thanh tịnh, trong tâm thanh tịnh mới có thâm nhẫn, thâm lạc, thâm dục. Muốn hiểu lòng ham muốn, ta dùng một câu trong kinh Vô lượng thọ để chứng minh: “tất cả đều thành Phật”, đó là ước muốn của Phật A Di Đà, muốn tất cả chúng sinh đều thành Phật, giống như ngài không khác.

“Cần gì nói tâm tịnh, vì tâm đã là điều kì diệu”, vì sao không dùng nhẫn, lạc, dục mà dùng tịnh làm tánh? Vì tâm là điều kì diệu nhất. Tâm ở đây là chân tâm, là tự tánh, chân như, trong tất cả pháp nó năng sanh, năng hiện. “Nhu viên ngọc làm nước lắng xuống, có thể làm nước trong trở lại”. Vì thế người có tâm thanh tịnh thì tất cả những cái bản đều không còn. Cái bản là giả, không phải thật. “Lại các pháp không sạch, mỗi mỗi đều có tướng, chỉ có người không tin, thân họ mới vẫn đục”. Câu nói thật tuyệt!

Thế nào là pháp không sạch? Mười pháp giới đều không sạch, pháp giới tứ thánh, trên sáu đường, đó là Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, Phật, gọi là pháp giới tứ thánh. Trong pháp giới tứ thánh có nhiễm tịnh nhưng không có thiện ác, bởi tứ thánh là tịnh, so với sáu đường thì sáu đường là nhiễm, pháp giới tứ thánh là tịnh. Nói theo cách của Phật Thích Ca Mâu Ni ở cõi Ta bà thì pháp giới tứ thánh là tịnh độ của cõi Ta bà, sáu đường là uế độ của cõi Ta bà. Trong cõi nhiễm độ có thiện ác, thiện, đó là cõi người và cõi trời. Ác, đó là ba đường ác: ngạ quỷ, địa ngục, súc sinh. Vì thế tứ thánh là tịnh độ. Nếu nói theo thuật ngữ thế giới Cực lạc, tứ thánh là cõi phương tiện, sáu đường là cõi đồng cư, cõi phàm thánh đồng cư. Song cõi nhiễm tịnh của thế giới Cực lạc không giống những thế giới khác, trong những thế giới khác có thiện ác, thế giới Cực lạc không có. Tuy là cõi phàm đồng cư, tức là có người, trời, nhưng không có ba đường ác địa ngục, quỷ đói, súc sanh,

không có Tu la, La sát. Nhưng họ được nguyên lực của Phật A di đà giúp đỡ, khiến cho trời và người ở đó có trí tuệ, năng lực, phước báo như Bồ tát, đó là do Phật A di đà gia trì cho họ. Vì vậy thế giới Tây phương biến thành thế giới bình đẳng. Gia trì như thế nào? Gia trì đến lúc giống với Phật A di đà mới thôi, đây là một việc rất tuyệt vời. Đúng như chúng ta nói, không một chút thiên vị. Có thể ví như ông vua trong đời này, đối với rất nhiều tầng lớp xã hội khác nhau, vua đều muốn đãi ngộ họ giống như đối với mình, mặc một thứ y phục giống nhau, ăn những thức ăn giống nhau, cư trú trong những cung điện giống nhau, điều này chưa hề có! Cho dù vua có đối xử tốt với quý vị bao nhiêu nữa, cũng phải có đẳng cấp, nhưng thế giới Cực lạc không có đẳng cấp, tất cả đều bình đẳng. Vì vậy khi sanh qua thế giới Cực lạc, hình dáng của quý vị khi lớn lên sẽ thế nào? Giống đức Phật A di đà. Điều này đã được nói trong bốn mươi tám đại nguyện của ngài. Trong năm kiếp tu hành, ngài đều thực hiện nó, thực hiện những điều ngài đã phát nguyện. Bộ kinh này đã giới thiệu thế giới Cực lạc có lí, có sự, có nhân, có quả. Vì thế nên nói mười pháp giới mỗi mỗi đều có tướng của nó, tuy mỗi cõi đều có hình dáng riêng, nhưng nếu tin tưởng thì mỗi cõi đều không vắng đục. Vì sao vậy? Có trật tự.

Khi Phật giáo chưa truyền đến Trung quốc, tổ tiên của chúng ta, tôi tin rằng văn hoá truyền thống xưa không dừng lại ở năm ngàn năm. Đạo Bà la môn của Ấn độ đã có sự giao thoa với chúng ta. Những năm gần đây làm việc đoàn kết giữa các tôn giáo, bây giờ gọi là đạo Hindu, trong kinh nói là đạo Bà la môn, một trưởng lão của đạo này nói với tôi: Lịch sử của họ ít nhất là mười ba ngàn năm, tôi nghĩ văn hoá truyền thống của chúng ta không thể ít hơn họ, ít nhất cũng được mười ba ngàn năm. Nhưng người Ấn độ không coi trọng lịch sử nên họ không ghi chép theo kiểu biên niên để truyền lại. Từ thời Hoàng Đế Trung quốc mới phát minh chữ viết, cần biết rằng, những ghi chép của Trung quốc có được bắt đầu từ thời Hoàng Đế, đến nay đã bốn ngàn năm trăm năm, trước giai đoạn bốn nghìn năm trăm năm đó không có ghi chép. Từ Hoàng Đế đến Thần Nông là năm trăm năm, từ Thần Nông đến Phục Hi là năm trăm năm, Bát quái là do Phục Hi vẽ, vì thế Phục Hi có trước Hoàng Đế một ngàn năm. Vậy trước năm ngàn năm có hay không? Chắc chắn là có. Khổng Lão phu tử là những người cực kì nhân hậu, thật thà, không bao giờ nói dối. Quý vị xem ông nói về thái độ tu học của mình, nói rất hay, chúng ta nên học tập, họ nói rằng cả đời mình “thuật nhi bất tác”, chứng minh sở học, sở tu, sở giáo, sở truyền của ông, không phải của ông mà là của cổ nhân, tổ tiên từ ngàn xưa truyền lại, ông chỉ biết tiếp thu. “Tín nhi hiếu cổ”, ông

rất tin tưởng, không một chút hoài nghi bậc cổ đức. “Hiếu” là vui vẻ, là ưa muốn. Hoàn toàn học cổ nhân, các bậc cổ thánh tiên hiền. Vì vậy Khổng tử được các người đời sau tôn xưng “tập đại thành”, bản thân ông không hề sáng tạo, không có phát minh. Trong cuốn Luận ngữ có rất nhiều câu nói như “Tử viết”, tức Khổng tử nói. Tôi tin rằng rất nhiều câu nói là do người xưa truyền lại, chúng ta có thể tin tưởng được. Ông tin những lời người xưa là những lời của ông, ông tin là ông làm được, ông chứng minh đó không phải là những sai lầm, nhất định có những điểm hay. Ông tự mình làm một người chứng minh để mọi người thấy.

Không giống ngày nay, từ nhỏ đã được dạy sáng tạo, phát minh, những việc sáng tạo quá nhiều, quý vị nghĩ sáng tạo khoa học kỹ thuật tốt hay không? Nếu nghĩ kỹ thì nó là điều tốt, mang lại tiện nghi sinh hoạt cho chúng ta hai trăm năm nay, nhưng điểm yếu của nó là gì? Huỷ diệt địa cầu. Kiểu hưởng thụ hai trăm năm nay làm tăng lên mức độ huỷ diệt địa cầu, lợi bất cập hại. Điều này chứng minh người xưa có hay không tư tưởng khoa học? Có. Nhưng làm sao người ta không phát triển nó? Họ biết được nhược điểm của nó nên không muốn đi tiếp. Rõ ràng nhất, trong những thư tịch cổ, ta thấy thời Vương Bôn đã có người học học bay lượn, tạo những máy móc để bay giống máy bay ngày nay, cách vận chuyển bằng trâu ngựa được cơ giới hoá của Gia Cát Lượng. Tại sao sau khi đã làm ra, chưa sử dụng bao lâu đã phá bỏ? Sau khi Gia Cát Lượng mất thì những thứ đó cũng bị phá huỷ, không để lại cho người đời sau, đây có phải là muốn giữ riêng cho mình? Không. Biết rằng phát triển những thứ đó sẽ gây rất nhiều phiền toái, họ rất hiểu, điều này chứng tỏ người xưa như thế nào? Họ có quan niệm đạo đức, họ có lòng thương, không nỡ tạo những nhiễu loạn cho xã hội, không nỡ phá huỷ địa cầu. Người nước khác không có đức hạnh như thế, thích phô trương nên muốn đột phá và cái giá phải trả cũng quá đắt, giới khoa học cũng hiểu vấn đề này.

Chúng ta cũng đọc một số báo cáo, năm sáu vạn năm về trước, khoa học kỹ thuật trên quả địa cầu này cũng đã phát triển đến đỉnh cao. Atlantis, một người ngoại quốc đã ghi chép rất cụ thể, nguồn năng lượng khoa học kỹ thuật của Atlantis được lấy từ không gian, nên không hề ô nhiễm, giống như ô tô, máy bay không có âm thanh, nhưng quốc gia này tự nhiên chìm xuống Đại tây dương, lúc bấy giờ là nước Đại Tây, nên bây giờ mới có tên Đại Tây Dương, đã chìm xuống đáy biển. Nhà khoa học cũng dự báo, khi tôi ở Mỹ, tôi vẫn mua được rất nhiều những tấm bản đồ do họ vẽ, có lẽ một số người cũng đã nhìn thấy. Quả đất bây giờ rất

nhiều lục địa đều đã chìm xuống biển. Hiện nay chúng ta biết tại sao nó lại chìm xuống biển, họ thấy được nhưng họ không hiểu lí do tại sao. Là bởi lòng tin đối với đạo đức luân lí, với bản tánh thiện của mình đã bị đánh mất, tin tưởng quá vào khoa học kĩ thuật là một sai lầm, tin tưởng tánh đức tự tánh, tin tưởng đạo đức luân lí là sự tin tưởng đúng đắn, như thế địa cầu mới vững vàng. Đặt hết niềm tin vào khoa học kĩ thuật thì địa cầu sẽ bị lung lay, tự dừng lung lay, sẽ bị chìm ngấm. Hiện nay chúng ta thường nghe ở đâu đó có một cái hố tử thần, không lâu sau lại mở toác ra, tôi chưa từng thấy nhưng nghe rất nhiều. Lão cư sĩ họ Tề từng nói với tôi, nó thụt xuống sâu đến mấy mét, ở Tế nam có không? Rất nhiều nơi ở Trung quốc có hiện tượng này, nước ngoài cũng có, cả thế giới đều có. Tất cả những hiện tượng này là do đâu? Hiện tượng đánh mất niềm tin, quý vị không học Phật nên không hiểu, cho là chuyện lạ. Chúng ta đã học Phật rồi, biết đó là chuyện bình thường do nó có nguyên nhân. Không những không tin mình có thể làm được, gọi là “tự mình làm vắn đục”, tức là tư tưởng của chúng ta hỗn loạn thì xã hội này cũng hỗn loạn, những xung đột trong xã hội gây nên sự hỗn loạn xã hội.

“Lại làm như bản những tâm khác, như làm ô uế vật, tự mình ô uế, làm ô uế người khác”. Nếu tâm này đã như bản rồi thì nó sẽ ảnh hưởng tám thức và năm mươi một tâm sở, làm cho tất cả đều hư hỏng, điều này gây phiền phức rất lớn. Chúng ta hiểu ngày nay có rất nhiều hiện tượng phát sinh từ nơi này, “Tin chánh lật lại vấn đề, nên lấy tịnh làm tướng”. Chúng ta xây dựng tín tâm thì lập tức lật lại vấn đề, làm cho đúng đắn trở lại, vì thế không thể không có tín tâm. Giới khoa học cung cấp cho chúng ta một số chứng cứ, thấy thế chúng ta vui vẻ lắm, chúng ta bảo mọi người có thể khôi phục lại lòng tin, nhưng không thể làm được. Giới khoa học cung cấp chứng cứ cho chúng ta, đó là dân số trên địa cầu, độ khoảng sáu mươi lăm ức đến bảy mươi ức người, đó là tổng số người trên quả đất, lấy tỉ lệ 1% để tính, căn bình phương của 1%, độ trên dưới tám ngàn người. Nói cách khác, nếu trên địa cầu này xuất hiện độ tám ngàn người, làm theo những gì trong kinh Phật nói, thì có thể cứu được địa cầu này. Nếu tám ngàn người đều là những người giác ngộ. Sáu, bảy mươi ức con người mê hoặc điên đảo, tạo tội nghiệp thì không thể tạo thành tỉ lệ, làm sao có phương pháp? Chuyện này khiến tôi nhớ người xưa có câu: Tà không thể thắng chánh. Dù bao nhiêu người tà đi nữa, chỉ cần một người chánh là có thể đánh bại. Vì vậy, giới khoa học nên đưa ra một thí dụ cụ thể. Giống như một thành phố có vài trăm ngàn dân, tất cả người dân đó đều tạo nghiệp, trong số đó có độ trăm người thực sự có đức hạnh, thì cho dù có

những người tạo nghiệp nhưng thiên tai sẽ không ghé góm, không thể huỷ diệt được, đó là nhờ một trăm người kia có tâm chân chánh. Những việc như thế mới khiến chúng ta lòng tin, nếu không có như thế thì lòng tin chúng ta không tồn tại. Nhu cầu đầu tiên bây giờ của chúng ta là, chúng ta là những học sinh của học hội Tịnh tông, học hội Tịnh tông trên toàn thế giới, nếu có thể tìm được tám ngàn người, số người này có thể quên mình vì người, nếu vẫn còn tự tư tự lợi thì không thể thực hiện được. Kinh Vô lượng thọ đã nói thông đạt sáng tỏ, tự mình thực sự phát tâm, hành đạo Bồ tát, quên mình vì người, cứu xã hội, cứu quốc gia, cứu thế giới, chỉ cần tám nghìn người. Không cần họ tập trung lại một chỗ, rải ra các nơi nhưng vẫn tạo ra được sức mạnh, đây là một tin tốt lành, căn bình phương của 1%. Phát tâm như thế thì quý vị có thể làm được những việc có ích rất lớn. Một lượng chúng sanh tạo ác nghiệp như thế, dù họ tạo nghiệp thế nào đi nữa thì cũng nên tha thứ cho họ, không cần truy cứu họ, vì sao vậy? Họ với ta là một thể, không cần phải hỏi nguyên nhân, cứu giúp là quan trọng, so với thứ gì nó cũng quan trọng.

Lần này đến Austraylia, tôi gặp một số bạn bè hỏi tôi về vấn đề làm thế nào để khôi phục xã hội hiện tại trở nên an ổn, hài hoà? Vì họ là người nước ngoài nên tôi đã nhắc lại câu nói của Thacher: Những thập niên 70 Thacher đã từng nói, muốn giải quyết vấn đề của xã hội của thế kỉ 21, chỉ có học thuyết Khổng Mạnh và Phật giáo Đại thừa. Học thuyết Khổng Mạnh là gì? Bây giờ chỉ dùng phương pháp đơn giản nhất, bốn chữ: Nhân, nghĩa, trung, thứ. “Khổng tử nói thành nhân, Khổng tử nói giữ nghĩa” Hai chữ nhân nghĩa biểu trưng cho Khổng Mạnh. “Đạo của Phu tử chỉ có trung và thứ”, giữ trung thứ. Nhân là thương người, đầu tiên phải học thương người, vì sao vậy? Vì người với ta là một, không hai, thương người chính là yêu thương bản thân mình, không yêu người thì cũng không thể yêu mình được. Thứ hai là nói chữ nghĩa, nghĩa là gì? Tất cả khởi tâm động niệm, lời nói hành động đều phải hợp tình, hợp lí, hợp pháp, đó gọi là nghĩa, nghĩa là thuận lí, tôn trọng đạo lí, tức là làm việc gì cũng để tâm đến tình, lí, pháp. Cứu rỗi thế giới hiện tại, trung là tâm, là tâm ngay thẳng, không thiên vị đó gọi là trung, ta dùng ý này để nói. Quý vị phải dùng tâm chân thành, không thiên vị, không có tâm tà để đối xử với mọi người, ứng xử công việc, ứng xử với mọi vật. Cuối cùng, thứ. Bất luận người khác tạo những tội ác gì cũng nên tha thứ cho họ. Khổng tử nói “việc đã qua không nhắc nữa”, việc đã rồi không nhắc lại, bất luận họ thiện hay ác cũng không nhắc đến. “Việc xong không can ngăn nữa”, thấy người khác làm việc gì, mình nghĩ nó sẽ thành công, không cần phải khuyên nhủ

nữa. “Việc đã qua không trách cứ nữa”, bất luận họ làm sai việc gì cũng không truy cứu, cần phải thay đổi trong một hoàn cảnh đã an ổn, thì xã hội sẽ không loạn động. Khi đang hỗn loạn thì không thể thành tựu, nhất định phải an ổn. Nó sẽ là một cộng đồng cùng lợi ích khi muốn hợp sức để chống lại, thì xã hội sẽ loạn. Không thể loạn, khi cho dù tạo những tội ác gì đi nữa, những chuyện đã qua không nhắc đến, không truy cứu. Mọi người cùng nhau học văn hoá truyền thống, học Phật, hãy để cho mọi người lần lượt giác ngộ, những việc như thế chỉ thực hiện được khi xã hội ổn định. Ứng dụng tất cả những yếu tố đó của nhà Nho, cộng thêm yếu tố chân thành, từ bi của Đại thừa, nó giống như đạo lí của Khổng Mạnh. Dụng tâm chân thành để tu tập từ bi.

Vì sao họ làm nhiều tội ác như thế vẫn tha thứ được? Vì không ai dạy dỗ họ, không ai dạy họ để họ tạo tội ác mà ta lại trừng phạt họ như thế là không công bằng, không nỡ, không thể hành động như thế được. Họ đã được giáo dục thì ta trừng phạt mới hợp lí, đằng này họ chưa từng được dạy dỗ. Trong kinh Vô lượng thọ Phật dạy: “Tiên nhân không tốt, không hiểu đạo đức, đừng nên trách họ, đừng mắng mỏ họ”. Đừng trách mắng họ, bố mẹ họ không hay biết, ông bà nội họ cũng không biết, ông bà cố nội họ cũng không biết. Quý vị xem nước trong với nước ngoài, đánh mất truyền thống ít nhất hai trăm năm nay, quý vị có thể trách cứ họ được không?

Hôm qua ông Diệp nói với tôi: Có một lưu học sinh, anh ta bảo anh ta thấy trên tờ báo kia, một người vừa đáp máy bay xuống, mẹ anh ta đến đón anh ta, đoán chắc cần tiền, cha mẹ đưa cho ít quá, không có nhiều để đưa, anh ta liền đánh luôn bà bị thương. Nhìn thấy cảnh tượng như thế, liệu có thể trách anh con trai kia không? Không thể. Vì sao? Vì anh này chưa được dạy dỗ, không hiểu đạo làm con, nếu từ bé mà anh ta đã được dạy đạo đức luân lí lúc đó mới phân xử anh ta được, đằng này anh ta không được dạy dỗ. Bởi thế nên đời này mới loạn, loạn đến thế này đây. Ai làm xấu đi nữa cũng không nên truy cứu họ, nên quay lại tìm cách bảo ban họ, dạy hơn một năm mà anh ta vẫn phạm sai lầm, giống như dạy nửa năm mà anh ta phạm sai lầm thì nên nhắc nhở, lúc đó dạy một năm mà anh ta cứ phạm thì mới xử phạt, lúc đó anh ta mới khâm phục. Nếu quý vị không dạy dỗ, anh ta làm sai quý vị lại trừng phạt, điều này không phù hợp với đạo nghĩa. Vì vậy dùng phương pháp này để đối xử đó là rộng lượng khoan dung, coi tất cả chúng sanh như chính mình. Như mình đã làm một việc sai, liệu mình có hi vọng người khác tha thứ cho mình không? Vậy thì người khác làm sai ta cũng nên tha thứ cho

họ đi. Họ chưa được dạy dỗ, ta đã được học, đã hiểu, ta nên tìm cách dạy dỗ họ. Tất cả những cảnh tượng hỗn loạn như ngày nay, cũng như cảnh tượng hỗn loạn của địa cầu là từ đâu? Đó là việc không giữ gìn văn hoá truyền thống, nhất định phải tìm về với cội nguồn ông bà tổ tiên thì vấn đề mới có thể giải quyết được. Họ sẽ nghe và đáp lại lời thỉnh cầu của chúng ta, thấy phương pháp này khả dĩ, có tính khả thi.

Ngoài ra còn có những cá nhân đề xuất một vấn đề rất sắc sảo, lần đầu tôi được nghe, đối với chế độ dân chủ, người phương Tây đã bắt đầu có sự hoài nghi, liệu chế độ dân chủ có phải là chế độ tối ưu? Họ đã đặt vấn đề này với tôi. Tôi trả lời chế độ dân chủ là một chế độ quá độ, không phải là một chế độ tối ưu vì thế ngày nay nó chỉ thứ yếu, không phải quan trọng nhất, là bởi lòng người đã hỏng. Nếu lòng người tốt thì dù chế độ tồi đến mức nào họ vẫn kiến tạo được một xã hội tốt đẹp. Tâm tốt! Nếu lòng người đã không tốt thì chế độ tốt bao nhiêu đi nữa, con người vẫn cứ sai lầm. Vì vậy thế giới ngày nay, chế độ chưa phải là vấn đề mà vấn đề ở chỗ lòng người. Quý vị muốn cứu quốc gia, muốn cứu một vùng đất, muốn cứu thế giới này, nếu quý vị không tìm về với những lời giáo huấn của thánh hiền, thì không có phương pháp nào khác, lời dạy của Thánh hiền là trí tuệ chân thật. Kinh Vô lượng thọ nhắc đến ba thứ chân thật, phạm vi chân thật, trí tuệ chân thật và lợi ích chân thật. Đáng tiếc bây giờ rất ít người đề cập đến vấn đề này. Tuy rất ít nhưng bây giờ vẫn tồn tại, đó là công cụ khoa học kỹ thuật bậc cao, chúng ta sử dụng mạng, vệ tinh để kết nối với những người bạn cùng học có duyên, mỗi ngày cùng nhau chia sẻ. Nếu có thêm mười mấy người thầy giáo, chúng ta có thể xây một ngôi trường không trung, suốt hai mươi bốn giờ đều phát tin để giáo dục, điều này rất có lợi cho một xã hội hiện đại. Mười mấy con người ấy chắc chắn sẽ làm việc và tu học rất chăm chỉ, không thể đưa kinh điển thành môn học thuật chỉ thuần túy nghiên cứu, không thể được, mà phải theo lời kinh dạy để tu tập. Tất cả các bước tin, lí giải, thực hành, chứng đắc đều phải bắt tay vào làm. Khi đã thực hiện được rồi sẽ thấy niềm vui trong tự thân. Khổng tử đã nói: “Học nhi thời tập chi bất diệc duyệt hồ”. Kinh Phật dạy “thường sinh hoan hỷ tâm”, “pháp hỷ sung mãn”, đó là những lời phản ánh đúng đắn nhất.

Tôi cũng đã thực hành sáu mươi năm và đã cảm nhận niềm vui vô biên trong đó, càng tìm hiểu càng thấy hứng thú, càng làm việc tinh thần càng sáng khoái. Nếu ba ngày bảo tôi không đọc kinh, ba ngày không giảng pháp, tôi cảm thấy như trong người có bệnh, điều này là có thật. Vì thế bây giờ tôi hiểu được rằng, cái gì

là dinh dưỡng quý nhất, dinh dưỡng quý nhất đó là hoan hỷ. Hoan hỷ từ đâu mà có? Hoan hỷ có từ trí tuệ. Không phải có từ tri thức, mà có từ trí tuệ. Phật pháp là trí tuệ, có trí tuệ thì vấn đề gì cũng giải quyết được nhưng tri thức thì không giải quyết được vấn đề. Nếu đem tri thức để giải quyết vấn đề thì di chứng sau này của nó là rất nghiêm trọng, chúng ta không thể không biết vấn đề này.

“Người tu Tịnh độ, quan trọng là giữ tâm thanh tịnh”. Người tu Tịnh độ nhất định phải hiểu tâm tịnh thì quốc độ tịnh. Điều kiện cốt yếu để sanh về thế giới Cực lạc, không cứ là niệm Phật nhiều ít mà tâm phải thanh tịnh, tâm thanh tịnh thì mới tiếp cận được thế giới Cực lạc. Tại sao tâm tịnh thì nước Phật tịnh? Vì cảnh tùy tâm chuyển. Chúng ta học pháp môn tịnh độ không phải ở môi trường, mà ở tâm. Khi tâm đã thanh tịnh thì môi trường xung quanh sẽ lắng trong, không còn ô nhiễm nữa.

Bảo vệ môi trường, từ lâu tôi đã nghe danh từ này, và tôi đã nói với mọi người không bao giờ thực hiện được việc bảo vệ môi trường, họ hỏi tại sao? Tôi trả lời là bởi tâm không thanh tịnh. Nếu tâm đã tịnh rồi thì môi trường xung quanh tự nhiên thanh tịnh. Tâm đã không tịnh, dùng phương pháp gì để mong môi trường xung quanh thanh tịnh, thì vẫn không thể làm nổi. Vấn đề này chỉ có Phật nói mới hết ý, văn hoá truyền thống xưa mới nói cụ thể và xem trọng công việc này. Con người hiện nay chỉ chú trọng khoa học, không để tâm đến đời sống tinh thần, không coi trọng tinh thần mà đặt nặng vật chất, bởi thế mới nảy sinh nhiều phiền toái mà bản thân mình không có phương pháp giải quyết. Tâm lí có khả năng giải quyết vấn đề vật chất nhưng vật lí không thể giải quyết vấn đề tâm lí, vì sao? Vật là do tâm sinh, vì vậy so với thứ gì tâm cũng là thứ quan trọng.

“Lòng tin là việc làm cấp thiết, minh cũng như thế”. Cấp thiết nhất là gì? Niềm tin. Không tin là rắc rối. Bây giờ thì điều rắc rối này đã thực sự lộ rõ, vì vậy những thiên tai mới liên tiếp xảy ra trên địa cầu. Nguyên nhân đầu tiên của những thiên tai này là gì? Lòng tin đã biến mất, nguy cơ của niềm tin không những gây xáo trộn xã hội mà còn gây những biến động trên địa cầu, đây mới là rắc rối. Ngày nay chúng ta nói tin Phật, người tin Phật rất nhiều nhưng được bao nhiêu người tin chắc chắn, mấy người hiểu tường tận? Họ không phải tin chắc chắn, không hề hiểu tường tận, như thế là không ổn, không thể giải quyết được vấn đề. Cần phải chánh tín, muốn chánh tín thì không thể không nghiên cứu kinh Phật, vì thế Phật Thích Ca Mâu Ni chịu khó giảng bốn mươi chín năm, vì sao? Tất cả những gì đã làm trong bốn mươi chín năm không gì hơn là giúp chúng ta bỏ nghi

sinh tín! Chỉ vì mỗi việc đó thôi, phá bỏ tất cả những nghi hoặc và giải thích tường tận cho ta rõ. Khi lòng tin trở lại thì vấn đề đã được giải quyết.

Vì vậy kinh A Di Đà Phật Cổ Âm Thanh Vương Đà La Ni nói: Tất cả Phật pháp và các loại thần thông hiện hoá ở Thế giới An lạc, tức thế giới Cực lạc là không thể nghĩ bàn. Nếu có người tin những chuyện như thế, nên biết người đó cũng không thể nghĩ bàn, những nghiệp báo họ nhận được cũng không thể nghĩ bàn.

Ý nghĩa của những câu trên thật sâu sắc, những chuyện không thể nghĩ bàn ở thế giới Cực lạc nhiều lắm, không bao giờ có thể nói hết, ai tin? Nhất là giới trí thức ngày nay. Khi còn thanh niên tôi cũng là một trong những thành phần trí thức, tôi không tin. Tôi ở cùng với thầy Lí mười năm, thầy lí đã dùng mọi cách để dẫn dắt nhưng tôi không chịu tiếp thu, tôi thường nói: Đó là pháp quá khó để tin! Nguyên nhân ở đâu? Vì chân tướng sự thật chưa được sáng tỏ với những vấn đề như thế, nên chúng tôi hoài nghi. Đến lúc nào tôi mới tiếp thu giáo lí Tịnh độ? Khi tôi giảng kinh Hoa nghiêm được một nửa, lần đầu tiên giảng kinh Hoa nghiêm, mất đến mười năm. Bỗng một hôm hứng khởi thế nào bèn nghĩ đến Văn Thù, Phổ Hiền tu pháp môn gì mà được thành tựu? Đây là hai vị Bồ tát lớn trong pháp hội Hoa nghiêm. Thiện tài đồng tử tu pháp môn gì? Thật ra trong kinh đã nói hết những thứ đại ý trong lòng tôi nghĩ. Tôi bất chấp kinh sách, cứ theo cách nói pháp của người xưa để nói cho mọi người, phần sau kinh dài quá không giảng hết được vì phải mất hai ba mươi năm mới nói hết bộ kinh này. Và lại lúc bấy giờ tôi hay ra nước ngoài nên công việc càng bị gián đoạn, không cách nào giảng liên tục được, vì thế cũng không thể nói thấu đáo những gì đã nói, tôi bèn lật phần cuối ra xem, đến quyển thứ ba mươi chín, phần “Tứ thập Hoa nghiêm”, thấy Văn Thù và Phổ Hiền đều phát nguyện cầu sinh Tịnh độ, tuyệt vời quá! Nếu Tịnh độ không đặc biệt thì làm sao Văn Thù và Phổ Hiền phát nguyện cầu sang đó được? Xem tiếp lại thấy Thiện tài đồng tử, xem tiếp những phần mà mình đã giảng. Xem lại tất cả một lượt mới phát hiện những thứ khi mình giảng không phát hiện ra, như chuyện đến thăm Tỉ kheo Tường Vân, là một. Người xưa nói: Ai vào trước làm chủ. Việc ai là chủ rất quan trọng, ai giới thiệu? Bồ tát Văn Thù. Giới thiệu Cát Tường Vân, đến thăm và học tập với ông ta. Ông này tu pháp môn niệm Phật, chuyên niệm Phật A di đà, tu Ban Châu Tam Muội. Ông này giảng cho Thiện tài đồng tử hai mươi một pháp môn niệm Phật. Chúng ta hiểu được đây là việc triển khai hai mươi một phương pháp kia, đó là tám vạn bốn nghìn pháp môn, là vô lượng pháp môn. Nói cách khác, vô lượng pháp môn đều là pháp môn niệm Phật,

điều này chúng tôi có thể hiểu được nhưng vẫn có sự nghi hoặc trong đó, vì sao? Vì không thấu triệt. Đến lúc chúng tôi đọc Hoàn Nguyên Quán mới tỏ ngộ. Người cuối cùng Thiện tài đến thăm, một bắt đầu, một kết thúc. Kết thúc là việc mười đại nguyện của Bồ tát Phổ Hiền dẫn dắt mọi người đến Cực lạc, từ đây tôi bắt đầu qui y với pháp môn Tịnh độ. Đa tạ thầy Lí đã mất mười năm dùng tất cả những phương tiện quyền xảo, nhưng đáng tiếc là tôi không tiếp thu. Sau khi đã rõ ràng, cụ thể, tôi mới rời khỏi Hoa nghiêm chuyên tu Tịnh độ, chuyên tu kinh Vô lượng thọ, vì kinh Vô lượng thọ là tiểu bản kinh Hoa Nghiêm. Người xưa nói: Kinh Vô lượng thọ là trung bản Hoa nghiêm, Kinh Di Đà là tiểu bản Hoa nghiêm, Kinh Hoa Nghiêm là đại bản kinh Vô Lượng Thọ. Cách phân loại lớn nhỏ không giống nhau, nhưng nội dung thì hoàn toàn giống. Vì vậy lần thứ hai giảng kinh Hoa nghiêm là do yêu cầu đặc biệt trước khi Phật tử họ Hàn vãng sanh hai ngày, bà mong tôi giảng kinh Hoa nghiêm. Nguyên nhân gì vậy? Vì có thể sau này không có ai giảng lần nữa. Bà mong tôi để lại một bộ, lúc bấy giờ vẫn còn dùng băng ghi hình, để lại một bộ băng ghi hình để người sau học tập tham khảo, tôi liền đồng ý.

Lần này là từ tiết Thanh minh năm ngoái đến nay đúng một năm, tôi đã ngưng giảng kinh Hoa nghiêm. Giảng thật kỹ kinh Vô Lượng Thọ, vì sao vậy? Vì thiên tai nhiều quá, có thể không kịp nữa, mà việc cấp cứu là rất quan trọng, trước hết là giảng xong bộ kinh này đã, tính đi tính lại, một ngày bốn tiếng, quyết không để gián đoạn, ước tính mười tháng là có thể giảng xong, tổng cộng là hơn một ngàn hai trăm giờ. Lần này tôi nói rất tỉ mỉ, nếu sau khi giảng xong bộ kinh này mà tôi vẫn còn sống, tôi sẽ giảng tiếp kinh Hoa Nghiêm, đây là một bộ kinh rất quan trọng! Chín ngàn năm sau thời mạt pháp, những người học Phật được độ, có sự thành công, ngoài pháp môn này không có cách nào khác. Bộ kinh này đã giới thiệu rất tỉ mỉ về thế giới Cực lạc. Một khi quý vị đã đọc xong không thể không tin tưởng, thực sự khởi được lòng tin, tin những chuyện lí và sự như trong kinh Vô Lượng Thọ đã nói, lúc đó quý vị đã trở thành một người không thể nghĩ bàn, nghiệp báo của quý vị không thể nghĩ bàn, vì sao? Vì quý vị quyết định sẽ niệm Phật vãng sanh, sau khi vãng sanh chắc chắn sẽ thành Phật, quá giỏi phải không? Chắc chắn đây!

Sách Yếu Giải viết, đây là những lời của đại sư Ngẫu Ích, giảng rất cụ thể. “Chỉ có người đại trí mới có thể tin một cách chắc chắn”. Người tin một cách chắc chắn là người có trí tuệ lớn, nếu không phải là người đại trí tuệ thì rất khó. Từ đó

có thể biết, khi mới bắt đầu tiếp xúc, giống như thầy Lí đem hết lòng để dạy dỗ, nhưng rất tiếc tôi không phải là bậc đại trí tuệ nên không chịu tiếp thu. Từ đâu mà có trí tuệ? Từ nơi kinh Hoa Nghiêm. Tôi giảng kinh Lăng nghiêm, giảng Pháp hoa, giảng Hoa nghiêm, có được chút trí tuệ từ đó. Ngoảnh lại nhìn mới bắt đầu có niềm tin, mới bắt tay vào làm. Hai câu của đại sư Ngẫu Ích nói thật chí lí.

Tập An lạc theo Luận chú lập tam tâm. Luận chú là cuốn sách chú giải Vãng Sanh Luận. Cuốn chú giải này là lời chú của pháp sư Đàm Loan thời Nam Bắc Triều. Pháp sư Đàm Loan là một đại đức kiệt xuất của tông Tịnh độ, người xưa tôn xưng ngài là Thần Loan, coi ngài như một vị Thần. Tập An lạc nương Luận chú để giảng, lập ba tâm. Thứ nhất: Thuận tâm. Như cách nói ngày nay của chúng ta là chân thật, hai chữ chân thật rất quan trọng, xưa nay, trong ngoài, bất luận pháp thế gian hay xuất thế, muốn thành công rực rỡ, quý vị phải để tâm quan sát, điều đầu tiên là chân thật. Lưu Tố Vân, mười năm đã thành tựu, mọi người hỏi bà bí quyết là gì? Câu đầu tiên bà trả lời là chân thật, thứ hai là nghe lời, thứ ba là thật tu. Bà đã nắm rất chắc. Thực ra, tất cả những người xưa nay thành công đều không thiếu sáu chữ. Ai thành tựu mà không nghe lời không chân thật, không thật tu? Tất cả đều phải như thế.

Nghe lời là gì? Nghe những lời trong kinh dạy, kinh dạy thế nào ta làm theo thế ấy, vì kinh là do Phật, Bồ tát nói ra, văn hoá truyền thống là do Thánh nhân nói, Không tử, Mạnh tử và những bậc trên đó nữa, như Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ, Chu công, đều là những bậc đại Thánh, nếu tin tưởng, nghe lời, theo lời dạy để thực hiện thì quý vị có thể thành công.

Đường Thái Tông lên ngôi hoàng đế, tự bản thân ông biết mình chưa đọc một cuốn sách nào. Chúng ta thấy lịch sử có ghi lại, năm ông mười tám tuổi triều Tùy loạn, ông khuyên cha ông khởi nghĩa, ông cũng cầm quân dẹp giặc. Trong sử sách có ghi, đây là một con người võ nghệ cao cường, ông ta vốn là một quan võ chứ không phải quan văn. Năm hai mươi tám tuổi lên ngôi hoàng đế, lúc bấy giờ, thời gian để bình định đất nước mất tất cả mười năm, còn đâu thời gian để học tập? Sau khi đăng quang, ông ta muốn có kiến thức, có phương pháp, có kinh nghiệm, để trị quốc, bình thiên hạ, tất cả những thứ đó tìm ở đâu? Bèn hạ lệnh cho Ngụy Trưng tìm những bậc cổ đức, bắt đầu từ tam hoàng ngũ đế đến thời đại trước đó là triều Tấn, giai đoạn này ước hơn hai ngàn năm. Trong sách cổ, chúng ta xem tư liệu lịch sử của giai đoạn này, trải hơn một vạn tám ngàn các loại, có giai đoạn nào nhiều thư tịch như thế không, trong một núi sách như thế mà tìm độ

vài ngàn loại, rồi trong số vài ngàn loại đó lại chọn tiếp, tìm ra những cuốn tinh hoa nhất, cuối cùng chọn được sáu mươi lăm loại, trong số này gồm kinh, sử, tử. Ba loại đầu tiên trong tứ khố đã đầy đủ, nhóm lại thành văn học, ông không thích. Điều ông ta muốn là những lời dạy về tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Bảo Nguy Trung thành lập một nhóm, tìm tất cả những ý có liên quan đến nhu cầu kể trên trong sáu mươi lăm loại đó mang ông xem. Công việc này mất độ ba bốn năm mới hoàn thành, tổng cộng năm mươi vạn chữ. Suốt ngày trên tay là những cuốn sách, không bao giờ rời mắt, vừa nghiên cứu vừa bắt chước làm theo, đây là hành động nghe lời, chân thật, nghe lời cổ đức, thật làm. Vì vậy mới có một quốc gia Đại Đường, một triều đại thịnh trị nhất trong lịch sử. Ở nước ngoài chúng ta thấy những con phố đời Đường, tầm ảnh hưởng rộng đến nhường nào, tất cả đều nhờ những bộ sách đã nói, đây là bảo bối trị quốc. Tất cả những sao chép toàn là nguyên văn, không có sửa đổi, mỗi bộ sách được sao ra toàn nguyên văn. Nhưng bộ sách này, sau khi triều Đường diệt vong, nó đã thất truyền. Vì vậy “Đường thư” tức cuốn lịch sử đời Đường do người nhà Tống biên soạn, lịch sử được người đời sau viết, không phải chính thời đại đó, người thời đó không ai dám viết mà người đời sau viết ra. Cuối cùng người đời Tống viết sử nhà Đường. “Nghệ văn chí” chính là những thư tịch, điển tịch đời nhà Đường, không có điểm này, mục lục không nói đến nó. Bởi thế có thể nói lịch sử Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh, coi như không có, mãi đến năm Gia khánh, vua Càn Long nhường ngôi cho con trai, còn mình làm Thái thượng hoàng. Khi vua Gia Khánh lên ngôi, nước Nhật triều cống hoàng đế Trung quốc, trong số lễ vật triều cống mới có cuốn sách, lúc đó người Trung quốc mới biết. Từ Nhật bản truyền sang Trung quốc, bộ sách còn lại chưa đến mười cuốn, số lượng quá ít. Không những người xem không nhiều mà những người có tên tuổi cũng không bao nhiêu.

Hồi còn trẻ, ở tiệm sách Thế giới, tôi thấy một tập san, gọi là “Chư tử trị yếu”, tôi đã đọc. Chư tử trị yếu từ đâu mà có? Đó là một phần sau của các cuốn sách trị quốc, bởi thế mà tôi biết có cuốn sách này, nhưng chưa thấy, hỏi những người khác cũng không ai biết, thậm chí hỏi một số tiệm sách người ta còn chưa hiểu. Sau này mới phát hiện, khi tôi giảng kinh có đề cập đến, một số bạn học tốt bụng tìm khắp nơi giúp tôi, lại tìm được ấn bản đầu năm Dân quốc của nhà xuất bản Thương vụ, khoảng bảy, tám năm trước. Trải những biến động của xã hội, cuộc chiến tranh Trung - Nhật, văn hoá Đại cách mạng, như vậy thì biết đâu mà tìm, chịu thôi, đành cắt đứt. Nhưng nào ngờ tìm lại được, vì thế tôi cho rằng nhờ ân đức của tổ tiên nên những thư tịch này được tìm lại hai loại, hơn nữa lại hãy còn

nguyên vẹn, tựa như chưa ai đọc qua. Mặc dù một cuốn sách đã tám chín năm về trước, tôi gấp rút nhờ tiệm sách Thế giới in mười ngàn cuốn, với dụng ý lưu giữ không để mất mát một lần nữa, dụng ý của chúng tôi là gìn giữ bộ sách này, thật đáng quý! Song bộ sách được viết theo thể cổ văn, đó đúng là cổ văn, nên cần phải chú giải, chú âm, dịch thành văn bạch thoại, sau đó mới dịch ra tiếng nước ngoài để có thể lưu hành ra thế giới, để cho các nhà lãnh đạo mỗi quốc gia trên toàn thế giới làm tốt công tác chính trị. Đây là một tư liệu tham khảo cực kì quý giá. Ta đem lí do sự hưng thịnh của triều đại nhà Đường để họ tham khảo, đây là những cống hiến sau cùng của những người đang ở nước ngoài như chúng ta. Chúng ta tạm kết và không bao giờ đề cập đến việc này nữa, cũng không đề ý đến những việc này, chỉ chân thật niệm Phật A di đà để cầu sanh tịnh độ. Buông bỏ mọi ràng buộc, tuổi tác cũng tám mươi lăm rồi, không thể thêm được nữa. Đây cũng được xem là đồng thể đại bi, vô duyên đại từ, mang lại một nguồn tư liệu tham khảo quý giá cho tất cả chúng sinh trên thế giới, và có thể đây cũng là câu người đời hay nói: Thế kỉ 21 là thế kỉ của người xưa. Chúng ta có thể nói đó là thế kỉ “Quần thư trị yếu” của Đường Thái Tông. Vấn đề này mọi người an tâm.

Thacher đã nói, những cách giải thích của chúng tôi, đó là thế kỉ của nhân, nghĩa, trung và thứ. Đại thừa là thế kỉ chân thành và từ bi, mới có thể giải quyết được vấn đề. Vì vậy tâm chân thật, trung hậu, lòng tin sâu sắc.

Thứ hai: Nhất tâm, lòng tin thuần nhất. Nếu lòng tin của ta sâu sắc, lòng tin thuần nhất thì những biến động của xã hội sẽ không còn, những biến động trên địa cầu cũng không có. Bởi chúng ta không thực hiện được sự thù thắng đặc biệt như thế giới Cực lạc, nếu chúng xây dựng được một xã hội thịnh trị như Đại Đường, khiến cho cả thế giới có thể hưởng được niềm vui thịnh trị như nước Đại Đường, để cuộc sống được hạnh phúc Mỹ mãn. Tôi tin tưởng việc này có thể thực hiện được, nếu tìm trong văn hoá truyền thống của chúng ta, tìm trong thư tịch tôn giáo trên toàn thế giới, giống như phương cách trích yếu những tinh hoa trong kinh điển của Đường Thái Tông, từng đoạn, từng đoạn, từng câu liên quan đến việc tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ, thì có thể đoàn kết các tôn giáo, hoá giải được tất cả những hiểu nhầm, sự xung đột, thế giới thực sự có thể trở lại hài hoà, ổn định, phồn vinh. Khi đã ổn định thì nhất định sẽ kéo theo phồn vinh, đem đến cuộc sống hạnh phúc Mỹ mãn.

Thứ ba: Tâm liên tục, lòng tin liên tục không xen lẫn những ý niệm khác. Mấy năm gần đây chúng ta hay nhắc đến từ thuần tịnh, thuần thiện. Thuần tịnh, thuần

thiện có tác dụng rất lớn với bản thân chúng ta. Khi quý vị thực hiện được thì quý vị không còn chịu những tác động xấu từ bên ngoài, chắc chắn sẽ có năng lực này, có trí tuệ này, Những người bình thường không thể chấp nhận, nhưng chúng ta có thể làm được mà lại rất vui vẻ. Ví như có người mạt sát quý vị, làm nhục, làm hại quý vị, quý vị có bực tức hay không? Bực tức có lẽ một trạng thái rất bình thường, nhưng khi chúng ta học Phật thì mọi chuyện sẽ khác, không những không tức giận mà còn cảm ơn, vì sao phải cảm ơn? Họ làm là cho nghiệp chướng của ta được tiêu trừ. Nghiệp chướng ở đây là nghiệp chướng trong quá khứ đang hiện ra, nó sẽ mất như thế nào? Theo cách đó. Ta còn làm một bài vị để ngày đêm lạy họ nữa, vì họ đã thay thế mình làm cho nghiệp chướng mình được tiêu trừ, nâng đức hạnh của mình lên, nuôi lớn trí tuệ của mình, làm sao mình không cảm ơn được! Làm sao ta lại trách cứ họ được!

Quý vị xem Phật đã làm gương cho chúng ta, khi chưa thành Phật, đang thực hành Bồ tát đạo, Phật Thích Ca Mâu Ni tu hạnh nhẫn nhục ba la mật, ngài bị vua Ca Lợi cắt hết thân thể, đó là một việc sỉ nhục, oan khuất, rất oan ức, xẻo thịt để ngài chết, nhưng Ngài không hề bực tức mà còn cảm ơn ông ấy, nói với vua Ca Lợi: Sau này khi thành Phật, người tôi độ đầu tiên là ông. Khi Phật Thích Ca Mâu Ni thành Phật, người được độ đầu tiên là Kiều Trần Như, Kiều Trần Như chính là vua Ca Lợi ngày đó. Nói là làm, lượng lớn phước lớn, cần bao dung, không thể bao dung, người có tâm địa hẹp hòi lấy đâu ra phước báo? Vì vậy chúng ta phải hiểu được đạo lý này, việc tu thân của chúng ta cũng nên học theo như vậy, nhờ thế mà trí tuệ tăng trưởng, đức hạnh càng lớn, chúng ta được rất nhiều lợi ích. Lúc đó chúng ta mới hiểu được, mới chắt lọc bốn chữ nhân, nghĩa, trung, thứ của Khổng Mạnh, lúc đó vấn đề mới được giải quyết! Đừng quá phức tạp, người phức tạp thì không thể tiếp thu, nên giản đơn. Vì vậy tôi nói với mọi người: Trên thực tế, nền văn hoá truyền thống phải có mười hai chữ, chúng ta có thể thực hành được mười hai chữ này, thực hành được chín mươi phần thì quý vị đã là Thánh nhân, thực hiện được bảy mươi phần quý vị là Hiền nhân, thực hiện được năm mươi phần quý vị là người quân tử. Mười hai chữ đó là: Hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si, nhân, ái, hoà, bình. Đây là tinh tuý của tổ tiên ngàn đời truyền lại, từ đời này sang đời khác, không để thất truyền. Vấn đề này không cần nói, nó không nhiều, nếu nhiều thì sẽ không nhớ hết rồi làm sai, cần rút gọn, mỗi chữ đều tinh tuý. Tổ tiên chúng ta truyền lại ngũ luân. Ngũ luân độ hai mươi chữ, liệu có truyền sai không? “Phu tử hữu thân, phu phụ hữu biệt, quân thần hữu nghĩa, trưởng ấu hữu tự, bằng hữu hữu tín”. Tôi nghĩ đã truyền lại hàng mười mươi mấy

ngàn năm, hay mười mấy vạn năm cũng không thể sai được, nó có hai mươi chữ đấy. Ngũ thường có năm chữ: Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Tứ duy có bốn chữ: Lễ, nghĩa, liêm, si. Bát đức có tám chữ: Hiếu, đễ, trung, tín, nhân, ái, hoà, bình. Làm sao truyền sai được? Không thể. Vì vậy hôm nay chúng ta hợp chung tất cả chỗ đó lại, tinh giản còn lại mười hai chữ: Hiếu, đễ, trung, tín, nhân, ái, hoà, bình. Nếu chúng ta thực hiện được mười hai chữ đó thì chúng ta sẽ là một quốc gia điển hình trên toàn thế giới. Cả thế giới làm được, thế giới trở thành đại đồng. Mười hai chữ này, bất luận tôn giáo nào, chủng tộc nào, quý vị nói với họ, họ đều cần đến, họ đều hoan hỉ, họ không bác bỏ bất cứ một chữ nào. Vì vậy chúng ta phải có niềm tin rằng mười hai chữ này sẽ đưa được cả thế giới trở lại hài hoà, ổn định. Đây là sự thật, không phải viên vông.

Chúng ta đọc câu cuối cùng, “và nói, nếu có thể liên tục mới nhất tâm được”. Mỗi niệm nói tiếp nhau liên tục đó mới là tín tâm, cần phải có lòng tin, người xưa đặc biệt cần lòng tin, tổ tiên chúng ta có bốn khoa mục: Ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức. Đây chính là bảo vật, tôi tin rằng nó có ít nhất là một vạn ba ngàn năm, đây là một bảo vật mà tổ tiên chúng ta đã để lại cho đời sau, nên chúng ta nhất định không làm trái, nếu làm trái thì sẽ loạn. Nếu quý vị tuân thủ thì chắc chắn thiên hạ sẽ thái bình, tất cả vinh hoa phú quý đều nằm trong mấy chữ đó, chỉ cần quý vị cố gắng thực hiện thì mọi việc sẽ có kết quả. Nhà Phật, những người con Phật, có cầu sẽ có linh ứng, mỗi câu đều là sự thật. “Chỉ cần có lòng tin, thì tâm đó được chân thật”, câu này giải thích rất hay, lòng tin đó là lòng chân thật. Nhất tâm đó là tâm chân thật, nhất tâm là tâm thuần hậu. “Đầy đủ cả ba tâm”, ba tâm đã nói ở phần trước, đó là thuần tâm, nhất tâm và tương tục tâm. Nếu quý vị có đầy đủ cả ba tâm, thì “mà không được vãng sinh, thì không có chỗ nào khác”. Khi quý vị đã đầy đủ ba tâm như thế, muốn sanh về thế giới Cực lạc thì chắc chắn sẽ được. “Không có chỗ nào khác”, nói theo ngôn ngữ hiện nay, không có chuyện đó. Nếu có đầy đủ cả ba tâm, muốn cầu sanh sang thế giới Cực lạc, nếu quý vị không sanh qua đó thì đó là chuyện không thể xảy ra. Thuần tâm là chân thật, nhất tâm là nghe lời, tâm liên tục là thật tu. Quý vị thử nghĩ xem có đúng không? Nếu hàng ngày chúng ta ứng dụng ba tâm như thế, thì mỗi ngày trôi qua của quý vị là một ngày tốt lành, hạnh phúc, Mỹ mãn. Với bản thân quý vị, với mọi người, với bà con bạn bè, xóm giềng lân cận, quý vị nên dùng tâm này. Dùng tâm như thế để niệm Phật thì nhất định sẽ cảm ứng đến Phật. Nhà Phật có câu nói: “Mỗi niệm tương ưng một niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật”, cảm ứng đạo giao đầy. Tất cả mọi việc như đối đãi mọi người, ứng xử với hoàn cảnh, đều

dùng tâm này, ba tâm này hợp với nhau thì gọi là chân tâm, không còn chút gì giả dối. Cho dù người khác giả dối với ta nhưng ta vẫn đối xử chân thành với họ, cần ghi nhớ điều này, vì sao vậy? Vì nơi chúng ta cần đến đó là thế giới Cực lạc, đời này chúng ta muốn làm Phật, họ không muốn đến thế giới Cực lạc, họ muốn dong ruổi trong sáu đường, đó là việc của họ, không phải trách nhiệm của ta. Với người, ta nên đối xử thật chân thành, cho dù họ muốn hãm hại ta thì ta vẫn đối xử với họ bằng chân tâm, ta tuyệt nhiên không có một chút ác ý với họ, đây mới gọi là có chút công phu. Nếu ta vẫn giữ lòng ác, vẫn còn phiền não, vẫn muốn trả thù thì quý vị đã nhầm rồi, quý vị đã đi tìm luân hồi trong sáu đường rồi. Mỗi ngày trong sáu đường là một ngày đau khổ vì oan oan tương báo, không bao giờ ngưng. Vì thế tất cả mọi ân oán đều một lúc mà sạch hết, không làm nữa, không thể mãi rong ruổi nữa, tôi phải sang thế giới Cực lạc, không còn rong ruổi nữa. Nếu vẫn còn khởi tâm động niệm, vẫn còn vui với việc này, ghét với việc kia đó thì rắc rối to, đừng nên như thế. Nên đưa tâm về với câu A di đà Phật, mỗi niệm đều hướng về Phật A di đà, dùng tâm chân thành mà niệm, dùng nhất tâm để niệm, dùng tâm liên tục để niệm, thì chúng ta sẽ đạt đến thế giới Cực lạc. Bây giờ nói visa, quý vị đã được cấp visa rồi, muốn đi lúc nào thì đi.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 388

Chuyển ngữ: Minh Tuệ

Biên tập: Minh Tâm

Thời gian: 01 tháng 05 năm 2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong

Chư vị Pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 479, bắt đầu xem từ hàng thứ sáu.

“Tổng quan chư kinh luận, Sớ sao nói: Tín tức tâm tịnh. Kinh Cổ Âm nói: Người có thể tin những chuyện như thế là không thể nghĩ bàn. Yếu giải nói: Tín là đại trí. An lạc tập nói: Đầy đủ ba tâm, ba tâm bao gồm tín tâm, không được vãng sanh là chuyện không có, đều nói rõ việc tịnh tín là điều đáng quý.

Trước đây, Hoàng Niệm Lão đã đưa ra nhiều thí dụ trong các kinh luận, tổng hợp từ các kinh luận, ta thấy giống như câu đại sư Liên Trì nói, tin là tâm địa thanh tịnh. Nói cách khác, khi hoài nghi thì tâm tán loạn ngay, phần trước chúng ta đã nói rất nhiều. Lòng tin mang đến cho chúng ta nhiều điều hay, tức là những lợi ích cho bản thân, đó là thân tâm được thanh tịnh, mạnh khỏe sống lâu, thông minh trí tuệ, đó là những lợi ích từ niềm tin mang lại. Người có tín tâm thanh tịnh, hiện tại chúng ta đã thấy rõ, trong kinh, đức Phật dạy chúng ta “cảnh do tâm hiện”, môi trường xung quanh có liên quan mật thiết với tâm của chúng ta. Bởi thế, đức Phật chỉ dùng một câu để nói tịnh độ: Tâm tịnh thì nước Phật tịnh.

Tại sai lại đặt niềm tin lên hàng đầu trong ba điều kiện vãng sanh thế giới Cực lạc? Ba điều kiện để vãng sanh: Tín, nguyện, hạnh. Hạnh tức niệm Phật, tín nguyện là phát tâm Bồ đề. Kinh này đã nói cho chúng ta: Phát tâm Bồ đề, nhất hướng chuyên niệm. Phát tâm Bồ đề tức tín nguyện, nhất hướng chuyên niệm tức chân thành niệm Phật, không ai là không vãng sanh. Những người vãng sanh thế giới Cực lạc đều đầy đủ lòng tin sâu sắc, bởi thế môi trường cư trú của thế giới Cực lạc cực kì đẹp đẽ, thanh tịnh trang nghiêm. Nhìn lại quả địa cầu chúng ta đang sống ở đây, thiên tai lạ thường, lịch sử chưa bao giờ chứng kiến những việc như thế này, ở đâu cũng có thiên tai, nguyên nhân từ đâu? Là do lòng tin đã không còn. Không có niềm tin, chúng ta đã biết, sơn hà đại địa đều bị lung lay không kiên cố, cho nên núi sẽ đổ, quả đất sẽ bị biển nước nhấn chìm. Nguyên nhân chủ yếu của hiện tượng này do đâu? Nguyên nhân chủ yếu là hoài nghi. Hoài nghi tự tánh, hoài nghi tánh đức. Nói cụ thể là hoài nghi tánh con người vốn thiện, hoài nghi lời dạy tất cả chúng sinh vốn là Phật mà trong kinh đức Phật đã nói, hoài nghi luân lí, đạo đức, nhân quả, hoài nghi kinh điển tôn giáo, tạo thành sự lung lay của quả địa cầu ngày nay.

Phật dạy, năm thứ độc: Tham, sân, si, mạn, nghi là nguồn gốc địa ngục, phạm một trong những điều đó là rơi vào địa ngục. Nếu phạm cả năm điều thì không cần nói cũng biết. Chúng ta muốn cứu thân tâm của mình, cứu môi trường sống, nhất định phải tin tưởng sâu sắc lời dạy này của Phật Thích Ca Mâu Ni, dứt khoát phải buông bỏ năm thứ phiền não căn bản này. Buông bỏ 100%, thì địa cầu nơi

chúng ta đang cư trú ở đây không thua kém gì thế giới Cực lạc. Tất cả đạo lí và chân tướng sự thật đều phơi bày trước mắt chúng ta. Tin là tâm địa thanh tịnh, tâm địa thanh tịnh từ lòng tin mà có được, nếu không có niềm tin thì tâm địa lung lay. Ngày nay chúng ta nói đến những người xóc nổi không có lòng tin.

Kinh Cổ âm nói: Người có thể tin những chuyện như thế là không thể nghĩ bàn. Phật Bồ tát đã dạy chúng ta, những bậc cổ Thánh tiên Hiền đã dạy chúng ta, quý vị có thể hoàn toàn tin tưởng được. Thật không thể nghĩ bàn, Phật dạy những lời này cách đây ba ngàn năm, nói những lời như thế, mọi người có thể tin. Nhưng trong thời đại chúng ta, mọi người có thể tin được những lời dạy của chư Phật, Bồ tát, thì đó là điều kì diệu, vì sao vậy? Vì chúng ta chắc chắn biết rằng thiện căn phước đức của người đó rất sâu dày, nếu không có thiện căn phước đức sâu dày thì họ làm sao tin được? Bởi thế chúng ta dâng một nỗi cảm xúc đặc biệt khi nghe câu kinh này.

Trong Di Đà kinh yếu giải, đại sư Ngẫu Ích nói: Tin là đại trí. Đúng, hoàn toàn chính xác, nếu không có trí tuệ lớn, nghe rồi quý vị sẽ không tin. Người có nghiệp chướng nặng nghe rồi hoài nghi, vì vậy nghe rồi tin được đó là người đại trí, nghe rồi tin đó là người có thiện căn lớn.

An lạc tập nói: Đủ cả ba tâm. Ba tâm: thuần tâm, nhất tâm và tương tục tâm, trong Luận chú đã nói đến. Đây đủ cả ba tâm này, “nếu không vãng sanh, quyết không có chuyện đó”. Quý vị chắc chắn sẽ thành tựu khi muốn vãng sanh đến thế giới Cực lạc, không một mảy may hoài nghi, chắc chắn quý vị sẽ được vãng sanh.

Trong cuộc sống của chúng ta ngày nay, đặc biệt những người lớn tuổi, đã kinh qua vài chục năm, chúng ta mới nhận ra một điều, có nhân duyên thù thắng mới gặp được tịnh độ, mới gặp được bộ chú giải kinh Vô Lượng Thọ này, có nhân duyên với Phật, có duyên với Hạ Lão, Hoàng Niệm Lão. Đây là hai nhân vật sống gần đây, cuộc đời họ đã tạo nên một sự nghiệp vĩ đại, hội tập Kinh Vô lượng thọ, chú giải chi tiết kinh Vô lượng thọ, họ đã dẫn dắt tất cả những người có nhân duyên cùng về tịnh độ. Sanh về tịnh độ tức đã thành Phật, chưa sanh tịnh độ, có lẽ đang tìm đến ba đường ác. Chúng ta cần phải có sự tỉnh giác cao độ, buông bỏ tất cả, một lòng một dạ cầu sanh tịnh độ, chỉ nhớ nghĩ một chỗ đó thôi, không được sơ sài, không được quên mất, tốt nhất là ngay bây giờ liền được vãng sanh, ngày mai liền được vãng sanh, không nên chờ đến ngày sau. Luôn luôn suy nghĩ như vậy thì ích lợi không thể kể hết, vì sao vậy? Đừng nên lưu luyến thế giới Ta bà

này nữa, buông bỏ hết, ngoài tín nguyện niệm Phật của bản thân, nếu gặp những người có nhân duyên với Tịnh tông nên giúp đỡ họ, khuyên họ tinh tấn, dẫn dắt họ đến ngày thành công, đó là việc lợi tha, sau khi tự lợi mới đến lợi tha, bản thân mình không đạt đến lợi ích chân thực, cho dù có muốn làm lợi ích cho người khác thì hiệu quả cũng không cao. Với những người chưa có lòng tin, phải dùng mọi phương pháp để giúp họ xây dựng niềm tin, nếu gặp những người đã có niềm tin, ta nên giúp họ thêm lớn niềm tin, khuyến khích họ phát nguyện cầu sinh. Sự nghiệp ngài Di đà, chúng ta phải tận tâm tận lực, tận tâm tận lực là công đức viên mãn. Bởi vậy, việc tịnh tín trong thời đại ngày nay cực kì đáng quý.

“Kinh này cũng bao quát nhất niệm, mà lại nhất niệm tịnh tín, nên biết tín tâm này là bước một bước trên cây cọc vài thước, không thể suy lường hay tính đếm mà biết được”. Trên tịnh tín lại thêm nhất niệm, nhất niệm tịnh tín. Trong Tín tâm minh, tam tổ thiên tông, đại sư Tăng Xán nói: “Tín tâm bất nhị, bất nhị tín tâm, ngôn ngữ đạo đoạn, phi khứ lai kim”. Thật hợp với những lời trước đó, trong này có hai câu quan trọng “tín tâm bất nhị”, nói cách khác, hai lòng tức không phải tín tâm, tín tâm phải là nhất tâm, nhất tâm tức không hai.

Không hai tức nhất tâm, tức là tín tâm, đối tượng được nói là ai? Là Phật A di đà. Chỉ tin Phật A di đà, tạm thời buông bỏ những thứ khác, chuyên một hướng niệm, một lòng chuyên niệm, tín nguyện chuyên niệm. Không được hoài nghi, không được xen tạp, không có một niệm thứ hai. Trong cuộc đời này phải chắc chắn vãng sanh, phải hoàn thành Bồ đề vô thượng.

Câu sau trong Tín tâm minh nói: “ngôn ngữ đạo đoạn, phi khứ lai kim”, đây đúng là nhất niệm tịnh tín, lời nói hay suy nghĩ không thể duyên tới được, không phải quá khứ, không phải hiện tại, không phải tương lai, vậy đây là cái gì? Xưa nay vốn như vậy. Nói cách khác, nhất niệm tịnh tín tức là tự tánh của quý vị, tông môn gọi là minh tâm kiến tánh, nhất niệm thanh tịnh là tự tánh của quý vị, quý vị đã thấy rõ rồi, tự tánh tâm thanh tịnh nó vốn đã có, nó không lệ thuộc thời gian, quá khứ, hiện tại, vị lai là thời gian, gọi là ba đời. Không những không lệ thuộc thời gian mà còn không lệ thuộc vào không gian, không gian là cự li, xa gần. Thời gian là quá khứ, hiện tại, vị lai. Nó không thuộc về không gian mà cũng không thuộc về thời gian, xưa nay nó vốn như vậy.

Hội Sớ gọi đó là điều kiện chủ yếu để được vãng sanh. Cũng như nói, đây là điều kiện chủ yếu để phàm phu trong sáu đường cầu sanh thế giới Cực lạc. Nhân duyên thì có rất nhiều, nhưng đây là điều kiện đầu tiên. Giáo, hạnh, tín, chứng, là câu nói của một bậc tổ sư người Nhật, và được tôn xưng là “Nguyên nhân chính để sanh đến cõi thật báo thanh tịnh”. Những vị tổ sư người Nhật này đều là những vị lưu học sinh thời nhà Tùy Đường ở Trung Quốc. Phần nhiều họ là đệ tử của ngài Thiện Đạo, và của đại sư Trí Giả, họ là những người chân truyền của các bậc tổ sư. Khi về nước họ mang theo giáo lý Đại thừa truyền vào Nhật bản.

“Và nói nhất niệm tức nhất tâm”, trong tông Tịnh độ gọi là nhất tâm bất loạn. Nhất tâm ở đây là gì? Trong nhất tâm không có hoài nghi, là thanh tịnh, không có khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước. Buông bỏ tất cả nên nó là nhất tâm. “Trong nhất tâm không có hai niệm, trong nhất niệm không có hai tâm”.

Chỉ quán ngũ, tức quyển thứ năm luận Ma ha chỉ quán nói: Nhất tâm có đủ mười pháp giới. Mười pháp giới từ đâu mà có? Khi khai ngộ, câu sau cùng đại sư Huệ Năng nói: Đâu chờ tự tánh năng sanh vạn pháp. Vạn pháp tức mười pháp giới, mười pháp giới từ đâu mà có? Từ nhất niệm mà có. Được sanh ra từ nhất tâm, nhất tâm có đủ mười pháp giới, nhất niệm có thể sanh vạn pháp.

“Nên biết nhất tâm là thực thể của vạn hữu, cũng là chân như”, câu “thực thể của vạn hữu”, nói theo cách nói của triết học hiện đại là “bản thể của vạn hữu”, cũng có thể hiểu là cả vũ trụ, tất cả vạn pháp từ đó mà sanh ra, không có nó thì không có tất cả pháp, có tất cả pháp cho thấy nó có mặt. Vấn đề này chúng ta đã học rất nhiều ở phần trước, nhất là cuốn Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của quốc sư Hiền Thủ, nói rất cụ thể, rõ ràng, thậm chí còn cụ thể hơn những nhà khoa học ngày nay. Đọc những báo cáo khoa học, chúng ta vẫn còn nghi ngờ, nhưng đọc giáo lý Đại thừa thì chúng ta không còn nghi ngờ nữa. Vì vậy nhất tâm là bản thể của vạn pháp, trong Phật pháp gọi là chân như, nó là có thực, thực sự có hình thể. Hiện ra tất cả hình tướng nên gọi là như, giống như tánh của nó, sự giống lí của nó. Tánh tướng không hai, lí sự như nhất.

“Lại được gọi kim cương chân tâm”, kim cương là ví, ví như không sanh không diệt, ví cho sự vĩnh hằng không thay đổi, chân tâm. Vọng tâm là trong nháy mắt sẽ trôi qua, nó không thật. “Có thể khai mở mắt tâm cho người, ở đây không nói nhiều để khỏi bị cho vẽ rắn thêm chân”. Phần trước đã nói rất nhiều, không nói thêm nữa. Nếu dùng chân tâm thì rất dễ khai ngộ, sao mọi người lại chấp mê

không ngộ? Thực tế mà nói, câu trả lời đã có trong đó rồi. Sao lại không ngộ, là do chấp mê. Quý vị cứ ôm chặt tình cảm mê mờ, vì thế mà không khai ngộ. Nếu quý vị buông bỏ mê tình thì sẽ khai ngộ ngay. Trong tình cảm mê mờ, quan trọng nhất là thân thể, quý vị cho thân thể này là của ta, không gì quan trọng hơn thân thể này, sai rồi. Thân này không phải là của ta! Vậy cái gì là của ta? Chân như mới là của ta, tự tánh mới là của ta, nhất tâm là của ta, nhất niệm là của ta, hai niệm là không phải. Chân tướng sự thật này được bao nhiêu người hiểu? Người đã kiến tánh hiểu, người đã giác ngộ hiểu, nhưng người giác ngộ, kiến tánh lại quá ít. Ngày nay nghe đến chúng ta cũng hiểu nhưng không thể nhận thức một cách chân thực, vì sao vậy? Vì sự hiểu biết của chúng ta là giải ngộ, trường thời huân tu trong kinh điển Đại thừa, chúng ta có thể hiểu được, có thể cảm nhận được, nhưng đó không phải là cảnh giới cả chính ta, vì sao vậy? Vì ta chưa thể buông bỏ khởi tâm động niệm, thậm chí chúng ta còn phân biệt chấp trước, tất cả những thứ này làm trở ngại tự tánh. Nghiệp chướng, sở tri chướng, nếu ta buông bỏ được hai thứ chướng ngại này, thì ta sẽ kiến tánh, thực sự đại ngộ, ngộ cái gì? Y chánh xưa nay không phải là ta, không còn chấp trước thân này là của ta, cũng không chấp trước pháp giới hư không này là của ta, tất cả đều buông bỏ hết, xin chúc mừng quý vị, quý vị đã thành Phật, quý vị đã chứng ngộ quả vị rốt ráo viên mãn. Bởi thế nên gọi nó đã là chân tâm kim cương. Dùng chân tâm như thế thì có thể giúp ta khai ngộ. Ai dùng thì người đó khai ngộ, khai mở mắt tâm để thấy được chân tâm, thấy được chân tướng. Mở mắt tâm là quý vị thấy được thực tướng của các pháp, vấn đề mở mắt tâm là nói về phương diện trí tuệ, khai mở mắt là nói về tướng.

Chúng ta xem dòng cuối: Chí tâm hồi hướng, nguyện sanh sang đó. Phần trước đã nói về đức năng trí tuệ. Việc thành công trong tu tập, bất luận thành công lớn hay nhỏ, bất luận công đức tu hành được bao nhiêu, tất cả đều hồi hướng, chí tâm hồi hướng, hồi hướng về thế giới Cực lạc, hồi hướng đến Phật A di đà, hồi hướng đến hải chúng thanh tịnh. Tôi chỉ có một mục tiêu đó là cầu sanh tịnh độ để được gần gũi Phật A di đà, đúng như thế.

“Chí tâm” được nói ở đây tức là tâm chí thành theo cách nói của Quán kinh.

Tứ Thiếp Sớ là cuốn sách chú giải Quán Vô Lượng Thọ Phật kinh, nói: Chí tức chân, thành là thật. Bây giờ chúng ta so sánh một chút về chí tâm, phần lớn chúng ta nói về chân thành, chân thành có nghĩa như chí tâm, “Muốn làm rõ tu giải hạnh nghiệp thân miệng ý của tất cả chúng sanh, cần phải bắt đầu từ tâm chân thật,

không được bên ngoài thể hiện dáng vẻ tinh tấn hiền thiện, mà bên trong lại ô nhiễm hư dối, tham sân si tà nguy, gian trá trăm điều. Tánh ác khó xâm nhập, chỉ tánh ác kiên cố, việc ấy giống như rắn rết, tuy khởi ba nghiệp gọi là cái thiện có lẫn độc tạp, còn gọi là hạnh hư dối, không phải nghiệp chân thật”.

Mấy câu nói trong Tứ Thiếp Sớ có ý nghĩa rất lớn, chúng ta phải luôn cảnh tỉnh, xem chúng ta có thường phạm vào những tội lỗi này không? Trước hết, chúng ta có dùng tâm chân thành không? Thế nào là chân? Chân tức là không giả dối. Cần dùng tâm chân thành để sống, cần dùng tâm chân thành trong công việc, cần dùng tâm chân thành trong việc đối nhân xử thế tiếp vật. Với xã hội hiện tại, chắc chắn có rất nhiều người nghi ngờ, thế giới này là thế giới giả tạm. Người khác khởi tâm, động niệm đều lừa dối ta, dùng tâm chân thành để đối xử với họ, há không phải quá thiệt thòi ư? Đúng, quá thiệt thòi. Nhưng thiệt thòi là chuyện nhỏ, quý vị được hưởng lợi ích sau này mới là chuyện lớn, sau này được lợi ích gì? Vãng sanh về nước Phật, gần gũi Di đà, lợi ích này của quý vị quá lớn! Thiệt thòi một chút đáng là bao, cần gì phải tính toán! Người không chịu thiệt thòi thì không thể hưởng được phúc báo lớn lao được. Người xưa có câu: Thiệt thòi là phước. Phước đến mà quý vị không đón nhận, đó không phải là người có trí. Phước báo lớn đang đến như thế mà quý vị từ chối, đúng là ngu si, bây giờ cầu mà không được. Tự nhiên khi không mà phải chịu người khác đổ tiếng oan, nhưng đó là phước báo lớn nhất. Mình có lỗi, người khác chê trách chúng ta, phỉ báng chúng ta, làm nhục chúng ta, là có nguyên nhân, thực sự có lỗi. Nhưng nếu ta không có lỗi, thì phước đức lại càng lớn hơn. Không có lỗi, sao ta lại gặp sự sỉ nhục này? Nếu đời này không có thì kiếp trước có, nhiều đời nhiều kiếp. Phật pháp dạy chúng ta, con người không phải chỉ có một đời, trong vô lượng kiếp quá khứ, trong tương lai cũng có vô lượng kiếp, khi quý vị chưa ra khỏi vòng luân hồi trong sáu đường, trong vô lượng kiếp đã lưu chuyển trong sáu đường, đó là khoảng thời gian rất dài, nếu kiếp này ta không tạo nghiệp thì kiếp trước hay trước đó nữa, đã tạo nghiệp. Cứ theo đó thì ai là người không tạo nghiệp? Không thể có chuyện đó, ai không kết oán với chúng sanh? Kiếp này ta được làm người, có cơ hội được nghe Phật pháp, nhận thức rõ những vấn đề này. Điều tốt nhất là gì? Những điều trái ý, ta đều đón nhận. Trong môi trường không thuận lợi, ta cũng vui vẻ cam tâm đón nhận để cho nghiệp chướng của ta được tiêu trừ, đức hạnh của ta được thành tựu, trí tuệ chúng ta được khai mở, đó là chuyện tốt. Không những không oán hận mà lại cảm ơn, trong giáo lý Đại thừa gọi đó là “tăng thượng duyên”, tức là nghịch cảnh cũng có thể giúp nâng cao đức hạnh mình, có thể giúp tăng trưởng

trí tuệ của ta, giúp nghiệp chướng của ta được tiêu trừ và giúp chúng ta viên thành Phật đạo. Bởi vậy, người thực sự tu tập giáo lý Đại thừa, người thực sự tu tập pháp môn niệm Phật, tâm của họ như thế nào? Là lòng cảm ơn, lòng từ bi. Đây là điều có thực, không phải giả dối. Vì thực nên họ mới có thành công thật sự. Nếu là giả, thì đã sai lầm, họ đã đoạ lạc, họ sẽ gây thù kết oán không bao giờ ngưng với tất cả chúng sanh, đó là nỗi khổ không thể kể hết. Người thông minh, người có chút trí tuệ, họ liền nắm bắt cơ hội ngay trong đời sống này, và nhất định phải siêu việt mười pháp giới. Có khả năng, có thể nắm vững để siêu việt, nói thật, đó là pháp môn tịnh độ, nương tựa vào Phật A di đà. Ngày nay chúng ta không một chút nghi ngờ pháp môn tịnh độ, được những thứ đó không phải đơn giản. Sáu mươi năm không rời tay, hết lòng tham cứu, càng thâm nhập càng thấy vui, càng thâm nhập càng thấy sáng tỏ. Phải thực sự thông đạt sáng tỏ, mới có thể buông bỏ tất cả. Thế nào là buông bỏ tất cả? Trong khi giảng bài luôn luôn nhắc nhở bản thân, và dẫn dắt những người cùng học, đó là chân thật, không phải giả, không phải giả thiết, đó là chân tướng sự thật. Tôi đã sống được đến ngày nay, ngày mai chưa chắc đã còn, không dám nghĩ đến ngày mai. Hôm nay là ngày cuối cùng của tôi, tôi cần phải làm những công việc này, không phải rõ ràng đó sao? Ngày cuối cùng thì cái gì quý vị cũng không thể mang theo được, kể cả thân thể. Vì vậy tôi thường nói, ngày nào còn sống thì thân thể là của mình, tôi sở hữu, áo quần mặc trên người là của tôi, không mặc trên người là không phải của tôi, đừng nghĩ đến nó, không liên quan gì đến tôi. Trong túi quý vị có bao nhiêu tiền, đang trong túi thì đó là của quý vị, không còn trong túi thì không còn là của quý vị nữa. Quý vị đang ngồi trong phòng này, căn phòng quý vị đang ngồi hôm nay là của quý vị, khi ra khỏi phòng rồi thì không còn là của quý vị nữa. Lòng của quý vị tự tại biết bao, quý vị sanh trí tuệ, chứ không sanh phiền não. Tồn tại trong lòng quý vị là sự cảm ơn, từ bi, không tạo nghiệp chướng, không sinh tự tư tự lợi, không còn tự tư tự lợi, cả pháp giới hư không cùng một thể với ta. Trên thì cùng một thể với chư Phật Như lai, dưới thì cùng với các loại côn trùng sâu kiến, hoa lá cây cỏ, sơn hà đại địa, làm sao không tự tại được? Quý vị còn vọng niệm nào nữa? Hiển nhiên tâm thanh tịnh lộ ra, nhất tâm, nhất niệm lộ ra. Nếu còn một chút gì không buông bỏ được, nó liền trở ngại nhất tâm, nhất niệm, không thể hiện tiền.

Tứ Thiếp Sớ nói rất cụ thể: “Tất cả nghiệp thân, miệng, ý của chúng sanh”, thân là những gì anh ta đã làm, miệng là những gì anh ta đã nói, ý là những gì anh ta suy nghĩ, giải và hành những gì anh ta tu tập. Giải là hiểu rõ lời dạy của chư Phật Bồ tát. Hành là gì? Theo đó để làm, thật tu.

“Cần dùng tâm chân thành để làm”, câu này rất cấp bách, thật tâm để làm. Thế nào là chân? Đưa ra một phương hướng ngược lại, quý vị đã hiểu rõ quý vị sẽ biết thế nào là chân. “Không được bên ngoài thì giả dạng hiền thiện tinh tấn”. Giả vờ, bên ngoài thì làm rất tốt, mạnh mẽ tinh tấn, nhưng bên trong thì thế nào? Không buông bỏ tự tư tự lợi, thị phi nhân ngã, tham, sân, si, mạn, nghi, tất cả những thứ này là giả. Bởi vậy nên giác ngộ, đừng mê lầm. Con người nên tự biết bản thân, những thứ như tham, sân, tà nguy, gian trá là những tánh ác, liệu đã buông bỏ được những tập tánh bất thiện chưa? Nếu chưa buông bỏ thì phải biết rằng, những tâm niệm như vậy đang chế tạo luân hồi trong sáu đường, luân hồi sáu đường vì thế mà hiện ra. Hư giả, tham sân tà nguy, gian trá trăm chiều là nguyên nhân để đưa đến luân hồi sáu đường. Nếu có những thứ này thì có sáu đường. Nếu không có niệm này thì quý vị đã vượt qua nó, quý vị đang dùng chân tâm, đó là vọng tâm, đó không phải là chân tâm. Những gì vọng tâm tạo ra đó là sáu đường, mười pháp giới. Chân tâm biến hiện ra, là cõi Thật báo trang nghiêm của chư Phật, Bồ tát, thế giới Cực lạc, thế giới Hoa tạng là chân tâm. Đại sư Huệ Năng minh tâm kiến tánh, vắt tắt chỉ bày nó ra. Hình dáng của chân tâm thế nào? Thanh tịnh. Đâu ngờ tự tánh vốn thanh tịnh, quý vị đã hiểu rồi, không thanh tịnh là vọng tâm. Thanh tịnh là chân tâm, chân tâm là không sanh không diệt. Niệm hiện tại của chúng ta, niệm trước vừa diệt, niệm sau liền sanh khởi, tâm sanh diệt như thế là giả, không phải chân, chân tâm là không sanh không diệt, chân tâm vốn không dao động. Dao động là gì? Chuyển động theo ngoại cảnh. Môi trường bên ngoài, nếu thuận theo ý mình thì nổi tâm tham, tham đắm. Nếu trái với ý muốn của mình thì ghét bỏ nó. Sáu căn của quý vị chạy theo môi trường bên ngoài sanh tham sân si mạn nghi, sanh ra thất tình ngũ dục, đây gọi là gì? Tâm chuyển theo cảnh, tâm như thế là vọng tâm. Chân tâm không chạy theo ngoại cảnh, chân tâm là biết được “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”. Bất luận là cảnh giới nào hiện ra, thì tâm ấy vẫn như như bất động, đó mới là chân tâm. Bởi thế chân tâm không phải tâm luân hồi, vọng tâm là tâm luân hồi. Khi vọng tâm làm chủ thì ba nghiệp thân khẩu ý đều là nghiệp luân hồi, quý vị không vượt ra khỏi luân hồi. Nếu quý vị thật sự chuyển được nó, tôi không còn chạy theo ngoại cảnh nữa, dùng tâm chân thành để làm việc. Chân thành với bản thân, chân thành với cuộc sống, công việc cũng phải chân thành, đối nhân tiếp vật chẳng điều gì là không chân thành. Dùng tâm chân thành để niệm Phật cầu sanh tịnh độ, xin chúc mừng quý vị, quý vị đã thành công viên mãn trong đời sống này rồi, quý vị đã thành Phật rồi. Nếu ngoại hình quý vị làm ra vẻ không tẻ, giống như một người Phật tử, nhưng tập khí phiền não bên

trong không một chút thay đổi, đó là giả dối. Nói theo cách của Tứ Thiếp Sớ là “tánh ác khó đổi”. Hay nói theo Quát Hồ là “tánh ác kiên cố”. Nói trắng ra, anh ta đã sai lầm, anh ta cho đó là cách nhìn đúng đắn, làm rối loạn, làm sai lệch đi. Xã hội ngày nay, ai không giả dối? Nhưng quý vị nên dùng tâm chân thành đối đãi với họ, quý vị có thiệt thòi, có bị mắc lừa, kém cỏi, người xưa có câu: Người ngọc có phước của người ngọc. Bị thiệt thòi là có phước. Ý của câu nói này rất sâu sắc, có học vấn cao, có nhiều lí thuyết. Nói thẳng là họ không bị thiệt thòi, quả là họ không bị mắc lừa, anh ta có nhiều điều kiện, vì thế kiểu ngộ nhận này, tất cả đều chạy theo tập khí phiền não, đó là sự sai lầm. “Làm như rắn rết”, đây là những loại rắn độc thú dữ, toàn làm hại, không có một chút lợi ích. “Tuy khởi ba nghiệp, nhưng đều là cái thiện độc hại”. Bên ngoài tựa như toàn làm những việc tốt như bố thí, trì giới, tinh tấn, nhẫn nhục, nhưng bên trong thì thế nào? Bên trong không dứt trừ được tham, sân, si, mạn, nghi, đây gọi là cái thiện dính độc, hay còn gọi là việc làm giả dối. Ai biết được? Phật, Bồ tát, quỷ thần. Bởi thế nó không được gọi là nghiệp chân thật, nó không phải chân thật, nó thực sự không phải là nghiệp thiện, đích thực nó là giả. Những hành động như thế người thế gian không thể biết được, họ chỉ đánh lừa được người thế gian, nhưng Phật, Bồ tát biết rất rõ, trời cao sẽ bắt những người này. Đây là những phương tiện chỉ cho chúng ta thấy tâm chân thành là thứ đáng quý, mỗi niệm không được quên nó, nếu quên nó thì vẫn đề trở nên nghiêm trọng. Dứt khoát không sợ thiệt thòi, không sợ mắc lừa, không sợ bị hãm hại.

Khi chưa thành Phật, Thích Ca Mâu Ni tu hạnh Bồ tát, gặp vua Ca lợi. Vua Ca lợi, Ca lợi là tiếng Phạn, dịch sang chữ Hán là bạo chúa, đây là một ông vua hôn dung vô đạo, nên có tên là Ca lợi. Ngài bị vua Ca lợi xử tử lăng trì, cắt hết thân thể, rất oan ức, nhưng ngài không hề oán hận mà lại cảm ơn vua. Vì sao vậy? Vì việc đó khiến cho ngài nhanh chóng thành Phật. Mỗi khi chúng ta gặp tai nạn, gặp ai hãm hại, ta nên cảm ơn họ, họ sẽ giúp ta vãng sanh, ta vãng sanh sớm hơn, thành Phật nhanh hơn, điều này đúng, không sai chút nào. Không giữ lòng ác với người làm hại mình, cho dù họ có hãm hại mình đi nữa cũng không ôm lòng oán hận, vì sao vậy? Vì ta biết rằng họ với với ta là một thể. Như răng cắn nhầm lưỡi, đầu lưỡi bị chảy máu, liệu có giận răng không? Tất nhiên không. Vì sao? Vì chúng cùng một cơ thể. Đời này được mấy người nhận ra điều này, biến pháp giới hư không giới cùng một thể với ta, chỉ có Phật, Bồ tát mới nhận ra. Khoa học và triết học vẫn chưa đạt đến cảnh giới này, chư Phật Bồ tát đã ở trong đó rồi. Chúng ta nên học theo để có thể thực sự nhập vào cảnh giới đó. Thật sự khế nhập được

rồi, thì quý vị sẽ được lợi ích, biểu hiện ra bên ngoài là pháp hỷ sung mãn, thường sanh hoan hỷ tâm. Người thường cũng có thể nhận ra, nhận ra điều gì? Quý vị hoan hỷ, không còn phiền não, quý vị từ bi, không còn ý niệm hãm hại người khác. Tâm trạng này giống như trong kinh đã nói: “ban bố lợi ích chân thật”, quý vị đã ban bố lợi ích chân thật, trí tuệ chân thật cho mình, cho tất cả chúng sanh.

Dưới đây chúng ta sẽ nói về hồi hướng. “Hồi hướng tức là dùng tất cả những thiện căn mình tu tập được, hướng về chúng sanh, hướng về Phật đạo”. Hồi là chuyển lại, hồi chuyển. Hướng là hướng về một mục tiêu. Tôi dùng tất cả những công đức, thiện căn mà tôi tu tập được, không dành riêng cho mình, cũng như nói, bản thân tôi không hưởng thụ một mình mà dành cho ai? Dành cho tất cả chúng sanh, hướng về tất cả chúng sanh, hướng về đạo Phật. Hướng về Phật đạo là kì vọng chánh pháp được dài lâu, hướng về chúng sanh là hi vọng chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui. Đệ tử của nhà Phật, nên học được công đức trí tuệ trong ngôi nhà Phật pháp, khẳng định phải làm được như vậy. Họ không hưởng thụ, học đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Năm ba mươi tuổi, Phật Thích Ca Mâu Ni thành đạo, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, nhưng ngài không đến thế giới Hoa tạng, ngài không đến thế giới Cực lạc, ngài ở lại đây với chúng ta tám mươi năm. Người xưa nói ngài nhập Niết bàn năm tám mươi tuổi, những người ở các quốc gia khác nói ngài diệt độ năm bảy mươi chín. Thành đạo năm ba mươi tuổi, bắt đầu dạy dỗ, sống đời sống của nhà sư khổ hạnh, để làm tấm gương cho hậu thế chúng ta. Ngài có thể hưởng vinh hoa phú quý không? Ngài có điều kiện để thực hiện việc này. Quý vị xem kinh Đại thừa ghi: Lúc bảy giờ mười sáu vị vua các nước lớn ở Ấn độ đều lạy ngài làm thầy, giống những vị quốc sư hiện tại, ngài không phải quốc sư cho một nước mà là quốc sư đến mười sáu nước, đây là nước lớn, chưa kể nước nhỏ. Những vị đại thần, quốc vương, trưởng giả giàu có này đều đến cúng dường Phật Thích Ca Mâu Ni, thì còn thiếu thứ gì nữa! Quý vị xem Phật ứng xử thế nào? Phật không tiếp nhận, cung điện lầu các được dựng lên, ngài không nhận, ngài chỉ sống cuộc sống rày đây mai đó, đêm ngủ dưới gốc cây, ngày ăn một bữa, ngài sống như thế, không có nơi cư trú nhất định. Tăng đoàn khá đông, theo cách tính của tôi, ít nhất cũng hơn ba ngàn vị, một tập thể khá đông. Sau khi thời khoá buổi sáng xong, Phật dẫn đại chúng đi khát thực, buổi trưa sau khi ngộ trai xong đi kinh hành, sau khi kinh hành xong là lúc giảng kinh dạy học, bốn mươi chín năm như một ngày, chỉ dạy học mà thôi, ngoài ra không có hoạt động nào khác, không cùng nhau tu Phật thất, cũng không tu thiền thất. Ngày nay những hoạt động Phật sự như thế này hoàn toàn vắng mặt

trong thời đại Phật Thích Ca Mâu Ni. Khi Phật còn tại thế, ngài chỉ giảng kinh và dạy học, mỗi ngày đều lên lớp cùng đại chúng, nghiên cứu, thảo luận, giải đáp những thắc mắc, họ là một đoàn thể như thế, chúng ta phải nhận thức về vấn đề này. Nói một cách nghiêm túc, họ không có những hoạt động tôn giáo, họ giáo dục xã hội, họ không phải một tổ chức tôn giáo. Mục tiêu của giáo dục tôn giáo là giúp tất cả chúng sanh lìa khổ được vui. Muốn thoát khổ được vui nên dùng phương pháp giáo dục để giải quyết. Phật biết được nỗi khổ của chúng sanh từ đâu mà có, từ mê hoặc mà có. Ngài cũng biết rất rõ chân tướng của nhân sinh vũ trụ.

Trong bốn mươi chín năm đức Thế Tôn giảng kinh thuyết pháp, ngài đã dạy điều gì?

Năm xưa, độ hơn ba mươi năm trước, ở Đài loan, tôi nhớ lúc bấy giờ là tết Âm lịch, có cặp vợ chồng trẻ, họ là những giáo sư đại học, đến thăm tôi ngày tết, họ nói với tôi: Chúng con đang giảng dạy ở đại học Phụ Nhân, những giờ ngoại khóa chúng con mở một lớp học, gọi là Phổ Hiền Bồ tát Hạnh Nguyên Phẩm, ở lớp học Đại Thiên Phật. Tốt! Tôi nói. Tôi đưa ra một vấn đề hỏi vợ chồng anh này: Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh dạy học suốt bốn mươi chín năm, cuối cùng ngài dạy những gì? Anh dùng một câu để trả lời tôi, không dài dòng, một câu thôi. Trong bốn mươi chín năm Phật Thích Ca Mâu Ni đã giảng những gì? Suy nghĩ năm sáu phút vẫn không đưa ra được câu trả lời. Vì tôi giới hạn cho anh ấy chỉ một câu. Thật sự không nghĩ ra, cuối cùng anh ta hỏi tôi, tôi trả lời: Kinh Bát Nhã có một câu gồm bốn chữ, đó là “Thật tướng các pháp”, tôi nói dùng câu này trả lời đã được chưa? Ý của câu này là chân tướng các pháp của vũ trụ và nhân sinh, đó là điều Phật Thích Ca Mâu Ni nói trong suốt cuộc đời mình. Vợ chồng anh ta đồng ý. Khi quý vị hiểu rõ ràng minh bạch chân tướng của tất cả pháp, thì lúc đó quý vị mới khai ngộ, quý vị mới lìa khổ được vui. Vì vậy Phật giúp tất cả chúng sanh lìa khổ được vui bằng phương pháp giáo dục. Vì giáo dục có thể giúp tất cả chúng sanh lìa khổ được vui, giáo dục cũng có thể giúp đỡ xã hội thoát khổ được vui, cũng có thể giúp một đất nước thoát khổ được vui, cũng có thể giúp đỡ cả thế giới thoát khổ được vui, nó rất kì diệu.

Các bậc cổ Thánh tiên Hiền rất thông minh, khi Phật giáo chưa truyền đến đất nước này, chắc chắn là chưa đến, câu nói này không phải được nghe từ nhà Phật. Người xưa nói: “Xây dựng đất nước, lấy học làm đầu”, câu này trong Lễ ký , Học ký . Giới học thuật ngày nay đã chỉ ra thời gian bộ Lễ ký hình thành khoảng

trước đời nhà Hán, thời đại Xuân thu chiến quốc, lúc bấy giờ Phật giáo chưa được truyền vào, người xưa rất coi trọng giáo dục, vì giáo dục có thể giải quyết tất cả mọi vấn đề. Phật đã rõ nên ngài dùng phương pháp giáo dục để giải quyết tất cả những vấn đề về thế gian và xuất thế, có thể đạt đến lợi ích công đức rất rạo viên mãn, chúng ta không thể không biết vấn đề này. Bởi thế ý nghĩa của chữ hồi hướng cực kỳ sâu rộng, không vì bản thân, vì người khác. Những gì tôi tu tập được, học tập được, dạy dỗ được, truyền bá được, tất cả đều vì người khác, không có cái gì dành cho tôi cả. Thực hiện triệt để vô ngã, quên cái tôi. Vì sao phải vì mọi người? Vì mọi người tức là thực sự vì mình, là bởi ta và người không hai. Biết rằng biến pháp giới hư không với mình là một thể, nhất thể. Bởi thế, giáo lý Đại thừa nói: “vô duyên đại từ”, từ bi là thương yêu, vô duyên là không kèm theo điều kiện, yêu thương không điều kiện, như tình cảm cha con, cha mẹ yêu thương con cái, con cái yêu thương cha mẹ, đó là thiên bẩm, không kèm theo điều kiện nào nữa. “Đồng thể đại bi”, đại bi là thương xót chúng sanh đang chịu khổ, giúp họ giải quyết khổ nạn vì chúng sanh với ta là một thể, giúp đỡ chúng sanh là tự giúp đỡ mình. Chỉ có người hiểu tường tận thật tướng các pháp mới có thể thực hiện được việc này, mới có thể vui vẻ làm, không thấy mỏi mệt. Bởi vậy Phật Thích Ca không làm quốc vương, ngài buông bỏ hết mọi sự nghiệp của thế gian để làm một người giáo sư, làm nghề giáo, suốt đời dạy học. Xuất hiện tại thế gian với một thân phận như vậy chứ không phải tôn giáo.

Cuối đoạn hồi hướng nói: “Người nguyện sang nước kia nên quay về tín hạnh của tự thân để hướng đến chỗ vắng sanh”. Việc hồi hướng này đã nói cụ thể cho chúng ta. Hướng đến nơi nào? Dùng lòng tin bền chắc của mình, tất cả hạnh của bản thân. Hạnh ở đây là bỏ ác tu thiện, tự hành hóa tha, đem tất cả những thành tựu, nhà Phật gọi là công đức, tức là thành tựu, hướng đến chỗ vắng sanh, không có chỗ nào khác, chỉ có một phương hướng, mong được vắng sanh đến tịnh độ của Phật A di đà, hi vọng thân cận Phật A di đà. Việc tu tập của ta chưa được viên mãn, sanh đến thế giới Cực lạc để thân cận Phật A di đà. Thế giới Cực lạc là một trường học, vườn của ngôi trường này rất rộng, rộng gấp mấy lần cõi Ta bà của chúng ta, Phật A di đà chủ trì việc dạy học ở đây. Khi quý vị đến thế giới Cực lạc là thấy ngay Phật A di đà, Phật A di đà hiện vô lượng vô biên thân. Ở thế giới Cực lạc không chỉ có một Phật A di đà, một Phật A di đà được thấy ở chỗ này, nhưng không thấy ở chỗ kia. Nhưng ở thế giới Cực lạc, chỗ nào cũng có thể thấy Phật A di đà, chỗ nào cũng có giảng đường, đến đó quý vị sẽ thấy Phật A di đà đang giảng kinh ở giảng đường, quý vị có thể tham dự vào một trong những giảng

đường đó. Đến thế giới Cực lạc quý vị cũng có thần thông, cũng có thể biến hoá, nếu dùng thần thông của quý vị để biến hoá, mỗi giảng đường ở thế giới Cực lạc đều có quý vị trong đó, mỗi giảng đường đều có Phật A di đà đang giảng pháp, mỗi giảng đường đều có quý vị đang nghe kinh, làm được hết, không phải không làm được. Không những có quý vị đang nghe kinh, mà đồng thời quý vị có thể biến thành vô lượng vô biên thân đi đến các tịnh độ của chư Phật trong mười phương, đi hỏi thăm, đi cúng dường Phật, đi nghe Phật thuyết pháp, quý vị có những năng lực lớn lao như thế. Phần lớn những năng lực đó đều do bốn mươi tám lời nguyện Phật A di đà gia trì cho quý vị, nếu không có Phật gia trì thì quý vị không thể có năng lực như thế, nhờ Phật gia trì quý vị mới có năng lực như thế.

Tham học mười phương tức là tu cả phước và tuệ, quý vị đi lạy Phật, đi cúng dường Phật, đó là tu phước. Nghe Phật giảng kinh thuyết pháp, là để mở trí tuệ, phước tuệ song tu. Mãi mãi xa rời luân hồi, mãi mãi thoát li khỏi mười pháp giới. Bởi vậy muốn bước vào cảnh giới tịnh độ, không thể không phát tâm này. Vì thế người tu tịnh độ hoàn toàn hiểu rõ, họ nhất tâm nhất ý muốn về thế giới Cực lạc, nhất tâm nhất ý là muốn thân cận Phật A di đà.

Phần tiếp theo, “Quán kinh cũng nói đến tâm phát nguyện hồi hướng trong tam tâm. Một là tâm chí thành, hai là thâm tâm, ba là tâm phát nguyện hồi hướng. Đủ cả ba tâm này có thể sanh sang nước đó”. Không thể thiếu được ba thứ tâm này. Thứ nhất là chí thành, chân thành đến cực độ gọi là chí thành. Thứ hai là thâm tâm, thâm tâm hơi khó hiểu, những vị đại đức ngày trước chú giải rất rõ ràng, nhưng người đời nay đọc vẫn không hiểu. Chú giải ngày xưa gọi là “hiếu thiện hiếu đức”, hiếu thiện hiếu đức gọi là thâm tâm.

Khoảng hơn hai mươi mấy năm trở lại đây, tôi giảng về thâm tâm trong ba tâm, tôi không dùng lời chú giải của người xưa, mà nói đề kinh trong kinh Vô Lượng Thọ. Thế nào là thâm tâm? Thanh tịnh, bình đẳng, giác là thâm tâm, tự thọ dụng đây. Tâm chí thành là chân tâm, chân tâm đối với chính mình là thanh tịnh, bình đẳng, giác, đó là thâm tâm. Đối với người khác đại từ đại bi, tâm phát nguyện hồi hướng là đại từ đại bi, với mọi người. Hồi hướng cho tất cả chúng sanh, hồi hướng thế giới Cực lạc, hồi hướng cầu vãng sanh tịnh độ, cầu thân cận Phật Di đà. Bởi thế người đầy đủ ba tâm này chắc chắn sẽ sanh sang nước đó, nước đó chính là thế giới Cực lạc.

“Hội sơ viết: Phạm hồi hướng, có tự lực hồi hướng, có tha lực hồi hướng. Nếu tự mình làm, hướng đến quả báo sau này, đó là tự lực”. Hồi hướng có hai loại, tự lực và tha lực. Tha lực là nhờ Phật A di đà gia trì. “Chuyên những việc làm của mình”, nghĩa là công đức tu tập của mình như bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, bát nhã, tất cả những việc này đều tự mình làm, làm cho mình. Tu hạnh Bồ tát, hi vọng tương lai sẽ thành đạo Bồ tát, chứng thành quả vị Phật, tất cả những thứ này thuộc tự lực, quan trọng của việc này là không cầu phước báo của nhân gian, điều này rất quan trọng.

Đem tất cả những gì mình tu tập được để cầu phước báo nhân thiên là sai lầm, liệu đạt được không? Được. Tất cả những công đức tu học của quý vị sẽ đến ngay. Không cầu phước báo trời người là loại thứ nhất.

Loại thứ hai là chuyên nhờ vào nguyện của Phật, không tự khích lệ bản thân đó là tha lực. Đó không phải là hồi hướng của phạm tình nên còn gọi không hồi hướng. Ý của từ không hồi hướng là không dựa vào chính mình, chỉ nhờ năng lực người khác, cách hồi hướng như thế người phạm tình không thể biết được, nên gọi là không hồi hướng”. Đây là một pháp môn tịnh độ, nếu quý vị nghe pháp môn này gọi là pháp môn không hồi hướng thì đừng nên hiểu lầm về ý nghĩa của chữ này. Rất khó nói cụ thể đoạn này, tịnh tông gọi là pháp môn không hồi hướng, có người tu hay không? Có, là người nhất tâm niệm Phật, họ không hồi hướng theo nghi thức, vì sao? Mỗi câu niệm Phật đều cầu sanh tịnh độ, mỗi câu danh hiệu Phật đều mong muốn được thân cận Phật A di đà, vì thế việc hồi hướng của họ đã tan vào trong câu niệm Phật. Tôi niệm Phật không mong cầu gì khác, mỗi câu danh hiệu Phật đều để cầu sanh tịnh độ, thân cận Phật Di đà, nên không cần hình thức nữa, đây gọi là không hồi hướng. Nhất tâm chuyên niệm, không phân tâm, hồi hướng cũng buông bỏ luôn vì sợ lẫn tạp niệm, sợ gián đoạn, đó mới là sự hồi hướng đúng đắn.

Đại phẩm Bát nhã, tức là kinh Bát nhã nói: “Bồ tát hồi hướng như vậy thì không còn nghĩ lung tung, không còn thấy lung tung, không còn tâm loạn động”. Đây đang nói đến không hồi hướng, pháp môn không hồi hướng của Bồ tát tu tập, hồi hướng không hồi hướng, họ không còn rơi vào suy nghĩ lung tung, nghĩ về sự hồi hướng, nghĩ về một mục tiêu, một phương hướng, nghĩ như vậy, chỉ cần có nghĩ đã gọi là vọng tưởng. Thấy điên đảo, kiến ở đây là kiến giải, tưởng là suy nghĩ,

vẫn còn những kiến giải sai lầm. Tâm điên đảo, tâm vẫn còn ý niệm, vẫn khởi tâm động niệm. Tôi nghĩ về tương lai sẽ đi về một nơi, một mục đích. “Vì sao vậy? Vì Bồ tát không còn tham đắm việc hồi hướng”. Bồ tát không còn tham muốn sanh về thế giới Cực lạc, không còn tham muốn thân cận Phật A di đà, nhưng vẫn quyết định đến thế giới Cực lạc, quyết định đến học tập với Phật A di đà. Tuy đến thế giới Cực lạc, nhưng không tham đắm thế giới Cực lạc. Tuy thấy Phật A di đà nhưng không quyến luyến Phật A di đà. Loại hồi hướng không hồi hướng này lại được tôn xưng “vô thượng hồi hướng”. Quát Hồ có cách lí giải: “Trong mắt phàm tình cho rằng đó là không hồi hướng”. Người phàm phu như chúng ta thấy họ như không hồi hướng, nhưng thực tế thì sao? Trên thực tế họ đã thực hiện vô thượng hồi hướng, vì sao vậy? Vì nó đã tương ứng với sự viên mãn của tánh đức, giống như trong tự tánh không có phân biệt, không có chấp trước, không có khởi tâm, không có động niệm. Tuy hàng ngày vẫn niệm Phật, nghe kinh, tụng đọc, nhưng niệm Phật mỗi ngày với tâm thanh tịnh, không vương một hạt bụi trần, trong tâm họ có sự cầu nguyện không? Có. Nhưng không cần hình thức, có cầu nguyện nhưng chẳng khác không cầu nguyện, có niệm nhưng chẳng khác không niệm, con người này đã nhập vào cảnh giới tam muội, những người phàm phu không thể tưởng tượng được. Chẳng những phàm phu trong sáu đường không thể hiểu con người này, mà pháp giới tứ thánh cũng như vậy. Trong mười pháp giới có Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, Phật. Kiểu niệm Phật này gọi là thực tướng niệm Phật, một trong bốn loại niệm Phật, công đức chân thật.

Chúng ta xem tiếp phần dưới: “Nói chung Tịnh độ là pháp môn tha lực”. Là pháp môn cần nhờ oai thần bốn nguyện Phật A di đà gia trì. Sáu chữ danh hiệu Di đà và nguyện hải nhất thừa đều là tha lực, là Phật A di đà gia trì. Sáu chữ Nam mô A di đà Phật. Phật A di đà đã dùng phương pháp này, phương pháp chấp trì danh hiệu, tiếp dẫn mười phương chúng sanh. Những người có tín có nguyện muốn niệm một câu danh hiệu Phật là đã có duyên với Phật A di đà, vì Phật cứu độ người có duyên.

Nguyện hải nhất thừa là thế giới Cực lạc, thế giới Cực lạc là Phật A di đà làm nên thành công của nguyện hải Nhất thừa. Làm sao để thế giới Cực lạc được thành tựu? Là nhờ bốn mươi tám lời nguyện, là cảnh giới được biến hiện bởi bốn mươi tám lời nguyện, tất cả đó là tha lực. “Nay nương theo nguyện của Phật”, hoàn toàn nương nhờ vào Phật A di đà. Phật A di đà phát bốn mươi tám lời nguyện, bản thân chúng ta cũng phát bốn mươi tám lời nguyện, lời nguyện của chúng ta

hoàn toàn tương ứng với lời nguyện Phật A di đà. Hồi hướng để vãng sanh, đó là vô thượng hồi hướng. Giống như tâm, nguyện, đức, hạnh của Phật A di đà, tất cả những hình thức hoàn toàn có thể buông bỏ, đây là những điều được nói trong Phật pháp. Phật pháp trọng thực chất, xem nhẹ hình thức, có thể hoàn toàn không cần đến hình thức. “Vì thế có thể có niệm tịnh tín, đem tất cả thiện căn chí thành hồi hướng thì tùy nguyện mà được vãng sanh”. Tất cả những điều này do Thế tôn nói trong kinh điển. Điều quan trọng để sanh một niệm tịnh tín, then chốt là trong hai chữ “nhất niệm”, một niệm thanh tịnh một niệm Phật, niệm niệm thanh tịnh niệm niệm Phật. Đem tất cả những thiện căn đó, trong pháp thế gian thì thiện căn có ba loại, đó là không tham, không sân và không si. Đối lập với ba độc phiền não là ba thiện căn. Hiện tại chúng ta nói năm độc, đối lập với năm độc là năm thiện căn, không tham, không sân, không si, không mạn và không nghi. Vì sao? Vì ngày nay chúng ta có thể thấy được sự nghiêm trọng của thiên tai về nghi và mạn. Ngạo mạn kéo theo động đất, hệ quả của hoài nghi là sự lung lay của địa cầu, địa cầu lung lay thì đất đai sẽ lún xuống đại dương, núi cao đổ xuống. Nguyên nhân của những hiện tượng đó là gì? Niềm tin của chúng ta bị đánh mất thì sẽ kéo theo những hiện tượng đó. Nếu niềm tin của chúng ta kiên định thì sông núi đất đai cũng kiên cố, không xảy ra những hiện tượng như vậy. Bởi vậy chúng ta phải thêm hai thứ thiện căn nữa vào ba thứ thiện căn đã có. Một người tu hành chân chánh, không ai là không tùy nguyện được vãng sanh. Như trong lời khai thị trong Hội Sớ: “Chỉ tại tin một niệm, không cần niệm nhiều ít”. Niệm Phật được bao nhiêu không quan trọng, cốt là tin ở một niệm, một niệm tịnh tín mới quan trọng! Tiếc là lòng tin của chúng ta không vững vàng, niệm đầu thì tin nhưng niệm thứ hai thì hết tin, giờ phải làm sao? Niệm bao nhiêu chỉ bằng phương pháp niệm tốt một thứ, chỉ tin ở một niệm, không cần niệm nhiều ít, điều này là dùng lí để nói.

Nếu nói về sự, chúng ta xem cư sĩ Hoàng Niệm Lão đã làm tấm gương cho chúng ta, trước khi vãng sanh độ sáu tháng, ông bỏ tất cả những ràng buộc, nhất tâm niệm Phật, mỗi ngày ông còn đếm được đã niệm mười bốn vạn tiếng, niệm nửa năm như thế ông mới mất. Ông đã để lại cho chúng ta một bài học, những người hiện đại chúng ta, hiện đại là thời gian nào? Trước kiếp nạn, chúng ta dùng cách nào để cứu chính mình? Chỉ có niệm Phật, ngoài niệm Phật ra, những pháp môn khác không cứu kịp, chỉ có niệm Phật mới cứu gấp được, chỉ có cầu sanh tịnh độ, thân cận Phật A di đà, chỉ một biện pháp duy nhất đó thôi, chỉ có biện pháp duy nhất rốt ráo viên mãn đó thôi, chính xác là người có niềm tin sẽ được độ. Nếu quý

vị không tin tưởng, chắc chắn quý vị sẽ bị trôi lăn theo nghiệp. Chúng ta đã biết, trôi lăn theo nghiệp thì chịu khổ không thể tả! Chúng ta cần có trí tuệ, cần có niềm tin, chúng ta đã học Phật bao nhiêu năm nay, không thể bỏ công. Nếu thiên tai xảy đến, chúng ta luống cuống, thì mọi việc đã quá muộn, những công lao từ trước đến nay đều đổ xuống sông. Chúng ta cần có niềm tin kiên định, chúng ta hiểu rõ thực tướng vạn pháp trong vũ trụ, chúng ta nắm rõ qui luật nhân quả. Kinh Hoa nghiêm đã nói cho chúng ta mười thứ như vậy: Nhân như vậy, quả như vậy, duyên như vậy, báo như vậy, nghiệp nhân quả báo đã quá rõ ràng. Nói về sự, gây nhân lành thì được quả ngọt, gây nhân ác thì nhận quả đắng. Chúng ta thử đối chiếu với sáu đường trong mười pháp giới, hoàn toàn rõ ràng. Hoá giải thiên, Bồ Lai Đấng người Mỹ đã nói rất cụ thể và hoàn toàn tương đồng với giáo lý Đại thừa, chỉ có bỏ ác làm lành, nhà Phật gọi là đoạn ác tu thiện, cải tà qui chánh, tâm niệm ngay thẳng. Khởi tâm động niệm, chúng ta nghĩ đến những lời giáo huấn của các bậc thánh hiền trong truyền thống xưa, gồm mười hai chữ: Hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghi, liêm, si, nhân, ái, hoà, bình, khởi tâm động niệm không trái ngược với mười hai chữ này, lúc nào cũng canh cánh mười hai chữ này trong lòng, tâm niệm ngay thẳng. Quý vị thuộc tâm nào? Tôi giữ tâm hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghi, liêm, si, nhân, ái, hoà, bình thì thiên tai liền được hoá giải. Bồ Lai Đấng nói nếu toàn thế giới có thể làm được thì không những có thể hoá giải thiên tai trên địa cầu mà còn hướng địa cầu sang một hướng tốt đẹp hơn, ta có thể hiểu được những lời này của ông ấy, giống như những lời dạy của chư Phật, Bồ tát trong giáo lý Đại thừa. Tôi không biết Bồ Lai Đấng đã có lần nào nghiên cứu Phật giáo chưa, đã có lần nào đọc kinh Đại thừa chưa, nhưng ba câu nói của ông ấy vẫn thường được nghe trong kinh điển Đại thừa do chư Phật, Bồ tát nói. Chúng ta có thể hiểu, hiểu rất rõ và chúng ta đang nỗ lực để thực hiện, để học tập, để tịnh tông ngày càng kì diệu, càng thù thắng, đưa tất cả những pháp thuần tịnh thuần thiện của thế gian, xuất thế dung nạp vào một câu danh hiệu A di đà Phật, để khi quý vị niệm một câu A di đà Phật thì tất cả đều được nhớ đến, tròn đầy như nhau, cực kì tuyệt diệu! Bởi thế xưng một danh hiệu Phật, những bậc đại đức xưa nay, mười phương chư Phật đều khen ngợi, vạn đức hồng danh đều có mặt trong một danh hiệu, bao gồm tất cả pháp thuần tịnh, thuần thiện của thế gian, xuất thế, đều gói gọn trong một danh hiệu Phật. Niệm một câu danh hiệu Phật tức là niệm vạn đức, vạn đức thuần tịnh, thuần thiện của thế gian, xuất thế. Bởi thế nên tại sao có rất nhiều người nói khi thiên tai đến thì nên niệm Phật, chỉ có niệm Phật, ngoài niệm Phật ra không có phương pháp nào tốt hơn.

Chúng ta đã trải một thời gian khá lâu học Tịnh tông học kinh Vô lượng thọ mới có thể hiểu được, khi đã hiểu được rồi bắt đầu tự thực hiện, nỗ lực để làm. Quý vị vẫn còn hoài nghi vì không thấu suốt, nhưng tôi đã không còn hoài nghi, tôi nỗ lực làm, sáu thời chỉ một câu danh hiệu Phật, niệm ở đâu biết đến đó, không được gián đoạn.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 389

Chuyên ngữ: Minh Tuệ

Biên tập: Minh tâm

Thời gian: 01 tháng 05 năm 2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong

Chư vị Pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại thừa vô lượng thọ kinh giải, trang 480, hàng thứ hai từ dưới đếm lên, bắt đầu xem từ chữ thứ ba.

“Nhu Hội sơ đã khai thị, chỉ tin vào nhất niệm, không cần niệm bao nhiêu. Yếu giải lại nói: Nếu tín nguyện kiên cố, mười niệm, nhất niệm khi gần mất, cũng chắc chắn vãng sinh. Nếu không có tín nguyện, cho dù trì danh hiệu đến mức gió thổi không lọt, mưa rơi không thấm, như tường sắt vách đồng, cũng không thể nào vãng sinh”.

Những câu này đều giải thích tín nguyện niệm Phật cho chúng ta. Phần trước chúng ta đã đọc rất nhiều và cũng nói rất chi tiết về “nhất niệm tịnh tín, chí tâm nguyện sanh”. Đến đây ta đã thấy phương pháp quan trọng nhất của việc tu hành. Tịnh tông đưa ra ba chữ: Tín, hạnh và nguyện. Xây dựng được niềm tin rất khó, vì thế chư Phật, Bồ tát đều nói pháp môn này là “pháp rất khó tin”. Sống trong xã hội hiện tại, ta có cảm xúc rất sâu sắc với ba chữ này. Ta thường được nghe những vị tổ sư trước đây giảng kinh, dạy học, nhưng không nghe quý vị đó nói thấu triệt về những vấn đề này, cũng có thể lúc bấy giờ khác với thời đại chúng ta

ngày nay, xã hội chúng ta đang sống ngày nay có nhiều biến động, thiên tai trên quả địa cầu ngày càng nhiều mà lịch sử trong quá khứ chưa từng được ghi lại.

Chúng ta hãy xem những tin tức báo chí gần đây nhất, nước Mĩ, ngày trước tôi đã sống ở đó một thời gian khá dài, mỗi năm xảy ra hai, ba đợt lốc xoáy, nghe nói bây giờ lại một tháng xảy ra hai, ba trăm đợt, rốt cuộc đã xảy ra những chuyện gì? Điều đó khiến chúng ta nghĩ đến ba ý nghĩa sâu sắc không bờ bến của ba chữ tín, nguyện và hạnh.

Trong kinh Hoa nghiêm đức Phật dạy, khởi tâm động niệm của chúng ta sẽ ảnh hưởng đến sơn hà đại địa. Khi chúng ta đã đọc kinh Lăng nghiêm, khi chúng ta đọc tác phẩm Vọng Tân Hoàn Nguyên Quán của quốc sư Hiền Thủ, mới hiểu được việc khởi tâm động niệm của chúng ta sẽ ảnh hưởng đến cả vũ trụ. Vì sao vậy? Vì vũ trụ giống như một tấm lưới, chỉ cần bứt một sợi tóc thì cả cơ thể đều biết, đây là nói đến khởi nguyên vũ trụ, đó là một sanh mạng thể cộng đồng. Lão Tử đã nói, thời đại Lão Tử Phật giáo chưa truyền đến, Lão Tử nói rằng: Trời đất cùng nguồn gốc với ta, vạn vật cùng một thể với ta. Vấn đề này xuất phát từ cảm xúc hay chân tướng sự thực là như vậy? Tất cả chúng ta đều không cho rằng đó là chân tướng sự thực, mà được nói ra do cảm xúc của Lão Tử. Nhưng sau khi xem trong kinh Phật, ta biết nó là sự thực, nó không phải nói do cảm xúc mà chân tướng sự thực là như thế. Chúng ta hoài nghi, chúng ta không hiểu rõ là bởi chân Lý đó quá cao siêu, sự việc quá xa lạ, mãi đến ngày nay, ba mươi năm gần đây, những nhà khoa học Lượng tử đã đưa ra kết quả nghiên cứu, chúng ta hiểu khi đọc nó, vì sao vậy? Từ xưa kinh Phật đã nói rồi, ba ngàn năm trước Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói rồi, nên chuyện đó chỉ phụ thêm để nói rõ cho mọi người mà thôi. Hiện nay thế giới thừa nhận Phật Thích Ca Mâu Ni, ngài diệt độ đến nay đã hơn hai ngàn năm trăm năm.

Năm 2006, chúng tôi tham gia những hoạt động kỉ niệm tròn hai ngàn năm trăm năm mươi năm tại Paris. Những ghi chép của lịch sử Trung quốc chúng ta không phải như thế, thời cổ đại, ngay cả trong cuốn nhật tụng ngày nay cũng có. Phật Thích Ca Mâu Ni Phật đản sanh vào năm nào? Năm Giáp dần, vua Chiêu Vương nhà Chu thứ hai mươi bốn. Nhập Niết bàn đời vua Mục Vương nhà Chu. Theo lịch sử Trung quốc ghi lại, đời xưa của Trung quốc đều tính niên đại theo cách như thế. Phật Thích Ca diệt độ đến nay đã 3318 năm. Cũng không cần nghiên cứu những sự việc như thế này vì nó không liên quan, không quan trọng. Rốt cuộc thì năm nào mới đúng, chỉ có đến hỏi Phật Thích Ca Mâu Ni mới có câu trả lời chính

xác nhất. Mỗi người đều có Lý lẽ của mình, đều có căn cứ của mình, vì vậy chúng ta cứ yên tâm với những việc như vậy, bởi vì kiểu khảo chúng đó thực sự không có ý nghĩa gì.

Trước đây ba ngàn năm Thế tôn đã nói, các nhà khoa học ngày nay chỉ làm sáng tỏ thêm, nhưng đây không phải là chuyện đơn giản! Với chúng ta đó là một sự kiện có ý nghĩa rất lớn, là bởi từ trước đến nay chúng ta hoàn toàn nghi ngờ về vấn đề này, đến khi giới khoa học công bố, chứng minh những lời Phật đã nói là chân thật, không giả dối. Ngày nay khoa học là môn học mũi nhọn, phát triển theo hai hướng chính, một là hướng về hồng quan vũ trụ, thăm dò không gian, phát hiện ra tất cả những hành tinh, có vẻ cách chúng ta càng ngày càng xa, như một loại vật liệu nổ. Sau khi tiến sát bên cạnh thì không còn thấy nữa. Nghiên cứu của các nhà khoa học cho rằng, chúng ta có thể thăm dò được độ 10% vũ trụ, 90% còn lại không thể thấy được, tìm đâu cũng không thấy. Nghe những tin tức đó, chúng ta hiểu được Lý do của sự biến mất này. Nghiên cứu về vi quan thế giới là khoa học lượng tử, một bên là cực đại, một bên là cực tiểu, rất khó nắm bắt, không hề dễ dàng.

Quang tử, hay còn gọi là lượng tử được phát hiện ra độ ba mươi năm trở lại đây. Trong chú giải này, Hoàng Niệm Lão đã cho chúng ta biết, một hạt bụi, một cọng lông, cọng lông hay hạt bụi là đơn vị nhỏ nhất, trên thực tế là chỉ lượng tử. Lượng tử lớn cỡ nào? Giới khoa học đã đưa ra một khái niệm, nguyên tử, hiện tại ai trong chúng ta cũng biết khái niệm này. Nguyên tử là do điện tử ngoài hạt nguyên tử cấu thành, nó giống như một vũ trụ thu nhỏ, điện tử quay xung quanh hạt nguyên tử. Lượng tử lớn cỡ nào? Bằng một phần một trăm ức điện tử, nghĩa là một trăm ức lượng tử mới tạo ra được một hạt điện tử, một đơn vị cực nhỏ, nhưng tần suất khá cao, tốc độ di chuyển rất nhanh.

Tiến sĩ Max Planck người Đức, là thầy của Einstein, ông này dành cả cuộc đời mình để nghiên cứu thuyết lượng tử, ông rất giỏi phân tích hiện tượng vật chất. Ông cho rằng bản chất của vật chất là ý niệm. Vậy ý niệm có từ đâu? Ông không trả lời được, ông chỉ nói vấn đề này là từ không sinh ra tất cả, nói rất đúng, từ không sinh ra tất cả, có thể nói được. Từ nghiên cứu này, nói theo kinh Phật, khoa học kỹ thuật của họ đạt đến một mức nhất định. Nói cách khác, tiếp tục đột phá thêm là không dễ dàng. Trong kinh Phật nói về vi quan vũ trụ, người ta đã tìm ra A lại da. Giáo Lý Đại thừa cho rằng A lại da là khởi nguyên của vũ trụ. Nghiên cứu về hồng quan vũ trụ, họ tìm thấy biên tế, tất cả những vấn đề này đã được nói

trong kinh Phật. Chúng ta dùng thức thứ sáu, tức là dùng suy nghĩ, tư tưởng, dùng quan sát để đạt đến giới hạn cuối cùng. Muốn nâng cao nữa thì sao? Nâng cao lên nữa thì có pháp tánh. Họ không thể duyên tới được, vì sao vậy? Vì pháp tánh không có hiện tượng, giới khoa học quan sát phải có đối tượng. Ba loại lớn của đối tượng là hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần và hiện tượng tự nhiên. Đến lúc nói pháp tánh, bản tánh và Phật tánh thì nhà Phật nói nó không có hình dáng, nó không thuộc hiện tượng vật chất, không phải hiện tượng tinh thần cũng không phải là hiện tượng tự nhiên. Nói cách khác, anh dùng biện pháp nào đi nữa cũng không thể khám phá được. Vậy làm sao để khám phá nó? Phải buông bỏ mới được. Trong kinh Đại thừa, Phật đã dạy chúng ta, buông bỏ chấp trước, ai không chấp trước tất cả pháp của thế gian cũng như xuất thế, người đó được xem là A la hán, đây là học vị đầu tiên trong Phật học, quý vị sẽ được học vị A la hán, khi được học vị A la hán, nói cho quý vị biết, không còn trôi lăn trong sáu đường nữa, thế giới của ta đây không còn nữa, tất cả là giả, như trong một giấc mộng, khi tỉnh dậy, những gì quý vị đã mơ không còn nữa. Khi A la hán tỉnh dậy thì sáu đường chúng sanh không còn nữa, khi sáu đường không còn nữa thì hiện ra một cảnh tượng khác, đó là pháp giới tứ thánh: Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, Phật. Khi cảnh tượng này xuất hiện thì mộng đã tỉnh, nhưng thực ra nó vẫn là mộng. Sáu đường là mộng trong mộng.

Giai đoạn thứ hai, với pháp thế gian và xuất thế, chúng ta không những không chấp trước mà phân biệt cũng không còn, không còn phân biệt, đó là Bồ tát, cao hơn A la hán. Nhưng họ vẫn khởi tâm, vẫn động niệm, khi buông bỏ khởi tâm động niệm, không còn khởi tâm động niệm nữa, họ mới kiến tánh. Giới khoa học không thể làm được việc này, vì họ còn khởi tâm, còn động niệm, còn phân biệt, chấp trước, vì thế họ phải bị giới hạn. Với bên trong có thể thấy được A lại da, bên ngoài có thể thấy được hồng quan vũ trụ, nhưng không thể kiến tánh. Muốn kiến tánh, không gì hơn là buông bỏ tất cả những thứ đó, vì sao vậy? Vì tất cả đều là giả. Hiện tượng tự nhiên mà nhà khoa học nói đến, Phật pháp gọi là nghiệp tướng trong A lại da, họ gọi là tin tức hoặc hiện tượng tinh thần, là chuyển tướng trong A lại da, họ nói vật chất thì đó là cảnh giới tướng trong A lại da. Tất cả những vấn đề này không dễ dàng. Chúng ta không thể không khâm phục những thành tựu của khoa học, nhưng họ không thể thấy được tánh, tức là họ không thể trả lời từ đâu mà có ý niệm, cho nên nói được từ không sanh ra tất cả, cũng là khá lắm rồi, thật hiếm có, thật hiếm có. Phật pháp nói rất thấu triệt, ngày nay chúng ta đã nhận thức được Phật pháp không những là một nền triết học tối cao mà còn là

khoa học tối cao nữa. Có thể nói những vấn đề khoa học và triết học không giải quyết được, thì Phật giáo Đại thừa đã phân tích một cách rõ ràng, cụ thể, mang lại trí tuệ đích thực, lợi ích đích thực. Những trở ngại bày ra trước mắt chúng ta, là gì? Đầu tiên, ngã, cái này mới rắc rối! Cái ngã này là giả, không phải thật, thân này không phải là tôi, kinh Kim Cang đã nói rất rõ ràng: “vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng”. Đây mới bước đầu để vào Phật pháp, địa vị chưa cao lắm. Đẳng cấp nào? Tu đà hoàn của Tiểu thừa, tương đương với Đại thừa là Bồ tát Sơ tín trong Thập tín Bồ tát. Sơ tín là Tiểu học, Tiểu học của Phật giáo, lớp một Tiểu học. Tiểu học có mười lớp, từ lớp một đến lớp mười, mới lớp một Tiểu học. Lớp một Tiểu học mà đã không coi thân này là của tôi. Thân là gì? Thân này do tôi sở hữu, giống như quần áo, quần áo không phải là tôi, mà nó do tôi sở hữu, bởi thế thân thể không phải của tôi, mà tôi chỉ sở hữu thôi, vậy cuối cùng cái gì mới là của tôi? Những nhà triết học nước ngoài cũng thừa nhận linh hồn mới là của ta. Suy nghĩ có phải là của ta không, vấn đề này hơi khó đối với những người bình thường, họ không chấp thân này là của ta, linh hồn liệu có phải là của ta không? Vẫn không phải. Không thể nói nó hoàn toàn không phải, nó là một cái ngã mê hoặc điên đảo, đó là cái ngã chưa giác ngộ, linh hồn. Nói trắng ra gọi nó là linh hồn là có vấn đề, hồn không linh. Nếu nó linh nó có đi đâu thai vào ba đường ác không? Không thể. Đầu thai vào ba đường ác là mê hoặc điên đảo.

Khổng tử không gọi nó là linh hồn, trong Dịch Hệ Từ, Khổng tử có Lý khi gọi nó là du hồn: Tinh khí tạo nên hình hài, du hồn biến chuyển. Gọi là du hồn, rất chuẩn. Tốc độ của nó rất lớn, không có gì ngăn cản nó được.

Phật pháp gọi nó là linh tánh, bản tánh, Phật tánh, tự tánh, đó mới là cái ngã chân thật. Nó mới là thế giới thân tâm bây giờ của chúng ta, nó là căn nguyên, tất cả từ nó mà biến ra. Trong Phật pháp gọi là vũ trụ chính là thân thể chúng ta, tinh thần, thân thể con người, duy tâm sở hiện, tâm ở đây là chân tâm chứ không phải là vọng tâm, là tánh, chân tánh.

Người xưa cho rằng bốn tánh bốn thiện, bốn tánh mà người xưa nói đến ngang bằng với Phật tánh nhà Phật đề cập. Bốn thiện ở đây không phải thiện trong thiện ác mà thiện ở đây là một đức tính, tức là viên mãn. Giống như minh tâm kiến tánh của đại sư Huệ Năng đã trình lên cho hoà thượng Ngũ tổ Hoàng Nhẫn. Gồm hai mươi chữ, nói rõ những gì ngài đã chứng ngộ. Thế nào là chân như, tự tánh? Câu đầu tiên là “đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh”, tự tánh không mong cầu, nói

theo ngôn ngữ ngày nay: không ngờ tự tánh, xưa nay nó đã thanh tịnh. Hiện tại đã ô nhiễm hay chưa? Chưa, chắc chắn là chưa. Tự tánh là chân tâm, là cái ngã chân chánh. Minh tâm kiến tánh tức là tìm ra cái ngã của mình. Câu thứ hai là “vốn không sanh diệt”, nó không có hiện tượng sanh diệt, không sanh không diệt. Câu thứ ba là “vốn tự đầy đủ”, tuy nó không nằm trong hình thức nào, nhưng như vừa nói, nó không có hình dáng, không có hiện tượng vật chất, không có hiện tượng tinh thần, không có hiện tượng tự nhiên, nhưng quý vị không thể nói là nó không có, hình dáng nào nó cũng có, vì nó biết biến. Câu cuối “năng sanh vạn pháp”, tất cả các pháp đều do nó biến ra. Còn một câu “vốn không dao động”. Bởi thế chân tâm là định, điều này quý vị cần ghi nhớ. Động là vọng tâm, không phải chân tâm, nghiệp được tạo nên từ vọng tâm là luân hồi sáu đường, chân tâm không tạo nghiệp.

Chúng ta đã nghe những kết quả nghiên cứu khoa học, đối chiếu những nghiên cứu này với những gì Phật đã nói càng ngày càng rõ ràng, càng ngày càng minh bạch. Vũ trụ từ đâu mà có? Vì sao có vũ trụ? Vũ trụ có quan hệ gì với chúng ta? Sau khi đã làm sáng tỏ ta biết rằng vũ trụ với ta vốn cùng một thể, vì thế bất luận hiện tượng ba động của vật chất, vật chất đang chuyển động, nếu nó đứng yên vật chất sẽ biến mất, đó là hiện tượng ba động. Ý niệm cũng là một dạng ba động, tức hiện tượng tinh thần, hiện tượng tự nhiên cũng là hiện tượng ba động. Cái này chuyển động, vừa động là chu biến pháp giới. Tốc độ của nó nhanh gấp mấy lần tốc độ ánh sáng. Ánh sáng mặt trời muốn chiếu đến địa cầu phải mất hơn tám phút. Ba động của vật chất và ba động của tinh thần, vừa động là chu biến pháp giới, cả pháp giới hư không đều nhận được. Thân thể của chúng ta, tâm niệm của chúng ta là một đài phát sóng, nhưng cũng là một đài thu sóng. Khi phát đi ta không hề hay biết, nhưng người khác nhận được. Đài thu của chúng ta, có thể thu tất cả những tín hiệu của vũ trụ, chúng ta vẫn thu được nhưng chúng ta không biết mình đang thu, là bởi cái máy của mình bị sự cố, không nhạy, có nhận được nhưng nhận rồi không đó sự đáp trả. Đến lúc nào ta mới có sự phản ứng? Lúc tâm đã thanh tịnh. Chúng ta hãy xem kinh nói “Thanh tịnh, bình đẳng, giác”, thanh tịnh là A la hán, bình đẳng là Bồ tát, giác là Phật. Khi quý vị đạt đến cảnh giới này thì có thể tiếp thu được. Chúng ta đã nắm được những vấn đề này nhưng vẫn chưa chứng được, việc hiểu của ta gọi là giải ngộ, do đọc trong kinh điển mà hiểu, ta nghe giảng sư nói mà hiểu, đây là giải ngộ, không phải chứng ngộ, chứng ngộ là có hiệu quả ngay. Cũng như nói chúng ta đã hiểu rõ nhưng chúng ta không buông bỏ, vẫn còn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chưa thể buông bỏ được.

Nhưng sau khi đã hiểu rồi, quyết tâm tu hành để biết được rằng, nên buông bỏ. Vì ngay từ đầu không hiểu nên vẫn giữ khư khư không chịu buông bỏ, bây giờ đã biết, nên buông bỏ, buông bỏ là đúng. Buông bỏ là gì? Quay về tự tánh, vì bản tánh vốn đã đầy đủ, đây là lời của đại sư Huệ Năng.

Trong kinh Hoa nghiêm Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói rất cụ thể, Phật nói đầy đủ cái gì? Tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí tuệ của Như lai, đó chính là bản tánh đầy đủ. Trong tự tánh của quý vị đã có vô lượng trí tuệ, vô lượng tài năng, vô lượng tướng hảo, không thiếu thứ gì. Bởi hiện tại quý vị đang có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nên không chứng được, vấn đề là ở chỗ đó. Chỉ cần một câu mà Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói tất cả. Nói cách khác, chúng ta có thể buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, là thành Phật ngay. Phật Thích Ca Mâu Ni đã làm tấm gương cho chúng ta, buông bỏ hết khi ngồi dưới cội Bồ đề, đại triệt đại ngộ. Ngài Huệ Năng cũng làm một tấm gương cho chúng ta, nửa đêm ngài đến phương trượng Ngũ tổ Hoàng Nhãn buông bỏ tất cả, buông bỏ như thế là thành Phật, nên Ngũ tổ liền truyền y bát cho ngài.

Môn học Phật pháp là một môn nghe dễ nhưng khó làm. Đây là vấn đề ngày trước đại sư Chương Gia đã dạy tôi. Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh dạy học suốt bốn mươi chín năm, nghe khó nhưng rất dễ thực hiện. Quý vị xem đại sư Huệ Năng khi ở phương trượng, tôi nghĩ ngài ở đó độ hơn hai giờ, hai giờ đồng hồ mà một người phàm phu thành Phật, không gặp một trở ngại nào. Cái khó của chúng ta bây giờ là gì? Đó là không chịu buông bỏ, cho rằng thân này là của tôi, cho rằng thế giới đó là có thật, không biết rằng mình đang nằm mơ. Nếu buông bỏ được là tỉnh mộng ngay, hiểu rõ tất cả. Muốn buông bỏ, việc đầu tiên là lòng tin, ở đây chúng ta đang nói đến tín, hạnh và nguyện. Ngày nay chúng ta liệu đã tin lời dạy của chư Phật, Bồ tát chưa? Chưa. Chúng ta chỉ xem nó là một môn triết học để nghiên cứu, một môn khoa học để nghiên cứu, làm như vậy quý vị chỉ có thể nắm được một phần rất nhỏ thôi, phần rất nhỏ trong đó, còn phần lớn chưa thể nắm được. Máy người thật sự tin tưởng?

Chúng ta đọc kinh Địa Tạng, rất nhiều người đã tụng kinh này, trong kinh Địa tạng, đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã khen ngợi Kiên Lao địa thần, vị thần này tượng trưng cho cái gì? Biểu trưng cho sự vững chắc của địa cầu. Thế giới Cực lạc vững chắc, chưa ai nghe thế giới Cực lạc có thiên tai. Địa cầu của chúng ta thiên tai nhiều thế này là do đâu? Bây giờ chúng ta mới hiểu ra. Thế tôn đã nói cho chúng ta ba đức tham, sân, si, trên thực tế nó là sáu phiền não căn bản, sáu đức

chứ không chỉ ba. Sau tham, sân, si còn ngạo mạn, hoài nghi, tất cả chúng ta ai cũng biết tham, sân, si, mạn, nghi. Đến bây giờ chúng ta mới thấy mạn và nghi đáng sợ đến thế nào. Ngạo mạn mang đến cho thân tâm chúng ta phiền não, ngày nay chúng ta nói đến sự bông bột, đó là do ngạo mạn mang lại. Hoài nghi, nghĩa là không tin rằng chính ta là Phật. Phật Thích Ca Mâu Ni nói “tất cả chúng sanh vốn là Phật”, nhưng chúng ta không tin, không tin mình cũng là Thánh, đây là những lời dạy của người xưa. Câu đầu tiên trong cuốn Đại học khai tông minh nghĩa: Đạo của đại học là làm sáng đức sáng, là thân dân, dùng nơi chí đạo. “Minh đức” là thể, triết học gọi là bản thể. “Thân dân” là hiện tượng, thân dân là gì? Thân ái, yêu người, nhân ái. “Dùng ở chí thiện” là tác dụng, những vấn đề này tương thông với Phật giáo Đại thừa. Thời nay thế nào? Bây giờ minh đức của chúng ta không sáng nữa, bởi thế quý vị thấy sự thông minh của tổ tiên mình, trong chữ minh đức còn thêm chữ “minh”, phải khôi phục lại đức sáng. Minh đức là tự tánh, minh đức là vốn thiện, vì thế nên trong bản thiện bao gồm: Minh đức, thân dân, chí ư chí thiện. Bao gồm tất cả, chỉ một chữ làm tượng trưng. Bản thiện, chúng ta cần thừa nhận. Nói cách khác, phải thừa nhận chúng ta vốn là người tốt, nhưng tại sao lại ngày càng tệ đi? Vì không ai dạy dỗ, không ai bày vẽ cho chúng ta, chúng ta tiêm nhiễm những tập tục xấu. Cổ nhân dạy: Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng. Nếu chúng ở gần Hiền Thánh, tự nhiên chúng ta thành Thánh nhân, ở gần Phật Bồ tát thì chúng ta hiển nhiên thành Phật Bồ tát, nếu ở gần những người xấu ác thì ta sẽ trở thành người ác, đây chính là “tánh tương cận, tập tương viễn”.

Xã hội loạn lạc như ngày nay là do đâu? Cuộc sống biến chất đã làm cho mọi người xấu xa thêm, chúng ta toàn học những điều xấu, ai dạy dỗ chúng ta? Thầy Phương Đông Mĩ có lần nói với tôi: hàng ngày vô tuyến, internet cũng dạy cho ông. Quý vị xem con người ngày nay, ai không xem vô tuyến? Mỗi ngày phải xem mấy giờ, tiếp thu sự giáo dục này, nội dung các kênh truyền hình có gì? Bạo lực, sắc tình, sát đạo dâm vọng, nó chỉ dạy quý vị chùng đó. Nếu những tiết mục trên vô tuyến đều giảng kinh thuyết pháp, hoặc những lời dạy của cổ thánh tiên hiền thì tất cả quý vị sẽ trở thành thánh nhân hết! Trên quả địa cầu này toàn là Phật, Bồ tát, Thánh hiền, rất có ý nghĩa! Vì thế Đại thánh, đại triết, đại hiền xưa nay, họ làm gì? Toàn dạy học. Vì sao? Vì họ biết rằng chỉ có dạy học mới cứu đời được, chỉ có dạy học mới giúp mọi con người trở về bản tánh, có thể giúp đỡ tất cả chúng sanh lìa khổ được vui. Khổ từ đâu mà có? Khổ là do mê hoặc điên đảo, vì quý vị mê nên suy nghĩ lệch lạc, ăn nói sai lầm, làm việc không đúng, cuối cùng

là khổ báo tìm đến. Vui từ đâu mà có? Niềm vui có từ sự giác ngộ, quý vị hiểu rõ, giác ngộ, suy nghĩ đúng đắn, lời nói từ ái, việc làm chuẩn xác, và cuối cùng nhận được kết quả tốt đẹp.

Chúng ta thử nhìn những vị sáng lập tôn giáo trên thế giới, đều là những bậc có trí tuệ lớn, là những vị toàn năng, toàn đức, suốt đời họ phụng sự, nói như ngôn ngữ ngày nay là làm công tác giáo dục xã hội, thực sự quên mình vì người. Không những giáo dục mà cuộc đời họ còn làm tấm gương cho mọi người noi theo.

Phật Thích Ca Mâu Ni xuất thân từ một vương tử, ngài theo đuổi việc giáo dục xã hội, không mong người khác giúp đỡ ngài, chỉ cần gia đình giúp đỡ đã thừa rồi. Gia thế của ngài là quốc vương, có thể xây cho ngài một đạo tràng, một ngôi trường lớn, đó không phải là một làm đơn giản như trở bàn tay sao? Nhưng ngài không màng, ngài muốn sống đời của một vị sư khổ hạnh, sống tự do tự tại, sống đời rày đây mai đó, suốt đời không có trường lớp, không đạo tràng, không thể nói không có trường lớp nhưng trường của ngài không có cỡ sở vật chất, vậy lên lớp ở đâu? Dưới gốc cây, bên dòng sông, đến đâu ngồi xuống là có thể lên lớp, quá thoải mái! Mỗi ngày ăn một bữa, ăn xong cất bát, ba y một bát. Nơi ngài cư trú là vùng nhiệt đới, ba y một bát là đủ, đó là vật chất sinh hoạt tối thiểu, chỉ cần mặc đủ ấm, ăn đủ no, thế là đủ, những thứ khác không để mắt đến. Được đại tự tại, thân tâm khoẻ mạnh. Bởi thế chúng ta phải để tâm học hỏi, quan sát tăng đoàn ngày đó, đó là một điển hình cho những người đi sau như chúng ta. Tham đắm vật chất chỉ làm hại người, nhất định phải buông bỏ tất cả những thứ đó. Dạy chúng ta buông bỏ, trước hết ngài đã buông bỏ, chúng ta không thể không tin tưởng. Quý vị xem trong tăng đoàn, trên dưới, lớn bé, không ai là không vui vẻ, khoái lạc không gì sánh được! Niềm vui đó từ đâu? Khổng tử có thể hiểu “học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ”. Hỷ duyệt là gì? Mỗi ngày được tỏ ngộ, mỗi ngày được hiểu hơn, nên mới có niềm vui nhiều như thế. Sau này tìm hiểu rõ, thông đạt nhân quả, sự Lý, tánh tướng của cả vũ trụ, rồi lại được sự an lạc lớn lao, đó gọi là thành Phật, thành Bồ tát. Sau khi đã hiểu rõ rồi sẽ làm gì? Dạy học, giúp đỡ mọi người. Ai cũng thành Phật, chỉ hiềm họ mê mờ không giác ngộ, chỉ cần họ quay đầu là có thể giác ngộ, không khác ta, không khác những vị Phật trước đó, hoàn toàn bình đẳng, không hai không khác. Đã là một thể nên hi vọng tất cả chúng sanh, mỗi mỗi đều quay đầu, mỗi mỗi giác ngộ, vì thế Tịnh độ Thường tịch quang là có thật. Kiến tánh là thấy cái gì? Đó là thấy Thường tịch

quang, 90% vũ trụ đi đâu? Về Thường tịch quang, bởi thế giới khoa học tìm không được. Vũ trụ bất luận lớn nhỏ, quý vị thấy các hiện tượng của nó, đó là hiện tượng tuần hoàn, quay về về Thường tịch quang là vòng tuần hoàn lớn nhất. Quý vị xem từ lúc nó bắt đầu chưa giác ngộ, bắt đầu từ Thường tịch quang, khi chưa giác ngộ biến thành A lại da, rồi sau đó biến thành cõi Thật báo, rồi biến thành mười pháp giới, biến thành sáu đường, cuối cùng nhờ tu tập rồi từ từ nâng lên, nâng lên đến cuối cùng quay về Thường tịch quang. Đó một vòng lớn nhất nhưng chắc chắn sẽ quay về điểm xuất phát. Chúng ta hiểu được hiện tượng này, phát hiện ra nó.

Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Thế Tôn dạy: Tham dục, hệ lụy của lòng tham là thiên tai về nước, hiện nay địa cầu đã xuất hiện hiện tượng nước biển dâng, những vùng đất sẽ bị nhấn chìm trong đại dương, nguyên nhân do đâu? Do yếu tố nào tạo nên? Những người bình thường vẫn nghĩ đó là hiện tượng vật Lý, nhưng hiện tượng vật Lý có giới hạn nhất định, không phải là tất cả. Sau lưng hiện tượng vật Lý là hiện tượng tâm Lý, điều này cao hơn một mức, do lòng tham tác động. Hiện tượng vật Lý không thể nghiên cứu đến mức đó được. Lòng tham tác động, núi lửa tuôn trào, nhiệt độ địa cầu tăng cao, giới khoa học cũng dùng phương pháp vật Lý để nghiên cứu, và cho rằng đó là chất silic dioxide, họ nghiên cứu vấn đề này. Phật pháp không làm như vậy, Phật pháp cho rằng đó là do lòng sân hận, lòng giận hờn đã làm cho núi lửa tuôn trào, lòng sân hận đã tạo nên hiện tượng địa cầu nóng lên. Ngu si kéo theo những thiên tai về gió bão, chúng ta hãy xem gần đây nước Mỹ hình cũng giống một số châu lục khác, mỗi năm xuất hiện hàng trăm hiện tượng lốc xoáy, một hiện tượng từ xưa đến nay chưa từng xảy ra, đó là do ngu si tạo nên. Hậu quả của ngạo mạn là động đất, hoài nghi càng đáng ngại hơn, hệ quả của hoài nghi là quả đất của chúng ta lún nứt, núi lớn lún nứt, nó sẽ đổ xuống, quả đất lún nứt, nó sẽ chìm xuống đại dương. Liệu có phương án để chữa chạy không? Có. Chữa chạy thế nào? Không tham, không sân, không si, không mạn, không nghi, thì vấn đề sẽ được giải quyết. Chúng ta đừng hoài nghi bản thân mình, đừng hoài nghi tất cả chúng sanh, cần có niềm tin. Người khác lừa ta, đó là việc của họ, ta đừng lừa họ lại. Họ lừa mình, mình vẫn tin họ. Lòng tin của tôi đã vững vàng thì thân tâm mạnh khỏe, nếu lúc nào mình cũng hoài nghi thì hệ miễn dịch của ta bị giảm sút rất mạnh, chắc chắn quý vị không ngăn được sự xâm nhập của mầm bệnh, có nghĩa là rất dễ mắc bệnh. Là bởi cơ thể của quý vị, tinh thần của quý vị, thân thể dật dẹo, không chắc chắn, vì thế lòng tin rất quan trọng! Với bản thân thì nó bảo vệ sức khỏe cho quý vị, còn

với môi trường xung quanh thì cả vùng đất nơi quý vị ở sẽ vững chắc, sẽ không xảy ra tai nạn.

Phật phát đi sâu hơn một mức để nói cho chúng ta về tâm Lý , vật Lý được xây dựng trên nền tảng tâm Lý , vì thế ngày nay giới khoa học chỉ nghiên cứu tầng bên trên, họ không hiểu được tầng bên dưới, vì vậy họ không giải quyết vấn đề một cách triệt để.

Ưu điểm của thế giới Cực lạc là ở đâu? Có phải là nơi tập khí phiền não của mọi người không? Không. Mỗi người khi vãng sanh đến thế giới Cực lạc đều có đức tin rất kiên cố. “Các bậc thượng thiện nhân ở chung một chỗ”, cư dân ở thế giới Cực lạc không có tà niệm, không có những hành vi không chính đáng.

Những người thế giới chúng ta đây, nếu học được những đức hạnh của những cư dân thế giới Cực lạc, thì quả đất của chúng ta sẽ trở thành thế giới Cực lạc ngay, việc này nói lên điều gì? Cảnh theo tâm chuyển! Thân thể chúng ta là chỗ chúng ta thân cận nhất, là một hiện tượng vật chất, một cảnh giới, tâm Lý quý vị vững vàng thì cơ thể mới mạnh khoẻ được. Đầu óc quý vị lúc nào cũng nghi ngờ không biết chỗ đau này của tôi đã mắc bệnh gì, chắc chắn mấy hôm sau quý vị sẽ mắc bệnh ngay, đến bác sĩ, quả thực không sai. Bệnh đâu ra? Từ nơi suy nghĩ của quý vị. Sao quý vị không nghĩ mình là người khoẻ mạnh, mà lại nghĩ mình bệnh hoạn? Bác sĩ chữa bệnh, nói thật, bác sĩ có thể chữa lành bệnh cho quý vị không? Không bao giờ. Làm sao để chữa lành được? Chỉ có lòng tin mới chữa lành được. Người bệnh này đặt niềm tin vào ông bác sĩ này, mua thuốc ông đó uống thì bệnh liền khỏi. Người bác sĩ kia tay nghề giỏi hơn ông này, nhưng người bệnh không có lòng tin, xin thuốc không đúng, lại xin thuốc bên này. Thuốc linh hay không quan trọng ở chỗ nào? Lòng tin. Phải nắm được vấn đề. Chúng ta đặt niềm tin vào Phật, Bồ tát. Phật Bồ tát mỗi ngày ăn một bữa, ta mỗi ngày cũng ăn một bữa, thì bữa ăn đó mới thoải mái, hoan hỉ. Ăn ít một bữa, dư ra rất nhiều thời gian. Cần đặt niềm tin nơi mình, trong này có một chân Lý , thân thể là một cỗ máy, cỗ máy cần tiêu hao năng lượng, giống như chiếc ô tô, nếu không bơm xăng nó không thể chạy được. Cỗ máy con người này, ăn uống chính là bơm xăng cho nó. Năng lượng bị tiêu hao nhưng tiêu hao như thế nào? Lao tâm, lao lực thì năng lượng tiêu hao không nhiều, nhưng tiêu hao năng lượng lớn nhất đó là vọng niệm, suy nghĩ lung tung. Thầy giáo của tôi, lão cư sĩ Lý Bình Nam, tôi theo học với ông, năm đó tôi 31 tuổi, ông đã hơn 70, hơn tôi 39 tuổi. Mỗi ngày ông làm việc bằng khối lượng công việc năm người làm gộp lại, một khối lượng công việc rất lớn,

lại còn dạy một lượng học sinh rất đông, mỗi ngày ăn một bữa. Khi tôi theo học Phật, tôi bỏ luôn bữa tối, mỗi ngày ăn hai bữa. Tôi nghĩ thầy giáo là người lớn tuổi, làm việc nặng nhọc mà mỗi ngày ăn một bữa vẫn đủ sống thì tôi ăn hai bữa là quá ổn, tôi học theo thầy. Khi tôi học được tám tháng mới nói chuyện với thầy: Thưa thầy, bây giờ con cũng ăn ngày một bữa, ông bảo: Lâu chưa? Thưa tám tháng rồi ạ. Thấy cơ thể đã có sự thay đổi nào chưa? Dạ chưa, vẫn bình thường ạ. Nghe thế, ông vỗ bàn đánh bốp: Tiếp tục thực hiện đi, suốt đời đừng mong người khác. Tôi sống khá đơn giản, không cầu cạnh ai, vì thế tôi cùng ông thảo luận vấn đề này. Tôi thưa, năng lượng tiêu hao độ 95% vào vấn đề vọng niệm. Thầy đã ấn chứng cho tôi là đúng. Vì thế năng lượng dùng cho lao động tay chân và lao động trí óc rất ít, đây được gọi là dùng chính thức, suốt ngày suy nghĩ lung tung, nhất là nghi ngờ, năng lượng bị tiêu hao trong việc nghi ngờ là cực lớn, không nên như vậy. Người khác lừa ta, ta nên tin họ, họ chống lại ta, ta vẫn cứ tin họ, họ làm hại ta, ta vẫn cứ tin họ, không vấn đề gì! Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng, cần gì phải lao đao vì nó? Đừng tự mình mang hoạ vào thân. Tâm mình chánh, người khác muốn hại cũng không hại được, danh lợi dưỡng là những thứ ngoài thân, ta vốn muốn bỏ nó đi, họ muốn làm chướng ngại, nhưng căn bản không liên quan gì đến ta! Chỉ cần hoan hỉ là được. Sau khi đã hiểu ra, họ càng tôn trọng mình, cảm thấy trong cuộc đời ta vẫn còn gặp được người tốt, họ sẽ tỉnh ngộ, nhưng mình cần có lòng nhẫn nại, đừng trách họ, tất cả tùy duyên, lúc đó quý vị mới là người tự tại.

Bởi vì, “lòng tin là mẹ của tất cả các công đức”, thế nên lòng tin của chúng ta rất quan trọng, con người phải có đức tin kiên định, tự tin. Phật pháp được kiến lập trên cơ sở tự tin bản thân.

Khi tôi sống bên Mỹ, một hôm có vị trưởng lão hội Thiên chúa giáo đến cùng tôi nghiên cứu tông giáo, ông ta bảo Thiên chúa giáo có những điểm rất gần với Tịnh tông của tôi, nếu tiếp cận về phương diện đức tin. Thiên chúa giáo dạy phải tin Thượng đế, các vị bảo tin Phật A di đà. Tôi trả lời có sự khác nhau, khác nhau thế nào? Điều đầu tiên trong niềm tin của Phật giáo là tin bản thân mình, sau đó mới tin Phật. Trong tác phẩm Di Đà Kinh Yếu Giải, đại sư Ngẫu Ích đã nói về tín, hạnh, nguyện. Riêng về đức tin, ngài nói có sáu điều: Thứ nhất, tin bản thân, nếu không tin mình thì tin Phật cũng không giải quyết được vấn đề gì, Phật không thể

cứu giúp ta được. Trước hết phải tin ta là Phật, ta vốn là Phật, lúc đó Phật mới giúp ta quay về tự tánh, giúp ta thành Phật. Nếu không tin thì đành chịu.

Đức tin của quý vị không giống đức tin bên chúng tôi, niềm tin đầu tiên của quý vị là tin Thượng đế. Bên chúng tôi đầu tiên là tin bản thân, sau đó mới tin Phật Bồ tát, tin người khác. Cuối cùng mới tin sự, tin Lý, tin nhân, tin quả, sáu điều. Đức tin đầu tiên rất quan trọng, nếu mất niềm tin đầu tiên, tất cả đều mất hết. Ngày nay được mấy người tin bản thân mình? Bởi thế Phật pháp mới lu mờ, ngày nay rất nhiều người muốn ra sức nhưng không thể, không thành công trong việc tu học là do? Không có lòng tin chính mình.

Gần đây nhắc đến vùng Đông bắc, có người bạn đồng tu đó là cư sĩ Lưu Tố Vân, bà thực sự thành công sau mười năm. Bí quyết thành công của bà là gì? Lòng tin bản thân. Mọi người hỏi bà bí quyết thành công của bà là gì? Bà trả lời, trong sáu chữ: Chân thành, nghe lời và thật tu. Những bậc Thánh hiền xưa nay, có ai thành công mà không nhờ vào sáu chữ này! Mười năm trước bà nghe đĩa giảng của tôi, nghe những gì? Bà chỉ hiểu một câu rồi nỗ lực thực hiện, câu nói tôi thường nói cũng là câu nói của chư Tổ sư, không phải chính tôi, “nhất môn thâm nhập trường thời huân tu”, bà đã nghe câu này. Vì thế cả cuộc đời của bà gắn với bộ kinh Vô lượng thọ, câu A di đà Phật, “nhất môn thâm nhập”! Mười năm đọc một bộ kinh và chỉ niệm một câu A di đà Phật. Cuối cùng bà đã đắc niệm Phật tam muội, bà đã khai ngộ. Quý vị nên biết tam muội là được định, nghĩa là chúng ta tập trung ý chí, tinh thần, thời gian lại một chỗ, rất khó thực hiện! Một người bình thường, tâm cần ba, bốn năm mới định, không còn vọng niệm nữa, năm sáu năm mới chắc chắn có sự khai ngộ, có chỗ tỏ ngộ, không thể so với việc đại triệt đại ngộ của đại sư Huệ Năng, nhưng cũng là đại ngộ, trí tuệ hiển bày. Phương pháp dạy học của người xưa, chúng ta thời này không thể so sánh được. Bây giờ chúng ta đang làm trái, học theo phương Tây, học khoa học và bị nó đánh lừa. Phương pháp cổ xưa của người xưa là dạy học, quý vị xem, mỗi thời đại trong lịch sử đều có, tuy không nói có Thánh nhân xuất thế nhưng hiền nhân quân tử thì rất nhiều, đời nào cũng có hiền nhân, quân tử.

Cắt từ phút 58:54 đến phút 59:51 Phật giáo được truyền đến đây độ hai ngàn năm nay nhưng người Trung quốc tu tập đạt đến cảnh giới của Phật Thích ca mâu ni, tính sơ cũng có đến trên ba nghìn vị, thành tựu này có thể có không? Trong tác phẩm Ngũ đấng hội nguyên của thiền tông đã ghi nhận 1700 vị khai ngộ. Giáo môn những người niệm Phật Lý nhất tâm bất loạn đại khai viên giải,

lại còn Tam mật tương ưng, tổng cộng tất cả không thể dưới ba nghìn người. Nếu hợp cả Nho giáo và Phật giáo lại thì Thánh hiền quân tử ở Trung quốc đời nào cũng xuất hiện.

Phương pháp dạy học tư thực truyền thống rất hay, cả đời đi học của tôi từng chút một, đó là nhờ phương pháp dạy tư thực mà ra. Tôi học triết học với thầy Phương, nói thật với quý vị, là bằng cách dạy tư thực, tôi năm mơ cũng không dám nghĩ, thầy là người có địa vị cao như thế, tôi nghèo rớt mùng toi, nhưng tôi đã viết một bức thư thỉnh giáo nơi thầy, mong thầy chấp nhận cho chúng tôi đến trường bằng cách dự thính các lớp của thầy. Không ngờ sau khi thưa chuyện, thầy cho chúng tôi biết: trường học hiện nay, thầy không ra thầy, trò không ra trò, nếu anh muốn đến dự thính thì sẽ thất vọng rất lớn. Nghe thầy từ chối thẳng thừng, buồn lắm, nhưng vẫn cố giữ bình tĩnh, không ngờ thầy rất thương yêu, ủng hộ hết mình những người trẻ tuổi. Độ năm, sáu phút sau, thầy bảo: Thôi thế này, mỗi chủ nhật anh đến chỗ tôi, tôi sẽ dạy cho anh độ hai giờ. Từ đó chúng tôi bắt đầu học, một thầy một trò trên một chiếc bàn tròn, đúng là dạy tư thực.

Tôi đến học ba năm với đại sư Chương Gia cũng bằng cách học tư thực, học sanh chỉ mỗi một mình tôi, mỗi tuần cũng hai giờ, tiếp thu những lời dạy của người, cũng không phải cùng nhau.

Chỉ có học mười năm với thầy Lý, vì thầy Lý chính thức mở trường dạy, nhận hơn hai mươi mấy học sinh, thầy dạy chúng tôi giảng kinh, chỉ trong lớp này tôi mới học cùng mọi người. Không hướng dẫn riêng, nhưng thầy rất quan tâm, thầy thuộc như lòng bàn tay về cách học tập của chúng tôi, rất quan tâm săn sóc, chúng tôi luôn ghi ơn thầy. Vì sao vậy? Vì phương pháp dạy học tư thực xưa hoàn toàn tiếp nối phương pháp dạy học cổ xưa. Tôi cho rằng phương pháp dạy học này không thể ngắn hơn mười ngàn năm. Văn tự xưa có mặt bắt đầu từ thời Hoàng Đế, nhưng ghi chép bằng văn tự chỉ có bốn ngàn năm trăm năm, trước đó văn tự chưa có, chỉ truyền miệng từ đời này sang đời khác, vậy liệu có thất truyền không? Tôi tin không thất truyền, tại sao? Những gì được truyền tụng là thứ tinh tuý, là nguyên tắc, nguyên Lý, không dài dòng. Tinh tuý văn hoá xưa gồm bốn khoa mục, có thể tính chính thức từ đời vua Nghiêu, nhà nước đã phái một vị quan coi việc giáo dục, lúc bấy giờ được gọi là quan Tư đồ, được xây dựng chính thức từ thời vua Nghiêu, họ dạy những gì? Ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức, như vậy thì làm sao truyền sai được? Tôi tin những luân Lý này không phải do những người lúc bấy giờ phát minh ra, mà được truyền nhau từ đời này sang đời

khác, mười ngàn năm nên dứt khoát không thể có chuyện tam sao thất bản. Vì ngũ luân chỉ có hai mươi chữ: Phu tử hữu thân, quân thần hữu nghĩa, phu phụ hữu biệt, trường ấu hữu tự, bằng hữu hữu tín. Quý vị xem liệu có truyền sai sao? Dù truyền lại mười ngàn năm vẫn không truyền sai, rất đơn giản mà! Ngũ thường lại càng ngắn gọn hơn, chỉ mỗi năm chữ: Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, liệu có truyền sai không? Tú duy chỉ có bốn chữ: Lễ, nghĩa, liêm và si. Bát đức: Hiếu, đê, trung, tín, nhân, ái, hoà, bình, chắc chắn là không truyền sai, dù truyền lại mười ngàn năm cũng không sai. Bởi thế Khổng tử biên tập lại những lời giáo huấn của cổ Thánh tiên hiền rồi truyền cho những người đời sau. Khổng tử là người biên tập lại, bởi thế Khổng tử được xưng là tập đại thành. Bản thân ông không sáng tạo, không phát minh, ông rất chân thật, quý vị xem trong tác phẩm Luận ngữ, ông tự giới thiệu cho chúng ta: Thuật nhi bất tác. Ý nói ông ta là người thuật lại lời của cổ thánh tiên hiền, suốt đời ông chưa từng sáng tác, chưa phát minh. Cũng có nghĩa là những gì ông học được, tu được, những lời dạy, những gì truyền lại đều là sản phẩm của các bậc Thánh hiền xưa, không có gì là của ông cả. “Tín nhi hiếu cổ”, quan trọng chữ tín! Ông tin những lời của các bậc Thánh hiền xưa, “tín nhi hiếu cổ”, thích thú với những gì tiền nhân để lại, Chu Công là thần tượng trong lòng ông, Văn Vũ, Chu Công đều là những thần tượng của ông, ông đặc biệt sùng bái Chu Công. Chu Công là một bậc Thánh. Chúng ta thử quan sát, sự phát triển liên tục qua các thời đại của văn hoá Trung quốc, đến triều Thanh được biên tập lại thành “tứ khố toàn thư”. Nếu mở Tứ khố toàn thư ra, quý vị thử xem có chương nào đi ngược lại Tứ khoa không? Tứ khoa là cương lĩnh chung, bất cứ giai đoạn nào, nghiên cứu lĩnh vực nào, sáng tạo gì, phát minh những gì, đều không thể vượt ra khỏi Tứ khoa. Bởi thế mà quốc gia này được an ổn trong một thời gian dài như thế. Những người nước ngoài khi nghiên cứu lịch sử này, không ai không khâm phục người xưa, thậm chí Thacher, trong một lần nói chuyện với Trì Điền Đại Tác, người Nhật, những ghi chép trong cuộc hội thoại này tôi đã được đọc, lần đó họ bàn về Lý tưởng, họ hi vọng sau này thế giới sẽ trở thành một ngôi nhà chung, lúc đó chiến tranh sẽ chấm dứt, một quốc gia cho cả thế giới, nhưng ai là người có tư tưởng nhất toàn thế giới? Thacher nói rất đúng, ông ta không thiên vị. Từ lúc nhà Tần thống nhất Trung quốc cho đến nay vẫn thống nhất, vì họ thống nhất được trí tuệ, thống nhất về phương pháp, thống nhất kinh nghiệm, nên đạt hiệu quả thống nhất, ông ta nêu ra rất nhiều điều kiện. Ở châu Âu, La mã thống nhất Âu châu một ngàn năm, sau khi bị tiêu diệt thì không thống nhất lại được nữa, biến mất luôn. Đây là quan điểm của người Anh, không phải

chúng ta nói đâu, nếu chúng ta nói sẽ không ai tin. Giai đoạn này chúng ta đang hướng tầm nhìn ra thế giới, học tập những gì bên ngoài, sai lầm, chúng ta bị thiệt, đang bị lừa. Ta vứt bỏ những gì mình có được, mà những gì mình có là bảo bối. Trung quốc nổi lên phải khiến những quốc gia khác phải e sợ, những quốc gia khác phản đối Trung quốc đang uy hiếp họ. Kì thực Trung quốc không uy hiếp người khác mà đang nói đạo đức luân Lý, nếu có người Trung quốc trong xã hội, trên trường quốc tế, thì họ sẽ tuyên bố với tất cả mọi người và ngộ nhận này sẽ được hoá giải. Thế kỉ 21 là thế kỉ của người xưa, đây là nhận định của người nước ngoài, tôi tin đây là thế kỉ văn hoá của người xưa vì người xưa đã dùng văn hoá chứ không phải bằng chính trị hay quân sự, không phải khoa học kĩ thuật hay buôn bán kinh doanh để thống nhất thế giới, đó là văn hoá, đó chính là ngũ luân, tứ duy, ngũ thường, bát đức. Nếu nói đơn giản hơn, chúng ta gộp lại trong mười hai chữ, hợp tác với bất cứ một người nào trên thế giới họ cũng đều vui vẻ, mười hai chữ đó là: Hiếu, đễ, trung, tín, nhân, ái, hoà, bình, lễ, nghĩa, liêm, sỉ. Không cứ quý vị là người dân tộc nào, thuộc hệ thống văn hoá nào, tín ngưỡng ra sao, chỉ cần nói là họ chấp nhận, không một ai phản đối. Cần hiếu hảo không? Hiếu hảo, không ai không muốn. Cần đễ không? Đễ có nghĩa tôn kính người trưởng thượng, ai cũng bằng lòng. Không ai phản đối bất cứ một yếu tố nào cả. Vì thế chúng ta phải có lòng tin rằng, văn hoá xưa được phổ biến khắp thế giới. Cả xã hội loài người ổn định thì tai nạn trên quả đất cũng được hoá giải, nhân loại đối đãi với nhau hài hoà, tôn trọng lẫn nhau, yêu thương lẫn nhau, quan tâm lẫn nhau, hỗ trợ hợp tác, làm sao không tốt được? Cái gì cũng ồn ào, đánh nhau giết nhau sao? Sai lầm.

Mười năm gần đây tôi di dân đến Australia, quốc gia này đã mang đến cho tôi một cơ hội đó là làm đại biểu tham gia hội nghị Hoà bình của Liên hợp quốc, nằm mơ chúng tôi cũng không dám nghĩ một sự kiện như thế sẽ đến với chúng tôi. Sau khi tham gia mười mấy kì hội nghị như thế, chúng tôi mới nhận ra một điều và cũng nhân cơ hội này mà chúng tôi được tiếp xúc với rất nhiều nguyên thủ các quốc gia, chúng tôi đã đưa ra kinh nghiệm của người xưa bằng cách dùng thương hiệu tiến sĩ Thacher, đó là học thuyết Khổng Mạnh và Phật giáo Đại thừa, tất cả đều đồng tình, không một ai phản đối. Đạo Islam, Ấn độ giáo, đều đồng tình. Gần đây, khi chúng tôi ở Australia, giáo thọ đạo Baha's trở thành những người bạn thân của chúng tôi. Thiên chúa giáo, tôi đã hai lần đến thăm Vatican và cũng đã kết thân với họ. Chúng ta có thể cùng dặt tay nhau để giúp đỡ thế giới trở lại ổn định, khôi phục hoà bình, bản thân chúng tôi muốn mang hết sức mọn

của mình để đóng góp, hi vọng những bạn bè đồng học trẻ tuổi cần nỗ lực học tập văn hoá truyền thống xưa, học tập Khổng Mạnh, học tập Đại thừa, quý vị sẽ nhận được sự hi vọng rất lớn. Sinh hoạt tinh thần nhất định sẽ vượt qua cuộc sống vật chất. Đời sống vật chất là chuyện nhỏ, chỉ cần ăn đủ no, mặc đủ ấm, có căn phòng nhỏ che mưa tránh nắng là đủ, như thế thì niềm vui sẽ vô biên! Sống ngày nào cố gắng làm những việc có ích, tin lời dạy của tổ tiên là đúng, tổ tiên lúc nào cũng thương yêu con cháu, yêu thương những người đi sau, nghĩ thay tất cả những điều con cháu mình nghĩ, không một quốc gia dân tộc nào trên thế giới có được. Ân huệ lớn nhất, nói thực, là văn tự xưa, dạng cổ văn, không thể tìm ra một loại văn tự thứ hai như thế, đưa tất cả những trí tuệ, kinh nghiệm, phương pháp của họ trực tiếp truyền lại cho những người đi sau, sử dụng công cụ này. Họ biết ngôn ngữ sẽ thay đổi, nên mới chia tách ngôn và ngữ thành hai thứ riêng biệt, vì văn miên viễn không thay đổi nên mới gọi là văn ngôn, mãi mãi bất biến. Ngôn ngữ biến hoá đến đâu nhưng văn ngôn vẫn được giữ nguyên, chỉ cần hiểu được văn ngôn, đọc được văn ngôn, đồng nghĩa với những người sau hai ngàn năm trăm năm chúng ta đang đọc những gì những người trước đó hai ngàn năm trăm năm đã viết, giống như viết một bức thư trước người đối diện vậy, quý vị không hề hiểu sai về họ. Phát minh này, trên thế giới không thể có một nhà thứ hai, chỉ một mà thôi. Những quốc gia khác như văn tự cổ, phải nhờ chuyên gia, khảo cổ đến kết luận mà vẫn chưa làm sáng tỏ, nhưng quý vị thấy tầm nhìn của tổ tiên chúng ta chưa? Thật là trí tuệ vô song, phát minh một thứ, có thể lưu truyền qua hàng ngàn năm vẫn giữ nguyên.

Học cổ văn có khó không? Không khó. Ngày trước thầy giáo dạy chúng tôi, phải học thuộc 50 thiên cổ văn mới có thể đọc hiểu, phải học thuộc 100 thiên cổ văn mới viết được, viết được cổ văn. Mỗi tuần chúng ta học thuộc một thiên, hai năm được 100 thiên, hai năm là chúng ta có thể nắm được chìa khoá của cổ văn, lúc đó Tứ khố toàn thư trở thành kho báu của quý vị. Không khó! Hai năm học ngoại ngữ quý vị vẫn chưa thành thạo, hai năm học cổ văn là ổn. Từ đây quý vị có thể thấy, bậc Thánh hiền ngày xưa đã thương yêu con cháu như thế nào, đã nghĩ ra phương pháp tối ưu. Văn tự xưa là kí hiệu của trí tuệ, quý vị không biết đọc, chỉ cần nhìn vào hình dáng là có thể hiểu được nghĩa của nó, hiểu nó tượng trưng cho thứ gì, đó là dùng kí hiệu, kí hiệu của trí tuệ, điều này không có trong văn tự của các quốc gia khác. Đòi hỏi phải thực sự thông đạt mới cảm nhận được, vinh hạnh biết bao, khó khăn biết bao khi được làm một công dân nước này! Đông đủ

những Thánh hiền, tổ tiên hay như thế, nếu bây giờ chúng ta không nỗ lực học tập thì chúng ta không xứng đáng với tổ tiên.

Độc gia phở, tôi tâm đắc một điều, phần lớn dân tộc Hán là con cháu của Hoàng Đế, nếu tìm về tổ tiên chắc chắn quý vị sẽ tìm thấy, ông là người đầu tiên. Gia phở của tôi vẫn còn, khi cuộc cách mạng văn hoá bùng nổ chúng tôi đang ở hải ngoại, điều lo lắng nhất của tôi là gia phở, còn những thứ khác tôi không để ý, vì sao? Nếu mất gia phở, chúng ta sẽ mất gốc, không bao giờ tìm lại được. May là đức độ ông bà vẫn còn nên vẫn bảo lưu đầy đủ, chúng tôi đã có được. Từ Hoàng Đế đến đời chúng tôi trải 136 đời, chúng tôi đã chia thứ tự các đời, đến đời chúng tôi, chúng tôi thuộc họ Từ, là con thứ hai của Hoàng Đế, tên Xương Ý, chúng tôi là đời sau của Xương Ý, họ Từ đến thứ sáu mới có. Đời thứ sáu là Vương Khởi, con trai của Hạ Vũ, khi làm quốc vương được phong Nhượng mộc, tổ tiên chúng tôi thuộc đời thứ sáu, được phong quốc vương của nước Từ, bây giờ là vùng Từ Châu, ngày xưa là nước Từ. Về sau quốc gia này không còn nữa nên dùng tên đó làm họ, họ này từ đó mà ra. Cuốn gia phở này ghi chép rất rõ ràng, làm sao không yên quý gia đình mình được? Ngày nay liệu được mấy gia đình tìm được tổ tông, tìm về trước 4500 năm? Không có, cả thế giới cũng không tìm được. Người xưa rất coi trọng vấn đề này, bởi thế quý vị sẽ trân quý gia đình mình, yêu quý quê hương mình, yêu nước, yêu quê, gốc gác là ở đây. Tất cả những thứ này không có, con người không thể yêu nước, cũng không thể yêu quê hương được, thế mới gọi là bi thảm!

Công đức tế tự Xuân Thu ở đâu? Là nơi “Cẩn thận khi mất, làm sáng đức nhân hậu”, lòng hiền lành, thuần hậu của người dân được nuôi dưỡng từ những chất liệu như thế. Ai ai cũng tôn kính tổ tiên của mình, mỗi người đều tôn trọng nơi thờ tự, đó chính là văn hoá truyền thống xưa. Nền văn hoá này nên được truyền bá ra cả thế giới, ngày xưa cha ông họ chưa nhận thức được điều này thì bây giờ nên xây dựng, như người xưa đã sáng tạo ra gia phở, lúc đó quý vị mới nghĩ về cha mẹ, ông bà nội, ông bà cố của mình, như thế mới có thể ghi nhớ được. Quý vị hãy thường viết ra sự truyền thừa từ thế hệ này sang thế hệ khác, đây là một bài học rất quan trọng, chúng ta nhất định không được xem nhẹ.

Hoàng gia có Thái miếu, dân gian có tự đường để ghi nhớ tổ tiên, nhớ ơn tiên tổ mới có thể hiếu kính cha mẹ, nhớ ơn tiên tổ mới có thể ghi ơn cha mẹ. Ngày nay chúng ta rất coi nhẹ việc này, nên nhanh chóng tìm lại, may ra còn kịp.

Ngày trước chúng tôi làm thí nghiệm ở Thang Trì, tôi vô cùng kinh ngạc, là bởi nó nhanh quá, chúng tôi cho rằng phải dạy học ba, bốn năm mới nhận được kết quả, nào ngờ chỉ ba tháng, chưa đến bốn tháng, nhân dân làm sao dễ tiếp thu thế này! Điều này càng khẳng định “tánh người vốn thiện”, con người rất dễ dạy bảo, con người vốn lành, họ chỉ mê lầm một lúc, sai lầm một lúc, một khi đã tỉnh ngộ, họ liền quay đầu, lập tức sám hối. Bởi thế qua thí nghiệm đó, đã khiến lòng tin chúng tôi càng kiên định hơn về văn hoá truyền thống xưa, giáo Lý Đại thừa. Trước khi chưa làm thí nghiệm, khi có những người chất vấn, đẩy chúng tôi đến độ gần như hoài nghi những gì mình làm, qua đợt thí nghiệm này, chúng tôi khẳng định là đúng, không phải giả dối. Vì thế mọi người phải coi trọng lòng tin. Người xưa có câu: “không giao thiệp với người không có lòng tin”, ý nghĩa của chữ “tin” ở đây rất sâu sắc, trong Phật pháp nói công đức của niềm tin là vô lượng vô biên. Quý vị xem vừa rồi tôi đã nói, đối với mình, thân tâm sẽ khoẻ mạnh; với môi trường, môi trường xung quanh chúng ta cư trú, thiên tai được giảm thiểu. Nó có tác dụng lớn như vậy, nên con người không thể thiếu niềm tin, nếu thiếu nó sẽ không thành công trong lĩnh vực nào. Quý vị xem, “giả sử trì danh hiệu đến mức gió thổi không lọt, mưa tuôn không ướt, như tường sắt vách đồng, vẫn không vãng sanh được”, đây là nói nếu không có niềm tin thì cho dù niệm Phật nhiều đến đâu cũng không có tác dụng, không được vãng sanh. Việc đầu tiên là phải xây dựng lòng tin, chư vị cổ đức của cả hai nước Trung-Nhật, tuy cách xa về địa Lý nhưng vẫn tương đồng quan điểm, tất cả đều cho rằng tín nguyện là nhân tố chủ chốt trong việc vãng sanh. Họ là những bậc tai mắt của trời người nhưng đều đồng ý, tán thán với chư vị tổ sư của hai nước này. Nhiều vị cao tăng Nhật bản, đều sang học tập dưới thời Tuỳ-Đường. Phần lớn họ được thân cận đại sư Thiện Đạo, tổ sư đời thứ hai của Tịnh tông, không ít người thân cận đại sư Trí Giả núi Thiên Thai. Bởi thế ngày nay ở Nhật bản, tượng đại sư Thiện Đạo rất nhiều, có thể bất kì ngôi chùa nào cũng có tượng đại sư Thiện Đạo, họ sùng bái đại sư còn hơn cả sùng bái Phật, là bởi đại sư đã trực tiếp trao truyền cho họ, là người thầy thân cận của họ. Tất cả những vị này đều nói đến chữ tín, tin một cách chắc chắn và mong cầu chí thiết, cho rằng đây chính là nhân tố chủ yếu đầu tiên để được vãng sanh thế giới Cực lạc. Nếu không có tín nguyện thì niệm Phật cũng vô dụng. Bởi thế mới tôn xưng họ là tai mắt của trời người.

Lại Di Đà Sớ Sao nói- tác phẩm Sớ Sao là của đại sư Liên Trì, năm Vạn Lịch đời nhà Thanh, ngài nói: Chỉ cần có nguyện, không ai không sanh. Nên biết nguyện lực rộng lớn như vậy, sao lại không tin, sao lại không nguyện. Có nguyện nhất

định có hạnh, nếu không có lòng tin thì nguyện vãng sanh không có được. Bởi thế trong ba điều kiện, lòng tin đứng đầu, thứ hai là nguyện, thứ ba là niệm Phật. Cần phải xác định được mục đích của việc niệm Phật, đây là niệm vớt bỏ tất cả những vọng niệm của mình, niệm tâm thanh tịnh của mình, niệm bình đẳng giác, được như thế mới đúng. Nếu không đạt được ba điều ấy mà muốn cầu sanh Tịnh độ, có thể vẫn được vãng sanh, đây là công đức không thể nghĩ bàn của việc niệm Phật. Nếu quý vị niệm đến mức được tâm thanh tịnh, thì việc vãng sanh Tịnh độ là điều chắc chắn, vì sao? Vì con đường đã thông rồi, đường dây nóng nối được với Phật A Di Đà rồi, muốn đi lúc nào cũng được. Nhưng phẩm vị không cao khi đến thế giới Cực lạc, sanh vào cõi phàm thánh đồng cư. Nếu tâm bình đẳng hiển lộ thì được sanh vào cõi phương tiện hữu dư. Nếu quý vị đã khai ngộ, đại triệt đại ngộ, tức là giác, khi giác ngộ rồi quý vị sẽ sanh vào cõi Thật báo trang nghiêm. Mỗi mỗi đều khác nhau! Nên nhớ rằng, nếu muốn có được tâm thanh tịnh bình đẳng, dứt khoát quý vị phải buông bỏ. Tôi thường dạy mọi người, độ hai ba mươi năm trở lại đây, phải buông bỏ tự tư tự lợi, phải buông bỏ danh văn lợi dưỡng, phải buông ngũ dục lục trần, phải buông bỏ tham sân si mạn. Tôi chỉ nói đến mười sáu chữ, mười sáu chữ này cản trở chúng ta, buông bỏ thì không còn trở ngại nữa, việc tu Tịnh độ chắc chắn thành công. Tu những pháp môn khác có thể không buông bỏ với mười sáu chữ này. Mười sáu chữ này có thể đưa ta đến cổng trường, nhưng chưa bước vào cổng, muốn vào cổng, tiêu chuẩn này có thể không phù hợp, phải dùng tiêu chuẩn của Phật. Tiêu chuẩn của Phật là gì? Kiến tư phiền não, tiêu chuẩn này cao hơn tiêu chuẩn tôi đưa ra, đầu tiên là phá kiến hoặc. Thế nào là kiến hoặc? Tất cả những cách nhìn sai lầm của ta, phải buông bỏ nó. Đầu tiên taphải buông bỏ thân kiến, tức là buông bỏ suy nghĩ thân này là của ta, phải hiểu một cách triệt để, rõ ràng thân này không phải là ta, gọi là phá thân kiến. Lúc đó quý vị mới chính thức đi vào cửa nhà Phật, lớp một cấp Tiểu học. Tiêu chuẩn của tôi là dẫn quý vị đến cửa, buông bỏ tự tư tự lợi, danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, tham sân si mạn, đó là dắt quý vị đến cửa, chưa vào trong. Điều kiện đầu tiên để vào trong là buông bỏ thân kiến.

Thứ hai là buông bỏ biên kiến, biên kiến là gì? Đối lập, tương đối. Trong sinh hoạt đời thường, ta không đối lập với người khác, họ đối lập với mình thì được, nhưng ta không thể đối lập với họ. Không đối lập với mọi việc, không đối lập với tất cả vạn vật. Nghĩa là quý vị phải mở rộng lòng mình ra, xem tất cả mọi người, tất cả mọi việc, tất cả vạn vật là bình đẳng, là mở rộng tấm lòng. Người xưa có câu lòng rộng thì phước nhiều. Trong lòng quý vị xem cái này không vừa mắt,

không hứng thú với cái kia, cái này không tốt, đây là sự sai lầm quá nghiêm trọng. Người có lòng dạ hẹp hòi thì không học Phật được, người học Phật cần có tâm lượng rộng mở, đây là điều kiện thứ hai.

Điều kiện thứ ba gọi là kiến thủ kiến, thứ tư là giới thủ kiến, hợp cả hai thứ này lại, người xưa gọi là thành kiến. Người nào đó có thành kiến sâu sắc, giới thủ kiến thuộc về thành kiến của nguyên nhân, kiến thủ kiến là thành kiến của kết quả, đầu tiên ở đây là nhân quả. Không được có thành kiến, mang thành kiến thì không thể tùy duyên, quý vị mong người này hợp với mình, tôi không thể cùng với người khác được. Không có thành kiến, chúng ta mới có thể tùy thuận tất cả chúng sanh. Chúng ta cần tùy thuận người khác, đừng mong người khác tùy thuận mình, điều này rất khó. Điều kiện cuốn cùng là tà kiến, tức là sự kiến giải sai lầm của tất cả chúng sanh. Phải buông bỏ tất cả cách nhìn sai lạc, đây là gì? Lúc này mới có thể vào cửa. Đây là lời Phật dạy, chúng ta phải dùng tiêu chuẩn của ngài mới chứng được quả Tu đà hoàn của Tiểu thừa. Trong Đại thừa quý vị mới có thể vào cửa, nhập vào địa vị sơ tín trong Thập tín. Thập tín có thể ví với cấp Tiểu học, thập trú là cấp Trung học, thập hồi hương là Trung học phổ thông, thập địa là đại học, Đẳng giác là nghiên cứu sở, đó là 52 cấp của Bồ tát. Giống việc đi học, lớp một, lớp hai, lớp ba... đến lớp 52, khi tốt nghiệp lớp 52 là thành Phật, vì thế chúng ta phải hiểu, Phật, Bồ tát, A la hán, là danh xưng học vị trong Phật giáo, vấn đề này cần phải biết, không được hiểu sai. Đó không phải Thần tiên mà là học vị, giống nhà trường chúng ta ngày nay, có tiến sĩ, thạc sĩ, cử nhân. A la hán là cử nhân, Bồ tát là thạc sĩ, Phật là tiến sĩ, vì thế tất cả chúng sanh vốn sẽ thành Phật, tức là mỗi mỗi chúng sanh đều đạt đến học vị tiến sĩ, đều tốt nghiệp. Quý vị vốn đã có học vị này rồi, quý vị phải đạt tới, chúng ta nên hiểu vấn đề, trong Phật giáo không có thần tiên, nhưng Phật giáo tôn trọng, tôn kính thần tiên, tại sao? Họ là một chúng sanh trong sáu đường. Sáu đường có cõi trời, Phật hiểu rất rõ điều này. Địa vị vĩnh viễn của Phật là người Thầy, ngài làm người Thầy dạy.

Mấy năm trở lại đây, trên thế giới đã có phong trào đoàn kết tôn giáo, chúng tôi được tiếp xúc với rất nhiều tôn giáo khác nhau, cũng thật thú vị. Tôi đã từng gặp một người đạo Do thái, đạo Cơ đốc, đạo Islam, họ hỏi tôi: trong Phật giáo không có đấng sáng thế, Phật giáo không có đấng sáng thế, không có vị thần để sùng bái. Tôi trả lời họ: Phật giáo thừa nhận có Thần, tôn kính Thần, lễ bái Thần, nghe thế họ rất phấn khởi. Họ nói: Vậy Phật Thích Ca trong Phật giáo của bạn được

coi là gì? Tôi bảo Phật Thích Ca Mâu Ni là một vị Thầy, dạy học, ngài làm trong ngành giáo dục. Họ bảo: Tôn giáo của tôi nói, người tạo tội lỗi, trong phán quyết cuối cùng, phán quyết là bốn phận của Thượng đế. Thầy giáo chúng tôi không quản Lý việc đó, thầy giáo chỉ coi việc dạy học, không phán quyết. Nghe thế họ khoái chí lắm, quyền phán quyết thuộc về họ, chúng tôi chỉ dạy, dạy bạn đừng làm việc xấu thì bạn đã không cần thẩm phán rồi. Tôi nói đạo Phật là đạo làm Thầy, giống như trong một tổ chức chính phủ, Phật giáo đảm trách việc giáo dục chứ không phải ngành tư pháp, cũng không tham gia hành chính, vì thế không xảy ra mâu thuẫn, không thể nói thần của anh lớn hơn thần tôi, thần tôi lớn hơn thần anh, như thế là xảy ra mâu thuẫn, xung đột, lớn bằng nhau hết, mọi người đều bình đẳng. Và lại Phật giáo không tham gia chính trị, nên họ càng yên tâm hơn. Phật giáo dạy học, ai cũng có thể đến học, các bạn đều có thể đến học Phật pháp, vì sao? Phật dạy trí tuệ, bạn muốn có trí tuệ không? Bởi thế tôi khuyên rất nhiều tôn giáo, ngày chủ nhật quý vị cứ tổ chức hành lễ ở giáo đường quý vị, thứ bảy Tịnh tông chúng tôi giảng kinh, mọi người có thể đến học Phật mà không có sự va chạm nào. Tôi nói Thượng đế, quý vị là con cái của Thượng đế, khi bạn đến chỗ Phật Thích Ca Mâu Ni, Phật Thích Ca Mâu Ni là thầy giáo, giữa chúng ta là mối quan hệ thầy trò, bên các bạn là tình cảm cha con. Việc đi học của quý vị không phải là mối quan hệ thầy trò sao? Trong nhà có cha mẹ, cha mẹ của các bạn không phải đưa bạn đến trường để học sao? Thượng đế của quý vị chắc sẽ rất vui lòng vì con cái của Người ai cũng có trí tuệ. Thượng đế cũng rất vui mừng khi con cái của Người được làm học trò Phật Thích Ca Mâu Ni! Họ chắc không phản đối khi nghe chuyện đó. Ai làm cha mẹ mà không mong con cái có đức hạnh, có trí tuệ, có học thức? Trong lúc đó Phật Thích Ca Mâu Ni là là một thầy giáo giỏi nhất. Bởi thế mấy năm gần đây, ban đầu chúng tôi cho rằng đoàn kết tôn giáo cần thêm nhiều bàn luận, nhưng chưa được một lần thực hiện, mười mấy năm một lần vẫn chưa thực hiện được chỉ vì một việc cực kì khó khăn đó là Thiên chúa giáo. Chúng tôi đã chủ động giao tiếp với Thiên chúa giáo trong ba năm, họ thực sự đem lòng chân thành để hợp tác với chúng tôi, còn những tôn giáo khác thì không, đại khái những tôn giáo khác độ nửa năm đến một năm là chúng tôi có thể trở thành bạn bè, chỉ có mất ba năm với Thiên chúa giáo, nhưng trong ba năm đó sau những chuyển biến đã có những kết quả rất đáng khích lệ, hai bên rất có thành ý! Họ đã thực sự có những hiểu biết. Tôi tuyên bố với họ: Tất cả tôn giáo trên thế giới này đều là con một nhà, tất cả các đấng giáo chủ các tôn giáo đều hoá thân từ một vị Thần, tôi đã giải thích với họ như vậy, tôi hỏi họ có thừa nhận

hay không, giáo chủ của quý vị có trí tuệ không? Tất cả đều thừa nhận là có. Quý vị có thừa nhận Thần của quý vị có thần thông, giỏi biến hoá không? Có. Tôi nói: Vậy thì tốt rồi. Chân thân này trong đạo Thiên chúa biến thành Gesu, trong Phật giáo biến thành Thích Ca Mâu Ni, tại Trung quốc biến thành Khổng tử, họ là những hoá thân, thân chính của họ vẫn là một. Tất cả đều đồng ý với tôi về cách kiến giải này, một vị Thần chính hoá thân, vậy thì một vị thần tại sao lại tổ chức nhiều tôn giáo như vậy? Bởi hệ thống giao thông ngày trước chưa thuận tiện, không có các phương tiện liên lạc, khi người khác mất không thể đến thăm nhau, bởi thế ở mỗi khu vực đều có những vị Thần khác nhau để dạy dỗ chúng sanh, họ cần hoá thân thành con người ở vùng đất đó, làm hình tượng người ở quốc gia đó, ứng dụng văn hoá ở vùng đất đó để giáo hoá mọi người. Quý vị hãy để tâm đọc kinh, nghiên cứu, không nên chỉ đọc kinh sách của tôn giáo mình mà không đọc kinh sách các tôn giáo bạn, tất cả các kinh sách bạn đều nên mang về để đọc, phát hiện ra những gì trong kinh điển, cho chúng ta biết, chỉ một mục tiêu, một phương hướng, chính xác 80% là tương đồng, chỉ còn lại 20% không đồng ý với nhau. 20% đó là gì? Là tập quán sinh hoạt, mỗi vùng đất đều có những tập tục, lễ nghi, phong tục, tập quán khác nhau. Phương hướng là nhất trí, không có vị giáo chủ nào không dạy người yêu thương người, nếu dung hợp tất cả lại với nhau để thành một từ thôi thì từ đó chính là yêu thương. Thần yêu thương người thế gian, nhà Phật nói từ bi, đạo Islam gọi là nhân từ. Thượng đế là gì? Yêu thương là Thượng đế, yêu thương nằm ở đâu? Ngự trị trong tim, Thượng đế trong tim bạn. Nếu bạn không yêu thương người chính là hại người, đó là ma quỷ, trong tâm bạn là ma quỷ. Nếu bạn thực sự yêu thương con người thì trong tim bạn là Thượng đế.

Mười mấy năm trở lại đây chưa bao giờ gặp vấn nạn, chưa bao giờ xảy ra tranh cãi, rất hài hoà, rất dung hợp, những biểu hiện của chúng tôi cũng khiến họ cảm động. Đến giáo đường, chúng tôi lạy những vị thần của họ, họ cảm thấy rất kinh ngạc. Có người Phật tử đến hỏi tôi: Thầy sao lại lạy chúa Ki tô? Sao lại lạy Phạm thiên của Ấn độ giáo? Đạo Hinduism, đạo Hinduism không có tượng Thần nhưng họ vẫn có kinh điển, lạy kinh của họ. Tôi đã nói với những người đồng học của tôi: Tất cả những đấng giáo chủ của các tôn giáo đều là hoá thân của Phật, tôi lạy Phật, đó là hoá thân của Phật.

Khi đến Nhật bản dự hội nghị, mỗi lần đến Nhật bản tôi đều đến thăm một vị hoà thượng, vị hoà thượng này rất thích tôi, đó là hoà thượng Trung Thôn Khang Long, đã viên tịch năm ngoái, thọ 103 tuổi. Ngài rất hiền, lần đầu được diện kiến,

ngài nói với tôi: Mỗi vị giáo chủ các tôn giáo trên thế giới đều là hoá thân của Bồ tát Quan Thế Âm, Bồ tát Quan Thế Âm có 32 ứng thân, cần hiện thân nào thì ngài hiện ra thân đó, cần hiện thân Cơ đốc để độ, ngài liền hiện thân Cơ đốc để độ họ; cần hiện thân Phật để độ, ngài liền hiện thân Phật để độ họ. Cần hiện thân gì để độ, ngài liền hiện ngay thân đó để độ họ. Ngài nói tất cả những vị Thần, những vị giáo chủ các tôn giáo đều là hoá thân của Bồ tát Quan Thế Âm. Khi cáo biệt, đệ tử ngài là thầy Kiều Bồn, hiện đang chủ trì đạo tràng Kiều Bồn, khi tiễn tôi, thầy Kiều Bồn nói: Từ trước đến nay Hoà thượng tôi chưa từng nói chuyện đó, sao thầy lại được Hoà thượng tôi nói chuyện đó? Tôi nói Hoà thượng không phải người phạm. Vì thế ngoài người bạn già Nhật bản đã viên tịch, còn có lão nhân Hoàn Không, thương quý tôi lắm, ngài đã hơn 90 tuổi, cũng vừa viên tịch năm ngoái, những người già đã khô héo cả, thực sự thiếu những bậc anh tài kế nghiệp, đây cũng là một điều khiến chúng tôi lo lắng. Bởi thế những người đệ tử Phật hãy còn trẻ, bất luận tại gia hay xuất gia cần phát tâm Bồ đề, nối tiếp tuệ mạng của Phật, hoằng pháp lợi sanh, trong đó quan trọng nhất là buông bỏ tự tư tự lợi, vì nếu có nó thì mọi việc đã hỏng, quý vị không thể học tập được gì. Dứt khoát phải dùng tâm chân thành, không dành cái gì cho mình cả, tất cả chỉ vì chúng sanh, đừng nhẩn tâm nhìn chúng sanh đang đau khổ, dốc toàn tâm lực thay Phật, Bồ tát, giúp đỡ chúng sanh trong công việc trọng đại này. Giúp đỡ thế nào? Giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, nhất định phải biết. Ngày trước Phật Thích Ca Mâu Ni khi còn tại thế đã dạy dỗ chúng sanh, chưa từng một ngày ngưng nghỉ, 49 năm như thế, chưa nghe ngài nghỉ dạy ngày nào. Những tôn giáo nước ngoài vẫn còn ngày chủ nhật, nhưng Phật giáo thì không. Vì thế Phật Thích Ca Mâu Ni thực sự là người chân thành, dạy suốt 49 năm, từ lúc bắt đầu cho đến lúc bệnh và nhập Niết bàn chưa nghỉ ngơi ngày nào. Là một người thầy giáo điển hình nhất, ưu tú nhất trên thế giới, là người thầy mô phạm, dạy không lương, hoàn toàn tình nguyện. Ngài không phân biệt quốc tịch, tín ngưỡng, chủng tộc, không từ chối kẻ đến, không giữ người muốn đi, chỉ cần quý vị muốn học với ngài, ngài đều tận tâm dạy dỗ, đem hết lòng hướng dẫn quý vị.

Tất cả những điều này chúng ta đã được chứng kiến trong kinh điển, rất nhiều giáo sĩ truyền giáo của các tôn giáo khác, những người chủ trì cộng đoàn tôn giáo đã đến học tập với Phật Thích Ca Mâu Ni. Chúng ta cần nhận thức rõ điều này, nó không phải là tôn giáo, mà là giáo dục, bởi vậy bất luận theo tín ngưỡng nào cũng có thể đến học tập, như một viện Đại học, tất cả đều nhận Phật làm

thầy, bởi thế Phật pháp là đạo dạy học, chỉ cần tôn sư trọng đạo là quý vị đã thành tựu đạo nghiệp.

Chúng ta nhắc lại, đọc lại câu trên một lần nữa, “những người có lòng mong, không ai không được vãng sanh, mới hay tầm sâu rộng của sức mong cầu, sao lại không tin, sao lại không nguyện”. Đây là những lời dạy của đại sư Liên Trì dành cho chúng ta. “Người tu pháp môn Tịnh độ, theo trong kinh này dạy rồi phát tâm Bồ đề, một hướng chuyên niệm, theo “tiểu bản” rồi tín nguyện trì danh, thực sự khắc cốt ghi tâm, đừng lơ là”.

Mấy câu trên đây rất quan trọng, tuyệt đối không nên coi nhẹ và bỏ qua, rất ít người thực sự nhận biết lợi ích công đức của danh hiệu. Chúng ta hãy nói sơ về danh hiệu Phật A di đà, có lẽ không thể nói trong mười mấy giờ, trước đây chúng tôi đã giới thiệu, rồi sau đó vẫn tiếp tục nói. Công đức danh hiệu thực sự không thể nghĩ bàn.

Thời nhà Tùy-Đường, một số cao tăng của các nước như Trung quốc, Nhật bản, Hàn quốc, sau này đều trở thành những vị tổ sư trên quốc gia của họ, những vị này đã từng thảo luận xung quanh vấn đề, họ đưa ra đề nghị thế này: Lúc còn tại thế, đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã giảng kinh, dạy học suốt 49 năm, vậy thì bộ kinh nào là quan trọng nhất, có thể đại diện cho toàn bộ giáo pháp? Vấn đề này xin mọi người suy nghĩ kỹ, xem xét. Cuối cùng mọi người đồng ý đưa ra bộ kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, rất nhiều người tán đồng, là bởi kinh Hoa Nghiêm quá đặc thù. Lúc bắt đầu học Phật, tôi được thầy giáo giới thiệu bộ kinh Hoa nghiêm, cách nhìn của thầy về bộ kinh này ra sao? Đó là khái luận về triết học Phật giáo, thầy đã nhận xét bộ kinh này dưới góc độ đó, quả không sai, đích xác là khái luận triết học Phật giáo. Tất cả các hệ phái Phật giáo đều xuất phát từ kinh Hoa nghiêm, giáo nghĩa kinh Hoa nghiêm bao quát tất cả giáo Lý đạo Phật, giáo nghĩa của các tông phái đều nằm trong đó, nhưng cuối cùng nơi qui hướng của kinh Hoa nghiêm là chỗ nào? Cuối cùng vẫn quay về Tịnh độ. Đây là kết luận cuối cùng của những đại đức cao tăng thời Tùy-Đường. Chương cuối cùng, khi đồng tử Thiện Tài đi tham vấn năm mươi ba chỗ, nơi tham vấn cuối cùng, đã được mười đại nguyện Bồ tát Phổ Hiền đưa về Cực lạc, điều này đã chứng minh, Hoa nghiêm hướng dẫn mọi người về thế giới Cực lạc, có nghĩa là quay về với kinh Vô lượng thọ, từ đó địa vị của kinh Vô lượng thọ được đánh giá rất cao, ngang với kinh Hoa nghiêm. Không những ngang bằng thậm chí còn cao hơn kinh Hoa nghiêm. Bộ kinh Vô lượng thọ, tổng cộng 48 chương, hay còn gọi 48

phẩm, vậy chương nào là quan trọng nhất? Chương thứ 06, nội dung chương này nói về 48 lời nguyện của Phật A di đà, chương này là tự thân Phật A di đà nói, những chương khác do Phật Thích Ca Mâu Ni nói. Nguyện nào quan trọng nhất trong số 48 lời nguyện? Tiếp tục truy, cuối cùng ta tìm được lời nguyện thứ 18, nội dung lời nguyện này là gì? Mười niệm sẽ được sanh, đây chính là công đức danh hiệu không thể nghĩ bàn. Vì thế tất cả đều quay về điểm cuối, đó là câu A di đà Phật, câu A di đà Phật đã tiêu biểu cho lời giáo huấn của tất cả chư Phật trong mười phương ba đời, kết luận cuối cùng là một câu, ý nghĩa của câu này là gì? Cách phiên dịch của chúng ta hiện nay là phiên âm, dịch âm chữ A di đà. Bốn chữ A di đà Phật là tiếng Phạn, có thể dịch nghĩa chữ này bằng chữ Hán, sao không dịch? Vì tôn trọng. A dịch là “vô”, có nghĩa “vô” trong chữ Hán, Di đà dịch “lượng”, Phật có nghĩa “giác ngộ”, gộp tất cả là “vô lượng giác”. Quý vị thử nghĩ Vô lượng giác có thể đại diện tất cả chư Phật trong ba đời mười phương không? Hoàn toàn được, vô lượng giác! Vị Phật nào không giác? Mỗi vị Phật đều là đại giác viên mãn, vì thế cuối cùng quay về vô lượng giác. Trong kinh Di đà, vô lượng giác được Phật Thích Ca Mâu Ni dùng bằng hai danh từ: Vô lượng thọ và Vô lượng quang. Thọ tượng trưng cho thời gian, Quang tượng trưng cho không gian, có nghĩa là trong không gian và thời gian không thể tính kể, nó đã ôm trọn tất cả tánh, tướng, Lý, sự, nhân, quả, tổng hợp tất cả là một câu danh hiệu. Bởi vậy, niệm A di đà Phật là niệm cái gì, chúng ta cần phải hiểu! Niệm tất cả biến pháp giới hư không giới, không chỗ nào lọt ra ngoài cả, tất cả những thứ đó đều có mối quan hệ chặt chẽ với bản thân ta. Vì sao? Tất cả đều cùng một sinh mạng, cùng một pháp tánh. Không thể nói hết câu danh hiệu Phật! Cả bộ kinh này chỉ nói về câu danh hiệu Phật, chúng ta giảng bộ kinh này đã suýt soát nửa năm, khi giảng xong bộ kinh này, tôi tính mất độ 1200 đến 1400 giờ cho môn học này.

Lần đến Australia, hiệu trưởng đại học Queensland và hiệu phó trường đại học Griffisch đã hỏi tôi hiện nay thầy đang làm gì? Là lần tôi đang khai giảng khoá này, khi nói đến số giờ dạy, họ ngó người, có trường đại học nào lại có học phần dài như thế? Tôi thưa: Một bộ kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, quý vị biết tôi giảng một lần mất bao nhiêu giờ? 20000 giờ, có trường đại nào có khoá học dài như vậy không? trong nhà Phật có đấy.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 390

Chuyên ngữ: Minh Tuệ

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 02 tháng 05 năm 2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong

Chư vị pháp sư, quý vị đồng học, mời ngồi. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ kinh giải, từ trang 481, hàng thứ hai.

“Lại Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận cũng nói rõ, nhất niệm và chí tâm hồi hướng”. Đoạn này là chú giải cuốn Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận của cư sĩ Bàn Tế Thanh thời Càn Long. Đoạn văn này rất hay, nói thông suốt pháp môn, nói về nhất niệm cho đến việc chí tâm hồi hướng. Luận nói: Nhất niệm chí tâm hồi hướng, liền được vãng sanh. Nếu hành giả chí thành đi vào bằng nhất niệm, cần gì bàn luận các thứ công đức. Tất cả chúng sanh trôi lăn trong sinh tử, chỉ nhất niệm này, không có hai niệm, cho đến phát chân quay về tự tánh, thành đẳng chánh giác, cũng chỉ một niệm này, không có hai niệm. Những câu sau đó cũng của cư sĩ này, ông đã dẫn chứng luận Đại Trí Độ để nói. Nhất niệm này là không thể nghĩ bàn, nhất niệm chí tâm, chí tâm ở đây là chân tâm, hồi hướng. Rất khó nắm được khái niệm nhất niệm. Ở đây mấu chốt là nhất niệm, nhất niệm giác rồi, Bồ tát Di lặc đã nói cho chúng ta biết, một khảy móng tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm, một niệm này trong số nhất niệm đó. Bởi thế, với nhất niệm, chúng ta thực sự không thể hiểu được, chúng ta đang khởi tâm động niệm, là một niệm rồi, niệm trong khi chúng ta khởi tâm, động niệm là rất thô. Một khảy móng tay là khoảng thời gian rất ngắn, khoa học ngày nay lấy giây làm đơn vị, một giây ta có thể búng được mấy lần ngón tay? Tôi nghĩ nếu nhanh, ít nhất tôi búng được năm lần, nếu một giây búng được năm lần thì mỗi giây có bao nhiêu niệm? Độ một ngàn sáu trăm triệu, đơn vị là triệu, một ngàn sáu trăm triệu. Vậy ai có thể hiểu được nhất niệm này? Niệm của chúng ta rất thô, trong kinh đức Phật nói rất cụ thể, Bồ tát bát địa có thể hiểu được nhất niệm, có nghĩa là trong một giây xảy ra một ngàn sáu trăm triệu niệm, Bồ tát bát địa nhìn thấy được. Trên bát địa, cửu địa, thập địa, đẳng giác, diệu giác, đó là 52 địa vị trong giáo lý Đại thừa, những vị trong năm địa vị cao nhất họ có thể thấy rất rõ ràng. Vì tâm niệm chúng ta tạp và

loạn, nên khiến cho đầu óc mê mờ. Một số quỷ thần sáng suốt hơn chúng ta, chuyện gì họ cũng biết, sáng suốt hơn chúng ta, ta không thể bì được họ. Có nghĩa là, con người ngày nay không thể sánh ngang ma quỷ, đầu óc con người bây giờ không linh hoạt bằng đầu óc ma quỷ, đầu óc ma quỷ thông minh hơn đầu óc con người. Con người như thế thì không còn gì để nói, làm sao lại ra nông nỗi này? Ngày xưa con người mạnh hơn quỷ, bây giờ thì không sánh bằng, điều đó chứng tỏ quỷ biết tu tập hơn con người, quỷ tu tập nhiều hơn con người, nên nó thành công hơn. Số quỷ tu tập rồi được vãng sanh thế giới Cực lạc không ít, ta vẫn được nghe rất nhiều. Vậy nên chúng ta phải cảnh tỉnh, con người đã làm gì, làm sao không thể sánh được với quỷ? Những vị Bồ tát đã chứng bát địa trở lên, có thể nói tâm họ bất động, giống như dòng nước đã ngưng nghỉ, không chảy nữa, họ có thể thấy được tất cả, lúc đó họ mới thực sự thấy được chân tướng sự thật. Nhất niệm ở đây, nhất niệm vừa động, bên trong tất cả vọng tưởng phân biệt chấp trước đã không còn, nhưng nhất niệm ở đây nếu là hồi hướng để cầu sanh Tịnh độ, làm gì có chuyện không được vãng sanh! Và lại chắc chắn được sanh vào cõi Thật báo trang nghiêm, không phải Đồng cư, càng không phải cõi Phương tiện hữu dư.

Tác giả nói hành giả, hành giả là người tu hành, ở đây chỉ người tu niệm Phật, “thành năng nhất niệm tín nhập” có nghĩa là nhất niệm không có nghi tình, không có hoài nghi, chúng ta cần nuôi lớn lòng tin của nhất niệm này. Đây cũng là một niềm tin, tin tánh đức của mình, quyết định không hoài nghi. Người đời thường nói đến lòng tin của bản thân, điều đầu tiên trong giáo lý Đại thừa là xây dựng lòng tin chính bản thân mình.

Trong cuốn Di Đà Kinh Yếu Giải, đại sư Ngẫu Ích đã nói với chúng ta về chữ tín. Ngài dùng tín nguyện và hạnh là nội dung xuyên suốt toàn bộ tác phẩm này. Kinh A di đà không dài lắm, được chia làm ba phần: Tựa, chánh tông và lưu thông. Trong phần tựa chia làm ba đoạn: Tín, nguyện và hạnh. Phần chánh tông cũng chia ba đoạn là tín, nguyện và hạnh. Phần lưu thông vẫn chia ba đoạn tín, nguyện và hạnh. Nội dung rất phong phú! Riêng phần tín, ngài nói có sáu loại:

Loại thứ nhất là tin bản thân. Loại thứ hai là tin Phật, ở đây là Phật Thích ca mâu ni và Phật A di đà. Loại thứ ba là tin lí, lí ở đây là đạo lí. Loại thứ tư là tin sự. Loại thứ năm là tin nhân. Loại thứ sáu là tin quả. Ngài đã bao quát, tự, tha, lí, sự, nhân, quả. Giáo lý Đại thừa và văn hoá xưa rất đề cao tự tánh. Người xưa cho rằng bản tánh vốn thiện, câu đầu tiên của Tam tự kinh đã nói: Nhân chi sơ, tánh

bổn thiện. Chúng ta nên tin tưởng bổn tánh vốn thiện. Trong giáo lý Đại thừa, Phật Thích Ca Mâu Ni đã dạy mọi người, câu quan trọng nhất là: Tất cả chúng sinh xưa nay vốn là Phật. Quý vị có tin không? Nếu không tin, quý vị không thể thành Phật, quý vị không tin mình là một vị Phật. Bởi thế vấn đề đầu tiên là phải tin mình, bản thân tôi có tánh Phật, người có Phật tánh là có thể làm Phật.

Phật tánh là gì? Phật tánh là giác tánh, sáu căn của quý vị tiếp xúc với cảnh giới sáu trần bên ngoài, liệu có giác tánh không? Mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, có giác không? Giác đó chính là Phật tánh, giác tánh là có thật, không sinh không diệt. Cơ thể có sinh diệt nhưng giác tánh thì không. Bởi thế giác tánh là chân, thân thể là giả. Học Phật, học Thánh, học Hiền, mà không thể thành Phật là bởi anh ta hoài nghi với tất cả những thứ đó. Phật có giác tánh, bọn phàm phu chày chúng ta làm sao có được? Tất cả là do nghi ngờ. Những người như thế, Phật cũng không thể dạy được. Phật có rất nhiều phương tiện hay để vun bồi từ giác tánh của ta, tức là vun trồng lòng tin vào chính mình của ta, khiến cho lòng tin vào chính mình của ta được nảy mầm, sau đó việc tin Phật của ta mới có tác dụng. Quý vị tin Phật A di đà, tin Phật Thích ca mâu ni, vì khi các ngài đã nói ra những sự thực đó ta nghe. Những đạo lý các ngài nói ra, chúng ta có thể áp dụng vào đời sống hàng ngày, đó là có hiệu quả, có thể dụng được. Vì thế nếu không tin bản thân thì không thể áp dụng trong việc gì. Suốt ngày nghe kinh cũng thế, vì thế chỉ cần một niệm thâm nhập, thực sự đi vào cảnh giới này, thì “cần gì nói đến tất cả công đức”, ý nghĩa từ công trợ và công đức giống nhau. Nói cách khác, không cần học thêm gì khác, không cần tìm đến những rắc rối khác nữa, nhất niệm tin đi vào là đủ. Đoạn này nói về việc cầu sanh thế giới Cực lạc, thân cận Phật A di đà, thành tựu ngay vô thượng Bồ đề trong đời này.

Phần tiếp theo nói về việc hiện tại chúng ta đang ở trong sáu đường chúng sanh. “Tất cả chúng sanh trôi lăn trong vòng sinh tử, chỉ một niệm này”, nhất niệm ở đây là gì? Đó là hoài nghi, nhất niệm có sự đắn đo, ngần ngại, nhất niệm đó là sai lầm. Nhất niệm trước đó là tin tưởng là đúng đắn, đó là nhất niệm chánh, nghĩa là thành Phật. Nhất niệm không chánh, không chánh là tà, tức là trôi lăn vào ba đường ác, tìm đến luân hồi trong sáu đường, tất cả cũng là nhất niệm. Nhất niệm có tà có chánh, có giác có mê. Chánh là giác, mê là tà. Tất cả đều là nhất niệm. Phật dạy chúng ta: Nhất niệm chánh là đúng, nhất niệm mê tà là sai lầm, chánh và tà cùng nổi lên cùng một lúc, đều là nhất niệm. Tà chánh, mê ngộ đều nằm trong nhất niệm. Đúng là gặp duyên không giống nhau, nếu ta gặp được Phật, Bồ tát,

Thánh hiền, nhất định nhất niệm của ta là chánh, duyên tốt! Đó được gọi là gần mực thì đen, gần đèn thì sáng. Quý vị được nhiều người dạy dỗ, được học tập với nhiều người như thế. Nếu duyên của quý vị đều là tà ác, đều không chánh, chắc chắn quý vị sẽ đoạ lạc, mùi pháp giới do thế mà có mặt. Nhất niệm tà ác thì đi vào luân hồi sáu đường, nhất niệm thanh tịnh là Phật, Bồ tát, Thanh văn, Duyên giác. Tất cả trong nhất niệm, không có hai niệm.

Phần tiếp theo, “cho đến phát tâm quay về tự tánh, thành đẳng chánh giác, chỉ trong nhất niệm, không có hai niệm”. Phát ở đây là phát tâm, cũng có thể nói là phát khởi, hay ta nói phát tâm là ôn. Chân là gì? Chân là chân tâm, chân là tâm Bồ đề, vấn đề này trong kinh đã dạy: Phát tâm Bồ đề, nhất hướng chuyên niệm. Nhất hướng chuyên niệm là qui nguyên, trở về tâm ban đầu, quay về tự tánh. Khi đã quay về tự tánh tức là công đức viên mãn, đẳng giác còn hướng lên trên để nhập vào địa vị diệu giác, diệu giác là qui nguyên, đẳng giác còn thêm một bước nữa mới đến diệu giác qui nguyên. Quay về tự tánh, thành đẳng chánh giác. Đẳng chánh giác ở đây là vô thượng chánh đẳng chánh giác, đây là quả vị diệu giác cũng là nhất niệm. Thành Phật cũng nơi nhất niệm, tín nhập cũng nơi nhất niệm. Phạm vi của tín nhập rất rộng, cả pháp thế gian và Phật pháp, chánh pháp và tà pháp. Đại sư Thiện Đạo có câu: Đều do gặp duyên không giống nhau. Duyên rất quan trọng!

Tiếp theo đại sư dẫn một đoạn trong luận Đại trí độ: “Người thực hành Bát nhã ba la mật”. Ở đây đang nói tu Bát nhã ba la mật, phần lớn Bát nhã ba la mật đều chỉ sáu ba la mật của Bồ tát Đại thừa, đây là khởi tâm động niệm, lời nói, việc làm trong sinh hoạt hàng ngày, như bố thí, cần phải hiểu rõ, khởi tâm, động niệm của chúng ta đều có bố thí. Khởi tâm động niệm không vì bản thân mình, khởi tâm động niệm đều vì người khác, đây không phải là tu bố thí sao? Tâm đang tu bố thí ba la mật. Lời nói, nói những lời lợi ích cho người, giúp họ khai ngộ, giúp họ chừa bỏ lỗi lầm để làm mới bản thân, đây là những lời nói hay đẹp làm cho người ta vui vẻ, đó là bố thí. Trong tứ đức, có tùy duyên diệu dụng, quý vị có nghĩ đó là bố thí không? Nhu hòa chất trực, có phải bố thí không? Uy nghi hữu tắc, tức làm gương cho người khác, không phải tất cả là bố thí sao? Bố thí không giới hạn trong việc cho tiền tài, vật chất, không phải thế. Chúng ta tiếp người khác với một vẻ mặt vui vẻ niềm nở cũng là bố thí, làm ngược lại hành động trên cũng là bố thí nhưng bố thí bất thiện. Mặt mày nhăn nhó khiến mọi người nhìn thấy phát khiếp, cũng là bố thí. Thế nên trong bố thí có nhiễm có tịnh, có thiện có ác, không giống

nhau. Ngày nào chúng ta cũng thực hiện những việc này nhưng ta không biết, thế nên quả báo cũng khác nhau! Nhân lành thì quả ngọt, nhân ác thì trái đắng. Hàng ngày ta đang tạo những nghiệp tội, đối với xã hội, đối với tất cả mọi người đều là bố thí. Vì thế, bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiên định, bát nhã, đều trong cuộc sống hàng ngày, trong đời sống, không tách rời cuộc sống, không tách rời công việc, không tách rời các hoạt động đối nhân xử thế tiếp vật. Tu học Đại thừa, từ từ giác ngộ. Trên đường đi, gặp cỏ cây hoa lá, ta nên đối xử với chúng bằng lòng tôn trọng, bằng lòng cảm ơn, đó không phải là bố thí sao? Bố thí cho cây cỏ hoa lá, sơn hà đại địa, kiêu bố thí tốt lành như thế thì cây cỏ hoa lá sẽ không xảy ra những thói xấu, tai nạn vì đó mà vắng mặt. Nếu chỗ nào chúng ta cũng dùng tham, sân, si, mạn, nghi để đối xử với cỏ cây hoa lá, sơn hà đại địa, thì chúng sẽ rối loạn, tai nạn sẽ xảy ra. Mười ba la mật của Bồ tát là như thế, mười đại nguyện vương của Bồ tát Phổ Hiền, bốn mươi tám lời nguyện của Phật A di đà, có điều nào là không như vậy! Toàn trong cuộc sống hàng ngày, nếu quý vị nhận thức rõ ràng thì đây chính là hành đạo Bồ tát. Như thế mới phù hợp với những lời dạy trong kinh điển Đại thừa.

Tên gọi của bốn loại bố thí rộng khắp là tứ tất đàn. Tất đàn là tiếng Phạn, dịch ý qua chữ Hán, tất là rộng khắp, bình đẳng, đàn là bố thí. Chúng ta biết rằng vạn vật trong vũ trụ với ta là một thể, không phân biệt, không chấp trước, phát xuất từ trong tự tánh, “đồng thể đại bi, vô duyên đại từ”, tâm tình như vậy cư trú nơi địa phương này không khác với việc cư trú nơi thế giới Cực lạc. Bởi thế trong tác phẩm Hệ Niệm Pháp Sự, thiền sư Trung Phong nói: Tâm tôi chính là Phật A di đà, Phật A di đà là tâm tôi. Tâm là tâm Phật. Đây là Tịnh độ, Tịnh độ là đây. Làm gì có sự sai biệt! Tất cả các cảnh giới đều do tâm hiện ra, do thức biến ra.

Thức là gì? Là phân biệt, chấp trước, khi có phân biệt chấp trước nó liền biến hoá, nếu không phân biệt chấp trước thì nó không biến hoá. Lúc chúng ta không phân biệt chấp trước, thì sơn hà đại địa nơi cõi chúng ta không khác thế giới Cực lạc. Cư dân ở thế giới Cực lạc không có vọng tưởng phân biệt, chấp trước, họ hoàn toàn không có, bởi thế nơi thế giới đó, quý vị không thấy một thứ gì biến hoá, ngoại trừ những hoa sen trong ao thất bảo, không giống nhau về mức lớn nhỏ, màu sắc, chỉ thấy những thấy những thứ đó biến hoá, những thứ khác thì không. Vì sao có chuyện biến hoá của những hoa sen trong ao thất bảo? Là do những người niệm Phật cầu sanh Tịnh độ trong mười phương thế giới. Khi họ phát một tâm niệm thì trong ao thất bảo nở ra một đoá hoa, trong hoa lại có tên

tuổi của người đó. Nếu người đó siêng năng niệm Phật thì hoa tuý theo mức độ niệm nhiều ít mà nở to hay nhỏ. Khi họ vãng sanh, Phật A di đà liền đem hoa đó đến tiếp dẫn họ, vì thế màu sắc, độ lớn nhỏ bông hoa của người đó đều biến hoá từng ngày. Hôm nào anh ta không niệm Phật, tin theo thứ khác, hoa liền héo và chết, không còn nữa. Những thứ khác ta không thấy sự biến hoá, vì thế chúng ta phải biết, hoa sen trong ao thất bảo đang nhìn thấy sự biến hoá của tất cả chúng sanh trong mười pháp giới, sáu đường. Nước tám công đức trong ao báu là của thế giới Cực lạc, những thứ đó không biến hoá.

Đây chính là những người siêng tu bát nhã ba la mật. “Nhất niệm có thể biến khắp mười phương, tất cả đều nhiều như số cát sông Hằng, như số hạt bụi được nghiền ra từ các quả núi cõi tam thiên đại thiên”. Như thế có đáng nể không? Tất cả các nước của chư Phật mười phương là bao nhiêu? Như số cát trên sông Hằng. Mỗi khu vực giáo hoá của các đức Phật đều là thế giới tam thiên đại thiên, ít nhất có một thế giới tam thiên đại thiên, nhiều hơn nữa có thể có mấy thế giới, mấy mươi thế giới, thậm chí mấy trăm. Số hạt bụi trong các thế giới đại thiên đó, ai đếm được? Chỉ Bồ tát tu hạnh bát nhã ba la mật, một niệm là họ đếm hết được. Những thứ này, nếu dùng máy tính hiện nay, tất nhiên máy tính cũng không so sánh được, từ máy tính chúng ta nhận ra một điểm, một điểm nhắc nhở. Quý vị thấy thế nhớ trong máy tính rất nhỏ, bây giờ nó được ứng dụng trong điện thoại, nó được đặt trong máy tính, nó lớn chưa đến ngón tay út, trong đó nó chứa bao nhiêu tin tức, có thể tất cả tin tức trên thế giới đều nằm trong đó, đó được xem là thành công của khoa học, nhưng thua xa so với Phật pháp. Nhất niệm trong Phật pháp, nhất niệm rất nhỏ, khoa học kỹ thuật hiện nay không thể tạo ra nhất niệm được vì nó nhỏ quá, không thể sản xuất được. Quý vị thử quan sát, trong một giây có một ngàn sáu trăm triệu, trong khoảng thời gian ngắn, mà tần suất xuất hiện nhanh đến như vậy. Mỗi tần suất của nó đều có hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần, hiện tượng tự nhiên. Trong mỗi niệm đều dung chứa cả biến pháp giới hư không giới. Ba thứ hiện tượng này đều có đủ: Vật chất, tin tức, năng lượng, không thiếu một thứ gì. Họ làm sao không biết được! Đây là điều trong kinh Hoa nghiêm đã nói: Một tức là nhiều, nhiều tức là một.

Tất cả thế giới hư không có thể nằm lọt trong một niệm, một niệm là pháp giới, tức là tất cả pháp giới, cả pháp giới đều nằm trong một niệm. Bởi vậy một niệm chánh thì chẳng có pháp nào không chánh. Nếu một niệm là tà, thì cũng không có

pháp nào không tà, điều này rất quan trọng, đây chính là công đức của nhất niệm. Nó có công năng rất lớn. “Năng sở” tức là nó có thể biết đến cả mười phương tam thiên đại thiên thế giới bằng số cát trong sông Hằng, hay số hạt bụi được nghiền ra bởi các quả núi trên quả đất. Kiểu thí dụ này là của Phật Thích Ca Mâu Ni đưa ra, những người khác không thể nghĩ ra kiểu thí dụ này.

“Sức của nhất niệm là không thể nghĩ bàn”, nhất niệm là một pháp giới, “Niệm Phật như vậy, tức niệm vị Phật đó”, niệm này là Phật, niệm bốn tánh của quý vị, niệm bốn tánh của quý vị là gì? Là giác tánh, mà giác tánh là Phật, tự tánh Phật. “Chẳng phải trong chẳng phải ngoài”, tìm không được cái gì là trong là ngoài. Bên trong là nói về những cái nhỏ, bên ngoài là nói những cái to. Người xưa có câu bàn về cái lớn, lớn đến mức nào? Không có bên ngoài. Nhỏ, nhỏ đến cỡ nào? Không thấy bên trong. Vũ trụ quan trong giáo lý Đại thừa, quả thật “lớn đến độ không thấy bên ngoài, nhỏ đến mức không thấy bên trong”. Như chúng ta đã nói, đây là điều nhà khoa học lượng tử phát hiện ra, điểm nhỏ nhất, như ánh sáng, hoặc có thể gọi nó là lượng tử. Đơn vị nhỏ như vậy, nhưng trong đó đầy đủ năng lượng, tin tức, vật chất. Hình dáng của nó ra sao? Giống như hình dáng bên ngoài không khác. Cũng có nghĩa là giống như tất cả cát sông Hằng, của tam thiên đại thiên trong mười phương không khác. Giống như số cát tất cả sông Hằng trong mười phương, thế giới tam thiên đại thiên là ở đâu? Tất cả đều nằm trong một chấm nhỏ. Phần trước chúng ta đã nói, Bồ tát Phổ Hiền có thể vào bên trong chấm nhỏ đó, đến đó để lay Phật, nghe pháp. Chúng ta cũng biết, trong chấm nhỏ đó là thế giới tam thiên đại thiên, nhưng trong đó lại có một chấm nhỏ nữa, trong chấm nhỏ lại có thế giới, trong thế giới lại có chấm nhỏ, trùng trùng vô tận, nên được gọi là nhỏ đến mức không thấy bên trong. Giới khoa học không thể phát hiện ra điều này, họ chỉ khám phá đến chấm nhỏ, họ không thể khám phá điều kì diệu trong chấm nhỏ đó. Trong kinh Phật có khoa học, có khoa học cực kì lạ lùng trong đó.

Niệm đó chính là Phật, Phật ở đây là tâm, tâm ở đây là chân tâm, là bốn tánh của chính mình, là bốn thiện của chính mình, vì vậy nó không có bên trong cũng như bên ngoài, nó không có sự trói hay mở. Trói mở là nói về phương diện phiền não, không trói buộc nghĩa là không có phiền não, không có phiền não tất nhiên không cần giải thoát. Giải thoát là thoát khỏi phiền não, nếu không có phiền não thì ta thoát cái gì? “Tất cả sơn hà đại địa, hư không mười phương, không một hạt cải,

không một chỗ nào không phải là đạo tràng để Phật Vô Lượng Thọ hiện thân đến thuyết pháp”. Đoạn văn này muốn gửi gắm điều gì cho chúng ta? Thế giới Cực lạc ở đâu, chắc quý vị đã xác định được!

Thế giới Cực lạc là biến pháp giới hư không giới, bởi thế nó rất rộng lớn. Thiên sư Trung Phong cho rằng đây là thế giới Cực lạc, ngài nói không sai. Chúng ta có cảm ứng đạo giao với Phật A di đà, chúng ta muốn thấy Phật, chúng ta siêng niệm Phật thì Phật sẽ xuất hiện. Phật có đi lại không? Không, Ngài vốn đã ở đây. Nếu chúng ta không nhớ nghĩ thì không có duyên, ngài sẽ không xuất hiện, khi chúng ta có duyên niệm Phật, ngài lập tức đến ngay. Vì thế kinh Đại thừa nói: “đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận”. Ngay chỗ này không có trước sau. Không có trước sau là không có thời gian, không có xa gần, xuất hiện ngay trước mắt. Không cần phải từ thế giới Cực lạc cách đây mười vạn ức cõi nước để đến chỗ này, không phải, ngay tại chỗ này, không có không gian, thời gian và không gian đều không có.

“Phật như vậy”, nhắc lại quý vị một lần nữa, chúng ta cũng như vậy, vì chúng ta không khác với Phật. Thân hình của chúng ta từ đâu mà có? Đương xứ xuất sanh, do nhất niệm sanh ra. Phật không có thời gian, chúng ta có không thời gian chăng? Không có. Phật không có không gian, chúng ta cũng không. Sở dĩ nói chúng ta có thời gian, không gian là do vọng tưởng tạo nên, toàn là do vọng tưởng. Nếu quý vị buông vọng tưởng thì không gian không còn, quý vị được tự tại. Con người ở thế giới này sẽ già yếu, tại sao già yếu? Vì có vọng tưởng. Vọng tưởng ở đây là thời gian trói buộc quý vị, quý vị bị hình thức giả đó lừa, làm có thời gian, mỗi năm già đi một tuổi, làm có thời gian. Vì sao thế giới Cực lạc không có? Vì thế giới Cực lạc chưa từng có khởi tâm động niệm, không có phân biệt chấp trước. Họ không có quan niệm về già trẻ, sống chết, khi không có khái niệm thì hiện tượng không có. Hiện tượng từ đâu mà ra? Do ý niệm biến hiện ra. Vấn đề đó đã cho chúng ta một bài học, khi chúng ta đã hiểu vấn đề, chúng ta sẽ suy ngẫm bài học đó, vì vậy mà ta có thể giống như chư Phật Bồ tát, có vô lượng vô biên đạo lực thần thông để thay đổi chính ta, thực sự như thế, mãi mãi không thay đổi, vì đó là tánh đức, bản tánh vốn thiện mãi mãi không thay đổi. Nếu có thay đổi thì đó chính là tu đức trước khi quý vị chưa thấy tánh, sửa đổi lại những suy nghĩ lầm lạc quan trọng nhất của chúng ta. Đối với nhiều vấn đề chúng ta đã nghĩ sai, nhìn không đúng, rắc rối xuất hiện là ở chỗ này. Làm sao mới có thể

buông bỏ những kiến giải, tư tưởng sai lầm, vọng niệm này đi? Cần phải biết cái gọi là “thiên hạ vốn không có gì quan trọng, do người kém tự buộc vào”.

Sáu đường là gì? Là một giấc mơ, mười pháp giới cũng thế, sáu đường là mộng trong mộng, quý vị so đo với nó làm chi? Sống ở thế gian này muốn sánh ngang với Phật Bồ tát. Được, quá tốt rồi. Nếu không được cũng tốt, tất cả đều tốt, tuyệt nhiên không khởi tâm, động niệm, nghĩa là không xao lòng. Không xao lòng, tâm vững vàng thì tâm ấy mạnh khoẻ. Khi tâm đang xao động thì nó sẽ có vấn đề, nó sẽ hỏng. Càng xao động thì tâm càng nhanh hỏng. Đường Thái Tông nói, bây giờ tâm người chóng hư, hư ra sao? Tâm họ dao động nhiều quá, từ sáng đến tối, thậm chí trong giấc ngủ cũng ngủ không ngon vì tâm dao động. Nó làm cho thế giới này càng dao động càng loạn, càng hỗn loạn. Người xưa, quý vị xem những bậc Thánh hiền xưa kia, quản lí bằng vô vi, họ không lao tâm mà thiên hạ vẫn an bình, không xảy ra chuyện xấu. Nếu nghĩ cái này, nghĩ cái kia, tất cả những thứ đó đều làm cho quý vị hư hỏng thêm. Nếu quý vị không nghĩ đến một thứ gì cả thì tất cả trở lại bình thường, bình thường là mạnh khoẻ nhất. Ý nghĩa trong này rất sâu sắc, mang tính học thuật rất lớn.

“Chỉ có nhất niệm tín nhập”, anh ta biết, nhất niệm tức nhập, nghĩa là anh ta tin tự tánh của mình, anh ta tin niệm này là Phật, anh ta tin Phật chính là tâm, anh ta tin trong biến pháp giới hư giới không có thứ đối lập, tất cả đều hài hoà, mãi mãi nhất thể. Cả vũ trụ giống như tâm này, tâm niệm đã đan kết nó thành nhất thể, giống như tấm lưới. Quý vị không thể thấy những hiện tượng này vì nó không thuộc vật chất, cũng không phải tinh thần và không phải hiện tượng thiên nhiên, rõ ràng nó giống như một tấm lưới tập hợp tất cả. Kéo một sợi lông là động cả thân, bất cứ ai, bất cứ thời gian nào động nhất niệm thì cả vũ trụ đều biết, tin tức lập tức lan truyền khắp nơi, đây là điều Hoàn Nguyên Quán nói: Ba thứ chu biến, thứ nhất là chu biến pháp giới. Hai là xuất sanh vô tận, xuất sanh là biến hoá, biến pháp giới hư không giới đều theo tâm niệm để biến hoá. Ba là hàm dung không hữu, tâm lượng rộng lớn, thật sự thực hiện được việc tâm bao thái hư, lượng châu sa giới, là bởi chúng ta vốn là như vậy, sao bây giờ lại trở thành nhỏ nhen như thế này. Một con người, một vật cũng không thể dung nạp được, quý vị nghĩ xem có đáng thương không? Lòng càng hẹp, hẹp đến độ không thể hẹp hơn, lúc này cảnh giới địa ngục liền hiện ra, ngay mình cũng không thể chấp nhận, đó là địa ngục.

Phẩm “Thập phương Phật tán”, chúng ta học đến đây. Xin xem tiếp phẩm sau, phẩm hai mươi bốn, hai mươi lăm, đây là nguyên tắc chỉ đạo cao nhất của người

tu trong bộ kinh này, rất quan trọng. “Phẩm thứ hai mươi bốn Tam bối vãng sanh”. Mời xem kinh văn:

Đức Phật dạy A Nan: Tất cả những người, trời trong mười phương thế giới, ai có thể chí tâm nguyện sanh nước kia, phàm có tam bối.

Đầu tiên “giới thiệu chung về tam bối”. Tam bối, tức là tứ độ của thế giới Cực lạc, không kể cõi Thường tịch quang. Dưới đây chỉ nói ba cảnh giới: Cõi Thật báo trang nghiêm, thượng bối vãng sanh; cõi Phương tiện hữu dư, trung bối vãng sanh; cõi Phàm thánh đồng cư, hạ bối vãng sanh. Vì vậy mới có tam bối, trong tam bối lại có thượng, trung và hạ, gộp tất cả vào thành chín phẩm, ba bối cửu phẩm.

Chúng ta xem chú giải của Niệm Lão: “Tiền phẩm thập phương Phật tán, nãi chư Phật xung tán nguyện chi thành tựu”. Đây là nguyện chư Phật khen ngợi trong bốn mươi tám lời nguyện. Khi Phật A Di Đà thành Phật thì thế giới Cực lạc cũng thành tựu, chư Phật cả mười phương không ai không khen ngợi. “Ý muốn mười phương chúng sanh nghe tên liền phát tâm, ghi nhớ thọ trì, rồi tùy nguyện vãng sanh”. Dụng ý, mục đích Phật A di đà xây dựng thế giới Cực lạc là gì? Giúp đỡ biến pháp giới hư không giới, tất cả sáu đường chúng sanh trong các cõi nước chư Phật. Chúng sanh trong sáu đường rất khó hoá độ, đây là một sự thật, đặc biệt là giúp chúng sanh trong sáu đường, xây dựng một đạo tràng tu học, thế giới Cực lạc là một đạo tràng tu học lớn. Bằng bi nguyện của Ngài, bốn mươi tám đại nguyện để gia trì cho những chúng sanh có phiền não nghiệp chướng sâu nặng, giúp họ thành tựu ngay trong kiếp này thì công đức đó lớn lao lắm. Đây chính là chư Phật trong mười phương đã mong chờ bấy lâu, không nghĩ ra, không phải là không có năng lực, cần hiểu trí tuệ, đức năng, tướng hảo của chư Phật Như lai hoàn toàn giống nhau, nhưng không nghĩ ra. Phật A di đà đã nghĩ đến chuyện này và ngài đã xây dựng công trình này. Sau khi xây dựng xong, mỗi chư Phật không ai là không hoan hỷ, ngài đã giải quyết được nỗi lo của tôi rồi. Bởi thế những chúng sanh khó hoá độ, chư Phật Như lai đều khen ngợi Phật A di đà, khuyên mọi người nên niệm Phật để cầu vãng sanh thế giới Cực lạc, đưa tất cả những công việc cần hoá độ giao cho Phật A di đà, giới thiệu cho Phật A di đà, đều đến Thế giới Cực lạc của Phật A di đà. Thế giới Cực lạc là một cảnh giới không thể nghĩ bàn, khi đến đó, tiếp thu những lời dạy của Phật A di đà, thì sẽ thành Phật ngay trong kiếp này. Tất cả đại nguyện của chư Phật Như lai đều có chung một

việc đó là mong tất cả chúng sanh sớm thành Phật, tất cả chúng sanh là Phật, đó là nhân tố chính.

Tại sao bây giờ chúng ta ra nông nổi này? Trong kinh Hoa nghiêm, Phật dạy: Chỉ vì vọng tưởng, chấp trước nên không thể chứng đắc. Rắc rối hiện nay của chúng ta là mắc bệnh, mắc bệnh gì? Mắc bệnh ba loại độc, đó là: Mầm vọng tưởng, mầm phân biệt và mầm chấp trước. Ba độc. Đây là một vấn đề khá phiền toái. Nếu buông bỏ triệt để phân biệt, chấp trước, vọng tưởng thì vấn đề liền được giải quyết. Có thể chia ra để buông bỏ.

Quý vị xem tam cõi vãng sanh, hạ cõi toàn phàm phu, chưa thể buông bỏ, đời nghiệp vãng sanh. Rất hay! Đời nghiệp thì không thể thành công, nhưng ta thấy Phật A di đà đã từ bi đến cùng cực, chưa cắt hết phiền não kiến tư mà vẫn được vãng sanh và cũng tiếp nhận được lời dạy dỗ của ngài, đây là một việc làm quá khó, khó được. Nhưng ở các cõi trên thì không phải hiếm, cõi thật báo cũng không hiếm, cõi Phương tiện cũng thế, nhưng hiếm gặp nhất là cõi phàm thánh đồng cư. Ngài có cách để những người hầy còn chấp trước nặng trong cõi phàm thánh đồng cư buông bỏ tập khí chấp trước, giống như những người tham lam ở thế giới chúng ta đây, nhưng khi sang thế giới Cực lạc thì họ không còn tham lam nữa, vì sao vậy? Vì của cải bên đó quá nhiều, lấy không hết mà dùng cũng chẳng thiếu.

Thực ra thế giới của chúng ta đây, cái gì là quan trọng đối với ta? Không phải của cải, nó có hay không không thành vấn đề, quan trọng nhất là không khí, không có nó trong vòng mười phút ta sẽ chết, nhưng có ai tham lam không khí? Chưa nghe ai cất giữ không khí, vì sao? Vì nhiều quá. Của cải ở thế giới Cực lạc rất dồi dào, quý vị muốn vàng bạc ngọc ngà, vàng bạc người để đầy trên đường, không ai ra đường để gỡ nó mang về cất giữ cả. Mang trên người? Không có, vàng bạc chỉ để lát đường, đá quý, liệu thật sự quý không, người ta làm vật liệu xây dựng đấy, dùng châu báu làm vật liệu xây dựng. Nó nhiều qua nên không ai ham muốn làm gì, người ta sẽ cười chê những kẻ tham lam, chiêu này của Phật A di đà thật lợi hại, ngài để cho lòng tham của ta sẽ không còn dấu vết khi sang bên đó. Những chuyện ăn uống, nam nữ bên này. Phật biết, yêu thương nam nữ sẽ trở thành sợi dây vô hình trói buộc, rất phiền phức, nên vãng sanh về thế giới Cực lạc toàn là người nam, không có người nữ. Tất cả đều giống hình dáng Phật A di đà, không phải chỉ có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, mà thân có vô lượng tướng, tướng có nhiều vẻ đẹp. Việc ăn mặc, muốn mặc áo quần có ngay

trên thân, không cần mua cũng không đi may, tất cả đều biến hoá tự nhiên, nên quý vị không nổi lòng tham. Trong nhà cũng không dùng thùng bảo hiểm, cũng không có tủ đựng quần áo, vì sao? Rườm rà. Muốn mặc, áo đã có trên thân, không muốn nữa nó tự biến mất, không thấy nữa. Ăn uống cũng thế, không cần nhà bếp, muốn ăn món gì, trăm thứ thức ăn bày trên bàn, không muốn ăn nữa, không thấy, khỏi cần rửa bát đĩa, không cần thiết, bởi thế lòng tham không có đất dụng võ. Phòng ở của bạn sạch sẽ ngăn nắp, rộng rãi, khi khách đến chơi muốn ngồi, nghĩ một cái đã có bàn ghế bày ra tề chỉnh, khách về, bàn ghế cũng không còn, không cần dọn dẹp. Ở đâu có được môi trường như thế, chỉ có thế giới Cực lạc, chư Phật Như lai mới thực hiện được, quý ngài nghĩ thay cho chúng sanh trong sáu đường. Tất cả những vấn đề này, trong sáu đường chúng sanh cũng có, trời Hoá lạc ở tầng thứ năm cõi Dục, tất cả những thứ họ cần đến đều do biến hoá mà có, không cần nữa, những thứ đó bèn biến mất, hoàn toàn giống thế giới Cực lạc. Trời trong cõi Dục còn làm được, thì chỗ Phật A di đà có trở ngại gì đâu! Trời Tha hoá tự tại ở tầng thứ sáu, muốn có gì thì không phải bản thân họ biến hoá, chư thiên cõi trời Hoá lạc đọc được suy nghĩ của họ, bèn biến hoá những thứ đó đem đến cúng dường, tầng trời thứ năm đến cúng dường, khi những người ở cõi trời đó bảo không cần nữa thì tự nhiên những thứ đó không còn nữa, tất cả những việc này hai tầng trời bên trên cõi Dục có thể thực hiện được. So với chư thiên cõi dục thì oai thần bản nguyện của Phật A di đà ở thế giới Cực lạc thù thắng gấp bội phần. Chư thiên cõi Dục làm sao sánh được với Phật? Vậy nên mới dùng phương pháp tuyệt diệu này khiến cho chúng ta buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, không cần khuyến bảo nhưng tự ta bỏ, buông bỏ ở đây là kiến tánh, kiến tánh là thành Phật, tuyệt diệu cực kì. Vì thế chư Phật khen ngợi có nghĩa là mong chư Phật thay ngài chiêu sinh, còn ngài mở lớp để dạy học. Mười phương chư Phật giúp ngài chiêu sinh, giống như Phật Thích Ca Mâu Ni giảng giải Tịnh độ tam kinh cho chúng ta vậy, Tam kinh toàn giới thiệu thế giới Cực lạc, khuyến chúng ta buông bỏ vạn duyên để cầu sanh Tịnh độ. Thế tôn như thế, Như lai trong mười phương cũng như thế, không một vị Phật nào không khuyến chúng sanh trong sáu đường vãng sanh thế giới Cực lạc. Vì vậy người được vãng sanh đến thế giới Cực lạc cực kì đông, không thể tính hết số người mỗi một ngày vãng sanh đến đó. Nghe xong chúng ta không khỏi nghi ngờ, tại sao? Số người đông đúc ở thế giới Cực lạc chắc ồn ào lắm, thôi, không đi nữa đâu, ta cứ tìm ngọn núi nào đó để tu tập cũng được. Vậy là quý vị đã sai rồi, hoàn toàn sai lầm. Tuy rộng lớn thế, nhưng lí tưởng của thế giới Cực lạc đều đáp ứng tất cả mọi ý

nguyện, khi đến thế giới Cực lạc, nếu không muốn nhìn một lượng người đông như vậy, muốn ngồi một mình trên một đỉnh núi hoặc bên cạnh một hồ nước yên tĩnh, đi đến đâu quý vị có thể cũng thấy được cảnh tượng như thế, không một bóng người. Quý vị nghĩ đến Phật A di đà, ngài liền có mặt, quý vị không muốn thấy ngài nữa, liền không thấy ngài. Ở thế giới đó mọi thứ đều đáp ứng được lòng mong của mọi người, quả thực là một thế giới hiếm thấy và khó được.

“Phẩm này bàn về thứ bậc nhân hạnh của những người được vãng sanh” phẩm đó là phẩm hai mươi tư, “Tam bối vãng sanh”, muốn nói về nhân hạnh vãng sanh. Vãng sanh là quả đức, muốn đạt được quả báo này, nhất định chúng ta phải tạo nhân, nhân có thù thắng thì quả mới vi diệu.

Thứ tự, chủng loại của nhân hạnh, “phàm phu sau khi nghe tên”, đoạn này chúng ta phải chú ý, vì đoạn này đang tập trung nói về người phàm phu, chúng ta có phần trong đó, chúng ta phải lắng nghe. “Có độ nông sâu trong tín nguyện, vì phát tâm có lớn nhỏ, không giống nhau”. Chúng ta đã nghe rồi đó, có người tin rất chắc chắn, có người tin hời hợt, mức độ nông sâu rất lớn bởi thế phẩm vị khi vãng sanh thế giới Cực lạc cũng khác nhau. Tứ độ, tam bối, cửu phàm hoàn toàn khác nhau. Lại còn trì tụng nhiều ít, trì tụng là thực hành, có sự khác nhau giữa thọ trì và đọc tụng, công phu mỗi người không giống nhau. Việc tu tập có siêng, nhác, có người siêng năng, có kẻ biếng nhác, khác nhau thấy rõ. Đến thế giới Cực lạc cũng như vậy, nhưng thế giới cực lạc có sự đặc biệt, tất nhiên cũng có những hiện tượng đó, nhưng khi được oai thần bản nguyện của Phật A di đà gia trì, tất cả những hiện tượng đó đều bị xoá mờ, có hay không? Có, song không thấy rõ. Tựa hồ mỗi người đều có trí tuệ mức cao, mỗi người đều có phước báo viên mãn, mỗi người đều có đại đức đại năng, đó là gì? Đó là nhờ Di đà gia trì, không phải bản thân họ tự có.

Giống như thế giới của chúng ta đây, khi linh hồn đến thế gian đầu thai, nếu họ sanh vào nhà vua chúa thì khi ra đời được hưởng vinh hoa phú quý, đó không phải là anh ta, đó là do cha mẹ anh ta mang đến, không phải nhờ năng lực tự thân. Khi ta đến thế giới Cực lạc cũng gần giống như thế, khi sanh vào trong nhà Phật A di đà, tất nhiên chúng ta là con cái của ngài, Phật A di đà là người giàu có nhất thế gian, được hưởng phước của cha. Ta hãy tưởng tượng như thế, không những hưởng phước của ngài mà còn hưởng được trí tuệ của ngài nữa. Đến lúc nào ta mới thôi hưởng phước của ngài? Khi nào ta giống ngài mới thôi, đến cõi Thật báo trang nghiêm. Cõi phàm thánh đồng cư, phương tiện hữu dư thì vẫn còn nhờ ngài

gia trì, bản thân chúng ta không thể tự chuyển thức thành trí. Nói cách khác, bản thân ta là phàm phu chày, chưa thể thành Thánh, khi buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mới đến được cõi Thật báo trang nghiêm. Cõi Thật báo trang nghiêm mới thật sự là tánh đức chân chính của mình, nó mới hiển lộ, lúc đó là không còn nương Phật nữa, tự tánh ta đã hiển lộ. Những gì trong tự tánh ta hiển lộ hoàn toàn giống Phật A di đà, không hai không khác. Thoạt nhiên vẫn nhờ Phật gia trì, sau đó giống Phật không khác, đây là sự thù thắng không đâu sánh được của thế giới cực lạc. Trong tất cả cõi nước của chư Phật không có trường hợp như vậy. Trong các kinh đức Phật nói trong bốn mươi chín năm, chưa nghe ngài giảng chuyện nào như vậy, chỉ có thế giới Cực lạc mới có. Bởi thế đức Thế tôn giảng kinh, trong những kinh sách nói đến thế giới Cực lạc, độ hơn hai trăm cuốn thường xuyên đề cập. Tịnh độ tam kinh là chuyên giảng, đặc biệt giới thiệu, cụ thể nhất trong việc giới thiệu là kinh Vô lượng thọ. Kinh Vô lượng thọ lại được tuyên giảng nhiều lần, không thể nghĩ bàn. Cả đời giảng kinh của Phật Thích Ca Mâu Ni, mỗi bộ kinh chỉ giảng một lần, không có lần thứ hai, nhưng kinh Vô lượng thọ lại được tuyên giảng nhiều lần. Không những chỉ giảng một lần.

Căn cứ năm bộ kinh nguyên bản dịch của cổ nhân để lại đến ngày nay, ít nhất là ba lần, vì ta phát hiện ra những khác biệt rất lớn khi đọc những bản kinh này. Nếu chỉ giảng một lần thì khi phiên dịch không thể có sự khác biệt lớn như thế. Cho thấy Thế tôn đã giảng rất nhiều lần, lại còn có bảy bản bị thất truyền. Nếu bảy bản thất truyền kia được tìm lại thì có thể sai biệt còn lớn hơn. Vì thế những vị đại đức xưa khẳng định, Phật Thích Ca Mâu Ni đã giảng bộ kinh này ít nhất ba lần.

Chúng ta xem phần tiếp theo. “Túc căn chúng sanh có vô lượng khác biệt”. Có sự khác nhau về thiện căn được tu tập từ kiếp trước. Kinh Di đà cho chúng ta biết: “không thể có ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh sang đó”. Thiện căn mỏng quá, không được, phước đức mỏng quá cũng không được, nhân duyên không đầy đủ cũng không được. Muốn cả ba điều kiện này hợp lại một chỗ là chuyện không dễ dàng, thân người khó được, Phật pháp khó được nghe, nghe được Tịnh độ phải đủ ba điều kiện đó, trong kiếp này quý vị mới thành tựu, ba điều kiện không đầy đủ thì kiếp này quý vị không có phần. Không có phần ở đây được hiểu là quý vị đang ở trong sáu đường, như thế là rắc rối, chúng ta phải muốn vượt thoát luân hồi ngay trong kiếp này, nhưng nếu một trong ba điều kiện

trên không đủ, thì phải thêm vào! Ngay trong kiếp này chúng ta có thể bỏ sung vào, nên bỏ sung bằng phương pháp nào? Tín nguyện trì danh là có thể bỏ sung vào được, chúng ta cố gắng làm, buộc mình phải nghe kinh thánh pháp, niệm Phật, nếu nghe kinh mà bỏ sung thiện căn chưa đủ, niệm Phật chưa đủ để bỏ sung phước đức, khi đủ duyên, duyên trong hiện tại chúng ta đang gặp, khi gặp được nó sẽ hội tụ. Ta gặp những lời chú giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, duyên của ta đã đầy đủ, gặp được, nhưng có tin hay không? Liệu có hiểu nổi không? Đây là thiện căn. Tôi không thể tin, vẫn cứ đọc, đọc mãi rồi phải tin, tại sao? Đã hiểu lý lẽ. Mục đích giảng kinh của đức Phật trong bốn mươi chín năm cũng ở chỗ này, nghĩa là giúp tất cả mọi người đoạn nghi sinh tín, đây là mục đích, mục tiêu hàng đầu của kinh điển, mục đích của việc dạy học, giảng kinh trong bốn mươi chín năm là ở đây. Ngày nay chúng ta đọc nhiều, nghe nhiều, từ từ sẽ có niềm tin, thiện căn được bỏ sung thêm. Phước đức là gì? Một hướng chuyên niệm, một hướng chuyên niệm sẽ thực sự có phước, phước đức lớn. Phần trước chúng ta đã nói rất cụ thể, không cần phải tu công đức nào nữa, công đức này đã tròn đầy rồi, chỉ cần siêng năng niệm Phật thì công đức nào cũng tròn đầy. Quý vị muốn nó làm gì nữa? Những thứ khác đâu có tác dụng gì. Siêng năng tụng niệm kinh Vô Lượng Thọ, siêng năng niệm danh hiệu Phật A di đà, như thế là mỗi ngày quý đều tu công đức viên mãn rồi, nghiệp chướng đã tiêu trừ.

Chí tâm, phần trước đã nói là nhất tâm niệm Phật, trong nhất tâm không có vọng niệm, không có tạp niệm, không có hoài nghi, niệm một danh hiệu Phật được như vậy thì tiêu trừ được tội nặng tám mươi ức kiếp sanh tử. Phật không bao giờ nói dối. Mỗi ngày quý vị đều niệm, niệm đến mấy năm thì tất cả những tội chướng trong vô lượng kiếp đều tiêu tan hết, nghiệp chướng tiêu tan rất rõ. Tại sao vậy? Thân thể rất nhẹ nhàng, tướng mạo đổi khác, tinh thần phấn chấn, tất cả những thứ đó là tướng tốt, tướng tốt ngay hiện tại.

Tôi đã chứng kiến những cụ già tóc bạc, nghe tôi giảng kinh họ tin ngay rồi siêng năng niệm Phật, niệm được hai ba năm tóc lại đen, họ vui lắm, mặt mày hớn hở đến tìm tôi: Đầu con đã đen lại rồi đây. Liệu có chuyện đó không? Có, tại sao vậy? Cảnh do tâm hiện. Ngày trước tâm không thiện, bây giờ tâm đã thuần tịnh thuần thiện, quý vị còn sống lâu, trường thọ, bởi vậy sức khoẻ hoàn toàn bình phục mà không cần thuốc. Tất cả thuốc trị bệnh bây giờ đều có tác dụng phụ, giả nhiều, thật ít, sợ mắc lừa. nỗ lực không dùng thuốc, ta tự sức mình để khôi phục sức khoẻ. Việc đầu tiên là tin bản thân, rằng ta cùng với Phật A di đà không khác,

đưa đức Phật A di đà vào trong tâm ta, đổi chỗ tâm ta thành Phật A di đà, như thế là mạnh khoẻ nhất, không có gì có thể sánh bằng.

Phật A di đà ở đâu? Kinh Vô lượng thọ là Phật A di đà, bốn mươi tám lời nguyện là Phật A di đà, tam bối vãng sanh là Phật A di đà. Tùy chọn một pháp môn, rồi thâm nhập từ đó, được lợi ích công đức thù thắng không gì sánh bằng, quý vị sẽ nhận được.

Chúng ta xem đoạn này nói rất cụ thể. “Túc căn của chúng sanh có vô lượng sai biệt, phước đức nhân duyên mỗi người một khác”. Quý vị xem ba điều kiện: Túc căn, phước đức, nhân duyên, mỗi mỗi bất đồng, mỗi người một khác, mỗi mỗi dị biệt. “Nêu biết vô lượng chúng sanh vãng sanh trong mười phương, thì phẩm loại của họ cũng không thể tính hết”. Tam bối, cứu phẩm là đại loại, nếu chia nhỏ ra nữa thì còn nhiều lắm, không thể kể hết, điều này là có thật, không phải giả. Sao không thể kể hết? Mỗi niệm là một cảnh giới, Bồ tát Di lạc cho chúng ta biết, một giây có một ngàn sáu trăm triệu niệm, mỗi niệm không giống nhau, thiện niệm là thiên đường, ác niệm là địa ngục. Khi chúng ta niệm Phật, niệm thế giới Cực lạc cũng thế. Nên biết nhân chính của thế giới Cực lạc, là tự tánh của chúng ta. Đại sư Huệ Năng đã nói: “Đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”, thế giới Cực lạc tự nó đã đầy đủ trong đó. Từ đâu mà có? Thế giới Cực lạc trong tự tánh của chúng ta có quan hệ rất chặt chẽ với ta. Đây là nhân chính, Phật A di đà phát bốn mươi tám lời nguyện để xây dựng thế giới là duyên, ngày nay chúng ta niệm Phật cầu sanh tịnh độ cũng là duyên. Nhân duyên quả báo đều không tách rời tự tánh, đây là điều có thực, không phải giả. Khi ta đã thấy rõ mối quan hệ này rồi thì những nghi ngờ của chúng ta biến mất, không còn một chút hoài nghi nào. Chúng ta chần chẫn đến nơi đó, tại sao? Nơi đó ổn định, nhanh chóng, không có sự trở ngại nào, tu hành nơi đó chắc chắn sẽ chứng quả. Sau khi thành Phật ta nương thuyền từ trở lại độ chúng sanh, vì lúc đó ta đã đầy đủ trí tuệ, đầy đủ thần thông, đầy đủ đạo lực, ta đã có bản lĩnh để giúp đỡ tất cả chúng sanh đang bị khổ nạn. Đến thế giới Cực lạc thành công rất nhanh, vì sao vậy? Vì không bị gián đoạn trong quá trình học tập. Quý vị sẽ hiểu, ở thế giới Cực lạc, Phật A di đà không bao giờ gián đoạn trong suốt quá trình giảng kinh. Ở thế giới này ta còn phải ăn uống, nghỉ ngơi, nên phải tốn thời gian. Ở thế giới Cực lạc họ không ăn uống, lại không ngủ nghỉ, bởi thế thời gian của họ, một giây cũng không lãng phí, tất cả đều dành thời gian cho học tập. Học vô lượng kiếp thì quả là rất nhiều?

Đức Thế Tôn, trong vô số những pháp môn khác nhau, đã nêu ra một số mục tiêu biểu, ví dụ như Tam bối. Trong cuốn kinh này, ngài đã chia thành thượng, trung và hạ bối, đây được coi là tối giản. Mỗi bối lại có ba, cộng lại thành chín, đó là chín phẩm được nói đến trong Quán kinh. Trong chín phẩm lại có chín, cộng lại thành tám mươi một, cứ quay vòng như thế, kì thật không thể kể hết. Nếu nói một cách rõ ràng, thì phẩm vị nơi thế giới Cực lạc là vô lượng vô biên. Bây giờ tôi đơn cử để các bạn thấy, một ví dụ tiêu biểu: Tam bối, cửu phẩm. Trong mỗi phẩm của chín phẩm lại có chín phẩm, tổng cộng tám mươi một phẩm. Trong mỗi một phẩm của tám mươi một phẩm lại có tám mươi một vô lượng vô biên, chúng ta không thể không tìm hiểu. Quý vị biết tình trạng này, lật lại vấn đề, thử nghĩ một chút về địa ngục, địa ngục cũng được mô tả gồm mười tám tầng, mười tám tầng là nói chung, trong mỗi tầng của mười tám tầng đó lại có mười tám tầng, chia tiếp, trong mỗi tầng lại có mười tám tầng, tiếp tục chia nữa, thành ra vô lượng vô biên, bây giờ chúng ta đã hiểu. Mỗi niệm thiện có một thiên đường, một niệm tịnh tương ứng với một tịnh độ, một niệm ác tương ứng với một cửa địa ngục. Trong một giây, chúng ta có một ngàn sáu trăm triệu niệm ác, vậy chẳng phải có một ngàn sáu trăm triệu địa ngục đó sao!

Trong mỗi giây, mỗi niệm chúng ta đều nghĩ đến Phật A di đà, vậy có thể không có một ngàn sáu trăm triệu Phật A di đà được sao! Vấn đề này chúng ta phải hiểu cho rõ ràng minh bạch, như thế chúng ta mới hoan hỷ buông bỏ niệm ác, mỗi niệm đều nghĩ đến Phật A di đà. Bởi vì Phật A di đà là bậc thánh thiện trong các điều thiện, trong sạch nhất trong tất cả sự trong sạch, không có một niệm nào có thể vượt qua được Phật A di đà, vậy tại sao ta không niệm Phật? Niệm Phật không gián đoạn, hiện tại, bây giờ, bất kể lúc nào, nơi nào, miễn nghĩ đến là niệm. Khi quên niệm ta cứ cho qua, mất thì thôi, nghĩ đến lại niệm, khi đã thành thói quen, mỗi ngày quý vị sẽ niệm nhiều hơn. Không cần tính toán mà nên nhớ phương pháp của đại sư Ấn Quang, mỗi câu đều phải rõ ràng, nhớ rõ ràng, nghe tỏ tường, đếm từ một đến mười, dùng tâm trí để ghi nhớ, phải nhớ câu danh hiệu của ta là câu thứ mấy, vì sao vậy? Kiểu này rất dễ nhiếp tâm, tạp niệm, vọng niệm không xen vào được. Nếu không thực hiện cách này, khi quý vị niệm Phật thì tạp niệm vẫn len lỏi vào. Phương pháp nói trên là tốt nhất, tạp niệm sẽ không vào được. Một khi nó đã xen vào, thì quý vị sẽ không thể nhớ rõ, có tạp loạn thì sẽ không đếm được, ta bắt đầu đếm lại từ đầu, thử xem mình duy trì được bao lâu, khi duy trì được thời gian đủ lâu, quý vị tạm quên, đừng nghĩ đến nó, có nghĩa là

để quý vị khỏi phân tâm, đừng vì những việc như thế mà phân tâm. Cố gắng niệm, nhớ nghĩ đến tâm thanh tịnh của mình.

“Nay trong vô lượng đời đó, tổng quát thành tam bối, tuy phẩm vị sau khi được vãng sanh khác nhau, nhưng nếu nói về nhân chính để có thể vãng sanh, nhân tố chính để được vãng sanh, không gì hơn phát tâm Bồ đề, một hướng chuyên niệm A di đà Phật”. Chừng đó chữ, nhưng nó đã khái quát được bí quyết để được vãng sanh. Tâm Bồ đề sẽ nói ở phần sau.

“Đó là những nét chính của cuốn kinh này”, là cương lĩnh, cương yếu, “then chốt để được vãng sanh”, chỉ trong mấy chữ đó thôi. Tam bối vãng sanh là nhắm vào phàm phu mà nói. Chúng sanh trong sáu đường được sanh về Tịnh độ, sự khác nhau giữa họ, nghĩa là sự khác biệt giữa phàm phu được sanh về Tịnh độ, công đức nguyện hạnh sẽ quyết định việc sanh về Tịnh độ của chúng ta. Chúng ta là những phàm phu trong sáu đường, chúng ta muốn được vãng sanh, đây là mục đích của chúng ta, là quỹ đạo của chúng ta. Đối với người thực sự muốn cầu vãng sanh thì câu này có ý nghĩa rất đặc biệt, đây là sự thực, không phải giả dối. Nếu thực sự đúng thì quý vị phải nhận thức đúng đắn về hai thế giới, lúc đó quý vị mới có thể tạm thời buông bỏ thế giới Ta bà, tôi nhất định phải đến thế giới Cực lạc, nếu vẫn còn lưu luyến thế giới Ta bà, nếu vẫn không buông được thì quý vị có đi cũng không đến, niềm tin hiện tại của chúng ta đang bị nó huỷ hoại, nguyện cũng thế, không thể chuyên nhất để niệm Phật. Cũng có nghĩa là đang có rất nhiều tạp niệm và vọng tưởng xen vào, công phu mất hết. Vì thế cần nhận thức, làm rõ thế giới ta đang cư trú ở đây, với thế giới Cực lạc cũng phải nhận thức rõ ràng. Muốn nhận thức rõ ràng thế giới Cực lạc, thì bản kinh này là một lời giới thiệu, chuyên giới thiệu thế giới Cực lạc, cần học tập, nghĩa là cần nhận thức, cần ra tay. Một số từ mới trong này có vẻ như của cư sĩ Hồ Tiểu Lâm, mỗi chữ đều được tra tự điển rồi chú âm, tất cả những từ trong này đều được tra trong cuốn Phật học từ điển, mỗi chữ đều được tra cứu kỹ lưỡng, rất công phu, chi tiết, hạ được quyết tâm để làm, không qua loa. Vì sao vậy? Nếu có sự nghi ngờ, nghi ngờ là nguồn gốc ngăn cản sự vãng sanh, không được lưu giữ một chút nghi hoặc, mới buông bỏ được thế giới này.

Có người nói với tôi: Tiền bạc của con bị người khác lừa mất rồi. Thôi, cho qua, không nghĩ đến nữa, vì sao? Đó là vật ngoài thân, là giả, quý vị vẫn cứ nghĩ đến, đó là một sai lầm. Không có việc đó thì tâm ta mới thanh tịnh, ta niệm Phật mới yên. Bạn làm hại tôi thế nào, tôi vẫn không để ý, bạn muốn, tôi tặng hết. Trong

cuộc sống, chúng tôi gặp rất nhiều sự việc tương tự như thế. Đạo tràng, bạn muốn, tôi biểu, ra khỏi công. Nếu chúng ta không gặp những chuyện như thế, vui cùng cực, quyết không để những chuyện như vậy trong lòng.

Năm nọ, tôi rời Đài loan, không để ý đến đạo tràng nữa, rời Mĩ, không ngó ngang gì đến đạo tràng, đến nơi khác, dựng một đạo tràng nho nhỏ, khi dờn gót, buông hết. Trong lòng không một chút ràng buộc. Nếu lúc nào cũng nghĩ đến, không phải ta đã tự tìm đến sự rắc rối sao? Nghĩ gì, đó là cái nghĩ của luân hồi sáu đường, nghĩ về địa ngục, đừng nghĩ đến nó nữa. Khi đã chuyển niệm, ta nghĩ ngay đến thế giới Cực lạc, nghĩ đức Phật A di đà, ngoài ra không nghĩ gì khác, bỏ sạch hết. Cho dù trước mặt là vàng bạc ngọc ngà, danh văn lợi dưỡng, nếu có, cứ nghĩ là không có, đừng nghĩ đến nó, nếu có, ta vớt nó sang một bên, ai dùng tùy ý, đừng chấp đó là của ta, không có ta, ai đem đi đâu cứ việc, quý vị đã tự tại! Quý vị không còn bị ràng buộc, không lo nghĩ nữa, thực sự buông bỏ, buông bỏ tất cả. Đời này ta chỉ nghĩ đến thế giới Cực lạc, như thế mới có hi vọng. Đừng có một chút lưu luyến, một chút ràng buộc cũng không có, tất cả đều tùy duyên. Có cũng tốt, không cũng chẳng sao, như thế chúng ta mới tự tại.

“Nếu chú tâm vào việc cầu vãng sanh, phải nương tựa vào nó như tấm gương sáng, lúc nào cũng soi, xem ta đến ngang đâu”. Nương tựa vào đâu? Lấy bộ kinh này làm điểm tựa, coi bộ kinh này như một tấm gương, đọc lần nào ta đối chiếu lần đó, xem ta đã thực hiện đến đâu? Liệu ta đã giống Tỉ kheo Pháp Tạng được bao nhiêu phần? Có giống Bồ tát Pháp Tạng? Có giống Phật A di đà? Thế giới ta đang sống đã giống thế giới Cực lạc chưa? Có người nói, không thể nào giống được thế giới Cực lạc. Tôi nghĩ, không khác thế giới Cực lạc, sao lại nói không khác? Rõ ràng là khác mà. Đối với môi trường thế giới Cực lạc, cơ bản con người ở thế giới Cực lạc không khởi tâm, không động niệm, không có phân biệt, chấp trước. Thế giới này, ta cũng không chấp trước nơi cảnh giới hiện tiền, không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, vậy đã giống thế giới Cực lạc chưa? Hoàn toàn không khác! Khi quý vị có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì không giống, xa rời vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì tất cả đều giống nhau. Ở thế giới Cực lạc ngày nào cũng được thấy Phật A di đà. Ở đây, trong tâm tưởng của ta ngày nào cũng có Phật A di đà, bất cứ giây phút nào cũng niệm Phật A di đà, không rời Phật A di đà nửa bước, ngày nào cũng đọc kinh Vô lượng thọ, ngày nào cũng được thấy thế giới Cực lạc. Thực sự làm được ức Phật

niệm Phật, hiện tại tương lai sẽ được thấy Phật, cảm ứng đạo giao không thể nghĩ bàn.

“Ta thực hiện đến đâu”, câu này rất thâm thúy, chúng ta cần suy nghĩ, Muốn có nghĩa hi vọng, chúng ta mong được giống như Phật A di đà, giống như thế giới Cực lạc. Giống ở đây, không có nghĩa là bên đó có vàng ngọc làm đất, vàng ngọc là giả, bùn đất cũng không thật, tất cả đều giả, vàng ngọc cũng bằng không, đất cát cũng như vậy, tất cả đều giống nhau, không khác. Tất cả đều do những hạt lap tử cơ bản kết thành, nhưng khác nhau về cách sắp xếp, ngoài yếu tố này ra, không có gì khác nhau cả. Tất cả pháp đều do tâm tưởng sanh ra, thế giới Cực lạc cũng thế. Với tâm tưởng, chúng ta đừng khởi tâm, đừng động niệm, đừng phân biệt, đừng chấp trước, cứ bình đẳng, bình đẳng là chân pháp giới. Cho nên thế Cực lạc với Ta bà là một, không phải hai. Hiện tại chúng ta đang chuyển biến, công phu chưa đầy đủ, một khi đã đầy đủ thì thế giới chúng ta đây là thế giới Cực lạc. Chúng ta đã hiểu rõ sự thực, phương pháp cũng đã nắm được, bây giờ chỉ nỗ lực làm cho đến nơi đến chốn mà thôi. Yếu tố đầu tiên để công việc được thành công đó là buông bỏ khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, là những cái đó. Chúng ta nghe những lời dạy của Phật, chúng ta không phải là những người thương căn lợi trí nên không thể cùng một lúc mà buông bỏ tất cả, mà phải thực hiện từng bước. Trước hết là buông bỏ chấp trước, không chấp trước nữa, thực sự không ôm giữ tất cả pháp thế gian hay xuất thế, lúc đó tâm thanh tịnh liền hiện ra, điều này trong kinh đã mô tả “thanh tịnh bình đẳng giác”, đạt được bước đầu thì tâm thanh tịnh liền được, mà đạt được tâm thanh tịnh thì chắc chắn sẽ vãng sanh. Vì sao? Vì “tâm tịnh thì cõi Phật cũng tịnh”, ta chắc chắn sẽ được vãng sanh.

Bước tiếp theo là tâm bình đẳng hiện tiền, không phân biệt, Phật cùng chúng sanh bình đẳng, giữa oan gia đối đầu với những người thương yêu nhất đều bình đẳng, oán thân bình đẳng, bắt đầu buông bỏ từ đây. Khi tâm bình đẳng hiện lộ thì sẽ sanh sang cõi Phương tiện hữu dư. Khi đã giác ngộ, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh sẽ sanh sang cõi Thật báo trang nghiêm. Ngày nay chúng ta đang tu tập giai đoạn này, bắt đầu thực tập ở đâu? Trong môi trường sinh hoạt hàng ngày, học theo bốn đức trong tác phẩm Hoàn Nguyên Quán, tùy duyên diệu dụng. Tùy duyên là hằng thuận chúng sanh, không bảo chúng sanh tùy thuận ta mà ta tùy thuận chúng sanh, cái gì cũng tốt, không có thứ gì xấu, ta học được gì ở đó? Không chấp trước, việc này gọi là công phu chân chính, bản lĩnh, không còn những thành kiến, không còn phân biệt tốt xấu, nó được sản sanh từ tự tánh. Đó

là vô duyên đại từ, đồng thể đại bi, vạn pháp nhất như, vạn cảnh nhất như. Nên biết Tịnh tông được gọi là đạo dễ thực hiện. Điều này những vị tổ sư ngày xưa thường dạy, được nói khi so sánh với tám vạn ba ngàn chín trăm chín mươi chín pháp môn còn lại. Cổ nhân có cách nói như thế này, trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, tịnh độ là pháp môn đặc thù, nằm ngoài tám vạn bốn ngàn pháp môn đó, pháp môn đặc thù, môn đó được gọi là dư đại đạo. Trong cuốn này, Niệm Lão cũng liệt Tịnh tông vào một trong những tám vạn bốn ngàn pháp môn, bởi thế ngài nói còn lại tám vạn ba ngàn chín trăm chín mươi chín pháp môn, chúng ta thấy điều thú vị khi những đại đức cổ xưa nói, ngoài tám vạn bốn ngàn pháp môn, pháp môn này được gọi là dư đại đạo, thực là một việc hiếm gặp!

“Vì nó là điều dễ duy nhất nên gọi là dễ thực hiện”. Có nghĩa là tất cả tám vạn bốn ngàn pháp môn đều không dễ, sao lại nói không dễ? Nó đòi hỏi phải cắt đứt phiền não, đó là điểm khó, chúng ta không cắt được. Trong lúc đó pháp môn Tịnh độ không đòi hỏi cắt đứt phiền não, mà chỉ cần điều phục phiền não, bắt phiền não lắng dịu xuống, giống lấy đá đè cỏ, chỉ cần đè nó xuống là được. Cắt là gì? Nhổ bật cả gốc rễ lên gọi là cắt, vậy mới khó, quá khó! Đá đè cỏ, đá là gì? Nam mô A di đà Phật, đó là đá, dùng nó để chặn cỏ lại. Cũng có nghĩa là, chúng ta khởi tâm động niệm, khi niệm đó bắt đầu nổi lên, ta lập tức tìm đến Phật A di đà, chuyển nó thành Phật A di đà, không để cho niệm đó phát triển, phình to ra. Bất luận thiện niệm hay ác niệm, chỉ cần nổi lên, liền dùng câu A di đà Phật ấn nó xuống, tất cả đều đưa về A di đà Phật. Bởi thế pháp môn niệm Phật là pháp môn vi diệu, thù thắng, không gì sánh bằng. Tập khí phiền não nặng nề trong con người phàm phu, làm sao có chuyện không nổi niệm? Nếu không khởi niệm thì đã trở thành Thánh nhân, người phàm không làm được. Bởi thế cổ đức hướng dẫn chúng ta: Không sợ niệm khởi mà chỉ sợ giác chậm. Giác chậm là gì? Quý vị đã tạo nghiệp, niệm đầu tiên nổi lên, niệm thứ hai là Phật A di đà, là không tạo nghiệp, như thế mới gọi là biết niệm Phật, niệm Phật như thế mới có tác dụng, không thể không hiểu. Vì thế một hành giả niệm Phật thực thụ không phải mỗi ngày niệm được bao nhiêu danh hiệu Phật, không phải cái đó mà quan trọng là tâm thanh tịnh, giữ tâm thanh tịnh. Tâm niệm nào nổi lên liền dùng danh hiệu Phật A di đà đè nó xuống. Khi niệm không nổi lên nữa thì danh hiệu Phật cũng không cần nữa, hết chuyện rồi, mọi việc đã khôi phục như cũ. Khởi niệm là niệm Phật, niệm như thế lâu ngày thì công phu mới sâu, tâm thanh tịnh hiển bày, tâm bình đẳng hiển bày, niệm cho đến đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Niệm cho đến đắc định, đây gọi là sự nhất tâm bất loạn, niệm cho đến khai ngộ, đó gọi là lí

nhất tâm bất loạn. Lí nhất tâm bất loạn có cùng cảnh giới tương đương với đại triệt đại ngộ của Thiên tông, đại khai viên giải của giáo môn, tất cả đều đạt đến cõi Thật báo trang nghiêm.

Đoạn tiếp theo: Nếu bàn đến thực chất, như trong phẩm này đã nói rõ, thì nên biết chuyện vãng sanh không hề đơn giản. Đây là một sự thực, trong phẩm này, đã được đề cập trong tam hồi vãng sanh, nói cho chúng ta việc vãng sanh thế giới Cực lạc, đó là sự thực. Sau khi đọc xong, quý vị mới hiểu, đây không phải là một việc dễ thực hiện, dễ so với tám vạn bốn ngàn pháp môn, bởi vì tám vạn bốn ngàn pháp môn đòi hỏi cắt đứt phiền não, còn đây là pháp môn không đòi hỏi như thế, nên gọi là dễ. Song điều phục phiền não như thế nào? Nếu không điều phục được thì cho dù quý vị có niệm Phật cả đời cũng không thể vãng sanh. Bởi thế, đời nghiệp là đời nghiệp cũ chứ không đời thêm nghiệp mới. Ta có thể mang theo phiền não đã tạo trong kiếp trước, nhưng kiếp này, những phiền não trước lúc vãng sanh, đặc biệt là niệm cuối cùng, niệm cuối cùng trước khi lâm chung là danh hiệu Phật, quý vị phải mang theo. Nếu niệm sau cùng khi lâm chung không phải là Phật A di đà, thì quý vị không mang gì đi được. Vẫn phải tùy nghiệp mà luân chuyển, cũng có nghĩa là tiếp tục luân hồi trong sáu đường.

Sau khi mất, con người sẽ đi đâu? Nghiệp lực nào mạnh nhất sẽ kéo anh ta đi đâu. Vì sao sau khi con người mất lại đọa làm súc sanh? Vì họ không phân biệt phải trái, ngu si, không có trí tuệ. Sao có người chết rồi lại đọa vào cõi quỷ đói? Vì lòng tham họ nặng quá, tuy họ không đến nỗi không phân biệt phải trái, nhưng mỗi suy nghĩ của họ đều nghĩ đến việc chiếm đoạt. Có người sau khi chết liền rơi vào địa ngục, vì tâm sân hận, đố kỵ, báo thù của họ nặng quá, những người như thế sau khi chết sẽ rơi vào địa ngục. Có người sau khi chết được sanh làm người. Cõi người là gì? Lòng giữ luân thường nghiêm túc, mỗi niệm họ đều không quên luân thường đạo đức, mỗi niệm đều nghĩ đến hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ, họ sẽ trở lại làm người. Mỗi niệm đều từ bi, mỗi niệm đều muốn làm mười điều thiện, những người như thế sau mệnh chung sẽ được sinh lên cõi trời. Tất cả đều do tâm niệm sau cùng. Chúng ta thử nghĩ xem, tâm niệm sau cùng của chúng ta là gì? Điều này rất quan trọng, nắm chắc tâm niệm sau cùng, chắc chắn sẽ được vãng sanh Tịnh độ, phải một lòng cầu sanh thế giới Cực lạc, không thể không hiểu vấn đề này, điều này có liên quan đến kiếp sau của ta, không được sai lầm dù chỉ nhỏ bằng sợi tơ. Mỗi ngày chúng ta phải rèn luyện bản thân, rèn luyện những gì? Dùng câu A di đà Phật để điều phục phiền não, nuôi nó thành thói quen. Làm

sao niệm lúc cuối cùng trước khi lâm chung phải là Phật A di đà, như thế mới thành công.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 391

Chuyên ngữ: Liên Hải

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 02.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 483, hàng thứ nhất, bắt đầu xem từ đoạn giữa. “Thượng bất chân vi sanh tử, phát bồ đề tâm, dĩ thâm tín nguyện, nhất hướng chuyên niệm, nhi dục vãng sanh, vô hữu thị xứ”. mấy câu này chúng ta phải đặc biệt coi trọng. Chư Phật Bồ Tát chỉ dạy chúng ta, chư vị Tổ sư khuyên răn chúng ta.

Tam bối vãng sanh, trước đây đã nói qua so sánh với tám vạn bốn ngàn pháp môn, pháp môn này là con đường dễ thực hành. Nhưng nếu không thể đè nén phiền não, giống như đoạn này nói, không phải thực sự vì sanh tử thì không phải là một việc dễ làm. Cho nên then chốt là phải chằng chúng ta nhìn thấu hai thế giới này, nhìn rõ ràng, nhìn thấu suốt rồi. Thế giới Ta bà khổ, thực sự giác ngộ rồi, nó là khổ thật, nó không phải là khổ giả.

“Lạc” của Thế giới Cực Lạc là chân lạc, không phải là lạc được nói trong tình chấp. Ở bên đó tu tập không có bất cứ chướng ngại nào. Thầy giáo là vị mà Chư Phật Như Lai tán thán, tôn kính - Phật A Di Đà, đó là thầy giáo. Sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, mỗi người đều được đích thân Phật A Di Đà chỉ dạy. Chứ không phải do người khác đến giúp đỡ.

Chúng ta biết được người vãng sanh Thế giới Cực Lạc mỗi ngày nhiều như vậy, có thể nói mỗi phút mỗi giây đều không gián đoạn, chúng sanh đến từ mười phương quốc độ khắp pháp giới hư không giới, không biết có bao nhiêu. Phật A Di Đà có thể ứng phó được không? Chúng ta hường dùng phàm tình chúng ta để suy đoán, để quan sát. Chúng ta không biết tình hình thực sự của Thế giới Cực Lạc. Chúng ta căn bản không thể lí giải trí tuệ, đức năng, thần thông, đạo lực của Phật A Di Đà, không biết được!

Di Đà đích thực có thể ứng hóa thân vô lượng vô biên. Một người vãng sanh Ngài liền hiện một tướng, độc lập dạy cho họ. Môi trường học tập như vậy đi đến đâu mà tìm nữa? Chúng ta thích đại chúng cùng nhau học tập. Phật A Di Đà có giảng đường, giảng đường vô lượng vô biên. Mỗi người ngồi tại giảng đường đều cảm thấy Phật A Di Đà vì mình thuyết pháp. Cảm giác này tôi tin rằng chúng ta cũng có. Giảng đường chúng ta người không nhiều, khoảng hai ba chục người, thầy giáo dạy học, học sinh sẽ cảm giác được, thầy giáo hôm nay tiết học này là giảng cho mình. Quý vị đến Thế giới Tây Phương Cực Lạc, quý vị cũng sẽ cảm giác được mỗi tiết học đều là giảng cho bản thân mình, nâng cao cảnh giới của chính mình, tiêu trừ nghiệp chướng của chính mình, làm cho quý vị giờ giờ khắc khắc pháp hỷ sung mãn. Đây gọi là Thế giới Cực Lạc.

Người ở Thế giới Cực Lạc thường sanh tâm hoan hỷ, sẽ không có tạp niệm, sẽ không có phiền não. Khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, chắc chắn không thể phát sanh ở nơi đó. Đây chính là oai thần của Phật A Di Đà, Phật quang của Phật A Di Đà chiếu soi.

Cho nên chúng ta phải thực sự vì sanh tử, chúng ta không vì điều khác, lục đạo sanh tử quá khổ, quá đáng thương! Vì sao còn phải làm những việc này? Vì sanh tử mới phát tâm Bồ đề.

Tâm Bồ đề là tâm gì? Thực sự tin tưởng Di Đà Tịnh Độ, thực sự muốn sanh đến Thế giới Cực Lạc, thực sự muốn thân cận Phật A Di Đà, dùng tín nguyện sâu, tâm Bồ đề, vào hai mươi năm trước, chúng tôi nhắc đến trên đề Kinh Vô Lượng Thọ, “thanh tịnh bình đẳng giác” đây là thâm tín. Tự thọ dụng của Bồ đề tâm, chúng ta dùng chân thành, chân thành là thể của tâm Bồ đề. Chúng ta phải chân thành giống như Chư Phật Như Lai vậy. Dùng tâm chân thành sinh hoạt, dùng tâm chân thành làm việc, dùng tâm chân thành đối nhân xử sự tiếp vật, một lòng chân thành. Tự thọ dụng của tâm chân thành thanh tịnh bình đẳng giác, tha thọ dụng của tâm chân thành đại từ đại bi, từ bi thêm vào chữ đại, không có điều kiện, trong kinh giáo đại thừa thường nói “vô duyên đại từ”, chữ “duyên” này chính là

điều kiện, từ bi không điều kiện, “đồng thể đại bi”. Vì sao không có điều kiện? Khấp pháp giới hư không giới tất cả vạn pháp và bản thân mình. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, dùng tâm tín nguyện, thâm tín thiết nguyện, nguyện vọng khẩn thiết, nhất hướng chuyên niệm, chỉ một phương hướng, chỉ một mục tiêu, chuyên niệm A Di Đà Phật, cầu sanh Thế Giới Tây Phương Cực Lạc. Chúng ta hi vọng đến Thế giới Cực Lạc thân cận Phật A Di Đà. Vậy là đúng rồi. Nếu như không phải thật vì sanh tử, phát Bồ đề tâm, không có thâm tín nguyện, dù có nhất hướng chuyên niệm cũng không thể vãng sanh. Cho nên chân tín, chân nguyện là điều kiện đầu tiên bắt buộc phải có để vãng sanh Thế Giới Tây Phương Cực Lạc.

Dưới đây Niệm Lão khai thị cho chúng ta.

“Kính kỳ”, vô cùng cung kính, nguyện cầu “đương thế hành nhân”, đương thế là hiện đại, các đồng học hiện đại tu Tịnh độ.

“Thận mạt sơ văn Tịnh Tông dị hành”, “thận” là cẩn thận, dè dặt, nhất định không nên hiểu nhầm. Nghe nói Tịnh Tông là đạo dễ thực hành, “liền sinh khinh mạn”, đối với pháp môn này, tông phái này liền sanh tâm khinh mạn, tức là không tôn trọng nó. Vì sao vậy? Vì nó là đạo dễ hành. Tám vạn bốn ngàn pháp môn là đạo khó hành. Đạo khó hành quý vị có thể hành cho thông không? Quý vị hành không thông. Đạo dễ hành con đường này là con đường quý vị nhất định đi qua được. Trong đời này quý vị thực sự có thể thành tựu. Không những không thể khinh mạn, phải có tâm tôn trọng, tâm cảm ơn.

Phật A Di Đà biết căn tánh chúng ta rất hạ liệt, dùng pháp môn này giúp đỡ ta, thành tựu ta. Nếu như khinh mạn, tín tâm phù phiếm, chí nguyện trì hoãn, miệng nói tịnh nghiệp, tâm luyến duyên trần. Bốn chữ này vô cùng vô cùng quan trọng. Trong tâm còn tham luyến ngũ dục lục trần, còn tham luyến thế gian này. “Cầu sanh như vậy, đợi đến năm lừa”, quý vị xem xem cầm tinh mười hai con giáp có con lừa không? Đến năm con lừa quý vị mới thành tựu, không có năm lừa. Đây là lời cổ nhân thường nói, nghĩa là chắc chắn quý vị không thể thành tựu. Cho nên nhất định phải thật vì sanh tử phát tâm Bồ đề. Phải triệt để buông bỏ mọi trần duyên. Không còn mảy may tham luyến nào. Đặc biệt ngày nay tai nạn dồn dập, chúng ta từ những báo cáo của truyền thông, điều nhìn thấy trên mạng, càng nên nhắc nhở bản thân, cảnh giác bản thân nhiều hơn. Trong cuộc đời này hơn nữa thời gian ngắn ngủi, tôi trong hai ba năm nay, tịnh nghiệp của tôi nhất định tu thành.

Tu thành như thế nào? Duyên trần triệt để buông xuống, thâm tín thiết nguyện, nhất hướng chuyên niệm. Vãng sanh Thế Giới Tây Phương Cực Lạc thực sự chắc

chấn, vậy là đúng rồi. Nếu như tai nạn này qua đi, quý vị vẫn còn ở thế giới này, vậy là quý vị có nhiệm vụ rồi, nhiệm vụ gì? Dọn dẹp tàn cuộc sau tai nạn, giúp xã hội khôi phục trật tự, cần đến trí tuệ của quý vị, cần đến phương pháp của quý vị, cần đến kinh nghiệm của quý vị, đây chính là cần đến công đức tu học của quý vị. Giúp đỡ chúng sanh khổ nạn, phá mê khai ngộ, ly khổ đắc lạc, sự nghiệp Bồ Tát. Tôi không phải là Bồ Tát, tôi làm sao có thể làm được? Tín nguyện niệm Phật thành công rồi, người này chính là Bồ Tát. Vẫn còn nơi thế gian này, họ liền có thể giúp đỡ chư Phật Bồ Tát giáo hóa chúng sanh.

Đoạn tiếp theo nói: lại tam bối trong bản kinh này và phẩm chín trong Quán kinh phải chăng phù hợp, xưa nói bất nhất.

Đoạn văn này giúp chúng ta đoạn trừ nghi hoặc. Chư vị Tổ sư xưa nay, họ có cách nhìn không giống nhau. Chúng ta gặp được rồi. nên dùng tâm trạng như thế nào để đối phó.

“Luận vi đồng giả”, Tam bối trong kinh này và cửu phẩm của Quán Vô Lượng Thọ Kinh, là cùng một sự việc. “Có Đàm Loan chư sư”, Lược Luận của sư Đàm Loan nói: “sanh an lạc độ giả”, trong Kinh Vô Lượng Thọ chỉ có tam bối thượng trung hạ, trong Quán Vô Lượng Thọ Kinh, nhất phẩm phân ra thành thượng trung hạ, ba ba là chín, hợp thành chín phẩm. Đây là điều pháp sư Đàm Loan nói. Đây là bậc cao tăng của Tịnh Tông thời cổ đại.

Lại Tịnh Ảnh Sớ viết: “mười phương thế giới, chư thiên nhân dân, nguyện sanh nước kia, phàm có tam bối, luôn được nêu lên, như trong Quán Kinh, thô phân làm ba, tế phân làm chín”. Đây là Huệ Viễn pháp sư đời nhà Tùy nói. Đó tức là nói rõ tam bối và cửu phẩm cùng một ý nghĩa.

Lại trong Quán Kinh Sớ của Gia Tường nói: Vô Lượng Thọ Kinh tuy rõ tam bối, Thủ, chữ thủ này tức chỉ cho Quán Vô Lượng Thọ Kinh, trong đó khai tam bối thành cửu bối. Tam bối là thượng, trung, hạ vậy. Cửu bối là ở thượng phẩm có ba, trung hạ cũng như vậy, nên thành cửu bối vậy. Đây cũng là chủ trương tương đồng. Những tổ sư đại đức này.

Lại trong Cảnh Hưng viết, nay cũng hợp với chín phẩm kia. Kim là nói về kinh này. Bỉ là Quán Kinh, “vị thủ tam bối”, là quyển này tức bản kinh này nói tam

bồi. “Cổ kỳ nghĩa vô dị”, không có gì sai khác. Tam bồi chính là cửu phẩm, cửu phẩm chính là tam bồi.

“Lại nữa Liên Trì nói”, “Liên Trì đại sư nói, tam bồi cửu phẩm, đúng là phù hợp, còn nghi ngờ gì”, “hựu Thiên Thai”, ở đây chỉ Trí Giả đại sư. Quán Vô Lượng Thọ Kinh Sớ, “vị thứ kinh cửu phẩm”, “thứ kinh” này chỉ cho Quán Vô Lượng Thọ Kinh Sớ. “chưa biết được cao thấp, tức đại bản tam bồi vậy”. Đại bản chỉ cho Kinh Vô Lượng Thọ. Trí Giả đại sư cũng cùng cách nói như vậy. Đây là nói về sự tương đồng.

Cho đến chủ trương chỗ hai kinh khác nhau. Tức chư sư Linh Chi, Cô Sơn. Những người này trong lịch sử Phật Giáo Trung Quốc, cũng là cao tăng đại đức có danh tiếng. Cách nhìn của họ và những tổ sư đại đức trước đây không giống nhau. Linh Chi, Cô Sơn chư sư những vị này đều có nêu ví dụ. Sư Linh Chi nói tam bồi chỉ đối với thượng phẩm trong Quán Kinh, không bao gồm 6 phẩm khác. Tức là trong chín phẩm, tam bồi trong Quán Kinh. Ngài nói chỉ đối với thượng tam phẩm: thượng thượng phẩm, thượng trung phẩm, thượng hạ phẩm. Trung tam phẩm, hạ tam phẩm không có trong đó. Đây là ngài nói vậy. Vì sao vậy? Ngài cũng có cái lý của ngài. Ngài nói: vì trung phẩm và hạ phẩm trong Quán Kinh đều chưa phát bồ đề tâm. Đây là những y cứ trong kinh điển nói chưa phát bồ đề tâm. Đây là sư Linh Chi nói.

Cô Sơn nói hơi rộng, nói tam bồi trong kinh này chỉ gồm thượng phẩm và trung phẩm trong kinh kia, không phải gồm hạ tam phẩm. Hạ tam phẩm trong Quán Vô Lượng Thọ Kinh, tức là Hạ thượng phẩm, hạ trung phẩm, hạ hạ phẩm không bao gồm trong đó. Bởi vì kinh này người trung tam bồi vãng sanh đều là người thiện. Người hạ tam bồi vãng sanh là người ác, không phải người thiện. Hạ tam phẩm trong Quán Kinh đều là người ác, lâm chung sám hối, niệm Phật được vãng sanh vậy. Cho nên chư sư đều nói hai kinh này không thể phù hợp với nhau, nói đều rất có lý.

Chúng ta xem tiếp, “Liên Trì đại sư trong Viên Trung Sao, Sớ Sao này là sớ sao của Kinh Di Đà, hội thông hai cách nói này, Sớ Sao viết: Thảo am phụ chánh giải nói, cũng trích dẫn lời của chư sư: “Thiên thai coi cửu phẩm đồng với tam bồi”, Thiên Thai là Trí Giả đại sư, ngài nói: “nãi ước vị thứ tương đồng, bất ước hành nhân nhi ngôn”. Tức sư Cô Sơn, Linh Chi đều không trái với Thiên Thai, cho nên như vậy, dùng Thiên Thai dẫn ước vị thứ, tức bồi phẩm tương đồng. “Nhị sư” tức là nói Cô Sơn và Linh Chi. Họ là hành nhân, tức nhân tu hành. Cho nên “chỉ tề”, tề tức là bình đẳng, bình đẳng với trung, hạ, bình đẳng với trung bồi thượng bồi.

Bởi vì hạ bối là người ác, người ác vãng sanh, không phải là người thiện. Mỗi mỗi đều có căn cứ, dùng nghĩa khác nhau, nên không trái nhau. Mỗi người nói đều có lý. “Nghiêm khắc mà luận”, nói thật với quý vị, “tức phiền não không khác bồ đề”, phiền não và bồ đề cùng một tự tánh, lúc giác ngộ gọi là bồ đề, lúc mê gọi là phiền não. Mê ngộ không hai, “ban đầu ác đâu trở ngại sau này thiện”, người ác đó sau khi sám hối họ chính là người thiện. Người xưa thường nói lãng tử hồi đầu quý hơn vàng. Người ác thực sự hồi đầu còn thiện hơn cả người thiện. Quý vị làm sao nói họ là người ác được?

Nói người ác đã thành thiện rồi, há không phải đồng với Thánh hiền sao. Cải tà quy chánh, họ chính là Thánh hiền rồi. Đồ tể buông dao lập tức thành Phật, họ đã thành Phật rồi. Quý vị có thể nói người ác này không thể thành Phật sao? Vậy câu nói này phải nói như thế nào?

Cho nên tam bối cửu phẩm thực phối hợp với nhau, sao còn nghi ngờ. Không cần hoài nghi. Hoài nghi là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của bản thân. Buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đó gọi là Phật tri kiến Phật. Trong kinh giáo Đại Thừa chúng ta phải thấu triệt, phải rõ ràng. A la hán tức không chấp trước nữa, Bồ Tát thì không phân biệt. Phật không khởi tâm không động niệm, bình đẳng.

“Hội thông trên đây, rất hợp với pháp yếu”. Khế là khế nhập. Chủ trương của Thiên Thai Trí Giả đại sư là hai kinh phù hợp. Cho đến quan sát địa vị sau khi vãng sanh, mà chưa luận đến sự hành trì của nhân địa của họ. Các sư Linh Chi chỉ ra chỗ khác, và chuyên chú vào nơi hành trì nhân địa, cho đến từng phủ định họ đã sớm phát tâm bồ đề và tâm thiện ác trong hằng ngày mà nói.

Tức hạ tam phẩm trong Quán Kinh không thể đồng với hạ phẩm trong bản kinh này, cách nhìn không giống nhau. Cách nhìn này còn có chấp trước. Các sư Linh Chi họ chấp trước, người này sớm phát tâm bồ đề, người kia rất muộn mới phát tâm bồ đề. Phát tâm sớm muộn có sai biệt sao? Chúng ta tỉ mỉ quan sát có lẽ không có sai biệt. Sớm thành Phật và muộn thành Phật là một không phải hai. Sau khi thành Phật không có Phật trước và Phật sau, không có cổ Phật và kim Phật. Đó chỉ là chấp trước của phàm phu. Nước trong sông ngòi về đến biển cả trước, và về đến biển cả sau, có thể có phân biệt sao? có sai biệt sao? Có sai khác hay không. Không có sai biệt. Nhà tối một ngàn năm, một ngọn đèn được thắp lên liền chiếu sáng hết. Ngôi nhà tối một trăm năm, thắp lên một ngọn đèn cũng chiếu sáng được. Nó có sai biệt không? Hà huống trong pháp Đại Thừa, mọi lúc mọi nơi đều dạy chúng ta buông bỏ tất cả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước.

Phân biệt chấp trước quý vị không buông xuống được, đây là chướng ngại, đây là thuộc về sở tri chướng. Tham sân si mạn nghi là phiền não chướng. Nghiên cứu những kinh giáo này trở thành sở tri chướng. Dùng bộ kinh này để phê phán một bộ kinh khác, dùng bộ kinh khác để phê bình bộ kinh này.

Cho nên Phật biết sau này sẽ có tình trạng như vậy, nên trong hội Bát nhã Ngài đã phủ định tất cả, 49 năm không nói một câu nào. Ai nói Phật thuyết pháp là hủy báng Phật. Ngài có nói câu nói nào không? Hiện nay tôi đã hoàn toàn biết Ngài thực sự không nói một câu nào. Ngài muốn nói chuyện, Ngài trở thành phàm phu. Không nói pháp sao lại nói 49 năm, làm sao giảng kinh nhiều như vậy? Đây là nói rõ vì sao Ngài không có thuyết pháp. Phật không có khởi tâm động niệm, không khởi tâm không động niệm không phân biệt, không chấp trước, quý vị nói pháp gì? Đây là việc thật, đây không phải là việc giả. Có người hỏi tôi, tôi trả lời cho họ, tôi nói đó là gì? là phản ứng. Phật thuyết pháp, Phật thực sự không có thuyết pháp, phản ứng là phản ứng ý niệm của bản thân quý vị. Bởi vì quý vị có cảm, quý vị có cầu Phật, quý vị thỉnh giáo với Đức Phật, nêu ra câu hỏi. Phật không có suy nghĩ xem: quý vị nêu câu hỏi này, tôi suy nghĩ xem làm thế nào để trả lời quý vị. Vậy là ngài thuyết pháp. Phật không có chấp trước, không có phân biệt, cũng không có khởi tâm, cũng không có động niệm, trực tiếp trả lời quý vị. Cho nên Phật nói mà không nói, không nói mà nói. Nếu như quý vị biết nghe, quý vị nghe mà không nghe, không nghe mà nghe, quý vị ngay lúc đó liền đại triệt đại ngộ. Quý vị liền thành tựu, ly tất cả tướng, tức tất cả pháp. Làm sao quý vị có thể chấp trước? làm sao quý vị có thể phân biệt nơi hư vọng được?

Ngày nay nhà khoa học Nhật bản tiến sĩ Giang Bồn làm thí nghiệm về nước. Một niệm thiện của chúng ta hay là một niệm ác đối với nước này: tôi thích bạn, tôi ghét bạn, dùng ngôn ngữ như vậy, tâm thái như vậy. Nó phản ứng kết tinh cho chúng ta không giống nhau. Thiện niệm, thiện ngôn của chúng ta, nước sẽ phản ứng kết tinh vô cùng đẹp. Ác niệm ác ngôn đồ án phản ứng vô cùng xấu xí. Nước có khởi tâm động niệm không? Nó có nói tôi nghĩ nghĩ xem tôi nên phản ứng như thế nào để đáp lại quý vị hay không? Không có, là trực tiếp. Khoa học thực nghiệm này xuất hiện rồi.

Chúng ta là có ý, có tâm, có ý đối đãi với Phật. Phật là vô tâm vô ý hồi đáp chúng ta. Quý vị nên rõ đạo lý này. Cho nên Ngài hoàn toàn là phản ứng, giống như đánh trống, đánh mạnh thì tiếng lớn, đánh nhẹ tức tiếng nhỏ, không đánh thì không kêu. Lúc chúng ta đánh trống, trống hoàn toàn không suy nghĩ: tôi phải đáp lại quý vị như thế nào? Không có. Đây là phản ứng tự nhiên. Trong Phật Pháp

là phản ứng tự tánh. Nếu như Ngài khởi tâm động niệm, thì Ngài không phải là Phật. Chẳng những không khởi tâm động niệm, mà Ngài còn không phân biệt chấp trước, đó là gì? Bồ Tát, không phải là Phật. Bồ Tát đã không có phân biệt chấp trước rồi, nếu như có phân biệt, chấp trước, Ngài là phàm phu, Ngài không phải là Bồ Tát. Chúng ta luôn dùng cảnh giới phàm phu để quán Phật. Phật cũng coi thành phàm phu, như vậy là sai rồi! Thế giới Cực Lạc thật có tam bô cửu phẩm không? Chúng ta học Tịnh Tông nhiều năm rồi. Kinh Vô Lượng Thọ cũng học mười mấy lần rồi. Trước đây tôi nói rất nhiều, tam bô cửu phẩm là thật hay là giả? Không thể nói nó có, cũng không thể nói nó không có. Vì sao không thể nói nó không có? Vãng sanh đến Thế giới Cực Lạc, địa vị họ chứng đắc đích thực không giống nhau. Có người chứng đắc sâu, có người chứng đắc cạn, cho nên liền có tam bô cửu phẩm. Vì sao không thể nói nó có? Bởi vì đến Thế giới Cực Lạc, được bốn nguyện oai thần của Phật A Di Đà gia trì. Nguyện thứ hai mươi có nói “đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát”, điều này phải nên làm thế nào? A Duy Việt Trí Bồ Tát là gì? Là Bồ Tát của cõi Thật báo trang nghiêm. Điều là minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, đều là cảnh giới này. Nhưng phiền não nhất phẩm họ chưa đoạn, đời nghiệp vãng sanh. Sao có thể làm A Duy Việt Trí Bồ Tát? Cho nên không thể nói nó nhất định có, cũng không thể nói nó nhất định không có.

Cũng giống như trong Kinh Hoa Nghiêm chúng ta học nhiều năm Kinh Hoa Nghiêm như vậy, chúng ta hiểu được Viên giáo sơ trụ trở lên 41 địa vị, 41 địa vị này, quý vị có thể nói nó có không? Mọi người cẩn thận suy nghĩ xem, không chấp trước, không phân biệt, không khởi tâm, không động niệm, trong đó còn có đẳng cấp gì? Có đẳng cấp liền có phân biệt, có chấp trước. Phân biệt chấp trước không có, khởi tâm động niệm đều không có nữa. Sơ trụ Bồ Tát liền không khởi tâm không động niệm nữa. 41 vị Bồ Tát mỗi mỗi đều không khởi tâm, không động niệm. Vậy không phải là bình đẳng rồi sao? Giai cấp đâu mà có? Thật rất khó hiểu.

Vậy Phật thuyết 41 địa vị thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, thập địa là bốn mươi, Đẳng giác là bốn mươi một. Thế là tôi nhớ lại, tôi từ đâu nhớ lại? Từ trước đây. Đó là từ Kinh Hoa Nghiêm mà học được. Tu Đà hoàn đoạn rồi, ba giới tám mươi tám phẩm kiến hoặc, là Tu Đà Hoàn. Họ vẫn còn tập khí kiến hoặc. Đến nhị quả Tư Đà Hàm, tập khí đã đoạn, sau khi đoạn mất tập khí này, phải đoạn tư hoặc. Tư hoặc có 81 phẩm. Tư hoặc đoạn tận rồi, chứng được A la hán. Nhưng A la hán còn có tập khí tư hoặc chưa đoạn. Tập khí đoạn tận, họ nâng cấp rồi. Họ liền nâng đến Bích Chi Phật. Tập khí kiến tư phiền não này, Bích Chi Phật tập khí

kiến tư phiền não đều không còn nữa, đều đã đoạn hết. Họ phải đoạn cái gì nữa? Họ phải đoạn trần sa phiền não, tức là phân biệt. Phân biệt đoạn rồi họ liền thành Bồ Tát. Nhưng Bồ Tát còn mang tập khí trần sa phiền não. Tập khí trần sa phiền não đoạn tận rồi, họ thành Phật rồi, Phật trong thập pháp giới. Phật trong thập pháp giới khởi tâm động niệm chưa đoạn, nên biết khởi tâm động niệm gọi là vô minh. Vô minh chưa đoạn, họ đoạn hết khởi tâm động niệm, không khởi tâm không động niệm, vô minh đoạn rồi. Họ thoát ly thập pháp giới. Họ trở thành gì? Sơ trụ Bồ Tát. Sơ trụ Bồ Tát vô minh phá rồi, không khởi tâm, không động niệm nữa.

Vậy vô minh có tập khí hay không? Chắc chắn có. Từ đây chúng ta hiểu được tập khí vô thủ vô minh đoạn tận rồi, họ liền thành Phật. Cho nên bốn mươi một địa vị này là vô thủ vô minh, quá trình đoạn không giống nhau. Tập khí vô thủ vô minh, cổ đức có một ví dụ, ví dụ rất hay. Ví dụ của cổ nhân dùng bình rượu, dùng bình rượu làm ví dụ, thí dụ 41 vị thứ, 41 cấp bậc, chúng ta dùng 41 chai rượu, tất cả đều đựng rượu đầy bình, cùng một ngày đổ rượu vào, lúc rượu trong bình đổ vào đã được mấy năm rồi, rượu ở trong bình đó đổ hết ra, lau cho sạch hết, lau cho thật sạch chính xác là không còn giọt nào. Đây là gì? Chính là vô minh phiền não đoạn rồi, đem rượu ví dụ cho vô minh phiền não, thực sự đoạn rồi, ngửi bình rượu còn có mùi, nếu như chúng ta mỗi tháng đổ một bình rượu, 41 bình rượu này chính là 41 tháng, mỗi tháng đổ một bình, chúng ta dùng ví dụ này, tháng đầu tiên ngửi ngửi mùi vị đó nhất định rất nồng, lúc tháng thứ hai liền nhạt dần, tháng thứ ba thì càng nhạt hơn, khoảng đến lúc tháng thứ 41, không còn một chút mùi vị nào, đó gọi là thành Phật.

Tôi đối với 41 vị pháp thân đại sĩ, tôi có thể hội như vậy. Cho nên 41 vị thứ không thể nói có, cũng không thể nói không có. Không có là gì? Tập khí của họ đích thực có đậm nhạt không giống nhau. Nhưng tập khí không ảnh hưởng gì. Không trở ngại trí tuệ của họ, không trở ngại thần thông của họ. Không trở ngại hồng nguyện hóa độ chúng sanh của họ. Tất cả chúng sanh có cảm họ đều có thể ứng, cần ứng thân gì để độ họ liền hiện thân đó.

Quan Thế Âm Bồ Tát 32 ứng, cần dùng thân Phật để độ ngài liền hiện thân Phật. Cần dùng thân Bồ Tát để độ ngài liền hiện thân Bồ Tát. 32 ứng là 32 loại lớn, bao gồm tất cả tướng của chúng sanh, ngài đều có thể thị hiện. Cho nên chúng sanh có cảm ngài liền có ứng. Thật sự có thể giúp người giải quyết vấn đề. Đối với 41 địa vị này chúng ta nên có cách nhìn như vậy. Ngược lại đối với Thế Giới Tây

Phương Cực Lạc, tứ độ tam bối cửu phẩm chúng ta cũng có cách nhìn như vậy, vậy là đúng rồi.

Tánh đức không thể nghĩ bàn. Hoằng nguyện oai đức của Phật A Di Đà không thể nghĩ bàn. Cho nên vãng sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, cho dù là Phạm Thánh Đồng Cư Độ hạ hạ phẩm vãng sanh, sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, thân tướng của họ không khác gì Phật A Di Đà. Trong kinh Phật không nói, phẩm vị không đồng thân tướng liền không giống nhau, không có cách nói như vậy. Mà trong 48 nguyện nói, lúc đến Thế giới Cực Lạc tướng mạo hoàn toàn tương đồng, tương đồng với ai? Tương đồng với Phật A Di Đà, đều là tử ma châu kim sắc thân, Phật là tùy thuận người thế gian chúng ta mà nói, đều có 32 tướng 80 vẻ đẹp. Đây là điều trong Kinh Vô Lượng Thọ nói.

Nhưng Phật nói trong Quán Kinh không phải như vậy. Thân Phật tám vạn bốn ngàn tướng. Mỗi tướng có tám vạn bốn ngàn vẻ đẹp tùy hình. Sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc mọi người đều như vậy. Thế giới Cực Lạc là thế giới bình đẳng, tuy có tứ độ, tuy có cửu phẩm, là thật có, nhưng trên hình thức quý vị hoàn toàn không nhìn thấy. Trên hình tướng quý vị thấy dường như hoàn toàn bình đẳng. Nếu như từ trên tập khí phiền não nhìn thì không giống nhau. Cùng ý nghĩa như 41 địa vị trong Kinh Hoa Nghiêm vậy. Đây là điều chúng ta không thể không biết.

Học Phật đặc biệt là Đại Thừa, chắc chắn không thể có nghi hoặc. Nghi hoặc nhất định phải giải tỏa. Kinh giáo của Phật mục đích quan trọng nhất chính là giúp chúng ta đoạn nghi sanh tín. Nhưng kinh giáo phải đọc thuộc, tuyệt đối không phải nghe một lần, hai lần là được. Trước đây lúc tôi làm học sinh học kinh giáo với thầy Lý. Thầy giáo từng nói với tôi, nói đến điều gì? Nói đến “đọc kinh một ngàn lần, tự thấy nghĩa của nó”. Thực sự muốn học tập đó chính là không ngừng lặp lại, số lần lặp lại càng nhiều càng tốt. Thầy giáo nói với tôi: ông thấy ở đâu có người học qua một lần mà khai ngộ rồi, có hay không? Không có. Một lần khai ngộ không liễu ngộ được. Không những là học, mà giảng kinh, kinh này tôi đã giảng qua một lần, quý vị khai ngộ chưa? Chưa có khai ngộ. Cổ nhân khai ngộ, tuyệt đại đa số chính là một bộ kinh giảng một trăm lần, giảng hai trăm lần, giảng ba trăm lần, đến cuối cùng khai ngộ rồi. Vì sao vậy? Tâm họ dùng trên một bộ kinh này, dùng lâu rồi tâm liền định, định rồi sẽ khai ngộ.

Cho nên tam học giới định tuệ của họ, nhân giới được định, nhân định khai huệ, khai trí tuệ rồi. Giới “nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu”, con đường này chính là giới. Cho nên tu học một bộ kinh, suốt đời quý vị chỉ giảng một bộ kinh

này, chắc chắn khai ngộ. Vì sao vậy? Quý vị chuyên tâm. Cổ nhân có người một đời giảng hơn hai trăm lần Kinh A Di Đà, họ không giảng điều gì khác, họ chỉ giảng một bộ kinh này. Ở đâu mời họ giảng kinh thì giảng một bộ này. Giảng đến cuối cùng đại triệt đại ngộ, vậy đại triệt đại ngộ vắng sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc là cõi Thật báo trang nghiêm. Họ không phải là cõi Đồng cư, không phải là cõi Phương Tiện Hữu Dư. Bí quyết này thầy Lý nói cho tôi. Đọc lướt qua quá nhiều, tâm quý vị bị phân tán, tạp niệm.

Bắt buộc phải biết Phật Thích Ca Mâu Ni năm xưa tại thế là ứng cơ thuyết pháp. Căn tánh không đồng, pháp Phật giảng khác nhau. Ngài ứng cơ thuyết pháp. Phật giảng kinh không có dự bị trước, không có thông qua suy nghĩ: ta nên nói cho người như thế nào, không có. Căn tánh không đồng đến thỉnh vấn, Ngài liền phản ứng khác nhau. Chấp trước “không” Phật liền giảng cho quý vị “có”, chấp trước “có” Phật liền giảng cho quý vị là “không”. Phá chấp trước mà thôi! Quý vị hỏi Phật, Phật không có thuyết pháp. Quý vị nói Phật nói sao mâu thuẫn, làm sao mà khi thì nói có, khi thì nói không. Rốt cuộc là không hay là có? Phật nói, Ta đều không có nói. Quý vị không biết nghe, quý vị nếu biết nghe, sẽ nghe được.

Điều này trước đây thầy Lý thường nói, phải nghe ra Phật ý tại ngôn ngoại. Trong lời đó có ý khác, quý vị phải biết nghe. Quý vị cứng nhắc nơi câu nói này là quý vị sai rồi, quý vị không biết nghe. Đọc kinh không thể cứng nhắc trong văn tự, gọi là không thể cứng nhắc trong câu đó. Nghe kinh không thể chết trong ngôn từ. Bồ Tát Mã Minh dạy chúng ta: lìa tướng ngôn từ, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên, đó mới gọi là biết nghe, đọc kinh họ biết đọc. Dùng vọng tưởng, phân biệt, chấp trước để đọc kinh, những ý nghĩa mà quý vị đọc được toàn là ý của bản thân quý vị, không phải là ý của Phật. Phật không có ý gì, toàn là của bản thân quý vị. Nếu như bản thân quý vị thực sự có thể lìa tất cả tướng, thì ý nghĩa kia sẽ xuất hiện. Ý nghĩa gì? Vô lượng nghĩa. Người căn tánh không đồng đến rồi, đối với quý vị dùng nghĩa này, đối với họ dùng nghĩa kia, toàn là chính xác. Điều từ tự tánh lưu xuất ra. Không phải từ A lại da thức lưu xuất ra. Thứ A lại da thức lưu xuất ra là giả, là từ chân như bản tánh lưu xuất ra, điều này phải nên biết.

Chúng ta xem tiếp đoạn sau đây.

Liên Trì cuối cùng viết, trước ác không trở ngại sau thiện. Câu nói này “thâm khế thánh tâm”, Thánh là Như Lai Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Người ác không những ghi nhớ điều ác của họ.

Phải giúp đỡ họ quay đầu hướng thiện. Họ chính là người hiền, họ chính là người thiện. Đây là giáo hóa của Phật đà. Người ác lâm chung như có thể sám hối phát

tâm, chí tâm niệm Phật, tức người ác đã thành người thiện. Sau khi sám hối, họ đã phát tâm bồ đề. Vì sao vậy? Họ phát tâm, họ thực sự tin rồi. Thực sự muốn cầu sanh Tịnh Độ.

Ngẫu Ích đại sư trong Di Đà Kinh Yếu Giải nói về phát tâm bồ đề ngài chú giải: chân tín, thiết nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Tâm này chính là tâm vô thượng bồ đề. Ấn Quang Đại sư đọc được chú giải này vô cùng khâm phục. Vì sao vậy? Từ xưa đến nay, những vị cao tăng, Tổ sư đại đức chưa từng nói qua. Ngẫu Ích đại sư nói rõ rồi. Ngài không phải nói tâm bồ đề là chí thành tâm, thâm tâm, hồi hướng phát nguyện, ngài không phải nói như vậy. Ngài nói quý vị thực sự tin tưởng, thực sự muốn sanh Thế giới Cực Lạc, thực sự chịu niệm Phật, quý vị liền phát tâm bồ đề, quý vị là tâm vô thượng bồ đề, nói rất có lý!

Vậy chúng ta hiểu được những ông bà già ở thôn quê, quý vị hỏi họ vì sao gọi là tâm bồ đề họ căn bản là không hiểu, họ đúng là vãng sanh rồi, biết trước giờ đi. Lúc đi tướng lành hi hữu, họ thực sự vãng sanh rồi. Quý vị nói họ chưa phát tâm bồ đề sao, họ phát rồi, quý vị không biết. Ngẫu Ích đại sư điếm phá như vậy, chúng ta hoát nhiên đại ngộ. Họ làm sao mà chưa phát tâm bồ đề được! Cho nên người ác đã thành người thiện. Sám hối, thực sự cầu sanh Thế giới Cực Lạc, họ đã phát tâm bồ đề rồi. Đương nhiên, nhờ Phật nhiếp thọ, tùy nguyện vãng sanh.

Nên Liên Trì đại sư nói: há không phải cùng hàng với Thánh hiền sao, đồng đẳng cực lạc vậy. Thượng thượng phẩm vãng sanh đến Thế giới Cực Lạc gặp Phật A Di Đà. Hạ hạ phẩm vãng sanh đến Thế giới Cực Lạc cũng gặp Phật A Di Đà. Hơn nữa được bốn nguyện oai thần của Phật A Di Đà gia trì, hạ hạ phẩm và thượng thượng phẩm gần như không có sai biệt gì. Đó là điều không có trong mười phương thế giới.

Từ đó có thể thấy tam bối trong kinh này, và cửu phẩm kinh kia, thật tương phù hợp, không được nghi ngờ. Đoạn này là sợ người nghiên cứu kinh giáo, nhìn thấy Tổ sư đại đức có nhiều cách giảng như vậy sẽ khởi tâm nghi hoặc. Vậy là quý vị sai rồi.

Cho nên Liên Trì đại sư đặc biệt giải thích tường tận về hai cách nói này. Nói cho chúng ta biết nó có mâu thuẫn hay không. Tam bối cửu phẩm đích thực là cùng một sự việc, không cần phải hoài nghi nữa.

Lại nữa Báo Ân Luận viết: “thử kinh thượng bối đương xuất gia”. Chử đương này, thượng bối nói là đương xuất gia. “Trung hạ nhị bối đương tại gia”. Điều này trong kinh vẫn có.

“Nãi tùng kỳ đa số, thô cử đại phạm, cố vân phạm hữu tam bối.”

Quán Kinh “tự thử đại phạm lược khai vi cử. Nhi hựu cực kỳ ưu giáng. Ưu là thượng thượng phẩm, giáng là hạ hạ phẩm”. “Dĩ quát” quát là bao gồm. “vô lượng hành nhân chi bất tề”, “thứ luận cực hảo”. Đây gọi là giảng pháp giảng rất tốt. Bởi vì mỗi người tu nhân không giống nhau. Phía trước nói rất rõ ràng, tín tâm không giống nhau. Có người niềm tin rất sâu sắc, niềm tin kiên định. Có người tin tương đối cạn, sâu cạn không tương đồng. Phát nguyện, nguyện có mạnh yếu khác nhau. Hành, niệm Phật, công phu niệm Phật không giống nhau. Cho nên vãng sanh đến Thế giới Cực Lạc nhân của nhân địa tu hành không đồng. Vì thế thế giới Tây Phương có tứ độ tam bối cửu phẩm. Lý, sự ở trong đó chúng ta đều làm cho rõ ràng, hiểu cho thấu đáo.

Hàng thượng thượng phẩm vãng sanh, vãng sanh trong chốc lát, thấy Phật nghe pháp, liền ngộ vô sanh pháp nhẫn, chốc lát phụng sự chư Phật, lần lượt thọ ký, trở về bốn quốc, đắc vô lượng bách thiên Đà la ni môn, là người cực ưu trong tam bối. Trong Quán Kinh nói như vậy, cực ưu ở trong tam bối. Đây là người gì? Niệm Phật, niệm đến lý nhất tâm bất loạn. Công phu, công phu có ba loại. Sự nhất tâm bất loạn của trung bối, công phu thành phỉn của hạ bối, hạ bối công phu thành phỉn sanh cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Niệm đến sự nhất tâm bất loạn sanh cõi Phương Tiện Hữu Dư. Niệm đến lý nhất tâm bất loạn sanh cõi Thật báo trang nghiêm. Cõi Thật báo, Pháp thân Bồ Tát, đó không phải là người thường. Cho nên cổ đức có cách nói này, sau này chúng ta sẽ niệm đến. Cổ đức cho rằng thượng bối vãng sanh là Bồ Tát tứ địa trở lên. Nhưng Thiện Đạo đại sư nói với chúng ta: tứ độ tam bối cửu phẩm luôn do gặp duyên khác nhau. Lời này nói rất hay. Nói cách khác, y theo cách nói của Thiện Đạo đại sư chúng ta có phần. Chúng ta nếu như thực sự nỗ lực dụng công, đích thực có thể ngay trong đời này sanh về cõi Thật báo trang nghiêm.

Chúng ta trong kinh Đại Thừa hiểu được, thực sự có thể triệt để buông xuống tất cả các pháp thế gian xuất thế gian, nhất tâm chuyên niệm vậy là đến thượng bối rồi. Vấn đề là quý vị có thể buông bỏ hay không.

Trong giáo lý Đại Thừa nói với chúng ta buông bỏ chấp trước, quý vị liền sanh cõi phương tiện. Buông bỏ vọng tưởng chính là buông xuống khởi tâm động niệm, quý vị liền sanh cõi Thật báo trang nghiêm. Chúng ta có thể trong cuộc sống hằng ngày luyện công phu gì? Luyện không khởi tâm động niệm, nhìn cho rõ ràng minh bạch đó là trí tuệ. Như như bất động đó là thiên định. Định huệ tu ở đâu? Tu trong cuộc sống hằng ngày. Thực sự luyện tập, luyện không khởi tâm, không động niệm. Nếu như luyện không phân biệt, không chấp trước, vậy quý vị

vãng sanh là cõi Phương Tiện Hữu Dư. Nếu như vẫn khởi tâm động niệm, vẫn là phân biệt chấp trước, quý vị vãng sanh Thế giới Cực Lạc là cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Chúng ta thực làm, thực sự luyện, chúng ta liền có phần, không cần phải chứng đắc quả vị địa thượng Bồ Tát. Chúng ta thực sự có thể làm liền có thể bình đẳng với họ, cùng tương đồng với họ. Thực sự thượng thượng phẩm vãng sanh, thượng bói thượng phẩm vãng sanh, người này vãng sanh tự tại, họ muốn lúc nào đi thì lúc đó đi.

Thực sự mà nói chúng tôi giảng kinh này giảng nhiều rồi, thực sự có thể tự tại vãng sanh, biết trước giờ đi. Muốn lúc nào đi thì lúc đó đi, thượng phẩm của công phu thành phiền, thượng tam phẩm, cũng chính là ở đoạn này chúng ta nói hạ bói. Hạ bói thượng sanh liền có năng lực này. Liền có thể tự tại vãng sanh, muốn lúc nào đi cũng được. Vì sao vậy? Tôi đối với tất cả pháp thế gian xuất thế gian không chấp trước, tất cả đều buông bỏ, chúng ta đều buông bỏ rồi, A Di Đà Phật có biết hay không? Biết. Tin tức của chúng ta truyền đến nơi Ngài. Tôi nay muốn đi, Ngài liền đến tiếp dẫn. Không có chuyện không được tiếp dẫn. Chúng ta vừa khởi tâm động niệm Ngài hoàn toàn biết được. Từ bi của Phật, hoằng nguyện của Phật, ân đức của Phật đối với chúng ta, chúng ta không biết được, Phật quang soi chiếu chúng ta, chúng ta không có cảm xúc, nguyên nhân là gì? Bản thân chúng ta có nghiệp chướng, nghiệp chướng là gì? Chính là phân biệt chấp trước. Cho nên phân biệt chấp trước nhạt một chút, quang đó chúng ta sẽ có được chút ít cảm xúc. Thực sự buông bỏ được vài phần không cần nói là một trăm phần trăm, buông bỏ mười phần trăm, hai mươi phần trăm, chúng ta và Tây Phương A Di Đà Phật, đường dây nóng này đã nói thông được rồi, tức không còn chướng ngại nữa. Cho nên buông bỏ thực sự là quan trọng!

Tôi bắt đầu học Phật, ngày đầu tiên gặp Chương Gia đại sư, Ngài dạy tôi buông xả, vô cùng quan trọng!

Cho nên đàn chỉ tức sanh, “đàn chỉ” này chỉ cho tốc độ nhanh, đến Thế giới Cực Lạc gặp Phật nghe pháp. Vừa nghe pháp lập tức liền khai ngộ, cũng giống như Huệ Năng đại sư vậy. Trong phương trượng của Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn hòa thượng, nghe Tổ sư giảng Kinh Kim Cang, chưa đến một nửa liền khai ngộ rồi.

“Tu du”, rất nhanh họ liền có khả năng phân thân đi tham bái mười phương vô lượng vô biên Chư Phật Như Lai. Bản thân họ, thân của họ trong giảng đường của Phật A Di Đà không chuyển động, vẫn đang nghe kinh nghe pháp, phân thân đã đến mười phương chư Phật quốc độ. Cúng Phật là tu phước, nghe pháp là tu huệ. Phước huệ song tu, vậy là giỏi quá!

“Thứ đệ thọ ký”, mỗi Đức Phật đều thọ ký cho quý vị. Lúc nào quý vị thành Phật, Phật của quý vị, danh hiệu Phật gọi là gì, quý vị ở thế giới nào, độ những chúng sanh nào, đều nói cho quý vị biết.

“Hoàn chí bốn quốc”, đó là phân thân trở lại. Chân thân của bản thân như như bất động.

“Đắc vô lượng bách thiên đà là ni môn”, đà la ni là tổng trì. Tổng nhất thiết pháp, trì nhất thiết nghĩa. Chúng ta nói là tổng cương lĩnh của tất cả pháp. Tổng cương lĩnh của vô lượng vô biên pháp môn, quý vị toàn bộ đều đạt được.

Cho nên trong tam bối, là tối ưu, là tối cao. Hạ hạ phẩm cho đến người ngũ nghịch thập ác, tướng địa ngục hiện, lâm chung sám hối, mười niệm vãng sanh. Cho đến thấp nhất trong hạ bối cũng vậy, hạ phẩm hạ sanh. Là người nào? Người tạo ác, tạo ngũ nghịch thập ác. Ngũ nghịch là: giết cha, giết mẹ, giết A la hán, làm thân Phật chảy máu, phá hòa hiệp tăng, là năm loại này. Năm loại này là làm ác đến cực điểm, đọa vô gián địa ngục. Trong lúc này họ gặp được thiện hữu, khuyên họ sám hối. Họ thực sự nhận lỗi, tôi sai rồi, thực sự sai rồi, hồi tâm hướng thiện, nguyện cầu sanh Thế giới Cực Lạc, thân cận Phật A Di Đà, cũng có thể được sanh. Đây là nguyện thứ mười tám trong bốn mươi tám nguyện. thực sự không thể nghĩ bàn.

Quán Kinh biết rõ nó tối ưu, nên nói là cực kỳ ưu giáng. Ở đây nêu hai ví dụ, một là thượng phẩm thượng sanh, một là hạ phẩm hạ sanh ngũ nghịch thập ác.

Hai kinh này thoát nhìn dường như không giống, mà thật ra ý nghĩa lại đồng. Đều đến Thế giới Cực Lạc rồi. Ngũ nghịch thập ác chỉ cần lâm chung sám hối vẫn còn kịp.

Dưới đây kinh văn này chính thức giảng tỉ mỉ cho chúng ta. Trong chú giải nói kỹ.

Chúng ta xem kinh văn, xem phần thượng bối trước.

“Vãng sanh thượng bối, xả nhà bỏ dục, mà làm sa môn, phát tâm bồ đề, một lòng chuyên niệm Phật A Di Đà, tu các công đức, nguyện sanh nước kia. Các chúng sanh đó, giờ khắc lâm chung, Phật A Di Đà và chư Thánh chúng, hiện ngay trước mặt, chỉ trong khoảnh khắc, liền theo Phật kia, vãng sanh cực lạc, bèn trong hoa bảy báu, tự nhiên hóa sanh, trí tuệ dũng mãnh, thần thông tự tại. Cho nên A Nan, nếu có chúng sanh, muôn ngàn đời này, gặp Phật A Di Đà, nên phát tâm vô thượng bồ đề, lại phải chuyên niệm Cực Lạc quốc độ, tích tập thiện căn, nên trì hồi hướng. nhờ đó gặp Phật, sanh vào nước kia, được bất thối chuyển, cho đến vô thượng bồ đề.”

Đoạn kinh văn này giới thiệu cho chúng ta thượng phẩm thượng sanh.

Xuống dưới, đây là chú giải của Niệm Lão. Thượng bồi vãng sanh ở trong kinh phải chăng là phàm phu cũng có phần. Cho đến một vấn đề lớn của Tịnh Tông, phàm phu chúng ta có phần hay không. Vấn đề lớn này cổ đức có nói hạnh của Bồ Tát, như nói thượng thượng phẩm phải Bồ Tát từ tứ địa đến thất địa. Thượng trung phẩm thì phải Bồ Tát từ sơ địa đến tứ địa. Ngoài ra có thể suy ra mà biết.

Trung phẩm trung sanh trở xuống mới là chỗ phàm phu có thể đạt đến. Chính là phàm phu cao nhất là trung phẩm trung sanh, trung phẩm thượng sanh trở lên chính là thượng phẩm thượng sanh, thượng phẩm trung sanh, thượng phẩm hạ sanh, trung phẩm thượng sanh. Bốn địa vị này đều là của Bồ Tát, phàm phu không có phần. Cổ đức nói vậy.

Nếu như vậy, tức Di Đà đại nguyện vô thượng, sự vi diệu độc đáo của Tây phương Tịnh Độ, pháp môn niệm Phật dễ thực hành, sự thù thắng của vãng sanh diệu pháp đều thành hí luận, đây là nói đùa thôi. Điều này cần phải giải thích tường tận, phải chăm chỉ học tập. Nếu như vậy, nếu như quả nhiên giống cổ đức nói, bốn địa vị trước của cửu phẩm đều là của Bồ Tát, phàm phu không có phần. Đại nguyện của Phật A Di Đà làm sao có thể gọi là vô thượng? Vi diệu độc đáo của Thế giới Cực Lạc, vi diệu độc đáo cũng không thể xưng tán. Sự dễ thực hành của pháp môn niệm Phật, dễ hành nhưng bốn phẩm trên không thể hành. Sự dễ hành này cũng nói không thông. Sự thù thắng của vãng sanh diệu pháp, tất cả đều là nói chơi cho vui, hí luận chính là nói giỡn cho vui.

Phật A Di Đà có thể nói giỡn với chúng ta không? Phật Thích Ca Mâu Ni có thể nói giỡn với chúng ta không? Không thể. Trong Phật Pháp xưa nay chưa từng có hí luận. Tất cả đệ tử Phật Giáo phải đoạn tuyệt hí luận. Có lý nào bản thân còn nói hí luận? Cho đến dùng diệu pháp Tịnh Tông không thể nghĩ bàn cũng lại trở thành pháp có thể nghĩ bàn vậy. Cách nói này của cổ nhân, vậy là Tịnh Tông không phải là không thể nghĩ bàn, mà có thể nghĩ bàn. Nên đây thật là then chốt của Tịnh Tông.

Phần trước của quyển này giải: hai, trong phần đại cương: “tuy lược luận có một hai chỗ chưa nói rõ ý nghĩa, thử giải tường tận hơn”. Trong phần đại cương đã từng nói qua, chưa nói tường tận. Ở đây chúng ta nên thảo luận rõ ràng vấn đề này.

“Cổ thuyết chi phi”, cổ nhân nói về điều đó nói sai rồi. Ai nói họ giảng sai rồi? Thiệu Đạo đại sư đời nhà Đường.

“Rộng dẫn kinh luận, đả phá cách nói cũ”, Thiện Đạo đại sư người Nhật bản vô cùng sùng bái. Chúng tôi đến Nhật Bản tham quan, phát hiện người Nhật Bản sùng bái Tổ sư của Trung Quốc nhất là Thiện Đạo đại sư, người thứ hai là Trí Giả đại sư. Khắp nơi đều có thể nhìn thấy tượng của hai vị đại sư, có tượng tạc bằng gỗ, có tượng làm bằng đá. Tượng đều được làm rất lớn, rất phổ biến. Tông Tịnh Độ đều rất nhiều chùa đều dùng danh xưng của Thiện Đạo đại sư gọi là Thiện Đạo tự. Quý vị nhìn thấy Thiện Đạo Tự liền biết đó là Tịnh Độ Tông. Tôi từng thỉnh giáo họ, tôi nói: nghe nói Thiện Đạo đại sư là Phật A Di Đà tái lai, quý vị có cách nói này không? Có. Họ đời này qua đời khác tương truyền Thiện Đạo là Phật A Di Đà. Trí Giả đại sư là Phật Thích Ca Mâu Ni, là Phật tái lai.

Trong Tứ Thiếp Sớ do đại sư trước tác nói rằng, Tứ Thiếp Sớ chính là bản do Thiện Đạo đại sư chú giải về Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, do Thiện Đạo đại sư chú giải. Trong đây ngài đã nói, nói rất rõ ràng.

“Hựu khán thử định thiện”, chữ “thử” này chỉ cho Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, “và văn ý trong tam bối thượng hạ, luôn là sau khi Phật nhập diệt, ngũ trược phàm phu do vì ngộ duyên có khác, dẫn đến cửu phàm sai khác.” Điều này nói hay quá! Điều này nói rõ tứ độ tam bối cửu phàm chúng ta có phần, chỉ là do ngộ duyên khác nhau, mới có sai biệt của cửu phàm.

“Thượng phàm tam nhân” chính là thượng bối, trong Kinh Vô Lượng Thọ chúng ta nói thượng bối, là gặp đại phàm phu. Trung phàm tam nhân là gặp tiểu phàm phu. Hạ phàm tam nhân là gặp ác phàm phu. Đại phàm phu, tiểu phàm phu, ác phàm phu này toàn là phàm phu. Đây là người gì? người niệm Phật. Pháp môn này gặp được người niệm Phật này.

Chúng ta tiếp tục xem phần dưới, “dĩ ác nghiệp cố”, đây đặc biệt nói về hạ phàm phàm phu, hạ phàm tam nhân, gặp ác phàm phu, do dùng ác nghiệp, “lâm chung tá thiện”, tá thiện tức nhờ thiện, thừa Phật nguyện lực, vẫn được vãng sanh, đến kia hoa nở, mới bắt đầu phát tâm, làm sao mà nói người ban đầu học đại thừa được. Chư sư xưa nói hạ bối là phàm phu mới học Đại Thừa. Nếu thấy như vậy, tự sai làm người sai theo, nguy hại rất lớn. Cách nhìn này là sai, nếu như cách nhìn như vậy, bản thân quý vị mất đi cơ duyên, hơn nữa quý vị còn làm người khác ngộ nhận.

Trong sớ lại dẫn thập tắc của Quán Kinh để chứng minh cho thuyết này, nay không trích đầy đủ.

Chúng tôi đã tra ra được mười nguyên tắc của Quán Kinh. Tại đây chúng ta phải nỗ lực học tập. Đây là Thiện Đạo đại sư nói. Thiện Đạo đại sư nói trong Tứ Thiếp Sớ.

Thứ nhất, như Quán Kinh nói, trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh nói: Phật bảo Vi Đề - Vi Đề Hi phu nhân, Ta nay vì người rộng nói các ví dụ, tức là ví dụ. Cũng khiến tất cả phàm phu trong tương lai muốn tu tịnh nghiệp, được sanh Tây Phương Cực lạc quốc độ, đó là một chứng minh. Đây là chứng cứ thứ nhất.

Vi Đề Hi phu nhân là phụ nữ phàm phu tại gia, gặp phải biến cố gia đình, điều này trong kinh điển ghi chép rất rõ ràng. Con trai của bà là một thái tử, nghe theo lời Đề Bà Đạt Đa xúi giục, Đề Bà Đạt Đa dạy thái tử, dùng cách nói hiện nay là phát động một cuộc chính biến cướp đoạt chính quyền, bắt phụ thân của mình nhốt vào ngục, bản thân tuyên bố làm quốc vương, hi vọng làm cho phụ thân mình chết đói, nhốt vào trong ngục không cho ông ăn uống. Cũng không cho bất cứ người nào tiếp kiến. Mẫu thân thái tử tức là hoàng hậu, vào nhà giam thăm ông, người giám ngục không thể không cho bà vào, người khác không thể tiếp cận ông, phu nhân có thể tiếp cận ông, phu nhân bôi mật ong lên thân thể, sau khi đi vào để cho quốc vương liếm mật trên người bà, đem vào bằng cách đó. Cho nên quốc vương mỗi ngày có thể duy trì được thân mạng. Sau đó sự việc này bị thái tử biết được, mẫu thân ông ta cũng bị nhốt vào tù, vốn là muốn giết luôn bà, lúc đó mẫu thân ông ta không còn cách gì cả, mới cầu Phật. Bà là hộ pháp của Phật Thích Ca Mâu Ni, cầu Phật đến cứu bà. Bà vừa động niệm, Phật liền biết được, Phật từ không trung giáng xuống, ở trong cung đình thuyết pháp cho bà.

Đây là duyên khởi của Quán Kinh, dạy bà 16 loại pháp quán. Pháp thứ mười sáu chính là pháp môn niệm Phật. Nhất hướng chuyên niệm, cho nên Ngài nói: ta nay vì người rộng nói rất nhiều rất nhiều thí dụ. Cũng khiến cho tất cả phàm phu đời sau muốn tu tịnh nghiệp, được sanh Tây phương Cực lạc quốc độ.

Đây là “tất cả phàm phu” muốn tu tịnh nghiệp. Ở đây chứng minh Tịnh Độ là vì tất cả phàm phu.

Thứ hai, Như Lai ngày nay vì tất cả chúng sanh đời sau bị giặc phiền não làm hại mà nói thanh tịnh nghiệp. Đây là chứng cứ thứ hai.

Quý vị xem xem Tây phương Tịnh Độ là vì tất cả chúng sanh phiền não vô cùng nghiêm trọng. Chúng ta ngày nay đều bị phiền não làm hại, tự tư tự lợi, danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, tham sân si mạn, mỗi chữ đều đầy đủ, chúng ta biết được đây là phiền não, đoạn không được, buông không xuống. Bị phiền não trói buộc, không có năng lực xa rời lục đạo luân hồi. Phật Thích Ca Mâu Ni từ bi, vì

chúng ta đời sau chính là vì chúng ta đời nay, vì tất cả những người phiền não sâu nặng này mà nói pháp thanh tịnh nghiệp.

Ba là, Như Lai ngày nay, dạy Vi Đề Hi và tất cả chúng sanh đời sau quán về Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, đây là chứng cứ thứ ba. Quán là quán tưởng, quán không dùng tâm ý thức, dùng tâm ý thức gọi là tưởng, không dùng tâm ý thức gọi là quán. Dùng chân tâm, không dùng vọng tâm. Nhất tâm cầu nguyện Thế Giới Tây Phương Cực Lạc.

Bốn là, Vi Đề bạch Phật: con nay nhờ Phật lực nên thấy được quốc độ kia, nhìn thấy Thế giới Cực Lạc. Đó là Phật Thích Ca Mâu Ni dùng thần lực hiển hiện Thế Giới Tây Phương Cực Lạc cho bà thấy. Bà nhìn thấy rồi. Nếu như Phật diệt độ rồi chừ chúng sanh xấu ác bất thiện năm khổ bức bách, làm sao thấy được Phật quốc độ kia.

Vi Đề Hi rất may mắn sống cùng thời đại với Phật Thích Ca Mâu Ni, trở thành hộ pháp của Phật Thích Ca Mâu Ni, lúc nguy nan, đây là ranh giới sanh tử, Phật đến giải cứu bà, đến giúp đỡ bà, bà có được may mắn như vậy. Vậy sau khi Phật diệt độ, chúng sanh sau này đặc biệt là hiện nay, xấu ác bất thiện, năm khổ bức bách, đây là nói thời đại chúng ta ngày nay, làm sao thấy được Phật quốc độ kia. “Vân hà”, là làm sao mới có thể thấy được Thế Giới Tây Phương Cực Lạc A Di Đà Phật quốc độ. Đây là chứng cứ thứ tư.

Thứ năm, như nay mới quán, Phật bảo Vi Đề: bà và chúng sanh chuyên niệm như sau đây cho đến tất cả chúng sanh sanh ra đã mù, nếu người có mắt, đều thấy mặt trời đã đến. Đây là chứng cứ thứ năm.

Phật dạy bà quán tưởng, mười sáu loại quán pháp, bất kỳ loại quán pháp nào quán thành công rồi, đều có thể vãng sanh. Phật nói ra mười sáu phương pháp này, niệm Phật có thật tướng niệm Phật, có quán tưởng niệm Phật. Đây thuộc về quán tưởng. Có quán tượng niệm Phật, quán tượng Phật, tạo tượng, có trì danh niệm Phật. Thế Tôn, Tổ sư đại đức cho đến Quan Âm, Thế Chí, đều khuyên chúng ta trì danh niệm Phật. Trì danh là pháp quán thứ mười sáu. Cho nên ở đây nói: Phật bảo Vi Đề Hi phu nhân, bà cho đến chúng sanh chuyên niệm theo đây, cho đến tất cả chúng sanh, có mắt tốt, mà không phải sanh ra đã mù. Sanh ra đã mù là trẻ em mới sinh ra mắt đã bị mù rồi. Đương nhiên nó không biết được mặt trời, chưa từng thấy mặt trời. Vậy không phải sanh ra đã mù, mắt bị mù rồi, nói với họ về mặt trời, họ cũng có ấn tượng, họ còn có thể quán tưởng. Quán tưởng mặt trời lặn, quán tưởng Tây phương, Tây phương ở đâu? Nơi mặt trời xuống núi chính là Tây phương, luôn luôn tưởng, quán tưởng thành công rồi, mặt trời lặn kia liền ở

trong ấn tượng quý vị. Quý vị mở mắt ra nhìn thấy tướng của mặt trời, nhắm mắt lại cũng nhìn thấy tướng mặt trời lặn đó. Vậy là quán tưởng thành công rồi. Thực sự mà nói cũng khó khăn lắm. Mặt trời lặn đó ở ngay trước mắt, đây là tâm có chuyên chú. Chuyên chú nơi Thế Giới Tây Phương Cực Lạc.

Thứ sáu, như trong Địa quán nói: Phật bảo A Nan, người trì Phật ngữ, vì tất cả chúng sanh đời vị lai, muốn thoát khổ não, nên nói pháp quán địa này. Đây là chứng cứ thứ sáu.

Trong những chứng cứ này một điểm quan trọng đều là vì chúng sanh đời vị lai. Nói cách khác, là vì những chúng sanh chúng ta ngày nay. Chúng sanh phiền não, khổ nạn trong lục đạo. Không phải vì Bồ Tát. Thiện Đạo đại sư nêu ra một số ví dụ này cho chúng ta.

Thứ bảy, như trong Hoa tòa quán nói: Vi Đề bạch Phật, Vi Đề Hi phu nhân bạch Phật rằng: con nhờ Phật lực được thấy Phật A Di Đà và hai Bồ Tát, vị lai chúng sanh làm sao mà thấy được. Quý vị xem đều nghĩ đến, nơi nơi đều giảng đến chúng sanh đời vị lai. Chúng sanh vị lai làm sao mới có thể gặp được Phật A Di Đà, gặp được Quan Âm, Thế Chí?

Trong Kinh Lăng Nghiêm Đại Thế Chí Bồ Tát nói với chúng ta: nhớ Phật niệm Phật, hiện tại tương lai, nhất định gặp Phật. Cũng là dạy đại chúng chúng ta, không phải dạy cho Bồ Tát, không phải dạy cho Thanh Văn, Duyên Giác. Đối tượng toàn bộ là chúng sanh trong lục đạo. Chúng ta nếu như tin tưởng như vậy. Đây là chứng cứ thứ bảy.

Thứ tám, “trong thứ hạ đáp thỉnh nói”. Đây là trả lời câu hỏi Vi Đề Hi phu nhân nêu ra. Phật bảo Vi Đề Hi, người và chúng sanh muốn quán Phật kia, nên khởi tưởng niệm. Đây là chứng cứ thứ tám, nói với bà Vi Đề Hi. “Nhữ” là chỉ cho phu nhân, Vi Đề Hi phu nhân và chúng sanh, chúng sanh này là chúng sanh hiện tại, chúng sanh vị lai, đều bao gồm trong đó. Quý vị nên quán Phật kia, quý vị muốn gặp Phật A Di Đà, nên khởi tưởng niệm. Tưởng là nhớ đến Phật, niệm là niệm Phật. Tức là Đại Thế Chí Bồ Tát nói: nhớ Phật niệm Phật, hiện tại vị lai, nhất định gặp Phật.

Trong Kinh giáo Đại Thừa Phật thường thường nói: “tất cả các pháp từ tâm tưởng sanh”, Phật từ đâu mà đến vậy? Phật từ tâm tưởng mà đến. Đạo lý này chúng ta không thể không biết. Vì sao tưởng Phật Phật liền hiện tiền? Tưởng là duyên, Phật là trong tự tánh vốn có đầy đủ. Cho nên tự tánh là nhân, nhân duyên đầy đủ, quả báo liền hiện tiền, quả Phật liền hiện tiền. Tâm tưởng không thể nghĩ bàn.

Đây là chứng cứ thứ tám. Bây giờ thời gian hết rồi, đoạn sau còn hai điều, chúng ta tiết sau học tiếp.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 392

Chuyển ngữ: Trung Tấn

Biên tập: Nguyên Tâm

Thời gian: 03.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang thứ 486, chúng ta bắt đầu xem hàng thứ 6 từ dưới lên, “hựu khán thử Quán Kinh định thiện”, bắt đầu từ câu này. Chúng ta đọc nó một lần, đây là một đoạn.

“Hựu khán thử Quán Kinh định thiện, cập tam bối thượng hạ văn ý, tổng thị Phật khứ thể hậu, ngũ trực phạm phu, dẫn dĩ ngộ duyên hữu dị, chí linh cửu phẩm sai biệt. Hà giả, thượng phẩm tam nhân, thị ngộ đại phạm phu. Trung phẩm tam nhân, thị ngộ tiểu phạm phu. Hạ phẩm tam nhân, thị ngộ ác phạm phu. Dĩ ác nghiệp cố, lâm chung tá thiện, thừa Phật nguyện lực, nãi đắc vãng sanh. Đáo bỉ hoa khai, phương thí phát tâm. Hà đắc ngôn thị thí học đại thừa nhân dã”.

Bên dưới trong dấu ngoặc đơn nói: “Cổ sư vị hạ bối, thị đại thừa thí học phạm phu. Nhược tác thử kiến, tự thất ngộ tha, vi hại tư thâm. Sớ trung phục dẫn Quán Kinh Phật tắc, dĩ chứng kỳ thuyết”. Mười quy tắc này chúng ta đã học tám điều, phía sau còn có hai điều.

Ý nghĩa quan trọng nhất của đoạn này, Thiện Đạo đại nói rõ, tứ độ tam bối cửu phẩm của thế giới Cực Lạc hoàn toàn là vì phạm phu. Nói cách khác, mỗi người chúng ta đều có phần, đây thực sự chẳng thể nghĩ bàn, pháp lớn đốn ngộ viên mãn vô cùng thù thắng. Thượng phẩm tam bối là gặp đại phạm phu, thế nào gọi là đại phạm phu? Người có tâm lượng lớn. Người xưa thường nói lượng lớn phước lớn, đây gọi là đại phạm phu, thời xưa dịch là phạm phu tâm lớn. Khởi tâm động niệm không nghĩ bản thân, thường nghĩ đến người khác, nghĩ thiên hạ đời sau, hạng người này gọi là phạm phu có tâm rộng lớn.

Tiểu phạm phu tâm lượng nhỏ hơn, khởi tâm động niệm đều nghĩ đến bản thân và gia đình. Nghĩ đến bản thân mình, nghĩ đến gia đình mình, nghĩ đến dòng tộc của mình. Tâm lượng không mở rộng, không dùng tâm bình đẳng để nghĩ đến tất cả chúng sanh.

Hạ bối chính là ác phạm phu, khởi tâm động niệm đều tự tư tự lợi, là bất thiện, hạng này là phạm phu. Cũng chính là nói, phạm phu trong sáu nẻo mỗi người đều có duyên, sanh vào ba phẩm thượng trung hạ, đều là tự họ dùng tâm không giống nhau. Những lời này của Thiện Đạo đại sư cũng không phải nói tùy tiện, Kinh Quán Vô Lượng Thọ có thể làm chứng. Ngài ở trong Quán Kinh Sớ đã nói mười điều.

Hôm nay chúng ta xem từ điều thứ 9, giống như lời trong Quán Kinh nói: “Phật cáo Vi Đề, chư Phật Như Lai, nhập nhất thiết chúng sanh tâm tướng trung. Thị cố nữ đẳng tâm tướng Phật thời giả, thị kỳ cửu chứng dã”. Đây là quán tượng niệm Phật, quán tượng niệm Phật, tức là tác một bức tượng Phật A Di Đà, là bức tượng Phật mà quý vị thích nhất, quý vị yêu nhất, một tượng Phật mà quý vị tôn trọng nhất. Quý vị thường nhìn thấy, ấn tượng rất sâu đậm, mỗi ngày nhìn, không rời bức tượng. Cho nên quán tượng niệm Phật không dễ, cần có phước báu rất lớn. Vì sao? Quý vị rất nhàn rỗi, không có công việc, lại có rất nhiều người chăm sóc, hầu hạ, quý vị mới có phước báu lớn như vậy.

Mỗi ngày ở Phật đường nhìn tượng Phật, quý vị rời khỏi Phật đường, thì quán tượng này đã ngừng lại, cho nên nó không bằng quán tượng. Quán tượng là tượng Phật không ở trước mặt, chỉ thường nghĩ đến Phật. Quán tượng, quý vị phải từng phút từng giây nhìn tượng Phật, trong lòng có Phật, rời khỏi tượng thì không còn nữa. Cho nên quán tượng với quán tượng, người thông thường đều kết hợp nó lại, khiến nhớ Phật niệm Phật không đến nỗi gián đoạn.

Điều cuối cùng, “Như cửu phẩm chi trung, nhất nhất thuyết ngôn vi chư chúng sanh giả”. Câu này rất quan trọng, luôn nói rõ Thập Lục Quán đều là vì chúng sanh, không có nói là vì địa thượng Bồ Tát, vì người của tầng lớp tu học chứng quả nào đó. Không nói như vậy, tất cả đều nói là chúng sanh, vì các chúng sanh. Đại sư đưa ra mười chứng cứ này, chứng minh lời này của ngài nói là chính xác vậy. Chính là thượng thượng phẩm quyết định là đại tâm phạm phu_Tâm lượng rộng, tâm từ bi lớn, niệm niệm đều nghĩ đến giúp tất cả chúng sanh khổ nạn.

Tiểu phạm phu tâm lượng nhỏ, cũng bằng lòng giúp đỡ hết thảy chúng sanh, nhưng tâm lượng của họ không có lớn như vậy. Loại thứ ba là tạo tác bất thiện, tự tư tự lợi, cho đến hại người lợi mình, làm những việc này. Gặp được thiện tri

thức, sám hối nghiệp chướng, quay đầu hướng thiện, niệm Phật cũng có thể vãng sanh. Cách nói này rất hay! Điều này đặc biệt nói đến hạ phẩm, nói rất tường tận. Người ở hạ phẩm, hạ phẩm tam nhân là gặp ác phàm phu. “Dĩ ác nghiệp cố, lâm chung tá thiện”. Lúc sắp lâm chung duyên quá thù thắng gặp được thiện tri thức, thiện tri thức khuyên bảo họ. Ở đây có điều kiện: thứ nhất là gặp thiện tri thức. Thứ hai thiện tri thức khuyên bảo, họ có thể lĩnh hội, sau khi lĩnh hội họ chân chính sám hối, biết lỗi lầm trước đây, chân tín, chân phát nguyện cầu sanh tịnh độ, họ cũng có thể được sanh, đây là hạ tam bối.

“Đáo bỉ hoa khai”, đến thế giới Cực Lạc hoa khai thấy Phật, bắt đầu phát tâm, phát tâm bồ đề. Cho nên nói “hà đắc ngôn thị”, phía dưới này có chú giải. Cổ đại đức cho rằng hạ bối là phàm phu mới học đại thừa, vừa mới bắt đầu. Thiện Đạo đại sư nói: Tại sao nói, quý vị tại sao có thể nói họ là người mới học đại thừa? Vậy chúng ta biết người tạo nghiệp ác lúc sắp lâm chung, nghe được thiện hữu khuyên bảo lập tức có thể hồi tâm, không phải không có nguyên nhân, có nguyên nhân. Nguyên nhân là gì? Trong đời quá khứ của họ, đời trước từng học qua đại thừa, từng tu qua tịnh độ.

Trong đời này không có gặp được thiện duyên, chính là nhân duyên không có, họ còn có thiện căn phước báu rất dày đang vùi chôn nơi đó, ác nghiệp của họ đã chướng ngại nó, không khởi hiện hành. Lúc lâm chung gặp được thiện tri thức, duyên này, gặp được nhân duyên, thiện tri thức vừa khuyên, khơi ra thiện căn quá khứ ở trong A Lại Da Thức của họ, không phải không có đạo lí. Cho nên khuyên bảo chúng sanh, họ không tin tưởng cũng không sao cả, chỉ cần họ thấy được tượng Phật nghe được danh hiệu Phật Bồ Tát, cổ đại đức nói: “nhất lịch nhĩ căn, vĩnh vi đạo chủng (một lần nghe được, mãi là giống đạo)”. Đó là cái gì? Đó chính là thiện căn phước đức của họ đã trỗi được. Hiện nay ác nghiệp tập khí rất nặng, nó không thể nảy mầm, không thể sinh trưởng, nhưng hạt giống trỗi rồi, đời này đời sau gặp được thiện duyên thì họ được thành tựu. Đây chính là vì sao tạo hình tượng Phật Bồ Tát, sẽ có phước báu rất lớn.

Âm thanh niệm Phật, niệm Phật lớn tiếng, khiến người xung quanh đều nghe được, họ cũng đã trỗi thiện căn, đạo lí chính là ở nơi đây. Người tu phước, người thấy tượng Phật, người nghe Phật hiệu, phải chăng có thể đạt được lợi ích ngay trong hiện tiền? Phải xem thiện căn của họ, xem phước đức của họ. Nếu như họ vừa nghe được, vừa thấy được, họ thực sự có thể tin tưởng, thực sự có thể phát nguyện muốn cầu sanh về thế giới Cực Lạc. Vậy thiện căn của họ đã được phát hiện, thiện căn phước đức đều hiện ra, đời này họ rất có thể được vãng sanh.

Lời này phải nghe hiểu “rất có thể” không phải là tuyệt đối. Như thế nào mới là tuyệt đối? Tâm đó kiên định, đời này chúng ta không thể không đi, thì họ nhất định đi. Phải quyết tâm như vậy, không thể không đi. Nên biết, tâm của chúng ta vừa động, thì Phật A Di Đà đã biết rồi, chúng ta có quyết tâm như vậy, Phật A Di Đà làm sao có thể không tiếp dẫn? Ngài không tiếp dẫn, vậy nguyện của ngài phát ra, không phải đã không thể thực hiện ư? Thệ nguyện của ngài là tiếp dẫn hết thảy chúng sanh mười phương nguyện sanh tịnh độ.

Chúng ta nguyện thật, thật muốn được sanh ngay trong đời này, thì duyên này đã chín mùi. Nói cách khác, đối với thế giới hiện tiền này của chúng ta chắc chắn không thể có may mắn chấp trước, phải triệt để buông xả. Phàm là người niệm Phật, niệm rất tốt, lâm chung không thể vãng sanh, nguyên nhân là vì sao? Họ chưa đoạn tình chấp, họ còn tham luyến năm dục sáu trần của thế gian này, chưa buông được. Điều này rất phiền phức!

Chúng ta chỉ cần lĩnh lạng để quan sát, người thực sự vãng sanh tuyệt đại đa số là gì? Người nghèo. Họ ở trong xã hội này không có địa vị không có của cải, sống cuộc sống khổ cực. Khổ của thế gian này, khổ của Ta Bà, họ thật sự đã nếm đủ, thật không muốn chịu khổ thêm nữa, họ thật muốn đi, cho nên họ đã đi được, lúc vãng sanh đoạn tướng hy hữu (hiếm có). Người giàu có học Phật, ngược lại lúc đi thật rất khó khăn, chưa hẳn vãng sanh, Vì sao? Tham luyến thế gian này, thế giới này rất tốt, rất hay, còn không nỡ rời xa, đây chính là người giàu không sánh được với người nghèo.

Người nghèo hiện tại khổ, nhưng tương lai được vui, đến thế giới Cực Lạc để được lạc. Người giàu có hiện tại hưởng lạc, tương lai phải xoay vần trong sáu nẻo, không cách gì đến được thế giới Cực Lạc ngay trong đời này, đạo lí này nhất định phải hiểu, điều này chúng ta nhất định phải thận trọng để xử lí. Hay nói cách khác, phải niệm niệm buông xả được. Cuộc sống giàu có hay không không quan trọng, có thì hưởng thụ không nên để ở trong tâm. Để ở trong tâm, có lạc thọ thì hỏng rồi, có camt giác hưởng lạc là sai, vì sao? Quý vị đã tạo nghiệp. Hưởng thọ, biết đây là khổ, đây là không, cũng chính là khổ không vô thường mà trong kinh Phật thường nói. Thấy được tất cả hưởng thọ đều là khổ không vô thường, thì tâm của quý vị đã không nhiễm, đây gọi là chân tu hành. Thật tu không nhất định phải buông xả trên mặt sự, trên sự buông xả là một loại tặng thưởng duyên rất nặng của nghiệp chướng. Giống như Phật Thích Ca Mâu Ni vì chúng ta mà thị hiện, tuyệt đại đa số người giàu không buông được, chính là niềm vui của họ, họ hưởng lạc của lạc thọ, họ cho rằng có khoái lạc.

Phật nói ba cõi đều khổ, tám khổ là khổ khổ, khi hưởng thọ quý vị phải hiểu được hoại khổ. Quý vị không thể hưởng thụ mãi mãi, sẽ có một ngày quý vị phải buông xả, quý vị buông xả thì cảm thấy vô cùng đau khổ. Quý vị bình thường thì hiểu được, kiêu hưởng thọ này là giả vậy, không phải thật. Không để ở trong tâm, thì quý vị không bị ô nhiễm, đây gọi là chân tu hành, đây gọi là chân công phu. Phàm phu bậc cao, đây là chúng sanh của sáu nẻo, họ không cần Phật dạy bảo, họ cũng biết, họ liền giác ngộ, đây là đại phàm phu. Họ hiểu được khổ khổ, hoại khổ, cho nên tâm cảnh của họ thản nhiên vạn duyên buông xả. Từ bỏ cảm thọ khổ lạc ưu hỷ, họ đều tự nhiên, không để điều gì trong tâm, lấy tâm bình đẳng để gánh vác, người tu hành chân chánh!

Biết được thân là gốc của khổ, vì sao tạo nghiệp? Vì cái thân này. Từ xưa đến nay người nào tạo nghiệp không phải vì thân? Cho nên có một loại người thông minh bậc cao, họ không muốn cái thân này nên họ không tạo nghiệp.

Trong sáu nẻo, thiên nhân của Vô Sắc giới, đó là phàm phu bậc cao, họ không cần thân thể Vô Sắc giới. Phật hóa độ chúng sanh chỉ có thể độ được dục giới, sắc giới, vô sắc giới, bên trong không có Phật, vì sao không có Phật? Họ không cần Phật pháp, họ không tiếp nhận Phật pháp, tự cho rằng mình đã thành Phật rồi, đã được đại bác Niết Bàn. Đây là một sai lầm, cho rằng đó chính là cảnh giới Phật, chính là thường tịch quang, sai lầm, nhận thức sai!

Thọ mạng đó thật lâu, trong kinh Phật nói, trời Phi Tướng Phi Phi Tướng thọ mạng tám vạn đại kiếp. Chúng ta nghĩ xem một đại kiếp là thế nào? Là vũ trụ này thành trụ hoại không một lần, vậy vũ trụ này thành trụ hoại không tám vạn lần, như vậy là bao nhiêu năm? Thời gian dài bao nhiêu! Đây là thọ mạng của thiên nhân trời Phi Tướng Phi Phi Tướng, nhưng vẫn có lúc đến, thời khắc đã đến, định công của họ mất đi. Phiền não tập khí trong A Lại Da lại hiện ra, hiện hành thì thế nào? Hiện hành trôi lăn trong luân hồi. Phật dạy đó gọi là hành khổ, hành khổ là cái gì? Không thể duy trì mãi mãi.

Khi thọ mạng chưa đến, họ không cảm nhận được điều gì là khổ. Thật vậy, giống như hỷ lạc thanh tịnh của chư Phật Bồ Tát, nó không phải kích động, nhưng thời khắc đã đến, lúc này họ mới hiểu được, hiểu ra thì đã muộn, không còn kịp nữa. Họ vừa phát giác thọ mạng của họ đã hết, cho nên Phật nói ba cõi, ba loại khổ của dục giới đều phải chịu: khổ khổ, hoại khổ, hành khổ. Sắc giới thiên nhân họ không có khổ khổ, họ có hoại khổ, có hành khổ. Vô Sắc giới thiên nhân không có khổ khổ, không có hoại khổ, họ có hành khổ, chính là họ không giữ được.

Phật nói với chúng ta là lời thật, là chư Phật Như Lai đã thân chứng, đây đều là sự thật, không phải là tỷ lượng, không phải phi lượng, hoàn toàn là cảnh giới hiện lượng.

Đại sư trích dẫn mười điều trong Quán Kinh, chứng minh lĩnh hội của ngài, nhận biết của ngài là chính xác tuyệt đối. Cũng như Phật A Di Đà kiến lập thế giới tây phương Cực Lạc, chính là vì chúng sanh sáu nẻo trong quốc độ của chư Phật, từ bi đến cùng cực.

Cho nên tổng kết sau cùng lại nói: “Đại sư trực thị, Cực Lạc cửu phẩm liên đài, quân thị trước thế phàm phu vãng sanh chi vị”. Tứ độ tam bối cửu phẩm đều là ngũ trước ác thế. Địa vị của những phàm phu này sanh về thế giới tây phương Cực Lạc, địa vị thực sự có cao thấp không giống nhau. Cao thấp không giống nhau như ở trước Thiên Đạo đại sư. Một câu nói nổi tiếng nhất: vì gặp duyên khác nhau, vì thế chín phẩm sai biệt. Vậy chúng ta nghĩ xem chúng ta quá may mắn, duyên chúng ta gặp được quá thù thắng. Minh học và hiểu Phật pháp, từ từ đại tâm phát ra, đây là bản thân của quý vị. Chúng ta gặp được đại thừa, gặp được Tịnh tông, gặp được Vô Lượng Thọ, lại gặp được quyền hội tập của Hạ Liên cư sĩ, gặp được chú giải của Hoàng Niệm Tổ, duyên này quá thù thắng.

Trên trái đất này có mấy người gặp được! Gặp được rồi quý vị tin tưởng, quý vị thật sự phát nguyện vãng sanh, thì quý vị chắc chắn được sanh. Vì chưa đủ trình độ hiểu rõ kinh giáo, địa vị vãng sanh tây phương Cực Lạc tương đối thấp, đạo lý chính là như vậy. Nếu như quý vị đối với kinh giáo thành thực, thông suốt, hiểu rõ, thì địa vị của quý vị sẽ cao. Nếu như không những thông đạt hiểu rõ mà còn thân thể lực hành, chúng ta thật làm, vậy địa vị của quý vị càng cao, quý vị trở thành đại tâm phàm phu. Đại tâm phàm phu tâm lớn, giải lớn, hành lớn, thì họ trở thành thượng bối vãng sanh. Cho nên trong kinh giáo ví dụ: ở thế giới Ta Bà tu hành một ngày, bằng ở thế giới Cực Lạc tu hành một trăm năm. Nói cách khác thế giới Cực Lạc tu hành một trăm năm, không bằng ở thế giới này tu hành một ngày, thế giới này quá hay. Vì sao vậy? Thế giới Cực Lạc nâng cao rất ổn định, thế giới này là cao cao thấp thấp nhấp nhô rất lớn, lên cũng nhanh, té xuống cũng nhanh, là môi trường như vậy. Giống như chèo thuyền vậy, thế giới Cực Lạc là gió yên biển lặng, ở nơi này là sóng lớn, sóng dữ. Quý vị có thể chịu được khảo nghiệm, đến thế giới Cực Lạc nâng cao rất nhanh.

Vậy môi trường của chúng ta chính là khảo nghiệm của chúng ta. Phật Thích Ca Mâu Ni làm tấm gương để chúng ta thấy. Phật Thích Ca Mâu Ni có thể cư trú nơi môi trường rất tốt, cũng có thể cư trú một nơi cả đời không xuống núi, Ngài làm

được, ngài không có thị hiện ra điều này, ngài thị hiện một chàng trai lưu lạc, không ở cố định, ngày ngày chuyển nhà. Thực tại là ngài biểu diễn, dù là biểu diễn một tai họa lớn. Trước đây chúng ta từng chạy nạn, kháng chiến với người Nhật Bản 8 năm, ngày ngày trốn nạn, không ở cố định. 8 năm đã đi mười tỉnh, hoàn toàn đi bộ, không có công cụ giao thông, đi được mấy vạn dặm.

Phật Thích Ca Mâu Ni vì chúng ta mà biểu diễn những điều này, nói cách khác chúng ta tương lai sẽ gặp được khó khăn như vậy, nếu không ngài vì sao trưng bày như vậy? Thói quen cuộc sống của chúng ta, đến lúc đó quý vị một chút khổ đều không cảm nhận được, vì sao? Đây chính là cuộc sống hằng ngày của quý vị, đã quen cuộc sống sung sướng, nên họ cảm thấy đây là cực hình, họ không chịu được. Chúng ta ngày ngày đang chịu, mỗi ngày đang chịu, phải ở trong thói quen mới nuôi dưỡng thành điều gì? Như như bất động, mắt thấy sắc tướng, không bị sắc tướng phá rối, tâm chúng ta đã định, tâm đã thanh tịnh. Dùng phương pháp gì thanh tịnh? Mặc niệm Phật hiệu. Phương pháp này hay, niệm đến lúc có trình độ nhất định thì họ tự nhiên có năng lực, không bị quấy rầy.

Ở trong môi trường bị quấy rối nhưng không bị quấy rối, đây gọi là chân công phu, nhất định phải hiểu: Phạm có hình tướng điều là hư vọng. Nhất định phải có tâm từ bi, lân mẫn những chúng sanh mê hoặc điên đảo tạo nghiệp này. Niệm niệm hi vọng tự chúng ta làm được tấm gương tốt, khiến họ cảm ngộ, giúp họ quay đầu, giúp họ giác ngộ. Tâm này chính là tâm vô thượng bồ đề.

Cái khổ của chúng sanh từ đâu đến? Khổ từ mê hoặc điên đảo, tạo tác nghiệp không thiện. Lạc từ đâu mà đến? Lạc từ giác ngộ, thông đạt hiểu rõ đối với hết thảy chân tướng của pháp. Người mê hoàn toàn vì bản thân, tự tư tự lợi. Ngày nay cái gọi là lấy người làm gốc, thì họ lấy cá nhân họ là gốc. Người giác ngộ, vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng. Người giác ngộ. Ngã tướng tồn tại không? Tồn tại. Nhân tướng cũng tồn tại, chúng sanh tướng cũng tồn tại, thọ giả tướng cũng tồn tại. Tại sao lại nói không? Không chấp trước, biết được những tướng này là huyễn tướng, cái có này là huyễn có, không phải thật có, đương thể tức không liễu bất khả đắc.

Trong Kinh Lăng Nghiêm đức Phật nói: “tức tướng li tướng, li tức đồng thời, li tức bất nhị”, đây là chư Phật Bồ Tát ứng hóa ở thế gian, họ thị hiện cho chúng ta, ở đây làm ra tấm gương tốt nhất cho chúng ta, dạy chúng ta học tập. Khiến chúng ta ở trong tất cả cảnh duyên không sanh phiền não, chỉ sanh trí tuệ. Thuận cảnh thiện duyên sanh trí tuệ, nghịch cảnh ác duyên cũng sanh trí tuệ. Cho nên lúc đó, tâm của quý vị sung mãn từ bi, sung mãn cảm ân, đây chính là chư Phật Như Lai,

chư Phật Như Lai không có lúc nào không cảm ân. Niệm niệm đều trong thế giới cảm ân, niệm niệm trong thế giới hoan hỷ, thế giới hỷ lạc. Độ người là độ mình, lợi người là lợi mình, phụng tiện người khác chính là độ hóa chúng sanh, nhà Phật nói phụng tiện thiện Xảo.

Tứ đức của Hoàn Nguyên Quán: cái thứ nhất nói: “tùy duyên diệu dụng”, tùy duyên diệu dụng chính là phụng tiện thiện Xảo. Phụng tiện là tùy duyên, thiện Xảo là diệu dụng. Vì sao? Nâng cao chính mình cũng là nâng cao người khác, đây gọi là thiện xảo.

“Duy nhân thế gian ngộ duyên, hữu đại thừa tiêu thừa chi sai dị. Cố vãng sanh hậu, hữu thượng bối trung bối chi bất đồng. Tịnh tông nãi tối cực viên đốn chi giáo, đại căn đại khí chi phàm phu, nhược năng tín thọ, viên giải viên tu. Tắc dữ thường nhân nhật kiếp tương bội”.

Cái gì là nhật kiếp tương bội? Người căn cơ tròn đầy tu một ngày bằng với người bình thường tu một kiếp, không thể so sánh! Vì sao vậy? người bình thường nghiệp chướng nặng nề, phiền não tập khí sâu dày, so đo tính toán từng chút. Đến đời nào quý vị mới có thể được tâm thanh tịnh bình đẳng? Lời nói này là đúng vậy. Công phu tu hành là gì? Ngay trên đề kinh, quý vị đã được thanh tịnh chăng? Đạt được thanh tịnh thì quý vị là A La Hán, ở Hoa Nghiêm thì quý vị là Bồ Tát thập tín vị. Đạt được tâm bình đẳng quý vị đã lên cao, quý vị là Phật Bồ Tát ở trong thập tín. Đạt được Giác vậy quý vị vượt qua mười pháp giới, quý vị là pháp thân đại sĩ trong cõi thật báo, cái này cao hơn cái kia. Viên nhân trong thời gian một đời ngắn ngủi, đã có thể đưa mình từ phẩm vị thấp nhất nâng lên đến phẩm vị cao nhất, đây là đại căn đại khí.

Trước tiên phải học Chữ “Đại”, đại là cái gì? Đại có thể bao dung, có thể bao có thể dung gọi là đại, tâm ôm trọn cả hư không pháp giới, không có gì không thể bao dung. Trên có thể bao dung chư Phật Như Lai, dưới có thể bao dung ác đạo chúng sanh. Đối đãi bình đẳng, không có phân biệt, không có chấp trước. Người tu hành như vậy, thì người tu hành có phân biệt, có chấp trước đó không thể sánh được. Người như vậy tu hành một ngày, bằng với người có phân biệt có chấp trước tu một kiếp. Cho nên vì sao mọi nơi trong kinh điển, đều khuyên chúng ta phát tâm đại bồ đề, đạo lý là ở nơi này. Quý vị vừa phát tâm đại bồ đề, quý vị tu một ngày người khác tu một kiếp. Quý vị tu mấy mươi năm thực sự dùng tịnh độ để nói: từ hạ hạ phẩm quý vị tu đến thượng thượng phẩm, không phải việc khó, thật là gặp duyên không giống nhau. Quý vị làm rõ đạo lý, làm rõ phương pháp rồi, đâu có không thành công được!

Không thể rời kinh giáo, dù một ngày, “Nhất nhật bạo chi, thập nhật hàn chi” (một ngày nóng nãy, 10 năm lạnh lẽo), đây là tiểu phạm phu. Tiểu phạm phu trở thành đại phạm phu, bí quyết ở đây chính là không rời kinh giáo, chúng ta nghe hằng ngày, học hằng ngày, không phải ở chỗ học nhiều. Một bộ kinh cũng được, học đi học lại, người xưa nói: “đọc sách ngàn lần, nghĩa nó tự thấy (độc thư thiên biến, kỳ nghĩa tự kiến)”. Chúng ta thấy từ xưa đến nay những người có thành tựu, bí quyết của họ chính là thật thà, nghe lời, thật làm.

Thông thường nói đến mười năm, người xưa Trung Quốc thường nói: “mười năm dong đèn, một lúc thành danh (thập tải hàn song, nhất cử thành danh)”. Căn tánh của người bình thường, phải ba bốn năm mới được định, tâm thanh tịnh đã đạt được rồi. Công phu ba bốn năm có thể không bị ngoại cảnh bên ngoài cảm nhiễm, đây là đặc định. Định ba bốn năm đã khai ngộ rồi, mặc dù không thể như Phật Thích Ca Mâu Ni, như Lục Tổ Huệ Năng đại triệt đại ngộ. Quý vị đạt được đại ngộ là điều có thể, đó không phải là tiểu ngộ, đại ngộ, không phải triệt ngộ, đại ngộ. Đại ngộ là cảnh giới nào? Đại ngộ là cảnh giới của Phật Bồ Tát trong mười pháp giới, triệt ngộ là cảnh giới của pháp thân đại sĩ.

Quý vị thấy có thể mang chúng ta từ địa vị phạm phu sáu nẻo, nâng lên đến trong mười pháp giới địa vị của chư Phật Bồ Tát. Chúng ta trong một đời có thể làm được, vấn đề chính là sợ quý vị không dám làm. Bắt đầu làm từ đâu? Bắt đầu từ tin thật, chúng ta đối với kinh giáo chân tín, không một chút hoài nghi, người khác nói là mê tín, là giả. Họ nói là việc của họ chúng ta làm là việc của chúng ta, chúng ta tuyệt đối không nên bị họ làm dao động, lúc tôi mới học là như vậy. Lúc đó, ở Đài Loan tôi có không ít thầy giáo, trong các thầy giáo chỉ có Châu Bang Đạo, hiệu trưởng của chúng tôi. Ông học Phật, ông hiểu được, ông không bị chướng ngại, ông khích lệ tôi. Các thầy giáo khác đều nói, Phật học có thể học, không nên quá mê, cho rằng tôi học hơi quá đáng, quá mê rồi. Cấp trên, đồng nghiệp, bằng hữu đều nói tôi mê, mê quá chừng rồi, tại sao xuất gia đi làm hòa thượng?

Đều cho rằng tôi chọn sai con đường rồi, chỉ có Phương Đông Mỹ tiên sinh với Châu Bang Đạo. Thầy Phương vừa thấy tôi xuống tóc đến thăm ông. Hả! “em làm thật à?”. Tôi nói đúng vậy, chính thầy nói, hưởng thọ cao nhất của nhân sinh, “đúng, em đi rất đúng!”. Người khác không phải nghĩ như vậy, lại chính là Châu Bang Đạo_ thầy Châu, vì ông cũng là học Phật với thầy Lý. Chúng tôi học Phật cùng một thầy giáo, ông nhìn thấy rất hoan hỷ, ngoài ra đều nói tôi làm sai.

Nhưng qua ba bốn mươi năm, những bằng hữu xưa này đều đã già, đã về hưu, sau khi về hưu gặp tôi “ông chọn đúng rồi!”. Thừa nhận tự chính họ đã sai, tôi đã đi đúng. Luôn ở trong kinh điển, không một ngày rời bỏ, vì kinh điển là bảo vật! Đây gọi là pháp bảo, danh phù hợp với thực chất, ai biết điều này? Không biết.

Lúc đó tôi học Phật, pháp bảo này thật sự gọi là bảo, vì sao vậy? Quá hy hữu. Bên ngoài không mua được, chỉ có trong tàng kinh các của tự viện có một số, chủng loại cũng không nhiều, số lượng rất ít. Cho nên chúng tôi năm đó học những kinh giáo này, lợi dụng tuần nghỉ lễ đến tự viện để chép kinh. Từ sáng sớm chép đến chiều tối, chép một ngày đại khái có thể chép tám nghìn chữ. Nếu như quý vị không dám dùng thời gian một ngày thì quý vị không đạt được, ngày nay thuật in ấn quá phát triển, giá thành rất thấp. Người bình thường có thể mua một bộ Đại Tạng Kinh để ở trong nhà, trước đây việc đó ai dám nghĩ!

Tỉnh An Huy của chúng tôi, cả tỉnh có mấy bộ Tạng Kinh? Hai bộ rưỡi, hai bộ hoàn chỉnh, có một bộ thiếu sót không đủ. Thật khó được! một số tự viện không có Tạng Kinh. Ngày nay trong nhà mỗi người chúng ta đều có thể có một bộ Tạng Kinh, cái này người xưa không dám nghĩ đến. Có rồi thì nên đọc, ngày nay không những có thể có một bộ Tạng Kinh, còn có thể có một bộ Tứ Khố Toàn Thư, quả thật nhân duyên thù thắng!

Trước đây làm hoàng đế mới được, mới có một bộ như vậy, Tứ Khố Toàn Thư năm đó sau khi biên thành tổng cộng chỉ có bảy bộ, Hội Yếu chỉ có hai bộ. Hội Yếu người khác không xem được, hai bộ đều là của hoàng thượng xem, một bộ là ở thư phòng của hoàng thượng_Si Tảo đường là thư phòng của hoàng thượng. Còn một bộ khác để ở vườn Viên Minh, biệt thự của ông, người bình thường không xem được. Bảy bộ Tứ Khố đặt ở bảy nơi, đặt ở bảy trọng điểm văn hóa của thành phố trên toàn quốc. Tất cả người đọc sách trong thiên hạ đều muốn đến những nơi này để chép, sách không mượn ra ngoài được nên phải đến đó chép. Quý vị thấy trước đây đọc sách rất cực khổ, rất khó khăn! Đối với sách tịch, Họ trân quý, giữ gìn, họ đạt được quá khó. Ngày nay có được quá dễ dàng, muốn sách gì viết bức thư gửi cho tôi thì liền có, sao lại có việc dễ như vậy! Cho nên họ có được rồi không trân trọng, vì sao? Có được quá dễ.

Chúng tôi năm đó đối với Tứ Khố Toàn Thư đã nghĩ cả đời, không dám nghĩ chúng tôi sẽ có được, không dám nghĩ đến. Lúc được Tứ Khố Toàn Thư, thật là vui mừng khôn xiết, sau này tôi đến Úc châu, có một vị đồng tu, ông muốn cúng dường tôi một số tiền, lúc đó tiền Đài Loan hình như là hơn một trăm vạn. Đúng lúc nhà in ấn Thương Vụ lần đầu in Tứ Khố Toàn Thư, hình như một bộ là một

trăm sáu mươi mấy vạn. Tôi nói với họ: các ông có thể tặng cho tôi một bộ Tứ Khố Toàn Thư cho chẳng, ông rất hoan hỷ. Nhưng sau mấy lần đi giao thiệp mới biết chỉ còn lại một bộ cuối cùng, mà bộ này bị người Nhật Bản đặt rồi, đặt rồi nhưng chưa trả tiền. Cho nên tiệm sách thông báo cho người Nhật Bản nói chúng tôi cần, để họ nhanh chóng đưa tiền, họ không đưa được tiền, nhưng người này rất lợi hại.

Ông nói bộ sách này họ nhường cho chúng tôi, chúng tôi phải đưa một số tiền cho ông ta, phải đưa cho ông ta 12 vạn, tiền Đài Loan, 12 vạn. Kết quả cũng rất hiếm có, vị đồng tu này cũng đã cho ông ta rồi, cho nên bộ sách này mua được khoảng chừng hai trăm vạn. Bộ sách này ngày nay để ở Tịnh Tông Học Viện Úc Châu, thực sự không dễ dàng! Sách này để ở nơi đó, có một số người ở đó nghiên cứu, học tập, làm tài liệu tham khảo. Nếu như sách này để ở trong nhà làm đồ trang trí, làm tô điểm thêm, cúng dường sâu một, sách để lâu thì bên trong sinh sâu một, cúng dường sâu một. Như vậy thì đã tạo nghiệp, như vậy thì đã sai. Nếu như không có người đọc, thì nên tặng cho thư viện đại học, đại học học văn học, học văn sử, họ cần cái này làm tư liệu tham khảo.

Trường học học sinh nhiều, trường học nhất định có sách này, nhưng một hai bộ quá ít. Thư viện cất thư không sợ nhiều, tốt nhất mỗi loại ít nhất đều phải có 10 bộ, vì sao? Nhiều người muốn mượn như vậy, mới có thể quay vòng qua lại. Cho nên chúng tôi hy vọng cúng dường thư viện đại học, để bộ kinh thư này thường có người đọc có người đi sưu tập nhưng tài liệu này. Không thể cô phụ nó, như vậy thì tốt.

Kinh Phật những năm trở lại đây chúng ta toàn lực đề xướng, đề xướng này là Ấn Quang đại sư dẫn đầu. Chúng ta tỉ mỉ quan sát vị tổ sư này, suốt đời ngài mười phương cúng dường chỉ làm một việc, ấn kinh bố thí. Năm đó thỉnh thoảng cũng có tai nạn, hạn hán thủy tai không thường có. Thỉnh thoảng có tai nạn, lão pháp sư nghe được cũng rất quan tâm, cũng đưa tay cứu trợ. Từ trong khoản tiền ấn kinh lấy một ít tiền để cứu nạn, nói rõ lão hòa thượng cả đời lấy ấn kinh bố thí pháp bảo làm chủ, cả đời làm việc này.

Vào năm 1977, lần đầu tiên tôi đến HongKong giảng kinh đã phát hiện, tôi giảng kinh ở thư viện Phật giáo Trung Hoa phố Cửu Long giới hạn, do Đàm Hư pháp sư xây dựng, đạo tràng nhỏ, không lớn. Bên trong tàng thư, đối với hoằng hóa xã chính là hoằng hóa xã của Ấn Quang đại sư. Những kinh luận, thiện thư in ấn cất giữ rất nhiều. Ấn Quang đại sư cách chúng ta gần nhất, tôi có cơ hội ở đó xem rất nhiều thứ, những sách lưu thông của Ấn Tổ.

Tôi xem sách thích xem trang bản quyền, Sách cầm đến tay đầu tiên tôi liền giở trang bản quyền. Nếu như trên trang bản quyền ghi: có bản quyền, in ấn sẽ bị truy cứu, tôi sẽ không xem bộ sách này. Có rất nhiều người hỏi tôi tại vì sao? Tôi nói người này tâm lượng quá nhỏ, tự tư tự lợi, tâm lượng nhỏ, tự tư tự lợi không có trí tuệ. Thứ họ nói cũng chẳng phải cao minh, không nên lãng phí thời gian của chúng ta, tiểu phạm phu, họ không phải là đại phạm phu. Đại phạm phu nhất định phía sau là: “hoan nghênh phiên ấn, công đức vô lượng”, đó là đại phạm phu, tâm lượng lớn.

Tôi vừa xem trang sau của Ân Quang đại sư, quá hay. Không những là “hoan nghênh phiên ấn, công đức vô lượng”, mà còn thấy được ba loại sách, số lượng in ấn kinh người, xếp thành chi chít. Bản thứ nhất, bản thứ hai, bản thứ ba, bản thứ tư, xếp đến hơn hai mươi bản. Số lượng ít nhất của mỗi bản là 5 vạn quyển, 6 vạn quyển, 8 vạn quyển, 10 vạn quyển in như thế, sách gì? Liễu Phạm Tứ Huấn, Thái Thượng Cảm Ứng Thiên Vọng Biên, An Sĩ Toàn Thư, ba loại sách này. Tôi cảm thấy rất kì lạ, lão hòa thượng vì sao in nhiều như vậy? Lại thấy ngài đề xưng in ấn kinh sách, một nghìn quyển, hai nghìn quyển, ba nghìn quyển, đây khó mà so được. Tôi thấy được sự việc đó, đã nghĩ hơn hai tuần lễ, để ở trong đầu, vì sao lão hòa thượng làm như vậy? Bây giờ không cần nói rồi, bây giờ hoàn toàn đã biết, giáo dục nhân quả có thể cứu thế giới. Giảng Phật giảng Nho khuyên người hành thiện, người ta chưa hẳn đã nghe hiểu được. Nhưng thiện có thiện báo, ác có ác báo, quý vị nghe được không thể không sợ, giáo dục nhân quả.

Đặc biệt là quý vị thấy ngày nay bao nhiêu người trẻ tuổi, người trung niên muốn thay đổi vận mạng. Ba loại sách này chính là thay đổi vận mạng, tôi khái lược dự tính một chút ba loại sách này, lão pháp sư đại khái đã in trên ba trăm vạn quyển, ở thời đại của ngài như vậy thì quả là đáng nể! Ba trăm vạn quyển, thật khiếp người.

Điều này làm cho tôi chú ý, cho nên lúc đó chúng tôi giảng kinh xong trở về Đài Loan, thì tôi mang ba loại sách này in ấn ở Đài Loan, mỗi loại in năm vạn quyển. Đây là chúng tôi lần đầu in sách số lượng trên vạn quyển, còn lão hòa thượng đã thấy được xã hội trước mắt. Lúc đó đã đang làm công việc dự phòng, chúng ta có thể lĩnh hội được, có thể phát hiện được, tiếp tục làm. Lão hòa thượng đi rồi, chúng ta làm theo, đây mới là học trò của lão hòa thượng. Cho nên Liễu Phạm Tứ Huấn tôi xem hơn ba mươi lần. Chu Kính Trụ lão cư sĩ giới thiệu cho tôi đọc, lúc đó còn chưa học Phật. Chỉ là đã biết tiếp nhận giáo huấn của Phương Đông Mỹ tiên sinh, biết thứ này là học vấn lớn, là triết học cao cấp, ở cùng với người già,

tốt! Khẳng định được ưu điểm, người già có trí tuệ, kinh nghiệm phong phú, rất nhiều câu chuyện, với người già ngày ngày nghe họ kể chuyện, hoàn toàn giảng cả đời của họ gặp phải, ví dụ rõ ràng, tuyệt đối không phải là giả.

Bảo với chúng ta luân hồi có thật báo ứng có thật, con người không có sanh tử, thân thể chết rồi linh hồn vẫn còn. Linh hồn vẫn rất sinh động, đây đều là người già tự thân họ trải qua. Chúng ta thường ở cùng nhau, họ thật là kể không hết chuyện, rất sinh động, quý vị tiếp xúc với họ không thể không tin, tiếp xúc được đại thừa kinh giáo, muôn nẻo cũng không thể.

Lúc tôi mới xuất gia, cũng có một số người cúng dường cho tôi, tôi đều không cần, tôi nói quý vị mua sách tặng cho tôi, đến nơi nào để mua, tôi nói với họ ở nơi nào có. Quý vị mua sách tặng cho tôi, tôi hoan hỷ, tôi không cần tiền, cho nên sách tôi thu thập được rất nhiều, ngày ngày không rời kinh giáo. Lúc đó không hiểu chuyên sâu một môn, huân tu lâu dài, không hiểu đạo lý này. Cho nên tôi vẫn đi con đường của người bình thường, học rộng nghe nhiều, được lợi ích không nhiều. Lợi ích gì? Phật học thường thức phong phú, xem rất nhiều, nhớ rất nhiều, học kiểu ghi hỏi.

Không có được tam muội, không có khai ngộ, đây là tổn thất thực sự. Lúc đó không ai bảo với tôi, tôi rất nghe lời, thật có người bảo với tôi một môn chuyên sâu, thì tôi làm thật. Tôi học Phật năm thứ năm mới quen thầy Lý, học giáo lý với thầy Lý ông không hạn chế nghiêm khắc. Nhưng ông chỉ hạn chế quý vị chỉ có thể học một loại, không thể cùng lúc học hai loại, cùng lúc muốn học hai môn công phu ông không dạy, ông chỉ dạy quý vị một loại, một loại học xong, có thể học thêm loại thứ hai. Ông dùng phương pháp này, chúng tôi ở đó đã nếm được mùi vị của phương pháp này, cảm thấy rất có đạo lý, vì sao? Quý vị đang trong thời gian học tập, đại khái thời gian là một hai tháng. Một hai tháng toàn bộ tinh thần, ý chí, thời gian của quý vị, toàn bộ tập trung ở một điểm, hiệu quả rất tốt.

Thầy giáo dùng cách dạy học của tư thực thời xưa, chúng tôi nếm được mùi vị này. Lúc nhỏ tuy từng học tư thực, ấn tượng đã không còn, lúc đó tuổi còn quá nhỏ, tôi hình như là sáu bảy tuổi đi tư thực, nên ấn tượng rất mơ hồ. Học kinh giáo với thầy Lý ấn tượng này còn rất sâu sắc, tôi mới biết, một môn chuyên sâu, huân tu lâu dài, là có thể khai mở trí tuệ, có thể đại triệt đại ngộ. Sau khi ngộ lại tiếp tục nghiên cứu nhiều, lại tiếp tục học rộng nghe nhiều sẽ rất dễ.

Giống như Long Thọ Bồ Tát sau khi đại triệt đại ngộ, mới đọc kinh điển của Phật Thích Ca Mâu Ni lưu lại, tất cả các kinh. Ngài chỉ dùng thời gian ba tháng đọc xong toàn bộ, quả thật rất thù thắng! Phải chăng như chúng ta một quyển sách từ

đầu đến cuối? Ngài không phải vậy, ngài chỉ cần giờ mấy trang, sách này thì đã hiểu hết, cái này thật lợi hại.

Giống như những gì trong Đàn Kinh nói: Pháp Đạt thiền sư đến Tào Khê thỉnh giáo Lục Tổ, ngài chuyên đọc Kinh Pháp Hoa, thật là một môn chuyên sâu, huân tu lâu dài. Ngài nói với Lục Tổ, ngài đọc Kinh Pháp Hoa khoảng hơn ba nghìn lần, Kinh Pháp Hoa rất dài. Chúng ta biết, nhiều nhất một ngày đọc một biến, hơn ba nghìn lần phải 10 năm, mười năm công phu. Lục Tổ hỏi ngài tông chỉ Kinh Pháp Hoa, ngài nói không được, ông thỉnh giáo Lục Tổ. Lục Tổ nói bộ kinh này tôi chưa từng nghe qua, ngài không biết chữ, đương nhiên không thể đọc sách, chưa nghe qua, ông đã đọc thuộc như vậy rồi thì đọc cho ta nghe xem.

Kinh Pháp Hoa 28 phẩm, ông đọc đến phẩm thứ hai. Lục Tổ nói, không cần đọc nữa, ta đã hiểu hết, liền đem đại ý của Kinh Pháp Hoa nói cho ông nghe, ông đã khai ngộ. Cho nên quý vị hiểu được sau khi thực sự khai ngộ, đọc kinh đọc vài chương là được, kinh này ý gì hoàn toàn hiểu được, đâu cần rắc rối như vậy! Cho nên một bộ Đại Tạng Kinh ba tháng đã thông hết, vậy quý vị lúc chưa khai ngộ, quý vị ba tháng một bộ kinh cũng không thể thông được, đừng nói là toàn bộ Đại Tạng Kinh, một bộ cũng không thông được.

Phương pháp của người xưa hay, phương pháp bây giờ đã hại bao nhiêu người, bao nhiêu người lấy phương pháp dạy học hiện đại này, làm bế tắc cửa ngộ của mình. Đều dựa vào cái gì? Ghi nhớ, nghe nhiều nhớ nhiều. Ghi nhớ không được, là hữu hạn, trí tuệ thông đạt đó là không có hạn lượng, vô hạn. Người thời nay xem thường người xưa, tự mình hại mình. Nếu quý vị có thể tôn trọng người xưa, nương vào phương pháp của người xưa để học. Thì thế giới ngày nay, bao nhiêu thánh hiền quân tử, bao nhiêu người khai ngộ. Người khai ngộ nhiều, thánh hiền quân tử nhiều. Thế giới này ổn định lâu dài, người người đều hưởng phúc, hạnh phúc mỹ mãn.

Nhưng thế giới ngày nay thánh hiền quân tử không còn, chúng ta đến sau 70 tuổi, mới hoàn toàn hiểu được đạo lý này, đều không còn hoài nghi, hoàn toàn tiếp nhận. Nhưng tự mình học thì quá muộn rồi, thời gian đã qua rồi, cho nên hôm nay chúng ta một môn chuyên sâu, một môn nào? Kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta huân tu lâu dài một bộ kinh này, mỗi ngày đọc tụng, mỗi ngày cùng chia sẻ với bạn cùng học, chư vị đồng học có duyên với chúng ta. Một ngày đọc kinh bốn giờ đồng hồ, chia sẻ bốn giờ đồng hồ, an lạc vô cùng! Thật là pháp hỷ sung mãn, Khổng Tử nói: “học và thường ôn tập, chẳng phải tốt sao (học nhi thời tập chi, bất diệc thuyết hồ)”, thường sinh tâm hoan hỷ.

Nếu như không phải thời gian dài huân tu như vậy, quý vị cái gì cũng đều không đạt được, cái gì là quý báu, điều này mới thật là quý báu. Cái gì là nhân sinh? An lạc là nhân sinh, quý vị sống không an lạc, sống như chịu tội, đáng thương làm sao, phải sống thật an lạc! Thật an lạc là cái gì? Cùng với Phật Bồ Tát, ngày ngày sống cùng với Phật Bồ Tát, ngày ngày sống cùng các bậc cổ thánh tiên hiền, cuộc sống này thật an lạc.

Hai câu cuối cùng: “Cố năng nhất sanh công viên, kính đấng thượng phẩm dã”. Chính là động viên hàng phàm phu chúng ta, quan sát tường tận trong kinh, toàn là vì phàm phu sáu nẻo, không phải vì những thánh nhân chứng quả, không phải vậy. Cho nên chúng ta nếu như có thể thật tin tưởng, có thể tiếp nhận, có thể viên giải, có thể viên tu, chúng ta trong đời này có thể chứng được thượng phẩm thượng sanh.

Bây giờ kinh này, kiêm nhật dư luận, chứng minh tam bối vãng sanh, thật vì phàm phu, cùng với thánh nhân. Chư A La Hán này, chư Vị Bồ Tát này là phụ, chủ yếu là đối với phàm phu.

Trong kinh “phẩm tất thành chánh giác”, ở đây có hai bài kệ, chúng ta xem hai bài kệ này: “Linh bỉ chư quần sanh, trường dạ vô ưu não, xuất sanh chúng thiện căn, thành tựu bồ đề quả”, đây là bài thứ nhất. “Linh bỉ” này thực tại nói, chuyên môn vì_Vì ai? Vì chúng sanh sáu nẻo trong cõi nước chư Phật, làm sao biết được là sáu nẻo? Vì bên dưới có “trường dạ”. Trường dạ là vô minh, chúng sanh sáu nẻo vô minh phiền não rất sâu nặng, Phải nương vào đại từ đại bi của Phật A Di Đà vì giúp đỡ những chúng sanh này. Ở trong sáu nẻo luân hồi ít ưu ít sầu, giúp đỡ chúng ta hóa giải phiền não.

“Xuất sanh thiện căn, thành tựu bồ đề”. Thiện căn chính là có năng lực nhận thức chánh pháp, biết giá trị của nó, quý vị tin nó, quý vị thật sự muốn học tập, đây chính là thiện căn. Siêng năng học tập chắc chắn đắc quả, quả này là khai ngộ, bồ đề chính là khai ngộ.

“Ta nếu thành chánh giác, lấy tên vô lượng thọ, chúng sanh nghe danh này, đều đến cõi nước ta, như Phật kim sắc thân, diệu tướng đều viên mãn (ngã nhược thành chánh giác, lập danh vô lượng thọ, chúng sanh văn thử hiệu, cụ lai ngã sát trung, như Phật kim sắc thân, diệu tướng tất viên mãn)”, quý vị xem quả thật rất vi diệu!

Ngã là Phật A Di Đà tự xưng, đây là Phật A Di Đà nói lúc ở nhân địa, khi ngài chưa thành Phật. Nếu như có một ngày ta thành Phật, danh hiệu của ta là Vô Lượng Thọ, chính là A Di Đà, A Di Đà Phật. Chúng sanh nghe danh hiệu này,

đều đến cõi nước ta. Nghe đến danh hiệu của Phật A Di Đà, biết được có thế giới Cực Lạc, gặp được Kinh Vô Lượng Thọ, gặp được Kinh A Di Đà, gặp được Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, gặp những kinh điển này.

Những kinh điển này giới thiệu về thế giới tây phương Cực Lạc. Nhận thức, hiểu rõ, khẳng định đối với thế giới tây phương. Thật sự phát tâm cầu sanh thế giới Cực Lạc, đều được đi. Phật A Di Đà đến tiếp dẫn, khi đến thế giới Cực Lạc như kim sắc thân của Phật. Quý vị thị hiện thân tướng ở thế giới Cực Lạc, hoàn toàn giống như A Di Đà Phật. Ở đây không nói rõ, như kim sắc thân của Phật, diệu tướng đều viên mãn, là Bồ Tát của phẩm nào, hoặc là thượng bồi thượng sanh, họ không nói như vậy. Không nói như vậy, từ thượng thượng phẩm đến hạ hạ phẩm tất cả đều như vậy.

Diệu tướng là tướng tốt, người thế gian chúng ta nói 32 tướng tốt 80 vẻ đẹp. Trong Kinh Quán Vô Lượng thọ cũng đã nói chữ số, thân có tám vạn bốn nghìn tướng, mỗi mỗi tướng có tám vạn bốn nghìn vẻ đẹp, không phải là 32 tướng tốt 80 vẻ đẹp. Chúng ta không cách nào tưởng tượng, quả thật gọi là không thể nghĩ bàn.

Bên dưới rất đơn giản chính là giải thích của Niệm Lão: “bốn câu đầu nói rõ lí do của đại nguyện”. A Di Đà Phật vì sao phải phát 48 lời nguyện, điểm này chúng ta phải làm cho rõ ràng. Là thấy chúng sanh sáu nẻo quá đau khổ, lạc mất tự tánh, tạo nghiệp chịu quả báo, họ quá đáng thương. A Di Đà Phật có trí tuệ, có năng lực giúp họ, cho nên ngài phát tâm, phát tâm này chính là 48 nguyện, nguyện nguyện đều là vì chúng sanh sáu nẻo. Chúng sanh sanh ra thiện căn là nguyên nhân của vãng sanh, đầy đủ điều kiện vãng sanh. Như kim sắc thân của Phật, diệu tướng đều viên mãn, chính là thành tựu bồ đề quả, đã đến thế giới Cực Lạc để làm Phật!

Nên ở sau chú giải của Hoàng Niệm Tổ, bốn câu đầu nói rõ lí do của đại nguyện, nguyên nhân của 48 lời nguyện. Vì sao phát 48 lời nguyện? Thật là ưu sầu phiền não suốt đêm dài tăm tối. “Đãi sanh thiện căn chi cụ phược phàm phu dã”, phàm phu cũng muốn có trí tuệ, cũng muốn có thiện căn, không biết trí tuệ và thiện căn từ đâu đến, muốn cầu cầu không được. Nhưng trong tâm của chúng sanh có ý nghĩ này thì Phật biết. Ngài sẽ giúp đỡ họ, giúp đỡ những chúng sanh sáu nẻo của ba đời mười phương trong biến pháp giới lia đau khổ, rời các sầu bi khổ não. Đây là lia khổ, tâm có sầu bi, thân có khổ não. Như thế nào mới có thể rời khổ? Sanh ra thiện căn sẽ lia khổ, đây là sự thật. Thành tựu bồ đề là được niềm vui, thực sự giúp đỡ chúng sanh rời khổ đắc lạc.

“Cổ tri sở dục phổ tế giả, thật vi trường dạ ưu não, Đãi sanh thiện căn cụ phược phàm phu dã”. Kinh văn này nói rất rõ ràng, rất tường tận, thực sự là ở trong sáu nẻo những chúng sanh khổ não này, chờ đợi sanh thiện căn, rất muốn sanh thiện căn, nhưng thiện căn không sanh được, là hàng phàm phu này.

“Kế tứ cú kệ”, kế là phía sau, tiếp theo phía sau. “Minh phổ tế chi pháp”, phổ biến cứu độ chúng sanh, phương pháp là gì? “chúng sanh nghe danh, sanh về nước ta (chúng sanh văn danh, lai sanh ngã sát). Đây là phương pháp Phật A Di Đà giúp đỡ hết thảy chúng sanh khổ nạn rời khổ đặc lạc. Nghe danh, ở trong này bao hàm kinh điển, danh là danh hiệu, kinh điển là nói tường tận hàm nghĩa của trong danh hiệu. Nếu như đối với hàm nghĩa của danh hiệu không hiểu rõ, không rõ ràng, có hoài nghi, thì tín tâm của quý vị không thể kiến lập. Cho nên kinh điển nhất định phải nói rõ ràng, nói tường tận, giới thiệu tây phương Cực Lạc cho quý vị, giới thiệu Phật A Di Đà cho quý vị. Quý vị đã nhận thức về vị thầy này, đã quen thuộc với môi trường tu. Quý vị thực sự phát tâm, chúng ta nhất định đi theo vị thầy này, chúng ta muốn vào trường học này, ở trong môi trường tu học này để thành tựu đạo nghiệp của mình, như vậy tâm này mới có thể phát ra được. Quý vị đối với thế giới Cực Lạc không quen thuộc, như vậy làm sao được!

“Thử chư chúng sanh, diệc tức trường dạ ưu não trung chi quần sanh”. Trường dạ chính là lục đạo luân hồi, là những chúng sanh chịu đau khổ trong luân hồi. Nên ngài Thiện Đạo nói, tam bối cửu phẩm, đều là vì phàm phu trong đời ngũ trước, sau khi Phật niết bàn. Lời này nói thật rõ ràng tường tận, Phật A Di Đà là vì chúng ta mà phát nguyện tu hành thành Phật. Thế giới Cực Lạc là kiến tạo một môi trường tu học lý tưởng cho chúng ta. Đây là sự cống hiến viên mãn nhất Phật A Di Đà, đối hết thảy chư Phật Như Lai khắp biến pháp giới hư không giới. Bởi vì chư Phật Như Lai đều là lấy độ chúng sanh làm sự nghiệp, họ không có việc khác. Nhưng chúng sanh khó độ, làm sao có thể khiến chúng sanh tạo tác tội nghiệp cực nặng, giúp họ quay đầu nhanh chóng, giúp họ tu hành chứng quả? Phương pháp này của Phật A Di Đà thật diệu tuyệt!

Hai câu cuối: “như Phật kim sắc thân, diệu tướng tất viên mãn. Khả kiến ưu não phàm phu, nhất đẳng bỉ độ”. Chỉ cần quý vị đến thế giới Cực Lạc đều là thân chân kim sắc. Đây là tự độ, tự mình đặc lạc, tự lợi. “diệu tướng như Phật, viên mãn đầy đủ (diệu tướng như Phật, viên mãn cụ túc)”. Điều này chính xác ở trong thế giới mười phương của chư Phật không có, Thích Ca Mâu Ni chưa từng nói đến.

“Hạ cánh vân”, ở dưới lại nói: “diệc dĩ đại bi tâm, lợi ích chư quần phẩm, li dục thâm chánh niệm, tịnh tuệ tu phạm hạnh” bốn câu này là lợi tha, độ tha. Nói cách khác sanh về thế giới Cực Lạc thì tự độ, mà tự độ này là tự độ viên mãn, không phải nói quý vị là Tu Đà Hoàn quý vị là A La Hán, không phải vậy, quý vị đã thành Phật. Quý vị tìm hết Đại Tạng Kinh, cũng không tìm được pháp môn thư hai như vậy. Gặp được pháp môn này! Là phước báu từ vô lượng kiếp ngày nay đã hiện tiền.

Quý vị không biết, nhưng chư Phật Bồ Tát thấy được rất rõ ràng. Quý vị quả nhiên tin thật, nguyện thiết, chư Phật hoan hỷ, không thể không giúp quý vị. Vì sao? Chư Phật hy vọng chúng sanh nhanh chóng thành Phật. Sau khi thành Phật, quý vị giống với chư Phật, quý vị cũng sẽ giống chư Phật Như Lai đại từ đại bi giúp người khác, cũng lấy tâm đại bi lợi ích chư quần sanh. Làm sao giúp họ? Li dục và sâu vào chánh niệm.

Tứ đức trong Hoàn Nguyên Quán, câu thứ nhất “tùy duyên diệu dụng”, tùy thuận mọi duyên. Thiện duyên ác duyên, thuận cảnh nghịch cảnh, vì sao? Tự mình không có chướng ngại, không có phân biệt chấp trước thì một chút chướng ngại đều không có, hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Niệm niệm giúp hết thầy chúng sanh, giáo hóa hết thầy chúng sanh, giúp họ phá mê khai ngộ, tự nhiên họ đượclý khổ đặc lạc.

Ly khổ đặc lạc là quả, nhân là phá mê khai ngộ, chính là quý vị làm tấm gương tốt cho họ noi theo. Để họ thấy được hoan hỷ thấy được giác ngộ, muốn học với quý vị. Quý vị có thể giới thiệu với họ, hình dáng này của tôi là học từ Phật A Di Đà, phương thức cuộc sống này của tôi là học ở thế giới Cực Lạc. Họ ngưỡng mộ chúng ta, chúng ta giới thiệu họ đến thế giới Cực Lạc, chúng ta ngưỡng mộ thế giới Cực Lạc, chúng ta đang học tập ở thế giới Cực Lạc. Quý vị theo thôi, tôi vẫn làm chưa tốt, chưa đủ viên mãn, A Di Đà Phật viên mãn, A Di Đà Phật ở đâu? ở Kinh Vô Lượng Thọ, ở trong Tịnh Độ Đại Kinh Giải, quý vị đến đây để học thì đúng, li dục.

Tất cả tội nghiệp đều là tình dục tạo nên, thứ này là gốc rễ, phải nhổ sạch tận gốc rễ. Sau đó cần phải chánh niệm, không những phải chánh niệm, mà phải chánh niệm thâm sâu, tin thật, hiểu thật và thật sự hành trì. Dùng lời kinh này để nói, chính là phát tâm bồ đề nhất hướng chuyên niệm. Một phương hướng, một mục tiêu, cuộc đời chúng ta không nên băn khoăn cho mình, không nên nghĩ đến người nhà của mình. Vì sao? Đây đều là giả! Quá xem trọng thân thể, quá xem trọng nhà của quý vị, thì quý vị đã mê, quý vị mê quá nặng. Đến bao giờ mới

ngóc đầu lên được? Thật sự học Phật. Lúc giảng kinh tôi thường nói: chúng ta sống ở thế gian chỉ có một ngày hôm nay, còn ngày mai? Không có ngày mai, thọ mạng của chúng ta chỉ có một ngày, ngày hôm nay chúng ta nên làm việc gì, cái gì nên làm, cái gì không nên làm, đều rất rõ ràng, không cần người khác nói.

Chúng ta chỉ có thời gian một ngày, thời gian một ngày này của chúng ta phải siêng năng niệm A Di Đà Phật, chúng ta muốn đi đến thế giới Cực Lạc. Không cần thân này nữa, cuộc sống ở thế gian tất cả các thứ phụ thuộc càng không liên quan, hà tất lưu luyến nó? Cái gì cũng không lưu luyến, trong tâm chỉ có A Di Đà Phật chỉ có thế giới Cực Lạc, đâu có đạo lí nào không vãng sanh!

Trong kinh điển đại thừa đức Phật thường dạy “hết thảy pháp từ tâm tưởng mà sanh”, tâm tưởng của tôi hôm nay chính là A Di Đà Phật, chính là thế giới Cực Lạc, ngoài cái này ra thì không còn cái gì khác. Thực sự là niệm niệm cầu vãng sanh, không muốn sống nơi này, thân thể này còn ở nơi này, ở một ngày thì sao? Ở một ngày thì hành trì một ngày. Là dựa vào cách làm này của chúng ta, đây chính là làm tấm gương tốt cho mọi người. Cách niệm Phật phải như vậy, cách học Phật phải như vậy thì quá hay.

Còn tham luyến thế gian, tham luyến tự thân, tham luyến bản thân và gia đình. Như vậy là luân hồi trong sáu nẻo, chứ không phải học Phật, đạo lí này không thể không hiểu. Không hiểu thì đã sai cả một đời, đời này chỉ kết duyên với A Di Đà Phật, chứ không thể vãng sanh! Ngày nay nhu cầu bức thiết của chúng ta, là trong đời này tùy thời tùy khắc đều có thể đi được, như vậy mới được. Chúng ta không uổng phí khi đến cuộc đời này, đời này gặp được Phật pháp, học không uổng phí. Xứng đáng với Phật Bồ Tát, xứng đáng với chính mình, xứng đáng với tổ tông, xứng đáng với cha mẹ. Thành tựu chắc chắn ở một đời không thể đợi đến đời sau, cũng cần có tâm đại từ bi, giống như Phật giúp chúng sanh vậy.

Tuệ, tuệ phải tịnh, tịnh là gì? Bên trong không có xen tạp, không có hoài nghi, tuệ này là tịnh tuệ, có hoài nghi có tạp chất thì không tịnh. Hành, hành là tạo tác của chúng ta, tạo tác của lời nói. Phạm hạnh, phạm là thanh tịnh, trong ngôn ngữ tạo tác của chúng ta, cũng không xen lẫn tự tư tự lợi, cũng không xen lẫn thất tình ngũ dục. Thân khẩu của chúng ta liền được thanh tịnh.

“Thị biểu” những khai thị này, khai thị trong kinh văn đều là tượng trưng. “Chư vãng sanh giả”, từ thượng thượng phạm đến hạ hạ phạm, chính là người vãng sanh trong chín phẩm. “hoa nở thấy Phật, thân tâm liền tịnh (hoa khai kiến Phật, thân tâm đốn tịnh)”, trong bình thường tâm luôn hướng về, gắng sức để làm được. Đến lúc vãng sanh thấy được A Di Đà Phật, Phật quang gia trì quý vị,

nguyện của Phật gia trì quý vị, 48 nguyện gia trì quý vị, thần thông đạo lực của Phật gia trì quý vị, quý vị lập tức thân tâm thanh tịnh, đây là điều quý vị không ngờ được.

Trí tuệ đã hiện tiền, “trí tuệ mãnh lợi”, đại từ đại bi vô lượng vô biên từ bi khắp biến pháp giới. “Tự giác giác tha, thành tựu bồ đề”, tự giác chính là giác tha, giác tha chính là tự giác, tự tha là một không phải hai. “Thị giai Phật A Di Đà, oai thần lực cố”. Đại lực là “bổn nguyện lực cố”. Đại nguyện, là 48 lời nguyện. “Mãn túc nguyện cố” là đại viên mãn. “Minh liễu” là đại trí. “Kiên cố” là đại đức. “Cứu cánh” là đại hạnh.

Đến thế giới Cực Lạc, được sự gia trì này của Phật A Di Đà thì tất cả đều đạt được. Pháp môn này, hoàn toàn nương nhờ Phật lực. Nên nhớ tự tha không hai, thật sự nương về Phật chính là nương vào tự tánh của mình, A Di Đà Phật từ đâu đến? Tự tánh biến hiện ra, thân hiện tại này của chúng ta cũng là tự tánh biến hiện ra. Từ trên mặt thể mà nói thì không có gì sai khác, nhưng từ trên tướng mà nói thì không giống nhau. Phật cực kỳ thanh tịnh, còn chúng ta bây giờ là cực kỳ nhiễm trược. Từ trên tánh mà nói là một loại, từ trên tướng mà nói là có sai khác, điều này nhất định phải hiểu.

Cho nên chúng ta mượn tượng Phật A Di Đà để điều khắc chính mình, đây gọi là pháp môn tha lực. A Di Đà Phật có thần thông, đức năng, đạo lực gia trì chúng ta. “Cố năng linh trường dạ ưu não chi phàm phu, trí tuệ thanh tịnh, thân tâm như Phật có thể khiến phàm phu vô minh ưu sầu, trí tuệ thanh tịnh, thân tâm như Phật”. Đây chính là có thể giúp đỡ, có năng lực giúp phàm phu vô minh ưu sầu, chính là phàm phu trong luân hồi sáu nẻo, giúp họ được trí tuệ thanh tịnh, giúp họ được thân tâm như Phật.

“Do thị khả kiến, thử độ đại tâm phàm phu, mong Phật gia bị. Thượng bối vãng sanh, đắc vô sanh nhẫn, hựu hà túc dị”, đây là điều đương nhiên! Nhưng trên thực tế chúng ta là thân phận gì? Chúng ta là phàm phu tạo ác nghiệp, tạo tội nghiệp cực trọng, chỉ cần chúng ta nghiêm túc phản tỉnh quay đầu lại.

Chúng ta dùng 12 chữ của các bậc tổ tông, hiểu chúng ta làm được chưa? Hiếu dưỡng cha mẹ chưa làm được, vậy để làm được chưa? Chính là tình thương yêu anh em, tình thương giữa thầy giáo, đồng học, bằng hữu, đây đều là đạo của để, chưa làm được. Vì sao chưa làm được? Tự tư tự lợi. Chỉ có chính mình, không nghĩ đến người khác, đến cha mẹ anh em, đều không nghĩ đến, như vậy là trung không làm được, nghĩa không làm được.

Ở dưới là lễ nghĩa liêm sỉ, nhân ái hòa bình, chữ nào chúng ta làm được? 12 chữ này là đức mục căn bản để làm người. Cho nên hôm nay chúng ta hiểu được, đời này chúng ta đã tạo những nghiệp gì. Tạo những tội nghiệp cực nặng này, Phật Bồ Tát không trách chúng ta, Phật Bồ Tát tha thứ cho chúng ta. Vì sao vậy? Chúng ta từ nhỏ không có ai dạy, cha mẹ không dạy tốt chúng ta, thầy giáo cũng không dạy tốt chúng ta. Ở trong một hồ nhuộm lớn của xã hội này, chúng ta gặp phải ô nhiễm nghiêm trọng. Thế nên Phật từ bi, trong Kinh Vô Lượng Thọ dạy rất hay: người đi trước bất thiện, không biết đạo đức, không có người dạy. Không có ai dạy chúng ta, tất cả tội lỗi của chúng ta hôm nay họ sẽ không khiển trách chúng ta, họ tha thứ cho chúng ta, bỏ qua cho chúng ta.

Chúng ta nên biết, chúng ta bây giờ đã hiểu rõ. Bây giờ đọc tụng đại thừa đã biết được, phải nghiêm túc sửa đổi lỗi lầm, phải làm được 12 chữ mà các tổ tông truyền lại. Khởi tâm động niệm trong tâm chúng ta có, ngôn ngữ tạo tác trên thân có, phải làm ra mới là thật. Nói được làm không được không ích gì, phải làm được 10 thiện nghiệp đạo của Phật dạy cho chúng ta, nói được làm không được là giả. Không phải thiện tri thức, không phải thiện nam tử, thiện nữ nhơn, nhất định phải làm được. Không sát sanh, không trộm cắp, không tà hạnh, không vọng ngữ, không ác khẩu, không hai lời, không ý ngữ, không tham, không sân, không si phải luôn để trong tâm.

Dùng một câu A Di Đà Phật đánh bỏ tất cả tạp niệm, hồi phục lại tâm thanh tịnh của chúng ta, đây gọi là chân tu hành!

Hôm nay thời gian đã hết rồi, chúng ta học đến chỗ này.

Tập 393

Chuyển ngữ: Trung Tấn

Biên tập: Nguyên Tâm

Thời gian: 03.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang thứ 487, hàng thứ 7 từ dưới lên, bắt đầu xem ở giữa. “Thị cố Thiện Đạo sư viết”, bắt đầu xem từ đây.

Tam bối cửu phạm luôn là vì những phạm phu ngũ trước sau khi Phật nhập diệt. Hai câu cuối: “Nhu Phật kim sắc thân, diệu tướng tất viên mãn, khả kiến ưu não phạm phu, nhất đẳng bỉ độ, tất giai thân chân kim sắc, diệu tướng như Phật, viên mãn cụ túc”, bắt đầu xem từ đây.

Đoạn văn này, tuy ở trước đã đề cập đến, nó là một phân đoạn. Trong đoạn này, Niệm Lão dẫn chứng các tổ sư đại đức xưa, nhiều lần nói rõ tứ độ tam bối cửu phạm của thế giới tây phương Cực Lạc. Thực sự là Phật A Di Đà vì tiếp dẫn biến pháp giới hư không giới, tất cả chúng sanh sáu nẻo trong hết thủy cỗi nước chư Phật. Cho nên thế giới tây phương, tam bối cửu phạm này mỗi người chúng ta đều có phần, đây khác với những gì cổ đại đức đã nói. Các bậc cổ đức cho rằng thượng bối là địa thượng Bồ Tát mới có thể chứng được, trung bối, thượng bối ngày càng hạ thấp.

Thiện Đạo đại sư dẫn chứng nhiều kinh luận, phê bình những thứ không thỏa đáng của người xưa nói, nó thực sự là vì phạm phu. Cho nên ngài nói gặp đại tam phạm phu, đây là sanh thượng bối vãng sanh, như thế nào gọi là đại phạm phu? Tâm lượng lớn. Khởi tâm động niệm đều nghĩ đến hết thủy chúng sanh khổ nạn, đây là đại phạm phu. Còn tiểu phạm phu thì sao? Là nghĩ đến bản thân mình, nghĩ đến gia đình mình, nghĩ đến người thân của mình, đây là tiểu phạm phu.

Hạ bối vãng sanh là phạm phu tạo ác nghiệp, tạo ngũ nghịch thập ác. Lúc lâm chung gặp được thiện hữu khuyên bảo họ, họ có thể tiếp nhận, có thể tin, có thể hiểu, và có thể thực hành, đây là hạ bối vãng sanh, thế nên tam bối cửu phạm chúng ta đều có phần. Quan niệm này vô cùng quan trọng, hiển thị sự thù thắng của tịnh độ, nguyện lực của Phật Di Đà chẳng thể nghĩ bàn.

Ở đây nói rất rõ ràng, đặt biệt là hai câu cuối: như thân kim sắc của Phật, diệu tướng đều viên mãn. Vãng sanh về thế giới tây phương Cực Lạc, đích thực là chứng được pháp thân bình đẳng, đây không phải dựa vào chính mình đoạn hoặc chứng chân, mà hoàn toàn là nương vào bốn nguyện oai thần của Phật A Di Đà

gia trì. Phật nếu không gia trì thì nó không diệu, vừa gia trì thì đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát, vãng sanh không do mình.

Hạ hạ phẩm vãng sanh cũng là A Duy Việt Trí Bồ Tát, vãng sanh về thế giới Cực Lạc, thân thể của mình giống như Phật A Di Đà, tử ma chân kim sắc thân. Tướng mạo giống như Phật A Di Đà, diệu tướng như Phật, như trong Quán Kinh đã nói: Phật A Di Đà thân có tám vạn bốn nghìn tướng tốt, mỗi tướng đều có tám vạn bốn nghìn vẻ đẹp, chúng ta không cách gì tưởng tượng được, thật chẳng thể nghĩ bàn. Hiện thị ra sự thù thắng vô cùng của thế giới Cực Lạc, diệu tướng như Phật, viên mãn cụ túc.

Bên dưới nói: “Diệt dĩ đại bi tâm, lợi ích chư quần phẩm, li dục thâm chánh niệm, tịnh tuệ tu phạm hạnh (cũng lấy tâm đại bi, lợi ích chư quần sanh, rời dục vào chánh niệm, tịnh tuệ tu phạm hạnh). Đây là nói rõ vãng sanh về thế giới tây phương Cực Lạc, hoa nở thấy Phật, thân tâm lập tức được thanh tịnh, trí tuệ hiện tiền, tâm từ bi cũng hiện tiền, tự giác giác tha, thành tựu viên mãn, cũng giống như Phật.

Phàm sáu nẻo của hết thảy chư Phật Như Lai trong mười pháp giới, có duyên với quý vị. Câu này nên ghi nhớ: “Phật không độ chúng sanh không có duyên”, có duyên với quý vị, cho dù là có thiện duyên, có ác duyên, miễn là có duyên với quý vị. Có duyên lúc họ gặp phải khổ nạn, họ ở nơi đó cầu cứu, hy vọng Phật Bồ Tát gia trì họ, bảo vệ họ. Ý niệm này quý vị lập tức biết được, nếu quý vị ở thế giới Cực Lạc lập tức biết được, liền có thể hiện thân để cứu độ họ. Nên lấy thân gì để độ được thì quý vị hiện thân đó, quý vị được tự tại. Đến thế giới tây phương Cực Lạc sẽ có năng lực này, cho nên tự độ độ tha. Những cái này đều là oai thần lực, đại lực của Phật A Di Đà

“Bốn nguyện lực cố”, là đại nguyện, “mãn túc nguyện cố” là đầy đủ nguyện lực, “minh liễu” là đại trí, “kiên cố” là đại đức, “cứu cánh” là đại hạnh. Phật lấy những trí tuệ oai đức này gia trì quý vị, quý vị mới có năng lực giống như Phật để phổ độ chúng sanh khổ nạn trong sáu nẻo. “Cố năng linh trường dạ” trường dạ chính là luân hồi, người đọa lạc vào trong luân hồi, nếu như không gặp được pháp môn Tịnh độ, muốn thoát li luân hồi thì quả thật rất khó. Đòi đòi kiếp kiếp từ vô lượng kiếp đến nay cứ mãi sanh tử luân hồi, nay được oai lực bốn nguyện của Phật gia trì, quý vị có năng lực giúp những chúng sanh khổ nạn này. Giúp họ “trí tuệ thanh tịnh”, giúp họ “thân tâm như Phật”.

“Nhu thị khả kiến, thử độ đại tâm phàm phu, mộng Phật gia bị. Thượng bối vãng sanh, đắc vô sanh nhẫn, hựu hà túc dĩ”. Ở đây vô cùng khẳng định chúng ta có thể

làm được, nên nỗ lực tu học, thế gian cái gì cũng đều là giả, không có thứ gì là thật cả. Vì sao không siêng năng tu học để thực hành?

“Pháp Tạng tử kheo dĩ kệ tụng nguyện” (tử kheo Pháp Tạng lấy kệ khen tụng), bên dưới lấy bài kệ để khen tụng: “Thủ cú tức thị ngã kiến siêu thế chí”. Kiến là kiến lập. “Thủ chánh siêu thế chí xứ, an đắc thủ thập phương chi thường quy, dĩ luận Cực Lạc chi phạm vị?” Cho nên phạm vị Cực Lạc đặc biệt vô cùng, họ không phải dựa vào tự lực, mà hoàn toàn nương vào tha lực. Tự lực chính là lúc này nói là chỉ tâm lượng lớn nhỏ, có thể thật sự quan tâm đến hết thảy chúng sanh khổ nạn, có thể bỏ thân vì người, đây chính là đại tâm phạm phu.

Đại tâm phạm phu tu hành vãng sanh sẽ có cơ hội được ba phẩm của thượng bô: Thượng thượng phẩm, thượng trung phẩm, thượng hạ phẩm. Thế nên chúng ta cần phải phát nguyện, cần phải thương yêu chúng sanh khổ nạn giống như Phật Bồ Tát. Đối với chúng sanh khổ nạn, chúng sanh tạo tội nghiệp, không nên ghét bỏ, cũng không nên quở trách. Họ vô cùng đáng thương, tạo tác tội nghiệp, quả báo đều ở địa ngục, quý vị nghĩ xem địa ngục khổ làm sao. Vì sao họ tạo tội nghiệp? Vì không ai dạy họ, điều này không thể không biết.

Trong Kinh Vô Lượng Thọ Phật dạy rất hay: “tiên nhân bất thiện”, cha mẹ của họ không biết, ông bà họ cũng không biết, tăng tổ của họ cũng không biết, thậm chí đến cao tổ của họ cũng không biết. Giáo dục truyền thống luân lý đạo đức, đã bỏ bê một hai trăm năm rồi.

Trước đây lúc Từ Hy thái hậu thời nhà Thanh, thì bà đã sơ ý, không lưu ý, đã không xem trọng, tình hình ngày càng xấu hơn. Triều Thanh diệt vong, đến thời Dân Quốc, Phật giáo suy đến tận cùng. Tuy vẫn còn có người học Phật, nhưng cuối cùng Phật là gì thì không ai biết, cũng chính là người thật sự hiểu được Phật pháp không nhiều.

Năm đầu Dân Quốc, pháp sư giảng kinh hoàng pháp chẳng qua cũng chỉ mười mấy người mà thôi. Đến thời đại của tôi, lúc tôi còn trẻ, khoảng hai mươi mấy tuổi. Người hoàng pháp lợi sanh thật quá ít, toàn Trung Quốc chưa đến mười người. Tôi học Phật 60 năm, đến ngày hôm nay thì sao? Ngày nay càng ít, ngày nay có thể tìm không đến năm người. Cho nên người bình thường vô tri tạo tác tội nghiệp, nên phải thứ tha cho họ, nên khoan dung họ. Hy vọng họ có thể giác ngộ, có thể quay đầu, có thể học tập chăm chỉ, như vậy mới đúng.

Chúng ta xem tiếp đoạn phía dưới. “Hựu Vô Lượng Thọ Kinh Sao viết: Cảnh hưng minh hứa, tam bô cửu phẩm, phạm phu vãng sanh, cố bỉ thích vân: Nhật, phạm tiểu vãng sanh, Nhị, đại thánh vãng sanh, ngôn phạm tiểu giả, chỉ tam bô”.

Câu nói này vô cùng quan trọng, phàm phu tiểu thừa những người vãng sanh này, ở thế giới tây phương Cực Lạc là địa vị gì? Có thượng bối, có trung bối, có hạ bối. Tam bối chính là cửu phẩm mà trong Quán Kinh nói.

“Hựu Du Tâm An Lạc Đạo viết, hựu tứ thập bát nguyện. Sơ tiên vi nhất thiết phàm phu, hậu kiêm vi tam thừa thánh nhân”. Câu thứ nhất quan trọng, sơ là thứ nhất, trước là hết thấy phàm phu. Đây là bản tâm của Phật Di Đà, là bản nguyện của Phật Di Đà, chúng ta cần phải biết. Sau mới là kiêm luôn tam thừa thánh nhân, tam thừa là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, đó là phụ. Dụng ý thật sự là vì phàm phu sáu nẻo

“Cổ tri tịnh độ tông ý, bản vi phàm phu, kiêm vi thánh nhân”. Chúng ta đọc đến đây, phải tri ân báo ân. Nếu như không có Phật A Di Đà, không có pháp môn Tịnh tông, căn bản chúng ta không thể có bất cứ thành tựu nào. Đừng nói là thành tựu lớn, thành tựu nhỏ nhất chính là quả tiểu thừa Tu Đà Hoàn, sơ quả.

Trong đại thừa Kinh Hoa Nghiêm nói: Bồ Tát sơ tín vị của thập tín vị, đây là đại thừa, đại thừa sơ tín, tiểu thừa là sơ quả, chúng ta có thể làm được chăng? Nhưng thực tế thì căn bản không thể được, vì sao? Đây là tiểu thừa thánh, là mức độ thấp nhất. Trong kinh Phật nói rất rõ ràng, cần phải đoạn 88 phẩm kiến hoặc của tam giới, có thể đoạn được chăng? 88 phẩm kiến hoặc ở trong kinh đại thừa, Phật Bồ Tát thông thường quy nạp nó thành năm loại lớn, chính là năm loại lớn của kiến tư phiền não, kiến phiền não:

Thứ nhất là thân kiến: ai có thể phá được? Không còn chấp trước thân này là tôi, có ai làm được chăng? Giống như nữa bộ trước của Kinh Kim Cang đã nói: Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng. Phá được bốn tướng_ Mới phá bốn tướng là tiểu thừa Tu Đà Hoàn, đã bước vào Bồ Tát đại thừa sơ tín vị.

Khoảng 30 năm lại đây, chúng tôi thường khuyên bảo bạn học, cần phải thực hành. Tôi khuyên mọi người cùng buông xả tự tư tự lợi, buông xả tham danh lợi dưỡng, buông xả năm dục sáu trần, buông xả tham sân si mạn, tôi nói 16 chữ này. Điều này không dễ làm được, đến được sơ tín vị chăng? Không, chỉ đến ngoài cửa, đến sơ tín, đến cửa của sơ quả, chưa vào được. Đưa quý vị đến ngoài cửa, còn đi vào thì sao? Đi vào, tôi chưa có tiêu chuẩn này, phải dùng tiêu chuẩn của Phật. Tiêu chuẩn của Phật chính là phải phá kiến hoặc, thực sự buông xả ngã kiến, biết thân không phải là ta.

Thân là gì? Thân là sở hữu của tôi, giống như áo quần vậy, áo quần không phải của tôi, là sở hữu của tôi, thân không phải tôi. Cái gì là tôi? Linh tánh là tôi. Nhà

Phật nói bản tánh chân như là tôi, minh tâm kiến tánh, quý vị tìm được cái tôi chân thật. Cái tôi chân thật này chưa tìm được, chỉ là biết thân này không phải tôi. Minh tâm kiến tánh mới được coi là tìm được cái tôi chân thật, tìm được cái tôi chân thật như vậy quý vị đã thành Phật. Bồ Tát có lúc còn chưa tìm được cái tôi chân thật, Phật đã tìm được, không phải không có cái tôi.

Trong đại thừa giáo thường dạy bốn đức “thường lạc ngã tịnh”. Pháp thân có, bát nhã có, giải thoát có. Pháp thân có thường lạc ngã tịnh, bát nhã có thường lạc ngã tịnh, giải thoát có thường lạc ngã tịnh, sao có thể không có cái tôi? Chỉ là không những phàm phu sáu nẻo đã mê, không biết, mà tứ thánh pháp giới cũng không biết. Tôn thánh: Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, tứ thánh pháp giới cũng chưa tìm thấy. Thế mới biết nó rất khó, thật không dễ chút nào, Sau khi phá thân kiến, còn phá được biên kiến.

Biên kiến là gì? Dùng lời nói của ngày nay để nói tức là đối lập, chúng ta luôn đối lập với người khác, đối lập với sự, đối lập với hết thảy vạn vật, tôi bạn và anh đều đối lập. Đây là kiến giải sai lầm, chân tướng sự thật là cái gì? Chân tướng sự thật là vạn sự vạn vật trong biến pháp giới, hư không giới, với chúng ta là một thể. Cho nên trong Bồ Tát đạo nói: “vô duyên đại từ, đồng thể đại bi”. Vô duyên là không có điều kiện, từ bi là yêu, thương yêu vô điều kiện. Thương yêu mình, yêu chúng sanh, yêu cây cối hoa cỏ, yêu núi sông đại địa, yêu biến pháp giới hư không giới, vì sao? Là một thể với chúng ta, sao có thể đối lập được? Đối lập là sai lầm.

Thứ hai là biên kiến. Thứ ba chúng ta gọi là thành kiến, thành kiến là cái gì? Tự cho mình đúng. Ở đây có hai loại lớn, thành kiến trên mặt nhân gọi là giới thủ kiến, thành kiến trên quả là kiến thủ kiến. Hai loại này đều thuộc về thành kiến, sai lầm, tự cho là đúng, nhưng sự thật không phải vậy.

Loại sau cùng là tà kiến, không thuộc về cách nhìn sai lầm và kiến giải sai lầm của bốn loại trước, tất cả bao gồm trong loại này. Nói một cách khác, tiểu thừa Tư Đà Hoàn tuy không có bản lĩnh gì lớn, nhưng tri kiến của họ rất chơn chánh, họ không phải tà tri tà kiến, họ rất có tri kiến. Nhưng có phiền não, phiền não chưa đoạn sạch. Kiến tu phiền nào, kiến phiền nào đã đoạn, tu chưa đoạn. Đoạn kiến hoặc dễ, đoạn tu hoặc rất khó, tu hoặc là vương vấn không dứt, không dễ đoạn hết. Tu hoặc là tu tưởng, tu tưởng sai lầm, là gì? Tham sân si mạn nghi, đoạn tận sai lầm trong năm loại tư tưởng này, họ liền chứng quả A La Hán, được tâm thanh tịnh.

Trên đề kinh nói: “thanh tịnh bình đẳng giác”. Họ đạt được tâm thanh tịnh, tức đã chứng quả A La Hán. Chúng ta ngày nay một phẩm phiền não cũng chưa đoạn được, kiến tư phiền não cũng còn, vẫn là chấp trước thân này là tôi, có thể vãng sanh chăng? Có thể, gọi là đời nghiệp vãng sanh, chỉ có pháp môn này.

Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn tất cả đều không có, không có mang nghiệp, đều là đoạn hoặc chứng chân, cho nên rất khó. Pháp môn này so với 8400 pháp môn, thì dễ hơn nhiều. Nhưng dễ nó vẫn có điều kiện, điều kiện gì? Kiến hoặc này quý vị cần có năng lực chế phục nó, chưa đoạn. Chế phục cái gì? Tuy có nhưng nó không khởi tác dụng, như vậy mới có thể vãng sanh. Dùng cái gì để chế phục? Dùng câu danh hiệu này để chế phục, cho nên phương pháp trì danh hiệu này thật không thể nghĩ bàn!

Phương pháp này quá diệu, khiến chúng ta khởi tâm động niệm đều niệm A Di Đà Phật. Ý nghĩ mới khởi lên, người xưa nói: “không sợ niệm khởi, chỉ sợ giác muộn”. Quý vị giác ngộ nhanh, ý nghĩ mới khởi lên cho dù là thiện niệm hay ác niệm, nhưng ý nghĩ thứ hai liền đổi thành A Di Đà Phật, khiến trong tâm chúng ta, ở mọi lúc mọi nơi, chỉ có A Di Đà Phật, ngoài A Di Đà Phật ra đều không có gì nữa. Dưỡng thành thói quen này, ý nghĩ vừa khởi chính là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật sẽ tương ứng với thế giới tây phương Cực Lạc. Quý vị thấy thiện niệm của chúng ta tương ứng với ba đường thiện, ác niệm của chúng ta tương ứng với ba đường ác.

Niệm niệm chúng ta là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật không ở trong đường thiện của sáu nẻo, trong ác đạo cũng không có, họ ở đâu có? Thế giới tây phương Cực Lạc có. Quý vị tương ứng với họ, chắc chắn đến được thế giới Cực Lạc, niệm Phật vãng sanh là đạo lý như vậy. Phải luôn rõ ràng, tường tận.

Niệm thành công câu A Di Đà Phật này, như thế nào gọi là niệm thành công? Lúc không niệm nó cũng khởi lên, lúc niệm có A Di Đà Phật, không niệm cũng có A Di Đà Phật, thuộc rồi, thành thực rồi. Xa dần tất cả phiền não tri kiến khác. Lúc nghĩ đến công việc, đặc biệt là lúc đang đau khổ, thiên tai, niệm thứ nhất chính là A Di Đà Phật, như vậy là thành công.

Nguyện thứ 18 của 48 nguyện, lúc lâm chung một niệm, mười niệm đều có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc, cho nên niệm Phật rất bức thiết! Trong đời này của chúng ta đại sự nhân duyên lớn là cái gì? Là niệm Phật, ngoài niệm Phật ra toàn là việc nhỏ, đều không phải việc cần gấp, việc cấp thiết nhất chính là niệm Phật. Khuyến người niệm Phật, thực sự niệm thành công đối với mình có lợi rất lớn.

Lợi ích gì? Thân tâm của mình mạnh khỏe, quý vị không thể sinh bệnh, bệnh từ đâu mà sanh? Phật nói nguồn gốc của bệnh tật chính là năm độc tham sân si mạn nghi. Trong tâm chúng ta đều có năm độc, cho dễ dàng cảm nhiễm vi khuẩn bên ngoài, đó là ngoại duyên.

Trong tâm nếu không có năm độc, bên ngoài bệnh độc như thế nào đều không cách gì xâm nhập vào được, chúng ta ngày nay gọi là sức đề kháng. Nếu có sức đề kháng mạnh, bệnh độc như thế nào vào đến quý vị đều không sao, đều không khởi tác dụng. Vì sao? Thân tâm quý vị mạnh khỏe, đây là cái lợi đối với chính mình. Còn có một cái lợi lớn, không những tự mình được lợi ích mà người khác cũng được lợi ích. Quý vị sống ở nơi này không có tai nạn, vì sao? Người xưa thường nói: phúc nhân cư phúc nhân địa, phúc địa phúc nhân cư (người có phước ở đất phước, đất phước người có phước ở).

Quý vị tu hành, tu đến lúc một câu A Di Đà Phật, có thể chế phục được tất cả vọng niệm. Như vậy quý vị là người có phước báu lớn, phước báu lớn nhất của nhân gian thiên thượng. Quý vị ở nơi này, nơi này không có tai nạn. Nói cách khác nhân dân nơi này đều hưởng phước của quý vị. Việc này có thể không làm sao? Không thể không làm điều này.

Niệm Phật, nhất định phải giống A Di Đà Phật, A Di Đà Phật mỗi niệm giúp hết thảy chúng sanh khổ nạn. Giúp họ phá mê khai ngộ, giúp họ ly khổ đắc lạc, giúp họ vãng sanh về thế giới tây phương Cực Lạc. Ở thế giới Cực Lạc chúng được Phật quả cứu cánh viên mãn ngay trong đời này. Chúng ta trong một đời này có duyên phận thù thắng như vậy, thật khó được! Quý vị phải nên thực sự tin tưởng, thực sự nguyện sanh về thế giới Cực Lạc thân cận Phật A Di Đà. Ở thế giới Cực Lạc tu hành thành tựu, thành tựu viên mãn. Sau khi thành tựu thì quý vị giống như Phật A Di Đà, phổ độ chúng sanh đau khổ trong hư không pháp giới.

Câu phía sau: “Kiêm vi thánh nhân”, thánh nhân cũng phải độ, nhưng ưu tiên chúng sanh khổ nạn, vì họ quá khổ, phải ưu tiên họ. Bồ Tát nghe được pháp môn này, niệm Phật cầu vãng sanh, hay. A La Hán gặp được pháp môn này, Bích Chi Phật gặp được pháp môn này, cũng phát tâm cầu sanh tịnh độ, đều hay, nhưng đây chỉ là phụ, chủ yếu là đối với chúng sanh tội khổ ở trong sáu nẻo.

“Cánh cứ bản phẩm”, kinh văn ở đây. “Khai khẩu tiện đạo viết, thập phương thế giới chư thiên nhân dân, kỳ hữu chí tâm nguyện sanh bỉ quốc, phạm hữu tam bôi. Kinh trung tam bôi, chỉ thị thập phương chi chư thiên nhân dân”. Chư thiên nhân dân là chúng sanh sáu nẻo, không có nói đến Bồ Tát, Thanh Văn.

Quý vị xem kinh văn này rất rõ ràng, nên biết tam bối là chỉ, đầu tiên là phàm phu, nhưng trong kinh cũng kiêm luôn thánh nhân. Phàm phu chúng ta đối với kinh giáo này chắc chắn không thể hoài nghi, nếu như hoài nghi, chịu thiệt thòi là chúng ta, thiệt thòi này của chúng ta có thể rất lớn, vì sao? Bỏ lỡ cơ hội thành Phật ngay trong đời này. Ngay trong đời này chúng ta có thể thành Phật, chắc chắn có thể thành Phật, đây là điều hy hữu khó gặp biết bao.

Kiểm vì thánh nhân, phía dưới trong Phẩm Bồ Tát Vãng Sanh: “Thập phương thế giới chư Bồ Tát chúng, đương vãng sanh giả, dẫn thuyết kỳ danh, cùng kiếp bất tận”. Ở đây nói rõ chư Bồ Tát trong mười phương thế giới, niệm Phật vãng sanh rất nhiều! Quá nhiều, thật quá nhiều. Nói tên của họ cả kiếp cũng không nói hết, vô lượng kiếp cũng không thể nói hết. Quý vị nói Bồ Tát ở thế giới Cực Lạc có bao nhiêu.

Trong kinh văn, ở trước chúng ta đọc đến: “kỳ thượng bối giả, xả gia khí dục, nhi tác sa môn”. Đến chỗ này mới giảng được một câu đầu của kinh văn: “xả gia khí dục, nhi tác sa môn”. Thượng bối phải lìa gia đình, rời xa gia đình là sao? Xuất gia. “khí dục: ly dục dã”, nhất định buông xả tình dục, vì sao? Tình dục là nguyên nhân của luân hồi sáu nẻo, luân hồi sáu nẻo từ đâu đến? Chính là tình thâm, dục vọng của chúng sanh nhiều, thế giới này trở thành luân hồi sáu nẻo.

Quý vị hỏi họ vì sao có thể trở thành luân hồi sáu nẻo? Điều này trong kinh đại thừa Phật thường nói, “cảnh tùy tâm chuyển”, cảnh giới bên ngoài tùy theo tâm mà chuyển. Do vậy có thể biết, tình dục là nhân tố thứ nhất tạo nên hình tướng của sáu nẻo, chỉ cần có tình có dục thì sáu nẻo sẽ hiện ra. Nếu như tình và dục không có nữa, đoạn được rồi, nói cho các vị là sáu nẻo không còn nữa. Tình dục nếu được chế phục, chưa đoạn, quý vị còn ở sáu nẻo. Nhưng quý vị không ở dục giới, quý vị đến sắc giới. Do vậy có thể biết, tình dục rất nghiêm trọng, thứ này không buông xuống, dục giới rất khổ! Trời sắc giới so với dục giới thù thắng hơn rất nhiều rất nhiều.

Đây là điều chúng ta không thể không biết, không thể không biết được, đây không phải là thứ tốt, nhưng người thế gian tham luyện, không ai bằng lòng buông xuống, chúng ta nên biết đạo lý này. Từ vô thủy kiếp thì chúng ta đã vì điều này, mà đọa lạc trong luân hồi sáu nẻo. Đời này gặp được đại thừa, gặp được Tịnh tông, mới hiểu được việc này. Mới biết được từ vô lượng kiếp ở trong sáu nẻo, chịu bao nhiêu là khổ, chịu bao nhiêu nạn, đều là vì hai chữ này. Sau khi hiểu được thì chúng ta thực sự bỏ xuống, thực sự buông xuống gọi là xuất gia.

Cho nên xuất gia không nhất định xuất gia trên hình thức, ở sau Niệm Lão đều nói đến.

“Nhi tác sa môn”, sa môn chính là người tu hành, làm một vị tăng. Luận Tỳ Bà Sa nói: “Gia thị phiền não nhân. Phu xuất gia giả, vi diệt cấu lụy, cố nghi viễn ly dã”. Gia có nhà là có phiền não, cho nên chữ nhà này, văn tự của Trung Quốc tất hay. Nó là phù hiệu của trí tuệ, trên toàn thế giới không tìm được nhà thứ hai. Chúng ta đem chữ nhà này dùng chữ triện để viết, thì quý vị đã rõ, vừa nhìn thì đã hiểu được ý nghĩa của nó. Cái che phía trên, dùng chữ triện viết, thì giống như một cái phòng, giống cái phòng, giống như vẽ một cái phòng vậy. Trong phòng là cái gì? Là một con heo, tượng trưng cái gì? Tượng trưng cho ý nghĩa mê hoặc điên đảo. Văn tự Trung Quốc là phù hiệu của trí tuệ, quý vị tuy không biết đọc như thế nào, nhưng quý vị nhìn hình dáng của nó, là có thể hiểu được ý nghĩa.

Trong cái phòng nhỏ là một con heo, cho nên chữ này ý nghĩa không hay, không phải một việc tốt. Lão tổ tông dùng loại phù hiệu, này chính là luôn luôn nhắc nhở chúng ta, nhà không thể lưu luyến. Lưu luyến thì vĩnh viễn không ra được luân hồi sáu nẻo, thực sự là nhân duyên của phiền não. Vậy còn xuất gia? Xuất gia là vì diệt, cấu là ô nhiễm, lụy là mệt mỏi, phiền não. Nói cách khác là vì diệt phiền não, cho nên thoát li ngôi nhà này.

Rời xa, quan trọng nhất là trong tâm rời xa, sự không sao cả, sự là cái gì? Sự sự vô ngại, chướng ngại nhất chính là ý nghĩ. Trong tâm có, trên mặt sự đã xuất gia rồi, nhưng tâm vẫn còn, như vậy là chưa xuất gia, có thể tạo nghiệp càng nặng. Trái lại không bằng cư sĩ tại gia học Phật, họ thật sự buông xả gia gia đình, thật sự đã không ô nhiễm, cao minh.

Cho nên trong Phật pháp nói nhà, nhà có ruộng đất, nhà có phiền não, nhà có sanh tử, nhà có luân hồi, quý vị ra khỏi nhà nào? Nhà có ruộng đất chính là của người bình thường chúng ta bây giờ, cái này không quan trọng, nên ra khỏi nhà phiền não, phải ra khỏi nhà sanh tử. Ý nghĩa xuất gia này thật thâm sâu.

Xuất cũng có bốn loại, loại thứ nhất: “thân xuất tâm bất xuất”, thân xuất gia rồi, trong tâm ngày ngày vẫn nhớ đến nhà, nhớ đến người thân quyến thuộc không buông được. Thân ra rồi tâm chưa ra, không ích gì. Loại thứ hai: “tâm xuất thân bất xuất”, cư sĩ ở nhà tu hành họ thật đã ra rồi, vì sao? Tâm họ đã ra, thân tuy có, trong tâm họ không có, cái này cao! Loại thứ ba: Thân tâm đều xuất, chính là thực sự là người xuất gia, tiêu chuẩn của người xuất gia. Loại thứ tư: “thân tâm đều không xuất”, đây là người ở nhà không học Phật, hoặc giả lúc học Phật,

nhưng rất lưu luyến nhà, phàm phu tạo nghiệp. Cho nên nhà có bốn loại, xuất cũng có bốn loại.

Phật Thích Ca Mâu Ni lúc còn tại thế, ngài hiện bày ra cho chúng ta, ngài là thân tâm đều xuất, nên Phật chứng được quả vị tối cao. Còn có một cư sĩ tại gia Duy Ma Cật, Duy Ma Cật thị hiện là tâm xuất thân không xuất, ngài cũng thành Phật. Điều này nói, thân xuất hay không không sao cả, quan trọng nhất là tâm. Cư sĩ tại gia có thể thành Bồ Tát có thể thành Phật.

Đức Thế Tôn khi còn tại thế, hai vị Phật đồng thời xuất hiện ở thế gian, một là Phật tại gia, một là Phật xuất gia. Quý vị đi đọc Kinh Duy Ma, quý vị thấy cư sĩ Duy Ma giảng kinh dạy học, Phật Thích Ca Mâu Ni phái đệ tử của ngài đi nghe kinh. Xá Lợi Phất là bậc trí tuệ đệ nhất trong hội của Thế Tôn, Mục Kiền Liên thần thông đệ nhất. Phái những đệ tử này đi nghe cư sĩ Duy Ma giảng kinh, thấy được cư sĩ Duy Ma đánh lễ ba bái, đi nhiều phía hữu ba vòng. Sự cung kính lễ tiết đó cũng giống như đối với Phật Thích Ca Mâu Ni vậy.

Cho nên Phật pháp là sư đạo, sư đạo là vị thầy lớn nhất. Không thể nói thầy này là người xuất gia, đại sư chúng ta gặp họ phải nên cung kính, còn thầy giáo này là cư sĩ chúng ta xuống thấp một bậc, tâm liền khinh mạn. Như vậy là sai, hoàn toàn sai rồi, căn bản không hiểu được, cư sĩ tại gia tu hành chứng quả không khác gì xuất gia Bồ Tát. Nói cách khác, rốt cuộc tu hành là nên xuất gia hay nên tại gia? Nhân duyên mỗi người không giống nhau, không có chương ngại.

Giống như những đạo lí này bây giờ không ai giảng, trong cửa Phật xưng hô là hòa thượng. Gọi là hòa thượng quan hệ có thể không giống nhau, hòa thượng không thể gọi tùy tiện, hòa thượng là tiếng phạn, tiếng Ấn Độ. Ý nghĩa là gì? Thân giáo sư. Pháp mà chúng ta học được, tự thân thầy giáo này truyền cho chúng ta, họ là thân giáo sư của chúng ta, dùng tiếng Ấn Độ họ là hòa thượng của chúng ta. Chư vị đã biết được hòa thượng của tôi là ai chưa? Lý Bính Nam lão cư sĩ, ngài là hòa thượng của tôi, tôi theo ngài 10 năm. Đại thừa kinh giáo, pháp môn tịnh tông đều là ngài truyền cho tôi.

Xuất gia, có hòa thượng thế độ, có hòa thượng thọ giới, có hòa thượng giới, có hòa thượng thế độ. Đó đều là kết duyên, là sư phụ lãnh vào cửa, tu hành là cá nhân.

Trong hòa thượng tôn trọng nhất lớn nhất, gọi là hòa thượng truyền pháp. Đời này của chúng ta có thể thành tựu hay, có quan hệ rất lớn với thân giáo sư, có quan hệ không lớn với thế độ sư, có quan hệ cũng không lớn với truyền giới sư. Lớn nhất chính là vị thầy trực tiếp chỉ đạo chúng ta tu hành, vị thầy này lớn nhất,

nhà Phật gọi là pháp tử, gọi là truyền pháp. Những thường thức này chúng ta đều cần phải biết. Phật pháp thực sự nói về sự tu hành thành tựu của quý vị. Cho nên ý nghĩa xuất gia rất sâu.

“Hựu Huyền Uẩn sư vân: Xuất gia tạo ác cực nan, như lục địa hành thuyền, tại gia khởi quá tức dị, như hải trung phiếm châu”. Đây là Huyền Uẩn pháp sư nói, vì sao? Hoàn cảnh xuất gia tốt, đạo tràng này người xưa gọi là dựa chúng nương chúng, thực tu thực hành trì, có thiện tri thức dẫn dắt. Ngày xưa là như vậy, bây giờ thông thường đạo tràng không có, vì sao? Không còn nghiên cứu kinh giáo, Phật giáo biến chất 180 độ. Nhất định phải hiểu, Thích Ca Mâu Ni Phật lúc còn tại thế, cả đời dạy học, quý vị thực sự đã hiểu, thì quý vị hiểu được, Phật pháp không phải là tôn giáo, là giáo dục.

Thích Ca Mâu Ni Phật 30 tuổi giác ngộ, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, ngài bắt đầu giáo hóa. 30 tuổi bắt đầu dạy học, 79 tuổi viên tịch. Từ khai ngộ đến viên tịch 49 năm, không có một ngày gián đoạn, ngài là một thầy giáo tốt, thật sự là một người thầy mẫu mực. Trong kinh điển, chúng ta không thấy Đức Thích Ca Mâu Ni Phật có ngày nào nghỉ ngơi. Chúng ta xem kinh điển của rất nhiều tôn giáo, có chủ nhật, được nghỉ ngơi một ngày. Còn Đức Thích Ca Mâu Ni Phật không có nghỉ ngơi, ngày ngày dạy học, năm hết tết đến cũng không nghỉ ngơi. Vậy chúng ta đã hiểu, Phật pháp ở thế gian mục đích là gì? Giáo hóa chúng sanh, hai chữ giáo hóa quá hay!

Nếu như nói dạy học, dạy học là nhân không có quá. Hai chữ giáo hóa có nhân có quả. Giáo là dạy học, hóa là học sinh sau khi tiếp nhận giáo hóa thay đổi khí chất, là quả xuất hiện. Có chuyển ác thành thiện, có chuyển tà thành chánh, có chuyển mê thành ngộ, có chuyển phàm thành thánh, đây là hóa! Cho nên hai chữ giáo hóa thật hay. Thế nên Phật pháp phải dùng danh từ hiện đại này để nói, nó là một kiểu giáo dục văn hóa đa nguyên, hoặc giả chúng ta nói giáo dục xã hội đa nguyên.

Thích Ca Mâu Ni Phật là nhà giáo dục, biểu hiện của ngài, là người làm công tác nghĩa vụ giáo dục văn hóa xã hội đa nguyên. Ngài dạy học không thu học phí, mà còn giáo dục rất bình đẳng. Không phân quốc tịch, không phân chủng tộc, không phân tín ngưỡng, bất kể quý vị tin tôn giáo nào quý vị đều có thể đến học. Cho nên trong đệ tử của Phật, có rất nhiều người truyền giáo của các tôn giáo khác nhau. Thậm chí đến người đứng đầu trong tôn giáo, đều bái Phật Thích Ca Mâu Ni làm thầy, theo Phật Thích Ca Mâu Ni học trí tuệ, nâng cao cảnh giới của mình, điều này chúng ta không thể không biết được. Trong Phật pháp tuyệt đối không

tìm thấy mê tín, bất kể việc gì, đều nói thật rõ ràng, minh bạch. Cho nên ngày xưa ở trong đạo tràng, muốn làm điều ác cũng rất khó.

Cùng một đạo lí, thế giới Cực Lạc đều là người tu hành, thế giới Cực Lạc Phật A Di Đà giảng kinh dạy học, không có một ngày ngừng nghỉ. Thế giới đó rất đặc biệt, thân chánh báo của con người là pháp tánh thân, không phải là thân máu thịt. Y báo của họ, cây cối hoa cỏ, núi sông đại địa cũng là pháp tánh, thể pháp tánh, cõi pháp tánh. Cho nên ở nơi nó không thấy hiện tượng thay đổi, người sống được một vạn tuổi vẫn trẻ, không thay đổi. Vĩnh viễn trẻ mãi, vĩnh viễn không già, vĩnh viễn không yếu, thế giới này tuyệt vời. Người không cần ăn uống, quý vị thấy ăn uống của chúng ta rất rắc rối, thế giới Cực Lạc không cần ăn uống, người ở thế giới Cực Lạc không cần ngủ nghỉ, thế giới Cực Lạc không có đêm tối, thế giới quang minh. Thân của mỗi người phóng ánh sáng, thân của chúng ta phóng ánh sáng, Phật cũng phóng ánh sáng, mỗi người đều phóng ánh sáng, cây cối hoa cỏ phóng ánh sáng, sông núi đại địa phóng ánh sáng, không có cái gì là không phóng ánh sáng, là thế giới quang minh. Nên không cần nhật nguyệt không cần đèn, vì thế việc học tập của họ không gián đoạn.

Chúng ta ở đây không được, chúng ta ăn cơm đã gián đoạn, ngủ nghỉ cũng gián đoạn, nên việc học rất khó. Họ học tập không có gián đoạn, quý vị có thể tưởng tượng được họ học nhanh thế nào. Thế nên đến thế giới tây phương Cực Lạc, quý vị muốn khởi một niệm ác, tạo một việc xấu, không có cơ hội. Thế giới tây phương Cực Lạc tham sân si mạn nghi không sanh khởi lên, cho dù có tập khí này cũng không khởi lên được. Vì sao? Con người chúng ta ở thế giới này tham tài, thế giới tây phương Cực Lạc không ai tham tài cả, tiền tài châu báu không ai cần. Đem vàng ròng đến, quý vị thấy dùng để trải đường, giống đường nhựa ở đây của chúng ta vậy.

Ở đây có người nào đào vài miếng nhựa đường để trong nhà làm bảo bối chẳng? Không có, vì sao? Quá nhiều. Nên vàng ròng ở thế giới Cực Lạc không ai cần, châu báu không ai cần, châu báu để làm gì? Vật liệu xây dựng, làm nhà, vật liệu để kiến trúc xây dựng, không ai cần. Phi thúy, ngọc màu xanh, trong suốt, đây là loại ngọc quý báu nhất, phi thúy của thế giới Cực Lạc là cái gì? Là mặt đất, mặt đất ở đó không phải là bùn đất, mà là phi thúy. Nói cách khác, phi thúy ở cõi Ta Bà, ở thế giới Cực Lạc là đất cát, quý vị sẽ nghĩ sự giàu có của thế giới đó, phước báu của thế giới đó.

Phòng ốc để ở, tâm quý vị nghĩ như thế nào thì nó biến thành như thế ấy, không cần thiết kế, không cần thi công. Tùy ý niệm mà hiện ra, không cần nữa thì nó

mất đi, cũng không cần đập phá, sạch sẽ không chút ô nhiễm, quý vị nói thế giới này đi đâu để tìm? Ở thế giới này, phòng ốc lớn tôi không dám ở, quý vị hỏi vì sao, tôi nói đó không phải người ở trong nhà mà là nhà ở trong người. Quý vị phải hầu hạ phòng ốc, phải quét dọn không mệt lắm sao?

Ở thế giới này nhà ở càng nhỏ càng tốt, vì sao? Dễ dọn dẹp, vài phút đã dọn dẹp sạch sẽ, ở rất thỏa mái. Ở thế giới tây phương Cực Lạc không liên quan, phòng nhà dù lớn cũng không cần dọn dẹp, không cần quét dọn, nhưng không một chút dơ bẩn. Thế giới Cực Lạc không có việc gì cần quý vị làm, áo quần mang lâu cần phải thay giặt, muốn thay thì đã thay đồ mới, còn cũ thì sao? Cũ không thấy nữa. Không cần lo lắng gì, toàn tâm toàn lực tu đạo, đều lo học tập. Khắp biển pháp giới hư không giới, không tìm được nơi thứ hai có môi trường tu học như vậy, chỉ có duy nhất Phật A Di Đà có, như vậy mà có thể không đi ư?

Duyên của chúng ta với Phật A Di Đà đã rất sâu, sao biết được? Vì ngày ngày nhớ ngài, ngày ngày nghĩ đến ngài, nhân duyên này đúng là sâu sắc. Tĩnh tâm để phản tỉnh sẽ biết, chúng ta niệm danh hiệu chư Phật Bồ Tát, danh hiệu nào niệm nhiều nhất? Phật A Di Đà. Chúng ta học tập kinh điển, thì kinh điển nào, khi học tập chúng ta dùng tâm lực và thời gian nhiều nhất? Tịnh độ ngũ kinh. Điều này nói rõ, duyên của chúng ta với Phật A Di Đà rất sâu.

Ở đây chúng ta vừa mới phát tâm, thực sự nghĩ đến thế giới tây phương Cực Lạc, là đã đăng ký ở thế giới Cực Lạc, đã đăng ký tên xong, đăng ký ở đâu? Đăng ký ở trên hoa sen. Trong ao bảy báu mọc một đóa sen, trên hoa sen có tên của quý vị, đã đăng ký, đã ghi danh. Tương lai về thế giới Cực Lạc, A Di Đà Phật liền mang đóa sen này đến tiếp dẫn. Công phu niệm Phật càng chuyên cần thì hoa càng lớn. Cho nên thế giới Cực Lạc không thấy vật gì có sự thay đổi, chỉ có hoa sen trong ao bảy báu thay đổi, từ từ biến lớn lên, ánh sáng càng biến càng đẹp. Nếu thoái tâm không học, học pháp môn khác, đóa sen này khô chết, không còn nữa. Quý vị vừa động niệm là có, không động niệm liền mất đi, cho nên thế giới Cực Lạc chỉ thấy được thứ này có sanh có diệt, chính là hoa sen. Ngoài hoa sen ra, tất cả vạn sự vạn vật đều có sanh diệt.

Ở đây Pháp sư nói, xuất gia tu đạo dễ, tại gia tu đạo rất khó, vì sao? Tại gia rất dễ tạo nghiệp, tạo nghiệp là sao? Tham sân si mạn nghi, đây là ác nghiệp.

Xuất gia tu đạo dễ, ví như chèo thuyền trong biển. Tại gia tu phước rất khó, như chèo thuyền trên đất. Tuy nhiên có tâm xuất gia mà thân không xuất gia, thân xuất gia mà tâm không xuất gia. Nay thân tâm đều xuất gia, nên gọi là từ bỏ gia đình, xa lìa dục lạc.

Trông đoạn kinh văn này nói; từ bỏ gia đình, xa lìa dục lạc, là chú trọng nơi tâm, dục vọng phải hạ thấp. Chúng sanh rất nhiều dục vọng, từ đâu đến? Đều từ nơi thân, vì sao vậy? Vì bảo dưỡng thân này, để giữ gìn thân này, nên không thể không vì thân này mà lo nghĩ, đây là tạo rất nhiều nghiệp. Việc này sai rồi ư? Nói thật, là đã sai, nói giả dối thì không sai. Tại sao nói thật thì sai? Họ chưa hiểu rõ đạo lí của vũ trụ nhân sinh, nếu như thật hiểu rõ rõ thì đạo dưỡng sanh của họ không cần dựa vào vật chất. Tốt hơn vật chất nhiều, đó là gì? Ý niệm! Điều này Phật nói nhiều rồi, hết thấy pháp từ tâm mà sanh ra. Nếu như trong tâm của quý vị đều là A Di Đà Phật, thân của quý vị từ từ trở thành thân kim cang bất hoại, nhưng sắc tướng của không giống Phật A Di Đà. Thân ngài có vô lượng tướng, tướng có vô lượng vẻ đẹp, chỉ ít có 32 tướng tốt 80 vẻ đẹp sẽ hiện ra.

Như vậy có cần dinh dưỡng chăng? Một chút thức ăn là đủ. Quý vị xem, từ xưa đến nay, người tu hành ăn cái gì? Đức Phật lúc còn tại thế, ngài đi khát thực, người ta cho gì ăn nấy. Phật giáo truyền đến Trung Quốc, người xuất gia Trung Quốc ăn một món, canh với thức ăn lẫn lộn. Đó là trong các tự viện ngày xưa, ngày nay không còn nữa, ăn cơm qua đường.

Trai đường, trai là ngày ăn một bữa, đây gọi là trai. Ăn cơm gọi là ăn tập thể, đây là quy tắc của Phật môn. Phật môn dung hợp vạn pháp thành một thể, mặc áo quần, màu sắc áo quần_Y phục này, gọi là cà sa. Đây là màu chính, màu sắc chính trong Phật môn, là màu sắc gì? Đỏ vàng lam trắng đen, năm loại màu sắc hòa thành cùng một, Cà sa này bao gồm tất cả năm màu sắc, nhằm tránh màu sắc của thế gian.

Màu sắc chính của thế gian là năm màu đỏ vàng lam trắng đen. Phật không mặc, Phật mang tạp sắc, năm loại màu sắc nhuộm lại với nhau. Ăn cơm cũng vậy, một bát cơm, cơm với thức ăn hòa cùng nhau, mùi vị như thế nào? Chua ngọt đắng cay mặn hòa lại với nhau, trộn lẫn với nhau gọi là cà sa. Nên mặc y phục, đây là màu cà sa, ăn cơm là vị cà sa, chỉ một món ăn. Không có rất rất nhiều chủng loại bày ra ở đó, đó là pháp thế gian, cho nên người xuất gia đơn giản.

Thầy của tôi Lý Bính Nam lão cư sĩ, người tại gia, không xuất gia, nhưng ông sống cuộc sống của người xuất gia, ngày ăn một bữa. Tôi theo ông 10 năm, tôi thấy rất rõ ràng, không có ai chăm sóc ông, 90 tuổi không có ai chăm, vẫn là tự mình nấu ăn tự mình giặt áo quần. Lúc 95 tuổi, ông mới cho phép hai người trẻ chăm sóc ông, chứng minh điều gì? Chứng minh thân thể của ông khỏe, tự ông có thể làm. Ăn cơm chỉ một cái nồi, nồi chính là bát, đem gom lại, gọi là đem gom lại. Quý vị thấy, là cái nồi, lượng không lớn, chỉ đủ ông ăn một bữa, đây là nồi.

Ông là người Sơn Đông Tế Nam, thích ăn bột mỳ, mỗi ngày nấu mỳ để vào một ít rau xanh, một hai miếng đậu phụ. Từ khi mới nhóm lửa, hạ nồi và đến khi ăn xong dọn dẹp sạch sẽ, rất sạch sẽ, chỉ nửa tiếng. Không lãng phí thời gian, không cần nhiều bát rửa nhiều như vậy, thật phiền hà. Chỉ một cái, nồi cũng là nó, bát cũng là nó, thật tự tại.

Nhưng ông rất từ bi, không như những người trì giới khác, rất chấp trước, thầy không hề chấp chặt. Buổi tối mời ông ăn cơm, ông đi, ông sẽ đi với quý vị. Tôi lúc đó cũng có chút hoài nghi, thầy bảo với tôi, người ta bây giờ công việc của họ bận rộn, họ chỉ có ban đêm mới có thể ngồi cùng quý vị, mới có thể đến với quý vị để thỉnh giáo. Như vậy nếu quý vị ban đêm không đi thì cơ hội của họ không còn nữa.

Vì độ chúng sanh, phải giúp họ, ban đêm lúc mời đi ăn, thầy cũng đi, cũng sẽ ăn một chút ít, vui với mọi người. Nhưng để khai thị, vì thế thầy nói nhiều, còn ăn đồ ăn rất ít. Có khi, ban đêm ông có việc cần xã giao, ông mang tôi theo cùng, tôi ngồi một bên. Nghe ông giúp đỡ chúng sanh phá mê khai ngộ như thế nào, những phương tiện thiện xảo đó chúng ta nên học theo. Còn món ăn tôi là gì? Là lên lớp, là dạy học. Trong Phật pháp đây gọi là khai giới, đây không phải phá giới gọi là khai duyên.

Gặp những cơ hội này, cơ hội đặt biệt quý vị không nên bỏ qua. Đừng cho rằng tôi phải giữ giới, tôi không thể đi, xin thông cảm cho tôi, người bây giờ làm sao có thể? Thông cảm tôi, thì cơ hội không còn nữa. Cho nên thầy thật sự là từ bi vô tận, linh hoạt không bảo thủ, không khô khan, không cố chấp chút nào.

Nói giới luật với tôi, giới luật có khai giá trì phạm, nhất định phải hiểu, không hiểu là không thể trì giới, không hiểu nên cứ cố chấp vào giới điều, như vậy là sai rồi. Nhưng chúng ta có tín tâm, không có chút hoài nghi nào, thân tâm mạnh khỏe, một ngày ăn một bữa, ăn gì cũng được. Khất thực, người ta cho cái gì ăn cái đó, không có phân biệt không có chấp trước, nên ông không có bệnh. Lúc tâm được thanh tịnh, tất cả những đồ ăn không sạch để trước mặt quý vị, ý niệm của quý vị biến nó thành thanh tịnh. Tâm thanh tịnh, làm sao có thể tiếp nhận ô nhiễm? Điều biến thành thanh tịnh, cho nên tôi có thể lĩnh hội được.

Đức Thích Ca Mâu Ni Phật, đi khất thực dọc đường, người ta cúng dường ngài, đó đều là đồ hồ thượng phẩm mùi vị tốt nhất, vì sao? Đến miệng của ngài thì đã thay đổi, liền biến thành đồ hồ thượng vị. Cảnh tùy tâm chuyển, thức ăn là cảnh giới, vào đến miệng lập tức chuyển biến. Tôi biết đạo lý này, cho nên đối với việc này không hề nghi ngại, vì thế cuộc sống tùy duyên thật tự tại.

Nhất định phải bắt bẻ thì thật đau khổ, rất nhọc lòng, như vậy tâm không thanh tịnh, tùy duyên, tâm liền thanh tịnh. Cho nên thanh tịnh này gọi là diệu dụng, tùy duyên diệu dụng, chính là nó không chướng ngại tâm thanh tịnh của quý vị. Không những không chướng ngại mà còn thành tựu tâm thanh tịnh của quý vị, đạo lý này thật sâu.

“Hết thấy chúng sanh do khát ái vậy (nhất thiết chúng sanh do ái khá cố)”. Khát là thí dụ, giống như chúng ta khát đang muốn uống nước, khuyết điểm này là cái gì? Đây chính là một chữ ái. Chúng sanh có ái, cho nên có thân, đầu tiên yêu bản thân mình, từ trong đây bắt đầu khởi lên rất nhiều phiền não. “Vì có thân này nên có cõi nước(Do huyễn thân cố, nhân hữu quốc độ)”, mới có môi trường y báo.

Điều này trong Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán nói rất rõ: “hiển nhất thể, khởi nhị dụng”. Tôi từ đâu đến? Tôi đến từ ái dục. Quý vị thấy một niệm bất giác đầu tiên, một niệm bất giác này không có nguyên nhân, nên gọi là vô thi vô minh. Vô thi là gì? Không có bắt đầu, không có quá khứ, không có vị lai, một niệm lúc đó.

Một niệm lúc này chúng ta cũng đã làm rõ rồi. Di Lạc Bồ Tát đã nói: một cái búng tay có 32 ức trăm nghìn niệm, tức là một trên 32 ức trăm ngàn niệm là một gảy móng tay. Đó gọi là một niệm, gọi là một niệm ngay lúc đó. Một niệm đó bất giác liền xuất hiện vô minh. Vô minh là gì? A Lại Da, A Lại Da là chủ tạo vật. Thân thể của chúng ta, hư không pháp giới đều là A Lại Da biến ra. Hư không pháp giới và chính mình vốn là cùng một thể, vĩnh viễn là một thể. Do vọng tưởng phân biệt chấp trước, nên cho rằng không phải một thể, sai rồi. Phật Bồ Tát biết là một thể, cho nên từ một thể khởi hai dụng, ở đây biết được phàm phu chính là vì ái, chánh báo chính là Mạt Na Thức. Trong Mạt Na Thức Phật bảo với chúng ta “tứ đại phiền não thường tương tùy”, gọi là vô thi vô minh.

Thứ nhất thân kiến, ngã kiến, chấp trước, không có tôi, chấp trước có cái tôi, như vậy là sai, ngã kiến. Thứ hai ngã ái, ngã ái là tham. Ngã mạn, chúng ta ngạo mạn, ngạo mạn là sân nhuế. Ngã si, là ngu si, quý vị thấy tham sân si, bốn đại phiền não thường tương tùy. Đồng thời cùng khởi lên, Khởi lên cùng một lúc với ngã kiến, đây chính là A Lại Da Thức. A Lại Da Thức chúng sanh không biết, chấp trước A Lại Da Thức là ngã. Vì có cái chấp trước này, nó liền hiện một huyễn thân, thân này là cái gì? Hiện tượng vật chất, tướng phần của Mạt Na Thức. Ngã, tham sân si là kiến phần của Mạt Na Thức, tự thể của Mạt Na Thức là tự chứng phần, tự tánh của tự chứng phần là nghiệp tướng của A Lại Da. Đây là nói rõ thân tâm quốc độ từ đâu mà có.

Quý vị thực sự hiểu rõ, minh bạch “xả gia khí dục, ái khát tịnh cố”, tịnh này chính là chuyển A Lại Da thành đại viên cảnh trí, chuyển Mạt Na thành bình đẳng tính trí, chuyển thức thứ sáu thành diệu quan sát trí, chuyển năm thức trước thành thành sở tác trí. Chuyển thức thành trí, đây là khai ngộ, đây chính gọi là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Vừa chuyển thì thân liền thanh tịnh, quốc độ cũng đã thanh tịnh, cảnh tùy tâm chuyển.

Tâm là chủ tể, tâm là năng sanh năng hiện, cảnh giới là sở sanh sở hiện. Chúng ta hiểu được đạo lí này cố gắng để dụng tâm, thì tự nhiên có thể chuyển được. Chúng ta có thể sống giống như Phật Bồ Tát, cuộc sống như vậy thực sự hạnh phúc mỹ mãn, không cần sống cuộc sống đau khổ của nhân gian. Bây giờ tuy không thể hoàn toàn chuyển nhưng vẫn giống được vài phần, vậy chúng ta học Phật không phải đã lãng phí, học Phật có tiến bộ rồi, học Phật biểu hiện ở bên ngoài, thực là vô lượng pháp hỷ, vô lượng hỷ lạc.

“Đại Bát Nhã Kinh vân: Bồ Tát Ma Ha Tát, chí tánh hảo du chư Phật quốc độ, ung viễn ly cư gia. Cố tri xuất gia vi Tịnh độ chánh nhân, dĩ viễn ly bất tịnh cố”. Bồ Tát, Ma Ha Tát là đại Bồ Tát, trong câu này phạm vi bao quát rất rộng. Từ thập tín vị đến thập hồi hướng đều xưng Bồ Tát, 40 vị thứ. Thập tín, Thập trú, thập hạnh, thập hồi hướng đều xưng Bồ Tát. Thập địa và Đẳng Giác gọi là Ma Ha Tát, cho nên trong danh hiệu này có 51 vị thứ, Bồ Tát Ma Ha Tát.

Họ thích vân du các cõi nước Phật, thích đến mỗi một cõi nước Phật để học tập, Phật môn gọi là tham học. Cõi nước chư Phật họ đều có năng lực để đi, đi cúng Phật, cúng Phật là tu phước, đi nghe kinh nghe pháp là học trí tuệ, phước tuệ song tu, đây chính là sự nghiệp của Bồ Tát. Sau khi tu thành giáo họ hóa chúng sanh, lúc đang tu học cũng có giáo hóa chúng sanh, gặp được có duyên thì họ độ. Mà những vị Bồ Tát này, đều có năng lực thân phận, đều có năng lực hóa thân. Có thể hóa vô lượng vô biên thân. Nên cần phải rời xa cư gia, điều này phải chú ý đến, chính là rời bỏ bất tịnh. Cư gia nên dùng ý nghĩa là bất tịnh, rất viên mãn, rời bỏ tất cả nhiễm trước. Đại thừa kinh giáo thường dạy: rời bỏ phân biệt chấp trước, thật sự làm được không phân biệt, không chấp trước, vậy là đúng rồi.

“Cố tri xuất gia vi Tịnh độ chánh nhân, dĩ viễn ly bất tịnh”, chú trọng ở câu sau, viễn ly bất tịnh, đây là nguyên nhân chính của Tịnh độ, cũng chính là điều kiện quan trọng nhất để vãng sanh thế giới Cực Lạc.

“Đường Hải Đông Nguyên Hiếu sư, ư Du Tâm An Lạc Đạo viết: Vô Lượng Thọ Kinh, thuyết tam bối nhân. Thượng bối chi trung thuyết hữu ngũ cú”. Hải Đông thời nhà Đường, bây giờ là Hàn Quốc, Cao Ly (Triều Tiên). Nguyên Hiếu pháp

sư, người Hàn Quốc, ngài du học ở Trung Quốc thân cận Thiện Đạo đại sư. Sau khi về nước đem Tịnh độ tông truyền đến Hàn Quốc, là sơ tổ tịnh tông của Hàn Quốc.

Du Tâm An Lạc Đạo, bộ sách này là trước tác của ngài, trong sách này ngài viết: Kinh Vô Lượng Thọ nói nhân của tam bối. Trong thượng bối nói có năm câu: Thứ nhất: từ bỏ gia đình xa lìa dục lạc để làm sa môn, ở đây hiển bày ra phương tiện chánh nhân, chú trọng ở phương tiện. Thực sự ở thời đại đó, chúng ta biết được thời đại Tùy Đường là thời kỳ hoàng kim của Phật giáo Trung Quốc. Đường Thái Tông hoàng đế với mấy vị cao tông sau này, cho đến Võ Tắc Thiên, trung tông, đều là hộ trì Phật pháp. Trong lịch sử Trung Quốc, Phật giáo thời đại này là hưng thịnh nhất, họ hộ pháp rất đặc lực.

Đạo tràng lúc đó tốt, chân tu. Mười tông phái Phật giáo Trung Quốc, đều trước sau thành lập vào thời đại đó. Tám tông của đại thừa, hai tông của tiểu thừa, đều có tổ sư đại đức chỉ đạo, người thành tựu quá nhiều, lúc đó xuất gia tu đạo thật sự là tốt.

Hai là: phát tâm bồ đề, là minh chánh nhân. Quý vị thấy, xuất gia tìm được một môi trường tu học tốt, đây là phương tiện. Có phương tiện tốt tâm bồ đề mới chân chính phát ra được, tâm bồ đề. Những gì chúng ta nói dễ hiểu hơn so với tổ sư đại đức ngày xưa, bồ đề tâm là chân tâm, chân tâm chính là chân thành. Ấn Quang đại sư ngài thường nói thành kính, một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích, không có tâm thành kính, Phật đến dạy quý vị, quý vị cũng không được lợi ích, vì sao? Không tương ưng. Âm thanh văn tự của chư Phật Bồ Tát, đều là từ trong tự tánh chảy ra, chân tâm lưu lộ. Quý vị không phải chân tâm, không tương ưng. Quý vị nghe xong giải thích ý nghĩa sai, đây không phải ý nghĩa của Phật là ý nghĩa của chính quý vị. Nếu là chân tâm, quý vị thật hiểu được ý nghĩa của Phật, thật hiểu được ý nghĩa của Phật thì quý vị khai ngộ rồi. Nghe kinh một lần là đại triệt đại ngộ.

Cũng là ở thời nhà Đường, Huệ Năng đại sư đã làm một tấm gương cho chúng ta, chúng ta đọc kinh một nghìn lần không khai ngộ, nghe mấy trăm lần cũng không khai ngộ, là nguyên nhân nào? Không dùng chân tâm. Nhưng vì sao Huệ Năng đại sư không biết chữ, chưa từng đến giảng đường ngày nào, cũng chưa từng đến thiền đường ngày nào, một ngày cũng chưa từng đến. Ngũ tổ Hoằng Nhẫn phân phối công việc cho ngài, là ở trong nhà bếp xay gạo chẻ củi, ngài là tiểu phu làm nghề củ của mình. Cho nên ngài ở Hoàng Mai đã tám tháng, chưa từng đến giảng đường, chưa từng đến thiền đường.

Ở trên thực tế mà nói, ngài là một nghĩa công trong chùa, thân phận như vậy, nhưng sau cùng Ngũ Tổ truyền y bát cho ngài, đây là việc ngoài dự liệu của mọi người. Chỉ là một ngày sau cùng đó Ngũ Tổ gọi gặp ngài, canh ba nửa đêm, ở trong phòng của phương trượng, không có ai nghe được, không có ai biết được, nói đại ý Kinh Kim Cang với ngài. Chúng ta dự nhiều nhất là khoảng hơn hai giờ đồng hồ, giảng đến “ung vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm”. Khoảng một phần ba, cũng có lẽ còn chưa đến, thì ngài đại triệt đại ngộ, ngài đã hiểu rõ, y bát của Ngũ Tổ đem truyền cho ngài, vì sao?

Ngũ Tổ giảng Kinh Kim Cang cho ngài là chân tâm lưu lộ, Huệ Năng đại sư nghe kinh là thành kính để nghe, tôi thường nói vạn phần thành kính thì quý vị được vạn phần lợi ích. Ấn Tổ nói: một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính không phải đã được mười phần lợi ích rồi sao? Trăm phần thành kính được trăm phần lợi ích, nghìn phần thành kính được nghìn phần lợi ích, vạn phần thành kính ngài đạt được tối đa, Huệ Năng đại sư là đạt được tối đa. Vừa nghe thì thế nào? Đã thành Phật, thực sự đã minh tâm kiến tánh.

Liên đem nghe kinh tâm đắc trình bày với thầy, trình bày cho ngũ tổ Hoàng Nhẫn 5 câu: Nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh. Nào ngờ tự tánh vốn không sanh diệt. Nào ngờ tự tánh bốn tự đầy đủ. Nào ngờ tự tánh vốn không dao động. Nào ngờ tự tánh năng sanh vạn pháp.

Nói đến ở đây, lão hòa thượng nói, được rồi, không cần nói nữa, truyền y bát cho ngài bảo ngài nhanh chóng rời đi. Vì sao vậy? Sợ người khác đố kỵ, người khác sẽ hại ngài, bảo ngài lần tránh đi. Lần tránh ở trong đội thợ săn 15 năm, đại khái bên ngoài đã việc này quên hết rồi, 15 năm, quên hết rồi, ngài liền xuất hiện. Thiên tông lớn mạnh lên rất nhiều, đây là gì? Vạn phần tôn kính, một chút cũng không thiệt thòi, chúng ta ngày nay nghe kinh học giáo lý không có tâm cung kính nhiều như vậy. Cho nên đọc kinh đều đã hiểu sai ý nghĩa của kinh, không phải ý nghĩa của Phật là ý nghĩa của mình. Nghe kinh cũng vậy, không nghe được cái thật chất, tất cả đều là ý nghĩa của mình đang giải thích giáo huấn của Phật Bồ Tát, đều đã làm sai.

Ngày nay khó khăn nhất của Phật giáo, khó ở chỗ nào? khó ở chỗ không có tâm cung kính, không có tâm cung kính Phật Bồ Tát đến dạy cũng dạy không được, khó ở chỗ này. Lúc xưa có một chút tâm cung kính, đó là cái gì? Từ nhỏ dạy dỗ mà có. Thời đại của tôi, nhờ được chút ánh sáng, được chút ánh sáng là gì? Sinh ra ở nông thôn, nếu như sinh ra ở đô thị thì cũng không có, thành kính này không học được nữa. Nhưng ở nông thôn, nông thôn còn rất cổ hủ, quý vị có một số

người từ nông thôn đến, quê hương chúng tôi là nơi khởi nguồn của phái Đồng Thành, cho nên ở hai triều đại Minh Thanh văn phong rất thịnh. Trẻ con ở nông thôn đều đi học, tư thực, quên hương chúng tôi tư thực rất nhiều.

Tôi 6,7 tuổi đã đi học tư thực, tôi nhớ thời gian rất ngắn, đại khái chỉ có một năm, thì đổi thành trường học ngắn hạn, do chính phủ tổ chức. Giáo trình trong trường học ngắn hạn, không còn học cổ thư, đổi thành cái gì mà con chó kiêu, con mèo nhảy, đổi thành giáo trình như vậy, thực sự hỏng rồi. Nhưng cũng may là còn chút ấn tượng, đối với cha mẹ không có không hiếu thuận, đối với anh em không có không thương yêu, đối với tôn trưởng không có không cung kính, đây là chúng tôi từ nhỏ dưỡng thành.

Tôi học tư thực, tư thực tuy không lớn, ở từ đường, trong nhà bà con của tôi, Vương Thị tông từ, bây giờ từ đường cũng không còn nữa. Ngày vào tư thực được bái thầy, Cha tôi mang theo lễ vật cúng dường thầy, người nông thôn, mang một chút lễ vật, vào học đường, ở đại điện. Đại điện đó trên thực tế là đại điện của tế lễ tổ tiên, trong đó cúng một bài vị, mấy chữ đó tôi đọc được: “đại thành chí thánh tiên sư chi thân vị”, một bài vị rất lớn cúng ở trong đó. Cha tôi ở phía trước, tôi theo sau, thầy giáo ngồi ở bên cạnh, bạn học đứng ở hai bên. Cha tôi dẫn tôi đối với Khổng Lão Phu Tử hành lễ ba quỳ chín lạy, hành đại lễ.

Sau khi bái xong mời thầy giáo lên ngồi, thầy giáo ngồi ở dưới bài vị của Khổng Phu Tử. Cha tôi dẫn tôi hướng về thầy giáo hành lễ ba quỳ chín lạy, chúng tôi mới hiểu được tôn sư trọng đạo, cha tôi đối với thầy giáo quỳ ở dưới đất ba quỳ chín lạy. Dám không nghe lời thầy không? Không dám không nghe, đây là cha với thầy giáo trình diễn, dạy cái gì? Dạy chúng ta tôn sư trọng đạo, tôn sư trọng đạo học được từ đây, không phải giảng cho chúng ta nghe. Thầy giáo với cha trình diễn cho chúng tôi xem, bạn bè đứng hai bên, xem lễ. Mỗi học sinh lúc đi vào đều hành đại lễ như vậy, cho nên chúng tôi tôn kính đối với thầy giáo, suốt đời đều không thể quên được.

Đời này tôi học Phật, được sự chiếu cố của chư vị giáo sư, đích thực rất lợi ích. Một lần ở từ đường đó lễ bái ba quỳ chín lạy, chính là sự việc này, nếu như đối với thầy giáo không có tâm cung kính này, thầy giáo làm sao có thể chiếu cố quý vị? Đâu có đạo lý này? Là điều không thể.

Tôi với Phương Đông Mỹ tiên sinh không quen biết, không ai giới thiệu, chỉ nghe nói ông là người Đồng Thành, Đồng Thành cách nhà tôi không xa, là đồng hương. Không quen, rất mạo muội viết một bức thư gửi ông, nhưng thư của tôi là

viết bằng thẻ văn cổ, dùng bút lông viết chữ khải chân phương, cung cung kính kính.

Thầy giáo nhận được thư của tôi, một tuần thì hồi âm hẹn tôi gặp ở nhà ông, tôi đến nhà của ông, đương nhiên lễ phép cũng rất chu đáo. Ông xem cái gì? Ông xem cái này, chúng tôi sau này từ từ đã hiểu được, thái độ cung kính này của học sinh đối với thầy quá ít, có thể ông không thấy được, thấy được một mình tôi, thì đã làm bảo bối, đã đặt biệt chiếu cố. Tôi viết thư cầu mong, chỉ là hy vọng có thể đến trường nghe bài giảng của ông, chỉ vậy mà thôi.

Ông không để tôi đến trường học, mở lớp ở trong nhà, mỗi ngày chủ nhật, hai giờ đồng hồ, học sinh chỉ một mình tôi, một thầy một trò. Mỗi tuần hai giờ học, tôi đã học được như vậy. Ông vì sao phải bỏ ra thời gian, đặt biệt bỏ ra thời gian để dạy tôi? Thành kính, tôn sư trọng đạo. Tôi muốn học, hiểu học, không làm tôi mất nguyện, như vậy ông có lỗi với tôi. Phạm là người thật sự có học thuật, đều hy vọng có truyền nhân truyền thừa đạo nghiệp của mình.

Người xưa thường nói: “bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại (bất hiếu có ba, vô hậu lớn nhất)”, làm thầy giáo không có người truyền thừa là thất bại. Một đời không tìm được học sinh truyền thừa, vậy làm thế nào? Viết sách, dùng chữ nghĩa truyền đi, hi vọng hậu nhân có duyên có thể đọc được sách của họ, là nguyên nhân như vậy.

Tôi gặp Chương Gia đại sư, đó là có người giới thiệu. Chương Gia đại sư hẹn với tôi một tuần một lần, giống như Phương Đông Mỹ tiên sinh vậy, hai giờ đồng hồ. Tôi theo Chương Gia đại sư ba năm, sau khi đại sư viên tịch, một năm sau tôi quen thầy Lý.

Thầy Lý, là Chu Kính Vũ lão cư sĩ giới thiệu, tôi theo ông 10 năm, học kinh giáo, học đại thừa. Đặt biệt chiếu cố không có gì khác, chính là sáu, bảy tuổi ở từ đường thấy cha mẹ đem tôi lạy ba lạy, là học được từ đó, một đời vĩnh viễn không thể quên được. Nếu như không có duyên này, nhiều nhất thì thầy giáo nói, được thôi! Tôi lên lớp em đến dự thính cũng được, chứ không đơn độc dạy cho quý vị. Cho nên tất cả pháp từ trong cung kính cầu được, quý vị có thể được bao nhiêu chính là xem quý vị có bao nhiêu tâm cung kính, đây là điều tất nhiên. Không có tâm cung kính Phật Bồ Tát giảng kinh nói pháp cho quý vị, quý vị cũng không nghe được, cũng không nghe hiểu. Biểu hiện cung kính chưa đủ, không đạt được gì, phải chân thành. Đây là chân thành của tâm bồ đề, chính là chánh nhân.

Thứ ba: chuyên niệm Phật này, đây là nói tu quán, làm thật. Quán là gì? Nói như hiện nay chính là quan niệm, quý vị có rất nhiều quan niệm sai lầm, đem quan

niệm sai lầm sửa cho đúng đây gọi là tu quán. Như vậy mọi người đã dễ hiểu, xã hội ngày nay rất rắc rối, rắc rối ở chỗ nào? Quan niệm sai lầm phổ biến, coi quan niệm sai lầm cho là đúng, ngược lại cho quan niệm đúng dẫn cho là sai lầm. Điều này rắc rối quá lớn, điều này đã dẫn đến thiên tai. Còn đối với mình mà nói, mang theo bệnh tật, thân tâm không khỏe mạnh. Đối với hoàn cảnh để nói là mang theo tai nạn. Người học Phật này hiểu điều này, đặt biệt là học đại thừa, cảnh tùy tâm chuyển, núi sông đại địa là tùy theo ý nghĩ của chúng ta mà chuyển. Ý nghĩ của chúng ta tốt, thì núi sông đại địa tốt, ý nghĩ không tốt, thì khuyết điểm của núi sông đại địa liền hiện ra.

Trong Kinh Lăng Nghiêm bảo với chúng ta, tâm tham, tâm tham nặng, xã hội đại chúng đều tham tâm, nên chiêu cảm lấy thủy tai. Sân nhuế chiêu cảm lấy hỏa tai, núi lửa phun trào, trái đất nóng dần lên. Ngu si cảm được phong tai, ngạo mạn cảm được là động đất, hoài nghi cảm được là đại địa lỏng lẻo không kiên cố. Núi sẽ đổ xuống, mặt đất sẽ chìm xuống, đây là hoài nghi. Những tai hại do hoài nghi chiêu cảm ra, không thể xem nhẹ nó rất nghiêm trọng, điều này chúng ta không thể không biết.

Tín tâm kiên định, đại địa sẽ kiên cố, thì sẽ không xảy ra sự cố. Người ngày nay không có tín tâm, cho nên vấn đề đã bày ra. Quý vị thực sự siêng năng học tập và nghiên cứu Phật pháp đại thừa, quý vị biết xã hội ngày nay vì sao biến thành như vậy? Dùng cách nào để cải sửa nó? Được, có phương pháp, không phải không có cách.

Phật từ lâu đã nói qua: trừ bỏ tham sân si, siêng tu giới định tuệ, thì vấn đề đã giải quyết được. Câu này là một câu năm chữ, chúng ta nên hiểu được “siêng tu giới định tuệ”, giới định tuệ là sửa đổi tất cả quan niệm không tốt. “Trừ bỏ tham sân si” phía sau tham sân si còn có mạn, nghi, tất cả đều trừ bỏ. Thân tâm của chúng ta hồi phục lại bình thường, núi sông đại địa cũng hồi phục lại bình thường, bình thường là khỏe mạnh nhất, bình thường không có bệnh tật.

Thời gian hôm nay đã hết, chúng ta học đến chỗ này.

Tập 394

Chuyển ngữ: Nguyễn Thanh

Biên tập: Nguyễn Tâm

Giảng ngày: 4.5.2011

Địa Điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_Hong Kong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin an tọa. Mời quý vị xem "Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải" trang 489, chúng ta bắt đầu xem từ hàng thứ hai:

“Đường Hải Đông Nguyên Hiếu sư ư Du Tâm An Lạc Đạo viết: Vô Lượng Thọ Kinh, thuyết tâm bồi nhân. Thượng bồi chi trung thuyết hữu ngũ câu. Nhất giả xã gia ly dục nhi tác sa môn, thử hiển phát khởi chánh nhân phương tiện. Nhị giả phát bồ đề tâm, thị minh chánh nhân”. Buổi học trước chúng ta học đến chỗ này. Chúng ta xem tiếp dưới đây:

“Tam giả chuyên tâm niệm bỉ Phật, thị minh tu quán”. “Quán” này tức là niệm, thông thường chúng ta nói là quan niệm, quan niệm của phàm phu lục đạo chúng ta đã sai. Thấy sai, niệm cũng sai, trong quan niệm đều không biết được thật tướng của các pháp, không hiểu được chân tướng của tất cả các pháp. Quan niệm sai lầm đầu tiên, là chấp trước thân này là ta, từ chỗ sai này nên sai đến cuối cùng, tất cả đều sai.

Ở trong kinh luận, đâu đâu Phật cũng dạy chúng ta, thân này không phải là ta, tu hành phải bắt đầu từ sự phá chấp. Nếu thật sự hiểu được thân này không phải là ta, cũng chính là thật sự hiểu được thân này không phải là ta, thì chúng ta sẽ không vì thân này mà tạo vô lượng vô biên tội nghiệp, để chiêu cảm khổ báo trong địa ngục tam đồ, thật là oan uổng. Chúng ta không thể trách người khác, mà là trách quan niệm sai lầm của chúng ta, cho nên phải sửa đổi quan niệm này lại. Phải tin lời Phật dạy là đúng, nhất định không được hoài nghi Phật Bồ Tát, hoài nghi kinh điển, hoài nghi là chúng ta đã sai lầm rất lớn.

Nhưng chúng ta xem thử thế gian này, xem thử chúng sanh trong lục đạo, ai không chấp trước thân này là ta? Tất cả đều chấp trước như vậy. Bây giờ chúng ta đã biết hoàn toàn sai, nếu họ sửa đổi lại quan niệm này, thì họ không ở trong lục đạo, thì họ đã vượt thoát lục đạo. Sở dĩ rơi vào trong lục đạo, là do sự sai lầm này, điều này chúng ta không thể không biết, không được không biết được.

Thân là gì? thân là sở hữu của ta, ví như nói là của ta, là sở hữu của ta, không phải là ta. Như áo quần, mọi người đều biết áo quần không phải là ta, áo quần là của ta, áo quần của ta, áo quần không phải là ta. Thân này có sanh tử, quý vị phải

biết, ta không có sanh tử, cái gì gọi là ta? Rất nhiều người cho rằng linh hồn là ta, linh hồn không chết, thân chết rồi, nhưng linh hồn vẫn còn.

Quý vị thử xem trong quyển sách này viết, Khởi Tát Quân Đoàn Đông Chánh Trung Quốc Chi Mê, đây là một quân đội cổ La Mã, rất hùng mạnh, có hơn 10 vạn người, tất cả đều chết ở Trung Quốc. 2 ngàn 1 trăm năm trước, linh hồn của họ bây giờ vẫn còn rất vất vả, đã nhập vào một phụ nữ ở Cam Túc, họ đem câu chuyện 2 ngàn 1 trăm năm trước, kể ra rất rõ ràng, rất ràng mạch, họ không chết. Hiện tại bản thân họ đã biết sai rồi, thật sự sai rồi, họ chịu quá nhiều khổ nạn, làm du hồn trong quỷ đạo, tức là cô hồn dã quỷ, không có nơi nương tựa, lưu lạc khắp nơi, không có gì để ăn. Trong bộ sách này viết rất hay, cuối cùng gặp được một vị Bồ Tát đến giúp đỡ họ, chúng tôi nghĩ rằng vị Bồ Tát này chắc là hóa thân của Bồ Tát Quan Thế Âm. Bây giờ nhóm quỷ này đều học Phật, nghe nói một số người được vãng sanh về thế giới Cực Lạc, họ niệm Phật, biết được pháp môn Tịnh Độ, biết được Phật A Di Đà.

Linh hồn có phải là ta chăng? Trong kinh Phật dạy rằng, linh hồn là một cái ta điên đảo mê hoặc, không thể nói nó không phải là ta, nhưng nó bị mê hoặc, nó không có trí huệ. Có trí huệ thì sẽ không mê hoặc, thì sẽ không đầu thai vào trong lục đạo, rồi làm chuyện oan oan tương báo, không làm những chuyện ngu ngốc như vậy. Trong Phật pháp nói linh tánh là ta. Linh hồn đã giác ngộ, thì không gọi là linh hồn nữa, mà gọi là linh tánh, linh tánh là ta, linh tánh bất sanh bất diệt.

Đại sư Huệ Năng minh tâm kiến tánh, tánh đó hình dạng như thế nào? Ngài trình với hòa thượng Hoằng Nhẫn rằng, thứ nhất, tánh là thanh tịnh, xưa nay không nhiễm ô, vĩnh viễn không ô nhiễm.

Hôm nay chúng ta nói nhiễm ô, ở sau kinh Phật có chữ “nhiễm ô ý”, tức là nói A lại da, Mạt na, ý thức đều có nhiễm ô, linh tánh không nhiễm ô. Linh tánh là chân tâm, là cái ta chân thật. A lại da là giả, là vọng tâm, là cái ta giả chứ không phải cái ta chân thật, cho nên quan niệm này rất quan trọng.

Bây giờ chúng ta phải trở về với chánh niệm, tìm ra cái ta chân thật, phải dùng phương pháp gì? phương pháp của Tịnh tông vô cùng mâu nhiệm, là chuyên niệm Phật A Di Đà. Phật A Di Đà là ai? Trong kinh nói, ở thế giới Tây phương có một đức Phật, gọi là Phật A Di Đà. Có phải là thật chăng? Là thật, chắc chắn không phải là giả. Nếu từ trên lý mà nói, từ tự tánh mà nói, thì Phật A Di Đà chính là ta, ta chính là Phật A Di Đà. Câu danh hiệu Phật A Di Đà này hoàn toàn là tiếng Phạn_ tiếng Ấn Độ. Nếu dịch thành tiếng Trung Quốc, thì quý vị đã hiểu rõ rồi, A dịch là vô, Di Đà dịch là lượng, Phật dịch là giác, hoàn toàn chiếu theo chữ Trung

Quốc đề dịch, danh hiệu này nghĩa là Vô Lượng Giác, Vô Lượng Giác là gì? Vô Lượng Giác là tự tánh.

Trong kinh Pháp Hoa Thế Tôn dạy chúng ta rằng: Hết thay chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng của Như Lai, đó là Vô Lượng Giác. Nói cách khác, tất cả thông hiệu của chư Phật, danh hiệu chung của chư Phật gọi là Phật A Di Đà. Không có đức Phật nào không phải là Phật A Di Đà, là Vô Lượng Giác! Chúng ta cũng là Vô Lượng Giác, hiện tại chúng ta bị mê mờ, chúng ta là Phật A Di Đà mê hoặc điên đảo. Ở thế giới Tây phương Cực Lạc là Phật A Di Đà giác ngộ, là một không phải là hai, chúng sanh và Phật không hai, tánh tướng nhất thể, đây là nói thật với quý vị, không chút giả dối. Cho nên bản thân chúng ta phải hiểu rõ, mình phải trân quý, hy vọng trong đời này bỏ vọng về chân, trong đời này của chúng ta nhất định phải phát tâm làm Phật.

Ở trước bản kinh nói về A Xà Vương tử, quý vị thấy rất dễ thương. Nhóm người trẻ tuổi của A Xà vương tử, nghe Phật nói về thế giới Tây phương Cực Lạc, giới thiệu về Phật A Di Đà, họ liền phát tâm, mỗi người đều phát tâm cầu sanh Tịnh Độ, đến thế giới Cực lạc thành Phật, giống như Phật A Di Đà không khác. Khởi tâm động niệm của nhóm thanh niên này chưa nói thành lời, Phật Thích Ca Mâu Ni đã biết rồi, Ngài có tha tâm thông nên biết, Phật khen ngợi họ, thọ ký cho họ.

Hôm nay ở đây chúng ta phát tâm, Phật A Di Đà đã biết, Bồ Tát Thích Ca Mâu Ni Phật cũng biết, Ngài cũng thọ ký cho chúng ta. Bản thân chúng ta mê hoặc điên đảo, trong vọng tâm đầy dẫy vọng tưởng phân biệt chấp trước, cho nên tuy Phật tán thán chúng ta, thọ ký cho chúng ta, nhưng chúng ta cũng không cảm nhận được. Chúng ta biết Phật nhất định tán thán, nhất định thọ ký cho chúng ta, điều này chúng ta không nên hoài nghi. Chỉ là nghiệp chướng của chúng ta quá nặng, nên không cảm nhận được mà thôi. Cho nên tu quán là chân tu, tu hành chân thật.

“Tứ giả tác chư công đức, thị chư khởi hành. Thử quán cập hành tức vi trợ nghiệp”, đây là lời của sư Nguyên Hiểu. “Tác chư công đức”, phàm là việc tốt thì nên làm, việc gì gọi là tốt? Là việc lợi ích chúng sanh. Lợi ích chúng sanh nhất định phải nghĩ đến, hiện tiền chúng sanh được lợi ích, tương lai cũng được lợi ích, kiếp sau cũng được lợi ích, đây gọi là lợi ích chân thật.

Nếu như chỉ lợi trước mắt, nhưng kiếp sau không được lợi ích, thì đó là lợi ích không chân thật. Ví dụ hôm nay quý vị được giàu có, đó là kiếp này, quý vị được mấy trăm ức, mấy ngàn ức, bây giờ có thể hưởng thụ, nhưng chết rồi một đồng cũng không mang theo được, nói không chừng kiếp sau còn phải đọa lạc. Hiện tại

được lợi ích, nhưng kiếp sau không được lợi ích, thì đó là giả, không phải lợi ích chân thật.

Chư Phật Bồ Tát cho chúng sanh lợi ích, các Ngài không phải cho quý vị lợi ích trong kiếp này, trên thực tế là thật sự cho quý vị lợi ích. Nhục thân của đời này có thể ăn no mặc ấm, sống qua ngày tháng là được rồi, quý vị còn muốn nhiều thêm nữa để làm gì? Không cần nhiều. Đời này phải quan tâm đến lợi ích lớn cho đời sau kiếp sau, giúp quý vị vãng sanh thế giới Cực Lạc, thân cận Phật A Di Đà. Ở thế giới Cực Lạc một kiếp thì thành Phật viên mãn, đây là lợi ích rất ráo viên mãn, điều này cần phải biết.

Trong kiếp này, tuy cuộc sống có chút khổ, Phật thường dạy chúng ta “lấy khổ làm thầy”, vì sao? Bởi cuộc sống có khổ, thì quý vị mới không lưu luyến gì ở thế gian này. Nếu như cuộc sống quá sung sướng, thì quý vị sẽ lưu luyến chốn này, không muốn đến thế giới Cực Lạc, vậy là quý vị sai rồi. Cho nên Phật Thích Ca Mâu Ni làm gương cho chúng ta, Ngài buông bỏ tất cả cuộc sống vật chất. Tất cả tài sản của Phật Thích Ca Mâu Ni đều ở trên thân, có bao nhiêu thứ? 3 y một bình bát, đó là toàn bộ tài sản của Ngài, trừ những thứ này ra Ngài không có gì cả.

Ăn thì đi khát thực, tối ngủ dưới gốc cây, không phải sống một hai ngày, một năm hai năm, không phải như vậy, Ngài sống suốt cuộc đời như vậy. Từ lúc 19 tuổi rời khỏi gia đình đi xuất gia, Ngài đều sống cuộc sống như vậy, 79 tuổi viên tịch, làm một tấm gương tốt nhất cho chúng ta, không có gì cả.

Vậy ngài làm các công đức, ngài làm công đức gì? Ngày ngày giảng kinh dạy học chính là Ngài làm công đức, giúp tất cả chúng sanh phá mê khai ngộ, công đức rất lớn! Mục đích là gì? mục đích là giúp chúng sanh thoát khổ được vui. Khổ do đâu mà có? là từ mê hoặc điên đảo mà có. Vui từ đâu mà có? vui là từ giác ngộ chân chánh mà có. Giúp chúng sanh thoát khổ được vui, đó là dạy học, mục đích dạy học là giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, đây gọi là Phật sự. Trong kinh Phật nói Phật sự, thì đây gọi là Phật sự, việc mà Phật làm. Sự nghiệp của Phật, chính là giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, điều này quý vị cần phải biết.

“Nguyên Hiểu sư dĩ niệm Phật vi trợ nghiệp”, quán, hành đều thuộc về trợ nghiệp. “Thử thuyết vị uẩn”, tức là không thỏa đáng. “Tiền dĩ ư minh tổng chương biện chi”, chỗ này không cần nói nhiều nữa. Các bậc đại đức ngày xưa, như đại sư Liên Trì nói, niệm Phật là chánh nhân, chánh trợ song tu, đây là chánh tu. Còn trợ tu thì sao? Trợ tu cũng là niệm Phật, chánh trợ đều là niệm Phật. Phân biệt chánh và trợ như thế nào? Chánh là định khóa, khóa là thời khóa tụng sáng và tối, khóa là định cho mỗi ngày, quy định chúng ta nhất định phải niệm bao

nhiều biến, đây là định khóa. Ngoài định khóa ra, thì bất cứ lúc nào, bất cứ chỗ nào đều niệm Phật. Nếu có việc phải suy nghĩ, thì quý vị dừng niệm Phật để xử lý công việc; xử lý công việc rồi thì niệm Phật tiếp, đây gọi là tán khóa, tức là trợ niệm. Chánh và trợ đều là niệm Phật, mới gọi là nhất hương chuyên niệm. Chữ nhất này là nhất tâm chuyên niệm, cũng có thể nói là một phương hướng chuyên niệm.

Cuộc đời của tôi đi con đường này là thế giới Tây Phương Cực Lạc, mục tiêu của tôi là thân cận Phật A Di Đà, ngoài điều này ra tôi hoàn toàn buông bỏ. Không còn phân biệt, không còn chấp trước nữa, điều này là đúng. Trong kiếp này người này nhất định được vãng sanh, chẳng có ai không vãng sanh.

Điều cuối cùng là, “ngũ giả nguyện sanh bỉ quốc”, tất cả có năm điều, điều cuối cùng này là nguyện, bốn điều trước là hạnh. “Hạnh nguyện hòa hợp, nãi đắc sanh cố”, thì chắc chắn được vãng sanh. Sư Nguyên Hiểu nói rất hay, Nguyên Hiểu là người triều đại nhà Đường, Hải Đông là Hàn Quốc bây giờ, lúc đó sư đến Trung Quốc du học và thân gần đại sư Thiện Đạo.

Chúng ta xem tiếp đoạn dưới đây: “Thượng”, thượng là nói ở trên, đoạn ở trên. “Khởi Tín Luận”, Khởi Tín luận là Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận, không phải Đại Thừa Khởi Tín Luận, là Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận, do Bành Tế Thanh trước tác: “Dĩ xuất gia vi Tịnh Độ chánh nhân”, đây là trong Khởi Tín Luận này nói: “Nguyên Hiểu sư dĩ xuất gia vi hiển phát chánh nhân chi phương tiện”.

Hai loại kiến giải có đại thể tương đồng. Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói “hậu thuyết giáo uẩn”. Thuyết của Sư Nguyên Hiểu hình như thỏa đáng hơn một chút, nói càng hay hơn, lấy việc xuất gia làm phương tiện hiển phát chánh nhân. “Nhược kiêm cứu Quán Kinh”, chúng ta tham khảo Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Trong Quán Kinh, thượng tam phẩm không nói xuất gia, thượng phẩm trung sanh có tu hành các giới. Trong trung phẩm trung sanh có nói, nếu trì giới Sa Di một ngày một đêm, nếu trì giới cụ túc một ngày một đêm. Cái Kinh chính là Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, trong chín phẩm, duy có hai phẩm này đích thực chỉ xuất gia. Có văn tự này, ngoài ra trong trong bảy không nói đến xuất gia. Cho nên cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói, sư Nguyên Hiểu lấy việc xuất gia làm hiển phát phương tiện chánh nhân, ông nói câu này rất thỏa đáng. “Đẫn bốn kinh phản chi”. Trong Vô Lượng Thọ Kinh và Quán Kinh nói hoàn toàn trái ngược, vì sao? Quán Kinh có chín phẩm, ba phẩm trước là thượng thượng phẩm, thượng trung phẩm, thượng hạ phẩm, tương đương với thượng bồi trong Vô Lượng Thọ Kinh

nói. Thượng bối của Vô Lượng Thọ Kinh là nói đến xuất gia, ba phẩm trên của Quán kinh không nói đến xuất gia, trung bối mới nói đến xuất gia. Trung bối thì sao? bốn kinh của chúng ta, “trung bối tắc vị bất năng hành tác sa môn”, tức là không xuất gia. Cho nên trong Vô Lượng Thọ kinh nói, và trong Quán kinh nói không giống nhau.

Phía dưới là giải thích, Cơ duyên chúng sanh vô cùng khác nhau, nhân địa tu hành cũng vạn lần sai biệt, chúng ta thường nói là thiên sai vạn biệt. Người người sai khác, mỗi một bất đồng, “khái quát nhi thô phân bối phẩm, lược hiển vị thứ”. Điều này nhất định phải hiểu, Phật chỉ nói khái quát chung chung, không nói rõ, nói sơ lược vị thứ. Trộm nghĩ, chữ trộm này là cư sĩ Hoàng Niệm Tổ kiêu tôn, tức là tôi nghĩ “tùy bệnh cho thuốc, tùy cơ thuyết pháp”.

Khi Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, Ngài giảng kinh dạy học cũng có đối tượng, Quán Kinh là lấy phu nhân Vi Đề Hi làm đối tượng. Giảng Vô Lượng Thọ kinh thì khác, đây là trong đại hội có 1 vạn 2 ngàn đại tỳ kheo, 5 trăm tỳ kheo ni, nhân duyên hoàn toàn khác với trường hợp trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh. Phật tùy cơ nói pháp, căn cơ của thính chúng không giống nhau, nên Phật nói pháp khác nhau. Giống như bác sĩ chữa bệnh, họ bị bệnh gì thì cho thuốc đó. “Cổ vị khả câu ư nhất cách, tử ư câu hạ”, chúng ta hoàn toàn không hiểu được ý nghĩa của Phật thuyết pháp. Trong bài kệ khai kinh nói rất hay “nguyên hiểu nghĩa chân thật của Như Lai”. Tập khí của người phàm phu rất nặng, phải nghiên cứu, phải truy cứu từ gốc đến ngọn, thái độ này có chính xác chăng? không thể nói là không chính xác, cũng không thể nói hoàn toàn chính xác. Vì sao vậy? Chấp trước quá đáng thì biến thành chướng ngại, cầu thả trái lại dễ dàng khai ngộ.

Gia Cát Lượng đọc sách, không cầu hiểu rõ, chỉ xem đại ý của nó, đây là phương pháp đọc sách của ông ta. Có người khi đọc sách nhất định phải truy tìm nguồn gốc, phải hiểu rõ ràng, minh bạch, họ có thật sự hiểu rõ không? Vấn đề rất lớn. Đến một giai đoạn tự cho là đã hiểu rõ ràng, minh bạch, thì họ không thể tiến lên phía trước được. Nếu như tiến lên phía trước, thì thật sự tất cả pháp sâu xa vô lượng.

Bất cứ một pháp nào, thật sự biết học, thiện học, là phải đặc định, là phải khai mở trí huệ, đây gọi là thiện học. Chấp trước cứng nhắc sẽ chướng ngại cho sự đặc định, phân biệt cũng chướng ngại cho sự đặc định, buông bỏ được phân biệt chấp trước thì rất dễ dàng nhập định. Trong định cảnh giới hiện tiền, tốt, bởi vì đó là

cảnh giới hiện lượng, quý vị đích thân thấy được, quý vị đích thân tiếp xúc được, chẳng có pháp nào không thông hiểu thấu triệt.

Người xưa cầu học chú trọng ở sự khai ngộ, người nay cầu học chú trọng ở chỗ học rộng biết nhiều, đi con đường không giống nhau. Người xưa có trí huệ, người nay có kiến thức, có tri thức, có tri thức nhưng không có trí huệ. Người xưa có trí huệ, trong trí huệ có tri thức, trong tri thức không có trí huệ, vì sao? Bởi tâm của trí huệ là thanh tịnh, tâm của tri thức là trôi nổi, là nóng nảy, không giống nhau. Trí huệ có thể giải quyết vấn đề, không để lại di chứng, tri thức giải quyết vấn đề để lại một đại đội di chứng, rất đáng sợ.

Ngày xưa, người làm sự nghiệp lớn, tâm thanh tịnh, trí huệ quyết đoán, cho nên xử lý công việc rất tốt, rất thỏa đáng. Bây giờ không có, cho nên xã hội lộn xộn, việc gì cũng làm không tốt. Nghĩ thì rất tốt, rốt cuộc khi làm ra thì biến dạng, biến chất; trí huệ xử lý vĩnh viễn không biến đổi, đây là sự khác biệt giữa trí huệ và tri thức. Cho nên chúng ta học Phật phải học trí huệ, nhất định phải đạt định huệ, nhân giới đạt định, nhân định khai huệ. Giới là quy cũ, giữ quy cũ, không được bậy bạ, không được ý kiến khác người, tuân thủ người xưa, biện pháp xưa của Phật Bồ Tát. Biện pháp xưa này, thập phương tam thế nhất thiết chư Phật đều dùng phương pháp này để thành tựu, để đạt định khai huệ.

Hôm nay chúng ta nghĩ một phương pháp mới, không cần phương pháp cũ nữa, thử nghiệm phương pháp mới, thử nghiệm 1 trăm lần, 1 ngàn lần cũng có khuyết điểm. Như vậy chúng ta mới thật sự nghĩ đến người xưa rất giỏi, phương pháp của người xưa truyền cả ngàn năm, truyền vạn năm, vĩnh viễn không thay đổi, vĩnh viễn không có khuyết điểm. Quý vị không tuân thủ phương pháp của họ thì quý vị sẽ phát sanh khuyết điểm. Vì sao? Bởi phương pháp của người xưa là từ trong tự tánh phát ra, phương pháp của người xưa là trí huệ chân thật.

Như bộ kinh này của chúng ta nói ba điều chân thật, điều này rất tuyệt vời. Chân thật rốt ráo là nói về bản tánh chân như, bộ kinh này là từ bản tánh chân như phát ra, lại trở về bản tánh chân như. Chân thật trí huệ, chân thật lợi ích, đây là ba loại chân thật. Nếu quý vị không tin, quý vị muốn ý kiến khác người, muốn nghĩ đến một phương pháp khác, nhưng nghĩ không ra, không có năng lực này. Nghĩ ra được cho rằng là phương pháp hay, và cứ theo vậy mà làm, khiến xảy ra điều tệ hại, xảy ra vấn đề, điều này quý vị không thể không biết.

Thật sự hiểu rõ ràng, minh bạch, vẫn là người xưa đúng, điều này chẳng thể không khâm phục. Phương pháp xưa, ngàn năm vạn đời xã hội an định, nhân dân

hạnh phúc, không có khuyết điểm. Những bậc cổ thánh tiên Hiền, người sanh thiên thì sanh thiên, người học Phật thì thành Phật, họ không ở trong ba đường ác. “Thiết kế Vô Lượng Thọ hội thượng”, “thiết” là cư sĩ Hoàng Niệm Tổ khiêm tốn, tức là chúng ta tính xem trên pháp hội Vô Lượng Thọ: “A Nan đương cơ, tịnh hữu đại tỳ kheo vạn nhị thiên nhân, tỳ kheo ni ngũ bách nhân, như thị xuất gia đại đức, giai ưng thượng bối vãng sanh”. Không sai chút nào, khi Phật Thích Ca Mâu Ni nhìn xuống những người nghe giảng kinh, Ngài khẳng định họ đều là thượng bối vãng sanh, thượng thượng phẩm, thượng trung phẩm, thượng hạ phẩm. Bản kinh này là đệ nhất kinh của Tịnh độ, điều này các đại đức xưa nay cùng khẳng định, Tịnh tông đệ nhất kinh.

“Sở thị nãi chánh tông điển phạm”, là điển hình mô phạm. “Xuất gia tu hành đắc thượng bối vãng sanh, nãi hợp thường tình”, đây là điều xứng đáng, khẳng định họ là thượng bối vãng sanh. “Phật cố khế thử nhân duyên, nhi thuyết thượng bối sanh giả, xuất gia khí dục, nhi tác sa môn”, cho nên Phật có câu nói này.

Đối với Quán Kinh, không giống với kinh này, “tắc đại dị ư thị”. Hoàn toàn không tương đồng với duyên của Vô Lượng Thọ kinh. Thính chúng, Phật nói Vô Lượng Thọ kinh, quý vị xem thính chúng: tỳ kheo xuất gia có 1 vạn 2 ngàn người, tỳ kheo ni 5 trăm người, pháp hội này rất thù thắng, rất trang nghiêm, có nhiều người xuất gia cùng ở một nơi như vậy.

Nhân duyên của Quán Kinh là phu nhân Vi Đề Hi, bà mang theo một tốp cung nữ của mình, là người tại gia. Phu nhân Vi Đề Hi gặp nạn, con trai bất hiếu phát khởi chính biến, muốn lật đổ chình quyền của cha để làm quốc vương, ông ta làm chính biến. Cho nên vị quốc vương này là cha, Vi Đề Hi là mẹ, gặp phải biến cố gia đình như vậy, khổ không kể xiết, ở trong trạng huống này bà cầu Phật Thích Ca Mâu Ni cứu bà. Lúc bấy giờ bên cạnh Phật chỉ có A Nan và Mục Kiền Liên, hai cánh tay đắc lực của Phật.

“Thích phạm chư thiên, hư không vũ hoa”, những vị thần hộ pháp tại không trung nhìn thấy phu nhân Vi Đề Hi cầu pháp, Thế Tôn khai thị cho bà, nên hoan hỷ rải hoa cúng dường. “Hội trung A Nan, Mục Liên vi đại quyền thị hiện chi tỳ kheo, chúng ta biết rằng, A nan và Mục Kiền Liên là đại Bồ Tát tái sanh. Mục Kiền Liên đã thành Phật từ kiếp lâu xa, lên thuyền từ trở lại độ sanh. Ngài ở trong hội Đức Thích Ca hóa độ chúng sanh thị hiện làm đệ tử, biểu hiện là thần thông đệ nhất. Còn A Nan là biểu hiện đa văn đệ nhất, cho nên họ đã thị hiện.

“Dư vô xuất gia chi chúng. Ư thử hội thượng đương cơ văn pháp tịnh thượng bối vãng sanh giả, chủ yếu thị Vi Đề Hi phu nhân đẳng tại gia nhân”. Ở đây nói rất rõ

ràng, Phật Thích Ca Mâu Ni tùy cơ thuyết pháp, tình hình của pháp hội Vô Lượng và pháp hội Quán Kinh hoàn toàn không giống nhau “Cổ Phật ứng kỳ cơ duyên, u thượng phẩm sanh trung giai vị ngôn xuất gia”. Không có người xuất gia, phu nhân Vi Đề Hi và các thị nữ, dẫn theo một số cung nữ, đều là những người tại gia, không có người xuất gia, cho nên không nói đến người xuất gia.

“Hựu Quán Kinh viết: Vi Đề Hi phu nhân dĩ ngũ bách thị nữ”, đây là nói về số lượng người. Lúc nói Quán Kinh, thỉnh chúng là phu nhân Vi Đề Hi dẫn theo 5 trăm cung nữ. “Văn Phật sở thuyết”, phu nhân và những cung nữ này nghe Phật thuyết pháp, “ứng thời tức kiến Cực Lạc thế giới quảng trường chi tướng”, tức là nhìn thấy thế giới Cực Lạc quảng đại trang nghiêm. “Đắc kiến Phật thân”, thấy được hiện thân của Phật A Di Đà, “cập nhị Bồ Tát”, nhị Bồ Tát là Quan Âm, Thế Chí. Tâm sanh hoan hỷ, khen là việc chưa từng có, hoát nhiên đại ngộ, đãi vô sanh nhẫn. “Đãi” tức là đạt được, điều này quá tuyệt vời, đạt được vô sanh nhẫn. Đây là nói phu nhân Vi Đề Hi đạt được vô sanh nhẫn. Thông thường đạt được vô sanh nhẫn là thất địa Bồ Tát.

Trong Nhân Vương kinh nói, Nhân Vương kinh nói về 5 loại nhẫn, vô sanh nhẫn là Bồ Tát địa vị cao đạt đến, Bồ Tát thất địa là hạ phẩm vô sanh nhẫn, Bồ Tát bát địa là trung phẩm, Bồ Tát cửu địa là thượng phẩm, họ đạt được vô sanh nhẫn. Lên trên nữa gọi là tịch diệt nhẫn, thập địa Bồ Tát là hạ phẩm tịch diệt nhẫn, Đẳng Giác Bồ Tát là trung phẩm tịch diệt nhẫn, Diệu Giác quả vị là Phật quả, đã thành Phật, thật sự đã thành Phật, thượng phẩm tịch diệt nhẫn, thanh tịnh tịch diệt. Cho nên vô sanh nhẫn là đại Bồ Tát, phu nhân Vi Đề Hi đã chứng được. 500 thị nữ đi theo bà, thiện căn, phước đức, nhân duyên của họ không bằng phu nhân Vi Đề Hi. Như vậy cho thấy rằng, phu nhân Vi Đề Hi cũng là Bồ Tát tái sanh, không phải là phàm phu.

“Ngũ bách thị nữ, phát a nậu đa la tam miệu tam bồ đề tâm, nguyện sanh bỉ quốc”. Đây là nói 5 trăm thị nữ thấy Phật nghe pháp, phát vô thượng bồ đề tâm, nguyện sanh thế giới Cực Lạc. “Thế Tôn tất ký”, tất ký, ký là thọ ký cho họ, thọ ký cho 5 trăm thị nữ này, “giai đương vãng sanh”, Phật nói với họ rằng, tương lai các người đều được vãng sanh.

“Sanh bỉ quốc dĩ , hoạch đắc chư Phật hiện tiền tam muội, vô lượng chư thiên, phát vô thượng đạo tâm”. Sanh về thế giới Tây phương Cực Lạc, quý vị sẽ đạt được hiện tiền tam muội của chư Phật Bồ Tát, câu này là nói chung chung, vì sao? 500 người này căn tánh của họ không giống nhau, cho nên đắc tam muội

cũng không giống nhau. Nhưng tất cả đều đặc tam muội, tam muội sâu cạn sai biệt không đồng.

Lúc bấy giờ vô lượng chư thiên, tức là chư thiên lúc trước rải hoa cúng dường. Chư thiên này nhìn thấy trạng huống như vậy cũng phát vô thượng đạo tâm, tâm vô thượng đạo là tâm bồ đề, họ cũng phát bồ đề tâm. Có thể thấy, trong hội Quán Kinh, chúng đương cơ đều là căn khí đại thừa. Thế Tôn giảng hội Quán Vô Lượng Phật kinh này, những thánh chúng có duyên, 500 thị nữ đều là căn khí đại thừa, vì sao? Nghe đến pháp đại thừa họ tin được, hiểu được, hoan hỷ tiếp thọ, phát nguyện vãng sanh, đây là thuần căn khí đại thừa.

“Hựu giai thị tại gia phát tâm”, họ là những người không xuất gia, người xuất gia chỉ có Phật Thích Ca Mâu Ni và hai vị thị giả là A Nan và Mục Kiền Liên, ngoài hai vị này ra thánh chúng đều là người tại gia, tại gia phát tâm. “Nhu thị chư nhân, định khả thượng bồi vãng sanh”, chư nhân tức là không phải chỉ một mình phu nhân Vi Đề Hi, mà tất cả đều là thượng bồi vãng sanh. Thượng bồi vãng sanh có ba bậc, là thượng phẩm thượng sanh, thượng phẩm trung sanh, và thượng phẩm hạ sanh, họ đều ở trong ba phẩm này, ba phẩm trên.

“Thả Vi Đề Hi phu nhân ngộ vô sanh pháp nhãn ư hiện thế, tất thị thượng phẩm thượng sanh Cực Lạc Phật độ”, lúc đó bà nghe rồi liền ngộ vô sanh pháp nhãn, như thế nào gọi là vô sanh pháp nhãn? Trước nói chữ nhãn, chữ nhãn ở đây là nói khẳng định, đồng ý lời Phật dạy tất cả pháp là bất sanh bất diệt, tức là vô sanh. Tất cả pháp vô sanh, vô sanh tức vô diệt, nhất thiết pháp bất sanh bất diệt, họ có thể thừa nhận, có thể tiếp thọ, không chút hoài nghi, đây gọi là vô sanh nhãn. Cảnh giới này trong thiên tông gọi là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh.

Đại sư Huệ Năng khai ngộ là cảnh giới này, ở trong hội của ngũ tổ đặc vô sanh pháp nhãn. Cho nên Ngài nói “nào ngờ tự tánh vốn không sanh diệt”, đây chính là vô sanh pháp nhãn, y bát của ngũ tổ lập tức truyền lại cho Ngài, trở thành vị tổ đời thứ 6.

Cho nên phu nhân Vi Đề Hi ngay hiện đời, hiện tiền ngộ vô sanh pháp nhãn, đây không phải đến thế giới Cực Lạc, nghe Phật thuyết pháp bà liền đạt được. Cảnh giới hoàn toàn tương đồng với đại sư Huệ Năng nghe pháp ở ngũ tổ, bà vãng sanh thế giới Cực Lạc chắc chắn là thượng phẩm thượng sanh.

Vi Đề Hy và các phụ nữ tại gia, ngay đời này chứng vô sanh nhãn, thượng phẩm vãng sanh, đủ để chứng thượng bồi vãng sanh, không giới hạn ở chúng xuất gia. Ý nghĩa này đã giảng thông rồi, đã nói rõ ràng minh bạch rồi. Lại hiện rõ diệu pháp của Tịnh độ tông, là phá trừ tất cả những quy củ, đều chứng được cứu cánh

viên mãn, thật không thể nghĩ bàn. Tịnh tông vi diệu là ở chỗ này, nó không giống với 8 vạn 4 ngàn pháp môn khác, quy cách của 8 vạn 4 ngàn pháp môn đó không tương đồng với Tịnh tông, Tịnh tông xác thực chí cực viên đôn, chí viên cực đôn, bất khả tư nghì.

“Hựu Báo Ân luận trung viết: Lưu Di Dân tam độ kiến Phật, y phú thủ ma, tự đương thượng phẩm, phi xuất gia dã”. Đây là vào thời đại Đông Tấn thân cận sơ tổ Huệ Viễn. Ở Trung Quốc, thời Đông Tấn đại sư Huệ Viễn kiến lập niệm Phật Đường sớm nhất ở Lô Sơn- niệm Phật đường Đông Lâm. Đây là đạo tràng đầu tiên của Tịnh độ tông ở Trung Quốc, bây giờ gọi là Đông Lâm tự.

Lưu Di Dân là một thành viên trong niệm Phật đường, cư sĩ tại gia, trong đó có xuất gia, có tại gia, 123 người, ở đây tu niệm Phật. Họ rất lợi hại, khi đã bước vào niệm Phật đường này là không muốn ra nữa, muốn ở đây vãng sanh.

Bên ngoài niệm Phật đường có một con suối nhỏ gọi là suối Hồ, dùng suối Hồ làm ranh giới, người chỉ được ở trong ranh giới, không ra ngoài ranh giới, mọi người đều phát tín tâm, quyết một lòng ở đây niệm Phật. Lúc bấy giờ chỉ có một bộ kinh Vô Lượng Thọ. Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, A Di Đà kinh, chúng ta biết khi đó đã đến Trung Quốc rồi, nhưng chưa được dịch sang tiếng Trung, là tiếng Phạn, chưa được dịch ra. Cho nên Lô Sơn Đông Lâm Liên Xã chỉ có một bộ kinh, tức là Vô Lượng Thọ kinh.

Vô Lượng Thọ kinh được phiên dịch sớm nhất, thời đại hậu Hán đã được phiên dịch rồi, do ngài An Thế Cao dịch, nhưng quyển này đã thất truyền, trong mục lục của Tạng kinh có, nhưng quyển này không còn nữa. Lưu Di Dân ở trong niệm Phật Đường niệm Phật, ba lần thấy được Phật A Di Đà, y phục của Phật A Di Đà, Ngài khoác y cà sa, dùng y cà sa trùm lên ông ta, trùm lên thân thể của Lưu Di Dân, tay của Phật A Di Đà xoa đầu ông ta, cảm ứng không thể nghĩ bàn. Ba lần thấy Phật, y trùm tay xoa, ông ta vãng sanh đương nhiên là thượng phẩm vãng sanh, không dám nói thượng phẩm thượng sanh, chắc chắn tại thượng bồi, thượng phẩm thượng sanh, thượng phẩm trung sanh, thượng phẩm hạ sanh, khẳng định ông ta là thượng bồi, không phải người xuất gia, ông ta là tại gia.

“Nhi phàm Liên tông chư tổ, cập Duy Ma, Hiền Hộ đẳng, nhất thiết sào tổ danh đức chi vãng sanh giả, khả liệt tri hĩ”. Đây là nói tổng quát, phàm là các vị tổ sư của Tịnh Độ tông, những vị tổ sư này là được mọi người công nhận. Tịnh Độ tông không có truyền pháp, các tông phái khác đều có truyền pháp, đời này truyền đến đời khác, có quyển pháp, chứng thư truyền lại, chỉ có Tịnh Độ tông không có.

Tổ sư của Tịnh Độ tông là do dân chọn, người thầy viên tịch, hậu nhân công nhận, họ có thể xưng là nhất đại tổ sư, nên đều không phải lúc sống. Sau khi chết mọi người mới tôn sùng, họ là đời tổ sư thứ mấy. Thế nên tổ sư của Tịnh tông là dân chọn, không phải truyền thừa từ đời này đến đời khác, không phải như vậy mà là do dân chọn. Là sau khi vãng sanh rồi người đời sau chọn, không phải ngay lúc đó.

Đời thứ hai tức là triều đại nhà Đường, quý vị xem từ Đông Tấn đến triều đại nhà Đường khoảng trong thời gian này không có người thứ hai, mọi người không chọn nữa. Triều đại nhà Đường lại xuất hiện một người, đó là Thiện Đạo, ngôn hạnh giáo huấn, những lời dạy, những gì đã truyền của ông hoàn toàn tương ứng với Vô Lượng Thọ kinh, A Di Đà kinh, hoặc Quán kinh, mọi người đều nói đây là tổ sư một đời. Quý vị thấy tổ sư của mỗi tông phái đều truyền đến mấy chục đời, đều là 5- 6 mươi đời. Tịnh Độ tông mới 13 đời, tức là 13 vị.

Cuối cùng là năm Dân Quốc, mọi người công nhận đại sư Ấn Quang là vị tổ thứ 13 của Tịnh Độ tông. Những vị tổ sư này khẳng định thượng bói vãng sanh. Cùng như cư sĩ Duy Ma Cật lúc Phật còn tại thế,

“Hiền Hộ đẳng thập lục chánh sĩ”, ở trước kinh này nói, 16 vị chánh sĩ Bồ tát này đều là tại gia. “Nhất thiết sào tố danh đức chi vãng sanh giả, khả liệt tri hĩ”, chúng ta có thể tưởng tượng họ đều là thượng bói vãng sanh.

Dưới đây giới thiệu, “Tán đại Lưu Di Dân, dữ Lô sơn Viễn công đồng hội niệm Phật giả dã. Vãng sanh tại Viễn công tiên”, ông ta vãng sanh trước Huệ Viễn đại sư. “Viễn công lâm chung, phương tòng định khởi. kiến A Di Đà Phật, thân mãn hư không. viên quang chi trung, hữu chư hóa Phật. Quan Âm Thế Chí, tả hữu thị lập”. Khi đại sư Huệ Viễn vãng sanh, Lưu Di Dân theo Phật đến nghinh đón, trong Liên Xã những người vãng sanh trước đều theo Phật đến. Sự ghi chép này tuyệt đối không phải là giả, tuyệt đối không phải lừa dối người, quý vị thấy khi đại sư Huệ Viễn vãng sanh, mới từ trong định dậy, đang nhập định, trong định xuất định thấy thân Phật A Di Đà đầy khắp hư không, đây là thật. Trong ánh hào quang có chư vị hóa Phật, Quan Âm Thế Chí đứng hầu hai bên, đây là thấy được tượng Phật.

Tôi đã thấy một lần, không phải ở trong định, mà là trong mơ. Năm 79 tuổi tôi bị một cơn bệnh, cơn bệnh đó làm tôi sắp vãng sanh, nhưng không đi được. Quả thực thấy được thân tướng Phật A Di Đà đầy khắp hư không, tướng rất lớn. Tôi nhìn thấy Phật Thích ca Mâu Ni, Phật A Di Đà, Phật Tỳ Lô Giá Na. Bởi vì tôi giảng Hoa Nghiêm kinh, giảng Hoa Nghiêm kinh nên tôi đến lễ lạy, lạy thứ nhất

là lạy Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, lạy thứ hai là lạy Phật A Di Đà, lạy thứ ba là lạy Phật Tỳ Lô Giá Na. Lạy thành thói quen, cho nên khi đó thấy được ba vị Phật đều là thân mãn hư không. Cuối cùng trong tâm tôi liền niệm Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát, thì tượng Phật không còn nữa, mà Bồ Tát Quán Thế Âm hiện ra, cũng là thân mãn hư không.

Tôi chỉ chú ý xem tượng Phật Bồ Tát, ở sau lưng tôi có người hỏi tôi, họ hỏi thì tôi trả lời, tôi không quay đầu lại, không biết người đó là ai? họ hỏi tôi rất nhiều, tôi thật sự muốn vãng sanh, đi theo Phật. Lúc đó nhớ đến khi mới học Phật, đại sư Chương Gia nói với tôi: Cuộc đời của tôi là do Phật Bồ Tát sắp đặt. Cho nên tôi đáp rằng, nếu như Phật Bồ Tát còn muốn tôi sống thêm vài năm, cũng không sao, như vậy rồi tĩnh lại.

Giấc mơ này không phải là giấc mơ bình thường, nó quá chân thật. Tôi thấy ở giữa cánh đồng rộng mênh mông, tôi nằm trên bãi cỏ nhìn những giải núi trùng trùng điệp điệp trước mặt, rất giống từng tầng từng tầng Thương sơn ở Vân Nam, nhưng không có biển, trước Thương sơn có hồ Nhĩ Hải, không nhìn thấy biển, trước mặt là thảo nguyên vô cùng vô cùng rộng lớn, tôi nhìn thấy hiện tượng này. Đây là thấy Phật, khi vãng sanh thấy được Phật A Di Đà.

“Hựu kiến thủy lưu quan minh, phân thập tứ chi, hồi chú thượng hạ, diễn thuyết khổ, không, vô thường, vô ngã chi âm”. Đây là ao sen thất bảo, nước của nó chảy ngược lên trên, chảy xuống dưới; nước ở thế gian chúng ta chỉ chảy xuống dưới, không thể chảy ngược lên trên. Nước ở thế giới Cực Lạc trên dưới đều chảy được, khi nước chảy phát ra âm thanh, âm thanh này quý vị lắng nghe chúng nó đều đang giảng kinh thuyết pháp, giảng vô thường, khổ, không, vô ngã.

“Phật cáo Viễn viết”, Phật A Di Đà bảo đại sư Huệ Viễn rằng: “ngã dĩ bốn nguyện lực cố, lai an ủi nhữ, như hậu thất nhật, đương sanh ngã quốc”. Quý vị xem, trước 7 ngày, Phật đến báo với ông, sau 7 ngày thì đến tiếp dẫn. “Hựu kiến xã trung tiên hóa giả”, trong Liên Xã người vãng sanh trước, có “Phật Đà Da Xá”, đây là một người xuất gia ở Ấn Độ, cũng tham gia Liên Xã này. Có những người xuất gia “Huệ Trì, Huệ Vĩnh”, cư sĩ tại gia Lưu Di Dân” vân vân ở sau không nói đến. “Giai tại trắc”, đều ở bên cạnh Phật, theo Phật đến tiếp dẫn.

“Tiền áp viết”, những người vãng sanh ở Liên Xã, thấy đại sư Huệ Viễn, đều đến đánh lễ, đều đến vái chào, họ nói “sư tạo phát tâm, hà lai chi vãn”. Đại sư Huệ Viễn triệu tập mọi người đến tu hành, phát tâm rất sớm, tại sao Ngài lại đến thế giới Cực Lạc muộn như vậy? họ đều đã đi trước, theo Phật A Di Đà đến tiếp dẫn.

Lưu Di Dân lúc còn sống đã ba lần thấy Phật, sau đó lại theo Phật đến đón ngài Huệ Viễn, đúng là cư sĩ được thượng phẩm vãng sanh, những người này đều có thể làm ví dụ chứng minh. Đây là thật không phải giả, cư sĩ tại gia có thể thượng phẩm vãng sanh, đại sư Thiện Đạo nói lời này là thật, không phải giả: Thế giới Tây phương tam cõi cửu phẩm, hoàn toàn là vì phạm phu lục đạo mà thiết lập.

Phạm phu lục đạo thường do gặp duyên bất đồng, gặp phải đại phạm phu, tức là thượng phẩm thượng sanh, thượng cõi vãng sanh. Tiểu phạm phu, đó chính là trung cõi vãng sanh. Ác phạm phu, là hạ cõi vãng sanh. Nhưng chúng sanh hạ cõi vãng sanh đều là tạo tác tội nghiệp. Cho nên tạo tác tội nghiệp cũng không sợ, cũng có thể vãng sanh Tịnh Độ. Tạo tác tội nghiệp gì? là tội cực trọng ngũ nghịch thập ác, thì đọa vào địa ngục A Tỳ. Nếu quý vị gặp được thiện duyên, lâm mạng chung thời gặp được người khuyên quý vị niệm Phật cầu vãng sanh thế giới Cực Lạc. Quý vị nghe rồi tin tưởng, quý vị thực hành, buông bỏ vạn duyên, nhất tâm cầu sanh Tịnh Độ, thì chắc chắn được vãng sanh. Pháp môn này vô cùng thù thắng, pháp môn này không dễ gặp.

Quý vị thấy bây giờ toàn thế giới có gần 7 tỷ người, trong 7 tỷ người này có bao nhiêu người gặp được Phật pháp? tôi muốn nói được nghe đến Phật, biết có Phật, khoảng chừng 1/7 thôi, có khoảng 1 tỷ người. 7 tỷ người chỉ có 1 tỷ người, 1/7, 1/7 người này nghe được, biết được có Phật pháp. Nhưng thật sự tiếp xúc với Phật pháp, có thể là 1/10, 1 tỷ người biến thành 100 triệu người, thật sự tiếp xúc được Phật pháp. Tiếp xúc được Phật pháp, nhưng Phật pháp có thật có giả, nếu tiếp xúc Phật pháp giả, thì không khởi tác dụng. Gặp được Phật pháp thật, có thể trong 10 người chỉ có một người thôi, quý vị sẽ giảm dần dần, 1 tỷ người biến thành 100 triệu người, 1/10. 1/10 này là 1 trăm triệu người, nếu như gặp được Tịnh Độ, có thể lại là 1/10, vậy thì còn lại 10 triệu người. Trong 10 triệu người, có thể gặp được bộ kinh này, bản Hội Tập này, gặp được chú giải của cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, e rằng không đến 100 người, vậy quý vị mới biết rằng pháp môn này đáng quý chừng nào.

Bởi vì bản Hội Tập này mới xuất hiện gần đây, mới xuất hiện năm Dân Quốc đầu tiên. Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ chú giải thì càng gần đây hơn, quyển này ra đời khoảng hơn 20 năm chưa đến 30 năm. Khi chúng tôi ở Mỹ liên lạc, thì quyển này mới viết ra. Quyển này mang đến nước Mỹ là in bằng in dầu, loại giấy sếp này là để đánh chữ, in bằng in dầu. Điều này chúng tôi có kinh nghiệm, chúng tôi đã trải qua thời đại này, một tờ giấy sếp có thể in bao nhiêu trang? Đại khái có thể in từ

120-130 trang, sau nữa thì không rõ, thì nhạt rồi. In được rõ ràng khoảng chừng 120 trang.

Nói cách khác, ông ta lưu thông chỉ có 120 bộ. Ông ta mang một bộ đến nước Mỹ, chắc là chọn bộ rõ ràng nhất, mang đến Mỹ tặng cho tôi. Tôi xem xong vô cùng hoan hỷ, chăm chỉ xem qua một lần rồi để học trò liên hệ với ông ta, thỉnh giáo ông có bản quyền hay không? nếu không có bản quyền thì tôi in, nếu cần có bản quyền, thì thôi.

Ông ta hồi âm thư bảo tôi, sách không có bản quyền, hoan nghênh tái bản. Cho nên chúng tôi ở Đài Loan in lần thứ nhất, lần thứ nhất 1 vạn quyển bìa cứng. Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ muốn tôi viết lời tựa cho ông, phía trước chèn vào ảnh chụp chung của chúng tôi, vô cùng hoan hỷ, 1 vạn quyển này lưu thông tại hải ngoại. Hiện tại bản Hội Tập và chú giải này, tôi dự tính lưu thông tại thế gian này, có thể đã hơn 50 vạn quyển, ít nhất cũng có 50 vạn quyển lưu thông trên toàn thế giới, vô cùng hy hữu khó gặp.

Chúng ta tiếp tục xem đoạn dưới đây: “Hoa Nghiêm trung, Thiện Tài tham ngũ thập tam thiện tri thức, tại gia nhân thật cư đa số”. Thật vậy, 53 lần tham bái của Thiện Tài Đồng Tử, người xuất gia chỉ có 6 vị, các người khác đều là tại gia, nam nữ già trẻ các ngành các nghề. 53 vị thiện tri thức là biểu trưng cho các tầng lớp trong xã hội, nghề nghiệp của mỗi người không giống nhau, cho nên nam nữ già trẻ các ngành các nghề đều có. Họ biểu trưng cho điều gì? Biểu trưng cho chúng ta từ sáng đến tối, từ khi ngủ dậy đến trước khi đi ngủ, quý vị tiếp xúc với xã hội rộng lớn tức là 53 tham.

Tham học không dễ, Thiện Tài là đệ tử của Bồ Tát Văn Thù. Trong hội Bồ Tát Văn Thù đạt được căn bản trí, thông thường chúng ta nói là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Trong hội Văn Thù được khai ngộ, sau khi ngộ rồi khởi tu. Trước khi khai ngộ không được rời thầy, khai ngộ rồi thì thầy bảo quý vị ra đi, đi khắp nơi tham học. Điều gì quý vị cũng có thể xem, điều gì cũng có thể nghe, điều gì cũng có thể tiếp xúc, hoàn toàn khai mở. Khi chưa khai ngộ thì chưa khai mở, phải ở bên cạnh thầy, không được rời thầy.

Căn bản trí là gì? Căn bản trí là vô tri, bát nhã vô tri, đó là minh tâm kiến tánh, là đỉnh cao của tâm thanh tịnh, nhất niệm bất sanh. Khi khởi tác dụng thì không gì không biết, bát nhã vô tri, biết hết tất cả. Vì sao bảo quý vị đi tham học? tham học gọi là hậu đắc trí, quý vị tham học thì sẽ biết không có gì là không biết. Quý vị tiếp xúc, tiếp xúc là biết được, nghe là biết được, thấy là biết được, ngài biểu hiện cho chúng ta những điều này.

Tham thứ nhất trong 53 tham, là tỳ kheo Cát Tường Vân, là người xuất gia. Trong 53 tham người xuất gia chỉ có 6 vị, ở trước 3 vị, sau có ba vị. Tỳ kheo Cát Tường Vân tu pháp môn gì? là tu Ban Châu Tam Muội, Ban Châu Tam Muội là chuyên niệm Phật A Di Đà, một kỳ 90 ngày.

Ban Châu Tam muội rất nghiêm khắc, 90 ngày không được ngủ, không được nằm, có thể ngồi, có thể đứng, có thể đi. 90 ngày đêm không được rời khỏi đạo tràng, cho nên rất vất vả, người bình thường không chịu nổi. Cần phải trẻ tuổi, tinh thần tốt, sức khỏe tốt, mới tu được pháp môn này. Giống như chúng ta nhập thất có người hộ trì, đến giờ người ta đem thức ăn cho quý vị, quý vị chuyên niệm Phật A Di Đà. Ngài tu pháp môn này, Thiện tài Đồng Tử đến tham vấn ngài. Nói cách khác, là đến học tập ngài.

Người xưa thường nói “tiên nhập vi chủ”. Quý vị muốn hỏi Thiện Tài Đồng Tử học pháp môn nào? ông ta học Ban Châu Tam Muội, học pháp môn niệm Phật. Bồ Tát, tỳ kheo Cát Tường Vân là tượng trưng Bồ Tát sơ trụ, Thiện Tài Đồng tử chứng đắc địa vị sơ trụ, mới thấy được Bồ Tát sơ trụ. Bồ Tát khai thị cho ông 21 loại pháp môn niệm Phật, con số 21 là con số viên mãn, nó không tượng trưng cho con số, mà tượng trưng cho sự đại viên mãn, là sự viên mãn của Mật tông.

Hoa Nghiêm kinh là dùng số 10, số 10 tượng trưng cho sự viên mãn, chữ số từ một đến 10 tượng trưng cho sự đại viên mãn. Trong Di Đà kinh dùng số 7 tượng trưng cho sự viên mãn, cho nên nó không phải là con số. Nếu quý vị xem nó thành con số là sai. 7 có ý nghĩa gì? là tứ phương, thượng hạ, ở giữa là viên mãn, nó có ý nghĩa này.

21 môn triển khai thì vô lượng vô biên pháp môn. Nói cách khác, chẳng có một pháp môn nào không phải là pháp môn niệm Phật. Trong Hoa Nghiêm kinh nói “một là tất cả, tất cả là một”, là đạo lý này. Mỗi pháp môn đều là pháp môn niệm Phật, cảnh giới không thể nghĩ bàn. Pháp môn bình đẳng, không có cao thấp, pháp môn này là chủ, pháp môn là chủ, 8 vạn 4 ngàn pháp môn đều là trợ tu, đều là trợ giúp.

Nếu là thiên tông, thì thiên tông này là chủ, tham thiên này là chủ, 8 vạn 4 ngàn pháp môn bao gồm pháp môn niệm Phật đều là trợ, chủ và trợ liền phân khai. Nếu như hôm nay chúng ta nghiên cứu giáo, đây cũng là một môn, nghiên cứu giáo, thì giáo là thứ nhất, niệm Phật, thiên đều là trợ tu. Một cái chủ, những thứ khác đều là bạn, đều là trợ tu, bình đẳng!

Trong kinh Kim Cang nói rất hay “pháp môn bình đẳng, không có cao thấp”, cho nên bất luận pháp môn nào chúng ta cũng phải cung kính, cũng phải tôn trọng.

Các pháp môn khác với pháp môn mình học quyết định là nhất thể, quý vị mới có thể khế nhập được. Nếu quý vị phân biệt cái này cao, cái kia thấp thì không được rồi, thì quý vị không học được gì cả. Không những không học được, mà quý vị còn tạo tội nghiệp, tạo tội nghiệp gì? là báng Phật, báng pháp, báng tăng. Quý vị phê bình tức là hủy báng, nếu quý vị hủy báng Tam Bảo, trong Giới Kinh nói là đọa địa ngục Vô Gián, rất phiền phức.

Thiện Tài 53 tham là tượng trưng vô lượng vô biên pháp môn, mỗi pháp môn đều cung kính, mỗi pháp môn đều tán thán, mỗi pháp môn đều buông bỏ, ông ta rời khỏi, cáo từ, đó là buông bỏ. Mỗi pháp môn đều không được chấp trước. Hết thầy pháp môn không có phân biệt, không chấp trước, không khởi tâm, không động niệm, thì quý vị đã đạt được hoàn toàn rồi, thật sự không thể nghĩ bàn. Cho nên tượng trưng của 53 tham, là tượng trưng cho đại viên mãn. Quý vị xem, cuối cùng biểu hiện rất có ý nghĩa, thứ 53 là Bồ Tát Phổ Hiền. Thiện Tài đi tham vấn, Bồ Tát Phổ Hiền nói cho ông Thập Đại Nguyên Vương Đạo Quy Cực Lạc, ý nghĩa này tượng trưng rất rõ ràng. Người đầu tiên tham vấn pháp môn niệm Phật là tỳ kheo Cát Tường Vân, người sau cùng dẫn ông đến thế giới Cực Lạc.

Tôi đọc Hoa Nghiêm kinh, nhìn thấy điều này, mới tin tưởng Tịnh Độ. Văn Thù, Phổ Hiền đều phát nguyện vãng sanh thế giới Cực Lạc, thân cận Phật A Di Đà. Không những chỉ mình đi, mà còn dẫn theo 41 vị pháp thân đại sĩ trong hải hội Hoa Tạng, tất cả đều đến thế giới Cực Lạc. Để lễ bái Phật A Di Đà, học tập Phật A Di Đà, nhìn thấy không khí này, quá vĩ đại, không thể không phục. Hải hội Hoa Tạng là tổng pháp môn của hết thầy chư Phật, cuối cùng quy về Tịnh Độ, là biểu trưng ý nghĩa này.

Tịnh Tông là pháp môn đệ nhất. Vô Lượng Thọ kinh là kinh đệ nhất. Thời kỳ mạt pháp tu các pháp môn khác không thành tựu được, nếu không tin quý vị thử xem, quý vị có thể làm được vô ngã không? trong kinh Kim Cang nói rất đúng, “vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng”, quý vị làm được không? Quý vị không làm được thì quý vị không vào được pháp môn nào cả. Quý vị thật sự làm được, quý vị mới có thể nhập môn.

Tiểu thừa chúng Tu Đà Hoàn, đại thừa viên giáo là Bồ Tát sơ tín vị, quý vị đã nhập môn, thế nên rất khó! Đây là nói rõ đa số là người tại gia, người xuất gia chỉ là thiểu số, Phật pháp lấy việc độ người tại gia làm chủ, không phải người xuất gia. Như trường học thế gian của chúng ta, thân phận của người xuất gia là gì? là thân phận giáo sư, giáo sư dạy học. Trường học nào bồi dưỡng giáo sư? Là đại

học sư phạm bồi dưỡng giáo sư, chuyên môn đạo tạo giáo sư. Những giáo sư đã tốt nghiệp, được phân ở tất cả các trường học để giáo hóa chúng sanh.

Giáo dục nhất định phải lấy quần chúng xã hội làm đối tượng giáo hóa, Tịnh tông cũng như vậy, lấy lục đạo chúng sanh khổ nạn trong biến pháp giới hư không giới làm đối tượng giáo hóa. Cho nên Bồ Tát, Thanh Văn là phụ thuộc, nhưng họ muốn phát tâm cầu sanh Tây phương Cực Lạc thế giới, thân cận Phật A Di Đà, Phật A Di Đà hoan nghênh, không cự tuyệt, đều hoan nghênh tất cả. Cho nên hải hội Liên Trì vô cùng trang nghiêm, vô cùng thù thắng.

“Mật tông trung Cát Cư phái tổ sư vi cư sĩ, nhân tổ sư thị bạch y, cố tục xưng Bạch giáo”. Bởi vì ông ta không phải là người xuất gia, ông ta là cư sĩ tại gia, nhưng ông ta là tổ sư. “Duy Ma cư sĩ nãi kim túc Như Lai thị hiện”, cũng là cư sĩ tại gia. “Hiền Hộ đẳng thập lục chánh sĩ quân thị tại gia Bồ Tát”, nhưng là tại gia chúng đắc Bồ Tát đẳng giác, địa vị của họ cùng với Quan Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền ngang nhau. Mười sáu người này, là chúng Bồ Tát thượng thủ trong kinh này. Ý nghĩa tượng trưng này, chúng ta nhất định phải hiểu, Tịnh Độ tông khẳng định lấy tại gia làm chủ. Cho nên những Bồ Tát tại gia này là Bồ Tát đẳng giác, đều là chúng Bồ Tát thượng thủ trong kinh này. Thế nên không vì tướng xuất gia hay tại gia mà sanh phân biệt.

Phật ở trong kinh luận thường nói về xuất gia, xuất có bốn loại, gia cũng có bốn loại, bốn loại này chúng ta phải hiểu rõ. Bốn loại nhà, loại thứ nhất gọi là “điền trách chi gia”, tức hôm nay chúng ta nói là nhà thế tục. Quý vị có ruộng đất, quý vị có nhà cửa, đây là nhà của quý vị, đây là nhà của thế gian. Nhà mà Đức Phật nói còn có ý nghĩa rất quan trọng. Loại thứ hai là gì? lục đạo là nhà, luân hồi là nhà, nhà cửa ruộng vườn là việc nhỏ, nhà luân hồi là việc lớn. Cao lên nữa, sanh tử là nhà, phiền não là nhà, Phật đã nói bốn loại này.

Quý vị có thể ra khỏi nhà phiền não, có thể ra khỏi nhà sanh tử, có thể ra khỏi nhà lục đạo, thì quý vị thật sự ra khỏi nhà rồi. Bây giờ quý vị chỉ ra khỏi nhà cửa ruộng vườn, quý vị không thể đoạn phiền não, không thể thoát sanh tử, không thể ra khỏi tam giới, vẫn còn ở trong luân hồi lục đạo chưa ra khỏi được.

Nhà có bốn loại, Phạm phu chỉ biết ra khỏi nhà thế tục, nhưng không ra khỏi lục đạo. Tiểu thừa có thể ra khỏi nhà kiến tư phiền não, chúng quả A La hán, ra khỏi lục đạo. Sanh tử có hai loại, họ đã ra khỏi phân đoạn sanh tử, nhưng chưa ra khỏi biến dị sanh tử, họ vẫn còn. Biến dị sanh tử trong thập pháp giới, thập pháp giới đó là nhà. Phải phá được nhất phẩm vô minh, chứng được một phần pháp thân,

vậy là ra khỏi nhà thập pháp giới. Đến cõi thật báo, biến dị sanh tử không còn, quý vị mới thật sự ra khỏi nhà sanh tử.

Xuất cũng có bốn loại. Loại thứ nhất, thân xuất nhưng tâm không xuất, thân đã xuất rồi, trong tâm vẫn còn tham luyến, lấy gì? lấy đạo tràng làm nhà của mình, đã ra khỏi ngôi nhà nhỏ rồi, bây giờ lại chập vào nhà lớn, đây là thân xuất nhưng tâm chưa xuất. Loại thứ hai, tâm xuất thân không xuất, tức là nhà cư sĩ, tâm xuất gia rồi, thân còn tại gia. Loại thứ ba, thân tâm đều xuất, tức là các bậc tổ sư của chúng ta, Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện cho chúng ta là thân tâm đều xuất. Loại thứ tư là người tại gia, thân tâm đều không xuất, đây là chỉ cho điều gì? là người tại gia học Phật, tâm cũng không xuất, thân cũng không xuất, họ tu điều gì? nhiều nhất là tu được chút phước báo, không thể vãng sanh; vãng sanh phải như thế nào? tâm xuất thân không xuất, chắc chắn được vãng sanh. Cho nên xuất có bốn loại, gia cũng có bốn loại.

Ở đây đưa ra phần tựa trong kinh này “Hiền Hộ đẳng thập lục chánh sĩ”, đều là Bồ Tát tại gia, làm thượng thủ trọng trung của kinh này, cho nên chúng ta không thể, từ trên tướng xuất gia và tại gia mà sanh phân biệt. Giống như đại sư Chương Gia trước đây nói với tôi, “Phật pháp quan trọng vật chất, không quan trọng hình thức”, không được phân biệt trên hình thức, quan trọng là thực chất.

“Bốn kinh vị thượng bồi giả, xuất gia khí tục”. Chúng ta biết rằng, xuất gia là tâm xuất gia, tâm xuất thân bất xuất, phu nhân Vi Đề Hi là tâm xuất gia. Thượng phẩm trong Quán Kinh không nói đến xuất gia, phu nhân Vi Đề Hy là nữ nhân tại gia, chứng thượng phẩm vãng sanh. 500 thượng phẩm cũng chứng thượng phẩm thượng sanh. Trong thương bối có tam phẩm, thượng phẩm thượng sanh, thượng phẩm trung sanh, thượng phẩm hạ sanh.

Hai kinh không trái nhau, đều là phu nhân Vi Đề Hy là tâm xuất gia, ví dụ phía nam nước tôi lấy gạo làm thức ăn chính, phương bắc lại lấy bột mì làm món ăn chính. Gạo và bột mì tuy khác nhau, nhưng công năng tác dụng đều là món ăn chính giống nhau. Dùng điều này để ví dụ cho người tại gia, xuất gia. Nên thượng phẩm thượng sanh, tâm xuất gia nhưng người tại gia cũng được. đây chính là cư sĩ tại gia có thể nâng lên đến thượng phẩm thượng sanh hay không? có thể. Người xuất gia cần phải thân tâm đều xuất mới có thể thượng phẩm thượng sanh; người tại gia là tâm xuất thân bất xuất, lấy tâm làm chủ, nếu tâm thật sự xuất gia, thì đây là thượng phẩm thượng sanh.

Lại nữa như trung phẩm, trung trung phẩm trong Quán Kinh là người xuất gia. Trong Kinh Vô Lượng Thọ, người tại gia cũng có thể, hai kinh hợp lại, nói rõ

được ý nghĩa chân thật. Trong Quán Vô Lượng Thọ Phật kinh, trung thượng phẩm, trung trung phẩm, hai phẩm này ông nói đến trì giới, trì giới sa di, trì giới tỳ kheo, đây là người xuất gia. Cho nên tam bối cửu phẩm hợp lại xem, trong mỗi phẩm vị đều có người xuất gia, đều có người tại gia. Rốt cuộc là người xuất gia nhiều hay người tại gia nhiều? điều đó phải nhìn ở tâm, hoàn toàn ở nơi tâm không quan tâm đến thân. Thân xuất gia hay không xuất gia thực sự không có vấn đề gì, quan trọng nhất là tâm xuất gia, thân và tâm đều xuất gia là làm tấm gương tốt cho xã hội, làm một pháp biểu tượng, dụng ý là ở chỗ này. Vì sao? người thông thường thì thân này và nhà không dễ buông bỏ, quý vị phải làm được, để cho họ luôn nhìn thấy: quý vị nhìn họ đã buông bỏ rồi, tôi vì sao không buông bỏ được? dụng ý là ở chỗ này, không gì khác.

Đây là trong Hoàn Nguyên Quán nói tứ đức, đức thứ hai là làm gương tốt cho xã hội đại chúng, gọi là “oai nghi hữu tác”. Oai nghi của chúng ta như vậy có thì thể nhắc nhở được một số đại chúng. Quý vị nói tại gia khó khăn hơn, không phải không được, được, cũng được. Nhưng người xuất gia thì rất rõ ràng, quý vị đi ra ngoài, mọi người nhìn thấy, họ sẽ nhớ đến Phật, nhớ đến Phật giáo tức là nhớ đến Phật, trong A lại da thức chẳng phải đã trồng một hạt giống Phật rồi chăng? không cần nói gì, chỉ nhìn thấy hình thức, thì cũng khiến cho chúng sanh trồng thiện căn này.

Tại gia thì sao? tại gia thì đeo một tràng hạt, để mọi người nhìn thấy, cầm một tràng hạt, người này là học Phật. Đây là gì? hữu ý hay vô ý mọi nơi đều tiếp dẫn chúng sanh, cho chúng sanh trồng một hạt giống kim cang. Chúng tử này, tuy trong đời này họ không đạt được lợi ích, nhưng kiếp sau lại gặp được Phật pháp, thì chúng tử này liền khởi hiện hành, nó sẽ khởi tác dụng.

Hôm nay chúng ta gặp được Phật pháp, khởi tác dụng, chịu phát tâm học Phật, nguyên nhân là gì? bởi trong kiếp quá khứ của chúng ta có người giúp chúng ta trồng hạt giống này, đời này của chúng ta khởi tác dụng. Chúng ta phải hiểu, phải báo ân, từng giờ từng phút giúp người khác làm hạt giống, để cho trong A lại da của mọi người đều có hạt giống Phật pháp, là những người xung quanh mình đều được độ. Chúng ta có thể thực hành tam phước, lục hòa, thì sức mạnh nhiếp thọ sẽ rất lớn. Điều đầu tiên, chúng ta thấy bất cứ người nào cũng nên chào hỏi, vì sao? cảm giác thân thiết, người học Phật từ bi như vậy, hài hòa như vậy, thì họ được truyền cảm.

Khi mọi người xuống xe, chúng ta nhất định cúi chào 90 độ, cảm động người, họ nhìn thấy chúng ta thì hoan hỷ. Ở ngoại quốc chúng tôi làm cảm động lúng giềng,

láng giềng sẽ từ từ quen biết, quen biết rồi thì chào hỏi chúng tôi, nói chuyện với chúng tôi. Câu đầu tiên hỏi chúng tôi là: Quý vị làm nghề gì? quý vị làm nghề gì, sao quý vị an vui như vậy? họ rất hăm mộ, công việc của họ rất mệt, rất khổ! Họ nhìn thấy chúng tôi suốt ngày nở nụ cười. Quý vị thật an vui, quý vị làm nghề gì? chúng ta có thể dạy họ, chúng tôi là người học Phật. Như thế nào gọi là học Phật? học Phật là học trí huệ, học giác ngộ, từ từ họ sẽ hiểu.

Chúng ta có thể hỏi họ, quý vị có cần phước báo không? nói phước báo họ nghe không hiểu, quý vị có cần của cải không? cần. Quý vị có cần an vui không? cần. Quý vị có cần sống lâu không? cần. Chúng tôi chính là học những điều này, chúng tôi đã đạt được rồi. Họ nhất định hỏi: Phương pháp nào mà quý vị đạt được? chúng ta từng bước từng bước hướng dẫn họ.

Lời nói của chúng ta là thật, không lừa dối họ, xác thực thế giới Cực Lạc rất an vui. Tu Tịnh Độ là tu điều gì? là tu phước, tu của cải, tu an lạc, tu sức khỏe sống lâu. Không nên dùng danh từ Phật học, dùng danh từ Phật học họ không hiểu, nói như vậy họ rất dễ hiểu. Như thế nào để được của cải? là bố thí, bố thí của cải được của cải, càng cho càng nhiều. Bố thí pháp được an vui, càng cho càng vui. Bố thí vô úy được sức khỏe sống lâu. Chỉ cần quý vị tu ba loại bố thí này, thì ba loại quả báo sẽ đến rất nhanh, là thật không phải giả, dám làm, người dám làm, lập tức có phước báo.

Các nhà xí nghiệp đều thích phát tài, lên đại học học học viện thương nghiệp cũng không phát tài nổi, vì sao? bởi những giáo viên của học viện thương nghiệp đều là những giáo viên nghèo, thu nhập rất có hạn, bản thân họ không thể phát tài, làm sao họ dạy quý vị phát tài được? làm gì có chuyện này?

Khi tôi ở Úc, có một lần, cao ốc học viện thương nghiệp của đại học Cách Lý Phi Tư đã xây xong, làm lễ đưa vào sử dụng. Thầy hiệu trưởng mời tôi đến tham dự, tôi ngồi cùng với hai người. Họ mời một học giả chuyên gia người Mỹ, chuyên môn nghiên cứu tài chính, dạy tài chính, học vị tiến sĩ, là giáo thọ rất nổi tiếng đến diễn giảng. Tôi nói với thầy hiệu trưởng: những điều ông ta nói là giả. Thầy hiệu trưởng trở mặt nói: sao gọi là giả? “ông ta là một giáo thọ nghèo, ông ta không phát tài, nếu ông ta có thể dạy người phát tài, thì ông ta là phú ông ức vạn mới đúng chứ. Mỗi ngày ông ta phải dựa vào đồng lương để sống, ông ta không phát tài, tôi không tin ông ta”, thầy hiệu trưởng ngăn người ra. Tôi nói: “tôi hiểu được đạo lý phát tài, tôi thật sự phát tài, thầy xem mỗi năm tôi bố thí làm những việc thiện ít nhất cũng 1 ngàn vạn Mỹ kim, năm nào cũng như vậy, ông ta không bằng tôi, tôi biết dạy, ông ta không biết dạy”.

Thầy hiệu trưởng là bạn thân của tôi, xác thực đây cũng là cơ hội để tôi giáo dục. Phát tài như thế nào? tài là do bố thí phát. Ông ta không hiểu nguyên nhân phát tài, phải dùng các loại thủ đoạn, đó là trong số mệnh của quý vị có của cải. Nếu trong số mệnh của quý vị không có của cải, thì quý vị dùng thủ đoạn gì cũng không đạt được, quý vị cũng không thể phát tài được. Người Trung Quốc biết đoán số, người ngoại quốc cũng biết, số mệnh của quý vị có của cải hay không. Cho nên Phật pháp giảng đạo lý phát tài, phương pháp phát tài cho chúng ta, nói rất rõ ràng, rất có hiệu nghiệm.

Trong Quán Kinh, trung thượng phẩm, trung trung phẩm là người xuất gia, Vô Lượng Thọ kinh là người tại gia, đây là Hoàng Niệm Tổ để chúng ta hợp hai kinh lại để tham khảo. “Thị cố ưng thiện thể thánh tâm”, đây là Phật Thích Ca Mâu Ni, Phật A Di Đà nói với chúng ta, quý vị phải hiểu nó, hiểu ý nghĩa chân thật của nó. “Thiết mặc tử chấp văn cú”, không nên chấp trước, đọc kinh không nên chấp trước vào văn cú, nghe kinh không nên chấp trước ngôn thuyết.

“Xã gia khí tục, ưng trước trọng ư tâm xuất gia”, bất luận tại gia hay xuất gia, nhưng tâm nhất định là xuất gia. Nên hai bộ kinh này cùng một tông chỉ, những gì trong hai bộ kinh này nói, quý vị có thể viên dung, quý vị không sản sanh mâu thuẫn. Quý vị sẽ có tính tâm kiên định, không đến nỗi sản sanh nghi hoặc, đây là đúng. Cho nên nói rất nhiều đến “xã gia khí tục”, chủ yếu là sợ quý vị xem nhiều kinh, kiến giải bất đồng sẽ sanh ra hiểu lầm. Phật chỉ nói một ý nghĩa, nhất định phải hiểu ý nghĩa của Ngài. Kệ khai kinh nói “nguyên hiểu nghĩa chân thật của Như Lai”, câu kệ này rất quan trọng, không được hiểu sai ý nghĩa. Thời gian đã hết, chúng ta học tập đến đây.

Tập 395

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Nguyễn Tâm

Thời gian: 04.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi. Mời quý vị xem “Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải” trang 491 hàng thứ hai từ dưới lên, bắt đầu xem từ chỗ phát tâm bồ đề.

Phát tâm bồ đề tâm, một lòng chuyên niệm, Phật A Di Đà. Câu kinh văn này vô cùng quan trọng, “thử vi toàn kinh chi cương tông” cương là cương lĩnh, tông là tông yếu, cũng chính là câu nói quan trọng nhất trong toàn bộ kinh. “Dĩ tường luận ư minh tông chương hỷ” trước đó khi nói về đại cương, có đề cập đến Kinh Di Đà Yếu Giải. Lấy tín nguyện trì danh làm tông chỉ của tiểu bản kinh Di Đà, chú giải kinh này lấy phát tâm bồ đề, một lòng chuyên niệm làm tông chỉ. Ý nghĩa hoàn toàn tương đồng như trong tiểu bản Kinh Di Đà nói, nên tôn chỉ của nó giống nhau.

“Tín nguyện tức Quán Kinh trung chi tam tâm” trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói ba loại tâm, ba loại tâm này chính là tâm bồ đề. Thứ nhất là chí thành tâm, thứ hai là thâm tâm, thứ ba hồi hướng phát nguyện tâm. Căn cứ ý nghĩa trong Tứ Thiếp Sớ, Tứ Thiếp Sớ là Thiện Đạo đại sư trước tác, cũng chính là căn cứ vào ý của Thiện Đạo đại sư nói. Thứ nhất, tâm chí thành, cũng chính là tâm chân thật, chính là chân tâm. Tâm mà người thế gian thường dùng là vọng tâm, hư vọng, không thật. Chúng ta học Phật nhất định phải dùng chân tâm, vì sao? Phật pháp là từ trong chân tâm hiển lộ ra, không thông qua con đường tư duy. Tư tưởng của chúng ta là đệ lục ý thức, không phải chân tâm. Tình chấp của chúng ta như lo lắng, đây là tác dụng của đệ thất Mạt na thức, cũng không phải chân tâm, những thứ này đều là vọng tâm.

Dùng vọng tâm chính là luân hồi lục đạo, vọng tâm là tâm luân hồi lục đạo. Dùng chính đáng, hoàn toàn nghe theo giáo huấn của Phật, y giáo phụng hành, nhưng họ không phải chân tâm. Quả báo đạt được chính là tứ thánh pháp giới, phân bốn cấp: Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, Phật, đều không phải dùng chân tâm. Cũng chính là nói, họ không có phát tâm bồ đề. Thật sự phát tâm bồ đề, chắc chắn sẽ vượt ra, vượt ra ngoài tứ thánh pháp giới. Cũng chính là vượt ra khỏi Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, Phật, hạng người nào? Trong các bậc cổ đức, như Đàm Loan, Thiện Đạo, Vĩnh Minh, Trí Giả, những vị này đều đã siêu việt.

Thiền tông như lịch đại chư vị tổ sư, họ đều dùng chân tâm, chân tâm vượt ra ngoài pháp giới, không phải chỉ siêu việt lục đạo.

Chúng ta có chân tâm, nhưng không phát khởi, nếu thật sự phát khởi, chúng ta cũng có thể vượt ra khỏi như vậy. Thế nên trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta nên sống bằng tâm chân thành, dùng tâm chân thành để xử sự đối nhân tiếp vật. Người khác dùng tâm hư vọng đối đãi chúng ta, chúng ta dùng chân tâm đối đãi người, vì sao? Chúng ta không muốn tiếp tục trôi lăn trong luân hồi lục đạo. Tâm hư vọng chính là tám thức 51 tâm sở, nhất định phải biết đây là tâm luân hồi. Tùy thuận phiền não tập khí, tức là tạo nghiệp luân hồi. Chúng ta dùng tâm chân thành, không còn tạo nghiệp luân hồi nữa, hy vọng đời này vĩnh thoát luân hồi, ý chính là như vậy, điều này không thể không biết.

Thứ hai là thâm tâm, thứ ba là hồi hướng phát nguyện tâm. Chí thành tâm là thể, lý thể của chân tâm, hai loại sau là tác dụng của chân tâm, vì sao tác dụng là hai loại? Một cái là tự thọ dụng chính là chân thành tâm đối với chính mình gọi là thâm tâm. Chân thành tâm đối với người khác gọi là hồi hướng phát nguyện tâm. Đây là khởi dụng, từ thể khởi dụng.

Trong Tứ Thiếp Sớ nói: “Nhị thâm tâm giả, thâm tín tâm dã” điều này nói rất hay. Thâm tín, thâm tín có hai: Thứ nhất quyết định thâm tín, vì tự thân hiện là tội ác sanh tử phàm phu, điều này nhất định phải tin. Chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác. Trong Kinh Địa Tạng nói rất hay: Chúng sanh trong cõi Diêm phù đề, là nói người trên địa cầu này, không có gì không phải nghiệp, không gì không phải là tội, nhưng tự mình không hay biết, vì sao là tội nghiệp? Khởi tâm động niệm là sai. Chân tâm không những không có chấp trước, không có phân biệt, đến khởi tâm động niệm đều không có, đây là chân tâm. Khởi tâm động niệm là mê gọi là vô minh, như vậy là sai. Vô minh là hoàn toàn không biết gì về chân tướng của nhân sinh vũ trụ, nên nói là mê hoặc điên đảo. Chúng ta thấy sai và nghĩ sai đối với mọi hiện tượng, kiến giải và ý tưởng đã sai, do đó quý vị nói sai, làm cũng sai, gọi là tạo nghiệp. Thấy sai, nghĩ sai gọi là mê hoặc. Ngôn ngữ, hành vi gọi là tạo nghiệp, tạo nghiệp gì? Tạo nghiệp luân hồi lục đạo.

Tuy đạt được giáo huấn của thánh hiền, chúng ta học được luân lý, đạo đức, nhân quả, coi như là không tệ. Những điều này thuộc về thiện, thiện trong lục đạo, quả báo ở trong tam thiện đạo, không ra khỏi luân hồi lục đạo. Người không ra khỏi được luân hồi lục đạo, nhất định ở trong tam ác đạo thời gian dài, ở trong tam thiện đạo thời gian ngắn, vì sao? Trong vô lượng kiếp đến nay quá mê mờ, tập khí ác quá nặng. Trong Bách Pháp Minh Môn Luận, Thiên Thân Bồ Tát nói:

Lục đạo phàm phu chúng ta, tâm sở bất thiện khởi tâm động niệm có 26 loại, đây là phiền não. Sáu loại căn bản phiền não, 20 loại tùy phiền não, phiền não này khởi tác dụng chính là tạo ác nghiệp, thiện tâm sở chỉ có 11 loại.

Quý vị thử nghĩ xem thiện chỉ có 11 loại, ác có 26 loại. Chúng tỏ ác niệm nhiều, thiện niệm ít, sức mạnh ác lớn, sức mạnh thiện nhỏ. Thế nên ở thế gian này học hư hỏng rất dễ, học điều tốt rất khó, nguyên nhân căn bản là tâm sở khác nhau. Hiện nay lại thêm hoàn cảnh bên ngoài mê hoặc, cũng có tổ chức một vài giảng tọa về truyền thống văn hóa, nói đến những điều thiện, nhưng đối với xã hội ảnh hưởng không lớn. Người ta nghe rồi có thể phẩn chấn một lúc, năm ba ngày sau liền nhạt dần, mười hai mươi ngày thì không còn nữa, lại trở về như xưa.

Mà huân tập bất thiện, lực lượng đó quá mạnh, họ ngày ngày không ngừng truyền bá tin tức trên ti vi, mạng internet. Lục căn chúng ta tiếp xúc cảnh giới lục trần, sức mạnh đó lớn biết bao, nên con người sao có thể không học hư hỏng được. Ngày nay con người học hư hỏng là bình thường, phải biết Phật Bồ Tát đối đãi với chúng ta như thế nào. Trong Kinh Vô Lượng Thọ Đức Phật nói: “Tiên nhân bất thiện, bất thức đạo đức, vô hữu ngữ giả, thù vô quái dã” ngài dạy chúng ta không nên trách cứ, đạ chúng trong xã hội này, không ai dạy họ.

Xã hội cũ ngày xưa, một hai trăm năm trước, hoàn cảnh tốt hơn ngày nay, vì sao? Mỗi người đều coi trọng giáo dục luân lý đạo đức. Không những người đọc sách coi trọng, mà người không biết chữ cũng coi trọng, vào tuổi tác của tôi còn có thể cảm nhận được. Hay nói cách, khác 80 năm trước tôi ở tại nông thôn_Người nông thôn chúng tôi, nông thôn tương đương thủ cộ. Thành thị từ từ thay đổi, nhưng nông thôn không thay đổi. Mẹ tôi không biết chữ, chưa từng đọc sách nhưng hiểu được luân lý, hiểu đạo đức, hiểu được nhân quả. Thế nên chúng tôi từ nhỏ, tiếp thu giáo huấn của mẹ, khởi tâm động niệm cũng không giám nghĩ bậy. Biết được tôn kính tổ tiên, tôn kính thiên địa quỷ thần, hiện nay nói là mê tín. Nhưng những giáo huấn này khiến nhân tâm thiết thực, không giám có ác niệm. Phụ nữ nông thôn, ngày lễ ngày tết đều đến chùa thắp hương. Chùa, miếu thần, miếu thần hoàng, mẹ tôi mỗi năm phải đi năm ba lần. Dẫn chúng tôi đến miếu thần hoàng, thắp hương xong đi xem điện Diêm Vương_Thập điện diêm vương. Mẹ chỉ cho chúng tôi biết từng điều một. Quý vị xem, chịu kiểu hình phạt này, họ tạo thành tội nghiệp như thế nào. Chúng tôi đều ghi nhớ suốt đời không quên, nghiệp nhân quả báo quả thật đáng sợ.

Mười tuổi, chúng tôi dọn từ nông thôn lên thành thị ở. Thành thị với nông thôn không giống nhau, không đơn thuần chất phác như ở nông thôn, sau đó ở

luôn tại thành thị. Cũng may từ nhỏ chúng tôi đã tiếp thu những giáo dục này, chưa thay đổi. 20 tuổi, tôi rất hứng thú với truyền thống văn hóa. 26 tuổi, gặp được ông Phương Đông Mỹ, biết được kinh điển Phật giáo là đại học vấn. Sau khi tiếp xúc, vô cùng hoan hỷ, muốn dứt bỏ cũng không được. Điều này suốt 60 năm nay, ngày ngày đọc nó, ngày ngày đang học tập, nên không bị cảnh giới bên ngoài làm ô nhiễm, không bị cảnh giới bên ngoài quấy nhiễu, rất may mắn! Rất khó được!

Tôi cũng cảm thấy tập khí ác của mình rất nặng, khó đối trị, nhưng điều này không đối trị sẽ rất phiền phức, sau cùng dùng phương pháp gì để đối trị? Thầy Lý dạy tôi phương pháp giảng kinh. Tôi đã thử, rất hay, nên duy trì mãi đến nay. Mới học giảng kinh, giảng một tiếng, nhưng phải chuẩn bị 40 tiếng, một tuần giảng hai lần, giảng ba lần thì hơi khổ, giảng hai lần còn được, rất thoải mái_Chuẩn bị 40 tiếng, để lên bục giảng một tiếng.

Viết bản thảo, giảng bản thảo còn phải sửa không biết bao nhiêu lần. Một năm sau tiến bộ rất nhiều_Một năm sau, tôi giảng một tiếng, chuẩn bị khoảng mười tiếng là đủ. Quý vị xem, từ 40 tiếng nay trở thành 10 tiếng. Sau hai năm, hầu như là ngang nhau_Hai ba năm sau, giảng một tiếng thì chuẩn bị một tiếng là đủ nhưng không thể lơ là, vừa lơ là lập tức xảy ra vấn đề, như vậy phải làm sao? Tăng thời gian giảng kinh lên. Khoảng ba bốn năm sau, thời gian tôi giảng kinh là mỗi ngày, mỗi ngày ít nhất một tiếng rưỡi_Một bài giảng là một tiếng rưỡi, hai bài giảng là ba tiếng. Ít nhất là một bài giảng, nhiều thì hai bài là ba tiếng đồng hồ.

Vì khoảng ba năm sau, tôi chuẩn bị một ngày tám tiếng là có thể giảng được trong tuần này_Chuẩn bị một ngày có thể giảng năm sáu ngày. Thời gian giảng kinh tăng lên, kéo dài thêm. Thời gian dài nhất, mỗi ngày giảng chín tiếng. Buổi sáng giảng ba tiếng, chiều giảng ba tiếng, tối giảng ba tiếng. Người ta nói tôi thích giảng kinh, không phải, làm gì có chuyện thích, đối trị khuyết điểm của chính mình. Chiêu này rất hiệu quả, đối với tôi rất hữu hiệu, người khác không được. Người khác, căn tánh mỗi người không như nhau, người khác không chế phục được phiền não, chỉ có duy nhất phương pháp này. Quý vị xem, duy trì mãi cho đến bây giờ, tôi mỗi ngày giảng bốn tiếng, mỗi ngày đọc sách bốn tiếng, tôi xem rất tường tận. Như vậy không có thời gian vọng tưởng, tự nhiên sẽ không bị quấy nhiễu, thời gian còn lại để niệm Phật.

Tám vạn bốn ngàn pháp môn, tôi chọn pháp môn này, tôi cảm thấy pháp môn này rất lợi ích cho phần tử tri thức. Lúc Đức Như Lai còn tại thế, ngài giảng kinh, tôi dự đoán mỗi ngày trên 8 tiếng đồng hồ. Từ sáng đến tối, có bao nhiêu người

đến thăm ngài, bao nhiêu người đến thỉnh giáo ngài, đến đặt câu hỏi, cầu Phật khai thị. Đức Phật giảng pháp suốt 49 năm không có soạn bài, điều này chư vị nên biết, không có soạn bài. Kinh điển đều là sau khi ngài viên tịch, học sinh_Chính là chư vị Bồ Tát, A la hán, mọi người cùng nhau khai hội. Mời tôn giả A Nan giảng lại_Phật mỗi khi giảng kinh, thỉnh tôn giả A Nan giảng lại một lần, mọi người nghe xong đều rất hoan hỷ. Ngài A Nan giảng không sai, đích thực Phật đã nói như vậy nên ghi chép lại, như vậy đã trở thành kinh điển sau này.

Đức Thế Tôn thị hiện một đời, chúng ta quan sát tử tử mĩ để lãnh hội. Thật vậy, ngài là vì phần tử tri thức mà biểu diễn, học Phật phần tử tri thức thường chiếm đa số, nên mới biểu diễn như vậy. Chúng ta nhất định phải thâm tín, đích thực là vọng tâm đang làm chủ tể, chân tâm tuy có nhưng không khởi tác dụng. Khởi tâm động niệm tôi không muốn hại người, nhưng luôn tự tư tự lợi, đây là bệnh thường gặp. Tự tư tự lợi đến lúc nghiêm trọng sẽ hại người, sẽ làm ra chuyện tổn người lợi mình, đó chính là tạo tội nghiệp, không thể không biết điều này! Tạo tội nghiệp chính là đang tạo ra luân hồi lục đạo, liền có tội báo, điều này chúng ta không thể không biết.

“Khoảng kiếp dĩ lai, thường một thường lưu chuyển” một là đọa lạc, đọa đến tam đồ, gọi là thường một. Thường lưu chuyển, là luân hồi trong lục đạo. “Vô hữu xuất ly chi duyên” duyên là gì? Cơ hội, không có cơ hội ra khỏi lục đạo, quý vị nói đáng thương biết bao!

“Nhị giả, quyết định thâm tín, bỉ A Di Đà Phật tứ thập bát nguyện, nhiếp thọ chúng sanh, vô ngại vô lự. Thừa bỉ nguyện lực, định đắc vãng sanh”. Tin mình nghiệp chướng sâu nặng, không thể dựa vào chính mình để liễu sanh tử xuất tam giới. Biện pháp duy nhất là chỉ có nương Phật A Di Đà, thâm tín tin tưởng Phật A Di Đà, phát 48 nguyện là vì ai? Vì chúng ta mà phát nguyện. Phật A Di Đà vì ai mà kiến lập thế giới Cực Lạc? Vì tiếp dẫn tôi, thành tựu tôi mà kiến lập nên, đây là thật không phải giả. Chúng ta cần có tín niệm như vậy, có tín niệm như thế, chúng ta mới có tâm cảm ân, tâm báo ân, chúng ta mới thật sự có thể học tập được. Đặc biệt là câu sau: “Định đắc vãng sanh” chúng ta phải không nghi ngờ không ưu lự, chắc chắn trong đời này, vãng sanh thế giới Cực Lạc.

Thứ ba là hồi hướng phát nguyện tâm. Hồi hướng là đem công đức tu học của mình, hồi hướng bồ đề, hồi hướng cho tự tánh, tự tánh chính là thực tế, hồi hướng cho tất cả chúng sanh. Từ trong tâm thâm tín chân thật này, nên tu tất cả thiện căn để hồi hướng, nguyện sanh về nước này. Trong thâm tín này, đây là tự lợi đối với chính mình.

Trước đây, hình như là khoảng 30 năm, tôi giảng về ba tâm này, ba tâm của tâm bồ đề. Tâm tâm là tôi dùng đề kinh của Kinh Vô Lượng Thọ: “Thanh tịnh bình đẳng giác” vì sao? Đây là tự thọ dụng, đối với chính mình phải thanh tịnh, phải bình đẳng, phải chánh giác. Điều này nói rất cách cụ thể_Thiền Đạo đại sư nói điều này rất hay, người tu Tịnh độ vô cùng khẩn thiết, tin tưởng sâu sắc. Chúng ta là phàm phu nghiệp chướng sâu nặng, tin tưởng sâu sắc, 48 nguyện của Phật A Di Đà là để độ mình. Nên nhất định phải y giáo phụng hành, nhất định phải dựa vào nguyện lực của Phật A Di Đà, tín nguyện trì danh. Khi chúng ta lâm mạng chung, Phật A Di Đà nhất định đến tiếp dẫn, có lòng tin kiên định với điều này. Cách nói này rất xác đáng.

Lại lấy hồi hướng phát nguyện tâm để giúp người khác, tự hành hóa tha. Tự mình thành tựu cũng giúp người khác thành tựu, thế nên lấy tất cả thiện căn hồi hướng, hồi hướng đến sau cùng sẽ nói đến.

Do trên có thể thấy “Yếu Giải sở vị chi tín nguyện” chính là Quán Kinh nói về ba loại tâm. Quán Kinh nói về ba loại tâm, chính là tâm bồ đề mà trong kinh này nói. “Cố tri kim kinh chi phát bồ đề tâm” chính là trong Kinh Di Đà Yếu Giải nói: Tin thật nguyện thiết. “Hựu nhất hướng chuyên niệm” chính là trì danh niệm Phật. Một phương hướng, một mục tiêu, chuyên niệm Phật A Di Đà. Một phương hướng là thế giới tây phương Cực Lạc, một mục tiêu là thân cận Phật A Di Đà. “Do ư A Di Đà Kinh, đại tiểu nhị bản nguyên thị nhất kinh” đại bản là Kinh Vô Lượng Thọ, tiểu bản là Kinh A Di Đà, nội dung hoàn toàn giống nhau. “Thị dĩ lưỡng giả”, Tông chỉ của đại bản và tiểu bản hoàn toàn như nhau nên nói “thật ưng nhất chỉ dã” cùng một tông chỉ.

“Phát tâm bồ đề, dĩ tường thuật ư minh tông chương trung” trong khái luận này nói rất tường tận, điều này chúng ta không cần nói nhiều. “Cẩn tái tụng An Lạc Tập trung, luận bồ đề tâm bộ phận, lục thủ số tắc, dĩ tiện tham hội”. Tham là tham khảo, trong Phật pháp gọi là tham học. Hội là hội họp, nhiều loại kinh luận, Phật, Bồ Tát, Tổ sư đại đức. Nhiều cách nói khác nhau, chúng ta chỉ nghe và dung hội quán thông, chính là ý này. Bộ sách An Lạc Tập này, “Nhất độ dật thất” chính là đã thất truyền. “Nãi Đạo Xước đại sư sở soạn, sở luận thậm vi tinh yếu, hạ tiết lục nguyên văn, tịnh sảo chú thích, thiển thân kỳ ý” có một chú giải rất đơn giản, đem ý nghĩa của nó nói ra.

“Đạo Xước đại sư, ư phát bồ đề tâm hữu tứ phan nghị luận. Đệ nhất, hiển bồ đề tâm chi công dụng. An Lạc Tập vân: Đệ nhất, xuất bồ đề tâm công dụng giả” đây là nói công dụng của tâm bồ đề. “Đại Kinh vân”, ở đây nói Đại Kinh chính là

Kinh Vô Lượng Thọ. “Phàm dục vãng sanh Tịnh độ, yếu tu phát bồ đề tâm vi nguyên”, hai chữ “Yếu tu” này vô cùng quan trọng. Yếu là trọng yếu, tu là cần thiết. Quan trọng nhất là cần phải phát tâm bồ đề, tâm bồ đề là căn nguyên của vãng sanh, như nguồn nước vậy. Nếu không phát tâm bồ đề, làm sao có thể vãng sanh? Phát tâm bồ đề quả thật rất quan trọng.

“Vân hà”, ý này có nghĩa là gì? “Bồ đề giả” đây là giải thích bồ đề. “Nãi thị vô thượng Phật đạo chi danh dã”, bồ đề chính là tiếng phạn, dịch thành tiếng trung có nghĩa là giác, đại giác, giác ngộ triệt để, không có gì không giác, đây là vô thượng Phật đạo. Trong Kinh Phật gọi là A Nậu Đa La Tam Miệu tam Bồ Đề, dịch thành tiếng Trung Quốc có nghĩa là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Nếu người muốn phát tâm làm Phật, tâm này rộng lớn, chu biến pháp giới. Tâm này không có giới hạn, trong Phật pháp thường nói: Tâm ôm trọn cả hư không pháp giới. Chính là tâm bồ đề, tâm bồ đề là chân tâm. Chân tâm giác mà không mê, vọng tâm mê mà không giác. Ngày nay chúng ta dùng vọng tâm: Vọng tâm mê mà không giác, chân tâm giác mà không mê. Chúng ta muốn làm Phật, quý vị xem, tâm phải rộng lớn, đây là điều kiện đầu tiên. Tâm nhỏ không làm Phật được, tâm nhất định phải lớn, phải chu biến pháp giới.

Tâm này rất rộng rãi, nó như hư không vậy, điều này quá quan trọng, có thể bao dung tất cả, đây là tâm bồ đề. Đây cũng chính là nói, cư dân ở thế giới tây phương Cực Lạc, tâm lượng của họ đều lớn như thế, vì sao? Chân tâm, họ không phải vọng tâm, vọng tâm mới có tự tư tự lợi. Tâm lượng của vọng tâm rất nhỏ, tâm lượng của chân tâm không có biên tế, thế nên chu biến pháp giới, khắp cả hư không, không có biên tế. Đây là gì? Đây là bản tánh của chúng ta, là chân tâm của chúng ta.

Tâm này dài rộng, không có biên giới, đây là từ trên thời gian mà nói, hai câu trước là từ trên không gian mà nói. Trên thời gian mà nói, nó vĩnh viễn lớn như vậy, nó không nhỏ lại. Vọng tâm có khi lớn, có khi nhỏ. Lớn cũng không phải rất lớn, nhỏ sẽ biến thành rất nhỏ, gọi là lòng dạ hẹp hòi. “Thử tâm phổ bị, ly nhị thừa chương” phổ là phổ biến, bị là đầy đủ, thế nên họ không có chương ngại của nhị thừa. Nhị thừa cũng chúng được chánh giác, nhưng họ không đạt được chánh đẳng chánh giác. Chánh đẳng chánh giác là bồ đề, chỉ có chánh giác, không có chánh đẳng chánh giác. Đây là Thanh văn, Duyên giác, đều coi là tiểu thừa. Tâm tiểu thừa cũng không tệ, nhưng có lúc không kiên nhẫn. Ví dụ chúng sanh khó độ, thôi vậy, không độ họ nữa, đây chính là tâm nhị thừa. Không như Bồ Tát, khó độ,

khó độ cũng phải độ. Họ có tâm kiên nhẫn, họ có trí tuệ, họ có phương tiện thiện xảo.

“Nhược năng nhất phát thử tâm, khoảnh vô tử sanh tử hữu luân, sở hữu công đức hồi hướng bồ đề, giai năng viễn nghệ Phật quả, vô hữu thất diệt”. Tâm này vừa phát, khoảnh có nghĩa là hủy hoại, nghĩa là bại vong, là phóng túng. Phóng túng là gì? Vô tử sanh tử hữu luân. Hữu là tam hữu: Dục giới hữu, sắc giới hữu, vô sắc giới hữu, chính là lục đạo là sanh tử luân hồi trong lục đạo. Vô tử kiếp đến nay sanh tử luân hồi trong lục đạo, luân chính là trôi lăn trong luân hồi sanh tử, tất cả đều rất phóng túng. Cũng chính là nói tất cả_Khoảnh là hủy đi, hủy diệt nó.

Tất cả công đức hồi hướng bồ đề, tâm bồ đề có sức mạnh lớn như vậy, cũng chính là nó có thể diệt trừ tâm luân hồi. Tôi nói như vậy mọi người càng dễ hiểu. Vô tử sanh tử hữu luân chính là tâm luân hồi lục đạo. Có tâm luân hồi lục đạo, sẽ có quả báo lục đạo luân hồi. Tâm luân hồi đoạn, lục đạo luân hồi sẽ không còn, lúc này tất cả công đức đều hồi hướng bồ đề. Ba loại hồi hướng: Hồi hướng thực tế, thực tế là hồi hướng tự tánh, thực tế là tự tánh. Hồi hướng bồ đề là hồi hướng chánh giác, bồ đề là chánh giác. Tiếp theo là hồi hướng chúng sanh, mỗi niệm không quên tất cả chúng sanh trong biến pháp giới hư không giới.

Trước đây chúng ta nói chúng sanh còn thêm hữu tình, bây giờ đã hiểu. Động vật, thực vật, khoáng vật tất cả đều là chúng sanh. Động vật có tình chăng? Có, khoáng vật có tình chăng? Có, tất cả đều có. Tình là gì? Thọ tướng hành thức, nó có cảm thọ. Nó có cảm thọ khổ lạc, nó có cảm thọ lo lắng ưa thích, nó có tưởng. Chúng ta lấy thiện tâm đối với nó, nó biết. Lấy ác tâm đối với nó, nó cũng biết. Chúng ta khởi tâm động niệm đều không quấy nhiễu đến nó. Bây giờ chúng ta biết, hiện tượng của toàn thể vũ trụ, các nhà khoa học đem nó phân thành ba loại lớn: Hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần và hiện tượng tự nhiên. Ba loại hiện tượng này đều là hiện tượng dao động, tần suất dao động rất nhanh, chúng ta không thể tưởng tượng được. Giới khoa học chỉ nói, dao động này vô cùng nhanh, Phật pháp nói chữ số ra. Như Bồ Tát Di Lặc nói, một gậy móng tay có 32 ức một trăm ngàn niệm, một ý niệm chính là một tần suất. Một gậy móng tay là 32 ức 100 ngàn niệm, dùng cách tính của người Trung Quốc: một gậy móng tay là 320 triệu, tần suất chấn động của nó là 320 triệu lần.

Như vậy một giây thì sao? Một giây ít nhất có thể gậy năm lần, gậy nhanh có thể gậy năm lần. Vậy nhân cho năm, 1600 triệu. Trong một giây, có 1600 triệu lần, tần suất rất cao. Mỗi ý niệm đều đầy đủ_Trong Phật pháp nói hiện tượng ngũ

uẩn: Sắc thọ tướng hành thức. Sắc là hiện tượng vật chất, thọ tướng hành thức là hiện tượng tinh thần, đây là trong Phật pháp nói. Hiện nay các nhà khoa học cũng khẳng định, các nhà khoa học đã phát hiện, hiện tượng tâm lý và hiện tượng vật chất là một không phải hai. Hiện tượng vật chất từ đâu đến? Là hiện tượng tâm lý biến hiện ra, cơ sở của vật chất là ý niệm, chính là ý niệm. Không có ý niệm, vật chất cũng không còn. Chỉ cần có vật chất tồn tại, quý vị biết, ý niệm của quý vị không bao giờ gián đoạn, niệm trước diệt thì niệm sau sanh.

Trong hiện tượng vật chất có rất nhiều vật thể kiên cố, tần suất của nó hơi chậm. Như nhục thể của chúng ta, những thứ này tần suất nhanh hơn. Nhanh hơn nữa liền biến thành không khí, biến thành dòng điện, biến thành sóng ánh sáng, đó là tần suất nhanh, nhưng bất luận là nhanh đến đâu, đều là đang sản sinh biến hóa trong tần suất, không đạt đến tốc độ tần suất nguyên thủy. Tốc độ đó, vừa mới động. Trong kinh Phật nói, biến pháp giới hư không giới.

Quý vị xem, trong Hoàn Nguyên Quán nói ba loại chu biến: Thứ nhất là chu biến pháp giới, vừa mới động, nó liền chu biến pháp giới. Bất luận là hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần hay hiện tượng tự nhiên, chỉ cần nó vừa động liền chu biến pháp giới, tất cả biến pháp giới hư không giới đều biết. Thế nên thân tâm chúng ta, chính là bộ phận tinh thần và bộ phận vật chất của chúng ta, đều đang khởi dao động. Thân thể này giống như một đài phát xạ vậy, đem ý niệm chúng ta phát ra bên ngoài, đồng thời cũng là đài tiếp thu. Tin tức của toàn bộ vũ trụ, chúng ta đều nhận được, nhận được tại sao chúng ta không biết? Phiền não làm chướng ngại. Nếu phiền não nhẹ, tâm địa thanh tịnh, họ có thể tiếp thu được, càng thanh tịnh nhận được càng nhiều, thật ra tất cả đều đã nhận được. Tâm quý vị càng thanh tịnh, quý vị cảm nhận càng nhiều, hoàn toàn có thể cảm nhận được.

Thế nên toàn thể vũ trụ, dùng cách nói hiện nay là một thể hữu cơ. Nó là sống, không có thứ gì là chết, tất cả đều là sống, mà còn là gì? Tất cả có liên quan. Toàn thể vũ trụ giống như một màng lưới điện vậy, như mạng internet vậy. Chúng ta là một điểm trong mạng internet, liên quan với toàn bộ vũ trụ, khởi tâm động niệm đều liên quan, kết nối với nhau, đây là chân tướng sự thật.

Thế nên tâm bồ đề không thể không phát, cũng chính là trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta, phải học cách dùng chân tâm không nên dùng vọng tâm.

Như thế nào là vọng tâm? Khởi tâm động niệm là vọng tâm, phân biệt chấp trước là vọng tâm. Hay nói cách khác, lục căn chúng ta tiếp xúc với cảnh giới lục trần, thấy một cách rõ ràng, nghe một cách rõ ràng. Dùng chấp trước chính là

dùng chân tâm, chấp trước là dùng vọng tâm. Không nên phân biệt, phân biệt là vọng tâm, không phân biệt là chân tâm. Không khởi tâm, không động niệm_Không khởi tâm, không động niệm, quý vị giống như Phật vậy, hoàn toàn dùng chân tâm, không có chút vọng tâm nào.

Nếu chỉ làm được không phân biệt, còn không khởi tâm không động niệm làm không được, chỉ có thể làm được không phân biệt. Không phân biệt đương nhiên không chấp trước, như vậy là quý vị giống như Bồ Tát vậy, Bồ Tát dùng chân tâm, còn mang một chút vọng. Thấp hơn một bậc, đó chính là A la hán, Bích Chi Phật. Họ có khởi tâm động niệm, có phân biệt nhưng không có chấp trước, không có chấp trước, đây là A la hán. A la hán dùng chân tâm được một phần ba, Bồ Tát dùng được hai phần ba, Phật thì viên mãn, Đức Phật dùng hoàn toàn là chân tâm. Đây là điều chúng ta phải học, học Phật là học những điều này. Tâm lượng phải khoáng đạt, điều này đối với phàm phu chúng ta mà nói, phàm phu vì có tự tư tự lợi, chấp trước có cái tôi nên lượng không lớn. Trong cuộc sống, trong xử sự đối nhân tiếp vật phải mở rộng tâm lượng, bình đẳng đối với mọi người, không nên có phân biệt không nên có chấp trước, mở rộng tâm lượng, càng lớn càng tốt.

Các bậc thánh hiền dạy chúng ta: Lượng lớn phúc lớn, người không có độ lượng phước báo rất nhỏ. Phước báo lớn bao nhiêu, xem tâm lượng quý vị lớn chừng nào. Lượng nhỏ thì phước báo nhỏ, thế nên Phật lượng lớn nhất nên đã viên mãn. Phước báo của Phật là viên mãn, tâm lượng lớn, đây là điều chúng ta không thể không biết.

Tất cả công đức hồi hướng bồ đề, hồi hướng thực tế, “giai năng viễn nghệ Phật quả” nghệ là đạt đến. Công đức tu học mà chúng ta hồi hướng, hy vọng tương lai có thể chúng được vô thượng bồ đề, chúng được quả Phật. “Vô hữu thất diệt” công đức này giúp quý vị, công đức tuyệt đối không mất đi. Mỗi niệm đều hướng về bồ đề, mỗi niệm hướng về thế giới tây phương Cực Lạc, mỗi niệm hướng Phật A Di Đà.

Bên dưới là giải thích của cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, chú thích của Hoàng Niệm Tổ: “tư thô thích vân”, không phải nói tỉ mỉ mà chỉ nói đại ý. “Thủ dẫn Đại Kinh, dĩ minh công dụng. Đại Kinh giả Vô Lượng Thọ Kinh” dẫn dụng Kinh Vô Lượng Thọ để giải thích. Ngài Tịnh Ảnh, Đạo Xước, Thiện Đạo đều gọi là đại kinh, gọi Kinh Vô Lượng Thọ là Đại kinh của Tịnh tông. Thiên Thai là Trí Giả đại sư, ngài gọi Kinh Vô Lượng Thọ là đại bản, gọi Kinh Di Đà là tiểu bản. Các ngài như Thiện Đạo đại sư gọi là đại kinh, gọi là tiểu kinh. Tiểu kinh chính là Kinh A Di Đà_tiểu kinh.

“Thử bỏ đề tâm, thật bi vãng sanh Tịnh độ chi nguyên” câu này rất quan trọng. Thế nên cầu sanh thế giới tây phương Cực Lạc, không thể không có bốn nguyên, không có bốn nguyên nhất định không thể vãng sanh. Đây chính là phát tâm bồ đề, rất quan trọng. “Nguyên giả, bốn dã, cố tri, nhược bất phát thử tâm. Túng nhiên cần tu, diệc tợ vô nguyên chi thủy, vô bốn chi bốn, chung bất năng vãng sanh dã” nếu chúng ta không phát tâm bồ đề, dù niệm Phật có giỏi_Nhất tâm chuyên niệm nhưng không phát tâm bồ đề, giống điều gì? Điều này có ví dụ rất hay. “Vô nguyên chi thủy” nước này nhất định sẽ khô, không có nguồn nước. “Vô bốn chi bốn” cây này không có rễ, cây không có rễ làm sao sống được? Tâm bồ đề là căn bản để vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc, không phát tâm bồ đề được ư? Chúng ta muốn vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc, là phải dùng chân tâm để sống, dùng tâm chân thành xử sự đối nhân tiếp vật.

Thế nên nhiều năm nay tôi giảng về tâm bồ đề, tôi nói rất đơn giản. Tôi giảng về tâm chân thành chính là tâm chí thành trong Quán Kinh. Tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm giác chính là thâm tâm. Phải giác ngộ, giác ngộ chính mình là phàm phu, giác ngộ chính mình đã sai, giác ngộ chính mình khởi tâm động niệm đều đang trôi lăn trong luân hồi, đây là giác ngộ đối với chính mình. Phải giác ngộ 48 nguyện của Phật A Di Đà là phát vì chúng ta. Giác ngộ thế giới tây phương_Phật A Di Đà kiến lập thế giới Cực Lạc là cung cấp cho chúng ta tu hành chứng quả. Phật Di Đà có đại ân đại đức với mình, chúng ta phải tri ân báo ân, báo bằng cách nào? Phát tâm bồ đề, nhất hướng chuyên niệm, vãng sanh thế giới Cực Lạc, thân cận Phật Di Đà, chứng cứu cánh quả Phật, đây chính là báo ân Phật Di Đà. Có thể báo ân Phật Di Đà thì tất cả công đức đều đã báo hết: Ân cha mẹ, ân tổ tông, ân quốc gia, ân chúng sanh, đã báo hết tất cả. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói: Một là tất cả, tất cả là một, không sai chút nào!

“Vân hà dĩ hạ” trong phần chú giải ở trước_Vân hà dĩ hạ_Chính là của Đạo Xước đại sư. “Thân minh kỳ nghĩa. Cái bồ đề giả, giác dã, vô thượng giác tức Phật giả”. Bồ Tát giác, Bồ Tát đã giác ngộ nhưng chưa viên mãn, không thể xưng là vô thượng. Phật mới là vô thượng giác, không ai viên mãn hơn Phật, cứu cánh viên mãn, đây là vô thượng giác.

“Thị cố bồ đề tức vô thượng Phật đạo chi danh. Phát tâm tác Phật, tức phát khởi thị tâm tác Phật, thị tâm thị Phật chi tâm”. Hai câu này là trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, đây là Thế Tôn nói với chúng ta, Phật là gì? Phật chính là tâm mình_thị tâm thị Phật, không phải là vật bên ngoài. Tâm chính là Phật, Phật chính là tâm, tâm này là gì? Chân tâm, chân tâm chính là Phật, vọng tâm tức là

ma. Phật và ma đều không ở bên ngoài đều là chính mình. Một niệm giác thì thành Phật, một niệm mê thì làm ma. Một niệm giác ma biến thành Phật, một niệm mê thì Phật biến thành ma, chính là như vậy. Nếu quý vị minh bạch, rõ ràng, Phật dễ thương, ma cũng rất dễ thương, cách nhìn của quý vị đối với Phật và ma, là tâm bình đẳng, là một không phải hai. Phải giúp vọng tâm trở về giác tâm, trở về với chánh giác, như vậy là đúng, đây gọi là “Vô duyên đại từ, đồng thể đại bi”. Thế nên trong kinh điển đại thừa Đức Phật nói: Tất cả chúng sanh vốn là Phật, đây chính là thị tâm thị Phật.

Tất cả chúng sanh bao gồm cây cỏ hoa lá, bao gồm sơn hà đại địa, vì sao? Tất cả đều do các duyên hòa hợp mà thành, còn bao gồm hiện tượng tự nhiên. Trong nhà Phật nói lôi thần, điện thần_Lôi điện, lôi điện là thuộc về hiện tượng tự nhiên, có lôi công, phong thần, vũ thần, đây phải chăng là mê tín? Không phải, sao lại mê tín? Phong vũ lôi điện, đầy đủ tất cả sắc thọ tướng hành thức, nên nó với chúng ta có thể có cảm ứng. Ý niệm của chúng ta chuyên chú, liền khởi tác dụng cảm ứng với nó. Chúng ta buông bỏ ý niệm, vọng niệm, nhất tâm nhớ nghĩ đến ông lôi, nghĩ đến sấm chớp, sấm chớp liền khởi tác dụng. Làm cho tiếng sấm nhỏ một chút, khiến luồng điện yếu một chút, có thể làm được, hình như nó rất nghe lời, rất hợp tác với quý vị. Nếu quý vị không thể tập trung ý niệm, sẽ không khởi cảm ứng đối với nó, ý niệm tập trung vào nó là được.

Những biến hóa trên địa cầu, nếu chúng ta tập trung ý niệm, hy vọng thiên tai này ngày càng nhỏ, đến lúc thiên tai không phát sanh, sơn hà đại địa trên địa cầu này sẽ hợp tác với quý vị. Cũng chính là nói, như tiến sĩ Giang Bồn người Nhật, làm thực nghiệm nước vậy. Thiên địa vạn vật, phong vũ lôi điện đều có cảm ứng với ý niệm chúng ta. Ý niệm chúng ta thiện, nó thiện_Phong điều vũ thuận, thiện niệm. Ý niệm chúng ta bất thiện_phong lớn vũ lớn, tạo thành thiên tai chính là như vậy. Thế nên thế gian này, những gì gọi là thiên tai tự nhiên, không phải tự nhiên là do con người khởi tâm động niệm mà cảm ứng nên. Đạo lý này Đức Phật nói rất thấu triệt nhưng con người không tin tưởng. Con người hiện nay chú trọng điều gì? Vật lý, không hiểu tâm lý. Càng cao tầng là tâm lý, vật lý là từ trong tâm lý biến hiện ra. Thế nên cảnh từ tâm chuyển, cảnh chính là vật, vật tùy theo tâm người mà chuyển. Tâm là chủ tử, vật không phải chủ tử, phải hiểu rõ ràng minh bạch về điều này.

Vô cùng khó được, các nhà khoa học hiện đại đã chứng minh. Các nhà lượng tử học cận đại đã nghiên cứu rõ ràng, minh bạch. Hoàng Niệm Tổ là người nghiên cứu khoa học, trong trường ông dạy về điện vô tuyến, dạy khoa học. Quý

vị xem, trong kinh trang 296 ở trước, ông đề cập đến một điểm vi tế của một sợi long một hạt bụi, đều hiện ra từ lý thể thực tế, đây là nói về khoa học. Ở trang 338 nói về vi trần, ông dẫn dụng lời của các nhà khoa học hiện đại.

Sau năm 1980, các nhà khoa học phát hiện vi trung tử cũng chính là nói lượng tử. Vi trung tử lớn chừng nào? Chỉ bằng một trên một trăm ức của một điện tử. Vi trung tử có năng lực xuyên suốt một tấm nhôm hoặc một tấm gang dày mười ức cây số. Nên nhớ, dày bao nhiêu? Mười ức cây số. Sức mạnh quá lớn, nó có thể xuyên suốt.

Hạt căn bản là cảnh giới tướng của A lại da, tâm niệm là chuyển tướng, năng lượng là nghiệp tướng. Đây là dùng khoa học hiện đại, để ấn chứng tam tế tướng của A lại da như trong kinh Phật nói. Mười ức cây số là đã xuyên suốt địa cầu. Từ đường kính của địa cầu, thông qua địa tâm đến bên này chưa tới mười ức, chưa đến mười ức. Thế nên hiện tượng tâm lý là gốc là rễ, hiện tượng vật chất là cành là nhánh. Ngày nay nghiên cứu đều ở trên cành nhánh, không tìm đến gốc rễ, nên khi xuất hiện vấn đề, không tìm ra phương pháp giải quyết. Phật pháp tìm ra gốc rễ nên mới có phương pháp giải quyết.

Ngày nay các nhà vật lý học, dùng rất nhiều phát minh để biến đổi gien, hy vọng động thực vật có thể sinh trưởng tốt hơn, thật ra hiện nay gien xảy ra vấn đề. Ngày xưa không cần những thứ này, họ có phương pháp làm cho sinh trưởng rất tốt mà còn vô cùng dinh dưỡng. Hiện nay chứng minh, giá trị còn cao hơn hiện tại, người xưa dùng gì? Dùng tâm lý. Nhân tâm hậu đạo, nhân từ thương người, nói về luân lý. Quý vị xem, hiếu đệ trung tín, lễ nghĩa liêm sĩ, nhân ái hòa bình. Tâm như vậy trồng trọt ra sản phẩm, làm sao lại không tốt? Đây chính là văn hóa phương đông coi trọng ở tinh thần, tinh thần ảnh hưởng đến vật chất là tốt nhất.

Khoa học kỹ thuật họ không hiểu điều này, tâm họ không được lương thiện. Họ không có hiếu đệ trung tín, lễ nghĩa liêm sĩ, nhân ái hòa bình. Khởi tâm động niệm đều tương phản với những điều này, dùng nhiều phương pháp vật lý học để thay đổi. Càng cải càng hư, chi bằng đừng cải, đây là gì? Tôn sùng vật lý, lơ là tâm lý, đây là điều rất phiền toái, nhưng ngày nay quan niệm này đã hoàn toàn được thành lập, người người đều tin.

Ngày nay chúng ta đề cập đến tâm lý, không có người tin, như vậy phải làm sao? Chỉ còn cách nhìn khoa học kỹ thuật hủy diệt thế giới này, thế giới hủy diệt sau đó lại có, điều này rất bi thảm. Khoa học kỹ thuật đem đến sự hưởng thụ cho chúng ta, chẳng qua hai ba trăm năm sau, chúng ta phải trả giá là địa cầu hủy diệt, thật không đáng! Điều này không phải không ai biết.

Vào năm 1970, Tiến sĩ Thang Ân Ty người Anh, nói rất rõ ràng_Cũng chính là bốn năm mươi năm trước, một nửa thế kỷ trước. Ông đề ra khôi phục phương thức trồng trọt của nhân công ngày xưa. Cách canh tác đó sản xuất sản phẩm thật sự có dinh dưỡng, đối với người rất có lợi ích, không có chút tác dụng phụ nào. Ông chủ trương cách trồng trọt của nhân công ngày xưa, không nên dùng cơ giới, không nên dùng hóa học. Chủ trương những công cụ phát triển trên mặt khoa học, chỉ có thể dùng ở ăn mặc ở đi của chúng ta, ngoài điều này ra, tuyệt đối không nên phát triển không nên đi nghiên cứu nó. Hạn chế khoa học kỹ thuật trong sự ăn mặc ở đi, rất có đạo lý, thật sự có trí tuệ! Đáng tiếc không ai tin.

Thảo luận của ông, trong phần ghi chép chúng ta nhìn thấy. Họ xuất bản một cuốn sách, ông nói chuyện với Trì Điền Đại Tác. Tôi đã xem cuốn sách này, tôi rất khâm phục kiến giải của ông. Họ cũng nói đến vấn đề xã hội của thế kỷ 21_Giải quyết vấn đề xã hội của thế kỷ 21, ông ta cho rằng nhất định phải dùng học thuyết Khổng Mạnh và đại thừa Phật pháp. Học thuyết Khổng Mạnh và Phật pháp đại thừa đều xuất phát từ Trung Quốc. Ông ta đối với truyền thống văn hóa xưa khâm phục sát đất, cũng tha thiết vô cùng. Người trong nghề, ông ta thật sử hiểu!

Chúng ta ở Úc Châu hay nước Anh không nhìn thấy người thứ hai như Thang Ân Ty, ông không có người kế thừa. Hán học của Úc Châu, tôi đã đi phỏng vấn hai lần, tôi đã hiểu, đã minh bạch. Văn hóa truyền thống, văn hóa đại thừa, đích thực có thể giúp chúng ta giải quyết rất nhiều vấn đề. Người học Phật không thể không biết thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật. Thị tâm thị Phật là gốc, vì có gốc này, tâm hiện tại của chúng ta muốn làm Phật, chắc chắn có thể thành Phật.

Người có thể phát tâm như vậy, vốn là Phật. Tâm làm Phật này, tức là tâm của người vốn là Phật. Thế nên bên dưới lại nói: Tâm này rộng lớn, bao trùm cả hư không pháp giới, tâm này cứu cánh. “Cứu cực chân tế, cùng tận pháp nguyên đã” cứu cực chân tế là lý, người hiện nay gọi là chân lý, chân tế chính là chân lý. Cùng tận pháp nguyên, pháp là vạn pháp, căn nguyên của tất cả vạn pháp trong vũ trụ, quý vị đều đã hiểu, đây là hạng người nào? Đây là Phật! Phật dùng phương pháp gì? Ngài chính là dùng chân tâm. Quý vị dùng chân tâm, vấn đề này có thể giải quyết, quý vị có thể kiến tánh. Cứu cực chân tế chính là minh tâm kiến tánh. Tôi giải thích như vậy, mọi người sẽ dễ hiểu hơn.

Cùng tận pháp nguyên chính là không gì không biết, không gì không thể, không hề có chướng ngại, sau khi quý vị kiến tánh đích thực là như vậy. Tất cả pháp trong thế xuất thế gian, không có gì quý vị không biết, không có gì quý vị

không thấu triệt. Vũ trụ từ đâu đến? Vì sao có những hiện tượng này? Vũ trụ đi đâu và về đâu? Nhân sinh vạn vật không có gì không biết, vì sao quý vị biết? Quý vị đã kiến tánh, đây đều là tự tánh biến hiện ra.

Ngài Huệ Năng đã kiến tánh, câu sau cùng ngài nói: Nào ngờ tự tánh có thể sanh vạn pháp. Biến pháp giới hư không giới là tự tánh biến hiện ra, chỉ cần kiến tánh, liền thấu triệt tất cả, dùng phương pháp nào để kiến tánh? Tự tánh không có phương pháp. Chỉ cần đoạn tận chướng ngại, nó liền hiện tiền, chướng ngại là gì? Khởi tâm động niệm là chướng ngại, phân biệt chấp trước là chướng ngại. Chỉ cần lục căn tiếp xúc với cảnh giới lục trần, không chấp trước, không phân biệt, không khởi tâm, không động niệm, như vậy là hoàn toàn minh bạch, chỉ đơn giản như vậy. Đức Thế Tôn là thành tựu như vậy, Huệ Năng đại sư cũng là thành tựu như vậy. Ngài Huệ Năng nghe thầy giảng Kinh Kim Cang, Sư phụ của ngài là Ngũ tổ Hoằng Nhẫn. Ngài Huệ Năng không biết chữ, không đi học, suốt đời chưa nghe một bài giảng. Trong chùa có thiền đường nhưng ngài chưa từng tham thiền. Có giảng đường, nhưng ngài chưa từng đến nghe kinh. Ngài ở trong chùa tám tháng là làm công quả. Ngũ tổ phân ngài đến nhà củi, chặt củi giả gạo. Ngài làm những việc nặng nhọc này suốt tám tháng, tới cuối cùng hòa thượng gọi ngài đến gặp, giảng Kinh Kim Cang cho ngài nghe.

Nửa đêm canh ba gặp mặt, mọi người đều đã ngủ, ngài vào phòng của Ngũ tổ, cửa đều mở. Ngũ tổ giảng Kinh Kim Cang cho ngài, thực tế mà nói nhiều nhất khoảng hai tiếng. Giảng kinh xong, đại khái giảng được một phần ba đại ý, ngài liền hoát nhiên đại ngộ. Vì sao ngài nghe kinh khoảng hai tiếng thì đã thành Phật? Đạo lý này chúng ta cần phải hiểu. Ngài nghe kinh hai tiếng, liền buông bỏ tất cả khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước. Tự tánh của ngài đã xuất hiện, liền minh tâm kiến tánh nên triệt để thông đạt minh liễu. Ngài nói ra năm câu: Nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh. Nào ngờ tự tánh vốn không sanh diệt. Nào ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ. Nào ngờ tự tánh vốn không dao động. Câu sau cùng: Nào ngờ tự tánh năng sanh vạn pháp.

Nói đến đây, Ngũ tổ nói: Dừng lại, đừng nói nữa, liền đem y bát truyền cho ngài, dạy ngài nhanh chóng ra đi. Tự mình đưa tiễn và dạy ngài đi trốn. Lần trốn này ngài trốn hết 15 năm, mọi người quên dần chuyện này thì ngài xuất hiện. Vì sao phải trốn? Đốn kị, chướng ngại. Quý vị xem, biết bao nhiêu đồng học, theo Ngũ tổ rất nhiều năm vậy mà y bát của thầy không truyền cho họ, sao lại truyền cho một người như vậy. Mọi người không phục, nhưng ngài thật sự đã khai ngộ còn những người này, rất nhiều người theo Ngũ tổ đều chưa khai ngộ. Pháp phải

truyền cho người thật sự khai ngộ, người thật sự kiến tánh. Thế nên Phật nói với chúng ta rất rõ ràng: Tất cả chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng của Như Lai, nhưng vì vọng tưởng chấp trước mà không thể chứng được. Như vậy chúng ta sẽ hiểu, chỉ cần buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước, quý vị liền được chứng quả. Vì sao không chịu buông bỏ? Điều này rất quan trọng, đây mới thật sự là then chốt.

“Trường viên, minh tịch chân thường”, minh là quang minh, là trí tuệ. Tịch chính là định, tịch tịnh. Hai thứ này là chân thường, không phải giả. Minh là trí tuệ, tự tánh vốn đầy đủ trí tuệ bát nhã. Tịch là đức, tánh đức, như như bất động. Chân thường là bất sanh bất diệt. Vĩnh viễn không còn sanh diệt, là chân thường! “Phổ bị, cụ túc nhất thiết”, đầy đủ tất cả pháp. “Vô khiếm vô dư dã”, khiếm là khiếm khuyết, không thiếu thốn. Không những không thiếu mà cũng không dư, quý vị đạt được một cách viên mãn, nên nói trí tuệ viên mãn, đức năng viên mãn, không gì không biết, không gì không thể. Đức năng viên mãn, tướng hảo viên mãn. Ngày nay chúng ta nói là phước báo, phước báo viên mãn.

Quý vị đã đạt được, nói thực tế không phải mấy ngàn ức, mấy vạn ức. Như vậy là quá nhỏ, quá nhỏ bé. Quý vị đạt được biến pháp giới hư không, tất cả pháp giới quý vị đều đạt được. Đó là vạn vạn ức, không chỉ vạn vạn ức, những việc vật vãnh như vậy mà tính làm gì! Biến pháp giới hư không giới là chính mình, tất cả là tâm hiện thức biến. Quốc độ chư Phật vô lượng vô biên trong mười phương pháp giới, từ đâu đến? Tâm chúng ta sở hiện. Trong pháp giới của chư Phật, mười pháp giới y chánh trang nghiêm từ đâu đến? Thức chúng ta sở biến. Lúc này thật sự có cái tôi, khi mê không có cái tôi, khi giác ngộ thật có tôi. Tôi là gì? Chủ thể, tự tại. Lúc này mới thật sự đầy đủ năng lực trí tuệ, để giáo hóa chúng sanh mười pháp giới, trong tất cả quốc độ khắp biến pháp giới hư không giới. Chúng sanh mười pháp giới chưa khai ngộ, nhưng quý vị có cảm ứng đạo giao với những chúng sanh này.

Chúng sanh có niệm, ý niệm của họ như đài phát xạ vậy, phát ra lập tức chu biến pháp giới, những tin tức này quý vị đều nhận được, nhận được thì sao? Hóa thân đi. Chúng sanh vô lượng vô biên vô tận vô số, hóa thân của quý vị cũng như vậy, vô lượng vô biên vô tận vô số, không sót người nào. Bản lĩnh này lớn biết bao! Là ai? Chính mình. Đây mới thật sự gọi là từ bi, mới thật sự thương yêu chúng sanh. Giúp tất cả chúng sanh, giác ngộ tất cả chúng sanh, thành tựu tất cả chúng sanh, đây gọi là phổ bị.

Bên dưới tổng kết: Nếu như tâm này, công đức không thể nghĩ bàn. Nếu có thể phát tâm này, liền đoạn tận sanh tử và các trầm luân từ vô lượng kiếp đến nay. Đây chính là giải thích: “Nhược năng nhất phát thử tâm, khoảnh tận vô thí sanh tử hữu luân”. Hoàng Niệm Tổ nói mấy câu này rất hay, chúng ta vừa nghe đã hiểu. Quý vị xem, nếu có thể phát tâm này, tâm bồ đề vừa phát, quý vị liền có thể đoạn tận tất cả trầm luân sanh tử từ vô lượng kiếp đến nay. Chư hữu trầm luân chính là luân hồi lục đạo, quý vị có thể liễu sanh tử xuất luân hồi.

“Cánh dĩ công đức hồi hướng bồ đề, định năng thượng chứng Phật quả”, quý vị đem tất cả những công đức của mình_Tôi không cần gì cả, chỉ cần vô thượng bồ đề, quý vị liền chứng được vô thượng bồ đề. Chứng được vô thượng bồ đề, chính là chứng được quả Phật. “Sở hữu công đức, quyết bất đường quyên” đường quyên là tổn thất. Tất cả công đức của quý vị, chắc chắn không tổn thất. Không những không tổn thất, cũng không tiêu diệt. “Đạo Xước đại sư thử ngũ” những lời này của ngài Đạo Xước. “Trực tiết đạo xuất bồ đề tâm chi công dụng, siêu xuất tình kiến, vi diệu nan tư” Đạo Xước đại sư là người như thế nào? Nếu không phải người minh tâm kiến tánh, làm sao có thể nói ra được những lời như vậy?

Minh tâm kiến tánh, thông thường chúng ta xưng họ là Phật, không phải Phật họ không nói được như thế. Chỉ có Phật mới nói ra được những lời như vậy, điều này chúng ta không thể không biết. Đích thực đã vượt ra ngoài tình kiến, tình là người có tình cảm. Cũng chính là nói, người có phân biệt chấp trước, đây gọi là hữu tình. Hữu tình chúng sanh, tuyệt đối không có kiến giải này, ngài đã vượt ta khỏi. Ra khỏi lục đạo, ra khỏi mười pháp giới. Người trong lục đạo, mười pháp giới, không có kiến giải như vậy, tâm bồ đề có tác dụng lớn như thế.

Nếu nói chính quý vị muốn phát tâm bồ đề, nên bắt đầu phát từ đâu? Ở đây, trong chú giải của đại sư có mấy câu, quý vị phát khởi từ đây. Tâm này rộng lớn, chu biến pháp giới nên bắt đầu phát từ đây. Nếu tâm lượng quý vị nhỏ, người này không dung chứa được, người kia cũng không thể dung chứa, như vậy quý vị biết, mình không có tâm bồ đề. Dù có niệm Phật siêng năng đến mấy, cũng không thể vãng sanh. Đầu tiên phải bao dung, phải bình đẳng. Tâm mình đối đãi người khác không bình đẳng, tôi thích người này, ghét người kia, như vậy không được, không thể vãng sanh. Quý vị nên cố gắng phản tỉnh ngay điều này, sẽ biết mình có phát tâm hay không, có thể vãng sanh thế giới Cực lạc hay không, mình có đầy đủ điều kiện của thế giới Cực Lạc hay không, quý vị sẽ biết được.

Tâm này cứu cánh, cứu cánh là gì? Khắp cả hư không, ý nghĩa của hai chữ cứu cánh này, không có vọng tưởng phân biệt chấp trước, đây là cứu cánh. Bồ

Tát không có phân biệt chấp trước nhưng có vọng tưởng, vì vậy chưa cứu cánh. Phật không có vọng tưởng, đây gọi là cứu cánh. Điều này trong cuộc sống hằng ngày cần phải học tập, học trong cuộc sống, học trong công việc, học trong xử sự đối nhân tiếp vật. Học không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, như vậy có thể làm việc chăng? Làm việc không thể không dùng tâm, như vậy có thể làm việc chăng? Có thể mà còn làm một cách viên mãn. Làm việc khởi tâm động niệm, thường thường về sau hay có sai sót, vì sao? Chân tâm. Chân tâm sung mãn trí tuệ, chân tâm làm việc là trí tuệ. Chúng ta thông qua tư duy, thông qua tư duy là tri thức.

Người bây giờ học là tri thức, không phải trí tuệ, tri thức làm việc xảy ra rất nhiều sai sót, rất nhiều hậu di chứng, vì sao? Tâm không thanh tịnh. Quý vị thử nghĩ xem, tâm thanh tịnh là A la hán, không thể sách được với A la hán. Tâm bình đẳng là Bồ Tát, tâm đại triệt đại ngộ là Phật. Hiện nay trong khởi tâm động niệm của chúng ta, đều có vọng tưởng phân biệt chấp trước, như vậy có thể không có hậu di chứng ư? Không thể! Vì sao? Quý vị nghĩ chưa được viên mãn, nghĩ bên này, đến bên đó quên, nghĩ bên này, đến bên đó lại quên. Duy chỉ có trí tuệ, không cần thông qua tư duy nhưng chu đáo mọi mặt.

Ở trên thế giới này, chúng ta tuy 100 năm động loạn nhưng quý vị quan sát tường tận, quý vị đi khắp thế giới, người Trung Quốc vẫn tương đối nghe lời. Nguyên nhân gì? Mấy ngàn năm trước, căn cơ mà tổ tông dạy dỗ rất thâm hậu. Hôm nay nói lời này, tôi sung mãn niềm tin, vì sao? Tôi làm thực nghiệm ba năm ở Thang Trì, tôi phát hiện con người sao lại dễ dạy như vậy? Dạy người Trung Quốc kết quả như vậy, thì người người ngoại quốc nhất định cũng như thế, bởi cổ nhân nói “nhân chi sơ tánh bản thiện”.

Mấy ngàn năm trước tiếp nhận sự huân tập của truyền thống văn hóa, hai ngàn năm nay huân tập phật pháp đại thừa, nền móng này rất thâm hậu. Hôm nay đã trái ngược, đã từ bỏ. Lơ là truyền thống, lơ là đại thừa, để học tư tưởng của ngoại quốc, khiến chính mình chịu rất nhiều khổ, rất nhiều thiên tai. Chỉ cần giác ngộ, chỉ cần quay đầu tìm tổ tông, tất cả vấn đề đều được giải quyết. Phải tin vào trí tuệ viên mãn của tổ tông, là tánh đức của chính mình, tự mình với tổ tông không phải hai. Chúng ta phải khai phát trí tuệ trong tự tánh, khai phát năng lực trong tự tánh, khai phát bảo tàng trong tự tánh. Phải coi trọng tinh thần không nên học cách coi trọng vật chất. Người ngoại quốc coi trọng vật chất, không biết tinh thần. Thế nên ngày nay thiên tai đã đến, họ không có biện pháp giải quyết. Phương đông như Trung Quốc, Ấn Độ. Phương đông rất có căn bản, ngày nào

giác ngộ trở lại tìm tổ tông, những, những điển tịch tổ tông lưu lại đều còn. Trí tuệ đều ở trong những cuốn sách này, phương pháp đều trong những cuốn sách đó, kinh nghiệm cũng đều ở trong đó. Chỉ cần quý vị xem nhiều, sẽ hoàn toàn minh bạch.

Ngày nay vấn đề lớn nhất của chúng ta, làm sao khôi phục lòng tin đối với tổ tông, đây là then chốt. Cũng chính là nói, những gì tổ tông lưu lại giúp chúng ta, có thể giúp được bao nhiêu, đều ở trên niềm tin. Quý vị có một phần lòng tin, tổ tông giúp quý vị một phần, có lòng tin mười phần, tổ tông giúp quý vị mười phần. Quý vị có một ngàn phần tin, họ sẽ giúp quý vị một ngàn phần. Một vạn phần tín tâm, tổ tông giúp quý vị một vạn phần, hoàn toàn là thật, không hề giả dối, chúng ta nhất định không thể lơ là.

Khôi phục cung kính đối với tổ tông, tổ tông quan tâm hậu nhân rất chu đáo. Sau khi tôi học Phật, tâm tôi thường nghĩ như vậy, tổ tông chúng ta đều là Phật Bồ Tát hóa thân, không phải người phàm. Những gì mấy ngàn năm trước truyền lại, Phật pháp truyền đến Trung Quốc mới 2000 năm nhưng hoàn toàn tương ứng với Phật pháp. Ngày nay đem tổ tông, Phật pháp và khoa học cận đại so sánh cũng tương ứng. Khoa học đã chứng minh nên ngày nay chỉ có thiểu số, số rất ít nhà khoa học hiểu được, họ biết, lý ở trong này rất thâm sâu. Chúng ta không phải trải qua 60 năm huân tập, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài. Huân tu trong kinh giáo đại thừa suốt 60 năm, không gián đoạn ngày nào, chúng ta mới lãnh hội được nhiều như vậy, mới có nhận thức nhiều như vậy, năm ba năm không được.

Huân tập giáo huấn của tổ tông, huân tập đại thừa, ít nhất mười năm, quý vị mới có được chút căn bản. Hai mươi năm, ba mươi năm chắc chắn có chỗ ngộ. Thâm nhập một môn, huân tu lâu dài. Tổ tông giáo huấn: Đạo dạy học, quý ở chỗ chuyên nhất. Học phải chuyên, đương nhiên học cũng phải chuyên, không chuyên không học tập được gì. Chuyên như thế nào? Chuyên sẽ được định, định lâu sẽ khai trí tuệ, hoát nhiên đại ngộ, vấn đề mới giải quyết được.

Tam học giới định tuệ, được truyền từ Phật pháp. Khi truyền đến Trung Quốc, Đạo gia áp dụng, Nho gia cũng áp dụng. Nho và Đạo đều áp dụng giới định tuệ của Phật, quả thật rất hay. Nhà nho cũng nói về ngộ, nói về ngộ tánh, Đạo gia cũng nói về ngộ nhưng ngộ trong Phật pháp triệt để hơn, vì sao? Dạy quý vị không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước. Nho và Đạo không nói thâm sâu như vậy, Nho và Đạo chỉ nói quý vị đừng chấp trước là được, nên cảnh giới của họ là cảnh giới nhân thiên, chưa thoát lý luân hồi lục đạo,

nhưng cảnh giới nhân thiên_Cảnh giới của Đạo cao hơn Nho một chút. Đạo đại khái ở sắc giới thiên và vô sắc giới thiên. Cảnh giới của Nho gia là dục giới thiên. Cảnh giới của Phật có thể siêu việt tam giới, không những ra khỏi tam giới mà còn ra khỏi mười pháp giới.

Ngày nay trên toàn thế giới, Phật pháp cũng may mắn bảo tồn được trên nhiều quốc gia, đây là điều quý hơn bất cứ điều gì. Chúng ta phải thực hành, pháp lớn cứu cánh viên mãn, đây là pháp bảo hy hữu trong biến pháp giới hư không giới, đặc biệt là bộ kinh này. Nếu quý vị chệch kinh Phật quá nhiều thì chỉ cần bộ kinh này là đủ, vì sao? Bộ kinh này là đỉnh cao, là đệ nhất kinh của tất cả kinh mà Đức Thế Tôn đã nói trong suốt 49 năm_Là đỉnh nhọn. Quý vị chỉ cần nắm vững kinh này, đời này có thể vãng sanh, có thể thành Phật, quý vị liền có thể chứng đại viên mãn. Đích thực trong thế xuất thế gian không tìm ra bộ thứ hai.

Chúng tôi đặc biệt cảm kích bản hội tập của Hạ Liên Cư, vì sao? Nếu không phải hội tập của ông, chúng ta phải học năm bản khác nhau. Năm bản quá nhiều, quá phức tạp, không dễ học, câu nào quan trọng chúng ta cũng không tìm được. Hạ Liên Cư dùng 10 năm thời gian, không ngắn_Thời gian mười năm hội tập thành bộ sách này. Công phu tu hành của người ta đến đâu, căn bản hán học và Phật học như thế nào, vẫn phải dùng thời gian mười năm, mới làm thành công việc này.

Hoàng Niệm Tổ là học trò của Hạ Liên Cư, là học trò truyền pháp, học trò đường đường nhập thất, tự thân nghe thầy giảng giải bộ kinh này. Thầy dặn dò ông ta, viết chú giải cho bộ kinh này. Ông không trái giáo huấn của thầy, thật sự đã làm thành công điều này. Tôi xem xong bộ chú giải này, ông trích dẫn kinh luận của các bậc cổ đức, những luận chú này có 193 loại. Khi tôi đến nhà gặp ông để phỏng vấn, nhìn thấy một đống sách ở đó, tôi hỏi: Ông tìm đâu ra vậy? Tài liệu hoàn bị như thế. Sau khi văn hóa đại cách mạng, ông tìm đâu ra vậy? Thật là Tam bảo gia trì, có người đưa tặng những bộ sách này cho ông, thật không thể nghĩ bàn, đây là thật không phải giả.

Lúc đó khi tôi ở cầu học ở Đài Loan, rất khổ vì thiếu tài liệu, không tìm thấy. Đại kinh đại luận, chỉ có trong đại tạng của chùa có. Tạng kinh không thể mượn ra ngoài nên phải viết, nhiều thứ như vậy phải làm sao? Trong lòng ngày nào cũng nghĩ, khi nghĩ thật sự có người đưa đến. Tôi nghĩ đến điều gì, hầu như đều đạt được, tâm tưởng sự thành, thật không thể nghĩ bàn.

Quý vị xem, năm ngoái tôi nghĩ đến Quán Thư Trị Yếu của Đường Thái Tông, đó là điều căn bản không dám nghĩ đến, vậy mà tôi đã thấy được bộ kinh này. Có

đồng học, đại khái ở trên mạng nghe tôi nhắc đến tên bộ sách này. Họ tìm thấy được hai bộ gửi đến cho tôi, đây là điều ngoài dự định của tôi, vì bản này rất ít, in từ khi nào? In vào đầu năm dân quốc, đại khái in vào khoảng lúc tôi chào đời, tám chín mươi năm trước. Trung Quốc trải qua động loạn quân sự cát cứ, tám năm kháng chiến, còn có đại cách mạng văn hóa. Lúc đó bản in không nhiều, nhiều nhất là 1000 bản, đi đâu để tìm? Không biết bao nhiêu thư viện đều không có sách này, cũng không ai biết sách này, vậy mà lại xuất hiện như được của báu. Tôi nói đức của tổ tông, đã giữ lại sách này cho tôi. Tôi lập tức đem đến thư cục thế giới, tìm ông chủ in cho tôi một vạn bộ, mục đích là gì? Hy vọng sách này không thất truyền_Một vạn bộ, sẽ không bị thất truyền. Mục đích là bảo tồn sách cổ, đây là quốc bảo của Trung Quốc, không thể để mất nữa, hy vọng mọi người cố gắng học tập.

Học tập bộ sách này, đồng nghĩa là học được toàn bộ tinh hoa, tinh túy của Tứ Khố Toàn Thư. Tứ Khố lớn như vậy, quý vị xem như thế nào, bắt đầu xem từ đâu? Bộ sách này là tinh hoa của Tứ Khố, quý vị đều đọc được hết. Ngoài điều này ra, không ngờ lại được thêm một bộ sách hay: Quốc Học Trị Yếu. Nội dung Quốc Học Trị Yếu là gì? Chính là Tứ Khố Toàn Thư, thật là tinh hoa: kinh_sử_tử_tập, so với sách này phân lượng lớn hơn rất nhiều. Phân lượng sách này chỉ có một sách, 50 vạn chữ. Quốc Học Trị Yếu hơn khoảng mười lần, có khoảng ba bốn trăm vạn chữ, sách dày như vậy, có tám cuốn. Hiện nay tôi cũng đưa đến thư cục, in cho tôi một vạn bộ. Tiệm sách nói với tôi, tháng sáu xuất bản, sẽ giao sách. Tôi muốn tặng bộ sách này cho thư viện các trường đại học trên toàn quốc. Nếu quý vị muốn biết Tứ Khố Toàn Thư thì xem sách này trước. Xem sách này sẽ biết nội dung của Tứ Khố, trong Tứ Khố nói gì, quý vị sẽ biết ngay.

Nếu quý vị thích phần nào trong Tứ Khố, đồng nghĩa nói là Tứ Khố thu nhỏ, là giới thiệu, hướng dẫn của Tứ Khố. Quý vị thích phần nào, có thể chuyên nghiên cứu bộ phận đó, đây là để quý vị nhận thức về Tứ Khố, quý vị sẽ sinh tâm hoan hỷ đối với Tứ Khố. Quý vị thật sự quý trọng nó, siêng năng học tập nó, có một con đường có thể nhập môn, nếu không vậy, không biết bắt đầu học Tứ Khố từ đâu? Hiện nay in thành sách bìa cứng, một cuốn dày như vậy, 1500 cuốn biết đọc từ đâu? Cuốn sách này quá phương tiện, là tôi bao nhiêu năm trong mơ cũng nghĩ đến. Không ngờ đầu năm dân quốc, các nhà Hán học đã biên tập ra, dùng thời gian mười năm để biên tập bộ sách này. Ở trước có bài tựa, bài tựa này viết vào năm Đinh Mão, năm tôi chào đời. Họ dùng mười năm công phu mới làm

thành công là năm tôi ra đời. Cũng chính là nói, 95 năm trước họ làm công việc này, 85 năm trước hoàn thành, năm tôi chào đời là hoàn thành, quả đúng là bảo!

Hai bộ sách này, một bộ là cứu xã hội, cứu quốc gia_Quần Thư Trị Yếu là cứu truyền thống văn hóa. Không có bộ sách này, truyền thống văn hóa không biết bắt đầu từ đâu. Đây là truyền thống văn hóa có chỗ hạ thủ, thật khó được!

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta chỉ học đến đây.

Tập 396

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Nguyễn Tâm

Thời gian: 05.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi. Mời quý vị xem “Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải”, trang 493, bắt đầu xem hai câu sau cùng hàng thứ năm từ dưới lên, hàng thứ năm từ dưới lên. “Nhược năng nhất phát thử tâm”, bắt đầu xem từ đây.

Nếu có thể phát tâm này, lập tức đoạn tận được sanh tử trầm luân của vô lượng kiếp đến nay. Đây là khuyên chúng ta tu học Tịnh độ, cầu nguyện vãng sanh, điều kiện đầu tiên chính là phát tâm Bồ đề. Bồ đề là tiếng Phạn, dịch thành tiếng Trung quốc có nghĩa là giác ngộ, tức là tâm bình thường này của chúng ta mê hoặc điên đảo, mê mà không giác, chúng ta ngược lại phải cầu giác ngộ. Giác ngộ, ở trước nói rất hay, trong phần phát tâm nói rất hay. Đặc biệt là trong Quán Kinh, Thiện Đạo đại sư chú giải về hai loại tín tâm. Tín này chính là giác ngộ, nói vô cùng hay.

Điều giác ngộ thứ nhất, phải khẳng định mình là phàm phu, phải thừa nhận mình đã tạo rất nhiều tội nghiệp. Thừa nhận chúng ta mới có thể sám hối, mới có thể sửa đổi. Thứ hai phải thâm tín Phật A Di Đà phát 48 nguyện là để độ chúng ta, phải thừa nhận như vậy mới được, gọi là trực tiếp chịu trách nhiệm. Phật A Di Đà kiến lập thế giới tây phương Cực Lạc là vì chúng ta, vì chúng ta mà kiến lập một đạo tràng tu học vô cùng lý tưởng. Không phải vì người khác, cần phải nghĩ như vậy, quan hệ của chúng ta với Phật A Di Đà và thế giới Cực Lạc sẽ vô cùng mật thiết. Chúng ta với Phật là người một nhà, chúng ta với thế giới Cực Lạc là một

gia đình, như vậy thì làm gì có chuyện không vãng sanh, làm gì có đạo lý không thành công! Không được nghĩ lệch lạc, Phật A Di Đà kiến lập cho người khác, không có phần tôi. Như vậy đời này dù chúng ta tu như thế nào cũng không thể thành công, nên tín tâm rất quan trọng.

Tâm này vừa phát liền có thể khoảnh tận, khoảnh tận chính là đoạn tận, đoạn tận điều gì? Sanh tử từ vô thủy đến nay. Chúng ta bị luân hồi sanh tử trong lục đạo không bao giờ dứt, khổ không sao nói hết.

Hai năm nay, ở Cam Túc xảy ra việc này, mọi người đều đã biết. Quý vị xem, ông Cao viết ra bộ sách này. 2100 năm trước, Khải Tát đại đế của đế quốc La Mã, phái đội quân đến xâm lược Trung quốc, muốn chiếm lĩnh Trung quốc, không ngờ đây cũng là kiêu binh tất bại, vì sao? Quân đội của đế quốc La Mã lúc đó vô cùng hùng mạnh, ở Âu Châu chưa từng bại trận, nên coi thường người Trung quốc. Đặc biệt thân người Trung quốc nhỏ bé, còn họ người cao ngựa lớn nên xem thường người Trung quốc. Khi đến Trung quốc đánh trận đầu tiên, họ bị chết hết 9000 người. Không ngờ người Trung quốc biết bố trận, người Trung quốc cũng có phương pháp đánh trận, kết quả toàn quân sa vào tay Trung quốc_rất đáng thương, chết ở Cam Túc. Khải Tát đại đế gặp một lần chính biến, ông bị ám sát. Thật ra bị ám sát không phải là ông, là vệ sĩ thân cận mang y phục ông bị giết, còn ông nhân lúc loạn lạc trốn đi và cũng chạy đến Trung quốc. Tìm được đứa con trai, thì cũng chết ở Cam Túc. Ông đến Trung quốc sống thêm 11 năm nữa thì mất.

Nên đưa con trai thứ ba của Khải Tát, còn có một cô công chúa, phu nhân của ông, đều chết ở Trung quốc. 2100 năm trước, nay hồn ma của họ vẫn còn nhập vào người khác, vẫn đang nói về câu chuyện này. Điều này nói lên điều gì? Chúng ta phải cảnh giác rằng con người không chết, chết chỉ là thân thể, linh hồn của quý vị không chết. Thế nên thân thể không quan trọng, linh hồn này mới quan trọng.

Thật ra mà nói linh hồn nó không linh, nếu linh thì dễ bàn luận. Nên Khổng tử không gọi nó là linh hồn, mà gọi nó là du hồn. Dịch Kinh, Hệ Từ Truyện là Khổng tử viết. Trong Hệ Từ Truyện nói “du hồn vi biến, tinh khí vi vật”. Hai câu này nói gì? Vật chính là vật chất, vật chất là điều gì biến ra? Tinh khí biến ra. Vật chất là vật lý, tinh khí là tâm lý. Lúc đó, thời đại của Khổng tử, Phật giáo chưa đến Trung quốc, nhưng ông nói đạo lý này hoàn toàn giống như trong kinh đại thừa. Đây là những gì cổ nhân nói, cái thấy biết của bậc anh hùng đa phần giống

nhau. Họ đều là thánh nhân, không gặp mặt, không tiếp xúc nhưng những gì họ nói ra đều giống nhau. Đây là gì? Chân lý không bao giờ thay đổi.

Du hồn thay đổi, vì hồn_Hồn ma nó không có nhục thể, không có nhục thể của vật chất. Nó hoàn toàn là tác dụng tinh thần, nó là một động thái, năng lực hoạt động của nó rất mạnh. Mấy ngàn dặm, mấy vạn dặm, chỉ trong một niệm là đến, rất có lý khi gọi nó là du hồn. Nó cứ lơ lửng vô định trong không trung, nhưng tin tức của nó rất linh thông, chúng ta khởi tâm động niệm nó lập tức cảm nhận được. Tâm quý vị thật sự nghĩ đến nó, nó liền hiện tướng, nên người xưa nói tế thần như thần tại. Thần là tổ tiên chứ không phải gì khác, khi chúng ta tế kỵ phải tế kỵ tổ tiên, tế kỵ tổ tiên là tri ân báo ân

Trong Luận Ngữ nói, vì sao phải tế tổ tiên? “Thận chung tuy viễn, dân đức quy hậu”. Nuôi dưỡng tâm chúng ta thành một cái tâm nhân hậu đạo đức, dưỡng thành tâm hiếu đạo, tâm cảm ân. Nên nó là giáo dục, không nên lơ là, nó không phải mê tín. Miếu Thành Hoàng cũng là giáo dục, dạy chúng ta tin nhân quả. Thiện có thiện quả, ác có ác báo, khởi tâm động niệm không giám có tà ác, là giáo dục. Mấy ngàn năm nay Trung quốc dựa vào điều gì? Chính là dựa vào giáo dục.

Rất nhiều người hỏi tôi, toàn bộ thế giới, hiện nay có thiên tai, chỗ nào trên thế giới an toàn nhất? Tôi nói Đại Lục an toàn nhất, vì sao? Quý vị xem, ngàn vạn năm trước, người Trung quốc dựng nước dựa vào điều gì? Dựa vào luân lý đạo đức, thế giới chỉ có mảnh đất này. Quý vị xem lịch sử Úc Châu 300 năm trong thời cận đại, dựng nước bằng nghề cướp biển. Còn có những đất nước mới lập hiện nay, đó là gì? Đó là thuộc dựng nước như kiểu nhà giàu mới nổi. Duy độc nhất mảnh đất Trung quốc là lấy hiếu thân đạo đức dựng nước. Cần phải biết điều này, gốc rễ thâm hậu biết bao.

Từ đường và gia phả của người Trung quốc, gia phả là lịch sử của gia đình quý vị, đời này qua đời khác đều ghi chép vào trong đó, không thiếu một đời nào. Tôi xem gia phả, có một cảm xúc rất sâu sắc. Đại khái Hán tộc đều là người một nhà, đều là con cháu của Viêm Hoàng. Viêm đế là thần nông_Hoàng đế, lên trên là Phục Hy, đều là người một nhà. Phục Hy đến Thần Nông là 500 năm, Thần Nông đến Hoàng Đế 500 năm. Văn tự là vào thời Hoàng Đế mới phát minh, có văn tự ghi chép là bắt đầu từ Hoàng đế, đến nay là 4500 năm. Thêm vào đến thời Phục Hy_Vẽ bát quái là Phục Hy_là 5500 năm, đây gọi là lịch sử 5000 năm.

Trước 5000 năm trước có lịch sử chăng? Nhất định có. Tôi tin rằng truyền thống văn hóa của chúng ta tuyệt đối không chỉ một vạn năm, nhất định trên một

vạn năm, lúc đó không có văn tự ghi chép. Đến thời Khổng tử mới dùng văn tự, đem những truyền thuyết này viết ra truyền cho hậu thế, nên Khổng tử được xưng là người tập đại thành. Ông vô cùng khiêm tốn, chúng ta tin rằng những gì ông nói là thật, lời nói thật. “Thuật nhi bất tác, tín nhi háo cổ”, đây là lời nói chân thật. Khổng tử đích thực chính là nhân vật điển hình này, đã làm ra truyền thống văn hóa, đây gọi là thánh nhân.

Học tập, làm việc không được triệt để, không đủ viên mãn, đây là hiền nhân quân tử. Nên xã hội Trung quốc_Coi như chúng ta có ghi chép trong lịch sử, xã hội 5000 năm là xã hội của thánh hiền quân tử. Chúng ta đã lãng quên giáo dục của thánh hiền quân tử, bắt đầu lãng quên từ khi nào? Mọi người đều nói từ Từ Hy thái hậu, Từ Hy thái hậu cách chúng ta 200 năm. Thật vậy, Từ Hy ngạo mạn, bà đọc sách không nhiều, coi thường văn hóa thánh hiền, tự xưng Lão Phật Gia. Quý vị xem, lịch đại đế vương đều là học trò của Phật Bồ Tát, tự xưng là đệ tử, chỉ có bà tự xưng Lão Phật Gia.

Bà làm như vậy, khiến sự kiêu thành cung kính của văn võ bá quan, xã hội đại chúng đối với Phật pháp bị suy yếu, làm cho nhiệt độ hạ xuống. Ngày càng hạ thấp, diễn biến đến hôm nay thành như vậy.

Điều này chúng ta đều rất rõ ràng, rất minh bạch, đây là một môn đại học vấn. Thế gian này đại học vấn vô cùng hy hữu, trong kinh nói từng câu từng chữ đều là thật, không phải giả. Thế giới Cực Lạc có hay không? Có thật. Có thiên đường chăng? Có, có địa ngục chăng? Có. Quý vị có thể tự mình đi hỏi, dùng phương pháp gì? Không cần ngồi thuyền không gian, thuyền không gian rất nguy hiểm. Chư vị Phật Bồ Tát họ dùng phương pháp gì? Dùng thiên định.

Trong thiên định thậm thâm, thời gian và không gian đều không có. Thời gian không có, quý vị có thể đến quá khứ, có thể đến vị lai. Quý vị nhìn thấy được 1000 năm trước, một nghìn năm sau quý vị cũng nhìn thấy được, không có thời gian. Thứ hai là không có không gian, không có không gian thì không có xa gần. Thế giới Cực Lạc ở đâu? Ngay tại đây, quý vị nhìn thấy ngay tại đây, như hiện nay chúng ta xem ti vi vậy. Hiện nay ti vi là mặt phẳng, cảnh giới trong định nhìn thấy là lập thể, không phải mặt phẳng. Đích thực quý vị có thể đi vào, thiên định thật không thể nghĩ bàn.

Lúc Đức Thế Tôn ra đời, người Ấn Độ tu thiên định rất phổ biến. Tôn giáo tu thiên định, học thuật tu thiên định. Những nhà triết học lớn của Ấn Độ, ai không có tứ thiên bát định! Trong kinh nói tứ thiên bát định là của Bà la môn, Đức Thế

Tôn đã học, mà còn học rất thành công. Nhưng thiên định này không phải thiên định tốt ráo, nó chỉ có thể khiến quý vị hiểu rõ luân hồi lục đạo. Trong luân hồi lục đạo, không gian duy thứ hoàn toàn bị đột phá, ngoài lục đạo ra đều chưa đột phá, cũng chính là định công của quý vị không đủ. Đức Thế Tôn đã học 12 năm, ngài biết nó không tốt ráo. Chúng ta tin rằng, Đức Thế Tôn nhất định có nghi vấn, lục đạo từ đâu đến? Vì sao có lục đạo? Ngoài lục đạo ra còn có cảnh giới nào nữa chẳng? Một người thanh niên hiếu học, nhất định có những thắc mắc này. Nghi vấn này không có đáp án, trong Tôn giáo không giải đáp được, trong học thuật cũng không giải đáp được. Nên Đức Phật đã buông bỏ sở học này, ngài ở dưới cội bồ đề nhập sâu vào thiên định. Lần nhập định này ngài minh tâm kiến tánh, minh bạch hoàn toàn.

Sau khi thông đạt thấu triệt tất cả, ngài bắt đầu đi giáo hóa, ngài cũng không trở về. Thực tế thì phụ vương ngài đang đợi ngài trở về để truyền vương vị, nhưng ngài không muốn, tiếp tục thân phận của một khổ hạnh tăng. Tâm thái này giúp rất nhiều chúng sanh mê hoặc chưa giác ngộ, ngài giáo hóa họ, và ngài đã giáo hóa như vậy suốt 49 năm, 79 tuổi viên tịch. Trong kinh ghi chép, ngài giảng kinh hơn 300 hội. Hơn 300 hội này, giống như hiện nay chúng ta tổ chức lớp học, một đời tổ chức hơn 300 lần hoạt động như vậy. Dạy học suốt 49 năm, ngài tổ chức lớp học này có mô hình lớn_Mô hình lớn thời gian dài_hai ba năm, bốn năm năm, có lớp học lớn như vậy. Thời gian ngắn thì năm ba ngày, một hai tháng, lớp học này rất nhiều rất phổ biến, nội dung giảng dạy không giống nhau.

Vì những người đến tìm ngài tổ chức lớp học, nhu cầu của họ không giống nhau. Ví dụ bà chủ trong gia đình đến tìm ngài tổ chức lớp học, chúng ta giải quyết vấn đề gia đình. Như ngày nay xã hội xí nghiệp, họ làm một loại xí nghiệp nào đó, thì người trong nghề này đều đến, tổ chức một lớp học, nhất định là dạy họ kinh doanh như thế nào, làm sao giúp họ giải quyết hoàn cảnh khó khăn, chắc chắn là thảo luận về vấn đề này. Nên trong kinh dạy đủ tất cả, còn viên mãn hơn khóa trình khoa hệ trong trường đại học.

Tịnh tông là giúp những người này biết rõ về cái khổ trong luân hồi lục đạo, không muốn tiếp tục sống trong luân hồi lục đạo nữa. Muốn làm sao thoát ly luân hồi lục đạo, có thể ngao du khắp biến pháp giới hư không giới trong vũ trụ, thích làm điều này. Đức Phật làm được, ngài dạy cho quý vị một phương pháp. Mà còn đem quốc độ của chư Phật trong hư không pháp giới giới thiệu cho quý vị, làm hướng dẫn viên cho quý vị, nhất định quý vị đến đó thành công. Thế nên tôi nói với quý vị, cần phải phát chân tâm, không thể dùng vọng tâm.

Phát khởi chân tâm để dùng vào đâu? Dùng trong cuộc sống, dùng trong công việc, dùng trong xử sự đối nhân tiếp vật. Người khác lấy vọng tâm đối đãi quý vị, nhưng quý vị phải lấy chân tâm đối với người, vì sao? Người ta vẫn còn trôi lăn trong luân hồi, họ không muốn ra khỏi đó. Quý vị đã muốn siêu việt luân hồi, nếu dùng vọng tâm thì không thể thoát ra được, niệm Phật cũng không được, nhất định phải dùng chân tâm. Chư hữu chính là tam giới lục đạo.

Đem những công đức này hồi hướng bồ đề, những công đức tư duy, học và tu của chúng ta, vì sao? Đều vì giác ngộ, bồ đề chính là giác ngộ, chúng ta không vì điều gì khác. Tuyệt đối không phải vì tự tư tự lợi, không phải vì danh văn lợi dưỡng, chúng ta là vì giác ngộ, vì đạt được một đức hạnh viên mãn Đạo đức. Tu hành là vì điều này, học tập cũng là vì điều này, nên định có thể chứng quả Phật vô thượng, quý vị nhất định có thể thành Phật. Quả Phật là học vị cao nhất trong Phật pháp, giống như học vị tiến sĩ trong trường đại học vậy, học vị này cao nhất. Học vị thứ hai là Bồ tát, học vị thứ ba là A la hán. Là vì lấy được học vị này, “Sở hữu công đức, quyết bất đường quyên”, đường quyên là tổn thất, là mất đi. Công phu mà quý vị tu được, quý vị đạt được từ trong công phu này nhất định sẽ không mất đi.

Hay nói cách khác, quý vị nhất định sẽ thành tựu. Hai chữ đường quyên này, chính là bên dưới nói tổn thất, mất đi, đây là thuật ngữ ngày xưa, hiện nay gọi là tổn thất, mất đi.

“Đạo Xước đại sư thử ngữ”, đoạn ở trên là do Đạo Xước đại sư nói: “Trực tiệt đạo xuất bồ đề tâm chi công dụng, siêu xuất tình kiến, vi diệu nan tư”. Ở trước chúng ta học đến đây, ngài nói quá hay, quá rõ ràng, quá minh bạch. Bên dưới Hoàng Niệm Tổ nói: “ Tư dẫn Mật tông bồ đề tâm luận dĩ vi tá chứng”. Hoàng Niệm Tổ một đời học Phật, không những trong Hiền giáo có thành tựu, công phu trong Mật tông của ông cũng rất thâm sâu. Ông từng tham thiền, thật như cổ nhân nói: Hiền mật viên dung, tông giáo câu thông. Đây là Bồ Tát tại gia, không phải người bình thường, công phu học tập tu dưỡng vô cùng thâm hậu.

Trong Luận Bồ Đề Tâm có một đoạn nói “thử bồ đề tâm”, là giống với Tâm bồ đề trong kinh đại thừa nói. “Năng bao tàng nhất thiết Bồ Tát công đức cố”, từ sơ phát tâm đến đẳng giác, công đức tu hành của tất cả Bồ Tát đều không rời tâm bồ đề. Đều có thể trưởng dưỡng tâm bồ đề, có thể viên mãn tâm bồ đề, tâm bồ đề là chân tâm của chính mình. “Nhược tu chúng xuất hiện”, nếu quý vị không tu, tâm bồ đề sẽ không xuất hiện. Nếu quý vị chưa chứng được tâm bồ đề, thì không hưởng thụ được công dụng của tâm bồ đề, thế nên quý vị phải tu, phải chứng. Tu

như thế nào? Trong cuộc sống hằng ngày, tôi dùng chân tâm để sống mà không dùng vọng tâm, vọng tâm là hư tình giả ý, cũng chính là tâm chân thành. Tục ngữ gọi là thật thà, thật thà rất gần với tâm bồ đề, con người phải trung hậu thật thà. Người trung hậu thật thà họ dùng chân tâm. Quý vị gạt, họ tin vì họ không biết, kết quả ai chịu thiệt? Người bị gạt không thiệt, người gạt mới thiệt. Người bị gạt chất phác, người chất phác vĩnh viễn không chịu thiệt.

Chúng ta bình tĩnh quan sát tư duy về sự và lý này sẽ lĩnh hội được, người thật thà không bao giờ bị thiệt. Vì sao không bị thiệt? Quý vị xem đức hạnh của họ, trí tuệ của họ ngày ngày tăng trưởng, nghiệp chướng của họ tiêu trừ mỗi ngày, như vậy làm sao chịu thiệt được. Cổ nhân nói: chịu thiệt là phước, rất có đạo lý! Người bị thiệt có phước báo, chịu thiệt thì sao? nghiệp chướng tiêu trừ, đức hạnh trí tuệ được tăng trưởng, vậy họ bị thiệt điều gì? Người lừa gạt đã chịu thiệt, người hiếp đáp người khác đã bị thiệt, vì họ tạo tội nghiệp, quả báo tương lai của họ ở trong tam đồ. Nên nhất định phải biết quan sát tỉ mỉ, nó không giống nhau.

“Tu chứng xuất hiện, tắc năng vi nhất thiết đạo sư”. Quý vị phải làm gương cho đại chúng trong xã hội, quý vị có thể hướng dẫn mọi người đoạn ác tu thiện, ly khổ đắc lạc, làm đạo sư của tất cả mọi người. “Nhược quy bản, tắc thị mật nghiêm quốc độ”, Mật nghiêm quốc độ chính là thế giới Cực Lạc, trong Mật tông nói gọi là Mật nghiêm quốc độ. Đại Nhật Như Lai của Mật tông chính là Phật A Di Đà, danh xưng khác nhau, nhưng chỉ là một vị Phật.

“Bất khởi ư tọa, năng thành nhất thiết Phật sự”. Trong kinh nói về Phật sự nhất định phải hiểu, đây không phải là kinh sám Phật sự hay siêu độ vong linh. Phật sự là dạy học, là giáo dục. Phật là trí tuệ, là giác ngộ. Việc mà chúng ta cầu trí tuệ, cầu giác ngộ gọi là Phật sự. Chư Phật Bồ Tát ngày ngày dạy cho chúng ta, mỗi ngày thị hiện làm gương cho chúng ta noi theo, đó gọi là Phật sự. Cuộc sống hằng ngày của các ngài là Phật sự, công việc của họ là Phật sự, họ đối nhân tiếp vật đều là Phật sự, không có việc gì không phải Phật sự. Cần phải thấu đáo đạo lý này, không được nhầm lẫn. Thật là một niệm viên mãn, thành tựu tất cả công đức.

“Bồ đề tâm chi công dụng, yên khả tư nghì”. Đoạn thứ nhất này nói về công dụng của tâm bồ đề. Đại dụng, tác dụng của tâm bồ đề thật không thể nghĩ bàn, mỗi người đều có tâm bồ đề, quý vị phải phát khởi nó ra. Mỗi người đều có, vì sao bây giờ không có? Bây giờ bị vật dục che mắt. Quý vị có tự tư tự lợi, có tâm tham danh văn lợi dưỡng. Quý vị ham hố ngũ dục lục trần, có thất tình ngũ dục, những thứ này làm che mắt tâm bồ đề. Làm sao để phát tâm bồ đề? Trừ diệt tất cả những thứ này. Diệt trừ rất khó, nhưng quý vị phải khiến nó ngày càng nhạt dần

hơn. Quý vị nhạt một phần, thì tâm bồ đề này hiển lộ một phần. Nhạt hai phần, nó liền lộ ra hai phần. Tâm bồ đề là quang minh, còn những thứ này rất đen tối, giảm một phần đen tối thì lộ ra một phần quang minh.

Nếu quý vị thật sự có năng lực, thật sự có quyết tâm lập tức đoạn tận, như vậy là đã thành Phật. Như Đức Thế Tôn nhập định dưới cây bồ đề, ngài buông bỏ triệt để, quả thật quá lợi hại! Vọng tưởng phân biệt chấp trước lập tức liền được đoạn tận, ngài đã thành Phật. Vào thời nhà Đường ở Trung quốc, lục tổ Huệ Năng của Thiên tông, ngài đã biểu diễn cho chúng ta thấy. Đức Thế Tôn biểu diễn chiêu này lúc 30 tuổi, ngài Huệ Năng biểu diễn cho chúng ta thấy lúc 24 tuổi. Ngài chưa từng đọc sách, không biết chữ, là một tiều phu chặt củi trên núi. Hiện nay không còn nghề này, vào thời kỳ kháng chiến vẫn còn nghề này. Thời kỳ kháng chiến cư trú ở thành thị, thành thị không có nước máy, nên phải mua nước, có người chuyên môn làm nghề này. Họ gánh nước ở sông bên ngoài thành, đem vào thành thị bán, một gánh nước bao nhiêu tiền. Lúc đó nấu lò, nấu củi.

Có tiều phu lên núi chặt củi gánh vào thành bán, trong thời kỳ kháng chiến chúng ta phải sống cuộc sống như vậy. Mỗi ngày phải mua nước, mua củi. Hiện nay dùng ga, dùng điện phương tiện hơn rất nhiều, những người này bị thất nghiệp. Hiện nay có nước máy, người bán nước cũng thất nghiệp. Có ga, có điện người bán củi cũng thất nghiệp. Trước đây bao nhiêu người nông dân đều dựa vào nghề này để sống qua ngày. Hiện nay dùng xe hơi, nên lừa, lạc đà cũng thất nghiệp, chúng không có việc làm. Trước đây công cụ giao thông của họ, đi gần thì cưỡi lừa, đi xa thì cưỡi ngựa, có xe ngựa, có xe trâu_Dùng xe trâu chuyên chở_hiện nay chúng đều thất nghiệp. Thất nghiệp rất đáng thương, vì sao? Chúng đến đây để trả nợ, hiện nay trả nợ thật phiền phức. Món nợ đó tích lũy ở đâu, đến đời kiếp nào mới có thể trả hết được?

Hiện nay con người tạo nghiệp này, đến những con trâu lừa ngựa thất nghiệp đều hận quý vị, điều này chúng ta có thể tưởng tượng được. Người dựa vào sự lao lực bán củi bán nước để sống, họ dùng gì để duy trì cuộc sống của họ? Ngày xưa tuy mọi thứ không phương tiện như bây giờ, nhưng cỏ nhân không có phiền não không có ưu tư, cuộc sống rất ưu nhàn, an lạc. Đó thật là cuộc sống hạnh phúc mỹ mãn, là cuộc sống rất có ý nghĩa. Hiện nay tốc độ quá nhanh, nhanh đến nỗi khiến quý vị cảm thấy ngày nào cũng bận rộn, nhưng không biết bận rộn vì điều gì. Gấp gấp gấp gấp thì đã qua hết một đời, sống mơ mơ hồ hồ, mê hoặc điên đảo. Thế nên chúng ta bình tĩnh quan sát thì người hiện tại không bằng cỏ nhân, phẩm

chất cuộc sống kém xa! Sinh hoạt của cổ nhân đích thực là tình thơ ý họa. Cuộc đời có chỗ đáng để lưu luyến, hiện nay không còn nữa.

Chúng ta đọc sách cổ, hoài niệm văn hóa ngày xưa, hoài niệm cuộc sống của cổ nhân. Chúng ta cũng sống được mấy năm, rất hoài niệm cuộc sống lúc nhỏ ở nông thôn, ưu nhân tự tại. Không lo lắng, không sợ hãi, không áp lực.

Bây giờ chúng ta xem đoạn thứ hai. “Đệ nhị, xuất bồ đề danh thể giả”, xuất là hiển thị ra. Tên gọi bồ đề này, có danh nhất định có thực thể, lý thể của nó là gì? Bồ đề có ba loại, chúng ta nói loại lớn trước. Thứ nhất pháp thân bồ đề, thứ hai báo thân bồ đề, thứ ba hóa thân bồ đề. Trong kinh đại thừa nói ba loại lớn này. Thứ nhất: Nói pháp thân bồ đề là chân như, thật tương, đệ nhất nghĩa không, tự tánh thanh tịnh, thể không uế nhiễm, lý rất chân thật, là tu thành không phải giả, nên gọi là pháp thân, là bản thể của Phật, nên gọi là Bồ Đề. Đây là nói về pháp thân bồ đề, bên dưới có giải thích nên chúng ta chỉ đọc sơ qua. Chúng ta xem đoạn bên dưới giải thích.

Thứ hai là báo thân bồ đề, tu đầy đủ vạn hạnh, có thể cảm được báo thân Phật. Lấy quả để báo đáp nhân, gọi là báo thân, viên thông vô ngại, gọi là bồ đề. Thứ ba là hóa thân bồ đề, là từ báo thân mà khởi tác dụng, có thể tùy cơ ứng hiện, gọi là hóa thân, lợi ích viên thông vạn vật, gọi là bồ đề. Danh và thể đều nói một cách rõ ràng minh bạch, bên dưới là giải thích đoạn kinh văn này.

“Thích bạch” chính là giải thích đoạn văn này, nói “đệ nhị minh bồ đề chi danh dĩ thể”. Danh có nghĩa là gì, thể của nó là gì? Phân ra ba thân pháp báo hóa để bàn luận, nói pháp thân bồ đề trước. Pháp thân bồ đề tức là chân như, chân là gì? Trong Phật pháp định nghĩa về chân là vĩnh hằng bất biến. Nó không sanh không diệt, không có thay đổi, đây chính là chân. Chân là thể, như là tướng, là tác dụng. Tướng và tác dụng của nó, hoàn toàn tương ứng với thể của nó. Thể là chân, tướng cũng không phải giả, tác dụng cũng là thật, nên gọi là như, tướng như tánh của nó. Phật pháp gọi là thể, nó dùng một chữ tánh để làm đại biểu. Nói về tự tánh, tự là chính chúng ta, tự tánh là cái tôi thật sự, vì sao? Nó bất sanh bất diệt, nó vĩnh hằng bất biến. Huệ Năng đại sư khai ngộ kiến tánh, kiến tánh như thế nào? Nhìn thấy tự tánh của chính mình, chính là nhìn thấy chân như của chính mình.

Chân như của mình và chân như của Phật là một không phải hai. Chân như của mình và vạn pháp chân như cũng là một không phải hai. Nên khi thật sự minh tâm kiến tánh ngài biết, ngài khẳng định và thừa nhận toàn bộ vũ trụ với chính mình có quan hệ gì? Là nhất thể. Người lạc mất tự tánh không biết, phân biệt mình với người. Xóa bỏ hoàn toàn quan hệ này, nên khi ngài kiến tánh liền đến

trình với ngũ tổ Hoàng Nhẫn. Câu thứ nhất chính là nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh. Nào ngờ tự tánh, dùng cách nói hiện nay là không ngờ rằng tự tánh vốn là thanh tịnh, có nhiệm ô chăng? Không có. Cho dù chúng ta không may biến thành súc sanh, đọa nga quý, đọa địa ngục, nhưng tự tánh không nhiễm ô. Trong Phật pháp thường nói, nhiễm ô là nhiễm ô gì? Nhiễm ô là vọng tâm, vọng tâm bị nhiễm ô, chân tâm chắc chắn không có nhiễm ô. Nếu chân tâm có nhiễm ô, sao có thể gọi là chân như?

Nên từ trên tự tánh Đức Phật nói: Tất cả chúng sanh vốn là Phật, mỗi người đều là Phật, Phật gì? Tôi nói với chư vị, mỗi người đều là Phật A Di Đà, chỉ là quý vị không biết. Ở trước chúng ta nói rất nhiều, bây giờ quý vị cảm thấy tôi là Phật, cảm thấy rất kỳ lạ, sao tôi lại là Phật. Tự tánh quý vị là Phật, vốn là Phật, chỉ là hiện tại quý vị bị lạc mất, không phải thật sự mất đi. Mất đi, sao gọi họ là Phật? Không mất, chỉ bị mê muội mà thôi, nhưng chỉ cần giác ngộ, thì cái giả đó liền không còn, cái chân liền hiện tiền, nên phàm phu và Phật chỉ trong một niệm, mê ngộ bất đồng. Chuyển mê khai ngộ liền thành Phật, chuyển ngộ thành mê thì trở thành chúng sanh, biến thành như bây giờ. Lúc nào chúng ta có thể chuyển nó lại, trở về tự tánh? Cũng chính là nói, đã tìm được cái tôi chân thật. Còn đây là cái tôi giả, không phải cái tôi thật. Tìm được chân ngã gọi là thành Phật. Phật là giác ngộ thành Phật, thành tựu giác ngộ, quý vị không còn mê hoặc, chính là ý này, đây là chân như.

“Thật tướng”, thật chính là chân thật, tướng là hiện tướng. Khi đã giác ngộ, tất cả tướng đều là thật tướng. Chưa giác ngộ, tất cả tướng đều là giả, nên cái chân và giả trong Phật pháp rất thú vị. Rốt cuộc nó là chân hay là giả? Không thể nói nó là thật, cũng không thể nói nó là giả, mê thì giả, mà ngộ thì chân. Những gì Phật Bồ Tát thấy là thật, còn phàm phu thấy đều là giả. A la hán thấy là tương tự như thật, chứ không phải tuyệt đối là thật. Tiến bộ hơn so với chúng ta, nhưng so với Phật Bồ Tát còn kém hơn một bậc, vì họ chưa kiến tánh. Họ tu rất tốt, rất như pháp, tu học rất tinh tấn, đây là thật tướng.

“Đệ nhất nghĩa không”, nhất của đệ nhất này không phải là một hai ba bốn, hoàn toàn không có ý niệm một hai ba bốn này, gọi là đệ nhất. Nhìn thấy đệ nhất nghĩa không, vì sao gọi nó là không? Vì trong đệ nhất nghĩa nó không có hiện tượng, chính là tự tánh, chính là chân như, chính là thật tướng, trong đó không có hiện tượng. Ngày nay khoa học họ nhất định phải có đối tượng, họ không có đối tượng, chân lý không có chỗ đứng. Khoa học tìm hiểu nghiên cứu, quý vị xem hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần, hiện tượng tự nhiên, ba loại lớn này. Có

đối tượng họ mới nghiên cứu được, hiện nay đã hiểu rõ ràng hiện tượng vật chất, điều này cũng mới gần đây. Trong khoảng nửa thế kỷ này, các nhà lượng tử học đã giải quyết được vấn đề này, rốt cuộc vật chất là gì? Phổ Lãng Khắc nói_Pổ Lãng Khắc là người Đức, nhà vật lý học nổi danh.

Mọi người đều biết Ái Nhân Tư Thản là học trò của ông, ông là thầy của Ái Nhân Tư Thản. Ông suốt đời chuyên môn nghiên cứu nguyên tử, ông đã nói một câu, điều này mọi người ai cũng biết_Căn cứ một đời nghiên cứu của ông_Thế gian này không có thứ gọi là vật chất, vật chất là gì? Vật chất là ý niệm sinh ra, ý niệm là cơ sở của vật chất. Hay nói cách khác, ý niệm tích lũy hình thành hiện tượng vật chất, điều này giống hoàn toàn như trong Phật pháp đại thừa nói_3000 năm trước Đức Phật cũng đã nói như vậy. Tam tế tướng của A lại da, thứ nhất là năng lượng_Giới khoa học gọi là năng lượng, trong Phật pháp gọi là nghiệp tướng. Thứ hai, các nhà khoa học gọi là tin tức, chính là hiện tượng tinh thần, danh từ Phật pháp gọi là chuyển tướng. Nó thay đổi, sinh ra biến hóa_Chuyển tướng. Thứ ba gọi là cảnh giới tướng, các nhà khoa học gọi nó là vật chất.

Cảnh giới tướng từ đâu đến? Từ chuyển tướng chuyển biến ra, chính là tin tức, cũng chính là hiện tượng tinh thần biến hiện ra. Hiện tượng tinh thần từ đâu đến? Từ trong năng lượng, năng lượng là hiện tượng dao động. Nói tóm lại, nó không rời được sự dao động. Dao động này trong giáo lý đại thừa gọi là khởi tâm động niệm, vô cùng vi tế, chúng ta không nhìn thấy được. Hiện nay các nhà khoa học đã phát hiện, nhưng nói không rõ ràng, không rõ như trong kinh điển nói. Bây giờ họ biết vật chất không phải thật, do có ý niệm, có dao động nên có hiện tượng này. Không có dao động thì hiện tượng này cũng không có.

Hiện tượng dao động này giống như chúng ta xem ti vi, hiện nay điện ảnh đều là kỹ thuật số, không dễ cảm nhận được, nhưng là một đạo lý, tốc độ nó quá nhanh. Phim ảnh ngày xưa, ở đây tôi còn một cuộn băng nhựa, đây là âm bản của điện ảnh. Quý vị xem, mỗi tấm đều độc lập, không tấm nào giống tấm nào. Khi chiếu ra, tốc độ của nó là một giây 24 tấm. Chúng ta nhìn thấy trên màn hình giống như là thật vậy, một giây 24 tấm, là bị lừa, không tin được con mắt này. Giả như tốc độ của mắt chúng ta, một phút cũng có thể chớp 24 lần, sẽ thấy được mỗi hình ảnh đều bất động, không phải chính là đạo lý này ư?

Trong kinh Phật dạy, tần suất dao động này một giây động bao nhiêu lần? Không phải 24 lần, một giây là 1600 triệu, làm sao quý vị có thể biết được nó là giả? Một giây có 1600 triệu, trên màn hình điện ảnh một giây mới 24 lần. Các nhà khoa học có thể phát hiện được điều này, chúng ta không thể không khâm

phục họ. Họ dùng máy móc của khoa học để phát hiện, vậy Đức Thế Tôn dùng cách gì để phát hiện? Ngài không dựa vào máy móc, mà dựa vào thiên định. Trong thiên định, thiên định tâm cực kỳ quan trọng, nên dao động vi tế đó ngài đều biết, ngài đều thấy rất rõ ràng.

Trong kinh Đức Phật nói, người có thể thấy được hiện tượng này, có năm hạng người có thể nhìn thấy. Bồ tát có 52 cấp bậc, như chúng ta đi học vậy_Tiểu học, trung học, đại học, thạc sĩ_Phat cũng như vậy. Thập tín là tiểu học, từ lớp một đến lớp 10. Thập trú là sơ trung, cũng là lớp 1 đến lớp 10. Thập hạnh là cao trung, cũng từ lớp 1 đến lớp 10. Thập hồi hướng ví như đại học. Thập địa ví như thạc sĩ, đều là lớp một đến lớp 10, đây là 50 giai cấp. Ở trên là Đẳng giác và Diệu giác, tất cả có 52 vị thứ. Đức Phật nói với chúng ta người của giai đoạn nào thấy được, thấy được sự bắt đầu và khởi nguyên của vũ trụ? Bát địa, bát địa gọi là bất động địa. Quý vị có thể tưởng tượng định công của họ, đó là tự tánh vốn định. Chính là những gì Huệ Năng đại sư nói: nào ngờ tự tánh vốn không dao động.

Bát địa, cửu địa, thập địa, Đẳng giác, Diệu giác năm vị thứ này_Năm vị thứ này có thể thấy được nguyên khởi của vũ trụ, còn tinh vi chính xác hơn so với ngày nay khoa học dùng máy móc để quan sát, tâm của họ định biết bao! Trước thất địa Bồ Tát không nhìn thấy, công phu của họ chưa đến trình độ đó. Vấn đề này quý vị nói trong quá khứ, quá khứ có, chỉ cần công phu thiên định sâu họ đều nhìn thấy. Không phải một người nhìn thấy, người của năm cấp bậc này đều nhìn thấy, nó không phải là giả, nhưng đối với chúng ta trước sau vẫn còn là một dấu hỏi. Người có niềm tin đối với thánh nhân, đó là người có thiện căn_Họ tin tưởng không hoài nghi, nhưng một số người lại hoài nghi. Quý vị nói rốt cuộc là thật hay giả? Chúng ta chưa ai nhìn thấy, chưa ai đạt được trình độ định công này nên đều không nhìn thấy, chỉ là nghe Phật nói. Khó được, ngày nay giới khoa học cũng đến được tầng thứ này, nhưng họ không phải dùng định công, họ dùng máy móc khoa học quan sát.

Cảnh giới này_Cảnh giới này của các nhà khoa học, trong kinh Phật nói rất rõ ràng, chúng ta không thể không khâm phục. Đức Phật nói, chúng ta dùng tư tưởng_Tư tưởng là đệ lục ý thức. Tám thức 51 tâm sở, công năng của đệ lục ý thức lớn nhất. Đối với bên ngoài, đệ lục ý thức có thể duyên đến biên tế của vũ trụ, đối nội, có thể duyên đến A lại da. Hiện nay các nhà khoa học đều làm được, lưỡng cực đều làm được. Giới khoa học có thể phát triển nữa chăng? Không thể, trong kinh Phật nói không thể. Các nhà khoa học muốn phát triển cần phải buông bỏ phân biệt chấp trước, khởi tâm động niệm. Buông bỏ họ liền được thành Phật,

trong nhà Phật nói họ sẽ thành Phật. Nếu họ hiểu được kinh Phật và buông bỏ, họ thành Phật nhanh hơn chúng ta, vì họ có nền móng tốt như vậy. Cũng chính là không còn dùng tâm ý thức.

Đệ lục ý thức là phân biệt, Mạt na thức là chấp trước, A lại da chính là ký ức, chúng ta gọi là ấn tượng, ấn tượng trong A lại da. Rất nhiều năm trước, thậm chí rất nhiều đời, như những linh hồn của quân đội đế quốc La Mã, họ có thể hồi ức chuyện của mấy ngàn năm trước. Ký ức này ở trong A lại da, A lại da là cái kho, là phòng tư liệu. Khởi tâm động niệm, tư liệu này đều ở trong A lại da, giống như vi tính vậy. Nó vĩnh viễn không mất đi, đời đời kiếp kiếp, thế nên tu thiền định cao minh hơn tu khoa học. Khoa học cần hoàn cảnh của khoa học, thiền định dễ hơn, tìm một nơi rất an tịnh là có thể ở đó tu hành, tu thành, sau khi tu thành quý vị sẽ biết hết tất cả. Nên tu định khai ngộ, khi khai ngộ sẽ thấu triệt tất cả, chính là đạo lý này. Điều này không phải chỉ một người nào đó có, không phải chuyên lợi. Không phải Phật có, Bồ tát có, chư Phật Bồ Tát nói với chúng ta là mỗi người đều có. Chỉ cần chúng ta chịu vứt bỏ những thứ tạp loạn này, thì bản năng được hồi phục, là vốn có không phải từ bên ngoài đến.

Trong Phật pháp đại thừa nói “tâm ngoại vô pháp, pháp ngoại vô tâm”, bên ngoài tâm cái gì cũng không có, tất cả đều do ý niệm chúng ta biến hiện ra, thế nên tâm tướng sự thành, tâm hiện thức biến, đây là nói đến đạo lý này. Tất cả hiện tượng vật chất là tâm lý biến hiện ra, nên tâm lý cao minh hơn vật chất. Đối tượng của khoa học là vật chất, rời vật chất nó không làm gì được. Nhưng Phật pháp đích thực dùng cách nói như hiện nay, tâm lý học cao đẳng, tâm lý học đỉnh cao. Đức Phật nói chế tâm một chỗ, không gì là không làm được, lời nói này ngày nay khoa học đã chứng minh. Chế tâm một chỗ chính là định, định công có sâu cạn không giống nhau. Tâm thanh tịnh tốt cực, tối thanh tịnh, cực thanh tịnh, năng lượng đó quả thật quá lớn!

Chúng ta biết, Phật A Di Đà kiến lập thế giới tây phương Cực Lạc, chính là do niệm lực thuần tịnh thuần thiện_Cực thanh tịnh_ý niệm cực thuần thiện này tự nhiên hiện tiền. Không cần thiết kế, không cần nhân công kiến tạo, vì sao? Trong tự tánh, câu thứ ba ngài Huệ Năng nói rằng: nào ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ, nó hiện ra là đã tuyệt vời như thế. Đạo lý này tôi nghĩ rất nhiều năm, khi giảng kinh luôn nói đến điều này, nhưng nói không viên mãn, chính mình lại còn hoài nghi, điều này sao có thể? Một hôm ngẫu nhiên tâm huyết dâng trào, đột nhiên nghĩ đến điều gì? Nghĩ đến ống vạn hoa lúc nhỏ chơi.

Quý vị xem ống vụn hoa này, không phải rất đơn giản ư? Ba miếng lưu ly, trong đó mấy miếng giấy vụn màu sắc khác nhau, sự biến hóa trong đó, không có cái nào giống nhau. Quý vị xoay chuyển từ sáng đến tối cũng tìm không ra cái tương đồng. Không phải chính là xuất sanh vô tận, chính là năng sanh vạn pháp sao! Tôi từ nơi vật này đã tin tưởng không còn hoài nghi điều này nữa, rất đơn giản. Quý vị dùng máy chụp hình, chuyển một cái là chụp một tấm, chụp một vạn tấm xem có hai tấm nào tương đồng chẳng. Không có.

Tiền sĩ Giang Bồn làm thực nghiệm nước, tôi đến phòng thực nghiệm của ông ta tham quan. Ông nói với tôi, ông đã làm 10 năm, mấy mươi vạn hình ảnh, nhưng không có tấm nào tương đồng. Tôi nói với ông, vĩnh viễn không thể có tấm nào giống nhau, ông hỏi vì sao? Tôi nói ý niệm không giống nhau. Khi thực nghiệm ông đã dùng tâm thương yêu thuần nhất, nhưng mức độ lòng yêu thương đó không tương đồng, niệm trước không giống niệm sau, nên nó không giống nhau, vì sao? Nó chính là tâm của ông đang biến ra. Vốn ông ta không tin, nhưng sau đó đã minh bạch. Trước ông đây sợ tôn giáo, không chịu tiếp xúc với tôn giáo, tôi tiếp xúc với ông ta, ông ta vô cùng sợ hãi. Ông sợ điều gì? Ông là khoa học, sợ người ta nói mình mê tín. Đến khi tôi nói, ông làm điều này, trong đại thừa kinh điển đã nói đến từ lâu, nói còn thấu triệt hơn những gì ông nghiên cứu được, khiến không ngờ ngác. Tôi nói ông thực nghiệm thì nên lấy kinh điển tôn giáo để thực nghiệm, ông ta mới thật sự đem tất cả kinh điển tôn giáo để thực nghiệm, đồ án đều rất đẹp, ông ta mới tin.

Như vậy chúng ta mới thật sự thể hội được, mới phát hiện được, khoa học nói là vật lý, Phật pháp nói là tâm lý. Tâm lý là cơ sở của vật lý, đương nhiên vật lý không giải quyết được vấn đề, tâm lý có thể giải quyết. Giải quyết bằng tâm lý là viên mãn, giải quyết bằng vật lý là có giới hạn, mà còn có hậu di chứng. Tâm lý giải quyết không có hậu di chứng, nó là viên mãn. Nên tôi mới khẳng định các bậc cổ đức nói, đây chính là pháp trị và đạo đức luân lý. Cổ nhân coi trọng pháp trị, họ nói: “Pháp trị chi bản dã”, đây chính là căn bản trị quốc bình thiên hạ. Như hiến pháp của quốc gia, là căn bản trị nước.

“Nhân giả, bản chi nguyên dã”. Nhân ở đây là gì? Nhân chính là nhân tâm, nhân tâm là căn nguyên của pháp, nếu con người không tốt thì dù pháp có tốt cũng vô dụng, con người vẫn làm việc xấu như thường. Con người nếu là người tốt, dù pháp có xấu, thậm chí là không có pháp, họ đều làm việc tốt, đây là lý niệm quan trọng nhất để Trung quốc trị quốc bình thiên hạ mấy ngàn năm, đó chính là gì? Thánh hiền quân tử. Nên thời cổ đại là chính trị của thánh hiền quân

tử, người xưa nói năm tầng thứ: Đạo đức nhân nghĩa lễ. Đạo_Thánh nhân, vì sao? Thuần tịnh thuần thiện, không có chính mình, khởi tâm động niệm đều là nghĩ cho chúng sanh thiên hạ. Thánh nhân! Họ không nghĩ cho chính mình, cuộc sống của chính mình rất thanh bần, giống người bình dân vậy.

Ngôi nhà Chu Văn Vương ở chẳng khác gì nhà của bách tánh cả, không tốt hơn họ chút nào. Ăn uống cũng như bách tánh, đây là thánh nhân, xưa nay chưa từng vì mình, hình như dễ chịu hơn một chút nếu không làm như vậy. Thật giống như chủ tịch Mao nói: Toàn tâm toàn ý phục vụ cho nhân dân mà quên đi chính mình. Thánh nhân, thật sự đã làm được. Đây là thuộc thời nào? Tam Hoàng, Tam Hoàng đã làm được. Đến Ngũ đế thấp hơn một bậc, nhân tâm dần băng hoại, không thuần hậu bộc trực như thời thượng cổ. Thời ngũ đế là dùng đức, đạo không còn, đạo hoàn toàn là tự nhiên, thuần tịnh tự nhiên, thật sự là vô vi nhi trị.

Còn đức thì sao? Đức chính là hữu vi, chính là có lý niệm trị quốc. Không phải hoàn toàn tùy thuận tự nhiên, có lý niệm, có phương pháp, dần dần hình thành nên chế độ, đây là thời đại ngũ đế. Vào thời đại Tam hoàng, tam hoàng là Hạ Thương Châu lại hạ xuống một bậc, xuống thấp một bậc là gì? Nhân. Đạo đức nhân, nhân là gì? Có chính mình nhất định nghĩ đến người khác, nhân là người khác, những gì mình không thích thì đừng cho người khác, họ có thể làm tấm gương tốt nhất cho xã hội đại chúng. Nên biết rằng, lúc đó Trung quốc chưa thống nhất_Vào thời Hạ Thương Chu trung quốc chưa thống nhất, toàn là bộ lạc. Chư hầu đều là vua của tiểu quốc, trên mặt chính trị chưa thống nhất.

Tuy chưa thống nhất, tất cả chư hầu của các nước nhỏ, đều nghe mệnh lệnh từ Chu Văn Vương, đều chịu sự hướng dẫn của ông, đều nghe lời ông, mọi người xưng ông là Thiên tử. Không như các hoàng đế sau này, hoàng đế sau này có thực quyền, lúc đó ông không có thực quyền, mỗi người đều là nước độc lập. Giống như Liên Hiệp Quốc hiện nay vậy, mọi người công nhận vì quý vị làm tốt nhất. Quý vị là người làm chính trị giỏi nhất, chúng tôi đều học tập theo quý vị, chính là ý này. Nên lấy thiên hạ làm của chung, Hạ Thương Chu đều như vậy.

Đến cuối đời nhà Chu, chư hầu không nghe lời, mỗi người tự độc lập, mỗi người dần dần trở thành lớn mạnh. Trở thành ngũ bá thất hùng, biến thành Xuân thu chiến quốc. Xuân thu chiến quốc là thời loạn, khoảng hơn 400 năm, cục diện rất hỗn loạn. Vì sao có cục diện hỗn loạn này? Con cháu đời sau của nhà Chu không làm tốt, không đủ đức hạnh không thể cảm hóa những người này. Điều này trước đây ông Phương Đông Mỹ nói với tôi.

Ông nói pháp của toàn thế giới, cổ kim trong ngoài, chính là đại pháp trị quốc thì nhà Chu đứng đầu, không ai có thể vượt qua nhà Chu. Pháp của nhà Chu chính là Chu Lễ_Chu lễ trong Tam Lễ. Chu Lễ chính là trị nước, giống như hiến pháp hiện nay vậy, do Chu Công trước tác_Thánh nhân. Lúc tôi theo thầy Phương học tập còn rất trẻ_26 tuổi, thầy nói với tôi: Nếu con cháu đời sau của nhà Chu, đều tuân thủ phụng hành nghiêm khắc, thì hôm nay vẫn là nhà Chu. Thầy dạy tôi đọc kỹ sách này, tôi không nghe lời, trước sau cũng chưa làm điều này. Vì sau khi theo thầy, tôi đã chuyên tâm vào học Phật, tôi cảm thấy Phật giáo quá hay, thế nên chưa xem Chu Lễ. Trong Tam Lễ tôi chỉ đọc qua Lễ Ký, còn Chu Lễ và Nghi Lễ đều chưa đọc đến.

Phật pháp hay, nên toàn tâm toàn ý tập trung vào đó. Nền móng học Phật của tôi là Chương Gia đại sư đặt, theo ông ba năm đã đặt được một nền móng. Sau đó theo thầy Lý 10 năm, thời gian không dài như vậy không được. Hiện nay học viện này chỉ ba bốn năm, như vậy làm sao được! Giáo dục của thánh hiền ít nhất phải 10 năm, 10 năm còn phải thật siêng năng. Sợ nhất chính là có tâm riêng tư, có dục vọng. Có tâm riêng tư, có dục vọng sẽ phá hoại quý vị hoàn toàn, điểm này vô cùng khó. Nên từ nhỏ cuộc sống khổ sẽ tốt hơn, vì sao? Sống như vậy thành quen. Cuộc sống thanh bần một chút rất bình thường, có thêm một chút liền thấy đầy đủ. Dục vọng càng ít, công phu càng đặc lực, danh văn lợi dưỡng là giả không phải thật. Thật sự an vui là tâm đạo, tâm bồ đề, an vui! Mỗi ngày quý vị sống hoan hỷ, vui vẻ, vô tư vô lự hoàn toàn không có áp lực. Cuộc đời như vậy mới thật sự gọi là hạnh phúc mỹ mãn, không phải có tiền, không phải có địa vị. Có tiền có địa vị tôi thấy rất nhiều, họ rất khổ.

Lúc Lục Khắc Văn làm thủ tướng Úc Châu, ông mời tôi_trong bữa đại tiệc của quốc hội ông mời tôi_Khi gặp mặt bung một ly cà phê đậm, ly lớn khoảng chừng này, cà phê đậm. Ông nói với tôi, một ngày uống 5 ly, tôi nhìn chăm ông ta. Phải có tinh thần, vì xử lý việc quá nhiều. Lúc đó tôi cười cười nói, xã hội hiện nay rất nhiều ngành nghề, nhưng vất vả nhất theo tôi thấy chính là ngành nghề này của quý vị, quá vất vả! Tôi nói, hạnh phúc nhất là làm nghề như tôi, ông ta liền cười lớn. Thật vậy, nghề này của tôi hạnh phúc biết bao!

Thế nên tôi thật sự hy vọng ông ta đừng làm việc chính trị, tổ chức việc dạy học. Thành lập một trường đại học về truyền thống văn hóa, rất hay! Tôi luôn khuyến khích ông ta, vì sao? Bồi dưỡng nhân tài thật sự cho quốc gia, cho xã hội, có ý nghĩa hơn quý vị làm công việc này. Vì thiên hạ đời sau mà đào tạo anh tài,

sự nghiệp này lớn biết bao nhiêu! Rất đáng giá, đây là làm thật, không phải làm giả.

“Chân như, thật tướng, đệ nhất nghĩa không”. Đệ nhất nghĩa không tức là trong chân tánh không có hiện tượng. Nó không có hiện tượng vật chất, không có hiện tượng tinh thần, cũng không có hiện tượng tự nhiên, nên khoa học không đạt đến được. Khoa học nhất định có đối tượng, nhưng trong tự tánh ba loại hiện tượng đều không có. Tự tánh ở đâu? Mọi lúc mọi nơi, nhưng chúng ta không nhìn thấy nó. Nó là thể của tất cả vạn pháp, không có nó, tất cả vạn pháp không thể thành lập, giống như màn hình ti vi vậy. Trên màn hình không có gì cả, nhưng nó có thể hiện tất cả tướng, khi hiện tướng quý vị liền quên mất màn hình, bị tướng đó làm mê hoặc, không biết được chân như của điều này. Thật ra nếu quý vị thật sự giác ngộ sẽ thấu triệt được, tướng và tánh xưa nay chưa từng rời nhau. Tự tánh ở đâu? Tự tánh ở trong tướng, rời tự tánh thì không có tướng. Nên hiện tại chúng ta chỉ nhìn thấy tướng, mà quên mất tánh. Trong tánh không phải hiện tượng, nhưng có thể sanh hiện tượng. Ba loạn hiện tượng đều là tự tánh biến hiện ra, biến hiện có thứ lớp, nhưng tốc độ quá nhanh. Thứ lớp thứ nhất khẳng định là hiện tượng tự nhiên, thứ hai là hiện tượng tâm lý, thứ ba là hiện tượng vật chất, quá nhanh.

Quý vị thử nghĩ xem, một giây có 1600 triệu ý niệm, đó là một niệm. Cũng chính là một trên 1600 triệu phần của một giây. Trong này còn có ba giai đoạn: Hiện tượng tự nhiên, hiện tượng tâm lý, hiện tượng vật chất, còn có ba giai đoạn này, quý vị làm sao có thể phát hiện được? Năng lực bát địa Bồ Tát nhìn thấy được, trong tốc độ nhanh chóng này, họ có thể nhìn thấy thứ tự trước sau. Điều này khoa học chưa giải thích được, hiện nay chỉ nhìn thấy hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần. Nhưng không biết hiện tượng tinh thần từ đâu đến, từ trong không sinh có. Các nhà khoa học nói cũng không tẻ, từ trong không mà sinh có.

Thật ra trên hiện tượng tâm lý chính là hiện tượng tự nhiên, đó chính là nghiệp tướng, nghiệp tướng của A lại da, tức là cái dao động đầu tiên. Cái dao động thứ hai không có nhân, nên gọi là vô thí, vô minh gọi là vô thí vô minh. Hay nói cách khác, quý vị không tìm được cái bắt đầu của nó, quý vị vừa nói thì nó đã mất đi. Tốc độ của nó quá nhanh, nó đã mất đi. Niệm này mất đi thì niệm sau lại khởi lên, giống như chúng ta xem phim băng nhựa vậy. Vừa mở ống kính ra, hình ảnh chiếu đến màn hình rồi lập tức đóng lại, như vậy tám thứ hai hiện tiền nhưng tám thứ nhất không còn nữa. Điện ảnh một giây chỉ có 24 tấm, hiện nay nói với chúng ta hiện tượng của toàn bộ vũ trụ, một giây có 1600 triệu, chúng ta không

sao tướng tượng được, nên trong kinh Phật nói là không thể nghĩ bàn. Đây là nói đệ nhất nghĩa không.

“Tự tánh thanh tịnh, thể vô uế nhiễm”. Tự tánh đích thực thanh tịnh, không có ô nhiễm, vì sao không có ô nhiễm? Tất cả mọi hiện tượng là giả không phải thật. Thanh tịnh không phải thật, nhiễm ô cũng không phải thật, vì thể không có nhiễm ô, nhiễm tịnh đều không có. Không có nhiễm tịnh, không có thiện ác, không có phân biệt, không có chấp trước, không có khởi tâm, không có động niệm, đây là thật. Mà quan hệ của toàn bộ vũ trụ và chính mình_Quan hệ này người xưa gọi là luân lý, luân lý là quan hệ. Quan hệ quá mật thiết_nhất thể. Phụ tử hữu thân, phụ tử vẫn là hai thể. Luân lý của Phật pháp là biến pháp giới hư không giới với chính mình là nhất thể, nên tình yêu của họ, từ bi của họ không có điều kiện. “Vô duyên đại từ”, vô duyên là không có điều kiện. “Đồng thể đại bi”, vì sao có tâm lân mẫn? Vì sao chúng sanh khổ thì toàn tâm toàn lực đi giúp họ? Đồng thể.

Chúng ta đọc sách này giới thiệu thế giới tây phương Cực Lạc, Kinh Vô Lượng Thọ chính là Đức Phật Thích ca giới thiệu thế giới tây phương Cực Lạc. Xã hội của tây phương Cực Lạc rất ôn hòa, trong đó hoàn toàn không có xung đột, rất hài hòa, rất từ bi và rất thương yêu nhau. Điều này đích thực không tìm thấy ở trong các cõi nước của chư Phật mười phương. Thế giới này giống như thế giới hiện tiền của chúng ta vậy, nếu quý vị nói thật thì nó là thật, quý vị nói thế giới này là hư vọng thì nó chính là hư vọng. Nhất chân tất cả đều chân, một cái vọng tất cả đều vọng. Trong Phật pháp đại thừa không có tương đối, giác ngộ là một điều, mê rồi mới có đối lập trùng trùng. Đối lập sinh ra từ trong mê vọng.

Cách nói này với Vô trụ sanh tâm mà Lục tổ của Thiền tông nghe được. Khi hoát nhiên đại ngộ ngài nói: nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh, cùng một ý nghĩa. Lục tổ là đại sư Huệ Năng, ở vùng đất HongKong này rất quen thuộc, ngài là người Tân Hưng Quảng Đông, cách đây không xa. Ngài ở trong phòng phương trượng, nghe Ngũ Tổ giảng Kinh Kim Cang, nói đến “ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, ngài liền hoát nhiên đại ngộ. Đáp lại thầy ngài nói: “Hà kỳ tự tánh bản tự thanh tịnh”. Thật không ngờ rằng, không ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh. Tự tánh là gì? Chân tâm. Tự tánh là cái tôi thật sự, đã tìm được cái tôi.

Ở sau lại nói thêm bốn câu, Ngũ Tổ vừa nghe thì nói dừng, không nên nói nữa. Thật đã kiến tánh, thật đã thành Phật. Người phàm phu này đã thành Phật, nên truyền y bát cho ngài, tự mình tiễn ra cửa lúc nửa đêm. Đây là gì? Đây là cổ nhân nói đồng hàng ghen ghét nhau. Truyền y bát cho ngài Huệ Năng, mọi người không phục. Quý vị nói Thần Tú đi theo Ngũ Tổ bao nhiêu năm? Là đại đệ tử, đại

sư huynh trong hội của Ngũ Tổ. Người thông thường cho rằng, Ngũ Tổ truyền pháp nhất định truyền cho ngài, không ngờ lại truyền cho người mới vào như ngài Huệ Năng, mọi người không phục, nên phải nhanh chóng đi trốn. Ngài đã trốn suốt 15 năm, mọi người dần quên sự việc này mới xuất hiện.

“Hựu lý xuất thiên trung, bất giả tu thành”. Giả là mượn, không cần mượn tu mới chứng quả, không cần thiết, vì sao? Trong tự tánh vốn có, giác tánh là vốn có. Ngài Huệ Năng không tu, đột nhiên khai ngộ. Không như người khác, tham thiền không biết bao nhiêu năm, còn ngài chưa vào thiền đường ngày nào. Người ta đến giảng đường nghe pháp bao nhiêu năm, còn ngài chưa từng đi qua. Ngài chưa đến giảng đường ngày nào, cũng không biết chữ. Thế nên ngài Huệ Năng đích thực là lý xuất thiên chân, bất giả tu thành, tức nào ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ, đây là lời của ngài Huệ Năng nói. Vì vốn tự cụ túc, nên không cần tu, ngài đã kiến tánh nên đạt được tất cả. Quý vị không kiến tánh, hoàn toàn không đạt được gì cả.

Nói đến đây quý vị sẽ hiểu phương pháp dạy học thời xưa. Căn cứ lý niệm này, lý niệm này thâm căn đế cốt ở Trung quốc, những gì người xưa hy cầu là gì? Khai ngộ, không phải cầu gì khác. Ngộ từ đâu đến? Ngộ đến từ định. Tâm trôi nổi nhất định không thể khai ngộ, tâm phải định. Nên người xưa giáo dục, từ nhỏ đã huấn luyện quý vị vững chắc, huấn luyện định. Bọn trẻ rất có quy cũ, như một người lớn trẻ con vậy. Điều này người hiện nay nhìn không quen, trẻ con phải hoạt bát, phải ngây thơ. Như vậy là xong, từ nhỏ quý vị đã tập hư chúng, chúng là chất liệu tốt, từ nhỏ phải có mô phỏng, có quy cũ để chúng làm theo, chúng phải dữ quy cũ. Đệ Tử Quy là nền móng cơ bản nhất, phải cùng nhau tuân thủ, nhà nhà đều không thể rời nó.

Từ nhỏ người lớn cần phải dạy chúng, người lớn ở trước mặt chúng phải giữ quy cũ. Có quy cũ, chúng thấy từ nhỏ sẽ trở thành thói quen, cho rằng đây là điều thiên kinh địa nghĩa, suốt đời chúng cũng không ra khỏi ranh giới đó. Như vậy tâm sẽ định, tâm định mới khai trí tuệ. Nên huấn luyện cho bọn trẻ được tâm định, huấn luyện chúng được định, dùng phương pháp nào? Học thuộc lòng, học thuộc lòng chúng không suy nghĩ lung tung, không thuộc lòng chúng lại suy nghĩ chuyện này chuyện kia. Vậy nên mỗi ngày dạy chúng đọc sách, không cần giảng ý nghĩa, chỉ cần khiến chúng định tâm. Trong sinh hoạt xử sự đối nhân tiếp vật có quy cũ, nhất định phải biết quy cũ, có ưu điểm gì? Người lớn đều giữ quy cũ, người lớn làm gương cho chúng noi theo.

Thế nên Đệ Tử Quy không phải chỉ để bọn trẻ học, mà suốt đời đều không thể rời, từ nhỏ đến già. Đó là cuộc sống, cuộc sống quy phạm, là quy phạm xử sự đối

nhân tiếp vật, không thể một ngày không có quy cũ. Một ngày không có quy cũ sẽ loạn, nhà sẽ loạn. Nhà loạn xã hội sẽ loạn, như vậy tai họa sẽ đến, nên nhất định phải giữ quy cũ. Ngày ngày để quý vị thuộc lòng, không cần giảng giải, tâm quý vị sẽ định. Giảng giải quý vị liền nghĩ đông nghĩ tây, đặc biệt là trẻ con chưa thành thực, tư tưởng đó dễ bị thiên lệch. Nên chỉ để quý vị đọc, mà không giảng giải cho quý vị.

Khi nào giảng cho quý vị? 13 tuổi vào thái học, 13 tuổi đến 15 tuổi. Trẻ nhất là 15 tuổi, sớm nhất 13 tuổi. Trong đó không có trung học, mà vào thái học. Vào học ở thái học có thầy giáo giảng giải và thảo luận với quý vị, quý vị có thể đưa ra câu hỏi để thầy giáo giải đáp. Trong thái học không có sách, vì sao? Điều học thuộc lòng. Thầy giáo cũng thuộc lòng, học sinh cũng học thuộc. Nói với quý vị hàng thứ mấy trang thứ mấy của Luận Ngữ, quý vị đều biết rõ, vì đã thuộc lâu. Vì vậy thầy giáo và học sinh đều thuộc.

Diễn tịch quan trọng phải thuộc hết trong vòng sáu bảy tuổi đến 12 tuổi, trẻ em ký ức tốt. Khi lớn trích dẫn kinh điển không cần tra sách, đâu như hiện nay tra sách thật cực khổ, còn họ đều thuộc và nhớ hết. Thế nên đọc sách rất hạnh phúc, đến thái học rất hạnh phúc. Mỗi ngày thật sự phụng sự sư trưởng, tôn trọng thầy giáo như cha mẹ vậy, siêng năng học tập chính là báo ân thầy. Thầy giáo dạy học thông thường đều là du sơn ngoạn thủy, nói đến diễn cổ trong sách, giảng đến chỗ nào liền đến đó xem, để quý vị thấy được tình trạng thực tế. Đem theo cơm rượu, học sinh lo phục dịch, đem theo một nhóm học sinh du sơn ngoạn thủy. Đi chơi về thì bài học này cũng dạy xong, nên đi học hạnh phúc biết bao! Có đâu như bây giờ đi học quả thật rất khổ!

Chúng ta thấy hiện nay các em đi học rất vất vả, có còn giám đầu thai làm người chãng? Không giám, quá khổ! Đi học là một chuyện vui, từ nhỏ đọc sách là niềm hạnh phúc. Hạnh phúc suốt cả đời, có đâu đi học sao lại khổ như vậy, như vậy ai làm điều này? Nên đi học là hạnh phúc của cuộc đời, dạy học là hạnh phúc của nhân sinh. Nếu không hạnh phúc thì Đức Phật Thích Ca đã không làm điều này. Ngài rất thông minh, không phải đại.

Khổng tử chu du các nước trở về, mới thường thức được niềm vui này, học mà được hành thì không có niềm vui nào bằng. Nếu thường thức được từ sớm thì ông hà tất phải chu du liệt quốc để cầu chức quan? Không cần thiết. Ông nhất định nghĩ đến phải học theo Đức Thế Tôn, thế nên thật sự cầu học vấn, cầu trí tuệ, không phải cầu gì khác. Trong Phật pháp cầu trí tuệ, trong Nho giáo nói cầu học vấn, là một chuyện vui! Vô cùng hạnh phúc an vui, hoàn toàn không liên quan

đến danh lợi. Đây không phải là địa vị, không phải tài phú, không liên quan đến những điều này, chỉ để nâng cao cảnh giới chính mình.

Thông thường trong tôn giáo nói luân hồi, đời sau của họ là thiên đường, thù thắng hơn so với nhân gian, vì sao? Đạo đức của họ được nâng cao, tự nhiên chiêu cảm được cảnh giới này. Người hiểu học nhất định ở cùng người hiểu học, người có đạo đức nhất định ở cùng người có đạo đức, đây chính là vật tụ tập theo loại, người nhân gian cũng như vậy. Thích nhảy thì gần với người thích nhảy, thích chơi bời thì gần người thích chơi bời, thích đọc sách nhất định ở cùng người đọc sách. Chí không đồng thì đạo không hợp, họ sẽ không tụ tập với nhau. Thích đạo đức, trời nói đạo đức, đạo đức của trời cao hơn người, nhất định họ đến đây. Thích tham sân si mạn chính là tam ác đạo, họ nhất định đi đến đây. Không phải Diêm Vương tìm họ, không phải, là họ như thế nào? Ý niệm của họ đi đến phương hướng đó, họ tự nhiên đi, như vậy mới hợp tình hợp lý.

“Nhân bản tự cụ túc, cố bất giả tu thành”. Câu nói này vô cùng quan trọng, họ đầy đủ điều gì? Mọi thứ đều đầy đủ, không thiếu thứ gì. Đầy đủ trí tuệ, đầy đủ năng lực, đầy đủ thần thông, đầy đủ tướng hảo. Người xưa nói phú quý_Người xưa nói tướng hảo chính là phú quý, tất cả đều đầy đủ, không có thứ nào không đầy đủ, nên họ không cần tu. Nhưng người không có kiến tánh, tự tánh tuy đầy đủ, nhưng quý vị không dùng được nó, quý vị cần phải tu.

Phật đối với chúng sanh trong lục đạo, người chưa kiến tánh, dạy quý vị điều gì? Dạy quý vị tu phước, dạy quý vị tu huệ, đây chính là dạy quý vị bồ thí. Quý vị muốn phát tài thì có thể phát chãng? Có thể. Phát như thế nào? Bồ thí tài được tài phú, pháp bồ thí được thông minh trí tuệ, bồ thí vô úy được mạnh khỏe trường thọ. Nếu quý vị muốn có ba thứ này, ba thứ này không ai không muốn. Muốn phát tài, muốn thông minh trí tuệ, muốn mạnh khỏe trường thọ. Người Cơ Đốc Giáo cũng muốn, tôi ở Mỹ nhiều năm, tôi đem ba điều này hỏi giáo đồ Cơ Đốc, muốn. Tôi nói muốn, có thể đạt được, làm sao đạt được? Là Đức Phật nói, ngài nói Phật giáo? Đúng vậy, không sai. Phật giáo là giáo dục, không xung đột với tôn giáo của quý vị. Giáo của quý vị là tôn giáo, thượng đế là cha quý vị, quý vị là con cái của thượng đế, đúng chãng? Đúng.

Đức Thế Tôn là thầy của quý vị, quý vị là học sinh của ngài, có xung đột chãng? Không xung đột. Quý vị ở nhà có cha mẹ, đến trường có thầy giáo. Quý vị có thể đến chỗ Đức Thế Tôn để học phát tài, học thông minh trí tuệ, học mạnh khỏe trường thọ, có gì vui hơn nữa mà không làm? Nên tôi đã dạy họ, ngày chủ nhật quý vị đi lễ nhà thờ, ngày thứ sáu đi chùa, vậy là họ đều đến! Hoan hỷ, hạnh

phúc, không hề có sự xung đột. Quý vị xem, ở nhà quý vị có cha mẹ, ở trường có thầy cô giáo. Tôi nói quý vị đến chỗ Đức Thế Tôn, đây là học trí tuệ, học mạnh khỏe trường thọ, học phát tài, thượng đế của quý vị cũng rất vui. Quý vị thử nghĩ xem, người làm cha mẹ sẽ nghĩ, đứa con này của tôi đã có thầy giáo tốt dạy, cha mẹ có vui chăng? Thượng đế vui lòng, không phản đối quý vị. Thế nên thứ sáu cửa chùa chúng tôi đặc biệt mở cửa, để người bất đồng tôn giáo đến học tập.

Chúng ta tiếp xúc hòa đồng tốt đẹp với tôn giáo khác, “Phật thị môn trung có cầu tất ứng”, nếu làm theo như vậy, nhất định có hiệu quả. Thật sự đã phát tài, đã làm được nên ngày càng hoan hỷ, nhưng không nên phản bội tôn giáo của mình, vì sao? Phản bội tôn giáo của mình là đại bất hiếu, Phật không thu nhận quý vị, Phật không nhận người phản bội. Trong kinh Phật có rất nhiều người bất đồng tôn giáo đến học theo Đức Phật, nhưng Phật tuyệt đối không dạy họ cải đạo, đó là việc không đạo đức.

Chúng ta giao tiếp với rất nhiều tôn giáo, họ sợ nhất, lo lắng nhất chính là chúng ta lôi kéo tín đồ của họ, họ sợ điều này nhất. Sau này lui tới với tôi, không lôi kéo tín đồ. Phải khuyến khích họ, khuyến khích họ càng phải tín ngưỡng tôn giáo của họ, như vậy mỗi tôn giáo đều hoan hỷ. Quý vị phải trung thành với cha mẹ mình, phải trung thành với thượng đế của quý vị. Quý vị phải làm con ngoan của thượng đế, đừng để thượng đế mất mặt. Mười mấy năm lại đây chúng tôi giao tiếp với rất nhiều tôn giáo, quý vị xem tiếp xúc rất hòa hợp, đối đãi bình đẳng. Thật sự hỗ trợ hợp tác, họ có rất nhiều hoạt động đến tìm tôi. Tổ chức đoàn thể này đến nước ngoài du lịch mời tôi làm cố vấn, tôi cùng đi chơi với họ. Tôn giáo có thể đoàn kết.

“Ngũ Tổ văn chi, tiện thọ y bát, lập vi đệ lục đại tổ”. Lấy ngài Huệ Năng làm ví dụ, tất cả tự tánh vốn tự đầy đủ. Điều này phải minh tâm kiến tánh mới được, mới đầy đủ. Chưa kiến tánh thì phải nhờ vào tu đức. Chúng ta muốn đạt được điều gì, nếu quý vị tu học như lý như pháp. Phật môn đệ tử có cầu tất ứng, đây là thật không phải giả, nhưng phải như lý như pháp, phải hiểu đạo lý, hiểu phương pháp, như vậy nhất định đạt được. Không như lý không như pháp, nếu đạt được thì đó là số mạng quý vị có, không đạt được là số mạng quý vị không có. Khi đạt được quý vị có sai lầm, vì quý vị dùng phương pháp là sai lầm. Đây chính là mặc dù đạt được, nhưng không viên mãn.

Ví dụ như dùng cách không chính đáng để đạt được tài phú, số mạng quý vị có 100 ức_Trong số mạng có 100 ức tài phú_Nhưng dùng thủ đoạn không chính đáng, quý vị chỉ đạt được 50 ức. Tự cho rằng quá tuyệt, nhưng thật ra quý vị đã

mất đi một nửa_bị thiệt một nửa, vì tâm hành quý vị bất thiện khiến nó bị tổn giảm, nhưng quý vị không biết. Nếu dùng thủ đoạn chính đáng, sẽ đạt được rất viên mãn. Giả dụ như đạt được mà còn chịu bố thí, còn có thể giúp những người nghèo khổ khi cần, những gì ta đạt được sẽ tăng thêm. Trong số mạng có 100 ức, có thể trở thành 200 ức, có thể biến thành 300 ức, đây là gì? Càng thí càng nhiều.

Trong số mạng có, là từ đâu đến? Trong quá khứ biết bố thí, quý vị chưa dùng hết nên còn dư lại, đó là số mạng quý vị có. Số mạng không có có thể tu, số mạng có tiếp tục tu nữa, như vậy thì rất lớn, phước báo rất lớn, càng thí càng nhiều. Bố thí pháp càng thí càng tăng trưởng thông minh trí tuệ. Bố thí vô úy thọ mạng lâu dài, trường hợp thọ mạng kéo dài rất nhiều.

Liễu Phàm Tứ Thuận là tấm gương tốt nhất, Vân Cốc thiền sư dạy cho ông ta. Ông ta vốn là vị tú tài nghèo, phước báo không lớn, không có công danh, ông ta chỉ có một thân phận tú tài, cử nhân, tiến sĩ đều không có, thọ mạng chỉ có 53 tuổi. Gặp được thiền sư Vân Cốc, ông ngồi trong thiền đường với thiền sư Vân Cốc tại chùa Thê Hà Nam Kinh ba ngày ba đêm. Thiền sư Vân Cốc rất khâm phục ông ta, ba ngày ba đêm không có một vọng niệm nào. Thiền sư Vân Cốc nói với ông, công phu của ông không tệ, ba ngày ba đêm không có chút vọng niệm, người bình thường không làm được. Ông nói mạng tôi được ông Không coi rồi, trong 20 năm, mỗi năm đều coi đôi chiếu, đều không sai. Ông ta nói tôi không nghĩ đến bất cứ điều gì, vì sao? Nghĩ đến cũng vô dụng.

Mỗi năm ông toán số đều nói như vậy, không thay đổi chút nào, mỗi năm thu nhập được bao nhiêu đều rõ ràng. Vì ông là người đọc sách, mỗi năm tham gia thi cử, có thể thi đậu chẳng, thi đứng thứ mấy hoàn toàn phù hợp, 20 năm không có năm nào sai lầm, tôi còn nghĩ đến điều gì nữa? Thiền sư Vân Cốc nghe xong liền bật cười lớn. Tôi tưởng rằng ông là thánh nhân, thì ra ông vẫn là một kẻ phàm phu. Ông ta rất kinh ngạc, sao nói tôi là phàm phu? Suốt 20 năm ông bị vận mệnh định sẵn, một chút cũng không thay đổi, ông là tiêu chuẩn của kẻ phàm phu. Vì sao? Con người biết làm thiện nó sẽ gia tăng, sẽ thêm điểm, làm ác nó liền giảm bớt. Ông suốt 20 năm không tăng cũng không giảm, là tiêu chuẩn của kẻ phàm phu. Liên dạy ông phương pháp cải tạo vận mệnh, ông vừa nghe liền hoát nhiên đại ngộ, quyết định nên đã cải đổi.

Đến năm thứ hai tham gia thi không đúng_năm thứ hai tham gia_lần thi này thầy bói nói ông đứng thứ ba, nhưng ông thi đứng thứ nhất_Bắt đầu nói không đúng, nên ông thật sự tin tưởng. Cả gia đình đoạn ác tu thiện, cải đổi chính mình, vận mệnh hoàn toàn thay đổi. Số mạng không có con trai, cầu sinh con trai, làm

3000 việc thiện cầu sanh con trai, liền sinh được con trai. Cầu công danh_số mạng không có cử nhân liền thi trúng cử nhân, số mạng không có tiến sĩ thi đậu tiến sĩ. Số mạng chỉ có 53 tuổi, ông ta sống đến 74 tuổi, thọ mạng kéo dài 21 năm. Nên ông ta đem kinh nghiệm cải ác tu thiện, cải tạo vận mệnh của đời mình mình viết thành bốn bài văn cho con ông, gọi là Gia Đình Tứ Huấn. Con cháu đời sau đều không tệt, hậu đại của ông có liên hệ với tôi, từng viết thư cho tôi nhưng chưa gặp mặt, thật khó được!

Tiêu chuẩn của người cải ác tu thiện, đạt được quả báo tốt, tâm gương tốt tại sao không học? Vì sao phải dùng thủ đoạn không chính đáng để đạt được? Sai lầm. Đây là dùng phương pháp chánh đáng để đạt được, nên con người không thể không hiểu đạo lý.

Tiếp theo chúng ta xem bên dưới: “Tịnh vân”, tịnh vân tức là Ngũ Tổ nói với ngài Huệ Năng. “Bất thức bốn tâm, học pháp vô ích”. Quý vị không nhận ra chân tâm của mình, học pháp cũng không lợi ích gì. Không có lợi ích là không thể minh tâm kiến tánh, không thể chứng đắc quả vị Phật Bồ Tát, không được lợi ích này. Có lợi ích gì? Lợi ích nhỏ, phước báo nhân thiên, không ra khỏi luân hồi lục đạo. Quý vị được phước báo nhân thiên trong luân hồi lục đạo, được lợi ích nhỏ này, đây là cái lợi hư vọng không thật.

Nếu biết bốn tâm của mình, thấy được bốn tánh của mình, tức gọi là Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật. Mấy câu này là Ngũ Tổ ẩn chứng cho ngài Huệ Năng, ngài đã thành Phật. Ngài vừa giác ngộ liền minh tâm kiến tánh, đây gọi là Đại Trượng Phu. Đại Trượng Phu là Phật giáo đại thừa tôn xưng Phật, tôn xưng đối với người minh tâm kiến tánh_Thiên Nhân Sư. Quý vị có năng lực, có trí tuệ giáo hóa thiên nhân, chính là thiên thượng nhân gian. Quý vị có năng lực này thì chính là Phật, tất cả chúng sanh vốn là Phật. Ngài Huệ Năng vì sao có thành tựu này? Đạo lý này bây giờ chúng ta đều thấu triệt, rất minh bạch. Khi ngài nghe kinh, nghe đến câu “ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”. Ngay lúc này, trong một sát na, ngài lập tức buông bỏ tất cả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Buông bỏ liền thành Phật, tất cả chướng ngại đều không còn, thông thường chúng ta gọi là nghiệp chướng.

Nghiệp chướng là gì? Là chấp trước, là phân biệt, là vọng tưởng. Vọng tưởng là khởi tâm động niệm, trong chốc lát ngài có thể hoàn toàn buông bỏ khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước. Buông bỏ tất cả hồi phục sự thuần tịnh thuần thiện, như vậy là đã thành Phật. Nên cái gọi là Phật pháp_Khi tôi mới học Phật, Chương Gia đại sư nói, Phật pháp khó hiểu nhưng dễ hành trì. Muốn hiểu được

rất khó, 100 năm cũng chưa rõ ràng, nhưng nếu thật sự hành trì thì rất dễ, chỉ trong một niệm. Trong kinh nói rất rõ ràng, nếu có thể trong một niệm buông bỏ chấp trước, biết được các pháp thế xuất thế gian đều là giả, phàm những gì có tướng đều là hư vọng. Không còn chấp trước, liền chứng được quả A la hán. Quý vị xem, phàm phu thành A la hán, nếu có thể không còn phân biệt, không phân biệt đối với pháp thế xuất thế gian, quý vị liền thành Bồ Tát, lấy được học vị thứ hai của Phật pháp. Nếu không khởi tâm không động niệm, quý vị liền thành Phật, lấy được học vị cao nhất. Ngài Huệ Năng đã lấy được học vị cao nhất.

Quý vị nên biết, ngài mới 24 tuổi, không biết chữ. Đạo tràng của Ngũ Tổ có giảng đường, nhưng ngài chưa đến đó lần nào, chưa nghe bài giảng nào. Có thiền đường nhưng ngài cũng chưa một lần đến đó ngồi thiền, thiền đường một cây hương nữa tiếng, cũng chưa đến gần thiền đường, Ngũ Tổ đem y bát truyền cho ngài. Theo Ngũ Tổ mười mấy năm như đại sư Thần Tú, nhưng không truyền y bát cho Thần Tú, mà truyền cho Huệ Năng. Bài kệ mà Thần Tú làm là ứng thí, Ngũ tổ muốn thử mọi người, mỗi người làm một bài kệ để ngài xem thử. “Thân thị bồ đề thọ, tâm như minh cảnh đài, thời thời cần phát thức, vật sử nhá trần ai” (Thân là cây bồ đề, tâm như đài gương sáng, thường hãy siêng lau chùi, chớ để bụi dơ bám), đây là bài kệ của Thần Tú. Mọi người đều đang đọc, Ngài Huệ Năng cũng nghe được. Nghe xong ngài nghĩ, bài kệ này chưa kiến tánh, nên ngài cũng làm một bài kệ, nhưng không biết viết, ngài chỉ biết đọc để người khác viết.

Ngài sửa bài kệ của ngài Thần Tú: “Bồ đề bốn vô thọ, minh cảnh diệc phi đài, bốn lai vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai” (Bồ đề vốn không cây, gương sáng cũng không đài, xưa nay không một vật, thì bụi bám vào đâu), đây là bài kệ Lục Tổ làm. Ngũ Tổ vừa nhìn thấy bài kệ này, nhanh chóng cầm dép xóa nó, nói với mọi người chưa kiến tánh, chưa kiến tánh, không nên ngạc nhiên, chưa kiến tánh. Tối đến triệu kiến ngài Huệ Năng, gọi ngài nữa đêm canh ba đến gặp, nói với ngài: Bài kệ của người rất hay, thật khó được, liền giảng Kinh Kim Cang cho ngài nghe. Tôi nghĩ không quá hai tiếng đồng hồ, liền đại triệt đại ngộ, nên đem y bát truyền cho ngài. Quý vị xem thật là khó hiểu nhưng dễ hành trì, nói rõ về việc minh tâm kiến tánh, quả thật không phải là việc đơn giản, đích thực là khó hiểu nhưng dễ hành.

Thế nên học thuật phương đông_khi Phật giáo truyền đến Trung quốc, người Trung quốc hoàn toàn tiếp nhận, đây là trí tuệ của người xưa. Thang Ân Tử tán thán, tâm lượng cổ nhân Trung quốc lớn, có thể bao dung văn hóa dị tộc, chính là chỉ Phật giáo. Mà Phật pháp cũng làm phong phú văn hóa bản địa, đây là Thang

Ân Tử người Anh nói. Ông ta hiểu được văn hóa Trung quốc, nên nói: Giải quyết vấn đề của thế kỷ 21, chỉ có học thuyết Khổng Mạnh và Phật pháp đại thừa, Thang Ân Tử đã nói như vậy.

Trước đây, năm 2005_2006 phỏng vấn ở Luân Đôn_phỏng vấn đại học Ngu Luật, đại học Kiếm Kiều, đại học Luân Đôn. Diễn giảng cho các bạn khoa Hán học một tiếng đồng hồ, và cùng nhau giao lưu với các giáo thọ. Tôi nói đây là người Anh quý vị rất sùng bái, nhưng lời ông ta nói có tin được chẳng? Các sinh viên đều nhìn tôi cười, các vị giáo thọ cũng cười không nói. Tôi đợi thật lâu không ai trả lời liền hỏi tiếp, chẳng lẽ ông ta nói sai ư? Cũng không giám trả lời, tôi biết họ hoài nghi lời của Thang Ân Tử. Tôi nói, rất nhiều người hiểu sai đối với lời nói của Thang Ân Tử, vì sao? Quý vị đề cập đến truyền thống văn hóa, nhất định nghĩ đến Nho Thích Đạo, vì quý vị đang học Nho Thích Đạo. Trong các sinh viên, rất nhiều người dùng kinh điển Phật giáo viết luận văn_Viết luận án tiến sĩ. Trong đó có một em sinh viên nói, anh ta dùng Kinh Vô Lượng Thọ làm luận án tiến sĩ. Tôi hỏi, Kinh Vô Lượng Thọ bản tiếng trung có 9 bản khác nhau, anh dùng bản nào? Anh ta dùng bản hội tập của Hạ Liên Cư, cùng một bản như chúng ta. Quả thật khó được, anh chọn rất đúng, là người Úc Châu, nói tiếng Bắc Kinh rất giỏi. Có thể xem văn cổ Trung quốc, quý vị không thể không khâm phục họ.

Tôi nói quý vị hiểu sai ở đâu? Vì khi quý vị vừa nói đến Nho, liền nghĩ đến Tứ thư, Ngũ kinh, Thập tam kinh. Nói đến Phật, quý vị nhất định nghĩ đến Hoa Nghiêm, Đại thừa Bát Nhã_ quý vị nghĩ đến những bộ kinh lớn này. Nói đến Đạo, nhất định nghĩ đến Lão Trang_Lão Tử, Trang Tử. Đây là gì? Tôi nói đây là hoa quả, trái cây. Quý vị nghĩ đến những thứ này, thứ này có thể cứu thế giới ư? Có thể cứu, nhưng phải bỏ ra rất nhiều thời gian. Khi nào quý vị có thể đến được địa vị này, mới có trí tuệ như thế? Khó! Tôi nói, tôi hiểu vấn đề không như quý vị, quý vị thấy là hoa quả, tôi thấy là gì? Tôi thấy rễ của nó. Hoa quả là mọc lên từ cành lá, cành lá mọc lên từ nhánh, nhánh mọc từ cây, cây mọc từ rễ. Tôi nhìn thấy rễ của nó, điều này quý vị đã sơ suất, không có rễ làm sao có hoa quả. Quý vị toàn là học trên hoa quả, đó là tri thức, không phải trí tuệ. Quý vị chưa học được thực chất của nó, nên quý vị học được là giả, thật là gì? Rễ, rễ là gì?

Gốc rễ của Nho Giáo là Đệ Tử Quy, mọi người đã lãng quên điều này. Gốc rễ của nhà Phật là Thập Thiện Nghiệp Đạo, đó là một bộ kinh nhỏ, ai coi trọng nó? Nhưng đó là căn bản. Quý vị xem, khi mở kinh ra là “Thiện nam tử thiện nữ nơn”, nói đến căn bản.

Gốc rễ của Đạo gia là Thái Thượng Cảm Ứng Thiên. Nếu như hôm nay những thứ này được phổ cập trên toàn thế giới để mọi người đều học tập, xã hội được cứu chãng? Được cứu! Quý vị dùng những đại kinh luận đó không cứu được, đọc nghe hay nhưng làm không được, phải bắt đầu từ căn bản.

Tôi diễn giảng cho họ một tiếng, thời gian tuy không dài, nhưng thay đổi được quan niệm của họ. Truyền thống xưa là cầu trí tuệ, không phải tri thức, ngày nay quý vị cầu tri thức không phải trí tuệ, không giống nhau.

Được, hôm nay thời gian đã hết, chúng ta tạm dừng ở đây.

Tập 397

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Nguyên Tâm

Thời gian: 05.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi. Mời quý vị xem “Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải” trang 494, bắt đầu xem hàng thứ tư từ dưới lên, chữ cuối cùng.

Khi đại sư Huệ Năng còn chưa xuống tóc, chỉ là một người làm việc nặng nhọc trong chùa. Nhưng ngài vừa phát tâm này, liền đốn chứng địa vị tổ sư. Như trong Bồ Đề Tâm Luận nói: nếu tu chứng xuất hiện, sẽ làm đạo sư của tất cả trời người. Chưa rời khỏi tòa, nhưng đã viên thành tất cả Phật sự. Hoàng Niệm Tổ đưa ví dụ về lục tổ Huệ Năng để làm chứng minh. Do đây mà biết, buông bỏ khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước tức là chân thật phát tâm bồ đề. Tâm này vừa phát thì phàm phu liền trở thành Phật, vì sao? Ngài đã buông bỏ.

Phật là bản lai Phật, vốn đã là Phật. Chúng ta chính là vì khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước chướng ngại. Phật vốn không mất đi, là Phật thật không phải Phật giả, sự lý này cần phải rõ ràng minh bạch, khẳng định mình vốn là Phật nhưng vì có chướng ngại, đây gọi là mê chướng. Phật không mất đi, đích thực vốn là Phật. Trong Kinh Hoa Nghiêm Đức Phật nói, do vì vọng tưởng chấp trước mà không thể chứng đắc. Vọng tưởng chính là khởi tâm động niệm, phân biệt

chấp trước, chúng ta biến thành phàm phu, chúng ta buông bỏ hết những điều này liền được thành Phật.

Ngài Huệ Năng trong hội của Ngũ Tổ nhất thời đốn xả nên liền đốn ngộ, đốn chứng. Ngài khai ngộ chứng được quả vị, hoàn toàn tương đồng với những gì Đức Thế Tôn chứng được dưới cây bồ đề, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Thế nên tâm này vừa phát, một người làm việc nặng trong chùa_Bây giờ chúng ta gọi là làm công quả_tâm này vừa phát lập tức thành Phật. Điều này lấy trong Bồ Đề Tâm Luận, đoạn này ở trước chúng ta đã đề cập đến. “Tu chứng xuất hiện”, tu_Ý của chữ tu này chính là chuyên đổi, ý niệm vừa chuyên, đây gọi là tu, ngài liền có thể chứng được. Xuất hiện điều gì? Tâm bồ đề xuất hiện, chân tâm xuất hiện, ngài liền có thể làm đạo sư của tất cả trời người.

“Bắt khởi u toạ” là nói ngài nhanh chóng có thể thành tựu tất cả Phật sự, Phật sự này chính là đại sự giáo hóa chúng sanh. Sau khi Đức Thế Tôn khai ngộ, ngài dạy học suốt một đời, nên dạy học là Phật sự, làm tấm gương tốt cho tất cả chúng sanh, tấm gương như thế nào? Tấm gương giác ngộ, không phải gương mê hoặc, gương giác ngộ là Phật sự, đây là đưa ra một chứng cứ rất tốt.

“Bồ đề tâm, hồi xuất phàm tình”, hồi là xa, siêu việt, vượt xa khỏi phàm tình. “Công dụng nan tu”, công đức và tác dụng của nó thật không thể nghĩ bàn. Tâm tánh như vậy, gọi là pháp thân, hay nói cách khác tâm bồ đề hiện tiền, chính là chứng được pháp thân. Đại sư Huệ Năng là pháp thân đại sĩ, pháp thân đại sĩ chính là Phật. Thế nên “thị Phật đạo chi bản thể, danh vi bồ đề” đem thể của bồ đề, danh xưng của bồ đề nói ra, đây là pháp thân bồ đề. Bên dưới nói về báo thân.

Pháp thân vốn đầy đủ chính là tánh đức, không phải do tu thành, là tánh đức. “Tu đức hữu công, tánh đức phương hiển”, nên nhớ tu đức chính là buông bỏ nghiệp chướng chứ không có gì khác, tất cả đều đang buông bỏ, buông bỏ tánh đức hiện tiền. Nếu tu đủ vạn hạnh, công đức trang nghiêm, chứng được quả vị báo thân Phật. Tánh đức hiển lộ còn cần tu nữa chăng? Cần phải tu, ý nghĩa của tu là gì? Tu là làm gương cho người khác noi theo. Nếu không tu mà thành Phật, mọi người nghĩ quý vị không tu, tôi cũng có thể không tu, như vậy tôi cũng có thể thành Phật, nếu không quý vị thử xem.

Đức Thế Tôn đại triệt đại ngộ, ngài nói pháp môn Tứ Diệu Đế cho năm anh em Kiều Trần Như trong vườn Lộc Uyển_Pháp tiểu thừa, pháp thiên nhân, mà còn làm ra tấm gương của tiểu thừa. Một tỳ kheo của tiểu thừa, mỗi ngày đi khát thực, đi hành hóa, trì giới, tu định, giảng kinh, giáo hóa, làm ra tấm gương như vậy, oai nghi hữu tác, làm tấm gương tốt cho mọi người.

Công đức trang nghiêm, chứng được quả vị báo thân Phật. Báo thân viên minh cụ đức, thông đạt vô ngại. Viên là viên mãn, minh là quang minh, đầy đủ vạn đức vạn năng. Thông đạt vô ngại là lý sự vô ngại, sự sự vô ngại, đây gọi là “Viên thông vô ngại”, gọi là “báo thân bồ đề”, đây là loại thứ hai. Loại thứ ba là từ báo thân xuất hiện hóa thân, đây là biến hóa. “Tùy cơ hóa hiện, diệu dụng vô cùng”, tác dụng này là đối với chúng sanh, vô lượng vô biên chúng sanh có duyên trong mười phương thế giới.

Trong kinh Phật thường nói, Phật không độ người vô duyên. Họ không có duyên với quý vị thì quý vị không sao độ được họ, vì sao? Quý vị độ họ nhưng họ không tin quý vị, như thế nào gọi là có duyên? Họ tin quý vị, họ nghe lời quý vị, đây gọi là có duyên. Dù quý vị có cao minh đến đâu, họ cũng không tin tưởng, không nghe lời quý vị. Quý vị dạy như thế nào đều vô dụng, đó gọi là vô duyên.

Chúng sanh có duyên, đây là từ trong vô lượng kiếp, bất luận là có thiện duyên hay có ác duyên với quý vị, chỉ cần là có duyên, họ sẽ nghe quý vị. Khi duyên thành thực, họ sẽ nhiệt tâm đến học tập với quý vị, trong một đời họ có thể thành tựu. Duyên không thành thực, phải đợi chờ từ từ, phải giáo hóa chúng. Đời này duyên chưa thành thực, dạy học một chút, đời sau gặp lại dạy họ thêm một chút. Phật độ chúng sanh không phải một đời thành tựu, đời đời kiếp kiếp giúp chúng sanh, từ từ đời họ thành tựu. Thành tựu chính là dùng pháp môn này giúp họ vãng sanh, họ sẽ thành tựu viên mãn. Hay nói cách khác, tất cả người học Phật gặp được Tịnh độ, tin thật, nguyện thiết, chúng ta sẽ hiểu, đây gọi là gì? Nhân duyên này đã hoàn toàn thành thực, đời này chắc chắn họ sẽ thành Phật.

Nếu gặp được Tịnh độ mà còn có một chút hoài nghi, không thể tin tưởng hoàn toàn, còn muốn học cái này cái kia, đó chính là duyên của họ chưa thành thực. Đời này không thể vãng sanh, đợi tiếp đời sau kiếp sau, điều này hiện nay chúng ta đều nhìn thấy được. Vừa thấy liền thấu hiểu được họ có duyên hay không, duyên của họ có thành thực hay không, tất cả đều phải giúp đỡ. Người không có duyên, phải kết duyên với họ, kết duyên đời sau sẽ có duyên, do đó chúng ta kết duyên không thể không rộng, không thể không làm. Niệm một câu A Di Đà Phật họ đã nghe được, đây đều là kết duyên với họ.

Trên người chúng ta đeo một xâu chuỗi, họ vừa nhìn thấy liền biết đây là Phật, cũng đã kết duyên. Luôn muốn họ tiếp xúc với chúng ta, khiến trong lòng họ hữu ý hay vô ý đều có một chữ Phật để trong lòng. Có câu, những gì đã nghe được vĩnh viễn trở thành chủng tử của đạo. Họ nhìn thấy, mắt đã nhìn thấy thì vĩnh viễn trở thành hạt giống bồ đề, đây là chủng tử Phật trong A lại da thức. Đặc biệt

là đã trồng được chủng tử của Phật A Di Đà, như vậy mới có thể giáo hóa chúng sanh.

“Cổ viết ích vật”, ích là lợi ích. Không nói người, họ nói vật_Vật, mười pháp giới đã bao hàm tất cả. Nếu nói người, chỉ có nhân pháp giới, không bao gồm các thể giới khác. Viên mãn thông đạt, đây gọi là hóa thân bồ tát. Do đây mà biết, hóa thân Bồ Tát là tha thọ dụng, báo thân Bồ Tát là tự thọ dụng. Chính mình thật sự làm được lý sự vô ngại, sự sự vô ngại, viên mãn trí tuệ của chính mình, viên mãn đức tướng của chính mình, đây thuộc về báo thân.

“Đệ tam, hiển phát tâm hữu dị”, dị là không giống nhau, phát tâm có khác nhau. “Kim vị hành giả”, hành giả chính là người học Phật, người tu hành. “Tu nhân phát tâm cụ kỳ tam chủng”, ba loại này ở sau Hoàng Niệm Lão cũng có giải thích.

“Nhất giả, yếu tu thức đạt hữu vô, tòng bốn dĩ lai tự tánh thanh tịnh”, đây là điều kiện đầu tiên, nhất định phải nhận thức hữu và vô, điều gì là hữu (có)? Tự tánh thanh tịnh tâm chắc chắn có, ngoài tự tánh thanh tịnh tâm ra, nhất định là không. Trong kinh đại thừa nói: Phạm những gì có tướng đều là hư vọng, tướng này không phải thật. Ý nghĩa quan trọng ở đây là dạy chúng ta, quý vị phải nắm chắc “hữu”, phải buông bỏ “vô”, không buông bỏ được vô, như vậy sẽ chướng ngại tự tánh thanh tịnh tâm của quý vị, quý vị vĩnh viễn không thể kiến tánh.

“Đệ nhị, duyên tu vạn hạnh, bát vạn tứ thiên chư ba la mật môn đẳng”, tôi thường nói tám vạn bốn ngàn pháp môn, phải như thế nào? Phải viên tu, nhất tu nhất thiết tu, nhất thiết tu nhất tu. “Tam giả, đại từ bi vi bốn, hằng nghĩ vận độ vi hoài”, nhất định phải nuôi dưỡng tâm từ bi của chính mình, giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, không thể để quên ý niệm này. Niệm niệm vì thương yêu chúng sanh, đây là hằng nghĩ. Giúp chúng sanh, đặc biệt là giúp chúng sanh nhận thức về Tịnh độ, giúp chúng sanh nhất tâm chuyên niệm, giúp chúng sanh vãng sanh thành Phật ngay trong đời này.

Ba nhân này có thể tương ứng với đại bồ đề, nên gọi là phát tâm bồ đề, phát tâm bồ đề chắc chắn là như vậy. Căn cứ theo Tịnh Độ Luận, tức là trong Vãng Sanh Luận nói: Nay phát tâm bồ đề, chính là tâm nguyện làm Phật_Phát tâm bồ đề không phải gì khác, chính là đồng ý làm Phật. Tâm nguyện làm Phật, tức là tâm độ chúng sanh. Tâm độ chúng sanh, tức là tâm nhiếp độ chúng sanh sanh vào cõi nước có Phật. Hôm nay mặc dù đã nguyện sanh Tịnh độ, nhưng trước tiên cần phải phát tâm bồ đề. Ở sau là giải thích của Hoàng Niệm Tổ.

Giải thích nói, phát tâm có hai loại khác nhau. Trên thực tế điều này ở trước đã giải thích, có hai loại. Thứ nhất, khi hành giả ở nơi nhân địa, chúng ta hiện nay đều ở tại nhân địa, chúng ta chưa chứng quả, đều ở nơi nhân địa. Phát đầy đủ ba loại tâm này, thứ nhất, phải nhận thức có không, và thấu triệt tự tánh thanh tịnh xưa nay. Tự tánh thanh tịnh ở trước có chú thích, tự tánh vốn thanh tịnh. Đối với việc nhận thức thấu triệt có và không, thực tế là pháp môn nhập đạo của ngộ tâm. Mấu chốt là đây, vô cùng quan trọng, quý vị phải nhận thức, phải thông đạt, phải thấu triệt cái gì là có, cái gì là không, phải hiểu rõ điều này.

“Vô giả, tức, Tâm Kinh trung. Tùng vô nhãn nhĩ, nãi chí vô trí diệp vô đắc, nhất liên quán thông chi vô tự dã” trong Kinh Bát Nhã nói rất rõ ràng, mọi người đều đọc rất quen thuộc. Vô nhãn nhĩ tử thiết thân ý, vô sắc thân hương vị xúc pháp, vô nhãn giới nãi chí vô ý thức giới. Đây chính là thập bát giới, sáu căn, sáu trần, sáu thức đều vô. Cho đến sau cùng nói, vô trí diệp vô đắc (không có trí cũng không có sở đắc), điều này phải biết như thế nào là vô.

“Hựu tức Đại Niết Bàn Kinh vân, như thị nghịch thuận nhập siêu thiên dĩ. Phật cáo đại chúng, ngã dĩ Phật nhãn biến quán tam giới nhất thiết chư pháp, vô minh bản tế tánh bản giải thoát. Ư thập phương cầu, liễu bất năng đắc, căn bản vô cố. Sở nhân chi diệp giai tất giải thoát. Vô minh giải thoát cố, nãi chí lão tử giai đắc giải thoát”. Đây là đưa ra ví dụ để nói với chúng ta rằng, trong kinh nói, từ “phục cáo đại chúng” (lại nói với đại chúng rằng). Đây là Phật Thích Ca nói: Tôi lấy mắt của Phật để quan sát tất cả pháp trong tam giới_Tất cả pháp trong biến pháp giới hư không giới. “Vô minh bản tế” bản tế chính là bản thể. “Tánh bản giải thoát”, quý vị thấy tự tánh của tất cả pháp_Tự tánh tất cả pháp chắc chắn không có tập khí phiền não, không có những thứ này. Ở đây quý vị tìm không thấy cái ngã, ngã còn không có thì làm gì có ngã sở? Tôi sở hữu đương nhiên sẽ không còn, đây là gì? Nó vốn là giải thoát. Mong cầu những gì trong mười phương, liễu bất khả đắc, vì sao? Phàm những gì có tướng đều là hư vọng, tất cả pháp hữu vi, như mộng huyễn như bọt nước, thật là liễu bất khả đắc. Thế nên Đức Phật nói thật với chúng ta, như thế nào là nói thật? Căn bản vô cố. Căn bản vô, giống như gốc cây vậy_gốc, gốc rễ không có, làm gì có cành lá? Điều này, chúng ta nhìn lại tường tận sở học trước đây của mình.

Trong Tu Hoa Nghiêm Áo Chỉ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của Hiền thủ quốc sư, sẽ minh bạch. Quý vị xem trong Hoàn Nguyên Quán nói, nguyên khởi vũ trụ là gì? Tôi từ đâu đến? Trước là hiển nhất thể, khởi nhị dụng. Nhất thể là căn bản, căn bản là gì? Tự tánh thanh tịnh viên minh thể, điều này có, có thật.

Tuy có thật, nhưng nó không phải hiện tượng vật chất, nó cũng không phải hiện tượng tinh thần, cũng không phải hiện tượng tự nhiên. Nó không có hiện tượng nhưng nó có thật, đó chính là chân như, chính là tự tánh. Vì không có hiện tượng nên Đức Phật gọi nó là không. Không không phải là vô, không là có, thật có, vì sao? Nó có thể sanh hiện tượng. Nó có thể sanh ra hiện tượng tự nhiên, có thể sanh ra hiện tượng tinh thần, có thể sanh ra hiện tượng vật chất. Nó có thể sanh ra hiện tượng, rất kỳ lạ.

Nhưng có thể sanh ra những hiện tượng này là huyền tướng. Quý vị nên biết năng sanh hiện tượng không phải thật. Bản thể là chân hữu, hữu là không, hữu nó có tất cả, nó có thật, tồn tại thật. Hư không đều là nó biến hiện ra, hư không không phải thật, là do nó biến ra. Như chúng ta nằm mộng vậy, trong mộng có hư không, tỉnh dậy hư không không còn.

Ngày nay trong hư không này, khi nào chúng ta giác ngộ, vượt ra khỏi luân hồi lục đạo, thì hư không này không thấy nữa. Nó không phải thật, thật là tự tánh. Thế nên từ nhất thể_nhất thể là không tịch, khởi lên hai loại hiện tượng_Khởi nhị dụng. Một cái là vũ trụ xuất hiện_Y báo, thứ hai là bản ngã xuất hiện_Chánh báo. Đây là hai loại tác dụng: chánh báo và y báo xuất hiện, là do biến hiện ra. Trong kinh đại thừa Đức Phật thường nói: một niệm không giác nên có vô minh, đây là một niệm không giác mà xuất hiện hiện tượng. Như chúng ta nằm mộng vậy, mộng chính là nhất niệm bất giác_đang nằm mộng.

Hiện tượng này vừa khởi lên, hiện tượng có ba đặc điểm. Thứ nhất là chu biến pháp giới, chúng ta không thể tưởng tượng được. Hiện tượng vật chất là thân thể, đây là vật chất, vật chất là hiện tượng dao động, mỗi lần dao động đều chu biến pháp giới, quý vị nói tốc độ nhanh biết bao. Hiện nói nói đến điện, quang, so với nó thì kém xa, nó là lập tức chu biến pháp giới. Quang và điện tốc độ rất chậm, một giây 30 vạn cây số, từ thái dương đến địa cầu phải tám phút, thời gian rất dài. Trong tự tánh chúng ta biến hiện ra, năng lực này quá lớn, nó vừa động liền chu biến pháp giới. Người không có chướng ngại, những tin tức này họ đều nhận được_Người không có chướng ngại. Chúng ta có nhận được chăng? Nhận được. Nhận được nhưng có chướng ngại, nhận được mà không biết, không có cảm giác, vì chúng ta là phàm phu. Chúng ta có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nó làm chướng ngại linh tri của chúng ta. Tin tức trong biến pháp giới hư không giới đến nơi chúng ta không có cảm giác, ai có cảm giác? Chỉ cần người phiền não ít một chút họ sẽ cảm nhận được, nghiệp chướng nhẹ một chút. A la hán có cảm nhận được vì A la hán đã đoạn tận kiến tư phiền não. Tuy còn có trần

sa và vô minh phiền não, nhưng họ có thể nhận được rất rõ ràng một vài tin tức, còn phần lớn họ không biết, chúng ta thì hoàn toàn không biết.

Bồ tát nhận được tin tức nhiều hơn A la hán, pháp thân Bồ tát nhận được là viên mãn. Cũng như ở trước nói: đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, họ có thể nhận được tin tức viên mãn trong biến pháp giới hư không giới. Trên tất cả chư Phật Như Lai, dưới là chúng sanh trong địa ngục, chúng sanh trong tam đồ, khổ của chúng sanh trong tam đồ, họ đều nhận được. Trí tuệ, thần thông, đạo lực giáo hóa chúng sanh của chư Phật Như Lai, họ đều nhận được. Hiện nay nói không trung truyền âm, chính là ý này, còn lợi hại hơn cả truyền âm.

“Vô minh giải thoát cổ, nãi chí lão tử giai đắc giải thoát”, vô minh là gốc, đã giải thoát được vô minh. Giải là giải trừ, thấu triệt được vô minh. Thoát là thoát ly, thoát ly điều gì? Thoát ly vô minh, đây chính là không tồn tại 12 nhân duyên. Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, cho đến lão tử, tất cả đều giải thoát. Người này đã chứng pháp thân, đã thành Phật. Vì nhân duyên này mà hôm nay tôi an trú ở trong thường tịch quang, chúng ta gọi nó là thường tịch quang, còn gọi là đại niết bàn.

“Thử nãi Thế Tôn, tối hậu từ bi vi thiết chi thù thị”, thị hiện rất vi diệu, khản thiết. Thị chính là làm gương tốt cho chúng ta. Cũng như Vĩnh Minh đại sư từ vô lượng kiếp, lột da làm giấy, lóc xương làm viết, lấy máu làm mực viết kinh này để báo từ ân. Đại sư Vĩnh Minh Diên Thọ là tổ sư đời thứ sáu của Tịnh độ tông, ngài đã phát nguyện như vậy. Viết bốn câu kệ của Đức Thế Tôn ra và truyền mãi về sau, vì sao? Vì để báo ân Phật. Mấy câu này nói trong Đại Niết Bàn Kinh.

Căn bản đều là vô, nên nhân của cành lá đều được giải thoát. Vô minh giải thoát, cho đến lão tử cũng đều được giải thoát. Chỉ mấy câu đơn giản, đã giải quyết được tất cả vấn đề, quan trọng nhất là những khai thị này. Đức Phật từ bi, phát nguyện lột da làm giấy, róc xương làm viết. Dùng xương của mình làm viết, dùng máu làm mực để viết kinh này. “Ư vô lượng kiếp”, hiện nay không cần viết, hiện nay có in ấn, có thể in ấn số lượng lớn. Còn lúc đó phải viết từng trang, viết bao lâu? Viết vô lượng kiếp. Quý vị xem, phát tâm lớn như vậy, đây là hạng người nào? Tri ân báo ân. Người không biết sẽ không làm điều này, người biết sẽ làm điều này. Hiểu được câu kinh văn này rất tốt, mọi người vừa xem đã khai ngộ, tức là sao? Thật sự có thể nhận thức cái gì là có, cái gì là không.

Ở sau là nói ra yếu nghĩa của bốn câu này. Vô minh không có thì làm gì có cành lá? Vô minh là căn bản vô minh, cành lá là gì? Kiến tư phiền não, trần sa phiền não và tập khí phiền não, đây là cành lá. Từ căn bản vô minh hiển lộ ra trần

sa phiền não, do trần sa phiền não lại hiển lộ ra kiến tu phiền não. Vô minh là gốc, là căn bản, trần sa phiền não là cành, kiến tu phiền não là lá. Tôi nói như vậy mọi người sẽ dễ hiểu hơn, dùng cây để làm ví dụ. Gốc không có, làm gì có cành lá? Ở đây đoạn phiền não rất nhanh. Vì sao ngài Huệ Năng nghe khai thị hai tiếng đồng hồ liền đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, như vậy là sao? Ngài biết rõ, vốn không có căn bản vô minh nên đoạn hết tất cả, không còn việc gì cả, không cần từ từ đoạn cành lá. Hiện nay chúng ta làm như vậy, chính là đoạn dần dần từ cành lá, vì sao? Không thể đoạn ngay lập tức. Không thể nào đoạn từ cành lá, biện pháp vô cùng ngu ngốc, đoạn từ căn bản là biện pháp thông minh nhất. Hàng thượng thượng căn hạ hạ thủ từ căn bản, hàng hạ hạ căn hạ thủ từ cành lá, đạo lý chính là ở đây. Khi chúng ta từ từ đoạn từ cành lá trước, sẽ có một ngày bạt tận gốc rễ trong chốc lát.

Vì sao? Thật sự đã giác ngộ, thật sự đã minh bạch, vì sao không đoạn được? Còn hoài nghi, còn cho rằng có thật, không có gì khác, chính là vì điều này. Điều này trước đây Chương Gia đại sư dạy cho tôi, quý vị cho rằng mình đã minh bạch, chưa! Như thế nào mới thật sự thấu triệt? Người thật sự buông bỏ mới thấu hiểu thật sự, không thật sự buông bỏ, nghe nhiều cũng biết nói, nhưng thực tế chưa minh bạch. Điều này trước đây Chương Gia đại sư thường nói với tôi: Khó hiểu dễ hành, Phật pháp là khó hiểu dễ hành.

Đức Thế Tôn thuyết pháp 49 năm, khó biết. Hành, như Ngài Huệ Năng vậy, quý vị thấy dễ biết bao. Buông bỏ trong chốc lát, lập tức trở lại hoàn nguyên, vọng tận chính là hoàn nguyên. Nên ba đoạn trước của Hoàn Nguyên Quán_Nó tất cả có sáu đoạn_Ba đoạn trước dạy chúng ta nhận thức chân vọng. Cái gì là chân, cái gì là vọng, quý vị phải nhận thức. Hai đoạn sau chính là nhìn thấu buông bỏ, đoạn thứ tư_ở giữa là nói về giáo hóa chúng sanh, quý vị phải phát đại từ đại bi. Tuy quý vị thật sự nhìn thấu buông bỏ, nhưng có cần quên chúng sanh chăng. Phải quan tâm nhiều đến những chúng sanh đau khổ, nên dạy quý vị tùy duyên diệu dụng_hằng thuận chúng sanh, tùy duyên diệu dụng_đừng chấp tướng. Oai nghi hữu tắc, lúc nào cũng làm tấm gương tốt cho chúng sanh.

Thứ ba là một thái độ tốt, đặc biệt nhắc nhở chúng ta nhu hòa chất trực, phải khách khí, nhu hòa với người. Trong tâm phải chân thành, chất trực là chân thành. Câu sau cùng là chư Phật chịu khổ thay chúng sanh, không nên thấy chúng sanh không quan tâm mà bỏ đi, như vậy là không có tâm từ bi. Chúng sanh khổ, phải giúp đỡ họ, phải cứu họ. Chúng sanh có sanh tử, như thế nào gọi là có sanh tử? Họ cho rằng có sanh tử, nên thật sự có sanh tử. Quý vị đã liễu thoát sanh tử,

không có sanh tử. Người không có sanh tử, giúp người có sanh tử, dễ! Có sanh tử giúp người có sanh tử rất khó, họ phải lo cho mạng của mình. Không thể nói vì sanh tử của quý vị mà hy sinh chính tôi, họ nghĩ như vậy là họ có sanh tử. Bồ tát không có sanh tử, chúng sanh có mạng, Bồ Tát không có mạng nên họ giúp chúng sanh được đại tự tại.

“Đạt vọng bốn không”, vọng là hư vọng, mười pháp giới y chánh trang nghiêm vốn là không. “Chân tánh tự hiển”, chỉ cần thông đạt, có chính là không. Hiện nay nói như vậy, các nhà khoa học lãnh ngộ sâu hơn chúng ta, vì sao? Các nhà khoa học biết, các nhà khoa học chứng minh, tất cả hiện tượng vật chất đều là giả. Nên trong kinh Đức Phật nói câu này, “đạt vọng bốn không”, các nhà khoa học nhất định gặt đầu, nhất định vỗ tay, vì sao? Họ đã chứng minh không có vật chất, vật chất là gì? Huyền tướng do ý niệm tích lũy, rất nhiều ý niệm tập trung lại một nơi, sinh ra huyền tướng này. Vật chất sai biệt rất lớn, hiện tượng này sanh ra như thế nào? Họ nói tần suất bất đồng. Tần suất chậm biến thành vật thể rất rắn chắc, tần suất nhanh nó sẽ mềm xốp, tần suất nhanh hơn nữa sẽ biến thành quang, biến thành điện, biến thành lưu động, nhưng đích thực tất cả đều là ý niệm. Đây chính là trong Kinh đại thừa Đức Phật thường nói: Tất cả pháp từ tâm tướng sanh. Trong tâm quý vị không có tướng, tất cả pháp hoàn toàn không có.

Người thế gian cũng nói, chúng ta nằm mộng, mộng là ý thức, ý niệm sanh ra nên nói hạ ý thức. Khi quý vị ngủ không thể khống chế, hạ ý thức biến hiện thành cảnh giới trong mộng, cảnh giới trong mộng cũng là tâm tướng sanh. Khi tỉnh lại mộng không còn nữa, tỉnh lại là giác ngộ, cũng chính là ý niệm của quý vị đã hồi phục bình thường, cùng một đạo lý. Ý nghĩa quan trọng nhất trong Hoàn Nguyên Quán chính, là dạy chúng ta thật sự nhận thức toàn thể vũ trụ với chính mình là nhất thể, tất cả Chư Phật với chúng ta là nhất thể, tất cả chúng sanh với mình là nhất thể. Tất cả cây cỏ hoa lá, sơn hà đại địa với mình là nhất thể. Nhận thức này quan trọng hơn bất cứ điều gì, nhận thức này nếu dùng cách nói của thế tục để nói, đó là thiên hạ thái bình, thế giới đại đồng, ai không thương chính mình?

Biến pháp giới hư không giới là chính mình, đây gọi là gì? Pháp thân. Thật sự là tôi, tôi là gì? Vạn sự vạn vật trong biến pháp giới hư không giới chính là tôi, như thân người này của chúng ta. Đây là tay của tôi, tay trái của tôi, đây là tay phải của tôi. Đây là ngón tay của tôi, đây là móng tay của tôi. Đây là ngũ quan, lục phủ trên thân tôi, đều là tôi. Mà không biết toàn thể hư không, toàn thể pháp giới là tôi, không biết những thứ này là tôi. Hoàn Nguyên Quán dạy chúng ta nhận thức và tìm lại chính mình, hoàn toàn buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp

trước của chính mình. Vọng tưởng phân biệt chấp trước là chướng ngại, khiến quý vị hoàn toàn thấu triệt được chân tướng. Buông bỏ liền minh bạch chân tướng, tất cả đều minh bạch, hóa giải được tất cả vấn đề. Khi không biết, thì có vấn đề này, vấn đề kia. Khi biết rồi, tất cả vấn đề đều không có.

“Thủ túc tri vô chi yếu nghĩa”, chính là không biết ý nghĩa quan trọng, không biết yếu nghĩa. “Chí ư tri hữu, tông môn thường viết”, Thiền tông thường nói: “Tất tu tri hữu thi đắc”, trong tri tánh vốn không, trong tri tướng vốn có, trong tướng có tánh, trong tánh có tướng. Lại trong Tâm Vương Danh của Phó Đại Sĩ nói: trong nước có vị muối, có chãng? Nước là mặn, nước của biển có vị mặn. Trong sắc có chất dính màu xanh, chắc chắn có nhưng không thấy hình dáng của nó. Quý vị không nhìn thấy, không thấy được vị của muối. Không nhìn thấy chất dán xanh trong sắc, nhưng nó chắc chắn có, không thấy hình thù của nó.

“Tâm vương diệc nhĩ, thân nội cư đình”, thân là hữu, là sắc. Trong thân này có tâm, tâm chính là tâm tánh, có tánh. Chắc chắn có tánh, dừng ở trong thân. Nó ở đâu? Nó dừng ở đâu? Trong mỗi tế bào đều có, tế bào rất lớn. Ở trước Hoàng Niệm Tổ dẫn dụng, các nhà khoa học cận đại phát hiện trung vi tử, cũng gọi là lượng tử, cũng có thể là cực vi chi vi mà Đức Phật nói. Vật chất nhỏ nhất, không thể phân thêm nữa, phân nữa là không còn, cực kỳ vi tế. Tiểu vi tử này_Trung vi tử, tiểu vi tử này lớn chừng nào? 100 ức cái tổ hợp thành, 100 ức cái tập hợp lại một nơi tổ hợp thành một điện tử, điện tử mất thịt chúng ta không nhìn thấy được. Chúng ta nhìn thấy các nhà khoa học vẽ bức tranh đó.

Nguyên tử nó như thế nào? Trong đó có một hạt nhân nguyên tử, bên cạnh có mấy nguyên tử xoay chuyển quanh nó, giống như hệ thái dương vậy, chính là tiểu điện tử. Tiểu điện tử đó_phân một điện tử ra là 100 ức tiểu vi tử, một tiểu vi tử đó đầy đủ sắc thọ tướng hành thức. Tiểu vi tử này, quý vị nhìn thấy được là vật chất của nó, nhưng không nhìn thấy thọ tướng hành thức, vì nó không phải sắc pháp nên không nhìn thấy nó, nhưng chắc chắn có. Tiên sĩ Giang Bồn thực nghiệm nước, nước quý vị nhìn thấy là vật chất. Nước biết nghe, biết nhìn, hiểu được ý của người nhưng cái quý vị không nhìn thấy được, nhất định có. Thông qua thực nghiệm, thật sự phát hiện nó có, có đó là gì? Đó là tánh đức.

Trong tự tánh không gọi là thọ tướng hành thức, danh từ Phật giáo gọi là kiến văn giác tri, trong vật chất gọi nó là thọ tướng hành thức. Nó có cảm thọ, chúng ta nói nó là sống, nó không phải chết. Nó có thọ, nó có tướng, cũng chính là nói nó có phân biệt chấp trước. Quý vị xem, quý vị dùng thiện ý đối đãi nó, nó hồi báo là rất đẹp. Quý vị dùng ác ý đối đãi, nó hồi báo là rất xấu xa. Nó có phân biệt,

nó có chấp trước. Phân biệt chấp trước này không có hình dáng nên quý vị không nhìn thấy, nhưng chắc chắn có. Trong vật chất nhất định có tinh thần, trong tinh thần chắc chắn có vật chất, đây gọi là biết hữu và vô.

“Tâm vương diệc nhĩ”, tâm vương là hiện tượng tinh thần, không phải hiện tượng vật chất, nó ở trong nhục thể, thân nội cư đình, diện môn xuất nhập. “Ứng vật tùy tình, tự tại vô ngại, sở tác giai thành”, đây là nói tâm vương, chính là hiện tượng tinh thần_Thọ tướng hành thức, kiến văn giác tri. Nó có thật trong thân thể chúng ta nhưng quý vị không nhìn thấy, không nghe thấy. Năm căn nhãn nhĩ tỷ thiệt thân của chúng ta đều không cách nào phát giác được, nó thật có.

“Danh trung dĩ thí dụ, minh đương nhân các các tự hữu tâm vương”. Chắc chắn là có, nên vật tùy tình cảm mà phát huy diệu dụng, nhưng không thấy được hình tướng của nó. Quý vị xem, thuận theo ý mình thì rất hoan hỷ, không thuận ý mình thì không vui. Nhất định có, ở đâu? Quý vị không tìm thấy. Thế nên khi chúng ta học Vọng Tân Hoàn Nguyên Quán, nghe những báo cáo thực nghiệm này của các nhà khoa học, chúng ta biết trong mỗi trung vi tử đều có, thật không thể nghĩ bàn. Nó thật sự có thể phát huy diệu dụng, quý vị phải giác, phải giác điều gì? Những hiện tượng này toàn là huyền tướng, những huyền tướng này, toàn là tác dụng khi tự tánh mê, khi giác gọi là diệu dụng. Diệu dụng là gì? Diệu dụng là như như bất động, sanh ra trí tuệ, sanh ra đức tướng. Họ sẽ không sanh phiền não, không có thất tình ngũ dục, họ có trí tuệ đức tướng, vô lượng tướng hảo trang nghiêm. Ai đại biểu? Phật Bồ Tát đại biểu. Phát huy diệu dụng mà không thấy hình dáng của nó.

Trong Kinh Niết Bàn nói: Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Người biết có, tức biết có Phật tánh này, người biết hữu là biết có tự tánh. Gọi là Phật tánh là từ trong giác tánh của tự tánh mà nói, vì Phật có nghĩa là giác. Pháp tánh phạm vi rộng hơn Phật tánh, pháp tánh bao hàm tất cả. Phật tánh là một phần trong pháp tánh_Giác_chân hữu! Trong nhục thể của chúng ta có, trong vạn vật có, trong cây cỏ hoa lá có, mỗi hạt vi trần trong sơn hà đại địa đều có. Thế nên chúng ta khẳng định câu nói này, biến pháp giới hư không giới là một thể hữu cơ, nó là sống. Không có trong một vật nào nói là không có pháp tánh, đó là điều không thể. Tất cả mọi hiện tượng đều là pháp tánh biến hiện ra, không có tánh làm sao có tướng?

Hư không là tướng, có hư không chăng? Có. Nếu không có hư không, nó không thể truyền bá tin tức. Trong ba loại chu biến, chu biến pháp giới nói không thông suốt. Có thể truyền bá tin tức thì nó đương nhiên có, sao có thể nói nó không có? Các nhà khoa học nói, vi trung tử có thể xuyên suốt, đó là một sát na.

Có thể xuyên suốt cảnh giới như thế nào? Trong báo cáo nói, một trung vi tử có năng lực xuyên suốt tám gang mười ức cây số_Tám gang mười ức cây số, địa cầu chúng ta không có_Địa cầu đại khái chỉ có, đường kính của nó, điều này tôi không nhớ nữa. Điều này trước đây khi học vật lý có, đại khái không đến một vạn cây số_trục của địa cầu từ nam tới bắc. Tôi nghĩ không đến một vạn cây số, vì chúng ta từ Trung Quốc bay đến Mỹ vừa đúng một vạn cây số, chính là thái bình dương.

Thái bình dương từ Trung Quốc đến Mỹ là một vạn cây số, vậy mà ở đây nói mười ức cây số, bao nhiêu cái địa cầu! Trong một sát na nó liền xuyên suốt, đây là các nhà vật lý học nói với chúng ta, về chân tướng sự thật này. Trong hiện tượng vật chất có tồn tại hiện tượng tinh thần, chính là tướng trong có tánh, có pháp tánh, tánh trong có tướng. Tánh tướng không hai, tánh tướng nhất như, gọi là thông đạt hữu vô.

Chúng ta biết có Phật tánh_Thân thể này của chúng ta có Phật tánh, đương nhiên có thể thành Phật. Chỉ cần buông bỏ những chướng ngại của tâm tánh, những thứ này cũng là vô hình. Kiến tư phiền não là vô hình, trần sa phiền não cũng là vô hình, vô minh phiền não càng là vô hình, khởi tâm động niệm càng vô hình. Chỉ cần buông bỏ tất cả những thứ này, quý vị liền minh tâm kiến tánh, chân tướng rõ ràng.

Trong Tâm Đăng Lục nói, sở dĩ cổ đức đều muốn người biết hữu, nếu không biết hữu luôn là hư vọng. Ở trên giải thích, biết vô và biết có, là nhận thức rõ hữu vô. Quý vị thật sự nhận thức, thật sự thông đạt hữu là gì, vô là gì. “Hữu thức đạt, vị thức tâm đạt bản”, thức đạt cũng có thể nói như vậy. Thấu triệt xưa nay tự tánh vốn thanh tịnh, chính là câu đầu tiên ngài Huệ Năng nói khi kiến tánh. Tự tánh của chúng ta vốn thanh tịnh, hiện nay vẫn thanh tịnh, vĩnh viễn thanh tịnh, nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh, không có nhiễm ô. Điều này tương đương với trực tâm trong Đại Thừa Khởi Tín Luận, giải thích rất hay, giải thích rõ ràng. Trực tâm là tâm bồ đề, chính là chân tâm_Bản thể của tâm bồ đề chính là chân tâm, chân tâm chính là tự tánh thanh tịnh.

“Trực tâm giả, chánh niệm chân như pháp dã”, niệm ở đây không phải là khởi tâm động niệm, niệm có nghĩa là gì? Quý vị xem văn tự của Trung Quốc_Hội ý, kim_tâm, chính là tâm hiện tại của quý vị. Tâm hiện tại của quý vị chính là chân như, không có khởi tâm động niệm, không có phân biệt chấp trước, đây gọi là trực tâm. Có khởi tâm động niệm chính là vọng tâm, không gọi là chân tâm, chân tâm biến thành A lại da, biến thành vọng tâm. Nhưng quý vị nên biết, gốc của

vọng tâm là chân tâm, vọng tâm có nhiễm ô, chân tâm không có nhiễm ô. Thế nên nhiễm ô đó là giả, nhiễm ô không phải thật.

Chân tâm không có ý niệm, quý vị khởi ý niệm đó là giả, không phải thật. Không phải thật, nên tùy ý khởi ý niệm gì cũng không sao, quý vị đã giác ngộ thật sự, nên không sao. Không giác ngộ, nên xem ý niệm đó là thật, như vậy quả thật phiền phức, lập tức biến ra tướng. Ý niệm thiện biến thành phước báo, ý niệm ác biến thành tội báo, nó biến ngay lập tức, đây chính là loại thứ hai trong ba loại chu biến_Xuất sanh vô tận, nó liền hiện tướng. Thiện niệm hiện thiên đường, ác niệm hiện địa ngục. Nếu thật sự biết được ý niệm thiện ác đều là giả, nó không hiện tướng. Thiện niệm không hiện thiên đường, ác niệm không hiện địa ngục, nó không hiện tướng, vì sao? Quý vị biết nó, nếu không biết nó, nó sẽ biến kịch cho quý vị xem.

Khi không nhận thức nó, thiện niệm liền biến thành thiên đường, ác niệm biến thành địa ngục, nhận thức thông đạt rất quan trọng. Bồ tát dùng thức đạt, có thể độ hóa chúng sanh, làm chủng chủng phương tiện thiện xảo để độ hóa chúng sanh, cũng như biến ảo thuật vậy, hoàn toàn thấu triệt. Không hiểu chân tướng sự thật, như vậy thì phải nhận lấy. Nếu tu thiện quý vị được hưởng phước, tạo tội nghiệp thì đi thọ tội, quý vị phải nhận lấy, nhận lấy như vậy thật oan uổng! Thật vậy, thật oan uổng, tất cả đều không có. Toàn bộ đều là giả, không có gì là thật.

“Nhị giả, duyên tu vạn hạnh, tương đương ư cai luận chi thâm tâm, dục tu nhất thiết chư thiện hành cố”. Duyên, thông thường chúng ta gọi là điều kiện, nhân duyên, phải nắm chắc. Tu vạn hạnh, vạn hạnh quy nạp lại chính là sáu ba la mật, tu điều gì? Tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục, thiền định, tinh tấn, bát nhã. Triển khai lục độ là vạn hạnh, hoặc là tu thập thiện cũng như nhau. Thập thiện chính là bố thí, thập thiện chính là trì giới, thập thiện chính là nhẫn nhục, cho đến bát nhã. Nương vào lục độ làm cương lĩnh, lấy thập thiện làm mục tiêu. Trong bố thí có thập thiện, trong trì giới có thập thiện, cho đến trong thiền định, bát nhã đều có thập thiện, tương đương với thâm tâm trong Khởi Tín Luận. Dục chính là thích, tu nhất thiết chư hành, thích tu thiện hạnh, thích giúp tất cả chúng sanh phá mê khai ngộ.

“Tam giả, đại từ bi vi bản, tương đương ư bỉ chi đại bi tâm, dục bạt nhất thiết chúng sanh khổ cố”. Chúng sanh quá khổ, đặc biệt là những gì chúng ta nhìn thấy trước mắt, và những gì gặp được. Thiện Đạo đại sư thường nói, người niệm Phật với thế giới Cực Lạc, tứ độ tam bối cứu phẩm đều do gặp duyên khác nhau. Hôm nay chúng ta gặp được nhân duyên thù thắng, vì sao? Chúng sanh quá khổ, để

phát khởi tâm từ bi. Quý vị gặp nhân duyên này mà tâm không phát ra được, không biết nên bắt đầu từ đâu? Sau khi gặp phải giúp họ, toàn tâm toàn ý giúp họ, phải giúp tất cả chúng sanh. Không nên phân biệt, không nên chấp trước.

Trong Đệ Tử Quy nói, phàm là người đều phải thương yêu. Phật pháp đại thừa tâm lượng rộng lớn, phải yêu thương tất cả chúng sanh. Phải hiểu ý nghĩa vốn có của chúng sanh, chúng duyên hòa hợp mà sanh khởi hiện tượng, gọi là chúng sanh. Tất cả pháp trong thế gian này, pháp nào không phải là chúng duyên hòa hợp? Tất cả đều là chúng duyên hòa hợp. Cây cỏ hoa lá là chúng duyên hòa hợp, sơn hà đại địa là chúng duyên hòa hợp, biến pháp giới hư không giới tất cả đều là chúng duyên hòa hợp. Đây chính là lòng thương yêu biến pháp giới, thiện ý biến pháp giới, đây là tâm gì? Tâm bồ đề viên mãn, chúng ta có thể không thể giúp đỡ ư? Làm một cách hoan hỷ. Gặp nhân duyên này nên làm, không gặp không nên đi tìm, tìm chính là phan duyên.

Gặp như thế nào? Gặp là tùy duyên, tùy duyên và phan duyên ý nghĩa khác nhau. Chúng ta đi tìm cơ duyên này gọi là phan duyên, không tìm, duyên tự đến, tự nhiên mà đến, đây là tùy duyên. Tùy duyên phải bất biến, đây chính là diệu dụng, tùy duyên tùy biến là không diệu dụng, biến là gì? Trong quý vị có tự tư tự lợi cá nhân, có danh văn lợi dưỡng xen tạp vào trong đó, như vậy là sai. Như vậy không phải đang tu Bồ Tát đạo, đó là gì? Đó là tạo nghiệp. Nhưng nếu tạo nghiệp thiện, quả báo của thiện nghiệp là ở trong phước báo nhân thiên. Nếu trong tùy duyên không có vọng tưởng phân biệt chấp trước, đó gọi là công đức. Công đức này hồi hướng bồ đề, hồi hướng thực tế, hồi hướng chúng sanh, thành vô thượng đạo! Thế nên mỗi niệm không quên sự đau khổ của chúng sanh.

Là lấy ba loại phát tâm này, ba loại phát tâm này chính là tam tâm trong Khởi Tín Luận. Ba tâm này có thể tương ưng với đại bồ đề, nên biết phát tâm như vậy tức là phát tâm đại bồ đề. Phát tâm bồ đề không giống với thiện tâm mà thông thường người thế gian nói, thông thường người thế gian nói hành thiện tích đức, họ không phải là tâm bồ đề, vì sao? Họ cầu phước báo. Họ là có sở cầu, Phật pháp cũng là có sở cầu. Phật pháp cầu mà vô cầu, cầu vô sở cầu, cần phải hiểu ý nghĩa này. Khi sở cầu của Phật pháp là thật, mỗi niệm tôi muốn cầu vô thượng bồ đề, có thể cầu được chăng? Cầu không được, vì sao? Mỗi niệm muốn cầu vô thượng bồ đề, ý niệm này là vọng niệm, vọng niệm làm sao có thể cầu được chân? Chân và vọng không tương ưng, chân và chân tương ưng, cầu mà vô cầu tương ưng. Tôi cần cầu như thế chăng? Cần, vì sao cần? Làm gương cho người khác noi

theo, quý vị xem cầu bồ đề rất tốt, tự mình có cầu chăng? Tự mình không có. Đây chính là biểu diễn, diễn cho người khác thấy, tiếp dẫn sơ cơ.

Phải dùng phương pháp này đưa họ vào cửa, đưa họ vào cửa rồi nói với họ là không có. Không có, không thể lập tức không có, lập tức không có họ sẽ thoái tâm, phải đến đâu? Họ thật sự giác ngộ thì ra là như vậy, bồ đề là gì? Bồ đề là quý vị vốn có, quý vị cầu ở đâu? Vốn có mà cầu chẳng phải là dư thừa ư, làm gì có đạo lý này! Đức Thế Tôn ngày ngày giảng kinh thuyết pháp cho chúng sanh, ngài có nói chăng? Không có nói, nói mà không nói, không nói mà nói, đây mới gọi là diệu, tuyệt diệu là đây.

Hay nói cách khác, tu bất cứ pháp môn nào đều phải giữ thanh tịnh bình đẳng giác, đó gọi là diệu dụng. Quý vị học điều này, tôi có cầu_Tôi cầu Phật A Di Đà, tôi cầu thế giới Cực Lạc, như vậy tâm quý vị không thanh tịnh. Cầu tâm địa thanh tịnh nhưng không nhiếp chút trần, tuyệt diệu, như vậy mới cao. Trên hình thức tôi phải làm như vậy, làm như vậy chính là tự lợi lợi tha, khiến nội tâm tôi thành kính, từ trên hình tướng của tôi biểu đạt ra, khiến người khác đều nhìn thấy nên tu thành kính như thế nào. Suốt đời của Đức Thế Tôn, không phải đều là biểu diễn cho chúng ta thấy ư? Từ khi ra đời đến tám tướng thành đạo đều là tượng trưng cho chúng ta. Quý vị nói pháp đó ngài có hay không? Không thể nói ngài có, cũng không thể nói không. Quý vị nói ngài không có nhưng ngài có thật. Quý vị nói ngài có, tâm địa ngài thanh tịnh không nhiếp chút trần, căn bản không có khởi tâm động niệm, ngài có ở đâu?

Ngài lại không cần danh, lại không cần lợi. Ngài lại vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ giả, vậy có ở đâu? Đây chính là nhận thức hữu vô, đem nhận thức về hữu và vô này biểu hiện trong cuộc sống hằng ngày, biểu hiện trong việc xử sự tiếp nhân đãi vật, diệu! Người thật sự hiểu, nhìn thấy chiêu này mới tuyệt diệu, không phải phàm phu có thể tưởng tượng được, gọi là cảnh giới không thể nghĩ bàn, chính ngay trong cuộc sống hằng ngày. Người thông thường không nhận ra được, người thấu triệt nhận ra, tuyệt diệu.

Chúng ta xem tiếp đoạn thứ hai. “Thứ giả dẫn Tịnh Độ Luận”, Tịnh Độ Luận chính là Vãng Sanh Luận. “Vị bồ đề tâm, tức nguyện thành Phật độ sanh”, tâm nguyện thành Phật độ chúng sanh, chính là tâm bồ đề. “Nhiếp thủ chúng sanh vãng sanh Tịnh độ chi tâm”, cũng chính là mỗi niệm hy vọng giúp tất cả chúng sanh nhận thức Tịnh độ, tin vào Tịnh độ. Nguyện vãng sanh Tịnh độ, đây là việc tốt! Tâm này hoàn toàn tương ứng với tất cả Chư Phật Như Lai, tâm của tất cả Chư Phật Như Lai đều là mỗi niệm nghĩ đến làm sao giúp đỡ họ và giáo hóa

những chúng sanh này, nhận thức Tịnh độ, cầu sanh thế giới Cực Lạc. Sanh đến thế giới Cực Lạc họ liền thành Phật, đồng nghĩa với nói: Cha mẹ đối với con cái luôn hy vọng tìm ngôi trường tốt cho chúng, để chúng đi học, ở trong ngôi trường này nhất định thành danh, sẽ lấy được học vị tiến sĩ. Ngôi trường nào có bảo đảm này?

Quốc độ của chư Phật trong mười phương đều đang mở trường, chỉ có trường của Phật A Di Đà có lớp bảo đảm này. Thế nên mười phương Như Lai đều bằng lòng, đem học sinh thật sự năng tin, năng nguyện, thật sự muốn vãng sanh của họ, tất cả đều đưa đến đây học, điều này chúng ta cần phải hiểu. Chư Phật Như Lai trong mười phương, dị khẩu đồng âm tán thán Phật A Di Đà là quang trung cực tôn, Phật trung chi vương. Mười phương Như Lai giống như cha mẹ, Phật A Di Đà là thầy giáo giỏi. Đức Phật Thích Ca của chúng ta giống như cha mẹ vậy, bảo đảm đưa chúng ta đến thế giới tây phương cực Lạc, vì chúng ta mà giảng Kinh Vô Lượng Thọ. Giảng Kinh Vô Lượng Thọ, chính là nói về thế giới Cực Lạc, nói rõ ràng minh bạch. Mọi người nghe rồi đều tin nhận, muốn sanh về đó, nghe nhiều vài biến thật sự muốn đi, như vậy là đã thành công. Thật sự muốn đi, quý vị nhất định đi được. Ở đây nói với quý vị mấy nguyên tắc cần phát tâm.

Tâm này mới nhìn thì giống như dễ phát khởi hơn tâm trước, nhưng thật ra không như vậy. Thực tế mà nói thì cũng không dễ phát khởi, tâm này là gì? Nguyện thành Phật độ chúng sanh, so với ba loại tâm ở trước như tâm chân thành, thâm tâm, hồi hướng phát nguyện tâm_Xem ra hình như dễ hơn ba tâm ở trước, nguyện thành Phật độ chúng sanh, phải nguyện thật, giả không được. Vì sao nói thực tế không như vậy? Bên dưới nói rất rõ ràng.

Pháp môn vãng sanh Tịnh độ thật là pháp khó tin, đây là thật không hề hy vọng. Tín tâm chưa sanh làm sao có thể phát? Tôi có cảm xúc rất sâu sắc đối với câu này, vì sao? Tôi là người đi trên con đường này. Tôi học Phật, nếu dùng pháp môn Tịnh độ để tiếp dẫn tôi, thì đời này không có hy vọng gì, vì sao? Không tin. Phương pháp của Phật rất nhiều, thiện xảo, xảo diệu. Tôi thích nghiên cứu kinh Phật, thích Phật nói những đạo lý này, nên rất thích kinh luận đại thừa, nhưng kêu tôi ngồi đó thật thà niệm Phật thì không niệm được. Căn tánh mỗi người không giống nhau, nên thật sự tiếp dẫn tôi nhập môn là Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm. Những kinh luận này dẫn tôi nhập môn, tôi rất thích, rất hứng thú với kinh điển này.

Trở về Tịnh độ như thế nào? Đến sau cùng nhìn thấy những kinh luận này, tất cả đều đạo quy Cực Lạc_Nhị thập ngũ viên thông trong Kinh Lăng Nghiêm. Điều

này tôi phát hiện, vì trước đây rất ít người giảng. Đa phần khi người ta giảng nhị thập ngũ viên thông, Quán Thế Âm Bồ Tát Viên Thông Chương thứ nhất. Quán Thế Âm nhĩ căn viên thông, phản văn văn tự tánh, tánh thành vô thượng đạo, điều này Thiền tông đã dẫn dụng. Tịnh độ tông không ai nhìn ra, tôi bị một vị hòa thượng Nhật Bản hỏi nên phát hiện ra, nếu ông ta không hỏi, tôi cũng không nghĩ đến. Vì lúc đó tôi học Kinh Lăng Nghiêm với thầy Lý, tôi học Kinh Lăng Nghiêm là phúc giảng. Một tuần giảng một lần, thầy giảng thứ tư, tôi giảng thứ năm, chính là tôi phúc giảng. Ngày thứ ba tôi nghe, ngày thứ năm giảng, theo cách giảng của thầy giảng lại một lần. Thính chúng của tôi có sáu người, bảy người chúng tôi một tiểu ban. Mỗi tuần đều phúc giảng, một người giảng sáu người nghe. Tôi chuyên giảng bộ Kinh Lăng Nghiêm này từ đầu đến cuối nên thầy giảng một biến, tôi cũng giảng một biến.

Có một lần, có mấy học sinh của đại học Đài Loan, dẫn mấy người giáo thọ khách tọa người Nhật cũng là học Phật_Hộ đến phỏng vấn tôi, hỏi tôi học bộ kinh nào? Học Lăng Nghiêm. Ông tu pháp môn gì? Tôi tu Tịnh độ, niệm Phật. Họ rất ngạc nhiên vì mọi người đều biết, Kinh Lăng Nghiêm có quan hệ với Mật tông và Thiền tông. Cho rằng đây là kinh luận quan trọng của Thiền tông và Mật tông, không liên quan đến Tịnh độ, nên họ rất ngạc nhiên.

Kinh Lăng Nghiêm và Tịnh độ có quan hệ gì? Họ hỏi như vậy, khiến tôi có linh cảm. Trong nhị thập ngũ viên thông, không phải một pháp môn đặc biệt, mà là hai pháp môn đặc biệt. Pháp môn của Quán Âm Bồ Tát quá rõ ràng, người ta vừa xem đã hiểu. Đại Thế Chí Viên Thông Chương là pháp môn đặc biệt, nhưng không hiển lộ, đó là gì? Vị thứ sắp xếp. Quán Thế Âm Bồ Tát, chiếu theo lý sắp xếp theo thuận tự thì ngài ở vị trí thứ hai. Ngài là lục căn, nhĩ nhĩ tử thiết thân, ngài là nhĩ căn, đáng lẽ sắp vào vị trí thứ hai. Sau lục căn là lục trần, sau lục trần là lục thức. Đây là thứ tự mười tám cái, Bồ Tát Quán Âm xếp hàng thứ hai, ở sau là thất đại: địa thủy hỏa phong không kiến thức là thất đại nên tổng cộng là 25 vị thứ. Quán Âm Bồ Tát từ vị thứ thứ hai, bây giờ lại để ở sau cùng, điều này vừa nhìn là hiểu rõ. Ngài ở hàng thứ hai, sao lại xếp ngài đến cuối cùng? Quá rõ ràng! Bồ Tát Đại Thế Chí cũng rất đặc biệt, không xếp theo thứ tự. Vốn Bồ Tát Đại Thế Chí xếp thứ 23, Bồ Tát Di Lặc 24, hai vị này đã hoán đổi một chút, chính là đổi cách một bức tường, điều này rất nhiều người không nhìn thấy. Đại Thế Chí 24, ngài vốn là 23 nhưng lại xếp ở 24. Bồ Tát Quán Âm vốn là thứ hai nhưng lại xếp ngài ở vị trí 25. Như tiết mục hát sau cùng vậy, là tiết mục chất lượng nhất,

tốt nhất, hay nhất, gọi là áp trực hí. Sau cùng áp trực là Đại Thế Chí, Quan Thế Âm.

Tôi đột nhiên nghĩ đến điều này để đối phó với người Nhật. Tôi nói sao không quan hệ? Đại Thế Chí niệm Phật viên thông chương là pháp môn đặc biệt, nó không bình thường, không sắp xếp theo thứ tự, tôi càng nói họ càng ngỡ ngác. Tôi nói quý vị chỉ nhìn thấy Bồ Tát Quan Âm vì quá rõ ràng, thay đổi vị trí quý vị liền không nhìn thấy, có hai pháp môn đặc biệt. Vì sao có hai pháp môn đặc biệt? Vì sao Bồ Tát Đại Thế Chí không để ở sau cùng? Pháp môn của Đại Thế Chí, pháp môn niệm Phật này phổ biến pháp giới, biến pháp giới hư không giới đều là đệ nhất. Còn pháp môn của Bồ Tát Quan Thế Âm, chúng sanh trên địa cầu này là đệ nhất. Là diện tích nhỏ, trong diện tích nhỏ của chúng ta, Bồ Tát Quán Thế Âm là đệ nhất. Nói trên diện tích lớn, Bồ Tát Đại Thế Chí là đệ nhất, như vậy họ mới hiểu.

Thì ra Kinh Lăng Nghiêm và pháp môn niệm Phật, quan hệ mật thiết như vậy, tôi nói đúng vậy, không sai chút nào. Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, đặc biệt là Kinh Hoa Nghiêm, sau cùng Bồ Tát Phổ Hiền thập đại nguyện vương đạo quy Cực Lạc. Tôi tin Tịnh độ từ chỗ này, người nào khuyên cũng không được, thầy Lý khuyên tôi rất nhiều lần. Tôi không phản đối Tịnh độ, tôi tôn trọng Tịnh độ nhưng tôi không chịu học Tịnh độ. Tôi vẫn thích Hoa Nghiêm, thích Lăng Nghiêm, những kinh này phân lượng đều rất lớn, phân lượng lớn hơn Kinh Vô Lượng Thọ nhiều, trong đó thú vị vô cùng.

Kinh Lăng Nghiêm thuần túy giảng về trí tuệ, Hoa Nghiêm là tổng cương lĩnh của tất cả kinh điển, mà Đức Thế Tôn giảng trong suốt 49 năm. Thế nên ông Phương Đông Mỹ giới thiệu Kinh Hoa Nghiêm cho tôi, đây là triết học khái luận trong kinh Phật. Ông đã giới thiệu cho tôi như vậy_Phật kinh triết học khái luận, thật sự là pháp khó tin. Tôi từ Lăng Nghiêm, Hoa Nghiêm, Pháp Hoa đạo quy Cực Lạc, các bộ kinh này dẫn dắt. Không có những bộ kinh luận này dẫn dắt, tín tâm của tôi không sanh khởi được, thật sự gọi là khó tin nhưng khi tôi tin, so với lòng tin của những người khác, không biết mạnh hơn gấp mấy lần. Vì tôi hiểu, nhiều người không hiểu, tôi hiểu nó thấu triệt rất rạo tôi mới tin.

Kinh Vô Lượng Thọ, bản này tôi đã giảng mười lần, lần này là lần thứ 11. Tôi đặc biệt chọn chú giải của Hoàng Niệm Tổ, cũng là cảm niệm lúc tuổi già chúng tôi mới gặp nhau, mới trở thành tri kỷ. Lúc đó hoàng dương bản này chỉ có hai chúng tôi, ông ta hoàng dương trong nước, tôi hoàng dương ở nước ngoài. Trong nước chỉ một mình ông, nước ngoài cũng chỉ có mình tôi. Hai chúng tôi có duyên

gặp nhau, thật không thể nghĩ bàn, nhân duyên này có liên quan đến thầy Lý. Trước đây thầy Lý có nhắc đến tên Hoàng Niệm Tổ, có nhắc đến, tôi có nghe và có ấn tượng, ấn tượng không sâu chỉ mơ hồ. Tôi tưởng rằng thầy nhắc đến, nhất định là tuổi tác khoảng như thầy, không ngờ Hoàn Niệm Tổ nhỏ hơn thầy rất nhiều, lớn hơn tôi một chút, lớn hơn không bao nhiêu.

Thầy Lý lớn hơn tôi 39 tuổi, Hoàng Niệm Tổ lớn hơn tôi khoảng mười mấy tuổi, tôi tưởng rằng ông đã là cổ nhân, đã không còn. Không ngờ ở Mỹ nghe được có một người như vậy, là đồng tu của Tịnh độ chúng ta. Họ mời một vị thượng sư của Mật Tông của Trung quốc_Thầy của tôi Chương Gia đại sư là thượng sư của Mật tông. Tôi nói quý vị cũng mời một vị thượng sư Mật tông, hiện nay chúng ta đang niệm Phật, không cần thiết. Tôi liền hỏi mấy câu, thượng sư là ai? Họ nói Hoàng Niệm Tổ, tên này rất quen thuộc, có ấn tượng. Nghĩ thật lâu tôi cũng nhớ lại, tôi liền hỏi họ, phải chăng là cháu ngoại của Mai Quang Hy? Họ nói phải. Tôi nói, như vậy thì mời ông ta đến.

Mai Quang Hy là thầy của cư sĩ Lý Bình Nam, chúng tôi xưng là Tổ sư, thầy và chúng tôi là người một nhà, nên chúng tôi rất muốn gặp mặt. Tôi biết ông ta là cháu ngoại của Mai Quang Hy, là học trò của Hạ Liên Cư, như vậy có quan hệ rất lớn với Kinh Vô Lượng Thọ này, nhất định ông học bộ kinh này. Thế nên tôi nói với ông, có thể mời ông đến Mỹ, mời đến, quả nhiên là ông ta, không sai. Do nhân duyên như vậy mà chúng tôi gặp nhau, khi gặp thật gọi là vừa gặp như đã quen từ lâu. Khi gặp là gọi điện thoại, ông ta đem bộ chú giải in dầu này, chữ không mười phần rõ ràng nhưng có thể xem được. Đem đến Mỹ bộ này và tặng cho tôi, chúng tôi đem về Đài Loan in một vạn bộ. Ông cũng trở về Đài Loan liền sau đó, ông chỉ lưu lại ở mỹ một tháng, Visa chỉ có một tháng. Tôi đến Bắc Kinh thăm ông, quả thật rất hoan hỷ! Tôi muốn đi thăm ông, không ngờ ông đến thăm tôi trước, ông biết tôi đến Bắc Kinh đang ở khách sạn, nên đến khách sạn thăm tôi.

Điều này trên mặt lễ tiết thì không tầm thường, người xưa nói khách chào chủ nhân, chủ nhân chào lại. Chúng tôi đến Bắc Kinh làm khách, chủ nhân đến thăm tôi trước, sau đó mời tôi đến nhà ông ăn cơm. Tấm ảnh đó hiện nay treo ở trên tường, trong phòng nhiếp ảnh, quý vị sẽ nhìn thấy. Đó chính là lần gặp mặt đầu tiên, ở Bắc Kinh, với tất cả người nhà ông, còn có Hạ Pháp Thánh là cháu của Hạ Liên Cư, một nhà đại đoàn viên.

Biết được ông viết bộ kinh này rất gian nan vất vả, chúng tôi đại biểu chúng sanh 9000 năm trong thời mạt pháp, tương lai đều nhờ bộ kinh này mà được lợi ích. Đặc biệt đem bộ chú giải này giảng một lần, chúng ta cùng nhau chia sẻ,

cũng là báo đáp ân tri ngộ với cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Khó tin nhưng có thể tin, điều này rất đáng quý, nếu tín tâm không sanh, tâm bồ đề không phát khởi được, cũng đích thực không dễ.

Như trong Kinh A Di Đà Kinh nói, mười phương Chư Phật xưng tán Đức Thế Tôn là đời ngũ trược, là ngũ trược ác thế. Vì tất cả chúng sanh mà nói tất cả pháp khó tin trong thế gian. Đây là Chư Phật Như Lai tán thán Đức Phật Thích Ca, Đức Thế Tôn có thể ở trong thời đại này, tuyên nói pháp môn Tịnh độ cho tất cả đại chúng. Ba bộ kinh như Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, Kinh A Di Đà. Kinh A Di Đà không hỏi tự nói, kinh này là ngài A Nan khởi thỉnh. Kinh Quán Vô Lượng Thọ là nhân duyên của bà Vi Đề Hy, quả thật không đơn giản!

Trong tiểu bản Kinh Di Đà Đức Phật nói, mười phương chư Phật tán thán Đức Bổn Sư Thích Ca, trong đời ngũ trược ác thế. Là nói Đức Thế Tôn sinh ra trong thời đại này, nên Đức Thế Tôn vì chúng ta thị hiện nhiều loại khổ hạnh, làm cho người đời sau chúng ta noi theo. Phải chịu khổ, vì sao? Chúng sanh nghiệp chướng quá nặng, chịu khổ là sao? Chịu khổ thay chúng sanh, ý nghĩa này quá sâu sắc, mấy người biết? Đức Thế Tôn chịu khổ là vì chúng sanh trên địa cầu, chúng sanh tạo nghiệp cực ác, tiêu tội nghiệp thay cho những chúng sanh tạo nghiệp chướng này. Không biết ân thì không có tâm báo ân, quý vị thật sự biết thì tâm báo ân, tâm cảm ân liền sanh khởi. Làm sao để báo ân, cảm ân? Y giáo phụng hành. Không những chính mình phải làm mà còn phải đem pháp lớn này truyền mãi về sau, hoằng dương từ đời này qua đời khác, đây mới thật sự báo ân.

Thế nên bộ kinh này, cư sĩ Hạ Liên Cư chỉnh lý lại, đó là hạng người nào? Không phải người phổ thông. Chúng ta xem ở trước, cư sĩ Vương Long Thư chỉnh lý lần đầu, vào thời nhà Tống. Cư sĩ Vương Long Thư đứng vậy vãng sanh, Vương Long Thư là đồng hương của tôi, ông người Thư Thành, cách Lư Giang khoảng 50 dặm, tức là khoảng hai mươi mấy cây số. Ông Phương Đông Mỹ là người Đồng Thành, ba thành nhỏ của chúng tôi là một hình tam giác, cách khoảng 50 dặm, là cao đức của Tịnh tông!

Bản hội tập của cư sĩ Long Thư gọi là Đại A Di Đà Kinh, được thu thập trong Long Tạng. Trong Càn Long đại tạng kinh có, giữ trong Long Tạng. Bản hội tập của Hạ Liên Cư, sau khi hội tập xong thời gian là ba năm, thời gian mười năm dùng để chỉnh sửa hiệu đính. Chỉnh sửa mười lần, được xưng là bản viên mãn nhất, tâm huyết một đời đều trong bộ sách này. Đích thực đã làm thành công việc đại sự độ hóa chúng sanh trong thời mạt thế của Đức Thế Tôn, thật sự là vô lượng

vô biên công đức. Vì muốn độ chúng sanh 9000 năm trong thời mạt pháp, chỉ có bộ kinh này, các kinh luận khác không làm được, quý vị nói, bộ kinh này khó được biết bao, quá hy hữu!

Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ cũng không phải người phổ thông, sao có thể làm ra bộ chú giải hay như thế? Trích dẫn kinh điển lại có thể sưu tập hơn 190 loại, chúng ta đều không tưởng tượng được. Tôi đến nhà ông thăm, những sách tham khảo này đều sắp gần cây cột bên cạnh, ông cũng không có giá sách, để rất lộn xộn, làm sao tìm được? Cảm ứng. Oai thần của Phật Bồ Tát, liền có người đưa cho ông, thật là tâm tưởng sự thành, nghĩ đến cô nhân có sách gì nó liền đến. Không phải chư Phật Bồ Tát gia trì, chú giải này không viết được. không phải long thiên thiên thân gia hộ, đến đâu để tìm những tài liệu tham khảo này?

Chúng ta muốn báo ân Phật, báo ân tổ tông, báo ân quốc gia, báo ân dân tộc, báo ân tất cả chúng sanh thì phải nỗ lực học tập, y giáo phụng hành còn phải đem nó phát dương quang đại. Thế nên lần này Nhật Bản mời tôi đến giảng kinh, tôi đã nhận lời mời, tháng sáu đi giảng. Vẫn là giảng bộ kinh này, một ngày bốn tiếng. Tôi hy vọng ở Nhật giảng 100 tiếng, giảng xong tôi trở lại. Bộ kinh này chia 100 tiếng đồng hồ công đức cho Nhật Bản.

Bây giờ thời gian đã hết, hôm nay chúng ta chỉ học đến đây.

Tập 398

Chuyên ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Nguyễn Tâm

Thời gian: 06.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải trang 496, hàng thứ hai từ dưới lên. Đây là một đoạn, chúng ta đọc từ đây.

Tiếp theo là trích dẫn Tịnh Độ Luận, Tịnh Độ Luận chính là Vãng Sanh Luận. Tâm bồ đề, tức là tâm nguyện thành Phật độ sanh, nhiếp thọ chúng sanh vãng sanh Tịnh độ. Tâm này mới nhìn thì hình như là dễ phát khởi hơn tâm ở trước, nhưng thực ra không như vậy, pháp môn vãng sanh Tịnh độ, thật sự là pháp khó tin. Tín tâm chưa sanh, làm sao có thể phát tâm? Hôm qua chúng ta học đến đây,

đây là một đoạn, mà còn vô cùng quan trọng. Tu Tịnh độ là hy vọng duy nhất trong đời này, chính là vãng sanh thế giới Cực Lạc. Nếu không hiểu rõ đạo lý và phương pháp vãng sanh, đời này không tránh khỏi sống uổng phí. Như cơ duyên này, chúng ta có lý do tin rằng, đã từng gặp qua trong vô lượng kiếp quá khứ, đã từng gặp nhưng như thế nào? Quá sơ ý nên đã lơ là, bỏ qua cơ hội này.

Trải qua vô lượng kiếp đến nay gặp lại, nếu như đời này bỏ qua, lại phải trải qua vô lượng kiếp, vô lượng kiếp chịu khổ trong luân hồi sanh tử, nói không bao giờ hết! Nếu chúng ta thấu hiểu chân tướng sự thật, không muốn tiếp tục chịu khổ báo trong luân hồi, chúng ta hạ quyết tâm ngay trong đời này, hy vọng thành tựu, không muốn đợi thêm nữa. Mấy câu này vô cùng quan trọng, nhất định phải phát nguyện thành Phật độ chúng sanh, phải phát tâm này. Tôi chắc chắn phải thành Phật, tôi nhất định phải giúp chúng sanh thoát đau khổ, đây chính là nói độ chúng sanh.

Nếu chúng ta phát nguyện độ sanh, quan trọng nhất là đem pháp môn Tịnh độ, giới thiệu cho những chúng sanh có nhân duyên, thì trong một đời họ có thể thành tựu. Nhân sinh đau khổ nhưng rất ngắn ngủi, mấy mươi năm thời gian trôi qua như một cái gảy móng tay, chỉ có đến lúc về già mới có cảnh giác sâu sắc. Tôi đã sống 85 năm, hồi ức chuyện ngày xưa giống như ngày hôm qua vậy, thật là một gảy móng tay thì hơn 80 năm trôi qua, con người còn có 80 năm ư? Không thể. Thấu hiểu những sự thật chân tướng này, quý vị sẽ thật sự nắm bắt thời gian, dũng mãnh tinh tấn. Cơ duyên thù thắng này không thể lại để mất đi.

Trong đoạn kinh văn này, nói đến phát nguyện thành Phật độ sanh, như ở trước Tịnh Độ Luận nói: ba loại tâm bồ đề đến rất dễ. Ở trước nói: trực tâm, thâm tâm, đại bi tâm. Ở đây chỉ nói: Tôi nguyện thành Phật, tôi nguyện độ chúng sanh. Thật ra nguyện thành Phật độ sanh chính là tâm vô thượng bồ đề, điều này không phải giả. Nên ông nói trên thực tế không như vậy. Vì sao? Tịnh độ vãng sanh, thực tế là pháp khó tin. Khó tin, tức là chưa có thể thật sự tin, vậy làm sao có thể phát tâm? Điều này chứng minh, phát tâm không phải là việc dễ, nhưng chúng ta nhìn thấy rất nhiều ông bà cụ ở nông thôn, vừa khuyên họ niệm Phật họ liền tin ngay. Nói thế giới tây phương tốt, họ thật sự muốn đi, liền phát tâm đi, khi vãng sanh đoạn tướng hy hữu. Phật Di Đà đến tiếp dẫn, họ thật đã vãng sanh! Như vậy là sao?

Chúng ta phải hiểu, đây không phải ngẫu nhiên. Không phải mỗi ông bà cụ ở nông thôn đều có thể vãng sanh, cũng là trong ngàn vạn người được một người. Đây là trong quá khứ từng tu học pháp môn này, công phu đều không tệ, khi lâm

mạng chung chỉ sai một niệm không được vãng sanh. Một niệm sai lệch này chính là tình chấp khó đoạn, không nỡ từ bỏ gia thân quyền thuộc. Chỉ cần có niệm này khởi lên, Phật A Di Đà đã ra đi, không tiếp dẫn quý vị, người tu Tịnh độ phải chú ý đến điều này, lúc nào buông bỏ? Bình thường rất lãnh đạm, khi lâm chung không sợ hãi. Bình thường tình chấp rất nặng, khi lâm chung không bảo đảm, có yêu thương người nhà chẳng? Rất yêu, vãng sanh đến thế giới Cực Lạc là thật sự yêu thương. Tam thời buông bỏ thân tình, đến thế giới Cực Lạc, gia thân quyền thuộc của quý vị, bất luận luân lạc trong đường nào, quý vị đều thấy rất rõ ràng. Khi nào họ được độ, nhân duyên thành thực thì quý vị đến giúp họ. Được độ nhân duyên thành thực, chân tín, chân nguyện và thật sự buông bỏ, chính là ba điều kiện này. Thiếu một trong ba điều kiện này đều không được, nên nhớ sau cùng là thật sự buông bỏ.

Như trong Kinh A Di Đà nói, mười phương Chư Phật xưng tán Đức Thế Tôn, ở trong đời ngũ trược ác thế. Ngài đã vì chúng sanh nói pháp mà tất cả thế gian khó tin theo. Quả thật khó tin, khó tin có thể tin mới đáng quý, như vậy mới có thể thành công. Nhất định phải biết, như ở trước Thiện Đạo đại sư dạy chúng ta, biết được ta bà là khổ, quý vị thật sự nhận thức rõ ràng. Ở đây ta bà là tiếng phạn, dịch thành tiếng Trung Quốc có nghĩa là kham nhẫn, chính là thế gian này quá khổ, nhưng quý vị thật sự có thể nhẫn thọ, chính là ý này. Người thông thường không thể nhẫn thọ, quý vị thật sự có thể nhẫn thọ, gọi là kham nhẫn.

Cực Lạc là niềm vui chân thật, không những không có bất cứ điều khổ nào, đến tiếng khổ cũng không nghe đến, quý vị mới biết thế giới Cực Lạc thanh tịnh biết bao, thanh tịnh trang nghiêm. Phật đối với tán thán của Thế Tôn là vô cùng thù thắng hy hữu, vì duy có pháp môn này mới có thể độ thoát. Như hiện nay, xã hội ngũ trược ác thế này, con người đều tạo ngũ nghịch thập ác, gặp nhân duyên này đều có thể vãng sanh, điều này thật không thể nghĩ bàn.

Phẩm Độc Lưu Thủ Kinh của kinh này, trong này có bốn câu kinh văn. Nếu như nghe được kinh này, chính là Kinh Vô Lượng Thọ. Nếu quý vị có thể nghe được bộ kinh này, “tín nhạo thọ trì” nghe rồi liền có thể tin nhận, liền có thể thọ trì, liền có thể hoan hỷ_Nhạo là hoan hỷ, quý vị liền có thể thọ trì. Thọ trì là gì? Quý vị có thể hành trì, y giáo phụng trì.

“Nan trung chi nan, vô quá thử nan”, ngày nay chúng ta đã gặp được, chúng ta tin, chúng ta hoan hỷ, chúng ta y giáo phụng hành, thật không dễ! Họ nói khó trong các điều khó, trước đây chưa có khó như vậy, nhưng chúng ta nghĩ hình như không khó, chúng ta rất dễ tiếp nhận. Thật ra không như vậy, quý vị xem

ngày nay trên thế giới, gần 70 ức nhân khẩu, mấy người gặp được Phật pháp? Người gặp được Phật pháp, mấy người gặp được đại thừa? Người gặp được đại thừa, mấy người gặp được Tịnh độ? Người gặp được Tịnh độ, có mấy người thật sự tin? Đào thải từng lớp từng lớp, đào thải đến sau cùng thật không còn được mấy người, như vậy mới biết: “nan trung chi nan, vô quá thử nan”, là thật không phải giả. Chúng ta là cái đầu tiên trong những điều khó, vì sao chúng ta có thể trở thành một trong các điều khó đó? Đó là trong quá khứ chúng ta với Phật A Di Đà và thế giới Cực Lạc kết nhân duyên rất sâu, đời này gặp được, vừa gặp như quen đã lâu, vô cùng hoan hỷ. Trong quá khứ nhân duyên không thâm sâu như vậy không được, đây là chúng ta nhìn thấy.

Trong các bạn đồng học, mấy người tin thật, mấy người thực hành? Quý vị nói họ không tin, họ rất tin tưởng. Quý vị nói họ không tin, họ đối với thế gian này còn lưu luyến, nhất định họ không buông bỏ được, đây chính là khó trong các điều khó. Từ những điều này chúng ta có thể lãnh hội được, thiện căn chúng ta thâm hậu hơn họ, thiện căn đời trước họ không bằng chúng ta, mới có hiện tượng này.

Chúng tôi, có thể tin Tịnh độ, thật sự là điều khó trong tất cả điều khó của thế gian, là thật không giả chút nào. Nhất thiết thế gian là nói mười pháp giới, nói rộng ra chính là mười phương pháp giới, mười pháp giới trong vô lượng vô biên quốc độ của chư Phật. Đối với pháp khó tin này mà có thể tin, tức là bậc đại trí tuệ, đây là trí tuệ chân thật, không phải là tri thức. Phần tử tri thức không nhất định tin, người thật sự có trí tuệ nhất định tin, người có trí tuệ đời này nhất định được độ. Thế xuất thế gian duy chỉ có điều này, thật sự là đại sự nhân duyên, ngoài ra đều là việc nhỏ. Đạo lý này không thể không biết.

“Thuận thử tín tâm, phát thành Phật độ sanh đồng đẳng Tịnh độ chi nguyện, tức thị phát bồ đề tâm dã”. Thuận lòng tin này, từ trong lòng tin này khởi nguyện, từ trong nguyện này khởi hành, đây gọi là thuận thử tín tâm. Phát ra nguyện trong đời này phải thành Phật, phải phổ độ tất cả chúng sanh khổ nạn, đồng sanh Tịnh độ, đây chính là tâm vô thượng bồ đề. Nhưng có thể chân thật tín thọ, tự nhiên có thể phát tâm như trên, lại vì phương tiện thù thắng của Tịnh độ. Tâm bồ đề trong khi tu học đại thừa, quả thật không dễ phát. Tu học các pháp môn khác, trong kinh nói rất rõ ràng, như trong Khởi Tín Luận nói: “Trực tâm, thâm tâm, đại bi tâm”, thật không dễ phát! Tâm này vừa phát liền siêu việt mười pháp giới, chính là pháp thân đại sĩ, tâm này vừa phát liền thành Phật, tâm bồ đề là tâm Phật. Đại

sư Huệ Năng lục tổ của Thiên tông, trong phòng phương trượng của tổ Hoàng Nhẫn, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, tâm bồ đề mới phát khởi được.

Quý vị thử nghĩ xem, nhóm người của Thần Tú đại sư theo ngũ tổ mấy mươi năm, có phát tâm bồ đề chẳng? Không có. Quý vị mới biết điều này thật khó. Tịnh Độ tông phát tâm bồ đề dễ hơn nó, Tịnh độ tông chỉ cần quý vị tin thật, phát nguyện đến thế giới tây phương Cực Lạc, để làm Phật độ chúng sanh, tâm này đã phát. Nên trong kinh văn này nói: “thị hựu vi Tịnh tông chi thù thắng phương tiện”, đích thực phương tiện hơn so với các pháp môn khác. Như Kinh Di Đà Yếu Giải nói, thâm tín phát nguyện, tức vô thượng bồ đề. Đây là Ngẫu Ích đại sư nói. Hai câu này, Ấn Quang đại sư tán thán đến cực điểm, vì sao? Các bậc cổ đức xưa nay không nói như vậy, nên rất nhiều người đối với các ông bà cụ niệm Phật vãng sanh, cảm thấy không sao giải thích được, vì sao? Nhất định phải phát tâm bồ đề, nhất hướng chuyên niệm.

Những ông bà cụ này chỉ có nhất hướng chuyên niệm, không phát tâm bồ đề, làm sao họ có thể vãng sanh? Ngẫu Ích đại sư nói ra: Thâm tín phát nguyện cầu sanh, chính là tâm vô thượng bồ đề. Nếu quý vị hỏi những ông bà cụ này, tâm bồ đề là gì, họ không hiểu. Như thế nào gọi là trực tâm, thâm tâm, hồi hướng phát nguyện tâm, họ cũng không hiểu, họ đều không hiểu. Quý vị hỏi họ có tin tưởng pháp môn này chẳng? Tin thật, có muốn đi chẳng? Thật muốn đi, đây chính là phát tâm. Tin thật, muốn đi thật chính là tâm vô thượng bồ đề. Ngẫu Ích đại sư là người đầu tiên nói ra, giải quyết vấn đề này cho mọi người, nên Ấn Quang đạo sư xưng Yếu Giải là đệ nhất chú giải của Kinh Di Đà, xếp ở vị trí đầu tiên. Rất nhiều ý nghĩa quan trọng, cổ nhân đều không nói nhưng Ngẫu Ích đại sư nói ra.

Ví dụ Đức Thế Tôn thành Phật như thế nào? Là niệm Phật thành Phật, điều này cổ nhân không nói. Cũng là Ngẫu Ích đại sư nói ra trong Yếu Giải, đích thực ngài đã chỉ ra, thật sự có kinh văn, người thông thường chúng ta đọc kinh đều đã sơ suất, không chú ý đến. Ngài đã chỉ điểm cho chúng ta, Đức Thế Tôn thành Phật là niệm Phật thành Phật.

Người niệm Phật, nhất định sẽ sớm sanh tín nguyện, đây chính là phát tâm bồ đề. Tin sâu nguyện thiết không thể chậm, chậm tương lai sẽ sanh ra chướng ngại, sẽ có phiền phức. Nhanh chóng kiến lập lòng tin kiên định không thay đổi, quyết định cầu sanh thế giới Cực Lạc. Ở thế giới này hoàn toàn tùy duyên, ở một ngày rất tốt, ở một năm cũng tốt, không sao. Từng giờ từng phút đều chuẩn bị vãng sanh, điểm này rất quan trọng. Không nên, tôi phải đợi đến ngày nào, đợi đến khi nào, không được. Có ý niệm này, chính là tập khí phiền não xen vào, tương lai

làm chướng ngại quý vị vãng sanh. Mỗi niệm đều muốn đi, tâm này rất thù thắng, ngày ngày muốn đi.

Trong lúc giảng kinh tôi cũng từng khuyên mọi người, mỗi tối quý vị đều đi ngủ, chúng ta vừa nằm xuống giường, liền cầu Phật A Di Đà đến tiếp dẫn. Chúng ta ngày ngày cầu ngài, không có tối nào không cầu. Ngày nào thật sự đến, tôi đã cầu được, Phật dẫn chúng ta đi. Như vậy chứng tỏ, mọi thứ ở thế gian này đều buông bỏ, không có chút phiền nhiễu nào, không bị ảnh hưởng bất cứ điều gì, chính là ý niệm này. Mỗi niệm cầu sanh Tịnh độ, chính là ý niệm này.

Bên dưới, thứ tư: hỏi đáp và giải thích. Vấn đáp chính là giả thiết, đương nhiên cũng thật sự có người có những nghi hoặc này. “Vấn viết, nhược bị tu vạn hạnh, năng cảm bồ đề, đắc thành Phật giả. Hà cố Chư Pháp Vô Hành Kinh vân”, đây là đưa vấn đề trong kinh ra làm ví dụ. Vì sao trong Chư Pháp Vô Hành Kinh nói: Nếu người cầu bồ đề, tức không có bồ đề, là người xa bồ đề, giống như trời và đất. Vì sao trong Kinh Chư Pháp Vô Hành nói như vậy? Tu đầy đủ vạn hạnh, có thể cảm bồ đề, liền được thành Phật, đây cũng là Phật nói. Đức Phật nói hai câu này hoàn toàn mâu thuẫn, sao Đức Phật lại nói như vậy? Đây chính là sợ xem kinh quá nhiều_ Phật nói ở kinh này với nói ở kinh kia, hoàn toàn tương phản. Trong kinh này nói có, trong kinh kia nói không, như vậy phải làm sao? Phải biết, chư Phật Bồ Tát nói pháp, không nói pháp nào nhất định. Người này chấp trước có, Phật nói với họ là không, phá chấp có. Người này chấp không, Phật liền nói với họ có, phá chấp không. Sợ nhất là Phật nói không, quý vị liền chấp trước không, Phật nói có, quý vị liền chấp trước có. Như vậy Phật không độ được quý vị, quý vị không có cách nào được độ.

Đức Phật là vì phá chấp trước, tất cả pháp đều gọi là phương tiện thiện xảo, Phật không nói pháp nhất định, Phật cũng không có hình tướng nhất định, nên lấy thân gì để được độ thoát, liền hiện ra thân đó. Hiện tướng, nói pháp đều không phải ý của Phật, ý của ai? Ý của chúng sanh. Phật hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Quý vị muốn Phật đến nói pháp, ngài liền hiện thân Phật. Quý vị muốn Bồ Tát đến thuyết pháp, ngài liền hiện thân Bồ Tát. Quý vị muốn thân gì, ngài liền hiện thân đó.

Quý vị muốn ngài hiện, quý vị muốn là có tâm, ngài hiện là vô tâm, vô tâm năng ứng. Quý vị có nghi vấn như thế nào, đây là quý vị muốn. Phật Bồ Tát nói pháp cho quý vị là vô tâm, quyết định không có thông qua khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, nhất định không thông qua, hoàn toàn là phản ứng tự nhiên

của tự tánh. Nếu quý vị hiểu đạo lý này, những vấn đề này hoàn toàn không có. Quý vị xem giải thích bên dưới.

Phần giải thích nói, có người căn cứ những gì trong Kinh Vô Pháp Chư Hành nói: Nếu có người cầu bồ đề, tức không có bồ đề có thể đắc. “Thử cầu giả” người cầu bồ đề này. Tức là xa rời bồ đề, như thiên và địa cách xa nhau vậy, trong kinh này nói không sai. Đã là như vậy, ngày nay làm sao tu vạn hạnh, có thể chứng được quả bồ đề mà thành Phật? Bên dưới trả lời, ở dưới giải thích thêm cho quý vị, chúng ta xem phần giải thích bên dưới.

“Bồ đề chánh thể, lý cầu vô tướng”, bồ đề là gì? Bồ đề là chánh giác. Chánh đẳng chánh giác là bồ đề của Bồ Tát, Vô thượng chánh đẳng chánh giác là Phật bồ đề. Chánh giác, Chánh đẳng chánh giác, Vô thượng chánh đẳng chánh giác đều là vốn có trong tự tánh, quý vị đến đâu để cầu? Trong Kinh Hoa Nghiêm, Đức Phật nói với chúng ta: Tất cả chúng sanh đều có trí tuệ của Như Lai, đây chính là bồ đề, trí tuệ của Như Lai là gì? Là vô thượng chánh đẳng chánh giác. Đều có, người người đều có, trong tự tánh quý vị có, quý vị cầu điều gì? Trên mặt lý mà nói, quý vị cầu là sai, quý vị vốn có thì cầu điều gì? Vốn có “kim tác tương cầu”, tác tướng chính là trước tướng, quý vị chấp trước tướng bồ đề.

Bất luận là quý vị chấp trước tướng chánh giác, hoặc là trước tướng chánh đẳng chánh giác, tướng vô thượng chánh đẳng chánh giác. Quý vị đã chấp tướng, chấp trước tướng là phạm phu, trước tướng là mê. Nên nói “bất đương lý thật”, quý vị hoàn toàn trái ngược với lý thực tế. Thế nên dùng ví dụ nói, quý vị cách bồ đề ngày càng xa, chính là ý này.

“Thị cố kinh ngôn bồ đề giả, bất khả dĩ tâm đắc, bất khả dĩ thân đắc”, tâm này là vọng tâm. Tự quý vị cho rằng có tâm, tâm này là vọng tâm, phạm phu chúng ta lấy cái gì làm tâm? Có thể tư duy, có thể tưởng tượng là tâm, mọi người đều cho rằng như vậy, điều này trong đại thừa giáo gọi là đệ lục ý thức. Đệ lục ý thức là gì? Phân biệt, đây là tâm gì? Tâm phân biệt, đây là tâm gì? Tâm chấp trước, đây là tâm gì? Tâm vọng tưởng, sai! Hoàn toàn sai. Như các bậc cổ đức nói quý vị đã dùng sai tâm, sao có thể dùng vọng tâm? Vọng tâm tương ưng với vọng, vọng tâm không tương ưng với chân. Trong kinh Phật nói rất hay, vọng tâm có thể duyên; đối với bên ngoài có thể duyên đến hư không pháp giới, đối nội có thể duyên đến A lại da vì đều là hư vọng. Hư không pháp giới là hư vọng, A lại da cũng là hư vọng. Vọng tâm có thể duyên A lại da, nó có thể thấu hiểu A lại da, nó không thể thấu triệt cái chân thật.

Bồ đề là chân tâm. Tự tánh, chân như, pháp tánh, đệ nhất nghĩa, những thứ này vọng tâm nhất định không duyên được, nên quý vị đã sai, thật là sai đến cùng. Chân tâm, chúng ta thật sự muốn thấy chân tâm thì như thế nào? Chân tâm_buông bỏ hết tất cả vọng tâm như vọng tưởng phân biệt chấp trước, thì chân tâm hiện tiền, quý vị sẽ nhìn thấy là thật, đó không phải vọng, buông bỏ vọng, chân liền hiện tiền, không cần cầu, quý vị cầu là hỏng. Các bậc cổ đức nói rất hay, chỉ cần buông bỏ vọng tâm, vọng tưởng, chân tâm không cầu mà tự được, vì sao? Nó vốn chính là như vậy. Vọng buông bỏ, vốn chính là chân. Vọng buông bỏ, lại muốn tìm cái chân thì chân đó lại là vọng.

Những đạo lý này trong kinh điển đại thừa nói rất nhiều, nói rất rõ ràng nên trong Kinh Bát Nhã nói: không thể dùng tâm để cầu bồ đề, cũng không thể dùng thân để cầu bồ đề, vì sao? Vì quý vị có vọng tưởng phân biệt chấp trước. Nếu vọng tưởng phân biệt chấp trước đều không có, tôi nói với quý vị, có thể dùng tâm được bồ đề, có thể dùng thân được bồ đề. Diệu, tuyệt diệu không sao nói được, điều này phải lãnh hội một cách tường tận.

Thế nên bên dưới nói: “Hành nhân nhược tác tướng dĩ cầu” hành nhân chính là người tu hành, chỉ người hiện nay đang tu học. “Ý tồn bồ đề chi quả”, trong tâm chúng ta thật sự cho rằng có quả bồ đề. “Dữ cầu bồ đề chi pháp”, đây là gì? Đây gọi là pháp chấp, sai. “Tức thị tác tướng”, tác tướng là gì? Chấp tướng.

Đức Thế Tôn lúc còn ngài tại thế bát tướng thành đạo, là làm gương cho chúng ta, dụng ý rất thâm sâu. Ngài 19 tuổi rời gia đình, ngài là một vị vương tử nếu ngài không ra đi, sẽ kế thừa vương vị của vua cha. Đây chính là nói, ngài từ bỏ vinh hoa phú quý của thế gian, đã buông bỏ, buông bỏ này là gì? Phiền não. Ngài biết những thứ này không tốt, những thứ này toàn là phiền não. 19 tuổi rời xa gia đình, biểu diễn cho chúng ta thấy là buông bỏ phiền não. Quý vị xem khi buông bỏ phiền não để đi cầu học, học suốt 12 năm_Mười chín tuổi học đến 30 tuổi. Tất cả tôn giáo của Ấn Độ ngài đều tiếp xúc, đều học qua, tất cả học pháp cũng học qua. Năm 30 tuổi ngài đã học được 12 năm, đem sở học 12 năm buông bỏ hết, đó gọi là gì? Buông bỏ pháp chấp. 19 tuổi rời xa gia đình là buông bỏ tình chấp, buông bỏ phiền não chướng. Năm 30 tuổi khi nhập định dưới cội cây bồ đề, ngài buông bỏ sở học 12 năm, buông bỏ pháp chấp, buông bỏ sở tri chướng. Hai loại chướng ngại đều không có, đây là minh tâm kiến tánh, biểu diễn này ý nghĩ rất thâm sâu!

Hiện nay chúng ta cầu học có được chăng? Có thể, như Đức Thế Tôn quảng học đa văn nhưng quý vị phải buông bỏ được. Nếu quý vị chấp trước sở học của

quý vị là thật, như vậy là hỏng, học những thứ đó có ưu điểm gì? Biết được người thế gian nghĩ gì? Còn chính mình thì sao? Chính mình không có, chính mình không bị phiền nhiễu, không bị ảnh hưởng, đây gọi là đại anh hùng. Người khác không làm được quý vị có thể làm, nhị chương đã phá_Sở tri chương, phiền não chương đều đã phá_Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, nên những thứ này có thể học chẳng? Có thể học, nhưng không thể trước tướng, không thể phân biệt, không thể khởi tâm động niệm, học như vậy là đúng. Nếu quý vị trước tướng là sai, học là gì? Quý vị biết được thế gian có việc như vậy, có loại chúng sanh này. Tương lai quý vị dùng phương pháp gì để độ họ, chính là ý này. Phiền não người thế gian thì sao? Có phiền não chương nặng, sở tri chương nhẹ, có sở tri chương nặng, phiền não chương nhẹ, như hai ví dụ ở trước về Đức Thế Tôn.

Tôn giả A Nan phiền não chương nặng, sở tri chương nhẹ. A Nan trí tuệ cao, sở tri chương nhẹ, tình chấp nặng. Lúc Đức Thế Tôn diệt độ ngài còn rơi nước mắt, tình chấp nặng. Tôn giả Phú Lô Na là A la hán, phiền não chương nhẹ, ngài chứng được tứ quả la hán. Sở tri chương nặng nghe kinh không hiểu, không như A Nan, đây chính là diễn ra căn tánh bất đồng, chúng sanh căn tánh bất đồng. Cần phải buông bỏ hai loại phiền não chương, quý vị mới có thể kiến tánh thành Phật. Thế nên chỉ cần tác tướng, tác tướng cầu.

Tự mình xa rời thực tế lý thể, đó gọi là bất đương lý thể, quý vị trái với tự tánh, phải biết tự tánh là gì? Tự tánh ba loại hiện tượng đều không có, tâm của tự tánh là thanh tịnh tịch diệt, sao có thể có gì? Không những không có phiền não, cũng không có sở tri, nên thể của bát nhã gọi là căn bản trí, là gì? Bát nhã vô tri. Vô tri là căn bản trí, nó khởi tác dụng là không gì không biết. “Bát nhã vô tri, vô sở bất tri” Vô sở bất tri, tất cả trí tuệ từ đâu đến? Vô sở bất tri là đến từ vô tri. Nếu quý vị chấp trước sở học, quý vị liền hữu tri, hữu tri chính là hữu sở bất tri, những gì chưa học qua quý vị đều không biết. Nếu là bát nhã vô tri, những gì không học qua đều biết hết tất cả, đây mới gọi là trí tuệ, không học cũng hoàn toàn biết. Chấp trước có, thậm chí có học, học chưa đủ nên không biết, học rồi chưa chắc biết hoàn toàn, chưa chắc biết thật sự.

Chúng ta hiểu tâm thanh tịnh và quảng học đa văn, điều nào quan trọng? Tâm thanh tịnh quan trọng, quảng học đa văn không quan trọng. Nếu quảng học đa văn có chấp trước, chính là pháp chấp, biến thành sở tri chương, chương ngại quý vị minh tâm kiến tánh. Đây là Phật pháp khuyên quý vị buông bỏ, có thể quảng học đa văn, chắc chắn không thể chấp trước. Trong quảng học đa văn biến hóa rất lớn, vô cùng phức tạp, thiên biến vạn hóa.

Chúng ta lấy dự ngôn để nói, làm ví dụ để nói. Trước đây thầy giáo nói với tôi dự ngôn có ba loại_Loại dự ngôn thứ nhất rất chính xác, trong định nhìn thấy. Họ nhập định, cảnh giới trong định nhìn thấy là vô cùng chính xác. Một loại dự ngôn khác là lấy lý luận toán học để suy đoán. Như Dịch Kinh, đó là dùng toán học để suy luận, suy luận đến một lúc nào đó, sẽ phát sinh điều gì. Loại thứ ba đó là linh, không phải chính quý vị. Linh bên ngoài có duyên với quý vị, mượn thân thể của quý vị để tuyên bố. Đây là ba loại lớn, trong ba loại lớn là định lực của mình đáng tin nhất, nhưng định lực mà họ nhìn thấy_Ví dụ họ nhìn thấy chuyện, một năm sau là một năm sau của ngày hôm nay, qua một năm sau, phải chăng chính là như vậy? Lại đã biến hóa. Những gì họ nhìn thấy là hôm nay là thời gian hoàn toàn tương đồng, nhìn thấy cảnh giới này, qua một năm sau thật sự lại không giống nhau.

Phải biết điều này là ý niệm của nhân tâm, ý niệm của tâm con người, ngày ngày đều có tăng giảm thêm bớt. Thiện niệm nhiều một chút, ác niệm nhiều một chút, mỗi ngày không giống nhau. Nên cảnh giới bên ngoài, nó xoay chuyển từ ý niệm. Do đây mà biết, dự ngôn chỉ là khái lược, không phải rất tường tận, không thể tin tưởng, đó không phải. Quý vị hiểu được đạo lý này, có thể làm tham khảo, không thể nói mười phần xác định, như vậy quý vị sẽ sai. Không thể có chuyện mười phần xác định, chúng ta từ trên Hoàn Nguyên Quán nói: Sát na biến hóa. Từng sát na đều đang biến hóa, xưa nay chưa có tương đồng. Toàn bộ vũ trụ đều là từ ý niệm nhân tâm, xuất sanh vô tận, câu này nói rất hay, biến hóa vô cùng.

Ý niệm con người chuyển tốt, xấu biến thành tốt. Ý niệm con người biến thành xấu, hoàn cảnh tốt cũng trở thành xấu, đây gọi là gì? Phong thủy luân lưu chuyển, phong thủy chuyển như thế nào? Tùy theo nhân tâm mà chuyển. Nhân tâm tốt, sơn hà đại địa ở đây kiên cố, không có thiên tai, dự ngôn nhìn thấy, đó là gì? Chuyện lúc đó nhìn thấy, hôm nay nhân tâm không giống nhau, sản sanh biến hóa. Nếu không phải Địa Thượng Bồ Tát, chỉ có thể làm tham khảo, không thể dùng nó để quyết định, phương pháp đối trị chính là nghe mà không nghe. Tôi nghe được những lời này, giống như không nghe thấy vậy, không bị nó quấy nhiễu, không bị nó ảnh hưởng, nâng cao cảnh giác chính mình. Sau khi nâng cao cảnh giác, tư tưởng hành vi chúng ta thay đổi, biến thành gì? Trở thành thuần tịnh thuần thiện. Thuần tịnh thuần thiện, khiến cho tất cả cảnh giới không tốt đều trở thành tốt. Dự ngôn này đối với chúng ta có lợi ích lớn, ưu điểm lớn, bất luận nó là thật hay giả. Điều nâng cao cảnh giới chính mình, nâng cao đức hạnh của chính mình, nâng cao trí tuệ chính mình, có gì không tốt! Điều là việc tốt.

Đến ông Bồ Lai Đẳng người Mỹ đều biết_Quý vị xem, bỏ ác dương thiện, cải tà quy chánh, đoạn chánh tâm niệm, giống như trong Phật pháp nói, không có gì khác. Không những có thể hóa giải thiên tai mà còn đem đến cho xã hội, địa cầu càng thêm tốt đẹp, ngày càng tốt. Đọc sách hiểu lý lẽ, học Phật phải khai ngộ, không thể càng học càng mê hoặc, như vậy là sai.

Chúng ta xem đoạn sau: “Kim giả tuy tri tu hành vãng cầu”. Đức Phật nói với tuyệt đại đa số người, dạy họ trước là phải bắt đầu từ chấp tướng, nếu bắt đầu từ ly tướng trước sẽ không làm được, vì quá cao. Dạy sơ học là phải dạy trước tướng, trước tướng chính là dạy họ điều gì? Dạy họ đoạn ác tu thiện, thật sự có thiện có ác, nói với quý vị những điều này, những điều này đều không xa rời lục đạo, trong lục đạo giúp quý vị điều gì? Giúp quý vị không đọa tam ác đạo, giúp quý vị giữ hai đường nhân thiên, không đọa vào tam ác đạo, đây chính là giúp chúng sanh ly khổ đắc lạc.

Nhân thiên đã đầy đủ đức hạnh, tiếp tục giúp quý vị nâng cao, vượt ra khỏi lục đạo, bước từng bước. Giúp quý vị lên tầng lầu thứ nhất, nói với quý vị ở trên còn có một tầng, lên trên xem thử. Đến tầng thứ hai, trên đó còn có tầng thứ ba, từng bước từng bước dẫn dụ quý vị lên cao. Đây là phương pháp dùng để hướng dẫn người có trung hạ căn tánh. Nếu là thượng căn lợi trí, không cần phiền phức như vậy, trực tiếp nói với quý vị tầng cao nhất, có thể đi lên chăng? Có thể, quý vị có năng lực lên trên đó. Như hiện nay đi thang máy là lên đến ngay, người nông thôn chưa nhìn thấy thang máy, quý vị nói thang máy với họ họ không hiểu, quý vị nói đi thang máy họ giật mình. Đi cầu thang từng tầng từng tầng đi lên, họ rất vui, cuối cùng đều đạt được mục đích. Bất luận là tiệm tu hay là đốn chứng, tất cả đều viên mãn vô thượng bồ đề.

“Kim giả tuy tri tu hành vãng cầu, liễu liễu thức tri lý thể vô cầu”, biết được trên mặt lý, trên mặt tự tánh nói vô cầu. Trên mặt tự tánh nói không tu, không tu cũng không đắc, không cầu cũng không mất, được mất đều không có. Trong tự tánh xưa nay không có được mất. “Nhưng bất hoại giả danh, thị cố bị tu vạn hạnh”. Đức Thế Tôn từ bi tượng trưng cho chúng ta, làm ra tấm gương tốt nhất. Ngài đã thành Phật từ lâu, trong Kinh Phạm Võng Đức Phật tự nói: Lần này ngài đến nhân gian thị hiện thành Phật là lần thứ 8000, vì thế ngài đã thành Phật từ rất lâu, giống như đang biểu diễn trên vũ đài vậy, biểu diễn lần thứ 8000. Bất tướng thành đạo, giống như là một người phạm phu, diễn xuất ra một đời tu hành chứng quả. Biểu diễn trên vũ đài, biểu diễn cho những người như chúng ta xem. Nếu ngài không biểu diễn như vậy, nói ngài lập tức liền thành Phật, chúng ta xem ngài

như thần tiên, không giám học tập với ngài. Ngài là thần tiên, con là phàm phu, sao con có thể làm được?

Ngài biểu diễn như chúng ta vậy, cũng là cha mẹ sanh ra, cũng là từ nhỏ lớn lên. Ngài có thể thành, tôi cũng có thể thành, khiến quý vị sanh khởi tín tâm này. Ngài đã biểu diễn như thế. Chúng ta phải hiểu, đây là ân đức của Thế Tôn đối với chúng ta, bố thí đối với chúng ta. Chúng ta giác ngộ từ chỗ này, đã minh bạch. Trong vô tu cũng có thể tu. Đối với ngài là vô tu, ngài đã viên mãn nhưng ngài vẫn thể hiện sự tu hành, làm gương trì giới tu hành cho chúng ta noi theo. Khiến chúng ta từ con đường này dần dần kế nhập, từ từ khai ngộ, ngộ nhập cảnh giới này.

Ngài cần tu khổ hạnh như vậy chăng? Ngày ăn một bữa, ba y một bình bát, đêm ngủ dưới gốc cây, có cần như vậy chăng? Tất cả đều là làm cho chúng ta xem, dạy chúng ta phải buông bỏ vạn duyên. Ngài trước làm ra như vậy, ngài thật sự đã buông bỏ, điều này đại khái không phải giả. Buông bỏ thật sự rất khó, trước là làm gương cho quý vị thấy, nếu chúng ta có thể như ngài vậy, buông bỏ sạch sẽ như ngài vậy. Quý vị nói trong đời này có thể thành tựu chăng? Chắc chắn có thể thành tựu.

Chúng ta tu tập nhiều năm như vậy, những đạo lý trong kinh giáo đều đã hiểu. Phàm phu thành Phật không có gì khác, như Chương Gia đại sư truyền cho tôi trong lần đầu tiên gặp mặt: Nhìn thấu, buông bỏ. Buông bỏ, nhìn thấu. Thật vậy, trong 60 năm đã chứng thực câu nói của thầy, hoàn toàn chính xác. Nhìn thấu là gì? Đã minh bạch, buông bỏ là gì? Không còn phân biệt chấp trước, không còn để vạn sự vạn pháp trong lòng. Tâm phải khôi phục chân tâm, thanh tịnh bình đẳng giác, tất cả vạn sự vạn pháp đều là rác rưởi. Phàm phu không biết, để những rác rưởi này trong lòng, đem thanh tịnh bình đẳng giác của mình làm thành thùng rác. Không những nhận rác của chính mình còn thu nhận rác của người khác, quý vị nói có đáng thương chăng? Dọn sạch tất cả những rác rưởi này, đó chính là chân tâm của mình, đó gọi là Phật.

Trong tu học Phật pháp, kinh Phật có thuật ngữ gọi là Chỉ Quán, chỉ là gì? Chỉ chính là buông bỏ, quán là gì? Quán chính là nhìn thấu. Quán là thấu triệt, chỉ là buông bỏ. Nho gia cũng nói: “Chỉ ư chí thiện” chí thiện là gì? Chí thiện là tự tánh, không phải thiện của thiện ác. Nếu quý vị dừng lại thiện của thiện ác, quý vị là hai con đường nhân thiên, chỉ ư bất thiện thì sao? Đó là tam ác đạo. Thế nên chỉ ư chí thiện, thiện đó không phải thiện của thiện ác, đó là tự tánh, đó là lời tán mỹ.

“Nhưng bất hoại danh giả, bị tu vạn hạnh”, thật sự trì giới, thật sự tu định, trí tuệ đã khai. “Cố năng cảm dã”, chúng ta siêng năng tu hành sẽ có cảm, ai đến ứng? Tự tánh đến ứng. Thông thường chúng ta nói Phật Bồ Tát đến ứng, tức tự tánh đến ứng. Chúng ta niệm Phật, Phật A Di Đà đến_Phật A Di Đà của thế giới Cực Lạc đã đến, là tự tánh đến ứng, tâm hiện thức biến. Tất cả chư Phật Bồ Tát rời xa tự tánh, thì toàn bộ đều không có. Ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm. Tự tánh Di Đà đã xuất hiện, tự tánh Quán Âm đã xuất hiện, tự tánh Địa Tạng đã xuất hiện. Nếu quý vị làm ngũ nghịch thập ác, tự tánh địa ngục xuất hiện, sự việc chính là như vậy.

Hôm nay chúng ta tâm hành có cảm, tự tánh liền xuất hiện. Nên biết, biến pháp giới hư không giới, trên từ Chư Phật Như Lai, dưới đến tam đồ chúng sanh, không có pháp nào có thể rời tự tánh. Trong kinh giáo đại thừa nói: Ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm. Tâm này là chân tâm, tâm này chính là tự tánh, tất cả là tự tánh biến hiện. Tự tánh biến như thế nào? Tùy theo ý niệm của chúng ta mà biến ra. Mỗi ngày tôi niệm Phật, tự tánh liền hiện Phật. Tôi ngày ngày niệm Bồ Tát, liền hiện Bồ Tát. Ngày ngày niệm tham sân si thì hiện ra nợ quỵ, địa ngục, súc sanh, sự việc chính là như vậy.

Người minh bạch tâm luôn định, người mê hoặc tâm luôn trôi nổi, bất định. Người thấu hiểu là định, nên quý vị có thể trì giới, có thể tu định, từ từ sẽ quy nguyên, hồi quy tự tánh. Quý vị không thể trì giới, không thể tu định, quý vị không quay đầu được. Không quay đầu được thì đi về đâu? Trôi lăn trong luân hồi lục đạo, cứ xoay chuyển mãi trong lục đạo, mê hoặc điên đảo.

“Thị cố Đại Trí Độ Luận vân, nhược nhân kiến bát nhã, thị tắc vi bị phược. Nhược bất kiến bát nhã, thị diệc vi bị phược”, phược chính là sợi dây cột chặt, trói chặt quý vị lại. Ví dụ này là phiền não, vì sao? Quý vị thấy Bát nhã, không thấy bát nhã. Tất cả đều là phân biệt chấp trước_Vọng tưởng phân biệt chấp trước thế nên quý vị không rời phiền não. Chấp trước là kiến tư phiền não, phân biệt là trần sa phiền não, vọng tưởng là vô minh phiền não. Những thứ này cột chặt quý vị, khiến quý vị không cách nào nhúc nhích được. Vì sao? Quý vị dùng vọng tưởng phân biệt để thấy bát nhã. Dùng vọng tưởng phân biệt chấp trước không thấy bát nhã, căn bản quý vị không hiểu gì gọi là bát nhã.

Mấy câu bên dưới: “Nhược nhân kiến bát nhã, thị tắc vi giải thoát. Nhược bất kiến bát nhã, thị diệc vi giải thoát”, giải thoát là được đại tự tại, giải_động từ đọc là 解, danh từ đọc là 姐, tháo nó ra. Mở điều gì? Mở phiền não. Thoát là gì?

Thoát ly luân hồi, thoát ly mười pháp giới, thoát ly sanh tử, kiến bát nhã tức thoát ly.

Quý vị xem, một cái kiến bát nhã, không kiến bát nhã đều bị phiền não câu thúc. Một cái kiến bát nhã và bất kiến bát nhã, tất cả đều được giải thoát, nguyên nhân gì? Không chấp trước. Chỉ cần lục căn của chúng ta trong cảnh giới lục trần không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước. Chúc mừng quý vị, quý vị cùng cảnh giới với Đức Thế Tôn, khi sao mai vừa mọc, liền đại triệt đại ngộ. Quý vị và Lục tổ Huệ Năng đại triệt đại ngộ, cùng một cảnh giới, quý vị đã thành Phật.

Quý vị xem, phàm phu thành Phật đơn giản như vậy. Buông bỏ tất cả vọng tưởng phân biệt chấp trước, liền được thành Phật. Buông bỏ một thứ, buông bỏ chấp trước liền thành A la hán, buông bỏ phân biệt liền thành Bồ Tát, buông bỏ khởi tâm động niệm liền thành Phật. Quý vị kiến bát nhã hay bất kiến bát nhã, đều không khởi tâm động niệm, thật sự bát nhã của quý vị đã hiện tiền. Có bát nhã chăng? Bát nhã là giả danh. Trong tự tánh thanh tịnh tâm không lập pháp nào, sao lại có bát nhã?

Bát nhã là Phật giảng kinh dạy học, bắt đả dĩ dùng cái giả danh, không được chấp trước danh tự. Quý vị phải hiểu ý nghĩa trong giả danh này là gì, nếu hiểu được điều này quý vị thật sự thấy bát nhã. Thật sự thấy bát nhã, danh này cần hay không cũng không sao. Không thể chấp trước tướng danh tự, người ở trước kiến bát nhã hay không kiến bát nhã đều chấp trước tướng danh tự. Chấp trước kiến bát nhã, chấp trước không kiến bát nhã, quý vị xem chưa phá được chấp trước, chưa phá chấp trước là lục đạo phàm phu. Người ở sau kiến bát nhã hay không kiến bát nhã, họ đều không chấp tướng, không chấp tướng danh tự. Họ thật sự kiến bát nhã, họ thật sự được đại tự tại. Không có phiền não, không có sanh tử, không có nhiễm tịnh, không có tà chánh, không có khổ lạc, thật sự đã giải thoát. Tất cả pháp tương đối này trong thế xuất thế gian, tất cả đều không thấy, hoàn toàn sạch sẽ, như ngài Huệ Năng nói: “Bỏ lai vô nhất vật, hà xứ rở trần ai”, cảnh giới này là tự tánh thanh tịnh tâm.

“Long Thọ Bồ Tát thích viết”, mấy câu ở trước_Mấy câu trong Đại Trí Độ Luận, Bồ Tát Long Thọ giải thích: “Thị trung bất ly tứ cú giả vi phục, ly tứ cú giả vi giải”, đây chính là trong đại thừa giáo thường nói, “Tứ cú bách phi”, ly tứ cú tuyệt bách phi. Tứ cú là gì? Tứ cú đều là chấp trước, thứ nhất là “có”, chấp có, thứ hai là chấp “vô”, thứ ba là chấp cũng có cũng không, thứ tư là chấp phi hữu phi vô, chính là tứ cú. Trong tứ cú này, có “hữu” trong hữu tứ cú_Hữu trong hữu,

hữu trong vô. Hữu trong cũng có cũng không, hữu trong phi hữu phi vô, như vậy là biến thành 16 câu. Hữu, vô, diệt hữu diệt vô, phi hữu phi vô. Trong một cái có bốn câu, bốn bốn 16. Quá khứ 16, hiện tại 16, vị lai 16, 48 câu. Đã khởi_đã khởi 48 câu, chưa khởi cũng có 48 câu là biến thành 96 câu. Trong 96 câu, thêm vào bốn câu căn bản, biến thành 100 câu. 100 câu này đều là danh tướng, đều là giả danh, không có thứ gì là thực chất.

Trong kinh điển có một vấn đáp, giả thiết, hỏi: Trong kinh nói ly tứ cú, tuyệt bách phi, ý của nó là gì? Đây là ý gì? “Đáp, đản cử nhất đôi, tiện thành tứ cú”, như hữu vô là một đôi, nhất dị là một đôi, đoạn thường là một đôi, cũng chính là tương đôi. Chân vọng là một đôi, lớn nhỏ là một đôi, tà chánh là một đôi. Chỉ cần đưa ra một đôi, liền có thể biến thành 100 câu.

“Thả hữu vô tứ cú”, đưa ra một ví dụ, tứ cú hữu vô này, như ở trước nói: Nếu nói có là tăng ích báng, nó vốn chính là như vậy. Có trên lại thêm vào chữ hữu, như vậy là sai, đây là hủy báng. Thuộc về loại hủy báng nào? Tăng ích báng, quý vị lại cho nó thêm một điểm. Thêm không được, chỉ vừa đủ thôi, quý vị thêm một chút là sai. Nếu nói vô, là tổn giảm báng, vì sao? Quý vị không thể thêm một điểm cho nó, cũng không thể giảm nó một điểm, mọi người đều vừa đủ là dừng. Thêm một điểm là sai, giảm bớt nó một điểm cũng sai, người ta đã đạt được viên mãn, viên mãn là không tăng không giảm.

“Nhuợc vân diệt hữu diệt vô, thị tương vi báng”, hữu không phải vô, vô không phải hữu, diệt hữu diệt vô là hủy báng, đều là nói báng Phật. “Nhuợc vân phi hữu phi vô, thị hý luận báng, tức câu hữu quá, cố tu ly chi. Căn bản tứ cú ký nhĩ, chi mật tứ cú nãi chí bách cú giai phi, cố tu tuyệt chi”. Chúng ta thấu hiểu đạo lý này, mới có thể thật sự buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước, khôi phục thanh tịnh bình đẳng giác của chính mình. Thanh tịnh bình đẳng giác là chân tâm của mình, điều này nhất định phải biết. Tu học đại thừa Phật pháp không có gì khác ngoài tu tâm, trong tâm thanh tịnh vốn đầy đủ, đầy đủ điều gì? Đầy đủ vô lượng trí tuệ đức năng tướng hảo, mọi thứ đều đầy đủ, không thiếu điều gì. Biến pháp giới hư không giới đều là tự tánh biến hiện ra, ngài Huệ Năng nói: Nào ngờ tự tánh, năng sanh vạn pháp, nó không có khiếm khuyết.

Trong tự tánh, quý vị thêm một chút cho nó là sai, giảm một chút cũng sai. Quý vị thêm không được, giảm cũng không được. Trong tự tánh thanh tịnh tâm, sanh ra những vạn vật này, biến hóa vô cùng. Ba loại chu biến trong Hoàn Nguyên Quán, loại thứ hai nói: xuất sanh vô tận, vì sao có biến hóa? Trong kinh Phật thường nói: y báo tùy theo chánh báo mà chuyển, chính là biến hóa tùy theo ý

niệm của quý vị, khởi tâm động niệm nó liền biến hóa, xưa nay chưa từng dừng biến hóa. Biến hóa vi tế chúng ta không nhìn thấy, biến hóa lớn chúng ta cũng không nhìn thấy. Biến hóa lớn là vũ trụ, chúng ta không cảm nhận được. Biến hóa nhỏ là thân tâm chúng ta, trong tế bào chúng ta biến hóa, chúng ta cũng không sao phát giác được, đây là gì? Tâm chúng ta quá lơ là, tâm chúng ta mê. Nếu tâm định, có định công rất thâm sâu, những biến hóa trong vũ trụ chúng ta đều có thể biết. Biến hóa lớn, biến hóa nhỏ, Đức Phật đều biết.

Phật biết biến hóa, biến hóa là quả, nhân là gì? Nhân là ý niệm chúng sanh, ý niệm chúng sanh ngài biết chẳng? Biết. Nên chúng ta thường nói giữa vũ trụ: tánh tướng, lý sự, nhân quả, trên pháp thân Bồ Tát, không ai không thông đạt, không ai không thấu triệt _ thông đạt thấu triệt.

Căn bản tứ cú đã như vậy, ngọn ngành tứ cú, cho đến bách cú đều không, nên cần phải đoạn tuyệt. Chúng ta nhất định phải buông bỏ, tuyệt chính là buông bỏ, đừng để ở trong lòng. “Hữu vô lý nhĩ”, minh bạch ví dụ này, tôi nói với quý vị “đoạn thường, nhất dị đẳng tứ cú lệ tri”, lúc này chúng ta bỏ sung mấy cái: Chân vọng, tà chánh, khổ lạc, tất cả đều như vậy, chúng ta sẽ hoàn toàn minh bạch. “Nhiên thử trung căn bản tứ cú thị ngoại đạo kiến”, ngoài Phật môn ra người tu đạo đều có kiến giải này, hữu thuyết hữu vô, diệc hữu diệc vô, phi hữu phi vô. “Chi mật tứ cú đẳng, tam thừa diệc vị toàn ly”, tam thừa là gì? A la hán, Bích Chi Phật, quyền giáo Bồ Tát, chưa đoạn sạch.

“Duy Phật cứu tận, cố vân ly vân tuyệt dã”, ly tứ cú, tuyệt bách phi, ai làm được? Phật làm một cách viên mãn. Tam thừa đối với điều này, vẫn chưa đoạn sạch, vẫn chưa rõ ràng, đây là vấn đề trên mặt tri kiến của người học Phật. Không thể không buông bỏ tri kiến, chân tánh mới có thể hiện tiền. Tri kiến chướng ngại chúng ta minh tâm kiến tánh, đạo lý này không thể không biết. Có tri kiến, không thể ở nơi tri kiến thêm vào tri kiến, hoặc trên tri kiến làm tổn giảm tri kiến, như vậy là sai lầm, gọi là vẽ rắn thêm chân. Tri kiến là khởi dụng của tự tánh bát nhã là, tự nhiên, không thông qua tư duy, thông qua tu duy sẽ biến chất. Không thông qua tư duy, chính là khởi dụng trí tuệ bát nhã của tự tánh, như vậy là hoàn toàn chính xác. Chỉ cần có một chút ý nghĩ trong đó là sai, trở thành tứ cú bách phi.

“Kim kỳ cầu dã bồ đề”, kỳ có nghĩa là cầu. “Đản năng như thử tu hành, tức thị bất hành nhi hành”, ý nghĩa này rất thâm sâu. “Bất hành nhi hành giả, bất vi nhị đế đại đạo lý dã”, điều này ở sau có giải thích, Hoàng Niệm Tổ giải thích: Không hành mà hành, tức vô cầu mà cầu, tuy biết lý thể vô cầu, bồ đề vô đắc nhưng vẫn đầy đủ tu vạn hạnh. Chúng ta tuy tu học vạn hạnh viên mãn, vạn hạnh là gì? Thập

thiện nghiệp đạo, Lục ba la mật, Phổ Hiền thập nguyện, đây là cương lĩnh của vạn hạnh. Triển khai ra, như Thập thiện nghiệp đạo, tiểu thừa triển khai nó thành 3000 tế hạnh_Thập thiện nghiệp đạo thành 3000 điều. Đại thừa Bồ Tát đem thập thiện, mười điều này triển khai thành tám vạn bốn ngàn tế hạnh, đây gọi là vạn hạnh, thông trường trong nhà Phật gọi là Lục độ vạn hạnh.

Trong Kinh Hoa Nghiêm nói: Một tức là nhiều, nhiều tức là một. Bất cứ một pháp nào triển khai đều vô cùng vô tận, phải thật tu, thật sự thực hành. “Dĩ cảm bồ đề, diệu khế trung đạo”, chỉ cần tu, không nên chấp trước, không nên phân biệt, không nên khởi tâm động niệm, tự tánh tánh đức tự nhiên hiện tiền, chính là bồ đề, chính là trung đạo. Vì sao phàm phu phải tu lục độ vạn hạnh? Nói thực tế là đối phó nghiệp chướng, là biện pháp tốt để tiêu nghiệp chướng, tiêu trừ nghiệp chướng. Bồ thí tiêu tham lam, tham tâm của chúng ta, đây là phiền não. Trì giới tiêu trừ ác nghiệp của chúng ta, nhẫn nhục tiêu trừ sân nhuế của chúng ta, tinh tấn tiêu trừ giải đãi biếng nhác của chúng ta. Thiền định là đối với không tập trung, bát nhã là đối ngu si_Hóa giải ngu si của chúng ta. Thế nên lục độ vạn hạnh giúp chúng ta tiêu nghiệp chướng, nghiệp chướng tiêu trừ, tánh đức liền hiện tiền, tự nhiên hiện tiền. Đó gọi là bát nhã, đó gọi là trí tuệ, đó gọi là tánh đức. Ở đây gọi là bồ đề, gọi là trung đạo. Nếu không chân tu, quý vị không thể phát hiện những thứ này. Tu hành chơn chánh, tự nhiên cảm ứng, tự nhiên khế nhập, khế nhập chính là đã chứng đắc.

Đoạn bên dưới: “Thứ giả, an lạc tập y Tịnh Độ Luận chỉ xuất, phàm dục phát tâm hội vô thượng bồ đề giả. Tiên tu viễn ly tam chủng, dữ bồ đề môn tương vi pháp”. Điều này rất quan trọng_trái với bồ đề. “Nhất giả, y trí tuệ môn”, người có trí tuệ, không cầu niềm vui cho mình, xa rời tâm tham trước của bản thân. Hay nói cách khác, nếu quý vị tương phản điều này, đó không phải trí tuệ, nương vào ngu si. Ngu si là gì? Chuyên cầu niềm vui riêng mình, tự tư tự lợi, không có trí tuệ. Thật sự có trí tuệ, nhất định không cầu niềm vui cho riêng mình.

Đức Thế Tôn có trí tuệ, sống cuộc sống như thế nào? Ba y một bát, ăn ngày một bữa, đêm ngủ dưới gốc cây. Ngài là nương trí tuệ môn, thật sự làm được xa rời tâm tham trước tự thân, làm một tấm gương viên mãn cho chúng ta noi theo. Không phải làm một hai ngày, hay một năm hai năm, suốt một đời đều như vậy. Ngài viên tịch trong rừng cây, không phải trong nhà, nằm trên mặt đất viên tịch. Nằm an tường trên đất, không phải nằm trên giường, thật sự đã làm được.

Thứ hai: nương theo từ bi môn, nhổ sạch tất cả khổ cho chúng sanh, khiến chúng sanh xa rời tâm bất an. Đại từ đại bi giúp chúng sanh ly khổ, không nói đắc

lạc, ly khổ chính là đặc lạc. Phải viễn ly, viễn ly là gì? Vô an chúng sanh tâm. Ở trước là viễn ly tâm tham trước tự thân, chính là nói tuyệt đối không phải nghĩ cho thân mạng mình, điều này tương ứng với tâm bồ đề, đây là trí tuệ chân thật. Người không có trí tuệ, mỗi niệm đều vì mình, quý vị nghĩ xem vì sao? Mê hoặc nghiêm trọng nhất chính là tự thân, thế nên Phật pháp dạy chúng ta tu hành, điều đầu tiên là phá thân kiến, đây là chướng ngại lớn nhất. Vì thân giả tạo này_ Đây là cái tôi giả không phải cái tôi thật, không biết tạo bao nhiêu tội nghiệp, luân hồi lục đạo, trầm luân tam đồ.

Quý vị thử nghĩ xem, điều nào không phải vì thân thể mình? Danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, tham sân si mạn, tạo ra vô lượng vô biên tội nghiệp. Phật nói, chỗ chúng ta cần hạ thủ là viễn ly, xả bỏ nó. Thế nên khi ngài niết bàn_ tám chữ di ngôn sau cùng trước lúc ngài nhập diệt, dạy các đệ tử đời sau: Lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy. Quý vị không thể trì giới, không thể chịu khổ, tâm bồ đề quý vị không sanh khởi được. Tâm bồ đề không sanh khởi, vãng sanh sẽ có chướng ngại. Chúng ta muốn thành Phật, nó chướng ngại chúng ta thành Phật. Tôi muốn độ chúng sanh, nó chướng ngại quý vị độ chúng sanh, tám chữ này quan trọng biết bao!

Tám chữ này là mấu chốt có thể thành công hay không trong một đời tu hành của chúng ta. Các bạn đồng học Tịnh tông, hơn một năm nay nghe tôi giảng kinh, tôi giới thiệu cư sĩ Lưu Tố Vân cho mọi người. Rất nhiều người biết, cũng xem đĩa của bà. Lưu Tố Vân có bản lĩnh gì? Chính là học được hai câu nói này của Đức Thế Tôn: Lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy. Thành tựu của bà đều dựa vào điều này: Trì giới, chịu khổ. Người này có thiện căn, trước khi chưa học Phật có thể chịu khổ, có thể quên mình vì người. Nhìn thấy người khác khổ, bà ta liền đưa tay giúp đỡ. Gia đình ngày mai có cơm ăn hay không bà không biết, bà thật sự làm được, không nghĩ đến mình. Toàn tâm toàn lực giúp người khó khăn, đây là cứu khổ cứu nạn.

Sau khi học Phật, chúng tôi nghe bà báo cáo, mỗi ngày bà ăn cơm chỉ một món, mời bạn đến ăn cũng chỉ một món, cuộc sống rất giống người xuất gia ngày xưa, không nói hiện tại. Đích thực người xuất gia ngày xưa chỉ ăn một món, một nồi thức ăn lớn. Cuộc sống đơn giản, an vui, vọng niệm rất ít. Cuộc sống đơn giản hóa, cái gì cũng không cần nghĩ, trong này có đạo lý lớn.

Thứ hai, thật sự có bạt khổ chúng sanh, giúp chúng sanh ly khổ. Mỗi niệm đều nghĩ, làm sao giúp chúng sanh ly khổ đặc lạc, bà có tâm này. Nếu chúng ta không có tâm này, chỉ đôi lúc phát tâm này, không được. Thường thường có tâm này,

giúp chúng sanh ly khổ đặc lạc, đây chính là an tâm của chúng sanh. Phải giúp chúng sanh đạt được an ổn, đạt được an định.

Thứ ba, nương vào pháp môn phương tiện, phát tâm lân mẫn tất cả chúng sanh, xa rời tâm cung kính cúng dường bản thân. Điều này cần phải thật tu, lân mẫn tất cả chúng sanh, không thể cầu chúng sanh cung kính cúng dường mình. Có tâm này là sai, có tâm này là phan duyên, chính mình không có đức hạnh thật sự, tương lai phải trả nợ. Các bậc cổ nhân, các bậc tổ đức nói: Đời này không hiểu đạo, mang long đội sừng để trả. Tịnh độ tông đem liễu đạo này, hạ xuống tiêu chuẩn thấp nhất là vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc. Nếu quý vị không thể vãng sanh thế giới Cực Lạc, tương lai phải mang long đội sừng để trả, hoàn toàn là sự thật.

Thế nên tôi đã thanh minh mấy lần, hy vọng đồng tu các nơi không nên gởi tiền đến cúng dường tôi nữa, hiện tại tôi không cần tiền, vì sao? Không làm việc nữa. Trước đây còn làm việc in ấn kinh, hiện nay không làm nữa, tuổi tác đã lớn không kham nổi. Tất cả những hoạt động trong nước và nước ngoài, tôi đều không tham gia, không có việc gì cần dùng tiền, hy vọng quý vị đừng đưa tiền thêm cho tôi. Quý vị nên cúng dường tôi như thế nào? Mọi người học tập Kinh Vô Lượng Thọ, thật tâm niệm Phật hồi hướng, đó chính là cúng dường tôi, đây là cúng dường tốt nhất, ngoài ra đại khái đều không cần thiết.

Tôi mỗi niệm chỉ cầu vãng sanh thế giới Cực Lạc, sự nghiệp hoàng pháp lợi sanh đã có người làm. Người sau đi làm, tôi phải giao gậy rồi. Những năm về già hy vọng giảng viên mãn Kinh Vô Lượng Thọ, tôi dự định một ngày giảng bốn tiếng, khoảng tháng mười có thể giảng xong. Giảng viên mãn mà thân này vẫn còn tại thế, tôi sẽ tiếp tục giảng kinh, ngoài việc giảng kinh ra tôi không đi đâu hết. Tôi cũng không có đạo tràng.

Chư vị đồng học nên biết, bất luận là trong nước hay nước ngoài, dùng danh hiệu của tôi để kiến lập đạo tràng, tương lai tôi sẽ đến ở, toàn là giả, không phải thật. Học Phật phải có trí tuệ, không nên mê muội. Nếu vẫn còn ở thế gian, tương lai tôi giảng kinh chỉ có ba nơi, trên thực tế là hai nơi: HồngKong và Úc Châu, hai đạo tràng nhỏ này, có thể tự cho là đầy đủ. Mọi người yên tâm về điều này, cố gắng học kinh giáo, học Kinh Vô Lượng Thọ, siêng năng niệm Phật. Tương lai chúng ta gặp nhau trong hội liên trì ở thế giới Cực Lạc, như vậy thì hoan hỷ biết bao, tốt biết bao! Điều này chúng ta có lòng tin, nhất định có thể làm được. Thế nên phải nhớ lời Phật dạy: Xa rời tâm cung kính cúng dường tự thân, không thể có tâm này.

“Thị danh viễn ly tam chủng bồ đề môn tướng vi pháp”, ba loại này là trái với tâm bồ đề, có ba loại này, tâm bồ đề làm sao phát khởi được? Tôi lặp lại một lần nữa, thứ nhất chính là “ngã tâm tham trước tự thân”, chính là câu này. Không nên có ý niệm tham trước tự thân, nó trái ngược với bồ đề. Thứ hai, “vô an chúng sanh tâm”, nếu không giúp xã hội an định tâm cho chúng sanh, không có ý niệm này, điều này trái với tâm bồ đề.

Người tu học đại thừa, mỗi niệm đều phải cầu xã hội an định ấm êm, giúp đại chúng trong xã hội tâm an, tâm an là lý đắc. Họ hiểu được đạo lý thì tâm sẽ an, tâm họ vì sao không an? Không hiểu rõ đạo lý, Phật pháp chính là đem đạo lý nói rõ ràng, nói minh bạch thì tâm an. Thứ ba chính là “cung kính cúng dường tự thân tâm”, điều này nhất định không được có, như vậy mới tương ưng với tâm bồ đề. Ba loại này cần phải xa rời.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta chỉ học đến đây

Tập 399

Chuyên ngữ: Minh Tuệ

Biên Tập: Nguyên Tâm

Thời gian: 06. 05. 2011

Địa điểm:Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong

Chư vị Pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 498. Niệm Lão đã dẫn tập An lạc và luận Tịnh Độ để nói chúng ta cần tránh ba thứ trái ngược với cửa Bồ đề. Ba thứ đó, chúng ta cần phải rời xa.

Ba loại này, quý vị xem câu đầu, hàng thứ ba trang 498: “Ngã tâm tham trước tự thân”. Đây là câu thứ nhất, vấn đề trong câu này đó là chấp chặt quá, không thể buông bỏ, đây là chướng ngại đầu tiên của những người niệm Phật cầu vãng sinh Tịnh độ. Không thể phủ nhận sự có mặt của thân thể, song chúng ta không nên quá chiều chuộng nó, đã quá chiều chuộng chắc chắn sẽ sinh tham đắm, tham

đắm hình thức. Khi đã tham đắm đương nhiên tìm mọi cách phục vụ cho thân thể, làm sao để cách ăn uống, đi đứng đều tương thích với cơ thể để nó được thoải mái, những việc như vậy tất nhiên sẽ phương hại đến đạo nghiệp.

Khi còn tại thế, đức Thế tôn đã dạy chúng ta, không phải ngài không biết quý trọng thân thể mình, nhưng thân đó phải chịu vất vả để học tập, để giáo hoá chúng sinh. Sau khi diệt độ, để dẫn dắt những đệ tử sau này, Phật dạy: lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy. Nếu không trì giới, không chịu khổ thì quý vị không cách nào thoát khỏi luân hồi lục đạo, nghĩ như thế là sai lầm, cách nghĩ như thế trong Phật giáo gọi là tâm luân hồi, tất cả những gì tâm luân hồi tạo ra gọi là nghiệp luân hồi. Quý vị học Phật, làm việc thiện, đó gọi là nghiệp thiện của luân hồi, quả báo là sinh vào cõi trời, người, vẫn không ra khỏi luân hồi lục đạo, không thể vắng sinh Tịnh độ, điều này chúng ta phải nắm rõ.

Vậy chúng ta nên cung dưỡng tâm thân này hay chẳng? Không, cách nghĩ như thế cũng không đúng, mà nên nuôi dưỡng nó đúng lí, đúng pháp. Giáo lí Đại thừa cho biết vạn pháp duy tâm, tất cả mọi hiện tượng đều do tâm tạo, thân thể là do tâm hiện, thức biến. Cách nuôi dưỡng nó, đó là cách dưỡng sinh theo như cách nói ngày nay. Muốn dưỡng sinh thì trước hết phải biết dưỡng tâm, vì sao? Thân thể sẽ chuyển biến theo tâm tư, không một thứ gì có thể sánh bằng một tinh thần khoẻ mạnh, khi tinh thần thoải mái thì làm gì có chuyện thân thể không mạnh khoẻ? Làm gì có chuyện đó! Tinh thần không thoải mái mà mong một thân thể khoẻ mạnh là điều không thể, người học kinh Đại thừa phải nắm được tất cả những vấn đề này.

Tinh thần mạnh khoẻ là gì? Đó là tâm thanh tịnh, tâm không phiền não, không có tạp niệm, không ưu tư, không sợ hãi. Tâm địa thanh tịnh, tâm địa bình đẳng, giác ngộ không mê lầm, tâm như thế là tâm mạnh khoẻ nhất. Tâm khoẻ mạnh sẽ kéo theo thân thể mạnh khoẻ, cho dù thân chỉ là hiện tượng vật chất, nhưng nền tảng của hiện tượng vật chất là tâm niệm. Vì thế một tâm niệm tốt thì dù cho thân thể đang nhiễm những độc tố đi nữa, thì tự nó vẫn có thể khôi phục như ban đầu, khôi phục như ban đầu chính là khoẻ mạnh. Bởi thế nhà Phật gọi là tu tâm, bỏ ác làm lành thì bạn kháng cự được tất cả những độc tố. Cải tà qui chánh, thì dù có độc tố nó vẫn khôi phục trở lại bình thường, cải ác tu thiện. Tâm niệm đứng đắn, trạng thái tâm lí tốt nhất, thân tâm mạnh khoẻ, không thể không biết vấn đề này. Bởi thế tham đắm thân thể là một sai lầm, kiểu cung dưỡng nào cũng không đúng, thân tâm lúc đó trở thành bệnh tật.

Thứ hai: Không an tâm cho chúng sanh, suy nghĩ như vậy cũng không tốt, cần có sự hài hoà, an ổn cho tất cả mọi người trong xã hội. Khi xã hội phát sinh những xung đột, thì những cư dân trong đó sẽ có cảm giác bất an, đây là một xã hội không lành mạnh. Mọi người có sự lo lắng, phiền não, sợ hãi, bất an thì những người đó không lành mạnh. Ta đang khoẻ mạnh, người tu học theo giáo lí Đại thừa vẫn lành mạnh, ta có cần lo lắng cho một xã hội và con người không lành mạnh chẳng? Có cần giúp đỡ họ trở lại an toàn? Rất nên. Tại sao? Vì tâm từ bi. Chúng sinh cùng một thể với ta, nếu ta chỉ lo cho thân thể của ta, không quan tâm đến tất cả mọi người, không ngó ngàng đến xã hội, một người như thế cho dù có niệm Phật cũng không thể vãng sinh. Vì sao? Vì họ không có tâm từ bi. Bởi thế người có tâm từ bi là khi gặp người có hoàn cảnh khó khăn, nhất định họ liền chìa tay cứu giúp.

Chúng ta là những người học Phật, mỗi ngày đều giảng kinh, dạy học, niệm Phật cầu sinh Tịnh độ. Mười năm trước tôi ở Astralia, gặp đúng sự kiện ngày 11/9 của Mỹ. Hiệu trưởng trường đại học Queensland đến tìm tôi, bèn phái hai vị giáo sư đến mời tôi đến thăm trường, và cùng giáo sư học viện Hoà bình của trường tổ chức buổi toạ đàm. Điểm chính của buổi toạ đàm là mời tôi đến thảo luận vấn đề làm sao hoá giải những xung đột của xã hội, giúp thế giới trở lại ổn định và hoà bình. Đây là một vấn đề lớn, không phải là chuyện nhỏ, vì thế tôi đồng ý. Nghe những tham luận của các diễn giả mất độ 50 phút, lúc đó tôi mới biết có khoảng tám trường đại học trên thế giới, không nhiều, chỉ mới có tám trường đại học có học viện Hoà bình. Mỗi học viện như thế đều có học vị, có lớp tiến sĩ, thạc sĩ. Sau khi tốt nghiệp ở đây, phần lớn các học viên đều đến làm việc tại Liên hợp quốc. Những người này giúp giải quyết những vướng mắc giữa các quốc gia trên thế giới. Phương cách giải quyết xung đột của họ, đều dùng tư duy của người phương Tây, đó là trấn áp, trả thù.

Sự kiện 11/9 trở thành một loại chiến tranh khủng bố, nên họ đang tập trung lo ứng phó với vấn đề này. Dùng cách trả thù, trấn áp không được, không thể giải quyết được vấn đề, nên hy vọng tìm ra biện pháp hoà bình khác. Các vị hiệu trưởng đều biết, trước đây khi ở Singapore, chúng tôi đã tổ chức rất thành công việc đoàn kết chín tôn giáo ở Singapore, đã có một số kinh nghiệm, thế nên họ muốn chúng tôi chia sẻ kinh nghiệm cùng họ.

Sau khi nghe tất cả những kinh nghiệm của chúng tôi đưa ra, họ hoan hỉ lắm, từ trước đến nay họ chưa bao giờ nghĩ rằng, phương pháp hoà bình có thể giải quyết được vấn đề, lần hội đàm này ai cũng vui vẻ. Tuần sau, hơn mười mấy vị

giáo sư lại đến gặp tôi, chúng tôi lại có cuộc gặp mặt lần thứ hai. Lần này nhà trường đã có sự chuẩn bị chu đáo, thư mời cũng đã chuẩn bị, mời tôi đảm nhận cương vị giáo sư tại trường của họ. Sau lần hội thảo này, tôi đối với việc trao tặng học vị của họ, tôi không hứng thú với việc được mời làm giáo sư. Tôi nói: Nếu hãy còn duyên, xin quý vị cứ cố gắng tổ chức những cuộc tọa đàm như thế này. Tôi rất vui lòng được cùng tham dự, mang những kiến thức của các vị Hiền Thánh, kết thành lý niệm về một xã hội thanh bình lâu dài. Một số kinh nghiệm, phương pháp nắm được, tôi sẽ viết một bài tham luận rồi gửi cho quý vị.

Lúc bấy giờ trong văn phòng của ông hiệu trưởng còn có một vị nữa, đó là ông hiệu trưởng trường đại học Cách Lý Phi Tư_Griffisch, cả hai ông hiệu trưởng đều nói với tôi: Ngài nhất định phải nhận lời. Tôi hỏi tại sao? Ông ta trả lời, chúng tôi đã rất bằng lòng với tham luận về ý tưởng của ngài, nhận thấy bài tham luận đích thực có thể giúp Liên hợp quốc hoá giải những vấn đề xung đột xã hội. Hy vọng tôi đại diện các trường đại học, đại diện Australia tham dự hội nghị hoà bình của Liên hợp quốc. Nguyên nhân là như vậy đấy. Những ngược được Liên hợp quốc mời đều là những học giả, chuyên gia, không mời những nhân sĩ tôn giáo. Song lần này vẫn có cả nhân sĩ tôn giáo, nhưng không nhiều. Những nhân sĩ tôn giáo này đều có học vị tiến sĩ, đều là hiệu trưởng các trường đại học, vì nguyên nhân như thế nên tôi mới nhận lời, đó là gì? Làm yên tâm mọi người. Không thể ngồi yên một chỗ để nhìn mọi người đang khốn đốn, theo giáo lí nhà Phật đó là người không có tâm từ bi, bởi thế mà tôi quyết định nhận lời.

Trong mười năm đó, tôi đã tham dự mười mấy lần hội nghị. Chúng tôi đã tìm được căn nguyên của những xung đột, đồng thời biết cách để hoá giải những xung đột đó và cung cấp cho họ những bài tham luận đó, để làm báo cáo chính trong nhiều hội nghị tại Liên hợp quốc.

Năm 2006 còn cùng với UNESCO tổ chức một hoạt động có qui mô lớn, trong lần này chúng tôi đã đưa thí nghiệm ở Thang Trì, báo cáo chi tiết suốt tám giờ tại Liên hợp quốc. Hoạt động này là do những người bạn tại Liên hợp quốc xúc tiến và chúng tôi đã nhiều lần báo cáo tham luận, nói chuyện, mọi người rất hài lòng khi được nghe, hết lòng tin tưởng. Sau cuộc họp, họ bảo: Bạch thầy, thầy giảng rất hay, nghe xong chúng tôi cảm thấy rất thấm thía, song sợ ý tưởng này khó thực hiện được. Nhân câu nói này, tôi quyết định làm một cuộc thí nghiệm. Ở rất nhiều nơi, chúng tôi muốn tìm một điểm thực, nhưng vẫn chưa thực hiện được.

Năm 2005, tôi trở về thăm cố hương, vì đã 70 năm chúng tôi chưa có dịp trở lại. Lúc nói chuyện với các hương thân phụ lão về những hoạt động chúng tôi đã làm tại hải ngoại mấy năm nay. Nghe chuyện, họ rất vui, khuyên tôi tổ chức ở quê hương, để người đồng hương ủng hộ. Nhà cầm quyền địa phương giới thiệu thị trấn Thang Trì này, chúng tôi đến xem, cảm thấy rất yên tâm, quyết định tổ chức thí nghiệm tại đó. Không ngờ cuộc thí nghiệm thành công ngoài dự kiến, đó là nhờ sự che chở của tổ tiên, sự gia trì của ngôi Tam bảo, công việc thành tựu nhanh chóng, chúng tôi nghĩ ngay đến việc báo cáo lên Liên hợp quốc.

Không ngờ hai tháng sau, Liên hợp quốc đã có thư, mời chúng tôi cùng họ tổ chức một hoạt động, quả là trùng hợp, chúng tôi bèn thuyết minh chi tiết những thành quả này. Những phương pháp của các bậc Thánh hiền, đến nay vẫn còn nguyên giá trị, rất thích hợp. Tánh người vốn thiện, con người nhờ giáo dục mà nên, trong thí nghiệm đó chúng tôi đã chứng minh. Khi nghe xong những người tham dự hội nghị đều cảm thấy thích thú. Đại biểu, phái viên của 192 quốc gia đều muốn tận mắt xem thí nghiệm đó, quả là một cuộc hội thảo rất thành công.

Tất cả nói lên điều gì? Làm an lòng tất cả mọi người, đặc biệt là những người đang sống trong thời đại ngày nay, đây là một giai đoạn khá hỗn loạn, cả quả đất đều như thế. Xã hội biến động, địa cầu thường xảy ra những tai họa, đến bây giờ thì chúng ta đã tận mắt chứng kiến. Ngày xưa Phật đã nói điều này trong kinh, nhưng chúng ta nửa tin nửa ngờ. Phật dạy cảnh chuyển theo tâm, tất cả mọi vật đều do tâm nghĩ mà có, nửa tin nửa ngờ. Mãi đến cận đại, qua những kết luận của các nhà vật lý, chúng ta đã hiểu rõ, tất cả những nghiên cứu của họ đều tương đồng với những gì Phật dạy. Lúc này chúng ta mới hoàn toàn chắc chắn, rằng giáo lý Đại thừa là trí tuệ đích thực. Kinh Vô lượng thọ nói ba thứ chân thực, đó là thời gian chân thực, trí tuệ chân thực và lợi ích chân thực. Điều này không hề giả dối và chứng minh rằng, suy nghĩ con người ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe của thân và tâm.

Chính bản thân chúng ta, hoàn cảnh bên ngoài, sẽ ảnh hưởng đến an ninh của xã hội, và thiên tai trên địa cầu. Nhân tâm tốt, trên địa cầu, tất cả những gì gọi là thiên tai tự nhiên, đều có thể hóa giải. Trong kinh Vô lượng thọ, Phật Thích ca mâu ni đã giới thiệu cho chúng ta thế giới Cực lạc ở phương Tây, không có những tai họa như nạn hạn hán, lụt lội, động đất, gió bão, không có... Sao lại không có? Vì nó không có nhân. Kinh Lăng nghiêm đã nói rất cụ thể, nguyên nhân nào dẫn đến lũ lụt? Nó là hệ quả của lòng tham lam, nếu con người không tham lam thì không có cảnh đại hồng thủy, cơ thể mỗi chúng ta cũng sẽ không

xuất hiện những loại bệnh như trướng nước, cảm lạnh... Nếu không có tâm giận hờn thì sẽ không xảy ra những tai nạn về lửa, sẽ không có cảnh núi lửa tuôn trào, tránh được hiện tượng nóng dần lên của quả đất, những tai nạn về lửa kéo theo những chứng bệnh gì? Đó là bệnh mạn tính, nóng lạnh không giống nhau.

Không có ngu si sẽ không gây ra những tai nạn về gió, không ôm lòng kiêu mạn sẽ tránh được những tai nạn như động đất, không hoài nghi sẽ tránh được những sự nghiêng đổ của núi sông... Đất đai lún sụt, núi đồi nghiêng đổ, nguyên nhân do đâu? Đó là tâm hoài nghi. Vì thế nếu chúng ta triệt tiêu được tâm tham, sân, si, mạn, nghi thì chúng ta sẽ tránh kiện lăm, không khác Phật, Bồ tát, nơi chúng ta cư trú cũng tránh được tất cả mọi tai nạn. Tất cả những việc này chỉ được nghe trong kinh Phật, ngoài ra, như các nhà khoa học không hề nhắc đến. Liệu tất cả những suy nghĩ, hành động của chúng ta thật sự tạo nên những tai nạn như thế chăng? Nếu cộng nghiệp sẽ tạo nên những tai nạn thiên nhiên, biệt nghiệp thì tật bệnh mỗi cá nhân, thân tâm không khoẻ mạnh, tất cả mọi bệnh tật.

Ngày nay chúng ta nghe những kết luận của các nhà khoa học, tất cả đã chứng minh sự chính xác về lời dạy của Phật. Chúng ta nên ứng xử như thế nào về những gì nhà khoa học đã kết luận, như dự báo tai hoạ Maya sẽ xảy ra trong năm 2012. Một nhà khoa học Mỹ đã đưa ra một kiến nghị, chỉ cần tất cả mọi người trên toàn thế giới bỏ ác làm lành, cải tà qui chánh, chĩnh đốn tâm niệm, thì tai hoạ kia có thể tránh được. Không những có thể tránh được mà còn hướng quả đất đi theo một hướng tốt nhất. Những phát biểu của ông hoàn toàn tương đồng với lời dạy đức Phật, tuy ông ta chưa học Phật, chưa đọc kinh Phật.

Thí nghiệm của các nhà khoa học đã chứng minh, ý niệm có thể thay đổi hiện tượng vật chất. Thế nên Phật dạy chúng ta hai câu, hai câu này nhà Phật gọi là khẩu đầu thiền, không thể bao quát được ý nghĩa sâu rộng của nó, nhưng đó là một sự thực, không phải giả dối. Những người học Phật đều biết hai câu này, đó là: Siêng tu giới định tuệ, tham sân si liền mất. Quý vị xem, tham, sân, si, mạn, nghi biến mất ngay, vấn đề đã được giải quyết. Vấn đề cá nhân được giải quyết, vấn đề xã hội được giải quyết, cả vấn đề tai hoạ của trái đất cũng được giải quyết, thật tuyệt vời! Vì thế câu thứ hai, nếu quý vị không làm tâm mọi người yên ổn thì không thể phát khởi được lòng từ bi.

Yếu tố thứ ba của tâm Bồ đề đó là từ bi, nội dung của nó là “Cung kính cúng dường tự thân tâm”. Yếu tố này thuộc về tham, tham gì? Tham muốn được cung dưỡng, muốn được người khác kính nể. Trong lòng tham cung kính đó đã có tâm cao ngạo, trong lòng tham được cúng dường đã bao gồm mong muốn được yêu

mến, có tham, sân, si, đầy đủ tham, sân, si, bởi thế nó gây trở ngại tâm bồ đề. Sâu xa trong việc trở ngại tâm bồ đề, không làm an tâm cho chúng sanh là chướng ngại, tâm đại bi trong tâm bồ đề đó là tâm từ bi. Tâm mình tham trước bản thân, tham trước bản thân là chướng ngại tâm chân thành, làm cho tâm bồ đề không hiển lộ được. Nếu làm ngược lại tất cả những hành động trên thì tâm bồ đề có thể hiển lộ được.

Tiếp theo, tập An lạc nói: Bồ tát xa lìa ba pháp trái ngược với tâm bồ đề như thế. Đoạn trước chúng ta đã nói đến rồi, xa lìa là chúng ta buông bỏ ba trạng thái tâm đó, là quý vị liền được ba loại thù thuận pháp môn bồ đề. Quý vị liền được ba thứ thù thuận, ba thứ đó là gì? Ở dưới nói với chúng ta: thứ nhất, tâm thanh tịnh vô nhiễm. đây chính là cội gốc tâm bồ đề, căn bản của tâm bồ đề, chính là lòng chân thành. Không cầu niềm vui cho chính bản thân. Trong tứ đức của Hoàn Nguyên Quán, câu thứ tư nói, chịu thay cái khổ của mọi người. Khi người khác khốn đốn, ta phải thay họ chịu cái khổ đó, nên gánh vác thay họ, không được không ngó ngàng đến, không được lo cho bản thân, như thế mới có thể chịu khổ thay cho mọi người. Nếu trong mỗi suy nghĩ không quên cầu niềm vui cho mình, thì việc này khó mà thực hiện được.

Bồ đề là nơi thanh tịnh, không ô nhiễm, nếu tự cầu an lạc cho riêng mình thì đã trái với cửa bồ đề. Bởi thế phần trước chúng ta đã nói ba thứ trái với cửa bồ đề, tức đi ngược. Nên tâm vô nhiễm thanh tịnh là đi đúng với cửa bồ đề. Chúng ta cần tu tập, nhất là coi trọng tâm vô nhiễm, bởi vì chỉ A la hán mới có tâm thanh tịnh, nhưng A la hán không phát tâm bồ đề. Nói cách khác, tâm thanh tịnh của A la hán vẫn còn ô nhiễm, ô nhiễm thế nào? A la hán giúp đỡ chúng sinh, giáo hoá chúng sinh, nhưng nếu chúng sinh không tiếp nhận, A la hán liền thoái tâm, chúng sinh khó độ quá, thôi, không độ họ nữa, bỏ qua, đây là nhiễm ô. Sự nhiễm ô của A la hán không giống sự nhiễm ô của chúng ta, sự nhiễm ô của chúng ta là sự nhiễm ô rất nghiêm trọng, A la hán chỉ chút ít nhưng đủ làm cho tâm bồ đề của họ mất đi, không đơn giản!

Thứ hai, an thanh tịnh tâm, vì để nhỏ tận gốc khổ não cho chúng sinh. Nhất định phải giúp chúng sinh lìa khổ được vui, bồ đề đưa tất cả chúng sinh đến nơi thanh tịnh, đây là bồ đề. Lúc nào cũng phải tìm cách phá bỏ mọi khổ nạn cho chúng sinh, chúng ta phải tận tâm tận lực. Bây giờ làm tốt công việc đã khó, không phải Bồ tát không thể làm nổi, vì Bồ tát có lòng kiên nhẫn, Bồ tát không ngại khổ, không sợ chướng duyên. Bởi vì chúng sinh thời này không nghe được những lời giáo huấn của Thánh hiền, rất nhiều quan niệm đều lệch lạc.

Nếu họ có khó khăn, quý vị đến giúp, họ sẽ nghi ngờ. Tôi với ông không quen biết, sao lại đến giúp tôi? Anh có ý định gì? Anh muốn gì? Họ toàn nghĩ như thế thôi. Không những không cảm ơn mà còn cho bạn là người xấu, cho bạn đang rắp tâm, có mục đích đen tối, muốn chiếm đoạt thứ gì đó, quý vị xem, còn biết làm gì hơn! Bởi thế, thời đại ngày nay, Phật pháp nói độ chúng sinh khó, quá khó. Quý vị phải dùng phương cách nào để chứng minh mình không có ý đồ gì, không có mục đích gì khác, chỉ là đồng tình nhưng họ không tin quý vị, cho rằng trên thế giới làm gì có những người như thế? Họ cho rằng nhất định bạn có ý đồ, có mục đích, chiếm lĩnh thứ gì đó, đây là những chuyện quá thông thường. Bạn cho rằng bạn không có ý đồ, không có mục đích, họ cho rằng bạn không được bình thường, họ e ngại bạn, đó mới là khó khăn.

Bởi thế nhà Phật nói: Phật độ người có duyên. Có duyên là gì? Bạn giúp đỡ họ, họ hợp tác, họ cảm ơn, họ làm theo, họ được lợi ích, nhưng những người kiêu này không nhiều. Bởi thế, nghe kinh, học Phật, nghe rồi sinh tâm hoan hỉ, theo những lời dạy trong kinh rồi đi truyền lại, tất cả đều là nhân duyên, phước đức, thiện căn được tích lũy từ nhiều đời kiếp trong quá khứ. Nếu trong đời trước chưa được học thì kiếp này quả thực gặp nhiều khó khăn, không thể tiếp thu được, họ chỉ nhìn cái lợi trước mắt. Chúng ta nói chuyện Phật Bồ tát với họ, họ không bao giờ nghe. Nói về những lợi ích kiếp sau, họ cho bạn mê tín, đó là những điều tôn giáo ru ngủ và họ lập tức phủ định ngay.

Giáo lý Đại thừa nói pháp môn Tịnh độ là pháp rất khó tin, bây giờ tôi thấy tám vạn bốn nghìn pháp môn đều là pháp khó tin, Tịnh độ là pháp khó tin trong những pháp khó tin đó. Được mấy người tin? Nghe rồi có thể tin, có thể tiếp nhận, rồi niệm Nam mô A di đà Phật để cầu sinh Tịnh độ, như kinh Di đà mô tả đó là người nhiều thiện căn, nhiều phước đức, nhiều nhân duyên. Nhiều thiện ăn phước đức là kết quả tu tập trong nhiều đời của kiếp trước, không phải một kiếp mà nhiều kiếp. Như kinh Kim cương nói, một đời, hai đời thì không thể có thiện căn phước đức lớn như thế. Ngày nay chúng ta có thể tin tưởng, có thể thực hiện được, quyết tâm cầu sinh Tịnh độ, việc này như kinh Kim cương nói: Trong vô lượng kiếp về trước đã tích lũy thiện căn, phước đức, nhân duyên, đến đời này mới thành tựu, thành Phật trong kiếp này.

Bởi thế, gặp những chúng sinh ta phải đưa tất cả họ đến nơi thanh tịnh, an ổn, nếu không khởi tâm nhỗ sạch gốc rễ cái khổ sinh tử của tất cả chúng sinh, đó là việc làm trái với cửa Bồ đề. Như phần trước đã trình bày, thấy chúng sinh đau khổ, chúng sanh đang thọ khổ trong luân hồi lục đạo, cần phải giúp họ. Giúp họ

thoát li sinh tử, ra khỏi luân hồi, mỗi niệm không được quên tâm niệm này. Về hành vi, cần xem tất cả chúng sinh, liệu họ có thể tiếp nhận không, nếu họ hợp tác, ta nhất định phải giúp đỡ. Nếu không tiếp nhận, thì hãy xem họ thích hợp với pháp môn nào, họ muốn pháp môn nào ta sẽ dạy họ pháp môn đó. Họ muốn làm một người giàu có trong đời, bạn nói cho họ những vấn đề liên quan đến nó, họ hoan hỷ sẽ đón nhận ngay.

Bởi vậy khi giáo hoá chúng sinh, chư Phật Bồ tát phải dùng các phương tiện quyền xảo, vận dụng trí tuệ. Có tám vạn bốn nghìn pháp môn, thấy pháp môn nào thích hợp thì sử dụng pháp môn đó, đầu tiên là để cho mọi người nhận thức được Phật pháp, không nhận tức là không ổn, nhất định phải nhận thức. Phật là gì? Thế nào là pháp? Nội dung Phật dạy là gì? Ưu điểm khi học Phật? Phải làm sáng tỏ những vấn đề trên, khi hiểu rồi họ mới vui vẻ đón nhận.

Chúng ta là những người Phật tử và được học Phật, không những phải hiểu rõ mà còn áp dụng vào đời sống hàng ngày, áp dụng vào công việc, áp dụng trong việc ứng xử với mọi người, đưa nó ra để mọi người học hỏi. Giống ngày xưa Phật Thích ca mâu ni đã làm, khi đã nhận thức được thì mọi người không còn hoài nghi. Nhưng vấn đề ở chỗ chúng ta không thể buông bỏ, không thể buông bỏ được tự tư tự lợi, tiếng thơm, lợi dưỡng. Muốn cho những người xung quanh có thể học hỏi, nhất định ta phải có tâm thanh tịnh vô nhiễm, không tham danh, không háms lợi, chân thành với người khác. Người khác đối xử không tốt với mình, mình vẫn chân thành với họ, thậm chí họ nhục mạ, hãm hại mình, mình vẫn đối đãi cung kính, chân thành với họ.

Sao mình phải làm như thế? Vì ta muốn đến thế giới Cực lạc, ta muốn học Phật. Phật chính là tấm gương cho ta, là điển hình cho ta, nếu không học như vậy thì chắc chắn ta sẽ luân hồi trong lục đạo. Nhưng ở đây ta không muốn luân hồi trong lục đạo, nếu muốn trôi lăn trong lục đạo thì cứ dùng tâm luân hồi cũng không sao. Nhưng ta đang muốn cầu sinh Tịnh độ, thì không nên dùng tâm luân hồi, mà phải dùng tâm bồ đề. Tâm bồ đề là chân tâm, tâm luân hồi là vọng tâm, phải phân biệt rõ những vấn đề đó thì họ mới hết hoài nghi. Lúc đó họ mới giao tiếp, yên tâm với bạn, biết bạn không phải là người lừa dối, làm hại họ.

Cuộc đời này, cổ nhân cũng nói rằng: Không được đem tâm hại người nhưng không thể không có tâm đề phòng người khác. Bây giờ việc đề phòng đó đã đi quá xa, coi tất cả mọi người đều là người xấu, đây là do xã hội tạo nên. Lần đầu ra nước ngoài, tôi đến Mỹ, mới hiểu ra hải quan quốc gia này đối xử với mọi người thế nào, mỗi người đều là người xấu, phải đem chứng cứ để chứng minh

mình là người tốt, quý vị thấy có nhiều khô chẳng? Các bậc cổ đức xưa nay đều dạy chúng ta, hãy xem mọi người là người tốt, không có ai là người xấu cả. Người xấu nhất định phải lấy chứng cứ, chứng minh rằng anh ta là người xấu. Quý vị mọi việc đều trái ngược, thật đáng thương. Cổ nhân coi đây là điều sỉ nhục rất lớn, anh làm sao đối xử với tôi với thái độ như thế!

Cả xã hội bây giờ đều rối loạn, chúng ta đã quá rõ. Muốn làm visa để ra nước ngoài, phải chứng minh được mình là người tử tế để cảnh sát địa phương cho bạn đi, bạn phải chứng minh mình chưa hề phạm pháp, chưa phạm tội, những chuyện nhiều khô như vậy vẫn tồn tại. Sống trong thời đại này, hiểu được nỗi khổ chúng sinh trong hiện tại, và chúng ta cũng đang là một phần trong đó. Vậy nên, trước hết chúng ta phải tự cứu mình là khổ được vui, sau đó mới giúp đỡ những người có duyên. Phạm những người hiểu được, tin được, nguyện được, có thể thực hiện được, đều là những người có duyên, nên giúp họ, tạo cơ hội cho họ thành công như bản thân mình.

Thế nên nhờ sạch khổ não cho tất cả chúng sinh là việc làm đúng với cửa Bồ đề, Nhất định phải giúp đỡ tất cả chúng sinh đang chịu khổ nạn, thực tế chúng sinh khổ nạn ngày nay rất khó độ. Bởi quan niệm của họ sai lạc, trong mắt họ thế gian này không có người tốt, vì thế Bồ tát cứu giúp họ cũng gặp rất nhiều khó khăn. Phải vận dụng trí tuệ, phương tiện quyền xảo để thấu hiểu họ.

Thứ ba, tâm an vui thanh tịnh, nhạo có nghĩa là yêu thích, hoan hỷ. Muốn cho tất cả chúng sinh chúng quả Bồ đề, mong tất cả chúng sinh thoát khổ, đó là nội dung câu trên, mong tất cả chúng sinh được vui, là nội dung câu tiếp theo. Cần giúp đỡ chúng sinh, hai loại người cực kỳ cần được giúp đỡ trong xã hội ngày nay: Một là trẻ em, hai là người già. Trong thời đại ngày nay, người già rất đáng thương. Nên biết rằng, ta tuy đang khỏe mạnh nhưng không lâu sẽ phải già, nếu lúc trẻ không tỉnh thức thì về già sẽ thế nào? Trong quá khứ, con cái có nghĩa vụ phải cung phụng cha mẹ lúc về già, có trách nhiệm nuôi dưỡng cha mẹ lúc lớn tuổi, không thể không cung phụng, vì cung phụng cha mẹ là báo ân.

Xã hội hiện tại không coi trọng việc này, Trung quốc học theo các nước khác, không còn người cung phụng cha mẹ. Các quốc gia, mười sáu tuổi được xem đủ quyền công dân, tôi cũng có một thời gian khá dài ở Mỹ, thiếu niên mười sáu tuổi ở quốc gia này đã đủ quyền công dân. Có thể nói mười sáu tuổi là cha mẹ chúng có thể không ràng buộc chúng rồi, nó muốn đi đâu cứ đi, vì mười sáu tuổi là tuổi thành niên.

Khi tôi đang ở Mỹ, trong đạo tràng chúng tôi có một người Trung quốc đến tham dự khoá tu. Con của ông này bỏ nhà ra đi, ông đi báo cảnh sát, cảnh sát hỏi ông: Con bạn bao lớn? Mười tám. Mười tám tuổi mà ông còn quản lí nó ư? Mười sáu tuổi đã không còn chịu sự quản lí của gia đình, đằng này nó đã mười tám! Đây là xã hội Mỹ. Trên thực tế rất nhiều con cái, sau khi bỏ nhà đi, suốt đời không còn gặp lại cha mẹ. Cả một năm, tết nhất, nhận được thiệp chúc tết, họ vui khôn tả, anh xem, con cái hãy còn nhớ đến tôi. Bởi thế hoàn cảnh người già ở Mỹ rất đáng thương, cha mẹ nào không thương yêu con cái? Nhưng tiếc thay con cái không hiểu được lòng cha mẹ, không hiểu công ơn dưỡng dục của cha mẹ.

Người xưa có câu: Đến lúc bạn nuôi con mới hiểu được lòng cha mẹ. Nhưng người nước ngoài, đến lúc nuôi dạy con cái, họ vẫn không hiểu được công ơn cha mẹ, vì họ không có hệ thống luân lí, đạo đức, nhân quả, đó là tình cảnh xã hội ngày nay. Vì vậy chúng ta có thể đoán ra nguyên nhân biến động của xã hội hiện tại, chúng ta cũng thấy được nguyên nhân của những tai hoạ xảy ra trên địa cầu chúng ta đang sống và chúng ta cũng biết được phương pháp để phòng tránh. Nhưng khổ nỗi, một số người không tin, họ không tiếp nhận, nhà khoa học chỉ nghiên cứu trên phương diện vật lí, họ không hiểu tâm lí. Rất ít những nhà khoa học thực sự phát hiện, những hiện tượng vật lí là do ý niệm biến hiện ra, người am hiểu điều đó cũng không nhiều, không phải ai cũng nắm rõ. Ý niệm là nền tảng của tất cả vật chất, vậy nên rất có lí khi Phật nói cảnh tuy tâm chuyển, vừa có căn cứ khoa học, cảnh giới đúng là chuyển biến theo tâm.

Chúng ta giúp đỡ chúng sinh thoát khổ, đồng thời giúp họ được vui. Vừa rồi tôi đã đề cập, thứ nhất là trẻ em, nếu biết giáo dục, các bạn trẻ sẽ là nhân tài cho xã hội trong tương lai, khi người trẻ đã giác ngộ thì xã hội đã được cứu vãn. Nếu người trẻ vẫn còn mê lầm thì xã hội đó đã băng hoại. Hoàn cảnh người già đáng thương, nuôi dưỡng con cái, nhưng con cái lại bất hiếu, không đoái hoài đến cha mẹ, thậm chí không ngó ngàng đến cha mẹ ăn ở ra sao. Những hạng người như thế này thậm chí đang chiếm số đông trong xã hội ngày nay, họ ghét bỏ cha mẹ, coi thường người lớn tuổi, đây là việc làm đại bất hiếu! Những người này họ không hiểu biết, ta nói chuyện với họ, họ hoàn toàn không hiểu, họ không tiếp thu, bởi thế phần đông những người lớn tuổi lúc về già thường đến ở trong những viện dưỡng lão. Tôi đã có dịp tham quan rất nhiều viện dưỡng lão.

Trước đây, lúc tôi độ năm, sáu mươi tuổi, muốn tìm hiểu những nơi như viện dưỡng lão hay dạy trẻ. Bởi thế mỗi lần đến một quốc gia nào, nhất định tôi phải đến thăm những nơi như cơ sở phúc lợi cho người già, hay thăm viện dưỡng lão.

Những năm đầu, hệ thống viện dưỡng lão ở Mỹ còn tạm được, tổ chức khá tốt. Lúc bấy giờ kinh tế Mỹ đang phát triển, nhưng nghe những năm gần đây đã bắt đầu tuột dốc. Công tác dưỡng lão ở các địa phương, chắc chỉ có Australia là ổn hơn cả, nhưng cũng chỉ tạm được về mặt vật chất, còn đời sống tinh thần thì hầu như vắng bóng, các cụ già làm gì ở đó? Mỗi ngày ngồi ăn chờ chết, tôi nghĩ tinh thần các cụ những nơi như ở viện dưỡng lão không bao giờ thấy thoải mái, vì sao? Vì họ không muốn nói chuyện, mỗi ngày ngồi chờ đợi nơi đó, đúng như câu người Trung quốc thường nói: Ngồi ăn chờ chết.

Ở viện dưỡng lão hình như một hai ngày là có người mất, ngày nào cũng chứng kiến cảnh này, lại nghĩ một ngày không xa sẽ đến lượt mình, xoay vòng đến mình. Quý vị xem tâm lí các cụ nhiều đau khổ, nhiều buồn tủi như thế. Khi chúng tôi tiếp chuyện các cụ ở viện dưỡng lão, chỉ mới chào hỏi thôi các cụ đã hớn hờ. Chúng tôi cũng thăm hỏi việc nuôi dưỡng các cụ, họ làm việc này cũng chỉ để kiếm tiền, họ xem đây như một ngành kinh doanh, không phải vì lòng nhân đạo, nó đã bị thương mại hoá. Liệu có tiết mục nào để giúp vui cho các cụ không? Họ trả lời có, nhưng mỗi tuần một lần, hoặc một tháng hai lần. Họ đưa học sinh của một số trường học đến đây múa hát, an ủi người già, nhưng rất nhiều các cụ không muốn xem, không muốn tiếp xúc, nguyên nhân do đâu? Các tiết mục đó không phù hợp với các cụ, không muốn xem bọn nhỏ nhảy múa, không muốn nghe bọn nhỏ hát hò, đây là hình thức tổ chức của viện dưỡng lão ở Trung quốc.

Tôi đã có dịp nói với họ, không những các cụ không muốn xem mà tôi cũng thế. Nghe tôi nói họ ngớ người, vì sao? Thời đại các cụ sống, bạn nên đưa các tiết mục ca múa ngày xưa các cụ khi còn trẻ vẫn thường nghe để biểu diễn thì họ bằng lòng ngay. Họ nói những bài này tôi đã từng nghe và hát từ hồi bé, nhưng sao bây giờ nghe có vẻ lạ quá. Nhưng họ không nghĩ, bạn đem những bài hát cũ từ hơn năm mươi năm trước hát lại cho các cụ nghe là họ thích ngay, họ muốn nghe đến độ không đi nghe không chịu được. Nếu bạn chọn thứ nhạc quen thuộc hiện nay họ không thể nghe được, rất ghét. Giống như cách ăn uống, nếu mang những thức ăn hợp khẩu vị thì các cụ thích ngay, khổ nổi là không ai chịu nghĩ.

Vì thế công việc này rất quan trọng, tôi đã từng nói với họ: Các bạn theo nghiệp săn sóc người già, đây là gì? Là một việc làm rất to tát, là việc làm của thánh thần. Họ không hiểu, hỏi lại tôi: Sao thầy lại nói như vậy? Tôi trả lời, nếu ngày thường người già sinh hoạt không vui vẻ, tâm lí u uất, bức bối, quý vị biết chẳng? Khi chết họ sẽ rơi vào ba đường ác. Nếu chúng ta tạo cho họ một cuộc sống an lành, thoải mái lúc tuổi già, mỗi ngày cười nói vui vẻ, khi mất họ sẽ được

sinh lên các cõi trời, hoặc sinh trở lại làm người. Nói chung, bạn đã đưa họ từ địa ngục lên thiên đường, đó là việc làm của ai? Đó là công việc của Thượng đế, chứ không phải người bình thường có thể làm được. Nếu bạn làm tốt công việc này, giúp đỡ những người già vui vẻ để sau khi chết được sinh lên các cõi trời, thì tương lai các bạn sẽ về đâu? Bạn cũng được sinh lên các cõi trời, làm thiên thần. Quý vị không phải là người phàm, theo như cách nói nhà Phật thì bạn là Phật, Bồ tát.

Đây là một công việc rất tuyệt vời, quá vĩ đại, giúp đỡ người không rơi vào ác đạo. Quả báo quý vị chắc chắn sẽ thành Phật, sinh lên cõi trời. Đây là một công việc rất khó được, quý vị đã có nhân duyên để thực hiện, nên cố gắng làm thật tốt vì đây là một công việc rất vĩ đại. Ít người am hiểu, làm sao để thực hiện cho viên mãn? Thật như cổ nhân nói: Con hiền cháu thảo. Quan trọng nhất là viện trưởng của viện dưỡng lão, người này phải chỉ đạo mới có thể thực hiện được, người lãnh đạo phải là người có hiểu đạo, thì những nhân viên thuộc cấp mới noi gương được. Nếu ông ta không làm mà bắt người khác làm, không làm được, không thể đạt được hiệu quả, ông ta nhất định phải làm gương.

Trong bất cứ một tổ chức nào thì người lãnh đạo là nhân vật quan trọng, tất cả thành công hay thất bại nằm trong tay người này. Như một gia đình, gia trưởng là nhân vật chủ chốt. Trong một công ty, thì giám đốc là nhân vật chủ chốt. Trong một khu vực, thì người cầm quyền là nhân vật chủ chốt. Người xưa có câu: Một người có phước thì cả thiên hạ được phước, nhưng quan trọng người đó là ai? Cá nhân người đó là người đứng đầu, lãnh đạo.

Vì vậy cứu khổ ban vui chính là đại từ đại bi, đây chính là bồ đề tâm, là tha thọ dụng của bồ đề tâm. Muốn cho tất cả chúng sinh chúng quả bồ đề, nhiếp độ chúng sinh sanh đến nước này, đó là những lời trong Tịnh tông. Quý vị phải giúp những chúng sinh này sinh qua thế giới Cực lạc, tại sao? Vì bồ đề là nơi thường lạc rốt ráo. Mãi mãi an vui, mãi mãi không chịu khổ não, chỉ có thế giới Cực lạc, đây là Tịnh tông nói về tâm bồ đề.

Nếu không đưa tất cả chúng sinh đến nơi cứu cánh thường lạc, tức là trái với tông chỉ bồ đề. Nếu quý vị không có tâm giáo hoá chúng sinh được an vui tuyệt đối, mãi mãi, là quý vị đã làm trái với bồ đề tâm của mình. An vui tuyệt đối đó nhờ vào đâu để có? Phải nương vào đại nghĩa môn, đây là một công việc không dễ thực hiện. Làm sao để có được an lạc tuyệt đối? Nó không có mặt trong thế gian này, thế gian này, trong các kinh điển, Phật Thích ca mâu ni đã cho chúng ta biết, đây là thế giới đầy rẫy những khổ đau, ba loại khổ chính đó là: Khổ khổ,

hành khổ, hoại khổ. Tam giới đều khổ, không có niềm an lạc đích thực. Vậy thì an lạc thực sự nằm ở đâu? Ở thế giới Cực lạc.

Muốn có niềm an lạc thực sự phải tìm đến Phật A di đà, vì thế trong này đề cập: Nương vào đâu để có an lạc mãi mãi? Phải nương tựa vào đại nghĩa môn. Đại nghĩa môn là quốc độ an lạc của Phật Di Đà. Người Trung quốc nói về nghĩa, ý của chữ nghĩa này là hợp tình, hợp lí, hợp pháp, nó không mang nghĩa thông thường, là đại nghĩa! Mà phải đầy đủ tình, lí, pháp. Đây chính là việc khuyên chúng sinh nên tu Tịnh độ, giới thiệu thế giới Cực lạc cho tất cả mọi người, đó chính là đại nghĩa.

Đầu tiên là khiến cho chúng sinh nhận thức được thế giới Cực lạc, khi hiểu rõ thế giới Cực lạc họ sẽ sinh tâm hoan hỷ, họ sẽ tin tưởng chắc chắn, muốn về đó, lúc đó bạn mới dạy cho họ phương pháp. Cơ bản nhất là tụng đọc kinh sách, tụng đọc bằng cách nào? Chuyên đọc tụng một bộ kinh, không được lan man, cũng đừng tham lam đọc nhiều, vì sao? Đọc tụng nhiều thứ thì tâm bạn sẽ không chuyên nhất, cứ bộ kinh Vô lượng thọ, ngày nào cũng tụng, đọc xong lần một đến lần hai, lần hai xong đến lần ba. Người xưa nói: Đọc sách nghìn lần, tự thấy nghĩa lí của nó. Nếu đọc được nghìn lần thì chắc chắn niềm tin của bạn không thể thay đổi, bạn sẽ nhất tâm nhất ý cầu sinh Tịnh độ, bạn không còn suy nghĩ đến những việc khác nữa.

Chỉ với tâm niệm kiên quyết này, thì khi bạn vừa phát tâm Phật A Di Đà liền biết ngay. Quả báo, giống như Bồ tát Đại thế chí đã nói: hiện tiền hay tương lai nhất định sẽ thấy Phật, quý vị sẽ thấy Phật A di đà, sẽ thấy thế giới Cực lạc, liệu liệu có thể không tin? Vào thời Đông Tấn, đại sư Huệ Viễn là tổ sư thứ nhất tông Tịnh độ. Qua những ghi chép về ngài, chúng ta thấy được, ngài đã ba lần thấy thế giới Cực lạc, nhưng ngài chưa hề nói với ai về những chuyện đó. Khi vãng sinh ngài lại thấy, lúc này ngài mới cho mọi người biết và nói ngài sẽ đi, nhân đó, nói cho mọi người biết chuyện ngài đã ba lần thấy thế giới Cực lạc rồi, bây giờ thế giới Cực lạc lại hiện ra nữa, Phật A di đà đang đến tiếp dẫn tôi. Trong hội tu Tịnh độ cũng rất nhiều người vãng sinh trước ngài, rất nhiều người đi cùng Phật A di đà đến đón ngài. Những người đồng tu hỏi ngài: Hình dáng của thế giới Cực lạc ra sao? Ngài đáp: Hoàn toàn giống những gì đã được mô tả trong kinh Vô Lượng Thọ, vậy có điều gì không thật đâu? Việc đại sư Huệ Viễn vãng sinh là một chứng cứ cho tất cả chúng ta, đây là một sự vãng sinh có thực, không phải vãng sinh mơ hồ. Ba lần trước và lần cuối cùng khi mắt đều được coi là thấy Phật trong hiện

tiền, sau khi vãng sinh là tương lai sẽ thấy Phật, “Hiện tiền, đương lai nhất định thấy Phật”.

Vì thế khiến họ nhất tâm chuyên chí, nguyện sinh sang nước đó, là vì muốn chúng bồ đề vô thượng vậy. Sớm thành tựu, sớm chứng đắc, đây không phải là bồ đề bình thường mà là vô thượng bồ đề, thành Phật, quả vị Như lai. Bằng cách nào? Nhất tâm chuyên niệm. Trong câu này nói là nhất tâm chuyên chí, nhưng trong kinh này gọi là nhất hướng chuyên niệm. Chỉ cần mong muốn như vậy còn những mong muốn khác không cần, con mong sinh về thế giới Cực lạc ở phương Tây và ở luôn bên đó, sống một đời sống đơn giản, thanh thản, buông bỏ tất cả mọi thứ, không đi nơi nào khác. Tâm thái như thế, chúng ta phải hỏi liệu họ có sợ thiên tai hay không? Nếu lúc này có người bảo với anh ta tai nạn sắp xảy ra, thì anh ta vẫn điềm nhiên, vì sao? Trong lòng anh ta lúc nào cũng muốn sinh về Tịnh độ, cho dù tai nạn có đến nữa thì càng đúng lúc. Với tai nạn trước mắt, anh ta đã không ngại, không hoảng loạn, cứ như không. Vì sao anh ta không sợ? Trong lòng anh ta chỉ có Phật A di đà, Phật A di đà gia trì, bảo hộ cho anh ta. Nếu có cộng nghiệp thì anh ta vẫn vãng sinh, nếu không có cộng nghiệp thì anh ta được ở lại, ở lại để làm gì? Ở lại để cứu giúp những chúng sinh khổ nạn, anh ta là một vị Bồ tát, anh ta cần phải cứu chúng sinh.

Tất cả những gì đã nói, đó là tùy thuận tâm bồ đề và làm trái tâm bồ đề, chính là để làm rõ những khác biệt của việc phát tâm. Phần trước chúng ta đã nói ba thứ trái với tâm bồ đề, ba thứ tùy thuận tâm bồ đề, để cho chúng ta phân biệt được hai mặt trái và thuận của sự phát tâm. Phàm những người phát tâm bồ đề để tu tập tịnh nghiệp, phải để tâm cứu xét. Hội là lãnh hội, cứu là tham cứu, luôn luôn kiểm điểm, tự vấn lòng mình, liệu ta đã đi ngược với tâm bồ đề hay chưa? Hay ta đã đi đúng với tâm bồ đề?

Phần tiếp theo: Đừng bao giờ đi trái với tâm bồ đề, làm trái bản nguyện, làm như thế là sai lầm, bạn tự ngăn đường đến Cực lạc của mình, tự mình chướng ngại mình vãng sanh. Cả một đời tu, cuối cùng lại rơi vào luân hồi lục đạo, việc này có quan trọng chăng? Quan trọng, vì sao? Ta đang ở đây, bạn hãy thử nhìn xem, rất nhiều người bạn đồng tu của ta, sao họ không thể vãng sinh? Điều này đã hai năm rồi mười. Tất cả những khởi tâm, động niệm, lời ăn tiếng nói, hành động của họ đều trái với tâm bồ đề, đó chính là nguyên nhân để họ không thể vãng sinh. Chúng ta không thể không chú ý vấn đề này, chúng ta không thể không biết, nếu ta phạm phải thì sau này ta cũng sẽ không được vãng sinh. Trách sao được người khác, điều này phải tự trách bản thân, người khác không ngăn được ta. Khi

ta niệm Phật cầu vãng sinh, thì không thể ai có thể ngăn cản được, yêu ma quỷ thần cũng không ngăn được, oán thân trái chủ cũng không ngăn được, vậy ai ngăn được? Tự ta ngăn ta, đây là điều có thật. Tất cả yêu ma, quỷ quái, oán thân trái chủ đều khiêu khích ta, để ta tự ngăn cản chính mình. Nếu ta không tự ngăn mình thì tất cả những người đó không làm gì được mình, chúng ta không thể không nắm rõ điều này. Chúng ta học tâm bồ đề đến đây, tiếp theo là phương pháp tu tập.

Nhất hướng chuyên niệm A di đà Phật, kinh Vô lượng thọ đã hướng dẫn phương pháp cho chúng ta, trong hai câu. Nhất hướng chuyên niệm, một là phương hướng, một là mục tiêu. Phương hướng đó là thế giới Cực lạc ở phương Tây, mục tiêu là thân cận Phật A di đà, thực hiện được hai việc đó là chúng ta đã thành công. Quý vị xem, phát được tâm bồ đề, có thể nhất hướng chuyên niệm A di đà Phật, chắc chắn người này sẽ vãng sinh. Khi sinh sang thế giới Cực lạc ở phương Tây, chắc chắn sẽ thành Phật, công đức tròn đầy. Quyết tâm buông bỏ thế giới này, đừng tham nhiễm thì nhất định sẽ thực hiện được. Di Đà Yếu Giải viết: Trong tất cả các phương tiện, con đường nhanh đến và rõ ràng, không gì hơn niệm Phật để cầu sinh Tịnh độ, đây là lời của đại sư Ngẫu Ích. Tất cả phương tiện là gì? Đó là giáo lý Đại thừa, tám vạn bốn nghìn pháp môn. Trong tám vạn bốn nghìn pháp môn đó, nếu muốn tìm con đường ngắn nhất, là gì? Ngôn ngữ ngày nay gọi là không đi đường vòng. Đi thẳng, có nghĩa là nhanh nhất, đến được viên đốn, không những nhanh nhất mà còn đường thẳng nhanh nhất, lại còn viên mãn đốn siêu.

Pháp môn viên đốn, là pháp môn đứng đầu trong giáo lý Đại thừa. Đây là pháp môn gì? Không có pháp môn nào sánh được pháp môn niệm Phật cầu sinh Tịnh độ. Đó là phương pháp nhanh nhất, thành tựu được ngay trong kiếp này. Người thật sự thực hành trong kinh Di đà nói: nếu một ngày, hai ngày, ba ngày, cho đến bảy ngày là sẽ thành công, đây là một sự thực. Trong tác phẩm Tịnh độ Thánh hiền lục, chúng ta đã thấy những chuyện nói về vãng sinh, ngay trong đời sống này, chúng ta cũng thấy một số trường hợp.

Khi đang ở tiểu bang Maryland của Mỹ, cách thủ đô không xa, tôi gặp ông Châu Quảng Đại, chủ một tiệm bán bánh bao, ông là không có tín ngưỡng tôn giáo, mắc bệnh ung thư. Bác sĩ cho rằng không có phương cách nào cứu chữa được và cho người nhà đưa về. Lúc này mọi người mới nghĩ đến cách cầu Phật, cầu thần, cầu tiên, mong phép màu xuất hiện. Mọi người đến chỗ tôi, lúc bảy giờ

chúng tôi đang ở Maryland để thành lập hội Phật giáo, gọi là Hoa phủ Phật giáo hội, hội vừa mới ra mắt, họ thỉnh tôi làm hội trưởng.

Khi họ đến tìm, họ thưa rõ mọi chuyện, họ là những người Trung quốc. Lúc đó chúng tôi có độ hai ba người, chúng tôi rất hăng hái đến thăm ông ấy, vừa đến nơi, quả thực tình trạng ông ấy là không thể cứu chữa. Chúng tôi đành khuyên thẳng với ông là nên niệm Phật để cầu sinh thế giới Cực lạc, chúng tôi giảng cho ông ấy nghe về những gì tốt đẹp ở thế giới Cực lạc. Vừa nghe ông ấy đã rất vui mừng, đây chính là thiện căn, ông ta vừa nghe liền tiếp thu, bạn xem, ông ta là người không có tôn giáo, vừa mới gặp mà ông ta đã tin. Ông nói với người nhà đừng tìm đến bác sĩ nữa, đừng mong bệnh tôi sẽ được chữa khỏi, mọi người hãy niệm Phật, giúp tôi vãng sinh thế giới Cực lạc.

Niệm Phật được ba hôm thì ông ta vãng sinh, thực sự vãng sinh, tướng tốt thật hiếm thấy. Trong kinh đã nói nếu một ngày, hai ngày, ba ngày. Một người chưa bao giờ biết đến Phật giáo, khi được giới thiệu liền vui vẻ đón nhận, tin tưởng, phát nguyện. Niệm Phật ròng rã trong ba ngày đêm, mười mấy người đồng tu chúng tôi liên tục giúp ông niệm Phật, chúng tôi đặt hết niềm vào kinh Di đà, vì chúng tôi đã chứng kiến.

Còn về trong tất cả pháp môn niệm Phật, mong cầu rất đơn giản. Đơn giản, dễ thực hiện, đơn giản nhất và dễ thực hiện nhất. “Chí ôn đương giả”, an ôn nhất. Không gì hơn tín nguyện chuyên trì danh hiệu, niệm danh hiệu Phật A di đà. Lại nói, A di đà Phật là vạn đức hồng danh, lấy danh để gọi đức, không lúc nào hết, ý câu này rất sâu sắc. Tuy thâm thúy, nhưng tôi tin những người đồng học có thể hiểu được, có thể đón nhận được, vì sao? Vì chúng ta đã nghe, đã học tập trải một thời gian dài. Chúng tôi khẳng định, không chút hoài nghi, rằng, danh hiệu A di đà Phật, đích thực là vạn đức hồng danh. Triển khai danh hiệu này, chính là kinh giáo do tất cả Phật Như Lai trong ba đời mười phương nói ra. Một câu có thể bao hàm tất cả, câu danh hiệu này cũng thu nhiếp đầy đủ tám vạn bốn nghìn pháp môn, vô lượng pháp môn. Quý vị niệm một câu A di đà Phật là có thể niệm được tất cả Phật pháp, không sót điều nào. Niệm một câu A di đà Phật là có thể niệm được vô lượng vô biên chư Phật Như Lai trong ba đời mười phương, tất cả đều có mặt trong đó, hai cuốn lớn nhỏ đều nói đến.

Chư Phật mười phương khen ngợi Di Đà, mười phương chư Phật xưng Phật A Di Đà là, Cực tôn trong các thứ ánh sáng, vua của các Phật. Mười phương các Phật Như lai không ai là không khuyên chúng sinh, niệm Phật cầu sinh thế giới Cực Lạc ở phương Tây, quả thật không đáng nề sao? Sự thù thắng không gì sánh

được của việc niệm một câu A di đà Phật, quả là không thể nghĩ bàn. Lấy danh chiêu đức, dùng danh hiệu này để tìm cầu các thứ công đức. Đức ở đây bao gồm tu đức, tánh đức. Tu đức, tánh đức thường đến, nói cách khác, bạn đã viên mãn rồi.

Vì thế chấp trì danh hiệu là chánh hạnh, người tu nhất định phải nắm rõ, ta chỉ niệm Phật, chỉ một câu danh hiệu Phật, không cần phải tham cứu hay quán tưởng. Vì niệm Phật có bốn loại: Quán tưởng niệm Phật, quán tượng niệm Phật, thật tướng niệm Phật, tất cả những thứ này đều không cần, chỉ trì danh niệm Phật. Khi đã niệm đến độ tương ưng thì ta được cả bốn thứ niệm Phật. Tham cứu là Thiên tông, giáo môn, không cần đến. Quý vị chỉ cứ một câu danh hiệu Phật mà niệm, bạn xem cực kì đơn giản_Đơn giản nhất, dễ dàng nhất. Con đường ngắn nhất, đó là con đường nhanh nhất để bước lên quả vị Phật. Đó không phải Bồ tát đạo, không phải Thanh văn đạo, không phải duyên giác đạo, lại càng không phải Thiên đạo, đó là con đường bước lên quả vị Phật. Là con đường viên mãn rốt ráo của tất cả pháp thế gian và xuất thế, ta có thể không tu sao? Ta không cố gắng để thực hiện sao?

Tu tập 60 năm, tôi đã tin, càng học càng tin, càng học càng không nghi ngờ, càng học càng vững vàng. Thậm chí, trước đây, tôi còn muốn học tám gương đại sư Liên Trì, đại sư Liên Trì là một người học rộng biết nhiều. Về cuối đời ngài buông bỏ tất cả, chỉ còn lại một bộ kinh Di đà và một câu A di đà Phật. Tôi cũng muốn buông bỏ tất cả, cả đời học một bộ kinh, nhưng lúc đó thầy tôi vẫn chưa truyền bộ kinh đó cho tôi mà truyền cho tôi cuốn Di đà kinh yếu giải. Tôi muốn cả đời chỉ học và giảng Yếu giải, sau này thầy truyền bộ kinh này, thấy nó, tôi mừng lắm. Thôi giảng kinh Hoa nghiêm, mặc dầu đã giảng được một nửa, tôi tập trung vào giảng kinh Vô lượng thọ, được mười lần.

Ban đầu tôi muốn cả đời mình sẽ tập trung giảng mỗi bộ kinh này, nhưng gặp ba người, thứ nhất là pháp sư Khai Tâm, người Đài Nam, Đài loan, đã vãng sinh. Mỗi lần gặp đều khuyên tôi giảng kinh Hoa nghiêm, khẩn thiết lắm. Ngài bảo tôi: Nếu thầy không giảng kinh Hoa nghiêm, sợ sau này không có ai giảng nữa, tôi cảm kích lắm nhưng vẫn không nao lòng. Lần thứ hai gặp lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ tại Bắc Kinh, ông cũng khuyên tôi giảng kinh Hoa nghiêm, ý cũng giống pháp sư Khai Tâm, tôi vẫn không biến chuyển. Cuối cùng, trước khi Hàn Quán Trường vãng sinh hai hôm, khẩn thiết mong tôi giảng một lần Hoa nghiêm, thu đĩa cho những người sau tham khảo. Lần này tôi đồng ý với hi vọng bệnh bà sẽ thuyên giảm, nhưng không ngờ hai hôm sau bà vãng sinh.

Do ba vị đại đức cầu thỉnh, vì thế tôi ở tại Singapore mấy năm, cùng chuyên trò với cư sĩ Lí Mộc Nguyên, cư sĩ Lí Mộc Nguyên rất mừng, thay mặt ba vị đại đức cầu thỉnh. Còn xây hai ngôi tháp, tháp Hoa nghiêm để đánh dấu lần giảng kinh Hoa nghiêm. Chúng tôi giảng đến hơn bốn nghìn giờ, được độ khoảng 1/4, còn lại 3/4. Tính theo cách giảng của tôi, thì phải mất hai mươi nghìn giờ mới xong, đó là một bộ kinh rất lớn.

Thanh minh năm ngoái, thấy tai nạn ngày càng xảy ra nhiều hơn, và nghiêm trọng hơn, vì thế chúng tôi quyết định tạm ngưng việc giảng kinh Hoa nghiêm để giảng bộ kinh này, vì sao? Cứu nạn. Đây là bộ kinh cực kì đơn giản, dễ thực hiện, là con đường ngắn nhất, viên đốn. Chỉ cần tín nguyện trì danh là có thể cứu chính mình, cứu xã hội, cứu quả đất. Tính toán, giảng bộ kinh này mất độ một nghìn hai trăm giờ, đến giờ này chúng ta đã sắp được tám trăm giờ. Nếu giảng xong bộ kinh này mà Phật A Di Đà vẫn chưa đến tiếp dẫn, tôi sẽ tiếp tục giảng bộ Hoa nghiêm. Nếu giảng lại kinh Hoa nghiêm, tôi sẽ không theo lối giảng trước, mà chỉ chọn lọc một số đoạn quan trọng nhất trong bộ Hoa nghiêm để giảng. Những đoạn thông thường, chỉ cần đọc là hiểu chúng tôi sẽ không nói nữa, chỉ giảng những đoạn đặc sắc, như thế chúng ta có thể rút ngắn thời gian.

Viên Trung Sao viết: Những gì trong kinh dạy. Kinh ở đây là Kinh A Di Đà do đức Phật nói, người phàm phu mới phát tâm, nói được là có thể niệm được, có miệng là bạn có thể niệm. Xung tức là đọc ra, có tâm là có thể niệm, đây nói về trong tâm có Phật, miệng đọc ra tiếng, danh hiệu Phật. Đều có thể tu được, đây là nói về sự dễ dàng. Những người phàm phu mới phát tâm, giống như chúng ta gặp ông Chu Quảng Đại, đây gọi là phàm phu mới phát tâm. Trước khi mất ba ngày mới được nghe, có nghĩa là trước khi mất ba ngày mới tiếp xúc với niềm tin tôn giáo, gặp được Phật giáo, gặp được Tịnh tông, chúng ta nói về pháp môn niệm Phật, ông ta liền tiếp thu, tin theo, đều có thể tu được.

Nên biết những điều kinh này dạy, là cực kì đơn giản và dễ dàng_Pháp môn dễ nhất, giản đơn nhất. Nếu chấp trì danh hiệu, không kể rảnh rang hay bận bịu, không kể động tịnh, đi đứng nằm ngồi, đều có thể tu được, đoạn này muốn nói gì? Phương pháp tu tập, rất đơn giản. Không kể cuộc sống hàng ngày của quý vị bận bịu hay rảnh rang, không kể động hay tịnh, quý vị ngồi để niệm Phật, niệm Phật khi đang đi, hay tản bộ cũng được, bất cứ thời gian nào hay nơi chốn nào. Chỉ cần không suy nghĩ, không phải vấn đề suy nghĩ, thì có thể niệm được hết. Trừ phi ngủ, suy nghĩ thì có thể không niệm, còn lại lúc nào cũng có thể niệm, đi đứng nằm ngồi đều có thể niệm.

Quý vị niệm khi nằm nghỉ thì không cần thành tiếng, cứ niệm thầm, bởi vì khi nằm mà niệm thành tiếng thì tổn khí, ảnh hưởng đến sức khỏe. Nằm trên giường chỉ nên niệm thầm là tốt nhất, quý vị thấy thấy đơn giản không. Nên biết những gì kinh này dạy, kinh Di Đà đã khai thị cho chúng ta. “Nãi chí tiệp”, tiệp là nhanh, không có pháp môn nào có thể thành công nhanh hơn. “Ngắn nhất”, ngắn là đường tắt, là con đường ngắn nhất cho người phàm phu thành Phật, quý vị có thể thành công bằng con đường ngắn nhất. Pháp tức phương pháp, môn là con đường, là con đường, pháp môn nhanh nhất, ngắn nhất, phương pháp thành Phật, con đường thành Phật.

Pháp môn xưng danh hiệu, đây chính là niệm danh hiệu Phật A Di Đà, đây là một pháp tu. Không kể hiền hay ngu, không luận nam hay nữ, người giàu kẻ nghèo, dù sang hay hèn, đều có thể tu. Nó không lựa chọn, đó là pháp bình đẳng, bạn là thánh hiền cũng được, bạn là người ngu si không sao, nam cũng được, nữ cũng tốt. Bần cùng cũng tu được, giàu sang cũng có thể tu. Sang là người có địa vị xã hội, hèn là người dân đen, không kể giàu nghèo sang hèn đều có thể tu, tìm đâu ra một pháp môn như thế! Nếu tất cả tám vạn bốn nghìn pháp môn đều chỉ cần những điều kiện như thế, thì rất nhiều pháp môn phải bị đào thải, chỉ có trì danh niệm Phật là đầy đủ nhất.

Nên biết những điều kinh này dạy, kinh ở đây là tiểu bản Kinh Di Đà. Đương nhiên tiểu bản như vậy, thì đại bản cũng không ngoại lệ. Đại bản, tiểu bản đều là một bộ kinh, một bên nói rất đơn giản, một bên nói chi tiết. Với phần tử trí thức, những người ngày nay thì chi tiết hơn, nếu không nói chi tiết sợ họ không hiểu, không thể tiếp thu. Kinh Di Đà có thể dẫn dắt những người có nhiều thiện căn, phước đức, nhân duyên. Còn đối với những người phước đức, thiện căn ít hơn một chút thì có kinh Vô Lượng Thọ, khi nghe kinh Vô Lượng Thọ, những người này sẽ tin ngay.

Là pháp môn thu nhiếp rộng nhất, nhiếp thọ chúng sinh. Có thể nói đây là đương cơ của pháp môn này, phù hợp với những người đủ điều kiện tu pháp môn này, rất nhiều. Có thể không tìm ra một người, tìm không ra người không phù hợp với một pháp môn như thế, ai cũng có thể tu, ai cũng có thể vãng sinh, ai cũng có thể thành Phật ngay trong đời này, có thể tìm được không! Rất khó, điều này chúng ta không thể không biết, chúng ta không thể không cố gắng học tập. Các pháp môn trong tám vạn bốn nghìn pháp môn khác, không chắc chắn thành tựu, chỉ duy nhất pháp môn này thôi, đúng như lời pháp sư Thiện Đạo nói: vạn người tu thì có vạn người vãng sinh, chúng ta phải tin câu nói này. Chỉ cần không

làm trái với tâm bồ đề, bạn phải tùy thuận tâm bồ đề, nhất hướng chuyên niệm thì nhất định bạn sẽ thành công. Trong tất cả các kinh, các pháp môn, nếu nói đến nhiếp cơ, thực sự thực hiện được rộng lớn nhất, chỉ có bộ kinh này, ngoài bộ kinh này ra, bạn không tìm thấy ở bộ thứ hai.

Thời gian không cho phép, hôm nay chúng ta kết thúc ở đây.

Tập 400

Chuyển ngữ: Minh Tuệ

Biên tập: Nguyên Tâm

Thời gian: 07.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong

Chư vị Pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi. Mời xem Đại thừa Vô Lượng Thọ Kinh giải, trang 500. Chúng ta bắt đầu xem từ câu thứ hai, dòng thứ nhất. Nội dung đoạn này là: Chuyên tâm nhất niệm A di đà Phật.

Lại nữa, nếu chấp trì danh hiệu, không cứ rảnh hay bận, không kể động hay tịnh, đi đứng nằm ngồi, đều có thể tu được. Nên biết những điều kinh này dạy, đó là pháp môn ngắn nhất, nhanh nhất. Đoạn này nói đến sự thù thắng của pháp môn niệm Phật, phần chú giải kinh này nói rất nhiều, rất sâu sắc, như chúng ta đã biết. Bây giờ chúng ta phải niệm danh hiệu Phật này như thế nào mới như pháp, mới thực sự có công hiệu, đây là điều tất cả cá nhân những người đồng tu niệm Phật muốn hiểu. Công dụng của việc niệm Phật là nhớ nghĩ chân tâm của chúng ta, vậy thế nào là chân tâm? Đó là bồ đề tâm như chúng ta đã giảng phần trước. Phần đề kinh đã nói rõ, đó là tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm giác mà không mê. Giác mà không mê là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Nếu có thể niệm đến độ giác mà không mê, thì công phu đó, theo như Tịnh tông, đó là lý nhất tâm bất loạn. Niệm đến mức thanh tịnh, bình đẳng, đó là sự nhất tâm bất loạn.

Người thực hiện được như thế thì chắc chắn sẽ vãng sinh, nếu như không thể đạt đến mức độ như vậy, ít nhất chúng ta cũng niệm cho đến công phu thành phiến, thế nào là công phu thành phiến? Đó là công phu ở mức độ thấp nhất trong

nhất tâm bất loạn, vẫn có hiệu quả, có nghĩa là vẫn được sinh Tịnh độ, khi sinh Tịnh độ thì sẽ thân cận Phật A di đà, ngay trong đời này chắc chắn chứng đắc vô thượng bồ đề, có nghĩa là đời này sẽ thành Phật, đây là mục đích của việc niệm Phật.

Làm sao để niệm đạt đến trình độ có thanh tịnh tâm trong hiện tiền? Một số người bình thường niệm Phật hay hấp tấp, vì trong lúc niệm Phật thấy có nhiều tạp niệm, công phu không sâu, nhiều vọng tưởng, nhiều suy nghĩ, cách rất xa tiêu chuẩn của việc niệm Phật, mà Bồ tát Đại Thế Chí đã dạy cho chúng ta trong kinh Lăng Nghiêm. Bồ tát Đại Thế Chí là vị Bồ tát nhờ niệm Phật mà thành Phật, ngài tu tập pháp môn niệm Phật. Như những gì trong kinh đã dạy cho chúng ta: Phát bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm. Ngài đã tu tập thành công pháp môn này, thành tựu trong tám chữ đó, ngài đã dạy cho chúng ta: Nhiếp sáu căn, tịnh niệm liên tục, đây là nguyên tắc chỉ đạo cao nhất trong pháp môn niệm Phật.

Nhiếp cả sáu căn có nghĩa là thu hồi tất cả vọng niệm lại một chỗ, dứt khoát không có vọng niệm trong lúc niệm Phật, phải thu nhiếp tất cả sáu căn. Tịnh niệm liên tục, nghĩa là dùng tâm thanh tịnh để niệm Phật, mỗi tiếng, mỗi tiếng không gián đoạn, đó mới gọi là chân niệm Phật. Mới nghe qua ta thấy câu này rất dễ thực hiện, nhưng đến lúc bắt tay làm mới biết độ khó của nó. Vì thế Bồ tát Đại Thế Chí mới hiện thân thuyết pháp, đến thế giới chúng ta đang cư trú, ai biết? Rất nhiều người đồng học biết. Vị tổ thứ 13 Tịnh tông, lão pháp sư Ấn Quang ở núi Linh nhạc, là hiện thân Bồ tát Đại Thế Chí xuất hiện trong thời đại này, cách chúng ta độ sáu, bảy mươi năm, không thể xem là quá xa. Suốt đời ngài tu pháp môn niệm Phật, niệm bằng cách nào? Chúng ta có thể bắt chước được cách niệm Phật của ngài, như những gì Bồ tát Đại Thế Chí đã dạy, đó là “Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế”. Cách làm rất đơn giản, chỉ cần có lòng kiên nhẫn, bền lòng để niệm.

Ở đây nói không kể bận hay rảnh, không cử động hay tịnh, đi đứng nằm ngồi đều có thể tu được, lúc nào cũng có thể tu. Niệm Phật khi nằm trên giường, được, cũng có thể tu, nhưng khi ngủ ta không nên niệm thành tiếng, vì làm như thế sẽ tổn khí, ảnh hưởng đến sức khỏe. Tốt hơn hết, khi nằm ta nên niệm thầm, không để thành tiếng, song nhất định phải tuân thủ phương pháp này, nghĩa là danh hiệu Phật có được từ trong tâm, trong tâm đã có Phật, có Phật A di đà. Tiếng niệm Phật phát ra từ miệng thì rõ ràng, vì vậy khi niệm Phật chúng ta không cần quá nhanh, cứ từ từ thì lúc đó bạn mới đạt đến niệm Phật tam muội.

Niệm nhanh quá thì tâm sẽ lan man, không định tĩnh được, mà phải định mới có trí tuệ. Tâm trí lan man chắc chắn là không thể được. Tổ Ấn Quang niệm Phật bằng cách từng chữ, từng chữ một. Chúng ta dùng bốn chữ A di đà Phật, A Di Đà Phật, mỗi chữ như vậy phải niệm cho rõ ràng, thật rõ ràng, rồi nghe lại thật rõ ràng, mình nghe tiếng niệm Phật của mình, nghe thật rõ ràng. Đến câu thứ ba thì không cần tràng hạt, vì dùng nó sẽ gây phân tâm, mà phải dùng tâm để ghi nhớ, tức là nhớ từ câu đầu tiên đến câu thứ mười. Khi niệm đến câu thứ mười bắt đầu niệm lại từ câu đầu tiên đến câu thứ mười, không cần niệm đến câu thứ hai mươi, ba mươi, không cần nhớ như vậy, khi còn sống tổ Ấn Quang đã dùng cách này, rất hiệu quả. Khi bạn niệm Phật sẽ không xen lẫn tạp niệm, không có những vọng niệm, càng niệm càng thấy vui, công phu sâu hơn, càng niệm thì tâm càng thanh tịnh.

Bồ tát Đại Thế Chí đã hiện thân và dạy chúng ta: Nhất hướng chuyên niệm A di đà Phật, đây gọi là nhất hướng chuyên niệm. Quan trọng nhất là cách đếm chữ, phải nhớ được tiếng niệm Phật của ta là tiếng thứ mấy, nghĩa là tiếng thứ mấy trong mười tiếng. Cứ niệm liên tục như thế, không cần hai mươi, ba mươi, bốn mươi, càng niệm bạn càng thấy vui, càng niệm, tâm bạn càng thanh tịnh, rất có ích trong việc dưỡng thần. Nói theo cách nói của thế gian là có thể dưỡng sinh, mạnh khoẻ sống lâu, tất cả những tạp niệm, phiền não trong tâm được gạt bỏ hết, chỉ tương ứng với mỗi tiếng A Di Đà Phật. Như những gì người xưa đã nói: Nhất niệm tương ưng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật.

Chúng ta niệm ở đây, Phật A Di Đà ở thế giới Cực Lạc có thể nghe được, đây là điều có thực, không phải giả, vì thế nó có tác dụng cảm ứng đạo giao. Nếu căn tánh nhanh nhẹn thì có thể niệm ba đến năm hôm, như Viên Thông Chương nói: Nhớ Phật, niệm Phật, ngay kiếp này hay tương lai nhất định sẽ gặp Phật. Có người khi ngủ mộng thấy Phật A di đà, có người trong lúc nhập định thấy Phật A di đà, những trường hợp thấy Phật như thế là Phật đang khích lệ bạn, giúp bạn có thêm niềm tin. Chúng ta nhất định không cầu thấy Phật, nếu đem tâm để cầu cũng không tốt, nếu đem tâm cầu ma mà được thì ma cũng sẽ biến thành Phật để đánh lừa bạn, bởi thế không nên cầu, cứ chân thành mà niệm, tự nhiên sẽ thấy. Khi cần khích lệ bạn, Phật A di đà sẽ hiện ra cho bạn thấy.

Thời Đông Tấn, đại sư Tuệ Viễn, tổ thứ nhất của Tịnh tông chúng ta, ở Lô sơn, Giang Tây, kiến tạo đạo tràng niệm Phật đầu tiên của Tịnh tông, đó là niệm Phật đường Đông Lâm, nay gọi là chùa Đông Lâm. Lần xây dựng đầu tiên của tổ sư là niệm Phật đường, cả thầy 123 vị đến tham học, những người ghi tên tham

gia đều phát đại thế nguyện: Nhất tâm niệm Phật, cầu sinh Tịnh độ. Tất cả những người này đều vãng sinh hết, quả là một điều kì diệu, vãng sinh đến thế giới Cực lạc có nghĩa là thành Phật. Đại sư đã mang tất cả 123 người bạn đồng tu đến thế giới Cực lạc làm Phật, là sự trang nghiêm không gì sánh được. Bản thân đại sư, khi sắp vãng sinh đã nói với tất cả những người đồng học: Ngày trước, trong niệm Phật đường, tôi đã ba lần thấy thế giới Cực Lạc, thấy Phật A Di Đà. Lần này Phật lại đến, là lần thứ tư, tôi sẽ theo ngài về thế giới Cực Lạc, đây thực sự vãng sinh.

Những người đồng học thưa ngài: Hình dạng thế giới Cực Lạc thế nào? Ngài bảo: Không khác gì những thứ trong kinh mô tả. Những kinh điển Tịnh tông ở thời đại đại sư chỉ là bộ kinh Vô lượng Thọ được dịch ra Trung văn, Hoa văn. Kinh Di Đà, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, chúng tôi nghĩ được truyền đến Trung quốc nhưng vẫn chưa được dịch sang tiếng Trung. Chỉ một bản được lưu truyền ở Trung quốc thôi, đó là kinh Vô Lượng Thọ. Bởi thế bộ kinh mà sơ tổ mô phỏng để kiến lập đạo tràng Tịnh tông đó là kinh Vô Lượng Thọ, công án này chần chẫn không phải không có căn cứ. Đại sư Tuệ Viễn là vị sơ tổ đã chứng minh, niệm Phật để được sinh Tịnh độ là việc có thật.

Đây là pháp môn đến nhanh nhất, đến là đến chỗ cùng cực, nhanh nhất. Trong tám vạn bốn nghìn pháp môn, chỉ pháp môn này là thành tựu ngay trong kiếp này.

“Chí kinh”, kinh là con đường gần nhất, pháp môn ngắn nhất, pháp môn nhanh nhất. Phần trước chúng ta đã nói, đây là pháp môn an ổn nhất, pháp môn dễ thực hiện nhất, mà lại là pháp môn thành tựu cao nhất, quả thật khó được! Nhưng ngay trong đời này ta đã gặp, nếu không tận dụng cơ hội này thì quả thật đời này để trôi một cách đáng tiếc! Trong tất cả pháp thế gian, xuất thế thì việc làm Phật là thiết thực nhất, chỉ có làm Phật là viên mãn, cứu cánh nhất. Ngay tại nơi này, Thế tôn đã giới thiệu cho chúng ta, cư sĩ Hoàng Niệm Lão đã giảng giảng chi tiết cho chúng ta, một việc rất khó gặp! Khi chúng ta vãng sinh thế giới Cực Lạc, mới hiểu được sự vĩ đại của ân Phật, mới thấy rõ sự đáng quý, thù thắng không gì sánh được Hội tập của Hạ Liên Lão, chú giải của Hoàng Niệm Tổ, lúc đó chúng ta mới biết ân và báo ân. Nếu không biết ân thì không thể báo ân, một khi đã tri ân thì nhất định sẽ báo ân. Ngày nay chúng đã biết ân đức đó rồi, làm sao để báo đáp? Y giáo phụng hành, quyết định vãng sinh Tịnh độ, đây là cách báo ân thiết thực nhất.

Chúng ta tiếp tục, “*xung danh chi pháp*”, là phương pháp niệm Phật. Vừa rồi chúng ta đã nói, phương pháp của đại sư Ấn Quang là một phương pháp rất tốt, không kể hiền hay ngu, nam hay nữ, giàu nghèo sang hèn đều có thể tu. Ai cũng có thể thành tựu, chỉ cần bạn quyết tu là bạn có thể thành tựu, công huân không thể kể hết. Nên biết những gì kinh này dạy, đây là pháp môn nhiếp cơ rộng rãi nhất, nhiếp thọ rộng rãi tất cả chúng sinh lục đạo, trong tất cả cõi nước chư Phật hư không biến pháp giới. Chỉ cần họ gặp được, cố gắng thực hiện, đặt lòng tin phát nguyện cầu sinh, thì không ai không thành tựu.

Liệu có cơ hội để gặp không? Tôi nghĩ chắc chắn sẽ gặp, vì sao? Tất cả chư Phật Như lai trong thập phương tam thế đều tuyên truyền giúp Phật A Di Đà. Quý vị xem, lần này khi Phật Thích Ca Mâu Ni xuất thế, đã giảng cho chúng ta kinh Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật. Cả ba cuốn kinh này đều tập trung giới thiệu thế giới Cực Lạc, giới thiệu Phật A Di Đà. Lại nữa, khi đang tại thế, Phật Thích Ca Mâu Ni đã rất nhiều lần giới thiệu, luôn luôn giảng thế giới Cực Lạc ở phương Tây. Đối với những kinh điển khác, ngài chỉ giảng một lần trong đời, không có lần thứ. Chỉ kinh này là nhiều lần tuyên truyền, sợ người đời sau không gặp được cơ duyên nên ngài mới giảng nhiều lần.

Kinh Di Đà dạy rất hay, không thể có ít thiện căn, phước đức, nhân duyên có thể sinh đến đó được, thiện căn là tin, hiểu được, nghe được. Phước đức là nỗ lực thực hiện, quyết tâm niệm Phật thì đó mới là người có phước. Duyên, tức nhân duyên, chúng ta đã gặp được, được làm người, là nhân duyên thứ nhất. Nghe Phật pháp là nhân duyên thứ hai, trong Phật pháp ta biết được Đại thừa, lại nghe được kinh A Di Đà, pháp môn Tịnh độ, nhân duyên như thế là đã tròn đầy. Chỉ cần tin, nguyện thì kiếp này chắc chắn bạn sẽ thành tựu.

Lại tác phẩm Du Tâm An Lạc Đạo viết: Danh hiệu chư Phật là tổng hợp vạn đức kết thành, chỉ cần nhất niệm để niệm danh hiệu Phật thì trong một niệm đó đã có đủ vạn đức. Theo những gì câu văn nói, danh hiệu chư Phật, chúng ta nên biết, chư Phật Bồ tát không có danh hiệu, vậy thì danh đâu ra? Danh hiệu Phật là tánh đức, thứ có đầy đủ trong mỗi chúng sinh, là tánh đức, nó vốn có. Có rất nhiều danh hiệu Phật, ta đã nghe đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng trong một bộ, gọi là kinh Vạn Phật Danh, trong đó ngài đã giới thiệu hơn một vạn hai nghìn danh hiệu Phật, là gì ở đó? Toàn là tánh đức của tự tánh chúng ta, không thể kể hết, chỉ nói sơ lược đã hơn một vạn hai nghìn, là tánh đức.

Danh hiệu Bồ tát là tu đức, nếu không tu tập, bạn làm sao thấy tánh? Tánh đức là phương hướng của chúng ta, mục tiêu của chúng ta. Tu đức là dạy chúng ta tu tập thế nào, chỉnh đốn những tư tưởng, hành vi sai trái của chúng ta, thì gọi là tu hành. Hành là hành vi, khởi tâm động niệm là hành vi của ý nghiệp, lời nói là hành vi của khẩu nghiệp, những gì thân thể tạo ra gọi là hành vi của thân nghiệp. Khi hành vi sai lầm, ta liền sửa đổi ngay những việc làm sai lầm đó, như thế gọi là tu hành. Nắm rõ hàm nghĩa của những thuật ngữ này ta mới đạt được lợi ích chân thật trong Phật pháp.

Từ tu đức ta hiểu được tánh đức, tu đức đi đôi với tánh đức, gọi là chứng quả. Kinh Hoa nghiêm nói rất cụ thể: “*Nhất tức thị đa, đa tức thị nhất*”. Chỉ cần ta thành tựu một trong vạn đức của Bồ tát là ổn, tại sao? Một đức đó đã bao hàm vạn đức, một là nhiều, nhiều là một, chỉ sợ bạn không thành tựu một trong số vạn đức đó thôi, nếu thành tựu một đức thì tất cả đều thành tựu. Giống như mạng Internet, điểm này thông thì tất cả đều có tín hiệu, vì thế học tâm, liệu có cần học nhiều thứ không? Không cần. Nếu bắt tay bằng con đường học rộng nghe nhiều, thì quy vị đã tự bỏ phí thời gian trong kiếp này, mà không có được một thành công nào, vì sao? Coi như bạn không có gì cả. Ta phải tu tập thế nào? Nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu. Nghĩa là trong tất cả các pháp môn, ta chỉ chọn một, khi đã được pháp môn đó rồi thì tất cả đều được, vì nó xuyên suốt với nhau.

Trong này nói, bạn xem danh hiệu chư Phật, bất cứ một danh hiệu Phật nào đều là sự kết thành của vạn đức, mỗi danh hiệu đại diện cho một đức. Nếu một đức thành tựu, thì đã thành tựu các đức của tất cả chư Phật, ta không thể không nắm vững vấn đề này. Nếu đã hiểu, những gì chúng ta đang học, về mặt phương pháp đã có sự nhầm lẫn, học quá nhiều khi mới bắt đầu. Chúng ta đã hiểu sai về nghĩa của chữ nghe nhiều học rộng trong kinh Phật, thật sự bốn hoàng thế nguyện đã đưa ra một tiêu chuẩn về phương pháp, lộ trình. Trong câu đầu đã nói cho chúng ta: Thề độ tất cả chúng sinh. Đây chính là tâm bồ đề, đây gọi là sự phát tâm, chúng ta không thể không có tâm này. Nếu không có tâm này thì quý vị không thể học Phật, bởi vì điều kiện đầu tiên để học Phật là tâm này.

Nếu dùng ngôn ngữ hiện nay để nói, tâm đó, như cách nói Mao Trạch Đông: Toàn tâm toàn ý vì nhân dân phục vụ, ý của nó như vậy, Phật cao hơn người dân. Chủ tịch Mao chỉ nói phục vụ nhân dân, Phật không nói như vậy, ngài nói, toàn tâm toàn ý vì tất cả chúng sinh phục vụ, tất cả chúng sinh đông hơn nhân dân. Tất cả người dân trong mười pháp giới chỉ một đạo_ Chúng sinh, mười pháp giới bao hàm tất cả.

Vì tất cả chúng sinh phục vụ, đây chính là nghĩa gốc của cụm từ: Chúng sinh vô biên thế nguyện độ. Cần phải phát tâm như thế, nhưng làm sao để chúng ta có thể thực hiện được?

Trước hết phải hoàn thiện đức hạnh của mình, không có đức hạnh là không ổn, đức hạnh là gì? Đức hạnh là cắt đứt phiền não, vẫn còn phiền não là chưa có đức hạnh, phiền não cắt rồi thì đức hạnh có mặt, vì sao? Đức hạnh vốn hiện hữu trong bản thân ta, bởi phiền não đã che mất đức hạnh của chúng ta, làm ô nhiễm đức hạnh, chỉ cần cắt đứt phiền não là đức hạnh của chúng ta có mặt ngay. Đây chính là vạn đức vạn năng vốn có trong tự tánh, ai cũng có, không chúng sinh nào là không có. Cho nên Phật dạy mọi người, câu đầu tiên đã cho chúng biết, tất cả chúng sinh vốn là Phật. Quý vị vốn là Phật, anh vốn là Phật, mỗi người đều vốn là Phật.

Người xưa có câu: Nhân chi sơ, tánh bản thiện, tánh người vốn thiện, tôi tin đây không phải là lời của Khổng tử, mà do ai nói? Ít nhất phải trước Khổng tử cả vạn năm, tổ tiên chúng ta đã nói. Các thời đại tương truyền kế tiếp nhau không thể sai lệch được, Khổng tử không nói được, ông là nhà người chân thật, là người tốt, bạn xem thái độ học tập cả đời của ông, “thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ”. Đây là lời tự thuật của ông trong tác phẩm Luận ngữ, thuật nhi bất tác, nghĩa là ông ta hoàn toàn học tập người khác, các bậc Thánh hiền đi trước, bản thân ông không sáng tạo, không phát minh. Tất cả những thứ ông học được, tu được, lời dạy của ông, những gì ông truyền lại, đều là sản phẩm của Thánh hiền, như vậy gọi là thuật nhi bất tác.

Ngày xưa không có văn tự, văn tự mới được phát minh cách đây 4500 năm, văn tự có mặt rất muộn, từ xưa toàn được truyền khẩu. Thời đại Khổng tử mới dùng văn tự để truyền lại những lời cổ đức, dùng chữ viết để ghi chép rồi truyền lại cho hậu thế. Vậy nên người đời sau tôn xưng ông là Đại thành chí thánh tiên sư, tập đại thành. Vì thế tôi có lý do để tin câu nhân tánh bản thiện, nhất định được tổ tiên chúng ta phát biểu hàng nghìn năm trước. Ý của câu nhân tánh bản thiện, giống như lời dạy của Phật Thích Ca Mâu Ni, tôn chỉ đặt ra trong việc dạy học: Tất cả cả chúng sinh vốn là Phật. Ý hai câu này hoàn toàn tương đồng. Nền giáo dục truyền thống của Trung quốc khẳng định nhân tánh bản thiện, mục đích của việc giáo dục là khơi gợi cho chúng ta trở về với gốc thiện. Mục tiêu giáo dục của Phật giáo là kêu gọi chúng ta trở lại ngôi vị Phật, vốn là Phật, bạn thành Phật là điều đương nhiên, bạn không thành Phật mới là sai lầm.

Vì thế mỗi danh hiệu Phật là danh hiệu của tất cả Chư Phật, chỉ cần thông một trong tám vạn bốn nghìn pháp môn là có thể thông hiểu được các pháp môn còn lại. Trong tác phẩm Ấn Quang Đại Sư Văn Sao, có lấy một thí dụ, nhà Phật gọi là công án, chúng ta thường nói nôm na là câu chuyện. Có câu chuyện thế này, có thiền sinh tự phụ, tham thiền mấy mươi năm, có lần ông ta gửi một bức thư, nhờ hoà thượng Ấn Quang dạy bảo. Ông kể ông đã tham học hết 1700 công án, đó là Ngũ đặng hội nguyên, chỉ còn lại mấy công án là không thông suốt, hình như chưa rõ ràng lắm.

Gửi một bức thư trả lời, đại sư Ấn Quang viết: Chỉ cần hiểu rõ một công án thôi thì tất cả những công án còn lại sẽ hiểu hết, nếu ông nói còn lại mấy công án không hiểu, thì đồng nghĩa với việc là huynh không hiểu công án nào. Có vẻ sau khi nhận được thư, người đó sẽ bỏ tu thiền, theo đại sư Ấn Quang niệm Phật, thực sự như thế, không sai chút nào. Bạn nghĩ khi đã thông bộ kinh này rồi, khi tôi học kinh này, gọi là học thông kinh này rồi, nói cách khác, tất cả các kinh mà Phật Thích Ca Mâu Ni nói ra trong suốt 49 năm, quý vị đều hiểu hết. Bộ kinh này đã thông, nếu còn một bộ, hai bộ chưa thông, có nghĩa là bạn chưa thông bộ kinh nào, cùng một đạo lý, thông là gì? Kiến tánh là thông, chưa kiến tánh thì chưa gọi là thông.

Bất kì một pháp môn nào, đều có thể làm cho quý vị minh tâm kiến tánh, chỉ cần bạn thâm nhập một môn. Vì thế cách thức học tập của người phương Đông, mãi đến ngày nay, người nước khác không thể tìm được. Nhưng người phương Đông chúng ta đã đánh mất những kiến thức cổ xưa, cho rằng tổ tiên chúng ta lạc hậu, bởi thế hôm nay chúng ta mới thiệt thòi, chịu bao nhiêu tai nạn như thế này. Không nhận thức ưu điểm của tổ tiên, đứng đầu thế giới, tìm không ra kiến thức tương tự. Khi tại thế, Phật Thích Ca Mâu Ni đã làm một tấm gương cho chúng ta. Quý vị xem, năm mươi chín tuổi ngài đã từ bỏ ngôi vua, từ bỏ đời sông vinh hoa phú quý, đời sống vương giả để cầu học. Ngài đã trải qua những ngày tháng học tập ra sao? Sống đời một vị sư khổ hạnh, cách dạy dỗ như thế quả thật vĩ đại.

Nói theo cách kinh Phật chúng ta nói hôm nay, đây là cách Thế tôn phá phiền não chướng, bỏ gia đình đi tham học đồng nghĩa với việc ngài cắt đứt phiền não chướng. Tham học 12 năm, ngài đến tìm hiểu hầu hết các học phái của tất cả các tôn giáo có mặt lúc bấy giờ tại Ấn độ. Sau mười hai năm, ngài lại buông bỏ hết

tất cả những kiến thức thu thập được, hành động này có nghĩa phá sở tri chướng. Năm mươi chín tuổi, cho chúng ta thấy ngài đã phá bỏ phiền não chướng như thế nào. Năm ba mươi tuổi, ngài đã cho chúng ta thấy cách ngài đã bỏ sở tri chướng ra sao. Cả hai chướng đều bị hạ gục, nhập định dưới cội Bồ đề, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, thành Phật. Vì đã bỏ cả hai thứ chướng ngại phiền não và sở tri chướng, thực sự liễu ngộ tất cả pháp thế gian và xuất thế. Tất cả những việc làm đó ngài đều làm mẫu cho chúng ta thấy, nếu chúng ta thực sự hiểu được thì chúng ta biết phải chọn cách học như thế nào.

Nhìn lại, những người ở Trung quốc rất quen thuộc, đặc biệt là khu vực Quảng đông. Đời Đường, Lục tổ Huệ Năng đã cư trú ở đó, đại sư Huệ Năng chưa bao giờ biết chữ, nhưng khi đến Hoàng Mai, nói thật, ở tám tháng trong đạo tràng Ngũ tổ chỉ để làm lụng. Ngay cả giảng đường của Tổ đình ngài cũng chưa một lần đặt chân đến, Thiên đường cũng thế, ngài chưa bao giờ ngồi hết một cây hương ở Thiên đường, chưa bao giờ nghe một buổi học ở giảng đường. Khi cần truyền pháp, Ngũ tổ phải đợi đến canh ba mới gọi ngài đến, giảng đại ý kinh Kim cương, đến đoạn “*ung vô sử trụ nhi sinh kì tâm*” thì ngài đại triệt đại ngộ. Không biết chữ, ngài ngộ cái gì? Thông đạt tất cả, đây là điều có thật, không phải giả dối.

Nửa đêm Ngũ tổ bảo ngài đi, nhanh chóng trốn đi, lánh nạn, lẩn vào đám thợ săn 15 năm. Trên đường đi lánh nạn, ngài gặp Tỳ kheo ni Vô Tận Tạng, suốt đời vị Tỳ kheo ni này thọ trì kinh Đại Bát Niết Bàn. Kinh Đại Bát Niết Bàn là một bộ kinh rất lớn, có hai phiên bản, một bản gồm 40 quyển, bản kia 36. Cần một khoảng thời gian rất dài nếu đọc hết một lượt, một ngày không thể đọc hết. Quý vị xem Tỳ kheo ni kia, chỉ một bộ kinh đó thôi, nhưng nhất môn thâm nhập, đọc trơn tru nhưng không hiểu kinh nói gì trong đó.

Lúc cô ta đang thọ trì, lúc đó Lục tổ Huệ Năng 24 tuổi, tình cờ nghe được, ngài rất hứng thú, cảm thấy nhẹ nhàng. Khi cô ta đọc xong, đại sư đã giảng cho cô nghe, Tỳ kheo ni vui mừng không kể xiết, nâng cả bộ kinh đến thỉnh giáo, ngài trả lời ngài không biết chữ. Lạ thay! Ngài không biết chữ thì làm sao biết được nghĩa lý của kinh? Ngài trả lời, biết hay không biết không liên quan gì cả. Thiên sư Pháp Đạt, quý vị thấy xuất hiện trong kinh Pháp bảo đàn, ngài học kinh Pháp Hoa mười năm, là khoảng thời gian không ngắn. Đọc một bộ kinh mười năm, đọc ba nghìn lần, một ngày đọc một lần, đọc mười năm như vậy nhưng không khai ngộ. Bèn đến Tào Khê bái Lục tổ, gặp Lục tổ, thiên sư lạy ba lạy nhưng đầu không sát đất. Thấy vậy, đại sư Huệ Năng đợi khi thiên sư đứng dậy, bèn hỏi:

Thầy có gì mà phải kiêu mạn như vậy? Vì sao? Khi thầy lạy đầu vẫn chưa sát đất, thiền sư thật thà trả lời: Tôi đã tụng ba nghìn biến kinh Pháp Hoa.

Nghe thế, đại sư Huệ Năng hỏi: Kinh Pháp Hoa dạy những gì trong đó? Thiền sư không trả lời được, trái lại xin thỉnh giáo đại sư Huệ Năng. Đại sư cho hay ông chưa bao giờ nghe đến bộ kinh đó, tất nhiên ngài chưa bao giờ tụng, cả đời chưa ghé mắt đến, vì ngài không biết chữ. Được rồi! Bây giờ ông tụng cho tôi nghe. Kinh Pháp Hoa có 28 phẩm, mới đọc đến phẩm thứ hai, đại sư bảo ngừng lại, tôi đã hiểu rồi. Nói xong ngài giảng cho sư Pháp Đạt nghe về đại ý của kinh. Pháp Đạt khai ngộ, lại cúi đầu sát đất đánh lễ, là bởi đã thực sự thông, hoàn toàn là sự thật. Đọc mười năm chưa thông, bây giờ chỉ nghe vài lời đã thông tất cả. Quý vị xem phương pháp nào là tối ưu?

Con người hiện nay thường mắc căn bệnh chung đó là coi thường các bậc cổ đức, cho rằng người xưa lạc hậu, chỉ người hiện đại mới thông minh, người bây giờ thành công hơn người xưa, quả là một sai lầm, thực sự sai lầm.

Tất cả những khoa học kỹ thuật đó, người xưa có hiểu chăng? Có, hiểu hết, nhưng tạo sao họ không phát triển? Nếu phát triển thì thế giới sẽ sớm huỷ diệt, không theo con đường đó mới là từ bi, trí tuệ. Khoa học mang đến một số ưu điểm, ngọt ngào, một chút dễ chịu, nhưng chúng ta đã phải trả giá ra sao? Quý vị xem những biến loạn của xã hội chúng ta ngày nay, mất tất cả đạo đức, luân lý, đó là cái giá chúng ta phải trả. Lại phải trả giá cho việc quả đất đầy rẫy những tai nạn, nếu khoa học phát triển hoen nữa, thì quả đất sẽ bị huỷ diệt, được không bù mất, thu không bù chi. Thực sự có trí tuệ ai cam tâm làm những việc như thế? Ái Nhân Tử Thản là người ngoại quốc, nếu ông là người phương đông, chắc chắn không công bố bí mật chế tạo bom nguyên tử, tại sao? Phương hại đến mọi người, đây không phải là một việc tốt. Người phương đông không làm những việc thất đức, không vì danh thơm, lợi dưỡng của mình, mà mỗi suy nghĩ đều vì những người đời sau, điều này chúng ta không thể không hiểu, cần phát huy tinh thần trách nhiệm.

Trong danh hiệu chư Phật, nhất là A Di Đà Phật, có thể nói, A Di Đà Phật là tên chung của tất cả chư Phật. Đức Phật nào cũng có thể xưng A Di Đà Phật, nghĩa của A Di Đà Phật là gì? Cả câu này là tiếng Phạn, được dịch âm, khi dịch sang tiếng Trung quốc thì quý vị đã hiểu. A dịch là vô, Di đà dịch thành lượng, Phật được dịch là Giác, trí tuệ. Nói các chữ Trung quốc lại, bạn đã rõ, đó là Vô lượng giác, Trí tuệ vô lượng, vị Phật nào không phải vô lượng giác? Có vị Phật

nào không phải vô lượng trí tuệ? không phải hoàn toàn thế sao? Bởi thế ngài là tổng hiệu của tất cả chư Phật, niệm một câu danh hiệu Phật là niệm tất cả chư Phật, không sót danh hiệu nào cả. Tất cả đức tướng trí tuệ viên mãn của chư Phật đều được bao hàm trong một câu danh hiệu này, ta phải nắm được ý của vấn đề, để khỏi lúc phải niệm thứ này, lúc phải niệm thứ khác. Không cần phiền phức như vậy, nắm chắc ý chính thì những thứ khác cũng nắm được.

Danh hiệu này là cương lĩnh chung của tất cả mọi danh hiệu, danh hiệu là pháp môn đại diện, nó là đầu mối của tất cả các pháp môn, nên chúng ta phải nắm rõ nó. Đó là tổng vạn đức thành, thành tựu này chỉ nhờ vào một câu danh hiệu. Nhưng có thể nhất niệm để niệm danh hiệu Phật, trong nhất niệm đó đã đầy đủ vạn đức, trong mỗi niệm đã niệm vạn đức, quả thực không thể nghĩ bàn, chúng ta phải tìm hiểu rõ ràng, minh bạch, liệu có thể không niệm ư? Cái gì cũng có thể không niệm, thứ gì cũng buông bỏ được, chỉ nắm chắc một câu danh hiệu là đủ. Đây là câu nói của những đại đức tổ sư thời Tuỳ Đường phát biểu, không phải một người nói mà tất cả mọi người đều nói.

Ác nghiệp từ vô thủy là do vọng tâm sinh ra, công đức niệm Phật được khởi lên từ chân tâm. Chân tâm như mặt trời, vọng tâm như bóng tối, chân tâm vừa khởi, vọng niệm liền mất, như mặt trời ló dạng thì đêm tối không còn. Mấy câu này là nói về công đức của việc niệm Phật, những lợi ích của việc niệm Phật, có thể diệt trừ tội nghiệp, tiêu trừ nghiệp chướng của bạn, vì sao? Ác nghiệp vô lượng vô biên từ vô thủy kiếp đến nay là do vọng tưởng sinh, vọng là gì? Mê, mê mà không giác, đi ngược lại với tự tánh, nên họ mới tạo tất cả tội nghiệp. Tội nghiệp là gì? Mê làm ngay từ đầu, cho rằng thân này là của ta, tất cả khởi tâm động niệm đều vì thân này, để thân này hưởng thụ, nhưng thân này là giả, không phải của ta.

Quý vị xem, chúng ta tận tâm tận lực vì nó, thật đáng thương, tạo tội nghiệp đầy thân. Khi có thân, đầu tiên là tự tư tự lợi xuất hiện, vì lợi ích bản thân, ta bắt đầu hại người. Tất cả khởi tâm, động niệm đều vì lợi ích chính mình, hại người lợi mình, khởi tâm động niệm là tổn người lợi mình. Trong quá trình đó ta đã tạo vô lượng vô biên tội nghiệp, quả báo là rơi vào trong tam đồ: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Bởi thế điều đầu tiên Phật dạy chúng ta: Thân này không phải là tôi, mà thân thuộc về cái gì? Phật pháp gọi thân là ngã sở, chính là tôi sở hữu. Như áo quần vậy, áo quần không phải là tôi, mà nó là sở hữu của tôi, mình phải phục vụ cho áo quần ư? Không, vì sao? Biết nó không phải là của ta, cái gì mới là của ta? Cái gì là của ta? Có, giáo lý Đại thừa cho rằng thường, lạc, ngã, tịnh. Bốn chữ này là chân lý, không phải giả.

Thường là gì? Là vĩnh hằng bất biến, nếu còn thay đổi là vô thường, vô thường là giả, thường là chân. Đại sư Huệ Năng đã thấy nó, khi ngài trình kệ lên Ngũ tổ, câu thứ hai: Nào ngờ tự tánh, vốn không sinh diệt. Không sinh không diệt là thường, vốn không sinh không diệt là thường. Lạc, lạc là thật, khổ là giả, đây là sự an lạc tuyệt đối. Ngày nay chúng ta thường nói khổ lạc là một đôi, kì thực trong vũ trụ không có thứ tương đối. Nhị biên khổ-lạc đều xả bỏ, đó là chân lạc. Tôi có chân lạc, chân lạc là gì? Lạc của đại Niết bàn, cái vui của sự thanh tịnh tịch diệt, Như Lai quả địa thượng mới lãnh hội được. Hiện tại chúng ta đang đánh mất tự tánh, nên hoàn toàn không cảm nhận được, cho dù có nói chúng ta vẫn không tin, không tiếp nhận.

Ngã, có nghĩa chủ thể, tự tại, có chăng? Có, trong bài kệ của đại sư Huệ Năng có nói đến: nào ngờ tự tánh, vốn tự đầy đủ, đó là nghĩa của chữ ngã, thực sự làm chủ thể, chứng đắc đại tự tại. Tịnh, câu thứ nhất ngài nói: Nào ngờ tự tánh, vốn tự thanh tịnh. Đầy đủ cả thường, lạc, ngã, tịnh, chỉ vì quên mất tự tánh nên không nhận ra đấy thôi, kiến tánh là thấy ngay, nó là tánh đức, tự tánh chính là chính mình, là ta. Bốn đức của tự tánh: Thường, lạc, ngã, tịnh, minh tâm kiến tánh, khi kiến tánh quý vị liền cảm nhận được ngay, chưa kiến tánh thì bốn chữ kia cũng chỉ là hữu danh vô thực, cần phải nắm rõ.

Vì thế trong giáo lý Tiểu thừa, Phật thường dạy cho chúng ta vô thường, vô ngã, khổ, không, vô thường, Phật luôn nói về những điều này. Đây là nói cho Tiểu thừa để phá tình chấp cho họ. Với Đại thừa, Phật dạy chân thường, thực sự có thường, lạc, ngã, tịnh. Ngày nay chúng ta đang sống với vọng tâm, vọng tâm là gì? Đó là tâm phân biệt, tâm chấp trước, tâm vọng tưởng, quả là một sai lầm. Công đức niệm Phật được khởi lên từ chân tâm, phương pháp niệm Phật của đại sư Ấn Quang là phương pháp dùng vọng tâm khôi phục lại chân tâm, vọng tâm có niệm, chân tâm là vô niệm. Vọng tâm ngày nay của chúng ta, quý vị thấy niệm trước diệt, niệm sau liền sinh, mỗi ngày có vô lượng vô biên tạp niệm.

Có rất nhiều người hỏi tôi thuật dưỡng sinh như thế nào để giữ gìn sức khỏe và sống lâu? Đây là vấn đề được rất nhiều người quan tâm, nếu sống bằng vọng tâm thì chính ta đã tàn phá sức khỏe của mình, đang sống mà tàn phá thân thể của mình, đến khi mất sẽ tàn phá linh hồn của mình, thật đáng thương! Khiến cho linh hồn của mình luân hồi trong lục đạo. Cách bảo vệ sức khỏe đúng đắn là gì? Chân tâm, chân tâm là cách bảo vệ sức khỏe thiết thực nhất, nhất chân thì tất cả đều chân. Chân tâm là gì? Chân tâm ly niệm, được nói đến trong giáo lý Đại thừa. Vọng tâm là có suy nghĩ, chân tâm không có suy nghĩ. Không có suy nghĩ khó,

rất khó thực hiện. Phật, Bồ tát rất thông minh, dùng một phương pháp dạy chúng ta chỉ khởi lên một niệm, ngoài niệm đó ra không có niệm nào khác, niệm đó chính là niệm Phật. Dùng ý niệm A Di Đà Phật đánh tan tất cả những niệm khác, quý vị chỉ giữ lại niệm này thôi, đây được gọi là dùng một pháp trị tất cả pháp. Theo cách đó, đến lúc không còn niệm nào nữa thì nhất pháp đó cũng không cần, thuần chân, chân lý niệm Phật chính là chỗ đó.

Nếu không còn tạp niệm thì quý vị niệm Phật làm gì? Không cần niệm nữa, niệm Phật là sai. Niệm Phật là uống thuốc, chữa bệnh, lành rồi thì uống thuốc làm gì, đây gọi là thuần tịnh, thuần thiện. Dùng một niệm để ngăn tất cả niệm, căn tánh chúng sinh khác nhau, vọng niệm quá nhiều, nên Phật dùng tám vạn bốn nghìn pháp môn để đối trị tám vạn bốn nghìn phiền não của chúng sinh. Chúng ta có thể làm một phép thử, để xem phương pháp nào tốt, thì sử dụng phương pháp đó, có thể giúp quý vị giảm ít vọng niệm, có hiệu quả đối với mình. Tham thiền cũng được, trì chú cũng được, giữ giới cũng được, niệm Phật cũng được, nghiên cứu kinh giáo cũng được, bởi căn tánh của mỗi người không giống nhau.

Lúc còn trẻ, thầy tôi bảo niệm Phật, tôi không niệm được, vì nghi ngờ pháp môn này, nên không niệm được. Tôi chưa nhận thức rõ ràng về pháp môn này, nhưng tôi rất tập trung khi học tập. Lúc trẻ chúng tôi đã xuất gia, rất đông những vị hoà thượng tiền bối đã phê bình chúng tôi, cho rằng tôi thích giảng kinh, kì thực không phải như thế, họ đã nghĩ sai. Tôi vận dụng phương pháp giảng kinh để đối trị phiền não của tôi, vì vọng niệm nhiều quá. Khi giảng kinh, chúng tôi phải chuẩn bị bài vở, tài liệu, trong lúc soạn bài vở như thế chúng tôi phải chuyên tâm, như thế là giảm thiểu được vọng niệm, phương pháp này rất hiệu quả với tôi, nên tôi đi theo con đường này.

Giảng kinh, là tôi đã đối trị được tập khí phiền não của bản thân, thời gian càng dài thì phiền não càng giảm bớt. Mỗi ngày đều đọc kinh, mỗi suy nghĩ đều nghĩ về những kiến thức trong kinh điển, xa rời những mong muốn thế gian, ít nhất đã 50 năm tôi không để mắt đến báo chí, truyền hình, phát thanh. Bởi thế có người hỏi, không cập nhật những kiến thức, tin tức hiện tại, thầy có gặp những khó khăn trong cuộc sống không. Tôi trả lời có, nhưng đã có những người đồng học, người hảo tâm, khi họ biết được tin tức quan trọng, họ bèn viết vào một tờ giấy đưa tôi xem. Mỗi tuần đều có những người download tin tức trên mạng rồi chép vào mấy trang giấy cho tôi xem, bởi thế những tin tức quan trọng tôi đều nắm được, đỡ bớt rất nhiều việc.

Hai câu nói của cô nhân mà tôi tin và giữ rất cẩn thận, đó là: Biết được nhiều chuyện thì phiền não nhiều. Những điều không cần biết thì cần gì phải cất công tìm tòi, lại còn chạy vạy nghe ngóng, đó không phải tự mình trói mình sao? Tôi dứt khoát không giây vào những chuyện đó. “Thức nhân đa xứ thị phi đa”, quen biết nhiều người thì thị phi càng nhiều, tất cả đều gây rắc rối cho mình. Bây giờ những người quen biết tôi rất nhiều, tôi không biết họ, họ biết tôi bằng cách nào? Nghe tôi giảng kinh trên truyền hình, vì tôi thường hay đi, những người không quen biết, gặp tôi họ cũng chào hỏi, hầu như nơi nào cũng gặp, nhiều lắm. Họ thấy trên mạng, trên đĩa, truyền hình vệ tinh, người quen nhiều là từ chỗ đó, thật ra tôi không thân quen nhiều người mà chỉ có họ biết tôi, tôi không biết họ.

Liệu có cần thiết phải quen biết người ta không? Không cần thiết, càng ít quen biết, càng ít người qua lại với ta, cuộc sống càng yên tĩnh,. Lui tới cũng một vài người bạn cũ, lần hồi những người bạn cũ cũng ra đi. Vì thế thời gian qua, mỗi năm tôi quay lại Đại lục hai ba lần để thăm bạn cũ, bây giờ họ cũng dần vắng bóng. Ông Triệu Phác, lão hoà thượng Danh Sơn, Hoàng Niệm Lão, Phó Thiết Sơn... đều đã mất. Phó Thiết Sơn là một tín đồ Thiên chúa giáo, là một người rất thân thiết với tôi.

Mỗi năm, mọi người muốn thăm nhau một vài lần, nhưng bạn bè trong nước, nước ngoài dần dần đi xa, tôi cũng đã già. Thật sự, tuổi trẻ không nghĩ ra được, nhưng đến độ tuổi này các bạn mới hiểu, không nên ôm đồm nhiều thứ. Rất nhiều hoạt động ở các nơi khác nhau tôi không tham gia, có người đến mời, tôi cứ những vị trẻ tuổi, những người đồng tu trẻ tuổi thay tôi tham dự, cũng lợi dụng cơ hội này để đi dắt họ. Không phải trường hợp bắt đắc dĩ thì cố gắng tránh, vui nhất nhất là tu hành, phương pháp tu hành của tôi gồm đọc kinh, giảng kinh, niệm Phật, rất đơn giản. Mỗi ngày tôi dành bốn tiếng để đọc kinh, chia xẻ với mọi người độ bốn tiếng, thời gian còn lại là niệm Phật, không gì vui hơn.

Hỏi tôi chuyện thiên hạ, ngày nay thiên hạ đã thái bình rồi, không có chuyện gì nữa, tôi không biết, hết chuyện, thiên hạ thái bình. Các bạn đến cho tôi hay, hôm nay có một số chuyện, có chuyện đó nữa a, không không quan tâm, tốt hơn hết là đừng nói với tôi, ngày ngày sống cuộc đời êm thấm, biết thêm nữa để làm gì! Bởi thế người ta kháo nhau những tai nạn, tôi không phí lời, cứ chân thành niệm Phật. Tai nạn có xảy ra, sẽ được hoá giải, không có tai nạn, nghiệp chướng được tiêu trừ, không phải như thế sao? Không cần phải tránh, làm sao tìm được nơi thoát khỏi tai nạn.

Người xưa có câu: khó tránh kiếp nạn. Bạn không bị kiếp nạn, dù tai nạn ngay trước mặt, quý vị cũng bình yên vô sự, cần gì phải lo lắng? Lo lắng chính là vọng niệm, là tạo nghiệp, chi bằng niệm Phật, niệm Phật là tốt nhất để tiêu tai miễn nạn. Khi đã hết nghiệp chướng rồi, thì phước huệ sẽ tăng lên, đó là một cơ hội tốt, không cần phải lo lắng vô cớ. Vì thế công đức niệm Phật là từ chân tâm khởi, chân tâm như mặt trời, vọng tâm như đêm tối, khi chân tâm có mặt là vọng tâm biến mất, giống như ánh dương vừa ló thì bóng tối tan đi, ý nghĩa của nó là như vậy.

An Lạc Tập dẫn chứng kinh Quán Phật Tam Muội nói: Phật khuyên phụ vương thực hành niệm Phật tam muội. Quý vị thấy sự thù thắng của pháp môn này, Phật Thích Ca Mâu Ni đã giới thiệu cho thân phụ của ngài, nếu không phải là pháp môn tối ưu thì làm sao ngài lại giới thiệu cho phụ thân mình? Khuyên thân phụ mình tu niệm Phật tam muội.

Phụ vương bạch Phật: Quả đức Phật địa, chân như thật tướng, đệ nhất nghĩa không, tại sao không bảo đệ tử làm theo. Đây là những lời Phật thường nói trong kinh Đại thừa. Như lai quả địa chân như thật tướng, chân như thật tướng là chỉ tự tánh, pháp tánh. Đệ nhất nghĩa không, theo cách nói của Tịnh tông là Thường tịch quang tịnh độ, là tự tánh, tại sao lại có tên đệ nhất nghĩa không? Tự tánh vắng lặng trong suốt, bản thân nó không có hiện tượng, nó không có hiện tượng vật chất, không có hiện tượng tinh thần, ngay hiện tượng tự nhiên cũng không. Nó tồn tại, không lúc nào không tồn tại, không nơi nào không tồn tại, bởi vì nó không có hình tướng, nên ta có thể hình dung nó bằng chữ “không”. Không ở đây không thể nói là không có gì, nó vẫn có, nó có nhưng mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý của ta không thể tiếp xúc được, như kinh Phật nói, tất cả không thể duyên được.

Nó tồn tại, thực sự tồn tại, không phải không có, giống như chúng ta xem truyền hình, ta nhìn màn ảnh của truyền hình, khi ta mở một kênh nào đó, thấy những cảnh trên màn hình. Khi không có màn hình, thì màn hình đó ví như đệ nhất nghĩa không. Bây giờ chúng ta chỉ thấy những hình ảnh chuyển động trong đó, màn hình đâu có chuyển động, màn hình không sinh không diệt, màn hình chính là đệ nhất nghĩa không, màn hình là Thường tịch quang tịnh độ. Đệ nhất nghĩa không không phương hại, thập pháp giới y chánh trang nghiêm, không ảnh hưởng lẫn nhau, thập pháp giới y chánh trang nghiêm cũng không phương hại đến đệ nhất nghĩa không. Thực ra, đệ nhất nghĩa không từ xưa đến nay chưa bao

giờ ô nhiễm, chưa bao giờ bị ô nhiễm, cũng không bao giờ bị phương hại, vì đó là tự tánh.

Nhà khoa học, chúng ta nghe những kết luận của nhà khoa học, trong vũ trụ hồng quan, nếu ta dùng máy móc tinh vi nhất để quan sát, đo đạc, cũng chỉ quan sát độ 10% vũ trụ, còn lại 90% không thể thấy được, đến đâu? Đến độ nhất nghĩa không. Bởi thế nhà khoa học không thể nhìn thấy, nghĩa là trở về với tự tánh, vấn đề này kinh Đại thừa nói rất cụ thể, họ không biết kinh Phật nói rất rõ ràng, nên quay về tự tánh.

Giống như những nghĩa lý cao siêu nhất trong Đại thừa, sao không đem dạy cho một số người? Đây là câu hỏi vua Tịnh Phạn đặt ra cho Phật.

Phật trả lời: Quả đức của chư Phật, có cảnh giới vô cùng thâm diệu, thần thông giải thoát, không phải là cảnh giới người phàm phu có thể đến được. Trong số những đệ tử, đặc biệt là những đệ tử Thanh văn, Phật không bao giờ dạy cho họ chân như thật tướng, đệ nhất nghĩa không, những lời này không nói cho Tiểu thừa, nói cho ai? Những Bồ tát Đại thừa, vì họ hiểu. Cả đời dạy học của mình, Phật đã chỉ cho chúng ta thấy rất rõ, ngài tùy người để cho lời dạy. Sau khi đại triệt đại ngộ, ngài giáo hoá cho năm Tỳ kheo ở vườn Nai, đây là bước đầu tiên xây dựng Tam bảo: Phật, pháp và tăng. Ngài đã dạy cho năm vị Tỳ kheo Tứ A hàm, giảng kinh A hàm, mất 12 năm, tương đương cấp tiểu học của Phật giáo, 12 năm. Sau 12 năm, khi đã có cơ sở rồi, tiếp tục học tiếp lên nữa, giảng Phương đẳng, Phương đẳng là Đại thừa, mất tám năm, tương đương cấp trung học, cả giai đoạn này tổng cộng học hết 20 năm. Học 20 năm cơ sở xong mới học tiếp lên đại học, khi lên đại học được nghe giảng Bát nhã, đệ nhất nghĩa không, chân như thật tướng. Đây là giai đoạn quan trọng nhất trong nền giáo dục Phật giáo, tổng cộng mất 22 năm.

Trải 49 năm giảng kinh dạy học, Phật Thích ca mâu ni đã mất 22 năm để giảng Bát nhã, chiếm gần một nửa thời gian, bởi vì đây là khoá học rất quan trọng của Phật giáo. Nhưng trước đó có 20 năm học cơ bản, nếu không có nền tảng 20 năm đó thì làm sao tiếp thu được những kiến thức sau này? Ngài đã từng bước nâng cao, tám năm cuối cùng mới giảng Pháp Hoa, tương đương viện nghiên cứu. Cảnh giới trong Pháp Hoa hoàn toàn tương đồng với cảnh giới Hoa Nghiêm, đó là quay về tự tánh. Những gì ngày nay chúng ta có tất cả đều do Thế tôn thị hiện, vì vậy khi học tập, chúng ta nên dựa vào thứ tự như trên để thực hiện. Không dựa theo những gì có sẵn để học, Tiểu thừa không cần, giống như nói không cần giai

đoạn 12 năm trước đó, tôi bắt đầu học Phương đẳng thôi, thì bạn làm sao thành công? Không học tiểu học mà chỉ học trung học, liệu có thể được không? Thậm chí không học tiểu học, không học trung học, nhảy thẳng vào đại học, thậm chí tôi làm nghiên cứu sinh, làm gì có chuyện đó! Hoạ có thần đồng, mà thần đồng lâu mới xuất hiện.

Trong số ba vị thầy của tôi, lúc tôi đang thanh niên, đã cảnh cáo tôi không bao giờ được học Huệ Năng, họ bảo Huệ Năng là thần đồng. Trước Huệ Năng không có một Huệ Năng khác, sau Huệ Năng cũng không có Huệ Năng thứ hai, bạn làm gì có trình độ học theo Ngài? Đó là gì? Nghiên cứu sử, đó là thần đồng, không phải người thường. Chúng ta là những người bình thường, dứt khoát phải học từ tiểu học, trung học rồi đến đại học, có như thế ta mới học được, đây là những lời dạy chân thực của người thầy.

Thầy Phương Đông Mỹ bắt đầu dạy tôi từ Bách Pháp Minh Môn Luận, vì tôi học triết học, hai tông Tánh và Tướng là triết học của Phật giáo. Đây chính là những lời lúc bấy giờ thầy nói với tôi, khi tuổi đã lớn, thầy không nói thế nữa, thầy biết rằng tất cả giáo pháp của Phật đều là một môn triết học cao cấp. Càng đi sâu chúng ta càng cảm nhận rõ, càng am hiểu hơn. Đại sư Chương Gia bảo tôi nên học từ truyện kí Phật Thích Ca Mâu Ni, đầu tiên là phải làm quen với lịch sử Đức Phật, bắt chước cách thức Phật Thích Ca Mâu Ni để học, không được đi đường tắt. Ở cùng với thầy Lý mười năm, thầy đã truyền đạt cho tôi phương pháp giảng kinh, dạy học. Tôi học tổng cộng 13 năm, tương đương giai đoạn 12 năm Thế tôn giảng kinh A Hàm, tôi học 13 năm, nền móng đã tương đối vững chắc.

Người học bây giờ không chú trọng cơ sở, nhảy tót nghiên cứu những tập kinh luận lớn, khó đây, rất khó. Học gì đi nữa cũng không thể thâm nhập cảnh giới, chỉ bằng chuyên cần niệm Phật, nếu chuyên cần niệm Phật mà chứng được niệm Phật tam muội, đến mức nhất tâm bất loạn, thì đã thành công, thực sự thành công rồi.

Vì thế, những lời Phật nói với thân phụ rất sâu sắc.

Quả đức chư Phật, có cảnh giới vô lượng thâm diệu, thần thông giải thoát, đó không phải cảnh giới người phàm có thể bước vào được, nên con khuyên phụ vương nên thực hành niệm Phật tam muội. Không cần nghiên cứu những giáo lý này, chỉ nên chuyên cần niệm Phật cầu sinh Tịnh độ, khi đến thế giới Cực lạc rồi thì tự nhiên khai ngộ, biện pháp thật thiết thực! Biện pháp này thù thắng, không gì sánh được, đó là thực sự là pháp đệ nhất trong Phật pháp. Nhưng với điều kiện

bạn phải có niềm tin, bạn không tin thì không có cách nào cứu vãn, tin tưởng rất khó.

Trong Di Đà Yêu Giải, đại sư Ngẫu Ích đã dạy chúng ta, tín, nguyện, hạnh. Ngài đã dùng ba chữ này để làm cương lĩnh cho tác phẩm kinh Di Đà. Phần lời tựa nói tín, nguyện, hạnh, phần chánh tông cũng nói tín nguyện hạnh, phần lưu thông lại nói tín nguyện hạnh. Cách giảng như thế những vị đại đức tổ sư chưa bao giờ sử dụng. Đại sư Ngẫu Ích quả là là người có kiến giải chính xác và thấu triệt, là bậc thực sự có trí tuệ. Về chữ tín, ngài dạy chúng có sáu cách tin, sáu cách đó là: Một, tin bản thân. Đây là điều rất quan trọng, nếu bạn không tin bản thân mình thì dù Phật Bồ tát có đến cứu cũng vô dụng, tin Phật cũng không tác dụng gì, đầu tiên là tin chính mình. Thứ hai, tin Phật, Bồ tát, Phật, Bồ tát được đặt ở vị trí thứ hai.

Tin chính mình là gì? Tin mình là Phật, tin mình có Phật tánh, hiện tại chúng ta đang quên mất mình có tự tánh, làm sao để khôi phục lại tự tánh? Ta nên thỉnh giáo nơi Phật, Phật sẽ giúp ta khôi phục tự tánh. Phật giúp ta tìm lại tự tánh cho chính ta, cách tin thứ hai không giống đức tin tôn giáo.

Thường tiếp xúc một số tôn giáo, như Thiên chúa giáo và Cơ đốc giáo, tôi có quen biết khá nhiều những Mục sư, cha cố của họ và cũng thường hay trò chuyện. Họ bàn về đức tin, họ bảo đức tin của chúng tôi giống như đức tin trong Tịnh tông quý vị, tôi trả lời không giống, không giống ở chỗ nào? Đức tin đầu tiên của chúng tôi là tin bản thân, đức tin đầu tiên của quý vị là tin Thượng đế, quý vị không tin chính mình. Chúng tôi đầu tiên là tin chính mình, sau đó mới tin Phật, quả nhiên không giống nhau.

Văn hoá truyền thống xưa, điều đầu tiên cũng dạy tin chính mình, bản tánh vốn thiện. Khi chúng ta đang đi học, chúng ta phải nương tựa người thầy, Thánh hiền, mong họ dẫn dắt ta quay về gốc thiện, đó là một ý. Quý vị xem cách dạy học của Đông và Tây phương, điều đầu tiên, về ý niệm đã khác nhau. Tin bản thân có thể thành Thánh thành Hiền, tin bản thân mình là Thánh hiền, khi học Phật, ta tin mình là Phật, Bồ tát, như thế mình mới thành công. Nếu không tin mình là Phật, Bồ tát, học cả đời cũng chỉ là người phàm, coi như không học.

Tiếp theo, Phụ vương bạch Phật: Hình dáng của công đức niệm Phật ra sao? Hình dáng công đức niệm Phật ra sao? Phật thưa phụ vương: Như rừng Y lan, vuông bốn mươi do tuần_Do tuần là đơn vị đo diện tích, có nhiều cách giải thích khác nhau, thường được nhắc đến trong kinh Phật. Một đại do tuần khoảng chừng tám mươi dặm Trung quốc, trung do tuần bằng sáu mươi dặm, tiểu do tuần bằng

bốn mươi dặm. Tính đơn vị nhỏ, bốn mươi dặm là một do tuần, vuông bốn mươi do tuần, chắc độ bốn trăm dặm, cho thấy cánh rừng này khá rộng, đây là rừng cây.

Y lan là tiếng Phạn, là một loại thực vật, có mùi hôi không ngửi được, cả khu rừng toàn loại cây này, nhưng trong số các cây đó có một cây Ngưu đầu chiên đàn. Ta biết gỗ chiên đàn rất thơm, mùi hương quý, có một cây như thế, bạn nghĩ một khu rừng rậm rộng bốn trăm dặm như thế, tất cả các cây trong đó đều là cây Y lan, chỉ lọt vào một cây Ngưu đầu chiên đàn. Tuy có mầm nhưng chưa nhú lên khỏi mặt đất, cây Ngưu đầu chiên đàn đó chưa lớn, nó có gốc, có mầm, nhưng chưa thành cây,

Rừng cây Y lan, chỉ mỗi mùi hôi, nếu ăn nhầm hoa quả của nó, phát điên đến chết, cây Y lan có nhiều độc tố, hôi hám, nếu ai ăn nhầm hoa quả của nó, phát điên đến chết, trong quả cây này chứa rất nhiều chất độc. Sau đó cây chiên đàn nhú mầm, dần lớn lên, vừa mới thành cây hương toả một vùng, cả khu rừng liền thay đổi thành rừng hương. Chúng ta hãy tưởng tượng, một cây Chiên đàn, trong một khu rừng Y lan rộng bốn trăm dặm, hương một cây Chiên đàn có thể làm thay đổi cả một vùng xú ố. Cây Chiên đàn được ví cho sự niệm Phật, người nào được thấy, đều sinh tâm hi hữu. Quý vị xem một cây như thế mà có thể làm thay đổi cả một rừng cây.

Phật nói với phụ vương, tất cả chúng sinh lăn lộn trong dòng sinh tử, tâm niệm Phật cũng như thế. Tâm niệm Phật, công đức của việc niệm Phật giống như cây Chiên đàn. Chiên đàn là cây thường xuất hiện trong kinh Phật, nó là thứ gỗ có mùi hương thơm nhất trong thế gian này. Đàn hương trong quan niệm người Trung quốc không phải là cây Ngưu đầu chiên đàn, có thể bây giờ cây này đã không còn nữa, nó có khi thời Phật còn tại thế, được kinh sách ghi chép lại. Đã từng có một vị tăng sĩ người Ấn độ mang đến Trung quốc hạt giống cây Ngưu đầu chiên đàn, nhưng rất ít, chỉ có bốn lượng. Vị tăng sĩ muốn làm quà dâng lên Hoàng đế, nhưng quà tặng cho Hoàng đế ít nhất cũng được một cân, không đủ một cân thì không thể làm quà được. Vì thế vị tăng sĩ kia không biết cách nào, bèn cho một hạt, rất nhỏ, độ chỉ bằng hạt đậu nành, rồi xông lên, hương thơm của nó toả ra bốn mươi dặm. Lúc bấy giờ kinh đô nhà Đường đang ở Tràng an, chu vi bốn mươi dặm đều nghe mùi hương, lúc ấy mọi người mới biết đó là bảo vật, còn lại một ít nhà vua xin nhận. Quả là một chuyện rất hiếm thấy, thực sự được gọi là bảo hương, mùi hương của nó có thể trừ bệnh, rất nhiều người bệnh nhờ nghe mùi hương này mà được khỏi.

Tất cả những gì kể trên là để thí dụ người niệm Phật, tâm người niệm Phật giống như gỗ Chiên đàn. Rừng cây Y lan được ví cho ác nghiệp được tạo ra từ vô thì kiếp đến nay. Chỉ cần siêng năng niệm Phật thì được sinh trong nước Phật, chỉ cần bạn siêng năng niệm Phật. Hệ niệm, nhất tâm hệ niệm, đây là nguyên văn trong kinh, còn trong nguyên bản kinh Di Đà là nhất tâm hệ niệm. Đại sư Cưu ma la thập đã dịch thành nhất tâm bất loạn, muốn đạt đến nhất tâm bất loạn không phải dễ, nhất tâm hệ niệm chúng ta có thể thực hiện được, vậy liệu đại sư La thập có phiên dịch nhầm? Không bao giờ, đại sư La thập là dịch ý, không phải so văn trong kinh để dịch thẳng, đại sư Huyền Tráng thì dịch thẳng.

Trong kinh Phật dạy chúng ta: Người niệm Phật, khi khi lâm mạng chung, được vãng sinh thế giới Cực Lạc, đầu tiên là hào quang Phật chiếu đến, nếu Phật A di đà đến tiếp dẫn thì nhất định trước hết phải có hào quang chiếu đến. Khi hào quang Phật chiếu đến thì công phu niệm Phật được nâng lên một bậc. Bình thường là nhất tâm hệ niệm, nhưng khi hào quang Phật chiếu đến thì biến thành nhất tâm bất loạn. Vậy nên ta có thể kết luận ngài La thập không nhầm lẫn, nhờ sức Phật gia trì, khi sinh sang thế giới Cực Lạc ở phương Tây, được bản nguyện Phật A di đà gia trì, bạn xem, bạn trở thành Bồ tát bất thối chuyển, còn gì tuyệt vời bằng! Đó quả là không thể nghĩ bàn, Bồ tát bất thối chuyển là Bồ tát đã minh tâm kiến tánh. Quý vị chưa minh tâm kiến tánh nhưng trí tuệ, thần thông, đạo lực, gần giống với những vị Bồ tát đã minh tâm kiến tánh. Tất cả chỗ đó là nhờ Phật A di đà gia trì chứ không phải là công phu của quý vị Phật A di đà gia trì cho tất cả mọi người, chỉ cần bạn vãng sinh đến thế giới Cực lạc, cho dù bạn chưa chứng quả bất thối nhưng ngài vẫn gia trì bạn, đây chính là sự thù thắng trang nghiêm không nơi nào bằng của thế giới Cực lạc.

Khi đã vãng sinh thì tất cả cái ác, đều biến thành đại từ bi, giống cây gỗ hương kia đã thay đổi cả khu rừng Y lan. Đây là một thí dụ cực kì sắc sảo, thí dụ thế nào? Niệm Phật có thể tiêu trừ tất cả nghiệp chướng, tội chướng từ vô lượng kiếp đến nay, chỉ cần ta thực sự biết niệm Phật thì có thể tiêu trừ hết. Nếu vận dụng được phương pháp niệm Phật của đại sư Ấn Quang, thì mức độ tiêu trừ tội lỗi càng nhanh hơn nữa, mang lại hiệu quả cao nhất, tự thân bạn có thể cảm nhận được, tại sao? Khi niệm Phật thì không có tạp niệm, đấy chính là tiêu trừ nghiệp chướng. Nếu khi niệm Phật mà vẫn có tạp niệm, thì tội chướng vẫn chưa được tiêu trừ, nó nhắc nhở quý vị đang còn nghiệp chướng.

Vì vậy khi niệm Phật, ta phải để tịnh niệm liên tục, trong tịnh niệm có yếu tố đầu tiên là không hoài nghi, thứ hai là không để tạp niệm trộn lẫn trong đó. Vì

vậy hiểu thật rõ ba yếu tố là một điều rất quan trọng. Ta phải niệm danh hiệu Phật thật rõ ràng, chậm một chút, không cần phải nhanh quá. Nhưng phải rõ ràng, nghe rõ ràng, ghi nhớ rõ ràng. Mỗi câu niệm Phật của ta là câu thứ mấy trong mười niệm, không cần hai mươi, ba mươi, không cần, chỉ mười tiếng trở lại, câu thứ mấy trong mười tiếng đó. Niệm xong mười tiếng lại trở về tiếng thứ nhất, từ câu thứ nhất đến câu thứ mười, từ câu thứ nhất đến câu thứ mười, bạn cứ theo cách này mà niệm, không cần đếm, không cần dùng tràng hạt. Niệm đến khi nào không còn vọng niệm, tâm thật thanh tịnh, niệm Phật như vậy mới thực sự có công phu, đây tướng của nghiệp chướng đã tiêu trừ.

Trong sinh hoạt thường ngày, lúc nào ta cũng phải nhớ đến, khi gặp những chuyện vừa ý, ta vui vẻ, sinh tâm tham luyến, đây là phiền não, lập tức niệm Phật để trấn giữ nó. Gặp những chuyện phiền hà, ta oán hận, bực bội, cũng phải niệm Phật để nâng nó lên, bực bội liền tiêu mất, oán hận cũng được hoá giải. Đây là điều người xưa nói: Không sợ niệm khởi chỉ sợ giác chậm. Không sợ niệm khởi là vì đã có giác, danh hiệu Phật nâng đỡ gọi là giác, khi quên danh hiệu Phật là ta đang mê, khi mê ta buông theo phiền não, như vậy sẽ chịu đau khổ. Khi tỉnh giác, ta không bị cuốn theo phiền não, phiền não lập tức bị ép xuống ngay, như thế gọi là công phu, như thế gọi là biết niệm, như thế gọi là chân niệm Phật. Bởi thế chân niệm Phật không phải ở chỗ mỗi ngày niệm được bao nhiêu, phương pháp chế ngự phiền não của tổ Ấn Quang rất hiệu quả, đây là phương pháp được ngài đề xướng.

Quý vị thấy phương pháp lão cư sĩ Hoàng Niệm tổ sử dụng, khác với phương pháp của tổ Ấn Quang. Phương pháp của Hoàng Niệm Tổ là truy đỉnh niệm Phật, nhanh, cực kì nhanh, mỗi câu nối tiếp mỗi câu, đuổi nhau, A di đà Phật, A di đà Phật, A di đà Phật. Cũng khiến phiền não không thể chen vào được, cư sĩ đã sử dụng phương pháp như vậy, quý vị thấy trước khi ông vãng sinh nửa năm, ông viết thư kể cho tôi. Ông đã niệm mỗi ngày mười bốn vạn tiếng, ông đếm hần hoi, đếm số, truy đỉnh, đó cũng là một phương pháp. Cứ đem cả hai phương pháp ra so sánh, xem phương pháp nào thích hợp. Nhưng phương pháp của pháp sư Ấn Quang dễ đắc định hơn, rất nhẹ nhàng, cứ niệm từ từ, không cần hấp tấp. Phương pháp của Hoàng Niệm Tổ giống như chiến đấu, xung phong, quyết liệt, từng câu đuổi nhau. Bởi thế phương pháp tuy đa dạng, nhưng tựu trung vẫn ở chỗ nhiếp tâm, đây mới là điều quan trọng.

Làm sao để thu nhiếp lục căn, Niệm Lão là người thông tông thông giáo, hiển mật viên dung. Ở Mật tông, ông mang danh nghĩa Kim Cang thượng sư. Khi vãng

sinh, ông dùng phương pháp truy đỉnh niệm Phật, niệm trong vòng sáu tháng. Phương pháp của tổ Ấn Quang rất ôn hoà, thanh nhã, cả đời ngài theo đuổi phương pháp này.

Tiếp theo, Sở dĩ có tên là rừng Y lan, ví cho ba độc, ba chướng, vô biên chúng tội trong thân chúng sinh. Ngài đã dùng những cách như thế để thí dụ, ba độc là tham, sân, si. Ba chướng là hoặc, nghiệp, khổ. Mê hoặc là chướng ngại, tạo nghiệp là chướng ngại, thọ báo là chướng ngại. Nên mới có câu: nguyện tiêu tam chướng chư phiền não. Sau tam độc lại còn hai thứ nữa, đó là mạn và nghi. Hai độc này, bây giờ chúng ta xem tác dụng của nó, khi nó tác động thì thật đáng ngại.

Khi ngạo mạn nổi lên liền kéo theo động đất, núi lửa tuôn là hệ quả của tâm sân hận. Ngạo mạn là động đất, do không cân bằng, ngu si, núi đổ đất lún, tất cả những thứ này là gì? Vốn đất đai, núi non là những thành phần vững chãi, bây giờ nó trở thành gì? Trở nên mềm nhũn, rất dễ bị nước nhấn chìm. Tôi nghe ở một số quốc gia có hiện tượng này, một vùng đất rộng lớn tự nhiên bị nước nhấn chìm, thậm chí có cả một đại lục chìm hẳn xuống biển. Đó là những hiện tượng rất đáng sợ, bởi nó đã nhũn, mềm ra rồi, biểu hiện của tâm lý nào? Đó là sự hoài nghi, lòng ngờ vực. Nếu quý vị có niềm tin, lòng tin kiên cố thì trái đất cũng sẽ vững chắc, núi không lở.

Danh từ dòng chảy đất đá, ngày trước chúng ta chưa bao giờ nghe đến từ này, đây là một từ mới. Khoảng gần đây, hai ba mươi năm năm trở lại mới được nghe, ngày trước chưa bao giờ nghe, chưa bao giờ biết thế nào là dòng chảy đất đá, không hiểu, vậy đó là hiện tượng gì? Núi đã mềm, nhũn ra, không chịu được thử thách, một trận mưa xối xuống thì núi lở đất tan, vì thế ý niệm có thể thay đổi được tất cả. Nếu chúng ta hoài nghi với bản thân mình, với người, lúc nào cũng giữ lòng nghi hoặc, thì hệ thống miễn dịch của ta sẽ có vấn đề, rất dễ mắc bệnh, vì sao? Thân thể của bạn không khoẻ, nếu một người có lòng tin kiên cố, sức miễn dịch của người đó rất tốt, mầm bệnh khó xâm nhập vào cơ thể, bởi thế lòng tin rất quan trọng!

Ngày trước chúng ta thường xem nhẹ hai từ này, bây giờ cảnh tượng hiện ra trước mắt, quý vị thấy, rất nhiều người mắc những căn bệnh quái ác, bạn cứ thử tiếp xúc với họ, xem họ có lòng tin hay không, họ hoàn toàn không có. Quý vị đã hiểu, lòng nghi ngờ của họ rất lớn, họ hoài nghi tất cả với người, với mọi vật, với mọi chuyện, đây là một tâm lý không tốt. Bởi thế ta thấy giáo lý Đại thừa xếp

tham, sân, si, mạn, nghi là phiền não căn bản, một khi nó chuyển động là tai nạn xảy ra. Với mỗi người sẽ là bệnh tật, với môi trường nơi bạn cư trú sẽ là thiên tai.

Gọi là Chiên đàn, là ví cho tâm người niệm Phật. Một cây gỗ Chiên đàn có thể cải thiện một khu rừng Y lan rộng đến bốn trăm dặm, vấn đề này đã gửi cho chúng ta một tín hiệu: Tà không thể thắng chánh. Khu rừng Y lan rộng bốn trăm dặm, là tà, một cây Chiên đàn là chánh, tà không thắng chánh, vì thế nó mới biến đổi cả khu rừng Y lan. Cây mới nhú lên, ý nói tất cả chúng sinh chỉ cần tích niệm không ngưng nghỉ, là có thể thành tựu nghiệp đạo. Tích niệm không gián đoạn ở đây là lời của Bồ tát Đại thế chí: Thu nhiếp lục căn, tịnh niệm liên tục. Thì công đức niệm Phật sẽ bất khả tư nghị. Chúng ta nên tin tưởng nó một cách tuyệt đối, không nên ngờ vực. Tin tưởng chắc chắn thì chúng ta sẽ có lợi ích ngay trong hiện tại, đó là sức khoẻ dồi dào. Có thể nói không một chút bệnh tật, khoẻ mạnh sống lâu, môi trường nơi bạn cư trú cũng giống như cây Chiên đàn, nơi ta sống không bao giờ gặp phải thiên tai. Nếu căn cứ theo thí dụ này, trong phạm vi bốn trăm dặm nơi bạn đang cư trú không có tai nạn, nhờ một người tu hành, liệu có khả năng không? Rất có thể, việc này không phải nói chơi.

Các nhà khoa học cung cấp cho chúng ta một số liệu, cho chúng ta biết, tổng dân số trên quả đất ngày nay độ sáu mươi lăm ức. Lấy căn bình phương của 1% dân số, độ tám nghìn người, chưa đến một vạn. Nếu có tám nghìn người thực sự tỉnh ngộ, thì có thể trái đất được cứu vãn, việc này đã loan cho chúng ta một tin mừng. Lúc mới nghe tôi cũng hơi hoài nghi, nhưng khi nghĩ lại, có câu nói của người xưa: Tà không thể thắng chánh. Vấn đề này lại được cung cấp thêm bằng chứng: Khu rừng Y lan bốn trăm dặm, chỉ cần một cây gỗ Chiên đàn mà có thể biến đổi tất cả. Nếu trên quả đất này có tám nghìn người thực tâm niệm Phật, niệm Phật như pháp thì quả đất có thể được cứu, nếu chúng ta có niềm tin thì thực sự là bất khả tư nghị.

Thời gian hôm nay không cho phép, bài học chúng ta dừng lại ở đây.

Tập 401

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 08.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 501, bắt đầu xem đoạn giữa hàng thứ nhất.

“Hựu Đại Từ Kinh vân, nhất xưng Phật danh, dĩ thị thiện căn, nhập niết bàn giới, bất khả cùng tận”. Văn bên dưới còn rất dài, điều này chứng minh cho chúng ta thấy sự quan trọng của một lòng chuyên niệm Phật A Di Đà. Đây là phương pháp tu học Tịnh độ. Trước tiên phải phát nguyện, dạy chúng ta phát tâm bồ đề. Sau khi phát tâm cần phải niệm Phật, phải một lòng chuyên niệm. Ở đây đưa ra bốn câu kệ kinh văn của Kinh Đại Bi đều là tán tụng công đức niệm Phật vô cùng thù thắng.

Trong kinh nói nhất xưng Phật danh, đây là nói niệm một câu A Di Đà Phật. “Dĩ thị thiện căn, nhập niết bàn giới”, điều này tưởng chừng như rất dễ, trong kinh nói là thật sao? Nhất định là thật nhưng không phải hiện tại, vậy thì khi nào? Khi duyên vãng sanh đã thuần thực. Hiện tại niệm một câu Phật hiệu chính là trồng một chủng tử Phật A Di Đà trong A lại da, như vậy quý vị có duyên với Phật A Di Đà và thế giới Cực Lạc. Kinh điển đại thừa thường nói Phật không độ chúng sanh không có duyên. Khi nào duyên này thuần thực quý vị nhất định được vãng sanh. Sanh đến Tịnh độ là nhập niết bàn giới, niết bàn giới là gì? Chúng được quả Phật cứu cánh viên mãn gọi là niết bàn giới. Không nói là đại bát niết bàn, nhập đại bát niết bàn chỉ gọi niết bàn giới.

Trong Kinh Hoa Nghiêm, Hoa Nghiêm là Viên giáo, sơ trú Bồ Tát là nhập niết bàn giới. Sơ trú Bồ Tát minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, họ không ở trong mười pháp giới, đương nhiên càng không ở trong lục đạo. Họ ở cõi thật báo trang nghiêm của Chư Phật Như Lai. Tu pháp môn thường đại khái đều đến thế giới Hoa Tạng của đức Phật Tỳ Lô Giá Na. Cõi báo của Chư Phật Như Lai cũng là cõi báo của chính họ. Tự mình chưa tu đến tầng lớp này thì không vào được cõi

báo. Từ sơ trú đến đẳng giác đều là niết bàn giới. Cũng như trong Đại Tạng Kinh thường nói 41 vị pháp thân đại sĩ họ là Phật thật chứ không phải giả.

Trí Giả đại sư tông Thiên Thai nói Phật trong mười pháp giới không phải là Phật thật gọi là tương tợ tức Phật, vì sao vậy? Vì họ không dùng chân tâm, họ vẫn dùng tám thức và 51 tâm sở giống như chúng ta vậy, 8 thức và 51 tâm sở là vọng tâm không phải chân tâm. Chúng sanh trong lục đạo dùng 8 thức nhưng dùng sai, hoàn toàn là dùng mặt phụ không phải dùng mặt chánh. Ý muốn nói rằng họ tương ưng với phiền não tâm sở_26 loại phiền não, sáu căn bản phiền não, hai mươi tùy phiền não, họ tương ưng với những phiền não này nên họ ở trong luân hồi lục đạo.

Trong tứ thánh pháp giới họ đã buông bỏ phiền não, thông thường chúng ta nói là đã đoạn tận phiền não. Tuy dùng tám thức nhưng họ không tương ưng với 26 loại phiền não này họ tương ưng với 11 thiện pháp. Chúng ta thường nói thuần tịnh thuần thiện là tán thán họ, họ đã thoát ly luân hồi lục đạo không còn lục đạo. Phiền não biến hiện ra lục đạo nên phiền não không có thì lục đạo cũng không. Điều này chúng ta không thể không biết. Lục đạo từ đâu mà có cần phải biết, cần phải rõ ràng. Ngày nay chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, tạo đó là nghiệp gì? Tự mình rất rõ ràng minh bạch. Nếu tương ưng với phiền não tức là nghiệp luân hồi, chúng ta đang chế tạo luân hồi lục đạo, sự việc chính là như vậy. Lục đạo là nghiệp lực do chính mình biến hiện ra không liên quan đến người khác.

Họ thông minh trí tuệ nên buông bỏ những điều này. Sau khi buông bỏ liền tùy thuận giáo huấn của Chư Phật Bồ Tát, hành trì theo lời dạy của Chư Phật Bồ Tát. Những điều Chư Phật Bồ Tát dạy, họ tin tưởng và lý giải và thật sự có thể thực hành. Thực hành trong sinh hoạt, thực hành trong công việc, thực hành trong việc xử sự đối nhân tiếp vật. Như vậy cảnh giới của họ được nâng cao, nâng cao ở tứ thánh pháp giới trong mười pháp giới như Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, Phật. Thanh văn, Duyên giác là tiểu thừa. Bồ Tát và Phật là đại thừa. Tuy vẫn dùng bát thức nhưng họ dùng ngay thẳng. Tiêu chuẩn của ngay thẳng chánh trực này là tùy thuận giáo huấn của Phật, họ tương ưng với thập thiện nghiệp đạo, tương ưng với tam học lục độ ba la mật của Bồ Tát, nên họ là tịnh độ, còn lục đạo là uế độ, là nhiễm ô. Tứ thánh pháp giới thanh tịnh gọi là tịnh độ, Tịnh độ của Đức Thế Tôn cũng đi đến đây.

Khi nào họ có thể chuyển thức thành trí nghĩa là không dùng bát thức. Trong Pháp Tướng Tông nói chuyển A lại da thành đại viên cảnh trí, chuyển Mạt na thành bình đẳng tánh trí, chuyển đệ lục ý thức thành diệu quan sát trí, chuyển tiền ngũ thức thành thành sở tác trí. Bát thức vừa chuyển thì mười pháp giới liền biến mất. Vì sao vậy? Vì nghiệp của mười pháp giới không còn, không dùng vọng tâm, chỉ dùng chân tâm. Trí chính là chân tâm gọi là tứ trí bồ đề. Dùng chân tâm không dùng vọng tâm. Trong Kinh Hoa Nghiêm dùng chân tâm nghĩa là trên sơ trú. Sơ trú Bồ Tát bắt đầu dùng chân tâm không còn dụng vọng tâm, nên mười pháp giới không còn. Lục đạo là giả không phải thật, giống như nằm mộng vậy. Mười pháp giới cũng không phải thật cũng là một giấc mộng. Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, là giống như tỉnh lại, tỉnh lại sau giấc mộng. Đức Phật thường nói: “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, tứ thánh pháp giới đều không thể lưu luyến hưởng gì luân hồi lục đạo? Luân hồi lục đạo là ác mộng, tứ thánh pháp giới là mộng đẹp, nhưng tất cả đều là giả không phải thật. Khi nào mới là thật? Cõi thật báo là thật nên gọi nó là nhất chân pháp giới.

Nhận xét về chân và vọng như thế nào? Phật giáo định nghĩa phàm những gì gọi là hư vọng thì nó chính là vô thường nó có sanh có diệt. Quý vị xem động vật có sanh lão bệnh tử, thực vật có sanh trụ dị diệt, khoáng vật có thành trụ hoại không, tất cả đều là vô thường! Lục đạo vô thường, tứ thánh pháp giới cũng vô thường, cũng có hiện tượng này, nhưng đến cõi Thật Báo của Chư Phật thì hiện tượng này không có. Người trong cõi Thật Báo là hoá sanh, không có thai sanh, không có noãn sanh, không có thấp sanh, chỉ có hoá sanh tức là biến hoá. Hoá sanh không phải từ nhỏ lớn dần lên, không có hiện tượng này. Hiện tượng này là hiện tượng sinh diệt. Đến đó hiện tượng như thế nào vĩnh viễn chính là tướng đó, nên vãng sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc thật không thể nghĩ bàn. Vì sao vậy? Vì trong tứ sanh - thai noãn thấp hoá, thì ở thế giới Cực Lạc họ chỉ có hoá sanh, họ không có thai sanh, cũng không có noãn sanh mà vĩnh viễn không có biến hoá.

Cõi phàm thánh đồng cư của thế giới Cực Lạc có cõi phàm thánh đồng cư và lục đạo, nó chỉ có hai đường, vì họ là người thiện không phải người ác. Chỉ có hai đường thiên và nhân, nó không có ba đường ác, không có la sát, không có tu la, thuần thiện không có ác, chỉ có hai đường thiên và nhân. Như vậy có Tứ Thánh pháp giới chăng? Có. Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, Phật có cõi phương tiện hữu dư. Cõi phương tiện hữu dư là tứ thánh pháp giới đều chưa kiến tánh. Tuy

chưa kiến tánh, vậy họ đi như thế nào, làm sao để thành tựu? Tịnh độ tông nói là đời nghiệp vãng sanh. Những phiền não tập khí này chưa đoạn nhưng họ có thể đem nó về thế giới Cực Lạc, đến thế giới Cực Lạc rồi tiếp tục đoạn. Đúng là Phật A Di Đà từ bi, từ bi đến tột cùng!

Tuy tất cả chư Phật Như Lai trong mười phương đều đã thành Phật. Thành Phật tự nhiên là bình đẳng, Phật Phật đạo đồng. Trí tuệ, thần thông, đạo lực, tướng hảo của Chư Phật Như Lai hoàn toàn tương đồng, tuy tương đồng nhưng nguyện lực không giống nhau. Nguyện lực không phải phát sau khi thành Phật, không phải. Sau khi thành Phật không khởi tâm không động niệm nên không có gì gọi là phát nguyện hay không phát nguyện. Nguyện phát khi còn ở nơi nhân địa, đa phần là phát nguyện khi còn đang tu Bồ Tát đạo.

Trong kinh này chúng ta thấy Đức Thế Tôn giới thiệu thân phận của Phật A Di Đà phát nguyện là một Tỳ Kheo_Tỳ Kheo Pháp Tạng. Ở nơi nhân địa phát nguyện, nguyện mỗi người phát không giống nhau. Phật A Di Đà phát 48 nguyện, câu sau cùng trong nguyện thứ 20 nói: “phàm là người sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát”. Nguyện này thật quá tuyệt! A Duy Việt Trí Bồ Tát là Bồ Tát như thế nào? Là Bồ Tát đã minh tâm kiến tánh, cũng chính là trên viên giáo sơ trú trong Kinh Hoa Nghiêm. Họ ở đâu? Ở cõi thật báo trang nghiêm. Hiện tại những người đời nghiệp vãng sanh như chúng ta đến thế giới Cực Lạc là thân phận gì? Thân phận người không phải trời. Chúng ta vẫn chưa đủ tư cách để làm người của cõi trời, chỉ đủ tư cách làm người, nhưng do oai thần bốn nguyện của Phật A Di Đà gia trì, nâng chúng ta lên đến cảnh giới của A Duy Việt Trí Bồ Tát.

Hay nói cách khác chúng ta ở thế giới tây phương Cực Lạc thì trí tuệ, thần thông, đạo lực đều giống như A Duy Việt Trí Bồ Tát, nên biết điều này không phải tự mình tu được, mà là hưởng phước báo của Phật A Di Đà, là Phật A Di Đà gia trì. Điều này trong quốc độ của mười Chư Phật không có, chỉ có thế giới Cực Lạc mới có. Cõi phàm thánh đồng cư hạ hạ phẩm vãng sanh đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát, cõi phương tiện hữu dư thì không cần phải nói, cho nên oai thần bốn nguyện của Phật A Di Đà gia trì chính là gia trì cõi đồng cư, cõi phương tiện, cõi thật báo quý vị đã thành tựu rồi. Cõi thật báo đến đó đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát, viên chứng tam bất thoái. A Duy Việt Trí gọi là bất thoái chuyển. Vị bất thoái, hành bất thoái, niệm bất thoái. Mỗi niệm đều hướng đến tát bà nhược hải,

tát bà nhược hải chính là tự tánh. Trong cõi thật báo không có ý niệm thứ hai, thật sự chỉ có một phương hướng, một mục tiêu là trở về tự tánh.

Nhập tát bà nhược hải chính là trở về tự tánh. Trở về tự tánh đó là diệu giác Phật, là cứu cánh quả Phật, đẳng giác thì còn kém một tầng. Đẳng giác lên trên nữa là diệu giác. Do đây mà biết hạng người nào ở trong cõi thật báo trang nghiêm? 41 vị pháp thân đại sĩ. Thập trú, thập hạnh, thập hồi hướng, thập địa, đẳng giác họ đều ở trong cõi thật báo trang nghiêm. Nếu chúng được diệu giác quả vị họ không ở trong cõi thật báo, họ đi về đâu? Nhập tát bà nhược hải là trở về tự tánh, tự tánh gọi là cõi thường tịch quang. Như vậy cõi thật báo trang nghiêm có tồn tại chăng? Không tồn tại. Chúng ta hiểu rõ phạm những gì có tướng đều là hư vọng, đức Phật không nói cõi thật báo trang nghiêm là ngoại lệ, không nói. Cõi thật báo trang nghiêm cũng không phải thật, nhưng trong cảnh giới này không có biến hoá, cho nên chúng ta nói nó gọi là nhất chân pháp giới, nó không có biến hoá. Động vật không có sanh lão bệnh tử, thực vật không có sanh trụ dị diệt, sơn hà đại địa không có thành trụ hoại không, nhất định không thấy những hiện tượng đó.

Thọ mạng của con người trong cõi thật báo là vô lượng thọ, vô lượng. Có một số vị nói: vô lượng đó của họ là vô lượng đối với hữu lượng, chứ không phải vô lượng thật. Hữu lượng là bao lâu? Trong kinh nói là ba đại a tăng kỳ kiếp, thọ mạng ba đại a tăng kỳ kiếp. Vì sao vậy? Vì ba đại a tăng kỳ kiếp thì tập khí vô minh của họ mới có thể đoạn tận. Tập khí vô minh vô minh không có phương pháp đoạn, vậy phải dùng phương pháp nào đoạn nó? Không có phương pháp nào. Vì sao vậy? Vì 41 vị Bồ Tát ở trong đó đều đã minh tâm kiến tánh. Vô minh phiền não đều đã phá, vô minh đã phá cũng chính là nói không khởi tâm không động niệm. Không khởi tâm không động niệm đương nhiên cũng không có phân biệt chấp trước, nên thế giới này là thế giới bình đẳng. Tại sao lại nói có 41 địa vị? Có địa vị tức là không bình đẳng, không bình đẳng nhất định có phân biệt chấp trước.

Ở đây chúng ta lãnh hội được, minh bạch được, là do tập khí vô minh vô minh dày mỏng không giống nhau. Người mới đến thế giới Cực Lạc như thập trú Bồ Tát tập khí rất dày, đến đẳng giác Bồ Tát thì tập khí rất mỏng manh, cho nên 41 địa vị là do tập khí dày hay mỏng mà phân ra, sự việc chính là như vậy. Tập khí có gì chướng ngại chăng? Không chướng ngại nhưng nó chướng ngại chúng ta trở

về tự tánh. Đẳng giác còn có một phần, đoạn tận được phần đó họ liền trở về với tự tánh, liền trở về thường tịch quang, tất cả chính là như vậy.

Trong Tịnh Độ tông, Tịnh tông nói về Tịnh độ, Tịnh độ thật sự là cõi thật báo trang nghiêm. Ngang bằng với Tịnh độ, giống với cõi Tịnh độ đó là oai thần bốn nguyện của Phật A Di Đà gia trì. Cõi phương tiện và cõi đồng cư của thế giới Cực Lạc. Chúng ta biết rõ chân tướng sự thật này rồi, có thể đến thế giới Cực Lạc chẳng? Không đến mà chúng ta muốn nâng cao đến cảnh giới này, thì điều này quả thật quá khó khăn. Dựa vào chính chúng ta làm sao có thể đoạn phiền não? Không nói gì khác, ngày nay chúng ta nói kiến tư phiền não, ít nhất là 88 phẩm kiến hoặc trong tam giới, đây là mức độ thấp nhất. Đoạn tận được những điều này mới chứng được Tu đà hoàn, tiểu thừa sơ quả giống như lớp một tiểu học vậy. Trong đại thừa Kinh Hoa Nghiêm nói 51 vị Bồ Tát, 51 địa vị. Đây là thập tín vị, thập tín vị như tiểu học. Sơ tín là lớp một tiểu học, điều kiện là gì? Điều kiện là đoạn được kiến hoặc.

Chúng ta thử nghĩ xem cái thứ nhất của kiến hoặc là phương tiện khởi kiến khi nghe Phật giảng kinh dạy học. Đem 88 phẩm kiến hoặc quy nạp thành năm loại lớn. Loại thứ nhất là thân kiến, ai có thể đoạn tận được thân kiến? Chúng ta đều biết thân không phải là ta, chỉ biết thôi thì không được, phải thật sự không phải ta mới được. Biết được nó vẫn là ta, vẫn đang chấp trước là ta, thật không chấp trước những điều này là ta, thân là gì? Thân là cái ta có, coi thân thể này như y phục vậy, y phục là tôi sở hữu. Quý vị xem y phục dơ thì thay nhanh bộ y phục khác. Tuổi đã lớn thân thể không dễ sử dụng đem nó vứt bỏ nhanh, thay lại một thân thể khác. Đối với việc sanh tử của thân này giống như việc mặc và cởi y phục vậy, không lưu luyến, không sợ hãi.

Con người đều tham sống sợ chết, nghe nói có thiên tai thì nghe ngóng xem nơi nào không có thiên tai để đến đó tránh, đây là vì sao? Chẳng phải là vì thân này sao? Lớp một tiểu học cũng không có đủ tư cách, quý vị xem điều này khó khăn biết bao.

Thứ hai gọi là biên kiến, biên kiến dùng cách nói của chúng ta hiện nay chính là tương đối. Trong Phật pháp không và có là tương đối, chấp trước có là sai, chấp trước không cũng sai. Chấp trước phi không phi hữu cũng sai, diệc không diệc hữu cũng sai. Vì sao vậy? Vì chấp trước là sai. Tất cả tương đối đều không tồn tại. Như vậy ngày nay chúng ta đối lập với người cũng sai, tôi nói như vậy mọi người dễ hiểu hơn, biên kiến chính là đối lập. Tôi đối lập với người, tôi đối

lập lập với việc, tôi đối lập với tất cả vạn vật, bệnh tập khí này rất nặng! Khi nào mới buông bỏ được điều này? Buông bỏ thế giới này là bình đẳng với tôi, không có đối lập, chúng ta có thể làm được chăng? Cái đầu tiên buông bỏ là tôi, chỉ cần có tôi là có đối lập. Tôi không có thì đối lập không tồn tại.

Thứ ba là giới thủ kiến, thứ tư gọi là kiến thủ kiến. Hai điều này chúng ta hợp lại gọi nó là gì? Gọi là thành kiến. Người nào đó thành kiến rất sâu. Kiến thủ kiến là thành kiến về mặt quả, giới thủ kiến là thành kiến về mặt nhân, ý nói tu nhân, đây là có nhân quả. Điều này cũng là giả cũng cần phải buông bỏ. Loại sau cùng không thuộc về bốn loại lớn ở trước, tất cả kiến giải sai lầm đều buông bỏ hết, đây mới là sơ quả Tu đà hoàn, đại thừa sơ tín vị Bồ Tát. Quý vị thử nghĩ xem điều này khó khăn biết bao!

Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, mỗi pháp môn đều là tiêu chuẩn này, không có tiêu chuẩn thứ hai. Chúng ta tu một đời xem có chứng được sơ quả hay không, có thể chứng được sơ tín vị của thập tín chăng? Ngày xưa có, khoảng thời nhà Đường ở Trung quốc có, sau nhà Tống e rằng không còn nữa. Đặc biệt là sau thời Nam Tống, bất luận tại gia hay xuất gia đều không có chứng quả, có đặc thiên định, không có chứng quả. Đặc thiên định không được, không ra khỏi luân hồi lục đạo. Người đặc thiên định tương lai họ đi về đâu? Đến cõi trời sắc giới. Công phu cao thì sao? Thì họ đến cõi trời vô sắc giới. Không như niệm Phật cầu sanh Tịnh độ nên chỉ có niệm Phật cầu sanh Tịnh độ không những vượt ra khỏi lục đạo mà còn vượt ra mười pháp giới.

Thế giới Cực Lạc không ở trong lục đạo cũng không ở trong mười pháp giới. Cho nên vì sao đức Phật A Di Đà ở trong Chư Phật Như Lai ngài rất nổi bật, đặc biệt vượt trội? Chính là phương pháp của ngài xảo diệu, nguyện lực công phu thật không thể nghĩ bàn. Khi còn là thân Tỳ Kheo phát nguyện, ngài đã dùng thời gian bao nhiêu để thực hành? Trong kinh nói năm kiếp, chứ không nói là năm tiểu kiếp. Năm kiếp này thường chính là đại kiếp, thời gian dài như vậy, 48 nguyện mỗi nguyện đều đã thực hiện. Đây là điều Chư Phật Như Lai tuy đều có trí tuệ thần thông đạo lực nhưng không nghĩ đến, Phật A Di Đà đã nghĩ đến mà nghĩ đến rất tốt, Chư Phật khác có cần nghĩ chăng? Không cần. Vì sao vậy? Vì Phật A Di Đà đã làm. Mọi người chúng ta đem những chúng sanh khó độ và độ không được đều đưa đến cho ngài, như vậy không phải đã giải quyết rồi sao? Đích thực là như vậy.

Vậy 48 nguyện độ ai? Đối với chúng ta mà nói thì độ ta, còn đối với toàn bộ pháp giới mà nói ngài đích thực là phổ độ lục đạo chúng sanh, trong biến pháp giới hư không giới, hết thảy quốc độ của chư Phật, điều này thật đáng nể! Nên không có vị Phật nào không tán thán Phật A Di Đà. Vì sao vậy? Vì tất cả chư Phật đều chung một tâm nguyện là ước gì những chúng sanh này đều mau thành Phật. Trong kinh nói “nhất thiết giai thành Phật”, đây là bản tâm là chân tâm bản nguyện của Chư Phật Như Lai. Nhưng chúng sanh không buông bỏ được tập khí phiền não. Không buông bỏ được thì Phật cũng không có năng lực giúp họ nâng cao cảnh giới. Nhất định phải tự họ buông bỏ chứ Phật không giúp được. Phật giúp chúng sanh chính là sự giáo hoá, đem chân tướng sự thật nói với chúng ta sau đó thì tự mình tu, tự mình thành tựu, cho nên đức Phật là bậc đạo sư.

Đức Phật Di Đà nghĩ ra phương pháp này quá tuyệt diệu, kiến lập một thế giới tây phương Cực Lạc, đó là gì? Là đạo tràng, là trường học. Như thế nào mới có thể nhập học? Điều kiện nhập học là phát tâm bồ đề một lòng chuyên niệm. Tâm bồ đề trong chú giải này Hoàng Niệm Tổ dẫn chứng những điều Ngẫu Ích Đại Sư nói. Ngẫu Ích đại sư nói rất hay, thật sự tin pháp môn này không hoài nghi, thật sự tin tưởng, thật sự muốn vãng sanh thế giới Cực Lạc, đây chính là tâm vô thượng bồ đề. Khác với những gì các bậc tổ sư khác nói, ngài nói điều này rất đơn giản, chúng ta vừa nghe là có thể hiểu được. Người khác nói là thâm tâm, trực tâm, đại bi tâm, khiến chúng ta hồ đồ. Ngẫu Ích Đại Sư nói điều này dứt khoát mạch lạc, thâm tín không hoài nghi, thật sự chịu phát tâm, tôi nhất định phải đến thế giới Cực Lạc, tôi nhất định thân cận Phật A Di Đà, tâm này chính là tâm vô thượng bồ đề. Tâm đã phát thì phải thực hiện, thực hiện bằng cách nào? Chính là nhất hướng chuyên niệm, một phương hướng, một mục đích ngoài ra đều bỏ hết không quan tâm đến nó.

Tất cả pháp Đức Thế Tôn nói trong suốt 49 năm tôi chỉ cần một cuốn Kinh Di Đà, một cuốn Kinh Vô Lượng Thọ là đủ, một câu A Di Đà Phật là được. Ngoài ra tất cả đều không cần, hoàn toàn buông bỏ, đây là hạng người nào? Là người có trí huệ nhất, người có phước báo nhất. Vì sao vậy? Vì đến thế giới tây phương Cực Lạc thì tất cả đều đạt được, thật sự buông bỏ mới có thể đạt được. Cho nên người xưa trên miệng thường nói thành ngữ “xả đắc”. Quý vị xem nếu có thể đem tất cả pháp mà Đức Thế Tôn giảng trong 49 năm xả bỏ hết, quý vị sẽ đạt được, đạt được hết. Gặp được Phật A Di Đà thì tất cả đều đạt được. Quý vị xả được mới có thể đạt được. Thế gian này còn có một chút phước báo, xả bỏ phước báo này khi đến

thế giới Cực Lạc được phước báo lớn. Thế giới này không xả được thì thế giới Cực Lạc không có phần, đại hỷ đại xả đến thế giới Cực Lạc sẽ được niềm vui lớn lao. Người thật sự có trí huệ, thật sự có phước báo mới làm được điều này. Người không có phước báo họ không nghĩ đến, chỉ tham luyện phước báo trước mắt. Nếu như vậy là hỏng hết, thật là “nhất xung Phật danh, dĩ thị thiện căn nhập niết bàn giới”, không sai chút nào.

“Nhập niết bàn giới, bất khả cùng tận”. Ngài Huệ Năng đại sư nói: “đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”. Trong Kinh Lăng Nghiêm Đức Thế Tôn nói: “tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí huệ của Như Lai”. Trí huệ không cùng tận, đức năng không cùng tận, tướng hảo không cùng tận, thần thông đạo lực mỗi mỗi đều không cùng tận. Không cùng tận là tự tánh, quý vị đã chứng được tự tánh viên mãn điều này không đáng nể sao? Pháp môn này thực tế là khó tin dễ hành, tại sao chúng ta không chịu niệm? Tại sao không chịu phát tâm? Tại sao không chịu buông bỏ? Điều này khó, mà khó ở chỗ nào? Khó ở chỗ không hiểu về chân tướng của nhân sinh vũ trụ, cũng không rõ về thế giới Ta Bà và thế giới Cực Lạc, cho nên không cách nào phát tâm được. Thật sự biết được Ta Bà là khổ mới chịu xả bỏ, thật sự thấu triệt niềm vui ở thế giới Cực Lạc tại sao không đến? Đương nhiên là đến rồi.

Hiện nay mọi người đều muốn tránh nạn, nói địa cầu thiên tai nhiều chúng ta phải trốn lánh. Tôi nói với quý vị vãng sanh thế giới Cực Lạc thì thiên tai gì cũng không có. Đây là di dân! Rời xa địa cầu này di dân đến thế giới Cực Lạc, thân cận Phật A Di Đà, điều này tốt biết bao. Mỗi câu đều là thật nếu thật sự nghe hiểu và y giáo phụng hành thì vấn đề liền được giải quyết.

Mấy năm này có rất nhiều thông tin truyền đến chỗ chúng tôi, cũng có rất nhiều bạn đồng học đến hỏi tôi về vấn đề thiên tai. Tôi nói với mọi người trong tâm không thể có thiên tai. Vì sao vậy? Nếu học Phật chơn chánh thật sự hiểu được Phật pháp. Đức Phật nói tất cả pháp từ tâm tướng sanh, cứ nghĩ đến thiên tai thì thiên tai sẽ đến. Nghĩ đến điều gì thì điều đó sẽ đến, thế tại sao không nghĩ đến Phật A Di Đà? Tại sao không nghĩ đến thế giới Cực Lạc, mà lại nghĩ đến thiên tai? Thiên tai không liên quan đến chúng ta.

Bất luận là lời đồn đoán như thế nào truyền đến đây, đến đây là dừng. Tôi nhận được rất nhiều tin tức nhưng đều không coi trọng nó. Tôi chỉ hỏi họ dùng thái độ nào để đối phó thiên tai này, kết quả tuyệt đại đa số đều nói niệm Phật, như vậy chẳng phải là được rồi sao? Chỉ cần niệm Phật ngoài ra không cần quan

tâm, về sau cũng không cần quan tâm. Niệm Phật có thể hoá giải thiên tai. Tôi nói với quý vị hoá giải đầu tiên là thiên tai của chính mình. Thiên tai của chính mình là gì? Phiền não là thiên tai, tạo tội nghiệp là thiên tai, thân tâm không mạnh khoẻ là thiên tai. Tạo tội nghiệp thì thiên tai càng nặng đây là tự mình tạo thiên tai. Sau khi giác ngộ niệm Phật A Di Đà. Vì sao vậy? Vì đời này nhất định phải đến thế giới Cực Lạc để làm Phật, như vậy chẳng phải thiên tai đều hoá giải rồi sao? Làm gì có thiên tai! Đây là người thật sự có đại trí huệ, đại phước đức.

Ngạn ngữ có câu: “người phước ở đất phước, đất phước thì người có phước ở”, quý vị là người có phước, người niệm Phật chính là người có phước, người niệm Phật nên học tốt kinh điển đại thừa này là phước báo đệ nhất trong phước báo, là trí tuệ đệ nhất trong trí tuệ, là người có trí tuệ đệ nhất, phước báo đệ nhất trong thế xuất thế gian. Họ ở đây thì chỗ này không có thiên tai. Quý vị nên thật niệm Phật, thật buông bỏ, làm giả không được phải làm thật.

Các nhà khoa học nước ngoài nói trên địa cầu nếu có được 8000 người chơn chánh niệm Phật, người thật sự tu phước tu huệ thì trên địa cầu này không có thiên tai. Họ đề xuất 8000 người này là có căn cứ. Hiện tại trên địa cầu này tổng nhân khẩu là 65 ức, lấy chữ số này làm tiêu chuẩn. Một phần trăm căn bậc hai khoảng trên dưới 8000 người. Có nhiều người tu thiện tích đức như vậy, có thể giúp địa cầu hoá giải tất cả, hiện nay nói là thiên tai tự nhiên tất cả đều không còn.

Tin tức này mấy năm gần đây truyền đến chỗ chúng tôi. Tôi suy nghĩ rất lâu và cũng không giám tin. Quý vị xem 65 ức người, tám ngàn người này_65 ức người tạo nghiệp, mà tám ngàn người có thể cứu được, hình như không cân xứng. Tôi đột nhiên nghĩ đến cổ nhân có câu ngạn ngữ nói: “tà không thắng chánh”, tà tuy nhiều chánh tuy ít nhưng tà không thể thắng chánh. Ở trước chúng ta có đọc đến một ví dụ là ví dụ trong Kinh Quán Phật Tam Muội nói về rừng Y Lan. Khu rừng này lớn bao nhiêu? Có 40 do tuần. Chúng ta tính do tuần nhỏ nhất là 40 dặm_một do tuần 40 dặm, 40 do tuần là 1600 dặm. 1600 dặm, diện tích rừng Y Lan lớn như vậy. Rừng Y Lan, Y Lan là tiếng Ấn Độ. Loại cây này rất khó ngủi, nhưng trong rừng Y Lan này có một cây ngu đầu chiên đàn. Cây chiên đàn, cây chiên đàn là cây hương, cây này ở đây dần dần lớn lên khi trưởng thành mùi hương của nó thay đổi cả khu rừng này. Quý vị xem một cây có thể thay đổi cả khu rừng đây là một ví dụ rất hay. Chúng ta có lý do tin rằng lời của Đức Thế Tôn không phải giả, không phải gạt chúng ta. Có niềm tin chơn chánh chúng ta sẽ

có phước báo. Một người có thể thay đổi một đám người. Quý vị ở một chỗ có thể thay đổi một xóm một làng, có thể thay đổi một thành thị. Một người có thể làm được, nếu quý vị là người niệm Phật chân chánh thì Tam Bảo sẽ gia hộ quý vị, thiện thần sẽ ủng hộ quý vị, quý vị nhất định có thể làm được. Chúng ta ở đây phải sanh khởi tín tâm, không thể có chút hoài nghi nào, hãy làm một người tốt, làm một người thiện.

Chúng ta sống ở thế gian mấy mươi năm sẽ có giá trị, sẽ có ý nghĩa. Tương lai rồi nơi này đến thế giới Cực Lạc. Sanh từ đâu đến, chết đi về đâu đều rõ ràng minh bạch không hề hồ đồ. Điều này chúng tôi tin rằng, có không ít bạn đồng tu có thể khẳng định, có thể tiếp nhận không hề hoài nghi. Mọi người chúng ta đều thực hành, nếu chư vị đồng học của Tịnh độ tông trên toàn thế giới, có được 8000 người y giáo phụng hành, như vậy thì mừng cho địa cầu này, thiên tai địa cầu có thể được hoá giải. Đối với người khác tâm họ hành bất thiện không nên để trong lòng. Đừng nói tâm lượng của Phật, đến tâm lượng của Không Lão Phu Tử đều có thể thông cảm cho những người tạo ác nghiệp này.

Vì sao họ tạo ác nghiệp? Trong Kinh Vô Lượng Thọ Đức Phật nói rất hay: “Tiên nhân bất thiện, bất thức đạo đức, vô hữu ngữ giả, thù vô quái dã”. Không nên trách họ vì từ nhỏ không ai dạy họ, cha mẹ họ không hiểu luân lý đạo đức nhân quả nên không dạy họ. Cha mẹ họ cũng không biết vì tổ phụ mẫu của họ không dạy, trước đó nữa là tầng tổ phụ không dạy, cao tổ phụ không dạy như vậy họ làm sao biết được? Nên cần phải có tâm lượng “trung thứ” của Phu Tử. Chúng ta phải thật tâm tha thứ cho họ, không nên nhớ mãi sai lầm của họ. Hy vọng mọi người cùng nhau học tập giáo huấn truyền thống văn hoá của người xưa. Học luân lý, học đạo đức, học nhân quả, học Phật pháp. Phật pháp là triết học và khoa học tối cao, không nên xem Phật giáo như là Tôn giáo, nó không phải là Tôn giáo. Chúng ta siêng năng học tập để nâng cao cảnh giới của chính mình, thay đổi sai lầm của chúng ta như vậy là tốt.

Không Tử nói: “thành sự bất thuyết, toại sự bất gián, ký vãng bất cứu”. Tự chúng ta làm tấm gương tốt, tâm thanh tịnh tiết dục. Danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần đều buông bỏ hết. Niềm an vui sau khi buông bỏ chính là câu đầu tiên trong Luận Ngữ nói: “học nhi thời tập chi bất diệc duyệt hồ”. Trong kinh điển đại thừa thường nói pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ, cuộc đời như vậy tốt đẹp biết bao. Ở đâu? Ngay ở đây, ngay lúc này. Ý niệm vừa chuyển thì hạnh

phúc mỹ mãn, không chuyên được đó chính là tạo nghiệp thọ báo, khổ không sao nói hết, trong một niệm đã thay đổi hoàn toàn.

Chúng ta xem tiếp bên dưới đưa ra Kinh Xung Dương Chư Phật Công Đức, trong kinh này nói như vậy. “*Nhược hữu đắc văn Vô Lượng Thọ Như Lai danh giả*”. Vô Lượng Thọ Như Lai chính là Phật A Di Đà. Nghe được Phật hiệu này “*nhất tâm tín lạc*” then chốt ở tại nhất tâm. Nhất tâm là chân tâm, niềm tin chân thật. Lạc là sở thích, xu hướng. “*Trì phúng tụng niệm*”, tự mình thật sự phát tâm niệm Phật. “*Kỳ nhân đương đắc vô lượng chi phước, vĩnh đương viễn ly tam đồ chi ách, mạng chung chi hậu giai đắc vãng sanh bỉ Phật sát độ, quả báo bất khả tư nghì*”. Nếu chúng ta muốn tu phước, phước báo lớn nhất là người niệm Phật. Người niệm Phật được phước báo hiện tiền là thanh tịnh vô vi. Người thường không biết đây là phước, nếu quan sát tường tận, thăm tra tỷ mỉ và so sánh, mới thật sự phát hiện đây là phước báo lớn vô cùng thù thắng. Chúng ta dùng Đức Thế Tôn làm ví dụ, ngài xuất thân là vương tử, phụ thân làm quốc vương, ngài là thái tử. 19 tuổi từ bỏ vương vị rời xa đời sống cung điện ra đi cầu học. Cuộc sống cầu học như thế nào? Sống cuộc đời khổ hạnh tăng, người này có khờ dại lắm chăng? Người đời cho ngài là tiểu tử ngốc, có phước mà không biết hưởng. Không ai biết phước ngài hưởng vượt lên trên đời sống của đế vương. Ngài có trí tuệ, ngài không khờ dại chút nào.

Ngài tham học 12 năm. Chúng ta nên biết rằng lúc đó không có giao thông như bây giờ, tin tức hoàn toàn không có. Người xưa ghi chép thời đại của Đức Thế Tôn khi Phật ra đời là cách đây 3000 năm trước. Quý vị xem trong cuốn khoá tụng của chúng ta, trong cuốn Phật đản sanh đều nhắc đến. Đức Phật ra đời năm giáp dần thứ 24 của Châu Chiêu Vương. Đức Thế Tôn tuổi dần, ngài diệt độ vào thời Châu Mục Vương. Theo niên đại này, Trung quốc ngày xưa đều dùng niên đại này, đức Thế tôn đến ngày nay là 3038 năm, người nước ngoài dùng niên đại là hơn 2500 năm, khác biệt đến 600 năm điều này chúng ta không cần quan tâm đến nó. Vì sao vậy? Vì “*phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng*”, cho nên không cần suy nghĩ vọng tưởng về vấn đề này. Nếu đi khảo chứng điều này gọi là vọng tưởng trong vọng tưởng, không bằng thật tâm niệm Phật. Chúng ta không nên suy nghĩ vọng tưởng về điều này.

Ba ngàn năm trước Đức Thế Tôn thị hiện cho chúng ta thấy, ngài là một khổ hạnh tăng. Mười hai năm cầu học cuối cùng cũng buông bỏ. 19 tuổi rời xa gia đình. Nhận định của tôi là ngài buông bỏ phiền não chướng. 30 tuổi không còn

tham học nữa. Buông bỏ việc cầu học là buông bỏ sở tri chướng. Buông bỏ hai loại chướng ngại để nhập định dưới cây bồ đề. Ngài đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật cả hai chướng đều không còn.

Ngài biểu diễn cho chúng ta thấy suốt một đời dạy học. Quý vị xem ngài dạy học lại không có đạo tràng. Ngài ở đâu? Ở trong rừng cây, sống cuộc sống du mục nay đây mai đó. Hôm nay sống ở đây ngày mai lại dọn nhà lại ra đi. Ngày ăn một bữa đêm ngủ dưới gốc cây, đây chính là nói ngày ngày dọn nhà lang thang khắp nơi không có xứ sở nhất định. Đoàn thể này không nhỏ, chúng thường tuý 1255 vị thêm Đức Thế Tôn nữa là 1256 vị. Đoàn thể lớn như vậy chúng ta sẽ nghĩ đến chắc chắn có người nhất thời đến chứ không phải là chúng thường tuý, họ chỉ đi theo Phật một tháng nửa tháng, một năm nửa năm, số người này chắc chắn rất nhiều. Đoàn thể này của ngài tuyệt đối không dưới 3000 người. Điều này chúng ta có lý do để tin, một đoàn thể lớn như vậy hoạt động ở ngoài trời. Họ làm gì? Tất cả đều là dạy học. Ngoài việc đi khất thực ra còn lại là lên lớp. Theo Đức Thế Tôn cầu học không có điều kiện, ngài không thu học phí. Điều kiện của ngài đại khái là muốn họ sống cuộc đời như ngài vậy, cũng phải có năng lực ngày ăn một bữa, đêm ngủ dưới gốc cây. Điều này chúng ta tin, đối với giáo huấn của Đức Thế Tôn nhất định tin tưởng, có thể lý giải, nghe rồi cảm thấy hoan hỷ, siêng năng học tập, nhất định phải đầy đủ những điều kiện này. Ngài dạy học suốt 49 năm, chưa từng nghe nói Đức Thế Tôn có ngày nào đó nghỉ phép. Trong Tôn giáo còn có ngày nghỉ chủ nhật, nhưng Đức Thế Tôn không có, đến cả lễ tết cũng không hề thấy trong kinh nói đến ngày nghỉ. Ngài là vị thầy tốt nhất, là người làm tròn trách nhiệm của một giáo viên tình nguyện, không thu học phí là một người thầy của văn hoá đa nguyên. Học sinh không phân biệt quốc tịch, không phân biệt chủng tộc, không phân trình độ văn hoá cũng không phân tôn giáo tín ngưỡng, chỉ cần chịu đến học thì đều đối đãi bình đẳng như nhau.

Khi tôi vừa mới học Phật, Chương Gia đại sư dạy tôi: anh muốn học Phật trước phải biết về Đức Phật Thích Ca, nếu không biết gì về ngài sẽ không biết bắt đầu học từ đâu. Tôi nghe đại sư nói cảm thấy rất thích. Đại sư dạy tôi xem, tôi xem cuốn sách thứ nhất chính là Thích Ca Phương Chí và Thích Ca Phổ do người thời nhà Đường viết, những điều trong cuốn sách này nói đều là câu chuyện về sự tích một đời của Phật Thích Ca Mâu Ni ghi trong kinh, rồi biên tập thành một cuốn sách. Chúng ta đã có nhận thức về Đức Thế Tôn, dùng cách nói hiện tại thì ngài chính là nhà giáo dục, là một nhà giáo dục xã hội văn hoá đa nguyên. Địa vị

của ngài là một giáo viên tình nguyện, giáo dục xã hội văn hoá đa nguyên. Đức Phật là nhà giáo dục chứ không phải Tôn giáo, nhưng hiện nay nó đã biến thành Tôn giáo, chúng ta cũng không thể không thừa nhận nó là Tôn giáo.

Hiện tại ở thế gian này theo quan điểm của tôi có sáu loại Phật giáo khác nhau. Hiện nay ở xã hội này của chúng ta, Đức Thế Tôn là truyền thống giáo dục Phật giáo, rất ít người xem Phật giáo là giáo dục, rất ít thấy. Thời cổ đại của Trung Quốc thì rất nhiều, khoảng trước thời Càn Long Phật giáo còn là giáo dục, sau đó từ từ đã bị biến chất, lịch sử này không thể không biết, nên hiện tại có giáo dục tôn giáo, Phật giáo của Tôn giáo. Trong thời cận đại còn xuất hiện vài Tôn giáo học thuật.

Quý vị xem trong rất nhiều khoa triết học của các trường đại học dùng kinh Phật mở khoá trình triết học kinh Phật. Trước đó tôi có dạy 5 năm. Nó đã biến thành học thuật, đã biến thành tri thức đây không phải là Phật giáo chơn chánh. Thời cận đại những năm gần đây tôi phát hiện có tham quan du lịch Phật giáo, còn có xí nghiệp giống như mở chi nhánh dây chuyền vậy, xí nghiệp Phật giáo, loại sau cùng là Phật giáo tà giáo, tất cả sáu loại.

Ngày nay chúng ta học Phật là học loại nào? Điều này không thể không rõ ràng. Đức Thế Tôn thật sự truyền xuống đó là kinh điển, hoàn toàn học tập kinh điển. Đây là Đức Thế Tôn truyền lại, đời này truyền qua đời khác. Làm sao biết được? Quý vị xem các bậc cổ đức viết những chú giải này, đây chính là đời đời tương truyền, nên chúng ta khẳng định Phật giáo là dạy học, không liên quan gì đến các việc khác. Đây là điều đầu tiên chúng ta cần phải hiểu rõ và minh bạch về nó, không nên đi sai đường. Đây là con đường đầu tiên thầy Phương Đông Mỹ và Chương Gia đại sư chỉ cho tôi. Thầy Phương nói Phật giáo của Đức Thế Tôn trong kinh điển nhất định vào trong kinh điển sẽ tìm được. Chương Gia dạy tôi rất đơn giản, ngài dạy tôi học tập Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn là tấm gương tốt cho người học Phật chúng ta, điều này thì quá chính xác không có gì để nói.

Chúng ta nhận thức được bản chất của Phật giáo, Phật giáo nói về điều gì? Tất cả các kinh điển mà Đức Thế Tôn giảng trong suốt 49 năm chỉ trong một câu, ngài nói rõ cho chúng ta về chân tướng của nhân sinh vũ trụ. Thuật ngữ trong kinh Phật gọi là chân tướng của các pháp, thuật ngữ này là trong Kinh Bát Nhã nói, dùng cách nói hiện nay chính là chân tướng của vũ trụ nhân sinh. Khoa học là nghiên cứu chân tướng triết học cũng là nghiên cứu chân tướng.

Khi tôi mới học Phật thầy Phương Đông Mỹ giới thiệu Phật pháp cho tôi là triết học. Thầy nói Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là nhà triết học vĩ đại nhất trên thế giới, triết học kinh Phật là đỉnh cao nhất của toàn thế giới, học Phật là hưởng thụ cao nhất của đời người, tôi đã nhập môn như vậy. Tôi chịu ảnh hưởng ba năm với thầy Phương chính là hoàn toàn dùng triết học để nhìn nhận Phật pháp. Cho nên sẽ có vấn đề, vì trong đó nói thiên địa quỷ thần, bộ phận này nên làm thế nào? Bộ phận này gọi là mê tín. Nó có triết học, có mê tín, đem phân thành hai bộ phận. Bộ phận triết học chúng tôi tập trung chuyên môn nghiên cứu, phần mê tín thì không để ý đến.

Đại khái giống như học Tôn giáo vậy. Học ba năm về sau càng học càng cảm thấy khác thường. Chính thầy Phương khi về già cũng đã thay đổi, cảnh giới của thầy cũng từng bước nâng cao. Khi tôi theo học thầy còn rất trẻ chưa đến 50 tuổi khoảng hơn 40 tuổi. Những năm tuổi già thầy không còn nhắc đến Phật giáo có một bộ phận mê tín nữa, mà đã khẳng định Phật giáo là giáo dục.

Đầu tiên chúng tôi cho rằng triết học cao nhất đó là diện mạo của Phật pháp. Chỉ thấy được diện mạo bên ngoài không thấy được bên trong. Phần mê tín mà thầy nói tiến dần từng bước càng vào sâu càng vi diệu. Thật hiếm có, ngày nay khoa học đã chứng minh một bộ phận, chỉ là chứng minh được một bộ phận. Bộ phận này là bộ phận vật lý còn bộ phận tâm lý vẫn chưa chứng minh được. Nhưng tâm lý là nền tảng của vật lý, đây là các nhà khoa học cận đại phát hiện. Không có tâm lý thì không thể có hiện tượng vật chất, hiện tượng vật chất là từ tâm lý biến hiện ra, tâm và vật vĩnh viễn không thể phân khai. Từ lúc sơ khởi nó đã kết hợp thành một thể, điều này hiện tại các nhà vật lý học đã thừa nhận, nhưng tâm lý từ đâu mà có thì họ vẫn chưa rõ được, vấn đề này vẫn chưa có đáp án. Trong Phật pháp có nói rất rõ ràng rất minh bạch. Ở đây chúng ta nên ghi nhớ một câu quan trọng nhất là: *“Nhất tâm tín lạc niệm Phật đương đắc vô lượng chi phước”*, câu này rất quan trọng, là phước báo đệ nhất trong thế xuất thế gian. Trong nhà Phật cầu thực tế không phải nhà Phật cầu, mà là từ trong tự tánh của chúng ta cầu. Kinh Hoa Nghiêm nói rất rõ ràng: tất cả chúng sanh đều có trí huệ đức tướng của Như Lai. Đức là đức năng, tướng là tướng hảo. Tướng hảo tức ngày nay chúng ta gọi là phước báo. Vô lượng phước báo, vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng. Năng lực quý vị là vạn đức vạn năng.

Trong Tôn giáo ca tụng thượng đế là đấng vạn đức vạn năng, không gì không biết và không điều gì không thể, đó là gì? Là tự tánh của quý vị. Chỉ cần quý vị

buông bỏ chướng ngại. Kinh Hoa Nghiêm nói vọng tưởng phân biệt chấp trước là chướng ngại của quý vị. Trong đại thừa giáo thường nói vô minh phiền não, trần sa phiền não, kiến tư phiền não. Buông bỏ những thứ này liền hồi phục, hồi phục trí huệ đức năng đức năng tướng hảo trong tự tánh quý vị. “*Vĩnh đương viễn ly tam đồ chi ách*”, vĩnh viễn rời xa khổ báo trong tam đồ không còn đi vào đó nữa.

Chúng sanh trong tam đồ nếu có duyên với chúng ta họ sẽ cầu chúng ta giúp đỡ họ, quý vị có đi chăng? Đi. Tuy đi nhưng không chịu khổ báo của họ, vì sao? Vì chúng ta không có nghiệp nhân. Có nhân mới cảm thọ lấy khổ báo, chúng ta không có nghiệp nhân này. Chúng ta hiện thân Bồ Tát đến đó để cứu bạt họ, cần lấy thân gì để được độ thoát thì chúng ta liền hiện ra thân đó, chúng ta đều có lĩnh lớn như vậy. Họ cần dùng phương pháp gì chúng ta liền dùng phương pháp đó, rất hoạt bát nhưng tự mình không khởi tâm không động niệm, chúng sanh có cảm, chúng ta tự nhiên liền có ứng, ứng ở đây chính là phản ứng nên hiện thân khắp biến pháp giới. Thuyết pháp khắp biến pháp giới nhưng không hề khởi tâm hay động niệm, đương nhiên không có phân biệt chấp trước.

Đức Thế Tôn đương thời thị hiện tại Ấn Độ chính là như vậy. Đức Phật giảng kinh cho mọi người, đặc biệt là mục lớn như Hoa Nghiêm, Bát Nhã, Phương Đẳng, Đại Tập, Bảo Tích những mục lớn này, đức Phật không soạn tài liệu, không có đại cương, không có, tất cả đều tùy phương tiện mà nói, nhưng khi ghi chép ra rất có hệ thống và rất có phương pháp. Thể hệ tư tưởng, ngôn ngữ, văn pháp biểu đạt của ngài đều rất nghiêm chỉnh, tìm không ra chút sơ suất nào, đó là gì? Đó gọi là tánh đức, nó vốn chính là như vậy. Do đó chúng ta hiểu được mục đích học Phật là gì, nên học như thế nào? Học Phật nhất định phải kiến tánh, nếu không kiến tánh phải làm sao? Không kiến tánh được thì cầu Phật A Di Đà đến thế giới Cực Lạc. Đến thế giới Cực Lạc trước, đến thế giới Cực Lạc ở trong hội Phật A Di Đà minh tâm kiến tánh. Chúng ta phải nương vào một người thầy giỏi, chúng ta cần dựa vào môi trường học tập tốt. Thế giới Cực Lạc là môi trường học tập tốt nhất, không thể không đi! Nếu không đi đó là sai lầm lớn nhất của chúng ta trong đời này. Làm những việc sai lầm như, ngũ nghịch thập ác đều là sai lầm nhỏ, không biết niệm Phật cầu sanh Tịnh độ là một điều sai lầm rất lớn.

Vì sao vậy? Vì ngũ nghịch thập ác chỉ cần hồi đầu thành tâm sám hối niệm Phật thì tất cả đều được vãng sanh, đó là cái sai không đáng kể. Không ai không thể đến thế giới Cực Lạc, không ai không thể trong một đời viên mãn thành Phật. Quan trọng nhất là tự mình phải có tín tâm. Lòng tin kiên định, lòng tin không

thay đổi như vậy đời này nhất định thành tựu, tự mình thật tu thật hành trì. Công đức tu học của quý vị có thể bảo hộ an toàn cho nơi này, có thể hoá giải thiên tai ở đây, tại sao không làm?

“*Hưu Văn Thù Bát Nhã Kinh vân, chúng sanh ngu độn, quán bất năng giải, dẫn linh niệm tương tục tự đắc vãng sanh*”. Đây là những lời Bồ Tát Văn Thù nói. Trong Kinh Hoa Nghiêm ngài tượng trưng cho trí huệ. Chúng sanh đích thực rất ngu si ám độn. Độn là trì độn, ngu si trì độn. “*Quán bất năng giải*” giải là lý giải. Trong Phật pháp đại thừa nói đến tu hành đều dùng hai chữ “chỉ quán” làm tượng trưng. “Chỉ” là định chỉ tức là buông bỏ. “Quán” là chiếu kiến, là thấu triệt cũng chính là nhìn thấu mà Chương Gia đại sư nói. Nhìn thấu là “quán”, buông bỏ là “chỉ”. Tôi tiếp xúc với người xuất gia đó là ngày đầu tiên gặp Chương Gia đại sư, trước đó chưa từng gặp người xuất gia. Ngày đầu tiên gặp người xuất gia tôi hỏi đại sư về phương pháp tu hành? Đại sư không nói với tôi về pháp “chỉ quán”, nếu nói pháp “chỉ quán” khiến tôi thêm hồ đồ, có thể tôi sẽ không gặp đại sư lần thứ hai nữa. Vì sao vậy? Vì nghe không hiểu. Đây gọi là đàm luận sự lý huyền diệu, nghe không hiểu. Đại sư rất có trí huệ, dùng phương tiện thiện xảo, ngài nói với tôi về nhìn thấu và buông bỏ, điều này tôi nghe hiểu. Hình như là hiểu nhưng thật ra không hiểu. Tự cho rằng đã hiểu nhìn thấu buông bỏ. Nhìn thấu là “quán”, buông bỏ là “chỉ”. “Chỉ” là định, “quán” là huệ.

Quán không thể giải, vì sao vậy? Vì ngu si trì độn. Đó chính là phải dùng phương pháp niệm Phật, dạy họ niệm liên tục. Chỉ cần họ niệm tốt câu A Di Đà Phật này. Bồ Tát Đại Thế Chí dạy “*tịnh niệm tương tục*”. Như thế nào gọi là tịnh? Không hoài nghi, không xen tạp gọi là tịnh. Tương tục tức là câu này nối tiếp câu kia và cứ như vậy mà niệm. Mỗi ngày nếu có công việc, quý vị cứ làm công việc bình thường. Công việc làm xong liền niệm Phật, danh hiệu Phật cứ luôn niệm như vậy, đây gọi là tương tục hoặc là công việc này không cần suy nghĩ thì có thể vừa làm việc vừa niệm Phật, còn nếu phải suy nghĩ thì dừng việc niệm Phật lại, chuyên tâm làm việc, sau khi xong công việc lại tiếp tục niệm danh hiệu Phật, đây là người niệm Phật chơn chánh.

Ấn Quang đại sư truyền phương pháp là nhằm vào con người hiện đại chúng ta. Ngài xuất hiện trong thời hiện đại và dạy phương pháp này cho chúng ta vô cùng hiệu quả. Phương pháp này có thể giúp chúng ta đoạn trừ vọng niệm đây là mục tiêu niệm Phật thứ nhất. Vì sao phải niệm Phật? Vì để đoạn trừ vọng niệm, nếu không niệm Phật liền sinh khởi vọng niệm, nghĩ đến những điều không thiết

thực. Dùng câu niệm Phật này để thay thế tất cả các vọng niệm, đạo lý niệm Phật chính là ở đây, đây là đạo lý thứ nhất.

Chúng ta nói niệm Phật tương ứng với Phật A Di Đà có thể vãng sanh, điều đó còn quá xa vời! Trong niệm Phật bị xen tạp thì không thể vãng sanh mà còn bị phá hoại hết công phu niệm Phật. Niệm Phật vãng sanh nhất định phải tịnh niệm tương tục. Hiện nay chúng ta đã tịnh hay chưa? Có niệm nhưng không tịnh, tâm không thanh tịnh, như vậy sao có thể vãng sanh? Đại sư Ấn Quang dạy chúng ta thấu triệt ba thứ có thể đoạn tận được vọng niệm, chính là niệm một cách rõ ràng, miệng niệm rõ ràng. Không thể niệm nhanh nên niệm từ từ. Không nên dùng chuỗi nên dùng tâm để nhớ, ghi nhớ chỉ nhớ từ một đến mười, phải biết câu niệm Phật này là câu thứ mấy trong mười câu. Phải rõ ràng, niệm phải rõ ràng và tai nghe cũng phải rõ ràng. Nghe âm thanh mình niệm, nghe rõ và nhớ rõ. Niệm đến mười, sau đó lại niệm từ một đến mười, vĩnh viễn từ một đến mười. Không nên niệm 11, 12, 20, 30 không nên niệm như vậy. Chính là từ một đến mười dùng tâm để nhớ, rõ ràng minh bạch, phương pháp này rất hay!

Hồ Tiểu Lâm niệm bốn tháng đến nói với tôi, phương pháp này vô cùng lợi ích. Trước đây niệm Phật tâm không thanh tịnh, nhưng bốn tháng này tâm thanh tịnh đã hiện tiền, cho nên ông ta ở đây báo cáo và chia sẻ với mọi người về niệm Phật tâm đắc của mình, suốt bốn tiếng cung cấp thêm để mọi người tham khảo. Cứ niệm từ từ như vậy tâm sẽ được thanh tịnh, tâm thanh tịnh một thời gian sẽ được định, định này gọi là niệm Phật tam muội_ chúng ta sẽ được niệm Phật tam muội. Được niệm Phật tam muội rồi cứ như vậy tiếp tục dùng gián đoạn, niệm liên tục như vậy. Tôi tin rằng hai ba năm sẽ được khai ngộ. Mặc dù không thể đại triệt đại ngộ nhưng đại ngộ là nhất định có_ không thể triệt ngộ nhưng đại ngộ là nhất định có. Chỉ cần chúng ta kiên trì, tiếp tục nỗ lực tuyệt đối không giải đãi, quyết định không thay đổi phương pháp. Cứ như vậy mười năm, hai mươi năm đại triệt đại ngộ là điều có thể. Đại triệt đại ngộ vãng sanh liền sanh vào cõi thật báo trang nghiêm, không phải cõi đồng cư cũng không phải cõi phương tiện.

Nếu đạt được tam muội, được niệm Phật tam muội. Đại ngộ thường sanh vào cõi phương tiện hữu dư không ở cõi đồng cư. Điều này và ở thế gian này chúng ta có thể nắm bắt được, tức là vãng sanh nâng cao phẩm vị của chính mình.

“Hựu Tịnh Tu Tiệp Yếu tán niệm Phật pháp môn vân”. Tịnh Tu Tiệp Yếu là trước tác của cư sĩ Hạ Liên Cư, tác phẩm này rất hay. Tịnh Tu Tiệp Yếu là đường tắt! Trong này nói: *“lục tự thống nhiếp vạn pháp, nhất môn tức thị phổ môn, toàn*

sự tức lý, toàn vọng quy chân, toàn tánh khởi tu, toàn tu tại tánh”. Chúng ta nói về mấy câu này trước. Sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật, sáu chữ này thống lĩnh vạn pháp. Không những là tất cả pháp mà Đức Thế Tôn nói trong suốt 49 năm đều quy nạp trong sáu chữ này, mà tất cả pháp của vô lượng Chư Phật Như Lai trong mười phương ba đời nói, cũng không thể vượt ra ngoài sáu chữ này.

Sáu chữ này là gì? Là tổng cương lĩnh của tất cả Phật pháp. Nắm bắt sáu chữ này tức là nắm vững được tất cả Phật pháp. Bí mật này không ai biết được nên rất nhiều người còn muốn học cái này học cái kia. Nếu họ thật sự biết họ sẽ vứt bỏ tất cả chỉ nắm giữ sáu chữ này. Hoa Nghiêm không ra khỏi sáu chữ này, Pháp Hoa cũng không vượt ra khỏi sáu chữ này, Phương Đẳng, Bát Nhã tất cả đều không ra ngoài sáu chữ này. Sáu chữ này rốt cuộc có nghĩa gì? Sáu chữ này có thể phiên dịch, không phải không thể phiên dịch. Pháp sư phiên dịch kinh vẫn dùng âm tiếng phạn gọi là tôn trọng không dịch. Không phải không thể phiên dịch mà vì tôn trọng nó. Giữ lại nguyên âm của nó chỉ giải thích ý của nó.

Nam mô có nghĩa là quy y, quy mạng. A dịch là vô. Di Đà dịch là lượng. Phật dịch là giác. Đọc theo ý chữ hán chúng ta sẽ dễ hiểu, Quy Mạng Vô Lượng Giác. Danh từ này quý vị hoàn toàn có thể lý giải, thống lĩnh vạn pháp, vô lượng giác! Mỗi vị Phật đều là vô lượng giác, mỗi pháp môn đều là vô lượng giác, mỗi chúng sanh đều vô lượng giác, mỗi sự vật cũng là vô lượng giác. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói: “nhất tức thị đa, đa tức thị nhất”, lời này không sai chút nào. Ở trước chúng ta từng nói chư vị tổ sư thời đại Tuỳ Đường, họ cùng nghiên cứu tất cả các kinh mà Đức Thế Tôn nói trong suốt 49 năm, bộ kinh nào là đệ nhất? Nghiên cứu đến cuối cùng thì Phật A Di Đà là đệ nhất chính là danh hiệu này của Phật A Di Đà đệ nhất.

Chư vị tổ sư thời Tuỳ Đường đưa ra kết luận chứng minh sáu chữ này thống nhiếp vạn pháp là thật không phải giả. Sáu chữ này mặc dù thống lý vạn pháp, pháp môn này tức là phổ môn. Phổ môn là gì? Tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn. Trong tứ hoằng thệ nguyện nói “pháp môn vô lượng thệ nguyện học”, một môn chính là vô lượng pháp môn, vô lượng pháp môn chính là một môn. Vì sao vậy? Vì một môn có thể kiến tánh. Chỉ cần kiến tánh, vô lượng pháp môn đều phát xuất từ tự tánh. Chúng ta đã tìm ra nguồn gốc phát xuất từ tự tánh nên các môn đều thông. Một pháp môn thông thì tất cả các pháp môn đều thông. Nếu còn một pháp môn chưa thông chứng tỏ pháp môn này của quý vị chưa

thông, nên các pháp môn đều không thông. Một thông thì nhất định là tất cả thông vì thế một kinh thông nhất định các kinh đều thông.

Quý vị nói tôi chỉ biết giảng bộ kinh này còn các kinh khác không biết giảng. Như vậy quý vị chưa thông bộ kinh này. Thông là gì? Là đã thấu triệt. Thông đến đâu? Thông đến tự tánh. Người phương đông từ xưa đến nay, đây là Ấn Độ truyền đến Trung quốc cũng ảnh hưởng đến Trung quốc. Dạy học đều là thâm nhập một môn huân tu lâu dài. Ở Trung quốc người Trung quốc biết tầng lớp tuổi tác bất đồng thì thái độ của họ không giống nhau, ký ức và lý giải cũng không tương đồng. Trước mười tuổi trí nhớ tốt nhưng mức lý giải rất kém, nên dạy nhi đồng học chỉ dạy học thuộc lòng. Vì sao vậy? Lợi dụng sở trường của chúng. Từ sáu bảy tuổi bắt đầu dạy chúng học thuộc lòng, tất cả kinh luận quan trọng đều để họ học thuộc. Đó là từ sáu tuổi cho đến khoảng 12 tuổi_sáu năm, các cô tịch quan trọng đều thuộc hết, thuộc rất nhuần nhuyễn. Sau mười ba mười bốn tuổi dần dần có thể lý giải, trí tuệ đã khai mở. Giai đoạn này như thế nào? Giai đoạn này giảng giải cho chúng, cùng chúng nghiên cứu thảo luận. Nội dung thảo luận là gì? Chính là những điển tịch đã thuộc trước đây. Trường lớp của Trung quốc ngày xưa chỉ có tiểu học, thái học, không có trung học. Thái học chính là đại học. Tiểu học chuyên môn đọc thuộc lòng, đang học quy củ nên Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên đây đều là bậc tiểu học cần thiết phải làm được. Đây là điều suốt cả đời cũng không thay đổi. Những kinh sử tử tập này là quy định phải đọc, đều là những sách hay do thầy chọn ra nhất định đều phải thuộc. 13 tuổi vào thái học nghe thầy giảng giải. Thầy cũng đã thuộc nên học sinh thái học đi học rất vui, đi học là niềm vui vô cùng! Có đâu như hiện nay đi học lại khổ sở như vậy. Vì sao? Vì không có sách giáo khoa, không cần cặp sách.

Giảng về Luận Ngữ chương thứ mấy, trang thứ mấy và chữ thứ mấy thì mỗi người đều nhớ. Nếu không có năng lực này thì không thể tham gia vào trong giảng đường của họ, quý vị không có tư cách. Mỗi người đều phải thuộc lòng nên thầy dạy học sinh học đều tự do tự tại hoạt bát không có chút câu thúc nào. Rất nhiều thầy giáo đều đem học sinh đi du lịch, đi ngao du sơn thủy. Đi như vậy một mặt là tham quan du lịch, mặt khác là nghiên cứu thảo luận tức là vừa chơi vừa học. Học sinh phải hiếu thảo với thầy, trong mắt học trò thầy giống như cha mẹ vậy, tôn sư trọng đạo. Học sinh phải làm thị giả cho thầy, vấn đề giao thông khi ra đường học sinh phải phụ trách, lái xe đều là việc của học trò, đến việc ăn uống nghỉ ngơi tất cả đều tự tay học trò phải làm_Có việc đệ tử phải lo hết các việc

nặng nhọc nên việc học tập đều rất vui. Ra đi du lịch hai ba tháng trở về thì môn học này cũng giảng xong. Đặc biệt là trong sách có đề cập đến lịch sử địa lý, họ thật sự liền đi đến đó xem. Đồng nghĩa với việc đi khảo sát thực tế khiến quý vị có ấn tượng sâu sắc, nên đi học rất vui không như hiện nay.

Bây giờ tôi thấy các bạn nhỏ khoảng lớp một lớp hai tiểu học mang cặp xách rất nặng. Không thể tái sinh lại làm người, quý vị xem quá cực khổ! Tuổi tác chúng tôi sanh trưởng trước thời kháng chiến, sống ở nông thôn, khi đi học trong cặp xách chúng tôi chỉ có hai cuốn sách, rất nhẹ! Cặp xách là một xách vải nhỏ đựng hai ba cuốn sách, bây giờ thấy như vậy thật là quá đáng thương, quá khổ! Điều này không thể làm, nhất định phải giác ngộ. Suy đi nghĩ lại chỉ có thể giới Cực Lạc tốt, ngoài thế giới Cực Lạc ra thì nghĩ không được nơi nào tốt hơn. Chúng ta đã nghĩ đến đây là Đức Thế Tôn cũng giới thiệu cho chúng ta, chư vị tổ sư cũng khuyên chúng ta đương nhiên không sai lầm. Chúng ta nên cảm ân và báo ân, quyết định sanh đến thế giới Cực Lạc là thật sự đã báo ân. Phật hoan hỷ, thầy hoan hỷ, cha mẹ hoan hỷ. Kỳ vọng của họ chúng ta đã làm được.

Bên dưới tiếp tục nói về lý “toàn sự tức lý”, lý và sự là một không thể tách rời. Trong sự có lý tồn tại, có o lý này nhất định sẽ có hiện tượng xuất hiện. Lý rất sâu sắc, lý đã thấu triệt. Việc này_ví dụ nói thiên tai hiện nay_sự việc này, đây là sự phát sinh như thế nào? Nó có đạo lý trong đó.

Trong Kinh Lăng Nghiêm Đức Phật nói rất thấu triệt. Nguyên nhân thật sự của thủy tai là tham lam, tâm tham lam chiêu cảm lấy thủy tai. Sân nhuế chiêu cảm lấy hỏa tai, núi lửa bộc phát, nhiệt độ địa cầu tăng cao, đây đều thuộc về lửa. Ngu si chiêu cảm phong tai. Ngạo mạn chiêu cảm động đất, ngạo mạn là bất bình! Cống cao ngã mạn đều có nhân. Nghi thì trước đây chúng ta ít nghe chư vị tổ sư nói, hiện nay chúng ta thấy được nghi và si là phong tai. Tham sân si mạn nghi, hoài nghi. Nghiệp lực hoài nghi này, khiến ngày nay chúng ta thấy địa cầu này thật đáng sợ. Nghi là gì? Nghi khiến cho đại địa rời rạc. Đại địa vốn rất kiên cố.

Quý vị xem chúng ta đọc Kinh Địa Tạng có “kiên lao địa thần”. Hiện nay chúng ta hoài nghi, hoài nghi đối với thánh hiền, hoài nghi đối với truyền thống dạy học. Thậm chí hoài nghi các bậc tổ tông, hoài nghi Chư Phật Bồ Tát. Nghiêm trọng đến mức độ nào? Hoài nghi đối với cha mẹ, hoài nghi con cái, hoài nghi vợ con. Không có người tin cậy, không có việc gì đáng tin, đã đến mức độ này. Quý vị thấy bệnh nghi ngờ này không đáng sợ sao? Bệnh hoài nghi này làm tổn hại

chính mình, nghĩa là hệ thống miễn dịch của chúng ta hoàn toàn bị phá hoại. Không chịu được khiêu chiến của vi khuẩn, thân tâm không còn mạnh khoẻ, lây nhiễm cả sơn hà đại địa. Núi sẽ nổi tung, đại địa sẽ chìm xuống đáy biển, đây là gì? Là nghi.

Vì thế chúng ta có thể vứt bỏ tham sân si mạn nghi, thật sự làm được không tham không sân không si không mạn không hoài nghi đó chính là thế giới Cực Lạc. Trong thế giới Cực Lạc không có người hoài nghi. Nguyên nhân của sự chúng ta đã tìm thấy, sau đó muốn thay đổi nó sẽ có phương pháp. Thay đổi từ trên tâm lý, tâm thay đổi thì tất cả cảnh giới bên ngoài đều thay đổi, nên vật lý không thể thay đổi nhưng tâm lý có thể thay đổi. Vật lý như khám bệnh có thể biết họ bệnh gì nhưng không có phương pháp giải quyết. Tâm lý này có phương pháp giải quyết.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 402

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Minh Tâm

Thời gian: 09.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 501, hàng thứ năm, bắt đầu xem từ câu thứ hai.

“*Tịnh Tu Tiếp Yếu*”

“*Hựu Tịnh Tu Tiếp Yếu tán niệm Phật pháp môn vân, lục tự thống nhiếp vạn pháp, nhất môn tức thị phổ môn. Toàn thị tức lý, toàn vọng quy chân, toàn tánh khởi tu, toàn tu tại tánh*”.

Đây là cư sĩ Hạ Liên Cư tán thán pháp môn niệm Phật trong Tịnh Tu Tiếp Yếu.

“*Lục tự*” chính là Nam mô A Di Đà Phật. “*Thống nhiếp vạn pháp*”, ở trước đã nói rất tường tận, tất cả pháp mà Đức Thế Tôn nói trong suốt 49 năm, cuối cùng đều quy về một câu danh hiệu này. Tất cả chư Phật Như Lai trong mười phương

ba đời đã nói vô lượng vô biên vô tận vô số pháp môn, đến cuối cùng cũng quy về một câu danh hiệu này. Công đức danh hiệu không thể nghĩ bàn.

“*Nhất môn*” chính là pháp môn Tịnh độ, pháp môn Tịnh độ tức là phổ môn. Nhất môn này thống nhiếp cả tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn. “*Toàn sự tức lý*”, sự là chỉ cho việc chúng ta phát tâm niệm Phật, lý là tự tánh, điều này tương ứng với tánh thể, vì câu danh hiệu này là đức hiệu là vô lượng giác của tánh đức, đức hiệu của tất cả chư Phật Như Lai. Như trong Kinh Hoa Nghiêm nói một tức là nhiều, nhiều cũng là một, một và nhiều không phải hai. “*Toàn vọng quy chân*”, vọng là chỉ cho A lại da, vạn sự vạn pháp đều do A lại da biến hiện ra. Mười pháp giới y chánh trang nghiêm là do A lại da biến ra. A lại da có rời tự tánh chăng? Không. Y chánh trang nghiêm mà A lại da biến ra đều không rời tự tánh, nên giáo môn thường nói “vạn pháp quy tâm”, ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm. Tâm tánh là lý thể của tất cả vạn pháp, không có lý thể là không có hiện tượng, nên hiện tượng từ trong lý thể hiển lộ ra.

“*Toàn tánh khởi tu, toàn tu tại tánh*”. Tánh và tu là một, tánh và tu không phải hai. Khi nào chúng ta có thể thấy được chân tướng sự thật này, đó chính là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh tức là đã thành Phật. Đây là nói sự liên quan giữa danh hiệu Di Đà- pháp môn Tịnh độ và tánh tướng, là một không phải hai.

“*Quảng học nguyên vi thâm nhập, chuyên tu tức thị tổng trì*”. Hai câu này nói rất hay. Mục đích học rộng là gì? Mục đích là minh tâm kiến tánh, đây mới gọi là thâm nhập. Nếu mục đích học rộng không phải để minh tâm kiến tánh, thì việc học đã bị tạp loạn, càng học càng xa. Chonên Phật pháp có tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, nhưng mục đích sau cùng chỉ có một, là vì minh tâm kiến tánh. Bao gồm chúng ta thành tâm niệm Phật, đây là một phương pháp, là một pháp môn. Mục tiêu sau cùng của pháp môn này cũng là kiến tánh. Nếu mục tiêu học tập sau cùng không phải là minh tâm kiến tánh thì đây không phải Phật pháp, nhất định không phải đại thừa. Điều này chúng ta nhất định phải biết.

Truyền thống học thuật của Trung Quốc gọi là thánh học. Mục đích sau cùng của thánh học là thành thánh nhân. Thấp hơn thánh nhân một bậc là hiền nhân, thấp hơn nữa là quân tử. Như trong Phật pháp gọi Phật Đà, Bồ Tát, A la hán, nó cùng một ý nghĩa. Nếu siêng năng nỗ lực học tập, nhưng vẫn không đạt được mục tiêu sau cùng, như vậy chúng ta đã tu sai. Ở trước nói về việc học Phật rất rõ ràng, mục tiêu học Phật chính là thành Phật. Không thành được Phật cũng phải

thành Bồ Tát, như vậy là chúng ta thật sự đã học được. Học được thì như ở trước nói trí tuệ phước đức đã viên mãn. Đức Phật có trí tuệ viên mãn, đức tướng viên mãn, thật sự đã đạt được. Vì sao có thể đạt được? Vì trí tuệ viên mãn, đức tướng cứu cánh trong tự tánh vốn có.

Trong Kinh Hoa Nghiêm Đức Thế Tôn nói: tất cả chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng của Như Lai. Đây là thật không phải giả, vì tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, đều có pháp tánh. Trong pháp tánh viên mãn đầy đủ, nói Phật tánh là trong pháp tánh vốn đầy đủ trí tuệ bát nhã, không phải cầu bên ngoài, bên ngoài không có. Chúng ta nên tin tưởng sâu sắc không có chút hoài nghi nào. Đức Phật nói ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm, tâm này chính là tâm tánh, chính là tự tánh. Mục tiêu học Phật sau cùng là minh tâm kiến tánh.

Phật giáo truyền đến Trung Quốc đã 2000 năm, đích thực khiến cho truyền thống văn hóa ngày càng giá trị hơn, phong phú hơn. Nho giáo cũng nói minh tâm kiến tánh, Đạo giáo cũng nói minh tâm kiến tánh. Học Nho giáo họ cũng học Phật, học Đạo giáo họ cũng học Phật. Nho Thích Đạo tam giáo này trở thành phổ biến ở Trung Quốc, là môn học tu học của cộng đồng. Người học Phật không rời xa truyền thống văn hóa. Chẳng những không rời xa mà còn dùng truyền thống văn hóa để thay cho giới luật, làm môn học cơ bản giáo dục cắm rễ. Cho nên Phật giáo ở Trung Quốc có thành tựu thù thắng như vậy. Hơn 2000 năm nay ít nhất thành tựu trên 3000 người thành Phật, đây là thật không phải giả, ngài Huệ Năng đại sư là người hay nhất, vì ngài không biết chữ, ngài chưa từng đi học, nhưng ở trong hội của Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn, qua một cuộc đàm thoại ngài đại triệt đại ngộ, đây là hàng thượng thượng căn trong hàng lợi căn. Người như thế chỉ có mình ngài, trước Lục Tổ chưa từng nghe nói, sau Lục Tổ chưa từng thấy qua, nhưng năm ba năm khai ngộ, bảy tám năm khai ngộ, mười năm hai mươi năm khai ngộ rất nhiều. Thời gian khai ngộ tuy khác nhau, nhưng cảnh giới ngộ nhập tương đồng. Ít nhất như trong Kinh Hoa Nghiêm nói là Sơ Trụ của Viên giáo trở lên, Sơ Địa của Biệt giáo trở trên.

Người đại triệt đại ngộ họ đã vượt ra mười pháp giới. Chẳng những vượt ra khỏi lục đạo mà còn vượt lên mười pháp giới. Trong lục đạo mười pháp giới nhưng không nhiễm chút trần nào, nên trí huệ của họ hiện tiền. Người thế gian có trí huệ, nhưng vì nhiễm ô nên khiến cho trí huệ biến thành phiền não, biến thành vọng tưởng, biến thành chấp trước. Trong đại kinh thường nói: “phiền não tức bồ đề”. Phiền não và bồ đề là một không phải hai. Khi mê gọi là phiền não, khi ngộ

gọi là bồ đề đều là một sự việc. “Chuyển phiền não thành bồ đề” câu này nhất định chính xác, không khiến người ta ngộ nhận. “Đoạn phiền não chứng bồ đề”, phiền não thật sự đã đoạn, bồ đề sẽ không còn, vậy quý vị chứng bồ đề gì? Đây là sự khác biệt của mê và ngộ. Từ mê chuyển thành ngộ, đó chính là phiền não đoạn bồ đề sanh, ý nghĩa là như vậy. Từ đó cho thấy, phiền não vĩnh viễn không đoạn tận được, bồ đề mãi mãi xuất sanh vô tận, chính là trí huệ. Không buông bỏ, phiền não sẽ không thay đổi được. Phải chuyển mới thật sự hưởng thụ được một đời hài hòa, hạnh phúc mỹ mãn. Chuyển không được là không có, là giả. Phước báo có lớn đến đâu, địa vị cao cỡ nào cũng không có gì gọi là hạnh phúc, điều này chúng ta tận mắt chứng kiến.

Trong xã hội này người có địa vị rất cao, họ sở hữu rất nhiều của cải, nhưng họ chỉ có phiền não không có niềm vui, họ luôn lo lắng vương bận. Nói cách khác họ không có gì gọi là hạnh phúc. Điều này chúng ta không thể không biết. Hạnh phúc mỹ mãn không liên quan đến phú quý bản tiện, không liên quan đến địa vị của cải. Có thể ở trong lục đạo, mười pháp giới, lục căn tiếp xúc với lục trần, không khởi tâm không động niệm, không phân biệt không chấp trước đây chính là hạnh phúc cứu cánh viên mãn của nhân sinh. Quý vị đã siêu việt, đã thoát ly. Sau khi thoát ly, quý vị xem người ở thế gian này thấy được một cách rõ ràng.

Cổ nhân thường nói: “người bàng quan sáng suốt hơn người trong cuộc”. Quý vị bước ra khỏi vòng này chính là bàng quan, như vậy quý vị thấy rõ hơn bất cứ người nào. Hôm nay họ có chuyện đến thỉnh giáo quý vị, quý vị có thể dạy họ, vì sao vậy? Vì quý vị là người ngoài cuộc nên thấy rõ ràng, họ đang mê trong đó nên không nhận định được. Khi được chỉ điểm họ liền giác ngộ. Nếu chúng ta cũng ở trong lục đạo, cũng mê hoặc điên đảo như họ, vấn đề của chính mình cũng không thể giải quyết, làm sao có thể giúp được người khác. Chư vị cổ đức thường nói nhất định phải bước ra khỏi hồng trần_hồng trần là luân hồi lục đạo, mới có thể giúp chúng sanh đau khổ trong hồng trần. Tự mình chưa bước ra khỏi sẽ không có được năng lực này. Năng lực này là bản năng, mỗi một chúng sanh đều có bản năng này.

Nên nhớ học rộng vốn là để thâm nhập, nhưng học rộng kẻ sơ học tuyệt đối không thể làm được. Sơ học mà học rộng sẽ sai lầm, học rộng đó sẽ biến thành sở tri chương nghiêm trọng. Hàng sơ học nên chú trọng câu bên dưới “*chuyên tu tức là tông tri*”, nên dùng phương pháp này, chuyên tu đến khi khai ngộ mới học rộng.

Thiện Tài biểu diễn cho chúng ta_Thiện Tài Đồng Tử ở trong hội của Bồ Tát Văn Thù chuyên tu, thâm nhập một pháp môn. Ngài tu pháp môn gì? Bây giờ chúng ta đã biết ngài tu pháp môn niệm Phật. Vì sao vậy? Bồ Tát Văn Thù tu pháp môn niệm Phật cầu sanh Tịnh độ. Thiện tài là môn sinh đặc ý, là đệ tử cung của Bồ Tát Văn Thù, sao có thể tu pháp môn khác thầy được? Ngài đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Điều này trong giáo môn nói đã thành tựu căn bản trí_đạt được căn bản trí. Trong Kinh Bát Nhã nói “bát nhã vô tri” căn bản trí là vô tri. Căn bản trí là gì? Là nhất tâm, là nhất niệm, là tâm rốt ráo thanh tịnh. Tâm thanh tịnh khởi tác dụng gọi là hậu đắc trí. Khởi tác dụng là vô sở bất tri, Bát Nhã vô tri vô sở bất tri. Vô sở bất tri là học rộng, vô tri là chuyên tu, vô tri là kiến tánh, vô sở bất tri là từ tánh khởi dụng. Khởi dụng nên nhớ không phải tự thọ dụng, không có tự thọ dụng, tất cả là vì lợi ích của mọi người. Pháp thân Bồ Tát có năng lực này, chính là Viên giáo Sơ Trú Bồ Tát có thể ứng hóa khắp mười phương thế giới, với tất cả lục đạo chúng sanh trong mười phương thế giới, đặc biệt chỉ lục đạo, chúng sanh có duyên trong lục đạo.

Trong kinh nói lời này chúng ta cần phải ghi nhớ, Phật không độ người vô duyên. Vô duyên là gì? Họ không tiếp thu, không tin, không nghe quý vị, những người này Phật không độ. Có duyên là từ trong vô lượng kiếp trong quá khứ. Bây giờ chúng ta biết được, chúng ta không phải chỉ có địa cầu này, chúng ta chỉ sống ở đây, không phải như vậy, mà tất cả quốc độ chư Phật khắp biến pháp giới hư không giới, vô lượng tinh hệ trong thái không chúng ta đều đã từng ở đó, đều đã từng sinh hoạt ở đó, nên chúng sanh có duyên với mình khắp trong biến pháp giới. Bất luận là thiện duyên hay ác duyên họ có ý niệm cầu cứu, có ý muốn cầu giúp đỡ. Nếu chúng ta là pháp thân Bồ Tát chính là trên Sơ Trú sẽ biết hết. Ý niệm họ còn chưa khởi thì hiện tượng dao động đã chu biến pháp giới, chúng ta liền tiếp nhận được, chúng ta có duyên với họ, tự nhiên chúng ta liền hiện thân để giúp đỡ họ, cần lấy thân gì để độ chúng ta liền hiện thân đó để độ. Họ khởi tâm động niệm cầu giúp đỡ, cầu Phật, cầu thần. Phật Bồ Tát ứng hóa đến thế gian chắc chắn không có khởi tâm động niệm. Không có khởi tâm động niệm làm sao ứng được? Chúng ta dùng một danh từ dễ hiểu, danh từ nhà Phật gọi là cảm ứng, thông thường gọi là hồi ứng, phản ứng.

Như tiến sĩ Giang Bồn làm thí nghiệm về nước, bình nước này nó thấy được, nghe được, hiểu được ý người. Đích thực có đủ năng lực kiến văn giác tri, thọ tướng hành thức cũng thật sự đầy đủ. Chúng ta dùng niệm thiện đối với nó: tôi

thích bạn, tôi yêu bạn, phải chăng nó khởi tâm động niệm trả lời ta? Không phải, nó không khởi tâm động niệm mà trực tiếp trả lời chúng ta.

Trong kinh điển Đức Phật đưa ra ví dụ như đánh trống hay đánh chuông. Đánh to thì kêu to, đánh nhỏ nó kêu nhỏ. Người đánh có tâm phân biệt chấp trước, nó phản ứng không có phân biệt chấp trước, cũng không có khởi tâm động niệm. Chonên Chư Phật Bồ Tát ứng hóa trong mười pháp giới không khởi tâm động niệm, nên biết điều này. Nếu họ khởi tâm động niệm họ sẽ đọa lạc trở thành phàm phu. Khởi tâm động niệm còn không có, làm sao có phân biệt chấp trước? Họ có thể giải quyết vấn đề của chúng ta viên mãn như vậy, tự tại như vậy đó là tánh đức trong tự tánh. Họ giúp chúng ta, nếu trong tự tánh chúng ta không có tánh đức, họ không giúp được. Họ biết tánh đức của họ và tánh đức của chúng ta là một không phải hai, họ mới có thể giúp được. Nếu là hai thì không giúp được, nó là một không phải hai, nên học rộng và chuyên tu cũng là một không phải hai.

Thiện Tài Đồng Tử trong hội của thầy mình là Bồ Tát Văn Thù được căn bản trí. Dùng thuật ngữ của Tịnh tông được lý nhất tâm bất loạn, đó chính là căn bản trí, là tự tánh bản định. Khởi tác dụng là hậu đắc trí, ứng hóa trong mười pháp giới khởi tác dụng, hiển thị là vô sở bất tri, vô sở bất năng. Ngài thể hiện cho chúng ta thấy, chỉ sợ chúng ta xem mà không hiểu, cố ý làm ra như vậy để chúng ta thấy, làm như vậy là 53 lần tham bái cầu học. 53 lần tham bái là gì nhất định phải hiểu, chính là chúng ta từ sáng đến tối, sáng sớm thức dậy đến tối đi ngủ, suốt ngày này những gì ta thấy được, nghe được và tiếp xúc được, tất cả người sự và vật chính là 53 lần tham bái. Nam nữ già trẻ các ngành các nghề, tại gia xuất gia đều có, có đế vương đại thần, có phàm phu tảo tột, chính là hiện tượng xã hội. Thấy được rõ ràng minh bạch, đây là huệ. Trong tâm như như bất động, không khởi tâm không động niệm đây là định. Ngày ngày trải qua thì định huệ sẽ ngày càng tăng trưởng, đây là trí huệ không phải trí thức.

Hiện nay người học Phật gặp cửa ải khó nhất là gì? Cầu học Phật pháp như cầu tri thức, quá sai lầm. Trí thức mặc dù quý vị nghe nhiều, đọc nhiều, vẫn là điều cổ nhân thường nói: “kỷ vấn chi học”, câu sau không dễ nghe đâu: “kỷ vấn chi học bất túc dĩ vi nhân sư”. Vì sao vậy? Vì chưa khai ngộ. Nghe rộng nhớ dai đây là học thuật của thế gian, là trí thức chứ không phải trí huệ. Trí huệ là đại triệt đại ngộ. Có người từ học rộng mà đại triệt đại ngộ, có người từ chuyên tu mà đại triệt đại ngộ. Điều được, đều có thể đại triệt đại ngộ. Vì sao vậy? Điều kiện cơ bản của đại triệt đại ngộ là buông bỏ. Quý vị buông bỏ hết liền đại triệt đại ngộ.

Đức Thích Ca Thế Tôn đã thể hiện cho chúng ta thấy ngài học 12 năm, đại khái tất cả cao nhân của Ấn độ ngài đều gặp, đều đã học hỏi với họ, không tìm ra thêm vị thầy nào nữa. Ngài không tiếp tục đi tham học nữa, mà ngài đã buông xả, đem kiến thức học hỏi trong suốt 12 năm buông bỏ hết, như vậy mới khai ngộ, buông bỏ sở tri chướng! Năm 19 tuổi rời xa gia đình, từ bỏ vương vị, từ bỏ cuộc sống cung đình, đó là buông bỏ phiền não chướng. 12 năm cầu học là buông bỏ sở tri chướng. Hai chướng không còn liền được khai ngộ. Sau khi khai ngộ học rộng hiểu nhiều trong quá khứ có khởi tác dụng chăng? Khởi tác dụng, nó biến thành gì? Biến thành hậu đắc trí, vô sở bất tri.

Thật sự đạt được căn bản trí, còn phải tu hậu đắc trí đó chính là 53 lần tham học. Điều này rất dễ không có gì khó, chính là công việc đối nhân tiếp vật trong cuộc sống hằng ngày, thấy là thấu triệt ngay, vừa nghe, vừa tiếp xúc thì hoàn toàn thông đạt thấu suốt. Bồ Tát Long Thọ biểu diễn chiêu đó cho chúng ta thấy, dụng ý rất thâm sâu. Ngài chứng đến Sơ Địa, thực tế mà nói Sơ Địa của ngài là Biệt giáo không phải Viên giáo, chính là Sơ Trụ Bồ Tát của Viên giáo. Công phu gì? Không khởi tâm không động niệm, không phân biệt không chấp trước. Ngài đã thành Phật, thật đã thành Phật chứ không phải giả, chỉ có tập khí vô thi vô minh chưa đoạn. Vô thi vô minh đã phá những tập khí vẫn tồn tại, khi nào tập khí mới đoạn tận? Đến diệu giác mới đoạn tận, tập khí mới không còn. Tập khí không còn, thì cõi thật báo trang nghiêm cũng không còn. Cho nên ngày nay chúng ta biết được cõi thật báo trang nghiêm là do tập khí vô thi vô minh biến hiện ra, nên nó là tịnh độ thật sự, trong đó không có biến hóa. Nên biết rằng tất cả biến hóa đều là phân biệt chấp trước. Họ không có phân biệt chấp trước, đến tập khí phân biệt chấp trước cũng không có, nên trong cảnh giới của họ là vĩnh hằng. Con người không có sanh lão bệnh tử, cây cỏ hoa lá không có sanh trụ dị diệt, sơn hà đại địa không có thành trụ hoại không. Tất cả mọi thứ của chúng ta ở đây đều là vô thường, họ bên đó là chơn thường, nên gọi là nhất chân pháp giới. Thời gian rất lâu nên gọi là vô lượng thọ. Chư vị cổ đức nói rất hay, vô lượng thọ có hai ý nghĩa. Một là vô lượng của hữu lượng, hai là vô lượng của vô lượng.

Nhất chân pháp giới, thọ mạng của Chư Phật trong cõi thật báo là vô lượng của hữu lượng. Thường tịch quang mới thật sự là vô lượng của vô lượng. Thường tịch quang chỉ có một vị là diệu giác. Cõi thật báo trang nghiêm có 41 vị thập trú, thập hạnh, thập hồi hướng, thập địa, đẳng giác. Họ ở cõi thật báo, ở trong cõi thật báo ba a tăng kỳ kiếp mới có thể đoạn tận tập khí vô thi vô minh. Tập khí vô thi

vô minh đoạn tận, hoàn toàn không còn, đó gọi là diệu giác, khi đó cõi thật báo không còn nữa. Cõi thường tịch quang hiện tiền, trở về thường tịch quang. Cõi thường tịch quang có khởi tác dụng chăng? Khởi tác dụng, khởi tác dụng cảm ứng đạo giao với tất cả chúng.

Thường tịch quang ở đâu? Mọi lúc mọi nơi. Khi nào Chư Phật Bồ Tát hiện thân thuyết pháp? Là ngay tại đây. Trong kinh Lăng Nghiêm nói rất hay: “đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận”, họ không có đến và đi, không phải ta cầu là họ đã đến, sau khi dạy chúng ta họ liền ra đi, họ không có đến đi. Nói cách khác họ không có sanh diệt. Chúng ta dùng thuật ngữ trong kinh Phật, ngài chỉ có ẩn hiện bất đồng, duyên đủ thì quý vị sẽ thấy được, họ đã hiện thân. Duyên không đủ thì không thấy nữa. Không có nhưng họ cũng không diệt, họ cũng không đi. Hiện thân họ cũng không đến, họ cũng không sanh đây là chân tướng sự thật.

Nên hàng sơ học nên bắt đầu từ chuyên tu sẽ thỏa đáng hơn. Vì sao vậy? Vì chuyên tu chính là trì giới, giữ quy cũ, thâm nhập một môn. Kinh điển đều từ bỏ hết cũng không sao, nhất môn này chính là một câu niệm Phật. Người dùng một câu Phật hiệu thành tựu trong lịch sử rất nhiều, mà thời gian không dài, thông thường đều là ba năm hoặc chưa đến ba năm. Người lợi căn thì hai ba tháng, hàng độn căn khoảng ba năm, họ đã làm được, biết trước giờ chết, tự tại vãng sanh, khi vãng sanh không sanh bệnh, không có bệnh khổ, nói đi là đi, đoạn tướng hy hữu.

Trong Thánh Hiền Lục, Vãng Sanh Truyện ghi chép chúng ta đều đã thấy. Hiện tại người niệm Phật vãng sanh ở trước mắt chúng ta. Chúng ta tận mắt nhìn thấy, tận tai nghe được không phải giả. Đàm Hư pháp sư những năm về già từng sống ở HongKong. Lời nói của pháp sư không gạt người, ngài thường nói niệm Phật tốt, niệm Phật cầu sanh Tịnh độ là pháp môn vô cùng thù thắng. Trong đời ngài tận mắt chứng kiến mười mấy trường hợp, nghe nói cũng rất nhiều. Tận mắt chứng kiến, ngài kể ra một câu chuyện rất hay. Tu Vô pháp sư ở Hắc Long Giang thành phố Cáp Nhĩ Tân. Chùa Cực Lạc ở Cáp Nhĩ Tân do ngài kiến tạo. Ở đông bắc ngài cũng kiến lập mười mấy ngôi chùa, ngài đối với Phật giáo đông bắc công hiến rất lớn, thật có thể nói là người số một. Chùa Cực Lạc kiến thành, ngài thỉnh thầy mình là Đế Nhân hòa thượng, mở một giới đàn truyền giới để làm kỷ niệm, đạo tràng kiến thiết đã thành công. Tu Vô pháp sư vãng sanh ở đạo tràng này, tận mắt chứng kiến chẳng ai không tán thán. Tu Vô pháp sư khi chưa xuất gia là một người thợ hồ, thầy không biết chữ, chưa từng đi học. Sau này xuất gia cũng không cách nào học kinh giáo, ở thường trú làm việc cực nhọc, không sợ

cực nhọc. Việc người khác không muốn làm thầy đều làm hết, không hề có chút oán hận nào, ai gặp thầy cũng thấy trên môi nụ cười rất hoan hỷ. Việc gì nặng nhọc khổ sai thầy đều làm. Chùa Cực Lạc mở giới đàn cần người làm công quả, thầy không phải là chúng ở chùa Cực Lạc, mà là ở chùa khác đến. Nghe nói ở đây có giới đàn thầy xin đến làm công quả. Hòa thượng hỏi thầy có thể làm được gì? Thầy nói con phát tâm chăm sóc bệnh nhân. Lúc đó truyền giới là ba tháng, thời gian rất dài không sao tránh được thương phong cảm hàn, nên ngài phát tâm chăm sóc người bệnh, vì thế đã báo danh ở lại nhận công việc của mình. Thầy ở chưa được bao lâu giới đàn chính thức chưa bắt đầu, thầy xin Đàm Hư pháp sư cho thầy nghỉ, ngài muốn ra đi. Đàm Hư pháp sư là người có tu, đến đi đều tự do nên không hỏi, nhưng thầy tri sự là Định Tây pháp sư, không được như lão hòa thượng, nên trách cứ pháp sư Tu Vô nói: Ông là người xuất gia không có đạo tâm, thời gian truyền giới không dài, ông không thể kiên trì đến cùng sao? Mới đến có mấy ngày là muốn rồi. Sao không có tâm kiên trì gì vậy? Thầy bèn thưa với hai vị pháp sư: không phải con đến nơi khác, mà là vãng sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc. Hai vị pháp sư này vừa nghe, nói: thật sao? Thật. Khi nào? Không quá mười ngày. Xin hòa thượng chuẩn bị cho con hai trăm cân củi để hỏa thiêu. Định Tây pháp sư lập tức dặn dò mọi người chuẩn bị.

Đến ngày thứ hai thầy lại đến thưa với hòa thượng rằng: ngày mai con đi. Mọi người gấp gáp chuẩn bị. Thầy xin tìm cho vài người trợ niệm giúp, những người thích đi trợ niệm, rất nhiều người thấy được việc vị này vãng sanh, mọi người đều thích. Ra đi rất tiêu sái, không bị bệnh. Ngay khi đó trong căn phòng nhỏ này làm một cái giường, thầy ngồi niệm Phật ở đó, mọi người niệm Phật đưa thầy vãng sanh. Những người đưa thầy vãng sanh nói với thầy rằng: Hôm nay thầy đến thế giới Cực Lạc rồi, trước đây người vãng sanh đều rất tiêu sái tự tại, luôn lưu lại chút gì đó để làm kỷ niệm, xin thầy làm mấy bài thơ, mấy bài kệ cho chúng con. Thầy nói: Tôi xuất thân thô tục, suốt đời đều làm việc nặng nhọc khổ cực, tôi không biết làm thơ cũng không biết làm kệ. Quý vị nói như vậy thì tôi có một câu, nói với quý vị để lưu lại quý vị làm kỷ niệm. Câu gì? Thầy nói: “Nói được không làm được thì không phải là trí huệ chân thật”. Lưu lại câu này. Bản thân thầy không nói được, nhưng thầy đã làm được, thật buông xả và thật sự tu phước. Trong thường trú làm việc nặng nhọc, việc người khác không làm thầy đều làm hết, thầy tu phước, phước huệ song tu. Tu huệ chính là một câu danh hiệu Phật, thầy không biết gì cả chỉ rớt ráo niệm câu A Di Đà Phật, Phật hiệu không gián

đoạn nên khi ra đi tự tại như thế, tiêu sái như thế. Ngài Đàm Hư nói vãng sanh như vậy, trong đời này ngài tận mắt nhìn thấy được mười mấy người. Làm sao là giả được? Việc này không đong kích được. Nghe người khác nói lại cũng rất nhiều, đứng vãng sanh, ngồi vãng sanh. Như người thợ hàn đệ tử của Đế Nhân pháp sư đứng như vậy vãng sanh cũng không hề bị bệnh, nói đi là đi, còn đứng ba ngày đợi hòa thượng lo hậu sự cho nữa. Chết rồi nhưng đứng như vậy ba ngày, quý vị xem thật có bản lĩnh, không bị ngã xuống. Những người này tuyệt đại đa số đều là chuyên tu thành công.

Những người này họ có cần học rộng chẳng? Đương nhiên cần học rộng. Khi nào học rộng? Đến thế giới Cực Lạc học rộng. Hay quá! Ở đây sợ làm loạn ý niệm, nên chỉ thâm nhập một môn, một ý niệm. Đến thế giới Cực Lạc không lo, vì ở đó có thời gian, vô lượng thọ mà. Thời gian ở cõi này không dài, cho dù sống trên 100 năm nhưng cũng chỉ là một sát na. 100 năm này là một sát na, thời gian qua rất nhanh, không đủ dùng. Cho nên đây mới gọi là thật có trí huệ. Buông bỏ tất cả chuyên niệm Phật A Di Đà. Đến thế giới Cực Lạc rồi học rộng nghe nhiều sẽ dễ hơn. Thế giới Cực Lạc tu một ngày, chúng ta ở đây học một vạn kiếp cũng không bằng, đây là thật không phải giả.

Thế giới Cực Lạc mặc dù là người hạ hạ phẩm vãng sanh ở cõi phàm thánh đồng cư, sanh đến thế giới Cực Lạc liền được oai thần 48 nguyện của Phật A Di Đà gia trì, trí huệ, thần thông, đạo lực của quý vị bình đẳng với A Duy Việt Trí Bồ Tát, như vậy mà không tuyệt vời sao? A Duy Việt Trí Bồ Tát chính là 41 vị pháp thân đại sĩ trong Kinh Hoa Nghiêm, họ có năng lực phân thân, có năng lực hóa thân, phân bao nhiêu thân? Hóa bao nhiêu thân? Có thể phân vô lượng vô biên vô tận vô số thân. Chư Phật Như Lai trong mười phương có bao nhiêu Phật thì họ có thể phân bấy nhiêu thân. Đồng thời mỗi thân đều đi đánh các vị Phật này. Quý vị cúng Phật là tu phước, nghe pháp là tu huệ, phước huệ song tu. Một ngày ở đây học được, ở thế giới Ta Bà của chúng ta học vô lượng kiếp cũng không bằng, quý vị đến thế giới Cực Lạc một ngày liền viên mãn, ngày ngày đều tu như vậy thật quá tuyệt diệu! Nên thế giới Cực Lạc nhanh thành Phật chính là nhanh ở chỗ này. Họ có thể đồng thời học, bản thân mình bất động trong giảng đường của Phật A Di Đà nhưng đã phân thân, trước mỗi vị Phật đều có thân quý vị, nên quý vị học được hết, cùng một lúc học được. Vô lượng pháp môn hoàn thành một lần.

Đạo tràng thù thắng, cơ duyên học tập thù thắng này, trong tha phương thế giới không có, biến pháp giới hư không giới không tìm thấy, chỉ có ở thế giới Cực Lạc. Cho nên Chư Phật xưng tán Phật A Di Đà là “quang trung cực tôn, Phật trung chi vương”. Có nghĩa là danh hiệu này là Chư Phật Như Lai cùng tặng cho Phật A Di Đà. Ngày nay chúng ta có duyên gặp được có thể không nắm bắt sao? Có thể không thành tựu sao? Nếu bỏ qua đó mới gọi là thật đáng tiếc! Đặc biệt là chúng ta sanh trong hoàn cảnh hiện tại, hoàn cảnh này là tất cả địa cầu, xã hội động loạn bất an, điều này chưa từng có trong lịch sử. Lại gặp cảnh địa cầu thiên tai quá nhiều, ghi chép trước đây không có như vậy. Chúng ta nên dùng thái độ nào để đối phó? Chính là một câu sáu chữ hồng danh, vấn đề này hoàn toàn được hóa giải. Công nghiệp của chúng sanh chúng ta không có năng lực hóa giải nhưng biệt nghiệp đã được hóa giải.

Nếu thiên tai giáng xuống chỗ chúng ta, chúng ta hoan hỷ tiếp nhận. Tôi hoan hỷ, Chư Phật Bồ Tát cũng hoan hỷ, vì sao vậy? Vì đúng dịp tiếp dẫn vãng sanh về thế giới Cực Lạc. Nếu còn nhiệm vụ quý vị sẽ không đi được, thiên tai đến ngay trước mặt nhưng vẫn bình an vượt qua. Như vậy là sao? Nghĩa là quý vị phải lưu lại để thu dọn tàn cuộc của thiên tai, quý vị phải có nhiệm vụ giúp những chúng sanh khổ nạn này. Vãng sanh thành Phật thì rất tốt, lưu lại thế gian này cứu khổ cứu nạn cũng tốt.

Những đau khổ này hai câu bên dưới nói: “*thanh thanh thức tỉnh chính mình, niệm niệm chẳng rời bốn tôn*”, đây gọi là tương ưng. Cổ đức thường nói: “một niệm tương ưng một niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật”. Bốn tôn là Phật A Di Đà, trong tâm thật có Phật A Di Đà. Người niệm Phật quan trọng nhất là thay đổi tâm. Ngày xưa thầy Lý dạy những người tuổi trẻ như chúng tôi, thầy thường nói thay đổi tâm. Thay đổi bằng cách nào? Đoạn tận, buông bỏ tất cả những tạp nham trong tâm, rồi để Phật A Di Đà vào. Như Trung Phong thiền sư nói trong Hệ Niệm Pháp Sự: “tâm tôi tức Phật A Di Đà, Phật A Di Đà tức là tâm tôi”, như vậy có thể không vãng sanh sao? Tâm là Phật A Di Đà, miệng đương nhiên niệm Phật A Di Đà, mỗi tiếng đều thức tỉnh chính mình, chính mình là Phật A Di Đà, điều này không phải giả.

Ở trước chúng ta học qua A Xà Vương Tử, đoàn thể nhỏ của họ nghe Phật giảng Kinh Vô Lượng Thọ, đều rất hoan hỷ. Trong lòng phát nguyện, chúng ta nhất định phải sanh về thế giới Cực Lạc, chúng ta phải thành Phật, chúng ta phải thành Phật giống như Phật A Di Đà vậy. Vừa khởi tâm động niệm đức Phật liền biết

ngay. Đức Thế Tôn nói, nhóm người của A Xà Vương Tử trong quá khứ có duyên với ngài, được ngài thọ ký, trong tương lai nhất định họ vãng sanh, nhất định được như sở nguyện. Đây là làm gương, làm mô phạm cho chúng ta. Học Phật A Di Đà phải học giống Phật A Di Đà, biến thành phân thân của Phật A Di Đà, như vậy là đúng.

“*Hựu vân*”, đây vẫn là trong Tịnh Tu Tiệp Yêu nói. “*Vô lượng quang thọ, thị ngã bản giác, khởi tâm niệm Phật, phương danh thi giác*”. Quang là trí huệ, thọ là phước báo. Vô lượng quang thọ chính là nói trí huệ phước đức cứu cánh viên mãn. Đây là bản giác vốn có trong tự tánh của mỗi người. Trong thế và xuất thế gian, mười pháp giới y chánh trang nghiêm ai là người có trí huệ và phước báo cứu cánh viên mãn? Tìm không thấy người nào. Đại Phạm Thiên Vương không có, Ma Hê Thủ La Thiên Vương cũng không, chỉ có Chư Phật Như Lai là đầy đủ. Chư Phật Như Lai là chúng ta tu thành, tu như thế nào? Buông bỏ liền được thành tựu. Câu này chúng ta nghe rất quen, nhưng vấn đề ở đâu? Vấn đề ở chỗ không buông được. Chúng ta nên nhớ rằng không buông được thì không thể thành tựu, không buông được thì không phải thật sự học Phật. Phải buông bỏ thân kiến, bắt đầu buông từ đâu? Bắt đầu từ tự tư tự lợi. Nên biết rằng chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay bị tự tư tự lợi hại rất thảm, nếu không đã thành Phật từ lâu rồi, đã đến thế giới Cực Lạc từ lâu rồi. Chính là không buông được tự tư tự lợi, không buông được danh văn lợi dưỡng, tham luyến luân hồi lục đạo. Trong luân hồi lục đạo, chỉ cần một chút không cẩn thận liền đọa ngay vào trong tam đồ địa ngục. Đọa vào ba đường ác rất dễ, chỉ cần không cẩn thận liền rớt vào ngay. Khi đã rơi vào sẽ không có ngày ra khỏi.

Trong khi giảng kinh chúng tôi nói đến ba đường ác rất nhiều lần, đó là nơi tiêu nghiệp chướng của chúng ta ở nơi đó tiêu nghiệp chướng. Phải đoạn tận hết nghiệp chướng từ vô thì kiếp mới có thể ra khỏi, tội nghiệp chưa hết không thể nào ra khỏi. Chính là nói nhiễm ô, dơ bẩn của thân này đến đó sẽ rửa sạch, rửa sạch rồi được ra, nhưng ra chưa bao lâu lại bị nhiễm ô, lại tiếp tục bị đọa như trước, rồi lại rửa thêm lần nữa, làm những điều ngu ngốc như vậy.

Vì sao có hiện tượng này? Vì chưa thật sự giác ngộ. Thật sự giác ngộ thì sau khi đã ra khỏi, sẽ không còn làm điều ngu ngốc nữa, nghĩa là không còn tự tư tự lợi, không còn bị danh văn lợi dưỡng dẫn dắt, thật đã buông bỏ hết những thứ đó. Ngũ dục lục trần, tham sân si mạn triệt để buông bỏ để cầu sanh Tịnh độ, đúng là

“vạn người tu vạn người đi”, không sót người nào. Do vậy kinh này không thể không đọc.

Phiền não hiện hành, trong cuộc sống hằng ngày xảy ra vấn đề phải làm sao? Đọc kinh, buông bỏ vạn duyên. Đọc kinh này từ đầu đến cuối một hai lần thì vấn đề sẽ được giải quyết. Tâm thanh tịnh hiện tiền, tâm thanh tịnh thì trí huệ sanh, trí huệ có thể giải quyết vấn đề. Nói cách khác thật sự giải quyết vấn đề, chư Phật Bồ Tát làm tăng thượng duyên, ai giải quyết? Tánh đức của chính mình giải quyết. Mượn duyên này của Phật Bồ Tát để dẫn trí huệ đức năng trong tánh đức của mình ra, như vậy vấn đề liền được giải quyết. Đây là thật không phải giả. Cho nên chư Phật Bồ Tát giáo hóa chúng sanh, giúp chúng sanh từ sơ phát tâm đến thành Phật viên mãn, Phật không cho rằng mình có công lao, mình làm hay quá, không có. Vì sao vậy? Là tự quý vị thành tựu, Phật chỉ làm tăng thượng duyên cho chúng ta. Thân nhân duyên chúng ta đầy đủ, sở duyên duyên, vô gián duyên đều là chúng ta vốn có, không phải từ bên ngoài đến.

Giống như trường học hiện nay thầy giáo giúp đỡ học sinh. Thầy giáo tốt chỉ có thể đem kinh nghiệm thành công của mình nói với quý vị. Khi đã giác ngộ, đã thấu suốt tự mình biết phải làm như thế nào. Có thể làm đến cảnh giới thành công viên mãn, ân đức của thầy là chỉ thị phương hướng, chỉ thị mục tiêu cho chúng ta, nói với chúng ta phương pháp. Thành công hay thất bại là do chính mình có thật thực hành hay không. Thật nghe lời và y giáo phụng hành, chẳng có ai không thành công.

Khởi tâm niệm Phật chính là thị giác, thị giác hợp bốn giác. Bốn giác và thị giác là một giác, không hai không khác. Quý vị giác điều gì? Giác là bốn giác của quý vị. Trong tự tánh vốn có, nhưng vì mê nên bắt giác. Bây giờ buông bỏ mê hoặc thì giác ngộ hiển bày. Dùng phương pháp gì? Phương pháp niệm Phật là tốt nhất. Vì sao vậy? Vì câu A Di Đà Phật này chính là đức hiệu của bản giác. Vô lượng giác_A Di Đà Phật dịch thành chữ Hán là vô lượng giác. Vô lượng giác trong tự tánh vốn đầy đủ. Hiện nay tabất giác, đang mê. Bắt đầu từ hôm nay ngày ngày niệm vô lượng giác, khiến bản giác chính mình hiển bày, sự việc chính là như vậy.

“*Thác bĩ y chánh, hiển ngã tự tâm, thị bốn bát ly, trực xu giác lộ*”. Hiện nay chúng ta nương vào y báo của Phật A Di Đà, chúng ta phải đi về đó, nơi đó là hoàn cảnh tu học lý tưởng nhất. Chánh báo là Phật A Di Đà, là thầy. Thầy tốt và nơi học tập tốt, chúng ta cần phải nương vào đó, nương vào đó sẽ hiển lộ tự tâm

của chúng ta. Ý chánh trang nghiêm đều là tự tâm biến hiện ra, vì tâm chúng ta và tâm Phật A Di Đà là một tâm, không phải hai tâm, mình và người không hai. Điều này trong truyền thống văn hóa Trung Quốc nói đây là quan hệ luân lý. Nên biết rằng Phật A Di Đà và chúng ta đồng một tâm, là nhất thể, quan hệ này mật thiết biết bao. Không phải người một nhà, là nhất thể! Trong nhất thể của chúng ta, bên ngoài là nhãn nhĩ tỷ thiệt thân, bên trong là lục phủ ngũ tạng_nhất thể. Chúng ta nhận thức được điểm này, sau đó sẽ giác ngộ ra, muôn sự muôn vật trong biến pháp giới hư không giới với chúng ta là nhất thể. Vì sao vậy? Vì duy tâm sở hiện, tâm này chính là tự tâm, như trong Hoàn Nguyên Quán nói tự tánh thanh tịnh viên minh thể, năng sanh vạn pháp.

Vô lượng vô biên quốc độ Chư Phật Như Lai trong khắp biến pháp giới hư không giới toàn là nó biến hiện ra. Học đại thừa nhất định phải biết, chúng ta phải nhận thức, phải thừa nhận biến pháp giới hư không giới với mình là nhất thể. Thật đã minh bạch, thật đã hiểu được như vậy thì chúng ta đối với bất cứ ai cũng giống như đối với chính mình vậy, đây là đại thừa. Đây là pháp đệ nhất, trong tất cả pháp không pháp nào so sánh được. Trong triết học không nói đến, trong khoa học cũng không nói đến, trong Tôn giáo cũng không nói đến, chỉ có trong Phật pháp đại thừa mới nói rõ ràng minh bạch như vậy. Chonên nói luân lý, luân lý là nói đến quan hệ, chỉ có đại thừa nói một cách thấu triệt, nói một cách rõ ráo, nói một cách viên mãn.

“Thử bốn bất ly, trực xu giác lộ”. Giác lộ tiếng Phạn là tát bà nhược hải, đây chính là trực hướng đến tự tánh. Tự tánh là giác không phải mê, tự tánh đích thực là vô sở bất trí, vô sở bất năng. Chúng ta đã mê thất tự tánh, khi nào hướng đến giác lộ? Pháp thân Bồ Tát. *“Thử bốn bất ly”* là pháp thân Bồ Tát mới làm được. Ngày nay chúng ta biết, chư vị Bồ Tát vãng sanh về thế giới Cực Lạc đều làm được, đến hạ hạ phẩm vãng sanh ở cõi phàm thánh đồng cư họ cũng làm được. Vì sao vậy? Vì oai thần bốn nguyện của đức Phật A Di Đà gia trì. Nguyện 20 trong 48 nguyện, Phật A Di Đà nói: phàm là vãng sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát. Đây là oai thần bốn nguyện của Phật Di Đà gia trì. Quý vị chưa đến cảnh giới này, cũng đến được, đồng nghĩa đến được cảnh giới này, đây chính là niệm bất thoái.

Ba loại bất thoái, thứ nhất là địa vị bất thoái, tuyệt đối không thoái vào ba đường ác, chắc chắn không đọa vào luân hồi lục đạo. Thứ hai là hành bất thoái, đại thừa Bồ Tát nhất định sẽ không thoái lui xuống nhị thừa, không làm A la hán,

làm Bích Chi Phật. Thứ ba gọi là niệm bất thoái, niệm niệm đều hướng về tát bà nhược hải, nghĩa là niệm niệm hướng thẳng đến con đường giác. Tát bà nhược hải trên thực tế ở thế giới Cực Lạc chính là thường tịch quang, niệm niệm hướng về thường tịch quang Tịnh độ, đó chính là trở về tự tánh viên mãn. Đây đều là nói pháp môn niệm Phật không thể nghĩ bàn.

Hai câu bên dưới rất quan trọng. *“Tạm nhĩ tướng vi, tiện đọa vô minh”*. Nói không cẩn thận, “tạm nhĩ” tức không cẩn thận. Không cẩn thận bị đọa lạc, đọa lạc trong địa ngục. Đúng là nhất niệm bất giác, như vậy là sai. Công phu nghĩa là làm thế nào để duy trì được giác mà không mê, chánh mà không tà, tịnh mà không nhiễm, đây là tam quy y. Vì sao vừa vào cửa Phật, Đức Phật liền đem tam quy y dạy cho chúng ta trước? Phương hướng, mục tiêu dạy cho chúng ta. Vì sao chúng ta quy y Tam Bảo? Học được điều gì? Nghĩ đến điều gì? Giác Chánh Tịnh. Tám chữ này từ giờ từng phút cảnh tỉnh chính mình.

“Hựu Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận vân, tu trì trì danh nhất pháp”. Trì là bảo trì, không được gián đoạn. Danh là danh hiệu của Phật A Di Đà. Phương pháp này là *“Tối vi giản yếu”*, đơn giản, quan trọng. Tám vạn bốn ngàn pháp môn không có pháp môn nào có thể sánh được nó. Đơn giản nhất, dễ nhất, ổn định nhất, đáng tin cậy nhất mà thành tựu lại cao, điều này thật không thể nghĩ bàn. Thành tựu cao nhất vì nó tương ứng với nhất tâm, đây là tự phần. Tha lực là được oai thần bốn nguyện của Phật A Di Đà gia trì, đây chính là vô cùng thù thắng.

“Hành giả, niệm Phật nhân sơ phát tâm thời, quý hữu định khóa”. Thông thường chúng sanh trong lục đạo, thực tế mà nói căn tánh đều là trung hạ căn, không phải hàng thượng căn lợi trí. Trung hạ căn quan trọng nhất là thật thà, thật thà nghĩa là định đoạt thời khóa. Mỗi ngày định 1000 niệm hoặc một vạn niệm hay mười vạn niệm. Tốt nhất là *“tùng thiểu chí đa, do tán nhập định”*, đây là dạy phương pháp cho chúng ta. Mới bắt đầu không nên định quá nhiều. Mỗi ngày thời tụng niệm buổi sáng là một bộ Kinh Di Đà. Kinh Di Đà ngắn dễ đọc, mấy phút là đọc xong, niệm 1000 danh Phật hiệu. Thời tụng niệm buổi tối cũng như vậy, sáng tối như nhau, đơn giản dễ hành trì. Quý ở chỗ kiên trì không gián đoạn, ngày ngày không được gián đoạn. Niệm như vậy khoảng hai ba năm khi công phu đặc lực rồi tăng thêm. Một ngày niệm hai ngàn hoặc ba ngàn, tăng lên dần như vậy là đúng, tuyệt đối không nên trèo cao té nặng.

Ngoài thời khóa cố định ra còn có tán khóa. Tán khóa nghĩa là nhớ đến là niệm, bất luận ở đâu, bất luận ở nơi nào, chỉ cần không nhiễu loạn người khác, chỗ đông người tự mình yên tĩnh mặc niệm, niệm Phật trong tâm không cần phát ra âm thanh sẽ không phiền nhiễu đến người khác.

Nhiếp tâm rất khó, nhiếp tâm là công phu chân thật. Ân Quang đại sư xuất hiện trong thời đại của chúng ta, dụng ý rất sâu. Ngài là tây phương Đại Thế Chí Bồ Tát tái sanh. Ngài dạy chúng ta phương pháp, phương pháp này người đương thời có thể hành trì được, ngài ra đời trong thời đại này. Dùng thập niệm pháp của ngài niệm rất rõ ràng. Niệm bốn chữ cũng được, sáu chữ cũng được.

Sáu chữ là A Di Đà Phật nên niệm như vậy. Ân Quang đại sư niệm Phật rất chậm, ngài niệm từng chữ từng chữ, niệm rất rõ ràng, từng chữ rõ ràng, nghe rõ ràng. Cần như thế nào? Nhớ rõ ràng, không nên dùng chuỗi. Ngài nói dùng chuỗi phân tâm, phân thân, tâm lực rất khó tập trung. Hoàn toàn dùng tâm nhớ, chỉ nhớ 10 số, từ một câu đến mười câu. Biết rõ ràng câu này là câu thứ mấy trong mười câu. Niệm xong mười câu lại bắt đầu từ một đến mười, một đến mười, cứ như vậy mà niệm. Dễ nhiếp tâm, cũng chính là tạp niệm không sanh khởi. Vì khởi tạp niệm chúng ta sẽ quên ngay, mười câu này liền nhớ lẫn lộn. Nhớ không rõ không tính, phương pháp này rất tốt, nhất định phải nhớ rõ ràng mới tính. Mới học mười câu cũng rất khó không dễ, niệm đến sáu bảy câu đã loạn.

Ân Quang đại sư nói chúng ta có thể phân thành hai đoạn, câu thứ nhất đến câu thứ năm. Có người hỏi tôi, con niệm đến câu thứ năm rồi bắt đầu niệm lại từ câu thứ nhất đến câu thứ năm được chăng? Không được. Từ câu thứ nhất đến câu thứ năm. Năm câu sau là thứ sáu, thứ bảy, thứ tám, thứ chín, thứ mười. Cần phải ghi nhớ bằng cách này, thậm chí dùng ba bốn cũng được. Câu thứ nhất, câu thứ hai, câu thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu, thứ bảy, thứ tám, thứ chín, thứ mười. Nhớ bằng cách này mới được, mới có thể nhiếp tâm. Nếu nhớ ba câu một hai ba, rồi bắt đầu nhớ lại một hai ba như vậy không được, như vậy không thể nhiếp tâm.

Hồ Tiểu Lâm dùng phương pháp này bốn tháng, ông ta đến nói với tôi phương pháp này rất lợi ích. Trước đây niệm Phật tạp niệm quá nhiều sau bốn tháng huấn luyện này, tạp niệm ít đi không còn nữa, hoan hỷ vô lượng. Niệm mấy tiếng cũng không biết mệt mỏi, cũng không cảm thấy thời gian hình như quá dài. Niệm ba bốn tiếng giống như mấy phút vậy, có cảm giác này. Tổ sư truyền lại phương pháp này mọi người không ngại cứ thử xem.

Đằng sau nói “*tùng thiếu chí đa do tán nhập định*”. Từ từ tự nhiên chúng ta thành tựu niệm Phật Tam muội. “*Tùy kỳ niệm lực, câu hà vãng sanh*”. Mục đích niệm Phật chỉ có một là cầu sanh Tịnh độ để thân cận Phật A Di Đà, nguyện vọng này nhất định có thể đạt được.

“*Hựu An Lạc Tập vân, xưng danh diệc nhĩ, dẫn năng chuyên chí, tương tục bất đoạn, định sanh Phật tiên*”. Xưng danh nghĩa là hiện nay chúng ta nói niệm Phật, quan trọng là chuyên chí, chính là nhất hướng chuyên niệm mà trong kinh này nói. Một phương hướng, một mục tiêu là chuyên niệm Phật A Di Đà. “*Tương tục bất đoạn, định sanh Phật tiên*”. Chúng ta nhất định được sanh. Mục đích chúng ta đã đạt được. Chúng ta đời đời kiếp kiếp ở thế gian này, nhất định không phải đời này mới bắt đầu học Phật, mới gặp được pháp môn này, không phải. Chúng ta đã có nền tảng thâm hậu từ vô lượng kiếp, và đời này lại gặp được. Cũng có thể trong quá khứ khi lâm chung gặp duyên bất thiện, trái với nhất niệm nên lại ngụp lặn trong luân hồi. Trong đời này lại gặp được, nổi lại được thiện duyên trong quá khứ. Nếu trong đời này còn lơ là, như vậy phải đợi đến đời sau kiếp sau. Đời sau kiếp sau không biết phải trải qua bao nhiêu thời gian phải chịu khổ chịu nạn. Nếu thật sự giác ngộ tôi không muốn chịu khổ thêm, không muốn chịu nạn thêm nữa, tôi hy vọng được thành tựu ngay trong đời này. Quý vị tương tục không gián đoạn thì đời này nhất định được sanh.

Ở sau nói: “*Kim khuyến hậu đại học giả nhược dục hội kỳ nhị đế, dẫn tri niệm niệm bất khả đắc tức thị trí tuệ môn*”. Đây là chư vị tổ sư khuyến khích người học đời sau, nếu muốn dung hội nhị đế, nhị đế là chân tục, là không hữu. Nếu chúng ta có thể dung hội, “*dẫn tri niệm niệm bất khả đắc*”, đây là trí huệ môn. Niệm hay không niệm? Niệm, niệm rất siêng năng. Tuy niệm nhưng không chấp tướng. Ý này chính là nói không phân biệt không chấp trước, tịnh niệm tương tục. Như vậy là sao? Đây là công phu quan trọng thứ hai, quan trọng thứ nhất niệm đến tịnh niệm. Phương pháp của Ấn Quang đại sư là giúp chúng ta được tịnh niệm. Tịnh niệm đã hiện tiền có cần ghi nhớ số chãng? Không cần, vì tâm thanh tịnh đã hiện tiền. Chúng ta ghi nhớ mục đích là đoạn trừ tạp niệm, nếu không nhớ được mười câu này tạp niệm liền khởi lên ngay, nên phương pháp này chính là đô nhiếp lục căn mà Bồ Tát Đại Thế Chí nói. Chúng ta không nhiếp được lục căn, dùng phương pháp này có thể đô nhiếp lục căn. Lục căn thật sự đã nhiếp được thì nhãn buông sắc, nhĩ buông âm thanh, tỷ buông mùi vị. Tất cả đều đạt được bình đẳng, tâm thanh tịnh hiện tiền. Chính là trên đề kinh nói “*thanh tịnh bình đẳng*”

giác”hiện tiền. Đây không phải là phàm phu, mà đây là Bồ Tát. Bồ Tát hướng lên trên một bước, buông bỏ triệt để phiền não và sở tri chướng, trí huệ liên khai.

“*Nhi năng hệ niệm tương tục bất đoạn, tức thị công đức môn*”. Thành tựu công đức của chính mình, đồng thời thành tựu công đức lợi tha, nên biết quý vị ở đây niệm Phật, ở đây dụng công là hữu hình chúng sanh, con người có thể thấy được chúng ta, súc sanh thấy được chúng ta, được chúng ta gia trì họ sẽ bị làm cảm động. Người chưa phát tâm nhìn thấy thì phát tâm. Người đã phát tâm thấy được sẽ theo quý vị học tập, họ tu chơn chánh còn có vô hình chúng sanh, chúng ta mắt thì không nhìn thấy được. Trong đó có thiên thần có quỷ thần. Nhân số của họ càng nhiều, nhiều đến quý vị không thể nào tính đếm được. Những người này đã thấy được và cung kính quý vị, tán thán quý vị, ủng hộ quý vị, theo quý vị học tập nên công đức thành tựu là mình và người đều lợi.

“*Thị cố kinh vân Bồ Tát Ma Ha Tát, hằng dĩ công đức trí tuệ dĩ tu kỳ tâm*”. Công đức trí huệ không thể tách rời. Đức này và đức trong chữ đặc thất ý nghĩa tương đồng, ngàn ngữ nói tròng trọt một phần thì thu hoạch một phần. Tròng trọt là công, quý vị đã có công phu nên quý vị có một phần thu hoạch. Ý nghĩa cũng như các bậc cô đức thường nói “công bất đường quên” nó sẽ không mất đi. Thành tựu chính mình lợi ích chúng sanh, hệ niệm tương tục bất đoạn. Bồ Tát tu hành, tu tâm trước tu thân. Tâm chánh ngôn hành tự nhiên chánh, tâm tà muốn học chánh họ cũng không chánh được, vì sao vậy? Vì họ mang theo tập khí tà ác khiến công đức chơn chánh của mình đều bị phá hoại, đây là điểm tu hành khó nhất hiện nay. Họ không phải hữu ý mà là vô ý, nhưng đã thành thói quen.

Điểm này chúng ta thật sự nghĩ rằng người thành tựu trong một đời không thể không cẩn thận, không thể huân tập thành một thói quen xấu. Làm thế nào để tập thành thói quen tốt? Đó là cần thiết phải tuân thủ, phải thật sự thực hành Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp. Công phu thật chính là nền tảng thật sự. Không hạ công phu này thì công đức này không dễ thành tựu, sẽ bị những tập khí không tốt phá hoại. Những tập khí này tự mình không biết được, nên cho rằng tự mình làm cũng không tệ, làm rất tốt. Đến cuối cùng khi lâm mạng chung, khi vãng sanh mới bị chướng ngại, không đi được. Lúc này hối hận cũng đã muộn.

Chúng ta nghiên cứu nguồn gốc căn bản của nó, tóm lại không để ý đến “ngã”, ngã kiến rất phiền phức, ngã chưa buông bỏ. Ngã chưa buông bỏ và chấp trước ngã chính là tự tư tự lợi, lợi hại để ngay trước mắt. Quý vị muốn lợi mình hay lợi người khác? Đây chính là khảo nghiệm. Trước lợi mình sau mới đến lợi

người khác là không được. Trong đại thừa quý vị đã bỏ qua cơ hội. Cổ nhân thường nói danh cao lợi nhiều quý vị có động tâm chăng? Nhất định phải nhận thức được thật giả, như thế nào là thật? Như thế nào là giả? Danh văn lợi dưỡng là giả, ngũ dục lục trần là giả, thất tình ngũ dục là giả, mười pháp giới y chánh trang nghiêm vẫn là giả. Giả thì nên buông bỏ, trong cuộc sống hằng ngày phải luyện, ngày ngày luyện, ngày ngày tiếp xúc, ngày ngày luyện công.

Lục căn tiếp xúc với cảnh giới lục trần, trước phải luyện đến như thế nào? Luyện đến không chấp trước, nên buông bỏ chấp trước. Chấp trước buông bỏ chính là kiến tư phiền não buông bỏ. Tiếp tục luyện không phân biệt, không khởi tâm không động niệm. Đây là gì? Đây là y giáo phụng hành. Đem ba căn bản Nho Thích Đạo thực hành trong cuộc sống hằng ngày, đó là gì? Đó là oai nghi hữu tắc. Đó là quý vị thật sự đang tu huệ tu phước. Phước huệ do đây mà thành tựu. Làm gương cho người khác mới là phước huệ chân thật.

Trước tiên phải có tâm giúp tất cả chúng sanh đau khổ. Học Phật đích thực là vì độ chúng sanh khổ nạn mà học Phật, không phải vì chính mình, mình và người không hai. Nếu tất cả chỉ vì mình thì rất khó thành tựu, vì sao vậy? Ngã chấp không thể phá. Tôi khởi tâm động niệm vì người khác, không có cái ta trước phải phá trừ ngã chấp và ngã tướng.

Bên dưới nói “*Nhược thí học giả*”. Hàng sơ học chưa có thể phá tướng nhưng có thể nương tướng chuyên chí. Chưa phá tướng thì không cần phá tướng, không sao cả, có thể chấp trước tướng. Chấp tướng chỉ cần chuyên chí, hai chữ này rất quan trọng. Chuyên chính là chuyên nhất, chuyên nhất đến cực điểm chính là chuyên chí, cũng như chúng ta gọi là chí thành. Làm được chí thành tự nhiên sẽ cảm thông, cảm ứng sẽ hiện tiền. Nhất hướng chuyên chí có thể cảm ứng đạo giao với chư Phật Bồ Tát.

“*Vô bất vãng sanh, bất tu nghi dã*”. Chưa phá tướng, đến thế giới tây phương Cực Lạc là ở cõi phàm thánh đồng cư, quý vị nhất định được vãng sanh. Nếu đã phá được tướng rồi, đã phá ngã tướng sanh vào cõi phàm tiện hữu dư, nhưng thế giới Cực Lạc có tam bối cửu phẩm, về sự có nhưng về lý thì không có. Được oai thần bốn nguyện của Phật A Di Đà gia trì, về sự có mà không có, có hay không? Có thật, Vì sao nói không có? Phật lục gia trì quý vị. Trí huệ, thần thông, đạo lực của quý vị giống với pháp thân Bồ Tát không sai biệt, nhưng đó không phải do chính mình đoạn phiền não chứng được, không phải, mà là Phật A Di Đà gia trì

cho chúng ta. Cũng chính là nói hưởng phước báo của Phật A Di Đà, tự mình không có phước báo chỉ hưởng phước của ngài.

Vì thế có người hỏi Ngẫu Ích đại sư, thỉnh giáo với ngài. Họ hỏi ngài cầu sanh thế giới tây phương Cực Lạc, được phẩm vị như thế nào thì ngài vừa lòng? Ngẫu Ích đại sư nói rất hay: tôi chỉ cần hạ hạ phẩm vãng sanh là đã mãn nguyện lắm rồi. Ngài thật sự đã làm được. Hạ hạ phẩm vãng sanh cũng làm A Duy Việt Trí Bồ Tát, không sai biệt. Thế giới Cực Lạc là thế giới bình đẳng. Tuy có tứ độ tam bôi cửu phẩm nhưng nó bình đẳng. Bình đẳng chính là người sanh đến thế giới Cực Lạc, người của tứ độ đều ở cùng nhau, quý vị đều có thể thấy được. Không như thế giới này của chúng ta, thế giới này có cách trở, có chướng ngại chúng ta không nhìn thấy A la hán. Chúng ta với ngài là không đồng không gian duy thứ. A la hán không thấy được Bồ Tát, Bồ Tát cũng không thấy được Phật vì không ở cùng nhau.

Thế giới tây phương Cực Lạc từ hạ hạ phẩm đến thượng thượng phẩm, đều sinh hoạt cùng nhau trong một giảng đường, cùng nhau đi học, cùng nhau sinh hoạt. Điều này thế giới mười phương không có, chỉ có ở thế giới Cực Lạc. Hơn nữa việc lên lớp chúng ta có thể tưởng tượng được. Quý vị xem cổ nhân vẽ bức tranh về thế giới tây phương Cực Lạc, đại giảng đường của Phật A Di Đà, Phật ở trong đó giảng kinh thuyết pháp, đại chúng đều nghe, không thấy ai cầm kinh văn, quý vị có thấy bức tranh nào vẽ có kinh văn, có Phật A Di Đà cầm kinh văn chăng? Không có, vì sao vậy? Vì không cần thiết. Những gì Phật nói là từ trong tự tánh hiển lộ ra, thính chúng nghe xong liền lưu nhập vào tự tánh, cảnh giới không thể nghĩ bàn.

Chỉ có thế giới này của chúng ta, chúng sanh nghiệp chướng sâu nặng mới cần kinh văn, thế giới tây phương không cần những thứ này. Vô lượng vô biên đại chúng, các bạn đồng học rất đông. Họ đều là từ mười phương thế giới đến. Mười phương thế giới mỗi ngày mỗi giờ mỗi phút người vãng sanh đến thế giới Cực Lạc đều không thể tính đếm được, số lượng quá nhiều nên thế giới Cực Lạc rất đông vui, tất cả đều là Bồ Tát. Chỉ cần đến thế giới Cực Lạc tất cả đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Vật chất thọ dụng hay tất cả nhu cầu đều tùy ý niệm mà hiện tiền. Không ai thiết kế, cũng không ai chế tạo, tất cả đều là tự tánh biến hiện ra. Tự tánh là hoàn mỹ nhất, chẳng những chúng ta không cách nào tưởng tượng mà A la hán, Bích chi Phật, Bồ Tát cũng không nghĩ đến được, không nghĩ ra được một hoàn cảnh tu học tốt đẹp như thế. Ở thế giới Cực Lạc chẳng những thấy

được Phật A Di Đà kiến tánh mà còn thấy được thế giới tây phương nhất thiết trang nghiêm đều kiến tánh, nó với tự tánh hoàn toàn tương đồng.

Đây là dạy chúng ta “*y tướng chuyên chí, vô bất vãng sanh, bất tu nghĩ đã*”, nhất định không thể hoài nghi, hoài nghi thì phiền phức rất lớn.

Hết giờ rồi, đoạn này chúng ta chưa học xong. Vấn đề hoài nghi rất nghiêm trọng, bài giảng sau chúng ta tiếp tục học.

Tập 403

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Minh Tâm

Thời gian: 09.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học xin mời ngồi. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 501, hàng thứ ba từ dưới đếm lên, bắt đầu xem ở giữa. Từ dưới đến lên hàng thứ ba, bắt đầu xem từ câu “*thị cố kinh vân Bồ Tát Ma Ha Tát*”, bắt đầu xem từ đây.

“*Hằng dĩ công đức trí huệ dĩ tu kỳ tâm*”. Trong An Lạc Tập nói, dẫn chứng đại kinh để nói với chúng ta, Bồ Tát_tam hiện vị Bồ Tát: Thập trú, thập hạnh, thập hồi hướng gọi là Bồ Tát. Ma Ha Tát là gọi địa thượng Bồ Tát, tức là thập địa Bồ Tát_Bồ Tát Ma Ha Tát. “Hằng dĩ”: hằng là thường hằng, thường không gián đoạn, lấy công đức trí huệ để tu hành. Cũng chính là khởi tâm động niệm và trí huệ có tương ưng hay không? Có tương ưng với công đức hay không? Đây là bậc chân tu.

Bên dưới nói: “*nhược thử học giả*”, đây là người mới học, “*vị năng phá tướng*”, phá tướng đích thực không phải là chuyện dễ. Bồ Tát đã phá tướng, Ma Ha Tát chẳng những phá tướng mà đến kiến cũng đã phá. Trong Kinh Kim Cang nói phá tứ tướng là ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, Bồ Tát đều đã phá. Tứ kiến là nửa sau của bộ Kinh Kim Cang: ngã kiến, nhân kiến,

chúng sanh kiến, thọ giả kiến. Cảnh giới này rất thâm sâu, Ma Ha Tát đã phá được.

Trong Kinh Bát Nhã nói đa phần đều là nói Biệt giáo. Biệt giáo Sơ Địa tương đương với Viên giáo Sơ Trụ. Vì thế 41 vi pháp thân đại sĩ mà trong Kinh Hoa Nghiêm nói đó đều là Ma Ha Tát, đều là Đại Bồ Tát minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Đây là điểm bất đồng của Viên giáo và Biệt giáo. Phá tướng không dễ, không cần phá tướng, đây chính là đời nghiệp vãng sanh của Tịnh độ tông, không phá tứ tướng cũng có thể thành tựu, như vậy chúng ta mới có hy vọng. Tu bằng cách nào? *“Y tướng chuyên chí”*, tức là chuyên niệm đến cực điểm. Trong kinh này dạy phát tâm bồ đề một lòng chuyên niệm, chuyên niệm đến tột cùng.

“Vô bất vãng sanh”, ở sau đặc biệt dặn dò, *“bất tu nghi dã”*, không nên hoài nghi, đây là sự thật, hoàn toàn chính xác. Trong đại kinh nói: “Nghi” là chướng ngại lớn nhất của Bồ Tát. Có hoài nghi là không thể tinh tấn, làm phá hoại sự tinh tấn. Chẳng những phá hoại tinh tấn mà có khi còn bị đọa lạc.

“Hiện thế hành nhân, thật ưng để tín thử thuyết”. Hiện nay người tu hành của thế gian này, thực sự nên “để tín”, nghĩa là tin chân thành. Một nghĩa khác của “để tín” chính là hiểu rõ ràng minh bạch đạo lý này, hoàn toàn không có chút nghi hoặc nào. Tín này gọi là “để tín” không phải “mê tín”, không phải miễn cưỡng tin, mà là tin chân thành. *“Bất tất tiên cầu ly tướng”*, đây là sự thù thắng vô cùng của Tịnh tông. *“Đản đương lão thật trì danh”*, tin rằng những lời Chư Phật Bồ Tát nói nhất định là chân thật. Lý này quá thâm sâu, tướng thì quá phức tạp. Chúng ta chỉ cần tin lời Phật nói, nhất định không dao động, nhất định không hoài nghi, cứ như vậy tiếp tục niệm, trì danh niệm Phật không hề gián đoạn.

“Y tướng chuyên chí, vô bất vãng sanh”, ở trước nói biện pháp này, thực tế là vì chúng sanh hiện nay. *“Độ sanh tử hải chi chỉ nam châm dã”*, đây là nói hiện tại chúng ta_ hiện nay chỉ có con đường này, đưa chúng ta đi trên con đường chơn chánh và phương hướng chính xác. Chúng ta không có hoài nghi nhất định thành tựu.

“Thượng”, thượng là đoạn trước. *“Quảng dẫn kinh luận, dĩ minh trì danh niệm Phật thù thắng lợi ích. Chí ư trì niệm nhi vân chuyên niệm, cánh vân nhất hướng chuyên niệm giả. Như Quán Niệm Pháp Môn sở vân, Phật thuyết nhất thiết chúng sanh căn tánh bất đồng, hữu thượng trung hạ, tùy kỳ căn tánh. Phật giai khuyến chuyên niệm Vô Lượng Thọ Phật danh”*. Vô Lượng Thọ Phật danh chính là Phật

A Di Đà. Chư Phật Bồ Tát từ bi vô cùng, không nhẫn tâm thấy chúng sanh tạo nghiệp thọ báo, trong lục đạo luân chuyển khổ không sao nói hết. Trong lục đạo chúng ta nhất định phải biết chắc chắn là thời gian ở ba đường ác dài, thời gian ở ba đường thiện ngắn. Vì sao vậy? Chúng ta quan sát tường tận, quan sát chính mình, quan sát người khác, từ sáng đến tối, từ mùng một đến 30 đây là một tháng, chắc chắn là ác niệm nhiều, thiện niệm ít. Ác niệm là gì? Vì mình là ác niệm, vì chúng sanh là thiện niệm. Như vậy thử nghĩ xem ý niệm này của chúng ta là vì mình nhiều hay vì chúng sanh nhiều? Vì danh văn lợi dưỡng nhiều hay là vì chánh pháp cứu trú nhiều? So sánh như vậy sẽ biết là ác niệm nhiều, hành vi ác nhiều. Như vậy chúng ta ở trong lục đạo, thời gian ở trong tam ác đạo nhiều. Huống gì chúng sanh trong lục đạo có 26 loại tâm sở phiền não, thiện tâm sở chỉ có 11 loại. Nói cách khác thiện không địch được ác. Ác niệm nhiều, tập khí ác nặng. Không bị tập khí ác dẫn dắt hoặc làm ô nhiễm thì đó không phải người phạm. Không có công phu tu hành tương đương chẳng thể không bị hoàn cảnh làm nhiễm ô. Bị hoàn cảnh nhiễm ô nhất định lặn ngụp mãi trong luân hồi lục đạo, tâm luân hồi tạo nghiệp lục đạo.

Phật A Di Đà đã thấu suốt, minh bạch vấn đề này, biết được chúng sanh trong lục đạo tu hành thành tựu rất khó, quá khó. Đích thực là trong vạn người khó có được một người thành tựu. Điều này khiến chúng ta nhớ đến đại pháp của Đức Thế Tôn 3000 năm trước, lưu truyền khắp trên thế giới. Có vài nơi lưu truyền một hai trăm năm thì không còn nữa, có vài nơi tồn tại được năm sáu trăm năm. Đương thời các đệ tử đi truyền pháp giáo hoá khắp nơi, duy nhất nhánh truyền đến Trung Quốc, đích thực đã mọc rễ, phát triển mạnh mẽ, đơm hoa kết trái, thành tựu trội hơn cả Ấn Độ. Đây là nguyên nhân gì? Nguyên nhân này chúng ta sớm đã lãnh hội được, vì chúng ta nhận thức Phật pháp là sư đạo. Người Trung Quốc hiểu được sư đạo kiến lập trên nền tảng của hiếu đạo. Người bất hiếu với cha mẹ làm sao họ biết tôn sư trọng đạo? Ở nước ngoài đích thực họ cũng hiểu được hiếu đạo. Trong nhiều điển tịch tôn giáo chúng ta thấy được, nhưng không coi trọng như người Trung Quốc, không thiết tha như người Trung Quốc. Nghiêm chỉnh thực hành hiếu đạo là dân tộc Trung Quốc. Cho nên Phật giáo phát triển ở Trung Quốc tự nhiên cũng rất thuận lợi.

Như Tịnh Nghiệp Tam Phước, đây là nguyên tắc chỉ đạo cao nhất của đại thừa. Chính Thế Tôn cũng nói rất rõ ràng, ba điều này là “tam thế Chư Phật tịnh nghiệp chánh nhân”. Tam thế là quá khứ hiện tại và vị lai. Tất cả Bồ Tát tu hành thành

Phật đều không thể rời ba nguyên tắc này. Câu đầu tiên là: “hiếu dưỡng phụ mẫu”, câu thứ hai: “phụng sự sư trưởng”, điều này nói một cách rõ ràng minh bạch. Vì sao Phật giáo truyền đến các nơi khác đều không tồn tại lâu dài? Vì không có nền tảng hiếu đạo. Gốc rễ hiếu đạo của người xưa cắm rất chặt!

Ngày nay thế giới thiên tai, thông thường nói rằng người Trung Quốc chịu thiên tai nhẹ hơn ngoại quốc, do nguyên nhân gì? Do tổ tông tu công tích đức không giống nhau. Tổ tông của dân tộc này y theo luân lý đạo đức để lập nghiệp, đương nhiên không giống nhau. Giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả, ở Trung Quốc ít nhất cũng rất nỗ lực dạy học, theo tính toán của tôi ít nhất cũng một vạn năm, thâm căn cố đế. Hiện nay tuy đã lãng quên vấn đề này hơn một trăm năm, nhưng cơ sở vẫn rất vững chắc.

Trước đây chúng tôi làm thí nghiệm ở Thang Trì, trong ba tháng lương tâm cư dân ở tiểu trấn này liền được bộc phát, các thầy giáo dạy học ở đây đều kinh ngạc. Ban đầu dự tính phải dạy hai ba năm mới có chút thành tựu, không ngờ chỉ ba tháng thành tích đã vượt trội rồi. Ở đây chúng minh được điều gì? Chúng minh tổ tiên của chúng ta đức dày, gốc rễ thâm hậu, chỉ là không có người dạy, có người dạy lập tức minh bạch, liền giác ngộ và biết quay đầu. Chúng minh được hai điều thứ nhất là tánh con người vốn thiện, Tam Tự Kinh nói “nhân chi sơ tánh bản thiện”. Điều thứ hai chúng minh con người rất dễ dạy, dễ dạy như vậy, đây cũng là gốc rễ chúng ta sâu dày, nên được tổ ban phúc, Tam Bảo gia trì. Vì thế con người giác ngộ rất nhanh và sớm quay đầu, điều này không thấy ở các khu vực quốc gia khác. Mấy năm trước đây thật sự chúng tôi đã trải qua, tìm một địa điểm để làm nơi thí nghiệm, tìm mấy năm cũng không tìm thấy, duyên chưa đủ. Sau cùng không ngờ đã làm được điều này ở tiểu trấn Thang Trì.

Trì danh niệm Phật lợi ích rất thù thắng. “*Chỉ u trì niệm*”, đây chính là “chấp trì danh hiệu” mà trong Kinh Di Đà nói. Trong kinh điển đại thừa dạy chúng ta buông bỏ tất cả, Tịnh tông là đại thừa, chỉ có pháp môn này đặc biệt buông bỏ tất cả, chỉ nắm giữ danh hiệu_ trì danh. Trì danh tiến thêm một bước nữa là chuyên niệm, tiếp thêm một bước nữa là nhất hướng chuyên niệm. Trong Kinh Vô Lượng Thọ nói: “phát bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm”. Quán Niệm Pháp Môn nói, đây là nói đến tất cả chúng sanh căn tánh bất đồng, có thượng căn, có trung căn, có hạ căn, là do nhiều đời kiếp trong quá khứ, mọi người dụng công phu không giống nhau, nên công đức đạt được không tương đồng. Nhưng “*kỳ tùy căn tánh*”,

bất luận là hàng thượng trung hay hạ căn, đức Phật đều dạy quý vị chuyên niệm danh hiệu Phật A Di Đà. Niệm bốn chữ hay niệm sáu chữ cũng được.

Lúc Liên Trì đại sư còn tại thế, có đồng học đến thỉnh giáo ngài. Biết ngài là người niệm Phật, đặc biệt là lúc cuối đời chuyên tu Tịnh độ. Họ đến hỏi ngài phương pháp niệm Phật như thế nào? Ngài nói tôi niệm bốn chữ A Di Đà Phật, trong Kinh Di Đà chỉ nói chấp trì danh hiệu, danh hiệu tức là bốn chữ. Người ta hỏi: vậy ngài dạy người khác thì sao? Ngài nói tôi dạy người khác niệm sáu chữ thêm chữ Nam Mô_Nam Mô A Di Đà Phật. Người ta hỏi vì sao ngài niệm bốn chữ, còn dạy người khác niệm sáu chữ? Điều này có gì không giống nhau? Đại sư nói: tôi đối với Tịnh độ, đối với thế Giới Cực Lạc Phật A Di Đà thâm tín không hoài nghi. Phát tâm quyết định cầu vãng sanh ngay trong đời này, nên tôi chỉ niệm bốn chữ, hoàn toàn nghe theo giáo huấn trong kinh điển. Kinh điển dạy tôi chấp trì danh hiệu, danh hiệu tức A Di Đà Phật. Vì sao dạy người khác niệm sáu chữ? Người khác chưa chắc thật sự muốn vãng sanh thế giới Cực Lạc, muốn vãng sanh là chỉ nói trên miệng, còn đối với thế gian này lại không buông được. Hay nói cách khác, họ không nhất định được vãng sanh, nên khuyên họ niệm Nam Mô A Di Đà Phật, là ý gì? Nam mô nghĩa là quy y. Quy y Phật A Di Đà, quy mạng Phật A Di Đà. Cũng có nghĩa là cung kính, cung kính Phật A Di Đà_lời khách sáo. Thật sự vãng sanh điều đó không cần khách khí, những lời khách sáo này có thể miễn. Nhất tâm chuyên niệm, thêm Nam Mô cũng là xen tạp. Quý vị xem chuyên này, chuyên đến trình độ nhất hướng chuyên niệm. Khai thị này của Liên Trì đại sư ý nghĩa rất thâm sâu, rất rộng. Chúng ta phải tử mỹ để lãnh hội, phải học như Ấn Quang đại sư, nhất tâm chuyên niệm quyết định cầu sanh Tịnh độ.

Bên dưới giả thiết một vấn đáp. “*Vấn: ngũ chủng nhân duyên, chỉ ngũ niệm môn*”, ngũ niệm môn ở sau sẽ nói đến, “*giai thị tịnh nghiệp, hà đặc u niệm Phật hành, chuyên trí nhất hướng chi ngôn da?*” Ngũ niệm môn là Thiên Thân Bồ Tát đưa ra, ngài đưa ra tu hành có năm môn: thứ nhất là lễ bái, thứ hai là tán thán, thứ ba phát nguyện, thứ tư quan sát, thứ năm hồi hướng. Đây gọi là ngũ niệm môn. Người đưa ra vấn đề này hỏi, năm loại nhân duyên tất cả đều là tịnh nghiệp. Vì sao đặc biệt đối với “*niệm Phật hành chuyên trí nhất hướng chi ngôn*”. Trì danh niệm Phật vì sao phải nhất hướng chuyên niệm? Đáp: điều này có ba nghĩa. Thứ nhất “*vị chư hành vi phé nhi thuyết, niệm Phật vi lập nhi thuyết*”, “*phé*” chính là buông bỏ. Vì sao dạy chúng ta nhất hướng chuyên niệm? Chúng ta phải buông bỏ tất cả chư hành. Chư hành là gì? Tám vạn bốn ngàn pháp môn. Nếu thật sự buông

bỏ_nói một cách cụ thể thì tất cả kinh điển mà Đức Thế Tôn nói, chúng ta đều buông bỏ hết. Chỉ có một phương hướng, một mục tiêu, nỗ lực tinh tấn không giải đãi, chúng ta đi một con đường. Ý của nó nằm ở chỗ này: khiến chúng ta chuyên tâm và có thể được tam muội, sau khi được tam muội quý vị có thể khai ngộ nhất định vãng sanh_ý nghĩa chính là ở đây. Dạy chúng ta niệm Phật, niệm Phật là vi lập nhi thuyết, ngoài ra đều buông bỏ hết, chỉ lập pháp môn này, chúng ta chỉ thâm nhập một môn huân tu lâu dài, đây là nghĩa thứ nhất.

“Nhi, vi trợ niệm Phật chi chánh nghiệp, nhi thuyết chư hành chi trợ nghiệp”. “Trợ” là hiệp trợ, giúp đỡ chúng ta. Niệm Phật là chánh nghiệp, chánh phụ song tu. Phải lấy niệm Phật làm mục tiêu tu chính, còn trợ tu thì sao? Trợ tu giống như ngài Liên Trì và ngài Ngẫu Ích, suốt đời các ngài giáo hoá người khác cũng là tùy cơ giáo hoá. Có khi thêm một vài hành động phụ, có khi không cần thiết. Niệm Phật là hành trì chính, hành trì phụ cũng là niệm Phật, chính phụ đều là niệm Phật, điều này còn xem căn tánh như thế nào. Chánh phụ toàn là niệm Phật, đặc biệt dễ thành tựu, đối với hạng người nào? Người tập khí phiền não nặng, hạng người ngu độn, họ học giáo lý không dễ lý giải, không bằng nhất tâm niệm Phật là tốt nhất, thậm chí trì giới đối với họ mà nói đều khó khăn, không cần trì giới vì niệm Phật, trì giới đều bao hàm trong niệm Phật. Niệm tốt danh hiệu Phật này trong tâm chúng ta đều là Phật hiệu, như vậy làm sao có thể phạm giới! Đây gọi là đạo cộng giới. Trong niệm Phật đầy đủ tam học giới định tuệ nên không cần làm thêm điều gì nữa.

Xưa nay nhìn thấy hàng hạ căn, người ngu si, đến khi lâm chung thành tựu của họ người thông minh cũng không sánh bằng, người thông tông thông giáo cũng không được như họ, điều này chúng ta đã thấy được.

Đệ tử của Đệ Nhàn pháp sư là một người thợ hàn, ai coi thường ông ấy? Không biết chữ, không được đi học. Nghe kinh không hiểu, cũng không biết tụng, hoà thượng chỉ dạy ông một câu A Di Đà Phật, dạy ông nhất tâm chuyên niệm. Niệm ba năm, quý vị thấy ông ta ra đi rất tự tại, biết trước giờ chết. Trước vãng sanh một ngày, vào thành thị thăm thân thích bằng hữu, đó là gì? Từ biệt trước lúc ra đi. Ông không nói, chỉ đến thăm mọi người, nhưng thật sự là đến từ biệt. Qua ngày thứ hai ông ra đi rất tiêu sái nhẹ nhàng! Người thông tông thông giáo cũng không thể sánh được.

Ở trước chúng tôi nhắc đến pháp sư Tu Vô trong chùa Cực Lạc, ở Cáp Nhĩ Tân, khi chưa xuất gia thầy là người thợ hồ, cũng không biết chữ. Vị ấy cũng biết

trước giờ chết, thân không tật bệnh, ra đi rất nhẹ nhàng tự tại, nói đi là đi. Sau cùng lưu lại một câu đáng để chúng ta phản tỉnh sâu sắc: “Nói được mà không làm được không phải thật trí huệ”, thầy đã lưu lại câu này. Hai người này đều coi là người xuất gia, cư sĩ tại gia cũng rất đáng nể.

Khi tôi mới xuất gia, tôi vừa xuất gia liền dạy Phật học viện. Tôi dạy ở Phật Quang Sơn mười tháng gặp phải một việc. Trong một trấn nhỏ ở Đài Nam có một bà lão niệm Phật, niệm thời gian ba năm, không dài. Tâm địa bà , lương thiện, không hiểu Phật pháp nên thân gì cũng đều lạy hết, miếu gì bà cũng đều đến thắp hương. Ba năm trước bà cưới vợ cho con trai, người con dâu này hiểu Phật giáo, cô ta khuyên mẹ chồng không nên đi khắp nơi lạy lung tung, nên thiết bàn Phật trong nhà, ở nhà chuyên niệm Phật A Di Đà. Bà lão rất có thiện căn, nghe lời con dâu nên không đi khắp nơi bái lạy nữa, ở trong nhà thờ Tây Phương Tam Thánh, nên ở nhà lạy Phật niệm Phật, ba năm sau đó đứng mà vãng sanh.

Bà lão rất thông minh, sợ nói mình sắp vãng sanh người nhà sẽ ồn ào, làm chướng ngại nên bà không nói, không nói với người nhà. Bà ra đi vào buổi tối lúc ăn cơm tối. Bà nói với người nhà các con ăn cơm trước ta đi tắm một chút. Thực tế bà lo việc vãng sanh của mình. Thật đã tắm xong, tắm rất sạch sẽ và thay bộ áo quần mới. Phật đường nhỏ trong nhà, bà đứng trước bàn thờ Phật, mặt hướng về tượng Phật, đứng vãng sanh. Con trai và con dâu đợi bà ăn cơm, đợi rất lâu không thấy bà ra, không biết là vì sao? Nên đi tìm bà. Trong phòng không có người, nhưng bà thật là mới vừa tắm xong. Tìm tiếp thì thấy bà đứng trước Phật đường, mặc áo quần rất tề chỉnh tay cầm râu chuối, gọi bà không trả lời, đến trước mặt xem kỹ thì bà đã vãng sanh, bà đã ra đi không có gì phiền hà. Chuyện này phát sinh cách đây hơn 40 năm_40 năm trước phát sinh câu chuyện này. Người trong trấn nhỏ đó đối với câu chuyện này đều nhớ như in. Tôi nhắc đến chuyện này rất nhiều người đều biết, họ nói với tôi đây là thật không phải giả. Đây là gì? Đây chính là biểu hiện thành tích nhất hướng chuyên niệm.

“Tam, dĩ niệm Phật nhi vi chánh, dĩ chư hành nhi vi bang, cố vân nhất hướng dã. Hạ thích kỳ nghĩa, nhất hướng chuyên niệm, hữu hạ tam nghĩa. Nhất giả phế xả dư hành, chuyên lập niệm Phật”.

Đây là nghĩa thứ nhất. Tất cả các phương pháp tu hành khác đều không cần, tôi chỉ tiếp thu phương pháp này, nhất hướng chuyên niệm. Chúng tôi vừa mới đưa ra mấy trường hợp đều là nhất hướng chuyên niệm, thành tựu vô cùng thù thắng, đây là điều chúng ta không thể không biết.

Chỉ đơn thuần một câu Phật hiệu, chỉ thâm nhập một môn không xen tạp các pháp môn khác. Chỉ đơn giản như vậy nhưng người thợ hàn đã thành tựu, Tu Vô pháp sư đã thành tựu, bà lão ở Đài Nam cũng đã thành tựu. Tôi thấy được những người thành tựu rất nhiều, đều tu phương pháp này.

“Chư hành câu phé duy lập niệm Phật danh hiệu nhất pháp, thị danh nhất hướng chuyên niệm. Nhị giả, duy dĩ niệm Phật vi chánh nghiệp, dĩ trợ thử chánh nghiệp nhi tu chư hành, niệm Phật vi chủ, dư hành vi trợ. Chủ nhiếp chư trợ, trợ tùy u chủ, chủ trợ viên dung, đồng nhập Di Đà nhất thừa nguyện hải, cố diệc danh nhất hướng chuyên niệm dã”.

Khách và chủ phải phân rõ ràng. Như Liên Trì và Ngẫu Ích đại sư họ đều rất rõ ràng thấu triệt. Thậm chí đưa ra trì danh là chánh và lại lấy trì danh làm phụ, chánh phụ đều là nhất hướng chuyên niệm.

Một số chúng sanh căn tánh lạnh lợi, không phải không có, có. Trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục chúng ta thấy được, và cũng nhìn thấy trong Cao Tăng Truyện, thấy được trong Tịnh Tông Lịch Đại Tổ Sư Lục. Họ có học kinh giáo đại thừa chăng? Học_Học Hoa Nghiêm, học Thiên Thai, học Bát Nhã, dùng điều này để trợ hành, nhưng trợ là trợ chủ tu, trợ chúng ta nhất hướng chuyên niệm, lấy nhất hướng chuyên niệm làm chủ, trợ là trợ điều gì? Giúp chúng ta đoạn nghi sanh tín. Pháp môn này là pháp khó tin, giúp chúng ta nhận thức được chân tướng sự thật, trong kinh giáo nói thật tướng các pháp. Vì sao vậy? Vì nhận thức càng rõ ràng lại càng dễ buông bỏ. Nói cách khác rất nhiều chướng ngại tự nhiên đột phá. Chướng ngại chính là không buông bỏ được, buông không được chính là không hiểu thật tướng các pháp. Luôn cho rằng những gì trước mắt đều là thật, thế giới tây phương Cực Lạc chỉ nghe nói chứ chưa từng thấy nên còn hoài nghi, đây chính là căn kinh giáo để giúp đỡ, kinh điển giúp đỡ chúng ta, bộ Kinh Vô Lượng Thọ này rất hay!

Đại kinh, cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập, Hoàng Niệm Tổ chú giải. Chúng ta cùng nhau học tập, đem tâm đắc học tập để chia sẻ với mọi người, chúng ta gọi nó là Diễn Nghĩa. Những điều này đều giúp chúng ta nhận thức về thế giới Cực Lạc, nhận thức về Phật A Di Đà, cũng để nhận thức thế giới Ta Bà. Chúng ta đối với pháp môn này, đối với phương pháp nhất hướng chuyên niệm này thâm tín không hoài nghi. Nhất tâm chuyên niệm, nhất định cầu sanh Tịnh độ, những thứ muốn học đều buông bỏ hết, đến thế giới Cực Lạc học. Thích thứ này cũng không sao, tạm thời buông bỏ, đến thế giới Cực Lạc trước. Đến thế giới Cực Lạc chúng ta có

thời gian, có thầy giỏi, có bạn tốt. Trong các bạn đồng học có người chuyên môn tu học pháp môn này. Tu tâm tánh, tu pháp tướng, tu duy thức, có thầy chuyên môn. Chúng ta mới có năng lực tìm được, học điều gì cũng không chướng ngại.

Thọ mạng dài, không như ở đây thọ mạng có hạn. Lấy thọ mạng có hạn học Phật pháp vô hạn làm sao có thể thành tựu được? Không cách nào thành tựu được, chỉ có thể giới Cực Lạc, đầu tiên đạt được đức thứ nhất, đức thứ nhất của tịnh tông là vô lượng thọ, thọ mạng lâu dài, cho nên quý vị có thời gian tu học. Huống gì ở thế giới Cực Lạc giống như đi học vậy, ngày ngày trong giảng đường, lúc nào cũng học tập rất tinh tấn, không có khi nào bị gián đoạn. Thế giới tây phương Cực Lạc không có ban đêm, vì thế giới đó là thế giới quang minh không cần nhờ vào nhật nguyệt. Địa cầu này nhờ vào ánh mặt trời, không có mặt trời không được. Địa cầu tự chuyển nên hình thành ngày và đêm_ban ngày và ban đêm. Ban ngày làm việc, ban đêm nghỉ ngơi. Thế giới Cực Lạc không có ban đêm nên tinh tấn không gián đoạn.

Người ở thế giới Cực Lạc không cần ẩm thực, chúng ta ăn cơm cũng bị gián đoạn. Họ không cần ẩm thực, vào ngôi trường đó là chỉ tu tập, tốt nghiệp là thành Phật, thành Phật mới rời thế giới Cực Lạc. Thử nghĩ xem đến đâu để tìm được hoàn cảnh tu học và thầy giáo tốt như vậy? Điều kiện tu học thiết yếu của chúng ta, ở đó đều đầy đủ viên mãn không thiếu thứ gì. Hồi tưởng lại ở đây tu học cực khổ biết bao, chúng ta muốn hoàn cảnh thanh tịnh cũng khó tìm, chúng ta muốn tài liệu tu học cũng không tìm ra, giáo sư hướng dẫn cũng không tìm được, những người đồng tu đồng chí hướng cũng không thấy, thật khổ!

Ngày nay đức Thế Tôn, chư Bồ Tát và chư vị tổ sư nói có một nơi đến tốt như vậy. Nơi đó ai cũng có thể đến, chỉ sợ chính quý vị không muốn đi thôi, nếu chịu đi thì người người đều có thể sanh đến thế giới Cực Lạc, người người đều có thể thân cận Phật A Di Đà. Phật A Di Đà xem chúng ta như người một nhà. Phật A Di Đà biết chúng ta là nhất thể, vì thế ngài yêu thương chúng ta, quan tâm chúng ta, dạy dỗ chúng ta, chúng ta không hề có chút nghi hoặc nào. Hoàn toàn yên tâm để nương tựa ngài, như vậy là đúng, nương tựa ngài nhất định thành tựu.

Trong câu thứ hai là: *“niệm Phật vi chủ, dư hành vi trợ”*. Tu công tích đức, đem những công đức này hồi hướng vãng sanh thế giới Cực Lạc, nâng cao phẩm vị nhưng trợ tu nhất định là tùy duyên, không phan duyên. Vì sao vậy? Vì phan duyên không tương ưng với việc chánh tu, nó sẽ chướng ngại chánh tu. Tùy duyên sẽ không có chướng ngại, nghĩa là duyên của trợ tu là tự nhiên đến quý vị

không cần đi tìm nó. Như chúng tôi những năm gần đây ở nước ngoài, vì sự kiện 11/9 đã xuất hiện khủng bố chiến tranh, đây là việc từ trước giờ chưa từng có. Làm sao để hoá giải xung đột, đây là điều mà mọi người vô cùng quan tâm. Trường chúng tôi tìm đến tôi, hy vọng chúng tôi giúp họ hoá giải. Đây là tuý duyên mà không phải là phan duyên, đây là một chuyện tốt. Thế xuất thế gian pháp đều phải kiến lập trong một xã hội an định hoà hợp. Động loạn sẽ cảm thấy vô cùng khó khăn. Chúng ta sanh trong thời đại động loạn này, sao không hướng về nơi mà chư vị tổ sư đã sống một đời, suốt đời không hạ sơn.

Huệ Viễn đại sư thời Đông Tấn là sơ tổ Tịnh độ tông, kiến lập Niệm Phật Đường Đông Lâm ở Lô Sơn Giang Tây, lấy Hồ Khê làm ranh giới. Người cùng chí hướng có 123 người ở tại đây niệm Phật, mục đích là cầu sanh thế giới Cực Lạc. Lúc đó chỉ có một bộ kinh chính là Kinh Vô Lượng Thọ, vì Kinh Di Đà, Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật đều chưa phiên dịch. Lúc đó ngài Huệ Viễn chỉ dựa vào bộ Kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ phiên dịch sớm nhất. Trong sự tưởng tượng của chúng ta rất có thể ngài y theo bản dịch của An Thế Cao, bản dịch này đã thất truyền. Trong mục lục kinh điển phiên dịch đích thực có bản của An Thế Cao nhưng ngày nay không tìm thấy bản này.

Kinh Vô Lượng Thọ từ triều đại nhà Hán cho đến nhà Tống thời gian 800 năm, tổng cộng có 12 lần phiên dịch. 12 bản dịch này có bảy bản thất truyền, lưu truyền đến ngày nay chỉ còn 5 bản. Vì thế chúng ta có lý do tin rằng ngài đã dùng bản dịch của An Thế Cao. Bản của An Thế Cao là dịch ý, giống như bản dịch của ngài La Thập, rất hợp sở thích của người Trung Quốc. Kinh điển của chư vị cổ đức dịch, kinh điển của An Thế Cao chúng ta rất thích đọc, và thích đọc bản dịch của ngài Cưu Ma La Thập.

Ngài Huyền Trang phiên dịch rất nhiều nhưng không ai đọc bản của ngài, ngoài bản Tâm Kinh Bát Nhã kinh này lưu thông rất rộng, còn các kinh khác rất ít người đọc, chỉ dùng nó để làm tài liệu nghiên cứu tham khảo. Kinh của Ngài là dịch thẳng, không phải dịch ý nên dịch rất cứng nhắc. Đây là điểm khác nhau của văn pháp Trung Quốc và nước ngoài, người Trung Quốc có chút không quen.

Nên chánh tu chúng ta nhất định phải rõ ràng. Ví như ngày nay, quý vị thấy thế giới động loạn, chúng sanh quá khổ. Nếu chúng ta có duyên có thể giúp thế giới này khôi phục an định hoà hợp, đây là việc tốt. Có duyên nhất định phải làm, không có duyên không nhất thiết phải làm. Tự mình nhất định phải hiểu chánh trợ phân minh.

Mấy năm trước tôi có nhân duyên đã làm, hiện nay tuổi lớn không muốn làm nữa. Hậu nhân đã có người kế thừa, người làm rất nhiều nên chúng tôi không cần làm vì thế tôi chỉ nhất hướng chuyên niệm và hạ thêm công phu vào trong Đại Kinh Giải. Mỗi ngày cùng học với các bạn đồng học bốn tiếng, hiện nay thể lực còn được, rất tốt! Trong đời này chúng ta nhất định vãng sanh, đây là vô lượng hoan hỷ. Không còn lãng phí thời gian, không còn lãng phí tinh lực, nhất định phải giữ vững nhất hướng chuyên niệm, chánh trợ đều là niệm Phật.

“Tam giả, dĩ niệm Phật vi chánh, dư hành vi bàng, chánh bang hữu biệt”. “Bàng” là trợ, trợ tu, trợ duyên_chánh trợ song tu. *“Chủ thứ phân minh, nhất hướng niệm Phật vi chủ. Tuy bất xả dư tu nhưng khả danh vi nhất hướng chuyên niệm dã”*, *“thử luận thâm thoả”*. Câu này Hoàng Niệm Tổ cho rằng nhận xét này rất thoả đáng. *“Thị dĩ niệm Phật hành nhân, mạc bất kiêm tu lễ bái, tác nguyện, hồi hướng đẳng niệm môn dã”*. Đây chính là ngũ niệm môn. Ngũ niệm môn thêm một cái nữa là tán thán, thêm một loại quan sát tức là viên mãn. Ông đưa ra ba loại. Điều này cũng phải tu, chính là lạy Phật. Đặc biệt hiện tại chúng ta tu hành, lạy Phật là vận động tốt nhất, ngũ thể đầu địa. Mỗi ngày có thể lạy 300 lạy, ít nhất lạy 300 lạy. Điều này giúp ích rất nhiều cho thân thể mạnh khoẻ hoạt động gân cốt. Một mặt lạy Phật trong tâm nghĩ đến Phật A Di Đà, miệng niệm Phật A Di Đà. Khi lạy Phật mặc niệm không cần phát ra âm thanh. Phát nguyện, hồi hướng, tán thán, quan sát đều có thể kiêm tu_Ngũ niệm môn đều có thể kiêm tu. Bồ Tát Thiên Thân ngài là người niệm Phật vãng sanh. Trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục có ngài, trong Vãng Sanh Truyện cũng có ngài.

“Y cứ thượng thuyết, tác niệm Phật chi nhơn hoặc kiêm trì vãng sanh đại bi, chuẩn đề đẳng chú hoặc kiêm trì tụng Tâm Kinh hoặc Kim Cang Kinh đẳng đẳng. Chỉ tu chủ trợ phân minh, niệm Phật miên mật, diệc gia bất vi ư nhất hướng chuyên niệm dã”.

Đây là Hoàng Niệm Tổ đề xuất, bản thân ông cũng làm như vậy, nhưng ông lấy niệm Phật làm chủ. Bất luận tu pháp môn nào ông còn có thiên có mật. Cư sĩ Lý Bính Nam cũng như vậy, mỗi ngày trì chú cũng đã từng tham thiền. Hình như ngồi thiền thì không có, ông hoàn toàn niệm Phật, nhưng ông có trì chú. Bất luận tu pháp môn nào đều hồi hương thế giới tây phương Cực Lạc. Như vậy có thể được, vì không trái với nhất hướng chuyên niệm.

“Vô Lượng Thọ Khởi Tín Luận cánh chương thứ chỉ, chỉ thứ”, chương là chương hiển, nói rõ ý này. *“Luận viết”*, Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận là trước tác

của cư sĩ Bành Tế Thanh. “*Hành giả ký phát bồ đề tâm, đương tu bồ tát hạnh. U thể xuất thế gian sở hữu nhất hào chi thiện, nãi chí vô biên công đức, tất dĩ thâm tâm, chí thành tâm hồi hướng Cực Lạc, diệc đắc danh vi nhất hướng chuyên niệm*”.

Cư sĩ Bành Tế Thanh thuộc niên đại Càn Long thời nhà Thanh là một vị cư sĩ tại gia của Tịnh độ tông. Ông không xuất gia suốt đời lấy thân hình cư sĩ tu hành hoàng pháp.

Khi Hoàng Niệm Tổ giới thiệu về ông, nói rằng: nếu nói như hiện nay thì ông là con nhà cán bộ cao cấp. Phụ thân của Bành Tế Thanh là binh bộ thượng thư của hoàng đế Càn Long, phụ thân ông như hiện nay là bộ trưởng quốc phòng, vì thế ông là con nhà quý tộc, không cần làm việc, cuộc sống không có gì lo lắng. Người này rất thông minh, chưa đến 20 tuổi đã đậu tiến sĩ. Đây là cuộc thi cấp quốc gia, ông đã trúng tuyển. Thông thường trúng tuyển là ra làm quan. Thi đậu tiến sĩ ông không ra làm quan, mà nghiên cứu Phật pháp, chứng tỏ trình độ văn hoá của ông rất cao, thông tông thông giáo, hiển mật viên dung là người có đại trí huệ trong nhà Phật. Trước tác của ông rất nhiều Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận là ông viết.

Hành giả là người tu hành đã phát tâm bồ đề. Phát tâm bồ đề sẽ được tu Bồ Tát hạnh, như một vị Bồ Tát, Bồ Tát đại từ đại bi, pháp thế gian hay xuất thế gian có một chút thiện, đây là nói việc thiện nhỏ nhất, vô biên công đức là thiện lớn. Bất luận là thiện nhỏ hay thiện lớn nếu đã gặp thì đều nên làm. Đây là Bồ Tát cứu khổ cứu nạn, vì thế nên lấy thâm tâm chí thành tâm hồi hướng về cõi Cực Lạc. Quý vị thấy thâm tâm, chí thành tâm, hồi hướng tâm đều là tâm bồ đề. Thể của bồ đề tâm là tâm chí thành.

Trong Quán Kinh nói thâm tâm là tự thọ dụng của tâm chí thành, hồi hướng là từ bi, đại từ đại bi là tha thọ dụng. Vì thế Bồ Tát nhất định dùng tâm chân thành thanh tịnh tu tất cả thiện pháp trong thế xuất thế gian, ý này nói rất hay. Tu tất cả thiện pháp là vì ai? Vì chúng sanh chứ không phải vì mình. Lấy công đức tu thiện hồi hướng vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc. Không cầu gì khác, tuyệt đối không cầu phú quý nhân gian, nhất định không cầu danh văn lợi dưỡng, chỉ cầu sanh thế giới Cực Lạc, điều này nói rất hay.

Hoàng Niệm Tổ đối với sự tán thán này_câu nói “*cánh chương thứ chỉ*” nói rất chính xác. “*Bất tất khí xả bách vi*”, “bách vi” chính là tất cả thiện pháp. “*Nãi danh chuyên niệm*”, xả bỏ tất cả pháp gọi là chuyên niệm, đó là đối với ai? Họ

không có năng lực này_không có trí huệ, không có năng lực, không có nhân duyên như vậy, thì không cần tu tất cả thiện pháp, chỉ chuyên niệm Phật A Di Đà. Niệm Phật A Di Đà chính là chuyên tu thiện pháp. Niệm thành công danh hiệu Phật A Di Đà, khi lâm mạng chung biểu diễn cho người ta thấy, biểu diễn như vậy sẽ độ được rất nhiều người. Công đức này của họ tuyệt đối không thua chư vị cổ đức hành Bồ Tát đạo, tuyệt đối không thua người tu tất cả công đức, khi lâm mạng chung biểu diễn chiêu này.

Chúng tôi ở HongKong, năm 1977 lần đầu tiên tôi đến HongKong giảng kinh. Lúc đó bà lão của Đông Liên Giác Uyển_Hà Đông phu nhân đã vãng sanh, điều này tôi không tận mắt nhìn thấy mà chỉ nghe nói, nhưng Sư Ông Hoài pháp sư biết. Như cư sĩ Hà Lệ Hương có thể họ biết. Gia đình Hà Thế Lễ là môn đồ tiền thân của Cơ Đốc giáo, tuy mẹ ông là người niệm Phật, nhưng con trai con dâu rất có lòng hiếu thảo, họ không phản đối, thiết Phật đường trong nhà để bà lão chuyên môn cúng dường lễ bái. Bà lão vãng sanh đã mở một đại hội vãng sanh. Tiếp đãi ký giả, tiếp đãi giới truyền tin để biểu diễn việc vãng sanh. Bà biết trước giờ chết, tự tại vãng sanh. Lần thể hiện này con trai và dâu của bà đều tự thân chứng kiến. Cuối cùng tất cả đều niệm Phật, đều quy y Tịnh độ tông. Đây là thật là biểu diễn để quý vị xem, không phải giả.

Đạo tràng và kiến trúc của Đông Liên Giác Uyển chính là ngôi nhà cũ của gia đình họ, sau đó hiến cho Phật giáo để làm đạo tràng. Bà lão rất có trí huệ, khi vãng sanh nói với con trai và con dâu, bà nói: hôm nay mẹ vãng sanh các con ở bên cạnh mẹ niệm vài câu Phật hiệu đưa mẹ đi, cũng là thể hiện tình mẹ con chúng ta. Bà thật sự ra đi và mọi người thật đã thấy được chân tướng sự thật này, nên đã quay đầu trở lại niệm Phật. Thật ra đương thời nếu thật có cao nhân, Chư Phật Bồ Tát đến dạy bà, dạy Hà Thế Lễ có thể không trái với Cơ Đốc giáo. Giáo đồ Cơ Đốc giáo cũng có thể niệm Phật vãng sanh thế giới Cực Lạc như vậy thì càng viên mãn. Vì sao vậy?

Trong kinh điển có. Quý vị xem rất nhiều Bà La Môn giáo không phải đều học theo Đức Thế Tôn đó sao? Nhưng vẫn không từ bỏ tôn giáo của họ. Điều này nói rõ Phật giáo không phải Tôn giáo, Phật giáo là giáo dục. Vãng sanh thế giới Cực Lạc vẫn là giáo dục, đến thế giới Cực Lạc đi học. Thế giới Cực Lạc là nhà trường, nó không phải là thiên quốc. Trong thiên quốc có quốc vương, có thiên chủ. Thế giới Cực Lạc không có thiên chủ, thế giới Cực Lạc không có quốc vương. Thế

giới Cực Lạc là một đạo tràng. Quý vị thử nghĩ kỹ xem chúng ta đọc nhiều kinh như vậy, nhưng không thấy Đức Thế Tôn nói quốc chủ của Thế Giới Cực Lạc là người như thế nào, không thấy nói, cũng không nói thiên vương là người ra sao. Quý vị thấy thế giới Ta Bà này của chúng ta thiên vương của sắc giới thiên, sơ thiên thiên là đại phạm thiên vương. Thiên vương của sơ thiên thiên, tứ thiên thiên là Ma Hê Thủ La_đều có. Đạo lợi thiên người Trung Quốc gọi là ngọc hoàng đại đế, trong kinh điển gọi là đạo lợi thiên chủ. Nó thật sự giống như tổ chức chính trị của quốc gia vậy.

Thế giới Cực Lạc không có. Nhìn tới nhìn lui thế giới Cực Lạc chỉ có một người thầy là Phật A Di Đà, ngoài ra đều là đồng học_Bồ Tát là đồng học. Địa vị của các vị đồng học không giống nhau, có 51 cấp bậc là thập tín, thập trú, thập hạnh, thập hồi hướng, thập địa, đẳng giác, đều là đồng học. Thật không thể nghĩ bàn, nhiều đồng học có cấp bậc bất đồng như vậy, đều học trong một giảng đường, đều nghe kinh trong một giảng đường. Đây là bản lĩnh của Phật A Di Đà, Phật dùng một âm mà nói pháp, mỗi người có cảnh giới khác nhau đến nghe, nhưng đều cảm thấy như Phật đang nói với mình vậy. Mỗi loài chúng sanh đều tùy theo căn cơ của mình mà lý giải, điều này người thế gian chúng ta không làm được.

Nghe Đức Phật giảng cùng trong một giảng đường, nhưng mọi người nghe đều rất hoan hỷ, thích hợp trình độ quý vị, cũng thích hợp trình độ của tôi, và cũng thích hợp trình độ của phàm phu, thích hợp trình độ của thiên nhân, thích hợp trình độ của chư vị Bồ Tát, nên chúng ta khẳng định thế giới Cực Lạc là trường học, là trường Phật giáo do Phật A Di Đà thiết lập, có tất cả các cấp bậc khác nhau cùng nhau lên lớp. Bản lĩnh của vị thầy này quả thật cao siêu. Quý vị muốn nghe kinh gì tự nhiên quý vị nghe được ngài giảng bộ kinh đó, kỳ lạ!

Tùy theo tâm nguyện của mình muốn học gì, quý vị nghe những gì Phật nói chính là pháp môn đó. Tôi muốn nghe Hoa Nghiêm, họ muốn nghe Kinh Di Đà. Tôi nghe là Kinh Hoa Nghiêm, họ nghe chính là Kinh Di Đà. Đây là dùng một âm thanh thuyết pháp, nhưng tùy loại chúng sanh mà được giải ngộ, hiển lộ tánh đức thậm thâm không thể nghĩ bàn.

Tuy chúng ta chưa học xong kinh Hoa Nghiêm, nhưng những gì đã học cũng hiểu được một vài điều. Hoàn Nguyên Quán của Hiền Thủ quốc sư chúng ta đã học hai lần, đạo lý minh bạch hơn một chút. Trên thực tế Đức Phật có thuyết pháp chẳng? Không cần nói đến Phật, Hoa Nghiêm là Viên giáo Sơ Trú Bồ Tát

họ đều đã đoạn tận vọng tưởng phân biệt chấp trước. Cũng chính là nói họ đã buông bỏ hết vọng tưởng phân biệt chấp trước. Vọng tưởng là gì? Khởi tâm động niệm buông bỏ chính là không khởi tâm, không động niệm. Không khởi tâm không động niệm thì còn có pháp gì để nói! Không có pháp gì để nói.

Lúc Đức Thế Tôn còn tại thế, ngài giảng kinh thuyết pháp suốt 49 năm. Chúng ta muốn hỏi Đức Thế Tôn có khởi tâm động niệm chăng? Nhất định không có. Không có nhưng có thể nói pháp. Trong kinh này có câu: nói mà không nói, không nói mà nói. Nói đích thực có ngôn ngữ, mọi người đều nghe được. Vô thuyết là gì? Tuy có ngôn ngữ nhưng ngài không có khởi tâm động niệm, khởi tâm động niệm vẫn không được, thuyết pháp cần phải phân biệt chấp trước, như vậy mới có thể thuyết pháp. Đức Thế Tôn đích thực không khởi tâm, không động niệm, không phân, không chấp trước. Đức Thế Tôn có thể làm được, Phật A Di Đà sao lại không làm được! Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ngài đối với lục đạo chúng sanh trong thế giới Ta Bà, chúng ta nhìn thấy được, không thấy được có chư thiên, có Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, chúng ta phàm phu mắt thịt không thấy được, điều đó không tính. Nhận xét này thật không thể nghĩ bàn.

Đương thời Phật thuyết pháp, quý vị xem trình độ thính chúng không giống nhau. Bất luận tại gia hay xuất gia, trong đó có Bồ Tát, Thanh văn, Duyên giác, Chư thiên, trong nhân gian có bậc thượng căn trí huệ rất cao, còn có hạ căn ngu si, hồ đồ không hiểu sự lý. Đức Thế Tôn đều khiến cho họ được độ, ít nhất cũng chứng quả Tu đà hoàn. Ngài dùng một âm thuyết pháp nhưng tùy loại được giải. Đức Thế Tôn đã biểu diễn cho chúng ta thấy, thật có năng lực này không phải giả. Phật A Di Đà càng không cần phải nói. Đối tượng Phật A Di Đà giảng kinh thuyết pháp là tứ độ tam bối cửu phẩm. Trong cõi đồng cư có thiên đạo, nhân đạo. Trong cõi phương tiện có Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, Phật, Phật trong mười pháp giới vãng sanh đến. 41 địa vị của pháp thân đại sĩ thật sự có chứng quả. Đây là trình độ sâu cạn không giống nhau của đại chúng trong giảng đường. Phật lấy một âm thuyết pháp tùy loại được giải. Thuyết mà không thuyết không thuyết mà thuyết, đều có thể khiến chúng sanh nghe hiểu, sanh tâm hoan hỷ, giác ngộ và chứng quả. Trường học như vậy có thể không đến đó sao?

Thật sự thấu triệt rồi, thì đi càng sớm càng tốt không nên bỏ lỡ. Nếu muốn độ chúng sanh thì nên tự mình thành tựu, sau đó trở lại độ chúng sanh. Hiện tại tự độ còn chưa xong thì làm sao có thể độ chúng sanh? Vì thế chúng ta phải hiểu rõ ràng minh bạch thế giới Cực Lạc, mới biết được sự thù thắng, mới biết rằng trong

thể xuất thế gian không thể tìm thấy đạo tràng thứ hai có hoàn cảnh tu học tốt như vậy. Ở thế gian này đại thừa Phật pháp rất hoạt bát linh động, Tịnh tông cũng không ngoại lệ. Mấu chốt là tự mình, tự mình phải biết căn tánh mình như thế nào, điều này rất quan trọng. Nếu không phải hàng thượng căn lợi trí nên thâm nhập một môn, thành tâm niệm rốt ráo câu A Di Đà Phật, như vậy ba năm sẽ thành công, liền có thể vãng sanh.

Nếu có nhân duyên, có năng lực, có thể làm một ít điều thiện nhỏ, giúp chúng sanh làm chút việc tốt. Phải làm, không thể không làm, không làm thì sao? Không làm là không có tâm Bồ đề, không có tâm từ bi. Điều này trái với tâm Bồ đề, nếu làm thì sao? Làm nhưng đừng chấp tướng, điều này rất quan trọng. Làm mà chấp trước quý vị sẽ bị đoạ lạc. Vì sao vậy? Vì chúng ta đoạ lạc vào trong danh văn lợi dưỡng. Bất luận làm nhiều hay ít đều không chấp tướng, công đức chỉ hồi hướng thế giới tây phương Cực Lạc, hồi hướng vãng sanh thấy Phật, chỉ có một ý niệm như vậy, một mục tiêu, một phương hướng như vậy, đó là điều hoàn toàn chính xác. Bất luận là làm việc thiện lớn, thiện nhỏ hay một chút việc thiện, thậm chí là vô lượng công đức, tất cả đều giúp chúng ta vãng sanh. Chúng ta có thể làm. Chư vị tổ sư, Chư Phật Bồ Tát cũng sợ chúng ta không giữ vững được duyên thù thắng của mình, mà thoái tâm đoạ lạc, đây là sai lầm. Điều này xưa nay thường có, không phải không có. Trước là tùy duyên, sau tùy duyên là phan duyên. Hình như pháp duyên của họ ngày càng thù thắng nhưng rốt cuộc thì sao? Rốt cuộc không thể vãng sanh. Đòi này họ làm là gì? Phước báo nhân thiên và hưởng phước đời sau, đó là sai. Vì thế những điều chư vị tổ sư, chư Phật Bồ Tát nói trong kinh luận, chúng ta phải tỷ mỷ để lãnh hội, quan sát và phản tỉnh, để chúng ta có trí huệ có thể phân biệt, có năng lực có thể học được, làm mà không làm không làm mà làm. Được như vậy thì không có vấn đề gì nữa, tức là đã làm. Sau khi đã làm có hiệu quả như thế nào đều không để trong lòng, như vậy là đúng. Cổ nhân nói “*Chỉ vấn canh vân, bất vấn thu hoạch*” mới có thể giữ được thâm tâm tức là tâm thanh tịnh. Trên đề kinh này thanh tịnh bình đẳng giác là thâm tâm, chí thành tâm, hồi hướng Cực Lạc, đây cũng gọi là nhất hướng chuyên niệm.

Cho nên “*bất tất khí xả bất vi, nãi danh chuyên niệm. Dĩ Phật tánh biến nhất thiết xứ, hữu khí hữu xả, bất danh niệm Phật cố*” nói rất hay!

Vì sao vậy? Vì hữu khí hữu xả, là còn phân biệt chấp trước. Chỉ cần có phân biệt chấp trước là có phiền phức. Hữu khí đã sai mà hữu xả cũng sai. Chỉ cần có phân biệt chấp trước là sai hoàn toàn. Nếu không có phân biệt chấp trước thì hoàn

toàn đúng, “khí” cũng đúng mà “xả” cũng đúng, làm cũng đúng, chẳng có điều gì không đúng, nên tiêu chuẩn là gì? Tiêu chuẩn là tâm chân thành, thanh tịnh bình đẳng giác. Chúng ta dùng mười chữ để miêu tả tâm bồ đề là: chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi. Có mười chữ này thì xả bỏ hay làm đều đúng. Nếu trái với mười chữ này là hoàn toàn sai, đây gọi là không mất tâm bồ đề, giáo hoá chúng sanh, thành tựu vô lượng công đức. Mỗi niệm đều tương ứng với thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, như vậy là đúng.

“*Thử luận thậm khế thời cơ*”, nhận xét của cư sĩ Bàn Tế Thanh rất khế hợp thời cơ hiện đại. “*Đương tiền thế nhân, thế sự phồn đa, phan nan phan trừ tịnh tận, chung nhật niệm Phật*”, điều này không dễ, quý vị không thể buông bỏ sự nghiệp đóng cửa chuyên tâm niệm Phật. Hiện tại cư sĩ Hồ Tiểu Lâm đang làm, làm rất hay. Ông nói với tôi, ông ta suốt buổi sáng tụng kinh, niệm Phật, lạy Phật không nghe không hỏi chuyện của công ty. Sau cơm trưa mới bắt đầu quản lý việc của công ty. Ông ta có thể dành bốn tiếng đồng hồ của buổi sáng để tu tập, điều này thông thường các ông chủ khác không làm được, nhưng ông ta làm được. Ông ta có thể làm được cũng là duyên tu học của ông ta thuần thực, không phải ngẫu nhiên.

Quý vị xem, đầu tiên ông ta thực hành Đệ Tử Quy, thật đã làm được. Thực hành Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp Đạo. Ông ta đã làm được, sau đó cả gia đình ông làm được. Ông tiếp tục mở rộng đến nhân công trên dưới của công ty, tất cả đều làm được. Mỗi nhân công tự động tự phát, không cần quản lý, không cần đốc thúc. Mỗi người đều rất siêng năng, đều rất có trách nhiệm. Vì thế ông ta không cần đi làm buổi sáng, không cần hỏi đến mọi việc, tụng kinh niệm Phật làm việc của mình, đây là gương tốt cho người trong thời hiện đại này.

“*Đản năng thâm tín thiết nguyện, cầu sanh tịnh độ, sự lai tiền tố, sự khứ tức niệm*”. Điều này phù hợp với nhất hướng chuyên niệm. Làm xí nghiệp kinh doanh rất nhiều việc, có việc là lập tức xử lý, xử lý xong lại niệm Phật, cứ như vậy hành trì là đúng. Đối với Tịnh tông, đối với Phật giáo thì giáo huấn Đức Phật dạy chúng ta nên làm người như thế nào, làm sao tề gia và làm việc như thế nào. Quản lý một công ty chính là trị quốc, tề gia trị quốc. Trong kinh điển đều có giáo huấn, có luân lý, có phương pháp, có kinh nghiệm, có hiệu quả. Chúng ta cần nên cố gắng học tập, đem nó biến thành sinh hoạt hằng ngày. “*Sự lai tiền tố, sự khứ tức niệm*”, làm hết việc lập tức niệm Phật.

“*Thế pháp bốn vô nghi u Phật pháp*”. Pháp thế gian có chương ngại việc học Phật chăng? Không trở ngại. “*Hà hướng cánh dĩ thế xuất thế gian nhất thiết thiện pháp, dĩ chí thành tâm hồi hướng Cực Lạc*”, mấy câu này thật hiếm thấy. Hành thiện của thế gian và hành thiện của xuất thế gian, dùng tâm chân thành hồi hướng thế giới Cực Lạc. “*Cố diệc danh nhất hướng chuyên niệm*”, cứ Khởi Tín Luận kiêm hành thế thiện, thượng đắc danh vi nhất hướng chuyên niệm” khởi Tín Luận là Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận, không phải Đại Thừa Khởi Tín Luận, là tác phẩm của cư sĩ Bành Tế Thanh. Lời của ông chúng ta có thể tin. Những trước tác của ông có vài tác phẩm đã được lịch đại tổ sư khẳng định. Ấn Quang đại sư đều rất tán thán trước tác của ông.

“*Cánh hà hướng kiêm tu dư xuất thế pháp*”. Dư là gì? Là cái khác không phải Tịnh độ. Thiện hành của xuất thế gian ví như trong Phạm Thất Ngẫu Đàm của Ngẫu Ích đại sư nói đây là một cuốn sách nhỏ_Tiểu phẩm này của Ngẫu Ích đại sư viết rất hay. “*Hựu thiên giả dục sanh tây phương, bất tất cải vi niệm Phật. Đản cụ tín nguyện tức tham thiên tức Tịnh độ hành dã*”. Đây là đoạn nhỏ trong Phạm Thất Ngẫu Đàm. Nói rằng người tham thiên họ cũng muốn vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc. Ngẫu Ích đại sư nói với những người này không cần đổi qua niệm Phật, cứ nên ngồi thiền của quý vị, đem công đức tham thiên hồi hướng cầu sanh thế giới Cực Lạc cũng được. Đây là đoạn cuối cùng của tam bối vãng sanh gọi là nhất tâm tam bối. Đó không phải tu pháp môn Tịnh độ, là tu pháp đại thừa.

Bất luận tu học pháp môn nào của đại thừa, chỉ cần ta có thể đem công đức tu học hồi hồi hướng cầu sanh Tịnh độ, tất cả đều được sanh. Cửa của Phật A Di Đà vô cùng rộng lớn. Nếu hiểu được đạo lý này thì học các Tôn giáo khác được chăng? Nhất định được. Quý vị tin Cơ Đốc giáo, không cần từ bỏ Cơ Đốc giáo đến quy y Phật, không cần. Quý vị nên nỗ lực y theo Cơ Đốc giáo để tu hành, đến khi lâm mạng chung đem công đức tu hành đó cầu sanh Tịnh độ, nhất định được sanh, vấn đề là phải thực hành mới được. Đạo lý này chính là nguyên lý cơ bản của Tịnh độ tông, “tâm tịnh tức Phật tịnh độ”, những điều ta tu hành không phải đều là tu thanh tịnh tâm đó sao? Chỉ cần tâm thanh tịnh hiện tiền, tâm chân thành hiện tiền, tâm cung kính hiện tiền, lấy những điều này hồi hướng cầu sanh Tịnh độ, như vậy thì làm gì có lý không vãng sanh! Tu Tôn giáo nào cũng không chương ngại.

Lúc Đức Thế Tôn còn tại thế, quý vị thấy theo ngài học rất nhiều người là thầy truyền giáo trong Tôn giáo, còn có người quản lý trong Tôn giáo theo học tập với Thế Tôn. Ngài không dạy họ thay đổi Tôn giáo. Trong nhà Phật gọi là ngoại đạo, ngoại đạo không phải bên ngoài Phật giáo hay các Tôn giáo khác, không phải. Nghĩa của ngoại đạo là tâm hướng bên ngoài cầu pháp, đây gọi là ngoại đạo. Phật pháp tu là hướng nội, là minh tâm kiến tánh, là cầu trí huệ, cầu tâm thanh tịnh. Như trên đề kinh này nói nếu tu tâm thanh tịnh, tu tâm bình đẳng, tu giác mà không mê, đây chính là học Phật. Bất luận dùng phương pháp nào cũng được, chỉ cần đạt được tâm thanh tịnh cầu sanh Tịnh độ thì tất cả đều có thể vãng sanh, chắc chắn không có chướng ngại.

Ngày ngày niệm Phật, ngày ngày huân tu đại thừa, nhưng tâm không thanh tịnh, vẫn không thể đi. Không phải niệm nhiều danh hiệu Phật là có thể được, nên thấu triệt điều này. Niệm đến tâm thanh tịnh hiện tiền, nhất định được vãng sanh. Tâm thanh tịnh hiện tiền, chắc chắn phải buông bỏ nhân duyên thế gian. Vì sao vậy? Vì nó nhiễu loạn khiến tâm chúng ta không thanh tịnh. Những gì chướng ngại tâm thanh tịnh nhất định phải buông bỏ hết, đây là điều kiện cần phải đầy đủ để vãng sanh. Mấy câu này của Ngẫu Ích đại sư quá hay!

Chúng ta xem tiếp bên dưới. *“Hựu đại sư”*, đại sư chính là Ngẫu Ích đại sư. *“Tằng yểm quan kết đàn”*, tức bế quan kiết đàn để tu hành. Trì chú vãng sanh cầu sanh Tịnh độ. *“Tịnh tác trường kệ vi thệ. Kệ vân, ngã dĩ chí thành tâm, thâm tâm, hồi hướng tâm. Nhiên bích hương tam trụ, kiết nhất thất tịnh đàn, chuyên trì vãng sanh chú, duy trừ thực thủy thời, dĩ thử công đức lực, cầu quyết sanh an dưỡng”*. Đây là Ngẫu Ích đại sư, bên dưới chú giải nói rất hay. *“Túc chứng dân cụ vãng sanh tín nguyện, tấc tham thiền trì chú giai tịnh độ hành dã”*. Ngẫu Ích đại sư trì chú, “kiết nhất thất tịnh đàn” thời gian này của ngài không dài, như đả thiền thất vậy_bảy ngày. Bế quan bảy ngày gọi là phương tiện quan. Thông thương chúng ta gọi đây là tinh tấn Phật thất, nhưng ngài không phải niệm Phật, ngài trì chú. Trong bảy ngày này hoàn toàn niệm chú vãng sanh.

Bài kệ này rất hay, quan trọng nhất là tâm bồ đề_phát tâm bồ đề nhất hướng chuyên niệm. Tôi dùng chí thành tâm, thâm tâm, hồi hướng tâm đây chính là tâm bồ đề. *“Nhiên bích hương tam trụ”* Người xuất gia đốt liêu nơi cánh tay để cúng Phật, đây là biểu pháp. Ý của đốt liêu là gì? Thắp lên chính mình để chiếu soi người khác, chính là ý này. Dù đốt liêu có nhiều bao nhiêu, nhưng không có tâm từ bi để giúp đỡ người khác, thì liêu này không cần đốt, đốt cũng không có chút ý

nghĩa nào, như vậy hà tất phải đốt làm gì? Ý nghĩa đốt liêu là từng giờ từng phút cảnh tỉnh mình, tôi đã phát lời thệ nguyện nên nhất định phải làm như vậy. Thấy chúng sanh gặp khó khăn, nhất định đưa tay ra giúp đỡ họ, dụng ý của đốt liêu là như vậy.

Người xuất gia đốt liêu trên đỉnh đầu, tại gia đốt liêu trên cánh tay. Người xuất gia đã thọ đại giới, trên đầu cũng đã đốt liêu. Thông thường đặc biệt phát nguyện cũng có thể đốt ở cánh tay. Tôi từng thấy, thấy những pháp sư này thật hiếm có. Trì giới tu hành hình giống như rất thanh tịnh, đưa tay ra họ phải đốt mười mấy hai mươi chắm, nhưng đối đãi với người không có từ bi. Thấy người khổ nạn thường tránh né, như vậy là sai, hoàn toàn sai. Cho rằng đốt liêu để cúng Phật, Phật không thích nhìn nó đâu. Đem những ý nghĩa tượng trưng của nhà Phật dùng sai hết. Cho rằng tôi đốt liêu nhiều Phật sẽ hoan hỷ, làm gì có đạo lý này? Đốt liêu là tự mình thấy, tự mình phát nguyện này và cần phải thực hiện. Hiểu được điều này thì đốt một liêu cũng đủ. Thấy chắm liêu này là cảnh tỉnh mình, nên nhất định phải hiểu đạo lý này. Thấu suốt ý nghĩa là gì nó sẽ khởi tác dụng, không hiểu thì cho rằng như vậy là cúng Phật, Phật hoan hỷ là hoàn toàn sai lầm.

Quý vị xem còn có người đốt đầu ngón tay cúng Phật. Bồ Tát Quan Thế Âm chề hai tay không đủ dùng, phải cần ngàn tay ngàn mắt, quý vị chỉ có hai cánh tay còn đem nó đốt mất, như vậy có thể làm được việc gì? Quý vị hoàn toàn trái ngược với Quan Âm Bồ Tát, quá sai lầm. Đây đều là không hiểu giáo nghĩa, nên đã ngộ nhận cho rằng làm như vậy là đúng. Trong kinh Phật nói như vậy là biểu pháp, chứ không phải dạy chúng ta đốt ngón tay thật.

Chuyên trì chú, quý vị thấy trong từ thệ nói rất rõ. “*Duy trì thực thù*”, chư vị tổ sư ngày ăn một bữa, khi ăn cơm không niệm chú, khi ngủ không niệm chú. Vào thời đại đó thời gian ngủ nghỉ của tự viện am đường, tiêu chuẩn thời gian là giữa đêm, đây là trong kinh điển nói. Ngẫu Ích đại sư đối với giới luật rất thông suốt. Cuối thời nhà Minh một mình ngài, đầu năm dân quốc lại có một người là Hoàng Nhất đại sư. Đại sư Hoàng Nhất rất nhiều điểm giống Ngẫu Ích đại sư. Gương mẫu của Ngẫu Ích đại sư, ngài Hoàng Nhất siêng năng học tập, học rất giống.

Ở đây “*Túc chứng dẫn cụ vãng sanh tín nguyện, tặc tham thiên trì chú giai tịnh độ hành*”. Bên dưới lại nói “*Di Đà Viên Trung Sao chi U Khê đại sư*”. Kinh A Di Đà có ba bộ chú giải quan trọng nhất, ở đây đều có trích dẫn. Thứ nhất là Sớ Sao của Liên Trì đại sư, thứ hai là Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư, thứ ba là Viên

Trung Sao của U Khê đại sư. Học tiểu bản Kinh Di Đà ba bộ chú giải này nhất định phải đọc. Đặc biệt là Sớ Sao và Yếu Giải. Suốt đời U Khê đại sư tu Pháp Hoa, Đại Bi, Quang Minh, Di Đà, Lăng Nghiêm và Đẳng Sáu Vô Hư Nhật. Thời khóa bình thường của U Khê đại sư là tụng Pháp Hoa sám, Đại Bi sám, Quang minh sám, Di Đà sám, Lăng Nghiêm sám, đây là khóa tụng hằng ngày của ngài. Ngài biết trước giờ lâm chung.

“*Thủ thư Diệu Pháp Liên Hoa Kinh ngũ tự, phục cao xướng kinh đề giả tái, bạc nhiên nhi tịch. Như thị tắc tu sám trì kinh quân thị Tịnh độ hành dã*”. U Khê đại sư vãng sanh Tịnh độ, khi ngài lâm chung không niệm Phật, khi lâm chung ngài niệm Nam mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh. Phương pháp này Nhật Bản rất thịnh hành. Nhật Bản niệm Nam mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh giống như người Trung Quốc niệm Nam mô A Di Đà Phật vậy, rất nhiều. Họ học theo Trí Giả đại sư của Tông Thiên Thai.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 404

Chuyên ngữ: Hạnh Chơn

Biên Tập: Minh Tâm

Thời gian: 10.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 503 hàng thứ tư từ dưới đếm lên, bắt đầu xem từ U Khê đại sư. Bắt đầu xem U Khê đại sư trong câu thứ nhất.

“*U Khê đại sư nhất sanh tu Pháp Hoa, Đại Bi, Quang Minh, Di Đà, Lăng Nghiêm đẳng sáu hồi vô hư nhật, lâm chung dự trì thời chí, thủ thư Diệu Pháp Liên Hoa Kinh ngũ tự, phục cao xướng kinh đề giả tái, phách nhiên nhi tịch. Như thị tắc tu sám trì kinh, quân thị Tịnh độ hành dã*”.

Đây là nói rõ người niệm Phật có thể kiêm tu kiêm trì. U Khê đại sư vãng sanh Tịnh độ. Di Đà Kinh Viên Trung Sao là chú giải của ngài. Học tiểu bản Kinh Di

Đà, có ba loại chú giải quan trọng nhất thời cổ đại, hầu như người tu Tịnh độ chẳng có ai không đọc, đó chính là Sớ Sao của Liên Trì đại sư, Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư, Viên Trung Sao của U Khê đại sư. Hai ngài Ngẫu Ích và Liên Trì chuyên tu Tịnh độ, còn U Khê đại sư ngài kiêm tu sám pháp.

Ngài mỗi ngày lay Pháp Hoa Sám, Đại Bi Sám, Quang Minh Sám, Di Đà Sám. Lăng Nghiêm Sám, ngài chuyên tu sám pháp khi lâm chung biết trước giờ chết. Tuy tu nhiều sám pháp như vậy nhưng cuối cùng ngài hồi hướng đều là cầu sanh thế giới tây phương Cực Lạc, niệm niệm không quên tây phương, tất cả công đức đều hồi hướng cầu sanh Tịnh độ, đây cũng được xem là nhất hướng chuyên niệm. Vị tổ sư này làm tấm gương sáng cho chúng ta noi theo. Lâm chung biết trước giờ đi. Tự mình không phải viết về A Di Đà Phật, mà viết về Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, còn đọc to đề kinh, lớn tiếng niệm Phật. Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh. Người xuất gia người Nhật Bản, chúng ta thường nghe thấy. Vì chư vị tổ sư Nhật Bản này trong thời nhà Đường đa phần đều là học trò của Thiện Đạo đại sư, và học trò của Trí Giả đại sư. Trí Giả đại sư chuyên tu Pháp Hoa nên tông phái của họ chính là niệm đề kinh. Quý vị đến chùa nghe niệm Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh. Ngài niệm như vậy không phải niệm A Di Đà Phật. Thiện Đạo đại sư truyền lại là niệm Nam Mô A Di Đà Phật. Điều này ở Nhật Bản rất phổ biến, được, chứ chẳng phải là không được. Chỉ cần đem tất cả công đức hồi hướng Tịnh độ.

Phẩm này của chúng ta là tam bối vãng sanh, tất cả có bốn đoạn. Ba đoạn trước là nói về thượng bối, trung bối, hạ bối. Đoạn cuối cùng tu tất cả kinh điển đại thừa, tất cả đều được. Cuối cùng đem tất cả công đức tu học hồi hướng cầu sanh Tịnh độ, tất cả đều được sanh. Đây là pháp môn Di Đà vô cùng thù thắng, vô cùng rộng lớn. Thực tế mà nói chẳng những tu học bất cứ pháp môn nào của Phật giáo có thể sanh thế giới Cực Lạc, mà trong sự tưởng tượng của tôi thì các tôn giáo khác, tức là quý vị đọc Thánh Kinh, đọc Tâm Cự Ước, đọc Cổ Lan Kinh. Nếu đem công đức sở học một đời của họ hồi hướng cầu sanh Tịnh độ nhất định cũng có thể được sanh. Đây mới là công đức nguyện lực không thể nghĩ bàn của Phật A Di Đà, ngài không phân chia bất cứ tôn giáo nào. Cho nên điều kiện tuyệt đối để vãng sanh, chúng ta nên nhớ: tâm tịnh tức Phật độ tịnh. Bất luận tu pháp môn nào, bất luận tu pháp môn nào chỉ cần tu đến tâm thanh tịnh liền có thể vãng sanh,. Tâm tịnh tức Phật độ tịnh, không nhất định phải niệm Phật A Di Đà, không nhất định phải đọc Kinh Vô Lượng Thọ. Pháp môn thù thắng vô cùng,

rộng lớn vô biên. Quý vị xem nó bao dung, không có phân biệt, không có chấp trước. Chỉ cần tâm địa thiện lương thanh tịnh, quý vị muốn đến thế giới Cực Lạc ở đó đều thu nhận, đối đãi bình đẳng, không có phân biệt cao thấp. Cho nên tất cả Chư Phật tán thán, điều này chúng ta liên tưởng đến tất cả thiên thần tán thán. Chư Phật tán thán Phật A Di Đà là “quang trung cực tôn, Phật trung chi vương”, tôi tin rằng chư Phật cũng sẽ tán thán ngài là quang trung cực tôn, chư thần chi vương. Tịnh tông thật không thể nghĩ bàn.

Từ đó cho thấy, *“phát tâm bồ đề trì danh hiệu Phật. Tuy kiêm tu dư pháp diệc đắc danh vi nhất hướng chuyên niệm”*. Nhất hướng chuyên niệm này, hiện tại chúng ta lãnh hội được một cách sâu sắc, chính là một phương hướng chuyên cầu Tịnh độ, đây chính là nhất hướng chuyên niệm. Bất luận tu pháp môn gì tôi chỉ nhất tâm cầu sanh tây phương Cực Lạc, pháp môn nào cũng được, đều có thể thành tựu tâm thanh tịnh và thiện tâm thiện nguyện của chúng ta.

“Đản đa môn kiêm tu tổng vị nhược nhất môn thâm nhập”. Đây là lời của Hoàng Niệm Tổ, là thật. Vì thâm nhập một môn tâm họ chuyên nên dễ được niệm Phật tam muội, họ tương ưng viên mãn với Tịnh độ, đó chính là chúng ta một đời thọ trì. Liên Trì đại sư suốt đời thọ trì Kinh A Di Đà, đây là nguyên nhân gì? Kinh Vô Lượng Thọ nguyên bản quá nhiều, không dễ dàng. Đặc biệt là trong thời cổ đại muốn tìm năm bản dịch không dễ, ngay cả Vương Long Thư có địa vị như vậy cũng không tìm thấy, cuốn hội tập của ông chỉ có bốn loại. Đại Bảo Tích Kinh Vô Lượng Thọ Hội, ông không tìm thấy nên không phải là việc dễ. Cổ nhân thời đó kinh sách đều là sách viết tay vì thể phân lượng rất ít, không dễ đạt được.

Không như hiện tại kỹ thuật in ấn phát triển, giá thành lại thấp. Lúc nhỏ tôi biết chúng tôi ở Tỉnh An Huy chỉ có hai bộ rưỡi Đại Tạng Kinh. Có hai bộ hoàn chỉnh, còn một bộ thiếu sót không đủ. Như hiện nay trong gia đình bình thường có thể trưng bày một bộ Đại Tạng Kinh, ngày xưa không thể tưởng tượng được điều này, hàng quý tộc hào phú cũng không làm được, trừ phi là Hoàng đế. Hoàng cung của Hoàng đế có thể trưng bày một bộ còn những người khác là chuyện không thể.

Hiện nay trong gia đình bình dân có thể trưng bày một bộ Đại Tạng Kinh, nên câu nói này vô cùng quan trọng, chúng ta cần phải ghi nhớ: *“Đa môn kiêm tu tổng bất như nhất môn thâm nhập. Nhất tâm chuyên chí, xưng niệm Di Đà. Tác dị sử thực xứ biến sanh, sanh xứ biến thực”*. Câu này vô cùng quan trọng. Như thế nào là sanh xứ? Như thế nào là thực xứ? Điều này bên dưới có chú giải. *“Cái,*

ái,niêm, tham, trước, thị chúng sanh chi thực xứ”,điều này không học cũng biết.Huống gì xã hội hiện tại này đang phổ biến tuyên dương ái nhiễm tham trước. Ái nhiễm tham trước là văn hóa của xã hội ngày nay, toàn thế giới chứ không phải riêng địa phương nào. Người ở đâu không tham không ái? Ái này chính là tự tư tự lợi, nhiễm ô tham trước,đó chính là tôn người lợi mình, chính là làm những điều này, đây là chúng sanh thực xứ. Đây là tâm luân hồi tạo nghiệp luân hồi.

“Bồ đề chánh niệm thị chúng sanh chi sanh xứ_sanh sở”.Chúng ta gọi họ là phát tâm bồ đề. Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, thật sự rất xa lạ. Có thích chăng? Thích, có thể phát tâm chăng? Không phát được. Tập khí phiền não nuôi dưỡng đã thuần thực, đã chín muồi rồi. Còn giáo huấn của Thánh hiền, thậm chí đến luân lý đạo đức nhân quả đều rất xa lạ, không biết ân cha mẹ, không biết ân sư trưởng. Hiện tại xã hội này vô cùng phổ biến, cho nên giáo huấn thánh hiền không dễ hoằng dương. Đó chính là một số người không có tâm tôn trọng, không có tâm kính ngưỡng đối với giáo huấn thánh hiền, không nhận biết về nó.

Hiện tại khoa học kỹ thuật phát triển, đặc biệt là in ấn. Hiện tại còn có ti vi, có mạng internet, có băng đĩa. Điều này cổ nhân trong mơ cũng không giám nghĩ đến. Nhân duyên thù thắng nhưng người ta không học được. Tâm không ở trong đạo, tâm ở trong thế duyên tham sân si mạn. Ở đây dùng bốn chữ rất hay là ái nhiễm tham trước, tâm đang ở đây. Bồ đề chánh niệm là sanh xứ của chúng sanh.

“Sanh xứ chuyển thực, thực xứ chuyển sanh”,đây chính là nói công phu, chuyển như thế nào? Đó chính là học mà được thực hành, liền có thể chuyển lại được. Học rồi mà không tập vĩnh viễn không chuyển được. Hiện nay người học rất nhiều, người tập rất ít. Tập là gì? Thực hành. Đem luân lý đạo đức nhân quả mà mình đã học thực hành trong cuộc sống, thực hành trong công việc, thực hành trong xử sự đối nhân tiếp vật. Nhất định huân tu lâu dài, học tập thời gian dài. Thực hành từ từ mới có thể thuần thực, thực xứ chúng ta phải xa rời nó. Hiện tại thuần thực nhất là gì? Ti vi, mạng internet và băng đĩa. Chúng tôi rất ít đến những nơi khác, khi đến nước ngoài tham gia hoạt động đều đến sân bay. Quý vị xem tiệm miễn thuế trong sân bay, những đĩa phim đó có bao nhiêu loại? Tôi thấy có ít nhất là mấy nghìn loại. Nội dung trong đó là gì? Đó đều là giáo dục. Chonên hiện nay những băng đĩa, ti vi, mạng internet dạy hư con người hết rồi. Những thứ đó rất quen thuộc đã mọc rễ trong tâm họ, nhổ cũng nhổ không được. Hàng ngày còn vun xới cho nó, cho nó lớn lên. Như vậy sanh xứ lại càng thêm xa lạ.

Quý vị đến những tiệm bán đĩa, tìm một đĩa nói về luân lý đạo đức nhân quả, không tìm thấy, nhưng quý vị muốn tìm đĩa về bạo lực, sắc tình, sát đạo dâm vọng thì có đủ. Chonên ngày nay giúp chúng sanh chuyển mê khai ngộ, lìa khổ được vui, rất khó, thật sự là điều rất khó! Nên có người nói ngày nay độ quý dễ độ người khó. Lời nói này là thật không phải hư vọng. Quý đã nếm được mùi đau khổ nên họ dễ giác ngộ. Con người hiện nay đang mê mờ trong dục vọng khó mà quay đầu được. Khó hơn độ quý, độ súc sanh.

Sáng sớm hôm qua, Sơn Đông có một đám bạn cũ. Họ đều là cán bộ địa phương đến thăm tôi, bàn về điều gì? Bàn đến vấn đề sâu bệnh của nhà nông. Họ nói bị ép không thể không dùng thuốc sâu, không giết những sâu bệnh này sẽ không có thu hoạch. Chúng tôi bàn luận từ điều này. Tôi nói đất Khánh Vân quý vị có trường hợp, năm trước Tề Tố Bình trồng tiểu mạch 400 mẫu tiểu mạch. Tôi nói phát sinh sâu bệnh, việc này mọi người đều biết. Tề cư sĩ điện thoại cho tôi nói phải làm sao, có cần phun thuốc sâu chẳng? Tôi khuyên bà ta: đệ tử Phật nhất định không nên sát sanh. Bà ta hiểu nên nói rằng:Thà con không cần 400 mẫu tiểu mạch này, cúng dường cho chúng,con cũng không giết chúng. Ý niệm này vừa sanh khởi, bà ta liền dẫn đại chúng cầm một cái khánh đi trên bờ ruộng niệm Phật A Di Đà. Đang niệm thì trời đổ mưa, nổi giông gió. Đến ngày thứ hai thì không còn một con sâu nào nữa. Tôi nói điều này quý vị đều nhìn thấy, quý vị không giết nó, nó sẽ tự nhiên không còn, thu hoạch được mùa.

Tề cư sĩ rất vui mừng gọi điện thoại cho tôi. Những người nông dân lân cận thấy thế đều cảm thấy rất kinh ngạc. Đây là gì? Cảm ứng! Những con sâu này đã bị quý vị làm cảm động, nên chúng tự động ra đi, vì thế hà tất phải giết chúng. Quý vị giết chúng thì oan oan tương báo, càng giết càng nhiều. Họ nghe đều gật đầu, đích thực thuốc trừ sâu đó càng dùng càng nặng, nặng đến cuối cùng như thế nào? Nặng đến cuối cùng những thực vật bị phun thuốc này, con người ăn vào sẽ bị trúng độc, đây là gì? Đây chính là những con sâu này báo thù. Vì thế không nên dùng thủ đoạn tàn bạo này để ứng phó, nhất định phải dùng tâm từ bi. Dùng phương pháp nhân ái hòa bình để xử lý việc này. Vì thế phải thay đổi quan niệm, quan niệm không thay đổi công phu tu hành nhất định không đắc lực.

Sanh xứ chuyển thực, thực xứ đã biến thành sanh. Chúng ta đối với xã hội hiện tại ô nhiễm nghiêm trọng nhất là những tin tức trên ti vi, mạng internet, báo chí, tạp chí. Chúng ta có thể không xem để giữ tâm thanh tịnh của chính mình. Họ có quyền xuất bản, tôi có quyền không xem. Không xem được chẳng? Sống

trong xã hội này tôi đã 50 năm không xem, chẳng phải cũng sống rất tốt đây sao? Không có bất cứ tổn thất nào, sống cũng rất bình thường, sống một cách an lạc. Hằng ngày xem những thứ này, họ sống không được thoải mái. Họ sống rất buồn phiền, tôi sống rất an vui. Quý vị hỏi tôi, tôi nói với quý vị mỗi ngày thiên hạ thái bình, không có chuyện gì. Bình an qua ngày không có chuyện gì cả. Quý vị tiếp xúc chuyện này chuyện nọ quá nhiều, nó quấy nhiễu quý vị. Tôi không tiếp xúc sẽ không bị phiền nhiễu.

Trong xã hội này gọi là hoàn cảnh tri thức bộc phát, suốt đời tôi còn có thể sống cuộc đời thanh tịnh, đây là thầy giáo dạy, Chư Phật Bồ Tát dạy, chúng ta y giáo phụng hành. Chúng ta dùng phương pháp này đem sanh xứ chuyển thực, đem thực xứ chuyển sanh. Một chuyển biến lớn như vậy người tài năng mỏng một chút, người trì độn một chút, cũng chính là nói người ngu si một chút nên như thế nào? Vạn duyên buông bỏ, nhất tâm niệm Phật. Tuy trì độn, tuy ngu si biết đâu niệm Phật vài năm thành tựu còn cao hơn những người thông minh lanh lợi. Trường hợp này rất nhiều! Họ niệm năm ba năm niệm đến nhất tâm, nhưng người thông minh niệm suốt một đời tâm thanh tịnh cũng không thể hiện tiền. Người ngu si, người không có trí huệ, người không biết chữ theo như trong kinh này nói, họ rất có thể là thượng thượng phẩm vãng sanh. Họ niệm đến lý nhất tâm bất loạn, điều này ở sau sẽ nói đến.

Thông minh trí huệ, quảng học đa văn, vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc đa phần đều vãng sanh vào cõi phàm thánh đồng cư, không thể so sánh với những người đạt nhất tâm bất loạn. Lý nhất tâm bất loạn sanh vào cõi thật báo, sự nhất tâm bất loạn sanh vào cõi phương tiện. Ở đây Hoàng Niệm Tổ đưa ra cho chúng ta mấy câu: *“Đa môn kiêm tu tổng bất như nhất môn thâm nhập. Nhất hướng chuyên niệm, thành tựu không thể nghĩ bàn. Sanh xứ chuyển thực, phương hữu khả năng, u lâm chung khổ bách chi tế”*. Lâm chung là gì? Nghiệp báo hiện tiền, thậm chí tướng địa ngục hiện tiền. Ngay lúc này quý vị có thể niệm được câu Phật hiệu, cảm ứng là Đức Phật đến tiếp dẫn mà được vãng sanh.

Trong Vãng Sanh Truyện thời nhà Đường có trường hợp giết trâu. Ông ta là Trương Thiện Hòa. Trương Thiện Hòa suốt đời giết trâu, khi sắp lâm mạng chung nhìn thấy người đầu trâu đến đòi mạng. Nhân duyên của ông ta rất tốt, ông ta lớn tiếng cầu cứu, vừa đúng lúc có một người xuất gia đi ngang qua nhà ông ta, nghe ông ta lớn tiếng kêu cứu nên đi vào xem có chuyện gì? Rất nhiều người đầu trâu đến hỏi tôi đòi mạng. Người xuất gia này liền dạy ông ta nên mau mau lớn tiếng

niệm Phật A Di Đà. Ông ta nghe như vậy lập tức lớn tiếng niệm A Di Đà Phật, A Di Đà Phật. Niệm mấy câu như vậy thì không còn thấy người đầu trâu ngựa, thấy Phật A Di Đà đã đến tiếp dẫn. Đây là nhất tâm, vì sao vậy? Vì ông ta không có ý niệm nào khác, ép ông ta chẳng thể không nhất tâm, chonên tâm của ông là tâm gì? Là nhất tâm bất loạn, công đức niệm Phật đó thật không thể nghĩ bàn.

Ông ta vãng sanh là phẩm vị gì? Nếu là lý nhất tâm bất loạn, ông sanh vào cõi thật báo. Sự nhất tâm bất loạn ông ta đến cõi phương tiện, ông ta không phải trong cõi phàm thánh đồng cư, hay quá! Ông ta bị ép nhất tâm bất loạn. Trong giờ phút cấp bách ông không có ý niệm gì ngoài câu niệm Phật, đây là nhất tâm. Cho nên người tu hành chân chánh, đối với bất cứ ai cũng không giám khinh thị, quý vị không nên xem thường họ, biết đâu khi lâm chung phẩm vị của họ cao hơn ta, ta không bằng họ. Câu này rất có lý, đau khổ bức bách khi lâm chung, cảnh giới địa ngục hiện tiền khiến quý vị sợ hãi, niệm lên một câu Phật hiệu, đó thật sự là thanh tịnh bình đẳng giác, dùng tâm đó niệm câu Phật hiệu này. Điều này phù hợp nguyện thứ 18 của Phật A Di Đà, lâm chung một niệm đến mười niệm nhất định được vãng sanh.

Địa vị sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc_Thiên Đạo đại sư nói rất hay, tam bối cửu phẩm ở chỗ gặp duyên bất đồng. Như Trương Thiện Hòa gặp được nhân duyên quá thù thắng! Nhân duyên như ông ta không phải ai cũng có thể gặp được. Suốt đời tạo nghiệp cực ác biết đâu việc kích thích lại càng lớn. Lúc lâm chung tương địa ngục hiện tiền, quý vị cảm thấy vô cùng sợ hãi. So với các thiện duyên bình thường khác càng dễ khởi phát chánh niệm của quý vị. Khi ở trong một niệm này không có vọng tưởng nào, cũng không có xen tạp nào, đây chính là nhất tâm bất loạn và được vãng sanh.

“Cảm Phật tiếp dẫn, nhi đắc vãng sanh dã. Thị cố Thiên Đạo đại sư thị viết, đại thánh bi lân, trực khuyến chuyên xưng danh tự giả”.

“Đại thánh” là đức Thích Ca Mâu Ni, Phật A Di Đà. Các ngài lân mẫn chúng sanh, chúng sanh mê hoặc điên đảo, tạo vô lượng vô biên tội nghiệp. Họ thấy rõ ràng nếu đọa vào ác đạo thì phiền phức rất lớn. Muốn ra khỏi ác đạo thật không dễ chút nào. Tội nghiệp quý vị chưa tiêu trừ thì không thể rời xa ác đạo, tội nghiệp không phải tạo trong một đời, tất cả ác nghiệp trong đời đời kiếp kiếp cần phải trả hết trong đường ác mới có thể ra khỏi được. Khi ra khỏi tập khí ác còn rất nặng, quý vị lại đầu thai làm người, tập khí tham sân si mạn của quý vị rất nặng, vì thế nếu không gặp được thiện hữu, từ nhỏ dạy dỗ quý vị thật tốt, nếu

không rất dễ bị nhiễm ô. Sau khi nhiễm ô, trong đời này quý vị tiếp tục đang tạo ác nghiệp.

Nói cách khác thọ mạng của quý vị hết lại đọa vào trong ác đạo. Đời đời kiếp kiếp vô lượng kiếp cũng không ra khỏi luân hồi lục đạo. Chonên chư Phật Bồ Tát từ bi dạy người chuyên niệm Phật A Di Đà, đây chính là danh từ khuyến chuyên.

“*Chánh do xưng danh dị cố*”, pháp môn này để “*tương tục tức sanh*”, danh hiệu Phật câu này tiếp câu kia. Nhất định phải nhớ nguyên tắc mà Bồ Tát Đại Thế Chí nói với chúng ta. Bồ Tát Đại Thế Chí tu pháp môn niệm Phật thành tựu, kinh nghiệm niệm Phật của ngài rất phong phú. Phương pháp ngài dạy chúng ta là: “đo nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục”. Đo nhiếp lục căn nghĩa là gì? Vạn duyên buông bỏ, thế xuất thế gian pháp đều không để trong lòng, tâm thanh tịnh của quý vị đã hiện tiền.

Chỉ có một câu Phật hiệu, không những tương lai được vãng sanh mà phẩm vị vãng sanh của quý vị thật không thể nghĩ bàn. Quý vị phải thật sự tin tưởng và thật sự y giáo phụng hành! Còn việc giúp chúng sanh là tùy duyên. Tự mình chưa thành tựu, chưa thành Phật, khi hành Bồ Tát đạo chỉ nên tùy duyên. Không phải nói quý vị đừng làm, tuyệt đối không được phan duyên, tuyệt đối không được tìm duyên. Có duyên thì làm, không có duyên thì thôi. Có duyên làm rồi thì quên nó đi, không để ý đến hậu quả, kết quả sau đó như thế nào không nên để ý đến, đó chính là công đức. Đem tất cả những công đức này hồi hướng cầu sanh Tịnh độ, đây đều là phù hợp với nhất hướng chuyên niệm. Nếu nghĩ tôi đã làm nhất định phải đạt đến kết quả như thế nào. Như vậy tâm quý vị sẽ không thanh tịnh, tâm quý vị sẽ có tạp niệm. Có kết quả tốt quý vị liền sanh tâm hoan hỷ. Không có kết quả tốt quý vị liền nhăn mày nhíu mặt. Quý vị hoàn toàn bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển, như vậy là sai lầm. Sau khi làm xong việc tốt, tâm địa là một mảnh thanh tịnh, như vậy là hoàn toàn đúng, không bị bên ngoài quấy nhiễu. Đối với lục đạo này nhất định không có chút lưu luyến nào. Đây là chính xác, là hoàn toàn đúng. Đây chính là Hiền Thủ đại sư dạy chúng ta trong Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán: “tùy duyên diệu dụng”. Phổ Hiền Bồ Tát dạy chúng ta là hằng thuận chúng sanh là tùy duyên, tùy hỷ công đức là diệu dụng điều này chúng ta cần phải biết. Sau khi học được rồi cuộc sống của quý vị sẽ hạnh phúc sẽ mỹ mãn. Vì sao vậy? Vì ngày ngày an vui, pháp hỷ sung mãn.

Khổng Tử nói: học nhi thời tập chi bất diệc duyệt hồ”. Mỗi ngày sống trong hỷ duyệt, đây là hạnh phúc. Xưng danh để nhất định phải tương tục.

“*Nhược năng niệm niệm tương tục, tất mạng vi kỳ giả*”, tất mạng chính là một đời. Suốt đời ta đều là niệm niệm tương tục. Bên dưới nói mười người là mười người vãng sanh, một trăm người thì một trăm người thành Phật không sót một ai, vạn người tu vạn người đi. “*Hà dĩ cố? Vô tạp duyên đắc chánh niệm cố*”, nên nhớ tạp duyên này, thứ này không phải là điều tốt. Không tạp duyên được chánh niệm. “*Dữ Phật bốn nguyện tương ưng cố*”, phải rời xa tạp duyên. Trong thế gian này, xã hội này, thiết thời cũng nên hoan hỷ, không nên tính toán, mắc lừa cũng hoan hỷ đừng so đo, vì sao vậy? Vì nó là giả. Thiết thời hay bị mắc lừa thì thường nên nghĩ rằng: “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”.

Đức Phật nói càng cứu cánh hơn: “tất cả pháp đương xứ xuất sanh tùy xứ diệt tận”, nên trong Kinh Bát Nhã nói: “Nhất thiết pháp, tất cánh không, bất khả đắc”. Thiện nhân thiện quả bất khả đắc, ác nhân ác báo cũng bất khả đắc. Như vậy tâm quý vị đã thanh tịnh, không để những thứ này trong lòng, không còn tính toán so đo. Cũng chính là nhất định không chấp trước, nhất định không phân biệt. Tâm vĩnh viễn trú trong thanh tịnh bình đẳng giác, người này có thể không vãng sanh sao? Tâm tịnh tức Phật độ tịnh. Họ tương ưng viên mãn với thế giới Cực Lạc, với Phật A Di Đà, tương ưng với bốn nguyện của Phật.

“*Bát vi giáo cố*”, niệm Phật không cần niệm nhiều, nhớ mấy câu là suốt đời thọ dụng vô cùng. “*Thuận Phật ngữ cố*”, tùy thuận giáo huấn của Phật. “*Nhược xả chuyên niệm tu tạp niệm giả*”, có không ít người tự cho rằng rất giỏi giang, rất thông minh, là bậc lợi căn, bậc thượng căn. Họ từ bỏ chuyên niệm, để tu tạp niệm, họ học rất nhiều. Hạng người này hiện nay gọi là nhà Phật học, quảng học đã văn. Họ vãng sanh như thế nào? “*Bách trung hy đắc nhất nhị*”, hy là hy hữu, trong một trăm người khó có được một hai người vãng sanh. “*Thiên Trung hy đắc tam tứ*”, Lý Bính Nam thường nói Liên Xã Đài Trung là do ông sáng lập_Ông không phải nói ai khác mà nói các người tu theo Liên Xã Đài Trung.

Năm tôi theo Thầy khi Liên Xã Đài Trung tròn mười năm. Tôi nhớ năm đó tôi 32 tuổi_31 hay 1 32 gì đó_Thầy Lý thành lập Liên Xã Đài Trung này đã mười năm. Có bao nhiêu người tu học theo Liên Xã? 20 vạn người, trong Liên Xã đều có danh sách. Tôi theo Thầy Lý mười năm, khi tôi rời Liên Xã Đài Trung thì số người của Liên xã_đây là thêm mười năm nữa, tổng cộng là 20 năm_danh sách số người trong đó đã lên đến 50 vạn. Tôi nói vui với Thầy_Tôi nói thầy ơi! Nếu thầy muốn làm Thị Trưởng Đài Trung chỉ cần nói một tiếng mọi người mỗi vị đồng tu bỏ cho thầy một phiếu, thầy nhất định trúng tuyển.Thầy sẽ không làm những việc

này đâu. Thầy nói như thế nào? Các bạn niệm Phật của chúng ta, trong một vạn người có thể vãng sanh chỉ có ba năm người, không đáng gì. Nguyên nhân là gì vậy? Đối với thế duyên không buông bỏ được. Ở đây nói tạp duyên không buông bỏ được, nên chánh niệm cũng không khởi dậy. Nói cách khác khởi tâm động niệm vẫn là tự tư tự lợi, vẫn không rời được danh văn lợi dưỡng, vì thế khi lâm mạng chung chính là một thách thức, người thật sự có thể vãng sanh thật không nhiều.

Đây chính là ngoài tạp tu và chuyên tu ra, còn một nhân tố quan trọng, đó là đối với chân tướng của hai thế giới chưa hiểu biết rõ ràng. Chân tướng sự thật là Ta Bà rất đau khổ, Cực Lạc rất an vui, nhận thức không rõ ràng. Tham luyến thế giới Ta Bà này là sai. Một chút lợi ích nhỏ nhặt này quý vị cũng bị mê hoặc, như vậy lợi ích lớn thì không cần phải nói.

Người xưa thường nói danh cao lợi dày. Danh cao là quan lớn, bộ trưởng, tổng thống, quý vị có động tâm chăng? Lợi nhiều như trăm ức, ngàn ức quý vị có động tâm chăng? Động tâm là xong rồi. Chỉ có thật sự thấu triệt chân tướng sự thật, trong kinh đức Phật dạy chân tướng các pháp thật sự thông đạt, quý vị mới thật sự buông bỏ được.

Đức Thế Tôn thuyết pháp 49 năm thật không uổng phí, 49 năm rất cực khổ. Giảng kinh thuyết pháp mục đích là gì? Tất cả là giúp chúng ta đoạn nghi sanh tín, đây là cửa ải đầu tiên. Đối với giáo huấn của Phật thật sự có lòng tin thì nghi vấn sẽ được giải quyết hoàn toàn. Nếu quý vị không nghe, không học, thì lòng tin của quý vị, lòng tin kiên định không kiến lập được, rất dễ bị mê hoặc. Khổ vì thọ mạng nhân gian ngắn, việc khổ quá nhiều, chonên nói việc không như ý thường đến tám chín phần. Hiện nay không phải tám chín phần, hiện nay là chín mươi phần, làm gì có như ý!

Nâng cao cảnh giới lên được một bậc. Người Trung Quốc nói Ngọc Hoàng Đại Đế, trong Phật pháp gọi là Đạo Lợi Thiên Chủ phước báo lớn. Cao hơn một bậc nữa là Đại Phạm Thiên Vương, thiên chủ của sơ thiên. Tiếp tục hướng lên cảnh giới cao nhất Thiên chủ Tứ Thiên Ma Hê Thủ La Thiên Vương, phước báo rất lớn. Phạm vi thống trị là thế giới Ta Bà, đây là một đại thiên thế giới. Địa vị này cho quý vị, quý vị có nhận chăng? Quý vị có cần chăng? Người tu hành chân chánh không cần! Họ cần gì? Họ muốn đến thế giới Cực Lạc. Nói cách khác vãng sanh thế giới tây phương cực Lạc phẩm vị họ thấp nhất, tẻ nhất cũng là hạ hạ phẩm vãng sanh. Trí huệ, phước báo của họ vượt qua Ma Hê Thủ La Thiên

Vương. Phải hiểu rõ ràng minh bạch ta mới không cần nó, ta cần nó là bị mắc lừa lớn đấy. Ta đến thế giới Cực Lạc, trí huệ phước báo, thần thông đạo lực, Ma Hê Thủ La thiên chủ làm sao có thể sánh được? Phước báo của họ dù lớn đến đâu khi mạng chung cũng không ra khỏi luân hồi lục đạo. Không ra khỏi luân hồi lục đạo, như ngạn ngữ nói trào cao té nặng. Thọ mạng của Tứ Thiên Thiên- Tứ không Thiên đã hết, tuyệt đại đại số đều là ba đường ác, trong ba đường ác đọa vào địa ngục, đây chính là té nặng. Chonên hiểu rõ được chân tướng sự thật, đối với thế duyên thật sự buông bỏ. Thật buông bỏ tâm quý vị sẽ thanh tịnh, tâm thanh tịnh thì sanh trí huệ.

Thế gian muôn hình muôn vẻ, nghiệp nhân quả báo, quý vị đều thấy một cách rõ ràng, quý vị thấy một cách thấu suốt, vì sao thấu suốt? Tâm thanh tịnh chiếu kiến, không cần học nó. Chiếu kiến tất cả chúng sanh tạo nghiệp. Họ tạo rồi nhất định phải thọ báo. Hiện tại không thọ báo, tương lai thọ báo càng nặng. Chẳng phải chư Phật Bồ Tát không từ bi, vì sao mở to mắt nhìn họ thọ báo? Vì họ tạo nghiệp thì nhất định phải bị xử phạt. Chỉ đến khi gặp cơ duyên dạy họ, khuyên họ, đây là điều Phật Bồ Tát có thể làm. Quý vị đang chịu khổ chịu nạn, có ý niệm hồi hận, quý vị vừa động tâm, chư Phật Bồ Tát liền biết ngay. Chỉ cần có thể ăn năn, Chư Phật Bồ Tát sẽ giúp chúng ta. Quý vị hoàn toàn không có ý niệm sám hối, Chư Phật Bồ Tát sẽ không đến, vì sao vậy? Vì đến cũng vô dụng, không giúp được gì. Những chân tướng sự thật này đều phải biết, trong kinh điển nói về vấn đề này rất nhiều. Chúng ta xem tiếp đoạn sau.

“Tổng chi trì danh niệm Phật, thị chư Phật bốn hoài, cứu cánh phương tiện, kinh trung chi kinh. Thử thành vi vạn cổ bất di chi luận”.

Mấy câu này vô cùng quan trọng, không phải người thật sự thâm nhập kinh tạng, thì không dễ tin tưởng, thật sự gọi là pháp khó tin. Bốn hoài của Chư Phật là gì? Ở trước chúng ta đọc được câu: “nhất thiết giai thành Phật”, đây là bốn hoài của chư Phật. Chư Phật hy vọng tất cả chúng sanh mau mau thành Phật, hy vọng mọi người lập tức thành Phật, đây là bốn hoài Chư Phật.

Phật A Di Đà thật sự đã làm được. Dùng biện pháp dễ nhất, đơn giản nhất, phương tiện nhất, trực tiếp nhất, ổn định nhất, nhanh nhất và còn thành tựu cao nhất là trì danh niệm Phật. Thực tế mà nói biện pháp này rất vi diệu, trong tám vạn bốn ngàn pháp môn đều không có.

Quý vị xem pháp môn tốt như vậy, khiến quý vị viên mãn thành Phật trong một đời. Bây giờ chúng ta dùng phương pháp này đến thế giới Cực Lạc. Đến thế

giới Cực Lạc không bỏ pháp môn này, vẫn là pháp môn này thành Phật, vì sao vậy? Vì nó nhanh! Đến thế giới Cực Lạc lại học thêm thiên kinh vạn luận, như vậy không biết đi bao nhiêu đường vòng. Thiên kinh vạn luận có cần học chẳng? Không cần học. Vì sao vậy? Vì kiến tánh sẽ biết hết tất cả. Mọi người đều biết ngài Huệ Năng không biết chữ, chưa từng học. Thiên kinh vạn luận ngài có hiểu chẳng? Không có gì không hiểu, toàn bộ đều thông suốt. Chỉ cần kiến tánh là thông tất cả, thể xuất thế gian pháp đều từ tự tánh hiển lộ ra. Quý vị kiến tánh đã tìm ra căn nguyên, quý vị không có điều gì không biết.

Trí huệ_ trí huệ vô lượng, đức năng vô lượng tự tánh vốn tự đầy đủ. Ngài Huệ Năng kiến tánh, báo cáo của ngài nói với Ngũ Tổ rằng: “đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”, không thiếu điều gì cả. Đức Phật nói câu này càng rõ ràng minh bạch hơn. Vốn tự đầy đủ, đầy đủ những thứ gì? Trong Kinh Hoa Nghiêm nói rất rõ, Phật nói: “tất cả chúng sanh đều có trí huệ đức tướng của Như Lai”, điều này rõ ràng hơn nhiều, đó chính là vốn tự đầy đủ. Trí huệ đầy đủ, trí huệ viên mãn, đức tướng cứu cánh. Đức là năng lực, đức năng, tướng là tướng hảo, người thế gian chúng ta gọi là phước báo. Tướng hảo là phước báo, vạn đức vạn năng. Đức chính là năng lực, vô sở bất năng. Trí huệ là vô sở bất tri, kiến tánh là đạt được tất cả.

Đây chính là nói không cần thiết làm những điều phức tạp dài dòng, thành tựu rất nhanh nhẹn dứt khoát. Nói đến sau cùng chính là câu A Di Đà Phật này, mấy người nhận thức được danh hiệu này? Mấy người hiểu được danh hiệu này? Mấy người thật sự biết niệm danh hiệu này? Quá ít! Người nào thật sự niệm, thể xuất thế gian tất cả pháp đều buông bỏ hết. Nhất tâm chân niệm, người này thành Phật. Đây chính là Thiện Đạo đại sư nói vạn người tu vạn người đi, quý vị phải thật sự hành trì. Muốn hiểu được danh hiệu Phật này thật không đơn giản, nhất định không thể coi thường nó. Quý vị phải tôn trọng nó, phải coi trọng nó, nhất định không thể xa rời nó. Rồi nó quý vị chắc chắn sẽ lặn ngụp trong luân hồi lục đạo, ở trong luân hồi, quý vị nhất định đọa địa ngục, không thể không biết. Chonên nó là cứu cánh phương tiện, phương tiện trong phương tiện, kinh trong các kinh. Kinh là đường gần, là con đường thành Phật gần nhất. Đường nhanh trong con đường nhanh, không có con đường nào trực tiếp, ổn định, nhanh hơn con đường này, không tìm thấy.

“*Thử thành vi vạn cổ bất di chi luận*”, câu này là lời rất thật. Bên dưới đưa ra ví dụ để chứng minh cho chúng ta: “*nhân nhân lâm chung, vạn khổ giao bách. Trừ*

trì danh hiệu, dư hành nan khởi”, đây là đưa ra ví dụ để chứng minh. Vì người trong khi lâm chung, khổ khi lâm chung không thể hình dung được. Trong kinh dùng một ví dụ: rùa sống bị lột mai, để quý vị suy nghĩ ý nghĩa này. Rùa đang sống mà lột mai của nó. Nếu con rùa sống này là chính mình, bị người ta lột mai xem sự thống khổ này sẽ như thế nào? Phật nói người khi sắp lâm chung, thần thức rời xa thân thể, sự đau khổ này giống như rùa sống bị lột mai vậy, đau khổ mà họ chịu không thể nói hết được, chúng ta ở bên cạnh nhìn thấy nhưng hoàn toàn không biết gì.

Trong kinh điển Đức Phật nói, con người khi lâm mạng chung trong vòng tám tiếng đồng hồ không nên đụng vào họ. Chẳng những không nên đụng vào thân thể họ, đến dường họ ngủ cũng không nên động đến, để họ ra đi được yên tĩnh. Vì sao vậy? Vì đụng chạm vào dường của họ, họ cũng cảm thấy rất đau khổ. Chúng ta không biết! Trong tình hình này tất cả pháp môn đều không đủ năng lực, chỉ có niệm Phật A Di Đà. Niệm Phật A Di Đà mặc dù họ không tin, không niệm theo, cũng không muốn vãng sanh, nhưng có thể làm giảm nhẹ thống khổ cho họ. Phật hiệu này có sức mạnh lớn lao như vậy, nên ưu điểm trợ niệm lúc lâm chung rất lớn.

Họ không học Phật, họ không biết vãng sanh, nhưng làm họ bớt đau khổ. Giảm nhẹ đau khổ của họ chính là giúp đầu óc họ tĩnh táo, họ sẽ không đọa địa ngục. Sao đọa địa ngục? Mơ mơ hồ hồ nên đọa địa ngục, đầu óc không tỉnh táo sẽ đi vào địa ngục. Vì thế khi lâm chung gặp người trợ niệm cho họ, thông thường nói linh tánh cao một chút họ không đọa vào ba đường ác. Người nghiệp chướng sâu nặng họ sẽ không đọa địa ngục, nên giúp đỡ này lợi ích rất lớn lao!

“Như Quán Kinh vân”, đây là dẫn chứng ví dụ trong kinh điển. *“Ngũ nghịch thập ác chi nhân ưng đọa ác đạo, lâm mạng chung thời ngộ thiện tri thức giáo linh niệm Phật. Bĩ nhân khổ bức bất hoàng niệm Phật, thiện hữu cáo ngôn. Nhữ nhược bất năng niệm bĩ Phật giả”*. Niệm này là chỉ quán tưởng, khi lâm mạng chung không có cách nào tưởng nhớ Phật. *“Ứng xưng Vô Lượng Thọ Phật”*, “xưng” là chúng ta niệm ra tiếng, chính là niệm câu Phật hiệu này, niệm danh hiệu Phật. *“Như thị chí tâm linh thanh bất tuyệt, cụ túc thập niệm xưng Nam Mô A Di Đà Phật. Xưng Phật danh cố, ư niệm niệm trung, trừ bát thập ức kiếp sanh tử chi tội. Mạng chung chi thời, kiến kim liên hoa, do như nhật luân trú kỳ nhân tiên. Như nhất niệm khoảnh, tức đắc vãng sanh Cực Lạc thế giới”*.

Đoạn văn này thật không thể nghĩ bàn. Tạo thập ác ngũ nghịch là đọa địa ngục, ngũ nghịch thập ác là đọa vô gián địa ngục, không phải địa ngục bình thường. Khi lâm mạng chung gặp được thiện hữu, thiện hữu hiểu được Phật pháp, thấu triệt được chân tướng sự thật, dạy họ niệm Phật. Niệm Phật có bốn loại. Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói thật tướng niệm Phật, đương nhiên họ không làm được. Quán tưởng niệm Phật phổ biến nhất. Trong Thập Lục Quán Kinh, 14 loại là quán tưởng niệm Phật, một loại quán tượng niệm Phật, nghĩa là nhìn tượng Phật_quán tượng niệm Phật. Còn một loại nữa là trì danh niệm Phật. Vì thế tổng cộng 16 loại, gọi là thập lục quán. Trì danh niệm Phật xếp ở cuối cùng, thứ mười sáu. Càng ở sau cùng chính là càng quan trọng. Giống như biểu diễn trên vũ đài vậy, tiết mục sau cùng thường là tiết mục trọng điểm, hay nhất để ở sau cùng. Cách dạy học của đức Thế Tôn cũng như thế, hay nhất để ở sau cùng.

Quý vị xem trong Kinh Lăng Nghiêm, chương hai mươi lăm viên thông, Quan Thế Âm Bồ Tát nhĩ căn xếp ở sau cùng. Nếu chiếu theo thứ tự sắp xếp, thì phải sắp ở vị trí thứ hai, thứ nhất là nhãn căn, thứ hai là nhĩ căn, lục căn. Lục căn, lục trần, lục thức, chiếu theo thứ tự này. Quan Âm Bồ Tát không theo thứ tự này, mà lại để ngài ở sau cùng - thứ 25. Đại Thế Chí xếp ở thứ 24. Đúng lẽ Đại Thế Chí nên xếp vào thứ 23, nhưng ngài được xếp ở thứ 24, đây đều là pháp môn đặc biệt. Người thường tâm ý thô thiên, vì Quan Âm Bồ Tát rất rõ ràng, từ thứ hai lại sắp đến cuối cùng, vừa nhìn thấy lập tức hiểu được. Đại Thế Chí là 23 và 24 hai bên đổi lại thì đã sơ suất.

Cho rằng chương hai mươi lăm viên thông, Quan Thế Âm Bồ Tát là số một, không ai nhắc đến Đại Thế Chí, tôi cũng không để ý. Tôi học Kinh Lăng Nghiêm với thầy Lý. cũng đã giảng Lăng Nghiêm sáu bảy lần, nhưng không để ý! Rất lo là. Làm sao phát hiện được? Bị một hòa thượng người Nhật hỏi tôi, tôi liền phát hiện. Hòa thượng người Nhật này cũng là một giáo thọ, giáo thọ trường đại học Đài Loan. Có mấy bạn học, mấy bạn học Phật, sinh viên của đại học Đài Loan. Họ dẫn thầy mình_ở Nhật Bản cũng là người xuất gia học Phật_đến chùa Lâm Tế thăm tôi. Họ hỏi tôi học gì? Khi đó tôi đang học Lăng Nghiêm, chưa học xong. Ông hỏi tôi tu pháp môn gì? Tôi nói tôi tu Tịnh độ, niệm Phật A Di Đà. Ông ta cũng rất ngạo mạn, tư cách thái độ rất cao, hình như có chút mùi vị chế nhạo. Ông nói pháp sư học Lăng Nghiêm sao lại tu Tịnh độ? Kinh Lăng Nghiêm và Tịnh độ có sự liên quan gì? Ông ta hỏi tôi câu này. Vừa hỏi câu này tôi lập tức liền giác ngộ được. Thông thường người ta cho rằng Kinh Lăng Nghiêm có liên

quan với Mật Tông. Trong đó có năm đệ thần chú Lăng Nghiêm. Có quan hệ với Thiên, chonên tu thiên, tu mật chẳng ai không đọc Kinh Lăng Nghiêm. Vì thế ông ta rất hiếu kỳ, nó có quan hệ như thế nào với Tịnh độ?

Lúc đó tôi nghĩ đến Quan Âm, Thế Chí liền phát hiện, Bồ Tát Đại Thế Chí cũng là pháp môn đặc biệt. Không sắp xếp theo thứ tự, trong 25 vị là hai không phải một. Vì thế tôi vừa nghĩ đến điều này liền thẳng thắn nói với ông ta. Tôi nói: Tôi hỏi ông Bồ Tát Quán Thế Âm, Bồ Tát Đại Thế Chí có quan hệ như thế nào với Tịnh độ? Tôi hỏi đã thật sự làm khó ông ta. Đây là hai cánh tay của Phật A Di Đà. Tôi nói trong hội Lăng Nghiêm hai vị này là biểu pháp, tượng trưng cho pháp môn đặc biệt, không sắp xếp theo thứ tự. Tôi nói như thế, ông ta cũng giác ngộ được, cũng không còn gì để nói.

Nói cách khác Kinh Lăng Nghiêm có sự liên quan mật thiết với Tịnh độ. Mọi người chỉ biết “Quán Thế Âm Bồ Tát nhĩ căn viên thông”, phản văn văn tự tánh, tánh thành vô thượng đạo, đây là thiên, người tham thiên. “Đại Thế Chí Bồ Tát niệm Phật viên thông chương” cũng là pháp môn đặc biệt, cũng không sắp xếp theo thứ tự. Tôi cũng ngày hôm đó ông ta hỏi mới phát hiện được, đã nhắc nhở tôi. Đích thực rất nhiều người đã sơ suất điều này vì nó không rõ ràng lắm.

Quý vị xem thứ 23 là Di Lạc Bồ Tát. 23 vốn là Đại Thế Chí Bồ Tát, 24 là Di Lạc Bồ Tát. Hai vị này thay đổi một chút thành Di Lạc Bồ Tát 23, Đại Thế Chí Bồ Tát 24. Hai vị này thay đổi vị trí, thông thường người ta rất mơ hồ không thấy rõ được. Quan Âm Bồ Tát từ trên rớt xuống dưới, khoảng này rất lớn nên mọi người vừa nhìn đã biết nên “nhĩ căn viên thông chương” là tu học trong Thiên tông. Chỉ biết nó với Thiên và Mật có sự liên quan, chứ không biết nó có liên quan với Tịnh độ.

Vì sao không để Bồ Tát Đại Thế Chí sau cùng? Pháp môn này của Đại Thế Chí là phổ độ lục đạo chúng sanh, trong tất cả quốc độ Chư Phật khắp biến pháp giới hư không giới_ phổ độ. Nhĩ căn của Bồ Tát Quán Thế Âm kế nhập căn cơ chúng sanh trên địa cầu, sự việc chính là như vậy. Pháp môn niệm Phật bao gồm cả pháp môn của Bồ Tát Quán Thế Âm.

Điều này nếu không phải có người hỏi tôi, tôi cũng không nghĩ đến. Kinh Lăng Nghiêm giảng rất nhiều lần nhưng không phát hiện ra, lần hỏi này đã hỏi ra được vấn đề. Thầy dạy học trong lớp thời gian cũng dài, học sinh thường đưa ra vấn đề khiến trí huệ của thầy được khai mở. Khi không ai hỏi thì qua đi một cách

mơ hồ, vừa hỏi liền phát hiện. Phát hiện này đối với kinh điển phải thuần thực, kinh điển không thuần thực thì không phát hiện được.

Tôi học kinh Lăng Nghiêm với thầy Lý, thầy giảng một lần, tôi giảng lại một lần nên ấn tượng rất sâu sắc. Thầy giảng bộ kinh này một tuần vào tối thứ tư tại thư viện Từ Quang, tôi là buổi tối thứ năm. Chúng tôi có bảy người cùng học giảng kinh. Tôi giảng lại bộ kinh này, cũng là giảng bộ kinh này từ đầu đến cuối. Đây cũng là các bạn đồng học giúp tôi, thành tựu tôi. Chúng tôi bảy người kể cả Chu Gia Lân, Từ Tĩnh Thị, chúng tôi cùng học với nhau.

Đây là nói công đức niệm Phật thật không thể nghĩ bàn. Trong này quan trọng nhất là “như thị chí tâm” câu này thật hiếm có! Chí tâm là chân thành đến cực điểm. Chí tâm này trong Quán Kinh nói là tâm chí thành, là thể của tâm bồ đề. Thâm tâm, hồi hướng phát nguyện tâm đều là dụng của tâm bồ đề. Có thể có dụng, thâm tâm là tự thọ dụng, hồi hướng phát nguyện tâm là tha thọ dụng. Trong Đại Thừa Khởi Tín Luận nói là trực tâm. Chí thành tâm chính là trực tâm, thâm tâm, đại bi tâm. Hồi hướng phát nguyện chính là đại bi tâm. Thâm tâm thì các bậc cổ đức nói không rõ ràng lắm. Hiếu thiện, hiếu đức đây là các bậc cổ nhân thường nói. Sau này tôi giảng về thâm tâm, tôi giảng rất cụ thể, đem năm chữ trên đề Kinh Vô Lượng Thọ giải thích thành thâm tâm. Chính là thanh tịnh bình đẳng giác, đây là tự thọ dụng. Bất luận chúng ta học pháp môn gì, niệm Phật cũng không ngoại lệ. Tự thọ dụng là thanh tịnh tâm, bình đẳng tâm, giác mà không mê.

Chúng ta học Phật có thọ dụng hay không chính là ở nơi năm chữ này. Nếu chúng ta học Phật tâm không thanh tịnh, học như vậy thì uổng phí, học cả đời cũng vô dụng. Không đạt được tâm thanh tịnh, chúng ta quý vị không buông bỏ được những thứ lung tung. Buông bỏ tâm liền thanh tịnh, tâm thanh tịnh sanh trí huệ không sanh phiền não. Trong xã hội phức tạp này vẫn sanh trí huệ không sanh phiền não. Người khác hủy báng, sỉ nhục, hãm hại quý vị vẫn sanh trí huệ không sanh phiền não, vì sao vậy? Vì không có oán hận, không có báo thù. Chẳng những không có oán hận, không có báo thù, nếu công lực quý vị sâu, quý vị còn cảm ơn họ. Vì sao cảm tạ họ? Vì họ tiêu nghiệp chướng giúp quý vị, làm sao không cảm kích được? Họ đến kiểm tra chúng ta, kiểm tra chúng ta liền đủ tư cách. Ta không sanh sân nhuế, không có báo thù, hoan hỷ, tự mình đã nâng cao cảnh giới. Họ không khảo nghiệm, ta không biết mình đến trình độ nào. Khảo nghiệm mới hiểu được mình đến được giai đoạn nào, đã biết.

Cho nên bất luận là thuận cảnh hay nghịch cảnh. Trong nghịch cảnh không có oán hận, trong thuận cảnh không có tham luyến, thanh tịnh bình đẳng giác của quý vị đã hiện tiền. Đây là bồ đề tâm chân thọ dụng_tự thọ dụng, đối với người khác một lòng từ bi. Đối với người tạo ngũ nghịch thập ác vẫn hoan hỷ giúp đỡ họ, tuyệt đối không từ bỏ họ. Trong mắt mình họ là một vị Phật. Kinh Hoa Nghiêm nói tất cả chúng sanh vốn là thành Phật. Người tạo thập ác ngũ nghịch họ là Phật, vì sao làm việc xấu? Vì nhất thời hồ đồ. Điều này nên tha thứ cho họ, không nên để trong lòng, nhất niệm hồ đồ nên làm việc xấu. Họ sẽ tỉnh lại, họ sẽ giác ngộ, nên nhất định phải xem tất cả mọi người, đến chúng sanh trong ác đạo như ngựa quỷ, địa ngục, súc sanh đều phải xem họ như Phật, như vậy là đúng. Chúng ta đối với tất cả chúng sanh đã sanh tâm cung kính, đã khởi tâm từ bi. Thấy con kiến, con kiến Bồ Tát. Chúng ta dùng tâm này để câu thông, con kiến rất hoan hỷ. Xưa nay chưa ai gọi nó là Bồ Tát, chúng ta gọi chúng là Bồ Tát. Xưa nay chưa ai tôn trọng chúng, chúng ta tôn trọng chúng. Chúng ta tôn trọng chúng, chúng có thể không tôn trọng chúng ta sao?

Tôi có một ví dụ, tôi ở Đồ Văn Ba -Úc Châu, không đủ phòng dùng, nên xây dựng một ký túc xá ở phía sau, có bốn phòng, khi có các bạn đồng tu đến có thể tiếp đãi. Khi phòng vừa xây xong tôi dọn vào ở, sáng sớm ngày thứ hai dậy vào nhà vệ sinh. Trong nhà vệ sinh toàn bộ là kiến, không thể bước chân vào. Điều này rất phiền phức, nhà mới vậy chúng đến từ đâu? Nghĩ không ra, nên tôi chấp tay thưa với kiến Bồ Tát, tôi nói sáng sớm thức dậy tôi muốn rửa mặt, cần dùng nhà vệ sinh, quý vị vào từ đường nào thì hãy ra từ đường đó. Tôi cho quý vị nửa tiếng đồng hồ, tôi ra bên ngoài niệm Phật, nửa tiếng sau tôi trở lại dùng nhà vệ sinh. Tôi liền ra ngoài niệm Phật. Sau nửa tiếng trở lại không còn con kiến nào cả. Là chúng tôi tôn trọng nó, thật sự không biết từ đâu đến. Tìm không thấy nó từ đâu đến, đi ra từ đâu, hoàn toàn không có.

Nên chúng tôi trồng rau có mười mấy năm kinh nghiệm. Đối với những côn trùng này chúng tôi đều gọi chúng là Bồ Tát. Chúng tôi sống với nhau rất hòa bình, quan tâm lẫn nhau. Chúng ta nhất định không được sát hại. Chúng cần thức ăn, trong vườn rau chúng tôi vạch ra một góc, rau trong này chuyên dành cho chúng. Chúng tôi quan tâm rất chu đáo. Đích thực sâu bọ ăn rau đều đến mảnh rau đó. Quý vị thấy trên lá cây đều là từng chấm từng chấm vậy. Không vạch riêng cho chúng, chúng không động đến. Rau bên đó lên rất tốt, tuyệt đối không bị sâu ăn. Chúng tôi trồng hơn 30 loại cây rau quả, hiện nay đều thu hoạch rất

nhiều. Chim ăn chúng tôi cũng chỉ định mấy gốc cây chuyên cung cấp cho chim, không chỉ định quý vị phải lưu lại cho chúng tôi. Rất hợp tác, rất uy tín.

Chúng ta giao tiếp với những động vật nhỏ này, đáng tin cậy hơn cả con người. Chúng tin tưởng chúng ta, chúng ta cũng tin tưởng chúng không hoài nghi, rất uy tín nên sức sanh đẻ độ hơn con người. Hiện nay vườn rau của chúng tôi, rừng cây trái của chúng tôi đều cài đặt máy niệm Phật, để chúng đều nghe được danh hiệu Phật. Có khi cũng mở băng kinh, khiến chúng đều có thể nghe được Phật pháp, nên rau xanh lên rất tươi tốt, trái cây cũng đặc biệt ngon. Nông phu trồng rau quả lân cận đều rất hâm mộ, liền đến tham quan xem chúng tôi trồng ra sao? Chúng tôi đem phương pháp bày cho họ. Họ dùng thuốc dùng phân bón rau quả sinh trưởng không như chúng tôi, nên chúng tôi cũng dạy họ cách này để họ cùng làm. Có người làm rất thành công, thật sự bớt rất việc nhiều. Phải dùng lòng yêu thương để đối người đối sự đối vật, không thể dùng sân hận. Dùng chánh diện tuyệt đối không dùng phản diện, đến thiên địa quỷ thần những loại bò bay cựa động đều có thể sống hòa bình.

Chỉ cần sanh ra trên địa cầu này, chúng ta nên sống hòa đồng, quan tâm lẫn nhau, hợp tác với nhau đây là việc tốt. Đây là thành quả suốt mười mấy năm chúng ta làm ra. Phàm những ai dùng phương pháp của chúng tôi đều làm thành công. Không phải tôi làm thành công người khác làm không thành, đều làm thành công! Rất nhiều người học Phật đến tham quan vườn rau chúng tôi đều học được. Đối với những côn trùng này như kiến trùng gián chỉ cần dùng lòng thương yêu đối đãi chúng. Chúng đến cắn một miếng nhất định không thể giết nó, chúng ta đồng ý cúng dường chúng một bữa, đây là bố thí cúng dường. Nếu không bằng lòng cúng dường quý vị nên tránh chúng không nên giết chúng. Đạo lý này phải hiểu càng giết càng nhiều, đó chính là oan oan tương báo không bao giờ dứt.

Cúng dường vài lần chúng sẽ biết, lần sau chúng sẽ không đến đây, không còn đến làm phiền nữa. Tất cả đều có thọ tướng hành thức, đến cây cỏ hoa lá đều có thọ tướng hành thức, đều có kiến văn giác tri, vì thế cây cỏ hoa lá có thể câu thông, sơn hà đại địa có thể câu thông.

Trong Hoàn Nguyên Quán nói rất rõ ràng: từ nhất thể khởi nhị dụng. Nhị dụng: thứ nhất chính là hoàn cảnh, y báo. Dụng thứ hai là chánh báo, chánh báo là chính mình. Điều này nhất định phải rất rõ ràng. Y báo là hoàn cảnh sinh hoạt của chúng ta. Trong hoàn cảnh có nhân sự hoàn cảnh, nhà Phật gọi là y chánh trang nghiêm. Chánh báo chắc chắn là chính mình, ngoài mình ra toàn bộ là y

báo. Trong y báo có hoàn cảnh nhân sự, có hoàn cảnh vật chất, có hoàn cảnh tự nhiên. Chư Phật Bồ Tát là tôi, nhân sự hoàn cảnh trong y báo, chư Phật Bồ Tát. Chánh báo là chính mình.

Thông thường Phật vì chúng ta giới thiệu thế giới Cực Lạc. Chánh báo của thế giới Cực Lạc là Phật A Di Đà. Chúng ta đến thế giới Cực Lạc chúng ta là hoàn cảnh y báo của Phật A Di Đà. Trái lại chính chúng ta là chánh báo, Phật A Di Đà là y báo của chúng ta, thế giới Cực Lạc là y báo của chúng ta. Tất cả mọi người vãng sanh đến thế giới Cực Lạc toàn là y báo của chúng ta. Y báo này nhất định phải hiểu rõ ràng minh bạch. Y chánh là một không phải hai, vĩnh viễn không thể tách rời.

Chúng ta đối với chính mình như thế nào thì cần đối đãi với người khác như thế, đối đãi y báo của chúng ta. Trong y báo bao gồm nên nhớ rằng nhân sự, vật chất là hoàn cảnh tự nhiên. Đối với chúng ta thông thường nói một cách thích hợp chính là đối với nhân sự của chúng ta. Còn đối với vạn vật vạn vật đa phần là chỉ động vật, thêm nữa chính là thực vật như cây cỏ hoa lá, sơn hà đại địa. Trong đó còn bao gồm cả hoàn cảnh tự nhiên như sáng tối, gió mưa đều thuộc hiện tượng tự nhiên. Hiện tượng tự nhiên hình thành vật chất hữu hình và vô hình, hiện nay chúng ta gọi là dao động, mắt thịt chúng ta không nhìn thấy được, hoặc là nói sanh vật bất đồng không gian duy thứ, và chúng ta là nhất thể, đều từ trong thanh tịnh viên minh thể lưu xuất ra, lưu xuất nên là nhất thể. Nhất thể thì phải biết tương thân tương ái, trong nhất thể nhất định phải biết bao dung.

Họ mê thất tự tánh nên không biết là nhất thể, họ mới làm ra rất nhiều hành động trái với tự tánh. Nếu biết họ tuyệt đối không làm trái, mà tùy thuận tánh đức. Tâm tùy thuận tánh đức đó, tâm bao dung đó là loại thứ ba trong ba loại chu biến, hàm dung không hữu. Hàm không, không là hư không, tâm bao thái hư. Dung là dung hữu, hữu chính là ba loại hiện tượng, hiện tượng vật chất, hiện tượng tự nhiên và hiện tượng tinh thần, nó có thể bao dung. Tâm ôm trọn cả hư không pháp giới, không có gì không bao dung. Bao dung đến mức độ nào? Nhất thể.

Nếu nói bao dung như cha mẹ, vợ con, con cái. Điều này có thể bao dung, vẫn không phải nhất thể. Bao dung đến nhất thể giống điều gì? Giống ngũ quan của chúng ta: nhãn nhĩ tỷ thiệt thân, lục phủ ngũ tạng, những thứ này rất thân thiết, là nhất thể. Phải xem vạn sự vạn vật trong vũ trụ là lục phủ ngũ tạng của chính mình, mắt tai mũi lưỡi là nhất thể, ai làm được? Chư Phật Như Lai, pháp thân Bồ

Tát làm được. Trong mắt các ngài tuyệt đối không xem chúng ta là người ngoài, xem chúng ta như lácục cưng của mình, cách nhìn của các ngài là như vậy. Pháp thân Bồ Tát cũng dùng cách nhìn này, vì sao? Vì họ hoàn toàn minh bạch.

Trong Kinh Hoa Nghiêm bậc Sơ trú trở lên. Trong mắt họ biến pháp giới hư không giới và chính mình là nhất thể. Không thể thừa nhận đó là mê thất tự tánh, họ không xa rời tự tánh, chỉ là hoàn toàn mê thôi. Cha mẹ mình mà con không quen biết. Phật pháp dạy chúng ta, không gì khác ngoài việc dạy chúng ta quay đầu. Dạy chúng ta tìm về cội nguồn, dạy chúng ta tìm lại chính mình. Minh tâm kiến tánh chính là tìm được cội nguồn, tìm được nguồn gốc thì tất cả mọi việc đều viên mãn.

Trong kinh có câu: “nhược nhân thức đắc tâm”, đây chính là chân tâm chính là tự tánh. Phải thật sự nhận chân được “đại địa vô thốn thổ” đây là bao hàm tất cả. Vừa rồi cũng đã nói giữa vũ trụ này không ngoài ba loại hiện tượng là: hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần và hiện tượng tự nhiên, tất cả đều là tự tánh biến hiện ra. Rời tự tánh không có pháp nào khả đắc, điều này nói một cách thân thiết biết bao. Cảnh giới này là cảnh giới của pháp thân Bồ Tát, là cảnh giới minh tâm kiến tánh. Ngày nay chúng ta không kiến tánh được, vì sao vậy? Vì chúng ta cách cảnh giới này quá xa.

Nói cách khác, chúng ta mê quá sâu nặng. Tiếp cận cảnh giới này, như vậy thì chúc mừng quý vị, quý vị sắp được thành Phật. Vì sao vậy? Vì quý vị đã tiếp cận thật tướng các pháp, đây là chân tướng không phải giả. Không thừa nhận đối với điều này còn hoài nghi thì quý vị đối với tự tánh còn cách rất xa, phải làm sao? Học tập đại thừa, kinh giáo đại thừa dần dần kéo quý vị gần hơn. Sau khi đến gần quý vị phải buông bỏ, ngày nay chúng ta gọi là giải ngộ, không thể hiện thực. Hiện thực chính là thể nghiệm trong cuộc sống hằng ngày, quý vị có thể thương người chăng? Thương người như thể thương thân, đây chính là khảo nghiệm, chính là sở tri, sở giải của quý vị. Có thể thật sự thay đổi được ý niệm của quý vị chăng? Thật sự thay đổi được là quý vị thành Bồ Tát, thành Phật. Chưa thật sự thay đổi, tuy quý vị biết nhưng quý vị không phải Bồ Tát, cũng không phải Phật, mà vẫn còn phàm phu. Quý vị chưa làm được nên sau khi giải ngộ phải có chứng ngộ. Chứng ngộ là gì? Dem tất cả những gì ta giải ngộ được và cuộc sống sinh hoạt của quý vị dung hợp thành nhất thể, đó gọi là chứng ngộ. Giải và hành hợp nhất, giải chính là hành, hành chính là giải. Hành giải là một không phải hai, quý vị đã chứng. Điều này rất cần thiết.

Chỉ có giải không có hành, dùng cách nói hiện nay, nó là tri thức. Nếu giải hành hợp nhất đó là trí huệ. Tự tánh vốn đầy đủ trí huệ Bát Nhã, biểu hiện ở bên ngoài tự tánh vốn đầy đủ đức tướng. Đức là đức năng, tướng là tướng hảo, tự nhiên biểu hiện ra bên ngoài. Đây chính là đức thứ hai của tứ đức trong Hoàn Nguyên Quán “oai nghi hữu tắc”. Tất cả ngôn hành cử chỉ của quý vị, có thể làm tấm gương tốt nhất cho chúng sanh mê hoặc điên đảo trong lục đạo. Quý vị biểu hiện tấm gương là Bồ Tát là Phật, chư Phật Bồ Tát ứng hóa ở thế gian giống như quý vị đây, thì quý vị chính là Phật sống, Bồ Tát sống, đã làm được. Chí tâm như vậy, dùng tâm này để niệm Phật là chân tâm niệm Phật không phải giả tâm niệm Phật. Trong tâm này không có hoài nghi, không có xen tạp. Chính là tịnh niệm mà Bồ Tát Đại Thế Chí nói, không có chút vọng niệm nào xen lẫn vào trong đó. Âm thanh không gián đoạn, câu này niệm tiếp câu kia. Niệm điều gì? Đầy đủ mười niệm. Ở đây đưa ra một ví dụ chỉ có mười niệm. “*Xưng Nam Mô A Di Đà Phật, dĩ xưng Phật danh cố. Ư niệm niệm trung, trừ bát thập ức kiếp sanh tử chi tội. Mỗi nhất niệm, trừ bát thập ức kiếp sanh tử trọng tội*”. Ở đây tám mươi ức nhân với mười, tám trăm ức! Tám trăm ức kiếp sanh tử trọng tội. Mười niệm này “*mạng chung chi thời, kiến kim liên hoa do như nhật luân*”, quang minh giống như mặt trời vậy. “*Trú kỳ nhân tiền*”, người này ở trước họ đã thấy được. “*Kim liên hoa như nhất niệm khoảnh*”, nhất niệm khoảnh là nói thời gian rất nhanh. Nhất niệm này hiện nay chúng ta hiểu được chính là nhất niệm mà Bồ Tát Di Lặc nói. Một khảy móng tay có 32 ức trăm ngàn niệm, nhất niệm ở đây quý vị nghĩ xem nó nhanh biết bao.

Hiện tại chúng ta dùng dây làm đơn vị, là mấy phân của một giây. Một giây có thể khảy móng tay năm lần, nhân năm là 1600 triệu. Một giây là một trên 1600 triệu, đây gọi là nhất niệm khoảnh. Quý vị xem nhanh biết bao nhiêu, họ liền vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, ngồi trên hoa sen vàng mà đi, phẩm vị tuyệt đối không thấp. Quý vị phải nghĩ đến ngũ nghịch thập ác, không phải làm việc tốt, làm việc xấu ngũ nghịch thập ác. Tướng địa ngục hiện tiền bị khổ bức bách, khiến họ không có vọng niệm, quý vị thấy chí tâm nhất niệm thập niệm đã ngồi trên đài liên hoa ra đi phẩm vị là hạ bối vãng sanh sao? Không thể! Phẩm vị của họ rất có thể là thượng bối vãng sanh, trực tiếp sanh vào cõi thật báo trang nghiêm. Quá lợi hại, quả thật không thể nghĩ bàn, hiển thị pháp môn niệm Phật rất thù thắng, pháp môn niệm Phật thật không thể nghĩ bàn.

Đây là gì? Họ gặp duyên không giống nhau. Chứng minh lời của Thiện Đạo đại sư hoàn toàn chính xác. Không nên nhìn thấy họ là thiện nhân, là ác nhân, chiêu sau cùng luôn ở chỗ gặp duyên khác nhau. Ác nhân này, duyên của họ quá thù thắng khiến họ trong khoảng sát na, khi lâm mạng chung họ không cách nào nghĩ đến điều ác, ác niệm không sanh khởi được.

Thiện hữu dạy họ câu Phật hiệu này. Câu Phật hiệu này đưa họ đến thế giới Cực Lạc, có thể đưa họ thượng phẩm thượng sanh, đến thế giới Cực Lạc liền thành Phật, đây là chí tâm nhất niệm vãng sanh. Chúng ta tin rằng họ nhất định không phải về cõi đồng cư. Hoa sen báu, rất có thể là cõi thật báo. Cõi thật báo 41 địa vị chính là địa vị đầu tiên Viên giáo Sơ trú. Trong đại thừa thường nói đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, họ là cảnh giới này. Đến thế giới Cực Lạc hoa khai kiến Phật, chứng vô sanh pháp nhẫn. Có thể chăng? Về lý mà nói đích thực có thể, vì sao vậy? Vì quý vị vốn là Phật.

Chư vị cổ đức nói thượng thượng phẩm là trên tứ độ. Thượng trung phẩm là sơ địa đến tam địa_sơ nhị tam, dần dần hạ thấp xuống, có nhận xét này. Thiện Đạo đại sư căn cứ trên kinh điển nói rằng, họ khẳng định nhân duyên không giống nhau, tứ độ tam bối cửu phẩm luôn ở chỗ gặp duyên không giống nhau. Gặp duyên là trong sát na khi lâm mạng chung duyên đó nhất định là phẩm vị mà quý vị vãng sanh.

“*Kinh vân bất năng quán Phật*”, đây là thật, vì sao vậy? Tu thập ngũ quán trong thập lục quán. Ngoài niệm Phật ra thì đều rất khó! Tâm phải rất tỷ mỹ, phải rất bình tĩnh mới được. Lâm chung khi tướng địa ngục hiện tiền cảm thấy sợ hãi! Tâm làm sao có thể yên tĩnh lại, làm sao có thể bình tĩnh lại? Nên không thể thấy Phật. Bình thường tu quán đến lúc đó cũng không được, cũng không cách nào tu được, duyên không giống nhau. Lúc này chỉ có niệm Phật.

“*Đản nhưng năng niệm Phật danh hiệu, thị hiển trì danh chi pháp, thật vi chí dị dã. Lâm chung dị niệm, nhân đắc vãng sanh, thị vi chí ổn dã, ổn đương!*”. Thật có thể giúp quý vị thành tựu. Hiển lộ ra phương pháp trì danh thật không thể nghĩ bàn. Phương pháp trì danh này chúng ta nhất định không thể sơ suất, không thể xem thường. Nhất định phải khẳng định nó ở trong vô lượng pháp môn thật sự là pháp môn đệ nhất, đích thực là pháp môn đệ nhất. Bất luận pháp môn nào cũng không thể thành tựu, chỉ có pháp môn này có thể thành tựu. Chẳng những thành tựu mà còn có thể đạt được thành tựu cao nhất, như ở đây nói ví dụ này phẩm vị của họ rất cao. Nhất định họ là pháp thân Bồ Tát.

Cũng chính là nói chí tâm của họ là lý nhất tâm bất loạn, không có chút tạp niệm nào, cũng không có chút hoài nghi nào, mới có hiệu quả thù thắng như vậy. Chúng tôi pháp môn niệm Phật thật không thể nghĩ bàn, nhưng tạo tội nghiệp nặng như vậy, khi lâm chung, cơ duyên này có thể gặp được hay không, đây là vấn đề lớn! Đây là đưa ra một ví dụ, trường hợp này là thật không phải giả, để chúng ta biết được sự thù thắng của pháp môn này, pháp môn không thể nghĩ bàn. Pháp môn dễ tu, chúng ta hiện tại cần phải nắm bắt. Mỗi niệm không buông lơi, lâm chung nhất định sẽ thành công.

Chúng ta đối với thế gian này nhất định không còn chút tham luyến nào. Ở trên thế gian này đều tùy duyên, có cũng tốt, không có cũng tốt, tuyệt đối không so đo tính toán những điều này. Tâm chúng ta trước sau đều giữ được thanh tịnh, giữ được giác mà không mê, duy trì chánh mà không tà, tịnh mà không nhiễm. Bình thường có thể làm được như vậy thì vãng sanh là điều có thể. Tâm chúng ta tự tại biết bao, an vui biết bao! Tuy chưa đến thế giới Cực Lạc nhưng đã đăng ký ở thế giới Cực Lạc rồi, nhất định về được đó! Nơi này không nên đăng ký. Nếu đăng ký cõi Ta Bà này như vậy thì phiền phức rất lớn. Thế giới bất luận như thế nào cũng tốt, mọi thứ đều tốt, nhưng không liên quan đến tôi. Tôi là người của thế giới Cực Lạc, chỉ ở tạm nơi đây vài ngày, giống như ở nhà trọ vậy, được chân thật tự tại!

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 405

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 10.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 504, hàng thứ ba từ dưới đếm lên, bắt đầu xem từ ở giữa.

Từ “kinh vân lâm chung bất năng quán Phật. Đản năng niệm Phật danh hiệu, thị hiển trì danh chi pháp thật vi chí dị dã. Lâm chung dị niệm, nhân đắc vãng sanh, thị vi chí ôn dã. Ư niệm niệm trung, trừ bát thập ức kiếp sanh tử chi tội, thị vi chí đốn dã. Ngũ nghịch thập ác chi nhân, lâm chung thập niệm tức đắc vãng sanh. Đối nghiệp phàm phu đốn tề phổ tế, thị vi chí viên dã”.

Chúng ta xem đoạn này trong kinh Phật nói, lâm chung không thể quán Phật. Ở trước chúng tôi giảng đến Kinh Thập Lục Quán. Kinh Vô Lượng Thọ là Tịnh tông khái luận. Đối với Phật A Di Đà và thế giới Cực Lạc giới thiệu rất tường tận, khiến chúng ta nhận thức Tịnh độ, nhận thức Phật A Di Đà.

Đối với Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, nó chú trọng ở phương pháp. Đã có tín nguyện, thì phải niệm Phật như thế nào. Chonên Đức Thế Tôn đưa ra mười sáu phương pháp, toàn bộ đều là niệm Phật. Niệm Phật tóm lại mà nói thì không ngoài bốn loại lớn: Thật tướng niệm Phật, quán tướng niệm Phật, quán tượng niệm Phật và trì danh niệm Phật. Bốn loại lớn này đều bao hàm hết tất cả. Trong thập lục quán có mười bốn loại là quán tướng, một loại là quán tượng, loại sau cùng là trì danh, nên trì danh niệm Phật là quán sau cùng trong thập lục quán, cũng là một phương pháp vô cùng quan trọng. Mười lăm phương pháp trước khi không dùng đến, thì phương pháp sau cùng có thể dùng được.

Niệm sau cùng khi lâm chung, người vãng sanh đoạn khí, niệm sau cùng này quan trọng nhất. Niệm này nếu quên không nhớ đến Phật, thì đời này chúng ta sống một cách uổng phí, lại lặn ngụp trong luân hồi lục đạo. Có thể vãng sanh hay không quyết định ở niệm sau cùng này, cho nên trong nguyện thứ 18 nói: “lâm chung nhất niệm, thập niệm đều có thể vãng sanh”, đây là thời khắc máu chốt. Thời khắc này chính là thời khắc đau khổ sau cùng, thần thức xa rời thân thể. Xa rời thân thể, thống khổ này đến mức độ nào?

Trong kinh Phật đưa ra một ví dụ ví như rùa sống bị lột mai. Rùa đang còn sống như vậy mà lột mai của nó ra, khiến chúng ta nghĩ đến thông khổ này. Thân thức rời xa thân thể cũng giống như vậy, cho nên đây là thời khắc đau khổ nhất. Thông thường trong lúc đau khổ này thì phương pháp nào cũng không dùng được, vì sao vậy? Con người đến lúc quá thống khổ, thậm chí phương pháp mà bình thường tu đến, lúc này cũng quên mất, không khởi lên được, đây là thời khắc quan trọng. Lúc này họ có thể gặp được thiện tri thức, thiện tri thức có thể khuyên họ niệm Phật, một câu nhắc nhở, niệm Phật dễ, còn có thể niệm danh hiệu Phật. Câu danh hiệu Phật này có thể giúp họ vãng sanh.

Như ở trước nói: “*như thị chí tâm, linh thanh bất tuyệt*”, tâm lúc này ngoài câu niệm Phật ra, họ không còn ý niệm nào nữa. Thật sự là tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, cho nên nhất niệm này vãng sanh đến thế giới Cực Lạc. Phẩm vị cao hay thấp phải xem nhân duyên. Nếu nhân duyên thù thắng rất có thể đến thượng bói vãng sanh. Đây chính là Thiện Đạo đại sư nói với chúng ta: “tứ độ tam bói cửu phẩm ở chỗ gặp duyên không giống nhau”. Câu này nói hay quá, đây là lời chân thật.

“*Niệm Phật danh hiệu vãng sanh Tịnh độ thị hiển trì danh chi pháp, thật vi chí dị dã*”. Điều này là dễ dàng đến cực điểm, khi lâm mạng chung dễ niệm. Phương pháp khác đến lúc này đều không khởi lên được, nhưng niệm Phật thì được, câu Phật hiệu này có thể khởi lên được. “*Nhân đắc vãng sanh, thị vi chí ốn dã*”, phương pháp vững chắc nhất chính là niệm Phật. “*U niệm niệm trung, mỗi nhất niệm tiêu bát thập ức kiếp sanh tử chi tội*”, tiêu nghiệp chướng rất nhanh nhưng quý vị nên nhớ rằng_điều này ở sau có nói đến_một niệm tiêu 80 ức kiếp tội nặng sanh tử là dùng tâm như thế nào để niệm? Tâm chí thành.

Bậc cổ đức nói tâm này là gì? Tâm này là lý nhất tâm bất loạn, chân thành đến tột cùng, tâm này là tâm Phật, sự nhất tâm cũng không đạt được, đây là lý nhất tâm. Là sự nhất tâm, là lý nhất tâm, hay công phu thành phiền, đều ở lúc gặp duyên không giống nhau. Họ có thành tựu thù thắng như vậy. Chi nên “*chí đốn*”, đốn đến cực điểm. Đốn là đốn siêu, không có thứ lớp. Từ bậc địa phàm phu nâng cao đến địa thượng Bồ Tát, đây gọi là chí đốn.

Ngũ nghịch thập ác, nhất định đọa vào địa ngục, mà là vô gián địa ngục, đây là tội cực nặng. Lâm chung mười niệm tức đắc vãng sanh, gọi là đốn nghiệp phàm phu, phàm phu mang theo nghiệp cực nặng. Quý vị xem đốn tề bồ xứ, họ vãng sanh thế giới Cực Lạc với bồ xứ Bồ Tát bình đẳng. Đây là chí viên, viên mãn đến

tốt cùng. Mấy câu kinh văn này đã nói tận cùng công đức trì danh niệm Phật, có nhiều ưu điểm như vậy. Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn cũng không tìm thấy. Thật sự là viên đốn đến cực điểm.

“Trì danh diệu pháp ký chí giản dị ôn hòa, hựu phục tối cực viên đốn. Thị cố thập phương Như Lai đồng tán, thiên kinh vạn luận cộng chỉ”.

Phương pháp tu hành này của Tịnh độ tông đơn giản nhất, dễ nhất và chắc chắn nhất. *“Hựu tối cực viên đốn”*, viên là viên mãn, đốn là đốn siêu. Siêu ở đây nghĩa là luôn vượt lên cho đến đẳng giác Bồ Tát, vì thế mười phương Như Lai không có ai không tán thán.

Ở trước chúng ta đọc đến, Đức Thích Ca thay mặt Chư Phật tán thán Phật A Di Đà là “quang trung cực tôn, Phật trung chi vương” chư Phật tán thán. *“Thiên kinh vạn luận cộng chỉ”*, “chỉ” ở đây là chỉ quy. Vô lượng vô biên pháp môn đến cuối cùng đều quy về Tịnh độ. Chúng ta thấy Hoa Nghiêm đến sau cùng, có thể nói là bất luận tu học pháp môn nào, thành tựu sau cùng đều vắng sanh về thế giới Hoa Tạng, cõi báo của đức Phật Tỳ Lô Giá Na. Đến thế giới Hoa Tạng, theo hai vị Bồ Tát Văn Thù và Phổ Hiền trở về Cực lạc, đi về thế giới Cực Lạc học tập với Phật A Di Đà. Đây chính là vì sao mười phương Như Lai cùng tán thán, “ngàn kinh vạn luận cùng chỉ”, ví dụ rất rõ ràng để ngay trước mắt.

Câu sau cùng này Hoàng Niệm Tổ khuyên chúng ta, *“thế chi hành nhân”*, người tu hành ở thế gian này, thực tế nên *“tốc phát đại tâm”*, mau mau phát tâm. Phát tâm như thế nào? Phát chân tín tâm đối với thế giới Cực Lạc, đối với Phật A Di Đà, không còn hoài nghi nữa. Lòng tin chân thật, thật sự phát nguyện cầu sanh Tịnh độ, thân cận Phật A Di Đà. Phát tâm này sau đó nhất hướng chuyên niệm, chính là dùng phương pháp trì danh. Một phương hướng, một mục tiêu chuyên niệm Phật A Di Đà, như vậy là đúng.

Đoạn bên dưới nói *“bổn kinh”*, chính là Kinh Vô Lượng Thọ. *“Dĩ phát bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm vi tôn”*, “tôn” là tôn chỉ tu hành. Phương pháp tu hành trong kinh này là gì? Chính là dùng nhất hướng chuyên niệm, dùng phương pháp này. *“Nhân thượng nhị giả, bất khả phân cách”*. Ở trước nói phát tâm bồ đề nhất hướng chuyên niệm, hai điều này không thể tách rời nhau, nó là nhất thể. Vì sao vậy? Vì phát tâm bồ đề là tín là nguyện. Tín thật nguyện thiết, nhất hướng chuyên niệm là hạnh. Tín- nguyện - hạnh, ba điều kiện thiếu một cũng không được. Cầu sanh thế giới tây phương Cực Lạc chính là ba chữ này.

Ngẫu Ích đại sư chú Di Đà Kinh Yếu Giải. Trong chú giải lấy ba chữ này làm trọng tâm. Quý vị xem ba phần, trong phần tựa ngài chia ra ba đoạn tín- nguyện- hạnh, phần chánh tông cũng là tín- nguyện- hạnh, sau cùng phần lưu thông vẫn là dùng tín- nguyện- hạnh. Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư nói rất hay. Ấn Quang đại sư đối với ngài tán thán nói rằng: “cho dù cổ Phật tái sanh viết chú giải cho Kinh Di Đà cũng không thể hơn bản này”. Chúng ta biết Ấn Quang đại sư là Bồ Tát Đại Thế Chí tái sanh. Bồ Tát Đại Thế Chí tán thán như vậy. Ngẫu Ích đại sư là người như thế nào? Tuy không nói ra nhưng trong tâm chúng ta đều biết nếu không phải Phật A Di Đà tái sanh thì nhất định là Bồ Tát Quán Thế Âm rồi.

Chư Phật Bồ Tát từ bi, biết chúng sanh trong thời mạt pháp nghiệp chướng sâu nặng. Đọa lạc không thể nói là tám chính phần, hầu như toàn bộ đều đọa lạc. Người thật sự có thể niệm Phật vãng sanh thật hiếm có, nên thế gian mới có nhiều thiên tai như vậy. Nếu người niệm Phật vãng sanh nhiều thế gian này không thể có thiên tai. Vì sao vậy? Ở trước có nói người niệm Phật là người có trí huệ nhất, người có phước báo nhất trong thế gian. Ngạn ngữ xưa có câu: “người phước ở đất phước”, người có trí huệ, có phước báo ở đây, thì làm sao có thiên tai được?

Thời đại này, chúng ta sanh trong thời đại này, lớn lên trong thời đại này, đối với tiền nhân hậu quả trong thời đại này đều rất rõ ràng minh bạch. Phổ biến trên xã hội này đều lãng quên đi luân lý, đạo đức, nhân quả. Mê muội tôn sùng khoa học. Không thể nói khoa học không tốt nhưng khoa học không phải vạn năng, khoa học cũng có tệ hại, khoa học cũng có lưu lại hậu di chứng rất nghiêm trọng. Điều này nhiều người học khoa học đều biết. Trung Quốc không phải không có khoa học, Kinh Dịch chính là khoa học. Mấy ngàn năm trước Trung Quốc cũng có sự mạnh mẽ của khoa học, nhưng cổ nhân không muốn phát triển theo phương hướng này, nên đã tiêu diệt nó. Nguyên nhân gì hiện nay chúng ta đã biết. Khoa học nếu không có luân lý, đạo đức, nhân quả làm nền tảng thì hại của nó nhiều hơn lợi. Nếu có luân lý, đạo đức, nhân quả làm nền tảng vững chắc, khoa học đối với nhân loại lợi rất nhiều, hại sẽ ít lại. Đạo lý là ở đây.

Vì thế chúng ta quan sát tường tận, người xưa của chúng ta có trí huệ, có sứ mệnh, có tâm từ bi. Không nhẫn tâm để khoa học kỹ thuật mang tai họa đến, đến tiêu diệt nhân loại, vì thế không phát triển theo phương pháp này.

Ba điều kiện tín- nguyện- hạnh, đây gọi là ba tư lương tu học của Tịnh tông. Tư lương: ví dụ chúng ta đi du lịch cần thiết phải mang theo trong túi ít tiền, đây là tư. Còn phải mang theo ít lương thực, hiện nay không cần mang theo lương

thực. Vì sao vậy? Sự nghiệp du lịch phát triển có thể nói là tương đối viên mãn. Ra khỏi nhà chuyên ăn ở đi đâu không có vấn đề, chỉ cần đem theo tiền là đủ. Điều này vào thời cổ đại thì không được, thời xưa quý vị tốn bao nhiêu ngày cũng tìm không ra một nhà trọ, phải vào nhà dân ngủ nhờ. Ăn uống tự mình đem lương khô, hành trình du lịch rất gian nan.

Kinh Phật truyền đến Trung Quốc từ thời cổ đại, rất nhiều trường hợp đều là tập quán sinh hoạt trong quá khứ. Vì thế các bậc cao tăng dịch kinh, chú giải kinh điển đều dùng những điều kiện sinh hoạt tín- nguyện- hạnh đương thời gọi nó là ba tư lương, thiếu một cũng không được.

“Di Đà Yếu Giải vân, thâm tín phát nguyện, tức vô thượng bồ đề”. Câu này nói quá hay, Ân Quang đại sư đặc biệt tán thán, vì sao vậy? Vì điều kiện mà trong Kinh Vô Lượng Thọ nói là phát tâm bồ đề nhất hướng chuyên niệm. Như thế nào gọi là tâm bồ đề? Tâm bồ đề phát bằng cách nào? Vấn đề này rất quan trọng, từ xưa đến nay bao nhiêu người đã thảo luận về vấn đề này, ý kiến rất nhiều, nhận xét rất nhiều. Những lời Ngẫu Ích đại sư nói đơn giản, nắm bắt trọng điểm và tường tận rõ ràng. Đối với Tịnh tông quý vị chân tín, thâm tín, lại có thể phát nguyện cầu sanh, phát nguyện chính là cầu sanh về thế giới Cực Lạc, sanh về thế giới Cực Lạc thân cận Phật A Di Đà. Phát tâm này chính là tâm vô thượng bồ đề.

“Hợp thử tín nguyện, tức vi Tịnh độ chỉ nam” đây là gì? Phương hướng, mục tiêu vô cùng chính xác. *“Do thử chấp trì danh hiệu, nãi vi chánh hành”*, quý vị theo phương hướng này để hướng đến mục tiêu, rồi tiếp tục nhất hướng chuyên niệm, chấp trì danh hiệu chính là nhất hướng chuyên niệm, đây là chánh hành, điều kiện đã đầy đủ.

Bên dưới là chú giải của Hoàng Niệm Tổ. Ý nói tâm vô thượng bồ đề là kim chỉ nam cho người tu Tịnh độ. Người hành nghề hàng hải dựa vào kim chỉ nam để định phương hướng. Giữa biển rộng mênh mông, bốn mặt đều là nước. Nước liền trời, trời liền nước. Truyền ở trên biển lớn, quý vị theo phương hướng nào để đi, để có thể đạt đến mục đích của mình, đều dựa vào kim chỉ nam. Không có kim chỉ nam ta không thể phân biệt được phương hướng. Hiện nay máy bay phi hành trên không trung không có kim chỉ nam cũng không nhận ra phương hướng. Chúng ta dùng ví dụ này. *“Dục xuất sanh tử khổ hải, trực đặng Cực Lạc bỉ ngạn giả, tắc lại bồ đề tâm dĩ vi đạo dẫn”*. Bồ đề tâm giống như kim chỉ nam vậy. Hiện tại chúng ta muốn ra khỏi biển khổ sanh tử, nghĩa là luân hồi lục đạo, điều này nhất định phải nhận thức rõ ràng. Tôi không muốn tiếp tục lặn ngụp trong luân

hồi lục đạo, đời này tôi thật sự muốn rời xa nó, vì sao vậy? Không có nhận thức như vậy thì đối với thế gian này không thể buông được. Tuy muốn đến thế giới Cực Lạc nhưng không đi được, cần thiết phải buông bỏ thế gian này. Lúc nào buông bỏ? Buông bỏ ngay lúc này. Không nên đợi đến khi lâm chung mới buông bỏ, không kịp đâu.

Ngay lúc này nên buông bỏ như thế nào? Như chúng ta đi du lịch vậy. Trên đường đi nơi ở là nhà trọ, chúng ta xem nơi đây như nhà trọ tức là đã buông bỏ. Tôi rời ở đây ngày mai lên đường, ở đây không có thứ nào mang theo được, đây là nhà trọ. Mỗi ngày đều quán như vậy, mỗi niệm đều quán như vậy, đối với thế gian này không lưu luyến, không vương bận, không âu lo. Quý vị đi một cách tự tại nhẹ nhàng. Phương pháp tu học này vô cùng quan trọng, tự mình có phương hướng nhất định. Chúng ta sống trong đời này phương hướng chính là thế giới tây phương Cực Lạc, mục tiêu chính là Phật A Di Đà. Một lòng muốn thân cận Phật A Di Đà, muốn thấy Phật A Di Đà.

“Trực đăng Cực Lạc bỉ ngạn giả, tắc lại bồ đề tâm dĩ vi đạo dẫn. Có tri phát bồ đề tâm giả, tu tịnh nghiệp giả, tất bất khả thiếu dã”. Bồ đề tâm chính là tin thật nguyện thiết, không thể thiếu. *“Hựu do thử bồ đề tâm, nhi trì danh hiệu, nãi vi chánh hành”*. Không có tâm bồ đề trì danh hiệu, không thể vãng sanh. Ta còn tham luyến đối với thế gian này, còn phân biệt chấp trước, chưa triệt để buông bỏ thì dù niệm danh hiệu Phật có nhiều, niệm có tốt đến đâu cũng không thể vãng sanh.

Bên dưới nói rất hay. *“Thị vị, cầu vô bồ đề tâm, tuy trì danh hiệu, diệc phi chánh hành dã”*, đây không phải thật sự tu Tịnh độ. *“Như Di Đà Yếu Giải vân, nhược vô tín nguyện”*, họ không tin họ hoài nghi đối với Tịnh độ vãng sanh thấy Phật. Chúng ta biết số người có tâm trạng này không ít, nguyên nhân gì? Có thể nói đều là vô tình hoặc cố ý bị ảnh hưởng khoa học giáo dục. Điều kiện đầu tiên của khoa học chính là đem bằng chứng đến, tôi sẽ tin quý vị. Không đưa ra bằng chứng tôi sẽ không tin. Thế giới Cực Lạc ở đâu? Quý vị đem bằng chứng ra. Phật A Di Đà ở đâu? Chúng ta không lấy bằng chứng ra được, mà khoa học rất coi trọng hoài nghi, hoài nghi mới có thể phát hiện chân lý. Giáo lý thánh hiền nhất định không thể có nghi, có nghi quý vị sẽ không đạt được chút lợi ích nào.

Ngày nay Phật pháp suy yếu, khoa học hưng thịnh. Phật pháp đã suy yếu, đây là đạo lý nhất định, vì sao vậy? Vì mọi người hoài nghi đối với nó. Chư Phật Bồ Tát từ bi đến tột cùng cũng không giúp được. Quý vị không tin nên không thể tiếp

thu, chỉ có số ít người, số ít người này thiện căn, phước đức, nhân duyên người trong quá khứ có thiện căn phước đức sâu dày họ có thể tiếp nhận.

Thiện căn là năng tín, năng giải, đây là thiện căn. Thật chịu niệm Phật, phát nguyện cầu sanh Tịnh độ, người này rất có phước. Phước báo của thế xuất thế gian không gì lớn hơn điều này. Địa vị cao không phải là phước, sở hữu tài sản nhiều cũng không phải là phước. Ở trước đã nói qua, cho dù mời quý vị làm Ma Hê Thủ La Thiên Vương địa vị cao nhất, trong tam giới không ai cao hơn, thống lĩnh Ta Bà tam thiên đại thiên thế giới. Vì sao nói họ không có phước? Sau khi chết vẫn phải lăn lộn trong luân hồi lục đạo. Đó chính là không có phước. Vì sao nói người niệm Phật có phước? Vì sau khi chết sanh về thế giới Cực Lạc không còn luân hồi sanh tử nữa. Đây mới là phước báo chân thật, trí huệ chân thật.

Đối với pháp môn này không hoài nghi là trí huệ, y giáo phụng hành là phước báo chân thật. Phước báo trong cõi trời cõi người đâu gọi là phước báo, điều này chúng ta không thể không biết. Ở đây Ngẫu Ích đại sư nói rất hay nếu không có tín, không có nguyện, thì cho dù trì niệm danh hiệu này đến gió thổi không vào, mưa ròi không ướt, đây là ví dụ, “*như đồng tường thiết bích tương tợ, diệc vô đắc sanh chi lý, bất năng vãng sanh*”, không có tín, không có nguyện thì dù niệm Phật nhiều cũng vô dụng, không thể vãng sanh. Đây là điều chúng ta không thể không biết.

“*Phản chi*”, trái lại tuy phát tâm bồ đề, nhưng không có nguyện hạnh cầu sanh Tịnh độ, tu pháp môn khác không phải căn cơ của Tịnh độ cũng không thể vãng sanh, đây là điều chúng ta cần phải biết. Chúng ta thường phản tỉnh, phải chăng mình thuộc hạng chúng sanh này. Tâm bồ đề cũng đã phát, tuy đã phát tâm bồ đề, đối với Phật pháp năng tin năng giải, nhưng không có nguyện vọng cầu sanh Tịnh độ, hạng người tu hành này rất nhiều!

Lúc trẻ khi tôi mới tiếp xúc với Phật pháp, đại khái phải khoảng mười năm. Khi đã thật tin, thật phát tâm bồ đề, rất dụng tâm học tập kinh giáo đại thừa, nhưng đối với Tịnh độ không có hứng thú. Ban đầu là bài xích Tịnh độ, về sau Sám Vân pháp sư, thầy Lý, bảo tôi đọc Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao. Thầy Lý tặng cho tôi một bộ Văn Sao để tôi xem, sau khi tôi đọc Văn Sao rồi đối với Tịnh độ không còn bài xích. Tôi rất hoan hỷ, rất tán thán nhưng không cầu sanh Tịnh độ. Thầy dùng phương tiện thiện xảo, hiện nay chúng tôi cảm ân, nhưng lúc đó không nghe lời, cho rằng Tịnh độ quá dễ, đây là phương pháp mà Đức Thích Ca độ các bà lão không phải đối với phần tử tri thức.

Cho đến lúc chính mình giảng Kinh Hoa Nghiêm, hình như đã giảng mười năm. Lần đầu tiên tôi giảng Kinh Hoa Nghiêm hình như là giảng 17 năm, giảng đến một nửa. Tứ Thập Hoa Nghiêm mới giảng một nửa, Bát Thập cũng giảng một nửa. Một hôm đột nhiên nghĩ đến một vấn đề, Văn Thù và Phổ Hiền tu pháp môn gì mà thành tựu? Thiện Tài Đồng Tử học pháp môn gì mà thành tựu? Tôi khởi lên nghi vấn này, vẫn chưa giảng đến, tôi đã lật ở phía sau Kinh Hoa Nghiêm, lật đến quyển thứ 39 của Tứ Thập Hoa Nghiêm thấy được Văn Thù, Phổ Hiền phát nguyện cầu sanh Tịnh độ. Tôi xem đến đoạn kinh văn này sồn tóc gáy, vô cùng kinh ngạc. Tiếp tục tỷ mỷ xem 53 lần tham bái của Thiện Tài Đồng Tử. 53 lần tham bái mới giảng đến một nửa. đây là lần thứ hai khi xem kỹ mới thấy được, Thiện Tài Đồng Tử tu Tịnh độ. Thầy là Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát phát nguyện cầu sanh Tịnh độ. Thiện Tài là môn sinh đặc ý là đệ tử trung thành của Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi, Ngài có thể học pháp môn không giống với thầy mình sao? Đại khái là không thể. Khi xem xong quả nhiên không sai.

Văn Thù Bồ Tát dạy ngài ra đi tham học, như vậy là sao? Ngài đã được căn bản trí. Cách nói thông thường thì ngài đã đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, cũng chính là chứng được quả vị Sơ trụ của Viên giáo. Trong hội của Bồ Tát Văn Thù ngài đã tốt nghiệp. Bồ Tát Văn Thù dạy ngài ra đi tham học, giới thiệu cho ngài một vị thiện tri thức để ngài đi tham bái, đó là Kiết Tường Vân tỳ kheo, đây là một người xuất gia. Kiết Tường Vân tỳ kheo là Sơ trú Bồ Tát, Sơ trú có thể nhìn thấy Sơ trú. Kiết Tường Vân tỳ kheo chuyên tu pháp môn niệm Phật, ngài tu BanChâu Tam Muội. BanChâu Tam Muội một kỳ 90 ngày, 90 ngày không thể ngủ, không thể ngồi xuống, nên cũng gọi Phật Lập Tam Muội. Có thể đứng, có thể đi nhưng không thể ngồi cũng không thể nằm.

Tu khổ hạnh nếu không có thể lực tốt nhất định không làm được, 90 ngày là một kỳ. Chuyên niệm Phật A Di Đà cầu sanh thế giới Cực Lạc. Ngài là tu Tịnh độ là nhất hướng chuyên niệm. Như vậy chúng ta mới biết vị thiện tri thức đầu tiên người Trung Quốc nói tiên nhập vi chủ, Ấn độ cũng dùng phong tục tiên nhập vi chủ này. Tiếp tục xem về sau, sau cùng là Phổ Hiền Bồ Tát thập đại nguyện vương đạo quy Cực Lạc. Nói cách khác pháp môn Thiện Tài Đồng Tử học, từ trước đến sau đều là niệm Phật A Di Đà, chúng ta mới thoát nhiên đại ngộ. 51 vị thiện tri thức đó, là gì? Thông thường chúng ta nói học rộng nghe nhiều. Bất cứ pháp môn nào ngài đều xem, ngài đều học, nhưng không tu chỉ xem mà thôi. Biết, thấu triệt nhưng không tu pháp môn này, nên sau khi tham bái đều

có cảm ân, có lễ tạ. Lễ từ: “lễ” là lễ bái, cảm ân cảm tạ họ, “từ” là không học, không tu pháp môn này.

Pháp môn này tôi biết đó là cầu hậu đắc trí, vô sở bất tri. Vô sở bất tri vậy học nó làm gì? Học nó là vì độ chúng sanh, chúng sanh căn tánh không giống nhau, không phải dùng một phương pháp có thể phổ độ. Quý vị muốn tiếp độ tất cả chúng sanh căn tánh bất đồng, thì phải hiểu tất cả pháp môn không giống nhau, chính là ý này. Đó là gì? Vì họ mà học chứ không phải vì mình. Vì mình chính là nhất hướng chuyên niệm, nên 53 lần tham bái là nhất hướng chuyên niệm, ngài trước sau đều triệt để cầu sanh Tịnh độ, muốn thân cận Phật A Di Đà.

Điều này trong Kinh Hoa Nghiêm chúng ta thấy được, lúc này ý niệm của tôi hoàn toàn thay đổi, đối với Tịnh độ thật sự đã nhận thức, đã minh bạch được nên mới chuyên tu. Chuyên tu lúc đó Kinh Hoa Nghiêm mới giảng một nửa, phần sau không muốn giảng nữa. Tôi chuyên giảng Kinh Vô Lượng Thọ. Vì cư sĩ Mai Quang Hy, trước Kinh Vô Lượng Thọ có một đoạn lời bạt rất dài, lời bạt này tôi đã đọc mấy lần. Ông ta nói rất rõ ràng, nói với chúng ta sự liên quan của Tịnh tông và Hoa Nghiêm. Chư vị cổ đức nói Hoa Nghiêm là đại bản Kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ tức là trung bản Hoa Nghiêm. Kinh A Di Đà tức là tiểu bản Hoa Nghiêm. Kinh văn phân lượng rộng hẹp không giống nhau nhưng nội dung hoàn toàn không sai khác.

Kinh Vô Lượng Thọ với Kinh Hoa Nghiêm đã là giống nhau, tôi giảng Kinh Vô Lượng Thọ là được, không tiếp tục giảng Kinh Hoa Nghiêm nữa, vì thế dừng lại không giảng Kinh Hoa Nghiêm, giảng đến một nửa thì không giảng. Còn Kinh Vô Lượng Thọ giảng hết lần này đến lần khác, đã giảng được mười lần. Vì sao lại giảng Hoa Nghiêm? Ở đây đều có nguyên nhân. Ba vị khởi thỉnh. Thứ nhất là Khai Tâm pháp sư ở Đài Nam, pháp sư đã vãng sanh. Vị thứ hai chính là cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Hai vị này khuyên tôi giảng Kinh Hoa Nghiêm. Họ nói nếu tôi không giảng sợ rằng về sau không còn ai giảng. Vị sau cùng chính là bà Phật tử họ Hàn, trước lúc vãng sanh hai ngày bà đưa ra yêu cầu này, tôi đã đáp lời mời của bà. Chúng tôi hy vọng bệnh cô mau lành ai ngờ cô đã ra đi. Bà hy vọng tôi giảng lại từ đầu một lần Kinh Hoa Nghiêm lưu lại băng đĩa để hậu nhân làm tài liệu tham khảo, đây là nguyện vọng của bà. Sau khi bà ra đi tôi chấp nhận lời mời của cư sĩ Lý Mộc Nguyên ở Singapore, đến Singapore giảng kinh, thỉnh thoảng nhắc đến sự việc này. Cư sĩ Lý Mộc Nguyên rất cảm động, liền thay mặt ba vị này khởi thỉnh giảng Hoa Nghiêm. Vì thế đây là nhân duyên của Kinh Hoa

Nghiêm, đây là nhân duyên lần thứ hai giảng bộ kinh này. Do đó tại Cư Sĩ Lâm Singapore mở khóa giảng bộ kinh này, cũng giảng suốt mười mấy năm, giảng hơn bốn ngàn tiếng đồng hồ rồi.

Đến nay tôi mới thật sự thấu hiểu, đương thời Đức Thế Tôn giảng kinh chưa từng có ngày gián đoạn. Một ngày giảng mấy tiếng? Ít nhất là tám tiếng. Lúc Đức Thế Tôn tại thế người đời sau chưa ai có thể sánh được. Khi tôi còn trẻ gặp nhiều tai nhiều nạn, không có phước báo, không có đạo tràng. Nếu tôi có đạo tràng cố định, một ngày giảng bốn tiếng có thể nói là điều rất bình thường. Tôi cũng không mệt sức cũng không vất vả. Rất nhiều đại kinh đều có thể giảng lại một lần. Vì không có đạo tràng nên tiếp nhận lời mời ở các nơi, nơi nào mời liền đến nơi đó. Đoạn đường đi bỏ lỡ rất nhiều thời gian. Hoằng pháp ở nước ngoài bỏ lỡ thời gian càng nhiều, vì người nước ngoài công việc rất bận rộn, một tuần chỉ có thứ sáu thứ bảy. Tối thứ sáu, thứ bảy và chủ nhật có thể nghe kinh, như vậy cũng là không tệ. Tối thứ sáu hai tiếng, sáng sớm thứ bảy hai ba tiếng, buổi chiều hai ba tiếng. Chủ nhật chỉ có thể giảng buổi sáng, buổi chiều họ phải chuẩn bị ngày mai đi làm, đây là tình huống thông thường ở nước ngoài.

Chúng tôi không có phòng ghi âm cũng không có những thiết bị này, vì thế thời gian đọc kinh niệm Phật nhiều hơn, thời gian giảng kinh tương đối giảm thiểu. Cho đến lúc về già chúng tôi mới có những thiết bị khoa học kỹ thuật cao này. Chúng tôi dùng mạng internet cũng gần 20 năm, dùng truyền hình vệ tinh chín năm, điều này ảnh hưởng rất lớn.

Việc này trước đây thầy Phương Đông Mỹ nói với tôi. Thầy nói đây là công cụ tốt nếu có cơ hội dùng nhất định phải dùng công cụ này. Vì thế dùng công cụ này hiệu quả giảng kinh đã được mở rộng, thính chúng có ở khắp nơi trên toàn cầu. Rất nhiều người học Phật nghe kinh, họ đối với tôi rất quen thuộc nhưng tôi không biết họ, chưa từng gặp mặt. Cũng có bộ phận đương nhiên là thiếu số từ đường xa đến tìm tôi, đây là thiếu số trong thính chúng, cơ duyên này có thể khi du lịch ở nước ngoài, biết tôi ở đâu họ liền đến đó, chúng tôi liền tụ hội thời gian ngắn, công cụ này rất tốt!

Đáng tiếc người truyền bá sự nghiệp này đã sơ suất. Những nội dung truyền bá là mặt phụ, tạo thành xã hội ô nhiễm nghiêm trọng, đem đến cho xã hội ảnh hưởng phản diện, những điều này đều là sự thật. Tôn giáo đều là tốt, không siêng năng đem giáo dục Tôn giáo, tinh thần Tôn giáo, và dạy học tốt đẹp của Tôn giáo phát triển rộng rãi, cũng có thể không ai nhắc nhở. Nếu năm đó không có thầy

Phương nhắc nhở, tôi cũng không nghĩ đến điều này, cũng không giám tưởng tượng, vì điều này kinh phí rất lớn, không ai ủng hộ.

Khoa học càng tiến bộ, tiến bộ đến bây giờ. Thật là ngày càng tiến bộ, tháng tháng không giống nhau. Hiện nay giá thành hạ thấp rất nhiều, bây giờ muốn thành lập một đài truyền hình rất dễ, kinh phí không nhiều. Vào thời điểm 20 năm trước thì đó là việc vô cùng khó khăn.

Tu tịnh nghiệp, dùng phương thức này để truyền bá, liên kết toàn cầu nhận biết Tịnh độ, yêu thích Tịnh độ. Các bạn đồng học thật sự muốn cầu sanh thế giới Cực Lạc, có thể cùng nhau chia sẻ thời gian dài. Nhân duyên thù thắng này không dễ có được, chúng ta nên quý trọng.

Bộ chú giải của Hoàng Niệm Tổ thật hiếm có. Chúng ta đọc bộ chú giải này đồng nghĩa là đã đọc các kinh điển luận chú liên quan đến Tịnh độ, có hơn 190 loại. Vì thế sau khi đã đọc xong, trong vô tình đối với những lời khai thị và giáo huấn của các bậc cổ đức trong đạo Phật, trong cuốn chú giải này chúng ta đều đọc được hết. Giúp chúng ta tín nguyện kiên cố, khuyến khích chúng ta nhất hướng chuyên niệm, điều này thật hiếm có.

Chúng ta biết, bất luận mình là hiền hay ngu, là thượng căn hay hạ căn, đều nên nhất môn thâm nhập trường thời huân tu, không nên pháp môn nào cũng học. Vì sao vậy? Vì không kịp thời gian nữa. Nhất môn thâm nhập trường thời huân tu chúng ta sẽ thành tựu, chúng ta có niềm tin thành tựu. Tham học quá nhiều, chúng ta sẽ bị phân tâm, thời gian của chúng ta không đủ dùng, tinh lực cũng bị phân tán. Nói cách khác không chắc chắn thành tựu. Chỉ có thể nói rằng, đối với thường thức Phật học được phong phú hơn một chút, còn tự mình rất khó thành tựu. Một chút Phật học thường thức này thì làm được gì? Có lợi ích gì? Thực tế mà nói, không có lợi ích gì.

Thật vậy, tổ sư thường khuyên chúng ta, Đức Phật cũng khuyên chúng ta trước phải thành tựu chính mình. Chính mình thành tựu sau đó độ chúng sanh. Nếu không thì lãng phí tinh thần, tinh lực, thời gian của mình, chướng ngại việc vãng sanh trong đời này của mình, điều này không thể không nỗ lực tư duy. Vì thế không có tâm nguyện cầu sanh Tịnh độ, tu học gọi là quảng học đa văn, đây cũng không thể vãng sanh.

“Thị cố kinh trung, tam bối vãng sanh, câu vân phát bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm”. Tam bối là thượng bối, trung bối và hạ bối. Thượng bối là thượng căn lợi trí. Hạ bối là phàm phu bình thường. Trong kinh khuyên chúng ta chính là

câu: phát bồ đề tâm nhất hướng chuyên niệm. Thượng căn phải chuyên niệm, trung căn phải chuyên niệm, hạ hạ căn thì không cần phải nói nữa. Ngoài nhất hướng chuyên niệm ra quý vị tu không thành.

“*Cái thứ thật vi tam bối vãng sanh, tất bị chi chánh nhân*”, quý vị nhất định phải đầy đủ. Đoạn bên dưới nói “*tu chư công đức*”, nhất hướng chuyên niệm chỉ học đến đây. Bên dưới nói “*tu chư công đức*”.

“*Kiến Di Đà đệ thập cửu*”, nguyện thứ 19. “*Văn danh phát tâm nguyện*”, nguyện thứ 19 chủ yếu nói về phát tâm bồ đề. “*Nguyện viết, văn ngã danh hiệu, phát bồ đề tâm, phụng hành lục ba la mật*”, phụng hành lục ba la mật chính là tu các công đức. “*Hựu Hán Dịch, Ngô Dịch đồng chi. Viết, kỳ tối thượng đệ nhất bối giả, tỳu vô vi đạo. Đương tác Bồ Tát đạo, phụng hành lục ba la mật kinh giả, tác sa môn bất đương khuy thất kinh giới. Chí tinh nguyện dục sanh vô lượng thanh tịnh Phật quốc, đương niệm chí tâm bất đoạn tuyệt giả*”. Bên dưới là lời của Hoàng Niệm Tổ. “*Tổng thượng nhị kinh, tắc tri tu chư công đức chánh chỉ phụng hành lục độ*”. Đoạn kinh văn này nói đệ nhất bối, cao nhất là thượng căn thượng trí. Thượng phẩm thượng sanh tức vô vi đạo, đương tác Bồ Tát đạo.

Hàng thượng thượng căn rất gần với tánh đức. Vô vi, bên dưới còn có vô sở bất vi. Nếu chỉ có vô vi không có vô sở bất vi sẽ không thể độ chúng sanh. Chỉ có tự lợi không thể lợi tha nên nói tiếp là đương tác Bồ Tát đạo, đương tác Bồ Tát đạo chính là vô sở bất vi. Tôi độ mình còn phải độ chúng sanh. Hai câu này hợp lại chính là đức thứ nhất của tứ đức trong Hoàn Nguyên Quán “tùy duyên diệu dụng”, “đương tác Bồ Tát đạo phụng hành lục ba la mật kinh”, đây là tùy duyên. Diệu dụng, diệu dụng chính là vô vi đạo. Trong kinh giáo đại thừa nói Bồ Tát “tác nhi vô tác, vô tác nhi tác”, vô tác chính là vô vi, diệu dụng. Nhi tác chính là vô sở bất vi, chính là tùy duyên, tùy duyên diệu dụng là những điều đại Bồ Tát tu. Phạm phu là tùy duyên, tùy theo mà thay đổi, như vậy là không diệu dụng. Tùy duyên bất biến_Ngày xưa tôi ra giảng kinh đem tùy duyên bất biến nói thành bốn câu. Trong kinh nói: “tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên”. Tôi thêm vào hai câu: “tùy duyên tùy biến, bất biến bất tùy duyên”. Bất biến bất tùy duyên là A la hán, tùy duyên tùy biến là phạm phu, bất biến tùy duyên là Phật, tùy duyên bất biến là Bồ Tát. Tôi đem nó phân ra như vậy, để nói chúng ta không thể học phạm phu tùy duyên tùy biến, theo cảnh giới bên ngoài mà thay đổi. Bị cảnh giới ảnh hưởng theo nó mà chuyển, như vậy chính là rơi vào trong lục đạo. Đây là tâm luân hồi tạo nghiệp luân hồi. Cũng không học A la hán, A la hán bất biến bất tùy

duyên. Chính mình đã thành tựu, không độ chúng sanh. Chúng sanh khó độ, không độ tha. Phải học Bồ Tát, phải học Phật, Phật là bất biến tùy duyên. Bồ Tát là trong tùy duyên học bất biến, đây là công phu.

Tùy duyên, không bị duyên xoay chuyển, không bị duyên ảnh hưởng. Đây là Bồ Tát, đương tác Bồ Tát đạo. Tùy duyên là tùy duyên gì? Chính là phụng hành lục ba la mật. Tùy thuận bố thí, tùy thuận trì giới, tùy thuận nhẫn nhục. Trong cuộc sống hằng ngày sáu loại này đều phải tu. Rồi cuộc cái nào trước sau? Không có thứ tự.

Bình thường trong cuộc sống ăn cơm mặc áo, công việc, đối nhân tiếp vật, tất cả đều tu. Từng giờ từng phút tương ứng với Bồ Tát lục ba la mật. Tiếp đãi người trên mặt nở nụ cười hoan hỷ đây là bố thí, bố thí hoan hỷ đây là nội tài bố thí. Đối với người cung kính thăm hỏi thân thiết đây là trì giới bố thí, trì giới cũng là bố thí. Vì thế trong một động tác, trong một ngôn ngữ, lục ba la mật đều ở trong đó.

Lục ba la mật cần tu như thế nào? Khởi tâm động niệm ngôn ngữ tạo tác. Ở trong đó làm gì? Ở trong đó hành lục ba la mật, hoàn toàn làm được lục ba la mật. Như vậy mới thành tựu viên mãn Bồ Tát đạo.

Bên dưới nói: *“tác sa môn bất đương khuy thất kinh giới”*. Sa môn, người xuất gia gọi là sa môn, người tại gia cũng là sa môn. Sa môn nghĩa là gì? Tinh cần tu giới định tuệ tức diệt tham sân si, đây gọi là sa môn. Vì thế sa môn là tên gọi thông thường của người tu hành, họ y giáo phụng hành. Bất luận tại gia hay xuất gia_nhưng Phật giáo truyền đến Trung Quốc_tại Ấn Độ bất luận là tại gia hay xuất gia, bất luận là Phật giáo hay các Tôn giáo khác, chỉ cần là người tu hành chơn chánh đều gọi là sa môn, nó là một danh từ phổ thông. Phật giáo truyền đến Trung Quốc, người xuất gia ở Trung quốc, đây là danh xưng chuyên dùng của họ, nhưng có một vài cư sĩ cũng gọi là sa môn. Sa môn - người tu hành chơn chánh, không nên tổn thất kinh giới, ý này là gì? Người tu hành chơn chánh chẳng thể không học kinh, chẳng thể không trì giới, chính là ý này. Bất luận tại gia hay là xuất gia, kinh giới là quan trọng. Giới ở đâu? Giới ở trong kinh. Bất cứ trong bộ kinh nào cũng có giới. Bộ kinh này của chúng ta có thể nói 48 phẩm, thì mỗi phẩm đều có giới. Phát tâm bồ đề nhất hướng chuyên niệm, đây là giới. Đặc biệt nói về giới luật, 32, 33, 34, 35, 36, 37, mấy phẩm này đều nói về giới luật. Ngũ giới thập thiện, nghiệp nhân quả báo, hai thời tụng sáng tối của Tịnh tông, đặc biệt đã đề xuất những đoạn kinh văn này, là kinh văn cần phải đọc tụng vào thời khóa phải tu của buổi tối, từ phẩm 32 đến phẩm 37. Thời khóa sáng thì đọc

48 nguyện, phẩm thứ sáu. Chúng ta chọn ra hai đoạn kinh văn để làm thời khóa sáng tối của chúng ta, rất quan trọng! Thời kinh sáng chú trọng ở tín nguyện, thời kinh tối chú trọng sự sám hối. Tụng đoạn kinh văn này ngày ngày đối chiếu, hiện nay mỗi ngày khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác của tôi có trái với giáo huấn của Đức Phật hay không. Đây gọi là chân tu, gọi là y giáo phụng hành.

“*Chí tinh nguyện dục sanh vô lượng thanh tịnh Phật quốc*”. Chí là đến tột cùng, tinh là thuần mà không tạp. Chính là nói quý vị chỉ có một nguyện không có nguyện thứ hai. Trong đời này tôi chí tinh nguyện, nguyện này là gì? Chính là muốn sanh tây phương Tịnh độ. Như vậy phải làm sao? “*Đương niệm chí tâm bất đoạn tuyệt giả*”, chúng ta ung đương niệm, niệm Phật, niệm chí tâm. Chí tâm chính là Phật A Di Đà, Phật A Di Đà chính là chí tâm.

Trung Phong thiền sư trong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự nói rất rõ ràng: “Tâm tôi tức Phật A Di Đà, Phật A Di Đà tức là tâm tôi”. Đây là chí tâm, đây là thật không phải giả. “Nơi đây tức là Tịnh độ, Tịnh độ tức là nơi đây”. Nếu thật sự chí tâm niệm Phật nơi ta ở chính là Tịnh độ. Tịnh độ tượng trưng cho điều gì? Tịnh độ tượng trưng nơi này là phước địa, nơi này không có thiên tai. Người phước ở đất phước, đất phước người phước ở. Nơi này đúng lý có thiên tai, nhưng có người tu hành chơn chánh ở đây thì ở đó sẽ không có thiên tai. Từ đó cho thấy, chúng ta tu hành chơn chánh, độ chính mình đồng thời cũng lợi ích người khác. Hoàn cảnh cư trú xung quanh không có thiên tai, đây là giúp đỡ người khác. Một đạo tràng kiến lập nơi đây, ở đây là đất phước, vì sao vậy? Nơi đây có rất nhiều người tu hành chơn chánh, có trí huệ, có phước báo.

Chí tâm niệm còn phải không đoạn tuyệt, không đoạn tuyệt chính là tương tục. Mục tiêu niệm Phật của Bồ Tát Đại Thế Chí là tịnh niệm tương tục, tương tục chính là bất đoạn. “*Tổng thượng nhị kinh, tắc tri tu chư công đức chánh chỉ phụng hành lục độ*”. Phải biết trước lục độ, nền tảng của nó là thập thiện, tam quy, ngũ giới. Không có thập thiện thì không có gốc rễ. Ngày nay Phật giáo tu hành rất khó khăn, đó là gì? Vì không thể thực hành thập thiện, gốc rễ không có. Chúng ta thấy sự việc này, cũng là điều đáng để ta suy nghĩ.

Vì sao thời cổ đại, bất luận tại gia hay xuất gia, tu thập thiện rất tốt, vì thế người thành tựu rất nhiều. Hiện nay vì sao không hành được thập thiện? Chúng ta truy tìm căn nguyên của nó, là giáo dục chúng ta có vấn đề. Giáo dục gì? Giáo dục gia đình. Dân tộc Trung Quốc năm ngàn năm rất coi trọng giáo dục gia đình, cũng chính là nói giáo dục cấm rễ của trẻ nhỏ. Ai dạy chúng? Cha mẹ dạy.

Trong cổ lễ của Trung Quốc, có lễ phụ nữ mang thai. Khi mang thai nên làm như thế nào? Đoan chánh tâm niệm. Họ phải biết khởi tâm động niệm đều ảnh hưởng đến thai nhi, vì thế không thể có ý niệm không tốt. Nhất định phải thanh tịnh, phải giữ lễ. Như Chu Văn Vương khi mẹ ông mang thai ông điều này lịch sử có ghi chép bà ta có thể đoan chánh tâm hành. “Mục bất thị ác sắc”, mắt không nhìn những điều không tốt. Tai không nghe âm thanh dâm dục, miệng không nói ra lời ngạo mạn. Thân khẩu ý đều phải giữ gìn, vì sao vậy? Bà ảnh hưởng đến thai nhi, khi đứa bé này sanh ra dễ dạy, mười tháng công phu không uổng phí. Đứa trẻ rất lương thiện, rất dễ dạy. Sau khi sanh ra đứa trẻ biết nhìn biết nghe. Chúng đang bắt chước, ở trong thai mẹ là đã bắt chước rồi, hưởng gì khi đã sanh ra! Vì thế Đệ Tử Quy không phải dạy trẻ em đọc, không phải nói cho trẻ em nghe, đạo lý này cần phải biết.

Đệ Tử Quy là gì? Sống trong gia đình cha mẹ làm gương để con cái noi theo. Khiến đứa trẻ khi vừa mới mở mắt chúng đã nhìn thấy, thấy cha mẹ mình đối đãi với ông bà mình như thế nào. Người làm cha làm mẹ trong gia đình phải thực hành Đệ Tử Quy cho linh hoạt, nên đứa trẻ từ khi sanh ra cho đến năm ba tuổi một ngàn ngày đây gọi là giáo dục cắm rễ, chúng thấy và học hỏi hết. Đạo lý thì chúng không hiểu nhưng chúng bắt chước theo, tự nhiên chúng đều làm được. Đây làm giáo dục cắm rễ, đây là gốc rễ của giáo dục thánh hiền là nguồn gốc của giáo dục Phật giáo.

Giáo dục Đức Phật đến Trung Quốc, có thể phát triển rộng rãi là nhờ điều này. Truyền thống giáo dục Trung Quốc cung cấp dinh dưỡng tốt nhất cho Phật pháp, khiến nó có thể sinh trưởng đơm hoa kết trái ở Trung Quốc. Trong đại thừa có được nhiều người thành tựu như vậy. Phật pháp đến Trung Quốc 2000 năm chúng ta suy tính, suy tính bảo thủ nhất thì thành tựu trên 3000 người, 3000 người này đã thành Phật. Như ngài Huệ Năng đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh.

Trong Ngũ Đẳng Hội Nguyên ghi chép là 1700 người, trong Cảnh Đẳng Lục cũng có ghi chép, trong giáo môn cũng có. Tịnh độ tông niệm Phật vãng sanh và trong các kinh luận khác đều có rất nhiều. Trong Mật tông thành tựu ít nhất trên 3000 người thành Phật, điều này không đáng kể sao! Mảnh đất rộng lớn, vùng đất báu, vùng đất phước này của Trung Quốc, rất nhiều người thành Phật, thành Bồ Tát như vậy. Ngày nay Trung Quốc động loạn, tuy hơn 1000 năm lăng quên truyền thống văn hóa, nhưng quá khứ tổ tiên tích công đức dày vì thế Trung Quốc

có thiên tai_chúng ta tạo nghiệp bất thiện, đương nhiên chiêu cảm đến thiên tai, nhưng tuyệt đối không diệt vong. Trên toàn thế giới tìm không thấy đất nước thứ hai có thể so sánh với Trung Quốc. Vì thế nên nhớ từ xưa đến nay các bậc thánh hiền dựng nên sự nghiệp, được thiên nhiên ưu đãi không phải không có nguyên nhân. Con cháu đời này của chúng ta không tốt nhưng tổ tiên chúng ta tốt.

Chúng ta không tốt là vì đời này của chúng ta đã mất đi truyền thống giáo dục, mắc lừa người ngoại quốc, học người ngoại quốc mà vứt bỏ truyền thống của chính mình, đây gọi là đại bất hiếu. Đại bất hiếu phải gặp thiên tai, phải chịu quả báo nhưng tuyệt đối sẽ không diệt vong.

“*Quán Kinh trung thượng phẩm thượng sanh giả, ung cụ chư giới hành, đọc tụng đại thừa cập tu hành lục niệm*”.Lục niệm bên dưới có chú giải là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí, niệm thiên. “*Hồi hướng phát nguyện, kỳ thật diệt tức phụng hành lục độ đã*”.Thực tế mà nói thì Phật pháp nói đầy đủ trên mọi phương diện. Lục niệm là điều phổ biến trong đại thừa, tu học đại thừa không ai không tu lục niệm. Trước là niệm Tam Bảo: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Tam Bảo là giác chánh tịnh, ý nghĩa này nhất định phải hiểu rõ ràng.

Trong Pháp Bảo Đàn Kinh ngài Huệ Năng nói rất rõ ràng. Ngài là nói tam quy y, quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Ngài không dùng Phật Pháp Tăng, ngài dùng Giác Chánh Tịnh. Quý vị xem trong Pháp Bảo Đàn Kinh tổ sư truyền thụ tam quy, ngài nói quy y giác, quy y chánh, quy y tịnh, ngài đã dùng chữ như vậy.Ngài dùng như vậy khiến chúng ta tưởng tượng ra, đại khái trong thời đại của ngài, Phật pháp ở thế gian đã có rất nhiều người ngộ nhận, chấp tướng. Quy y Phật nhất định là nặn bằng đất điêu bằng gỗ, quy y Pháp nhất định là kinh điển, quy y Tăng là người xuất gia, như vậy là sai. Những thứ đó là gì? Là tượng trưng cho Tam Bảo. Nó tượng trưng cho điều gì quý vị phải biết. Tất cả Phật tượng là tượng trưng cho tánh đức. Tượng Bồ Tát, tượng A la hán tượng trưng cho tu đức. Tất cả đều là tượng trưng cho chính mình, điều này phải nên biết.

Phật tượng trưng cho đại giác, đại triệt đại ngộ. Pháp tượng trưng cho chánh tri chánh kiến. Tăng tượng trưng cho sự thanh tịnh hòa hợp, lục căn thanh tịnh không nhiễm chút trần. Quý vị hiểu được nghĩa này là thật sự đã quy y. Nhìn thấy tượng Phật liền nghĩ đến chúng ta phải giác mà không mê, thật sự đã quy y. Nhìn thấy quyển kinh lập tức nghĩ đến chánh mà không tà. Trong kinh điển là chánh tri chánh kiến. Thấy người xuất gia chúng ta liền nghĩ đến sáu căn thanh tịnh, không nhiễm chút trần. Tịnh mà không nhiễm là Tăng bảo, Giác mà không mê là Phật

bảo, Chánh mà không tà là Pháp bảo. Phải hiểu rõ ràng rằng, ở đây không có chút mê tín nào. Nhìn thấy người xuất gia này họ trì giới hay không, không liên quan đến chúng ta. Họ là người xuất gia tốt hay người xuất gia không tốt cũng không liên quan. Quý vị nhìn thấy tướng này lập tức nghĩ đến chính mình, lục căn thanh tịnh, không nhiễm chút trần, quý vị thật đã quy y. Niệm Tam Bảo là niệm như thế, ngàn vạn lần không nên ngộ nhận.

Bên dưới là niệm giới. Thập thiện, tam quy, ngũ giới, thập giới có thực hành được hay chẳng? Nhớ mà không thực hành cũng vô dụng, phải làm. Thí tượng trưng cho điều gì? Cổ nhân thường nói: “kỷ sở bất dục, vật thí ư nhân”. Nói cách khác tôi không muốn người khác đối đãi xấu với tôi, tôi cũng không nên đối đãi xấu với người khác. Tôi thích thấy người khác hoan hỷ, tôi thấy người nhất định rất hoan hỷ, đây chính là thí, trước là thí. Tôi muốn người khác tán thán tôi, thì tôi phải tán thán người khác trước, tôi muốn người khác giúp đỡ tôi, thì tôi phải giúp đỡ người trước. Cho nên bố thí phải hiểu cách yêu thương người khác, yêu thiên địa vạn vật. Bố thí ái tâm, bố thí quan hoài, bố thí quan tâm, bố thí giúp đỡ. Quý vị là người có thể làm như vậy thì không có gì không thuận lợi.

Điều ở sau là niệm thiên. Thiên dùng cách nói hiện nay là đại tự nhiên. Đối đãi đại tự nhiên có tâm kính sợ, tôn trọng. Như cây cỏ hoa lá, sơn hà đại địa. Bây giờ thời tụng kinh sáng hằng ngày của chúng ta đều liệt nó ra. Thời khóa sáng chúng ta nhất định phải lễ lạy cây cỏ hoa lá chúng linh, sơn hà đại địa, mười phương quốc độ vi trần thế giới sơn hà đại địa này đây là niệm thiên. Thiên có nghĩa là quang minh, có nghĩa là từ bi kiết tường. Chúng ta phải hiểu, phải thấu triệt. Thực tế mà nói tất cả đều nâng cao cảnh giới của chính mình, nâng cao tánh đức của mình và tăng trưởng trí huệ của mình, hồi hướng phát nguyện. Những công đức này, ngày ngày không gián đoạn tu học những công đức này, hồi hướng cho thế giới Cực Lạc, phát nguyện cầu sanh Tịnh độ, đây chính là phụng hành lục ba la mật, chính là tu các công đức. Điều này phải làm hằng ngày, phải làm từng giờ từng phút.

Trong sinh hoạt hằng ngày học tập tất cả cung kính. Đối với tất cả đều cung kính, tức là cung kính tánh đức của chính mình, vì tất cả pháp đều từ tánh đức biến hiện ra. Chúng ta tin tưởng sâu sắc rằng ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm.

Câu bên dưới là: “*nguyện sanh kỳ quốc*”, đây là trong nguyện thứ 18, “*sở hữu thiện căn tâm hồi hướng, nguyện sanh ngã quốc*”, ngã quốc là Phật A Di Đà

tự xưng. Nguyên thứ 19, “*Phục dĩ thiện căn hồi hướng, nguyện sanh ngã quốc*”, và trong nguyên thứ 21, “*Chỉ tâm hồi hướng, dục sanh Cực Lạc, vô bất toại giả*”, nguyên thứ 22, “*Phát bồ đề tâm, yểm hoạn nữ thân, nguyện sanh ngã quốc*”, quý vị thấy nguyên thứ 18, 19, 21 và 22 đều nói đến nguyện sanh thế giới tây phương Cực Lạc, nguyện này rất quan trọng, vô cùng quan trọng. Phải đem thiện căn, thiện hạnh của chính mình, niệm niệm hồi hướng, cầu sanh Tịnh độ.

Mấy câu kinh văn này là Phật A Di Đà khuyên chúng ta phát nguyện vãng sanh, hiển thị vô tận từ bi ân đức rộng lớn vô biên. Đức Phật quá hiểu chúng ta, chúng ta trầm luân trong lục đạo, từ vô lượng kiếp đến nay không ra khỏi luân hồi lục đạo. Trong lục đạo chịu đau khổ cùng cực là do nguyên nhân gì? Mê hoặc điên đảo, không hề biết đến chân tướng sự thật, vẫn cứ cho rằng mình đúng. Mình nghĩ là đúng, mình làm là đúng, nào ngờ tất cả đều là sai, sai hoàn toàn. Đến khi nào mới có thể giác ngộ? Ở trên thế gian này đọc tụng đại thừa tu hành Phật pháp đây là một điều mở mang kiến thức. Thật sự giác ngộ ở đâu? Vãng sanh thế giới Cực Lạc quý vị thật sự đã giác ngộ. Vì khi chưa vãng sanh thế giới Cực Lạc thật là bán tín bán nghi, vì sao nói như vậy? Đây là sự thật. Quý vị chưa buông bỏ, không nhất tâm chuyên chú. Thật đã thấu triệt, buông bỏ vạn duyên thì không sao. Cũng chính là nói, Việc gì họ cũng không quan tâm, họ chỉ quan tâm một việc, chính là thật tâm niệm Phật. Từ sáng đến tối họ niệm Phật không gián đoạn, chính là việc này, ngoài việc này ra thì không quan tâm điều gì nữa. Tinh chuyên niệm Phật như vậy, cần bao nhiêu thời gian là biết trước giờ chết? Nhất định không ngoài ba năm họ sẽ thành công.

Trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục chúng ta thấy được trường hợp này, trong Vãng Sanh Truyện cũng thấy ví dụ này, trong chư vị đồng học cũng thấy được trường hợp này, hiện tại nhìn thấy được. Đây không phải giả, điều này không thể gạt người. Đối với thế gian này không có chút tham luyến nào. Thân thể này lưu lại ở thế gian, không phải vì mình, mình không có gì. Lưu lại thế gian, lưu lại thế gian là để giúp người khác, làm gương cho người khác. Vì thế quý vị đối với mọi việc đều thấy một cách rõ ràng minh bạch, hoàn toàn không chút mê hoặc. Mê là ở đâu? Có ta là mê, không có ta liền rõ ràng. Vì thế bất luận tiểu thừa hay đại thừa, điều kiện đầu tiên là phá thân kiến, không thể chấp trước thân này là ta. Hạng người nào có thể làm được? Phá được thân kiến, ý niệm tự tư tự lợi bị quét sạch. Tuyệt đối không có ý niệm tự tư tự lợi nào, vì sao? Không có cái ta, tâm lượng đã rộng lớn. Cái gì là ta? Biến pháp giới hư không giới muôn sự muôn vật

là ta. Người xưa có câu ngạn ngữ, mọi người đều biết. Người mẹ yêu quý con họ, đặc biệt là trẻ hai ba tuổi, xem chúng như ruột gan của mình. Đó thật sự là gì? Là cảm xúc nhất thể, mẹ con liền tâm. Trẻ con tuy không biết nói, nhưng khi trẻ có tình huống ra sao người mẹ điều có thể cảm nhận được, đó là nhất thể. Dần dần lớn khôn lại quên mất tình cảm này, rất xa rất mỏng manh.

Chư Phật Bồ Tát đối với a tất cả chúng sanh trong biến pháp giới hư không giới, cũng giống như mẹ chăm sóc con nhỏ, chăm sóc khúc ruột của mình. Chúng sanh đông đảo đều là khúc ruột của Như Lai, nhưng chính chúng ta hoàn toàn không có cảm xúc này, còn hoài nghi đối với ngài, thậm chí còn phê bình ngài, đây là đại bất kính, đại bất hiếu. Thế giới Cực Lạc là vì chúng ta mà kiến lập, không phải vì chính ngài, đặc biệt là vì chúng sanh trong luân hồi lục đạo. Vì sao? Vì mê quá sâu, nghiệp chướng quá nặng. Chúng sanh trong luân hồi lục đạo cũng có thể nhất niệm thành Phật. Nguyên nhân này chúng ta phải khẳng định, không nên hoài nghi, vì sao vậy? Vì chúng sanh tạo ác nghiệp họ nhất niệm có thể thành Phật, vì sao? Vì họ vốn là Phật. Vì thế phải xem nhân duyên.

Lời của Thiện Đạo đại sư nói rất hay: “thường ở chỗ gặp duyên không giống nhau”, nếu nhân duyên họ đặc biệt thù thắng lập tức liền được thành Phật. Tuy tạo tội cực kỳ sâu nặng như ngũ nghịch thập ác, ý niệm họ vừa thay đổi họ đã giác ngộ, đại triệt đại ngộ_họ đã thành Phật. Nhân duyên của pháp môn niệm Phật vô cùng thù thắng, nó là viên mãn, nó là cứu cánh nhưng chúng ta có thể gặp được chăng? Quan trọng nhất là tâm mình. Vì thế trong kinh nói tâm duyên sau cùng là giác định. Điều này ở sau chúng ta sẽ đọc đến, chính là trong phẩm này. Tâm quan trọng hơn bất kỳ điều gì. Tâm nhất định phải thuần tịnh thuần thiện, tuyệt đối không để cảnh giới bên ngoài làm ô nhiễm tâm chúng ta. Cảnh giới bên ngoài tốt không có tham luyến. Cảnh giới bên ngoài không tốt không có oán hận. Luôn luôn giữ được bình thường tâm, bình thường tâm là chân tâm. Bị cảnh giới bên ngoài làm ô nhiễm là vọng tâm, chân tâm không bị ô nhiễm. Cũng tức là mỗi thời khắc đều nên bảo hộ chân tâm, không để bên ngoài làm ô nhiễm. Phương pháp tốt nhất là ngày ngày đọc tụng đại thừa.

Nếu cảm thấy trong tâm tôi đã bị ô nhiễm không còn tự tại. Tâm động, quý vị liền niệm Phật, tụng kinh, như vậy có thể trở lại bình thường. Bình thường là hỷ duyệt, là trí huệ, là đức năng, đương nhiên là tướng hảo. Vì sao vậy? Tướng tùy tâm chuyển. Tâm tốt tướng sẽ tốt, tâm mạnh khỏe thân liền mạnh khỏe, đây là

đạo lý nhất định. Tâm thanh tịnh tâm liền thanh tịnh, chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này. Tu hành là tu cái gì? Chính là tu điều này.

Hôm nay hết giờ rồi, trong tứ nguyện đều nói đến nguyện sanh kỳ quốc. Chúng ta học đến nguyện 21. Hôm nay chỉ học đến đây.

Tập 406

Chuyên ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Minh Tâm

Thời gian: 11.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 506, hàng thứ 6, bắt đầu xem từ hai chữ cuối cùng. Nguyện thứ 22 “*Phát bồ đề tâm, yểm hoạn nữ thân, nguyện sanh ngã quốc*” bắt đầu xem từ đây.

Ở trên đưa ra bốn nguyện, bốn nguyện trong 48 nguyện là nguyện 18, 19, 21, và 22, đều nói đến nguyện sanh về cõi nước tôi, đều là ý này. Nguyện này vô cùng quan trọng, dù tu có giỏi bao nhiêu, nếu không nguyện vãng sanh, thì nhất định không thể được vãng sanh. Vì thế nguyện sanh là điều kiện tiên quyết để vãng sanh. Trong nguyện này có “*phát bồ đề tâm, yểm hoạn nữ thân*”, đương nhiên chúng ta vừa xem là biết ngay đây là nói với nữ đồng tu, cũng có người thích nữ thân.

Chúng ta biết Chư Phật Như Lai, chư đại Bồ Tát vĩnh viễn là hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, xưa nay chưa từng bức bách người nào. Nhưng thế giới Cực Lạc không có nữ thân, đây là nguyên nhân gì? Chắc chắn là Phật A Di Đà khi còn ở nơi nhân địa phát đại tâm như vậy. Ngài đã tham quan vô lượng vô biên quốc độ của Chư Phật, chắc là thấy được có nam nữ ở cùng nhau, hoàn cảnh này sẽ có địa ngục. Nếu không có nam nữ sống cùng nhau hoặc nước này tất cả là nữ giới hay tất cả nam giới thì nơi đây không có địa ngục. Hình như thấy được sự thật này, cho nên tỳ kheo Pháp Tạng liền có sự suy nghĩ, tương lai ngài kiến lập

đạo tràng lớn, thế giới Cực Lạc là đạo tràng lớn, trong đó hoàn toàn là thế giới bình đẳng, có nam nữ là không bình đẳng. Cho nên thuần là thân người nam, người nữ vãng sanh về thế giới Cực Lạc đều trở thành thân người nam. Tướng tốt của thân hoàn toàn tương đồng với Phật A Di Đà. Như vậy là sao? Ngạo mạn sẽ không sanh khởi, tự ty cũng không sanh khởi. Đây là hai loại phiền não nghiêm trọng trong vô lượng thế giới, hai loại phiền não này rất khó tiêu trừ. Thế giới tây phương vì sao dễ được thanh tịnh bình đẳng giác, được tâm thanh tịnh, được tâm bình đẳng, giác mà không mê? Chính là ở thế giới đó tất cả đều bình đẳng, chẳng có pháp nào không phải tùy niệm mà sanh.

Thế giới này của chúng ta không biết giới khoa học đã nghĩ bao nhiêu năm, hy vọng giác mộng này có thể thành hiện thực. Chính là vật chất biến hóa có thể phát sanh tùy theo ý niệm của chúng ta. Nghĩ điều gì liền biến ra điều đó, tự tại biết bao. Nguyên vọng này của các nhà khoa học ở thế giới tây phương Cực Lạc đã thành hiện thực từ lâu rồi. Thế giới tây phương tất cả pháp đều từ tâm tưởng sanh, thế giới này của chúng ta cũng vậy, nhưng thế giới tây phương Cực Lạc thù thắng hơn chúng ta, đích thực vừa nghĩ đến liền hiện tiền. Chúng ta so với thế giới tây phương Cực Lạc khoảng cách còn kém quá xa, nên đọc kinh văn này nhất định phải hiểu, đức Phật A Di Đà không có thiên lệch. Luôn hy vọng xã hội có thể hài hòa, luôn hy vọng tham sân si mạn trong căn bản phiền não có thể tự nhiên tiêu trừ. Trong hoàn cảnh của ngài, ý niệm này không sanh khởi được, tuy phiền não chưa đoạn nhưng không có duyên, không có duyên phiền não không khởi hiện hành, đây chính là điểm hay của ngài.

“Như thị chư nguyện trung”, bốn nguyện ở trước đưa ra. “Giai dĩ phát nguyện hồi hướng, cầu sanh Tịnh độ vi khuyến dã”. Khuyến ở đây tức là nguyện vãng sanh, là Phật A Di Đà và Chư Phật vô tận từ bi. Chúng ta phải nên thể hội được ân đức lớn của Chư Phật Bồ Tát đối với chúng ta, chúng ta mới sanh khởi tâm báo ân. Ân đức của Chư Phật Bồ Tát đối với chúng ta, chúng ta hoàn toàn không biết, vô tình biến thành vong ân bội nghĩa, như vậy là có tội.

Ân đức Chư Phật Bồ Tát phổ biến thí cho tất cả chúng sanh trong biến pháp giới hư không giới, bình đẳng thí cho, không phân biệt, không chấp trước. Cảm thọ chúng sanh không giống nhau. Trong Phật pháp nói hàng thượng căn lợi trí, họ thấu triệt. Hàng trung hạ căn cần có người chỉ điểm nói rõ giải thích cho họ thì họ sẽ biết. Đối với hàng hạ ngu thì khó, người tà kiến khó vì họ không tin. Điều này trong nhà Phật có một danh từ gọi là xiển đề tức, đây là tiếng phạn, nghĩa là

hạng không có thiện căn. Sao lại nói họ không có thiện căn? Họ không tin. Dù nói có rõ ràng đến đâu, mạch lạc đến đâu họ cũng không tin. Họ không nhìn thấy, nhìn thấy họ mới tin. Đến lúc lâm chung cảnh giới địa ngục hiện tiền họ mới tin, lúc này không còn kịp nữa.

Trong nhiều Tôn giáo đều nói người tin được cứu. Phật Bồ Tát và thánh hiền cũng không ngoại lệ. Nếu quý vị có thể tin, có thể tiếp thu, có thể lý giải thì quý vị sẽ đạt được lợi ích. Quý vị không lý giải, không tin Chư Phật Bồ Tát từ bi cũng không gia trì được.

Chúng ta xem nhị độ của Thế Tôn khuyến cáo đối với chúng ta “*A Di Đà Kinh viết, chúng sanh văn giả, ưng đương phát nguyện, nguyện sanh bỉ quốc. Hựu nhược hữu tín giả, ưng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ. Hựu vân, nhược hữu nhân dĩ phát nguyện, kim phát nguyện, đương phát nguyện dục sanh A Di Đà Phật quốc giả. Thị chư nhơn đẳng, giai đắc bất thoái chuyển u A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề*”. Đây là đưa ra trong Kinh A Di Đà, Kinh A Di Đà không dài. Ba lần khuyên chúng ta phát tâm vãng sanh Tịnh độ. Cho thấy nguyện sanh vào nước này là then chốt để vãng sanh thế giới Cực Lạc. Đây là thật, có muốn đến đó chăng?

Hiện nay chúng ta đang sống trong xã hội động loạn, trên địa cầu thiên tai nên mỗi niệm đều hy vọng cầu vãng sanh Tịnh độ, càng sớm càng tốt. Vãng sanh sớm một ngày thì an lạc sớm một ngày, sớm một ngày xa rời đau khổ. Vãng sanh trễ một ngày thì ở cõi Ta Bà này chịu khổ thêm một ngày, sự thật không phải như vậy đó sao? So sánh hai thế giới khác biệt nhau hoàn toàn.

Ở thế gian này những gì chúng ta hy vọng đạt được, ở thế giới Cực Lạc cần có đều có, không thiếu món nào. Phẩm chất tốt hơn chúng ta nơi đây quá nhiều. Phòng nhà chúng ta ở ở đây chẳng qua làm bằng sắt xi măng gạch ngói tạo nên, còn thế giới Cực Lạc là thất bảo tạo thành. Thế gian này đại địa là bùn đất, thế giới tây phương Cực Lạc đại địa là lưu ly. Lưu ly người bây giờ gọi là ngọc bích, viên ngọc màu xanh, trong suốt, từ trên mặt có thể nhìn thấu suốt bên trong. Bất luận là về sinh hoạt vật chất hay sinh hoạt tinh thần, không thể nào so sánh được, vậy tại sao không đi!

Phật A Di Đà hoan nghênh chúng ta đến, đại chúng ở thế giới Cực Lạc cũng hoan nghênh chúng ta. Chúng ta học tập đại thừa nhiều năm như vậy trong tâm đã có dự định, đều rất rõ ràng. Thế giới Cực Lạc là do tự tánh chúng ta biến hiện ra, liên quan mật thiết với chúng ta. Đây thật sự là quê cũ của mình, không đi không

được. Trong mười phương quốc độ thế giới tây phương Cực Lạc là dễ đi nhất, hầu như không có điều kiện. Chỉ cần tin, chỉ cần muốn đi. Niệm một câu A Di Đà Phật, mười câu A Di Đà Phật đều được, mấu chốt là quý vị có muốn hay không.

Trong Yếu Giải Ngẫu Ích đại sư nói rất hay: có thể vãng sanh hay không quyết định ở chỗ có tín nguyện hay không, đây là điều có thể vãng sanh hay không. Phẩm vị cao thấp ở chỗ công phu trì danh sâu hay cạn, đó là phẩm vị đến thế giới Cực Lạc. Có thể đến thế giới Cực Lạc hay không là nói tín nguyện. Điều này nói quá hay! Vì thế chỉ cần có tín, có nguyện, nhất niệm cũng có thể vãng sanh. Điều này ở sau còn có khai thị rất tường tận, khai thị của Hoàng Niệm Tổ nói rất hay. Nhất niệm này rất chú trọng, người có thể nói rõ nhất niệm này không nhiều. Phẩm vị quý vị vãng sanh về thế giới Cực Lạc, điều này cần hỏi quý vị, xem quý vị dùng tâm như thế nào niệm danh hiệu Phật. Tôi nhất tâm xưng niệm. Nhất tâm có lý nhất tâm, có sự nhất tâm. Lý nhất tâm niệm câu Phật hiệu này, quả báo là thượng bồi. Tam bồi: thượng trung hạ tam bồi là thượng bồi vãng sanh. Sự nhất tâm bất loạn là trung bồi vãng sanh. Nếu tập khí phiền não của chúng ta nhất phẩm cũng chưa đoạn, đây chỉ là nhất thời chế phục tập khí phiền não này, đây là hạ bồi vãng sanh. Ba loại tâm này cũng trong khoảng một niệm phát ra, đây đều ở nơi nhân duyên.

Duyên có thuận cảnh, có nghịch cảnh. Bất luận là thuận cảnh hay nghịch cảnh chỉ cần duyên này thúc đẩy quý vị thành công, ngoài Phật A Di Đà ra thì không còn ý niệm nào cả, tự nhiên tương ứng với lý nhất tâm, sanh về thế giới Cực Lạc là sanh vào cõi thật báo trang nghiêm.

Trong kinh nói cho đến người ngũ nghịch thập ác khi lâm chung gặp duyên bức bách, họ chỉ có Phật A Di Đà còn tất cả đều buông bỏ. Quý vị thấy ngũ nghịch thập ác, nhất niệm vãng sanh, sanh vào cõi thật báo trang nghiêm, thật không thể nghĩ bàn, nhưng nhân duyên này không phải ai cũng có thể gặp được. Chư vị tổ sư nói nhân duyên này là có, không thể phủ định, nhưng trong ngàn vạn người hiếm được một người, không phải đều có thể gặp được. Thật sự là lý nhất tâm, trong một sát na chân tâm xuất hiện, chân tâm chính là lý nhất tâm. Đó thật là trong vạn vạn người mới có được một người.

Chúng ta thử nghĩ xem công phu này có thể luyện chăng? Được, có thể luyện. Luyện như thế nào? Nhất định phải đọc tụng đại thừa, thường nghe giáo huấn đại thừa, từ từ vun bồi tri kiến của chúng ta. Vứt bỏ tri kiến phàm phu, tri kiến luân hồi phải buông bỏ, để tiếp thu tri kiến Phật. Đem tri kiến Phật biến thành tri kiến

của mình. Phật biết điều gì? Phật biết tất cả pháp từ tâm tướng sanh. Đức Phật biết toàn thể vũ trụ với mình là nhất thể. Đức Phật biết trong tự tánh, chẳng những không có phân biệt chấp trước, đến khởi tâm động niệm cũng không có.

Ngày nay chúng ta thường đọc kinh đại thừa nên cũng biết, biết như thế nào? Biết được không tương ưng, không làm được. Lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần, vẫn là bệnh cũ - khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, đến thân kiến cũng chưa buông bỏ. Từng giờ từng phút vẫn nghĩ đến danh văn lợi dưỡng, điều này là sai, đây là tri kiến phàm phu. Tri kiến phàm phu nói cho thấu đáo chính là tâm luân hồi. Luân hồi tâm thì kiến giải của quý vị chính là luân hồi kiến, những việc quý vị làm chính là nghiệp luân hồi. Thiện thì nghiệp báo ở trong ba đường thiện, ác thì quả báo ở trong ba đường ác, không ra khỏi luân hồi lục đạo.

Chúng ta có thể nhớ lời trong Kinh Bát Nhã, dùng trong cuộc sống hằng ngày “nhất thiết pháp, vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc”. Nếu vun bồi điều này thành thói quen, thì đây là tâm gì? Đây là lý nhất tâm. Tương ưng với tự tánh viên mãn, vạn pháp giai không. Trong Kinh Kim Cang nói: “mộng huyễn bào ảnh”, đây là gì? Đây là chúng ta hiện tại đối diện với xã hội, đối diện mười pháp giới, là mộng huyễn bào ảnh, không có thứ nào là thật. Niệm niệm không rời thanh tịnh bình đẳng giác, trong cảnh giới này nhất niệm mười niệm, sanh đến thế giới Cực Lạc là cõi thật báo trang nghiêm. Chúng ta có thể luyện được chăng? Được! chỉ cần thay đổi bệnh tập khí, bệnh tập khí không thay đổi được là không hiểu được chân tướng sự thật. Mỗi giờ mỗi phút chúng ta nghĩ đến nhớ đến, nghĩ đến là ý, ghi nhớ là niệm: “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”.

Sáu căn tôi tiếp xúc cảnh giới lục trần, ý niệm đã động. Ý niệm động lập tức niệm câu này: “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, ý niệm liền đoạn tận. Đây gọi là luyện công phu. Tuyệt đối không so đo với người khác, như thế nào cũng tốt. Việc tốt cũng tốt, việc xấu cũng tốt, vì sao vậy? Vì đều là hư vọng. Việc tốt đồng nghĩa với hư vọng, việc xấu cũng đồng nghĩa với hư vọng, tất cả đều trở về số không, chẳng phải không việc gì đó sao, thiên hạ thái bình rồi. Trở về số không là sao? Trở về số không là đã thành Phật, Phật chính là không. Trong khi học tập chúng ta thường nhắc đến câu trở về tự tánh.

Đức Phật dạy chúng ta diệu pháp, quả nhiên trở về tự tánh, tâm niệm trở về tự tánh, một câu A Di Đà Phật gọi là lý nhất tâm bất loạn. Phàm phu, tiểu thừa không thể trở về được, không quay đầu được, không trở về tự tánh được. Học những huyền tướng này là thật, ở trong đó khởi tâm động niệm. Người Trung Quốc nói

ở trong đây sanh khởi thất tình lục dục. Chúng ta sai là sai ở đây, đời đời kiếp kiếp đều sai ở chỗ này, như vậy thì không đến được thế giới Cực Lạc. Duyên chúng ta gặp là thù thắng, vì sao vậy? Vì những đạo lý này trong đại thừa giáo chúng ta đều hiểu, đây gọi là giải ngộ.

Tiến thêm một bước, giải ngộ giúp chúng ta khế nhập. Chính là nói thật sự giúp chúng ta buông bỏ, chúng ta thật sự đạt được lợi ích. Tất cả pháp của thế xuất thế gian đều thấy rõ ràng, thấu triệt, đây là trí huệ. Như như bất động, đây là tự tánh, tự tánh bản định. Đại sư Huệ Năng nói: “đâu ngờ tự tánh vốn không dao động”, vốn không dao động nhất định không có chút ảnh hưởng nào, vì thế hành vi của họ tự nhiên tương ứng với tánh đức. Nương trí huệ không nương phiền não. Trí huệ đó là trí huệ bát nhã vốn có trong tự tánh, không phải cầu mà có, điều này cần nên biết.

Người thế gian nương vào tri thức, họ học rất nhiều. Gặp việc gì đều nghĩ tri thức giải quyết vấn đề. Tri thức có thể giải quyết chăng? Có thể giải quyết. Tri thức có giới hạn, có hậu di chứng. Trí huệ từ trong tự tánh sanh ra, không phải từ bên ngoài vào. Trí huệ từ trong định sanh ra, nhân giới được định, nhân định khai huệ, nó vốn có trong tự tánh. Trí huệ không phải cầu từ bên ngoài, cầu bên ngoài là tri thức. Những thứ bên ngoài chúng ta có cần chăng? Có thể cần, nó không chướng ngại. Quý vị vừa thấy liền minh bạch, vừa nghe đã giác ngộ, vừa tiếp xúc đã thông đạt thấu triệt, không có chướng ngại.

Thiện Tài Đồng Tử biểu diễn cho chúng ta thấy 53 lần tham bái. 53 lần tham bái ngày nay gọi là cầu tri thức, nhưng Thiện Tài Đồng Tử đã đến nhất tâm bất loạn, nên ngài cầu tất cả đều là trí huệ. Hậu đắc trí, vô sở bất tri. Người khác giống như ngài nhưng họ đạt được là tri thức còn ngài đạt được là trí huệ, không giống nhau. Nếu hỏi vì sao không giống nhau? Vì dụng tâm không giống nhau. Thiện Tài dùng tâm thanh tịnh, người khác dùng là tâm nhiễm ô. Thiện Tài Đồng Tử dùng chân tâm, người khác dùng vọng tâm. Chân tâm chính là nhất tâm, chính là nhất niệm, chính là chân như, là tự tánh. Vọng tâm là A lại da là khởi tâm động niệm, là phân biệt là chấp trước, có nhiễm tịnh, có thiện ác. Vì thế công phu tu hành có sai khác, đích thực luôn ở chỗ dụng tâm không giống nhau.

Quý vị dụng là tâm gì, như thế sẽ biết vun bồi trí thiên chân quan trọng biết bao. Thiên là tương ứng với đại tự nhiên, không có chút tạo tác nào đây là thiên nhiên. Thiên tánh chính là bản tánh, chính là tự tánh, tất cả mọi người đều có. Quý vị xả bỏ hư vọng thì chân thật liền hiện tiền, vì chân thật là vốn có. Chỉ là

những hư vọng này chướng ngại nó khiến quý vị không phát hiện, nhưng nó có thật. Ngay trước mặt nhưng quý vị không nhận ra, không cảm giác được sự tồn tại của nó. Nếu nó không tồn tại tất cả hiện tượng cũng đều không có.

Ngày nay các nhà khoa học đem vạn tượng trong vũ trụ chia thành ba loại lớn: Hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần và hiện tượng tự nhiên. Nếu không có chân tâm ba loại hiện tượng này liền không có. Nhất định phải nhớ trong Kinh Hoa Nghiêm nói: muôn sự muôn vật trong biến pháp giới hư không giới đều là tâm hiện thức biến, năng hiện là tự tánh. Trong Hoàn Nguyên Quán nói tự tánh thanh tịnh viên minh thể chính là nó hiện. Nó năng hiện, nó năng sanh. Mười pháp giới y chánh trang nghiêm là do thức biến, thức là gì? A lại da, A lại da biến ra. A lại da phải nương vào chân tâm, nếu chân tâm không hiện, A lại da biến như thế nào? Nếu chân tâm không hiện đến A lại da cũng không có. A lại da cũng là tâm hiện, nó là vọng tâm. Nó có khởi tâm động niệm, có phân biệt chấp trước. Vì thế tâm hiện là nhất chân pháp giới, chính là cõi thật báo trang nghiêm. A lại da đem nó biến thành mười pháp giới y chánh trang nghiêm, nên bản chất của mười pháp giới y chánh trang nghiêm chính là cõi thật báo. Minh bạch điều này, biết được sự việc này Trung Phong thiền sư biết và minh bạch, vì thế ngài mới nói: “Nơi đây tức là Tịnh độ, Tịnh độ chính là nơi đây”. Nếu ngài không biết thì không thể nói ra lời này. “Tâm tôi tức là Di Đà, Di Đà tức là tâm tôi”. Trung Phong thiền sư nếu chưa nhập vào cảnh giới này làm sao nói ra được như vậy!

Chúng ta ngày nay Trung Phong thiền sư có thể nhập vào cảnh giới này, chúng ta vì sao không thể? Chúng ta ngày nay bao nhiêu năm học đại thừa kinh giáo, nguyên lý đã rõ ràng, phương pháp cũng đã rõ, cho đến kinh nghiệm hiệu quả mọi thứ đều rõ ràng. Chỉ kém hơn một chút, chưa nỗ lực buông bỏ. Là buông bỏ một chút nhưng chưa đủ nỗ lực. Cố gắng buông bỏ, triệt để buông bỏ, chúng ta tùy thời nhất niệm vãng sanh. Địa vị sau khi vãng sanh được nâng lên rất nhiều.

Đức Phật nói thế giới Ta Bà tu hành một ngày bằng thế giới Cực Lạc tu hành 100 năm, ý này chúng ta đã hiểu. Đây là trí huệ chân thật, lợi ích chân thật. Không biết, không minh bạch có thể tha thứ, không cần nói đến họ. Chúng ta trong đời này học rất nhiều kinh điển đại thừa. Lời vàng ngọc của Chư Phật Bồ Tát, giáo huấn chân thật, chúng ta đã nghe nhiều, chẳng thể nói là không hiểu, chính là không thay đổi được tập khí phiền não. Bây giờ là thời khắc then chốt, chúng ta biết sẽ có thiên tai. Thiên tai khi nào bộc phát không ai biết được. Nhất định có, vì sao nói nhất định có? Điều này từ nhân quả chúng ta thấy được. Mọi

thiên tai đều là tâm hành bất thiện chiêu cảm ra. Tiêu chuẩn thiện ác trong giáo dục truyền thống, lấy luân lý làm tiêu chuẩn.

Ngày nay có được mấy người không trái với luân lý? Ngũ thường là tiêu chuẩn, nhân lễ nghĩa trí tín có mấy người làm được? Tứ duy là tiêu chuẩn, lễ nghĩa liêm sĩ. Bát đức hiếu đê trung tín, nhân ái hòa bình, không làm được. Người biết nó không nhiều, người thực hành nó không thấy. Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác hoàn toàn trái với bốn khoa này, như vậy có thể không có thiên tai sao?

Phật pháp nói càng đơn giản: thập thiện, tam quy, ngũ giới, lục độ, thập nguyện. Rất đơn giản, đối chiếu thử. Các vị đồng học trong nhà Phật, bất luận là tại gia hay xuất gia có làm được hay không? Đến thập thiện cũng không làm được, những điều khác không cần nói. Thập thiện là căn bản. Tiểu thừa đem thập thiện triển khai thành 3000 oai nghi. Bồ Tát triển khai thập thiện thành tám vạn bốn ngàn tế hạnh, nhưng quy nạp lại chính là mười điều. Điều này tương ứng với câu nói của Tu Vô pháp sư: “nói được mà không làm được thì không trí huệ phải chân”. Nói được không làm được vẫn là mê hoặc điên đảo. Nếu trí huệ hiện tiền nhất định làm được.

Vì sao không khai trí huệ? Không hành trì, không y giáo phụng hành. Thật sự hành trì trí huệ liền khai. Hành trì một phần trí huệ khai một phần, hành trì mười phần trí huệ khai mười phần. Nên đem sở học biến thành sinh hoạt của mình. Như vậy quý vị đang sống như thế nào? Cuộc sống của Phật Bồ Tát, cuộc sống của Phật Bồ Tát là được đại tự tại, ngày này chúng ta gọi là mạnh khỏe an vui, được đại tự tại, quý vị đã thực hành được. Thật đã thực hành tức tùy thời có thể vãng sanh, hình như có đường dây nóng để nói chuyện với Phật A Di Đà, tùy thời cảm, tùy thời ứng. Muốn khi nào đi Phật nhất định đến tiếp dẫn. Quý vị nghĩ xem tự tại biết bao, an vui biết bao. Không có chút do dự hoài nghi nào, không có, ai ai cũng làm được.

Thế giới tây phương Cực Lạc, đích thực là mười pháp giới tất cả chúng sanh người người bình đẳng. Phật A Di Đà chí công vô tư, không hề có chuyện đối với người này tốt hơn, đối với người kia kém hơn một chút, không có. Tất cả đều đối đãi bình đẳng, ngài thật làm được như thế chúng ta cần phải học hỏi theo ngài. Đây chính là thật sự làm được không khởi tâm, không động niệm. Khởi tâm động niệm thì bình đẳng không còn. Phân biệt, chỉ còn một chút phân biệt chấp trước thì đã tạo nghiệp.

Vì thế phát nguyện, nguyện sanh quan trọng hơn bất kỳ điều gì. Phật Bồ Tát từ bi, không một nhọc phiền phức, trong kinh luận phổ biến nhắc nhở chúng ta, không ngừng lặp lại.

Đoạn sau nói: *“Lâm mạng chung thời, A Di Đà Phật dữ chư thánh chúng, hiện tại kỳ tiền. Thử chánh đệ nhị thập, lâm chung tiếp dẫn nguyện chi thành tựu”*.

48 nguyện của Phật A Di Đà hoàn toàn đã thành hiện thực. Người niệm Phật, người cầu vãng sanh, khi lâm chung Phật A Di Đà và chư thánh chúng, hiện tiền đến tiếp dẫn, người này nhất định được vãng sanh. Nếu người niệm Phật khi lâm chung không thấy được Phật A Di Đà, không thấy được Quan Âm Thế Chí, như vậy không thể đi, nhất định phải đợi họ đến. Khi lâm mạng chung họ không đến thì chắc chắn mình có nghiệp chướng, nhất định phải sám trừ nghiệp chướng. Nghiệp chướng chỉ cần sám trừ, Phật Bồ Tát lập tức hiện tiền. Không phải ngài không đến, là nghiệp chướng làm chướng ngại. Cho nên lâm chung có thiện hữu, có thiện tri thức giúp họ trợ niệm, mỗi niệm nhắc nhở họ, công đức vô lượng! Chúng ta biết được điều này, đương nhiên tốt nhất là lúc bình thường chúng ta nên tiêu trừ nghiệp chướng, hóa giải nghiệp chướng, lâm chung không có chướng ngại.

Chúng ta xem xem đây là sự việc cách chúng ta không lâu. Người đệ tử làm thợ hàn của Đế Nhân pháp sư, lâm chung không có chướng ngại. Vô Tu pháp sư Chùa Cục Lạc ở Cáp Nhĩ Tân lâm chung cũng không chướng ngại, còn một vài cư sĩ niệm Phật khi ra đi đứng mà vãng sanh, ngồi vãng sanh, không có chút chướng ngại gì. Đây là sao? Bình thường biết buông xả. Cũng chính là nói họ bình thường trong tâm chỉ có Phật A Di Đà, ngoài Phật A Di Đà ra không có gì tồn tại. Quý vị muốn hỏi họ, quý vị hỏi đông họ A Di Đà Phật. Quý vị hỏi tây họ A Di Đà Phật. Bất luận quý vị hỏi họ điều gì họ trả lời quý vị đều là A Di Đà Phật. Ngoài Phật A Di Đà ra họ không biết thêm gì nữa, biết cũng không để trong lòng. Tâm họ thuần tịnh biết bao, thanh tịnh biết bao, không có chút nhiễm ô nào khi lâm chung Phật đương nhiên hiện tiền.

Phật có đến hay không? Không đến. Có đưa họ vãng sanh thế giới Cục Lạc chăng? Không đi. Quý vị nói có đến có đi là sai lầm, là tri kiến phạm phu. Vì sao vậy? Thể của pháp giới là thể bất tư nghì. Không có thời gian thì không có trước sau, không có không gian là không có cự ly. Biến pháp giới hư không giới đều ngay đây. Mười phương tam tế, ở ngay một niệm này, điều này chúng ta đã hiểu, chúng ta đã thấy trong Hoàn Nguyên Quán. Trong đối thoại của Di Lạc Bồ Tát và

Thích Ca Mâu Ni Phật chúng ta được nghe, biến pháp giới hư không giới chính là một niệm. Trong một niệm chính là biến pháp giới hư không giới. Trong một niệm không có trước sau. Trong một niệm không có đến và đi, không có khoảng cách. Một niệm chính là một niệm ngay đây. Nếu đoạn một niệm này thì hư không pháp giới cũng không còn, vì hư không pháp giới là sở hiện, một niệm ngay đây này là năng hiện, năng sở không hai.

Trước mắt chúng ta cảnh giới này tồn tại, chính là một niệm này chưa đoạn. Một niệm này vừa diệt thì niệm sau lại khởi lên, niệm niệm tương tục. Nếu một niệm này đoạn, cảnh giới hoàn toàn không còn. Hoàn toàn không có chẳng phải tất cả đều không có, đã trở về tự tánh. Trong Tịnh độ tông nói là trở về thường tịch quang. Trong thường tịch quang không có hiện tượng, hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần và hiện tượng tự nhiên đều không có nhưng những hiện tượng này đều do thường tịch quang biến hiện. Thường tịch quang sao lại biến hiện? Chúng sanh có cảm, nó tự nhiên có ứng. Chỉ cần chúng sanh có cảm thì liền hiện tượng. Tất cả tướng hiện ra toàn là chúng sanh sở cảm.

Chúng ta hỏi Như Lai có hiện tượng hay không? Như Lai không có. Cảm ứng đạo giao, bốn chữ này ý nghĩa rất thâm sâu, rộng sâu vô tận, hoàn toàn là cảm ứng. Nói cách khác tự tâm của ta cảm ứng tự tâm của Phật A Di Đà xuất hiện. Tự tâm quý vị cảm ứng tự tâm Phật A Di Đà của quý vị xuất hiện, chính là ý này. Cảm ứng đạo giao không thể nghĩ bàn, như vậy quý vị sẽ hiểu.

Tự tánh Phật A Di Đà của tôi, với Phật A Di Đà do Pháp Tạng từ kheo sở thành ở thế giới Cực Lạc là một không phải hai. Không những tôi và Phật A Di Đà là một không phải hai mà tôi với mười phương tam thế tất cả Chư Phật Như Lai, tất cả Chư Bồ Tát cũng là một không phải hai. Niệm vị Phật nào thì vị Phật đó hiện tiền. Niệm vị Bồ Tát nào thì vị Bồ Tát đó hiện tiền tất cả đều là đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận. Tùy xứ, đương xứ chính là ý niệm. Bồ Tát Di Lạc nói một giây là một trên 1600 triệu. Nhất niệm đó chính là nhất niệm đó hiện, nhất niệm hiện, niệm niệm hiện, nếu không phải niệm niệm hiện chúng ta không cảm nhận được. Vì thế tướng mà chúng ta thấy là tướng tương tự tương tục, vì chúng ta không có phân biệt, không có chấp trước. Giống như đây là tướng tương tục, trước và sau hoàn toàn giống nhau, không phân biệt, không chấp trước. Nếu phân biệt chấp trước vừa khởi, tướng trước sau liền không giống nhau, khác nhau rất nhiều, không có tướng tương đồng.

Tiền sĩ Giang Bôn làm thí nghiệm nước nói với chúng tôi, mười mấy năm làm thí nghiệm, mấy chục vạn lần, tìm không thấy hai đồ án hoàn toàn tương đồng. Có tương đồng chẳng? Có, nhất định có. Ai làm thí nghiệm sẽ xuất hiện hiện tượng tương đồng? Người lý nhất tâm bất loạn họ làm thí nghiệm nhất định tương đồng, vì sao vậy? Vì họ nhất niệm bất sanh, họ thật đã chứng được nhất tâm. Họ làm thí nghiệm phản ứng sẽ là tương đồng. Không phải lý nhất tâm thì không làm được như vậy. Ý muốn nói là lý nhất tâm chính là minh tâm kiến tánh, người đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh họ làm thí nghiệm này, tương phản ứng nhất định tương đồng.

Pháp thân Bồ Tát_Phật Bồ Tát trong mười pháp giới không được, vẫn không giống nhau, pháp thân Bồ Tát làm thí nghiệm sẽ giống nhau. Hiểu được đạo lý này quý vị sẽ biết vì sao cõi thật báo trang nghiêm của thế giới tây phương Cực Lạc, tướng đều là vĩnh hằng bất biến. Đến thế giới Cực Lạc là hóa sanh, hiện tướng giống như Phật A Di Đà. Cây cỏ hoa lá ở thế giới Cực Lạc luôn xanh tươi, không như thế giới này của chúng ta mùa xuân sanh màu hạ trường. Thế giới Cực Lạc không có hiện tượng này, vì sao không có hiện tượng này? Nó không có A lại da, nó chỉ có tâm hiện không có thức biến, nên nó giống nhau. Sau cùng tướng này của nó cũng không vĩnh hằng, thật là “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”.

Đẳng giác Bồ Tát phẩm tập khí vô minh sau cùng đều đã đoạn tận, không còn thấy nữa, giống như tỉnh lại sau giấc mộng vậy, cảnh trong mộng cũng không còn. Chân tướng, họ trở về cõi thường tịch quang. Thường tịch quang là thật, thường tịch quang ở ngay trước mắt, nó tồn tại mọi lúc mọi nơi. Nó là bản thể của tất cả pháp, tất cả pháp rời xa nó sẽ không còn, nhất định phải nương vào nó. Bản thân nó không là gì cả, cho nên nó ở trước mặt chúng ta, nhưng chúng ta không cảm nhận được nó tồn tại, hoàn toàn không có cảm nhận.

Như chúng ta xem ti vi, mở màn hình liền bị nó thu hút, không biết màn hình ti vi tồn tại, tất cả những hình ảnh đều phải dựa vào màn hình mà hiện ra, không có màn hình làm sao nó hiển hiện được? Nhưng chúng ta xem ti vi đều sơ suất, không nghĩ đến màn hình. Chúng ta ở thế gian này đã sơ suất điều gì? Không nghĩ đến bản thể, tự tánh, chân như, thật tướng. Không nghĩ đến những điều này, đây gọi là mê. Nó thật sự tồn tại, nó vĩnh viễn tồn tại, nó là thật. Tướng là giả, sát na đang biến hóa. Nó là thật, vĩnh viễn tồn tại, nó không phải hiện tướng. Điều này Phật nói rất rõ ràng: “duy chứng phương tri”. Chứng như thế nào? Buông bỏ

khởi tâm động niệm, vọng tưởng chấp trước quý vị liền chứng được, quý vị liền thấy được, gọi là minh tâm kiến tánh.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni biểu diễn cho chúng ta thấy, ở Trung Quốc ngài Huệ Năng là một đại biểu tốt nhất, biểu diễn cho chúng ta thấy. Phật giáo ở Trung Quốc 2000 năm nay, người đạt đến cảnh giới như ngài Huệ Năng thật không ít. Chúng ta tính toán, tính toán đại khái sơ lược không dưới 3000 người. 3000 năm nay không dưới 3000 người. Những người này đều là minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ. Họ muốn vãng sanh thì hoàn toàn sanh về cõi thật báo trang nghiêm. Thông thường địa vị của họ trong đại thừa Địa vị trong Kinh Hoa Nghiêm là 41 vị pháp thân đại sĩ. Đây là nói lâm chung tiếp dẫn, hiện tại kỳ tiền.

“*Di Đà nguyện hải sở huệ chân thật chi lợi dã*”, đây chính là loại thứ ba trong ba loại chân thật, đem đến lợi ích chân thật, trong hội vô lượng thọ tất cả đều đã hiện thực.

“*Xung Tán Tịnh Độ Kinh vân, thị thiện nam tử hoặc thiện nữ nhơn. Lâm mạng chung thời, vô lượng thọ Phật, dĩ kỳ vô lượng thanh văn đệ tử Bồ Tát chúng câu, tiền hậu vi nhiều, lai trú kỳ tiền, từ bi gia hộ, linh tâm bất loạn. Ký xả mạng dĩ, tùy Phật chúng hội, sanh vô lượng thọ Cực Lạc thế giới thanh tịnh Phật độ*”.

Đoạn kinh văn này cung cấp tin tức cho chúng ta. Thiện nam tử, thiện nữ nhơn, đây là người niệm Phật cầu vãng sanh. Có chánh tín, có phát nguyện khi lâm mạng chung Vô Lượng Thọ Phật chính là Phật A Di Đà Phật A Di Đà đến tiếp dẫn chúng ta.

Phật dẫn theo đại chúng, trong đó có hàng Thanh văn, A la hán, có hàng Bồ Tát. Những người này đều có duyên với quý vị, người không có duyên sẽ không đến cùng Phật. Những người này là ai, nhân duyên gì? Đều là từ vô lượng kiếp đến nay, trong đời quá khứ là gia thân quyến thuộc, là thầy là bạn học, đều có liên quan với quý vị. Họ đã niệm Phật vãng sanh từ lâu, hôm nay nghe nói quý vị đến, nên theo Phật cùng đến tiếp dẫn quý vị. Cho nên đến thế giới Cực Lạc không cô đơn. Đến thế giới Cực Lạc người quen nhiều hơn rất nhiều sơ với ở thế giới này. Đời đời kiếp kiếp trong vô lượng kiếp đến nay bằng hữu thân thích đều đến tiếp dẫn quý vị, thật không thể nghĩ bàn.

Người mà quý vị tưởng nhớ, người quý vị luyện mộ đều thấy được. Rất kỳ lạ khi thấy được liền quen ngay, không xa lạ, đây là nguyên nhân gì? Điều là oai thần bản nguyện của Phật A Di Đà gia trì. Nếu quý vị hiểu rõ chân tướng sự thật, quý vị có thể không đi sao? Gia thân quyến thuộc đời trước của tôi và đời trước

nữa, cứ như vậy cho đến vô lượng kiếp trước, chonên theo Phật đến tiếp dẫn quý vị, là vô lượng Thanh văn đệ tử, Bồ Tát chúng câu hội, trước sau vây quanh. Nói cách khác quý vị thấy kinh văn này liền biết, vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc vốn là đại đoàn của những người có duyên từ trong vô lượng kiếp này, đây là thành tựu viên mãn.

Quý vị gặp những người này họ đều hỏi thăm quý vị. Rất có thể hỏi quý vị sao bây giờ mới đến. Chúng tôi đến đây đều đã thành Bồ Tát đều đã thành Thanh văn sao quý vị bây giờ mới đến?

“*Từ bi gia hộ, linh tâm bất loạn*”, hai câu này vô cùng quan trọng. Vì thế đại sư Cưu Ma La Thập phiên dịch Kinh A Di Đà ngài phiên dịch là nhất tâm bất loạn, thật ra văn bản tiếng phạn không phải ý này, văn bản tiếng phạn là “*nhất tâm hệ niệm*” Huyền Trang đại sư dịch là trực dịch, ý của văn bản tiếng phạn. Cưu Ma La Thập là dịch ý, không y theo nguyên văn để dịch nhưng ngài không dịch sai, ngài dịch là nhất tâm bất loạn, vì thế có người nhìn thấy nhất tâm bất loạn cảm thấy quá khó, không phải phàm phu có thể làm được. Nhất tâm hệ niệm phàm phu có thể làm.

Vì sao nói đại sư La Thập không dịch sai? Quý vị thấy câu này là “*từ bi gia hộ linh tâm bất loạn*”, khi nào? Là một niệm lúc quý vị lâm chung. Phật đến tiếp dẫn quý vị, trước là Phật quang chiếu đến, Phật quang chiếu đến chính là gia trì, chính là từ bi gia hộ. Khiến công phu quý vị nâng lên đến nhất tâm bất loạn. Phật quang vừa chiếu thì công phu quý vị nâng cao lên một bậc, công phu quý vị chỉ là thành phiến. Công phu thành phiến Phật liền có thể giúp quý vị nâng lên đến nhất tâm bất loạn, chính là đạo lý này.

“*Kỳ xả mạng dĩ*”, thật ra ở đây chính là xả thân. Thân, chúng ta nói đã chết, đã đoạn khí, linh hồn của họ tùy theo chúng hội Phật. Chúng ở đây là vô lượng Thanh văn, đại chúng Bồ Tát. “*Sanh vô lượng thọ Cực Lạc thế giới thanh tịnh Phật độ*”, họ đến thế giới Cực Lạc, thật sự đã vãng sanh. Điều này ở sau nói rất hay. “*Kinh trung từ bi gia hộ, linh tâm bất loạn, thị vi Tịnh tông chi tâm tủy*”, ở đây Hoàng Niệm Tổ nói rất hay. “*Nhân Phật lực gia bị, hành nhân tâm tử bất loạn*”, ở đây nói rõ đại sư La Thập dịch không sai. Ngài La Thập đại sư dịch là từ trên quả vị người niệm Phật vãng sanh mà nói. Họ vãng sanh thế giới Cực Lạc đích thực là nhất tâm bất loạn. Đương nhiên nhân hành của người vãng sanh thì hoàn toàn sai khác.

Linh tâm bất loạn ở đây, chúng ta thường nói là nhất định phải niệm đến công phu thành thiền, mới có hiệu quả này. Nếu công phu chưa thành thiền, như vậy vắng sanh thật sự phải nhờ trợ niệm giúp đỡ. Không có trợ niệm giúp đỡ sợ không thể vắng sanh. Mọi người ở trước mặt họ, lúc lâm chung mỗi niệm nhắc nhở họ, không để họ đi sai đường. Mỗi niệm cảnh tỉnh, công đức này rất lớn, họ mới không có vọng niệm và ý niệm sai lầm hiện ra, như vậy là được. Phẩm vị của họ thật sự rất cao, vì thế trợ niệm lúc lâm chung đích thực là điều cần thiết. Tự mình có công phu thực sự, như vậy không cần phải nói. Như người thợ hàn đệ tử của Đệ Nhàn hòa thượng công ta không cần vì ông có chân công phu.

Như ở trước chúng ta nói Tu Vô Pháp sư chùa Cực Lạc ở Cáp Nhĩ Tân, cũng không cần điều này. Thầy còn mời vài người đến giúp ông trợ niệm. Đó là gì? Đó là thị hiện làm như vậy để mọi người noi theo, rất tiêu sái! Nguyên nhân trong kinh luận nói rất rõ, bình thường phải buông bỏ, không buông bỏ không được, công phu chính ở chỗ buông bỏ. Thông thường người không buông được, nguyên nhân đều ở chỗ đối với chân tướng sự thật, không hoàn toàn minh bạch. Thấu triệt được chân tướng sự thật như vậy gọi là nhìn thấu. Nhìn thấu chính là đã thấu đạt chân tướng, đã biết. Điều này trong Kinh Kim Cang nói rất hay: “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, nên ghi nhớ câu này, thường để trong tâm, từng giờ từng phút khởi tác dụng. Chúng ta mắt thấy sắc, tai nghe âm thanh, khởi tâm động niệm, câu này có thể kịp thời cảnh tỉnh. “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, quý vị thật sự có thể buông bỏ. Nếu không được cảnh tỉnh, nhất định là tùy nghiệp lưu chuyển.

Tùy nghiệp lưu chuyển là gì? Dẫn khởi phiền não của quý vị, vì sao vậy? Vì quý vị có phân biệt, có chấp trước. Phiền não là gì? Dẫn phát thất tình lục dục, tham sân si mạn của quý vị. Dẫn dắt những thứ này ra như vậy là không tốt. Dẫn những thứ này ra gọi là tạo nghiệp luân hồi, quý vị đang lặn ngụp trong luân hồi lục đạo. Nếu cảnh tỉnh từng phút từng giây, quý vị đối với tất cả cảnh giới, thuận cảnh hay nghịch cảnh, thiện duyên hay ác duyên đều không quan tâm, không bị nó khuấy nhiễu. Trong tâm quý vị khởi lên chính là câu A Di Đà Phật, đây chính là nhất tâm bất loạn. Bình thường có công phu này thì khi vắng sanh nắm chắc hơn. Nắm chắc từ đâu mà có? Nắm chắc là không bị thế gian này lôi cuốn, biết được thế gian này đều là giả, không có điều gì là thật. Vì thế quý vị luôn duy trì tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng. Giác mà không mê, chánh mà không tà, tịnh mà không nhiễm. Quý vị đã duy trì giác chánh tịnh, quý vị bảo trì được thanh tịnh bình đẳng

giác mà trên đề kinh nói. Điều này bảo chúng tự mình nhất định được vãng sanh Tịnh độ, lâm chung không cần trợ niệm. Quý vị sẽ ra đi một cách tự tại, một cách tiêu sái.

“Nhân Phật lực gia bị, hành nhân tâm thì bất loạn, u thị thập niệm tương tục, tiệp đắc vãng sanh. Cố xưng Tịnh độ vi quả giáo”.

Khác với các Tông phái khác, các tông phái khác là tu nhân chứng quả. Tịnh tông trực tiếp dạy quý vị được quả báo thật là được quả báo không thể nghĩ bàn. Điều này trên mặt lý nói quá rõ ràng.

Quý vị thấy ở trước những gì chúng ta đã học, c người ngu nghịch thập ác tạo tội nghiệp cực nặng, lâm chung tướng địa ngục hiện tiền, họ rất sợ hãi. Gặp được thiện hữu cảnh tỉnh họ mau mau niệm Phật cầu sanh Tịnh độ. Sau khi họ nghe được lập tức niệm liên tục A Di Đà Phật, A Di Đà Phật. Lúc này tâm họ là chân tâm không có chút vọng tâm nào. Chân tâm niệm Phật công đức không thể nghĩ bàn.

Tuy nhất niệm thập niệm vãng sanh nhưng phẩm vị cao. Cao ở đâu? Họ dùng chân tâm. Ngày ngày chúng ta niệm Phật, một ngày niệm mấy vạn danh hiệu. Chúng ta là vọng tâm, khi niệm Phật xen tạp vọng niệm, không thể sánh được với họ, phẩm vị vãng sanh cao hơn chúng ta. Điều này có đạo lý, người ta dùng chân tâm, tâm chúng ta xen tạp vọng niệm, không thể sánh bằng họ. Nhất niệm của họ chúng ta mười vạn niệm cùng không bằng một niệm của người ta. Dùng tâm không giống nhau, quả báo không tương đồng, nhưng việc này không dễ.

Người suốt đời tạo nhiều ác nghiệp khi lâm chung tướng địa ngục hiện tiền, họ có thể chuyển đổi được chăng? Có, có hạng người này nhưng rất ít. Nếu chuyển đổi được thì thật không thể nghĩ bàn, họ được nâng cao lên rất nhiều. So với người bình thường niệm Phật cầu sanh quả vị cao còn cao hơn. Vì thế chúng ta không thể coi thường người tạo tội nghiệp, biết đâu khi họ vãng sanh, địa vị cao hơn chúng ta, đây là thật.

Chúng ta cũng có thể liên tưởng đến vì sao họ có tình hình này phát sanh? Chắc chắn trong quá khứ đã từng tu Tịnh độ. Trong nhiều đời kiếp căn cơ Tịnh độ của họ rất sâu dày. Trong đời này không gặp được thiện duyên, mà gặp phải ác duyên, đã học hư. Khi lâm chung có người cảnh tỉnh họ, thiện căn đời trước trong A lại da thức liền phát khởi, họ mới có thể làm được. Trong đời trước không có thiện căn sâu dày thì không thể. Vì thế không phải mỗi người tạo nghiệp ác lâm

chung đều có thể quay đầu. Thời gian ngắn như vậy, thời gian trong khoảng sát na thật sự đã quay đầu.

Cổ nhân chúng ta thường nói: “lãng tử hồi đầu kim bất hoán”. Người làm ác này khi quay đầu là người rất tốt. Người tốt trong số người tốt, người tốt bình thường không sánh bằng họ. Đây chính là nói “Buông hạ đồ đao, lập địa thành Phật”, đây là điều có thể, không phải chỉ là lời ví dụ. Tịnh độ đích thực là quả giáo, là pháp môn dùng tha lực. Hoàn toàn dựa vào oai thần 48 nguyện của Phật A Di Đà gia trì.

“*Thị dị hành đạo*”, dị hành đạo này là so sánh với tám vạn bốn ngàn pháp môn, Tịnh tông là dễ hành. “*Thị phổ bị vạn loại chi từ hàng, quân tại thị dã*”, “quân tại thị” chính là khi lâm chung xả báo thân được Di Đà từ bi gia hộ, khiến tâm bất loạn chính là chỉ câu này. Như vậy người niệm Phật chúng ta, trong cuộc sống hằng ngày có ý muốn cầu sanh Tịnh độ mãnh liệt, đối với thế gian này phải lãnh đạm, đối với thế duyên phải vô cùng lãnh đạm, lâm chung mới không có chướng ngại. Đối với thế duyên không buông được, đó là sức mạnh quấy nhiễu rất lớn. Thế duyên là luân chuyển trong luân hồi. Ham muốn vãng sanh mãnh liệt, là sanh Tịnh độ. Nhân tố quyết định có thể vãng sanh hay không là phải chân tín, phải hoằng nguyện, phải đại nguyện cầu sanh.

“*Kinh vân hạ bối giả*”, ở đây trong tam bối vãng sanh nói đến hạ bối. “*Lâm chung mộng kiến, diệc đắc vãng sanh, cánh hiển thử bất khả tư nghị chi tha lực*”, trong hạ bối Quán Kinh nói đều là chúng sanh tạo ác. Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói chín phẩm, thượng tam phẩm là đại phàm phu, trung tam phẩm là tiểu phàm phu, hạ tam phẩm là ác phàm phu. Điều này đích thực toàn dựa vào Phật A Di Đà từ bi gia hộ. Đây là nguyện lực không thể nghĩ bàn của Phật A Di Đà.

“*Lâm chung mộng kiến*” lâm chung thật sự đã thấy, thấy Phật đến tiếp dẫn họ. Vì sao nói là mộng kiến? Họ nói hình như nằm mộng, như mộng mà không phải mộng. Cũng chính là nói không được rõ ràng, hình như là ở trong mộng, Thật ra thấy Phật thật sự đến tiếp dẫn họ

đến thế giới tây phương Cực Lạc. Đoạn dưới nói: “*thất bảo hoa trung, tự nhiên hóa sanh*”, hai câu này là kinh văn. “*Thử vân tự nhiên hóa sanh giả, biểu phi thai noãn thấp hóa tứ sanh trung chi hóa sanh*”. Điều này với mười pháp giới không giống nhau. Trong mười pháp giới, thiên đạo có hóa sanh. Đường súc sanh thai noãn thấp hóa bốn loại đều có. Đường địa ngục là hóa sanh, trong đường ngạ quỷ

có thai sanh. Thiên đạo, đặc biệt là tứ thiên thiên tất cả đều là hóa sanh. Tứ không thiên họ không có thân thể, họ không cần sắc thân, vì thế tứ thiên thiên chúng ta thường gọi là linh giới. Người Trung Quốc nói họ chỉ cần duy trì trạng thái linh hồn, không cần thân thể. Họ tu định, tu tứ không định. Đây thật là phàm phu cao cấp trong lục đạo.

Như Khổng Lão Phu Tử nói Lão tứ có nói một câu: “*Ngô hữu đại hoạn, vi ngô hữu thân*”, họa hoạn lớn nhất của tôi là vì có thân thể, không có thân thể tốt biết bao. Như vậy tứ không thiên chính là hạng người này, không cần thân thể. Tình huống của họ hoàn toàn ở trong thiên định, đây là lục đạo mười pháp giới. Có bốn loại sanh: noãn thai thấp hóa.

Thế giới Cực Lạc hóa sanh thêm vào tự nhiên, tự nhiên hóa sanh. Đây biểu thị không phải thế gian này của chúng ta, không phải hóa sanh trong thai noãn thấp hóa, ý nghĩa hoàn toàn không tương đồng. Vì sao vậy? Vì lục đạo mười pháp giới, thai noãn thấp hóa, mê mà không giác. Vãng sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc oai thần bốn nguyện của Phật A Di Đà gia trì là giác mà không mê, hoàn toàn không tương đồng.

“*Như Pháp Hoa Văn Cú*” Văn Cú là chú giải do Trí Giả đại sư trước tác chú giải Kinh Pháp Hoa. Trong đây có một đoạn văn dẫn chứng Thai Kinh. Trong Thai Kinh nói: “*Liên hoa sanh giả, phi thai noãn thấp hóa chi hóa sanh dã, phi hóa nhi ngôn hóa nhi*”, điều này có kinh làm chứng. “*Hựu diệc phi Niết Bàn Kinh sở vị chi thấp sanh. Bỉ kinh vân, am la thọ nữ đặng, nhân thọ hoa nhi sanh, sanh vi thấp sanh*”, hoa sen ở thế giới Cực Lạc trong ao thất bảo. Am la thọ nữ là hoa trên cây, hoa trên cây có.

Trước đây tôi ở Singapore giảng Kinh Hoa Nghiêm. Khi khai giảng Kinh Hoa Nghiêm trước cửa chúng tôi ở có một cây tiên nhân chưởng, không sai là cây tiên nhân chưởng nở 108 đóa hoa. Người có thông linh thấy được trong mỗi đóa hoa đều có tiên tử. Họ thấy được đó là gì? Đó là hóa sanh, đó là hóa sanh trong đóa hoa. Đây thuộc về hóa của thai noãn thấp hóa mà chúng ta nói ở đây, không giống với thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc là liên hoa hóa sanh, hoàn toàn không tương đồng.

Liên hoa hóa sanh, thân tướng sanh ra hoàn toàn giống với Phật A Di Đà nên quý vị không thấy, không phải hóa sanh như trẻ em lớn dần lên, không phải. Họ biến hóa giống như thân tướng Phật A Di Đà vậy, đây là oai thần bốn nguyện của Phật A Di Đà gia trì. Hiện thân tướng là kim sắc thân, tử ma chân kim sắc thân.

Tướng hảo không phải 32 tướng 80 vẽ đẹp. Trong Quán Kinh nói thân có tám vạn bốn ngàn tướng, mỗi một tướng có tám vạn bốn ngàn tốt.

Quán Kinh nói ra số chữ cũng có, trong kinh không nói ra số chữ mà nói báo thân Như Lai, thân có vô lượng tướng, tướng có vô lượng đẹp, nên đây tuyệt đối không phải thai noãn thấp hóa mà thể gian chúng ta thường nói. Gọi là tự nhiên hóa sanh, vì thể không hóa sanh mà nói là hóa sanh. Bên dưới giải thích am la thọ nữ.

“Cái uế độ thảo mộc, thường hữu thấp khí”, đây là điều không tránh khỏi, nếu nó không có độ ẩm, nó sẽ khô cằn. Cây này sẽ chết mất nên nhất định có khí ẩm. *“An la thọ nữ đặng, thác thử thấp khí nhi sanh, nãi danh thấp sanh. Kim Tịnh tông trung, liên hoa dĩ nhân câu thị đồng thời nhi hữu”*, tự nhiên hóa hiện, không cần nhờ khí ẩm. Nước tám công đức trong ao thất bảo có khí thấp chăng? Có thấp sanh chăng? Không. Nước tám công đức và nước ở thế gian này không giống nhau, hoàn toàn không tương đồng.

Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói rõ và giới thiệu rất tường tận. Liên hoa và người đồng thời mà có tự nhiên hóa hiện. Vì thế không phải thấp sanh mà thế giới này của chúng ta nói. *“Trí tuệ đồng mãnh”*, sanh đến thế giới Cực Lạc. *“Vị trí tuệ minh liễu nhuệ lợi, năng phá phiền não kiêu mạn tặc quân, cố vân đồng mãnh”*, phạm phu sanh đến thế giới Cực Lạc, phiền não đã đoạn nhưng tập khí chưa đoạn, nên được oai thần bốn nguyện của Phật A Di Đà gia trì. Tập khí tuy có nhưng không khởi tác dụng. Đây gọi là gì? Phục phiền não. Trí huệ của Đức Phật gia trì quý vị, thần thông gia trì quý vị, oai đức gia trì quý vị. Đặc biệt trong nguyện 20 nói: đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát, nguyện này quả thật cao siêu! Đây chính là được sự gia trì viên mãn của Phật.

A Duy Việt Trí là phẩm vị thấp nhất, trong Kinh Hoa Nghiêm là Viên giáo Sơ trú Bồ Tát. Phật giáo Trung Quốc thường nói minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, đây chính là A Duy Việt Trí Bồ Tát. A Duy Việt Trí Bồ Tát đã đoạn phiền não vô minh, đã thành Phật, thật sự đã thành Phật. Họ không ở trong mười pháp giới đương nhiên không ở trong lục đạo. Họ đã vượt ra mười pháp giới, họ đã sanh về đâu? Tu các pháp môn khác, đại khái đều đến thế giới Hoa Tạng, cõi thật báo trang nghiêm của Phật Tỳ Lô Giá Na, đều đi về đó, không còn ở trong mười pháp giới.

Vãng sanh đến thế giới Cực Lạc cũng là cõi thật báo trang nghiêm của Phật A Di Đà, đây là thượng bồi vãng sanh mà trong kinh nói, sanh vào cõi thật báo,

trung bối sanh vào cõi phương tiện hữu dư, hạ bối sanh vào cõi phàm thánh đồng cư. Đây là nhân địa không tương đồng nên quả báo có sai biệt, nhưng đại nguyện của Phật A Di Đà nâng cao lên toàn bộ đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát. Điều làm, tất cả đều làm, không nói hạ phẩm hạ sanh không ở trong đó, không nói lời này. Không nói lời này, hay nói cách khác hạ hạ phẩm vãng sanh cũng làm A Duy Việt Trí Bồ Tát, điều này thật đáng nể!

Tự mình không chứng được cũng chính là vô minh phiền não chưa phá, nhưng đến thế giới Cực Lạc hưởng thụ, trí huệ, thần thông, đạo lực, phước báo bình đẳng với A Duy Việt Trí Bồ Tát, đái ngộ như nhau. Điều này trong mười phương quốc độ không có, chỉ có ở thế giới tây phương Cực Lạc, đây là thật không thể nghĩ bàn! Hèn gì mười phương Chư Phật tán thán Phật A Di Đà “quang trung cực tôn, Phật trung chi vương”, thành Phật, chúng ta biết Phật Phật đạo đồng, trí huệ, đức năng, thần thông, đạo lực hoàn toàn bình đẳng, nhất định không sai khác, nhưng trong không sai biệt có sai biệt, đó là gì? Trong nhân địa phát nguyện không giống nhau nên quả báo cũng không giống nhau.

Phật A Di Đà khi ở nơi nhân địa phát nguyện quá lớn lao mà nguyện của ngài không phải hư nguyện, mỗi nguyện đều thực hiện viên mãn, thực hiện như thế nào? Tu hành, ngài dùng thời gian năm kiếp tu hành, chính là mỗi nguyện của ngài đều làm được, đều hiện thực. Sau khi thành Phật thế giới Cực Lạc tự nhiên do nguyện lực mà thành tựu trang nghiêm. Đạo tràng lớn này, thanh tịnh trang nghiêm không phải người thiết kế, cũng không phải người kiến tạo. Tự nhiên hóa sanh, thế giới Cực Lạc là tự nhiên hóa sanh, Phật A Di Đà cũng là tự nhiên hóa sanh. Phàm vãng sanh đến thế giới Cực Lạc tất cả đều là tự nhiên hóa sanh, tuyệt diệu không sao nói được.

Điều này có thể sao? Có thể tin được sao? Có thể. Vì sao vậy? Phàm việc gì nó có lý của nó. Chỉ cần có lý thì điều đó có thể. Tự nhiên hóa sanh của thế giới Cực Lạc có lý, lý là gì? Trong kinh đại thừa Đức Phật thường nói, tất cả pháp từ tâm tướng sanh. Đây chính là đạo lý, y cứ tự nhiên hóa sanh của thế giới Cực Lạc, từ tâm tướng sanh ra. Tâm tướng này là ở nơi nhân địa, không phải ở quả địa. Nhân địa tâm tướng, quả địa tự nhiên hóa sanh, đây thật không thể nghĩ bàn. Chúng ta hiểu được đạo lý này, nhìn thấy sự tướng này, hiện tượng này của thế giới Cực Lạc. Như vậy chúng ta nên cảnh giác hiện nay chúng ta khởi tâm động niệm có sự liên quan rất lớn. Không thể nói khởi tâm động niệm là việc rất sơ suất, như vậy quý vị đã sai. Bất luận quý vị có ý hay vô ý, có tâm hay vô tâm,

khởi tâm động niệm đều hình thành, quý vị không thể tưởng tượng được quả báo này là gì? Tự nhiên hiện tiền. Trong lục đạo, trong mười pháp giới cũng không ngoại lệ. Thế giới Cực Lạc có thể, ở thế giới này của chúng ta cũng có thể, vì thế giới này không phải thật.

Trong Kinh Kim Cang nói rất hay: “nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh”. Hữu vi pháp này là nói thế gian, trong Phật pháp nói mười pháp giới y chánh trang nghiêm, không phải thật là mộng huyễn bào ảnh. Khi nào mộng của lục đạo tỉnh lại? Quý vị có thể đối với tất cả pháp của thế xuất thế gian không còn chấp trước thì mộng này đã tỉnh lại. Khi tỉnh lại thì lục đạo sẽ không còn. Tất cả đều không chấp trước chính là A la hán, không chấp trước chính là đã đoạn tận kiến tư phiền não. Hoa Nghiêm gọi là không chấp trước, đại thừa gọi là kiến tư phiền não. Đây là nhân của lục đạo, nhân không có thì quả lập tức không có. Lục đạo không còn, đã tỉnh lại. Tỉnh lại là sao? Tứ thánh pháp giới. Quý vị thấy được Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, Phật. Tứ thánh pháp giới đã xuất hiện, thật ra tứ thánh pháp giới vẫn là một giấc mộng.

Quý vị tiến thêm một bước đối với tất cả pháp trong thế xuất thế gian không phân biệt, không khởi tâm, không động niệm, tứ thánh pháp giới không còn nữa. Vì thế lục đạo là mộng trong mộng. Tứ thánh pháp giới không còn, những gì quý vị thấy được đó thật sự, phải chúc mừng vì nhất chân pháp giới hiện tiền, tức là cõi thật báo trang nghiêm của Chư Phật Như Lai, trên thực tế cũng là cõi thật báo trang nghiêm của chính mình, không rời chính mình. Cõi thật báo trang nghiêm của chính tôi và cõi thật báo của Chư Phật, của Phật A Di Đà là một không phải hai. Đây gọi là nhất niệm tương ưng. Cho thấy “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, Phật không nói cõi đó là ngoại lệ, không có. Chỉ có cõi thường tịch quang là thật.

Cõi thật báo trang nghiêm tuy nó không có biến hóa. Nhà Phật nói chân và vọng. Chân, vĩnh hằng bất biến là chân. Phàm có biến hóa chính là hư vọng. Trong mười pháp giới hữu tình chúng sanh đều có sanh lão bệnh tử, thực vật có sanh trụ dị diệt, khoáng vật, như tinh cầu có thành trụ hoại không, có cuộc tang thương, nó có biến hóa. Có biến hóa chính là giả là không phải thật. Trong nhất chân pháp giới nó không có biến hóa. Nó có tướng nhưng nó vẫn là giả. Đó là thành tựu gì? Bây giờ chúng ta đã biết tập khí vô thỉ vô minh thành tựu. Chỉ cần còn tập khí vô thỉ vô minh tồn tại, thì còn có cõi thật báo. Tập khí vô thỉ vô minh

đã đoạn tận, cõi thật báo cũng không còn. Thật vậy, đức Phật nói: “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, không nói cõi thật báo ngoại lệ.

Thường tịch quang là thật. Thường tịch quang ba loại hiện tượng đều không có. Hiện tượng vật chất không có, hiện tượng tinh thần không có, hiện tượng tự nhiên cũng không có, nhưng nó có thể sanh tất cả hiện tượng, có thể sanh ra vạn pháp. Nó là thật, nó mới là bản thể của vũ trụ vạn hữu. Thường tịch quang chính là tự tánh, chính là pháp tánh, chính là chân như, có thể sanh vạn pháp. Hết giờ rồi, ý của đoạn này chưa giảng xong. Bài học sau chúng ta bắt đầu giảng từ đây. Bắt đầu học từ đoạn “*Trí huệ đồng mãnh*”.

Tập 407

Chuyên ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Minh Tâm

Thời gian: 11.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 507, hàng thứ năm từ dưới đếm lên. Bắt đầu xem từ “*trí huệ đồng mãnh*”.

“*Trí huệ đồng mãnh, vị trí huệ minh liễu nhuệ lợi, năng phá phiền não kê mạn tặc quân, cố vân đồng mãnh. Như Trí Độ Luận vân, trí huệ tiền căn lợi, phá kê mạn chư tặc. Hựu Duy Ma Kinh vân, dĩ trí huệ kiếm, phá phiền não tặc*”, chúng ta xem đến đây.

Đây là nói người vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, đích thực là được oai thần bốn nguyện của Phật A Di Đà gia trì, đặc biệt là nói cõi phàm thánh đồng cư.

Chúng ta vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, thân vẫn là thân con người, vì sao vậy? Nhất phẩm phiền não đều chưa phá, hoàn toàn nhờ Phật lực, nguyện lực của Phật. Lâm chung nhất niệm mười niệm, đây chính là đầy đủ chân thật nguyện thiết. Nhất niệm mười niệm được sanh vào nước này. Sanh đến thế giới Cực Lạc

liền được oai thần bốn nguyện gia trì, tức là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Trí huệ không có gì khác với pháp thân Bồ Tát nên đến bên đó trí huệ hiện tiền. Trí huệ này có thể phá phiền não, trong phiền não đặc biệt đưa ra kiêu và mạn. Phiền não rất nhiều, hai loại này thuộc căn bản phiền não.

Trong kinh luận của Pháp Tướng Tông nói: tứ đại phiền não thường tương tùy, đây là gì? Là chánh báo. Bắt đầu từ khi mê những thứ này liền hiện tiền, đây chính là Mạt na thức. Tám thức 51 tâm sở cũng là trong nhất niệm hình thành. Tuy có thứ đệ trước sau, nhưng phạm phu chúng ta tâm ý thô thiển, không có năng lực phân biệt thứ đệ của nó. Chúng ta cảm nhận hình như nó đồng thời phát sanh, tốc độ nó quá nhanh, trong một niệm nó đã thành tựu. Nhất niệm này chính là Bồ Tát Di Lặc nói một khoảnh khắc ta có 32 ức trăm ngàn niệm, tốc độ đích thực là quá nhanh.

Trong nhất niệm này hiện ra toàn thể vũ trụ, biến pháp giới hư không giới, đây là y báo. Chánh báo này của chúng ta đồng thời khởi lên. Chánh báo mạt na_mạt na tứ đại phiền não. Ngã kiến: ngã kiến lúc này không nhất định có thân tướng. Bây giờ chúng ta gọi là linh hồn hoặc là linh tánh. Tóm lại mà nói, cho rằng đây là tôi, chấp cái này là tôi. Có cái tôi này tham sân si liền khởi lên. Ngã ái, ngã ái là tham. Ngã mạn, mạn là thuộc sân nhuế. Ngã si, tham sân si với bản ngã đồng thời khởi lên. Kiêu mạn là một phần của sân nhuế, nghi cũng đồng thời khởi lên. Trong phiền não nói tham sân si mạn nghi đồng thời khởi lên, nên gọi là kiêu mạn, pháp thế gian cũng nói như thế. Ngạo không thể trưởng, đây là pháp thế gian, nó không nói đoạn phiền não, nó chỉ hạn chế quý vị không thể tiếp tục tăng trưởng. quý vị có thể không chế được nó. Nhưng trong Phật pháp nhất định phải đoạn, không đoạn không thể kiến tánh, không thể khai trí huệ, cũng không thể được định, nên nó là chướng ngại rất lớn trong việc tu hành. Nếu ngạo mạn nghiêm trọng một chút, rất khó thành tựu, vì sao vậy? Vì ngay cả việc trì giới cũng không làm được, thì định huệ đương nhiên là không có. Nên kiêu mạn, kiêu ngạo, ngã mạn buông bỏ hết, có thể phá. Điều gì có thể khiến nó buông bỏ? Trí huệ, những thứ này chướng ngại trí huệ. Trí huệ phải cao hơn nó, sẽ chế phục nó. Cao hơn nữa nó sẽ không còn.

Trong giáo lý đại thừa Đức Phật thường nói: “chuyển phiền não thành bồ đề”, thật ra phiền não và bồ đề là một. Khi mê trí huệ biến thành phiền não, khi giác ngộ phiền não biến thành bồ đề. Đích thực chỉ ở nơi mê ngộ khác nhau. Từ đó cho thấy, tu học Phật pháp mục đích cuối cùng là khai trí huệ. Tóm lại mà nói, nói

một cách rõ ràng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, danh từ này có thể dịch mà không dịch, vẫn dùng âm dịch, đây là thuộc về tôn trọng không dịch. Học Phật cầu điều gì? Chính là cầu điều này. Dịch thành chữ Hán rất dễ, chỉ có sáu chữ: Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, trong sáu chữ này có ba giai đoạn.

Trước là từ chánh giác, chánh giác thật sự đã giác ngộ, chính là A la hán. Tiến thêm một bước là chánh đẳng chánh giác. Đẳng đồng nghĩa với chánh không phải tà, đồng nghĩa với Phật, họ chưa thành Phật chỉ là Bồ Tát. Bồ Tát đồng nghĩa với Phật, kém hơn Phật một bậc. Đến khi viên mãn gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là trí huệ Phật, Chánh Đẳng Chánh Giác là trí huệ của Bồ Tát, Chánh Giác là trí huệ của A la hán. A la hán bao gồm Bích Chi Phật cùng một đẳng cấp. Phải trí huệ mới có thể đoạn phiền não.

Định công, thiên định là phục phiền não. Nó là trước được định, nhân giới được định vì thế giới rất quan trọng. Giới là điều kiện phải đầy đủ của người học Phật. Giới bắt đầu học từ đâu? Bắt đầu học từ thập thiện nghiệp đạo. Thập thiện nghiệp đạo trong Phật pháp bất luận đại thừa hay tiểu thừa, đều gọi nó là căn bản giới. Đầy đủ thập thiện nghiệp đạo mới có thể nhập Phật môn. Đầy đủ thập thiện nghiệp đạo, trong nhà Phật gọi là thiện nam tử thiện nữ nhơn. Mới có tư cách, có điều kiện lễ Phật làm thầy, lạy Phật làm thầy, làm học trò của Phật. Khi lạy thầy, thầy đem tam quy truyền cho họ. Tam quy là gì? Là nguyên tắc chỉ đạo cao nhất của việc tu học Phật pháp.

Quý vị tu gì? cương lĩnh chung, nguyên tắc chung dạy cho quý vị. Người xưa đều như vậy, tức đem mục đích tu học một đời của quý vị nói với quý vị, con đường này quý vị không được đi sai.

Tam quy chính là giác chánh tịnh. Trong Pháp Bảo Đàn Kinh ngài Huệ Năng truyền thọ quy y. Trước đây khi chúng tôi mới đọc bộ sách này, khi đó chưa thật sự học Phật. Tôi là ở trong nhà một người bạn là đồng sự thời kỳ kháng chiến của phụ thân tôi, ông ta là một tướng quân. Khi đến Đài Loan chúng tôi lại gặp nhau. Khi nghỉ tết ông ta mời tôi đến nhà ở một tuần. Trên giá sách của họ có Lục Tổ Đàn Kinh. Tiền Chú của Đinh Phước Bảo là bìa mềm. Tôi mở ra xem rất hứng thú, một tuần sau đã xem xong nó, vô cùng hoan hỷ.

Trong Đàn Kinh nói tam quy không giống với Phật pháp thông thường của chúng ta. Khi Lục Tổ nói tam quy. Ngài nói quy y giác, quy y chánh, quy y tịnh.

Ngài nói như vậy, tiếp theo ngài có giải thích. Phật là giác, pháp là chánh, tăng là tịnh, ngài giải thích như vậy. Ở trước đầu tiên đưa ra giác chánh tịnh, về sau chúng ta học Phật liền nghĩ đến vấn đề này, vì sao ngài nói như vậy?

Thông thường truyền thọ tam quy đều là quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, không nói đến giác chánh tịnh. Điều này khiến chúng ta liên tưởng đến, khi Huệ Năng đại sư ra đời Phật pháp là thời đại Đông Hán truyền lại. Đến thời ngài Huệ Năng đã gần 1000 năm, đại khái Phật pháp truyền có vấn đề. Thông thường người ta nhắc đến Phật pháp liền nghĩ đến tượng Phật được nặn bằng đất, khắc bằng gỗ. Kinh điển, người xuất gia sanh ngộ nhận rất lớn. Ba loại này sau khi Phật diệt độ gọi là trú trì tam bảo, nó là tượng trưng.

Nhìn thấy tượng Phật phải nghĩ đến giác mà không mê, đây là chân quy y. Nhìn thấy kinh sách liền nghĩ đến chánh mà không tà. Kinh sách, tiếp tục suy ra điều này, bất luận xem được sách nào chỉ cần nhìn thấy sách liền nghĩ đến chánh mà không tà, nó khởi tác dụng này. Nhìn thấy người xuất gia bất luận là già hay trẻ, nam hay nữ lập tức liền nghĩ đến lục căn thanh tịnh, không nhiễm chút trần. Hiểu được ý nghĩa biểu pháp này, quý vị sẽ biết mọi người, mọi sự, mọi vật. Cảnh giới mà lục căn chúng ta tiếp xúc căn bản là từng giờ từng phút không hề gián đoạn, nhắc nhở chúng ta phải hiểu đạo lý này nên cần phải có gốc của mười thiện nghiệp.

Hiện tại Phật pháp đã suy yếu, suy yếu ở đâu? Suy yếu ở chỗ chúng ta bỏ quên gốc rễ, đối với đại thừa vô cùng hoan hỷ. Đại thừa không có nền tảng của tiểu thừa thì không học được, sở học của quý vị là gì? Là tri thức. Đối với nghĩa chân thật của Như Lai quá xa vời. Kệ khai kinh nói rất hay: “Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa”, quý vị không có nền tảng làm sao hiểu được nghĩa chân thật của Như Lai? Vì thế ngày nay Phật pháp muốn hồi phục rất khó, khó điều gì? Khó ở chỗ không có nền tảng.

Ai chịu hạ công phu vào chỗ cắm rễ? Rễ đó, nếu công phu cắm không sâu, hay là chúng ta nói nó không có cảm ứng. Cắm càng sâu thì càng có cảm ứng, chúng ta với Phật Bồ Tát đã thấu suốt. Hiện tại quý vị nói kinh giáo không mấy ai thích học. Người trẻ tuổi rất nhiều, quý vị bảo họ tu thập thiện nghiệp, họ không thấy thú vị, thậm chí họ chịu không nổi. Vì thế chúng ta biết họ nghiên cứu kinh giáo là tri thức. Đối với thân tâm của họ có lợi ích chăng? Không có lợi ích, thật sự không có lợi ích. Người có cội rễ thì được lợi ích, vì thế cội rễ này, ngày nay

chúng ta còn phải thêm vào đó cội rễ Đệ Tử Quý, Cảm Ứng Thiên, truyền thống văn hóa Trung Quốc, cội rễ của ba loại này đều phải học tốt tu tốt.

Đệ Tử Quy là gốc của Nho giáo. Thái Thượng Cảm Ứng Thiên là gốc của đạo giáo. Thập Thiện Nghiệp Đạo là gốc của Phật. Gốc của Phật giáo kiến lập trên nền tảng của Nho và Đạo giáo. Không có Nho giáo và Đạo giáo thập thiện nghiệp đạo này không làm được.

Chúng ta rất rõ ràng sau thời nhà Đường thì không cần tiểu thừa, không tu tiểu thừa, dùng Nho và Đạo thay thế, thành quả cũng rất tốt. Nếu không có Nho Đạo, lại không có tiểu thừa quý vị trực tiếp học đại thừa, đó là điều không thể.

Chính Đức Thế Tôn đã từng nói: đệ tử Phật không trước học tiểu thừa sau học đại thừa thì không phải đệ tử Phật, Phật không thừa nhận quý vị. Người học Phật nhất định phải nghe lời, đức Phật nói như thế nào chúng ta liền làm như thế. Chư vị tổ sư có trí huệ dùng Nho và Đạo thay tiểu thừa, thí nghiệm này đã thành công, điều này hơn một ngàn năm nay thí nghiệm thành công. Chúng ta có thể tiếp thu không có chút hoài nghi nào.

Tuy y theo phương pháp này tu học, kinh tiểu thừa vẫn phải nên xem vài bộ. Tôi ở Đài Trung theo thầy Lý học kinh tiểu thừa khoảng hơn 20 loại. Thầy Lý cũng coi trọng Nho giáo và Đạo giáo, kinh tiểu thừa cũng phải xem, đây là cấm rễ. Then chốt vẫn là Chương Gia đại sư dạy một cách đơn giản quan trọng: nhìn thấu, buông bỏ. Đặc biệt là trong thời đại hiện nay của chúng ta, thời đại này nếu đầu óc tỉnh táo một chút, dễ dàng buông bỏ. Quý vị không thể không nhìn thấu, không nhìn thấu phiền phức sẽ rất lớn, vì sao vậy? Vì quý vị không ra khỏi luân hồi lục đạo, đây là việc lớn.

Đời đời kiếp kiếp trong quá khứ chúng ta chắc chắn đã từng gặp được Phật pháp, nhất định có tu hành trong Phật pháp, nhưng không thành công, không thể thành công. Chúng ta có duyên với Tịnh độ, có nhân duyên rất sâu dày, đời này lại gặp được. Nếu đời này còn không thể nhìn thấu, như vậy vẫn phải luân chuyển trong luân hồi.

Thầy Lý nói phải luân hồi nhiều kiếp, không phải thời gian ngắn, rất gian khổ! Nếu chúng ta giác ngộ, đã biết, không muốn trôi lăn trong luân hồi, như vậy thì phải y giáo phụng hành. Năm bắt vài cương lĩnh trong kinh nói, từng giờ từng phút cảnh tỉnh mình là được. Những điều trong 600 quyển Kinh Đại Bát Nhã nói tôi tổng kết thành 12 chữ. Đức Phật giảng 22 năm, ngài nói những gì? “Tất cả

pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc” ý này chính là đối với tất cả pháp đều phải nhìn thấu không nên để trong lòng, để trong lòng là sai.

Tất cả pháp có thể thọ dụng, không thể khống chế, không thể chiếm hữu. Có ý niệm khống chế là sai, là tạo nghiệp. Có ý niệm chiếm hữu cũng tạo nghiệp, đến thân cũng không thể chiếm hữu. Thánh nhân trong thế xuất thế gian đều cảnh cáo chúng ta: “thân người vô thường”. Quý vị có thể biết ngày mai còn có thể sống ở nhân gian sao? Thiên tai nhân họa rất nhiều! Người chết mất mạng mỗi ngày có bao nhiêu người? Đây chính là thuộc tai họa ngoài ý muốn, trên mạng nhìn thấy số lượng thật đáng sợ, đây là cảnh cáo chúng ta. Chúng ta nghe đến những tin tức này, thấy hình ảnh này, phải cảnh giác, đây là vô thường.

Đối với thân đều buông bỏ, trí huệ sẽ liền sanh khởi. Mỗi niệm chỉ vì thân thể này sẽ rơi vào trong phiền não, quý vị không thể thoát ra được, nên học Phật điều đầu tiên cần phải biết thân này không phải là ta. Thật minh bạch, không còn chấp trước, người này trong tiểu thừa đã chứng được sơ quả, trong đại thừa là Bồ Tát Sơ tín vị. Trong sinh hoạt hằng ngày quý vị có thể tùy duyên, vì sao vậy? Vì không chấp trước, không phân biệt, tất cả đều tốt. Người này không ngu ngốc, rõ ràng minh bạch, đối với người không tranh, đối với thế gian không mong cầu, tâm đã thanh tịnh. Tâm đã thanh tịnh thân liền thanh tịnh, vì sao vậy? Vì cảnh tùy tâm chuyển. Đây là thật, hoàn toàn không hư vọng.

Chúng ta thấy rất nhiều người xuất gia thân thể không tốt, có nhiều bệnh khổ. Quý vị quan sát tường tận xem họ phiền não trùng trùng, họ rất cố chấp. Đây là gì? Đây là nguyên nhân họ mắc bệnh. Trong các kinh điển Đức Phật đều dạy chúng ta buông bỏ, nhưng không buông được, kinh biết giảng nhưng họ không buông được. Những điều này chúng ta không thể không biết, chúng ta không thể không làm rõ, phải hành trì. Nên hành trì từ đâu? Thực hành ngay trong cuộc sống hằng ngày, bắt đầu làm từ trong việc ăn cơm mặc áo. Đại thừa chính là cuộc sống, cuộc sống chính là đại thừa. Công việc là đại thừa, đối nhân tiếp vật là đại thừa. Phải thường nghĩ mình là người của thế giới tây phương Cực Lạc, tôi đến đây là để du lịch, để tham quan, để xem tình hình sinh hoạt của tất cả chúng sanh nơi này. Đương nhiên phải có duyên với mình, không có duyên quý vị không thấy được. Phàm thấy được, tiếp xúc được tất cả đều là có duyên. Có thể giúp đỡ thì phải toàn tâm toàn lực giúp đỡ. Biết được tất cả có nhân duyên với mình là cùng một thể, đây là luân lý trong Phật pháp nói. Luân lý là nói về mối quan hệ.

Tất cả chúng sanh, cây cỏ hoa lá, sơn hà đại địa, hiện tượng tự nhiên giống như thân thể của một người. Lục phủ ngũ tạng, nhãn nhĩ tỷ thiệt thân cùng một thể, mối quan hệ rất mật thiết. Quý vị có thể thường quán xét như vậy, tâm từ bi trong tự tánh liền hiển lộ. Không thể kiến tánh, mê thất tự tánh, tâm từ bi này cũng không thể phát ra được.

Tôi muốn yêu thương người khác, vì sao vậy? Tôi muốn đi quan tâm người khác, vì sao vậy? Ở sau rất nhiều câu hỏi. Biết được là một tự tánh thanh tịnh viên minh thể thì những vấn đề này sẽ không còn, hoàn toàn không có. Chúng ta quan tâm họ, yêu thương họ. Đây là điều nên làm, vì là yêu thương chính mình mà. Mình và người là một không phải hai, chúng ta ngày càng gần với tự tánh. Trí huệ dần dần tăng trưởng, tập khí phiền não dần dần bị đào thải. Chuyển phiền não thành bồ đề nhất định phải dựa vào giới định huệ. Vì định huệ có sức mạnh rất lớn. Định có thể chế phục phiền não, huệ có thể chuyển phiền não, vì thế gọi là đồng mãnh.

Hai câu này trong Đại Trí Độ Luận là từ ví dụ mà nói. “*Trí huệ tiến cân lợi, phá kê mạn chư tặc*” dùng binh khí để làm ví dụ. Trong Kinh Duy Ma Cật nói lấy kiếm trí huệ phá giặc phiền não. Trong Kinh Tâm Địa Quán nói: “*Pháp bảo do như trí tuệ lợi kiếm, cát đoạn sanh tử, ly hệ phược cố*”, pháp bảo là tất cả kinh luận chư Phật và chư vị tổ sư truyền lại. Kinh luận giúp chúng ta phát khởi trí huệ hiện tiền. Nếu chúng ta không có sự nhắc nhở của kinh luận, trí huệ vĩnh viễn không thể hiện tiền.

Thực tế mà nói chúng ta được những kinh luận này, cần phải có thiện tri thức chỉ dẫn, không có thiện tri thức chúng ta xem không hiểu. Đọc kinh là việc tốt, cũng có thể khai trí huệ, nhưng đọc mãi cảm thấy chán ghét. Không hiểu ý nhưng ngày ngày phải đọc, cảm thấy khô khan vô vị. Đọc mấy năm, càng đọc càng bực bội, sau cùng cũng bỏ cuộc. Thậm chí đi học các tông phái khác, việc này thường xảy ra. Vì thế thiện tri thức quan trọng hơn bất cứ điều gì. Ngày nay thiện tri thức ngày càng ít. Nguyên nhân ngày càng ít, vì người thật sự tu học Phật pháp, gặp chướng ngại, gặp khó khăn. Đầu tiên là phong khí ảnh hưởng chúng ta, phong khí là gì? Phong khí là không tôn trọng.

Người trong xã hội hiện nay đề xướng nhân bản chủ nghĩa, lấy người làm gốc. Đặc biệt là đối với cổ thánh tiên hiền đều có hoài nghi, không có tâm tôn trọng, điều này đã trở thành phong khí, xã hội phổ biến điều là như vậy. Nếu chúng ta đối với kinh điển thật tâm cung kính, tôn trọng. Người khác thấy cho rằng chúng

ta mê tín, chẳng những không được động viên mà còn bị một số người khinh thường, tạo thành chúng ta đối với cổ thánh tiên hiền mất đi tín tâm. Ngày nay chúng ta biết, bất luận Phật pháp hay thế pháp tất cả đều học được trong sự cung kính. Nếu trong thái độ chúng ta không có chút tâm cung kính này, chúng ta sẽ không học được bất kỳ điều gì.

Tâm cung kính này từ nhỏ đã học nhưng hiện nay không dạy cho nhi đồng. Cha mẹ không dạy chúng ta, người lớn trong gia đình không dạy chúng ta, thầy giáo trong trường cũng không dạy. Thiên tánh của chúng ta có phần mỹ đức này đã bị mai một, do đó điển tịch thánh hiền còn nhưng chúng ta không thâm nhập được.

Hiện tại phương pháp giáo dục trẻ em có vấn đề. Một người trong đời, giai đoạn tuổi tác không tương đồng, năng lực của họ cũng không giống nhau. Khoảng trước 12 tuổi sức ghi nhớ mạnh nhất, người xưa hiểu được, sau 13 tuổi đến 20 tuổi lúc này trí huệ đã khai mở, cần nên tận tường giảng giải cho họ, cùng họ nghiên cứu thảo luận. Vì thế trước 12 tuổi chỉ đọc, chỉ đọc thuộc không giảng, phù hợp tiêu chuẩn trong Phật pháp nói. Trước 12 tuổi đặt nền tảng cho họ chính là căn bản trí, căn bản trí là gì? Căn bản trí là định. Đưa trẻ nên dạy họ tâm định, không nên suy nghĩ này nọ, vì thế dạy chúng ta học thuộc bài. Học thuộc sẽ không suy nghĩ lung tung, những gì cần học thì ngày ngày học. Người lớn kêu lại đọc một đoạn cho tôi nghe, đó là gì? Tu thiền định, dùng phương pháp thuộc lòng để tu thiền định. Vì thế đưa trẻ giống như một người lớn vậy, có quy cũ. Đến 20 tuổi đại khái những gì cần thuộc đều đã thuộc hết. Những phương pháp này đều ghi trong Ngũ Chung Di Quy. Trần Hoàng Mỗi cũng là một học giả thời nhà Thanh, ông ta đối với tiểu học có nghiên cứu rất sâu sắc. “Đồng mong dưỡng chánh” không thể không học. Lúc nhỏ đặt nền tảng vững chắc, lớn lên học sẽ rất dễ dàng, rất phương tiện. Thật chịu học, không có gì không thành tựu.

Bây giờ phải làm sao? Gặp người trẻ tuổi thật sự hiếu học, thật sự giác ngộ, có sứ mạng đối với truyền thống văn hóa. Như vậy chúng ta khuyên dạy họ, đầu tiên là nêu đức hạnh, điều thứ hai là tác phẩm văn cổ. Phương pháp học tác phẩm văn cổ phải dùng cách ngày xưa, chính là thuộc lòng. Khoảng trước 30 tuổi vẫn được, sau ba mươi tuổi rất khó, vì sao vậy? Vì sức ghi nhớ dần suy yếu. Năm sáu mươi tuổi thường không nhớ được nữa. Bảy tám mươi tuổi chuyện vừa mới nghĩ đến quay lại là quên ngay. Vì thế ký ức sẽ suy yếu dần, yếu dần theo tuổi tác. Tốt nhất là trước 20 tuổi, trước 20 tuổi là thời đại học tập hoàng kim, vì thế nếu có

thời gian hai năm, nỗ lực thuộc lòng 50 biến văn cổ, sẽ nắm bắt được nền tảng của văn ngôn cổ. Đây là gì? Chìa khóa, chìa khóa của Tứ Khố Toàn Thư, chìa khóa của Đại Tạng Kinh. Nếu không có chìa khóa này Đại Tạng Kinh chung trong nhà quý vị cũng không thâm nhập được, chỉ vô dụng mà thôi. Tứ Khố Toàn Thư để trong nhà cũng vô dụng, quý vị không có năng lực để thọ dụng nó. Quý vị thấy nền tảng này quan trọng biết bao!

Nếu người lớn trong nhà có trí huệ, họ biết điều này, dạy trẻ em thuộc lòng. Chúng ta đã sai, cha mẹ không siêng năng dạy chúng ta. Bây giờ chúng ta đã hiểu, chúng ta phải dạy người đời sau, hy vọng đời sau vượt trội hơn chúng ta, đời sau tiếp tục dạy đời sau nữa. Đại khái khoảng ba bốn đời sau truyền thống văn hóa có thể phục hưng. Truyền thống văn hóa trong thời đại chúng ta chắc chắn không còn cách nào. Đời sau cũng rất khó khăn, rất gian nan. Ít nhất phải sau đời thứ ba. Chúng ta có tâm này, hiểu điều này, biết được điều này là sai lầm trong quá khứ cần phải chỉnh đốn lại, cố gắng nỗ lực bồi dưỡng trẻ em. Tìm một hoàn cảnh tốt để dạy học, rời xa thành thị. Tìm một nơi non nước hữu tình, cỏ nhân nói địa linh nhân kiệt. Họ không có ô nhiễm, không bị hoàn cảnh bên ngoài ảnh hưởng. Tâm họ đã định, tâm đã an. Cố gắng dẫn dắt họ, bồi dưỡng họ. Phải hai ba đời sau mới thấy được hiệu quả.

Truyền thống văn hóa ít nhất đã lãng quên từ năm đời trước, phục hưng cũng phải cần năm đời. Không thể nói ngay trong đời này của chúng ta có thể phục hưng, điều này tuyệt đối không làm được, vì thế trí huệ quan trọng hơn bất cứ điều gì. Ngày nay chúng ta toàn tâm toàn lực giúp đời sau, điều này là đúng. Chúng ta tự mình tu học, phải vô cùng gian nan, vậy đời sau thì sao? Vẫn phải để họ chịu khổ, nếu cứng dường quá ưu ái quá con người sẽ làm biếng giải đãi.

Đức Thế Tôn lãnh đạo những đệ tử này có câu: Tỳ Kheo thường mang ba phần bệnh. Bệnh này là gì? Khổ, lầy khổ làm thầy. Trong cuộc sống vật chất khổ một chút đối với thế gian này quý vị mới có thể buông xả, mới không đến nỗi lưu luyến. Vì thế Đức Thế Tôn không lập chùa, sống đời du mục. Buổi tối đi đến đâu thì nghỉ ở nơi đó. Họ sinh ra ở vùng nhiệt đới nên cuộc sống rất đơn giản, ba y một bát là đủ. Nơi đó không có mùa đông, buổi tối trải tấm nệm trên đất để ngủ, đó chính là một tấm vải bố trải trên đất, trong kinh Phật gọi là ngoại cụ, bây giờ đem nó trải làm nệm lạy Phật. Trước đây nó không phải để lạy Phật là trải ở dưới để ngủ. Đắp ở trên là ba y, ba bộ y phục. Đây chính là một tấm y, ba tấm y như vậy là đủ. Cuộc sống của ngài như vậy là có thể được, gọi ba y một bát, thanh bần

một chút cũng tốt! Đối với thế gian không lưu luyến. Tâm là đau khổ sẽ kiên định, cuộc sống quá đầy đủ sinh ra lưu luyến.

Chùa xây cất xa hoa phú lệ đó không phải là tu hành. Mỗi người ở trong đó không những tham luyến mà còn đấu tranh. Mỗi người đều muốn chiếm đạo tràng, đều muốn không chế, đều muốn chiếm hữu. Tất đều là tạo nghiệp luân hồi. Không những là nghiệp luân hồi mà còn là nghiệp địa ngục. Điều này chúng ta không thể không biết. Thật sự có người theo chúng ta học tập, phát tâm theo chúng ta học tập sống đời sống đơn giản. Không thể ngày ăn một bữa, cơm tối cũng phải bỏ, cần giảm thực.

Trong quá khứ tự viện từng lâm là quốc gia kiến lập, các bậc đại phú trưởng giả xây dựng. Cuộc sống trong tự viện buổi tối không ăn, cơm trưa là bữa cơm chính, buổi sáng ăn một ít, chỉ một món, không có hai món. Lúc tôi xuất gia là 60 năm trước, ở Đài Loan cuộc sống trong chùa rất cực khổ. Trong chùa bất luận là bao nhiêu người khi ăn cơm đều là ăn quá đường. Một món ăn, một tô canh. Món ăn này được bao nhiêu? Mỗi người một đĩa rau, chính là cái đĩa mà hiện nay chúng ta dùng đựng nước tương, chỉ lớn bấy nhiêu đó thôi. Tôi đến chùa giảng kinh, đó là khách nên cho tôi một đĩa lớn một chút. Lớn không bao nhiêu, bây giờ gọi là đĩa nhỏ, cuộc sống đích thực rất thanh bần.

Tại sao xuất gia? Vì tu hành, vì liễu sanh thoát tử. Khi ở Đài Loan Tịnh độ tông rất thịnh, vì cầu sanh thế giới tây phương Cực lạc họ không phải vì điều gì khác. Vì thế trong xã hội ngày nay Ấn Quang đại sư có cái nhìn rất xa, đúng là tổ sư, thành lập đạo tràng chỉ dựng mái nhà tranh nhỏ, đừng xây chùa lớn. Loại nhà tranh nhỏ này người ta không cần. Tặng người ta cũng không cần, họ coi thường quý vị, quý vị có thể an tâm làm việc đạo. Cuộc sống đơn giản, thấy quý vị khổ như vậy họ sẽ không đến.

Ai đến? Người thật sự muốn tu hành sẽ đến, tự nguyện đến. Muốn sống cuộc sống thoải mái một chút họ sẽ không đến, họ nói quý vị sống như vậy quá khổ. Chúng ta tiếp dẫn phải tiếp dẫn hạng người nào, không thể không biết, điều này đều cần trí huệ. Vì thế trí huệ giúp chúng ta liễu sanh tử xuất tam giới.

Trong Tâm Địa Quán Kinh nói pháp bảo là kiếm sắc trí huệ. Hiện nay kỹ thuật in ấn phát đạt, Đại Tạng Kinh quý vị rất dễ có được. Thực tế nói ngày nay Phật giáo rơi vào cảnh khốn khó, đây là gặp đại tai họa. Chúng ta có thể thâm nhập kinh tạng chăng? Không thể, không có thời gian nhiều như vậy. Vì thế nhất

định phải biết giáo huấn từ bi của Chư Phật Bồ Tát dạy chúng ta, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài.

Ngay nay trong thời đại này, một đời hai đời phải dùng phương pháp này cứu Phật giáo. Chính là thâm nhập một môn, gốc giới luật cắm rất chặt. Đối với văn tự phải nắm được chìa khóa, sau đó lại học tập dạy học. Phải đề xướng thâm nhập một môn, huân tu lâu ngày. Phải giúp họ được định, khai trí huệ, họ sẽ suốt đời cảm kích quý vị. Cách chỉ đạo này của quý vị rất hiệu quả. Thông một bộ kinh, họ khai trí huệ liền thông. Không phải đại triệt đại ngộ, đại triệt đại ngộ là họ kiến tánh, họ đã thành Phật. Họ thông triệt thể xuất thế gian pháp. Chưa đến cảnh giới đó, chúng ta gọi là đại ngộ, đây là điều không thể. Đại ngộ là cảnh giới gì? Có thể thông một tông phái, nghĩa là những thứ cùng sở học với tôi đều quán thông, không học mà thông.

Quý vị nói tôi học Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh A Di Đà và Kinh Quán Vô Lượng chưa học nhưng quý vị xem qua tự nhiên thông suốt. Nghĩa là những gì có liên quan đến Tịnh độ tông, chỉ cần xem qua là hiểu. Đây là điều xưa kia thầy Lý dạy tôi. Thượng căn lợi trí khai trí huệ, thông giáo lý, đó chính là hoàn toàn thông triệt. Không phải hàng thượng thượng căn, hàng thượng trung căn, bất đắc dĩ mà cầu thứ hai, quý vị phải thông giáo nghĩa. Giáo nghĩa là gì? Nhất tông. Giáo lý của Tịnh độ tông chúng ta có thể thông, đã thông kinh giáo của Tịnh độ tông, các tông phái khác có thể biết cái này đoán ra được cái nọ. Chính mình thật sự đã được độ, cũng là thật sự nắm chắc việc vãng sanh. Những thứ khác thông và không thông cũng chẳng sao, muốn học đến thế giới Cực Lạc học tiếp, không ở đây làm giang dỡ công phu của tôi, lãng phí thời gian của tôi.

Có nhân duyên, có người trẻ tuổi theo chúng ta học, hết sức vun bồi cho họ, hết sức giúp đỡ họ. Ngày sau có người kế thừa, Phật pháp sẽ không đoạn diệt, chánh pháp mới có thể cửu trú.

Tiếp sau trí huệ đồng mãnh chính là “*Thần thông tự tại*” có trí huệ họ sẽ thông. Nghĩa của chữ thần là thông suốt vô ngại, được tự tại. Chữ thần này trong Lục Thư là hội ý. Nếu dùng chữ triện viết ra quý vị sẽ rất rõ ràng. Bên cạnh một chữ thị, bên trái nó là thị, thị của thị phạm. Ở trên một nét ngang ngắn, bên dưới nét ngang dài. Chữ này là thượng, viết theo chữ triện cổ. Nếu ở trên là nét ngang dài, bên dưới nét ngang ngắn chính là hạ. Chữ cổ, trong chữ triện, hạ là viết như vậy, nhưng đây là thượng. Dưới chữ thượng có ba gạch xuống, đây tượng trưng cho điều gì? Thượng thiên thù tượng. Dùng ý bây giờ nói, phù hiệu của chữ thị

là tượng trưng cho hiện tượng vật chất, hiện tượng tự nhiên, hiện tượng tinh thần, nó tượng trưng cho những điều này.

Bên này chữ thân quý vị xem dùng thể chữ triện viết sẽ rất rõ ràng, nó có nghĩa là thông. Trong đó điền là chướng ngại, chướng ngại ba đạo. Nó có thể quán thông từ trên xuống dưới chính là thông đạt, thiên thượng thùi tượng, dùng cách nói hiện nay là thông đạt hiện tượng tự nhiên, hiện tượng tinh thần, hiện tượng vật chất. Thông đạt, đây gọi là thân. Vì thế thân và thông cùng một nghĩa, hoàn toàn thông suốt.

Như thế nào mới thật sự hoàn toàn thấu triệt, kiến tánh sẽ thấu triệt. Chưa kiến tánh có thể thông một bộ phận, kiến tánh liền thông hoàn toàn. Thân thông tự tại là thông tất cả, tự tánh bát nhã hiện tiền. Tất cả pháp trong thế xuất thế gian, không có gì họ không thông “*thân thông vô ngại*”.

“*Như kinh vân, năng ư chướng ngại trung trì nhất thiết thế giới*” đây là thân thông tự tại, là thật chẳng? Hiện nay chúng ta huân tập kinh điển đại thừa cũng không ít thời gian. Câu này chúng ta khẳng định, hoàn toàn không có chút hoài nghi nào, là thật. Vì sao vậy? Trong tay họ có thể nắm giữ tất cả pháp giới, vì trong tay chúng ta cũng giữ tất cả pháp giới. Điều này có gì hoài nghi? Không hề có hoài nghi. Chỉ là nói họ có thể thấy được tất cả thế giới. Chúng ta giữ tất cả thế giới, không nhìn thấy tất cả thế giới, chúng ta kém hơn ở chỗ này.

Nếu quý vị hỏi trong tay tôi không có năng lực giữ tất cả thế giới. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói: “Giới tử nạp tu di” đã từng học qua chưa? Đã học qua. Trong kinh luận đại thừa nói trước kinh này chúng ta đã đọc qua. Một sợi lông, một hạt vi trần. Điểm vi tế của sợi lông hạt bụi này, ngày nay gọi là lượng tử, không thể nhỏ hơn. Cũng chính là nhất niệm mà Bồ Tát Di Lặc nói, hiện tượng trong một niệm đó là gì? Có hiện tượng vật chất, có hiện tượng tinh thần. Trong nhà Phật nói ngũ uẩn sắc thọ tưởng hành thức, nó đầy đủ. Vi điểm nhỏ như vậy, Đức Phật nói nó có thể dung chứa biên pháp giới hư không giới, quốc độ của tất cả Chư Phật đều ở trong đó. Trong vi trần có thế giới, trong thế giới lại có vi trần, trùng trùng vô tận, đây là tánh đức.

Trong bàn tay này của chúng ta, quý vị nói có thể giữ bao nhiêu vi trần? Trong vi trần có thế giới chỉ là chúng ta không có năng lực phát hiện. Đức Phật vừa nhìn, không sai, đích thực trong tay quý vị, tam thiên đại thiên thế giới đều ở trong tay quý vị. Tam thiên đại thiên thế giới là một cõi Phật. Quý vị tiếp tục suy nghĩ tường tận, vô lượng vô biên quốc độ chư Phật đều trong lòng bàn tay, tự

tánh không có lớn nhỏ. Tướng lớn nhỏ dung hợp, lớn nhỏ không phải hai, điều này có gì hy hữu? Thế giới vi trần ai có thể vào được? Việc này trong kinh Hoa Nghiêm chúng ta đã học, Bồ Tát Phổ Hiền có thể vào trong thế giới vi trần để tham học. Trong vi trần thế giới có cõi nước của Chư Phật, Phổ Hiền Bồ Tát có thể vào trong đó để lễ Phật nghe kinh nghe pháp. Vi trần không phóng to, thế giới không thu nhỏ. So với các kinh điển nói “giới tử nạp tu di” ý nghĩa đó càng sâu sắc, càng huyền diệu. Hạt cải rất lớn chúng ta có thể thấy được. Mao trần, vi điểm chúng ta mắt thịt không nhìn thấy được, trong đó có thế giới nên chân tướng sự thật này không phải ví dụ. Phật và pháp thân Bồ Tát đều biết.

Chúng ta xem đoạn tiếp theo, sau khi có trí huệ, tự nhiên có thần thông. Thần thông nhất định trước phải có trí huệ, thiền định phát trí huệ. Vì thế trí huệ hiện tiền, thần thông sẽ tự tại.

“Hựu Quán Kinh trung tường minh thượng bối chi tam phẩm. Thượng thượng phẩm, thượng trung phẩm, thượng hạ phẩm. Tư tiết lục gia tường Nghĩa Sơ, Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sơ. Đệ nhất vị thượng phẩm thượng sanh, phát bồ đề tâm, tu hành kinh thất nhật, tắc sanh bỉ quốc. Kiến bỉ Phật thân, văn thuyết diệu pháp, tắc ngộ vô sanh pháp nhãn, đương tri thử thị thất địa vô sanh dã”.

Chư vị cổ đức nói, những Bồ Tát vãng sanh họ cũng không phải nói tùy tiện, đích thực họ có căn cứ. Trong Quán Kinh nói thượng phẩm thượng sanh, có phát tâm bồ đề, có nhất hướng chuyên niệm. Tu hành kinh bảy ngày là nhất hướng chuyên niệm, sanh đến nước này thấy được Phật A Di Đà. Nghe Phật A Di Đà thuyết pháp, ngộ vô sanh pháp nhãn, đây là thất địa.

Thứ hai là thượng phẩm trung sanh, không cần đọc tụng kinh điển đại thừa. *“Đản thiện giải nghĩa lý, thâm tín nhân quả, bất bán đại thừa. Thử công đức nguyện sanh bỉ quốc, tức đắc vãng sanh. Bỉ quốc thất bảo trì trung, đại liên hoa trung. Kinh nhất tức tắc khai, kinh nhất tiểu kiếp đắc vô sanh pháp nhãn, thử diệc thị thất địa vô sanh”.* Căn của thất địa có lợi độn không giống nhau. Căn lợi thì thượng phẩm, liệt căn thì trung phẩm, thượng phẩm trung sanh. Không giống với ở trước là, họ không cần đọc tụng kinh điển đại thừa, nhưng họ có thể thiện giải nghĩa lý. Thiện giải nghĩa lý thật không đơn giản. Phải đầy đủ điều kiện, điều kiện này chính là tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh sanh trí huệ mới có thể thiện giải nghĩa lý. Tâm không thanh tịnh sanh phiền não, không giống nhau.

Thâm tín nhân quả với Tịnh Nghiệp Tam Phước, cùng một ý nghĩa với những gì câu thứ ba nói “Phát bồ đề tâm, thâm tín nhân quả”, nhân quả này không phải

nhân quả bình thường. Niệm Phật là nhân, thành Phật là quả, họ tin nhân quả này. Nhân quả này rất nhiều quyền giáo Bồ Tát đều không tin. Niệm Phật có thể thành Phật, đặc biệt là niệm Phật A Di Đà. Bất báng đại thừa, đại thừa ở đây cũng là đặc biệt chỉ Tịnh tông. Tịnh tông là đại thừa trong đại thừa, không có pháp môn nào thù thắng hơn Tịnh tông. Công đức này, lấy công đức này nguyện sanh vào nước này, liền được vãng sanh. “*Cực Lạc thế giới thất bảo trì đại liên hoa trung, kinh nhất tức hoa khai, hoa khai kiến Phật*”, nhưng vẫn không thể chứng vô sanh pháp nhẫn, chứng vô sanh pháp nhẫn nhất định phải trải một tiểu kiếp. Một tiểu kiếp này nghe kinh nghe pháp tu hành, mới có thể chứng được vô sanh pháp nhẫn. Chúng ta biết người của thế giới Cực Lạc đều là vô lượng thọ, chonên trải qua một tiểu, một kiếp đại kiếp cũng không sao, thọ mạng rất dài!

Phẩm trước thấy Phật nghe pháp chứng được vô sanh nhẫn. Phẩm này trải qua một tiểu kiếp chứng được pháp vô sanh. Sai biệt là ở đây.

Thứ ba “*Thượng phẩm thượng sanh, thử nhân diệc tín nhân quả, bất báng đại thừa. Bỉ quốc hoa trung, nhất nhật nhất dạ nãi khai*”, ở đây chậm hơn ở trên, ở trên một đêm đã nở, họ cần một ngày một đêm. “*Phục kinh tam tiểu kiếp đắc bách pháp minh môn, trú hoan hỷ địa*”hoan hỷ địa chính là sơ địa. “*Kim thượng phẩm đắc sơ địa vô sanh, cố tri tiên thượng phẩm thị thất địa vô sanh. Hựu Di Đà Sớ Sao cánh vị, thượng thượng phẩm vãng sanh trung, tối thượng giả khả chí bát địa*”bát địa là bất động địa. “*Sao vân, tắc thượng thượng phẩm trung, từng nhất địa dĩ chí bát địa*”nhất địa là sơ địa, thượng thượng phẩm là nhất địa đến bát địa. “*Dĩ dung đa phẩm, dư khả tri hỷ*”,có thể thấy thượng bối vãng sanh, thấy Phật nghe pháp liền ngộ vô sanh có thể chứng bát địa đầy đủ, chứng được trí huệ đồng mãn, đây là được Phật lực gia trì.

Vậy chúng ta phải như thế nào mới được Phật lực gia trì? Phật lực gia trì là bình thường, là phổ biến. Cũng chính là nói chúng ta có thể tiếp thu bao nhiêu, đó chính là lời của Ấn Quang đại sư. Tôi thường đọc cho mọi người nghe một phần thành kính quý vị sẽ tiếp thọ được một phần. Quý vị đạt được một phần lợi ích do Phật A Di Đà gia trì. Mười phần thành kính quý vị sẽ được mười phần. Một trăm phần thành kính quý vị đạt được một trăm phần. Ngàn phần thành kính liền đạt được ngàn phần. Đây chính là từ nhất địa đến bát địa, không giống nhau!

Cấp bậc hiện nay của chúng ta tâm thành kính là khó nhất, thật không phát ra được. Không phát ra được có một cách, đọc nhiều đại thừa, vì sao không phát ra được? Chúng ta đối với đại thừa nhận thức quá ít, tâm cung kính đối với Phật Bồ

Tát không sanh khởi được. Đọc đại thừa lâu ngày chúng ta mới biết Phật Bồ Tát quá vĩ đại, Phật Bồ Tát quá từ bi. Phật Bồ Tát trí huệ vô lượng, thần thông vô cùng. Thật sự là thương yêu tất cả chúng sanh, toàn tâm toàn lực giúp tất cả chúng sanh, thành tựu tất cả chúng sanh. Chúng sanh đáng thương vô tri không nghe lời, điều này cũng không thể trách mọi người, vì sao vậy? Chúng ta từ nhỏ không dưỡng thành thói quen tôn trọng tổ tiên, tôn trọng sư trưởng, không có thói quen này.

Tôi rất may mắn sanh trưởng ở vùng nông thôn. Lúc nhỏ cha mẹ vẫn dạy, nhưng người thành thị đã không còn dạy, đều đã lãng quên. Vùng quê, vùng quê của chúng tôi hưởng vinh quang của Đồng Thành Phái. Lư Giang, Thư Thành, Đồng Thành. Địa bàn này là nguồn gốc Đồng Thành Phái thời Minh Thanh, vì thế văn phong rất thịnh. Trẻ em ở nông thôn đều đi học, đều dùng từ đường làm lớp học, vì từ đường rất rộng rãi. Chỉ có xuân thu tế kỵ, một năm chỉ có hai lần tế tổ, bình thường đều để không, không dùng, nên dùng nơi này làm lớp học.

Thầy giáo tư thực, cha mẹ vẫn nỗ lực dạy dỗ. Thầy dạy chúng tôi hiểu thảo cha mẹ, nói những câu chuyện về hiếu thân cho chúng tôi nghe. Cha mẹ dạy chúng tôi tôn sư trọng đạo. Đặc biệt là ngày đầu tiên đi học, phụ thân và thầy biểu diễn cho chúng tôi thấy, ấn tượng này rất sâu sắc. Phương pháp biểu diễn này vẫn phải xem đến mấy lần, vì sao vậy? Vì có học sinh mới đến. Khi chúng lạy thầy, học sinh cũ chúng tôi đứng một bên xem. Quý vị thấy phụ thân họ dẫn họ đến lạy thầy. Trong lễ đường, lễ đường chính là đại điện tế kỵ. Trong đó cúng một bài vị, bài vị lớn “*Đại thành chí thánh tiên sư Khổng Tử chi thần vị*”, tôi nhớ rất rõ. Thầy đứng một bên, đứng bên bài vị, học sinh đứng hai bên. Giống như bên đông bên tây trong nhà Phật vậy, đứng ra hai bên.

Gia trưởng của học sinh này trước là hướng lên bài vị Khổng Tử hành lễ ba quỳ chín khấu đầu. Phụ thân họ ở trước, học trò con của họ lạy theo ở sau. Khi lạy xong mời thầy ngồi lên chỗ ngồi của thầy, dưới bài vị Khổng Tử. Hướng lên thầy lễ ba quỳ chín khấu đầu, lạy thầy. Quý vị thử nghĩ xem, đây là cổ lễ Trung Quốc. Thầy nhận ba quỳ chín khấu đầu của gia trưởng họ, có thể không tận tâm dạy được sao? Không tận tâm dạy làm sao xứng đáng với gia trưởng của học sinh? Học sinh nhìn thấy phụ thân ba quỳ chín khấu đầu đối với thầy, giám không nghe lời sao? Giám không học sao? Lễ bái sư này là bài học đến trường đầu tiên, rất long trọng khi còn nhỏ, nhưng suốt đời họ không bao giờ quên, suốt đời họ sẽ tôn sư trọng đạo. Bất kể là thầy dạy tôi hay không, nghe nói họ là thầy giáo dạy

học, chúng ta đối với họ tự nhiên sanh khởi tâm cung kính, vì sao vậy? Thấy họ là giáo viên nhà trường chúng ta liền nghĩ đến thầy giáo trước đây dạy chúng ta, bây giờ không còn nữa.

Bây giờ thầy giáo quản học sinh nghiêm một chút, trẻ em trở về khóc lóc nói với cha mẹ, cha mẹ đến cục cảnh sát tố cáo thầy giáo này ngược đãi học sinh. Thầy giáo còn giám dạy sao? Không giám dạy, thầy giáo tiểu học đã không giám dạy, thầy giáo trung học cũng không giám dạy. Trung học, đại học là gì? Bây giờ là học sinh làm khó thầy, nhà trường muốn mời thầy giáo này hay không, phải xem học trò thích hay không. Học sinh thích thầy giáo này, học kỳ sau nhà trường sẽ mời họ, học sinh phản đối thì học kỳ sau không mời nữa, như vậy thầy giáo có thể dạy được chăng?

Vì thế biến thành như thế nào? Trở thành như những gì thầy Đông Phương Mỹ nói_lời của 60 năm trước_nhà trường hiện nay thầy không ra thầy, học sinh không ra học sinh, mọi người đều rất bừa bãi. Thầy giáo dạy học kiếm tiền sống quan ngày, học sinh cần văn bằng. Giáo dục đã thất bại, phải tìm ra nguyên nhân thất bại, phải biết. Quý vị nói thời đại trước đó, xã hội cũ đó lạc hậu. Người lạc hậu đều hiểu quy tắc, giáo dục lạc hậu ra được nhân tài, thật sự đào tạo được người tốt. Người tân tiến hiện nay không hiếu cha mẹ, không kính sư trưởng. Đối với công việc không tận tâm làm tròn trách nhiệm. Không những thánh hiền không có, mà người tốt cũng không.

Hiện tượng này của xã hội cũ và xã hội mới đáng để ta suy ngẫm khảo sát. Con đường tương lai chúng ta nên đi như thế nào, đây là vấn đề lớn.

Trung Quốc mấy ngàn năm nay tổ tông dạy chúng ta đều là câu trí huệ, tu dưỡng phẩm đức, tu học trí huệ, đọc sách là vì điều này. Tôn chỉ dạy học của nhà trường, đọc sách chỉ ở thánh hiền. Tôn chỉ giáo dục ngày nay của nhà trường là ở chỗ mưu sanh. Sau khi học xong, tương lai trong xã hội có thể kiếm tiền, lấy điều này làm mục đích, hoàn toàn tương phản với ngày xưa.

Nhiều người hỏi tôi, tôi tán thành xã hội ngày xưa, tôi hoài niệm xã hội quá khứ. Xã hội ngày xưa quốc thái dân an, xã hội an định, giữa người và người sống rất êm ấm. Thật sự là cùng nhau quan tâm, cùng nhau hợp tác, xã hội giống như người một nhà vậy. Con người có thể dạy tốt, cũng có thể dạy hư, chính là xem quý vị dạy như thế nào.

Đoạn kinh văn tiếp theo nói: “*Dục ư kim thế kiến A Di Đà Phật*”, dục là muốn, hy vọng cầu mong, ngay trong đời này tôi thấy được Phật A Di Đà, câu này rất

quan trọng! Đây là hy vọng duy nhất trong đời chúng ta, chính là muốn thấy Phật A Di Đà. *“Thử chỉ hiện tại dĩ chí đương lai nhất thiết chúng sanh”*, đương lai là tương lai. *“Dục ư đương thế”*, chính là ngay trong đời này. *“Thân tự nhãn kiến a Di Đà Phật”*, kỳ vọng ân cần khẩn thiết này chúng ta có thể cảm nhận được.

Khi chúng ta còn trẻ muốn thân cận một vị thiện tri thức, muốn thân cận một người thầy giỏi. Khát vọng, cung kính, mong cầu như vậy, hiện nay trong xã hội này hình như rất ít thấy. Chúng ta thật có tâm này, họ liền có cảm ứng. Cảm ứng đạo giao là thật, không phải giả, đương nhiên có liên quan đến nhân duyên. Thầy và học sinh mỗi người đều có nhân duyên, không có duyên làm sao có thể cùng trong một giảng đường? Cùng học trong một trường? Đó đều là có duyên nhưng trong đó phải có cảm ứng.

“Quán Kinh vị thượng phẩm thượng sanh giả, A Di Đà Như Lai dĩ Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, vô số hóa Phật, bách thiên tỷ kheo thanh văn đại chúng, vô lượng chư thiên, thất bảo cung điện. Quán Thế Âm Bồ Tát chấp kim cang đài dĩ Đại Thế Chí Bồ Tát chí hành giả tiền. A Di Đà Phật phóng đại quang minh chiếu hành giả thân, dĩ chư Bồ Tát thọ thủ nghinh tiếp”.

Đây là đời này thấy Phật, khi nào? Lâm chung Phật đến tiếp dẫn. Cảnh giới này người vãng sanh tự thân chứng kiến. Khi họ còn chưa đoạn khí đã nhìn thấy được, nói với đại chúng bên cạnh: Phật đã đến tiếp dẫn tôi. Nói với mọi người tình hình này.

Trong Tịnh Độ Hiền Thánh Lục ghi rằng Huệ Viễn đại sư, đệ nhất tổ sư của Tịnh độ tông, người thời Đông Tấn. Ngài kiến lập một niệm Phật đường ở Lô Sơn_Đông Lâm Niệm Phật Đường, hiện nay nơi này là Chùa Đông Lâm. Đương thời người cùng chí hướng, mọi người đều phát nguyện cầu sanh Tịnh độ, có 123 người. Thật vậy, mỗi người đều vãng sanh. Khi ngài Huệ Viễn vãng sanh nói: tôi thấy được thế giới Cực Lạc, lại còn nói với các đồng tu khác, quang cảnh này trước đây ngài đã thấy ba lần nhưng không nói với người khác, ngài không nói, đây là lần thứ tư thấy Phật đến tiếp dẫn. Ngài nói với mọi người đã thấy được Phật A Di Đà. Thật thấy được. Như ở đây nói Quán Âm Thế Chí, vô số hóa Phật, trăm ngàn tỷ kheo chúng đại Thanh văn, vô lượng chư thiên. Thật vậy, ngài đã nhìn thấy mà còn có nhiều người vãng sanh trước của Liên Xã cùng đi với Phật đến tiếp dẫn ngài. Gặp mặt còn nói với ngài ông phát tâm sớm hơn chúng tôi, vì sao đến nay mới vãng sanh? Họ đến thế giới Cực Lạc từ lâu. Ngài Huệ Viễn đem chuyện này nói với mọi người, đây là thật không phải giả.

Bồ Tát Quán Âm trên tay nắm đài kim cang_Đài sen trong hoa sen của ao bầy bấu, cùng với Bồ Tát Đại Thế Chí đến trước người vãng sanh để tiếp dẫn họ. Phật A Di Đà phóng đại quang minh, đây là ánh sáng của Phật chiếu đến, chiếu đến người vãng sanh này. Phật quang chiếu đến là gia trì khiến công phu tu hành của họ lập tức nâng cao một bậc. Công phu chúng ta không đủ, công phu thành phiền chúng ta cũng chưa đạt được, nhất định khiến chúng ta nâng cao đến công phu thành phiền.

Công phu thành phiền là gì? Hoàn toàn chế phục được phiền não không còn khởi phiền não. Phiền não chưa đoạn chỉ chế phục, đây là oai thần của Phật giúp chúng ta. Nếu đạt được công phu thành phiền, Phật quang vừa chiếu liền biến thành sự nhất tâm bất loạn, sanh vào cõi phương tiện hữu dư. Nếu đã niệm đến sự nhất tâm bất loạn, Phật quang vừa chiếu đến liền trở thành sự nhất tâm bất loạn. Phật đến tiếp dẫn quý vị đi về đâu? Đến cõi thật báo trang nghiêm ở thế giới Cực Lạc, Phật quang vừa chiếu công phu liền nâng lên một bậc.

Vì thế Huyền Trang đại sư phiên dịch Kinh Di Đà, kinh văn là “*nhất tâm hệ niệm*” đại sư Cưu Ma La Thập dịch là “*nhất tâm bất loạn*”, nhất tâm hệ niệm là giống với nguyên văn tiếng phạn, nhất tâm bất loạn thì không giống. Bây giờ chúng ta hiểu đại sư La Thập dịch không sai, công phu quý vị thành phiền, khi vãng sanh Phật A Di Đà phóng ánh quang minh, nâng chúng ta đến cảnh giới nhất tâm bất loạn, dịch không sai.

Các chúng Bồ Tát đưa tay hoan nghênh, chào hỏi, đến đón tiếp quý vị. “*Quán Thế Âm, Đại Thế Chí dữ vô số Bồ Tát, tán thán hành giả, khuyến tấn kỳ tâm*”, đây là nói tình hình vãng sanh, sau khi chúng ta đọc rồi cần phải hết lòng tranh thủ. Khi lâm chung rõ ràng minh bạch, tâm không điên đảo. Suốt đời chúng ta mong cầu, chính là mong cầu điều này, ngoài ra đều không cần, buông bỏ hết!

“*Hành giả kiến dĩ, hoan hỷ đồng được*”, người vãng sanh thấy được cảnh giới này vô cùng hoan hỷ. “*Tự kiến kỳ thân thừa kim cang đài*”, Bồ Tát Quán Thế Âm đưa đài kim cang cho họ, họ liền nhìn thấy chính mình cũng là điều rất tự nhiên. Liền lên trên đài kim cang ngồi trên đài kim cang. “*Tùy tùng Phật hậu, như đàn chỉ khoảnh vãng sanh bỉ quốc*”, thế giới Cực Lạc ở đâu? Ở ngay tại đây. Thời gian một khoảnh móng tay đã ở thế giới Cực Lạc. Đây là thượng phẩm, chúng ta phải giành được thượng phẩm, cầu không được còn có trung phẩm. Lời của Ngẫu Ích đại sư động viên chúng ta chỉ cần sinh đến thế giới Cực Lạc công đức sẽ viên mãn, không để ý đến phẩm vị.

Nên có người hỏi ngài, sư phụ vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc hy vọng được phẩm vị như thế nào thì ngài vừa lòng? Ngẫu Ích đại sư đáp rất hay: hạ hạ phẩm vãng sanh là tôi đã vừa lòng rồi. Chỉ cần đến thế giới Cực Lạc là vừa lòng. Chính xác, chỉ sợ là không đi được. Điều kiện đến đó nhất định phải biết, rất đơn giản, không phức tạp chút nào. Tin thật và thật sự muốn đi, chính là điều kiện này. Tin thật và bằng lòng, thế gian này thật sự buông bỏ được mới là thật tin thật đồng ý, còn một chút lưu luyến cũng không được. Như vậy quý vị là giả không phải thật. Đối với nơi này đích thực không có chút lưu luyến nào. Nhất định phải xem nơi này như là quán trọ, đây không phải nhà của tôi, nhà của tôi ở thế giới Cực Lạc.

Quý vị thấy hiện tượng vãng sanh này cùng với Phật A Di Đà đến tiếp dẫn quý vị là Bồ Tát, Thanh văn, đại chúng đều là người có duyên với quý vị. Từ trong vô lượng kiếp đến này, tất cả những người có duyên trong quá khứ họ niệm Phật và đã sớm vãng sanh. Ngày nay quý vị đi, họ đều biết hết, theo Phật A Di Đà đến tiếp dẫn quý vị, không phải người lạ. Vì thế đến thế giới Cực Lạc đừng nên sợ hãi, “tôi đến đây đất và người đều xa lạ”, đầu tiên có cảm giác khiếp sợ, bất an, đến đó mới biết toàn là người quen.

Trí huệ thần thông của quý vị hiện tiền, túc mạng thông hiện tiền, sự việc nhiều đời kiếp trong quá khứ, tất cả đều nhớ lại. Vì thế rất nhiệt náo, ở đó mở đại hội hoan nghênh. Về sau ngày ngày cùng nhau nghe kinh học tập, đều ở cùng nhau, hoàn toàn không hề xa lạ. Người có duyên vô cùng thân thiết, người không có duyên cũng giống người có duyên, đối với quý vị đều hoan nghênh thân thiết như vậy.

“Hựu thượng phẩm trung sanh giả, mạng dục chung thời, A Di Đà Phật dĩ Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, vô lượng đại chúng quyển thuộc vi nhiều, trì tử kim đài, chí hành giả tiền”. Ở trước là kim cương đài còn đây là tử kim đài, phẩm vị thấp hơn một bậc. Đến trước mặt người vãng sanh *“Tán ngôn, như hành đại thừa”*, niệm Phật chính là đại thừa, một niệm, mười niệm đều là đại thừa. *“Giải đệ nhất nghĩa”*, đệ nhất nghĩa là minh tâm kiến tánh, đệ nhất nghĩa chính là nhất tâm, chính là nhất niệm, cũng chính là trong lòng không có tạp niệm. Đây gọi là đệ nhất, không có nghi hoặc, không có tạp niệm. Nhất tâm nhất ý chính là Phật A Di Đà, chính là thế giới Cực Lạc, điều này được trưởng dưỡng trong cuộc sống hằng ngày. Trong tâm ngoài Phật A Di Đà ra, ngoài thế giới Cực Lạc ra không nghĩ

đến điều gì nữa. Những gì trước mắt đều tốt đẹp, hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Tùy duyên, mọi thứ đều hoan hỷ, thế giới Cực Lạc! Sao lại không thích?

Thuận cảnh thiện duyên hoan hỷ, nghịch cảnh ác duyên cũng hoan hỷ, không có gì không hoan hỷ. Thân thiết giúp tôi hoan hỷ, người hủy báng sĩ nhục hãm hại tôi cũng hoan hỷ, đây gọi là giải đê nhất nghĩa. Không có nghi hoặc, không có tạp niệm. “*Thị cố ngã kim lai nghinh tiếp nhữ, dữ thiên hóa Phật. Thượng phẩm thượng sanh thị vô số hóa Phật*”, nơi này đã có số thiên Phật. “*Nhất thời thọ thủ, thượng phẩm trung sanh. Hành giả tự kiến tọa tử kim đài, hợp chưởng xoa thủ, tán tán chư Phật. Như nhất niệm khoảnh tức sanh bỉ quốc thất bảo trì trung*”, đây là trung phẩm vãng sanh, bên dưới là thượng phẩm hạ sanh, đây là thượng tam phẩm.

“*Hành giả mạng dục chung thời, A Di Đà Phật, cập Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, dữ chư Bồ Tát, trì kim liên hóa, hóa tác ngũ bách Phật, lai nghênh thủ nhân. Ngũ bách hóa Phật, nhất thời thọ thủ. Tán ngôn, pháp tử, nhữ kim thanh tịnh, phát vô thượng đạo tâm, ngã lai nghênh nhữ*”. Đây là thượng phẩm hạ sanh, nhìn thấy 500 vị hóa Phật. Thượng Phẩm trung sanh nhìn thấy là ngàn vị hóa Phật. Thượng phẩm thượng sanh là vô số hóa Phật. Cảnh quan này là nhân duyên hỗ trợ, người niệm Phật tâm tưởng sanh.

Quý vị làm sao có thể nghĩ đến? Kinh đọc thông thuộc, hoàn toàn hiểu được tình huống. Khi lâm mạng chung nhìn thấy cảnh giới này liền biết được mình thuộc phẩm vị nào, đã đến thế giới Cực Lạc.

Nhưng tin tức này trong kinh điển Đức Phật nói rất tường tận, tất cả đều khiến chúng ta ngay trong đời này nỗ lực tranh thủ, vì sao vậy? Vì đây là thật. Đời sau kiếp sau nhất định quý vị đạt được lợi ích. Thế gian hiện tại này danh văn lợi dưỡng, ta không đem theo được thứ nào, ta không đạt được điều gì. Đích thực là: “nhất thiết pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc”, nếu đem tâm tư để nơi chỗ bất khả đắc, đi tranh giành cái bất khả đắc này, như vậy là hoàn toàn sai lầm.

Hôm nay hết giờ rồi, ý của thượng phẩm thượng sanh chưa giảng xong. Bài học sau chúng ta tiếp tục học từ chỗ này.

Tập 408

Chuyên ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Minh Tâm

Thời Gian: 12.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 509 hàng thứ tư, bắt đầu xem từ câu thứ hai.

“Hựu thượng phẩm hạ sanh giả, hành giả mạng dục chung thời, A Di Đà cập Quán Thế Âm, Đại Thế Chí dữ chư Bồ Tát, trì kim liên hoa, hóa tác ngũ bách Phật, lai nghinh thử nhân. Ngũ bách hóa Phật nhất thời thọ thủ, tán ngôn, pháp tử, nhữ kim thanh tịnh, phát vô thượng đạo tâm, ngã lai nghinh nhữ. Kiến thử sự thời, tức tự kiến thân tạo kim liên hoa. Tọa dĩ hoa hợp, tùy Thế Tôn hậu, tức đắc vãng sanh thất bảo trì trung”.

Đây là thượng bối vãng sanh hạ sanh, thượng bối hạ sanh. Trong Quán Kinh nói thượng phẩm hạ sanh, trong kinh này là thượng bối hạ sanh.

Người vãng sanh này khi họ mạng chung. “Mạng dục chung”, nói rõ họ vẫn chưa mạng chung, họ vẫn còn sống ở đây. Phật A Di Đà, Bồ Tát Quán Âm, Bồ Tát Đại Thế Chí và chư Bồ Tát cầm kim liên hoa, hóa thành 500 vị Phật, đến nghinh đón người này. Hoan nghênh họ, tiếp dẫn họ đến thế giới Cực Lạc. “Ngũ bách hóa Phật nhất thời thọ thủ”, những vị Phật này đều đưa tay ra biểu thị hoan nghênh. Thọ thủ giống như hiện nay chúng ta bắt tay vậy, hoan nghênh họ, tán thán họ. Gọi họ là pháp tử, có khi chữ này gọi là Phật tử. “Nhữ kim thanh tịnh”, câu này vô cùng quan trọng.

Trong kinh Đức Phật thường nói: “tâm tịnh tắc Phật độ tịnh”. Nói cách khác nguyên nhân chính vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc là tâm thanh tịnh. Trì danh niệm Phật là kỹ xảo. Quán tưởng, quán tượng vẫn là thuộc về kỹ xảo, mục đích là muốn tâm thanh tịnh hiện tiền. Đề kinh của bộ kinh này, nhân quả hiển thị một cách rõ ràng minh bạch. Nhân vãng sanh là thanh tịnh bình đẳng giác. Thượng bối vãng sanh là đại triệt đại ngộ, giác mà không mê. Trung bối vãng sanh là tâm bình đẳng hiện tiền. Hạ bối vãng sanh là tâm thanh tịnh hiện tiền, tâm không thanh tịnh không thể vãng sanh, dù niệm Phật có nhiều cũng không được. Đây là chúng ta tu Tịnh độ, hy vọng đời này vĩnh viễn thoát ly luân hồi, không còn trôi lăn trong vòng lục đạo. Thật sự cầu sanh Tịnh độ thì không thể không

biết. Làm thế nào để được tâm thanh tịnh? Then chốt là buông bỏ. Trì danh niệm Phật là dùng câu Phật hiệu này, thay đổi toàn bộ tập niệm của mình. Chư vị cố đức nói: “không sợ niệm khởi chỉ sợ giác chậm”. Niệm là ý niệm, bất luận là thiện niệm hay ác niệm, nói tóm lại toàn là niệm luân hồi. Có niệm chính là luân hồi, vô niệm chính là Bồ Tát. Dùng câu Phật hiệu này thay thế tất cả các ý niệm.

Niệm thứ nhất bất luận là ý niệm gì, niệm thứ hai chính là Phật A Di Đà, đây chính là giác chậm, nhanh. Không cho ý niệm này tạo thêm ác nghiệp, ý nghiệp là tư tưởng. Bất luận là thiện niệm hay ác niệm, thiện niệm là ba đường lành, ác niệm là ba đường ác, vì thế tất cả đều là luân hồi. Ý niệm vừa chuyển niệm A Di Đà Phật. Phật A Di Đà không ở trong thiện đạo cũng không ở trong ác đạo. Cũng chính là nói ý niệm này, ý niệm A Di Đà Phật này không tương ứng với luân hồi lục đạo, nó tương ứng với ai? Tương ứng với thế giới tây phương Cực Lạc, tương ứng với Phật A Di Đà. Niệm Phật vãng sanh thấy Phật, chính là đạo lý này. Chúng ta đối với đạo lý này phải thâm tín không nghi.

Hiện nay trong cuộc sống hằng ngày là luyện công phu, luyện công phu gì? Thay đổi ý niệm. Thay tất cả ý niệm thành A Di Đà Phật là đúng, đây gọi là chân thực tu hành, đây gọi là y giáo phụng hành. A Di Đà Phật, ý niệm này hay, hay đến không cách gì nói được, nói không cùng!

Ở trước chúng tôi đã giảng 800 tiếng đồng hồ. Nói không cùng tận, đều nói về công đức danh hiệu không thể nghĩ bàn. Cũng chính là nói ưu điểm của ý niệm này không thể nghĩ bàn, vì sao không niệm? Vì sao không hành trì? Những ý niệm trong tám vạn bốn ngàn pháp môn đều không sánh được ý niệm A Di Đà Phật. Vì thế người dùng A Di Đà Phật làm ý niệm của chúng ta là chân thật đệ tử Phật Di Đà không phải giả. Người này nhất định được sanh Tịnh độ, chắc chắn thấy Phật A Di Đà, lâm chung có nhiều người như vậy đến tiếp dẫn. Kỳ lạ nhất những người này toàn người quen không phải người lạ. Thế nên đến thế giới Cực Lạc không nên sợ hãi rằng, tôi đi một mình nhân sự địa lý xa lạ, điều gì cũng không quen, như vậy quý vị hoàn toàn sai lầm. Quý vị đến đó sẽ thấy Bồ Tát và chúng Thanh văn đều quen biết hết, đều là người có nhân duyên với mình từ trong vô lượng kiếp đến nay. Không có nhân duyên sẽ không theo Phật đến tiếp dẫn quý vị.

Phàm những người theo Phật đến tiếp dẫn quý vị, tất cả đều là người có nhân duyên với quý vị, ở thế giới tây phương Cực Lạc gặp mặt, hoan hỷ vô lượng! Phật quang vừa chiếu, thần thông của quý vị liền hiện tiền. Đây là thần thông gì?

Tức mạng thông. Đòi quá khứ và trong đòi quá khứ nữa, vô lượng kiếp trước, tất cả đều nhớ lại đều nghĩ ra được. “*Kiến thử sự thời*” đây là thật sự thấy Phật. Người này hơi thở chưa dứt, thật sự đã thấy được Phật, đây chính là hiện tiền thấy Phật. Tức là thấy được thân thể của mình ngồi trong kim liên hoa, ngồi xuống thì hoa khép lại theo sau Thế Tôn. Thế Tôn là Phật A Di Đà, chính là vãng sanh trong ao bảy báu, hoa trở về trong ao bảy báu.

“*Quán Kinh dữ bốn kinh, đồng vị hành giả ư mạng chung tiền kiến Phật lai nghinh. Thị tức kim thể kiến A Di Đà Phật dã*”.

Đây không phải là sau khi chết mới thấy, mà chưa đoạn khí đã tận mắt nhìn thấy Phật A Di Đà, Quan Âm Thế Chí Chư Phật Chư Bồ Tát đến nghinh tiếp. Chúng ta xem tiếp đoạn văn tiếp.

“*U thử ngũ trước ác thế, vô Phật chi thế*”, như thế giới hiện tại này của chúng ta, thế gian này hiện nay cũng không có Phật. Đức Thế Tôn đã diệt độ, vị Phật tiếp theo là Di Lặc Bồ Tát thành Phật, khoảng cách vô cùng xa vời với chúng ta. Trong thời gian dài đó, thời gian của nhân gian chúng ta là 56 ức bảy ngàn vạn năm, thời gian dài như vậy không có Phật. Phật Bồ Tát vẫn là từ bi, vẫn muốn giúp những chúng sanh khổ nạn này.

Chúng ta đọc Kinh Địa Tạng biết rằng Đức Thế Tôn đem đại sự cứu độ chúng sanh phó thác cho Địa Tạng Bồ Tát. Hay nói cách khác trong một thời kỳ dài như vậy, Bồ Tát Địa Tạng thay Phật. Kinh Địa Tạng là chứng cứ sau khi đọc rồi sẽ hiểu, đợi đến Bồ Tát Di Lặc hạ sanh đến thế gian này để thị hiện thành Phật. Thị hiện Địa Tạng Bồ Tát từ bi vô tận, ngài thay thế không phải thời gian ngắn, thay thế thời gian dài. Thời gian dài hơn nhiều so với Phật trú thế.

Pháp vận của Đức Thế Tôn, một vạn hai ngàn năm. Địa Tạng Bồ Tát thay Phật, 56 ức bảy ngàn vạn năm. Hiểu được đạo lý này, biết được những chân tướng sự thật này, chúng ta đối với Địa Tạng Bồ Tát có thể không cảm ân sao? Có thể không nghe giáo huấn sao?

“*U thử ngũ trước ác thế, vô Phật chi thế, năng kiến bỉ Phật*”, nghĩa là quý vị có thể thấy được Phật A Di Đà, “*thật thị hy hữu*” bốn câu này là từ quả mà nói, nhân duyên như thế nào mới thấy được? Bốn câu bên dưới là nói về duyên. “*Toàn bằng Di Đà nhất thừa nguyện hải, lục tự hồng danh, bất tư nghị lực*” đây là duyên, Phật A Di Đà làm tăng thượng duyên cho chúng ta, chúng ta được oai thần bốn nguyện Phật A Di Đà gia trì. Chúng ta tu pháp môn trì danh niệm Phật này,

duyên như vậy mới cảm được. Có duyên đương nhiên còn có nhân, nhân này càng quan trọng. Duyên là tin Phật A Di Đà, nhân là tin chính mình.

“*Phục nhân hành giả phát bồ đề tâm*”, người cầu vãng sanh này họ đã phát tâm bồ đề. Tâm bồ đề này như ở trước Ngẫu Ích đại sư nói là: tin thật nguyện thiết. Thật sự tin, thật nguyện cầu sanh Cực Lạc. Tín và nguyện này rất khó, nếu chúng ta cố gắng hỏi thử, chúng ta có tín chăng? Không có tín, chúng ta có nguyện chăng? Không có nguyện, tín nguyện đều không có. Không nên tự mình cho rằng có tín có nguyện, rất nhiều người mê muội không biết gì, tự cho rằng có tín có nguyện.

Trước đây thầy Lý dạy tôi, tôi cũng đã mấy lần chia sẻ với mọi người. Tôi xuất gia hai năm mới thọ giới nhưng tôi xuất gia là bắt đầu giảng kinh dạy học. Sau khi thọ giới theo quy tắc của nhà Phật là phải đi tạ thầy. Thầy giáo tôi là cư sĩ Lý Bính Nam. Thân phận xuất gia đi lạy thầy. Thầy Lý là thân giáo sư của tôi, dùng cách nói của nhà Phật, thầy chính là hòa thượng của tôi, hòa thượng là thân giáo sư.

Tôi đến thư viện Từ Quang Đài Trung. Tôi chưa vào đến cửa, còn ở bên ngoài. Thầy ở trong thấy tôi, thấy tôi chỉ tay nói thật to: ông phải tin Phật, ông phải tin Phật. Nói rất nhiều tiếng như vậy khiến tôi ngơ ngác. Tôi không tin Phật có thể xuất gia sao? Tôi không tin Phật tôi có thể thọ giới sao? Làm tôi hồ đồ quá, sao lại lớn tiếng như vậy bảo tôi phải tin Phật? Sau khi tôi vào đương nhiên vẫn phải lễ bái. Lạy một lạy, thầy bảo tôi ngồi xuống, nói với tôi rằng: “rất nhiều người đến khi lâm mạng chung cũng không tin Phật”. Càng nói tôi càng hồ đồ, khi lâm chung vẫn không tin Phật, tôi nghe không hiểu, hai mắt tôi mở to nhìn thầy, thầy nói với tôi như thế nào gọi là tin Phật: Những điều Phật nói chúng ta đều không hiểu, Phật bảo chúng ta làm chúng ta không làm, như vậy không phải tin Phật. Thầy nói như thế, tôi liền hiểu rõ. Như thế nào gọi là tin Phật? Thật sự y giáo phụng hành đó là tin Phật. Điều này rà soát lại chính là thật, hoàn toàn không giả.

Quý vị nghiên cứu kinh giáo có thể hiểu được nghĩa chân thật của Như Lai chăng? Câu này nói một cách rõ ràng là Võ Tác Thiên nói, bài kệ khai kinh do bà ấy làm. “Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp, bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ, ngã kim kiến văn đắc thọ trì, nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa”. Võ Tác Thiên nói được nhưng bà cũng không hiểu được nghĩa chân thật của Như Lai, chẳng qua là bà nguyện hiểu rõ. Nguyện thì nguyện nhưng bà không lý giải được. Nếu bà hiểu

được thì bà đã không tạo nghiệp, sẽ không tranh quyền đoạt lợi, thật sự không hiểu.

Do đây mà biết, tin Phật rất khó! Người tin Phật chân chánh, xem kinh nghe giảng, nghe qua xem qua liền khai ngộ, liền khế nhập cảnh giới. Ngày nay chúng ta mấy trăm lần cũng không khai ngộ, nhiều nhất là sao? Là nhớ rất rõ, cũng có thể nói một cách lưu loát trôi chảy, vì sao không khai ngộ? Còn phiền não, vẫn chấp trước thân này là ta, vẫn còn tự tư tự lợi, vẫn còn danh vẫn lợi dưỡng. Người khác khen tôi hoan hỷ, người khác hủy báng tôi sẽ sân giận, như vậy làm sao là tin Phật được? Những lời Phật dạy chúng ta không hề chấp hành. Đọc kinh cũng vô ích, chỉ miệc đọc mà thôi, còn tâm không hề thay đổi, khẩu thiện tâm bất thiện.

Trì giới rất tốt nhưng chỉ bên ngoài hành thiện, ý niệm không thiện, toàn là giả không phải thật. Vì thế mới biết tin là khó. Nhà Phật đem tín để ở vị trí đầu tiên: “tín vi đạo nguyên công đức mẫu”, trước tiên phải kiến lập tín tâm, tín tâm không có, toàn là giả. Tất cả đều không có, giống như thực vật vậy, tín là gốc. Chúng ta không có gốc, Phật pháp như vậy, Nho giáo Đạo giáo cũng như vậy. Nếu không có tín tâm, quý vị học Nho giáo không phải thật Nho giáo, quý vị học Đạo giáo không phải thật Đạo giáo, đều là học vỏ bên ngoài mà thôi, thực chất chúng ta không học được gì.

Học Nho, Khổng Tử đến dạy quý vị cũng không đạt được. Học Phật, Đức Thế tôn đến dạy quý vị vẫn không học được gì, đây do nguyên nhân gì? Thầy không sai nhưng chúng ta không vào được. Cảnh giới chúng ta và cảnh giới của Phật, Khổng Tử không giống nhau, rất xa lạ, không tương ứng. Vì thế chúng ta có học lui học tới, học đến bao nhiêu năm cũng chỉ có thể học được cái thường thức, ngày nay gọi là gì? Gọi là tri thức. Phật là trí huệ, Nho là trí huệ, Đạo là trí huệ. Không liên quan đến trí huệ, chúng ta học được là tri thức. Chonên ngày nay chúng ta lo lắng, lo lắng điều gì? Lo lắng truyền thống văn hóa sẽ mất đi. Hình như rất hưng thịnh nhưng thật ra đó là bên ngoài, như hoa đàm hiện, không phải thật, vì sao? Vì không truyền được truyền nhân đích thực. Truyền nhân đích thực là gì? Tin thật, họ không có chút hoài nghi nào, chính là tiêu chuẩn của cổ nhân. Tiêu chuẩn của cổ nhân là thật thà, nghe lời và thực hành, nhổ tận bệnh căn của mình. Bệnh căn của mình là gì? Phiền não chướng, sở tri chướng. Trong phiền não chướng đầu tiên gọi là căn bản phiền não chính là ta, chấp trước thân này là ta, đây là căn bản phiền não. Tất cả những sai lầm đều từ cái ta mà sanh ra. Vì thế mở đầu Kinh Kim Cang dạy chúng ta phá thân kiến: “Vô ngã tướng, vô nhân

tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng”. Phá tứ tướng là địa vị gì? Tiêu thừa sơ quả Tu đà hoàn, trong đại thừa Kinh Hoa Nghiêm nói về địa vị là sơ tín vị của thập tín vị Bồ Tát. Phá tứ tướng nghĩa là kiến phiến não trong kiến tư phiến não đã đoạn. Tri kiến quý vị đã chánh, biết rằng thân không phải ta, không có ta, đương nhiên biên kiến cũng không có. Biên kiến là đối lập, ngày nay chúng ta nói là tương đối. Có mình nhất định có người, có thiện nhất định có ác, nó có phản diện. Có tà nhất định có chánh, có thị nhất định có phi, có Phật nhất định có chúng sanh, nó đối lập, đây gọi là biên kiến. Không có quan niệm này, tâm đã bình, tâm đã thanh tịnh. Chonên chúng ta dùng ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, là tâm chúng ta không thanh tịnh.

Phật dạy chúng ta như vậy, trong sinh hoạt hằng ngày chúng ta phải rèn luyện. Chúng ta chấp trước bốn tướng này thời gian quá dài, làm sao để phá trừ bốn tướng này? Biết được bốn tướng này là giả, “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, nó không phải thật. Giả thì phải buông bỏ, không nên để trong tâm, không nên tìm hiểu nó. Không tìm hiểu, không sao, không có chướng ngại. Chúng ta để trong lòng, tìm hiểu nó, nó liền khởi tác dụng, liền chướng ngại chúng ta. Đọc kinh, chướng ngại chúng ta lý giải, không cách nào hiểu được nghĩa chân thật của Như Lai, nó chướng ngại điều này. Tu hành nó chướng ngại chúng ta được định, chướng ngại sự chứng quả, điều này rất phiền phức!

Vốn đọc kinh là khai trí huệ, quý vị đọc kinh đều trở thành sở tri chướng, vì sao vậy? Vì là tri thức. Tri thức chướng ngại, trí huệ không chướng ngại. Trí huệ giúp chúng ta khai ngộ, tri thức khiến ta sanh phiến não, công hiệu không giống nhau.

Ở trước kinh này chúng ta đọc được, Chư Phật Bồ Tát, chư vị tổ sư trong ngoài nước, có ai không tán thán? Phật là gì? Trí huệ cứu cánh viên mãn gọi là Phật tánh. Phật có nghĩa là giác, Phật tánh chính là giác tánh, giác mà không mê là mỗi người vốn có. Cho nên Đức Phật dạy: tất cả chúng sanh vốn là Phật. Hiện tại ta mê thất tự tánh, không nhận thức, không nhận ra mình, đã mê thất tự tánh. Mê thất tự tánh liền sanh phiến não, sanh phiến não thì nhận giặc làm cha. Không biết tự tánh là ta, ngộ nhận điều gì? Thân là ta, quý vị nói có tội tộ hay không! Xem cái này là ta, đem những thứ có thể tưởng tượng là ta, sai! Thân không phải ta. Có thể tưởng tượng là thức thứ sáu, có thể chấp trước là thức thứ bảy - Mạt na, đều không phải ta. Sao có thể xem những thứ này là ta? Chính những thứ này hại chúng ta đời đời kiếp kiếp trôi lăn trong luân hồi, vĩnh viễn không ra được.

Bây giờ chúng ta vẫn xem nó là ta, vẫn duy trì mối liên quan thân mật nhất với nó, đây không phải là nhận giặc làm cha sao?

Đến khi nào chúng ta mới giác ngộ được? Khó, rất khó! Ngày ngày nghe kinh cũng không dễ giác ngộ. Nghe kinh phải như thế nào mới có thể giác ngộ? Nghe kinh phải thực hành, nghe được bao nhiêu hành trì bấy nhiêu. Hành trì ra sao? Buông xả mà thôi! Ta đã học đại thừa, những đạo lý này ta đều hiểu. Ta phân biệt chấp trước đối với thân này, năm này nhạt hơn năm trước, tháng này nhạt hơn tháng kia, như vậy là đã xuất hiện hiệu quả. Càng xem nhạt điều này thì trí huệ càng tăng trưởng.

Quý vị nhìn pháp thể xuất thế gian, với người ta nhìn pháp không giống nhau, dần dần tương ứng với những gì trong kinh nói. Trong kinh là tri kiến Phật, tri kiến Phật chính là bản tánh tri kiến của chúng ta. Chỉ cần có thể buông bỏ tất cả, nó liền tương ứng với tự tánh, liền nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa, nghĩa chân thật của Như Lai dần dần hiện ra, nó không phải lập tức liền hiện ra viên mãn, không phải. Ta giảm một phần chấp trước, nó liền hiện ra một phần, giảm hai phần nó hiện hai phần.

Vì thế cùng một bộ kinh_tôi học Phật đã 60 năm, 30 năm trước cũng là ngày ngày đọc, ngày ngày giảng, không phát hiện. 30 năm sau giảng lại bộ kinh này, nói ra được rất nhiều ý mà 30 năm trước không nói đến. Đó là gì? Chúng ta đã làm được vài phần! Mấy phần mà có hiệu quả nhiều như vậy. Tín tâm đầy đủ mười phần, năm này buông bỏ nhiều hơn năm trước, ý trong kinh hiểu được năm này phong phú hơn năm kia. Ngày ngày đọc nó đều không phát hiện, bây giờ khi đọc lại mỗi lần đều có cái mới, mỗi lần đều không giống nhau. Nghĩa lý trong kinh điển sâu rộng vô biên, vì sao? Vì nó là tự tánh, tự tánh là thật.

Cổ nhân nói hai câu để hình dung nó: “*kỳ đại vô ngoại, kỳ tiểu vô nội*”, nó rộng đến đâu cũng không có bên ngoài, nó nhỏ cũng không có ở trong. Từ nhỏ mà nói ngày nay các nhà lượng tử lực học nói những thứ đó, chúng ta hiểu, không hề xa lạ. Những nhà vật lý học nghiên cứu hồng quan vũ trụ, báo cáo của họ chúng ta cũng hiểu, không có chút gì xa lạ, vì sao vậy? Vì trong kinh Phật thường nói chúng ta thường đọc được. Phát hiện của họ chính là thường thức của chúng ta, những điều ta thấu hiểu còn rõ ràng hơn họ. Vì thế tất cả pháp trong thế xuất thế gian, nếu ta muốn thành tựu được, thánh hiền thế gian, Phật Bồ Tát của xuất thế gian. Muốn đạt được chút trí huệ chân thật của họ, không có “hiếu thân tôn sư” thì không làm được, không có “thành kính khiêm hòa” không làm được. Hiếu

thân tôn sư là nhân, thành kính khiêm hòa là duyên. Có nhân duyên này xem kinh Phật, xem điển tịch của Nho Đạo mới có thể lý giải được nghĩa chân thật của nó, đó chính là quả.

Hiện nay chúng ta muốn tìm một truyền nhân, truyền nhân của truyền thống văn hóa, truyền nhân của Nho Thích Đạo nên tìm ai? Phải tìm người hiểu thân tôn sư. Hiểu thân tôn sư còn phải thêm thành kính khiêm hòa. Không có thành kính khiên hòa họ không có duyên, có nhân không có duyên, vẫn như cũ không lý giải được nghĩa chân thật của Như Lai, tin thật khó biết bao!

Thầy Lý nói với tôi rất rõ ràng minh bạch, tôi mới hoát nhiên đại ngộ. Quay đầu nghĩ lại mới biết là thật, lòng tin của chúng ta gọi là lộ thủy đạo tâm, không chịu được thử thách. Thuận cảnh thiện duyên, nghịch cảnh ác duyên ngay trước mắt, có thể không động tâm chăng? Đây chính là thử thách. Một trận gió nhỏ cũng không chịu được làm sao có thể thành tựu? Đối với kinh giáo cho rằng không đến nỗi nào, tự mình có thể lên bục giảng giảng thông thạo lưu loát, thực ra như thế nào? Không hiểu. Những điều nói ra không phải nghĩa chân thật của Như Lai, mà là ý của mình. Có tạo tội nghiệt chăng? Tạo tội nghiệt. Mọi người đến nghe là gì? Nghe theo suy nghĩ của quý vị, cho rằng đây chính là nghĩa chân thật mà Như Lai nói. Đối với Như Lai sanh ra hoài nghi, chẳng phải là quý vị tạo tội nghiệp đó sao? Con người hiện nay luôn tự cho mình là đúng, nên không tiếp thu người khác khuyên nhủ.

Tôi theo thầy Lý mười năm, thầy rất có trí huệ. Người có cá tính mạnh, người có thành kiến rất sâu, thầy đều tùy thuận, sao cũng được. Không kết oán thù, tuyệt đối không khuyên quý vị, vì sao vậy? Vì quý vị không quay đầu được. Thật sự tiếp thu, có thể nghe lời, có thể thực hành thầy có đánh có mắng, thầy dạy rất nghiêm khắc, học trò chúng tôi đều thấy được thầy mắng người đánh người. Vì thế thầy lên lớp, xung quang đều cho người canh giữ, không để người khác đến gần, vì sao vậy? Âm thanh đánh mắng bên ngoài nghe được không hay. Học sinh đều là người ba bốn mươi tuổi, đều không phải trẻ con, trẻ con thì không sao. Học sinh trong lớp chúng tôi trẻ nhất cũng hơn 20 tuổi. Khi tôi theo thầy là 32 tuổi vì thế thầy phải để ý đến thể diện cho học sinh. Đánh mắng cũng không để người ngoài biết được, bạn học nhìn thấy không sao, vì sao vậy? Mỗi người đều từng bị mắng. Phàm những người nghe lời, thật sự thực hành thầy có đánh có mắng. Phàm những ai thầy nói hơi quá một chút, sắc mặt khó coi, thầy quan sát lời nói và sắc mặt người khác, từ đó về sau đối với họ rất khách sáo. Tuyệt đối

không nói đến họ, như thế nào? Coi họ như học sinh dự thính. Đây là cách giảng dạy trong thời đại này, thầy Lý đã thị phạm cho chúng ta, chúng ta đã hiểu được.

Thầy thường cảnh cáo tôi không nên kết oán với người. Họ có vài sai lầm ta nói họ, họ không thể tiếp thu, ta nói họ họ không vui, như vậy là đã kết oán với người. Hữu ý hay vô ý đều rất dễ đắc tội người khác, đắc tội người khác mà mình không biết nhưng họ nhớ trong lòng. Tương lai gặp cơ hội nhất định trả thù, oan oan tương báo không bao giờ dứt, thật đáng sợ. Hiểu rõ ràng minh bạch những đạo lý này, không những là ngôn ngữ tạo tác, khởi tâm động niệm cũng rất cẩn thận, đều không giám tùy tiện. Thật muốn học, thầy thật tâm dạy quý vị, rất có lòng từ bi.

Tôi gặp được thầy Phương và Chương Gia đại sư chính là người như vậy. Học sinh chỉ mình tôi, đơn độc dạy, một người cũng dạy. Không phải cần có bao nhiêu người mới dạy, một người cũng dạy, đây chính là gì? Đây chính là hộ pháp mà trong nhà Phật nói. Hộ trì chánh pháp, chánh pháp cần người truyền. Một học sinh cũng có thể truyền, đều phải dạy họ. Thực tế suốt đời một người cũng không gặp được, rất nhiều không phải không có, phải làm sao? Trước tác sách lưu lại cho hậu nhân. Người đời sau xem được sách họ, có duyên với họ vừa xem liền sanh tâm hoan hỷ, y giáo phụng hành như thế là họ đã truyền.

Hoàng Niệm Tổ tôi không biết ông có truyền nhân hay không, nhưng hôm nay chúng ta biết ông viết bộ sách này, chúng ta xem xong hoan hỷ. Chúng ta đang nghiên cứu, nỗ lực tu tập, không phải đã truyền pháp của ông rồi sao? Chỉ cần có một người truyền pháp, pháp sẽ không diệt.

Đạt Ma tổ sư truyền Thiên tông đến Trung Quốc, năm đời trước đều là đơn truyền, chỉ có một người. Tổ sư Đạt Ma chỉ gặp được một người, ngài truyền cho Huệ Khả, Huệ Khả truyền cho Tăng Xán, từng người từng người đều là một người. Đến Lục tổ mới truyền cho 43 người, pháp duyên vô cùng thù thắng. Trước ngài Huệ Năng không nhìn thấy, chỉ thấy đơn truyền, truyền một người. Sau ngài Huệ Năng cũng không thấy, truyền hai ba người thì có. Đại khái tìm không thấy truyền trên năm người. 43 người, một thời cực thịnh!

Phá mê khai ngộ, minh tâm kiến tánh, nhất định phải thật thà, nghe lời và thực hành. Không có điều kiện này, không phải người để truyền pháp. Nhưng Tịnh tông không như vậy, sơ tổ Huệ Viễn kiến lập niệm Phật đường ở Lô Sơn, lãnh đạo 123 người niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, mỗi người đều vãng sanh còn thù thắng hơn cả ngài Huệ Năng, ngài Huệ Năng mới 43 người. Niệm Phật thành

tự vượt trên mình tâm kiến tánh, vượt trội hơn. Vì Thiên tông hoàn toàn dựa vào tự lực, Tịnh độ tông dựa vào tha lực. Chỉ cần tin vào Phật A Di Đà, thật muốn đến thế giới Cực Lạc. Chúng ta chỉ cần đầy đủ điều kiện như vậy, ngoài ra Phật A Di Đà đều đã chuẩn bị xong, không cần chúng ta lo lắng.

Sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc liền làm A Duy Việt Trí Bồ Tát. A Duy Việt Trí Bồ Tát là thân phận gì? Thân phận bằng với Thiên tông đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, quý vị thấy không tuyệt vời sao? Pháp môn này thật không thể nghĩ bàn! Pháp môn này chúng ta thật sự minh bạch, thật hiểu rõ ràng, có thể không tin chẳng? Nhất định phải làm gương tốt cho chúng sanh.

Trong tứ đức của Hoàn Nguyên Quán, thứ nhất là “tùy duyên diệu dụng”, làm cho người khác noi theo. Thứ hai là “oai nghi hữu tác”, oai nghi hữu tác chính là hành trì giới luật. Trong cuộc sống hằng ngày, làm tám gương tốt nhất cho mọi người noi theo. “Nhu hòa chất trực”, Bồ Tát đối đãi người, bất luận đối đãi với ai, người có xấu đến đâu đều mỉm cười nghênh đón, thân ái hòa hợp, hiện tướng của Di Lạc Bồ Tát, cần phải đối nhân tiếp vật giống như thế. Sau cùng là “đại chúng sanh khổ”, chúng sanh khổ, ở thế gian này để giúp chúng sanh, giúp mọi người như Đức Thế Tôn vậy. Đức Thế Tôn khi tại thế cũng làm như vậy cho chúng ta thấy, một đời vạn duyên buông bỏ. Dạy học, chịu khổ cực, ngài không phải không thể sống đời thoải mái, có thể.

Trong các đệ tử tại gia, có 16 vị quốc vương, nếu ngài muốn kiến lập đạo tràng quá dễ. Chỉ cần nói một tiếng người ta sẽ làm xong đem nó cúng dường ngài, hưởng chi phụ thân của ngài là quốc vương. Trong nhà cũng có thể làm cho ngài, nhưng ngài không cần vì ngài dạy đệ tử lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy. Tự mình không trì giới, không chịu khổ, như vậy không phải thành trò cười ư? Như vậy ai tin ngài? Ngài dạy người trì giới, ngài trước phải trì giới. Ngài dạy người chịu khổ, mình chịu khổ trước tất cả đều phải làm gương như vậy.

Ấn đức này lớn biết bao, không phải ngài chỉ nói không làm, ngài thật sự làm như vậy. Vì thế ngài dạy học, phát sinh ảnh hưởng rất lớn, đến nay đã 3000 năm, vẫn còn ảnh hưởng rất lớn. Chúng ta tin rằng Phật pháp không bị đoạn diệt, nhất định đời đời có truyền nhân, có người y giáo phụng hành. Người xưa thường nói chân nhân bất lộ tướng, họ thật tu, thật hành trì nhưng vẫn chưa xuất hiện, mọi người chưa biết họ.

Ấn Quang đại sư biểu diễn trong thời đại chúng ta. Đại sư trước 70 tuổi không ai biết đến ngài, một vị hòa thượng bình thường trên núi Phổ Đà không ai

để ý đến. Đến năm 70 tuổi có một vài học giả trong giới văn hóa, một vài nhân vật nổi tiếng, chuyên gia học giả đến Phổ Đà sơn du lịch, ngẫu nhiên gặp được. Họ đàm luận với ngài Ân Quang và thỉnh giáo ngài vài vấn đề, phát hiện vị hòa thượng này thật đáng khâm phục. Do đó học Phật có những vấn đề đối với Phật giáo, đều ra viết thư để thỉnh giáo ngài, ngài trả lời hết. Họ đem những thứ này đăng lên báo tạp chí, mới biết được, phát hiện được, có một vị hòa thượng thông tông thông giáo như vậy.

Ân Quang đại sư thị phạm cho chúng ta, trong thời đại động loạn này hậu tích bạc phát, trẻ tuổi nổi tiếng không tốt, đổ ky chương ngại rất nhiều, người ta muốn hủy hoại quý vị. Nếu tự mình không có một vị hộ pháp mạnh, rất dễ bị người ta tiêu diệt. Chính tôi đi con đường này là con đường hiểm, cũng may còn có hai người bên cạnh bảo hộ tôi. Chương Gia đại sư đã viên tịch từ sớm nhưng thầy Lý và thầy Phương còn. Tôi gặp vấn đề khó khăn đến thỉnh giáo họ, nếu quý vị không có người như vậy phải làm sao? Ai dạy quý vị? Ngoài ra tôi còn hộ pháp bên ngoài chính là cả nhà Phật tử họ Hàn, hai vợ chồng họ chân tâm hộ trì. Không ở chùa, ở trong nhà họ, như vậy không sao. Sống trong nhà họ 17 năm, thật không dễ!

Sau 17 năm mới có một thư viện nhỏ, chính là thư viện Hoa Tạng Đài Bắc, không lớn. Diện tích thư viện ở Đài Loan lúc đó là 50 bình. Khi chúng tôi vừa mới mua được là 50 bình, 50 bình lớn bao nhiêu? Một bình bằng 36 mét của HongKong, đây tính theo mét anh. Một bình 36 mét, 50 bình. Sau 20 năm chúng tôi phát triển mới có phòng ở, tắm thất, phòng khách nhỏ, nhà bếp, nhà ăn, tổng cộng 250 bình. Diện tích khi chúng tôi ra đi chỉ chiếm một góc nhỏ trong chung cư đại lầu. Một tầng của chung cư hình như có hơn 800 bình, chúng tôi ở đây có 250 bình. Chỗ rất nhỏ, thính chúng cũng không nhiều. Thính chúng bình thường đến, cũng chỉ hơn 100 người, không có gì chương ngại, không có xung đột lợi và hại với mọi người, bình an vô sự.

Mấy năm gần đây chúng tôi dùng những công cụ khoa học, ảnh hưởng được khuếch đại. Mới đầu chúng tôi dùng internet, internet đại khái dùng cũng gần 20 năm. Sau cùng dùng đến truyền hình vệ tinh, điều này ảnh hưởng rất lớn. Truyền hình vệ tinh bắt đầu mở là nguyên đán năm 2003 đến bây giờ hình như cũng được 9 năm. Lợi dụng công cụ mạng và truyền hình, các vị đồng học Tịnh độ trên toàn thế giới đều có thể xem được. Điều này mới tạo thành ảnh hưởng nhưng cũng

không chướng ngại. Chúng tôi không có đạo tràng, chúng tôi sống đời lưu lạc. Truyền hình thì các vị cư sĩ làm, không liên quan đến tôi.

Nếu tôi có một đạo tràng lớn, như vậy phiền phức rất lớn, cũng may không có đạo tràng, suốt đời sống cuộc đời lưu lạc. Hoằng pháp lợi sanh không phải dễ làm, chướng ngại khó khăn mà chúng ta sẽ không ngờ tới. Những điều này nếu quý vị tĩnh tâm tư duy quan sát sẽ rõ.

Chánh, ngàn ngữ có nói: “tà không thắng chánh” chỉ cần chúng ta chon chánh, không bị bên ngoài làm ô nhiễm. Chúng ta phải làm như thế nào mới được? Không có gì khác trong đời này tôi lãnh hội được chính là ngày ngày giảng kinh. Ngoài việc giảng kinh ra tất cả đều buông bỏ, tôi đã dùng phương pháp này, vì sao vậy? Vì ngày ngày giảng kinh, quý vị phải ngày ngày đọc kinh. Không đọc thì lấy gì để giảng? Ngày ngày đọc kinh, chính là ngày ngày không xa rời Phật Bồ Tát, tiếp nhận giáo huấn của Chư Phật Bồ Tát. Thời gian lâu ngày, huân tu 60 năm, có thể lãnh hội được vài phần chân thật nghĩa. Không thể có tâm danh lợi.

Như trong A Nan Vấn Sự Phật Kiết Xung Kinh, Đức Phật nói: “Khả đắc vi thế gian sự, bất khả đắc vi thế gian ý”, điều này nhất định phải giữ vững. Tôi học kinh giáo trong lớp của thầy Lý, bộ thứ nhất học chính là Kinh A Nan Vấn Sự Phật Kiết Xung. “Việc thế gian có thể làm, không thể có ý thế gian”. Ý là gì? Ý là tham sân si mạn. Quý vị có tự tư tự lợi là ý thế gian, có danh văn lợi dưỡng đó là ý thế gian. Những điều này không dính vào được, dính vào là hư, Phật pháp hoàn toàn biến chất. Thật sự buông bỏ những thứ này mới có thể giữ vững được. Có thể giữ vững, có thể giữ ổn định, không đến nỗi biến chất, không đến nỗi đọa lạc. Tâm ta vĩnh viễn thanh tịnh, mãi mãi không mê, như vậy là rất khó được nhưng xa rời Phật pháp là không được.

Chúng ta đều biết nhiệm ô nghiêm trọng nhất là ti vi, mạng, báo chương tạp chí. Những thứ này tôi đã đoạn tuyệt. Ít nhất tôi cũng 50 năm không xem ti vi, mạng thì xưa nay chưa từng tiếp xúc, báo tạp chí cũng bỏ 50 năm nay, không xem những thứ này. Tất cả thời gian đều đọc kinh, xem sách thánh hiền, làm bạn với cổ nhân. Điều này tôi hai mươi mấy tuổi đã đề ra: “thượng hữu cổ nhân”, chúng ta mới có thể giữ được mình.

Xã hội này là một hồ nhuộm lớn, chúng ta không có nhận thức này, không kiên trì, nếu quý vị nói quý vị không bị ô nhiễm, đó là thánh nhân, không phải người phạm, đó là Phật Bồ Tát tái sinh. Người phạm nhất định không chịu được! Vì thế ở đây quý vị thấy có thành quả. Phật A Di Đà làm duyên cho chúng ta,

chúng ta tự mình có duyên. Nhân là gì? Phát tâm bồ đề, nhất hướng chuyên niệm, rộng tích công đức, phát nguyện hồi hướng, cầu sanh Cực Lạc, đây là nhân. Bên dưới là quả.

“Dữ Phật nguyện tương ưng, cố năng kiến Phật” Phật ở đâu? Tùy xứ hiện thân. Tâm nghĩ đến Phật, Phật liền hiện thân. Không Lão Phu Tử trong tâm thường nghĩ đến Chu công, Chu Công liền hiện thân, đây là thật không phải giả. Trong kinh đại thừa Đức Phật nói, tất cả pháp từ tâm tưởng sanh, không giả! Quý vị nên biết, chúng ta nghĩ đến Phật A Di Đà, Phật A Di Đà liền hiện thân, là tâm tưởng của ta. Ta nghĩ đến Quán Âm Bồ Tát, Quán Âm Bồ Tát liền hiện thân, cũng là tâm ta tưởng, đây mới là chân lý. Có phải là Quán Âm Bồ Tát đó hiện thân? Không thể nói không phải.

Chỉ cần quý vị minh tâm kiến tánh, vọng tâm không còn thì chân tâm hiện. Chân tâm biến pháp giới, chân tâm ở đâu? Biến pháp giới hư không giới, chính là chân tâm của chính mình. Là chân tâm của tôi, cũng là chân tâm của Di Đà, cũng là chân tâm của Quán Âm, là một tâm! Vì thế tôi nghĩ liền hiện tướng, hiện tướng này “đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận”. Quý vị minh bạch đạo lý này không có gì kỳ lạ. Hiện hay không hiện cũng không kỳ lạ, vì sao vậy? Vì đã thấu triệt được chân tướng sự thật. Đây không phải mê tín, đây là gì? Là cảm ứng. Trong tâm tôi có cảm, tự tánh sẽ có phản ứng.

Những đạo lý này nếu chúng ta không thâm nhập kinh tạng, sẽ không thấu triệt, không rõ ràng, không rõ ràng sẽ hoài nghi, hoài nghi sanh ra chướng ngại, chướng ngại khiến ta đọa lạc. Dần dần lòng tin của mình đối với chính mình bị mất đi, vì thế học Phật không dễ. Đời này đã đọa lạc, đời sau kiếp sau gặp được lại tiếp tục hành trì, nhưng đến đời sau kiếp sau rất dài. Trong bài kệ khai kinh nói: “trăm ngàn vạn kiếp khó gặp được”. Sau khi mất thân người rồi, được lại thân người không dễ!

Quý vị không được thân người, rất khó có cơ duyên nghe pháp. Được thân người đáng quý nhất, chính là ta có cơ hội gặp được Phật pháp, có cơ hội tu hành. Nếu duyên thù thắng, trong đời này liền có thể có thành tựu, vĩnh viễn thoát lý luân hồi lục đạo, thoát lý mười pháp giới, lợi ích này quá lớn.

“Do kiến Phật cố, tức đắc vãng sanh”. Phật đến tiếp dẫn quý vị, quý vị liền thấy được, nhất định theo ngài đến thế giới Cực Lạc. Đến thế giới Cực Lạc, vĩnh viễn không thoái chuyển, “tất chứng được vô thượng bồ đề”. Đến thế giới Cực Lạc, quý vị sẽ được bảo chứng. Tất chứng vô thượng bồ đề là diệu giác vị trong Kinh

Hoa Nghiêm, so với đẳng giác còn cao hơn một tầng. Là cứu cánh viên mãn vô thượng chánh đẳng chánh giác, lúc này quý vị rời xa cõi thật báo trang nghiêm, trở về thường tịch quang. Trong thường tịch quang thuần chân vô vọng, trong cõi thật báo 99 phần trăm là thật, còn có một phần là vọng. Trong thường tịch quang không có, thuần chân vô vọng.

Sau đoạn này có hai câu kinh văn như vậy: “ưng phát vô thượng bồ đề chi tâm, phục đương chuyên niệm Cực Lạc quốc độ”. Đây là Phật Bồ Tát đang khuyên chúng ta. Ở trên nói thật sự nghe rõ ràng, thật nghe hiểu, thì nên phát tâm vô thượng bồ đề. Tâm vô thượng bồ đề là tin thật, thật muốn đến thế giới Cực Lạc, thật muốn thân cận Phật A Di Đà, đây chính là tâm vô thượng bồ đề. Khi đã phát tâm, quý vị cần phải chuyên niệm, mọi lúc mọi nơi trong tâm chỉ có Phật A Di Đà, ngoài Phật A Di Đà ra tất cả đều buông bỏ. Nếu thật sự đạt đến cảnh giới này, vãng sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc, tùy thời có thể đi. Quý vị muốn bây giờ tôi đi, bên đó Phật A Di Đà đã nhận được tin tức, ngài lập tức liền đến tiếp dẫn, hoàn toàn không có chút chướng ngại nào. Vì thế đến thế giới Cực Lạc, khi nào đi quyền này tự mình quyết định, không do người khác thao túng. Cũng không phải Phật A Di Đà thao túng, là do chính chúng ta. Muốn khi nào đi thì khi đó đi, chỉ cần tin thật nguyện thiết. Ngẫu Ích đại sư nói rất hay, có thể làm chứng cho chúng ta. Trong Di Đà Yếu Giải nói: “có thể vãng sanh hay không, toàn là ở chỗ có tín nguyện hay không”, không nói niệm Phật. Quý vị tin thật, đồng ý đi, liền quyết định được vãng sanh.

Sau khi vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, phẩm vị cao thấp, đó là công phu niệm Phật của quý vị sâu hay cạn. Vì thế công phu niệm Phật, thế giới Cực Lạc là phẩm vị. Công phu thâm sâu thì phẩm vị cao, công phu cạn thì phẩm vị thấp. Nói một cách rõ ràng, minh bạch. Thực tế mà nói, phẩm vị thế giới tây phương Cực Lạc, có thể không cần để trong lòng. Để trong lòng là chướng ngại, không nên quan tâm nó. Tin thật nguyện thiết, như Ngẫu Ích đại sư nói: “hạ hạ phẩm vãng sanh tôi đã rất vừa ý rồi”.

Vì sao vậy? Vì hạ hạ phẩm vãng sanh, sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát, điều này không tuyệt vời sao? A Duy Việt Trí Bồ Tát là gì? Thượng thượng phẩm, ý này không phải chính là nói hạ hạ phẩm vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, hưởng đãi ngộ của thượng thượng phẩm, sự việc không phải như vậy sao? Vì sao có sự việc này? Đây là thù thắng của thế giới Cực Lạc, oai thần bổn nguyện của Phật A Di Đà gia trì, trong quốc độ của chư

Phật khác không có. Điều này chỉ có ở thế giới Cực Lạc, hạ hạ phẩm vãng sanh, những hưởng đãi ngộ của thượng thượng phẩm. Chúng ta tin rằng bốn nguyện của Phật A Di Đà, tuyệt đối không phải gạt chúng ta.

Nguyện nguyện của ngài đều thành tựu, nguyện nguyện đều viên mãn. Vì thế đến thế giới Cực Lạc, là thấy được 48 nguyện của Phật A Di Đà. Nên chúng ta thật rõ ràng, thật minh bạch, nên phát nguyện chăng? Thật nên pháp tâm vô thượng bồ đề, nên nhất tâm chuyên niệm Phật A Di Đà, chuyên niệm thế giới Cực Lạc, những điều khác đều không nghĩ đến. Nghĩ gì khác đều gọi là vọng tưởng, đều gọi là chướng ngại. Thế giới Cực Lạc chúng ta đã nắm chắc.

“Cái thử nãi vãng sanh chi chủ nhân, gia chi dĩ tích tập thiện căn, ưng trì hồi hướng, dĩ thị thắng nhân, tất đắc diệu quả”. Gia ở đây có nghĩa là gì? Hành thiện, thiện là gì? Giúp chúng sanh ly khổ đắc lạc. Phương pháp nào giúp đỡ chúng sanh? Điều này nên biết, chúng sanh khổ do đâu? Khổ do mê mà có. Trong mê quan trọng nhất là không biết Phật. Phật là gì? Ở trước chúng ta có học đến Phật là trí huệ cứu cánh viên mãn, Phật là phước báo cứu cánh viên mãn. Không biết Phật, hay nói cách khác trí huệ không có, phước báo không có, đáng thương, phải chịu khổ! Vì thế chúng ta phải giúp họ biết về Phật.

Suốt đời Đức Thế Tôn làm công việc này, giúp chúng sanh phá mê khai ngộ. Mỗi ngày giảng kinh thuyết pháp dụng ý ở đâu? Những việc Đức Thế Tôn làm trong đời là: “phá mê khai ngộ, đoạn nghi sanh tín”, không phải là hai câu này sao? Phật là ai? Phật là chính mình. Trong tự tánh mình vốn đầy đủ trí huệ bát nhã, đức tướng. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói rất rõ ràng, tất cả chúng sanh vốn có. Chính quý vị mê thất tự tánh nên không biết. Khi Phật chưa đến Trung Quốc, tổ tiên chúng ta biết, tổ tông không gọi danh từ Phật, mà gọi là “bổn tánh bổn thiện”.

Chư vị thử nghĩ coi, câu bản tánh bổn thiện này với trong Kinh Hoa Nghiêm nói tất cả chúng sanh đều có trí huệ đức tướng của Như Lai, phải chăng là một ý? Tôi cho rằng là cùng một ý nghĩa, vì thiện không phải thiện đối với ác, thiện đó là nói cứu cánh viên mãn, không có chút khiếm khuyết nào. Trong tự tánh chúng ta trí huệ viên mãn, đức năng viên mãn, tướng hảo viên mãn, không có gì không viên mãn, bổn thiện! Không có gì sai biệt với trong kinh đại thừa nói, chúng ta tường tận lãnh hội, nó khởi tác dụng.

“Tại thân dân, tại chỉ u chí thiện”, chỉ u chí thiện, thiện này là thiện đối với ác. Thân dân là gì? Ngày nay chúng ta nói xã hội hòa mục. Tất cả chúng sanh cùng tôn trọng nhau, cùng thương yêu nhau, cùng quan tâm nhau. Tương thân tương ái,

cùng hòa mục với nhau, đây là thân dân. Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, không có gì không thiện. Đó là hoàn toàn tương ứng với luân thường, đạo đức, nhân quả. Đây là chỗ nào? Đây không phải là thế giới Cực Lạc sao? Thế giới Cực Lạc, không phải chính là chỉ ư chí thiện sao? Chỉ ư chí thiện, ở thế giới Cực Lạc đã làm được. Trong biến pháp giới hư không giới, thế giới tây phương Cực Lạc chính là khu thí nghiệm nhỏ, nó đã làm ra. Chẳng những là cõi thật báo, đến cõi đồng cư, cõi phương tiện của nó đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát, không phải chỉ ư chí thiện sao? Những điều này rất ít người biết, họ không tiếp xúc đến Phật giáo.

Chúng ta ngày nay internet và truyền hình vệ tinh làm rồi, thật sự là việc tốt. Không có những công cụ này, chúng ta giảng kinh người nghe có được mấy người? Trong đời này tôi giảng kinh dạy học, nhân số thính chúng nhiều nhất trong giảng đường là trước đây ở Singapore. Giảng đường đó có thể ngồi 800 người, đây là hiện trường tôi giảng kinh nhân số nhiều nhất. Mấy mươi năm giảng kinh, hiện trường giảng đường không vượt qua 200 người, chỉ hơn 100 người, khi ít thì ba bốn mươi người. Nếu không phải internet quốc tế và truyền hình vệ tinh, ai biết được? Dùng công cụ này vượt ngoài dự tính của tôi, tôi cũng không biết ai làm, không biết. Internet rốt cuộc là người nào làm, đến bây giờ tôi cũng không biết.

Vệ tinh tôi biết là Trần Thái Quỳnh làm. Là một việc tốt, nhưng xưa nay chưa từng hỏi han, không liên quan đến tôi. Tôi không có nhân lực này, tôi cũng không có tài lực. Đây là người khác nghe thấy thích, họ đem nó khuếch đại ra, ngoài dự định của tôi. Ngày nay khoa học tiến bộ, giá cả máy móc những thiết bị này hạ thấp rất nhiều. Tôi nghe nói hiện nay muốn làm đài truyền hình vệ tinh này rất rẻ.

Thông thường làm xí nghiệp, họ có năng lực làm. Chính là không biết, nếu thật sự biết giáo dục thánh hiền, giáo dục Đức Phật, đem đến cho mọi người là trí huệ chân thật, phước báo cứu cánh viên mãn, ai không muốn làm? Mỗi người đều muốn làm. Tuyệt đối không để một mình Trần Thái Quỳnh làm. Phước báo, trí huệ đều bị một mình cô ta hưởng, những người khác đều biết làm. Thiếu sót chính là thiếu nhận thức, điều này chúng ta không thể không biết.

Người trẻ tuổi hiếu học nên đi con đường này, con đường này rất tốt. Trước đây thầy Phương Đông Mỹ giới thiệu cho tôi, hưởng thụ cao nhất của đời người, tôi không phụ lòng thầy. Đời này của tôi đích thực là sống hưởng thụ cao nhất của đời người, thầy hoan hỷ. Trước đây thầy đơn độc dạy tôi không hoài công, tôi đã làm được. Vì thế phải chuyên niệm Phật A Di Đà, phải nên biết tích tập thiện

căn, lấy đó để hồi hướng. Hồi hướng là đem tất cả công đức mà mình làm được, hồi hướng thực tế.

Hồi hướng thực tế là gì? Chính là hồi hướng tự tánh, dùng cách nói của triết học là hồi hướng bản thể, bản thể của vũ trụ vạn hữu. Hồi hướng bồ đề, chính là hồi hướng tới chỉ cầu trí huệ, ngoài điều này ra tôi không cầu gì cả. Thứ ba là hồi hướng chúng sanh, hy vọng tất cả chúng sanh nghe được Phật pháp, mỗi người đều có thể giác ngộ, đều có thể đoạn ác tu thiện, đều có thể nâng cao cảnh giới chính mình, đều có thể sống cuộc đời viên mãn hạnh phúc nhất. Thầy Phương nói hưởng thụ cao nhất của đời người. Đáng để học, đáng để chúng ta hành trì. Làm ra thành tích mọi người đều biết, không làm ra thành tích mọi người không biết, không nhận thức được còn nói chúng ta mê tín.

Học Phật sao lại mê như vậy? Sau ba bốn mươi tuổi gặp mặt họ mới giác ngộ. Khi giác ngộ họ liền tán thán, còn nói anh đi con đường này đúng, thật đã đúng!

“Dĩ thị thắng nhân, tất đắc diệu quả. Cố vân, do thử kiến Phật, sanh bỉ quốc trung, đắc bất thoái chuyển, nữ chí vô thượng bồ đề”. Đời này đến thế giới Cực Lạc liền đắc bất thoái chuyển, đây là Phật pháp nói ba loại bất thoái. Thứ nhất là vị bất thoái, chúng ta nhất định không thoái chuyển vào trong lục đạo, tuyệt đối không thoái vào trong mười pháp giới, đây thật sự là bất thoái. Thứ hai, quý vị sẽ không thoái vào trong tiểu thừa, cũng chính là nói chúng ta không sợ khó khăn khổ. Có tinh thần đại vô úy, có thể đột phá tất cả chướng ngại. Thứ ba, mỗi niệm đều hướng đến vô thượng bồ đề tuyệt đối không thoái chuyển. Đời này nhất định thành vô thượng đạo. Sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc, ba loại bất thoái này đều đạt được.

“Bốn giải”, đây là Hoàng Niệm Tổ viết chú giải này. *“Sùng thượng tha Phật”*, tha Phật là gì? Phật A Di Đà. Trong nhà Phật hoặc là có người nghi hoặc, *“hữu muội tâm tông”*, tâm tông là minh tâm kiến tánh. Chỉ cầu vãng sanh Tịnh độ, quý vị không thể minh tâm kiến tánh. Minh tâm kiến tánh mới có thể thành Phật. Sanh về tây phương, theo Phật A Di Đà học tập, không thể minh tâm kiến tánh vẫn là vô dụng. Có nghi hoặc này chăng? Có mà còn rất nhiều. Cổ kim trong ngoài đều không tránh khỏi, vấn đề này nhất định phải làm rõ. Vì sao vậy? Vì không làm rõ, chướng ngại tâm của mọi người. Nói rõ ràng minh bạch, đoạn nghi sanh tín. Ở đây Hoàng Niệm Tổ nói: *“tu dẫn tam luận”*, có ba đoạn luận có thể làm chứng minh.

Bên dưới luận thứ nhất Yếu Giải của Linh Phong đại sư nói_đây là Ngẫu Ích đại sư_trong Di Đà Kinh Yếu Giải ngài nói giả thiết một câu vấn đáp. “*Vấn, Phật ký tâm tác tâm thị. Hà bất cánh ngôn tự Phật, nhi tất dĩ tha Phật vi thắng, hà dã?*”. Đây là nguyên nhân gì? Đã là tự tánh thị Phật “*thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật*” vì sao không khởi tự Phật mà đi dùng tha Phật?

Ở đây Ngẫu Ích đại sư đáp rất hay: “*Thử chi pháp môn, toàn tại liễu tha tức Phật*”, đây là thật, liễu là thật sự thông đạt thấu triệt, Phật A Di Đà tức là chính mình. Trung Phong thiền sư, người thời nhà Nguyên. Quý vị thấy ngài biên tập Tam Thời Hệ Niệm Pháp sự, trong đó có một đoạn khai thị nói rất rõ ràng: “*Tâm tôi tức là Phật A Di Đà, Phật A Di Đà tức là tâm tôi*”, tự tha không hai. “*Nơi đây tức là Tịnh độ, Tịnh độ tức là nơi đây*”, đây là vị đại đức của Thiền tông nói. Ngài thật đã thông mới có thể nói ra được lời này. Nếu ngài không thật sự thông triệt, thật sự kiến tánh, không nói ra được như vậy.

Bên dưới ngài phân tích nói: “*nhược hựu ngôn tha Phật*”, hựu là hựu ky, không muốn nói tha Phật. “*Tắc thị tha kiến vị vọng*”, bốn tướng trong Kinh Kim Cang chưa phá, quý vị còn có tự có tha. Tự là ngã tướng, tha là nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng quý vị chưa phá. “*Nhược thiên trọng tự Phật, khước thành Phật ngã kiến điên đảo*”, hay nói cách khác tâm quý vị không thanh tịnh, quý vị là tâm luân hồi, không phải chánh tri chánh kiến.

“*Hựu tất đàn tứ ích, hậu tam ích sự bất qua khởi*”, đây là tứ tất đàn mà trong đại thừa kinh điển nói. Đàn là bồ thí, tất là bồ thí tất cả, bồ thí viên mãn, Bồ Tát tu bốn loại này. Điều thứ nhất của tứ tất đàn là: “*thế giới tất đàn*”, khiến tất cả chúng sanh được hoan hỷ lợi ích. Thế giới tất đàn là gì? Di Lạc Bồ Tát biểu diễn, đó chính là thế giới tất đàn. Khiến tất cả chúng sanh tâm hoan hỷ, bồ thí hoan hỷ. Vì thế điều thứ nhất của tứ tất đàn. Thứ nhất là qua khởi, không có nhân duyên gì, đó chính là tâm hoan hỷ. Sau khi khế nhập Phật pháp, tâm đầy hoan hỷ. Đức Phật thường nói pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ. Tâm hoan hỷ này không phải do duyên bên ngoài dẫn đến mà từ nội tâm phát ra, Khổng Tử có.

Trong Luận Ngữ có câu: “*học nhi thời tập chi bất diệc duyệt hồ*”, ý này là làm được tất cả những gì mình đã học tập, đã làm được, đã thực hành. Thực hành trong cuộc sống, thực hành trong công việc, thực hành trong xử sự đối nhân tiếp vật, quý vị đều lòng đầy hoan hỷ. Hỷ duyệt này từ trong nội tâm phát ra, không phải bên ngoài. Lạc là do duyên bên ngoài đến, duyệt là từ nội tâm tự phát. Vì thế điều thứ nhất này thế giới tất đàn là từ nội tâm tự phát.

Thứ hai “*vi nhân*”, đây chính là có duyên, không phải qua khỏi. Nhìn thấy người khác có khổ nạn đây là duyên, quý vị tự nhiên sẽ toàn tâm toàn lực đi giúp họ. Giúp họ ly khổ đắc lạc, đây là sanh thiện ích. Bồ Tát thấy tất cả chúng sanh, chúng sanh nào không có tai họa? Tai họa từ đâu đến? Do mê thất tự tánh mà có, trí huệ đức năng trong tự tánh hoàn toàn mất đi. Sống trong lục đạo, người làm chủ là ai? Là phiền não, là tập khí. Quý vị xem tập khí phiền não cho là tâm mình, quý vị đo lường tất cả sự vật đều là dùng tập khí phiền não, như vậy là sai hoàn toàn.

Cho nên quý vị sanh khởi thất tình ngũ dục, quý vị sẽ sanh khởi ý niệm này, trái ngược với tự tánh 180 độ. Tự tánh là thành Phật đảo ngược lại là tam đồ địa ngục, quý vị đi là con đường này, tự mình hoàn toàn không biết. Vì thế Bồ Tát biết chúng sanh khổ, Phật biết chúng sanh khổ. 49 năm vì mọi người giảng kinh thuyết pháp, đây là cứu tất cả chúng sanh, khiến tất cả chúng sanh ngay trong đời này, đạt được lợi ích chân thật. Phật pháp là lợi ích chân thật, quý vị cự tuyệt không tiếp thu là tự mình không có phước báo, là tự mình có nghiệp chướng sâu nặng, đương nhiên việc này không dễ.

Chúng tôi tự mình thật sự có nghiệp chướng sâu nặng. Khi chúng tôi còn trẻ, đều cho rằng đây là mê tín. Không những cho rằng Phật giáo mê tín, đến truyền thống văn hóa chúng tôi đều cho rằng nó lạc hậu, không thích ứng thời hiện đại này. Trong thời đại này truyền thống văn hóa không khởi tác dụng nên hoàn toàn vứt bỏ nó. Chúng ta bị ảnh hưởng tư tưởng học thuật này, hoàn toàn đưa chúng ta hướng đến phương hướng sai lầm, chúng ta còn tự cho rằng rất đặc ý. Đáng sợ biết chừng nào, bi thảm biết bao nhiêu. Tạo thành hiện tượng xã hội ngày nay, chúng ta tận mắt chứng kiến.

Cho nên tôi cảm ân thầy Phương Đông Mỹ. Nếu không gặp được thầy thì đời này tôi sai đến cùng. Vì sao vậy? Căn bản không đụng đến Phật pháp, không có ý tiếp xúc nó. Huống gì quý vị tiếp xúc những người xuất gia, họ nói không ra được đạo lý, chỉ vài vấn đề đã làm khó được họ. Làm khó được chúng ta ha hả cười, cho rằng chúng ta là đúng, quý vị nghĩ xem có hư hỏng hay không? Biện của chúng ta đa phần là cưỡng từ đoạt lý, sai lầm, đến truyền thống văn hóa cũng nhận thức sai, thầy Phương cố công khuyên bảo, đem những vấn đề này giải quyết cho chúng ta, chúng ta lại một lần nữa nhận thức truyền thống văn hóa.

Ví như y dược, tôi có một lần thương phong cảm hàn, tuần đó tôi không giám đến nhà thầy, thiếu một bài học. Tuần sau gặp lại thầy nói cảm mạo bây giờ đã

lành, thầy nói y học Trung Quốc có 5000 năm lịch sử, tây y 300 năm. Tin 5000 năm hay là tin 300 năm? Hỏi tôi vấn đề như vậy. 5000 năm lịch sử rất lâu, nó cứ mãi truyền về sau đương nhiên có đạo lý. 300 năm cũng có căn cứ khoa học, cũng không thể phủ nhận. Thầy Lý nói với tôi tây y vào đệ nhị thế chiến phát minh ra thuốc kháng sinh, cứu được mạng của tây y. Nếu không phát minh thuốc kháng sinh, tây y đã tiêu. Thuốc kháng sinh có phải là thuốc vạn linh? Không phải, nó có tác dụng phụ. Nên nói với tôi trung y là tốt nhất định, phải tin tưởng nó. 5000 năm nay, lịch đại tổ tông đều dựa vào nó để bảo vệ sức khỏe. Tây y trong ngày nay mà nói, công hiến lớn nhất của nó chính là kiểm tra. Kiểm tra của nó rất hay, dùng máy móc khoa học giúp chúng ta hiểu rõ mọi thứ, nhưng trị liệu nhất định phải dựa vào trung y. Chỉ có lớp người lớn họ hiểu được, họ mới nói cho chúng ta đạo lý này. Vì thế trong quan niệm của họ dùng tây y kiểm tra, dùng trung y trị liệu. Những người này đều đã ra đi không còn, không còn người nói ra đạo lý này nữa. Bây giờ thời đại này của chúng ta, bất luận đức hạnh hay học vấn so với đời trước kém quá xa. Đời trước là từ nhỏ bắt đầu học từ gốc, chúng ta là học từ giữa đường, đây là một tai họa.

Truyền thống, Phật pháp làm sao để phục hưng? Nhất định phải cắm rễ từ nhỏ. Bây giờ chúng ta nghĩ ra một phương pháp, nếu có cơ hội này mở một trường học. Nghĩa là từ mẫu giáo học đến nghiên cứu sở, cách nghĩ của tôi là giữa chừng không chiêu sinh. Mỗi năm chỉ chiêu sinh học sinh mẫu giáo, lớp lá, lớp mầm và lớp chồi đều có thể chiêu. Mỗi năm đều chiêu, không chiêu sinh tiểu học. Kết thúc lớp lớn tiểu học lên lớp một chúng tôi sẽ tổ chức lớp một, lên lớp hai chúng tôi sẽ tổ chức lớp hai. Một năm tăng thêm một lớp, 12 năm sau liền đã trở thành đại học. Vì thế trường này không có lớp học sinh xen vào giữa chừng, đều từ nhỏ bồi dưỡng lên, họ không bị bên ngoài ô nhiễm. Giáo dục thánh hiền, tôi muốn dùng phương pháp này, có thể từ nguồn gốc bồi dưỡng nên, như vậy mới có hiệu quả, đem truyền thống văn hóa bảo tồn lại mà còn có thể phát triển rộng rãi.

Ngoài phương pháp này tôi nghĩ không ra phương pháp thứ hai. Nhất định từ mẫu giáo dạy họ thuộc cổ văn cổ thư, điển tịch của các bậc thánh hiền. Lão Tử, Trang Tử và trong Kinh Phật chọn vài bộ, tất cả đều phải thuộc. Trẻ con thuộc rất nhanh, học thuộc lòng đến 12 tuổi lên trung học. Tiểu học tốt nghiệp lên trung học, trung học là có thể giảng giải. Dùng phương pháp này, trung học là sáu năm giảng giải học tập. Khi đến đại học chính là nhất môn thâm nhập trường thời huân tu, chỉ chuyên nghiên cứu một môn. Đại học lên lớp không phải thầy giảng cho

họ nghe, trung học là thầy giáo giảng họ nghe, đến đại học là họ nói cho thầy nghe, họ nói cho đồng học nghe.

Đại học lên lớp, trên bục giảng học sinh lên bục giảng, thầy ngồi ở bàn sau cùng, vì sao ngồi bàn sau cùng? Âm thanh quý vị không cần dùng máy khuếch âm, hàng sau cùng có thể nghe được, xem như âm thanh của quý vị đạt tiêu chuẩn, tôi ở sau nghe không rõ là chưa đạt, đây là phương pháp có hiệu quả. Xem xem nếu có nhân duyên này chúng ta sẽ thành lập trường học. Thầy giáo của trường này, thầy dạy học sinh chính là bảo mẫu. Ví dụ thầy chủ nhiệm lớp này từ mẫu giáo dạy họ đến nghiên cứu sở, một đời của quý vị chính là sự nghiệp này, quan tâm học sinh lớp này. Đương nhiên học sinh dần dần lớn lên sẽ đào thải, ngày càng ít, sau cùng có thể chỉ còn hai ba người, như vậy tất cả đều thành tựu, thành thánh thành hiền!

Thánh hiền quân tử là dùng phương pháp này tạo thành, thí nghiệm này chúng ta nhất định phải làm. Thật sự có nhận thức này, chí đồng đạo hợp. Ý tưởng này của chúng ta, nếu có tài lực nhân lực, lập tức có thể làm. Học trò tôi tin tưởng rất nhiều, mỗi gia trưởng đều hy vọng con cái thành nhân. Bây giờ trường học họ cũng sợ, sợ ô nhiễm, sợ học hư. Trường học nối tiếp này có bảo đảm. Hôm nay hết giờ rồi, tứ tất đàn vẫn chưa giảng xong.

Tập 409

Chuyên ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 12.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 510, hàng thứ ba, bắt đầu xem từ câu thứ ba.

“Hựu tất đàn tứ ích, hậu tam ích sự bất qua khởi, thắng bất tòng thế giới thâm phát khánh tín, tắc hân yểm nhị ích thượng bất năng sanh, hà hướng ngộ nhập lý Phật”.

Ngẫu Ích đại sư, trong Yếu Giải giả thiết một vấn đề, giải quyết nghi hoặc của vài người. Pháp môn niệm Phật này hoàn toàn tôn sùng Phật A Di Đà, chính là tha Phật. Có người nghi hoặc có phải là có muội tâm tông? Vì tôn chỉ tu học của đại thừa chính là minh tâm kiến tánh. Minh tâm kiến tánh có phát sanh xung đột với sự sùng kính Phật A Di Đà chăng? Hoàng Niệm Tổ ở đây dẫn chứng, khai thị của ba vị tổ sư đã chứng minh được điều này.

Đoạn này là Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư, trong Yếu Giải nói đến điều này. *“Vấn, Phật ký tâm tác tâm thị, hà bất cánh ngôn tự Phật, nhi tất dĩ tha Phật vi thắng, hà dã?”* Tại sao? *“Đáp, thử chi pháp môn, toàn tại liễu tha tức Phật”*. Câu này vô cùng quan trọng, tự tha không hai, tự tha là một. Tự là tự mình, tha là Phật A Di Đà. Tự mình và Phật A Di Đà đích thực là nhất thể, xác thực là nhất thể.

“Nhược hựu ngôn tha Phật, tắc thị tha kiến vị vọng. Nhược thiên trọng tự Phật, khước thành ngã kiến điên đảo”. Bài trước chúng ta đã học đến đây. *“Hựu tứ tất đàn”* Ngẫu Ích đại sư đưa ra ví dụ tứ tất đàn để nói. *Tứ tất đàn*, thứ nhất là *“thế giới tất đàn”*, khiến tất cả chúng sanh sanh lợi ích hoan hỷ. Ý này chính là nói đệ tử Phật, người học Phật ở mọi lúc mọi nơi nên học Bồ Tát Di Lạc, vì sao vậy? Vì hai chữ *“tất đàn”* này chính là bố thí. *“Đàn”* là bố thí, *“tất”* là bố thí phổ biến. Mọi lúc mọi nơi không phân biệt, không chấp trước, bình đẳng phổ biến bố thí. Thứ nhất là bố thí hoan hỷ, vì thế đối nhân đối sự đối vật phải dùng tâm hoan hỷ để tiếp đãi, vì sao vậy? Vì tự tha là một không phải hai, lợi ích tha chính là lợi ích chính mình. Họ hoan hỷ, mình hoan hỷ, mình hoan hỷ, họ cũng hoan hỷ, đây là điều thứ nhất.

Điều thứ hai *“vị nhất tất đàn”* dùng lời của chủ tịch Mao để nói là: toàn tâm toàn ý vì người phục vụ. Trong Phật pháp đại thừa phạm vi vô cùng rộng lớn, Ngài không nói vì nhân dân, ngài nói là vì chúng sanh. Trong chúng sanh bao gồm nhân dân, trong nhân dân không bao gồm chúng sanh, phạm vi của chúng sanh rất lớn. Chúng duyên hòa hợp mà sanh khởi nên gọi là chúng sanh. Thật ra Chư Phật Như Lai, chư đại Bồ Tát không gì không vì tất cả chúng sanh khắp biến pháp giới hư không giới, sanh thiện ích. Làm sao để giúp họ ly khổ đắc lạc. *“Vi nhân”*, chính là giúp họ đắc lạc, niệm niệm không quên! Từng thời từng khắc nhìn thấy chúng sanh khổ nạn phải giúp họ giải quyết.

Đệ tam tứ tất đàn là đối trị, đối trị là bạt khổ. Vì người là dữ lạc, trong kinh Phật nói từ bi. *“Từ”* là dữ lạc, *“bi”* là bạt khổ. Chúng sanh có khổ, nhất định phải giúp họ giải quyết. Hiện nay thế giới này, diễn biến đến tình trạng như ngày nay,

có thể nói là khổ đến cực điểm. Chúng ta bình tĩnh quan sát, rút cuộc nguyên nhân gì xảy ra vấn đề? Quan sát tường tận, suy nghĩ và nhận xét của chúng ta đã sai lầm.

Từ xưa, ở Trung Quốc thường nói 5000 năm nay. 5000 năm này là có lịch sử ghi chép, hoàng đế phát minh văn tự. Từ hoàng đế đến chúng ta hiện nay đã bốn ngàn, năm ngàn năm. Trên hoàng đế là thần nông 500 năm, trên nữa là Phục Hy cũng 500 năm. 500 năm này tuy không có văn tự nhưng đã có dấu tích văn tự nguyên thủy. Phục Hy vẽ bát quái, có thể nói là bắt đầu của văn tự. Phục Hy đến hoàng đế 1000 năm. Truyền thống văn hóa xưa, trước đây tôi đã báo cáo với quý vị, nhất định không ít hơn Ấn Độ.

Tôn giáo Bà la môn của Ấn độ. Họ nói với tôi lịch sử của họ ít nhất là một vạn ba ngàn năm. Họ không có văn tự ghi chép, đòi đòi tương truyền. Tôi tin rằng, tôi tin đất nước chúng ta kiểu văn minh dây chuyền này, ít nhất cũng một vạn ba ngàn năm, không ít hơn họ. Truyền miệng, có truyền sai chăng? Cổ nhân có trí huệ, tuyệt đối không thua chúng ta, họ dùng ngôn từ đơn giản nhất, thứ tinh hoa nhất. Cương lĩnh chung của văn hóa xưa, không ngoài bốn khoa mục, sẽ không truyền sai, truyền mười vạn năm cũng không truyền sai.

Thứ nhất là ngũ luân, 20 chữ: “phụ tử hữu thân, phu phụ hữu biệt, quân thần hữu nghĩa, trưởng ấu hữu tự, bằng hữu hữu tín”. Quý vị nghĩ xem có thể truyền sai chăng? Không thể, truyền mười vạn năm cũng không truyền sai. Thứ hai là ngũ thường, chỉ có năm chữ “nhân nghĩa lễ trí tín”, quên được sao? Không thể. Thứ ba là tứ duy, bốn chữ “lễ nghĩa liêm sĩ”. Thứ tư là bát đức, tám chữ: “hiếu đê trung tín nhân ái hòa bình”, có thể truyền sai chăng? Không thể. Đòi này truyền qua đòi khác, người người đều tuân thủ. Mỗi chữ đều hiện thực, mỗi chữ đều để trong lòng, không giám làm trái. Vì thế ngàn vạn năm nay, mảnh đất này, dân tộc này trị an lâu dài. Phát triển đến thời nhà Thanh.

Quý vị xem Càn Long biên tập Tứ Khố Toàn Thư, văn hiến lớn lao đó không rời bốn cương lĩnh này. Quý vị cầm lên bất luận bộ sách nào, tỷ mỹ quan sát nhất định phù hợp với tiêu chuẩn này. Bốn khoa này bao gồm tất cả truyền thống văn hóa, cho dù Phật giáo từ bên ngoài đến cũng không ngoại lệ, cũng không trái với tiêu chuẩn này. Khổng Phu Tử đem những khẩu truyền thời cổ đại, dùng văn tự ghi chép lại truyền cho hậu thế, cho nên Phu Tử là người tập đại thành. Hậu nhân

chúng ta gọi ông là Đại Thành Chí Thánh Tiên Sư, cũng là nói ông đem những gì cổ nhân truyền lại viết thành văn tự.

Tôi tin rằng rất nhiều lời trong Luận Ngữ, không phải Khổng Tử tự nói. Tuy là “tự viết”, nhưng đều là lời các bậc cổ thánh hiền truyền lại. Khổng Tử đem nó viết thành văn tự. Thái độ cầu học một đời của Phu Tử, ông nói rất rõ ràng, tôi tin rằng ông không gạt người. Ông nói suốt đời ông “thuật nhi bất tác, tín nhi háo cổ”, đáng cho chúng ta noi theo. Suốt đời của Khổng Tử không sáng tạo, không có phát minh. Chứng minh ngài là gì? Ngài là người chân thật, quy cũ chân thật. Sở học, sở tu, sở giáo, sở truyền của ông, ông nói toàn là lời của các thánh hiền, không có của mình, điều này rất thật thà trung hậu.

“Tín nhi háo cổ”, ông đối với lời dạy dỗ của thánh hiền không hề hoài nghi, tinh tấn nỗ lực học tập. Dem nó thực hành trong sinh hoạt, trong công việc, trong xử sự tiếp nhân đãi vật, đây là thánh nhân. Bốn khoa này, ông thật sự đã làm được, một chữ cũng không làm trái, còn tận lực làm nó một cách viên mãn, làm thành một tấm gương tốt.

Trong Hoàn Nguyên Quán nói: “oai nghi hữ tắc”, chính là làm gương cho đại chúng trong xã hội. Khổng Tử làm được, Mạnh Tử làm được. Truyền đến ngày nay, khoa học kỹ thuật đã phát đạt. Chẳng qua đây là việc của 300 năm trước. Mọi người tin khoa học, khoa học phải đem bằng chứng đến, không có bằng chứng thì không tin. Cổ thánh tiên hiền là truyền thuyết, không có bằng chứng, cho nên không tin, nhất định phải có chứng cứ. Vì thế chúng ta học rồi lại hoài nghi, đối với điều gì cũng hoài nghi, hoài nghi này phiền phức rất lớn. Đối với sự cung kính trước đây của cổ thánh tiên hiền, tâm cung kính đã suy yếu. Thậm chí đến nay hoàn toàn không tin, tùy ý phê bình, hủy báng, những thứ của cổ nhân đều không cần. Không cần “hiếu để trung tín”, không cần “lễ nghĩa liêm sỉ”, “nhân ái hòa bình” cũng không cần. Tôn sùng điều gì? Tôn sùng tự tư tự lợi, tôn sùng danh văn lợi dưỡng. Phát dương đến ngày nay, tôn sùng bạo lực sắc tình, sát đạo dâm vọng, thế giới này đã loạn. Mọi người cũng biết không những thế giới đã loạn, địa cầu cũng xảy ra sự cố, tai biến dị thường.

Trên địa cầu những thiên tai biến hóa này từ đâu đến? Họ luôn đi tìm nguyên nhân trong khoa học. Khoa học tìm nguyên nhân từ trong vật lý, tìm không được, không thể giải quyết. Cổ thánh hiền tìm nguyên nhân ở đâu? Họ từ trong tâm, tìm ra nguyên nhân. Cổ nhân cho rằng sơn hà đại địa, thiên địa quỷ thần với nhân tâm

thiện ác có liên quan mật thiết. Nhân tâm thiện thì chẳng có gì không thiện, nhân tâm bất thiện thì chẳng có gì là thiện. Những điều này khoa học tìm không ra chứng cứ, cho nên tôn sùng vật chất, đem tâm lý hủy diệt.

Thật hiếm có, các nhà vật lý cận đại, đặc biệt là các nhà lượng tử vật lý học, phát hiện lượng tử, đây là vật chất nhỏ nhất. Đại khái như trong kinh Phật nói là cực vi chi vi, dùng kính hiển vi quan sát được. Đây là gì? Tìm vật chất rốt cuộc là gì? Đây là việc 30 năm gần đây, nhà vật lý học đầu tiên đưa ra báo cáo này là Phổ Lãng Khắc nhà lượng tử vật lý học người Đức, thầy của Ái Nhân Tư Thân. Căn cứ nghiên cứu kết luận của ông, ông nói trên thế giới này căn bản không có vật chất, vật chất không phải thật. Nền tảng của vật chất là ý niệm, chúng ta nói là ý niệm. Cách nói này hoàn toàn tương đồng với trong kinh đại thừa nói. Kinh điển đại thừa nói nguyên khởi của vũ trụ, nói A lại da. Nghiệp tướng của A lại da, giới khoa học nói là năng lượng. Chuyển tướng của A lại da, giới khoa học gọi là tin tức, cũng chính là ý niệm. Vì thế đức Phật nói tất cả pháp từ tâm tướng sanh, vật chất là từ tâm tướng sanh ra. Vì có tâm tướng, nó mới có vật chất.

Nếu chúng ta dùng tứ phần của A lại da để giải thích sẽ rất rõ ràng. Năng lượng là tự chứng phần của A lại da. Hiện tượng tâm lý, ý niệm là kiến phần của A lại da. Hiện tượng vật chất là tướng phần của A lại da, đây không phải là ba phần của A lại da sao? Hay quý vị nói nghiệp tướng, chuyển tướng, cảnh giới tướng của A lại da cũng được. Các nhà khoa học phát hiện điều này, đối với các người học Phật như chúng ta là một việc tốt, vì chúng ta đối với A lại da không hiểu rõ, luôn hoài nghi. Các nhà khoa học chứng minh điều này, chúng ta tin hiện tượng vật chất là từ ý niệm sanh ra, nên bản chất của vật chất là ý niệm. Ý niệm chúng ta đương nhiên ảnh hưởng hiện tượng vật chất.

Thí nghiệm nước của tiến sĩ Giang Bồn người Nhật, đã nói rõ một phần đạo lý này. Vì thế chúng ta khởi tâm động niệm, không những ảnh hưởng hữu tình chúng sanh, đồng thời ảnh hưởng gì? Ảnh hưởng cây cỏ hoa lá, sơn hà đại địa. Ý niệm chúng ta thiện thì tất cả đều thiện.

Chúng tôi mười năm lại đây trồng trọt rau quả, những kinh nghiệm này nói rõ cây cỏ hoa lá có linh tánh, có thể câu thông với chúng ta. Chúng tôi thiện tâm thiện ý đối đãi nó, quan tâm nó, tôn trọng nó. Chúng tôi gọi cây cỏ hoa lá là chúng linh Bồ Tát. Chúng tôi gọi sơn hà đại địa là vi trần Bồ Tát, tôn trọng nó.

Chúng tôi trồng những rau quả này, sinh trưởng rất tốt, không cần dùng thuốc sâu, không cần dùng phân bón. Chúng tôi ở Âu Châu thí nghiệm mười năm rồi, mỗi năm thu hoạch rất nhiều. Chúng tôi trồng cây ăn quả có hơn 30 loại, chúng tôi câu thông với chim chóc, chỉ định mấy gốc cây cung cấp cho những chim chóc Bồ Tát này, không chỉ định chúng tuyệt đối không ăn. Chúng rất giữ chữ tín, vì thế chim chóc, sâu bọ, cây cỏ hoa lá ở đây đều có linh tánh, tất cả đều có thể câu thông.

Ý niệm chúng ta bất thiện đối với nó sẽ mang đến tai họa. Vì thế khiến chúng ta nghĩ đến trong Kinh Lăng Nghiêm Đức Thế Tôn nói tham lam của chúng ta, ý niệm này chiêu cảm lấy thủy tai, thủy tai từ đâu đến? Tham lam. Hỏa tai, núi lửa bộc phát, nhiệt độ địa cầu tăng cao là sân nhuế chiêu cảm, sân giận quá nhiều. Phong tai, ngu si chiêu cảm ra. Ngạo mạn chiêu cảm lấy động đất. Ngu si càng đáng sợ, si là phong tai. Ở sau còn có nghi, sau tham sân si còn có ngạo mạn, hoài nghi. Ngạo mạn là động đất, nghi khiến cho sơn hà đại địa rời rạc, không kiên cố. Núi sẽ sập xuống, đại địa chìm xuống đáy biển, chúng có liên quan đến ý niệm. Điều này được các nhà khoa học thời cận đại phát hiện, nó giống với Phật pháp nói. Như vậy Phật pháp nói không phải mê tín, có thể giải quyết vấn đề chẳng? Có thể. Chỉ cần chúng ta đoạn tận tham sân si mạn nghi, thế gian này tất cả những thiên tai trên địa cầu đều không có. Cho nên hiện nay chúng ta đã biết, không có gì gọi là thiên tai tự nhiên, không phải, tất cả đều do lòng người chiêu cảm ra.

Ngày nay chúng ta hoài nghi đối với giáo huấn thánh hiền, hoài nghi truyền thống văn hóa, hoài nghi chư Phật Bồ Tát, hoài nghi tôn giáo. Thậm chí đối với cha mẹ cũng hoài nghi, vợ chồng nghi ngờ nhau, thế gian này không có gì đáng tin. Thậm chí hoài nghi cả chính mình, niệm trước và niệm sau không giống nhau. Núi sẽ đổ xuống, đất sẽ chìm sâu, năng lực miễn dịch của mình hoàn toàn không có. Những bệnh tật đơn giản thường bị cảm nhiễm, đây là nguyên nhân gì? Chính là hoài nghi. Vì thế thánh giáo, giáo huấn của thánh nhân trong thế xuất thế gian, điều đầu tiên là nói về tín, “tín vi đạo nguyên công đức mẫu”, khi tin điều đầu tiên là tin chính mình.

Trong Yếu Giải Ngẫu Ích đại sư nói về tín nguyện hạnh. Tín nói đến sáu điều, điều đầu tiên là tin chính mình. Thứ hai mới là tin Đức Thế Tôn, tin Phật A Di Đà. Thứ ba là tin lý, tin sự, tin nhân, tin quả. Ngày nay những thứ này rất hữu dụng,

chúng ta lại không cần, hoài nghi nên không cần. Dùng phương pháp vật lý để giải quyết, phương pháp vật lý giải quyết không được, đến cuối cùng thế giới này nổ tung.

Các nhà khoa học đều biết, năm sáu vạn năm về trước trên địa cầu khoa học kỹ thuật vô cùng phát đạt, có A Đặc Lan Đề Tư, nguồn năng lượng của họ lấy từ thái không, không có ô nhiễm. Khoa học tiên bộ, cũng là không tin tưởng đối với truyền thống, không tin tưởng các bậc thánh hiền, không tin đối với tôn giáo, sau cùng mảnh đất này chìm sâu vào lòng đất. Điều này phương tây rất nhiều người biết.

Trong tứ tất đàn nói: “vị nhân tất đàn, đối trị tất đàn”. Kinh điển đại thừa và các nhà khoa học hiện nay có thể tương ứng. Trong kinh Phật thường nói tất cả pháp từ tâm tướng sanh. Ngày nay khoa học đã chứng minh, tất cả pháp đích thực từ tâm tướng sanh. Hay nói cách khác, thế giới Cực Lạc là tâm tướng sanh, thuần tịnh thuần thiện. Vô gián địa ngục là tâm tướng sanh, bất thiện nhiễm ô đến tột cùng, cảnh giới đó sẽ hiện tiền.

Thê, thê là tự tánh, thế giới Cực Lạc là tự tánh biến ra, địa ngục A tỳ cũng là tự tánh biến. Tự tánh là lý thê của vạn vật, tùy theo ý niệm chúng ta mà sanh ra biến hóa. Trong giáo lý đại thừa thường nói: “tâm hiện thức biến”, “thức” chính là phân biệt chấp trước. Xem chúng ta động ý niệm gì, nó liền hiện cảnh giới đó. Vì thế tam ích sau tứ tất đàn là sự bất qua khởi.

Thứ tư là “đệ nhất nghĩa”, điều thứ tư của tứ tất đàn là đệ nhất nghĩa tất đàn. Lợi ích của nó là nhập lý ích, nhập lý chính là minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Ở đây đại sư nói: “*thường bất tùng thế giới thâm phát khánh tín*”, đây là hoan hỷ. “*Hân yểm, vi nhân thị hân, đối trị thị yểm*”, hai loại lợi ích này không thể sanh. Sau cùng là “*ngộ nhập Phật lý*” như vậy càng không làm được. Vì thế không có trí huệ sẽ không thể giải quyết vấn đề. Vật lý là trí thức, không phải trí huệ. Tâm lý là trí huệ, vật lý là trí thức.

Ở dưới nói: “*duy tức sự trì đạt lý trì*”, đây là nói trì danh niệm Phật. Bây giờ chúng ta niệm câu A Di Đà Phật này là sự trì, sự trì có thể thông đạt đến lý trì, vì sao vậy? Vì niệm thuần thực thấu suốt, không có hoài nghi, không xen tạp, chân tâm đã hiện tiền. Chân tâm là lý, chân tâm ly niệm, không có tạp niệm. Một câu Phật hiệu trì đến khi thuần tịnh, chân tâm liền hiện tiền, đó chính là lý trì. Ở trước chúng ta có nói đến, lý trì thật đáng nể. Lý trì niệm một câu Phật hiệu, sanh thế

giới tây phương Cực Lạc. Sanh đến đâu? Thượng phẩm thượng sanh. Đến thế giới Cực Lạc hoa khai kiến Phật.

Ở trước chư vị tổ sư nói thất địa Bồ Tát, quý vị xem một niệm này sao lại vào được thất địa? Về lý có thể nói được, về sự thì rất khó. Về lý hoàn toàn nói được, vấn đề là thật sự chân tâm niệm Phật, không có chút tạp niệm nào. Chân tâm là quên tất cả thị phi nhân ngã, quên hết tánh tướng nhân quả sự lý, thuần nhất chân tâm. Nhất niệm này liền được vãng sanh, trong kinh nói nhất niệm thập niệm. Ở trước chúng ta thấy được những chú giải này của Hoàng Niệm Tổ dẫn chứng những kinh luận này. Chúng ta tin tưởng, không hoài nghi.

Cho nên Di Đà thánh chúng hiện tiền, tức là bản tánh hiển lộ. Điều này chúng ta dần dần có thể lãnh hội được. Khi lâm chung thấy Phật A Di Đà còn có rất nhiều hóa Phật. Quý vị thấy thượng phẩm thượng sanh vô lượng hóa Phật. Thượng phẩm trung sanh có ngàn hóa Phật. Thượng phẩm hạ sanh có 500 hóa Phật. Quan Âm, Thế Chí chư đại Bồ Tát đều đến nghinh tiếp chúng ta. Cảnh giới này là tha hay là tự? Nếu ở đây nói tha hay tự đều sai, nói tha nói tự cảnh giới này sẽ không còn, sẽ không thấy được nữa, vì sao vậy? Vì ý niệm này vừa khởi là chúng ta đã mê, quý vị đang dùng vọng tâm, không dùng chân tâm. Trong chân tâm không có tha không có tự.

Trong đại thừa giáo thường nói như thế nào gọi là chân tâm? Chân tâm ly niệm, trong chân tâm không có ý niệm, có ý niệm chính là vọng tâm. Chúng ta niệm câu Phật hiệu này có niệm chãng? Có niệm. Có niệm, niệm là sự trì, niệm đến sau cùng quên đi hữu niệm, nhập vào lý niệm. Phật hiệu vẫn là niệm, hữu niệm vô niệm, phân biệt chấp trước này không còn, đây là nhập lý.

Sự niệm, vãng sanh tây phương Cực Lạc là cõi đồng cư và cõi phương tiện. Lý niệm biến thành cõi thật báo. Tứ độ tam bôi cửu phẩm, Thiên Đạo đại sư nói: “ở chỗ gặp duyên không giống nhau”. Câu này nói quá hay. Duyên tự mình thao túng, không phải người khác thao túng. Chúng ta hiểu được đạo lý này, trong sinh hoạt hằng ngày phải luyện công phu, luyện công phu gì? Luyện buông bỏ. Buông bỏ phân biệt, buông bỏ chấp trước, hạ thủ công phu từ chỗ này. Buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước, đến tập khí cũng phải buông bỏ. Việc này nói thì dễ, làm rất khó. Rất khó cũng phải làm, vì sao vậy? Vì tương lai khi lâm mạng chung ra đi được thông dong, được tự tại, không có chút chướng ngại nào.

Buông không được mới có oán thân trai chủ làm phiền, chướng ngại quý vị. Thật đã buông xả, oán thân trai chủ tìm không thấy quý vị. Oán thân trai chủ không phải tìm thân quý vị, họ tìm gì? Tìm linh hồn của quý vị. Có vọng tưởng phân biệt chấp trước, quý vị sẽ có linh hồn. Vọng tưởng phân biệt chấp trước không có, thì linh hồn cũng không có, oán thân trai chủ đi đâu để tìm? Không tìm thấy được. Linh hồn không có, biến thành gì? Biến thành linh tánh, linh tánh oán thân trai chủ không tìm được. Nó không tìm thấy tánh vì oán thân trai chủ cũng là giả, không phải thật.

Giả chỉ có thể duyên cái giả, duyên không được thật, quý vị hiểu được đạo lý này, nên làm giả không được, làm giả phiền phức rất lớn. Chúng ta nhất định phải học, phải hành trì. Nhất là trong thời đại này phải học thành kính khiêm hòa. Chân thành, chân thành chính là chân tâm. Dùng chân tâm xử sự đối nhân tiếp vật, người khác dùng hư tình giả ý không sao, tôi dùng chân tâm đối đãi người, vì sao vậy? Vì tôi muốn đến thế giới Cực Lạc, đến thế giới Cực Lạc không dùng tâm chân thành thì không đi được. Người ta dùng hư tình giả ý đối với tôi, họ trôi lăn trong luân hồi lục đạo, họ không muốn đến thế giới Cực Lạc. Chúng ta cũng dùng hư tình giả ý, thì phiền phức rất lớn, rốt cuộc chúng ta vẫn lăn quẩn trong luân hồi lục đạo, nhân duyên lần này lại bỏ lỡ. Phải luôn nắm bắt, gặp được nhân duyên không dễ, trăm ngàn vạn kiếp mới được một lần. Lần này bỏ lỡ lại trôi lăn thêm trăm ngàn vạn kiếp nữa, trăm ngàn vạn kiếp đó là luân hồi lục đạo. Vì thế thánh chúng đến nghinh tiếp, không thể nói là tự, cũng không thể nói là tha. Cũng có thể nói tự nói tha, tự mình cảm tự tánh ứng, cảm ứng đạo giao. Đây là thuộc hiện tượng tự nhiên, cảm ứng đạo giao. Chúng sanh có cảm, Phật Bồ Tát có ứng. Chư Phật Như Lai diệu giác quả vị, không có hình tướng. Họ ở thường tịch quang, thường tịch quang tồn tại mọi lúc mọi nơi. Vì thế chúng ta có cảm là chúng ta có tâm, họ ứng là vô tâm, họ không khởi tâm động niệm, tự nhiên mà ứng. Đây là bản năng tự tánh là đạo nguyện chư Phật Bồ Tát, họ có nguyện. Nguyện là duyên, bản năng là duyên, cảm của chúng ta cũng có duyên. Nhân duyên tụ hội, cảnh giới liền hiện tiền. Hiểu rõ ràng minh bạch sẽ không còn hoài nghi, xem việc này một cách nhẹ nhàng bình thường, cảnh giới không thể nghĩ bàn.

Nên Di Đà thánh chúng hiện tiền, tức là bản tánh hiển lộ. Hiện thị ra một cách rõ ràng minh bạch. “*Vãng sanh bỉ quốc, kiến Phật văn pháp, tức thị thành tựu huệ thân, bất do tha ngữ*”. Vì sao vậy? Vì trí huệ bát nhã là trong tự tánh vốn tự

đầy đủ, nó không phải từ bên ngoài đến. Đoạn tận chương ngại nó tự nhiên hiện tiền, đức năng tướng hảo cũng đều như vậy.

Nên nhớ trong Kinh Hoa Nghiêm Phật thổ lộ thông tin: tất cả chúng sanh bao gồm chúng ta trong đó đều có đức tướng trí huệ của Như Lai. Như Lai chính là nói tự tánh, trong tự tánh vốn đầy đủ trí huệ bát nhã, vạn đức vạn năng, vô tận tướng hảo. Trong tự tánh đầy đủ tất cả, từ đâu thấy được điều này? Từ biến pháp giới hư không giới, trên từ cõi báo của Chư Phật Như Lai, dưới đến địa ngục A tỳ, y chánh trang nghiêm toàn là tự tánh biến hiện. Đây chính là điều ngài Huệ Năng nói: “đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”. Đức Thế Tôn nói: “tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí huệ của Như Lai”. Hiền Thủ quốc sư nói: “xuất sanh vô tận”, đều là nói về vấn đề này.

Nhất định không thể rời chính mình, rời tự tánh của mình là không có gì cả, tất cả đều bất khả đắc. Rời ý niệm của mình duyên sẽ không còn. Tự tánh là nhân, nó phải có duyên. Có nhân có duyên hiện tượng liền hiện tiền, hiện tượng là quả. Vì thế thấy Phật quan trọng, nghe pháp quan trọng. Ngày nay chúng ta Phật không ở trước mắt, chúng ta cúng dường tượng Phật, hãy xem tượng Phật như Phật thật, ngài liền có cảm ứng, cảm ứng đến từ sự thành kính.

Ấn Quang đại sư nói: “một phần thành kính được một phần cảm ứng”, nó đến từ thành kính. Chỉ cần chân thành cung kính đối với tượng Phật, bất luận là tượng Phật vẽ hay là tượng Phật điêu khắc cũng không sao. Có tâm thành kính ngài liền khởi cảm ứng. Chúng ta biết rằng cúng dường tượng Phật là tượng trưng, đối với chúng ta khởi tác dụng, khiến chúng ta từng giờ từng phút đừng quên thành kính đối với Phật. Nhìn thấy Phật, tâm thành kính liền sanh khởi, như vậy liền có thể đạt được.

Học Phật mà đối Phật không thành kính, thì học gì cũng không thành tựu. Đại sư Ấn Quang nói rất hay: “một phần thành kính được một phần lợi ích, hai phần thánh kính được hai phần lợi ích, vạn phần thánh kính sẽ được vạn phần lợi ích”. Không có thành kính tự thân Phật đến dạy chúng ta, cũng không đạt được lợi ích, quý vị xem thành kính quan trọng biết bao.

Vấn đề hiện tại thì sao? Vấn đề hiện nay là không có thành kính. Không có tâm thành kính, đây là điều chúng ta thật sự lo lắng, làm sao để khôi phục tâm thành kính? Muốn khôi phục thành kính của con người không dễ. Thời đại chúng ta phải rất gian nan để biểu diễn làm điều này, biểu diễn cho ai xem? Đòi kể chúng

ta xem không hiểu, phải biểu diễn cho đời thứ ba, đời thứ tư xem. Đời thứ ba là cháu, đời thứ tư là chất. Chúng vừa sanh ra phải làm gương cho chúng học theo, điều này rất khó! Trẻ con không thể để nó tiếp xúc sự ô nhiễm, phải nuôi dưỡng chúng trong một hoàn cảnh tốt. Xã hội phương diện này rất dơ bẩn, mặt trái nhất định không để nó được thấy, không nên để chúng nghe được, không nên để chúng tiếp xúc đến. Đây chính là điều sáng hôm nay chúng tôi nói đến biện pháp trường học nối tiếp. Phương pháp trường học nối tiếp này chính là bảo vệ môi trường thật sự. Trong hoàn cảnh này bồi dưỡng huấn luyện chúng, có mười năm, hai mươi năm giáo dục, họ sẽ không thay đổi. Đời này có thể xuất hiện thánh nhân, thế gian này thánh hiền nhân xuất hiện là được cứu.

Phải tin rằng con người dạy rất tốt, thánh hiền cũng từ dạy mà ra. Phật Bồ Tát cũng dạy mà ra, nhất định phải có lòng tin này. Nếu chúng ta không phụng hiến hy sinh, làm ra một tấm gương tốt nhất, đời sau vĩnh viễn không tốt hơn được. Chúng ta không chịu làm điều này, đời sau coi như xong, họ sẽ khổ, rất khổ. Đó là tạo nghiệp thọ báo đến bao giờ xong mới?

“*Pháp môn thâm diệu*”, pháp môn này là chỉ cho pháp môn Tịnh độ. Thật là thâm thâm, thật là vi diệu. “*Phá tận nhất thiết hý luận*”, hý luận là những ngôn luận không thiết thực, đều gọi là hý luận. Trong này không có lợi ích chân thật. “*Trảm tận nhất thiết ý kiến*”, ý kiến này đều thuộc về phàm tình. Nó tương ứng với phiền não, không tương ứng với chân tánh. “Trảm tận”nghĩa là từ bỏ một cách sạch sẽ, ai có thể làm được? Duy chỉ có Mã Minh, Long Thọ, Trí Giả, Vĩnh Minh, chính là những nhân vật này. Họ có năng lực, có thể gánh vác triệt để việc này. Những người này đều là người minh tâm kiến tánh, đều là đại Bồ Tát. Đây không phải là tiểu Bồ Tát, là đại Bồ Tát. Trí Giả là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tái sanh. Vĩnh Minh là Phật A Di Đà tái sanh, họ đã diễn xuất viên mãn.

“*Kỳ dư thế trí biện thông, thông nho thiên khách*”, đây là người thông minh tài trí thế gian, nhà đại thông của Nho giáo, thiên khách trong Phật môn tham thiên chưa khai ngộ. “*Tận tư độ lượng*”, vất kiệt năng lực tư duy để đo lường, càng suy đoán càng xa, vì sao? Vì điều này không thể tư duy, không thể nghĩ bàn. Câu này là lời thật, không phải giả. “*Hựu bất nhược*”, lời này hay nói cách khác, mọi người dễ hiểu, trái lại không như “*ngu phu phụ lão thật niệm Phật giả*”, người ở nhà quê các ông các bà không biết chữ, họ không có tri thức, cái gì cũng không hiểu, nhưng họ rất thật thà, rất khiêm tốn. Tự biết mình không bằng ai, dạy họ

niệm một câu A Di Đà Phật, họ thật thà niệm Phật. Niệm khoảng vài năm, họ vãng sanh đoan tướng hy hữu, đứng vậy vãng sanh, ngồi vậy vãng sanh. Phân tử tri thức không có cách nào sánh với họ được.

Đây chính là chỉ ở trước nói, “*thế trí biện thông, thông nho thiên khách*”, đều không sánh được với họ. Họ tu học thật sự có thành tựu, họ thật đã vãng sanh. Phẩm vị vãng sanh chúng ta không thể đoán được, vì sao? Vì có thể “*tiềm thông Phật trí, ám hợp đạo diệu dã*”, hai câu này nói rất hay, tám chữ này “*tiềm thông Phật trí*”, Phật trí là gì? Căn bản trí. Căn bản trí là trong tâm hoàn toàn sạch sẽ, nhất niệm bất sanh. Ngoài câu A Di Đà Phật ra, tất cả ý niệm đều không có. Sau cùng niệm đến trình độ nào? Tuy niệm Phật A Di Đà, trong tâm đến Phật A Di Đà cũng không chấp trước, đó chính là căn bản trí hiện tiền, đây là cảnh giới tiềm thông Phật trí, nên niệm mà không niệm, họ có niệm chăng? Họ niệm thật. Quý vị nghe họ Nam Mô A Di Đà Phật, từng chữ rõ ràng phân minh. Họ có phân biệt chấp trước chăng? Không có, đây chính là lý niệm. Đây chính là tiềm thông Phật trí, chính là am hợp đạo diệu.

Niệm Phật như vậy, họ vãng sanh là thượng bói vãng sanh, công phu giỏi thì thượng phẩm thượng sanh, công phu kém một chút thì thượng phẩm hạ sanh, sanh vào cõi thật báo trang nghiêm, chonên không thể coi thường các ông các bà này được. Không nên cho rằng, họ niệm Phật tương lai đều vãng sanh hạ phẩm, sai! Tâm địa họ thanh tịnh, tâm địa họ lương thiện, không có ác niệm, tuyệt đối không hại người. Vì thế pháp môn niệm Phật rất vi diệu!

Chúng ta hiểu được đạo lý này, đó chính là trước đây thầy Lý thường nhắc với tôi, thầy muốn học ngu, không học thông minh tài trí. Thầy nói, tôi muốn học ngu phu ngu phụ, học những người này, học bao nhiêu năm cũng không giống, học ngu không dễ! Có câu: “*ngu bất khả cập*”, chúng ta không sánh kịp họ. Ý nghĩa chính là ở đây, không nên xem họ ngu. Họ niệm câu Phật hiệu này, họ sẽ niệm đến thượng phẩm thượng sanh. Hàm nghĩa thậm thâm trong này chính là nói rõ, người thật thà rất đáng nể, người thật thà rất tốt. Người thật thà không học Phật, họ không đọa ác đạo. Nếu họ có thể hành thiện, nhất định đến thiên đạo. Họ không thể hành thiện, đời sau vẫn là nhân đạo, vì sao vậy? Vì họ không có ý niệm hại người, không có ý niệm chiếm lợi ích người khác, không có ý niệm khống chế người, rất chân thật. Đoạn này là Ngẫu Ích đại sư nói.

Chúng ta xem đoạn thứ hai “*Nhị, Vô Lượng Thọ Khởi Tín Luận*”, Vô Lượng Thọ Kinh khởi Tín Luận là cư sĩ Bành Tế Thanh nói. Quý vị xem, thứ nhất là Linh Phong đại sư, người xuất gia, thứ hai là cư sĩ. Trong Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận cũng giả thiết một câu vấn đáp. “*Vấn, lâm chung kiến Phật, vi thị tự Phật, vi thị tha Phật*”. Vì tất cả pháp từ tâm tướng sanh. Lâm chung Phật đến tiếp dẫn, phải chăng là Phật trong tâm ta nghĩ ra? Hay thật sự là Phật A Di Đà của thế giới tây phương Cực Lạc? Khởi lên nghi vấn này, khởi nghi vấn này có thể họ không thể vãng sanh, vì sao vậy? Vì công phu thành phiền đã bị phá hoại, nên khi lâm chung phải chú ý, Phật đến, một chút nghi hoặc cũng không, không có chút phân biệt nào. Khởi lên tâm chân thành cung kính để ứng đối, như vậy nhất định được sanh.

Nghi điều này, nghi điều kia, đây là nguyên nhân gì? Học và dạy học quá nhiều, dạy và học nhiều cũng tạo thành phiền phức, vì sao? Phân biệt chấp trước. Trong sở tri chướng lại thêm phiền não chướng, như vậy làm sao đi được? Chịu thiệt rất lớn.

“*Nhược tha Phật giả, tâm ngoại thủ Phật, tức thành ma nghiệp. Nhược tự Phật giả, tướng lục sở thành, hư vọng bất thật, vân hà vãng sanh?*”. Câu hỏi này rất hay, vì sao vậy? Thật sự có người hoài nghi như vậy, đây là Bồ Tát tác lược, đem vấn đề này giải rõ cho chúng ta. “*Đáp, tự Phật tha Phật, tổng thành hý luận*”, vì sao vậy? Vì đây là phân biệt chấp trước. Nhân ngã đều là vọng, tự và tha không khác. Chẳng phải là khi lâm chung, mà ngay lúc bình thường, tốt nhất nên giữ được không khởi tâm không động niệm. Lục căn tiếp xúc với cảnh giới lục trần không khởi tâm không động niệm, không phân biệt không chấp trước. Nếu có thể thường nghĩ đến bốn câu này thật đã thực hành, tự nhiên vọng tâm nhạt dần, chân tâm liền hiện tiền. Trong tâm rõ ràng minh bạch, “*phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng*”, như vật có thể buông bỏ được, không còn chấp trước.

“*Chư Phật pháp thân, trạm nhiên thường tịch*”. Pháp thân của Chư Phật không có hiện tượng. Trạm nhiên thường tịch, trạm nhiên là ví dụ. Giống như nước sạch sẽ không có ô nhiễm vậy, bình lặng không dao động. Phải duy trì tâm như vậy, đây là chân tâm. Có nhiễm ô, có dao động, gọi là vọng tâm. Chân tâm giống như một tấm gương, chiếu soi vạn pháp. Vô sở bất tri, vô sở bất năng. Vọng tâm cũng chiếu nhưng chiếu sai, vì nước này có nhiễm ô, và có gợn sóng. Tuy có thể chiếu

nhưng không thể chiếu hiện tượng bên ngoài một cách hoàn chỉnh được, đều rất hỗn loạn, quý vị sẽ nhận sai lầm.

“*Dĩ bốn nguyện cố, cảm ứng đạo giao*”, đây là nói rõ lâm chung thấy Phật, nguyên nhân chính đã nói ra. Phật A Di Đà có nguyện, người niệm Phật có cảm, chính là có cầu. Cầu Phật Bồ Tát đến tiếp dẫn, Phật Bồ Tát liền có ứng, cảm ứng đạo giao. Nhân và duyên của ứng này ở trước chúng ta đã học. Nhân của cảm ứng, nhân của đến ứng là tự tánh. Trong Hoàn Nguyên Quán nói tự tánh thanh tịnh viên minh thể, nó tồn tại mọi lúc mọi nơi. Đây là nhân, nhân chính. Duyên là bốn nguyện của Phật A Di Đà, là tự ý niệm chúng ta cầu Phật A Di Đà gia trì, đây đều là duyên nên hiện tướng liền hiện tiền, hiện tướng là quả.

Hiện tướng này “*tức tự tức tha*”, “tức tự” là tự tánh, tự tánh biến hiện ra. “Tức tha”, nguyện lực Phật A Di Đà. “*Vô hư vô thật*”, “vô hư” là tự tánh, “vô thật” là hiện tướng. Tướng này không phải chân thật, vì sao vậy? Vì tướng đó không tồn tại vĩnh viễn, trong khoảng sát na đã không còn, quý vị đã đến thế giới Cực Lạc.

“*Duy nhất chân như, chu biến pháp giới*”, câu này nói rất hay! Ba cái đều như vậy. Ý niệm lúc lâm chung cầu vãng sanh là duy nhất chân như, chu biến pháp giới. Tánh đức của chúng ta cũng là duy nhất chân như chu biến pháp giới. Bốn nguyện của Phật A Di Đà cũng là duy nhất chân như chu biến pháp giới. Đạo lý này hiểu được rõ ràng minh bạch, thì tất cả nghi hoặc của chúng ta đều quét sạch tất cả. Tự tánh chúng ta chân thành cung kính, liền sanh khởi, vì sao vậy? Vì chân thành cung kính là tánh đức.

Ngày nay chúng ta vì có ngạo mạn, có tham sân si mạn, làm chướng ngại tánh đức, nó không thể hiện tiền. Những phiền não tham sân si mạn này sau khi buông bỏ, tánh đức liền hiện tiền, nên đối người cung kính là tánh đức, chính là như vậy. Đối với người có lễ phép là tánh đức, vốn là như vậy. Hiện nay không như vậy, đó là ngạo mạn, tự đại, cuồng vọng, chỉ đeo mang những thứ này. Bồ Tát thật sự nhìn thấy tất cả chúng sanh, giống như Bồ Tát Di Lặc vậy, miệng luôn mỉm cười, hoàn toàn hòa khí, quý vị sẽ thấy được tự tánh hồn nhiên. Quý vị xem trẻ con, con nít, chúng thấy ai cũng cười. Chúng cười nhất định không phải giả, thiên tánh. Quý vị sẽ thấy được thiên tánh, chúng vui biết bao, hoan hỷ biết bao. Đến khi có phân biệt, có chấp trước, phiền phức rất nhiều, chúng có phiền não. Chúng thích người này, ghét người kia, phiền não liền khởi lên. Khi chưa có phân biệt, chân

thật đó gọi là hồn nhiên. Ai bỗng chúng cũng thích, đến khi nhân thức được cuộc sống là hết, chúng đã bị giáng xuống một cấp.

“*Chúng sanh y u nghiệp duyên, huyễn hữu phân đoạn*”, đây là lục đạo phàm phu, lục đạo từ đâu mà có? Lục đạo đến từ nghiệp duyên. Thiện nghiệp là ba đường lành, ác nghiệp là ba đường ác. Thọ sanh trong lục đạo toàn là nghiệp duyên, vì thế tất cả trong lục đạo gọi là huyễn hữu. Đó không phải thật, là giả.

Phân đoạn là sanh đoạn sanh tử. Thông thường phân đoạn này là chúng ta nói đời này từ sanh đến chết, đây là một đoạn. Chết rồi đi đầu thai, đầu thai lại là sanh tử đây lại là một đoạn, đây là một cách nói. Nếu từ lý mà nói phân đoạn thật sự là gì? Bồ Tát Di Lặc nói một khảy móng tay có 32 ức trăm ngàn niệm, chính là một khảy móng tay có 32 ức trăm ngàn đoạn, một niệm là một đoạn. Xưa nay chư vị tổ sư cũng có cách nói này, hợp lý. Niệm trước và niệm sau đích thực không giống nhau, na ná như nhau nhưng không thể hoàn toàn tương đồng.

“*Như cư ốc hạ, bất kiến thiên nhật*”, đây là ví như ở trong nhà, ngôi nhà đó che mặt trời nên không thấy được mặt trời. “*Niệm lục thành kiên*”, chân thành kiên định. “*Hoãn duyên tư tịnh*”, vọng tưởng vọng niệm không còn. Đây chính là lấy tâm chân thành kiên cố niệm Phật, niệm đến khi công phu đắc lục, vọng niệm sẽ không còn, nghi hoặc không còn. “*Như triệt ốc bộ*”, “*ốc bộ*” là nhà tranh, ngày trước thường thấy ở nông thôn đều làm bằng nhà tranh. Phá mái nhà tranh này mặt trời chiếu sáng. Không có gì che nên thấy được mặt trời, thấy được mặt trăng. “*Nhậm vận vãng sanh, hoàn đồng bốn đắc*”, hai câu này quá hay, nhậm vận là tự tại vãng sanh. Vãng sanh là hiện tượng tự nhiên. Hoàn đồng bốn đắc, hình như chúng ta đã trở về nhà. Thật vậy, thế giới Cực Lạc chính là quê nhà, đến thế giới Cực Lạc là trở về nhà, hoàn toàn là bình thường. Nhất định không có tâm trạng hoan hỷ, hôm nay tôi thoát ly luân hồi lục đạo, hình như thoát ly lao ngục, trở về quê nhà có niềm vui như vậy. Không có, tâm vĩnh viễn là yên tĩnh. Rời xa lục đạo mười pháp giới, tâm thanh tịnh. Vãng sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc, vẫn là thanh tịnh, trong minh tâm không có hỗn loạn. Cũng chính là nói quý vị không có khởi tâm động niệm, rời lục đạo không có động niệm. Đến thế giới Cực Lạc cũng không có khởi tâm động niệm, phẩm vị này rất cao. Thật vậy, đây là thượng phẩm vãng sanh. Đích thực chân tâm chính là lý, Tịnh tông nói là lý nhất tâm, cảnh giới lý nhất tâm.

“Thử luận tảo tận nhất thiết phân biệt, tự tha sanh Phật tổng thành hý luận”. Vì sao vậy? Vì trong tự tánh thanh tịnh tâm nhất niệm bất sanh, thì làm gì có tự tha? Làm gì có chúng sanh? Làm gì có Phật? Đây toàn là giả danh. Đức Thế Tôn hiện tại ở trên thế gian này, chúng sanh trong thế gian này đều có phân biệt chấp trước. Dùng phương pháp này để giáo hóa, trở về với tự tánh thì tất cả đều không cần. Chonên trong Khởi Tín Luận Bồ Tát Mã Minh dạy: nghe kinh không nên chấp trước tướng ngôn ngữ, không thể chấp trước điều này không nên chấp trước tướng danh tự, toàn là giả. Ngôn ngữ là giả, danh từ thuật ngữ là giả. Không nên chấp trước tướng tâm duyên, khi nghe xong tôi nghĩ ý gì, sai! Làm gì có ý? Không có ý nghĩa. Nói cách khác, hoàn toàn dùng tâm thanh tịnh để nghe, khi nghe kinh cũng vậy. Không khởi tâm không động niệm, không phân biệt không chấp trước.

Nghe thật, như vậy nghe rồi sẽ đại triệt đại ngộ. Hiện nay chúng ta không ngộ được, là sao? Chúng ta nghe kinh có phân biệt có chấp trước, có khởi tâm có động niệm nên nghe không hiểu. Những gì nghe được đều trở thành tri thức, duy thức chúng ta đang biến. Dem trí huệ chân thật của Như Lai, tất cả đều biến thành tri thức. Đã biến chất, không phải Như Lai chân thật nghĩa. Nói thật, Như Lai không có nghĩa, Như Lai không có A lại da làm gì có nghĩa?

Những gì Như Lai biểu diễn, thị hiện biểu diễn. Những điều Như Lai nói toàn là tự tánh tự nhiên hiện ra. Từ đây chúng ta lãnh hội được, phàm là người minh tâm kiến tánh, thân thể này của họ vẫn còn ở thế gian, không có thay thân thể, nhưng cảnh giới của họ và trước khi họ kiến tánh, hoàn toàn khác nhau. Trước khi kiến tánh họ là phàm phu, khi kiến tánh rồi họ là Phật Bồ Tát, ít nhất là pháp thân Bồ Tát. Pháp thân Bồ Tát như thế nào? Lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần như những gì vừa mới nói, khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước hoàn toàn không có. Cũng chính là nói họ dùng là chân tâm, cùng với chân tâm của Chư Phật Bồ Tát Ma Ha Tát. Tâm này khởi tác dụng là trí huệ chân thật. Tâm phàm phu là tâm vọng tưởng, chính là A lại da, 8 thức 51 tâm sở. Phàm phu chấp trước vào những thị hiện này, tâm này khởi tác dụng là sanh phiền não. Không sanh trí huệ, nó sanh tri thức. Tri thức không thể kiến tánh, trí huệ có thể kiến tánh, nó không giống nhau, chonên không có khởi tâm động niệm.

Như vậy chúng ta liền nghĩ đến làm gì có tự tha, sanh Phật? Không có những điều này. Lúc này là gì? Toàn thể vũ trụ là nhất thể, toàn thể vũ trụ là một pháp

tánh, minh tâm kiến tánh. Đây thuộc về pháp thân, cái gì là pháp thân? Biến pháp giới hư không giới là thân mình, tự tha không có, sanh Phật không có. Sanh là chúng sanh, Phật là chư Phật. Trở về thường tịch quang, trong thường tịch quang ba loại hiện tượng đều không có, đó là thật không phải giả.

“*Duy nhất chân như, trạm tịch chu biến*”, trạm nhiên tịch diệt, chu biến pháp giới. Bây giờ người ta gọi là chu biến vũ trụ. “*Nhậm vận vãng sanh Cực Lạc, hoàn tại bốn tâm chi nội*”, thế giới Cực Lạc không xa rời tự tánh, thế giới Cực Lạc là tự tánh sở sanh sở biến. Trong kinh giáo thường nói “duy tâm sở hiện, duy thức sở biến” thế giới Cực Lạc chỉ có duy tâm sở hiện, không có duy thức sở biến. Vì những Bồ Tát vị vãng sanh trong cõi đồng cư nhất phẩm phiền não chưa đoạn, nguyện lực Phật A Di Đà gia trì, họ cũng là A Duy Việt Trí Bồ Tát. A Duy Việt Trí Bồ Tát chính là không khởi tâm không động niệm, không phân biệt không chấp trước. Đây là Bồ Tát trong cõi thật báo. Thế giới Cực Lạc đặc biệt chính là cõi đồng cư, cõi phương tiện và cõi thật báo là giống nhau. Có ba cõi này chăng? Có, nhưng xem ra ba cõi không có gì sai khác là tương đồng, đây chính là oai thần bốn nguyện thành tựu. Đây là cảnh giới không thể nghĩ bàn. Đây là điều Bành Tế Thanh nói Trong Khởi Tín Luận, Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận.

Xem tiếp đoạn thứ ba trong Di Đà Sớ Sao là Liên Trì đại sư nói. “*Di Đà Sớ Sao vân, trước sự nhi mê lý, loại đồng mộng đọc cổ thánh chi thư*”. Chấp trước sự, chấp trước tướng nên không minh bạch về lý, ví như điều gì? Ví như các trẻ nhỏ, thơ dại chưa biết gì. Đọc sách thánh hiền, chúng đọc được, thuộc nhưng là nghĩa gì chúng không biết, dùng điều này để ví dụ. “*Hôn trĩ vị văn, cần năng đọc văn, liễu bất giải nghĩa. Sở vị chung nhật niệm Phật, bất tri Phật niệm giả dã*”. Người niệm Phật như vậy rất nhiều! Từ đó cho thấy, Đức Thế Tôn khi còn tại thế, giảng kinh thuyết pháp 49 năm, có đạo lý. Nếu ngài không giảng thì dạy người niệm, dù có niệm tốt cũng không thể vãng sanh, vì sao? Vì chấp trước sự, chấp trước lý.

Có một vài ông bà già, ông thật sự cũng mê lý, không hiểu gì cả. Họ chỉ niệm rôt ráo một câu A Di Đà Phật nhưng sao họ được vãng sanh? Phẩm vị của họ sao lại cao như vậy? Đó là họ ám hợp đạo diệu. Ở trước nói tiềm thông Phật trí, họ niệm câu Phật hiệu đó khiến phiền não đoạn diệt. Phiền não đoạn tận, Phật trí liền thông, vì phiền não chướng ngại Phật trí. Chỉ cần đoạn tận phiền não, họ liền thông suốt. Đây là trí huệ chưa khai, mê lý. Chưa phá trừ mê, phá trừ mê là được.

Họ chưa phá trừ mê được, mê này là gì? Là vô minh, không thấu triệt. Đây là dùng tâm không giống nhau, công phu không tương đồng.

“*Chung nhật niệm Phật, bất tri Phật niệm*”, trong Tịnh Độ Tiệp Yếu của Hạ Liên Cư nói: “tôi niệm Di Đà, Di Đà niệm tôi, mỗi tiếng đều tương ứng! Có câu: “nhất niệm tương ứng niệm niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật”, vì sao vậy? Vì họ hiểu về lý, vì sao? Vì rự tha là một không phải hai. Họ hiểu được đạo lý này, không có phân biệt, không có chấp trước.

“*Chấp lý nhi di sự*”, chỉ chấp trước lý, không niệm Phật được chăng? “*Tỷ bản sĩ hộ hòa gia chi quyển, tự vân cự phú, bất tri số tha nhân bảo, ư kỷ hà thiệp*”, không liên can gì đến mình, đây là chấp trước lý. Sanh Phật không hai, như vậy tôi hà tất phải niệm? Di Đà tức là tâm tôi, tâm tôi tức là Di Đà, không cần niệm. Trên mặt lý nói thông suốt, về sự thì trở thành căn bệnh lớn, chúng ta lý sự chưa viên thông. Lý sự viên dung, như vậy là được, đó là thật không phải giả. “Lý”, chúng ta là Phật A Di Đà, “sự”, chúng ta là lục đạo phàm phu. Chúng ta vẫn chấp trước thân này là tôi, vẫn còn tự tư tự lợi, vẫn còn danh vẫn lợi dưỡng, Phật A Di Đà không còn. Tâm ta đã là Phật A Di Đà, Phật A Di Đà là tâm chúng ta, những tập khí phiền não này tất cả đều không còn, như vậy là đúng.

“*Sở vị tuy tri tức Phật tức tâm, phán nhiên tâm bất thị Phật giả dã*”, đây là đem sự thật chân tướng nói ra. “*Thị cố ước lý tắc vô khả niệm*”, về lý nói vô khả niệm, về sự nói “*vô khả niệm trung, ngô cố niệm chi*” bịa đặt, vì sao vậy? Vì niệm tức là vô niệm. Vô niệm là gì? Không phân biệt, không chấp trước, không khởi tâm, không động niệm. Nam Mô A Di Đà Phật, hoặc là A Di Đà Phật, niệm niệm tương tục, không chấp tướng, lý sự vô ngại, lý sự nhất như. Lý không chướng ngại sự, sự không chướng ngại lý, như vậy là đúng.

“*Cố lý sự song tu, tức bản trí nhi cầu Phật trí, phu nhiên hậu vị chi đại trí dã*”. Nói tóm lại chỉ một câu, chúng ta cần thiết phải buông bỏ tất cả phiền não. Phiền não là gì? Tóm lại mà nói khởi tâm động niệm là vô minh phiền não, phân biệt là trần sa phiền não, chấp trước là kiến tư phiền não. Kiến tư phiền não chính là nguyên nhân thứ nhất chế tạo luân hồi lục đạo, có kiến tư liền có lục đạo. Trần sa phiền não là nguyên nhân tạo ra tứ thánh pháp giới. Có trần sa là có Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, Phật. Phiền não không đoạn tận, tự tánh không hiện tiền. Phải đoạn tận phiền não, phiền não cũng không phải thật, cũng là giả, nhưng ta

chấp trước cái gọi là giả này, giả mà hình như biến thành thật vậy. Những lý và sự này ta không thể không hiểu.

Nên Chư Phật Bồ Tát, chư vị tổ sư dạy chúng ta lý sự song tu. Về mặt sự vô cùng nỗ lực, mặt lý thì sao? Không chấp trước. Như trong Hoàn Nguyên Quán nói tứ đức. Đức thứ nhất trong tứ đức là “tùy duyên diệu dụng”, tùy duyên chính là tu sự, còn diệu dụng? Diệu dụng chính là tu lý. Diệu dụng là gì? Diệu dụng là không khởi tâm không động niệm, không phân biệt không chấp trước, dùng thái độ này để tùy duyên. Hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, đây gọi là diệu!

Phàm phu không diệu, phàm phu là gì? Họ có phân biệt, có chấp trước, có vọng tưởng. Những thứ này xen tạp vào gọi là tạo nghiệp. Họ tạo tịnh nghiệp chính là tứ thánh pháp giới, nhiễm nghiệp chính là luân hồi lục đạo. Trong luân hồi lục đạo có thiện nghiệp, họ chính hai đường nhân và thiên. Ác nghiệp, là địa ngục ngạ quỷ, súc sanh. Họ hiện tướng này, tướng này đều là hư vọng, “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, nhưng họ không hiểu hư vọng nên đã chấp nhận, giống như đang nằm mộng vậy. Mộng là giả, mọi người đều biết. Gặp ác mộng, quý vị xem giật mình đến toàn thân ướt mồ hôi lạnh, giật mình tỉnh giấc chỉ là một giấc mộng. Gặp một giấc mộng đẹp thì rất hoan hỷ, khi tỉnh giấc cũng không còn nữa. Nên biết rằng lục đạo là cảnh mộng, thật vậy không phải giả. Tuy Phật nói ví dụ nhưng là chân tướng sự thật, mộng huyền bào ảnh.

Tứ thánh pháp giới vẫn là mộng. Không những tứ thánh pháp giới là cảnh mộng, đến cõi thật báo trang nghiêm của chư Phật Như Lai, chúng ta gọi nó là nhất chân pháp giới vẫn là một cảnh mộng. Vì sao vậy? Đã giác ngộ triệt để thì nó không còn nữa. Đẳng giác Bồ Tát nâng lên đến diệu giác vị, cõi thật báo cũng không còn. Chonên “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, ở sau Phật không nói cõi thật báo của Chư Phật Như Lai là ngoại lệ, không nói. Cõi thật báo cũng là giả, điều gì là thật? Thường tịch quang là chân. Trong thường tịch quang ba loại hiện tượng đều không có, không có hiện tượng vật chất, không có hiện tượng tinh thần cũng không có hiện tượng tự nhiên, không sanh không diệt, còn như thế nào? Vốn tự đầy đủ. Tuy nó không có hiện tượng nào nhưng có thể sanh tất cả hiện tượng, có thể hiện tất cả hiện tượng, đó chính là hiện thực cõi báo.

Cõi thật báo và cõi phương tiện. Cõi phương tiện là tứ thánh pháp giới, cõi đồng cư chính là lục đạo. Lục đạo và tứ thánh pháp giới từ đâu mà có? Từ cõi thật báo biến hiện ra. Chúng sanh cư trú trong cõi thật báo, nếu khởi phân biệt

liền biến thành tứ thánh pháp giới. Nếu khởi chấp trước họ liền biến thành luân hồi lục đạo, chính là như vậy. Vì thế duy tâm sở hiện là cõi thật báo, cõi thật báo của Chư Phật Như Lai. Duy thức sở biến, chính là mười pháp giới. Chân tướng sự thật này, chúng ta trong nhiều năm như vậy, huân tu đại thừa kinh giáo, cũng được coi là hiểu rõ ràng minh bạch, đây gọi là giải ngộ, chúng ta đã lý giải. Tuy đã lý giải nhưng không được lợi ích. Được lợi ích phải như thế nào? Phải chứng ngộ, chứng ngộ phải dựa vào tu.

Chứng ngộ là gì? Phải buông bỏ. Buông bỏ chấp trước thì lục đạo không còn. Đây là đã chứng được, đã nâng lên, lên đến tứ thánh pháp giới. Buông tiếp khởi tâm động niệm và phân biệt, tứ thánh không còn. Trở về với nhất chân pháp giới, trở về với cõi thật báo. Cõi thật báo tồn tại là vì tập khí vô thi vô minh chưa đoạn, là nguyên nhân này. Đoạn tận vô thi vô minh, tập khí vô thi vô minh vẫn còn. Nếu tập khí đã đoạn sạch, cõi thật báo không thấy nữa, không còn, xuất hiện gì? Xuất hiện thường tịch quang. Trở về thường tịch quang, trở về thường tịch quang gọi là cứu cánh viên mãn. Vì thế chúng ta biết khi mê, từ thường tịch quang nhất niệm bất giác xuất hiện A lại da. A lại da thông thường chúng ta nói là chủ tạo vật. Huệ Năng đại sư nói: “đâu ngờ tự tánh năng sanh vạn pháp”. Vạn pháp đích thực là A lại da tạo ra. Quý vị xem A lại da rốt cuộc vẫn là trở về với tự tánh, A lại da không còn, chuyển thức thành trí. Chuyển này phải dựa vào sức mạnh trí huệ, đây là gì? Không còn mê. Khi mê mới có a lại da, tự tánh biến thành A lại da. Thật sự giác ngộ, A lại da trở về tự tánh. Pháp tướng tông chuyển thức thành trí, chuyển A lại da thành đại viên cảnh trí, chuyển Mật na thức thành bình đẳng tánh trí, chuyển đệ lục ý thức thành diệu quan sát trí, chuyển tiền ngũ thức thành thành sở tác trí, cảnh giới đó chính là cõi thật báo.

Đoạn tận tập khí, đoạn tận tập khí vô thi vô minh rồi, cõi thật báo không còn, lại trở về thường tịch quang, đây là sự tuần hoàn của vũ trụ, một sự tuần hoàn lớn nhất. Từ khởi điểm rốt cuộc cũng trở lại khởi điểm. Vì thế trong Phật pháp tâm lý và vật lý là nói đồng thời trong tâm lý bao hàm vật lý.

Các nhà vật lý học hiện đại phát hiện trong vật lý có hiện tượng tâm lý. Trong phần chú giải của Hoàng Niệm Tổ ở trước chúng ta đã học, vi điểm của nhất mao nhất trần. Khi ông nói là niên đại 1980, các nhà lượng tử học phát hiện trung vi tử, đây là phát hiện mới. Trung vi tử lớn chừng nào? Trung vi tử hình như chính là lượng tử, lớn bao nhiêu? Là một phần trên một trăm ức của một điện tử, nhỏ đến

không còn cách nào nhỏ hơn, một phần trên một trăm ức của điện tử. Hay nói cách khác, một trăm ức vi trung tử hợp lại mới là một điện tử. Vi trung tử này nó có sắc thọ tướng hành thức. Sắc là nó có hiện tượng vật chất khiến chúng ta có thể nhìn thấy. Nó có thọ tướng hành thức, do đó chúng ta liền nghĩ đến trong Tâm Kinh nói: Quán Tự Tại Bồ Tát khi hành thâm bát nhã ba la mật đa, thấy được ngũ uẩn đều là không.

Ngũ uẩn giai không là gì? Thấy được trung vi tử là không, trung vi tử không phải thật, trong tự tánh không có thứ này. Những thứ này thuộc về đâu? Thuộc trong A lại da. Trong tâm thanh tịnh nhất pháp bất lập, gọi là chân thanh tịnh.

Ngày nay chúng ta vì không thanh tịnh được mới dùng Phật A Di Đà. Buông bỏ tất cả các vọng niệm, chỉ lưu lại niệm này. Nếu nói một ý niệm cũng không có, điều này không làm được, đó là người nào? Hành thượng thượng căn như Đức Thế Tôn, ngài Huệ Năng. Những gì ở đây nói như ngài Trí Giả, Vĩnh Minh, các ngài hành và có thể làm được, người thường không làm được. Người thường phương pháp tốt nhất, dùng nhất niệm đối trị tất cả niệm. Đây là biện pháp Tịnh độ tông dùng. Kiên cố giữ chặt niệm này, khiến các niệm khác không thể xen vào, như vậy công phu phải thật tốt, cũng là gặp duyên khác nhau. Quả nhiên niệm sau cùng tương ứng với tự tánh, như vậy chúc mừng quý vị, đã đạt được thượng phẩm thượng sanh. Không thể thì sao? Không thể cũng là thượng phẩm hạ sanh, như vậy là quá tuyệt.

Nên trong tâm chỉ có một Phật hiệu này, tốt! Rất tốt, không có tạp niệm nào cả. Vị thứ vãng sanh thấp nhất là thượng phẩm hạ sanh. Chúng ta đang học ở đây, bây giờ chúng ta đang học đoạn này. Nguyên đoạn này là giảng về thượng bồi tam phẩm, thượng thượng phẩm, thượng trung phẩm, thượng hạ phẩm. Công đức của câu Phật hiệu này thật không thể nghĩ bàn.

“Hựu sở vân, nhiên trước sự nhi niệm năng tương tục, bất hư nhập phẩm cho công. Chấp lý nhi tâm thật vị minh, phản thọ lạc không chi họa” Lời này nói quá hay! Chúng ta không thể dễ dàng bỏ qua. Chấp trước sự, quý vị có thể tịnh niệm tương tục. Bất hư nhập phẩm chi công, nhất định được vãng sanh. Cõi phàm thánh đồng cư, cõi phương tiện hữu dư đều có phần. Ở sau nói trung bồi vãng sanh, hạ bồi vãng sanh đều có phần.

Ngẫu Ích đại sư nói rất hay: “hạ hạ phẩm vãng sanh tôi đã rất hài lòng”. Ngài có phần, thật sự vãng sanh. Nếu quý vị chấp lý, chấp lý là gì? Chúng ta chưa khai

ngộ. Tâm thật chưa minh, chưa khai ngộ. Không cầu, không có ý niệm cầu vãng sanh. “Phản thọ lạc không chi họa”, ta tiếp tục trôi nổi trong luân hồi lục đạo, chúng ta đã sai. Hai câu này khuyên chúng ta thật thà niệm Phật, tuyệt đối không bỏ qua vô ích. Nhất định phải tin thật, nhất định phải nguyện sanh Cực Lạc, nguyện này quan trọng hơn bất cứ điều gì.

Nguyện vọng mãnh liệt cầu sanh tịnh độ, nhất tâm nhất ý nương tựa Phật A Di Đà. Nương vào ai cũng không chắc chắn, nương tựa Phật A Di Đà nhất định được sanh Tịnh độ. Trong đời này chúng ta ở thế gian này, chỉ tìm một người đáng tin, chúng ta nương tựa vào họ là được. Nếu dựa vào những ai khác, những pháp môn khác đều không đạt được mục đích, không đáng tin cậy. Nương tựa chắc chắn vào câu Phật hiệu này, chúng ta mới có thể chắc chắn được sanh. Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta chỉ học đến đây.

Tập 410

Chuyên ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 13.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 511, hàng thứ sáu, bắt đầu xem từ nửa đoạn sau. Bắt đầu xem từ chữ “sao”, sao là Di Đà Sớ Sao do Liên Trì đại sư nói. Hôm qua vì hết giờ, hôm nay chúng ta bổ sung thêm đoạn cuối cùng này.

Ở trước Liên Trì đại sư nói “*trước sự*” tu học chấp trước sự chính là niệm Phật. “*Nhi niệm năng tương tục*”, tôi hành trì và thật niệm mới có thể vãng sanh Tịnh độ, cho nên nói: “*bất hư nhập phẩm chi công*”, sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc, vì họ chưa ngộ lý, nhất định sanh vào hai độ dưới, chính là cõi đồng cư và cõi phương tiện. Nếu “*chấp lý*” chấp trước đê nhất nghĩa để mà đại thừa nói, nói về chân đế. Vạn pháp giai không, niệm mà không niệm, không niệm mà niệm. Họ sẽ không niệm, không niệm chính là niệm, không niệm. Như vậy “*phản thọ lạc không chi họa*”, họ tương lai không thể vãng sanh, chẳng những không thể vãng sanh, trong lục đạo họ còn phải vào địa ngục chịu khổ. Nguyên nhân gì? Họ làm sai lầm như vậy. Tự mình bị hại đó là đáng, nhưng còn ảnh hưởng đến người khác, người khác thấy được, học theo cách của họ, trách nhiệm này quý vị không thể không chịu. Hại mình tội nhẹ, hại người khác tội nặng. Ảnh hưởng càng lớn tội càng nặng, thời gian ảnh hưởng dài, thời gian quý vị ở trong địa ngục càng dài, đây là điều rất đáng sợ.

Trong Di Đà Sớ Sao lại nói người như vậy rất nhiều, không phải số ít. Họ chưa khai trí huệ chân thật, họ là thế trí biện thông. Thông thường chúng ta nói cường từ đoạt lý, hạng người này nghe kinh điển đại thừa, kinh giáo nói về không, họ cho rằng cái gì cũng có thể không chấp trước, hoàn toàn ngộ nhận nghĩa kinh đại thừa. Kinh đại thừa rất thâm sâu, tuyệt đối không phải thế trí biện thông có thể ngộ nhập. Hạng người nào có thể hiểu? Người chân thành cung kính có thể ngộ nhập. Chư vị cổ đức, đến Ấn Quang đại sư cũng thường dặn dò phó chúc chúng ta: “*một phần thành kính được một phần lợi ích*”. Chí thành cung kính mới có thể đạt được lợi ích, không liên quan đến trí huệ sâu hay cạn. Thậm chí không

liên quan đến việc quý vị biết chữ hay không. Ngài Huệ Năng không biết chữ, kinh chưa từng nghe qua lần nào. Trong Lục Tổ Đàn Kinh, quý vị xem ở trước một đoạn lịch sử của ngài. Ngài ở Hoàng Mai tám tháng, chưa một lần vào thiền đường, cũng chưa bước vào giảng đường. Ngũ tổ Hoằng Nhẫn chỉ chia công việc cho ngài là vào trong nhà củi để bửa củi giã gạo, ở trong chùa làm khổ công. Thời xưa khi vào chùa nhất định trước phải phục vụ cho chùa 5 năm, vì sao vậy? Vì tu phước, không phải quý vị đến chùa để hưởng phước, có người cúng dường quý vị, phước báo quý vị lớn chừng nào! Vì thế vào chùa gọi là 5 năm học giới. Học giới gì? Học quy củ, cần lao phục dịch, mỗi người khi vào chùa đều phải làm, tu phước.

Người có phước báo mới có thể khai trí huệ, ngàn năm xưa có câu: “*phúc chi tâm linh*”, phước báo của quý vị đến, tâm quý vị sẽ linh, đột nhiên thông minh, trí huệ khai mở. Từ đó cho thấy, người không có phước báo tâm tư u ám, nghĩa là hồ đồ, ngu si, không khai trí huệ, không có phước báo. Nhưng người có phước báo nếu không có thiện hữu dẫn dắt, họ trở thành thế trí biện thông, biến thành trí huệ cuồng vọng, như vậy là sai. Trí huệ của họ đã đi vào phương diện tà, biến thành tà tri tà kiến, thì tạo nghiệp càng sâu. Hạng người này đối với người khác không có tâm cung kính, cuồng vọng tự đại, chắc chắn là như vậy.

Vì thế bên dưới nói: “*ư tự bốn tâm tăng vị khai ngộ*”, về việc minh tâm kiến tánh, họ hoàn toàn không biết. “*Nhi khinh đàm Tịnh độ, miệt thị vãng sanh, vi hại phi tế*”. Sự việc này chính bản thân chúng tôi ngày xưa là như vậy, đối với Tịnh độ không hiểu rõ, cho rằng đây là Đức Thế Tôn phương tiện độ những người không có tri thức, các ông các bà già, người không có văn hóa Phật khai phương tiện cho họ, cho rằng là như vậy. Còn tự cho rằng chúng ta thật tin thật thấu triệt. Thầy Lý tận tình khuyên bảo tôi mười năm, thường thường khuyên tôi. Tôi không phản đối nhưng tôi không chịu tu. Không chịu tu, luôn cho rằng đây là Thế Tôn đối với chúng sanh hạ ngu, vận dụng pháp môn phương tiện, không phải đối với hàng thượng căn lợi trí. Ý niệm sai lầm này rất sâu, đến thầy Lý cũng không cách nào nhờ nó giúp tôi.

Tôi từng nói với chư vị, tôi tin Tịnh độ là bắt đầu từ trong Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm. Những đại kinh đại luận này dẫn dắt tôi vào Tịnh độ, tôi học những đại kinh đại luận này đến sau cùng phát hiện ra điều gì? Những kinh luận này rốt cuộc đều dẫn về Tịnh độ, như vậy mới bắt đầu siêng năng nghiên cứu nó,

chú ý đến nó. Về sau từ từ có tiến bộ, dần dần đã minh bạch, mới biết rằng Tịnh độ là pháp môn đệ nhất mà mười phương ba đời tất cả chư Phật độ chúng sanh thành Phật đạo.

Tôi từ trong bài tựa của Hoàng Niệm Tổ đã viết một câu, Hoàng Niệm lão xem bài tựa đó đặc biệt tán thán câu này. Không khế nhập cảnh giới không nói ra được, thật sự đã nhận thức, câu này tự nhiên hiển lộ ra.

“*Vi hại phi tế*” đây chính là chỗ hại quá lớn. Đối với Tịnh độ không thâm nhập nghiên cứu học tập, nghiên cứu phải cần thực hành mới hiểu thật sự. Ngày ngày nghe kinh, nghe rồi làm không được cũng vô dụng. Hai chữ vô dụng này ý nghĩa rất sâu, bao gồm điều gì? Bao gồm nghe kinh không hiểu, nghe hiểu làm gì có chuyện không hành trì? Nghe kinh không thực hành, chưa hiểu. Vì sao không hiểu? Không có thành kính, coi thường Tịnh độ, không để việc niệm Phật trong tâm, chính là đạo lý này.

Đối với chính mình mà nói, đời này đã bỏ qua nhân duyên vô cùng thù thắng, lỡ qua ngay trước mắt, vì sao vậy? Đời này quý vị có thể thành Phật, cơ hội này rất khó được, thật là năm ngàn vạn kiếp khó gặp. Đời này gặp được, khi gặp không có thiện hữu dẫn dắt, thật sự không dễ tin. Đời này tôi gặp được thiện tri thức thật sự, vẫn đi một đường vòng thật lớn. Bệnh này của tôi là bệnh của tri thức phân tử, tri thức phân tử chính là quảng học đa văn, thích làm như vậy. Nhất môn thâm nhập trường thời huân tu, biết nhưng không chịu làm, muốn quảng học đa văn. Đây là bệnh thông thường của phân tử tri thức, bây giờ mới biết nhất môn thâm nhập so với quảng học đa văn, không biết vượt trội hơn bao nhiêu bậc. Nhất môn thâm nhập trường thời huân tu, có thể được định, có thể khai huệ, quảng học đa văn không được, học điều gì? Học đều là bề ngoài, là tri thức, không khai trí huệ. Nó tạo thành chướng ngại đối với việc khai trí huệ, chướng ngại này gọi là sở tri chướng. Đức Thế Tôn vì chúng ta đã biểu diễn, đáng tiếc chúng ta tuổi trẻ xem không hiểu. Xem hiểu thì rất tốt, xem không hiểu, đến già mới hoát nhiên đại ngộ. Nếu tôi lúc trẻ 20 tuổi xem hiểu, ngày nay tôi thành tựu không phải như vậy. Tôi tin rằng phải có thể đạt đến trình độ của những người đại khai viên giải, chính là không hiểu.

Thầy đối với vấn đề này không giải thích một cách thấu triệt. Nếu giải thích thấu triệt tôi phục, phục rồi thì dễ xử lý. Tôi tôn kính đối với thầy, quý vị nghĩ

xem nhân duyên này khó khăn biết bao! Cũng may trong Kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, nền tảng này ngộ được, thật sự đã minh bạch.

“*Sở vị khoát đạt không, bát nhân quả*”, khoát đạt không, chấp trước không, sai. Trong kinh điển đại thừa Đức Phật nói chân không bất không. Ý này hiện nay chúng ta đã làm rõ, đã minh bạch. Vì sao nói chân không bất không? Nói chân không vì nó không có ba loại hiện tượng, đây là chân không. Vì sao nói bất không? Nó vốn tự đầy đủ, đầy đủ điều gì? Đầy đủ vạn pháp. Câu sau cùng khi ngài Huệ Năng khai ngộ nói: “đâu ngờ tự tánh năng sanh vạn pháp”, đây là bất không. Mười pháp giới y chánh trang nghiêm là từ nó biến hiện ra, vì thế nó năng sanh năng hiện, nhưng nó thật sự không có gì cả, nó không phải hiện tượng vật chất cũng không phải hiện tượng tinh thần cũng không phải hiện tượng tự nhiên, nên nói nó chân không. Chân không bất không, diệu hữu phi hữu. Diệu hữu là gì? Những thứ chúng ta hiện tiền tiếp xúc được, lục căn tiếp xúc được. Có thể tiếp xúc được là lục căn của chúng ta nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý, những thứ tiếp xúc được là lục trần: sắc thanh hương vị xúc pháp. Năm căn trước và năm trần là sắc pháp, nói như bây giờ gọi là hiện tượng tự nhiên. Đệ lục ý thức và pháp trần là hiện tượng tinh thần, năng sanh năng hiện, sở sanh sở hiện đó là hiện tượng tự nhiên. Khoa học đem vũ trụ vạn hữu quy nạp lại, không ra ngoài ba loại hiện tượng lớn này. Ba loại hiện tượng lớn này trong tự tánh có. Tự tánh không thuộc về ba loại hiện tượng này, không có ba loại hiện tượng này, nhưng tự tánh gặp duyên có thể hiện ba loại hiện tượng này, có thể sanh ba loại hiện tượng này. Vì thế nói chân không bất không, diệu hữu phi hữu. Diệu hữu chính là nhất thiết hữu, chính là ba loại hiện tượng. Tuy ba loại hiện tượng là có, tướng có tánh không có, cho nên đương thể giai không, liễu bất khả đắc. Đừng tưởng rằng tướng là thật, tướng là giả. Thật sự đã giác ngộ, thấu triệt tướng là giả, không còn chấp trước không còn phân biệt, mới có thể làm đến tùy duyên diệu dụng. Tùy duyên diệu dụng chính là trong mười nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát, hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Chúng sanh, quý vị thích như thế nào cũng được. Bồ Tát có ý kiến chăng? Bồ Tát không có, vì sao không có ý kiến? Vì vạn pháp giai không, liễu bất khả đắc. Tâm Bồ Tát vĩnh viễn thanh tịnh, tâm địa Bồ Tát trong sạch, cái gì cũng không có, họ được đại tự tại.

Trong tâm phàm phu rất phức tạp hỗn loạn. Cổ nhân nói: “lý không rõ hiện tượng tạp loạn”, lý không rõ hiện tượng tạp loạn toàn là không, không có thứ nào

là thật. Chỉ cần ta chịu buông bỏ, thật sự nhìn thấu buông bỏ, quý vị giống như Phật Bồ Tát. Lúc này tâm là gì? Trong kinh này nói tâm chúng ta là thanh tịnh bình đẳng giác. Thanh tịnh bình đẳng giác là tự tâm của ta, là bản tánh của ta. Vì thế đối với định nghĩa không và hữu phải nhận thức rõ ràng, không thể ngộ nhận. Ngộ nhận đây chính là “khoát đạt không, bát nhân quả”, cho rằng không có nhân quả báo ứng. Có không ít người cho rằng, nhân quả báo ứng là mê tín, không hợp khoa học. Đó chính là “mãng mãng đảng đảng chiêu ương họa”, đối với chính mình mà nói là chiêu cảm bệnh khổ, đây là tai ương cá nhân, chiêu cảm đến tà kiến tà tri. Tà tri tà kiến dẫn dắt chúng ta vào trong tam đồ, đặc biệt là vào địa ngục, dẫn dắt ta vào địa ngục. Đọa vào địa ngục đó chính là tai họa.

Đối với hoàn cảnh mà nói: “khoát đạt không, bát nhân quả, mãng mãng đảng đảng chiêu ương họa”, chính là xã hội động loạn, trật tự xã hội thất thường. Tiếp đến chính là hoàn cảnh cư trú, sơn hà đại địa không kiên cố. Sơn hà đại địa sẽ mang đến rất nhiều tai biến, nó liên quan mật thiết với khởi tâm động niệm của chúng ta.

“*Đọc giả đương tam phục tư ngôn*”. Hoàng Niệm Lão từ bi, có thể gặp được bộ chú giải này, khi đọc nên đọc thêm vài biến, nên nghĩ nhiều đến giáo huấn trong kinh luận.

“*Thận vật chấp lý phé sự*”, phải cẩn thận, tuyệt đối không thể chấp trước lý mà bỏ phế việc tu sự. Trong sự tu nói là định khóa tán khóa. Trong Tịnh độ diệu pháp vô cùng thù thắng chính là niệm Phật, câu Phật hiệu này nên niệm thật tốt. Quý vị xem xưa nay người tu Tịnh độ tông là định khóa, hay là một ngày một vạn câu Phật hiệu, hai vạn câu Phật hiệu, mười vạn thanh Phật hiệu, định khóa.

Thế gian tại gia học Phật, công việc vô cùng bận rộn, không có thời gian niệm Phật. Từ Vân Quán Đảnh pháp sư khuyên họ tu thập niệm pháp, định khóa là thập niệm pháp. Sáng sớm thức dậy sau khi rửa mặt xong hướng mặt về phương tây. Có tượng Phật thì ở trước tượng Phật chắp tay cung kính. Một hơi là một niệm, một niệm bất luận được bao nhiêu Phật hiệu, hết một hơi gọi là nhất niệm, niệm mười hơi như vậy, thời khóa buổi tối cũng như vậy. Đây là thời tụng sáng và tối định ra cho người có công việc bận rộn, không có thời gian niệm Phật, phương pháp này dễ. Bình thường rảnh khi nào niệm khi đó, đây gọi là tán khóa. Tin thật, niệm thật, thật sự muốn vãng sanh tây phương. Quý vị nghĩ xem họ có phải tin thật nguyện thật chăng? Quý vị xem họ có thật thực hành hay không, họ

thật thực hành là đúng. Nếu họ không hành trì thì chân tín chân nguyện của họ là giả. Quý vị xem thật hay giả đều nhìn từ đây. Đây chính là lời Tu Vô pháp sư nói: “nói được mà không làm được thì không phải chân trí huệ”. Nói được mà không làm được là giả, không phải thật!

Quý vị nói họ không tin, họ hình nhưng lại rất tin, quý vị nói họ tin, họ lại rất mong manh, không nắm chắc được. Vì thế trong cuộc sống nó không khởi tác dụng. Đây là chúng ta thấy người khác, người khác là tấm gương của chúng ta. Thấy người khác phải hồi quang phản chiếu, tôi như thế nào? Liên được lợi ích. Vì tự mình không thấy được bệnh của mình, luôn cho rằng cái gì mình cũng đúng, người khác đều sai. Đây là bệnh thông thường của phàm phu, người người đều có, chính mình cũng có. Vì thế nên biết người khác là tấm gương tốt nhất của mình.

Quý ở chỗ thấy người khác lập tức hồi quang phản chiếu, như vậy sẽ khởi tác dụng. Chúng ta soi gương nhìn thấy trên mặt có vết bẩn, lập tức quay lại rửa mặt sạch sẽ, đây là tác dụng của tấm gương. Mà không biết rằng thế gian này tất cả người sự vật đều là tấm gương của chúng ta, nhưng chúng ta soi tấm gương này không thể trở lại tu sửa chính mình, sai chính là sai ở chỗ này. Người tu hành chơn chánh gọi là biết soi, người không biết tu hành gọi là không biết soi.

“*Húy ngôn tha Phật, kinh thị Tịnh độ, nhi tự chiêu ương họa dã*”. Ương họa này chiêu quá lớn, không phải họa nhỏ là đại họa! Làm thân Phật chảy máu, phá hòa hợp tăng, đây là nghiệp địa ngục, nhất định đọa địa ngục. Pháp môn trì danh của Tịnh tông lại có năng lực giúp người ngũ nghịch thập ác, một đời đều có thể vãng sanh làm Phật, pháp môn này không vi diệu sao! Nó đích thực là vua trong các kinh, bậc tôn trong các pháp, không có gì vượt qua được nó. Quý vị không tin, hủy báng pháp môn này, khinh thị phê bình nó. Quý vị đáng bị tai ương ra sao, quý vị tự biết. Kết tội này không phải kết với mình, kết với mình không nặng như vậy. Vì quý vị làm như vậy, có ý hay vô ý đều ảnh hưởng rất nhiều người coi thường Tịnh độ, ảnh hưởng rất nhiều người đánh mất lòng tin với Tịnh độ, trách nhiệm này quý vị hoàn toàn phải gánh vác. Kết tội này sẽ rất phiền phức.

Sức ảnh hưởng càng lớn, thời gian ảnh hưởng càng dài, càng dài là sao? Không những phê bình, quý vị còn đem nó viết thành văn tự, văn tự lưu truyền cho đời sau, sẽ ảnh hưởng người đời sau, đây chính là ảnh hưởng thời gian dài. Truyền bá rộng rãi đó là không gian ảnh hưởng lớn. Kết tội như thế, quý vị lãnh lấy tai ương không thể tưởng tượng được.

Hiện nay tôi xem những đoạn kinh văn này trong lòng vẫn còn sợ hãi, vì sao vậy? Vì lúc trẻ khi mới học Phật tôi cũng là người như vậy, may mắn nay đã hồi đầu, nếu không quay đầu thật không tưởng tượng được! Không quay đầu, thật là đối với Phật A Di Đà, đối với pháp môn này bán tín bán nghi, khinh thị phê bình. Cũng may tôi không đánh mất giáo môn, rất có hứng thú đối với giáo môn, đặc biệt là Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Phương Đẳng, Bát Nhã, Pháp Tướng, rất thích những kinh này. Không biết Tịnh tông là đệ nhất pháp môn, không biết Tịnh tông là tất cả đại thừa rốt cuộc đều quy về đây. Điều này là tôi từ trong Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm mà phát hiện được. Kinh Lăng Nghiêm hai mươi lăm viên thông, sau cùng trở về với Đại Thế Chí, Quan Thế Âm. Kinh Hoa Nghiêm sau cùng Phổ Hiền Bồ Tát thập đại nguyện vương đạo quy Cực Lạc. Nếu không có những kinh điển đại thừa này, tôi đã tự chiêu ương họa, nhất định đọa địa ngục A tỳ. Thượng bói chúng ta chỉ học đến đây. Bên dưới là nói về trung bói, chúng ta đọc qua một lượt kinh văn.

“Kỳ trung bói giả, tuy bất năng hành tác sa môn, đại tu công đức, đương phát vô thượng bồ đề chi tâm, nhất hướng chuyên niệm, A Di Đà Phật, tùy dĩ tu hành, chư thiện công đức, phụng trì trai giới, khởi lập tháp tượng. Phạn thực sa môn, huyền tăng nhiên đặng, tán hoa nhiều hương, dĩ thử hồi hương, nguyện sanh bỉ quốc”. Đây là tu thiện nguyện vãng sanh. *“Kỳ nhân lâm chung, A Di Đà Phật, hóa hiện kỳ thân, quang minh tướng hảo, cụ như chân Phật, dĩ chư đại chúng, tiền hậu vi nhiều, hiện kỳ nhân tiền, nhiếp thọ đạo dân, tức tùy hóa Phật, vãng sanh kỳ quốc, trú bất thoái chuyển, vô thượng bồ đề, công đức trí huệ, thứ như thượng bói giả dã”.*

Đây là trung bói vãng sanh. Chúng ta xem chú giải của Hoàng Niệm Tổ. *“Lược Luận vân, trung bói sanh giả, hữu thất nhân duyên”*, đây là những điều chúng ta cần phải học, trong tương lai bất luận chúng ta vãng sanh, sanh ở địa vị nào, hai phẩm kinh này vô cùng quan trọng, thượng bói vãng sanh và vãng sanh chánh nhân, vì sao vậy? Hai phẩm này chuyên nói về phương pháp vãng sanh. Nói cách khác, vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc phải đầy đủ điều kiện gì, chính là chỗ này. Điều này rất quan trọng. Như chúng ta hiện nay di dân ra nước ngoài, quý vị phải đầy đủ những điều kiện gì. Điều kiện đầy đủ hết sẽ thuận lợi thông quan. Hai phẩm này nếu chúng ta thuần thực, chúng ta có thể làm được tương đối, nắm chắc được chuyện vãng sanh.

Quý vị có tín tâm không hoài nghi mà tín tâm là điều kiện thứ nhất để vãng sanh, vì thế kiến lập tín tâm là điều không dễ chút nào. Vì sao quý vị tin pháp môn này? Vì sao tin vào Phật A Di Đà? Vì sao tin vào thế giới Cực Lạc? Những thứ này quý vị không thấy được, cũng không nghe được và cũng không xúc chạm đến được, vì sao quý vị tin? Y cứ đầu tiên khiến ngày nay chúng ta tin gọi là thánh ngôn lượng. Chúng ta tin Đức Thế Tôn không gạt người, lời của Chư Phật Chư Bồ Tát nói đều là thật.

Thời xưa, xã hội ngày xưa sự qua lại giữa con người và con người, điều kiện tiên quyết chính là tin tưởng nhau. Tôi tin mình, tôi tin người khác. Người khác cũng tin tưởng tôi. Xã hội bây giờ không có sự tin tưởng lẫn nhau, chẳng những không có sự tin tưởng lẫn nhau, đến mình cũng không tin chính bản thân mình, họ còn có thể thành tựu gì? Người không tín chính mình, đó là hạng người nào? Người trong tam đồ địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Có người nói, con người bây giờ không bằng ngạ quỷ súc sanh. Chúng ta thử nghĩ xem họ nói có đạo lý hay không? Thăm tra tường tận mới biết họ nói là có đạo lý. Vì sao trở thành như vậy? Giáo dục có vấn đề, không phải ngày nay có vấn đề. Vấn đề xảy ra từ 200 năm lại đây. Nói cách khác, đã dạy sai. Bây giờ quay đầu lại không phải là việc đơn giản, không quay đầu lại được. Không quay đầu được thì xã hội tiếp tục động loạn, thiên tai tiếp tục nhiều, ngày càng nhiều, ngày càng nghiêm trọng. Xem nghiêm trọng đến trình độ nào, con người mới tỉnh ngộ lại. Tỉnh lại tìm tổ tông, tìm người khác đều vô dụng.

Như các bạn nhỏ, trẻ em ba bốn tuổi gặp chuyện khó khăn nhất chúng làm gì? Chúng tìm ba mẹ chúng, không phải tìm ai khác. Chúng ta gặp chuyện thực tế không thể giải quyết, chỉ có tìm về tổ tông, các bậc tổ tông thật sự có cách. Họ đem những biện pháp này đều ghi vào trong kinh điển, lưu truyền cho hậu thế, giúp con cháu đời sau giải quyết nghi na tạp chúng. Con cháu đời sau nếu không đọc không học, đó là họa đáng phải chịu. Tai họa này quý vị đáng phải lãnh chịu, vì không nghe lời tổ tông. Ngạn ngữ có câu: “không nghe lời người trên thiệt thòi ngay trước mắt”. Thiệt thòi này chính là tai họa.

Bảy nhân duyên của trung bối vãng sanh chính là bảy điều kiện.
“*Nhất giả, phát vô thượng bồ đề tâm*”. Hoàn toàn tương đồng với thượng bối tam phẩm ở trước. Từ đó cho thấy, phát tâm bồ đề là điều kiện tiên quyết để vãng sanh. Phàm là vãng sanh không ai không phát tâm bồ đề. Tâm bồ đề, dùng cách

giải thích của Ngẫu Ích đại sư sẽ dễ hiểu. Ngài giải thích rất đơn giản, tin thật không có chút hoài nghi nào, tin thật có Phật A Di Đà, tin thật có thế giới Cực Lạc, tin thật y theo giáo huấn của Phật A Di Đà, khi lâm mạng chung Phật A Di Đà nhất định tiếp dẫn ta vãng sanh, đây gọi là tin thật. Tin thật tiếp theo là nguyện thật. Thế giới này còn gì lưu luyến chẳng? Không còn. Có lưu luyến, đó chính là trong kinh Phật nói: “phú quý học đạo nan”. Người phú quý cảm thấy thế gian này không tệ, rất tốt đẹp, không muốn rời xa.

Cho nên Đức Phật dạy đệ tử, dạy họ điều gì? Dạy họ chịu khổ, dạy họ trì giới. Suốt đời nghiêm trì giới luật, sinh hoạt vô cùng khó khăn. Họ đối với thế gian này không có lưu luyến. Hai điều sau cùng Đức Thế Tôn dạy về giới, làm nghịch tăng thượng duyên cho đệ tử, đây là việc tốt. Sinh hoạt càng khổ càng tốt, càng khổ chúng ta sẽ càng tinh tấn, càng dũng mãnh, đối với thế gian này sẽ không còn lưu luyến. Ăn quá đầy đủ, mặc quá đẹp, ở quá thoải mái, không muốn đi, nơi này không tệ. Tuy thế giới Cực Lạc tốt nhưng tôi chưa từng thấy còn ưu điểm hiện tại tôi đã nhìn thấy, đã hưởng thụ được.

Đức Như Lai một đời giảng kinh giáo hóa không có giảng đường, chúng ta ngày nay xây dựng giảng đường phú lệ huy hoàng như cung điện, nên không đành bỏ để ra đi, sau khi chết phải làm sao? Tiếc giảng đường này. Trong giảng đường có gì? Có chuột, có gián, có kiến, quý vị liền biến thành những thứ này, đầu thai làm những con này, vì sao vậy? Vì không đành lòng ra đi, quý vị xem đáng sợ biết bao!

Đức Thế Tôn rất có trí huệ, có phương tiện thiện xảo. Vì thế ngài làm gương cho chúng ta noi theo, suốt đời không cần giảng đường, không cần phòng nhà để ở. Buổi tối ngủ dưới gốc cây, ba y một bát, ngày ăn một bữa. Đây chính là lúc đức Phật tại thế, phương thức sinh hoạt của 49 năm thuyết pháp độ sanh, thật đã xả bỏ. Chúng ta phải hiểu, phải lãnh hội được tâm từ bi chân thành của Đức Phật. Từng giờ từng phút từng niệm đều nghĩ cho chúng ta, làm thế nào để chúng ta đối với thế gian này, thế giới hư huyền không thật này, không sanh lưu luyến. Ngài nghĩ ra nhiều phương pháp như vậy, chúng ta có thể y giáo phụng hành, đó chính là đệ tử ngoan, học trò ngoan.

Vì thế khi chịu khổ chịu nạn, lập tức nghĩ đến Đức Thế Tôn. Như vậy chúng ta chịu chút khổ chút nạn này thì có thấm vào đâu. Phật chịu khổ nhiều hơn

chúng ta gặp nhiều lần, lớn hơn nhiều và nhiều hơn rất nhiều, tâm chúng ta sẽ bình tĩnh, không còn cho rằng đây là việc khó khăn nên cần phải phát tâm.

“*Nhị giả, nhất hướng chuyên niệm Vô Lượng Thọ Phật*”, chính là Phật A Di Đà. Hai câu này tam bối cửu phẩm hoàn toàn tương đồng. Như vậy quý vị biết đây là điều kiện quan trọng nhất. Một phương hướng là chuyên niệm, chuyên niệm là không hoài nghi, không xen tạp. Mọi lúc mọi nơi niệm niệm không quên Phật A Di Đà.

“*Tam giả, đa thiểu tu thiện, phụng trì trai giới*”, điều này quan trọng. Trai: không ăn quá gạo gọi là trai. Trai không có nghĩa là ăn chay, quá gạo không ăn gọi là trai. Đức Phật ngày ăn một bữa, bữa cơm này là cơm trưa nhưng không được quá gạo. Không quá gạo là khi nào? Như hiện nay mà nói là từ 11 giờ đến 11 giờ 30, giờ này không quá gạo. Đây là thời gian ăn cơm mỗi ngày, sáng tối đều không ăn. Công việc sáng sớm là khát thực, thời gian sáng sớm đi khát thực. Khát thực nhất định ở thành thị, làng quê và thị trấn, nơi đông người mới có thể khát được bát cơm.

Tăng đoàn này của Đức Phật rất lớn, xuất gia có 1255 người, thêm Đức Thế Tôn là 1256 người, đây là tăng đoàn của Phật. Chúng ta nhất định sẽ nghĩ đến còn có những cư sĩ_người xuất gia ở nơi khác, người xuất gia trong các Tôn giáo khác, có không ít người theo Đức Thế Tôn học tập. Họ không phải theo ngài suốt đời, có người học một hai tháng, một năm, nửa năm, ba năm, năm năm, rất nhiều. Phương thức sinh hoạt của họ hoàn toàn giống với tăng đoàn, cũng đều là ba y một bát. Đệ tử tại gia của Phật, họ có quốc tịch khác nhau, dân tộc khác nhau, văn hóa khác nhau, tôn giáo tín ngưỡng khác nhau đều theo Đức Thế Tôn học. Đức Thế Tôn là nhà giáo dục, ngài không phải là tôn giáo.

Vì thế trước đây khi thầy Phương Đông Mỹ giới thiệu Phật giáo cho tôi, nói rằng Đức Thích Ca là nhà triết học vĩ đại nhất trên thế giới, kinh điển Phật giáo là triết học đỉnh cao nhất trên toàn thế giới, học Phật là sự hưởng thụ cao nhất của đời người. Thầy giới thiệu với tôi như vậy. Người hiếu học, bất luận là dân tộc nào, tín ngưỡng tôn giáo nào, họ đều cầu học. Họ đều muốn đi nghiên cứu sự uyên bác của triết học, chân tướng của vũ trụ họ đều muốn nghiên cứu. Suốt đời Đức Thế Tôn truyền dạy điều này. Vì thế nếu có người muốn hỏi, đặc biệt là những người đệ tử học Phật như chúng ta, bất luận tại gia hay xuất gia, người ta

hỏi chúng ta, Phật rốt cuộc là gì? Phật giáo nhiều kinh điển như vậy, trong đó nói về điều gì? Quý vị phải đáp được.

Phật giáo là gì? Phật giáo là giáo dục. Trong kinh Phật nói gì? Chân tướng của vũ trụ nhân sinh. Nói như cách nói hiện nay là triết học tối cao, khoa học tối cao. Những gì ngài nói là chân tướng nhân sinh vũ trụ, cũng chính là ba hiện tượng mà khoa học và triết học ngày nay nghiên cứu: hiện tượng tự nhiên, hiện tượng tâm lý và hiện tượng vật chất, nó không phải mê tín. Nó nâng cao trí huệ chúng ta, nâng cao linh tánh của chúng ta, và tự nhiên nâng cao phước báo của chúng ta. Có trí huệ nhất định có phước báo, có phước báo không nhất định có trí huệ. Phật là người có trí huệ viên mãn, ngài sẽ có phước báo viên mãn. Chúng ta muốn cầu trí huệ, cầu phước báo nên đến đây để học tập, trường học đó truyền dạy những điều này.

Điều kiện thứ ba này Phật dạy chúng ta “đa thiểu tu thiện”, hoặc nhiều hoặc ít, đừng quên phải tu thiện, xa rời tất cả bất thiện. Tiêu chuẩn thiện hay bất thiện, chính là Đức Thế Tôn nói Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo. Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo chính là tiêu chuẩn, điều đầu tiên là không sát sanh, thật sự làm được không sát sanh, quý vị nhất định không được ăn thịt. Cho nên có rất nhiều người nghe câu này không dám học Phật, vì sao vậy? Vì họ phải ăn thịt, không có thịt họ ăn cơm không nổi. Vì mạng sống của mình nên họ nhất định phải ăn thịt chúng sanh, cho rằng ăn thịt mới có dinh dưỡng, hiện tại lời này có vấn đề. Ngày xưa thịt chúng sanh có thể ăn, bây giờ thì không thể ăn thịt, vì sao vậy? Hiện nay thịt có độc, những thức ăn gia súc của vật chăn nuôi này, quý vị xem thấy sẽ giết mình.

Mấy năm trước là bốn năm năm trước_cư sĩ Tề Tố Bình mời tôi đến Khánh Vân tham quan, bà ta ở nơi đó xây dựng chùa Hải Đảo Kim Sơn. Khi tôi đến xem vẫn chưa hoàn chỉnh. Lãnh đạo ở đó rất hoan nghênh chúng tôi đến tham quan, ngày thứ hai cùng tôi đi xem căn cứ nuôi vịt, quy mô rất lớn, dẫn tôi đi xem. Trong đó có địa vị cũng tương đối cao, lãnh đạo của căn cứ này đi tham quan cùng tôi. Tôi thấy đàn vịt nhỏ, họ bắt một con để lên tay tôi, lớn bằng bàn tay tôi, dài như vậy, vịt con dài như vậy. Họ hỏi tôi, họ nói: Pháp sư thầy xem con vịt này sinh ra được mấy ngày rồi? Tôi đoán ít nhất từ một tuần đến mười ngày, bảy ngày đến mười ngày nó mới có thể lớn như vậy. Họ nói: mới sanh hôm qua, tôi ngăn người, mới sanh hôm qua, hôm nay đã lớn như vậy. Vịt này lớn lên bán ra thì

trường, tổng cộng bao nhiêu ngày? Hai tuần. Trước đây ở nông thôn tôi đã từng nuôi vịt, khi vịt lớn đi bán, thời gian bao lâu? Gần nửa năm. Sao bây giờ hai tuần là có thể bán? Chúng ăn những gì? Toàn là phân bón hóa học, chất kích thích, làm cho chúng phình ra, những thứ này có thể ăn được sao? Họ nói với tôi, một phần ba vịt nướng Bắc Kinh là chỗ họ cung cấp. Tôi quay lại nói với những người cùng đi: không được ăn trứng vịt nữa. Đừng nói không được ăn thịt vịt, trứng vịt cũng không được ăn, vì sao vậy? Chúng không bình thường! Nên người hiện nay mắc rất nhiều bệnh lạ, bệnh từ đâu đến? Cổ nhân nói rất hay: “bệnh vào từ miệng”.

Tôi nghe các bạn đồng tu Đài Loan nói hiện nay nuôi heo, sáu tuần heo đã bị bán đi để giết, đã lớn rồi. Trước đây phải nuôi mười tháng đến một năm, chúng mới có thể lớn được như vậy, bây giờ sáu tuần đã lớn như vậy rồi. Như gà, vịt hai ba tuần là được bán, cho nên hiện nay không thể ăn. Tôi theo thầy Phương nhiều năm, sau khi thầy qua đời tôi thường đến nhà Thầy thăm sư mẫu. Có một lần tôi hỏi bà, tôi nói: sư mẫu, bà nghĩ thử xem, hiện nay quý vị ăn những loại thịt này, như thịt heo, thịt gà với bốn năm mươi năm trước quý vị ăn những thứ đó, mùi vị giống nhau hay không? Bà ta suy nghĩ khoảng năm sáu phút sau đó nói với tôi, không giống nhau. Thật vậy, chẳng những ăn thịt không giống nhau, chúng ta ăn gạo và rau tươi cũng không giống nhau.

Trước đây rau rất thơm, mùi vị tươi ngon, bây giờ không còn. Chúng ta từ nhỏ đã ăn nấm, hương vị của nấm ở xa cũng ngửi được, mùi thơm thật sự, hiện nay không còn. Bây giờ ăn cũng không có mùi vị, chúng lớn rất nhanh, rất đẹp nhưng không có mùi vị. Điều này có liên quan đến tu thiện nhiều hay ít, có liên quan gì? Nhân tâm người xưa rất lương thiện, ảnh hưởng đến động vật lương thiện, thực vật cũng lương thiện. Lương thiện, nó sẽ sinh trưởng một cách bình thường, cho nên nó có năng lượng bình thường, nó có mùi vị bình thường, hiện nay hoàn toàn là phản thường!

Thường là gì? Người xưa nói ngũ thường. Thường đạo, không thể thay đổi, vĩnh hằng không thể thay đổi. Năm chữ, nhân_nhân ái, nghĩa_nghĩa là y theo đạo lý và tôn trong quy luật, việc gì cũng đều hợp tình, hợp lý, hợp pháp. Lễ phép, lễ phép giữa người và người không thể mất, lễ mất đi con người sẽ loạn. Trật tự trong nhà sẽ loạn, trật tự xã hội cũng loạn, không còn lễ. Trí_trí là lý trí, không thể dùng tình cảm, phải dùng lý trí. Đối nhân xử thế không nên dùng tình đối đãi

nên dùng trí đối đãi. Sau cùng là tín, nhân nghĩa lễ trí tín. Trong Tả Truyện nói: “nhân khí thường tắc yêu hung”, câu này nói gì? Người nếu đánh mất ngũ thường, cũng chính là bất nhân, bất nghĩa, vô lễ, vô trí, bất tín, người này không phải là người. Là gì? Là yêu ma quỷ quái. Yêu ma quỷ quái bất nhân, bất nghĩa, vô lễ, vô trí, bất tín, họ không còn là người nữa. Vì thế nhà không giống nhà, xã hội không như xã hội, đất nước không ra đất nước, thế giới không thành thế giới.

Ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức là thiện. Thiện chẳng thể không tu, hôm nay người khác không tu thiện, tự mình tu thiện, vì sao vậy? Vì trong cộng nghiệp có biệt nghiệp, thiện nhân kết thiện nghiệp, ác nhân chiêu ác báo, sao có thể không làm? Làm sao có thể không làm? Sinh ở xã hội này, không đọc sách thánh hiền, không biết được tiêu chuẩn thiện ác nên sách thánh hiền vẫn phải đọc. Tối thiểu nhất là Đệ Tử Quy, tiêu chuẩn thiện thế gian. Thập thiện nghiệp là tiêu chuẩn pháp thế xuất thế. Thái Thượng Cảm Ứng Thiên là tiêu chuẩn nhân quả. Ba phần này là ba cái gốc của Nho Thích Đạo, không thể không học. Nỗ lực học tập chính là tu thiện, trì giới. Ba thứ này là cơ sở giới luật Phật pháp, căn bản giới luật.

Ngày nay học Phật, giới luật rất lỏng lẻo, do nguyên nhân gì? Không học ba gốc này nên giới luật này là giả, không phải thật. Nếu chúng ta lấy thiện tâm đối đãi chính mình, phải lấy thiện tâm đối người, phải lấy thiện tâm đối với tất cả chúng sanh. Thế giới tây phương Cực Lạc hoan nghênh hạng người này. Bất nhân, bất nghĩa, vô lễ, vô trí, bất tín. Những người này một ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu cũng không thể vãng sanh, nguyện nhân gì? Vì họ không phải thiện nhân, làm ra vẻ bên ngoài là giả thiện nhân, ngụy thiện nhân. Hạng người này không thể vãng sanh. Chúng ta nhất định phải nhớ, nếu mình học ngụy thiện, thế giới Cực Lạc không có phần, nhất định phải chân thiện.

“*Tứ giả, khởi lập tháp tượng*”, đây là gì? Đây là thuộc về chánh pháp cửu trú. Xây tháp tạo tượng, tiếp theo chính là cúng dường kinh điển, cũng thuộc về loại này. In kinh, bố thí, cúng dường, đây là tu phước. Xây tháp chúng ta liền nghĩ đến chùa, xây tháp cúng Phật, dựng chùa an tăng, để người xuất gia có nơi tu học, họ có nơi cư trú, có chỗ học tập, đây là đại phước báo. Nên biết rằng người học Phật là người tốt, nếu có thể hộ trì họ, có thể thành tựu họ. Họ một đời thành tựu chính là thành tựu của quý vị, có gì vui hơn, sao không làm?

Vì sao họ có thể thành tựu? Vì quý vị giúp họ mới có thành tựu, nếu quý vị không giúp họ sẽ không thành tựu. Họ có bao nhiêu thành tựu, quý vị sẽ có bấy nhiêu phước báo. Quý vị không nhất định có trí huệ nhưng quý vị có phước báo. Nếu quý vị học Phật thì phước huệ đều tăng trưởng, còn không học Phật thì nên cúng dường, hộ trì họ, quý vị có phước báo lớn.

Quý vị thử nghĩ xem, đế vương thời cổ đại, tại sao phước báo lớn như vậy? Trong xã hội thông thường chúng ta nói, giàu không qua ba đời. Quý vị đã phát, rất có phước, đời này của quý vị, con cái có thể đến đời cháu là suy yếu. Trong thời hiện đại quý vị thử quan sát kỹ, bao nhiêu người đại phú đại quý, ngay trong đời họ cũng không giữ được. Khi trẻ phát tài đến bốn năm mươi tuổi là bại, năm sáu mươi tuổi phát nhưng bảy tám mươi tuổi là không còn. Rất nhiều, công ty đóng cửa, phá sản. Trong nước, nước ngoài chúng ta đều thường thấy, một đời cũng không giữ được.

Quý vị thử nghĩ xem, trước đây các bậc đế vương đại thần, đại phú trưởng giả, họ có thể truyền đến mười mấy đời, dựa vào điều gì? Dựa vào tu thiện tích đức. Thiện và đức với văn hóa cùng giáo dục Phật giáo có sự liên quan mật thiết với nhau. Đế vương, đại thần, đại phú trưởng giả, không ai không hộ trì Phật pháp. Chính mình có học hay không không nhất định, nhưng đều hộ trì Phật pháp, vì sao vậy? Vì họ biết điều này có thể tu đại phước, rất nhiều. Vì thế các vị đế vương có thể truyền mười mấy đời, hai mươi mấy đời, truyền mấy trăm năm, đây là phước báo lớn, tu rất tốt. Họ biết tu phước, biết tích đức, không phải một hai đời là hết.

Điều này phải có trí huệ, phải nghĩ đến tu điều gì mới có thể khiến con cháu mình đời đời hưởng thụ. Chonên công đức dựng tháp tạo tượng thật không thể nghĩ bàn, như tạo tượng Phật, bất luận người nào thấy được tượng Phật, trong A lại da liền trồng được chút thiện căn. Ấn tượng của Phật in vào trong A lại da. Đời này không thể thành tựu, đời sau kiếp sau gặp được duyên, chủng tử này liền khởi hiện hành. Chủng tử này ai trồng cho họ? Là quý vị trồng cho họ. Vì thế tạo một tượng Phật hoặc tượng Bồ Tát trang nghiêm có thể trồng thiện căn cho rất nhiều người. Ấn tống kinh sách, lưu thông pháp bảo, đó là tiếp điều gì? Đó là tiếp những người chịu đọc sách, đây là thiếu số. Đến chùa tham quan, nhìn thấy tượng Phật, đó là đa số. Đây đều là việc tốt, đạt được đều là đại phước báo.

“*Ngũ giả, phạn thực sa môn*”. Đây chính là cúng dường người xuất gia, thầy người xuất gia đi khất thực nhất định phải cúng dường. Thời cổ Ấn độ nó trở thành một tập quán, mỗi nhà nấu cơm họ đều nấu nhiều hơn một chút, vì sao vậy? Vì nếu có người xuất gia đến khất thực, cúng dường họ một bát cơm, ngoài ra họ không cần gì cả. Mỗi ngày chỉ cần một bát cơm mà thôi. Thời xưa đem cơm cúng dường sa môn, hiện nay đều dùng tiền để thay thế. Người Trung Quốc cúng dường bao thư, chính là thay thế phạn thực sa môn, cũng chính là giúp họ về mặt vật chất không đến nỗi thiếu, khiến họ có thể an cư. Có câu: “tâm an thì đạo mới tiến”, họ mới có thể an tâm làm việc đạo.

Nhưng cúng dường nhất định phải có chừng mực. Cúng dường quá nhiều khiến họ khởi tâm tham, như vậy là quý vị đưa họ vào địa ngục. Cúng dường này chẳng những không có phước mà quý vị còn tạo thêm tội nghiệp. Vốn họ là một người xuất gia tốt, bây giờ khiến họ khởi tâm sân si mạn. Họ đọa lạc, quý vị phải chịu trách nhiệm. Cúng dường đương nhiên là tu phước, phước cũng sẽ biến thành họa.

Quý vị xem hai chữ phước và họa bằng chữ hán có cách viết rất giống nhau, không cẩn thận phước liền biến thành họa, đây chính là ý này nên văn tự Trung Quốc là phù hiệu của trí huệ. Không cẩn thận, vốn là trồng phước về sau trở thành họa hại.

Vì thế cổ nhân, thời cổ rất tốt. Thời xưa xây dựng một ngôi chùa, kinh tế trong chùa vốn dựa vào điều gì? Có một vài tìn đồ cúng dường đất ruộng. Những đất ruộng này họ có thể cho nông dân thuê để trồng trọt, thu tiền thuê ở nông dân. Nông dân thu hoạch lương thực trên đất đó, chia một ít cho chùa, nguồn gốc kinh tế của chùa sẽ cố định. Họ không cần quyên góp, họ cũng không cần làm Phật sự, cũng không cần làm kinh sám. Không cần thiết, cuộc sống rất ổn định nên ngày ngày họ nghiên cứu kinh điển, tinh tấn tu hành.

Không như bây giờ, hiện nay trong chùa không có nguồn gốc kinh tế, nguồn gốc kinh tế dựa vào điều gì? Hoàn toàn dựa vào sự cúng dường của tìn đồ, đây quả là điều đáng lo ngại, tệ hại sẽ phát sanh. Trở thành người xuất gia không thể không phan duyên, không phan duyên tìn đồ không đến, kinh tế trong chùa sẽ đoạn tuyệt. Chúng ta hiểu được đạo lý này, nên ngày nay thành lập đạo tràng, nếu hoàn cảnh cho phép, có thêm một ít đất cũng tốt, để trồng trọt. Mình không trồng trọt được thì nhờ nông dân trồng.

Chúng tôi ở Úc Châu trồng trọt chính là nhờ nông dân, nông dân ở đó, chúng tôi trả tiền công. Ngày công bao nhiêu tiền, tôi trả tiền công cho họ. Quý vị trồng cho tôi bao nhiêu ngày, tôi sẽ trả chừng đó tiền công, thu hoạch xong tất cả đều là của chúng tôi. Chúng tôi canh tác đại quy mô là bắt đầu từ năm ngoái, năm ngoái thu hoạch không tệ, đây là làm thí nghiệm. Chúng tôi trồng lúa, thu hoạch được một vạn ba ngàn cân. Hy vọng trong tương lai món chính và món phụ của chúng tôi, cùng rau xanh đều có thể tự cung cấp đầy đủ, mà còn có thể bán ra thị trường. Cuộc sống của chúng tôi sẽ ổn định, không cần dựa vào sự cúng dường ở bên ngoài, chúng tôi cũng có thể sống qua ngày. Cho nên tín đồ cúng dường tiền cho chúng tôi, chúng tôi đem đi mua đất, hiện nay có khoảng hơn một vạn mẫu đất.

Chúng tôi kế hoạch về mặt thức ăn chính chúng tôi trồng lúa, lúa mì, bắp, khoai lang, khoai tây, đậu phụng, những thứ này đều có thể dùng làm thức ăn chính. Rau xanh, vườn rau chúng tôi rất lớn. Mỗi ngày có thể cung cấp cho 500 người là không vấn đề, chúng tôi tự sản xuất. Bách Trượng đại sư nói: “một ngày không làm, một ngày không ăn”. Chúng tôi làm nông canh, chỉ có như vậy, thức ăn mới đáng tin. Hiện nay sợ điều gì? Sợ thuốc sâu, sợ phân bón. Chúng tôi làm không có thuốc, không có phân bón, thật là thực phẩm an toàn. Tôi cảm thấy tự viện am đường nên dùng phương pháp ngày xưa. Chúng ta kiến lập ở nông thôn, ở làng quê không nên kiến lập ở đô thị, đô thị không có đất để canh nông. Hoàn cảnh tu học nhất định phải u nhã, phải thanh tịnh. Người quá đông không tốt, người đông trở thành đạo tràng náo nhiệt, biến thành đô hội, ở đó không thể tu hành. Người đông thì giao tiếp nhiều, như vậy không phải đã làm kinh tế du lịch rồi sao, như vậy làm sao tu hành được? Nên những đạo lý này cần phải hiểu, không hiểu không được.

“*Lục giả, huyền tăng nhiên đặng, tán hoa thiêu hương*”. Việc này chính là hiện nay nói tuyên dương Phật giáo, làm việc hoằng pháp lợi sanh đối với quần chúng. “Tăng” là vật dẹt may, nhà Phật gọi là tràng phan. Dẹp gọi là phan, tròn gọi là tràng. Tròn rất giống ống giở sên bay, hình tròn. Thời xưa đây là một tín hiệu của chùa đối với đại chúng, hôm nay chùa có pháp hội, chùa có cột cờ, trên cột có treo cờ, người ta thấy có cờ, chùa hôm nay treo cờ, biết rằng hôm nay chùa có pháp hội. Người thích tham gia pháp hội thì tự đến. Ngày xưa không có cách nào thông báo nên dùng phương pháp này. Nếu trong chùa có giảng kinh thì treo

tràng, nhìn thấy treo tràng hình tròn, biết rằng chùa hôm nay giảng kinh, thích nghe kinh họ sẽ đến.

Bây giờ không có, hiện nay dùng điện thoại, dùng mạng internet để thông báo. Dùng báo chí, trên báo chí đăng quảng cáo. Hoặc là đài truyền hình quảng cáo, cũng được.

Thời xưa không có những công cụ này, vì thế phải treo tràng phan. Dùng cái này làm tin tức truyền bá, đây đều thuộc về hoạt động, một loại tuyên truyền cho phương diện hoạt động.

“Nhiên đăng”, “tán hoa”, “thieu hương” đây là cúng Phật. Đăng tượng trưng cho trí huệ, thời Phật thấp sắp, thấp đèn dầu là tượng trưng cho trí huệ, một nghĩa khác là tượng trưng phụng hiến. Thieu đốt mình để soi sáng người khác, chính là nói xả mình vì người. Đốt hương, người xuất gia đốt hương trên đỉnh đầu, chắm liêu. Có người nói đây là dấu thọ giới, sai lầm. Giới làm gì có dấu, thọ giới không có dấu, đốt hương mới có dấu. Đốt hương có ý gì? Ở trước Phật tiền phát thế, con đốt thân mình để chiếu soi người khác. Ý này chính là hy sinh mình, tôi muốn phụng hiến cho người khác, vì người khác phục vụ, chính là ý này.

Trên đầu đốt rất nhiều, nhưng tự tư tự lợi, keo kiệt, như vậy hoàn toàn chỉ là gạt người, quý vị gạt ai? Gạt Phật Bồ Tát. Trước Phật Bồ Tát đốt hương phát nguyện, mà chính mình không thực hiện, như vậy là hoàn toàn sai. Quý vị đốt chắm hương này là có tội, gạt Phật, gạt chúng sanh. Thông thường đệ tử tại gia đốt hương trên cánh tay, xuất gia đốt hương trên đỉnh đầu. Thực tế đây đều là người xưa y giáo phụng hành. Toàn thế giới không có đốt hương trên đỉnh đầu, đốt ở cánh tay. Trong kinh Phật có, nó nói với quý vị, quý vị phải hiểu ý nghĩa này. Trước Phật Bồ Tát phát thế xả thân vì người, không nhất định phải đốt hương, nên hiểu ý này. Chúng ta thật sự đã đốt, đốt rồi cũng tốt. Từng giờ từng phút cảnh tỉnh mình, khiến mình đừng quên, điều này rất tốt. Chonên nhất định phải hiểu được dụng ý của nó, không biết dụng ý của nó, là quý vị sẽ sai lầm.

Tán hoa, đây đều là cúng dường. Hoa tượng trưng điều gì? Hoa tượng trưng cho nhân. Thực vật trước khai hoa sau mới kết quả, hoa nở đẹp, quả nhất định ngon, nên hoa tượng trưng nhân, đây là biểu pháp, biểu thiện nhân thiện quả, ác nhân ác quả, tượng trưng cho ý này. Chonên cúng hoa lên đức Phật, quý vị hiểu được ý nghĩa cúng hoa, không phải Phật muốn nhìn, mà là nhắc nhở chúng ta thiện nhân thiện quả, chính là ý này.

Đăng tượng trưng thiêu đốt mình, chiếu soi người khác. Đốt hương, hương tượng trưng tín, tượng trưng giới định. Nhà Phật nói giới định là chân hương, nên đốt cây hương này quý vị phải nghĩ đến trì giới, tu định, nhắc nhở quý vị, tác dụng là ở đây. Nếu nói cây hương này là cúng Phật, không liên quan đến mình, sai hoàn toàn. Phật cần hương này để làm gì? Phật không cần gì cả. Đốt hương trước Phật là xin ngài chứng minh cho chúng ta, chúng ta phải học tập, chính là ý này. Con muốn tu giới, tu định, Phật hãy chứng minh cho con, đây không phải là Phật cần.

Hương còn tượng trưng cho tín, gọi là tín hương, ý nghĩa này cũng rất sâu. Ngày xưa truyền tin tức, không có khoa học kỹ thuật như ngày nay. Biên phòng ở ngoài mấy ngàn dặm, nếu địch nhân xâm phạm chỗ chúng ta ở, làm sao đem tin tức này lập tức thông báo cho hoàng thượng? Nên đã nghĩ ra phương pháp. Phòng ngự của phương bắc Trung Quốc là Trường thành, Trường thành cứ cách một đoạn lại có một phong hỏa đài, quý vị đến Trường thành tham quan sẽ thấy được. Phong hỏa đài là gì? Giống như lư hương vậy. Biên giới có việc gì, họ sẽ đốt phân sói để báo động, phân của con sói, đốt phân sói. Vì khói của sói không dễ bị gió thổi đi, không dễ thổi bay đi được. Đốt khói này lên, người thứ hai nhìn thấy lập tức đốt chỗ của mình lên. Như vậy khoảng mấy tiếng đồng hồ là có thể truyền đến Bắc Kinh, ở Bắc Kinh liền biết ngay, dùng phương pháp này truyền tin tức. Phong hỏa đài giống như lư hương vậy. Đốt cây hương này biểu chúng ta đã truyền tin tức đến với Chư Phật Bồ Tát, tức là ý này, là biểu pháp. Nếu quý vị không biết là biểu pháp, thấp đèn chỉ uổng phí, đốt hương cũng uổng, rải hoa cũng vô ích, quý vị hoàn toàn không hiểu được ý của nó. Nếu quý vị hiểu từng giờ từng phút đều đang cảnh tỉnh mình, nói với mình nên tu hành như thế nào. Nó là giáo dục, dùng thuật ngữ hiện nay thì nó giáo cụ, công cụ dạy học. Bao gồm đắp nệm ở trước nói khởi lập tháp tượng, cũng là công cụ, giáo cụ. Khiến quý vị khi thấy tượng Phật, cũng muốn tu hành được như ngài vậy. Tôi vốn là Phật, vì sao biến thành thế này? Phải siêng năng nỗ lực tu hành, trở về bản vị. Phật tượng trưng tánh đức, tự tánh vốn có. Bồ Tát tượng trưng tu đức, nếu tôi không siêng năng tu hành, tôi không trở về được bản vị.

Tu là gì? Tu là tu chánh, tu hành. Hành là gì? Hành là hành vi, hành vi của chúng ta sai, nhất định phải cải chánh lại. Tiêu chuẩn chính là kinh luật luận, những gì Đức Phật dạy trong 49 năm, đó là tiêu chuẩn. Kinh luận là tu chánh tu

tưởng hành vi của chúng ta. Tư tưởng kiến giải chúng ta là chánh hay tà, phải dùng kinh luận làm tiêu chuẩn.

Giới luật, những giới điều này là miệng của chúng ta, là thân chúng ta, là hành vi của thân khẩu. Chúng ta nói chuyện có nói sai hay không, động tác chúng ta có sai lầm chẳng, đó là giới luật. Chonên giới luật là tiêu chuẩn tu chánh hành vi thân khẩu. Kinh luận là tiêu chuẩn tu chánh hành vi tư tưởng, phải hiểu được dụng ý của nó. Trong Phật pháp chúng ta thật sự thấu triệt được, hành vi đoan chánh đối với lợi ích hiện tiền của chính mình_chính là những gì thầy Phương Đông Mỹ nói, trong đời này quý vị đã hưởng thụ cao nhất của nhân sinh. Hưởng thụ cao nhất là gì? Sinh hoạt tinh thần, quý vị sống cuộc sống của Chư Phật bồ Tát. Quý vị có thể đạt đến trình độ này, tâm thanh tịnh tiết dục, không có phiền não, không lo lắng, không vương bận, hiện nay gọi là không có áp lực.

Thân tâm quý vị không có bệnh hoạn, mạnh khỏe trường thọ, vô cùng an vui, đây là hạnh phúc mỹ mãn chân thật. Hạnh phúc mỹ mãn không phải địa vị cao, không phải sở hữu bao nhiêu tài sản, không liên quan đến những điều này. Chúng ta thấy người có địa vị cao, cũng thấy người sở hữu vạn ức của cải, nhưng cuộc sống họ không hạnh phúc, họ không an vui như tôi, không tự tại như tôi. Nhân sinh an vui tự tại không hề liên quan đến địa vị hay của cải.

Trong sách tịch cổ chúng ta thấy được, Khổng Tử là bình dân, hoàn cảnh vật chất không tốt lắm. Trong số học sinh, điều kiện sinh hoạt vật chất kém nhất là Nhan Hồi,nhưng Phu Tử tán thán trong số học sinh sống hạnh phúc nhất, an vui nhất chính là Nhan Hồi, Khổng Tử khen ngợi ông như vậy. Nhan Hồi đích thực như ngày nay chúng ta nói hoàn toàn thanh bần, nhưng ông có cuộc sống tinh thần rất mỹ mãn.Từ đâu mà có? “Học nhi thời tập chi bất diệc duyệt hồ”. Ông vui vô cùng, khi đọc sách thánh hiền, thực hành giáo huấn của thánh hiền. Thường có chỗ ngộ, làm sao không vui được?

Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác không trái với giáo huấn của thánh hiền. Có nghĩa là tương truyền từ xưa đến nay, chính là cương lĩnh chung, nguyên tắc chung của truyền thống văn hóa. Tứ khoa, đều làm được. Ngũ luân đã làm được, “phụ tử hữu thân, phu phụ hữu biệt, quân thần hữu nghĩa, trưởng ấu hữu tự, bằng hữu hữu tín”. Đã thực hiện được, làm sao không vui! Ngũ thường đã làm được, “nhân lễ nghĩa trí tín”, đều làm được hết. Tứ duy bát đức cũng làm được, tứ duy bát đức tổng cộng có 12 chữ: “Hiếu đê trung tín, lễ nghĩa liêm sĩ, nhân ái hòa

bình”. Hoàn toàn làm được, trong lòng hoan hỷ. Trong Phật pháp nói pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ. Không Tử, Nhan Hồi thật đã sống cuộc sống như thế.

Sau cùng là thứ bảy “*dĩ thử hồi hướng, nguyện sanh an lạc*”, an lạc chính là thế giới Cực Lạc. Đem công đức tu hành của thân khẩu ý, không vì mình, cũng chính là đối với thế gian này không có mong cầu gì. Hồi hướng, hồi hướng những gì tôi cầu.

Thứ nhất, hồi hướng thực tế, thực tế là gì? Trở về tự tánh. Mục tiêu rốt ráo cuối cùng của chúng ta chính là minh tâm kiến tánh. Hồi hướng thực tế chính là cầu minh tâm kiến tánh.

Thứ hai là hồi hướng bồ đề. Bồ đề là trí huệ, là giác ngộ, không chút liên quan đến danh văn lợi dưỡng.

Thứ ba là hồi hướng chúng sanh, hồi hướng chúng sanh chính là dạy học. Dạy học điều đầu tiên là thân giáo, tôi nhất định thực hành những gì đã học, thực hành trong sinh hoạt, công việc, đối nhân tiếp vật của mình. Đại chúng đều nhìn thấy, đại chúng đều theo quý vị học tập, đây là hồi hướng. Tôi được giáo huấn của thánh hiền, đạt được lợi ích thù thắng của giáo huấn thánh hiền, đó chính là đời sống tự tại. Tôi phải đem đời sống tự tại này chia sẻ với mọi người, không phải hưởng cho riêng mình.

Đức Thế Tôn 30 tuổi đại triệt đại ngộ, hồi hướng này, hồi hướng thực tế ngài đã làm xong, hồi hướng bồ đề cũng làm xong. 49 năm giảng kinh thuyết pháp là hồi hướng chúng sanh. Sinh hoạt thường ngày của ngài, hồi hướng chúng sanh là làm gương cho chúng sanh. Quý vị xem ngài thể hiện không tranh với người, không mong cầu với thế gian, tri túc thường lạc. Suốt cuộc đời vui vì việc dạy học không hề mệt mỏi, vì sao? Sự nghiệp này là sự nghiệp vĩ đại nhất của cõi trời cõi người. Giúp tất cả chúng sanh phá mê khai ngộ, ly khổ đắc lạc, không có gì vĩ đại hơn sự nghiệp này. Làm sự nghiệp lớn lao, tâm tình thư thái biết bao, an vui biết bao. Nên pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ, không học không thể hội được điều này, quý vị thật sự học mới thật sự cảm nhận được.

60 năm trước, Chương Gia đại sư dạy tôi học Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, tôi rất nghe lời. 60 năm này tôi đi theo con đường này, càng đi càng thích, càng đi càng tự tại, pháp hỷ sung mãn. Tham dự những hoạt động trên quốc tế, đó là sau sự kiện 11/9. Đại học Côn Sĩ Lan và đại học Cách Lí Phi Tư, hai vị hiệu trưởng

đến tìm tôi. Hy vọng tôi có thể giúp Liên Hiệp Quốc hóa giải xung đột, xúc tiến xã hội an định, thế giới hòa bình, làm công việc này. Tôi nghĩ đây là đau khổ của con người hiện nay trên toàn thế giới. Người xuất gia chúng ta nên có chút tâm từ bi, dốc thêm chút sức đại diện nhà trường tham gia hội nghị Liên Hiệp Quốc.

Mười mấy lần hội nghị, tôi đều đem truyền thống văn hóa, đặc biệt là truyền thống dạy học, Phật pháp đại thừa giới thiệu cho họ. Nói rất nhiều lần mà còn có biểu diễn. Biểu diễn việc chúng tôi làm thí nghiệm ba năm ở Thang Trì, báo cáo lên Liên Hiệp Quốc biết. Họ đã nghe được, đã nhìn thấy. Việc của tôi không còn nữa, đã làm xong. Đây chính là chấm một dấu chấm, tôi trở về bản vị. Bất cứ hoạt động nào tôi cũng không muốn tham gia, làm tốt tấm gương của một người xuất gia chân chính. Người xuất gia chân chính là sao? Như Đức Như lai vậy, ngày ngày dạy học, ngoài việc này ra không còn việc gì khác. Hiện tại tôi rất tự tại, ngày ngày có thể đọc kinh bốn tiếng, có thể cùng với mọi người chia sẻ bốn tiếng đồng hồ, an vui vô cùng! Sống một ngày làm một ngày, ngày nào không làm là ngày đó tôi ra đi. Đây là chánh nghiệp của người xuất gia, không thể không biết. Đức Thế Tôn suốt đời vui vì điều này, không hề biết mệt. Tôi rất may mắn, vô cùng cảm kích Chương Gia đại sư dạy tôi con đường này, con đường này tôi nhất định đi đến cùng, làm tấm gương tốt cho người xuất gia. Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 411

Chuyên ngữ: Liên Hải

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 13.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 512, bắt đầu xem từ chữ “đệ tam” trong hàng thứ năm. “Đệ tam tùy kĩ tu hành chư thiện công đức”. Trong Lược Luận nói rằng: “trung bối vãng sanh có bảy loại nhân duyên.” Đoạn trước chúng ta cũng nói rất tường tận rồi, tôi chưa xem đến đoạn sau, Hoàng Niệm Lão có chú giải tỉ mỉ. Bảy loại nhân duyên này, chúng ta phải hiểu rõ ràng, phải học tập. Có lặp lại nhiều lần cũng là điều tốt.

Thứ nhất, phát bồ đề tâm

Thứ hai, nhất hướng chuyên niệm.

Vậy là không thừa thãi, ngài không chú giải hai câu này. Vì trong thượng bối vãng sanh nói rất tường tận rồi. Từ “đệ tam tùy kĩ tu hành chư thiện công đức”. Ba là tu thiện nhiều ít, phụng trì trai giới, tức là chú thích của câu này. Nghĩa là trong các thiện công đức, tùy hết khả năng của mình, cố gắng để đạt được. Đó là tùy phận tùy sức, và còn tùy duyên. Bản thân tuy có khả năng này, nếu như duyên không thành thực vẫn không thể làm.

Phật dạy chúng ta “tùy duyên diệu dụng”. “Diệu” là không chấp tướng, diệu là trí tuệ. Trí tuệ có thể khiến cho chúng ta biết được duyên này có thể tùy thuận hay không. Tùy duyên làm được đến mức nào, nhưng không theo cảm tính. Cảm tính luôn luôn có phiền não, tạp niệm bất thiện ở trong đó. Chẳng những sự việc làm không được viên mãn, có thể còn gây tạo rất nhiều ác nghiệp. Điều này không thể không biết.

Phụng trì trai giới, trong Đại Thừa Nghĩa Chương Thập Nhị nói rằng: “phòng cấm vô danh vi giới, khiết tịnh cố danh vi trai”. Phòng cấm cũng chính là phòng ác. Ngăn ngừa chúng ta gây tạo các nghiệp bất thiện. Những lời giáo giới của đức Thế Tôn như thế này, chúng ta gọi nó là “giới” hay là giới luật. Khiết tịnh nên gọi là “trai”. “Trai” là không ăn quá ngọ. Nên biết không ăn quá ngọ có những điều rất tốt đối với sức khỏe thân thể. Trong Tứ Phần Luật Âm Nghĩa, giới là “giới” cũng là nghĩa khác của “luật”, tiếng Phạn là Tam Ba La, tiếng Hán dịch là “cấm”, giới cũng có nghĩa là “cấm”. Ở đây từ chữ để giải thích chữ.

“Trai” nghĩa là không ăn quá ngộ. Chánh ngộ cho là chánh thời, sau đó gọi là phi thời. “Thời” là nên ăn, “phi thời” tức không nên ăn. Quá trưa thì không ăn, tức thường nói là không ăn quá ngộ, gọi là “trì trai”. Quá ngộ này, nhất định phải biết ngộ này tức là trung ngộ, vì giờ ngộ từ 11 giờ đến 1 giờ đều là giờ ngộ. Mà trong kinh Phật nói “quá trung bất thực”, không phải là “quá ngộ bất thực”. Quá ngộ là cách nói của người Trung Quốc. Nhất định phải biết ngộ này là “trung ngộ”, giờ ngộ sau buổi trưa cũng phi thời, tức không được ăn. Đó gọi là trì trai.

Lại trong Nam Sơn Nghiệp Sớ nói: “Trai nghĩa là tề, trai tịnh tâm này, hay nói là thanh tịnh, nên trì trai là làm thanh lọc tâm bất tịnh”. Thanh này là thanh trừ. Thanh trừ tất cả những bất tịnh ở trong tâm. Đó là nghĩa của chữ “trai”.

Lại nữa trong Hội Sớ nói: trai là giới, tức Bát trai giới, Bát quan trai giới, và “nhiếp các giới lớn nhỏ”, nghĩa này rất rộng. Hơn nữa giới là thầy của người, đạo đời đều phụng trì. Tâm là chủ của nghiệp, phạm thánh đều phải chế ngự, chánh pháp trụ, diệt, đều do đây cả. Mấy câu này rất quan trọng, vì sao giới là thầy của người? Vì nó là chuẩn mực của cuộc sống. Tiêu chuẩn qui phạm này là lấy Thánh hiền làm tiêu chuẩn. Học Phật là học Thánh, học Hiền. Phật là Thánh nhân, Bồ Tát là Hiền nhân. Cho nên bất luận là người tu đạo hay là tại gia, mọi người đều tôn trọng phụng trì giới. Đây hoàn toàn là nói về sự. Tâm là chủ của nghiệp, nghiệp là tạo nghiệp. Tịnh nghiệp, nhiễm nghiệp, thiện nghiệp, ác nghiệp, tâm là chủ. Đại Thừa kết tội hoàn toàn do nơi tâm, quý vị dùng tâm gì, giáo lý Đại Thừa bàn về tâm không bàn về sự. Giáo lý tiểu thừa bàn sự không bàn tâm. Trong đây có sự sai biệt rất lớn. Ví dụ nghiệp sát, Đại Thừa khởi niệm muốn giết họ, nhưng chưa thật sự giết họ, thì đã là phá giới rồi. Giới sát này tội đã được thành lập. Giới Tiểu thừa khởi tâm động niệm muốn giết người, chưa thực sự giết người, thì không tính, như vậy vẫn chưa phá giới. Cho nên giới tiểu thừa dễ trì, giới Đại Thừa Bồ Tát khó trì. Bồ Tát kết tội từ nơi tâm địa. Tiểu thừa gần giống với pháp luật của thế gian chúng ta. Chưa có hành động thì chưa kết tội. Cho nên bất luận là phạm phu hay là Phật Bồ Tát, tất cả đều phải tuân thủ. Chánh pháp có thể trú thế lâu dài hay không đều nhờ giới luật. Giới luật không còn nữa, chánh pháp sẽ không còn, sẽ bị diệt. Nên câu này rất quan trọng. Nếu như chúng ta muốn chánh pháp có thể phục hưng trở lại, trì giới là điều rất quan trọng.

Trì giới không phải là hình thức, trì giới nơi tâm địa. Vì sao giới này không thể trì giữ? Không những giới, ngày cả thập thiện nghiệp cũng không làm được. Điều này khiến chúng ta phải quan sát tỉ mỉ, tư duy tường tận. Thực sự hiểu rõ chúng ta đã sơ suất điều căn bản. Căn bản chính là ba cái gốc Nho Thích Đạo. Vì Phật

Giáo Trung Quốc từ nửa cuối đời nhà Đường về sau, đã không học Tiểu thừa nữa. Nhà Đường thời kỳ đầu như vào niên đại Trinh Quán, vẫn còn Tiểu thừa Câu Xá Tông, Thành Thật Tông. Tu học Phật Pháp, Phật nói rất rõ, không học Tiểu thừa trước rồi sau học Đại Thừa không phải đệ tử Phật. Không tuân thủ lời giáo huấn của Phật, thì Phật pháp dần dần sẽ suy diệt.

[Cắt bỏ từ phút 12:27 đến phút 13. Chư vị tổ sư trong các triều đại của Trung Quốc, chủ trương không cần học Tiểu thừa, dùng Nho và Đạo để thay thế. Điều này rất tốt, Phật là người biết lý lẽ, những điều Nho, Đạo nói còn thù thắng hơn Tiểu thừa, tâm lượng lớn hơn Tiểu thừa, cho nên nó tương ứng với Đại Thừa hơn.] Từ nửa đời Đường đến nhà Thanh gần 1300 năm, trong khoảng một ngàn ba trăm bốn trăm năm, quý vị nhìn xem tông môn, giáo môn xuất hiện biết bao chư vị cao tăng thạc đức. Từ đây có thể chứng minh những điều Tổ sư chúng ta làm là đúng đắn. Nho giáo, Đạo giáo là văn hóa bản địa Trung Quốc, nó tương thông mật thiết với Đại Thừa. Từ Nho giáo, Đạo giáo vào Đại Thừa rất dễ dàng. Đây là điểm đặc sắc của Phật Giáo Trung Quốc. Nếu như chúng ta không có nền tảng Nho Đạo, lại không học Tiểu thừa, thì Đại Thừa có tu học như thế nào, cũng chỉ dừng lại ở phạm vi tri thức, chứ không khai trí tuệ.

Hơn một trăm năm trở lại đây không ít người tu hành tại gia xuất gia, chưa nghe nói có người nào khai ngộ. Điều này do Đàm Hư lão pháp sư nói, suốt đời ngài không những chưa từng thấy, mà nghe cũng chưa từng nghe đến. Nhưng người đắc định vẫn có, không có người khai ngộ. Từ sau lớp những vị tiền bối này, tức từ Đàm Hư pháp sư trở về sau, cũng chính là sau chiến tranh Trung Nhật, người đắc định cũng không còn nữa, chứ đừng nói đến khai ngộ. Chúng ta nghiên cứu nguyên nhân của nó có lẽ đều do sơ suất việc giáo dục căn bản, chắc chắn trước kháng chiến, khoảng năm dân quốc thứ 20 trở về trước. Thông thường người Trung Quốc, chúng ta muốn nói đến người có học, đối với ba cái gốc Nho Thích Đạo vẫn còn khá coi trọng, chúng tôi sinh trưởng ở nông thôn, vẫn còn dính dáng một tí. Đô thị có những thay đổi lớn, thời gian xảy ra thay đổi cũng sớm, ở nông thôn sản sinh thay đổi, dân quốc năm thứ 20 về sau không còn nữa, trường tư thục không còn. Sau khi chiến tranh Trung Nhật xảy ra, toàn xã hội bị động loạn, người già tuy cũng biết, nhưng không còn kịp nữa, không có thời gian để dạy, đến ngày nay thật không dễ để khôi phục lại. Khó ở chỗ nào? Khó ở chỗ bản thân chúng ta không thể làm gương cho mọi người. Bản thân chúng ta lúc nhỏ học chưa tốt, không thể trở thành gương tốt. Không thể trở thành gương tốt, muốn cho đời sau học tốt, quý vị nghĩ xem khó khăn biết bao? Cho nên chúng tôi muốn vì

thể hệ sau mà hóa trang, thì cũng hóa trang được để làm ảnh hưởng đến họ, đó chính là nghĩ ra một biện pháp xây dựng ngôi trường liên thông, thầy giáo phải hóa trang, hóa trang cho thật giống, thầy giáo nếu như hóa trang không giống, sẽ không dạy nên học trò được. Thầy giáo muốn cải trang cho thật giống, họ cũng rất vất vả, họ rất cực khổ. Nhưng công đức không thể nghĩ bàn. Thực sự là cứu được truyền thống văn hóa xưa, làm cho chánh pháp đã bị diệt phục hưng trở lại. Làm chánh pháp cứu trú công đức này vô lượng vô biên. Trong ngôi trường liên thông này thầy giáo đều là Phật Bồ Tát tái lai, họ không phải là người phàm. Chúng ta thật lòng cầu nguyện, nhất định sẽ có cảm ứng. Thực sự có thể làm cho xã hội khôi phục đến an định hòa bình, cũng chính là đại đa số người coi trọng giới luật, coi trọng xã hội an toàn hơn hẳn lợi ích cá nhân, sự việc này mới có thể làm được thành công. Nếu như đều đem lợi ích cá nhân đặt lên hàng đầu, an toàn xã hội là thứ yếu, an toàn quốc gia thứ yếu hơn nữa, thì việc khôi phục này vô cùng khó khăn.

Vì vậy giáo dục của Đức Phật ngay trong hiện tại quan trọng hơn bất cứ thứ gì. Giáo dục của Đức Phật tốt ở chỗ nào? Giáo dục của Đức Phật coi lợi ích chúng sanh là trên hết. “Chúng sanh vô biên thế nguyện độ”, đó là tâm đại bồ đề. Bản thân học tốt rồi, vì sao học tốt? Vì giúp đỡ chúng sanh, bản thân không có đức hạnh, không có học vấn, không có trí tuệ, thì làm sao giúp người khác được? Trong tứ hoằng thế nguyện, điều thứ nhất là nguyện, ba điều sau là hoàn thành nguyện này. Đoạn phiền não là thành tựu đức hạnh, học pháp môn là thành tựu học vấn, thành Phật đạo là thành tựu trí tuệ viên mãn, đều là vì nguyện thứ nhất, đó là điều đáng quý của Đại Thừa. Chỉ có người thực sự học Phật, thực sự kế nhập Đại Thừa mới có tâm lượng lớn lao như vậy, quên mình vì người.

“Sáng như mặt trời mặt trăng, quý như bảo châu, thà chịu khát mà chết, không chịu uống nước có vi trùng”. Đây là một câu chuyện xưa. Câu chuyện ở trong kinh Phật, nói về sự tôn trọng đối với giới luật. Thà chịu khát mà chết, chứ không chịu uống nước chưa được lọc qua. Ngày xưa người xuất gia đều phải mang túi lọc nước tùy thân, gặp nước sông, nước giếng, đó là khi đi dã ngoại, nhất định phải dùng túi lọc nước lọc qua. Sợ điều gì? Sợ trong nước có vi sinh vật, mắt thịt chúng ta không nhìn thấy, quý vị uống nước này, giết mất chúng nó, ăn mất chúng nó. Trong Giới Kinh đức Phật nói rất rõ: “Phật nhìn một bát nước, có tám vạn bốn ngàn vi trùng”. Đó là vi khuẩn. Phải chăng có thể lọc sạch hết? Đương nhiên có vấn đề. Nhưng là tâm thiện, trong kinh Đại Thừa nói về tâm không nói về sự. Quý

vị thật có tâm này, tâm yêu thương chúng sanh, tâm không chịu tổn hại chúng sanh, tâm này không thể không có.

“Cho đến có thể bị trói mà chết, chứ không tổn hại đến cây cỏ”. Đây là một ví dụ. Quý vị bị người ta dùng những cỏ cây này trói quý vị ở đó, quý vị thà ở tại đó niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, cũng không muốn tháo gỡ những cây cỏ này ra. Vì sao vậy? Vì sợ tổn hại đến nó, đây đều là thí dụ rất tường tận. Người này trì giới có thể đạt đến trình độ như vậy. Thà chịu khát mà chết, cũng không uống nước chưa được lọc qua.

“Trong số giải luận kỹ về sự quan trọng của trai giới, chánh pháp có thể trụ thế hay không đều nhờ vào người tu hành có trì giới hay không? Nên thà mất thân mạng chứ không làm trái những giới đã thọ”. Phải có quyết tâm như vậy, việc này nếu xảy ra trước mắt chúng ta có thể làm được như vậy không? Thật có thể làm được như vậy không? Không thể được. Vì sao không được? Ngày nay chánh pháp không còn, quý vị phát tâm học tập chánh pháp, hoằng dương chánh pháp, nếu như y theo những gì trong giới luật nói, ngay cả thân mạng quý vị cũng làm mất, quý vị dùng cái gì để hoằng dương chánh pháp? Cho nên phải thông đạt quyền biến, mỗi điều giới đều có khai duyên, nó không phải là cứng nhắc. Khai giới tức không phải phá giới. Chúng ta bị người dùng những thứ cây dây này trói chặt, chúng ta có thể cởi nó ra không? Có thể. Không thể như những điều nói trong Giới kinh được. Tôi sợ thương tổn sợi dây này, thương tổn đến cái cây này, thà chết cũng không muốn giải nó ra. Sai lầm rồi! Điều này nên làm vào lúc nào? Thực hành lúc xã hội đang thịnh, chánh pháp trú thế. Tôi chết rồi vẫn còn người khác. Ngày nay như thế nào? Hiện nay tôi chết rồi không còn ai. Trong thế gian này người thực sự phát tâm vì chánh pháp cứu trú mà thực hành, tìm không ra nữa. Người phát tâm này có thể làm như vậy sao? Cho nên những đạo lý này, quý vị nên hiểu. Thành tựu pháp thế xuất thế gian đều phải có một thân thể khỏe mạnh, không có thân thể khỏe mạnh, quý vị làm sao có thể giúp đỡ chúng sanh? Thân thể mạnh khỏe chắc chắn phải là người thành tựu tâm thanh tịnh. Hiện nay tâm thanh tịnh chưa xuất hiện, chúng ta phải cần ăn uống, cần thuốc men để điều dưỡng. Nhưng nhất định không thể quên, phải hướng đến tâm thanh tịnh để tiến tới. Hiện nay cần những thứ này, đến khi tôi thành tựu sẽ giảm thiểu thật nhiều, thậm chí có thể không cần nữa. Đạo lý này nhất định phải hiểu.

Dưới đây cư sĩ Bành Tế Thanh nói: “nên biết tư lương Tịnh Độ toàn nhờ công đức, công đức căn bản không gì bằng trì giới trước, nhờ giới tịnh tức tâm tịnh, tâm tịnh tức quốc độ tịnh vậy”. Đạo lý này nói rất hay, mấy câu nói này là chân

lý. Chắc chắn giới tịnh, giới thanh tịnh thì tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh tức Phật độ thanh tịnh. Đây là điều kiện phải đủ để vãng sanh Thế Giới Tây Phương Cực Lạc. Tâm thanh tịnh, giới liền thanh tịnh, đó gọi là gì? Tâm thanh tịnh là định, “định cộng giới”, khai ngộ rồi nhất định thanh tịnh. Khai ngộ là gì? Gọi là “đạo cộng giới”. Giới hạnh của quý vị đã viên mãn. Cho nên quý vị niệm Phật thực sự đạt được niệm Phật tam muội, giới liền thanh tịnh.

Giới là gì? hành vi của quý vị đã thanh tịnh. Giới chỉ cho hành vi, hành vi phát xuất từ nội tâm, tâm thanh tịnh, khẩu nghiệp, thân nghiệp tự nhiên thanh tịnh. Tâm là chủ, tâm nếu như giác ngộ rồi, quý vị nói năng cũng là thanh tịnh. Tất cả những động tác của quý vị đều là giác ngộ. Giác mà không mê, đó là khai ngộ rồi. Chưa khai ngộ, chưa đắc được định. Chú trọng ở “luật nghi giới”, đó là thực hành từng giới từng giới một, không thể trái phạm. Dùng điều này để quy phạm bản thân. Ngày nay chúng ta học giới, quý vị thực sự nghiêm khắc trì giới, chỉ có bản thân quý vị thành tựu. Thậm chí quý vị còn chướng ngại nhiều người học Phật. Vì sao vậy? Vì nhìn thấy cuộc sống nghiêm khắc như vậy, họ nghĩ điều này tôi làm không được, thôi đành vậy, tôi không học Phật nữa, Phật khó quá, tôi không làm được. Làm cho người khác sợ. Có việc đó, hơn nữa rất nhiều! Nếu như lúc cần khai duyên quý vị nên khai, người ta thấy, ô trì giới như vậy, tôi cũng có thể làm được. Quý vị liền có thể khiến nhiều người hướng đến Phật Pháp. Đúng là tiếp dẫn họ đến rồi.

Cho nên giới luật này có “khai, giá, trì, phạm”, nhất định rất quen thuộc. Trong nhân duyên nào đó có thể khai mở, trong nhân duyên nào đó nhất định phải chấp trì nghiêm cẩn, linh hoạt không phải là cứng nhắc. Mỗi điều giới đều có khai, giá, trì, phạm. Cho nên giới luật không phải cứng nhắc, điểm này đức Phật dạy rất hay. Nguyên tắc tổng quát là giới giúp quý vị đắc định, định giúp quý vị khai huệ. Cho nên giới là phương tiện. Kỳ thực định là then chốt trọng yếu, giới là phương pháp trong phương pháp. Nhờ giới đắc định, nhờ định khai huệ, quý vị phải hiểu đạo lý này.

Khai huệ là gì? Đắc định là gì? Buông bỏ chấp trước, buông bỏ phân biệt, buông bỏ khởi tâm động niệm. Buông bỏ khởi tâm động niệm liền đại triệt đại ngộ tức thành Phật rồi. Không khởi tâm không động niệm, liền thành Phật. Buông bỏ phân biệt chấp trước quý vị là Bồ Tát, quý vị không phải là phàm phu nữa. Cho nên phải hiểu được trì giới giúp đỡ chúng ta, thành tựu chúng ta buông xả chấp trước phân biệt, phải theo trình tự này, buông xả chấp trước trước, sau đó buông xả phân biệt, đến cuối cùng sẽ nói đến không khởi tâm không động niệm. Quý vị

xem vãng sanh Tịnh Độ không khởi tâm không động niệm, sanh về cõi Thật báo trang nghiêm. Có khởi tâm động niệm nhưng không có phân biệt chấp trước sanh về cõi Phương tiện hữu dư. Khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước tất cả đều có, sanh về cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Điều phải làm cho rõ, hiểu cho rõ. Chúng ta tự biết có thể vãng sanh Tịnh Độ hay không. Bản thân biết được vãng sanh đến phẩm vị nào.

Xem tiếp đoạn dưới đây.

“Đệ tứ khởi lập tháp tượng”.

Tháp nói đầy đủ là Suất Đổ Ba, đây là tiếng Phạn, dịch thành chữ Hán là “miếu”, hoặc “phương phần”, “phương phần” là tháp thờ xá lợi, tháp xá lợi, là nơi bài trí xá lợi của Phật. Hội Sớ nói rằng: an tháp có ba nghĩa. Vì sao xây tháp? Thứ nhất biểu thị con người thù thắng. Xá lợi của người này tàng cất ở đây, người này thù thắng vô cùng. Họ không phải là phàm nhân, họ là Bồ Tát, là Phật, là La hán. Hay là người vãng sanh đến Thế giới Cực Lạc, tro cốt cũng có thể đặt trong tháp, để nêu gương cho người khác.

Thứ hai khiến người tin. Làm cho người khác nhìn thấy gương mà noi theo. Họ có thể làm được, tôi cũng học theo họ. Là nghĩa này vậy.

Thứ ba là báo ân. Chúng ta cúng dường xá lợi của Phật để báo ơn Phật. Cúng dường xá lợi Bồ Tát, chư vị tổ sư là báo ân sư trưởng. Niệm niệm đều không quên ân đức của chư Phật Bồ Tát, chư vị tổ sư, là ý này vậy.

Kinh Pháp Hoa nói: chư Phật diệt độ rồi, chư Phật đã diệt độ, cúng dường xá lợi, khởi vạn ức loại tháp, vàng bạc và pha lê. Ngày xưa không có pha lê, pha lê được nói trong kinh Phật, ngày nay chúng ta nói là thủy tinh. Ngày nay người ta gọi là thủy tinh. Những thứ này đều có thể làm vật liệu để xây tháp, hoặc là xây miếu đá, chiên đàn và trầm thủy, đó là tháp gỗ, dùng gỗ để xây tháp. Cây chiên đàn, trầm thủy hương là cây trầm thủy hương. Gỗ và những vật liệu khác, gạch ngói bùn đất ... có thể dùng làm tháp gỗ, tháp gạch, tháp ngói, tháp đất đều được cả. Hoặc lớn hoặc nhỏ hình thức không nhất định. Hoặc ở nơi đồng trống xây đất thành tháp miếu, hoàn toàn dùng bùn đất để xây dựng, ở trên lợp tranh.

Thời kỳ chiến tranh, ở vùng nông thôn Trung Quốc, dùng bùn đất dùng tranh để xây dựng nhà cửa như vậy, khắp nơi đều có thể thấy được, ngày nay vẫn còn, nhưng không nhiều. Lúc chúng tôi du lịch ở trong nước có thể thấy được. Chúng tôi từ nhỏ, lúc nhỏ sống ở nông thôn, nhà cửa để ở toàn là bùn đất và tranh lá. Tường thì dùng bùn đất xây.

“Cho đến đồng tử chơi giỡn” trẻ con chơi trò chơi “ đắp cát làm tháp Phật ”, trẻ con chơi trò chơi, “các người này cũng vậy, đều đã thành Phật đạo”. Đây là nói về lợi ích công đức xây tháp. Trong Kinh Pháp Hoa nói rất hay, những người này đều đã thành Phật đạo. Phải chăng thực sự thành Phật đạo? Không phải như vậy, mà chúng tử thành Phật đạo đã trông vào trong thức A lại da. Vậy khi nào mới thành Phật đạo? Thiện Đạo đại sư nói: “đều do gặp duyên khác nhau”. Nếu như đời này họ gặp được duyên thù thắng, đời này họ liền thành tựu. Trẻ em từ nhỏ đã biết kính Phật, đã biết được có Phật, lớn lên, gặp được thiện tri thức, hướng dẫn tu hành, đời này thực sự thành tựu, một đời thành tựu. Không đủ duyên, đời sau, đời sau nữa, gặp được Phật duyên chắc chắn liền thành tựu.

Dưới đây nói “tượng” chỉ cho tượng Phật. Căn cứ theo Tăng Nhất A Hàm Phật lên cung trời Đao Lợi, Ưu Điền Vương nhớ Phật, nên dùng sừng trâu, chiên đàn điêu khắc tượng Phật cao năm thước, mở đầu cho việc tạc tượng ở cõi này. Người thứ nhất tạo tượng đức Phật Thích Ca Mâu Ni là Ưu Điền Vương. Đức Phật đến trời Đao Lợi giảng Kinh Địa Tạng độ mẫu thân của Ngài. Ưu Điền Vương tưởng nhớ đức Phật Thích Ca Mâu Ni, dùng gỗ chiên đàn khắc tượng Phật Thích Ca Mâu Ni để cúng dường. Đó là người đầu tiên tạc tượng Phật cúng dường.

Trong Kinh Pháp Hoa nói: “nếu như người vì Phật mà xây dựng các hình tượng, điêu khắc thành các tướng, đều đã thành Phật đạo.” Quý vị tạo tượng Phật, tạo tượng Bồ Tát, tạo tượng La hán. Ý nghĩa Phật ở đây là nghĩa rộng. Vì Phật Pháp, vì giáo dục Phật Giáo. Chư Phật Bồ Tát A la hán, đều là Thánh hiền trong giáo dục Phật Giáo, đều là bậc mà những người học Phật ngưỡng mộ. Họ là gương tốt cho chúng ta, là quy phạm cho chúng ta. Chúng ta nhìn thấy tượng liền nghĩ đến việc tinh tấn noi theo. Lúc nghĩ đời này chúng ta thành tựu có thể như Ngài vậy, có thể tu thành Phật, có thể tu thành Bồ Tát. Niệm này sanh khởi, đó chính là đều đã thành Phật đạo.

Lại Tạo Tượng Công Đức Kinh nói: “nhược nhân lâm chung phát ngôn tạo tượng nãi chí như ...” chữ này trong Trung Văn Đại Từ Điển có, chữ “mạch” này bên cạnh có thêm chữ “quảng”, từ điển thường tìm không có. Quý vị tra xem thử cách đọc nó như thế nào? Nghĩa cũng là “mạch” là một loại trong các loại lúa mạch.

“Năng trừ tam thế bát thập ức kiếp sanh tử chi tội”. Đó là công đức tạo tượng. Tam thế là quá khứ, hiện tại, vị lai, tội sanh tử trong 80 ức kiếp. Ngày nay người tạo tượng rất nhiều, có thể diệt tội hay không? Nếu như không thể diệt tội, vậy thì những lời nói trong kinh là vọng ngữ. Chúng ta tin tưởng trong kinh Phật không có câu nào là vọng ngữ, không có chữ nào là vô ích. Vậy vì sao ngày nay chúng

ta nghiệp chướng vẫn còn nặng nề vậy? Nên biết rằng quá khứ vô thủy, tương lai vô chung, chúng ta niệm niệm đều đang tạo nghiệp. Niệm này là niệm mà Di Lặc Bồ Tát nói đến, một cái khủy móng tay có 32 ức bách thiên niệm. Niệm niệm đều đang tạo nghiệp. Cho nên tạo tượng có thể tiêu trừ trọng tội sanh tử trong ba đời 80 ức kiếp. Chỉ trừ được một bộ phận nghiệp chúng ta đã tạo trong vô lượng kiếp đến nay. Không phải toàn bộ điều tiêu trừ được, chư vị nhất định phải biết điều này. Những điều này đều là đứng về sự mà nói. Về sự, 80 ức kiếp cũng nói về sự. Nếu như niệm của tâm chuyển trở lại vậy thì toàn bộ đã chuyển rồi.

Ở sự có Phật, ở tâm không có Phật. Phật ở tâm là gì? Phật ở tâm là giới đĩnh tuệ, có hay không? Chúng ta học Phật, ngày đầu tiên tiếp nhận lễ qui y trong Phật Pháp, thọ tam qui y, truyền thọ tam qui y chính là trong tâm có Phật. Có cái gì? có Giác, Chánh, Tịnh. Đó là Phật, Pháp, Tăng. Giác là Phật, chánh là Pháp, tịnh là Tăng. Chúng ta thọ rồi, thọ rồi nhưng không có, không làm được. Chánh giác tịnh chúng ta đều biết, nhưng khởi tâm động niệm, nói năng tạo tác, từ sáng đến tối vẫn là mê tà nhiễm, không có tác dụng gì.

Từ lý mà nó thì càng rõ ràng hơn, nói về lý buông xả khởi tâm động niệm, buông bỏ vọng tưởng chấp trước liền thành Phật. Chúng ta đều biết nhưng không buông được. Quý vị xem trong kinh nói rất nhiều. Buông bỏ chấp trước liền thành A la hán, buông bỏ phân biệt liền thành Bồ Tát, buông bỏ khởi tâm động niệm quý vị liền thành Phật. Như vậy diệt trừ một cách viên mãn tất cả những tội nghiệp sanh tử trong ba đời, không phải là diệt trừ từng bộ phận, 80 ức kiếp là một bộ phận nhỏ cục bộ. Quý vị sẽ diệt được hoàn toàn. Nói với quý vị thật như vậy. Chỉ cần buông xuống liền thành Phật. Chỉ cần chúng ta khởi tâm động niệm, nói năng tạo tác, tương ứng với Giác Chánh Tịnh, thì quý vị thực sự có Phật rồi. Phiền não tập khí của quý vị tự nhiên không còn nữa. Điều này không thể không biết.

Tiếp theo, thứ năm. Phạn thực sa môn tức trai tăng, dùng đồ ăn cúng dường tăng chúng.

Lục Ba La Mật Đa Kinh nói: “dĩ thực thí giả, đương thí ngũ sự”. Quý vị xem ở đây giảng rất tường tận. “Vân hà vi ngũ”, năm loại nào?

Thứ nhất thí mạng, nếu người không ăn, khó để cứu mạng. Bồ thí thức ăn là cứu mạng người khác. Như vậy có thể không bố thí sao?

Thứ hai là thí sắc, vì được ăn uống nên nhan sắc tươi vui. Đây đều nhờ ăn uống.

Thứ ba là nhờ ăn uống, khí lực thêm dồi dào.

Thứ tư thí lạc, nhờ thức ăn này, thân tâm an lạc.

Thứ năm thí biện, nếu người đói khát, thân tâm yếu ớt, nói năng lắp bắp, không thể biện luận. Họ đói đến nỗi nói không ra lời, họ có thể biện luận sao?

Ăn uống đầy đủ, thân tâm mạnh mẽ, được đại biện tài, trí tuệ vô ngại. Ở đây nói rõ điều gì? Nói về công đức ăn uống lớn lao như vậy. Vậy bố thí thức ăn uống, công đức sẽ rất lớn. Đặc biệt là bố thí cho những người tu hành. Người tu hành thực sự tu hành, họ không phải là giả tu, thật làm, toàn tâm toàn lực chuyên chú. Họ không làm những công việc thuộc sự nghiệp sản xuất. Họ lấy khát thực làm sự nghiệp. Cho nên phong tục tập quán của Ấn Độ xưa, rất tôn trọng đối với người đi khát thực. Vì sao vậy? Vì đó là người tu đạo. Nhất định cung kính cúng dường những thứ họ cần, họ không cần những thứ khác, họ chỉ cần một bình bát cơm mà thôi. Một bát cơm này đôi lúc không phải là của một nhà.

Trong Giới Kinh nói khát thực có thể xin bảy nhà. Bảy nhà mà không xin đủ, thì quý vị không xin nữa, quay trở về. Vì sao vậy? Nhiều quá, người thế gian nói quý vị tham lam. Để tránh cơ hiềm, nên trở về, trở về cũng có thức ăn, bởi vì đồng học đều đi khát thực, lúc trở về chia đều ra mới ăn. Tuyệt đối không phải sau khi khát thực rồi vừa đi vừa ăn. Như thế oai nghi rất khó coi, nhìn thấy rất khó nhìn. Cho nên chư vị phải xem Tiểu thừa, bình bát của Tiểu thừa và bình bát của chúng ta không giống nhau. Bình bát chúng ta chỉ có tính tượng trưng, chứ không thực dụng. Quý vị đến Thái Lan, quý vị xem bình bát của Phật giáo Nam Truyền giống như một cái nồi nhỏ vậy. Sau khi khát thực xong, họ có cái nắp bát đập lại. Trở về sốt ra, tập trung đồ ăn lại với nhau, sau đó chia đều rồi ăn. “Một bát cơm ngàn nhà”, đây là sự thật không phải giả. Đoàn thể của đức Phật Thích Ca Mâu Ni có 1250 vị, đều đi khát thực, không phải là cơm ngàn nhà sao? Một bát cơm ngàn nhà. Cơm 1250 người đều tập trung lại một chỗ, trộn lẫn với nhau, chia đều rồi ăn, thật là bình đẳng. Cho nên bảy nhà rồi mà chưa khát thực được thì trở về. Đó là cúng dường.

Phật Giáo truyền đến Trung Quốc không thịnh hành việc khát thực. Ở Trung Quốc đi ra ngoài khát thực là kẻ ăn mày. Người có đức hạnh lớn, người có học vấn nhiều, sao có thể để cho họ sống cuộc sống của kẻ ăn mày? Cho nên quý vị xem Phật Pháp thông đạt quyền biến biết bao. Pháp khát thực này là giới luật quan trọng, đến Trung Quốc thì làm không thông. Đế vương Trung Quốc, nhân dân Trung Quốc nói hiếu đạo, hiếu thân tôn sư, làm sao có thể bảo thầy giáo ra ngoài xin cơm, như thế sao được? Vậy quý vị là học trò còn mặt mũi nào mà nhìn người? Đặc biệt là Phật Giáo, do đế vương phái đặc sứ đi nghênh đón đến Trung Quốc, đến Trung Quốc là thầy của đế vương, là thầy giáo của hoàng đế, làm sao

đi ăn mày được? Có lý nào lại như vậy? Nên xây cung điện, phái rất nhiều người phục vụ chăm sóc, nhân viên phục vụ. Nên Phật Giáo đến Trung Quốc hoàn toàn bị Trung Quốc hóa. Đó là tùy duyên, tùy duyên bất biến, một ngày ăn một bữa không đổi cũng được, nhưng không thể ra ngoài đi khát thực. Đế vương đại thần, trưởng giả cư sĩ, cúng dường ngộ trai ở trong tự viện, đem thức ăn đến cúng, đó là việc thường có, mỗi mỗi đều như pháp, gọi là thông đạt quyền biến.

Ở Ấn Độ chỉ có ba y, bởi vì ở đó là nhiệt đới, ba y đủ rồi. Khu vực Trung Quốc gần với phương Bắc, có bốn mùa, có bốn mùa nên ba y không đủ. Cho nên ba y đến Trung Quốc, liền trở thành lễ phục dùng khi làm Phật sự, tức là y mà chúng tôi đang đắp đây, nó còn nhỏ bằng nửa y vốn có của nó. Quý vị xem y của các vị Nam Truyền, Tạng Truyền cũng vậy, y lớn gấp đôi y chúng tôi, bao bọc quanh thân. Chúng tôi may nhỏ lại, rút gọn lại một nửa đắp lên thân, thời xưa dùng dây buộc, hai sợi dây buộc lại với nhau. Sau đó dùng vòng và móc, vòng và móc thuận tiện hơn sợi dây nhiều. Phật sự là gì? Phật sự là giảng kinh dạy học. Lúc dạy học mang lễ phục vào, để tưởng nhớ đến đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Thầy giáo của chúng ta mặc y phục này.

Phật Giáo truyền đến Nhật Bản, ca sa của người xuất gia ở Nhật Bản lớn chừng nào? Lớn bằng cái hộp diêm, chỉ nhỏ xíu như vậy. Bình thường cuộn lại, để ở trong túi áo sơ mi, làm Phật sự thì lấy ra, có một sợi dây nhỏ, quàng vào cổ treo ở trước ngực. Đó là y của họ, còn thuận tiện hơn chúng ta, đó là y của Nhật Bản. Tôi mặc cái áo tràng này là của Hàn quốc, kiểu cách khác với Trung Quốc, nhưng những y áo này, Hàn quốc và Nhật Bản đều học từ Trung Quốc. Họ thật quý hóa. Hơn 2000 năm, cũng còn giữ gìn kiểu dáng vốn có, đặc biệt là Nhật bản. Quý vị xem Hòa phục của Nhật Bản, Hòa phục còn gọi là Ngô phục. Nếu như quý vị nghe nói Ngô phục, quý vị liền biết nó được truyền đi từ thời đại nào, thời chiến quốc, Xuân Thu chiến quốc. Ngô hiện nay là Giang Tô, Việt hiện nay là Chiết Giang, thời xưa là hai quốc gia. Nhật Bản từ thời đó đã qua lại mật thiết với Trung Quốc, cho nên văn hóa Nhật Bản và văn hóa Hàn Quốc, toàn là từ Trung Quốc truyền qua. Kiểu nhà Tatami là kiến trúc của Trung Quốc cổ đại.

Ngày nay chúng ta đọc Lễ Ký, rất nhiều chỗ chúng ta không dễ dàng lãnh hội được. Đến Nhật Bản xem xem, giống như nói trong Lễ Ký vậy. Người Nhật Bản mãi cho đến ngày nay vẫn còn lưu giữ được. Sau thế chiến thứ hai, người Nhật có những thay đổi, tiếp thu văn hóa phương Tây. Nhưng nhân gian Nhật Bản, quý vị đến xem những thứ truyền thống Trung Quốc vẫn còn lưu giữ rất nhiều rất nhiều. Muốn học văn hóa cổ Trung Quốc có lẽ nên đến Nhật Bản xem. Trong chùa

chiền am miếu, có thể nhìn thấy mô thức cung điện ngày xưa của Trung Quốc. Nhật Bản có rất nhiều kiến trúc hơn cả ngàn năm trước, kiến trúc thời Đường Tống đều còn bảo tồn được. Họ rất có tâm, niên đại lâu quá, cột kèo hư hoại, nguyên trước đây dùng vật liệu gì họ dùng lại những vật liệu như vậy. Cho nên vĩnh viễn nó vẫn lưu giữ được dáng vẻ cổ xưa. Điều này làm chúng ta tôn trọng đối với người Nhật. Họ có thể trân quý truyền thống, lưu giữ truyền thống. Ngay cả một con đường, lần đầu tiên tôi đến Nhật bản, lúc đi tham quan du lịch, họ mở một con đường mới. Con đường mới đó nằm cạnh bên con đường cũ, bảo tồn con đường cũ, điều này thật hiếm có. Con đường cũ kia là con đường cổ, là nơi tham quan du lịch phải đi, thu hút rất nhiều khách tham quan, đáng để con người ta hoài cổ, vẫn còn có tác dụng. Ngày nay chú trọng hiệu quả kinh tế, như thế rất biết kiếm tiền. Nếu như phá bỏ nó tức là đã hủy hoại rồi. Nhưng kiến trúc cổ của Trung Quốc bị phá hoại rất nhiều. Cho nên những quần thể kiến trúc cổ này phải nên bảo tồn, đó là bảo tồn văn hóa quốc gia của mình.

Hựu Hội Sớ viết: “Phạn thực sa môn giả, kinh vân: chánh lệnh đắc mãn tứ thiên hạ bảo, kỳ lợi bất như thỉnh nhất thanh tịnh sa môn nghệ xá cung dưỡng, đắc lợi thù bội”. Điều này thật lợi hại. Điều này nếu như mọi người không hiểu dành nhau cúng dường người xuất gia. Trong Hội Sớ nói, là trích dẫn từ kinh điển, đức Phật nói ở trong kinh.

“Chánh lệnh đắc mãn tứ thiên hạ bảo”. Một “tứ thiên hạ” ở đây, là một đơn vị thế giới, một đơn vị thế giới kho báu tứ thiên hạ, quý vị đều có được, quý vị được lợi ích lớn như vậy, lợi ích này như thế nào? Không bằng mời một vị sa môn thanh tịnh đến nhà cúng dường, lợi ích quý vị đạt được vượt qua họ rất nhiều rất nhiều. Thật vậy sao? Thật vậy. Vì sao vậy? Vì quý vị được của cải trong một tứ thiên hạ, quý vị không thể ra khỏi sáu nẻo luân hồi. Quý vị có tâm chân thành, mời một người xuất gia đến nhà cúng dường, người xuất gia chấp nhận đồ cúng dường của quý vị đó là cúng dường tài vật. Họ phải hồi hướng cho quý vị, họ không thể ăn không. Họ nhất định sẽ thuyết pháp cho quý vị.

Trong Kinh Bát Nhã nói rất rõ, tam thiên đại thiên thế giới thất bảo, không sánh bằng nói cho người bốn câu kệ. Ở đây muốn nói lên điều gì? Là so sánh cúng dường tài vật và cúng dường pháp bảo. Tam thiên đại thiên thế giới nhiều hơn ở đây, ở đây chỉ có một tứ thiên hạ. Cúng dường pháp là tối thượng. Suốt cuộc đời quý vị có thể nghe được một lần giảng kinh, phước báu này đã lớn lắm rồi. Vì sao vậy? Vì trong a lại da đã gieo được thiện căn này, đời này quý vị gặp được duyên, quý vị sẽ vĩnh viễn thoát ly sáu nẻo luân hồi, quý vị đến Thế giới Cực Lạc làm

Phật rồi. Lợi ích này bày bấu trong tam thiên đại thiên thế giới không thể sánh bằng. Vì sao vậy? Vì mình tâm kiến tánh rồi, cái quý vị đạt được là khắp pháp giới hư không giới. Bày bấu trong tam thiên đại thiên thế giới đối với quý vị nhỏ nhoi quá. Đây là nói thẳng với quý vị, mời một người xuất gia, một tỳ kheo thanh tịnh, họ nhất định sẽ nói pháp cho quý vị. Cho nên lợi ích quý vị đạt được vượt qua tài bảo khắp tứ thiên hạ. Vượt qua chưa biết gấp bao nhiêu lần!

Thứ sáu, “huyền tăng nhiên đăng, tán hoa thiêu hương”. “Tăng” chỉ chung cho lạy, tức là hàng dật tợ, ngày nay chúng ta nói là tợ lạy. “Tăng”, phạm là hàng tợ tầm đều gọi chung là “tăng”. “Huyền tăng”, dùng tợ để dật thành tràng phan treo ở trong điện Phật, tức là những thứ thuộc tràng phan bảo cái, cúng dường Phật, treo ở trong điện Phật.

Bách Duyên Kinh nói: – dẫn một đoạn ở trong kinh – lúc Phật còn tại thế có Bà đa già, trong quá khứ từng làm một tấm phan treo trên tháp Phật Tỳ Bà Thi, từ đó trở đi 91 kiếp thường có cành phan lớn che mát trên người đó, hưởng phước an vui, sau đó xuất gia, đắc A la hán.

Đó là đạo lý gì? Tức là điều mà Ấn Quang đại sư thường nói: “một phần thành kính được một phần lợi ích”. Họ rất thành kính đối với Phật, nên biết ngày xưa tợ lạy là thứ vô cùng quý giá. Không dễ dàng có được. Những nguyên liệu phục sức bằng lạy tợ tầm này, họ có thể dùng những thứ này để tạo một tấm tràng phan, treo lên trên tháp Phật Tỳ Bà Thi, làm cho từ nơi xa đã có thể nhìn thấy tháp Phật ở nơi đó, liền nghĩ đến đức Phật Tỳ Bà Thi, khiến biết bao người trồng được thiện căn, làm cho biết bao người gieo vào thức A lại da chủng tử Phật. Công đức của họ từ đây mà có được.

Ngày xưa trong đạo tràng làm Phật sự, cũng là có những hoạt động thì treo tràng phan. Hoạt động bình thường thì treo phan, giảng kinh dạy học thì treo cờ xí, cờ xí hình tròn. Bình thường xếp lại, treo trên đại điện, lúc có hoạt động gì thì treo trên cột cờ, đó chính là tín hiệu, báo cho đại chúng khắp nơi, hôm nay đạo tràng tôi có giảng kinh. Người ta nhìn thấy nếu thích nghe kinh họ sẽ đến. Những hoạt động khác thì treo phan. Phan thì dài, cờ xí lại hình tròn. Nó là tín hiệu.

Đức Phật không cho phép đi lôi kéo tín đồ, không thể được. Nhưng có thể nói cho mọi người biết hoạt động của chúng ta. Bản thân họ muốn đến thì rất tốt, không muốn đến thì khuyên họ đến, nhưng không được đi kéo họ đến, nhất định phải để họ tự động. Tự động là gì? Là họ có thành tâm, họ mới có thể được lợi ích. Quý vị kéo họ đến là ép buộc. Đây là quy củ xưa của Phật giáo, không lôi kéo tín đồ. Vì sao vậy? Vì đức Phật khiêm tốn, không dám làm thầy người khác. Vậy chiêu

sinh có thể được sao? Chiêu sinh nghĩa là tôi có thể làm thầy quý vị, tôi có thể dạy quý vị. Phật không phải vậy, đức Phật chắc chắn không chiêu sinh. Lúc quý vị đến, đồng học chúng ta cùng nhau học tập, còn xin quý vị chỉ giáo cho, rất khiêm tốn. Cho nên hoạt động dùng tràng phan cờ xí làm tượng trưng. Đó là quy củ của Phật giáo. Nhất định không được lôi kéo người ta đến nghe kinh. Giống như lôi kéo nhiều người, làm cho đạo tràng số người đông, cảm giác như đạo tràng rất thù thắng, không thể được. Đạo tràng thù thắng, tâm quý vị không thanh tịnh. Phật Pháp coi trọng thanh tịnh trang nghiêm, không quan trọng người nhiều ít, không phải dùng đại chúng để trang nghiêm. Dùng thanh tịnh để trang nghiêm, dùng thành quả tu hành để trang nghiêm. Đạo tràng của quý vị có bao nhiêu người đắc Tam muội, có bao nhiêu người khai ngộ, niệm Phật có được bao nhiêu người công phu thành phiền, có bao nhiêu người được nhất tâm, có bao nhiêu người vắng sanh Tịnh Độ. Đó là trang nghiêm.

Quý vị xem người treo phan này, 91 kiếp thường có đại phan che mắt trên đầu đó là quả báo. Họ dùng phan cúng Phật, chiêu cảm được nhiều kiếp có đại phan che mắt trên đầu, hưởng phước an vui, che cho họ mắt mờ. Sau đó xuất gia đắc quả A la hán, chứng A la hán. A la hán siêu việt sáu nẻo luân hồi.

Dưới đây, “nhiên giả, thiêu dã”, là thắp đốt. “Đăng” là đèn nền, đèn đuốc vậy.

Thí Đăng Công Đức Kinh nói: Đức Phật bảo Xá Lợi Phất rằng: hoặc có người ở nơi tháp miếu Phật hay hình tượng, tức là tượng Phật, tượng Bồ Tát, mà thiết đồ cúng dường, cúng thí đèn sáng, cho đến ngọn đuốc nhỏ, đèn đuốc ngày nay nói là ngọn đuốc, hoặc tô dầu xoa đốt. Dùng một tờ giấy, bôi phết tô dầu lên đó, thắp lên để chiếu sáng tượng Phật này, cảm vậy mà cúng thí. Ánh sáng đó tuy chiếu một đường nhỏ một bậc cấp. Ở đây nói ánh sáng này rất nhỏ, ánh sáng không lớn lắm. “Giai” là bậc cấp cầu thang, giống như cầu thang lên lầu vậy, ánh sáng nhỏ chỉ chiếu một bậc cấp, chiếu sáng con đường quý vị đi. Xá Lợi Phất! phước đức như vậy, chẳng phải là điều tất cả Thanh văn, Duyên Giác có thể biết được. Chỉ có Phật Như Lai mới có thể biết được.

Họ bố thí ở đây là bố thí ánh sáng, phước báu của họ hàng Thanh văn, Duyên giác không biết được, chỉ có đức Phật biết được. Phước báu rất lớn, chỉ có Phật mới biết được. Phước báu bố thí ánh sáng đèn đóm là khai trí tuệ. Phước báu là ánh sáng chiếu khắp, cho nên cúng dường quý vị nên nghĩ đến, vật cúng dường là tượng trưng, pháp nó biểu hiện, chính là điều bản thân sau này sẽ đạt được. Có nhân nhất định có quả, nghiệp nhân quả báo không mảy may sai khác.

“Tán hoa” là rải hoa tươi để cúng dường Phật. Điều này ở nước ngoài rất phổ biến, người Trung Quốc không rải hoa trên đất, nước ngoài có. Ngắt từng cánh hoa ra rồi tung rải khắp trên đất, trên không trung, dùng đó để cúng dường Phật.

Hội Sớ nói rằng: Rải hoa, hoa nở thanh tịnh, sắc hương vi diệu, rải cúng quốc độ chư Phật, nếu có hoa nở, chư Phật đến ngôi. Vì sao vậy? Hoa tượng trưng cho nhân, hoa tượng trưng cho tu hành, tu nhân sau đó nhất định có chứng quả. Cho nên ở Trung Quốc không có rải hoa, nhưng có cúng hoa, đem hoa tươi cúng Phật, ý đều là biểu pháp. Nên hiện nay cúng hoa trước Phật, công đức đạt được không lớn lao như trước đây. Vì sao vậy? Vì trước đây người người đều biết, cúng hoa, cúng quả, thắp hương, cúng đèn, hiểu được ý nghĩa nó biểu pháp. Ngày nay người ta không biết, không ai giảng giải nữa. Chỉ biết cúng dường như vậy, vì sao phải cúng, họ không biết. Cúng dường còn phải có điều kiện, cầu Phật Bồ Tát gia hộ bình an, gia hộ thăng quan phát tài, cầu những thứ này. Những điều này đều không tương ứng với biểu pháp cúng dường vốn có. Vì vậy phước báo không nhiều. Không phải nói họ không đạt được phước báu, mà được không nhiều. Nếu như hiểu được những ý nghĩa này, phước họ đạt được sẽ nhiều. Ví dụ, ngày nay quý vị treo tràng phan trên tháp Phật, người ta nhìn thấy thì như thế nào? Họ nói người này mê tín, quý vị có pháp gì vậy? Họ nói quý vị mê tín, tâm tôn trọng không khởi được. Cổ nhân không như vậy, cổ nhân lúc nhìn thấy tràng phan, biết nơi đó có tháp Phật, muốn đến đó lễ bái, đi nhiều tháp. Ý niệm về Phật sanh khởi trong tâm họ, niệm cung kính đã sanh khởi, niệm muốn lễ bái đã sanh khởi, phước báo này mới lớn, người cúng dường này phước báo cũng lớn.

Vậy nên ngày nay vì sao phước báu không lớn? Vì không ai tuyên truyền. Không có ai đem những thứ này nói cho rõ ràng nói cho, nói cho minh bạch. Vậy có thể nói cúng vẫn tốt hơn không cúng. Đại phước báu cúng dường ngày xưa giống như trong kinh nói ngày nay không còn nữa. Điều này chúng ta không thể không biết.

Phàm là nơi có cúng dường, Phật sẽ đến. Vì sao vậy? Vì cảm ứng. Nơi này có nhiều người muốn học Phật như vậy, Phật liền đến. Không muốn học Phật, Phật không đến. Hiện nay con người đều muốn kiếm danh tiếng lợi dưỡng, làm sao Phật đến được? Có người đến, nhưng Phật không đến, mà đến, đều do chiêu cảm mà. Quý vị dùng tham sân si để làm Phật sự, nên chiêu cảm toàn là yêu ma quỷ quái. Những thứ này đến rồi, họ thành tựu dục vọng của quý vị, làm cho dục vọng quý vị tăng lên thêm. Sau đó xem quả báo của quý vị, họ đến trên chốc người ta. Cho nên người học Phật nhiều, cảm ứng Phật Bồ Tát đến, là đạo lý này vậy.

“Cho nên ở hạ giới lấy hoa làm Tịnh Độ, thấy sắc nghe hương chư quý thần ghê sợ”, quý thần không thích, Phật Bồ Tát thích. “Giống như mùi phấn ướm vậy”, quý vị xem quý thần không tương ứng với hoa hương, quý thần tương ứng với phấn ướm, quý thần thấy phân nhơ, cũng giống như Bồ Tát thấy hương hoa vậy, như thiên nhân thấy hoa hương vậy, họ tương phản với quý vị.

Đà La Ni Tập Kinh nói rằng: “nếu bốn bộ chúng, bốn bộ chúng là xuất gia nam chúng, nữ chúng, tại gia nam chúng, nữ chúng, đệ tử Phật, dùng các loại hoa rải cúng Phật A Di Đà, phát nguyện tụng chú, được mười loại công đức”.

Cúng dường Phật A Di Đà. Phát nguyện tức phát tâm cầu sanh Tịnh Độ. Họ niệm gì? niệm chú vãng sanh, được mười loại công đức. Mười loại nào?

Một là tự phát thiện tâm, cúng dường Phật A Di Đà. Họ nhất định thực sự tin tưởng Phật A Di Đà, hướng đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, cầu sanh Tịnh Độ, tự phát thiện tâm.

Hai là khiến người phát thiện tâm. Rất nhiều người nhìn thấy họ, có thiện căn thành thực, nhìn thấy họ ở đây tu tập cúng dường, rải hoa cúng Phật. Người thiện căn sâu, tâm liền phát khởi; người thiện căn mỏng, tăng trưởng thiện căn, người không có thiện căn, nhìn thấy gieo trồng thiện căn, đều là lợi ích, đều là việc tốt.

Ba là chư thiên hoan hỷ. Thiên nhân nhìn thấy, thiên nhân có thiên nhãn, cho nên người hành thiện tích đức, thiên nhân hoan hỷ, chúng ta cùng nhau học Phật, thảo luận Phật Pháp, có một lần tôi ở Mỹ, ngày xưa, ở tại nhà cư sĩ Trần Đại Xuyên, có năm sáu người, ban đêm trăng rất sáng, chúng tôi ở trong sân nhà uống trà bàn luận Phật Pháp, đột nhiên một làn hương lạ, mọi người đều ngửi thấy, hương khí này chưa từng ngửi qua, rất thơm, rất đặc biệt, có phải là Phật Bồ Tát cảm ứng không? Không biết được. Nhưng chúng tôi tin tưởng là thiên nhân, thiên nhân đi ngang qua đây, nghe chúng tôi đang ở đây thảo luận Phật Pháp, họ dừng lại một tí, nhìn một cái, hương thơm này chúng tôi liền ngửi thấy, khoảng được năm sáu phút. Cảm ứng này là thật, không phải là giả dối. Sự việc như vậy, tôi liền nói với họ, lúc tôi mới học Phật thường thường ngửi thấy đàn hương, tôi đọc kinh, đọc kinh ở trong văn phòng, đọc kinh ở trong phòng trọ, phòng trọ của chúng tôi thường cách nhà dân ít nhất cũng 1km, nhà dân thấp hương chúng tôi chắc chắn không ngửi thấy được, khoảng cách xa quá. Hương này từ đâu đến? Đàn hương rất đậm không chỉ một lần. Sau đó tôi học kinh điển với Thầy Lý, tôi đem những kinh nghiệm này trình bày ra rồi thỉnh giáo thầy Lý, thầy giáo nói với tôi, có lẽ đều là thiên nhân. Quý vị đang xem kinh, tuy không đọc ra tiếng, thiên nhân nhìn thấy, thiên nhân nghe được, không đọc ra tiếng thiên nhân cũng sẽ nghe được. Họ

đi qua nơi này, dừng lại một lát, quý vị liền ngửi thấy hương thơm, chư thiên hoan hỉ, thiện thần hoan hỉ.

Thứ tư là tự thân đốn chánh. Vì sao vậy? Vì tâm đốn chánh, tâm thanh tịnh, trong tâm có tâm cung kính, thân quý vị tự nhiên đốn chánh. “Lục căn đầy đủ, không có tổn hại”. Hai câu này nói theo cách nói hiện nay, tức thân thể khỏe mạnh, không có tật bệnh.

Năm là sanh tử bảo trì. Chỉ cho sau khi chết sanh trong ao báu. Đây là cúng dường Phật A Di Đà. Quý vị có thể tu hành như vậy, tương lai sau khi mạng chung, vãng sanh Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, vãng sanh trong ao bảy báu.

Sáu là đời đời kiếp kiếp sanh nơi trung quốc, dòng họ cao quý. Đây là nói quý vị không cầu vãng sanh, không cầu vãng sanh, đời đời kiếp kiếp quý vị nhất định sinh tại trung quốc. Trung quốc ở đây không phải chỉ cho đất nước Trung Quốc. Trung quốc Phật nói trong kinh là quốc gia có Phật Pháp, gọi là trung quốc. Quốc gia không có Phật Pháp gọi là biên địa, ý là như vậy. Vậy trung quốc có Phật Pháp họ sẽ sanh đến trung quốc.

“Sanh vào dòng dõi cao quý”, sanh nơi gặp Phật nghe pháp, không sanh nơi biên địa và dòng dõi thấp hèn. Nơi họ sinh đến chắc chắn là nơi mà người Trung Quốc nói là “thu hương môn đệ”. Nhất định sẽ coi trọng gia giáo, gia đình như vậy. Từ nhỏ đã có thể nghe đến Phật Pháp, thiện căn sâu dày.

Bảy là thành chuyển luân vương, vua tứ thiên hạ. Nếu như họ tích phước báu nhiều, ở nhân gian trở thành đại quốc vương. Đại quốc vương này, không phải trên trái đất. Vì sao vậy? Vì phước báu của họ siêu việt trái đất. Họ quản được mấy tinh cầu, gọi là Luân Vương. Luân Vương có bốn loại, Kim Luân Vương quản tứ thiên hạ. “Tứ thiên hạ” là một đơn vị thế giới, một đơn vị thế giới, ý của Hoàng Niệm Lão, ông từng nói với tôi về vấn đề này, vì ngày xưa chúng tôi đều cho rằng đơn vị thế giới là thái dương hệ. Niệm Lão nói không phải. Đơn vị thế giới là hệ ngân hà. Vậy thì lớn lắm. Quốc vương họ làm là gì? Là quản lý toàn bộ hệ ngân hà. Đại vương trong hệ ngân hà là Kim Luân Thánh Vương. Ngân Luân Vương quản ba châu. Tức là ba phần tư hệ ngân hà, họ quản phạm vi lớn như vậy. Đồng Luân Vương quản một nửa, Thiết Luân Vương quản một phần tư, một phần tư hệ ngân hà cũng ghê gớm lắm rồi! Cho nên đĩa bay, người ngoài hành tinh mà ngày nay chúng ta phát hiện, đó là gì? Đó vẫn là một đơn vị thế giới của chúng ta. Họ thuộc cõi người, luân vương, vì sao gọi họ là luân vương? Họ có luân bảo. Luân bảo, đĩa bay rất giống luân bảo, là công cụ giao thông của họ, cũng là vũ khí của họ. Nơi họ không chinh phục đến, họ cũng không thể thống

trị. Nơi họ có thể chinh phục đến đều nhờ vào công cụ này. Công cụ này bay trong không trung, tốc độ rất nhanh. Chúng ta thường nói tốc độ của nó chắc chắn hơn hẳn tốc độ ánh sáng, tức là 300.000km/ giây, nó nhất định hơn hẳn. Cho nên ở trong hệ ngân hà, trong phạm vi này họ bay đi tự tại. Trong hệ ngân hà, chúng sanh trong tất cả tinh hệ này đều là nhân dân của họ. Quản tử thiên hạ, đó là Kim Luân Vương.

Tám là đời đời kiếp kiếp thường được thân nam.

Chín là được sanh về Di Đà Phật quốc, kết già phu tọa trên hoa bảy báu thành A Bì Bạt Trí. Đó là vì họ cúng hoa đến Phật A Di Đà, phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, nhất định được sanh. Sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, điều nói trong nguyện thứ 20 của Di Đà: phàm là người sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát. Nói cách khác, hạ hạ phẩm vãng sanh cũng là A Duy Việt Trí Bồ Tát. A Duy Việt Trí Bồ Tát chính là người chúng ta thường nói: minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật.

Họ trụ ở đâu? Trụ ở cõi Thật báo trang nghiêm của Chư Phật Như Lai.

Nếu như không nhờ Phật lực, chỉ nhờ tự lực của chúng ta sanh đến Thế giới Cực Lạc cõi Thật báo trang nghiêm, vậy thì công phu của chúng ta nhất định đạt đến lý nhất tâm bất loạn. Lý nhất tâm là gì? khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước thực sự đã buông bỏ, chính là lý nhất tâm, không dễ dàng gì. Đối với tất cả pháp thế gian xuất thế gian không còn chấp trước nữa, buông xả chấp trước, vẫn còn phân biệt, vẫn còn khởi tâm động niệm, đó gọi là sự nhất tâm. Vãng sanh Thế Giới Tây Phương Cực Lạc là ở cõi Phương tiện hữu dư. Nếu như không buông bỏ thứ gì cả, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều có, vậy là sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Như vậy đến Thế giới Cực Lạc, thân phận của chúng ta là gì bản thân đã rõ ràng, nhưng Thế giới Cực Lạc rất đặc biệt, cõi Đồng cư, cõi Phương tiện, đãi ngộ ở trong đó, tức là nói, trí tuệ, thần thông, đạo lực của họ hoàn toàn tương đồng với cõi Thật báo. Điều này mười phương thế giới đều không có, cho nên chư Phật tán thán, tán thán Phật A Di Đà là “Phật trung chi vương, quang trung cực tôn”. Phật Phật vốn là đạo đồng, là bình đẳng. Đặc biệt tán thán đối với Phật A Di Đà, là công đức của Phật A Di Đà thù thắng quá. Phương pháp họ dùng vi diệu quá, có thể đem chúng sanh phiền não tập khí sâu nặng trong sáu nẻo, tiếp dẫn đến Thế giới Cực Lạc, đãi ngộ họ như A Duy Việt Trí. Điều này không thể nghĩ bàn. Khắp pháp giới hư không giới chỉ có một nơi này, không có

nơi thứ hai. Người gặp được phước báu lớn, thực sự là trăm ngàn muôn kiếp cũng khó gặp.

Cư sĩ Bàn Tế Thanh nói: ngày mà vô lượng kiếp đến nay hiếm có khó gặp, nay quý vị đã gặp được rồi! quý vị gặp được rồi, nếu như thật làm, thực sự tin tưởng, thật muốn đến, quý vị chắc chắn có thể đến đó được.

Ngẫu Ích đại sư nói: có thể vãng sanh hay không quyết định nơi tín nguyện có hay không. Phẩm vị cao thấp, đó là công phu niệm Phật của quý vị cạn hay sâu. Ngẫu Ích đại sư khuyên chúng ta rất tường tận. Hạ hạ phẩm vãng sanh Ngài đã hài lòng rồi. Người ta hỏi Ngẫu Ích đại sư – đây là tổ sư của Tịnh Độ tông chuyên tu Tịnh Độ – Ngài tương lai vãng sanh đến phẩm vị như thế nào, ngài sẽ hài lòng? Ngài liền nói với mọi người: hạ hạ phẩm vãng sanh tôi đã hài lòng rồi. Chiếu theo tiêu chuẩn này, không phải chính là điều Thiện Đạo đại sư nói: “vạn người tu vạn người vãng sanh”, không lọt mất một ai cả sao! Điều này chúng ta không thể không biết.

Những lời này của Ngẫu Ích đại sư cũng giống như đã cho chúng ta một tờ giấy bảo chúng vậy. Bởi vì bản thân chúng ta hiểu được, bản thân nghiệp chướng nặng quá, gây tạo tội nghiệp sâu dày, có thể đi được sao? Biết bao người gặp được Tịnh Tông đều hoài nghi. Nói đến vấn đề này, tôi không dám nghĩ, tội của tôi quá nặng, ngũ nghịch thập ác, chỉ cần thực sự tin, thực sự muốn đi, tất cả đều có thể vãng sanh. Đặc biệt là trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh nói: hạ tam phẩm tức là hạ bối vãng sanh đều là người có tội nặng. Người tập khí phiền não vô cùng nặng, hạ bối vãng sanh. Trong Quán Kinh nói: thượng bối là đại phạm phu, trung bối là tiểu phạm phu, hạ bối là phạm phu có tội, tất cả đều vãng sanh. Điều kiện chỉ cần quý vị thực sự tin, thực sự muốn vãng sanh. Chân tín, chân nguyện, đương nhiên tâm đó khác nhau. Vì sao vậy? Vì niệm niệm trong tâm có Phật A Di Đà. “Nhớ Phật niệm Phật hiện tiền tương lai nhất định thấy Phật”. Đó gọi là chân tín chân nguyện.

Ngày nay chúng ta chưa đạt đến tiêu chuẩn này, hiện nay chúng ta là có tín có nguyện, không phải là tiêu chuẩn của ngài. Tiêu chuẩn của ngài là niệm niệm đều muốn vãng sanh. Niệm niệm đều muốn thân cận Phật A Di Đà. Những ý niệm khác đều buông xả hết! Quý vị phải làm đến trình độ này, quý vị vãng sanh liền biết được bản thân rất chắc chắn. Quý vị vãng sanh đến cõi Phạm Thánh Đồng Cư, nhất định là thượng sanh, hạ phẩm thượng sanh. Chính là hạ bối, hạ bối thượng sanh được giảng trong bộ kinh này. Hạ bối thượng sanh có thể tự tại vãng sanh. Cũng tức là nói muốn lúc nào đi, bản thân thực sự đi được. Vì sao vậy? Vì

trong tâm quý vị chỉ có Phật A Di Đà. Ngoài Phật A Di Đà ra toàn bỏ hết, hoàn toàn buông xả rồi, trong tâm chỉ có một niệm không có niệm thứ hai khác. Đó gọi là công phu thành thiền, không phải là nhất tâm bất loạn. Nhất tâm bất loạn là kiến tư phiền não đoạn rồi. Kiến tư phiền não chúng ta chưa đoạn, chỉ là công phu thành thiền. Điều này quan trọng hơn bất cứ điều gì. Đây là điều người người đều có thể làm được. Nhất tâm bất loạn khó lắm, không phải là điều mà ai ai cũng có thể làm được. Bởi vì sự nhất tâm bất loạn đồng nghĩa với A la hán, lý nhất tâm bất loạn đồng nghĩa với viên giáo sơ trụ Bồ Tát. Đó thật là điều không phải người bình thường có thể làm được. Nhưng công phu thành thiền, thượng phẩm công phu thành thiền người người đều có thể làm được. Trong tâm tôi không có vương bận, không có một tạp niệm nào, chỉ có Phật A Di Đà, chỉ có Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, chúng ta nhìn thấy người niệm Phật công phu thành tựu, giống như Đệ Nhàn pháp sư, đồ đệ là người hàn nôi, ông ta đạt đến trình độ này, chúng ta có thể tưởng tượng được. Tu Vô pháp sư ở chùa Cực Lạc cũng là công phu này, ngài chưa khai ngộ. Sự nhất tâm là khai ngộ rồi, lý nhất tâm đại triệt đại ngộ. Minh tâm kiến tánh là lý nhất tâm. Công phu thành thiền còn chưa khai ngộ. Tu Vô pháp sư nêu cho chúng ta một tấm gương, thợ hàn nôi nêu cho chúng ta một gương tốt, ngoài ra còn có rất nhiều cư sĩ. Mẹ của Tướng Quân Hương ở Đài Nam nêu cho chúng ta một gương tốt. Ở Mỹ Cam lão cư sĩ, một người bạn của bà, cũng nêu cho chúng ta một gương tốt. Niệm Phật đi, không nói cho người nhà biết, con trai con dâu cháu nội đều không biết, bà ở nhà làm việc nhà, trong nhà ban ngày chỉ có một mình bà, nhất tâm chuyên niệm, bà không biết tiếng Anh, cũng không biết lái xe, ngồi ở nhà, không thể ra ngoài, niệm A Di Đà Phật, bà niệm thành công rồi, công phu thành thiền rồi. Lúc đi không bị bệnh, ngồi mà đi. Mặc quần áo chỉnh tề ngồi trên giường. Điều này do Cam lão phu nhân nói với tôi vậy. Là bạn thân của bà, là bạn niệm Phật, học tốt hơn bà, bà không bằng người ta. Biết được giờ khắc đã đến, Vì sao vậy? Bà có thể may tang phục cho con trai, con dâu, cháu nội, bà tự may, may từng bộ từng bộ xong rồi, đặt bên mép giường, còn có một phần di chúc, đó không phải là rõ ràng biết được giờ khắc đã đến sao? Nói đi liền đi thật. Con trai của bà báo tin cho Cam phu nhân, bà đến nhà bà ta xem, thực sự vãng sanh rồi, không phải là giả. Đi lúc nào không ai biết. Sáng sớm bà không dậy làm cơm sáng, mở cửa phòng bà ra xem, nhìn thấy bà ngồi ở trên giường, đi từ lâu rồi, cũng không cần người trợ niệm. Tự tại đến như vậy, thong dong đến như vậy, công phu thành

phiến rồi. Bí quyết chẳng có gì khác, trong tâm chỉ có Phật A Di Đà. Ngoài Phật A Di Đà ra tất cả đều buông hết. Đó là điều chúng ta có thể làm được.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 412

Chuyên ngữ: Liên Hải

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 14.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 515, hàng thứ ba, bắt đầu xem hai chữ cuối cùng. “Thiên hương, thiên hương dĩ vi cúng dường. Vãng Sanh Yếu Tập viết: tùy lực biện u hoa hương cúng cụ.”

Chúng ta xem đến đoạn này. Đây là thắp hương trong hoa hương cúng dường. Hương ý nghĩa biểu pháp là “tín”, tín hương. Cũng là giới định chân hương thể hiện trong Phật Pháp Đại Thừa. Những thứ cúng Phật đều có ý nghĩa biểu pháp, nhất định phải hiểu. Trước đây chúng ta đọc đến cúng đèn, thắp đèn. Đèn tượng trưng cho ánh sáng, tượng trưng cho trí huệ, ý nghĩa sâu hơn nữa là tượng trưng cho thắp lên chính mình để chiếu sáng người khác. Nó có ý nghĩa sâu sắc như vậy ở trong đó. Đèn nến, đèn dầu đặc biệt rõ nét, ý nghĩa này rất rõ ràng. Đệ tử Phật từng phát nguyện, “chúng sanh vô biên thế nguyện độ”, đệ tử Phật tu tập, thực hành, hết thầy công đức đều hồi hướng cho tất cả chúng sanh, không vì bản thân. Trong những đồ cúng dường đều biểu thị ý nghĩa này. Hương là phổ biến nhất, cúng hoa, cúng đèn, cúng hương, những thứ này phổ biến nhất. Nhưng trong đó quan trọng nhất là cúng nước. Thứ gì cũng không có, nhưng nước thì không thể thiếu. Nước phải sạch sẽ, không được cúng trà, cúng trà là sai rồi. Trà có màu sắc, không trong sạch. Nước tượng trưng cho cái gì? Nước tượng trưng cho tâm địa. Tâm phải trong sạch như nước vậy, tâm thanh tịnh. Phải bất động như nước vậy,

không nổi gợn sóng. Cho nên nhìn thấy nước, trên thực tế đều là cho chúng ta thấy, Phật không cần, Bồ Tát cũng không cần, để cho chúng ta thấy. Chúng ta nhìn thấy nước liền nghĩ đến tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng. Nước bình đẳng thanh tịnh, giống như mặt gương vậy, nó có thể chiếu soi vật tướng bên ngoài, đó chính là giác. Trên thực tế, nó tượng trưng cho điều chúng ta nói trong đề kinh này là “thanh tịnh, bình đẳng, giác”. “Thanh tịnh, bình đẳng, giác” là tâm của chính mình. Cho nên nói, nước quan trọng như thế nào. Để cho nó thời thời khắc khắc nhắc nhở mình, tâm phải thanh tịnh, tâm phải bình đẳng, tâm phải giác ngộ. Cúng hoa tượng trưng cho nhân, hoa là thực vật, sau khi hoa nở sẽ kết quả, hoa tốt quả nhất định tốt. Đây chính là tượng trưng cho thiện nhân thiện quả, ác nhân thì có ác báo. Nên hoa tượng trưng cho sáu ba la mật, lục độ nhân hoa. Bồ Tát tu sáu ba la mật, đặc trên quả địa là sáu loại quả báo thù thắng.

Hương tượng trưng cho giới định. Người đến hương, nhìn thấy hương, liền nghĩ đến giới, định, huệ. Nhờ giới đắc định, nhờ định khai huệ. Nó tượng trưng cho những ý này. Hương tượng trưng cho tín. Người Trung Quốc rất coi trọng tín. Cổ nhân nói “nhân vô tín tắc bất lập”, người nếu như không có chữ tín, trong xã hội sẽ không có chỗ cho anh ta. Coi chữ tín vô cùng quan trọng. Nhưng hiện tại nhân, nghĩa, lễ, trí, tín mọi người đều không cần nữa. Xã hội này loạn rồi, nói nghiêm trọng hơn tí nữa, người hiện tại bỏ mất nhân tính. Nhân tính là gì? Cổ nhân Trung Quốc nói rất hay “nhân chi sơ, tánh bản thiện”. Chúng ta làm cho bản thiện mất tiêu rồi. Khởi tâm động niệm đều là bất thiện, trái ngược với bản thiện. Bản thiện là gì? Bản thiện là ngũ luân, ngũ thường. Ngũ luân là điều người Trung Quốc mấy ngàn năm nay, ngay phụ nữ ở nông thôn cũng hiểu được, đều dùng điều này để dạy trẻ con.

“Phụ tử hữu thân”, thân ái. Thân ái từ nơi này mà phát sanh, làm như thế nào để phát huy phần thân ái này lớn lao thêm. Yêu thương anh chị em quý vị, yêu thương bạn bè thân thích quý vị, yêu thương bà con xóm làng, mở rộng đến yêu thương xã hội, yêu thương dân tộc, yêu thương nước nhà, yêu thương nhân loại. “Phàm là người đều nên yêu thương”. Giáo dục của Trung Quốc từ đây mà bén rễ, từ nơi gốc này mà sinh ra.

“Phu phụ hữu biệt”. “biệt” này nghĩa là gì? vợ chồng hợp thành một gia đình, hai người có nhiệm vụ khác nhau. Trong gia đình điều này quan trọng nhất là: một là cuộc sống vật chất, hai là cuộc sống tinh thần. Ngày xưa cuộc sống vật chất do người đàn ông gánh vác, họ mưu sinh nuôi gia đình. Cuộc sống tinh thần do người phụ nữ đảm nhiệm. Tương phu giáo tử, trong nhà quý vị có đời sau hay

không, đời sau không phải nói con cái nhiều, đời sau là nói trong số con cháu đó có người kế thừa gia đạo, kế thừa gia nghiệp hay không. Nếu như không có người kế thừa thì nhà này một đời là hết. Đời đời đều có người hiền, gia đạo này sẽ không suy!

Dân tộc Trung Quốc lớn như vậy, gia đạo kéo dài mãi cho đến ngày nay mà không suy chỉ có một nhà là Khổng Tử. Khổng gia đến ngày nay mới thực sự trở thành bình dân. Qua các đời đế vương đều có phong thưởng, tôn sư trọng đạo, không có đế vương nào không tôn trọng Phu Tử, Ông tượng trưng “sư đạo”. Trung Quốc coi trọng nhất: đầu tiên là tổ tiên, hiếu dưỡng cha mẹ; thứ hai chính là thầy giáo, phụng sự sư trưởng. Tinh thần lập quốc mấy ngàn năm của Trung Quốc chính là hiếu kính, hiếu thân tôn sư. Chúng ta xây dựng gia đình trên đạo đức. Điều này không thể không biết. Chỉ vì một hai trăm năm lại đây sơ suất mất luân lý đạo đức, điều này chúng ta không thể không biết. Thiên tính của con người là con người có lương tâm, con người phải biết đạo đức. Đạo đức là “tứ duy bát đức”, kết hợp lại chỉ có mười hai chữ: “hiếu để trung tín, lễ nghi liêm sĩ, nhân ái hòa bình”. Đây là tinh thần lập quốc mấy ngàn năm của Trung Quốc. Là hạt nhân của gia đình, xã hội, quốc gia, ý tưởng thúc đẩy giáo dục. Hiện nay sơ suất rồi, không coi trọng nữa, xã hội biến động rồi, không những xã hội biến động, còn dẫn theo thiên tai trên trái đất. Những thứ này có liên quan đến nhân tính không? Có.

Trong kinh nói rất hay, “tất cả pháp từ tâm tướng sanh”, Thế giới Cực Lạc tốt lắm, tốt ở đâu? Ở Thế giới Cực Lạc người người đều lòng dạ lương thiện, thuần tịnh thuần thiện. Cho nên xã hội của họ tốt, xã hội vĩnh viễn an định, nhân dân vĩnh viễn tương thân tương ái. Sông núi đất đai tai nạn gì cũng không có. Đạo lý, A Di Đà Phật dạy rất tốt, A Di Đà Phật ở Thế giới Cực Lạc, ngày ngày giảng kinh dạy học, không có ngày nào gián đoạn. Cư dân của thế giới Cực Lạc, ai ai cũng ngày ngày tiếp thu lời giáo huấn của A Di Đà Phật. Người được dạy rất tốt, Phật Bồ Tát là người được đào tạo ra, Thánh Hiền là được đào tạo ra. Thế giới Cực Lạc, A Di Đà Phật ở khắp pháp giới hư không giới đã nêu cho chúng ta tấm gương tốt nhất. Nếu như cư dân trên trái đất chúng ta cũng giống như ở Thế giới Cực Lạc, lương thiện như vậy, thanh tịnh như vậy, trái đất chúng ta sẽ trở thành Thế giới Cực Lạc. Vì sao vậy? Vì trong kinh Phật nói rất nhiều, là “y báo tùy theo chánh báo mà chuyển”, nếu như dùng cách nói hiện nay thì môi trường vật chất tùy theo ý niệm của chúng ta, mà sinh thay đổi. Ý niệm của chúng ta tốt, môi trường sẽ không có gì là không tốt. Thật là “phong điều vũ thuận, quốc thái dân

an, tai hại bất khởi, nhân dân an lạc”. Thật đúng như vậy, không phải là giả dối. Mãi cho đến thời cận đại, ba mươi năm trở lại đây giới khoa học đã phát hiện, phát hiện được ý niệm của con người và núi sông đất đai, cho đến sự vận hành của tinh cầu trên hư không đều có mối liên hệ. Ý niệm của chúng ta thuần chân, quỹ đạo vận hành của tinh cầu trên không trung nó sẽ không nghiêng lệch. Nếu chúng ta tà tâm tà niệm ý nghĩ hành động bất chánh, nó sẽ chạy đến phạm vi nơi này của chúng ta, nó bị ý niệm chúng ta quấy nhiễu, ý niệm này sẽ dao động quấy nhiễu. Nó không ổn định, nó liền bị nghiêng lệch. Ý niệm của con người có năng lượng lớn đến như vậy! Trước đây chúng tôi nhìn thấy trong kinh văn nói đến, chúng tôi không tin, không ngờ ngày nay, nhà khoa học đã chứng minh cho chúng ta rồi.

Cho nên thắp hương là biểu hiện cho niềm tin, biểu hiện cho giới định. Trong nhà nếu như có chỗ thờ Phật, có tượng Phật, không cần nhiều, chỉ một cây hương. Ngày nay nhà ở phần nhiều là chung cư, phải giữ gìn môi trường thanh khiết, không khí trong lành, hương không nên thắp nhiều quá, một cây là tốt rồi, làm cho chúng ta thấy hương, nhìn thấy lò hương liền biết chúng ta phải tu định, phải tu huệ, phải tu giới định. Nhìn thấy hương nhắc nhở chúng ta trong cuộc sống hằng ngày, sự qua lại giữa người và người phải có chữ tín, người khác không chú trọng chữ tín, tôi trọng chữ tín, vậy phải chăng chúng ta chịu thua thiệt? Nói cho quý vị hay, tuyệt đối không có thua thiệt. Nếu như quý vị thực sự hiểu được nhân quả, nói nhân quả thông ba đời, trong định luật của nhân quả người người đều bình đẳng, không có thua thiệt, cũng không bị mắc lừa. Chúng ta lợi dụng người khác, đời sau phải hoàn trả cho họ. Chúng ta chịu thiệt đời sau sẽ được bù đắp. Quý vị thực sự hiểu được, quý vị mới có thể giữ vững luân lý đạo đức, không làm trái với nhân quả. Hà hướng mục tiêu cuối cùng của chúng ta là phải vãng sanh Thế giới Cực Lạc. Ngày nay nói là di dân, di dân đến Thế giới Cực Lạc, thân cận Phật A Di Đà. Vì sao vậy? Vì nơi đó là nơi chôn tu hành tốt nhất trong khắp pháp giới hư không giới. Đến nơi đó, điều tốt đẹp đầu tiên là người trường thọ, vô lượng thọ, ở đó có thời gian. Con người không những trường thọ, mà còn không bệnh tật, mãi mãi mạnh khỏe. Phật Thích Ca Mâu Ni giới thiệu nhiều như vậy, nhưng không giới thiệu Thế Giới Tây Phương Cực Lạc có bệnh viện, có bác sĩ, chưa nghe thấy những thứ đó. Người ở đó không mắc bệnh, lại trường thọ, rất có thời gian. Phật A Di Đà là thầy giáo tốt nhất. Chư thượng thiện nhân đều câu hội ở đó. Thượng thiện là ai? Là Đẳng giác Bồ Tát, giống như Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Thế Chí. Những bậc này nhiều lắm, nhiều lắm. Nhiều đồng tham đạo

hữu tốt như vậy, nhiều thầy giáo tốt như vậy, họ làm sao mà không thành Phật được! Cho nên vãng sanh chắc chắn sẽ thành Phật. Ở đây nói biểu pháp cúng dường, nhất định phải hiểu được.

Vãng Sanh Yếu Tập nói rằng: “tùy lực mà dâng hoa hương cúng Phật”, không ép buộc, tùy phận tùy sức. “Hội Sớ viết: nhược nhân thiêu mỹ hương”, mỹ hương là hương thơm, thấp hương thơm, “ma luân thú tha phương”, “luân” là cùng loại, tức là những loại yêu ma quỷ quái này, họ đi chỗ khác. Vì sao vậy? Vì hương thơm kia họ ngửi được, họ liền bỏ đi, họ không thích. Phật Bồ Tát thích, rất khác nhau. Quý vị xem ngạ quỷ, ngạ quỷ ngửi thấy phân dơ, nó thích thú. Loại ma quỷ này, nếu như ngửi thấy hương thơm, nó liền bỏ đi. Nó không thích ngửi thứ này. Mỗi loại chúng sanh không giống nhau, ma quỷ họ liền bỏ đi. Cho nên phải thấp hương thơm. Quý vị xem “Phật thần hoan hỉ thủ”, Phật thần ngửi thấy hương thơm, họ liền đến, họ thích. Người thấp hương ở đây, Phật thần cũng biết quý vị hoan nghênh họ, quý vị tôn trọng họ. “Tu thiện ắt thành tựu”.

“Nhu”, dưới đây nêu ra một ví dụ: “đại vương nước Na càn ha la, xa hướng đến Phật quốc đốt hương làm lễ, khói hương bay thẳng đến tinh xá của Phật - đây là cảm ứng, khói hương bay thẳng đến tinh xá Phật trú - như mây lưu ly trắng.” Khói hương này màu trắng, bay quanh Phật bảy vòng, hóa làm kim đài, đúng như Quán Phật Kinh nói: chí thành cung kính, thấp hương cúng Phật. Phật biết được, Bồ Tát biết được. Phạm phu chúng ta nhìn không thấy, chư Phật Bồ Tát có thể nhìn thấy. Cảm ứng đạo giao không thể nghĩ bàn.

Lại nữa Đại Nhật Kinh Sớ nói: đốt hương là nghĩa khắp trong pháp giới. Như lúc Thiên thọ vương nở hoa, hương thơm ngược gió thuận gió tự nhiên xông khắp, hương bồ đề cũng như vậy. tùy mỗi công đức, tức là lửa tuệ được thấp, gió giải thoát vừa thổi, theo nguyện lực từ bi bay đi tự tại, xông khắp tất cả, nên nói là “thiêu hương”. Đoạn này nói rất hay! Đại Nhật Kinh Sớ nói như vậy. Ở đây chư vị tổ sư chú giải. Vì sao vậy? Vì chúng ta đọc đoạn văn này, sẽ nghĩ đến trước đây chúng ta từng học qua, Tu Hoa Nghiêm Áo Chỉ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của Hiền Thủ quốc sư, quyển luận văn của đại sư tổng cộng có sáu đoạn, ba đoạn trước nói về khởi nguyên của vũ trụ, khởi nguyên của nhân sanh vũ trụ. Từ nhất thể khởi nhị dụng. Nhất thể chính là tự tánh. Đoạn này khoa học, triết học ngày nay còn chưa tìm tòi ra. Khoa học và triết học có thể thăm dò được hay không? Không được. Trong kinh Phật nói rất hay, khoa học và triết học chỉ có thể nghiên cứu đến khởi nguyên của vũ trụ, nó có thể nghiên cứu được. Ngày nay khoa học thực sự đạt đến được cảnh giới này rồi, nhưng tự tánh họ không thăm

dò đến được, bởi vì tự tánh là thật. Tư tưởng, tư duy, tưởng tượng của chúng ta là thức thứ sáu. Điều này trong kinh giáo Đại Thừa giảng rất rõ. Tác dụng của thức thứ sáu vô cùng rộng lớn, nó đầy đủ tất cả 51 tâm sở, đầy đủ toàn bộ 51 tâm sở. Thức thứ tám chỉ có một cái này - thức thứ sáu. Tức là ngày nay chúng ta nói, thứ mà chúng ta có thể tư duy. Đó là vọng tâm, không phải là chân tâm. Vọng tâm chỉ có thể duyên với vọng cảnh, vọng duyên không thể đạt đến chân thật. Tự tánh là thật, cho nên nó không duyên được.

Thế Giới Tây Phương Cực Lạc nói bốn cõi. Cõi Thường Tịch quang là chân thật. Thức thứ sáu không duyên đến được. Cõi Thật Báo, cõi Phương tiện, cõi Đồng cư đều có thể duyên được. Vì sao vậy? Vì nó không phải thật. Nó từ A lại ya biến hiện ra. Cõi Thật báo thực sự mà nói rất cao, rất cao. Nơi này chỉ có biến hóa của sanh và diệt. Thời gian rất dài, thời gian tồn tại rất dài. Ngoài điều này ra, nó không có thay đổi. Thọ mạng, trong Kinh Hoa Nghiêm nói với chúng ta: ba đại A tăng kỳ kiếp, đây là con số của thiên văn. Thọ mạng rất dài, không thể nghĩ bàn. Người sanh đến nơi đó là hóa sanh, thân tướng giống với Phật A Di Đà, hoàn toàn tương đồng. Ba đại A tăng kỳ kiếp sẽ không thay đổi. Không giống như người trong thế gian chúng ta sẽ trở thành già suy, có sanh lão bệnh tử. Trong cõi Thật báo trang nghiêm không có sanh lão bệnh tử. Nó biến đổi như thế nào? Nó là do tập khí vô minh từ vô thủy thay đổi. Tập khí vô minh từ vô thủy nếu như đoạn tận rồi, nó sẽ không còn nữa. Giống như nằm mơ vậy tỉnh dậy rồi thì không còn nữa. Tỉnh lại rồi sẽ đi về đâu? Trở về với Thường Tịch Quang. Thường Tịch Quang này, khoa học triết học chúng ta tìm không ra. Vì sao vậy? Vì nó không có hiện tượng. Thứ khoa học triết học nó nghiên cứu được phải có một đối tượng, họ mới có thể tìm ra được, không có đối tượng nó tìm không ra. Thường Tịch quang chính là thể tự tánh thanh tịnh viên minh. Nó không phải là hiện tượng vật chất, không phải là hiện tượng tinh thần, cũng không phải là hiện tượng tự nhiên. Cho nên quý vị tìm không ra nó. Nhưng nó có thể hiện ba loại hiện tượng. Lúc Huệ Năng đại sư khai ngộ nói: “đâu ngờ tự tánh, năng sanh vạn pháp”. Nó năng sanh, năng hiện, A lại ya là năng biến. Vì vậy trong giáo lý Đại Thừa nói: khắp pháp giới hư không giới, tất cả vạn pháp này “duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”, bộ phận “duy thức sở biến” này, khoa học triết học đều có cách thăm dò đến nó. Nhưng “duy tâm” thì họ không còn cách gì cả. Vậy thì làm sao mới biết được? buông xả khởi tâm động niệm, vọng tưởng, chấp trước liền biết được, liền có thể nhìn thấy. Nên trong kinh giáo Đức Phật thường nói: “duy chứng phương tri”. Quý vị buông xả liền biết được. Nhà khoa học chưa buông xả, cho nên họ không

biết được. Nếu họ biết được, buông bỏ khởi tâm động niệm, nhà khoa học đã thành Phật rồi. Khoảng cách để họ thành Phật không xa, chỉ là khoảng cách giữa một niệm, những thứ do thức thứ tám sở biến, chúng ta nói là vũ trụ. Phật Pháp nói là mười pháp giới y chánh báo trang nghiêm. Họ đều có cách thăm dò được. Nguyên khởi của vũ trụ, nói rõ ràng biết bao! Ba ngàn năm trước đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói rồi. Ngày nay, gần ba mươi năm lại đây nhà lượng tử lực học mới phát hiện ra được. Báo cáo của họ hoàn toàn tương đồng với Phật nói. Như vậy chúng ta tin lời Phật nói rồi, không còn gì để bàn nữa. Bất luận là vật chất hay về tinh thần, đó là khởi nhị dụng. Hiện tượng vật chất: sắc, thanh, hương, vị, xúc đều là hiện tượng vật chất, năm căn trước của chúng ta có thể tiếp xúc được. Hiện tượng tinh thần thức thứ sáu của chúng ta tức là tâm có thể tư duy tưởng tượng, tâm này nó có thể thăm dò đến được. Phật nói với chúng ta rằng: hiện tượng đều không tách rời dao động. Nếu như không có dao động, hiện tượng sẽ không còn nữa. Hiện tượng được sản sinh ra từ dao động. Tần suất dao động chậm thì trở thành thể kiên cố, tức là những thứ cứng. Tần suất dao động nhanh nó trở thành vật mềm, giống như da thịt chúng ta vậy, xương cốt thì cứng, bộ phận đó tần suất dao động của nó chậm. Nên thịt, cơ bắp, da dẻ, tần suất của nó tương đối nhanh. Nhanh nhất thì trở thành sóng quang, sóng điện từ. Muôn sự muôn vật đều là do tần suất nhanh chậm khác nhau, mà có sự khác nhau. Nhưng những dao động này vừa động, tốc độ của nó chúng ta không thể tưởng tượng được, chu biến pháp giới. Vậy hương này có thể xông khắp pháp giới chăng? Có thể.

Sáu căn của mỗi chúng ta và Chư Phật Như Lai không sai khác, khắp pháp giới hư không giới, hiện tượng dao động này, hiện tượng dao động của vật chất và tinh thần họ đều nhận được, rất rõ ràng. Tốc độ lập tức liên biến khắp. Sóng điện, sóng quang của chúng ta khác xa lắm. Ánh sáng mặt trời đến trên trái đất phải mất hơn 8 phút. Sóng vật chất và tinh thần này vừa động liên biến khắp pháp giới. Điều này đã được nói trong Kinh Hoa Nghiêm, sau khi biến khắp pháp giới lập tức liền có phản ứng, phản ứng là “xuất sanh vô tận”. Cho nên niệm lực của chúng ta nếu như có thể tập trung, điều này đức Phật cũng thường nói “chỉ tâm nhất xứ, vô sự bất biện”, nếu như quý vị tập trung ý niệm của mình, thì năng lượng này lớn lắm, lớn lắm! lớn đến mức nào? Người tu hành vì sao sẽ thành Phật? Chẳng có gì ngoài việc tập trung ý niệm liền thành Phật. Ý niệm tập trung không phải là thiên định sao? Nên biết rằng, trong kinh Đức Phật đã nói và Huệ Năng đại sư cũng đã chứng minh cho chúng ta. Ngài minh tâm kiến tánh rồi, ngài

nói với Ngũ Tổ, tức là nói với chúng ta “đâu ngờ tự tánh, vốn không dao động”, câu nói này là gì? là tự tánh bản định. Tâm quý vị đến khi đạt được “vốn không dao động”, tức thấy tánh rồi, chính là “minh tâm kiến tánh”. Phạm là có ý niệm, ý niệm này là tâm đang động, đó là vọng tâm. Chân tâm bất động, động là vọng tâm, chân tâm có thể làm chủ tể, vọng tâm không làm chủ được. Vọng tâm nương theo cảnh giới bên ngoài mà chuyển. Chân tâm có thể chuyển cảnh giới, vọng tâm bị cảnh giới chuyển. Nếu như chúng ta chịu dùng chân tâm, thí dụ như quý vị mắc bệnh ung thư, quý vị biết được phải dùng chân tâm, ung thư của quý vị lập tức liền lành, vi khuẩn trong tế bào ung thư lập tức trở lại bình thường, nó liền không còn nữa, tức năng lượng lớn đến như vậy. Thứ này dường như là gì? Chúng ta nói về quang, ánh đèn của đèn điện, nó phân tán, nó chiếu khắp mười phương. Nếu như quý vị đem quang tuyến này tập trung lại một điểm, liền trở thành tia laser, biến thành sấm chớp, ngay tấm thép nó cũng xuyên qua được. Quý vị xem ánh sáng kia phân tán thì một trang giấy cũng ngăn nó lại được. Quý vị liền biết được đạo lý “ché tâm nhất xứ”, quý vị sẽ hiểu rõ được. Ánh sáng mặt trời nếu biến nó thành một tia sáng, nó có thể xuyên qua cả quả đất, nó có sức mạnh lớn đến như vậy. Vậy trong tự tánh của chúng ta năng lượng này, năng lượng của tự tánh tức là quang, nếu như tập trung một chỗ, Phật nói không có gì không làm được. Câu nói này nếu chúng ta nói một cách thông thường hơn, cảnh giới trong định, sự việc thông thường người ta cho rằng không làm được, họ hoàn toàn có thể làm được, nhẹ nhàng nhanh chóng làm được. Vì thế người phải dùng chân tâm không thể dùng vọng tâm. Người dùng chân tâm khỏe mạnh trường thọ, pháp hỉ sung mãn, người dùng vọng tâm phiền não nhiều quá, phiền muộn, áy náy, lo lắng. Chân tâm và vọng tâm là một tâm. Một tâm dùng ngay thẳng, một tâm dùng thiên lệch, dùng tà vạy, gọi là vọng tâm. Giáo lý Đại Thừa thường nói “chân vọng không hai”, chính là đạo lý này vậy. Cho nên chúng ta nhìn thấy là quang khắp pháp giới, hương khắp pháp giới, có thứ gì không khắp pháp giới!

Cho nên toàn thể vũ trụ và chúng ta là mối quan hệ gì? là nhất thể. Thực sự liên hệ mật thiết. Chư Phật Bồ Tát biết, họ không bị chướng ngại. Chúng ta không biết, thân thể chúng ta là thân thể vật chất, mỗi tế bào, tế bào lớn quá, tế bào là nguyên tử tổ thành, nguyên tử là điện tử tổ thành, điện tử là lap tử tổ thành. Phần trước chúng ta đã học qua. Mao trần vi điểm là thứ nhỏ nhất trong vật chất, trong một điểm nhỏ nhất này, nó đầy đủ năm uẩn sắc thọ tưởng hành thức, thật không thể nghĩ bàn. Quan Thế Âm Bồ Tát soi thấy năm uẩn đều không, là soi thấy năm uẩn của vi điểm này. Nói rõ điều gì? Nói rõ hiện tượng tinh thần và hiện tượng

vật chất bao gồm cả hiện tượng tự nhiên đều không phải là thật. Vì sao vậy? Vì trong tự tánh thanh tịnh không có những thứ này. Nhưng những thứ này gặp duyên phát sanh ra. Phát sanh rồi cũng không sao. Vì sao nói cũng không sao? Vì tướng thì có, thể thì không. Có một hiện tượng như vậy, nó không có tự thể. Cho nên nó có trở ngại tự tánh hay không? Không trở ngại, không trở ngại tí nào. Tự tánh có trở ngại nó không? Tự tánh không những không trở ngại nó, tự tánh cũng là bản thể của nó. Không có tự tánh những hiện tượng này sẽ không có. Nó không trở ngại tự tánh, tự tánh cũng không trở ngại nó. Có thể cùng tồn tại phát triển, gọi là “chân vọng cùng tồn tại”, đó mới là chân tướng sự thật. Cho nên chúng ta học đến đoạn này, xem tiếp những báo cáo khoa học hiện đại, những điều trong kinh nói chúng ta có thể tin tưởng rồi.

Trong Đại Nhật Kinh Sớ, nói: thấp hương xông khắp đến pháp giới, điều này là thật. Di Lạc Bồ Tát đã chứng minh cho chúng ta, nhà lượng tử học ngày nay cũng nói như vậy.

Dưới đây nêu ra một ví dụ. Như thiên thụ vương, đây không phải là nhân gian, thọ vương là cây đại thụ. Nhân gian chúng ta có một số cây già trong rừng cây. Tôi xem qua cây đại thụ 3000 năm tuổi, gọi nó là “thần mộc”. Mỗi năm nó vẫn mọc cành non, nó vẫn nở hoa, mấy ngàn năm rồi. Những loại cây như vậy gọi là “thụ vương”, lúc nó nở hoa, hương thơm bất kể là ngược gió hay thuận gió, đều làm cho hương thơm này tự nhiên tràn khắp. Tràn khắp đến đâu? Ngày nay người học Đại Thừa chúng ta biết được. Hương thơm này khắp đầy pháp giới. Những loại cây như vậy có thần cây, đây không phải là mê tín. Những điều trong kinh nói cho chúng ta đều là chân thật. Sự việc này khoa học hiện nay chưa phát hiện được có thần cây.

Chúng tôi xây dựng một đạo tràng nhỏ tại Úc châu, có một ngôi nhà cũ quá, không sử dụng được, chúng tôi phá dỡ nó, làm mới lại. Ngôi nhà này dỡ bỏ chuyển đi, làm nhà mới phải chuyển vật liệu, ở cổng có bốn cây trồng dày quá, chặn mất cửa lớn không vào được, phải chặt bỏ bốn cây này. Chúng tôi tuân theo giới luật Phật dạy, ba ngày trước, trước khi chặt ba ngày, tụng kinh cho nó, cầu thông với nó, mời thần cây chuyển nhà. Ba ngày sau, chúng tôi đến chặt cây. Ba ngày sau cây bị chặt mất rồi, đêm hôm đó, có một học viên trong học viện chúng tôi, là người xuất gia, đêm đến nằm mơ, thần cây đến quở trách ông ta, nói các người muốn chặt cây, muốn chúng tôi chuyển nhà, thời gian ba ngày gấp quá. Nói với chúng tôi rằng: sau này các người nếu có sự việc như vậy, phải thông báo trước với họ bảy ngày. Ngày hôm sau vị này đến báo cáo với tôi, tôi nghĩ cũng có

lý. Vì sao vậy? Vì người Úc làm việc rất chậm, quý thần của Úc làm việc cũng chậm, động tác rất chậm chạp. Trong kinh Phật nói ba ngày, tại Úc Châu lại không được. Tôi nói sau này chúng ta phải nhớ kỹ, trước bảy ngày đi thông báo cho họ, thật sự có cảm ứng!

Lần này trở về bãi đỗ xe của chúng tôi có một cây lớn, hình như là cây ăn quả, cây này già lắm rồi, khô chết rồi. Thần cây này cũng thác mộng cho người xuất gia chúng tôi. Vị này nói với tôi, thần cây thác mộng cho vị này nói: tôi giảng kinh nơi ở đó, kinh này tôi giảng xong rồi, tôi rời đi, thần cây liền vãng sanh đến Cực lạc. Tôi nghe xong cảm thấy ly kỳ. Đạo tràng chúng tôi không có người nào thực sự tu hành, không ngờ thần cây tu hành. Đạo tràng ở đó được mười năm rồi, thần cây nghe kinh mười năm, niệm Phật mười năm, họ vãng sanh Thế giới Cực Lạc rồi, nói với tôi sự việc này, tôi liền kêu mấy người lại, mấy người xuất gia, đến trước cây đó cúng cho họ, tụng kinh hồi hướng cho họ. Đêm hôm đó thần cây thác mộng nói ngày hôm đó ông ta vãng sanh rồi. Không đợi tôi giảng kinh xong ông đã đi trước, rất biết ơn. Đạo tràng chúng ta, những người tại gia xuất gia nên tầm quý! Bởi vì đạo tràng chúng ta thành lập mười năm rồi, người tu hành xuất gia tại gia không có một người nào thành tựu cả, thần cây thành tựu rồi. Cây cỏ hoa là đều có tánh linh, núi sông đất đai cũng có tánh linh, đó là điều mà chúng ta đích thân gặp rồi. Chúng tôi có mua đám rừng, đám đất này diện tích rất lớn, chúng tôi có thể sử dụng khoảng hai phần ba, một phần ba là rừng rậm nguyên thủy. Tôi giữ gìn nó, tôi không chặt phá nó. Trong rừng sâu này có rất nhiều linh hồn tu hành trú tại đó, họ câu thông với chúng tôi. Tôi biết trong rừng sâu này nên xây một ngôi chùa nhỏ cúng dường họ, không phải mê tín, đó là sự thật. Người cư trú tại địa phương đó không có ai không biết, cỏ cây hoa lá, chúng tôi ở nơi đó mười năm rồi. Chúng tôi trồng rau, trồng rất thành công, không có thuốc trừ sâu, không có phân hóa học. Chúng tôi có hiệp định với mấy con sâu nhỏ này, trong đám rau của chúng tôi có một đám nhỏ chuyên để cho chúng nó ăn. Sâu bọ kia muốn ăn rau, đương nhiên nó cũng là Bồ Tát, chúng tôi cúng dường chúng nó, nó chuyên ăn ở đám đó. Không có chỉ định, chúng nó nhất định không đi, rất tuân thủ, rất đáng yêu, biết giữ chữ tín. Chúng tôi trồng hơn ba mươi loại trái cây, cây ăn trái rất nhiều, có thu hoạch. Chim muốn ăn trái cây, chúng tôi cũng đặc biệt chỉ định mấy cây, trái cây trên cây này chuyên cung cấp cho các người, không có chỉ định, các người nhất định không đi xâm phạm nhé. Chim chóc cũng nghe lời, đối đãi với súc sanh dễ hơn đối với người nhiều. Người không nghe lời. Những loài sâu nhỏ, chim nhỏ biết nghe lời, ngay cả muỗi kiến cũng biết nghe

lời. Chúng ta đều có thể đối xử hòa thuận với nhau, cùng tồn tại và phát triển, chăm sóc lẫn nhau, đều làm được.

Trong kinh giáo Đại Thừa nói với chúng ta, khắp pháp giới hư không giới vạn sự vạn vật và chúng ta là nhất thể. Có lý gì lại không thể câu thông!

Cho nên hương thơm tự nhiên xông khắp pháp giới. Hương bồ đề cũng như vậy, thực sự phát tâm bồ đề, tâm bồ đề có quang, có hương, mùi phương pháp giới chư Phật Bồ Tát đều biết.

“Tùy mỗi mỗi công đức, tức dùng lửa huệ mà thắp hương”. Thắp hương chúng ta dùng lửa, bất luận là lửa củi hay ngày nay dùng bật lửa, lửa để thắp lên hương này là lửa huệ. “Gió giải thoát vừa thổi, theo nguyện lực từ bi tự tại mà chuyển, xông khắp tất cả”. Tự tánh là được đại tự tại, nên lập tức biến khắp cả mười phương, xuất sanh vô tận. Xuất sanh vô tận này, nếu chúng ta nói theo cách nói hiện nay là ảnh hưởng vô tận. Cho nên thắp hương cúng dường công đức không thể nghĩ bàn, công đức thắp đèn không thể nghĩ bàn, thắp đèn cúng Phật.

Đoạn sau của chú sớ luận thêm về sự lý thắp hương, tôn chỉ càng sâu hơn, giống như trong Đại Nhật Kinh Sớ nói rất hay!

Chúng ta xem tiếp đoạn thứ bảy. Thứ bảy là “dĩ thử hồi hướng, nguyện sanh bỉ quốc”

Trên đây có bảy đoạn. Đoạn này nói về vãng sanh, về trung bối trong tam bối, trung bối vãng sanh có bảy sự việc.

Thứ nhất “phát tâm vô thượng bồ đề”

Thứ hai là “nhất hướng chuyên niệm vô lượng thọ Phật”. Điều này ở thượng bối trước đây đã nói rất tỉ mỉ. Nói cách khác, tam bối cửu phẩm, mỗi phẩm vị đều là phát tâm bồ đề, đều là nhất hướng chuyên niệm Phật A Di Đà. Đây là điều mà người tu tập Tịnh Độ không thể không biết. Dưới đây và thượng bối không giống nhau.

Thứ ba “ít nhiều tu thiện, phụng trì trai giới”, xây tạo tháp tượng, ăn uống kiêu sa môn, treo phan thắp đèn, rải hoa thắp hương. Chúng ta vừa nói là đoạn ngắn cuối cùng trong đoạn này. Sau đó là: “dùng đây hồi hướng, nguyện sanh nước kia”, điều quan trọng của phát nguyện hồi hướng, đã chú thích qua trong đoạn văn thượng bối vãng sanh. Đoạn trước giảng qua rồi, ở đây bổ sung thêm.

Nay ghi chép giản lược, Từ Chiếu đại sư khuyên người phát nguyện kệ viết như sau – điều này do Từ Chiếu đại sư nói – “trì giới vô tín nguyện, không thể sanh Tịnh Độ”, giới trì có tốt hơn nữa, có hay không? Có. Chúng tôi đã từng gặp qua. Nhưng đối với Thế Giới Tây Phương Cực Lạc họ không tin, họ không niệm Phật

A Di Đà, họ tin tưởng Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, thời khóa mỗi ngày họ niệm Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, đối với Thích Ca Mâu Ni Phật vô cùng tôn trọng. Tốt lắm! rất quý! Không thể nói họ không có công đức tu hành, họ tương lai đi về đâu? Phần nhiều đều là tu Tiểu thừa. Thực sự tu thành công rồi cũng rất giỏi, nhưng không có duyên với Tịnh Độ, không thể sanh Tịnh Độ. “Chỉ được phước thiên nhân, hết phước lại chịu luân hồi”, chắc chắn vậy. Phước báo hưởng hết rồi vẫn phải luân hồi trong sáu nẻo, không ra được! Việc này không phải là trò đùa, chúng ta phải coi trọng nó, không thể ra khỏi luân hồi thì phiền phức to rồi!

Dưới đây đại sư lại nói, đây vẫn là lời của ngài. “phát nguyện trì giới lực”, đối với Tịnh Tông quý vị có thể tin, quý vị có thể hiểu, có thể phát nguyện, điều này tốt! Năng lượng này “hồi hướng sanh lạc quốc”. Lạc quốc chính là Thế Giới Tây Phương Cực Lạc. Quý vị có thể đem công đức này hồi hướng Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, cũng chính là nói tất cả công đức tôi tu hành trong đời này, tôi đều không sử dụng cho việc gì khác, chuyên môn làm thành nhân duyên để tôi vãng sanh Thế Giới Tây Phương Cực Lạc. Điều này tốt lắm! tôi chỉ có một phương hướng chỉ có một mục tiêu.

“Nhu thị các hành trì, thiên trung bất thất nhất”, ở đây nói quý vị có thể tu hành được như vậy, trong cả ngàn người thì cả ngàn người vãng sanh, trong một vạn người có một vạn người vãng sanh, một người cũng không sót lại. Đáng tin lắm!

Lại Hội Sớ nói rằng: “hồi hướng nguyện vãng sanh, như trên các thiện hồi hướng, tức gieo nhân vãng sanh. Nếu không hồi hướng, tức không gieo nhân vãng sanh”. Đoạn này nói cũng rất hay. Hồi hướng là mục tiêu của quý vị, quý vị có nguyện vọng; không hồi hướng quý vị không có mục tiêu, quý vị không có phương hướng, các công đức quý vị tu học được, tương lai trong sáu nẻo bất luận ở nẻo nào cũng đều là phước báu. Quý vị có tu là có phước, người có phước, hưởng phước nơi cõi trời, cõi người coi như là tốt lắm rồi. Hưởng phước trong cõi súc sanh thì thua xa lắm. Mà hưởng phước ở cõi súc sanh, ở HongKong rất phổ biến. Quý vị xem rất nhiều nhà giàu có nuôi thú cưng, đó chính là đến cõi súc sanh hưởng phước. Phước báo của chúng thật lớn. Người một nhà cũng còn xích mích bất hòa, nhưng đối với những thú cưng này không có chuyện không yêu thương chúng. Thú cưng ở trong nhà người người đều thương yêu. Con người nếu như ở nhà họ chưa chắc được mọi người đều thương yêu, nhưng thú cưng người người đều thương yêu, chăm sóc tỉ mỉ chu đáo. Đó là gì? đó là phước báo đời trước,

phước báo tu tập được, có duyên với gia đình này. Chúng ta nhìn thấy thân súc sanh, điều đó không thể không biết.

“Hồi hướng phát nguyện là những điều không thể thiếu được”. Chúng ta một đời nỗ lực cày cấy, phải có phương hướng, phải có mục tiêu, chúng ta mới có thu hoạch. Đoạn tất cả điều ác, tu tất cả điều thiện, y theo lời dạy dỗ của lão tổ tông, học luân lí, học đạo đức, học nhân quả. Nương theo Phật Bồ Tát, kinh luật luận để tu hành, tôi hi vọng đạt được điều gì? đó chính là nguyện của quý vị.

Lúc tôi mới học Phật, thầy giáo nói với tôi: “ trong giáo lý nhà Phật, có cầu tất có ứng”. Thầy giáo dạy tôi, bản thân tôi đã làm sáu mươi năm nay rồi. Thật vậy chính xác là có cầu tất có ứng. Nếu như cầu danh tiếng lợi dưỡng, cầu phú quý nhân gian, có thể cầu được không? Có thể. Những thứ đó không rốt ráo. Điều đó cũng giống như nói quý vị cầm vàng miếng đi mua bánh kẹo mà ăn vậy, sai rồi! Ngày nay chúng ta cầu không cầu phước báo nhân thiên, chuyên cầu cực lạc quốc độ. Tôi chỉ muốn đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, thân cận Phật A Di Đà. Phương hướng này, mục tiêu này là đúng đắn. Vì sao vậy? Vì gặp được Phật A Di Đà rồi, thứ gì quý vị cũng sẽ được. Quý vị đạt được là khắp pháp giới hư không giới, quý vị đạt được là đại viên mãn. Quý vị cũng giống như Phật A Di Đà vậy, thành Phật rồi. Sau khi thành Phật, giống như Phật A Di Đà vậy rộng độ chúng sanh, điều này là đúng đắn. Thành Thánh thành Hiền, không bằng thành Phật, thành Bồ Tát. Vì sao vậy? Vì Thánh hiền chưa ra khỏi sáu nẻo luân hồi, chưa ra khỏi mười pháp giới, chưa trở về với tự tánh. Chỉ có thành Phật mới thực sự trở về với tự tánh. Thực sự đem thân tâm của mình dung hòa thành một thể với toàn vũ trụ. Tôi nói như vậy chư vị sẽ hiểu rõ được. Phật Bồ Tát và Thánh hiền không giống nhau. Thánh hiền không đem thân tâm mình dung hòa thành một thể với vũ trụ, chư Phật Bồ Tát đã làm được rồi. Sự thị hiện của chư Phật Bồ Tát cảm ứng đạo giao với tất cả chúng sanh. Sự thị hiện của ngài là đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận. Người kiến tánh, chân tâm khởi tác dụng, thời gian và không gian đều không còn nữa. Thời gian không gian không phải là thật, nó là giả có.

Trong pháp Đại Thừa Bách Pháp Minh Môn Luận, thời gian và không gian đều thuộc về bất tương ưng hành pháp. Bất tương ưng hành pháp tổng cộng có 24 loại. Thời gian không gian là hai loại ở trong đó. Bất tương ưng, nói theo lời lẽ hiện đại thì nó là khái niệm trừu tượng, không có sự thực cụ thể. Cho nên thời gian và không gian đều là khái niệm trừu tượng tạo thành, nó không phải là sự thật. Quý vị hoàn toàn thông hiểu rõ ràng, không còn phân biệt chấp trước nữa, nó liền không còn. Không có thời gian thì không có trước sau, xưa nay không còn

nữa; không có không gian thì cự ly không còn. Vậy Thế giới Cực Lạc ở đâu? Chính tại nơi này. Cự ly không còn nữa. Đây là cảnh giới không thể nghĩ bàn, đây là chân tướng sự thật. Cho nên phát nguyện là điều vô cùng quan trọng. Chúng ta phải thực hành cái chân thật, phải cầu thứ viên mãn nhất, thứ giả dối chúng ta không cần. Thật sự không phải là thứ cứu cánh viên mãn họ cũng không cần.

Chúng ta xem đoạn tiếp dưới đây.

“Người đó lâm chung, Phật A Di Đà, hóa hiện thân ngài, quang minh tướng hảo, chân như chân Phật”. Đây là điều người niệm Phật chân tín, phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Họ lúc lâm chung Phật A Di Đà nhất định sẽ hiện thân, Phật đến tiếp dẫn họ. Vì sao Phật đến tiếp dẫn họ? Đó là bản nguyện của Phật. Trong 48 nguyện ngài đã phát có nguyện này. Mười phương thế giới có người chân tín phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, lúc lâm chung Phật nhất định đến tiếp dẫn họ. Vậy chúng ta biết, pháp môn Tịnh Độ rộng lớn quá. Mười phương thế giới tất cả chư Phật đều tuyên dương pháp môn này, đều khuyên mọi người niệm Phật vãng sanh. Vậy chúng ta nghĩ xem, mỗi ngày, mỗi giờ, mỗi phút, mười phương thế giới người niệm Phật vãng sanh đến Thế giới Cực Lạc là bao nhiêu? Không thể đếm kể! Trong mỗi phút người vãng sanh đến Thế giới Cực Lạc vô lượng vô số, vô biên vô tận. Phật A Di Đà đi tiếp dẫn có kịp không? Chúng ta nhất định sẽ hỏi vấn đề này. Nhiều người đến Thế giới Cực Lạc như vậy, Phật A Di Đà đi tiếp dẫn từng người từng người một, kịp không? Sẽ để sót họ lại không? Nói cho quý vị hay một người cũng không sót, thật vậy tất cả đều đi hết. Có bao nhiêu người vãng sanh Phật liền hóa hiện bấy nhiêu thân, ứng hóa thân. Đến Thế giới Cực Lạc rồi, không những Phật có khả năng hóa thân vô lượng vô biên, vô số vô tận, chúng ta đến Thế giới Cực Lạc, khả năng này của Phật A Di Đà chúng ta lập tức liền có, không khác gì Phật A Di Đà. Chúng ta cũng muốn đi độ chúng sanh như Phật A Di Đà, thật vậy. Mười phương thế giới vô lượng kiếp đến nay, người có duyên với chúng ta không biết được bao nhiêu người. Nếu như họ gặp được pháp môn này, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, tin tức của họ chúng ta sẽ nhận được, chúng ta sẽ tiếp nhận được. Có đi tiếp đón họ không? Chắc chắn sẽ đi, vì có duyên với họ! Cách đi như thế nào? Cùng đi với Phật A Di Đà. Cho nên Phật A Di Đà đến tiếp dẫn không phải chỉ một người. Trước đây chúng ta có học đến: có rất nhiều Bồ Tát, có rất nhiều Thanh Văn. Chư đại Bồ Tát, đại chúng Thanh văn và người vãng sanh này, đều là hữu duyên. Người không có duyên sẽ không đi cùng ngài, toàn là người hữu duyên. Nên sanh đến Thế giới Cực Lạc đều không

xa lạ. Đờ đờ kiếp kiếp là thân bằng quyến thuộc, vừa gặp mặt đã nhận ra rồi. Đông vui quá, đến đó thân bằng quyến thuộc tụ hội. Những người đó vãng sanh sớm, người người đều đã tu thành rồi. Quý vị mới biết được Thế giới Cực Lạc thù thắng không gì sánh được. Quý vị đến nơi đó, chắc chắn có thể hội kiến thân bằng quyến thuộc từ vô lượng kiếp đến nay. Oan gia đối đầu cũng có, những oan gia đối đầu này sau này họ sẽ cải tà qui chánh, họ cũng niệm Phật, họ vãng sanh rồi. Lúc này oan gia đối đầu cũng làm Bồ Tát, cũng là Thanh văn, Duyên giác, toàn là bạn tốt của quý vị. Đến Thế giới Cực Lạc, những người này đều là bạn bè của quý vị, đều là trợ duyên của quý vị. Họ giúp đỡ quý vị, giúp quý vị đi lên, cho nên tướng hảo của hóa Phật cùng chân Phật không khác.

Trong Viên Trung Sao nói: chân Phật là ứng thân của Di Đà, ứng là gì? Là cảm ứng, chúng sanh có cảm, Phật liền có ứng. Có bao nhiêu chúng sanh cảm, Phật liền hiện bấy nhiêu ứng thân. Hóa thân tức từ ứng thân rồi biến hóa ra thân đó, mà đến tiếp dẫn. Thực sự kiểu biến hóa này trùng trùng vô tận. Phật có thể làm được, ở Thế giới Cực Lạc Bồ Tát cũng có thể làm được. Vì sao vậy? Vì vừa sanh đến Thế giới Cực Lạc, trong 48 nguyện nguyện thứ 20 có nói “đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát”, 48 nguyện viên mãn gia trì quý vị, chúng ta không tu gì cả, Phật A Di Đà có thể đem 5 kiếp của Ngài, đây nói đại kiếp, 5 đại kiếp tu hành thành tựu, toàn bộ gia trì cho quý vị, toàn bộ cho quý vị hưởng dùng. Cho nên sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, trí huệ, thần thông, đạo lực của quý vị gần như giống với Phật A Di Đà. Ngài có thể làm được, quý vị cũng có thể làm được, thật không thể nghĩ bàn. Cơ hội này đạt được thật không dễ dàng gì.

Tình trạng chân thật của Thế giới Cực Lạc, Phật nói rất rõ ràng. Tiếc rằng hiện nay tuyên truyền vẫn chưa đủ, người biết đến còn chưa nhiều. Ở nơi này đích thực như lời Thiện Đạo đại sư đã nói: “vạn người tu vạn người vãng sanh”, một người cũng không thiếu, cũng sẽ không sót lại. Điều kiện quá đơn giản, có ba điều kiện: thật tin, thật nguyện, thật làm. Thực làm ở đây là thực niệm, quý vị xem chỉ đơn giản như vậy.

Bộ Kinh Vô Lượng Thọ này chính là Phật Thích Ca Mâu Ni giới thiệu cho chúng ta về Thế Giới Tây Phương Cực Lạc. Quyển sách nhỏ này, nói rất tỉ mỉ, đặc biệt là hai chương chúng ta đang học đây, chương 24, chương 25, “tam bối vãng sanh”, “vãng sanh chánh nhân”. Hai chương này chuyên nói về cách vãng sanh như thế nào, nói phương pháp cho chúng ta. Điều quan trọng nhất chính là phát tâm bồ đề, một lòng chuyên niệm A Di Đà Phật.

Tam bối cửu phẩm tất cả đều có một điều này. Điều này quan trọng. Thế nào là phát tâm bồ đề trước đây đã giảng rất rõ rồi. Nhưng Ngẫu Ích đại sư nói hay nhất, chúng ta dễ hiểu nhất. Ngẫu Ích đại sư nói thế nào là tâm bồ đề? Thực sự tin tưởng, thực sự muốn vãng sanh, tâm đó chính là tâm vô thượng bồ đề. Ân Quang đại sư đọc được hai câu này trong Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư, đã tán thán đến năm vóc sát đất, giảng hay quá! ngài giảng rất dễ hiểu, không có ai hiểu nhầm được. Quý vị xem ngày xưa chư vị cổ đức nói về tâm bồ đề: tâm chí thành, tâm thâm sâu, tâm hồi hướng phát nguyện, nói rất nhiều, không hiểu được. Trong Khởi Tín Luận thì nói là: trực tâm, thâm tâm, đại bi tâm, cũng không dễ hiểu, lời của Ngẫu Ích đại sư dễ hiểu: thật tin tưởng, thật muốn đi, đó chính là tâm bồ đề. Có thể vãng sanh hay không, quyết định do nơi thật tin thật nguyện này. Ngẫu Ích đại sư nói vậy. Có thể vãng sanh hay không quyết định do nơi có tín nguyện hay không. Vãng sanh đến Thế giới Cực Lạc, phẩm vị của quý vị cao thấp đó chính là công phu niệm Phật của quý vị sâu hay cạn. Ngài phân tích ra như vậy, chúng ta hoàn toàn hiểu rõ. Chỉ cần có tín có nguyện chắc chắn được vãng sanh. Lâm chung niệm một câu Phật hiệu cũng vãng sanh. Vì sao vậy? Vì họ có tin sâu nguyện tha thiết. Công phu niệm Phật sâu thì phẩm vị cao, công phu niệm Phật cạn thì phẩm vị thấp.

Có người hỏi Ngẫu Ích đại sư ngài vãng sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc phẩm vị như thế nào thì ngài hài lòng? Ngẫu Ích đại sư trả lời: “chỉ cần hạ hạ phẩm vãng sanh ta đã hài lòng rồi”. Chúng ta suy nghĩ về ý nghĩa trong lời nói của đại sư. Thực sự có thể nói là hài lòng rồi, vì sao vậy? Hạ hạ phẩm vãng sanh cũng là làm A Duy Việt Trí Bồ Tát. Trong 48 nguyện không nói, hạ hạ phẩm là ngoại lệ, không nói đến vấn đề này, không nói đến vấn đề này đương nhiên bao hàm cả hạ hạ phẩm. Vì thế chỉ cần sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, đều hưởng được sự gia trì viên mãn của 48 nguyện. Trí huệ, thần thông, đạo lực của quý vị và A Duy Việt Trí Bồ Tát không sai khác. A Duy Việt Trí Bồ Tát là ai? Giáo lý Đại Thừa thường gọi là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói Viên giáo sơ trụ đến Đẳng giác đều gọi là A Duy Việt Trí Bồ Tát. A Duy Việt Trí 41 thứ bậc. Đó là chân Phật, không phải là giả Phật. Trí Giả đại sư khẳng định như vậy. Trí Giả đại sư giảng cho chúng ta “lục tức Phật”. tức nói Phật có sáu bậc Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật nói tất cả chúng sanh vốn đã là Phật. trong “lục tức Phật” có những loại nào?

Thứ nhất là “lí tức Phật”, từ bản tánh mà nói quý vị là Phật. Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, quý vị sao lại không phải là Phật? vấn đề là Phật tánh của chúng ta hiện nay mê rồi, không có giác ngộ, giác ngộ liền thành Phật. Nay trên lí mà nói, từ trên tánh nói chúng ta là Phật, không sai tí nào. Từ trên sự tướng mà nói chúng ta là phàm phu, là phàm phu trong sáu nẻo. Từ bản tánh của chúng ta mà nói, bản tánh chúng ta là Phật. Cổ đức nói “bản tánh vốn thiện”, Phật nói “bản tánh là Phật”. Nói cách khác, “vốn thiện” chính là Phật, Phật chính là “vốn thiện”, không phải là ý này sao!

Giáo dục, giáo dục của Trung Quốc từ xưa đến nay, không chỉ từ Tam hoàng ngũ đế, trước tam hoàng ngũ đế chúng ta tin rằng văn hóa Trung Quốc đã xuất hiện rồi, đời đời kiếp kiếp cho đến đời tiền Thanh, đều không có thay đổi. Mục đích của giáo dục Trung Quốc, bất luận là gia giáo, hay tư thực giáo dục đều lấy “trở về bản tánh” làm mục tiêu giáo dục, trở về tánh bản thiện. Mục tiêu giáo dục không phải là vì thăng quan phát tài, mục tiêu của giáo dục là Thánh hiền. Học hành chỉ nơi Thánh hiền, học kinh chí tại Phật Bồ Tát, cùng một đạo lý này. Người xưa đi học mục đích là muốn làm thánh nhân, làm hiền nhân. Nghiên cứu kinh Phật là hi vọng làm Phật, làm Bồ Tát. Phương hướng mục tiêu rõ ràng rồi, minh bạch rồi, đó gọi là hồi hướng. Chúng ta hướng về cái gì? Chúng ta hướng về Phật, hướng về Bồ Tát, muốn giống như họ vậy. Phương hướng mục tiêu nhất định không thể làm sai lầm.

Trong Hội Sớ nói: “cụ như chân Phật giả”, tức là nói Phật đến tiếp dẫn quý vị là hóa thân của Phật, hoặc là ứng thân của Phật. Thông thường nói, thượng bói vãng sanh là pháp thân Phật; trung bói vãng sanh là ứng thân Phật; hạ bói vãng sanh là hóa thân Phật. Nhưng bất luận là ứng thân hay hóa thân đều giống với chân Phật, biến hóa này thật không thể nghĩ bàn. Từ pháp thân biến thành ứng thân, từ ứng thân biến thành hóa thân, bất luận biến hóa như thế nào đều giống với chân thân, cho nên không thể nghĩ bàn.

Lúc thượng bói tam nhân lâm chung, đều nói Phật A Di Đà và hóa Phật đến đón người này.

Phật A Di Đà đến đón tiếp quý vị, cùng với Phật A Di Đà thượng phẩm thượng sanh là vô số hóa Phật, thượng phẩm trung sanh có một ngàn vị hóa Phật. Điều này trước đây chúng ta có học qua rồi. Thượng phẩm hạ sanh có năm trăm vị hóa Phật. Vì thế quý vị vãng sanh, quý vị nhìn thấy có bao nhiêu vị hóa Phật đến đón tiếp quý vị, bản thân quý vị biết quý vị là phẩm vị gì, phẩm vị có lẽ nên tranh thủ! Cũng giống như đi học vậy, đây là ngôi trường tốt, tranh thủ phẩm vị tôi tranh thủ

chen ngang, tôi không cần từ lớp một học lên, thời gian lâu quá. Tôi thi vượt cấp vào, tranh thủ phẩm vị chính là học vượt cấp. Nếu tranh thủ thượng bối vãng sanh, vậy thì đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc tức là tốt nghiệp rồi, học vị tiến sĩ lấy được rồi, đến bên đó liền lấy được. Dùng ví dụ này quý vị sẽ dễ dàng hiểu được. Nên phải chăm chỉ nỗ lực tu hành. Bí quyết tu hành không có gì khác, chỉ có buông xuống.

Thượng thượng phẩm vãng sanh là nguyên nhân gì? Khởi tâm động niệm buông bỏ, vô minh phá rồi, vô minh là khởi tâm động niệm, sáu căn trong cảnh giới sáu trần không khởi tâm động niệm, là thượng thượng phẩm, điều này thật không dễ dàng làm được. Khởi tâm động niệm có, phân biệt chấp trước không còn, đó chính là thượng trung phẩm, thượng hạ phẩm. Không có phân biệt chấp trước họ đến Thế giới Cực Lạc là thượng bối vãng sanh, thượng bối Thật báo trang nghiêm độ, họ chỉ có thể buông xả chấp trước, phân biệt vẫn còn, chấp trước không còn nữa. Còn phân biệt, còn khởi tâm động niệm là Phương tiện hữu dư độ. Nếu như khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước tất cả đều có, đó là lục đạo phàm phu. Vãng sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc là Phạm Thánh Đồng Cư Độ. Phạm Thánh Đồng Cư Độ nhất định không thể coi thường. Lời của Ngẫu Ích đại sư nên nhớ kỹ. Đại sư tự nói: tôi vãng sanh đến Thế giới Cực Lạc Phạm Thánh Đồng Cư Độ hạ hạ phẩm tôi đã hài lòng rồi. Quý vị nghĩ xem câu nói này. Vì sao vậy? Vì sanh đến nơi đó là thành Phật rồi. Ngày ngày quý vị cùng với ai? Quý vị cùng với mười phương Chư Phật Như Lai. Ai có phước báo lớn như vậy, ngày ngày được ở cùng Phật! Đồng cư độ vãng sanh phải công phu thành phiền. Phiền não tuy chưa đoạn, làm sao vãng sanh được? Tuy có phiền não nhưng phiền não không khởi tác dụng. Một câu danh hiệu Phật của quý vị công phu thành tựu rồi, có thể đè nén phiền não, nhưng chưa đoạn. Cổ đức nói: “không sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm”, niệm là vọng niệm, vọng niệm sanh khởi rồi, bất luận là thiện niệm hay ác niệm, đều không cần quan tâm, Vì sao vậy? Vì toàn là vọng niệm. Giác là gì? một câu A Di Đà Phật là giác. Vọng niệm vừa khởi A Di Đà Phật liền dập tắt ý niệm. Vọng niệm chỉ có là niệm thứ nhất, niệm thứ hai liền đổi thành A Di Đà Phật. A Di Đà Phật dập tắt vọng niệm này liền được vãng sanh.

Hạ bối cũng có ba phẩm. Trong ba phẩm mỗi phẩm lại có ba phẩm, tức chín phẩm. Phẩm vị cao thấp chính là công phu đè nén phiền não của quý vị. Từ đây mà tự nhiên hiện ra phẩm vị khác nhau. Phạm Thánh Đồng Cư Độ thượng tam phẩm, đó tức là hạ bối vãng sanh. Vãng sanh trong thượng phẩm của hạ bối liền tự tại. Họ muốn lúc nào đi thì lúc đó đi, không bị chút ngăn ngại nào. Đứng để đi,

ngồi để đi, rất thông dong! Quý vị xem công phu này chúng ta có cần luyện hay không? Nếu như thực sự muốn luyện công phu này, không có gì khác ngoài việc xem nhẹ thế duyên. Quý vị liền có thể nâng cao đến công phu này. Không nên coi trọng thế gian này quá. Nhất định phải hiểu được thế gian này, tất cả đều là như trong Kinh Kim Cang nói: “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, “tất cả pháp hữu vi như mộng huyễn như bào ảnh”, quý vị có thể quán như vậy là đúng rồi. Phiền não tuy chưa đoạn có thể giúp quý vị đè nén phiền não, trong tâm chỉ có một câu A Di Đà Phật. Ngoài A Di Đà Phật ra không có gì nữa cả, vậy quý vị thành công rồi. Ngoài A Di Đà Phật ra vẫn còn có ý niệm khác, đó gọi là xen tạp, phá hoại mất công phu của quý vị. Phương pháp niệm Phật này, Đại Thế Chí Bồ Tát nói rất tuyệt, chỉ có 8 chữ “đồ nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục”, đều nhiếp sáu căn, quý vị xem nhẹ tất cả các sự duyên, tự nhiên liền nhiếp hết sáu căn. Vì sao vậy? Vì tham sân si nhẹ hóa rồi, không phải không có, có tham sân si nhưng rất ít. Một câu danh hiệu Phật làm tăng thượng duyên cho quý vị. Tham sân si của quý vị tuy có, nhưng nó không khởi tác dụng. Quý vị nhìn thấy tướng cảnh giới bên ngoài, quý vị khởi tham ái, câu A Di Đà Phật này liền chuyển trở lại, ý niệm kia không còn nữa, chuyển thành A Di Đà Phật rồi. Nhìn thấy điều không như ý, trong lòng không vui lắm, một câu A Di Đà Phật làm toàn bộ đều trở lại với A Di Đà Phật. A Di Đà Phật giải quyết tất cả. Những tạp tâm, vọng niệm của quý vị chỉ một câu A Di Đà Phật thay thế hết. Dùng một niệm hàng phục tất cả vọng niệm. Quý vị làm thành công rồi, đó gọi là công phu thành phiền. Quý vị chắc chắn sẽ vãng sanh được. Mà còn gì nữa? Mà quý vị còn có thể tùy thời mà đi. Muốn lúc nào đi thì lúc đó sẽ đi. Đứng mà đi cũng được, ngồi mà đi cũng được, tùy ý quý vị. Quý vị muốn dùng phương thức nào thì dùng phương thức đó, như ý quý vị muốn.

Hơn nữa trước đây chúng ta đã học qua, cũng đã giảng rất rõ ràng rồi. Ngũ nghịch thập ác, lúc lâm chung tướng địa ngục xuất hiện, cũng có thể dùng công phu này để vãng sanh. Hạ bói thượng phẩm có thể làm được công phu này. Thậm chí còn có – điều đó rất hi hữu – lúc tướng địa ngục xuất hiện, nếu như lúc này một niệm là chân tâm, nó sẽ trở thành thượng bói thượng sanh. Trên lý nói thì thông, chúng ta có thể thừa nhận, không hoài nghi, nhưng thật sự thì khó lắm, khó lắm!

Vậy thì lúc lâm chung, tướng địa ngục xuất hiện, làm cho họ khiếp sợ, làm cho vọng tâm của họ khiếp vía, chân tâm liền xuất hiện. Chân niệm vừa niệm danh hiệu Phật, liền được thượng thượng phẩm vãng sanh. Quý vị nói xem, nói trên lý

thì nói thông được. Nhưng trên sự có loại người này hay không? Rất khó. Chúng ta không thể phủ định nói không có loại người như vậy. Loại người này có thể có, nhưng rất ít. Thật ít có, khó gặp, nói trên lý thì được. Phật Pháp là nói đạo lý cho quý vị. Sự việc này làm cho chúng ta đối với chúng sanh địa ngục gây tạo tội nghiệp cực trọng không dám coi thường. Vì sao vậy? Vì biết đâu người ta gặp được nhân duyên Tịnh Độ, họ vãng sanh phẩm vị còn cao hơn chúng ta. Chúng ta không bằng họ. Nên điều này cũng tốt. Làm cho chúng ta sau khi thực sự hiểu rồi, đối với tất cả chúng sanh không dám sanh tâm khinh mạn, không dám coi thường người khác, biết đâu được tương lai họ thành tựu còn hơn cả chúng ta. Họ thành Phật sớm hơn chúng ta.

Điều này đoạn sau nói: “nên biết chân Phật chỉ cho Phật được nhìn thấy ở phẩm vị thượng bối”. Ở trước đã nói qua: Thượng bối thấy chân Phật, Trung bối thấy ứng thân, Hạ bối thấy hóa thân. Ứng thân từ pháp thân mà sanh ra, hóa thân từ ứng thân mà sanh ra. số lượng đều là vô lượng vô biên, vô tận vô số, không thể đếm kể, nhiều lắm nhiều lắm.

Người ở trung bối lâm chung được thấy hóa Phật, cũng chắc chắn vãng sanh. Hóa Phật này đi theo A Di Đà Phật đến.

“Vì chư thân của Phật không phải một không phải khác”, điều này nên biết. Phật không có thân tướng, phân biệt là do phàm phu chúng ta. Phật không khởi tâm động niệm, nên làm gì có phân biệt chấp trước! Cho nên nói không phải một cũng không phải khác. Không thể nói là một, cũng không thể nói là khác. “Nên tùy hóa Phật, vãng sanh an lạc”, “an lạc” chính là Thế giới Cực Lạc. Sanh về bên đó tức “trụ bất thoái chuyển”, ba loại bất thoái chuyển. Nhưng công đức trí huệ kém hơn chúng sanh ở thượng bối, phải thua thượng bối một bậc.

Theo trên lý mà nói thì đúng vậy, nhưng trên sự nói thì không kém. Vì sao trên sự mà nói thì không kém? Về sự được 48 nguyện của Phật A Di Đà gia trì, đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát, Thế Giới Tây Phương Cực Lạc là thế giới bình đẳng. Về lý là gì? Về lý thì phiền não quý vị chưa đoạn, nên về lý có khác. Người thượng bối vãng sanh vừa rồi chúng ta đã nói. Họ không khởi tâm động niệm, buông bỏ khởi tâm động niệm, đó là thượng bối, trung bối khởi tâm động niệm còn, chỉ buông bỏ chấp trước. Đối với tất cả pháp thế gian xuất thế gian không còn chấp trước nữa, cũng chính là kiến tư phiền não đoạn rồi, trần sa vô minh vẫn còn. Đó là Phương tiện hữu dư độ.

Trong Phương tiện hữu dư độ cũng có tam bối cửu phẩm.

Tam bối cửu phẩm trước đây chúng ta đã học qua đại phần, nếu như tế phần thì càng phân càng nhỏ, cửu phẩm. Trong mỗi phẩm lại có chín phẩm, chín nhân chín là 81 phẩm. 81 phẩm, mỗi một phẩm lại có 81 phẩm. Chắc chắn là như vậy. Tức là mỗi người căn tánh không tương đồng, công phu không tương đồng, cũng giống như học sinh học trong trường cùng một lớp, thi cử xếp hạng từ hạng nhất cho đến hạng cuối cùng. Nó vẫn có thứ bậc, đạo lý hoàn toàn giống nhau vậy. Nhưng Thế giới Tây Phương Cực Lạc nó có điều đặc biệt, đó là mỗi người đều đạt được nguyện lực 48 nguyện của Phật A Di Đà gia trì. Nguyện lực của Ngài là thật chứ không phải giả. Thông qua 5 đại kiếp tu hành, tức tu hành 48 nguyện, nguyện nguyện đều thành tựu. Cho nên đến Thế giới Cực Lạc liền biến thành tự nhiên hiển thị. Không có mảy may tạo tác nào. Tôi muốn gia trì cho quý vị, không phải, đều tự nhiên. Chỉ cần quý vị đến Thế giới Cực Lạc, đi vào bầu không khí của Ngài, từ trường của Ngài, tự nhiên liền gia trì quý vị. Điều này thật không thể nghĩ bàn, không thể tưởng tượng nổi. Đạt được gia trì này, tuy phiền não quý vị chưa đoạn, nhưng trí huệ xuất hiện, trí huệ này là trí huệ của Phật A Di Đà. Phật A Di Đà trao cho quý vị. Đức năng của Phật A Di Đà, tướng hảo của A Phật Di Đà, biến toàn thể Thế giới Cực Lạc trở thành một thế giới. Giống như chúng ta thường nói “hưởng phước báo của A Di Đà Phật”, sự việc là như vậy.

Đến lúc nào liền biến thành thật? Quý vị tu hành tại Thế giới Cực Lạc, ở đó tu hành thật tốt, mỗi ngày đều nghe kinh, đi học, không có buổi học nào quý vị vắng mặt. Bất luận quý vị ở đâu, quý vị nhìn thấy được, quý vị nghe thấy được đều là đang thuyết pháp. Trong ao thất bảo nước đang thuyết pháp, cây đang thuyết pháp, lục trần đều đang thuyết pháp. Tại nơi đó quý vị sẽ rất quen thuộc. Có những vị đại Bồ Tát, Đẳng giác Bồ Tát, những vị này dẫn dắt quý vị học tập. Cũng giống như chư thượng thiện nhân là trợ giáo của Đức Phật, huấn luyện quý vị, dẫn quý vị thực hành, cho nên họ thành tựu rất nhanh, không nhìn thấy bộ dạng biếng nhác giải đãi. Người người đều tinh tấn, cố gắng, nỗ lực. Vì vậy tự nhiên liền viên chứng tam bất thoái. Viên chứng tam bất thoái là A Duy Việt Trí Bồ Tát, vị bất thoái, hành bất thoái, niệm bất thoái. Niệm niệm, chúng ta dùng lời dễ hiểu dễ nói, niệm niệm hướng đến trở về tự tánh. Ý nghĩa trong Phật Pháp là niệm niệm hướng đến vô thượng chánh đẳng chánh giác. Kinh Hoa Nghiêm nói Diệu giác vị, phương hướng này không thể biến đổi, chắc chắn thành tựu. Nên công đức trí huệ kém hơn thượng bối, ý này chúng ta nên hiểu rõ. Từ lý mà nói, phiền não quý vị chưa đoạn, thượng bối vọng tưởng, phân biệt, chấp trước toàn bộ đoạn rồi. Trung bối chỉ đoạn kiến tư phiền não và trần sa phiền não, vô minh

phiền não chưa đoạn. Cho nên không bằng thượng bối. Nhưng nhất định phải hiểu được A Duy Việt Trí Bồ Tát là bình đẳng rồi. Nên Phật lực vừa gia trì đã bình đẳng rồi. Vậy là tương tự với ở thượng bối. không dám nói là tuyệt đối tương đồng, cũng gần như là giống nhau, tức là cảnh giới như vậy.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 413

Chuyển ngữ: Liên Hải

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 15.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_Hồng Kông

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 516, hàng thứ bảy, bắt đầu xem từ đầu hàng.

“Lại ở Trung phẩm trong Quán Kinh nói ba loại vãng sanh, đều không nói phát tâm bồ đề. Sau khi vãng sanh Cực lạc sở chứng đều là Quả vị Thanh văn thừa. Như trung phẩm thượng sanh, hoa khai liền đắc quả A la hán. Trung phẩm trung sanh bảy ngày hoa khai, liền đắc Tu đà hoàn, qua nữa kiếp sau, thành A la hán. Trung phẩm hạ sanh cũng sau bảy ngày đắc Tu Đà hoàn. Nhưng phải qua một tiểu kiếp mới thành A la hán, đều là Thánh quả Tiểu thừa.”

Niệm Lão trích dẫn Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh nói về ba loại vãng sanh ở trung phẩm. Trung phẩm thượng sanh, trung phẩm trung sanh, trung phẩm hạ sanh. Tương đương với trung bối trong Tam bối của kinh này. Trong kinh này tam bối đều có phát tâm bồ đề, một lòng chuyên niệm A Di Đà Phật.

Trong Quán Kinh không có những văn tự như thế này. Trung tam phẩm đều không nói phát tâm bồ đề. Sau khi sanh về Thế giới Cực Lạc, quả chứng được đều là quả Thanh văn, quả Tiểu thừa. Chúng ta biết rằng, ba phẩm ở trung bối, vãng sanh Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, đều là cõi Phương tiện hữu dư. Hạ bối là cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Thượng bối tam phẩm là cõi Thật báo trang nghiêm, thực sự không giống nhau.

Nói chung người tu Tịnh Độ căn tánh không tương đồng, tập khí tu hành từ vô thì kiếp đến nay cũng không tương đồng, chiêu cảm quả báo đương nhiên không giống nhau. Ở đây, chúng ta nên chú ý đến cảm ứng tu nhân của mỗi người. Nếu như đạt được bốn nguyện oai thần của Phật A Di Đà gia trì, vậy thì khác nhau rồi. Bởi vì trong 48 nguyện, nguyện văn của nguyện thứ 20 có: phàm là người vãng sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát, không nói “ngoài trung tam phẩm ra”, không nói vậy, cũng không nói “ngoài hạ tam phẩm ra”. Từ đó cho thấy, hạ phẩm hạ sanh, sanh đến Thế giới Cực Lạc, cũng được 48 nguyện của Phật A Di Đà gia trì, vừa thêm Phật nguyện thì đều thành A Duy Việt Trí. A Duy Việt Trí Bồ Tát là địa vị nào? Là địa vị thượng tam phẩm, thượng bồi vãng sanh. Đó là nói thô, lược nói, nếu như nói kĩ cũng giống như trong Kinh Hoa Nghiêm vậy, trong thượng bồi vãng sanh là 41 vị pháp thân đại sĩ. Đó không phải là tam bồi, tứ thập nhất bồi: thập trú, thập hạnh, thập hồi hướng, thập địa, Đẳng giác. Người đạt những quả vị này ở Thế giới Cực Lạc trú ở cõi Thật báo trang nghiêm. Nhưng Thế giới Cực Lạc, và những thế giới khác không giống nhau. Nó tuy có tứ độ tam bồi cứu phẩm, trên lý thì có, mà trên sự, trên sự nhìn không thấy. Trên sự họ là thế giới bình đẳng, đại chúng đều có thể tụ hội cùng một nhà. Điều này không thể không biết. Tức là nói người ở thượng thượng phẩm và người ở hạ hạ phẩm, cùng đi học trong một lớp học. Ngày ngày gặp mặt, giờ giờ gặp nhau. Đây là điều không thể có trong tất cả quốc độ của chư Phật, chỉ có ở Thế Giới Tây Phương Cực Lạc. Điểm này không thể không biết.

Chúng ta xem chú giải của Niệm Lão, ông nói: “nếu trung phẩm thượng sanh” – đưa ra một ví dụ để nói – “hoa khai tức đắc quả A la hán”, tương đương với thế gian này của chúng ta, Thanh văn trong Tứ thánh pháp giới, siêu việt sáu cõi rồi, sáu cõi là cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Siêu việt sáu cõi đương nhiên họ ở cõi Phương tiện hữu dư. Đây là trung phẩm thượng sanh. Đến nơi đó hoa nở thấy Phật. Nhưng trung phẩm trung sanh vãng sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, vẫn phải bảy ngày hoa mới nở. Lúc hoa nở họ không phải là A la hán, họ là Tu đà hoàn. Là sơ quả trong Tiểu thừa. Đích thực họ là Thánh nhân, họ không phải là phàm phu. Trải qua nửa kiếp nữa mới thành A la hán. Căn tánh của họ không bằng trước đây. Nhưng trung phẩm hạ sanh cũng là sau bảy ngày hoa khai đắc quả Tu đà hoàn. Người trung phẩm trung sanh, nửa kiếp liền thành A la hán. Người trung phẩm hạ sanh phải qua một tiểu kiếp mới thành A la hán.

Vậy chúng ta cũng biết rồi, ở trước nói nửa kiếp là nửa tiểu kiếp, không phải là đại kiếp, là tiểu kiếp thành A la hán, đều là thánh quả Tiểu thừa. Trong thế giới ta

bà của chúng ta, Tứ thánh pháp giới, chúng ta liền biết tứ thánh pháp giới là cõi Phương tiện của Phật Thích Ca Mâu Ni. Lục đạo là cõi Phạm Thánh Đồng Cư của Phật Thích Ca Mâu Ni.

Dưới đây nói, “Thiện Đạo đại sư vị”, tức lời Thiện Đạo đại sư nói. “Trung phẩm thượng sanh là người phạm phu tiêu thừa căn tánh thượng thiện. Đó là nói vì sao họ không sanh Thật báo độ mà sanh Phương tiện độ? Trong đời quá khứ thời gian học Tiểu thừa lâu quá, mang nặng tập khí Tiểu thừa, họ là người thượng thiện phạm phu.

Trung phẩm trung sanh là hàng Tiểu thừa hạ thiện phạm phu. Thiện này, là công phu tu thiện khác nhau. Một người là thượng thiện, một người là hạ thiện. Mà trung phẩm hạ sanh là người thể thiện thượng phước phạm phu. Đó là nói rõ trước đây tu pháp xuất thế gian. Người trung phẩm hạ sanh tu là pháp thế gian. Phước báo thế gian, là thượng phước, người phạm phu. Phước báo thế gian và phước báo xuất thế gian nếu trên sự mà nói thì tương đồng, đều tu mười thiện nghiệp. Tu mười thiện nghiệp, tu sáu Ba la mật, ngã chấp chưa phá được. Chư vị nên biết, hàng Tiểu thừa, Tiểu thừa Tu đà hoàn 88 phẩm kiến hoặc đoạn rồi, họ tu thập thiện, sáu ba la mật, tức không phải phạm phu, họ chứng quả rồi, pháp thiện họ tu và chư Phật, Bồ Tát tương ứng, cho nên thiện thế gian và pháp xuất thế không tương ứng. Cũng tức là nói, họ có phân biệt, họ có chấp trước, đó là phạm phu.

Kinh luận trên đây dường như trái với bản kinh này, không giống với những điều nói trong kinh này. Tức là những điều nói trong Quán Kinh: “kinh này trung bối đều là người tu hạnh Đại Thừa phát tâm Bồ đề, đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, đều bất thoái chuyển nơi vô thượng Bồ đề”. Điều này trong Kinh Vô Lượng Thọ giảng khác.

Lại Vãng Sanh Luận nói: chủng nhị thừa không sanh, nên nói người chủng tánh nhị thừa không thể vãng sanh. Trong Vãng Sanh Luận nói và kinh này nói tương ứng. Điều này khế hợp với bản kinh này, mà trái với các kinh luận ở trên. Phần trước trích dẫn là những điều trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, và trong Quán Kinh nói khác nhau.

“Điểm trái với kinh luận trên”, hai kinh này nói không giống nhau. Tịnh Ảnh Sớ giải thích nó rất tường tận. Tịnh Ảnh Sớ của Huệ Viễn pháp sư đời Tùy Đường viết. Ngài có Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ, là trước tác của Huệ Viễn đại sư. Người đời sau tôn trọng Ngài nên không gọi tên, mà gọi là Tịnh Ảnh. Tịnh Ảnh là tên của Tự viện, ngài trú tại chùa Tịnh Ảnh, gọi là đại sư chùa Tịnh Ảnh. Đó là

cách gọi kính trọng đối với ngài. Người xưa có thói quen như vậy, thông thường không gọi tên, mà gọi tên chùa.

Chúng ta người xuất gia cũng có tên cũng có tự. Chỉ có thầy giáo gọi tên, ở nhà cha mẹ gọi tên, cha mẹ thầy giáo suốt đời đều gọi tên quý vị. Ngoài hai bậc này ra, ngay cả ông bà quý vị, chú bác, bạn bè thân thích, đều gọi tự không gọi tên, đó là bày tỏ sự tôn kính đối với quý vị. Không giống như hiện nay, hiện nay không còn nữa. Hiện nay gọi người gọi luôn cả tên lẫn họ, như thế vào thời xưa rất là mất lịch sự. Gọi cả tên lẫn họ rất mất lịch sự. Bây giờ không nói những thứ này nữa, nhưng chúng ta nên biết.

Giải thích của Viễn công đại sư tương đối tỉ mỉ, cũng giảng rất hay. Thiện là hay, giải thích rất hay.

“Sớ Viết”, đây nói Tịnh Ảnh Sớ, “thiên thân tác vãng sanh kệ”, Vãng Sanh Luận do Thiên Thân Bồ Tát trước tác. Trong đó giảng “nhị thừa chủng giai bất đắc sanh”, nhị thừa chủng không sanh. Nói cách khác, chắc chắn Thế Giới Tây Phương Cực Lạc toàn là căn tánh Đại Thừa, không có nhị thừa chủng tánh, phàm phu vãng sanh cũng thuộc căn tánh Đại Thừa.

“Quán Kinh tuyên thuyết chúng sanh Tiểu thừa cũng được vãng sanh, nghĩa đó là thế nào?” Điều đó nghĩa là gì?

“Thích ngôn”, đó là giải thích. “Nói chúng tánh nhị thừa không được vãng sanh, ngay trong nước đó, ngay lúc đi mà nói.”

Nước đó là chỉ cho thế giới Ta bà, trong thế giới Ta bà vãng sanh đến Thế giới Cực Lạc. Đối với lúc này mà nói thì chúng tánh nhị thừa không vãng sanh được.

“Chúng sanh Tiểu thừa trước tuy học Tiểu thừa, đến lúc lâm chung, phải phát đại tâm, mới được vãng sanh.” Lời này nói rất hay, đến lúc họ lâm chung, họ tu Tiểu thừa, đem công đức tu tập của mình hồi hướng cầu sanh Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, đó chính là Đại Thừa, liền chuyển Tiểu thừa thành Đại Thừa, họ liền được vãng sanh. Nếu như họ kiên trì Tiểu thừa vậy thì họ không vãng sanh được. Cho nên lúc lâm chung vãng sanh nhất định phải hồi Tiểu hướng Đại.

Dưới đây nói rất hay “nếu dùng tâm tiểu”, tâm tiểu là tâm Tiểu thừa. “cầu sanh nước kia, không có lý đó”, trên lý nói không thông, điều này chắc chắn không thể được.

Vậy nên Thiên Thân Bồ Tát nói nhị thừa không được vãng sanh. Cho nên lời của Bồ Tát Thiên Thân là ý này, phải làm cho rõ vậy. Hàng Tiểu thừa lâm chung hồi tiểu hướng đại liền có thể sanh đến Thế giới Cực Lạc, thuộc trung bối vãng sanh.

Hỏi rằng: nếu như người vãng sanh dùng tâm Đại Thừa vì sao đến đó chứng nhập quả Tiểu thừa. Lúc vãng sanh đã hồi tiểu hướng đại vì sao đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc họ chứng được là quả vị Tiểu thừa, mà không phải là quả vị Đại Thừa?

Dưới đây giải thích. Do họ vốn tu học Tiểu thừa nhiều, vốn ở nơi đây học nhiều quán sát về khổ, vô thường ... tức là nói, họ vốn ở thế giới Ta bà thời gian tu học Tiểu thừa rất lâu. “Vốn tại nơi này”, căn bản của họ tại thế giới Ta bà. Bình thường học tập đều là quán sát khổ không vô thường, đây là điều người Tiểu thừa học. “Chí bỉ” chính là đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc rồi, thế giới Tây phương cũng có nói Tiểu thừa. Phật cũng nói, chúng ta hiểu được ở Thế giới Cực Lạc sáu trần thuyết pháp, cỏ cây hoa lá đều thuyết pháp. Trong ao thất bảo nước tám công đức cũng thuyết pháp. Chim chóc do Phật A Di Đà biến hóa ra cũng thuyết pháp. Quý vị thích nghe gì họ liền nói thứ đó. Người Tiểu thừa tu học Tiểu thừa chưa chứng quả A la hán. Họ thích nghe những thứ này. Thế giới Cực Lạc không thể nghĩ bàn. Thích nghe pháp môn gì, quý vị liền nghe được Phật Bồ Tát cho đến sáu trần đều nói pháp môn đó cho quý vị, làm cho quý vị hoan hỷ, giác ngộ. Cho nên “chí bỉ văn thuyết khổ vô thường đẳng”, “chí bỉ” là sau khi đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, cũng nghe nói về khổ không vô thường. “Tức liền hiểu được, nên chứng tiểu quả”, tiểu quả ở đây là so sánh với Đại Thừa.

A la hán tương đương với Đại Thừa Bồ Tát thất tín vị đã nói trong Kinh Hoa Nghiêm. Bát tín vị chính là Bích Chi Phật, cửu tín vị là Bồ Tát trong mười pháp giới. Thập tín là Phật trong mười pháp giới. Tứ Thánh pháp giới là Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn. Là bốn thứ bậc trên trong Đại Thừa thập tín vị. Quý vị nói là Tiểu thừa cũng được, quý vị nói họ là Đại Thừa cũng được. Đại Thừa là thất tín trở lên.

“Dĩ bốn thù chung, phát Đại Thừa tâm, cầu sanh bỉ quốc”. Tiểu thừa quyết định hồi tiểu hướng đại phát Đại thừa tâm. Chính là điều mà Ngẫu Ích đại sư đã nói, đối với pháp môn Tịnh Độ, đối với Thế giới Cực Lạc và Phật A Di Đà, thật tin, thật muốn cầu sanh. Đây đủ hai điều kiện này họ liền vãng sanh. Sanh đến Thế giới Cực Lạc phẩm vị cao thấp, đó là công phu quý vị niệm Phật sâu hay cạn. Hàng Tiểu thừa, công phu bản thân họ tu chứng không giống nhau. Có người tu đến sơ quả, tu đến nhị quả rồi, vãng sanh thì dễ dàng chứng đắc quả A la hán. Tứ quả Tiểu thừa, Bồ Tát thất tín vị Đại Thừa thù thắng hơn có thể nâng cao đến đệ bát tín, đệ cửu tín.

“Tại bỉ quốc trung”, tại Thế giới Cực Lạc, “đã đắc quả La hán”, trên thực tế, chúng ta nói theo Kinh Hoa Nghiêm chính là chứng đắc quả vị Thất tín, “túc tiện cầu đại”, tâm bồ đề liền sanh khởi, đại chính là tâm bồ đề.

Đàm Loan đại sư, Đạo Xước đại sư có cách nhìn đối với vấn đề này, trước đây chúng ta đều đã học qua, ở đây không nói nhiều nữa.

Xem tiếp đoạn dưới đây,

Hạ bồi vãng sanh.

Kỳ hạ bồi giả, giả sử bất năng tác chư công đức, đương phát vô thượng bồ đề chí tâm. Nhất hướng chuyên niệm A Di Đà Phật, hoan hỉ tín nạo, bất sanh nghi hoặc, dĩ chí thành tâm, nguyện sanh kỳ quốc. Thử nhân lâm chung, mộng kiến bỉ Phật, diệt đắc vãng sanh, công đức trí tuệ, thứ như trung bồi giả dã.

Đây là tam bồi vãng sanh, chúng ta phải đặc biệt để ý mà học tập. Vì sao vậy? Chúng ta muốn đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, thân cận Phật A Di Đà, trong kinh văn hai phẩm 24 và 25 giảng phương pháp, dùng phương pháp gì để có thể vãng sanh. Điều kiện vãng sanh thượng bồi, trung bồi chúng ta không thể đầy đủ, hạ bồi chắc chắn chúng ta có thể làm được. Hạ bồi vãng sanh có ba nhân duyên. Quý vị xem điều kiện càng ngày càng đơn giản rồi. Trung bồi là bảy nhân duyên. Ở đây chỉ có ba nhân duyên. Thứ nhất phát tâm bồ đề, thứ hai là nhất hướng chuyên niệm, thứ ba là chí thành nguyện sanh. Thật muốn đi, không phải là giả. Có nên đi hay không? Chắc chắn nên đi. Quý vị nếu như lưu luyến thế giới Ta bà, quý vị không ra khỏi sáu nẻo luân hồi. Trong sáu nẻo chắc chắn thời gian trong ba đường ác dài, thời gian trong ba đường thiện ngắn.

Chúng ta tuy được thân người, sinh trong thời đại ngày hôm nay, chúng ta gặp tai nạn, tai nạn gì? Chúng ta làm mất đi bản tánh, làm mất đi nhân tính, làm mất đi lương tâm, làm mất đi đạo đức. Nói cách khác, 2500 năm trước, trong Tả Truyện do Tả Khâu Minh viết có câu: “nhân khí thường tắc yêu hưng”, thường ở đây là thường đạo. Nếu như theo văn tự mà nói thường là ngũ thường. Ngũ thường là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Chúng ta ngày nay vô trí, vô lễ, bất nhân, bất nghĩa, bất tín. Năm thứ này đều không còn nữa. Năm thứ đều không còn nữa, thì con người không bằng súc sanh. Hiện nay chẳng những không bằng súc sanh, mà ngay cả quỷ cũng không bằng. Trong hàng quỷ tu hành cũng nhiều. Tu hành chân chính vãng sanh đến Thế giới Cực Lạc cũng không ít. Quý vị xem tôi mỗi ngày giảng kinh, giảng rất là vui, giảng rất hăng say. Nguyên nhân là gì? người nghe hiểu không nhiều, quỷ nghe hiểu rất nhiều. Người vãng sanh không nhiều, quỷ vãng

sanh rất nhiều. Tôi nhìn thấy rất vui, giảng không phí công. Việc này đều phải hiểu được, phải có tâm chí thành.

“Dữ trung bồi tương giáo”, so sánh với trung bồi, “chỉ là không thể làm các công đức”, trung bồi ba phẩm trước đều tu có công đức, ngày nay chúng ta không có cách gì làm công đức. Công là gì? Đức là gì? Hai chữ này phải hiểu cho rõ ràng. Tu hành có công phu, quý vị tự nhiên có đức. Ví dụ như chúng ta dùng sự để nói, mọi người sẽ dễ hiểu. Trì giới có công, tam muội là đức. Nhờ giới được định, tam muội là định. Quý vị đạt được, tu định có công, khai huệ là đức, trí huệ khai rồi. Ngày nay chúng ta không có, không có công đức. Ngày nay tu là gì? Phước đức. Thời đại Lương Võ Đế, Tổ sư Đạt Ma từ Ấn Độ đến Trung Quốc, Lương Võ Đế là đại hộ pháp của Phật giáo, lúc ông làm Quốc vương, dùng oai đức của ông kiến lập cho Phật Giáo 480 ngôi chùa, độ người xuất gia, ông làm công đức chủ, tu cúng dường, mấy trăm ngàn người. Tổ sư Đạt Ma đến Trung Quốc gặp Lương Võ Đế, Lương Võ Đế rất đặc ý, trước mặt Tổ sư khoe khoang, tôi xây chùa nhiều như vậy, hộ trì Phật Pháp, cúng dường tăng chúng nhiều như vậy, ông thỉnh giáo Tổ sư Đạt Ma: công đức này của tôi lớn hay không? Tổ sư Đạt Ma nói với ông, hoàn toàn không có công đức. Lương Võ Đế nghe mấy câu này, rất không vui, tiễn khách, không nói chuyện với Tổ sư nữa, liền tiễn Ngài ra về, sau này cũng không gặp mặt nữa. Tổ sư Đạt Ma không biết nói chuyện, nhưng Tổ sư Đạt Ma là người trung thực, nếu đổi một chữ là được rồi, ông hỏi công đức lớn hay không? Tổ sư Đạt Ma có thể trả lời phước đức rất lớn rất lớn, ông ta tu là phước đức, không phải là công đức. Công đức và Phước đức khác nhau ở chỗ nào? Công đức là tâm thanh tịnh. Lương Võ Đế tâm không thanh tịnh, còn khoe khoang bản thân, phô trương này thuộc phước đức, chứ không phải công đức. Công đức là gì? Công đức là lìa tất cả các tướng, tu tất cả thiện pháp. Không chấp tướng là công đức, chấp tướng là phước đức. Điều này chúng ta nên biết. ông ta còn phô trương trước mặt người khác, đó không phải là phước đức sao? Làm gì có công đức? đó không phải là công đức. Công đức có thể liễu sanh thoát tử, có thể ra khỏi ba cõi, phước đức không thể. Phước đức chỉ có thể cảm thọ phước báu nhân thiên. Hoặc là nói phước báo trong năm đường, trong sáu đương trừ địa ngục ra, cõi súc sanh và ngạ quỷ đều là có phước, họ hưởng phước trong năm đường.

Vậy người hạ bồi vãng sanh, chúng ta liền biết, tập khí chấp trước, phân biệt của họ rất nặng, cho nên họ không thể làm các công đức. Câu nói này chúng ta nghe rồi nên phải cảnh giác. Trong đời này chúng ta có thể làm được bao nhiêu công đức? Nếu như vẫn còn tự tư tự lợi, vẫn còn danh vẫn lợi dưỡng, vẫn còn coi trọng

được mất, vậy thì công đức không có. Những điều tu được chỉ là thiện pháp, không phải công đức. Nhưng muốn cầu sanh Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, trung bồi không có phần, hạ bồi có phần, hạ bồi vãng sanh không thành vấn đề. Dưới đây nói: “hoan hỉ tín nhạo, bất sanh nghi hoặc”, hai câu nói này rất quan trọng. Đó là “tức mười niệm ắt sanh vào nguyện chí tâm tín nhạo”, “dùng tâm chí thành, nguyện sanh nước kia”, đó là bốn nguyện của Phật A Di Đà. Cho nên chúng ta có thể vãng sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc hay không, bốn câu này rất là quan trọng. Nếu như chúng ta có, vậy chúng ta chắc chắn đời này nhất định vãng sanh. “Hoan hỉ tín nhạo, bất sanh nghi hoặc, dĩ chí thành tâm, nguyện sanh kỳ quốc”, tức bốn câu này. Chúng ta nghĩ xem, bản thân chúng ta hiện tại có hay không? Chúng ta trong một đời này sự việc yêu thích nhất là gì? Thọ trì Kinh Vô Lượng Thọ, chấp trì danh hiệu. Như chúng ta trong đời này sự việc yêu thích nhất là, chúng ta đối với sự việc này không có mấy may nghi hoặc, tin tưởng. “Nhạo” này là yêu thích, “tín nhạo” chứ không phải là “tín lạc”, “lạc” là khoái lạc, ở đây nó là động từ, yêu thích. Tôi tin tưởng, tôi yêu thích, không có nghi hoặc, sau đó dùng tâm chân thành đến cực độ. Chí thành là chân thành đến cực điểm, nguyện sanh kỳ quốc, tức cầu sanh Tịnh Độ, quý vị chắc chắn vãng sanh. Những lời này là Ngẫu Ích đại sư nói, không phải là tôi nói. Ngẫu Ích đại sư nói ở trong Di Đà Kinh Yếu Giải: “hành nhân - tức người niệm Phật, có thể vãng sanh Tịnh Độ hay không, quyết định nơi tín nguyện có hay không”, nói rất hay. Quý vị có thật tin, nguyện tha thiết, quý vị xem hoan hỉ tín nhạo, họ có lòng tin, họ có chí nguyện, nguyện sanh nước đó. Như vậy nhất định được vãng sanh. Chúng ta trong đời này, đây là việc lớn số một của chúng ta. Việc lớn gì? Trong đời này đi làm Phật rồi, việc lớn số một, không còn làm việc luân hồi nữa. Chúng ta có phải là tâm này không? có phải là nguyện này không? Nếu như là tâm này, là nguyện này, tôi tin rằng, cổ nhân nói: “tâm an lí đắc”, tâm quý vị an rồi, vì sao vậy? Vì lý đã rõ ràng. Ngược lại, lí đạt được rồi, tâm quý vị nhất định sẽ an. Tâm an, vì sao nhấn mạnh tâm an này? Như vậy tai họa thế gian không liên can đến quý vị. Mọi người có tai nạn, quý vị không có tai nạn. Vì sao vậy? Vì quý vị đã thấy được Thế Giới Tây Phương Cực Lạc. Tai họa nếu như xuất hiện quý vị rất hoan hỉ đi đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc. Trước đây chúng ta học rất nhiều, rất rõ ràng, rất minh bạch. Ý niệm chúng ta vừa khởi, Phật A Di Đà liền biết, lúc nào đi thì lúc đó Ngài đến tiếp dẫn. Cảm ứng đạo giao không thể nghĩ bàn. Cho nên “hoan hỉ tín nhạo, không sanh nghi hoặc, dĩ chí thành tâm, nguyện sanh kỳ quốc”, 16 chữ này là then chốt để chúng ta có thể vãng sanh hay không. Nếu đây

đủ bốn câu này chính là giấy bảo đảm. Quý vị xem quan trọng biết bao! Trong Quán Kinh nói tâm chí thành, tâm phát nguyện hồi hướng. Đây là nói về tâm bồ đề. Thể của tâm bồ đề là tâm chí thành, tự thọ dụng tâm thâm sâu. Tha thọ dụng là tâm hồi hướng phát nguyện, tương ứng với tâm bồ đề trong Quán Kinh.

“Thả tam bối vãng sanh hàm vân”, tam bối vãng sanh đều nói, “nên phát tâm vô thượng bồ đề”, nên Tịnh Ảnh Sớ nói: “tam bối này nhân vị tuy khác nhau”. Người cầu sanh Tịnh Độ, thiện căn phước đức nhân duyên không giống nhau, muôn vàn sai khác. Vãng sanh Thế Giới Tây Phương Cực Lạc tam bối cửu phẩm cũng không giống nhau, phẩm vị không tương đồng. Thậm chí vãng sanh đều phải phát tâm cầu đại bồ đề, chuyên niệm Phật, hồi hướng phát nguyện, mới được vãng sanh. Điều này hoàn toàn tương đồng. Đây là điều kiện chúng ta phải có đủ. Thực sự muốn vãng sanh nhất định phải phát tâm bồ đề.

Phát bồ đề tâm là gì? Chính là “thật tin, thật nguyện” mà Ngẫu Ích đại sư đã nói. Thật tin, không hoài nghi. Thật nguyện tức quý vị thực sự buông xả. Buông xả điều gì? Tất cả những thứ lớn nhỏ của thế giới Ta bà đều buông xả hết, không còn can thiệp đến nữa. Đặc biệt là lúc vãng sanh, lúc vãng sanh nếu như một niệm không buông xuống được, quý vị sẽ không đi được. Ai có thể bảo đảm bản thân lúc lâm chung thực sự có thể buông được? Bình thường nói rất hay, lúc lâm chung họ thực sự không buông được. Cho nên nói buông xuống, họ không phải nói thật, là giả vậy. Thực sự bình thường luyện tập, nay mới làm được. Trong cuộc sống hàng ngày, trong công việc, trong đời nhân xử thế, nhất định phải phải xem nhẹ mọi thứ. Biết được cái gì? biết được những thứ đó đều là giả. “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”. Giới khoa học nói với chúng ta, hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần đều là giả. Không có thứ gì là thật. Hiện tượng vật chất, căn nguyên của nó là ý niệm. Ý niệm là hiện tượng tinh thần. Ý niệm từ đâu mà có? Từ không mà sanh có, có trở về không, là không thật có. Vì sao quý vị không buông xả? Không buông xả quý vị sẽ bị nó hại, buông xả quý vị liền được lợi ích. Cho nên buông xả là công đức, không buông được đều thuộc phước đức. Phước đức cũng là giả, cũng không phải là thật. Nên Phật dạy chúng ta dùng tâm thái gì để nhìn thế gian? Trong Kinh Kim Cang có bốn câu kệ nói rất hay: “Tất cả pháp hữu vi, như mộng huyễn bào ảnh”. Quý vị nên có cách nhìn này. “Như sương cũng như chớp, nên quán sát như vậy.”

Đây là nói về sự tồn tại của các hiện tượng. Sự tồn tại của hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần cũng giống như điện chớp, như sương mai vậy, chỉ trong tích

tắc. Thời gian rất ngắn, không dài. Thực sự thông suốt rõ ràng rồi, quý vị rất dễ dàng buông xuống.

Ngày xưa tôi đã từng lấy bốn câu kệ trong Kinh Kim Cang này, in trên giấy nhựa trong, bốn câu kệ này. Tặng cho ai? Tặng cho gia đình mỗi tín đồ dán lên ti vi, xem ti vi liền nhìn thấy: “tất cả pháp hữu vi, như mộng huyễn bào ảnh”, nhắc nhở mọi người ti vi là mộng huyễn bào ảnh. “Như sương cũng như chớp”, quay đầu lại nhìn chúng ta, thế giới hiện thực và ti vi gần như nhau. Không phải là thật, hà tất phải quan trọng? Nhìn thấu rồi, nó sẽ không quấy nhiễu tâm thanh tịnh quý vị nữa, tâm thanh tịnh xuất hiện. Tâm thanh tịnh xuất hiện vậy thì việc vãng sanh nhất định sẽ vững vàng. Tâm thanh tịnh là tâm gì? Là tâm chân thành. Kinh này giảng là tâm chí thành. “Chuyên niệm bử Phật”, câu này rất quan trọng. Trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, ngoài Phật A Di Đà ra toàn buông xuống hết. A Di Đà Phật là công đức vô lượng. Niệm một câu công đức vô lượng. Niệm vô lượng câu, vậy là công đức vô lượng, vô lượng, vì sao không làm? Vì sao còn phải khởi tạp niệm? Thực sự hiểu rõ rồi, thực sự biết rồi, sẽ không khởi tạp niệm. Vì sao vậy? Vì khởi một tạp niệm, quý vị nghĩ xem tổn thất vô lượng công đức. Như vậy mới có thể niệm niệm liên tục, công đức so với phước đức thù thắng hơn không biết bao nhiêu mà kể! Ngạn ngữ có câu: “người phước ở đất phước, đất phước người phước ở”, vậy công đức lớn lắm thay!

Một người tu công đức, trú tại nơi này, nơi này thật có phước, tất cả chúng sanh ở trên mảnh đất này đều sẽ không gặp nạn. Công đức này lớn biết bao! Ngày nay mọi người đều đang bàn về dự đoán của Maya về tai họa năm 2012, người thực sự có công đức, có phước đức, họ sẽ nói: quý vị có chuyện, tôi sẽ không chuyện gì; quý vị có tai nạn, tôi không có tai nạn. Đó là thật không phải giả. Cho nên rất nhiều người khuyên chúng ta nên niệm Phật, phải chăm chỉ mà niệm Phật, phải phát tâm chuyên niệm Phật A Di Đà.

Thêm “hồi hướng phát nguyện, mới được vãng sanh”, chúng ta đem công đức, phước đức tu tập được đều không hưởng thụ, công đức này để làm gì? Công đức này chuyên dùng để cầu sanh Tây phương. Đó chính là hồi hướng phát nguyện. Lúc vãng sanh, “mơ thấy Phật kia”, Phật đến tiếp dẫn. Phật đến tiếp dẫn có hai giải thích, “nghĩa nó hơi khác”.

Chúng ta xem chư vị cổ đức nói: “vọng tây vị tiên thị mộng kiến”, lúc vãng sanh trước hết mơ thấy, “lâm chung thời thị nhãn kiến Phật”. Đầu tiên, hoặc là trước lúc vãng sanh một ngày, hoặc là trước hai ngày, ba ngày, lúc lâm chung quý vị thấy Phật đến.

Sớ viết: tam bối đều có nằm mơ thấy, và tận mắt thấy”, cũng tức là tam bối cửu phẩm đều có hiện tượng này. Đầu tiên mơ thấy, lúc lâm chung quý vị tận mắt thấy được.

Trong Giác Kinh nói – Giác Kinh chính là Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh – tức Hán dịch Kinh Vô Lượng Thọ. Thượng bối nói: trong lúc họ nằm ngủ mơ thấy vô lượng thanh tịnh Phật – tức là A Di Đà Phật – và chư Bồ Tát, A la hán. Mơ thấy được. Người này lúc thọ mạng gần hết vô lượng thanh tịnh Phật đích thân và chư Bồ Tát A la hán bay lượn đến đón họ. Trong mơ nhìn thấy những cảnh giới kia xuất hiện, họ nhìn thấy được. Lúc này không phải là nằm mơ, họ nhìn thấy, người khác không nhìn thấy. Nhìn thấy cảnh giới mà hai ngày trước mơ thấy xuất hiện. Thật là Phật đến tiếp dẫn họ.

Thượng bối là như thế, trung bối cũng tương tự, mộng thấy Phật kia, điềm lành trước vãng sanh. Đó là một người niệm Phật công phu thành tựu, điềm báo vãng sanh, đầu tiên là nằm mơ thấy.

“Lâm chung lai nghêh”, lúc lâm chung Phật đến đón tiếp. “Bổn nguyện thắg ích, cô câu ứng hữu”, Phật A Di Đà từng phát nguyện, người trong mười phương thế giới muốn sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, lúc lâm chung Phật A Di Đà nhất định sẽ đến tiếp dẫn họ. Phật không vọng ngữ. Cho nên bất cứ người nào lâm chung Phật nhất định đến tiếp dẫn. Sự việc này chúng ta lúc mới học Phật hoài nghi, Vì sao vậy? Trong kinh nói rất rõ ràng. Mười phương thế giới tất cả Chư Phật Như Lai, đều khuyên người phát tâm bồ đề, một lòng chuyên niệm cầu sanh Tịnh Độ. Người trong mười phương thế giới mỗi ngày đến Thế giới Cực Lạc, ở đây không nói mỗi ngày, mà mỗi giờ, mỗi phút, người đến Thế giới Cực Lạc không biết bao nhiêu. Thế giới nhiều quá, mỗi phút không biết bao nhiêu người vãng sanh. Phật A Di Đà đi tiếp dẫn có kịp không? Có bị sót mất một vài người không, chúng ta chỉ lo sót mất. Điều này quý vị nên yên tâm, nên có lòng tin. Trí óc của A Di Đà Phật còn hiệu quả hơn máy vi tính nhiều. Một người cũng không sót, một người cũng không sót mất. Trước đây chúng ta học qua rồi, từ pháp thân, pháp thân là chân thân, biến hiện ra vô lượng ứng thân. Từ ứng thân, mỗi ứng thân lại biến hiện thành vô lượng hóa thân. Ứng thân, hóa thân và chân thân là cùng một thân. Ứng hóa thân và chân thân không hai không khác. Lúc quý vị lâm chung không nên hỏi: Phật, ngài là hóa thân hay là ứng thân? Quý vị sẽ không đi được, Phật liền không thấy nữa. Chúng ta có tâm thái gì? Hoàn toàn xem là chân thân, không nên có bất cứ nghi hoặc nào, không nên có phân biệt, không nên có chấp trước. Nếu như quý vị ngay cả khởi tâm động niệm cũng

không có, vậy là quý vị vãng sanh thù thắng. Vì sao vậy? Vì sanh về cõi Thật báo, quý vị liền trở thành thượng bói vãng sanh. Nếu như trong tâm quý vị nghĩ đây là hóa Phật, hóa Phật và chân Phật không hai, quý vị sanh về cõi Phạm Thánh Đồng Cư, nếu như quý vị nghĩ đến ứng thân này, ứng thân là chân thân, quý vị sanh về cõi Phương Tiện Hữu Dư. Quý vị chỉ động niệm quý vị liền hạ cấp rồi. Tốt nhất là khởi tâm động niệm đều không có. Vì sao vậy? Vì thuần chân cảm ứng. Không khởi tâm, không động niệm là chân tâm của chúng ta. Cảm ứng của chân tâm là chân Phật, đó là pháp thân Phật. Chúng ta khởi một ý niệm ứng thân, khởi một niệm hóa thân, lập tức liền thay đổi, không giống nhau nữa. Phẩm vị quý vị vãng sanh liền khác nhau. Cho nên phẩm vị do ai quyết định? Do bản thân mình quyết định. Hơn nữa bản thân trong một niệm quyết định. Đạo lý này vô cùng đáng quý. Chư Phật, Bồ Tát, chư vị tổ sư giảng cho chúng ta rõ ràng như vậy, thấu triệt như vậy. Trong cuộc sống hằng ngày chúng ta huấn luyện, luyện cái gì? Đối với tất cả các cảnh giới chúng ta đều không khởi tâm, không động niệm, đương nhiên không nên phân biệt chấp trước, thì tương lai vãng sanh là điều chắc chắn. Biết đâu vừa vãng sanh liền vãng sanh đến thượng thượng phẩm. Thượng thượng phẩm không đạt được vẫn còn thượng trung phẩm. Sẽ không đến trung bói, hạ bói. Đó là nói với quý vị, quý vị nên thật làm. Nói với quý vị, quý vị nếu như dụng tâm sai, thì phiền phức lớn rồi, vậy trách bản thân quý vị, không thể trách Phật. Vì sao vậy? Vì đến lúc lâm chung Phật hiện tiền rồi, quý vị nhớ lại đây là pháp thân Phật, ứng thân Phật hay là hóa thân Phật? Phiền phức lớn rồi, trong chốc lát quý vị bị hạ xuống. Hạ xuống đến đâu? Hạ đến cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Vẫn là vãng sanh, nói chung vẫn rất tốt, nhưng phẩm vị bị hạ xuống rồi. Phẩm vị cao thấp chính trong một niệm đó. Chân tín thiết nguyện, hoan hỷ vô lượng, không có một tạp niệm nào, thượng thượng phẩm vãng sanh. Cho nên tôi từng nhắc nhở các vị đồng học, đối với bất cứ người tu Tịnh Độ nào chúng ta không thể coi thường. Người ngu si đến mấy, thậm chí người tạo ngũ nghịch thập ác, cũng không dám coi thường. Vì sao vậy? Vì biết đâu trong khoảng sát na họ vãng sanh, họ không khởi tâm động niệm, họ sẽ thượng bói vãng sanh, phẩm vị cao hơn chúng ta, thật vậy. Người gây tạo ngũ nghịch thập ác, lúc lâm chung cái gì hiện tiền? Tướng địa ngục hiện tiền, họ phải đọa địa ngục, họ thất kinh, lúc đó nếu như gặp người hữu duyên, lớn tiếng bảo họ rằng: nhanh chóng niệm Phật, họ nghe rồi lập tức liền chuyển đến Phật hiệu, họ không khởi tâm động niệm, họ vãng sanh là phẩm vị gì? Thượng bói vãng sanh. Những phân biệt chấp trước của họ đều bị nổi sợ làm mất đi, không còn nữa. Lúc khiếp sợ, sợ mất luôn. Trên lý nói thông được,

trên sự thì rất ít có. Trên lý tuyệt đối nói thông được. Cũng tức là người tạo ngũ nghịch thập ác lúc lâm chung có thể thượng phẩm thượng sanh. Pháp môn này tuyệt vời, pháp môn này thật không thể nghĩ bàn. Bởi vì lúc thượng thượng phẩm vãng sanh, lúc đó là chân tâm, tức là không khởi tâm, không động niệm. Người này sanh vào cõi Thật báo trang nghiêm.

Phật nói cho chúng ta rất rõ ràng như vậy, chư vị tổ sư nói cho chúng ta minh bạch như vậy, mục đích dụng ý là gì? Muốn bản thân chúng ta biết được, hi vọng tranh thủ niệm cuối cùng là chân tâm. Sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc liền ở cõi Thật báo. Cơ hội này thật hiếm gặp, thù thắng quá! Quý vị đến Thế giới Cực Lạc thành Phật vô cùng nhanh chóng. Chúng ta hiểu được đạo lý này, trong cuộc sống hằng ngày chúng ta sinh sống, ăn uống sinh hoạt, đều không nên dùng vọng tâm, đều không nên khởi tâm động niệm, đều không nên phân biệt chấp trước, tùy duyên, thế nào cũng được, điều gì cũng hoan hỉ. Đó gọi là gì? gọi là công phu. Công phu rèn luyện trong cuộc sống hằng ngày, rèn luyện trong lúc làm việc. Bất luận làm việc gì, đều không nên phân biệt chấp trước. Luyện tập trong lúc đối nhân xử sự tiếp vật. Oán thân bình đẳng. Tiêu chuẩn để luyện chính là đề kinh này: thanh tịnh, bình đẳng, giác. Lúc nào ở đâu cũng không nên để ngoại cảnh quấy nhiễu tâm thanh tịnh, quấy nhiễu tâm bình đẳng của chúng ta, không nên bị cảnh giới mê hoặc. Thanh tịnh bình đẳng giác thường thường hiện tiền, người này nhất định là thượng bói vãng sanh. Quý vị xem quan trọng biết bao. Điều này không thể không học.

Dưới đây nói: “nếu Phật không đến, bốn nguyện giả lập”, điều này chắc chắn không thể được, người niệm Phật lâm chung vãng sanh nhất định Phật A Di Đà đến đón. Lúc lâm chung không có Phật đến đón, chúng tỏ họ không được vãng sanh, nhất định Phật đến đón.

“Trung bói cũng đồng, mộng thấy Phật kia, điềm báo vãng sanh, lâm chung đến đón, bốn nguyện thù thắng, nên đều nên có, nếu Phật không đến, bốn nguyện hư dối, nên nay trong văn này, không đến tiếp dẫn.”Không có câu nói này. Do vì phân biệt, tam bói sai khác, nói thượng là báo Phật, trung là hóa Phật, hạ mơ thấy Phật, thật sự mà nói, sau khi mơ thấy, có thể thấy Phật đến đón.

Nhất định thấy Phật đến tiếp dẫn, nên Quán Kinh nói: hóa Phật đến đón, người ác còn như vậy, huống là người thiện?

Bởi vì trong Quán Kinh nói hạ bói vãng sanh, tức hạ tam phẩm, hạ phẩm thượng sanh, hạ phẩm trung sanh, hạ phẩm hạ sanh, ba phẩm này đều là người gây tạo

ngũ nghịch thập ác. Quán Kinh nói thượng bói là đại phạm phu. Trung bói là tiểu phạm phu. Hạ bói là ác phạm phu, người tạo ác. Trong kinh nói như vậy.

Theo như trên luận điềm có ba điều:

Một là Đức Phật có bốn nguyện lâm chung đến tiếp dẫn. Nếu như hạ bói, không đến nghênh tiếp, tức trái với bốn nguyện vậy. Đó là sự thật. Cho nên hạ hạ phẩm vãng sanh, Phật nhất định đến đón.

Quán Kinh nói hạ phẩm toàn là người ác, Phật chưa đến đón. Nay kinh nói hạ bói, đều là thiện sĩ. Trong Kinh Vô Lượng Thọ nói hạ bói đều là người thiện, không nói là người ác, “sao không đón được”, có lý gì lại không đến đón tiếp!

Thứ ba “hai bản dịch Hán, Ngô”, đó là hai bản dịch trong năm bản dịch gốc của Kinh Vô Lượng Thọ. Bản Hán dịch chính là Kinh Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác.

“Thượng bói, trung bói, đều trước mơ thấy Phật, sau đó lâm chung thấy Phật, nên nay hạ bói, cũng nên như vậy, nên bản kinh này nói mơ thấy là nói việc trước.”

Mơ thấy là điềm báo, đây là điềm báo vãng sanh.

Quán Kinh nói kiến Phật, chỉ cho điều sau, tức lâm chung. “thử thị nhất thuyết”. Là cùng một cách nói, một cách giải thích.

Hai, một cách nói khác như Hội Sớ, có một cách nói khác: “thật là Phật đến đón, nhưng phảng phất như mộng”. Thật sự Phật đến đón, nhưng bản thân lúc đó dường như lại đang trong mơ, dường như mơ mà chẳng phải mơ, đang trong cảnh giới đó.

Sớ viết: mộng thấy Phật kia là như Quán Kinh nói về người ở hạ tam phẩm, giờ khắc mạng sắp hết. Đó là thời khắc sắp đoạn khí. “Ngục hỏa lai hiện”, người này tạo tội nghiệp nặng, đó nhất định là ngũ nghịch thập ác. Tướng địa ngục xuất hiện rồi, lửa địa ngục xuất hiện. “Tuy Phật đến đón, dường như không rõ”, lúc Phật đến đón tiếp, trong lòng lo sợ, giống như trong mơ, nếu không như vậy, làm sao lúc lâm chung, không an nhiên thần du được? vãng sanh chắc chắn là an nhiên tự tại. Thần du là thần thức quý vị đi theo Phật A Di Đà đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc. Lúc này tâm thái quý vị không an ổn, không thông dong, thì sẽ không làm được.

Trong đoạn văn bài Sớ có giải thích, đoạn sau là giải thích của Hoàng Niệm Lão. Cho nên Quán Kinh nói về người ở hạ phẩm, lúc lâm chung các tướng lửa địa ngục, đồng thời cùng đến, các khổ bức bách, Phật tuy hiện tiền, nhưng thần thức không rõ. Không rõ ràng lắm, mơ hồ phảng phất, như ở trong mộng. Nên nói mơ thấy Phật vậy. Nếu không phải có Phật đến đón, làm sao có thể an nhiên, có mười niệm này, mà theo Phật thần du Cực lạc được.

Cách nói này cũng nói rất hay. Người này niệm Phật công phu cũng rất tốt. Nhưng nghiệp họ tạo nặng quá, cho nên lúc lâm chung nhìn thấy tướng địa ngục. Trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và Vãng Sanh Truyện, ghi chép Trương Thiện Hòa, lúc vãng sanh liền hiện tướng này. Trương Thiện Hòa là một đồ tể, làm nghề giết bò. Một đời ông ta giết biết bao trâu bò, lúc lâm chung nhìn thấy rất nhiều người mang đầu trâu đòi mạng ông ta. Giết người phải đền mạng, mắc nợ phải trả tiền. Đó là tướng địa ngục xuất hiện, ông ta gọi lớn cứu mạng. Người này duyên tốt, thật không dễ gì. Có một người xuất gia đi ngang qua trước nhà ông ta, nghe ông ta kêu cứu mạng, người xuất gia này liền đi vào xem xem có chuyện gì? Ông ta nói ông ta nhìn thấy rất nhiều người đầu trâu bảo ông ta đền mạng. Người xuất gia lập tức biết được, nói với ông ta, lớn tiếng niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ. Ông ta một niệm liền chuyển trở lại, đưa cho ông ta một bó hương, cầm hương liền niệm A Di Đà Phật, A Di Đà Phật. Niệm mấy tiếng, ông ta nói không thấy người đầu trâu nữa, Phật A Di Đà đến tiếp dẫn ông ta, ông ta vãng sanh Thế giới Cực Lạc rồi. Là phẩm vị gì? Không ai nói cả. Nhưng chúng ta biết, phẩm vị ông ta chắc chắn không thấp. Vì sao vậy? Vì lâm chung sợ hãi, làm cho khởi tâm động niệm của ông ta chạy mất, phân biệt chấp trước cũng bị sợ làm cho mất luôn. Nếu như tâm lúc này không có khởi tâm động niệm, vậy là thượng bói vãng sanh rồi. Có khởi tâm động niệm, không có phân biệt chấp trước, ông ta trung bói vãng sanh. Ông ta không ở hạ bói. Duyên này xác suất ít lắm. Làm gì may mắn thế, vừa kêu cứu mạng, có một người xuất gia nghe được. Ông ta thực sự đến giúp quý vị rồi. Quý vị thực sự tiếp thu, liền thành tựu, không có một tí hoài nghi nào. Nhân duyên này chúng ta biết được, chắc chắn Trương Thiện Hòa trong đời quá khứ từng tu pháp môn Tịnh Độ, A lại ya có chủng tử thiện căn. Cho nên người khác vừa nhắc, chủng tử trong thức A lại ya ông ta liền hiện hành, liền thành tựu. Vì vậy chúng ta biết được, người vãng sanh tây phương Tịnh Độ, phẩm vị cao thấp do một niệm cuối cùng quyết định. Chúng ta sanh tiền niệm như thế nào, suy nghĩ có thể đến đâu đó, nhưng chưa chắc. Thực sự quyết định là niệm cuối cùng. Nếu như bình thường không tu tập tích công đức lớn, thì lâm chung một niệm không dễ dàng gì. Bình thường không thấp hương, lâm chung ôm chân Phật, đó chỉ là may mắn. Thực tình mà nói không phải là may mắn, Trương Thiện Hòa không phải may mắn, mà kiếp trước thiện căn sâu dày, trong đời này không có duyên, không gặp được. Cho nên ông ta lâm chung cũng có thể nói là rất thông dong. Một niệm, mười niệm liền vãng sanh.

Hai quyển sớ này biện luận tuy khác, nhưng đều nói hạ bối vãng sanh, cũng có Phật đến đón. Trương Thiện Hòa nói Phật đến đón tiếp. Đây thực sự là điển hình người tạo ác, người ác vãng sanh.

Trăm sông đổ về biển, nên đều dẫn chúng, để chứng minh ý này. Dẫn chúng điều này để chứng minh. Cho đến Quán Kinh hạ phẩm tam nhân đều là người ác.

Ngày nay chúng ta sanh ra trong xã hội này, nhìn xem chúng sanh, trở lại nhìn bản thân mình, phải chăng là người ác? Chắc chắn là người ác. Vì sao vậy? Vì luân thường chúng ta không làm được, ngũ luân ngũ thường là căn bản làm người của người xưa. Vì sao không làm được? Vì không ai dạy. Đó là sự thật. Ngày xưa có người dạy, tuy có người dạy, người làm được không nhiều, nhưng chẳng có ai không hiểu. Người hiện nay không có ai dạy, không có ai hiểu được ngũ luân là gì, ngũ thường là gì. Ngũ luân, ngũ thường có liên quan gì với chúng ta, không biết được. Liên quan lớn lắm! Quý vị biết được thì tâm hạnh của quý vị trong đời này có quỷ phạm, có quỷ đạo, có nguyên tắc, quý vị có thể tuân thủ. Trong đời này làm một người tốt thực sự, chắc chắn không đọa ba đường ác. Không hiểu Phật Pháp, không biết tu tích công đức, phước đức nhất định biết tu. Phước đức tu tốt, đời sau hưởng thụ là cõi trời, phước báo lớn hơn ở cõi người. Ngũ thường càng niệm niệm không quên, nhân là thương người. Quý vị xem xem cổ Thánh tiên Hiền ai không thương người? Quý vị xem kinh điển của mỗi tôn giáo trong thế gian, có Thánh hiền trong tôn giáo nào không thương người? Không có. Nhà Phật nói, Phật Giáo là gì? Thường người ta trả lời, đây là Tổ sư dạy cho chúng ta. Phật Giáo là gì? “từ bi vi bốn, phương tiện vi môn”, đó là Phật giáo. Lại nói: “Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, tự tịnh kỳ ý, thị chư Phật giáo”. “Chư” là tất cả Phật, chư Phật. Là tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc mà tất cả Phật giáo hóa chúng sanh. Mười hai chữ: “chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, tự tịnh kỳ ý, thị chư Phật giáo”. Từ bi là yêu thương, yêu thương có lí trí, không phải là cảm tình. Cho nên nhà Phật không nói là “ái” mà nói là từ bi. Bởi vì trong ái có tình, có tình chấp. Từ bi không có tình chấp. Tôn giáo trên thế giới này, người tín ngưỡng nhiều nhất là Thiên chúa giáo, Cơ Đốc giáo, Do Thái giáo. Ba tôn giáo này là người một nhà, họ tu học chính là Tân Cựu Ước, Do Thái Giáo là Cựu Ước, Cơ Đốc Giáo là Tân Ước, Thiên Chúa Giáo Tân Cựu Ước đều học, là người một nhà. Quý vị xem trong những kinh điển kia: “thần ái thế nhân, thượng đế ái thế nhân”, câu này, trong bộ Thánh Kinh này không biết giảng bao nhiêu lần. Cổ Lan kinh là của Islam giáo, trước mỗi một thiên kinh văn quan trọng, nhất định có câu: “chân chủ đích xác là người nhân từ”, nhân từ bác ái là căn nguyên

của tất cả các tôn giáo, là tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc của tất cả các tôn giáo. Cho nên chúng ta có thể nói giáo dục tôn giáo chính là giáo dục nhân ái. Giáo dục Phật giáo là giáo dục từ bi.

Giáo dục truyền thống văn hóa Trung Quốc là giáo dục nhân ái. Đó là gì? đó là nhân tính. Cổ nhân Trung Quốc nói “bản tánh vốn thiện”, trong Tam Tự Kinh nói: “nhân chi sơ tánh bản thiện”, thiện này chính là đại từ đại bi, đại nhân đại ái. Hiện nay chúng ta không có nữa, thực sự không có nữa, triệt để không có nữa. Vì sao vậy? Vì con người họ không yêu bản thân nữa, đó là ngay cả cái gốc cũng nhổ mất rồi, cho nên họ sẽ không yêu cha mẹ, ngay bản thân họ còn không yêu. Con người phải tự trọng mới không chà đạp chính mình. Phàm đã chà đạp bản thân, không yêu chính mình, không học cho tốt, không học nhân nghĩa đạo đức là không yêu chính mình. Cuối cùng điên đảo mê hoặc, khởi tâm động niệm, tự tư tự lợi, danh văn lợi dưỡng, thậm chí hại người lợi mình. Cho nên nói con người hiện nay, đánh mất nhân tính, đánh mất thiện lương, đánh mất đạo đức. Vậy thật là ngay súc sanh, ngay cả ma quỷ cũng không bằng.

Đây là trong Quán Kinh nói ba hạng người ở hạ phẩm đều là người ác. Chúng ta coi như là rất may mắn, sinh trong thời đại này, vẫn có thể gặp được Phật Pháp, gặp được Đại Thừa, gặp được Kinh Vô Lượng Thọ, đại hạnh trong bất hạnh! Lúc trẻ không biết, không tiếp xúc được, gây tạo không ít tội nghiệp, sau khi tiếp xúc được với Phật pháp mới dần dần biết đúng sai thiện ác, sám hối nghiệp chướng, sửa đổi làm mới. Biết được trong pháp giới hư không giới, có một Thế giới Cực Lạc, có một đức Phật A Di Đà. Phật A Di Đà phát nguyện giúp đỡ chúng sanh sáu cõi trong khắp pháp giới hư không giới. Cho dù tạo trọng tội ngũ nghịch thập ác, may mà còn tốt, chúng ta còn chưa tạo tội nặng như vậy. Tội nghiệp là có, nhưng không nặng như vậy. Quay đầu là bờ, y theo đạo lý trong bộ kinh này để tu tâm, y theo lời dạy trong bộ kinh này mà tu hành, thân tâm đoạn chánh rồi, đầy đủ thâm tín thiết nguyện, cầu sanh Tịnh Độ, ắt được vãng sanh. Cơ hội này nhất định phải nhờ kỹ. Trăm ngàn muôn kiếp cũng khó gặp, gặp được thật là việc không dễ. Gặp được rồi nếu như sơ suất, vậy thật là tội nặng không gì sánh! Cơ duyên tốt như vậy, giúp quý vị một đời thành Phật, quý vị dễ dàng để vượt mất nó, vậy thì nên đọa địa ngục rồi.

Thiện Đạo đại sư nói hạ phẩm thượng sanh là người phạm phu tạo thập ác tội nhẹ. Hạ phẩm trung sanh là người phạm phu phá giới tội nặng hơn. Hạ phẩm hạ sanh là người phạm phu tạo ngũ nghịch tội nặng.

“Bỉ kinh hạ phẩm”, bỉ kinh tức là Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, trong kinh này nói: “dữ bốn kinh tương vi giả, hà dã” nghĩa là khác với những điều nói trong Kinh Vô Lượng Thọ, duyên có là vì sao?

Vọng Tây đại sư nói trong chú giải của ngài nói rằng: “trong hạ bối, có nhiều loại”, Quán Kinh nói ác, nay nói thiện nhân, nên Giác Kinh- Giác Kinh chính là bản Hán dịch Kinh Vô Lượng Thọ, nói: tam bối là nên đoạn ái dục, không có tham cầu, từ tâm tinh tấn, không nên sân giận, trai giới thanh tịnh, như người thanh tịnh này, lúc trong một niệm muốn sanh vô lượng thanh tịnh Phật quốc. Đây là Thế Giới Tây Phương Cực Lạc. Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh có những câu kinh văn như vậy. “Tam bối này”, “nên đoạn ái dục” Vì sao vậy? Vì ái dục không đoạn, quý vị tham luyện tình chấp thế gian này, chướng ngại quý vị phát nguyện vãng sanh. Phải buông xả thứ này xuống, chúng ta thường nói tình chấp, tình chấp trong thế giới Ta bà là nhân tố đầu tiên chướng ngại quý vị vãng sanh, nó là thứ mạnh nhất, khó buông xả nhất. Điều này không buông xuống quý vị sẽ không thể vãng sanh. Cho nên sau khi buông xuống “không có tham cầu”, đối với tất cả pháp trong thế giới này quý vị không còn tham luyện, hoàn toàn buông xuống rồi. Sau đó thêm bước nữa “từ tâm tinh tấn”, tâm từ bi, tâm yêu thương. Đối với tất cả chúng sanh đại từ đại bi, tinh tấn siêng năng. Tinh tấn này chính là một lòng chuyên niệm. “Không nên sân giận”, gặp việc không như ý nhất định không thể tức giận. Vì sao vậy? Vì tức giận trong vài phút, sẽ thiêu đốt hết công đức của quý vị. Trong kinh có mấy câu nói, mọi người đều đã biết, “lửa thiêu rụi công đức”, công đức quý vị khó khăn lắm mới tu tích được, vừa nổi tức giận toàn bộ bị thiêu đốt hết, công đức trở thành phước đức. Cho nên quý vị phải hỏi quý vị tu tập được bao nhiêu công đức, quý vị nghĩ xem lúc nào quý vị không tức giận, tâm địa thanh tịnh, không có phân biệt chấp trước, quý vị làm tất cả việc tốt đều là công đức. Nếu như vừa nổi tức giận, toàn trở thành phước đức, công đức không còn nữa. Công đức khó lắm! Lúc lâm chung nổi tức giận, công đức tu một đời đều mất hết. Cho nên gọi là “lửa thiêu rụi công đức”, lửa sân nhuế, thứ này hại mất hết. Lâm chung nổi tức giận, không ai không đọa địa ngục. Vì sao vậy? Vì nó tương ứng với địa ngục. Địa ngục là một vùng biển lửa. Thế nên kinh giáo dạy người ta, người lúc lâm chung trong tám tiếng đồng hồ không nên đụng đến họ. Vì sao vậy? Vì thần thức họ chưa đi, lúc đụng đến họ, họ sẽ sinh phiền não, họ sẽ nổi tức giận. Không những thân thể không thể đụng đến, chiếc giường họ đang nằm cũng không nên đụng đến nó. Đi đến gần bên họ, đi cách chiếc giường xa một tí, không nên đụng đến họ. Sợ họ sanh phiền não, sợ họ nổi tức

giận. Lúc này vừa tức giận liền vào đường ác. Sự thật này rất nhiều người không biết đến. Còn muốn đụng chạm đến họ, điều này rất cảm kỵ. Ân Quang đại sư trong Văn Sao có nói rất tỉ mỉ. Thực sự hiểu được phải yêu thương họ, giúp họ sanh vào đường thiện, không nên giúp họ sanh vào đường ác.

“Trai giới thanh tịnh”, “traị” là sau bữa trưa không ăn nữa. Giới là giới luật, năm giới mười điều thiện, phải nên tuân thủ.

“Nhu thị thanh tịnh giả, đương nhất tâm niệm dục sanh”, “dục” là hi vọng, hi vọng sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, Vô Lượng Thanh Tịnh Phật chính là Phật A Di Đà. Sanh đến Thế giới Cực Lạc, sanh đến Di Đà Tịnh Độ, thân cận Phật A Di Đà, cho nên “vãng sanh phẩm loại, vạn biệt thiên thù”, có thể nói là “muôn vàn sai khác”. Tam bối cửu phẩm, chỉ là chia thô.

Nên trong hạ phẩm chủng loại đã vô số. Kinh kia nói rõ là ác nhân, kinh này chỉ cho thiện sĩ. Như “Hán dịch”, người hạ bối đích thực là người tu thiện vậy. Người hạ bối tu thiện, hạ phẩm thượng sanh, hạ phẩm trung sanh; làm ác thì hạ phẩm hạ sanh. Xem xem ác lớn nhỏ, thiện lớn nhỏ, mỗi mỗi đều sai khác. Niệm Phật vãng sanh, trước khi chưa vãng sanh có sai biệt, sau khi vãng sanh rồi đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát, thì không còn sai biệt nữa. Điều này chúng ta càng không thể không biết vậy.

Chúng ta thực sự muốn đi, vậy quý vị thực sự phải tin tưởng, quý vị phải tin tưởng bộ kinh này là chân kinh. Hạ Liên Lão hội tập cho chúng ta năm bản dịch gốc, bản này chính là tập đại thành của năm bản dịch gốc, thật hiếm có khó gặp. Năm bản dịch không dễ đọc, ông chỉnh lý hội tập chúng lại, bản này chính là bản hoàn thiện nhất. Đọc bản này là đọc được toàn bộ năm bản dịch gốc. Chú giải của Hoàng Niệm Lão trích dẫn 193 loại kinh luận, những chú sớ của cổ đức, chúng ta đọc chú giải này của ông, 193 vị đại thiện tri thức đối với bản kinh này, có tâm đắc học tập, chia sẻ báo cáo chúng ta đều đọc được hết, hi hữu biết bao, hiếm gặp biết bao, có thể không trân trọng sao?

Nhất định vãng sanh, nhất định phải y theo chú giải này, chú giải của bản hội tập này. Sau đó một câu Di Đà danh hiệu liền bảo đảm cho chúng ta đời này thành tựu viên mãn.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 414

Chuyển ngữ: Liên Hải

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 16.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 519, hàng thứ năm đếm từ dưới lên, bắt đầu xem từ chữ đầu tiên.

“Nên phẩm loại vãng sanh, muôn vạn sai khác, tam bối cửu phẩm, chỉ là chia thô, nên trong phẩm dưới đây, đã có vô số chủng loại”.

Phẩm dưới là Chánh Nhân Vãng Sanh. Những chân tướng sự thật này, chúng ta đều có thể tưởng tượng mà biết được. Vì sao vậy? Bất luận là chúng sanh trên trời hay nhân gian, chủng loại đều không giống nhau. Mỗi mỗi đều sai khác, muôn ngàn khác biệt, chỉ có một thứ thực sự tương đồng, đó là chứng đến Phật quả, rốt ráo thành Phật, vậy là hoàn toàn tương đồng. Đẳng Giác Bồ Tát cũng không thể hoàn toàn tương đồng, đó chính là phẩm cuối cùng sanh tướng vô minh chưa phá được, vẫn còn sai biệt. Cho nên Phật Phật đạo đồng, đạo đồng viên mãn là Diệu giác. Đại đồng tiểu dị là pháp thân Bồ Tát. Trong cõi Thật Báo đại đồng tiểu dị. Trong mười pháp giới thì muôn ngàn sai khác.

Cho nên “bỉ kinh”, tức nói Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, trong Quán Kinh nói hạ tam phẩm là người ác. Kinh này nói hạ bối là người thiện. Nên điều này cũng không có gì lấy làm lạ. Chỉ cần buông bỏ chấp trước, người thiện buông bỏ rồi cũng là địa vị này, người ác buông bỏ rồi vẫn là địa vị này. Địa vị bình đẳng, nhân địa khác nhau.

Như Hán Dịch, người hạ bối chắc chắn là người tu thiện. Lại nữa, Quán Kinh nói hạ phẩm vãng sanh, sinh tiền tuy là người ác, sau khi hoa khai lại là Đại Thừa. Hạ phẩm thượng sanh trải qua 49 ngày hoa sen mới nở, tức là hoa sen đã nở rồi, trải qua tiểu kiếp, đắc nhập sơ địa. Đây là Sơ địa của Biệt giáo.

Hạ phẩm trung sanh, trải qua sáu kiếp, hoa sen mới nở. Khác với trước đây, trước đây 49 ngày hoa nở. Hạ phẩm trung sanh cần sáu kiếp hoa mới nở. Nhưng hoa chưa nở, trong hoa sen cũng có Di Đà hóa Phật thuyết pháp cho họ. Đó là ở hạ tam bối.

Người trung bối vãng sanh cảm được Ứng thân Phật đến thuyết pháp cho họ. Thượng bối vãng sanh thì không cần phải nói rồi. Thượng bối là sanh về cõi Thật báo trang nghiêm, đó là báo thân Như Lai.

“Nghe giảng kinh điển Đại Thừa thâm sâu, lúc đó liền phát vô thượng đạo tâm”. Đây là phát tâm bồ đề.

“Hạ phẩm hạ sanh, mãi 12 đại kiếp hoa sen mới nở, nghe pháp hoan hỷ, lúc đó liền phát tâm bồ đề”. Bồ đề tâm vừa phát chính là Biệt giáo sơ địa, viên giáo sơ trụ. Vậy chúng ta ngày nay nghe được bộ kinh này, đều có thể hiểu được, hiện nay chúng ta thua kém là do không phát tâm bồ đề. Vì sao không phát tâm bồ đề? Tuy nghe kinh nhưng chưa khế nhập cảnh giới, tức là chưa thể hoàn toàn hiểu được một trăm phần trăm, chỉ có thể nghe được vài phần trăm. Nghe được một trăm phần trăm, không ai không phát tâm bồ đề, tâm bồ đề vừa phát, vượt qua mười pháp giới, chính là pháp thân Bồ Tát. Cho nên pháp môn này là Đại Thừa trong Phật Giáo.

Ngày xưa Chương Gia đại sư dạy tôi, dùng lời triết học mà nói “biết khó làm dễ”, buông bỏ là được!

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dưới cội cây bồ đề buông xuống rồi, thành Phật rồi. Huệ Năng đại sư nửa đêm canh ba trong phương trượng Ngũ tổ buông hết rồi, buông xuống liền thành Phật. Nếu như quý vị hỏi cảnh giới Huệ Năng đại sư chứng được có khác với cảnh giới của đức Phật Thích Ca Mâu Ni không? Thật tình mà nói, không sai biệt tí nào. Chỉ cần sáu căn đối với cảnh giới sáu trần không khởi tâm không động niệm, thực sự buông xuống, đó chính là cảnh giới Phật. Sanh Tịnh Độ chắc chắn sẽ sanh vào cõi Thật báo, họ không còn ở cõi Phương Tiện, không còn nơi cõi Đồng Cư.

Cho nên lời Thiện Đạo đại sư là thật, không phải là giả dối: “Tứ độ tam bối cứu phẩm luôn do gặp duyên khác nhau”, không thể nói nó một cách cứng nhắc, không thể nói chắc nó được, nó vô cùng hoạt bát. Mỗi người đều là bình đẳng. Vì sao vậy? Vì mỗi người đều có tự tánh. Hiền Thủ quốc sư nói: “tự tánh thanh tịnh viên minh thể”, là cùng chung, là một thể. Thể tánh của Chư Phật Như Lai là nó. Thể của loài bò bay máy cưa cũng là nó. Thể của tam đồ địa ngục cũng là nó. Cho đến cỏ cây hoa lá, sông núi đất đai khắp pháp giới hư không giới bản thể cũng là một. Vậy làm sao không thành Phật được? Chân tướng sự thật rõ ràng thông thấu rồi, tâm đó chính là tâm vô thượng bồ đề. Chúng ta nói mê thất chân tâm mê thất tự tánh, nghĩa là chúng ta đối với chân tướng sự thật vũ trụ bị mê rồi, không biết nữa. Rốt cuộc là chuyện gì vậy, hoàn toàn không biết, ngày ngày dò

đoán, do dự không nhất khoát. Vậy nên mới tạo thành vô lượng vô số hiện tượng sai biệt trong mười giới, sáu cõi. Quý vị muốn hỏi hiện tượng sai biệt nhiều ít? Thì quý vị nên hỏi vọng niệm quý vị nhiều ít. Nó hoàn toàn tương đồng với vọng niệm của quý vị. Vừa khởi một ý niệm liền có một thay đổi. Trong Hoàn Nguyên Quán nói: “xuất sanh vô tận”. Tức là nói sự việc này vậy.

Vì vậy “nghe pháp hoan hỷ, tức thời liền phát tâm Bồ đề”, câu nói này vô cùng quan trọng. Bồ đề tâm của chúng ta chưa phát ra, nghe pháp nghe không lọt. Nguyên nhân thực sự là đây vậy. Nghe không lọt phải làm sao? Nghe nhiều, đọc nhiều. Lời cổ nhân nói không phải là lời nói chơi, lời lẽ đều là lời nói thật. Nói với chúng ta: “đọc sách ngàn lần, nghĩa nó tự thấy”. Chúng ta số lần đọc sách của chúng ta chưa đủ. Không ngừng lặp lại đó là chân lý của việc học, nghe dạy cũng như vậy.

Đời Đường Đạo Tuyên luật sư, vị này chuyên học giới luật, Tổ sư đời thứ nhất của Luật Tông Trung Quốc. Ngài nghe Tứ Phần Luật nghe hai mươi lần. Phân lượng của Tứ Phần Luật rất lớn, sách đóng buộc chỉ chông lại cao như thế này, tôi có một bộ, hiện đang để ở Úc châu. Chúng tôi cũng in ra để phát hành. In ra đóng bìa cứng dày như vậy, bốn quyển, giảng một lần cũng không dễ. Chúng ta nghĩ đến, Ngài nghe hai mươi lần, tuyệt đối không phải cùng một nơi giảng, nơi nào có người giảng Tứ Phần Luật, Ngài liền đến nơi đó nghe, trước sau nghe đến hai mươi lần.

Tôi cũng từng nói với chư vị đồng học, Thầy Lý ở Đài Trung tổ chức hội thảo đại học và cao đẳng Phật học, bản thân Thầy biên tập một giáo trình Phật Học Thập Tứ Giảng, đó chính là Phật Học Khái Luận, hoàn toàn dùng biểu đồ minh họa. Tôi nghe 11 lần, mỗi khóa Ông giảng giáo trình này tôi đều nghe từ đầu đến cuối, chứng tỏ hội thảo đại học cao đẳng Phật học tôi tham gia đến 11 lần, lần thứ 12 tôi ra nước ngoài, rời Đài Loan rồi. Số lần nghe nhiều rồi thì quen thuộc. Tuy nói chưa được định, chưa khai ngộ, nhưng cổ nhân Trung Quốc nói: “thực năng sinh xảo”. Tôi dùng bộ đại cương của thầy giáo để giảng môn học đó, không thể giảng đến 100% như thầy giáo, tôi có thể nói tôi giảng đến 95%, thỉnh chúng đều thừa nhận, không quen thì làm sao mà được? Vì thế ngày nay người ta đi học phạm cái lỗi rất lớn, đó đều là nóng nảy hơi hợt. Nghe một lần, hai lần đã cảm thấy khá lắm rồi, nghe ba lần nói “cái này tôi nghe qua ba lần rồi”, quý vị so với cổ nhân thua xa lắm. Cổ nhân thì sao? Cổ nhân muốn nghe ba ngàn lần, quý vị ba lần đáng là gì? Quý vị làm sao mà sánh với người ta được? Ba ngàn lần thông thường mà nói, khai ngộ rồi. Không thể đại triệt đại ngộ, họ phải đến giai đoạn đại ngộ. Quý vị

nghĩ xem, ba ngàn lần tâm của họ đã định rồi, tức là nói họ đạt được tam muội rồi, đạt đến tam muội, nhất định có khai ngộ. Ngộ có đại ngộ, có triệt ngộ. Triệt ngộ là minh tâm kiến tánh. Đại ngộ là đối với giáo lý giáo nghĩa thông đạt rồi. Giáo lý không thể thông đạt, nhưng giáo nghĩa chắc chắn thông đạt rồi. Nghĩa là gì? Những sở học của quý vị về một tông một phái, các điều này đều thông hiểu rồi, quý vị đều không còn trở ngại. Cho nên thực sự bồ đề tâm chưa phát ra, chúng ta nên biết số lần học tập của chúng ta chưa đủ. Vì sao không phát tâm bồ đề? Vậy thì tiếp tục nỗ lực, vạn duyên nên buông hết, họ thực sự sẽ thành công.

“Thượng phẩm tu nhân đại thừa cho nên đắc quả Đại Thừa, trung phẩm tu nhân Tiểu thừa nên đắc quả Tiểu thừa”. Ở điểm này chúng ta nên lưu ý, nếu như trung phẩm tu nhân Đại Thừa, họ đắc được là quả Đại Thừa. Quả Tiểu thừa đắc được là A la hán; quả Đại Thừa đắc được là Thất tín vị Bồ Tát; trong thập tín vị Bồ Tát thất tín vị là quả Đại Thừa. Hạ phẩm hiện tại tuy không tu Đại Thừa thiện và Tiểu thừa thiện. Đó là gì? Là tu phàm phu thế gian thiện pháp cho đến gây tạo phàm phu ác nghiệp, người như vậy, nhưng lúc lâm chung họ gặp thiện tri thức thuyết diệu pháp Đại Thừa cho họ, vì nghe pháp Đại Thừa nên đắc quả Đại Thừa vậy. Đó là gặp duyên khác nhau! Nếu những người này lúc lâm chung gặp được thiện tri thức, người thiện tri thức này là Tiểu thừa, người Tiểu thừa, thuyết pháp Tiểu thừa cho họ, họ chính là nghe pháp Tiểu thừa, đắc quả Tiểu thừa. Quả Đại thừa là thập tín vị. Quả Tiểu thừa là tám thứ bậc từ Tu đà hoàn đến A la hán, tứ quả tứ hướng. Đó chính là tu nhân khác nhau, đắc quả liền có sai biệt. Đây là nói thông, chúng ta nhất định phải nhớ kỹ. Phạm là người sanh đến Thế giới Tây Phương Cực Lạc, đều được bổn nguyện oai thần của A Di Đà Phật gia trì, “đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát”, câu nói này quan trọng. Bởi vì ở nơi này tu nhân gì được quả gì đều không quan trọng, quan trọng là sự gia trì của Di Đà, cảnh giới A Duy Việt Trí, điều này quan trọng. Đây là hiển thị sự thù thắng vô song của Thế giới Cực Lạc.

Kinh A Di Đà, thiện nam tử, thiện nữ nhân chấp trì danh hiệu, được sanh về cõi Tịnh Độ. Người này lúc lâm chung, Phật A Di Đà và chư thánh chúng hiện trước mặt họ. Điều này phù hợp với cách nói của bổn kinh là tam bối lâm chung thấy Phật. Đây là điều nói trong kinh A Di Đà. Nói lên điều gì? Vãng sanh, bất luận là người nào tu nhân gì? Lâm chung vãng sanh nhất định Phật đến tiếp dẫn. Lâm chung vãng sanh là cảm, Phật A Di Đà tiếp dẫn là ứng, cảm ứng đạo giao, sẽ không có chút sai sót nào. Câu này trong bổn kinh này nói rất tường tận. Phật A Di Đà có và hóa Phật, đó là công phu của quý vị sâu cạn mà cảm ứng khác nhau.

Thượng phẩm thượng sanh có vô số hóa Phật, hóa Phật này từ đâu mà đến? Trong kinh không nói rõ, nhưng Phật có nguyện này, Phật có năng lực hóa vô lượng hóa Phật, có năng lực như vậy. Trong trí tưởng tượng của chúng ta, những hóa Phật này có khả năng là hóa thân của mười phương chư Phật. Mười phương chư Phật vì sao đến? Vì có duyên với họ. Trong đời quá khứ từng sống ở thế giới của họ, từng tu hành ở thế giới của họ, hiện tại lúc này thành Phật rồi, đến Thế giới Cực Lạc, họ biết được, họ cũng hoan hỉ, hoan nghênh quý vị tu hành thành tựu rồi, công đức viên mãn rồi, ngày nay sanh đến Thế giới Cực Lạc, họ đến chúc mừng, chư Phật đến chúc mừng, cùng Phật A Di Đà đến, biểu pháp rồi, xưng tán Phật A Di Đà, để cho mọi người biết được Phật A Di Đà là “quang trung cực tôn, Phật trung chi vương”, đối với Phật A Di Đà vô cùng tôn trọng, có ý nghĩa như vậy. Tất cả những hiện tượng, đều là củng cố lòng tin của chúng ta, làm tăng trưởng nguyện lực của chúng ta. Nếu như không phải như vậy, những vị hóa Phật đến nghênh đón không có ý nghĩa gì nữa. Kinh Hoa Nghiêm đối với biểu pháp này giảng rất tường tận. Cho nên chúng ta nhìn thấy cảnh giới này, nghe thấy âm thanh này, đều biết được trong đó có ý nghĩa biểu pháp rất sâu sắc, chúng ta có thể đạt được lợi ích.

Ngoài ra giống như Xung Dương Chư Phật Công Đức Kinh nói: nếu có người được nghe tên Vô Lượng Thọ Như Lai, mạng sắp lâm chung, nhất tâm tín nhạo, niệm không quên mất, Phật A Di Đà đem chư chúng tăng đến trước mặt người đó, ma quỷ đều không phá hoại được tâm đẳng chánh giác của họ.

Câu này có thể dùng để chứng minh lâm chung Phật đến tiếp dẫn. Vậy trong kinh này chúng ta học từ đầu đến đây, biết được nơi nào có Phật nơi đó có ma, khác nhau giữa Phật và ma là: Phật là chánh niệm, chư vị nên nhớ kỹ, chánh niệm, vô niệm. Ma có niệm, ma có tà niệm, Phật chuộng chánh pháp, ma chuộng tà pháp. Trong đó có sai khác về tà chánh, sai khác về tà chánh chỉ trong một niệm, bản thân chúng ta thường chẳng biết một tí gì, chỉ trong một niệm. Vậy là Phật hay là ma thực sự then chốt do nơi tập khí. Nói cách khác tập khí nắm giữ vận mệnh chúng ta. Chúng ta làm thế nào để đối trị ma cảnh đến quấy nhiễu? Ma cảnh có hữu hình, có vô hình, xưa nay chưa từng rời xa chúng ta. Phật không rời bỏ chúng ta, ma cũng không rời xa chúng ta.

Trên thực tế, ma và Phật là một không phải hai. Trong giáo lý Đại Thừa thường nói: một niệm giác là Phật cảnh, một niệm mê n là ma cảnh. Mê ngộ không đồng, duy trì giác tánh nghĩa là Phật tánh. Phương pháp tốt nhất chính là nghe giảng, tụng kinh. Khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, suốt 49 năm giảng kinh

dạy học, đó là cảnh giới Phật, ngày ngày nghe, ma đều trở thành Phật. Nếu như chúng ta một ngày không nghe kinh, một ngày sẽ khó giữ. Người nội công sâu dày có thể giữ được một hai ngày. Thời gian lâu dài cũng không giữ được. Tập khí vô minh nó liền khởi tác dụng.

Kinh nghiệm một đời của bản thân tôi chính là cái gì cũng có thể rời bỏ, không thể rời bỏ quyển kinh. Thời gian đọc kinh càng lâu, thời gian tiếp cận với Phật càng nhiều. Tiếp cận với Phật chính là xa rời ma quỷ ngoại đạo, ma vương ngoại đạo quý vị sẽ xa rời được. Nếu như không đọc kinh, ma phiền não chắc chắn sẽ đến. Đặc biệt trong xã hội hiện tại của chúng ta, hoàn cảnh nhiễu loạn chúng ta, toàn là tà tri tà kiến, toàn là trái với nhân tính đạo đức lương tâm, nó đều trái với những thứ này. Cho nên kinh không thể một ngày không giảng, không thể một ngày không đọc.

Lúc tôi còn trẻ, ngày ngày đều đi ra ngoài giảng kinh, những vị đại đức lớp trước tôi, những hòa thượng xuất gia lớp lớn hơn, họ nói đến tôi: Tịnh Không pháp sư thích giảng kinh. Họ nói tôi thích giảng kinh. Tôi nghe xong, tôi không phải thích giảng kinh, tôi dùng phương pháp này để đối phó tập khí phiền não. Đó là thật, không phải là thích. Bởi vì tôi cảm giác phương pháp này đối trị tập khí phiền não, đối với tôi mà nói rất hiệu nghiệm. Tôi niệm Phật, sẽ bị vọng tưởng, ngồi thiền cũng có vọng tưởng. Chỉ có đọc sách chuẩn bị giảng kinh thì không có vọng tưởng, phải chuyên chú, trong kinh điển còn có từ mới phải tra từ điển, còn có một số danh tướng, thuật ngữ phải tra tư liệu. Như vậy thì sẽ không có tạp niệm xen vào. Tôi dùng phương pháp này, căn tánh mỗi người mỗi khác, phương pháp này đối với tôi rất hữu hiệu. Cho nên tôi dùng sáu mươi năm rồi, đến ngày nay vẫn còn hữu hiệu. Phương pháp hữu hiệu tiếp tục dùng tiếp, tốt thôi! Sẽ không sao cả. sửa đổi phương pháp có lúc sẽ phiền phức. phương pháp này thầy giáo dạy tôi, có truyền thừa.

Trong Xung Dương Chư Phật Công Đức Kinh nói: văn danh, nghe đến danh hiệu Phật A Di Đà. Sau văn danh nhất định tiếp theo tư và tu. Tư nghĩa là gì? hiểu rõ. Đối với Phật A Di Đà có nhận thức, có chánh tri chánh kiến. Đương nhiên quý vị tiếp theo sẽ có tu. Tu là gì? sửa đổi quan niệm, hành vi sai lầm. Nhất tâm niệm Phật, điều này là chắc chắn. Lúc sắp mạng chung, một lòng tin thích, đặc biệt vào thời khắc then chốt, lúc đó một lòng niệm Phật. Niệm không buông bỏ.

Niệm Phật là chánh niệm, không thể quên mất, không thể buông bỏ. “Khiến cho họ được thấy”, quý vị mới có thể thấy Phật. “Niệm bất vong xả”, như ngày nay chúng ta thường nói “niệm Phật không gián đoạn”, có nghĩa là niệm niệm tương

tục. Phật A Di Đà đem chư chúng Tăng, tức là dẫn dắt đại chúng đến đón tiếp quý vị.

“Trú kỳ nhân tiên”, chúng ta biết được người lúc lâm chung, oán thân trái chủ, đều ngay lúc này đến đòi nợ. Quý vị đã giết họ thì đòi mạng, quý vị thiếu nợ, thì đến đòi tiền tài, đây chính là ma được tiện lợi, ngay lúc này họ đều đến. Trong Kinh Địa Tạng nói với chúng ta, người lúc lâm chung, người chết này nói với những gia thân quyến thuộc bên cạnh rằng, tôi nhìn thấy người nào đó đến, họ đứng ngay cửa, những lời họ nói đều là những bạn bè thân hữu họ quen biết, thân bằng quyến thuộc đã chết, người chết trước, đều nhìn thấy rồi. Có phải thật hay không? Không phải là thật. Địa Tạng Bồ Tát nói với chúng ta, đó là oán thân trái chủ của họ, biến hóa thành thân bằng quyến thuộc của họ đến dụ dỗ họ, dẫn họ đi. Không phải là thật, dẫn họ đi rồi, tính sổ với họ, đến đòi mạng, đến đòi nợ. Phật ở trong kinh nếu không nói với chúng ta như vậy, chúng ta làm sao mà biết được? Nhưng những sự việc này chúng ta thấy rất nhiều, là thật vậy. Người chết ngay lúc này, có lẽ trước khi lâm chung hai ba ngày, cảnh giới này xuất hiện, nhiều nhất là hai ngày họ sẽ đi. Trong Kinh Địa Tạng nói rất rõ. Đó chính là ma, họ đang đợi quý vị. Nếu như là người niệm Phật, lúc lâm chung Phật quang soi chiếu, ma này liền không còn nữa, đều rời xa. Ma có biết hay không? Biết được. Họ nhìn thấy Phật đến tiếp dẫn quý vị, những oán thân trái chủ này không những không gây phiền phức, mà họ không gây phiền phức được, họ cũng hoan hỉ tán thán. Họ cũng hi vọng quý vị sau khi thành Phật có thể độ họ. Điều này muốn chứng minh chỉ cần người vãng sanh Phật nhất định đến tiếp dẫn họ.

Lại nữa Cổ Âm Vương Kinh nói: nhược hữu tứ chúng, năng chánh thọ trì, bỉ Phật danh hiệu, lâm mạng chung thời, A Di Đà Phật tức dữ đại chúng, trú thử nhân sở, lệnh kỳ đắc kiến. Đây đều là chứng minh. Tứ chúng? xuất gia nam chúng nữ chúng, tại gia nam chúng nữ chúng, đây gọi là tứ chúng. Tứ chúng đệ tử niệm Phật. câu tiếp theo quan trọng, “năng chánh thọ trì”, chú trọng nơi chữ “chánh”. Chánh là gì? chánh là chánh tâm chánh niệm. Có thể tiếp nhận lời dạy trong kinh điển, chấp trì danh hiệu, lúc lâm chung, Phật A Di Đà cùng với đại chúng, đến nơi người này, khiến cho họ thấy, được nhìn thấy Phật, vậy là chắc chắn vãng sanh. Đoan tướng vãng sanh thực sự là như vậy.

Lại nữa Kinh Hoa Nghiêm nói: Như Lai có mười loại Phật sự.

Một là, nếu có chúng sanh chuyên tâm nhớ niệm, liền hiện trước họ.

Đây đều là chứng minh tốt cho bản kinh này, chứng minh cho chúng ta người niệm Phật vãng sanh, Phật A Di Đà nhất định đến đón tiếp, không thể nói Phật

không đến đón tiếp. Điều này chúng ta có thể tin tưởng được, không có chút hoài nghi nào, niệm của chúng ta mới gọi là chánh niệm. Chánh niệm có cảm, Phật liền có ứng, cảm ứng đạo giao, không sai mảy may.

Người niệm Phật lúc lâm chung, Phật không đến đón chắc chắn không được vãng sanh. Gia thân quyến thuộc đến dụ dỗ quý vị, đó là oan thân trái chủ, còn nữa nếu như là ma vương ngoại đạo, họ sẽ biến hiện Phật Bồ Tát hình tướng đến tiếp dẫn quý vị, họ không phải là Phật A Di Đà. Lúc lâm chung nhìn thấy Phật Thích Ca Mâu Ni, Dược Sư Như Lai, thật có như vậy. Có phải Ngài đến tiếp dẫn quý vị hay không? Chắc chắn không phải. Lúc bình thường quý vị không niệm Ngài, Ngài làm sao mà đến? Nhìn thấy Phật không phải Phật A Di Đà, liền biết là giả, là ma đến dẫn dắt quý vị. Điều này nhất định phải biết, còn nữa, lúc lâm chung người trợ niệm muốn giúp đỡ họ, nếu họ nhìn thấy, họ nói: tôi nhìn thấy Phật Thích Ca Mâu Ni đến rồi, lập tức phải biết chắc chắn không thể đi với họ, nên nhắc nhở họ. Nhất định phải đi với A Di Đà Phật, lời này quan trọng nhất. Nếu như không nhắc nhở họ, họ liền theo người kia đi, vậy là mắc lừa lớn rồi.

Chúng ta xem tiếp đoạn dưới.

“Như Lai là bôn vô khứ lai, tại sao nay lại nói Phật hiện kỳ tiền?”. Điều này từ trên lý mà nói, cũng là nghĩa chính của hai chữ “Như Lai” này, Như Lai nghĩa là gì? Là bôn vô khứ lai, đó gọi là Như Lai. Vậy vì sao nay lại nói Phật hiện trước họ? Phật thực sự đến rồi, vốn không đến đi, thật đến rồi. Vốn không đến đi, không trở ngại hiện tiền. Vì sao vậy? Trong Kinh Lăng Nghiêm đức Phật dạy rằng: hiện tượng cảm ứng, đều là “đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận”, quý vị tâm tưởng, đó là cảm, Chư Phật Như Lai có ứng, cảm của chúng ta có hữu tâm, có vô tâm; ứng của Phật Bồ Tát hoàn toàn là vô tâm. Cảm ứng đạo giao, đều là duyên sâu. Quý vị có nhân duyên sâu dày với họ, không chỉ một đời một kiếp, mà là nhân duyên nhiều đời, sâu đến cực điểm là nhân duyên nhiều kiếp, đó là duyên sâu dày. Cho nên hiện tiền, tương lai nhất định gặp Phật.

Dưới đây Niệm Lão nêu ví dụ cho chúng ta. Ba vị đại sư Liên Trì, U Khê, Ngẫu Ích, hiểu sâu nghĩa này. Ba vị này tuyệt đối không phải là phàm phu, là Phật Bồ Tát táilại, chú giải Kinh Di Đà, chú rất hay! Không phải là từ Thế Giới Tây Phương Cực Lạc đến, làm sao có thể nói rõ ràng như vậy? Nói cách khác, ba vị này nếu như không phải là Phật A Di Đà trở lại, nhất định cũng là Quán Âm, Thế Chí. Sớ Sao của Liên Trì Đại sư, Viên Trung Sao của U Khê đại sư, Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư, đây là quyển chú giải nhỏ mà người tu Tịnh Độ phải đọc, chú giải Kinh A Di Đà. Họ hiểu được đạo lý này, “ngữ giai tinh diệu, khế Phật

bổn hoài, cung lục ư thứ”, ba quyển chú giải đó liên quan đến đoạn này, có liên quan đến đoạn văn này chép ra phía dưới. Quý vị xem ba loại chú giải này, chú giải của Tổ sư, ở đây chúng ta đều đọc được.

Sớ Sao của Ngài Liên Trì nói: xưa nói Phật vô khứ lai, vì sao có Phật hiện ở trước họ?. Nêu ra câu hỏi như vậy, nghi vấn.

Dưới đây đại sư giải đáp cho chúng ta. Cảm ứng đạo giao, không trở ngại không đến mà đến, không thấy mà thấy, có cảm thì ứng, lúc cảm ứng Phật A Di Đà có phải thật sự đến không? Phàm phu chúng ta thấy thì thật đến, trên thực tế là không đến mà đến. Vì sao vậy? Vì đương xứ xuất sanh. Trong tự tánh tâm thanh tịnh không có khoảng cách, tức là không có không gian. Không có không gian tức là không có khoảng cách. Ngài hiện tướng liền hiện ngay trước mắt, tướng không còn nữa cũng ngay trước mắt. Gọi là “đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận”, đức Phật đã nói trong Kinh Lăng Nghiêm. Cho nên chính xác là không đến mà đến, không thấy mà thấy. Phàm phu có tâm, Phật Bồ Tát không có tâm. Phật Bồ Tát không có khởi tâm động niệm, không có phân biệt chấp trước. Vì sao vậy? Chúng ta khởi tâm động niệm, ngài có phản ứng.

Hiện nay tiến sĩ Giang Bồn người Nhật dùng nước làm thí nghiệm, chúng ta nhìn thấy rồi, trong thí nghiệm chứng minh nước có thể nhìn, có thể nghe, có thể hiểu được ý nghĩ con người. Chúng ta cho nó nhìn, để cho nó nghe âm nhạc, đem ý niệm truyền cho nó, nó có phản ứng. Chúng ta có tâm, nước có khởi tâm động niệm hay không? Không có, nước không khởi tâm động niệm, nó vì sao có phản ứng? Đây phải chăng đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận? Phải chăng không đến mà đến, không thấy mà thấy? Không sai tí nào. Chúng ta nhìn thấy phản ứng của nó, hiện tượng này thay đổi trong từng sát na, sát na không dừng. Tướng, hiện tượng mà chúng ta nhìn thấy được đều là tướng tương tự tương tục sát na không ngừng. Tướng đó là tướng của một niệm, nhanh quá. con mắt chúng ta ứng phó không nổi với nó, không nhìn thấy, nó đã xuất sanh rồi, đã diệt tận rồi, ngay ở trước mắt chúng ta, trước mắt nhưng không nhìn thấy. Không nhìn thấy này là do nghiệp chướng! Người không có nghiệp chướng nhìn thấy được.

Trong kinh đức Phật dạy rằng, Bát địa Bồ Tát nhìn thấy A lại ya. Nhìn thấy A lại ya chính là nhìn thấy cảnh giới một niệm xuất sanh. Một niệm đó có sanh trụ dị diệt, Bát địa Bồ Tát có thể nhìn thấy được. Chúng ta ngay cả một niệm cũng không thể phát giác được, công lực không giống nhau. Đây là nói muôn ngàn sai biệt.

Sớ Sao: “nên Vĩnh Minh nói”, trích dẫn lời của Lục Tổ Tịnh Tông - Vĩnh Minh đại sư “như huyễn không phải thật, tức tâm Phật cả hai đều quên”, biết được hiện tượng “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, trong tâm quý vị không khởi tâm, không động niệm. Tâm Phật đều quên, đây là chân tâm. “Bất vô huyễn tướng”, có cảm ngài có ứng, “tác bất hoại tâm Phật”, tâm Phật lưỡng vong, bất hoại tâm Phật. “Lưỡng vong” là không chấp trước, không khởi tâm, không động niệm, tướng có hay không? Có. Trong tâm có hiện có diệt. Phật tướng hiện tiền, Phật tướng diệt rồi, không còn nữa. Bình thường nhìn thấy hiện tượng này như vậy, lâm chung nhìn thấy hiện tượng này cũng như vậy, tâm thái của chúng ta không bị ngoại cảnh xoay chuyển, mà như thế nào? Tăng cường chánh tín, chánh niệm của chúng ta, vậy là đúng rồi.

Cho nên trong giáo lý Đại Thừa đức Phật dạy, hiện tướng hiện tiền không thể chấp trước, không thể phân biệt, không thể yêu thích, yêu thích là động rồi, trong tâm liền sanh ngạo mạn: Quý vị xem công phu của tôi khá lắm, tôi nhìn thấy Phật, quý vị còn chưa nhìn thấy được. Tâm ngạo mạn liền sanh khởi. Nên như thế nào? Dùng tâm bình thường đối đãi. Bình là bình đẳng, thường là bất biến. Tâm bình thường là dùng chân tâm đối đãi, không bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển, điều này quan trọng, hiểu rõ đạo lý này rồi, chúng ta lập tức đem nó dùng vào trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta.

Trong cuộc sống hằng ngày tất cả hiện tượng được nhìn thấy, mắt nhìn thấy, tai nghe được, mũi ngửi được, thân thể tiếp xúc được, cũng là như huyễn không thật, cũng là huyễn tướng, cùng một đạo lý. Chúng ta cũng nên dùng tâm bình thường để tiếp đãi. Vậy là quý vị đã sống cuộc sống của Phật Bồ Tát. Quý vị không sống cuộc sống của nhân gian, mà sống cuộc sống của Phật Bồ Tát. Thanh tịnh tự tại, một mảy trần không nhiễm. Thanh tịnh bình đẳng giác của quý vị hiện tiền. Thanh tịnh bình đẳng giác chính là Phật A Di Đà. Nói cách khác, quý vị đã khế nhập cảnh giới của Phật A Di Đà.

Lại nói: pháp thân chân Phật vốn vô sanh diệt, từ chân khởi hóa, từ chân Phật hóa hiện ra hóa Phật, tiếp dẫn mê căn. Mê căn là phàm phu. Tiếp dẫn phàm phu, giáo hóa phàm phu.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni 3000 năm trước xuất sanh tại Ấn Độ, thị hiện trú thế 80 năm, 30 tuổi thành đạo, khai ngộ, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, giảng kinh dạy học, hóa độ chúng sanh suốt 49 năm. Quý vị nói xem Ngài là chân Phật hay là hóa Phật? Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, phạm vi Ngài giáo hóa chúng sanh là thế giới Ta bà, không phải là trái đất này. Thế giới Ta bà là một đại thiên thế

giới. Đại thiên thế giới này bao lớn? Hoàng Niệm Lão nói với tôi, trong kinh Phật nói một đơn vị thế giới là một núi Tu di, tứ đại bộ châu, vô lượng tinh cầu quay quanh, mặt trăng mặt trời quay quanh sườn núi Tu di, trong kinh nói vậy, chúng ta đều đã từng đọc qua.

Trước đây rất nhiều người chúng ta, rất nhiều pháp sư, tôi cũng không ngoại lệ, đều coi núi Tu di là Thái dương hệ, đơn vị thế giới là một thái dương hệ. Niệm Lão nói với tôi, không phải thái dương hệ. Mặt trời quay quanh mé ngân hà, quỹ đạo này đang vận hành. Trung tâm của ngân hà có lẽ chính là núi Tu di trong kinh Phật nói, nói như vậy rất có lý. Nói cách khác, một hệ ngân hà là một đơn vị thế giới. Một ngàn đơn vị thế giới gọi là tiểu thiên thế giới, lại dùng tiểu thiên làm đơn vị, một ngàn tiểu thiên thế giới tức thành một trung thiên thế giới, lấy trung thiên thế giới làm đơn vị, một ngàn trung thiên thế giới lại tổ thành một đại thiên thế giới. Một đại thiên thế giới là do đơn vị tiểu thiên trung thiên tổ thành, cho nên gọi là tam thiên đại thiên thế giới. Tam thiên đại thiên thế giới kỳ thật là một, một tam thiên đại thiên thế giới, không phải là ba ngàn cái, là một cái, là một khu vực giáo hóa của một Đức Phật, lớn quá! Khu vực giáo hóa này hiện tại nhà thiên văn học đã tính toán ra được. Vậy bao nhiêu hệ ngân hà? Mười ức hệ ngân hà, mười ức (một tỷ), đó là khu vực giáo hóa của đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đến trái đất này giáo hóa người trên địa cầu, đương nhiên là hóa thân, không phải là chân thân của Ngài. Chân thân sẽ không đến nơi này, là hóa thân. Nhiều tinh cầu như vậy, hiện nay có người biết được, theo kinh Phật mà nói, chỉ cần là tinh cầu liền có chúng sanh cư trú ở nơi đó. Vì sao vậy? Vì tinh cầu là y báo. Chúng sanh cư trú tại nơi đó là chánh báo. Y báo tùy theo chánh báo mà chuyển. Chánh báo không có y báo cũng sẽ không tồn tại. Hiện tại nhà vật lý học đều phát hiện rồi. Vật chất là gì? Vật chất là thứ do ý niệm hình thành. Cơ sở của vật chất là ý niệm. Không có ý niệm, thì vật chất từ đâu mà có! Cho nên nói trước có ý niệm sau mới có vật chất, cũng chính là trước có tinh thần mà sau có vật chất. Điều này giống với trong kinh Phật nói.

Nói cách khác, bất cứ trên tinh cầu nào cũng đều có chúng sanh đang cư trú ở đó. Mà tập khí phiền não của chúng ta mỗi mỗi sai khác, có chúng sanh trên tinh cầu chúng ta có thể nhìn thấy, có một số chúng ta nhìn không thấy. Dùng cách nói hiện nay của nhà khoa học, không gian duy thức không giống nhau. Nếu như hữu tình chúng sanh của họ và không gian duy thức chúng ta khác nhau, chúng ta sẽ nhìn không thấy họ. Duy thức của họ cao hơn chúng ta, họ nhìn thấy chúng ta; duy thức của họ nếu thấp hơn chúng ta họ nhìn không thấy chúng ta. Hơn nữa không

gian duy thứ cũng không phải là thật. Từ đâu mà có? Từ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mà có. Rồi phân biệt chấp trước thì duy thứ này không thấy nữa, cho nên nó không phải là thật.

Chúng ta nếu như tâm thanh tịnh, định được rồi, thì có thể đột phá không gian duy thứ, có thể nhìn thấy 28 tầng trời, có thể nhìn thấy địa phủ bên dưới, tâm thanh tịnh có thể nhìn thấy. Chúng ta không nhìn thấy chứng tỏ tâm không thanh tịnh. Tâm thực sự thanh tịnh thì sẽ nhìn thấy. Cho nên chân tướng sáu nẻo luân hồi là sự thật, không phải mê tín. Ai có thể nhìn thấy? Tu Đà Hoàn có thể nhìn thấy. Trong Đại Thừa nói, Thập Tín Bồ Tát, Sơ tín vị họ có thể nhìn thấy. Sơ tín Bồ Tát đến Lục tín Bồ Tát đều chưa rời bỏ sáu đường. Đối với sự việc trong sáu đường rất rõ ràng minh bạch, nó không phải là giả.

Ngày nay chúng ta có duyên gặp được bộ đại kinh này, bộ đại kinh này là bộ kinh thứ nhất mười phương ba đời tất cả chư Phật độ chúng sanh thành Phật đạo, điều này khó được lắm! Đạt được bộ kinh này tức là đạt được tất cả các kinh mười phương ba đời tất cả chư Phật nói. Quý vị hoàn toàn được rồi. Nương theo bộ kinh này tu học, niệm Phật sanh về Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, pháp của tất cả chư Phật quý vị đều đạt được viên mãn. Có pháp gì nhanh hơn pháp này nữa! Có pháp gì chân thật hơn pháp này nữa! Gặp được không chịu tu, không chịu buông xuống, vậy là quý vị thực sự sai rồi. Hóa ra buông xuống chính là đạt được. Không chịu buông xuống cuối cùng là không đạt được gì cả, quý vị thật sự hỏng rồi. Buông xuống chính là đạt được thực sự. Thứ đạt được là tánh đức viên mãn.

Dưới đây vẫn là lời Vĩnh Minh đại sư nói.

Lại nói: “pháp thân chân Phật, bản vô sanh diệt, từ chân khởi hóa, tiếp dẫn mê căn.” Nói rõ mười phương thế giới sáu nẻo chúng sanh, bất luận là hiện tiền hay là lúc vãng sanh, quý vị thấy được toàn là hóa Phật. Hóa Phật và chân Phật không có sai khác. Không nên có phân biệt, không nên có chấp trước.

“Cho đến Như Lai bản nguyện công đức, khiến cho chúng sanh hữu duyên kia, chuyên tâm tưởng niệm, có thể ngay nơi tự tâm thấy Phật đến đón. Không phải là chư Phật, sai khiến hóa thân mà đến nghênh tiếp. Tức Phật thân trạm nhiên thường tịch, chúng sanh thấy có đến đi. Như hình trong gương, chẳng phải trong chẳng phải ngoài. Như việc trong mộng, không phải có cũng không phải không”.

Lời này Vĩnh Minh Đại sư nói rất hay! Sự việc này, Đại Thế Chí Bồ Tát nói: nhớ Phật niệm Phật, hiện tại tương lai nhất định gặp Phật. Phật được nhìn thấy là bản nguyện công đức. Bởi vì 48 nguyện Phật đã nói rồi, nhất định phải để chúng sanh

hữu duyên nhìn thấy Di Đà. Thành tựu tín tâm của người niệm Phật này, tăng trưởng nguyện lực vãng sanh của họ. Cho nên đây là bốn nguyện công đức của Phật. Làm cho những chúng sanh hữu duyên này thực sự khởi tín tâm, thực sự nhìn thấy. Tôi nhìn thấy một lần rồi. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Phật A Di Đà, Phật Tỳ Lô Giá Na, đức Phật này lớn bao nhiêu? Lớn như bầu trời vậy, toàn bộ bầu trời hiện thành một bức tượng. Thấy ở trong mơ, giấc mơ đó dường như mơ mà chẳng phải mơ, lại không giống đang mơ, khác với cảnh giới nằm mơ bình thường. Trong cảnh giới này màu sắc rõ ràng, thực sự giống như nhìn thấy thật vậy. Phía dưới là núi sông đất đai, núi non trùng trùng, lúc Phật hiện tiền khắp cả hư không. Đó là cảm ứng! Khiến cho chúng tôi về sau đọc đến bộ kinh này, đọc đến những sự việc này, có ấn tượng, có ấn tượng rất sâu sắc, bản thân tôi đã từng trải qua. Tôi tin rằng có người cũng từng trải qua như tôi vậy. Thế là quyết một lòng chuyên tâm tưởng niệm, tưởng là ghi nhớ. Đó chính là nhớ Phật niệm Phật, chuyên tâm, buông xả tất cả. Giống như Liên Trì đại sư cuối đời, những lời này ghi lại trong Trúc Song Tỳ Bút, ngài nói: “Tam Tạng 12 bộ kinh để cho người khác ngộ”, ngài không đọc nữa, ngài hiểu rõ rồi, không cần lãng phí thời gian nữa. “Tám vạn bốn ngàn pháp môn, để cho người khác hành”, quý vị ai muốn thực hành thì thực hành. Bản thân thì sao? Một bộ Di Đà Kinh, một câu Phật hiệu niệm đến cùng, không cần gì nữa.

Lúc đó vì sao những vị cao tăng như Liên Trì, U Khê, Ngẫu Ích chư đại sư, vì sao họ không chọn Kinh Vô Lượng Thọ, ngài chọn Kinh A Di Đà? Mai Quang Hi lão cư sĩ có nói, bởi vì Kinh Vô Lượng Thọ không có bản hoàn thiện. Năm bản dịch gốc, thêm ba bản là tiết hiệu bản, tổng cộng là tám bản. Quý vị theo bản nào? Y theo bản này vẫn còn sót rất nhiều điều có trong bản khác, không viên mãn. Y theo tất cả thì nhiều quá, khó quá, không tiện tu tập. Cho nên cô đức đều dùng nó như là tư liệu tham khảo. Quý vị xem Liên Trì đại sư biên tập Sớ Sao, những quyển này đều dùng nó, đều dùng làm tư liệu tham khảo. Những trích dẫn trong Viên Trung Sao, Yếu Giải đều có những tư liệu này, cho đến bản hội tập này của Liên lão cư sĩ mới coi như là Kinh Vô Lượng Thọ có bản chuẩn, có được bản hoàn thiện, điều này thật quý hóa. Thế hệ chúng ta có duyên gặp được, gặp được rồi, mà còn gặp được chân truyền, điều này thật khó được. Trực tiếp truyền thừa có Hoàng Niệm Tổ Lão cư sĩ, có Lý Bính Nam lão cư sĩ, trực tiếp truyền thừa. Chúng ta may mắn đều gặp được hai vị này, nhân duyên này vô cùng hiếm có. Cho nên đối với sự việc trong đoạn kinh này, chư vị Tổ sư nói những điều này, chúng ta hiểu rồi, chúng ta đã rõ ràng rồi, chúng ta nên tiến thêm một bước

nữa, đem những lý này hoàn toàn dùng vào trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta, thật là lợi ích.

“Tắc Phật thân trạm nhiên thường tịch”. Mỗi chúng sanh chúng ta đều có pháp thân, kinh giáo Đại Thừa chúng ta đọc rất nhiều, đức Thế Tôn thường nói “tất cả chúng sanh vốn là Phật”, chúng ta có Phật thân hay không? Có. Có pháp thân hay không? Có. Có ở đâu? Cùng với thân hiện tại của chúng ta hợp làm một. Thân này có sanh có diệt, pháp thân không có sanh diệt. Không có sanh diệt là chân ngã, có sanh diệt là giả ngã. Chân ngã vĩnh hằng bất biến, điều này không thể không biết. Chân thân của chúng ta cũng là trạm nhiên thường tịch, lúc mê, chúng sanh chính là mê, lúc mê thấy có đến đi, có đến có đi, như hình trong gương, không rời cảnh vật này, chẳng phải trong chẳng phải ngoài, như việc trong mộng, chẳng phải có chẳng phải không. Việc trong mộng, quý vị không thể nói nó có, quý vị cũng không thể nói nó không có. Cảnh giới trước mắt chúng ta, cũng một lý như vậy, không thể nói nó có, không thể nói nó không có. Quý vị nhìn thấy thật tướng các pháp, quý vị nhìn thấy chân tướng, tướng có tánh không, sự có lý không, chỉ cần có khởi tâm động niệm, liền có nhân có quả. Không khởi tâm, không động niệm, nhân quả liền không có nữa. Cho nên nhân quả sự tướng này, nguyên khởi đầu tiên nhất cùng với vũ trụ, cùng với sanh mạng của chúng ta đồng thời xảy ra. Một niệm bất giác, không có nhân, đó là sự thật, không phải giả. Nhưng từ đó trở về sau liền có nhân quả, một niệm bất giác là nhân, năng sanh vạn pháp là quả, nó liền bắt đầu rồi. Một niệm bất giác là hiện tượng tự nhiên, sau đó đều là hiện tượng tinh thần và hiện tượng vật chất.

Lại nữa trong kinh nói: “ung dĩ Phật thân đắc độ giả, tức hiện Phật thân nhi vi thuyết pháp, diệc thử ý dã.” Đây là điều trong Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn Phẩm nói, Bồ Tát 32 ứng thân trong Kinh Pháp Hoa, cần dùng thân gì, Ngài liền hiện thân đó. Ở đây cần ứng thân gì là do ứng tâm chúng sanh, không phải là tâm Phật, Phật không có tâm, Phật không khởi tâm động niệm. Đạo lý này nhất định phải hiểu. Phật nếu như khởi tâm động niệm, thì Ngài là phàm phu, giống chúng ta vậy. Phật Bồ Tát và chúng ta không giống nhau. Ngài vĩnh viễn không khởi tâm không động niệm. Thị hiện của Ngài hoàn toàn là “tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng”, tùy tâm chúng sanh nghĩ như thế nào, ngài liền biến như thế ấy, tuyệt đối không có khởi tâm động niệm, không có phân biệt chấp trước. Pháp thân Bồ Tát chính là cảnh giới này, pháp thân trở xuống có khởi tâm động niệm, trong Thế Giới Tây Phương Cực Lạc này, cõi Phương Tiện hữu dư, cõi Phàm Thánh Đồng Cư có khởi tâm động niệm. Cõi Thật báo tuyệt đối không có. Chúng

ta không thể nghĩ sai. Cõi Thật báo dùng chân tâm, cõi Phương tiện và cõi Đồng cư đều dùng A lại ya, chưa chuyển trở lại. Nhưng họ ngày ngày nghe kinh, ngày ngày nghe pháp, vĩnh viễn không bị gián đoạn, tuy dùng là vọng tâm nhưng gần giống với chân tâm. Hoàn toàn đã được dạy tốt rồi, con người được dạy tốt. Trở về cõi Thật báo, vậy thì dùng là bản tánh. Đó chính là bản tánh bản thiện, họ không phải tu mà được. Cõi Đồng cư, cõi Phương Tiện là tu thành, là giáo hóa thành tốt. Cõi Thật báo không cần giáo hóa, họ vốn là như thế, họ tự nhiên như vậy, trở về tự tánh. Mục tiêu cuối cùng của việc học Phật là trở về tự tánh.

“Cho nên nước trong thì trắng tự đến, tâm tịnh tức Phật tự hiện, cho nên cảm ứng đạo giao khó nghĩ bàn.” Điều này không thể tưởng tượng được. Vì sao vậy? Vì tưởng, quý vị liền khởi tâm động niệm, sai rồi. Nói năng, cũng phải khởi tâm động niệm, không khởi tâm, không động niệm, thì sẽ không nói. Cho nên tư tưởng, nói năng, đều không thể đạt đến cảnh giới này. Trong cảnh giới này không có tư tưởng, không có nói năng. Thuần chân không vọng tưởng, vạn đức vạn năng. Hai ví dụ đều hay! Nước trong trắng tự nhiên đến, trong nước hiện mặt trăng. Trăng cũng không đến, nước cũng không đi, trăng ở trong nước. Tâm chúng ta nếu thanh tịnh, Phật liền tự hiện, quý vị liền nhìn thấy Phật, đây là cảm ứng đạo giao. Liên Trì đại sư nói vậy.

Đoạn tiếp theo, trong Viên Trung Sao U Khê đại sư nói: “phàm là thấy Phật, phải nói đến cảm ứng, nếu thường ngày tham thiền, hoặc tu quán không, tông đã phá trừ triệt để, Phật cũng không lập, nếu có cái thấy, ắt là ma cảnh.” Những điều thường thức này chúng ta nên biết. Nếu là người tu quán không, học thiền, Thiền tông, học Tánh tông, minh tâm kiến tánh, họ hoàn toàn tu là tâm thanh tịnh, trong tâm thanh tịnh không có thứ gì cả, nếu như thấy Phật đó là ma. Vì sao vậy? Vì “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, Phật tướng là hư vọng, nếu thấy được Thế Giới Tây Phương Cực Lạc cũng là hư vọng, không tương đồng với tông chỉ mà họ học. Phật Bồ Tát có hiện những thân tướng này cho họ thấy không? Không. Như vậy mới tương ứng. Họ đích thực không có phân biệt, không có chấp trước, đó là tu Thiền tông, tu Tánh tông. Vẫn còn một mảy may phân biệt chấp trước là giả, không phải là thật, hoàn toàn trái ngược với tướng tông. Hai tông này dường như hiện nay cũng ít có người tu nữa, ít có căn tánh này.

Hoàng Niệm Lão nói với chúng tôi, sau khi đảng nhân dân cộng hòa thành lập, đây là nói thời hiện đại, căn cơ thiền không còn nữa, căn cơ mật tông cũng không còn. Ông đã từng học thiền, từng học mật, ông là thượng sư của mật tông, ông nói với tôi, một người thành tựu thiền cũng hiếm có, ít có người khai ngộ, nhưng

có người đắc định. Giống như Hư Vân Lão hòa thượng ngài đã đắc định và khai ngộ. Về Mật tông, ông biết, 60 năm nhân dân kiến quốc, người học mật tông và thành tựu có sáu người, bản thân ông cũng chưa thành tựu. Cho nên cuối cùng ông niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ. Sau khi chú xong Chú Giải này, từng giảng qua một lần, tôi không biết đã giảng xong hay chưa, ông đã đi rồi. Ông nói với tôi, lần cuối cùng tôi đến Bắc Kinh thăm ông, mỗi ngày ông niệm Phật 140.000 tiếng, liên tục niệm Phật, A Di Đà Phật A Di Đà Phật A Di Đà Phật, câu này tiếp câu khác, niệm Phật không gián đoạn, mỗi ngày 140.000 tiếng. Niệm sáu tháng thì vãng sanh, có người niệm Phật vãng sanh, chúng tôi trong thời đại này trở về sau, những pháp môn này có thể thành tựu, cho nên nhất quyết một lòng một môn thâm nhập. Người biết được sự thù thắng của công đức niệm Phật thực sự không nhiều, đối với Kinh Vô Lượng Thọ hiểu không rõ sẽ không phát tâm được. Thực sự hiểu được, có lý nào lại không phát tâm bồ đề! Tâm bồ đề nếu như dùng lời nói xưa của người xưa thì chính là nhân tính, lương tâm, đạo đức, Đại Thừa gọi là tâm bồ đề, ngôn ngữ khác nhau, nhưng ý nghĩa hoàn toàn tương đồng.

Ngẫu Ích đại sư giảng hay nhất, thực sự tin tưởng, thực sự phát nguyện muốn sanh đến Thế giới Cực Lạc, tâm đó chính là tâm vô thượng bồ đề, nói thật hay!

Tâm này vừa phát nhất tâm xưng niệm, từ sáng đến tối, từ mùng một đến ba mươi tết, giờ giờ phút phút đều không gián đoạn, trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, ngoài A Di Đà Phật ra không có gì cả. Đó là tâm vô thượng bồ đề, không có ai không phát tâm. Cho nên có thể sanh Tịnh Độ hay không, có thể ngay trong đời này thành tựu viên mãn quả vị Diệu Giác hay không. Quyền này không phải ở người khác, đều do nơi bản thân. Ngày nay chúng ta duyên này đã gặp rồi, Thiệu Đạo Đại sư nói: “đều do nơi gặp được duyên khác nhau.” Duyên chúng ta gặp được rồi, gặp rồi có thể thành công hay không, do nơi bản thân, không phải nơi người khác. Tôi thật làm tôi sẽ thành tựu. Tôi không chịu làm thì sẽ không thể thành tựu. Tôi còn lưu luyến thế gian này tôi không thể thành tựu. Chương Gia đại sư dạy tôi buông xuống, tôi thật buông xuống rồi. Tất cả đều buông xuống, quý vị có thể thành tựu. Không dứt khoát niệm Phật tu hành, vậy không được, không đáng tin.

U Khê Đại sư nói: “hoặc công dụng hiển trước, tâm Phật tự hiện, diệt tu quán không, phát sanh trước tướng”. Đoạn này rất quan trọng! Nhìn thấy tượng Phật đừng chấp trước, không phân biệt, không chấp trước là đúng rồi. Phân biệt chấp trước là gì? Là quý vị chấp tướng. Chấp tướng là sai rồi, không chấp trước mới đúng. Chấp trước sai như thế nào? Tâm quý vị không thanh tịnh. Tâm quý vị lại bị

nhiễm ô. Vì sao đức Phật không thường hiện tướng? Thường hiện tướng quý vị nhất định không thể vãng sanh. Vì sao vậy? Vì tăng trưởng phân biệt chấp trước của quý vị. Phá hoại tâm thanh tịnh của quý vị, cho nên Phật không hiện tướng là đại từ đại bi. Phật hiện tướng cũng là đại từ đại bi. Quý vị lúc cần thiết Ngài sẽ hiện tướng, không phải lúc cần thiết thì không hiện tướng.

“Kim kí niệm Phật cầu sanh cực lạc, lâm chung kiến Phật, thử nhân diêu cảm. Phục do sanh Phật bản thị nhất thể, cảm ứng đạo giao, pháp nhĩ như thị.” Lâm chung, đây chính là thời khắc then chốt, nhất định hiện tướng, thông thường hiện tướng, quý vị xem trước đây, chúng ta đã đọc qua có hai lần. Một lần hiện tướng cho quý vị xem, củng cố lòng tin quý vị. Lần thứ hai đến tiếp dẫn quý vị. Lúc tiếp dẫn thấy tướng đó và tướng đến dự báo cho quý vị lúc trước hoàn toàn tương đồng. Quý vị nhìn thấy rất thân thiết, Phật lại đến tiếp dẫn tôi rồi, quý vị liền đi theo Ngài. Lời này của đại sư nói rất hay. Phật chúng sanh vốn cùng một thể, cảm ứng đạo giao, pháp vốn như vậy, tự nhiên mà như vậy. Không có khởi tâm động niệm, không có phân biệt chấp trước, hiện tượng này là tự nhiên.

“Nhược bất minh thử, vọng luận tà đàm, bất duy tự chướng, kiêm diệc chướng nhân, ư thử pháp môn, đại thành tội quá.”

Những chân tướng sự thật này nếu không biết được, tùy tiện bàn luận, không những chướng ngại bản thân mình, mà còn hại người khác. Vì sao vậy? Vì hư vọng phân biệt, vậy chúng ta đối với pháp môn Tịnh Độ này phải chăm chỉ học tập, nỗ lực để nghiên cứu, thực sự hiểu rồi, làm rõ ràng rồi, buông xuống rồi, buông xuống một cách tự nhiên, không có mảy may miễn cưỡng, cũng không cần người khác đến khuyên quý vị, tự nhiên buông xuống. Việc tốt, sự việc lợi ích chúng sanh tùy duyên để làm, tùy phận tùy lực, chúng ta thường nói là tận tâm tận lực, kinh Phật nói là “tùy duyên tùy lực”, tốt, nghĩa này càng tốt hơn. Phải nên làm, làm như thế nào? Không chấp tướng. Đem công đức làm được hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ. Không có niệm thứ hai, vậy là đúng rồi.

Tiếp theo đoạn thứ ba, Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư nói: “thập vạn ức độ, bất xuất ngã hiện tiền nhất niệm tâm tánh chi ngoại, dĩ tâm tánh bản vô ngoại cố, hựu trọng tự tâm chi Phật lực tiếp dẫn, hà nan tức sanh.” Ngẫu Ích đại sư nói rất hay! Phật Thích Ca Mâu Ni nói với chúng ta, Thế Giới Cực Lạc ở đâu? Ở phương tây thế giới Ta bà của chúng ta. Cự ly bao xa? Cự ly mười vạn ức Phật quốc độ. Cũng chính là mười vạn ức đại thiên thế giới. cự ly này xa quá. Nhưng từ trong tâm tánh mà nói thì không xa, “không ra ngoài một niệm hiện tiền của tâm tánh chúng ta”, một niệm này Di Lặc Bồ Tát nói “một cái khảy móng tay 32 ức

trăm ngàn niệm”, chỉ một niệm trong số đó. Một niệm này nhanh quá, chỉ không ra ngoài một niệm, có bằng chứng rồi, Hoàn Nguyên Quán chứng minh rồi. Trong Hoàn Nguyên Quán, đoạn ba loại chu biến, có nói qua rồi.

Thứ nhất chu biến pháp giới. Bất luận là một niệm trên mặt tinh thần, hay là một hiện tượng rung động trên vật chất, tức là một niệm dao động, đều là chu biến pháp giới. Tốc độ nhanh như vậy.

Câu thứ hai nói với chúng ta, xuất sanh vô tận, đó chính là khởi cảm ứng đạo giao, hiện tướng rồi. Cần dùng thân gì để độ thoát liền hiện thân đó. Cần dùng pháp gì Ngài liền nói pháp đó, xuất sanh vô tận, chu biến pháp giới, tốc độ này nhanh quá. Vì sao vậy? vì tâm hiện nghĩa là một niệm tâm hiện, không có lớn nhỏ, nó lớn không có ngoài, nó nhỏ không có trong. Một niệm nhỏ như vậy, ngắn ngủi như vậy, ở trong đó cảnh giới vô cùng. Vì sao vậy? Vì nơi đó có đại thiên thể giới, không phải là một đại thiên thể giới, vô lượng vô biên đại thiên thể giới. Đại thiên thể giới vô lượng vô biên chư Phật, vô lượng vô biên Bồ Tát chúng sanh.

Đoạn trước chúng ta đọc qua rồi, Phổ Hiền Bồ Tát có thể đi vào thế giới vi trần, vi trần chưa phóng to, thế giới cũng không thu nhỏ lại. Nói rõ công đức của tự tánh không có tương đối, không có lớn nhỏ; không có trước sau, không có lớn nhỏ, không có không gian; không có trước sau, không có thời gian, chỉ ngay hiện tại. Cho nên nói tâm tánh vốn không từ bên ngoài.

“Hựu trọng tự tâm chi Phật lực tiếp dẫn” Vì sao vậy? vì bản thân và Phật là một chứ không phải hai. Phật A Di Đà là tự tâm Phật. Tự tâm chính là Phật A Di Đà, Phật A Di Đà chính là tự tâm.

Trong Tam Thời Hệ Niệm, Trung Phong thiền sư đã nói qua với chúng ta. Chứng minh lời Phật nói trong kinh “tất cả pháp từ tâm tưởng sanh”, Thế giới Cực Lạc do tâm tưởng của chúng ta mà sanh, Phật A Di Đà là do tâm tưởng sanh, chư thiên thần thánh từ tâm tưởng sanh, địa ngục ngạ quỷ cũng do tâm tưởng sanh. xem tâm quý vị nghĩ thứ gì, Ngài liền hiện thứ đó. Điều này là do Huệ Năng đại sư lúc khai ngộ nói ra. “đâu ngờ tự tánh, năng sanh vạn pháp”, trong Hoàn Nguyên Quán nói là “xuất sanh vô tận”. Huệ Năng đại sư nói “năng sanh vạn pháp” cùng một ý nghĩa này. Đã là Phật tự tâm tiếp dẫn, làm sao không sanh. Có lý gì lại không sanh? Vạn người tu vạn người vãng sanh, một người cũng không bị sót lại, đó là sự thật rất chính xác. Vì sao không thể vãng sanh? Do bản thân quý vị đã sai ý niệm. Quý vị không y giáo phụng hành, mới xảy ra vấn đề này. Thực sự y giáo phụng hành, làm sao xảy ra việc này được? Không thể được. Điều

này chúng ta không thể không biết. Sau khi biết rồi, lòng tin của quý vị sẽ đầy đủ. Một câu danh hiệu Phật quý vị niệm thực sự, đầy đủ niềm tin, vọng niệm không còn nữa, ở nơi đây, ở nơi kia, tất cả đều không còn gì nữa, hoàn toàn không còn nữa. Quý vị xem tự tại biết bao! An vui biết bao!

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 415

Chuyên ngữ: Liên Hải

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 16.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 521, hàng thứ sáu từ dưới đếm lên, bắt đầu xem từ câu: “Ngẫu Ích Yếu Giải vân”, bắt đầu xem từ đó.

Trong Yếu Giải của ngài Ngẫu Ích nói: “thập vạn ức độ, bất xuất ngã hiện tiền nhất niệm tâm tánh chi ngoại, dĩ tâm tánh bản vô ngoại cố, hựu trọng tự tâm chi Phật lực tiếp dẫn, hà nan tức sanh.”

Bài trước chúng ta học đến đoạn này, đây là phần mở đầu của một đoạn, tiếp tục chúng ta vẫn đơn giản lặp lại những lời này của Ngẫu Ích đại sư một lần nữa.

Đoạn này cũng giải thích vấn đề người niệm Phật thấy Phật, trong Kinh Lăng Nghiêm nói: “nhớ Phật niệm Phật hiện tại, tương lai, nhất định gặp Phật”. Có phải thực sự gặp Phật chăng? Vì sao gặp Phật? Trong rất nhiều kinh luận cũng bàn đến vấn đề này, tuyệt đại đa số người niệm Phật rất có khả năng trong đời này sẽ nhìn thấy Phật hai lần. Hai lần này đều là hiện tại thấy Phật, sau khi vãng sanh là tương lai thấy Phật. Chúng ta chỉ hỏi về hiện tại thấy Phật này. Hiện tại thấy Phật, thông thường, đây vẫn là đại đa số, đều là trước lúc vãng sanh vài ngày, có người trước một tuần nhìn thấy Phật. Phật đến nói với họ lúc nào đến tiếp dẫn họ, tức là dự báo trước cho họ. Lúc này có người trong mộng thấy Phật, có người giống mộng mà không phải mộng thấy Phật. Họ sẽ khẳng định họ thật sự nhìn thấy.

Lần thứ hai chính là lúc lâm chung, Phật đến tiếp dẫn, không những nhìn thấy Phật, mà còn nhìn thấy bên cạnh Phật đi theo rất nhiều người. Nếu như phẩm vị của quý vị cao, quý vị sẽ nhìn thấy rất nhiều Phật cùng đến với Phật A Di Đà hoan nghênh quý vị đến Thế giới Cực Lạc. Tình hình này, tôi nghĩ có hai khả năng, bởi vì tôi chưa thấy chư vị cổ đức có những giải thích tường tận về vấn đề này. Loại thứ nhất là hóa Phật của Phật A Di Đà. Phật đích thực có năng lực dùng vô lượng vô biên hóa thân phân thân, để trang nghiêm hình ảnh này. Giống như trước đây chúng ta đọc đến thượng phẩm thượng sanh có vô lượng hóa Phật, cùng Phật đến đón quý vị. Thượng phẩm trung sanh thì có một ngàn đức hóa Phật. Thượng phẩm hạ sanh thì có 500 đức hóa Phật. Đây là biến hóa của Phật A Di Đà, đối với chư Phật và đại Bồ Tát điều này không phải là việc khó khăn, nhẹ nhàng dễ dàng, các ngài làm được. Một kiểu khác, tôi đã nghĩ đến, cũng có khả năng là chư Phật phương khác. Hôm nay quý vị vãng sanh đến Thế giới Cực Lạc, mười phương chư Phật đều nhận được thông tin này, Chư Phật Như Lai hữu duyên với quý vị, họ cũng có thể cho hóa Phật đi theo Phật A Di Đà đến tiếp dẫn quý vị. Vì sao vậy? Vì quý vị có duyên với họ. Tức là trong kiếp quá khứ chúng ta từng ở nơi quốc độ của Đức Phật này cùng nhau tu tập. Cho nên có duyên với Phật, chúng ta trong quá khứ vô lượng kiếp đến nay, tuyệt đối không phải chỉ sanh ra trên trái đất này, ngày nay nói người ngoài hành tinh, rất nhiều thế giới tinh cầu chúng ta đều từng ở đó. Cho nên duyên của chúng ta rất rộng, chư Phật trong những thế giới đó, không ai không hoan nghênh quý vị đến Thế giới Cực Lạc. Đến Thế giới Cực Lạc đích thực đáng được mọi người chúc mừng. Vì sao vậy? Đó chính là chúc mừng quý vị trước, vì quý vị đến Thế giới Cực Lạc tu hành, chắc chắn thành Phật, hơn nữa một đời thành. Điều tốt nhất ở Thế giới Cực Lạc chính là thọ mạng vô lượng. Tu học có thể tiếp tục không ngừng, cho nên thành tựu rất nhanh.

Niệm Lão sau khi nói rõ chân tướng sự thật này cho chúng ta, trích dẫn Sớ Sao của Liên Trì đại sư, Viên Trung Sao của U Khê đại sư, Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư để chứng minh sự việc này, là quá khứ chư vị tổ sư đều đã khẳng định rồi, giúp chúng ta xây dựng niềm tin. Pháp thế gian xuất thế gian có thể thành tựu hay không, điều kiện đầu tiên là tín tâm. Không có tín tâm nhân duyên này quý vị sẽ không có nữa. Cho nên tín tâm phải kiến lập, nguyện tâm phải kiến lập, thật muốn đi! Nên ở đây Ngẫu Ích đại sư nói rất hay. “Mười vạn ức độ, không ra ngoài một niệm tâm tánh hiện tại của ta”.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói trong Kinh A Di Đà: Thế giới Cực Lạc cách nơi này của chúng ta bao xa? Mười vạn ức Phật quốc độ. Đầu tiên chúng ta phải biết một quốc độ Phật lớn bao nhiêu? Điều này phải hiểu được. Trong kinh Đại Thừa nói rất nhiều, cũng nói rất rõ, tức là phạm vi giáo hóa của một Đức Phật sau khi thành Phật.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ba ngàn năm trước xuất hiện tại thế gian này là hóa thân. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tuyệt đối không phải chỉ xuất hiện trên địa cầu này, giáo hóa một phạm vi nhỏ như vậy. Khu vực giáo hóa của Ngài rất lớn, rất lớn, một tam thiên đại thiên thế giới. Phật nói về vũ trụ, đầu tiên nói một đơn vị thế giới, tức là một thế giới chúng ta đang sống đây, đơn vị thế giới này lớn bao nhiêu? Trung tâm của đơn vị này gọi là núi Tu di. Núi Tu di có nghĩa là “diệu cao”, nó rất cao, vô cùng kỳ diệu. Thực sự diệu không thể bàn. Nhật nguyệt tức nói hệ mặt trời của chúng ta. Hệ mặt trời của chúng ta quay vòng quanh núi Tu di. Hiện nay chúng ta biết, hệ mặt trời của chúng ta đích xác là quay vòng quanh hệ ngân hà. Vậy một đơn vị thế giới này chúng ta có thể hiểu được, đơn vị thế giới chính là hệ ngân hà. Trung tâm của hệ ngân hà là lỗ đen, nhà khoa học gọi là lỗ đen. Lực hút của lỗ đen này rất lớn, ngay cả ánh sáng cũng không thoát khỏi, ánh sáng cũng bị nó hút vào.

Dự báo của Maya về sang năm 2012 là trung tâm của hệ ngân hà, Phật giảng là núi Tu di, mặt trời, trái đất sắp thành một hàng dọc, xác suất này không lớn, hơn 26.000 năm mới có một lần sắp xếp như vậy, nó có tính chu kỳ. Đây là đơn vị thế giới, một ngàn đơn vị thế giới, tức là một ngàn hệ ngân hà, gọi là một tiểu thiên thế giới. Lại lấy tiểu thiên thế giới làm đơn vị, một ngàn tiểu thiên thế giới gọi là một trung thiên thế giới. Tiểu thiên thế giới là một ngàn hệ ngân hà, trung thiên thế giới là 1000 nhân với 1000 là một triệu, một triệu hệ ngân hà là một trung thiên thế giới. Lại dùng trung thiên thế giới làm đơn vị, một ngàn trung thiên thế giới gọi là một đại thiên thế giới. Một đại thiên thế giới vừa vặn một tỷ hệ ngân hà, một đại thiên thế giới. $1000 \times 1000 \times 1000 = 1.000.000.000$, đây là khu vực giáo hóa của Phật Thích Ca Mâu Ni. Trái đất của chúng ta ở trong đại thế giới này, chỉ là một cái đảo nhỏ, một đảo nhỏ không đáng kể. Nhưng đức Phật nói ở trong kinh rất hay: “Phật không độ người vô duyên”, người trên trái đất này, có người tin, có người hiểu được, có thể tu hành, Phật nhất định sẽ xuất hiện ở nơi này. Dùng thân phận gì? Thì phải xem xem căn tánh của người ở nơi này. Người căn tánh lành lợi, người thông minh tuyệt đỉnh, Phật liền dùng pháp thân đến độ họ. Người căn tánh kém hơn một chút, Phật dùng ứng thân, từ pháp thân biến hóa

thành ứng thân. Người kém hơn một bậc nữa từ ứng thân biến thành hóa thân, để giáo hóa chúng sanh. Cho nên chúng ta ở trên trái đất này, ba ngàn năm trước đức Phật Thích Ca Mâu Ni xuất hiện, ứng thân là hóa thân. Thông thường chúng ta nói ứng hóa thân, nâng cao thân phận của chúng ta thêm một bậc nữa. Có phải thật là ứng thân? Hóa thân thì tuyệt đối chính xác.

Thật là hiếm có, Phật Pháp truyền đến Trung Quốc hai ngàn năm rồi, còn thiếu mấy năm nữa, năm 67 sau Công nguyên chính thức truyền vào Trung Quốc, vậy đến năm 2067 thì vừa vặn là 2000 năm. Hiện nay mới chỉ năm 2011, vẫn còn 56 năm nữa là 2000 năm rồi. Trong 2000 năm nay, Phật Giáo ở Trung Quốc thành tựu không thể nghĩ bàn. Người Trung Quốc học Phật thực sự thành Phật có khoảng được bao nhiêu người? Tôi tin rằng tuyệt đối không thể dưới 3000 người, thật vĩ đại! Nếu tính cả Tịnh Độ vào, thì tôi nghĩ không phải là 3000 mà còn hơn cả 30.000 người. Vì sao vậy? Vì pháp môn Tịnh Độ vạn người tu vạn người vãng sanh, không sót người nào. Chúng ta nói ba ngàn người là nói Thiên môn, Giáo môn, Mật tông. Thiên mật giáo tính ra khoảng ba ngàn người. Thiên đặc biệt nhiều, Tịnh Độ không tính trong đó, nếu tính cả Tịnh Độ thì nhiều lắm, nhiều lắm. Cho nên cổ đức có nói, đức Phật Thích Ca Mâu Ni là ứng thân, cũng có lý! Thời gian ngắn như vậy, trong vũ trụ mấy ngàn năm là thời gian rất ngắn, có thể có nhiều người như vậy thành tựu, điều này thật hiếm có, đây là sự việc ít thấy.

“Thập vạn ức độ”, đó chính là thế giới của chúng ta và thế giới Tây phương của Phật A Di Đà, trong đó có mười vạn ức Phật quốc. Cụ ly này vô cùng xa xôi, vì thế Tây phương không phải là phương tây của trái đất chúng ta, là phương tây của hệ ngân hà, cũng không hợp lý lắm, có lẽ nói là phương tây của thế giới Ta bà, nói vậy mới chính xác. Thế giới Ta bà mười ức hệ ngân hà, phương tây rốt cuộc là ở đâu? Chúng ta không có cách gì để biết được, chúng ta nhỏ bé lắm. Nên bây giờ lấy nơi mặt trời xuống núi trên trái đất chúng ta làm phương tây. Vậy theo lý mà nói có thể thông được. Trên lý chính là dưới đây nói: thập vạn ức độ không ra khỏi một niệm tâm tánh ngay hiện tại. Chúng ta coi nơi mặt trời xuống núi là phương tây, cũng được, chúng ta nói thông được. Trên thực tế, không phải thực sự có một phương hướng, mà tâm niệm của quý vị có thể tập trung tại một điểm, điều đó quan trọng nhất. Phật thường nói “ché tâm nhất xứ, vô sự bất biện”, tâm chúng ta là tâm tán loạn, giống như ánh sáng vậy. Ánh sáng quý vị xem chiếu khắp mười phương, bốn phương bốn hướng phương trên phương dưới nó đều chiếu hết. Nếu như đem ánh sáng thu nhỏ thành một điểm, thì sức mạnh đó rất lớn. Nó chiếu khắp mười phương, cách một trang giấy nó cũng không chiếu qua

được, nó không có cách gì xuyên qua được. Nếu như đem ánh sáng thu nhỏ thành một điểm, hiện nay nói là tia laser, thì sức mạnh của nó rất lớn. Sức xuyên thấu của nó vô cùng mạnh mẽ, có thể đem quang tập trung thành một điểm. Chúng ta dùng kính lúp, lúc làm cho tiêu điểm này, làm mặt trời tập trung tại một điểm, liền sanh ra lửa, có thể làm cháy những vật chất bên dưới đó, nó có sức mạnh lớn như vậy. Thu lại càng nhỏ, sức mạnh lại càng lớn. Cho nên đức Phật dạy: chúng ta đem ý niệm tập trung tại một điểm, thì năng lực này lớn lắm, không có việc gì không làm được.

Đối với bản thân mà nói, bản thân có thể tự trị liệu tất cả những bệnh tật, quý vị có thể tập trung ý niệm, cho dù là bị ung thư cũng không sao, tâm quang của bản thân quý vị, có thể làm cho những vi khuẩn trong tế bào ung thư toàn bộ bị tiêu diệt, nó thật sự có năng lực này. Chính vì quý vị không thể tập trung, tâm tán loạn, bản thân sẵn có những thứ này, nhưng không dùng được. Người tu thiền định họ có được năng lực này. Không những có thể trị liệu cho bản thân mà còn có thể trị liệu cho người khác. Phương pháp trị liệu của họ mắt quý vị không nhìn thấy được. Họ cũng không có âm thanh, sáu căn quý vị không tiếp xúc được, họ đã trị lành bệnh cho quý vị. Không những trị bệnh họ còn có thể trị cả sơn hà đại địa. Những thiên tai tự nhiên đều có thể sản sinh tác dụng, sức lực này lớn biết bao!

Hiện nay trái đất bị bệnh rồi, thiên tai dồn dập. Ở trong kinh Đức Phật dạy chúng ta, chúng ta có thể đem ý chí tập trung lại, ý thức tập thể sẽ sinh hiệu quả rất lớn. Nhất tâm niệm A Di Đà Phật, vì sao phải niệm Phật A Di Đà? Điều này trong kinh điển nói rất nhiều. Đề mục này giảng mười tiếng đồng hồ cũng không giảng hết. Công đức của câu danh hiệu này thật không thể nghĩ bàn. Mọi người đều có thể niệm A Di Đà Phật, thiên tai này sẽ được hóa giải. Cho dù không thể hóa giải thì mức độ của nó cũng được giảm nhẹ. Niệm Phật có được hiệu quả lớn như vậy. Niệm Phật là gì? Niệm Phật là một niệm tâm tánh. Đặc biệt coi trọng một niệm này. Nhất niệm là gì? Di Lặc Bồ Tát nói rồi. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni hỏi Bồ Tát Di Lặc, “tâm hữu sở niệm”, thông thường con người chúng ta trong tâm có niệm. Ý niệm này chúng ta rõ ràng có thể phát hiện được. Tôi động một niệm, Phật nói trong niệm này có bao nhiêu vi tế niệm? Trong vi tế niệm này có mấy tướng? Tướng là hiện tượng vật chất. Có mấy thức? Thức là hiện tượng tinh thần. Di Lặc Bồ Tát trả lời nói một khảy móng tay, thời gian một khảy móng tay rất ngắn, trong một cái khảy móng tay có 32 ức trăm ngàn niệm. 32 ức, đơn vị là trăm ngàn. Trăm ngàn là mười vạn (100.000), 32 ức nhân với mười vạn, cách tính

của người Trung Quốc là 320 triệu, ở đây chỉ cho một cái khảm móng tay có 320 triệu niệm. Hiện nay khoa học cũng dùng giây để làm đơn vị. Trong một giây chúng ta có thể khảm được mấy lần? Tôi tin rằng có người khảm nhanh hơn tôi chỉ ít cũng khảm được năm lần. Nếu như khảm năm lần thì một giây có bao nhiêu niệm? Là một tỷ sáu trăm triệu, cũng tức là một phần trong một tỷ sáu trăm triệu trong một giây. Đó gọi là một niệm. Trong một niệm này “niệm niệm thành hình”, niệm niệm đều có hiện tượng vật chất, quý vị có thể nhìn thấy là hiện tượng vật chất. “Hình đều có thức”, trong mỗi hiện tượng vật chất đều có hiện tượng tinh thần. Hiện tượng tinh thần là gì? chính là thọ tướng hành thức, có cảm thọ, có phân biệt, nó có năng lực hoạt động, tức là nó có kiến văn giác tri. Kiểu hiện tượng này chính vật chất có tư tưởng, vật chất biết nhìn, biết nghe. Nó không có mắt tai mũi lưỡi thân, nó không có những thứ này. Nhưng nó có thể nhìn, có thể nghe hiểu suy nghĩ của con người. Sự việc này gần đây được một nhà khoa học người Nhật -tiến sĩ Giang Bồn Thắng dùng nước làm thí nghiệm, phát hiện nước biết nhìn, biết nghe, hiểu được ý nghĩ của con người. Chúng ta dùng ý niệm thiện đối với nó, nó sẽ đáp lại chúng ta hình ảnh rất đẹp; dùng ý niệm bất thiện đối với nó, nó sẽ đáp lại chúng ta hình ảnh khó coi, làm mấy trăm ngàn lần thí nghiệm như vậy, chứng minh là thật, không phải giả.

Tôi hai lần đến Tokyo tham quan phòng thí nghiệm của ông ta, ông ta báo cáo với tôi, tôi nói với ông ta, hiệu quả thí nghiệm này của ông, đức Phật Thích Ca Mâu Ni 3000 năm trước đã nói trong kinh Phật rồi, ông ta nghe câu này rồi cũng sững sờ. Tôi nói không kỳ lạ chút nào cả. Tôi nghe được thông tin ông làm việc này, tôi đến thăm ông, tôi đem sự việc đức Phật nói trong kinh nói cho ông biết, ông tiếp tục nỗ lực, không những nước có thể thấy, có thể nghe, hiện nay nó trả lời ông chỉ là đồ án này, nó kết thành hoa tuyết, ý niệm thiện đối với nó, thì hoa tuyết này vô cùng đẹp đẽ, ý niệm bất thiện, kết tinh nó biến hiện này sẽ rất xấu xí. Nó hiểu được. Nó còn có hương, còn có hương vị, ông còn chưa tìm ra được. Nó có diệu âm, âm thanh này ông chưa nghe được. Nó có thể hiện sắc, nó có thanh âm, nó có mùi vị, những điều này ông chưa thấy, hãy tiếp tục phát hiện, ông nên cố gắng, chắc chắn có.

Gần đây Đài Loan vừa bắt đầu làm thí nghiệm. Muốn thí nghiệm nước có thể ngửi được mùi. Họ đưa dấm cho nó ngửi, vị chua, ớt vị cay cho nó, tôi tin rằng thí nghiệm sẽ có thành tựu chứng minh nó có ý thức. Cho nên tinh thần và vật chất vĩnh viễn không tách rời nhau. Vật chất đến như thế nào? Vật chất là từ ý niệm mà biến hiện ra, như vừa rồi nói trong một niệm có một tỷ sáu trăm triệu tế

niệm. Mỗi tế niệm có hiện tượng vật chất, cũng có hiện tượng tinh thần. Một niệm đó chúng ta không có cách gì phát hiện được. Mắt tai mũi lưỡi thân ý của chúng ta quá chậm chạp, mà nó thì nhanh quá. Quý vị xem một phần trong một tỷ sáu trăm triệu trong một giây, chúng ta làm sao có thể phát giác ra nó được? Chúng ta thấy được là hiện tượng vật chất, tức là hiện tượng được tích lũy tốc độ nhanh. Chúng ta nhìn thấy là một đồng đã chắt chùng lại đó, chúng ta mới nhìn thấy được. Nó là từng cái từng cái đơn độc, thì nhất định không nhìn thấy được. Nhưng ngày nay đã được nhà khoa học phát hiện rồi, chúng ta không thể không khâm phục. Nhà khoa học nói hiện tượng vật chất nhỏ nhất này gọi nó là lượng tử cũng gọi nó là vi trung tử.

Hoàng Niệm Lão chú giải đoạn này ở trang 338, hàng thứ tư từ dưới lên, trang 338, quý vị lật lại xem xem, ông nói: từ năm 1980 trở về sau nhà khoa học phát hiện vi trung tử, nó tồn tại trong khu vực mà không gian chiếm hữu, chỉ bằng với một phần một trăm ức trong một điện tử, một trăm ức vi trung tử mới tạo thành một điện tử. Điện tử này nhục nhãn chúng ta nhìn không thấy. Loại vi trung tử này rải rác khắp trong hư không, vi trung tử có thể xuyên thấu bản thép dày một tỷ ki lô mét, một tỷ ki lô mét còn lớn hơn trái đất chúng ta. Đường kính trái đất chúng ta chưa được một tỷ ki lô mét. Từ bờ biển đông của Trung Quốc bay đến bờ biển tây của Mỹ, tức là Thái Bình Dương chỉ 10.000km, mười ức là mười vạn vạn ki lô mét, còn lớn hơn cả mặt trời, nó có khả năng xuyên thấu.

Cho nên nhà khoa học nói với chúng ta, hiện tượng vật chất là huyền tướng do ý niệm tích lũy, nó không phải là thật. Ý niệm có thật hay không? Ý niệm cũng không phải là thật. Ý niệm từ đâu đến? Hiện nay nhà khoa học nói không ra, nhà khoa học chỉ nói từ trong không mà sanh ra có. Từ không sanh có nói cũng rất hay. Trong kinh Phật có giải thích, nó từ trong tự tánh biến hiện ra. Tự tánh này rất khó hiểu. Tự tánh nhà khoa học vĩnh viễn không thăm dò ra được. Khoa học thăm dò ra thứ có đối tượng, tự tánh không phải là đối tượng của họ. Tự tánh không phải là vật chất, không phải tinh thần, cũng không phải là hiện tượng tự nhiên. Cho nên nhà khoa học chẳng có cách gì đối với nó, thật có. Trong tất cả mọi lúc mọi nơi ở đâu nó cũng có. Quý vị không có cách gì phát hiện nó. Quý vị nhìn không thấy nó, không nghe được nó, tiếp xúc không được nó, cũng không tưởng tượng được nó. Dùng tư tưởng cũng vô ích. Phật nói với chúng ta “chỉ chứng mới biết được”. Quý vị chứng nhập cảnh giới này quý vị mới biết được. Quý vị mới phát hiện nó thực sự tồn tại. Điều này trong Phật Pháp gọi là minh tâm kiến tánh. Người minh tâm kiến tánh mới biết được. Điều kiện gì mới có thể

minh tâm kiến tánh? Đức Phật dạy, sáu căn chúng ta đối với cảnh giới sáu trần, sáu căn là mắt tai mũi lưỡi thân. Đối tượng của sáu căn là mắt thấy là sắc, tai nghe là âm thanh, mũi ngửi là hương, miệng nếm là vị, thân thể là tiếp xúc. Có hiện tượng chúng ta mới có thể cảm thọ được. Nhưng tự tánh không có hiện tượng, nên năm căn không cảm thọ được. Nó không phải là tư tưởng, tư tưởng là thức thứ sáu có thể nghĩ đến được, nó không phải là tư tưởng. Cho nên thức thứ sáu đối với nó cũng không phát sanh tác dụng. Đức Phật dạy, buông xả khởi tâm động niệm phân biệt chấp trước quý vị liền thấy được. Phật nói thật đơn giản! Chúng ta có thể trong một số hiện tượng này, đối với tất cả pháp thế gian xuất thế gian không phân biệt nữa, điều này buông được rồi. Tất cả các pháp không phân biệt nữa, quý vị liền chứng quả A la hán. Đó là thành tựu nhỏ của Phật Pháp. Quý vị có thể thấy được sau nẻo luân hồi, quý vị có được năng lực này.

Trên có thể thấy được 28 tầng trời, dưới có thể thấy được địa ngục, thời gian không gian duy thứ trong sáu cõi đều đã đột phá được, đó là cảnh giới của A la hán. Nâng cao thêm một tầng nữa là cảnh giới của Bồ Tát. Bồ Tát không còn phân biệt, A la hán không chấp trước, họ có phân biệt, không có chấp trước. Nên phạm vi thấy của họ lớn hơn. Bồ Tát có thể thấy tam thiên đại thiên thế giới, thứ bậc của Bồ Tát rất nhiều. Bồ Tát cấp bậc cao thì thần thông quảng đại. Đích thực họ ở thế giới của chúng ta như như bất động, họ thấy Thế Giới Tây Phương Cực Lạc rõ như bàn tay, vô cùng rõ ràng, thấy thế giới Hoa tạng. Đến không khởi tâm, không động niệm vậy là thành Phật rồi. Quý vị thấy được đã viên mãn rồi. “Hong quan vũ trụ, đại nhi vô ngoại, tiểu quan vũ trụ, tiểu nhi vô nội”. Quý vị đã thấy được toàn bộ. Đó là minh tâm kiến tánh. Mục đích cuối cùng của giáo dục Phật Giáo là muốn chúng ta đạt đến cảnh giới này. Cảnh giới này gọi là thành Phật. Thành Phật tức là đối với chân tướng của nhân sanh vũ trụ đã triệt để rõ ràng rồi. Hoàn toàn thông đạt thấu triệt rồi. Cảnh giới này gọi là thành Phật. Vì vậy Phật bản chất của Phật là giáo dục. Phật, Bồ Tát, A la hán là ba học vị, Phật là học vị cao nhất, giống như học vị tiến sĩ trong trường học hiện nay vậy. Bồ Tát là học vị thứ hai, giống như học vị thạc sĩ. A la hán là học vị thứ ba giống như học vị cử nhân vậy. Danh xưng của ba học vị. Phật Bồ Tát không phải là thần, họ cũng không phải là tiên nhân. Ý nghĩa trong những danh từ này, nếu như quý vị hiểu được nó, nghĩa là hiểu Phật là giác ngộ, giác ngộ triệt để. Bồ Tát giác ngộ chưa triệt để. A la hán là mới vừa giác ngộ, mới vừa nhập môn, cho nên họ chưa được tính là thực sự giác ngộ. Đây là cấp độ giác ngộ không giống nhau, có ba loại danh xưng. Nhưng gốc của nó đều là nhất niệm tâm tánh hiện tiền của bản

thân, đây là điều mà tất cả chúng sanh đều có. Vậy nên trong đại kinh đức Phật thương nói “tất cả chúng sanh vốn là Phật”, câu nói này là thật, không phải giả.

Cổ Thánh tiên hiền của Trung Quốc cũng rất giỏi. Phật Giáo chưa truyền đến Trung Quốc, người Trung Quốc cũng đã biết rồi, Lão tổ tông, Thánh nhân Trung Quốc nói rằng: “bổn tánh vốn thiện” và Thích Ca Mâu Ni Phật nói “tất cả chúng sanh vốn là Phật”, ý nghĩa là một.

Mở đầu trong Tam Tự Kinh nói: “nhân chi sơ, tánh bổn thiện”. “Thiện” đó không phải là chữ “thiện” trong thiện ác. Chữ “Thiện” này có ý nghĩa tán thán. Tán thán điều gì? tất cả những viên mãn của quý vị không mảy may khiếm khuyết, tức là trí huệ của quý vị viên mãn, đức năng quý vị viên mãn, tướng hảo của quý vị viên mãn, không có một thứ gì không viên mãn. Trong tự tánh quý vị vốn đầy đủ, tìm không ra một chút khiếm khuyết nào, đó gọi là “bổn thiện”. Phật chính là nghĩa “bổn thiện”, được đại viên mãn. Đó là điều tất cả chúng sanh đều tương đồng, hơn nữa tất cả chúng sanh đồng một tâm tánh. Thực sự hiểu rõ rồi, làm rõ ràng rồi, làm rõ mối quan hệ giữa biến pháp giới hư không giới với bản thân rồi, là gì? là một thể! không phải là một nhà nữa, một nhà cũng hơi xa, là một thể. Một thể tức giống với thân người chúng ta vậy, bên ngoài là mắt tai mũi lưỡi thân, bên trong là lục phủ ngũ tạng, là một thể. Quý vị xem mối quan hệ này thân thiết biết bao. Cho nên tâm từ bi tức từ một thể mà phát sanh, gọi là vô duyên từ bi, tức không cần điều kiện. Từ ái là tình thương vô điều kiện. Lân mãn là đồng thể, tâm đại từ bi là lân mãn chúng sanh. Chúng sanh có khổ nạn là bản thân có khổ nạn. Bản thân chưa minh tâm kiến tánh chính là khổ nạn. Minh tâm kiến tánh đó là đại triệt đại ngộ. Nên đây là nhất niệm tâm tánh hiện tiền.

“Dĩ tâm tánh bổn vô ngoại cố”, trong tâm tánh không có trong ngoài. Nói cách khác, tất cả các những thứ tương đối không tồn tại. Chúng ta có thể nghĩ đến được. Không khởi tâm không động niệm là cảnh giới gì? Đó chính là nhất thể. Sau khi khởi tâm động niệm liền có phân biệt, liền có người, có ta. Từ trong phân biệt liền khởi chấp trước, đó là mê mỗi lúc mỗi sâu thêm. Khởi tâm động niệm là vừa mới mê, còn chưa có phân biệt, còn chưa có chấp trước. Cảnh giới này là gì? Cõi Thật báo trang nghiêm của Chư Phật Như Lai. Trong cảnh giới này có phân biệt không có chấp trước. Đây là bốn tầng trên trong mười pháp giới là Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, Phật, họ có phân biệt, không có chấp trước. Khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước đều có đó là sáu cõi phàm phu. Phật đem nguyên lý này nói rõ ràng như vậy. Cho nên tu hành là tu gì? Không có gì ngoài buông xả mà thôi. Quý vị xem buông xả chấp trước liền thành A la hán. Trí huệ

đức năng trong tự tánh của chúng ta nó liền lộ ra được một phần. Vì sao vậy? Vì vốn có, không phải học mà được. Thứ học mới có gọi là tri thức; bản thân vốn có là trí huệ. Trí huệ có thể giải quyết vấn đề không có hậu di chứng. Tri thức giải quyết vấn đề có tính hạn chế, có hậu di chứng.

Thời đại ngày nay của chúng ta, tức là toàn thế giới 200 năm trở lại đây, khoa học hưng khởi rồi, khoa học hưng khởi chỉ chú trọng về vật chất. Nói cách khác, chỉ chú trọng việc tìm cầu tri thức, mà không quan trọng trí huệ, quên mất trí huệ. Người ngày xưa tìm cầu trí huệ, tri thức là thứ yếu. Tri thức bổ sung cho trí huệ. Đặc biệt là Trung Quốc và Ấn độ tầng lớp cầu trí huệ, lí niệm, phương pháp, kinh nghiệm, hiệu quả đều đứng đầu thế giới, những dân tộc quốc gia khác đều không sánh kịp. Trí huệ, đức năng, tướng tốt toàn là vốn đầy đủ trong tự tánh. Hướng ngoại tìm cầu là sai, không cần phải hướng ngoại, tu sửa bản thân cho tốt, bản thân tu tốt rồi, hoàn cảnh bên ngoài tự nhiên liền biến chuyển. Vì sao vậy? Vì cảnh chuyển theo tâm.

Niệm lực, quý vị xem điều đầu tiên, có thể chuyển thân thể chính mình. Thứ hai là môi trường quý vị ở có thể chuyển. Đây là người xưa nói “người phước ở đất phước, đất phước người phước ở”, người tâm tốt có phước, họ trú nơi địa phương này thì địa phương này ít tai ít nạn. Khu vực này mùa màng bội thu, nhân dân an lạc.

Cổ kim trong nước ngoài nước quý vị xem một số Thánh hiền, không ai không chú trọng dạy học. Vì sao vậy? Vì Thánh hiền được giáo dục mà ra. Phật Bồ Tát cũng từ giáo dục mà ra. Người xưa hiểu được dạy học. Thời Xuân Thu chiến quốc, ít nhất cũng cách chúng ta hiện nay 2500 năm trước, thời đại của Khổng Tử. Lễ Ký được hoàn thành vào thời đại đó, họ biết được: “kiến quốc quân dân, giáo học vi tiên”. Dạy học của người xưa trong những ghi chép, thời Nghiêu Vương, thời đại Nghiêu Thuấn, Nghiêu Vương, Thuấn vương, chính phủ đã chính thức thiết lập một quan viên để thúc đẩy giáo dục, để chủ quản giáo dục, thúc đẩy giáo dục. Quan viên này gọi là Tư đồ. Dạy cái gì? Dạy luân lí, dạy đạo đức, dạy nhân quả.

Con người phải từ nhỏ, người Trung Quốc gọi là dạy trẻ em, là từ lúc mang thai đã bắt đầu dạy, gọi là thai giáo. Trẻ em ra đời đến ba tuổi là một ngàn ngày này là thời gian quan trọng nhất. Vì sao vậy? Vì bước đầu tiên quan trọng. Lúc này dạy tốt rồi, suốt đời sẽ không trở thành xấu. Người Trung Quốc coi trọng giáo dục bén rễ.

Phật Giáo là giáo dục, không phải là tôn giáo. Vì thế sau khi đức Thích Ca Mâu Ni Phật nhập diệt, học trò của Ngài đi tuyên dương khắp nơi, có một số nơi hai ba trăm năm, có một số nơi sáu bảy trăm năm, chỉ có ở Trung Quốc hai ngàn năm không suy thoái, nguyên nhân là gì? Sư đạo được xây dựng trên nền tảng hiếu đạo. Nền tảng hiếu đạo của người Trung Quốc rất sâu sắc, hơn hẳn Ấn độ. Nên Phật Giáo tại Ấn độ bị suy diệt, tại Trung Quốc lại hưng thịnh, khai hoa, kết quả thành công rồi. Nó nhất định phải được xây dựng trên nền tảng hiếu đạo. Ở nơi này nếu không nói hiếu đạo, Phật Pháp sẽ không thể sinh tồn. Giáo dục của đức Phật nhất định kiến lập trên xã hội biết hiếu đạo, nó mới có thể phát huy rộng lớn. Nguyên nhân rất đơn giản, một người hiếu thảo họ sẽ biết tôn sư, họ học tập với tâm thái chân thành. Họ có tâm chân thành, có tâm cung kính, họ thực sự có thể học được. Nếu như tâm hời hợt nóng nảy, đối với cha mẹ không có lòng hiếu, đối với thầy giáo không có tâm tôn trọng, Phật Bồ Tát Thần tiên đến dạy họ cũng vô ích. Họ chỉ có thể học được một tí ngoài da, là thường thức, trí huệ chân thật họ không lĩnh ngộ được, khó là khó ở chỗ này vậy.

Ngày nay điển tịch của Thánh hiền với kỹ thuật in ấn thuận lợi như vậy, số lượng lưu thông rất lớn, đến đâu để tìm được một người hiếu thuận cha mẹ, tôn sư trọng đạo để học, vậy là khó rồi. Không phải là người hiếu thảo cha mẹ, tôn sư trọng đạo, Khổng tử có dạy cũng vô ích, Thích Ca Mâu Ni Phật đến dạy cũng không ích gì, không thu được kết quả. Đó mới là vấn đề thực sự khó. Chúng ta nếu như muốn phục hưng văn hóa truyền thống xưa, tuyệt đối không phải một thế hệ này của chúng ta, thế hệ chúng ta sẽ không thành công được. Ít nhất phải từ ba thế hệ đến năm thế hệ về sau. Mới có cách phục hưng được, ba đến năm thế hệ sau. Người ba đời này sẽ vô cùng vất vả, phải thực sự hiểu được giáo dục, từ trẻ em bồi dưỡng giáo dục thành Thánh hiền. Dạy họ tương lai làm Thánh nhân, làm Hiền nhân, không phải là làm quan lớn, làm giàu lớn, dạy họ đến cứu đời cứu người.

Trong xã hội hiện nay chỉ có một phương pháp, tìm đến một nơi rất hẻo lánh, nơi cách xa đô thị, nơi giao thông không thuận lợi, nơi hoang vu để mở một trường tư thục ở đó. Từ nhỏ đến lớn không để cho bị ô nhiễm, họ mới có thể tiếp thu được, họ mới có thể đặc định, họ mới có thể khai trí huệ. Nếu không có một môi trường như vậy thì dạy không thành công. Ngày nay quý vị có dạy tốt hơn nữa, xem một bộ phim là xong hết rồi.

Ngày xưa lúc tôi theo học ở Đài Trung, thầy giáo của chúng tôi tổ chức hội thảo lớn về đại học và cao đẳng Phật học, rất quý giá. Hội thảo này thời gian ngắn, hai

tuần, ba tuần, bốn tuần, dài nhất là bốn tuần. Số học sinh không nhiều khoảng hơn 100 người, đều là sinh viên hoặc là nghiên cứu sinh. Bốn tuần học được xem ra cũng rất khá, thực sự có những thay đổi thấy rõ. Thầy giáo nói quý vị ở đây được huấn luyện bốn tuần, quý vị kết thúc rồi, đến rạp phim xem hai bộ phim coi như xong, hoàn toàn khôi phục nguyên trạng. Quý vị đã biết được sự việc này khó khăn biết bao. Chỉ là gieo cho họ chút thiện căn mà thôi. Những đồng học trong khóa học này gần như hơn số nửa đều đã qua đời, là việc của 50 năm trước. Lúc đó đang học đại học đều là hai mươi mấy tuổi. Nói cách khác, hơn 70 tuổi rồi, có rất nhiều người sống không đến 70 tuổi, đều đi hết rồi, thật không dễ dàng gì. Không phải người thực sự hiểu biết, người có tâm từ bi, người thực sự có trí huệ, ai tình nguyện làm những việc này? Mục tiêu trung tâm của Phật Pháp Đại Thừa chính là minh tâm kiến tánh.

“Tâm tánh không có trong ngoài, Phật thị hiện, Phật đến tiếp dẫn, nhờ vào Phật lực của tự tâm tiếp dẫn, có khó khăn gì.” Ý nghĩa này nói rất sâu. Phật A Di Đà là ai? Là từ trong tâm mình biến hiện ra, tâm này là Phật, Phật tức là tâm. Ngẫu Ích đại sư người cuối triều Minh, ngài qua đời vào đời Nhà Thanh, ra đời vào thời nhà Minh, qua đời vào thời nhà Thanh. Trung Phong thiền sư người đời nhà Nguyên, sớm hơn Ngài rất nhiều. Trung Phong Thiền sư trong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự Toàn Tập nói: “tâm ta tức là Phật A Di Đà, Phật A Di Đà tức là tâm ta”. Quý vị xem xem so với lời của Ngẫu Ích đại sư hoàn toàn tương đồng, “Tịnh Độ tức nơi này, nơi này tức Tịnh Độ”, đây là điều Trung Phong thiền sư nói, chắc chắn tâm tánh là một không phải hai. Cũng chứng minh lời Phật thường nói trong giáo lý Đại Thừa: “tất cả các pháp từ tâm tưởng sanh”, trong Kinh Hoa Nghiêm nói toàn thể vũ trụ là: “duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”, nó thực sự là một không phải hai. Điều này phải nên học tập, cần phải yên tĩnh, an ổn, thanh tịnh ít muốn, triệt để buông xuống, không nhiễm mảy trần. Quý vị mới có thể lãnh hội, quý vị mới có thể khế nhập. Khế nhập này chính là chứng đắc. Trong kinh Đại Thừa giảng, hoàn toàn là sự thật chân tướng. Sau khi khế nhập thọ dụng vô cùng. Đó là gì? đó là thực sự sống đời sống của Phật Bồ Tát. Trong tâm còn có tạp niệm, điều này không được. Đó là phá hoại toàn bộ công phu của quý vị.

Xã hội ngày nay, tìm một người trong tâm không có tạp niệm, quý vị đi tìm, e rằng trong một triệu người tìm không ra một người. Quý vị liền biết sự việc này khó khăn biết bao. Không đầy đủ điều kiện này, Đại Thừa không dễ dàng khế nhập. Học tập cũng chỉ là học được thường thức mà thôi.

Tôi hai lần tham quan viện Hán học của Luân đôn Anh quốc, tôi thấy họ đang học Phật học, Nho học, Đạo học. Tôi nói với họ: thứ tôi học và quý vị học là trái ngược. Trái ngược như thế nào? Tôi học là học Phật, học Nho, học Đạo. Văn tự người nước ngoài, chúng ta nhìn xem từ tay trái sang tay phải của chúng ta: Phật học, Nho học, Đạo học. Văn tự Trung Quốc là từ phải sang trái. Dùng văn tự Trung Quốc mà đọc là học Phật, học Nho, học Đạo, rất khác nhau. Học Nho phải học được như Khổng tử. Học Đạo phải học được như Lão tử. Học Phật phải học được như Thích Ca Mâu Ni Phật, mới thực sự được lợi ích.

Theo Nho học Khổng tử là Khổng tử, quý vị là quý vị. Quý vị không phải là Khổng tử, Khổng tử cũng không phải là quý vị. Thứ quý vị học là thường thức của Nho giáo, thường thức của Đạo giáo, thường thức của Phật giáo, chẳng lợi ích gì. Không được lợi ích, nói theo Phật Pháp là “không hiểu Như Lai chân thật nghĩa”, thứ quý vị nghiên cứu được là ý của quý vị, không phải ý của Phật. Kinh quý vị giải thích là ý của quý vị đang giải thích, không phải là ý của Phật, sai khác rất nhiều. Chúng ta xem rồi liền rất rõ ràng, rất sáng tỏ. Trường còn mời tôi, tôi rất cảm kích, tôi uyển chuyển từ chối. Vì sao vậy? Đến nơi đó cũng là nói về tri thức, nó không phải là trí huệ. Làm việc tri thức chẳng bằng tôi hiện tại ở đây giảng kinh dạy học được rồi. Hiện nay dùng phương thức này, đó gọi là hiện đại hóa, có người thực sự thành tựu hay không? Chắc chắn có. Ở trước ti vi, ở trước mạng internet có người đang thật làm. Số ít, có người thật làm, có người thực sự thành tựu rồi.

Trường học không có phạm vi lớn như chúng ta, người hữu duyên trên toàn cầu, lúc này họ đang xem qua mạng, đang xem qua truyền hình vệ tinh, chúng ta cùng nhau học tập, thực sự có thể ngộ nhập. Chỉ cần đầy đủ chân thành cung kính, thì có thể ngộ nhập. Không có thành kính, có trực tiếp dạy cũng vô ích. Vì thế Ấn Quang đại sư nói rất hay: “một phần thành kính được một phần lợi ích, trăm phần thành kính thì được trăm phần lợi ích, vạn phần thành kính thì quý vị được vạn phần lợi ích.” Quý vị có thể đạt được nhiều ít, không liên quan gì đến thầy giáo, mà liên quan đến tâm chân thành cung kính của bản thân quý vị. Xưa nay trong nước ngoài nước dạy học đều không có ngoại lệ. Đạo lý này nhất định phải hiểu. Chúng ta muốn thật học, thật sự đạt được Phật Pháp, chúng ta đối với Phật Bồ Tát không cung kính thì làm sao được? Không chân thành thì không học được. Đầy đủ chân thành, cung kính, không có thầy giáo dạy, quý vị cũng thành công. Đối diện với kinh sách chính là đối diện với Phật Bồ Tát. Đọc từng lần từng lần một, người xưa nói “đọc sách ngàn lần, tự thấy nghĩa nó”, tức khai ngộ rồi. Ngàn lần

đọc xong rồi, đắc định được rồi. Định là tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh khởi tác dụng là trí huệ, đó là khai ngộ rồi. Không cần người khác nói, bản thân liền thông đạt rõ ràng. Điều này phải có tâm kiên trì, đọc từng lần từng lần một. Mười lần không khai ngộ, một trăm lần, một trăm lần không khai ngộ thì một ngàn lần, ngàn lần không khai ngộ thì hai ngàn lần, hai ngàn lần không khai ngộ thì ba ngàn lần. Quý vị cứ tiếp tục đọc chắc chắn khai ngộ. Nên điều này nói rõ hiện tại, tương lai thấy Phật, đều là Phật lực tự tâm tiếp dẫn. Có lý gì lại không vãng sanh? Phật A Di Đà không phải là người ngoài. Thế giới Cực Lạc không phải là nhà của người khác, là nhà của mình. Phật A Di Đà là người nhà của mình. Quý vị phải khẳng định được như vậy.

“Nhu trong gương soi non nước lâu các mấy mươi tầng, tầng thứ tựa như, thật không gần xa”. Ví dụ này, ví dụ của người xưa, thời đó chỉ có gương soi, ngày nay có ti vi, ngày nay có mạng internet, đều nhìn trên màn hình, thật không có gần xa. Khắp pháp giới hư không giới đều ngay hiện tại.

“Vừa chiếu đều đủ hết, thấy không có trước sau”, chúng ta soi gương, vừa soi toàn bộ đều soi trong đó, không có trước sau. Trên thực tế toàn bộ vũ trụ phát sinh, cũng là hiện tượng như vậy, cũng không có trước sau. Trong một niệm đồng thời phát sanh. Hiền Thủ quốc sư nói rất hay, quý vị xem Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, trong một bài luận văn này, tổng cộng chỉ có sáu đoạn. Ba đoạn trước nói về nguyên khởi vũ trụ. Vũ trụ từ đâu mà có? Sinh mạng từ đâu mà đến? Tôi từ đâu mà đến? Nói rất rõ ràng, rất sáng tỏ. Thực sự nhìn thấu rồi sẽ hiểu được, khắp pháp giới hư không giới và chúng ta là một thể, quan hệ rất mật thiết. Chúng ta khởi một niệm, bất luận là thiện niệm hay là ác niệm, đều ảnh hưởng đến biến pháp giới hư không giới. Niệm lực này của quý vị phải kiên cố, kiên cường thì sức ảnh hưởng lớn. Lúc niệm lực của quý vị nhỏ yếu sức ảnh hưởng sẽ rất nhỏ. Đó cũng là chân tướng sự thật. Thiện niệm cảm ứng ba đường thiện. Ba đường thiện là do thiện niệm cấu thành. Ba đường ác là do ác niệm tạo thành. Quý vị không thể nói nó có, quý vị cũng không thể nói nó không có.

Ngày xưa Chương Thái Viêm lão cư sĩ từng làm phán quan của Đông Nhạc đại đế. Ông là tín đồ Phật Giáo kiên thành, rất từ bi, nghe nói trong địa ngục có hình phạt nung đốt da người, ông ta nghe rồi không nhẫn tâm, nên kiến nghị với Đông Nhạc đại đế, có thể phế bỏ hình phạt này hay không, Đông Nhạc đại đế phái hai tiểu quý dẫn ông đến hiện trường để xem. Đại đế nói, người đi xem xem, xem rồi trở về rồi nói. Tiểu quý dẫn ông ta đến hiện trường, ông ta nhìn không thấy, lúc đó hốt nhiên đại ngộ, tất cả đều do tâm tạo. Chương Thái Viêm không tạo nghiệp

này, địa ngục ở trước mắt nhìn không thấy. Như vậy mới hiểu được địa ngục không phải Diêm Vương thiết lập. Là nghiệp lực bất thiện của bản thân quý vị biến hiện ra, không có thứ gì không phải do tự tác tự thọ. Quý vị ở nơi đó chịu tội, quý vị muốn trách Diêm Vương, vậy là quý vị tội càng thêm tội, tội quý vị thêm một bậc nữa. Quý vị không biết hoàn toàn là do bất thiện nghiệp của bản thân biến hiện, cùng một đạo lý như vậy, thiên đường là do thiện nghiệp biến hiện. Thế giới Cực Lạc là do tịnh nghiệp biến hiện. Nguyên lực của Phật A Di Đà, nguyện lực của bản thân tôi và nguyện lực của Phật A Di Đà, tập hợp lại với nhau liền biến thành nguyện lực của Thế giới Cực Lạc. Quý vị hiểu được đạo lý này quý vị sẽ rõ ràng được. Thực sự tin tưởng vãng sanh Thế Giới Tây Phương Cực Lạc tôi cũng có phần, quý vị cũng có phần, mọi người đều có phần, chỉ cần làm rõ, hiểu rõ việc này rồi, vấn đề đã được giải quyết rồi.

“Từ Tây phương này qua mười vạn ức Phật độ, có một thế giới tên là Cực lạc, cũng như vậy”, đạo lý cũng giống như phía trước đã nói, cùng một kiểu đó, giống như cái gương soi chiếu cảnh quan bên ngoài, tầng thứ như thật, không có gần xa. “Nước đó có Phật hiệu A Di Đà, hiện đang thuyết pháp, cũng như vậy”. Tự tánh Di Đà đang thuyết pháp. Chúng ta dùng tâm tự tánh tương ưng để nghe, liền nghe hiểu được. Nếu dùng tâm trái ngược với tự tánh thì đó là phiền não, vọng niệm. Dùng vọng tâm để nghe quý vị sẽ nghe không hiểu. Nếu như quý vị dùng chân tâm để nghe, sẽ không có lí gì mà quý vị không hiểu.

“Người này lúc lâm chung, Phật A Di Đà và chư Thánh chúng hiện ở trước họ, người này lúc chết, tâm không điên đảo, liền được vãng sanh về quốc độ cực lạc của A Di Đà Phật, cũng như vậy”. Lời này Ngẫu Ích đại sư nói rất hay, người niệm Phật lúc lâm chung, suốt đời họ có một mong muốn duy nhất đó là hi vọng sau khi chết, linh hồn đến Thế giới Cực Lạc, thân cận Phật A Di Đà. Lúc lâm chung họ thực sự được vãng sanh, Phật A Di Đà đến tiếp dẫn họ, hiện ở trước mặt họ. “Hiện ở trước mặt họ” điều này thuộc về hiện tiền thấy Phật. Họ chưa dứt hơi, họ có thể nói chuyện với người bên cạnh: tôi nhìn thấy Phật A Di Đà, Phật đến tiếp dẫn tôi rồi. Người khác không nhìn thấy, họ có thể nhìn thấy. Đây đều thuộc về hiện tiền thấy Phật. Người này lúc lâm chung quan trọng nhất là tâm không điên đảo. Điều này vô cùng quan trọng. Tức là trong tâm rõ ràng, sáng suốt, họ liền vãng sanh, họ đến Thế giới Cực Lạc rồi.

“Nên biết chữ chữ đều là Hải Ấn tam muội, linh văn của đại viên cảnh trí.” Mấy câu này là Ngẫu Ích đại sư tán thán đối với Kinh Di Đà, bộ Kinh Di Đà này chữ chữ đều là Hải Ấn tam muội. Hải Ấn tam muội là ví dụ, giống đại hải. Ví dụ tự

tánh giống biển lớn, tất cả những cảnh quan đều là ảnh hiện ở trong biển. Nếu như biển này không có sóng gió, không có nhiễm ô. Nước biển này giống như một mặt kính vậy, kính lớn chiếu soi được rõ ràng. Ví dụ với hải ấn tam muội. Tam muội là tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh chính là đại hải, tâm thanh tịnh sanh trí huệ. Pháp thế gian xuất thế gian đều có thể thông suốt rõ ràng. Đại viên cảnh trí, chuyển A lại ya thành đại viên cảnh trí. Trong Đại viên cảnh trí lưu xuất ra linh văn. Linh văn chỉ cho bộ kinh A Di Đà Kinh.

“Trên đây là lời Linh Phong tán thán kinh văn, cũng chữ chữ đều là hải ấn tam muội.” Lời tán thán của Ngẫu Ích đại sư không thể nghĩ bàn. Điều Ngẫu Ích đại sư nói và kinh Phật nói không có gì khác nhau. Hai câu này là tán thán Ngẫu Ích đại sư. Ngẫu Ích đại sư có thể nói ra những lời này và Phật nói không khác, cùng một cảnh giới.

“Ba giải thích ở trên”, tức nói trên đây nêu ra ba ví dụ. Liên Trì đại sư nói, Viên Trung Saonói, Yếu Giải nói, đều giống như chư Tổ của Thiên Tịnh vậy. Đó chính là những điều họ nói, ý nghĩa hoàn toàn tương đồng.

“Chính là từ trong đại quang minh tạng tự nhiên lưu xuất ra vậy”. Đại quang minh tạng chính là Thường tịch quang, chính là tự tánh, chính là Đại bát Niết bàn, chính là chân tâm bản tánh của bản thân. Vậy thì Phật Pháp từ đâu mà có? Phật Pháp từ trong chân tâm bản tánh của bản thân lưu xuất ra, không phải từ nơi khác đến. Minh tâm kiến tánh rồi họ tự nhiên lưu xuất ra. Người chưa kiến tánh thì tư tưởng của chúng ta, luận bàn của chúng ta, văn tự chúng ta viết ra từ đâu mà lưu xuất ra? Từ A lại ya lưu xuất ra, không giống nhau. A lại ya là gì? là tập tánh. Là những thứ chúng ta học được ghi nhớ vào đó. Chúng ta ghi nhớ rất nhiều, quảng học đa văn, chúng ta đều từ nơi này mà đến, không phải từ tự tánh hiển lộ ra. Nhưng sau khi minh tâm kiến tánh thì khác rồi, tức là họ không còn tâm phân biệt, không còn tâm chấp trước. Không phải từ trong tâm này. Những thứ thuộc thế gian toàn bộ đều từ trong phân biệt chấp trước mà lưu xuất ra. Chỉ có chư Phật Bồ Tát thứ họ nói mới từ tâm thanh tịnh lưu xuất ra, từ tâm bình đẳng lưu xuất ra, từ tâm thực sự từ bi lưu xuất ra. Đó gọi là linh văn, gọi là Thánh kinh.

Dưới đây nói, “nên ta người không hai, tự tha đều như vậy”. Tự là bản thân, tha là chỉ cho chư Phật. Từ trên kinh văn nói, tự này chính là chư vị Tổ sư. Họ là Chư Phật Như Lai. Từ bản thân chúng ta mà nói, “tự” là bản thân chúng ta, “tha” là Chư Phật Như Lai, chư vị Tổ sư, và chúng ta là mối liên hệ gì? Là không hai. Từ

trên tâm hiện mà nói là không hai. Từ trên sự tướng mà nói thì tự tha đều như nhau. Đây là từ trên sự tướng mà nói.

“Vì tự tha không phải hai, nên Phật đến đón cũng là Phật của tự tâm.” Quý vị nhìn thấy Đức Phật đó là quý vị từ trong tâm mình, tâm tướng mà sanh ra.

“Lại nữa vì tự tha là một nên Phật thật không đến, người cũng không đi, trong đó giống như hiện việc lâm chung Phật đến, vãng sanh cực lạc.” Sự việc này dường như là thật, giống như đang diễn kịch vậy, diễn rất giống thật. Rất giống thật là một hiện tượng. Hiện tượng này làm sao có thể kết hợp với “không hai”? “Giống như” và “không hai” là một không phải hai. Chúng ta xem hình ảnh trên ti vi thì có thể nhìn ra được. Hiện tượng này quý vị có thể lãnh hội được. Chúng ta mở màn hình ti vi, hiện tượng xuất hiện, nó đã đến hay chưa? Chúng ta tắt kênh truyền hình đó đi, hiện tượng này phải chăng đã đi rồi? chúng ta biết được kênh truyền hình vừa ấn nút sắc tướng xuất hiện, nó không có đến. Sau khi tắt nút không còn nữa, nó cũng không đi. Trước mắt chúng ta “không hai” và “giống như” này là một không phải hai.

Vì thế ti vi này biết xem, thì khai ngộ, thành Phật rồi. Không biết xem, đều bị nó làm cho mê muội, quý vị đang tạo nghiệp. Biết xem thì màn hình này chính là chân tâm. Vì sao vậy? Vì nó không thay đổi. Sắc tướng ở trong đó nó là vọng tâm, nó là từng sát na đang thay đổi. Quý vị xem chân và vọng không hai. Biến và bất biến là một. Thứ sẽ thay đổi là giả, thứ không thay đổi là thật. Thật không trở ngại giả, giả cũng không trở ngại thật. Thế giới hiện tiền của chúng ta chính là như vậy. Cho nên người học Phật quý ở chỗ biết chân vọng, biết được như thế nào là chân, như thế nào là vọng. Thứ vọng phải buông xuống, đừng chấp trước nó. Thực sự chúng ta phải chứng đắc nó, vậy thì quý vị liền được tự tại ngay đây, quý vị liền được giải thoát ngay đây.

Giải là gì? là cởi mở những phiền não, âu lo, vướng mắc của quý vị. Vì sao vậy? Vì toàn là giả. Quý vị đã quá bận tâm, bận tâm vô ích, toàn là giả thôi. Những gì là thật? Trong thật thì không có gì cả. Cái gì cũng có thể hiện, tuy hiện nhưng vẫn không có. Cho nên phàm có hình tướng đều là hư vọng. Hình ảnh trên ti vi chúng ta thấy được nó thay đổi trong từng sát na. Không có một hiện tượng nào là tương đồng. Ti vi hiện nay là kỹ thuật số, không phải dùng băng nhựa phát ra nữa, băng nhựa phát ra điều này thể hiện rất rõ, có thể thấy được. Tốc độ kỹ thuật số tương đối nhanh. Nhưng vẫn chưa đạt đến một giây 1600 triệu, chưa đạt đến. Đức Phật dạy, một giây 1600 triệu là môi trường hiện thực của chúng ta, không phải là thật.

Hà tất phải ở đây nảy sanh không chế, chiếm hữu. Đây là tạo tội nghiệp. Quý vị thật sự có thể không chế sao? Không thể. Thật sự có thể chiếm hữu không? Cũng không thể. Đầu tiên chính là thân thể, thích hợp nhất, thân thể này ta có thể không chế không? Ta nếu như thực sự có năng lực không chế, chúng ta bảo nó mỗi năm đều là 18 tuổi. Vậy là chúng ta thực sự không chế được rồi. Nếu như lúc tôi chiếm hữu nó, tôi khiến nó không sanh không diệt, sẽ không làm được. Nó vẫn là từng sát na sanh diệt, quý vị đối với nó cũng chẳng có cách gì. Hiểu rõ chân tướng sự thật rồi, thân thể này bị chúng ta sử dụng thời gian không dài, chẳng qua cũng mấy mươi năm mà thôi. Hiện nay tôi đã rõ rồi. Cần thận lợi dụng nó, tích lũy công đức, làm nhiều việc tốt. Những thứ mang theo được tôi phải làm, những thứ không mang theo được nhất định không làm. Danh văn lợi dưỡng không mang theo được, địa vị của quý vị không mang theo được, tài sản của quý vị không mang theo được, những thứ đó đều là giả. Có thể mang đi được là những gì? Là nghiệp của quý vị, nghiệp thiện của quý vị, giúp quý vị sanh vào ba đường thiện. Ác nghiệp của quý vị giúp quý vị đọa vào tam đồ. Vậy ngày nay chúng ta hiểu rõ rồi. Chúng ta phải lợi dụng thân thể này niệm Phật A Di Đà. Niệm Phật A Di Đà tương lai đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc để làm Phật, quý vị thực sự đã biết cách dùng. Sự việc này quý vị thấy rõ ràng rồi, thấy minh bạch rồi, cần thận lợi dụng thân thể giả huyền này, mượn giả để tu thật. Thế giới Cực Lạc là thật, Phật A Di Đà là thật. Quý vị đến Thế giới Cực Lạc, quý vị xem lúc vãng sanh Phật đến tiếp dẫn quý vị. Trước lúc vãng sanh Phật đến thông báo cho quý vị. Đó là hai lần thấy Phật thường gặp nhất, thường gặp nhất. Người vãng sanh đều có cảnh giới như vậy. Sanh đến Thế giới Cực Lạc Phật đến tiếp dẫn quý vị, đầu tiên Phật phóng quang chiếu quý vị, Phật quang vừa chiếu công phu của quý vị được nâng cao gấp bội. Công phu niệm Phật của chúng ta chưa đạt đến công phu thành phiến. Phật quang vừa chiếu liền nâng cao chúng ta đến thành phiến. Nếu như thực sự niệm đến công phu thành phiến, Phật quang này vừa chiếu liền nâng cao đến nhất tâm bất loạn. Sự nhất tâm là Phương tiện độ, lí nhất tâm là Thật báo độ, không giống nhau!

Thiện Đạo đại sư nói: “tứ độ tam bối cửu phẩm đều do nơi gặp duyên không đồng”. Duyên này chúng ta có thể nắm chắc. Đó mới gọi là đại sự nhân duyên. Sự việc này là thật. Vì sao vậy? Vì quý vị có thể mang theo được. Sự việc khác đều là nghiệp báo, nếu quý vị làm, thì quý vị bị thiệt lớn rồi. Sanh đến Thế giới Cực Lạc liền được oai thần của 48 nguyện của Phật A Di Đà gia trì. Vừa được gia trì quý vị chính là Bồ Tát A Duy Việt Trí. Điều này có nằm mơ chúng ta cũng

không dám nghĩ đến. Bởi vì Phật A Di Đà có lời nguyện này, đem Thế giới Cực Lạc biến thành một cảnh giới vô cùng đặc thù khác với tất cả những quốc độ khác của chư Phật. Biến thành một thế giới như thế nào? Biến thành một thế giới bình đẳng. Có tứ độ tam bối cửu phẩm hay không? Có. Chắc chắn có, nhưng trên tướng thì sao? Trên tướng nhìn không ra, trên tướng hoàn toàn bình đẳng. Đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát, điều này bình đẳng. A Duy Việt Trí Bồ Tát vốn là chỉ cho cõi Thật báo. Nói cách khác, cõi Đồng cư, cõi phương tiện, đều là cõi Thật báo không có sai khác, hợp thành một khối. Đó là một hiện tượng đặc thù của Thế giới Cực Lạc. Điều này đối với người chưa đoạn được phiền não tập khí như chúng ta có lợi ích lớn. Quý vị tu học trong hoàn cảnh này sẽ vô cùng dễ dàng đoạn phiền não, dễ dàng khai ngộ, là một môi trường tu học tốt nhất, vì sao lại không đi? Vì vẫn chưa phát tâm, không muốn đi. Tâm thái này chúng ta hiểu rõ. Vì sao vậy? Vì đối với Thế giới Cực Lạc không quen biết, chưa hiểu rõ được. Thực sự hiểu biết rồi, thực sự rõ ràng rồi, e rằng sức mạnh như thế nào cũng không ngăn cản được quý vị. Quý vị chắc chắn phải đi. Quý vị phải thực sự hiểu rõ điều này, vì sao vậy? Đây là đại lợi ích vô lượng vô biên không thể so sánh! Quý vị đi làm Phật rồi, trong biến pháp giới hư không giới quý vị đạt được đại viên mãn, quý vị được đại tự tại rồi.

Mấy câu cuối cùng, bốn câu này rất hay.

“Lâm chung Phật nghênh, sự lý viên dung, tự tại vô ngại, đản năng ngưỡng tín, hoạch ích vô lượng”. Ở đây Hoàng Niệm Lão chí thành khẩn thiết khuyên nhủ chúng ta. “Sự” là sự tướng của Thế giới Cực Lạc. “Lý” là tự tánh lý thể. Lý sự viên dung đến cực điểm, tự tại vô ngại, đó là thực sự giải thoát. Lý sự viên dung là pháp thân đức, bát nhã đức. Tự tại vô ngại là giải thoát đức, “tam đức bí tạng”. Cuối cùng “đản năng ngưỡng tín”, ngưỡng là kính ngưỡng, chân thành cung kính tin vào sự việc này. Quý vị thực sự tin, lợi ích quý vị đạt được vô lượng vô biên, lợi ích chân thật.

“Thượng, tam bối vãng sanh là một loại”, là thường quy của Thế giới Cực Lạc: Thượng bối vãng sanh, trung bối vãng sanh, hạ bối vãng sanh. Nhớ kỹ tam bối cửu phẩm, điều kiện căn bản của nó là phát tâm bồ đề, nhất hướng chuyên niệm A Di Đà Phật. Trong tam bối cửu phẩm đều coi đây là điều kiện đầu tiên. Cho nên nó là loại thứ nhất.

“Hạ” là đoạn kinh văn tiếp theo, là một loại khác. “Minh” điều gì vậy? Nhất niệm tịnh tâm, kiêu vãng sanh thập niệm nhất niệm, trong đó điều quan trọng nhất là tâm nhất niệm thanh tịnh. Lý luận là gì? Tâm tịnh tức Phật độ tịnh. Cũng chính là

không phải người tu Đại Thừa, tu những pháp môn khác, lúc lâm chung cũng nghĩ đến Thế giới Cực Lạc, thân cận Phật A Di Đà, có được không? Được. Tâm lượng Phật A Di Đà rộng lớn, không phải nói quý vị một đời tu pháp môn của ta, ta mới đến tiếp dẫn quý vị. Quý vị không tu pháp môn này, tâm của quý vị thanh tịnh, phù hợp với tiêu chuẩn của ngài, lâm chung vãng sanh Phật cũng đến tiếp dẫn quý vị. Không có phân biệt, không có chấp trước. Vậy nếu chúng ta hỏi, tin theo Cơ Đốc Giáo có được hay không? Tin theo Islam giáo có được không? Được, Phật A Di Đà đều hoan nghênh, chắc chắn không có chướng ngại. Bất luận quý vị tin theo tôn giáo nào, quý vị nếu như thật sự tin, quý vị có chân thành, có cung kính, quý vị đem sự chân thành cung kính này hồi hướng về Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, cuối cùng một niệm lúc lâm chung là A Di Đà Phật, đều có thể vãng sanh. Pháp môn bình đẳng rộng lớn, quý vị không thể không khâm phục. Không có thành kiến, không có phân biệt. Vì sao vậy? Vì người khác không biết, Phật A Di Đà biết? Bất luận là tôn giáo nào cũng là người một nhà. Không phải là một nhà mà là một thể, còn thân thiết hơn là một nhà. Làm sao mà không thể vãng sanh! Nhất định không có thành kiến về pháp môn. Phàm có phân biệt pháp môn, cho dù có tu pháp môn Tịnh Độ nếu có phân biệt pháp môn, tôi không thể bao dung pháp môn khác, không thể bao dung tôn giáo khác, có thể vãng sanh hay không? Họ không thể vãng sanh.

Cổ nhân thường nói: “lượng đại phúc đại”, tâm lượng của Phật A Di Đà quá lớn, cái gì cũng bao dung, cái gì cũng hoan nghênh, chỉ cần quý vị chịu đi, Ngài liền đến tiếp dẫn quý vị. Ngũ nghịch thập ác Ngài cũng bao dung, chỉ có một người không thể đi, họ nếu như không tin tưởng thì sẽ không đi được. Không tin tưởng, họ không muốn vãng sanh. Phật A Di Đà đến tiếp dẫn họ, kéo cũng không kéo nổi họ. Không muốn đi, như vậy là không được. Chỉ cần muốn đi, ngũ nghịch thập ác, Ngài cũng đến tiếp dẫn quý vị. Nên Ngẫu Ích đại sư giải thích về phát tâm bồ đề, giải thích rất tuyệt diệu. Ấn Quang Đại sư tán thán vô cùng. Giải thích của ngài rất đơn giản, ta vừa nghe đã hiểu, hốt nhiên đại ngộ. Sao gọi là tâm Bồ đề? “Thực sự tin tưởng, thực sự muốn đi”. Tâm này chính là tâm bồ đề vô thượng. Ta tin tưởng hay không? Thực sự tin tưởng. Muốn đi hay không? Thật sự muốn đi. Vậy là tâm bồ đề quý vị đầy đủ rồi, điều kiện này đã đầy đủ rồi. Tiếp theo quý vị chỉ cần chịu niệm Phật là được rồi. Vãng sanh đích thực là nơi một niệm lúc lâm chung. Chánh niệm lúc lâm chung, chánh niệm chính là niệm lúc này thật tin thật nguyện. Người lúc lâm chung thật tin thật nguyện thì có thể vãng sanh. Công phu niệm Phật đó là phẩm vị của quý vị. Ngẫu Ích đại sư nói có thể

vãng sanh hay không quyết định nơi tín nguyện có hay không. Phẩm vị cao thấp đó là công phu niệm Phật của quý vị sâu hay cạn. Chỉ cần có thể vãng sanh, không nên so đo tính toán phẩm vị. Giống như Ngẫu Ích đại sư vậy, người ta hỏi Ngài, Ngài vãng sanh Tịnh Độ phẩm vị như thế nào thì ngài hài lòng? Ngẫu Ích đại sư trả lời mọi người: “tôi vãng sanh hạ hạ phẩm là hài lòng rồi”. Lời này nói rất hay, chỉ cần vãng sanh một đời liền làm Phật, không nên tính toán những phẩm vị này. Làm cho tâm quý vị càng chuyên hơn, nhất tâm hơn. Càng nhất tâm càng chuyên chú quý vị vãng sanh phẩm vị nhất định rất cao, chắc chắn vậy. Những người thích tính toán phẩm vị, khả năng phẩm vị rất thấp, trái lại quý vị không tính toán thì rất cao. Đức Thế Tôn giới thiệu với chúng ta đương nhiên tỉ mỉ hơn, Ngài giảng về nó rất rõ ràng, giảng rất thấu đáo. Cho nên một niệm tâm tịnh này là rất quan trọng. Thật tình mà nói, hằng ngày chúng ta dụng công cũng phải lấy điều này làm mục tiêu. Sống trong thế gian này mà tâm thanh tịnh thì tự tại biết bao. Tâm thanh tịnh không phiền não, tâm thanh tịnh chính là chánh niệm. Dùng tâm này để niệm A Di Đà Phật liền tương ứng. Một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật. Một niệm thanh tịnh này và Phật A Di Đà giống như đường dây nóng vậy, thông rồi, không chướng ngại nữa. Thập niệm nhất niệm vãng sanh điều này thuộc một loại.

“Hoặc gọi nhất tâm tam bối”, nhất tâm tam bối thuộc đoạn cuối cùng trong phẩm kinh này. Nhất tâm tam bối thấy ở chùa Tịnh Liên Bắc Kinh, của luật tông Từ Châu lão pháp sư. Phật thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh – khoa phán. Bộ kinh này chính là Hạ Liên Lão hội tập, lần đầu tiên được in ra, ông nói rất rõ ràng, ông hội tập bộ kinh này dùng thời gian ba năm mới hoàn thành. Lần đầu tiên in ra, bản này chúng ta có, chúng ta được một quyển. Ở Đài Loan tôi in ra một ngàn quyển, làm kỷ niệm. Có “khoa phán” của Từ Châu pháp sư. Đầu tiên hội tập là 37 phẩm, tôi nghĩ Hạ Lão dùng 37 phẩm trợ đạo, dùng ý nghĩa này, 37 phẩm. Sau đó lại dùng thời gian 7 năm, mỗi năm đều sửa đổi, trở thành một định bản, chính là bản mà chúng ta hiện đang dùng. Bản chúng ta đang dùng là định bản đã được sửa đổi trong mười năm, 48 phẩm, có tăng thêm một số. Đây là đại sự lớn nhất của Liên Lão một đời trụ trong thế gian này. Một cống hiến vĩ đại nhất trong thời mạt pháp 9000 năm của Thế Tôn. Dem Kinh Vô Lượng Thọ chỉnh lý thành một bản hoàn thiện, mọi người đều hoan hỉ.

Trước khi bản kinh này chưa xuất hiện, Tịnh Tông đều dùng bản nhỏ. Bản nhỏ đều dùng ba nhà chú giải, chúng ta đã đọc qua ở trước. Sớ Sao của Liên Trì đại

sư, Viên Trung Sao của U Khê đại sư, Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư. Đó là ba quyển chú giải quan trọng nhất của Kinh Di Đà. Sớ Sao dường như tôi đã giảng qua hai lần rồi. Yếu Giải cũng giảng qua mấy lần rồi. Viên Trung Saotôi đọc qua nhưng chưa dùng nó để diễn giảng. Ba chú giải này đều chú rất tốt.

Từ Châu pháp sư và Hạ Lão cũng là bạn đồng tu, là những vị nổi tiếng đương đại. Pháp sư còn là một trong ba vị cao tăng của Hoa Bắc Trung Quốc hiện đại, từng tại Tế Nam và Bắc Kinh chuyên giảng kinh này, và làm phân đoạn. Vào năm Kỷ Mão 1939 ấn hành. Bản tôi có được chính là bản này, bản năm Kỷ Mão. Hiện nay chúng tôi in 1000 quyển.

Từ Châu pháp sư chia ra nhất tâm tam bối, và hội tập bản là của Hạ Lão pháp sư. Hạ Liên Cư lão pháp sư “cùng một suy nghĩ”, cách nhìn đối với bản kinh này là nhất trí “cùng một cách viết”. Đối với bộ kinh này tôi có phân đoạn, phân đoạn làm rất tỉ mỉ, phân đoạn của tôi đã tham khảo phân đoạn của Từ Châu lão pháp sư. Phân đoạn của ngài tương đối đơn giản.

“Phát tiền nhân vị phát chi tinh uẩn”, tiền nhân là cổ nhân đại đức, đối với những kinh nghĩa của kinh văn này chưa bàn đến, ngài đã nói ra những điều đó. Giống như đoạn kinh văn này ngài chia ra nhất tâm tam bối, chia rất tốt, cổ nhân chưa nói đến những lời này.

“Hiện bày những diệu để bị ẩn từ lâu của Tịnh Tông”, Kinh Vô Lượng Thọ” của pháp môn Tịnh Độ, nghĩa lý vi diệu này tiền nhân chưa nói đến. Ngay cả cổ đức của Tịnh Tông Nhật Bản cũng chưa nói ra những điều này. Ở Nhật Bản người nghiên cứu Kinh Vô Lượng Thọ rất nhiều. Chú giải có hơn 20 bản. Cổ đức Trung Quốc chú giải chỉ có hai bản. Nhật Bản có đến hơn 20 bản.

“Ý chỉ Thiên Tịnh không hai, ở đây đã hiện bày”. Thiên, Tịnh là một không phải hai. Đối với Hạ Liên Cư và Từ Châu pháp sư, trong mắt họ nhìn thấy Thiên, Tịnh là một không phải hai. Kiểu kiến giải này có thể phá trừ sự phân biệt pháp môn giữa hai tông phái. Có một số Thiên Tông phản đối Tịnh Tông, Tịnh Tông cũng phản đối Thiên Tông, sai rồi. Sự việc này tuyệt đối không thể làm được. Vì sao vậy? Đó gọi là phá hòa hợp Tăng. Bởi Thiên là Thích Ca Mâu Ni Phật truyền lại, Tịnh cũng là Thích Ca Mâu Ni Phật truyền lại. Học Thiên phản đối Tịnh không phải là phản đối Thích Ca Mâu Ni Phật sao? Học Tịnh phản đối Thiên cũng là phản đối Thích Ca Mâu Ni Phật. Phản đối Thích Ca Mâu Ni Phật là phản đối Thầy Tổ, đại bất kính. Đó thật là phá hòa hợp tăng. Phật đối với mỗi loại căn tánh, nói một pháp môn, chứ không phản đối. Cho nên học Phật nhất định phải học Thiện Tài đồng tử. Quý vị xem Thiện Tài 53 lần tham học, pháp môn sở học

của 53 vị thiện tri thức hoàn toàn khác nhau. Thiện Tài đồng tử tham vấn từng người, đều là thầy giáo của ngài, ngài đều làm tư cách của học trò, hoàn toàn chấp nhận viên dung tự tại, không có chướng ngại. Chúng ta ngày nay không những đối với tông phái của bản thân, mà biết được một người thầy giáo, là một căn nguyên, chắc chắn không cho phép phản đối một điều mà thầy giáo dạy. Đối với tất cả những tông phái khác nhau cũng không thể phản đối. Chúng ta biết được điều gì? Người sáng lập của mỗi tôn giáo đều là hóa thân của Phật. trong Cơ Đốc Giáo thì sao? Tôi liền nói với họ, tất cả những người sáng lập tôn giáo đầu tiên, tôi nói đều là hóa thân của Thượng đế. Vậy là tự tại rồi, vấn đề đã được giải quyết rồi. Cho nên tôn giáo thế giới đều là một nhà. Tôn giáo có thể đoàn kết, Tôn giáo có thể đối xử hòa thuận. Mọi người phải đem giáo dục Tôn giáo làm cho tốt, rộng độ chúng sanh. Tín ngưỡng tôn giáo khác nhau, chúng ta đều dùng một tâm chân thành cung kính để đối xử, để tiếp nhận.

Tôi đề xướng, chúng ta không những phải đoàn kết mà còn phải thực sự học tập lẫn nhau. Đó mới là cơ sở thực sự của việc đoàn kết. Nếu như không nghiên cứu giáo nghĩa của nhau, thì sẽ sản sinh nghi hoặc, sẽ nảy sinh mâu thuẫn, sẽ gây ra xung đột. Tất cả đều hiểu rồi, đều rõ ràng rồi, toàn bộ đều hóa giải rồi. Sự việc này chúng tôi làm mười năm rồi. Thật là không gặp phải chướng ngại. Mọi người đều có thể chấp nhận.

Tôi ở Nam Dương đầu tiên đoàn kết chín tôn giáo ở Singapore, sau đó đoàn kết tôn giáo ở Indonesia, Úc châu và nay là Malaysia. Tôn giáo chúng ta đều có thể đối xử hòa thuận. Tổ chức đoàn đi du lịch trên toàn thế giới. Du lịch là cách tương tác rất tốt. Bình thường không qua lại, du lịch mười mấy ngày, từ sáng đến tối đều cùng nhau, điều gì cũng có thể bàn, vấn đề gì cũng có thể nghiên cứu. Đó là cách tốt nhất để đoàn kết tôn giáo, là một phương pháp, là một phương thức.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 416

Chuyển ngữ: Liên Hải

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 17.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 522, hàng thứ hai từ dưới đếm lên, bắt đầu xem từ kinh văn.

“Nhược hữu chúng sanh, trụ Đại Thừa giả, dĩ thanh tịnh tâm, hướng vô lượng thọ, nãi chí thập niệm, nguyện sanh kỳ quốc. Văn thậm thâm pháp, tức sanh tín giải, nãi chí hoạch đắc, nhất niệm tịnh tâm, phát nhất niệm tâm, niệm ư bỉ Phật. Thử nhân lâm mạng chung thời, như tại mộng trung, kiến A Di Đà Phật, định sanh bỉ quốc, đắc bất thối chuyển vô thượng bồ đề.”

Trong chú giải Niệm Lão nói: chương bên phải toàn là kinh văn của bản Đường Dịch. Ba hàng kinh văn này toàn là trích lục ra từ Đại Bảo Tích kinh, Vô Lượng Thọ Hội.

“Ngụy Đường lưỡng dịch”. Ngụy là bản dịch của Khương Tăng Khải. Tào Ngụy thời đại Tam Quốc. Hai bản dịch này dường như cùng một bản Phạn văn. Nguyên văn tiếng Phạn dường như là cùng một bản. Nhưng đoạn này kinh văn của bản Đường dịch, hệ thống rõ ràng, lời văn phong phú, ý nghĩa thâm sâu, hơn hẳn bản Ngụy dịch. So sánh trên bản dịch mà nói, bản dịch đời Đường hay hơn bản dịch đời Ngụy. Bản Ngụy dịch phân tán ở phần đầu và cuối của phẩm này. Ở trước đoạn “thượng bối” nói: chư hữu chúng sanh, văn kỳ danh hiệu, tín tâm hoan hỷ. Nãi chí nhất niệm, chí tâm hồi hướng, nguyện sanh kỳ quốc, tức đắc vãng sanh. Đản phục ư hạ bối văn trung viết: kỳ hữu chí tâm, dực sanh bỉ quốc. Giả sử bất năng tác chư công đức, đương phát vô thượng bồ đề chí tâm. Nhất hướng chuyên niệm, nãi chí thập niệm, niệm vô lượng thọ Phật, nguyện sanh kỳ quốc. Nhược văn thậm thâm pháp hoan hỷ tín nhạo, bất sanh nghi hoặc. Nãi chí nhất niệm, niệm ư bỉ Phật, dĩ chí thành tâm, nguyện sanh kỳ quốc. Thử nhân lâm chung, mộng kiến bỉ Phật, diệc đắc vãng sanh, công đức trí tuệ, thứ như trung bối giả dã.”

Đây là so sánh bản Ngụy dịch và Đường dịch, chúng ta liền biết được. Đoạn kinh văn chúng ta vừa đọc, hoàn toàn là bản Đường dịch. Dem hai bản ra so sánh, chúng ta liền hiểu được. Bản Đường dịch vừa đơn giản vừa rõ ràng. Đây chính là điểm thù thắng của phiên dịch.

Chúng ta xem chú giải của Niệm Lão trước, Ông trích dẫn bản Ngụy dịch.

Trước “thượng bồi” có mấy câu như thế này: “chư hữu chúng sanh, văn kỳ danh hiệu, tín tâm hoan hỉ”. Chư hữu chính là chỉ cho lục đạo chúng, lục đạo gọi là tam hữu. Dục giới hữu, họ có nhân quả của dục giới; có sắc giới hữu, có vô sắc giới hữu. Đó gọi là tam hữu. Có nhân đương nhiên có quả, quả chính là luân hồi lục đạo. Trong pháp giới nhân quả là thật. Chúng ta cùng nhau học tập kinh giáo Đại Thừa, vấn đề này giảng rất nhiều, cũng giảng rất thấu triệt. Nhân quả khởi từ lúc nào? Phật nói với chúng ta, khởi nguyên của vũ trụ, khởi nguyên này chỉ có trong kinh Đại Thừa nói rõ ràng. Chúng ta thấy rất nhiều thông tin học thuật không thể sánh với kinh giáo Đại Thừa.

Kinh giáo Đại Thừa, có thể dùng quốc sư Hiền Thủ nhà Đường viết Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán để làm ví dụ. Thiên này nói theo cách ngày nay là luận văn. Quyển luận văn của Hiền Thủ quốc sư văn tự không dài, nhưng nghĩa lý vô cùng sâu rộng. Tổng cộng có sáu đoạn, ba đoạn trước nói về vũ trụ, vạn pháp, sinh mệnh và ta từ đâu đến. Vũ trụ vạn pháp sinh mệnh thuộc về y báo, ta là chánh báo. Trong kinh giáo nói y báo, chánh báo chúng ta nhất định phải biết. Chánh báo là nói về bản thân, ngoài bản thân ra toàn bộ gọi là y báo. Y báo chính là môi trường sinh sống của chúng ta.

Trên từ chư Phật Bồ Tát dưới đến chúng sanh địa ngục, đó là y báo trên sự việc con người chúng ta. Tức là nói hoàn cảnh nhân sự của chúng ta đều là y báo của ta. Cỏ cây hoa lá, sơn hà đại địa, hư không pháp giới cũng là y báo của ta. Y báo và chánh báo đồng thời phát khởi, làm sao để sinh khởi? Trong kinh Đại Thừa Phật thường nói: “một niệm bất giác mà có vô minh”, một niệm bất giác này không có nhân. Nguyên nhân gì mà một niệm bất giác? Không có nhân. Nên Đức Phật gọi cái này là vô thủy vô minh. Đây chính là một niệm thất chiếu. Kinh giáo Đại Thừa thường nói “chiếu kiến”, chiếu kiến là trí tuệ. Thất chiếu là “chiếu” mất rồi, mất rồi cho nên bị mê. Vừa mê thì vọng tâm liền xuất hiện. Từ chân tâm xuất hiện vọng tâm. Vọng tâm này là thực sự là tạo vật chủ, chính là A lại da xuất hiện. Trong A lại da có tam tế tướng, có thể nói đó là hiện tượng tự nhiên, cũng có thể nói là hiện tượng nhân quả.

Cho nên niệm đầu tiên “nhất niệm bất giác” không có nhân, không có tiền nhân, là hư vọng, gốc nó là hư vọng. Sau khi A lại da xuất hiện vũ trụ liền xuất hiện. Vũ trụ là hiện tượng của A lại da. A lại da có tam tế tướng, điều này trên kinh Phật nói vậy. Tam tế tướng này đều thuộc hiện tượng tự nhiên, không có ý thức con người tạo tác trong đó, gọi là pháp vô vi, nó không phải là pháp hữu vi. Vừa

biến thành A lại da gọi là pháp hữu vi. Niệm đầu tiên là pháp vô vi, niệm thứ hai là pháp hữu vi. Niệm thứ nhất là nhân, niệm thứ hai là quả; niệm thứ hai là nhân, niệm thứ ba là quả. Di Lặc Bồ Tát nói một cái khay móng tay có 32 ức bách thiên niệm. Niệm thứ nhất không có nhân. Niệm thứ hai, niệm thứ nhất là nhân của nó. Quý vị xem nhân quả bắt đầu từ đây. Nhân quả vẫn là thứ đầu tiên để vũ trụ phát triển. Vậy làm sao mà không có nhân quả? Cho nên trong giáo lý Đại Thừa dùng sáu chữ để tổng quát tất cả các pháp. Sáu chữ này là: tánh tướng, lí sự, nhân quả. Tánh trong triết học nói là bản thể. Tướng là hiện tượng, hiện tượng là từ trong thể mà biến hiện ra. Nghiệp tướng của A lại da ngày nay nhà khoa học nói là năng lượng. Năng lượng từ đâu mà có chúng ta không biết được, Phật biết được. Năng lượng từ trong tự tánh mà có. Tự tánh tuy chẳng phải là cái gì cả, nhưng nó có năng lượng, nó có trí huệ, nó có đức năng.

Cũng giống như Phật nói trong Kinh Hoa Nghiêm: “tất cả chúng sanh đều có trí huệ đức tướng của Như Lai”. Cho nên trí huệ là thứ vốn có trong tự tánh của quý vị. Năng là đức năng, vạn đức vạn năng. Chữ “vạn” ở đây không phải là số từ mà là khen ngợi. Vô lượng đức năng, không chỉ là vạn đức vạn năng, có vô lượng tướng hảo. Chúng ta xem tướng hảo ở trên trời, tướng hảo của Phật quốc, tướng hảo của Thế giới Cực Lạc, Phật A Di Đà. Tất cả đều là thứ vốn có trong tự tánh của chúng ta. Nói như cách nói hiện nay, chúng ta vốn có trí huệ, tướng tốt, nay bị chôn vùi trong phiền não, vọng niệm. Nó không lộ ra được, nó không khởi tác dụng, không phải là không có, có, nhưng nó bị chướng ngại. Chướng ngại này sau khi đã trừ bỏ, nó liền được phát hiện, nó liền khởi tác dụng.

Ba loại chướng ngại chính là ba loại phiền não. Đức Phật nói rất rõ ràng, đầu tiên gọi là vô minh phiền não. Nó là tầng sâu nhất, khó đoạn nhất. Vô minh, dùng lời lẽ dễ hiểu của chúng ta mà nói, tức là hồ đồ, không có trí huệ, ngu si, hồ đồ. Chúng sanh trong mười pháp giới mỗi mỗi đều hồ đồ, đều không có trí tuệ, bị phiền não che lấp.

Phiền não thứ hai là trần sa phiền não. Trần sa là ví dụ, ví dụ phiền não này nhiều. Đó là gì? Vọng tưởng, vọng tưởng nhiều quá, vọng niệm khắp nơi.

Thứ ba thì rất thô rất nặng, là kiến tư phiền não. Đối với chân tướng của nhân sanh vũ trụ quý vị hoàn toàn không hiểu biết. Quý vị nghĩ toàn là sai lầm, cách nhìn của quý vị cũng là sai lầm. Chẳng có điều gì đúng cả, toàn là sai.

Ba loại phiền não này đầy đủ chính là lục đạo phàm phu. Lục đạo phàm phu có thể đoạn trừ kiến tư phiền não, thì lục đạo sẽ không còn nữa. Cho nên lục đạo không phải là thật, từ tâm tướng sanh ra. Tâm tướng gì? Tâm tướng sai lầm sanh

ra huyền tướng này. Huyền tướng này là quả, quý vị nghĩ sai đó là nhân. Cho nên kiến tư phiền não đoạn rồi, trong Kinh Hoa Nghiêm gọi nó là chấp trước. Chấp trước chính là kiến tư phiền não. Cái gì cũng muốn chấp trước, chấp trước trở thành một thói quen. Nghe kinh, nghe nhiều năm rồi, nghe hiểu rồi, biết chấp trước rồi, nhưng khởi tâm động niệm vẫn là chấp trước. Đó là gì? Đó là tập khí, tập khí lại biến thành hiện hành, trở thành những tạo tác trước mắt. Đó chính là chúng sanh đọa lạc trong luân hồi. Vì sao không ra khỏi luân hồi, nguyên nhân thực sự là chấp trước. Chúng ta có thể không chấp trước chăng? Thực sự có thể.

Trong số các bạn học của chúng ta hiện nay, quý vị thấy Hồ Tiểu Lâm đang luyện tập không chấp trước. Sơn hào hải vị cũng ăn, phân nhơ cũng ăn, thực sự luyện lập không chấp trước. Người không chấp trước thì tâm bình đẳng, bình đẳng thì được lên cao hơn.

Tâm bình đẳng hiện tiền là Bồ Tát. Họ ở đâu? Họ ở nơi Tứ Thánh pháp giới. Hai tầng trên Tứ Thánh pháp giới, hai tầng dưới là không chấp trước, hai tầng trên là không phân biệt. Phía trên là Bồ Tát, Phật; phía dưới là Thanh Văn, Duyên Giác. Cũng chính là nói: hai tầng dưới là Tiểu thừa, hai tầng trên là Đại Thừa. Họ thăng cấp rồi. Tuy tâm bình đẳng của họ hiện tiền không còn phân biệt nữa, họ vẫn còn khởi tâm động niệm, điều này khó. Khởi tâm động niệm gọi là vô thi vô minh. Lúc nào không khởi tâm, không động niệm thì mười pháp giới không còn. Mười pháp giới không phải thật, có khởi tâm động niệm liền có, không khởi tâm động niệm thì không có. Không khởi tâm động niệm thì mười pháp giới không có. Vậy quý vị đi đâu rồi? Quý vị đến nhất chân pháp giới rồi. Nhất chân pháp giới chính là cõi Thật báo trang nghiêm của Như Lai. Cư dân trong đó, mỗi mỗi đều là không khởi tâm, không động niệm. Cũng chính là điều Đại Thừa thường nói: đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Trú ở trong đó đều là đại triệt đại ngộ, đều là minh tâm kiến tánh. Kinh Hoa Nghiêm gọi họ là Pháp thân Bồ Tát. Họ là chân Phật, không phải là giả Phật. Phật trong mười pháp giới không phải là chân Phật, gọi là “tương tự tức Phật”. Bồ Tát trong Nhất chân pháp giới là chân Phật, cao hơn mười pháp giới. Vì sao không gọi họ là Phật mà gọi họ là Bồ Tát? Bởi vì họ vẫn còn một Đức Phật khác, Đức Phật kia là thầy giáo của họ, đức Phật đó là chân Phật thị hiện, chúng ta gọi ngài là pháp thân Phật, pháp thân Như Lai. 41 cấp bậc: thập trú, thập hạnh, thập hồi hướng, thập địa, đó là 40 cấp bậc, vẫn còn một Đẳng Giác. 41 vị pháp thân đại sĩ trú Báo độ. Họ trú ở cõi thật báo. Nhất chân pháp giới chính là nơi này. Tất cả những hiện tượng đều vĩnh hằng bất biến. Người không già yếu, không bệnh tật, mãi mãi mạnh khỏe, luôn luôn vui vẻ. Thời

gian bao lâu? Tức là thọ mạng bao lâu? Ba đại A tăng kỳ kiếp, thực sự là vô lượng thọ. Sau ba đại A tăng kỳ kiếp là hiện tượng gì? Nói với quý vị rằng cõi Thật báo không còn thấy nữa, tức không có cõi Thật báo nữa. Chúng ta liền thể hội được sự tồn tại của cõi Thật báo. Vô minh phiền não đoạn rồi, tập khí vô minh phiền não chưa đoạn. Cho nên cõi Thật báo là do tập khí vô minh phiền não biến thành. Tập khí không còn nữa cảnh giới này liền không thấy nữa. Vậy nên Kinh Kim Cang nói: “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, tiếp đó không nói trừ cõi Thật báo ra, không nói như vậy. Vậy nghĩa là cõi Thật báo cũng bao hàm trong đó.

Điều cuối cùng, đó là thật. Không sanh không diệt, đó là gì? Cõi Thường tịch quang. Cõi Thật báo không thấy nữa, hiện tiền chính là Thường tịch quang. Thường tịch quang là bản tánh chân như, hoàn toàn trở về với tự tánh. Tự tánh không có thứ gì cả, nhưng không khiếm khuyết gì. Nó kỳ diệu là kỳ diệu ở điểm này. Nó không phải là hiện tượng vật chất, nó không có vật chất, nó cũng không có hiện tượng tinh thần, cũng không có hiện tượng tự nhiên, cái gì cũng không có. Vì sao nó lại không khiếm khuyết thứ gì? Vì nó năng hiện. Nó có thể hiện hiện tượng vật chất, có thể hiện hiện tượng tinh thần. Có thể hiện hiện tượng tự nhiên. Nó không thiếu thứ gì cả. Nó có thể hiện mười pháp giới y chánh trang nghiêm. Nó có thể hiện mười pháp giới vô lượng vô biên chư Phật quốc độ. Vô lượng vô biên y chánh trang nghiêm nó có thể hiện. Đạo lý này quan trọng lắm. Đó chính là điều thầy Phương Đông Mỹ nói: trên thế giới này triết học cao nhất, khoa học cao nhất trong kinh Đại Thừa đều có, còn cao hơn khoa học, triết học hiện đại. Nó thực sự thông suốt rõ ràng chân tướng vũ trụ vạn hữu. Không còn một chút mê hoặc nào, địa vị này gọi là Phật Đà. Quý vị có thể chứng nhập cảnh giới này, quý vị liền thành Phật.

Mục tiêu giáo dục cuối cùng của đức Phật là hi vọng quý vị có thể chứng nhập cảnh giới này. Hiện nay chúng ta đọc kinh Đại Thừa là nghe nói, chúng ta biết được có sự việc như vậy. Đối với sự việc này chúng ta cũng có được vài phần hiểu biết, nhưng còn chưa chứng đắc, chứng đắc thì thành Phật rồi. Bí quyết để chứng đắc là gì? Không có phân biệt, chính là buông xả, buông xả là chứng đắc. Phật Thích Ca Mâu Ni ngồi thiền dưới cội bồ đề, buông xả liền thành Phật. Lục Tổ Huệ Năng đại sư ở trong phương trượng của ngũ tổ Hoằng Nhẫn nghe giảng Kinh Kim Cang, nghe đến đoạn “ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, triệt để buông xả, buông xả liền chứng đắc. Sự việc này Chương Gia đại sư nói với chúng ta đến mấy lần, ấn tượng của tôi rất sâu sắc: “Phật Pháp biết khó mà làm dễ”. Quý vị

muốn làm rõ nó, hiểu rõ nó thì rất khó. Quý vị nếu thật làm muốn chứng đắc quả vị rốt ráo rất dễ dàng, buông xả là được. Sự việc này nhất định phải thật làm. Làm ở đâu? Làm ở trong cuộc sống hằng ngày, đặc biệt là hoàn cảnh nhân sự, người biết tu hành rất là bản lĩnh, người biết tu hành mọi lúc mọi nơi, đều là đạo tràng lớn của họ. Vì sao vậy? Vì không có cảnh giới quý vị tu cái gì? Tu hành trong cuộc sống hằng ngày, tu cái gì? Không còn chọn lựa nữa, tu điều này, gạt bỏ phân biệt chấp trước, cái gì cũng tốt, không có thứ gì là không tốt. Tu cái gì? Tu trong thói quen của bản thân chúng ta: đối với thứ hợp ý mình thì rất tốt, không hợp thì không tốt, đó là cái tật. Tật gì? Tật phân biệt chấp trước. Hợp với ý mình thì tốt, không hợp với ý mình thì không tốt. Ý của bản thân cũng không phải là tiêu chuẩn, năm nay thích cái này, sang năm thích cái kia, nó không phải là vĩnh hằng. Quý vị xem hiện nay hai người nam nữ tốt với nhau rồi kết hôn, qua vài ngày lại li hôn, sẽ thay đổi. Không phải là thật, là giả thôi. Ngày xưa vì có giáo dục luân lý đạo đức, còn có tiêu chuẩn, cho dù có thay đổi như thế nào cũng vẫn không vô lý, không cách xa tiêu chuẩn lắm. Ngày nay tiêu chuẩn không có nữa, tiêu chuẩn của cổ Thánh tiên Hiền đều bị người ta phủ định hết rồi, không còn tiêu chuẩn nữa. Không có tiêu chuẩn nữa thì loạn rồi. Làm loạn rồi bị quả báo là gì? Trong sáu đường chỉ có một đường là địa ngục. Có tiêu chuẩn mới có sáu đường, không có tiêu chuẩn chỉ có đường địa ngục. Ngoài đường địa ngục ra không có đường thứ hai, quý vị xem đáng sợ biết bao. Ngày nay toàn là bất tín, không có yêu thương, họ không yêu bản thân mình, thì làm sao họ yêu người khác được? Bởi vì họ không yêu chính mình, cho nên không yêu thương cha mẹ họ, không yêu thương anh chị em của họ. Khởi tâm động niệm, nói năng tạo tác toàn là tạo tội nghiệp địa ngục. Trong Kinh Địa Tạng nói không sai tí nào. Người không học Phật thì không có cách gì cả. Người học Phật không thể không biết. Nếu như quý vị thực học thì quý vị phải thật làm. Người học Phật đông, giả thì nhiều, thật học thì ít. Thật học nhiều thì tốt. Giả học Phật không phải là thật học Phật. Danh lợi xuất hiện họ vẫn không buông xuống được. Đó là gì? Đó là thử thách quý vị. Danh cao lợi nhiều bày ra trước mắt, liền quên hết Phật Pháp! Cho nên nó không phải là thật, thứ gì quan trọng? Phật Bồ Tát biết điều này, học Phật quan trọng. Năm xưa tôi ở Đài Trung học giáo lý với Thầy Lý, có một lần thầy giáo nêu ra một ví dụ. Quý vị thật học Phật hay là giả học Phật? Quý vị nghe kinh ở giảng đường, nghe xong rất hoan hỉ, đột nhiên có một người đến nói với quý vị: nhà quý vị cháy rồi, quý vị sẽ như thế nào? Tâm hoảng ý loạn nhanh chóng về nhà chữa cháy. Quý vị vẫn xem nhà quan trọng, Phật không quan trọng. Nếu như thực sự

biết nghe Phật Pháp quan trọng, tôi đang nghe Phật Pháp, lửa cháy cũng mặc kệ, không cần quan tâm nó, đó mới là thật. Trong một trăm người học Phật tìm không ra một người. Mỗi con người cái gì là quan trọng nhất? Bản thân, nhà cửa, tính mạng quan trọng nhất. Làm sao có thể vào cảnh giới Phật? Không những không vào được cảnh giới Phật, ý nghĩa của kinh Phật cũng không hiểu. Thực sự hiểu rồi, cách nghĩ cách nhìn của họ và người thế gian không giống nhau nữa, điều đó là thật, không phải giả.

Chư đại Bồ Tát vì cầu một câu kệ có thể bỏ thân mạng, quý vị nghe một buổi giảng kinh, nhà cửa bị cháy, quý vị còn không nở bỏ. Vậy là quý vị thua xa Bồ Tát. Đó là gì? Thật giả, nặng nhẹ, không thể phân biệt. Đâu là thật, đâu là giả? Nhà cửa tài sản của quý vị là giả, thân là giả, quý vị lưu luyến những thứ này làm gì? Ngày nay chúng ta gặp được Kinh Vô Lượng Thọ đệ nhất chân thật trong Phật Pháp. Học Kinh Vô Lượng Thọ”có thể vắng mặt không? Bỏ mạng tôi cũng không thể vắng học. Chúng ta trong đời này mới có thể khế nhập cảnh giới, vãng sanh mới có phần nắm chắc, vãng sanh chính là thành Phật rồi. Cho nên trong lục đạo chúng sanh cái gì là đáng quý nhất? Điều Phật cho chúng ta là đáng quý nhất, số người biết được ít quá. Cảnh giới hiện tiền vẫn bị cảnh giới chuyền, người như vậy chiếm tuyệt đại đa số, tôi cũng là người như vậy. Tôi làm sao có thể giữ vững để không bị cảnh giới chuyền? Luôn thận trọng, sức mạnh bên ngoài lớn lắm, lớn lắm. Thực sự biết trì giới, thực sự biết chịu khổ, tôi tình nguyện suốt đời này chịu khổ, tôi đến Thế giới Cực Lạc sẽ không còn chịu khổ nữa. Suốt đời này nếu như tôi không nhẫn nại được, vẫn còn muốn hưởng thụ, thì khổ trong lục đạo luân hồi phải chịu rồi. Sự thực này bày ra trước mắt, quý vị phải nhìn cho rõ. Quý vị không nhìn rõ thì chịu thiệt là quý vị thôi, không phải là người khác. Quý vị chịu khổ nơi ác đạo, không ai có thể thay thế quý vị. Chỉ chỉ có một cách là ngày ngày không rời Phật A Di Đà, ngày ngày không rời kinh giáo, ở nơi này chúng ta không nên chấp trước, đều buông xả hết. Đối với kinh giáo, đối với Phật A Di Đà chắc chắn phải chấp trì, phải chấp trước, phải duy trì. Đời này chúng ta liền được độ. Cuộc sống hiện tại cứ mặc nó. Có ăn thì ăn, có mặc thì mặc, không có ăn, không có mặc thì đến Thế giới Cực Lạc, nhất định không phân biệt chấp trước, nhất định không khởi tâm động niệm, thì tâm là định.

Trong giáo lý Đại Thừa Phật thường nói: Phật độ người hữu duyên, người hữu duyên là gì? Họ thật tin, họ thực phát nguyện, thật làm. Đó là người hữu duyên. Thông thường nói là người chân thật, nghe lời, thật làm. Vậy người không chân thật thì sao? Tùy họ thôi. Học được bao nhiêu tốt bấy nhiêu, không nên để tâm

làm gì. Quý vị sẽ rất tự tại, rất an vui. Mỗi người có thời tiết nhân duyên, đời này họ không thể thành tựu, đời sau đời sau nữa sẽ thành tựu. Phật Bồ Tát cũng không lo lắng, chúng ta lo lắng thì có ích gì? Chúng ta trong đời này, độ bản thân, thành tựu bản thân, phải là điều đầu tiên; giúp đỡ người khác là thứ hai. Nếu xem việc giúp đỡ người khác là số một, vậy thì bản thân đời này không được độ rồi, vẫn phải luân hồi, vậy là sai rồi, sai lầm lớn lắm. Biết bao nhiêu người trong đời này có tu có học, có duyên với chúng sanh, rộng độ chúng sanh, bản thân thì không thể vãng sanh. Làm được bao nhiêu việc tốt đến cõi trời rồi, cõi trời có Phật ở đó giáo hóa. Dục giới thiên có Phật Bồ Tát đang giảng kinh dạy học, sắc giới thiên cũng có, vô sắc giới thiên không có. Đó là một cõi com no áo ấm, hạnh phúc mỹ mãn. Khác với thế giới của chúng ta, họ đang hưởng phúc, hiện tại ta đang chịu tội. Hưởng phúc có thể xả bỏ được không? Có thể, nếu thực sự chịu làm, tất cả đều buông xả, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, còn khó khăn hơn chúng ta hiện nay. Ngạn ngữ có câu: “phú quý học đạo khó”, họ không nỡ rời bỏ phú quý, cho nên họ khó khăn hơn chúng ta. Chúng ta hiểu được những chân tướng sự thật này, cuộc sống hiện tại của chúng ta sẽ rất hài lòng. Chúng ta gọi đó là gia đình trung lưu, ăn mặc không thiếu, không có phúc gì để hưởng, nhưng cũng bị chịu tội gì nặng nề. Đó là gia đình bậc trung, đây là hoàn cảnh tu học lý tưởng nhất.

Đại hùng bảo điện của chúng ta, Phật đường của chúng ta chỉ có một cái tủ nhỏ, vậy là đủ rồi. Chư Phật Bồ Tát đều ở nơi đó, tương ưng với lý, tương ưng với tánh, tương ưng với pháp giới. Chúng ta phải hiểu biết rõ về nó. Cho nên những chúng sanh này “nghe danh hiệu ngài”, danh hiệu này là chỉ cho Phật A Di Đà. Đức hiệu Di Đà ở thế giới Tây phương. Tín tâm hoan hỷ, sau khi nghe được thực sự tin tưởng, thực sự sinh tâm hoan hỷ, “cho đến nhất niệm, chí tâm hồi hướng”, trong đây điều quan trọng nhất là nhất niệm. Nhất niệm chính là nhất tâm, nhất tâm là chân tâm. Nhị niệm là vọng tâm, gọi là ba tâm hai ý. Nhất niệm là chân tâm. Nhất niệm ngoài Phật A Di Đà ra, niệm gì cũng không có. Đó gọi là nhất niệm, gọi là nhất tâm. Chí tâm hồi hướng, chí tâm chính là chân tâm. Nhất niệm đến cực điểm. Đem điều bản thân tu tập được, thiện căn đoạn ác, thiện căn tu thiện, tuyệt đối không chú trọng phúc báo ở thế gian, không cần, cần cái gì? Cần cầu sanh Tây phương Tịnh Độ. Hồi hướng Thế giới Cực Lạc, tôi tu cho ai? Tôi vì cầu vãng sanh mà tu, như vậy là đúng rồi. Tôi vì cầu gặp Phật A Di Đà, cầu thân cận Phật A Di Đà mà tu tập, vậy là đúng rồi. Còn có một việc nữa là hồi hướng,

hồi hướng chúng sanh, không phải vì bản thân tôi. Tôi vì tất cả chúng sanh khổ nạn lìa khổ được vui mà tu hành. Đó đều là điều tốt, không vì bản thân.

“Nguyện sanh kỳ quốc, tức đắc vãng sanh”. Trong bản của Khương Tăng Khải, mấy câu kinh văn như vậy: “đản phục ư hạ bối văn trung”, do vì mấy câu này cũng là bản Ngụy dịch. Bản Ngụy dịch ở Trung Quốc lượng lưu thông rất lớn. Ngày xưa chúng ta học Kinh Vô Lượng Thọ cũng học bản này.

“Kỳ hữu chí tâm, dục sanh bỉ quốc”, điều này đoạn trước nói: nhất niệm chí tâm hồi hướng, nguyện sanh nước kia, giả sử không thể làm các công đức, hoặc là không có năng lực, làm công đức phải có trí huệ, phải có năng lực, phải có của cải, còn phải có cơ duyên, thiếu một điều kiện cũng làm không thành công. Bốn điều kiện đều đầy đủ, sự việc này mới có thể thành công được, gọi là chúng duyên hòa hợp mà thành tựu. Chúng ta biết được có rất nhiều sự việc là nên làm tại thế gian này. Nhưng như thế nào? Duyên chưa đủ, làm không thành công. Bốn loại duyên đều đầy đủ không phải là việc dễ. Ở nơi này chúng sanh nếu như không có phước báu, nó liền bị chướng ngại, liền bị quấy nhiễu. Làm cho sự việc quý vị làm không thành công. Không thể làm các công đức, nên phát tâm vô thượng bồ đề. Điều này rất quan trọng, nhất hướng chuyên niệm, tốt lắm! Điều này người khác không quấy nhiễu được. Vì sao vậy? Vì sự việc này toàn nhờ vào duyên của bản thân, không phải nhờ ngoại duyên, nhờ vào ngoại duyên khó. Đây toàn là dựa vào bản thân, cầu bản thân, không cầu người khác. Tâm vô thượng bồ đề chúng ta biết được rồi. Chúng ta không nên ghi nhớ quá nhiều, chỉ nhớ Ngẫu Ích đại sư nói, Ấn Quang Đại sư tán thán là tốt rồi. Đối với Thế Giới Tây Phương Cực Lạc thật tin, không mảy may nghi ngờ gì cả. Thật muốn đi, thật lòng tình nguyện đi, đó chính là tâm vô thượng bồ đề. Đi đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, điều tốt đầu tiên là thọ mạng vô lượng, quý vị mạnh khỏe trường thọ, thân thể của quý vị không cần phải lo lắng.

Điều tốt thứ hai là gì? Ngày ngày nghe Phật A Di Đà giảng kinh thuyết pháp. Quý vị xem điều tốt thứ nhất: quý vị thật là vô lượng phước báu. Thọ mạng là phước báu số một trong các phước báu. Phước báu thứ hai là ngày ngày nghe kinh vô lượng trí huệ. Đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc làm gì? Tu phước, tu huệ, phước huệ song tu. Chúng ta ở đây không có cách gì. Mỗi ngày tôi giảng 4 tiếng đồng hồ, ở thế gian này cũng tốt lắm rồi, nhưng so với Thế giới Cực Lạc thì kém xa lắm. Mỗi ngày 24 tiếng đồng hồ, quý vị mới có 4 tiếng đồng hồ học tập kinh điển. Ngoài ra 20 tiếng đồng hồ là vọng tưởng. Làm sao có thể sánh với người ta được? Thế Giới Tây Phương Cực Lạc Phật giảng kinh không gián đoạn, đại

chúng nghe kinh không gián đoạn, cứ tiếp tục giảng như thế không có ngày đêm. Chư vị nên hiểu Thế giới Cực Lạc không có ngày đêm. Nó là thế giới quang minh, thân mỗi người đều phóng quang, Phật phóng quang, Bồ Tát cũng phóng quang. Lúc chúng ta vãng sanh thân cũng phóng quang. Không những phóng quang mà còn có thể phóng các quang có màu sắc khác nhau. Vô cùng kỳ diệu. Phóng quang là biểu pháp, phóng quang cũng là thuyết pháp. Quý vị nếu như không tin tưởng, thế gian chúng ta phóng quang là thuyết pháp. Quý vị xem, quý vị đi đường, đèn đỏ vừa sáng, phóng quang rồi, ánh đèn đỏ quý vị sẽ không được đi nữa. Nó không phải đang thuyết pháp sao? Đèn vàng vừa chiếu, quý vị có thể chuẩn bị, người đang đi chuẩn bị dừng lại, người đang dừng chuẩn bị đi. Đèn xanh vừa chiếu thông hành rồi, nó cũng phóng quang. Thế Giới Tây Phương Cực Lạc sắc quang nhiều, biểu pháp cũng nhiều. Nó giúp quý vị đoạn phiền não, giúp quý vị tiêu tập khí, giúp quý vị khai ngộ, giúp quý vị chứng quả. Quang cũng thuyết pháp, thân cũng thuyết pháp, cây cối hoa cỏ thuyết pháp, chim thuyết pháp. Lục trần thuyết pháp, thuyết pháp không gián đoạn. Tất cả đều có thể thuyết pháp, đều là Phật A Di Đà biến hóa ra, là bốn nguyện công đức của Phật A Di Đà thành tựu. Là tự nhiên, không có sắp xếp, không có người quản nó. Quý vị muốn nghe gì, nó liền nói cho quý vị thứ đó, kỳ diệu không kể xiết. Bất luận quý vị thích loại kinh giáo nào, pháp môn nào, bộ kinh luận nào, đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, Phật nói cho quý vị, Bồ Tát nói cho quý vị, cỏ cây hoa là đều nói cho quý vị. Quý vị có thể không khai ngộ sao? Quý vị có thể không thành Phật sao? Quý vị nói xem thế giới này chúng ta có nên đến hay không?

Trong kinh nói rất hay, thế giới mười phương chư Phật đều không thể so sánh với Phật A Di Đà. Thế giới của Ngài có hai sở trường, một là thọ mạng vĩnh hằng, lại không cần ăn uống, ăn uống phiền phức biết bao. Ngài không cần ngủ nghỉ, tinh thần vĩnh viễn sung mãn. Thứ hai là Phật thuyết pháp, chúng ta đi nghe pháp học tập, không giờ phút nào gián đoạn, cho đến lúc quý vị thành Phật. Sau khi quý vị thành Phật, quý vị không nghe pháp nữa, quý vị liền bắt đầu thuyết pháp. Lại có một đoàn Bồ Tát lớn vây quanh quý vị, học tập với quý vị. Quý vị liền trở thành Phật A Di Đà rồi, đó là thật không giả dối tí nào. Phật A Di Đà ở nơi đó truyền pháp, quý vị đắc pháp rồi, cũng giống như Phật A Di Đà vậy, truyền thụ cho người khác, triển chuyển truyền cho nhau, vô cùng vô tận.

Nếu nghe thâm pháp, hoan hỉ tín nhạo, không sanh nghi hoặc. “Thâm pháp” là pháp thậm thâm, chính là một câu danh hiệu này, có thể giúp đỡ quý vị vãng sanh, có thể giúp quý vị thành Phật. Pháp này sâu lắm. Chúng ta từ chư vị cổ đức thời

Tùy Đường có được một số tin tức, thể hội được thâm nghĩa của danh hiệu. Tùy Đường là thời đại hoàng kim của Phật Giáo Trung Quốc. Mười tông phái đều được kiến lập vào thời đại đó. Chư vị tổ sư không phải người phàm, là Tổ sư khai sơn. Người người đều là những nhân vật vĩ đại. Họ từng cùng nhau nghiên cứu thảo luận, đức Phật Thích Ca Mâu Ni năm xưa tại thế, tất cả những kinh điển Ngài thuyết trong 49 năm, bộ kinh nào là kinh số một, quan trọng nhất. Bộ kinh này có thể tượng trưng cho tất cả các bộ kinh đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã thuyết trong 49 năm, tìm số một, tìm ra rồi, thực sự tìm ra rồi, không phải là giả, đó là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, chư vị tổ sư này công nhận vậy, họ đều thừa nhận. Cho nên kinh Hoa Nghiêm được gọi là căn bản pháp luân.

Tôi học Phật, thầy Phương Đông Mỹ giới thiệu bộ kinh này cho tôi. Ông nói bộ kinh này là triết học khái luận của kinh Phật, bao la vạn tượng. Trong Phật pháp tư tưởng của mười tông phái đều ở trong đó. Tôi sanh tâm hoan hỉ đối với bộ kinh này, trong lòng luôn nghĩ đến, muốn học. Nhưng không có ai giảng, ngay cả người chú giải cũng không có. Chỉ có hai loại chú giải, một là của Thanh Lương đại sư, một là của Lý trưởng giả. Hợp Luận của Lý trưởng giả và Sớ Sao của Thanh Lương đại sư. Sau Thanh Lương không có ai nữa. Thanh Lương đại sư là người đời Đường, cách chúng ta khoảng hơn 1300 năm. Năm xưa tôi ở Đài Trung tôi có được bộ sớ sao này. Bản đóng buộc chỉ, 40 quyển, chồng lên nhau cũng khá cao. Năm đó tôi có được hai bộ, tôi tặng một bộ cho Thầy Lý. Chúng tôi có 8 bạn học cùng nhau kết hợp lại mời thầy giáo giảng Kinh Hoa Nghiêm, hi vọng giữ chân được thầy giáo, để thầy ở lại thế gian vài năm nữa. Vì Kinh chưa giảng xong, luôn cảm thấy ngại khi bỏ đi. Thầy chấp nhận, lúc khai giảng, tôi đến Đài Trung nghe giảng. Tôi nghe thầy giảng quyển thứ nhất. Sau khi nghe xong quyển thứ nhất, Kinh Hoa Nghiêm tôi đã biết giảng rồi. Thầy giảng ở Đài Trung, tôi giảng ở Đài Bắc. Tôi giảng tiến độ nhanh hơn Thầy, mỗi tuần tôi giảng ba lần, thầy giáo mỗi tuần giảng một lần. Cho nên rất nhanh tôi đã vượt qua Thầy.

Lúc đó tuổi trẻ thích đại kinh đại luận, chưa biết về Tịnh Độ, đối với Tịnh Độ tương đối lạ lẫm. Thầy giáo là người Tịnh Độ tông, là truyền nhân của Ấn Quang Đại sư, thầy giới thiệu Tịnh Độ cho tôi, tặng tôi Ấn Quang Đại sư Văn Sao. Lúc đó cách đây 60 năm chỉ có 4 quyển. Ấn Quang Đại Sư Văn Sao lưu thông tại Đài Loan, Chánh biên hai quyển, Tục biên hai quyển. Hiện nay toàn tập ra rồi, thật quý hóa. Thời đó chúng tôi chỉ nhìn thấy hai phần trước. Thầy giáo bảo tôi học Ấn Quang Đại sư, tôi đọc qua Văn Sao một lần, rất chăm chỉ từ đầu đến cuối đọc

qua một lần, đối với Tịnh Tông có những nhận thức cơ bản, không còn bài xích nữa, không còn phản đối nữa, tin tưởng rồi. Nhưng những kinh giáo này không buông xuống được, tập khí này không buông xuống được. Phần lớn thời gian đều dùng nghiên cứu kinh giáo. Cho đến khi tôi giảng Kinh Hoa Nghiêm, giảng được một nửa, lần thứ nhất giảng Kinh Hoa Nghiêm, chúng tôi không có thiết bị gì cả. Lúc giảng lần thứ hai không những có ghi âm, có chụp ảnh, chúng tôi có quay phim, còn mở trên máy chiếu phim. Đó đều là những điều chúng ta không tưởng tượng được. Tôi nghĩ đó đều là oai thần Tam Bảo gia trì, duyên thành thực rồi. Nhưng sau khi giảng kinh Hoa Nghiêm lần thứ nhất, thực sự đã trở về với Tịnh Độ. Phát hiện gì rồi? Phát hiện cuối cùng Kinh Hoa Nghiêm trở về Tịnh Độ. Phổ Hiền Bồ Tát thập đại nguyện vương trở về với Cực lạc. Cuối cùng của Kinh Hoa Nghiêm trở về với Thế giới Cực Lạc. Tôi ở Đài Trung học kinh giáo, học đại kinh là Kinh Lăng Nghiêm. Trong kinh Lăng Nghiêm phát hiện “hai mươi lăm viên thông chương”, cuối cùng là trở về với Quán Âm, Thế Chí. Quán Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, mọi người đều biết đây là pháp môn Tịnh Độ. Kinh Pháp Hoa cũng là trở về Tịnh Độ. Từ đó tôi mới thực sự hiểu rõ. Kinh Vô Lượng Thọ đích thực là Như Lai tại thế, là kinh đệ nhất phổ độ chúng sanh tôi mới thấy được. Sau đó nghe người ta nói, Kinh Vô Lượng Thọ tức là trung bản Hoa Nghiêm, Bành Tế Thanh nói như vậy. Chư đại đức thời Càn Long, thông tông thông giáo, hiển mật viên dung. Những cư sĩ tại gia này, Kinh Vô Lượng Thọ, Khởi Tín Luận là họ làm, quyển này trích dẫn rất nhiều, tôi tin tưởng rồi. Ý niệm này vừa chuyển, tôi liền dừng Kinh Hoa Nghiêm lại, không giảng nữa. Kinh Hoa Nghiêm dài quá, tôi liền phát tâm chuyên giảng Kinh Vô Lượng Thọ, cho nên Kinh Vô Lượng Thọ giảng đến mười lần, tôi nghĩ suốt đời tôi sẽ giảng Kinh Vô Lượng Thọ, ngoài ra không giảng gì nữa.

Lần thứ hai giảng Kinh Hoa Nghiêm, đó cũng là một nhân duyên đặc thù. Ở Đài Loan có một vị Khai Tâm pháp sư, đã vãng sanh rồi. Năm xưa lúc ngài còn tại thế mỗi lần gặp tôi, đều khuyên tôi giảng Kinh Hoa Nghiêm, ngài lớn tuổi hơn tôi, lão pháp sư này nói với tôi, ngài nói: Tịnh Không pháp sư à nếu pháp sư không giảng, e rằng sau này không ai giảng nữa. Lần thứ hai, ở Bắc Kinh tôi đến viếng thăm Hoàng Niệm Lão. Niệm Lão khuyên tôi giảng Kinh Hoa Nghiêm, cũng là ý này. Bộ kinh này trong Phật Pháp nói vô cùng quan trọng. Bành Tế Thanh cư sĩ nói: Kinh Hoa Nghiêm là đại bản Vô Lượng Thọ Kinh. Kinh Vô Lượng Thọ là trung bản Kinh Hoa Nghiêm, Phật Thuyết A Di Đà Kinh là tiểu bản Kinh Hoa Nghiêm. Ba bộ kinh này nội dung quảng lược không giống nhau,

nhưng tông thú ở trong đó hoàn toàn tương đồng. Hoàng Niệm Lão mời tôi giảng. Lần thứ ba là bà Phật từ họ Hàn. Hai ngày trước lúc vãng sanh rất khẩn thiết yêu cầu tôi, tôi an ủi bà, tôi nói được, hi vọng sau khi bà lành bệnh, chúng ta lại tiếp tục giảng. Không ngờ bà đã vãng sanh. Năm 1998 tôi ở Singapore, cư sĩ lâm Lý Mộc Nguyên cư sĩ mời tôi giảng kinh. Tôi liền đem việc này ra nói với ông, ông rất vui, thay mặt ba người này, ông chính thức đến thỉnh tôi, cho nên Kinh Hoa Nghiêm được khai giảng tại Singapore, cũng giảng mười mấy năm, giảng hơn 4000 tiếng đồng hồ. Giảng nhiều ít? Giảng khoảng 1/5 số kinh. Toàn bộ kinh nếu giảng hết tôi nhẩm tính cũng 20.000 giờ đồng hồ. Kinh dài quá, thực sự không ai học, nghe nói phải mất thời gian dài như vậy khiến cho người ta sợ.

Quý vị xem bộ Kinh Vô Lượng Thọ này, chúng ta giảng lần này, tôi dự tính cuối tháng mười năm nay có thể giảng xong, tổng cộng phải giảng 1200 đến 1300 tiếng đồng hồ. Môn học lớn! Đại học trên toàn thế giới không có môn học nào như vậy. Lần này tôi tại Úc Châu cùng với hiệu trưởng Nam Côn Đại và hiệu trưởng trường đại học Cách Lí Phi Tư (Griffith University) đến thăm tôi, hỏi thăm tình hình hiện nay của tôi, tôi liền nói với họ tôi giảng hai bộ đại kinh này, họ nghe rồi đều cảm thấy vô cùng kinh ngạc, phải mất thời gian dài như vậy mà chỉ một khóa trình à. Phật Pháp đích thực là đại học vấn. Phải để cho giới học thuật thừa nhận, phải để cho nhà khoa học thừa nhận, mới có thể phát huy rộng lớn trên xã hội này. Không còn nói Phật Giáo là mê tín nữa. Chân tướng nhân sinh vũ trụ mà Phật Giáo nói, khoa học chú trọng nghiên cứu hiện tượng vật chất, phạm vi vật chất không lớn, hơn nữa không có biện pháp gì thăm dò đến triệt để. Cho nên khoa học có tính cục hạn. Nó không có cách gì làm đến viên mãn. Triết học cũng có khó khăn của triết học. Nguyên nhân ở đâu? Kinh Phật nói rất rõ, nguyên nhân là họ dùng là vọng tâm, tức là dùng tâm phân biệt, tâm chấp trước. Khởi tâm động niệm, như vậy là không thể kiến tánh. Cái hay của Phật Pháp là bài trừ những chương ngại này, không dùng những thứ này. Không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, tự nhiên liền rõ ràng. Đó là nghiên cứu khoa học, người triết học họ không hiểu rõ được. Thầy Phương là một nhà triết học, duyên của ông thù thắng, gặp được Phật Pháp, thâm nhập kinh tạng. Ông rõ ràng được thấu suốt được. Cho nên mới nói Phật kinh triết học là đỉnh cao của triết học thế giới. Ông nói ra những câu nói này thật không dễ dàng gì. Nếu như không khế nhập cảnh giới, những câu này không nói ra được. Ông cũng thực sự thọ dụng được. Tôi từ đâu mà nhìn ra được? Năm 1997, Hồng Kông có một vị pháp sư, một vị cư sĩ, hai người ở Đài Loan nghe tôi giảng kinh, nghe

được một tuần, vô cùng hoan hỉ, mời tôi đến Hồng Kông giảng kinh, đó là lần đầu tiên tôi rời Đài Loan đến Hồng Kông. Trước khi đi, tôi đến thăm thầy Phương, thầy Phương bị mắc bệnh ung thư, chuyện trò vui vẻ, không có một cảm giác bị bệnh tật gì, không hề để ý đến bệnh tật. Tôi giảng kinh ở Hồng Kông bốn tháng, tôi trở về Đài Loan, ông vãng sanh ba ngày rồi, tôi trở về tiễn ông. Đó là gì? là nhìn thấu sanh tử rồi, buông xuống rồi, không còn lo sợ nữa. Không giống như người khác, vừa nói bản thân có bệnh thì sợ hãi. Ông không có, dường như không có việc gì cả. Việc cuối cùng này đã nhìn thấy sự tu dưỡng của ông đối với Phật học, sự thọ dụng của ông.

Câu dưới đây vô cùng quan trọng, “hoan hỉ tín nhạo, không sanh nghi hoặc”, câu này rất quan trọng. Ngày nay chúng ta nhìn thấy người vui mừng hoan hỉ thì có, người không sanh nghi hoặc khó lắm. Nghi là chướng ngại lớn nhất của Bồ Tát, đối với Bồ Tát đều có thể tạo thành chướng ngại nghiêm trọng, hà huống là phàm phu? Cho nên người phàm phu học Phật, đoạn nghi là quan trọng hơn bất cứ điều gì. Dùng phương pháp gì để đoạn nghi? Nghe kinh. Thế Tôn 49 năm dạy học, có thể nói là 80% là giúp đỡ chúng sanh bình thường đoạn nghi khởi tín, đều vì điều này. Ngoài ra 20 % khác là đối với chúng sanh tầng thứ cao, là đại tâm phàm phu. Chúng sanh thiện căn, phước đức nhân duyên sâu dày, giúp họ nâng cao cảnh giới. Cho nên nghĩa thú Phật giảng kinh chúng ta phải thể hội được.

“Thực sự làm được không sanh nghi hoặc, cho đến nhất niệm, niệm niệm nơi Phật kia, rồi thành tâm nguyện sanh nước đó. Người này lâm chung mộng thấy Phật kia, cũng được vãng sanh. Công đức trí huệ gần như người ở trung bối vậy”. Nói cách khác, thông thường trú Đại Thừa, dùng tâm thanh tịnh, hướng đến vô lượng thọ, cho đến mười niệm, cũng có thể vãng sanh đến Thế giới Cực Lạc, phẩm vị của họ bình đẳng với hạ bối trong thượng trung hạ tam bối. Cách nói này rất có lý. Bất luận tu học pháp môn nào, đoạn này nói không phải là người chuyên tu Tịnh Độ, mà tu pháp môn khác. Có duyên nghe được sự thù thắng của Tịnh Độ, đem công đức tu học của bản thân họ, hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ, đều được vãng sanh. Hiện thị ra tâm lượng quảng đại của Phật A Di Đà. Không có phân biệt pháp môn, không có phân biệt chấp trước. Đối với hạng người này chỉ có một tiêu chuẩn: “tâm tịnh tức Phật độ tịnh”. Bất luận quý vị học pháp môn nào, chỉ cần tu đến tâm thanh tịnh hiện tiền, tất cả đều có thể vãng sanh.

Cho nên tám vạn bốn ngàn pháp môn, bất luận tu học pháp môn nào cũng được. Vậy nay chúng ta thử hỏi, tu học tôn giáo khác, tín đồ Cơ đốc giáo có thể vãng sanh hay không? Tín đồ Islam giáo có thể vãng sanh hay không? Nhất định có

thể. Vì sao vậy? Vì chỉ cần quý vị thật tu, quý vị thật tu điều gì? Thật tu quý vị liền có chân thiện. Tâm địa của quý vị liền thanh tịnh, thuần tịnh, thuần thiện. Nghe nói Thế Giới Tây Phương Cực Lạc tốt lắm, rất tốt, đem công đức tu học của mình hồi hướng cầu sanh, nhất định cũng có thể được sanh. Không nhất định phải chuyên tu Tịnh Độ mới có thể vãng sanh. Dường như không phải tu Tịnh Độ thì không được vãng sanh. Sai rồi, không tu Tịnh Độ cũng có thể vãng sanh.

Cho nên câu thứ nhất trong kinh văn nói: “nếu có chúng sanh trụ nơi Đại Thừa”. Thế nào gọi là Đại Thừa? Giải thích đơn giản nhất là tâm lượng lớn chính là Đại Thừa. Tâm lượng nhỏ chính là Tiểu thừa. Có thể bao dung là Đại Thừa, không thể bao dung chính là Tiểu thừa, quý vị đã rõ ràng rồi. Cởi mở tâm lượng chính là Đại Thừa.

“Đường triều Hải Đông Nguyên Hiếu sư”. Hải Đông chính là Hàn Quốc ngày nay, Nguyên Hiếu sư là người Hàn quốc. Vào thời nhà Đường đến Trung Quốc du học, Sư căn cứ theo bản của Khương Tăng Khải viết chú giải. Chú giải này gọi là Vô Lượng Thọ Kinh Tông Yếu. Ở trong này sư nói: hạ bối chi nội, thuyết nhị chủng nhân, nhị nhân chi trung, các hữu tam cú. Sư nói “hạ bối chi nội”, là đem đoạn kinh này kết hợp với hạ bối. Trong bản của chúng ta đây thì phân chia ra, phân thành bốn phần. Ngụy bản phân làm ba đoạn, tức là thượng trung hạ tam bối. Trong hạ bối có hai đoạn. Cho nên sư nói trong hạ bối có hai loại người, mỗi loại có ba câu.

“Sơ nhân tam giả”, đó là ba phẩm trong hạ bối, thượng bối thượng phẩm, hạ bối trung phẩm, hạ bối hạ phẩm.

Một là, “giả sử không thể làm các công đức, nên phát tâm vô thượng bồ đề, là minh chánh nhân”. Chánh nhân vãng sanh là phát tâm bồ đề. Vì Tịnh Độ là Đại Thừa. Người tâm lượng nhỏ nhất định không thể vãng sanh. Vì sao vậy? Vì không tương ứng với Thế Giới Tây Phương Cực Lạc. Cho nên họ chắc chắn là Đại Thừa, tâm lượng lớn có thể bao dung.

Thứ hai, “cho đến mười niệm, chuyên niệm Phật kia”, đó chính là nhất hướng chuyên niệm, là “trợ mãn nghiệp”. Chánh nhân là “dẫn nghiệp”, dẫn dắt quý vị đến Thế giới Cực Lạc. Chuyên tâm niệm Phật là giúp quý vị mãn nghiệp. Mãn nghiệp là sau khi quý vị đến Thế giới Cực Lạc, tất cả đều viên mãn thành tựu. Tức là nói trí tuệ viên mãn, đức năng viên mãn, tướng hảo viên mãn, không có thứ gì không viên mãn. Giống như người chúng ta ở thế gian này. Chúng ta có thể đến được thế gian này để đầu thai, đầu thai vào con người này là dẫn nghiệp, nghiệp 5 giới trong kiếp quá khứ, giữ năm giới được thân người. Trung phẩm thập thiện

được thân người. Ở Trung Quốc thực hành ngũ luân, ngũ thường được thân người, đó là một tiêu chuẩn, chúng ta đều được thân người. Tình trạng thân thể chúng ta khác nhau, địa vị khác nhau, giàu có khác nhau, đó gọi là “mãn nghiệp”; dẫn dắt quý vị đầu thai là dẫn nghiệp. Đến nơi đây rồi, giữa người và người chúng ta không giống nhau, gọi là mãn nghiệp không tương đồng. Mãn nghiệp tu như thế nào? Trong Phật Pháp nói trong kiếp quá khứ thích tu bố thí tài sản, quý vị đời này của cải dùng không thiếu, tu nhiều đạt được nhiều; tu ít đạt được ít. Thầy bói nói quý vị có kho tài sản, kho tài sản quý vị đầy ắp, đó là đời quá khứ quý vị tu pháp bố thí tài sản được nhiều, trong đời này bất luận là quý vị làm nghề nghiệp gì cũng có thể kiếm được nhiều tiền, trong mạng cho như vậy. Nếu như trong đời quá khứ không tu pháp bố thí tài, thì kho tài sản quý vị trống rỗng. Bất luận làm nghề nghiệp gì quý vị đều phải bù lỗ, đều không kiếm được tiền. Vận mệnh an bài như vậy, điều này quý vị nên tin tưởng. Vận mệnh an bài có thể thay đổi hay không? Có thể thay đổi, cần bản thân quý vị sửa đổi, người khác không có cách để thay đổi. Quý vị phải hiểu được đạo lý này.

Quyển sách Liễu Phàm Tứ Huân, độ được rất nhiều người, đó là độ người thế gian. Quyển sách này dạy quý vị làm gì? Dạy quý vị cải tạo vận mệnh. Tôi không có tài sản, tôi cũng muốn có tài sản, trong đó có đạo lý, nếu như tìm cầu như pháp, có cầu tất có ứng. Quý vị nếu như không hiểu đạo lý này, quý vị đi tìm cầu thì hỏng rồi. Không những cầu không được, quý vị còn tạo nghiệp. Quý vị phải chịu ác báo, quý vị sai rồi. Cho nên trong vận mệnh có, nhất định sẽ có, có muốn bỏ cũng không bỏ được. Trong vận mệnh không có thì cầu cũng không được. Quý vị phải hiểu đạo lý này, đạo lý đó chính là bố thí. Bố thí tài sản được giàu có. Bố thí pháp được thông minh trí huệ. Bố thí vô úy được mạnh khỏe trường thọ. Trong kinh Phật dạy chúng ta tu ba loại bố thí này, thí tài sản, trí huệ, sức khỏe trường thọ quý vị đều có được.

Bản thân tôi từ trên tướng mạng mà nói thì rất tội nghiệp. Dẫn nghiệp được thân người, đúng vậy; mãn nghiệp là vừa nghèo lại vừa hèn. Nghèo là không có của cải, hèn là không có địa vị. Là mạng gì? mạng đi xin ăn. Người Trung Quốc gọi là “hóa tử”, gọi là số ăn mày xin cơm. Số mạng như vậy, tôi rất rõ ràng, thọ mạng lại rất ngắn, thọ mạng chỉ có 45 tuổi, rất nhiều người nói với tôi, tôi tin tưởng, tôi không kiêu kỳ. Bởi vì bản thân tôi nghĩ, trong nhà tôi, ông nội tôi 45 tuổi qua đời, bác trai tôi cũng 45 tuổi qua đời, bố tôi cũng 45 tuổi qua đời, người ta nói tôi không qua được 45 tuổi, tôi cũng tin, không nghi ngờ tí nào. Tôi 26 tuổi gặp được Phật Pháp, tôi hiểu rõ rồi. Phụ thân tôi gặp quả báo như vậy, tôi tận mắt nhìn

thấy, sau đó đọc Kinh Địa Tạng và những điều nói trong kinh Địa tạng giống y như vậy, tôi hoàn toàn chấp nhận. Phụ thân là một người tốt, rất thích săn bắn, không giết người nhưng lại giết súc vật, giết rất nhiều! Lúc tôi còn nhỏ ở cùng với ông, lúc ông săn bắn, tôi cũng cùng với ông, lúc đó tôi khoảng 17, 18 tuổi. Tôi cũng đi săn ba năm, sau khi học Phật rồi, cảm thấy rất sợ hãi khi nghĩ đến báo ứng của phụ thân. Cho nên sau khi tôi học Phật, có cơ hội đều phóng sanh, sám hối. Tôi vừa học Phật sáu tháng, hiểu rõ rồi, liền ăn chay, không ăn thịt chúng sanh nữa, ăn chay sáu mươi năm rồi. Tôi làm việc, làm ba việc, người ta cúng dường tôi tiền, tôi làm ba việc, học theo Ấn Quang Đại sư, in kinh bố thí, đó là việc thứ nhất. Dường như toàn bộ số tiền đều dùng vào việc như vậy. Điều thứ hai là phóng sanh. Điều thứ ba là bố thí thuốc men. Trong bệnh viện tôi quyên tiền thuốc men viện phí cho họ. Thuốc men viện phí này chuyên cho người nghèo khó, không có tiền mua thuốc men. Tôi làm ba việc như vậy. Tôi không cần xây đạo tràng, suốt đời không có đạo tràng, tôi cũng không nhận đệ tử, đệ tử không dễ dạy, không quản được. Không dạy tốt, không quản tốt, nhận đệ tử là tạo nghiệp, đó đều là học theo Ấn Quang Đại sư. Ấn Quang Đại sư dạy người hiện đại chúng ta, xây dựng đạo tràng chớ làm cho lớn, làm nhà tranh nhỏ là được. Mọi người cùng nhau tu tập không nên vượt quá 20 người. Sinh hoạt đơn giản, hai ba người hộ pháp thì có thể duy trì, không lo lắng, không cần đi hóa duyên, tâm sẽ định, tâm thanh tịnh, tâm ở nơi đạo, có thể không bị cảnh giới bên ngoài chuyển. Đạo tràng lớn, người nhiều rất ồn ào, đạo không còn nữa. E rằng bản thân không thể vắng sanh được, lời Tổ sư đều là lời thật, đều là muốn tốt cho chúng ta. Chúng ta đọc những quyển sách này, đọc đến những lời di giáo của Ngài, hiểu được ý của Ngài, ngài không dối người, Ngài không hại người.

Ngày nay cái gì là quan trọng nhất? Tâm thanh tịnh quan trọng nhất. Hiểu rõ chân tướng sự thật quan trọng nhất. Thực sự làm rõ rồi, hiểu thấu rồi, quý vị liền hiểu được, vắng sanh Thế giới Cực Lạc quan trọng nhất, không có gì quan trọng hơn điều này nữa. Chỉ có điều này chúng ta có thể làm được, ngoài ra bất kỳ pháp môn nào, tốt, không thể nói không tốt, nhưng không làm được. Pháp môn này có thể làm được, pháp môn này chúng ta có thể tu được thành công. Thiệu Đạo đại sư nói- Thiệu Đạo là hóa thân của Phật A Di Đà- pháp môn vạn người tu vạn người chứng, cho nên nhất hướng chuyên niệm là trợ mãn nghiệp. Đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, trí huệ, thần thông, đạo lực, tướng hảo đều xuất hiện, hà huống được bốn nguyện oai thần của Phật A Di Đà gia trì. Đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát, điều này không thể nghĩ bàn.

Ba là, “nguyện sanh nước kia, nguyện này hiện hành hòa hợp làm nhân, đó là nói rõ người bất định tánh nhân”. Điều thứ ba là thật sự muốn đến Thế giới Cực Lạc, thật cầu vãng sanh. Nguyện này cùng với nhất hướng chuyên niệm ở trước hợp lại với nhau, đó là nhân để vãng sanh Thế giới Cực Lạc. Người vãng sanh như vậy và trung bối, thượng bối không giống nhau. Trung bối, thượng bối là định tánh, tâm của họ không có niệm thứ hai. Nói cách khác, sanh đến thế giới này để làm gì? Chính là niệm Phật cầu vãng sanh. Ngoài niệm Phật cầu vãng sanh ra, việc gì cũng không liên quan đến tôi hết, đó gọi là định tánh. Đây là không định tánh, không định tánh cũng có thể vãng sanh.

Dưới đây nói “đệ nhị nhân trung, hữu tam cú giả”. Hạng người thứ hai chính trong đoạn kinh văn này nói.

“Nhất giả, văn thậm thâm pháp, hoan hỷ tín nhạo”. Họ cũng tu hành, họ không phải tu Tịnh Độ, họ tu pháp môn khác, hoặc là tín ngưỡng tôn giáo khác, tâm địa hiền lương, tâm địa sâu dày, người như vậy là người có đạo đức, có lương tâm, người lương thiện. Họ nghe được pháp môn này, nghe được pháp môn Tịnh Độ, nghe được sự việc niệm Phật vãng sanh, nghe rồi rất hoan hỷ, có thể tin tưởng, cũng rất thích. Chữ “nhạo” này là yêu thích, đó là có thiện căn. Tuy đời này họ không chuyên tu, nhưng họ có thiện căn.

“Thử cú kiêm hiển phát tâm chánh nhân, dẫn vị dị tiền nhân cử kỳ thâm tín nhĩ”. Họ đối với pháp này thâm tín, đối với niệm Phật thâm tín, điều này người ở trước không giống nhau. Người ở trước là đang phát tâm vô thượng bồ đề. Đây là cùng hiển bày chánh nhân phát tâm. Bởi vì họ tu pháp môn khác, cũng phát tâm cầu sanh Tịnh Độ.

“Nhị giả, nãi chí nhất niệm niệm ưu bỉ Phật, thị trợ mãn nghiệp, vị hiển tiền nhân vô thâm tín cố, tất tu thập niệm, thử nhân hữu thâm tín cố, vị tất cụ túc thập niệm”. Không cần mười niệm cũng được, cũng có thể vãng sanh, một niệm, hai niệm, ba niệm đều được. Vấn đề là ở đâu? Tâm thâm tín. Cho nên chữ “tín” này rất quan trọng. Phàm xảy ra vấn đề đều do nơi tín tâm. Tín tâm rất khó được. Thầy Lý nêu ra cho chúng ta một ví dụ, cũng không phải là nói đến tín tâm sao? Quý vị ở nơi đây nghe giảng kinh, nơi giảng đường nghe giảng kinh, ở nhà có người đến báo cáo căn nhà của quý vị bị cháy rồi, đó là gì? Là thử thách tín tâm của quý vị, quý vị đối với Phật thật có tín tâm, xem Phật là việc đại sự trong cuộc đời này, nhà cửa cháy đó là việc nhỏ, quý vị vẫn chuyên tâm ở đây nghe kinh, chuyên tâm nghe kinh sẽ khai ngộ, vừa nghe ở nhà có hỏa hoạn, vội vàng hốt hoảng chạy về, chứng tỏ quý vị chưa có tín tâm. Lúc quý vị nghe kinh ở đây tâm

cũng chưa chuyên, có nghe hiểu được hay không? Chưa hiểu. Chuyên nhất mới có thể nghe hiểu, không chuyên nhất tuy nghe nhưng không hiểu. Người nghe kinh rất nhiều, người thực sự nghe hiểu lại không nhiều. 100 người nghe chưa chắc có một người thực sự hiểu. Từ đâu mà thấy được? Người nghe hiểu sẽ thật làm. Họ không thật làm có thể nói họ chưa nghe hiểu.

Dưới đây Hoàng Niệm Lão có một chú giải.

“Theo thuyết của Nguyên Hiểu sư và căn cứ theo bản Ngụy dịch”. Vậy là đúng, Vì sao vậy? Vì bản hội tập này Nguyên Hiểu sư chưa đọc qua. Bản Ông nhìn thấy là bản dịch của Khương Tăng Khải.

“Nhược tị bản kinh, tắc nhất niệm đấc sanh giả, toàn nhân hoạch đấc nhất niệm tịnh tâm dã”. “Nhất niệm đấc sanh”. Then chốt là ở câu này, tâm thanh tịnh. Chúng tôi nói là quý vị dùng chân tâm niệm Phật, không phải là vọng tâm. Lúc niệm một câu Phật hiệu này, trong tâm này không có nghi hoặc, không có tạp niệm, chính là chân tâm. Nếu như có nghi hoặc, có tạp niệm, thì không thể thành tựu tương ưng. Phật niệm rồi, nhưng lại không tương ưng với Phật. Sao gọi là không tương ưng với Phật? Đó là không tương ưng với tự tánh quý vị, không tương ưng với chân tâm của quý vị. Di Đà Tịnh Độ là thật, không phải là giả, cho nên nó tương ưng với chân tâm. Nhất niệm tịnh tâm là chân tâm. Tịnh tâm nhất niệm cũng là chân tâm. Cho nên điều quan trọng là “từ trong nhất tâm, niệm Phật một tiếng”, quý vị xem xem “đốn tức”, “đốn” chính là tức khắc. Chúng ta nói là lập tức, “liền tương ưng với bốn nguyện Di Đà”. Câu này rất quan trọng, tương thông với Phật A Di Đà. “Nên lâm chung liền được vãng sanh”, nguyên nhân là ở đây vậy.

“Tam giả, dĩ chí thành tâm, nguyện sanh bỉ quốc. Thử nguyện tiền hành hòa hợp vi nhân, thử tị Bồ Tát chủng tánh nhân dã.” Họ không phải là bất định tánh, người này chúng ta nói là người tốt trong thế gian, người có đạo đức, người có trí huệ. Suốt đời như thế nào? Không có nhân duyên tiếp xúc với Tịnh Độ, già rồi, bệnh rồi, lúc sắp lâm chung mới tiếp xúc được. Có thể vãng sanh hay không? Có thể. Chỉ cần điều kiện này của họ đầy đủ là được. Vừa tiếp xúc được họ liền tin tưởng, họ liền chịu niệm, thực sự muốn đi. Cho nên một niệm cũng có thể vãng sanh. Người này không phải thực sự tu Tịnh Độ, tu pháp môn khác, học tôn giáo khác, nhưng thực sự họ là người thiện, là người tốt. Không phải nói chỉ có người tu tông Tịnh Độ, người tu Đại Thừa dùng chân tâm, tu pháp môn khác thì không có chân tâm, đều có, không phải là không có. Bất luận tu tông phái nào, bất luận học tôn giáo nào, chỉ cần dùng chân tâm học, tất cả đều có ích. Lâm chung nghe

được pháp môn này, hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ, người người đều có thể được sanh. Đó mới là điều vĩ đại của tông Tịnh Độ. Thật là “tâm bao thái hư, lượng châu sa giới”, bao dung tất cả. Quý vị xem người tạo tội nghiệp ngũ nghịch thập ác, chỉ cần quý vị chịu quay đầu đều có thể vãng sanh. Phật A Di Đà thật sự là không truy cứu việc xưa. Chỉ cần sám hối, chỉ cần quay đầu là bờ. Phật A Di Đà bình đẳng đối đãi, đối xử như nhau. Thật là vĩ đại.

Chúng ta sau khi đọc phải học cho được điều đó. Học được điều gì? Trong hoàn cảnh xung quanh chúng ta, có người hủy báng chúng ta, có người sỉ nhục chúng ta, có người hãm hại chúng ta. Chúng ta đối xử với họ như thế nào? Giống như Phật A Di Đà vậy, không truy cứu việc cũ. Họ tiếp tục tổn hại đến tôi cũng không truy cứu nữa, tất cả đều tùy thuận. Nhất định không thể có mảy may tâm oán hận. Quý vị sai rồi. Vì sao vậy? Vì sao họ dùng thái độ như vậy đối với ta? Ít cũng có hai nguyên nhân. Một nguyên nhân là trong đời quá khứ tôi đối đãi với họ như vậy. Hôm nay gặp lại nhau rồi, họ đến đối đãi với tôi, như vậy cũng tốt, không phải là đã trả hết rồi sao? Vui vẻ mà chấp nhận thôi. Trả món nợ này xong rồi, là việc tốt, không phải là việc xấu. Một nguyên nhân khác là họ hồ đồ, họ mê hoặc điên đảo, họ nghiệp chướng nặng nề. Họ tạo ác nghiệp, tha thứ cho họ. Không ai chỉ dạy cho họ. Họ không biết bản thân họ đã làm sai, thông cảm cho họ, đừng so đo với họ, đối xử tốt với họ. Từ từ đợi họ quay đầu rồi giúp họ, như vậy là đúng rồi.

Cho nên thiện nhân thiện duyên chúng ta gặp được rồi, không sinh tham luyến; nghịch cảnh ác duyên gặp rồi không sinh sân hận, đó đều là nơi để luyện công phu, họ đều là ân nhân. Thuận cảnh thiện duyên dạy chúng ta luyện tập không tham, không có tham luyến. Nghịch cảnh ác duyên huấn luyện chúng ta không khởi sân giận, không si, không sân. Không có nhiều cảnh giới như vậy, sao quý vị tu được? Quý vị làm sao biết được công phu của mình được nâng cao? Không biết được. Ngày ngày đang thử thách, ngày ngày đều thông qua, ngày ngày đều hoan hỉ, thi cử đều đạt tiêu chuẩn. Thiện nhân, ác nhân đều là ân nhân của ta. Không có họ, chúng ta không thành Phật được, chúng ta không vãng sanh được. Cho nên những người này không những không có oán hận, mà chúng ta phải có tâm báo ân. Họ thực sự giúp ta, giúp ta nâng cao, giúp ta giác ngộ, giúp ta không tạo nghiệp, giúp ta kiên định tín tâm, kiên định ý niệm cầu vãng sanh Tịnh Độ.

“Đó chính là người có chủng tánh Bồ Tát, chính là người trú Đại Thừa như trong bản Đường Dịch. “Trú Đại Thừa” này nghĩa của nó rất rộng lớn. Không phải nói ở trong Phật giáo học Đại Thừa, không phải vậy. Tất cả thời, tất cả các nơi quý vị

thấy được người có tâm lượng lớn, người có tâm từ bi, người có thể bao dung đó là người Đại Thừa.

Nên Nguyên Hiểu sư nói hạ bối trung có hai hạng người. Một hạng là phát tâm bồ đề, mười niệm Thánh hiệu, nguyện sanh nước kia, mà được vãng sanh, là người bất định tính. Hạng thứ hai là nghe pháp thâm tín, cho đến nhất niệm, nguyện sanh nước kia, mà được vãng sanh là Bồ Tát chủng tánh.

Nguyên Hiểu sư thật đã nhận thức rõ, Ngụy dịch hạ bối vãng sanh văn trung phẩm loại không đồng, ngài đã thấy được. Thử hỏi nghe pháp thâm tâm, vui thích tin tưởng, không sanh nghi hoặc, trí huệ thù thắng như vậy, ứng với cảnh giới của người nào? Đây không phải là người bình thường. Nên Nguyên Hiểu sư gọi nó là người có chủng tánh Bồ Tát. Đã là chủng tánh Bồ Tát, lại có thể sanh tâm thâm tín, khởi tâm niệm Phật. Dùng tâm chí thành, nguyện sanh nước đó, thật không ứng giới hạn nơi hạ bối vậy. Mấy câu này Niệm Lão nói rất hay: có thể là trung bối, có thể là thượng bối. Điều này đoạn trước nói rất nhiều. Cho nên đối với tất cả mọi người không nên coi thường, nhất định phải cung kính, nhất định phải yêu thích, vậy là đúng rồi.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 417

Chuyên ngữ: Liên Hải

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 17.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải trang 524, hàng thứ sáu từ dưới đếm lên, bắt đầu xem từ đoạn “hựu Báo Ân Luận viết”.

“Nay theo đoạn này mười niệm vãng sanh, chuyên chỉ cho người trú Đại Thừa, Đại Thừa như thiền Tông đặc phá tham, và người đọc kinh điển Đại Thừa mà được giải ngộ cũng như vậy, người này không chuyên tu Tịnh Độ như Trí Giả, Vĩnh Minh, sở kiến của luận này, càng cao hơn bước nữa’. Trong ngoặc đơn nói, mượn Vĩnh Minh đại sư làm ví dụ không ổn thỏa lắm. Vì Vĩnh Minh ngày đêm niệm Di Đà một vạn tiếng.”

Chúng ta bắt đầu xem ở đoạn này. Về tam bối vãng sanh, đoạn kinh này là đoạn cuối cùng. Niệm Lão chú giải rất dài. Phẩm kinh này tổng cộng có bốn đoạn lớn. Đoạn thứ nhất là thượng bối vãng sanh, đoạn thứ hai là trung bối, đoạn thứ ba là hạ bối, đoạn cuối cùng chính là “người trú Đại Thừa”. Nói cách khác, họ không phải tu tông Tịnh Độ, là hạng người này. Ý nghĩa này vô cùng sâu rộng. Hiện thị Phật A Di Đà tiếp dẫn tất cả chúng sanh. Vãng sanh đến Thế giới Cực Lạc để học tập. Ở nơi đó thành tựu viên mãn. Tâm lượng của họ rất lớn, không có phân biệt pháp môn. Chỉ cần là người Đại Thừa thì đều hoan nghênh. Nên trong Báo Ân Luận nêu Vĩnh Minh đại sư làm ví dụ, đúng là không thỏa đáng lắm. Vì Vĩnh Minh đại sư mỗi ngày niệm Phật một vạn lần. Chúng ta Ngài thực sự chuyên tu Tịnh Độ. Ngài không phải tu pháp môn khác. Báo Ân Luận có một đoạn như vậy: “Cẩn án thử đoạn”, đoạn này chính là đoạn cuối cùng của tam bối vãng sanh. Đoạn này nói thập niệm vãng sanh, chuyên chỉ cho người trú Đại Thừa mà nói, là nói người có tâm hạnh Đại Thừa. Chúng ta giải thích như vậy mới tương đối thỏa đáng.

Đại thừa, Tiểu thừa phân biệt như thế nào? Cách phân chia đơn giản nhất là, Đại Thừa tâm lượng lớn, bao dung rộng. Tiểu thừa tâm lượng nhỏ, tấm lòng tương đối nhỏ hẹp. Đại Thừa chắc chắn không có phân biệt pháp môn, có thể bao dung, trong kinh Phật thường nói: “tâm bao Thái hư, lượng châu sa giới”, đó chính là tiêu chuẩn của người Đại Thừa.

Bất luận tu pháp môn gì, cho đến không cùng tôn giáo, thực sự có tâm lòng như vậy. Họ đem công đức họ tu tập được, hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ, tất cả đều được vãng sanh. Hơn nữa Phật A Di Đà đều sẽ đến tiếp dẫn họ. Họ sẽ được Phật A Di Đà đối xử bình đẳng.

Đoạn này nêu lên một ví dụ, ví như Thiên tông đắc phá tham, phá tham tức là đắc thiên định, khai ngộ rồi. Không phải là đại triệt đại ngộ, chưa minh tâm kiến tánh. Người như vậy, nếu họ nghe đến pháp môn Tịnh Độ, nghe đến danh hiệu Di Đà có thể sanh tâm hoan hỷ, lâm chung thập niệm cũng có thể vãng sanh, đó là thiên tông. Ngoài ra còn Giáo môn, giáo môn đọc tất cả kinh điển Đại Thừa. Quý vị xem, người được giải ngộ đều là giáo môn. Hiện nay chúng ta đọc kinh Đại Thừa, chúng ngộ không có, nhưng thực sự có giải ngộ. Nghĩa thú trong kinh Đại Thừa nói chúng ta có thể lãnh hội được. Vậy phải nhờ vào điều gì? Phải nhờ vào chân thành, Ấn Quang Đại sư thường nói hai chữ “thành kính”, chân thành, cung kính. Không có tâm chân thành cung kính, đọc Đại Thừa cả đời cũng không đạt được giải ngộ. Giải ngộ này chính là điều đã nói trong bài kệ khai kinh: “nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa”. Không có thành kính, người đó sẽ rất ngạo mạn, hiếu thắng, tham trước danh văn lợi dưỡng. Việc gì cũng luôn cho mình là đúng, hời hợt nóng nảy. Người như vậy, nghe kinh một đời cũng sẽ không hiểu. Điều này chúng ta nên biết vậy. Việc của người khác biết hay không cũng không hề gì, việc mình phải nên biết. Bản thân mình đời này có thể thành tựu hay không, trong quá trình tu học chúng sanh xảy ra vấn đề gì không, điều đó phải để ý cẩn thận. Đầu tiên bản thân chúng ta hiểu được, bản thân không phải là hàng thượng thượng căn. Làm sao biết được không phải là hàng thượng thượng căn? Phải dùng hai chữ thành kính này để làm tiêu chuẩn. Chúng ta chưa làm được. Chân thành cung kính chúng ta có, không phải không có, chưa đạt đến tiêu chuẩn. Chúng ta chỉ có hai ba phần tâm cung kính. Thực sự cũng đã tốt lắm rồi. Thời đại ngày nay, người không có phần cung kính nào nhiều lắm, nhiều lắm, phổ biến đều như vậy. Vì sao ngày nay Phật Pháp suy đồi đến mức độ này? Không phải không có người học, người học rất nhiều. Về mặt thành tựu, thì đời trước hơn đời sau rất nhiều. Nguyên nhân ở đâu? Chúng ta nhất định phải biết. Tâm thành kính của chúng ta không sánh bằng những thầy giáo thế hệ trước. Thế hệ trước chúng ta như Hoàng Niệm Tổ, thầy Lý, chúng ta không thể nào sánh được với họ, thế hệ trước hơn nữa càng không cần phải nói. Thế hệ trước hơn nữa như Đệ Nhị Lão hòa thượng, Hư Vân pháp sư, Hạ Liên Cư cư sĩ, đó đều là thế hệ trước nữa. Thực sự khách quan mà quan sát, đời sau không bằng đời trước. Phật Pháp hưng thịnh thì

đời sau tốt hơn đời trước, thế hệ sau hay hơn thế hệ trước, đó là hưng thịnh. Thế hệ sau không bằng thế hệ trước đó là suy đồi. Nguyên nhân là do đâu? Chúng ta cũng có thể hiểu được. Cơ sở giáo dục chúng ta tiếp thu không tốt như thế hệ trước. Thế hệ trước trường tư thực xuất hiện, từ nhỏ đã học qua sách Thánh hiền, học thuộc sách Thánh hiền, thế hệ tôi không còn nữa. Tôi cũng đã từng vào trường tư thực, khoảng nửa năm, nửa năm sau tư thực đã đổi thành trường học. Môn học của tư thực không còn nữa, sách giáo khoa tân biên, lúc đó gọi là tiểu học sơ cấp. Sách giáo khoa thành lập cho chế độ hai năm. Sơ cấp tiểu học thời gian ngắn, chế độ hai năm, giống như nông thôn, ở thành phố tương đối tốt hơn, tiểu học ở thành phố sáu năm, tiểu học ở nông thôn chỉ hai năm. Hoàn toàn không học những loại sách như Tam Tự kinh, Thiên tự văn. Đệ Tử Quy cũng không học nữa, môn học này đều không còn nữa. Người lớn hơn tôi bốn năm tuổi, họ đều được học. Nói cách khác, cơ sở quốc học của họ hơn hẳn chúng tôi rất nhiều. Trẻ em năm năm học rất nhiều sách. Đó đều là duyên khác nhau. Đây không phải là trong nhà không dạy, mà chính sách quốc gia đã thay đổi. Sau này chúng tôi lớn lên rồi. Nhìn thấy giai đoạn lịch sử này, tôi đã rõ ràng. Giai đoạn lịch sử này là quân phiệt cát cứ, xã hội động loạn, chính sách thay đổi không ngừng. Tuy là Dân quốc, người lãnh đạo thường thường thay đổi. Chúng ta sanh vào thời đại này là khổ rồi, vậy thế hệ sau chúng ta môi trường họ sống chúng ta đều biết, càng khổ hơn! Tám năm kháng chiến thực sự khổ không kể xiết, mỗi ngày đều nghĩ đến là chạy nạn. Chúng ta chạy trước, người Nhật đuổi theo sau. Lúc cự ly đến gần, tiếng súng bắn đều đã nghe thấy. Cho nên trong nhà, sự giáo dục của người lớn đối với trẻ con, chú trọng nơi giáo dục cuộc sống. Lúc nào cũng có thể vì chiến tranh mà người chết nhà tan. Lúc này trẻ con phải tiếp tục sinh tồn, nên chúng tôi từ năm mười tuổi đã bắt đầu học cái gì? Học nấu cơm, học giặt giũ áo quần, học tự chăm sóc bản thân. Không có gia đình, bản thân vẫn có thể tiếp tục sống, chú trọng loại giáo dục đó. Cho nên người trong thế hệ chúng tôi, những người trong hàng tuổi này, việc gì cũng biết làm, từ nhỏ đã được học, quý vị không học cũng không được, đối với sách cổ đều vứt hết. Chúng tôi thế hệ chúng ta đọc rất ít cổ tịch. Sau này trong lúc thời gian công việc rảnh rỗi, bản thân mới đọc được một ít. Xã hội hiện nay họ không đọc nữa. Đặc biệt đáng sợ hơn, hiện nay họ không dạy nữa. Quốc gia không dạy nữa, cha mẹ cũng không dạy. Hiện nay người nào dạy? Hiện nay ti vi đang dạy, internet đang dạy. Quý vị xem biết bao trẻ em đang mãi mê trong tiệm internet. Người lớn mê nơi phim ảnh, có ai không xem ti vi! Mỗi người hàng ngày ít nhất phải xem hai ba tiếng đồng hồ, ba bốn tiếng đồng hồ ngồi

trước màn hình ti vi, họ đang tiếp nhận sự giáo dục. Trong ti vi, internet dạy cái gì? Dạy bạo lực, dạy sắc tình, dạy sát đạo dâm vọng. Xã hội này làm sao mà không loạn được? Người ta cho rằng tạo tác những điều này là bình thường. Vì sao vậy? Vì ti vi dạy, mạng internet dạy là điều bình thường, nên có phương pháp như vậy mới đúng. Giá trị quan thay đổi rồi, hoàn toàn thay đổi rồi. Cho nên học Phật ngày ngày nghe kinh, sẽ không khai ngộ. Nguyên nhân làm cho không khai ngộ, hiện nay người bất hiếu với cha mẹ, không thể so sánh với ngày xưa. Hiện nay chúng ta nhìn thấy một người đang học hiếu, cư sĩ Hồ Tiểu Lâm giỏi lắm, học được rất giống, ít quá! Phàm những người tu học có chút thành tựu, quý vị để tâm quan sát họ, ưu điểm của họ ở đâu? Không có gì khác ngoài thành kính. Lưu Tô Vân nói: “chân thật, nghe lời, thật làm”, sáu chữ này đều thuộc về thành kính. Không có tâm thành kính không làm được. Có rất nhiều tin tức cho tôi biết. Người thân cận với tôi, xuất gia, tại gia không có người nào thực sự đang học Phật. Tôi biết, không phải tôi không biết. Sự việc này miễn cưỡng không được, khuyên cũng không được, nhất định phải do tự động, tự phát. Tôi làm sao có thể bảo người ta: quý vị phải cung kính tôi, có lý nào lại như vậy. Ngày xưa, ngay cả người làm cha mẹ đối với con cái, cũng không thể nói: ta là cha mẹ của con, con nên hiếu thảo với ta. Nó sẽ nói: sao con phải hiếu thảo với ba mẹ? Cho nên hiếu thảo cha mẹ là thầy giáo dạy, tôn sư trọng đạo là cha mẹ dạy. Thầy giáo nói, tôi là thầy giáo của quý vị, quý vị phải tôn trọng tôi. Lời như vậy không thể nói ra được. Cha mẹ và thầy giáo hai bên hợp tác, mới dạy tốt một con người được. Hiện nay cha mẹ cũng bất hiếu, thầy giáo cũng bất hiếu. Họ làm sao mà biết được? Nếu như họ biết được, họ là Thánh nhân tái lai, họ không phải là người phàm. Cho nên ngày nay chúng ta gặp những khó khăn này, khó khăn này thật không dễ giải quyết. Trong cảnh khó khăn ngày nay, chúng ta rất rõ ràng, đã thấu suốt. Tự độ quan trọng hơn bất cứ điều gì. Nếu giúp không được người khác, phải giúp bản thân, phải thành tựu bản thân. Bản thân đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc làm Phật trước. Lúc nào trên trái đất này duyên thành thực rồi sẽ trở lại, quay thuyền từ trở lại cũng không muộn. Phật Bồ Tát độ chúng sanh đời đời kiếp kiếp cũng không gấp gấp quá, dục tốc bất đạt. Ngày nay may mắn bản thân chúng ta làm cho tốt, làm cho người khác thấy. Một người nhìn hiểu rồi, một người được độ; hai người nhìn hiểu rồi, hai người được độ. Nói độ bao nhiêu người, ảnh hưởng bao nhiêu người, không làm được, đó không phải là thật. Nên đều phải hiểu được. Chúng ta đời này, thực sự có thể ảnh hưởng được ba người, năm người, thì đã giỏi lắm rồi.

Quý vị nên biết Đạt Ma Tổ Sư đến Trung Quốc đơn truyền năm đời, tức dạy một học trò. Đến đời thứ sáu Huệ Năng đại sư mới thành tựu 43 người, không tiền khoáng hậu. Trước Huệ Năng đại sư không có người nào thành tựu được như vậy. Sau đó cũng không thấy có một người nào thành tựu được như vậy. Cho nên chúng ta nhìn thấy cổ đức rất nhiều người suốt đời không có truyền nhân nào. Điều này là nhân duyên, không có người kế thừa, không có người kế thừa thì làm thế nào? Viết sách lập thuyết, dùng phương pháp này, để đem sở học của mình viết thành văn tự lưu truyền cho đời sau. Có lẽ đời sau có người gặp được. Chăm chỉ học tập, vậy là trở thành đệ tử tư thực. Ví dụ này Mạnh tử là người mở đầu. Mạnh Tử không gặp được thầy giáo tốt, rất ngưỡng mộ Khổng tử, Khổng Tử đã qua đời rồi, nhưng sách của Khổng Tử còn, chỉnh lý những điển tịch này vẫn còn. Ông hoàn toàn y theo những điển tịch mà Khổng Tử để lại này, “nhất môn thâm nhập, trường kỳ huân tu”, ông đã thành công. Thành công của ông vượt qua cả những học trò năm xưa học với Khổng Tử. Nên hậu nhân Trung Quốc tôn xưng phụ tử là “Chí Thánh”, tôn xưng Mạnh Tử là “Á Thánh”. Học trò Phu tử bản thân trực tiếp dạy, không có người nào thành Á Thánh. Điều này chúng ta trước mắt không có thầy giáo tốt, thì học với cổ nhân cũng được. “Nhất môn thâm nhập, trường kỳ huân tu”, sẽ trở thành đệ tử của cổ nhân. Trực tiếp truyền thừa họ cũng được!

Học Hoa Nghiêm, chuyên học số sao của Thanh Lương Đại sư. Một đời ghi khắc mà không bỏ, chính là truyền nhân của Thanh Lương, chính là truyền nhân của Thanh Lương. Chúng ta học Kinh Vô Lượng Thọ, y theo Kinh Vô Lượng Thọ, nhất môn thâm nhập, trường kỳ huân tu, là đệ tử của ai? Đệ tử của Phật A Di Đà, không phải là giả. Quý vị có thể nhìn thấu đạo lý trong kinh này. Phá tham chính là nhìn thấu. Đạt được là gì? là giải ngộ. Giải ngộ rất tốt, sau khi hiểu rõ rồi thì thật làm. Thật làm tức là chứng ngộ xuất hiện. Không thật làm không được. Thật làm này nhất định là có trí huệ, có đại phước đức, đại trí huệ. Họ mới có thể kiên trì, mới có thể làm được. Nếu như không thực sự nhìn thấu buông bỏ, họ sẽ không làm được. Vẫn còn tâm danh lợi, những thứ này rất nguy hiểm. Tương lai sẽ như thế nào? Tâm danh lợi không ngừng bành trướng. Bành trướng đến cuối cùng quý vị không thể khống chế được nữa. Quý vị sẽ bị nó khống chế. Cổ nhân cho rằng danh cao lợi nhiều, quý vị sẽ bị dao động. Hôm nay tiền ít quý vị không tham, chẳng thèm để tâm. Nếu như hôm nay có một người cúng dường quý vị một ngàn ức, cúng dường quý vị mười ngàn ức, quý vị có động tâm hay không? Quý vị động tâm là xong rồi, quý vị đã bị hủy hoại. Hôm nay có người đến mời quý vị

làm bộ trưởng, mời quý vị đi làm tỉnh trưởng, có động tâm hay không? Quý vị động tâm là hỏng rồi. Hiện nay người không cần nhiều, vài tỷ bạc là động tâm rồi, như vậy làm sao được. Làm thế nào thực sự có thể nhỏ hết được danh văn lợi dưỡng từ trong tâm. Người này được gọi là anh hùng hào kiệt. Anh hùng có nghĩa là gì? Nghĩa là người khác không làm được mà họ làm được. Những người này chúng ta gặp qua rồi, chúng ta có thể hiểu được. Vì sao họ không tránh được sự mê hoặc của danh lợi? Sự tu học của họ rất tốt nhưng gốc không sâu. Vì sao gốc không sâu? Cái gốc căn bản của họ là sau này mới vun bồi, không phải là cha mẹ dạy từ trong thai giáo. Sau này bản thân tự đọc những sách cổ này, biết được một ít văn hóa truyền thống, giảng rất hay, dạy cũng rất giỏi, nhưng thật sự không có căn bản, cho nên không chống được nhưng mê hoặc của danh lợi bên ngoài. Chúng ta hiểu được. Ngày nay tìm một người từ nhỏ tiếp thu giáo dục luân lý, một người cũng không tìm ra. Quý vị đi khắp cả thế giới, tìm không ra một người. Từ đó có thể biết được, chúng ta có thể nghĩ đến, sự thay đổi của một người rất lớn, ngay cả bản thân họ cũng không biết được. Phải có danh lợi bày ra trước mắt thực sự không động tâm, lúc này mới biết được. Không có hiện tiền thì không biết được. Đối với cá nhân mà nói, thiện căn, phước đức của chúng ta không đủ. Đối với đại chúng mà nói, xã hội này đại chúng không có phước báu. Có thể xuất hiện một Thánh hiền là phước báu của xã hội, phước báu của quốc gia xã hội. Chúng sanh không có phước, thì sẽ không có người như vậy xuất hiện, sẽ không có Phật Bồ Tát xuất hiện. Vì vậy chúng ta rất muốn đến giúp đỡ thế hệ sau. Sự phục hưng của văn hóa, chánh pháp cửu trú, là ba thế hệ về sau, người trong hai thế hệ chúng ta sẽ rất vất vả. Phải xây dựng môi trường vun bồi, điều này cũng có phước báu. Trước đây chúng ta đã nói qua, đó là nhân duyên. Chúng ta thực sự có tâm để làm, đây là nhân duyên thứ nhất. Nhân duyên thứ hai là môi trường khách quan có cho phép quý vị hay không. Đó là nhân duyên thứ hai. Nhân duyên thứ ba là có tài lực để ủng hộ quý vị hay không. Có thực sự phát tâm để học tập hay không. Mục tiêu học tập này nếu là danh văn lợi dưỡng, vậy thì không thể thành tựu. Trong nhà Phật người xuất gia, thực sự có người vì danh văn lợi dưỡng mà xuất gia, rất nhiều, tốt nghiệp đại học, họ xuất gia. Quý vị hỏi họ vì sao xuất gia? Thật thông minh, nghề này tốt. Danh tiếng lợi dưỡng lập tức có. Vừa xuất gia, vừa thọ giới, lập tức làm trú trì. Nếu như có tài ăn nói nữa thì sự cúng dường ùn ùn không ngớt. Chùa này xây dựng đẹp rồi, nguy nga tráng lệ, thanh tịnh trang nghiêm. Người giúp việc xung quanh rất nhiều, giống như hoàng đế vậy. Bạn học của họ đến đâu cũng hâm mộ. Tôi thấy rồi, không phải chưa từng thấy. Nhìn chuẩn nghề

nghiệp này rồi, hiện tại là hưởng thụ, nhưng nhân quả không thoát được. Họ không biết được. Họ chỉ thấy trước mắt, không nghĩ đến hậu quả, thậm chí nhân quả căn bản họ không tin tưởng, đích thực có những người như vậy. Trong cuộc đời tôi đã trải qua những điều đó. Nếu không phải là kinh giáo này, con đường mà thầy giáo đã chỉ dạy, đối với kinh giáo ghi khắc không bỏ, không có ngày nào rời bỏ. Những danh tiếng lợi dưỡng này ở đây mê hoặc, quý vị mới có thể không động tâm. Thật sự khó, thật không dễ dàng gì!

Đó là hạng người cuối cùng có thể vãng sanh. Hạng người này vãng sanh phải đặc biệt coi trọng. Đây là đoạn kinh văn vô cùng thù thắng của Tịnh Tông. Dưới đây nêu ra ví dụ. Người này không chuyên tu Tịnh Độ, như ngài Trí Giả, Vĩnh Minh. Thực sự mà nói Trí Giả và Vĩnh Minh đều là những vị chân tu. Trí Giả đại sư y theo Thập Lục Quán Kinh tu hành. Lúc Ngài vãng sanh dùng quán tưởng niệm Phật vãng sanh. Vĩnh Minh Diên Thọ thì trì danh niệm Phật vãng sanh. Hai ví dụ này nêu ra không được tốt lắm.

“Thử luận sở kiến, cánh thượng tăng lâu”. Đáng tiếc là nêu ví dụ không được thỏa đáng lắm. “Cái kinh vân trú Đại Thừa giả”, câu này quan trọng. “Kỳ tâm thanh tịnh”, những người tu hành Đại Thừa này, cuối cùng hồi hướng vãng sanh Tịnh Độ. Điều kiện để họ có thể vãng sanh là gì? Chính là tâm họ thanh tịnh. Câu này là hạt nhân cần có để được vãng sanh. Trong kinh luận giảng rất nhiều, tâm tịnh tức Phật độ tịnh. Tâm thanh tịnh quan trọng biết nhường nào! Bất luận tu pháp môn nào, thậm chí tôn giáo nào cũng không tin. Một người đọc những sách truyền thống Nho giáo, người học Tứ thư, Ngũ kinh, có thể kiên trì ngũ luân, ngũ thường, tứ duy bát đức, thế gian thiện pháp, tâm địa thanh tịnh, lâm chung có người khuyên họ niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Nếu họ tin tưởng, chấp nhận liền, nhất định có thể vãng sanh, Vì sao vậy? Vì tâm thanh tịnh. Một niệm mười niệm lúc lâm chung là niệm tâm thanh tịnh. Như vậy chắc chắn được vãng sanh. Tu học những tôn giáo khác, trong các tôn giáo khác có Thánh nhân, có Hiền nhân, không thể coi thường. Họ đạt được tâm thanh tịnh rồi, nếu như biết được pháp môn Tịnh Độ, có duyên gặp được, họ sẽ đem công đức bản thân họ tu được hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ. Tâm thanh tịnh niệm Phật, lâm chung một niệm mười niệm nhất định được vãng sanh, đó gọi là nhất tâm tam bối. Phải biết được nhất tâm tam bối không phải là nhất tâm hạ bối. Như vậy mới thực sự có thể phù hợp. Thiên Đạo đại sư nói: “tứ độ tam bối cửu phẩm luôn do nơi gặp duyên khác nhau”, nói như vậy mới thông được.

Tín đồ cơ đốc có thể sanh đến thượng phẩm thượng sanh không? Có thể, đều do gặp duyên khác nhau mà thôi. Phật A Di Đà vô cùng vĩ đại. Thế Giới Tây Phương Cực Lạc quá thù thắng, bất luận tu học pháp môn nào chỉ cần tu đến tâm thanh tịnh. Quý vị ngưỡng mộ Thế giới Cực Lạc, muốn vãng sanh gặp Phật A Di Đà đều có thể được. Phật A Di Đà không có phân biệt môn hộ, tâm Phật A Di Đà bao thái hư, lượng khắp sa giới. Ngũ nghịch thập ác, sám hối hồi tâm hướng thiện đều có thể vãng sanh. Thật vậy, Khổng Tử nói: “việc thành rồi không nói, việc sắp thành không can ngăn, việc cũ không truy cứu”, chỉ cần quý vị biết quay đầu, chỉ cần quý vị biết sửa sai là được, quý vị là đại thiện nhân. Ngạn ngữ có câu “lãng tử hồi đầu kim bất hoán”, người ác sám hối trở thành người thiện, người thiện ở trong các người thiện. Họ vãng sanh rồi cũng có thể sanh thượng phẩm thượng sanh.

“Tâm họ thanh tịnh, nghe pháp thậm thâm, liền sanh tín giải, như vậy là người trí tuệ thông lợi, tín nguyện kiên cố”. Nghe được pháp môn này, có thể tin, có thể hiểu, họ có trí tuệ như vậy. Có tín có nguyện, tín tâm kiên cố, nguyện tâm kiên cố. Người như vậy duy chỉ có chư đại sư Trí Giả, Vĩnh Minh, Trung Phong mới có thể kham được. Họ có thể gánh vác được.

Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự là sách do Trung Phong thiền sư viết, người của Thiền Tông biết được Tịnh Độ ở trong tâm. Họ có nhận thức đối với Tịnh Độ. Từ hai câu này thì có thể chứng minh điều đó, “Di Đà tức là tâm ta, tâm ta tức là Di Đà. Tịnh Độ là nơi này, nơi này là Tịnh Độ”. Không có triệt ngộ, câu này không nói ra được. Ngài Vĩnh Minh niệm Phật vãng sanh, người này tham thiền, chắc chắn là sanh thượng bối, Ngài sẽ không sanh vào trung bối, hạ bối.

“Kí đồng Trí Giả, Vĩnh Minh, Trung Phong chư đại Tổ sư. Hựu yên năng vị liệt hạ bối.” Không thể sanh nơi hạ bối, cũng không thể sanh ở trung bối, chắc chắn ở thượng bối.

Cho nên Hạ Sư Hội Bản. Hội Tập bản của Hạ Liên Cư lão cư sĩ, đối với người Tam bối vãng sanh, chuyên dẫn Đường Dịch thành một đoạn khác. Đoạn kinh văn này, phần trước đều là Đường dịch. Bản Đường dịch chính là Kinh Đại Bảo Tích, Vô Lượng Thọ Hội. Kinh Đại Bảo Tích là một bộ kinh lớn. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lần này là mở ra một bộ kinh lớn. Trong bộ kinh lớn này, giảng hơn 20 bộ kinh. Kinh Vô Lượng Thọ cũng nằm trong bộ kinh này, đã giảng qua một lần, chúng ta gọi nó là Đường dịch.

“Để biểu thị ngoài tam bối vãng sanh thường nói ra, còn có một cách. Tức Từ Châu pháp sư chia làm nhất tâm tam bối vậy. Nhất tâm tam bối này có đại nhân

khác nói sơ qua, siêu việt cách thông thường, mà được vãng sanh, nói lược ở đây tức là nhất tâm vậy”.

Trong phẩm kinh này nói nhất niệm tịnh tâm, tức là đoạn trước trong “Thập Phương Phật Tán Phẩm nói nhất niệm tịnh tín. Nhất niệm tịnh tâm chính là nhất niệm tịnh tín.

“Trước nói, cho đến có thể phát một niệm tịnh tín, tất cả thiện căn chí tâm hồi hướng nguyện sanh Tịnh Độ, tùy nguyện đều được sanh”. Phật A Di Đà có nguyện này. Lúc người này vãng sanh tức là một nguyện thành tựu.

“Nay nói, cho đến đạt được nhất niệm tịnh tâm, phát nhất niệm tâm, niệm nơi Phật kia, nhất định sanh về nước đó, trước sau trùng khớp, đồng hiển bày tông chỉ nhất tâm và nhất niệm.” Pháp môn Tịnh Độ quý nhất chính là nhất tâm nhất niệm.

“Đây thật là diệu thể của pháp môn Tịnh Độ.” Tịnh Tông quý nhất là nhất tâm nhất niệm, tức là chân tâm, chính là bản tánh của chúng ta. Không phải từ bên ngoài mà đến. Trong giáo lý Đại Thừa thường nói “chân tâm li niệm”, chân tâm không có khởi niệm, vậy vô niệm có phải là chân tâm không? Vô niệm không phải là chân tâm. Vô niệm là gì? Vô niệm là vô tướng định. Chân tâm vô niệm, nhưng tất cả đều rõ ràng. Hoàn toàn khác với vô tướng định. Vô tướng định họ không có niệm, nhưng cái gì họ cũng không biết. Vậy là không giống nhau. Cho nên vô tướng định họ hoàn toàn là vô minh. Tuy nhất niệm không sanh, nhưng cái gì họ cũng không hiểu được, thiền định Phật pháp thiền định không như vậy. Tuy một niệm không sanh, nhưng mọi thứ họ đều rõ. Như gương sáng vậy, những thứ bên ngoài chiếu vào rất rõ ràng, một niệm không sanh. Quý vị hỏi họ, cái gì họ cũng biết. Quý vị không hỏi họ, họ một niệm cũng không có. Nên nói “Bát Nhã vô tri, vô sở bất tri”. Chư Phật Bồ Tát thị hiện trên thế gian này. Chúng ta phải rất tỉ mỉ để lãnh hội. Phật Thích Ca Mâu Ni đương nhiên là như vậy. Phật Thích Ca Mâu Ni một đời, giảng kinh dạy học 49 năm, bản thân Ngài hoàn toàn phủ định điều đó. Ngài nói Ngài một đời chưa từng nói câu nào, nếu như có người nói Ngài giảng kinh là hủy báng Phật. Nghĩa là sao? Ngài thật sự chưa nói một lời nào. Vì sao vậy? Vì không khởi tâm không động niệm, thì nói cái gì! Phật Thích Ca Mâu Ni một đời không có khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm là phàm phu, không khởi tâm, không động niệm, có thể thuyết pháp 49 năm, nói mà không nói, không nói mà nói. Điều này giáo lý Đại Thừa thường nói như vậy. Từ khởi tâm động niệm mà nói, Ngài chưa từng nói, thực sự chưa từng nói. Nhưng từ trên sự tướng mà nói, Ngài thật sự giúp đỡ rất nhiều người giải quyết vấn đề. Ngài nói rất nhiều, nói rất nhiều đồng nghĩa với không nói. Nói như vậy nghĩa là

gì? Hiện nay chúng ta đã hiểu được một ít. Phản ứng. Cũng giống như Tiến sĩ Giang Bồn làm thí nghiệm về nước vậy. Nước có khởi tâm động niệm không? Không có. Là một kiểu phản ứng, tức là cảm ứng. chúng sanh có cảm, Ngài tự nhiên có ứng. Hiện thân là ứng, thuyết pháp là ứng. Phản ứng tự nhiên, không có khởi tâm động niệm. Kiểu phản ứng này, hiện nay chúng ta biết đó là tự tánh phản ứng. Trong tự tánh, điều này Huệ Năng đại sư nói “đâu ngờ tự tánh, vốn tự đầy đủ”, đầy đủ vô lượng trí huệ, đầy đủ vô lượng đức năng, đầy đủ vô lượng tướng hảo, cho nên cái gì Ngài cũng có thể phản ứng.

Giống như trong Kinh Lăng Nghiêm nói: “tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng”, “ứng” đó là phản ứng, kỳ diệu vô cùng! Điều này chúng tỏ đức Phật Thích Ca Mâu Ni một đời đều đang ở đó làm thí nghiệm, Ngài đã thành Phật từ lâu rồi.

Trong Kinh Phạm Võng nói rất rõ, lần này đến thế gian này thị hiện thành Phật là lần thứ 8000 rồi, Ngài đã đến 8000 lần. Giống như vũ đài biểu diễn vậy. Vũ đài biểu diễn, quý vị muốn hỏi họ, họ có hiện tướng hay không, họ có nói chuyện hay không? Họ không hiện tướng, cũng không nói chuyện. Vì sao vậy? Kịch bản diễn như vậy, họ phải y theo đó mà diễn. Đạo diễn bảo họ diễn như thế nào họ liền diễn như vậy. Hoàn toàn không phải là bản thân họ. Quý vị liền hiểu được, biểu diễn trên vũ đài đó, họ không có hiện tướng, họ cũng không nói chuyện. Những lời đó là của ai nói? Người viết kịch bản nói. Động tác của họ, biểu thái của họ là cũng là người viết kịch bản sắp xếp cho họ, không phải là bản thân họ. Phản ứng này của Phật Thích Ca Mâu Ni, không phải là bản thân Ngài, là chúng sanh. Chúng sanh có cảm, Ngài tự nhiên có ứng. Giống như làm thí nghiệm nước vậy. Nó biết nhìn, nó biết nghe, nó hiểu được ý của con người. Tôi xem thí nghiệm của tiến sĩ Giang Bồn, ông dùng chiếc bình nhỏ, trong đó chứa đầy nước, chiếc bình nhỏ đó là một cái ống nhỏ, lớn khoảng gần bằng cây bút vậy. Chỉ như vậy, hơi dài dài, trong đó chứa nước. Nhìn cái gì? viết một chữ dán lên đó cho nó nhìn, nhìn xong nó liền phản ứng. Ông nói phản ứng đẹp nhất là với chữ “ái”, “cảm ân”, lúc nhìn hai chữ này, đề án phản ứng của nước vô cùng đẹp. Ý niệm cũng vậy, không viết chữ, nói với lọ nước “tôi yêu bạn”, “tôi cảm ơn bạn”, thì phản ứng vô cùng đẹp đẽ. Ngược lại nói với nó “tôi không thích bạn”, “tôi ghét bạn”, đề án đó liền vô cùng khó coi. Thí nghiệm chứng minh nước thật sự nó có thể nhìn, nó biết nhìn, nó hiểu được ý nghĩ con người. Nước là khoáng vật, rõ ràng nó đầy đủ năm uẩn, nó có sắc, tức là hiện tượng vật chất. Nó có thọ, tướng, hành, thức, tất cả đều đầy đủ.

Trong Hoàn Nguyên Quán nói rất rõ ràng. Trong Hoàn Nguyên Quán nói về khởi nguyên của vũ trụ. Nhất niệm bất giác trong tự tánh, trong chân tâm, vọng tâm liền xuất hiện. Vọng tâm này là A lại da. A lại da có tam tế tướng. Tướng thứ nhất là nghiệp tướng, nghiệp tướng là dao động, hoặc là chúng ta nói tần suất sản sinh hiện tượng này, nó là động, tốc độ động rất nhanh, trong một giây tần suất này đạt đến một tỷ sáu trăm triệu lần, tần suất này đang động, trong hiện tượng động liền có thọ, tướng, hành, thức. Có hiện tượng vật chất, tướng cảnh giới chính là hiện tượng vật chất. Chuyển tướng chính là thọ, tướng, hành, thức. Cho nên hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần đồng thời phát sinh. Tần suất này chúng ta gọi nó là hiện tượng tự nhiên. Vũ trụ phát sanh rồi. Phật tại ba ngàn năm trước đem sự việc này nói rất rõ ràng, rất thấu triệt. Ngài nói người dùng thức thứ sáu, năng lực của thức thứ sáu rất lớn. Đối ngoại có thể duyên pháp giới hư không, đối nội có thể duyên đến A lại da. Nhưng không duyên đến tự tánh. Vì sao vậy? Vì tự tánh là thật, nó là vọng. Vọng có thể duyên vọng, vọng không thể duyên đến chân. Điều này chứng tỏ thức thứ sáu có cực hạn.

Hiện nay nhà khoa học chứng minh được rồi. Ngày nay nhà khoa học thực sự đã nhìn thấu A lại da, cũng quan sát biên tế của vũ trụ, biên tế không nhìn đến được. Chúng ta nghe báo cáo của giới khoa học, trong báo cáo nghiên cứu hồng quan vũ trụ nói. Họ dùng thiết bị tinh vi quan sát vũ trụ, chỉ có thể quan sát đến 10% toàn vũ trụ, vẫn còn 90% không nhìn thấy. Báo cáo của họ chúng ta vừa xem đã biết được. 90% không thấy được đó, chúng ta hiểu được nó đi đâu rồi, họ thì không biết được. Trong kinh Phật nói rồi, 90% đó trở về với tự tánh. Trở về tự tánh vì sao không nhìn thấy được? Bởi vì tự tánh không phải là vật chất, cũng không phải là tinh thần, cũng không phải là hiện tượng tự nhiên. Ba loại hiện tượng này đều không phải. Khoa học nghiên cứu phải có đối tượng, không có đối tượng họ không tìm ra được. Đó là Hồng quan vũ trụ, thức thứ sáu hướng duyên bên ngoài. Hướng nội duyên chỉ có thể duyên đến A lại da. Hiện nay lượng tử lực học đích xác duyên đến A lại da. Nhìn thấy tam tế tướng, cho rằng giữa vũ trụ chỉ có ba loại: năng lượng, tin tức, vật chất. Ngoài ba loại vật chất này không còn thứ gì cả. Thế giới muôn màu, chúng sanh vô số, nhà Phật nói là mười pháp giới, y báo chánh báo trang nghiêm, tức là nói đến sự biến hóa của ba loại này. Căn bản chính là ba loại này. Ba loại này chính là tam tế tướng của A lại da. Năng lượng là nghiệp tướng. Tin tức là chuyển tướng, hoặc là kiến phần của A lại da. Tướng cảnh giới là vật chất, là tướng phần của A lại da. Khoa học đến được đó là đến cực hạn rồi, đây là Phật lời nói. Thêm nữa là hết cách rồi. Hiện nay biết được

hiện tượng vật chất đến như thế nào. Làm rõ rồi, vật chất là tâm niệm biến hiện ra. tâm niệm là cơ sở của vật chất, tâm niệm từ đâu đến? Họ nói với chúng ta tâm niệm từ không mà sanh có. Không thể nói họ sai, họ nói rất có lý. Nhưng nếu truy vấn vì sao từ không mà sanh có? Họ không biết được. Vẫn là kinh Phật nói rõ ràng, nhưng vi quan thế giới vẫn chưa đến được điểm nhỏ nhất của cực vi. Trong một hiện tượng vật chất nhỏ như vậy, nó có thế giới, khoa học không phát hiện được. Trong vi trần có thế giới. Thế giới không có thu nhỏ, vi trần không có phóng lớn. Thế giới ở trong vi trần và vũ trụ bên ngoài là như nhau. Điều này trước đây chúng ta đọc qua rồi, Phổ Hiền Bồ Tát có thể vào được. Có thể đi vào thế giới vi trần. Điều này khoa học hiện tại hoàn toàn không biết được.

Nó nhỏ không có trong, nó lớn không có ngoài, “vô ngoại chi ngoại” khoa học không nhìn thấy được. “Vô nội chi nội” khoa học không biết được. Vậy làm sao mới biết được? Phật nói, chỉ có chúng mới biết được. Chúng như thế nào? Quý vị đem vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều buông bỏ hết, thì chúng đắc thôi, nó liền hiện tiền. Chỉ cần quý vị có khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, quý vị chắn chắn không thấy được nó. Quý vị đem khởi tâm, động niệm, phân biệt, chấp trước đều buông xuống hết, quý vị liền thấy được. Vô ngoại chi ngoại, vô nội chi nội, quý vị đều hiểu rõ được. Cho nên giới khoa học còn thiếu một điểm này. Họ đã đạt được bên lề của minh tâm kiến tánh mà trong Phật Pháp nói. Đã đạt đến bên lề rồi, còn một bước chưa đột phá được. Bước đó là phải buông xuống. Buông xuống tức là thực sự đột phá được, buông xuống là thành Phật.

Trong giáo lý Đại Thừa nói “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh”. Điều này trong kinh có câu gọi là “triệt pháp để nguyên”, gốc rễ căn nguyên của tất cả vạn pháp, quý vị mới thực sự thấu suốt. Đó cũng là mục tiêu cuối cùng của triết học và khoa học. Họ muốn biết được điều đó. Sự việc này không thể dùng tâm để nghĩ ra được. Không thể dùng ngôn ngữ để nói, “ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt”. Những nhà khoa học này họ vẫn còn dùng ngôn ngữ, vẫn còn dùng tâm tư. Ngôn ngữ và tâm tư đều không phải là thật, là hư vọng. Trong chân tâm không có những thứ này. Vì thế dùng tâm tư, dùng ngôn ngữ thì chắc chắn không thông được. Tâm tư, ngôn ngữ có thể đến A lại da, có thể đến biên duyên của vũ trụ. Điều đó chứng tỏ, một niệm tâm tịnh này, một niệm tịnh tín quan trọng hơn bất cứ thứ gì. Đó là chân thật trong chân thật. Chúng ta ngay trên đó nỗ lực chăm chỉ tu học. Chúng ta trong đời này thực sự sẽ thành tựu. Thực sự sẽ trong một đời này chứng đắc đại viên mãn. Vãng sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, phẩm vị quý vị không mong cầu được cao nó cũng tự nhiên nâng cao. Nếu như dùng tâm

thanh tịnh, không mong cầu gì, lúc vãng sanh ngược lại là thượng phẩm thượng sanh. Một lòng mong cầu sanh thượng phẩm thượng sanh, có thể đạt đến là thượng phẩm trung sanh. Vì sao vậy? Vì họ có một niệm mong cầu đó là vọng niệm. Họ còn xen tạp vọng niệm ở trong đó, không thuần! Không mong cầu gì, chỉ có nhất niệm, tôi muốn gặp Phật A Di Đà. Tôi muốn đến Thế giới Cực Lạc là được rồi, chắc chắn được sanh, nhất định được gặp.

Cuối cùng Niệm Lão nói, trước sau thống nhất, cùng hiển bày tôn chỉ nhất tâm và nhất niệm. Đây thật là diệu thể của pháp môn Tịnh Độ. Hội tập của Hạ Liên Cư, khoa pháp của Từ lão, đều khế hợp bản hoài chư Phật, thể hiện sâu sắc Thiền Tịnh không hai. Thật có công lớn đối với Thánh giáo, đó là thật. Cho nên trên thế giới này, bao gồm nhưng tôn giáo và học phái, người thực sự có thể buông xuống được, đều đạt được cảnh giới này. Đó là chân lý. Không phân biệt tôn giáo, không phân biệt học phái, buông xuống là được. Đó là thật không phải giả. thực sự có thể buông xuống, quý vị nghe đến pháp môn Tịnh Độ, quý vị muốn đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc xem xem. Đi gặp Phật A Di Đà xem, một tâm niệm ấy là thành công rồi. Vì sao vậy? Vì một tâm niệm đó và Phật A Di Đà, và Chư Phật Như Lai tâm tâm tương ấn, cùng một tâm.

Đoạn cuối cùng này, nhất tâm và nhất niệm, văn tuy khác nhưng thật ra là giống. Nhất tâm và nhất niệm trên văn tự khác nhau, mà trên thực tế là cùng một sự việc. Nhất tâm chính là nhất niệm, nhất niệm chính là nhất tâm. Nhất niệm này chính là nhất niệm mà Di Lặc Bồ Tát nói, một phần trong một một tỷ sáu trăm triệu trong một giây, đó là nhất niệm. Một giây có một tỷ sáu trăm triệu niệm, chỉ một niệm trong đó, đó là nhất tâm.

Giáo Hạnh Tín Chúng nói: nói nhất niệm là tín tâm không có niệm thứ hai. Nên nói nhất niệm gọi là nhất tâm, nhất tâm tức chân nhân thanh tịnh Báo độ. Thanh tịnh báo độ là cõi Thật báo trang nghiêm của Phật A Di Đà. Chân nhân của cõi Thật báo trang nghiêm. Cho nên trong Kinh Di Đà rất coi trọng câu nói này. Nhất tâm bất loạn. Thực sự niệm đến nhất tâm bất loạn, vãng sanh Tịnh Độ không phải là ở hạ bồi, ít nhất cũng là trung bồi vãng sanh.

Nhất tâm bất loạn có hai loại, lý nhất tâm và sự nhất tâm. Lý nhất tâm, thượng bồi vãng sanh; sự nhất tâm, trung bồi vãng sanh. Thế nào là nhất tâm? Điều này đã nói rồi. “Tín tâm vô nhị chi tâm”. Vô nhị là gì? Không có một vọng niệm nào. Có một vọng niệm tức là nhị tâm. Chúng ta thường nói “ba tâm hai ý”. Ba tâm hai ý là gì? là A lại da. A lại da, mặt na, ý thức gọi là ba tâm. Hai ý là gì? hai ý là ý thức và mặt na thức, mặt na gọi là ý căn. Thức thứ sáu gọi là ý thức, đó là hai ý.

Lục đạo chúng sanh dùng tâm đều gọi là ba tâm hai ý. Ba tâm hai ý là vọng tâm, vọng tâm không đáng tin, nó không phải là chân tâm. Vọng tâm sẽ thay đổi, chân tâm không thay đổi. Cho nên chỉ có Pháp thân Bồ Tát, tâm đó mới vĩnh viễn bất biến. Vì sao vậy? Vì họ dùng chân tâm.

Kinh Hoa Nghiêm viên giáo sơ trụ trở lên đều dùng chân tâm. Tâm đó tuyệt đối không thay đổi. Trong mười pháp giới toàn dùng vọng tâm, dùng tâm A lại da. Phật trong mười pháp giới đều dùng vọng tâm. Nhưng tứ thánh Pháp giới dùng đúng. Vì sao họ dùng đúng? Họ thực sự là đệ tử Phật, hoàn toàn y theo lời giáo huấn của Phật mà làm. Thực sự chánh mà không tà, giác mà không mê, tịnh mà không nhiễm. Tam qui y rất thích hợp với cõi Phương tiện hữu dư. Tuy là vọng tâm, nhưng dùng được đúng, lục đạo dùng là tà, không chánh. Kiến tư phiền não làm cho họ nhiễu loạn, trong kiến phiền não có thân kiến, biên kiến, kiến thủ kiến, giới thủ kiến, tà kiến. Đây là nói cách nhìn của quý vị. Cách nhìn của quý vị đối với nhân sanh vũ trụ, quý vị toàn nhìn sai. Tư hoặc, tham, sân, si, mạn, nghi, đó là quý vị nghĩ sai rồi. Vì sao vậy? Trong tự tánh thanh tịnh không có. Năm loại kiến hoặc và năm loại tư hoặc hoàn toàn không có. Lục đạo chúng sanh cho rằng đây là tâm của bản thân mình. Đó gọi là tâm hư rồi, sai rồi!

Như trong Kinh Địa Tạng nói: “Diêm Phù đề, chúng sanh khởi tâm động niệm không có gì là không tội”. Quý vị rơi vào năm loại kiến hoặc, năm loại tư hoặc, không phải toàn là tội sao? “Không gì là không tạo nghiệp”, quý vị đang tạo nghiệp, quý vị đang tạo tội. Vì vậy quả báo của họ là luân hồi. Quý vị tạo thiện nghiệp, có tốt không? Không tốt. Vì sao vậy? Ba đường thiện là báo, không ra khỏi luân hồi. Quý vị tạo ác nghiệp thì càng không tốt, quý vị phải đến ba đường ác để chịu quả báo. Vì vậy Phật Pháp dạy chúng ta tu tịnh nghiệp. Tu tịnh nghiệp quý vị mới có thể thoát ly lục đạo luân hồi. Quý vị còn có một điều “tịnh”, tịnh cũng là chướng ngại. Cho nên quý vị chỉ có thể trong mười pháp giới, trong tứ thánh pháp giới. Tịnh là gì? Phân biệt, khởi tâm động niệm. Trong tứ thánh pháp giới không phân biệt nữa, phân biệt đã được đoạn hết. Quý vị sẽ sanh đến hai tầng cao hơn là Bồ Tát và Phật. Có tâm phân biệt thì sanh vào hai tầng Thanh Văn và Duyên Giác. Nếu không có phân biệt, thì sẽ sanh vào hai tầng trên, Bồ Tát và Phật. Bồ Tát và Phật không còn phân biệt nữa. Phật ngay cả tập khí phân biệt cũng không có. Bồ Tát không có phân biệt nhưng có tập khí phân biệt. Phật ngay cả tập khí phân biệt cũng không có. Tập khí phân biệt không có thì thành Phật rồi. Nhưng Phật có khởi tâm động niệm, có thể buông bỏ khởi tâm động niệm họ liền siêu việt rồi, mười pháp giới không thấy nữa, họ liền sanh vào nhất chân

pháp giới, cho nên chúng ta biết được nhất chân pháp giới khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước đều không còn nữa. Nhưng họ có cái gì? Có tập khí khởi tâm động niệm. Tức là tập khí vô minh vô minh, thứ này không dễ đoạn. Thứ này không có phương pháp để đoạn. Quý vị không khởi tâm, không động niệm, quý vị còn phương pháp nào nữa? Có phương pháp tức khởi tâm động niệm rồi, vậy là đọa lạc xuống. Cho nên sự việc này cuối cùng cũng mặc kệ nó, đừng quản nó. Thời gian dài rồi, tự nhiên không còn nữa. Đây gọi là “vô công dụng đạo”, ở đây dùng không đắc lực. Để nó tự nhiên, dần dần sẽ không còn nữa. Cần thời gian bao lâu? Ba đại a tăng kỳ kiếp. Chúng ta liền biết được, thọ mạng ở cõi Thật báo trang nghiêm, là ba a tăng kỳ kiếp, đó gọi là vô lượng thọ. Trong kinh cũng nói là vô lượng của hữu lượng. Nhưng vô lượng của hữu lượng này và vô lượng của vô lượng nó là thông. Tập khí vô minh vô minh đoạn hết rồi, họ liền nhập Diệu giác vị là chân vô lượng. Diệu Giác là viên mãn trở về tự tánh, chân vô lượng. Cho nên trong cõi Thật báo trang nghiêm trước hết là vô lượng của hữu lượng, đến cuối cùng liền biến thành thực sự vô lượng. Đó không phải là giả, nó thông được. Cho nên sanh đến cõi Thật báo chính là Viên giáo sơ trú Bồ Tát. Chúng ta liền có thể xưng họ là chúng đắc vô lượng thọ, không phải là giả. Tập khí vô minh vô minh chưa đoạn, nó không phải là thuần chân. Nhưng sau khi đoạn rồi họ liền biến thành thuần chân. Họ thật trở thành vô lượng thọ. Cho nên đạt được nhất niệm tịnh tâm, phát tâm nhất niệm. Nhất niệm tịnh tâm, phát một niệm tâm này là niệm Phật.

Dưới đây nói “niệm ư bỉ Phật”, là dùng nhất niệm tịnh tâm để niệm Phật A Di Đà. “Định sanh bỉ quốc”, đó là chân tâm. Tâm này niệm Phật A Di Đà. Sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc chắc chắn là thượng phẩm thượng sanh. Cho nên pháp sư Từ Châu nói đây là nhất tâm tam bối. Như vậy mới có thể nói thông được, không phải tất cả đều sanh hạ phẩm. Họ có thể thượng phẩm thượng sanh. Trước sau thống nhất, cùng hiển bày tôn chỉ của nhất tâm và nhất niệm. Ở đây nói rất rõ ràng, lúc quay đầu lại nhìn, thì càng rõ ràng hơn. Đây là nhân chân chánh của cõi Thật báo. Sanh đến Thế giới Cực Lạc là nhân này. Sanh vào tất cả quốc độ của chư Phật trong mười phương cũng là nhân này. Họ không phải là người tu Tịnh Độ, nhất tâm này là nhất niệm đạt được. Thông thường hơn một nửa số đó họ đều sanh vào thế giới Hoa tạng. Báo độ của Tỳ Lô Giá Na Phật, họ đến nơi này rồi.

“Nhi thành địa thượng chi đại sĩ”, “địa thượng chi đại sĩ”. Là Biệt giáo, biệt giáo sơ địa, viên giáo sơ trụ. Công đức thù thắng không thể nghĩ bàn của nhất tâm tại

đây có thể thấy được, đó là khích lệ chúng ta. Chúng ta trong cuộc sống hằng ngày phải tu nhất tâm. Cũng chính là nhất định phải dùng chân tâm. Xử sự đối người tiếp vật đều dùng chân tâm để sống. An vui, pháp hỉ sung mãn, chân tâm vô ngại. Dùng tâm chân thành để học Phật. Quý vị mới có thể thực sự khế nhập cảnh giới Phật. Kệ khai kinh nói “nguyên giải Như Lai chân thật nghĩa”. Quý vị đối với Như Lai thật nghĩa quý vị có thể hiểu được. Quý vị có thể thể hội được, tâm nếu như không chân thành, thể hội không được. Quý vị thể hội nhiều ít đó chính là độ thuần chất về tâm chân thành của quý vị. Quý vị thể hội nhiều ít, đó là thuần chất về tâm chân thành của quý vị. Vạn phần chân thành quý vị liền được vạn phần lợi ích; mười phần chân thành quý vị liền được mười phần lợi ích. Trong quá trình chúng ta học tập, có thể nói không ngừng hướng thượng nâng cao tâm chân thành này, quý vị đối với kinh giáo đọc từng lần từng lần một, mỗi lần đọc khác nhau, thể hội không giống nhau. Kinh này đọc mấy mươi lần, vì sao nay mới phát hiện những thứ này. Trước đây lúc đọc vì sao không phát hiện được? không phải không chăm chỉ đọc. Trước đây đọc rồi có thể hiểu được, nhưng nay hiểu khác đi.

Lại Tín Tâm Minh nói rằng: quyển này của thiên tông. “Tín tâm bất nhị, bất nhị tín tâm, ngôn ngữ đạo đoạn, phi khứ lai kim”. Bốn câu này cũng nói rất hay, đó là gì? Thật sự tín tâm, chân tín, dùng chân tâm để tin, không phải vọng tâm. Vọng tâm thì sao, vọng tâm là hai ba, tức rơi vào hai ba rồi, hai ba tức là thức A lại da. Không hai tức là không dùng thức A lại da. Pháp tướng tông nói chuyển thức thành trí, đã chuyển trở lại rồi. Chuyển A lại da thành Đại viên cảnh trí. Chuyển thức mạt na thành Bình đẳng tánh trí. Chuyển thức thứ sáu thành Diệu quan sát trí. Chuyển tiền ngũ thức Thành thành sở tác trí. Tứ trí gọi là bồ đề. Đó là Pháp tướng tông chuyển thức thành trí, chuyển tám thức thành bốn trí. Đó chính là tín tâm bất nhị, bất nhị tín tâm. Đích thực ngôn ngữ đạo đoạn. Vì sao vậy? Vì nó là thật, thực sự quý vị không thể nghĩ ra nó, quý vị cũng không thể nói về nó. Nói không được tức là ngôn ngữ đạo đoạn, không thể dùng ngôn ngữ. Đoạn sau, tâm hành xứ diệt, không thể tưởng tượng nó, quý vị vừa nghĩ là sai rồi.

“Phi khứ lai kim”, khứ lai kim là ba đời, ba đời không còn nữa. Chẳng những ba đời không còn nữa, mười phương cũng không có nữa. Ba đời là nói thời gian, mười phương là nói về không gian, thời gian không gian không còn nữa, đó là thật, hiện nay nhà khoa học đã biết được. Biết được thời gian không gian không phải là thật. Thời gian không gian hai việc này, trong Bách Pháp Minh Môn Luận

nó được liệt vào Bất tương ưng hành pháp. Bất tương ưng hành pháp có hai mươi bốn loại. Không gian là một loại, thời gian là một loại.

Bất tương ưng nghĩa là gì? Nó không tương ưng với tâm pháp, không tương ưng với tâm sở pháp. Cũng không tương ưng với sắc pháp. Phía trước là hiện tượng tinh thần, phía sau là hiện tượng vật chất. Nói cách khác, nó không phải là hiện tượng vật chất. Cũng không phải là hiện tượng tinh thần. Hai loại này không tương ưng với nhau. Không phải hai loại này, chúng ta gọi nó là hiện tượng tự nhiên. Cho nên bất tương ưng hành pháp là hiện tượng tự nhiên. Nó là khái niệm trừu tượng, nó không có thật thể. Nó là giả, nó không phải là thật. Còn giả hơn là vật chất và tinh thần.

Phi khứ lai kim tức là siêu việt thời không, chính là nghĩa này. Cũng biểu thị tín tâm bất nhị, tức nhất tâm không thể nghĩ bàn. Cho nên trong Tín Tâm Minh nói về nhất tâm, tức là Kinh Vô Lượng Thọ nói nhất niệm nhất tâm, tức là nghĩa này vậy.

“Vậy nên nhất niệm tịnh tín, tùy nguyện đều sanh vậy”. Điều này không giả dối tí nào. Lúc nào muốn vãng sanh đều có thể, không có chút chướng ngại nào. Phật có đến tiếp dẫn hay không? Chắc chắn đến tiếp dẫn. Ý niệm của quý vị vừa động Phật A Di Đà liền biết rồi. Quý vị muốn đến lập tức đi đón quý vị. Đó gọi là sanh tử tự tại, đó gọi là “liễu sanh tử”. Sanh tử hết rồi, không còn nữa. Sanh tử là giả, không phải thật.

Hựu Viên Trung Sao viết- điều này do U Khê pháp sư nói. “trì danh nhất tâm bất loạn, là nhân”, điều này đều nói theo kinh Di Đà, Viên Trung Sao là chú giải của Kinh Di Đà. Trì danh nhất tâm bất loạn là nhân.

“Đắc nhất niệm giả, ước hành thành nhi vi ngôn dã.” Thực sự niệm đến nhất niệm. “Thử nhất niệm chi lực, hữu phục hoặc chi công”. “Hoặc” là phiền não, nhất niệm này lực lượng của nó có thể đè bẹp được phiền não. Lâm chung chánh niệm tự nhiên hiện tiền, vãng sanh Tịnh Độ là điều chắc chắn. Có thể đập được phiền não lực của nhất niệm này, đều đã được luyện tập quen thuộc trong hằng ngày, đó là điều chư vị tổ sư trong tông môn thường nói “không sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm”, ý niệm khởi là gì? Là tập khí của quý vị, quý vị là phàm phu. Nếu không khởi niệm, quý vị không phải là người phàm, quý vị là Phật, đại Bồ Tát tái lai, mới không có khởi niệm. Phàm phu làm gì có chuyện không khởi niệm! Cho nên ý niệm khởi diệt là việc bình thường, không đáng sợ. Vậy sợ điều gì? Sợ tâm bất giác. Bất giác là niệm niệm sanh khởi, như vậy là không tốt. Ý niệm chỉ có thể vừa sanh khởi, niệm thứ hai liền chuyển thành A Di Đà Phật. Chuyển cho

nhanh, lập tức chuyển nó thành A Di Đà Phật. Cho nên A Di Đà Phật lúc nào mới niệm? Có niệm khởi lên quý vị liền niệm. Lúc không có niệm khởi có thể không niệm. Dùng nó để dập tắt ý niệm, không để cho nó tiếp tục phát tác. Phải dụng công phu này, lúc có niệm khởi đè nó xuống, dập tắt nó. Lúc không có ý niệm, ngăn ngừa nó, làm cho nó không phát khởi. Niệm Phật công phu thuần thực rồi gọi là công phu thành phiền. Năng lượng của công phu thành phiền đè nén phiền não. Nếu như nhất tâm, nhất tâm là phiền não hóa giải rồi. Năng lượng của nhất tâm càng lớn hơn.

Sự nhất tâm, định lực của nó tương đương với A la hán. Kiến tư phiền não đoạn rồi, trần sa phiền não, vô minh phiền não dập được rồi, lý nhất tâm bất loạn, đó là ba loại phiền não đều đoạn được hết.

Lý nhất tâm là cảnh giới gì? Cảnh giới Viên giáo sơ trụ Bồ Tát, đồng với “minh tâm kiến tánh” của Thiên tông, kiến tánh thành Phật là cùng một đẳng cấp, là lý nhất tâm. Đó thật là chuyển phiền não thành bồ đề. Vãng sanh Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, ở đây chúng ta nói họ thượng phẩm thượng sanh. Sự nhất tâm bất loạn, sự nhất tâm bất loạn là trung phẩm trung sanh. Trung bối vãng sanh không phải ở cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Cõi Phạm Thánh Đồng Cư là điều ở đây nói, lực của nhất niệm đè nén phiền não, làm cho phiền não bị đè xuống, chưa đoạn được. Đó là sanh về cõi đồng cư. Cho nên lâm chung, một niệm lâm chung, chính là lâm chung chỉ có Phật hiệu không có tạp niệm. Lâm chung chắc chắn là A Di Đà Phật, tự nhiên hiện tiền. Có thể thấy công phu, niệm được thành thực, đã dưỡng thành thói quen, ngay nơi thời khắc này không khởi tạp niệm, chỉ có Phật A Di Đà xuất hiện, nhất định vãng sanh Tịnh Độ.

“Nên nói trì danh tâm không tán loạn đó là nhân hành, có thể được nhất niệm, thực hành thành thực là quả.” Câu này chúng ta nên nhớ kỹ. Người niệm Phật giờ giờ phút phút phải giữ tâm không tán loạn. Nếu như trong tâm còn có rất nhiều tán loạn liên biệt, công phu chúng ta niệm Phật chưa đắc lực. Công phu không đắc lực vãng sanh sẽ không chắc chắn được. Niệm Phật một đời cuối cùng không thể vãng sanh, hạng người này rất nhiều.

Năm xưa khi thầy Lý còn tại thế, thường thường nhắc nhở chúng tôi. Liên Xã ở Đài Trung do Ông sáng lập. Tôi quen biết Ông, gặp được Ông vừa lúc Đài Trung Liên Xã kỷ niệm 10 năm thành lập. Ông ở đó thực hiện mười năm rồi, tôi gặp Ông, rất có thành tựu. Liên hữu của Đài Trung Liên Xã 200.000 người. Thầy giáo thường nói, liên hữu chúng ta ngày ngày niệm A Di Đà Phật, một vạn người niệm Phật, đây là nói Liên hữu, thực sự có thể vãng sanh chỉ có năm ba người. Nguyên

nhân là gì? công phu niệm Phật chưa đề nên được phiền não. Tức là cổ nhân nói: “miệng niệm Di Đà tâm tán loạn, hét rách cổ họng cũng uổng công”. Đây là lời cảnh cáo vô cùng nghiêm khắc. Phật hiệu này không thể nhiếp tâm, vậy thì có ích gì! Công đức Phật hiệu chính là ở nhiếp tâm. Trong đó có một sự thật, người thực sự giác ngộ, người thực sự học Phật, dục vọng phải hạ xuống mức độ thật thấp, dục vọng của quý vị không thể giảm vài phân, vọng niệm của quý vị chưa đề nên được. Phải có thể làm giảm những dục vọng này xuống. Dục vọng nếu không còn nữa, vậy là chúng tôi đạt được nhất tâm bất loạn, dục vọng không còn nữa.

Trong lục đạo của chúng ta, người không còn dục vọng nữa sinh vào trời sắc giới, họ không sanh vào dục giới. Quý vị phải hiểu sanh vào cõi trời Dục giới, là dục vọng chưa đoạn được nên sanh vào dục giới. Dục vọng nếu như đoạn rồi, họ làm sao mà sanh vào dục giới. Lục đạo gọi là tam hữu, tức là quý vị có nghiệp dục giới, có nghiệp của cõi sắc giới, có nghiệp của cõi vô sắc giới. Đó gọi là tam hữu. Dục giới có hay không? Trong cõi dục giới, dục vọng không còn nữa. Quý vị chắc chắn không sanh dục giới. Không đến Thế giới Cực Lạc, quý vị đến cõi trời sắc giới, vậy là rất cao, cũng khá lắm rồi! Dục giới có sáu tầng trời, Ngọc hoàng đại đế là tầng thứ hai. Tầng thứ nhất là Tứ thiên vương. Đạo Lợi Thiên chính là Ngọc Hoàng đại đế. Hướng lên trên nữa là Dạ Ma Thiên, Đâu Suất thiên, Hóa Lạc thiên, Tha Hóa Tự Tại Thiên. Tầng này mỏng hơn tầng kia, cho nên dục vọng mỏng cũng không thể, đó là chướng ngại rất lớn đối với chúng ta. Chúng ta ngày nay công phu không đắc lực, Phật hiệu này không đề nên được phiền não, tức là dục vọng quá nhiều. Cho nên lúc tôi mới học Phật, Chương Gia đại sư dặn dò tôi buông bỏ và nhìn thấu. Ấn tượng này vô cùng sâu đậm. Số lần ngài nói quá nhiều, luôn luôn dặn tôi phải nhìn thấu, phải buông bỏ.

“Nếu đạt được nhất niệm, tức lúc lâm chung có thể hàng phục các hoặc”. Nhất niệm này công phu không phải cao lắm, nói thật là ai ai cũng có thể làm được. Đó là gì? Đó là công phu thành phiền, không phải là nhất tâm bất loạn, nhất tâm bất loạn rất khó. Quý vị xem sự nhất tâm bất loạn đoạn kiến tư phiền não. Lý nhất tâm bất loạn phá được căn bản vô minh. Điều này khó, thực sự không dễ dàng.

Nếu luận công phu thành phiền, đó chính là vạn người tu vạn người chứng như Thiên Đạo đại sư nói. Công phu thành phiền sanh vào cõi nào? Sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Tức là đoạn trước chúng ta vừa học, hạ bối vãng sanh, thực sự vãng sanh được!

“Lâm mạng chung thời, năng phục chư hoặc, chánh niệm tự nhiên hiện tiền, nhất định là nhân của vãng sanh”. Lời này nói rất hay, chúng ta đọc rồi, biết được chúng ta có phần, chỉ cần chúng ta nỗ lực thì có thể làm được. Nếu như thực sự không làm được, tôi vẫn còn một phương pháp cống hiến cho chư vị. Không phải Mỹ đã quay bộ phim về năm 2012 sao? Mỗi ngày quý vị xem một lần, quý vị sẽ buông xả được. Bộ phim đó quay rất giống thật, tương lai tai nạn có khả năng như vậy hay không? Tôi cảm thấy rất có thể. Vì sao vậy? Nhà khoa học đã làm cho chúng ta một báo cáo, trên trái đất này có núi lửa siêu cấp, có đến mười mấy cái, đại đa số nằm dưới đáy biển, trên đất liền có một cái rất nổi tiếng, công viên Hoàng Thạch ở miền Tây nước Mỹ. Việc này mọi người đều hiểu được. Giới khoa học làm rất nhiều lần báo cáo. Trên mạng internet chúng ta có thể đọc được. Đó là núi lửa siêu cấp, núi lửa này nếu như phun trào. Miệng núi lửa lớn như thế nào? Dài 45 dặm Anh, nên nhớ không phải là km, là dặm Anh. Rộng 35 dặm Anh, nếu như nó vừa phun trào, nước mỹ sẽ tan hoang, 2/3 diện tích đất đai của Mỹ không còn nữa, phạm vi tai hại của nó 1000 km. Khói bụi núi lửa phun lên cao 20km, khói bụi núi lửa phun đến 20km. Chúng ta nhằm tính hằng hàng không trên quốc tế, máy bay chỉ bay ở độ cao 10 km, tức là 10.000 thước. Người thường đi máy bay đều biết được. Trong khói bụi núi lửa, quý vị nói xem điều này đáng sợ biết bao. Dưới đáy biển kiểu núi lửa như thế này phun trào, dẫn đến sóng thần, phải cao đến mấy trăm mét. Có người nói với tôi, sẽ dẫn đến sóng thần cao đến 600 mét, vậy là ghê lắm! Đây là nhà khoa học tính toán, châu phi, bắc bộ của châu Phi dường như dựa gôn vào Tây Ban Nha. Nơi vùng biên giới không xa, có một quần đảo, núi lửa hoạt động. Núi lửa này nếu như phun trào, miền đông nước Mỹ sẽ không còn nữa. Nhà khoa học dự tính núi lửa này phun trào sẽ dẫn đến sóng thần cao hai ba trăm mét. Sóng thần này hướng về châu Âu, châu Âu sẽ không còn nữa. Nếu như hướng đến nước Mỹ, đó là Đại tây dương, từ bờ biển của châu Phi đến Đại tây dương, mất khoảng tám tiếng đồng hồ. Tám tiếng đồng hồ sẽ làm sóng thần này giảm thành một phần mười, nếu như sóng thần cao 100 mét đến nước Mỹ sẽ trở thành 10 mét. Sóng thần 200 mét thì còn 20 mét. Sóng thần này hướng đến bờ đông nước Mỹ, bờ đông hoàn toàn mất hết. Năm trước ở Indonesia sóng thần 10 mét, lần này ở Nhật bản sóng thần cũng cao 10 mét. Cho nên quý vị hiểu được bộ phim kia của người Mỹ, tôi cảm giác đó là điềm báo. Đó không phải là tiết mục giải trí, không phải là nói cho vui. Trong tối tăm mờ mịt đã cho chúng ta một điềm báo. Chúng ta nhìn thấy hình ảnh như vậy có thể không buông xả sao? Có thể không chăm chỉ niệm Phật sao? Khu vực của

chúng ta cũng không an toàn. Có tin tức nói, Philippines có núi lửa, Indonesia núi lửa càng nhiều hơn, đâu đâu cũng có núi lửa. Những núi lửa này phun trào rất có khả năng dẫn đến sóng thần rất lớn. Nếu như sự việc này xảy ra ở bờ Đông Philippines thì đối với chúng ta tốt hơn một tí, nếu như xảy ra ở bờ Tây, bờ Tây đối diện HongKong, thì phiền phức lớn lắm ! Điều này chúng ta không thể không có những dự cảm như vậy. Những hiện tượng này đã phát sanh rồi, hóa giải kiếp nạn chỉ có niệm Phật. Công đức niệm Phật không thể nghĩ bàn. Vì sao vậy? Vì thấy niệm Phật niệm đến nhất tâm, năng lượng của nhất tâm rất lớn, “ché tâm nhất xứ, vô sự bất biện”. Thực sự niệm đến nhất tâm hiện tiền, tâm thanh tịnh hiện tiền, thì có thể hóa giải vấn đề. Nơi chúng ta cư trú liền có thể hóa giải được tai nạn. Tai nạn không thể hóa giải chần chẫn cũng sẽ làm cho nó giảm thiểu đi rất nhiều, không đến nỗi tạo thành thiên tai nghiêm trọng. Công đức niệm Phật không thể nghĩ bàn!

Nên bản kinh này nói: “phát nhất niệm tâm, niệm nơi Phật kia, sẽ sanh nước kia.” Nước kia chỉ cho Thế giới Cực Lạc, Phật kia là Phật A Di Đà. Điều then chốt ở đây là “tâm nhất niệm”, hoặc chúng ta nói đơn giản là “nhất niệm tâm thanh tịnh niệm Phật”, trong niệm này không có nghi ngờ, không có tạp niệm. Đó gọi là một niệm tâm thanh tịnh. Một niệm tâm thanh tịnh chính là chân tâm.

Lại nữa Di Đà Yếu Giải nói: “mười niệm cho đến một niệm vãng sanh, nhưng lúc lâm chung, cũng không trái với điều này.” Trong Yếu Giải nói mười niệm một niệm vãng sanh. Ngài nói lúc lâm chung, không trái với những điều đang nói ở đây. “Nếu như bình thường có thể phát tâm nhất niệm thanh tịnh, thì sẽ khế hợp lý thể, nhập vào nhất niệm. Nhờ lực của nhất niệm này mà lúc lâm chung mới có được mười niệm hoặc một niệm vậy”. Câu này nói rất hay. Ngày nay chúng ta phải làm là bình thường. Bình thường chúng ta hi vọng chúng ta có thể niệm đến nhất niệm tâm thanh tịnh. Lúc tai nạn đến chúng ta nhất niệm tâm thanh tịnh niệm Phật A Di Đà, cầu nguyện Phật Bồ Tát từ bi hóa giải, rất hữu ích! Vì sao vậy? Vì nhất niệm tâm thanh tịnh tương thông với Phật Bồ Tát rồi, nên hữu dụng. Trong lúc này tâm không thanh tịnh, vẫn còn hoài nghi, vẫn còn may rủi, thử xem, xem nó có linh hay không, vẫn còn vọng niệm, tâm đó không chân thành. Tâm không chân thành không khởi cảm ứng. Thành ất linh, không thành sẽ không linh. Cho nên linh hay không linh không phải do nơi Phật Bồ Tát, do nơi bản thân chúng ta. Tâm của mình thành nhất định sẽ linh nghiệm, nhất định có cảm ứng. Hi vọng chúng ta nỗ lực, cứu lấy bản thân, cũng cứu lấy nơi chúng ta đang cư trú đây, cũng cứu lấy những quốc độ xung quanh chúng ta. Đối với thành tựu của

bản thân có công đức không thể nghĩ bàn, bản thân trong đời này đích thực có thể vãng sanh, có thể thành Phật.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 418

Chuyển ngữ: Minh Tuệ

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 18.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 526, bắt đầu từ câu thứ hai của hàng thứ nhất. Bắt đầu từ đoạn “Cổ bản kinh viết”.

“Vì thế kinh này nói: Phát tâm nhất niệm, niệm đức Phật kia, chắc chắn sanh về cõi đó. Di Đà Yếu Giải nói: Mười niệm cho đến nhất niệm đều được vãng sanh, chỉ hẹn đến lúc lâm chung, không trái lời hẹn đó. Nếu thường ngày có thể phát một niệm tâm thanh tịnh thì hợp với đạo lý, nhập vào nhất niệm. Nhờ nhất niệm đó nên lúc lâm chung sẽ được nhất niệm hay thập niệm”.

Lần trước chúng ta đã học đến đoạn này, tính giáo hoá trong câu kinh giải này rất quan trọng, chúng ta nên dừng lại ở đoạn này lâu hơn một chút, khó nắm bắt nhất là mấy câu trong Yếu Giải của đại sư Ngẫu Ích: “Nếu thường ngày có thể phát nhất niệm tâm thanh tịnh, khế hợp đạo lý”. Câu này quan trọng, vì thế mới có thể nhập vào nhất niệm, nhất niệm thì tâm thanh tịnh mới hiện tiền. Công phu ở chỗ thường ngày, công phu thường ngày là gì? Quan trọng nhất là buông bỏ. Thật sự hiểu rõ câu trong kinh đức Phật thường nói: “phàm sở hữu tướng tướng, giai thị hư vọng”. Không những mười pháp giới y chánh trang nghiêm là mộng huyễn bào ảnh, mà cõi Thật báo trang nghiêm của chư Phật Như lai cũng là giả. Đoạn tận những tập khí vô thi vô minh, thì nó không còn. Sau cùng hiển lộ ra cái gì? Thì đó là thứ chân thật. Cõi thường tịch quang tịnh, cõi Thường tịch quang không có các hiện tượng, nên Phật mới nói: “Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng”. Cõi thường tịch quang không có vật chất, cũng không có hiện tượng tinh thần, kể cả

hiện tượng tự nhiên cũng không có. Chúng ta lấy màn hình vô tuyến làm ví dụ, màn hình được coi là Thường tịch quang, nó không có gì cả, nhưng các hình ảnh đều được hiện ra trên đó, tuy tất cả các hình ảnh được hiện lên nhưng không thấy thứ gì trên đó, điều này chúng ta nên nhớ. Thường tịch quang chính là tự tánh, tự tánh chính là màn hình chúng ta đã thí dụ. Làm thế nào để trong cuộc sống hàng ngày có thể giữ được chân tướng như màn hình, không bị nhiễm ô như màn hình kia. Quý vị xem sự khác biệt của hình ảnh trên màn hình, nhưng nó không hề ô nhiễm. Phật dạy rằng, chân tâm của chúng ta. Khi minh tâm kiến tánh, câu đầu tiên đại sư Huệ Năng, đã nói: “đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh”, việc này cũng giống như chúng ta xem vô tuyến, bỗng nhiên thấy màn hình, trên màn hình không có gì, vốn tự thanh tịnh, hiện lên những hình ảnh, đó là nhiễm tịnh, thiện ác, tất cả đều không thật, màn hình gọi là Phật, chúng ta thấy được những hình ảnh trên các kênh, chẳng phải đều là Phật sao? Đức Thế tôn từng nói: “Tất cả chúng sanh, vốn đã thành Phật”. Những thứ chúng ta thấy được trên màn hình, màn hình là Phật, tất cả những hình ảnh trên màn hình không thể tách khỏi màn hình. Thế là Phật, tướng cũng là Phật. Tánh tướng không hai, tánh tướng nhất như. Chỉ vì chúng ta mê lầm điên đảo, không biết bản thân mình cũng là Phật, đây là nguyên nhân rơi vào trong sáu đường, không hiểu rõ nên biến thành chúng sanh trong sáu đường. Vì sao vậy? Vì chúng sanh trong sáu đường khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước. Tất cả những hình ảnh trên màn hình đều là khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước. Chỉ có bản thân màn hình không có khởi tâm động niệm, không có phân biệt chấp trước. Phân biệt chấp trước trộn lẫn với không phân biệt chấp trước, không tách rời nhau nhưng nó chắc chắn không giống nhau. Tự thể năng sanh năng hiện, nghĩa là tự tánh, nó không khởi tâm động niệm, không phân biệt chấp trước, tất cả những hình ảnh được hiện ra đó, nói theo cách nói của giới khoa học ngày nay, đó là hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần và hiện tượng tự nhiên. Nó khởi phân biệt chấp trước trong cái không phân biệt chấp trước, khởi tâm động niệm trong cái không khởi tâm, không động niệm. Dùng thí dụ như thế để mọi người có thể hiểu được, đây chính là Phật pháp Đại thừa, đây gọi là nhất Phật thừa. Nhất Phật thừa nằm ở chỗ nào? Đó là cái máy vô tuyến, quý vị nhìn thấy hết. Nhận ra nó là đã giác ngộ, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Không nhận ra được, bị nó che khuất, bị những hình ảnh làm mê mờ, sau khi bị mê mờ, quý vị bị cảnh giới chuyển. Khi giác ngộ thì quý vị chuyển cảnh giới. Phàm phu và Phật là gì khác nhau ở điểm nào? Giữa mê và ngộ, ngoài hai thứ đó ra không còn thứ gì khác.

Chư Phật Bồ tát ứng hoá ở thế gian, cần dùng thân gì để độ bèn dùng thân đó. Các ngài biểu diễn rất đạt. Chúng ta biểu diễn cũng giống, không khác gì cả. Chỉ khác nhau ở điểm nào? Các ngài biểu diễn là giác, còn chúng ta diễn là mê. Quý vị cứ nghĩ xem, ngoài mê ngộ ra còn có gì khác không? Giác ngộ, là một niệm tâm thanh tịnh, mê mờ là một niệm tâm ô nhiễm chấp trước, một niệm tâm phân biệt, một niệm vọng tâm. Tâm vọng niệm, chấp trước, phân biệt, không tương ứng với thể tánh, khi một niệm thanh tịnh thì khế hợp với lý thể. Lý thể là tự tánh, lý thể là chân tâm, lý thể là diệu giác, tất cả đều hợp thành một niệm, không có hai niệm. Nhất niệm chính là chân tâm, nhất niệm là tự tánh, nhất niệm là Thường tịch quang, thêm một niệm nữa là mê.

Giáo lý Đại thừa thường nói “chánh niệm vô niệm”, vô niệm gọi là chánh niệm, nhưng danh từ này rất khó giải thích. Vô niệm giống như bây giờ tôi nói không nghĩ, không mong bất cứ một thứ gì, nhưng niệm vô tướng định, họ vẫn có niệm, có niệm gì? Tôi có vô niệm, vô niệm như thế cũng là niệm. Vô tướng, vô tướng nhưng vẫn còn tướng, tướng vô tướng. Vì thế Vô tướng định cũng là vô niệm định, cõi thiên thứ tư. Ngoại đạo, họ vốn cũng học Phật, nhưng học thành ngoại đạo, nên sai lầm. Những hiện tượng sự thật này đều phải hiểu rõ. Nếu không, một ngày kia gặp những cảnh giới như thế, rơi vào đó mà chúng ta cho là đã chứng Niết bàn, cho đó là địa vị Diệu giác, không biết rằng đó là một sự nhầm lẫn, vẫn còn luân hồi trong sáu đường. Vì thế trong việc dụng tâm hàng ngày của chúng ta, cần phải tương ứng với tự tánh một phần nào, như thế mới đúng. Tự tánh là thứ khó nắm bắt, nói cụ thể đó là Thanh tịnh bình đẳng giác, như đề kinh đã nói. Chúng ta khởi tâm động niệm cần phải tương ứng với Thanh tịnh bình đẳng giác, đấy gọi là dùng chân tâm, là phát nhất niệm tâm, nhập vào nhất niệm. Những thứ này cần phải luyện tập hàng ngày, bắt đầu luyện tập từ đâu? Từ chỗ không chấp trước, tập mở rộng lòng, bao dung, tùy duyên, đừng so đo tính toán, thì lòng sẽ rộng mở ngay. Nếu không thể bao dung, so đo tính toán thì sẽ rất khó thực hiện, tâm Bồ đề của quý vị không thể phát được. Người xưa thường nói: “Lòng rộng thì phúc nhiều”, quý vị quá nhỏ mọn thì phúc không thể nhiều. Đại trí, đại huệ, đại phúc, đại đức, tất cả những thứ này vốn có sẵn trong tự tánh, bây giờ trở thành như thế này đây, không thể không tỉnh ngộ, mê ngộ đều do một niệm. Niệm này là buông bỏ hay không thể buông bỏ. Không buông bỏ là mê, buông bỏ là ngộ, giác ngộ thì trí huệ hiện tiền, đức năng hiện tiền, phước báo hiện tiền, đấy gọi là tự tại.

Hầu như những người học Phật đều hiểu rõ, tập khí nghiệp chướng của mình nặng nề, rất muốn tiêu trừ nghiệp chướng. Nhưng nguyên nhân tại sao nghiệp chướng không thể tiêu trừ? Vì mỗi niệm đều nhớ đến nghiệp chướng của mình, nhớ tập khí của mình, vì thế tập khí nghiệp chướng của bản thân họ chỉ tăng thêm chứ không thể tiêu trừ. Khi nào mới tiêu trừ? Lúc nào mình không nhớ nghĩ nữa, quên những thứ đó đi, mỗi niệm đều nghĩ đến Phật A Di Đà, chỉ nghĩ đến Phật A Di Đà, thì tiêu được tội nặng trong tám mươi ức kiếp sinh tử. Không còn nghĩ đến nghiệp chướng nữa thì nghiệp chướng tự tiêu trừ, đạo lý là ở chỗ này. Đến lúc cấp bách, đang gặp tai nạn, đang mang bệnh tật, luống cuống lật đật, quên cả vọng niệm, danh hiệu Phật cũng không nhớ, lúc đó sẽ thế nào? Mỗi niệm đều làm tăng thêm nghiệp chướng, nên biết rằng mỗi niệm đều tăng thêm. Nói cách khác, mỗi niệm đều đến gần với ác báo, vì sao vậy? Trong Thái Thượng Cảm Ứng Thiên nói rất rõ: “Không có hoạ phúc, tất cả đều do mình tự chuốc lấy”. Trong kinh đức Phật dạy: Đến lúc đó thì quên sạch. Cả đời học Phật đến lúc đó không lợi ích gì, chỉ có phiền não nổi lên, đến lúc đó còn oán hận trời đất, thậm chí oán hận cả Phật Bồ tát, tội nghiệp càng nặng thêm, tội chướng lúc đó biến thành nghiệp địa ngục vô gián. Những người đệ tử của Phật, do không thấu hiểu kinh điển, hộ trì Phật pháp nhưng lại kể công, sao lại gặp nhiều tai nạn thế này? Hay Phật Bồ tát không linh, Phật Bồ tát không phù hộ mình. Đây là do không thông hiểu nên không lý giải được giáo pháp. Trong kinh điển xác thực, chư Phật Bồ tát có thể cứu độ tất cả chúng sanh lìa khổ được vui, nhưng chúng sanh đã hiểu sai những lời dạy trong kinh điển, tự mình đem tai nạn đến cho mình mà lại oán trách trời đất, làm sao như thế được! Phật có dạy quý vị làm thế đâu. Ngài dạy chúng ta tiêu trừ nghiệp chướng, hoá giải tai nạn, dạy chúng ta buông bỏ, dạy chúng ta bố thí, bố thí là buông bỏ, Bố thí là xả, xả điều gì? Xả bỏ tai nạn, xả bỏ sinh tử, xả bỏ bệnh tật, xả bỏ lục đạo luân hồi, xả bỏ mười pháp giới, thì quý vị sẽ thành Phật. Mỗi niệm quý vị không buông bỏ được thì phiền não càng lớn.

Thật sự luân hồi là thứ rất đáng sợ, nếu quý vị thấu hiểu được luân hồi, thì quý vị biết luân hồi là một chiếc bánh tròn. Cuộc đời mỗi con người, bất luận có mối quan hệ tốt như thế nào, thì chuyển kiếp cũng không còn nhớ nữa, có thể đều điên đảo hết. Ông bà tổ tiên nhiều đời, có thể trở lại làm con cháu của chúng ta, đó là những trường hợp rất thường gặp. Thậm chí tạo nghiệp ác, họ còn đọa lạc làm súc sinh làm vật nuôi trong nhà quý vị, mắt phàm chúng ta không thể nhận biết được. Vì thế oan oan tương báo trong sáu đường không lúc nào ngưng, đời đời kiếp kiếp phải gánh chịu. Làm thế nào vượt ra được? Làm sao thoát ra được?

Trong rất nhiều pháp môn thì pháp môn Tịnh độ là thù thắng, tuyệt vời nhất là một câu danh hiệu, có thể giải quyết tất cả những vấn đề này. Tại sao chúng ta không niệm? Tại sao chúng ta niệm lục đạo luân hồi? Nói cho quý vị rõ, tất cả các tạp niệm đều là luân hồi trong sáu đường. Có thể nói không thể tìm thấy chánh niệm trong thế gian này, chánh niệm trở thành hữu danh vô thực. Xã hội hiện nay, niệm danh hiệu Phật A Di Đà là chánh niệm, ngoài niệm này ra, không có một chánh niệm thứ hai. Ngày xưa còn chứ bây giờ không có nữa, quý vị hãy để ý xem xét, thể nghiệm, khi không niệm Phật tâm ta sẽ nghĩ đến thứ gì, nhớ cái gì? Quý vị cố gắng suy nghĩ thật kỹ những thứ quý vị nghĩ, nhớ tương ứng với thứ nào? Đã hiểu được chưa? Mỗi niệm đều là luân hồi, mỗi niệm đều nghĩ đến những ân oán trong sáu đường, quả báo đấp đổi, quý vị chỉ nghĩ được chừng đó. Sức mạnh này rất hùng dũng, vì thời gian nghĩ đến những thứ này của quý vị khá nhiều, mà thời gian niệm Phật không được bao nhiêu, danh hiệu Phật không địch nổi nghiệp lực, đây là điều chứng minh tại sao công phu của chúng ta không đặc lực.

Đến cuối đời, Hoàng Niệm Tổ ngã bệnh, sáu tháng trước khi mất, mỗi ngày ông niệm mười bốn vạn danh hiệu Phật, nỗ lực niệm Phật, buông bỏ tất cả. Trong thời gian nửa năm đó, ông đã vãng sanh, một người có đức độ, có tâm tu hành như thế, đến cuối đời vẫn nỗ lực không ngừng mới được vãng sanh, huống gì những người phàm phu bình thường! Ông là một tấm gương cho tất cả những người bình thường như chúng ta. Có thể nói, khoảng thời gian sáu tháng cuối đời, một trăm tám mươi ngày, đã đủ để buông bỏ tất cả, một lòng chuyên niệm, thì chắc chắn sẽ được vãng sanh. Tấm gương đó đã chứng minh cho chúng ta. Vì thế một niệm tâm thanh tịnh nhất định được nuôi lớn trong hàng ngày, cần phải nuôi dưỡng buông bỏ, buông bỏ tất cả.

Tôi cũng đã nói nhiều lần, cảnh tỉnh những người cùng tu, tiền tài mang trên người là của chúng ta, không mang theo người thì không phải là của chúng ta, đừng nên mang theo trong lòng. Áo quần mang trên người là của chúng ta, không mang trên người là không phải của chúng ta, chẳng phải quý vị không phải lo lắng rồi sao? Căn phòng này, hôm nay tôi ngồi đây thì nó là của tôi, bước ra ngoài cổng thì nó không còn là của tôi nữa. Nên thường quán tưởng như vậy thì quý vị có thể buông bỏ được, buông bỏ rồi thì tâm thanh tịnh của quý vị hiện tiền, khi tâm thanh tịnh hiện tiền thì không khó để tìm nhất niệm, chắc chắn sẽ tìm được nhất niệm. Vậy nhất niệm là gì? Đó là chân tâm, quý vị đã tìm lại được chính

mình, tìm lại được tự tánh Phật của chính mình, tự tánh Phật chính là Phật A Di Đà, ai là người không phải A Di Đà Phật? Mỗi người đều là Phật A Di Đà.

Phật A Di Đà là gì? Phiên danh từ này thành chữ Hán quý vị sẽ hiểu ngay: vô lượng giác. Tiếng Phạn chữ A dịch là “vô”, Di đà là “lượng”- “vô lượng”, Phật dịch là “giác”. Ai không phải là vô lượng giác? Mỗi người đều có. Phật A Di Đà không phải là một danh xưng để gọi riêng cho một ai, mà là của ba đời mười phương, ba đời là quá khứ, hiện tại, vị lai. Là thông hiệu của tất cả chư Phật, tất cả các đức Phật đều có thể xưng Phật A Di Đà. Niệm một câu danh hiệu Phật, tức là niệm được A Di Đà Phật trong tự tánh. Thiền sư Trung Phong trong cuốn Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sư đã nói: “Tâm ta tức là Phật A Di Đà, Phật A Di Đà là tâm ta”. Ngài nói rất hay, không sai chút nào! Thế giới Cực lạc ở đâu? Thế giới Cực lạc ngay trước mắt: “đây là Tịnh độ, Tịnh độ là đây”. Quý vị là Phật A Di Đà thì quý vị đã ở cõi Tịnh độ, quý vị không phải Phật A Di Đà thì quý vị ở uế độ. Đây là câu “cảnh tùy tâm chuyển” mà Phật thường nhắc đến trong giáo lý Đại thừa. Chúng ta muốn mảnh đất này trở thành bảo địa, trở thành phước địa, rất đơn giản, quý vị cứ làm hiền lộ lòng tốt của mình ra, tìm lại được thanh tịnh bình đẳng giác của mình, đó là người phước, người có phước được ở trên mảnh đất phước. Quý vị tìm lại được Phật A Di Đà, mỗi niệm đều là Phật A Di Đà, thì nơi quý vị cư trú sẽ là thế giới Cực lạc, là Tịnh độ, không tai nạn nào xảy ra cả. Người học Phật phải hiểu đúng vấn đề này, khi đã hiểu đúng bản chất vấn đề, thì quý vị cần hỏi người khác nữa không? Người khác phải thỉnh giáo quý vị. Làm sao quý vị tham vấn người khác? Như thế chẳng phải là chuyện đùa sao? Đúng là như thế, không sai chút nào.

Ngày nay chúng ta là những người quyết tâm tu tập, mỗi giờ khắc đều tự hỏi mình: Vì sao lại thường nổi lên tập khí phiền não? Ta nhìn nhận việc phát tác đó ra sao? Nên xem nó như một thứ bệnh. Khi phiền não nổi lên, ta nói: sao ta lại phát bệnh nữa rồi? Dùng phương pháp nào để trị liệu? Một câu A Di Đà Phật là trị lành. A Di Đà Phật là viên thuốc vạn năng để trị bệnh chúng ta, đây gọi là phục phiền não.

Như sách Viên Trung Sao đã viết: “Sức mạnh của nhất niệm có sức đập tan mê mờ”. Nó có thể điều phục được phiền não. “Chánh niệm khi lâm chung”, khi lâm chung chỉ có một câu A Di Đà Phật, ngoài một niệm này, không nhớ nghĩ đến điều gì nữa. Luyện tập hàng ngày thì lúc lâm chung tự nhiên thấy được Phật A Di Đà, những niệm khác không còn nữa, lúc đó nhất định quý vị sẽ vãng sanh.

Chúng ta đọc đến đoạn kế tiếp. “Lại trong nhất tâm đó”, nói về nhất tâm, trong nhất tâm có sự và lý. Sự nhất tâm, như Di Đà Sớ Sao nói: “Nghe danh hiệu Phật, thường ức niệm, đề tâm theo đuổi, mỗi chữ rõ ràng, liên tục từ câu trước đến câu sau. Trong mọi hành động, chỉ một niệm ấy thôi, không có niệm khác, không để phiền não tham sân si quấy nhiễu, đó mới chỉ làm được sự, vẫn chưa triệt ngộ về lý, mới chỉ có sức mạnh niềm tin, vì chưa thấy đạo nên gọi là sự nhất tâm”.

Đại sư Liên Trì lấy gì để ví sự nhất tâm? Ngài nói với chúng ta. Có sự có lý, có lý nhất định có sự, sự hiển lộ nên có thể thấy, lý thì cao siêu khó định hình. Chúng ta có thể thực hiện được lý nhất tâm, tuy nói là có thể nhưng cũng không dễ. Phương pháp thực hiện thế nào? Làm sao để tu tập? Đoạn này trong Sớ Sao đã nói rất rõ: “Nghe danh hiệu Phật”. Quý vị nghe danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật, thường nghĩ thường niệm, luôn luôn nghĩ đến, trong lòng quý vị danh hiệu Phật này luôn luôn bám chặt, miệng thường niệm, khởi tâm động niệm không nghĩ đến thứ gì khác, chỉ nghĩ đến câu danh hiệu Phật, mỗi chữ đều rõ ràng, liên tục từ câu trước đến câu sau. Lão pháp sư Ấn Quang đã vì chúng ta thị hiện, để dạy pháp môn niệm Phật. Ngài niệm Phật, bất luận là bốn chữ hay sáu chữ, đều niệm rất rõ ràng, nghe rất tinh tường, không ngắt quãng giữa câu trước câu sau, ngài còn nhớ mười niệm, biết rằng câu niệm Phật của mình là câu thứ bao nhiêu trong mười niệm, đó là gì? Là nhiếp tâm.

Ba câu tiếp theo là công phu, đi đứng nằm ngồi là nói mọi lúc, mọi nơi chỉ nhớ một niệm, không có niệm khác, đó mới là người tu niệm Phật thật sự. Nếu ta quá bận rộn, không thể chuyên tâm niệm Phật, mỗi tuần nên chọn một ngày, một tuần một ngày không được thì một tháng dành một ngày, hai mươi bốn giờ phải thực sự thâm nhập bốn câu: “Thường nhớ thường niệm, mỗi chữ rõ ràng, câu trước câu sau, không để gián đoạn”. Dành một ngày trong một tháng để làm đến nơi đến chốn, thì tâm thanh tịnh sẽ hiện tiền, không thể nghĩ bàn. Đừng nên coi thường một tháng chỉ có một ngày, một năm tu mười hai ngày, hiệu quả của nó rất thù thắng. Phải buông bỏ, đó là tăng thượng duyên, không thể không thực hiện. Vì sao vậy? Sẽ tránh được tất cả những nhiễu loạn, không bị phiền não tham sân si quấy nhiễu. Đây chính là việc chúng ta buông bỏ tâm tham lam, năm đại phiền não là tham sân si mạn nghi phải buông bỏ. Gặp thuận cảnh không tham, gặp nghịch cảnh không sân, cảnh duyên trước mặt, ta nhận thức rõ ràng mình bạch, không si mê, lẫn lộn. Khiêm tốn, đó là đức tính rất tuyệt vời, cần phải học, không những thay đổi tập khí ngạo mạn của mình, mà cùng lúc giáo hoá những người

khác, tự hành hóa tha. Đối nhân xử thế tiếp vật, lúc nào cũng kính nể người khác, tự mình phải khiêm tốn.

Đoạn nghi tức là tin một cách chắc chắn, không nghi ngờ. Với bản thân, đầu tiên là tin ta vốn là Phật. Trong kinh Đại thừa, đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói điều này, tôi tiếp nhận, tôi thừa nhận, tôi biết tôi vốn là một vị Phật, tôi vốn là vô lượng giác. Hiện tại không giác ngộ là bởi vọng tưởng phân biệt chấp trước, nên không thể chứng đắc. Câu nói này là lời đức Thế tôn nói trong kinh Hoa nghiêm. Tôi vốn đã là một vị Phật, bây giờ khẳng định một câu, nhất định tôi sẽ thấy được bản lai diện mục của tôi, tôi phải thành Phật. Vốn không phải Phật, quý vị muốn thành Phật thì hơi khó! Nhưng vốn là một vị Phật, muốn làm Phật sẽ đơn giản hơn nhiều. Tổ tiên của chúng ta hướng dẫn cho ta rằng bản tính vốn thiện.

Trẻ nhỏ ngày xưa, Tam tự kinh là bài học vỡ lòng của chúng, câu đầu tiên, Thánh nhân đã dạy chúng ta: “Nhân chi sơ, tánh bản thiện”. Nói cách khác, mục đích giáo dục truyền thống xưa không gì khác, là làm thế nào quay lại được thuở trước, tìm lại nguồn gốc điều thiện, đó là sự thành công của việc giáo dục. Ý nghĩa của việc này hoàn toàn giống kinh Đại thừa nói: Con người vốn là Phật. Vì thế tất cả những tập khí đó, tất cả những thứ bất thiện, chúng ta đều buông bỏ hết, buông bỏ là đúng rồi. Phương thức tu tập như thế, về sự thì ổn nhưng vẫn chưa triệt ngộ về lý, chưa đại triệt đại ngộ về lý. Về sự, việc gì cũng có thể làm được, làm rất đúng pháp. Về lý, chưa thể triệt ngộ nhưng quý vị đã là người khá rồi. Vì sao vậy? Vì quý vị đã đến chỗ tin sâu sắc, không phải chân tín thì không làm được. Chưa thể tin sâu sắc mà làm theo phương pháp này, cứ tiếp tục làm thêm năm bảy năm thì sẽ phát hiện. Vì sao vậy? Vì nó tương thông với nhất tâm, nó là con đường dẫn về tự tánh, càng đi càng đến gần, chỉ cần quý vị không đi đường vòng, cứ thẳng đường mà đi, thì quý vị sẽ đến nơi. Nhưng trước hết phải có chân tín, sau đó mới nghĩ đến thế giới Cực lạc. Tâm nguyện này rất tuyệt vời, có niềm tin chắc chắn, có nguyện lực chắc chắn, như lời dạy của đại sư Ngẫu Ích, thì quý vị chắc chắn sẽ vãng sanh. Sanh về thế giới Cực lạc phẩm vị cao thấp, là do công phu niệm Phật của quý vị sâu hay cạn. Có được vãng sanh hay không chắc chắn là ở chỗ có niềm tin và nguyện lực sâu sắc hay không. Phải nhớ rằng người có niềm tin, sức nguyện sâu sắc, thì không để tâm đến thế giới này, buông bỏ hết, có cũng tốt, không có cũng không sao. Không quan tâm, không để ý đến tất cả những thứ trên thế giới này. Có, cũng không cần vứt bỏ; không, cũng không cần cầu. Tùy duyên với tất cả thì quý vị sẽ an vui, không cần phải tạo tác. Không có mong cầu là tạo tác, có muốn bỏ đi cũng là tạo tác. Chỉ cần tâm ta thanh tịnh, thì có và

không cũng chẳng sao, đều không có sự cản trở, tất cả đều không làm trở ngại tâm thanh tịnh, tuyệt đối không làm nổi lên vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, là được rồi, đây gọi là công phu.

Từ đó cho thấy, tâm thanh tịnh là thứ không cần phải bàn cãi, mọi lúc, mọi nơi đều tu được, thiên đường tu cũng được, địa ngục tu cũng được. Chỉ cần quý vị hiểu được điều này và không ngại tu tập, luôn luôn nhắc nhở mình câu: “Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng”, thì rất dễ buông bỏ, không còn sai lầm nữa. Lúc đó công phu của ta sẽ được đắc lực, vì có tín lực, sẽ thành tựu nguyện lực, không kiến tánh, nhưng chưa thấy tánh, chưa thấy đạo nên chưa thấy tánh, cho nên mới gọi là sự nhất tâm. Từ đó cho thấy, kiến tánh mới được gọi là lý nhất tâm.

Trong cuốn Di Đà Yếu Giải, giải thích những lời nói của đại sư Ngẫu Ích: “không luận sự trì hay lý trì, dứt khoát phải giữ đến lúc điều phục được phiền não, cho đến trừ được kiến tư phiền não, đều là sự nhất tâm”. Chúng ta dùng công phu niệm Phật, mà có thể điều phục được vô minh phiền não, trần sa phiền não, cắt đứt được kiến tư phiền não. Đây là hạng người nào? Đó là Tiểu thừa A la hán. Còn trong Đại thừa, là Bồ tát thất tín của thập tín Bồ tát. Khi đã cắt đứt kiến tư phiền não, không còn chấp trước nữa. Kiến tư là chấp trước. Hoàn toàn tùy duyên, không có ý nghĩ của mình can thiệp vào, có thể tùy thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, tất cả đều tốt. Vì sao vậy? Vì trong lòng họ chỉ có A Di Đà Phật, ngoài A Di Đà Phật ra không có gì nữa, tập khí phiền não không còn cản trở được, đó gọi là sự nhất tâm bất loạn. Được sự nhất tâm bất loạn thì vãng sanh thế giới phương Tây Cực lạc, sanh về cõi phương tiện hữu dư. Cõi phương tiện hữu dư có chín phẩm. Chúng ta cũng có thể dùng Quán kinh để nói, Quán kinh nói ba phẩm, có ba phẩm: thượng, trung và hạ, trung phẩm thượng sanh, trung phẩm trung sanh và trung phẩm hạ sanh, người chứng trung phẩm hạ sanh là sơ quả Tu đà hoàn, người chứng trung phẩm thượng sanh là tứ quả A la hán, người chứng trung phẩm trung sanh là Nhị quả và Tam quả. Hay nói một cách rõ ràng hơn, người chứng trung phẩm thượng sanh là Bích Chi Phật, trung phẩm trung sanh là A la hán. Nói chung, Tam quả hay Tứ quả đều là A la hán, Sơ quả, Nhị quả là trung phẩm hạ sanh. Nếu là lý nhất tâm thì họ sẽ sanh đến cõi Thật báo, chúng ta chưa chứng được phẩm vị nào, nên gọi là phàm phu. Phàm phu vãng sanh được gọi là hạ phẩm thượng sanh, hạ phẩm trung sanh, hạ phẩm hạ sanh, đây là phẩm vị vãng sanh. Song trong những phẩm vị này còn bao gồm cả thượng phẩm thượng sanh, có người tu tập mới chứng được, có người gặp nhân duyên thù thắng mà chứng được, đây chính là “gặp nhân duyên không giống nhau” như

Thiền Đạo đại sư đã nói. Đốn siêu không phải là ngẫu nhiên, mà do người đó đã tu hành trong nhiều đời kiếp đến nay, nền tảng tu tập kiếp trước đã hoàn hảo trong A lại da, trong nháy mắt, thiện căn trong đời trước của hiền lộ, mới có thể đốn siêu. Nếu không nhờ nhân duyên phước đức thiện căn kiếp trước, thì không thể có được. Lâm chung đốn siêu, phạm tội ngũ nghịch thập ác nghiệp mà được đốn siêu, được vãng sanh thượng thượng phẩm, không thể nói là không có, về mặt lý có thể hiểu được, nhưng về sự thì cực kì hiếm.

Phần tiếp theo chúng ta nói về lý nhất tâm, Di Đà Sớ Sao nói: “Nghe danh hiệu Phật, không chỉ nghĩ nhớ, nhìn kĩ niệm đó, quán sát tận cùng, tìm được cội gốc, quán sát kĩ rồi, từ bản tâm mình, bỗng nhiên ứng hợp, vì thấy chân lý, nên gọi lý nhất tâm”.

Lý nhất tâm là khai ngộ vậy. Nghe danh hiệu Phật, không chỉ nhớ Phật, niệm Phật, mà trong lúc nhớ Phật, niệm Phật, còn tu tức niệm phản quán. Pháp tu của Bồ tát Quán Thế Âm: phản văn văn tự tánh, tánh thành đạo vô thượng. Về phần này, trong việc niệm Phật có cả thiền cả giáo, phản quan là thiền. Nếu hay xem kinh Đại thừa, ta thấy những lời dạy của Phật về tâm tánh. Trong khi niệm Phật, ta có thể tham cứu, nghĩa là quán sát, tham cứu chứ không phải nghiên cứu, nghiên cứu là dùng tâm ý thức, tham cứu thì không dùng tâm ý thức. Như tông môn khởi nghi tình, không cần đáp án, đó là những câu hỏi nhưng không cần đáp án. Vì sao vậy? Vì cần đáp án là quý vị đã dùng thức thứ sáu, không cần đáp án thì không cần dùng thức thứ sáu. Thời gian lâu dài, sẽ hoát nhiên khai ngộ. Vì thế mới nói đại nghi đại ngộ, tiểu nghi tiểu ngộ, không nghi thì không ngộ. Quý vị tìm câu trả lời là đã sai rồi, không cần đáp án, tôi đang thắc mắc nhưng không cần đáp án, mới có thể hoát nhiên khai ngộ, không nhất định nó phải nằm trong câu kinh nào, hay một danh hiệu Phật nào. “Truy tìm căn nguyên”, tìm đến tận cùng cội gốc của vấn đề, nghiên cứu rốt ráo về bản tâm của mình, thì tự nhiên ứng hợp. Đây là gì? Đây là sự khai ngộ. Nếu không thể tương ưng với tự tánh của mình thì không thể khai ngộ. Thế nào là tìm đến tận cùng thì có thể tự nhiên tương ưng? Vì trong tự tánh không có ý niệm, hình dáng tự tánh ra sao? Đó là thanh tịnh bình đẳng giác. Có tên tự tánh thanh tịnh giác chăng? Không có, danh tức là giả danh. Cho nên niệm Phật cho đến lúc tạp niệm không còn, đó gọi là thanh tịnh, đến lúc không còn phân biệt thì gọi là bình đẳng, lúc nào phá được mê lầm thì sẽ tự nhiên giác ngộ, qui trình của nó là như vậy. Vì thế, nếu chúng ta vẫn còn chấp trước, có phân biệt thì mãi mãi không giác ngộ, đây là điều cần ghi nhớ. Nếu không buông bỏ phân biệt chấp trước, thì cho dù có học kinh điển cả đời, thì cũng chỉ là Phật

học mà chúng tôi thường nói. Quý vị đạt được cái gì? Tri thức Phật học. Tri thức Phật học từ đâu mà có? Từ vọng tưởng phân biệt chấp trước của quý vị mà có. Phiền não thì làm sao khai ngộ được! Vì vậy Phật pháp gọi là tham, bất luận tông phái nào của đại thừa, niệam Phật cũng không ngoại lệ, bảo quý vị tham cứu chứ không phải nghiên cứu. Thế nào là tham cứu? Là tâm ý thức gọi là tham cứu. Là ý, ý là mặt na, mặt na là chấp trước, nghĩa là không chấp trước. Thức thứ sáu là phân biệt, ta không phân biệt. Không dùng thức thứ sáu thì không còn phân biệt, chấp trước. A lại da là vọng tưởng, A lại da là kí ức. Không cần nghĩ đến việc trước việc sau, không cần vọng tưởng. Có tâm ý thức nhưng không dùng đến, một lòng chuyên chú vào danh hiệu Phật. Đối với danh hiệu Phật có nghi tình cũng không cần giải thích, một thời gian dài, có thể đạt được tam muội, gọi là niệam Phật tam muội. Khi đã đạt được tam muội thì chớ có buông lơi, cứ tiếp tục như thế sẽ đại triệt đại ngộ, khi ngộ rồi thì thanh tịnh bình đẳng giác sẽ hiện tiền, đây là lý nhất tâm.

“Kiến đế”, đế là chân lý, là minh tâm kiến tánh, người đã minh tâm kiến tánh thì có thể vượt ra ngoài mười pháp giới, không còn mười pháp giới nữa, như vừa tỉnh một cơn mộng dài, cảnh giới sau khi tỉnh mộng ra sao? Đó là nhất chân pháp giới, quý vị thấy được cõi Thật báo trang nghiêm của chư Phật Như lai. Khi cảnh giới này hiện tiền thì quý vị đã thành Phật. Đại sư Thiên Thai nói lục tức Phật, vị Phật mà quý vị chứng đó là phần chứng tức Phật, là thật chứ không phải giả. Nhưng vẫn chưa viên mãn, chưa viên mãn là bởi quý vị vẫn còn mang theo tập khí vọng tưởng, tức là tập khí phiền não vô thỉ vô minh mà trong kinh Đại thừa đã nói đến. Vô thỉ vô minh đoạn rồi. Vì sao vậy? Vì không khởi tâm, không động niệam, thật sự đoạn được rồi. Cho nên chúng ta không thể coi thường một bà già, một người như thế có niệam đến chỗ nhất tâm bất loạn hay không? Không dám nói là không thể, song không nhiều, nhưng sẽ có, vì sao vậy? Từ sự nhất tâm, những người đó nâng cao lên đó là lý nhất tâm. Quý vị cho họ là những người hồ đồ, không biết gì, quý vị hỏi gì họ cũng chỉ đáp A Di Đà Phật, họ không có niệam thứ hai, công phu không ai sánh bằng. “Tiềm thông Phật trí, ám hợp đạo diệu”, quý vị không nên xem thường họ, cổ đức thường nói không thể sánh được với những người đó, những người thông minh tài trí chưa chắc đã sánh kịp, vì trong tâm người đó không có tạp niệam, không có vọng tưởng. Những người như thế, trong Phật pháp gọi là Thánh hiền, không phải phàm phu. Phàm phu có vọng tưởng, có chấp trước, có tạp khí, Thánh nhân không có. Mục đích học Phật của chúng ta là muốn thành Phật, thành Bồ tát, thành Thánh, thành Hiền.

Tất cả những lời dạy trong kinh sách, chúng ta phải đặc biệt chú ý. Trong cuốn Yếu Giải, đại sư Ngẫu Ích đã nói rất rõ: Bất luận sự trì hay lý trì, trì cho đến lúc tâm khai, thấy được bản tánh Phật, tất cả đều là lý nhất tâm. Câu nói này rất hay! Danh hiệu Phật này chắc chắn phải niệm đến tâm khai ngộ. Ý của câu “thấy bản tánh Phật”, tức là minh tâm kiến tánh trong thiền tông, phương pháp niệm Phật như thế thì kết quả sẽ được minh tâm kiến tánh, đó là lý nhất tâm. Trong nhất tâm thì lý nhất tâm là cảnh giới cao nhất, thứ quý nhất là lý nhất tâm.

Trong Di Đà Sớ Sao nói: Chấp trì danh hiệu, nhất tâm hướng về, đó là sự nhất tâm. Đại sư Liên Trì nói rất đơn giản, rất dễ hiểu, như những gì cuốn kinh này đã nói: “Phát tâm Bồ đề, nhất hướng chuyên niệm”, đó là sự nhất tâm. Tôi chỉ có một phương hướng là thế giới phương Tây Cực lạc, chỉ một mục tiêu đó là thân cận đức Phật A Di Đà, ngoài điều này ra, những việc khác đều bỏ hết, không liên can gì đến tôi. Nhất tâm nhất ý đều muốn làm Phật, thì quý vị nên tu tập theo pháp môn này, chắc chắn sẽ vãng sanh, chắc chắn sẽ mãn nguyện.

“Chấp trì danh hiệu, đều quay về nhất tâm, tức lý nhất tâm”, điều này là khẳng định, không chút nghi ngờ, Phật A Di Đà chính là tự tánh của chúng ta, Phật A Di Đà là bản tánh của chúng ta, là bởi nó chí thiện, vô lượng giác là chí thiện. Tánh người vốn thiện “nhân chi sơ tánh bản thiện”, vô lượng giác chính là bản thiện, mỗi niệm đều quay về vô lượng giác, mỗi niệm đều quay về chân tâm, quay về bản thiện, đây là lý nhất tâm, thì thấy tánh. Khi chưa thấy tánh thì việc trì kia gọi là sự trì, vì thế chấp trì danh hiệu Phật có sự, có lý. Sự trì hay lý trì đều đạt đến sự nhất tâm, lý nhất tâm, là do công phu sâu cạn khác nhau.

Đoạn tiếp theo, Kinh Na Tiên nói: “Trong các điều thiện, chỉ có nhất tâm là điều quý nhất, do tâm như thế, nên các điều thiện đều nương theo”. Đoạn này rất hay, trong tất cả các điều thiện, điều nào là thiện nhất? Nhất tâm. Vì sao vậy? Vì khi nhất tâm là quý vị đã kiến tánh, đã có chân tâm, chỉ cần chứng nhất tâm là quý vị đã khai ngộ, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Vì vậy mới nói “chỉ tâm ấy thôi thì mọi điều thiện đã theo sau”, vạn điều thiện đều quay về, vạn điều thiện đều theo sau, quý vị sẽ không còn ác niệm, không còn lời nói ác, tuyệt đối không có những hành vi ác, thuần tịnh thuần thiện, giống như các bậc đại thánh đại hiền, chư Phật, Bồ tát. Quý vị bước vào cảnh giới của các vị đó, bước vào cảnh giới tức là chứng quả. Trong Di Đà Sớ Sao, đại sư Liên Trì nói rất hay: “Nhất tâm như vậy, tất cả là Phật, vì nhất tâm như thế là định trong các định”. Điều này nói lên điều gì? Tự tánh bản định. Nhất tâm như thế là niệm Phật tam muội của Bồ tát, tức thiền trực chỉ của Đạt ma tổ sư. Điều này nói lên thiền tịnh là một, mục tiêu

cuối cùng của thiền là minh tâm kiến tánh, mục tiêu cuối cùng của tịnh cũng minh tâm kiến tánh, phương pháp khác nhau nhưng mục đích là một. Song chấp trì danh hiệu dễ hơn nhiều so với việc tham thiền, đơn giản hơn nhiều, thiền xảo của phương pháp không gì hơn phương pháp này, điều này chúng ta chẳng thể không biết.

Biết được rõ ràng minh bạch rồi, đối với tông phái nào quý vị cũng nên tôn trọng, cúng dường, tâm cung kính đó là sự cúng dường, dứt khoát không được phân biệt, không được phỉ bang, không có tâm phân biệt pháp môn. Đối với tông phái khác, đối với những người tu tập pháp môn khác không phê bình phỉ báng. Chúng ta không nên để tâm, vì sao vậy? Họ không có tri thức, họ hoàn toàn không biết gì về mình về người, chúng ta nên thông cảm cho họ, vì sao họ ra nông nổi như thế? Vì không có ai dạy. Nếu có người dạy, họ thông đạt được rồi, họ sẽ giống như chúng ta. Chúng ta học được từ đâu? Từ Thiện Tài Đồng Tử, biết được vô lượng pháp môn đều do đức Thế tôn truyền dạy, tất cả mọi pháp môn đều là phương pháp kiến tánh, khác đường nhưng mục đích là một. Vì thế trong kinh Kim Cang đức Phật dạy chúng ta: Pháp môn bình đẳng, không có cao thấp.

Trong kinh Hoa Nghiêm, năm mươi ba lần đi tham vấn của Thiện tài đồng tử. Ngày xưa mà vẫn có phân biệt pháp môn như vậy, sau khi thấy được rồi, cách nhìn hẹp hòi đó không còn nữa, chúng ta tự nhiên khiêm cung, hoan hỉ tán thán với bất cứ một pháp môn nào. Bản thân chúng ta thì sao? Vẫn niệm Phật thật chân thành, tại sao không học? Vì chúng ta không phải hàng căn tánh đó, nếu ta tu pháp môn đó sẽ gặp những khó khăn, những trở ngại, pháp môn niệm Phật phù hợp với căn tánh chúng ta, ta tu pháp môn đó thì không bị trở ngại, không gặp khó khăn, dễ thành tựu.

“Những điều đã dẫn chứng ở trên”, phần đầu là do Niệm Lão dẫn chứng kinh sơ để chứng minh, nhất niệm tức nhất tâm, nhất niệm ở đây là chỉ tự tánh bản giác linh tri, gọi là nhất niệm. Nhất niệm đây chính là sự giác ngộ tự tánh, bản giác của tự tánh, cũng là nhất tâm trong kinh điển Đại thừa đã nói. Cho nên tâm, là do chúng ta dùng thể và dụng để nói, tâm là thể, niệm là tác dụng của nó. Nhất tâm nhất niệm hoàn toàn là nguyên vị, không thêm vào bất cứ thứ gì trong đó. Nhất tâm nhất niệm là bản giác linh tri, là tự tánh chân như, trong nhất niệm này hoàn toàn không có khởi tâm động niệm, khởi tâm động niệm là nhị niệm, không khởi tâm không động niệm. Vậy niệm A Di Đà Phật có được không? Tương ưng không? Tốt, có thể tương ưng. Trong câu A Di Đà Phật không có khởi tâm,

không động niệm, đây gọi là nhất niệm. Khởi tâm động đã không có, đương nhiên không có phân biệt chấp trước. Vì thế nên biết, không chấp trước tức là A la hán, không phân biệt là Bồ tát, không khởi tâm động niệm là Phật. Niệm một câu A Di Đà Phật, không khởi tâm động niệm, niệm cho rõ ràng, minh bạch, thực sự không khởi tâm động niệm, đó chính là bản giác linh tri, đó là lý niệm, không phải sự niệm. Như ngài Hạnh Tây Thi, người Nhật nói: “Nhất thừa tức hoàng nguyện, hoàng nguyện là Phật trí, Phật trí là nhất niệm”. Phật trí là gì? Là bản giác linh tri, là câu nói lúc đã kiến tánh của đại sư Huệ Năng: “đâu ngờ tự tánh, vốn tự đầy đủ”, ý của nó là như thế. Trong tự tánh vốn đầy đủ, vô lượng trí tuệ, vô lượng đức năng, vô lượng tướng hảo, vì thế mới xưng ngài là Vô Lượng Thọ Phật, là ý này vậy. Vô Lượng Thọ Phật, Vô Lượng Thọ có từ đó. Vì thế Vô Lượng Thọ là chính mình chứ không phải ai khác, là bản giác linh tri của mình, nó không sanh không diệt. Tiếng Phạn gọi là Phật A DI ĐÀ, ở địa phương chúng ta thật hiếm có, chúng ta đã nhận ra đức Phật A Di Đà. A Di Đà Phật là ai? Đây chính là bản giác linh tri của mình. Đức Thế tôn đã nói cho chúng ta một câu thế này: “Tất cả chúng sanh vốn là Phật”. Chư vị Tổ sư, Bồ tát càng thân thiết hơn khi nói với chúng ta: Tất cả chúng sanh vốn là Phật A Di Đà, niệm A Di Đà Phật là tự niệm chính mình, là tự tánh Phật của mình, là vị Phật thật chứ không phải Phật giả.

Mấy năm trở lại đây, chúng ta đề xướng Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sư, được rất nhiều quốc gia hưởng ứng, đây là một việc làm rất ý nghĩa. Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sư là do thiền sư Trung Phong đời nhà Nguyên sáng tác, lời khai thị trong đó đều do chính thiền sư nói ra, tôi thấy trong Pháp Sư có hai câu quan trọng nhất: “A di đà Phật tức là tâm tôi, tâm tôi chính là A Di Đà Phật. Đây là Tịnh độ, Tịnh độ là đây”. Đây là hai câu quan trọng, bao quát tất cả. Nó đã bao gồm ý nghĩa trong những bản kinh Đại thừa do đức Phật nói ra. Đức Phật nói: “Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh”, quý vị xem có bao quát trong đó không. “Tất cả pháp do tâm hiện ra, do thức biến ra”, cũng có trong đó. Vì thế, nhất thừa là hoàng nguyện, hoàng nguyện là trí Phật, trí Phật là nhất niệm, nhất niệm là tự tánh, cả hai thứ này đều có nghĩa là nhất niệm.

Niềm tin của người phàm nếu có thể tương ứng với nhất niệm của Phật trí, thì việc vãng sanh tự nhiên thành tựu, không cần phải luôn miệng xưng danh hiệu Phật. Có cần ngày đêm luôn miệng niệm nữa hay không? Không cần nữa. Không cần, vì sao Hoàng Niệm Tổ sắp lâm chung, phải mất nửa năm, mỗi ngày phải niệm mười bốn vạn danh hiệu Phật? Chúng ta nên hiểu vấn đề, không có gì mâu

thuần ở đây cả, mà là gì? Căn tánh chúng sanh khi sống không giống nhau, ở đây đang nói đến lý niệm, những người bình thường không thể làm nổi. Những câu tiếp theo là sự niệm, sự niệm thì những người bình thường đều có thể làm.

Quý vị thử nghĩ xem, niềm tin của phàm phu có thể tương ứng với nhất niệm của Phật trí, ai có thể làm được? Nếu có thể làm được, thì không còn phải luôn miệng niệm danh hiệu Phật, những người này muốn vãng sanh lúc nào cũng được, vì nhất niệm của họ tương ứng với Phật A Di Đà. Giống như đường dây nóng ngày nay, chỉ cần anh ta khởi tâm động niệm một câu A Di Đà Phật, thì có thể nối liên lạc được với Phật A Di Đà ở thế giới Cực lạc. Một niệm muốn vãng sanh là Phật đến tiếp dẫn ngay. So với sự niệm thì lý niệm có công đức lớn hơn, song lý niệm khó thực hiện, tâm chúng ta làm sao có thể tương ứng với nó được?

Trí tuệ của Phật bao gồm căn bản trí và hậu đắc trí, tương ứng là tương ứng với căn bản trí. Căn bản trí là gì? Là nhất tâm, nó là nhất tâm, ta cũng nhất tâm, nhất tâm tương ứng với nhất tâm, nhất tâm tương ứng với tự tánh. Phật tương ứng với tự tánh, ta cũng tương ứng với tự tánh, thật sự là như thế, dùng chân tâm không dùng vọng tâm. Phàm phu niệm Phật, không chỉ lục đạo, mà chúng sanh trong mười pháp giới niệm Phật, đều dùng A lại da, A lại da là vọng tâm, không phải chân tâm, không phải chân tâm thì thuộc về sự niệm, không phải lý niệm. Sự niệm, có thể niệm đến lý nhất tâm không? Cũng có thể, nhưng phải đạt đến sự nhất tâm bất loạn trước, nếu muốn vươn lên nữa, không được sự nhất tâm bất loạn thì không thể đạt đến lý nhất tâm.

Những gì Hạnh Tây Thị đã nói, giống như Luận Báo Ân nói. Luận Báo Ân cho rằng: “Thiền tông phá tham, độc giáo giải ngộ, nhưng chuyên tu Tịnh độ liền được nhất niệm tịnh tín, tương ứng với Phật trí. Một niệm xưng Phật liền được vãng sanh”. Mấy câu này nói rất rõ ràng. Trong Luận Báo Ân nói: Thiền tông phá tham đó là khai ngộ. Độc giáo giải ngộ, giải ngộ ở đây là đại khai viên giải, cùng cấp độ với minh tâm kiến tánh của tông môn. Họ quay lại chuyên tu Tịnh độ, mong đến thế giới Cực lạc, thân cận Phật A Di Đà. Có thể nhất niệm tịnh tín, tương ứng với Phật trí, niệm một danh hiệu Phật. Vì thế một tiếng hay mười tiếng chắc chắn được vãng sanh. Vấn đề này chúng ta có thể tin tưởng, không nghi ngờ, vì xét về lý thì thông. Về sự, đó không phải là cảnh giới của chúng ta, vì vậy chúng ta muốn vãng sanh, chắc chắn chúng ta sẽ vãng sanh, đây không phải là giả. Trong cuộc sống hàng ngày ta phải tu tâm thanh tịnh trước. Điều kiện cần có để vãng sanh Tịnh độ được các kinh điển đề cập rất nhiều, gọi là “tâm tịnh thì

Phật độ tịnh”. Muốn được tâm thanh tịnh tất nhiên cần phải buông bỏ, buông bỏ tất cả thì thanh tịnh bình đẳng giác mới hiện tiền. Đây là chân công phu. Sáu căn trong cảnh giới của sáu trần, nên biết vạn pháp giai không. Kinh Kim Cang nói rất hay, tại Trung quốc kinh Kim Cang được lưu hành rất rộng rãi, những người không học Phật cũng tìm đọc. Hàng trí thức ngày xưa, không ai là không đọc kinh Kim Cang. Có thể chưa đọc các kinh khác, nhưng Kim Cang, Bát Nhã Tâm Kinh chắc chắn phải đọc. Đọc Đạo đức kinh của Lão tử, tuy chưa đọc hết Trang tử, nhưng Nội thiên Thất thiên chắc chắn có đọc qua, đây là tác phẩm tiêu biểu của Đạo giáo.

Nội dung kinh Kim Cang rất hay: “Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng”, dạy ta nên buông bỏ, không nên chấp trước, đặc biệt là chấp trước tình cảm, nhiều người niệm Phật rất giỏi nhưng cuối cùng không được vãng sanh, nguyên nhân do đâu? Ôm chặt tình cảm không buông bỏ, những trường hợp như thế rất phổ biến. Vì thế ta nên biết, tình chấp khó buông bỏ nhất. Nếu không buông bỏ được thì đời đời kiếp kiếp phải bị trói buộc với nhau, không thể tách rời, đây là nhân luân hồi trong lục đạo. Nói hơi khó nghe một chút, nghĩa là trong vô lượng kiếp oan oan tương báo chưa bao giờ chấm dứt. Tình cảm biến đổi, yêu thương trở nên kẻ thù, vui biến thành oán hận, những thứ này rất phiền. Muốn giữ gìn nó, cần người có nhiều đạo đức, không phải những người bình thường có thể làm được. Duy trì không thay đổi đó là Thánh hiền, làm sao có thể đời đời kiếp kiếp đều làm Thánh hiền, không dễ chút nào. Qua một đời có thể một bậc Thánh trở thành một người bình thường, nghĩa là anh ta có thay đổi.

Trong Phật pháp, người chứng được Sơ quả Tiểu thừa Tu đà hoàn mới là vị bất thoái, nghĩa là họ sẽ không thoái chuyển nữa. Họ mới là người bảo đảm, đó không phải là việc đơn giản, những người bình thường như chúng ta không thể làm được. Đừng nói người bình thường, người tu hành chân chính còn chưa thể đảm đương nổi. Tu Đà Hoàn còn phải buông bỏ năm kiến hoặc. Chúng ta thử xem, thứ nhất là buông bỏ thân kiến, không chấp trước thân này là của ta, việc này có dễ không? Mấy người làm được? Ta đừng hỏi người khác mà nên hỏi chính mình, liệu buông bỏ được không? Nói dễ lắm nhưng làm cực kì khó, tất cả khởi tâm động niệm chẳng phải vì bản thân mình sao? Vì mình tức là phàm phu. Thực sự buông bỏ thân kiến, người đó mới thực sự chí công vô tư, vì thế đó là hành động rất khó. Thứ hai là biên kiến, biên kiến nói theo ngôn ngữ hiện nay là đối lập, có thể buông bỏ không? Liệu không đối lập với người khác chăng? Liệu không đối lập với mọi việc chăng? Liệu không đối lập với tất cả sự vật chăng?

Tôi, anh, người đó là đối lập. Khi đã buông bỏ biên kiến, thì biến pháp giới hư không giới với ta là một thể. Tiểu thừa cũng không dễ đâu. Thứ ba là buông bỏ thành kiến, thành kiến là gì? Cho kiến giải của mình là đúng nhất, tôi cho rằng nó đúng, tôi cho rằng đó là tuyệt vời, quan niệm theo chủ quan. Trong Phật pháp chia nhân quả. Nhân của quan niệm chủ quan là giới cấm thủ, quả của quan niệm chủ quan là kiến thủ kiến, cả hai cách nhìn trên đều là thành kiến, buông bỏ thành kiến mới có thể tùy duyên, mới có trí huệ. Nhà Phật nói “tùy thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức”, là không có thành kiến. Thế giới hỗn loạn như này nay, chưa có tiền lệ trong lịch sử, trong nước không có, các quốc gia khác cũng không có, xã hội hỗn loạn có mặt khắp các quốc gia trên thế giới.

Lần này tôi ở Úc châu, người có địa vị trong chính quyền ở Úc châu đến thăm tôi. Họ hỏi tôi hai vấn đề, thứ nhất: Xã hội hiện này, liệu có biện pháp nào để phục hồi trật tự an định? Đây là một vấn đề lớn mà người ngoại quốc đặt ra. Tôi cũng dùng người ngoại quốc trả lời cho họ, tôi nói: Thập niên 70, tiến sĩ Thang Ân Tử người Anh, thập niên 70 của thế kỉ trước đã nói: Để giải quyết vấn đề xã hội của thế kỉ 21, ông ta cho rằng chỉ có học thuyết Khổng Mạnh và Phật pháp Đại thừa. Phật pháp Đại thừa một số nước khác không có. Tôi nói: Vấn đề này, tôi đã đề cập tại đại học London và đại học Kiếm Kiều, dám tin không? Học thuyết Khổng Mạnh là gì? Khi đề cập học thuyết Khổng Mạnh, mọi người đều nghĩ đến Tứ thư, Ngũ kinh, Thập tam kinh, liệu có giải quyết được vấn đề hiện nay không? Cần tìm đến những tinh túy của học thuyết Khổng Mạnh. Suốt đời Khổng tử chỉ chủ trương Nhân, Mạnh tử chủ trương Nghĩa, vì thế Khổng tử nói “thành nhân”, Mạnh tử nói “thủ nghĩa”. Hai chữ nhân nghĩa tượng trưng cho Khổng Mạnh. Nhân là gì? Thương người, con người bây giờ không yêu thương nhau. Nhân là nghĩ đến mình nghĩ đến người, nghĩ đến mình thì phải nghĩ đến người khác, nghĩ đến người khác thì nghĩ đến mình, không phải chỉ nghĩ cho mình mà phải đặt mình trong hoàn cảnh người khác. Nhân ái, “điều mình không muốn, đừng đem cho người”, những thứ tôi không thích thì tôi không đem cho người khác. Cần phương pháp như thế, cần học yêu thương người, đừng oán ghét người khác. Mạnh Tử “thủ nghĩa”, nghĩa là lý, hợp tình, hợp lý, hợp pháp gọi là nghĩa. Quý vị luôn luôn nghĩ đến, chỉ có lý, chỉ có pháp, mà không có tình người là không được, pháp như thế trở thành tàn ác. Đạo nhân hậu của người xưa là xem xét đủ cả ba yếu tố tình, lý, pháp.

Luận ngữ có câu: “Đạo của Phu tử chỉ có hai, đó là trung và thứ”. Nếu quý vị dùng trung thứ thì có thể lập lại trật tự cho xã hội. Trung là gì? Không nghiêng về

bên nào, không dùng tâm tà. Không nghiêng không lệch gọi là trung, quý vị phải dùng tâm như thế. Thứ là gì? Tha thứ. Trong thế giới ngày nay, phương Đông đã đánh mất nền giáo dục truyền thống, nước ngoài đánh mất tôn giáo truyền thống, ai không tạo tội nghiệp? Tìm được một người không tạo tội nghiệp thật khó. Bây giờ phải dùng phương pháp nào? Tha thứ cho họ, không cần truy cứu, bắt luận họ tạo sai lầm ra sao đều phải tha thứ, vì sao vậy? Vì không ai dạy dỗ họ, đã không ai dạy dỗ, họ làm sai, quý vị lại trừng phạt họ, trong lòng cảm thấy bất nhẫn. Họ đã được học nơi Thánh hiền mà phạm tội thì nên trừng phạt, nhưng ở đây không ai dạy dỗ vì vậy không nên trừng phạt. Nếu quý vị áp dụng phương pháp, Khổng tử nói “việc xong không đề cập nữa”, những việc đã làm, bất luận việc tốt hay xấu, không nên đề cập nữa. “Theo việc không ngăn”, thấy họ làm những việc sai trái, không nên khuyến khích, “Đã qua không nhắc đến”, những việc đã qua nên quên hết, không để trong lòng làm gì. Đây gọi là thứ, trung thứ. Khiến cho tâm ý mọi người an định, cùng nhau học văn hoá truyền thống, cùng nhau học tập giáo dục của Thánh hiền, như thế là được rồi. Sau khi đã học xong thì tâm tốt hiện tiền, anh ta trở thành con người tốt. Vì thế cần làm an ổn xã hội, muốn nó biến chuyển, thì phải giáo dục con người cho tốt. Tất cả mọi vấn đề đều bắt đầu từ sự giáo dục, không phải những việc khác. Họ đồng ý với vấn đề tôi đưa ra, quyết định không trừng phạt, tuyệt đối không báo thù. Thế giới hiện nay đâu đâu cũng thấy tham ô, không cần hỏi anh ta đã tham những được bao nhiêu, cũng không hỏi chỗ tài sản đó từ đâu mà có được, tâm lượng như thế mới giải quyết được vấn đề. Khiến cho tâm lý mỗi người đều an định, khi yên ổn rồi mới nói chuyện cải tạo, cải tạo bằng cách giáo dục, bằng cách đem luân lý, đạo đức, nhân quả, tôn giáo, lúc đó mới giải quyết được vấn đề.

Ngoài ra còn đề cập đến một vấn đề nóng bỏng, bây giờ tôi mới biết, trước đây chưa hề biết, một người phương Tây, lại có những chức vụ cao trong chính trường đến đặt vấn đề với tôi, anh ta nói: xã hội phương Tây ngày nay đã bắt đầu hoài nghi về chế độ dân chủ, thực sự là là một chế độ tốt nhất chưa. Tôi nói với anh ấy: Quan trọng nhất không phải là vấn đề chế độ, từ xưa đến nay cũng rất coi trọng chế độ, song không phải là quan trọng nhất. Người xưa gọi là “pháp”, tức chế độ. Hiến pháp quốc gia là đại pháp, pháp là nguồn gốc của việc cai trị đất nước, nhưng sau đó có một câu kèm theo, “con người là cội nguồn của chế độ”, câu đó mới quan trọng, ý nói rằng: Nếu là một người tốt, sống trong một thể chế không tốt họ vẫn làm nên chuyện tốt. Nếu không phải một người tốt, chế độ tốt bao nhiêu đi nữa, anh ta vẫn không làm nên trò trống gì. Vì vậy, chế độ cố nhiên

quan trọng, song yếu tố con người càng quan trọng hơn. Làm sao để giáo dục con người tốt hơn, đấy mới là cách giải quyết vấn đề. Tôi đã kiến nghị với họ, nếu có thể kết hợp những ưu điểm thể chế chính trị của vua chúa ngày xưa, với chế độ chính trị hiện nay thì mới có một chế độ tốt nhất, mỗi thời kì có một ưu điểm và mỗi chế độ có mỗi khuyết điểm, vì thế hai chế độ kết hợp lại thì được một chế độ tối ưu, đó cũng là một cách giáo dục. Dân chủ là chế độ đa đảng, đó là điều tốt. Quý vị xem vua chúa ngày xưa bồi dưỡng người nối nghiệp, chế độ đó rất hay. Nếu các chính đảng ngày nay có thể vận dụng phương pháp bồi dưỡng người nối nghiệp của chế độ quân chủ ngày xưa, thì sẽ có được một chế độ tốt nhất. Vì vậy khi các chính đảng tranh cử, không cần lắng nghe mỗi cá nhân, chỉ cần lắng nghe mỗi đảng phái, đảng tôi thường ngày vẫn được huấn luyện, ai làm tổng thống, ai làm thủ tướng, ai làm bộ trưởng, đều được huấn luyện. Ngày trước vua chúa vun bồi thái tử, đã vun bồi như vậy đó. Cho nên khi nhà vua băng hà, thái tử nối ngôi, mọi việc êm xuôi, không xảy ra bạo loạn, thế mới tốt. Vì thế chính đảng, nên kế thừa những thành tựu đó, nên bắt chước chế độ quân chủ ngày trước để thu hút nhân lực, bồi dưỡng những viên chức phục vụ nhà nước, với điều kiện chỉ cần hai chữ: Hiếu liêm. Họ phải hiếu thảo với cha mẹ, mới có thể tận trung với quốc gia. Liêm khiết thì sẽ không tham ô. Quý vị xem từ thời nhà Hán đến nay, hơn hai nghìn năm, các vua chúa tuyển dụng quan chức, chỉ với điều kiện như vậy, nếu chính đảng thu hút đảng viên với tiêu chuẩn cơ bản là hai điều kiện như thế. Nếu đảng viên không phải hiếu thảo cha mẹ, không liêm khiết, không cho họ tham gia chính thể, thì đó là đảng phái ưu tú nhất, đó mới là cách giải quyết vấn đề. Tôi kiến nghị như vậy, họ vui lắm. Vì thế, bất luận thời đại nào cũng cần tìm nhân tố tốt của con người, tránh những nhược điểm của họ, thì quý vị mới tìm được phương án tốt nhất để giúp xã hội ổn định, giúp đỡ thế giới hoà bình, giúp cả trái đất hoá giải thiên tai.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 419

Chuyển ngữ: Minh Tuệ

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 18.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong

Chư vị Pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 527, hàng thứ 7 đếm từ dưới lên.

Tịnh tông thường nói đến nhất niệm, thập niệm, chỉ cho việc xưng niệm một tiếng, mười tiếng danh hiệu Phật của những người phàm phu. Trong Vô Lượng Thọ Kinh Sớ của ngài Nghĩa Tịch nói: Niệm ở đây, tức là Nam mô A di đà Phật. Sáu chữ gọi là một niệm, là nói tụng niệm một danh hiệu Phật gọi là nhất niệm. Vấn đề này ngài Hoàng Niệm Tổ đã nói với chúng ta. Trong tông Tịnh độ, bình thường chúng ta nói một niệm hay mười niệm, chỉ là nói việc niệm danh hiệu Phật A di đà. Niệm một tiếng gọi là nhất niệm, niệm mười tiếng gọi là mười niệm.

Trong Vô Lượng Thọ Kinh Sớ, pháp sư Nghĩa Tịch cũng đồng ý với cách nói như thế. “Thử” chỉ địa cầu chúng ta đang sống ở đây, đối với người tu tập pháp môn Tịnh độ, chữ “niệm” mọi người đều có cách giải thích, đó là “xưng Nam mô A di đà Phật”, xưng sáu chữ đó gọi là một niệm, đây cũng là cách chúng ta hay nói, niệm một danh hiệu Phật gọi là nhất niệm. Chúng ta nhớ lại đức Thế tôn hỏi Bồ tát Di lạc, nói với Bồ tát Di lạc, cũng hỏi về việc nhất niệm, nhất niệm mà mọi người thường nói đến. Trong nhất niệm này có bao nhiêu niệm nhỏ? Đây là việc bình thường chúng ta không nghĩ đến, không những hỏi có bao nhiêu niệm nhỏ mà còn hỏi có bao nhiêu tướng, bao nhiêu thức trong một niệm? Nói theo ngôn ngữ hiện đại, bao nhiêu tướng, đó là hiện tượng vật chất. Bao nhiêu thức, nói theo ngôn ngữ hiện nay là hiện tượng tinh thần. Ý nghĩa của việc đặt câu hỏi như thế là rất sâu sắc. Câu trả lời của Di lạc, kì thực, kiểu một câu hỏi một câu trả lời của chư Phật với Bồ tát là để dạy chúng ta, những câu hỏi như thế chúng ta không biết hỏi, đức Phật thay chúng ta đặt câu hỏi, Bồ tát Di lạc dạy rõ cho chúng ta, nói rằng một khảy móng tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm, trong một niệm có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm. Một câu niệm Nam mô A di đà Phật của chúng ta mất một giây hay bao nhiêu? Không được một giây, một giây có thể khảy bao nhiêu lần? Tôi tin ít nhất có thể khảy được năm lần. Ba mươi hai ức trăm ngàn niệm nhân với năm trăm ngàn là mười vạn. Một khảy móng tay có ba trăm hai

mười triệu. Một giây thì sao? Có một ngàn sáu trăm triệu niệm. Niệm bình thường của chúng ta, tâm có niệm riêng của nó, niệm này rất thô, cứ chia nhỏ nó ra, một giây trôi qua, có một ngàn sáu trăm triệu niệm, đây là những niệm nhỏ. Nhất niệm được nói đến trong giáo lý Đại thừa là chỉ vấn đề này. Nhất niệm nơi chúng ta đang nói đến ở đây là người phàm phu trong sinh hoạt hàng ngày gọi là “niệm trong tâm”. Niệm một danh hiệu Phật ra khỏi miệng là nhất niệm, chưa ra khỏi miệng, niệm vẫn còn trong lòng cũng là nhất niệm. Bồ tát Di lặc đã nói cho chúng ta, khoa học hiện tại nói, trong nhất niệm của tâm chúng ta đang niệm có đến một ngàn sáu trăm triệu niệm. Ngày nay chúng ta lấy một giây là đơn vị, một giây, “niệm niệm hình thành”, “hình” là gì? Đó là tướng trong câu hỏi của Phật, có bao nhiêu tướng? Hiện tượng, hiện tượng vật chất, trong mỗi một niệm đều có hiện tượng vật chất, niệm niệm hình thành, tướng phần A lại da. “Hình giai hữu thức”, trong mỗi tướng phần đều có thức. Thức là gì? Kiến văn giác tri, thọ tướng hành thức đều có. Kiến văn giác tri đó là những yếu tố trong tự tánh, trong A lại da thì không gọi là kiến văn giác tri nữa mà gọi là thọ tướng hành thức. Thấy sắc, sắc đó là vật chất, sắc thọ tướng hành thức sẽ biến thành gì? Tinh thần và vật chất dung hợp thành một thể, không thể tách rời được. Vật chất từ đâu mà có? Hiện tượng vật chất đó là ý niệm. Quý vị thấy niệm niệm hình thành, niệm là nền tảng của tinh thần và vật chất, cả hai hiện tượng vật chất và tinh thần đều xuất phát từ ý niệm. Ý niệm này, niệm là gì? Giới khoa học cho rằng tất cả những thứ này là năng lượng, họ cho rằng thọ tướng hành thức là tin tức, vật chất. Giới khoa học nói ba thứ: tin tức, năng lượng và vật chất. Nhà Phật nói nghiệp tướng, chuyển tướng và cảnh giới tướng trong A lại da. Có cả ba trong một niệm, hoàn thành trong một niệm. Vấn đề này đã được các nhà Vật lý cận đại phát hiện, những báo cáo của họ hoàn toàn giống với tam tế tướng trong A lại da của nhà Phật. Khi ý niệm có mặt chúng ta mới thấy được hiện tượng tinh thần, hiện tượng vật chất và hiện tượng tự nhiên. Vạn vật trong vũ trụ cùng với những hoạt động của bản thân chúng ta. Nếu như nhất niệm này gián đoạn thì vũ trụ này sẽ không còn. Vì thế Phật dạy: “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, nó không có thật. Bất quá ý niệm này chỉ là tướng tương tục mà thôi. Thông thường chúng ta hay giải thích đó tướng giống nhau và tương tục, tuyệt đối không có hai hiện tượng hoàn toàn giống nhau, gọi là giống nhiều hơn khác, tướng giống nhau và tương tục. Vấn đề này chúng ta không thể không biết, niệm đó gọi là chân niệm, trong Đại thừa gọi là nhất niệm. Nhất niệm nói ở cõi này là nhất niệm của trong tâm có niệm mà đức Phật đã hỏi, niệm mà người phàm phu chúng ta đã khởi lên, niệm Phật A di đà

cũng là nhất niệm, nhưng A di đà Phật có sáu chữ, nếu bỏ đi hai chữ nam mô để niệm bốn chữ còn lại cũng được, niệm nhanh, xem trong một giây có thể niệm xong hay không? A di đà Phật, cũng được. Một niệm như thế có đến một ngàn sáu trăm triệu.

Quán kinh nói: Hạ phẩm hạ sanh đó là cấp thấp nhất. Chí tâm như vậy, liên tục trong một hơi mà niệm được mười niệm Nam mô A di đà Phật, trực tiếp niệm A di đà Phật cũng được. Vì trong kinh Di đà, đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã dạy cho chúng ta “chấp trì danh hiệu”, danh hiệu là A di đà Phật, hai chữ nam mô, cả sáu chữ này đều là dịch âm tiếng Phạn. Nam mô có nghĩa là qui y, qui mạng, chỉ nghĩa thế thôi, nó không phải là danh hiệu. Vì thế, chấp trì danh hiệu bốn chữ còn lại là được.

Ngày xưa khi đại sư Liên trì còn tại thế, ngài là người sống năm Vạn lịch cuối đời nhà Minh, có người đến xin thỉnh giáo với ngài: Nên niệm Phật như thế nào? Ngài dạy nên niệm Nam mô A di đà Phật, một người khác hỏi ngài: Bản thân ngài có niệm không? Ngài đáp: Tôi niệm A Di Đà Phật. Vì sao dạy người khác niệm Nam mô mà bản thân mình lại không? Đại sư nói với mọi người: Tôi là người phát tâm, cuộc đời này quyết định sẽ sinh về Tịnh độ, gần gũi đức Phật A Di Đà, nên không khách sáo, nam mô là lời khách sáo. Sao lại dạy mọi người niệm nam mô? Họ chưa chắc đã muốn sinh về cõi Tịnh độ nên phải khách sáo một chút, cung kính một chút với Phật A Di Đà. Nam mô cũng có nghĩa là cung kính, lễ kính, cung kính với ngài một chút cũng có những điều hay. Thực tâm muốn vãng sanh thì không cần khách sáo. Câu chuyện này được kể trong Trúc Song Tuý Bút, chúng ta cần phải hiểu.

Ngày trước, đại sư Chương gia đã dạy tôi: Phật pháp nên chuộng mặt nội dung, đừng nên sa đà vào hình thức, không phải với ý này sao? Thực hành chín chắn, trọng thực chất, không chuộng bề ngoài. Làm lấy lệ, thường chuộng bề ngoài, thêm thắt nam mô đó là hình thức. Người thực hành một cách chân chính không cần thêm nam mô, chỉ niệm A Di Đà Phật là được, càng giản đơn càng tốt, ý nghĩa của bốn chữ này đã nói không cùng rồi! Bộ kinh này chúng ta cần mất hơn một ngàn giờ đồng hồ mới có thể nắm bắt được, chứ không phải chỉ phân tích một câu danh hiệu mà thôi, vì thế công đức danh hiệu không thể nói hết.

Xưng danh Phật trong từng niệm niệm nên có thể trừ hết tội trong tám mươi ức kiếp sinh tử. Trong kinh Đại thừa đã nói như thế, có phải hơi quá không? Niệm một câu A Di Đà Phật mà có thể trừ được tội nặng trong tám mươi ức kiếp sinh tử. Khi tôi mới học Phật, có một thầy giáo ở đại học Đài loan, chúng tôi rất thân

với nhau, sau này ông ấy không dạy học nữa mà chuyển sang kinh doanh, mở tiệm bán sách, sách bán rất chạy, khảm khá hơn gấp nhiều lần so với thu nhập của việc dạy học. Tiên sinh Nghiêm Nhất Bình là một người khá nổi tiếng tại Đài loan, ông dạy khảo cổ học, là học trò của Đồng Tác Tân. Thấy tôi học Phật, ông nói với tôi: Phật rất giỏi nói khoác, giỏi nói phóng đại, có thể tin được không? Như câu nói trên đây thì ông ấy không thể tin được, không thể tiếp thu được. Niệm một tiếng A Di Đà Phật mà có thể diệt được tội nặng trong tám mươi ức kiếp sinh tử, thật quá dễ dàng. Nhưng với những người học Phật học đến sáu mươi năm như chúng ta thì đó là điều đúng, không phải giả dối. Tại sao tội nghiệp của chúng ta không tiêu hết được? Trong vô lượng đời kiếp đã qua, trải qua mỗi đời, chúng ta từ đâu đến đây? Con người không phải biến hoá từ loài vượn, không phải. Kinh Đại thừa đã cho chúng ta biết, sinh mạng của chúng ta đây với vũ trụ được sinh ra cùng một ngày. Trong tác phẩm Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của đại sư Hiền Thủ đời nhà Đường, cuốn sách này đã giảng rất rõ về sự khởi nguyên của vũ trụ, sự có mặt của con người, nguyên nhân sự có mặt của sự vật. Chúng ta từ đâu mà có? Sự có mặt của chúng ta. Trong kinh Đại thừa đức Phật thường dạy: Một niệm bất giác mà có vô minh, vô minh ở đây là A lại da, là tam tế tướng, đây là khởi nguyên đồng thời của vạn vật trong vũ trụ với chúng ta. Thời gian quá lâu, quá dài, trải qua đời kiếp mê hoặc, điên đảo, nhất là sau khi rơi vào luân hồi sáu đường không thoát ra được. Luân hồi là một mê cung, cứ mãi mù mịt trong đó thì mỗi niệm là một nghiệp. Như tôi đã nói, trong tâm chúng ta có niệm, nếu chia nhỏ niệm đó ra thì có đến một ngàn sáu trăm triệu niệm nhỏ, tội nặng trong tám mươi ức kiếp sinh tử, quý vị có thể hiểu vì sao không thể tiêu diệt. Song nếu dùng chân tâm để niệm thì một niệm là có thể tiêu tan, tại sao lại như thế? Có một thí dụ trong kinh Phật, giống như ngôi nhà tối trăm năm là thí dụ cho sự mê mờ trong vô lượng kiếp, đốt lên một ngọn đèn thì căn nhà liền sáng rực. Ngọn đèn kia thí dụ cho cái gì? Đó là chân tâm, là sự giác ngộ của quý vị. Khi đã giác ngộ rồi thì nghiệp chướng trong vô lượng kiếp sẽ được tiêu diệt, vì sao vậy? Vì nghiệp chướng là giả, không thật, nếu thật thì nó đã không mất. “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, chúng ta cần phải hiểu. Hiện tượng vật chất là giả, hiện tượng tinh thần cũng giả, hiện tượng tự nhiên cũng giả nốt. Trong tâm thanh tịnh của tự tánh mới là chân, mới gọi là chân như, trong đó không có giả. Vì thế giới khoa học, triết học đến cuối cùng cũng phải bó tay, vấn đề cuối cùng không thể giải quyết. Nguyên nhân ở đâu? Khoa học và triết học đều cần có hiện tượng, có đối tượng, họ mới giải quyết, nếu như không có đối

tượng thì họ không còn biện pháp nào. Tự tánh chân tâm, nhà Phật gọi là Bản tánh chân như, đó không phải là hiện tượng vật chất, không phải là hiện tượng tinh thần, cũng chẳng phải hiện tượng tự nhiên, vì thế các nhà khoa học không thể lý giải được nó, chần chẫn là họ không thể khám phá, không thể xem xét, và cũng không thể suy tưởng được, kể cả dùng toán học cũng không thể tính toán được. Vấn đề này kinh điển dạy rất rõ ràng, khi tu chúng là có thể hiểu được ngay. Làm sao để chứng được? Khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước đều buông bỏ hết, thì nó sẽ hiện ra, sẽ chứng được. Cách làm rất đơn giản, song thực hiện thì không hề dễ. Không còn chấp trước đối với tất cả pháp thế gian và xuất thế gian, thực sự không nắm giữ, ý niệm về chấp trước cũng không có, trong Phật pháp gọi là chứng quả A la hán. Phật, Bồ tát, A la hán, đó là ba học vị trong Phật giáo. Phật là cấp cao nhất, tương đương học vị tiến sĩ, Bồ tát là cấp học thứ hai, học vị thạc sĩ. A la hán là cấp thứ ba, cấp cử nhân. Nếu quý vị có thể bỏ tâm chấp trước thì đã đạt đến học vị thứ nhất. Có thể không phân biệt, không phân biệt pháp thế gian hay xuất thế gian thì quý vị đã đạt đến học vị thứ hai- Bồ tát. Nếu có thể bước lên một bước nữa, không khởi tâm, không động niệm, đó gọi là Phật. Thông thường có thể thật sự minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, tức là đã buông bỏ ba thứ chướng ngại, không chấp trước, không phân biệt, không khởi tâm, không động niệm, lúc đó mới có thể kiến tánh. Lúc đấy mới thấy rõ tận cùng chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, đi trước các nhà khoa học, nhà triết học một bước. Các nhà khoa học, triết học không thể khám phá đến tận cùng, vì sao vậy? Vì họ không buông bỏ. Nếu giới khoa học, và triết học có thể buông bỏ khởi tâm động niệm thì họ cũng thành Phật, cũng chứng đắc. Vì thế Phật Thích Ca Mâu Ni, giáo hoá 49 năm khi còn tại thế, ngài đã dạy những gì? Mục đích cuối cùng ta dạy chúng ta thấy được rõ ràng, thấu suốt, tướng chân thật của nhân sinh và vũ trụ, ngài đã dạy như thế. Thấu suốt, thông đạt, rõ ràng thì gọi là thành Phật, được gọi là Phật đà. Vì thế ngài thực sự là người thầy dạy học, ngài không thành Thần, không thành Tiên, không can dự đến Thần tiên. Ngài dạy chúng ta đại triệt đại ngộ, nhận rõ chân tướng của nhân sinh, của vũ trụ. Vì thế việc tội nặng của tám mươi ức kiếp sinh tử được trừ diệt là câu chuyện có thật, không hề giả dối, Ngài nói không ngoa chút nào.

Khi lâm mạng chung, thấy hoa sen vàng, to như bánh xe, trong khoảng thời gian một niệm là sanh về thế giới Cực lạc. Mục tiêu của người niệm Phật không có gì khác ngoài việc muốn vãng sanh về thế giới Cực lạc. Vấn đề này giống như chuyện di dân của chúng ta ngày nay. Thế giới này quá khổ, tuổi thọ mọi người

ngắn ngủi, học bài này phải cần rất nhiều thời gian, ít thời gian quá chúng ta làm không xong, chúng ta phải đổi đến môi trường tu học khác, chúng ta di dân đến thế giới Cực lạc ở phương Tây. Khi mạng chung ở thế giới này, mạng là mạng sống, thân thể, nên biết rằng linh tánh không thể mất đi, người đời gọi là linh hồn không mất. Linh hồn là của ta nhưng thân thể không phải của ta, trong Phật pháp không gọi là linh hồn mà gọi linh tánh. Tánh là chân, không sinh diệt. Linh tánh của chúng ta theo Phật A Di Đà đến thế giới Cực lạc. Khi lâm chung, chắc chắn Phật sẽ đến tiếp dẫn, vì thế không cần phải nghĩ cõi Cực lạc ở chỗ nào? Cách bao xa? Cũng không cần phải nghĩ, ngài sẽ đến dẫn quý vị đi. Nếu ngài không đến dẫn thì quý vị muốn đi cũng không đi được, chắc chắn sẽ không được vãng sanh. Vì vậy, vãng sanh đúng đắn là lúc lâm chung chắc chắn thấy Phật A di đà đến dắt dẫn, đến tiếp dẫn quý vị. Đây là hạ bối vãng sanh, họ sẽ thấy hoa sen bằng vàng, lớn như bánh xe, là nói đến độ lớn nhỏ của hoa sen. Vì vậy họ thấy được mức độ lớn nhỏ thân thể của mình ngồi trong hoa sen đó. “Trong khoảng một niệm” đó là tốc độ rất nhanh, liền vãng sanh đến thế giới Cực lạc.

Như trên cho thấy, mười niệm tức mười tiếng, mười tiếng Phật hiệu. Mười niệm lúc lâm chung như thế, cho đến một niệm đều được vãng sanh. Vì thế người niệm Phật cầu sanh thế giới Cực lạc là đúng, thực sự thế giới Cực lạc có tứ độ, có tam bối, có cửu phẩm, đây là nói đến các thứ lớp khi đến thế giới Cực lạc. Thế giới Cực lạc là một trường học do Phật A Di Đà sáng lập nên, hiệu trưởng cũng là Phật A Di Đà. Chúng ta lấy thí dụ như một ngôi trường, trường có giáo vụ trưởng đó là Bồ tát Quán Thế Âm, có người hướng đạo trưởng đó là Bồ tát Đại thế chí. Ở đó không có tổng vụ trưởng, không cần tổng vụ. Thế giới chúng ta đây cần, thế giới Cực lạc không cần, chỉ cần chừng đó bộ phận là đủ, đó là một ngôi trường. Song được sanh sang thế giới Cực lạc là một điều kì diệu, khi được sanh đến đó, thân thể, tướng mạo của chúng ta hoàn toàn giống Phật A Di Đà, hoàn toàn là bình đẳng, thọ mạng là vô lượng. Vì thế muốn học điều gì cũng không giới hạn về thời gian, có tuổi thọ. Ở thế giới đó có những vị thầy rất giỏi, có những người học trò tốt. Những vị giáo sư lên lớp bên cõi đó đó là chư Phật Như Lai trong mười phương, đều đến đó giảng dạy. Chư Phật Như lai đến thế giới Cực lạc giảng dạy với địa vị là giáo thọ, Bồ tát Đẳng giác là những người trợ giáo, quý vị xem có kì diệu không. Vì thế khi đến đó, làm gì có chuyện không thành Phật? Đến thế giới Cực lạc, mỗi người đều nhẹ nhàng, chắc chắn đạt đến học vị cao nhất- Phật đà. Vì thế chúng ta muốn thành tựu trí huệ cứu cánh viên mãn, đức năng viên mãn, nói theo cách nói của chúng ta ngày nay, muốn được thành tựu khoa học rột

ráo viên mãn, triết học rớt ráo viên mãn, chỉ có đến thế giới Cực lạc, thì chắc chắn sẽ đạt đến viên mãn rớt ráo. Đi từ thế giới này, không khó, điều kiện rất dễ dàng.

Như Bành Tế Thanh nói, cư sĩ Bành là một người sống đời Càn long, triều Thanh, ông là một người rất thông minh, khoảng hai mươi hay chưa đến hai mươi tuổi đã đỗ tiến sĩ, đây là một học vị cao nhất trong chế độ khoa cử ngày xưa. Tuy thi đỗ nhưng ông không ra làm quan mà học Phật, cả đời ông không làm quan. Phụ thân của ông là một quan Thượng thư bộ Binh dưới triều Càn long, tương đương chức bộ trưởng Quốc phòng bây giờ, đó là một tay chân khá thân tín. Ông có những thành công rất ngoạn mục trong Phật pháp, thông tông thông giáo, hiền mật viên dung. Ông trước tác rất nhiều, cuối đời ông chuyên tu Tịnh độ, ông là một người niệm Phật cầu sanh thế giới Cực lạc. Ông nói: Nếu thật sự hồi tâm, mỗi niệm đều niệm Phật, không ai là không vãng sanh, vì đó là bản nguyện của Phật. Thực sự hồi tâm là gì? Thực sự hồi tâm, không phải giả tạo, hồi tâm đó là buông bỏ tất cả trong thế giới này, làm người, sanh lên cõi trời, đều không muốn, đều buông bỏ hết, chỉ nghĩ đến thế giới Cực lạc, đến thân cận Phật A Di Đà. Chúng ta biết, thế giới Cực lạc ở phương Tây, đó là giảng đường, lớp học, muốn học lớp gì cũng được, Phật A Di Đà sẽ dạy cho quý vị, chư Phật Bồ tát sẽ dạy cho quý vị, còn có rất nhiều những vị Bồ tát Đẳng giác giúp đỡ quý vị học tập, họ đến để rèn luyện, giúp Phật dạy dỗ. Thực sự hồi tâm chuyên ý, mỗi niệm đều niệm Phật, nhất niệm này không có tạp niệm, thì không ai chẳng vãng sanh. Nguyên nhân gì vậy? Vì đó là bản nguyện của Phật A Di Đà. Phật đã từng phát nguyện như vậy, theo lời nguyện đó để tu học, nhất định ngài sẽ đến tiếp dẫn quý vị.

Trong Quán kinh nói lâm chúng mười niệm được vãng sanh, giống hay khác với niệm của nhất niệm đã bàn ở phần trên? Có người đã đặt ra vấn đề này. Trong cuốn Sớ Sao, đại sư Liên trì đã nói rất rõ vấn đề này, có thể thấy nghi vấn này đã có mặt từ khá sớm, đại sư Liên trì chú giải A Di Đà Kinh, tức là tác phẩm Di Đà Kinh Sớ Sao, đây là tác phẩm người học kinh A Di Đà cần nghiên cứu. Đại sư hoàn toàn dùng giáo lý Hoa nghiêm để giải thích kinh Di Đà, nâng cao vị thế kinh A Di Đà, vì thế người xưa xưng tụng kinh Di Đà là tiểu bản Hoa Nghiêm, kinh Vô Lượng Thọ là trung bản Hoa Nghiêm, kinh Hoa nghiêm là đại bản kinh Vô Lượng Thọ. Địa vị của bản kinh được đánh giá rất cao.

Sớ Sao nói rằng: Nên biết rằng niệm một tiếng A Di Đà Phật có thể diệt trừ tội nặng trong tám mươi ức kiếp sinh tử, là bởi nhất tâm. Hoàng Niệm Tổ nói: Lý luận của đại sư Liên trì thật thâm thúy, lời giải thích này rất đúng đắn, vì sao vậy?

Lý nhất tâm. Lý nhất tâm là gì? Đó là quý vị dùng nhất tâm để niệm, không phải vọng tâm, nó có hiệu quả lớn như thế. Chúng ta có chân tâm không? Có, song chân tâm này không hiển lộ được, những thứ hiển lộ đều là vọng tâm. Vì sao chân tâm không hiển lộ được? Trong kinh Hoa nghiêm, đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói: Vì chỉ dùng vọng tưởng chấp trước mà không thể chứng đắc. Một câu như vậy. Vì hiện tại ta có vọng tưởng, có phân biệt, có chấp trước, ngăn che chân tâm của quý vị nên chân tâm của quý vị không hiển lộ được. Nói cách khác, chúng ta có thể buông bỏ tâm phân biệt chấp trước thì chân tâm liền hiển lộ, hoàn toàn đúng, không sai chút nào. Chỉ cần ta buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì đó là lý nhất tâm. Dùng tâm đó để niệm Phật thì sẽ đạt hiệu quả rất cao, có thể diệt tội, hết nghiệp chướng, lại còn tiêu trừ rất nhanh nữa. Vấn đề này nói thì dễ nhưng thực hiện rất khó. Người nào có thể buông bỏ? Chúng ta thấy đây, Phật Thích Ca Mâu Ni khi nhập định dưới cội Bồ đề là buông bỏ, vì thế ngài thành Phật, tại Trung quốc, đời nhà Đường, đại sư Huệ năng, tổ thứ sáu của Thiền tông, trong phương trượng của Ngũ tổ, nghe Ngũ tổ giảng kinh Kim Cang, đến câu “Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm”, ngài liền buông bỏ, ngài minh tâm kiến tánh, thành Phật. Cảnh giới Lục tổ buông bỏ lúc đó hoàn toàn giống với việc buông bỏ của Phật Thích Ca Mâu Ni dưới cội Bồ đề. Nói cách khác, Phật Thích Ca Mâu Ni thành Phật, Lục tổ cũng thành Phật. Thành Phật nhưng tại sao không hiện thân Phật? Đây không phải là việc của ngài mà là do căn cơ, giống như việc ba mươi hai ứng thân của Bồ Tát Quán Thế Âm, nên dùng thân Phật để được độ, liền hiện thân Phật để thuyết pháp. Ở Ấn độ, cơ duyên này đã chín muồi, nên ngài dùng thân Phật. Còn ở Trung quốc thì sao? Ở Trung quốc không phải cơ duyên như thế, ở Trung quốc là nên dùng hình tướng Tỳ kheo để độ, nên đại sư Huệ năng dùng thân Tỳ kheo để thuyết pháp. Hình dáng bên ngoài không giống nhau nhưng bản chất bên trong hoàn toàn tương đồng, không hề sai biệt. Vì sao vậy? Vì không khởi tâm, không động niệm, không khởi tâm, không động niệm là bình đẳng, nếu khởi tâm, động niệm là không bình đẳng. Phật Thích Ca Mâu Ni không khởi tâm động niệm, đại sư Huệ năng cũng không khởi tâm động niệm. Phật giáo truyền vào Trung quốc hai nghìn năm nay, thật sự làm được không khởi tâm, không động niệm, không phải chỉ một mình đại sư Huệ năng, nhưng ngài là một người rất đặc biệt, tuổi còn quá trẻ, hai mươi bốn tuổi, lại chưa học một trường lớp nào, chưa đến giảng đường Phật học nào nghe qua một buổi pháp, chưa đến ngồi thiền một thời ở một thiền đường nào, thế mà ngài có thể khai ngộ, chỉ toàn nhờ vào việc buông bỏ, không một phương pháp nào khác. Kinh Hoa nghiêm

giảng rất rõ ràng, chỉ cần buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, liền thành Phật như Phật Thích Ca Mâu Ni, như Lục tổ Huệ năng. Buông bỏ năm, ba năm, buông bỏ bảy, tám năm, buông bỏ mười năm, hai mươi năm, chỉ cần buông bỏ thì cảnh giới sẽ bình đẳng, người sẽ nhiều. Trong Ngũ Đẳng Hội Nguyên có đến một ngàn bảy trăm người, tất cả đều buông bỏ, không khác gì đại sư Huệ Năng. Nhưng đại sư Huệ Năng một lúc liền buông bỏ ngay, rất nhanh chóng, những người khác cần thực hiện trong nhiều năm, từ từ, mỗi lần buông một tí, cũng có thể buông bỏ hết được, nếu không buông hết, thì không được. Điều này trong Phật pháp gọi là đốn tu, đốn ngộ. Đại sư Huệ Năng là đốn ngộ, những người khác là tiệm ngộ. Mất năm ba năm để bước vào cảnh giới đó, mất bảy tám năm để bước vào cảnh giới đó, hai ba mươi năm để bước vào cảnh giới đó, điều này chúng ta chứng kiến trong lịch sử Phật giáo có rất nhiều. Trong thiền tông, Ngũ Đẳng Hội Nguyên ghi nhận có một ngàn bảy trăm người, Cảnh Đức Truyền Đăng Lục cũng ghi nhận rất nhiều. Nếu thêm giáo môn, giáo môn như Thiên Thai, Hoa Nghiêm, Tam Luận, Pháp Tướng, trong đó những người đạt đến đại khai viên giải, giống như mức độ minh tâm kiến tánh, nhất tâm bất loạn trong tông Tịnh độ, tên gọi khác nhau nhưng đều là minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Tôi tin rằng hai ngàn năm trở lại đây, số người nhập vào cảnh giới đó chẵn chẵn không dừng lại ở con số ba ngàn, đó là một thành tựu của Phật giáo Đại thừa ở Trung quốc, vượt xa Ấn độ, Ấn độ không có được nhiều người như thế.

Phật giáo trên toàn thế giới, được truyền bá đến những nơi khác nhau cũng không có những thành tựu diệu kỳ như thế, nhưng chưa ai để tâm nghiên cứu đến sự thành tựu đó. Tại sao lại có nhiều người thành tựu như vậy? Nên ghi nhận sự góp công của nội hàm quá sâu sắc của văn hoá truyền thống xưa. Những quốc gia khác trên thế giới không có một nội hàm sâu sắc như thế. Vì Phật pháp là giáo dục, Phật pháp là sư đạo, sư đạo tất nhiên được xây dựng trên nền tảng hiếu đạo. Từ điểm này, theo sự nghiên cứu của họ, chúng ta có lý do để tin tưởng. Từ xưa Trung quốc đã coi trọng việc dạy đạo hiếu, có hiếu với cha mẹ mới có thể tôn trọng thầy tổ. Tại sao trong nhiều đời trước, không nói đâu xa, hai đời trước chúng ta, một đời cha tôi, một đời ông nội tôi, chúng tôi không thể hơn được các vị ấy về vấn đề Hán học hay Nho học được, cha tôi không thể hơn ông nội tôi, chúng tôi cũng không thể sánh với lớp cha tôi. Nguyên nhân do đâu? Nó xuất phát từ nền tảng hiếu thân, họ tôn sư trọng đạo. Cầu học, bất luận là học thuật thế gian hay xuất thế, nếu không tôn trọng những môn quý vị đã học, thì không thể có lòng cung kính như thế, không có lòng tôn trọng thầy giáo thì không thể học tốt

một môn học gì. Đặc biệt là tính thờ ơ xúc nổi, đó là một sự trở ngại rất lớn trong việc học hành, việc tu tập cũng không thể thành công trong pháp môn nào. Tâm tu tập cần phải thanh tịnh, phải bình tĩnh. Chúng ta xem xã hội ngày nay, học sinh trong các trường học ngày nay, ai cũng thờ ơ, xúc nổi, làm sao họ có thể nghe được những lời dạy của các bậc Thánh hiền? Vì thế những gì họ học được là tri thức, không khai được trí tuệ, không những họ không khai trí tuệ mà Tam muội họ cũng thể đạt đến. Trong kinh Phật, chúng ta lấy một thí dụ trong kinh Phật, học kinh Hoa nghiêm phải có tam muội Hoa nghiêm khi, tu Tịnh độ phải chứng niệm Phật tam muội. Tam muội là gì? Tam muội là tâm thanh tịnh, không có tạp niệm, giống như việc học của thế gian, quý vị học Luận ngữ phải có tam muội Luận ngữ khi, quý vị học Lễ kí phải có tam muội lễ kí, nó giống như thế, trước hết phải có tâm thanh tịnh thì trí tuệ mới khai mở được. Hiện tượng này bây giờ không có, những gì đạt được bây giờ toàn là tri thức, học sinh chạy theo việc học rộng nghe nhiều, họ không thể nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu, họ không theo cách đó, mà học rộng nghe nhiều. Dựa vào đâu? Dựa vào trí nhớ, đọc nhiều, quan sát nhiều, nhớ nhiều, người xưa gọi đó là cách học ghi nhớ. Sách Lễ Kí nói rằng: Cách học ghi nhớ thì không đủ để làm thầy mọi người. Câu này nói rất nặng! Vì sao vậy? Cách học ghi nhớ đó là tri thức mà ta đang nói ở đây, đó không phải là trí huệ. Sau khi đã khai ngộ rồi là gì? Là trí huệ. Khai ngộ là một bộ kinh đã thông, hết thầy kinh đều thông, biện pháp xưa vẫn tốt hơn. Quý vị muốn học rộng nghe nhiều, quý vị đừng hấp tấp, trước tiên phải giỏi một môn, giỏi một môn thì những môn khác đều giỏi. Không cần học rộng nhưng quý vị đã nghe nhiều, quý vị sẽ thông hiểu tất cả.

Những vị Thánh nhân thường xuất hiện ở phương Đông, phương Tây thường xuất hiện những học giả, không ra đời Thánh nhân. Thánh nhân khác học giả. Hiện tại chúng ta nói chuyện này với mọi người, không ai tin cả, họ cho rằng chúng ta đang nói chuyện viển vông. Phải làm sao? Cần phải có thí nghiệm, nhà khoa học muốn có thí nghiệm, dùng thí nghiệm để chứng minh, nếu thật sự có những người hiểu học đến thí nghiệm, học một môn, cần bao nhiêu thời gian? Mười năm, mười năm để học một thứ giống nhau. Sau mười năm, xem kết quả của nó thế nào? Nếu sau mười năm họ thật sự đã thông được một môn, những môn khác cũng có thể hiểu được, lúc đó họ chứng minh những thứ mình học không phải viển vông, đó là những thứ chân thật, không phải giả dối. Thực sự thông được một môn thì các môn khác đều thông. Có thể khiến người khác hồi tâm chuyển ý, công nhận những phương pháp cũ của cha ông, phương pháp cũ

được sử dụng có hiệu quả ở Trung quốc cả hàng ngàn năm nay. Phương pháp mới chỉ được dùng độ mấy mươi năm, hơn một trăm năm, trong một trăm năm đó đã làm cho tư tưởng rối loạn như thế này đây, xã hội cũng loạn lạc, chưa từng có tiền lệ trong lịch sử. Có thể khiến chúng ta không nỗ lực phản tỉnh sao? Tại sao lại có hiện tượng này? Nguyên nhân ở đâu? Ngày nay thế giới đang nhanh chóng đi đến việc một mất một còn, xã hội sẽ băng hoại, quả đất sẽ tan vỡ, huỷ diệt. Giới khoa học và triết học vẫn chưa có những biện pháp để bảo tồn nó. Nếu quý vị hỏi truyền thống xưa, truyền thống xưa có biện pháp. Nếu quý vị hỏi Phật, Phật có biện pháp. Quan trọng ở chỗ quý vị tin hay không, nếu tin, vấn đề có thể giải quyết được. Tôi có lý do để tin, tai nạn nếu nghiêm trọng lên thêm, có thể giới khoa học sẽ lên núi để tìm thần tiên. Vì sao vậy? Vì không còn cách nào khác, chỉ còn tìm thần tiên, bình thường cho thần tiên không linh, đến lúc đó muốn cũng đã muộn, không đường nào thoát. Trong lúc bí bách thì vấn đề mới có thể giải quyết được. Vì sao vậy? Then chốt tại chỗ này, hiện tại then chốt này rất ít được các nhà khoa học biết đến. Những nhà Vật lý lượng tử biết rằng, biết gì? biết rằng tâm niệm của con người có liên quan rất mật thiết với cả vũ trụ, nếu họ nắm chắc điểm này thì vấn đề rất dễ được giải quyết. Giống như vấn đề cá nhân, cơ thể con người không tốt, đang bệnh, cần dùng thuốc không? Không cần, bằng cách nào? Khi niệm chuyển thì cơ thể liền chuyển theo, trong thân thể quý vị có rất nhiều tế bào độc hại, liền được phục hồi như cũ, phục hồi như cũ là có sức khoẻ, không cần đến những thứ khác. Nếu không tin, chắc chắn quý vị sẽ phải nhờ đến thuốc, quý vị không cần đến thuốc, sẽ không thể giải quyết được vấn đề của mình, những người tin tưởng chắc chắn rất ít. Những người tin Phật rất nhiều, những người tin tưởng chắc chắn rất ít, những người tin tưởng chắc chắn sẽ giải quyết được vấn đề. Vốn chúng tôi cũng là những người không tin, sau rồi miễn cưỡng tin theo, đến lúc nào mới tin một cách chắc chắn? Học qua bốn, năm năm mới có niềm tin chắc chắn. Vì sao phải tin chắc chắn? Vấn đề này chúng ta phải làm sáng tỏ, rõ ràng, không phải giả dối, tôi mất năm mươi năm để có niềm tin chắc chắn, quý vị chưa trải năm mươi năm, quý vị nói không thể có như vậy, tôi vẫn đồng ý, đúng, đúng như thế. Vì sao vậy? Vì công phu chưa đạt! Thực hiện mỗi ngày trong năm mươi năm, một ngày nóng, mười ngày lạnh, như thế không có tác dụng gì. Tôi học Phật sáu mươi năm, giảng kinh suốt năm mươi ba năm chưa ngưng nghỉ, ngày nào cũng đọc, càng đọc càng thấy vui, càng đọc càng thấu hiểu, tin một cách chắc chắn. Niềm tin có thể làm biến đổi ngoại cảnh.

Tiến sỹ Giang Bôn Thắng người Nhật đã làm một thí nghiệm với nước, xem báo cáo tôi có thể lý giải được, tôi hiểu được độ sâu sắc của vấn đề này, còn sâu sắc hơn tiến sỹ Giang Bôn, cách hiểu của ông ấy không giống tôi, vì thế những người đời xưa có một điều kiện cực kì ưu việt đó là được rèn luyện từ nhỏ, họ không nghi ngờ những điều các vị thánh hiền đời trước đã nói, họ có thể tin tưởng, họ không nghi ngờ thầy giáo, tin tưởng thầy giáo, nên có được những lợi ích lớn nhất. Những thanh niên đời nay không làm như thế, họ không tin thầy giáo của họ, không có niềm tin, nửa tin nửa ngờ bài học, hoàn toàn không tin tưởng những lời giáo huấn của cô nhân, đó là vấn đề khó. Tuy chúng ta có làm thí nghiệm, thí nghiệm với một thôn nhỏ, hay một thị trấn nhỏ, có phải tất cả mọi người đều tin? Không phải. Một số người tin còn phần lớn không tin, quý vị biết rằng ngày nay việc dạy lời Thánh hiền gặp rất nhiều khó khăn! Pháp Phật nói độ chúng sanh cũng không phải dễ, những bậc cao tăng từ xưa đến nay, thời của các Ngài vẫn còn dễ, nếu các vị đó sống trong thời đại ngày nay, cũng khó. Vì vậy gây dựng một nền giáo dục, nền tảng giáo dục so với vấn đề gì cũng quan trọng. Người xưa làm giáo dục, những người nước ngoài cho đó là một việc làm mơ cũng không được. Song ngày nay bản thân người Trung quốc cũng đã lơ là, bản thân họ không hiểu, chỉ có những người học sách cổ, nghiên cứu những ghi chép của người xưa. Nhưng người nước ngoài học lịch sử Trung quốc, thực sự tôi thấy được mấy người, không ai không khâm phục người Trung quốc. Một quốc gia to lớn như thế, đông dân khẩu như thế, mà mấy nghìn năm nay xã hội vẫn giữ được nền trị an, họ rất nề phục, làm sao có được như thế? Mới xây dựng chính quyền nhưng có ít nhất một trăm năm mươi năm đến hai trăm năm thái bình thịnh trị, thay đổi thể chế nhưng thời gian loạn lạc không nhiều. Một chính quyền mới được xây dựng, mất độ năm, sáu năm mà xã hội đã được ổn định, vì thế họ nghiên cứu xem yếu tố nào đã cấu thành điều này? Trên thực tế đó là do giáo dục. Giáo dục cái gì? Giáo dục gia đình. Vấn đề này người xưa nói: Tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Gia đình phải dạy dỗ các thành viên cho tốt, mỗi người đều là người tốt, người tốt mới làm việc tốt, xã hội làm sao không ổn định? Thế giới làm sao không hoà bình? Điều dựa trên đạo lý này. Nhà nước khích lệ giáo dục gia đình, vì vậy những thành tựu của xã hội là dựa trên gia đình, bây giờ gia đình không có. Sau tám năm kháng chiến, người mất nhà không còn, đây là một tổn thất lớn nhất của Trung quốc, bởi gia đình Trung quốc từ xưa đến nay là một đại gia đình, không phải là một gia đình nhỏ. Một đại gia đình, gia đình bình thường có độ ba trăm người, số người đông như thế, một họ lớn có bảy, tám trăm người,

nếu ít cũng có độ vài trăm người, năm thế hệ trong một gia đình. Một gia đình đông đúc như thế, nếu quản lý không tốt sẽ loạn ngay. Vì thế mỗi gia đình, quý vị thấy có gia phả, vì thế nhà có từ đường, từ đường là nơi ghi nhớ ông bà. Người không quên được ông bà tổ tiên mới có thể hiếu thảo với cha mẹ, cẩn thận khi ông bà đã mất, để lại đức cho đời sau, không thể thờ ơ với những lời dạy như thế. Nếu quý vị muốn tất cả người thân trong gia đình mình, lúc nào con cháu cũng là những người tốt, từ đường là nơi dạy điều hiếu, đây là gốc rễ, nếu từ đường không dạy đạo hiếu, gốc rễ bị bật lên. Nếu không có gia phả thì nguồn gốc gia đình quý vị cũng không còn, một người biết truyền thống gia đình thì họ làm sao không yêu quý gia đình mình được! Tổ tiên chúng là ai? Tổ tiên chúng ta là Hoàng đế, truy gốc rễ, đó là Thần nông, Phục hi, quý vị có thể không yêu thương gia đình mình sao? Tính đến nay Phục Hi đã có mặt năm ngàn năm trăm năm, điều này cho thấy gia đình có truyền thống từ rất lâu, lòng yêu thương gia đình, yêu tổ quốc từ đó mà có, đó là mắt xích rất quan trọng trong việc giáo dục, sao lại có thể xem nhẹ? Xem xét một cách tỉ mỉ lịch sử cổ đại, thấy gia phả của mỗi cá nhân, chúng ta tin tưởng dân tộc Hán của Trung quốc đích thực là con cháu của Viêm Hoàng, là hậu duệ của Phục Hi, Thần nông. Hán tộc là con một nhà, lịch sử này có mặt rất hoàn chỉnh, cả thế giới không có một đất nước thứ hai, nên trân trọng, yêu quý. Trong một gia đình to lớn như vậy, chúng ta xem bản đồ, tuy đến nay không còn nữa nhưng tên gọi vẫn còn, xem bản đồ đại lục, trong nông thôn, đây là thôn Vương, kia là thôn Lý, đó chính là sự tụ họp, chữ “tập” là nhóm lại thành khối. Mọi người mới nhìn, đó là cái gì? Cả thôn ấy là một gia đình, vốn là người cùng một nhà, nhà đông người như thế, một gia đình to lớn như thế, tất nhiên nó không thể thiếu gia đạo, không thể không có phép tắc gia đình, qui tắc giữa những người trong gia đình gọi là gia qui, ngoài qui ước chung trong một gia đình còn một số qui ước khác nhau, có một trăm mười ba điều qui ước cho anh em con cái, đây là qui ước chung của gia đình, mỗi gia đình cần học tập, vì thế họ có qui ước gia đình, có việc học tập của gia đình, có sự nghiệp gia đình, đây là sự nghiệp, việc làm của mỗi gia đình, vì thế trải qua mỗi đời kiếp mọi người đều dạy dỗ những người đi sau kế tục gia đạo, giữ gìn gia qui, tiếp nối việc học tập, kế thừa nghiệp nhà, mỗi gia đình đều tốt đẹp, đều chỉnh đốn, thì xã hội an ổn, thế giới hoà bình. Vì thế ngày xưa, vì sao người dân thích thú với việc học tập? Vì sau khi học xong họ sẽ được bổ làm quan. Vì sao phải làm quan? Vì đó là công việc sung sướng nhất, nhàn nhã nhất, địa vị lại cao, được đãi ngộ, ít lao động chân tay. Là bởi mọi người ai cũng đường hoàng, mọi việc đều tốt đẹp nên

việc quan rất nhẹ nhàng. Trong ba trăm sáu mươi nghề nghiệp thì làm quan là nghề sung sướng nhất. Quý vị xem bộ Tứ Khố Toàn Thư, một nửa số tác phẩm trong đó là thơ, từ, văn của những người làm quan viết ra. Vì sao vậy? Vì không có việc làm rồi thăm thú núi sông. Mỗi tháng chỉ xử một vài vụ án là nhiều. Công việc, nghề nghiệp trong xã hội ngày nay, vất vả nhất là công chức, công chức bây giờ rất khổ, bây giờ đi xuất gia là giống làm quan ngày xưa, rồi việc, học những môn mình thích, làm những việc mình muốn, không có áp lực, thoải mái! Ngày xưa người làm quan mới hưởng thụ được như thế, vì thế làm quan là người đó có cơ hội để học tập, không việc làm, học tập. Quý vị xem những ông quan ngày xưa đã để lại bao nhiêu tác phẩm! Những vấn đề này chứng tỏ là họ không có việc làm, nên mới để tâm vào việc viết lách, họ không rời khỏi cuốn sách. Vì thế gia đình rất quan trọng, Trung quốc bây giờ muốn giống như gia đình ngày xưa, tôi nghĩ không thể quay trở lại được. Vì thế tôi mong muốn các xí nghiệp hiện nay, khôi phục lại tinh thần gia đình truyền thống Trung quốc, mới có thể cứu vãn được Trung quốc, mới có thể có một Trung quốc phát triển như hàng nghìn năm trước, xí nghiệp tiếp nối gia đạo, gia quy, gia học, gia nghiệp của truyền thống Trung quốc. Trong quá khứ, gia đình người Trung quốc là mối quan hệ huyết thống, hiện nay việc làm của xí nghiệp là đạo nghĩa, là quan hệ nhân nghĩa trong giáo lý nhà Nho, cũng có thể làm được. Trong xí nghiệp của quý vị cũng có qui định, có lễ phép, có qui tắc. Qui tắc chính là nền tảng của luận lý. Đạo lý đó là phục vụ cho xã hội, phục vụ cho nhân dân, bất luận làm công việc gì. Công việc của tôi cũng phục vụ cho xã hội, giúp ích cho mọi người, không đặt lợi ích của mình lên trên, mà lấy việc phụng sự làm trọng. Những người làm công nhân đây cũng là những người thân yêu ruột thịt của ta, cần phải đối xử với họ thật tốt, cần phải dạy dỗ họ, họ giúp ta làm việc giúp, quý vị phải dạy dỗ họ, nêu cao đức hạnh của họ, coi trọng năng lực làm việc, nâng cao cảnh giới của họ, cần quan tâm đến họ, gia đình họ, họ còn cha mẹ. Vì vậy xí nghiệp, nên xây nhà dưỡng lão, nhà hưu trí. Nhà dưỡng lão để ai ở? Những công nhân lớn tuổi, thường xuyên chăm sóc họ, vì họ đã đem hết sức mình ra để thay thế quý vị phục vụ. Chúng ta cũng xây những trường học cho con em, trường cho con em những người làm công nhân, nếu quý vị chăm sóc được như thế thì suốt đời họ cũng không rời quý vị, họ sẽ coi công ti của của quý vị như gia nghiệp của họ, đó là một thành công. Nếu xã hội Trung quốc theo đuổi mô hình này thì thời thái bình thịnh trị của hai nghìn năm trước sẽ hiện diện. Ông chủ doanh nghiệp là người đứng đầu một gia đình lớn, cần được tôn trọng, mọi người phải nghe theo, quản lý mọi người bằng đạo

đức, luân lý, nếu cả quốc gia đều triển khai mô hình này thì người công chức sẽ sung sướng, không bị áp lực bởi công việc nữa, không còn nhiều những vụ án xảy ra, vì vậy nhà nước nên tiến hành. Thành tựu của Trung quốc trước đây không gì khác ngoài có những mô hình gia đình quá hoàn hảo! Có thể nói bảy, tám mươi phần trăm gia đình đã đóng góp vào việc ổn định quốc gia này. Ngày nay làm, làm với một phương pháp khác, vẫn có thể làm được.

Ở đây chúng ta nói về nhất tâm, đại sư Liên Trì đã nói về lý nhất tâm, đây là vấn đề rất quan trọng, nếu chúng ta vận dụng lý nhất tâm trong cuộc sống, dùng lý nhất tâm để kinh doanh sự nghiệp, thì đó là việc làm của Bồ tát, sự nghiệp của Bồ tát. Trong buôn bán có Bồ tát giám đốc, ở nhà thì có Bồ tát của gia đình, có thể giống nhau không? Khác nhau đấy. Chúng tôi kì vọng vào những người trẻ, nên thấy rõ vấn đề này, thâm nhập kinh tạng, Phật hoá nhân gian, Phật hoá thế giới, làm cho thế giới này không khác cõi Cực lạc.

Tiếp theo chúng ta nói đến câu “có người thối mất”, một số người nghi ngờ “Tội đã có trong nhiều kiếp”, nghiệp chướng tạo ra trong nhiều đời nhiều kiếp đến nay, “nghiệp chướng sâu nặng, cần sám hối nhiều”, sám ma tức sám hối, “tích chứa công đức, có thể tiêu trừ”, tức tiêu trừ nghiệp chướng, đây là lối đi phổ thông nhất, được mọi người tin tưởng. Nghiệp chướng nặng, mỗi ngày anh cần sám hối, siêng năng sám hối, từ từ tích chứa công đức mới tiêu trừ tội lỗi, tai nạn, vấn đề này mọi người nên tin tưởng. Bây giờ nói đến đoạn “niệm Phật một tiếng, diệt được tội nhiều kiếp”, có vẻ nhân quả quá nhỏ nhưng quả lại hơi lớn, “vì thế khó tin”, nghe đến đoạn này, quý vị nghi ngờ không? Một tiếng niệm Phật mà diệt được nhiều tội như thế, vì vậy đại sư Liên Trì nói rất rõ “nay gọi chí tâm tức nhất tâm” Nhất tâm ở đây là gì? Đó là chân tâm, lý nhất tâm, một niệm có thể tiêu tội. Quý vị xem đại sư Huệ năng, nghe giảng kinh trong phương trượng của Ngũ tổ, tôi tính chắc chưa đến hai giờ đồng hồ, làm sao Ngài minh tâm kiến tánh, thành Phật? Thành Phật là gì? Là tiêu trừ tất cả tội chướng trong vô lượng kiếp, có ai mang tội chướng trong mình để thành Phật không, làm gì có chuyện đó. Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh mà còn mang tội chướng ư? Không còn, hoàn toàn sạch sẽ rồi. Ngài dùng tâm nào để nghe? Chí tâm. Ngài dùng chân tâm để nghe, hai tiếng đồng hồ mà có thể đại triệt đại ngộ, nếu dùng vọng tâm để nghe, quý vị nghe đến tám vạn đại kiếp cũng không giác ngộ, không đạt đến mức như thế. Vì sao vậy, vì lẫn nhiều tạp niệm, lẫn nhiều vọng tưởng, chân tâm tách khỏi niệm, chân tâm không có ý niệm. Chân tâm tức là không khởi tâm, không động niệm, tâm thanh tịnh, không vương bụi, dùng tâm như vậy để niệm Phật thì thật đáng

nê! Vì thế, một tiếng niệm Phật có thể diệt tội nặng vô lượng kiếp, xét về lý là đúng. Đối với vấn đề này chúng ta không nên hoài nghi. Vấn đề là ở chỗ chúng ta rèn luyện như thế nào để nhất tâm? Việc này không thể hấp tấp, nên thư thả, chúng ta không thể đốn ngộ, mà phải từ tiệm tu. Trước hết làm được công phu thành phẩm, chúng ta có niềm tin là sẽ làm được. Sau khi công phu đã thành phẩm, ta tiếp tục nỗ lực vươn đến nhất tâm, sự nhất tâm được rồi ta mới vươn đến lý nhất tâm là thành công. Đây là cảnh giới mà đoạn kinh này nói đến. Khi đã đạt đến lý nhất tâm thì tội nghiệp trong vô lượng kiếp đều được tiêu trừ.

Tiếp theo chúng ta nói đến đoạn “tuy nhất tâm có thể tiêu trừ tội nghiệp, song năng lực vẫn còn yếu nên tội dễ phát sinh. Nhiều niệm nhưng chỉ diệt được rất ít tội nghiệp. Những người bình thường như chúng ta, niệm Phật chỉ giới hạn trong cảnh giới này. Sự nhất tâm, không chấp trước đối với tất cả pháp thế gian, xuất thế gian, gọi là sự nhất tâm, chúng A la hán mới làm được. Vì thế tuy tội được diệt nhưng sức tu vẫn yếu. Nếu ta không chế ngự được thì tội chướng vẫn xuất hiện trở lại, không chế ngự được, tức là chúng ta nói ngăn không được những thứ mê hoặc, danh văn lợi dưỡng hiện tiền, tài sắc danh thực thù hiện tiền, có động tâm không? Thực sự có thể bất động thì tốt, làm sao có thể bất động? Quý vị phải nhìn thấu. Để biết được điều gì? Biết đó là giả dối, không thật có. Không có một pháp nào được lập trong tâm tự tánh thanh tịnh. Vì vậy giáo lý Đại thừa nói đến vấn đề này, không thể không thấu triệt cảnh giới, thực sự rõ ràng thấu triệt rồi, quý vị xem thế gian này không giống với cách nhìn của những người bình thường, những người bình thường cho mọi vật là thật, vì thế họ sinh tâm nắm giữ, chiếm lĩnh, can thiệp, đây gọi là tạo nghiệp. Nhất là thân tình, lại càng không thể buông bỏ. Khi đã thực sự nhìn thấu, họ mới buông bỏ được, tùy duyên với mọi vật, đó là tùy duyên diệu dụng. Không còn phân biệt, không còn chấp trước, không còn ý niệm can thiệp, không còn ý niệm chiếm hữu, thì tâm mới thanh tịnh, mới được tự tại. Niệm nhiều nhưng chỉ trừ ít tội, đây là việc làm của những người phàm phu bình thường.

Trong đoạn này đại sư Liên Trì nói về vấn đề chí tâm, chí tâm ở đây là thuộc lý nhất tâm, khi nhất tâm đã sáng tỏ, “lãng” là sáng tỏ, nhất tâm là trí huệ, nhất tâm là ánh sáng, “tất cả sai lầm đều mất hết”, những điều sai lầm này là gì? Là vọng tưởng, là nghiệp chướng, tích chứa từ vô lượng kiếp đến nay, đó là tích chứa sai lầm, liền biến mất, triệt tiêu hết. Giống như một ngôi nhà tối ngàn năm, đốt một ánh lửa mà bóng tối không mất đi ư. Một khi đã đốt lửa thì bóng tối tự nhiên mất đi. Ngôi nhà tối ngàn năm được ví như sai lầm tích chứa lâu đời, tội chướng của

quí vị nặng, nhiều, vì sao không giác ngộ được? Ở đây, ý nghĩa thật sự của nó, vì sao không dùng chân tâm mà lại dùng vọng tâm? Quí vị dùng vọng tâm, dùng vọng thì không thể tiêu diệt vọng, vọng không chế vọng thì rất khó khăn, chân tâm mới diệt vọng. Chân tâm, ta nên nhớ, trên đề kinh này là Thanh tịnh bình đẳng giác, đó là chân tâm, chân tâm là thanh tịnh, không ô nhiễm. Tâm phân biệt, chấp trước của chúng ta là ô nhiễm, tự tư tự lợi là ô nhiễm, danh văn lợi dưỡng là ô nhiễm, ngũ dục lục trần là ô nhiễm, tham, sân, si, mạn là ô nhiễm. Phải buông bỏ tất cả những thứ này, tự tại tùy duyên, thật sự trong cuộc sống hàng ngày được đại tự tại, là chân trí huệ, đại tự tại, thực sự là một cuộc sống hạnh phúc mỹ mãn. Không phải sung túc của cải, cũng không phải chức vụ cao sang, mà là gì? Là cuộc sống vui vẻ, cuộc sống nhân hạ, không phiền não, không lo toan, không trói buộc, không áp lực, như thế mới gọi là hạnh phúc.

Tiếp theo là câu cuối cùng, đây là câu thiền thoại đầu nhà Phật, “xưng nam mô Phật là đã thành Phật”, đây là câu trong kinh Pháp Hoa, đúng thế, không chỉ kinh Pháp Hoa mới có câu này, mà Kinh Pháp Hoa Tam Muội cũng nói: Những chúng sanh trong mười phương, nếu xưng một tiếng nam mô Phật, họ sẽ thành Phật, duy chỉ Đại thừa, không hai cũng không ba. Nói còn rõ ràng hơn kinh Pháp Hoa nữa. Chúng sinh trong mười phương, không chỉ loại người nào, ai cũng có khả năng, chỉ cần ta niệm một tiếng Nam mô Phật, niệm nam mô A Di Đà Phật lại càng không thể nghĩ bàn, càng thù thắng. Vì sao vậy? Vì trong thức A lại da của quí vị đã có hạt giống Phật, khi đã có hạt giống Phật thì gặp duyên nó khởi hiện hàng, nhất định tương lai sẽ thành Phật, lý lẽ là ở đó. Hơn nữa, hạt giống Phật, đó là Đại thừa, nó không phải là nhị thừa, tam thừa. Nhị thừa là đại thừa và tiểu thừa, tam thừa là Thanh văn, Duyên giác và Bồ tát. Hạt giống đó đều không phải, hạt giống đó chính là Phật, tương lai chắc chắn sẽ làm Phật. “Hết thấy các pháp, các tướng, các pháp môn đều không sanh không diệt, là tất cánh không”. “Không sinh không diệt” là sinh diệt không ảnh hưởng đến được. “Tất cánh không” là không có hình tướng. Ý nghĩa hai câu này rất sâu sắc, nếu chúng ta thấu hiểu được cuộc đời thoại giữa Bồ tát Di lạc với Phật Thích Ca, thì chúng ta có thể nắm được, thực sự các pháp không sinh không diệt, quí vị muốn tìm sanh diệt cũng không tìm được, không có sanh diệt. Vậy tất cả các pháp có tồn tại hay không? Nói thật, cơ bản nó không tồn tại. Vì sao ta cho rằng nó tồn tại? Là bởi ta cho rằng nó tồn tại, đó là quan niệm sai lầm của ta nên nó tồn tại. Nếu ta nhìn thấu nó thì nó không tồn tại. Hiện tượng này là thế nào? Chúng ta dùng điện ảnh làm thí dụ thì quí vị sẽ hiểu, bây giờ điện ảnh đã phát triển nên dùng kỹ thuật số, ngày trước là dùng

phim nhựa, ở thời chúng tôi, dùng những thứ này vẫn là phim nhựa, đây là một đoạn phim, tôi đã dùng mấy năm, chơi với cái này. Chúng tôi đi chụp, chụp cuộn phim này, một giây chụp được hai mươi bốn tấm. Trong máy chiếu phim, một giây cũng phát được hai mươi bốn tấm, mỗi hình ảnh đều độc lập riêng, nhưng khi được chiếu lên màn ảnh quý vị sẽ thấy nó chuyển động, thật ra có sự chuyển động hay không? Không. Quý vị cho rằng nó chuyển động, nhưng thật ra nó không chuyển động, đây là thước phim, nhưng khi mở máy chiếu thì những đoạn phim này sẽ hiện lên màn ảnh, nó lướt rất nhanh, khi đóng máy lại chuyển sang một hình khác, hình thứ hai chiếu lên màn ảnh, đến hình thứ ba, một giây như thế có đến hai mươi bốn hình được chiếu lên, và nó đã đánh lừa thị giác chúng ta, mắt chúng ta cho rằng đó là thật. Thừa với quý vị, cơ bản là không chuyển động. Có người nói, nó chuyển động, sao lại nói không chuyển động? Họ không tin cuộn phim đó đứng yên. Khi đã hiểu rõ mọi chuyện sau màn ảnh lúc đó mới biết nó thực sự không chuyển động, những hình ảnh trước mắt chúng ta hoàn toàn giống những cuộn trên màn ảnh. Quý vị thấy cuộn phim này chỉ có hai mươi bốn hình ảnh, Bồ tát Di lạc cho chúng ta biết những hiện tượng trước mắt, trong một giây có bao nhiêu? Có một ngàn sáu trăm triệu. Làm sao quý vị biết được nó là giả? Ai biết nó là giả? Bồ tát Di lạc biết, Phật Thích Ca Mâu Ni biết, không những hai vị đó biết mà trong kinh Đại thừa đã cho chúng ta biết, những vị Bồ tát từ địa vị Bát địa trở lên đều biết. Chúng ta nói những vị Bồ tát từ Bát địa trở lên, Bát địa, Cửu địa, Thập địa, Đẳng giác, Diệu giác, năm cấp bậc này đều biết. Họ tận mắt nhìn thấy, các vị đó có khả năng, một giây một ngàn sáu trăm triệu, các vị đó có thể nhìn thấy từng tấm ảnh, họ rất hay. Họ hiểu rất rõ chân tướng sự thật, hiện tượng vật chất là giả, hiện tượng tinh thần cũng giả, hiện tượng tự nhiên cũng giả nốt, vì vậy quý vị đó buông bỏ hết thảy, ngay cả tập khí buông bỏ cũng dần dần tiêu mất, lúc đó họ chứng quả vị cuối cùng, Diệu giác. Chứng quả vị Diệu giác thì cõi Thật báo trang nghiêm không thấy nữa. Vì thế cõi Thật báo trang nghiêm của chư Phật Như lai, cũng không phải là thật, hiển lộ sau cùng của chân thật, hiển lộ cái gì? Đó là cõi Thường tịch quang, đây chính là tự tánh, đây chính là chân như. Điều này Thiên tông thường nói “mặt mũi trước lúc cha mẹ sanh”, đây mới chính là ta, cuối cùng Phật pháp đã tìm ra được cái ta thực sự. A lại da là cái ngã giả tạo, không phải chân ngã. Vì thế “nhất tâm đã sáng, tất cả vọng liền không”, ví dụ gần nhất đó là trong ngôi nhà tối ngàn năm, khi đốt lên ánh lửa thì bóng tối liền tan biến. “Một xung nam mô Phật đều sẽ thành Phật”. Tất cả các pháp, hết thảy các môn, tướng, đều không sinh không diệt, tất cánh

không, đường thể tức không, liễu bất khả đắc. Vì thế kinh Bát nhã tổng kết: “Tất cả pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc”. Người bước vào cảnh giới này thì họ sẽ không khởi tâm động niệm, không khởi tâm không động niệm, họ liền minh tâm kiến tánh. Chúng ta ngày nay không hiểu rõ chân tướng sự thật, sao ta phải buông bỏ? Sao ta phải không khởi tâm không động niệm? Họ không dám. Thật sự hiểu được rõ ràng minh bạch rồi, mới biết được không khởi tâm không động niệm là đúng đắn, khởi tâm động niệm là sai lầm. Vì sao vậy? Trong tâm thanh tịnh không có sự sai lầm này, sự sai lầm nằm ở thức A lại da, trong tâm thanh tịnh không có, chỉ có trong vọng tâm. Ngày nay chúng ta không dùng vọng tâm, vì vọng tâm kéo theo tội chướng, vọng tâm kéo theo tai nạn, vọng tâm kéo theo tật bệnh, vọng tâm kéo theo vô lượng phiền não, tại sao ta phải dùng nó? Dùng nó sẽ rơi vào luân hồi lục đạo, không dùng nó, ít nhất cũng đến được thế giới Cực lạc. Vì vậy chúng ta phải luôn luôn tự hỏi mình, sao lại phải dùng nó? Sao lại phải ở trong lục đạo luân hồi? Nếu không có sự giác ngộ chân chánh, ta sẽ cùng nó dạo chơi trong sáu đường, sao lại không đến thế giới Cực lạc để dạo chơi? Đến dạo chơi ở cõi Cực lạc sau này có thể trở về tự tánh, nếu ta dạo chơi trong sáu đường thì cuối cùng sẽ đến cảnh giới địa ngục a tỳ, chẵn chẵn như thế rồi. Quả báo giữa mê và ngộ hoàn toàn khác nhau, không thể không biết. Vũ trụ và con người không có thật, chỉ có pháp Phật mới nói thấu suốt và rõ ràng. Mọi người nên bỏ ác tu thiện, tích chứa công đức, hiểu rõ chân giả, thế giới Cực lạc là chân, mười pháp giới là giả. Được làm người là nhân duyên lớn nhất, nhân duyên gì? Có thể làm việc thiện, có thể làm việc ác, đây là hai thái cực của nhân duyên. Nếu quý vị làm việc thiện thì phước báo quý vị vô lượng vô biên. Nếu quý vị tạo ác thì quả báo cũng vô biên vô lượng, rất đáng sợ. Nếu quý vị thấu suốt thì quý vị mới có một con đường thăng thang. Vì sao vậy? Rũ bỏ những cái đáng bỏ, nắm bắt những thứ đáng nắm bắt, quý vị mới rõ ràng minh bạch. Hôm nay chúng ta đang sống với tâm gì? Nên lấy lý nhất tâm mà sống, ngộ là lý nhất tâm, mê là tâm luân hồi. Lý nhất tâm là chân tâm, là tâm Phật,

chí tâm mà đại sư Liên trì nói trong Quán Kinh là lý nhất tâm, cách nói như thế vô cùng chuẩn xác.

“Thấy lửa địa ngục khi sắp mất bèn sinh tín tâm, vì thế cắt đứt tất cả các duyên, chỉ giữ nhất niệm, mỗi niệm đều li niệm, mỗi niệm đều là tâm”. Đây là những điều chúng ta đã nói đoạn trước, nhân duyên như thế thật khó được, khi sắp lâm chung địa ngục hiện ra, người đó kinh hãi, dứt trừ những vọng niệm, chân tâm

liền hiện rõ, đó là lúc người đó nhất tâm, tâm niệm lúc đó bèn sanh lên thượng phẩm, những việc như thế rất hiếm, nhưng xét về lý vẫn đúng, không phải nói không được. Nhân duyên như thế rất hiếm gặp. Tội chướng do tạo ngũ nghịch thập ác, khi lâm chung thấy cảnh địa ngục khiến họ sợ, chầm dứt tất cả vọng niệm của họ. Ý của đại sư Liên trì là ở điểm này, thật là chuẩn xác. Vì vậy tuy địa ngục sắp hiện ra nhưng người đó vẫn tin tưởng, lúc đó thì không còn nghi ngờ nữa, lập tức buông, tức buông bỏ, buông bỏ tất cả, chỉ giữ một niệm, tức là câu A Di Đà Phật, trong câu A Di Đà Phật này, không còn có sự nghi ngờ, không có tạp niệm, không có vọng niệm. Mỗi niệm đều rời niệm, rời cái gì? Rời vọng niệm. Mỗi niệm đều là tâm, chân tâm, là tự tánh. Vì vậy mỗi niệm đều đúng với chân, mỗi niệm đều là Phật. Những người bình thường niệm Phật mà đạt đến trình độ như thế thì thật khó, khó lắm! Lý nhất tâm là tông môn, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Chúng ta thử nghĩ minh tâm kiến tánh là cõi nào, hình dáng nó ra sao? Đoạn văn này chính là nó, mô tả thật tỉ mỉ, rõ ràng, nói rất hay! Bình thường muốn đạt đến mức độ như thế thật không dễ dàng. Lúc sắp lâm chung mà gặp cảnh tượng như vậy, đánh bay vọng niệm của người đó. Chúng ta tin rằng đó không phải là một người bình thường, một người bình thường nếu có một nhân duyên như thế, đa phần là được trợ niệm lúc sắp lâm chung mới chứng kiến cảnh tượng đó. Vì sao trợ niệm lúc lâm chung mà không thấy được? Chắc chắn là những đời kiếp trong quá khứ là một người tu pháp môn niệm Phật, có gốc rễ phúc đức lớn lao. Tuy kiếp này không gặp duyên, chưa học Phật, tạo nhiều tội nghiệp, nhưng khi lâm chung gặp được bạn tốt nâng đỡ cho họ, địa ngục sắp hiện ra mà nâng đỡ họ. Giống như Trương Thiện Hoà, Trương Thiện Hoà là một tay đồ tể, suốt đời mổ trâu, bán thịt trâu, khi sắp lâm chung, thấy rất nhiều người đầu trâu đến đòi mạng, lúc đó quá khiếp sợ. Những con trâu bị giết đang ở trước mặt, đòi mạng. người đó kêu cứu thật lớn, duyên của người đó quá tốt, gặp ngay một vị sư ngang qua nhà, nghe tiếng kêu cứu trong nhà, sư bèn vào xem, thấy người kia đang kêu cứu, nhìn quanh sư thấy toàn là người đầu trâu, sư bèn châm một bó hương rồi đưa cho anh ta, bảo nhanh niệm Nam mô A Di Đà Phật, người đó lập tức niệm Nam mô A Di Đà Phật, niệm được mấy tiếng A Di Đà Phật, anh nói với sư: Những người đầu trâu biến mất hết cả, Phật A di đà đến dẫn con đi rồi. Quý vị nói anh này chứng được phẩm vị nào? Rõ ràng, không một chút sai lầm, nếu không phải là người có thiện căn phước đức từ đời trước, thì không thể gặp được. Vì thế việc nhất tâm lúc đó của anh ta, khả năng là lý nhất tâm, nếu là lý nhất tâm người đó sẽ được thượng phẩm thượng sanh. Nếu là sự nhất tâm người đó sẽ

được trung phẩm thượng sanh, người đó không thể là hạ bối, tức là hạ tam phẩm, chắc chắn không phải. Chúng ta muốn đạt đến trung bối thượng sanh cũng không phải dễ, người đó một lúc mà được ngay. Vì vậy mỗi niệm đều là tâm, mỗi niệm đều ứng hợp chân tâm, mỗi niệm đều là Phật. Mười niệm lúc sắp lâm chung như thế, đã ứng hợp lý nhất tâm, vì vậy mà hết tội, được vãng sanh. Hết tội, được vãng sanh là thành Phật rồi! Người tội diệt, được vãng sanh là những ai? Đó là những người thượng phẩm thượng sanh. Chuyện này là có thật, không phải hư dối, chúng ta phải nắm vững, phải hiểu rõ. Khi hiểu rõ những chuyện như thế, thì chúng ta không còn coi thường bất cứ một ai, có thể khi lâm chung người đó sẽ giống ông Trương Thiện Hoà, họ được vãng sanh thượng thượng phẩm. Khi đến thế giới Cực lạc, cấp bậc chúng ta khác họ nhiều lắm, không những không khinh thường những người làm ác, mà đối với súc vật chúng ta cũng tôn trọng, không dám khinh những loài như côn trùng sâu kiến, có thể sau này khi được làm người, chúng sẽ thành Phật trước chúng ta. Cần tôn trọng! Cần bảo vệ mạng sống, đây gọi là tích chứa công đức, có ích rất lớn với bản thân ta. Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 420

Chuyển ngữ: Minh Tuệ

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 19.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô lượng Thọ Kinh Giải, trang 528, hàng thứ ba đếm từ dưới lên. Bắt đầu xem từ câu “thế nào là chí tâm”.

Với câu “thế nào là chí tâm”, kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ đã đưa ra thí dụ của Thập công. Thập công là đại sư Cưu Ma La Thập, đại sư đã đưa ra một thí dụ, giống như một người đang gặp giặc cướp hung dữ muốn giết hại, người kia muốn bơi qua sông để chạy thoát. Chính lúc này, người đó chỉ nghĩ đến cách bơi qua sông, chỉ nghĩ đến chuyện đó thôi, ngoài ra không có suy nghĩ nào khác. Việc nghĩ đến cách bơi qua sông đó là nhất niệm. Trong mười niệm đó không lẫn những niệm khác.

Chắc là có người thắc mắc với ngài La Thập, thế nào là chí tâm? Thế nào là nhất niệm? Ngài La Thập đưa ra một thí dụ, như một người gặp giặc cướp, lúc đi đường mà gặp giặc cướp, mà tên cướp này lại quá hung dữ, muốn giết hại anh ta, muốn thoát thân, anh ta chạy đến bên bờ sông, lúc này trong đầu người gặp nạn chỉ có một suy nghĩ là làm cách nào để bơi qua sông, ngoài suy nghĩ đó ra không nghĩ đến chuyện gì khác. Suy nghĩ đó gọi là nhất niệm, vì sao vậy? Vì nó không lẫn vào những suy nghĩ khác.

Chúng ta niệm Phật cũng nên dùng phương pháp này. Thế nào gọi là nhất tâm? Không nghi ngờ, không có những suy nghĩ khác xen vào, không có những suy nghĩ khác xen vào giữa, chính lúc đó gọi là nhất tâm. Ý nghĩa của nhất niệm và chí tâm là giống nhau.

“Hành giả diệt nhĩ”, Hành giả là người tu tập, người thực hành pháp môn niệm Phật, cũng thực hành như thế. “Hoặc niệm danh hiệu Phật, hoặc nhớ nghĩ đến hình tướng Phật”, đều giống nhau. Nhớ nghĩ đến danh hiệu của Phật gọi là trì danh niệm Phật, nhớ nghĩ đến tướng tốt của Phật gọi là quán tướng niệm Phật, đều có thể được. Quan trọng là ở chỗ “niệm Phật không gián đoạn”, ý niệm đó không lúc nào ngưng nghỉ. Vì sao vậy? Vì khi ngưng nghỉ thì tạp niệm liền xen vào, có niệm là vọng niệm, vô niệm là vô minh, cả hai đều không thể thành tựu được, vọng tưởng không cho xen vào, vô minh cũng không cho xen vào. Vô minh

là sự ngu si, vọng tưởng chính là tham, sân, si, mạn, đó là những thứ làm chướng ngại tự tánh, là những thứ phá hoại sự nhất tâm bất loạn của quý vị, đây là vấn đề người tu pháp môn niệm Phật cần hiểu rõ.

Niệm Phật không gián đoạn cho đến mười niệm, chí tâm như thế gọi là mười niệm. Từ một niệm đến mười niệm, thì đến lúc mạng chung chắc chắn sẽ được vãng sanh. Nên gọi người tu pháp môn niệm Phật như người muốn bơi qua sông trong trong thí dụ trên, chỉ muốn qua sông, không nghĩ đến điều gì khác, đó gọi là chí tâm, nhớ nghĩ như thế liên tục đến mười lần thì gọi là mười niệm. Nếu lúc lâm chung mà thực hành được như thế thì chắc chắn sẽ được vãng sanh. Đây là lời khẳng định, không chút nghi ngờ, thực tế như thế, như những lời Thiện Đạo địa sư đã nói, vạn người đi thì vạn người sẽ đến.

“Nãi chí nhất niệm”, đến lúc lâm chung, không kịp thực hành được mười niệm thì anh ta đã tắt thở, nếu trong khoảng thời gian cuối cùng đó, mà anh ta vẫn nhớ nghĩ đến đức Phật A di đà, thì anh ta vẫn được vãng sanh, đó là bản nguyện của đức Phật A di đà, trong khoảng thời gian ngắn ngủi đó anh ta chắc chắn sẽ thấy Phật. Nếu trong niệm cuối cùng mà được thấy Phật, mỗi niệm tương ứng mỗi niệm Phật, anh ta không đủ thời gian, không kịp trần trối với mọi người: Phật đã đến tiếp dẫn tôi đi rồi, tôi theo Phật đây. Không đủ thời gian để nói câu này. Nếu trong mười niệm anh ta có đủ thời gian để nói với mọi người, anh ta được Phật đến tiếp dẫn. Cuối cùng chỉ còn một niệm thì anh ta không đủ thời gian, chỉ tận mắt thấy được Phật đến tiếp dẫn, đó chính là đích thực được vãng sinh.

Ý này trong luận Niệm Phật Tam Muội Bảo Vương có nói: “Niệm tâm thuần cố”, thuần là không xen lẫn, cố là chắc chắn, kiên cố. Tâm của người đó lúc bấy giờ rất định tĩnh, kiên cố, không còn bị ngoại cảnh lay chuyển, liền được vãng sanh. “Âm thầm hợp với đạo lí, chứng quả vô sinh”, hai câu này rất hay, ý nghĩa của hai câu đó là gì? Vì tâm niệm lúc lâm chung là chân tâm, không phải vọng tâm. Không lẫn sự nghi ngờ, không bị vọng niệm chen vào, đó là chân tâm. Trong giáo lí Đại thừa đức Phật thường nói: “Chân tâm li niệm”, trong chân tâm không có vọng niệm, trong chân tâm các vị chỉ có một câu A Di Đà Phật, đây là âm thầm hợp với diệu đạo. Đạo là gì? Đạo là tự tánh. Diệu là gì? Diệu là diệu dụng, nó có tác dụng rất kì diệu. Có thể gắn chặt niệm cuối cùng khi lâm chung với thể dụng của tự tánh, điều này thật đáng nể. Phẩm vị này cao, chúng nhập được vô sanh. Ở đây cho thấy nhân duyên họ họ khá thù thắng. Làm sao có việc lạ lùng như thế! Suốt đời là vọng tâm, nhưng cuối cùng khi lâm chung lại có chân tâm, đó là việc vô cùng khó khăn. Chúng được vô sanh tức là nhập vào cảnh giới Thường tịch

quang, tức là nhập vào tự tánh, mà tự tánh vốn không sanh không diệt. Khi chứng ngộ, Huệ Năng nói năm câu, câu thứ hai ngài nói rằng: “đâu ngờ tự tánh vốn không sanh diệt”. Ngài nói hay quá! Vì vậy cho dù có phạm thập ác ngũ nghịch, mà khi lâm chung vẫn niệm Phật cho đến nhất niệm thì vẫn được vãng sanh. Những người khi phạm thập ác ngũ nghịch, khi lâm chung địa ngục hiện tiền, khiến họ thực sự lo sợ, trong lúc đó những vọng niệm của họ đều mất hết, chỉ còn lại một niệm, nếu nhắc nhở họ câu A Di Đà Phật, họ nắm lấy niệm đó, không còn hoài nghi, không còn xen tạp, thì lúc đó họ đạt được phẩm vị nào? Há không phải Thiện Đạo đại sư từng nói: Tứ độ tam bối cửu phẩm, ở chỗ gặp duyên không giống nhau. Khi lâm chung gặp nhân duyên thù thắng như thế, chắc chắn là thượng bối vãng sanh. Niệm chân thành đến cùng cực thì sẽ được sinh lên thượng phẩm. Trong việc chân thành vẫn có những cấp độ không giống nhau, như thượng trung phẩm, thượng hạ phẩm, thượng bối vãng sanh. Chúng ta nên biết, thượng bối vãng sanh là được sinh vào cõi Thật báo trang nghiêm, trung bối sanh về cõi phương tiện hữu dư, hạ bối là sanh về cõi phàm thánh đồng cư. Quả báo quá thù thắng. Tất cả pháp thế gian hay xuất thế gian chỉ pháp này là chân thật, những pháp khác đều giả. Trong kinh Bát nhã đức Phật dạy: “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, chỉ có việc này là chân thật.

“Bốn nguyện của đức Phật A Di Đà là không thể nghĩ bàn”, sự thành tựu này là sự thành tựu bốn mươi tám lời nguyện của đức Phật A Di Đà. Kết quả của việc suy nghĩ trong năm kiếp tư duy của Bồ tát Pháp tạng chính tại nơi đây. Chúng ta đời này gặp được duyên lành thù thắng như thế, thì không thể không nghĩ đến ân đức của đức Phật A Di Đà. Chúng ta nỗ lực tu tập cho đến ngày thành công, đó chính cách báo đáp ân đức đúng đắn, không thể vãng sanh qua thế giới tây phương Cực lạc, thì đó là phương pháp báo ân giả dối, không đúng đắn. Phương pháp đúng đắn đó là dứt khoát vãng sanh. Nếu muốn chắc chắn vãng sanh thì quý vị phải dứt khoát từ bỏ tất cả. Kinh sách Đại thừa đã dạy cho ta rất rõ ràng, buông bỏ chấp trước thì quý vị đã chứng được quả A la hán, vĩnh viễn không còn luân hồi. Buông bỏ phân biệt thì quý vị là Bồ tát. Buông bỏ khởi tâm động niệm, thì quý vị là pháp thân đại sĩ, quý vị là lý nhất tâm bất loạn, sanh về cõi Thật báo trang nghiêm của thế giới tây phương. Thế nên quan trọng nhất vẫn là việc ta có thể buông bỏ được hay không, có thể buông bỏ tất cả hay không.

Trong mấy năm trở lại đây, chúng ta đã suy nghĩ, quan sát điểm này, vì sao chúng ta không thể buông bỏ được? Không buông bỏ được là bởi chúng ta không nhìn thấu, tức là chưa hiểu rõ chân tướng sự thật, cho những thứ giả dối là chân

thật, nghi ngờ những thứ chân thật, phân vân không biết đó là chân thật hay giả dối, nên lòng tin không chắc chắn, lung lay bất định. Những thất bại đều xuất phát ở điểm này. Vì thế chúng ta cảm nhân được, khi đức Thế Tôn còn tại thế, ngài giảng kinh thuyết pháp suốt 49 năm, đều nhắm đến những việc này. Quý vị hiểu rõ ràng minh bạch chân tướng sự thật rồi, thì mọi việc tự nhiên buông bỏ mà không cần phải khuyên nhắc nữa, mà lại rất dễ buông bỏ. Đức Thế tôn đã đã biểu diễn cho chúng ta thấy, khi sao mai vừa mọc, dưới cội Bồ đề ngài đã đại triệt đại ngộ. Làm thế nào để được đại triệt đại ngộ? Không có gì khác, ngoài việc buông bỏ khỏi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, thì sự triệt ngộ sẽ hiện tiền.

Trong những vị cao tăng ở Trung quốc thì lục tổ Huệ năng là người đứng đầu, Ngài là tấm gương sáng trong việc nhìn thấu và buông bỏ. Buông bỏ tất cả, buông bỏ là thành Phật. Pháp môn này, được đức Phật A Di Đà giáo hoá ở cõi nước Cực lạc. Phật Di Đà khi ở nhân địa, là Tỉ kheo Pháp tạng đã từng phát 48 nguyện, tu hành trong năm kiếp. Lúc tu hành, Pháp Tạng chính là một vị Bồ tát, khi mỗi lời nguyện đã được thành tựu thì thế giới Cực lạc cũng được thành tựu. Thế giới Cực lạc là do 48 lời nguyện cấu thành, không có 48 lời nguyện thì không có thế giới Cực lạc. Tâm tưởng sự thành, mỗi ngày đức A di đà Phật đều nghĩ đến 48 lời nguyện, nghĩ trong bao lâu? Nghĩ trong năm kiếp, niệm niệm không rời nên đã thành tựu cảnh giới Cực lạc. Ngày này chúng ta tưởng, nhưng tưởng không thể thành tựu, vì sao vậy? Vì tưởng được một vài giây là quên hết, không nghĩ đến nữa. Nếu quý vị nghĩ đến một việc gì đó, mà trải đến năm kiếp, thì sự thành tựu đó có thể ngang bằng với đức Phật A di đà. Điều này chúng ta có thể cảm nhận được.

Niệm lục không thể nghĩ bàn, trong giáo lí Đại thừa đức Phật thường dạy: “tất cả pháp từ tâm tưởng sanh”, phàm phu chúng ta thường nghĩ những điều gì? Nghĩ địa ngục, nghĩ quỷ đói, nghĩ súc sinh, khi những suy nghĩ đó thành tựu rồi thì chỉ đến nó mà thôi. Địa ngục không phải do ai tạo ra, cũng không do một người nào thiết kế nên, việc này hoàn toàn tương đồng với đạo lí của thế giới Cực lạc, thế giới đó do đức Phật A di đà nhiều kiếp nghĩ đến, việc tạo nghiệp địa ngục cũng tâm tưởng trong một thời gian dài mới tạo ra. Nếu quý vị thật sự cảm nhận được điều này, hết thảy pháp của thế gian hay xuất thế đều do ý niệm, khi ý niệm nổi lên thì nó được thành tựu, không một ai vẽ ra, không ai xây dựng, không một ai tự tay làm mà nó vẫn hình thành.

Những người tạo thập ác ngũ nghịch, khi lâm chung cảnh giới địa ngục liền hiện ra, lửa dữ kéo đến, nhưng vì niệm Phật, liền dứt vọng hoặc (suy nghĩ không đúng), chứng lý nhất tâm.

“Liền dứt vọng hoặc”, thì lập tức được lý nhất tâm, Lý nhất tâm là gì? Lý nhất tâm đó là kiến tánh. “Vì phù hợp với lý nên các tội được tiêu diệt”. Quý vị thật sự chứng được lý nhất tâm, chứng được lý nhất tâm là minh tâm kiến tánh, vì quý vị đã kiến tánh, vì lý đó là tánh. Trong tự tánh không có tội hay phước, không có tội, cũng không có phước. Nếu có tội hay phước thì chúng ta sẽ nghĩ đến nó có hình tướng. Có phước thì có thể giới Cự lạc hiện tiền, có tội thì địa ngục hiện tiền. Ngày nay chúng ta hiểu được tự tánh vốn không có hình tướng, chẳng những không có hiện tượng vật chất, mà hiện tượng tinh thần cũng không có. Hiện tượng tinh thần là gì? Thọ tướng hành thức chính là hiện tượng tinh thần. Trong tự tánh có trí tuệ, trong trí tuệ có kiến văn giác tri. Song kiến văn giác tri này, chẳng những không phải là hiện tượng vật chất, mà cũng không phải hiện tượng tinh thần, vì thế ta không thể gọi tên nó được, đó là những hiện tượng tự nhiên, nó không sanh diệt. Thọ tướng hành thức có sự sinh diệt, có hiện tượng sinh diệt, nhưng kiến văn giác tri thì không sinh diệt, nó thuộc về tánh đức. Kiến văn giác tri có, nhưng không có hình tướng. Vừa rồi có nói, ba loại hiện tượng đều không có, không có hiện tượng vật chất, không có hiện tượng tinh thần và không có hiện tượng tự nhiên. Đối với kiến văn giác tri, đức Phật Thích Ca Mâu Ni giới thiệu với chúng ta rằng: Tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí tuệ của Như lai. Chúng ta nên hiểu như thế nào? Như lai là tự tánh, trong tự tánh vốn đã đầy đủ trí tuệ viên mãn. Đức là gì? Kiến văn giác tri là đức. Tướng là hiện tượng, chúng ta nói đến ba hiện tượng, hiện tượng tự nhiên, hiện tượng tinh thần, hiện tượng vật chất, vốn đã có đủ trong tự tánh. Người kiến tánh thấy được trong tự tánh vốn đầy đủ những thứ đó rồi. Vì thế khi chúng sanh có cảm ứng thì tự tánh liền hiện ra, khi hiện ra thì kiến văn giác tri liền phát huy tác dụng, nó có phản ứng, vì thế không khởi tâm động niệm, không phân biệt chấp trước. Do đó chúng ta phải hiểu rằng, thật sự chư Phật Bồ tát ứng hoá đến cõi thế gian này, sự biểu diễn bên ngoài của các ngài, không khác với phàm phu chúng ta. Nhưng bên trong thì hoàn toàn khác hẳn. Khác nhau cái gì? Việc kiến văn giác tri bị thay đổi, nó biến thành thọ tướng hành thức. Thọ tướng hành thức là tạo nghiệp. Thọ là gì? Thọ là cảm thọ, trong kiến văn giác tri có sự cảm thọ không? Không. Vì sao? Khi cảm thọ là họ đã khởi tâm động niệm, nếu không khởi tâm động niệm thì làm sao cảm thọ được! Vì thế họ có kiến chứ không cảm thọ. Khi chúng sanh hiện tướng sẽ khiến

những vị ấy thấy được, khi thấy thì họ có những phản ứng, giống như thử nghiệm nước. Chúng ta thử dùng phương pháp khoa học để thử nghiệm nước, để thử nghiệm việc có mặt của kiến văn giác tri. Ngày nay chúng ta nhận biết được nước biết nhìn, biết nghe, hiểu được ý của con người, biết được ý của con người đó là giác tri, nhìn được là kiến, nghe được đó là văn, khởi lên phản ứng, phản ứng đó là phản ứng của bản năng, phản ứng của tự tánh. Vì thế ta chúng ta có thể cảm ứng đạo giao với chư Phật, Bồ tát. Khi trong tâm chúng ta có cảm, có khi chúng ta hữu niệm để cảm, có khi chúng ta vô niệm để cảm. Hữu niệm để cảm ứng chúng ta hiểu được, nhưng vô niệm thì làm sao cảm ứng được? Kỳ thật vô niệm, nhưng niệm của quý vị đã động, nhưng sự dao động đó cực kì nhỏ, nhỏ đến mức tự thân quý vị không biết được. Chúng ta thử nghĩ xem ai có thể biết được, ý niệm của ta đang động? Ai có thể biết được mỗi tế bào trên cơ thể chúng ta đang biến đổi như thế nào? Hiện tượng mỗi tế bào đang biến đổi chưa bao giờ ngưng nghỉ. Vì sao vậy? Vì nếu ngưng nghỉ thì thân thể này sẽ không còn. Giống như chúng ta xem phim, các hình ảnh không ngừng chuyển động, để có những hình ảnh thực, nếu nó không chuyển động thì không có hình ảnh nào hiện lên màn hình cả. Ngày nay chúng ta xem vô tuyến truyền hình, vô tuyến truyền hình không dùng băng nhựa mà số hoá, độ nét rõ hơn băng nhựa, độ trình chiếu nhanh hơn băng nhựa rất nhiều, nhưng tất cả đều phải nhờ có sự chuyển động mới có hình ảnh, nếu không chuyển động thì hình ảnh không có. Ba loại hiện tượng trên không thể tách rời sự chuyển động. Hiện tượng vật chất là do sự vận động mới có, hiện tượng tâm lí cũng thế, hiện tượng tự nhiên cũng thế, không thể nào tách khỏi sự chuyển động. Vì thế nghiên cứu của các nhà khoa học cho rằng cả quả đất này như những tiếng ngân của cung đàn, dùng cái này làm thí dụ, vũ trụ được sinh ra là do sự chuyển động, nếu không chuyển động nó đã không tồn tại. Đó cũng là điều pháp Phật đã đề cập: “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”. Đạt đến mức độ bất động, thì lúc đó mới thấy rõ tất cả những hiện tượng trong vũ trụ, đây chính là sự tu tập thiền định trong Phật pháp. Công phu thiền định càng sâu thì cách nhìn của quý vị càng tinh tế, dù một sự chuyển động rất nhỏ nhất thì quý vị cũng có thể thấy rõ.

Như Bồ tát Di lặc đã nói trong kinh, ngài cho rằng tần suất mỗi giây có đến một nghìn sáu trăm triệu, mỗi giây có một nghìn sáu trăm lần hiện tượng chuyển động, nhưng ngài vẫn thấy rất rõ ràng, không sai sót. Vì thế mỗi khảy móng tay có ba trăm hai mươi triệu. Nếu chúng ta biết rõ chân tướng sự thực này, thì sẽ buông bỏ, không còn bám víu vào bất cứ một hiện tượng nào, quý vị không còn ý

niệm không chế, không còn ý niệm chiếm hữu. Vì sao vậy? Tất cả những ý niệm này đều là vọng niệm, không có ý nghĩa gì cả, có thể chiếm hữu không? Không thể; Có thể không chế chằng? Không thể. Vì tốc độ của nó nhanh lắm. Biến pháp giới hư không giới, chúng ta tiếp nhận được ba loại hiện tượng này. Thân thể chúng ta cũng giống như một cái máy thu, vô tuyến truyền hình, có thể thu được tất cả các làn sóng đang chuyển động. Cơ thể của chúng ta đây, trong đó gồm ý niệm của thức thứ sáu, đồng thời cũng là máy phát. Mỗi tế bào trên cơ thể chúng ta, mỗi tế bào đều đang phát đi, tốc độ phát đi lập tức chu biến pháp giới. Vì thế chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, tất cả mọi thứ, quý vị nghĩ chư Phật Bồ tát có biết không? Biết hết đấy. Thậm chí bản thân mình chưa kịp hiểu mà chỗ kia đã hiểu rất rõ rồi. Cái đó gọi là gì? Gọi là minh ứng. Khi chúng ta mong cầu bản thân mình không biết, nhưng Chư Bồ tát đã nhận được, chư Bồ tát đã hiện thân đến, đến giúp đỡ quý vị, việc cảm ứng như thế gọi là minh ứng hiển ứng. Lại có một loại minh ứng hiển ứng cực kì nhỏ, Phật Bồ tát có giúp đỡ quý vị không? Có đấy, gia hộ quý vị từ những việc nhỏ nhất nhất, quý vị hoàn toàn không nhận biết được, chúng ta chỉ nhận biết được khi hiển ứng nhưng minh ứng thì không thể cảm nhận được. Có hai loại minh ứng: minh cảm minh ứng và hiển cảm minh ứng.

Điều quý nhất của người tu hành khế lí, đó là nội dung câu trên đã nói, “nhập lí nhất tâm”, đó mới là điều quan trọng nhất. Ở giai đoạn đó, giáo lí đại thừa thường gọi là Pháp thân Bồ tát, quả thực là tất cả tội nghiệp đã được tiêu diệt. Quý vị tìm đâu ra thứ gì là tội, cái gì là phước, thậm chí thứ gì gọi là tịnh, cái gì gọi là nhiễm cũng không có, cho đến cái gì là chân cái gì là vọng cũng không còn. Tự tánh thanh tịnh tâm, là một vàng thường tịch quang.

Sanh về thế giới tây phương Cực lạc, “đăng tam bất thoái”, chúng ta thường nói viên chúng tam bất thoái, đây chính là Pháp thân Bồ tát. Trong kinh đức Phật dạy cho chúng ta về sơ quả của Tiểu thừa, nhưng đừng xem đó là địa vị quá thấp: Tu đà hoàn, Viên giáo trong kinh Hoa nghiêm của Đại thừa, Bồ tát Thập tín, đó là địa vị Sơ tín, Sơ tín giống như lớp một Tiểu học, nhưng trong ba loại bất thoái, loại thứ nhất mà họ chứng được, gọi là vị bất thối, địa vị của họ, chứng được quả vị này là Thánh nhân, không còn là phàm phu nữa. Tuy vẫn chưa thoát khỏi lục đạo luân hồi, nhưng trong lục đạo, chắc chắn họ không rơi vào ba đường ác. Tiến thêm một bước nữa, đó là Bồ tát, phát tâm Bồ đề, tu đạo Bồ tát, chắc chắn không còn quay lại Nhị thừa, đó là loại bất thoái thứ hai. Địa vị Bất thoái thứ ba là minh tâm kiến tánh, họ chỉ có một mục tiêu, một phương hướng, là sanh vào cõi

Thường tịch quang tịnh, đây chính là quả vị Diệu giác trong kinh Hoa nghiêm. Gọi là gì? Là niệm bất thoái. Mỗi niệm của họ đều hướng đến một mục tiêu, một phương hướng, không còn một mục tiêu nào khác, mục tiêu đó là danh đúng với thực, chính là vô thượng chánh đẳng chánh giác, thật sự là vô thượng. Trên đẳng giác còn có quả vị Diệu giác, nhưng trên quả vị Diệu giác thì không còn quả vị nào nữa, đây gọi là niệm bất thoái. Khi vãng sanh về thế giới tây phương Cực lạc, là chúng quả vị Tam bất thoái. Chúng ta biết rằng, cảnh giới thấp nhất của họ, là Sơ trú Bồ tát mà trong kinh Hoa nghiêm nói đến, là Sơ địa Bồ tát của Biệt giáo. Công phu đoạn trừ phiền não của sơ địa trong Biệt giáo giống với quả vị sơ trú trong Viên giáo, đều là phá vô minh để chứng pháp thân.

Thế nào là chứng pháp thân? Tức là khẳng định tất cả mọi sự vật trong vũ trụ chính là thân ta, đây là pháp thân. Pháp có nghĩa là vạn pháp, họ không còn chấp thân này là thân của tôi nữa, biến pháp giới hư không giới đều là thân của tôi, đây gọi là chứng pháp thân. Chứng pháp thân có nghĩa như thế nào? Cả vũ trụ với ta thật sự là một thể, đó gọi là chứng pháp thân, kiến tánh mới có thể thấy, chưa kiến tánh thì không thể thấy được.

Kiến tánh là gì? Biết rằng mọi sự vật đều từ tự tánh biến hiện ra, có như thế mới hiểu rõ được chân tướng của sự vật, và hiểu rõ tất cả những mối liên hệ của nó. Chúng ta thấy khi một đứa trẻ được sinh ra, bà mẹ ôm nó và nói đó là cục cưng của tôi. Người thực sự đã được khai ngộ, thấy tất cả mọi sự mọi vật trong cả pháp giới hư không đều là cục cưng của mình, cùng một cơ thể. Quý vị nói bên ngoài, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân đó là bên ngoài, bên trong là lục phủ ngũ tạng, cùng một cơ thể! Không phải là một người một nhà, người một nhà có hai thân thể à? Cùng một thân thể, đó là minh chứng rõ ràng nhất về việc biến pháp giới hư không giới cùng với thân thể ta là một. Bây giờ chúng ta đang mê mờ, không hiểu biết nên cho cái này tốt với ta, ta không thích cái kia, đó là sự đối lập. Sau khi đã giác ngộ, nhìn những hiện tượng đó thất thế nào? Mũi đối lập với tai, gan đối lập với phổi, chẳng phải là ý này sao? Kỳ thật có đối lập chăng? Không có! Mỗi bộ phận có chức năng riêng của nó, mỗi bộ phận đều có tác dụng của nó, nó phối hợp cùng nhau, như thế mới gọi là sức khỏe sống lâu. Nếu nó có sự xáo trộn, không phối hợp với nhau thì người ta sẽ sinh bệnh, chắc chắn sẽ không sống được. Cơ thể của con người là một vũ trụ thu nhỏ, vũ trụ thu nhỏ không khác vũ trụ lớn, vũ trụ thu nhỏ chính là mô hình của vũ trụ lớn. Chúng ta rất nhỏ bé trong vũ trụ to lớn này, thân thể chúng ta giống một hạt bụi.

Phản trước chúng ta đã học, Hoàng Niệm lão đã đưa ra một thí dụ: “một cọng lông, một hạt bụi”, lông là sợi lông, nói đến đầu sợi lông là tượng trưng quá nhỏ. Bụi tức là hạt bụi nhỏ đã được mô tả trong kinh Phật. Đầu sợi lông và một hạt bụi nhỏ, trên thực tế nó rất lớn, nó vẫn còn những vật chất nhỏ hơn cấu thành nó. Ngày nay chúng ta nương vào khoa học, biết rằng có nguyên tử, mắt thường ta không thấy được hạt nguyên tử, nhưng những tế bào trên thân thể chúng ta, chúng ta có thể thấy những cọng lông trên cơ thể, mỗi cọng lông như thế có bao nhiêu nguyên tử cấu thành, chúng ta không thể biết, nhưng giới khoa học biết. Nguyên tử cũng không phải là đơn vị nhỏ nhất, thể tích của nguyên tử rất lớn. Giới khoa học thời cận đại đã phát hiện ra trung vi tử, có thể đó chính là những đơn vị nhỏ nhất mà trong kinh Phật đã nói. Lớn cỡ nào? Một trăm ức trung vi tử kết hợp lại với nhau, tạo thành một điện tử, điện tử nhỏ hơn nguyên tử, mỗi nguyên tử lại có hạt nhân nguyên tử, có điện tử, hình dáng của nó cũng giống một vũ trụ thu nhỏ, chuyển động quanh hạt nhân đó là điện tử. Quý vị thử xem, một trăm ức trung vi tử là một điện tử, một điện tử lại chia ra một trăm ức các chấm nhỏ, đó gọi là trung vi tử. Trung vi tử từ đâu mà có? Giới khoa học cũng biết, đó là do tâm niệm tạo thành, vì vậy mà giới khoa học cho rằng vật chất trong vũ trụ là không thật. Nói một cách rõ ràng, cơ bản không có cái gọi là vật chất, vật chất là ý niệm mà thôi. Khi ý niệm dồn lại một nơi thì sanh ra huyền tướng, huyền tướng này nhà Phật gọi là ngũ uẩn. Sắc thọ tướng hành thức, sắc là hiện tượng vật chất, thọ tướng hành thức là hiện tượng tinh thần. Tất cả đều không xa rời tướng, nghĩa là ý niệm, không xa rời được ý niệm, do niệm tạo thành, ý niệm, niệm lực.

Những báo cáo của giới khoa học mà chúng ta đã biết, rất giống với A lại da mà trong Phật giáo nói, A lại da có tam tế tướng, thứ nhất là nghiệp tướng, nghiệp tướng tương đương với năng lượng mà các giới khoa học ngày nay đã đề cập, vì nghiệp tướng chỉ là ba động. Từ ba động sanh ra chuyển tướng, chuyển tướng là kiến phần của A lại da. Từ kiến phần biến thành hiện tượng vật chất đó là cảnh giới tướng, cảnh giới tướng là tướng phần của A lại da. Tam tế tướng của A lại da là khởi nguyên của vũ trụ, cả vũ trụ với thân thể của ta, mà chúng ta gọi là ngã, được sinh ra cùng một lúc. Có cái nào trước cái nào sau không? Có đây, song quý vị không thể nhận biết được cái nào trước cái nào sau, quý vị không thể nhìn ra. Bồ tát Di lặc nói nhất niệm, quý vị xem trong nhất niệm có nghiệp tướng, có cảnh giới tướng, có chuyển tướng. Trong một khoảng thời gian rất ngắn vẫn chia ra ba tướng. Vì thế trong tế tướng này tìm tịnh nhiễm, tìm chân vọng, tìm thiện ác, thường thường không tìm thấy được. Cho nên tất cả những họa phước tạo ra từ vô

thủ đều mất hết, tội nặng trong tám mươi ức kiếp sinh tử cũng không còn, phước báo của tám mươi ức kiếp cũng không còn nữa, tất cả đều mất hết, “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”. Khi tất cả không còn nữa, thì sự thanh tịnh của quý vị được phục hồi. “Thanh tịnh bình đẳng giác” thật sự phục hồi. Hiểu rõ được đạo lý này rồi, có cần hưởng phước hay không? Không cần. Suốt đời đức Phật Thích Ca Mâu Ni vì chúng ta thị hiện, ngài cũng không hưởng phước. Vì sao vậy? Vì hoá phước đều là giả, là tương đối, không có thật. Hàm nghĩa việc thị hiện của ngài rất cao sâu, chúng ta cứ từ từ tìm hiểu, từ từ phát hiện, sau đó mới suy nghĩ đến “tùy duyên diệu dụng” trong Hoàn Nguyên Quán nói. Suốt đời đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện là tùy duyên diệu dụng. Quý vị hãy xem sự diệu dụng của ngài như thế nào, chúng ta mới thật sự được thọ dụng, chúng ta mới có thể học tập theo ngài được, phải học được thật giống ngài. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thật sự như lời của tiên sinh Đông Phương Mĩ nói: đó là hưởng thụ cao nhất của con người. Những người bình thường không thể lí giải được. Ngài thật sự pháp hỷ sung mãn, thường sanh hoan hỷ tâm.

Câu cuối cùng dưới đây, thực sự mỗi câu đều rất hay. Nếu không phải phương tiện cứu cánh trong phương tiện, viên đốn nhất trong giáo lí viên đốn, thì làm sao có thể được như thế. Nhất niệm thập niệm đều là niệm Phật, dùng những thứ gì? Dùng chân tâm, không dùng vọng tâm.

Nói cách khác, khi ta niệm danh hiệu một vị Phật, không nghi ngờ, không có xen tạp, đó là chân tâm, vẫn còn nghi ngờ, còn sự xen tạp đó là vọng tâm. Tôi cũng rất muốn không có sự xen tạp, vì sao lại có nhiều vọng niệm như thế? Điều này cho thấy tập khí vọng tưởng trong A lại da của chúng ta quá nặng. Khi không niệm Phật ta không biết, khi niệm Phật nó liền xuất hiện. Muốn làm cho vọng niệm bớt đi, chúng ta cần phải thay đổi cuộc sống của mình, đối với cuộc sống sinh hoạt của mình dễ dàng chấp nhận, không tìm cầu những thứ khác, mọi việc đều tùy duyên, thì vọng niệm liền giảm bớt. Khi vọng niệm trong cuộc sống hàng ngày giảm bớt, thì công phu niệm Phật dễ thành tựu. Nếu không bắt đầu cải thiện trong cuộc sống hàng ngày, trong công việc, trong cách đối nhân xử thế tiếp vật, thì công phu tu tập khó thành tựu được. Sau đó chúng ta sẽ thấy rõ, cuộc sống chúng ta ở đây, thuận cảnh hay nghịch cảnh tất cả đều giúp chúng ta, đều thành tựu chúng ta. Vì sao thế? Trong thuận cảnh chúng ta luyện tâm gì? Luyện tâm không tham, không tham luyện, luyện không ngu si, rõ ràng minh bạch, tướng có tánh không, sự có lý không. Nghịch cảnh cũng có thể tôi luyện cho chúng ta không còn bực tức, không còn kiêu ngạo. Vì thế tất cả mọi người, tất cả sự vật,

tất cả ngoại cảnh, tất cả nhân duyên, không có thứ gì là không hỗ trợ cho việc tu hành thành Phật của ta. Nếu quý vị biết tận dụng thì thành Phật, không biết tận dụng, mà dùng ngược lại, thì gặp thuận cảnh sẽ tham đắm, gặp nghịch cảnh sẽ ghét bỏ, những nhân duyên đó sẽ kéo quý vị vào chốn địa ngục. Quý vị muốn nó trợ duyên thế nào, tất cả đều nơi quý vị, nó sẽ làm theo ý quý vị. Nó có thể trợ duyên cho quý vị thành Phật, cũng có thể kéo quý vị xuống địa ngục, chúng ta muốn thế nào thì nó sẽ hỗ trợ thế ấy, đây là then chốt.

Năm trước, khi đang ở Mỹ, trong kinh Phật có hai câu: “mỗi giờ là giờ tốt, mỗi ngày là ngày lành”. “Tôi thêm vào hai câu: mỗi người là người tốt, mỗi việc là việc lành”. Nếu quý vị biết dùng thì toàn là việc tốt, những người ác, những việc cực ác giúp đỡ quý vị thành Phật, nâng đỡ quý vị bước lên cảnh giới cao hơn, làm sao không phải là tốt được? Với những người làm việc ác ta không những không ghét bỏ, mà còn khởi tâm gì? Khởi tâm cảm ơn, nhờ họ mà ta tiêu được nghiệp chướng, ác ý hủy báng ta, xỉ nhục ta, hãm hại ta, ta đều chấp nhận, tiêu nghiệp chướng mà. Nếu không có những việc làm này của họ, thì nghiệp chướng chúng ta làm sao tiêu tan được? Nếu nhân nhục Tiên không gặp được vua Ca lợi cắt hết thân thể, thì việc nhân nhục của Ngài còn phải tu đến bao lâu? Vì gặp vua Ca lợi đã làm như thế, nên hạnh nhân nhục ba la mật của ngài mới được viên mãn, thành tựu. Vì thế ngài đã cảm ơn vua Ca lợi. Lúc lâm chung còn phát nguyện lớn, sau này thành Phật, người được độ đầu tiên chính là ông, ông là ân nhân lớn của tôi. Vị tiên nhân nói trên là tiền thân của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, khi chưa thành Phật. Vua Ca lợi là ai? Chính là vị đệ tử được tiếp nhận đầu tiên của ngài. Nói là làm, thật sự đã độ vị này, đó chính là tôn giả Kiều Trần Như, là vua Ca Lợi ngày xưa.

Một khi đã hiểu rõ mọi chuyện thì ai cũng có thể là ân nhân, mọi chuyện đều là yếu tố tốt đẹp, lúc đó lòng từ bi liền xuất hiện, tâm đại Bồ đề liền hiện ra. Nếu vẫn quan niệm người này là thân, kẻ kia là oán thì chưa được, vẫn còn phân biệt, vẫn còn chấp trước. Nói cách khác, anh vẫn là người phạm. Vì thế pháp môn này là phương tiện trong phương tiện cứu cánh, trong đốn ngộ có đốn ngộ viên mãn. Thấy ở điểm nào? Từ chỗ thập ác ngũ nghịch, khi lâm chung vẫn được thượng phẩm thượng sanh.

Thiền tông như Lục Tổ Huệ Năng đó là thượng thượng phẩm vãng sanh. Vì sao vậy? Vì ngài có thể nhất thời đốn ngộ, nghĩa là một lần ngài buông bỏ hết khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, thật sự buông bỏ không còn dính mắc, lúc đó liền minh tâm kiến tánh, thành Phật.

Trong tông môn, ta hãy xem những sử sách ghi chép lại, có người tu tập năm năm, ba năm, có người tu tập bảy, tám năm, có người tu tập mười mấy hai mươi năm, có người tu tập ba, bốn mươi năm mới khai ngộ, nhưng mức độ khai ngộ của các vị đó cũng giống như ngài Huệ Năng, không khác gì cả. Những vị đó phải mất một thời gian dài mới có thể cắt đứt những thứ đó, nhưng đại sư Huệ Năng chỉ một niệm là cắt đứt hết. Một niệm đoạn hết gọi là “đốn”, viên đốn.

Trong tông Tịnh độ, những người tạo thập ác ngũ nghịch, khi lâm chung địa ngục hiện ra, lửa dữ thiêu đốt, nhờ tiếng niệm Phật mà được cắt đứt tất cả những mê lầm, đó chính là đốn ngộ trong đốn, vì thế viên đốn cuối cũng như trong thiên tông. Niệm cuối cùng của những người đó, cảnh giới của họ có thể sánh với ngài Huệ Năng, với đức Thích Ca Mâu Ni, vấn đề này là không thể nghĩ bàn. Nhưng đây là đứng về lý mà nói thôi. Tạo những nghiệp chướng, khi quả báo hiện tiền, địa ngục đã hiện tiền, vì quá khiếp sợ nên đã khiến cho những vọng niệm đó tiêu mất, sự việc là như vậy. Quá khiếp sợ nên nó tiêu mất. Bảo họ niệm câu A di đà Phật, họ chết cũng không buông, đó là nhất niệm, đó là chân tâm niệm. Vì thế địa vị mà họ đạt đến hoàn toàn giống như Đại sư Huệ Năng. Đây là điều rất hiếm có, về lý mà nói là như vậy, còn về sự thì rất khó.

Nay tông Tịnh độ làm cho những phàm phu đã tạo thập ác ngũ nghịch có thể nhất tâm, vì thế Di Đà hiệu là nguyện vương, chân thật bất hư. Pháp môn niệm danh hiệu A Di Đà Phật của tông Tịnh độ, phương pháp niệm danh hiệu Phật A Di Đà, phương pháp này không gì khác ngoài việc xây dựng trường học. Thế giới Cực lạc chính là trường học, thế giới Cực lạc không có tổ chức chính trị, quý vị xem kinh điển không cuốn nào đề cập đến thế giới Cực lạc có quốc vương, thế giới Cực lạc có chính phủ, không có. Nếu có chắc chắn đã cho chúng ta biết. Thế giới Cực lạc chỉ có hai hạng người đó là thầy giáo và học trò. Thầy giáo là Phật A Di Đà, còn học sinh là những vị Bồ tát, tất cả những vị vãng sanh đến thế giới Cực lạc đều là những học sinh. Học sinh có tam bối cửu phẩm, như học các lớp không giống nhau. Có người đến thế giới Cực lạc là từ cấp bậc dưới cùng dần dần đi lên, có người không đi theo thứ lớp mà xen ngang, nó là như vậy. Có thể nói thế giới Cực lạc là Phật học viện do các đức Phật Như lai cùng sáng lập nên, đức A Di Đà Phật là viện trưởng, còn chư Phật Như Lai là giáo thọ, các ngài thường đến thế giới Cực lạc để giảng dạy, Bồ tát Đẳng Giác là những vị trợ giảng. Trong kinh Di đà có câu: “ Các vị thượng thiện nhân đều ở cùng một chỗ”, trong chú giải của chư vị tổ sư, thượng thiện nhân là các bậc Bồ tát Đẳng giác, họ là những vị trợ giảng, giúp đỡ việc học hành của những người mới đến thế giới Cực lạc.

Đức A Di Đà Phật thường giảng kinh trong giảng đường Thất bảo, không gián đoạn. Vì thế giới Cực lạc không cần ăn uống, thế giới Cực lạc cũng không cần ngủ nghỉ. Việc ăn uống nghỉ ngơi của chúng ta đã tiêu tốn rất nhiều thời gian, họ không ăn uống, không nghỉ ngơi. Đến thế giới Cực lạc thì chỉ học hành, nghe pháp, nghe đến lúc nào mới thôi? Đến khi thành Phật mới thôi. Ngày tốt nghiệp là thành Phật, khi thành Phật rồi liền đi đến những thế giới khác, nơi mà quý vị có nhân duyên, thì quý vị đến làm Phật nơi đó. Chúng ta phải nhận thức rõ điều này. Tông Tịnh độ hoàn toàn giáo dục, là nền giáo dục vĩ đại nhất, là nền giáo dục đầy đủ nhất, đảm bảo có thể thành Phật, đảm bảo có thể khai ngộ, và rất mau chóng. Quý vị thấy đó, học tập không bao giờ ngừng nghỉ! Việc học tập của chúng ta ở đây có những khó khăn, thời gian học hành ngắn ngủi mà việc nghỉ ngơi lại nhiều, hai mươi bốn tiếng đồng hồ mỗi ngày, cho dù quý vị có học đến tám tiếng mỗi ngày thì vẫn còn nghỉ mười sáu tiếng.

Có người hỏi đến thế giới Cực lạc để làm gì? Đến để học, đến học viện niệm Phật. Phật học viện của thế gian này, cho đến của thế giới chư Phật, đều không bằng thế giới cực lạc. Thế giới Cực lạc rất đơn thuần, đến đó toàn toàn hưởng thụ những thành tựu bốn nguyện của đức Phật A Di Đà.

Đức đầu tiên trong sự thành tựu đó là gì? Là tất cả đều do biến hoá mà có, đây là đức thứ nhất. Quý vị muốn có thứ gì thì thứ đó liền hiện ra ngay, không thiếu thứ gì. Tôi muốn một bộ Đại Tạng kinh, thì nó liền hiện ngay trước mắt, tôi không muốn thấy nữa, nó lại biến mất, không cần phải mang cất đi, muốn thứ gì thì thứ đó liền hiện ngay, muốn ăn thì thức ăn hiện ngay trước mắt, muốn mặc thì áo đã có trên thân. Cung điện hay nhà cửa ở thế giới Cực lạc không có những thứ đồ dùng, đồ dùng trong nhà cũng rất phiền toái, nó không có. Khách đến nhà phải làm sao? Khách đến liền biến ra toà sư tử, mỗi người có một chỗ ngồi, khi khách ra về thì chỗ ngồi cũng biến mất, không cần phải dọn dẹp, không cần phải bày biện. Thế giới tốt đẹp như thế, sao chúng ta không đến đó chứ? Rõ ràng mình bạch rồi, sao không nhanh tay chọn lấy, mà còn ở đây để chịu tội?

Bồ tát đến thế giới này, quý vị xem bốn đức trong Hoàn Nguyên Quán, Bồ tát đến đây để làm gì? Đến để chịu khổ cho tất cả chúng sinh, đó là sự thật. “Tuỳ duyên diệu dụng, oai nghi hữu tác, nhu hoà chất trực, đại chúng sanh khổ”. Đức Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni suốt đời thị hiện dưới danh một vị khổ hạnh, ngài phô diễn cho chúng ta thấy, giống như những diễn viên trên sân khấu vậy. Việc xuất hiện hình ảnh vị sư khổ hạnh trên sân khấu, sau cánh gà Ngài là một vị Phật, giống như hình ảnh đức Phật A Di Đà được mô tả trong Quán kinh, thân có vô

lượng tướng, tướng có muôn vẻ đẹp. Chữ số được nói đến trong Quán kinh, thân tướng Ngài có tám vạn bốn nghìn tướng, mỗi hình tướng có tám vạn bốn ngàn tùy hình hảo. Khi vãng sanh là đạt được, hơn nữa là hoá sanh. Hoá sanh là gì? Vừa vãng sanh thì thân tướng của quý vị hoàn toàn giống hệt thân tướng đức Phật A Di Đà, đức A Di Đà có hình tướng như thế nào thì quý vị có hình tướng như thế ấy. Vì thế cõi nước ấy gọi là cõi nước bình đẳng, điều này trong kinh nói rất rõ ràng. Bốn mươi tám lời nguyện, vì sao đức Phật phát bốn mươi tám lời nguyện? Vì Ngài nhận thấy hình tướng các chúng sinh trong mỗi thế giới không giống nhau, người có tướng mạo tốt đẹp thì kiêu ngạo, người xấu hơn thì mặc cảm tự ti. Do đó nguyện lực của ngài để thành tựu thế giới, không có hiện tượng này, mọi người đều bình đẳng, tất cả đều giống như Phật. Vì thế sanh về thế giới Cực lạc ý niệm này không còn nữa, phiền não đều bị cắt đứt, thật sự quá từ bi!

Mấy câu này nói rất hay, pháp môn Tịnh độ, có thể khiến cho người phàm phu ngỗ nghịch được nhất tâm, vì thế a đức Phật A Di Đà hiệu là nguyện vương quả không hư dối.

Chúng ta xem tiếp đoạn tiếp theo, trong luận An lạc, đạo sư Đạo Trác cũng luận mười niệm vãng sinh như sau: “Các người cho rằng người làm những ác nghiệp là nặng vì cho rằng điều thiện của những người hạ phẩm ít quá.”

Có người đọc đến đoạn kinh nói về hạ phẩm, sẽ nghi ngờ, cho rằng tội ngũ nghịch thập ác quá nặng, công phu mười niệm lúc lâm chung có vẻ quá ít, mười niệm lúc lâm chung sao có thể tiêu trừ tội chướng của họ được? Trước mắt thấy họ tạo những tội nghiệp nặng nề như vậy, quả thật rất khó, mười niệm lúc lâm chung đâu có thể dễ dàng để họ vãng sanh như thế? Đây là điều khó có thể chấp nhận. Huống gì nói đến chuyện một niệm có thể diệt được tội nặng trong tám mươi vạn ức kiếp sinh tử, lại càng khó tin hơn. Những chuyện không tốt quý vị đã tạo ra trong đời này, chúng ta cảm thấy mười niệm lúc lâm chung đã không thể hoá giải được, huống gì trong vô lượng kiếp? Có sự nghi ngờ như vậy, không tin là có thật. Thật sự hiểu rõ chân tướng sự thật rồi, thì miễn cưỡng có thể tin được.

Về vấn đề này, đạo sư Đạo Trác đã giải thích cho chúng ta: “Bây giờ chúng ta sẽ so sánh nghĩa lí”. Nghĩa ở đây là nghĩa lí, dùng nghĩa lí làm tiêu chuẩn để so sánh, “Nghĩa khinh trọng”, thế nào là khinh? Thế nào là trọng? Với nghĩa lí này, Ngài có ba cách lí giải: “Rõ ràng ở trong tâm”, hai chữ rõ ràng có sự xuyên suốt phần sau, rõ ràng trong tâm, rõ ràng nơi nhân duyên, rõ ràng nơi việc quyết định. Không phải nơi chỗ thời gian lâu mau hay nhiều ít, điều này không liên quan. Tạo tội nghiệp nặng nề, hay tội nghiệp nhiều đến bao nhiêu, cũng đừng lo, chỉ sợ quý

vị không giác ngộ. Giác ngộ thì mới có thể hoá giải được. Đang còn mê mờ, nghi hoặc thì quý vị phải gánh chịu, phải chịu khổ. Trong đây có đạo lý của nó.

Phần dưới Ngài giải: “Thứ nhất, thế nào gọi là tại tâm”? Nói theo ngôn ngữ hiện nay, sao lại nói tại tâm? Tức là khi người kia tạo tội là do nương theo tâm hư vọng điên đảo mà có. Đại sư cho rằng do tâm đó mà tạo tội, vậy tâm điên đảo hư vọng là gì? Là A lại da, không phải là chân, nương theo tâm vọng tưởng mà có. Do vọng tâm sinh ra nên toàn là những vọng cảnh, đó không phải là chân. Những người mới học không thể hiểu được, những người tu tập đã lâu nên biết, kinh điển đã nói rất nhiều, cuộc đời này là giả nhưng mọi người có ai thừa nhận không? Tất cả mọi thứ là có thật, có gì là giả đâu? Nếu quý cho là chân thì mọi thứ đều là chân, và quý vị phải chịu tội. Nếu quý vị biết đó là giả mới có thể cắt đứt, không phải chịu tội. Luân hồi trong sáu nẻo là giả, y chánh trang nghiêm trong mười pháp giới đều là giả, ít nhất cũng phải quả quyết đến mức độ như thế.

Kinh Kim Cang đã nói rất hay: “nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh”. Pháp hữu vi là gì? Có sanh có diệt là pháp hữu vi. Chúng ta hãy thử nghĩ xem, có pháp nào không phải là pháp hữu vi? Động vật chúng ta có sanh lão bệnh tử, là pháp hữu vi, thực vật thì có sanh trụ dị diệt, là pháp hữu vi, tất cả những khoáng vật như sơn hà đại địa thì có thành trụ hoại không, là pháp hữu vi. Tất cả đều biến chuyển, phàm những thứ biến chuyển đều gọi là pháp hữu vi. Bây giờ ta nói đến trời, trời cũng có những lúc biến đổi, cũng không cố định. Trời hay đất đều là những pháp hữu vi, thời gian hay không gian cũng là pháp hữu vi.

Chúng ta đọc trong luận Bách Pháp Minh Môn, tất cả chín mươi tư thứ trước đều là pháp hữu vi, pháp hữu vi được chia thành mấy loại lớn? Chia thành bốn loại lớn. Thứ nhất là tâm pháp, gồm tám tâm, tám thức của A lại da. Thứ hai là tâm sở pháp, tức là tác dụng của tâm lí. Trong tác dụng tâm lí lại chia thành năm mươi một loại lớn, vì là pháp hữu vi nên nó cũng sinh diệt. Ngoài ra có sắc pháp tức là các hiện tượng vật chất cũng là pháp hữu vi, tất cả hiện tượng vật chất đều vô thường. Lại có một thứ khác nữa, đó là những khái niệm trừu tượng. Những danh từ trong Phật pháp không gọi là khái niệm trừu tượng mà gọi là bất tương ưng hành pháp, đó là một khái niệm trừu tượng, nó không phải là một hiện tượng thực, nhưng cũng không thể nói nó không có. Thời gian và không gian cũng là một khái niệm trừu tượng, hai mươi bốn khái niệm trừu tượng. Cộng tất cả có chín mươi sáu pháp. Chín mươi sáu pháp này đều là pháp hữu vi, có sinh có diệt, sát na không dừng, toàn là giả. Thật sự thấu triệt rồi, thì thiện trở về số không, ác cũng trở về số không, không có pháp nào là chẳng trở về số không. Nhiệm cũng

là số không, tịnh cũng là số không, tất cả đều trở về số không là bình đẳng, là được hoá giải. Nếu quý vị không thể trở về số không, thì bắt buộc quý vị phải gánh chịu, việc gánh chịu này cũng không phải là chân. Việc chịu khổ chịu tội trong địa ngục là chân ư? Không phải, nó chỉ giống giấc mơ, trong mơ ta thấy mình chịu tội cũng thấy đau khổ, khi tỉnh dậy không còn nữa. Người đã giác ngộ như một người đã tỉnh giấc mơ, tự nhớ tất cả mọi việc, nhìn thấy tất cả mọi việc, làm gì có những thứ đó? Vì thế đại sư Vĩnh Gia nói rất hay: “Mộng lý minh minh hữu lục thú, giác hậu không không vô đại thiên”. Vấn đề quý vị phải giác ngộ, không giác thì không được.

Chư Phật, Bồ tát thị hiện trong cõi đời, chỉ vì một nguyên do, đó là khiến chúng sinh thức tỉnh. Ngài dùng phương pháp giảng kinh dạy học để phá mê khai ngộ. Chỉ làm một việc này. Những việc này chúng ta dùng những ngôn ngữ thế gian để nói, nhưng ngôn ngữ của xuất thế gian thì không có gì để nói. Ngôn ngữ thế gian thường nói đến công đức vô lượng vô biên. Nhưng dùng pháp xuất thế thì trở về con số không, công đức vô lượng vô biên cũng là con số không. Tất cả đều quy về số không, thì tất cả là chân thật nhất. Nhưng nếu không quy về con số không, thì thiện có thiện báo, có phúc báo, ác có ác báo. Nếu quý vị không quy về con số không, thì quý vị phải gánh chịu, quy về con số không thì không có gì. Quý vị hiểu được vấn đề này thì sẽ lãnh hội được, việc tạo tội cực nặng cũng không vấn đề gì, quy về con số không thì chẳng có vấn đề gì. Nhưng vấn đề ở chỗ, có bao nhiêu người quy về con số không được? Đây là một sự thật, không phải giả. Không quy về con số không thì ts phải gánh chịu. Sau khi quy về con số không quý vị sẽ hiểu, Phật A Di Đà là từ chỗ nào đến? Từ tâm ta hiện ra, từ tâm ta sinh ra, ngoài tâm không có pháp nào, ngoài pháp không có tâm. Thế giới cực lạc từ đâu mà có? Do tâm ta hiện ra. Thế giới Ta bà từ đâu mà có? Từ tâm ta mà có. Tất cả thế giới trong mười phương vô lượng vô biên của chư Phật, không cõi nào là không do tâm ta hiện ra, tâm ta tạo thành, phải hiểu được rõ ràng như thế. Sau khi đã hiểu rõ ràng như thế rồi thì tâm quý vị liền bình đẳng, thanh tịnh, chắc chắn không còn cõi nào cao, cõi nào thấp, tất cả đều bình đẳng, thiên đường hay địa ngục đều giống nhau, cõi Ta bà hay Cực lạc đều giống nhau. Cho dù quý vị ở bất kì cảnh giới nào, thì tâm quý vị cũng bất động, bất động là quy về con số không, động thì không thể quy về được. Tâm bất động là nhất chân pháp giới, tâm bất động là cõi Thường tịch quang. Đạo lý này rất cao sâu, cần phải dụng tâm mà cảm nhận. Có thể lãnh hội được chăng? ta buông bỏ thì có thể lãnh hội được. Nếu không buông bỏ, sao lãnh hội được đó là vọng tưởng. Vì sao vậy? Vì việc lãnh

hội không thể dùng tâm ý thức, nếu dùng tâm ý thức thì không gọi là lãnh hội, mà gọi là tướng, tướng thì không đến được, càng tướng càng sai. Lãnh hội không thể dùng tâm ý thức. Vì tâm là vọng tướng, ý là phân biệt, ý thức là phân biệt, ý căn là mặt na, mặt na chính là chấp trước, vì thế không dùng tâm ý thức, tức là không dùng tâm phân biệt chấp trước, không dùng khởi tâm động niệm, thì quý vị thấy được chân thật.

Vì thế phàm phu tạo tội, họ nương vào chính là vọng tâm. Mười niệm này dựa vào những bậc thiện tri thức để được nâng đỡ, nghe thực tướng pháp, nương nơi thực tướng. Niệm Phật là nương vào thật tướng, tạo nghiệp chướng là nương nơi vọng tâm. Tại sao ngày nay chúng ta niệm Phật không có kết quả? Là bởi chúng ta vẫn nương nơi vọng tâm để niệm, nên không có tác dụng. Niệm được mấy mươi năm rồi nhưng không được lợi ích gì, cốt yếu là ở chỗ này. Nếu nương theo thật tướng mà niệm, thì hiệu quả đã cao rồi. Căn tánh chúng ta chậm chạp, nên khi đọc kinh nghe giảng, cho dù đến mấy mươi năm thì vẫn nương nơi vọng tâm, không có cách gì thay vọng tâm bằng chân tâm. Nguyên nhân là do đâu? Là do không có các bậc thiện tri thức dẫn đường, nếu gặp được thiện tri thức, nếu gặp được thiện tri thức thì ta phải có những điều kiện cần thiết. Đó là những điều kiện gì? Thành kính. Hoàn toàn không phải thiện tri thức muốn những người đến thọ giáo phải cung kính với mình, như vậy thì không phải là bậc thiện tri thức. Thiện tri thức tuyệt đối không có một nhu cầu nào. Vậy tại sao ta phải thành kính? Bởi thành kính là tánh đức, chỉ có tánh đức mới có thể thể khế nhập tâm tánh. Nếu không thành kính thì là vọng tâm, mà vọng tâm thì không thể đi vào cảnh giới chân thật, đạo lý là như vậy. Một người thầy giáo nhận học sinh thì cũng chỉ lấy điều này làm tiêu chuẩn. Thấy học sinh này, là người chân thành, cung kính, thật thà, đó mới là một nhân tài, là người có thể thành công. Thầy giáo gặp những học sinh như thế, sẽ lưu tâm chiếu cố, hàng ngày thầy giáo quan sát, giúp đỡ, nhưng vẫn kèm cặp họ thật nghiêm khắc. Vì sao vậy? Vì khi quá quan tâm đến người học trò, thì họ sẽ sinh tâm ngạo mạn, cống cao ngạo mạn. Nhưng nếu quá thờ ơ lãnh đạm với họ, thì họ sẽ buồn bã sâu muộn, không thể học tập được. Vì thế người thầy đối với học trò bằng cách, không thân cận không thờ ơ, cứ để nó trưởng thành một cách tự nhiên. Ngày trước chúng tôi thường nghĩ như thế, sau này khi gặp lại, đúng là như thế.

Năm 1949, tôi đến Đài loan, một mình tôi thôi, đi cùng quân đội. Lúc bấy giờ nếu không đi cùng quân đội thì không đến được Đài loan, năm đó tôi đã 22 tuổi, phải tòng quân mới đến được Đài loan. Sau khi đã đến Đài loan đất khách quê người,

không người thân bạn bè, không ai quen biết, rất muốn đi học, nhưng không có tiền đóng học phí. Khi phục vụ trong quân đội với mức lương rất thấp, mọi nhu cầu chỉ đủ nuôi sống bản thân với một mức sống rất thấp. Trong hoàn cảnh thiếu thốn như thế, tôi chỉ biết dựa vào sức mình, sách vở cực kì hiếm hoi, nếu có đi nữa cũng không có tiền để mua, chỉ còn một cách là chép lại. Những ngày nghỉ tôi đến thư viện mượn sách mang về chép lại, làm gì đầy đủ tiện nghi như bây giờ. Lúc bấy giờ tôi gặp được thầy Phương Đông Mĩ, biết thầy là người quê Đồng thành, tỉnh An huy, là đồng hương, tuy không quen, nhưng là đồng hương. Vì là đồng hương nên tôi viết cho thầy một bức thư, trong thư gửi kèm theo một bài văn nhờ thầy xem. Mục đích không gì khác, ngoài việc mong thầy nhận cho tôi vào học dự thính môn của thầy. Lúc bấy giờ tôi rất có thích môn Triết học, thư gửi đi là chỉ đánh tiếng, có kết quả ra sao thì chưa biết, và cũng không dám nghĩ đến nó. Khoảng một tuần thì tôi nhận được thư trả lời của thầy, hẹn tôi đến gặp thầy ở nhà riêng. Lần đầu tiên tôi đến nhà riêng gặp thầy là nhờ một bức thư, tự mình giới thiệu cho mình. Khi trò chuyện, thầy đã hỏi tôi rất nhiều điều, tôi cứ thật lòng trả lời, mong muốn đến học dự thính ở trường. Thầy nói với tôi: “nhà trường bây giờ, thầy không ra thầy, trò không ra trò”. Đó là khoảng sáu mươi năm về trước. “Nếu anh theo học ở ngôi trường này anh sẽ rất thất vọng”. Nghe thầy nói, tôi như sét đánh ngang tai, mắt hết cả hứng, sa sầm nét mặt, rất buồn bã đau khổ. Chúng tôi ngồi như thế khoảng bốn năm phút, thầy lại nói: “Thôi được rồi, mỗi tuần vào ngày chủ nhật anh đến nhà tôi, tôi sẽ dạy anh hai tiếng đồng hồ”. Việc này có nằm mơ cũng chẳng được. Trên chiếc bàn nhỏ trong phòng khách bé nhỏ nhà thầy, một thầy một trò, tôi đã học môn Triết học khái luận với thầy như thế. Càng về sau, học trò đến học càng đông, nhưng cách học như thế chỉ mỗi mình tôi. Học sinh của thầy Phương cũng có rất nhiều người thành tựu, trong đó có cả Đường Quân Nghị- viện trưởng thư viện Tân á ở Hongkong, cũng là học trò của thầy Phương. Sau khi nghe tôi kể, thay đổi cách nhìn, ông nói với tôi: “Mắt thầy Phương mọc trên đỉnh đầu, không ai phát hiện ra ông, thầy đã một mình dạy dỗ ông, ông nhất định sẽ là là một người có tài”. Thực ra, thầy có dạy gì cho tôi nhiều đâu, nếu có thì đó là lòng cung kính của tôi đối với thầy. Điều này thì tôi đã tiêm nhiễm những lời dạy của cha mẹ tôi từ bé.

Tôi theo đại sư Chương gia, theo thầy Lí, thời gian theo thầy Lí gần mười năm, tất cả đều với lòng thành kính, nếu không có lòng thành kính thì không thể học được điều gì. Nói chung, đối với những học sinh khác, tôi lúc nào cũng thành kính hơn hẳn, nhờ thế mà sáu mươi năm qua, những gì tôi đã trải qua, tôi khẳng

định rằng những lời dạy của đại sư Ân quang: “ một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích”. Ngài Ân quang chỉ nói như thế, nhưng tôi thêm vào mấy câu nữa: “Trăm phần thành kính được trăm phần lợi ích, ngàn phần thành kính được ngàn phần lợi ích, vạn phần thành kính được vạn phần lợi ích”. Hoàn toàn đúng, không có tâm cung kính thì không gặt hái được thứ gì. Phải nuôi dưỡng đức tính chân thành cung kính, bắt đầu nuôi dưỡng từ đâu? Từ chỗ khiêm tốn của mình. Khiêm tốn vẫn chưa đủ, phải nên khép mình. Một người biết khép mình không ai không thành tựu.

Chúng ta xem cuốn Liễu Phàm Tứ Huấn, quý vị thấy tiên sinh Liễu Phàm, nhìn một học sinh lên kinh ứng thí, tiên sinh ấy có thể đoán được người nào thi đỗ, người nào không đỗ, những người như thế, tiên sinh đều đoán đúng cả. Tiên sinh có biết xem tướng không? Không biết. Vậy ông quan sát thứ gì, ông ấy quan sát ngôn hành cử chỉ của những người học trò. Nếu những người nào thật sự có biểu hiện khiêm tốn, chắc chắn người đó sẽ thi đỗ, tiêu chuẩn của ông ấy chỉ có chừng đó. Trong Tứ Huấn nói rất rõ ràng, ông ta khuyên con cái ông nên sống khép mình. Một người sống khép mình tất nhiên sẽ thành kính, một người thành kính nhất định có thể khế hợp với tâm tánh. Nếu có một chút kiêu mạn thì không thể thi đỗ.

Cuốn Liễu Phàm Tứ Huấn lấy một thí dụ ngược lại: có một anh học trò đi thi, anh này vốn là một người rất tự phụ, văn chương anh ta rất khá, nhưng lại xem thường những người bạn đồng học, thi mấy lần cũng không đỗ, trong lòng không khâm phục, chửi rửa những vị quan chấm thi không có mắt, sao bài văn của mình hay như thế mà lại không cho đỗ? Khi anh ta đang chửi rửa, có người đứng cạnh thấy thế liền cười, anh ta càng điên tiết, bèn quay sang người kia: Sao lại cười tôi? Người kia nói: Tôi cười anh là bởi bài văn của anh có gì đáng gọi là hay. Anh học trò liền nói: anh chưa biết bài văn của tôi thì làm sao biết được nó hay hay không. Người kia trả lời: tôi chỉ cần nhìn thái độ của anh thì có thể biết bài văn của anh thế nào rồi. Người học trò này cũng rất hay, sau khi nghe xong, anh ta nghĩ người kia nói cũng có lí, liền e thẹn xin lỗi người kia. Người kia bèn khuyên nhủ. Sau này người học trò tự thay đổi tính cách của mình, ba năm sau, anh học trò lại đi thi, lần này thì thi đỗ.

Tiên sinh Liễu Phàm nhìn người cũng không gì khác, ông không phải là thầy tướng số, ông chỉ xem người đó có thành kính không, ngôn hành cử chỉ có đường hoàng hay không, có phải là người chân thật hay không, có cung kính hay không. Xem từ những biểu hiện như thế.

Ngay cả sự thành bại của pháp thế gian, then chốt của nó là ở điểm này, hướng gì là Phật pháp? Rất quan trọng, chẳng phải không quan trọng.

Cho nên đây là tại tâm, nương theo vọng tâm là không được, phải nương thật tướng, thật tướng là chân tâm, nương theo chân tâm mới có thể thành tựu. Pháp thế gian hay xuất thế cũng thế cả, không có ngoại lệ.

Xã hội ngày nay loạn lạc, thiên tai ngày càng nhiều, nguyên nhân là do đâu? Bởi ta toàn dùng vọng tâm, không dùng chân tâm. Niệm Phật cũng dùng vọng tâm thì làm sao có thể thành tựu được? Nếu nhiều người dùng chân tâm thì xã hội đã không xảy ra việc gì. Vì sao xã hội ngày trước tốt đẹp như thế? Vì xã hội ngày trước được giáo dục. Như phần trước tôi đã nói, nền giáo dục của người xưa, quan trọng nhất là nền giáo dục gia đình, người xưa coi trọng giáo dục gia đình. Giáo dục gia đình là nền tảng cơ bản có bề dày ổn định trong năm nghìn năm qua, họ đã làm rất tốt việc này. Những bậc quân vương theo đó cai trị mà thiên hạ được thái bình. Triều đại gần chúng ta nhất, là triều Mãn thanh, quý vị hãy xem Mãn thanh nhập quan, Khang Hi 61 năm, Ung Chính 13 năm, Càn Long 60 năm, sau đó có thêm Gia Khánh, gần hai trăm năm thái bình thịnh trị, xã hội ổn định, đời sống nhân dân được ấm no. Những điều này từ đâu mà có? Đều do giáo dục gia đình tốt đẹp. Nhà vua cũng coi trọng nền giáo dục gia đình, những gia đình có giáo dục tốt đều được ban thưởng, tặng giấy khen để khích lệ. Mỗi gia đình đều tích cực dạy dỗ con cái, nên xã hội không còn những người xấu, mọi người đều là người tốt, mọi việc đều là việc lành, thiên hạ thái bình. Đạo lý của nó là như vậy. Vì thế đại sư Đạo Trác nói đến việc luận tâm, luận duyên, luận quyết định. Nói rất hay.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.
